

Tục Cao Tăng Truyện

Đạo Tuyên

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh

quyển 50, số 2060

Sa-môn Thích Đạo Tuyên chùa Tây Minh Thời tiền Đường soạn

Việt dịch: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc Xuất Bản

---oOo---

Nguồn

<https://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 20-09-2018

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA TỤC CAO TĂNG TRUYỆN QUYỂN 01

CHƯƠNG I - PHẦN 01: DỊCH KINH

01- Sa môn Tăng-Già-Bà-La tại chùa Chánh Quán ở Dương Đô, thời Nam Lương

02- Truyện Ngài Thích Bảo Xương trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương

03- Truyện Sa-môn Thích Đàm Diệu trụ chùa Thạch Quật ở Hằng An; thuộc Bắc Đài, thời Nguyên (Bắc) Ngụy

04- Truyện Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chi người xứ Bắc Thiên Trúc trụ chùa Vĩnh Ninh ở Nam Đài, thời Nguyên Ngụy

05- Truyện Sa-môn Câu-Na-La-Đà người xứ Tây Thiên-trúc, trụ Quận Nam Hải, thời nhà Trần

06- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thái ở Kim Lăng; thuộc Dương Độ, đời Trần

QUYỂN 02

CHƯƠNG I - PHẦN 02: DỊCH KINH

01- Truyện Sa-môn Na-Liên-Đề-Lê -Da-Xá trụ chùa Đại Hưng Thiện, ở Tây Kinh, đời Tùy

02- Truyện Sa-môn Xà-Na-Quật-Đa trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy

03- Truyện Sa-môn Đạt-Ma-Cấp-Đa

04- Truyện Sa-môn Thích Ngạn Tông

QUYỂN 03

CHƯƠNG I - PHẦN 03: DỊCH KINH

01- Sa-môn Bà-phả, người xứ Trung Thiên Trúc, trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô, thời tiền Đường

02- Truyện Ngài Thích Tuệ Trách trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô

03- Truyện ngài Thích Tuệ Tĩnh trụ chùa Kỳ Quốc ở Kinh Đô

QUYỂN 04

CHƯƠNG I - PHẦN 04: DỊCH KINH

01- Truyện Ngài Thích Huyền Trang trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô

02- Truyện Tam tạng Na-đề trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô

QUYỂN 05

CHƯƠNG II - PHẦN 01: GIẢI NGHĨA

01- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thân trụ chùa An Lạc ở Dương Đô

02- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiệu trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô

03- Truyện Ngài Thích Pháp hộ trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô

04- Truyện Sa-môn Thích Trí Hân trụ chùa Tống Hy ở Chung Sơn

05- Truyện ngài Thích Tăng Nhã trụ núi Hồ Khâu ở Quận Ngô

06- Truyện ngài Thích Pháp Sùng trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô

07- Truyện ngài Thích Tăng Thiên trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô

08- Truyện Thích Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô

09- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô

10- Truyện ngài Thích Tuệ Trừng trụ chùa Tùy Hỷ ở Nam Hải

11- Truyện ngài Thích Pháp Linh trụ chùa Thương Định Lâm ở Chung Sơn

12- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn

QUYỂN 06

CHƯƠNG II - PHẦN 02: GIẢI NGHĨA

01- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu; Đại Tăng Chánh ở chùa Nam Giản

02- Truyện ngài Thích Tuệ Ước ở chùa Thảo Đường

03- Truyện ngài Thích Đàm Loan trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích

04- Truyện ngài Thích Tuệ Thiệu trụ chùa Long Uyên ở Thục Quận

05- Truyện ngài Thích Tuệ Kiểu trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê

06- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Lạc Dương

- 07- *Truyện ngài Thích Đạo Đăng trụ chùa Báo Đức ở Hằng Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Tăng Mật trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô*
- 09- *Truyện Ngài Thích Đàm Chuẩn trụ chùa Tương Cung ở Dương Đô*
- 10- *Truyện ngài Thích Đạo Siêu trụ chùa Linh cơ ở Dương Đô*
- 11- *Truyện ngài Thích Tăng Kiềm trụ chùa Long Quang ở Dương Đô*
- 12- *Thích Tuệ Khai trụ chùa Bành Thành ở Dương Đô*
- 13- *Truyện ngài Thích Minh Triệt trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô*
- 14- *Truyện ngài Thích Pháp Khai trụ chùa Tây ở Dư Hàng*
- 15- *Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Ngổ quan ở Dương Đô*
- 16- *Truyện ngài Thích Pháp Trinh trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ*
- 17- *Truyện ngài Thích Bảo Uyên trụ chùa La Thiên Cung ở Ích Châu*
- 18- *Truyện ngài Thích Tăng Tuân trụ chùa Trị Thành ở Dương Đô*
- 19- *Truyện ngài Thích Tuệ Siêu ở chùa Linh Căn ở Dương Đô*
- 20- *Truyện ngài Thích Chân Ngọc trụ chùa Thiên Bình ở Nghiệp Trung*
- 21- *Truyện Sa môn Thích Tăng Thiên là Đại Tăng Chánh ở Kinh Châu*

QUYỂN 07

CHƯƠNG II - PHẦN 03: GIẢI NGHĨA

- 01- *Truyện ngài Thích Hồng Yển trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô*
- 02- *Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô.*
- 03- *Truyện ngài Thích Tuệ Dũng trụ chùa Đại Thiên Chúng, ở Dương Đô*
- 04- *Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Đại Bành thành ở Dương Đô*
- 05- *Truyện ngài Thích Cảnh Thiệu trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô*
- 06- *Truyện ngài Thích An Lãm trụ chùa Kỳ Xà ở Chung Sơn*
- 07- *Truyện ngài Thích Tuệ Bồ trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn*
- 08- *Truyện ngài Thích Vong Danh ở vị Tân*
- 09- *Truyện ngài Thích Đạo Sủng ở Nghiệp Hạ*
- 10- *Truyện ngài Thích Tuệ Tung ở Bành Thành*

QUYỂN 08

CHƯƠNG II - PHẦN 04: GIẢI NGHĨA

- 01- *Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Đại Giác, ở Nghiệp Đông*
- 02- *Truyện ngài Thích Đàm Tuân ở Nghiệp Trung*
- 03- *Truyện ngài Thích Tuệ Thuận trụ chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ*
- 04- *Truyện ngài Thích Đạo Phùng trụ chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây*
- 05- *Truyện Tăng Thống Thích Đàm Tuân ở Tinh Châu*

- 06- *Truyện Đại Thống Thích Pháp Thượng ở chùa Hợp Thủy*
- 07- *Truyện ngài Thích Đạo Thận trụ chùa Định Quốc ở Nghiệp Hạ*
- 08- *Truyện ngài Thích Tăng Diêu trụ chùa Nhân thọ ở Phổ Châu*
- 09- *Truyện ngài Thích Tuệ Thiện trụ chùa Sùng Hoa ở Trường An*
- 10- *Truyện ngài Thích Bảo Thoán trụ chùa Quang Hưng ở Đồng Châu*
- 11- *Truyện ngài Thích Đàm Diễm ở Lạc Châu*
- 12- *Truyện ngài Thích Tuệ Vinh trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô*
- 13- *Truyện ngài Thích Đàm Diên trụ chùa Diên Hưng, ở Kinh đô*
- 14- *Truyện ngài Thích Tuệ Viễn trụ chùa Tịnh ảnh ở Kinh đô*

QUYỂN 09

CHƯƠNG II - PHẦN 05 : GIẢI NGHĨA

- 01- *Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu*
- 02- *Truyện ngài Thích Trí Phương trụ chùa Long Tuyền ở Ích Châu*
- 03- *Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyền ở Kinh Châu*
- 04- *Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đăng Giới ở Kinh Châu*
- 05- *Truyện ngài Thích Tuệ Triết trụ chùa Long Tuyền ở Tương Châu*
- 06- *Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu*
- 07- *Truyện ngài Thích Tuệ Bật trụ chùa An Quốc ở Thường Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Linh Dự trụ chùa Diễm Không ở Tương Châu*
- 09- *Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ tại Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh*
- 10- *Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 11- *Truyện ngài Thích Pháp Trừng trụ tại Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 12- *Truyện ngài Thích Đạo tràng trụ Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 13- *Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 14- *Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Kinh Đô*

QUYỂN 10

CHƯƠNG II - PHẦN 06 : GIẢI NGHĨA

- 01- *Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại Đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành*
- 02- *Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh*
- 03- *Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương*

- 04- *Truyện ngài Thích Trí Tú trụ tại núi Hổ Khâu, ở Quận Ngô*
- 05- *Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ tại Nhiếp Sơn ở Đơn Dương*
- 06- *Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương*
- 07- *Truyện ngài Thích Tịnh Nguyên trụ tại Đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh*
- 08- *Truyện ngài Thích Trí Ngung trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh*
- 09- *Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh*
- 10- *Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh*
- 11- *Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh*
- 12- *Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh*
- 13- *Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh*
- 14- *Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh*
- 15- *Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh*
- 16- *Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh*
- 17- *Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh*

QUYỀN 11

CHƯƠNG II - PHẦN 07 : GIẢI NGHĨA

- 01- *Truyện Sa-môn Thích Chí Niệm ở Bột Hải, đời Tùy*
- 02- *Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh*
- 03- *Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh*
- 04- *Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh*
- 05- *Truyện ngài Thích Minh Thuấn trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh*
- 06- *Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh*

07- *Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng, ở núi Chung Nam*

08- *Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ tại chùa Thắng Quang ở Kinh Đô*

09- *Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh Đô*

10- *Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô*

11- *Truyện ngài Thích Pháp Khản trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*

12- *Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh Đô*

QUYỂN 12

CHƯƠNG II - PHẦN 08 : GIẢI NGHĨA

01- *Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ chùa Bành Thành ở Đơn Dương*

02- *Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ chùa An Lạc ở Giang Đô*

03- *Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô*

04- *Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ chùa Long Trì ở Nam Sơn*

05- *Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ tại chùa Ngô Chân ở núi Chung Nam*

06- *Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh*

07- *Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh*

08- *Truyện ngài Thích Kính Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô*

09- *Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô*

10- *Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô*

11- *Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô*

12- *Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô*

13- *Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu*

14- *Truyện ngài Thích Trí Cư trụ chùa Kiến An ở Thường Châu*

15- *Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu*

QUYỂN 13

CHƯƠNG II - PHẦN 09 : GIẢI NGHĨA

01- *Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô*

02- *Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đẳng ở An Châu*

03- *Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu*

04- *Truyện ngài Thích Tĩnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam*

05- *Truyện ngài Thích Viên Quang trụ chùa Hoàng Long, nước Tân-la*

06- *Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu*

07- *Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô*

08- *Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô*

09- *Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô*

10- *Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô*

11- *Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu*

12- *Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An Nghiệp ở Biện Châu*

13- *Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu*

14- *Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu*

15- *Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô*

16- *Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô*

17- *Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy ở Tô Châu*

QUYỂN 14

CHƯƠNG II - PHẦN 10 : GIẢI NGHĨA

01- *Truyện ngài Thích Trí Diễm ở núi Võ Khâu tại Tô Châu*

02- *Truyện ngài Thích Đạo Cơ trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu*

03- *Truyện ngài Thích Đạo Tôn trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu*

04- *Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Đô*

05- *Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu*

06- *Truyện ngài Thích Tam Duệ trụ chùa Linh Hóa ở Kinh Đô*

07- *Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu*

08- *Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu*

09- *Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam*

10- *Truyện ngài Thích Tuệ Lăng trụ chùa Tử Kim ở Tương Châu*

11- *Truyện ngài Thích Trí Bạt trụ chùa Thường Tế ở Tương Châu*

12- *Truyện ngài Thích Tuệ Du trụ chùa Ngọc Tuyên ở Kinh Châu*

13- *Truyện ngài Thích Tuệ Trì trụ chùa Hoàng Đạo ở Việt Châu*

14- *Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Cát Tường ở Việt Châu*

QUYỂN 15

CHƯƠNG II - PHẦN 11 : GIẢI NGHĨA

01- *Truyện ngài Thích Pháp Mẫn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu*

02- *Truyện ngài Thích Tuệ Tuyên trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu*

03- *Truyện ngài Thích Tuệ Diễm trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu*

04- *Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Niên Châu*

- 05- *Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô*
- 06- *Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô*
- 07- *Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu*
- 09- *Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh Đô*
- 10- *Truyện ngài Thích Hạnh Đăng trụ chùa Từ Bi ở Kinh Đô*
- 11- *Truyện ngài Thích Chí Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu*
- 12- *Truyện Ngài Thích Tuệ Hưu Trụ Chùa Từ Nhuận ở Tường Châu*
- 13- *Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh đô*
- 14- *Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh Đô*
- 15- *Truyện ngài Thích Nghĩa Bao trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô*

QUYỂN 16

CHƯƠNG III - PHẦN 01 : TẬP THIÊN

- 01- *Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn*
- 02- *Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn*
- 03- *Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu*
- 04- *Truyện Thiền Sư Phật đà - người xứ Thiên Trúc trụ chùa Thiếu Lâm*
- 05- *Truyện ngài Bồ-Đề-Đạt-Ma người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ*
- 06- *Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề*
- 07- *Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự*
- 08- *Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn*
- 09- *Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương*
- 10- *Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện tại Chung Sơn*
- 11- *Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ núi Phúc Thuyền ở Kinh Châu*
- 12- *Truyện ngài Thích Pháp Kính chùa Trường Sa ở Kinh Châu*
- 13- *Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu*
- 14- *Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang*
- 15- *Truyện ngài Thích Pháp Nhẫn trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu*
- 16- *Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô*
- 17- *Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô*
- 18- *Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô*
- 19- *Truyện ngài Thích Đạo Chánh ở Lan Nhã tại Thương Châu*
- 20- *Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêm ở Hoài Châu*
- 21- *Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu*

- 22- *Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh đô*
23- *Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu*

QUYỂN 17

CHƯƠNG III - PHẦN 02 : TẬP THIÊN

- 01- *Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang, ở núi Tiên Thành*
02- *Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ Hành Sơn thuộc Nam Nhạc*
03- *Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai đời Tùy*
04- *Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Đô*
05- *Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo Tràng Tuệ Nhật*
06- *Truyện ngài Thích Tuệ Thập trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu*
07- *Truyện ngài Thích Tăng Thiện trụ núi Mã Đầu ở quận Văn Thành*
08- *Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu*
09- *Truyện ngài Thích Trí Thuận trụ núi Chương Hồng ở Quận Triệu*
10- *Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đãi Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang*
11- *Truyện ngài Thích Trí Việt ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai*

QUYỂN 18

CHƯƠNG III - PHẦN 03 : TẬP THIÊN

- 01- *Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh*
02- *Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục*
03- *Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông*
04- *Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh*
05- *Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh*
06- *Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hương Ứng ở Ích Châu*
07- *Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh*
08- *Truyện ngài Thích Đạo Thuận trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu*
09- *Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh*
10- *Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông*
11- *Truyện ngài Thích Bổn Tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh*
12- *Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam*
13- *Truyện ngài Thích Hồng Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tĩnh Châu*

QUYỂN 19

CHƯƠNG III - PHẦN 04 : TẬP THIỀN

- 01- Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô*
- 02- Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu*
- 03- Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh đô*
- 04- Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu*
- 05- Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam*
- 06- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Trinh Châu*
- 07- Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu*
- 08- Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tĩnh Châu*
- 09- Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở kinh đô*
- 10- Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai*
- 11- Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai*
- 12- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai*
- 13- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức, ở núi Chung Nam*
- 14- Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu*

QUYỂN 20

CHƯƠNG III - PHẦN 05 : TẬP THIỀN

- 01- Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn lăng ở Tương Châu*
- 02- Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô*
- 03- Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu*
- 04- Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô*
- 05- Truyện ngài Thích Tuệ Bân trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh Đô*
- 06- Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu*
- 07- Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu*
- 08- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn, ở Cơ Châu*
- 09- Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tĩnh Châu*
- 10- Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mậu Thắng ở Mật Châu*
- 11- Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu*
- 12- Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu*
- 13- Truyện ngài Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn*

14- *Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới*

QUYỂN 21 A

CHƯƠNG III - PHẦN 06 : TẬP THIÊN

- 01- *Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu*
- 02- *Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô*
- 03- *Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu*
- 04- *Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu*
- 05- *Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tân Châu*
- 06- *Truyện ngài Thích Đạo Vượng trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu*
- 07- *Truyện ngài Thích Pháp Hiến trụ chùa Tứ Tăng ở Kinh Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu*
- 09- *Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu*
- 10- *Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu*
- 11- *Truyện ngài Thích Tăng Luân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu*
- 12- *Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở Kinh Đô*
- 13- *Truyện ngài Thích Trí Nham ở Đơn Dương*

QUYỂN 21 B

CHƯƠNG III - PHẦN 06 : TẬP THIÊN

- 14- *Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc*
- 15- *Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu*
- 16- *Truyện ngài Thích Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu thuộc Nhuận Châu*
- 17- *Truyện ngài Thích Huệ Phương ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu*
- 18- *Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lục*
- 19- *Truyện ngài Thích Đạo Tín trụ núi Song Phong ở Kỳ Châu*
- 20- *Truyện ngài Thích Tuệ Minh ở Giang Hán*

QUYỂN 22

CHƯƠNG IV - PHẦN 01 : NÓI VỀ LUẬT

- 01- *Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô*
- 02- *Truyện ngài Thích Đạo Thiên trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn*
- 03- *Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ*
- 04- *Truyện ngài Thích Đàm Ấn trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông*
- 05- *Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô*
- 06- *Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô*
- 07- *Truyện ngài Thích Pháp Nguyên trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 09- *Truyện ngài Thích Thông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh*

10- *Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu*

11- *Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh*

12- *Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh*

13- *Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thi Châu*

14- *Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô*

15- *Truyện ngài Thích Trí Sần trụ chùa Long Cư ở Ích Châu*

QUYỂN 23 A

CHƯƠNG IV - PHẦN 02 : MINH LUẬT

01- *Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô*

02- *Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô*

03- *Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu*

04- *Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở kinh đô*

05- *Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu*

06- *Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô*

07- *Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Kỳ Sơn*

08- *Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tĩnh Châu*

09- *Truyện ngài Thích Tuệ Mân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu*

QUYỂN 23 B

CHƯƠNG IV - PHẦN 02 : NÓI VỀ LUẬT

01- *Truyện ngài Thích Đạo Trụ trụ chùa Diên Hưng ở Kinh đô*

02- *Truyện ngài Thích Đạo Hưng trụ chùa Phước Thắng ở Ích Châu*

03- *Truyện ngài Thích Minh Đạo trụ chùa Thiên Cung ở Lạc Châu*

04- *Truyện ngài Thích Đàm Quang trụ chùa Kính Ái ở Lạc Châu*

QUYỂN 24

CHƯƠNG V - PHẦN 01 : HỘ PHÁP

01- *Truyện ngài Thích Đàm Vô Tội trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô*

02- *Truyện ngài Thích Đàm Hiển sống bất định ở thời bắc Tề*

03- *Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỵ Thế núi Chung Nam*

04- *Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô*

05- *Truyện ngài Thích Tăng Miên trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu*

06- *Truyện ngài Thích Tăng Mãn trụ chùa Vân Hoa ở Kinh Đô*

TIẾP THEO PHẦN 1 CHƯƠNG V

01- *Truyện ngài Thích Đạo Trăn*

02- *Truyện ngài Thích Trí Huyền*

QUYỂN 25

CHƯƠNG V - PHẦN 02 : HỘ PHÁP

01- *Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự ở núi Chung Nam*

02- *Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thăng Quang ở Kinh đô*

03- *Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh đô*

04- *Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam*

05- *Truyện ngài Thích Từ Tạng ở nước Tân-la*

TIẾP THEO CUỐI PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG V

01- *Truyện ngài Thích Đàm Tuyền*

02- *Truyện ngài Thích Pháp Thông*

03- *Truyện ngài Thích Hoàng Trí*

04- *Truyện ngài Thích Đạo Hội*

05- *Truyện ngài Thích Trí Càn*

QUYỂN 26 A

CHƯƠNG VI - PHẦN 01 : CẢM THÔNG

01- *Truyện Sa-môn Lạc-na-mạn-đề*

02- *Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương*

03- *Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành*

04- *Truyện ngài Thích Đạo Thái ở Tinh Xá Hành Đường*

05- *Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm*

06- *Truyện ngài Thích Pháp Lực ở quận Mạc Lỗ*

07- *Truyện ngài Thích Thực Tướng ở chùa Thanh Thành*

08- *Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu*

09- *Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu*

10- *Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu*

11- *Truyện ngài Thích Tăng ý ở chùa Lãng Công Cốc*

12- *Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãn ở Thái Sơn*

13- *Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu*

14- *Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm*

15- *Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên*

16- *Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ*

17- *Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu*

18- *Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đẳng*

19- *Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu*

20- *Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên*

21- *Truyện ngài Thích Pháp Lãng ở Ngạc Châu*

22- *Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu*

23- *Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn*

- 24- *Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu*
 - 25- *Truyện ngài Thích Pháp An trụ Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô*
 - 26- *Truyện ngài Thích Tuệ Khản trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu.*
 - 27- *Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô*
 - 28- *Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu*
 - 29- *Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện*
 - 30- *Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu*
 - 31- *Truyện ngài Thích Hữu Đức ở Lương Sơn thuộc Ung Châu*
 - 32- *Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô*
 - 33- *Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô*
- Truyện Ngài Thích Minh Sâm**

QUYỂN 26 B

CHƯƠNG VI - PHẦN 02 : CẢM THÔNG

- 01- *Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu*
- 02- *Truyện Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành*
- 03- *Truyện ngài Thiền Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu*
- 04- *Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu*
- 05- *Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu*
- 06- *Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu*
- 07- *Truyện ngài Thích Pháp Hành ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu*
- 08- *Truyện ngài Thích Đạo Mục ở Thần Sơn thuộc Kinh Châu*
- 09- *Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng*
- 10- *Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu*
- 11- *Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đăng Hạnh ở Lự Châu*
- 12- *Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu*
- 13- *Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu*
- 14- *Truyện ngài Thích Pháp Tấn ở núi Trường Dương thuộc Ích Châu*
- 15- *Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu*
- 16- *Truyện ngài Xà Lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu*
- 17- *Truyện ngài Xà Lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương*
- 18- *Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô*
- 19- *Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu*
- 20- *Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu*
- 21- *Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu*
- 22- *Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc*
- 23- *Truyện ngài Thích Tuệ Lâm trụ chùa Kiến Minh ở Ích Châu*

- 24- *Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh đô*
- 25- *Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu*
- 26- *Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô*
- 27- *Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu*
- 28- *Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiền An ở Ba Lăng*
- 29- *Truyện ngài Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên*
- 30- *Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu*
- 31- *Truyện Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Định thuộc U Châu*
- 32- *Truyện ngài Thích Trí Hiền trụ chùa Hộ Minh ở Kỳ Châu*
- 33- *Thích Pháp Thông ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu*
- 34- *Thích Tăng Minh ở chùa Chiêu Quả tại Đại Châu*
- 35- *Thích Minh An ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu*
- 36- *Thích Pháp Không ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu*
- 37- *Thích Minh Tuấn ở chùa Định Thủy, tại Kinh Đô*
- 38- *Thích Minh Giải ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô*

QUYỂN 26 C

CHƯƠNG VI - PHẦN 03 : CẢM THÔNG

- 01- *Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô*
- 02- *Thích Trí Ấn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô*
- 03- *Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na*
- 04- *Thích Minh Dẫn ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô*
- 05- *Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô*
- 06- *Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô*
- 07- *Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô*
- 08- *Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô*
- 09- *Thích Đạo Sâm ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô*
- 10- *Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô*
- 11- *Truyện ngài Thích Tăng Cái trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô*
- 12- *Truyện ngài Thích Đàm Giai trụ chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô*
- 13- *Truyện ngài Thích Đạo Quý trụ chùa Tùy Pháp ở Kinh đô*
- 14- *Truyện ngài Thích Tăng Thuận trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô*
- 15- *Truyện ngài Thích Pháp Hiền ở Kinh Đô đời Tùy*
- 16- *Truyện ngài Thích Tăng Thế trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 17- *Truyện ngài Thích Pháp Châu trụ chùa Tĩnh Giác ở kinh đô*
- 18- *Truyện ngài Thích Tuệ Dẫn trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô*
- 19- *Truyện ngài Thích Trí Quang trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 20- *Truyện ngài Thích Trí Giáo trụ chùa Hoàng Thiện ở kinh đô*
- 21- *Truyện ngài Thích Viên Siêu ở kinh đô, đời Tùy*
- 22- *Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ chùa Quang Minh ở kinh đô*
- 23- *Truyện ngài Thích Bảo Hiền trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*

- 24- *Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô*
- 25- *Truyện ngài Thích Đào Toại trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô*
- 26- *Truyện ngài Thích Đàm Quán trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 27- *Truyện ngài Thích Linh Đạt trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô*
- 28- *Truyện ngài Thích Tăng Hân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 29- *Truyện ngài Thích Huyền Cảnh trụ chùa Không Quán ở kinh đô*
- 30- *Truyện ngài Thích Trí Quý trụ chùa Hoàng Tế ở kinh đô*
- 31- *Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô*
- 32- *Truyện ngài Thích Bảo An trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô*
- 33- *Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Nhân Giác ở kinh đô*
- 34- *Truyện ngài Thích Minh Ngự trụ chùa Vô Lậu ở kinh đô*
- 35- *Truyện ngài Thích Đạo Sinh trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 36- *Truyện ngài Thích Pháp Tánh trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô*
- 37- *Truyện ngài Thích Biện Tịch ở Kinh Đô đời Tùy*
- 38- *Truyện ngài Thích Tĩnh Ngưng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô*
- 39- *Truyện ngài Thích Pháp Khải trụ chùa Dương Hóa ở kinh đô*
- 40- *Truyện ngài Thích Trí Năng trụ chùa Chuyển Luân ở kinh đô*
- 41- *Truyện ngài Thích Đàm Lương trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô*
- 42- *Truyện ngài Thích Đạo Tung ở kinh đô, đời Tùy*
- 43- *Truyện ngài Thích Trí Nghi trụ chùa Tĩnh Pháp ở kinh đô*
- 44- *Truyện ngài Thích Đạo Nhan trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô*
- 45- *Truyện ngài Thích Tịnh Biện trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô*

QUYỂN 27

CHƯƠNG VII: DI THÂN

- 01- *Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục*
- 02- *Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu*
- 03- *Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu*
- 04- *Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam*
- 05- *Truyện ngài Thích Phổ An ở hang Ngạnh Tử, núi Chung Nam*
- 06- *Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang*
- 07- *Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh*
- 08- *Truyện ngài Thích Huyền Giác trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô*
- 09- *Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoàng Thiện ở kinh đô*
- 10- *Truyện ngài Thích Hội Thông ở hang Báo Lâm thuộc núi Chung Nam*
- 11- *Truyện Xà-lê Thiệu ở Tứ Châu*
- 12- *Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong*

QUYỂN 28

CHƯƠNG VIII: ĐỌC TỤNG

- 01- Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu*
- 02- Truyện ngài Thích Pháp Kiến, ở xứ Ngũ Tầng ở Ích Châu*
- 03- Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu*
- 04- Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tỳ thuộc Long Sơn, My Châu*
- 05- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngô ở Lam Cốc*
- 06- Truyện ngài Thích Tuệ Hiển trụ chùa núi Đạt-noa ở nước Bách-tế*
- 07- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu*
- 08- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước thọ ở Ích Châu*
- 09- Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn*
- 10- Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngô ở núi Chung Nam*
- 11- Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô*
- 12- Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô*
- 13- Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Truyền thuộc Ung Châu*
- 14- Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La Hán ở kinh đô*

QUYỂN 29

CHƯƠNG IX: HÙNG PHƯỚC

- 01- Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương*
- 02- Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu*
- 03- Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Bạo Bồ ở núi Thiên Thai*
- 04- Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hương ở Miên Châu*
- 05- Truyện ngài Thích Trú Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu*
- 06- Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô*
- 07- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu*
- 08- Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô*
- 09- Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô*
- 10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu*
- 11- Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Thông Tuyên ở Tử Châu*
- 12- Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô*

QUYỂN 30

CHƯƠNG X: TẬP KHOA THANH ĐỨC

- 01- Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô*
- 02- Truyện ngài Thích Đạo Kỹ ở Nghiệp Hạ*

- 03- *Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô*
- 04- *Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trúc ở núi Linh Ẩn*
- 05- *Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu*
- 06- *Truyện ngài Thích Lập Thân trụ Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 07- *Truyện ngài Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm*
- 08- *Truyện ngài Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô*
- 09- *Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô*
- 10- *Truyện ngài Thích Tuệ Thường ở đạo tràng Nhật Nghiêm*
- 11- *Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô*
- 12- *Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô*

---o0o---

LỜI TỰA TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Sa-môn Thích Đạo Tuyên chùa Tây Minh Thời tiền Đường soạn.

Chí Đạo vốn dứt bật nói năng. Không nói năng thì lấy gì làm khuôn phép cho đời? Ngôn từ chỉ dẫn bày công hạnh, ngay công hạnh mà thành lập ngôn từ. Vì thế, lập bày ngũ vị để chọn lựa Thánh hiền, nêu Tứ y để tiếp thừa người, Pháp. Long Đô thành sự dần dần của Thái Dịch, Quy Chương mở dụng của Phép thường. Đến khi Tổ Vương kế tiếp vết trước nữa nêu bốn Khoa, Ban sinh từ sau đến mở rộng chín đẳng. Đều là khôn phép thường của sự mở mang Đạo. phương tiện của ngôn từ và công hạnh đến như thế. chỉ vì sự soi sáng của Đấng Đại Giác mở mang giảng bày tại đất trời Tây Vực, dấu vết tiếp nối tới Đông Xuyên. Vượt Trung Cổ mà càng mới, trải qua các Anh hoa mà càng hưng thịnh. Tuy còn phải đổi dời còn mất, nguồn pháp đượm thấm khắp cùng. Ấy mới là mạnh khỏe ích lợi, hẳn có sự rộng lược. Nên khiến kẻ sĩ hiểu Đạo Kính Phong, khiến khách nêu cao ảnh hưởng. Hiểu chánh giải mà dựng ngôn từ, gỡ Huyền cơ mà đặt nêu danh hiệu. Đều là Đức đầy khắp vũ trụ, thấu suốt u minh. Ảnh tượng bày sáng ở Đan thanh, trí ngời nơi tăng tục. Hẳn là rõ ràng trong các kinh Bộ, thật chưa tiếp nối khoa điều. Trộm nghĩ vì sinh giới Thông Hà ở Diêm Châu, mà phong tục thì ở Đường Phạm. Hoa riêng chọn bày, chẳng phải Thánh thì không y cứ. Ở đó, thiên chương thì có hai mươi bốn, là theo Phó Pháp truyện. Thân Châu ghi chép hiền Ngu, chỉ dẫn thì sáu đời, rõ ràng tại các Ký lục. Nhưng bao gồm cả những điểm chung làm tinh hội chỉ quy, không gì chẳng đề khởi phát tâm, giêng mới chánh lý. Khiến chân ngựa hèn đến cứu đạt đề dấu vết có thể tìm, dũi mắt theo xe ngựa bốn con nơi núi cao quanh co mà sự kính ngưỡng bị ngưng dứt.

Xưa kia, vào đời Lương, Sa-môn Thích Bảo Chí ở Kim Lăng soạn “Danh Tăng Truyện”, Sa-môn Thích Tuệ Kiều ở Cối kê soạn “Cao Tăng Truyện”. Mở phát Di Bộ, phẩm tạo thường lưu, rõ ràng khơi động khả chất quán Hoa có y cứ, nhưng thêm bớt ở Ngô Việt, mở lược tại Ngụy Yên. Bởi xem rộng chưa cùng, được tùy điều nghe mà thành sắc thể. Thêm vì ở đời Lương hưng thịnh, các bậc Minh Đức đông nhiều, truyền rộng năm ba số chẳng phải thông minh. Đó đồng như thế tục cùng xem thường. Sự tích nguyên do; Trung nguyên ân hoạt chưa truyền giản lược. Khi ấy không can đảm cao cả, ai sẽ thêm vào. Cuối cùng khiên các bậc cao phong nhiều đời suy sụp.

Tôi, ở tuổi học trò có được đọc xem các bản văn ấy, bắt chước mới còn, kinh luân còn thiếu, là dùng nhờ các Danh khí, trông mong cùng hoàn thành tác phẩm, mà tình nghi nương gáp, các sư đều tranh nhau thiên chấp. Xa nghe thành giản ghi chép tìm kiếm, mà vật sợ kêu trước, giấu thuyên vợi đến. Luống nhọc ôm chứa, trọn bỏ thời gian. Dám dùng sự bất tài trình bày bút ký, dẫn sơ sự thấy nghe, ngay nơi việc biên ghi. Xét được nhiều đời nhân đó lại làm mũ miện. Từ ngày vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) - đời Hậu Hán mộng thấy người vàng đến thời Hậu Lương Võ Quang Lưu (?) về trước, đời khác Thích môn, đều lưu lại truyện sử. Xét tư liệu ấy vốn giúp thật. Ấn hành những bài viết trước, bèn được nối nhau đều cho rằng vật báu lớn. Cuối đời tình buộc, lượng nặng tiếng văn hoa. Đến lúc nhóm tụ Phong du, lược không tiếp nối. Chỉ vào đầu đời Tùy, có sa-môn Thích Linh Hựu ở tại quận Ngụy, nghi biểu trình bày có ý mở rộng, soạn “Thập Đức Ký” 1 quyển. Riêng bắt đầu từ Chiêu Huyền Sư Bảo, chưa sâu rộng kế thừa Thông tông. Ngoài ra thì đơn lẻ trình bày Chi Văn, rộng bàn về hành trọng, cuối cùng cũng không rong ruổi theo cao quán, có thể còn thờ dài. Nên khiến cho thắm đượm mây may, không ai chẳng trông nhìn bên bờ mà xoay đầu trở lại. Hẳn là ấy vậy!

Nay tôi soạn thuật, sợ rơi lạc tiếp theo mỗi trước, nên chẳng tự trình bày theo ý mình. Hoặc hỏi rộng ở những bậc tiên đạt, hoặc lấy từ hỏi han ở hành nhân, hoặc chính mắt được trông thấy, hoặc tìm xét ứng nghiệm ở tập truyền, Quốc sử khắp nam bắc, phụ vào tiếng tốt lời hay. Bi Việt Khấp trong ngoài thành quách nêu bày đức hạnh cao quý. Đề rút lấy chỉ hạnh, nêu bày chí lược, lời tùy ít nhiều, sự trình bày chung.

Đủ khiến tiếp nối giòng dõi trước, đáng làm thầy cho mai sau. Bắt đầu từ đầu thời vận của Cự Lương (502) và cuối cùng là vào niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (646) - thời Tiền Đường, suốt trong thời gian một trăm bốn mươi bốn năm, bao quát trùm khắp Khâu Đâu, phỏng hỏi khắp từ thành đô đến miền thôn dã. Ghi chép được Chánh Truyện có ba trăm bốn mươi vị, phụ có một trăm sáu mươi vị. Đây ngay lời tựa mà trình bày đó, đại khái chia thành mười chương:

- 1/ Là Dịch Kinh
- 2/ Là giải nghĩa
- 3/ Là tu Thiên
- 4/ Là nói về Luật
- 5/ Là Hộ Pháp
- 6/ Là Cảm Thông
- 7/ Là Di Thân
- 8/ Là Đọc tụng
- 9/ Là Hưng Phước
- 10/ Là Tập khoa.

Với 10 chương này, ở đời ít có người tốt đẹp hoàn toàn. Ở đây dựa vào điểm ưu việt nhất, tùy theo Thiên chương mà so sánh bắt đầu từ truyện trước trình bày, thông lệ đã ban. Ước dương lẫn nhau, thật tuân theo hồng kiểm. Và lại, hai thuật Kinh Đạo che lấp sự soi chiếu nơi mầm mống tốt lành. Một Chương Hộ Pháp, giềng mối ở Chánh Cương, phải nhờ các truyền thuật, làm sao tiếp nối mà chẳng công lao. Lấy sự nhỏ bỏ ngưng trệ mở rộng khuôn phép, cố nhân có thể nêu ở đẳng cấp. Ngoài ra thì tùy điều lành mà lập đề mục, chẳng đua tranh theo sự cần thiết của đương thời. Bộ giáo thì nhiếp ở tình người, về cần mở giải rõ ràng, chương tiết đều quy về cuối khoa, phân biệt các việc đời. Đến như giấc Thao quang sùng nhạc, Triều tông Bách linh. Khi tốt lành buông thả nơi núi sông, khảng khái trắng trong tiêu tan nơi rừng mông. Đến nỗi có tiếng ồn náo nơi Huyền Cốc, thâm du nơi khói tía. Cao tạ ở Tùng Kiêu, cúi nhìn nơi cùng vết. Ấy đều đủ ở các ghi chép, riêng đề nên có thể nói ư? Hoặc lại ẩn giấu vết tích nơi cửa núp trong thành, chìm nổi giữa thế tục. Nghiệp lớn có thể bày, mà xuy hư ít gặp. Nên góp nhặt kiến tích phong tố, và lại, lập bày mười khoa, kết thành ba pho, lấy tên là “Tục Cao Tăng Truyện”. Hễ chỗ suu tầm cất nhắc nguồn mạch, phân tích hiển chương, tổ chức từ lệnh, mài giũa hạnh nghiệp thì đầy đủ ở lời bàn luận phía sau, lại luận bàn trích dẫn. Hẳn việc nối tiếp các thiên chương, trọn thành từ phí, phân tách đồng như truyện trước. chỉ còn hạn chậm mãi đến thời mạt pháp, ở đời nổi bậc các vị tăng có tiếng tăm, chưa có cách thức tốt, có nhiều Điển tịch, ngộ hầu tương lai đồng tốt đẹp, lại tỏ bày ý ấy.



---o0o---

QUYÊN 01

CHƯƠNG I - PHẦN 01: DỊCH KINH

(Trong phần thứ nhất Chương Một Chánh Truyện có sáu vị, phụ có hai mươi bảy vị)

1/ Truyện Ngài Sa-môn Tăng-già-bà-la người nước Phù Nam, trụ chùa Chánh Quán ở Dương Đô, thời Nam Lương (Mạn-Đà-La, Mộc-Đạo-Hiền, Tăng Pháp, Đạo mạng)

2/ Truyện Ngài Thích Bảo Xương người xứ Kim Lăng, trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương (Vua Võ Đế thời Nam Lương), Tăng Lăng; Tăng Thiệu đời vua Giản Văn Đế thời Nam Lương).

3/ Truyện Ngài Thích Đàm Diệu người xứ Hằng An, trụ chùa Thạch Quật ở Bắc Đài, thời Bắc Ngụy (Đàm Tĩnh).

4/ Truyện Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chi người xứ Bắc Thiên Trúc, trụ chùa Vĩnh Ninh ở Nam Đài, thời Nguyên Ngụy (Thường Cảnh, Lý Khuếch, Bảo Ý, Giác Định, Pháp Tràng, Trí Hy, Dương Huyền Chi, Đàm Hiên, Trí Hiên, Pháp Hy, Tạng Xung).

5/ Truyện Sa-môn Câu-Na-La-Đà người xứ Tây Thiên Trúc, ở Quận Nam Hải, đời Trần (Đàm Không, Đức Hiên, Thiện Cát).

6/ Thích Pháp Thái người xứ Kim Lăng, thuộc Dương Đô, thời nhà Trần (Trí Khải, Phổ Tỳ, Trí Phu, Đạo Ni).

Xin ghi chú trước:

1/ “Tục Cao Tăng truyện” ở đây chữ “Tục” nghĩa là “tiếp theo”. Và tựa đề phải là “Truyện Các Bậc Cao Tăng tiếp theo”. Tức vào thời Nam Lương Ngũ Tuệ Kiếu (497-554) đã soạn “Truyện các Bậc Cao Tăng” hoàn tất vào năm năm trăm mười chín, mà nay Ngài Đạo Tuyên lại viết tiếp, mặc dầu là bộ khác, song Ngài vẫn xem như là “tiếp theo” nên gọi là “Tục Cao Tăng Truyện”. Vì cảm thấy dịch nghĩa không hay nên để nguyên tựa đề.

2/ Trong vòng một trăm bốn mươi bốn năm (502-645) đời Lương; có Nam Lương và Hậu Lương, Nhà Ngụy có Bắc Ngụy, Đông Ngụy và Tây Ngụy. Nên ở đây nói rõ như Nam Lương hay hậu Lương v.v.. là do y cứ Niên biểu trong nội dung truyện.



01- Sa môn Tăng-Già-Bà-La tại chùa Chánh Quán ở Dương Đô, thời Nam Lương

Tăng-Già-Bà-La; đời Lương dịch nghĩa là Tăng Dưỡng, cũng dịch là Tăng Khải. Sư người nước Phù Nam. Từ thuở nhỏ, sư đã thông minh đỉnh ngộ, sớm nương tựa Pháp luật, xuất gia từ thuở trẻ, riêng học luận A-tỳ-đàm, tiếng tăm vang khắp Hải Nam. Sau khi thọ giới Cụ túc, sư lại học rộng Luật tạng. Tâm ý mạnh mẽ, thích muốn du phương, mở mang giáo hóa.

Nghe tại nước tề đấng Phật pháp đượ mở mang hưng thịnh, Sư bèn theo thuyền tìm đến Kinh Đô, xin làm Đệ tử Sa-môn Cầu-Na-Bạt-Đà người Thiên Trúc đang trụ chùa Chánh Quán. Sư lại với thầy tập học các Kinh Phương Đẳng Bàu-Na-Bạt-Đà, chưa đầy một năm mà đã thông suốt nhiều, hiểu được thư ngữ của nhiều nước. Gặp lúc nước Tề suy bại, Đạo giáo lần hiệp sư bèn tinh khiết thân tâm dứt bật giao tiếp bên ngoài. Nên đóng cửa tĩnh cư, nuôi dưỡng tư nghiệp. Đến khi nhà Nam Lương có được thiên hạ, vua sưu tìm những bậc có tài năng nghệ thuật vào niên hiệu Thiên Giám thứ năm (506), Sư được ban chiếu mới đến điện Thọ Quang, vườn Hoa Lâm, chùa Chánh Quán, Quán Chiêm Vân, Quán Phú Nam, tất cả năm nơi ở Dương Đô, phiên dịch kinh điển, trong suốt mười bảy năm, Sư dịch được mười một bộ, gồm bốn mươi tám quyển, tức Kinh Đại Dục Vương, luận Giải thoát Đạo v.v.. Ngày đầu, sư mới phiên dịch tại điện Thọ Quang, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) đích thân đến pháp tòa ghi chép văn nghĩa của sư, nhưng sau thì giao cho người dịch làm hoàn thành Bốn kinh. Vua lại ban sắc cho các vị Bảo Xướng, Tuệ, Siêu, Tăng Trí, Pháp Vân và Viên Đàm Doãn v.v..cùng đổi nhau lưu xuất, hoa chắt có thứ lớp chẳng rơi vào Dịch Tông. Nhà vua kính lễ tiếp đãi rất nồng hậu. Dẫn làm Gia tăng, sở ty cung cấp, Tăng tục đổi cách trông nhìn. Sư chẳng chừa để của cải riêng, đem mọi sự cúng dường ấy tạo thành chùa Lập Trụ. Thái úy Lâm Xuyên Vương Hoàng tiếp ngộ Sư rất long trọng. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ năm (năm ngàn hai trăm bốn mươi vì bị Bệnh nên Sư thị tịch tại chùa Chánh Quán, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Đầu thời Nam Lương, lại có Sa-môn Mạn-Đà-La, người nước Phù Nam, đời Lương dịch là Hoàng Nhược. Sư mang nhiều Bản Phạm từ xứ xa đến cống hiến, vua Võ Đế, ban sắc cho Sư cùng Ngài Tăng-Già Bà-la đồng dịch Kinh Bảo Vân Pháp giới thể Tánh Văn Thủ Bát-nhã gồm ba bộ mười một quyển. Tuy Sư truyền dịch, song vì chưa rành tiếng Hoa văn, nên văn Kinh lưu xuất phần nhiều bị ần chất.

Bây giờ, lại có Cư sĩ Mộc Đạo Hiền. Vào niên hiệu Thiên Giám thứ mười lăm (516) dâng kinh “Ưu-lâu-tần một quyển”. Văn rất đầy đủ, chẳng rõ từ đâu đến!

Lại có Thái Học Bác Sĩ Giang Bí nữ Tăng Pháp. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, có thời gian ngồi tĩnh tọa, Sư nhắm mắt tụng ra Kinh “Tịnh Độ Diệu trang

nghiêm,” v.v... Bắt đầu từ niên hiệu Thiên giám thứ tám (509) đến năm thứ mười sáu (517). Sư tụng ra tất cả ba mươi lăm quyển. Cũng trong niên hiệu Thiên Giám (502-520) tại điện Hoa Quang, Sư gôn gũi vua Võ Đế tụng ra Di Kinh, các hàng Đạo tục ở khắp Dương Đô đều gọi là Thần trao. Nếu xét theo kinh Phật thì đó chỉ do túc tập, chưa thể luận bàn trộm tìm Ngoại Điển. Sinh ra đã biết, đó là Thánh, Học mà được biết; đó là Hiền. Ở đây thì hạn cuộc chỉ bàn luận đời nay mà mịt mờ về Quá vãng. nếu chẳng như vậy, thì làm sao Biện rõ mọi sự thông suốt hay bế tắc cạn sâu của các Bậc Thánh Hiền trong ngoài được! Như truyện trước nói về sự ghi nhớ thư trán của Ngài Đàm Đế, gần đây nhớ về Kim hoàn của Thôi Tử. Ở đời có lắm dấu vết như thế, chắc chắn chẳng phải bên ngoài nương gá. Mãi đến niên hiệu Thái thanh chín ngàn năm trăm bốn mươi bảy-550), Tương Đông Vương ghi Thất Ngũ hiếu kính giả, học khắp giáo điển trong ngoài, soạn “Nội Điển truyền yếu” ba mươi quyển, bao gồm các kinh luận, thông suốt Thích môn, tất cả mọi sự cốt yếu thấy đều ghi chép đầy đủ, rất giống như học phái của Hoàng Lãm Ngoại Uyển.

Lúc Chử Cung bị mất sự tiếp tục mặc y nhuộm, lại có Ngài Đạo Mạng, lia dòng quan phụ, cũng có soạn thuật v.v..

---o0o---

02- Truyện Ngài Thích Bảo Xương trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương

Thích Bảo Xương, họ Sâm, người ở Quận Ngô, tức là vùng đất cũ ở nước Ngô Kiến. thưở thiếu thời, Sư đã có sự thông minh lớn lao, trắng trong tự dưỡng. Nhưng chỉ một mình siêng năng làm ruộng, mọi chi phí nuôi sống trọn ở mười mẫu. Ai đến cầu xin thì liền lấy giúp, chỉ sơ qua mắt liền biết. Văn thể bày đủ, nghĩa lý có nghe.

Năm mười tám tuổi, Sư đến chỗ Luật sư Tăng Hựu, cầu xin xuất gia. Ngài Tăng Hựu là vị Tăng tiếng tăm ở Giang Biểu có nhiều tác phẩm. Đầy đủ như ở truyện trước đã ghi. Sư đã bắt đầu học tập, thưa hỏi Kinh Luật, nương đi phong mà lập Đức, có tiếng tăm với Tông Tự. Trụ tại chùa Trang Nghiêm Sư rộng thấu thập các lời, chiết lấy tinh nghĩa. Lại chỉ khai ngộ người thế tục, cần cứu giúp cùng khắp làm đầu. Sư bèn theo xử sĩ Cố Đạo khoáng, Lã Tăng Trí v.v... tập học lắng nghe kinh sử, trang, Dịch, lược thông Đại nghĩa. Bây giờ, vì Sư chỉ rong ruổi theo việc đời, nghĩa là có chỉ thế tục, nên lập gia đình, chấp nhật chẳng xoay lại. Sắp đến tuổi ba mươi, việc gia đình gây đổ, việc tang xong xuôi. Niên hiệu Kiến Võ thứ hai (495) thời Nam Tề Sư phế bỏ việc thường học tập, ngoài thành đô, chuyên lắng nghe, qua mắt năm năm, Sư lại bị bệnh phong. Vào cuối đời Tề, tao loạn xâm nhập Đông thành.

Sư đi xa đến tận Mân Việt, thảo luận nghiệp cũ. Đến niên hiệu Thiên Giám thứ tư (505) - đời Nam Lương, Sư trở về lại dưới thành Đô, vua Võ Đế (Tiêu Biểu) ban sắc cho Sư trú trì chùa Tân An. Lúc bấy giờ nhà vua như gặp được mây sấm, xa gần đều tĩnh lặng. Gió mưa điều hòa, lúa thóc cấy đều được mùa. Há chẳng phải trên nhờ ân Tam Bảo, giữa cây Phước trí thiên vương, dưới gá nhờ thân long. U linh hợp tán, ấy mới là phước trùm muôn dân cùng hưởng đức sâu dày đô. Nhưng các Bộ Văn tản mát, khó có thể tìm đủ. Vua Võ đế bèn thỉnh Sư tổng soạn tập lục để dùng cho lúc cần. Hoặc lập phước cúng tế trừ tai, hoặc lễ sám trừ chướng, hoặc cúng thí quỹ thân, hoặc cúng tế long vương. Bộ loại sắp xếp gần cả trăm quyển. Tên các vị thần thuộc tám bộ có đến ba quyển, bao gồm chỗ sâu xa, thấu suốt xưa nay. Nên mọi sự cúng cầu, vua Võ Đế đều đến trông xem, sự cầu cúng lắm cảm oai linh. Do đó, suốt năm mươi năm, khắp vùng Giang Biểu cấy đều vô sự, triệu dân cấy nhờ.

Niên hiệu Thiên Giám thứ bảy (508) Vua Võ Đế cho rằng biên Pháp mệnh mỏng, hạng hiểu biết thấp kém khó nhận tìm. Nên ban sắc cho Ngài Tăng Mân ở chùa Trang Nghiêm đến chùa Định Lâm tiếp nối biên tập các kinh quan trọng, sao chép gồm tám mươi tám quyển. Lại ban sắc cho ngài Trú Tạng chùa Khai Thiện tiếp nối làm theo nghĩa lý các kinh, đặt tên là “Nghĩa Lâm” gồm tám mươi quyển. Lại ban sắc cho ngài Tăng Lãng chú giải kinh Đại Bát Niết-bàn bảy mươi hai quyển. Tất cả đều do Sư vâng phụng biệt sắc và gồm tán dương công đức ấy. Luân tông đầu đuôi sắp xếp thành Bộ Pho.

Và lúc vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương) đang ở tại Xuân Phưong, rất đam mê Nội Giáo, soạn “Pháp Bảo Liên Bích” 200 quyển, riêng thỉnh Sư so sánh phân biệt, loại ấy lưu hành cùng khắp. Vua cho rằng “Phật Pháp cao vợi sâu màu, kẻ hiểu biết cạn cợt khó thể thông hiểu”. nếu chẳng có tài học thì không do đâu để thấu đạt đến cùng. Nên lại ban sắc thỉnh Sư, bắt đầu từ Đại giáo lưu truyền đến Đông độ, tục sĩ nơi cửa Đạo có khơi dậy Phật Lý, biên soạn bày nghĩa, đều gồm thông nhóm tụ, đặt tên là “Tông Pháp Luân Luận” gồm hơn bảy mươi quyển, khiến các hạng người mê ngộ trông thấy đều Quy tín rất giúp ích cho Đạo pháp, không cho là thêm. lại soạn pháp tập một trăm bốn mươi quyển, đều chỉ mình Sư riêng chuyên lo liệu tiếp nối kết thành Bộ, nhà vua đích thân xem đọc, lưu hành khắp trong ngoài.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười bốn (515) Vua Võ Đế ban sắc cho Sa-môn Tăng Thiệu chùa An Lạc, soạn thuật “Hoa Lâm Phật Điện Kinh mục lục”. Tuy đã khắc thành, nhưng chưa thỏa hợp ý chỉ vua, nên vua ban sắc cho Sư soạn thuật lại. Sư bèn nhân bản biên lục trước của Ngài Tăng Thiệu mà chú thuật ly hợp, rất có khoa mục chứng cứ, gồm một pho bốn quyển, rất hợp ý vua, vua bèn ban sắc cho Sư trông coi “Hoa Lâm Viên Bảo Vân Kinh

Tạng” và ngài nêu tra tìm kiếm những sai sót thất lạc đều làm cho được đầy đủ. Soạn thành đủ ba Bản để dâng lên nhà Vua. Vì nhân duyên đó, Vua lại ban sắc cho Sư soạn tập “Kinh Luật Di tướng” gồm năm mươi lăm quyển. “Phạm Thánh Tăng Pháp” năm quyển. Vua Võ Đế lại chú giải Kinh “Đại Phẩm” năm mươi quyển.

Bấy giờ, Phật Pháp rất hưng thịnh, không lúc nào bằng. Nên các hàng đạo tục tài hoa cùng nhau phô bày văn lý. Năm ba mươi bảy tuổi, vua Võ Đế mới lên ngôi (502) và ở ngôi vua suốt bốn mươi chín năm (550), nhưng vì Đỉnh âm sớm nghiêng đổ nên vua thường có tâm buồn cảm, từng than rằng: “tuy có chỗ Quý trọng khắp bốn bể, mà không do đâu được tỏ bày võng cực. Nên để tâm nơi kinh Phật, lấy tám bộ Bát-nhã làm ruộng tâm tốt lành, vì đó là nơi sinh ra các Đức Phật!” Lại vì đã trừ tai ương nhiều lần, nhà vua góp nhặt các kinh, đích thân soạn thuật chú giải. Từng đến nơi Pháp tòa giảng đọc tuyên dương, dùng nhân lành ấy mà sùng trọng, đơm nhuần linh thức.

Vua Võ Đế từng vì Hoàng Phụ, Hoàng mẫu mà xả thân làm người cấp sử cho chúng tăng, giặt rửa tẩy trừ như bản, kính tạo phước thâm, mỗi lúc xả thân thì mặt đất rung chuyển. Vua thường thiết trai cúng dường, tuyên giảng Phật pháp. Không để bánh xe chánh pháp ngừng quay.

Vua vì Thái Tổ Văn Hoàng mà đến Bắc giản ở Chung Sơn xây dựng chùa Đại Ái Kính, củ phân hợp nhật, ghé mắt trông nhìn Bách trượng, xanh đẹp cao vợi, dùng mối rưới chảy, rồng lớn khắp đánh núi, phụng đẹp cuội không trung. Xây tháp bao quanh, đẹp khắp núi hang. Nhà vua đến yên tọa tận núi rừng sâu xa. Ở đó, xây một ngôi già lam, đồng như Tôn Viên Tẩm, lang vũ gá nhau, mái rớt lâm thuộc, bên cạnh thiết đặt ba mươi phòng viện, đều tạo lập ao đài bao quanh, cúng dường cung cấp bốn thứ cần dùng cho hơn ngàn vị tăng. Chánh điện ở trung viện có một pho tượng bằng Chiên Đàn, cao một trượng tám. Các người thợ định làm sáng sớm làm chiều tối nghỉ, hằng đêm thường nghe có tiếng. Sáng sớm trông nhìn liền cảm thấy tượng lớn thêm. Sau khi hoàn thành, thì Tôn tượng cao đến hai trượng hai, tướng tốt trang nghiêm, sắc tướng vợi vợi. Nghi ngờ đó là do thần tạo tác, thường có những điềm cảm ứng. Vua Võ Đế lại riêng tạo dựng tôn tượng đồng mạ vàng cao trượng tám ở biệt điện Long Uyên trong chùa. Đích thân vua dâng lễ cúng dường trong mỗi lần vào đánh lễ. Vua sùi sụt nghẹn ngào chẳng thể tự kiềm chế. Mọi người chung quanh cùng tham dự không ai chẳng khóc!

Vua lại vì Hiến Thái Hậu mà đến đường phía đông cửa thành Kiến Dương; tức bờ phía tây Thanh Khê xây dựng chùa Đại Trí Độ. Gần kinh đô chùng một dặm đường, chỗ đất sáng đẹp cao ráo rộng rãi. Giữa đường rộng rãi tráng lệ, có ngôi tháp báu bảy tầng, phòng nhà hành lang nối tiếp nhau bao

quanh, hoa quả luôn tươi tốt. Trong chánh điện cũng tạo tôn tượng cao trượng tám bằng vàng, dùng để cầu phước. Có năm trăm vị Ni suốt bốn thời giảng tụng. Ngày xây dựng chùa hoàn tất, vua Võ Đế ngoái nhìn lại bảo với các Hậu phi rằng: “Ta xây dựng hai ngôi chùa này, dâng phụng phước đối với Hoàng phụ và Hoàng Hậu, để tỏ bày tình đất trời, để thấu suốt ân đức sinh thành, mà chưa thể xua đi sự buồn thương của Lục nga!” Ngay ở trong cung, vua lại dựng điện chính kinh, Đài Cảnh Dương, lập nhà Thất miếu, đường vũ trang nghiêm, xinh đẹp dường như mây, xen lẫn châu ngọc trên các trụ giao nhau, ánh sáng rực rỡ. Lập tòa thờ Hoàng phụ và Hoàng hậu, đầy đủ các lễ, quan uân tráp rương, mở mắt kính mển, sớm tối như hiện còn, y phục âm nhẹ tùy thời đổi thay, phương chỉ mới lạ, đúng lúc cúng dâng. Vua Võ Đế lại nói: “tuy đã tận cùng sự khéo léo của thầy thợ, hết mức kỳ đặc trong thế tục. Nước đá chảy quanh, hoa cây chất chồng. Thế nhưng, vì việc nước nhà không được rảnh rỗi để sớm tối hầu dâng, chỉ mỗi tháng hay ngày và ngày rằm có cúng tiến mà không được chiêm ngưỡng, trong lòng tan tác như thiêu như đốt!” Nhà vua lại soạn “Liên châu” gồm năm mươi bài để tỏ rõ hiếu đạo, lại soạn “Hiếu tư Phú” bao gồm cả gốc hiếu. Còn như việc an quốc trị dân, đổi thay phong tục, vượt qua xưa nay, không được mà xưng, nên Nguyên Đế nói: “Kính vì lòng hiếu của hoàng phụ ta, đổi thay bốn vạn, chẳng vì tươi khô lẫn lộn, lại dùng năm Đức, chẳng vì sang hèn đổi lòng. Lúc lâm triều trang nghiêm trầm mặc, suy nghĩ quá khích càng quanh co, duỗi khoanh tay nơi nham lang, buồn cây gió càng tha thiết. Khiết trai nơi Tông lang, bền việc giao tế. Miệng chưa mở lời mà lệ tuôn rơi, dung nhan chưa biến đổi mà lòng thường quặn thắt. Đó chỗ gọi là trọn đời lo lắng! Bởi vì Ngu Thuấn, Hạ Võ, Chu Văn Vương, Lương Võ Đế. Muôn đời luận bàn về hiếu, chỉ bốn vị đó mà thôi. Rộng như trong Kim Lâu tử thuật có nói.

Lại đến niên hiệu Đạo Thông thứ nhất (527), ở phía bắc Đài Thành, Vua Võ Đế mở cửa Đại Thông, xây dựng chùa Đồng Thái. Lầu các Điện đài đều làm phỏng theo như nội cung, có tháp báu cao chín tầng, xoay quanh trang bày mây biểu, cây núi bao quanh, ao cong chứa đầy. Ngày mồng sáu tháng ba năm đó, Vua Võ đế đích thân đến chùa, lễ sám cung kính, đó là lệ thường, là nơi xả thân. tuy ức triệu việc cần kíp, mà kinh sách chẳng lìa khỏi tay, đọc xem khắp cùng kinh luận nội ngoại điển phân, thường lấy sự thông đạt làm chuẩn tắc. Từ Lễ Ký Cổ Văn, Chu thư Tả truyện, Trang Lão Chư Tử, Luận ngữ Hiếu Kinh. Các triết thuyết xưa chưa rõ ràng nay đều giải thích. Lại lấy Quốc học viên làm giới hạn, ngăn cách giữa sang hèn, bèn lập ra năm Quán, chiêu dẫn hàn Tuấn, nên khiến Phật giáo và Không giáo đều hưng thịnh cao xa. Vua Võ Đế trước sau nhóm tập hơn cả trăm quyển, soạn “Thông Sử Thư uyển” đến mấy ngàn quyển.

Đang lúc thời thế hưng thịnh như vậy, Sư từng vâng phụng thư ấn tham dự công việc phiên dịch, có nói rõ như ở biệt truyện. Ban đầu, vào niên hiệu Thiên giám thứ chín (510), bệnh trước lại tái phát, Sư bèn phát hai lời nguyện: “Tìm khắp kinh luận không để sót mất. sưu tầm tất cả Tăng lục, nhiều đời sắp xếp thành từng loại, soạn tập thành Pho Bộ, đặt tên là “Danh Tăng Truyện” ba mươi một quyển. Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười ba (514) mới y cứ vào điều lệ. Trong đó, lời tựa lược nói: “Phàm người mong cầu vắng lặng thì ở ngoài sự thấy nghe. Xét về tâm hạnh thì phải khéo léo như Đan thanh. Vậy đủ biết muôn tượng sum la lập ngôn không thể vì đã như thế. Đại Lương (tức chỉ Lương Võ Đế) có được thiên hạ, uy lực càng thêm to lớn, công lao cứu giúp chúng sinh. Phạm vi giáo hóa của khắp chín cõi Hoàng thượng, thần thức dạo chơi trong tám chánh, đầu đội cầu Pháp, được uống Cam lồ. Trộm vì ngoại điển, văn rộng lưu bố nơi phương sách, chín phẩm sáu nghề thước tắc chẳng để sót. Mà Sa-môn tịnh hạnh không riêng ghi chép, đức thông minh của vua Huyền thông cao tột xưa nay! Ôm giữ thờ than, chẳng phải mãi mãi. Luật sư Thích Tăng Hựu là bậc Đạo tâm vững chắc, hạnh cao vời vợi, soạn thuật các ký, mở mang chỗ trọng yếu. Bảo Xướng chẳng thông minh, dự ban nơi Nhị Lạc, ngoài thời giờ lễ tụng ra góp nhặt chỗ còn sót, văn rộng chẳng ghi. Ban đầu vì khí chân phát ra liên tục, nên vào Đông chữa trị. Sau đó có sắc lệnh truy tìm, nhân vậy phạm tội bị khiển trách, đày đến Việt Châu, sau lại có lệnh y luật dùng pháp mà xử đoán. Sa-môn Tăng Chính, Tuệ Siêu mặc tình trái lại lệch chỉ bị đuổi dờn đến Quảng Châu. Trước sám hối tại chùa Đại Tăng ở kinh đô. Bèn có lệnh nhóm họp làm nhiều việc còn thiếu sót. Ban ngày thì Phục Sám, đêm đến thì ghi lục. Lại thêm vì Quan tư thúc giục, nên suốt ngày chẳng rảnh. Trung Chân điều lưu, văn từ rơi rớt, sắp đến ngày phát hành, bèn đem tấu trình. Khi đó có sắc lệnh đình chỉ việc tẩn đuổi mà vời đến phiên dịch. Nhưng ở đây Tăng Sử mới sắp phán định, sửa đổi lắm điều ở trước, lại thêm cho đủ. Nên sau truyện đó trong lời tựa của chính tác giả chép: “Đâu dám cho Tăng là chồn cáo, ngô hầu mới chẳng cong bút!” Nhưng các tác phẩm của Sư, Văn Chương vượt hẳn thực chất, Người sau y cứ so lường mà dùng. Ở đây chỉ nêu vài lời trình bày thường yếu về đương thời. Không biết về sau, sư tịch ở đâu!

---o0o---

03- Truyện Sa-môn Thích Đàm Diệu trụ chùa Thạch Quật ở Hằng An; thuộc Bắc Đài, thời Nguyên (Bắc) Ngụy

Thích Đàm Diệu, không rõ Sư là người xứ nào, xuất gia từ thiếu thời. Sư giữ hạnh vững chắc, Phong cách đơn giản. Trong khoảng niên hiệu Hòa Bình (bốn trăm sáu mươi-bốn trăm sáu mươi sáu), Sư làm chức Chiêu

Huyền Thống ở Bắc Đài, sau đó trở về suất lãnh tăng chúng khéo được tên họ. Sư trú tại chùa Thông Lạc Thạch Quật ở Hằng An. Chùa ấy do vua Ngụy Đế xây dựng cách Hằng An về phía Tây Bắc chừng ba mươi dặm, trên sườn núi phía bắc hang núi Võ Chu, Sư đến đó, xây dựng ngôi chùa Phật, đặt tên là “Linh Nham”, dựng khám rất lớn, cao hơn hai mươi trượng, có thể chứa đến ba ngàn người. Mặt riêng khắc tượng, cùng các hình tượng khéo léo xinh đẹp, khám có hình dáng riêng biệt làm kinh động đến người và thần. Bia trụ đá mốc hiện còn, chưa bị phá bỏ.

Nguyên trước kia, vào niên hiệu Thái Bình Chân Quân thứ bảy (446) dưới thời Thái Võ Hoàng Đế (Thát Bạt Đào), Có quan Tư Đồ Thôi Hạo tà ngụy khéo dùng văn từ dua nịnh khiến Vua (Thái Võ Đế) tôn sùng kính trọng Đạo sĩ khấu Khiêm Chi, lễ bái tôn làm Thiên Sư, càng kính trọng Lão Giáo thì càng xem thường Phật giáo, thiêu đốt chùa tháp. Đến năm Canh Dần (50), Vua Thái Võ Đế bị bệnh dịch lệ, mới bắt đầu tỏ ngộ. Bên cạnh đó, có được Thiên Sư Bạch Túc đến cùng khai phát. Khi tâm vua đã hồi hận, bèn giết giòng họ Thôi Hạo sự việc như có nói ở các truyện. Đến năm Nhâm Thìn (bốn trăm năm mươi hai), Thái Võ Đế băng, con là Văn Thành Đế (Thúc Bạt Duệ) lên ngôi, bèn xây dựng chùa tháp, tìm kiếm kinh điển. Suốt bảy năm Đạo Pháp bị phá hủy, đến đó Tam Bảo trở lại hưng thịnh. Ngài (Đàm Diệu), bùi ngùi về việc trước kia bị khi thường phá hủy, vui mừng nay được phục hưng, nên vua mời các vị Tăng Cao Đức đến tại hang đá ở Bắc Đài, đối với các Sa-môn Thiên trúc phiên dịch Phó Pháp Tạng truyện và các kinh Tịnh Độ, lưu thông mở mang cho các bậc Hậu Hiền, ý mãi chẳng dứt tuyệt.

Bấy giờ, có Sa-môn Đàm Tĩnh vì mở sáng mặt trời Phật, các kinh điển cựu dịch đều bị thiêu hủy và thất lạc, trong nhân gian muốn dẫn dắt dựa nương mà không có nhân duyên, Sư bèn dịch ra Kinh Đề-vị Ba-lợi hai quyển. Ý thì thông ngộ mà lời văn có nhiều vọng tập. Nên trong văn kinh có nói như: “Núi Thái ở phương đông”. Hán dịch là: “Đại Nhạc” là nơi Âm dương giao nhau. Có nghĩa là “Đại nhạc” xuất phát từ thời Nguyên Ngụy, mới nói là “Hán dịch”, thật không rõ về thời đại. Đó là điều vọng thứ nhất. bởi vì “Núi Thái” là phương ngôn của Trung Quốc mà lại dùng dịch thay cho tên núi, không rõ biết Phạm Văn và Ngụy Văn, đó là điều vọng thứ hai. nếu nêu bày ra thì có rất nhiều, đủ cả trong văn kinh, tìm đọc thì liền nhận biết. Xưa ghi lục riêng có kinh “Đề-vị” một quyển, ngôn ngữ đồng như các kinh, chỉ có thêm Ngũ phương, ngũ hành như vàng Đá lẫn lộn, nên xếp vào Ngụy biện, và không lường biết về sau như thế nào. Đến đầu đời Tùy, vào khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-590) tại Quan nhượng thỉnh thoảng Dân gian còn tụng tập Kinh Đề-vị, Ấp nghĩa đều tự giữ gìn y bát. Đến tháng thiết trai, nghi phạm theo chánh luật, thay nhau xem xét, rất đầy đủ trong Tường tập.

04- Truyện Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chi người xứ Bắc Thiên Trúc trụ chùa Vĩnh Ninh ở Nam Đài, thời Nguyên Ngự

Bồ-Đề-Lưu-Chi, đời Ngự dịch là Đạo Hy. Sư người xứ Bắc Thiên Trúc, tinh thông ba tạng, khéo nhập Tổng trì, chí muốn mở mang thật pháp, rộng lưu truyền rộng sự thấy nghe. Bèn mang Đạo một mình đi, xa đến tận Thông Tả.

Đầu niên hiệu Vĩnh Bình (năm), Sư tới Đông Hạ, Tuyên Võ Hoàng Đế (Nguyên Khắc) Ban sắc dẫn nhọc, cung phụng ân hoa, thỉnh Sư trụ ở chùa Vĩnh Ninh, thường cung cấp cúng dường bổng thứ cần dùng cho bảy trăm vị Phạm Tăng. Sắc phong Sư là người đứng đầu trong giới Phiên kịch kinh điển. Ngôi chùa ấy vốn do Linh Thái Hậu họ Hồ xây dựng vào niên hiệu Hy Bình thứ nhất (516) dưới thời Hiếu Minh Hoàng Đế (Nguyên Hủ), Cửa Chính trước cung thuộc phía Đông của Nam môn Ngự Đạo. Ở giữa có Bảo ngôi tháp cao chín tầng, làm bằng gỗ, cao hơn chín mươi trượng. Phía trên lại có kim sát cao đến mười trượng, cách mặt đất cả ngàn thước. Đứng xa cách Đài cả trăm dặm vẫn trông thấy. Ban đầu, ngày xây dựng nền móng đào bới đến suối vàng, có được ba mươi hai pho tượng bằng vàng ròng, Thái Võ cho đó là điềm lành, do tâm kính tín chánh pháp nên bày hiện chứng minh như thế. Vì vậy dựng xây trang trí đẹp đẽ tuyệt trần. Phía ngoài chùa có đặt chiếc bình báu bằng vàng sức chứa đến hai mươi lăm hộc, lộ ra mâm vàng có mười một lớp, khóa sắt bày góc, trên mâm và khóa đều có chuông vàng, giống như cái vò lớn. Các góc của chín tầng đều có chuông vàng, mỗi chuông đều như cái vò lớn. Các góc của chín tầng đều treo chuông lớn, trên dưới tất cả một trăm ba mươi cái. Bốn mặt tháp đó có chín gian, sáu cửa sổ ba cửa lớn, cánh cửa đều bằng Chu tất, rũ các chiếc linh vàng, mỗi tầng có năm ngàn bốn trăm chiếc, lại treo chuông vàng bày ở trên đầu, Phật sự tinh diệu, độc hết sự khéo léo của gỗ đất, trụ màu lác vàng kinh hãi cả tâm mắt, gió cao suốt đêm thổi lay, linh khánh cùng vang động, âm thanh leng keng vang xa hơn mười dặm. Phía bắc có chánh điện, xây dựng hình trạng phỏng theo Thái cực, bên trong các tôn tượng đều thiết bày bằng sắc màu vàng ngọc, tạo tác rất khéo léo, tuyệt đẹp ở đương thời. Tầng phòng bao quanh tiếp nối có hơn ngàn gian. Đài diện tích khác nhau hiển bày, chạm trổ chung bày đồ tím lẫn lộn cùng xen nhau, có các giống cây quất, Bách, Trinh, tùng, cỏ lạ mọc nhiều, Tường viện chung quanh đều lợp bằng ngói. Ba cửa ở phía nam lầu, mở ba đường ba lớp, cách đất hơn hai trăm trước, hình dáng như cửa trời, đẹp đẽ rực rỡ. Ở góc cạnh cửa có bày bốn vị lực sĩ và bốn con sử tử, dùng vàng ngọc trang sức rất sáng ngời, hai cửa ở phía đông và tây cũng sắp bày như hế. Chỗ có thể xem là khác lạ là chỉ hai

lớp lầu ở cửa phía bắc thông đường thẳng lối mà an trí. Phía ngoài bốn cửa trồng cây hoè xanh, xung quanh viên tường nước trong veo. Những người đi xa đến chốn kinh đô, phần nhiều dừng nghỉ ở dưới đó. Đường đi không có bụi bay, chẳng do đượm nhàn bởi mây đùn, gió trong lành thổi mát, đâu không phát xuất từ sự mừng vui.

Vua Hiếu Minh Đế ban sắc cho trung thư xá nhân là Thường cảnh soạn Văn Bìa chùa. Thường Cảnh vốn người xứ Hà Nội, hiểu thông học rộng, biết khắp trong ngoài. Vào niên hiệu Thái Hòa thứ mười chín (495), Cao Tổ (Tức Hiếu Văn Đế-Nguyên Hoàn) chọn ông làm Tu Luật Bác Sĩ, có chiếu chỉ phán định Luật cách, trở thành thông lệ mãi mãi. Thường cảnh bèn thương xác xưa nay, điều suốt khoa du, tức Bộ Ngụy luật gồm hai mươi thiên. Thường Cảnh đã trải qua các chức quan Trung Thư Xá nhân, Hoàng Môn Thị Lang, Bí thư Giám, U Châu thứ sử, trong nhà rất nghèo nàn, tiết kiệm mọi việc như nhà nông. Chỉ có kinh sử đầy xe, trước có soạn văn tập hơn cả trăm chương.

Vua Hiếu Minh Đế và Thái hậu đồng lên trên tháp, trông xem mọi việc trong cung như trông vào lòng bàn tay, dưới đến mây mưa, trên dưới đều trong sáng. Vì thấy rõ mọi việc trong Nội cung nên cấm bắt không cho mọi người lên đó. Những người từ Tây Hạ đến Đông Hoa đi khắp các nước, đều bảo rằng: “Ngôi tháp như thế, không nơi đâu có!” Niên hiệu Hiếu Xương thứ hai (526), có gió lớn thổi nhổ bứt cột cây, bình báu trên tháp theo gió rơi xuống đất, cao lớn hơn cả trượng. Nhà vua lại bảo các thợ làm lại bình báu mới khác. Đến tháng hai niên hiệu Vĩnh Hy thứ ba (534) trời chấn động, vua Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) lên đài Lăng Vân nhìn thấy lửa, bèn sai Nam Dương Vương Bảo Cự Lạc, Thượng Thư Trưởng Tôn Tri đem một ngàn vũ lâm đến cứu. Khi đó mưa sấm mịt mù, sương tuyết thay nhau đổ xuống. Trong tầng tháp thứ tám tự nhiên bốc lửa, có hai Đạo nhân không nở nhìn tháp bị thiêu đốt bèn gieo mình vào lửa mà chết. Anh lửa ấy tiếp tục cháy suốt hơn ba tháng, nhập vào trụ chùa trên mặt đất thì đến cả năm vẫn còn hơi khói. Tháng năm năm đó, có người từ Quận Đông Lai đến nói rằng: “Thấy tháp đang ở dưới biển, sáng sủa nghiêm nhiên, mọi người cùng trông thấy chẳng phải một”. Bỗng chốc mây mù nổi lên, không còn biết nơi chốn. Đến tháng bảy Bình Dương Vương bị Thụ Trung Đẩu Tư Xuân rượt đuổi, chạy đến phía Tây tới Trường An. Đến tháng mười thì lại từ Lạc Kinh dời đến Chương Nghiệp.

Trước đó, Sư vàng sắc phiên dịch Kinh Thập Địa. Tuyên Vũ Đế (Nguyên Khác) trong một ngày đích thân đến đôi chiếu ghi chép, nhưng sau đó mới giao cho các Sa-môn Tăng Biện, v.v..làm hoàn tất Luận Văn. Phật Pháp hưng thịnh, các bậc tài giỏi đông nhiều truyền trao cho nhau, chỉ chăm chăm

như vậy. Vua lại ban sắc cho Thanh tín (cư sĩ) Lý Khuếch soạn mục lục các kinh. Lý Khuếch học thông Huyền tổ, hiểu suốt kinh luận, nhã có nêu bày việc tốt, nên trong mục lục có ghi rằng: “Tam Tạng Pháp Sư Bò-Đề-Lưu-Chi, từ Lạc Kinh cho đến Chương Nghiệp, bèn làm cho đất trời bình lặng hơn hai mươi năm, đã dịch ra các kinh gồm ba mươi chín bộ, một trăm hai mươi bảy quyển, tức các kinh Phật Danh, Lăng-già, Pháp Tập, Thâm mật v.v...và các Luận Thắng Tư Duy, Đại Bảo Tích, Pháp Hoa, Kiết-bàn v.v..., đồng thời các Sa-môn Tăng Lăng, Đạo Tràm và Thị Trung Thôi Quang v.v...ghi chép. Có ghi chép đầy đủ ở “Đường Trinh Quán nội Điển Lục”. Lý Khuếch lại nói: “Trong phòng Pháp Sư Bò-Đề-Lưu-Chi các Kinh Luận bản Phạm có thể nhiều đến cả muôn quyển. Các văn mới do Sư phiên dịch được ghi chép xếp thành từng loại, đầy cả một gian phòng”. Nhưng tuệ giải của Sư so với Ngài Lạc-ma thì có phần thua một bậc, mà thần ngộ thông minh khéo thấu suốt phương ngôn, tài giỏi cả về chủ thuật thì không ai sánh bằng. Sư từng ngồi nơi miệng giếng, tẩy rửa trong không, đệ tử chưa đến nên không người múc nước. Sư bèn nắm lấy cành liễu quấy động quanh trong giếng, thâm trì tung chú, chỉ mới vài biên mà nước đã sôi dâng lên tràn cả thành giếng, bèn lấy bát múc vào chậu để tắm gội. Các vị Tăng bên cạnh, thấy rõ ràng việc ấy. Chẳng thể lường biết năng lực thần diệu của Sư, đều cùng nhau vui mừng ngợi khen Sư là bậc Đại Thánh. Sư bảo: Chớ vọng khen thưởng như thế, pháp thuật ấy người Ấn-độ đều cùng thực hành, chỉ do ở trong guốc không tập theo, nên cho đó là Thánh mà thôi. sợ rằng mê hoặc người đời, nên kín đáo không được tuyên truyền”.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Lạc-Na-Ma-Đề, đời Ngụy dịch là Bảo Ý. Sư người nước Trung Thiên Trúc, sự thấy biết dồi dào, Lý Sự đều thông. Sư tụng đến một ức bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ. Lại rất thấu suốt pháp thiên, ý chí luôn muốn du hóa. Niên hiệu Chánh Thi thứ năm (508) Sư đến Lạc Ap, phiên dịch các Bộ Luận lớn như: Thập Địa, Bảo Tích v.v...tất cả có hai mươi bốn quyển.

Lại có Sa-môn Phật-Đà-Phiến-Đa, Hán dịch là Giác Định. Sư người xứ Bắc Thiên-trúc. Từ niên hiệu Chánh quang thứ nhất (520) đến niên hiệu Nguyên Tượng thứ hai (539), Sư trụ chùa Bạch Mã ở Lạc Dương và chùa Kim Hoa ở Nghiệp Đô, phiên dịch các Kinh Kim Cương Thượng Vị v.v...tất cả có mười bộ.

Lúc bấy giờ, vào ngày dịch kinh, Ngài Bò-đề-lưu-chi truyền Bản, các vị tăng khác tham dự. Sau đó, ba vị Đại Đức bèn nói lần lượt, mỗi vị tự truyền lời Thầy tập, chẳng hỏi han nhau. Nhà vua vì sự hưng thịnh của hoàng pháp, hơi có sự buồn phiền, nên bèn ban sắc ở ba nơi, mỗi nơi tự phiên dịch xong mới cùng dự tham hiệu đính. Thời gian đó ẩn một đến nỗi có sự bất đồng

dẫn đến có Văn Chi. Bảy giờ kiêm luôn dị xuyết, người đời sau hợp lại chung lại thành Thông bộ. Có thể thấy ở ghi lục của Sa-môn Bảo xướng v.v..

Ban đầu, Ngài Bảo Ý thân lý tiêu di, lãnh điệp Ngụy từ riêng thấu suốt chỗ sâu xa. Nhà vua thường thỉnh Sư giảng kinh Hoa Nghiêm, giải thích khai ngộ, tinh nghĩa thường phát. Một hôm, Sư đang ngồi trên tòa cao, bỗng nhiên có một người cầm hốt ghi danh, hình tướng như Đại Quan đến thưa rằng: “Vâng lệnh Thiên Đế đến thỉnh Pháp sư giảng Kinh Hoa Nghiêm”. Sư bảo: “Nay, ở pháp tịch này còn chưa thể dừng nghỉ, đợi xong văn kinh sẽ vâng lệnh cùng đi Tuy nhiên việc Pháp sư vốn một mình không thể kiến lập, nên Chư Tăng Đô Giảng, Hương Hỏa, Duy-ma, Phạm Bối đều cũng phải đợi vì vậy hãy thỉnh đề các vị ấy định liệu. Sứ giả liền như lời thỉnh đến thỉnh Chư tăng. Thế rồi Pháp sư sắp viên mãn, lại thấy người sứ trước đến thưa rằng: “Vâng lệnh Thiên Đế nên xuống đón rước!” Sư bèn mỉm cười an nhiên vui vẻ, cáo biệt tăng chúng, nghiêm nhiên thị tịch ngay trên Pháp tòa, các vị Tăng Đô giảng v.v....cũng đồng thời thị tịch, khắp nơi trên đất Ngụy mọi người nghe thấy không ai chẳng ngợi khen điều tốt.

Bảy giờ, lại có Sa-môn Pháp Tràng ở tại Lạc Dương, phiên dịch kinh “Biện Ý Tướng Giả Vấn” một quyển, tuy thiếu truyện đối mà là Chánh Văn. Thấy trong lục của ngài Pháp Thượng. Lại có Ngài Bát-Nhã-Lưu-Chi, Hán dịch là Trí Hy, Sư vốn họ Cù-đàm, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người ở thành Ba-la-nại; Nam Thiên-trúc. Từ niên hiệu Nguyên Tượng thứ nhất (538) đến cuối niên hiệu Hưng Hoà (543) (thuộc thời Đông Ngụy, Bắc Triều) Sư trụ ở Nghiệp thành, phiên dịch các Kinh luận như: Chánh Pháp niệm Thánh Thiện Trụ Hồi Tránh Duy Thức, v.v...gồm mười bốn bộ, tám mươi lăm quyển. Có các Sa-môn Đàm Lâm, Tăng Phương v.v.. ghi chép.

Nhìn lại thời bảy giờ có hai ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi và Bát-Nhã-Lưu-Chi trước sau cùng phiên dịch kinh luận, mà các ghi lục truyện ghi chép phần nhiều xem thường, bỏ hẳn hai chữ trước của tên, chỉ đề là “Lưu-chi” mà không biết là lưu-chi gì. Mãi đến nay, trong các ghi lục phiên dịch danh mục lẫn lộn lẫn nhau, khó xác định để biết rõ ràng. Lại có quan Quận Thủ Tư Thành là Dương Huyền Chi soạn “Lạc Dương Già-lam ký” năm quyển, trong lời tựa có lược ghi rằng: “Thuyết của Tam phần (sách của Tam Hoàng) Ngũ Điển (sách của Ngũ Đế), ngôn ngữ của chín học phái trong trăm Dân, lý ở trong loài người, nghĩa chẳng vượt thoát ngoài trời. Còn như ngôn từ của Nhất thừa; Nhị Đế, Diệu Chỉ của sáu Thông, ba Đạt ở tại Tây Vực đầy đủ rõ ràng mà ở Đông Độ chẳng ghi chép. Nếu như thời gian khoảnh khắc trong ngày, cảm mộng trắng tròn đầy tỏa sáng, ảnh tượng nghiêm sức Hào my nơi Dương môn, hình bóng đồ họa tóc xanh tại Dạ Đài. Từ đó đua nhau cạnh tranh phong hóa càng rộng rãi.

Còn như chùa Vĩnh Gia đời Tấn Chỉ có bốn mươi hai, mãi đến các Hoàng Ngụy thọ nhận từ chùa Lạc Kinh ở Đờ Tung xuất ra hơn ngàn bản đều do các Đế vương sĩ thứ dốc lòng kính tin xây dựng nên. Các bậc Danh tăng điềm dị phân luân cùng hiện khởi. Nay góp nhặt trích ra những điều khác lạ tốt lành đầy đủ để chú giải. Văn rườm rà nên chẳng ghi chép”.

Bấy giờ, vào khoảng niên hiệu Đại Thống (535-552) dưới thời vua Văn Đế, thuộc Tây Ngụy, Có Thừa Tướng Vũ Văn Hắc tâu trình xin hưng long Phật giáo, xem trọng Đại thừa. Tuy gồm nhiếp muôn vật mà thường mở mang Tam Bảo. Lần lượt trong Nội cung thường cúng dường cả trăm vị Pháp sư, tiếp theo bàn thảo kinh luận, giảng giải Đại thừa. Lại thỉnh các Samôn Đàm Hiền, v.v..y cứ kinh điển Đại thừa, soạn tập các Kinh cốt yếu trong Bồ-tát tạng và một trăm hai mươi pháp môn. Bắt đầu từ Phật tánh, đến cùng tận Dung môn, hằng ngày giảng nói, tức luôn tuyên bày để thay thế trước kia. Năm thời giáo tích đến nay hiện lưu hành, Hương hỏa, Phạm âm, lễ bái, xướng Đạo đều vâng thừa theo phép tắc. Tuy tại Giang Biểu thuộc Sơn Đông mà xưng là học hải, nghĩa biểu có chỗ kết quy mà chưa thể vượt qua.

Đến thời vua Văn Đế nhà Bắc Chu năm thứ hai, có Luật sư người nước Ba-đầu-ma là Nương-Na-Bạt-Đà-La, đời Bắc chu dịch là “Trí Hiền”, cùng ngài Da-Xá-Quật-Đa v.v... dịch luận Ngũ Minh đều do Sa Môn Trí Tiên ghi chép. Đến niên hiệu Thiên Hoà thứ hai (567) thời vua Kiến Võ Đế (Vũ Văn Ung) có sa-môn người nước Ma-lặc là Đạt-Ma-Lưu-Chi, đời Bắc chu dịch là “Pháp Hy”. Vâng sắc làm Đại Thoán Tể Tấn Dương Công Vũ Văn Hộ dịch “Bà La Môn Thiên Văn”, hai mươi quyển. Lại thỉnh Thiên sư người nước Ma-già-đà là Xà-na-da-xá, đời Bắc chu dịch là “Tạng Xung”, cùng các đệ tử Xà-na-Quật-Đa v.v..đến trụ chùa Tứ Thiên Vương ở Cổ thành thuộc Trường An, phiên dịch “Kinh Định ý Thiên tử Vấn” sáu bộ. Các Sa-môn Viên Minh, Đạo Biện và Thành Dương Công Tiêu Cát v.v...ghi chép.

---o0o---

05- Truyện Sa-môn Câu-Na-La-Đà người xứ Tây Thiên-trúc, trụ Quận Nam Hải, thời nhà Trần

Câu-Na-La-Đà, đời Trần dịch là Thân Y. hoặc gọi là Ba-La-Mạtđà, dịch nghĩa là Chân Đế, đều là Tên Chử của tiếng Phạm. Ngài vốn người nước Ưu-Thiên-Ni thuộc xứ Tây Thiên-trúc. Sư là người cảnh hạnh lừng sáng, khí vũ thanh tú, phong cách sáng trội cao xa. Các Bộ Tạng rộng lớn, không gì sư chẳng ôm hoài, các nghệ thuật dị năng sư đều thành thực lão luyện. Tuy vâng theo Phật lý mà vì thông Đạo biết danh, vượt xa gian nan không sợ nguy hiểm, Sư vân du khắp các nước, tùy cơ duyên mà đem lại lợi ích.

Vào thời Nam Lương, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) đức trọng vang khắp bốn phương, mở mang hưng thịnh Tam Bảo. Vào niên hiệu Đại Đồng (535-546) vua ban sắc cho Trúc Hậu, Trương Phiếm, v.v..đưa Phù Nam hiền sử trở về nước. Vua bèn thỉnh các bậc Danh Đức thông hiểu Tam tạng, các Luận Đại thừa, Kinh Tạp Hoa v.v..Sư từ xa nghe hành hóa, khuôn phép Thánh Hiền, tìm chọn các danh tượng tài đức như ngài Tuệ ích Dân phẩm, nước đó mới chịu để ngài cùng mang kinh luận vào cung ứng Thánh chỉ của Vua Võ Đế. Đã vốn nuôi dưỡng trong tâm, sáng rõ văn mạng, ngày mười lăm tháng tám niên hiệu Đại đồng thứ mười hai (546). Sư đến thâu Nam Hải, men theo đường đi qua, mới dừng ở hai năm. Đến tháng tám nhuận niên hiệu Thái Thanh thứ hai (548), Sư bắt đầu tới Kinh Ap. Vua Võ Đế đối mặt đánh lễ thỉnh Sư trụ ở Điện Bảo Vân, hết sức thành kính cúng dường. Sư mở mang phiên dịch kinh giáo, chẳng ham thích thời Tần, lại xuất ra Tân Văn, có vượt hơn nhà Tề. Gặp lúc Đạo tiêu, cuối thời Nam Lương Giặc cướp Yết Phùng Lãn, khi đó Phật pháp bị sụp đổ không được truyền bá, Sư bèn lần bước đến Đông Độ. Lại sang Phú Xuân, bảo Lục Nguyên Triết mở đầu công việc truyền dịch, mời Diên Anh Tú, Sa-môn Bảo Quỳnh v.v..hơn hai mươi vị cùng phiên dịch luận Thập thất Địa, vừa mới được năm quyển mà vận nước chưa tĩnh lặng. Bên cạnh nương gá truyền thông.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ ba (564) đời Hậu Lương, (có lẽ là niên hiệu Thái Bảo thời Nam Lương, vì Thái Bảo chỉ có hai năm: 550-551), vì Hầu Cảnh thỉnh mời, nên sư trở về lại Đài cúng dường. Lúc bấy giờ, giặc giã đối kém liên tiếp, Phật pháp cũng theo thời mà suy đồi. Đến lúc vua Nguyên Đế mở thời vận, nương thừa thánh thanh di, Sư bèn dừng ở chùa Chánh Quán ở Kim Lăng, cùng Thiên sư Nguyễn v.v...hơn hai mươi vị phiên dịch Kinh Kim Quang Minh. Qua ba năm hai tháng, Ngài lại trở về Dự Chương, sau lại đến thi Hưng ở Tân Ngô. Sư lại theo Tiêu Thái Bảo vượt núi đến Nam Khương, đều tùy theo ngôn ngữ địa phương mà phiên dịch. Vì dừng ở vội vàng, chẳng chỗ cậy nhờ, nên đến tháng bảy niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (558) thời vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) nhà Trần, Sư lại trở về Dự Chương, lại đến các Quận Lâm Xuyên, Tấn An. Sư tuy truyền Kinh Luận, mà Đạo khuyết tình lìa, bỗn ý chẳng bày. Lại quán xét căn cơ người địa phương, bèn muốn theo thuyền đến nước Lăng-già-tu. Kẻ tăng, người tục kính thành cầu thỉnh thế nguyện muốn giữ Sư ở lại. Chẳng khỏi vật bàn, Sư bèn dừng ở tại Nam Việt, cùng cựu sĩ thời Tiền lương xét xem lại các bản dịch, trong đó như có văn chỉ sai trái, thấy đều dựa gọt nắn đúc thành khuôn, trước sau thông xuôi.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ tư (563) thời Vua Văn Đế (Trần Xuyền), các Sa-môn Tăng sùng, Pháp Chuẩn, Luật Sư Tăng Nhẫn v.v...trụ chùa Kiến

Nguyên ở Dương Đô cùng dựng nghiệp nêu lãnh, khâm phục được nghe đọc Tân Văn. Nên khiến cho Viễn Phù, Giang Biểu cùng nương gần nhọc hỏi. Sư mừng vui vì các vị ấy đến, bèn phiên dịch Luận Nhiếp Đại Thừa, v.v... Sư lại theo thuyền đến quận Lương An. Lại sửa sang thuyền lớn muốn trở về Tây Vực. Đồ chúng đuổi tìm, lưu luyến nhau, Thái Thú Vương Phương trình bày tình cảnh của Đồ chúng, nên cố thỉnh mời. Sư lại thuận theo việc người, tạm dừng ở tại góc biển, dò xét người đi đường mà chỉnh trang buộc thúc, chưa nghĩ vững yên. Đến tháng chín niên hiệu thứ ba, phát xuất từ Quận Lương An, sư theo thuyền hướng về phía Tây, bị gió thổi bật trở lại Quảng Châu. Trong tháng mười hai, sư lên bờ Nam Hải. Thứ Sử Âu Dương Mục Công Quy thỉnh Sư trụ tại chùa Chế Chỉ, thỉnh sư phiên dịch Tân Văn. Sư nhìn lại nghiệp duyên ấy, muốn trở về tây Vực mà không phương chỉ, bèn cùng Sa-môn Tuệ Khải v.v.. phiên dịch các Kinh Quảng Nghĩa Sa-môn, Luận Duy Thức v.v... Sau đó, Mục Công qua đời, Thế tử Hột lại về làm Đán Việt, khai mở truyền kinh luận. Lúc đó, sư lại hứa khả, mà Thần nghĩ thấu suốt sâu xa, lượng chẳng thể bằng tình mà xét biết. Sư thường ở chỗ riêng, bốn mặt đều là nước ngân cách. Thế tử Hột đến đó, bởi thấy sóng gió dữ dội nên chưa dám xâm phạm vào. Ngài bèn trải đồ ngồi trên mặt nước, ngồi kiết già trên đó như đang ngồi trên thuyền, do sóng gió đẩy đưa đến bờ, thế rồi Sư bước lên cùng đôi tiếp, mà đồ ngồi chẳng thấm ướt, lại y như thường mà trải ra. Có lúc Sư đặt lá sen trên nước rồi đi qua. Những điều thần dị như thế của sư nếu nêu bày đủ thì có rất nhiều.

Đến tháng sáu niên hiệu Quang Thái thứ hai (568), Sư nhằm chán cuộc đời phù tạp, hình hài tẻ bạc, chưa thể mang lý giúp thần sớm sinh về thắng nhưỡng. Sư bèn đến Bắc Sơn thuộc Nam Hải, sắp muốn xả bỏ thân mạng. Bấy giờ, ngài Trí Khải đang giảng Luận Câu-xá, nghe nói bèn vội đến, kẻ tăng người tục đua nhau tìm đến đông đúc khắp núi sông. Thứ Sử lại sai kẻ sứ dò xét phòng vệ, đích thân tự đến cúi đầu lễ bái dừng ở suốt ba ngày. Mới quanh co tình cảm, nhân đó đón rước sư về trụ chùa Vương Viên. Bấy giờ, các vị Sa môn Tăng Tông, Tuệ Khải v.v.. muốn thỉnh Sư trở về kiến nghiệp, gặp lúc Dương Liên có danh dự lớn lao, sợ đoạt mất thời buổi vinh hạnh, mới tấu trình rằng: “Các bộ phiên dịch từ Lãnh Biểu, thường nói về Vô Trần Duy Thức, lời trái với trị thuật, có tệ hại cho Phong hóa của nước nhà. Chẳng thuộc Chư Hoa có thể lưu truyền hoang phục!” Vua Lâm hải Vương (Trần Bá Tông) chấp thuận. Nên Hải Nam Tân Văn có tạng lưu truyền ở đời.

Đến niên hiệu Thái Kiến thứ nhất (569), Sư bị bệnh, chỉ một thời gian ngắn, ngài để lại Di quyết. Nghiêm Chánh gắng chỉ bày nhân quả, viết truyền nhiều trang. Bản văn ấy giao cho Đệ tử là Trí Hưu. Đến giờ ngọ ngày mười một tháng giêng Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi một tuổi. Qua ngày hôm

sau, triều đình cũng cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp cúng dường. Tới ngày mười ba, các Sa-môn Tăng Tôn, pháp Chuẩn v.v.. mỗi vị tự mang kinh luận trở về Khuông Sơn.

Từ lúc Sư (Chân Đế) đến Đông Hạ, tuy phiên dịch lưu thông rộng các kinh, nhưng riêng coi trọng Nhiếp Luận, nên thảo tìm giáo chỉ, xem suốt các bản dịch thì kia đây cùng giúp bày lẫn nhau. Nên tùy nơi mà phiên dịch truyền bá, đích thân sơ giải. Nương tâm dứt tướng, các sở giải sau đều do ngài Tăng Tông trình bày, đích thân cùng thầy lại về giải thích ý chỉ thêm bớt hoặc khác, nhưng Đại nghĩa chẳng thiếu sót. Ngài Tăng Tông soạn riêng hành trạng của thầy (Chân Đế) lưu truyền rộng ở đời. Và lại, dưới đời Lương, Sư (Chân Đế) gặp phải tang loạn, cảm hết liền trọn, bờ Đạo lắng giúp, lìa dòng hoàng hóa, tùy phương thực hành. Còn như Pho Bộ, hoặc lúc phân người phiên dịch riêng. Nay gồm tất cả trải qua hai thời Đại cùng thông số ấy. Nên bắt đầu từ cuối đời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn - 550) thời Nam Lương và cuối cùng là đến lúc Vua Tuyên Đế (Trần Húc) đời Trần mới lên ngôi (569) tất cả chỉ có hai mươi ba năm. Sư đã dịch ra kinh luận ký truyện có đến sáu mươi bốn bộ hai trăm bảy mươi tám quyển. Tinh diệu nương gá, hoa sức hưng thịnh, hiển bày ở đời Tùy, đời Đường, thấy ở “Tào Tỳ Biệt Lịch” và “Đường Trinh Quán Nội Điện Lục”. Nay còn có các bản Phạm chưa phiên dịch đều viết trên lá cây Đa-la. Có tới hai trăm bốn mươi giáp. Nếu căn cứ theo trang giấy ở đời Trần đã phiên dịch thì trình bày hơn hai muôn quyển. Nay thấy dịch xong chỉ là văn bản của vài giáp mà thôi. Đều hiện còn tại hai chùa Chế Chỉ và Vương Viên ở Quảng Châu. Vậy đủ biết Pháp Bảo rộng lớn hẳn định tại Cảnh trời Trung Hoa. Thức lượng gồm lại, thật quy về ở Đông Hạ. Lấy gì làm sáng tỏ vấn đề đó? Hiện phiên dịch Tạng kinh giảm dưới ba ngàn quyển. Sinh thì phế bỏ, tập học hoàn toàn ít có. Lấy đó lường xét về tình thế có thể biết!

Ban đầu, Sư (Chân Đế) truyền đạt Nhiếp Luận, các ngài Tăng Tông, Tuệ Khải quy tâm, đích thân bao gồm nguồn giáo, giải thích Nghĩa Chỉ của đề, du tâm đã lâu, hoài bão mở rộng tương thừa. Sư lại đổi mặt mở mang, tình lý đều kính phục. Một hôm, tiết trời đang lạnh rét, y phục chỉ đơn sơ, nhẫn chịu qua đêm, môn nhân đều đứng bên cạnh giường. Các ngài Tuệ Khải v.v..trong đêm lắng đứng phụng trì, thưa hỏi giây lâu, tình huyên động có lúc ngủ gục. Ngài Tuệ Khải kín dùng y chăn che phủ lên, Sư (Chân Đế) dần tỉnh biết, bèn kéo để xuống đất. Ngài tiết kiệm biết đủ đến như thế! Ngài Tuệ Khải lại vâng giữ như trước, càng dài lâu càng gần gũi. Một hôm khác, Sư bùi ngùi, hơi khí tức giận xông lên nơi miệng đến ba lần. Ngài Tuệ Khải hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Ta thiết thực hành chánh pháp, thật lòng tham truyền, chỉ hận mở mang Phật pháp chẳng phải lúc, nên có trở ngại bốn ý từ

trước đến!” Ngài Tuệ Khải nghe nói mà như nghẹn, giây lâu tiếng lời cùng lệ đồng tuôn phát. Ngài Tuệ Khải quỳ gối mà thưa rằng: “Đại pháp tuyệt trần, xa thông rộng lớn, chúng sinh chẳng cảm, đâu thể liền bị chôn vùi ư?” Sư đưa tay chỉ về hướng Tây Bắc, bảo rằng: “Ở phương ấy có một nước lớn, chẳng gần chẳng xa, sau khi ta qua đời sẽ thành hành mở mang ở đó, nhưng không thấy được sự hưng thịnh ấy, cho là đã dứt, liền xét sự xa cách, nay gồm phu dương Hữu Tông, người truyền cho là Thần dụng khác nhau, vọng sinh dị chấp. Chỉ biết điều không biết, thức ấy không gì chẳng bù ngài!”

Bấy giờ, có vương tử nước Ưu-Thiên-Ni thuộc Trung Thiên-trúc tên là Nguyệt-Bà-Thủ-Na, đời Trần dịch là “Cao Không”. Sư du hóa ở vùng Đông Ngụy, bình sinh Sư hiểu biết của Sư tỏ sáng, thể ngộ đến chỗ sâu mầu. Chuyên học kinh Phật, rất tinh thông nghĩa lý, thấu hiểu Âm vận, lại khéo giỏi Phương ngôn. Sư dịch Kinh “Tăng-già-sát”, v.v.. gồm ba bộ bảy quyển. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Tượng (538-539) thời Bắc Ngụy, ở Nghiệp thành, do quan Tư Đồ Công Tôn Đẳng đưa ra, Sa-môn Tăng Phưởng ghi chép. Gặp lúc nhà Tề thay ngôi nhà Ngụy, khách phiên nước mặc tình, Sư cầu xin trở về quê cũ. Sự việc lưu truyền rộng rãi, Sư nương ở kim lạng mở mang đạo pháp, Đạo thanh vang xa. Vào niên hiệu Đại Thông (535-546) dưới thời vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thuộc Nam Lương. Sư từ giã đất Tề đi về phương Nam. Khi đến nước ấy thì bị lưu giữ lại. Nhân đó, Sư phiên dịch Kinh Đại Thừa Đảnh Vương, một bộ. Lại có sắc chiếu ban Sư trông coi tất cả các sứ mạng người ngoại quốc qua lại. Đến niên hiệu Thái Thánh thứ hai (548) thời Nam Lương, bỗng nhiên gặp được Samôn Cầu-na-bạt-đà, đời Trần dịch là Đức Hiền, người nước Vu-điền, mang bản Phạm Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã, Sư (-Cao không) nhân đó cầu xin phát nguyện mở mang truyền bá lưu thông. Ngài Đức Hiền vui mừng tiết tháo cao nhã ấy bèn liền trao cho. Sư (Cao không) cầu thỉnh được bên giữ gìn cho là ít gặp được. song, gặp lúc Hậu Cảnh làm loạn, chưa rảnh mà phiên dịch mở mang truyền bá, Sư bèn mang đi khắp đông tây trì tụng cúng dường. Đến năm At Dậu (năm trăm sáu mươi lăm) thuộc niên hiệu Thiên Gia đời Trần, Sư bèn đến trụ chùa Hưng Nghiệp ở Giang Châu mà phiên dịch, và do sa-môn Trí Hân ghi chép thành Văn Kinh đời Trần, chỉ trải qua trong vòng sáu mươi ngày, Sư tra xét sơ lược đào luyện xem xét đều đủ. Thứ sử Giang Châu là Hoàng Pháp v.v....làm Đàn Việt, Tăng Chính Thích Tuệ Cung v.v..làm giám chương, có ghi chép đầy đủ ở lời bạt của kinh. Về sau, không biết Sư tịch ở đâu.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Tu-Bồ-Đề, đời Trần dịch là “Thiện Cát”. Ngài người nước Phù-nam, đến trụ chùa Chí Kính ở Dương Châu. Sư vì Trần Chúa mà phiên dịch kinh “Đại thừa Bảo Vân” tám quyển. So với bộ bảy quyển do

ngài Mạn-đà-la phiên dịch vào đời Lương thì có sự tương đồng, chỉ sai khác chút ít. Đều thấy ghi chép ở “Tùy Đại Tam Bảo Lục”.

---o0o---

06- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thái ở Kim Lăng; thuộc Dương Độ, đời Trần

Thích Pháp Thái, không rõ Sư là người xứ nào, học đạt Thích Tông, dấn vết Hoài Hải. Sư trụ nơi chùa lớn ở Dương Độ, cùng các Sa-môn Tuệ Khải, Tăng Tông, Pháp Nhân v.v.. đều là những bậc nổi tiếng đời Lương, đồng thời có Nghĩa thanh cao xa, là bậc Tông tượng ở đương thời.

Có Sa-môn Chân Đế, người xứ Thiên-trúc mang Đạo một mình vân du hoàng hóa phương xa đến tận Đông Bì, gặp phải Lỗ Quang xâm lấn, Sư bèn ở tạm tại lưu ly hơn mười năm, hoàn toàn không Trần dịch. Lúc sắp muốn trở về nước cũ, trên đường đến Lãnh Nam, vì Thứ Sử Quảng Châu là Âu Dương Quy cố lưu giữ. Nhân đó, Sư muốn truyền trao, phỏng hỏi khắp các Nghĩa lữ, phỏng duyệt xem Tân Văn. Sư bèn cùng các ngài Tuệ Khải, Tăng Tông v.v..chẳng sợ khó khổ gian nguy, xa tìm Tam Tạng. Đến trụ chùa Chê Chi ở Quảng Châu, ghi chép Văn Nghĩa suốt hai mươi năm. Trước sau xuất ra hơn năm mươi bộ, và biên soạn Nghĩa Ký, đều là những thứ ở Trung Quốc không có.

Sư tuy không rành giáo chỉ, mà chỉ riêng chú trọng con đường thực hành, còn như những gì thuộc Luật Nghi và tánh đều không trái vượt. Ngài Chân Đế lại cùng Sư phiên dịch Luận Minh Liễu, giải thích luật gồm hai mươi hai đại nghĩa, đồng thời sớ giải được năm quyển, viết khắc vào phía hữu của toà để vâng phụng hành trì. Đến niên hiệu Thái Kiến thứ ba (571) đời Trần, Sư trở về Kiến Nghiệp, đều mang theo các kinh luận mới phiên dịch, bắt đầu khai mở Nghĩa Chỉ, thật là khác thường ở đương thời! Trong các bộ ấy có Luận Nhiếp Đại Thừa, Câu-xá; Văn từ bao gồm dồi dào, lý nghĩa sâu xa, nghĩ vượt thường tình, khéo được thú hướng. Nguyên trước kia Lương Võ Tông xem trọng Đại Luận, ưa thích cả Thành Thật, người học Thanh vọng, theo phong cách mà quy về. Đến thời Trần Võ sự ưa thích lại khác với tiền Triều, rộng lưu bố Đại phẩm rất độc tìn Tam Luận. Nên Sư tuy thường giảng nói mà kẻ tăng, người tục không thọ nhận, khiến nơi Pháp tòa dứt bật tiếp nối không còn lắng nghe. Gặp lúc Sa-môn Tĩnh Tung ở Bành Thánh, lánh đất ở Kim Lăng, tiếng tăm học vấn trùm khắp riêng trội vượt cả ngàn trùng. Thật chánh lý ít có. Ngày thì đàm đạo thường giảng, đêm lại cầu thỉnh tân tông. Nhân đó dần dà mới trải qua sự thay đổi. Sư chân phát huyền môn, thấu trọn Hoàng Chi, khơi tháo nghĩa nghi, thường thấu tới huyền cực, đều tùy cơ mà y cứ diệu chỉ, giải vạch không sót. Sự việc có xuất ra ở truyện

ngài Tĩnh Tung. Sự thưa hỏi sâu rộng với ngài Chân Đế, lưu truyền Đạo nghiệp cho ngài Tĩnh Tung. Kẻ biết được mình là ít có. Lời tương truyền đến đó, không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu!

Ngài Trí Khải. Ngài vốn họ Tào, trụ chùa Dương Đô. Ban đầu, Sư cùng các vị như Pháp Thái v.v.. trước sau dị phát, đồng đến Lãnh Biểu Kính cầu Ngài Chân Đế. Sư vốn chứa nhóm Đạo phong, từ lực ân giúp, bèn cùng phiên dịch Nhiếp Luận, tự thân nhận lãnh văn bản ấy, trong vòng bảy tháng làm văn số đều hoàn thành, tất cả gồm hai mươi lăm quyển. Sau, Sư lại cùng phiên dịch Luận Câu-xá, chỉ mười tháng là xong, Văn số tất cả có tám mươi ba quyển. Ngài Chân Đế bảo rằng: “Ta sớm gặp được ông, góp nhặt các kinh luận, tổng kết những bản phiên dịch trước không nên để thiếu sót. Nay phiên dịch được hai bộ luận, văn từ nghĩa lý đều hoàn bị. Ta không còn phải ân hận!” Sau, Sư thỉnh Ngài Chân Đế trở về chùa Hiền Minh ở Quảng Châu, tại trong bồn phòng, Sư thỉnh ngài Chân Đế giảng lại Luận Câu-xá, vừa mới được một biến. Đến niên hiệu Quang Thái (567-569) đời Trần, có các Sa-môn Tăng Tông, Pháp Chuẩn, Tuệ Nhẫn v.v.. vượt núi tìm đến chỗ Ngài Chân Đế cầu học, vì chưa được nghe giảng Nhiếp Luận. Ngài Chân Đế lại giảng cho nghe, bắt đầu từ đầu tháng bốn đến ngày mồng tám tháng mười hai mới xong một biến. Qua năm sau, các ngài Tăng Tông v.v.. lại thỉnh Sư đến chùa Trí Tuệ giảng luận Câu-xá. Các bậc thành danh học sĩ có hơn bảy mươi vị cùng đồng kính phục thưa hỏi: Sư giảng đến phẩm Nghiệp sở quyển chín, Văn còn chưa hết. Tới ngày hai mươi tháng tám, Sư bị bệnh, tự xét biết không thể chữa khỏi, bèn lấy giấy bút đề thơ rằng:

*“Ngàn thu vốn khó đủ
Ba thời Lý dễ nghiêng
Lửa đá không thường chiếu
Ánh chớp chẳng sáng lâu.
Di Văn không đầy tráp
Từ Đó tới lại sinh,
Đường xuôi mới tới nghẽn
Hàng lạnh hướng mát trong
Một mai theo Đường hết
Chỉ còn tiếng thông đêm!”*

Đến đó, Sư để bút xuống, cùng các bậc Danh Đức nắm tay nói lời giã biệt, rồi ngồi thẳng an nhiên trầm tư mà thị tịch, thọ năm mươi một tuổi. Lúc đó là niên hiệu Quang Thái thứ hai vậ (568). An táng tại sườn núi phía Nam chùa Tây Âm.

Phần văn luận còn lại, Ngài Chân Đế tiếp tục giảng thay. Đến phẩm Hoặc quyền ba, nhân đó bị trái dự, bèn phế bỏ Pháp sự. Năm sau, Triệu Xuân Tam tạng lại giáo hóa. Ngài Chân Đế có vị Đệ tử thọ giới Bồ-tát là Tào Tỳ tức con người chủ của Ngài Trí Khải, rất thông minh mà trầm lắng sâu xa, nhã có xa độ. Thưở nhỏ có dẫn đến Nam Trung, thọ học Nhiếp Luận, thưa hỏi các Bộ, đều có công đức. Vào niên hiệu Thái kiến thứ ba (571), Tào Tỳ thỉnh Tăng Chánh Pháp Sư Minh Dũng. Chùa Kiến Hưng tiếp tục giảng Nhiếp Luận. Các bậc thành học Danh tăng có hơn năm mươi vị. Về già, Tào Tỳ về ở Giang Đô, tổng tập nghiệp trước, thường đến các chùa Bạch Tháp v.v.. giảng các bộ luận. Các bậc Nho sĩ mỗ hài cùng mặc y phục đồng như các Hiền sĩ, lên tòa bàn luận thường phát đến chỗ cực sâu. Học sĩ tịch đoan đều là khách mới, Thiên Định, Tăng Nghiêm, Pháp Khán v.v... đều nhờ học đó.

Bây giờ, có Sa-môn Trí Phu trụ chùa Bình Đẳng ở Tuần Châu. Từ thưở nhỏ, Sư đã nghe hai vị Pháp Sư Đạo, và Duyên ở chùa Diên Tô giảng Luận Thành Thật, và có sang chỗ pháp sư Pháp Minh ở đất bắc nghe giảng Luận Kim Cương Bát-nhã. Lại sang ở hai vị Danh Đức Hy và Kiên nghe giảng Bà-sa và Trung Luận, đều thấu suốt tinh vi, nghiên tầm khảo xét Tông Chỉ, hẳn được Bản sư cho nghe, nói năng không lẫn lộn, nghĩa lý thấu đạt rõ ràng, mới bắt đầu lìa bỏ. Những trường hợp khác y cứ theo đây. Đến lúc phiên dịch Nhiếp Luận, bèn vì thứ sử Quảng Châu, An nam tướng Quân Dương Sơn Công Quy thỉnh Sư an cư tại vườn nhà, nên không được chuyên trợ. Về sau, lúc phiên dịch Luận Câu-xá mới dự pháp tịch đó. Và lúc ngài Trí Khải giảng luận ấy, Sư cùng hai mươi vị Như Đạo Ni v.v.. đều cùng góp nhật văn sớ, ở tại Pháp Đường nghe thọ. Và đến lúc ngài Trí Khải thị tịch, ngài Chân Đế vỗ về an ủi bèn lại phòng của Ngài Pháp Chuẩn dẫn dắt Đạo Ni,... Trí Phu v.v.. tất cả thầy mười hai vị cùng truyền hương hỏa, khiến mở mang truyền bá hai Bộ Nhiếp luận và Luận Câu-xá, thế nguyện không để dứt mất. Các vị đều cùng kính vâng ý chỉ không dám để rơi mất. sau sau khi Tam Tạng Pháp Sư Chân Đế thị tịch, các Đạo bạn dần tan, cuối cùng sự tiếp nối bị thiếu sót.

Đến niên hiệu Thái Kiến thứ chín (577), Ngài Trí Phu tiếp tục mở mang truyền bá, rất nhiều liên loại đã đồng được nghe ở pháp tịch của ngài Chân Đế, mà chưa có được bậc cao minh. Tháng hai niên hiệu Thái Kiến thứ mười một (579) có Sa-môn Tuệ Khả là Đệ tử của Tam Tạng Pháp Sư Bạt-Ma-Lợi vốn ở tại Trung Nguyên, gặp lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung, 561-569) thời Bắc Chu phá hủy Phật pháp, Sư bèn trốn lánh trở về đất Trần. Sau đó lại theo sứ Lưu Chương đến Nam Hải mà có được Luận Niết-bàn. Sư từng giảng kinh ấy, mừng vui lúc thấy được bản luận đó nên nghiên cứu tu tập để

đáp ứng sự thỉnh cầu. Bèn vì chúng khai giảng, chỉ được phân tựa và phần chũng tánh; huyền nghĩa của mười ba chương đầu. Sau, Sư trở lại núi Hạc Lĩnh ở Dự Chương, theo hầu Pháp sư cơ, Sư lại tiếp tục giảng chương thứ ba, đầy đủ Thập Hải Thập Đạo. Ngài Tuệ Phả vì bị bệnh nên không đảm nhiệm việc truyền trao, bèn bảo Sư xuống thành đô tìm Thiền sư Hải Triều đang nghiên cứu với Luận Chủ. Đến niên hiệu Thái Kiến thứ mười bốn (582), Sư đến Kiến Nghiệp tìm cầu mà không gặp, lại gặp được Thiền Sư Hiếu ở chùa Thê Huyền ban tặng cho Bộ Niết-bàn Số thích kinh. Hậu phần do ngài Đàm Lâm giảng giải. Văn và Luận ý đều chẳng đầy đủ. Sư bèn trở về chùa cũ, thường giảng Tân Văn, Huyền Nghĩa của mười ba chương, gần hai mươi biến.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (552) đời Tùy, có Vương Trọng Tuyên khởi nghịch, thiêu đốt khắp châu cảnh và phòng chùa của Sư, các bản văn số đều cháy tiêu cả. Năm đó, lệnh cho sư lãnh nhậm việc chũng tăng ở Quảng Châu và Tuần Châu. suốt trong năm năm thiếu sót Pháp sự, sau nghỉ làm việc tăng, sư ở chùa Đạo tràng trong bốn châu, chỉ giảng Nhiếp luận, có hơn mười lần. Những bậc thầu đạt ngay nơi pháp tòa có đến hai trăm vị như các ngài, Cơ, Sơn, Khám v.v..đều kham lãnh tài giỏi. Đến niên hiệu Nhân thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại Bồn tự.

Sư có soạn lịch trình phiên dịch của ngài Chân Đế, Đầu cuối chỉ định và Quyển Bộ thời tiết người đời rõ đầy đủ, rộng có thành lời tựa.

Ngài Đạo Ni vốn ở tại Cửu Giang, tầm tông huấn chủ, hưng khởi giảng Nhiếp Luận, danh tiếng vang khắp chốn kinh đô. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy ban sắc mời vào, sư liền vào cung, khai ngộ rộng nhiều. Từ đó ở Nam Trung không còn có Giảng chủ, tuy rằng do Ngài Trí Phu giảng thuyết, vì không chấp vậy.

---o0o---

QUYỂN 02

CHƯƠNG I - PHẦN 02: DỊCH KINH

(Trong phần hai của Chương Một, Chánh truyện có bốn vị, phụ có tám vị)

1/- Truyện Sa-môn Na-Liên-Đề-Lê-Da-Xá người xứ Bắc Thiên Trúc, trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Vạn Nhất Ý).

2/- Truyện Sa-môn Xà-Na-Quật-Đa người xứ Bắc Hiền đậu, trụ chùa Đại Hưng Thiện, ở Tây Kinh, đời Tùy (Tăng Tựu, Pháp Trí)

3/- Truyện Sa-môn Đạt-Ma-Cấp-Đa người xứ Nam Hiền Đâu, trụ Lạc Tân Thượng Lâm Viên Phiên Kinh Quán ở Đông Đô, đời Tùy (Hầu Quân Tố, Từ Đồng Khanh, Lưu Bằng, Bí Đồng Phòng).

4/- Truyện Sa-môn Ngạn Tông trụ Thượng Lâm Viên Phiên Kinh quán, ở Đông Đô, đời Tùy (Hạnh lự).



01- Truyện Sa-môn Na-Liên-Đề-Lê -Da-Xá trụ chùa Đại Hưng Thiện, ở Tây Kinh, đời Tùy

Na-Liên-Đề-Lê-Da-Xá, Hán dịch là “Tôn xưng”. Ngài người nước Ô trường thuộc Bắc Thiên Trúc. Chánh âm phải nói là “Ô-trà”. Vì chữ “Trà” là âm láy của “Tri-da”. Vua nước đó cùng họ với Phật, đó là giòng họ Thích-ca, thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi. Hán dịch là “Thổ Điền Chủ”. Bởi vào thời kiếp Sơ, Tiên tổ làm Phen Điền Chủ, nhân đó mà xưng hiệu như thế, nay gọi là “Quốc vương”.

Năm mười bảy tuổi, Sư phát tâm xuất gia, tìm thầy đến danh sư Cầu học chánh giáo. Năm hai mươi một tuổi, sư được thọ giới Cụ túc. Nghe các bậc Lão túc khen ngợi các di tích Phật Cảnh. Hoặc có người nói ở nước này có bình bát của Phật, ở nước kia có Pháp y của Phật. Có xương đánh, xương răng v.v..lắm thứ thần biến chẳng phải một. Sư bèn khởi tâm nguyện muốn được chiêm lễ phụng thờ, vì mới thọ giới phải thông biết luật tướng, nên mãi đến lúc mãn năm hạ ngài mới bắt đầu du phương. Do đó các danh tích ở Thiên Thê Thạch Đài, các nơi chốn của tháp báu Long Miếu, các nước Quảng Châu, sư đều đích thân đến lễ bái kính cẩn không để sót nơi nào. Sư từng trụ ở tại chùa Trúc Viên suốt mười năm, thông rành các tạng phùng, gặp được nhiều bậc minh đức. Có một Tôn giả nhận biết rất sâu sắc về căn cơ của mọi người, thấy vậy nên nói với Sư rằng: “Nếu tĩnh tu thì sẽ thành tựu quả Thánh. Sợ ông đi qua mà không thành tựu được gì. Thường ngày tuy được nghe mà thật tình không lãnh ngộ. Về sau từ bỏ ý tưởng, hỏi hạn làm sao kịp?”

Sư đã đi, phía Bắc đến khắp Tuyết Sơn, phía nam thấu cùng nước Sư Tử, trải qua xem khắp các Thánh tích, bèn trở về chốn cũ. Mới thấy được Quốc chúa nước Ô-trường thật là bậc Đại sĩ, từ những nơi đã trông thấy thật ít có hạng người như thế. Ở đây thử nói sơ lược: Quốc Chúa trị dân để an dân, thương dân như người thân. Đến canh năm cuối đêm, trước tiên là kính lễ Tam Bảo, hương hoa kỹ nhạc dốc hết lòng thành mà cúng dường. Lúc mặt

trời ló dạng, bèn lên điện mới xem xét muôn cơ, tiếp theo đến giờ thìn, dùng nước thơm tắm gội các tôn tượng. Ở trong cung thường thiết trai mỗi ngày cúng dường trăm vị tăng. Quốc chúa cùng phu nhân tự tay làm thức ăn. Sau khi thọ trai xong, tiêu thực thì tập các võ nghệ. Đến lúc mặt trời xế bóng thì viết mười hàng văn kinh, cùng chư tăng Cao Đức đồng bàn luận pháp nghĩa. Lại cùng các quan bàn luận Chánh trị. Tới tối, vào trong Phật đường tự đốt đèn đuốc, lễ bái đọc tụng, thường có hằng điều, xong thời khóa mới trở về phòng vắng yên nghỉ. Hơn ba mươi năm công phu như thế không hề phế bỏ. Quốc chúa có trăm người con, thật ôm hoài hiếu hạnh để sống. Phong thái còn lại của họ Thích tiếp nối lưu ở lại nước ấy.

Chỉ vì chùa sư ở tiếp cận nơi gò núi, bị lửa đồng hoang thiêu đốt, bèn cùng nhau đi khắp bốn phương xa. Có sáu người kết bạn, hành hóa đến phía Bắc núi Tuyết. Đến nơi đánh núi cao, thấy có hai con đường của Người và quỷ. Đường người hoang vắng nguy hiểm, đường quỷ rỗng rang thuận tiện. Hành khách tâm mê mờ phần nhiều lần theo đường quỷ. Tạm vào trong cảnh ấy, thì gặp phải sự giết hại. Xưa kia, có vị Thánh Vương đến nơi đầu đường, xây dựng tượng đá Thiên Vương Tỳ-sa-môn đưa tay chỉ đường cho Người. Có một vị tăng đồng bọn, mê lầm đi vào đường quỷ, Ngài đã tỉnh biết, bèn trì tụng thần chú Quán Âm, đi được trăm bước thì đuổi theo kịp, Vị tăng ấy đã bị quỷ hại, nhưng nhờ năng lực của thần chú mà nên thoát khỏi nguy ách ấy. Nhân đó trở lại đường trước, lại gặp phải giặc núi. Sư chuyên niệm thần chú trước, bèn được oai linh hộ vệ, giặc đến đôi mặt tự nhiên không thấy. Theo đường phía đông chỉ đến nước Nhuế Nhuế, gặp phải nước Đột-quyết làm loạn. Con đường phía Tây chẳng thông, trở về chốn cũ thì ý bật dứt, mới theo sự lưu chuyển, phía bắc đến bên cạnh Biển Bùn, phía Nam cách Đột-quyết hơn bảy ngàn dặm, xứ ấy chẳng an cho nên đến đất Tề!

Vào niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy (556), Sư đến Kinh Nghiệp, Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) thời Bắc Tề thấy sự khác lạ bèn kính lễ đặc biệt khác với bình thường. Sư lúc đó đã bốn mươi tuổi, cốt cách hùng nhả, mọi người nể sợ, do duyên như thế nên vua Văn Tuyên đế lễ ngộ rất tôn trọng, thỉnh Sư đến trụ trong chùa Thiên Bình, và thỉnh Sư phiên dịch Kinhluận. Tam tạng thánh điển ở Nội Biện bằng bản phạm có đến hơn ngàn giáp, vua ban sắc đem vào chùa, tôn trí ở phòng trên, xây dựng đạo tràng, cung cấp cúng dường các thứ quý giá, riêng xây dựng nhà trụ, nhà kho để nói lên sự tôn trọng. Nhà vua lại ban sắc cho hơn hai mươi vị như Chiêu Huyền Đại Thống Sa-môn Pháp Thượng v.v.. trông coi việc phiên dịch. Sa-môn Pháp Trí, cư sĩ Vạn Thiên Ý đọc lời dịch, vạn Thiên ý vốn là Tiên tỷ, vốn là họ Vạn Sĩ, thưở thiếu thời xuất gia với thầy Bà-la-môn, mà thông tuệ, có chí lực, giỏi về tiếng Phạm, công chú phù thuật, do đó nên tiếng tăm vang xa.

Ban đầu phiên dịch các kinh hơn năm mươi quyển, phát khởi làm hưng thịnh chánh pháp, mở mang tâm đại chúng. Vua Văn Tuyên Đế kính trọng pháp rất khác thường, đích thân kính lễ bản Phạm, ngoài lại bảo với các quan rằng: “Đây mới là nền tảng lớn lao của Tam Bảo, nên ta phải kính trọng!” Nhà vua tôn kính, tin tưởng tha thiết đến như thế.

Những lúc rảnh rỗi công việc phiên dịch, Sư trì tụng bày thần chú, thâm được hiển hiện giúp đỡ, lập công đức rất nhiều. Không bao lâu, Vua bèn trao cho Sư làm chức Chiêu Huyền Đô, không bao lâu chuyển làm Thống. Sư có được các bổng lộc, chẳng tự dùng riêng, thường khởi tâm làm các phước nghiệp, thiết cúng phạn tăng, bố thí cho mọi người nghèo khó. Những kẻ ở trong ngục tù trói buộc đều được cứu giúp. Ở chốn đô thị đông đúc, sự cho đào nhiều giếng, rồi đến tự thân lọc nước cung cấp cho chúng sinh. Lại ở Tây Sơn thuộc Quận Cấp, sư xây dựng ba ngôi chùa, men theo bên cạnh dòng suối, hang cốc chế tạo rất xinh đẹp. Sư lại thân nhận nuôi dưỡng những người mắc phải dịch bệnh, nam nữ ở phòng riêng. Từ sự cung thừa, Sư lại chuyên việc chu cấp. Sư lại sang khách quán ở Đột-quyết khuyến hóa mọi người thọ trì mỗi tháng sáu ngày trai, Dương liệu phóng sinh, thọ hành ăn chay.

Sư từng bị bệnh, suốt trăm ngày chẳng dậy nổi. Thiên Tử và Hoàng hậu đích thân đến thăm hỏi, Sư than rằng: “Tôi vốn là khách nước ngoài, đức hạnh không lớn lao, nay thọ nhận kiêu cán ban cho, vì trọng pháp cho nên như thế!” Bên trong Sư an ủi tự tâm, hồ thẹn sợ giao tập. Đến cuối niên hiệu Kiến Đức (578) thời bắc Chu, Vua Võ Đế (Vũ Văn Ung) chế phục nhà Tề, nên Phật giáo cùng với nước nhà đồng một lúc đều bình diệt. Sư bên ngoài giả mặc trang phục thế tục, bên trong vẫn lót ba y, lánh đất Đông Tây, chẳng nhận rồi yên nghỉ. Năm chúng tàn tác cùng quần, không chỗ nương thân, thiếu đói khắp cùng hang hóc, Sư bèn giảm bớt phần ăn cấp thí cho họ. Với những người già bệnh thì giúp đỡ sức cho, tùy duyên giúp ích. Tuy sức lực mỗi mòn mà chống cự cản ngăn, thực hành như thế với tất cả thần khí mạnh mẽ. Sư giảng nói dẫn dắt không hề mỏi mệt, gian nan gánh vác lưu nạn, trải qua bốn năm, mới được nhà Tùy lưu tâm, mà trùng hưng Tam Bảo.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) kinh Phạm từ xa ứng lại, vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban thư ân thỉnh mời Sư đến mở rộng việc phiên dịch. Tháng bảy niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582) các Đệ tử như Đạo Mật v.v.. hầu đưa Sư vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến tháng mười hai năm đó, phát thảo bắt đầu phiên dịch. Vua ban sắc cho hơn ba mươi vị Chiêu Huyền thông Sa-môn Đàm Diên v.v..., cùng phiên dịch truyền bá. Chúa thượng lễ hỏi rất ân cần, cúng dường nồng hậu. Tuy tuổi tác già nua, mà sự tu hành càng tinh cần, từng y cứ Xá-lợi-phất Đà-la-ni, đầy đủ y cứ tu nghiệp,

mộng được cảnh giới, tự thân thành Phật. Nhưng điềm ứng tốt lành như thế có rất nhiều chẳng phải một. Sau, Sư dời sang trụ chùa Quảng tế, làm Ngoại Quốc tăng chủ, Ngài luôn vỗ về yên ủi khách đến ở nhờ, khéo được tâm người. Bỗng một hôm, Sư bảo Đệ tử rằng: “Nay tôi tuổi già sức yếu, không lâu nữa sẽ qua đời. Và nay thấy rõ nên khuyên răn cùng quý vị nên biết là Phật Pháp khó gặp nên siêng năng tu học, thân người khó được phải cẩn thận chớ để luống qua không!” Nói xong, Sư bèn gồi nằm, an nhiên thị tịch. Lúc đó Sư đã trăm tuổi, nhằm ngày hai mươi chín tháng tám niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589)

Trước kia, Sư gặp người giỏi xem tướng bảo rằng: “Sư sống chắc chắn đến trăm tuổi, cũng sẽ đặng tiên, trung thọ quả chung” lời đoán ấy thật ứng nghiệm. Đặng tiên thâm hợp với lý còn khó lường biết, nhưng đầu mặt của Sư thật kỳ đặc khác thường. Đánh nổi nhục kế cao như Vân Phong, mắt ngay ở giữa, trên dưới cân bằng. Tai cao mà dài, vòng rú thành cụ, người có tướng sang trọng cũng không thể so sánh với Sư, nên thật là bậc thạc đức truyền pháp. Khi Sư đã viên tịch, buồn thương kinh động cả kẻ tăng, người tục. Sự nghiệp tiếp nối làm hưng thịnh Tam Bảo dần dần sa sút. Kinh luận do sự phiên dịch trước sau có đến mười lăm bộ, hơn chín mươi quyển. Trong đó như Bồ-tát hiện thật, Nhật Tạng, Nguyệt Tạng, Pháp Thắng, Tỳ-đàm v.v.. các sa-môn Tăng Thâm, Minh Phân, cấp sự Lý Đạo Bảo v.. ghi chép. Chiêu Huyền thống Sa-môn Đàm Diên, Chiêu Huyền Đô Sa-môn Đàm Tạng v.v.. hơn hai mươi vị giám hộ trước sau, đến mùa đông năm thứ năm. Kiểm xét đều rõ ràng, Sa-môn Ngạn Tông soạn các bài tựa, hiện thấy ở “Tề Chu Tùy tam đại Kinh lục”. Nhìn lại, Sư đi qua hơn bốn mươi năm, trải khắp hơn năm mươi nước, đường dài đến mười lăm muôn dặm, những cảnh trí tốt lành danh tích lành dị, chùa Cổ Cao Tăng, ngựa nước rừng sâu thần núi thú biển, không gì chẳng phụng kính và hiển dự chứng ban. Mọi việc đã rộng khắp, chưa rảnh để trình bày tường tận. Sa môn Ngạn Tông soạn bốn truyện nói về hành trạng của Sư lưu truyền ở đời.

Bây giờ, lại có Sa-môn Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, đời Tùy dịch là Diệt Hỷ. Bây giờ, có Sa-môn người cùng nước là Na-Liên-Tỳ-Lê-Da-Xá, cách xa cả năm trăm do-tuần, đến xem xét sự hoàng hóa hưng thịnh. Niên hiệu khai Hoàng thứ hai (582), Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, phiên dịch hai bộ Kinh Tượng Đầu Tinh Xá và Đại Thừa Tổng Trì. Cấp Sự Lý Đạo Bảo đọc lời dịch, Sa môn Pháp Toàn ghi chép, Sa môn Ngạn Tông soạn lời tựa.

---o0o---

02- Truyện Sa-môn Xà-Na-Quật-Đa trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy

Xà-Na-Quật-Na, Hán dịch là Đức Chí. Sư ở Bắc Hiền Đâu. Hiền Đâu vốn âm là Nhân-Đà-La-Bà-Đà-Na, Hán dịch là Chủ xứ, tức là chỗ được Thiên Đế che chở. Âm Hiền Đâu là do nước ấy gọi lược sai lầm, Thân Độc Tây Vực là do ở xứ này lược gọi lầm, mà người nước ấy đều gọi chung là Hiền Đâu mà thôi, thành thử mới chia làm năm phương.

Ngài người nước Kiền-Đà-La. Kiền-Đà-La, Hán dịch là nước Hương Hạnh, ở thành Phú-Lâu-sa-Phủ-La, Hán dịch là Cung Trượng Phu. Sư thuộc giai cấp Sát-Đế-lợi, giòng họ Kim Bộ, Hán dịch là Hạng, nghĩa là như Cổ của chim Công, ở nước ấy lấy làm giòng họ quý tộc. Cha của Sư tên là Bạt-Xà-La-Bà-La, Hán dịch là Kim Cương Kiên, thường thiếu thời có khí lượng cao xa, lúc lớn lên thừa nghiệp. thanh Phạm. Ở địa vị Tể phụ tiếp lý Quốc chính, anh em sư gồm có năm vị, Sư là con út. Vốn đã gieo trồng gốc đức, sớm phát tâm Đạo, vừa đến tuổi búi tóc, Sư bèn nguyện xuất gia. Cha mẹ xét biết khí đạt của Sư nên chẳng trái lời cầu xin.

Tại nước đó có chùa Đại Lâm, Sư bèn tìm đến, nhân đó được độ thoát. Ô-Ba-Đề-Ca, Hán dịch là Thường Cận thọ trì, nay gọi là Hoàn Thượng, đó là do sự gọi lược sai lầm của người nước Vu-điền, tên là Xà-Na-Da-Xá, Hán dịch là Thắng Danh, chuyên tu tĩnh tọa, khéo thấu cùng Định nghiệp. A-già-lê-da, Hán dịch là Truyền thọ, hoặc là Chánh Hạnh, tức A-xà-lê, đó cũng do gọi lược sai lầm của các nước gần, tên là A-Nhã-Na-Bạt-Đạt-La, Hán dịch là Trí Hiền, thông đạt ba học, riêng thấu suốt Luật tạng. Sau khi xuất gia, Sư khéo hiểu kính chuyên thành, dạy răn qua mấy năm, chỉ lối kết quy thông quán. Vì ở Hiền Đâu các Thánh Cảnh Linh tích hiện còn, nên Sư tiện theo Bốn sư mà được chiêm lễ khắp tất cả.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư đã thọ giới cụ túc được ba hạ, thầy trò cùng nhau kết nguyện phát chí du phương mở mang đạo pháp, lúc khởi đầu có được mười vị là đồng bạn xuất cảnh. Trên đường đi, do từ nước Ca-Tý-Thi, lưu lại chừng một năm, quốc vương nước đó rất tôn kính cầu thỉnh Sư, tôn thời làm Pháp Chủ. Khi mọi việc ích lợi được chu toàn, Sư lại tiếp tục vân du, bèn vượt đi từ phía Tây chân núi Đại Tuyết, băng qua núi cao nguy hiểm đến nước Yêm-bát. Ban đầu mới đến dừng ở chốn hoang vắng ít người, mọi thứ cần dùng như ăn uống, không có người hộ trì, Sư bèn xả giới cụ túc; dốc hết sức lực lo việc cung cấp hầu hạ. Trải qua thời gian khó khổ, có được minh linh ủng hộ, may thoát khỏi tai hoạn. Sư lại vượt qua Khát-La-Bàng-Đà đến các nước Vuđiền, v.v.. từng gặp mùa mưa hạ, tuyết đóng mùa Đông nên đành tạm thời dừng ở. Đã không hoằng hóa, diễn giải nên dừng ở chẳng lâu. Lại đến nước Thổ-cốc-hôn, bèn tới Thiệm Châu. Bấy giờ, đã là niên hiệu Đại Thống thứ nhất (535) đời Tây Ngụy. Tuy trải qua gian nan nguy hiểm, nhưng tâm Sư càng mạnh mẽ cố gắng. Bước chân trải khắp đến đây đã ba

năm, trong mười người đã qua đời hơn một nửa, chỉ còn lại có bốn người tới đó.

Đến khoảng niên hiệu Võ Thành (559-561) ban đầu mới đến Trường An, thầy trò du hóa đã vừa tâm nguyện, Sư bèn dâng tịnh đàm, thọ lại giới cụ túc, tinh thành theo Đạo còn hơn trước nay, lần tham dự đến chốn kinh đô, dần thông tiếng Hoa, bỗng nhiên, Sư theo thầy- tức ngài Thắng Danh được vua Minh Đế (Vũ Văn Dục- thời Tây Ngụy) ban sắc thỉnh vào hậu viên, cùng luận bàn đàm Phật Pháp, lễ cúng đặc biệt, sung vào trong các cấm cung. Nghĩ rằng muốn hoàng thông giáo pháp không do tự xiay chuyên. Vì vậy tình thật trình bày. Liền được sắc ban riêng, vì xây dựng chùa Tứ Thiên Vương, Sư bèn an trú tại đó. Từ đó về sau mới phiên dịch tân kinh, đã chẳng phải là Hoàng thái chỉ là sự ràng buộc mà thôi. Sư bèn căn cứ các bản khuyết sót trước kia mà truyền đạt Văn Phạm, tức như các Kinh Thập nhất diện Quán Âm, Kim Tiên văn v.v... gặp Tiêu Vương Vũ Văn Kiệm trấn tại đất Thục lại thỉnh đồng hành, đến ở đó ba năm. Sư từng làm chức Tăng Chủ Ích Châu, trụ chùa Long Uyên, lại phiên dịch Kinh Quán Âm kệ Phật ngữ. Đến niên hiệu Kiến Đức (năm trăm bảy mươi hai-năm trăm bảy mươi tám) thời Bắc Chu, là lúc thời vận đồ nát, tượng giáo chẳng được hoằng hóa, năm chúng xuất gia đồng một lúc bị hoàn phục. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) ban sắc truy tìm vào kinh đô, tặng trọng chức, tước bổng lộc, ép buộc theo Nho lễ. Sư giữ lấy tiết tháo cứng rắn chấp nhận lấy cái chết mà không tỏ vẻ lo sợ. Vua kính Sư ngài trở về. Trên bước đường đi, xuất phát từ Cam Châu thuộc phía Bắc đến Đột-quyết. Đại sư Xà-lê Trí Hiền trở về Tây vực mà thị tịch. Sư và Hoà-thượng Thắng Danh bị Đột-quyết lưu giữ lại. Không bao lâu thì Hoà-thượng Thắng danh viên tịch, Sư một mình lẽ bóng nương gá, chẳng biết chốn nào yên ổn. May nhờ Quân dân xứ Bắc Địch rất muốn mở mang phước lợi. Nhân đó, Sư đến sang ngục ở, tùy phương tiện làm lợi ích chúng sinh.

Có các sa-môn ở đất Tề như Bảo Xiêm, Đạo Thúc, Tăng Đàm v.v... tất cả mười vị. Trong niên hiệu Võ Bình thứ sáu (575) cùng kết bạn đồng hành đến Tây vực tìm cầu kinh pháp, qua bảy năm sau, xong việc bèn trở về phương đông, thỉnh được các văn kinh bản Phạm tất cả hai trăm sáu mươi bộ, vừa về đến Đột-quyết, bỗng nhiên nhà Tề mất, nên bèn cùng ở lại nước ấy (Đột-quyết). Nhân cùng xứ giảng đạo gặp gỡ mừng vui, Sư mang theo tân kinh cầu thỉnh phiên dịch đặt tên, xem xét các mục lục cũ, chuyển đổi khéo léo, tiện lợi, có khác với người trước, không hề làm suông. Bèn đồng thệ nguyện đốt hương, cùng khế hợp truyền bá. Gặp lúc nhà Tùy tiếp nhận Phật pháp rất hưng thịnh, nên các ngài Bảo Xiêm, v.v.. mang kinh trước đến đó ứng vận.

Vào cuối mùa Đông niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, các ngài đến dừng ở tại Kinh Ap, Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc giao cho sở tìm thỉnh người phiên dịch. Qua tháng hai năm sau (582) bèn đến truyền thuật.

Trong mùa hạ, vua có ban Chiếu rằng: “Năm thứ đôi thay lớn, lo sợ dân chúng đều chết hết, vì thế ở chỗ đất tốt xấu, hạn chế mạng sống ngắn dài, mưu tìm cái mới bỏ cái xưa cũ, nên như nhà nông trông mong mùa Thu. Núi Đâu rỗng, sông gò xinh đẹp, cây cỏ tốt tươi, nên dựng lập Đô Ap, định nền tảng cao xa, nghiệp mãi bền vững vô cùng. Ở đó có thể đặt tên Thành là Đại Hưng, tên Điện là Đại Hưng, Cửa là Đại Hưng, Huyện là Đại Hưng. Vườn uyển ao hồ đều cùng đặt hiệu ấy. Xây dựng ngôi chùa đặt tên là chùa Đại Hưng. Ở trong chùa ấy truyền đạt Pháp bản”. Bấy giờ, Sư đang ở tại Bắc Địch. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ năm (585) hơn ba mươi vị Sa-môn như ngài Đàm Diên v.v.. trụ tại chùa Đại Hưng Thiện, cùng nhau đang phiên dịch, Âm nghĩa trái vượt, biết Sư đang ở tại đất Bắc, bèn tấu trình cầu thỉnh Sư đến. Vua Văn Đế bèn sắc ban riêng truy tìm cầu thỉnh, khi ấy Sư đã trở về Tây vực, ở đó đến mười năm. Sư nghĩ suy sâu sắc gặp thời thế trong sáng lại gặp được Tam Bảo, bỗng được tìm hỏi từ phương xa đến, Sư mừng vui, phát nguyện cùng giao hảo, bèn cùng kẻ sứ đồng đến nước Tùy. Bấy giờ, Vua Văn Đế tuần du đến Lạc Dương, ở đó kính phụng bái yết, vua rất mừng vui, thường ban tặng thăm hỏi. Chưa trở về kinh quyết, vua đã ban sắc mở bày phiên dịch. Các Bộ Kinh bản Phạm mới mang đến càng nhiều, hoặc là kinh, hoặc là sách, vừa Nội giáo vừa ngoại điển. Các sách được phiên dịch lưu truyền, phần lớn đều do Ngài làm chủ. Thêm về ngôn ngữ và nhận thức của ngài khác địa phương, chữ nghĩa và hiểu biết khác nhau, nên được tuyên lưu trình bày tự vận hành, chẳng nhọc truyền đạt. Lý hợp nghĩa môn, câu tròn từ thể, văn ý định sơ, chọn bản bèn thành, các vị làm việc ghi chép chẳng khổ nhọc sắc lược. Thử so với các bậc tiên đạt, thì cũng là tiếp nối.

Bấy giờ, Sư đã thị tịch, vị chuyên trách đứng đầu công việc tại chùa Đại Hưng Thiện lại thỉnh Bà-la-môn Tăng-Đạt-Cấp-Đa, đồng thời ban sắc cho anh em Cư sĩ Cao Thiên Nô và Cao Hòa Nhân v.v.. đồng truyền tiếng Phạm. Và đặc trách mười vị Đại Đức sa-môn Tăng Hưu, Pháp xán, Pháp Kinh, Tuệ Tạng, Hồng Tuân, Tuệ Viễn, Pháp Toàn, Tăng Huy, Minh Mục, Đàm Thiên v.v.. trông coi việc phiên dịch, chọn lọc phân định Tông chỉ. Sa môn Minh Mục, Ngạn Tông lại đối chiếu bản Phạm dò xét sửa chữa Văn nghĩa. Xưa kia, các đại tập do các ngài Chi-đàm, La-thập vv... phiên dịch ra, pho quyển phần nhiều lấy số ba mươi làm thành bộ. Và đến lúc Ngài Da-xá ở thời Cao Tề dịch ra Kinh Nguyệt Tạng mười hai quyển, tới đầu đời Tùy lại dịch ra

Kinh Nhật Tạng, chia thành mười lăm quyển, tức là Đại Tập quảng bộ mà trước 5 sau phiên dịch chia thành, cho nên rất Chi ly, pho bộ rộng lớn.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) có sa môn Tăng Tụ ở chùa Chiêu Đề, nhóm họp lại làm thành sáu mươi quyển. Ngài Tăng Tụ xuất gia từ thưở thiếu niên, chuyên Bảo Phường học. Tuy thêm hận Tuyên Đạo, Văn tướng chưa dung thông, bèn lê theo bao quát theo nhau, phụ vào Đại Bộ. Còn như ngôn từ ý chỉ thích đáng, chưa khéo tinh yếu cùng tận. May nhờ có Sa-môn Hồng Khánh ở chùa Đại Hưng Thiện, với kiến thức trình độ minh đạt về nước nhà trông coi việc biên chép tạng kinh, lại sửa đổi sự tập hợp của Ngài Tăng Tụ, đặt tên trước sau rất được hợp lý. Và lại, nay hiện thấy phiên dịch các kinh có lắm phần dư thừa của Đại Tập, lược mà họp lại có đến cả trăm quyển. Nếu căn cứ theo bản Phạm thì kinh ấy có đến mười muôn bài kệ. Và nếu căn cứ theo văn đời Tùy thì có thể đến ba trăm quyển.

Sư đã từng mở mang truyền bá, về phía Đông nam nước Vu-điền cách hơn hai ngàn dặm, có nước Già-câu-ca, Vua nước ấy thuần tin kính trọng Đại thừa. Trong cung có ba bộ Kinh Ma-ha Bát-nhã, Đại Tập và Hoa Nghiêm. Đích thân nhà vua thọ trì và cất giữ chìa khóa, lúc đọc tụng trì mở lấy, đốt hương dâng hoa cúng dường, hoặc dùng các thứ bánh quả dẫn dụ các Tiểu vương, khiến họ biết kính trọng lễ bái. Ở phía đông nam nước ấy cách hơn hai mươi dặm có ngọn núi cao vót rất nguy hiểm. Ở đó lại có hang động sâu lắng, tôn trí các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Đại Tập, Phương Đẳng, Bảo Tích, Lăng-già, Phương Quảng, Xá-lợiphát Hoa Tụ nhị Đà-la-ni, Đô-tát-la Tạng, Ma-ha Bát-nhã tám Bộ, Bát-nhã, kinh Đại Tập v.v.. gồm mười hai bộ, khoảng dưới mười muôn bài tụng. Theo phép nước tương truyền, phải phòng vệ gìn giữ. Lại có ba vị La-hán Nhập Diệt Định thiên định ở trong hang, thường mỗi nửa tháng, chur Tăng đến núi cạo tóc tắm gội cho ba vị đó. Đó là Nhân Pháp Trụ trì, là nơi nương tựa của chúng sinh.

Sư có Đạo tánh thuần hậu, thần chí cương chánh, mền đức không nhằm chán, cầu pháp chẳng mỏi mệt, rộng nghe ba Tạng, nghiên cứu Chân tông xa vợi, học khắp năm minh, thông cả Thế luận, Kinh hành thành đạt thú hưởng của đạo tràng, tổng trì thông lý của Thần chú. Thân mặc ba y, ngày ăn một bữa, giữ trọn bèn bỉ, trái lòng nhân cứu giúp, dẫn dắt rộng rãi, chẳng cần phải khuyên thỉnh. Sư chuyên cần trì tụng kinh Phật, càng già càng khẩn thiết. Các bậc tài thức tiên xa xưa mà càng đến, Quan dân khâm phục kính trọng, kẻ tăng người tục tôn sùng. Tùy Tắt Vương kính ngưỡng giới phạm, tôn thờ Sư làm thầy, vì nhiệm việc trần nên bị lưu đày đến Đông Việt. Lại ở Âu Mân, tiếng tăm đạo hạnh của Sư lan tràn, cứu giúp thân tâm làm lợi ích rộng lớn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ hai mươi (600) Sư tùy duyên thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi.

Từ lúc ở Tây Vực đi đến Đông Hoa, Sư lần lượt phiên dịch Kinh điển tất cả ba mươi bảy bộ, một trăm bảy mươi sáu quyển, như các Kinh Phật Bản hạnh tập, Pháp cự oai Đức Hộ niệm, Hiền Hộ v.v.. đều rõ ràng bao gồm luyện trị, lý giáo viên thông, văn rõ nghĩa kết, đều lưu hành ở đời, thấy trong Phỉ Trường Phòng Tam Bảo Lục”. Lại, đầu đời Tùy, Vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) ban sắc cho Sư cùng Sa-Môn Nhã-Na-Kiệt-Da người Xứ Tây vức khai mở phủ Cao Cung. Cung tức Độ Đốc Thiên Nô Hóa nhân và Bà-la-môn, Tỳ-xá-đạt v.v.. ở nội sử nội tỉnh phiên dịch Phạm Cổ thư và Càn Văn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (582) sách đã so sánh phiên dịch xong, tất cả hơn hai trăm quyển Tấu trình thỉnh đưa vào nội cung, thấy trong Đường Trinh Quán Nội Điện lục”.

Bấy giờ, lại có Ưu-bà-tắc, người họ Cù-đàm, tên là Đạt-Ma-BátNhã, Hán dịch là Pháp Trí. Cha của ông là Bát-Nhã-Lưu-Chi, có nói rõ ở các truyện khác. Ông vốn người Trung Thiên trúc, lưu lạc đến Đông Xuyên, cho nên ảnh hưởng bởi phong tục Trung Hoa, mà môn phong đời đời tương truyền tập truyền dịch. Vào cuối thời Cao Tề, ông làm Chiêu Huyền Đô nước Tề lúc đã thanh bình, Phật giáo đồng bị xâm hủy, nhân đó từ tăng chức, ông chuyển sang làm tục quan. Lại trao cho Quận thú Dương Xuyên ở Dương Châu. Đến lúc nhà Tùy lên ngôi, các Kinh điển Phạm bản được thỉnh lại, có chiếu ban sắc thỉnh ông trở lại trông coi việc phiên dịch. Ông khéo giỏi phương ngôn, cầm bản tự truyền, chẳng nhọc xét ngữ. Ông phiên dịch các như Kinh Nghiệp Báo sai biệt, v.v.. Sa-môn Thích Trí Huyền ở Thành Đô ghi chép văn từ, sửa tựa ngữ thể. Sa-môn Ngạn Tông ở chùa Nhật Nghiêm soạn lời tựa, thấy ở “Tùy Đại Kinh lục”.

---o0o---

03- Truyện Sa-môn Đạt-Ma-Cấp-Đa

Đạt-Ma-Cấp-Đa, đời Tùy dịch là Pháp Mật. Ngài người nước La-la thuộc Nam Hiền Đâu, chủng tộc Sát-đế-lợi, giòng họ Tê-la-già-la, Hán dịch là Hồ Thị. Trong gia đình có bốn anh em, sư là con trai trưởng. Cha mẹ ân rất mến thương không chấp thuận cho sư xuất gia, nhưng vì sư rất dốc lòng kính tín Pháp môn, chí nguyện thoát tục sâu xa. Nên năm mười ba tuổi, Sư đến thành Giới-Kiện-Noa-Cứu-Bát-Xà ở trung Hiền Đâu, Hán dịch là Nhĩ xuất, ở Cứu-mâu-địa, có nghĩa là Hoa 56 màu vàng, nhân lấy vườn hoa mà đặt tên. Tăng-già-la-ma, Hán dịch là Chúng viên, xưa dịch là Tăng-già-lam, đó là lược sai lầm. Sư đến trong chùa đó cầu được xuất gia và đổi tên là Pháp Mật.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư thọ giới cụ túc. Ở đó có Uc-Ba-Đề-Da Phật-đà-Cấp-Đa, Hán dịch là Giác Mật. Vị A-già-lê-dạ tên là Phấn Noa-Đạt-Đa, Hán

dịch là Đức Thích. Lại có một vị A-già-lê-da tên là Phổ Chiếu, thông hiểu kinh luận Đại Tiểu thừa, thường hay tụng đọc giảng nói, hành trì Pháp Tân-trà-dạ, nghĩa là thực hành hạnh khát thực, xưa dịch là Phân Vệ. Nhập Đề-Da-Na, Hán dịch là Niệm Tu, xưa dịch là Thiên-Na-Thủ-Trì-Ha-Na, đều là sai lầm hạn hẹp. Thường nhập pháp Quán này lấy đó làm việc thường. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư trụ tại chùa ấy ba năm, theo thầy tham học. Các Pháp sở đắc của thầy, Sư đều thấu suốt. Sau, nhân Ngài Phổ Chiếu được Quốc Vương nước Tra-ca thỉnh mời, Sư bèn theo thầy (Phổ Chiếu) đến nước ấy, trụ ở đó một năm. Sau, ngài Phổ Chiếu về lại Bản Quốc, Sư bèn lưu lại bốn năm, trú tại Ư-Đề-Bà-Tỷ-Hà-La, Hán dịch là Thiên Du. Thiên nghĩa là Quốc Vương, Du nghĩa là Tăng Xứ. chỗ đó do Vua ra lập nên gọi là Thiên Du. Xưa lấy Tự (chùa) để thay thế, còn Tự ở đây là Tên của Viên Thổ Công, có nghĩa là Ty, là Đình. Lại còn gọi là Chiêu Đề, cũng là sai lầm. Người đời y cứ vào chữ mà hiểu cho rằng Chiêu là Chiêu Dẫn, Đề là đề huề, đều là nói theo tánh cách mông lung. Đó là tiếng Tây Vực, Chánh Âm là Chiêu-đầu-đề-xa, Hán dịch là Tứ Phương, nghĩa là trụ xứ, nơi nương trú của Chúng tăng Tứ Phương.

Từ đó Sư trải qua các nước Đại tiểu thừa Phật giáo, đến các chùa Tăng, tiếng tăm càng vang xa. Các thương nhân đi theo đường phương Bắc thường đến ở đó. Xa truyền về phía Đông thành có Nước Đại Chi Na, Xưa gọi là Chân Đan, Chân Đán, đều chẳng phải Âm đúng, không có nghĩa để dịch, chỉ biết đó là tên chung của Thần Châu, ban đầu tuy truyền dịch mà chẳng minh tín lắm, chưa làm được mục đích muốn đến, nhưng vì chí muốn du phương, tình không ràng buộc. Sư bèn đến nước Ca-tý-thí. Có sáu người cùng kết làm bạn trụ lại hai năm trong Quốc thành, đi khắp các Chùa, quán xét các điều học, tâm đi xa còn chưa yên ở. Ở nước đó là thế, gặp được phương bắc, khách thương lữ hành ở phía Bắc núi Tuyết đều đến cảnh ấy. Ở chỗ thương khách, sư lại nghe tại nước lớn Chi-na Tam bảo hưng thịnh, các vị Đồng bạn nhất tâm nhất ý đến đó, không chỉ đến xem xét phong hóa, mà muốn đến đó để làm lợi ích chúng sinh, truyền bá kinh pháp, bèn bắt đầu vượt từ phía tây chân núi Tuyết trải qua các nước Khu-la, nước Ba-Đà-Xoa-Noa, nước Đạt-Ma-Tất Tân-đa, trong các nước đó, đều chẳng dừng lại lâu, chỉ đủ để biết phong tục của các nước ấy và nghi thức tại các chùa. Sư lại đến nước Kiệt-La-Bàng-Đà dừng ở một năm, chưa khai dẫn nhiều, lại đi đến nước Sa-lặc, có một đồng bạn trở về lại bản ấp, nên chỉ còn có ba người, và cũng dừng ở tại chùa Vua, tức là nơi do vua nước Sa-lặc xây dựng. Sư trải qua hai năm dừng ở, giảng dạy Luận Niệm Pháp cho chư tăng ở đó nghe, có đến hai ngàn bài kệ. Ý chỉ tỏ rõ nhị bộ, phần nhiều là khai phá ngoại đạo, Sư lại giảng nói Luận Như Thật, cũng có đến hai ngàn bài kệ, về Văn lý mới chỉ là Pháp luận

nghĩa thế gian. Sư lại đến nước Quy-tu, cũng dừng ở tại chùa Vua, và trụ ở đó hai năm, giảng Thích luận trước cho Chư tăng ở đó nghe. Vua nước đó rất ưa thích Pháp Đại Thừa, có lắm điều khai ngộ. Tâm ý khai dẫn, sớm tối đều đến. Ngài buộc tâm muốn đến Đông hạ (Trung hoa) chẳng có chí niệm tạm dừng ở. Bèn thâm dẫn một vị tăng cùng đến nước Ô-kỳ, ở tại chùa Alan-noa, giảng thông luận trước. lại trải qua hai năm dần đến Cao Xương, làm du khách đi khắp các chùa, chư Tăng ở nước đó phần nhiều học tiếng Hán, tuy dừng ở hai năm, mà không nơi giảng dạy, Sư lại đến y Ngô, bèn dừng ở một năm. Gặp nạn, lánh đến đất Tây Nam, đường đi toàn là sạn sỏi, nước uống thiếu thốn. Đồng bạn cùng đoái hoài tánh mạng chẳng tiến tới, Sư bèn đem các kinh luận mang theo tạm để bên lề đường. Sư vượt núi tìm cầu được mà khổ nhục, tệ hại càng tăng thêm. Sư lại chuyên trì tụng thân chú Quán Thế Âm. Đêm đó, bỗng nhiên mưa rưới xuống, thân tâm đều thấm ướt, tươi vui. Sư bèn tìm lại đường cũ, ngoái nhìn bốn phía đều mịt mờ, mê lạc phương hướng, lần lữa tới lui, mới mặc tình cứ đi tới trước, bèn đến Châu Vu Qua. Mới biết quanh co y cứ theo đường phương Bắc. Sư từ xa kính mến nước lớn, trải qua nhiều năm. Những người bạn cùng chí hướng hoặc ở lại, hoặc đã qua đời, ngoái nhìn lại chỉ một mình một bóng, đi đến đất nước ưu việt (Trung Hoa) ấy. Lắng lời tư duy, buồn vui lẫn lộn, bỗng may được Thánh chỉ nhà vua mời vào kinh thành, an trí Sư dừng ở tại chùa nổi tiếng, cúng dường tiếp đãi nồng hậu. Lúc đó là tháng mười niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590).

Sư dừng ở chưa bao lâu, thì tiếng Trung Hoa đều đã biết rõ. Sư lại vâng sắc đến phiên dịch kinh, Sư dời sang chùa Đại Hưng Thiện, cầm bản đối dịch, đáng chánh thật phiên. Sư tụng ra các luận Đại Tiểu thừa đều sâu xa quan trọng, đến lúc tuyên giải hoằng dương Diệu Chỉ sâu màu, ở đó các bậc cự học luôn để lại lắm điều nghi, nhưng sư lập thân với hạnh từ bi hỷ xả, thành tánh nhu hòa. Tâm chẳng vượt ngoài Đạo, 58 hạnh ở trước lời, đất giới bằng mà tĩnh lặng, nước trí sâu mà trong ngần. Kinh suốt nguồn chữ, luận cùng lời ý. Lại thêm oai nghi dung mạo tuấn tú, tiết tháo chuyên cần cao mạnh. Âm hưởng tụng đọc tiếp nối sớm tối, lời pháp thấu suốt trong ngoài. Thêm nữa, tánh Sư khéo thích an nhiên, dứt tiết tình chuyên, ít ham muốn, bất mong cầu. Không mỗi một trong việc dạy người, có vượt xa hơn lợi mình thì không hề tỏ vẻ nghịch với phẩm tặc, tâm cẩn thận đối với loài nhỏ, bèn khiến những người chưa từng trông thấy mong mỗi phong hóa, những người đã từng tham yết thì khâm trọng kính phục. Tự Sư đứng đầu trong các người phiên dịch, chỉ còn việc truyền trao, tất cả việc đều xét lại, chuyên giữ lấy giềng mối.

Vua Dương Đế định ngôi ở Đông Đô, kính trọng lớn lao nông hậu. Đến lúc Phật Pháp càng thêm hưng thịnh, mới ban sắc đặt Phiên Kinh Quán trong vườn Thượng Lâm ở phía Nam bên Lạc Thủy, tìm cầu đề cử các bậc tài giỏi ở trong đó thường luôn truyền pháp. Vua liền ban chiếu thỉnh Sư cùng các vị học sĩ cùng dự nhóm tập, cung cấp cúng dường bốn thứ cần dùng, vâng thừa theo thường độ. Đến nỗi khiến người phiên dịch chẳng rơi vào đầu mối, thành đơn giản không thay thế cho thời gian. Đến lúc giềng mối nhà Tùy có thể nói là ngoài thành lũy sụp đổ, mây khói chông chát tạo dựng thành. Các kinh mới bản Phạm đồng một lúc quyết đoán. Sư chứa nhóm hiểu sâu, bên quyết trình bày, mở mang. Bắt đầu từ khoảng niên hiệu Khai Hoàng (590) đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) tất cả là hai mươi tám năm, Sư phiên dịch Kinh luận gồm bảy bộ, tất cả ba mươi hai quyển, trong đó như là Khởi Thế Duyên sinh, Dược sư Bản nguyện, luận Nhiếp Đại Thừa, Bồ-đề Tư lương v.v... đều là Văn nghĩa lắng trong, Hoa chất hiền bày, thấy đầy đủ trong “Đường Trinh Quán nội Điện lục”. Đến niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) - thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Lạc Nhuế.

Ban đầu, Sư dịch Kinh Phổ Lạc, gồm mười lăm quyển, chưa kịp xem xét lại, gặp lúc Ngụy Trịnh lưu lạc hoang phế, chẳng rảnh mà sửa chữa lại, nay Quyển bộ hiện còn tại kinh đô, phần nhiều nói rõ về các việc của như tám tướng v.v.. có sa môn Ngạn Tông thông hiểu Nội Ngoại, tiếng Hoa tiếng Phạm đều tinh rành, cùng tham dự truyền dịch, riêng vâng thừa dẫn dụ. Vì Sư vân du khắp các nước, trình bày mọi sự thấy nghe vượt quá truyền trước. Nhân đó soạn thuật “Đại Tùy Tây Quốc Truyện” một bộ, gồm mười chương, bốn truyện phân rõ:

- 1/ Vật của Phật
- 2/ Thời gian
- 3/ Chỗ ở
- 4/ Địa chính
- 5/ Học giáo
- 6/ Lễ nghi
- 7/ Ăn uống
- 8/ Trang phục
- 9/ Bảo Hóa
- 10/ Rộng nêu bày núi sông, Quốc ấp, người vật.

Đó là một bộ sử tốt của Ngũ Thiên, cũng là Đồ Biểu rộng lớn của Tam Thánh. Nên trong “Hậu Hán Tây Vực Truyện” nói rằng: “Nói nhóm tụ của Linh thánh, chỗ trội sinh của Hiền ý”, chính là đó. Từ ngữ suốt cùng luân Tông, rộng như đã trình bày.

Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) tại Quảng Châu có vị Sa-môn hành trì Pháp Thập sám, dùng Da làm hai cái thiệp, viết hai chữ: “Thiện” và “Ac” và khiến bảo người ném chôn, nếu người được thiệp đề “Thiện” thì tốt. Lại thực hành Pháp tự đánh, cho đó đó là cách diệt tội, mà kẻ nam người nữ tập hợp, vọng vâng thừa mật hạnh, các cư sĩ ở Thanh Châu tiếp hưởng đồng hành. Quan đi xem xét cho đó là yêu dị, nói rằng: “Pháp Thập Sám là y cứ theo Kinh Chiêm Sát, Pháp sám hối tự phốc tự đánh là y cứ theo tinh thần Ngũ thể đầu địa như núi lớn sụp đổ nói trong các kinh”, khi đó, bèn tấu trình cùng triều đình, nhà vua bèn ban sắc cho quan Nội Sử thị Lang Lý nguyên Thảo đến chùa Đại Hưng Thiện hỏi các Đại đức. Các Sa-môn Pháp Kinh, Ngạn Tông v... đáp rằng: “Kinh Chiêm Sát thấy có hai quyển, đầu đề là do ngài Bồ-đề-ngạn phiên dịch từ tiếng Phạn, Văn thể dường như dịch ra trong thời gian gần đây. Trong các tạng kinh cũng có ghi chép mà truyền bá, song, tra xét lại các bản ghi lục đều không có Chánh Danh và người Phiên dịch cũng như thời gian, nơi chốn. Pháp Thập sám so với các kinh có sự trái khác, do đó không thể y cứ mà hành trì. Nhà vua nhân đó ban sắc cấm tuyệt.

Bấy giờ, có Tú Tài Nho Lâm Lang Hầu Bạch vâng sắc soạn tập “Tinh Dị Truyện” một bộ hai mươi quyển, phần nhiều nói về cảm ứng, ngay nơi sự rất hợp, mở mang giảng nói về Thích Môn. Bạch tự Quân Tố, vốn người ở Tướng Nghiệp, thông minh đối cơ, tôn sùng Đài Tĩnh. Nhà vua dùng sự học rộng trước kia để viện dẫn, Tân Vương Quán Quốc trình khí rất cuộc là sự ở nhận biết đó.

Lại có Tấn Phủ tế Tửu là Từ Đồng Khanh soạn “Thông mạng Luận” gồm hai quyển. Từ Đồng Khanh là người giỏi về văn học, suốt thấu giáo nghĩa của Huyền nho v.v.. cũng thông rõ nhân quả ba đời, chỉ vì lời văn âm mật. Vì đối lại với các chỗ chưa được biện luận rõ ràng của các bậc Tiêu hiền, nên dẫn chánh văn trong các kinh Sử để hội thông vận mạng, kết quy về Nhân Quả. Ý là hiển phát Nho Tông, giúp cho Phật giáo tuyên dương, dẫn dắt quần phẩm đều theo một đường. Bởi vì Từ Đồng Khanh hiểu biết sâu rộng có chứng cứ, nên thấu suốt được sự tìm cầu sâu kín ấy.

Lại có Phiên Kinh Học Sĩ là Dương Lưu Bằng soạn bộ “Nội Ngoại Bàng Thông Tỷ Giáo Số Pháp” một quyển. Lưu Bằng học thông Huyền Tố, giỏi về số thuật, từng đem các sự phiên đạt của người đời trước so sánh với số pháp, nêu bày thường trái qua mọi sự bất đồng, nên diễn đạt đến cùng. Ngay trong lời tựa có nói lược rằng: “Đạo nghiệp ở đời có cạn có sâu, sự bảm học của con người có thô sơ, có kín mật, nên tầm tính trừ lượng mà dùng thì gồm cả Đại thuật, điều ấy chẳng thể suy nghĩ, thì đưa đến sự lầm hoặc Tam ngưng. Nhưng số Pháp ở Đông Hạ (Trung Hoa) có sai khác về Tam Đẳng. Với sự trình bày của Tây thiên sao không có nêu bày của đầu mối khác, mà

các bậc tiên đức phiên dịch các kinh, đều cho rằng “Đại Thiên” gọi là trăm ức. Và nói một do-tuần là bốn mươi dặm. Theo các sự tính toán đều không phù hợp. Trộm nghĩ rằng thời gian phiên dịch để truyền bá ở đây và kia có ý khác. Trong thời gian ngắn mà mắc lỗi nên pháp toán số trong các kinh, tham chiếu với ở Đông hạ, mỗi mỗi đều biến cải bàn thông với đối thuật, ngõ hầu phỏng theo sự lần lượt của phiên dịch, chấp thì lầm hoặc, đã tham chiếu kinh cáo, nên tức là trình bày.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban Chiếu báo cùng Chư tăng phiên dịch kinh điển, soạn tập “Chứng kinh pháp thức”. Bấy giờ, có Sa-môn Ngạn Tông, v.v.. y cứ theo các Bộ ghi lục trước kết hợp mà thành một Bộ, gồm mười quyển, tấu trình đưa vào cung nội, thấy ở “Tùy Đại Phí thị Chư Lục”.

Bấy giờ, lại có Phiên Kinh học sĩ là Phí Trường Phòng, vốn tham dự trong chúng xuất gia, dưới thời Bắc Chu theo sự phế hoại mà hoàn tục. Phí Trường Phòng thông hiểu nhiệm mầu, tinh tường huyền lý. Trong sự nghiệp Phiên dịch ở thời gian thuộc niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, ông tham dự sưu tầm mở mang, được ban sắc mời vào kinh đô, làm việc sửa chữa. Vì kinh lục nhiều đời bị thất lạc niên đại lẫn lộn, bèn soạn tập “Tam Bảo lục” gồm mười lăm quyển. Bắt đầu từ đầu thời vua Trang Vương nhà

Chu. Trên ghi Giáp tý, dưới ghi niên hiệu, đều là mục lục về Bộ quyển các kinh đã phiên dịch qua các thời đại. Pho bộ riêng biệt trình bày từ đầu mỗi, rất nhiều điều mục, nhưng Ngọc sạn lẫn lộn, chân nguy khó phân, hiện tại được lưu hành, thiếu sự phân biệt, ghi lục thành để trình tấu. Nhà vua ban sắc chiếu lưu truyền nơi sở tại, rất bao gồm phong phú.

---o0o---

04- Truyện Sa-môn Thích Ngạn Tông

Thích Ngạn Tông, Sư họ Lý, người xứ Bá nhân thuộc Quận Triệu ở đời gọi hiệu là Y Quan, môn phong xứng đáng đứng đầu giòng tộc. Thờ thiếu thời, Sư thông minh tài giỏi đáng vẻ thanh tâm.

Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Tăng Biên ở Tín Đô. Nhân đó thử bảo Sư tụng đọc kinh Tu-Đại-Noa gần bảy ngàn lời, chỉ trong một ngày đã xong. Sư lại tụng đọc Kinh phương Đẳng, chỉ trong vài ngày cũng hết. Ngài Tăng Biên lấy đó làm lạ. Đến năm mười tuổi, Sư mới được phép xuất gia, đổi tên là Đạo Giang. Bởi tiếng tăm mẫn tuệ của Sư tràn ngập như sự lai láng của sông biển. Sư nghe giảng Luận Thập Địa, vinh dự được lưu truyền phần phát, khắp châu áp đều suy tôn. Năm mười hai tuổi, ở tại núi Quyên Vụ Sư tụng kinh Pháp Hoa, sau đó không lâu tìm tòi nghiên cứu, bèn đến Nghiệp Hạ,

trải qua các trường giảng, bèn trở về chùa cũ, giảng Kinh Vô lượng thọ. Bảy giờ, Thái Nguyên Vương Thiệu đang nhậm giữ, Triệu Quận Tá cư ngụ tại chùa, nhân nghe giảng mà kính ngưỡng. Các bạn Đạo Kính trọng càng tìm đến.

Đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời Bắc Tề, khi đó, Sư mới mười bốn tuổi, đi đến xứ Tấn Dương vừa giảng đạo, vừa nghe học. Bảy giờ, Đạo bày khắp Phần sóc, danh tiếng lan truyền cùng cả Đạo giáo, nho gia, Thượng thư Kính Trường Du cùng Triệu Quý lô Cư Đạo Nguyên Hành cùng Hình thứ v.v.. đều đều là những bậc Kinh vọng Cao tề, khâm phục kính tập phong du, cùng nhau dựng lập trai đàn, giảng Luận Đại Trí Độ, đích thân gần gũi lãnh thọ bày tỏ dẫn dắt, ngợi khen là được điều chưa từng nghe. Và đến lúc Tề Hậu từ hướng Tây đến Tấn Dương, bèn thỉnh Sư vào điện Tuyên Đức giảng kinh Nhân Vương. Quốc thống Tăng Đô rất kính phụng vâng thừa, Thánh chúng có đến hai trăm vị đều là những vị tài giỏi. Vua Ôn Cung (Cao Vu) đích thân đến nơi Pháp tịch, các hàng văn võ đều theo hầu. Hoàng Thái hậu cho đến lục cung, đồng đến trong Pháp hội. Nhà vua ban sắc cho Thị Trung Cao Nguyên Hải nâng đỡ Sư lên Pháp toà, tiếp hầu trên dưới, mà thần khí Sư tỏ vẻ mạnh mẽ tỏa sáng. Thật đáng ngợi khen ít có trên đời, Sư phân tích lý, khai mở thần đều vâng theo cảnh ngưỡng.

Năm mười sáu tuổi, Sư thọ tang cha, từ đó nhàm chán tiếng tăm, trải khắp các Thiên chương, tất cả tử Sử thầy đều xem khắp. Hữu Bộc Xạ Dương Hưu Chi cùng lập lâm quán, các bậc Hiền giả giao tiếp thường quen với thành thật, tánh ưa thích điềm nhiên tĩnh lặng, thỉnh mời mới đến. Cho tới lúc mới thọ giới Cụ túc, đến buổi chiều ngày hôm sau, với Giới Bồn Cả muôn lời tụng thử đều xong. Từ đó, Sư chuyên học luật, rất khế hợp tâm Vua, bèn ban sắc mời Sư cùng dự vào Thông Đạo Quán học sĩ. Lúc đó, Sư mới hai mươi một tuổi. Cùng với Vũ Văn Khởi v.. v đều là các Bậc Hiền ở triều đại Bắc Chu đem đại Dịch, Lão Trang thay giảng luận. Sư bên ngoài thì giả gá tục y, trong thì hành trì Pháp Phục, đổi tên là Ngạn Tông. Vua Võ Đế (vũ Văn Ung 561-579 thời Bắc Chu) tự ban Đạo thư, hiệu là Vô thượng Bí yếu. Bảy giờ, thâm nhuần luân tông, đặc biệt được thâm thái. Đến lúc Vua Tuyên Đế (Vũ Văn Huân) lên ngôi (579) có thù đáp suốt nhiều ngày thâu đêm, trọn thời gian đàm luận, nhờ đó mà đượm nhuần chánh pháp, bảy giờ dần khoan dung mở rộng, lại có tâm mừng vui tưởng thưởng trao cho, các Quan Lễ Bộ v.v.. đều chẳng đến. Sư bèn cùng Triệu sĩ Vương Thiệu, Tân Đức, Nguyên Lục, Khai Minh, Đường Di v... tình đồng như cầm sắt, gọi là Văn ngoại huyền hữu (bạn thân ngoài văn).

Đến niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Tùy Văn (Dương Khiêm) làm tướng, Phật Pháp hơi có phần hưng thịnh, Sư bèn giảng nói

Bát-nhã cho bậc Hiền giả nghe. Tháng Giêng năm Đại Định thứ nhất (581) các Sa-môn Đàm Diên v.v.. cùng đề cử tấu đạt, Sư mới được xuống tóc. Bảy giờ, Sư đã hai mươi lăm tuổi.

Đến ngày mười ba tháng hai năm đó (581) Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đòi Tùy thay ngôi nhà Bắc Chu, đổi niên hiệu là Khai Hoàng. Sư liền đến tòa giảng, suốt bốn mùa tiếp tục. Kẻ tặng người tục ở Trường An đều nhóm tụ như mây bụi. Nhân đó liền thông hội lý Phật, Tà chánh thắm đượm, người tầm gôi Đạo có đến hàng muôn. Sư lại cùng Lục Ngạn Sư, Tiết Đạo Hành, Lưu Thiệu Kinh, Tôn Vạn Thọ v.v... một đời Văn Tông, soạn “Nội Điển Văn Hội Tập”. Sư lại vì các sa-môn soạn “Xướng Đạo Pháp” đều sửa đổi Chánh Cựu Thể, một nửa phiên tạp và giản lược, tức bộ sách hiện tại lưu truyền học tập thực hành.

Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) Vua Văn Đế đến đạo tràng, thấy họa hình tượng Lão tử hóa Hồ, rất lấy làm quái lạ, bèn ban sắc nhóm họp các vị Sa-môn và đạo sĩ cùng luận bàn về gốc gác. Vua lại ban sắc cho Triệu Quý Tô uy, Dương Tố, Hà Thỏa, Trương Tân, v.v.. các vị có tham dự huyền lý tính toán tấu trình rõ ràng. Bảy giờ, Sư đang làm việc tại tòa giảng đó, thử nêu lên đại cương, chưa kịp đến ngày khảo xét thì các Đạo sĩ tự trình bày sự dối trá. Sư đó ngài soạn “Biện giáo luận” nói rõ sự yêu dị luống dối của Đạo Giáo. Tất cả có hai mươi lăm điều, từ lý có dẫn chứng. Tể phụ khen thưởng. Năm đó, Từ Tây Vực có kinh điển thỉnh đến, Vua liền ban sắc phiên dịch, đã hợp với sinh nguyện, mừng đến Thái nhiên. Sư theo giá tuần du về hướng Đông, trở lại đường Tinh Bộ.

Bảy giờ, Dương Đế (Dương Quảng) đang tại phiên nhậm Tổng Hà Bắc, vâng thừa phong hóa, thỉnh câu tham yết mời vào Cao Đệ, cùng gạn gỏi luận bàn qua lại xứng thỏa hợp lòng. Vua bèn thỉnh Sư ở tại Nội Đường truyền giảng các kinh Kim Quang Minh, Thắng-man, Bát-nhã, v.v... Sư lại vâng phụng Biệt giáo, soạn “Tu văn số” khế hợp huyền chỉ, ý nhã xứng thủ. Vua lại thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Hưng Quốc, từ đó về sau, với các thứ tân vịnh cựu thuật của vua thường bảo sư họa lại. Vua lại sai các bậc Hiền giả Tiêu Ý, Gia Cát Dĩnh v.v.. thay đổi đến tham vấn, luận bàn danh lý, Tông sư có chỗ kết quy.

Đời Tùy, Tần Vương Tuấn ra trấn giữ Thái Nguyên, lại mong thỉnh mời Sư vào an cư tại Nội Đệ, hỏi thăm ân cần, Sư ban đêm riêng mộng thấy một người thân màu vàng cao đến ba trượng, tay cầm cái bát bằng pha-lê trao cho Sư và bảo rằng: “Trong bát này là Rượu”! Sư đang trong cơn mộng quỳ gối mà thọ nhận và thưa rằng: “Được ban vật báu, chẳng phải là ân bình thường!” Chỉ vì Rượu giới luật vốn cấm, chưa dám uống ngay. Đến lúc thức

giác chẳng hề biết nguyên do. Về sau, nhà vua đích thân tạo tôn tượng vẽ hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, thiết trí tại Nội Đền, cái bát mà tượng cầm đồng như Sư thấy trong mộng. Khi đó, sự thâm an ủi buồn vui lẫn lộn.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) Vua Văn Đế ban sắc mời Sư vào nội kinh, sau, Sư trông coi việc phiên dịch và thường ở tại chùa Đại Hưng Thiện, mọi sự cúng dường rất nồng hậu. Bảy giờ, Vua Văn Đế đang ở ngôi, rất dốc lòng mở mang Tam Bảo, mỗi lúc thiết lập đại trai hội đều bày sám hối. Nhà vua đích thân bùng đội lò hương. Còn Sư vì tuyên xướng dẫn dắt, sứng dẫn tình nước, khơi bày để nhà vua xem. Nhà vua liền đổi sắc mặt tĩnh lặng đoái hoài, mừng vui lòng tận, sâu lắng hết lòng thành. Sư có những ngôn từ thành 55 thật cảm thấu đến như vậy.

Lúc Dương Đế (Dương Quảng) đang là Tấn Vương, ở tại ao cong nơi kinh đô xây dựng đệ lâm, tạo chùa Nhật Nghiêm, ban lễ thỉnh Sư trụ ở đó. Do vậy, các hàng Triều Quý hiền minh ngày một đông nhiều đến tham yết, bày hợp truyền chỉ, thường phát tín tâm. Nhưng chỗ quý ở Đông hạ lấy văn tụng làm đầu, bậc thầy tiêu biểu ở Trung thiên lấy lấy âm Phạm làm gốc. Sư bèn chuyên tâm giáo điển, thường ngày tụng đọc đến muôn lời, nên các thứ kinh luận như Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Lăng-già, nhiếp luận, Thập Địa, v.v.. đều truyền bá bằng sách Phạm để thọ trì đọc tụng. Mỗi ngày xem thuộc đến cùng mới thôi.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Sư thỉnh xá-lợi đến Tinh Châu. Bảy giờ, Hán Vương kính tin, trong thành cai trị, cách nội xây chùa, bèn đặt tháp báu, nay chính là chùa Khai Nghĩa. Lúc ban đầu Sư mới đến chỗ tháp, trải qua nhiều ngày mây móc tu tập mờ tối, đến lúc Hạ thần, đang lúc giữa ngo, mây tan, mặt trời tỏa rạng, trời đất trong sáng, Sư bèn hạ xá-lợi xuống mà cất giấu. Lại cảm có mây lành suốt ngày rũ tỏa năm màu. Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) Vua lại ban sắc thỉnh xá-lợi đến Phục Châu tôn thờ trị chùa Phương Lạc, nay là chùa Long Cái. Vốn nền móng hoang phế hư hoại, được xây dựng từ đầu thời Nam Tề (497). Đến thời Bắc Chu phá hủy đồ nát, chỉ còn lại nền đất, và chỗ thoáng mát rộng rãi, có thể thiết lập dựng xây linh tháp. Sư bảo người sửa phá, bỗng thấy trên đầu bị ngứa ngứa, nhân đó xem xét trong tóc, thì có được một Viên xá-lợi, hình như hạt gạo phát ra màu sắc tươi sáng. Dùng hai cái búa để đập thử, cái trên cái dưới đều hư hoại mà viên xá-lợi chẳng tổn hại gì. Lại dùng cái chày để đánh thì màu sắc viên xá-lợi càng rực rỡ hơn. Đào đất sâu đến bảy thước, lại có được viên gạch cất giấu, các hộp Đồng Bạc, bùn thơm rõ ràng, chỉ thấy nước trong đáy hộp. Dấu vết ở đáy dường như có xá-lợi, song tìm kiếm thì không thấy, mới biết là Xá-lợi có được từ trong tóc, bèn đựng đầy hộp Bạc. Sư lại tìm đá để làm hòm, tìm khắp nơi mà không có

được, thì ở ranh giới huyện Cảnh Lăng, cảm có được tảng đá, mài rửa đã xong, bèn biến thành ngọc, năm màu sáng đẹp, trong ngoài chiếu suốt thấy rõ người bên cạnh. Lại ngay trong đá hiện ra các thứ sắc tượng. Bèn đem đá đến tháp. Lại cảm có con ngỗng bay đến chỗ hòm đá, tự nhiên quen thuận, tùy theo đá mà đi ở, ban đầu không xa cách, tuy thấy đồng loại thì bay đi rồi trở lại, trước sau cả mười ngày thường ở chỗ kiệu, có người bắt đưa đến chỗ khác, nó bèn liền kêu gào bay liệng, vượt viện mà vào. Mãi đến lúc chôn cất xong, thì chỉ có mình nó giữ tháp nhiều quanh mà thôi. Lại cảm nơi ao trước tháp có các loài Cá, Ba Ba đều ngẩng đầu lên khỏi nước, xoay mặt hướng Bắc trông ngóng về xá-lợi. Sư bèn vì các loài ấy mà giảng pháp suốt ngày mới ẩn mất. lại cảm cái giếng nước chỗ tháp, suốt mười lăm ngày tự nhiên nước tràn đầy. Sau khi chôn cất xong mới thôi. Ngày mồng tám tháng tư, mây bủa giăng đầy trên không, giữa trưa lúc sắp hạ, mây mới tan hết, chỉ còn lại một đóm tròn trên đỉnh tháp, hình như dù che, năm màu xen lẫn chiếu soi như mặt trời đến lúc chôn cất Xá-lợi xong, mây ấy mới tan. Sư mừng vui cảm được điềm tốt lành ấy, bèn viết trạng văn mà tấu trình. Vua Văn Đế vui mừng ghi chép thành Văn lục, cất vào Bí Các.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) Vua Văn Đế ban sắc cho Sư soạn “Chứng Kinh mục lục”. Sư bèn phân làm năm thể lệ: Dịch một lần dịch lại, biệt sinh, nghi và ngục. Tùy theo quyển bộ có thứ vị. Đòi vua thanh hành. Sau đó, Vua lại ban sắc cho Sư soạn Tây Vực Truyện, những điều mờ tối như thấy khắp trước mắt. Sư phân rành khác lạ sai lầm có nêu bày sâu, nên các bậc danh đạt ở kinh thành phần nhiều tìm đến nẻo chánh. Có vị sa-môn ở thành Vương-xá, từ xa đến yết kiến nhà vua. Sự việc sẽ nói ở truyện sau. Lúc sắp trở về Bôn Quốc, vị ấy xin thỉnh “Kinh Xá lợi Thụy Đồ” và “Quốc Gia tường thụy lục”. Vua Văn Đế lại ban sắc cho Sư phiên dịch các bản bằng tiếng Hoa thành tiếng Phạm, hợp thành mười quyển. Sư do học rộng, vốn là chỗ quan tâm, văn Chương cao vút nên khắp kinh thành đều suy chuộng. Và thấy Sư giảng Luận Đại trí Độ, Thích Luận, v.v.. đều vì soạn lời tựa dẫn. Sư lại soạn bộ “Sa-môn Danh Nghĩa luận biệt Tập” năm quyển, từ lý đều trong sáng đơn giản, các sư hậu học đều khâm phục kính trọng.

Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) tại Đông Đô mới sửa sang, Sư cùng các vị Sa-môn vào cung ra mắt vua, đặc biệt được mời vào Nội Cấm, bắt đầu trải qua nhiều đêm bàn luận cách thức sửa sang, chỉ bày Văn tụng, bởi vì Thời chủ thấy biết như thế, nhân đó liền ban sắc tại vườn Thượng lâm ở Lục Dương xây dựng Phiên Kinh Quán để Sư ở đó. Nhà vua cúng dường cung cấp mọi sự nông hậu gấp bội quan phủ. Tại ấp Tân Bình Lâm có được kinh Phật tất cả năm trăm sáu mươi bốn giáp, gồm hơn một ngàn ba trăm năm mươi bộ, đều là sách Côn Lôn bằng lá cây Đa-lê. Nhà vua có ban sắc đưa

vào viện phiên dịch, giao cho Sư xem đọc, và bảo Sư biên tập tựa đề mục lục để lần lượt phiên dịch. Sư bèn soạn tập làm thành năm quyển, chia ra bảy thể lệ, đó là: kinh, luật, tán, luân, phương, tự và tạp thư, dùng tiếng Hoa để phiên dịch, thành hơn hai ngàn hai trăm quyển. Vua Dương Đế lại ban sắc bảo Bùi Cự cùng với Sư chỉnh sửa “Toàn Thiên Trúc Ký”, văn nghĩa rõ ràng hợp điều xuyên suốt có nghi thức. Sư trước sau phiên dịch các kinh tất cả hai mươi ba bộ, một trăm quyển, soạn lời tựa, thuật bày mọi sự đều đủ ở đầu kinh.

Sư vốn bị chứng bệnh lạnh, phát lý bất thường, nhân đó mà thị tịch tại phiên kinh quán, thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó là ngày hai mươi bốn tháng bảy năm Đại Nghiệp thứ sáu (610). Mọi người theo tục duyên, buồn thương kính viếng, đón rước về an táng tại đất Bá Nhân. Ban đầu lúc sáng sớm Đại liệt, Sư tuy hình thể suy yếu mà thần thức tỏ sáng, hỏi đệ tử rằng: “Đã đến giờ thọ trai chưa?” Đệ tử đáp: “Chưa!” Sư lại nằm nhắm mắt, như vậy đến mấy phen. Sư mới xoay mình ngẩng cổ hướng ra cửa nhìn trời, bảo rằng: “Giờ thọ trai đã đến, ta đi đây!” Và bảo lấy nước rửa tay, đốt hương, thỉnh tượng Đức Di-lặc đến trước mặt, Sư chấp tay trông nhìn chăm chú, Sư mở mắt, nhắm mắt, qua ba bốn lượt, như vào thiên định hồi lâu mới tịch. Đệ tử dùng bông tơ đặt để tử mới biết là Sư đã tịch.

Sư thần tuệ sớm thành, tỏa phát từ thưở tám bé, vâng phụng kính tin trong trắng, tâm như thông bách. Bồn sư của Sư là Sa-môn Đạo Tối ở núi Ngũ Đài. Phong thái ngài Đạo Tối cũng cao vời trong sáng, nên chẳng rơi lạc vào môn phong. Hễ nơi Sư đến tu tập đều diễm nhiên tĩnh lặng. Tuy trải qua nhiều chướng vật ngang ngược mà Sư không hề mở lời đề cập đến, bị ức hiếp đạo tình theo tục, sắc lệnh phụ thuộc nơi văn quán, thường gặp phải Quang giá không hợp với tình. Từ đó, Sư bèn lập tiết tháo hư tông, buông tình chẳng so lường, duyên theo giảng tụng, ban đầu chưa nghĩ bỏ, Sư từng mộng thấy vào địa Ngục, thấy các khổ duyên, do xung niệm danh hiệu các kinh Phật, mà được giải thoát, đưa lên trên sơn lâu, bỗng chốc lại xem qua các ngục, thấy đủ các vị Danh tăng đồng giảng giáo pháp, bị năm thứ khổ gia hình, nói đủ các thảm trạng. Sư lại giảng nói cho nghe Thập Thiện, lâu sau mới tỉnh. Sau đó vài năm lại mộng thấy những việc trước, do xung niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, lại mong được thả khỏi. Vua Cao Tổ nghe được các việc ấy, ban sắc cho Sư ghi lại lưu xuất ban tặng cho kẻ Tăng người tục, trọn để cảnh tỉnh ngăn ngừa. Từ đó, Sư chuyên tư duy về tội nghiệp chất chồng, lắng dứt việc người, bất ý ngậm lời, hành trì pháp sám Phương Đẳng, cung cấp cho những người nghèo khổ bệnh tật. Về sau, Sư thường tụng kinh điển bằng tiếng Phạm, hơn bốn ngàn bài kệ gồm mười ba muôn lời, cứ bảy ngày một biến làm lệ thường.

Sư từ lâu đã tham cứu sự truyền dịch, khéo thấu suốt tiếng Phạm, nhưng các Đại sư ở Trung Hoa đều là giọng phái “Dấu Chân Chim”. Đến khi dùng chữ âm để chú giải nghĩa văn thì ít được chỗ phù hợp. Sư bèn soạn “Luận Biện Chánh” để sắp đặt thể thức của việc phiên dịch. Trong đó có từ nói rằng: “Di Thiên Thích Đạo An có nói phiên dịch tiếng Hồ (ngôn ngữ Ấn-độ) thành Tần ngữ (tiếng Trung Hoa thời nhà Tần). Có năm điều mất gốc và ba điểm chẳng dễ, đó là:

- Điều mất gốc thứ nhất là ngôn ngữ phải đảo ngược hoàn toàn để theo tiếng nhà Tần.

- Điều mất gốc thứ hai là kinh điển bằng tiếng Hồ Kinh chuộng thật chất mà người Tần ưa khéo Văn hoa, lưu truyền các tâm, không văn thì chẳng hợp.

- Điều mất gốc thứ ba là kinh điển bằng tiếng Hồ uỷ tất, còn như thán vịnh đình ninh lập đi lập lại hoặc ba hoặc bốn chẳng nệ sự rườm rà, mà nay lại cắt xén gọt bỏ.

- Điều mất gốc thứ tư là tiếng Hồ có nghĩa thuyết, chánh tự loạn từ, tìm xét về ngôn ngữ thì văn không lấy làm khác, hoặc một ngàn hoặc năm trăm mà nay đều cắt bỏ chẳng còn.

- Điều mất gốc thứ năm là sự do hợp thành, lại đề cập theo, trái vượt từ trước, đến sau mới nói mà đều trừ.

Nhưng trí thì trải qua tâm ba đạt, úp mặt mà diễn bày. Thánh ắt nhân nơi thời, thời và tục có khác, và san lướt nhả cổ để hợp với thời nay. Đó là điều chẳng dễ thứ nhất.

Người ngu kẻ trí cách nhau như trời vực, bậc Thánh bèn có giai vị, mới muốn đem những ngôn từ vi diệu trên cả ngàn năm lưu truyền khiến hợp hàng mạt tục dưới trăm vua. Đó là điều chẳng dễ thứ hai.

Tôn giả A-nan tụng ra kinh pháp cách Phật diệt độ không bao lâu, tôn xưng ngài Đại Ca-diếp thống lãnh năm trăm vị đã chứng đắc sáu thần thông thay nhau xem xét ghi nhận. Nay cách xa cả ngàn năm, lấy ý gần mà lường xét các bậc A-la-hán kia mới tranh nhau như thế, người sinh tử đây bình bình như vậy, há không cho rằng Pháp là mạnh ư? Đó là điều chẳng dễ thứ ba.

Qua năm điểm mất gốc nơi kinh điển và ba điểm chẳng dễ ấy, mà phiên dịch tiếng Hồ thành tiếng Tần, há có thể chẳng cần trọng ư? Chánh đang vì chẳng liên quan ở ngôn ngữ khác nhau mà truyền bá khiến biết hội thông. Sao lại hiềm tạt nơi được mất ư? Đó là chỗ chưa dám biết.

Tôi thấy Pháp sư Đạo An, riêng mình bảm thọ thần tuệ, nhắc cao Thiên tài, lãnh tụ các bậc tiên hiền, mở thông nơi hàng hậu học. Sửa kinh lục thì Pháp

tặng vượt xa, mở mang chính lý các oai nghi thì Tăng bảo càng hưng thịnh. Ở đời tôn xưng là Bồ-rát Ấn thủ há là luông dối ư? Thông rành mọi sự khó dễ của kinh điển tiếng Phạm, giải thích chỗ được mất của người dịch. Có thể được gọi là thấu suốt vào chỗ sâu màu, hay cứu xét đến nơi sâu ẩn. Còn như thể chữ Thiên-trúc đều liệt vào Đàm thanh, tìm xét nhã luận cũng dường như Nhân minh, xưa gọi chung phương ấy là nước Hồ. Ngài Đạo An tuy biết xa, nhưng chưa biến đổi thành ngôn ngữ thường. Người xứ Hồ vốn là con cháu của tạp chủng. Phạm Chỉ là mầm móng của chân thánh. Góc rẽ đã khác nhau, lý không xen lẫn, nếu chẳng khéo am tường thì thường hòa theo. Thấy có dáng mạo người Hồ liền cho đó là Phạm chủng. Thật là người thuộc Phạm chủng thì bảo quàng là sắc tộc người Hồ, chẳng phân biệt được giả thật, thật đáng buồn thay! Nói là Phạm, tuy lầm lẫn so với người Hồ, còn khác biệt, sửa đổi thành Phạm học, biết chẳng phải là Hồ. Trộm cho rằng sự hưng thịnh của kinh điển Phật Giáo, xưa nay vốn ở Tây vực, khởi xướng việc phiên dịch kinh, phát xuất ở Đông kinh. Trải qua nhiều đời lưu chuyển mở mang, mãi đến ngày nay không hề bị trụ lạc. Từ lâu, cho là dòng biến chuyển hơi nghi là thiếu sót. Dao động đua tranh nhiều sóng ít khi hồi tĩnh, bàn về cố sự ấy, lỗi ở người xưa. Còn như thuận theo năm dục, tin là khó bỏ, thường hành ba y, khổ hạnh tiết chế, nhất định chẳng dễ nhẫn. Cát đứt tình ái của Di thể (mẹ cha) đó là cửa cốt yếu để vào Đạo, xả bỏ tình thân của Thiên tánh, ấy là việc thường của hạnh xuất gia. Thế tục có thể trái lại bỗng nhiên đã trái lại. Phạm có lý đáng học, vì sao chẳng học? Lại nữa, mở sáng cho người mới học, cần phải đơn giản, đồng như tiếng chim oanh vũ, phỏng bước của Hàm Đan. Kinh doanh một chữ, dốc sức rất nhiều, trải qua nhiều năm, Đạo ấy mới rộng, mới có thể bao trùm trời đất lòng lộng xưa nay. Nghiệp tợ núi đồi, Văn loại như biển sâu. Khuôn phép của bậc Đại thánh xưa kia, lược được chương bản, biết chung thể thức, nếu nghiên cứu có công phụ thì sự nhận hiểu không ngưng trệ. So với phương này, thì cố nhiên chẳng phải khó, khó mà còn phải cầu hướng gì là dễ. Hoặc vì trong chấp nhân ngã, ngoài then thừa hỏi, uổng khiến bí thuật, rộng cách thần châu, lắng lời suy nghĩ đó, thương xót mà rơi lệ, xưa kia khiến ngài Trúc-pháp-lan trở về Đất Hán, Ngài Khương Tăng hội đến xứ Ngô, đồng bạn của Chu Sĩ Thành đến Phật Niệm, cuối cùng của ngài Trí Nghiêm Bảo Vân, mới bỏ y phục thế tục, tìm dạy chữ Phạm cũng thấm đượm Tăng số, trước giờ xem kinh điển lá bối, cho nên chánh ngữ của Ngũ Thiên lưu bố khắp Diêm-phù, ba lần chuyển vận diệu âm đều đưa đến Chân Đán (Trung Hoa) người người cùng hiểu. Xét về công khó của phiên dịch, đời đời đều sáng tỏ, xé tan lỗi của lưới nghi. Từ đó, Thiệt căn thường thanh tịnh, gương tâm càng trong sáng. Nương gá đó mà nghe nghĩ, mãi mãi là chủng tánh. Điều thuật lại của ngài Đạo An là mở lớn Huyền môn. Ở đó, những điếm quanh co nhỏ bé, các

hoặc chưa hết, còn phải cạy vào chánh văn hỗ trợ làm sáng tỏ, Di thức, thơ sơ mở bày yếu lệ thì có mười điều chữ thanh đó là:

- 1/ Cú vận.
- 2/ Hỏi đáp.
- 3/ Danh nghĩa.
- 4/ Kinh luận.
- 5/ Ca tụng.
- 6/ Chú công.
- 7/ Phẩm đề
- 8/ chuyên nghiệp.
- 9/ Dị Bản.
- 10/ Mỗi tự sơ lược về tướng trạng, văn rộng như trong luận.

Ngài Đạo An lại nói người trước truyền ra các kinh như ngài Chi- lâu-ca-sâm, ngài An Thế Cao, xét được bản kinh bằng tiếng Hồ, khó có người tiếp nối, ngài La-xoa-chi-việt; là người khéo đục đẽo, trộm nghĩ vì được bản mở chất, khéo đục đẽo là do ở Văn. Xưa dùng làm đục đẽo, nay chắc chắn chẳng dò xét, nắm lấy sự rảnh rỗi của Quan, thử lại luận bàn. Các bậc tiên giác tiên Hiền Cao danh tham thánh, tuệ giải sâu phát, công nghiệp mở rộng, khai phát đường Huyền, sớm vào cửa không, rõ chẳng rộng bày, nghĩa nên nhã hợp. Chỉ vì Phật giáo ban đầu lúc mới truyền bá, phương âm ít hiểu, do đó, việc phiên dịch ấy bèn sợ khó sáng tỏ. Chẳng phé bỏ hàng Hậu sinh đã tiếp nối các bậc tiên triết. Sách bằng tiếng Phạm dần dần truyền bá, Chân Tông có phần diễn bày. Sự tuyên dương lưu xuất ấy, trộm nghĩ có thể gọi là rõ ràng. Nhờ lời ấy mà liền giải nghĩa văn dịch khi xưa, đòi Hán giả sử giữ lấy Bản còn dám xa bàn nghĩ, đòi Ngụy tuy xưa cũ còn muốn dự ghi thảo luận, hoặc rườm rà, hoặc đơn giản, lý hàm dung chứa còn chưa thích hợp. Lúc què mùa lúc văn hoa nêu bày thật bất định. Vào đời Tấn, đời Tống chuộng sự luận bàn, bày nói tranh điều trần thuật, ở đời Tần, đời Lương trọng ở Văn tài, không theo thực chất. Chẳng phải không có bốn, năm vị Cao Đức biên tập đó lấy làm Đạo, tám, chín Đại Kinh ghi lục đó lấy làm chánh. Từ đó trở về sau đắp đổi nhau cùng làm theo. Sách xưa thành Pháp, có thể là hiến chương, xoay vần đồng thấy, nhân theo cùng biên chép, bất luận phải quấy, ai suốt cùng đầu cuối. Tăng man chỉ là vật đối diện, mới làm ra Hoa man. An Thiên vốn là tên của chấp tay, xếp bày làm thiên định. Các loại như thế hẳn cũng lắm nhiều. ngài Lưu-chi ở nơi Lục áp, nghĩa ít thêm mới. Ngài Chân Đế đời Trần nơi có lắm sự trang sức khác lạ. Nếu khiến các bậc Phạm Sư riêng đoán định thì lời huyền ít sửa đổi. Có người nắm bút cùng tham dự sửa chữa thì những ngôn từ khác sẽ xen lẫn vào. Ý là thà quý ở chất phác mà

gần với lý, chẳng dùng sự khéo giỏi mà trái với cội nguồn. Nếu như chỉ thấy thuần chất, xin chớ ghét rườm rà.

Ngày xưa, kính ngưỡng đối diện Tôn nhan đức Từ Phụ, trông nhìn còn chẳng đồng nhất, e gần gũi thừa hưởng dòng sữa pháp mầu, nghe nhận còn khác nhau. Tranh luận khởi nên mê mờ. Được thọ ký Niết -bàn, Bộ đảng khởi chấp. Chấp trước phép của Văn-thù, tuy nghĩa hai bên nhưng Phật cũng hứa khả. Mà Đạo của hai cõi, Tỳ-khưu chưa được đến cùng, song lâm sớm ần, nhất vị mới tồn. ngàn vị Thánh đồng chí nguyện suốt chín tuần (03 tháng) cùng kết tập. Những điều tạp toái tìm sai lầm vốn răn dạy loài Thủy Hộc. Sai lầm chút ít với kinh xưa. Một vị Thánh vừa mới mất, Pháp môn liền giảm. Ngàn năm đã xa, tâm người thành ngụy. Đã thiếu nghe của nước lụt, lại ít nói của dòng thác, muốn cầu thâm hiểu đâu có thể được? Vả lại, Nho học Cổ Văn biến đổi còn xằng bậy, người đời nay nói truyền còn sai lầm. Huống gì Phạm Thánh khác bực, đông tây cách xứ. Khó lại càng khó, luận bàn chẳng thể hết. Phải ân cần ba lần nghiêm xét, chớ vội vã ở một lời. Xét năm thì lợi có dư, tính ngày thì công chẳng đủ. Mở sáng tỏ mà lưu bố khuôn phép, chong đuốt đêm dài mà thành việc thường chuyên. Sự nghiệp tuyên dương phiên dịch chưa thể thêm. Kinh chẳng dễ dàng, lý nhờ ở Danh hiền, thường nghĩ Phạm vị tiết tháo trọn vẹn với nước gương, muốn gồm lấy, phải có đủ tám điểm:

- 1/ Thành tâm kính mến Pháp, chí nguyện làm lợi ích cho người chẳng sợ trải qua thời gian lâu dài.
- 2/ Sắp bước chân lên trường giác ngộ, trước hết phải gông cùm buộc chân, chẳng nhiệm sự cơ hiểm xấu ác.
- 3/ Giải thích thông hiểu nghĩa Tam Tạng thấu suốt hai thừa, chẳng khô mịt mờ u trệ.
- 4/ Trải qua các Phần Sử, khéo nói Điển từ, chẳng quá đàn độn vụng về.
- 5/ Có tâm bình đẳng dung thứ, khí lượng rộng rang bao dung, chẳng thích chuyên chấp.
- 6/ Đắm nơi Đạo thuật, tẻ nhạt với lợi danh, chẳng muốn cao huyễn.
- 7/ Phải biết tiếng Phạm mới dịch đúng được, chẳng rơi vào cái học ấy.
- 8/ Rộng xem thương nhã, am tường lối chữ lệ chữ triện, chẳng mờ tối ở văn ấy.

Người đầy đủ tám điểm ấy mới là người được, Ba nghiệp chắc chắn lâu dài, phong hóa chẳng dứt. Nếu lại tinh chuyên nghiên cứu mười bước đáng thấy cỏ thom, khéo léo thâm nhập một để dùng lúc gặp được gỗ tốt. Tuy xưa khó

trù tính, ngô hầu ở tương lai có thể tiếp nối. Cầu Pháp chưa gãy có gì phải nói, những người của Diên Khải chẳng trở lại lớn mạnh nơi Ngụy thất, các vị của Hộ Hiền đâu chỉ hưng thịnh ở đời Tấn?

Có người nói rằng: Một lời xa nói, cả bốn loài đều tự hiểu, rải khắp tâm Đại từ đều mong nhờ xa tỏ ngộ. Còn như mở nguồn Bạch Mã thì nói theo Lạc Dương, phát lời tựa xích ô, thì lời tùy ở kiến nghiệp. Không nên gượng đòi âm vận ấy mới phù hợp cực chỉ, phải khéo mở đọc, mới cứu xét huyền Tông, gặp bốn thì nương vào chân làm dốc tin. Xét thường không đổi, ở đời gọi là kính thuật. Thật tại nơi tâm chẳng liên quan Biện, hẳn khiến còn Phạm, há là thông phương?

Đáp rằng: Bàn luận mà chẳng kinh nương tựa, xấu hổ sự biết rộng, học hành mà không bè bạn, thối lui thẹn vì ít nghe. Chỉ cần chùy quan chưa bao gồm đất rộng, lý dứt bật Danh tướng, càng khó xuyên tạc. Xưa kia, dưới Viên Âm, thân lực thâm che chở. Khoảng nơi mẫn tự, lợi căn chóng khế hội. Nhưng nay, đất khác với Vương Xá, người khác miệng vàng, tức khiến cho khéo hiểu, nhất định biết khó hiểu. Kinh âm như viên nhả, có tâm ứng hợp. Thường thức thẳng vào Phạm Văn, đâu đợi gì lời dịch, vốn còn thiếu viên, dịch há là thuận thật. Điều chẳng phải viên thật, chẳng có xa gần. Vốn cố giữ âm dịch, nghi biến đổi ý. Một bề hay giữ mười điểm nêu bày có thể rõ. Duyên nơi tình mà phán nghĩa, thật là chỗ chưa dám. Như Hiếu thi hiếu chung an nhà trị nước đủ nêu cao Chí Đức, có thể mở mang yếu Đạo, hướng gì là khuyến phát tâm Tịnh Danh, quy hướng Diệu giác của Thiện Sinh, đâu nhờ xuống tóc cạo râu, khổ trái sự răn dạy ở thế tục, mang y bùng bát, vội sửa đổi nghi thức thế gian, ngồi nhận tăng hiệu, rõ cho đó là Lý. Xa học Phạm Chương thì thà dung túng phi pháp, tôn sùng Phật làm chính, cốt yếu thảo luận cội nguồn của chữ Phật. Tiếp nối giọng họ Thích làm chính, xấu hổ tìm con đường của chữ Thích. Không trông thấy kinh nghiệp thì chẳng khởi kính ngưỡng, bỗng thấy Phạm Tăng, bèn sinh tâm xem thường, bỏ gốc tìm ngọn, thật đúng chê cười! Tượng vận sắp cùng, pháp ấy hiện tiếp tục, dùng đó để tiếp nối thật đáng buồn thay! Ở đây Văn rườm rà chẳng ghi chép.

Ngài Ngạn Tông kính chuộng tông, y cứ nghiên cứu sâu nguồn giáo, nên các loại chương, sao, số, ký, không ai có thể sánh kịp. Sư soạn sách luận chẳng trình bày khô khan, soạn luận Phước Điền, luận Tăng quan, luận Từ Bi, luận Mặc ngữ, Quỷ thân lục, luận thông cực, luận Biện Thánh, luận Thông học, Thiện Tri Thức lục v.v.. đều ban từ rộng thấy, tinh lý đều hiển bày. Mới đầu, Sư soạn luận “Thông Cực” là phá các thuật thế gian và các nhà Nho không tin Nhân quả, chấp chặt nơi giáo tích, khéo sinh dị đoan. Điểm chính của luận ấy là lấy lý Phật làm cùng cực. Nói “Biện Thánh” là nói về giáo nghĩa nhà Phật, tuyên dương Không giáo, mở mang thế tục, bàn luận về giáo điển

của Lão tử chẳng khác tục Nho, như các Kinh Linh Bảo chẳng thuộc về Nho giáo. Nói là “Thông Học” tức khuyên dần khắp cùng các hàng Nho sĩ bắt chước Khổng Tử, Thích Tử, khiến cho biết nội ngoại, đầy đủ sự nhận thức về Chân, về tục. Nói là “Thiện Tri Thức” là nhân duyên lớn lên Thánh vượt phàm, nếu chẳng nhờ bạn lành thì chẳng có người nào đạt được.

Trong các môn nhân của Sư có Hạnh Củ, là con của anh Sư, chẳng lập hạnh ký lưu truyền ở đời. Ngài Hạnh Củ ở thưở thiếu thời theo học với Ngài Ngạn Tông, thưa hỏi dạy răn kinh điển. Hai nhà dịch ở Đông Tây đều tham dự, vì tánh rất giỏi Văn Hàn, xem thông các sách. Sớm bị Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Lính biết được nên rất kính lễ nồng hậu. Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) đời Tiền Đường, tâu trình lên Vua Thái Tông ban sắc mời đến. Khi đã đến kinh thất, Sư sắp xếp việc phiên dịch truyền bá, nhưng bị bệnh nên thị tịch, không diễn giải được, các hàng Hương tộc buồn thương tiếp rước linh cữu. Các kinh do Sư phiên dịch ở Triệu Châu, hiện còn đủ ở các bộ lục khác.

---o0o---

QUYỂN 03

CHƯƠNG I - PHẦN 03: DỊCH KINH

(Chánh truyện có ba vị).

- 1/ Truyện Sa-môn Bà-phả, người xứ Trung Thiên-trúc, trụ chùa Thăng Quang ở Kinh Đô thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Trách trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Đô.
- 3/ Sa-môn Thích Tuệ Tịnh trụ chùa Kỳ Quốc ở Kinh Đô.



01- Sa-môn Bà-phả, người xứ Trung Thiên Trúc, trụ chùa Thăng Quang ở Kinh Đô, thời tiền Đường

Ba-La-Phả-Ca-La-Mật-Đa-La, đời Đường dịch là Tác Minh Tri Thức, thuyết khác nói Bà-phả, Hán dịch là Quang Trí. Sư người xứ Trung Thiên-trúc, vốn chủng tộc sát-lợi vương, giòng họ Sát-lợi Đê. Năm mười tuổi, Sư xuất gia, theo thầy học tập, tụng Kinh Nhất Lạc-xoa Đại thừa, kinh có đến mười muôn bài kệ. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn học Luật tạng, hiểu rộng giềng mối giới luật, tâm ưa thích thiên định, nên Sư lại theo Đại sư Thăng Đức tu tập Định Nghiệp. Sư tu tập chẳng xả bỏ, suốt trong hai mươi năm. Sau cùng, Sư đi về phương nam, đến chùa Na-lan-đà ở nước Ma-già-đà, gặp

lúc Luận sư Giới Hiền đang truyền bá thanh hành “Luận Thập Thất Địa”, nhân đó, Sư đến nghe học. Vì trong luận ấy có nêu cả Tiểu giáo, lại đọc tụng các Luận như: Nhất lạc xoa Tiểu thừa. Sư có sự nhận biết thông minh, khí tiết cao sâu, thông suốt Nội ngoại, nghiêm tinh Đại tiểu. Các bậc Giáo thọ truyền giảng cũng như đồng bạn suy tôn Sư tiếp nối giáo hóa môn nhân. Bát-nhã nhân Đà-la-bạt-ma, v.v.. Học Công dụng xét thấu đạt giềng mối nghĩa lý, nay hiện thống lãnh đồ chúng tại Bồn Quốc giúp hoàng hóa, được các bậc vương thần ở đó khâm phục kính trọng, chỉ vì hàng Thích tử xuất gia chẳng vướng mắc tại một phương. Cứ sáu tháng có một lần đời đời, tùy duyên chẳng cố định. Thừa lúc Bắc Địch tham tàn hung hãn, chưa biết được nghĩa phương. Pháp tịch đông người, định sắp hoàng hóa, Sư bèn cùng gần mười vị kẻ tăng người tục lần lượt đi đến phương Bắc, tới nhà sở của Tây Diện. Khả Hãn Diệp hộ, dùng giáo pháp mà khuyên dạy, chưa được mười ngày mà đặc biệt được. Nhung chúa rất tin phục. Mỗi ngày sai hai mươi người lo liệu sớm tối, kính cầu phụng dâng. Các vị tăng tục đồng bạn đều được đãi ngộ kính quý, sinh phước thêm cung kính, mỗi ngày gấp bội hơn trước.

Niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) Cao Bình Vương ra làm sứ Phiên, do đó gặp gỡ ngài. Cảm kính phong hóa ấy, sắp đặt việc trở về phương Đông mà vua quan Diệp hộ lưu luyến chẳng ưng thuận. Cao Bình Vương bèn tâu trình. Nhà vua ban sắc, Sư bèn cùng Cao Bình Vương đồng đến yết kiến vua. Tháng mười hai năm đó, Sư đến kinh đô, vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc Sư trụ chùa hưng Thiện. Các bậc tài giỏi thông đạt trong Thích môn không ai chẳng tìm đến. Từ xưa, giáo điển truyền bá Từ Chi, có những chỗ chưa ví dụ, đều giao phó tông tự, Sư bèn vạch chỉ sự Đồng Di, Nội chấp ngoại chấp rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Bày hỏi cùng thù đáp, Sư phân tích giải nghĩa không đui lý, mới dâng thẻ tâu trình, mong dẫn vào nội kiến, Sư đích thân truyền trao Pháp lý, không làm lần đổi dương. Vua ban tặng Sư bốn mươi xấp lụa màu, và một y nạp mới nơi cung cấm. Sắp đặt thêm năm vị tăng lo liệu cung cấp. Lại thường hỏi han an ủi, Sư phải nhọc tiếp đáp khác thường.

Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) cho rằng các pháp hữu vi đều chẳng thật vui, xem lại lời chân thật cần yếu không gì hơn kinh sách nhà Phật, và điểm cùng cực của việc lưu thông chẳng gì trên sự phiên dịch và truyền bá, bèn ban chiếu cho các ty sở tìm tòi suy cử các bậc thạc đức, đầy đủ kinh luận Tam giáo, có được 19 vị, cùng đến chùa Đại Hưng Thiện, mở bày truyền dịch. Trong đó, các Sa-môn Tuệ Thừa v.v.. lo việc chứng nghĩa, sa-môn Huyền mô, v.v.. lo việc dịch ngữ. Sa-môn Tuệ Trách, Tuệ, Tịnh, Tuệ Minh, Pháp Lâm v.v.. lo việc sửa Văn.

Vua lại ban sắc cho Thượng-Trụ-Quốc-Thượng-Thư-Tả-Bộc-Xạ-Phòng-Huyền-Lĩnh, Tán-Kỳ-Thường-thị-Thái-Tử-Chiêm-Sự-Đỗ-Chánh luân tham dự hỗ trợ xét định, Quan-lục-Đại-Phu-Thái-Phủ-Phanh Tiêu Cảnh, trông coi xem xét tổng quát. Cả trăm ty sở dâng cúng bốn thứ cần dùng nông hậu. Ban đầu, dịch Kinh Bảo Tinh, sau dời đến chùa Thắng Quang, lại dịch luận Bát-nhã Đăng, Luận Đại Trang Nghiêm, tất cả được ba Bộ; ba mươi lăm quyển.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) xét duyệt tất cả và biên chép hoàn tất. Các sở ty đọc rõ mới dâng tấu trình. Nhà vua ban sắc mỗi thứ viết thành mười Bộ, lưu truyền trong nước. Và vua ban tặng Sư trăm thứ vật dụng, ngoài ra, các vị tăng cùng vâng thừa phiên dịch có khác là bó lụa. Vua lại ban sắc Thái tử Thứ tư là Lý Bách Dục soạn lời tựa. Đây đủ như ở đầu luận.

Với chí nguyện truyền pháp của Sư, tâm tình hoài vọng như tơ, nhưng các bậc Thanh Đức ở đương thời chỉ biết lo riêng cho chính mình. Có người cho rằng: “Bà-phả kiêu hãnh rong ruổi còn sau. Nên nhóm họp các vị danh đạt, phế bỏ giảng dạy kinh luận. Việc đó nay chưa phải lúc hoàng truyền lưu thông”. Có Sa-môn Linh Khuê là người trội vượt khác thường, khéo thấu suốt cơ hội, đối đáp hỗ trợ khiến đầy đủ sự lý rằng Ngài (Bà Phả) từ xa đến Đông hạ (Trung Hoa) tình trái với lợi danh, chỉ muốn làm cho Đạo Pháp lưu truyền đến ngàn năm, tiếng tăm vang dội suốt thời thượng cổ. Xưa kia dưới hai triều đại Phù Kiên, và Diêu Tần, các bậc Học sĩ phiên dịch kinh điển có đến ba ngàn vị, nay đây, dưới thời Đại Đường, người phiên dịch kinh chẳng quá số hai mươi vị! Ý là mong các bậc minh Đức đồng chứng biết, phải tin chẳng phải nói suông, đời sau rõ ràng phụng vâng chẳng nghi ở ngày nay. Các bậc thức giả cùng bàn luận thêm cũng đồng, sau đó chẳng thanh hành!

Bấy giờ, Thái tử bị bệnh, các nơi cứu chữa đều không hiệu quả. Vua ban sắc đón rước Sư vào nội cung. chỉ hơn trăm ngày, gần gửi hỏi han, Thái tử vâng thừa đối đáp không thiếu ý chỉ của vua, khi Thái tử bệnh đã dần đỡ, Sư bèn từ giã trở về bản tự. Nhà vua ban tặng ngài lụa nhiều v.v... sáu mươi xấp và mười bộ y phục. Sư thệ nguyện hoàng truyền giáo hóa, chẳng sợ nguy nan. Từ xa đến thông lãnh lưu hà, qua lại Chấn Đán, đường đi dài hơn bốn muôn dặm, tự thân mang theo kinh điển bằng tiếng Phạm, với hoài vọng đều phiên dịch hết, bất luận Anh ngạn có rơi lạc lời tơ. Vốn chỉ nguyện cao vợi, nhã hoài chẳng thể gièm chê. Nhân bị mắc bệnh, Sư tự biết không thể cứu khỏi bèn phân tán các thứ y phục, vật dụng đến các bạn tu Tịnh nghiệp, rồi đốn nhiên an tọa quán tưởng Di biểu thi thân của Phật. Nhà vua ban sắc đặc biệt chấp thuận. Sau đó, Sư thị tịch tại chùa Thắng Quang, thọ sáu mươi chín tuổi. Thái tử Đông Cung ban lệnh chu cấp hai mươi người đón rước nhục thân Sư về núi. Sau khi trà-tỳ xong, sa-môn Huyền mô thâu nhật Di thể Sư,

xây tháp tại chùa Thắng Quang, ở phía Đông tháp ngài Tuệ Thừa. Lúc đó là ngày mồng sáu tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ bảy (633).

Những người có sự nhận biết đồng than rằng “Bánh Xe chánh pháp chột không còn xoay nữa!” Trong bốn năm, Sư hiến dâng công sức dịch ba Bộ kinh luận, cốt cho được tuệ trông mong soi chiếu mê hoặc lâu dài. Dùng đó để mở mang Đạo pháp, mà chưa dám có tiếng tăm. Thế rồi, người mất Pháp tàn, kết quả sai lầm đến thế. Đó là sự xấu xa nơi Đông độ (Trung Hoa) chúng ta, chẳng phải là lỗi bởi Hiền giả ở Tây Vực. thật đáng buồn thương thay!

---o0o---

02- Truyện Ngài Thích Tuệ Trách trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô

Thích Tuệ Trách, ngài giòng họ Lý, người xứ Giang Lăng thuộc Kinh Châu. Sớm tỏ ngộ khác thường, thần thái tư duy bén nhạy xa vời.

Năm chín tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Ân ở trong Bồn ấp xin xuất gia. Pháp Sư Ân thấu hiểu Sư sáng suốt khác thường, liền độ cho xuất gia làm Sa-di. Ngoài những lúc giảng dạy rảnh rỗi, Pháp Sư Ân chỉ bảo cho những điều sâu mâu. Sư lãnh nhập Lý mâu không hề phải suy nghĩ lại. Cầm quyển kinh đọc tụng văn đầy cả bốn mươi trang giấy. Các bậc tài giỏi ở Kinh sở đều khâm phục khen ngợi. Ban đầu, Sư theo Pháp Sư Ân, nghe giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa. Sau, chỉ nghe giảng về Tam luận, đều phân tích mới lạ, rất mau lãnh hội.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư trụ tại Chùa Giang Lăng. Lúc ấy đang khai mở pháp tịch, chư Tăng nhóm họp, kẻ tặng người tục đều cho rằng Sư là người tốt lành, công phu sớm thành, nên đều muốn xét xem khí lực nơi Sư nên cùng nhau thỉnh ngài làm Pháp Chủ, Sư chỉ bày hướng dẫn có ý chỉ, nhân đó mà thực hành. Năm mười hai tuổi, Sư bắt đầu khai giảng kinh Niết-bàn, so sánh việc mà xướng từ, nghĩa cao thường bá, luận khó nối nhau, biện luận rành rỏi. Mọi người lớn nhỏ không ai chẳng ngậm lòng. Tiếng ngợi khen vang khắp nẻo đường. Thứ Sử Kinh Châu là Nghi Long Công Nguyên Thọ nghe tiếng tăm của kẻ bé thơ, kinh hãi trội vượt khác thường nên đích thân xa giá đến ra mắt, lại thấy gấp bội hơn điều nghe trước, nên khen thưởng lớn lao nòng hậu. Dem sự việc ấy mà tấu trình lên vua rằng “Sư là bậc Tài tú cao vội ít có ở đời!” Thế rồi, liền có chiếu ban bảo trong bốn châu lo đầy đủ lễ nghi đón rước tiễn đưa. Khi đã đến kinh đô, rất được sự hỏi han an ủi. Nhà vua ban tặng Sư áo nạp; y tăng-già-lê và một bộ y phục, và ban Sư trụ tại chùa Thanh Thiên. Ngài thư thái cùng Bạn đạo mến chuộng ưa thích huyền Nho, tài tuấn luôn nêu cao trích dẫn không cạn kiệt. Cùng tham dự có các hàng áo mỗ sĩ tộc đều thay nhau tìm đến cửa

sân, không ai chẳng ngợi khen Sư hiệp văn bác đạt, khéo léo nhanh nhẹn. Cuối cùng, Sư nhàm chán sự đua tranh phiền toái ấy, nghĩ muốn tự cứu giúp lắng thần, mới theo Thiền Sư Ứng, bảm thọ tâm học, đóng cửa thất suốt hai năm. Tình dầm qua các cửa, nói nín ở nơi Hiền Thánh, bàn luận trao lý ở Kinh Vĩ. Gặp lúc nhà Tùy vùi chôn Đạo pháp, phụng sự mất thường, đạo quan năm ấy tình vui dừng ở tĩnh lặng.

Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) - đời Tùy, Sư dời đến đỉnh núi Cao Quan ở Chung Nam. Nhân trên đỉnh cao, xây dựng am thất đơn sơ để lộ bày Tâm hình. Gặp lúc thời vận nhà Tiền Đường bộc phát hưng khởi, trăm họ được cứu giúp. Sư chẳng kệt bởi ta và chúng sinh, bèn đến thành vua, giảng dạy dần nâng cao, khắp thành đô đều xin thỉnh giảng.

Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Chư Tăng đông nhiều, thường thiết lập Pháp diên, đều trình bày khí vũ. Bảy giờ, tại chùa Diên Hưng đang an cư kiết hạ, Sư giảng kinh Nhân Vương. Các hàng Vương Công sĩ tướng đều đến nghe đông nhiều. Sa-môn Cát Tạng bèn dựng lập Luận Tông, Thanh Biện từ Thiên-trúc đến, các hàng quý tiện đều chú ý. Sư bèn thi thiết sự bén nhạy, lời trong trẻo, lý hài hòa, tư duy máy động đến Thần kinh chuyên, vượt bốn Bộ sợ hải lòng trăm chúa, ngài Cát tạng ngoài trông xem mà ngợi khen rằng: “Chẳng những luận Biện khó kế thừa mà ức chế cũng móc bạc ít theo được. nay nhà vua bị đất Phiên đích thân xét xin luận phủ, sâu cùng kết nạp, định kết làm thầy bạn”. Sáu người Sư đến thỉnh mời, khiến đến biệt đệ. Sư cho rằng danh tiếng một đời giết chết nhiều thân, trước kia có người từ chối bỗng lộc, tất cả đều chẳng nghe ban mạng.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) mở bày việc phiên dịch, ban chiếu chọn các bậc Danh tăng sử dụng văn bút có tiếng tăm và rõ biết cảo luận chỉ, mới đảm cầm nắm bút dịch Luận. Dịch xong, đem tấu trình. Nhà vua ban tặng một trăm xấp lụa, mỗi vị một bộ y phục. Sư lại trước thuật lời tựa của bộ luận, đề là “Luận Bát-nhã Đẳng”. Một tên là “Trung Luận” vốn có năm trăm bài kệ tụng, dùng đèn (Đẳng) để đặt tên. Trí Vô phân biệt có công năng Tịch chiếu. Nêu mục Trung tiêu, gương mặt thì duyên quán v.v.. là hai bên. Song, Đẳng vốn vô tâm trí, mất sự soi chiếu thì Pháp tánh Bình Đẳng. Nghĩa “Trung” ở tại đó, nên mượn luận để làm sáng tỏ ý ấy. Hễ luận, để giải thích ý chỉ, chấp theo tục thì mê ở chân, điên đảo giữa khoảng Đoạn và Thường, thảng thốt giữa Hữu và Vô, giữ lấy cái Danh vùi lấp cái thật, vịn theo cành lá bỏ mất cội rễ. Há muốn vậy ư? bởi có nguyên do nên thử nêu bày đó. Như gây nhân Phân biệt thì vùi lấy Quả luống dối, mê hoặc lâu dài đã un đúc bởi nội thức, bạn xấu ác kết làm duyên bên ngoài. Đến nỗi khiến khinh mạn rung động, tôn trọng núi nên thấy biển cả rộng sâu, lửa phần hận khó xúc chạm, từ bèn nhọn ít thích đáng. Nghe nói

“Hữu” tâm ưa thích, nghe bàn “Không” sinh phỉ báng. Với sáu thứ thiên chấp, đều tự cho là chẳng thiên chấp. Năm trăm luận sư tranh cãi trình bày Dị Luận, hoặc đem Tà nhiều loạn Chánh, hoặc lấy Ngụy để ngang bằng chân. Nhận biết dường như ngộ mà thật lại mê, giáo điển tuy thông mà lại càng bí lấp, có thể gọi đó mà mắt châu ngọc mua vui cùng sỏi đá, bỏ vật báu mà mang vác củi mục. Ngắm nhìn tranh vẽ mà sợ rỗng, tìm dấu vết mà khiếp sợ Voi. Yêu thích như thế, thật đáng thương thay!

Bồ-tát Long Thọ vì cứu đời mà xuất hiện ở đời, chê trách sự đam mê Dục lạc mà phát tâm, đọc kinh sâu xa mà tự mình hẹp hòi, được sự huyền lý của Đấng Độc Tôn. Đốt đuốc Pháp ở Diêm-phù, Địa vị đó vượt cả Sơ Y. Công phu vượt quá Phục vị, đã tận cùng Nhất thật lại nghiên cứu hai năng, mang hai ấn mà định trăm nhà, lẫn lộn ba không mà ngang bằng muôn vật, điểm số kiếp như cầm bụi để thử mọi khó khăn, thương các loài mê muội mà soạn ra luận ấy. Văn nghĩa sâu mầu, ý chỉ huyền diệu, khéo phá bày công. Khấp khiến các hàng Độn Căn phần nhiều khiếp sợ lui sụt. Có Bồ-tát phân biệt rõ ràng đối với Pháp Đại thừa thể nhân đại Đạo, xa xem đọc chân ngôn, vì đó mà giải thích Luận bàn, mở kho Bí mật, ban tặng Châu ngọc Như Ý. Sơ lược và sâu rộng cùng thành, thầy trò hiển bày lẫn nhau. Còn như tự thừa Dị chấp tích chứa khởi sinh ngàn mối. Ngoại Đạo khác chấp lãng xăng muôn mối. Cưỡi xe lừa đua trang với xe ngựa bốn con, lửa đom đóm tranh sáng với đuốc rỗng. Không ai chẳng nêu phẩm lại ấy, hiển bày sư Tông. Ngọc và Đá đã phân, đen và vàng cũng rõ. Tại Tây Vực nhiễm bút mới có vài nhà, khảo xét sự thật, chia chẻ huyền vi, đó là tinh nghệ. Nếu thông suốt gốc ngọn có sáu ngàn bài kệ, ngay bản bằng tiếng Phạm như vậy, nhưng ở phần phiên dịch thì có giảm bớt. Hoàng Đế ta Thần Đạo xa sánh với Hy Hoàng, đào luyện thì ngang bằng cùng tạo hóa. Sùng trọng gốc, dứt bỏ ngọn, không làm gì mà thái bình. Giữ mẹ còn con, chẳng nói năng mà yên trị. Cho rằng Thánh giao lưu truyền đến phương Đông đã trong thời gian lâu mấy trăm năm, mà chỗ trái với ước tượng hẳn còn nhiều lắm, ít thấy chưa nghe, nhọc trong thức ngủ.

Có Pháp Sư-Bà-Phả-Mật-Đa-La; người xứ Trung Thiên-trúc, học gồm báu mẫn, thông rộng các giải thích, vui mất cái ta, vui vẻ tinh thần sưu tìm huyền diệu mà dưỡng tánh. Cát bước du phương, có tâm niệm vì lợi ích chúng sanh, nên có khả năng mang cột móc truyền thân, nêu rắng bảo bạn, mạo hiểm giữa sương tuyết mà vượt qua Thông lãnh, xâm phạm cùng gió lửa mà dẫm bước giữa sa mạc. Thời gian suốt năm năm và đường dài hơn bốn muôn dặm. Vào niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời tiên Đường. Đầu đội mong Kinh điển bằng Phạm Văn đến dừng ở nói kinh đô. Xưa kia, Diêu Tần muốn có được Đồng thọ (ngài Cưu-ma-la-thập) phải khổ nhọc dùng đến

binh lính. Hán Minh Đế thỉnh cầu ngài Ca-diếp-ma-đăng phải xa nhọc Phiên Sứ, ở đây nên cảm ứng đạo bạn thâm phù hợp, nước nhà an lành, người tài đức sẽ đến. Quan ty trình tấu, rất vui thỏa lòng vua. Nên vua bèn ban sắc mời Sư (Bà-phả) trụ chùa Hưng Thiện và chùa Thắng Quang, mở đầu việc truyền dịch tân kinh. Và mời các bậc Sa-môn Nghĩa học cùng Vương Công Tể phụ đối xét phiên dịch luận ấy, nghiên cứu kỹ càng diệu chỉ sâu mâu, bỏ văn hoa, giữ lấy thực chất, tự thấy mừng vui hiểu được lý ấy. Cực văm thệ nghiên cứu rõ điều đúng sai. Văn tuy nhất định mà che lấp rõ ràng, nghĩa tuy sáng mà phải tra xét lại. Đến niên hiệu Thọ Tinh xem xét hoàn tất, thành tựu luận ấy. Quán rõ Trung Đạo mà còn “Trung” mất “Quán”, “Không” hiển bày Đệ nhất nghĩa mà được Nhất thừa không. Nhưng, xe của ty Nam vốn chỉ bày cho kẻ mê, kiếng của Chiếu Đắm để soi xét người tà. Không tà thì kiếng không cần phải thi vi, chẳng mê thì xe chẳng cần phải dùng tới. Luận ấy phá bày, đó còn như thế. Tuy chê trách nội mà ngăn bít ngoại, dứt hết vọng, suốt cùng chân mà chỉ còn điều huyền diệu. Phá tận cùng chỗ có thể phá, thênh thang thay! Lớn lao thay! Đón rước mà chẳng lường xét được cội nguồn, thuận theo đó mà chẳng biết tới ngành ngọn. Tin đó thì cùng mài giữa sáng sủa tâm thân, là thuyền xe vượt bể mênh mông, là sấm sét kinh hải hôn mê tỉnh thần thức, là nhật nguyệt soi chiếu con đường tối tăm.

Tại Trung Hoa, trước kia vốn có bộ Trung Luận bốn quyển, với số kệ tụng phần lớn giống nhau, do ngài Tân-đầu-lộ-già chú giải có phần tối nghĩa nơi Bộ Chấp, nên các học giả mịt mờ. Nay luận này đã khởi dậy, có thể làm khuôn phép soi sáng, ngõ hầu các bậc Quân tử Minh đạt thấu rõ pháp vị ấy. Lời tựa, Sư (Tuệ Trách) đã soạn xong mà chưa trình tấu ngay. Nhà vua ban sắc Bí Thư Giám Lư Thế Nam soạn lời tựa. Lư Thế Nam thấy lời tựa do Sư soạn liền khen ngợi, không lấy gì để thêm bớt. Nhân đó mà tấu trình lên Vua. Bèn đặt lời tựa ấy ở đầu quyển, truyền chép vào tạng kinh.

Đến ngày mồng sáu tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) Sư thị tịch tại chùa Thanh Thiên, thọ năm mươi bảy tuổi. An táng tại phía Đông Kinh Giao. Liệt Toại lập bia ca tụng hương thơm đức hạnh Sư. Thái Thường Bát Sĩ Trữ Lượng soạn lời văn.

Từ lúc biết Đạo của Sư, thường luôn tôn sùng sự biện nhã nhanh nhẹn của Sư, người đương thời cho là phỏng theo ngài Tuệ Thừa, hẳn là dốc lòng bàn luận, ngôn từ chú giải khó hiểu cho cùng, không thi vi nào chẳng thành đạt. Sư giảng các kinh luận, như Hoa nghiêm, Đại Phẩm, Niết-bàn, Đại Trí Độ, Nhiếp Đại Thừa, Trung luận, Bách luận v.v... đều giải thích chương bộ, quét sạch các thứ ngưng trệ. Sư lại đọc tụng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, âm văn thuần tốt. Lúc thuật lại cho chúng nghe thì lời tiếng trong trẻo, trầm bổng đến nỗi nhập thần. Sư lại tiết giảm các vật, dùng để viết tạng kinh, xét

duyệt vừa xong bèn sửa sang kính cẩn. Sư lại giỏi hướng dẫn, đứng đầu đại chúng, thư thả vui thích vật tình, được các bậc văn hùng ngợi khen, Sư đặc biệt rõ suốt cổ tích, riêng hiểu về thư họa. Các hàng Sĩ tử nơi chốn Kinh Hoa thường tỏ bày điều chân ngụy, Sư đều giúp họ thật định rõ về người đời. Sư, với căn chương từ thể nổi bật chốn năng lưu, nét bút Thảo, lệ tên nêu nơi Đài phủ. Mỗi lúc có Quan cung thẳng tập, hẳn mời Sư đến dự cùng. Các vị công khanh cầm giấy cầu xin Sư viết điền phó. Ngài tùy theo giấy mà phóng bút, bay nhanh như gió. Tảo úy hùng thư dệt hoa ở đương thời rất phong phú, nên lưu lại các thứ vui chơi rất nhiều, treo ở những nơi khuất chướng, hoặc khắc ghi bên phải chỗ ngồi. Sư soạn Vịnh tập tám quyển, lưu hành ở đời.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Tịnh trụ chùa Kỳ Quốc ở Kinh Đô

Thích Tuệ Tịnh, họ Phòng, người ở xứ Chân Định thuộc Thường Sơn. Gia đình nhiều đời nổi nghiệp Nho Tông nên trong làng đều kính chuộng. Ngài giống như con của Tùy-Triều-Quốc-Tử-bác-sĩ Huy Viễn. Vừa mới sinh ra thiên tánh đã vượt trội, nhã hoài thiên thập, phong cách cao vời, khí mạo rộng lớn. Ở độ tuổi bé thơ mà sớm tập học sách vở của Khổng Tử, hiểu suốt văn tụng, vẽ vang cho xóm làng.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia. Chí nghiệp tỏa phát rộng xa, mỗi ngày đọc tụng hơn tám ngàn lời, nắm rõ các từ nghĩa, ít có người sánh bằng. Sư đến các trường giảng để nghe giảng, dò hỏi chất vấn các điều thắc mắc, nêu bày nghiên cứu những điểm sâu màu thường đạt đến chỗ cùng cực. Sư nghe giảng Luận Đại Trí Độ và các bộ kinh khác mà thần thái vượt trội riêng mình, thấy nghe đều khác thường.

Có Luận sư Chí Niệm, tiếng tăm vang xa ở Đông Hạ, người thời bấy giờ gọi là “Hang núi suốt cùng giáo nghĩa Tiểu Thừa”. Sư (Tuệ Tịnh) bèn tìm đến theo nghe giảng các Luận Tập Tâm và Bà-sa, học được hai biển đã tinh thông đại nghĩa. Sư sưu tìm gốc rễ cành lá, chuyên vạch bày thấu suốt đến cùng. Do đó mà tiếng tăm tốt lành vang tỏa, học chúng kính trọng khâm phục. Cuối niên hiệu Khai Hoàng (sáu trăm lẻ một) đời Tùy, Sư đến trụ thành Nghi đế, thường phân tích trùng quan, tiếng tăm lại vang xa.

Đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, nhân tìm theo vết xưa, Sư đến Hoè lý. Gặp lúc Thi Bình Lưu Dương Hoàng nhóm họp các Đạo tục đến chùa Trí Nghiêm, muốn yêu cầu các Đạo sĩ trước mở Đạo Kinh. Khi đó, bạn Đạo tuy đông đây, nhưng không ai dám chống đối, Sư nghe bèn bảo rằng: “Ở cõi U minh kết tập được bốn Bộ, cần nhắc hai tông giáo, trộm có điều chưa hiểu, xin hỏi điều nghi. Thế nào là lễ của chủ khách tự có thường luân, giống như

giày và mũ, không thể điên đảo, đâu thể ở nơi chùa Phật mà bảo Đạo sĩ trước làm chủ ư? Giáo nghĩa Minh Phủ có thứ tự, xin chớ để rơi vào công tích! Lệnh có ý chỉ ư? Bao nhiêu lần lần ở sau tức khiến tăng sĩ ngồi ở trước. Chẳng nhục nhã được ư?”

Có Đạo sĩ Vu Vĩnh Thông, rất được người đời khen ngợi, là chỗ mấn trọng của Linh Hoài, lần lượt lập nghĩa rằng: “Có vật hỗn độn hình thành trước lúc trời đất sinh ra. Tôi không biết tên nó là gì, theo chữ thì gọi là “Đạo” khiến liền nói bày, và liền bảo: “Pháp sư chắc phải dùng từ ngữ nghĩa lý thích đáng mà đối đáp, không được phạm ngang đầu lên đuôi, khi đó khiến mũ bằng khăn”. Sư nhân đó, cười và Bảo: “Bản đạo đã không có mũ và khăn, vậy đâu thể phạm ngang đầu?” Linh bảo: “Nếu chẳng phạm ngang đầu thì phải phạm lên đuôi. Sư bảo: “Bản đạo cởi giày lên tòa tự có thể lên mà không đuôi. Minh Phủ mở đai mũ khăn thì có thể gọi là đuôi mà không đầu!” Linh tỏ vẻ bèn lên, Sư nhân đó hỏi Vu vĩnh Thông rằng: “có vật hỗn độn hình thành. Vì thể nó là một nên hỗn độn hay Thể nó khác mà hỗn độn? Nếu thể nó một mà hỗn độn thì ngay lúc hỗn độn đã tự thành một thì một chẳng phải Đạo sinh. Còn nếu thể nó khác nên hỗn độn thì lúc chưa hỗn độn đã tự thành hai, thì hai chẳng phải do một khởi trước sinh ra Đạo, cầm đầu xếp bày các thứ khác. Xin vì xét điều nghi!” Khi đó, Vu Vĩnh Thông mặt mờ, thẹn thùng không đáp được. Sư lại bảo: “Ông đã mở cửa tiếp đãi kẻ địch, đúng là phải cổ vũ dung thứ cho sự mạnh mẽ khác, chứ đâu được như cây Đào Cây mận mà lại mọc gai góc ư?” Rồi, Sư ngoái trông Linh, bảo rằng: “Minh phủ đã vì Đạo mà giúp đỡ lấy gì mà cứu giúp?” Linh bèn tỏ vẻ mới. Từ đó về sau, thường có sự cứu giúp, Sư đều ứng phó mà bề ngoài, không gì chẳng che vết.

Từ đó, đối với giáo nghĩa Đại tiểu thừa, ngài đều vui thường cả hai, nghiên tầm pháp vị càng sâu. Ngoài việc chủ thuật, Sư còn tìm dịch, không nhàn rồi. Bỏ quét nhà trồng, tổng lược tông xưa, Sư tiếp nối soạn Tạng Tâm Huyền Văn, thành ba mươi quyển, bao gồm các sách vở, gồm thâu xưa nay. Các bậc tài giỏi đều tham dự trầm ẩn. Sau cùng, lại dùng luận Câu-xá phiên dịch ngôn từ ý chỉ dồi dào rộng sâu, tuy có trình bày vết tích mà chưa hết sự tìm cầu nghiên cứu. Mới là không thầy chỉ dạy, tự ngộ riêng mình, Sư nghĩ chọn danh lý, bèn soạn văn số hơn ba mươi quyển, khiến cho diệu nghĩa của Bộ kinh nổi liền máu chột, sáng tỏ ở đương thời. Kế-tân Chánh Tông truyền phương Quý Tự, học sĩ Đinh Xuyên Dĩ Sơ Tôn thỉnh Sư chú giải Kim Cương Bát-nhã, Sư bèn soạn thích văn nêu nghĩa, chứa nhóm làm thành hưng thịnh, thấu cùng nguồn giáo của chân tục, suốt tận bí yếu của Đại thừa, lưu bố xa gần, viết chép tụng trì. Rừng từ ngữ Văn học truyền đến các tâm miệng, tiếng tăm chứa nhóm cùng tốt lành, tiếp nối kẻ vai thường nghe. Thái

Thường Bác sĩ Trữ Lượng, Anh Tảo trong sáng vượt trội, danh dự sớm vang xa, khâm phục đức hạnh tài giỏi ấy, vì soạn lời tựa dẫn. Trong đó, từ ngữ viết rằng: “Nếu khối lớn đều có hình tướng, đối trí theo vật. Tình do tập quán sửa đổi, tánh và lo nghĩ thay đổi. Cho nên xem xét thấu cùng, sáng soi Tiên giác, chong đuốc tuệ đã ra khỏi tối tăm lâu dài, vượt sông ái mà lên đến bờ kia. Cùng phàm trôi lăn muôn kiếp. Bởi nhiễm sáu trần, theo dòng vì không bờ mé, sai lầm rong ruổi mà đi vào đường hẹp. Chẳng đồng ngày mà nói. Dữu Sơ Tôn ở Đỉnh Xuyên sớm kính tin rộng lớn, cho rằng Bát-nhã là chỗ sáng soi kết quy về Chánh đạo, hiển bày danh tướng của Đại thừa, nêu chỉ Tông cực của Bát trụ, vượt khỏi tâm lo nghĩ, dứt bật ngoài niệm tượng nói năng. Do đó, mà kết tóc thọ trì qua nhiều năm. Tuy Diệu âm giảng nói thành văn tụng chẳng thiếu sót, mà nguồn kinh sâu rộng có chỗ chưa tỏ ngộ. Ôi! Mê lầm phương hướng ấy chẳng xa, ngoái nhìn đường giữa mài mà rộng dứt. Gặp được Pháp Sư Tuệ Tịnh thông rành nghĩa sâu kín, biện luận đồng như nước chảy, lý nghiên cứu, suốt liên hoàn. Dữu Sơ Tôn vào thất nghiên cứu, ứng phục khéo léo dẫn dụ, nương thệ nguyện ấy, vẫn cầu xin chú giải. Pháp sư (Tuệ Tịnh) treo kiếng xét soi quên mỗi mệ, chén Cù tự đầy. Trên nhờ Đạo của Thần ứng, bên cạnh dùng hết cơ tâm, bày xương lời nhiệm màu, tuyên dương chí lý. Nghi cũ ngày trước tiêu mất như băng tan. Nghĩa màu nay đây sáng rắng như mây vệt mở, làm rường cột của thời tượng pháp, biến đổi mắt tai của loài chúng sinh. Núi Từ xinh đẹp rọi ánh linh thúu mà cùng cao, suối lời khơi mạnh đến long cung mà tranh xa. Vả lại, Đạo Phật hưng khởi ở trời Tây, nguồn Đạo truyền rớt đến phương Đông. Vui đời Hiền Trí, tài hiệp với ưu, tinh gồm Duệ Chỉ, ít thấy hạng người ấy. Nay thì Diệu Môn mở mang lại, có tiếng ở đương đời, Tưởng rằng huyền tông ấy un đúc làm xứng thủ. Năm chỉ hưng thịnh tốt tươi, mở đầu cho Hoài tụ, tháng dâm trọng lã, nhân đó bật bút. Các hàng tăng tục kính ngưỡng, mái che thành bóng mát, gõ chuông, tùy theo tiếng lớn nhỏ, hươu kiếm phát ra sắc thái sáng lòa. Đồng một thời, học chúng chuyên môn thọ nghiệp, cùng vượt sóng cả, xa cùng truyền trao. Mới lại ngoái trông nhìn rùng xa, cúi nhìn an sinh. Riêng bước trên đường cao, đôi đương với Chánh Pháp, Liêu đông chân Bản. Trông mong theo vàng mà chẳng bỏ, nơi Chỉ Nam gửi gắm, cất giấu các thứ ngọc mà không hư mục. Há chẳng hưng thịnh sao, há chẳng hưng thịnh sao!

Vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) - thời Tiền Đường, bấy giờ Sư vì các vị Quan liêu trong Tam phủ trên dưới đều nhóm họp ở Diên hưng, các vị Đại Đức khắp kinh thành đua nhau trình bày ngôn luận. Có Pháp sư Thanh Thiên (có lẽ là ngài Tuệ Trách?) lập Phá nghĩa không, tiếng tăm vang dội rục rờ ở đương thời. Tướng Phủ ký thất vương kính nghiệp thưa rằng: “Pháp Sư

(Thanh Thiên) lên pháp tòa giảng bày nghĩa lý, khó đối đáp. Nếu chẳng phải sa môn Tuệ Tĩnh ở chùa Kỳ Quốc thì không ai có thể bề gãy được sự sắc bén ấy! Bèn báo cho Sư (Tuệ Tĩnh) cùng luận đối. Sư bảo rằng: “Nay ở bên cạnh Người Anh hùng, có xen bậc long tượng, kính vâng đối đáp cùng với Thượng nhân khó thành cao luận. Tuy nhiên, dám nhờ uy đức thâm góp sương thu, ân tuệ ban rải như mưa xuân, khiến Tuệ Tĩnh tôi thưa hỏi chất vấn thắc mắc nhỏ, để Pháp sư khen ngợi Đại tuệ, há chẳng phải là sự hưng thịnh của Phật Pháp ư?” Nhân đó, Sư hỏi rằng: “Chưa xét về Pháp “không”, “không có” gì mà phải phá?”

Đáp rằng: “Dùng “không” phá “không”, chẳng phải lấy “Hữu” để phá”. Hỏi vặn rằng: “Chấp “không” là bệnh, lại dùng “không” để phá. Thế thì, chấp “Hữu” là bệnh, lại lấy “Hữu” để trừ. Khước bỏ qua lại, nên không lấy gì để giải”.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628), tân kinh đã được truyền đến, sửa soạn việc truyền dịch. Vua Thái Tông (Lý Thế dân) ban sắc cho các Quan ty tìm chọn các bậc Danh đức. Sư cùng dự nhóm họp, lo việc ghi chép luận “Đại tạng nghiêm”, ngôn từ ý chỉ sâu mầu suốt tận lời Phạm. Bồn tông đã thành, đồng thời soạn văn sở thành ba mươi quyển, nghĩa suốt xưa nay, lời hay tiếng tốt. Tam Tạng Pháp sư cùng Bộc xạ phòng Huyền Linh, Hồng Lô Đường Kiệm Thức Tử Đồ chánh luận, Vu Chí Ninh vỗ vào lưng Sư ngợi khen rằng: “Đây là vị Bồ-tát ở phương Đông. Nếu tự chẳng phải thiên chất tinh sáng thì đâu thể dùng đến cùng cực lời ấy ư?” Đó là khác vực được khâm phục như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636), khai giảng tại Bồn Tự, các hàng vương công tể phụ tài biện có tiếng tăm không ai chẳng tụ hội. Bảy giờ cho là vẻ vang lắm. Kinh phụ dùng xoay, lớn lời trình bày, chống đối đều xứng Cơ, giao phó thư thả có thừa, Thái tử Hoàng Cân hoăng là người tài giỏi ở đương thời, là người khôn phép trong Đạo môn. Mới bày luận hệ, nhân đó bèn trung cầu, tự che lấp đầu mỗi ý nghĩa, lạc mất mạch lạc bồn tông. Sư bèn đặt từ điều dẫn, Thái Tử Hoăng v.v... mới uống khí mà trở lại. Cùng ngồi mở núp, quý thức đều tốt đẹp. Từ đó về sau, Sư gánh vác pháp tượng, kết chúng hội giảng dạy mở mang. Nên khởi hòa mục, hưng thịnh Đài phủ. Lương Quốc Công phòng Huyền Linh cầu xin làm Bạn Đạo với Sư, kết nghĩa làm Anh em. Sớm tối đến tham yết, tự thân dốc hết sự chí thành, cung cấp bốn việc cần dùng, với tâm kính thành. Sư tự hiểu rõ vinh hiển ấy, quên cả thân mạng vì Đạo Pháp.

Sư lại soạn Pháp Hoa Kinh Toản Thuật, mười quyển. Và các Kinh Thăng-man, Nhân Vương, Bát-nhã, Ôn thất, Vu-lan-bồn, Thượng Sinh, Hạ sinh

v.v.. mỗi kinh đều nêu bày yếu toàn, lưu hành hưng thịnh ở đời, đều là văn nghĩa chặt chẽ hay khéo, suy tôn lên cao. Nên mỗi lúc có mở mang rộng rãi làm tỏa sáng mặt trời Phật. Các hàng tăng tục tụ hội vui mừng hòa hợp cùng nghe. Bấy giờ, Đại Pháp được truyền bá khắp nơi, phần lớn cũng do công lao của Sư. Nhưng sở học ở cuối đời có lắm người nhận thức thấp cận, nếu chẳng liên quan bên ngoài thì lời nói không được giữ gìn. Như muốn phá dẹp được hàng dị Đạo thì phải lấy sở học này để làm đầu. Sư thường dùng một phần công phu đặt tâm vào Văn Sử, ngợi khen dẫn thành việc chuyên, bỏ ích cả tinh thần, mà tánh người ưa thích phong lưu, tình gửi gắm nhân hậu. Tâm tư tràn đầy niềm thương mến, quên mình tiếp vật, thư thả viết lời sáng sửa, suốt ngày không mỏi mệt, nên khiến mọi người xa gần nghe được đạo phong của Sư đều đến tham thỉnh rất đông, Sư đều ứng biến tiếp bày. Tinh thần mọi người vui thích mà trở về. Hoặc dùng bút làm thi phú, duyên tình cảm hứng mà nêu bày, suốt trong mười ngày, tác động thành văn hội.

Pháp Sư Hòa Lâm ban đầu soạn “Xuân Pháp Tập”, viết rằng:

*“Non Thửu sáng chọn trước
Kỳ viên bày kính xưa
Triết nhân trọng gót võ
Hoàng Đạo gặp bày Rồng
Tòa cao hoa sen mọc
Mây trần rung thông sương
Bụi bay nâng nhã Phạm
Gió đến dẫn sơ chung.
Lời tĩnh lặng Biển nghĩa
Luận bày cao từ bén,
Tâm rộng, Đạo dễ hợp
Vết rộng đạo khó bày,
Gió động lay khí tốt
Ngày đẹp mở giờ êm.
Tài cao ví Nhã Thập
Trông mình lắm bạn theo
Dùng đây kính chứa lành
Ngõ hầu gặp Linh hoa”.*

Sư lại cùng các bậc anh tài gom góp ngôn từ làm bài Phú “Đắc thăng Thiên hành” (Được đi lên trời) với lời thơ rằng:

*“Đón gió qua Lang uyển,
Vỗ hạc xuống Doanh Châu
Muốn ngắt cỏ chi đẹp,*

*Trước theo ngàn hận đi
Cười Phụng ngâm sáo rỗng,
Gá bè thả dòng trôi,
Tuổi già một lần dừng,
Mới nghiệm thu Đại thung”*

Sư lại cùng Lô Tấn Phủ đi đến Đạo tràng chùa Kỳ Quốc làm bài thơ rằng:

*Mặt trời soi nhà Hán
Sao chiếu tối triều Chu
Thành pháp từ đây dựng
Gác hương vốn cao vời
Mâm Châu hứng sương móc
Chùa Phụng rử khí lành
Rơi chiếu vào cửa trống
Ráng hồng kéo qua cầu.
Tài cao tạm nhìn thẳng
Giải mây nhẹ nhàng trôi
Muốn tìm ngựa hay giỏi
Trợn là Tạ Liên Lộc”*

Lại, một ngày giữa đông tại Chùa Phổ Quang, đang bị bệnh, thấy tuyết rơi trên những con đường cũ, Sư làm bài thơ rằng:

*“Ôm bệnh khổ lâu ngày
Mở cửa nhìn trời xa
Mây lạnh duỗi lại cuốn
Tuyết rơi dứt lại liền
Hoa lạnh soi gác sách
Trắng bay theo đàn cầm
Xoay nhẹ rơi thơ thần
Sáng ánh như dải lụa
Quanh thềm như hạc múa
Cây rung tợ Hoa tươi
Luống thưởng điềm hụng thạnh,
Lo lắng, tợ thương xót!”*

Lúc ấy, các bậc Đế triều Tế quý, Triệu Công, yên công trở xuống các bậc Danh thần cùng hòa xướng, có đến cả trăm bài. Trung Thư Xá nhân Lý nghĩa Phủ là bậc tài giỏi của Văn uyển khen ngợi mãi không thôi. Và viết lời tựa của tập thơ, v.v.. do đó, lời xướng càng cao, các bậc Huyền nho đều ghé mắt đọc xem. Hàm lâm văn sĩ suy thừa quán tuyệt, tranh nhau soạn tân chế, thỉnh cầu Sư vạch chỉ vết sai. Sư cho rằng việc làm của người sai chẳng có

gì lạ. Rồi mới tìm tòi góp nhặt những hay đẹp ở cận đại, soạn “Thi Anh Hoa” một pho mười quyển. Các hàng thức giả ưa thích noi theo xem xét chỗ hay ho. Ngô Vương hỏi bàn cùng Lưu Hiếu Tôn là bậc Văn tài cao trội, vì soạn lời tựa, viết rằng:

“Văn là nghĩa của Phật giáo lớn rộng thay! Chỗ trí thức chẳng thể đặt để Danh ngôn. Chỗ xem nghe chẳng được thấy biết. Các ngài Mã Minh, Long Thọ mở mang Thánh chỉ ở trước, các ngài Tuệ Viễn, Đạo An rộng hóa lời nhiệm màu ở sau. Còn như tiếp nối dấu vết cao mà dắt dẫn, nhảy vượt khuôn phép mà đi xa. Như vậy, ai là người có khả năng? Chỉ có Pháp sư Tuệ Tĩnh. Pháp sư bản tánh thuần hòa, bản chất do núi sông ban giáng tinh thể. Thần cõi mở bên trong dung lượng, tâm tỏa sáng rõ bên ngoài. Ở tuổi tóc để trái đào mà đôi nhật, tóc vừa bới chỏm lại tham huyền, ngẩng lên cao tới ngọn cây, đến tận thêm mây bằng thước mộc, nước lớn dâng tràn. Tắm gội mặt trời, dẫn ở suối đầy mà đuốc tuệ sớm tỏ. Thiên tượng sớm hưng thịnh, đến duyệt xuyên mà dứt tư lự, nhìn nước Định mà vui vẻ tâm thần. Bụi ngủi kia luống sống, tỏ ngộ thường vui đây. Ba thừa áo nghĩa vỡ lở như băng tan, Pháp môn Nhị Đế mừng vui thuận lý. Bồng chóc bắt đầu từ Đông Hạ, Trọng tích tại Tây Tần. Đến chỗ trường giảng lãnh hội lời hay mà ảnh hưởng. Vạch nghi bỏ trệ, nghĩ nhớ nghĩa cao mà ảnh hưởng theo, gương sáng thường soi chiếu không mệt nhọc, hồng chung đợi gõ mà ngân vang. Cùng Bờ đây lượng, dổi đi thật về. Thật là rường cột của Phật Pháp, lãnh tụ của Tăng đồ!

Trước kia, tôi đến chốn kinh đô, được tỏ bày cảnh một, lặng lẽ chốn tịnh vạch mây mà trông thấy quang cảnh. Vắng vẻ an nhàn vào thất mà sinh hư bạch. Pháp sư đem thực tế mà chỉ bày tôi, lấy chân như mà dẫn dắt tôi. Trút vào Biển, chẳng biết nó cạn sâu. Núi học luống trông sự cao vợi. Vì những lúc Pháp sư nhàn rồi việc giảng diễn, đến xin chỉ dẫn Hàn lâm, như là bài “vườn liễu cây Du trời”, Vịnh “A các tựa song”. Ngụy vương ở Bắc Sơn bày nghĩ Nam Quốc, bài Phú “Tự trông như trăng sáng”, “Trời mưa nhỏ” của Bành Trạch. Đến khi Nhan Tạ duỗi vẻ đẹp, Nhậm Thâm góp nhặt Văn, đủ để lý hội tám âm, lời hợp bốn thi, đều lần lượt noi theo, tích chứa làm thành khuôn phép, há riêng ngồi sáng ở ngày trước mà không người tiếp nối thước mực hay sao? Ở đời gần đây các bậc Văn nhân tài hoa xuất hiện. Vua Võ Đế (561-579) thời Bắc Chu chấn chỉnh Hùng Đồ, sửa sang Chương Phủ. Vua Cao Tổ (Đương Khiêm 581-605)- đời Tùy cất giấu anh lược, đẹp định Giang Hoài. Đây một xe sách, mở lớn trường học. Ôn hình danh dự vang xa nơi Đông Hạ. Từ Dữu giá được xem trọng ở Nam Kinh, Vương Tư không đơn lẻ xinh đẹp một thời, Thâm Cung Tử nêu kỳ đặc trọn đời. Tất cả những kẻ sĩ tài đức ấy đâu thể thiếu sót ư? Tự xen vào thành cũ mở vạt khơi tỏa cảnh

sáng, mờ lớn Văn Đức, đạo thông suốt Tiên Vương. Kẻ sĩ xa trục theo gió đến, hang rừng, khách mời như mây nhóm. Nên có thể đè nén hay nâng cao Hán Triệt, mang thai nuôi dưỡng Tào Phi, Văn nhã chứa nhóm phát khởi từ đó mà thành hành.

Tôi tuy chẳng thông minh nhưng trộm có ý chí, hang son ngậm đỏi, tiếc Lăng Cốc mà dời thay. Ở đó dễ muộn, so thường sự khó thường người đời. Nên thỉnh Pháp sư tạm trở về Thanh Giám, góp nhặt từ thập, cắt bỏ phiền tạp, vì Quân tử không khoe khoang, chọn lọc thơ chưa làm vết ấy. Sau khi Lưu Đình Úy chọn chỗ vườn thơ, biên chép mà tiếp tục. Có Dữu Sơ Tôn ở Dĩnh Xuyên, sức học suốt bao trùm Phần Tố, hạnh ngang bằng Nham Mẫn, và Phủ Vi Sơn ở Kinh Triệu, sáng rõ có tiết tháo đặc biệt, sau bắt đầu gồm các lời, cùng Pháp sư chu toàn, tình vượt keo sơn, thấy sự hưng thịnh ấy đều cùng tán thành. Mạng sống con người có giới hạn, Dữu sơ Tôn chợt qua đời. Lời vĩnh biệt xót xa biến đổi. Trong khoảnh khắc trông xem Di Văn ấy, lâu ngày bày dấu vết. Nay cũng lần lượt vấy bẩn đến người sau! Pháp sư vâng theo chương cũ biên soạn Hồng liệt ấy. Tôi nhân những ngày nhàn rỗi kính thuật lại những phương pháp tốt đẹp đó, khiến cho Dĩnh xưng sở về với đàn sáo mà phát ra âm hưởng. Xuân hoa thu thật cùng với đất trời còn mãi lâu dài. Bèn sai bày chúng ghi chép phương pháp tốt đẹp ấy. Năm chúng cùng mừng vui được trí tuệ nhận biết đó. Tất cả những người có tham dự hay lưu lại trong nhà cất lấy một bản. Từ đó, Nước nhà thường luôn nhóm họp đông đảo, Sư hẳn là người dẫn đầu. Mỗi lúc vào cung vua, Sư có lên Thượng tịch, kén chọn hợp với tâm Vua, các cung đều kính trọng.

Từ lâu, Hoàng Trữ hưởng bổng lộc đức tổ, nên đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) ông nhóm họp các Quan cùng các bậc Học sĩ trung Tam Giáo (Thích, Nho, Lão) đến điện Hoàng Văn, và thỉnh Sư (Tuệ Tĩnh) khai giảng Kinh Pháp Hoa. Đạo sĩ Thái Hoǎng giảng về Đạo (Lão) luận, rất khéo léo tốt đẹp. Vua Cao Tông (Lý Thế Dân) ban lệnh cho cùng nhau đối Kháng luận. Khi đó, Thái Hoǎng sửa sang dung nghi hỏi rằng: “Kinh gọi là “Phẩm Tựa thứ nhất” chẳng hay biết Tựa và thứ là thuộc phần nào?” Sư bảo: “Đức Như Lai nhập định bày hiện điềm lành, phát ra ánh sáng khác lạ chuyển động Đất trời, hoa rưới xuống như mưa, mượn xa để phá gần, vì phá hai nên tăng lớn làm sáng tỏ một Do tiệm, nên làm “tựa”. “Đệ” là Cư (ở), Nhất là Thi (đầu). Phẩm Tựa là ở trước hết, nên gọi là “Thứ Nhất”. Thái Hoǎng nói: thứ (thứ tự) tức là em. Đã là Đệ thì không thể gọi là Nhất(Một). Nói là Nhất thì không thể gọi là Đệ. Hai chữ ấy mâu thuẫn, làm sao hiểu được? “Sư bảo” Ngày xưa chẳng gọi Đệ tức là Cư, và Nhất là thể ư? Vì ông đã không lãnh hội được ý chính ở trước, mà sai lầm trình bày vấn nạn ở sau, khiến trở thành làm khó cho tự mình, đâu thể làm khó người khác được”. Thái Hoǎng

bảo: “cho rằng tôi không lãnh hội, thì xin giải thích lại.”. Sư bèn mở lệnh bảo: “xưa kia có hai người, một người tên là Xà-noa, hễ nói chỏi thì quên quét. Còn một người tên là Thân Tử, nghe một mà hiểu đến ngàn. Thế thì, Xà-noa nghe lại mà chẳng ngộ, còn Thân Tử chỉ vừa mới xướng đã được thông hiểu. Đó chẳng phải do người truyền đạo không rõ, mà chỉ là bởi người nhận lãnh Pháp không có tài trí. Thái Hoãng nói: “Pháp Sư nói tiếng chẳng ra khỏi môi làm sao nghe nhận được?” Sư bảo: “Bồ-tát giảng pháp, âm thanh rung chuyển cả mười phương. Đạo Sĩ ngồi tại chỗ mà như mê như say, đầu hay hình thể điếc mù, trí ấy có lẽ cũng có”. Thái Hoãng nói: “Đã can nói pháp làm sao nghe được?” Sư bảo: “cõi trời trang nghiêm hùng vĩ, lí bật vết thú. Đạo sĩ hôn mê nên cho người là súc vật”. Khi ấy, có Không Dĩnh Đạt giữ chức Quan cúng rượ lên Quốc Tử, tâm còn a dua theo Đạo Sĩ, giấu quạt ruồi mà bảo rằng: “Nhà Phật vốn không tranh cãi. Có sao Pháp sư lại gây nên như thế” Sư bảo: lúc Đức Thế tôn còn ở đời, việc ấy đã xảy ra, Phật phá hàng ngoại đạo, ngoại đạo không thấu suốt, trở lại nói Phật rằng: “ông thường tự nói bình đẳng. Nay đã dùng cực nạn mà phá ta, tức là bất bình, vậy đâu gọi là bình đẳng” Phật trả lời “ lấy bất bình nơi ta để phá cái bất bình nơi các ông, nếu các ông được bình tức là ta bình. Và, nay đây cũng như thế. Lấy sự tranh cãi của Tuệ Tịnh tôi để phá sự tranh cãi của Đạo Sĩ kia. Đạo Sĩ ấy được không tranh cãi tức Tuệ Tịnh tôi không tranh cãi”

Lúc đó, Hoàng Trữ bảo Không Dĩnh Đạt rằng: “Ông đã nói hết lời, tức thật là a dua với Đạo Sĩ. Sư bảo: Tuệ Tịnh tôi có nghe. Người Quân tử phải biết không a dua. Không Dĩnh Đạt đây cũng a dua ư?” Hoàng Trữ tự nhiên vui vẻ cười lớn. Cả pháp hội tung bừng hơn hở. Nhà vua ra lệnh bảo: “Chẳng những pháp lạc dẫn đến như thế”. Nên mục đích của Pháp sư Tuệ Tịnh là muốn cả Tam giáo đồng phát ngộ cùng lúc. Sư đã từng vào nội cung cùng các Đạo Sĩ kháng luận, bàn nói quyền bính tạm thời chỉ huy, khiến mọi người ngồi chung quanh đều kinh sợ. Thái Hoãng, v.v... là những bậc tài giỏi thống lãnh trong đạo môn mà gặp phải trường hợp bị đốn phá như thế, tiếng tăm đều mất. Hoàng Trữ mắt chăm nhìn thần thái bén nhạy của Sư mà khó nói thêm gì được, bèn thỉnh Sư làm chủ chùa Phổ quang.

Ban hạ lệnh viết rằng:

“Pháp Sư Tuệ Tịnh là bậc Thượng toạ ở chùa Kỉ Quốc, thật đáng danh xứng cao xa, hạnh nghiệp nổi bật. Nếu làm khuôn phép trong chốn già-lam thì sẽ có lợi ích lớn. Nay xin mời trông coi đảm nhận chùa Phổ Quang”

Sư lấy việc mở mang tuyên giảng làm chính, thích ở chỗ vắng vẻ. Tuy đội ân vinh hạnh mà tâm chưa an, mới quanh co cao từ, song không được chấp thuận. Bùn ngủi cảm khái ân sủng ấy, bèn vội viết khái văn cảm tạ rằng: “Cúi

vâng ân lệnh cho Tuệ Tĩnh tôi làm chủ chùa Phổ Quang, nhưng trông coi việc Thượng tọa ở bốn tự (tức chùa Kỳ Quốc). Kính vâng lệnh chỉ, sợ sệt chẳng biết liệu tính thế nào! Chỉ vì Tuệ Tĩnh tôi chẳng toan lường được sự vụng về dốt nát, ít chuyên kinh luận, dụng tâm vượt quá khả năng, nhân đó mắc bệnh lâu ngày khó chữa khỏi. Cứng cổi tự chó ngựa, tuổi già suy tẻ ngày một rất lắm. May nhờ còn được mạng sống mà nạp dưỡng. Ít khi giảng nói, gọt mài ngu độn, khuyên răn lếu láo, hỗn tạp đủ thứ xuy hư. Còn như cầm nắm lấy giếng mối, từ trước đến nay không hề rõ biết, sửa sang tăng chúng vốn việc chẳng quen. Ân sủng khiến kéo lôi kẻ ngu dốt suy yếu này đều là việc ân kia. Trộm nghĩ buồn thương rằng: “Cá nai đổi chỗ, mất sự thích nghi của khô ướt. Tròn vuông thay chất, trái với tánh nhậm vật. Tình đã chẳng bằng, sự thật bức bách cõi lòng. Vỡ mình kinh sợ, chẳng rảnh yên nghĩ. Nhưng ân chỉ to lớn, không dám từ nhượng. Kính cẩn dâng khải văn cảm tạ tâu trình, càng thêm lo sợ”.

Hoàng Trữ ban lệnh đáp rằng: “Chợt then nhục đón thư đem đến, rất lấy làm khoái khắc an ủi. Sau ba lần đọc kỹ, bất giác mừng vui! Trộm nghe rằng: Đức Như Lai tuy dấu vết khởi tại nhân gian, mà Đạo trùm ngoài trời. Thân Công Diệu lực chẳng thể suy nghĩ bàn luận, vắng lặng vô vi thì đường ngôn ngữ dứt, trạm nhiên thường trú thì chỗ tâm hành diệt. Chỉ vì chúng sinh trần đầy phiền não, chìm nổi nơi sông ái, không thể không cứu vớt chúng sinh thoát ra dòng sông rộng lớn, khiến đưa lên đến bờ kia. Nên vào ra trong ba cõi, lên xuống ở sáu loài, rảo khắp mười phương, chỉ vì như thế. Như ở đất phước Vườn Nai, non Thửu linh sơn, rưới Cam lồ ở rừng thiên, quay bánh xe pháp nơi cõi tịnh, căn dặn các Bồ-tát cứu độ muôn loài. Sau đó, phát ánh sáng trên khuôn mặt, diệt ảnh ở Song thọ. Thuyền báu tuy mất mà Di giáo hiện còn. Đó là Pháp thân Đức Như Lai không khác. Nhưng người có khả năng mở rộng Đạo, Đạo chẳng mở rộng người. Xa thì có các ngài Dilặc, Văn-thù, gần gũi vâng thừa âm chỉ, gần thì có các vị như Phật-đồ -trùng, La-thập mở sáng kinh giáo, năm trăm lẻ một bậc Hiền, tin tưởng chẳng phải nói suông, ngàn dặm một lần gặp bởi chẳng phải lời luống dối. Pháp sư trước kia đang ở thế tục, môn xứng Đức chung, bay dải mũ nơi trường Đông, nhả lời ngọc trên trường học, nên được bao dung hậu còn, truyền tốt đẹp giống như con. Thường dùng thơ xung ba trăm, chẳng lìa khổ không. Điển lễ ba ngàn chưa khỏi nơi sinh diệt. Nên phát thệ nguyện lớn, hồi hướng đạo Bồ-đề, cắt bỏ hai búi tóc, đắp mặc ba pháp y, còn như kệ tụng của Đại thừa, tiểu thừa, Văn nghĩa của Quảng thuyết, lược thuyết. Hay những Bộ Thập tụng, Tăng-kỳ, Tám bộ Bát Nhã là luận của hai ngài Vô trước, Thiên Thân, đàm lý của Pháp môn cú nghĩa, đều vạch trần bụng ngực, khơi tháo đục trong. Còn như lên giảng toà, mở ra trường giảng. Tinh nghĩa nhập thần, tùy loại đều

hiểu. Tả viết biện của dòng thác, khơi động từ của Liên Hoàn, Bích Khê vinh dự ở Hán Thần, Bạch Mã ngợi khen nơi Ngao lại. So sánh điều ngày nay với ngày xưa. Ấy lại phải người nào? Do đó kính ngưỡng thỉnh cầu Pháp sư làm chủ chùa Phổ Quang, kiêm trông coi việc Thượng tòa ở Chùa Kỳ Quốc. Lại nghe rằng: “Nếu Tâm riêng lành có hạn thì lý cứu giúp chúng sinh chẳng rộng, ý phân biệt ta và người chưa mất, thì tình giữa ta và người chưa bằng phẳng. Và lại, chùa Phổ Quang và chùa Kỳ Quốc đều là Đạo tràng, xưa trụ nay ở đâu có gì khác nhau mà Pháp sư lại viết trong Trạng Văn là Cá Nai đổi chỗ, mất thích nghi của khô ướt. Đó là ý còn nơi khiêm nhường, giả gọi là trân lạ. Xưa nghe rằng: Trưởng giả Lưu Thủy cứu được mười ngàn con cá. Thợ săn nơi hoang vắng đâu hại được nai ba quy y, chỉ khiến lưới bẫy không dùng thì ngôn tượng tự quên!”

Sư lại cảm tạ rằng: “Lại mong đợi lệnh chỉ, ân đơm nhuần càng lớn, tìm sâu thêm lo sợ. Chỉ vì Tuệ Tĩnh tôi, Học hổ thẹn soi chiếu tuyết, hiểu thẹn thùng với truyền đăng. Lạm chịu vinh hạnh được đến chỗ chẳng hoài mong. Lại được nhờ ban rủ thân bút ấy, ban khắp dẫn dụ rộng lớn ấy. Văn sáng rõ thần tượng, điều hợp với đá vàng. Thêm nữa ân bao gồm cả Đạo tục, thấm nhuần cả còn mất. Khen đến cao sâu, thí vượt núi biển, tuần hoàn trăm biển, buồn vui lẫn lộn. Luống biết thâm cảm, há bày đóm sương, từng phiên khúc giáng. Trông lại mình có lắm hổ thẹn. Kính cẩn dâng trạng văn cảm tạ tấu trình, lại càng thêm run sợ!”

Lúc Sư đến thì Hoàng trữ lại hạ lệnh ban cùng chúng tăng ở chùa Phổ Quang rằng: nghe rằng: chánh pháp ẩn mất ở Tây vực, Tượng giáo lưu truyền đến Đông Hoa, xưa qua nay lại trải nhiều tháng năm, mà các ngài Nan-đà, Ca-diếp, Mã Minh, Long Thọ đã đồng như Bình tả, nếu có Đăng truyền nên được Diệu Chỉ vi ngôn, rủ văn thấy ý. Cho nên, ba mươi hai tướng tốt khắp đầy trời người, mười hai thể loại kinh truyền bá khắp các cõi. Người do từ đường ấy thì cao thẳng trên đường cái thông bốn hướng, kẻ mê lạc lối thì trôi lăn trong sáu thú. Hang lý pháp môn, Huyền tông mật tạng. Nếu chẳng phải là bậc sâu sắc rộng lớn trong thiên hạ thì ai có thể cùng như thế ư? Hoàng Đế đem Thần đạo thiết giáo lợi ích chúng sinh, nên xây dựng Nhân từ khắp nơi, tiếp nối làm hưng thịnh Chánh giác. Chọn đất tốt ấy, xây già-lam này. Thỉnh mời Danh tăng đứng đầu nước nhà, trung nêu Thượng Thủ của đế Thành. Các kẻ sĩ nơi núi rừng chống gậy đi đến, tân khách chôn triều đình mặc áo rảo đến tòa. Nghĩa Diên đông đúc, Bàn Pháp đông đầy. Thật là ruộng phước của xóm làng, là cõi thọ của muôn dân. Lại thêm, từng doanh điệp cán, Tháp báu đài hoa, đánh gõ Hồng chung mà chẳng huyền nao, xướng cao Thanh Phạm mà càng tĩnh lặng. Như Đức Phật Lô-xá Na an tọa nơi Pháp Đường Phổ Quang, linh tướng tốt tươi, thần biến vang hưởng. Lấy

nay để so sánh xưa, tôi cùng thăm hợp, giữa khoảng Danh và khí đầu chấp nhận lập sông. Nhưng mà tăng đồ kết tập phải có kỷ cương. Hỏi các đại chúng ít gặp được người ấy. Nhiều ngày tìm kiếm nêu bày lại thêm bàn luận, đều nói rằng: Thượng tọa Tuệ Tĩnh ở chùa Kỳ Quốc, tự tánh thanh tịnh, chẳng phải nay mới có. Phong thần tuần tú tài giỏi, thấu mắt chẳng thích hợp nay. Còn như tạng báu nơi cung rồng, tôn kinh tượng lực, đều vượt trội tự sinh nhận biết, không thầy chỉ dạy, riêng mình tự ngộ. Đầu chỉ có thuyết Tứ Đế; Nhất thừa, sự luận bàn Bảy chỗ tám hội, muôn câu lấy chỉ quy, được hướng đến chân thật mà thôi. Nên cũng tẩy trừ huyền yếu, đọc xem chí ngôn của họ Lão, lọc sạch tinh vi, tuyên bày Nghĩa mầu của Trọng Ni. Không gì chẳng hết lý cùng tánh, tìm gốc bày nguồn. Đức hạnh Sư đến như thế. Học thức Sư cũng đạt như vậy. Nay thỉnh Sư làm Tự chủ chùa Phổ Quang, trông coi cả việc tại chùa Kỳ Quốc. Song, Ngài nghĩ ngợi rút lại muốn sống tĩnh lặng chẳng chịu đảm nhận phải ân cần tha thiết thỉnh cầu mới chịu chấp nhận. Chỉ vì gia nghiệp của Bồ-tát, thể chuộng hòa hợp. Nếu đắc Vô Trách tam-muội, tự nhiên dứt hẳn đoạn mười phiền, cũng nguyện cầu tất cả chư tăng trong bốn tự cùng nhau mở rộng ý này”.

Và với lễ nghi trong việc kính thỉnh đều y cứ làm theo tăng pháp. Lại bảo ban sở ty kiến tập giảng hội, thiết trai cúng dường, tất cả đều thỉnh Sư rộng khai giảng nghĩa lý. Sư cho rằng các hàng quan liêu tụ tập đông nhiều, vinh quang một thưở, nếu không phải do năng lực của Kinh pháp thì làm sao có được vậy? Nên mới khai giảng Kinh Pháp Hoa, sau cùng giảng về đại luận. Các bậc tài giỏi cao quý tìm đến tấp nập cả Pháp hội. Nên hay tiếp nối, dẫn dắt tăng tục, vỗ về truyền trao học thức, dạy cúng tế, ruổi rong luận bàn làm ảnh hưởng rất lớn về kế hoạch tốt, đếm mức thấu đạt thanh ngôn, rạng ngời trước, dứt bật sau.

Có Thái tử Trung Xá Tân Tứ, với học thức thông cả Văn sử, mà ngạo dôi tự khoe, đề chương đặt bút, không ai dám đương đầu đối lại có soạn viết xong được gì thì Tân Tứ đều sắp bày ra đất. Cho rằng trong chúng Tăng không có người nào được cả. Ngài tức giận sự khinh thường ấy, mới soạn luận để phảng kháng. Với lời Văn rằng: “Thích Tuệ Tĩnh tôi ở chùa Kỳ Quốc kính đáp lại với Đông cung Tân Trung Xá rằng: Bày đọc xem cao luận, rộng nghiên cứu tinh vi, ý chỉ dồi dào, văn từ hoa nhã đến nỗi kinh tâm lòa mắt. Biện suốt sáng tỏ, lý vượt liên hoàn. sâu khó thốt nhiên ngang dọc, buông vẻ đẹp hay nổi tiếp, ánh ngời rạng mây sánh cùng rực rỡ. Hợp vàng đá để cùng hài hòa, Văn chương rực rỡ. Khơi thấu sâu mầu, nếu chẳng là kẻ sĩ anh triết thì ai có được tâm trần đầy như thế. Dồi dào thay của bậc Thượng nhân, nên khó cùng đối mặt. Tôi nhẹ đem trí không thông minh, dám soạn viết dâng tấu bày, đâu thể bảo rằng: xét nghi thà đáp khách hỏi vặn.

Luận chép rằng: “Một lời diễn xướng mỗi một tùy loại mà nhận biết. Các loài chúng sinh nhỏ bé máy động đều có tánh Phật. Vậy thì Phật-đà cùng Tiên giác, nói theo tục khác. Trí tuệ và Bát-nhã nghĩa vốn huyền đồng. Tập trí giác như chẳng là Thắng nhân, niệm Phật tuệ há lên quả màu?” Xin đáp rằng: “Lớn thay điều nêu lên ấy! Xa kín sâu màu, mịt mờ khó lường biết. Chúng ta có thể tin ư? Hay là nghi ngờ? Nếu tin thì chẳng lẽ không như thế, còn nếu không tin thì chẳng lẽ chẳng sâu vậy ư? nhưng mà, hàng hạ sĩ chẳng cười. Vì chẳng đủ lấy làm Đạo. hàng Trí cận chẳng nhạo báng. Vì chẳng đủ lấy làm sâu. Hàng kính đạt cao minh, chắc chắn không cười hay nhạo báng. Chỉ bởi lời nói ấy lảng lạc, lý đả trong hiềm nghi. Nay tôi nói lược đại khái cho nghe, như là hỏi Đồng mà đáp khác. Văn rục rờ nơi sách Không, Danh một mà nghĩa trái. Lý rõ ràng trong kinh Phật. Như tên gọi đồng thì chẳng chấp nhận nghĩa khác, thì hỏi một chẳng được đáp khác. Thẻ lệ này đã lên thì kia đồng đều tự xuống. Nếu ông chưa thấu hiểu thì sẽ chỉ bày lại. Hễ trụ vào không chỗ trụ thì muôn điều lành do đó mà gồm tu. Làm không gì chẳng làm, một lời do đó mà đều ứng. Đâu chỉ dứt bật thánh, xả bỏ trí, ôm lấy một, giữ lấy mềm yếu, lạnh nhạt riêng mình tốt, nghĩa không gồm giúp. So sánh lời hơn kém, đó có thể thường ư? Hai Tông đã trình bày, trăm nạn ngừng dứt”.

Luận chép rằng: “Chắc chắn cho rằng Danh ngôn kia đây có thể phân biệt, một lời mà mỗi mỗi tự hiểu, là thường quen không bàn luận”. Xin đáp: “Thật ý chỉ của Như Lai cũng phải phân biệt. Trộm về tiêu dao nơi một. Chim Bằng, chim yến chẳng thể ngang bằng chín muôn. Tốt tươi hay khô héo là đồng. Cây xuân cây nắm chẳng thể ngang đến tám ngàn năm, huống là lửa bó đuốc mà ngang bằng mặt trời, mặt trăng.

Phương của ngậm tưới lúc mưa, thà đem phân đồng làm sáng tỏ thấm nhuần, mà bèn quân bình sự tươi sáng thấm nhuần. Còn như một sơn hào, lớn hay nhỏ, Bành Thương đều là thọ yếu. Cột đình loạn ngang dọc, thi lệ lẫn lộn sự đẹp xấu. Ấy đều do cùng đả ngộ nhau chẳng nhất định, xâm đoạt lẫn nhau có thể quên. Trang Sinh do đó dứt bật chỗ có bít lấp, chẳng thể cho là ban đầu không vật. Đó là vì tôi phân biệt, thì ông phân biệt, ông quên phân biệt thì tôi quên phân biệt. Quân tử bàn dữ may không luận cợt bỡn, một lời dễ mất, dấu xe ngựa bốn con cũng khó đuổi tìm. Văn ấy dạy răn, sâu sắc đáng thận trọng thay!”

Luận chép rằng: “Các Hành vô thường, xúc loại duyên khởi, lại tâm có đối đả, giúp ý vượt tìm cầu. Vậy thì ta thanh tịnh thọ ở huân tu, tuệ định thành do khéo khắc”. Xin đáp: “Có vô thường nên ta đi, có duyên khởi mới có ta đến, cho nên ta đi. Ta há là thường ư? Mới có Ta đến, ta há là đoạn ư? Mới nên tương truyền, nhờ huân tu để thành tịnh. Tốt Xấu cùng thay nhau, chẳng

phải khéo khắc mà khó công, cho nên sinh diệt phá bỏ Đoạn Thường, Nhân quả hiển bày Trung quán. Tốt tươi thay, là tông bàn luận u, là Diệu vậy! Đó thật là Trang Thích Huyền Đồng, Đông Tây lý hội, mà chúng ta bỏ kia lấy đây, vậy không sai lầm hay sao?”

Luận chép rằng: “Tiếp tục nuôi sống Chim le, giết tiết chim Hạc dang thường há là chân như. Cò hóa Ong bay, ở đâu yếu mất?” Xin đáp rằng: “Tự nhiên tức là Báo phần, huân tu tức là Nghiệp lý. Báo phần đã định, hai chim kia chẳng ham muốn ở mạng sống ngắn dài, Nghiệp lý vốn duyên, hai chim đều đợi chờ mà bay hóa. Nhưng mà sự vật hiện tượng dễ nghi, thâm hợp khó hiểu. Kẻ sĩ cầu vẫn làm hoặc không dứt, còn như những vị Đạo chúng được bốn quả còn mê mờ hạt châu trong túi áo, Bồ-tát hàng Thập Địa, còn mịt mờ la học. Các bậc Thánh Hiền còn như thế, huống gì hạng tâm thường u? Tự chẳng soi kiến ba minh, hùng bay bầy biện tài, đâu có thể khéo khế hợp huyền cực, phu diễn nghiên cứu sâu màu? Bàn đạo nhờ vị thọ nghiệp cửa nhà, bè bạn theo đó gỏi. Nguyện có thể chọn tốt lành, dám dăng có sô củi rạc. Nếu như khua đánh, xin nguyện rõ điệp vàng vậy!”

Khi ấy, những người Quý đạt ở khắp cả lang miếu đều kính ngưỡng cao phong, mỗi người cất giữ một Bồn đeo ở cổ áo, cùng nhau tụ bàn vui lấy làm lời trước tiên. Tân Tứ ngay khi ấy mang đội trên đánh đầu, chóng bỏ lưới tà. Chón đế đô vinh hiển, vạch mây trông nhìn mặt trời. Mỗi tự thấu triệt vàng lụa, tạo dựng phước đức lớn.

Có Sa-môn Pháp Lâm là người bao gồm kinh sử, nắm bắt mọi điều, thấy biết những điều xưa trước. Nhân phá tà nghi mới gởi thư đến, thư viết rằng: “Gần đây được đọc xem luận Chiết Nghi đáp lời Tân trung Xá, từ nghĩa bao trùm, nêu bày tỷ dụ siêu tuyệt. Ánh sáng ngọc làm mờ mắt của Ly Chu. Tiếng khua vang làm nhức óc Sư khoáng. Hấn về Diệu lý cùng trong Hoàn Vũ, sự tận cùng vườn biện luận. Thí như ngọc hành ngang bằng Tuất mai, như biển cả mênh mông gồm thâu nước trăm sông. Rực rỡ thay! Cao vợi thay! Lời vượt quá sự thấy nghe, lý thoát ngoài sự nghĩ bàn, đủ có thể lấp cửa các sự thấy biết, mở đường đặc ý. Còn như Trú không chỗ trú, nghĩa của gồm tu ở đó. Làm không gì chẳng làm, công tề ứng lớn. Dem lệnh giữ mềm yếu, Nhan hậu khéo léo bền lên hình dung. Mới hiển bày lý khác, há Huyền đồng có thể được hay sao? Hễ lập tượng để bày ý, được ý thì tượng quên mất, nếu quên được điều đáng quên thì tình của đây kia đều hết. Chẳng phải quên cái chẳng đáng quên thì tình của đây kia đều hết. Chẳng phải quên cái chẳng đáng quên thì cái khác của Đại Tiểu có khác. Vậy đủ biết, mặt trời mặt trăng đã lớn dụng thì không dùng ánh sáng của bó đuốc. Lúc mưa đã tuôn, há nhọc phiền sự đơm nhuần của ngâm tưới. Nên nói đây kia có thể quên, chẳng phải là không đây, cho nên ta đi, vì cố đi mà biện luận vô

thường, Ta mới đến, gá mới đến mà bàn về Duyên khởi. Chẳng phải mới, chẳng phải cũ, nghĩa của huân tu chẳng thành, không sửa không khắc thì công tốt xấu ai mang lấy. Bởi lấy sinh diệt để phá cái mê đoạn thường kia, gá nhân quả mà nêu bày đường của Trung Quán ấy. Chấm dứt Đoạn kiến, thường kiến thì yếu mất đồng quy, lý Trung Quán dung thông thì chân như tự bày. Hoặc bàn về nghiệp lý để làm rõ huân tập, chợt mở Báo phần để giải thích tự nhiên. Ý vượt ra đầu mối tình cảm, chỉ quá ngoài văn. Báo phần có đó, le hạc tự quên mất mạng sống ngắn dài. Nghiệp và lý làm nhân cho nhau thì cô, ong mỗi thứ tự chịu bay hóa. Có thể gọi đó là ở trong không danh tướng mượn danh tướng để nói, hiểu chân hội tục, há chẳng vậy ư? Tân Trung Xá có thì Thiên bâm chưa ngang bằng người có thuyết tận lý. Ông ấy có thể xấu hổ với tang ngẫu. Nhan sinh có then thì ngòi mà mất. Có thể dứt hai thứ lấy, bỏ, hết nhất trí của điên đảo. Sở dĩ được đó, Tề cũng chưa là mất, Pháp sư thông hiểu chúng sinh chẳng ai bằng, Trí nghĩ vô hạn. Ngay đây riêng bước một mình, và ngay đây làm rường cột. Đã là chỗ mọi người cùng nhận biết, thật cũng Danh xứng vang khắp. Thêm vì nhiều lần ra mắt nơi cửa vàng, từng lên chỗ ngòi trên, quạt gió huyền nơi áo hạc, đánh trống pháp ở lâu rồng, bày thứ quý trút rót vào sông mòi, Ngũ sư suy cử Thần tuấn. Đã tung cánh che, lại vung vải bề rộng.

Ngang hàng cùng Chi tuần, Vương Hà đầu kham cùng sánh. Phương của Miên Tổ, kê nguyện chưa đủ liên hành. lấy xưa liệu nay. Sư có đủ như thế! Pháp Lâm tôi bị bệnh ở Nam Sơn, gá tâm nơi hang sâu, chẳng ra chẳng ở, mệnh mang nghĩ ngợi với gió mây, chẳng thấy chẳng nghe, gởi tình cùng suối đá. Tình cò xem đọc Danh tác, thật dứt ưu phiền, chợt đọc Huyền chương, thì dứt bệnh tử xưa. Bồi hồi ngâm đọc, xoay quanh quán mở, cất giữ ôm hoài trong tay áo. Bất giác lấy giấy viết chữ lược bày mãnh ý, kính cẩn bộc bạch thư này!”

Ngài soạn Phú Từ vì các Đạo Hiền khen ngợi như thế. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) cũng còn xem trọng việc Phiên dịch, quan sở ty phân biệt, lại không liên loại. Nhà vua ban chiếu thỉnh Sư đến, Sư cáo bệnh bèn thôi. Nay Sư đã sáu mươi tám tuổi, tiếng tăm vang vọng càng cao. Tâm bệnh có lúc phát động, hoặc dùng mưa Pháp, tạm có lúc đăng lâm đến nơi học quán. Bạn nghĩa thì tiếp nối mũ miện Sư, văn cú thì định phân dài ngắn, từ thể thì nêu bày tinh hoa, âm vận thì hòa cùng hài điệu, thần khí Sư cao sáng đủ dẫn những lẽ yếu hèn, nghi dụng Sư sâu sắc càng mở Liên sĩ. Đó đều là tự bắt đầu mà liền viết. Nên không thể hết những tiêm ần, v.v.. của Sư.

QUYỂN 04

CHƯƠNG I - PHẦN 04: DỊCH KINH

(Chánh truyện có hai vị)

1. Truyện ngài Thích Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.
2. Phạm Tăng Na-đề chùa Đại Từ Ân ở kinh đô.



01- Truyện Ngài Thích Huyền Trang trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô

Thích Huyền Trang, ngài vốn tên Vĩ, họ Trần, là con cháu của Hán Thái Khâu trọng cung. Con cháu dời đến ở Hà Nam, nên là người họ Hầu ở thị, Lạc Châu. Ông nội Sư là Khương Bắc Tề Quốc tử bác sĩ, Cha của ông mẫn tuệ, sớm thông kinh thuật, thân cao 08 thước, mặt mắt sáng trong, được phong làm Giang Lăng lệnh, nhưng từ chức mà lui về. Lúc ấy là khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-607) đời Tùy. Các vị thức giả lấy làm khác tợn. Đợi chờ ẩn trầm nên thế. Ngài có người Anh vốn xuất gia trước, tức là Pháp sư Trưởng Tiệp, dung mạo rực rỡ, hình nghi khí cụ khôi ngô anh tú. giảng nói giải thích nghĩa kinh, người học rất đông. Hiện trụ chùa Tịnh Độ ở Đông Đô. Nhân thuở thiếu thời, Sư bị khốn khổ nên anh Sư vì thế mà dấy. Thường ngày giao cho tinh lý, cạnh đó kiêm xảo luận.

Năm mười một tuổi, Sư đọc tụng các Kinh Duy-ma, Pháp Hoa. Tại Đông Đô thường độ tăng, Sư bền dự cùng xuất gia. Từ đó, Sư là bậc phát chánh chân cao vội, đồng bạn chẳng sánh bằng, Sư miệng đọc mắt lược xem qua không thiếu sót. Thấy các vị Sa-di đùa bỡn quá lắm, Sư bảo rằng: “ Trong kinh chẳng dạy răn ư? Hễ là người xuất gia thì thực hành theo Pháp vô vi, chứ đâu lại thường làm trẻ con đùa bỡn? Đáng gọi là luống không một đời”. Sư nghĩ suy ôm hoài nghiêm chỉnh, còn xem thường mà chẳng chọn lựa. Sư vượt hẳn mọi người,, nên để lại hình nghi trước lời nói.

Bấy giờ, ở Đông Đô, pháp sư Tuệ Nhật đang mở rộng Pháp tịch, thường giảng nói các Kinh luận như Niết-bàn, Nhiếp Luận, Luân trì. v.v....Sư đến nghe thọ, sớm tối tư duy chọn lựa. Tăng chúng lấy làm lạ, mừng vui kính phụng, ngợi khen phong thái của Sư. Mến kính Sư như thầy bạn cùng dự vinh hạnh. Đại chúng trọng chuộng công phu học hành, mở lớn việc làm. Lúc ấy, Sư vừa mới mười lăm tuổi. Do đó, Sư chuyên môn thọ nghiệp mà tiếng tốt vang xa.

Trong những năm còn lại của niên hiệu Đại nghiệp (...627), giặc giã đói kém, hai duyên pháp và thực không ai cứu giúp. Nhờ có Sa-môn Đạo Cơ cõi khai hóa, dẫn dắt pháp tục. Tăng tục đều khâm phục kính trọng. Sư và anh bèn cùng theo, đi đến Trường An trụ chùa Trang Nghiêm. Lại chẳng phải chỗ vốn hoài mong của Sư, nên đi về hướng Tây, vượt gác kiếm. Khi đã đến Thục đô, Sư liền thọ học Luân A-tỳ-đàm. Chỉ một lần nghe qua liền nhớ ghi, thấy xung với người xưa, tùy lời xét lý lại cao trội khác thường v.v... Còn như các Bộ Tỳ-bà Quảng Luận, Tạp Tâm huyền nghĩa, không thứ nào Sư chẳng nghiên cứu đến tận cùng ngõ ngách, ngọn ngành vóc dáng. Nhưng các bộ luận ấy tại Trung Hoa đã truyền bá, giảng diễn rất nhiều, các bản chương sao đồng dị tính ra có hơn hai mươi thứ đều kết tập, cất trong tứ phủ, văn từ tự nhiên. Còn như đối với thuyên chỉ được mất, mà Sư hay dẫn dùng không mắc kẹt, người đương thời đều sinh ngờ vực về sức ghi nhớ của Sư thật từ xưa ít có. Sa-môn Đạo Cơ thường ngoài trông nhiều mà khen ngợi Sư rằng: “Từ lúc trẻ, tôi đã đến nhiều trường giảng, song, chưa từng thấy vị thiếu niên nào thần ngộ như người này!” Bạn Đạo nghe học ở trong Pháp tịch đều gọi Sư là “Anh hùng”. Bốn phương nhiều vấn nạn, tất cả đều trở về thưa hỏi. Sư cùng xung tán, qua miệng truyền lời.

Có Pháp Sư Tăng Cảnh là người giảng về Nhiếp Luận, tiếng tăm vang vọng cả Ca Diên. Người đời cho là khó có thêm được người nào nữa tìm tòi được tinh xét. Tất cả đều do Pháp Sư theo tông chỉ, y cứ góc cạnh sâu sắc, cân nhắc rõ ràng. Xưa nay, Nhiếp luận có mười hai trụ nghĩa, trong ngoài gồm có mười hai nhà giải thích vạch bày, giảng truyền trì tụng, dần hồi dẫn đến có lấm mịt mờ. Mà Sư (Huyền Trang) ban đầu mới nghe qua, ghi nhớ không sai lầm mấy may. Lên pháp toà lần lượt trình bày, chẳng cân nường theo nữa. Bèn giải thích lại, hình trạng vượt cả sự đã thành trước. cùng loại như thế có rất nhiều, không thể nói hết được.

Niên hiệu Võ Đức thứ năm (622)- thời tiền Đường, lúc đó Sư mới hai mươi một tuổi, vì các Học phủ, Sa-môn Hùng Bá mà giảng “Luận Dương Tâm”, chẳng nhìn lời văn mà đọc giảng trôi chảy khôn cùng. Người đương thời xem Sư như là vị “Thần”. Nếu chẳng phải thần làm sao có khả năng như thế? Sau đó, Sư cùng anh cùng trụ tại Chùa Không Tuệ ở Ích Nam. Sư tự riêng suy nghĩ rằng: “Học quý ở chỗ kinh xa nghĩa trọng, sơ thông xét ngưỡng một phương, chưa thể thành sâu sắc!” Có Sa-môn Đạo Thâm thể ngộ Thành Thật, sức học dồi dào, đang nắm quyền hoằng hóa, chấn chỉnh giềng mối ở Triệu bang Sư phấn phát từ nội tâm, sắp bỏ Ba Thục. Pháp Sư Trương Tiệp rất biết Sư suy lường xa xăm. Với tình cảm đoái hoài thường xuyên khuyên lon cố gắng, mà chính ý Sư đã đi, thể không trở lại. Nên Sư bèn cáo biệt giả duyên, đi đến Giang Hiệp. Trên đường trải qua các Châu

Kinh, Dương v.v.. hỏi thăm những người bên cạnh đi chung đường, chẳng ai biết về đến chỗ nào. Sư bèn theo hướng Bắc đi đến nơi tham cùng dừng khời, vốn noi theo mừng hỏi khắp nơi không bỏ sót, trước sau rờng rã suốt mười tháng, nương nhờ sắp hết. Bấy giờ, học chúng ở Yên Triệu cùng nhìn nhau như gặp thu, đi sau mà đến trước, chỉ có người ấy.

Có Sa-môn Tuệ Lâm, tiếng tăm đạo hạnh cao xa, hành giải tương ưng, khoa tráo xưa nay, riêng một mình ở trong đất Nghiệp, xướng dạy truyền trao, ngôn từ ý chỉ sắc bén, cả nước đều đề cao kính trọng. Sư lại tìm đến theo học, đối với người từ khi mới sinh đến giờ chưa biết mặt, nhưng vừa mới gặp thì như thân quen xưa cũ, bỏ hết lễ nghi thầy trò, mọi sự đều bình đẳng như bạn đạo. riêng vì một mình Sư mà giảng Tạp Tâm, nhiếp Luận, chỉ vạch chỗ sâu ẩn, vẽ bày giềng mối. Liên tục suốt tám tháng Sư nhận lãnh thù đáp không nhằm chán. Sa-môn Tuệ Lâm kinh lạ hết lời khen ngợi, vỗ tay mà ca ngợi Sư rằng: “Người ít có ở đời chính là Ông!”

Sa môn Đạo Nhạc là bậc Tông sư về luận Câu-xá, chuyên mở mang Hữu Bộ, bao trùm các lãnh tụ, nuốt nạp vào lòng, dấy sự nghiệp ở chốn kinh kỳ, bày khuôn phép cho cùng học chúng, Sư bèn lại theo. Mở dấu vết nơi kinh đô, vạch đường ở nghĩa uyển. Sa-môn Đạo Thường là bậc lừng danh một thời, sửa sang sắp đặt giáo ngộ, đồ chúng đông đúc như rừng. Sư vừa mới nêu một hỏi mười, đều được trình bày đến chỗ sâu kín. Ngồi trong kỷ tử, nghĩ những điều chưa nghe, do đó mà Danh tiếng vang khắp Đạo lưu, tiếng thom ngày một lan tỏa! Có Sa-môn Tăng Biện là bậc Luận sĩ Pháp Luân, đứng đầu các bậc căn cơ lanh lợi, bảo Sư cùng đến chung tòa và nói là đệ tử của tôi chỉ vì một Bộ Luận Câu xá, từ kia chưa từng được nghe”. Nhân đó mà đáp lại, sớm tối thưa hỏi. Ngài Đạo Nhạc xét nghĩ tình cảm đậm đà đến như tuệ ngộ, vạch bày sáng tỏ, nhạc thuyết khôn cùng. Tùy sự lục loại sâu ẩn, nghiên cùng gặt hái, thử nếm khắp cùng rất ráo.

Sa-môn Huyền Hội là bậc tông tượng phân tích Niết-bàn, san bổ các bản cựu số, lại trưng bày cảm sắc, Sư trước tiên nương tựa đó mà thưa hỏi, gần bên cạnh đầu mỗi pháp tịch dò hỏi chất vấn hồi lâu, tự nhiên bùng sáng dứt hết mọi vướng mắc.

Bộ-Xạ-Tổng-Công Tiêu Vũ kính trọng khả năng dĩnh ngộ vượt thoát của Sư, bèn trình tâu thỉnh Sư trụ tại chùa Trang Nghiêm. Nhưng đó chẳng phải bản hoài ý chí của Sư, Sư lại suy nghĩ rằng: “Ta đi khắp các xứ Ngô Thục, rã cùng Triệu, Ngụy, cuối cùng lại đến Chu Tần, đến dự các thường giảng, dẫn tới đều dẫm lên. Ngôn lệnh đã bày bố đủ chứa nhóm trong ngực trong bụng. Từ Tông chưa tuôn trào, chẳng chỗ mở thêm. Nếu chẳng xem nhẹ coi thường mạng sống phát thệ nguyện đi đến Hoa Tư, làm sao có thể đủ lễ

thành lời, dụng thông thần giải? Một khi đã thấy được Minh Pháp, rõ nghĩa chân Văn, cần trở lại Đông Hoa để truyền bá mở mang Thánh Hoá. Thi các bậc Tiên Hiền cao thắng đâu quyết nghi đôi với Đức Di-lặc. Các hàng Hậu tấn đỉnh ngộ bén nhảy làm sao tiếp nối ý tưởng đối với Luận Du-già ư?” Lúc đó, Sư vừa tròn hai mươi chín tuổi, Sư bèn cố gắng một mình riêng nêu, tự đi đến cung quyết, lần dâng Biểu văn trình bày, mà quan hữu Ty chẳng vì đưa đến. Sư đành dừng vết ở chốn kinh đô và các xứ vùng ven, rộng ra đến các chốn Phiên ngưng, học khắp các Thư ngữ, đi và ngồi đều tìm xét, chỉ vài ngày đã thông. Bên cạnh chỗ ngồi, Sư thường xoay mặt về hướng Tây vực mà nghĩ ngợi lắng nghe cơ hội và thời gian.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) gặp thời thế đối kém Vua Thái Tông (Lý Thế dân) ban sắc cho các hàng Đạo tục, tùy đến các nơi. May nhân thời gian đó, Sư bèn sang Cô Tàng rồi dần đến Đôn Hoàng. Đường đi từ Thiên Tai, mang theo lương thực chiếc bóng, trông nhìn phía trước mà lo lắng, chỉ thấy bãi cát bằng phẳng, không dấu chân người đi qua. Sư bèn bồi hồi phó mặc thân mạng, tùy nghiệp mà dẫn thân bước tới trước, lần lượt men dò, Sư đi đến đất Cao Xương.

Ban đầu, Sư trụ tại Lương Châu, giảng nói kinh luận, các hàng sĩ thứ ở Trung Hoa và các nơi đến nhóm họp quy tông rất đông, thương khách lan truyền vang vọng đến các vùng ven. Vua nước Cao Xương là Khúc Văn Thái rất kính tin kinh Phật. Lại nhân nghe Sư sắp đi về hướng Tây, nên luôn đặt các nhà trạm dùng ngựa đưa tin khắp nơi trong nước cùng đón rước. Bỗng nghe tin Sư đến, bèn đứng đợi đầu đêm.

Vương mẫu phi cầm đuốc đứng trước Điện. Thấy Sư trải qua lắm thứ khó khổ, Bà dùng đủ lời nói về ý á, cả cung đều rơi lệ, kinh lạ cho là ít có. Nên thỉnh Sư ở dừng lại kiết hạ an cư. Đồng thời thỉnh Sư khai giảng mở mang. Nhà vua kết nghĩa với Sư, Sư làm Em, làm con Vương Mẫu, cúng dường cung cấp mọi thế lễ rất nồng hậu. Mỗi ngày thường đến. Nhân đó, Sư bèn khai giảng các Kinh Nhân Vương, v.v... và các thứ cơ giáo. Đạo tục thấy đều quyến luyến, đều cầu mong Sư ở lại lâu dài. Sư bảo rằng: “Tôi vốn muốn mở mang Đại hóa, xa khắp nước nhà, chẳng từ mạng hèn nhận chịu sự chết mà tìm đến Tây Vực. Nếu như lại dừng ở đây thì chẳng những. Không chỉ tự thiếu tâm chí phát túc, mà còn sợ đều là Pháp Chướng!” Sư bèn bỏ ăn ba ngày, thấy ý chí Sư cùng cực như thế bèn không ai còn dám mở lời. Vương Mẫu bảo rằng: “Nay cùng Pháp sư một lần gặp gỡ đều là nghiệp nhân duyên xưa. Nếu lúc đã đạt được thành quả thỏa lòng mà trở về phương Đông, xin nguyện lại nên rủ lời răn bảo!” Và bèn cùng nắm tay Sư truyền Hương tín, thề làm mẹ con. Khúc Văn Thái rơi lệ nắm tay mà từ biệt. Và bèn ban sắc cho Điện Trung Thị Lang mang năm trăm xấp vải, hai mươi bốn

phong thư, và cấp cho sáu mươi người cùng cưỡi ngựa đi theo, tiễn đưa Su đến Độtquyết Diệp hộ Nha Sở. Vì có hơn sáu mươi nước ở phía Bắc núi Tuyết đều do Khúc Văn Thái làm Bộ thống nên như thế. Lại sai bảo truyền đạt tin Su tới nên mở đường trước.

Ban đầu, Su đến Nha Sở, tin vật gấp bội lắm lạ khác với lệ thường, cho đó là Em và Con. Su bảo cho biết rõ sự tình. Cuối cùng có sự không tin. Khả-hàn (vợ vua Đột-quyết) mến trọng các của vật đắt lót ấy, sai sứ cưỡi ngựa báo cùng sở bộ ở các nước. Chỉ nơi nào có Danh tăng Thắng địa thì phải đưa Su đi đến. Khi đó các đoàn cỡi ngựa liền nhau có đến hai mươi người, lớn mạnh như Hoàng Hoa. Trên đường đi trải qua các nước lần lượt tham hầu, cung cấp mọi thứ gấp bội, ưu việt hơn trước. từ Cao Xương đến Thiết Môn trải qua tất cả mười sáu nước, người vật hơn kém, kính phụng tin trọng thuần thực, đều có nói đủ trong các Đồ truyện. Thiết Môn tức là Thiết Môn quan, thuộc phía Tây Bình của Đất Hán. Vào núi sâu năm trăm dặm, bên cạnh không có con đường nào khác, chỉ có một con đường đi ra theo hướng Nam rất nguy hiểm, bạt bóng dáng người vật. Hai bên vách đá đứng sừng cao vút ngàn nhận, màu như sắt, nhân đó mà gọi tên. Thấy cánh cửa Hán-môn một đứng một nằm, ngoài sắt trong gỗ, lại treo thêm các thứ chuông linh, hẳn là để ngăn che ải ấy, thật chỉ có trời xanh. Từ phía Nam đi ra cửa ấy, đất ruộng ẩm áp, hoa quả tốt tươi. Xứ đó tên là “Đỏ-hoá-la” bề ngang hơn ngàn dặm, bề rộng hơn ba trăm dặm, phía Đông xa tận đến Thông Lãnh, phía Tây tiếp giáp với Ba-tư. Phía Nam là núi Tuyết lớn và phía bắc là điểm cứ từ Thiết môn, quán quanh trong dòng sông lớn phát xuất dòng chảy từ phía Tây, tức trong các kinh thường gọi là sông “Bạt-xoa”. Ở Địa vực ấy tự chia thành hai mươi bảy nước. Mỗi nước đều có vị Quân trưởng tin trọng Phật giáo. Chư Tăng ở xứ đó lấy ngày mười sáu tháng mười hai bắt đầu an cư cấm túc theo tiết xuân phân, vì vào thời gian đó thời tiết ấm nóng nhiều mưa.

Lại đi thẳng tới trước, trải qua mười ba nước, đến nước Phục-hát, đất đai xa rộng bát ngát. Bảy giờ theo tập tục gọi đó là Xá thành Tiểu Vương. Nước ấy gần với Diệp Hộ nam nha. Theo phép thông thường tại xứ Đột-quyết thì mùa Hạ ở chôn đồng trống phía Bắc hoa cỏ tốt tươi, thảo súc mọi vật là tốt hết. Mùa đông thì ở trong núi, vì để ngăn bớt giá lạnh. Nên có hai chỗ Vương Đô. Về phía Tây nam ở ngoài thành có một ngôi chùa, trong chùa ấy có cái bồn Phật tắm có thể dung chứa một hộc và cái chổi Phật quét, và có răng Phật. Giữ gìn rất trang nghiêm, sợ khó cho trông thấy, Su là Quốc sứ nên đích thân được mang đội trên đánh đầu. Cách phía Tây bắc không xa có hai thành Đề-vị, Bà-lợi, có ngôi tháp cao tận đến hư không tức là nơi bồn Áp của Trưởng giả cúng dâng bột gạo rang lúc Đức Phật mới Thành Đạo đó là ngôi tháp tôn thờ tóc và móng tay Phật.

Lại theo hướng Đông Nam đi đến trong Núi Tuyết cách hơn bảy trăm dặm, tới nước Phạm Diễn. Ở đó, Tăng chúng có vài ngàn vị, chuyên tu theo Xuất Thế Bộ. Tại núi thuộc phía Bắc vương thành có xây dựng pho tượng đá cao năm trăm thước. Ở phía Đông thành có tượng Phật nằm dài hơn ngàn thước và xây dựng với hình thức các tinh xá nối tiếp nhau, dùng vàng và các vật báu trang nghiêm loé sáng mắt người. Những ai trông thấy thấy đều ngợi khen. Lại có Xá-lợi răng Phật, răng của vị Duyên giác ở thời kiếp Sơ, dài đến năm tấc, răng của Kim Luân Vương dài ba tấc. Và bình bát, pháp y chín điều màu đỏ của Tổ sư Thương-na-hòa-tu vẫn hiện còn. Lại từ phía Đông núi đi đến nước Ca-tát-thí. Ở đó, sự kính tin tôn trọng Phật pháp càng cao sâu, chư tăng có sáu ngàn vị, phần nhiều là tu theo kinh Pháp Đại thừa. Vua nước ấy tạo lập tôn tượng bằng bạc cao tượng tám, mời thỉnh khắp cả xa gần, rộng dựng lập Danh đàn. Ở nước đó có chiếc răng của Đức Phật ở kiếp đang tu Đạo Bồ-tát, dài một tấc. Lại có tóc dài hơn cả thước, kéo dài ra và buông ra thì thun lại theo hình xoắn ốc. Phía Bắc xứ đó, Dân chúng lẫn lộn giữa chủng tộc người Hồ và rợ Nhung. Chế độ ăn mặc, cử chỉ không giống như ở Đại Hạ (Trung Hoa) gọi đó là “Biên Quốc Mật-lợixa loại” Hán dịch là “Chủng tộc cầu trược”.

Tiếp đi đến phía Đông khoảng bảy trăm dặm là nước Lạ-m-ba, đó tức là phía Bắc Ấn-độ. nói Ấn-độ tức là từ gọi đúng của Thiên-trúc. Còn nói là “Thân-độc” hay “Hiền-đậu” đều là gọi sai. Nói về xứ đó thì lưng phía Bắc là núi tuyết, ba phía còn lại giáp với biển lớn. Địa hình ở phía nam hẹp như vầng trăng thượng huyền (mông bảy tháng tám) sông bằng rộng trải dài hơn chín muôn dặm. Có hơn bảy mươi nước ở trong đó. Bấy giờ hoặc do trái phân lược Địa Vực là Nước, nay thì khắp cả vùng ven cả ba biển cùng đồng một lệnh vua.

Ở phía đông núi tuyết, đến nước Na-già-la-hạt, là nói xưa kia khi Đức Phật tu hạnh Bồ-tát trải tóc phủ bùn, nói rõ trong các kinh, ý có nghi ngờ thì tìm xét khảo bàn về Bản sự, tức từ Hiền kiếp trở về trước, 03 Đức Phật Liên Hoa, Định Quang và Danh Thù đã chẳng đồng trong một kiếp lại thường bị Hỏa tai, vì sao ở chỗ xưa đến nay vẫn còn đất bùn ướt? Nếu cho là luống dối, thì Phật chẳng nói dối. Như các Luận sư mỗi vị tự bày nêu kiến giải khác nhau, có luận sư nói rằng: “Đó thật là Bản địa, Phật không nói dối, truy trải qua kiếp hoại, nhưng do chỗ Bản không, do nguyện lực trang nghiêm như Nhân sự. Đó đều là do Đức Như Lai lưu hóa, vết tích ấy vẫn thường còn, chẳng đáng lấy làm lạ. Nên tại thắng địa ấy ở phía trái có xây các ngôi tháp; tức là tên gọi đúng của linh tháp. Còn nói Thân-bà-đầu-sát-bà là gọi sai. Vua A-dục, Hán dịch là Vô Ưu, ông hậu không được thấy Phật, khởi các cảm luyến, nên khắp các Thánh tích đều dựng có lập Minh ký. Vì vậy ngay

tại chỗ đó xây ngôi tháp đá cao hơn ba mươi trượng. Lại có ảnh Phật trên vách đá ẩn giấu các tướng, đều dựng nêu ghi, đồng thời giống như trước.

Cách phía Nam Thành không xa, trong thành Hê-la có xương đánh của Đức Phật, chu vi to lớn một thước hai tấc, tướng trạng cao bằng hình dáng như long Trời, đầu Phật phủ đầy như mâm lá sen. Mắt Phật tròn, trông mắt hình trạng như lý, lẳng trong sáng ngoài. Có Đại y của Phật màu vàng đỏ. Tích trượng của Phật, dùng sắt làm vòng, dùng gỗ Đàn hương màu tím làm thân cán. Năm Thánh tích này đồng ở trong một thành. Việc giữ gìn bảo trọng được coi như là Di sản vật báu của nước nhà. Phía bắc thì gần nước Đột-quyết, xưa kia đã từng có lần xâm chiếm cướp đoạt. Tuy nhiên, đến nơi thì chỗ ấy biến mất, đó là tùy duyên ẩn hiện, không hề bị uy phong binh lính cướp phá.

Sư kính cẩn được trông thấy linh tướng mà buồn cảm lệ trào hoen my. Tự tay bốc vung bột hương đích thân trông thấy thể trạng, lại càng vui mừng gấp bội. Liền lấy hoà hương ấn vào xương đánh, trông thấy có điềm lành, lại càng vui buồn lẫn lộn.

Gần đó, có vua xứ Bắc Địch Đại nguyệt Chi muốn biết quả báo ở tương lai, bèn dùng Hương để xem tướng, thì hiện bày ra hình tướng con ngựa, rất trái với sự mong cầu. Vua bèn tu tạo các việc bố thí, tích công sám hối, lại dùng hương để lấy tướng thì hiện ra hình sư tử, tuy ở địa vị chúa tể muôn thú nhưng vẫn thuộc loại súc sinh. Vua lại tinh thành quy hướng nương tựa gấp bội, bèn hiện hình người, trời. Khi ấy, vua mới trở về nước cũ. Thấy năm tướng và một đồng tiền vàng, người lấy bảy tướng trả bảy tiền vàng. Vật báu do lợi thế tục ấy được sung vào Vật Phước. Đã chẳng phải do chư tăng trông coi, thì giữ gìn càng tôn trọng. Không luận là kẻ đạo người tục đều phải trả giá trước. Sư được lệnh vua nên trông xem khắp cùng. Chư tăng các nước bên cạnh nương vinh hạnh trọng vọng ấy đồng đến lễ yết.

Từ phía đông núi, đi đến nước Ma-kiệt-đà, ở đó có hơn ngàn ngôi chùa Phật giáo, Dân chúng tín ngưỡng xen lẫn. Trong thành vốn có miếu thờ bình bát đủ mọi thứ trang nghiêm. Xưa kia, Đức Như Lai mang Bình Bát đến miếu ấy. Mới mấy trăm năm, nay dời đến trong cung vua nước Ba-tư để cúng dường. Phía đông thành có ngôi tháp lớn của vua Ca-ni-sắc-ca, chu vi nền tháp rộng một dặm rưỡi. Xá-lợi Cốt Phật có đến một Hộc được cất ở trong. Tháp cao hơn năm trăm thước, tướng luân trên dưới có hai mươi lăm lớp, bị tai họa lửa trời, nay được xây dựng lại. Đó là nơi mà trong đời gọi là “Tước-ly phú-đồ. Vào thời Nguyên Ngụy (385-534), Linh Thái Hậu họ Hồ rất Kính tin, bảo ra môn đạo Sinh.v.v... mang phước lớn dài hơn bảy trăm thước sang đó để treo lên, thì chân mới tới đất, tức là tháp ấy. Và cũng không biết danh

từ “Tước-ly” phát xuất từ nguyên do nào. Các di tích bên cạnh phía trái, có nhiều tượng trang, gần là chỗ Các Ngài Thế Thân soạn luận Như ý, xa thì xa bỏ ngàn mắt đẹp Kính thờ cha mẹ, Danh sơn Đản-đặc, bốn tích Đạt-noa, Tiên làm nữ loạn, Phật hoá quỷ mẫu đều ở trong cảnh vực ấy, và vua vô ụu đều vì xây dựng tháp đá, cao hơn mấy trăm thước, lập nên bia ký.

Từ phía Bắc núi đi đến nước Ô-trường-na, tức người đời gọi là nước Ô-trường thuộc Bắc Thiên trúc, chu vi xứ đó hơn năm trăm dặm, quả thật là hoàn bị, xứng đáng là nơi các nước trọng vọng. Theo truyện tích ghi chép thì đó là khu vườn xưa kia của Luân vương. Chư tăng có hơn muôn vị, đều học giáo điển Đại thừa, khắp bốn phía vương đô có lắm di tích của như: nhận Tiên Phật Chích, nửa kệ lán đá, chẻ xương viết kinh, cắt thịt cho chim cắt ăn, thuốc rắn hộ mạng, uống huyết Dạ-xoa, các hình tượng ấy đều có trình bày đủ trong cảnh vực đó. Mỗi hình tượng đều đáng chiêm ngưỡng kính phụng, trong lòng Sư dâng tràn gấp bội nỗi niềm vui sướng. Về phía Đông bắc của thành cách gần ba trăm dặm có ngọn núi lớn suối rộng tên là A-ba-la, tức nguồn gốc sông Tín-độ, chảy theo hướng Tây Nam, trong kinh gọi đó là sông Tân-đâu. Vương Đô ở phía Đông nam vượt núi ngược lại dòng sông, có cầu sắt đường sạn đạo rất nguy hiểm. Đi hơn ngàn dặm thế đến dòng sông rất lớn, tức xưa kia là Vương Đô của Ô-trường. bên trong có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị bằng gỗ cao hơn trăm thước, do La-hán Mạc-điền-địa ba lần dẫn các người thợ lên cung trời trông xem trở về khắc tạo mới được hoàn thành, thân tượng tôn tượng trang nghiêm đặc biệt khó trình bày diễn tả.

Trở ngược lại xứ Ô-trường, theo phía Nam đến nước Đất Xoa Thỉa, lại thấy Hồ của này Y-la-bát ở, chỗ Nguyệt Quang mọc mắt, Vua Vô Ưu xây dựng ngôi tháp cao mười trượng. Phía bắc có Cửa Đá rất cao lớn, sừng sững như núi chông lên nhau, đường đi từ bên trong mà qua. Đó lại là nơi Bồ-tát xả thân. Từ đó đi về hướng Đông nam theo đường núi rất hiểm trở, qua một nước nhỏ, vượt vài chiếc cầu sắt, gần hai ngàn dặm là đến nước Ca-thấp-di-la. Đó là nơi người đời thường gọi là nước Kế-tân, chẳng rõ danh từ Kế-tân do đâu mà có xem xét về địa vực nước ấy đồng như ở Kế-tân. Vốn là do La-hán Long Hải lấy đó, dẫn chúng mà trụ thông ba tạng, nên cảnh trí nước ấy bốn phía đều tựa vào núi, chu vi rộng hơn bảy ngàn dặm, cửa đi rất hẹp. Tăng chúng có đến năm ngàn vị, phần nhiều là tu học theo phái Tiểu thừa. Tại nước ấy có vị Đại Đức tên là Tăng Thắng, Sư đến cầu học các bộ Luận Câu Xá, Thuận Chánh lý, Nhân minh, Thanh minh và Đại Tỳ-Bà-Sa, v.v.. Vua nước đó rất kính thương Sư từ xa đến, nên cấp ban người viết tay cung cấp việc viết chép. Ở đó có Xá-lợi răng Phật dài hơn một tấc, sáng sạch như tuyết.

Từ nước Lam-ba đến đó, các nước bao quanh núi, hình thể thô xấu, phong tục theo lối sống của người Hồ phiên. Tuy đi cùng khắp năm xứ, chẳng nơi nào bằng cảnh vực chính của Ấn-độ. Về ở nơi hang núi, phong tục xen tạp các bên. Từ đây đi xuống phương Nam, nhìn suốt không có dãy núi nào, gần tới ngàn dặm thì đến nước Trách-ca, cảnh đất gần liền Bình xuyên, Chu vi hơn muôn dặm, có hai dòng sông phân rẽ tuôn chảy, cây cỏ tươi tốt. Lúc đó, Sư cùng đồng bạn có hơn hai mươi vị đi đến trong Đại lâm, gặp phải bọn cướp, nên phải đánh trả mới được toàn mạng, vào trong xóm ấy cầu xin mới tới được Đông Cảnh. Ở Đại Lâm có vị Bà-la-môn, đã bảy trăm tuổi mà dung mạo như mới 30, thông rành các Bộ Trung Luận, Bách Luận và các thứ sách vở của ngoại đạo, nói là Đệ tử của Ngài Long Mãn. Sư bèn dừng ở đó một tháng mà thọ học.

Thăng xuống hướng đông đến nước Na-bộc-đế, Sư đến chỗ Pháp sư Điều Phục Quang cầu học các Luận Đối Pháp, Hiển Tông, Lý Môn. Lại tiếp đi xuống hướng Đông, đến chùa Na-bà-la, Sư đến chỗ Luận sư Nguyệt Trụ, thọ học Chúng sự phân Bà Sa. Lại đi tiếp xuống hướng Đông đến nước Lộc-lặc-na, Sư tới chỗ Đại đức Xà-na-quật-đa, thọ học Kinh Bộ Bà-sa. Sư lại đến chỗ Luận Sư Mật-đa-tê-na, thọ học Bộ Biện Chân Luận của Tát-bà-đa. Dần dần đi theo hướng Đông nam, trải qua sáu nước, phần nhiều đều có các di tích. Vua Vô Ưu xây dựng ngôi tháp cao hai mươi trượng, số lượng ấy chẳng phải ít. Trong đó, có nước Mạtmiễn-la rất nhiều dấu vết manh mối. Về phía Đông thành cách chừng sáu dặm có một ngôi chùa núi. Xưa kia, Tổ sư Ưu-Ba-Cúc-Đa, Hán dịch là Cận Hộ, tức là một trong năm vị Tổ sư đầu tiên, tạo dựng nên và ở tại đó. Phía Bắc có thất Nham Thạch cao hơn hai mươi trượng, rộng ba mươi bộ. Bên cạnh đó không xa có cái hồ mà con Di hầu bị rơi xuống, chỗ bốn Đức Phật đi kinh hành, chỗ các vị Hiền thánh thường y cứ an trú, có rất nhiều điềm lành.

Lại cũng theo hướng Đông nam, đi qua bảy nước thì tới nước Kiếp-tỷ-tha, phong tục ở đó kính thờ trời Đại Tự Tại. Các tịnh xá ở đó cao hơn trước, bên trong thờ Thiên Căn, hình dáng rất to lớn. Mọi người cho rằng các loài đều từ đó mà sinh ra, Vua dân thấy đều kính trọng, không lấy làm xấu hổ. Thiên tử ở các nước đều noi theo mà thiết trí hình tượng ấy. Ở Đại đô, các hàng di đạo có đến số trăm, trong đó, bậc tối cao phần nhiều là Tự Tại. Có một ngôi chùa lớn, tầng chúng có năm trăm vị, các hàng tịnh nhân làm công quả có tới vài muôn người, đều cất nhà ở bên cạnh chùa. Trong đó lại có ba đường thêm cấp, sắp bày theo hướng Nam Bắc. Tức nơi Đức Phật vì Thánh mẫu mà lên an cư kiết hạ tại cung trời Đạo-lợi và giảng pháp, sau khi hoàn mãn trở về, do Trời Đế-thích tạo lập nên. Nền móng thêm báu đều đã bị khỏa lấp hết. Về sau, vua phỏng theo chỗ nền đất cũ, cao hơn bảy mươi

thước. Vua Vô Ưu đến dựng xây trụ đá cao hơn bảy trượng, sáng sủa chiếu ngời. Tùy người có tội phước mà ảnh hiện trong đó. Bên cạnh có nền đá cũ, chỗ bốn Đức Phật thời kiếp Hiền đi kinh hành, dài hơn năm mươi bộ, cao bảy thước, chỗ dấu chân dẫm lên đều có vân hoa sen.

Cách nước ấy không xa, về hướng Tây Bắc chừng hai trăm dặm là đền nước Yết-nhã-cúc-xà, Hán dịch là “Khúc nữ thành”. Vương Đô đến tận sông Căng-già, tức là tên chính của sông Hằng. Nguồn gốc từ phía Bắc chảy đến, phát xuất tại núi Tuyết. Ở đó, Tà Chánh đều xen tạp kính ngưỡng, Tăng chúng đông đến hàng muôn vị, có lắm Thánh tích. Chỗ bốn Đức Phật kinh hành, ngồi thiền chỗ bảy ngày đức Phật giảng pháp, tháp thờ răng, tóc, móng tay v.v.. Đức Phật. Tinh xá có hơn ngàn ngôi, các chùa nổi tiếng dị tướng phần nhiều đến tận phía Bắc dòng sông. Sư ở tại nước đó thọ học Phật Sư Nhật Trụ nhị Tỳ-bà-sa với Tam Tạng Pháp Sư Tỳ-da-tê-na, suốt trong ba tháng. Vua nước đó hiệu là Giới Nhật. Dùng Chánh Pháp trị nước hơn năm mươi năm. Nói Giới Nhật tức là tên Thụy. Tại xứ đó, người sau khi chết, lường xét về đức hạnh mà phong tặng. Tại xứ đó, ban đầu mới đến tức trước là dâng hiệu, sau khi chết mới ngợi ca xưng tán hư danh. Nay vẫn hiện còn ở thế gian bao gồm cả năm xứ Ấn-độ. ban đầu, vua Giới Nhật trị vì một nước nhỏ ở vùng ven. Trước đó có vua Thất-khương-khư, uy hành trong nước, bạo ngược vô đạo, giết hại giòng họ Thích, nhổ gốc cây Bồ-đề, phá tiết mầm rễ, lựa các bậc danh đức hơn ba trăm vị mà chôn sống, ngoài ra, còn lại đều sung vào làm nô lệ. Vua Giới Nhật biết rõ gieo trồng mỗi họa, bèn cùng các quan đi đến nơi hố cây Bồ-đề, lại phát Đại thệ nguyện rằng: “Nếu tôi quả thật có Phước, thống trị cả nước, có thể dựng xây lại ngôi nhà Phật Pháp, thì nguyện cây Bồ-đề từ đất mà mọc lên”. Nói vừa xong, bỗng thấy mầm cây Bồ-đề từ trong hố mọc ra lớn nhanh như thổi. Vua bèn trở về chiêu tập Binh mã, đến chỗ vua Thương-khư. Do năng lực uy phước nên liền trừ diệt. Do đó, ôm giữ tâm tín thành, độc lòng gấp bội so với lúc mới phát tâm. Vua Giới Nhật hoàn toàn thống trị cả năm phương. Tượng binh có đến tám muôn, Quân uy đến đâu đều cậy nhờ sức lực. Và vốn không ăn dùng các thứ máu thịt, nơi nào có Dê, vua đều đem tiền mua chuộc, thí xả vào chur tăng, dùng để cung cấp sữa Lạc. Cứ năm năm, một lần trút hết kho tàng mà bố thí, kho tàng hết thì lại chứa đê, đến thời lại thực hành Bố thí. Cứ lấy như thế làm lệ thường. Nếu có người trái phạm phép vua, cho đến kẻ tạo tội phản nghịch đáng xử chết, thì vua đưa đến vùng đất xa xôi hẻo lánh, ngoài ra, tội nhẹ thì trừng phạt, thật chẳng thể đủ lời để nói. Nên trong các nước thường xảy ra trộm cướp, chẳng nhờ bạn cứu giúp, không thể vọng tiến.

Lại theo hướng Đông nam, đi hơn hai ngàn dặm, trải qua bốn nước thuận theo bên cạnh dòng sông Căng-già. Bỗng nhiên gặp phải giặc Thu cần người

đề cúng tế trời. Trong thuyền cùng đi với Sư có đến tám mươi người đều bị bắt trời. Và Chỉ chọn Sư là người rất đáng dâng cúng tế trời thọ hưởng. Nhân đó, bọn chúng kết đàn trên bờ sông, dẫn Sư đến đề trong đàn. Ban đầu, mới thiết lễ, lại đem đến thêm một cái vạc, ngay lúc ấy, không cách gì để cầu cứu, Sư bèn chuyên chú quán tưởng Đức Từ Tôn Di-lặc Như Lai và Đông hạ Trụ trì Tam Bảo. Riêng phát thệ nguyện rằng: “Những người kia vận mạng chưa dứt, họp nhau mong được thả, nếu họ không nộp mạng thì thế nào?” Khi ấy cả thuyền đồng một lúc buồn thương gào khóc. Bỗng nhiên gió dữ nổi lên khắp bốn phía. Thuyền giặc lật úp đắm chìm, cát bụi tung bay, bẻ gãy cầu gỗ, tất cả đều khiếp sợ. Mọi người lại bảo với bọn giặc rằng: “Người ấy (tức chỉ Sư) thật đáng thương, chẳng chối từ nguy nan, chuyên tâm về Pháp. Làm việc lợi ích cho khắp biên thùy. Nếu các ông giết người ấy thì tội không gì lớn bằng. Thà giết chết chúng tôi, chớ nên giết người ấy!” Bọn giặc nghe thế, bèn ném mũi nhọn, đánh lễ hổ thẹn, cầu xin thọ giới, ăn nã tội lỗi. Và thả tất cả, tùy mọi người đi đâu thì đi.

Ngài bèn đến xứ Kiền-thương-di, ở đó các hàng ngoại đạo rất hưng thịnh. Trong thành Vương Đô có tinh xá thờ Phật cao sáu mươi thước, ở trong có tôn tượng bằng gỗ Đàn hương, tức là pho tượng mà xưa kia do Vua Ưu-điền phỏng theo hình ảnh trên cõi trời mà tạo nên. Bên cạnh đó có hang rỗng, và nhiều Thánh tích. Sư lại theo hướng Đông Bắc, đi hơn ngàn dặm, đến nước Thất-La-Phạt-tát-đề, tức là tên gọi đúng của Xá-Vệ-Xá-Bà-Đề. Sư đưa mắt nhìn quanh thấy đều đã hoang tàn hủy hoại, chỉ còn lại nền móng cũ. Cung vua Ba-tư-nặc, nhà cũ của Cư sĩ Tu-đạt, nền đất vẫn còn. Cách phía nam thành chừng năm dặm có rừng Thệ-đa, tức vườn Kỳ-hoàn, do Thắng quân vương thần Thiện thí xây dựng nên. Nay chùa đã đổ nát chỉ còn có trụ đá cao bảy trượng do vua Vô ưu xây dựng. Bên cạnh có ngôi thất xây dựng bằng gạch. Ở trong an trí tôn tượng đức Như Lai vì Thánh mẫu mà nói pháp. Ngoài ra, các viện vũ đều bị vùi lấp mất hết. Chỉ có chỗ Đức Phật tám gội cho vị Tỳ-khưu bị bệnh. Chỗ Ngài Mục-kiền-liên nâng y của ngài Thân Tử. chỗ Phật Di Luân, chỗ ngài Thân Tử tranh tài, chỗ vua Lưu Ly qua đời, chỗ Đắc Nhân lâm. Chỗ Bồn sinh địa của Đức Phật Ca-diếp-ba. Các chỗ như trên đều có dựng tháp đá, và đều do Vua Vô ưu tạo lập nên. Cách phía Đông chùa không xa, có ba cái hồ rất sâu và lớn, tức là chỗ Điều-đạt, Cù-ba, cô gái Chiền-già bị đất rút. Hồ ấy rất sâu tối, nhìn không thấy đáy. Từ xưa tới nay những trận mưa lớn trút nước mà không bị tràn đầy.

Lại đi về hướng Đông gần bảy trăm dặm, là đến nước Kiếp-tỳ-la Phật-tốt-đồ, tức là thành đô Ca-tỳ-la-vệ, nơi vua Tịnh Phạn trị vì. Ở đó, chỉ còn lại tòa thành cũ trống rỗng không người ở. Thành xây bằng gạch và cung điện xưa cũ chu vi rộng mười lăm dặm. Có cả ngàn ngôi chùa hoang phế. Trong cung

chỉ có một ngôi chùa hiện còn. Trên nền móng cung điện vương tằm, còn có bài minh tháp, tức là chỗ Đức Như Lai Giáng thân. Ở đó, có thuyết nói là “Ngày mồng tám tháng năm là Thần lai giáng”. Theo Thượng Toạ Bộ nói là “ngày mười lăm”. Khác với sự thuật nêu của xứ này. Há có khác ư? Còn như tại Đông Hạ (Trung Hoa) kính chuộng Tố Vương là bậc Thánh, cùng định về niên toán, trước đạt còn mê lầm. Huống gì lịch có ba đời, lúc thuật ghi hiệu còn tự sai lỗi. Trông lại, chỉ lý vượt tình, cầu đến căn cơ mà ứng cảm, đều nương Quyền Đạo, thích hợp với biến làm trước. Đâu thể lấy mắt tai của người thường mà dùng thông đến chỗ cùng cực.

Ở hai phía nam bắc của thành có các ngôi tháp thờ nơi hai Đức Phật ở thời quá khứ đản sinh. Trụ đá bia minh của vua Vô ưu xây dựng rất nhiều. Ở phía Tây bắc thành đô có đến mấy trăm ngàn ngôi Tháp đều là các người trong giòng họ Thích đã chứng quả Thánh bị vua Tỳ-lưu-ly giết hại, do người sau dựng nên để phụng thờ. Lúc bấy giờ, có bốn người trong giòng họ Thích phần uất trông thấy sự bức hại ấy, không nghĩ tới sự phạm giới, bèn ra ngoài chống lại quân giặc. Vua Tỳ-lưu-ly bèn rút lui. Sau đó, bốn vị ấy trở về lại bốn quốc, mọi người trung thành không công nhận, bảo rằng: “Ta là Pháp chủng, thể không làm quân, các người đánh lui quân vua, chẳng phải là người trong chủng tộc của ta” Đã bị ruồng bỏ, bốn vị ấy bèn đến các nước xa khác. Vốn là giòng giống bậc Thánh, nên đua nhau lập Tông, nay tức là vua ở các nước Ô-trượng, Phạm-diễn.v.v...đều là con cháu đời sau.

Hoặc có thuyết nói về Đức Phật đản sinh là ngày mồng tám tháng ba. Theo Thượng Toạ bộ thì nói là ngày rằm. Các kinh điển ở Trung Hoa đều nói là ngày mồng tám tháng bốn. đó cũng là căn cơ cảm thấy, di kế có nhiều.

Lại theo hướng Đông cách chừng bảy dặm, mới đến Câu-thi, giữa đường có những điều khác lạ, lược không ghi lại. Ban đầu, Sư mới đến thành đô, bất chợt năm căn không giữ bị ngã xuống đất, chỉ khoảnh khắc nhìn lại chỉ thấy một ngôi thành hoang phế sụp đổ. Nên nhà cư sĩ Thuần-đà có nêu dựng Bi chí. Về phía Tây bắc cách chừng bốn dặm, ở phía Tây bờ sông tức là rừng Sa-la, chu vi bao quanh hơn bốn mươi dặm, ở chính giữa đất nổi lên cao, tức là chỗ Đức Phật nhập Niết-bàn.

Có một ngôi thất xây bằng gạch, trong đô có tôn tượng Đức Phật nằm gồi đầu về hướng Bắc. Bên cạnh các trụ tháp đều có ghi bài minh mà các thuyết nói lẫn lộn như đã trình bày ở trên, có thuyết nói Đức Phật nhập Niết-bàn ngày mười lăm tháng hai, có thuyết nói là ngày mồng tám tháng chín, Có thuyết nói từ ngày đô đến nay đã qua một ngàn năm trăm năm, có thuyết nói là qua chín trăm năm. Phía Bắc thành qua bên kia sông tức là nơi thiêu thân, diện tích hơn hai dặm vuông, và sâu hơn ba trượng. Đất màu vàng đen, hình

dạng giống như than cháy. Người có bệnh ở các nước mà uống lấy đất đó, thì bệnh nào cũng lành. Nên đến nổi chỗ đó biến thành hồ. Bên cạnh hồ lại có các ngôi tháp Đức Phật hiện thân làm chim Trĩ, thân Nai. Sư đều đến chiêm lễ cả.

Lại theo hướng Tây nam đi vào trong rừng sâu hơn bảy trăm dặm, đến nước Ba-la-niệt-tư, tức chỗ thường gọi là Ba-la-nại. Thành hồ đến tận sông Tăng-già, Ngoại đạo rất hưng thịnh đông đảo, Sư bèn đến chùa Phương kế, Thiên có hơn trăm pho tượng trời Tự Tại. Tăng chúng ở đó chỉ có ba trăm vị, đều tu học theo giáo nghĩa Kinh Lương Bộ của Tiểu Thừa. Phía Đông bắc vương đô, tức phía Tây sông Ba-la-nại. Tháp trụ xây dựng song song, đều do vua Vô ưu xây dựng, ảnh hiện tượng phật người trông thấy càng thêm kính ngưỡng. Vượt qua bên kia sông chừng mười dặm tức là chùa Lộc Dã. Khắp làng trũng các nhìn như cung tiên, Chư tăng chỉ có dưới hai ngàn vị, đều học theo Kinh Lương Bộ. Phụng thờ tôn tượng phật cao đẹp hơn hẳn ở các nước, ở giữa có tôn tượng Đức Phật xoay bánh xe pháp, dáng vẻ như đang giảng nói. Bên cạnh chùa, có dựng trụ đá cao hơn bảy mươi thước, trong ảnh ngoài hiện các tướng đều đầy đủ. Đó là nơi Đức Phật xoay bánh xe chánh Pháp lần đầu tiên. Bên cạnh đó lại có năm trăm ngôi tháp thờ các vị Độc giác, chỗ ba Đức Phật kinh hành ngôi thiên trong chùa, các thứ bia minh, tháp báu, rất nhiều thánh tích, có đến vài trăm. Lại có chỗ ao Phật tắm, chỗ giặt y, tẩy rửa các thứ đồ vật, đều có ròng giữ gìn, chỗ tảng đá vuông phơi y, chỗ nai chứa đón rước Phật, đều dựng xây tháp đá cao hơn ba trăm thước, tướng trạng rất rộng lớn hùng vĩ, nên chỉ lược nêu bày. Thuận theo dòng sông đi xuống hướng Đông, đến Phệ-xá-ly, tức Tỳ-xá-ly, bày hình dị thuật, riêng chỗ dồi dào. Nền cũ xưa của Quốc thành chu vi đến bảy mươi dặm. Người vật không mấy tốt đẹp, chỉ là Danh Địa, Trang đô, chỗ Phật nói Kinh Tịnh Danh, chỗ các ngôi nhà cũ của Bảo Tích, Tịnh Danh. Chỗ ngài thân Tử chứng quả. Chỗ Bà-di mẫu Kiều-đàm-di diệt độ. Chỗ bảy trăm vị A-la-hán Kiết tập kinh điển, chỗ ngài A-nan phân thân, năm chỗ đó, mỗi chỗ đều có xây dựng tháp báu xinh đẹp, nêu bày cho đời sau.

Từ đó, đi về hướng Đông Bắc hơn hai ngàn dặm, vào núi Tuyết, tới nước Ni-ba-la. Dân chúng tại đó thuần tín Phật Pháp. Chư Tăng có khoảng hai ngàn vị, tu học theo giáo nghĩa Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Phía Đông thành có một cái hồ, trong đó có vàng côi trời nổi trên mặt nước. Theo các bậc kỳ túc lão thành ngày xưa tương truyền rằng: “Đức Di-lặc hạ sinh lấy chất vàng ấy làm vật trang sức trên đầu”. Có người nói rằng có kẻ tham lợi vật báu ấy, ban đêm đến đó muốn lấy trộm, nhưng chỉ thấy lửa nhóm tụ bắn toé chiếu sáng, không thể đến gần được. nay thì lắng chìm sâu, không thể dò đến tận đáy hồ. Và nước ở đó rất nóng, không thể nhúng tay chân xuống được. Có

sứ giả ở Trung Hoa đòi Tiền Đường thử ném lửa vào trong ánh lửa ấy thì liền bắn toé, nhân đó dùng để nấu gạo thì liền thành cơm. Phía Bắc ranh giới xứ đó tức là nước Đông Nữ và Thổ Phiên tiếp giáp liền nhau. Gần đây lệnh nước qua lại quản lý, do từ xứ ấy, Nếu ước tính để nói thì giữa Trung Hoa và Ấn độ cách hơn muôn dặm. Từ xưa đến nay đã vương vít đến nỗi đường đi dài xa hiểm trở. Sur lại từ phía Nam Phạm-phệ-xá, men theo dòng sông Tăng-già đi đến nước Ma-yết-đà; tức tên gọi đúng của Ma-kiệt-đề. nước đó nằm tại xứ Trung Ấn-độ. nay Vương tổ nối dõi tiếp giòng vua Vô Ưu. Vua Vô Ưu tức là tăng tôn của Tăng Tỳ-bà-la. Vua tức là con rể của vua Giới Nhật. Nay chỗ cung thành được xây dựng tu sửa, chẳng phải theo kiến trúc xưa.

Phía Nam bờ sông Tăng-già có thành Ba-tra-ly, chu vi rộng bảy mươi dặm, tức là nơi mà trong các kinh gọi là thành Hoa Thị. Vì ở cung vua có lắm loại hoa, nhân đó mà đặt tên như thế. Xưa kia, vua Vô Ưu từ khi lia Vương Xá đòi đô đến đó. Bên cạnh phía trái, các thánh tích có rất nhiều. Về phía Tây nam cách thành hơn bốn trăm dặm, vượt qua sông Ni-liên-thuyền là đến thành Già-da. Ở đó, người vật rất ít, chỉ có chừng hơn ngàn ngôi nhà. Lại đi thêm khoảng sáu dặm là có núi Giàda, là nơi xưa kia các Vua làm lễ lên ngôi ở tại đó. Nên chỉ tại một ngọn núi ấy mà người đời xưng gọi là danh địa. Đức Như lai xuất hiện ở đời, thành tựu đạo quả ở tại xứ ấy. Trên đỉnh núi có ngôi tháp đá cao hơn trăm thước, tức là chỗ mà các Kinh Bảo Vân v.v.. nói. Đi khắp vòng bốn mươi dặm, phía trong các thánh tích đều đầy đủ. Phía Tây nam của núi tức là nơi Phật thành đạo. Có tòa Kim cương chu vi hơn trăm bộ, tại chỗ đó nay gọi là chùa Bồ-đề. phía Nam chùa có Cây Bồ-đề cao chừng năm trượng và chung quanh có xây dựng thành lũy bằng gạch để bao bọc theo vòng tròn khoảng năm trăm bộ. Cửa phía Đông đối mặt với dòng sông, cửa phía Bắc tiếp thông với chùa, ngôi linh tháp ở trong viện có nhiều điều lạ.

Về ngày Đức Như lai thành đạo có nhiều Thuyết khác nhau. Có thuyết nói là ngày mùng tám tháng ba, có thuyết là ngày mười lăm. Ở ngoài tường ven cửa phía Bắc có chùa Đại Bồ-đề. Chùa đó có sáu viện ba tầng, tường cao đến bốn trượng, đều được xây dựng bằng gạch. Do vua nước Sư Tử mua chỗ đất đó và xây dựng nên ngôi chùa đó. Tăng chúng chỉ có ngàn vị. đó là nơi trụ trì của Đại thừa Thượng tọa Bộ, có Di Cốt Xá-lợi hình dáng như đốt ngón tay người. Như Xá-lợi lớn như hạt chân châu. Tại xứ đó vào ngày ba mươi tháng mười hai thì tương đương với ngày mười lăm tháng giêng ở Trung Hoa, người đời gọi thời gian đó là Tháng Đại Thần biến. Nếu đến đó vào buổi tối thì có phát ra ánh sáng tốt lành, trời rải hoa như mưa kỳ lạ, khắp đầy nơi cây viện.

Lúc ban đầu, Sư mới đến đó, bắt chợt ngắt xiêu, giây lát tỉnh lại. Sư đi chiêm ngưỡng khắp các linh tượng. Trước kia nghe nói trong kinh, nay thấy ở nước mắt, Sư tự hận trách mình ở chốn biên địa xấu xa, sinh vào thời mạt thế, không thấy được tôn dung Đức Như Lai, lại càng gấp bội sự buồn xót. Bên cạnh đó, có vị Phạm Tăng đến thấy thế bèn vỗ về an ủi. Vị ấy tuy đầy đủ mọi lễ nghi để bái yết, nhưng hận không có điềm ánh sáng, Sư bèn dừng ở lại đó an cư đến ngày mãn hạ.

Tại xứ đó, có lệ thường, đến thời gian ấy. Kẻ tăng người tục có đến ngàn muôn người đua nhau trưng bày mọi thứ để cúng dường suốt bảy ngày bảy đêm. Bởi có hai ý nghĩa là để được trông thấy ánh sáng và lá cây ít có. Hằng năm đến cuối mùa Hạ thì lá cây ở đó cùng một lúc rơi xuống, rồi suốt đêm lá mới mọc ra nhiều như cũ.

Bảy giờ, có Cư sĩ Đại Thừa giải thích Luận Du-già-su-địa cho Sư nghe. Đêm đó, đang đối giảng bỗng nhiên đèn bị tắt, lại nhìn ở chỗ đeo các thứ châu ngọc anh lạc thì không thấy sắc thái ánh sáng, chỉ có ánh sáng chiếu suốt trong ngoài rỗng rang và Sư chẳng lường biết được nguyên do vì sao. Sư lấy làm lạ nên cùng đi ra ngoài am tranh ngắm cây Bồ-đề, bèn thấy có vị tăng trên tay cầm xá-lợi lớn như ngón tay người đang đứng trên nền cây chỉ bày cho khắp cùng đại chúng. Chỗ phát ra ánh sáng chiếu suốt khắp đất trời. Bảy giờ, đại chúng ồn náo, chỉ được từ xa kính lễ. Tuy mắt trông thấy điềm ánh sáng lành mà trong tâm nghi đó là lửa, bèn cùng chấp tay chí thành qùy thẳng cho đến sáng ngày hôm sau. Tâm nghi ngờ dần chấm dứt và ánh sáng cũng giảm mất. vị Cư Sĩ ấy hỏi Sư rằng: “Đã thấy được điềm tướng linh hiển, tâm không nghi ngờ chứ?” Sư bèn nói hết ý mình. Vị Cư Sĩ ấy bảo: “Điều nghi ngờ xưa kia của tôi cũng đồng như Sư ngày nay. Nhưng khi điềm lành đã hiển hiện thì mới nghi ngờ tự thông suốt. Tôi thấy lá cây Bồ-đề như Bạch Dương”. -Vị cư sĩ ấy hỏi lý do, Sư đáp: “Hình dáng thì hơi giống nhau, mà suốt cùng tươi tốt ít có khác”. từ chùa ấy nhìn về phía Đông là núi Quạt-Tra-Bá-Đà, tức trong các kinh gọi đó là núi Kê Túc, ba ngọn núi thẳng đứng, hình dáng giống như chân gà, nhân đó mà gọi như vậy. Cách chùa Bồ Đề hơn trăm dặm, trên đỉnh núi có một ngôi tháp lớn, ban đêm tỏa sáng như đuốc thần. Ánh sáng soi khắp cùng, đó chính là nơi Ngài Đại Ca-diếp-ba nhập tịch Định. Đường đi khó khăn, có lắm rừng trúc. Các loài sư tử, hổ, voi đua nhau tung hoành ngang dọc, mỗi lúc nghĩ muốn bước lên tiến tới thì không do đâu mà được. Sư bèn tấu với vua xin được Sư phòng vệ giúp đỡ, được cấp ứng hơn ba trăm binh lính, mỗi người lính đều có đầy đủ các dụng cụ như mũi nhọn để chặt trúc làm thông đường. Mỗi ngày đi được mười dặm. Bảy giờ, tại nước ấy nghe Sư đi sang núi, các hàng sĩ nữ lớn nhỏ có cả mười muôn người đua nhau tiếp nối cùng đến núi Kê Túc. Đã đến bên bờ

sườn núi, vách đá thẳng đứng, không có đường đi, bèn cùng kết bện trúc làm thang nối liền nhau mà leo lên. Lên được trên đỉnh núi có hơn ba ngàn người. Đưa mắt nhìn khắp bốn phía, vui mừng càng thêm hơn hớ, thấy được chỗ đá nứt nẻ, bèn cùng rải hoa để cúng dường.

Từ núi ấy, đi theo hướng Đông bắc hơn trăm dặm là đến núi Phật Đà-phạt-na. Tại đó, có hang đá rất lớn. Xưa kia, Đức Phật từng đến đó, trời Đế-thích cùng đến hang đá xoa hương để cúng dường. Nay đi đến xứ ấy, vẫn còn mùi hương thơm phảng phất. Cách núi không xa, có ngôi thất có thể chứa khoảng ngàn người. Đức Như Lai đã an cư suốt ba tháng tại đó. Và đường đi do chất đá làm thành, rộng hơn hai mươi bộ, dài tới năm dặm, do vua Tần-tỳ-bà-la xây dựng nên, đường lên núi có được là do đó.

Lại đi về hướng Đông hơn sáu mươi dặm là đến ngôi thành xưa Cự-Xà-Yết-La-Bồ-La, đời Đường dịch là Mao Thành, vì có nhiều cỏ tranh thơm, nên do vậy mà đặt tên. Thành ấy là trung tâm của Makiệt-đà mà trong các kinh gọi đó là Thành Vương Xá. Bốn phía là núi bao bọc bên ngoài, bên trên như tường thấp đều được xây dựng bằng gạch. Phía Tây thông suốt đến tiểu kinh, phía bắc mở mang tới cửa núi, rộng dài theo hẹp bao bọc chung quanh đến một trăm năm mươi dặm. Trong đó, chu vi cung thành rộng hơn ba mươi dặm. Các vết tích xưa ở bên trong thì số lượng lại rất nhiều. Đi về hướng Đông bắc của cung thành khoảng mười lăm dặm, có núi Cật-Lật-Đà-La-Củ-tra; tức trong 60 các kinh gọi đó là núi Kỳ-Xà-Quật, đời Đường dịch là Đài Thử Phong. So với các núi thì ở đó rất cao lộ bày ngời sáng. Tại phía nam tiếp liền với núi là nơi xưa kia Đức Phật thường cư trú. Từ chân núi đến đỉnh núi đều do sắp đá làm thành bậc thềm, rộng hơn mười bộ, dài tới sáu dặm. Phật thường qua lại trên con đường ấy. Sư đi xem khắp các sườn núi, các hang núi, đầy đủ các dấu vết xưa không thể ghi nhận hết, rộng như trong Đồ Truyện.

Theo cửa phía bắc thành núi đi chừng một dặm thì đến nền móng đá xưa cũ của tịnh xá Ca-Lan-Đà-Trúc-Viên. Ở cửa phía Đông có ngôi thất bằng gạch nay vẫn hiện còn. Từ Trúc Viên theo hướng Tây Nam đi chừng sáu dặm, tức phía bắc của Nam Sơn, trong rừng trúc lớn, có hang đá, đó là nơi mà Ngài Đại Ca Diếp Ba cùng ngàn vị tăng Vô Học kiết tập kinh điển. lại theo hướng Tây, đi hơn mười dặm, tức là nơi Đại chúng Bộ Kiết tập. Theo hướng Bắc của Sơn thành đi khoảng năm dặm là đến Thành Hát-La-Xà-Cật-Lợi-Tứ; đời Đường dịch là Tân Vương Xá, ngoài ra các truyện khác nói cũng giống như thế.

Lại theo hướng Bắc, đi hơn ba mươi dặm thì đến chùa Na-lan-đà, đời Đường dịch là Thí Vô Yêm. Đó là một ngôi chùa rất lớn ở châu Thiệm-bộ ở phía

Nam, không nơi nào cao lớn bằng. Ngôi chùa ấy do năm vị Vua cùng đến cung cấp cúng dường gấp bội lớn lao, nên nhân đó mà gọi tên như vậy. Tại chùa đó, có năm Viện, cùng đi chung một cửa lớn, chung quanh có bốn lớp cổng cao tám trượng, đều được xây dựng bằng gạch. Nơi vách tường cao nhất còn dày đến sáu thước. Ngoài quách có ba lớp, và tường cũng xây dựng bằng gạch cao năm trượng. Khoảng giữa có nước vây quanh, ao hào rất sâu. Và có đủ các thứ hoa xinh đẹp đáng yêu. Từ lúc tạo dựng đến nay luôn được phòng vệ nghiêm mật, người nữ chẳng được xem lạm vào, không hề dung chứa ân dật. Tăng Chúng thường trụ có hơn bốn ngàn vị. ngoài ra, tân khách tăng tục chung cho cả Tà Chánh vượt ngoài hàng vạn, đều được chu cấp các thứ ăn mặc không hề thiếu thốn, nên còn gọi tên chùa là Thí Vô Yếm. Trong đó, có Phật viện, đầy đủ các Thánh Tích. Tinh xá cao hơn hai mươi trượng. Xưa kia, Đức Phật từng ở trong đó nói pháp suốt bốn tháng. Lại có ngôi Tinh xá cao hơn ba mươi trượng, bên trong các hình thái biến đổi không thể nói hết. Có tôn trí tên pho tượng bằng Đồng cao hơn tám trượng. Lầu các sáu tầng được trang nghiêm xinh đẹp. Đó là do vua Mãn trụ - anh của vua giới Nhật - xây dựng nên. Lại có tinh xá Hầu Thạch, do vua Giới Nhật xây dựng nên. Chạm tro trang hoàng chưa đầy một ngày vì có cả ngàn người thợ làm.

Theo thường pháp nước ấy thì khâm phục kính trọng các vị có Đức hạnh cao cả. Có các Luận sư trí thức cao xa, Vua ban cấp phong hộ đến cả mười thành, dần ban lượng thưởng chẳng dưới ba thành. Ở chùa ấy, hiện tại các vị Đại đức được thọ nhận ban phong có hơn ba trăm vị. Những vị tinh thông kinh điển trở lên, chẳng còn phải trông coi mọi việc tăng chúng, rất được kính trọng mến quý sự học vấn, thưa hỏi các dị pháp. Nên từ Ô-Kỳ trở về phía Tây thì trùm khắp trong nước. Các vị xuất gia phần nhiều đều là Nghĩa học, cảm kích nước ấy qua lại không ngăn cách trở ngại. Vua chỉ giữ gìn đất nước, không dám ngăn cản chướng ngại, nên ở đó học chúng thông hiểu rộng rãi sâu sắc.

Sư đi qua các nước, tiếng tăm đạo hạnh vang khắp, khi sắp đến chùa ấy, trong chúng sai bốn mươi vị Đại đức đến Trang đón rước Sư. Trang là thôn gốc của Ngài Mục-liên. qua bữa ăn ngày hôm sau, chư tăng có đến hơn hai trăm vị, người thế tục có hơn ngàn vị đều cầm năm kiệu rước, phướn lọng, hương, hoa đến đón rước Sư dẫn vào Đô hội. Sư cùng chúng Tăng an ủi thăm hỏi xong, bèn xướng lời thỉnh Sư trụ lại chùa, tất cả đều đồng lòng. Lại sai cử hai mươi vị hướng dẫn Sư đến chỗ ngài Chánh Pháp Tạng, tức là Luận Sư Giới Hiền, Lúc đó, Ngài Giới Hiền đã một trăm sáu mươi tuổi, là nơi kính ngưỡng trọng vọng của chúng tăng nên tôn xưng hiệu Ngài là “Chánh Pháp Tạng”. Ngài Giới Hiền nghe rộng hiểu biết nhiều. với tất cả

kinh sách Đại thừa, Tiểu thừa Nội ngoại Giáo điển không thứ gì Ngài chẳng thông đạt. Ở đó là nơi xưa kia có các hầm hồ của vua Thất Thương-khu, bị giặc mang ra nhận chìm nước, cỏ rác. Về sau, phục hưng Phật Pháp, kẻ tăng người tục đồng suy cử cúng dường. Vua Giới Nhật lại tặng thêm một Ap có đến mười thành. Sung nhập các thứ thuế khoá. Ngài Giới Hiền sử dụng thuế vật ấy xây dựng chùa miếu.

Sư đến đánh lễ khen ngợi xong, đồng thời được mời ngồi. Ngài Giới Hiền hỏi Sư từ đâu đến. Sư đáp: “Từ nước Chi-na đến đây, vì muốn cầu học các Luận Du-già-sư-địa, v.v..!” Nghe xong, Ngài Giới Hiền ghen ngào rơi lệ khóc thương, bảo Đệ tử Giác Hiền kể lại sự việc trước kia đã xảy ra. Ngài Giác Hiền kể rằng: “Ba năm trước, Hoà-thượng (tức chỉ Ngài Giới Hiền) gặp phải chứng bệnh khôn đốn đau nhức như dao đâm chít, muốn bỏ ăn để được chết. Bỗng mộng thấy có một người thân màu vàng ròng đến bảo rằng “ Ông chó nhàm chán thân hình, bởi vì ngày trước làm Quốc Vương đã tổn hại lắm vật mạng, cần phải tự hỏi trách, đâu thể tự tử được? Có vị Tăng từ xứ Chi-na đến đây cầu học, đang trên đường đi, ba năm sau sẽ đến, Ông nên đem giáo pháp ban dạy cho vị tăng ấy, vị tăng ấy lại hoằng truyền lưu thông thì tội xưa của Ông sẽ tự tiêu diệt. Ta là Mạn-thù-thất-lợi (tức Văn-thù-sư-lợi) đây, đến khuyên nhủ Ông!” Hoà-thượng nay đã có phần bớt”. Chánh Pháp Tạng hỏi Sư rằng: “Ông bắt đầu lên đường từ bao giờ?” Sư đáp: “Đã ngoài ba năm!” đã cùng hợp với giấc mộng, nên cả hai vị vừa buồn vừa vui, Sư bèn lễ tạ.

Tại chùa ấy vốn lập Pháp thông Tam Tạng, đặt ra mười vị. từ trước đến nay còn thiếu một người. Vì tiếng tăm Đạo hạnh của Sư vang vọng như thế, nên mời Sư dự vào ngôi vị ấy. Thường ngày cung cấp các thứ thức ăn ngon hai mươi bàn, một thăng gạo Đại nhân, tân lang (cau), Đậu khấu, Long não, hương nhũ, Tô mật v.v.. Tịnh nhân bốn Ba-la, hai hàng cười kiêu voi có ba mươi người theo. Gạo Đại nhân tức gạo tẻ, lớn như hạt đậu đen, cơm có mùi thơm bay xa cả trăm bộ, chỉ có ở nước ấy. Vua cùng các vị biết pháp cùng tham dự. nên tại chùa ấy những bậc thông hiểu ba Tạng được cung cấp hai mươi mâm, tức hai mươi ngày. Dần giảm xuống người chỉ thông hiểu một kinh thì được cung cấp năm mâm, qua năm ngày ấy rồi, sau đó bèn y theo tăng vị. Nhân đó, bèn thỉnh ngài Giới Hiền giảng luận Du-già. Thính chúng có đến mấy ngàn vị, suốt mười lăm tháng mới được một biến, lại vì giảng lại, thì thêm chín tháng mới hoàn tất. Ngoài ra, với Các Luận Thuận Lý, Hiền Dương, Đối Pháp v.v.. Sư đều được thưa hỏi hỏi bảm thọ. Nhưng đối với Luận Du-già riêng được khen ngợi thì phải trải qua năm năm, suốt sớm tối không dừng nghỉ, đem sự bàn luận rộng rãi. Sư chưa chịu trở về phía Đông (tức Trung Hoa). Ngài Giới Hiền bảo rằng: “Tôi già yếu, thấy ông

xem thường tánh mạng vì cầu pháp, trên đường đi trải qua mười năm mới đến đây. Ngày nay chẳng nệ già yếu, dốc sức vì chỉ bày rõ. Pháp quý trọng ở chỗ được mở mang, đâu mong chỉ riêng mình tài giỏi! Lại tham cứu các bộ khác, sợ mất thời cơ nhân duyên, trí tuệ thì không ngần mé, chỉ có Phật mới thấu cùng, Mạng người như sương móc không sớm thì tối. Nên hãy trở về!” Và bèn sửa chữa cho các thứ hành lý, ban cho các Kinh Luận. Sư bèn thưa rằng: “con xin vâng theo lời chỉ bảo. Nhưng trong ý muốn đi quanh các nước ở phương Nam rồi trở lại đường hướng phía Bắc. Vì lời hứa trước kia ở Cao Xương không được làm trái”.

Từ đó, Sư bèn đi theo hướng Đông đến trong núi rừng lớn, tới nước Y-lan-noa, thấy dấu vết chỗ Đức Phật ngồi in sâu trên đá một tấc, dài năm thước hai tấc, rộng hai thước một tấc. Bên cạnh có dấu vết bình bát in sâu trên đá một tấc, tám phía hiển hiện hoa văn dường như mới đặt để. Có dấu vết Đức Phật đứng cao một thước tám tấc, năm nước, gần bốn ngàn dặm là đến nước Tam-ma-đát-tra, là bãi đất mặn của biển lớn, nơi bốn Đức Phật xưa kia từng đi qua, thấy có tôn tượng Phật bằng ngọc xanh cao tám thước. Từ đó đi theo hướng Đông Bắc, trong khoảng giữa núi và biển, trải qua sáu nước thì đến Lâm áp. Đường đi vừa hiểm trở lại dài xa, có lắm khí độc dịch lệ nên Sư chẳng dám bước, mà lại theo hướng Tây, đi gần hai ngàn dặm là đến nước Yết-la-noa. Tại đó, Tà chánh đều được phụng thờ. Riêng có ba ngôi chùa chẳng ăn dùng các thứ sữa lạc, bởi theo bộ phái Điều Đạt. Sư lại theo hướng Tây nam, đi hơn bảy trăm dặm đến nước Ô-trà, ranh giới phía Đông nước ấy tiếp cận với biển cả. Ở nước ấy có ngôi thành Phát Hành, khách đi buôn dừng ở lần lượt theo mé biển. Ở phía Nam biển lớn có nước Tăng-già-la, nghĩa là Chấp sư tử. cùng cách xa chừng hơn hai muôn dặm, ban đêm nhìn về phía Nam, trong nước đó có ngôi tháp thờ răng Phật, trên ngọc báu tỏa phát ánh sáng rực rỡ hiện lên giữa khoảng hư không. Lại theo hướng Tây nam, trải qua các nước đều có các Di tích kỳ lạ. Đi tới năm ngàn dặm là đến nước Kiền-tát-la. Đó là địa vực chính giữa của Nam Ấn-độ. mọi người rất kính tin Phật Pháp. Tăng chúng có tới muôn người. Đất đai ở đó rộng rãi thông thoáng, rừng đồng nối tiếp nhau. Về phía Tây Nam của thành đô cách hơn ba trăm dặm có núi Hắc Phong. Có vị Đại Vương xưa kia vì Bồ-tát Long Mãnh mà xây dựng ngôi chùa đó, tức là ngài Long Thọ. Chùa ấy trên dưới có năm lớp được đục đá mà làm thành dẫn nước rót chảy chung quanh, có lắm sự biến dị, men theo làn sóng mới đến được. Hiện nay, được các tịnh nhân giữ gìn, ít có người đến. Trong khám thờ có pho tượng bằng đá, hình dáng rất vĩ đại. Ngày chùa xây dựng xong, Bồ-tát Long Mãnh đến núi bơi thuộc vào đó, biến thành màu vàng tía. Ở đời không nơi nào sánh bằng. Lại có kinh tạng chôn cất vô số. Các bậc Lão đức ngày trước tương truyền là

từ lần kiết tập đầu tiên tất cả đều hiện còn ở đó. Tuy ở bên ngoài Phật pháp đã từng bị phá hoại mà riêng ở núi đó vẫn mãi được gìn giữ không thay đổi. Gần đây, có vị tăng đến đó an cư kiết hạ, mà chỉ được đọc tụng chứ không thỉnh mang ra được. trình bày rõ ràng về việc đó, chỉ vì đường đi khó khăn hiểm trở nên khó có thể tìm hỏi.

Sư lại theo hướng Nam, đi hơn bảy ngàn dặm, trên đường trải qua năm nước, đều có các Linh tích, rồi đến nước Mạt-la-củ-tra, đó là cảnh bãi biển ở tận cùng phía nam của Châu Thiên-bộ. Trên núi thoảng ra mùi hương Long não. Bên cạnh có đỉnh núi cao vót, có dòng nước chảy trong ngần, xoay quanh hơn hai mươi vòng theo hướng Nam chảy ra biển. Bên trong có cung trời, nơi thường cư trú của Bồ-tát Quán Tự Tại; là tên gọi đúng của Quán Thế Âm. Gần biển có ngôi thành, xưa kia là nước Sư Tử, nay xoáy vào trong biển có thể hơn ba trăm dặm. Nếu chẳng cùng kết bạn thì không thể đến, nên Sư chẳng đi. Từ đó ngài theo hướng Tây Bắc, đi hơn bốn trăm dặm, trên đường trải qua các nước đều có lắm thứ thần dị. Sư đến nước Ma-ha-lạt-tha, vua nước ấy quả thật uy phong oai hùng tự tại, không phục Vua Giới Nhật. Chùa viện có hơn trăm ngôi, Tăng Chúng có khoảng năm ngàn vị, học gồm cả giáo điển Đại thừa, Tiểu thừa. Chùa núi ở phía đông nước ấy do một vị La-hán tạo nên. Có một ngôi tịnh xá lớn cao hơn trăm thước, bên trong có pho tượng đá cao tám trượng. Phía trên thiết bày các lọng đá có đến bảy lớp, treo lơ lửng giữa hư không, mỗi lọng cách nhau khoảng ba thước. Những người đến lễ bái tham yết, không ai chẳng khen ngợi sức thần ấy. Từ đó, nhân rảo bước rộng tìm khắp các Thánh tích, Sư đến nước Bạt-phạt-đa. Có mấy vị hạnh đức, học nghiệp thật đáng tôn kính. Sư bèn dừng ở lại hai năm cầu học Chánh lượng Bộ luận Căn Bản, luận Nhiếp Chánh, luận Thành Thật v.v.. Rồi Sư lại theo hướng Đông Nam trở về Na-lan-đà. Tham lễ luận sư giới Hiền xong, Sư lại sang núi Trượng Lâm, chỗ Cư sĩ Luận sư Thắng Quân. Luận sư ấy là người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, học thông nội ngoại, ngũ minh số thuật, thường cư trú trong rừng, nuôi dưỡng Đồ chúng, giảng dạy nghĩa kinh Phật. Kẻ tăng người tục quy hướng có mấy trăm vị. các vị Quốc Vương v.v.. cũng đến chiêm ngưỡng lễ bái, rửa chân, cúng dường, ban phong tướng thưởng Thành ấp. Sư bèn nương tựa ở đó, cầu học luận Duy Thức quyết trạch, luận ý nghĩa, luận Thành Vô úy, v.v.. trước sau tất cả được hai năm. Một đêm, Sư mộng thấy từ trong chùa ra đến ngoài rừng áp, lửa tràn lan thiêu đốt thành tro than. Thấy một người thân màu vàng bảo với Sư rằng: “Về sau, khoảng mười năm, khi vua Giới Nhật băng, thì Ấn-độ sẽ bị nổi loạn, như lửa đang thiêu đốt cây cỏ”. Đến lúc tỉnh mộng, ngài kể lại với Luận sư Thắng Quân. Và trong ý Sư mới quyết định mọi sự để trở về Trung Hoa. Mãi đến cuối niên hiệu Vĩnh Huy (...659) - đời Tiền Đường,

quả nhiên vua Giới Nhật bằng. Đến nay ở xứ đó thấy đều đối kém hoang tàn, như trong giấc mộng của Sư vậy. Ban đầu, ở tại chùa Na-lan-đà, các vị Đại đức Sư Tử Quang v.v.. lập tông Trung Bách Luận, muốn dẹp phá giao nghĩa của Luận Du-già v.v... Sư bảo rằng: “Các bậc Thánh soạn luận không bao giờ trái nhau. Chỉ người học có khuynh hướng trái lại mà thôi”. Nhân đó, Sư soạn Luận Hội Tông gần ba ngàn bài kệ, đem trình các Luận Sư Giới Hiền, v.v.... các Luận sư đều ngợi khen ngài khéo giỏi. Trước kia ở Nam Ấn Độ có vị sư Quán Đảnh tên là Bát-nhã-cúc-đa hiệu rành Chánh lượng Bộ, soạn luận phá Đại thừa gồm bảy trăm bài kệ. Bấy giờ, vua Giới Nhật đánh dẹp đến nước Ô-trà, Các luận sư Tiểu thừa bảo trọng luận đó, bèn đem dâng lên Vua và xin vua đề cử cho các Luận sư Đại thừa cùng đối luận quyết trạch sự hơn kém. Vua Giới Nhật biên thư gửi đến chùa Na-lan-đà đề nghị hãy sai cử bốn vị tăng khéo thông hiểu Giáo điển Đại, Tiểu thừa và Nội ngoại cùng đến hành cung, sẽ có luận nghĩa. Luận sư Giới Hiền bèn sai cử bốn vị, đó là Hải Tuệ, Trí Quang, Sư Tử Quang và Sư cung vâng mạng lệnh. Lúc sắp sửa ra đi, có vị Thuận Thế ngoại đạo đến xin luận nạn, viết bốn mươi điều nghĩa đem treo dán ở cửa chùa, nếu có người nào lý luận bẻ gãy thì sẽ chém đầu để tạ tội, vị ngoại đạo ấy chấp rằng “Bốn đại là nhân của người và vật, ý chỉ nghĩa lý sâu xa, rất khó mà bày xét. Âm dương như thế ai có thể thấu cùng vận số” Do chấp như thế nên đến cầu quyết đấu. Tại nước ấy có lệ thường là đấu luận với nhau mà bị thua thì trước tiên bắt cười lừa, đem bình nước phẫn rót lên đánh đầu. Ông ở trong chúng, thân tâm đều chiết phục, sau đó làm kẻ thấp hèn, Chư Tăng cùng nghi ngờ sợ cái ách thua kém, nên im lặng chẳng bày đối luận. Sư đình chỉ đã lâu, nghiên cứu đến Luận Đạo, Bảo cùng Chư tăng xin được đối luận, chứ không thể chấp nhận cùng xấu hổ. Mỗi bên đều có người đứng bên cạnh làm chứng, qua lại mấy lần xem xét, không lối mở thông, thần lý đều tan mất, bỗng nhiên thềm phục. Dự ở cửa Phật cùng một lúc thắng vượt. Vị ngoại đạo kia đã bị bẻ gãy rồi bèn xin y theo điều hứa trước. Sư bảo: Trong giáo pháp của ta mở rộng sự tha thứ khoáng dung, chẳng đặt nặng hình phạt, người bầm thọ Pháp ta như kẻ tội kính thờ chủ”. Nhân đó, vị ngoại đạo ấy theo đến chỗ phòng Sư, vâng thờ Chánh Pháp yếu. Các Luận sư ở nước Ô-trà lại riêng thưa hỏi, tìm chọn trong đó lại có điều sai lầm. Sư bảo vị ngoại Đạo đã vâng phục ấy rằng: “Ông có nghe chỗ lập nghĩa của Luận sư nước Ô-trà chẳng?” đáp: “Nghĩa ấy đã từng nghe và hiểu rất rõ ý thú”. Sư liền bảo nói bày điều đó. Và thấu suốt được cốt yếu, bèn nêu chỉ những điểm vụn vặt, trình bày nghĩa lý Đại thừa mà phá dẹp. Sư soạn luận lấy tên là Luận Chế ác Kiến gồm một ngàn sáu trăm bài kệ, đem trình lên các Luận sư Giới hiền, v.v.. Các Luận sư đều bảo: “Luận ấy thấu cùng kinh khẩu của thiên hạ, ai có thể đối địch được!”

Ý Sư muốn lưu truyền, mở mang giáo bản mới buông duyên khai mở chánh pháp, bèn sang nước Ca-Ma-Lâu-Đa thuộc xứ Đông Ấn Độ. Vì phong tục ở xứ ấy đều tin theo dị đạo, nên Bộ chúng dị đạo ấy có mấy muôn người. Phật pháp tuy được hoằng truyền mà chưa đến xứ ấy. Vua nước ấy kính thờ Thiên thần, rất mến trọng giáo nghĩa. Chỉ nghe là người trí, bất luận là Chánh tà, đều kính phụng mọi người. Mới tiêm nhiệm Phật Pháp, dùng sự để mở mang nên sang đó khai hóa. Khi đã đến nơi, Vua nước ấy khen ngợi Sư thẳng đạt, thần tư trong sáng xa vời. Vua Đồng Tử nghe thế mừng vui muốn được gặp mặt, bèn sai sứ đi ba phen đến thỉnh Sư mới sang. Sư đã đến nơi cùng thấy nhau, dường như giao du với nhau đã lâu, bèn nói, tiếp đãi trải qua cả tháng. Bấy giờ, các hàng Dị thuật cùng nhóm họp cầu xin Vua cho quyết luận, ngôn từ vừa giao thì bọn tà bị xô ngã như cỏ rạp, vua càng thêm tôn sùng kính trọng, mới mở cửa kính tin thưa hỏi Sư về Chư Phật do đâu mà có được Công Đức. Sư bèn khen ngợi ba Thân Như Lai làm lợi ích cho muôn vật. Nhân đó mà soạn luận tam thân gồm ba trăm bài kệ để hiến tặng. Vua ấy bảo: “Thật chưa từng có!”, bèn đánh lễ kính cẩn quy y.

Phía Đông nước ấy tiếp giáp với Tây Man của đất Thục, nghe đường xá đó phải mất suốt hai tháng mới đi đến. Bấy giờ, các quan của Vua Giới Nhật mách bảo nhau rằng: “Tại Đông thiên, Vua Đồng tử có được mặt trời Đại thừa của nước Chi-na, Đạo Đức rộng lớn trùm khắp. Vua nước ấy rất kính trọng, cầu thỉnh đến đó”, mặt trời Đại thừa ấy tức là tên gọi mà Chư Tăng ở Ấn-độ ngợi khen Sư. Vua Giới Nhật bảo: “Ta đã từng thỉnh cầu, mà khước từ chẳng đến. Do nhân gì mà Sư đến ở nước ấy?” Liền sai bảo Vua Câu-ma-la hãy đưa Pháp sư người nước Chi-na (tức chỉ Huyền Trang) đến gặp tại nước Kỳ-la. Vua Đồng Tử ra lệnh đem hai muôn con voi, ba muôn chiếc thuyền và cùng Sư đồng đi ngược dòng nước sông Căng-già để đến chỗ vua Giới Nhật. Vua Giới Nhật cùng các quan thuộc hơn trăm muôn người thuận theo dòng nước đi về hướng Đông cùng nhóm họp tại nước Yết-thù-kỳ-la. Ban đầu mới trông thấy Sư, vua bèn đánh lễ, dốc hết sự kính trọng, rải hoa, xướng đọc kệ tụng, cúng dường, rồi thưa rằng: “đệ tử trước kia đã cầu thỉnh, nhưng vì sao Sư không đến?” Ngài đáp: “Vì nghe pháp chưa xong, nên bay vâng lệnh!” Vua Giới Nhật lại hỏi: “Tại nước Chi-na có Vua Tần đánh trận mà trời nhạc ca múa. Vậy Vua Tần là nước nào mà Ca Vịnh như thế?” Sư bảo: “Đó chính là Thiên tử của Chánh Quốc hiện nay. Vua ấy là bậc Đại Thánh đánh dẹp giặc loạn, sửa đổi chính sách, ân đức thấm đượm khắp đất trời, nên có lời ca vịnh như thế!” Vua Giới Nhật bảo: “Nên trời mặc tình để vị vua ấy làm chủ muôn vật”. rồi mới thỉnh Sư vào hành cung thiết bày các thứ cúng dường. Sư bèn soạn Luận Chế ác Kiến. Ngoài nhìn Chư tăng mà bảo rằng: “Anh sáng mặt trời đã xuất hiện thì ánh đuốc bị mất sức sáng. Chỗ

quý báu của các sư, kia đều đã phá xong. Thử nghiên cứu lấy mà xem!” Chu Tăng thuộc khuynh hướng Tiểu thừa không ai dám nói một lời nào. Vua Giới Nhật bảo rằng: “Luận này tuy cao siêu nhưng chưa được truyền bá rộng rãi. Ta muốn đến Thành Khúc nữ thiết lập Đại hội, bảo những bậc tài sĩ khắp năm xứ Ấn-độ có khả năng giảng nói, đối trước chúng đông mà hiển bày, giúp mọi người bỏ tà theo chánh, bỏ Tiểu thừa về Đại. Như vậy, há chẳng hay ư?” Ngày đó, Vua Giới Nhật liền ban phát chiếu lệnh bảo khắp trong nước, nhóm họp tất cả các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả các hàng Di Đạo đồng đến thành Khúc nữ. Bắt đầu từ mùa đông, ban đầu ngược theo dòng nước, tới tháng chạp mới đến nơi. Bảy giờ, mọi người khắp bốn phương nhóm họp có tới mấy muôn người, người có khả năng luận nghĩa có cả mấy ngàn vị. mỗi vị giỏi hùng biện đều xưng là khắc địch. Việc trước tiên là nhà vua dựng lập hành điện, mỗi nơi dung chứa ngàn người, thờ tôn tượng, cúng dường hoa hương âm nhạc. Thỉnh Sư lên Pháp toà, Sư liền nêu Luận Tông và bảo mọi người nêu bày hạch xét. Qua hết mười tám ngày mà không ai dám hỏi. Vua Giới Nhật hết lời ngợi khen tán thưởng, ban tặng Sư ba muôn đồng tiền bạc, một muôn đồng tiền vàng, một trăm bộ y phục bằng bông tơ. Vua bảo Quan Đại thần bưng nắm áo Ca-sa của Sư đi quanh khắp chúng mà nói như vậy: “Phá Sư người China biện luận đã thắng, suốt mười tám ngày cho đến nay không một ai dám hỏi. Mọi người đều phải nên biết như thế”. Bảy giờ tăng chúng rất vui mừng bảo rằng: “Phật Pháp trùng hưng, mới khiến người kia (=tức Huyền Trang) có được Quyền trí như vậy!”

Sư muốn giả từ để trở về Trung Hoa. Vua Giới Nhật lại thỉnh Sư ở lại thêm bảy mươi lăm ngày, thiết lập Đàn tướng Bồ thí lớn. Đến lúc sự việc hoàn tất, Sư giả từ để trở về. Vua Giới Nhật ban sắc cho các Sở bộ lần lượt thay nhau đưa tiễn Sư ra khỏi nước. Đồng thời ban tặng Sư một con thanh tượng (voi xanh) tiền vàng, tiền bạc mỗi thứ mấy muôn. Vua Giới Nhật, vua Câu-ma-la, v.v.. tất cả mười tám vị Đại Quốc vương đều rơi lệ từ biệt Sư. Sư bèn từ chối không nhận. Vì coi thân hình rất lớn, mỗi ngày phải cần đến hơn bốn mươi vi cò, các thứ thức ăn phải dùng tới ba đấu. Vua Giới Nhật lại ban sắc cho các nước phụ cận tùy thuộc, hễ nơi nào Sư đi ngang qua đều nên cung cấp cúng dường Chu tăng, khuyên Sư nhận lấy con voi. Mọi người đều bảo: “Đó là tướng thù thắng! Từ lúc Đức Phật diệt độ đến nay, các vị vua tuy rất tôn sùng kính trọng đem các thứ bồ thí cúng dường, nhưng không hề nghe đem voi để dâng cúng cửa Phật. Vì Voi là vật báu của đất nước. Nay đã thấy ban tặng như thế, thật là đức tin đã đến độ cùng cực!” Nhân đó, Sư nhận lấy voi mà trả lại tiền và vật báu. Con voi ấy thân hình tròn lớn, cao một trượng ba, dài hai trượng, trên lưng có thể chở tám người ngồi và các thứ kinh tượng, v.v.. đều đặt để lên trên, hình trạng như bức tường thấp, tướng tự như không

hành, tuy gặp những lúc vôi tuôn chạy mau lẹ nhưng đều an ổn không rơi rớt, bình nước không nghiêng đổ. Sư men theo phía Bắc trở lại ra khỏi ranh giới nước Ấn-độ. vua Giời Nhật oai phong trùm khắp, nên Sư đều được cúng cấp hầu đãi. Sư đến nước Tỳ-lợi, ở đó nửa núi nửa sông tưới róc làm đất đai tươi tốt. Tăng chúng có đến mấy muôn vị, đều học theo Giáo Nghĩa Đại thừa. Sư theo hướng Đông bắc đi bằng đường núi, trải qua các thành ấp, lên đến núi tuyết. Và tới trên đảnh thì các ngọn núi khác đều thấp. Sư lại đi lên thêm ba ngày nữa, là tới đảnh núi rất cao, trông nhìn thấy suốt cả Nam bắc, chỉ thấy núi Hoành có chín lớp, vượt qua đó rồi thì đều là đất bằng, tuy có các ngọn núi nhỏ nhưng cách xa không nối liền nhau. Chỉ một đảnh núi ấy sừng sững cao xa, ước lượng mà nói thì núi Châm của châu Thiệm-bộ ở phía Nam chính là ở đó. Làm sao biết được? Vì như cảnh giới ở phía Tây là vùng Ba Tư Bình xuyên mệnh mông, phía Đông là đến Ngôi ngạc, chẳng có dấu vết cùng tận. Phía Bắc thì đồng trống tiêu điều, phía nam thì Ấn-độ cao ráo. Tức nơi mà trong các kinh gọi là Núi Hương. Đến nơi ao hồ sâu thẳm, chưa thể tìm tới cội nguồn. Nơi nương tựa của bốn dòng sông lớn đều xuất phát từ đó. Chỗ Nhĩ Nhã gọi là vùng Côn Lôn, há chẳng phải là đó ư? Căn cứ theo Gia Vũ Công thì sông chảy ra từ bãi đá, bởi hạn cuộc nói bàn về chỗ xuất xứ. Trương Khiên tìm theo đó mà đi đến Đại Hạ (Trung Hoa), hẳn là đã vượt chỗ đã trải qua, vẫn chẳng nói chỗ bắt đầu phát nguồn, nên đoán mà có thể biết. Sư dẫn theo trước sau, mọi người đi men theo đảnh núi mà xuống, suốt ba ngày thì tới đất bằng, đến Đôhóa-la; các đô cấp xưa cũ. Đi núi có tám trăm con đường rất khó khăn hiểm trở, gió lạnh buốt xương. Sư đến nước Ủ Hoạt, trên đường đi qua đều thuộc Bắc Định mà Vua Xứ đó là nối tiếp giòng dõi của Đột-quyết, thống lãnh các giống người Hồ, coi sóc chung các thiết môn cho đến các nước nhỏ phía Nam.

Từ đó thẳng xuống hướng Đông mới đi vào Thông lãnh. Thông lãnh chiếm cứ ngay giữa Châu Thiệm-bộ, phía Nam tiếp liền với núi Tuyết, phía Bắc đến tận Biển nóng, phía Đông dẫn vào Ô Sái, phía tây đến tận Ba-tư, ngang rộng tất cả mỗi phía đến mấy ngàn dặm, quanh năm đều đóng băng tuyết. Từ trên đảnh và men theo sườn núi nguy hiểm, hơn nửa lưng chừng núi trở xuống thường có mọc hành núi, nên nhân đó mà gọi tên là Thông Lãnh. Người xưa nói rằng: “Thông lãnh dừng tuyết, tức là núi Tuyết”. Nay đích thân xem xét thì biết không phải. Vì núi Tuyết nằm ở phía Nam Thông Lãnh. Ở hai phía Đông Tây phô bày biển cả, phía Nam thì trông tới đồng trống bằng phẳng, phía Bắc thì tới Tùng sơn, nên gọi là Thông lãnh.

Sư lại theo đường núi thẳng về hướng Đông, đi qua mười nước hơn hai ngàn dặm, là đến nước Đạt-ma-tất-thiết. Cảnh trí ấy nằm giữa khoảng núi, hai phía Đông tây rộng một ngàn sáu trăm dặm, hai phía Nam bắc nơi rộng nhất

chẳng quá bốn, năm dặm, tới sông Phục-sô, từ phía nam mà đến, chẳng lường biết được cội nguồn của nó, chùa tăng có hơn mười ngôi, có một pho tượng bằng đá, phía trên đặt cái lọng tròn bằng đồng mạ vàng, nếu có người đi nhiều quanh thì lọng cũng tùy theo đó mà xoay chuyển, không do máy móc khéo léo, chẳng thể lường biết được điều tự nhiên đó. Lại theo đường núi đi về hướng Đông gần một ngàn dặm là tới nước Thương-di, phía Đông đến giòng sông lớn, rộng hơn ngàn dặm. Ở phía Nam bắc hơn một trăm dặm tuyệt nhiên không có người ở. Tại dòng sông có ao rộng, hai phía Đông Tây rộng ba trăm dặm, và Nam bắc rộng năm mươi dặm. Ao ấy nằm trong Đại Thông Lãnh, là chỗ đất rất cao trong Châu Thiệm-bộ. Làm sao biết được? Vì ao đó lưu xuất ra hai dòng sông đều chảy về hướng Tây đến nước Đạt-ma-tát-thiết, hợp cùng với sông Phục-sô. Từ đó trở về hướng Tây đều là dòng chảy về Tây, còn dòng ở phía Đông chảy đến ranh giới phía Tây của Khư-sa, hợp với sông Tỷ-đa. Từ đó trở về phía đông, các dòng sông đều chảy về hướng Đông, nên chia thành hai dòng sông, đều chảy vào Biển Tây nên biết nó là Cao. Trong ao ấy có xuất hiện trứng chim rất lớn như cái đầu, theo nước Điều-chi thì trứng lớn như cái vò, há chẳng phải đó ư?

Lại đi về hướng Đông khoảng năm trăm dặm là đến nước Yết-đàn-bà, phía bắc gối lưng với sông Tỷ-đa, tức là chỗ mà trong các kinh gọi là sông Tát-đà, theo hướng Đông chảy vào đầm muối rồi ngấm vào trong lòng đất, tuôn trào ra bãi đá làm thành sông Đông Hạ. Nước đó rất sùng tín Phật Pháp. Về phía Đông nam của thành hơn ba trăm dặm, có sườn lớn của hai ngôi thất, mỗi nơi có một vị La-hán hiện nhập Diệt định đã hơn bảy trăm năm, râu tóc dần dần dài ra, Chư Tăng ở gần đó hằng năm đều đến cắt tía. Sư lại đi về hướng Đông hơn ngàn dặm nữa mới ra khỏi Thông lãnh, đến nước Ô Sái. Thành gần với sông Tỷ-đa. Ở phía Tây có ngọn núi lớn, ven sườn núi tự sụp đổ, bên trong có vị tăng thâm lặng ngồi nhắm mắt, hình dáng rất kỳ vĩ, râu tóc rủ xuống tới tận vai, hỏi nguyên do mới biết đó là người ở thời Phật Ca-diếp, gần đây sườn núi sụp đổ vùi lấp trong lòng núi. Khi đến nước đó, Sư chẳng đi bằng voi, mà đến trước để đo sông Tuyết tới chiều, voi mới đến, nước sông dâng dâng lên, chẳng rõ biết đường núi, tìm theo núi mà xuống thẳng. Ngà voi vướng vào cây ven bờ núi, tánh voi hung dữ trở lại nhỏ vát nhanh, do đó mà bị chết. Sư buồn hận con đường đi qua đã vượt núi nguy hiểm, sắp đến miền đất bằng phẳng, mà chẳng thành đạt sự mong cầu!

Từ đó, lại tiếp theo hướng Đông, đi qua Sơ-lặc mới đến Trử-cừ, đường dài hơn ngàn dặm. Trong đồng bạn có năm trăm người đều cùng nhau suy cử Sư làm Đại Thương Chủ và đặt Sư ở giữa doanh trại, bốn phía canh phòng gìn giữ. Và lại, từ nước Trử-cừ, từ trước đến nay thường gìn giữ mười bộ kinh lớn, mỗi bộ có tới mười muôn bài kệ. Như trước đây tương truyền đó là

Quốc bảo nên giữ gìn không cho phân tán. Nay thuộc về xứ Đột-quyết. Ở phía nam có ngọn núi lớn, hiện tại có ba vị La-hán nhập định Diệt Tận. Lại theo đường hướng Đông đi khoảng tám trăm dặm là đến nước Vu-độn. Đất ở đó toàn là Cát và đất mềm. Chùa Phật có hơn trăm ngôi, Tăng chúng khoảng năm ngàn vị, đều tu học giáo nghĩa Đại thừa. Chùa ở núi nằm về phía Tây của thành là nơi xưa kia Đức Phật từng đi đến. Có hang đá rất lớn, có vị La-hán đang nhập định, cửa hang đóng kín. Ban đầu, khi đã đến Thông Lãnh, Sư bảo người hầu mang Biểu Văn đi về trước tâu trình với triều đình. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân - thời tiền Đường) ban sắc thăm hỏi, bảo nên sớm cùng gặp gỡ. Song đến nước Vu-độn, vì voi chết nên kinh tượng đang giữa đường đi, không có phương tiện vận chuyển, Sư lại dâng biểu cầu xin, sau đó, Vua Thái Tông có ban biệt sắc cho vua nước Vu-độn cung cấp các phương tiện để chuyên chở. Vua nước Vu-độn đã vâng theo nghiêm sắc cho Lạc-đà, ngựa cùng vận chuyển đến Sa Châu. Lại nhờ biệt sắc, tính liệu hành trình thù đáp, giá trị thuê mướn, ngay đó chuyên chở theo từng trạm có đến hai mươi trạm.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645), Sư mới về tới phía Tây của Kinh Giao. Kẻ tăng người tục cùng nhau đổ xô ra các cửa đầy ních có đến mấy mươi muôn người, như gặp được Đức Phật hạ sinh. Sắp vào kinh đô, người vật tung hô ủng hộ, xô đẩy không thể tiến tới được, nên phải dừng ở tại biệt Quán, suốt đêm canh cấm gìn giữ, vì bị cản ngăn dừng nghỉ bên đường. Từ phía Tây Nam thành cũ đến kinh đô, đường chu tước đều dừng trạm dài xa hơn hai mươi dặm. Mọi người kính lễ bái yết, không được xoay quanh. Bấy giờ, xa giá về đến Lạc Dương, Sư bèn để các thứ kinh tượng vào chùa Hoàng phúc. Tăng chúng ở kinh áp đua nhau giảng bày phan phước hỗ trợ đón rước trang nghiêm. Bốn bộ rầm rĩ lại gặp bội so với lúc mới đến. Ngay lúc ấy lại cảm điềm mây hiện giữa trời phía Bắc xoay tròn như cái lọng. Các màu sắc hồng trắng soi chiếu lẫn nhau. Và ngay trên tượng phát ra tướng vòng tròn sáng, chẳng xoay quanh mặt trời. Mọi người cùng nhau khen ngợi kính ngưỡng từ giữa trưa cho đến chiều. Khi vào tới chùa Hoàng Phúc mới bắt đầu hết diệt. Đến nỗi khiến khắp kinh đô, bốn hạng dân chúng đều bỏ công việc, bảy chúng Đệ tử Phật đều quy hướng vâng thừa. Đương thời kỳ ấy, Sư kính ngưỡng cao độ từ xa xưa thật chưa từng có.

Sư tuy gặp phải lắm sự hỏi han, song riêng giữ mình nơi Quán Vũ, ngồi giữ sự thanh nhàn, sợ vùi lấp trong mọi sự bàn luận nên chẳng đến đối đáp. Lúc đến bên bờ sông Lạc, đặc biệt nhờ sự an ủi thăm hỏi và dâng hiến các vật báu lạ của các nước, dùng ngựa công chờ đó, và Biệt sắc dẫn vào Nội Điện của cung sâu, tận mặt ra mắt tôn nhan Vua Thái Tông, cùng bàn luận chân

tục, chẳng sai lầm ý chỉ của nhà vua, suốt thời gian từ giờ mao đến giờ Dậu, mà chẳng biết thời gian dài lâu. Mãi đến lúc tiếng trống tắc lạp, nhà vua liền sự việc Nhung Chiên, hỏi Tội Liêu Tả, sáng sớm hôm sau lúc sắp xuất phát, lại ban sắc đồng đi. Sự việc có Bệnh khổ nên cố từ, đồng thời trình bày việc phiên dịch. Nhà vua chẳng trái lời thỉnh nguyện của Sư, bèn ban sắc tại kinh đô lưu giữ Lương Quốc Công Phòng Huyền Lĩnh chuyên việc trông coi xem xét, giúp đầy đủ mọi thứ cần dùng, mỗi thứ đều vâng theo Thiên Phủ.

Ban đầu, lúc Sư đang ở tại Ấn-độ. tiếng tăm Đạo phong đã vang động khắp năm xứ, khen ngợi người vật xứ Chi-na là lớn mạnh. Vua Giới Nhật và Chư tăng chùa Bồ-đề nghĩ nghe về nước này đã lâu ngày, chỉ cản trở bởi không có kẻ sứ truyền đạt tin tức nên chưa thể y cứ bằng chứng. Ở nước đó (Ấn-độ) thường truyền rằng: Tại Châu Thiệm-bộ có bốn vua thống trị. Ở phía Đông là Chi-na; là vua làm chủ cõi người, phía Tây là Ba-tư; là vua đứng đầu về vật báu, phía Nam là Ấn-độ; là vua đứng đầu về voi, và phía Bắc là Hiêm Duân; là vua đứng đầu về ngựa. Đều có nghĩa là cả bốn nước nhờ đó mà thống trị, tức là nói theo nhân thì Sư đã yên đến phù hợp với thuật đồng. Vua giới Nhật và Chư tăng mỗi mỗi đều sai Trung Sứ mang các kinh báu đến dâng hiến Đông Hạ (Trung Hoa) thì tin mạng Thiên-trúc do từ Sư mà thông, chỗ cùng cực của Tuyên thuật Hoàng Du. khi các Trung sứ đã trở về Tây Trúc, Vua Giới Nhật lại ban sắc Vương Huyền sách v.v.. tất cả hơn hai mươi người theo sang Đại Hạ và đều ban tặng các thứ tơ lụa có hơn ngàn xấp. Vua và Chư Tăng số lượng mỗi người có khác nhau, đều đến chùa Bồ-đề, Chư tăng mời thợ đường phèn, bèn sai bảo hai người thợ và tám vị tăng đều đến Đông Hạ. Sau đó ban sắc sang Việt Châu đến Cam-giá tạo lập, đều được thành tựu. Trước tiên, ba vị tăng ở chùa Bồ-đề mang kinh đến trước. Nhà vua ban sắc thỉnh chư Tăng ở khắp Kinh thành để thiết trai cúng dường, rồi đến ở chùa Hoàng Phúc, phiên dịch các Kinh Đại Trang Nghiêm, v.v.. sau đó không lâu thì có tin Sư sắp về đến. Vua Thái Tông bèn ban sắc ngừng nghỉ, chờ đợi Sư về đến nơi Phiên dịch. Chúa Thượng trong lòng mong ngóng kính ngưỡng, có ban sắc chiếu rõ ràng mời Sư chóng đến, chỉ vì sự cố liên miên chẳng sớm trình đạt. Khi Sư đã nhìn thấy lạc cung thì tư tưởng càng sâu rộng, liền bày việc phiên dịch, tìm chọn các bậc hiền minh. Nhà vua bảo: “Pháp Sư (Huyền Trang) đối với hai thứ ngôn ngữ Đường (Trung Hoa) Phạm (Ấn-độ) đều đọc xem thấu cùng, từ lý thông suốt, e sợ luống mở mang, nơi trác lậu trọn thiếu sót Thánh Điển!” Sư bảo rằng: “Xưa kia nơi chốn phiên dịch của hai thời Nhà Tần, đồ chúng có đến ba ngàn vị. Tuy phiên dịch lưu truyền, còn sợ người đời sau không nghe, có tâm nghi ngờ trái với niềm tin, nếu chẳng tìm nêu đồng kính phụng khuôn phép huyền vi, chẳng lẽ dùng khả năng riêng mà vọng tham dự triều ủy?” Sư từng cố nài

thỉnh mới được ban giáng hứa khả. Vua Thái Tông bảo: “Từ sau khi Pháp sư cất bước ra đi, Ta xây dựng chùa Hoằng Phúc. Ở đó tuy thiên viện nhỏ hỏ nhưng tĩnh lặng có thể làm nơi phiên dịch. Mọi thứ cần dùng người vật sức lực phụ thuộc đều giao cho Huyền Lĩnh thương lượng chuyên lo chu cấp ưu đãi”. Sư đã vâng lệnh vua trở lại chốn kinh đô, bèn thỉnh các Sa-môn Tuệ Minh, Linh Nhuận, v.v... đảm nhận việc chứng nghĩa, Samôn Hành Hữu, Huyền Trách, v.v... đảm nhận việc biên tập. Sa-môn Trí Chứng, Biện Cơ, v.v.. đảm nhận việc ghi chép Văn. Sa-môn Huyền Mô Kiểm chứng Phạm ngữ. Sa môn Huyền ứng hiệu đính chữ sai.

Vào tháng năm năm đó (645) bắt đầu công việc Phiên Dịch Đại Bồ-tát Kinh tạng gồm hai mươi quyển. Sư đảm nhận việc cầm bút và san lọc từ lý. Kinh ấy giải thích rộng về các Pháp sáu Độ, bốn nhiếp, mười lực, bốn Vô Uy, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các Bồ-tát hạnh, hợp tất cả mười hai phẩm, gần bốn trăm trang giấy. Bên cạnh lại phiên dịch luận Hiển Dương Thánh giáo gồm hai mươi quyển. Sa-môn Trí chứng, v.v... thay đổi nhau ghi chép văn. Sa-môn Hành Hữu rõ lý Văn cú. Còn Sư lại gia công đào luyện. Tiếp đến lại phiên dịch Luận Đại thừa Đối Pháp gồm mười lăm quyển. Sa-môn Huyền Trách ghi chép, không có thiếu sót. Sư lại soạn Tây vực truyện, gồm mười hai quyển. Sa-môn Biện Cơ đích thân tiếp nhận sự chỉnh trang trước sau. Và kiêm luôn phiên dịch các kinh như Phật Địa lục môn Thần chú v.v..., tất cả khoảng tám mươi quyển.

Các bản kinh giáo được phiên dịch từ trước đến nay, ban đầu theo tiếng Phạm viết ngược lại Bản văn, kể đó mới trở lại thuận theo tục lệ này. Sau đó mới sửa lý Văn cú, khoảng giữa thêm bớt, phần nhiều rơi rớt toàn lời. Bản dịch truyền ngày nay đều do ý chỉ của Sư, ý nghĩ độc đoán, mở lời thành chương, từ do người tùy viết thì có thể bày xem. Các bản văn do các vị Thượng Hiền ở Thời Ngô Ngụy phiên dịch đều quý trọng câu văn của tiếng Phạm Tây Vực, ràng rịt liên loại chùng chật bày bố. Văn nghĩa thời tiền Đường lại lắm phiền phức nên khiến những người giỏi chuyên coi vị trí ấy. Do đó, Sư xem suốt từ nghĩa, thêm qua phân giản tiết, đánh dấu văn bản để khắc thành, ghi chép khéo léo.

Bấy giờ, Vua Thái Tông chuẩn bị xa giá trở lại Tây Kinh, Sư bèn soạn Biểu Văn tâu trình, và cầu xin đề lời tựa ở các bản kinh luận vừa mới phiên dịch. Nhà vua ban sắc chiếu viết tay rằng: “Pháp Sư từ trước đã nêu cao hạnh, sớm vượt ngoài cảnh trần, nổi thả thuyền báu mà đến bờ kia, tìm nghĩa màu để mở pháp môn, mở mang truyền bá Đại pháp mà gạn lọc quét tủy các phiền lụy. Do đó, mây lành như muốn cuộn, đuổi ra đó mà che khắp bốn Không, mặt trời tuệ sắp tắt, khêu sáng lên để chiếu soi Bát Cực. Người đuổi mây khơi sáng đèn ấy chỉ có mình Pháp sư? Trẫm sở học cạn cợt, tâm ý

vụng về. Đối với mọi vật còn mê lầm hướng gì là Phật pháp sâu xa màu nhiệm, đâu dám ngưỡng trông lường xét. Mà Pháp sư xin ta viết lời tựa các kinh, thật chẳng phải điều thấy biết của Trẫm!”

Sư soạn “Tây Vực truyện”, nhà vua tự xem đọc. Và lúc Sư giả Tây vực trở về Ấn-độ. Vua ban sắc hơn hai mươi vị, cùng theo sang Ấn-độ. Từ trước đến nay Quốc mạng thông nghị trung thư ban sắc dùng phương ngôn của cõi khác, mục đích là phù hợp, mới phiên dịch thành tiếng Hoa nương tựa theo tiếng Phạm Tây Vực, văn từ nặng nhẹ khiến cho người đọc tôn sùng Đông hạ. Nhà vua lại ban sắc cho Sư phiên dịch năm ngàn văn bản của Lão Tử từ tiếng Hoa thành tiếng Phạm để đưa tặng sang Tây Vực. Sư bèn mời các Đạo sĩ Hoàng Cân nói về nghĩa màu sắc của Đạo giáo để Sư thu thập nhận rõ từ chỉ, mới bắt đầu phiên dịch. Các Đạo Sĩ Thái Hoãng, Thành Anh, v.v.. đua nhau dẫn nêu Thích luận, huyền ý trong Trung Luận Bách luận dùng để tương thông với Đạo kinh. Sư bảo: “chỗ đến cùng của Phật giáo và Đạo Giáo khác nhau như trời vực, đâu thể lấy lời Phật để tương thông với nghĩa Đạo?” cuối cùng tra xét gốc tích ngôn ngữ vốn không có chỗ để theo, Đạo sĩ Thái Hoãng mới dùng tình cảm nói rằng: “từ xưa tương truyền là nhờ Phật giáo, còn như Tam luận, Hoãng tôi bắt chước vâng theo chuẩn nghĩa u thông không gì chẳng đồng hội nên mới dẫn giải. Như Luận do Sa-môn Tăng Triệu soạn, trích dẫn Lão Trang rất nhiều. Còn tự trình bày rõ ràng, chẳng lấy làm quái lạ. Lời Phật tựa như Đạo, đâu có sai lầm luân ngôn”. Sư bảo: “Lúc Phật giáo mới mở bày giáo hoá, ngôn ngữ sâu sắc còn phải giữ lại. Lão giáo bàn nói về huyền lý, phải nương gá vào lời Phật. Luận của Sa-môn Tăng Triệu hiện đang lưu truyền trích dẫn là liên loại. Đâu thể dùng từ dụ để thành thông cực. Nay, kinh luận rất dồi dào, tất cả đều có Tư Nam. Đạo Lão chỉ có năm ngàn luận mà không Văn giải. Ngoài ra còn có cả ngàn quyển phần nhiều là y phương. Còn như ở xứ này còn có các vị như Hiền Minh, Hà Yên, Vương bát, Chu Ngung, Tiêu Thích, Dịch Cố Hoan v.v.. có tới vài mươi nhà chú giải về Lão Tử sao chẳng dẫn dùng, mà lại bàng thông đến Phật Giáo. Ấy chẳng là đẩy bước vượt dấu vết ư?” Thế rồi, Sư căn cứ văn bản để phiên dịch xong, sắp muốn phong lặc, Đạo sĩ Thành Anh bảo rằng: “Kinh điển của Lão giáo rất sâu kín, nếu chẳng bày dẫn, đâu có thể cùng thông? Nên xin phiên dịch cho”. Sư bảo: “Đọc xem văn sửa thân, trị nước của Lão giáo văn từ đầy đủ, mà lời tựa dẫn như gõ răng nuốt nước bọt, ngôn từ thấp hèn, e sợ người Tây Vực nghe biết về Dị Quốc, thật thẹn thùng với nước nhà!” Đạo sĩ Thành Anh v.v.. đem việc ấy tâu trình lên các quan Tể phụ. Sư lại vì phô bày tình tiết. Trung Thư Mã Châu hỏi rằng: “Ở Tây Vực có Đạo nào như Lão Trang chẳng? Sư đáp: “Ba mươi sáu đạo giáo ở Tây Vực đều muốn siêu sinh. Các Sư tiếp thừa có sự vướng mắc cuối cùng chìm đắm trong các Hữu.

Còn như phương thuật Thuận Thế tứ đại, Tông chỉ Minh sơ lục Đế, ở Đông Hạ thấy nói bày. Nếu phiên dịch về lời tựa Đạo Lão thì sợ kia cho là chuyện tiểu lâm mà chẳng phiên dịch”. Sư cho rằng điểm rốt cùng của việc mở mang khen ngợi, chớ chuộng theo đế vương. Mở mang khai hóa lưu bố đó là điều quý trọng từ xưa.

Sư lại dâng Biểu Văn rằng: “Kính vâng mặc sắc, ban rủ giúp bày. Cầu vâng phụng luân ngôn, tinh thành giữ sự chân vượt. Huyền Trang tôi nghiệp còn luống sợ, lầm tham pháp lữ, may thuộc cứu doanh, có dứt bên biểu không lo. Nhờ Hoàng linh mà đi xa, cậy uy nước mà hỏi Đạo. cuối cùng, từ xa mạo hiểm, chỉ dốc hết sự ngu thành, biên soạn đặc dị, ôm giữ trống không, thật là nhờ triều hóa. Các Kinh luận thỉnh cầu được đã vâng sắc phiên dịch, hiện tại đã thành pho quyển mà chưa có lời tựa giải thích, cúi xin Bệ hạ thấu hiểu suy tư như mây bủa, hoa trời ngời sáng cảnh, lý trùm muôn tượng, điều vượt hàm anh, hơn ngàn xưa vì lên tiếng, bít trăm vua mà lên thật. Trộm nghĩ rằng: Thần lực vô phương, nếu chẳng phải Thần Tư thì chẳng đủ để giải thích lý ấy. Thánh giáo mâu nhiệm xa vời, nếu chẳng phải bút Thánh, làm sao có thể giải bày ngọn nguồn! Nên mới mạo muội phạm đến oai nghiêm, dám mong xin đề mục Thần quyển xung mạo chẳng rủ lòng xót thương, vồ về tự thân chẳng dám lên hơi tiếng, đoái hoài nhau thì mất mưu kế. Huyền Trang tôi nghe “Mặt trời, mặt trăng rực rỡ khắp trời đã chiếu soi nơi nhà cửa, sông rạch khắp đất, cũng chảy đầy bên bờ hang hóc. Mây hoà nhạc rộng, chẳng giấu ảnh hưởng đối với người mù điếc”. Dám noi theo lý ấy mà xem trọng việc mong cầu. Cúi xin sấm mưa tuôn rũ, Thiên Văn soi chiếu, phối lưỡng nghi cùng lâu dài, cùng trời trăng mà đều cao xa. Nhưng lời mâu nhiệm nơi non Thấu, gá thần bút mà vang rộng xa. Nghĩa sâu mâu ở kê viên, nương anh từ mà tuyên xướng. Đâu chỉ nhỏ nhen với hàng Phạm chúng, riêng đội nhờ ân vinh, cũng khiến cho các loài mê muội nhưng nhúc vượt thoát trần lụy mà thôi!”

Ngày, Sư dâng Biểu Văn tấu trình, nhà vua bèn ban sắc cho phép, nói cùng Phò Mã Cao Lý Hạnh rằng: “Ngày trước, con xin Trẫm vì cha của con mà làm văn bia. Nay, khí lực chẳng còn như xưa, nên Trẫm phát nguyện làm các công đức vì Pháp Sư (Huyền Trang) mà soạn lời tựa các kinh, chớ không thể làm Văn bia, con biết cho ta điều đó!”

Niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi hai (648) Vua Thái Tông đến cung Ngọc Hoa, tìm Sư đến. Nhà vua hỏi Sư: “Phiên dịch các kinh luận gì?” Sư đáp: “Đang dịch Luận Du-già”. Vua hỏi: “Luận đó do vị Thánh nào soạn, và nói về nghĩa lý gì?” Sư trả lời đầy đủ mọi vấn đề, nhà vua bảo mang luận đến và tự xem đọc, rồi ban sắc kinh luân mới phiên dịch được viết thành chín bản

rồi ban cho chín Châu lớn như Châu ung, Châu Lạc, châu Tương, Châu Duyên, Châu Kinh, Châu Dương v.v...

Sư lại cầu thỉnh vua viết lời tựa kinh. vua bèn soạn, đề tên là “Đại Đường Tam Tạng Thánh giáo tựa”. Và ở tại điện Minh Nguyệt, Vua bảo Hoàng Văn Quán Học Sĩ Thượng Quan Nghi đối trước các Quan liêu mà xướng đọc. Lời tựa ấy, Vua viết rằng:

“Nghe rằng: Nhị nghi có tượng, hiển bày sự chở che muôn loại, bốn thời vô hình, thâm nóng lạnh để biến hóa muôn vật. Cho nên, nhìn trời xét đất, kẻ tầm thường đều biết được đầu mối. Rõ thấu âm dương, bậc Hiền triết có ít người rõ được số ấy. Nhưng mà trời đất bao trùm âm dương mà dễ biết, bởi vì có tượng. Âm Dương ở nơi Đất trời mà khó cùng, vì vô hình. Nên biết tượng hiển hiện có thể bày, tuy Ngu mà chẳng làm hoặc. Hình ngậm ẩn chẳng thấy, người trí còn mê mờ, huống gì Phật Đạo rộng lặng, hoàn toàn sâu kín, cứu tế khắp muôn loại, phép thông ngự mười phương. Nêu oai linh mà không trên, nên Thần lực mà chẳng dưới. Lớn thì cùng khắp cả vũ trụ, nhỏ thì chỉ nằm trong mây bụi. Không diệt không sinh. Trải qua ngàn kiếp mà chẳng xưa. Như ẩn như hiện. Chuyển vận trăm phước mà lâu dài. Nay, Đạo mâu bất động nhiệm màu, noi theo đó mà không biết ngăn mé. Dòng Pháp Trạng nhiên, rút đi đó mà chẳng đo lường nguồn cội. Nên biết hàng phàm ngu máy động, tầm thường, nhỏ mọn nương nhờ chỉ thú có thể không nghi hoặc u? Cho nên, Đại Giáo hưng khởi, nên tảng ở Tây Vực. Vượt tới đất Hán mà sáng tỏ mộng, chiếu soi Đông Độ mà tuôn rải Đạo từ. Xưa kia, lúc phân hình phân vết, ngôn từ chưa đuổi theo mà thành hóa. Ngay trong đời thường mà hiện thường, muôn dân kính ngưỡng đức mà noi theo. Đến lúc mất ảnh về chân, đời đời nghi, vượt phàm thế. Kim Dung che lấp sắc màu, chẳng chiếu soi ba ngàn tương sáng. Tượng đẹp lạ mở khai Đồ, không đầu mối ba mươi hai tướng tốt. Khi ấy, lời nhiệm màu rộng vang khắp, cứu giúp muôn loài trong ba cõi. Lời di huấn, xa tuyên xướng dắt dẫn chúng sinh lên Thập Địa. Nhưng chân giáo khó kính ngưỡng, chẳng thể một ở chỉ quy. Phép học dễ noi theo, tà chánh rối loạn. Do đó, luận về Không Hữu, hoặc theo thế tục mà đúng sai, Đại Thừa Tiểu thừa, chọt theo thời mà thành suy.

Có Pháp Sư Huyền Trang là bậc lãnh tụ pháp môn. Từ thưở ấu thơ đã có tâm trắng trong thông minh, sớm tỏ ngộ tâm ba không. Lúc lớn lên khế hợp với thần tình, trước ôm hạnh bốn nhẫn. Như thông gió, nước trắng không đủ để sánh với hoa trong sạch. Sương Tiên châu sáng, há có thể ví cùng sự đượm nhuần sáng sạch của Sư. Cho nên dùng trí thông chẳng lụy, thần xét vô hình. Vượt sáu trần mà chóng ra, riêng ngàn xưa mà không đổi. Tâm bất động đối với cảnh, buồn thương sự tàn lụi của Chánh Pháp, gá lo toan về Huyền môn, bùi ngùi sự sai lầm của Văn sâu. Nghĩ muốn phân Điều chiết lý, mở rộng sự

thấy nghe từ trước. Dứt bỏ tà ngục, tiếp nối nguồn chân, mở mang từ nay cho hậu học. Vì thế dốc tâm hướng về Tịnh Độ, đi sang Tây Vực. Nương ngục ách xa dài, roi trượng một mình đi đến. Chứa tuyết sớm bay, đường đi mất lối. Kinh hãi cát bụi đêm đêm cuộn lên giữa hư không, khóa lấp mờ trời. Muôn dặm núi sông, xua ráng mây mà tiến bước. Trăm lớp lạnh nóng, đập mưa sương để cất bước. Thật quý trọng xem thường lao nhọc, cầu thành đạt nguyện sâu. Đi cùng khắp trời Tây tất cả mười bảy năm, đi khắp các nước, hỏi cầu Chánh giáo. Tám thứ nước Song lâm, nếm Đạo ăn phong. Lộ uyển Thú phong, chiêm ngưỡng khác lạ. Thọ học chí ngôn nơi Chân thánh, nhận lãnh chân giáo ở Thượng Hiền. Tham cứu Diệu môn sâu kín, tinh chuyên thấu cùng nghiệp mẫu. Giáo pháp nhất thừa ngũ luật chợt đến nơi ruộng tâm. Văn Tám tạng ba thập, sóng cuộn ở cửa biển, bèn từ các nước trải qua, đem tất cả yếu văn trong Ba tạng gồm tất cả sáu trăm năm mươi bảy bộ, phiên dịch lưu bố ở Trung Hạ, tuyên dương nghiệp cao quý, dẫn mây lành ở trời tây, rưới mưa pháp tại đất Đông, Thánh giáo thiếu sót mà lại vẹn toàn. Chúng sinh tội lỗi mà lại được phước. Đập tắt nóng bức nơi nhà lửa, cùng quét sạch bụi mê, soi sáng sóng hôn mê trên sông ái, để đồng đến bờ kia. Vậy đủ biết nhân xấu ác là nghiệp rơi đọa, khéo dùng duyên để đi lên. Đầu mỗi cửa đi lên hay rơi đọa, chỉ là chỗ con người nương gá. Thí như cây Quế sống ở đỉnh núi cao, mây móc mới được nở hoa, hoa sen mọc từ sóng biển, bụi bay chẳng thể làm dơ bản lá. Chẳng riêng tánh hoa sen tự thanh khiết mà chất cây quế vốn trắng trong. Vì chỗ nương gá cao thì vật nhỏ nhem chẳng thể nhiễm lụy. Nơi cây trông sạch thì loại dơ bản chẳng thể thấm bám. Thế nên, cỏ cây là vật vô tri còn nhờ duyên tốt mà được tốt. Huống gì con người có sự nhận biết, chẳng duyên nơi mừng vui mà cầu mừng vui, mới có thể mong mỏi. Kinh ấy lưu truyền ban trải, cùng mặt trời mặt trăng mà chẳng cùng tận. Phước ấy bày xa cùng đất trời mà mãi mãi rộng lớn!”

Trăm Quan đều khen ngợi vui mừng. Sư lại dâng tấu Biểu Văn cảm tạ rằng:

“Huyền Trang tôi trộm nghe rằng: Sáu Hào sâu sắc chỉ hạn cục ở nơi sinh diệt, tên gọi đúng của trăm vật chẳng liên quan tới Cảnh chân Như. Như hãy xa nêu bày sách vở của Thần Hy, thấy sâu kín mà chẳng lường được sức thần. Xa tưởng đến Đồ Kế của Hiên Viên, trải qua chọn lựa đều kết quy về sự tốt lành ấy! Cúi mong Hoàng Đế Bệ Hạ từ Ngọc hào giáng chắt, Kim Luân ngự trị đất trời, mở rộng chín châu của Tiên Vương, che lấp mặt trăng của trăm ngàn. Xét xem khu vực của nhiều đời, thân nạp Pháp giới như Hằng sa, bèn khiến tinh xá Cấp Viên đều nhập vào Đề Phong, Linh Văn Bối điệp thấy kết quy về san phủ. Nhân xưa của Huyền Trang chân tích cũng tham yết núi Kỳ-xà-quật, đường đi trải qua muôn dặm, cậy uy trời mà chỉ như thước tấc. Chẳng ngòi ngàn cánh mà đến Song Lâm chỉ chừng như bữa

ăn. Suu tìm ba Tạng, đến tận chỗ cất chứa của cung rồng, nghiên cứu Nhất thừa, thấu cùng Di Chỉ ở Thứu Lĩnh, đều đã chuyên chở đến Bạch mã, lại dâng hiến tới triều đình. Bỗng nhiên được hạ chiếu bảo ban phiên dịch. Huyền Trang tôi sự nhận biết trái với Long Thọ, sai lầm làm nhục vinh hạnh của Truyền đăng. Tài khác với Mã minh, thẹn sâu sự Thông minh của Tả Bình. Các kinh luận đã phiên dịch rất nhiều sai lầm, cho nên đội ân trời lưu thần đề tựa. Văn vượt ngoài tượng hệ, như nhóm mặt trời mà phát ra ngàn tia sáng. Lý bao gồm các môn huyền diệu, đồng mây trí tuệ đượm thấm trăm cây cỏ. Một lời giảng nói đến muôn ức kiếp ít được gặp. Bỗng nhiên vì bé nhỏ sống gần được vâng thừa Phạm hưởng. Thật hơn hở vui mừng như nghe thọ ký!”

Ngày Sư tấu dâng Biểu Văn cảm tạ, sau đó, Vua Thái Tông liền ban sắc rằng: “Trẫm tài năng kém với Khúc Chương, ngôn từ hổ thẹn cùng Bát Đạt. Còn như đối với Nội Điền là chỗ chưa được nhìn rồi mà đọc xem. Hôm qua soạn bản văn lời tựa rất què kịch vụng về, chỉ sợ vậy do bút mực nơi thể vàng, nêu bày ngói sỏi nơi rừng châu ngọc. Bỗng được thư đưa đến làm vâng thừa ngợi khen. Trẫm vỗ mình xét nghĩ càng thêm dày mặt. Khéo chẳng xứng đáng, không nhọc đến cùng cảm tạ!”

Sư lại dâng biểu văn cảm tạ. Vua Thái Tông lại ban sắc viết rằng: “Lúc xưa, trẫm chẳng từng đọc xem kinh, lại thêm không tài trí, bỗng nhiên soạn lời tựa bộ luận, lại ô uế văn kinh. Xem lời thư gửi đến, uông được ngợi khen, thẹn gặp khen luống, chỉ thêm xấu hổ!”

Từ đó, các bậc Anh đạt trong triều đình đều bày tỏ sự khen ngợi. Phật giáo mở mang hưng thịnh, khí tiếp thành bóng che. Hoàng Thái tử thuật lại “Tam Tạng Thánh giáo tựa” do Vua Thái Tông soạn, viết rằng:

“Hễ mở mang Thánh giáo, nếu chẳng phải người trí thì không thể mở rộng Văn Kinh, nêu cao lời màu, mà không phải bậc Hiền thì chẳng thể định được Tông chỉ. Bởi vì chân như Thánh Giáo là Huyền tông của các Pháp, là khuôn phép của các kinh, bao gồm lớn lao, yếu chỉ sâu xa. Cùng tận tinh vi của Không Hữu, thấu suốt cơ yếu của sinh diệt. Văn từ hay đẹp, Đạo ý sáng sủa, nghiêm tằm chẳng thể tận cùng nguồn gốc. Văn ngôn hiển bày, nghĩa lý sâu xa, người trải qua không thể lường biết được ngần mé. Nên biết, Thánh từ trùm khắp, nghiệp không thiện thì chẳng thể đến, Diệu hoá trải bày, duyên chẳng ác thì không cắt đứt. Khai mở giềng mối của lưới pháp, hoằng hóa Chánh giáo của sáu Độ, cứu vớt mọi than thở của muôn loài, mở mang Bí cục của ba tạng. Vì vậy, Danh không chấp cánh mà bay xa, Đạo chẳng cội rễ mà mãi vững bền. Đạo Danh thường lưu, trải suốt từ xa xưa mà giữ thường. Đến thân cảm ứng, qua nhiều kiếp mà không hủ mục. Sáng chung tối phạm,

giao hưởng hai âm ở non Thú, Tuệ nhật Pháp lưu, quay hai bánh xe ở Lộc uyển. Bày lọng báu trên hư không, tiếp mây lành mà cùng bay. Vườn trang rừng xuân cùng hoa trời hợp sắc thái.

Cúi mong Hoàng Đế bệ hạ Thượng huyền giúp phước, duỗi tay khoan tay mà sửa trị tám hoang, đức trùm khắp muôn dân, lay mà châu muôn nước, ân thêm gánh nặng, hang đá kết quy vãn lá Bối, thấm đượm côn trùng. Rương báu lưu giữ kệ Phạm thuyết. Bèn khiến nước sông Anậu-đạt chung cho cả tám dòng sông của Thần Điện. Núi Kỳ-xà-quật nối liền với non biếc của Tung Hoa. Trộm nghĩ: Pháp tánh bất động vắng lặng, không quy tâm thì chẳng thông. Trí Địa sâu màu, cảm sự khẩn thành mà hiển hiện. Đâu có nghĩa là đêm dài tăm tối chập chùng mà đốt sáng đuốc tuệ, chiếu sáng nơi nhà lửa, ban rưới mưa pháp. Do đó, trăm sông tuy khác dòng mà đồng gặp ở biển cả. Muôn khu phân nghĩa, nhưng tất cả thành ở sự thật. Há cùng Thang Võ so sánh kém hơn, Nghiêu Thuấn ví cùng Thánh Đức hay sao?

Pháp sư Huyền Trang vốn là người thông minh, lập chí đơn giản Thần tình trong sáng từ tuổi bé thơ. Thề thức vượt trội cuộc đời phù hoa. Lắng tình ở Định thất, giấu vết nơi hang sâu. Dừng nghỉ ở Tam Thiên vân dụ khắp mười Địa. Vượt cảnh sáu trần, riêng bước Ca-duy. Gặp được yếu chỉ Nhất thừa, tùy cơ duyên khai hóa chúng sinh. Vì ở Trung Hoa không chất nên tìm chân vãn ở Ấn-độ. xa vượt Hằng sa trọn mong cầu mãn tự. Từng lên núi Tuyết, lại đi suốt nửa trái đất. Qua lại hỏi Đạo rỗng rã suốt mười bảy năm. Hoàn bị thấu suốt kinh điển nhà Phật, lấy việc lợi vật làm tâm. Đến ngày mồng sáu tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) Sư vâng sắc trụ chùa Hoàng Phúc phiên dịch Thánh giáo, khai mở dắt dẫn dòng Pháp của biển lớn, tẩy rửa trần lao mà chẳng cạn, truyền ánh sáng dài của đèn trí, soi sáng tối tăm mà thường tỏ. Nếu chẳng gieo trồng duyên tốt từ lâu xa thì sao có thể hiển dương ý chỉ ấy? Cái gọi là Pháp Tánh thường trú ngang bằng ánh sáng của Tam quang. Hoàng Đế Bệ Hạ phước đến đồng như sự bèn bỉ của nhị nghi! Cúi đầu trông xem Ngự chế lời tựa của các kinh luận, soi xưa vượt nay, lý ngậm cùng âm vang của vàng đá, Văn bao gồm đượm nhuần của gió mây. So sánh như dùng lay mảy bụi đủ khiến cho núi non sụp đổ, sương móc thêm lan tỏa. Lược nêu đại cương để làm lời ký này!”

Từ đó, Sư thường ra vào nơi Nội cấm, thưa hỏi trầm ân, phiên dịch nối nhau chẳng sai trái với cơ pháp. Vua ban tặng một bộ pháp phục vân nạp, xinh đẹp tuyệt diệu xưa nay. Vua lại ban sắc cho trong nước mỗi chùa chọn năm vị tăng duy trì hạt giống Thánh. Đó đều do năng lực của Sư. đến tháng mười. Sư theo xa giá vào kinh, ở tại Bắc quyết, xây dựng Viện Hoàng Pháp. Và Sư thường ở tại đó. Ban đầu, ở Khúc Trì, nhà vua vì hoàng hậu Văn Đức mà xây dựng chùa Từ Ân, thỉnh Sư ở đó độ ba trăm người. Và có ban lệnh ở

phía Tây bắc chùa xây dựng viện Phiên dịch kinh, đồng thời cung cấp cho mười lăm vị đệ tử mới độ. Ở chùa Hoàng Phúc chỗ Sư ở cũ cũng ban cấp mười vị. nay Hoàng Thượng tiếp nối ghi chép vốn được trân kính. Tìm Sư vào lo hỏi giữ lễ cung kính khác thường.

Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (561), Sư xin xây dựng Phạm Bản kinh Đài, nhờ được sắc chiếu ban tặng mọi vật nên chóng được thành tựu. Nhà vua lại tìm mời Sư vào nội cung, ở điện Tu Văn, phiên dịch các Luận Phát Trí, v.v.. Nhà Vua ban sắc chiếu viết tay Phi bạch thư, an ủi hỏi han rất ưu hạp.

Tháng giêng niên hiệu Hiên Khánh thứ nhất (656), Sư vì Hoàng Thái tử mà thiết đại trai hội ở chùa Từ Ân. Các hàng Triều thái đều đến. Hoàng Môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư lang Lý Nghĩa Phủ hỏi rằng: “Phiên dịch kinh là việc lớn của Phật Pháp, chẳng hay Sư đức hạnh gì mà mở mang tỏ sáng ư?” Sư đáp: “Câu hỏi ấy của ông, là điều tôi thường ôm ấp! Phiên dịch kinh điển tuy địa vị thuộc ở chư tăng, nhưng giá trị sáng tỏ là đều nhờ ở Triều Quý. Còn như Ngài Cưu-ma-la-thập ở thời Diêu Tần thì An Thành Hầu Diêu Tung ghi chép, Ngài Bồ-đề-lưu-chi ở thời Nguyên ngụy thì Thị Trung Thôi Quan ghi chép văn, vào đầu niên hiệu Trinh Quán (627), Ngài Ba-phả khi mới phiên dịch, thì Bộc Xạ Tiêu Võ, Thái Phủ Tiêu Cảnh, Hứ tử Đỗ Chánh Luân v.v.. trông coi xem xét định đoạt, nay thì không có được như thế, nên chẳng đủ để sáng tỏ rộng xa!

Lại nữa, tại chùa Đại Từ Ân, Thánh thượng tha thiết lo bồn đôi với Phong thọ, xây dựng rất tráng lệ, vượt sự tốt lành của sự thật, không gì hơn bia tụng. Nếu nhờ được hai vị đặt để ngôn từ cho thì thật là vết tích bất hủ, tự mình ở xưa nay!” Tiết nguyên Siêu và Lý Nghĩa Phủ bèn hứa nhận. Sáng hôm sau, Vua sai bảo cấp sự tuyên đọc sắc chiếu rằng: “Chỗ cần các Quan nhân hỗ trợ việc phiên dịch đã phân xử xong, Văn bia ấy do trăm tự soạn!”

Sau đó, Vua lại ban sắc viết rằng: “Việc phiên dịch Kinh điển ở chùa Từ Ân, Văn nghĩa cần phải khéo léo. Nên bảo Tả Bộc Xạ Vu Chí Ninh, Trung Thư lệnh Lai Tế, Lễ Bộ Hứa Kính Tông, Hoàng Môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư Lang Lý Nghĩa Phủ v.v... nếu có chỗ không được ổn thì tùy việc nhuận sắc. Nếu cần học sĩ đảm nhận thì tìm cầu vài ba người”. Đến lúc bia làm hoàn thành, thỉnh thần bút tự viết, được đặc biệt hứa khả. Ngày khắc đưa đến chùa. Tại chùa ở kinh đều dựng lập cờ phướn. Nhà vua lại ban sắc từ các hàng vương công trở xuống Thái Trường chín bộ và kỹ nhạc cả hai huyện. Xe đi theo hơn ngàn chiếc chuyên chở đến chùa Hoàng Phúc, đem lên đặt trên cửa An Phúc. Phủ lâm cùng đưa đến, các hàng sĩ nữ khắp kinh áp đều dàn trải bên lề đường, từ bắc đến nam dài hơn hai mươi dặm, đầy cả

đường cái, làm sáng tục lệ hưng Pháp không gì so sánh. Nhà vua lại sắc tặng áo nạp Sơn Thủy đẹp đẽ hơn trước, đều đầy ắp mặc có hơn trăm kiện.

Niên hiệu Hiền Khánh thứ hai (657) Nhà Vua xa giá đến Lạc Dương dự theo an trí cung Thích Thúy ở Đông Đô, mời Sư vào Đại Nội, trụ tại viện Lê Nhật, phiên dịch các Luận Quán Sở Duyên, v.v.. Sư lại ở tại cung Minh Đức, phiên dịch Luận Đại Tỳ-bà-sa, v.v..

Từ thuở thiếu thời, Sư đã xa quê cha đất tổ, tới lúc bạc đầu, Sư nói muốn trở về thăm hỏi bà con, nhưng đều đã lệch lạc qua đời hết, chỉ còn một người chị gái, Sư bèn đón rước về cùng gặp gỡ. Sư hỏi về mồ mả thì đều là an táng chưa cải táng, Sư bèn chọn chỗ đất tốt đẹp, để cải táng. Phía Tây Bắc núi Thiếu Thất; phía Đông Bắc huyện cũ Hầu thị, hang Phụng Hoàng, xóm Không Hạc, làng Du Tiên là nơi ngài chào đời, cách không xa chùa Thiếu Lâm - do vua Hiếu Văn thời Bắc Ngụy (Thác Bạt Hoãn 471-500) xây dựng. Đó là nơi Sư phiên dịch luận Thập Địa. Ý nguyện Sư muốn nương gá vì nước nhà mà phiên dịch.

Sư lại được nhận sắc viết tay của vua ban rằng: “Trẫm xét vốn biết Pháp Sư muốn ẩn vết tích nơi suối hang, tìm rừng xa mà đi đến, gá lo toan nơi thiên tịch, nương theo các ngài Phật-đồ-trùng, Cưu-ma-lathập để nêu gương cho ngày nay. Kính ngưỡng phong hóa tốt lành, thật là điều rất đáng khâm phục kính chuộng. Song, trẫm đây, nghiệp lành vốn không, thiếu kém sở học, chẳng được nghiên cứu cao sâu, chỉ được sự biết cạn nghe sơ sài, chưa thấy biết được điều đáng thấy biết. Pháp Sư là bến bờ của ba cõi, cấp dẫn bốn loài. Trí sáng ngời đèn tâm, định ngưng lắng nước Ý. Chẳng phải chỗ tình trần xao động đâu biết sóng mà có thể kinh. Dùng đạo đức có thể yên, đâu phải ở Thái Hoa điệp lãnh. Vắng lặng có thể xả, đâu riêng Thiếu thất trùng loan. Mong cắt lời đưa đến, chớ lại trình bày cầu thỉnh, tức là chỢ sớm Đại ẩn, chẳng riêng quý ở Hiền xưa. Thấy nghe mở rộng lợi ích, lại có thể quý giá ngay đời nay!” Nhân đó, bèn thôi nói năng.

Niên hiệu Hiền Khánh thứ ba (658) Vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc vì Hoàng Thái tử mà xây dựng chùa Tây Minh. Khi hoàn thành ban lệnh mười vị tăng thượng phòng để sung cấp hậu việc. Có Kinh Đại Bát-nhã gồm hai mươi muôn bài kệ, mà tám Bộ ở tại Trung Hoa đều nằm trong đó. Sau đó không lâu, Vua ban sắc Sư ở tại cung Ngọc Hoa, phiên dịch kinh ấy, mọi sự cung cấp đều y cứ theo Chùa ở Kinh. Sư bèn được ở chỗ tĩnh lặng mà chẳng trái công việc phiên dịch.

Vào ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Hiền Khánh thứ năm (660) Sư bắt đầu phiên dịch Đại bản, đến cuối tháng mười niên hiệu Long sóc thứ ba (663) gồm bốn chỗ mười sáu hội, gồm tất cả sáu trăm quyển, Bát-nhã Không

Tông đến đây đã hết trọn. Tiếp theo thời gian đó, Sư lại phiên dịch các luận Thành Duy Thức, Biện Trung Biên, Duy Thức nhị thập tụng, phẩm loại Túc luận v.v... Qua tháng mười một, Sư tấu trình Biểu văn dâng kính ấy, cầu xin vua soạn lời tựa cho bộ kinh. Ở tại cung Bồng Lai, Thông Sự Xá nhân Phùng nghĩa tuyên đọc sắc chiếu chấp thuận.

Thử Bình sinh, Sư thường nguyện tương lai sinh về cõi nước của Đức Phật Di-lặc, đến lúc sang Tây vực, lại nghe hai anh em ngài Vô Trước và Thế Thân đều sinh về cõi trời ấy, Sư lại từng cầu thỉnh và đều có hiển chứng. Sư có tâm chuyên chí càng thêm sự kính cầu cố gắng. Sau, khi đến cung Ngọc Hoa, chỉ có lúc nhàn rỗi, không khi nào Sư chẳng phát nguyện sinh về cõi trời Đâu-Suất-Đà (Đâu-suất-đà) để được thấy đức Phật Di-lặc. Từ khi phiên dịch xong Kinh Bát-nhã, Sư chỉ tự cố gắng tinh cần, hành đạo lễ sám.

Quan niên hiệu Lâm Đức thứ nhất (664), Sư bảo chư tăng phiên dịch kinh điển và môn nhân đệ tử rằng: “Các Pháp hữu vi đều quy kết về hoại diệt. Hình chất bọt bóng đâu thể gìn giữ được lâu dài. Tôi năm nay đã sáu mươi lăm tuổi, chắc chắn mất tại cung Ngọc Hoa. Đối với các kinh luận, ai có nghi ngờ điều gì thì nay nên mau thưa hỏi”. Mọi người nghe vậy lấy làm lạ, nói rằng “ Tuổi Sư chưa đến đời già suy sao lại nói ra điều ấy?” Sư bảo rằng: “Việc ấy hẳn tự biết lấy!” Rồi Sư bèn sang lễ từ Phật, trước hết Sư đến nơi thờ mười ức tôn tượng Câu-chi, lễ sám từ biệt. Có Các môn nhân hành giả, Sư đều bảo sẽ đi, nay từ biệt các ông cũng chẳng còn trở lại, trở lại cũng không được!” Đến ngày mùng chín tháng giêng Sư bảo chư tăng trong chùa rằng: “Huyền Trang tôi đây chắc chắn sẽ chết. Trong kinh Đức Phật dạy”. Thân này đáng chán ghét, giống như chó chết”. nên sau khi tôi chết, chớ để gần nơi cung hoặc chùa, hãy đem đến chỗ núi vắng mà chôn đi”.

Nhân đó, Sư hiện tướng bệnh, mở mắt nhắm mắt đều trông thấy hoa sen lớn màu trắng xinh đẹp hiện đến, Sư lại trông thấy tướng kỳ vĩ, biết hẳn là sinh về trước Phật. Sư bảo chư tăng đọc lại danh mục các kinh luận đã phiên dịch, tất cả có bảy mươi ba bộ, một ngàn ba trăm ba mươi quyển. Trong lòng Sư tự vui mừng. Sư bèn gọi tất cả môn nhân và những người có duyên đều cùng nhóm họp. Sư bảo rằng: “Vô thường sắp đến, hãy mau lại cùng xem!” Sư đến điện Gia thọ, rưới nước thơm lên tượng bằng cốt cây Bồ-đề, đối trước chư tăng trong chùa và môn nhân mà từ biệt. Đồng thời, để lại Di Biểu xong, Sư bèn thâm niệm danh hiệu Phật Di-lặc. Sư bảo những người bên cạnh xưng niệm rằng: “Nam-mô-di-lặc Như lai Ứng chánh Đẳng giác, nguyện cùng hàm thức chóng được kính thờ Từ nhan”. Nam-mô-di-lặc Như Lai trú về chúng. Nguyện khi xả bỏ thân mạng rồi được sinh vào trong đó”. Đến ngày mùng bốn tháng hai, Sư nằm xếp chân nghiêng về phía phải, tay phải kê dưới đầu, tay trái duỗi theo mình, mọi âm thanh đều lắng động. Có

người hỏi: “Đó là tướng gì?” Sư bảo: “Chớ hỏi, làm ngăn ngại chánh niệm của tôi”. Đến nửa đêm mờ năm, Đệ tử hỏi Sư rằng: “Hòa thượng có chắc chắn vắng sinh trước Đức Phật Di-lặc chăng?” Sư đáp: “Chắc chắn được sinh”. Nói xong, Sư bèn dứt hơi thở, thần thức thoát đi, mãi đến hai tháng sau, nhan sắc dung mạo vẫn như thường. Lại có nhiều điều thâm cảm ứng, ở đây lược qua nên chẳng nói rõ.

Vua Cao Tông ban sắc chiếu ngày an táng, tất cả tăng ni ở kinh thành đều mang phướn lọng đến đưa tiễn. Do đó, lọng trắng phan trắng nổi khắp giữa hư không như mây nhóm. Kèn buồn, tiếng phúng tụng u buồn, hơi khí át cả nhân thần, bốn loại người thế tục cho đó là bi lương. Bầy chúng Đệ tử Phật tiếc mến vì Sư thị tịch. Và an táng trong bốn mươi dặm tại gò Bạch Lộ, các hàng tăng tục cùng về dự đông đầy. Phần tháp Sư cũng gần tháp của Sư Trường Tiệp - anh Sư. Hoa lau bỗng nhiên nở trắng cả tháp, soi chiếu vào Đế thành. Sau đó, Vua ban biệt sắc cho cải táng tại Phần Xuyên để các Châu Huyện cùng biết, cung cấp lại lực, bèn khai quật khởi lên. Mọi người đều lấy làm lạ khen ngợi. Vì trải qua thời gian an táng đã lâu mà sắc tướng Sư vẫn như lúc đầu. Nếu chẳng do nguyện lực gìn giữ thì đâu thể được như thế?

Tôi (Đạo Tuyên) vì ám muội, lạm thắm đượm nơi pháp tịch của Sư gặp gỡ Sư, thường mở bày các việc. Nghe lời xem xét hạnh, Danh thật cùng giữ. Sư tinh cần cố gắng, sớm tối tính thời phân việc, bền chặt chẳng biếng lười, chuyên lo toan việc Phật pháp. Nói năng không danh lợi, thực hành dứt bật luống dối. Phép biết cơ duyên, khéo thông vật tánh, chẳng ngông láo, chẳng dua nịnh, hạnh ẩn tàng đúng lúc. Nói ra Đạo vị sâu mầu, biên giải mở nghi luận, thật là bậc anh hiền ở thời Mạt Pháp! Là pháp tướng của Phật Tông!

Vả lại, Sư vào đạo từ tuổi bé thơ. Bẩm tánh đặc biệt khác thường. Nghe xem kinh luận, dùng đó làm việc thường. Đã đi khắp Đông Hạ, rót chước ở các bậc thầy, phơi bày can đảm, hết cả tinh nghĩa. Không ai chẳng điên đảo, rừng châm cang sửa mới Học phủ. Bèn có thể cách chẳng xa vài muôn, hỏi cầu thẳng pháp. Thệ xả hình mạng, mong cầu sẽ gặp được, phát khởi bày giúp đường lần lượt đến Long Sa, giữa đường gian nan nguy hiểm, thân tâm gần chết, khi đã đến Cao Xương, sáng lại gặp bội, truyền Quốc Tổ đón rước, đầy đủ Linh nghi. Trên đường đi đến thiết môn, thạch môn, đích thân Sư đi qua núi cát, núi tuyết. Trải qua nguy hiểm mà chí vẫn kháng khái, gặp phải giặc hung dữ mà tinh thần càng cố gắng mạnh mẽ, đầu vì kết quy, bầm thọ chánh giáo. Nương thừa Luận sư Giới Hiền, Lý được nói bày, nghĩa chẳng cần lại trao, mở rộng Dị Luận, gói trọn trong lòng ngực, đến nỗi khiến các Phạm lữ khuynh tâm mà chẳng sót pháp. Lại nữa, Khởi Tín là một bộ luận xuất xứ từ ngài Mã minh, Chư tăng ở Tây Vực nghĩ muốn tiếp thừa bản luận ấy. Sư bèn vì phiên dịch tiếng Hoa thành tiếng Phạm, lưu thông khắp năm

xứ Ấn-độ. vậy thì duyên của Pháp Hoá đông tây cùng nêu. Lại các luận khác ở Tây vực và Trung Hoa rất chuộng Thanh minh, Sư bèn quyết lòng thỉnh cầu quyết đoán, hễ trao liền hiểu. Còn như có bảy biến thể lực phát động khác vết, tam tuần quảng luận, khôi phục bày hoài bão, cho nên được chùa Trí Vô yếm, ba ngàn học tăng đều gọi Sư là Đầy Trí gìn giữ thành hào. Hễ ai trông thấy môi mép của Sư, nghe được văn từ nghĩa lý của Sư thì đều búng ngón tay khen ngợi. Sư là người thành đạt đến như vậy! Tùy chỗ đi qua ngoài bờ cõi Biên đông tất cả một trăm ba mươi nước, các hàng đạo tục chánh tà biết tiếng tăm Sư không ai chẳng kính đức hạnh quy y, càng khai mở niềm tin, có thể lấy làm sự vinh hạnh cho nước nhà, Quang trạch chiếu xa, kính dâng đến hàng năm đều do công sức của Sư. Nếu Sư chẳng phải là bậc Thiên đỉnh trội vượt anh linh, mới sinh đã biết được Thánh truyền trao, thì làm sao có thể mở rộng mối mang ấy, dẫn dắt dấu vết để lại. Trước sau tăng truyện đến Thiên-trúc, đầu tiên là ngài Pháp Hiển, Pháp Dũng, cuối cùng là đến ngài đạo Thúy, đạo Sinh cùng nhau tiếp nối, nửa đường có mười bảy trở lại. Được sự tỏ thông ngôn ngữ Hoa phạm, khéo đạt thể Văn, mở mang dẫn dắt phong hoá nước nhà, mở ngộ tà chánh. Không ai cao vượt hơn Sư. Chỉ tiếc hận các bộ kinh chưa được Sư phiên dịch còn hơn một nửa. Tuổi Sư thật chưa xé chiều, đủ để phiên dịch ra, nhưng vô thường chợt đến. Thật đáng tiếc thay!.

---o0o---

02- Truyện Tam tạng Na-đề trụ chùa Đại Từ Ân ở kinh đô

Tam Tạng Na-đề, đời Đường dịch là Phước Sinh. Nếu nói đủ theo tiếng Phạm thì phải là “Bố-Như-Ô-Phật-Tà” nhưng vì ngôn từ dài dòng nên ở đây chỉ lược sai lầm mà gọi là Na-đề.

Sư vốn là người xứ Trung Ấn-độ, xuất gia từ thưở thiếu thời, được danh sư khai ngộ. Chí khí Sư oai hùng xa xăm, luôn có tâm mở mang Đạo pháp. Sư vân du ở các nước chỉ chuyên lo khai hóa chúng sinh, mà lại khéo thấu đạt Thanh minh, thông các Cổ huấn. Ở Đại Hạ gọi Sư là Văn Sĩ. Phỏng theo các tác phẩm Lan đài ở xứ này, tánh thích hiếu kỳ, thích nghe những bậc có sự tỏ ngộ, chẳng nề xa xôi. Sư từng đến nước Chấp Sư Tử. lại theo hướng Đông Nam lên núi Lãng-già. Các nước ở Nam Hải, Sư tùy duyên mà đến khai hóa. Khéo hiểu thư ngữ. Sư đến đó tức liền diễn giải. Sư độ người, xây dựng chùa chiền, ở tại Trường Phiến. Sư vâng thừa đến nước Chi-na (Trung Hoa) ở phương Đông. Tại đó đang thành hành truyền bá Đại thừa, Phật Pháp hưng thịnh, là nơi tốt nhất của Châu Thiệm-bộ. Sư bèn sưu tập các thứ kinh luận luận Đại thừa, Tiểu Thừa hơn năm trăm giáp, tất cả hơn một ngàn năm trăm Bộ. Vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) Sư mới đến kinh đô. Vua Cao

Tông (Lý Trị) ban sắc cho Sư chuyển đến trụ tại chùa Từ Ân do sở ty cung cấp.

Bấy giờ, Pháp Sư Huyền Trang đang làm việc phiên dịch, tiếng tốt vang xa, không có pho tượng, giữ sự tiêu điều. Bát-nhã là khó, đã chẳng nhờ dẫn, trở lại sung vào cấp sứ. Niên hiệu Hiền Khánh thứ nhất (656) vua Cao Tông ban sắc Sư đến các nước Côn Lôn tìm hái thuốc lạ. Khi đã đến Nam Hải, các vua đều quy kính Sư mà xây dựng riêng chùa độ người, truyền Pháp. Mở mang hoàng hóa gấp bội hơn trước. Trước kia, Sư được sắc ban đến, đúng lý là phải trở về lại. Tại chùa Từ Ân, các Kinh điển bản Phạm được nghiên tâm lại.

Niên hiệu Long Sóc thứ ba (663) Sư trở về chùa cũ, các kinh điển Sư mang theo đều được Pháp Sư Huyền Trang mang ra đất Bắc, ý Sư muốn phiên dịch so sánh nhưng không có bằng chứng y cứ, nên chỉ phiên dịch được ba bộ kinh Bát Mạn-trà-lam Lễ Phật Pháp, A-sát-na Trí v.v.. yếu ước rất tinh vi có thể thường tu học. Năm đó, nước Chân Lạp ở Nam Hải vốn là nơi Hoàng Hoá của Sư rất kính phụng không thôi, nghĩ mong được có Sư, nên các bậc Tông sư cả nước vượt đường xa đến cầu thỉnh. Và nói rằng: "Ở nước ấy có thứ thuốc tốt mà chỉ có Sư là người biết được, nên xin tự hái lấy". Vua Cao Tông bèn ban sắc chấp thuận để Sư sang nước đó, song vết tích trở về thì chẳng biết!

Tôi tự hỏi khắp các hành nhân ở Đại Hạ rằng: "Tam Tạng Na-đề là môn nhân của Ngài Long Thọ, nhưng sự nhận hiểu của Sư so với Pháp Sư Huyền Trang rất trái ngược". Có vị Phạm Tăng Tây Vực bảo rằng: "Sau khi Đại Sư (Long Thọ) qua đời, người ấy (Na-đề) là bậc nhất hiểu sâu về Thật tướng, khéo thấu đạt phương tiện. Với năm Bộ Tỳ-ni của Tiểu Thừa, bốn Bộ Vệ-đà của Ngoại Đạo. không thứ gì ngài chẳng thấu đạt nguồn đáy, suốt rõ ngôn nghĩa. Văn từ tuôn ra như các hạt Châu liền nhau, lý sớng như ráng chiều nổi, Sư soạn Bồ Đại thừa Tập nghĩa Luận" có hơn bốn mươi quyển, sắp sửa phiên dịch thì bị sai nên thiếu sót. Phàm vì ôm ấp sự khen ngợi của lân. Đời có vết tích ấy, biết được người thật khó thay! Ngàn năm ít gặp. Sư mạng Đạo từ xa đến thăm giúp cho đất bắc, đã không nơi tiếp đãi, ba lần bị độc hại, sung vào Nam làm việc nặng nhọc, đường núi gập ghềnh mấy muôn dặm, Sư nhiều lần trải qua chướng khí, bèn phó mặc thân mạng ở đó. Than ôi!

Thật đáng tiếc thay!

Luận rằng:

Xét về công việc phiên dịch thật là to lớn. Các Bản Văn lục trước ghi chép không được xứng đáng lắm. Vì sao? Vì lời truyện lý đã lầm, hoặc khiến Đạo

Thanh có nguyên do khác lạ. Do đó đối với các bậc Hiền Thánh nhiều đời thì Phong hoá Tổ thuật hoàng Đạo là kính tin hiền minh, ý vị hiền chương phiên dịch thì noi theo vết cũ, rất thấy ở ngôn từ người ấy. Giúp ích đã tròn hơi khéo thú hướng. Đến như tiếng Phạm là ngôn ngữ của Phạm Thiên, khai mở quê hương Đại Hạ, dấu chim mới vận ra khỏi phong tục của Thần Châu. Đây đủ như ở Biệt Truyện. Đây đủ khuôn phép tốt lành nên có kiêu hãnh, bảy giờ, vinh dự lạt đến truyền thuật, noi theo chuyển bày văn từ trái lại âm liệt dụ phiên lược khoa đoán nghĩ việc. Dấu vết ngôn ngữ tuy đồng, song, xét lý thì thành khác. Tự chẳng sáng tỏ hơn Tiên Thánh, Đức xa cả Hiền Xưa, mới có thể ẩn phát khác phương, dùng thông rộng cùng. Ngài Đạo An soạn luận có năm điểm thất lý dễ trông thấy. Ngài Ngạn Tông soạn chúc Văn đưa ra tám trường hợp khó liên quan. Đó đều là người xưa thông suốt đầu mối, đâu vọng dăng lậm. Như các truyện trong chín đời hiện còn có giản lục. Thời Hán Ngụy giữ gốc, gốc hẳn cách phù hoa, thời Tấn, Tống truyền bá thì mở bày nghĩa cử. Văn chất lón lao, phúng vị dư dật. Thử ấy vì giảng nhẹ một thời, vượt thật chưa nghe giảng ít ngộ. Đều do văn từ chuyển nghĩa ghi chép tình tâm, cùng khơi sóng cả mãi thành thể thức thông thường, đây xe tròn tạng. Pháp bảo trường tồn được là ở dòng phước, mất là bởi sai lầm đua tranh. Nên mạnh mẽ trình bày câu tỉnh văn từ đồng như cái đẹp ở đời. Chế Bản nhận hành chẳng chỉ ở chuốt văn. Còn như Thánh Ân đọc sâu cũng có nguyên do. Nên các sách vở lưu truyền là diệt Pháp vậy. Tức là việc có thể mặc tình, hưởng gì trí thức ư? Nhưng vì tập tục sinh thường biết lỗi làm mà khó sửa đổi, tuy muốn dời bước nhưng vẫn vùi lấp theo vết cũ. Kể, từ lúc Vua Minh Đế thời Hậu Hán, và cuối cùng là đời Đường, hễ phiên dịch truyền bá bản Phạm, phần nhiều tin ở người dịch. Sự việc nói thì dễ nhưng rõ nghĩa mong cầu thì ít thấy. Để tình độc đoán chỉ đảm nhận việc viết lách. Nếu như có xét sơ trở lại cũng vâng theo đầu mối cũ. Phạm Tăng chấp nghiệp tướng v.v.. thì trái tình, âm ngữ chẳng thông, đúng sai đều lậm. Còn như ba học thanh điển cũng chỉ giải thích hạnh chỉ. Lời màu của tám tạng mở khai từ nghĩa. Trước phiên dịch sau truyền bá chẳng rơi vào phong du. Xưa Triết nay Hiền Đức khác luật thường. Há chẳng phải Phương ngôn trở lại cản trở ức đoán là trao. Đời chuyển tươi sáng chợt đồng phù tục. Xưa kia, nghe Thuần phong nhã sảng đã ở tại Hoàng Đường, trau chuốt lậm tạp thật như lá cuối thu. Chẳng nghĩ vốn thật vọng tiếp nối văn từ bén nhọn, đua tranh góp nhặt sô nhiều, lời trịnh trọng khó xếp đặt. Đại giáo ít lời vượt thể đặc biệt. Tám âm bốn biện diễn sảng không ngần. Đâu được như kẻ phàm có tâm hư tham, Bậc thánh nghĩ toan dùng làm nêu phông. Tuy chỉ là nhạo thuyết chẳng cùng nhưng tùy loại tự hiểu. Lý mở ngoài tình, từ vượt trong Hoàn vũ. Hẳn phải sửa chuốt tốt lành nêu văn, đặc biệt noi vàng ngọc cao, mới có thể tiếng tăm thông với nhạc trời, âm vận vượt quá lẽ thường. Gắn

thì Văn của Nhan Tạ đòi Tấn Tống, ở đòi ngóng chuộng mà không sánh bằng, huống là trái lại thì làm sao nói được? Ắt dẫm theo vết đó thì thành tục biến. Trong đó làm loạn thì làm sao đủ lời liên quan. Thuở xưa thì có ngài Pháp Sám ở Tây Kinh, hiệu là Thông nhân. Ngài Đồng thọ (La-thập) ở thời Hậu Tần, người đương thời tôn xưng là Tăng kiệt, giỏi bày Văn ý, khéo nêu Kinh Tâm, thấu đạt ngôn phương, phong mạo cốt cách lưu tiện. Mở mang ở đời, chẳng thiếu truyền thuật. Vào thời Tiền Tống thì có khai sĩ Tuệ Nghiêm Bảo Vân, thuộc hạng Hiền minh, chợt hưng khởi những việc làm trước, truyền đạt bộ lớn nối liền sáng tỏ dứt bật dấu vết, e rằng gần gũi Hoa Tu, thừa tiếp Cổ huấn, khiến cho tiếng tăm lưu truyền ngàn năm. Cho nên như thế! Ngoài ra thì sự nghĩa tương truyền, đủ để khai mở thần phủ, đâu thể như bình dốc ngược mà nước chẳng chảy. Dụ như váng sữa mỏng lại còn đến ngày nay, hoàn toàn thiếu sót thọ tụng, đủ định tươi thắm. Ở đời, có Pháp Sư Huyền Trang riêng một mình cao vượt đồng loại, qua lại chấn động đủ khắp quán phương, có hơn trăm nước mà các bậc vua quan đều bái yết cung kính, nói bàn tiếp đối chẳng cần người phiên dịch, bày vạch ý chỉ sâu màu, rất là hay ho. Nên dưới đời Đường, những người phiên dịch sau chẳng dám xem thường người trước. Cầm bản bày khám từng mở lỗi trước, đã thiếu toàn trái, chưa vội sửa chánh, liền lược bày đây lại có lời nào!

---o0o---

QUYỂN 05

CHƯƠNG II - PHẦN 01: GIẢI NGHĨA

(Trong phần một của chương hai Chánh truyện có mười hai vị, phụ có mười chín vị)

- 1/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thân trụ chùa An Lạc ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Đạt, Tuệ Mạng)
- 2/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiệu trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô, thời Nam Lương (Pháp Lăng, Pháp Lượng)
- 3/- Truyện Sa-môn Thích Pháp hộ trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô thời Nam Lương (Trí Viễn, Tăng Đạt)
- 4/- Truyện Sa-môn Thích Trí Hân trụ chùa Tống Hy ở Chung Sơn, thời Nam Lương.
- 5/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Nhã ở núi Hồ Khâu, thuộc Quận Ngô thời Nam Lương (Tăng Linh, Pháp Độ) Tuệ Phạm, Tuệ Lăng.
- 6/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Sùng trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô, thời Nam Lương (Trí Quả, Tăng Thực)

7/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiên trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô, thời Nam Lương

8/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Siêu)

9/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, thời Nam Lương.

10/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Trừng trụ chùa Tỳ Hỷ ở Hải Nam, thời Nam Lương (Tuệ Lăng, Tuệ Lược, Pháp Sinh, Tuệ Võ).

11/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Linh trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn, thời Nam Lương (Tuệ Thái, Tuệ Toản).

12/- Truyện Sa-môn Thích Trí Tạng trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn, thời Nam Lương.



01- Truyện Sa-môn Thích Pháp Thân trụ chùa An Lạc ở Dương Đô

Thích Pháp Thân, vốn họ Lã, người ở Xứ Nhâm Thành. Ông nội Sư dời đến ngụ ở Thanh Châu. Sư xuất gia thuở nhỏ. Sớm có chí học Nho, rộng học các kinh luận, khéo suy nghĩ cao xa, tuổi càng lớn, Sư càng lo Không lo Hữu, đêm ngày buồn bã. Có An Sĩ Bình Nguyên Minh Đàm Liêu chế diễu Sư rằng: “Ba Dương tại tiết, sáng sớm cảnh trong. Sao chẳng uống rượu ngon, ngâm vịnh thơ mới, mà suốt năm suốt tháng, trợn mắt chăm nhìn bốn vách tường. Trăm năm chỉ trong khoảng khắc, biết được thành nho tố hay chẳng?” Sư đáp: “bởi Bình sinh xấu tốt, đâu thể nói là được mất”. Nên chỉ trong thời gian ngắn mà Đại Minh thành luận, tiếng tốt của Sư vang khắp làng quận.

Khoảng đầu niên hiệu Thái Thi (465) thời Tiền Tống, chùa Trang Nghiêm nhóm pháp tập, Vua Minh Đế (Lưu Úc) ban sắc thỉnh Sư qua sông đến trụ chùa An lạc. Trải qua thời gian, Sư đáng là Bạc sư tượng, Tăng tục đều kính trọng. Đến khoảng niên hiệu Kiến Nguyên (479-483) thời Nam Tề, Sư gặp phải việc tang của người thân ở quê xa, trên đường trở về gặp phải chướng ngại, Sư bèn trở lại đất Bắc. Nhân đó Sư sống tĩnh lặng, dứt bật việc người, bỏ cả giảng nói. Mãi đến khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề, Tề kính Lăng Vương Tiêu Tử Lương thỉnh hai mươi vị Pháp sư giảng nói truyền trao, tha thiết thỉnh Sư đến, Sư cố khước từ, song không thể được. đang trong thời gian ấy, sự hưng thịnh của Sư, không Đạo bạn nào có thể

ngang bằng. Thêm nữa, Sư là bậc Thuần hậu nhân tuệ, không nói lời cố gắng. Sư an nhàn, giữ sự trong trắng, chẳng khinh thường người đời. Đến niên hiệu Thiên giám thứ hai (503) - thời Nam Lương Sư thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Thích Đạo Đạt, Thích Tuệ Mạng, đều là các bậc tinh cần tu học nổi tiếng.

Ngài Đạo Đạt vốn họ Bùi, người xứ Văn Hỷ, thuộc Hà Đông. Sư trú tại Tinh Xá Vĩnh Phước ở Quảng Lăng, thờ thiếu thời Sư giữ hiếu hạnh mọi người đều biết tiếng, cứu giúp nguy hiểm. Đạo hạnh thấm nhuần khắp cả bốn sông. Vào niên hiệu Vĩnh Minh (bốn trăm tám mươi ba - bốn trăm chín mươi bốn) - thời Nam Tề, Sư giữ chức Tăng chánh ở Châu Nam Duyện, luôn luôn liêm khiết trình bạch thanh nhã, có tài cai trị. Ngày Sư thôi nghi việc, chỉ còn có năm bó giấy cũ mà thôi.

Ngài Tuệ Mạng, người xứ Quảng Lăng. Sư trụ tại chùa An Lạc, vốn dốc lòng mở mang cứu giúp, chuyên dùng sự thấy biết thành thật.

---o0o---

02- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiệu trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô

Thích Tăng Thiệu, họ Vương, người xứ Cao An; nước Tề. Từ thờ bé, Sư đã nguyện muốn thoát tục. Đến tuổi hai mươi mới thật sự xuất gia. Đạo tục thầy đều tôn kính tông sư. Sư có dáng vẻ khôi ngô, khéo giữ cử chỉ, tánh tình ôn hòa, vận điệu thanh nhã, khéo giỏi mở mang kinh giáo. Tiếng tăm vang khắp châu Nhuỡng. Sư chuyên lấy bộ Tỳ-đàm làm sự nghiệp.

Khoảng đầu niên hiệu Nguyên Huy (473) - thời Tiền Tống, Sư đến Hoàng Ap, trụ tại chùa Kiến Nguyên. Sư khoan hậu nhân đạm, chẳng vọng giao du. Cuối thời Tiền Tống, mọi sự đều khinh bạc, thể tài không chuẩn mực, mọi vật đua tranh trước mắt, vinh nhục chỉ trong khoảnh khắc. Sư vẫn an nhàn riêng tự giữ gìn, tướng trạng như vô nhân. Mãi đến lúc nhà Tề mở vận, lễ giáo sớm hoàn bị. Các hàng tăng tục đều kính ngưỡng, Sư trở lại giảng nói như cũ. Hàng hậu học biết điều chính là trước phải sửa đổi sự trông nhìn. Chỉ một bộ Tỳ-đàm mà Sư mở mang truyền bá khắp mọi miền đất nước. Đồ chúng đến học hỏi nghe giảng thường có hàng trăm vị. Tề Văn Tuệ và Tề Cảnh Lăng Vương Tiêu Tử Lương nhã cùng khâm phục kính lễ. Thôi Tuệ ở Thanh Hà đích thân theo đến đất Bắc đến yết kiến thưa hỏi, vâng thừa dạy răn. Đến niên hiệu Thiên giám thứ ba (504) thời Nam tề, Sư thị tịch tại chùa Kiến Nguyên, thọ năm mươi tám tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Kiến Nguyên lại có Sa môn Pháp Lăng, là bậc kiêm thông tuệ học nổi tiếng. Sư vốn họ Thẩm, người xứ Võ Khương ở Ngô Hưng. Gia đình Sư gặp phải tai họa ở đời, nhân đó Sư đến ở xứ Kiến nghiệp.

Niên hiệu Đại Minh thứ bảy (463) thời Tiền Tống, Sư cùng anh ruột là Sa môn Pháp Lượng được vua Hiếu Vũ Đế (Luu Tuấn) ban sắc tiếp nối ngài Tuệ Ích xuất gia. Lúc đầu, trụ tại chùa Dược Vương. Ngài Pháp Lượng luôn có đạo hạnh cao khiết, trí tuệ thường sáng. Còn Sư bẩm tánh sơ suất, chẳng chuyên oai nghi, nhưng tiếng tăm lại vang vọng khắp nơi, nghĩa giải nổi tiếng. Sư nhóm họp chú giải Kinh Niết-bàn, khắc thành pho bộ mà ngôn ngữ hài hước. Chẳng chọn giao du với những người cao kiến hơn mình, hề thấy thì ghi chép, cả hai ngài đều thị tịch vào niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai-năm trăm hai mươi) thời Nam Lương.

---o0o---

03- Truyện Ngài Thích Pháp hộ trụ chùa Kiến Nguyên ở Dương Đô

Thích Pháp hộ, họ Trương, người xứ Đông Bình. Ban đầu, Sư giữ tánh liêm trực, chẳng chịu tham lam. Mới mười ba tuổi, mà Sư khéo giỏi các lối viết chữ Thảo chữ Lệ. Thầy Sư là Sa-môn Đạo Ung cũng có phong thái trong lành, xoa đầu Sư mà bảo rằng: “Ý khí của ông thì ông có khả năng chấn phát di Pháp!” Đến lúc thọ giới cụ túc, thì Sư gặp phải tăng buồn của cha. Sư chịu tang ở suốt trong phòng trải qua bốn năm. Chẳng can dự đến mọi pháp sự. Lễ xong, Sư gầy ốm đến nỗi chẳng thể theo chúng tăng làm mọi việc.

Vào niên hiệu Hiếu Kiến (454-457) thời Tiền Tống, Sư đến Dương Đô du quán rồi trụ chùa Kiến Nguyên. Khéo léo bát cổ, thường giảng các kinh luận, song Sư thường lấy bộ Tỳ-đàm làm mạng gia. Chẳng hề ưa chuộng theo thế tục, nói năng bỏ hết mọi phù hoa, chẳng cầu thích hợp, chỉ mong thông suốt văn lý. Học giả theo Sư hơn cả ngàn vị. Tề Cảnh Lăng Vương xem trọn bộ Huyền Thích, định ra hư thật, bèn thiết lập nghĩa trai tại chùa Pháp Vân và mời Sư làm Tiêu lãnh. Sư giải thích giao kết thường không bị sai sót vướng mắc. Sư luôn có tâm làm lợi ích mọi vật. Có chí khoáng đạt cao xa, chẳng giao kết với thế tục. Tất cả những nơi Sư qua lại đều là những bậc có tiếng tăm. Tề Thị Trung Trần Lưu Nguyễn Thao, Quang Lục Nguyễn Hối, Trung Thư Thị Lang Nhữ Nam Chu Ngung đều giữ tâm niệm rộng không mà kính lễ tiếp đãi, không hề bỏ phé. Từ trên ngôi Vua cho đến các bậc Hầu Bá, Sư chẳng cùng một người hết giao quen lờn. Sư luôn sáng sạch riêng một mình, khuyên gắng môn Đồ, chẳng mưu lợi không chính đáng. Chỉ lấy Kinh giáo nhân nghĩa làm hoài bão.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ sáu (507) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa Kiến Nguyên, thọ sáu mươi chín tuổi.

Bấy giờ, có Các Sa-môn Trí Viễn chùa Tân An, Sa-môn Tăng đạt chùa Thiên Bảo, đều là những bậc có công siêng năng tập học. Từ thuở bé, Sư Trí Viễn đã có tâm thanh tịnh giữ chí không đua tranh. Sư chuyên giảng nói kinh giáo Đại thừa, khéo tu việc phước. Còn ngài Tăng Đạt bình hòa phóng khoáng, rất tự kính chuộng.

---o0o---

04- Truyện Sa-môn Thích Trí Hân trụ chùa Tổng Hy ở Chung Sơn

Thích Trí Hân, họ Phan, người xứ Kiến Khương thuộc Đơn Dương.

Từ thuở bé, Sư đã thông minh, có chí tiết tháo giữ gìn hình nghi, sửa đổi mọi lỗi lầm. Mới bảy, tám tuổi, mà mọi việc trong đời nghe qua tai thì không quên lãng. Sư từng đến chùa Thê Tĩnh, gặp lúc đang giảng Pháp, Nghe qua nghĩa lý mười hai nhân duyên, Sư bèn tự bảo rằng: “Sinh tử trôi lăn không có cùng tận!” Rồi búi ngùi, bèn có chí muốn lìa tục. Một hôm, Sư đến chỗ Thiền Sư Tăng Thắm chùa Thê Tĩnh, cầu xin xuất gia, dốc lòng học rộng, siêng tập hạnh cận sự. Ngài Tăng Thắm bảo rằng: “Ta trông xem thần minh ở Ông, người khác khó noi theo. Mọi điều đáng tập học đều chẳng phải là sâu xa. Vì sao?” Sư đáp: “Muốn mở rộng tiết tháo tai mắt vậy!”

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư theo Sa-môn Đạo Mãnh chùa Đông An nghe giảng Luận Thành Thật. Được bốn biến mà Sư không hề ghi chú. Lúc kết pho thì Sư lại rõ ràng riêng tỏ ngộ chẳng cùng đồng bạn. Sư chẳng kết giao với mọi người ở đương thời. Người nào cũng cố được tham dự vào môn tịch của Sư. Lúc Sư giảng nói, văn nghĩa đều tinh tường tách bạch, bốn chúng đều quy phục, thính giả có hơn tám trăm người, Sư bày tỏ tâm tình, quý chuộng ở chỗ có thể thấu hiểu, chẳng chuyên tài hoa, khác với hàng lưu tục. Khách hỏi, Sư chưa bày thù đáp đã thôi, đều khen ngợi phong cách ấy, tiếng tăm Sư vang vọng khắp bốn biên.

Khoảng cuối niên hiệu Vĩnh Minh (494) thời Nam Tề, Thái Tử (?) vào lần đến Đông Điền, dẫn các Nội thị đến Chùa. Sư nhân đó cáo bệnh từ tạ, trở về chùa Tổng Hy ở Chung Sơn. An nhiên tự tại, chẳng qua lại với các hàng giàu sang. Hạnh Sư chẳng hợp với không chánh, giao du Sư chẳng quên thân. Mọi vật của đàn việt cúng thí, Sư đều đem ra xây dựng sửa sang nơi chùa Sư ở.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ năm (năm trăm lẻ sáu) Sư thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi. An táng nơi tháp mộ ở tại núi.

05- Truyện ngài Thích Tăng Nhã trụ núi Hồ Khâu ở Quận Ngô

Thích Tăng Nhã, ngài là Con người Anh của sa-môn Tăng Cừ ở chùa Trang Nghiêm. Ngài Tăng Cừ là người luật hạnh thanh nghiêm, thấy ở truyện trước. Từ thuở thiếu thời, Sư ngay thẳng tĩnh lặng, khắp xóm làng đều nhận biết.

Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia tại tinh xá Đông Sơn ở Hồ Khâu. Sư lấy sự cung kính hiếu hạnh để kính thờ thầy, dùng điều tốt lành để giao tiếp với bè bạn. Tánh Sư ưa thích siêng năng học tập. Sư đến kinh đô trụ tại chùa Trì Thành hơn hai mươi năm. Thông rành kinh giáo, 638 kẻ tăng người tục đều kính trọng khen ngợi. Thái Thường Khanh Ngô Quận lục Huệ Hiếu, Tả Thị Thượng Thư Lục Trưng Thâm đều tiếp đãi. Năm ba mươi hai tuổi, chí ngài dứt tuyệt phong trần, cuối cùng đi khắp phương đông rồi trở lại Hồ Khâu, gá thân nơi thất vắng, thoát hẳn người đời, xem đọc văn cổ, tự đủ với rắng mây, tuy là rau lá chẳng đầy đủ, áo đơn kếp chẳng có nhưng tùy nghi nhậm vận, tâm ít nghĩ ngợi. Lang Da Vương Bân Thú Ngô thường mời Sư nhóm tập Pháp. Liêu Đô cho là Tri kỷ, nói rằng: “Tại quận nhờ có được ngài tăng Nhã không nói năng đùa cợt luống dối nhưng đã già yếu, thấy Sư suốt năm phóng sinh làm việc chính, trải lòng nhân đối với các loài trùng cá, ban đức ái, khắp thú bay chạy. Giảng nói tuy sơ sài mà bền bờ chẳng dứt bật. Đâu phải xoa vết ần cư nơi núi non hiểm trở mới gọi là Đạo. Chỉ cần xuất xứ chẳng mất cái quan trọng, càng thấy được cao Đức!”

Niên hiệu Thiên Giám thứ tám (509) thời Nam Lương, Vua Vũ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc cho Sư làm Tăng Chánh ở quận ấy. Gần gũi nguyên soái mà còn buông lung tâm ý như trong núi rừng, nên mất sự tốt đẹp của khuôn phép sửa đổi. Đến nỗi có sự phỉ báng của những kẻ tham mạn, chưa hẳn thêm ở nơi mình mà lại chê bai tuổi già. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ nhất (520) - thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Lại có Sa-môn Thích Tăng Linh, là anh của ngài Tăng Nhã, cũng là bậc thạc học nổi tiếng. Thuở còn trẻ, Sư là người tuần tú, kính cần, lúc lớn lên lại ngay thẳng nhường nhịn, kinh luật thông rõ chẳng trọn sớm đời.

Lại có sa-môn Thích Pháp Độ ở chùa Định Lâm. Tánh Sư lắng xét, nói năng chẳng vội vàng hung bạo, trước thực hành sau có người theo.

Bây giờ, ở chùa Trang Nghiêm lại có các sa-môn Tuệ Phạm, Tuệ Lăng, đều là những bậc thông hiểu giáo điển nội ngoại, nổi tiếng một thời. Sư họ Ngô, người ở đất Diệm, tánh tình quyết đoán, chẳng theo hình danh. Sư Tuệ Lăng

da trắng sạch như sương tuyết, người thời bấy giờ xưng gọi ngài là Bạch Lãng. Sư thường giảng các kinh rất có tài năng.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Pháp Sùng trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô

Thích Pháp Sùng, họ Phùng, người ở xứ Quán Quân thuộc Nam Dương. Sau gặp đời loạn nạn nên dời đến ở xứ Hải Diêm. Thuở thiếu thời, Sư đã có chí muốn thoát tục. Cha mẹ Sư rất thương con nên chẳng chấp thuận. Ngài giữ chí khí cố cầu xin. Cha mẹ Sư bảo rằng: Hãy đợi cha mẹ cưới vợ cho con xong rồi con tùy ý xuất gia.

Năm mười tám tuổi, cưới vợ, mới được nửa năm, Sư bèn bỏ tục xuất gia, đến trụ chùa Quang Hưng, thành tựu pháp thức, tập học oai nghi. Sau đó, Sư đến kinh đô, trụ chùa Hưng Hoàng. Sư lại nương theo hai ngài Đạo Mãn, Đàm Tế học luận Thành Thật. Cả hai vị thầy đều nhã ý cùng khen ngợi. Sư suốt ngày đêm siêng năng, chẳng vì nóng lạnh mà xao động tâm ý. Ngộ Quận Trương Dung và Chu Ngung có viết thư nói rằng: “Người xưa muôn nói dòng nên để lại con cái, nay Pháp sư Pháp Sùng, tuyết dứt trần lụy như nhỏ bỏ đàm dãi, chí khí như thế, thật lớn thay, cao xa thay!”

Sư lại theo sa-môn Tăng Châu ở chùa Trường Lạc, học thông Luận Tạp Tâm và Pháp Thắng Tỳ-đàm. Rồi lại theo sa-môn Đàm Bân ở chùa Trang Nghiêm nghe giảng các kinh, mà tham cứu chỗ sâu xa, khéo đến tận chỗ sâu cùng. Ý chỉ cao xa, không có trái ngược, văn vẻ xa xưa, phong thần đẹp đẽ. Tề Cảnh Lãng Vương Tử Lương rất đãi ngộ. Thường trụ ở Tây Để, nghĩa tập soạn các Danh học. Công việc giao cho Ngài Trí Tú ở Trị Thành nên có lắm tranh giành. Ngài Trí Tú nói với Sư rằng: “Ngay việc ứng đối này, làm sao ông bằng Tôi!” Sư bảo: “Xem trước chống sau thì tôi chẳng bằng ông, nhưng giải danh định thật thì ông chẳng thể bằng tôi!” Ngài Trí Tú tỏ vẻ hổ thẹn.

Sư ngài ba mươi tám tuổi, có Đạo nhân Pháp Nguyên ở chùa Chánh Thắng khéo thông hiểu thuật của Phạm Hứa, nói với Sư rằng: “Năm ông mãn bốn mươi tuổi sẽ chết, không nơi nào tránh được, chỉ có việc cầu nguyện chư Phật, lễ sám những tội lỗi vượt thoát mới có thể hy vọng khỏi chết!” Sư nhân đó, lấy gương soi mặt để xem xét, thấy trên khuôn mặt mình có hắc khí. Khi đó, Sư bèn bán hết y bát và mọi vật dụng, đồng thời mua hương cúng dường. Sư đi thuyền về hướng đông, đến thẳng Hải Diêm trụ tại chùa Quang Hưng, đóng phòng lễ sám, dứt bặt mọi sự người vật. Ngày quên ăn nghỉ, đêm chẳng cởi y pháp, đến năm bốn mươi tuổi, trong một đêm cuối năm, bỗng cảm thấy hai tai sưng đau, càng sinh lòng khiếp sợ. Đêm đó, lễ sám rồi, đến canh tư, bỗng nhiên Sư nghe ngoài cửa phòng có tiếng người bảo rằng: “Nghịch chết của ông đã hết!” Sư vội mở cửa ra xem thì đều

không thấy ai cả. Đến sáng xem lại thì “Hắc khí đều đã tan sạch, hai tai mới sinh cốt. Đó thật là nền tảng của sám đảnh. Công phu chẳng luống uổng”.

Sau cùng, Sư lại theo Sa-môn Tuệ Cơ ở Đông Hạ nghe giảng dạy dẫn dắt. Ngôn luận qua lại với thời gian chừng mười ngày thì Văn nghi lý lẽ vương mắc lại mở mang chí ngài. Sư Tuệ Cơ lại cổ vũ Sư trở thuyền về lại trời Tây. Sư đến ở chùa Đạo Lâm, mở Vũ Lâm giản, mở hiên ách nước. Sư mở pho tìm kinh và thường tự bực bội mà chẳng thôi được. Mãi đến lúc Đông Hôn tại vị, thường thỉnh Sư đến Bắc sơn. Nhân đó nên Sư dời đến trụ chùa Thiên Bảo.

Niên hiệu Thiên giám thứ bảy (508) - thời Nam Lương, Sa-môn Pháp Cảnh chùa Tề Long thị tịch. Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Siêu tâu trình khai văn thỉnh Sư đến trụ ở đó. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc rằng: “mọi việc hành vị việc làm của Pháp sư Pháp Sùng chẳng trái với luật nghi, chẳng ham mê tánh dục, chẳng coi trọng hình thể, nhân từ vui vẻ, nhã có phong thái của bậc Quân tử, đáng làm khuôn phép kính tin, rất được lòng người!” Nhà vua mỗi lần nghĩa tập đều dùng lễ nghi mà đối đãi với Sư. Lược qua niên lập của Sư nên vua ban sắc thường ngồi ở đầu. Thường chẳng kêu gọi tên Sư, mà tôn xưng là Thượng Tọa Pháp Sư. Thỉnh Sư làm “Gia tăng”, ban sắc dâng thí xe bò, sức người, mọi thứ ăn uống, quanh năm chẳng ngắt. Chùa ấy vốn nhỏ hẹp. Vua Võ Đế lại vì Tuyên Võ Vương mà tạo phước, ban sắc người thợ sửa chữa chỉnh trang lại để tiếp đãi Sư. Nhân đó mà đổi tên là chùa Tuyên Võ. Sư có các môn đồ đệ tử thuần hậu thường đến cả trăm người.

Đến niên hiệu Phổ thông thứ tư (523) bỗng nhiên Sư bị bệnh phong, không thể cầm nắm. Sư ở trên gác kinh suốt ngày đêm chẳng nghỉ. Hễ có các Pháp sư thì Sư ngồi trên kiệu mà giảng nói. Khi chưa bị bệnh, Sư lễ Phật, thường lấy trăm lạy làm hạn định. Sau Sư không thể dậy nổi, sang vẫn ở trên giường, cứ y theo thời khóa mà qua trăm lần cúi đầu, ngẩng đầu rất mực chính thành. Điều gì sám, điều gì nguyện không khác với trước. Về sau, căn bệnh càng dữ dội. Sư bèn tham hầu, trông mong nơi Đạo! Đến ngày mười sáu tháng ba niên hiệu Phổ thông thứ năm (524) Sư thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Vua Võ Đế thương tiếc đến viếng điệu, kẻ tặng người tục buồn thương kính mến. Vua ban sắc an táng xây tháp mộ tại chùa Định Lâm. Mọi chi phí trong tang lễ đều do Thiên Phủ cung cấp. Xá nhân Chủ Thư trông coi mọi việc.

Lại có Sa-môn Trí Quả. Vốn họ Quán, người ở đất Ngô, trụ chùa Quang Hưng ở Hải Diêm. Sư là người thanh bạch ngay thẳng bình thường giản dị, khéo giỏi tinh thông các kinh thuật.

Lại có Sa-môn Tăng Thục trụ chùa Công Xa ở huyện Diêm. Ngài nhật nhạnh việc của chúng tăng đều lấy làm việc của chính mình. Hễ hỏi liền đáp, nghĩ lường khắp rộng. Tuy có người nêu bày xét khảo mà chưa thể cùng tận chỗ yếu diệu của Sư.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tăng Thiên trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô

Thích Tăng Thiên, họ Lạc, người ở xứ Đỗ thuộc Tương Dương, xuất gia từ thưở thiếu thời. Sư là người trung thật, cần kiệm, sớm hợp với làng quận. Về sau, Sư đến Đô ấp, trụ chùa Linh Căn, quét dọn một căn phòng sạch như Tiên quán, thanh khiết, sửa sang y phục, nước bụi chẳng dính. Sư theo Sa-môn Bảo Lượng chùa Linh vị học hỏi các kinh luận. Văn lý thông đạt, rất nổi tiếng. Tánh Sư oai linh chẳng nhiều, riêng tự tôn sùng, nếu chẳng đắc ý, thì ít tiếp xúc. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) lấy phép nhà tăng mà trọng đãi, Ngô Bình Hầu Tiểu Bính cùng dùng lễ mà tiếp đãi Sư.

Trong mùa hạ niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) Vua Võ Đế thường đêm gặp gỡ Sa-môn Tuệ Hủ. Ngày sau, nhân đến nơi Pháp hội. Sư hỏi ngài Tuệ Hủ rằng: “Đêm trước nhà vua nói gì?” Ngài Tuệ Hủ bảo Sư: “Ông sao vội hỏi vậy?”- mà lời tiếng rất hung dữ. Sư bèn thẳng tiếng mà bảo rằng: “Tôi và ông đồng đến Tây châu đều làm Sa-môn. Ông chỉ một lúc được mời gặp vua tiếp đãi liền muốn lấn bước đồng bạn. Tôi chỉ kính thờ Phật, xem các ông khinh thường như vậy”. Mọi người trong pháp hội đều thấy ngài Tuệ Hủ tỏ vẻ hổ thẹn. Tánh Sư thẳng thắn đều đại loại như thế.

Đến niên hiệu Phổ thông thứ tư (523) Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi.

---o0o---

08- Truyện Thích Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô

Thích Tăng Mân, họ Tôn, gia đình ở tại Phú Xuân thuộc Quận Ngô. Có Ngô Khai Quốc Đại Hoàng Đế là tổ tiên của Sư. Thưở bé, Sư mồ côi, không được chăm sóc, Sư vừa biết nói đã ưa thích đối với Đạo.

Năm bảy tuổi, ngài xuất gia, tại chùa Tây Sơn ở Hồ Khâu, làm đệ tử Sa-môn Tăng Hồi. Sư theo thầy thọ học năm bộ kinh. Chỉ nghe qua một lần là ghi nhớ. Tinh thần Sư thấu suốt vượt ngoài đồng bạn, vượt lên mọi người. Thường cùng đồng bạn nói đùa về các Điển lễ, trong lòng Sư không sao khỏi sự bùi ngùi, muốn lấy làm trách nhiệm của chính mình.

Tổng Lại Bộ Lang Ngô Quận Trương Biện hỏi Sư rằng: “Sa-di, họ gì? nhà ở đâu?” Ngài đáp: “Bần đạo họ Thích, nhà ở tại núi này”. Trương Biện rất lấy làm lạ, đặc biệt dẫn đến Trương tự, Trương tự trông thấy bèn ngợi khen

rằng: “Cây thông cây bách tuy nhỏ mà đã có khí phách cao đến tận mây”.
Do đó mà tiếng tăm Sư vang xa.

Năm mười ba tuổi, Sư theo thầy đến đô thành, trụ chùa Bạch Mã. Chư Tăng trong chùa phần nhiều lấy việc chuyên đọc xướng đạo làm chuyên, mà phong vận Sư trông xa, song không hề để ý. Năm Sư mười sáu tuổi thì Sa-môn Tăng Hội thị tịch. Ngài buồn thương kính tiếc. Sau khi tang lễ hoàn tất, Sư dời đến trụ chùa Trang Nghiêm, kính ngưỡng tôn thờ Ngài Đàm Cảnh. Ngài Đàm Cảnh vốn trụ chùa ấy đã lâu, nên có phong hoá phép tắc. Lớn nhỏ đều hòa theo. Chùa cung cấp cho chư tăng đầy đủ. Sư an bản khéo học, cùng các vị Pháp Vân, Thiền Cương, Pháp Khai là bạn cùng ở trong chùa bảm học kinh luận ở bốn Ngài Tăng Nhu, Tăng Thứ, Đạo đạt, Pháp lượng, ban đêm thì ngủ chung chăn, ban ngày thì mượn y áo của nhau để mặc, thăm hỏi qua lại, chẳng trốn lánh nóng lạnh. Sư dốc sức tinh thần quả thật như thế! Sư rất thấu suốt Số luận, nghiên cứu tất cả các kinh luận. Nhìn đâu rõ cuối, xem ngoài biết trong. Nội xét chính mình, bên cạnh lại mở mang cho đồng bạn. Nghi trước, kết xưa, không gì chẳng tan vỡ. Tuy mạng thế thạc học có biện luận đúng sai, nhưng Sư ở ngay trong trong đó mở mang không hề bung bít. Mới sáng đã hiển trước, phong du càng rộng xa. Tề Văn Tuệ Đế Cảnh Lăng Vương Tử Lương, rất quý kính, thỉnh mời liên tiếp.

Thượng Thư Linh Vương Kiệm thỉnh Sa-môn Tăng Tông giảng kinh Niết-bàn. Sư thưa hỏi liên tục, mọi lời đều bẻ gãy người vấn nạn. Vương Kiệm nói rằng: “xưa kia, ngài Trúc Đạo sinh vào đến Trường An. Diêu Hưng đến vườn Tiêu Dao cùng diện kiến, bèn hỏi vận Đạo Dung nghĩa qua lại hơn trăm phen, mỗi lời đều cần kíp. Mọi người đều thấy được phong thần ấy. Và đều kính phục năng lực tài giỏi của Ngài Đạo sinh. Nay đây, Pháp sư Tăng Mân vượt ngộ Thiên thể, tách cực chiếu cùng, mỗi lời hãn qua khuôn phép. Khiến cho trước không thể dàn trận, nên bèn vượt qua!”

Văn Tuyên thường thỉnh hai Pháp sư Tăng Nhu và Tăng Thứ đến chùa Phổ Hoằng cùng giảng Luận Thành Thật. Lớn cùng thông thảng, mũ lọng che thành bóng râm. Sư ngồi ở cuối pháp tịch, luận bàn, từ chỉ trong mới, đặt lời rộng xa, qua lại thần ứng, khiến thính chúng lắng tâm chăm chú. Ngài Tăng Thứ Công bèn buông cây phát trần mà than rằng: “Lão phu thọ nghiệp ở Bành Thành, nghĩ đến năm tụ ở đây. có mười lăm lần lấy làm quật nạn. Thường hận chẳng gặp được kinh địch, ắt muốn nghiên cứu đến cùng. Từ lúc đến Kinh Lăng tới nay đã nhiều năm, mới thấy hết ở ngày nay. Và lại, để thử nghĩ đó, đến buổi giảng sau sẽ đáp? Đến chiều lên giảng, mới đáp vài giao từ, nghĩa bị ngăn bít. Ngài tăng Thứ công đổi sắc mặt, nhìn thính chúng khắp pháp hội mà nói rằng: “Người sinh sau đáng sợ! Lời nói ấy đáng tin!”

Đến niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười (492)- thời Nam Tề, lúc đó, Sư mới hai mươi sáu tuổi. Lần đầu tiên đến chùa Hưng Phước, Sư giảng Luận Thành Thật. Các bậc Luận sư tiền bối có sự nhận biết cao xa ở thời bấy giờ đều ngồi dưới chiếu. Pháp hội ấy, thỉnh chúng đông như chợ, chùa núi khắp nơi trong ấp không đâu chẳng đóng cửa để nhóm họp. Các hàng áo mũ sĩ tử khắp bốn phương đua nhau kéo đến, ngồi xếp đầu gối lên nhau mà chẳng cho là chật. Sư giảng nói tuy suốt ngày, nhưng không tỏ vẻ mệt nhọc. Mọi người đều kính ngưỡng Sư như Nhật Nguyệt. Những người mong mỏi Đạo phong kính mến Đức hạnh của Sư, chẳng ngại xa muôn dặm cùng đến. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống tiếp nối các bậc Luận nghị phần nhiều chỉ bàn cao nói lớn, đua tranh cùng khoa trương. Đến lúc Sư giảng nói mới thật là bậc thầy khuôn phép. Oai linh lạc tú, thượng cơ biến hóa như Thần. Lời tiếng nghe nói đúng khuôn phép. Trong pháp hội không bạn lớn tiếng. Kế nữa, tánh tình Sư rất nhường nhịn, chưa từng dùng lý hơn bắt ép người khác. Sư đối xử với chúng lắng mắt như nhập thiên định. Đó là các hàng Đạo tục cùng suy tôn Sư như thế. Người đương thời khen ngợi Sư rằng: “Sư giải thích nghĩa sâu, thông xưa không ai bằng, điều suốt thể chung, người nghe nhận dễ tỏ ngộ, ngõ hầu mới rộng các Dịch Luận, đại đồng với chánh pháp!”. từ đó, tiếng tăm Sư chấn động khắp dưới trời, thỉnh chúng đông hơn ngàn người. Sư chăm chăm khéo dẫn dụ, không hề bảo là mệt nhọc!

Tân An Thái Thú Bành Thành Lưu nghiệp từng nói với Sư rằng: “Pháp sư thông hiểu kinh luận. Có sao lập nghĩa có lắm Nho?” Sư đáp: “Đời Tống mến quý ngài Đạo Sinh mở Đốn Ngộ để thông kinh. Ở đời Tề kính trọng Ngài Tăng Nhu ảnh hưởng Tỳ Đàm để giảng luận. Còn Bàn Đạo Chỉ y cứ Văn Kinh, Văn Huyền thì Huyền, Văn Nho thì Nho”. Bấy giờ, Cảnh Lăng Vương Thế Tử Tha Chiêu. Trụ ra trấn giữ Cối kê, cần Sư cùng đi, Sư bảo: “Tôi chỉ giảng tịch cùng biết chưa từng tu qua. Nghe kia được quận, bèn là lang bái xa cách!” Trong ý không muốn. Mọi người nhân đó cũng bèn thôi.

Niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ nhất (499) thời Nam Tề, Vua Đôn Hôn Hậu (Túc bảo Quyền) ban sắc cho tăng cục thỉnh ba vị tăng vào vườn Hoa lâm để giảng hạ. Tăng Chánh suy tôn Sư làm Pháp Chủ, ngài từ chối. Có người hỏi vì sao? Sư đáp: “Đó là đượm nhuần pháp sư bên trong, chẳng ích lợi Học sĩ bên ngoài. Nên không thể gọi đó là giảng”. Từ đó tiếng tăm Sư lan truyền khắp xa gần. Tên tuổi vang động khắp chôn kinh đô. Lang Da Vương Trọng Bảo, Ngô nhân Trương Tư Quang là những bậc có sức học thấu suốt ở đương thời, thanh bạch trong sạch riêng tuyệt, đều đến phân thỉnh, dùng dải the mộc để giao bày. Từ sau năm thành lập từng chuyên sự mở giải, phát triển thành Tông Tượng. Chín bộ loại, năm thời giáo đều như các ngón tay trên bàn tay. Lý màu phục nạn thân nhiên dễ dàng. Nên các hàng tăng tục

đều nổi nhau thỉnh mời khó nhọc. Bảy giờ, linh văn sớm thành, mang phong khí từ trước đến, các bậc kỳ túc tổ vọng, có tâm hồ thẹn về mới cũ. Bày phục thì sánh vai, kiêu quan thì thỉnh thoảng xuất hiện. Sư tùy phương lãnh hội, mở rộng lượng có thừa, đều ngậm kiệu ngọc, gác vánh đi mau, đâu phải chỉ một người mà thôi.

Gặp lúc nhà Tề trải qua sự giữ gìn đạo pháp thuộc loại tối cao. Bảy giờ, có ngài Pháp Sung, kẻ tiểu nhân ở đời ganh ghét Quân tử. nhân lãnh đất Từ Bộ, bèn nhận lời thỉnh đến đất Ngô. Bánh xe Chánh Pháp tiếp tục xoay chuyển. Cờ đẹp thường luôn dựng lập, đều tuy căn cơ mà được đượm nhuần, có tiếng vang vọng khắp Bắc Nam. Đến thời Hoàng Lương ứng vận mới lắm nhiều, từ xa noi theo nhà vua.

Niên hiệu Thiên Giám thứ năm (506) thời Nam Lương, Sư đến kinh đô, Thiên hạ lễ tiếp dưới chiếu, rất đổi mừng vui. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc cho tăng Chánh Tuệ Siêu mang chiếu chỉ đến phòng, muốn khuất phục các vị Pháp Sung, Pháp Vân, Nhữ Nam, Chu Xả, v.v.v. bảy giờ Sư vào vườn Hoa lâm, giảng luận đạo nghĩa. Từ đó về sau vị trí ưu việt của Sư ngày càng rực sáng. Niên hiệu Thiên giám thứ sáu (507) Vua Võ Đế ban chế văn cho Sư chú giải Kinh Bát-nhã, để thông khắp đại huân. Khắp cả triều quý đều nghĩ mở rộng quyết định. Vua lại thỉnh năm vị Đại Pháp sư ở trong kinh áp đến trụ năm chùa giữ việc giảng pháp. Và Vua mời Sư ở bên phải nhà vua. Sư mới trông nhìn thấu rõ thâm tình nhà vua rất vui vẻ. Nhân đó, Vua thỉnh Sư làm Gia tăng, luôn cung cấp đầy đủ bốn thứ cần dùng.

Vua Võ Đế lại ban sắc thỉnh Sư đến Điện Tuệ Luân, giảng Kinh Thắng-man. Và Vua đích thân đến nghe. Đồng thời vua chọn các vị Tăng tục có tài học như Ngài Thích Tăng Trí, Tăng Hoãng, Lâm Xuyên Vương Kỳ Thất, Đông Hoàng Lưu, v.v.... Sao lục tất cả các kinh luận, xếp loại thứ tự, tất cả có tám mươi quyển, đều bảo lấy sự phán quyết ở Sư.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười một (512) bỗng nhiên Sư bị bệnh phong. Sau đó tuy có giảm nhẹ song tâm ý còn quên lằm, nói năng chậm chạp vấp vấp. Sư bảo: “Từ lúc lên tòa giảng nói đến nay đã hai mươi năm. Như thấy bệnh hiện tại là thuộc loại không thể bình phục, nên việc giảng nói đến đây là hết!” Sư bèn sửa sang trong phòng, lập đạo tràng riêng, đêm ngày lễ sám. Sau đó, Ngô Quận Thái Thú Trương Sung, Ngô Hưng Thái Thú Tạ Lã, mỗi vị đều sai Liêu Tả đến đô dâng biểu để phát khiển, hai Quận đón rước, thuyền chạt cả bên sông. Các vị học sĩ ở kinh đô nhóm họp như sương mọc nhóm đống. Trên đường đi ngang qua các bậc Thú Tể không ai chẳng đón chào. Tấn Lăng Thái Thú Thái Tôn ra hầu ở cửa đón rước Sư mà khen

ngồi rằng: “Xưa kia, Trọng Ni có đức làm vua ở thời nhà Chu, nay đây, Bàn Công lại có đức làm vua ở thời nhà Lương!”

Đến những năm cuối niên hiệu Thiên giám (520) Vua Võ Đế ban sắc Sư trụ chùa Trang Nghiêm, thiết lập tám tòa Pháp luân. Năm vị tăng giảng Pháp, lấy niên lạp mà sắp xếp thứ tự. Sư được ở sau cùng. Đồ chúng rất nhiều, giảng đường chùa Trang Nghiêm là do Vua Thế Tổ thời nhà Tống xây dựng, loan lô thêm bóng, diên nhâm lâu xa, đến mãi ngày ấy, chẳng chứa thính chúng. Vị tăng chấp sự dâng Khải văn tấu trình. Vua Võ Đế có ban sắc đình chỉ việc giảng pháp năm ngày, tháo dờ vách cửa khắp bốn phía ra khỏi ngoài mái tranh, lại đưa đến cung cấp năm mươi chiếc giường, vẫn còn chật chội. Các thứ quán trình bẻ phá, mỗi ngày có đến mười mấy người đến đông đảo đều thuộc loại ấy. Nhân đó, Sư xả thí tất cả mọi vật đã thọ nhận để lập giảng đường lớn. Sư bèn truyền giao cho các vị tăng sau.

Sư lại đến chùa Giảng Tĩnh để giảng Kinh Thập Địa. Nhà cửa trước kia chỉ có năm gian, Sư lo bị chật chội nên ngay trước giảng đường tạm dựng thêm năm gian, hợp lại thành một nhà. Song, tới lúc giảng thì trong chùa đều đông chật. Sự cảm hóa động đến như thế ý chẳng phải lòng được. Thưở thiếu thời, Sư cùng Tề nhân Trương Dung Tạ Thiệu kết bạn lành. Các bậc tài học thông nhân trong nước không ai chẳng đến lễ. Ngài tuy ở danh vị Quý trọng nhưng chẳng mừng vui vinh hiển, chỉ an nhàn ở một ngôi thất, kén chọn các bậc hào hữu. Mọi người thường trách hận như thế, chỉ có Ngô Quân Lục Thụy là người học rộng tự xử, danh vị hiển thông, sớm sùng lễ kính. Sư cũng rất kính trọng mến quý. Bấy giờ, Thái tử Tung Thứ Liêu Tùng đến phòng, Sư cáo bệnh chẳng ra tiếp. Lục Thụy mừng vui tự nhiên nói rằng: “Đó thật là điều hoài mong của đệ tử!” Mọi người đều suy tôn sự mến quý danh đức của Lục Thụy và càng quý trọng sự chẳng hướng đến nơi đời của Sư.

Mãi đến cuối niên hiệu Phổ Thông (527) về sau, bệnh trước của Sư liên tục hoành hành. Sư muốn trở lui để yên tĩnh. Giữa đêm ngài bỏ về Hồ Khâu, không người nào biết. Bấy giờ, Tiêu Ngang ra trấn thú ở Ngô Hưng, muốn đi ngang qua núi để kính lễ Sư. Sơn Chủ Trí Thiên đã biết trước nên mách bảo cùng Sư, Sư bảo: “Tôi là người bệnh ở chốn núi chằm, không việc mà tiếp kiến như quý hai ngàn thạch. Xưa Đới Ngung ẩn cư tại Bắc lãnh. Tống Giang hạ Vương vào núi muốn đến đó. Đới Ngung nằm dưới cửa sổ chẳng chịu tiếp xúc. Tôi tuy đức mỏng, xin nương cậy vào sự việc của Đái Công!” Tới lúc Tiêu Ngung đến, Sư bèn theo cửa sau mà trốn. Năm đó, Hoàng Thái tử sai Thông sự xá nhân Hà Tư Trùng vâng lệnh đến lễ. Đem các thứ kỷ trượng, lò hợp, chần chiếu, chổi, quạt v.v.. đến tặng.

Đến niên hiệu Đại Thông thứ năm (531) vua Võ Đế ban sắc thỉnh Sư dời về trụ chùa Khai Thiện. Và sai quan sở tại lo đủ lễ để phát dẫn, không trốn được, Sư thường ngẩng đầu trông ngóng nhìn trời. Đang trên đường đi, cơn bệnh tăng lên dữ dội, không kham nổi tới chùa, nhân đó tạm dừng ở chùa Trang Nghiêm. Sư bèn lưu ở mãi đến Đại tiệm. Các thứ lương y, thượng dược luôn đầy đủ trong chùa. Trung sứ Tham hầu cùng ngóng trông săn sóc. Đến sáng sớm ngày mồng một tháng hai niên hiệu Đại Thông thứ tám (534) Sư thị tịch tại phòng ở trong chùa, thọ sáu mươi một tuổi.

Vua Võ Đế buồn tiếc, Trữ quân than oán. Vua ban sắc đến ngày mồng sáu tháng hai, an táng xây dựng tháp mộ tại chùa Khai Thiện ở Chung Sơn. Mọi sự lớn nhỏ trong lễ tang đều tùy sấp đặt đầy đủ. An sĩ Trần Lưu Nguyễn Hiếu Tự soạn bia chế nơi tháp mộ. Các Đệ tử như Trí Học, Trí Khánh, v.v.. lập ba văn bia. Trong đó, có hai văn bia do Hoàng Thái tử Tương Đông Vương soạn chế văn, dựng ở bên cạnh tháp mộ, còn một văn bia do Trương Sĩ Hà Dận soạn văn dựng ở tại chùa.

Ban đầu, Sư thường ưa thích Thiền mặc, bèn y theo chỗ lập nghĩa mà khắp an tâm, qua thời gian khoảng mười ngày đã nhập định được. Sư đem hỏi, và các Thiền sư đều bảo rằng: “Nhà cửa tuy có khác, song sự vắng lặng thì không khác”. Sư đã từng trong những ngày giảng pháp mà nói với đại chúng rằng: “Xưa kia, Di Thiên Thích Đạo An thường giảng, sau khi ngồi thiền, thường bảo Đô giảng v.v.. vì các loài tụng đọc kinh ba lần. Ấy là trước đã tu nghiệp hạnh thù thắng”. Sư muốn đến nơi đại chúng, mỗi người trì tụng Kinh Quán thế Âm một biến, khi ấy cả pháp hội đều vui mừng, xa gần đều cùng thực hành. Về sau các hàng Đạo tục xả thí mọi vật cầu xin giảng trước lúc tụng kinh. Do đó mới bắt đầu.

Bấy giờ, tại chùa Linh Căn có Tỷ-khưu Thích Đạo Siêu chuyên cần tự gắng tập học, ý nguyện muốn được hiểu rõ như Sư. Ban đầu nằm mộng, thấy một người bảo rằng: “Pháp Sư Tăng Bản ở thời Phật Tỳ-bàthi đã có giảng nói. Nay ông mới tu tập làm sao sinh bằng được! Nhưng chỉ tự gắng công, chớ lo không thành đạt, tùy phần được giải ngộ”. Về sau, Ngài Đạo Siêu thật sự đại lãnh ngộ.

Sư thường tu tạo tượng Phật Di-lặc và các pháp cụ cúng dường, sớm tối lễ bái tham yết, mộng thấy Phật Di-lặc sai Bồ-tát hoá hiện đưa cây bồ-đề đến cho Sư. Vị Bồ-tát ấy bảo: “Cây Bồ-đề, đời Lương dịch là cây Đạo tràng. Đệ tử phải nói lời ấy”. Sư nghe nên cố gắng, bảo rằng: “Lẽ có sáu giác mộng, chánh mộng chỉ có một, mới là trước bày tốt xấu. Nên khắp nơi dựng lập cung chiêm mộng. Đời sau bèn phế bỏ. Vì người đời bạc bẽo, rất lắm giả trá. Điềm mộng trước của tôi là do tâm tưởng, các ông chớ nên rao truyền”. Vì

Trang Nghiêm cửa chùa và các tường vách xưa làm thợ không khéo léo. Thêm nữa, chùa Sơn Tây tại Hồ Khâu xây dựng vào đời Ngô đã rã mục hư hoại vì quá lâu ngày. Sư đều sửa sang thay đổi, mọi việc hoàn thành rất rộng đẹp. Sư tu tạo kinh tượng, toàn chẳng cất giấu, hề người nào cần thì Sư dâng cấp, với việc phóng sinh bố thí, Sư không hề mỗi một phế bỏ. Có vị Đệ tử hỏi Sư rằng: “Hòa-thượng tu tạo Công đức thật nhiều, nhưng chưa khai mở dựng lập Đại trai hội, sợ e việc phước chưa viên mãn”. Ngài Bảo: “Đại trai hội là có ích lợi của một thời phát khởi, tôi ít thiếu nhân lực, khó được hết lý. Và lại, gạo rau tương dấm củi nước than tro, dấm đập... làm thương hại với số lượng vi trùng rất nhiều. Tôi chỉ lo sợ có chừng ấy việc nên chẳng dám làm. Như lại, cầu gởi nơi cung vua, Quan phủ, những nhà có thế lực, bảo làm tuy nhiều mà lại càng khó hết ý. Kẻ nhận thức gần trông thấy, nhờ đó mà được khai ngộ. Còn người trí nhìn người có cái cười cầu danh. Cầu xin pháp tục xâm tinh sớm đến. Nếu không chuyên chí thì sẽ trái với tâm trắng trong. Như hiện ngay lời này còn phải đi qua sự chê cười, nên tôi chẳng làm”.

Ngài nói năng khéo léo, cử chỉ tốt lành, thốt ra lời cao quý, tự sinh nhìn ngắm, gió thoảng đầy nhà. Phàm mọi việc làm, Sư chẳng vì danh lợi, chuyên cần chú giải kinh giáp, cố gắng ở lời tỏ ngộ. Người trước mình sau, thường như chẳng bằng. Thường có những vị thầy khác nói đệ tử chẳng cung kính. Sư bèn gọi đến để gặp gỡ, vì lập bày các thứ ăn uống rồi dùng các phương tiện để dẫn dụ, bèn thành Thiện Sĩ. Sư sống không Tả đạo bói toán, chẳng có vọng hoặc phàm phu. Lại chẳng giả trá kỳ quái tể dối gạt những người nhận thức cạn cợt. Các hàng Quý nhân Quân tử đều ảnh hưởng kính mến đến Sư, những người thương nhân buôn bán cũng nhìn đạo phong mà sợ kính. Hễ nghe đến tên Sư thì kẻ tà ngụy thành chánh, kẻ thô bị thành ngay.

Ngài soạn các bộ: Luận Sớ tạp tập, Tứ Thanh Chỉ Quy, Thi Phổ quyết nghi v.v.. có hơn trăm quyển lưu truyền ở đời.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô

Thích Pháp Vân, họ Chu, người ở xứ Dương Tiện thuộc Nghi Hưng, là con cháu bảy đời của Tấn Bình Tây Tướng Quân Xứ. Mẹ của Sư họ Ngô. Lúc mới sinh Sư, thấy khí mây đầy phòng. Nhân lấy đó mà đặt tên là Pháp Vân.

Năm lên bảy tuổi, Sư xuất gia, lại pháp danh là Pháp Vân. Sư theo thầy ở chùa Trang Nghiêm làm Đệ tử ngài Tăng Thành Huyền Thú Bảo Lượng, Sư là người tài giỏi, vượt lên mọi người ở đương thời. Năm mười ba tuổi, Sư mới bắt đầu thợ nghiệp, rất được Ngài Tăng Tông ở chùa Đại Xương, Ngài

Tăng Đạt ở chùa Trang Nghiêm khen ngợi. Ngài Bảo Lượng từng nói: “Thân mình của ta thù đặc chẳng ai sánh bằng. Tương lai hẳn làm rường cột cho Đại Pháp!”

Vào niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề, Pháp Sư Tăng Nhu trở về phương Đông, đến chùa Đạo Lâm khai mở giảng Pháp. Sư đến dò hỏi quyết trạch nhiều ngày, vẫn từ ý chỉ khơi phát. Đại chúng đều khen lạ, Sư tuổi nhỏ ngồi xa, tiếng hỏi khó rõ mạnh mẽ. Ngài Tăng Nhu bảo chiếc ghế nhỏ ở ngay trước, đề cùng nhau hỏi đáp qua lại. Do đó mà Sư nổi tiếng.

Sư và sa-môn Tăng Bân cùng ở chung chùa, tuổi tác ngang nhau, danh tiếng ngang bằng, hai vị cùng trải qua gặt hái ở các vị thầy hoặc kinh, hoặc luận, suốt bốn mùa đi nghe giảng pháp, thời tiết nóng lạnh chẳng thôi nghỉ. Hai vị hoặc giảng trước, giảng sau, đầu đêm cuối đêm xét thuật văn nghĩa. Những lúc nhàn rỗi, đi trên đường nghĩ suy nghĩa lý, nên chẳng tự biết đã đi quá chỗ đến, hai vị chuyên cần cố gắng đến nỗi như thế.

Sư từng xem sa-môn Pháp Điều ở chùa Trường Lạc giảng luận. Khi ra mà ngoái lại bảo rằng: “Thành đô của Thiên tử xứ Chấn Đán (Trung Hoa) thật giàu có áo mũ, cử chỉ oai nghi chó cho là dễ làm. các vị Pháp sư trước sau, hoặc có từ không nghĩa, hoặc có nghĩa không từ, hoặc có cả từ lẫn nghĩa, mà luồng qua không oai nghi. Ngày nay Pháp tọa đều đã khuyết thiếu. Tất cả đều do tập học chưa tốt, chưa nên giảng nói!”

Mùa Hạ niên hiệu Kiến Võ thứ tư (497) thời Nam tề, lúc đó, Sư ba mươi tuổi, bắt đầu ở chùa Diệu Âm, khai giảng hai bộ kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh. Mở đầu, phần chánh, nguồn, ngọn, các phần danh loại, người học đến đông như biển, bốn chúng đầy chật giảng đường, đều cho rằng Lý nhờ lời mà được diễn tả cùng tận. Trang quyển còn không, đến lúc Sư vì khách lập bày ngang dọc, so sánh phân loại, Sư có biện tài như gió nhanh, ứng biến dường mưa chạy. Đáng sợ bén nhọn ấy ít người chuyên tâm, khách chủ đều than thở, đồng liêu đều vui mừng. Người đương thời gọi Sư là “Tác Huyền Pháp Sư”. Sư khéo giỏi giảng kinh riêng bước một mình ở đương thời. Tề Trung Thư Chu Ngung, Lang Da Vương Dung, Bành Thành Lưu Hội, Đông Hoàn Từ Hiếu Từ v.v... là những vị nổi riêng một đời, đều đến chẳng kết giao trái nghịch. Hiếu Từ thường ngày trông thấy Sư tuần phát, tự nhìn lại sự khiếm khuyết nơi mình, mà tách linh thành hiếu, nhọc nơi sắc dưỡng.

Đến lúc Sư chịu tang mẹ, hủy hoại suy gầy quá lễ, qua nhiều ngày chẳng ăn, nguy ách chẳng hơn tang. Ngài Tăng Bân thấy vậy bảo rằng: “Các bậc Thánh đặt ra lễ pháp. Các Hiền giả noi theo, những kẻ chẳng Hiền mong ngóng, hủy hoại chẳng diệt, tách còn ra khỏi Nho Tông. Huống gì Phật có lời rất chí thiết là muốn báo đáp ân đức sinh thành, gần thì ngay đời này hiếu

dưỡng nuôi nấng cha mẹ, khiến mọi vật sinh vui. Xa thì khai mở tâm Bồ-đề để dẫn dắt thần thức”.

Ngài Tăng Bân lại bảo: “Ân ái là thứ giặc quan trọng, không thể xem thường, xem thường ân ái là việc khiến người thân quyến luyến mà đọa vào đường ác. chỉ có người trí vận dụng sức phương tiện, khéo léo chế ngự thì ngũ hầu người còn kẻ mất đều hướng về con đường tốt lành. Cần phải nghĩ đến lý xa để khiến có thành bền bờ, đâu thể dung tình đồng như gàn vậy ư?” Nghe vậy, Sư bèn cắt bỏ tình cảm u buồn nhỏ nhặt, đến ăn chút cháo.

Niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ nhất (499) thời Nam Tề, Sư có nhận lời thỉnh của quận Tỳ Lăng, các hàng Đạo tục cùng cả nhà, các hàng dị đạo cũng nhóm họp, Sư chấp pháp mở mang Phong du, Đạo tỏa khắp kinh thành. Cô vũ mọi người biết quay về, các hàng cân đai biết trở lại. Đến lúc nhà Lương lên ngôi, cũng rất khâm trọng kính lễ.

Niên hiệu Thiên Giám thứ hai (503) thời Nam Lương, Vua Võ Đế ban sắc thỉnh Sư vào ra các điện, ảnh hưởng mở mang, dần dần tán dương lợi ích. Hoàng Cao vội mời nghĩa tập, không hề chưa ban sắc mà Sư vào trước, sau đó mới hạ chiếu lệnh. Bảy giờ các bậc danh đức, mỗi người tự soạn luận Thành Thật nghĩa số. Sư bèn gom nhóm các kinh luận hợp soạn, có bốn mươi khoa, làm thành bốn mươi hai quyển. Không bao lâu đã nghiên cứu xong. Vua Võ Đế lại ban sắc ở tại chùa ba lần giảng nói, rộng mời các bậc nghĩa học sung bổ vào các Đường Vũ. Vua ban sắc truyền Chiếu, các thứ xe, bò, lại lực đều chuẩn bị đầy đủ.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ bảy (508) Vua Võ Đế ban chế văn chú giải Kinh Đại Phẩm. Các hàng Triều quý thỉnh Sư giảng giải. Sư cáo bệnh khước từ chẳng đến. Vua Võ Đế nói: “Đệ tử đã đang ở ngôi ngày nay, Pháp Sư là bậc Danh Đức hậu lai, lưu thông không chỗ nương tựa, không thể chẳng tự lực mà giảng nói?” Nhân đó mà Sư theo đến. Sau đó, Vua lại ban sách chiếu thi lễ thỉnh Sư làm Gia tăng. Tư cấp rất ưu đãi nòng hậu. Vua ban sắc Sư làm chủ chùa Quang Trạch. Mở đầu lập ra Tăng chế, để làm khuôn phép cho đời sau. Hoàng thái tử lưu tình trong ngoài, chọn mời mười vị tăng vào nơi Hoàng Phố. Trải qua hai mùa hạ chẳng ngừng giảng kinh mà cũng huyền đàm ngoài văn. Sư ở địa vị Thượng thủ, riêng thêm cúng thí. Từ các bậc Vương Hầu cho đến những người giàu sang vinh hiển. Không ai chẳng khâm phục kính trọng. Còn như đối với các việc tốt xấu vui buồn, Sư chẳng hề tránh né thời tiết nóng lạnh. Người đương thời gọi đó là giao du hào hiệp, nhưng Sư vẫn liền hoằng pháp, chẳng vì lời nói ấy mà Sư lo toan.

Trung Thư Lang Thuận Dương Phạm Chân soạn “Thần Diệt Luận”. Các hàng quan liêu chưa hiểu rõ lý ấy, nên trước tiên đem tấu trình, Vua Võ Đế

ban sắc bảo Sư giảng giải luận ấy để tuyên bày cho các hàng Thần hạ. Sư bèn bảo khắp cùng các hàng triều sĩ viết chép luận ấy. Lời văn tuy khác lạ mà lý nghĩa thông thường. Sư lại cùng Thiệu phó thẩm ước viết rằng: “Chúa thượng bảo xét Thần Diệt Luận, nay khiến cùng trình. Phàm Thần diệu vắng lặng, có thể biết mà không thể nói. Nghĩa kinh hợp mà chưa rõ, lý đã đến sáng mà còn mịt mờ, bậc chí nhân thì bất động chiếu soi, vốn có theo Đạo, đến cơ thì rũ xét. Thần hạ thì chỉ huấn kín khắp. Cúng tế hiếu hưởng đã rõ ràng. Có tâm kính mến Tăng sử, lời của ba đời lại mở mang. Trụ trong tình của Ba-luân. Dụ chẳng là cây cỏ, ai chẳng thở than, đồng nén đi phong du; cùng thêm mở mang khen ngợi”. Thẩm Ước đáp rằng: “Thần vốn chẳng diệt, là việc đáng theo. Bàn nói về Thần diệt, khéo dụng kinh sợ. Gần Ước Pháp Sư, trong điện cũng được sắc đáp một bản, vui mừng nhận lấy cùng kính tìm xem quên cả nhọc mệt. Đâu nhọc nếp phục ngoại đạo ấy để lia hẳn các thứ ma. Không Giáo, Thính Giáo đều mở mang ở đó. thật là Hoàng chỉ chẳng khác, thuyền bè của tram đời. Đệ tử cũng ngay nơi luận ấy hơi để chút nghi xét, so sánh triển bày đầy đủ để tâu trình”.

Đến khoảng cuối niên hiệu Thiên Giám (520) Sư muốn đền đáp ân của Thích chủ, nên đền trong làng Đồng Hạ thuộc huyện Mạt Lăng xây dựng một ngôi chùa. Vua Võ Đế ban sắc cho rằng Pháp Sư xây dựng chùa, có thể lấy tên của Pháp sư để đặt hiệu. tức là núi ở phía Tây của Thiên Cương. Giao quách nội địa, thật cao ráo sáng sủa, xây nhà chót vót trên đỉnh núi, xoay mặt hướng Bắc thành thị, là nơi khe suối ẩn non, nơi tận cùng hoang dã. Suốt ngày Sư luận bàn, không hề nghỉ bỏ. Đến những năm gần cuối niên hiệu Thiên giám (520), nước Phù Nam đem đến dâng tặng ba Bộ Kinh. Vua Võ Đế ban sắc cho Sư phiên dịch. Sư quyết trạch rõ ràng ngôn ngữ Hoa Phạm, đều lý sáng ý bày, tương trạng như đích thân vâng thừa. Vua sao chép các kinh Phương Đẳng, soạn tập Pháp thức thọ giới Bồ-tát, xây dựng đạo tràng Đẳng giác. Thịnh Pháp Sư Tuệ ước chùa Thảo Đường làm Trí Giả, đích thân nhà vua cầu thọ Đại giới để tự trang nghiêm. Từ đó về sau, các hàng Vương hầu Triều sĩ Pháp tục khắp thành đô hoặc có người tuổi tác lớn hơn Trí Giả, đều kính vọng Đạo phong bao la, đến thưa hỏi Pháp thức thọ giới. Sư bảo: “Giới Ước là một, trước đã đồng bẩm, nay lại lãnh thọ, thật không điều gì khác”. Có lúc như thú hướng, cố chấp ở đó. Vua nhiều lần khuyên giúp, thường nói bày dẫn dụ thêm. Sư bảo rằng: “Trước tiên phải phát nguyện, nếu được tương ưng, sau mới thọ”. Ý ngài muốn tâm Bồ-đề trong ngoài khắp đủ. Bỏ những gì ngoài mình để thí cho chúng sinh. Mở thông điện Quang Hoa ở vườn Hoa Lâm, thiết lập Đại hội cúng dường ngàn vị tăng, phân các vật ấy thành năm thứ công đức. Thượng Đế tùy hỷ cảnh phạm theo thời, vàng ngọc

sáng chói, trăm khí chan hòa, các thứ kỹ nhạc rất nhiều, người trông xem nghiêng thành, không ai chẳng khen ngợi.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ sáu (525) Vua Võ Đế ban sắc Sư làm Đại Tăng Chánh, thiết lễ Đại hội cúng dường ngàn vị tăng tại chùa Đồng Thái, rộng chiêu tập các vị Tri Sự và các bậc học hạnh Cao Tăng ở các chùa, yết-ma bái trao đặt vị Vũ Nghi. Mọi người thấy nghe điều chưa từng thấy nghe, được điều chưa từng có. Từ đó về sau, Sư bị bệnh đã tới lúc nặng, nhưng việc giảng nói không hề phế bỏ. Mãi đến lúc phải nâng đỡ Sư lên pháp tòa, quá tệ hại. Sư 652 mới thôi nghỉ. Đến lúc Vua Võ Đế đến chùa Đồng Thái, giảng kinh Đại Niết-bàn, ban sắc khiêng kiệu đưa Sư lên điện, dựa ghế nghe giảng. Mãi đến lúc chịu tang cha, cơn bệnh càng dữ dội và đến lúc Đại tiệm. Đến đầu đêm hai mươi bảy tháng ba niên hiệu Đại Thông thứ ba (529) Sư thị tịch tại phòng Sư ở, thọ sáu mươi ba tuổi. Cả hai cung đều kính tiếc, vì thế mà khóc gào thảm thiết. Vua Võ Đế ban cấp Đông Viên Bí Khí, tất cả mọi việc trong lễ tang đều do Vương phủ cung cấp. Vua lại ban sắc bảo an táng Sư bên cạnh chùa Định Lâm. Thái tử Trung thứ Lang Da Vương Quân soạn Minh Chí. Đệ tử Chu Trường Dân, v.v.. có sự luyện mộ như con, lập hai văn bia dựng ở tháp mộ. Tương Đông Vương Tiêu Dịch mỗi mỗi đều vì soạn Văn.

Ban đầu, ở tuổi vừa thọ giới Sa-di, Sư rất chuộng kinh thuật. Đối với Kinh Diệu Pháp liên hoa, Sư nghiên cùng tinh yếu, có lắm suy tư. Phẩm chương lý nghĩa đầu cuối xét xem, rồi mới đến u nham, giảng nói kinh ấy. Chất đá làm người, nghe bẻ lá thông làm phát, tự xưng tự dẫn, gồm thông khó hiểu. Do đó vang danh ở thời Nam Lương, thật chứa nhóm học rộng, mà Văn Số điều điệp, trước sau nhiều sáng rõ. Cuối cùng y cứ giảng tụng có nhiều cản trở công phu. Sư từng ở tại một ngôi chùa giảng nói kinh ấy. Bồng chiêu cảm hoa trời hình dạng như tuyết bay khắp giữa hư không rải xuống trong giảng đường rồi bay bồng lên giữa hư không chẳng rơi rớt, mãi đến lúc giảng xong mới tan đi.

Có Thần Tăng Bảo Chí là bậc đạo vượt phương ngoại, ít người có được cảm tình, nhưng đối với Sư thì kính mến lẫn nhau, gọi Ngài là “Đại Lâm Pháp Sư”, từng đến chỗ Sư dừng ở qua đêm, và nói là muốn hiểu Sư tử hống, xin Pháp Sư nói cho nghe!” Sư liền vì phân chiết. Ngài Bảo Chí bèn búng ngón tay ngợi khen rằng: “Lành thay! Vi diệu, vi diệu!” Nghi Đồng Trần Quận Viên Ngang nói rằng: “Có vị Tăng thường cúng dường, cầu học kinh Pháp Hoa với Sư. Bồng mộng thấy có vị tăng lạ bảo rằng: “Ở thời đức Phật Đấng Minh, Pháp sư Pháp Vân đã từng giảng kinh ấy, đâu thể đối địch”. Mỗi lúc Sư giảng giải, người đưa các thứ tiền vật, cầu xin tụng kinh, thì có được lắm điều điềm ứng, Và được mộng lành như đã có nói”. Có người đánh cá ở

huyện Di Lăng nhặt được quyển kinh trong mủng lưới, đó là phẩm Tứ Tướng Niết-bàn. Và ở cuối quyển đề là “Niên hiệu Nguyên Huy thứ hai (bốn trăm bảy mươi bốn) thời Tiên Tông, Vương Bảo Thắng kính tạo dâng lên Pháp Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch”. Dem việc ấy để so sánh thì lúc ấy Sư chỉ mới mười tuổi. Tiếng tăm chưa vang xa, và không nghe biết chùa Quang Trạch, mà Phẩm kinh ấy là phép tắc chân chánh, ban đầu ghi là “Hoàng Pháp dần dần bỏ cá thịt”. Nghiệm xét ý hạnh hiện nay rất phù hợp. Sư có cơ thân biến hóa, mọi người chẳng dám đua tranh sánh ví. Sư có được điều ấy, càng thêm mở mang giảng nói.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tuệ Trừng trụ chùa Tùy Hỷ ở Nam Hải

Thích Tuệ Trừng, họ Lan, người ở xứ Cao Yêu thuộc Phiên Ngung, năm mươi bốn tuổi, Sư xuất gia, nương tựa Hoà-thượng Đạo Đạt ở chùa Tùy Hỷ. Tánh Sư trong sáng khổ tiết, giữ vững trai giới, với các thứ cá thịt tanh nồng, trọn đời Sư chẳng hề gần gũi.

Vào cuối thời Nam Tề, trăm thứ đều thôi nghi, Sư đóng cửa lễ Phật tụng kinh, chẳng tu học rộng, đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương, Sư mở trường học. Các hàng tăng tục ưa thích mong cầu đều đạt như chí nguyện. Sư ôm giữ nguyện vọng, lấy ngày làm năm. Giữa thời thế vừa mới mở mang, đường đi về hướng Nam còn bị tắt nghẽn. Sư mang vác hàm sách lần lữa muốn đi mà chưa cất bước. Và còn bè bạn can ngăn, bảo Sư rằng: “Sao chẳng chuẩn bị tư lương mọi vật, đợi đường sá mở thông rồi hãy đi, mà vội vàng để sinh ra lo khổ như vậy?” Sư bảo: “Vinh hoa mọi vật đâu có liên quan gì, ngày tháng như điện chớp, thời gian đâu đợi chờ con người?” Từ đó, Sư dò hỏi đường sá gởi gắm, bèn đến kinh thất, dừng nghỉ tại chùa Trang Nghiêm và nương tựa Pháp sư Tăng Mân, ngòi thẳng mặt hướng về phía Bắc. Sư chuyên cần khổ tiết, buông màn chuyên nghiên cứu một việc, vừa kinh vừa luật, hoặc số hoặc luận, trong thời gian hơn mười năm câu thúc sâu xa, tìm câu bí ẩn, Sư còn giấu vết dưới chiếu mà tiếng tăm đã vang vọng ngày một xa. Quê Dương Vương Tiêu Tương, nghe Đạo phong của Sư mà khâm phục mừng vui, thỉnh Sư đến nhà, đánh lễ quy y, cầu xin giảng nói. Gần gũi tự hưởng tốt lành, bèn khiến xa gần đều tìm đến người nghe văn vẻ rõ ràng. Sau, Quê Dương ra trấn giữ Nam Nhạc, thỉnh Sư cùng đi. Các hàng Đạo tục khắp vùng Tiêu Tương càng thêm quy y kính ngưỡng. Pháp tịch thường luôn hưng thịnh, Sư khéo léo dẫn dụ, quên cả mỗi mệ.

Ngài trái nghịch với Bà con đã lâu năm, thề tạm định tỉnh, mà bốn chúng ở Phiên Ngung, hướng trông Đạo phong kính trọng đức hạnh của Sư, thường đến muôn thỉnh, mỗi năm càng gấp bội. Nên đến niên hiệu Phổ Thông thứ tư

(523). Sư theo Sứ đi ngược lại phương Nam, giữa đường gặp phải nguy ách hiểm trở, Sư vốn tình chẳng sợ, ăn gặp khách đói, Sư nghiêng bát mà ban thí. Mọi người trong thuyền bày biện, Sư chẳng chịu nhận lại. Như thấy người đon bạc thì Sư cởi áo ban cho. Khi đến Nam Hải, Sư dừng ở tại chùa Tùy Hỷ. Bầy chúng đua nhau tìm đến nhóm họp đông đảo như rừng, hken ngợi câu thỉnh pháp thí, nhưng Sư vẫn thường lụy tích. Sư lý dụ tinh vi, cạn sâu đều không ẩn giấu. Các hàng tân học, cựu học trông mong như cỏ nép mình. Sư ở tại đó suốt năm năm, nói pháp lợi sinh không hạn lượng. Chua kịp trở lại đô thành thì Sư đã bị bệnh mà thị tịch, thọ năm mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Đại Thông thứ nhất (527).

Bây giờ, lại có các Sa-môn Tuệ Lãng, Tuệ Lược, Pháp Sinh, Tuệ Võ, v.v.. đều là những vị nương tựa thọ học với Pháp Sư Tăng Mân. Tuy thông hiểu rộng các bộ mà đều chỉ lấy Luận Thành Thật làm chuyên danh. Sư Tuệ Lãng an bản ham học, thông hiểu rộng rãi, trải qua thời gian lâu dài đáng là bậc Sư Tượng khéo giỏi việc truyền thuật. Ngài Tuệ Lược thông minh tuấn tú, tuyên giảng có khuôn phép, riêng từng điều phẩm, rất được khen ngợi tán thưởng. Ngài Pháp sinh tìm hỏi Di Văn, rộng bày kinh luận, giải thích chỗ sâu kín, lợi vật rất đặc thù. Ngài Tuệ Võ giải thích văn nghĩa, tinh lược chỗ rườm rà, tuyên lưu những điều chưa rộng rãi, hương thơm, trong lá. Năm ngoài ba mươi tuổi Sư thị tịch.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Pháp Linh trụ chùa Thương Định Lâm ở Chung Sơn

Thích Pháp Linh, họ Đông, không rõ Sư là người xứ nào. Gia đình gặp phải biến họa trong thế sự, nhân đó dời đến ngụ tại Kiến Khương.

Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, trụ chùa Định Lâm thượng, lập chí khí tiết tháo trong trắng bền bỉ, khiêm hòa ít muốn. Sư xem rộng các kinh luận có lắm điều thông đạt, rất giỏi các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, Tiểu Phẩm, tinh thông Pháp Hoa Tỳ-đàm tâm luận. Sư lên pháp toà Sư tử, phát ngôn biện giải không sợ hãi. Trước tiên Sư nêu bày cương yếu, kể đến khai dẫn nguồn mạch điều lưu, nói năng tuy ước lược mà ý chỉ sâu sắc, tiếng tăm vang dội khắp kinh học. Sư lại khéo tu thiền định để dứt mọi phan duyên. Chỉ khổ nỗi thường bị bệnh tật, nên Sư chóng bỏ sự nghiệp giảng dạy. Sư tự trách mình do đời trước chấp tướng Phân biệt dẫn đến tạo nên những điều trái nghịch tai hại nên nay phải chịu sự ương trái. Nhân đó, Sư trì tụng một bộ kinh Đại phẩm để dứt hết mọi bít nghẽn, thanh tịnh điều hòa, tùy theo Phạm hạnh. Suốt ba mươi năm, chân Sư chẳng bước xuống núi, không ăn các thứ có mùi

vị tanh nồng, thân mặc áo vải xấu trợn đời. Đến niên hiệu Thiên Giám thứ năm (506) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Định Lâm thượng cũng có các Sa-môn Tuệ Thái, Tuệ Toàn đều là những bậc nổi tiếng về Thông học. Ngài Tuệ Thái tự khắc kỷ tu thân, dốc chí siêng năng về thiền trí, giỏi về nói bàn, truyền đạt. Ngài Tuệ Toàn tâm tánh trắng trong, chẳng cần cung phụng hình hài. Trình thật có tâm trong trắng, có khí tháo của bậc Quốc Sĩ.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn

Thích Trí Tạng, họ Cố, vốn tên là Tịnh Tạng. Người xứ ở Quận Ngô, là con cháu đời thứ tám của Ngô Thiếu Phó Diệu. Cao Tổ của Sư là Bành niên làm Tư Nông Khanh, Tăng Tổ của Sư là Thuần, làm Tiền Đường lệnh. Ông nội của Sư là Diêu Chi làm Viên Ngoại Lang, cha của Sư là Ánh. Vâng phụng triều đình, đã mất sớm, mẹ của Sư có lần mộng thấy nhiều quanh Ngô thành một vòng, mây mù phủ khắp bốn phía mà giữa khoảng trời trong sáng tỏ, các vì sao rơi rụng dưới đất, bèn bốc lấy mà nuốt, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sinh Sư, tuy bé nhỏ mà Sư thông minh, thường có tâm nhường nhịn. Từ mọi sự ăn mặc cho đến cung cách oai nghi đều như hoa mới nở. Sư luôn nhường trước mà ở chỗ sau cùng. Do đó tiếng tăm Sư vang vọng nên khắp xóm làng đều kính mến và quý chuộng. Năm mười sáu tuổi, Sư xuất gia, thuộc đời Vua Minh Đế (Lưu Úc (465-473) thời tiền Tống).

Niên hiệu Thái Sơ thứ sáu, Vua ban sắc cho Sư trụ tại chùa Hưng Hoàng, phụng thờ các Sa môn Tăng Viễn, Tăng Hựu chùa Định Lâm thượng, sa-môn Hoàng Tông ở chùa Thiên An làm thầy, danh đức các Sa môn ấy đã nêu như các truyện trước. Sư nương tựa bảm thọ mọi sự chỉ dạy trong khuôn phép, kính nghĩa cao lớn. Thầy Sư từng có lúc bị bệnh rất nặng không ăn uống nhiều ngày, Sư cũng theo thế đợi đến lúc thầy ăn uống trở lại Sư mới ăn uống. Từ đó, Sư giữ vững giới đức, học nghiệp thông suốt sâu sắc.

Thời bấy giờ, có hai pháp sư Tăng Nhu, Tăng Thứ là những bậc huyền tông ở đời. Ban đầu, Sư tìm đến theo học, được chỉ dạy kinh luận, biện chung tinh lý. Đến lúc các vị ấy mở hội dịch luận pháp, chẳng thể vượt qua được bên bờ của Sư. Sư thông hiểu như thần. Mỗi lúc nghe trình bày Vi ngôn, Sư liền dự phần so sánh dấu vết, không gì chẳng chiết phục. Do đó, hai Pháp sư ấy đều khen ngợi, bởi vì chẳng bì kịp Sư. Tê Thái úy Văn Hiến Vương Công rất lấy làm khâm phục nể trọng, bèn thỉnh Sư an cư, thường than trách là được gặp quá muộn!

Thái Tể Văn Tuyên Vương kiếp lập chánh điển để tiếp nối làm ngôi sáng Đạo Phật, sắp giảng Kinh Tịnh Danh, cùng chọn lựa các bậc Thượng Thủ, bèn thỉnh được hơn hai mươi vị tăng tinh thông giảng giải. Thăm dò, tìm kiếm mới tìm được Tạng. Sư tuổi tác trẻ nhỏ nên dự ở cuối tòa. Sư tuyên dương truyền thuật nghĩa lý, không ai cân nhắc chống kháng, nên các hàng đạo tục tự nhiên càng thêm tôn sùng kính trọng. Vốn trước đó, có Pháp Sư Thận ở Cối kê, chỉ muốn tuyên thông pháp mầu bèn thỉnh văn tuyên, tìm cầu giảng Tượng, vì tiếng tăm Sư vang vọng khắp cùng, thêm thuộc quyền thuộc, bèn lưu liên Cối kê trải qua nhiều năm tháng, lại ứng theo cô xúy nhiều người học. Chỉ vì luật bộ chưa tinh thông nên lại tìm đến chốn kinh kỳ. Đức tin đồng như thí dụ chiếc bình, dường như truyền đăng, không bao lâu Sư đã thấu suốt luật Thập tụng và nghiên cùng các Bộ. Cuối cùng trở lại Quận Ngô, Đạo vung khắp sinh địa, người học mang lương thực tìm theo chẳng ít.

Đến niên hiệu Vĩnh Nguyên thứ hai (500) thời Nam Tề, Sư lại đến Võ Đột, ở tại núi Pháp Hoa, nhóm họp chúng mà mở mang sự nghiệp giáo hóa. Đến lúc đức nhà Tề sắp suy sụp, Vương thất có lắm nhiều loạn. Khắp trong nước đã đóng bế kinh tịch, đạo bị bỏ phế, Sư nhiều lần nêu cao, muốn suốt đời ở tại Võ Đột. Mãi đến lúc nhà Lương thay đổi mở mang Chánh Pháp. Hoàng hoa tiếp đến, Sư bèn đi tới chốn kinh đô, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) xuống kính lễ vâng tu. Những người giàu sang vinh hiển, không ai chẳng cung kính. Bấy giờ, gặp lúc Thánh Tăng Bảo Chí thị tịch, an táng tại Chung Sơn, phía trước phần mộ xây dựng tháp báu. Chùa ở đó tên là Khai Thiện. Vua bèn ban sắc mời Sư ở đó. Trước kia, lúc chưa thọ giới cụ túc, Sư có gặp ngài Bảo Chí tại chùa Định Lâm thượng, bèn suy cử Sư ở trước. Ngài duỗi bày sự sùng kính, nhận biết đức vọng có chỗ quy về, thấy trước sự kết quy tốt lành.

Bấy giờ, Vua Võ Đế rất tôn kính Phật giáo, khắp nơi trong cung Sư ra vào tự nhiên. Vua bảo một người mang cánh cửa chắn mặt phía Nam trong vực, bàn bạc cho rằng Pháp của vua ngôi chỉ là chỗ lên của Thiên tử, các Sa-môn không thể xen dự vào. Sư nghe thế tự nhiên đổi sắc mặt, liền vào Kim môn đến nơi Chánh điện. Ngồi xôm trên pháp tòa, cất tiếng bảo rằng: “Bản đạo xưa kia là Ngô trung Cố Lang cùng chẳng tui thẹn giường Vua, huống gì mới lập lại Định Quang Kinh luân Thích Tử, nếu đàn việt muốn giết bản đạo thì nên giết ngay. Chẳng sợ không có chỗ thọ sinh. Nếu giao ở phương trên hay trong tù ngục, chẳng chướng ngại hành đạo!” Sư liền rũ áo đứng dậy. Vua bèn bỏ sắc lệnh mà vâng theo pháp tắc trước. Sư lược qua Thiên tử, đề cao Phật giáo đều đại loại như vậy.

Có Bà lão miền quê, giỏi đoán tướng người, nói với Sư rằng: “Pháp sư thông minh tài biện giỏi nhất trên đời, khắp trong nước đều biết tiếng, nhưng thọ

mạng không lâu dài, chỉ có thể sống đến năm ba mươi mốt tuổi thôi!” Năm đó, Sư đã hai mươi chín tuổi nghe lời nói ấy, Sư liền bỏ mọi việc giảng giải, dốc hết tinh thần tấn tu đạo nghiệp, phát thệ nguyện lớn, chân chẳng bước ra khỏi cửa. Và Sư xét tìm trong Kinh tạng, bèn có được Kinh Kim cương Bát-nhã. Sư thọ trì đọc tụng, dốc chí phụng hành. Đến chiều hôm cuối năm nguy ách, Sư dùng nước ấm thơm tắm gội, trang nghiêm tịnh thất để chờ đợi sự chết đến. Bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Này người Thiện Nam! Ông qua tuổi ba mươi mốt, đó là thời kỳ bảo tận. Nhưng do năng lực của Kinh Kim Cương Bát-nhã, nên tuổi thọ được kéo dài gấp bội!” Sau đó, Sư ra khỏi núi, thử đến chỗ Bà lão đoán tướng trước kia. Bà lão ấy kinh hãi bật dậy hỏi rằng: “Do nhân gì mà ông sống ở đời vậy? Trước kia thấy tướng mạng sống ngắn ngủi, nay hoàn toàn không còn nữa. Đối với Sa-môn tôi thật không thể đoán biết tướng!” Sư hỏi: “Vậy nay tướng thọ mạng tôi đến bao nhiêu?” Bà lão đáp: “Xem hình dung sắc tướng cốt pháp của Ngài thì tuổi thọ sẽ ngoài sáu mươi”. Sư bảo: “Người năm mươi tuổi biết được mạng đã chẳng phải là yếu, hưởng gì quá hơn như thế!” Sư bèn đem nguyện do nhân duyên mà nói cho Bà lão nghe, và cả hai người cùng mừng vui. Và sau này đến lúc Sư tịch, quả đúng như lời Bà lão đoán tướng nói. Do đó, các hàng đạo tục khắp xứ giang tả đua nhau trì tụng kinh ấy và có lắm điều ứng nghiệm, mãi cho đến ngày nay có những sáng tỏ lớn, thường kết cảm thông.

Đến niên hiệu Đại Đồng (535-547) vì vua Võ Đế kính trọng Tam Bảo. Danh lợi làm động hoạn mờ tối tâm, các hàng kiêu căng, tình tứ hạ đạt, tăng chính hiền cương không thi hành qua cửa. Vua Võ Đế muốn nắm lấy Tăng Quan, đảm nhận giềng mối Pháp lữ. Ban sắc chủ thư, cho phép đặt tên các danh thự. Bảy giờ các bậc thanh triết, không một ai dám chống đối, đều nép mình ném bút. Sau, sắc sớ đưa tới Sư. Sư liền cầm bút chẹt ngang đó viết rằng: “Phật Pháp như biển lớn, người phạm tục chẳng nhận biết được. Vua đọc xem đó mà không hề để ý. Đó cũng là sơ lược muôn thừa một người ở cuối đời, mà ý vua càng mạnh”. Sự việc sắp được thi hành ở đời, tuy Sư sau chưa đồng ý mà sắc chiếu của Vua đã ban trải khắp nơi. Về sau thiết bày đại hội ở điện Hoa Quang, Chư tăng tụ hội rất đông, sau đó Sư mới đến. Vua Võ Đế bảo rằng: “Xét thấy tăng ni phần nhiều chưa tụng tập. Hàng Bạch y làm Tăng Chánh chưa hiểu rõ khoa điều, nếu dùng pháp luật thế tục mà sửa trị thì thương tổn quá nặng. Đệ tử nhân ngày rảnh rỗi, muốn tự làm Bạch y Tăng Chánh, cũng y theo luật mà lập Pháp. Đây tuy là việc của Pháp sư, nhưng Đức Phật cũng lại phó chúc cho các hàng Quốc Vương. Từ trước đến giờ bàn luận với chư Tăng, mọi người đều nói là không khác, còn ý chỉ của Pháp Sư thì thế nào?” Sư bảo: “Bệ hạ muốn tham dự vào tăng sự, thật là làm

người sáng tỏ Chánh Pháp. Chỉ vì tăng ni thường chẳng y cứ theo luật. Nên cúi mong Bệ hạ rủ lòng từ khoan thứ việc ấy làm sau!” Vua Võ Đế bảo: “Ý này Đệ tử đâu muốn làm khổ chúng tăng, chính vì tục ngu quá trọng, nên tự có thể y cứ luật mà xét định. Pháp sư bảo nên khoan thứ, ý ấy là thế nào? Sư đáp: “Bệ hạ thật muốn bỏ nặng theo nhẹ, chỉ vì chúng tăng trong thời mạt pháp phần nhiều đều chẳng sống đúng như luật. Nên dám xin khoan thứ!” Vua Võ Đế hỏi: “Xin hỏi Chư tăng Phạm tội, với Phật Pháp có nên sửa trị hay không?” Sư đáp: “Trộm dùng lý Phật sâu xa, giáo có thay đổi”. Ý Sư cho rằng vừa sửa trị vừa chẳng sửa trị. Vua Võ Đế bảo: “Chỉ thấy phó chúc cho các hàng Quốc vương sửa trị. Nơi nào có thuyết chẳng sửa trị ư?” Sư đáp: “Điều-đạt quen thân là việc ấy. Đức Như Lai đặt để đó chẳng sửa trị!” Vua bảo: “Ý Pháp Sư cho rằng Điều-đạt là người thế nào?” Sư đáp: “Điều-đạt mới thật chẳng thể lường biết, hễ nêu bày góc tích thì chính là chánh muốn hiển bày giáo. Nếu không thể trị thì bậc Thánh sao dung thứ nêu bày? Còn nêu một bề sửa trị thì chúng tăng chẳng lập, và một bề chẳng sửa trị thì cũng chẳng lập”. Vua Võ Đế đổi sắc mặt tìm bảo đình chỉ sắc chiếu ban trước. Chư Tăng chấn động lo sợ cùng dẫn nhau đến thưa hỏi. Vua Võ Đế bảo: “Pháp Sư Trí Tạng là người có tâm lượng Đại Trọng Phu. Nghĩa là với điều phải thì nói phải, với việc sai thì nói sai, từ ngữ rất rộng. Chẳng thể dùng hình mạng mà làm lụy nhau. Còn các Pháp sư chẳng phải là bậc Trọng Phu, ý thật chẳng đồng, lời thì không khác. Vừa rồi đệ tử tranh cãi dữ dội với Pháp Sư Trí Tạng mà các Pháp Sư vẫn im lặng, không thấy vị nào giúp đỡ, đó há chẳng phải là ý bất đồng ư?” Sự việc ấy bèn được đình bỏ.

Sư ra bảo với đồ chúng tùy thuộc rằng: “Quốc Vương muốn đem Phật Pháp làm trách nhiệm của mình. Đó thật là sự dụng tâm của bậc Đại sĩ. Nhưng áo mào một nhà, con em có đến hàng chục người, chưa chắc đã vừa ý. Huống gì tăng chúng khắp năm phương lẫn lộn hỗn tạp chưa dễ dàng biện minh. Chính là cần phải bỏ cái rất rộng lớn ấy. Và lại, giới luật của Đức Như Lai truyền bá ở Thế gian. Nếu vâng dùng đầy đủ cương lý thì Tăng chánh chỉ không ích lợi mà còn tổn hại rất lắm. Thường muốn khuyên bảo bãi bỏ việc ấy, đâu có tán thành”. Hoặc có người nói: “Lý cùng cực như thế, đáng là khoan thứ muôn thừa, làm sao có thể dờn đổi được?” Sư cười đáp: “Đó thật là đáng sợ, chỉ vì tôi tuổi già, dù cho phải mang tội ý chỉ a dua cũng chẳng thể sống hoài. Nhưng việc chết vốn là việc chẳng tiếc, nên an bài việc ấy”. Về sau, Pháp sư Pháp vân nói với chúng tăng rằng: “Nhà vua đối với nghĩa lý chưa thể thấu hiểu sự việc trong một ngày thật đáng thẹn phục vậy!”

Sau đó, không lâu, Vua Võ Đế ban sắc thỉnh mời Sư đến chùa Bành Thành, giảng Luận Thành Thật. Thính chúng có hơn ngàn vị, đều là những bậc giỏi giảng một thời, Học Quán rất vinh hạnh. Vua lại ban sắc thỉnh Sư đến Điện

Tuệ Luân, giảng Kinh Bát-nhã. Vua ban sắc riêng cho ba mươi vị Đại đức cùng dự tòa. Ngài khai mở giải thích phát thú, mỗi vị có sự thanh bạch cao trội đều được soạn ký riêng, phỏng sau truyền tập.

Đến mùa Xuân niên hiệu Thiên giám cuối cùng (520) Sư xả thân Đại sám, mời nhóm các hàng Đạo tục, đều tự giảng Kinh Kim Cương Bát-nhã, lấy làm sự sám hối cùng cực. Sư chỉ giữ lại y bát, ngoài ra đều xả thí hết không để lại vật gì. Trần Quận tạ Cơ Khanh chỉ vào nơi treo y tượng mà nói đùa rằng: “Còn giữ lại một vật này là còn có ý gì ư?” Sư đáp: “Thân còn chưa hoại diệt, ý làm sao mất hết được? và vẫn có tâm mến chuộng chôn tĩnh lặng, gá ý nơi núi rừng!” Rồi ngài bèn trở về ở chùa Khai Thiện, nhân đó chẳng màng đến việc đời. Hoặc có lúc Vua ban sắc chiếu thỉnh, Sư bèn dâng trình khải Văn khước từ rằng: “Thử trước đoái hoài sự tĩnh tâm lâm hoặc chẳng điều. Muốn nương một lời Phật dạy ở nơi không nhàn tự chế phục, theo duyên hơn hai mươi năm, còn lúc tuổi trẻ nên có thể nâng đầy đuổi gạt. Nay đã già bệnh, thân tâm đều suy giảm. Nếu lại thôi lười một mảy may đều chẳng kham với tự khoá. Nên nguyện nói chỗ tĩnh lặng, ít tự ồn ào, chẳng phải dám ngạo đời cầu danh, chẳng phải muốn theo nhàn tự đối. Đó là tình gần của người thường, sợ đã bức bách đường trước!” Vua lại ban sắc viết tay khuyên dụ rằng: “Cầu không tự nhàn, nương không vào tuệ, ẩn cao dưỡng thần thật là thẳng lạc, chẳng trái với ba Thừa, cũng là tùy hỷ. Chỉ riêng khoảnh khắc này có thể không buồn bã. Đường khúc khi tặng lời được người xưa quý trọng. Như khuyên Pháp sư thực hành Tâm vô ngại, lấy Đại Bi làm đầu, phương tiện làm lợi ích. Tùy thời dùng xả, không nên chóng dứt. Vì tâm cách ngại mà thực hành đạo Bồ-tát thì không có việc ấy!” Vua ban sắc qua lại nhiều lần và dài lâu, nhưng Sư vẫn giữ tiết tháo không sửa đổi.

Vua Võ Đế sắp thọ giới Bồ-tát, ban sắc Tăng chánh điệp cho các vị Lão túc đức vọng. Bấy giờ Siêu Chánh lược điệp cho ba vị Pháp Thâm, Tuệ Ước và Trí Tạng, mà ý vua là đặt trọng nơi Sư. và bèn chọn Sư. Hoàng Thái tử rất cùng kính tiếp, sắp đặt kính lễ của Bắc diện, cung kính đi đến xe Du từ động trống kèn, mở lối, giáng tôn hạ lễ đi đến bái yết, vâng theo quy giới, mãi vì Sư truyền. Vua Võ Đế lại thỉnh Sư giảng Kinh Đại-biết Bàn ở tại chùa, đích thân nhà vua đến ngồi trước màn, viên mạng thưa hỏi, Triều Hiền thời ngạn, Đạo tục đông đầy giảng đường. Pháp hội hưng thịnh như thế từ trước chưa từng thấy nghe. Lại nữa, ở tại Bắc Các, thỉnh Sư cùng đàm luận, mọi người đều ngợi khen rằng: “Gấp bội tham dự thẳng tịch, thật chưa từng có”. Sư vẫn mặc tình suy hư, thật hành bình đẳng, che khen chẳng động tâm, vinh lợi không liên can. Sư yên tọa không nhàn, nghị lực như ngọn núi đứng. Tuy thần ngự ngưng cách mà phong vận thanh cao. Sư ứng vật miệt mài nhưng

như chẳng đủ. Có thể gọi đó là vọng trông nghiêm trang tức đủ. Đó là sự biến hoá của Quân tử. Sư tự hiện ở chỗ núi non hiểm trở mà ẩn hình người đời. Lại ở phía ngoài chùa, Sư xây dựng riêng sáu ngôi nhà để tu hạnh Đầu-đà, đều sử dụng bằng các vật cở tranh dung-tất mà thôi. Hoàng Thái tử nghe thể nên đến xem, mỗi nơi đều có viết tặng thơ, sau đó trở về. Và ở cuối chương viết rằng: “Chẳng thể gọi là vui thích chơi bời!” Ý muốn đánh thức tâm người Sư kết tâm vượt ngoài thế tục, thường thực hành sám hối. Mỗi ngày sáu thời chí thành kính ngưỡng linh tướng. Miệng Sư thường nói: “Lý vị sâu mầu, nghĩ cạn châm chước tự ôm lấy nghi ngại, sợ trái với Thánh ý có nhiều hẹp hòi”. Nhân đó mà Sư tha thiết cung kính. Lệ từ đều phát. Sư thường ở qua đêm tại chùa Linh Diệu. Ban đêm thực hành dần dụng tâm, thấy có ánh sáng mầu vàng rờn soi chiếu, khắp phòng nhà đều tỏa sáng. Có người hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Sự kỳ diệu này chưa thể nói được”. Sáng hôm sau, Sư thị hiện bị bệnh cho đến lúc Đại tiêm. Vua Võ Đế và Trữ Quân Trung sử cùng trông ngóng. Bốn chúng Tăng tục suốt đêm ngày cùng tham hầu. Vua ban sắc thiết lập trai hội, tự tay soạn văn cầu nguyện. Và tiếp tục cung cấp thuốc thang, mà trời sao chẳng thay đổi, chỉ thêm chẳng bớt. Lúc sắp qua đời, ngôn từ nhan sắc Sư bình tĩnh, lời căn dặn chỉ chú trọng vào việc mở mang chánh Pháp. Đến ngày mười lăm tháng chín niên hiệu Phổ Thông thứ ba (522) Sư thị tịch tại phòng nơi chùa Sư ở, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Vua Võ Đế ban sắc an táng tại núi Độc Long, mọi người đến tiễn đưa đông đầy đường. Ban đồng đạo dựng lập bia, tại tháp mộ và ở trong chùa mỗi nơi có một văn bia. Tân An Thái Thú Tiêu Cơ soạn văn bia. Tương Đông Vương Dịch soạn thuật bài Minh. Thái tử trung thứ tử Trần Quận Ân quân dựng lập mộ chí.

Xưa, Sư thường mộng thấy Kim Túc Như Lai vào phòng thất cùng bàn nói mà trong tay cầm hai máy đàn, trong đó một bên là vật báu trang sức, và một bên là tơ trắng. Và để lại tơ trắng ấy cho Sư. Lại nữa, Trung Sĩ Lu Giang Hà Dận khi ở tại Hồ Khâu thuộc Quận Ngô gặp một vị Thần Tăng ôm một hòm sách bảo rằng: “có người gọi”. Nói xong chỉ khoảnh khắc liền biến mất. Đến lúc mở hòm sách ra xem đều chẳng biết văn từ trong đó viết điều gì. Sau đó mới đem hỏi một vị tăng đời Ngụy. Vị tăng ấy bảo: “Đó là hai trang khoảng giữa của Luận Đại Trang Nghiêm”. Người đương thời đều cho đó là chỗ đến của Sư. Lại nữa, tội của Lưu Hồn ở Bành Thành đáng phải bị giết chết. Khi đó, Sư đang cùng Vua Võ Đế ở tại nhà sau bàn luận về nghĩa bốn thứ bình đẳng. Bên ngoài tấu trình vào. Vua bảo: “Nay vì việc nước, chẳng được nói nghĩa Tứ Đẳng là tại sao?” Sư bảo: “Lời nói và việc làm phải nương căn cơ. nay có phát mà chẳng trúng. Mất ở người nào. Nêu nghĩa

của bốn thứ bình đẳng chẳng nhọc lập bày”. Vua bèn bỏ qua chẳng hỏi, cuối cùng vì thế mà Lưu Hồn được thoát khỏi. Nhà họ Lưu cũng chẳng hề hiểu biết nguyên do. Sư ngầm làm điều lợi ích cứu độ khắp cùng, có lắm việc như thế. Sư giảng các bộ kinh luận như Đại phẩm, Tiểu Phẩm, Niết-bàn, Bát-nhã, Pháp Hoa, Thập Địa, Kim Quang Minh, Thành Thật, Bách Luận, luận A-tỳ-đàm Tâm v.v.. mỗi tác phẩm đều có soạn nghĩa số lưu Hành ở đời.

---o0o---

QUYỂN 06

CHƯƠNG II - PHẦN 02: GIẢI NGHĨA

(Trong phần hai của Chương II, Chánh truyện có 21 vị, phụ có 16 vị)

- 1/- Tuyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu, Đại Tăng Chánh chùa Nam Giản đời Nam Lương.
- 2/- Truyện Sa-môn Trí Giả Thích Tuệ Ước, Quốc Sư chùa Thảo Đường thời Nam Lương
- 3/- Truyện Sa-môn Thích Đàm Loan trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích thuộc Hà Tây, thời Đông Ngụy.
- 4/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Thiệu trụ chùa Long Uyên ở Thục Quận, thời Nam Lương
- 5/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Kiểu trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê, thời Nam Lương
- 6/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Biện ở Lạc Dương, thời Nguyên Ngụy,(Đàm Vĩnh, Vong Danh)
- 7/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Đăng trụ chùa Báo Đức ở Hằng Châu, thời Bắc Ngụy
- 8/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Mật trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương
- 9/- Truyện Sa-môn Thích Đàm Chuẩn trụ chùa Tương cung ở Dương Đô, thời Nam Lương (Trí Thâm)
- 10/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Siêu trụ chùa Linh Cơ ở Dương Đô, thời Nam Lương (Tuệ An)
- 11/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Kiêu trụ chùa Long Quang ở Dương Đô, thời Nam Lương (Tuệ Sinh, Tăng Chính, Bảo Uyên, Tuệ Tế, Tuệ Thiệu)
- 12/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Khai trụ chùa Bành Thành ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đàm Tuấn, Tuệ Văn)

13/- Truyện Sa-môn Thích Minh Triệt trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô, thời Nam Lương

14/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Khai trụ chùa Tây ở Dư Hàng thời Nam Lương

15/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Tông trụ chùa Ngõa Quan ở Dương Đô, thời Nam Lương (Pháp Sưởng)

16/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Trinh trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ, thời Bắc Ngụy (Tăng Kiến, Tuệ Thông, Đạo Tịch)

17/- Truyện Sa-môn Thích Bảo Uyên trụ chùa La Thiên cung ở Ích Châu, thời Nam Lương (Pháp Văn, Pháp Độ, Pháp Hộ, Bồn Quyết).

18/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Tuân trụ chùa Trị Thành ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Toại, Đạo Tiêu)

19/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô, thời Nam Lương

20/- Truyện Sa-môn Thích Chân Ngọc trụ chùa Thiên Bình ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề

21/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiên, Đại Tăng Chánh ở Kinh châu, thời Hậu Lương.



01- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu; Đại Tăng Chánh ở chùa Nam Giản

Thích Tuệ Siêu, họ Liêm, người ở xứ Bình Dương, thuộc Quận Triệu. Lúc ở Trung Nguyên bị loạn lạc, gia đình Sư lánh nạn nên dời đến ở huyện Triệu Kha thuộc Chung Ly. Đêm mới sinh Sư có ánh sáng Thần soi chiếu khắp phòng nhà, còn bé mà Sư đã sống đơn giản ít muốn, đã có điềm tướng thành người.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nương Sa-môn Tuệ Thông chùa Kiến An ở huyện Lâm Truy. Ngài Tuệ Thông vốn không có nghiệp thuật, chỉ lập hạnh chất phác. Sư chỉ giữ tâm ngay thẳng thuận theo vâng kính không biếng trễ, ngoài thì lắng nghe các Pháp sư giảng dạy, trong chuyên tinh học nghiệp. Bấy giờ, gặp lúc mưa gió khó khăn, đường xá lầy lội nghẽn tắt, Sư chẳng vì thế mà từ nan. Thường ngụ tại tòa có một vị Phạm Tăng, bởi người không thể lường biết được nên vừa trông thấy. Liền ngợi khen Sư một cách lạ lùng rằng: “Người này (Tuệ Siêu) nếu chẳng làm bậc tài giỏi của năm chúng đệ tử

Phật thì sẽ làm Thứ sử trong tám châu!” Gần với điềm phát ánh sáng thần lúc mới sinh thật là khế hợp. Sư bèn tìm tòi nghiên cứu các bộ kinh cho đến Số luận, thấy đều thấu suốt nghĩa lý sâu mầu, sáng tỏ như xâu chuỗi có nhiều hạt.

Các bậc danh tăng ưu thắng nhóm họp rất đông khắp tòa. Sư lẳng xẵng nép phục, ung dung theo khuôn phép, nên sớm vì các hàng tăng tục mà đức nắn khuôn phép cao đẹp.

Sau, Sư vân du theo hướng Nam, đến Giang tả, dừng ở chùa Nam Giản. Sa-môn Tăng Tông trông thấy lấy làm vui thích, thọ nhận các kinh Lược Bàn v.v.. khai giá điều tự, lược thông đến chỗ sâu mầu. Ngài tham duyệt qua các Pháp sư, có lắm chỗ tham cứu liên quan, nhưng Sư chỉ lấy Kinh Vô Lượng Thọ làm gia nghiệp. Lại Bộ Tạ có khen ngợi Sư rằng: “Người này thật đáng bậc Quân tử!” Sư lại khéo sử dụng bài hài (lời hát phường chèo), rất có kỹ năng về lối chữ Thảo, chữ Lệ, kiêm tập rành Chu hứa, lại giỏi việc xem tướng.

Từ khi trang sử nhà Tề xếp lại, Nhà Nam Lương bắt đầu lên ngôi (502). Sư thị hiện bị bệnh ở Tân lâm, tình còn muốn cứu vớt chúng sinh đắm chìm, khoảng thời gian tín thứ, tiếng tăm Sư vang vọng khắp nơi. Bỗng nhiên có biệt sắc mới trao Sư chức Tăng Chánh. Sư trong tu giới đức, Sư oai nghi sáng sạch. Các hàng tăng chúng đều vâng thọ dạy răn. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban cấp truyền Chiếu, Xe Dê Cục túc Kiện bộ y phục v.v... cúng dường Sư. Từ lúc Thanh giáo tỏa khắp, năm bộ hiền chương đều ảnh hưởng phong hóa, Vua lấy nghĩa Bát-nhã làm chỗ y cứ của Chân Đế, riêng bảo Sư mở mang dẫn dắt, dò hỏi chất vấn, Sư bèn sắc biện giải như dòng chảy. Sư lại nhóm họp đồ chúng, giảng nghĩa tâm Bồ-đề. Những lúc rảnh rỗi bàn luận đến nửa đêm chưa nghỉ. Bỗng nhiên Sư thấy vị thiện thần có sức lực mạnh mẽ, thân tướng rất cao đẹp, nói với Sư rằng: “Sẽ nhóm họp những người cùng duyên cùng đến hưởng thọ!” Chẳng nói rõ tên tuổi, và ngay lúc ấy liền cáo từ. Đến sáng sớm, Sư lên giảng đường chợt trông thấy khắp tòa đều là những dung mạo xinh đẹp khác lạ, chẳng có ai biết. Đến lúc giảng xong thì tan. Sư có các gốc tích cảm kích khác lạ như thế.

Thêm nữa, tánh Sư rất ưa thích chốn núi non rất u tầm, tiếng tăm vang xa đến vài dặm. Người ở trong núi lấy làm lạ trông nhìn thì chỉ thấy thân Sư. Những người sông nghề săn bắn thấy đều bỏ nghề.

Vào niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, Vua Võ Đế thỉnh Sư làm Gia tăng, lễ hỏi rất đặc biệt. Ban đầu, giới điềm mới đến Đông Độ (Trung Hoa), người mỗi tự truyền thọ nên sự nhận biết có sự thiên chấp. Pháp mầu còn hữu lậu. Khi Vua Võ Đế lên ngôi bèn thêm cứu các kinh.

Viên đàn lại tạo văn nghĩa dẫn dắt. Các sự loại nhân quả từ đó được ghi chép sáng tỏ. Vua có ban chiếu bảo Sư thọ giới Bồ-tát. Sư bèn cung kính đánh lễ đúng như Pháp mà siêng năng tu tập. Vua Võ Đế lại thiết trai ở Tuyên thất, mộng thấy Sư siêng năng hành trì giới phẩm, đích thân vua ra mắt khen ngợi mừng vui. Bấy giờ, cùng thỉnh mời tốt đẹp, mà Sư bảo nhún nhường giấu lễ ưa thích tĩnh lặng dốc lòng chăm học. Theo Sư đến các nơi, chưa từng tỏ dáng vẻ vui buồn. Thêm nữa, thân Sư cao hơn tám thước, eo mang mười vi, ung dung cao bước, tiếng tăm vang vọng đương thời. Vua Võ Đế lại thỉnh Sư đến điện Tuệ Luân giảng Kinh Tịnh Danh, Vua đích thân đến nghe. Sau cùng mở tại chùa Trang Nghiêm, vườn nối liền với chùa Nam Giới, nhân đó xây dựng nhiều lớp phòng, như lân đuôi kip nhau. Gác cao to lớn, tuôn rải mây móc, đào thông ao ngọc bích để trồng sen nuôi cá, đắp tạo núi xanh để cho các loài chim nương ở. Bày trồng tre trúc cây trái khắp bốn phía tỏa bóng râm, cây chim đá thú giao nhau ngang dọc ra vào. Lại liệt bày trẻ nhỏ đứng hầu, xinh đẹp hơn Vương Hậu, phân quyết các tình. Bấy giờ, tiếng tăm Sư vang xa, Sư ở đó hơn hai mươi năm. Về sau, vì Lăng cốc cùng đời, tướng đời khó nương cậy. Do đó, Sư tự mở khởi, đóng cửa dưỡng tánh.

Đến ngày mười sáu tháng năm niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526), Sư thị tịch tại phòng Sư ở. Đường đi rơi lệ, người học đua nhau tìm đến. Mọi Tất cả mọi việc trong lễ tang đều xuất từ Thiên phủ. Môn nhân Đệ tử nghĩ tưởng ân đức đượm nhuần, bèn cùng nhau xây dựng văn bia. Tương Đông Vương Dịch, Trần Quận Tạ Cơ Khanh mỗi người đều soạn lời văn nơi tháp mộ thờ Sư.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Ước ở chùa Thảo Đường

Thích Tuệ Ước, tự là Đức Tố, họ Lưu, người ở xứ Ô Tràng thuộc Đông Dương. Đời ông nội Sư nối liền với Đông Nam Quán tộc. Có người chiêm đoán phần mộ ấy mà bảo rằng: “Đời sau sẽ có người tu hành khổ hạnh đắc đạo, làm nơi quy hướng của các vị Đế Vương!” Mẹ của Sư họ Lưu, mộng thấy một người cao lớn cầm pho tượng bằng vàng trao cho Sư và bảo nuốt, lại thấy ánh sáng màu tím nhiều quanh thân, nhân đó mà mang thai Sư. Bèn cảm thấy tinh thần sáng khoái, tư lý tỏ ngộ. Đến lúc sinh Sư, có ánh sáng mùi hương tỏa khắp, thân hình Sư trắng như tuyết. Người đương thời nhân đó đặt tên Sư là Linh Sán. Sư có phong cách đơn giản, thần chí yên tĩnh, bất động.

Đến tuổi phải bụi, Sư khác những đứa trẻ thường, chỉ nhóm cát làm tháp Phật, chất đá làm tòa cao. Năm bảy tuổi, Sư bèn cầu xin vào học, và liền đọc tụng Hiếu Kinh luận ngữ. Cho đến các bộ sử truyện, mở văn liền thấy ý. Ở

phía Nam nhà Sư có vườn cây trái, những đứa trẻ ở gần đua nhau tìm hái nên thường xảy ra tai nạn. Sư bèn xả bỏ những trái cây mà mình có được, chỉ phải tay không mà trở về. Dân chúng trong xóm sống bằng nghề tơ tằm. Sư thường có tâm buồn thương, do đó mà không chịu mặc các thứ tơ lụa. Sư có người chú ruột ưa thích sống với nghề săn bắn, Sư cố chuyên hóa mà chẳng đổi nghề. Sư thường than rằng: “Tất cả các loài vật bay chạy cách người rất xa, nhưng ham sống sợ chết, tình cảm ấy đâu khác nhau!” Ngài dứt bỏ không ăn các vật máu thịt tanh nồng. Người chú của Sư bèn lánh đến ở làng khác tiếp tục việc săn bắn. Bỗng mộng thấy một người sứ mặc áo đỏ, tay nắm mâu Kích, bảo rằng: “Ông suốt ngày giết hại sinh mạng, được Bồ-tát giáo hóa mà chẳng chịu bỏ nghề”. Bèn bắt đến chết, tới lúc tỉnh dậy khắp mình toát mồ hôi. Sáng hôm sau bèn hủy bỏ các dụng cụ săn bắn, sửa đổi lối làm khi xưa. Sư lại đến nơi chú Sư thường săn bắn, thấy có vài con Hươu nai nhảy nhót chạy theo Sư như tỏ vẻ cảm tạ.

Tại chỗ Sư ở nhỏ hẹp, phía trái không thấy chùa, gia đình Sư vẫn theo đạo Hoàng Lão, chưa từng nghe tới Phật pháp. Mà Sư đã sớm tập minh cảm, có tâm lìa tục. Bỗng gặp một vị tăng, Sư bèn hỏi về chí giáo. Vị tăng ấy bèn đưa tay chỉ về hướng Đông mà bảo rằng: “Trong đất Diệm, Phật sự rất hưng thịnh!” Liền đó không còn thấy vị tăng ấy, Sư mới biết đó là vị thần. Năm mười hai tuổi, Sư mới tìm đến đất Diệm, đánh lễ khắp các tháp miếu, phóng ý rảo cùng núi sông. Xa gặp được Tổ tâm, Sư thường nghiên tâm về kinh điển. Nên tại Đông Cảnh (đất Diệm) có lời đồn rằng: “Với tuổi thiếu thời mà khéo thấu đạt lý mâu, ấy là Cư sĩ họ Lô!”

Đến niên hiệu Thái Thi thứ tư (468) thời Tiền Tống, Sư đến chùa Đông Sơn ở Thượng Ngô, từ giã cha mẹ xuống tóc xuất gia, lúc đó, Sư mười bảy tuổi. Sư kính thờ sa-môn Tuệ Tĩnh chùa Nam Lâm. Ngài Tuệ Tĩnh đứng đầu trong các vị tăng vọng thời Tiền Tống. Luật hạnh đều giữ gìn. Là nơi trọng vọng của Đặc tân ngàn Diên niên Tư Không Hà Thượng Chi. Sư theo thầy Tuệ Tĩnh trụ chùa Phạm Cư ở đất Diệm, Sư siêng năng hầu hạ được hơn bốn năm. Đến lúc ngài Tuệ Tĩnh thị tịch, Sư hết lòng giữ lễ chịu tang. Sau khi mãn tang, Sư bèn bỏ ăn cơm cháo, chỉ dùng bột cây thông củ truật, dứt hết tật bệnh, kéo dài tuổi thọ, rất có thành ích. Tề Cảnh Lăng Vương đang trấn giữ tại Võ Đột, nghe Đạo phong đức hạnh của Sư cũng ngợi khen chúc tụng. Bấy giờ, có các Sa-môn Thích Trí Tú, Thích Đàm Tiêm, Thích Tuệ Thứ, v.v.. đều là những bậc danh trọng ở đương thời, đều nhóm họp nơi vương tọa, còn Sư đã đến sau, lại tuổi tác chưa lớn, mà Cảnh Lăng Vương cũng hết lòng tận kính. Mọi người đều có tâm tỏ vẻ chẳng vui. Tánh Lăng Vương nói rằng: “Thượng nhân (tức chỉ ngài Tuệ ước) đây mới là bậc Lãnh tụ trong họ Thích. Há ngày nay mà tiếp đãi bình thường ư?” Nên Sư tuy trẻ tuổi mà

được mến quý tên sùng ưu đãi hơn đến như thế. Tề Trung Thư Lạng Nhữ Nam Chu Ngung làm Diệm Linh, rất tôn trọng kính phục đạo tổ nên đến bên cạnh pháp tịch mà làm lễ. Ở nơi Quán xưa của Lô Thứ Tông ở Chung Sơn, xây dựng chùa Thảo Đường, cũng lấy hiệu là Sơn Tỳ. Sư đến trông coi sóc việc chùa. Chùa ấy kết Vũ sơn tiêu xung quanh mát mẻ. Tuy áp ở chẳng xa mà tiêu điều ngoài vật, đã âm thầm tưởng thưởng sự chân thành, cho nên suốt đời nương gá. Chu ngung khen ngợi rằng: “Sơn Tỳ mà Ngài Tuệ ước đến thì thanh vắng trọn đời!” Tề Thái Tề Văn giản Công Trữ Uyên, Thái Uy Văn Hiến Công Vương Kiệm giúp mạng một thời mà công cao trăm đời. Khâm phục Đạo phong, thường mùi vị Đạo mà cùng mở mang Pháp giáo. Trữ Uyên thường thỉnh Sư giảng các Kinh Tịnh Danh, Thắng-man, Vương Kiệm cũng thỉnh Sư mở giảng các Kinh Pháp Hoa, Đại Phẩm. Trữ Uyên bị bệnh ngủ ngày, thấy vị Phạm tăng bảo rằng: “Bồ-tát đang đến, sau đó có Đạo nhân cùng đến”. Trong giây lát thì Sư đến và bèn tự nhiên lành bệnh. Trữ Uyên liền cầu thỉnh xin thọ năm giới.

Tề Cấp Sự Trung Lô Ấu Du; thờ thiếu thời có tộc tổ học thuật với Sư. Mỗi lúc thấy Sư liền hướng về các lễ, có người hỏi rằng: “Vị này là người thuộc hàng dưới trong giòng tộc. Sao ông lại cung kính như thế?” Lô Ấu Du đáp rằng: “Bồ-tát xuất thế là bậc thầy khắp Thiên hạ, đâu chỉ lão phu kính lễ mà thôi!” Người đương thời không ai hiểu được ý chỉ ấy, chỉ có Vương Văn Hiến rất hiểu.

Vãi lại, tâm hiếu hạnh của Sư thâm thông minh cảm, nghĩ trở về rất nhanh mà cha mẹ của Sư đã qua đời. Sư như đứa trẻ nhỏ khóc, chẳng sánh như người đời. Sư dừng ở tại quê hương một thời gian để mở mang Từ đạo. Sau, Sư lại đến thành đô, trụ chùa Thảo Đường. Thiếu Phó Thẩm Ước, với chức Long Xương Trung ngoại nhậm dẫn Sư cùng đi. Tại quận chỉ lấy sự tĩnh lặng tự vui, thiền trọng làm thú. Có mùi hương thơm khác lạ bay vào phòng thất, thú dữ dần dần thuần thực đi quanh. Sư thường vào núi Kim Hoa lượm hái củi khô, hoặc dừng bên khe suối thông đỏ thường ngoạn. Bấy giờ, gặp Túc hỏa chợt thuộc Thần quang, khuôn phép khác thường chẳng nghĩ, nên lượm qua việc ấy. Có Đạo Sĩ Định Đức Tĩnh ở tại Quán bỗng nhiên bị chết, truyền rằng đó là do Sơn tinh làm hại mới cần có Đại trị cúng rượ ở đó. Yêu quái vẫn còn đông đảo. Trường Sơn Lệnh Từ Bá Siêu lập nghi thỉnh Sư dời đến ở, chưa được mười ngày mà mọi thứ thần my đều dứt mất. sau, đang lúc nằm nghỉ ban ngày, Sư thấy có hai người nữ mặc áo xanh từ khe suối đi ra đánh lễ sám hối rằng: “Chúng con vì nghiệp chướng xưa trước sâu nặng nên đọa làm loài Thủy tinh ở đây, đêm ngày gây ra phiền não. Nay cầu xin ngài trao cho giới pháp!” Từ đó, các thứ tai quái đều dứt bật. Mãi đến lúc Thẩm Ước thôi việc tại quận, cùng dẫn Sư ra thành đô trở về ở chùa cũ

(chùa Thảo Đường) mọi sự cung cầu lễ kính càng lớn hơn. Văn Chương qua lại nối nhau, vì Thảm ước rất thanh từ tao, tài giỏi ở đương thời. Đến Quan tới chức đồng như ở Phủ Xá, dẫn ý qua lại không hề vì cửa son mà ngăn cách. Vào niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề. Sư nói cùng Thảm ước rằng: “Ngày trước, bản đạo vì hai Ông Trữ Uyên và Vương Kiệm cúng dường nên bèn ở tỉnh của lệnh bộc. Đản việt vì đó sẽ lại nhập địa!”

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ nhất (502) thời Nam Lương, Thảm Ước làm Thượng Thư Bộc Xạ, có khái sắc mời vào tỉnh trụ. Được mười một năm, đến Đản dương duẫn, không sao khen ngợi, có sinh than thở Sư báo rằng: “Đản việt phước báo đã hết, bản đạo chưa được diệt độ!” Nói năng ngôn từ ý chỉ rất thương xót. Không bao lâu Thảm ước qua đời, nên Sư dự kế chưa vậy, nên đều đồng như thế. Thế rồi, Sư lưu tâm các Kinh Phương đẳng, nghiên cứu tinh nghĩa trong chín Bộ, đều chứa nhóm trong rương hòm, ôm ấp trong lòng ngực, nói bày mở mang, đáng nhân chẳng nhường. Khó nhọc cấp dẫn, ích lợi chúng sinh. Hoàng Đế kỳ diệu Văn Phác, tin đạo Vô vi, phát tâm Bồ-đề. Xây dựng Điện Trung Vân. Về giới nghiệp tinh vi công đức sâu rộng. Đã là gốc của muôn điều lành, thật cũng là đứng đầu các hạnh. Thí như biên cả, lớn trong của trăm sông, Núi Tu-di là tối cao trong các núi. Ba quả bốn Hướng duyên theo đó mà thành. Mười lực ba minh nhân đó mà lập. Vua (Võ Đế) bèn góp nhặt rộng sâu khắp các kinh giáo, soạn lập giới phẩm, Điều Chương nêu hết, nghi thức đủ bày. Chế tạo viên đản đề làm sáng tỏ Quả Cực. Và lại, Đế Hoàng có thầy Thần, Đại Thánh có thầy bạn. Từ xưa đến nay, Đạo ấy không hề suy phế. Thần Nông, Hiên Viên, Chu Khổng đề cao nhân nghĩa. Huống gì Lý vượt ngoài trời người, Nghĩa Siêu quá danh khí. Vua cho rằng Sư đức cao hơn người đời, đạo thấy khắp u hiên. Đáng nên suy tôn địa vị Xà-lê, chúc tụng hiệu đáng là Trí Giả. Sư thù thục thói nhường, tình còn cố chấp, Vua ân cần khuyên thỉnh, nên Sư khước từ không được. Niên hiệu Thiên giám thứ mười một (512) Vua Võ Đế bèn ban sắc dẫn kiến. Sự hợp với tâm hoài mong, Đạo vẫn còn với mục đích. Từ đó, Sư tới lui nơi cấm tỉnh, Vua lễ kính cúng dường ưu trọng.

Đến ngày mồng tám tháng tư năm Kỷ Hợi, nhằm niên hiệu Thiên giám thứ mười tám (Nếu năm Kỷ Hợi thì là 459 - tức niên hiệu Thiên giám thứ tám, còn niên hiệu Thiên Giám mười tám thì phải là năm Kỷ Dậu 469 mới đúng). Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) phát tâm Bồ-đề, thọ giới Bồ-tát Sư mới đến điện Đăng Giác, giáng điều ngọc liễn, rất tôn của muôn thờ, bày kính ở tại Tam, tạm lập suy phục, cung kính thọ y phước điền, tuyên độ Tịnh nghi. Vua rất kính cẩn trang nghiêm. Bấy giờ, nhật nguyệt trong lành xinh đẹp, đất trời mở rộng sáng trong. Vua đại xá khắp thiên hạ, khắp nước nhà cùng mừng vui. Từ đó, Sư vào thiết riêng, Vua làm lễ trước, sau mới đến ngồi. Từ Hoàng

Trữ trữ xuống cho đến Vương Cơ, các hàng Đạo tục sĩ thứ đều mong độ thoát. Đệ tử có ghi chép của Sư có đến tám mươi bốn ngàn vị. thường những lúc Sư truyền giới, có một con chim càn thước, lần lượt theo từng thêm bậc mà nhảy lên, dáng vẻ như muốn thọ giới. Mãi đến lúc Sư thuyết giới xong, sau đó chim mới bay đi. Lại thường những lúc Sư thuật giới, có hai con chim công tìm đến, ruồng đuôi vẫn không đi, Sư bèn bảo để cho nó đến. Nó từ từ đi đến chỗ đàn, ngoảnh cổ nghe pháp. Vua Võ Đế bảo: hai con chim này chắc chắn muốn diệt độ, sẽ thọ quả báo khác!” Sư ngợi khen sự chí thành của chim, nên lại nói pháp cho nó nghe. Sau đó vài ngày, hai con chim tự nhiên đều chết.

Lại nữa, lúc đầu Sư trao truyền giới, ban đêm nằm mộng thấy từ chùa Thảo Đường trải lụa trắng đến đài Môn, tự ngai trên giường thiên cách đất khoảng mấy trượng, có trời người vây quanh, Sư nói pháp cho chúng nghe. Do việc ấy mà rõ đồng với mộng đến Hoa Tư của vua Hoàng Đế, như thần thông lên cung trời Đâu-suất của Ngài Mục-Kiều-Liên. Mọi sự đi ở của các bậc chí nhân, ai có thể bàn luận được? Sư ưa thích vui sống nhàn tĩnh, hoa tốt lành, thất rỗng rang. Bên cạnh chùa nương gá đều sinh Từ Đạo nên khiến các loài hươu nai, quây quần cùng với cạp beo, chim Cưu, Chim Vụ, thuần quen với chim ưng, chim chiên. Bay chạy nhảy núp tự cùng thuần thực. Nếu chẳng phải đức nhân đượm nhuần hóa thì ai có thể được như vậy ư?

Sau, Sư đang tĩnh cư nơi nhàn thất, bỗng có một Bà lão người miền quê mang mấy quyển sách đặt trên án kinh của Sư, không nói gì mà đi ra, rồi mang đến một cây khác lạ trồng ở sân, nói đó là cây Thanh Đình. Sư bảo: “Sách ấy có tốt chăng? Đợi ta xem đọc, nếu nó không được tốt thì cũng chẳng nhọc xem. Qua bảy ngày sau, lại thấy một ông lão đến thỉnh sách mà đi. Cây ấy lá xanh, hoa hồng, đài hoa vẫn còn. Sư lại ứng cảm có loài chim lạ, thân màu đỏ, đuôi dài, hình dáng như Phỉ Thúy, cùng đến nương tựa ngủ nghỉ nơi lâu, vào ra nơi cây ấy.

Đến niên hiệu Đại Thông thứ tư (532) Sư mộng thấy ngôi nhà cũ vách tường màu trắng, cửa màu đỏ, ngời sáng tráng lệ tự nhiên. Sư bèn phát nguyện xây dựng chùa. Vua Võ Đế ban chiếu gọi đó là Bồn sinh. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ nhất (535), Vua Võ Đế lại ban sắc chiếu đổi tên làng Sư ở là làng Trúc sơn thành làng Trí Giả. Tân Vân cự nhượng truyền phương đồ điệp. Núi sông linh dị, đổi thay khác lạ. Đất phước làng tiên tự nhiên thành lập mà Sư chỉ ăn dùng bột củ tùng củ truyệt hơn ba mươi năm, dùng vải gai xấu may áo mặc hơn bảy mươi năm, Minh Khiêm lập tiết tháo, chuyên cao vọng ở đương thời.

Đến tháng tám niên hiệu Đại Đồng thứ nhất (535), Sư bảo người đón chặt cây cành ngoài cửa, và bảo là “Kiệu giá sẽ đến, chớ để tắt nghẽn đường đi”, mọi người chưa lường biết được việc gì. Tới ngày mùng sáu tháng chín, Sư thị hiện bị bệnh, xoay đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng về phía hông bên phải. Thần thức Sư vẫn điềm nhiên, không hề tỏ vẻ đau khổ. Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta mộng thấy bốn Bộ Đại chúng cầm nắm phước hoa, sắp bày giữa hư không đến đón rước ta, cười mà đi, phước báo ta đã sắp hết!” Đến ngày mười sáu, Vua Võ Đế ban sắc sai xá nhân Từ nghiêm đến thăm bệnh Sư. Sư bảo: “Đêm nay ta sẽ đi!” Đến canh năm, Sư lại nói hai lần, có mùi thơm lạ thoảng khắp phòng nhà, mọi người chung quanh đều cung kính. Sư bèn bảo rằng: “Hễ sống thì có chết, ấy là số thường, phải siêng năng tu tập niệm tuệ, chớ khởi loạn tưởng!” Nói xong, Sư bèn chấp tay nhập Niết-bàn, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi ba hạ lạc. Vua Võ Đế đến viếng điệu buồn thương than khóc. Các hàng quan liêu, tể phụ thôi nghỉ xem nghe, trong hai tuần có một. Đến ngày hai mươi chín tháng chín, an táng ở phía bên trái tháp mộ của Thần Tăng Bảo Chí tại núi Độc Long.

Lúc đầu, khi Sư mới thị hiện Bệnh, thấy một ông lão chống gậy đi vào, và ngày thị tịch Chư tăng đều đoán là sườn núi phía Đông của chùa. Vua Võ Đế bèn dời an táng tại Độc Long, nghĩ về ông lão thấy trước thì đó là Chí Công cùng đến đón rước! Đến đêm Sư thị tịch, con trâu xanh thường cười”. Bỗng nhiên gào rống tuôn lệ thành dòng. Đến ngày an táng, Vua Võ Đế ban sắc dẫn theo bộ ngũ phát xuất từ chùa đến núi, nó gào rống tuôn lệ chẳng dứt. Lại nữa, lúc mới xây tháp, có con hạc trắng bay đến nhiều quanh nơi phần mộ, rơi lệ kêu thương vang tiếng buồn thảm. Sau khi an táng được ba ngày, nó chợt bay đi thẳng. Vua Võ Đế ban sắc dựng lập Bia phía bên trái tháp mộ, ban chiếu cho Vương Quân soạn văn bia.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Đàm Loan trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích

Thích Đàm Loan, không rõ Sư họ gì, Người ở xứ Nhạn Môn, gia đình Sư ở gần núi Ngũ Đài. Sư có Thần tích linh quái, vượt cả sự thấy nghe của người đương thời, bấy giờ chưa là Chí học, Sư bèn đến tìm, đi trông xem khắp các di tích, tâm thần Sư bèn vui vẻ, liền đó xuất gia. Với các thứ kinh sách nội ngoại giáo điển, Sư đều tới luyện đầy đủ văn lý. Đối với bốn bộ luận về Phật tánh, cũng là chỗ nghiên cứu đến cùng. Sư đọc Kinh Đại Tập, buồn vì kinh ấy văn từ nghĩa lý sâu mầu khó lấy làm tỏ ngộ. Nhân đó, Sư chú giải, văn ngôn được hơn nửa bộ, thì bị bệnh khí, Sư tạm dừng bút, rảo đi khắp nơi tìm cầu phương thuốc để trị liệu. Sư đi đến thành cũ Tần Lăng ở

Phân Châu, vào cửa phía đông thành, ngửa mặt nhìn trời xanh, bỗng thấy cửa trời mở rộng sáu tầng trời cõi Dục giai vị trên dưới chập chồng, rõ ràng Sư trông thấy cả, do đó bệnh lành. Sư muốn tiếp tục làm công việc trước. Song, ngoái nhìn lại mà nói rằng: “Mạng sống thật mỏng manh chẳng nhất định được thường còn, bản thảo các kinh đều nói rõ về con đường đúng. Những bậc thần tiên tuổi lớn luôn luôn xuất hiện, chỗ tâm nguyện là chỉ tu tập pháp ấy. Khi đã gặt hái thành quả mới trở lại tôn kính Phật giáo, ấy cũng chẳng tốt lành ư?” Sư kế thừa phương thuật mà Đào An Cư ở Giang Nam quy kết truyền bá rộng khắp Thiệm-bộ, cả nước đều tôn sùng kính trọng, Sư bèn đến học theo.

Khi đã đến triều Lương, bấy giờ khoảng niên hiệu Đại Thông (527-529), Sư được gọi bằng tên chung là “Lỗ Tăng Đàm Loan ở nước Bắc nên đến vâng phụng tham yết”. Khi đó, quan sở ty nghi ngờ là gián điệp, bèn khám xét, không thấy có văn từ gì khác, nên đem sự việc ấy tâu trình. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) bảo: “Người ấy (tức chỉ Đàm Loan) chẳng phải dòm ngó nước nhà, hãy dẫn vào điện Trùng Vân”. Sư bèn theo Thiên Mê Đạo. Lúc đầu Vua Võ Đế ở nơi góc điện ngồi trên giường dây, mặc áo ca-sa, quần khăn nạp. Sư đến trước điện, ngoái nhìn mà không người vâng thừa đối tiếp. Thấy có bày một tòa cao, Sư bèn lên ngồi yên trên ghế chánh ở trong điện, bên cạnh không có tòa nào khác, Sư đến và lên đó, dựng lập nghĩa Phật tánh, ba lần bảo vua rằng: “Đại Đàn Việt! Nghĩa Phật tánh sâu mầu, lược đã nêu bày đầu mối. Nếu có gì thắc mắc cứ hỏi”. Vua Võ Đế cởi bỏ áo nạp, bèn thưa hỏi qua lại vài điểm then chốt, nhân đó nói rằng: “Từ bây giờ đến xế chiều phải gặp nhau”. Sư liền từ tòa bước xuống, ra thẳng phía trước, cật Khúc trùng đập hơn hai mươi cửa mà không một cửa nào lăm. Vua Võ Đế rất mực ngợi khen rằng: “Thiên mê Đạo này, từ thời cũ đến, qua lại nghi trở. Vì sao một lần đến thì không mê!” Sáng hôm sau, dẫn Sư vào điện Thái Cực. Vua Võ Đế bước xuống thêm mà lễ tiếp, hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Muốn học Phật Pháp, chỉ buồn nỗi tuổi thọ bị sút, nên từ xa tìm đến Đào An Cư cầu học các tiên thuật”. Vua Võ Đế bảo: “Đó là người ngạo đời trồn ân, đã từng vờ gọi mà chẳng đến. Ông phải chịu trách nhiệm đến đó”. Sư bèn tìm đưa thư đến thăm hỏi. Đào An Cư bèn đáp rằng: “Tháng trước tai nghe âm thanh, giờ đây mắt trông thấy văn tự, cùng do đã đánh lễ nhiều năm, nên khiến ứng chân lai nghi”. Ngay lúc ấy chính phát Đăng bồ, bày đủ hoa nước, sửa cổ áo, thúc liễm nghĩ suy, đứng đợi lắng nghe tiếng rung tích trượng. Đến lúc tới núi thì tiếp đối mừng vui. Bèn đem mười quyển kinh tiên để thù đáp ý xa. Khi trở về đến Chiết Giang, có Thần Bào Lang Tử, mỗi lần quấy động sóng gió suốt bảy ngày mới ngưng. Gặp lúc sóng vừa mới dậy nên không thể nào qua được, Sư bèn đến chỗ miếu, tự tình bày tỏ cầu cáo, nếu được như sự mong

cầu thì sẽ về xây dựng ngôi miếu. Chỉ trong khoảnh khắc, thần liền hiện hình, dáng vẻ như người mới hai mươi tuổi, đến bảo với Sư rằng: “Nếu muốn qua sông thì sáng mai mới qua được! Xin chớ nuốt lời. “Tới lúc sáng sớm, sóng gió đang còn dữ dội. Sư vừa mới bước xuống thuyền tự nhiên yên tĩnh. Sư y theo sự mong cầu, về đến chỗ Vua, nói lại nguyên do. Vua Võ Đế bèn ban sắc vì Thần sông mà xây dựng lại linh miếu.

Nhân đó, Sư từ giả, trở về lại đất Ngụy, muốn đến các danh sơn, y theo phương thuốc mà tu trị, vừa đi đến Lạc Hạ, bỗng gặp Trung Quốc Tam tạng Bồ-Đề-Lưu-Chi. Sư bèn hỏi rằng: “Trong Phật Pháp có pháp sống lâu không chết hơn kinh tiên ở phương này hay chăng?” Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi nhỏ nước dãi xuống đất mà bảo rằng: “Ông nói gì ư? Làm sao so sánh được. Ở đây hay nơi nào mà có pháp sống lâu không chết? Giả sử như có được sống lâu dài hay chết trong ngắn ngủi, ruốt cuộc cũng chưa thoát khỏi luân hồi trong ba cõi!” Và liền trao Quán Kinh (Kinh Quán Vô lượng thọ) cho Sư mà bảo rằng: “Đây là phương thuốc Đại tiên. Y theo đó mà tu hành sẽ được giải thoát sinh tử”. Sư liền đánh lễ mà nhận lấy. Các phương thuốc tiên đang mang theo, Sư đều đem đốt bỏ hết. Rồi Sư tự thực hành, chỉ dạy người khác thực hành, lưu truyền cùng khắp. Ngụy Chúa kính trọng Sư nên gọi Sư là Thần loan. Và ban sắc mời Sư trụ ngôi chùa lớn ở Tinh Châu. Sau, Sư lại đến trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích thuộc núi phía bắc của Phân Châu. Bấy giờ, Sư lại đến phía bắc của Giới Sơn, nhóm họp đồ chúng hướng về đạo nghiệp. Nay gọi chỗ đó là “Loan Công Nham” (ngọn núi Ngài Đàm Loan).

Đến niên hiệu Hưng Hòa thứ tư (542) thời Đông Ngụy, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa núi Bình Diêu, thọ sáu mươi bảy tuổi. Đến ngày Sư thị tịch, có các thứ phướn hoa cờ lọng cao sáng khắp viện vũ, mùi hương xông ngát, lẩm âm thanh ồn náo. Mọi người cùng dự ở núi đều trông thấy. Dem việc ấy tấu trình lên triều đình. Vua Hiếu Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Hiện) ban sắc an táng tại Thái Lăng Văn Cốc ở phía Tây Phân châu. Xây dựng tháp gạch và dựng lập bia, đến nay hiện còn. Nhưng, Sư có thân vũ cao xa, cơ biến vô phương, Sư nói năng chẳng nghĩ ngại, động hợp với sự. Sư điều tâm luyện khí, đối bệnh biết duyên. Tiếng tăm vang xa khắp Ngụy độ, dùng đó làm phương thức khuôn phép. Nhân đó, Sư có soạn luận Điều khí. Lại soạn Vương Thiệu, tùy văn mà chú giải. Sư lại soạn mười hai bài kệ tụng Lễ sám Tịnh Độ tiếp tục sau kệ tụng của Ngài Long Thọ. Sư lại soạn An lạc tập, hai quyển v.v.. lưu hành khắp ở đời. Bèn tự lấy hiệu là Ngụy Huyền giả Đại Sĩ, v.v..

04- Truyện ngài Thích Tuệ Thiệu trụ chùa Long Uyên ở Thục Quận

Thích Tuệ Thiệu, họ Trần, vốn là con cháu của Thái Khâu ở Dĩnh Xuyên. Nhân lánh nạn nên đến ở Điền Lý của Đan Dương. Tánh Su điềm nhiên rỗng rang, ít ham thích, trầm lắng nghiêm nghị mà ít nói. Thở bé, Su sớm mất cả cha mẹ nên nương tựa người anh để sống. Ngài rất mực kính mến bạn bè, có tiếng khắp xóm làng.

Năm mười hai tuổi, nhằm chán thế tục, Su bèn xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Su đến Kinh Dương, nghe sa-môn Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật. Vừa mới được hai biển mà ngài ghi chú gần hết. Su nói với bạn đồng học là Su Tuệ Phong rằng: “Tôi vừa gọi mình trong đạo mới ít ngày mà nhận biết được chỉ thú. Ấy là vì sao? Vì e chẳng phải những điều đã nghe có ý nghĩa cạn hay là khéo dạy mà khiến như vậy ư?” Su bèn thử đến nghe pháp sư Trí Tạng ở chùa Khai Thiện giảng dạy, bèn cảm thấy nghĩa lý ngôn từ huyền diệu nên liền tận tâm kính ngưỡng. Đang đêm ngủ, Su cảm mộng đến chùa Khai Thiện hái vài học mận muốn lấy ăn thì trước được cành lá. Lúc tỉnh giấc, Su tỏ ngộ rằng: “Ta chánh nên theo học sẽ dần đạt được chỗ rất sâu”. sau đó, Ngài Trí Tạng thị tịch, có Xước công (Đạo Xước?) ở chùa Long Quang nối gót truyền nghiệp, Su bèn trở lại đó nghe học. Đã thiếu bản luận, mà quy chế lại chẳng cho ở. Su chỉ có một tấm chăn lại gặp lúc trời đông giá lạnh, bèn ném bỏ sung vào việc chép luận. Chịu lạnh đến cứng miệng, mới được dự nghe văn nghĩa. Su lại khéo xem đọc, sáng tỏ cao trội vượt cả chúng. Su biện giải Diệt Đế là bản hữu, dùng thô tế mà chiết bỏ tâm. Bấy giờ xuyên tạc cho là có Thần tư.

Vua Võ Lăng dời Lương ra trốn ở Dong Thục, nghe ở nơi đó có nhiều người tham dự Nghĩa học, thì phải những bậc tài đức cao xa mới có thể khai mở tuyên dương. Mọi người bàn luận tiến cử đều chẳng hợp ý. Vua Võ Lăng bảo rằng: “Nhớ Pháp tập năm trước. Có Pháp Sư Tuệ Thiệu mới có thể làm được việc chọn lựa này. Nếu được cùng đi, thể chấn khởi được biên phục”. Bèn tìm đến đất Thục. Ở các chùa, Su giảng luận khai đạo như nước chảy. Su đang ở chùa Long Uyên giảng nói sắp xong, thì ngồi tĩnh tọa trong phòng, thấy một vị thần mặc áo xanh, vận mũ phục đến kính lễ, thưa với Su rằng: “Nguyện xin Pháp sư thường ở tại đây mà mở mang đạo Pháp. Con sẽ ủng hộ giữ gìn!” Nói xong liền biến mất. Su bèn lên Pháp tịch mấy lần, Thanh ngộ phiền kết. Xưa kia, khi đang ở tại Dương Đô, Su thường khổ vì Bệnh khí, luôn luôn lo nghĩ, đến lúc Su giảng tại đất Thục thì mọi bệnh tật đều dứt trừ. Các hàng thức giả cho đó là sự hộ trì của vị thần ở nơi chùa. Bấy giờ, Pháp tịch ở Thành Đô thường có đặt ba, bốn chiếc trống Pháp, luôn đua nhau gióng nổi, tỏ rõ nơi Huyền môn. Su nghe đờ chúng đồng đúc chẳng lấy đó làm lớn. Su lại dẫn chúng tụng kinh Niết-bàn, Đại Phẩm. Mỗi người một

quyển, hợp lại thành Bộ. Hằng năm, mấy lần nhóm hợp theo thứ lớp mà tụng. Nếu có người sai quên hay nghe giảng mà ngủ gục thì Sư đều thay thế chịu phạt. Sư đối trước chúng mà hỏi tạ rằng: “Đó là do người chỉ dạy dẫn dắt không sáng suốt!” Nên tự thân Sư giúp vật, ân cần đến như thế.

Võ Lăng Vương bố chính ở đất Thục thường giảng các Luận Đại thừa cho đến ba Tạng v.v.. các sa-môn Bảo Thoán, Bảo Cai, Trí Không v.v.. đều đến sau như phong tục, tham dự tuyển tập, khắc quyển đã thành. Võ Lăng Vương ban tặng cho người học. Võ Lăng Vương từng thỉnh Sư trông coi Tăng Đô. Sư tha thiết khước từ nhưng chẳng được. Tánh Sư chẳng ưa nương cây, tuy các nơi quý trọng thỉnh giảng, gặp lúc mưa sinh, Sư bèn tự chuẩn bị roi trượng, đội nón mang giày cỏ mà đến pháp hội. Từ thuở thiếu thời mà Sư đã ăn uống thanh trai, chẳng hề dùng đến các vật ngon lạ. Sau, trong lúc bệnh, uống thuốc có lẫn mỡ, Sư cố cự tuyệt chẳng uống, lúc phi thời nước cơm Sư cũng không hề uống. Người săn sóc bệnh, nhìn thấy Sư nhan sắc vẫn vui vẻ. Sư lễ bái trì tụng chẳng bỏ. Đến lúc suy kém lắm, Sư mới bảo: “Nay tôi không chỗ nào chẳng đau nhức như chiếc xe hư hoại đi đường, thường muốn dẹp bỏ, nhưng chỉ tự gắng gượng. Tôi chỉ tiếc chỗ tạo dựng tôn tượng mà chưa đến được. Tôi sắp đi đây!” Sư căn dặn các hàng tăng tục, nhờ trang nghiêm dùm. Sư bèn bảo tắm gội, cạo đầu, cắt móng tay, súc miệng, lễ bái. Sư ngồi trong Ma-ha, đường ở chùa Long Uyên, lặng lẽ thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó là ngày mùng ba tháng bảy niên hiệu Thiên giám thứ bảy (508) thời Nam Lương.

Bấy giờ, có người dân ở thành đô, tên là Ứng thí Phong, vì bệnh khí mà chết giấc, nhưng chỗ quả tim vẫn còn ấm nóng, năm ngày sau mới tỉnh lại, kể rằng: “Bị bắt đến chỗ Diêm Vương, nghe xử phân rằng” đón rước Pháp Sư Tuệ Thiệu”. Chỉ chốc lát, Sư liền đến, Diêm Vương bước xuống điện, chấp tay đánh lễ, không hề nói năng gì, chỉ viết chữ “Đại Chính”. Sư bèn đi ra ngoài, ngồi dưới bóng cây bên cạnh thiên đường rộng lớn thấy có một Tiểu đồng dùng cái sọt bằng Tát-liệu bung y ca-sa đi đến thỉnh Sư đắp mặc. Có mấy mươi vị tăng đến đón rước Sư. Trong đó, ứng thí Phong chỉ biết hai vị Thiên Sư Trí và Từ, có hoa phướn bày khắp khắp đường, cùng bay bổng giữa hư không mà đi”. Lại, ngay trong đêm đó Sư thị tịch, có Cô Ni ở chùa An Phổ, mắc bệnh chết giấc rất lâu, sau khi tỉnh lại kể rằng: “Đưa Pháp Sư Tuệ Thiệu và năm trăm vị tăng lên thêm thang bảy báu, đến trong giảng đường điện Thiên Cung, đất ở đó trong suốt như thủy tinh, giường chiếu toàn hoa, cũng có kỷ án. Hoa sen mọc khắp đất, Sư đến chỗ tòa mà giảng nói. Chỉ trong thời gian ngắn bèn đứng dậy. Những người theo đưa tiễn, Sư bảo về”. Sự sinh diệt của Sư âm thầm tốt lành cảm được thấy như thế.

05- Truyện ngài Thích Tuệ Kiêu trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê

Thích Tuệ Kiêu, không biết Sư họ gì. Sư người xứ Thượng Ngô thuộc Cối Kê. Sư học thông nội ngoại giáo điển, giảng dạy thông suốt các kinh luận. Sư trụ tại chùa Gia Tường. Mùa xuân mùa Hạ, Sư hoằng pháp, mùa thu mùa đông thì Sư soạn sách. Sư soạn kinh Niết-bàn Nghĩa Sớ, mười quyển. Và Phạm Võng Kinh Sớ lưu hành ở đời. Lại về Xương Công soạn tập Danh tạng có rất nhiều nổi chìm, do đó, Sư bèn mở bày thành rộng. Sư soạn “Cao Tăng Truyện”, mười bốn quyển. Trong lời tựa, có lược ghi rằng: “Các tác giả trước kia, hoặc là đem nhiều rộng cắt giảm các việc, mà cắt giấu vết tích có rất nhiều điều bị cắt xén. Nghĩa là người xuất gia ở nước Tân Vương chẳng nên gắng gỏi nhưng tự cao xa, vui chôn riêng tuyệt, sau đó từ Vinh bỏ ái vốn vì khác tục làm bậc Hiền giả. Nếu vậy mà chẳng luận thì cuối cùng làm sao ghi chép”. Lại có đoạn viết rằng: “Các tác phẩm đời trước, phần nhiều đề là Danh tạng. Nhưng danh vốn là khách chẳng thật. Nếu thật hành thì dần sáng tỏ, cao mà chẳng có danh. Nếu ít Đức mà đến thời, thì có Danh mà chẳng cao, Danh mà chẳng cao vốn chẳng phải điều được ghi chép. Cao mà chẳng danh thì đầy đủ các lục ngày nay. Nên bỏ âm Danh thay cho chữ Cao. Truyền thành truyện cả nước”. Thật đáng là khuôn phép sáng soi, văn nghĩa rõ ràng, tức là chỗ tôn quý sùng trọng của đời! Không biết về sau Sư tịch ở đâu. Ở Giang Biểu có nhiều Bùi Tử Dã Cao Tăng Truyện một bộ mười quyển. Văn rất dón gọn, chưa xem xét kỹ cho nên bị sai thiếu.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Lạc Dương

Thích Đạo Biện, họ Điền, người ở xứ Phạm Dương. Có Biệt Ký ghi là Sư mặc áo nạp, cầm tích trượng đi vào thai mẹ, nhân đó mà sinh ra Sư. Sư bẩm tánh sáng suốt, tài thuật cao vượt người đời. Tuy nói là tai điếc, nhưng lúc đối đáp với Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạc Hoàn 471-500) thời Nguyên Ngụy, chẳng hề sai trái Đế Chỉ. Do đó mà Vinh hoa tốt đẹp, xa gần đều kính trọng. Sư phân định tà chánh, mở giải bế tắc, đó là sở trường.

Ban đầu, Sư ở tại Bắc Đài, sau theo hướng Nam, dời đến Hà Lạc ở Đạo Quang. Ở nước Ngụy có bộ kinh tên là “Đại Pháp Tôn Vương” hơn tám mươi quyển, đang truyền bá hưng thịnh ở đời. Sư cầm lấy đọc xem biết là hư ngụy, bèn góp nhặt đem đốt. Sư rắp muốn rộng chú giải các kinh, dùng thông sách Phật, nhưng bút vừa đặt trên giá, thì có con chim đến ngậm lấy bay đi. Sư thấy điềm hiện khác lạ ấy bèn thôi nghĩ việc ấy, mà chỉ chú giải được các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Kim Cương Bát-nhã, Tiểu Thừa Nghĩa Chương sáu quyển, Đại Thừa nghĩa Ngũ thập chương và trình bày Huyền Chiếu v.v.. lưu hành ở đời.

Ngài có hai người đệ tử là Đàm Vĩnh và Vong Danh. Ngài Đàm Vĩnh ngâm ở ẩn tự giữ, ẩn tại núi Hoàng Long, trước soạn Suru Thần Luận, An Sĩ Nghi Thức. Ngài Vong Danh văn bút mạnh mẽ, cậy tài ngạo tục, bị thầy đánh nên dời đến ở núi Hoàng Long, ban đầu không có ý tưởng giận mà sớm tối vẫn lễ kính từ xa.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đạo Đăng trụ chùa Báo Đức ở Hằng Châu

Thích Đạo Đăng, họ Nhuế, người ở xứ Đông Hoàn. Sư thông minh cảnh ngộ, rất khác người thường, rất có tín lực. Nghe ở Từ Châu có Samôn Tăng Dực thông hiểu kinh luận, Sư liền cấp roi trượng đến nương tựa, nghiên tâm cầu học các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Thắng-man. Sau, Sư theo sa-môn Tăng Uyên, thọ học Luận Cứu Thành.

Đến tuổi năm mươi, tiếng tăm Sư vang vọng khắp Ngụy đô, tại đất Bắc rất kính trọng, nhiều lần gởi thư đến thỉnh. Sư hỏi bạn đồng học là Ngài Pháp Độ rằng: “Việc mời thỉnh ấy có đáng đi chăng?” Pháp Độ đáp: “Xứ ấy người có Đạo học đông như rừng, các hàng Sư tượng có đến số trăm, đời nào mà không hành tàng, thời nào mà không thông bát. Hàm Linh mười phương đều nên độ thoát, đâu cho có lúc cùng tận, tại nước Nam cùng khuyến thực hành. như Ngài Tuệ Viễn phát áo mà ở Lô Sơn, Ngài Đàm Đế dứt vết ở Côn Sơn. Lưu Di Thị ở Bành thành từ bỏ mọi việc mà trở về nhàn tĩnh. Đó đều tự là Nhất phương. Đâu cần gì tận mạng hư tướng nơi núi hang, xa tìm Sào hứ? Dù cho như thế cũng chẳng bao giờ lia được căn cơ Tiểu Thừa, há là muốn cho người đối với ta trước nói chẳng ích lợi cho đời ư! Tùy phương mà đến cảm hóa, vì vật mà làm bến bờ, đó cũng chẳng lấy làm vui ư?” Sư bèn nhận lời thỉnh và Ngài Pháp Độ cũng tùy hỷ cùng đi, khi đến lạc dương, thì vua quan, Tăng Ni đều giữ lễ tiếp đãi khách. Ngụy Chúa thỉnh Sư, con cháu được trao vinh hiển chức tước, vì họ của Sư không đẹp lấp nên đổi chữ “Nhuế” thành “Nại”. Sư giảng thuyết rất thanh hành, bốn mùa chẳng ngưng nghỉ. Chưa đến Hằng Nhạc để dứt nghỉ đua tranh, người học truy tìm cùng theo, đến núi chẳng khỏi luận bàn, truyền trao. Sư bèn thị tịch tại chùa Báo Đức, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Cảnh Minh (năm trăm-năm trăm lẻ bốn) thời Bắc Ngụy.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Tăng Mật trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô

Thích Tăng Mật, chưa rõ Sư họ gì. Sư người xứ Lạc An. Sư từng chưa có áo mà đã cạo tóc xuất gia. Tuy nhỏ mà Sư dễ tỏ ngộ, tỏ ngộ hơn người. Năm ngài mười sáu tuổi Bần học đông như rừng. Sư lại cùng khai mở dẫn

dắt, tiếng tăm vang cả xóm làng. Sư sắp muốn mở rộng sự thấy nghe mà không được thầy chấp thuận. Sư bèn ngấm trốn ra khỏi chùa, theo thợ học với Sa-môn Đạo Minh. Chỉ trong thời gian một vài năm mà tiếng tăm tốt đẹp đã vang khắp nơi.

Đầu niên hiệu Thái Thi (465) thời Tiền Tống. Sư vượt qua sông, đến trụ chùa Trang Nghiêm. Khí vọng Sư ngưng luyện, Phong Nghi cao nhã. Năm chúng đồng suy tôn, bảy quý cùng kính lạy, Sư lắng sâu rõ chánh, chẳng bị lợi hại làm chằng chịt tâm. Tuy là đồng ở trong chúng đồng mà không có ai lường biết tâm lượng Sư. Người đương thời dùng phương pháp gạt bỏ, rất cho là xác thực. Ở lâu tại phía Nam, đồ chúng đông nhiều không kinh nào Sư chẳng giảng. Chuyên lấy thành thật, sửa đổi lỗi lầm. Cao luận ít chỗ suy hạ. Các hàng hạ tài đối với việc chưa thể thường trọng, ngấm cùng nhau sàm tấu đến tai Lăng Cảnh Vương. Sư chẳng phân bua trong đục, mặc tình họ viết tội, bèn khải tấu tẩn xuất Sư đến Hoài Nam. Các hàng học sĩ đi theo Sư hơn ba mươi người, Sư bèn giảng dạy giáo hóa họ.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ bốn (505) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại Giang Bắc, thọ bảy mươi ba tuổi.

---o0o---

09- Truyện Ngài Thích Đàm Chuẩn trụ chùa Tương Cung ở Dương Đô

Thích Đàm Chuẩn, họ Hoàng, người ở xứ Thang Âm; thuộc Quận Ngụy. Sư xuất gia tại chùa Xương Dục Vương, theo Pháp sư Trí Đản thợ học. Sư nghiên cứu siêng năng, mọi người chẳng sánh bằng. Sư ở chốn nhàn tĩnh, vui hưởng vị Đạo, không có chí phong trần, giỏi về các Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn, tiếng tăm vang đến Lạc Đô. Ngài nhàn cư suy tư, chẳng giao thiệp việc đời.

Ngài thừa tiếp Tề Cảnh Lăng Vương rộng thỉnh mời các vị Thắng đạo, mở rộng việc giảng nói, nên bèn theo về hướng Nam, đến trụ chùa Tương Cung. nơi nơi tìm cầu nghe học, tùy từng Pháp tịch mà đàm luận. Tuy gặp phải đường sá hiểm trở nhưng Sư chưa từng có lời than thở nhọc mệt. Thứ Công ngợi khen Sư rằng: “Đây, Đạo nhân ở đất Bắc, chẳng những dung mạo khôi ngô mà còn hay khéo nói cười, xán lạn thoáng rộng, có khí độ. Còn như ngôn luận rất có chí tình!” Tề Lâm Xuyên Vương Tiêu Anh, Trường Sa Vương Tiêu Hoảng rất nồng hậu cùng kính trọng lễ tiếp. Hà Diễm ở Lô Giang, Lưu Hội ở Bành thành đều đến tận phòng, đánh lễ sát đất, tỏ bày cung kính. Những vị giảng dương tiếp nối thành tựu Đạo nghiệp của Sư có hơn hai trăm vị. Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười bốn (515) thời Nam Lương. Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tương Cung lại có Tỷ-khưu Trí Thâm thông minh biết rộng, rất có công phu nghiên cứu suy tầm các kinh luận. Các hàng Thiên tử vương hầu, phần nhiều giữ lễ tiếp đãi như khách. Tánh Sư ưa nói thẳng, không tìm tòi vụn vặt, thường đăn đo mọi việc, không có bất bình, do vậy mà sự hoằng tuyên càng rộng lớn.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Đạo Siêu trụ chùa Linh cơ ở Dương Đô

Thích Đạo Siêu, họ Lục, người ở Quận Ngô, là con cháu sáu đời của Ngô thừa tướng Kính Phong. Ông nội Sư tên là Chiêu, làm Thượng Thư Kim Bộ, cha của Sư tên là Tuân làm Tấn Kỵ thị lang. Thờ thiếu thời, Sư do sự siêng năng dốc sức mà nổi tiếng. Cùng trong huyện có Ngài Tuệ An sớm học chẳng nghịch, đều đi đến Thượng Kinh cùng nhau thỉnh nghiệp.

Bấy giờ, Sa-môn Tăng Mân ở chùa Linh Cơ, Sư gặp Ngài Tăng Mân đang giảng tại phương Đông, nhân cùng nghe Sa-môn Pháp Trân giảng Thành luận, đến Diệt Đề, ban đầu nghe ba tâm đều diệt, không có trước sau, Sư nói: “Lời nói sai lầm này chẳng phải là thầy ta vậy”. Sư thấy Ngài Tăng Mân mở suốt một phương, khắp cả nước đều đến thưa hỏi kính ngưỡng. Bỏ ngũ quên ăn từ tối đến sáng. Chỉ vì tánh riêng tháo nhuệ chẳng đoái hoài công ít, nguyện mong đã lắm. Sư thường đánh vào vé mà than rằng: “Vi mà mờ mịt nên các ngài Đạo Sinh, Tăng Triệu cười cho”. Lại nghe sa-môn Tăng Chính ở chùa Long Quang mới đến giảng nói, Sư bèn mạnh dạn than rằng: “Mới có thể không đầy bảy thước. Việc nào ở người sau!” Sư buồn bã bệnh tâm trải qua nhiều ngày bèn bỏ sự nghiệp. Nhân đó mà tự sám hối, nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát xin che chở oai thần khiến được Tuệ ngộ như ngài Tăng Mân. Sự việc có ở truyện ngài Tăng Mân. Bèn siêng năng khổ chí, chỉ thời gian ngắn mà thấu suốt, suốt ngày vui vẻ riêng nói riêng cười. Sư thường nói “Châu báu vô giá, nay ta đã được!” Sư ung dung cao bước, cậy oai khí xem thường thế tục. Các hàng tăng tục đổi cách nhìn Danh giá ở đương thời. Đến lúc giảng nói, Sư giải chiết nghi phục, thường không để lại u ản. Như lại vì khách, ý khí nhã phục, cầu chống đối lẫn nhau. Nếu gặp cơ địch, không gì Sư chẳng ứng đối.

Cũng ở trong chùa, có sa-môn Đạo Bí, tuổi tác đã lớn, cũng khéo hướng học phương mà tánh lắm biếng lười, chưa thể tự khắc phục được, ngang tàn lãng mạ người khác mà Sư cũng liếc ngang kêu réo om sòm, đó cũng chưa phải là nhiều vậy. Một hôm, ngài Đạo Bí nói với Sư rằng: “Ta và ông, ai hơn ai kém?” Sư bảo: “Nếu luận về tuổi tác, xin vì cùng cậy, lường về tâm lòng thì không luận trước sau”. Bấy giờ, cho đó là nói thẳng. Từ lúc Sư ở riêng nơi phòng vắng, bặt dứt khách khứa. Nội ngoại phần điền thường bung bít trước

gối mà tay chẳng rời quyển sách. Lại thêm bụi bặm đầy phòng nhà. Dế mèn kêu cùng vách. Trung Thư Lang Ngô Quận Trương Suất bảo với Sư rằng: “Trùng loại kêu réo om sòm cả tai, bụi đất lấp vùi tới đầu gối, đâu thể đối với đây mà không ngang ngược ư? “Sư đáp: “Lúc nghe các âm thanh ấy đủ để thay tiếng tiêu sáo. Bụi theo gió cuốn đến, ta chưa rảnh để quét. Còn như ngang ngược, danh thật là thẹn lắm”. Người đương thời cho đó là cao vời phóng đạt. Đến năm ba mươi sáu tuổi thì Sư thị tịch, lúc đó nhằm niên hiệu Thiên giám (502) thời Nam Lương.

Lại có Đạo Nhân Tuệ An cũng ở chùa Tương Cung, nghiên cứu tìm tòi sâu xa, phân tích chỗ sâu kín, rất có tinh lý. Năm ba mươi hai tuổi, Sư thị tịch tại chùa.

Lúc đó vì các ngài đều đang tuổi mạnh khoẻ mà thị tịch, nên Dương Liễu cũng đồng buồn thương.

---oOo---

11- Truyện ngài Thích Tăng Kiêu trụ chùa Long Quang ở Dương Đô

Thích Tăng Kiêu, họ Hoa, người ở xứ Đông Thiên, thuộc Ngô Hưng. Sư xuất gia tại chùa Long Quang, nghe Sa-môn Tăng Mân giảng dạy. Trước phải lập nghĩa, có các Đồng đệ, thì Sư quên cả ngủ nghỉ, chí muốn bảm thọ. Lại nghe giảng luận mà dần chuyển mạnh, thì vỗ tay nhiều lần ngợi khen, nghĩ cùng là đều.

Vào niên hiệu Long Xương (494-494) thời Nam Tề, các pháp diên dần giảm ít, sư bèn cùng các bạn Đạo như Sa-môn Tăng Chính, Bảo Uyên, Tuệ Tế, Tuệ Thiệu, v.v.. đồng cầu thỉnh Sư Tăng Mân dời chỗ ở. Từ đó suốt ngày liền nhất tâm thưa hỏi. Mền vải chống lạnh mùa đông, ít tương giúp thân, chút cháo dính miệng, rau lá đủ để dứt đói, mà không hề vì nghèo khổ đói lạnh mà biến đổi tiết tháo, chỉ tự chuyên cần cố gắng suốt ngày chẳng đủ. Nghiên cứu sâu sắc, lý ngộ sáng sâu. Trong vòng ba, bốn năm mà thông đạt các kinh luận. Sau, Ngài Tăng Mân trở về chùa Trang Nghiêm, có sa-môn Tuệ Anh ở chùa Long Quang hỏi rằng: “Các vị thiếu niên, Sư cùng dẫn theo đều đã thành khí. Trong thời gian qua mọi sự hơn kém có thể nghe biết được chẳng?” Ngài Tăng Mân đáp rằng: “Ngài Tăng Kiêu nho nhã thanh hư, dùng xưa đáp nay. Mở quyển văn nghĩa, luôn ưu du nơi giáo lý, móc sâu đến xa, khéo hay thù đáp. Nhưng vì nhún nhường mà chưa giảng, chẳng cùng tranh giành trước. Đó mới thật là chỗ đáng gời gắm Di Pháp! - Chính công siêng năng kinh luận, thông suốt rành rõi. Những người đồng nghiệp đều quý trọng tánh tình của ông - Uyên Công không gì chẳng là Thần minh, mà tâm tánh riêng nhanh nhẹn, trái với lẽ độ. từ lâu theo Di Tập, không thể lường biết nơi ông ta được ít nhiều- Tế Công thần thức trong sáng, kinh vốn có

công phu, Luận văn chưa thành thực. Vì ông ta thể suy, chẳng kham được khó khổ nên vậy. và lại đối với nghĩa lý đủ để rõ Đạo. chí hạnh đủ để khuyên tục. Thiệu Công tánh tình biết lý, rất có chí hạnh. Nghèo khổ mà có lắm học chẳng được thường. Hướng không phòng ngại, không lo sợ chẳng thành pháp khí tốt!”

Từ lúc Sư thành đạt sở học, chẳng sửa việc đời, chẳng cất tiếng tăm, luôn đóng cửa ở nơi nhàn tĩnh, ngồi một mình không khách tạp. Ngài lắng lòng ngâm tỏ ngộ riêng thành đạt mà thôi. Năm ba mươi sáu tuổi, Sư thị tịch, lúc đó nhằm niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương.

Ngài Tuệ Sinh vốn ở tại Tương Châu, học thông kinh số, từng lên Pháp tòa. Thờ thiếu thời nắm giữ tiết tháo cao vời, kính mến phong thái phép tắc của ngài An Thái. Sư mặc áo vải xấu, ăn rau trái trọn đời chẳng đổi thay. Rất giỏi các lối chữ thảo, chữ lệ. Ngài Tăng Chính ở tại Tương Dương, sau cùng dời đến Hạ Thủ. Sư hóa đạo rất thanh hành. Ngài Tuệ Tế là người ở xứ Phiêng ngưng, sau cùng trở về Lãnh Biểu. Đức hạnh Sư vang cùng Nam Việt. Văn nghĩa phong tuyên được truyền bá rộng khắp. Các Sư đều thị tịch trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương.

---o0o---

12- Thích Tuệ Khai trụ chùa Bàn Thành ở Dương Đô

Thích Tuệ Khai, họ Viên, người ở xứ Hải Diêm thuộc Quận Ngô. Lúc đầu, Sư xuất gia làm Đệ tử sa-môn Pháp Sùng chùa Tuyên Võ, bèn theo thầy thọ học A-tỳ-đàm và Luận Thành Thật.

Trong khoảng niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề, Sư đến Thượng Kinh để cầu học, ở chùa Đạo Lâm, trải qua thời gian thọ học kinh luận với hai Sa-môn Tăng Mân và Trí Tạng, sau đó, Sư dời đến trụ chùa Bàn Thành. Sư học mà không thời gian ôn tập, chỉ nghe qua tai liền chẳng quên. Sư thường ưa thích rượu trà, đùa bỡn bài cờ tự vui. Nhưng gặp người tánh tình hấp tấp thì quyết không đối biện, người đời trên chiếu mà chậm chạp văn từ. Sau, bỗng nhiên Sư cắt đứt các thói quen trước, chuyên nghiên cứu Danh giáo, ở trong chúng giảng bày chỉ dạy, đều mừng mới nghe. Đến lúc Sư giải thích danh từ, phân tích nghĩa lý thì ứng biến khôn cùng. Tuy gặp kẻ kinh địch khôn khéo luận đàm, song, ít ai bề gãy được sự bén nhạy của Sư. Nơi giảng tịch luôn bày cờ nên người học tìm đến. Bèn khiến tiếng tăm ngài vang xa khắp cùng, mọi người đều biết.

Trần Quận Tạ Tuệ nhã cũng khâm phục kính trọng, ra trấn thủ tại Dự Chương, thỉnh Sư giảng nói, cúng dường tưởng thưởng rất nồng hậu. Sư trở về chưa tới thành đô thì phân tán đã hết. Lưu Nghiệp ở Bàn Thành ra trấn

thủ tại Tấn An, biết chỗ Sư ở thường không, do đó tặng Sư một muôn đồng tiền. Sư liền ban tặng cung cấp cho những người đói lạnh, chẳng trọn một ngày. Sư lập tánh rộng rang, không chứa đẽ của cải, đều đồng loại như vậy, mà tánh Sư luôn sơ suất, chẳng để ý đến hình nghi: áo quần dơ bẩn, Sư không hề để ý tẩy giặt. Đồng bạn có người không chịu nổi, đều thay đó mà giặt giũ. Lạnh thì Sư mặc áo bông tơ đơi thành, nóng thì Sư ẩn nơi giường chiếu đến ấm nóng. Đến niên hiệu Thiên giám thứ sáu (507) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ ba mươi chín tuổi.

Cùng ở trong chùa Bành Thành lại có Sa-môn Đàm Tuấn, cũng là người do sự cầu học mà danh tiếng. Ngài thông suốt các kinh lại siêng năng lễ tụng. Đạo phong vốn chỉ một khí khái, nóng lạnh cũng thực hành. Thị Trung Vương Từ Côn Quý, Tư Đồ Trưởng lại Giang Cách Hữu Vu đều kết bạn giao du với Sư.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Minh Triết trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô

Thích Minh Triết, họ Hạ, người ở xứ Tiên Đường thuộc Quận Ngô. Năm sáu tuổi, Sư chịu tang cha, bèn phát nguyện xuất gia, trụ chùa Vương Viên ở Thượng Ngưu. Sư học không từ thầy bạn, chỉ tự tâm mà quyết đoán. Mỗi lúc thấy việc tốt, Sư đều lưu tâm xét kỹ. Sư gặp người khách đọc truyện Sa-môn Thích Đạo An, nói rằng: “Nghe Ngài Đạo An thưở nhỏ mồ côi cha mẹ, nhờ người Anh bà con bên ngoại nuôi dưỡng”. Sư bèn nghẹn ngào sụt sùi giây lâu mới hết. Ngày sau, Sư mượn truyện ấy để nghiên tâm, thấy được những sự tốt đẹp trong việc hoằng Pháp của Ngài Đạo An. Nhân đó, Sư vỗ gối than rằng: “Người sống ở đời, sao lại có thể chẳng như vậy ư?” Từ đó Sư chuyên tâm học Đạo, công phu chẳng bỏ luống qua. Sư thường cùng vài người bạn đồng học ở sau phòng thầy. Phòng ấy vốn đã quá cũ mục, bỗng gặp cơn gió thổi tốc vào nhà gần như muốn đổ sụp. Thầy đi chẳng có nhà, không cây vật chống đỡ, mọi người đều bỏ chạy. Sư vẫn tập nghiệp như cũ. Khổng Quảng ở Cối kê nghe như thế nên ngợi khen rằng: “Phong thái trẻ nhỏ rất xinh đẹp, tương lai sẽ thành danh khí!” Người đương thời nhân việc ấy mà kính phục, Sư bèn nổi tiếng khắp Đông Việt.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười (492) thời Nam Tề, Cánh Lăng Vương thỉnh Sa-môn Tăng Hựu, Tam Ngô giảng Luật. Giữa đường gặp nhau, tuy là tuổi tác cách nhau xa mà tình chẳng trái nghịch. Nhân đó, Sư theo ngài Tăng Hựu thọ học Luật Thập tụng, và cùng theo ra Dương Đô, trụ chùa Kiến Sơ. Sư tự cho rằng: “Luật là mực thước, là hiến chương, là nghi thể”. Nên bèn nghiên cứu cùng khắp cả bốn bộ, xét xem mọi sự hưng phế. Các bậc Luật sư thời bấy giờ biện giải chẳng ai có thể bẻ gãy được Sư.

Vào niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề, Sư lại chuyển sang cầu học kinh luận, trải qua thời gian tham cứu với các bậc thầy, nắm đủ các nghĩa lý sâu mâu, Sư bèn tôn xưng Pháp sư Tăng Mân là bậc nêu chánh kinh luận, khéo rõ thần cơ, bàn nghĩa thông suốt sâu kín, dễ khơi dậy sự thâm áo. Sư bèn theo Ngài Tăng Mân mà thành đạo nghiệp. Tề Thái Phó Tiêu Dĩnh Trụ rất khâm phục chúc tụng. Đến lúc ra trấn lãnh ở Kinh Châu, ông dẫn Sư đi khắp bảy đàng, thỉnh Sư đến Nội Đền khai giảng Kinh Tịnh Danh. Thường ngày, đối với Văn cú các kinh, đã là chỗ nói ứng cơ. Hoặc gặp phải các chỗ quanh co sâu sắc, hoặc lại chỉ bó buộc nơi Văn tự, mà trước nay các bậc anh tài cự nhân mỗi người tự lưu tâm, sai lầm ngay ngày nay trông vào huyền tông này xa không phảng phất. Sư có tâm thẹn thùng xót xa sâu sắc. Người đương thời đều quý trọng sự nhường nhịn của Sư. Mãi đến lúc Tiêu Dĩnh Trụ qua đời, tặng riêng ngài chiếc ghế rất êm. Sư do Di mạng nên bị lưu lại, nhờ võ về để hết thọ mạng.

Đến đầu niên hiệu Thiên giám (502) thời Nam Lương, Sư mới trở lại Đô ấp, lại theo Ngài Tăng Mân mà thọ nghiệp. Mọi người lớn nhỏ đều cầu thỉnh, Sư thường vì đáp lại. Sư nghiên cứu rộng văn sâu, thấu suốt ý chỉ sâu kín, gốc rễ giao kết không bao giờ để ngưng trệ. Sư xa gieo trồng tiếng tăm, bày khuất nhiều lớp, chọt kinh chọt luận, bốn mùa không ngừng nghỉ. Những người nghe học, không nơi xa nào mà chẳng đến. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) kính trọng tiếp đãi chẳng theo thứ lớp lớn danh. Sư vào nơi Nội điện, Gia Tăng cung phụng mọi vật theo từng năm chẳng sai lầm. Vua dùng luật để thấu suốt muôn hạnh, điều chương dồi dào rộng rãi, xin Sư nắm lấy giản yếu, cùng loại thì theo nhau.

Đến cuối niên hiệu Thiên Giám (520) Vua Võ Đế ban sắc mời Sư vào vườn Hoa Lâm, đến chỗ các Sa Môn Bảo Vân, Tăng Tĩnh, chuyên nghiên cứu sao soạn. Sư cố khước từ mà chẳng khỏi. Sư thường hầu Vua ngự diên, đối đáp nêu bày điều sâu kín. Hoàng Trữ thường tiếp đãi Sư luôn đặc biệt hơn lẽ thường, đều khiến cả hai cung đều cúng dường rất ưu ái nồng hậu. Các bậc Danh bối đương thời đều nhờ ứng đối, chưa có ân tuệ đượm nhuần lớn lao như thế.

Sư nhóm họp xếp đặt sắp thành, bỗng nhiên bị bệnh trầm tích, nên từ điện Thọ Quang dời về chùa cũ. Vua Võ Đế đến gần tự tỏ bày vui vẻ, đích thân nói lời ấm áp an ủi. Vua biết sẽ không thể cứu nổi nên lui về mà rơi lệ. Trung sứ tham hầu sớm tối chẳng dứt. Sư tự nghĩ mình sắp chết nên dâng tấu khải văn đề cáo từ. Lòng vua Võ Đế đầy rẫy nhớ nhung ở điện Vạn Thọ, khi đó các quan chức xu quý trong ngoài đồng một lúc xót thương, vì trình Biểu văn của Sư nên vậy, trong Biểu văn, Sư viết rằng: “Nhân Quả rất sáng tỏ nhân nếp phục làm sao trốn tránh. Minh Triệt tôi tuy là Ngụ đoán, nhục

trông xem chí tịch. Lúc sắp lìa đời đâu còn Di lậ. Chỉ biết ân biết ái, nên vì nói cho nghe. Nhưng Triệt tôi vốn xuất thân từ Đông Hoang, là Dân thấp hèn mà thôi. Hơi có chút khéo biết, lại làm ở trong cửa Phật, thời thiếu niên phóng khoáng, ràng buộc Huyền giác. Tuy chưa thể rõ Đạo, nhưng hơi được chút tánh lành, nên chuyển đến chẳng nghĩ. Gặp thời Hội xương, bèn gài gửi kính vâng ngự diên, nâng đỡ mở mang pháp tịch. Vừa có đức Nhân, vừa dẫn dạy, gọi đủ ân giúp. Thường nguyện buông duỗi kính một đon thành, phụng vâng mở mang từ hóa, đâu để ý phước báo đã đến cùng, bèn quy kết về đất bụi. Kính ngưỡng luyến mến đức Thánh ở đời, sao có thể nói. Đặc biệt kích mong Bệ hạ trọn kiếp vĩnh trụ, ích lợi làm bóng mát không ngần mé, đầy đủ trang nghiêm đạo tràng, dẫn dắt mọi vật. Trời rũ khắp nước ngoài, đồng thành tịnh độ. Quả thắng trôi chảy xa, ung dung xa nhóm họp. Minh triệt tôi vì kính gặp, mừng khéo luận Đạo, thoát khỏi muôn đời trở lại sống còn đợi vâng hầu. Dù sống dù chết đều trông mong cứu giúp. Đến lúc sắp tận hoàng hốt như mộng. Tuy muốn bày tâm, tâm đâu chịu hết. Không cảm nỗi sự thật của buồn thương, kính cẩn dâng biểu văn tấu trình để Bệ hạ cùng biết!” Vua Võ Đế lại ban sắc đáp xét tinh sớ thêm thắc mắc lo âu. Sắc viết: “Người đời ai không bệnh, có sao vội chung biệt quá mau! Pháp Sư Chí tánh sáng bèn, đạo hạnh thuần đủ. Qua lại cõi tịnh, đến miền An dưỡng. Mới trừ được bốn ma, Lý không có năm sợ. Chỉ ứng chánh niệm các Đức Phật, chẳng xả bỏ Đại nguyện, tương ứng với trí Bát-nhã, thẳng đến chủng trí, phát tâm Bồ-đề. Kia đây tiếp nối mới kết duyên lai sinh. Cung kính như người ngang bằng. Hạnh nghiệp Bồ-tát chẳng chỉ trăm ngàn năm. Khéo nghĩ chí lý, chớ khởi loạn tướng. Xem thủ bút mà buồn bã, chẳng còn lăm lờ....!” Vua Võ Đế nhân đó đến chùa thiết lập trai hội cúng dường ba trăm vị Tăng, khuyên bảo Sư sám hối. Tự vận thần bút soạn bài văn sám nguyện. Sự việc xong xuôi. Sư bèn thị tịch tại phòng ở chùa. Lúc đó nhằm ngày mùng bảy tháng mười hai niên hiệu Phổ Thông thứ ba (năm trăm hai mươi hai) thời Nam Lương. An táng tại phần mộ cũ ở chùa Định Lâm.

Vua Võ Đế sắc cấp Đông Viên Bí Khí. Mọi sự trong lễ tang bày biện đầy đủ. Chủ giả Giám hộ có sự sùng kính.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Pháp Khai trụ chùa Tây ở Du Hàng

Thích Pháp Khai, họ Du, người ở xứ Du Hàng thuộc Ngô Hưng, Sư xuất gia từ thưở nhỏ tại chùa Bắc Thương, làm đệ tử sa môn Đàm Trinh. Ngài Đàm Trinh thanh bạch lắng nghiêm, rất có giải hạnh.

Thưở thiếu thời Sư rất thông minh, vì gia nghiệp khôn khó, do đó thân áo mặc không kín, ăn chỉ sơ sài thô sấp. Bạn đồng học của ngài như Tăng Lưu,

Đàm Đản, gia đình có của cải nên ăn mặc xa hoa, nhưng đều theo ngài Đàm Trinh thọ học.

Thường có năm lao nhọc và tìm xét sâu xa đến kia mà chưa có ai sánh bằng Sư mà các vị Tăng Lưu, Đàm Đản tự ý mình giàu có nên rất khinh người. Sư chỉ có tâm vui vẻ, bèn mang sách đi về hướng Tây đi đến chùa Thiền Cương và nương tựa hai Pháp Sư Tăng Nhu, Tăng Thứ để học luận Thành Thật. Áo chẳng che kín thân, ăn chỉ giữ mạng sống. Mà Sư chẳng tránh được lạnh gió nắng mưa, hết đêm là ngày. Trải qua thời gian học nghiệp đã giỏi, tinh giải vô ngại. Suốt ngày đi giảng nói không hề tạm nghỉ. Tâm Sư bén nhạy, việc không có ích thì chẳng nghiên cứu. Có lúc Sư trộm nghĩ ngầm phát lên để cản ngăn chẳng đủ, đang cùng những kẻ bén nhọn ấy, ít người không cứng lưỡi. Do đó mà Sư nổi tiếng. Lại Bộ Thượng Thư Lang Da Vương Tuấn, Vĩnh Gia Thái thú Ngô Hưng Khâu Trì đều nhường kính suy tôn, thường cầu xin Sư dạy răn.

Sau, Sư trở về lại Dư Hàng, ở tại chùa Tây. Những vị trước kia cung lẳng giá, nay trông nhìn đạo phong nhuốm khí trọn cùng trốn lánh cho đến lúc qua đời. Sư nhân đó mà Giảng đạo nối nhau, kẻ tặng người tục thầy đều tán phục. Có Sa-môn Trí Tạng sau ra ở Võ huyết, giảng luận Hoá thành. Sư sang xem nghe, thẳng thắn cật nạn qua nhiều ngày, khiến các khách liêu đều hưởng vui vẻ. Ngài Trí Tạng nói rằng: “Pháp Sư Pháp Khai nói luận đã nhiều, tự có thể đi!” Tôi muôn vào Văn”. Sư bảo: “Đức Thích-ca Thế tôn giảng pháp, Phật Đa Bảo vọt lên hiện hình tháp. Pháp Sư Chỉ Nam răn dạy chúng đui khách là lý do tại sao?” Ngài Trí Tạng có vẻ hổ thẹn.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ tư (523) - thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Ngõa quan ở Dương Đô

Thích Đạo Tông, không biết Sư họ gì. Sư là người xứ Giang Lăng thuộc Kinh Châu. Sư xuất gia rất sớm, trụ chùa Ngõa Quan. Tánh tình Sư chân chất thẳng thắn, chẳng việc đua tranh, tai chẳng vọng nghe lời chúc tụng, miệng không nói lời đua nịnh. Sư tu thân giữ mình thanh khiết, động tĩnh có độ lượng. Sư học qua các kinh, đều chẳng do thầy. Trọn ngày ở nơi nhà nghỉ vắng, chỉ vui cùng quyển bộ kinh sách mà thôi, thanh đàm cao luận, khiến người nghe quên cả mỗi mệt. Sư chỉ mặc áo quần thô xấu, ăn uống sơ sài tiết kiệm. Gặp năm đói kém vào trong thôn xóm chẳng ai cúng dường, Sư bèn theo hướng Nam đi đến Lãnh Biểu mở mang đại đạo. Sư tự thệ nguyện cho đến lúc chết luôn giữ việc dẫn dắt hoằng hóa không dừng nghỉ. Năm ngoài năm mươi tuổi, Sư thị tịch tại xứ ấy.

Lại có Sa-môn Pháp Sư ở chùa Diên Hiền. Thờ thiếu thời, ngài nghiên cứu kinh số, lúc trưởng thành lại thường giảng nói. Vào cuối đời Nam Tề có năm đói kém, Sư cố cùng quyết giữ tiết tháo thanh bản. Chuyên giữ việc, chẳng đua tranh tham lam chứa để đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Hậu Lương, Sư theo hướng Tây đến Lục Hải rồi trở về hướng Đông đến Linh Sở. Sư rất có công mở mang Phật Pháp.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Pháp Trinh trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ

Thích Pháp Trinh, không biết Sư họ gì. Sư là người xứ Đông Quang thuộc Bột Hải. Năm chín tuổi Sư xuất gia, tiếng tăm thanh tú nơi Sư, chẳng phải như hàng phàm tình. Ngài trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ làm đệ tử sa-môn Đạo Ký. Năm mười một tuổi, Sư tụng thông rành Kinh Pháp Hoa. Trong ý nếu có chỗ không hiểu thì tùy mê lầm mà đến hỏi. Ngài Đạo Ký bảo Sư rằng: “Người nắm giữ ở tương lai, đó chính là ông!” đến lúc Sư trưởng thành lại Sư ngài siêu vượt cao kỳ. Ở tại Lạc Hạ không ai có thể lấn át. Sư nổi tiếng ngang hàng với Sa-môn Tăng Kiến. Người đương thời cho rằng: “Ngài Tăng Kiến câu văn không hơn trước, còn Sư thì vào chỗ vi diệu bước riêng một mình!” Sư bèn cùng ngài Tăng Kiến kết bạn Nghĩa hội. Kẻ tăng, người tục đến nương tựa học đông cả ngàn vị. Sư tùy có được các sự cúng dường bèn tu tạo cả ngàn tôn tượng mà bố thí cúng dường. Ngụy Thanh Hà Vương Nguyên Dịch, Nhữ Nam Vương Nguyên Duyệt đều mở đài đánh lễ thưa hỏi, và kính vâng sự dạy răn. Gặp lúc nhà Bắc Ngụy Đạo đức suy thoái, người nữ dẫn đầu, hủy luận ngày một lớn lao, nghi kỵ càng chứa nhóm, ganh ghét những bậc đức hạnh, thường cho là mình hơn, khó tránh khỏi ở đời nay. Sư bèn nói với Ngài Tăng Kiến rằng: “Triều đại (Nam) Lương là đất nước có lễ nghĩa, lại có Bồ-tát ứng hiện hành hoá Phong giáo, tuyên lưu đạo Pháp, Có nên cùng đến đó chăng? Nay tuổi đã trên sáu mươi, buổi sáng sớm nghe Đạo, chiều tối chết tôi cũng không hận!” Ngài Tăng Kiến nói rằng: “Thời gian không nên để luống mất, trước kia tôi cũng có hoài vọng đó!” Vào niên hiệu Phổ Thông thứ hai (521) thời Nam Lương, hai Ngài (Tăng Kiến, Pháp Trinh) cùng nhau tìm đến đất phương Nam xa thăm. Sư bị ruồi ngựa bắt kịp nên mang họa diệt thân, Sư thọ sáu mươi một tuổi!

Ngài Tăng Kiến vốn người đất Thanh Hà. Lúc còn là Sa-di. Sư là người thông minh tài giỏi, lúc thành người lại giỏi đàm nói Danh lý. Sư cùng các vị Tuệ Thông, Đạo Tịch, Pháp Trinh v.v.vv cùng học một thầy, tức sa-môn Đạo Ký. Lớn nhỏ cùng dắt dẫn nhau nghiên cứu Số Luận, bèn thấu suốt năm tu, mở khắp một phương. Thường ngày giảng nói, thính chúng đông hơn ngàn người. Các bậc Thạc học thông suốt đều mừng vui sự thành đạt mới ấy.

Sư đến các Pháp diên giảng nói thường liên tiếp đêm ngày. Tuy mục đích là dạy thành người nhưng lại vào làng giáo hóa hóa. Ngụy Cao Dương Vương Nguyên Ung cùng mời thỉnh, nhiều lần thâu đêm đàm luận. Hoặc dùng tay áo khóa bít chỗ thấp hèn, hoặc sáng trong mừng gặp, không một ai bằng Sư. Sư liền bảo rằng: “Rất hận chẳng đồng đầu mới ấy!” Nên những người nghe Đạo phong Sư mà dốc lòng khát ngưỡng, xa kính phục Pháp vị.

Sau, Theo hướng Nam Sư đi đến Đé thất, tới dòng sông phía Nam chùa Hà Viên, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) khéo luận nghĩa chỉ, ban sắc nhóm họp học tăng đến điện Lạc Thọ để thứ lớp lập nghĩa. Mỗi lúc Sư ở chùa giảng, thành giúp sự nghiệp sau vượt hơn trước. Ngài Tuệ Thông lập tâm nhân dự, giải hạnh vang xa. Ngài Đạo Tịch học rộng nghe nhiều truyền bá sự nghiệp của thầy. Các Ngài đều thị tịch tại đất Bắc Ngụy.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Bảo Uyên trụ chùa La Thiên Cung ở Ích Châu

Thích Bảo Uyên, họ Trần, Người ở xứ Lang Trung thuộc Ba Tây. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến thành đô xuất gia, trụ chùa La Thiên Cung. muốn học Luận Thành Thật, là người đứng đầu mở mang. Tại trong làng quận, thuật cạn chẳng thoả ý bằng lòng.

Niên hiệu Kiến Võ thứ nhất (494) thời Nam Tề, Sư xuống đô thành ở chùa Long Quang, theo Pháp sư Tăng Mân thọ học năm Tự. Trải qua mấy năm mà nghĩa lý rất nhập thần. Ngài Tăng Mân bảo: “Ông này có tánh tài tuần cảnh tỉnh, trí tuệ nghĩ suy vượt hơn người. Chỉ tiếc là hấp tấp chẳng thường, động tĩnh luôn hiểm nguy. Nếu gặp được người thông hiểu ưu đãi cùng tiếp nhận thì sẽ thành bậc Danh sĩ một đời. Nếu không gặp thời thì chẳng được chết, chắc chắn sẽ tổn nhục cho Đại Pháp!” Sư rất ưa thích Bồ phốc, khiến rượu cậy hơi, suốt ngày loay hoay không chỗ buông xuống. Ngài Tăng Mân phải nhiều lần can răn dẫn dụ, trở lại thành thù. Nhân đó Ngài (Bảo Uyên) đổi đường, lại đi theo Ngài Trí Tạng tìm tòi nghe nhận sự nghiệp trước. tự kiến lập giảng diên, của cải ban tặng khắp nơi. Ngài lại dốc sức cố gắng siêng năng gấp bội ngày thường. Sư từng bảo: “Bậc Đại Trọng phu phải sai người phụng sự ta, làm sao ta hầu người dài lâu được?” Sư bèn soạn nghĩa số rộng ra. Quý Thị Vương đi đến Phương Nam, gởi một sọt sách để gởi, Sư có ý như muốn trở về Tây. Đồng ở trong chùa có Sa-môn Tuệ Tế đưa cọt bảo Sư rằng: “Xưa kia, giòng họ Tạ một hòm xanh, chẳng đến chẳng được làm văn chương. Nay ông bụi trần chưa đến lại phán không giảng lý”. Sư bảo: “Khác, chẳng phải như. Đây mới là gậy đánh chó vậy”. Nhân đó, Sư mang pho sách trở về phương Tây, lại ở nơi chùa cũ, nêu định nghĩa phủ.

Các hàng tăng tục kính phục. Từ đó Sư thường thiết lập pháp luận, thỉnh chúng có đến mấy trăm. Sư tự trọng Danh hạnh, ít khách biệt mình.

Có Sa-môn Trí huân du học ở Kinh Hoa rất thông hiểu về Số Luận, đồng trở về Bồn nương, đến cùng phân giao. Sư không cho phép. Về sau, kho lẫm của chùa phạm phải luật quan. Sư tự ý mình danh tiếng vang cả một châu, vì vật mà nhường, Sư dùng thân mà thay, ngang bướng không thôi. Đến lúc sự việc hoàn thành, biết sẽ bị bại, nhân đó, Sư ra khỏi thành, đến giữa đường, dùng mũi nhọn tự đâm vào mình. Lúc đó Sư sáu mươi một tuổi, nhằm niên hiệu Phổ thông thứ bảy (526) thời Nam Lương.

Bảy giờ, ở Bành Môn lại có các Sa-môn, Pháp Văn, Pháp Độ, Pháp Hộ, Đạo Hưng v.v.. đều là những bậc học rộng mà nổi tiếng. Ngài Pháp Văn trong trắng liêm khiết khéo chuộng, rất có phong thái, Ngài Pháp Độ thông hiểu Đại thừa, trang nghiêm có khuôn phép. Ngài Pháp Hộ ngay thẳng thuần tín, chẳng giao thiệp việc đời. Ngài Đạo Hưng luôn giữ cõi lòng trong trắng chân chánh, hiếu nhân, phụng nghĩa. Các ngài đều hạ đô trụ ở chùa, chẳng rơi lạc Học tông là chỗ thấy biết tôn sùng kính ngưỡng của các bậc Hùng Biện.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Tăng Tuân trụ chùa Trì Thành ở Dương Đô

Thích Tăng Tuân, họ Minh, là con của anh Thái tử Trung Thứ Sơn Tân. Năm mới vào Lễ, có lần Sư nghe Sơn Tân đàm luận với khách, tìm nhận qua lại hoàn toàn không để lọt mắt. Sơn Tân vỗ vào đầu Sư bảo rằng: “Người mà ngày nay làm cho nhà ta chẳng đi xuống, đó chính là ông!” Cha của Sư kính vâng lời Bác của Sư nên rất kính tín Đại thừa, biết Sư thông minh tài tuấn có thể hy vọng tinh thần sâu sắc, lớn lên kham nhận cứu vớt biển ái sông mê.

Năm mười hai tuổi, Sư được lệnh cho xuất gia, làm đệ tử Luật Sư Tăng Biện chùa Phụng Thành. Ngài Tăng Biện tánh tình liêm khiết thẳng thẳng, giới phẩm thanh tịnh trang nghiêm, khéo nhân trọng tín, tinh tấn siêng năng, thường giảng Luật Thập tụng.

Sau, Sư đến ở chùa Trì Thành, giữ gìn tiết tháo cao thượng, cố gắng ham học. Sư theo Sa-môn Pháp Văn trụ chùa Quang Trạch cầu thừa hỏi kinh luận. Khắp chốn Già-lam không làm các tạp sự. Các bậc Danh đức đương thời đều ngợi Sư. Điều gì Sư nghe qua tai thì chẳng quên, nhìn qua mắt liền ghi nhớ, thường hay giải đáp như nước bình này rót qua bình khác. Người đương thời mừng sự biện giải thanh rành của Sư. Các hàng tăng tục lại mến trọng sự không nhọc mệt của Sư. Mọi điều thấy nghe, Sư đều ghi chú. Tuy

không tài lớn mà tổ chức việc làm sâu cùng. Các bạn bè đồng học không ai chẳng ghi truyền.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) thời Nam lương, Sư thị tịch, thọ ba mươi lăm tuổi.

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Đạo Toại, Đạo Tiêu, đều là người xứ Hải Lăng, đồng theo Sa-môn Pháp Vân để thọ học. Kinh luận đều nghe, đều có thứ lớp.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu ở chùa Linh Căn ở Dương Đô

Thích Tuệ Siêu, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Dưới thời biến loạn của Vĩnh Gia nên gia đình Sư dời đến ngụ ở Tương Dương.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Đàm Khê, làm đệ tử Sa-môn Tuệ Cảnh. Ngài Tuệ Cảnh thanh thần bình giản, rất có khí cục. Đầu niên hiệu Phổ thông (năm trăm hai mươi) thời Nam Lương, Ngài Tuệ Cảnh làm Tổng Châu Tăng Chánh, do sự tiết kiệm mà nổi tiếng. Sư tuy bé nhỏ mà trong sáng, cử chỉ rõ ràng dễ mến, tiền lùi hợp độ. Sư thờ ngài Tuệ Cảnh một năm, vì chúng rất phức tạp nên Sư xin dời thiền phòng, đến nương tựa Thiền sư Tăng Tông tập học Định Nghiệp. Năm mười hai tuổi, Sư lại theo Ngài Tăng thọ cùng ở chung chùa học thông Tam Huyền. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề, Cảnh Lăng Vương thỉnh Pháp Sư Trí Tú cùng các Học sĩ tùy phương giảng pháp truyền trao theo hướng Tây đến Phàn Đăng. Sư nhờ thọ học, đồng thời hợp Pháp tịch đều cùng đượm nhuần lãnh hội. Sư theo Pháp sư trí Tú trở về lại thánh đô trụ chùa Linh Căn. Và bèn xin thọ giới cụ túc với ngài Pháp Thường. Tụng giới chưa tròn hai ngày, nghe luật chưa xong hai biển mà đều biết văn hiểu nghĩa, sáng soi đến tận sự nhỏ nhiệm. Sư vâng thừa sự chỉ dạy của thầy, không hỏ thẹn. Đến lúc thầy thị tịch, sau đó Sư lại theo nương tựa Sa-môn Trí Tạng tham tìm tập học kinh luận. Ngài Trí Tạng bảo rằng: “Ông này tú phát, sẽ thành pháp khí tốt!” Hễ nhưng nơi nào Ngài Trí Tạng đến, Sư đều được cùng theo. Sư thông rành các bộ, tiếng tăm vang khắp kinh áp. Sau đó, Sư lại theo Luật sư Tuệ Tập thọ học Tỳ-ni, vừa mới được vài biển, ngài Tuệ Tập ngợi khen rằng: “Chẳng thể gọi là mới học mà đã thành băng giá so với nước!”

Sau, Sư trở về quê hương định tĩnh, khắp nơi đều nhớ tưởng. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc mời Sư trở lại làm Thọ Quang Học Sĩ. Lại ban sắc cho sa-môn Tăng-già-Bà-la ở chùa Chánh Quán truyền dịch Kinh A-dục Vương, và nhờ Sư ghi chép. Sư chia thành mười quyển, mà Sư ản vui đức hạnh mình đề đạt đến người, chẳng chuyên khoe khoang công khó của mình. Nên hễ có cầu thỉnh thì Sư thường suy đặt ở các bậc cụ đức. Về sau, ngài Trí Tạng

bảo Sư thay thế để giảng thuyết nhưng Sư cố từ chối, chẳng chịu đảm đương. Hoặc gặp các bậc Hiền giả luận bàn sâu rộng, Sư đều tham dự biện giải thông bát. Còn như chống đối các người vắn nạn trước thì Sư biết lý sắp cùng mà chùng xuống. Hoặc gặp khi cơ hồng cũng nên đuổi theo mà im lặng. Nhưng kia cũng bảm nhận biết đồng chỗ an và chẳng an, mà Sư hay nhún nhường chùng xuống như vậy. Thức ăn áo mặc Sư luôn đem cứu giúp. Các hàng giàu sang thỉnh mời mà Sư không chứa để riêng. An Thành Khương Vương Tiêu Nhã Tú khâm phục kính trọng giới đức của Sư, ra đất Phồn cận thỉnh cùng dẫn Sư đến nơi trấn nhậm. Ngài giảng nói Đạo phong tỏa khắp, xa gần đều đơm nhuần, ngợi khen tán thán. An Thành Khương Vương qua đời, Ngô Bình Hậu Tiêu Bính đến Hạ Khẩu, Sư lại chịu cùng đi, pháp diên lại phô bày, người học xưng tán ngợi ca. rồi Sư trở lại thành đô tiếp tục giảng nói, đồng bạn thính chúng cùng nhau tìm đến có hơn hai trăm vị tăng, suốt bốn mùa tu tập đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526) thời Nam Lương, Sư thị tịch, lúc đó Sư mới năm mươi hai tuổi.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Chân Ngọc trụ chùa Thiên Bình ở Nghiệp Trung

Thích Chân Ngọc họ Đông, người ở xứ Ích Đô thuộc Thanh Châu. Lúc vừa mới sinh, Sư không có mắt, mẹ của Sư rất buồn thương! Năm Sư bảy tuổi, Bà dạy cho Sư tập học đàn sặc, đàn cầm, cho đó là phương kế cuối cùng, mà bảm tánh Sư tài giỏi, thông minh, hiểu xét như kinh, chưa đầy mười ngày, Sư đã thấu suốt âm khúc. Sau, trong xóm ấp nhóm họp đông đúc thiết lập trai hội giảng pháp, mẹ của Sư dẫn Sư đến dự pháp hội, chỉ một lần nghe qua, Sư mừng vui nhận biết mà nói rằng: “Nếu thường được dự nghe, cuối cùng sẽ thành Pháp Sư chẳng lo sợ nghèo đói!” Mẹ của Sư nghe thế, Bà muốn Sư thành đạt nghiệp lớn ấy, bèn bỏ hết việc nhà, chuyên dẫn Sư đi nghe giảng, chẳng kể gió mưa khó khổ, chỉ cầu mong nói nhau. Ngài bao gồm lược từ chỉ, khí nhiếp đang nhạy bén. Sắp đến tuổi tráng niên mà tiếng tăm đã rung chuyển cả núi sông.

Sau, gặp lúc phải chịu tang mẹ, Sư bèn xả pháp phục trở về nhà, làm chòi bên cạnh mộ, buồn bã quá lẽ, rau trái dưng cúng thanh trai, nép mình xuống đất, gìn giữ tiết tháo, suốt ba năm ngủ ngoài đồng hoang. Bà con làng xóm rất quý trọng. Sau khi mãn tang, Sư nương tựa Đạo, tu chính nghiệp trước, xem sách liên giảng, không hề vương mắc, đồng bạn dự nghe lần lượt cùng quy hướng.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, Văn Tuyên Hoàng Đế (Cao Dương) mở mang giảng tịch, các hàng già trẻ khắp trong nước đều nhóm

họp về chùa Thiên Bình. Khi ấy, các hàng nghĩa học như Tinh La chen nhau cùng đến. Sư riêng nêu xung thủ lên tòa bàn nói đầu mối, không ai chẳng quy tông. Hết Đế cùng thân, khai phát sáng rõ. Các bậc lão niên tiên đạt thấy đều cúi đầu kính ngưỡng, bèn khiến các hàng tăng tục chạy rảo theo rót chén cù mà chẳng cạn. Một lần qua lại riêng trải qua mười năm, nghe tiếng Sư liền nhớ được danh nghĩa. Ấy là công phu của tổng trì chẳng còn được ưa chuộng. Thường thường đồ Chúng học sĩ có đến trăm ngàn người. Tai nghe đi ngang qua, Sư liền rõ biết được tâm tánh. Sư răn dạy sự siêng năng còn lớn hơn các triết khác.

Từ khi sinh ra về sau, Sư kết lập thệ nguyện khi qua đời sẽ sinh về An dưỡng. Sư thường bảo thị giả đọc tụng kinh, còn chính mình quỳ hoặc ngồi chấp tay mà nghe. Bỗng nghe trong kinh có câu: “Ở phương Đông có cõi nước Phật Tịnh Liên Hoa, thế giới trang nghiêm, so với cõi kia (cực lạc) chẳng khác”. Sư bèn suy nghĩ sâu xa rằng: “Tịnh Độ của các Đức Phật đâu hạn cực mền kính mộ phương Đông, lấy đó mà giữ tâm khó thành hồi hướng!” Nhân đó, Sư liền phát nguyện sinh về cõi Phật Liên Hoa. Sớm tối siêng năng đến thệ nguyện. Sau đó không lâu, thân không bệnh tật gì, mà Sư đến sau trao cho các đệ tử những thứ y phục, kỹ trượng, phát trần, chuỗi châu như ý, phân bộ Di Cáo mỗi thứ có sai khác. Ban đầu, Đại chúng không nhận biết được điều gì, đều cùng nhau lấy làm lạ. Sư bảo: “Nguyện cùng chuyên vận khắp trong đời chẳng có thể vui. Các ông cùng giúp tôi xưng niệm danh hiệu Phật Liên Hoa, khiến tôi được sinh về cõi nước ấy!” Sau khi Bồ-tát, Sư bị bệnh tại nhà Họ Vương ở phía Bắc Nghiệp Thành, thần khí không mê mờ, âm thanh tương mạo vẫn như thường. Các vị Đại đức khắp kinh đô đều đến thăm hỏi bệnh. Sau giờ Ngọ, bỗng nhiên thấy khói mây từ hướng Đông nhóm lại, mùi hương thơm khác lạ lan tỏa khắp đầy cả sân nhà. Giữa hư không vang vọng âm thanh như âm hưởng của tán vịnh, trong sáng rõ ràng. Ngay lúc bấy giờ, chân Sư dần dần lạnh lên mà miệng vẫn còn niệm tụng. Chỉ thời gian ngắn thì Sư thị tịch.

Sau mười ngày Sư thị tịch, mùi hương mới hết, Đại chúng buồn thương kính ngưỡng như đến rừng Sa-la. Con cháu giòng họ Vương đều chế tang phục cùng các môn nhân đệ tử Sư, đón rước nhục thân Sư mà an táng.

---o0o---

21- Truyện Sa môn Thích Tăng Thiên là Đại Tăng Chánh ở Kinh Châu

Thích Tăng Thiên họ Nghiêm, người ở Quận Ngô. Hiếu Kính sớm tỏ sáng. Thị Trung Vương Tích trông thấy mà kinh lạ. Sư chỉ một mặt Định giao, kính thờ Pháp Sư Đạo Tác chùa Linh Diệu ở Chung Sơn. Ngài Đạo Tác cũng quyền hành ngoài tỏ sáng mà cùng rất suy trọng Sư.

Sau Sư vân du khắp các trường giảng, Túng Biện Thiên Thủy từng cất nạn nghĩa Thiên Phẩm của Chiêu Đề Tuệ Diễm. Tinh nghĩa tư duy lưu xuất, khắp trong tòa đều khen ngợi. Chiêu Đề nhân đó sửa đổi làm mới lại Chương Cú. Lương Cao có ban sắc ở điện Hưng Thiện nghĩa tập, Sư bước lên liền biện luận bén nhọn như nước chảy. Vua rất mừng vui, bèn xuống giữ lễ kính Sư như là Gia Tăng. Vua ban chế soạn kinh Thắng-man nghĩa số, ban phát ở điện Thọ Quang, Chư tăng đều có tâm tự xấu hổ. Sư thâu cùng hang Lý. Vua đặc ban chiếu trình bày. Hoàng Trữ Thượng thư lệnh Hà Kính Dung được thỉnh cùng đối luận. Kẻ tăng người tục mừng vui với thời luận đề ấy. Trung Hưng Kinh Nghiệp, Chánh vị Tăng Đoàn, nhậm chức vào tháng giêng, Đạo Phong trùm khắp, chắc chắn bày chúng chẳng cung kính mà thành. Xưa kia, vào đời Tấn mới đặt ra Tăng y. mãi đến nay trải qua bốn đời, tìm cầu nghiệp hoàn bị mà ít được như ngày nay. Sau khi tìm tòi u cầu, kinh cáo bàn kết đều như cam như mù, dựng lại sự phế bỏ, vui vẻ theo chánh.

Đến ngày mười bảy tháng tư niên hiệu Thiên Bảo thứ mười hai (573) thời Hậu Lương, Sư thị tịch tại tinh xá Đại Bảo, thọ bảy mươi chín tuổi. Đến ngày hai mươi an táng tại phía Bắc núi Trung Hoa ở Giang Lăng.

Lúc xưa, vào thời niên thiếu, Sư hiệu kính tự nhiên, gia đình nghèo khó, cha mẹ già yếu nên sự nuôi dưỡng các thức ngon có khi thiếu sót. Về sau, khi danh đức Sư đã lập nên thì Sư cung phụng các thức béo tốt kính dâng đầy đủ. Cho đến lúc chịu tang Sư buồn lo đến gần chết. Năm mới hai mươi tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn sáu ngàn biến. Ngồi mà dường như ngủ, đích thân trông thấy Bồ-tát Phổ Hiền, có hương thơm được sáng chiếu soi, Bồ-tát đến xoa đánh đầu Sư. Viết mà chẳng truyền. Chỉ có Đại tiệp, Sư mới tỏ bày cùng các bạn đồng ý chí. Sư giảng tất cả mười tám Bộ Kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm v.v.... Mỗi bộ đều đến mười biến, và đều có soạn nghĩa số lưu truyền cho hàng hậu học, Đăng giác là Pháp danh của Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương. Nên tự nói rằng: “Chọn mặt quy y lúc ngoài ba mươi tuổi. Ôm kinh hỏi đạo khi tuổi mới mười ba, cuối cùng biết được khổ không, công do khéo dẫn dắt, hưởng gì ruộng phước năm đời, thầy trò hai thế hệ, nhân đã dày mà nghĩa cũng sâu!” Bèn khắc văn bia nơi tháp, thuật lại đức hạnh của Sư ở dưới.

---o0o---

QUYỂN 07

CHƯƠNG II - PHẦN 03: GIẢI NGHĨA

(Trong phần ba của chương II, Chánh truyện có mười vị, Phụ có bốn vị)

1/- Truyện ngài Thích Hồng Yên trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô, đời Trần.

- 2/- Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô, đời Trần.
- 3/- Truyện ngài Thích Tuệ Dũng trụ chùa Đại Thiên chúng ở Dương Đô đời Trần.
- 4/- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Bành Thành ở Dương Đô đời Trần (Minh Giải)
- 5/- Truyện ngài Thích Cảnh Thiều trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô đời Trần.
- 6/- Truyện ngài Thích An Lãm trụ chùa Kỳ Xà ở Chung Sơn đời Trần.
- 7/- Truyện ngài Thích Tuệ Bồ trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn đời Trần (Tăng Thuyên, Huyền Biện)
- 8/- Truyện ngài Thích Vong Danh ở Vị Tân thời bắc Chu (Tăng Côn)
- 9/- Truyện ngài Thích Đạo Sùng ở Nghiệp Hạ, thời Nguyên Ngụy.
- 10/- Truyện ngài Thích Tuệ Tung ở Bành Thành, thời Bắc Tề.



01- Truyện ngài Thích Hồng Yển trụ chùa Tuyên Võ ở Dương Đô

Thích Hồng Yển họ Tạ, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Ông nội Sư tên Mậu, là người khiêm cung hòa mục, lắng đọng cẩn trọng, chẳng giao tiếp với thế tục. Cha của Sư tên Tạng, thông rành kinh sử, giỏi về văn tảo. Lương Hành Dương Vương nghe mà mến trọng nên xin làm quan liêu kết bạn.

Sư là người phong thần đỉnh tú, mới hai mươi tuổi mà ngộ đạo, ban ngày đọc tụng kinh luận, ban đêm ngân vịnh thi thư. Giờ tốt cảnh đẹp, không hề phể bỏ học. Do vậy, Sư tuy nhỏ mà thông minh, khắp làng quận đều ngợi khen. Đến lúc trưởng thành. Sư vân du kinh ấp nghe khắp Số luận. Sau, gặp được Pháp Sư Đạo xước ở chùa Long Quang, Sư bèn hết lòng thọ học. Đặc biệt được thêm thường tiếp, lấy đó làm tuyệt luân. Do đó, các bạn đồng học đổi cách nhìn, lại cùng suy tôn kính phục. Chỉ trong vài ba năm bèn hiểu hết chỗ sâu mâu. Mới khai mở Pháp diên, nhóm tụ đồ chúng, mở rộng Luận Thành Thật. Nếu để nhàn nhã, văn từ trào tuôn tràn bỗng. Các hàng hậu học, tuổi cao xét nghĩ rõ nghĩa. Cầm kinh đội tráp, bỏ dối giữ thật. Do đó, kính ứng Pháp luân tổng trì các bộ. Ngài có dũng khí không ai hơn được, tùy chỗ bày giải. Sớm hy vọng rộng lượng, nhân đó mà theo chương cũ. Sư chăm nhìn nghĩ suy về mây khí, không hề tiếp dối, thấy trái ngược với bậc

tiên đạt, không thể ban tình. Do đó những người lại học có sự cách ngăn, người nghe không hiểu. Sư bèn giữ chí, đóng cửa ở phòng nhàn, cao chuộng đạo ấy, suốt thời gian tìm kinh xem sử, cầu rộng thấy nhiều. Nước thu đài xuân, vãn trong hướng xuất, người giỏi nghĩ mây bay, người tài thì từ ngữ đẹp đẽ, Sư lại giỏi các lối chữ Thảo chữ Lệ, xứng đáng thời tục, nhỏ nhiệm hơn cả cành lá cỏ chi, đẹp xinh cùng tộ ngân câu. Nên dung mạo, oai nghi, thi, thơ nơi Sư được gọi là tứ tuyệt. Những bậc tài giỏi đương thời đều suy tôn khen ngợi.

Vua Thái Tông đời Lương lúc ở Đông Triều, cảm mến sự tài giỏi của Sư, muốn Sư hoàn tục để dẫn làm Học sĩ. Sư giữ chí bèn bị chẳng hoàn tục, nên không thể đặt đê. Gặp lúc vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Lương) khai mở giảng diên, thỉnh các bậc Danh đức bày hỏi, mà Sư tuổi tác chưa phải thuộc hàng lão túc, nên chỗ ngồi theo thứ lớp cách rất xa, mở lời chống kháng cao luận, tinh lý nhập thần. Vua mừng vui, ngợi khen. Sư rất lâu, mọi người ai cũng chăm chú nhìn. Hình nghi Sư vẫn tự nhiên, tinh thần vẫn giữ như ban đầu, khiến mọi người càng thêm đờm nhuần sự cao sáng nơi Sư. Và lúc mời Sư vào hậu đường lại càng thêm lễ tiếp ưu đãi. Gặp lúc rợ Nhung yết hoành hành, đói kém liên miên, nhân đó, Sư bèn lánh đến Tân Vân, lắng nhìn suối đá, giặc lại ruồng đuôi dân chúng ở núi, Sư liền vượt non lánh nạn, trôi dạt rong ruổi, không hề được yên ổn. Lương Trường Sa Vương Thiệu trấn nhậm ở Dĩnh Đô, nghe đạo phong Sư mà phăng mỗi tìm đến, bỗng chốc khắp chữ cung đều bị vùi lấp. Ở thượng lưu đã ngăn trở loạn lạc. Sư bèn tùy việc trở về phương Đông. Nhân đó tâm giữ trong sự tĩnh lặng, nhìn lại suối rừng, mới mang roi trượng nhả da đến tinh xá Vân môn, trải qua khắp các núi sông đẹp xinh, dừng ở dài lâu. Sư lên Đình Thăng Bình ở đất Ngô làm bài thơ rằng:

*“Tịch mịch vật chiều xế
Trang nghiêm trời lắng trong.
Lữ hành nương roi gậy
Lên cao thoáng khách tình.
Suối gò lấm vết cũ
Làng xưa hoặc tên mới,
Khói đêm xông mờ sáng
Mặt trời soi tinh sương,
Riêng đi thiếu bè bạn
Nhẹ bước ít đón nghinh.
Tin chẳng chỗ ta nương
Tâm thương vật nào sánh?”*

Rồi Sư bèn rảo khắp các núi non, có ý chí muốn ở trọn tại đó, góp nhặt sửa sang chùa vũ, nhóm chúng giữa mài đạo nghiệp. Mãi đến lúc Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) đời Trần mở mang hoạch định, thay đổi cơ ngơi (557) Chư tăng xưa cũ ở Kinh Phụ nhiều lần cùng thỉnh mời, Sư nhìn chúng tăng ở núi mà nói rằng: “Tôi khổ nhọc chứa nhóm sở học hơn năm mươi năm, sự tình gặp phải ly loạn nên chưa nhận rồi để giảng nói. Nay thời cơ đã đến mà chẳng thực hiện, thì sao gọi là vì Pháp mà quên thân ư?” Nên đầu niên hiệu Thiên gia (560) đời Trần, Sư mới ra thành đô, giảng ở chùa Tuyên Võ. Học chúng lại nhóm họp, ai cũng trang nghiêm. Tuy Sư nhạo thuyết chẳng mệt nhọc mà tâm thường kết nơi chốn thâm u, nhân những lúc rảnh rỗi nghỉ giảng, Sư thường đến các chùa Khai Thiện, Định Lâm ở Chung Sơn để lắng bật tâm ư yên ngôi. Khi đó, Sư lại cầm bút đề thơ rằng:

*“Roi gậy lên non trước
Vén xiêm ra ngoài cửa,
Lưới mỏng xoay che kín
Tối hẹp lại quanh oai
Cây cao cành bóng nhỏ
Núi ngày ít tiếng chim
Thạch đài lúc trượt dệp
Lưới trùng chột thắm y.
Bên khe hoa tím nở
Trên non mây trắng bày
Gốc thông tỏa khói bay
Nhà vắng lặng chẳng về
Hang cùng không qua lại
Quế rậm riêng tựa nương”.*

Gặp Sứ nước Tề đến, xe thuyền cùng tiếp, Thôi Tử Võ, v.v.. là những người có tài xuất cảnh, cùng bàn luận về chiêm đỏi. Mọi người không thể nêu cử. Thế Tổ Văn Hoàng (tức vua Văn Đế-Trần Xuyến 560-567) cho rằng Sư là người Nội ngoại đều tài giỏi. Có thể cùng kháng ngôn, bèn ban sắc mời Sư đảm nhận giữ lễ tiếp khách. Sư nắm giữ then chốt ôn nhã, dung nghi khôi ngô, khuôn phép oai linh, giảng nói đạo vua, tỏ rạng đức hạnh của Tuyên Đế, tài năng ngôn từ rộng vượt, biện luận nhanh nhẹn, dùng văn thật để đượm nhuần, lấy từ tâm mà dẫn dắt. Thôi Tử Võ, v.v.. đánh lễ nhận lãnh cáo mạng, ngậm bội bắc Phiên. Vua Văn Đế ngợi khen, tán thưởng nồng hậu, ban tặng gấp bội lệ thường. Sư đều đưa sung vào của công, không nhận lấy một vật.

Năm đó, bệnh cũ của Sư tái phát, người nghe thưa dần. Sư bèn ở nghỉ trong một ngôi thất nhỏ, hứa cho mọi người han hỏi. Sư có tâm nghĩ rằng chẳng

thể để một mình mình biết, bèn soạn Thành Luận số mấy mươi quyển, phân tích mở mang tinh lý, dựng lập tư tưởng sâu sắc. Bệnh tình càng trở nên trầm trọng, sự việc chưa được hoàn thành. Đến ngày hai mươi một tháng chín niên hiệu Thiên gia thứ năm (564) đời Trần, là đến lúc bệnh nặng quá lắm, nhưng thần khí Sư vẫn không mờ tối. Sư bảo với đệ tử rằng: “Chúng sinh vì tâm tham khiến cho mờ tối, tham cái ta thì rơi một mảy lông cũng tiếc, tham của người thì không bao giờ nhàm chán biết đủ. Sau khi thân đã chết, mà còn phải xây dựng mộ cao, coi trọng cái quách, cho rằng dưới chín suối lại kết bốn bên gần giữ làm sao có thể than vãn! Hoàng Phủ Mật Dương Vương Tôn hơi được ý ta, tuy biết nhóm về nơi gò đất tốt đẹp, mà chưa biết được tâm ở độ ban đâu. Nay, sau khi ta nhắm mắt qua đời, hãy đem thân hình xấu xa khô khan này mà bố thí cho các loài tất cả chúng sinh bay trên chạy dưới. Nếu ở đời trước có mắc nợ oan trái nhau thì nhờ đây mà đền trả. Nếu không cùng đời nhận thì đời sống ta hoàn toàn được tốt lành. Đó là tâm nguyện bé nhỏ cũng là thú hướng Bồ-đề. Mọi vật đều như thế!” Nói xong, Sư bèn chấp tay thị tịch tại chùa Tuyên Võ, thọ sáu mươi một tuổi.

Mọi người biết hay không biết thầy đều sinh tâm thương tiếc. Ngày hôm sau (22/9) đón rước nhục thân Sư đến tôn trí tại sườn núi phía đông chùa Khai Thiện ở Chung Sơn. Nhưng Sư từ lúc lìa xa thế tục cho đến khi thị tịch, chỉ lấy việc học làm chính, tháo tiết cần kiệm, chỉ đắp mặc y phẩn tảo chẳng dùng tới gấm hoa, mỗi lúc duyên tình xúc khởi liền ngay đó đặt để, mà vẫn thể Sư trôi chảy, ít có người tiếp nối. Sư soạn thuật thiên chương thọ tay bị tán mất. Người sau góp nhặt biên chép thành tập được hơn hai mươi quyển, gặp lúc giạt loạn thất lạc mất chỉ còn được tám quyển. Đến khoảng niên hiệu Thái Kiên (569-583) đời Trần, Học sĩ Hà Tuấn rất mến chuộng, bèn cất vào trong Bí tạng.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Đô.

Thích Pháp Lãng, họ Chu, người ở Quận Bái thuộc Từ Châu. Ông nội Sư hầu quan Tề cấp sự Hoàng Môn Thị Lang Thứ Sử Thanh Châu. Cha của Sư Thần quy Lương Viên Ngoại Tán Kỵ Thường thị Thái Thú quận Bái.

Sư, thưở mới gá thai, theo lời mẹ Sư kể; vốn giòng họ Lưu, mộng thấy một vị thần cưỡi lâu điện vào bụng. Trong mộng như nói thân đồng với hư không. Thế rồi tỉnh thức khắp thân thể đều nhẹ nhàng, có khác ngày thường. Nhân đó dứt bặt các thức ăn tạp có mùi vị tanh nồng. Đến lúc Sư vừa mới độ tuổi búi tóc mà vượt trội khác bao nhiêu đứa trẻ bình thường. Hiếu kính thuần đủ, tiết tháo chí khí bèn vững trắng trong. Nhà vang khắp sáu quận, khí trùm khắp ba biên. Thưở thiếu thời, Sư học tập binh lữ, sớm kinh hành

trận, kiệm ước sửa thân, vinh nhục chẳng đổi thay, bổng chốc mà gá Tiết Ninh Viễn tướng quân Từ Từ Ngạn đi đánh chiếm phương Bắc. Nơi cửa bầy kích dài, ngồi nghỉ dưới cây lớn. Sư suy nghĩ rằng: “Bình là hung khí, thân là nhân khổ, biến dục rừng tà, làm sao nhận biết được!”

Đến ngày mồng hai tháng hai niên hiệu Đại Thông thứ hai (528) thời Nam Lương, lúc ấy Sư hai mươi một tuổi, bèn đến Thanh châu xuất gia nhập đạo. Sư vân du đến Dương Đô cầu học, đến chỗ Thiền sư Bảo Chí chùa Đại Minh thọ học các thiền pháp. Lại nghe Luật sư Thoán ở chùa ấy giảng văn luật bốn. Sư lại đến thọ học Thành Luận ở Pháp sư...Tiên ở chùa Nam Giản, học Tỳ-đàm với Tịnh Công ở chùa Trúc Giản. Bấy giờ tiếng tăm Sư đã vang dội khắp kinh điện, thần cao trong học chúng, do đó, bạn miệng trời che bít tai khách, tâm nghĩ mắt nhìn, không đâu chẳng đua chạy cạnh tranh. Chỉ vì Pháp mầu xưa kia nơi non thúu những người truyền xướng ít rộng rãi. Đạo phong của Ngài Long thọ, các bậc Tông sư chẳng tiếp nối. Truyền trước ghi chép Ngài Pháp Lăng ở Nhiếp Sơn, mở huyền xét vi, những việc đời ưa chuộng. Đời người lâu dài nối nhau tồn tại. Sư mới đến núi ấy dừng ở chùa chánh quán. Có Pháp Sư Tăng Thuyên thọ học các Luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận, Luận Thập nhị môn, và các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, v.v.. ấy tức Di luân tạng bộ, nghiên tầm sâu mầu, nhả nghĩa mới tinh, ngôn từ bao hàm hoa quan, chuyên môn gượng học, thời khóa đốc thúc thân tâm. Có thể gọi là công thầy gấp bội, lấy đó làm chứng.

Đến tháng mười một niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (556) đời Trần, Sư vâng sắc chiếu vào kinh đô, trụ chùa Hưng Hoàng, trấn giảng nối nhau. Do đó các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Tứ luận văn ngôn mà các bậc hiền triết trước kia chưa giảng nói, chỗ mất dần của hàng hậu tấn, Sư đều chỉ trích nghĩa lý, nêu phát văn từ đến cùng, nên có thể lời nói khí độ trong sáng dễ hiểu, chúng thường đông hơn ngàn người, phước tuệ càng rộng lớn. Do đó, người nghe nhóm họp, co đầu gối rầy mò hỏi. Pháp y có hơn ngàn bộ cất chứa ban cho thường kết, mỗi lần lên pháp tòa thì một lần thay đổi y áo. Giảng nói các kinh luận trước mỗi thứ hơn hai mươi biến. Suốt hai lăm năm lưu nhuận chẳng dứt. Thời gian ấy dựng khởi bốn Bộ. Hoa Pháp Luân của hai cung, đương thời chẳng sánh lường.

Đến nửa đêm ngày hai mươi lăm tháng chín năm Tân Sửu, nhằm niên hiệu Thái Kiến thứ mười ba (581) đời Trần, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Qua ngày hai mươi tám tháng chín, an táng tại đỉnh núi phía Tây Nhiếp Sơn trong làng La Lạc, huyện Giang thừa.

Ban đầu, Pháp Sư Tăng Thuyên cùng thọ học với Sư. Huyền Chỉ tỏ sáng, chỉ còn lại Trung Quán. Vì nếu chẳng phải tâm hội triết lý, thì làm sao có thể

khé với thanh ngôn ấy, mà dấu vết rùng sâu vị Thiền cùng được. Mãi đến sau này bốn vị ra ứng phó, ba nghiệp giúp thừa. Xin theo thệ nguyện ban đầu, chẳng trải qua lời, mãi lâu sau mới giảng nói. Nên ngài Tăng Thuyên nói rằng: “Pháp này nhiệm màu, hàng thức giả hãy thực hành, không để ra khỏi phòng mà liền có mở bày. Nên trong kinh có dạy: Người chấp ngã kiến, chớ nói kinh này. Người rất ưa thích pháp cũng chẳng vì nói nhiều. Bởi vì thuốc bệnh có, nhưng không thể lường thực hành. Sư vâng phụng ý chỉ chẳng dám nói gì. Đến lúc ngài Tăng Thuyên thị tịch, bốn vị mới dám nói, đều tự chuyên oai dung, đều nắm thọ thân lược. Ngài Tuệ Dũng ở chùa Thiền Chúng, ngài Huyền Biện ở chùa Trường Can, Sư ở chùa Hưng Hoàng. Ngài Tuệ Bồ trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, cửa thiền mở rộng, tiếng tuệ vang xa, nhưng tất cả đều chẳng cao hơn Sư. Ngài Tăng Biện thắng nghiệp sáng trong. Định tuệ đều nổi bật, nên Ngài giảng xướng gồm cả chùa Thiền Chúng, đó cũng lo sự dốt lòng mài giũa của ngài Tăng Thuyên. Nhưng về nghĩa thể thì có trái ngược so với Sư nên khiến bác bỏ trong pháp tòa ở chùa Hưng Hoàng, nương vào đó mà đàm tiếu. Còn hai ngài Tuệ Bồ, Tuệ Dũng thì nên đọc xem ở biệt kỷ (Truyện riêng).

Xưa kia, ngày mồng bảy tháng sáu niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) thời Nam Lương, Thần Tăng Bảo Chí có dự ghi tại chùa Hưng Hoàng rằng: “Chùa này sẽ có bậc khai sĩ mặc áo xanh mở mang giáo hóa giáo Pháp Đại thừa”. Và khi Sư du học thì ban đầu mặc áo nạp màu xanh. Khi lên nguyên tịch mới cùng phù hợp. Lại nữa, Nam Mạch cư sĩ Đỗ Pháp Xán lúc tuổi ngoài tám mươi rất biết quy tâm, lúc xưa mộng thấy trong chùa có phước hoa nhạc trời lấp cả điện đường. Pháp chúng tăng tục đông đầy cả diên tịch, đến lúc Sư đến mở hội. Ông (Đỗ Pháp Xán) riêng thiết trai giảng, lại rất phù hợp. Lại nữa, Ngày mồng bảy tháng năm niên hiệu Thái Kiến thứ mười hai (580), Tịnh nhân Trương Hạ mở trai mất rõ. Ban đêm, Sư gõ cửa thúc giục, mà tiếng hồng chung tự ngân vang hồi lâu mới dứt, nên điềm tốt lành ấy sớm hiện rõ. Các trường hợp được nêu bày như thế.

Đông Triều ở điện Trường Xuân, nghĩa tập Phó Quân Thân Diêu Ngọc Bính, thuật lại sự dựng lập nghĩa giả danh của các Sư, lấy đó làm vinh xướng. Đâu chỉ là các bậc Tông tượng của họ Thích, mà cũng là nghi biểu của trời người. Nên những gì Sư có được do đàn việt cúng dường đều sung vào việc tu tạo kinh tượng, sửa sang chùa tháp, cứu giúp kẻ cùng khốn nguy ách. Do đó, trong phòng Sư nuôi các loài ngỗng vịt, gà chó, v.v.. rất nhiều loài. Sư đi đến đâu hễ trông thấy thì không loài gì chẳng đem về nuôi. Đến lúc Sư bắt đầu ngủ nghỉ thì đều im lặng không một tiếng động. Lúc Sư dạo chơi thì chúng kêu sủa om sòm ồn náo. Đó cũng là do sự hoài cảm mà nên!

Thị Trung Lãnh Quân Lô Lăng Vương tiếng tăm hưng thịnh, quyền hành nhờ nương giới ước, bèn ngưỡng tâu trình thừa hoa làm bài Minh tụng, Văn chí nơi mộ tháp Sư. Thái tử chiêm Sự Tế Dương Giang Tông, nên Trần chúa có viết bài minh rằng:

“Nguồn lớn từ xa đến, truyền cỏ thơm phảng phất mùi hoa Huệ.

Quân tử, triết nhân, anh phân là tiếp nối. Cờ đồ đã nắm, dây thao xanh bèn kéo dài. Tâm phục hổ nhưng ấn đỉnh nhị điều địch chế. Công đã bao gồm quân, nghiệp chẳng phải xuất thế. Giã từ thanh sắc kia, vượt khỏi bến bờ này. Bến bờ ấy sao xé phá rách võng lưới. Áo Nhẫn sớm ghi nương gá lâu qua đêm. Thuyền qua biển khổ ấy, cạn hết sông ái này. Nếu chẳng phải bậc Trí sĩ này thì ai có thể gởi cây tuyên dương? Mây pháp trùm khắp, mặt trời tuệ soi sáng cùng. Đã quây ngang mái chèo tự mở vàng nóng, mộng bằng trống nói, ứng dị chung sương. Biết cơ biết mạng, đồng kia hiện bệnh, tâm sớm gá theo, độ thoát khó xong, hoá duyên đã vậy mới yên định nơi khâu tĩnh. Đuốc trí chột tắt, núi đồ xa ở Liêu hạ. Liêu hạ không nhỏ vậy rơi ngấm lạnh. Tiếng đàn thừa dưới ánh trăng mờ, sương mốc phủ mờ gốc thông sâu. Hương tán cùng phần mộ cuộn quanh rừng ngũ. Thiết tha tiếng sáo trong, xa xa vọng tiếng trống, khói miền quê phủ bốn phía, cùng tiếng chim đơn lẻ gọi kêu. Gió thê lương rít lên dứt dòng vội phát lạnh. Thần thức về cõi tịnh, hình hài trầm lắng trọn ngàn xưa. Khắc chút hương thơm này lên phần mộ, để tiêu biểu cho lan xã.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Dũng trụ chùa Đại Thiên Chúng, ở Dương Đô

Thích Tuệ Dũng, họ Hoàn thị. Tổ tiên Sư là người Long Kháng thuộc Tiều Quốc. Ông nội Sư làm Pháp Thúc Thượng thư Ngoại Bình Tiền Đường Lệnh. Nhân đó ấn vết ở núi Hồ Khâu, sau đó lại dời đến ngụ ở làng Hoàn; làng Đông, huyện Ngô, quận Ngô. Cha của Sư dâng hiến tuổi trẻ sớm qua đời. Mẹ của Sư họ Trương, Bà nằm mộng thấy đích thân đến chỗ tháp Phật, được hai pho tượng Bồ-tát bằng vàng. Bỗng nhiên Bà sinh được hai người con trai, và đều xuất gia nhập Đạo từ thuở bé. Người con lớn tức là sa-môn Tuệ Thông, còn Sư là con thứ.

Ban đầu, Ngài ra Dương Đô, nương tựa Pháp Sư Tác chùa Linh Diệu làm Hòa-thượng, nhuệ chí thiên tụng, nuôi thân bằng rau cải. Tùy phương thọ học, chẳng việc chuyên môn. Há chẳng phải Bể vàng thành vật báu, gang sắt ngọc bích có đẹp hẳn phải đợi do công giữa mài. Năm Sư thọ giới cụ túc, bèn nương tựa Luật Sư Phong ở chùa Tĩnh Chúng, học Luật Thập Tụng. Có các Sa-môn Tăng xước ở chùa Long Quang, Pháp Sùng ở chùa Kiến Nguyên đều là những bậc đạo hạnh thanh tú, trong nước, tiếng tăm vang xa, phạm

hạnh khuôn mẫu, Ngài nương tựa thọ học Tông Thành Thật. Khắc tình mài giũa, bỏ ăn quên mệt nhọc. Khổ nghĩ đến hàm hồ đắm chìm, lo rơi lạc vào đó. Trải qua thời gian không kể nóng lạnh, tập học rộng khắp mà thành đạt.

Đến năm ba mươi tuổi, Sư bắt đầu xoay bánh xe chánh pháp. Từ đó, mọi người khắp nơi xa gần tìm đến rất đông, mở lớn trường giảng. Cao gần Thượng kinh, người nhóm họp rất đông. Sư chuyên giảng luận văn gần cả mười Biến. Không bao lâu cuối thời Nam Lương sụp đổ, mọi người có trăm thứ biến đổi. Sư thường nghĩ muốn trốn lánh cuộc đời nhưng chẳng biết về đâu!

Bảy giờ tại Nhiếp Sơn, Pháp Sư Tăng Thuyên đang nắm thẳng Nhất thừa hoành hành xuất thế. Tùy có dẫn ngộ, Sư có nguyện muốn nương theo đó. Sư đến trước chùa Báo Ân, bỗng nhiên thấy một người bảo là từ Nhiếp Sơn đến và trao cho Sư gậy trúc Như Ý rồi nói rằng: “Sau này sẽ được như ý!” bỗng chốc biến mất. Vài ngày sau lại có một chiếc hòm sơn đựng một bộ Tam luận đặt ở trước cửa sổ phòng Sư. Sư tìm xem chẳng biết từ đâu đưa đến. Sư vui mừng có được điềm tốt lành ấy, xét soi mạnh dạn cảm thấy khó kham nhận, nhân đó, Sư phẩy áo bỏ xóm làng, gá lời cùng suối đá, mong Thần thâm hợp, chẳng ngóng bạn cầm đai. Tu tập không tuệ, thật truy tìm gió của rừng xa, bèn đến dừng ở tại chùa Chỉ Quán, sớm tối khẳng khái như vậy. Pháp sư Thuyên quên cả phân biệt tuổi tác, nghĩa gồm thầy bạn. Đó cũng là cung và vũ cùng hài hòa nhau, là chí Ngoại lam đãi ích. Từ đó, Ngôn Văn Chương Cú, hái gặt những điều nhiệm mầu ít có. Hễ giải thích kinh, thì không gì chẳng bao gồm nêu bày. Đại Pháp được truyền rộng thật là nhờ đó.

Đến niên hiệu Thiên Gia thứ năm (564) đời Trần, Thế Tổ Văn Hoàng (Trần Xuyên) thỉnh Sư đến giảng ở điện Thái Cực. Trăm phép đều bày, bảy chúng đều hợp, mọi người đều kính ngưỡng trông xem đạo phong, tiếp gót cùng đến theo hàng lớp, cùng nghỉ gá bóng thành đông. Từ đó, tiếng tăm Sư vang vọng rất xa. Sư trụ chùa Đại Thiên Chúng suốt mười tám năm. Đến lúc Sư xây dựng giảng đường, môn nhân thính chúng cùng dựng xây không mấy ngày. Sư xây dựng mái cao, mở mang rộng lớn sáng sủa. Đề hiệu là “Bát-nhã Đường”.

Đến ngày hai mươi tám tháng năm niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư bị bệnh, qua thời gian ngắn, vào một buổi sớm mai, Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc Sư tịch, thần sắc không đổi khác, trải qua một đêm mà trên đánh đầu vẫn còn ấm. Đại chúng đều lấy làm lạ. Qua ngày mùng sáu tháng sáu, an táng tại đảnh núi ở phía Tây Nhiếp Sơn.

Lúc còn sống Sư giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Phương Đẳng, Đại Tập, Đại Phẩm, v.v.. mỗi thứ hai mươi biến. Các luận Đại Trí Độ, Trung

Luận, Bách Luận, Luận Thập nhị Môn. Mỗi thứ ba mươi lăm biến. Ngoài ra còn có các Kinh Pháp Hoa, Tư Ích, v.v... vài bộ nhưng không ghi chép. Lại nữa, Sư sớm xả bỏ thân ái, ốm yếu mà trong sạch tiết chế. Văn chương thanh biện cao vợi ở đương thời. Đến nổi mở tay mở chân mà chẳng đen chẳng thâm, thật là rường cột của thời Tượng giáo, là rường rậm tinh nghĩa. Các Đệ tử nhớ nghĩ lễ thầy trò, bèn khắc bia đá tưởng niệm. Văn bia đó do Trung Thượng thư lệnh Tế Dương giang Tổng soạn.

---o0o---

04-Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Đại Bành thành ở Dương Đô

Thích Bảo Quỳnh, họ Từ, vốn người xứ Đông Hoàn, vì lánh nạn nên già từ đất Cử, sau đến ở huyện Tỳ Lăng Khúc A. Ông nội Sư tên là Ung; làm Hữu Quân thời nhà Tề. Cha của Sư là Tăng Đạt; làm Lâm Xuyên Vương Tư Nghị, đời Lương. Đều là những vị khí cục cao vợi, kính vâng Nho tổ. Sư thân cao bảy thước năm tấc, trên vai có dấu vân rồng, miệng có ba mươi chín chiếc răng. Dị tướng kỳ lạ vượt trội khác thường, nên hay suốt kinh phong thái, chứa đủ oai dung, không áo quần xiêm gấm, mừng vui với y phục đơn sơ.

Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, kính thờ sa-môn Pháp Thông làm thầy. Ngài Pháp Thông lúc mới gặp đã liền ngợi khen mến quý, rất cho là Đạo khí. Chẳng sai sứ hầu phục ân cần. Năm qua Chí học, Sư muốn bảm học giáo nghĩa với Pháp Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch, chỉ vì kinh tạng vọt cao, lời tiếng thật vọt nhảy, mà Sư không ngại, chạy nhảy nhả dầm rộng xa, trộm nghĩ văn từ dồi dào, kiêm đề xứng cao vợi. Sư lại dời đến nghe Pháp sư Tiên ở chùa Nam giản giảng dạy, nghiên cứu tinh yếu số vận, danh mở sáng suốt, thấu cùng nghĩa sâu, Pháp Sư Tiên có lần nhìn Sư mà riêng dự nghi ba lần tán thưởng. Sau đó, đang lúc trên tòa cao khuyển khắp mọi người cùng biên chép, từ đó môn đồ đệ tử truyền nhau biên chép số ấy.

Năm mới thọ giới cụ túc, Sư đã có tài năng đáp thuật. Chưa tới năm năm đã được làm Pháp Chủ. Sư cùng với Pháp Sư Tiên mở mang giáo hóa thanh hành. Vua Võ Đế (502-550 - Tiêu Diễn) thời Nam Lương là người thông suốt tất cả Diệu Chỉ của Tam Giáo, Vua chọn thỉnh các bậc Danh đức phân ra đi mở mang Đạo pháp khắp các nơi. Với Cao nghĩa của Sư bèn được chọn ở tâm Vua. Vua ban sắc luân chỉ mời Sư vào điện Thọ Quan. Nhưng vì lời trọng rường tốt, lại xem nhẹ mây các, tiện đó, Sư khước từ trở về quê hương trụ chùa Kiến An. Thượng Hoàng Hậu Hoa phân trúc bang ấy thường rất tôn kính Sư, lại gồm cả tình thầy bạn. Một buổi sáng tại quận ấy mọi người già trẻ cùng ồn ào đua nhau bảo rằng: “Tại chùa Kiến An có rồng trắng xuất hiện”. Bèn đua nhau tìm đến chùa thì chỉ trông thấy Sư đang giảng. Có

những kẻ sĩ nhận biết lấy làm lạ mà nhắm vào Sư, bảo là “Bạch Quỳnh”. Vốn cùng giản tử Chu Hoằng Chánh sớm tỏ bày chẳng nghịch. Ông ấy chột thốt lời rằng: “Thật là bậc tài tuấn ít có trên đời mà chẳng ở chốn kinh đô mở bày dẫn dắt, cuời bè than thở, khiến người an ủi lớn!” Sư vì Học chúng thỉnh nên trở lại chốn kinh đô, khai giảng Đề luận Thành Thật. Có sa-môn Tăng Chánh Tuệ Linh thiết nạn liên hoàn. Sư bèn từ từ phẩy phát trần thông dong mà đáp. Ngài Tuệ Linh mới dẫn lời hỏi lỗi khi xưa của Viễn Công rằng: “Chẳng nhanh mà chóng, cái thoi làm sao?” Sư đáp: “Chẳng nghĩ tạo nghiệp, đâu được tinh chắc. Ngài Tăng Linh nhẹ bớt cử chỉ, nhả nhận ngôn từ, khách chủ cùng mừng vui rất thêm xung thưởng.

Lúc tuổi về già, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) chỉ chuyên việc huân tu. Các hàng Thần hạ nép mình theo phong hóa, lời chân tình quạt mát thể tục. Tấn thân người học thầy gồm cả văn nghĩa. Do đó, thường khai giảng giáo lý các kinh Duy-ma; Niết-bàn, Đạo trùm cả dưới tòa, ân đượm cùng thượng tịch, mở gò má, răng bén nhọn, lưỡi gỗ, ngà nhọn sắc. Tài Tuấn bao la, khởi theo sương mọc bốc lên, cũng có ngọc sáng, gió điều cuộn xanh, kéo xe ngựa tía tràn ngập đường chùa, áo mào trâm cài đầy khắp pháp tòa. Sự hưng thịnh cảm vật của Vua Võ Đế ít người có được như thế. Còn như Mậu Quán Dân vinh dự rất trọng, Nhâm Hiếu cung phong phú bút từ mà đều tay cầm quyền xét nghĩa nên thỉnh nghiệp. Nhâm hiếu cung nghỉ bỏ mưu sống ở đời, chỉ rau cải tham học. Về sau, Tấn Anh Hoa cũng theo cha đến nghe giảng, riêng khéo hiểu sâu huyền nghĩa, nên Sư bèn vì giảng Kinh Niết-bàn, truyền bình chẳng mất. khi ấy mới chứng nghiệm. Vẫn chưa nhập đạo mà vô thường đã đến. Vài hôm sau, trên đỉnh đầu vẫn còn ẩm, ba ngón tay co quắp lại, lại cùng các vị trời bay đến nơi nhà ở, cùng với cha đàm nói rõ ràng như còn sống, ngợi khen công hạnh xuất gia, xưng dương Pháp lợi. Không bao lâu thì bay bổng lên hư không mà biến mất. Còn lưu lại mùi hương ở nhà qua ngày sau mới hết. Nên biết kia đây khác người mà cùng làm học chúng. Thật khó lường biết bản lượng ấy.

Đến lúc nhà (Hậu) Lương sụp đổ, nhà Trần dựng xây cơ nghiệp. Vua Võ Đế (Trần Bả Tiên năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu mươi) tôn sùng Chánh pháp, thưởng thức Đạo vị sâu xa. Nhiều lần dẫn lời vàng từng mở ngọc điệp ban lời nói cười thuần quen tìm hỏi danh lý. Mùa Hạ niên hiệu Vĩnh Định thứ ba (năm trăm năm mươi chín) đời Trần, ở tại Điện Các Trùng Vân, Sư giảng rộng Kinh Đại phẩm, mộng thấy vị thần mặc áo đỏ đến lễ bái mà can ngăn rằng: “Bát-nhã rất khó, kính mong giảng nhanh. Nhiều lần, chuyên giảng vài từ vượt đến”. Tới ngày mộng mười tháng bảy, Sư mới bạch với chúng tăng rằng: “Đêm trước có vị thần đến thúc giục kinh giảng còn lại một quyển. Năm trước lấy xin giảng xong, vừa ra cung điện sấm bão đã vang ầm.

Lại trở về vừa mới đến chùa thì mưa chợt lạnh. Mây sấm chấn động cùng một lúc đều tan biến. Há chẳng phải người tốt giảng pháp, u minh kính trọng?” Đến lúc Vua Võ Đế băng mới biết lời cảnh báo trước.

Vua Văn Đế (Trần Xuyén 560-567) soạn lịch, lễ khác càng sâu xa, ban sắc ty luân thỉnh Sư làm kinh ấp Đại Tăng Chánh. Sư hết lòng khước từ mà đôn đốc khuyến dụ càng lớn. Sư bèn nhìn lại đức Nhân giúp cho khuôn phép mọi vật, bèn về đảm nhận lấy, nhưng vì Kim Lăng là chốn đô hội, là nơi y cứ các Triều tông, chùa chiền nhiều như rừng, nghĩa diên đường chợ. Năm Bộ sáu quận quả thật tập hợp xen tạp, chỉ điều nước sữa, hòa ít muối mơ, phần nhiều là voi sa lấy, rớt cuộc làm cây khô. Sư bèn trấn giữ, đem vô vi mà an ngự. Chương Cấm chẳng phiền mà ngăn phạt thường tinh xét. Nên Tăng ni kính ngưỡng đó mà tự trang nghiêm. Đạo tục khen ngợi mà càng thêm cung kính. Nhật dụng thường ngày của bảy chúng mà chẳng biết, bốn phương xa xôi kính trọng đạo phong mà chẳng đủ. Nên được Pháp vị làm chủ lâu dài, tìm dấu mà không vết. Sư từng tâu trình Biểu Văn xin thôi chức nhưng lại càng thăng. Trước sau chỉ khiến ở tại ấy. Từ đời Lương về sau, Sư là vị tăng đảm nhận trách nhiệm un đức oai nghi. Phụ giúp giữ gìn bảo vệ các bậc Vương Công. Đuộm nhuần tốt đẹp bày khắp cả Trịnh Sở, nên khiến cho nước chảy soi chiếu trên đường cái. Lại tốt tuyên bày ở Đường vũ. Từ lúc Sư đến chóng bỏ thể thức trước, tự tạo dựng linh thọ chỉ theo Túc từ, Pháp phục hoại sắc che thân, đồ ngồi ni-sư-đàn nâng gối. Lặng lẽ như vậy, dẫu có Địa vị vẫn như không, từ chốn triều đình đến vùng dân dã đều mừng vui sự trong trắng của Sư. Những người đồng bạn ngợi khen Sư sống đúng như Pháp. Các nước ở hải Đông đồ vẽ hình tượng Sư đem về rất nhiều, tôn thờ lễ bái kính ngưỡng từ xa. Người xưa có nói: “chẳng phải nổi tiếng để được khen, ai động đến phương khác?” Sư đối đãi với người Hiền như thế.

Đến ngày hai mươi tháng hai năm Giáp Thìn, nhằm niên hiệu Chí Đức thứ hai (584)- đời Trần, mới biết không yên vui. Pháp Sư Bảo Quỳnh ở chùa Kiến Sơ là bậc ngẫu đối của đương thời, ít người cùng học, tiếng tăm đức hạnh đều vang xa. Đêm đó, vị Thần bỗng đến báo với Sư rằng: “Sa-môn Tăng Chánh (Bảo Quỳnh) ở Chùa Bành Thành nay đã Vô thường!” ban ngày, Sư mộng thấy trên trời có đưa sớ đến thỉnh giảng. Đến ngày hai mươi tháng ba, Sư giữ chánh niệm mà cáo chung, răn dạy việc hậu sự an táng chớ bày phiền toái, dựng lập Bia Văn Minh Chí. Sư thọ tám mươi một tuổi.

Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) có ban sắc viếng điệu an ủi. Mọi sự cần dùng trong lễ tang thầy đều cung cấp. Bèn đem các thứ nghi vệ của nhà vua để làm trang hoàng nghiêm sức, thật là điều ít có từ xưa đến nay! qua ngày mồng năm tháng bốn, an táng tại phía nam Chung Sơn; nơi tháp mộ xưa của các bậc Danh tăng. Bây giờ, khắp các nẻo đường mọi người nghẹn ngào

khóc thương, cùng đua nhau tìm đến, các hàng tăng tục kinh ngờ than tiếc, nơi vùng biên ải đồng quê đều biến sắc!

Ban đầu, Sư mới đến kinh đô, cùng vào Pháp tịch, đã không ai biết, nên chẳng có được phòng ở. Sư bèn cầu xin Sa-môn Tăng Chánh Tuệ Siêu gửi cho ở chùa Nam Giới. Khi mới nghe, ngài Tuệ Siêu chưa chấp nhận, nhưng khi trông thấy Sư thì liền kinh lạ bảo rằng: “Gã thiếu niên này về sau sẽ tiếp nối ngôi vị hiện nay của ta, là nơi giao phó pháp-môn, sao lại lo không phòng ở? “Bèn bảo Sư làm giềng mối trong chùa, vui vẻ sắp đặt. Đến lúc Hiếu Tuyên Văn Đế (Trần Xuyễn 560-567) thỉnh giảng, Thái tử thường đón rước, thường thấy vị thần hình tướng cao lớn hùng vĩ, âm thầm theo phụ giúp. Và lúc cuối cùng Sư vì Đại tướng Quân Chương Chiêu Đạt mà giảng pháp, cảm thông cũng như vậy, lại chẳng thể lường biết được! Nhưng Sư đức hạnh nồng hậu dung thứ mọi người, kêu gọi nhún nhường kiệm ước, đi ở không trái nghịch, lời nói việc làm không phải chọn lựa, khắc trang chẳng nghĩ, chăm chăm giảng đạo, nói lời xa lớn, phát nghĩa rõ ràng. Hoặc lúc gặp tay kinh địch là gặp chính mạng, vẫy cánh quạt mỏng rưới đã tiêu tan. Nên Sư thật có lắm Đồ chúng mà đều vâng thuận không đánh đấu. Đến lúc về già, tăng chúng trông mong càng trọng, Sư cư xử càng nhẹ, chỉ ở nơi vắng lặng không thiết bày, chẳng đặt để các thứ nghiêm sức, những vị có tuổi tác đến tham yết, tăng tục đông nhiều kẻ sát vai. Sư tìm phương tiện đi nơi khác để lánh sự cung phụng vinh hạnh ấy. Đó có thể gọi là quen lờn với người đời mà vẫn nhàm không, bó buộc hiện còn mà vô sự. Lại là chỗ chí lý của bậc Thánh, lời nhiệm mầu của khai sĩ. Trăng rơi tham hoành, thanh tụng không buông lung, Sư lại phải đốt đuốc chong nhang phảng phất lễ sám mới tiêu. Vết tích biếng lười, tâm siêng năng, ngoài hòa đồng, trong bí nhiệm. Những lúc rảnh việc tuyên dương, Sư chậm rãi nhàn rỗi. Sư tham cứu Huyền nhỏ, thấu suốt cùng tử sử. Giỏi viết chữ Triện chữ lệ, hiểu rõ mọi vật, nắm bắt cao huyền, đều vào tánh linh tất cả cùng gồm hợp. Lại có thể gọi là quấy nhiễu mưu lớn mà không bỏ sót Đạo nhỏ.

Sư giảng các kinh luận như: Luận Thành Thật, gồm chín mươi một biến, soạn Huyền nghĩa hai mươi quyển, giảng Văn ha mười biến, soạn văn số mười sáu quyển, giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, chú số mười bảy quyển. Giảng kinh Đại Phẩm năm biến, soạn số mười ba quyển. Ngoài ra, còn có Đại thừa Nghĩa, mười quyển, Pháp Hoa, Duy-ma v.v.. các kinh đều có soạn Văn số, ở đây không ghi đủ, truyền bá ở châu áp. Có Sa môn Phổ Quang là cháu con người anh của Sư nương nhờ Phong huấn, bày nêu việc làm rõ ràng xác thực, nghĩ mến mộ thờ bình thường xưa kia của Sư, nên tìm xin theo Sư vĩnh viễn, bèn cùng bạn đồng học là Sa-môn Đạo Trang và Minh

Giải lập văn bia tại Thành cũ ở Kim Lăng. Văn bia ấy do Sa-môn Thích Pháp Luận ở Đạo tràng Tuệ Nhật soạn.

Sa-môn Đạo Trang nhập thất mà nổi tiếng, việc này thấy trong biệt ký, sa-môn Minh Giải lên giảng đường để lại vinh dự, tiếng tăm, Vương Lãnh Giang Đô, đến cuối đời Tùy, an nguy thế nào không biết.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Cảnh Thiệu trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô

Thích Cảnh Thiệu, họ Nhan, người ở xứ Thượng Ngô thuộc Cối Kê. Vừa năm đi học thì Sư xuất gia vào Đạo, tôn thờ Sa-môn Tăng Quảng, là người chú của Sư làm thầy. Ngài Tăng Quảng luật hạnh tinh nghiêm, là bậc lãnh tụ của đương thời.

Bau đầu, Sư đi đến thành đô nghe giảng, nhờ đó có được khả năng đàm luận. Đến năm hai mươi tuổi, Sư bèn trở về quê thợ giới cụ túc. Ngài giữ gìn kính tin như tay bưng bát dầu, có sa-môn đạo Lâm thỉnh Sư ở lại quê nhà, bỗng nhiên mộng thấy tướng lười Sư rộng dài, mà lại như muốn sắp đứt. Đến lúc thức giấc mới suy nghĩ sâu xa. Lưu luyện ấy trở thành rơi mất, bèn hổ thẹn sám hối lời thỉnh trước mà trở lại khuyên Sư đến thành đô để mở rộng Pháp hóa, truyền nổi ngọn đèn sáng không để dứt. Sư bèn đến chùa Trang Nghiêm kế thừa Đạo nghiệp của Sa-môn Tăng Mân. Kế đến, Sư thọ học với Sa-môn Tăng xước ở chùa Long Quang, đó mới là chi nhánh của Sa-môn bảo Quỳnh ở chùa Khai Thiện.

Sư lại tham tâm học tập ba Tạng, bao gồm các tông phái.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư giảng kinh Đại Phẩm, Pháp vị đượm nhuần đương thời, mọi người kẻ vai chen chân đầy đường tìm đến. Sau đó, Sư trở lại các chùa Kiến nguyên, Tấn Lăng v.v.. giảng nói Kinh Luận, gồm cả các tông. Sư lại phát nguyện. Năm bốn mươi tuổi mới trở lại giảng dạy, mà học chúng cùng nhau đoái hoài, Sư không giữ nổi sự kính chuộng ấy. Năm ba mươi chín tuổi, Sư về làm giảng chủ ở chùa Kiến nguyên, lúc sắp thị tịch có để lại Di chúc truyền pháp, nên nên Sư phải vâng theo sự sắp bày khác mà ngồi diễn giảng. Thính chúng đến thọ học đông vượt cả hoài bảo của thầy. Lương Giản Văn Thiệu Lăng và Nhạc Dương v.v.. rất khâm phục kính trọng, quy hướng vâng thừa sự dạy răn của Sư.

Vì theo ách nạn, đời sau đời tình nổi trôi, Sư bèn dời sang ở Dự Chương, cùng thông đạo nghiệp. Bảy giờ, gặp Hoàng Tư Không ở Dự Châu v.v.. vốn có tâm kính ngưỡng, nên cầu thỉnh Sư làm Giới sư. Ngài gặp được Sa-môn Tam Tạng Pháp Sư Chân Đế; người Ấn-độ, là bậc thầy suốt bao gồm giáo điển Đại thừa, Tiểu thừa, vừa tự thực hành lại vừa nhiếp hóa người khác.

Mới gặp một lần mà mừng vui đàm luận với nhau. Ngài Chân Đế ngợi khen rằng: “Tôi đã đến nhiều nước, mà ít được gặp người như vậy!”. Bèn dừng ở tại đô thành Dự chương, phiên dịch Tân Kim Quang Minh, và Luận Duy thức, kinh Niết-bàn, Trung Luận Bách Cú, Trường giải thoát thập tứ âm, v.v.. Sáng trao chiều truyền, tối nghe sớm lại giảng nói, nên người đời có lời trao truyền rằng: “rót vào bình rồi lại trút ra”. Cõi Sư như Ngài La-thập tái sinh.

Nhạc Dương Vương lập ngôi tại Kinh Châu, sai sứ đưa thư xa đến muốn đưa rước Sư đến Sở Đô hoàng pháp. Vì nghĩ nhớ sự sâu nặng của Báo Địa, lại ban sắc thỉnh mời, Sư bèn trái ngược. Đến đời Trần, Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557- 567) kế thừa sự nghiệp, đều kính chuộng chánh pháp, ban sắc thỉnh Sư trở về lại thành đô, vâng thừa kính ngưỡng phép tắc giới luật, giữ lễ ưu hậu càng lớn.

Niên hiệu Thiên gia thứ tư (563) đời Trần, tại Cối kê có các sa-môn Tuệ Tảo, Đồng Thái, Tuệ Luân v.v... hơn hai trăm vị, liền thỉnh Sư đến giảng Đạo tại chùa Bạch mã. Sư mở mang, truyền trao giáo hóa có hơn mười năm. Đã lên đó là thuận, Sư bèn bảo Sa-môn Tuệ Tảo tiếp tục giảng nghiệp. Tự thân Sư sang Ngõa Quan yên tọa một thời gian ngắn, thực hành pháp môn sâu màu.

Bấy giờ, có Sa-môn Trí Khải là bậc có đỉnh tuệ khó ai vượt hơn, nhân thân rất liêu lượng, tinh thần bén nhạy mọi việc v.v.. Túc thành, cùng các người học trước từng thỉnh Sư giảng lại, Sư lưu ý lâu dài, bèn lấy cố bệnh mà từ chối Sư. Ngài lại vì Tâm An Điện Hạ Hoàng Tư Không v.v.. cùng chư tăng ba lần thỉnh mời chẳng từ chối được, ân cần chuyên chú. Nên Sư đến Vương phủ lược giảng Kinh Duy-ma, đến chùa Long Quang giảng rộng luận Thành thật, cũng chỉ được vài năm bèn đều thành các trường học. Sư chưa già suy mà đã có ý chí muốn trở về với núi rừng, bèn vào u nham để sống với sự yên tĩnh hơn mười năm.

Đến giữa trưa ngày mười một tháng mười niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần. Sư nằm nghiêng hông bên phải, thần lự lắng đọng an nhiên, Sư thị tịch tại chùa Khai Thiện, thọ bảy mươi sáu tuổi. Qua ngày mười sáu, an táng tại núi Độc Long thuộc Chung Sơn.

Ngài giảng Luận Thành thật hơn năm mươi biến, giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, giảng Kinh Đại Tập mười biến, Giảng Kinh Kim Quang Minh tân dịch hơn ba mươi biến. Giảng các Kinh Duy-ma, Thiên Vương, Nhân Vương, v.v.. rất nhiều biến, bởi rườm rà nên ở đây chẳng ghi chép nhiều.

06- Truyện ngài Thích An Lãm trụ chùa Kỳ Xà ở Chung Sơn

Thích An Lãm, họ Tần, là con cháu đời thứ bảy của Tần Trung Thư lệnh Tĩnh. Gia đình Sư ngụ tại Huyện Lợi Thành thuộc Giang Âm. Cha của Sư là Chánh, khéo nghĩ theo huyền, vui tâm vắng lặng, bèn soạn sách “Nhập Thần” ba quyển. Đạo Thanh Ô không gì chẳng truyền tốt lành. Sư tuy bé nhỏ mà thông minh dĩnh ngộ, khác đồng bạn. Năm Sư mười ba tuổi, riêng gặp khó khăn, hiểu biết xa gần, dứt nước xương đứng. Mọi người nghe mà rơi nước mắt! Người xưa có nói “Biết con chính là cha” Sư mới nắm lấy Diễm giáo, học nghiệp rất thông, mà tánh lại ưa thích Lão Trang, sớm thông đạt các kinh sử. Lại khéo giỏi kỹ năng của Thái nhất, hiểu suốt thuật của Tôn ngộ. Do đó tài nghệ Sư rất lắm công phu, văn võ đã trong sáng, Sư bèn muốn vạch bày rậm rạp. Hối ẩn cửa tất, lỗ hồng ngọc khuê, mà Sư có tâm rỗng rang cơ phát, hiểu ngộ quyên thật.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư cầu xin xuất gia, làm du phương tìm Đạo. Theo hướng Bắc, Sư đến nước Ngụy, tới chỗ Dung Công chùa Quang Dung ở Tư Châu, nghiên cứu tập học kinh luận. Dung Công dạy răn giới Luật, nghiêm trang bất động tạo thành pháp khí. Sư lại nghe Quang công trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung Cao giảng Kinh Thập Địa. Nghe qua một lần, Sư lãnh hội chóng hết lời trước, vị sâu danh tượng đều hết ý nghĩa. Sư lại thọ học Pháp thiên, thầy đều nghiên cứu Huyền Môn. Những người thỉnh nghiệp thường tỏ bày lợi ích rộng lớn. Sư ở tại đất Ngụy mười hai năm, giảng Luật Tứ Phần gần hai mươi biến, các kinh luận Đại thừa đều được trích dẫn.

Đến niên hiệu Thái Thanh thứ nhất (547) thời Nam Lương, Sư mới đến Bành Bái, môn nhân ủng hộ đi theo về đến Dương Đô. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) kính lễ cúng dường đón rước, ban sắc mời Sư trụ tại chùa Thiên An. Sư giảng Kinh Hoa Nghiêm, nêu đặt giềng mới rộng lớn, diệu chỉ cơ hội. gặp lúc thời vận nhà (Nam+Hậu) Lương sắp hết, nên bán xe Chánh Pháp tạm dừng xoay.

Mãi đến lúc Nhà Trần trị vì đất nước, mùa xuân niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (557) Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) ban sắc thỉnh Sư vào Nội Điện, tự tay vua trao đưa hương hỏa, nâng chân rất mực chí thành, lớn nường thừa giới Phạm. Vua lại ban sắc thỉnh Sư trụ tại chùa Kỳ-xà, cấp giảng nối nhau. Đã hợp tâm xưa trước, Sư bèn vui vẻ ở đó lâu. Thế Tổ Văn Tuyên Hoàng Đế (Trần Xuyén 560-567) lại thỉnh Sư vào điện Chiêu Đức, khai giảng Kinh Đại Tập. Sư nhạo thuyết chẳng cùng, lại thiết lập Pháp hội. Vua Văn Đế cùng đến dự nghe. Lại đến trong vườn Hoa Lâm, vua giữ lễ thầy trò mà học đạo. Sư xiển hóa thâm nhọc, nhân đó mà bị bệnh. Đến tháng giêng niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư thị tịch tại phòng, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) buồn thương kính điếu, ban cấp mọi sự. Và cũng trong tháng giêng an táng tại núi phía Tây chùa Khai Thiện. Môn nhân Đệ tử thông thiết sự buông xả của Sư, các hàng sĩ thứ mất nơi nương tựa.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tuệ Bồ trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn

Thích Tuệ Bồ, họ Hác, người ở xứ Quảng Lăng. Thưở thiếu thời, Sư đã có chí tiết cao xa, tánh độ ngang rộng. Năm Sư mười lăm tuổi, lúc ấy đang ở Giang Nam, nơi nhà cửa Tướng Quân. Bấy giờ, có Binh dịch, Sư bèn thề nguyện dẫn đầu năm ngàn người, làm Tướng thanh bình khẩu tái. Đâu chẳng quả quyết thế ư? Mọi người đều thấy lạ với lời nói lớn lao ấy. Sau đó không lâu, người anh ruột Sư qua đời. Nhân đó, Sư tỏ rõ cuộc đời chẳng thường, nghĩ muốn cởi mở lưới tục. Thân Quyết biết Sư có võ lược nên tất cả đều không chấp thuận.

Năm hai mươi tuổi, Sư mới được toại nguyện. Đã được xuống tóc xuất gia. Sư bèn đến Dương Đô, đến chùa Kiến Sơ, học Luận Thành Thật với Pháp Sư Bảo Quỳnh. Hiểu thông được yếu chỉ giả thật, chỗ kết quy của vật nghị mà Sư hận chí lý ấy chưa trọn hoàn hảo. Vì tại Chùa Chỉ Quán ở Nhiếp Sơn có Pháp Sư Tăng Thuyên là bậc thông hiểu cao xa giáo nghĩa Đại thừa. Tiếng tăm vang vọng khắp gần xa, Sư bèn đến nương tựa nghe giảng Tam Luận. Học chúng ở đó có đến mấy trăm vị, đều là những vị tài giỏi, còn như thấu đạt thanh huyền, khéo biết luận chỉ đều không ai cao trội bằng Sư. Nên người đương thời gọi Sư là “Đắc Ý Bồ” hay “Tu Huyền Bồ”. Nên những điều nạn cật của ngài Tăng Thuyên, người nghe dường như hiểu mà lãnh hội thì còn mịt mờ. Và y lời nguyện thông mà gây cật nạn sơ lược. Đến nỗi, những lúc đàm luận thường có khách hỏi phải đợi có Sư để giải đáp. Người đương thời vì thế mà nói rằng: “Thuyên Công có bốn người bạn, đó là: Thấu suốt bốn câu có ngài Pháp Lăng, lãnh hội lời giảng có ngài Huyền Biện, tài giỏi Văn chương có ngài Tuệ Dũng. Còn Đắc ý là ngài Tuệ Bồ”. Sư thật xứng đáng đắc ý rất cao vời. Sau, trong Chương Thiện Đạt của Kinh Đại Phẩm, Sư ngộ giải pháp Đại thừa, phiền não điều thuận, nhiếp tâm giữ luật, oai nghi không bị dấu vết. Sư thường ưa thích ngồi thiền, xa lìa ồn ào náo nhiệt, thề không giảng nói, chỉ chuyên hộ trì.

Cuối cùng Sư đến Bắc Nghiệp lại dẫm qua điều chưa nghe, nên ở chỗ Thiên Sư Khả mà tạm thông được Danh Kiến. Bèn dùng lời nghịch ý ấy. Thiên Sư Khả bảo Sư rằng: “Pháp Sư đàm thuật, có thể gọi đó là phá trừ ngã kiến, chẳng qua là đây”. Sư bèn để tâm đến các giảng tịch, đầy đủ thấy biết Tông lãnh, trông xem khắp các văn chương đều đủ trong tay áo lồng ngực. Sư lại viết chương số sáu đà, mang trở về Giang Biểu đều giao cho ngài Pháp Lăng

và bảo giảng nói. Nhân có sai sót, Sư lại sang nước Tề rộng biên chép sự thiếu sót ấy mang về giao cho ngài Pháp Lăng, riêng Sư không chứa để. Sư chỉ gìn giữ y bát mà thôi, chuyên tu niệm tuệ, riêng ở nơi tông lâm, lặng lẽ vượt ngoài đời, các người học đều khâm phục kính mến.

Sư thường đến chỗ Thiên sư Tư cùng bàn luận Đại thừa, suốt ngày liền đêm thấy chẳng ăn nghỉ, lý đặt càng sâu, lời thể chẳng dừng. Thiên Sư Tư đánh gậy sắt Như Ý lên bàn, bảo rằng: “Muôn dặm là không, không kẻ trí này!” Trong pháp tòa có hơn ngàn người đồng cất tiếng ngợi khen vui mừng. Sư lại cùng Thiên sư Mạc luận nghĩa, tức thầy của Mạng Công, qua lại suốt ba ngày chẳng dứt. Thiên sư Mạc dừng lại, ngợi khen Tuệ Ngộ của Sư xa khắp, khiến thân tiết hạnh hiển bày tốt đẹp.

Đến cuối niên hiệu Thái Thanh (550) thời Nam Lương, Hậu Cảnh làm loạn, khắp nơi đói kém trải qua nhiều năm. Sư đã suốt ba ngày không ăn, qua ngày thứ bốn, có người đem cơm tới dâng cho mà dường như có mùi thịt heo. Tuy trong lòng dạ như lửa đốt mà Sư buộc tâm chẳng chịu ăn. Nên gặp phải khốn ách ấy mà Sư chẳng dẫm vào phi lạm. Sư lại bị chứng bệnh khí ở chân, thầy thuốc bảo uống củ kiệu, từ đó cho đến lúc thị tịch Sư thường bày tỏ tội ấy.

Hoặc thấy mọi người thích sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Sư bảo rằng: “Phương cõi mới tịnh, chẳng phải nguyện của ta. Như điều nguyện hóa độ chúng sinh nay nay đâu giống như ở trong Hoa sen mười kiếp hưởng vui, chẳng bằng ở trong khổ ba đường để cứu giúp!” Trong khoảng niên hiệu Chí Đức (năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi bảy) đời Trần. Sư thỉnh Thiên Sư Cung xây dựng chùa thê Hà ở Nhiếp Sơn, kết tịnh nghiệp đào luyện chúng tăng. Khắp giang biển đều suy tôn. Các bậc Danh Đức từ nơi xa tìm đến thọ bầm luận chỉ. Bảy giờ, Sư vì khai mở thắc mắc, nghĩa lý tư tưởng sâu mầu. Chẳng làm thầy của tăng chẳng sai bảo những người ở địa vị dưới. Sư thường tự may vá giặt giũ. Ngày đêm sáu thời không thiếu sót, vừa mới gõ kiền-chùy. Sư đã ở đầu chúng, ngòi thẳng như cây đứng, người thấy mà ưa thích, tiếng tăm Sư sáng rõ vang xa, người đến thỉnh câu bài yết đông như chợ. Trần Chúa cùng các Vương hầu đều thọ giới với Sư, kính thờ Sư như Phật.

Cuối cùng, vì tuổi già suy yếu, Sư chẳng thọ trai chung với chúng. Vua ban sắc cấp sữa bò để Sư dùng, mà Sư lại ban bố sung vào chúng tăng. Sư lo lắng cẩn thận, thật là bậc Cao tăng! Đến năm bảy mươi tuổi. Sư già biệt chúng Tăng rằng: “Tuệ Bồ tôi mạng sống còn đến ba năm, năm năm ở đời, đều là già suy khôn đốn chẳng thể hành đạo. vậy sống ở đời đâu ích lợi gì? Tôi thường nguyện được sinh vào chốn biên địa; nơi không có Tam Bảo, để

làm mọi Phật sự, mong các vị mỗi tự khéo sống và nguyện dốc hết sức lực mình!” Từ đó, Sư bỏ không ăn, lúc mạng sống sắp dứt, Hậu Chúa (Trần thúc Bảo) ban sắc bảo thầy thuốc vào chẩn bệnh. Sư rút tay không chấp thuận. Thảm Hoàng hậu muốn truyền hương tín, Sư lại cũng không chấp thuận. Lúc sắp tịch, Sư di chúc rằng: “Sống hoài không mừng vui, tới chết chẳng âu lo. Vì sinh không thật sinh, diệt không thật diệt! Với các Học sĩ, đồ chúng tôi đều giao phó cho Thiên sư Cung, nên tôi không còn lo ngại gì nữa”.

Đến ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (587) đời nhà Trần, Sư thị tịch tại chùa Thê Hà. Sau khi thị tịch, ba ngón tay của Sư co quắp lại, nắm kéo tuy có duỗi ra nhưng rồi vẫn co lại. Đến nỗi ở trong rừng một tháng sau vẫn còn như vậy. Trước lúc Sư thị tịch trái đất rung chuyển liên tục. Sau đó bảy ngày Sư thị tịch. Lại nữa, lúc đưa nhục thân Sư vào rừng, đất núi lại rung chuyển. Thái Sử tâu rằng: “Ngôi sao của người đắc đạo diệt mất, đã đúng lúc”. ban đầu, lúc sắp tịch, Sư ở trước chúng bảo rằng: “Hôm qua có hai vị Bồ-tát đến đón rước tôi, một vị tên là sinh thân, một vị tên là Pháp thân, tôi đã chấp nhận. Không lâu sau đó có các vị trời lại đến đón rước, vì không nguyện sinh về cõi trời nên tôi chẳng chấp nhận”. Có luồng ánh sáng soi chiếu đến nơi phòng thất của Thiên Sư Khản. Thiên Sư Khản lấy làm lạ về ánh sáng rực rỡ ấy nên bước ra cửa trông xem, thấy có 2 người hướng vào trong phòng Sư mà không biết đó là bậc Thánh. Sáng hôm sau bèn đến kể lại, tự nhiên phù hợp. Nói xong, ngài ngồi thẳng mà thị tịch. Lại có người thấy quỷ, trông thấy phước đẹp đầy khắp chùa, ánh sáng soi chiếu. Chẳng thể lường biết, bèn vào trong núi xem mới hay là Sư đã thị tịch.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Vong Danh ở vị Tân

Thích Vong Danh, họ Tông, người ở Quận Nam. Sư vốn tên là Khuyết Đãi, ở đời nói dối áo mào xứng làm vọng tộc.

Năm hai mươi tuổi, Sư lánh đời, dứt bỏ vợ con tỳ thiếp. Luôn ngâm vịnh tiêu sáo nơi hõm núi, tùy tình vui thú. Hễ chỗ cây nhờ thì làm người của Nguyễn Tử Tông. Lúc trưởng thành, Sư phong phú tài hoa, nức tiếng vinh dự với người làng, Sư làm việc, mà Vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương rất dùng lễ tiếp đãi. Sư có soạn Tân Văn, vua rất khen ngợi. Song, Sư vẫn giữ sự cung thận, từ kính liêm chính làm tâm. Sư thường theo Vua ngự diên ban hỏi ưu dị. Đến lúc nhà Lương không thể tiếp nối ngôi vị, Sư bèn ngâm chí nơi huyền môn. Xa gá xứ Mân Thục, thoát bỏ trần lụy.

Đầu tiên, Sư đến chỗ Thiên sư Đoái. Thiên sư Đoái cũng là bậc Định tuệ lừng sáng, tiếng tăm vang khắp quan nghiệp. Sư, dốc cả ba nghiệp mà nương

tạ. Và bốn oai nghi cung thừa kính ngưỡng. Sư khắc chỉ gá nơi Thiên tụng, lo lắng đặt ở Thiên Thập. Có Học chúng tham dự hỏi Đạo, Sư chẳng hề mỗi một. Gặp lúc nhà (Bắc) Chu có được cơ nghiệp nước nhà, thiếu Bảo Thục Quốc Công Vũ Văn Tuấn trấn ở đó, trước mền Sư hiền tài, trọng quý đức hạnh trắng trong nên lễ cúng khác thường, tiếng tăm vang khắp Đài Tỉnh. Sau đó, Tề Vương nối tiếp Bộ, cung kính ngày càng thêm. Mãn nhậm trở về đất Ung, bèn khắc quy yết. Vua nhọc đưa sai đã sâu, mới đặt Sư làm Hạ Châu Tam Tạng.

Triều Tề cho rằng Sư là người Văn bút đáng noi theo. Vốn chẳng phải Huyền Lữ, mà thâm hợp với đức ở đời, sắp bày cao trội, xét về khí vũ nơi Sư thật có độ lượng của Kinh Quốc. Triều Tề đều bàn nghị, hoặc đem oai ân mà thêm đó, hoặc dùng tình khác để xoay chuyển. Nhưng Sư tao nhã sáng suốt vượt hơn mọi người, không hề đổi thay tiết tháo.

Tháng năm, niên hiệu Thiên Hoà thứ hai (567) thời Bắc Chu, Đại Chủng Vũ Văn Hộ gửi thư đến Sư, viết rằng: “Nói nghĩ kính chúc chưa bắt đầu ngóng tích. Đạo thể thôi dự không thiếu lo ư? Bởi vì đáng Năng Nhân (Thích-ca Thế Tôn) xuất hiện ở đời là với chí nguyện cứu giúp. Chẳng phải trước luân hồi riêng chuộng tốt lành. Đã là Đạo thứ bậc, vừa sinh đã biết tài cao bảy bộ, đầu luống nhuộm đen, ngằm chảy theo đường. Chỉ là Linh quách Diệu lý, ba nghiệp đồng đến. Mong nghĩ không hai. Tăng tục chẳng cảm, ít có khai mở thiên chấp, ngại khen triều đại thời của chúng ta. Chẳng phải chỉ chân tục đều nhỏ sạch, cũng là đây kia đồng nhất quán. Nên bảo đến thừa trình, nhớ nghĩ báo đáp công ơn!”

Sư đáp rằng: “Thẹn nhục đầy đủ hoài bảo, nóng lạnh khác chỗ, vui khổ khác tâm. Thôi lược thường bàn nói, vả lại, muốn trình bày sự thật: bản đạo bẩm chất hèn kém, thường mắc bệnh đầu não, do đó cong lưng mà thành cung kính. Chí Đạo là chuyên, không hề dừng nghỉ. Nay năm mươi hai tuổi, từ khi xả bỏ tục duyên đến nay đã được mười lăm năm. Muôn dân trở về nước đều dừng nghỉ tại Đô ấp. Một vị tăng gây bệnh riêng dòng chón hoang vắng. Không có tội để phạt, không khả năng để sai. Trăm (có lẽ là mười) lo, chín nghĩ là chỗ chưa dự được. Văn nhiều chẳng viết, lại bày sáu điều không thể, mười điều thôi nghĩ. Xin y cứ vào đầu mỗi sự tình mà xuyên suốt đuôi đầu. Lược bớt thư phân giữa, đến đoạn kết nói. Sa-môn giữ giới, tâm miệng tương ưng. Chỗ nêu bày sáu điều, như có một điều sai dối thì khi sống đây, trời xanh chán ghét, lúc chết thì kẹp sắt nhỏ lên, nấu nước đồng sôi rưới vào đó. Kính mong ba thứ ánh sáng soi chiếu đến năm tôi sáu mươi tuổi, chẳng xem thường nhà tôi hưởng gì đời sáng rõ. Vả lại, quê hương nước nhà tan tác dứt mất, bà con thân thích suy mất, bản đạo là hạng người gì mà riêng kham chịu lâu dài? Thật may được thâm nhật dấu vết trong núi non, nhiếp

tâm gạt bỏ bụi trần bên ngoài, nuôi dưỡng mạng sống dư thừa, thuần tuệ tuệ nghiệp. Đó là Bản ý của bản đạo! Gởi hình hài nơi tinh xá, đi khát thực ở Vương thành, tùy sức hành đạo, tùy duyên cảm hóa chúng sinh. Đó là chí nguyện kế tiếp. Nếu chẳng được như thế thì riêng ở nơi hõm hốc, làm sao có thể ở lâu hơn cõi Diêm-phù ư?”

Vũ Văn Hộ nhận được thư, hiểu được khó cất nhắc Sư, bèn gởi thư đón rước trở về, viết rằng: “Pháp Sư giữ tâm bền chặt, ở đi vượt ngoài đời. Huyền Khuê mở vận chẳng quật nổi tiết tháo của Bá Di, Thương Tinh được trải qua đầu tôn chí của Gia Tuân. Nay sai người sang đón rước Sư về đến Hàm Dương. Các hàng quý trọng đến yết kiến. Lễ lớn long trọng, phẩm vị nồng hậu càng thêm khác người thường. Để xứng chỗ gọi là rộng lưu tàng cảnh khó điều phục. Thề sẽ gá nghi gá huyền hậu Đức, tiện nhân phóng không lụy phiền!”

Do đó, Sư bèn soạn bài minh “Người Báu” rằng: “Tôi năm 15 tuổi mà mên chuộng Chúc Văn. Năm ba mươi tuổi lại quý trọng thế vị, gặp lúc chôn kinh đô rối loạn. Mũi miện nổi chìm, các hàng tri thức trong nước trôi nổi mất hết, bèn bùi ngùi than rằng: Hễ dùng sức lực để làm đảo lộn mặt trời, một sáng may đục suốt được sự bền bỉ của núi Đại Đá Bàn, bỗng lửa tắt mất, nên xét. Định biết tướng Đời là vô thường, sống nổi trôi luống dối. Thí như sương móc ban mai đừng đọng được bao lâu? Bạc Đại trượng phu lúc sống phải dẹp phục được ma, khi chết sẽ bố thí cho cọp đói. Nếu chẳng như vậy thì tu thiên đủ để dưỡng chí, tụng đọc kinh đủ để tự vui. Giàu sang danh dự khiến người khổ nhục! Bèn vất bỏ mũ trâm, cạo sạch râu tóc, mặc áo nạp, chống tích trượng nghe giảng đàm huyền. Nước nhà chiến tranh chưa thanh bình, ẩn thân không nơi chốn. Tự nhàm chán hình hài rất là trói buộc, nghĩ muốn dứt bật gốc khổ, chẳng biết đâu là bến bờ! Trong các Kinh Đại thừa nói: “Người đúng như lời nói mà thực hành, ấy gọi là Thánh. Chẳng nên chỉ nói ở miệng!” Trong các Kinh Tiểu thừa có bài kệ rằng:

*“Làm được nói là chánh,
Không làm, làm sao nói?
Nói được chẳng làm được,
Chẳng phải là người trí”.*

Đến như Nhan Hồi ham học, siêng năng sửa đổi lỗi trước, Tử Lộ chưa tu sợ nghe lời sau. Công lao trí nhiều làm một tâm, thương tổn mạng. Vì Đạo ngày một mất, đâu cần biết nhiều, thế muốn như cây khô, thân chết thành tro than, giáng họa hoạn nạn ấy vì cầu vắng lặng”. Sư bèn soạn lời châm “Tuyệt Học”, đề tên là “Tức Tâm”, phỏng theo Triều đại Bắc Chu. Trong đó bài Minh đề rằng: “Pháp giới có người báu như ý, chín giam thân ấy, bài minh

ấy nên viết: người nhiếp tâm xưa kia, răn đó ư? dạy đó ư? không lo nhiều, không biết nhiều. Biết nhiều thì nhiều việc không như ý, lo nhiều thì mất nhiều chẳng bằng giữ lấy một. Lo nhiều chí tán, biết nhiều tâm loạn. Tâm loạn sinh phiền não, Chí tán chướng ngại Đạo. Chớ cho là không thương tổn, khổ ấy dần vất lâu dài. Chớ bảo là không sợ họa ấy, như chiếc đánh nước sôi! Nước sôi trào chẳng ngừng, bốn Biển tràn đầy, mây bụi chẳng phủ, năm núi sẽ thành. Phòng ngọn tại gốc, tuy nhỏ chớ xem thường. Đóng ngay bảy lỗ, bít cả sáu căn. Chớ nhìn ngấm sắc, chớ lắng nghe thanh. Nghe thanh thì điếc, thấy sắc thì mù. Một văn một nghệ như con ong nhỏ giữa hư không, một kỹ một năng như ánh đèn đơn lẻ giữa ban ngày. Anh hiền tài nghệ thật là ngu tệt. Xả bỏ thuần phác, đắm chìm hoang dã. Thức đường như ngựa để rong chạy, tâm như vượn khó chế phục. Thân đã nhọc sai, hình hài hấn chết mất, tà kinh trọn mê, đường tu lấp hấn. Chẳng quý tài năng thì gọi là mờ tối, trác vụng tham khéo, đức ấy chẳng lớn. Danh dầy hạnh mỏng thì cao ấy chóng đổ, bày sạch mà cuộn bản dụng ấy chẳng thường, trong lòng kiêu căng, ngoài hiện oán tắng. Hoặc nói ở miệng hoặc viết ở tay. Mời người khiến vinh dự cũng là dơ bản của Không. Kẻ phạm cho đó là tốt lành, bậc Thánh cho đó là lầm lỗi. Thương vui tạm thời, buồn lo lâu dài. Sợ bóng hình, sợ vết tích, càng chạy thì càng dữ dội. Ngồi yên dưới tàng cây, vết tích mất bóng hình lạng. Chán sinh lo già, hễ nghĩ liền tạo. Nếu diệt tâm tướng, sinh tử dứt bật. Chẳng sinh chẳng tử, không tướng không danh. Một Đạo rỗng rang tĩnh lặng, muôn vật ngang bằng. Đâu hơn, đâu kém, đâu nặng, đâu nhẹ. Đâu tiện, đâu nhục, đâu quý, đâu vinh. Lắng trời thẹn sạch, ánh mặt trời hổ sáng, hấn kia là tòa thành bằng vàng ròng. Kính tặng cùng các Hiền Triết. Đạo này Lợi lớn!”

Sư lại soạn “Luận Chí Đạo”, “Luận Thuần Đức”, “Luận Khử Thị Phi”, “Luận Ảnh dụ”, “Luận Tu không”, “Luận Bất sát”, v.v.. văn đều lắ trong sáng, lời thường khuyên thiện. Chỉ chuyên giữ thực chất, bỏ văn hoa, chẳng còn lại phần mực. Có nhóm họp lại thành mười quyển, lưu hành hưng thịnh ở đời. Về sau Sư thị tịch không được rõ.

Sư có vị Đệ tử là Sa-môn Tăng Côn, tánh trầm lắng, giỏi về âm điệu, là Pháp Chủ của hai mươi lăm chúng tụng đọc kinh dưới thời nhà Tùy. Sư sưu tầm các sách vở, tham cứu qua các bậc Hiền thánh, biên soạn các luận, nhóm họp thành một bộ, gọi là “Luận Trạng”, gồm ba mươi quyển. Mở quyển một lần xem được cả trăm nhà hiền triết. Sư cũng là bậc Tông trưởng của tâm học. Sau, ở tại Khúc Trì, Sư xây dựng chùa Tĩnh Giác, thường gần nước rọi bóng tre, hiểu vật làm thơ, có soạn Thiên Thập, v.v..

09- Truyện ngài Thích Đạo Sùng ở Nghiệp Hạ

Thích Đạo Sùng, họ Trương, tên Tân. Sống giữa thời Cao Tề và Nguyên Ngụy. Có Quốc Học Đại Nho Hùng An sinh, là người được liên bang quý trọng. Bấy giờ có Lý Phạm, Trương Tân (Đạo Sùng), Tề Cao, An tịch. Tài nghệ không ai chẳng quy Tông, sau đều gánh vác An hạ làm phó.

Sắp đến tuổi Tráng thất, Sư dẫn học trò hơn ngàn người đến huyện Nguyên Thị thuộc Triệu Châu, bên cạnh chùa Yên Giác, tức nay gọi là chùa Ứng Giác. Sư vào chùa xin nước. Có vị Sa-di đem nước ra cho, hỏi rõ sạch dơ mới uống. Sư vôn bên trong chẳng liên quan, mờ mịt chẳng đối đáp. Vị Sa-di ấy rưới nước vào mặt. Sư rất lấy làm hổ thẹn bảo những học trò tùy thuộc rằng: “Chẳng là đem nước làm nhục ta, chẳng chỉ bày Phật Pháp khó suy nghĩ, luận bàn. Nay ta gá tâm vào đạo này, nên các ông đều tự giải tán”. Liên ngay ngày đó, Sư vào chùa ấy xin xuất gia. Theo phép của chùa, người vào Đạo phải trải qua ba năm thử thách. Nhưng vì Sư quá thông minh không thể bó buộc theo thể chế thường, nên ngay ngày ấy cho Sư thọ giới cụ túc. Ngài bèn đến Tây Sơn, rộng tìm Tạng Bộ. Thần dụng sâu trội, Sư bùi ngùi than tự biết muộn.

Vua Tuyên Võ Đế (Nguyên Khác 500-516) thời Bắc Ngụy rất kính chuộng Phật Pháp. Có vị tăng người Ấn-độ tên Bồ-đề-lưu-chi; người Thiên-trúc, mới đầu phiên dịch Kinh Thập Địa tại điện Tử Cự. Có Sa-môn Lạc-na-ma-đề ở điện Thái Cự. Mỗi một vị đều có cấm vệ, chẳng nói chuyện qua lại, khảo xét các bản dịch, sợ có phù lạm. Bắt đầu từ niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất (508) đến năm thứ bốn (511) mới hoàn tất. Đến lúc xét đáp, Sư chỉ nói: “Có Bất Nhị và Bất tận” (Không hai và Không cùng tận). Ngài Lạc-na-ma-đề bảo rằng: “Định có Bất nhị và bất tận”. Một chữ thành khác, đều cùng kinh hãi khen ngợi như kính phụng Thánh tâm”. Sư nhân câu hỏi ấy bèn đến chỗ Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi thưa hỏi chỗ sâu cực. Ngài Bồ-đề-lưu-chi bèn trao cho Sư Kinh Thập Địa và chỉ dạy ba năm. Sư tùy chỗ nghe mà soạn ra nghĩa sớ, tức vì khai học. Tiếng xướng to lớn, khắp Nghiệp hạ đều vinh hạnh suy tôn. Bấy giờ, các Văn Hùng nơi Triều đình như Ngụy Thâu, Hình Tử Tài, Dương Hưu, v.v.. kính xưa mến tịch Quan học do thành, tự để lại giềng mối cho đời, hình danh chẳng nương gởi, cùng theo đến nghe mà đều chẳng hiểu. Sư im lặng nhận biết, bèn bảo rằng: “Chư Hiền các ông đã xưng là Vinh Quốc, đã từng thọ nghiệp mà có chỗ đến ư?” Mọi người đều đáp: “Vôn thực là giòng họ Trương nhằm chán thế tục mà xuất gia”. Sư bảo: “Thầy trò có nguyên do, nay được như thế” mới bảo: “Mắc tội rất lớn!” Ban đầu nghe nhận biết tiếng đều là thật v.v.. Thầy xưa, dung nghi chóng đổi, đến đây không tỏ ngộ. Khi đó đồng thức giục đánh ba tiếng khánh lớn, nhất tâm đây, buồn vui cùng theo nhau. Bèn vì tấu trình, đức hạnh tỏa khắp đương thời,

mạng nghĩa lại tiêu biểu lớn, thường ngày ban tặng ba lượng vàng ròng, cùng tận nơi thân, tượng thành học sĩ, có khả năng truyền Đạo có hơn ngàn người. Trong đó các vị cao trội như là: Sa-môn Tăng Hưu, Pháp kế, Đản Lễ, Lao Nghi, Nho quả v.v...

Có thuyết khác nói rằng: Ban đầu Tam Tạng Pháp Sư Lạc-Na-Ma-Đề chỉ dạy cho ba người. Với hai kẻ sĩ Phòng, Định thì chỉ trao cho Tâm Pháp. Còn ngài Tuệ Quang được dạy cho Pháp luật. Còn Tam Tạng Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi chỉ dạy cho Sư, Sư theo hướng Bắc mà hoằng Đạo, chỉ dạy bốn người như Lao nghi, v.v... Còn Ngài Tuệ Quang theo hướng Nam mà hoằng Đạo, chỉ dạy cho mười vị như Phùng Phạm v.v... Nên khiến ở Lạc Hạ có hai Đường Nam Bắc. Hiện tại đang có hai chủ thuyết do từ đó mà khởi đầu, và bốn Tông, năm Tông cũng xuất phát từ đó, nay đều đã mất, chẳng phiên phải ghi.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tuệ Tung ở Bành Thành

Thích Tuệ Tung, không rõ Sư họ gì, vốn là người nước Cao Xương. Nước ấy tức là nơi Trử Cừ Lương Vương lánh đất, nên các dòng họ đều thông với Văn quỹ của Hoa Hạ.

Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, rất thông minh lanh lợi, mở quyển liền tìm, bèn rõ nghĩa ở trong. Sư ngầm tích chứa nhóm Huyền tứ, rất đùa cợt tạp tâm. Sư được nước ấy quý trọng vào thời bấy giờ. Anh ngài là Bác Sĩ, Vương tộc rất kính chuộng, nhả trong rừng Nho không tôn kính Phật Lý. Thấy Sư tài giỏi nên khuyên hoàn tục, dùng nghĩa phương mà chỉ bảo. Sư nói: “Hủ Nho trí mọn, chưa đáng quy thưởng, đó chỉ đáng đồng như bã rượu. Ngoài ra sao đâu thể cùng luận nói?” Anh Sư cố ngăn ngại, mới đem Dịch lâm bí ẩn hỏi Sư. Ban đầu, Sư chẳng đọc sách thế tục, cầm quyển mở bày trối ra nghe trước. Anh ngài tuy lấy làm kinh lạ, song, rất chẳng tin sự rộng lớn quan trọng của Phật Pháp. Sư bèn đem một bài kệ của Tỳ-đàm để khai hóa giúp anh Sư hiểu. Bị đình trệ hai tháng, lãng xãng quên giải thích, mới có lời ấy toàn trái với nghĩa lý. Sư có nói ra hoàn toàn trái với nghĩa lý, nhờ được khai mở nên lãnh nhiên thân ngộ. Anh Sư rất kính tin Phật Pháp, thông suốt chỗ nhiệm màu kín đáo để Sư được tự ý du thiệp.

Bấy giờ, vào cuối thời Nguyên Ngụy, Phật Pháp đang truyền bá rộng. Vua nước Cao Xương lại muốn giòng họ Thích trở lại mở mang, mới hiến Sư và người Em theo sứ vào triều, giòng họ cao làm tướng sâu cũng mến trọng. Bấy giờ, có Luận Sư Trí Du là bậc tài giỏi ở đương thời. Sư bèn đến nương tựa, nghe học các Luận Tỳ-đàm, Thành Thật. Sư lãnh điệp văn chỉ tín trọng ở đương thời, mà ngôi vị chỉ mới là Sa-di nên tiếng càng vang xa. Sau khi

thọ giới cụ túc, bèn lên đầu tòa, mở giảng kinh luận, tạo ra cơ duyên. Mới khiến cho mọi bèn nhọn, đối địch đều quay về nương tựa tiếp chân. Khi Sư học đã thành đạt, xa trông Bôn Quốc muốn xin về. Sư bảo: “Đem sự thành đạt sâu rộng của tôi, nghĩa lý chẳng phải là cái giúp đỡ cho Biên bị!” Nên Sư trở lại Nghiệp Lạc mà mở mang Đạo pháp làm chính. Sau đó lại có sự thỉnh mời trở về nữa, Sư vẫn cố giữ như cũ. Vua Cao Xương bèn giết chế cả ba giòng tộc của Sư. Sư nghe thế bèn nói với thân thuộc của mình rằng: “Trong Kinh đã chẳng nói ư? Ba cõi Vô thường, các Hữu chẳng phải vui, huống gì ba đường tám khổ, điều kinh nói đâu đáng lấy làm lạ ư?”

Mãi đến lúc giòng họ Cao, thời Bắc Tề cải đổi cơ nghiệp nước nhà từ niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (550) lên thống quán vinh vọng, được sự trọng vọng của Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560). Sư dùng tuệ học mà vinh dự lên cao; vì từng dùng Pháp nghĩa mà lần lượt nên đời đến ở Từ Châu làm Trưởng niên Tăng Thống, và ở tại Bách Bái mở mang đạo rộng lớn. Khắp Giang Biểu, Giang Nam đều dẫn đến vâng theo thanh giáo. Ngài là vị Tổ, có người kế thừa tức Luận Sư Chí Niệm ở đầu đời Tề. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, tại Từ Châu.

---o0o---

QUYỂN 08

CHƯƠNG II - PHẦN 04: GIẢI NGHĨA

(Trong phần bốn của chương II, chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị)

- 1/-Truyện Sa môn Thích Tăng Phạm trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Đông, thời Bắc Tề
- 2/-Truyện ngài Thích Đàm Tuân ở Nghiệp Trung thời Bắc Tề
- 3/-Truyện ngài Thích Tuệ Thuận trụ chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề
- 4/-Truyện ngài Thích Bảo Phùng trụ chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây, thời Bắc Tề
- 5/-Truyện Tăng thống Thích Linh Tuân ở Tinh Châu, thời Bắc Tề
- 6/-Truyện Đại Thống Thích Pháp Thượng ở chùa Hợp thủy, thời Bắc Tề (Pháp Tồn)
- 7/-Truyện ngài Thích Đạo Thận trụ chùa Định Quốc ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề
- 8/-Truyện ngài Thích Tăng Diệu trụ chùa Nhân thọ, ở Phô Châu, thời Bắc Chu

9/-Truyện ngài Thích Tuệ Thiện trụ chùa Sùng Hoa ở Trường An, thời Bắc Chu.

10/-Truyện ngài Thích Bảo Thoán trụ chùa Quang Hưng ở Đồng Châu, thời Bắc Chu.

11/-Truyện ngài Thích Đàm Diễn ở Lạc Châu, thời Bắc Tề

12/-Truyện ngài Thích Tuệ Vinh trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, đời Trần

13/-Truyện ngài Thích Đàm Diên trụ chùa Diên Hưng ở Kinh Sư, đời Tùy

14/-Truyện ngài Thích Tuệ Viễn trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Sư đời Tùy (Tăng Mãnh).



01- Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Đại Giác, ở Nghiệp Đông

Thích Tăng Phạm, họ Lý, người ở xứ Bình Hương. Thưở nhỏ, Sư tìm đọc học các sách. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đã gần thông số lược. Đến như Thất diệu, cửu chương, chú thuật của Thiên-trúc, dò hỏi không cần phải tỏ ngộ lại. Đồng bạn có muôn ngàn chỉ tay mở má khoe khoang Sư đều bề sùng, nên người đương thời nói là “Tương Châu có Lý Hồng Phạm mở suốt nghĩa sâu, Nghiệp Hạ có Trương Tân vừa mới sinh mà lãnh ngộ không sai sót. Lời nói ấy thật có ý chỉ. lại thêm vì tuổi trẻ sắc đẹp đều không tâm sánh đôi. Sư nghĩ nương tựa pháp môn thiêu đốt ngón tay mà tu cúng dường.

Năm hai mươi chín tuổi, Sư đến dừng ở tại ấp Trì Hạ, nghe giảng Kinh Niết-bàn, ngay một lần nghe mà khai ngộ thân phủ. Nghĩa lý tư tưởng đều thông, Sư mới biết Bí cực của Kinh Phật. Và Sư bèn đến chỗ Sa-môn Tăng Thi ở Nghiệp Thành xin xuất gia. Ban đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, chóng hết sự cùng cực. Sư lại gá tâm nơi núi rừng vắng vẻ vắng vẻ. Sau đó, Sư lại đến Lạc Hạ theo Hiến Công, nghe giảng các Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Các bậc tông tượng, trước tu mọi đúng sai đều tỏ bày. Sau, Sư lại dời vết tích đến chỗ Quang Sư mà học đạo. Đắm mê vị, lo Tông chỉ, tuổi tác đổi thay. Đã cùng tận tướng nôm, chỉ học chẳng tạp. Sư mới đi Vân du khai hóa làm lợi an ủi Tề Ngụy. Mỗi Pháp Diên dựng lập, thánh chúng đông hơn ngàn người. Đến lúc Sư trở lại dừng ở tại nghiệp Đô, có thể gọi Sư là bậc minh tượng của đương thời. Bèn khiến cho Thôi Cận chú Dịch thừa hỏi nơi Sư mà lấy sở trường, Tông Cảnh làm lịch tìm cầu nơi Sư mà bỏ đoán. Các bậc Đại nho như Từ Tuân Minh, Lý Bảo Đảnh, v.v.. chỉ một lần thấy mà tin

ở lời trước. Sư bèn trao truyền giới Pháp Bò-tát cho năm chúng quy hướng về Sư rất đông. Ngài giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Địa Trì, Duy ma, Thắng-man mỗi kinh đều có sơ ký. Sư lại biến kinh sơ dẫn thành luận, nên các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, v.v.. đều gọi là luận, còn một bộ Kinh Địa Trì gọi riêng là Thuật vậy. Nhưng thuộc từ phiên tráng, chẳng sánh với thể tình, cũng là chỗ làm của một nhà. Nên có thể xem xét mà gạt hái. Song, ngôn hạnh nơi Sư cùng giúp, điềm tốt lành thường ứng hiện. Từng có Thứ Sử Giao Châu là Đỗ Bật đến chùa Hiền Nghĩa ở nghiệp đô, thỉnh Sư giảng kinh vào mùa Đông. Sư giảng đến chỗ nói về Lục Địa trong Kinh Hoa Nghiêm. Bỗng nhiên có một con chim nhận bay xuống, theo phía Đông tháp đi thuận chiều mà vào giảng đường, thẳng đôi tòa cao, nép mình dưới đất mà nghe pháp. Đến lúc giảng xong, chim nhận lại từ từ đi ra, lại thuận theo phía Tây tháp mà bay đi. Lại cũng ở ngay chùa ấy, Sư giảng kinh trong mùa Hạ, cũng có chim Tước bay đến ở phía Tây Nam của tòa nép mình lắng nghe suốt trong chín tuần (ba tháng). Lại nữa, Sư có giảng pháp ở Tê Châu, cũng có một con quạ bay đến nghe, lúc giảng xong thì bay đi. Những cảm ứng tốt lành như thế rất nhiều, nếu chẳng phải do thâm hợp với đạo thì đâu thể được như vậy.

Sư thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, có một vị tăng đến hủy nhục Sư, bảo rằng: “Ay chỉ là Già-đầu, rốt cuộc phải hiểu thế nào?” ngay đêm đó có vị thần đến đánh vị tăng ấy, chết đi sống lại. Những người nghe thấy như thế vô cùng kính trọng kinh lạ. Sư từng ở lại qua đêm tại một ngôi chùa khác. Trong ý muốn nghe giới. Có vị tăng lên Pháp tòa, sắp muốn dựng nghĩa: bèn nói: “Dựng Luận Pháp tướng rất phù hợp với lời Thánh, đâu nhọc Bò-tát? Chư tăng thường nghe”. Bỗng nhiên thấy một vị thần thân hình cao hơn trượng, dáng mạo rất mạnh mẽ, đến trước tòa hỏi vị tăng lập nghĩa ấy rằng: “Nay là ngày gì?” Đáp: “Là ngày Bòtát”, vị thần liền dùng tay kéo. Vị Tăng ấy xuống tòa, lê lét gần chết. Kế đó Thần lại hỏi vị Thượng tọa và cũng kéo giống như trước. Do vậy mà Sư tự cố gắng, đến cuối cùng mọi việc duyên riêng của Tăng, không hề nói Dục. Cho đến bệnh nặng thì khiêng vào trong tăng. Khi sắp thị tịch, Sư bảo thỉnh tượng vào phòng, tự mình xuống giường, quỳ gối dưới đất, chỉ sám hối điều gặp phải xưa trước mà thôi. Bấy giờ đang lúc đứng ngộ, Sư dặn dò dạy răn và thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Đông, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó là ngày mồng hai tháng ba niên hiệu Thiên Bảo thứ sáu (555) thời Bắc Tề.

Ban đầu, Sư bỏ Nho tìm đến Phật, ngày một kính tín thêm, vắng lặng chuyên tưởng không môn, chẳng duyên việc đời. Miệng không nói lời vô nghĩa, thân tuyệt đối không đến nơi trái Pháp, hề có được các vật dụng gì đều ban cấp cho môn nhân Đệ tử. Ăn mặc có hay không chẳng hề mở miệng nơi ra, an

nhẫn mọi điều thiện ác, mừng giận chẳng lộ vẻ nơi vẻ mặt, giặt rửa tẩy uế luôn kính vâng giới cấm, trước sau như một. Mà Sư thường lưu ý nơi Kinh Hoa Nghiêm làm nghiệp phước báu lai sinh. Ban đêm, đánh lễ ngàn danh hiệu Phật, trọn một đời Sư thường thực hành như vậy. Đến lúc tuổi tác xế chiều mọi sự đã lớn thịnh, sức khoẻ không cho phép, mà Sư vẫn còn y cứ ngày đêm sáu thời khấu đầu trên gối. Sư tự có năng lượng anh ngộ, ít ai có thể tiếp nối, còn cảm thông linh dị thì mọi việc toàn khó y cứ biết vậy.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đàm Tuân ở Nghiệp Trung

Thích Đàm Tuân, họ Trình, người ở xứ Hà Bắc. Thưở thiếu thời, nhằm chán vòng lưới thế tục, Sư bèn vào chùa Pháp Quang xin xuất gia. Dung mạo Sư rất khôi ngô, Sư sợ nhiễm bản tịnh giới mà hoàn tục. Vốn học của Sư sáng tỏ đáng làm nơi nhờ cậy của người đương thời. Có người họ Ngụy nâng đỡ Sư làm Viên Ngoại lang.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư bỏ làm quan ở triều, lại thỉnh Ngài Pháp Quang vì làm Sư Bảo. Ngài Pháp Quang vì việc xưa nên bỏ mặc không độ, Sư bèn quỳ thưa rằng: “Nay con dốc mạng quy y, xa kính sùng chí đạo. Nếu chẳng được chấp thuận thì sẽ theo tà kiến, làm hư hoại Tam Bảo!” Ngài Pháp Quang xét thấy Sư rất mực chí tình, bèn độ cho xuất gia và truyền cho giới Pháp. Nhân đó, Sư theo thọ học, qua hơn một năm công phu miệt mài, với các giáo nghĩa Đại thừa đốn giáo, nguồn tâm Thập giới v.v.. Sư đều phân vạch nghĩa lý, vượt trội các bậc Tông tượng ở đương thời. Tay Sư không cầm Dị bút, mà biển của kẻ khác thành của mình, nên đàm thuật thì có tiếp tục mà chương số thì khuyết thiếu.

Ban đầu, Sư ra hoằng hóa tại Lạc Hạ, rồi dần giảng đến các xứ Tề, Sở, Tần, Ngụy, cho đến Yên Triệu. Sư truyền thông Đạo nghiệp, dẫn nhiếp sửa trị tiếp nối. Thừa Tướng Hoài Âm Vương Quảng rất quý trọng Sư. Đức hạnh Sư cảm động đến các hàng Quý trọng, đều có tâm kính lễ. Năm ngoài bảy mươi tuổi, Sư được suy cử làm Quốc Đô, sau đó lại chuyển làm Thống. Sau một thời gian ngắn, ngài nhận biết trong mình bị bệnh, bèn ngồi trì tụng các Kinh Duy-ma, Thắng-man, vừa xong quyển thì Sư thị tịch tại Nghiệp Hạ, thọ tám mươi lăm tuổi. Các hàng được nương thừa hóa độ, cũng như môn nhân Đệ tử ít người tiếp nối được sau Sư!

Ban đầu, Sư giữ chí thanh cao, dùng Pháp vô vi lập tánh, vén màn mở cửa, nêu dựng phương xa. Thân chẳng vọng can thiệp, miệng không nói chuyện thế tục. Động tĩnh tự trang nghiêm, chẳng nương gá phương tiện, mà kính ái Tôn sư có ít người được như Sư. Ngày ngài Pháp Quang - là thầy của Sư thị tịch, ngài đang ở tại Tề châu, ban đầu mới nghe, ngài buồn mà hỏi, bắt chợt

từ trên giường té xuống, trong miệng máu tuôn trào. Sư thật hiếu kính, xúc động đến lòng người như thế! Sư thường vân du, niệm tuệ có được cơ duyên, ôn giảng mà trọn nghiệp.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Thuận trụ chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ

Thích Tuệ Thuận, họ Thôi, người đất Tề, là con của Thị Trung Thôi Quang. Thờ thiếu thời, Sư mền Nho Tông, biết hết Nhã Thú. Lúc lớn lên, Sư nhàm chán lưới trần, mà làm người Cư sĩ.

Ban đầu, Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn, lược không để sót nghĩa. nhân lúc đang giảng mà Sư ngủ, bỗng nghe có tiếng bảo rằng: “Hiểu đây mới là sáng, ngoài ra vẫn chưa cùng cực!” Tâm Sư bèn đợi nghỉ, dò xét giải quyết bệnh ấy. Nhân tại Đô Hạ có Luật Sư Quang là người hiểu rộng Giáo nghĩa Đại thừa, không vấn gì chẳng hiểu. Sư bèn đến Lạc Dương, đến chỗ Luật sư Quang xin xuất gia. Lúc ấy Sư hai mươi lăm tuổi.

Sư ngụ ở dưới cửa, tập tu địa chỉ, mệt cũng không ăn no. Tuổi tác dần dà, chứng giáo hai đường, gương sáng soi trong tâm, ba trì ba tụ, ảnh hiện ở ngoài thân. Thấy rộng dung hợp, đào huyện có thừa. Sư giảng Kinh Thập Địa, Địa Trì, Hoa Nghiêm, Duy-ma, đều có soạn Nghĩa ký.

Năm gần năm mươi tuổi, Sư muốn mở mang Đại Pháp làm lợi ích cho quê nhà, bèn truyền quy giới, không tình nào chẳng thích ý. Hễ nơi nào có Pháp hội Giảng đạo thì thính chúng đều đông hơn ngàn người. Ảnh hưởng tinh thành rộng lưu đến Đông Hạ. Nên các xứ Tề Triệu Doanh Ký, những người có tâm kính tin đều bảm thọ Đạo phong của Sư. bộc Xạ Tổ Hiếu Trung, Khâm chuộng Quyết đức, nên tấu trình thỉnh Sư làm Quốc Đô. Năm bảy mươi hai tuổi, Sư thị tịch tại chùa Tổng Trì ở Nghiệp Hạ.

Ngay ngày Sư thị tịch, thân tâm thanh tịnh cao vượt, chuyên niệm Bình đẳng làm tâm ấn. Nhưng giọng họ Sư trụ thanh hoa ngôn, thật là khuôn phép cho đời. Tuệ giải của Sư vượt quá vinh dự, sự nghĩa trầm lắng, chỉ thuận theo Pháp, chẳng bó buộc ở một phương. Ăn mặc đẹp xinh, ăn không gồm vị, thọ thí rồi liền ban tán, tình chẳng yêu ghét, hình gá ở tùy duyên, không hề y cứ hạ lạp. Đi ở đều vì lợi ích, chẳng trông lại sự mất mát nơi mình, nói làm đúng lúc, chẳng đấu tranh với mọi vật. Nên người viết truyện phải ghi chép đủ, chẳng dám bỏ sót mọi việc làm của Sư.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đạo Phùng trụ chùa Bảo Sơn ở Nghiệp Tây

Thích Đạo Phùng, ngài giòng họ Hàn, người ở xứ Bình An. Năm mười hai tuổi, Sư đến chùa Quý Hương Thiệu, xin xuất gia. Ban đầu, tụng Kinh Duy-ma. Tự chỉ trải qua xem đọc một ngày, tính ra có đến bốn ngàn bốn trăm lời, chỉ một lần nghe mà không quên, bèn thông được mấy bộ. Sau đó, Sư học Kinh Niết-bàn, lược xem tiết xa, lại tìm Luận Thành Thật, mới nghe hơn nửa quyển phần văn, bèn dựng lập Đại nghĩa. Vinh dự thông minh nơi Sư không tham muốn ở người xưa. Cuối cùng khiến mọi người xa gần nghe Đạo phong của Sư đều muốn đến đánh lễ tham yết.

Năm được bảy hạ, Sư muốn giảng Kinh Niết-bàn. Sư tự tư duy “Văn chỉ một mà giải thích có khác, tình lý khó giúp nhau, sợ gồm thời khoá hư rỗng, báng Pháp thành tội trọng!” Năm sau, Sư đã lên pháp toà, Sư bèn thực hành Thiên Cảnh. Chương Phủ Y Lạc tìm khắp Gia du. Sau đó, Sư đến chùa Thiếu Lâm, nhiếp tâm an cư kiết hạ. Chư Tăng hỏi đạo vạch rừng rậm mà đến. Nghe Luật Sư Quang mở mang giới bổn, nhân đó, Sư đến nghe giải. Trải qua thời gian, tỏ ngộ Đại thừa, sâu đến chỗ tình nguyện. Sư dùng ở mười năm, tiếng tăm dần cao. Sư bèn giã từ Luật Sư Quang, hoằng hóa chánh Pháp, khắp các xứ Triệu Ngụy, Sư truyền giảng rất tốt đẹp, có ít người được vậy! Sư giảng các Kinh luận, như: Địa Luận, Niết Bàn, Hoa Nghiêm, luật Tứ Phần, đều xem Quyển mà bàn giảng, mắt chẳng tìm Văn chương số Bản. Tay chẳng nhắc bút mà đóng mở tùy duyên, nhả nạt trong sáng, suốt hội thuyên chỉ, như có sở chứng. Nên ở kinh đô nói rằng: “Phùng Sư Pháp tướng Thượng Công, Văn cú một đời hiếm quý!” Lời nói ấy thật đáng tin. Người đương thời cho rằng “Miệng Sư biện luận sinh như Thân Tử (Xá Lợi Phất)!”

Đến ngày mồng bảy tháng ba niên hiệu Thiên Bảo thứ mười (559) thời Bắc Tề, Sư i thi tịch tại chùa Bảo Sơn ở phía Tây nam Nghiệp Thành, thọ bảy mươi hai tuổi. Trước lúc Sư sắp thi tịch. Hai quả chuông lớn chỉ va chạm chút ít mà bị vỡ. Ngày Sư còn mạnh khỏe, thường nguyện sinh về An dưỡng. Nên lúc ngài sắp tịch có ánh sáng soi chiếu khắp phòng, chỉ một mình Sư thấy, có mùi hương thơm lạ khắp sân, Đại chúng đều nhận biết. Ban đầu, việc hành Đạo của Sư là rộng gìn giữ ở tâm, kinh luật vội giảng, phước tín đều tu tập song hành. Bà con thân thích qua lại chóng dứt. Các nơi quyền quý giàu sang, Sư toàn không bước đến, mà chỉ đi khất thực để tự nuôi sống, ít chỗ thường quen. Đáp y bày vai, tẩy tịnh mọi việc, đến tuổi già càng bèn bị. Cổ tay không mặc, sinh tử ngang vậy. Sư dùng tâm duyên miệng, trao đồ nơi Văn tướng, xưa nay dứt bật.

---o0o---

05- Truyện Tăng Thông Thích Đàm Tuân ở Tinh Châu

Thích Đàm Tuân, họ Phó, người ở xứ Ngự Dương. Sư xuất gia vào Đạo từ thưở thiếu thời, học luận Thành Thật và Kinh Niết-bàn, thấu cùng chỗ sâu kín. Lại ngay trong luận, Sư soạn yếu thành hai quyển, chú giải và thích nghĩa rồi lưu hành ở đời. Sau, ngài bỏ Tiểu Đạo, tôn sùng Quang Công, sớm tối nghiên tầm suốt hơn mười năm, mảy may yếu chỉ lý giáo bí mật. Sư đều biết rành thông bát. Tuy biết rộng các thứ kinh sách, mà Sư chuyên truyền bá xuất Kinh Duy-ma và gồm có Sở Ký. Đến khi Sư dời Chương nghiệp vân du các xứ Yên Triệu, hoằng hóa thấm đượm khắp bốn chúng. Tà chánh phân rành. Mà Sư rất có công phu viết lách họa vẽ, lại rất ưa thích Thiên Thập. Cái đẹp Văn bút của Sư là sự suy cử của đương thời, đẹp khách dáng lành phong nghi, từ biện nhã tịnh, người nghe không khó chịu. Ban đầu, Sư làm Quốc đô, đến cuối thời Ngụy, Sư làm Tăng Thống Tinh Châu. Đến đầu thời Bắc Tề (550...) Sư thị tịch tại Tấn Dương, lúc đó, Sư sáu mươi chín tuổi.

---o0o---

06- Truyện Đại Thống Thích Pháp Thượng ở chùa Hợp Thủy

Thích Pháp Thượng, họ Lưu, người xứ Triều Ca. Năm tuổi, Sư bắt đầu nhập Đạo, qua bảy ngày đã thông chương. Năm sáu tuổi, theo người chú vào trong chùa, thấy mọi người đùa cợt mà Sư không khởi tình cô vũ. Chỉ lễ Phật tụng kinh mà hơi tiếng rõ trội, mọi người đua nhau vây quanh nghiêng mình khát ngưỡng xem nghe. Năm tám tuổi, Sư lược xem qua kinh sách, hiểu suốt được nghĩa lý. Năm chín tuổi, có được Kinh Niết-bàn, Sư bèn mở bày mà tụng đọc liền khởi sinh ý niệm nhằm chán thế tục. Năm mười hai tuổi, Sư đến chỗ Thiên sư Đạo Dục xin xuất gia.

Nhân đi đến đất tương, sau đó trở về lại làng cấp, Sư lại sang Đông đô nương tựa và chuyên học Đạo. Thần khí Sư cao sáng thấu suốt Từ luận. Người đương thời đều tôn sùng kính trọng và gọi Sư là “Thánh Sa-di”. Sau, Sư ngầm ở Lâm Lự, lên chùa Hồ Sơn, tụng kinh Duy-ma và Pháp Hoa, vừa mới hai tuần mà cả hai bộ kinh Sư đều thấu đạt. Nhân tụng, cầu hiệu, Sư trở vào Lạc Dương, tỏ rộng thấu suốt Thanh huyền, tiếng tăm vang khắp xứ đó. Đến năm vào học, Sư bắt đầu giảng Kinh Pháp Hoa. Sư đáp kháng nghị nạn không ai chẳng ngợi khen tán phục. Sư khéo tùy cơ nêu hỏi, hay bày hạch xét, quyết thông, chẳng y cứ vào lời nói hơn kém. Dung mạo sắc tướng Sư không mấy xinh đẹp, nên người thời bấy giờ thường nói rằng: “Hắc Sa-di (Sa-di da đen) đến, thì tòa cao bị tai nạn!”

Sau, gặp lúc khó khăn, thức ăn áo mặc đều thiếu thốn, Sư đặt tâm để ý vào Kinh Niết-bàn, không màng đến đói lạnh, ăn chỉ hạt gạo; thêm ít rau lá, mặc chỉ mảnh áo thêm cỏ che thân. Hình hài mạng sống như sắp đứt mà tinh thần

ngày một lớn mạnh. Sư bèn đến chỗ Luật Sư Quang mà xin thọ giới cụ túc. Tánh giới Sư sớm thành, chẳng nhọc sức thầy dắt dẫn. Sư siêng năng chăm chú vào Đệ lý, không để mất tác bóng thời gian. Bỗng nhiên nghe tin cha bị bệnh nặng, bèn tìm trở về hầu thăm, khi người đã qua đời, chỉ một đêm ở lại, sáng hôm sau, Sư liền trở lại Lạc Đô. Sư dẫn dắt chuyển hóa cho mẹ và người chị cùng vào Nghiệp Đô. Bấy giờ, gặp lúc hoang tàn không nơi nhờ cậy và gởi gắm. Sư có tâm muốn nghe Pháp mạnh mẽ, nên đành phó mặc mà trở vào phương Nam. Mùa Hạ, Sư nghe giảng Pháp ở chùa Thiếu Lâm, mùa thu về lại Chương Ngạn, mẹ con vừa trông thấy nhau, bắt chợt rơi nước mắt.

Đến lúc tuệ nghiệp Sư đã cao vợi, mọi người đều tỏ bày cầu thỉnh. Sư bèn giảng các Kinh Thập Địa, Địa Trì, Lăng-già, Niết-bàn v.v.. lần lượt nối nhau và đều có soạn Văn số. Sư lại riêng thấu suốt toán số, thông rành cơ diệu. Giếng mỗi pháp hóa ít có người tiếp nối được nơi Sư, nên người đương thời có nói rằng: “Tại kinh đô rất mong Đạo tràng Sa-môn Pháp Thượng!” Lời nói ấy thật rất đúng.

Năm bốn mươi tuổi, Sư du hóa ở Hoài Vệ, được Ngụy Đại tướng Quân Cao Trưng thỉnh Sư vào Nghiệp Đô. Lời nhiệm mầu mỗi lúc Sư vừa khởi xướng thì thính chúng cùng nhau tìm đến, chỉ lên núi giới cao vợi hiểm nguy, biên tuệ sâu lắng. Đức hạnh Sư có khả năng làm khuôn phép cho người, cai nghi của Sư làm trang nghiêm mọi vật. Nên trải qua hai triều đại Ngụy và Tề, Sư đều làm “Thống Sư”. Chiêu Huyền Nhất Tào Thuần nắm giữ Tăng Lục, bảo Sứ viên đặt năm mươi người. Sở bộ Tăng Ni hơn hai trăm vạn, mà Sư làm cương lĩnh gần bốn mươi năm. Các hàng tăng tục đều vui mừng, khắp triều đình đều thỏa ý vui lòng. Do đó, các chùa khắp bốn phương đều ảnh hưởng đạo phong của Sư. Nền tảng tôn sùng ủng hộ ít có người tiếp nối được sắc thái, mà ánh sáng đạo hạnh của Sư soi chiếu xa khắp, nên Vua bèn ban chiếu thỉnh Sư làm Giới sư. Văn Tuyên Hoàng Đế (Cao Dương - 550-560) thời Bắc Tề từng trải tóc dưới đất mời Sư bước qua.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề, Vua Văn Tuyên Đế ban sắc rằng: “Cúi mong ánh sáng Đức từ tiếp nối làm thanh bình bốn biển. Muốn báp đáp âm đức, Chánh Giác là chỗ nương nhờ, các loại thú điều thương sinh đều nên thả chúng vào rừng núi, lấy chỗ đất này làm nơi cho Thái Hoàng Thái Hậu xây dựng Tháp báu, phé bỏ nơi những người nuôi chim săn để xây dựng chùa Báo Đức”. Đó tức là nghiền nát tà đạo, chuyển tải qua biển Phật trong ngàn. Sự hưng thịnh ở đương thời, từ xưa đều suy tôn. Mà Sư đều gánh vác tất cả và kết hợp rất hài hòa, mở mang Nội Ngoại, Tăng tục đều vâng theo. Nếu chẳng phải thạch trụ thì ai có thể làm rường cột ư! Bởi cảnh hạnh của Sư tuyên bày cao vợi, chóng ảnh hưởng khắp xa, đến nỗi có Đại Thừa tướng Vương Cao Đức ở nước Cao-câu-ly là bậc rất kính tin

Chánh Pháp, kính trọng Đại Thừa, muốn truyền bá Phong hóa Phật pháp đến Hải Khúc mà chẳng nhận biết nguyên do nhân duyên đầu đuôi của Pháp Giáo hưng hoại ở Đông Tây như thế nào, niên đại và qua các đời vua chúa như thế nào? Nên ghi chép đủ mọi sự, mọi điều thắc mắc. Và sai một vị tăng mang đến Nghiệp Đô trình bày điều chưa được nghe biết ấy. Mở đầu lược hỏi rằng: “Đức Phật Thích-ca từ lúc nhập Niết-bàn đến nay đã bao nhiêu năm? Lại Phật Pháp có ở tại Thiên-trúc bao nhiêu năm mới truyền bá tới đất Hán (Trung Hoa). Ban đầu, đến dưới đời Vua nào và niên hiệu là gì? Lại, Phật Pháp dưới các triều đại nhà Tề nhà Trần ai là người dẫn đầu truyền bá? Từ đó đến nay trải qua bao nhiêu niên đại đời vua?” Xin ghi chú đầy đủ, và hỏi về sở truyền nhân pháp của kinh Thập Địa, Luận Trí Độ, v.v.. Sư đáp sơ lược rằng: “Đức Phật đản sinh năm Giáp dần, tức năm thứ hai mươi bốn thời vua Chiêu Vương nhà Chu. Xuất gia năm mười chín tuổi, thành đạo năm ba mươi tuổi, lúc đó là năm Quý mùi, tức năm thứ hai mươi bốn thời Vua Mục Vương (Cơ Mãn) thời Tây Chu. Vua Mục Vương nghỉ ở Tây phương (tức Ấn-độ) có hóa nhân xuất hiện, liền sai người đi đến trời Tây dò xem, song, các đoàn người đi không một ai trở về báo lại. Vua lấy đó làm ứng nghiệm. Đức Phật trụ thế hoằng pháp suốt bốn mươi chín năm. Từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn đến nay- năm Bính thân, nhằm niên hiệu Võ Bình thứ bảy (năm trăm bảy mươi sáu) thời Bắc Tề-là đã trải qua một ngàn bốn trăm sáu mươi lăm năm. Niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười (67) đời Vua Minh Đế (Lưu Trang) thời Hậu (Đông) Hán, Kinh Pháp Phật giáo mới truyền đến Trung Hoa. Trải qua các triều đại nhà Ngụy, nhà Tấn truyền bá nối nhau mãi đến ngày nay”. Sư rộng đáp đầu mối duyên do văn từ rất đích xác. Ở đây chỉ nêu bày chung, để nói về truyền bá.

Cuối cùng Vua Văn Tuyên Đế ban sắc thỉnh Sư trụ chùa Định Quốc ở Tương Châu. Dung nghi đức hạnh Sư rõ ràng, cảm kích đàn việt cung kính cúng dường rất nhiều. Sư có được các vật do mọi người cúng thí, bèn tạo lập một ngôi chùa trên núi, lấy tên là “Hợp Thủy”, ở tại núi Phía Tây của Nghiệp Đô, nay gọi đó là chùa Tu Định. Trên đỉnh cao nhất của núi, Sư xây dựng Di-lặc Đường, các thứ trang nghiêm đầy đủ rất tráng lệ. Đàn Việt cúng dường bốn thứ cần dùng cho cả một trăm năm mươi vị Tăng đang tu tại đó. Đến lúc gặp thời Pháp Giáo hủy hoại chúng tăng mà chẳng hại đến chùa núi. Sư riêng ăn dạn, hình phục như người thế tục mà đạo nghiệp tu tập vẫn như thường.

Sư phát thệ nguyện sau khi qua đời mong được hầu thấy đáng Từ Tôn, những năm tháng còn lại, Sư nguyện mong thấy sự hưng thịnh trở lại của Phật Pháp. Sư chỉ chuyên nhất đánh lễ Đức Từ Thị Như Lai, mà nghiệp hạnh siêng năng, tối sáng đều cảm vời như ý. Gặp lúc thời vận nhà Tùy sắp lay

động, mặt trời Phật ngậm lia, quả sâu tâm mừng khắp cả tâm Phủ. Lúc đã quá già yếu Sư bảo làm kiệu và ngồi vào đó, mặc phủ Pháp Phục ca-sa lên đầu. Các Đệ tử cùng nhau nâng đỡ khiêng Sư lên chùa núi. Ngài chấp tay lễ bái ba lần và nhiễu quanh phía bên phải ba vòng, bèn trở về lại phòng nhà ở núi, tụng kinh Duy-ma, Thắng-man, vừa hết quyển thì thị tịch tại phòng cũ ở chùa Hợp Thủy, thọ tám mươi sáu tuổi. Lúc đó là ngày mười tám tháng bảy niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu.

Thân lượng Sư cao lớn hơn người, cao vọt vượt ngoài chúng. Dầu đứng trong chúng đông trăm ngàn vị mà Sư vẫn cao riêng một mình trội bầy từ đầu cổ trở lên. Y phục Sư mặc y theo chuẩn mực, áo nạp vá chằm là chính. Y năm điều bằng vải bố. Ngoài Pháp phục, bình bát ra Sư không chứa đựng bất cứ tài vật gì. Trọn đời không mang giày dép hay cưỡi thú, chỉ đi bộ suốt đời. Môn nhân thành đạt sự nghiệp, mặc tình theo sở học, chẳng riêng vì nghiệp mình, ngài khắp dùng chỉ dạy người. Nói năng Sư thường mỉm cười, với người có tội, không hình phạt bằng roi gậy. Từ khi Sư chưa đảm nhận công việc về trước, mọi thứ nghi phục rất hỗn tạp. Khi Sư đã nắm giữ cương thống thì đặt ra cách thức thực hành riêng, khiến cả hai giới tăng tục đều vâng làm. Đó là do công lao rất lớn của Sư. Cho đến xây dựng chùa, tạo tịnh xá cũng phát xuất từ đó. Nên Phật giáo mở mang ở phương Đông, có khả năng quạt lồng ngọn gió trong mát, chẳng giống như trước.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, trong nước có đặt ra chức vị Thập Thống. Hữu Ty tâu trình việc ấy phải soi xét khác. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) bèn tự tay ghi chú vào trạng văn rằng: “Pháp Sư Pháp Thượng có khả năng làm Đại Thống, ngoài ra những vị khác đều làm Thông thống”. Nên sự đãi ngộ của vua đối với Sư như kính thờ Phật. Tất cả những lời Sư nói ra, đều được vâng thừa tiếp dụng. Sư lại rất mực tôn trọng giới pháp, nguyện thương giảng nói và hành trì trọn đời. Mỗi lúc đến sáng sớm ngày Bô-tát, Sư thiết lễ rất nồng hậu, thỉnh tăng để cúng dường. Đến lúc tuổi cao tiếng tăm vang khắp, Sư sợ phiền nhọc đại chúng, đến đêm của năm cuối vẫn còn vâng theo Pháp thức đó. Sư kính thờ tin tưởng như vậy. Sư có soạn “Tăng nhất số pháp” bốn mươi quyển, đều là lược ghi danh số trong các kinh luận. Ban đầu từ một pháp, dần đến mười, một trăm, một ngàn, mười ngàn, có số như rừng. Thật là yếu thuật để truyền trì. Sư lại soạn “Luận Phật Tánh” hai quyển, “Đại thừa Nghĩa Chương” sáu quyển, Văn lý xung hợp rõ ràng sơ lược. Sư lại soạn “Chúng Kinh Lục” một quyển, bao gồm các phẩm loại, đều lưu hành ở đời.

Sư có đệ tử là Sa-môn Pháp Tôn, vốn theo Lý Lão (Đạo Giáo). Đến niên hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề thì xả bỏ hết mà trở về nương tựa Thích Chủng. Ngài (Pháp Tôn) rất thấu suốt thời sự, phân lược có y cứ. Sư

bèn cất nhắc chọn làm Đô Duy Ma chùa Hợp Thủy. Đương lúc nhà Tề hưng thịnh, mỗi năm có Tam giá đều đến chùa núi hầu thăm kính lễ. Lục Quân đã đến, cúng ra Tăng trụ. Còn lại tùy sự chỉ huy trước sau cung cấp cho ba cung đều đủ. Sau, ngài (Pháp Tôn) thị tịch khoảng đầu đời Tùy. Pháp sư Linh Dụ vốn học tiếp thừa có soạn bốn truyện về Sư.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đạo Thận trụ chùa Định Quốc ở Nghiệp Hạ

Thích Đạo Thận, họ Sử, người xứ Cao Dương. Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, tụng đọc nghe giảng y theo học nghiệp. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Lạc Đô, nương tựa Pháp Sư Quang để học Địa Luận. Sau đó, Sư bảm thọ ở Thượng Thống mà chuyên chí học Kinh Niết-Bàn. Tánh tình Sư độ lượng, rộng rãi đơn giản, phong thái an nhiên. Ngài làm giềng mối cho Môn đồ, chỉ chuyên nhiếp Đại Pháp lấy làm việc chính của mình. Mỗi lúc tham dự Bố-tát thuyết giới, Sư quỳ nghe đến hoàn mãn. Sư giảng giải khai ngộ cho kẻ mê, ngôn từ không phiền toái dài dòng. Người trí sợ lời nói ấy là ít, kẻ ngu lo đó chẳng nhiều. Năm chúng đều rất mến trọng. Nên Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời bắc Tề thỉnh Sư làm Quốc Độ dẫn dắt võ về an ủi Di Pháp được không thiếu sót, các bậc Thiền tượng Tăng Đạt, Luận Sĩ, Pháp Linh đều phục tài biện giải đối đáp của Sư. Còn như cuộn cuộn gió nước, xem khắp thời tục thì Sư vượt quá xa. Sau cùng, Sư cưỡi xe đưa vua rồi trở về chùa, hai càng xe đều bị gãy, không bao lâu thì Sư thị tịch tại chùa Định Quốc ở Nghiệp thành, thọ sáu mươi lăm tuổi.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Tăng Diệu trụ chùa Nhân Thọ ở Phổ Châu

Thích Tăng Diệu, Sư còn một tên khác là Đạo Diệu, vốn ở tại Kỳ Châu, sau đến trụ Tinh Xá Cẩm hạnh ở Phổ Pha thuộc Hà Đông, Sư vốn Thông tuệ, đọc xem khắp các sách vở, rất tinh thông giảng luận, nhưng bảm tánh Sư luôn khiêm nhường, mừng giận chẳng liên can đến hoài bão của Sư. Nên thường những lúc giảng, Sư xuống dưới tòa, thầy chấp tay sám hối rằng: “Ý Phật rất khó biết, kẻ phàm chẳng lường được. Nay những điều tôi nói ra là do những bậc thầy trước truyền trao mà lãnh thọ, chưa dám tự chuyên, nên xin đại chúng đối với Pháp nghĩa ấy nếu là đúng hay là sai cũng nên ban bố cho sự hoan hỷ!” Bấy giờ, vì Sư mở hiểu khắp cùng trước hạnh lớn đoan đạt, trông xem sự rộng rang ở chính mình nên đều đượm nhuần đức nghĩa, chúng càng nương theo.

Sau, Sư trụ chùa Thường Niệm, tức chùa Nhân Thọ ở quê nhà, nhóm chúng tu nghiệp để hoằng pháp lập công. Đánh vang ảnh hưởng khắp cả Chu Tề,

rất cao Danh vọng. Vua Thái Tổ thời nhà Chu đặc biệt rất tôn kính Sư. Trong khoảng niên hiệu Đại Thống ở Tây vực có đưa sang dâng tặng xá-lợi Phật, Vua Thái Tổ bèn bảo Sư kính phụng trên đánh đầu, sớm tối xoay quanh kính ngưỡng, trải qua một năm, bỗng nhiên trong một đêm nọ ánh sáng chiếu khắp phòng nhà, xoay quanh rồi ra cửa, dần kéo ra ngoài, phút chốc soi chiếu khắp phương xa, vọt tỏa sáng khắp cả đất trời. Đang lúc ấy, có người trông thấy cho là Chùa bị cháy nên cùng nhau chạy đến cứu lửa. Khi tới nơi thì thấy ánh sáng thần từ trong bình vàng phát ra. Mọi người đều khen ngợi là việc chưa từng có! Sư kính ngưỡng chăm nhìn linh tượng mà lệ trào hoen my, bèn đốt hương và quỳ mà bạch rằng: “Chúng sinh trong Pháp giới đều đã thông thấy được Thánh tích, cúi xin linh cảnh ngậm bí trở về lại vắng lặng rộng không”. Khi đó, ánh sáng lại xoay tròn cuộn vào trong bình. Đêm đó, âm thanh hken ngợi đốt hương của các hàng sĩ nữ ở Châu Trì, nghe vang xa hơn đến mấy dặm. Trong chùa có một vị tăng ngự trong phòng, đại chúng cùng gọi dậy, nhưng mê man chẳng hay biết, nên cuối cùng không trông thấy được điềm tượng ánh sáng. Sau đó không lâu, vị Tăng ấy bị bệnh dịch lệ, mọi người đều cho đó là do nghiệp đời trước mà ra! Nên bèn có sự cảm thấy khác nhau. Từ lúc Sư nói ánh sáng ấy mất thì không còn thấy hiện lại nữa, Ngọc Xá-lợi Phật ấy đến nay vẫn còn.

Xưa kia, vào những năm cuối niên hiệu Võ Bình (576) thời Bắc Tề, tại trong thành cổ Nghiệp Đô có chùa Bạch Mã, đó là thuộc thời Thạch Triệu, do Ngài Phật-đồ-trùng xây dựng. Vốn có ngôi tháp gỗ, vì năm tháng quá lâu dài nên đã mục hư hoại. Vua Ôn Cung (Cao Vĩ) ban sắc bảo sửa chữa lại, lúc đào bới lên, có được ba viên Xá-lợi; một viên màu đỏ, một viên màu trắng và một viên màu xanh, bèn để vào bình báu. Các hàng sang hèn khắp trong kinh ấp đều cùng nhau đến ngắm nhìn chiêm ngưỡng. Với người có tâm chí thành thì Xá-lợi ấy tự nhiên vọt lên. Còn với hạng người không tin đùa cười khinh mạn thì có nghiêng bình đổ cũng không ra. Nên người thế tục thời ấy xả bỏ tà đạo rất nhiều. Cậu của vua Tề là Quảng Lăng Vương Hồ Trường Ung từng đượm nhuần Phật tông, khuyên Sư hoàn tục. Tuy ở địa vị quý vọng mà chẳng xả giới cụ túc. Khi gặp xá-lợi trong bình nước, thỉnh xin hành đạo, liền thấy ba viên cũng nổi trên nước xoay quanh theo phía bên phải bảy vòng rồi cùng một lúc chìm xuống. Hồ Trường Ung cùng con em càng thêm tin tưởng sâu sắc. Và Sư giảng Kinh Niết-bàn là việc chuyên môn của Sư. Ban đầu lược giềng mới đến cùng, những người học lâu dài được hiểu rất sâu về nguồn cội. Phân vạch văn cú đều đến chỗ cơ ước, mỗi lượt đều khác, do đó Học chúng ít thành mà được các vị tài giỏi ngợi khen. Sư hành hóa ở Giang Biều thì kính trọng chẳng cao, mà lan dần đến làng quê thì

rượu thịt đều dứt bật. Các thứ hành kiệu đang sống đều dùng đất lấp vùi lên, tất cả đều chẳng do dạ bảo mà mọi người tự đổi thay cuộc sống xấu ác.

Có Học sĩ Đàm Diên Thừa soạn Tông bản, lại rộng đến cùng, xem đầy đủ ở Biệt truyện.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Thiện trụ chùa Sùng Hoa ở Trường An

Thích Tuệ Thiện, xuất gia từ thưở bé, giỏi về Pháp Thắng Tỳ-đàm. Sư trụ chùa Thê Huyền ở Dương Đô. Nêu bày luận đạo, khắp bốn phía tòa đều kinh hãi sự thần sáng của Sư. Vào cuối thời Nam Lương, Sư từng lánh nạn ở Giang Lăng, vào những năm cuối niên hiệu Thừa Thánh (555) thời Nam Lương, vì bắt được Tần Nhượng, Sư trụ tại chùa Sùng Hoa ở Trường An, học nghĩa rất tốt lành. Vì Chu Trưng tể nhận biết được Sư, nên riêng tu cúng dường. Sư giảng Pháp đến lúc tuổi già. Vào khoảng niên hiệu Thiên Hòa (565-572) thời bắc Chu, Sư thị tịch tại Trường An, thọ sáu mươi tuổi.

Ngài khéo dùng Luận Đại Trí Độ, thường trích dẫn Tiểu thừa cùng chứng thành nghĩa, nên y cứ theo văn mà lần lượt tán thích tinh lý, thí dụ như các ngôi sao và mặt trăng giúp cho sự sáng bừng của mặt trời, giống như các thứ hoa lãng xãng rơi xuống nên Sư soạn văn ấy, đề tên là “Luận Tán hoa”. Trong lời tựa, lược ghi rằng: thể thức của việc soạn văn quý ở chỗ văn từ đón gọn mà nghĩa lý dồi dào. Tất cả tác phẩm của tôi mà nay không lường biết hết được, chính do từ dấu vết ấy, ít người am tường đào luyện, vì thể xúc nghĩa ân cần, gặp văn thấy rõ như thấy chỉ tay trong lòng bàn tay. Có người xem đọc rõ ràng, tưởng như soi vào đó, văn nhiều chẳng cùng tận.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Bảo Thoán trụ chùa Quang Hưng ở Đông Châu

Thích Bảo Thoán, họ Triệu, vốn người An Hán. Sau, ngài trụ tại Tô Khê ở Xúng Lon thuộc Miên Châu. Sư bân tánh nhân nhượng, tuệ tâm sáng suốt. Thưở bé đã có tướng khác thường, cha mẹ muốn thử khí độ của Sư, bèn đem các thứ gấm lụa, hoa, quả, cung, tên, sách vở để quanh trước mặt Sư, Sư bèn gạt bỏ các thứ bánh quả v.v...chỉ ôm chầm lấy sách vở. Mọi người đồng ngợi khen và lấy làm lạ, đều biết Sư sẽ thành người cứu giúp kẻ khác.

Năm bảy tuổi, Sư có duyên sự đi đến Quận Ba Tây, Thái Thủ Dương Thiệu hỏi ngài rằng: “Nghe ông đọc sách nhiều, vậy vì sao gọi là Lão Tử?” Sư đáp: “Vừa mới sinh mà đầu bạc trắng nên được gọi như vậy!” Dương Thiệu thâm lấy làm lạ. Năm mười sáu tuổi, Sư phụng thờ Lương Bình Tây Vương. Ban

đầu, làm Đạo sĩ Đồng tử, Sư chưa học Phật Pháp. Bình Tây Vương biết căn cơ sáng lán của Sư, nên chỉ bảo Sư biết làm việc công đức. Nhờ đọc được kinh Phật, nên Sư mừng vui về Danh Văn, quý trọng nghĩa chỉ. Sư xem xét đọc tụng, mê ngộ càng phân rõ, thường cầu Phật Pháp dùng để dứt trừ tam tối.

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới được xuất gia và liền thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư nghe học luật điển, trước sau được vài năm, lược thông trì phạm. Sư trở lại nghe học Luận Thành Thật, truyền trao quên cả nhọc mệt. Sư chẳng tiếc riêng Tư Ký, ai cần Sư liền ban cấp. Sư nghiên cái mà tâm chỉ ra, từng khoa riêng đến cùng. Cuối cùng Sư lại nghe Pháp Sư Thiệu giảng, thấu cùng chỉ thú. Võ Lăng Vương hỏi rằng: “Sư đại tập ma-ha Đường, bảo giảng kinh thỉnh Quán Thế Âm”. Ban đầu chưa nói liền tâm, vốn không Văn số. Mới làm tình tư rút ra thiệp cú lý, Từ nghĩa suốt hợp, người nghe đầy cả nhà giảng. Ngài riêng ghi lời ấy, nhân thành số bản, rộng lưu hành ở đời.

Sau, Sư trở về Phù Xuyên, mở mang Giáo hóa. Tăng tục ngoại điển, kinh Phật lần lượt chỉ dạy dẫn dắt. Sư hướng dẫn người Tà về Chánh, mười nhà được chín. Sư lại gom chép các phương thuốc trị liệu các thứ bệnh khổ. Hoặc có người đem vàng lụa để đáp đền công lao, nhưng Sư không nhận một vật gì, khiến cho có người mang nghĩa nhớ đức của Sư mà bỏ tục xuất gia. Hoặc có người bị chướng duyên chưa thể hòa hợp thì phát nguyện trọn đời thọ trì tám giới. Ngài tuy đạo hạnh lan tràn khắp tỉnh lạc, phong hóa tỏa cùng xứ Mân Nga, nhưng chí khí Sư chỉ ở việc mở mang giáo pháp. Tâm thành nêu dựng, chẳng tranh đua cùng người vật. Sư thấy Kinh Đại Tập chưa được truyền bá ở đất Thục, nên muốn soạn số ký để giúp cho hàng hậu học có chỗ quay về. Sư bèn giao phó các kinh luật, đến núi mà soạn tập, nhưng đại chúng lại tìm đến, khiến có điều phiền nhiễu. Mãi tới năm sau mới được thành tựu không một lưu nạn. Ban đầu, lúc soạn số đến phẩm “Hư Không Tạng”, đối với Nghĩa lý chưa được thông đạt. Sư bèn nhắm mắt để suy nghĩ, bất chợt thân bật lên giữa hư không, cách đất chừng ba, bốn thước, rồi bỗng nhiên Sư đại ngộ. Cuối cùng văn tuệ tỏa phát, Sư soạn viết không giảng nói, căn cứ vào đó làm lời, chí lực khó phỏng theo. Bấy giờ có Sa-môn Bảo Nguyên trụ chùa Võ Thệ ở Ích Châu, là người đầu tiên thỉnh Sư giảng. Đại chúng nhóm họp lắng nghe những điều chưa từng được nghe, không ai chẳng khen ngợi mừng vui. Lại gặp được Bò-tát Tăng Ngạn, ra đời vì tạo kinh bản, nhân đó mà truyền trì mãi đến ngày nay chẳng dứt. Nên chỉ một học tại Bảo Phường mà trùm khắp cả Kiếm Nam. Sau, Sư lại soạn số giải các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v.. đều cắt bỏ rườm rà để dễ hiểu, người nghe không bị rối rắm, tăng tục khắp châu cảnh đều sinh ý tưởng là điều khó gặp.

Sư thường nói: “Thân mạng tôi không được lâu dài, chỉ phải tự cố gắng, thân tâm giảm bớt sự ăn mặc mong kéo dài mạng sống thừa! Nên mọi sự thô xấu chỉ để dắt dẫn bấu thân, hoằng pháp dẫn dụ làm tâm, Hộ sinh an chúng là việc thường đáng làm!” Bỗng nhiên, Sư bị bệnh phong, không thể nói lâu được. Khi mạng sắp dứt, tâm Sư riêng phát thệ nguyện cầu mong Chư Phật che chở để được phân giao mọi vật. Sư khởi niệm ấy rồi, bỗng nhiên nói được, Sư ngoái nhìn lại các đệ tử dạy răn chỉ chỉ bày mọi điều họa phước, Sư bảo “ta sắp đi đây” và thúc giục làm di số phân xử các thứ y vật, cúng dường Tam Bảo. Sư hạ bút viết xong, trở lại không nói được nữa. Người thị giả vội đem nước cơm để dâng nhưng Sư ngậm miệng cự tuyệt. Khi cơn bệnh đã quá nặng. Sư chỉ xưng danh hiệu Phật, chấp tay ngang trán, an nhiên thị tịch tại chùa Quang Hưng ở Đồng Châu. Nay gọi là Chùa Đại Chân Hương, thuộc Miên Châu. Sư thọ năm mươi tuổi, lúc đó là ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Bảo Định thứ nhất (561) thời Bắc Chu.

Trước lúc Sư thị tịch, vốn ở tại núi. Vào khoảng tháng năm, tự nhiên vô cớ mà núi sụp lở, bụi bay tối cả bầu trời. Cả chúng đều kinh hãi mà không ai lường biết được điều lạ lùng ấy. Đến khoảng tháng tám, mọi người trong ngôi làng phía Bắc núi đều thấy một pho tượng từ chùa núi đến nương giữa hư không mà đi về phía Bắc. Có phước đẹp sắp bày phía trước, tăng chúng đi theo sau, mọi người bèn đến chùa hỏi thì không một ai thấy biết. Đúng ngay lúc đó là Sư đến giảng tại chùa Quang Hưng, có người đem điều đó thưa hỏi. Sư bảo: “Đó là điềm ứng của ta, không liên can đến người khác!” Đến khi Sư thị tịch tại chùa ấy, quả nhiên y như những điều đã thấy!.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Đàm Diễn ở Lạc Châu

Thích Đàm Diễn, họ Hạ Hầu, người ở châu Nam Duyên Châu. Lúc mới sinh, Sư đã mọc răng đầy đủ, người đời lấy làm lạ. Năm bảy tuổi, Sư đi học, rất thông minh khác thường. Năm mười lăm tuổi, Sư được đề cử làm Châu Đô Công Sự. Có những lúc rảnh rỗi, Sư bèn dự nghe Thích giảng. Năm mười tám tuổi, Sư đỗ Tú tài cống lên Nghiệp Đô, đến nghe giảng ở Pháp tịch của Pháp Sư Quang, Sư liền bảm thọ quy giới, xả bỏ việc thế tục chuyên nghiên cứu Phật Lý, ở lại học ba năm, lần lượt gần đạt đến trước.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư xuất gia với Luật Sư Quang, liền được thọ giới. Nghe không có lúc nhàn rỗi, Sư bỏ cả ăn ngủ, nhưng đối với Tạng Chi, còn có điều nghi, Sư đi hỏi khắp các bậc thạc học, nhưng đều bị khước từ khi họ không hiểu. Sư bèn khai thác Hoàn Vũ, lập ra khuôn phép. Sư bảo đồ chúng rằng: “Ta theo thầy nhiều năm học đạo mà tâm ngộ chưa quyết, lại do ý tham cứu nhiều ngày, bỗng nhiên có chỗ y cứ. Ấy giống như mắt tiếp xúc

với mặt vách tường thì tối tăm không thấy biết gì, nhưng kéo cổ ra khỏi cửa thì xa gần đều thấy”. Do đó mà việc giảng Pháp, Sư không hề phế bỏ. Khen ngợi Huyền lý, thanh biện hùng sáng, lời hợp thời cơ. Từ các xứ Tề, Trịnh, Yên, Triệu đều ảnh hưởng thần hóa của Sư. Tuy gặp phải chuyên trở ngại, Sư vẫn an nhiên chịu khổ không hề mỏi mệt. Chư tăng nghĩa học có hơn ngàn vị, xuất gia, cư sĩ gần đến năm trăm, đều mở mang Đạo Chí, giới cấm luôn giữ tại 736 tâm. Triệu Quận Vương Cao Duệ, Thượng Lạc Vương Cao Nguyên Hải. Thứ sử Giao Châu là Đỗ Bất đều là những bậc ý thích trọng thân dưới triều đại nhà Tề mà đều có tâm kính trọng Sư. Bộc Xạ Tử Hiếu bày tấu thỉnh Sư làm Quốc Đô, tiếp nối hòa hợp Đạo Chính chẳng rơi lạc lưới Huyền, mà bày rải Từ lý, lời chuộng không quan trọng. Nên đối với văn kinh rườm rà dôi dào thì Sư chỉ trích lấy một câu, để bao gồm văn rộng. Người đương thời quý trọng Sư ở điểm văn từ dôi dào có khuôn phép mà lại đơn giản.

Thường những ngày rảnh rỗi, Sư tự lấy làm buồn, bảo rằng: “Ngày trước, khi còn ở thế tục, không thấy được giới quý báu, nên khiến người đời không biết mà làm dơ bản tịnh giới của ta. Nếu không như vậy thì lẽ ra đã có sở đắc!” Đến ngày mười tám tháng ba niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, bỗng nhiên Sư bảo thị giả là “Vô thường đã đến” và liền xưng niệm Danh hiệu Phật Di-lặc. Hoi tiếng đều dứt. Khi đó vào lúc giữa trưa, Chư tăng trong phòng đều thấy khuôn mặt Sư vẫn tươi tắn vui vẻ. Lúc ấy Sư đã bảy mươi chín tuổi, Sư thị tịch tại nhà Họ Lưu ở Lạc Châu.

Lúc Sư mới sinh tướng tốt đã cảm kích đến người, Sư lập tiết tháo trình thuần thẳng thắn, tâm dụng duệ ước, tình luôn cứu giúp đời, nên cất giữ các vật để cứu giúp kẻ nghèo bệnh là việc trước tiên của Sư. Pháp lợi trùm khắp, Sư thực hành trước khi truyền trao, chỉ trông thấy kinh tượng thì kính phụng đánh lễ đón rước, đi trên đường gặp người nghèo khổ thì ngài xót thương rơi lệ. Sự kính cẩn chân chất tin tưởng sâu sắc của Sư đến như vậy. Sư lại thường thích nghe giới. Đời Sư có hai lần không nghe giới, Kinh Duy-ma và Kinh Thắng Man mỗi ngày trì tụng một biến. Các vật tanh nồng, Sư không hề để mắt nhìn. Mỗi lúc hạ khí Sư ráng giữ trong thân ra khỏi cửa mới xả, để thanh tịnh Tăng Phòng, chẳng làm xông hôi. Lúc chưa thị tịch, Sư có mộng thấy mặc áo đỏ, búi tóc nơi lưng, có hai đồng tử hầu Sư rồi bay lên giữa hư không theo hướng Tây bắc, chốc lát sau đó, Sư liền thị tịch. Mọi người lúc ấy cùng cho là Sư sinh về cõi trời.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tuệ Vinh trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô

Thích Tuệ Vinh, họ Cố, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Vào niên hiệu Đại Thông (520-527) thời Nam Lương, Sư già từ cha mẹ, cầu xin xuất gia. Bấy giờ tại các chùa Kiến Sơ, Bành Thành đang truyền bá hưng thịnh Luận Thành Thật. Sư vốn chưa hề nghe qua mà đã biện rõ khắp cùng, cả chúng đồng ngợi khen, bèn mở bảo đọc xem. Bẩm tánh Sư rộng sáng, chẳng màng việc thế tục, chỉ chuyên làm Pháp sự, ngoài ra hoàn toàn không để ý. Cha mẹ ở quê nhà buồn mất Sư sớm, nhân đó bèn gởi thư và một số hành lý. Sư nhận được bèn liền đốt bỏ, nói với các bạn đạo rằng: “Đâu hai chữ, cần gì phải mở xem?” Có người hỏi chữ gì? Ngài đáp: “Đó là lành và giữ”. Sư chứa nhóm công phu như thế hơn ba mươi năm. Chẳng gọi là Nghĩa long thì thề không trở về lại. Từ đó, Sư chuyên nghiệp mạnh mẽ bền bỉ. Tiếng tăm khen ngợi vang xa, Sư vì giảng ngộ, học chúng thấy về nương. Đến năm năm mươi tuổi, môn nhân cũng vậy, Sư bèn mở rộng Pháp tịch, rộng mời khắp các hàng tăng tục.

Bấy giờ, Lương Trữ đang ngồi dưới tòa mà vốn không biết Sư, mới hỏi người giảng tên gì, Sư bèn ứng tiếng đáp rằng: “Tuệ Vinh Tôi ở Vũ Huyệt, một mình bước đến Giang Đông, Thái tử còn không biết thì làm sao gọi là Trữ Quân?” Cả Pháp hội mọi người đều bật tai, vì cho như vậy là rất trái le, nhưng Sư vẫn thong dong như cũ, dường như bên cạnh không có ai.

Sau, Sư cùng các đồ chúng đồng trở về ấp cũ, mẹ của Sư vẫn hiện còn, và mọi vật đều như cũ, Sư bùi ngùi than rằng: “Mười lăm tuổi, ta già từ quê nhà, năm mươi tuổi mới có dịp quay trở lại, những người trẻ tuổi không hề biết ta, người tuổi già không còn một người!” Các hàng Tăng tục trong ấp ấy muốn tự làm sáng ngời mình, nhưng kỵ nói lời ấy, bèn nhóm họp các hạng người, bảo Sư lập nghĩa, Sư bảo: “Tôi học rộng, nếu dựng lập ngay, sợ sẽ thừa từ, nên tùy mọi người nêu lên Nghĩa môn, sau đó tôi sẽ nêu có bằng cứ!” Mọi người cho đó là bác đạt khoe khoang, bèn bảo dựng lập nghĩa a “tám mươi vẻ đẹp” vì cho là chắc chắn chẳng thể tụng trì. Sư bảo: “Cả chúng không có một người. Đây mới là văn rườm rà, mà nghĩa có thể biết”. Sư liền phân bộ trên dưới, dùng giây Pháp để giữ, chỉ trong khoảnh khắc, điệp số bày danh xuất thế. Đề tuy khó bàn bạc, bởi không Thành cứu giúp. Sau, già ngài lại ra thành đô, bèn cùng giảng trao.

Đến cuối niên hiệu Chí Đức (587) thời Nam Tề, Sư thị tịch tại Dương Đô.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Đàm Diên trụ chùa Diên Hưng, ở Kinh đô

Thích Đàm Diên, họ Vương, người xứ Tang Tuyên thuộc Phổ Châu. Gia đình Sư thuộc hạng hào tộc, làm quan qua các triều đại nhà Tề, nhà Chu, nhưng tánh Sư chỉ thích hợp với sách vở, khắp làng nước đều ngợi khen.

Năm mười sáu tuổi, nhân được đi đến chùa, Sư nghe Pháp Sư Tăng Diệu giảng Kinh Niết-bàn, bèn tham cứu mà tỏ ngộ được yếu chỉ. Sư bèn xả tục, xuất gia, tìm xét sự sâu mầu đến cùng. Sư mở lời trong sáng cao vượt khác thường. Lúc vừa hai mươi tuổi, Sư đã giảng nói. Từ ngữ biện luận dồi dào rộng rãi. Sư thường nói rằng: “Diệu Lý Phật tánh là Tông cực Niết-bàn. Ấy đủ làm chỗ Du ngoạn cho tâm thần!”

Thân Sư cao chín thước năm tấc, tay duỗi dài quá gối, mắt sáng phát ra ngoài dài hơn cả thước, dáng vẻ trang nghiêm, từ dụ rộng khắp, đáng gọi là đường đường. Sư đi nhìn thẳng tới trước, nếu cần ngoái nhìn chung quanh, thì xoay cả mình lại. Phong cách khoan thai. Bấy giờ đức hạnh Sư truyền xa. Sau khi thọ giới cụ túc, khí độ Sư ngày một mới thêm, sáng soi mạnh mẽ, mọi người xa gần đều ghé mắt trông nhìn. Tuy xem đọc các kinh sách sâu mầu nhưng Sư sợ Lý nghĩa còn ở dạ bên ngoài. Sư bèn nghe lại các bộ Hoa Nghiêm, Đại Luận, Thập Địa, Địa Trì, Phật Tánh, Bảo Tánh, v.v.. và đều vượt qua người dẫn trước, bao gồm bên bờ chuẩn đích. Sư tự nhìn lại bóng mình mà nói rằng: “Ta và người đắm chìm đã lâu ngày, phiêu bạc, quay về đâu? Nay có thể nương nhờ vào Đạo, ngậm lẳng hình mà tinh cần tư duy về điều kiện quan trọng để thoát ra”. Sư bèn đến ẩn tại chùa Bách Thê ở núi Thánh Hành, thuộc Nam Bộ. Tức nay gọi là núi Trung Triều.

Bấy giờ, trong núi ấy có cư sĩ Triết, học thức bao gồm huyền nho, có lắm điều được trông xem, nghe Sư tuổi trẻ mà biết Đạo, sớm tỏ ngộ vượt hẳn người thường, bèn tìm đến tham yết nói cười, đùa vui cùng cao, chưa vái chào mà cư sĩ Triết đùa vui đề bốn chữ “Viên, Phương, Động, Tĩnh” và bảo Sư giải thích. Sư liền đáp rằng: “Phương (Vuông) như ngôi Thành Phương đấng. Viên (tròn) như mặt trời trí tuệ. động thì biết làn sóng. Tĩnh giống như nhà Niết-bàn: “Cư sĩ Triết Kinh lạ hết lời ngợi khen rằng: “Từ trước đến nay chưa từng được thấy, thật là ít có, nổi bật ở đời, chính là người này!” Sau đó, cư sĩ Tiếp thường luôn lui tới thưa hỏi điều nghi, cầu xin giải nghĩa. Sư ở nơi thanh vắng, lẳng tĩnh ý chí. Muốn soạn Niết-bàn Đại số, nhưng ngại sợ có chỗ vướng mắc nơi phạm tình, nên thường chí thành cầu nguyện suốt cả lúc thức hoặc ngủ. Ban đêm Sư mộng thấy có một người mặc áo màu trắng, cưỡi con ngựa trắng, lông bờm và đuôi phẩy tới đất mà nói trao cho ý chỉ kinh. Sư đưa tay nắm lấy bờm ngựa và cùng bàn rõ. Sau khi tỉnh giấc, Sư suy nghĩ rằng: Đó chắc chắn là Đại Sĩ Mã Minh đến trao cho ta đầu mối nghĩa lý, nắm lấy bờm ngựa mà biết được Tông Chỉ, nói việc thì có thể biết!” Sư bèn soạn Đại số, nói bài kệ rằng: “Quy mạng Như Lai Tạng, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, v.v.. Lúc biên soạn xong, Sư còn sợ không hợp với chánh lý bèn mang kinh và số đến bày trước tháp Xá-lợi của chùa Nhân thọ, ở châu Trì, đốt hương và phát lời thệ rằng: “Đàm Diên con với khí độ phạm

tình kính ngưỡng lòng xét thánh tâm, thuyên giải chú thích đã xong, đầy đủ như quyển riêng, nếu thấu đạt được chỗ sâu xa mâu nhiệm, nguyện xin hiển bày diễm sáng linh thiêng, còn như không được diễm cảm thì xin chẳng truyền trao”. Sư nói vừa xong, cả Pho quyển Niết-bàn đều phát ra ánh sáng, suốt đêm hiển bày diễm lành, kẻ tặng người tục khen ngợi mừng vui. Xá-lợi trong tháp lại phát ra ánh sáng thần suốt ba ngày ba đêm, soi chiếu rực rỡ không dứt, trên rơi tới trời xanh, dưới chiếu khắp núi sông. Mọi người khắp nơi trông thấy ánh sáng đều đến bái yết. Chỗ ánh sáng ấy soi chiếu rất giống như ánh sáng soi chiếu của Pháp sư Tăng Diệu. Như thế tức là thầy trò có sự cảm thông, Sư bèn viết Biểu văn tấu trình, Vua rất vui mừng ban sắc thỉnh Sư đến giảng. Đã cảm được diễm lành, Sư bèn giảng rộng. Những văn số do Sư soạn đều được truyền bá ở đời. Những vị Anh đạt thông suốt nghĩa ở đương thời đem so sánh với các tác phẩm của Viễn Công, thì Văn cú của Viễn Công thật rất thỏa đáng, ở đời thật ít có. Nhưng nêu rộng rãi, soi chiếu rộng lên thì văn số của Sư rất vượt hơn!

Vua Thái Tổ thời Bắc Chu vốn tôn sùng đạo Thanh, cũng rất khâm phục kính trọng Sư, đích thân kính thờ Giảng chủ, tự mình đến dự nghe thanh ngôn. Mọi người xa gần đua nhau tìm đến chiêm ngưỡng đông như chợ. Sư có được các vật do mọi người cúng dường đều chẳng chứa để riêng. Tánh Sư ưa thích đạm bạc rỗng rang, không can hệ đến thời sự, chính trị. Vua Thái Tổ cho rằng chùa Bách Thê quá xa, hỏi xét đường đi khó khăn, bèn ở phía Tây núi Trung Triều; nơi có địa thế tốt đẹp. Vì Ngài mà xây dựng ngôi chùa lấy tên là Văn Cư. Quốc gia cung cấp, chung cho thính chúng.

Có Trần Cung sai Chu Hoàng Chính, là người khảo xét rộng về các kinh sách, biện luận như thác đổ, du thuyết khắp ba nước, kháng cự không ngại. Vào niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, Sư mang sứ mạng đến đất Tần. Vua rất ngợi tài năng bén nhạy của Hoàng Chánh. Cả triều đình đều hổ phục sắc thể. Vua ban sắc khắp trong nước những kẻ sĩ nào có khả năng ăn nói, không phân biệt là đạo hay tục, hoặc tìm tòi những người mang tánh cao đời, ẩn dật nơi núi hang, có khả năng đối luận với Hoàng chánh, không được rơi lạc nơi Quốc phong. Bảy giờ, thứ sử Phổ Châu là Trung Sơn Công Vũ Văn Thị sớm thừa lệnh phạm (pháp lệnh) bèn dâng Biểu Văn trình tấu rằng: “Có Pháp Sư Đàm Diên là bậc khí thức sâu rộng, phong thần sáng trội, tuy chưa đến ba mươi tuổi mà anh tài hùng biện khó có người nối tiếp!” Vua bèn mời nhóm tất cả các bậc Hiền tài có khả năng, mong tới ngày Thích điện. Đích thân nhà vua đến dự pháp diên, các hàng Triều Tể đều đến dự.

Khi đó nước Chu (Bắc Chu) có hai người là Tăng và vọng lần lượt lên toà, phát ngôn sắp xong, liền bị Hoàng Chánh hỏi vặn, nên bày y cứ lấp bấp, vạch giải chẳng thông. Vua và các quan liêu cả triều đình đều đổi sắc mặt.

Theo thứ lớp thì Sư ngồi ở sau cuối, chẳng chịu nổi sự xấu hổ ấy, bèn chẳng theo thứ lớp mà tự đứng dậy. Vua hỏi: “Chưa đến phân vị mình có việc gì mà đứng dậy ngay như thế?” Ngài Sư đáp: “Nếu là Đại Sĩ ở phương khác thì có thể nhờ cậy các đại đức cùng đến. Nay đây chỉ là vị thần nhỏ ở nước ta, Tiểu tăng tôi có khả năng đối địch”. Sư liền bước lên tòa Cao. Vua lại hỏi: “Vì sao không lễ bái Tam Bảo?” Sư đáp: “Tự lực mình có thể đủ nghĩ phỏng, chưa cần phải nhờ vào Thánh Hiền giúp sức thêm”. Vua rất vui mừng. Hoàng Chánh liền nêu lời vặn hỏi, Sư bèn dẫn nghĩa mở ải, Hoàng Chánh rất cậy cơ diệu, dùng trước để bẻ sau, Sư thừa thế bẻ gãy mọi sự v.v., đều khuất phục. Nhân đó Hoàng Chánh liền đánh lễ chịu thua, búi ngùi biết quay về muôn. Tự tỏ bày rằng: “Đệ tử đi khắp ba nước, hỏi phỏng đáng là thầy trong các thầy, chẳng nói, ngày nay mới gặp ở đây”. Liền xin thọ giới. Ngày đêm thưa hỏi, trọn dùng làm tông. Đến lúc trở về đất Trần, các nghĩa môn do Sư soạn đều là Nghi Mạo, Hoàng Chánh đều ghi chép đem về nước, thường đem xoay mặt về hướng Bắc đánh lễ tôn xưng “Đàm Diên Bồ Tát”.

Ban đầu, ngài Hoàng Chánh giả từ Sư, dự làm bốn mươi bài thơ nói về gió mây núi biển, đều trích dẫn để nêu cao tư tưởng đặc biệt, dùng để dâng lên để Sư lưu lại từ biệt sau này, và một kinh mục chẳng hề tìm lại. Sư bèn cầm bút họa lại, đề như đã tụng trước, đáp đồng với âm vận gốc, ý rất thông rộng. Hoàng Chánh rất thán phục, không còn đối lại nữa, bèn quỳ xuống thưa rằng: “Nguyện xin nói một lời đã giam trong cõi lòng. Sư bảo: “Vì khách mà trái tòa, khách chẳng ngộ, lia người rất xa nóng như lửa, cái dụng của khuôn phép là ở trong da”. Hoàng Chánh nói: “Đó là ý thường còn”. Vua cho rằng Sư ngộ phát từ Thiên chất, đáng làm phép tắc cho cả năm chúng, bèn phong cho Sư làm Quốc Thống, khiến khắp đất Chu được dẫn dắt. Ngài rất có công lao.

Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) sắp phế bỏ cả hai giáo, Sư rất mực cản ngăn mà Vua chẳng nghe theo, Sư bèn vào ẩn tại núi Thái Hành, lặng vết giữa người đời. Sau đó, Vua mời Sư ra phụ giúp Trung Sứ Lữ Đạt, thật ra Sư ẩn vùi tiết tháo vào trong hang núi sâu, nhiều lần tìm câu không được. Đến Thiên Nguyên bị bệnh. Vua bèn hối hận lỗi lầm ngày trước, khai lập Tôn tượng. Và độ một trăm hai mươi vị làm Bồ-tát tăng. Sư dự tại Thượng Ban, nhưng vẫn còn buồn vì đồng như tướng thế tục, nên bèn trở lại ẩn tu nơi rừng rậm. Đến lúc Nhà Tùy bắt đầu sáng lập cơ nghiệp, chưa lần lượt độ tăng. Ban đầu Sư nghe thay đổi chính trị liền cạo tóc mặc pháp phục, cảm tích trượng đến nơi Vương đình, đối mặt tỏ bày với Hoàng lý. Vua chưa kịp ban sắc an ủi, Sư liền trước tỏ bày rằng: “Kính hỏi Hoàng Đế làm việc lớn cả bốn bể không đến nỗi nhọc thần chẳng?” Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy bảo rằng: “Đệ tử từ lâu đã suy nghĩ ý ấy, chỉ tiếc là chưa

khấp”. Sư nói: “Bần đạo nghe thuở xưa có thời nhà Nghiêu, ngày nay mới gặp, v.v..!” Vua Văn Đế nghe, mừng vui với bồn hoài, cùng bàn khuôn mẫu của khai pháp, nguồn gốc của giáo hóa. Sư cho rằng chùa chiền chưa rộng lớn, giáo pháp mới hưng thịnh. Bèn tấu trình xin độ tăng để ứng với số một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, năm trăm Đồng tử. Vua ban sắc bèn độ chung hơn ngàn vị để xứng với sự cầu xin của Sư. Đó là khai nghiệp trong sự giáo hóa của Đạo Phật đời Tùy. Và từ đó về thì phát triển rất nhiều. Trước sau riêng thỉnh độ, gồm có hơn bốn ngàn vị tăng. Những ngôi Già-lam bị Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) dưới thời Bắc Chu phá hủy, Sư đều xin xây dựng lại. Tam bảo trở lại hoằng hóa, công gồm vận đầu ấy đều là do công sức của Sư.

Khi đời đô Long Thủ, Vua Văn Đế có ban sắc tại phường Quảng Ân để dựng lập “Diên Pháp Sư Chúng”. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bốn (584) đời Tùy, vua lại ban sắc đổi Diên chúng thành chùa Diên Hưng, mặt đối với đường cái thông suốt, hai cửa Đông

Tây của kinh thành cũng có thể lấy tên Diên để làm Diên Hưng, Diên Bình, nhưng tên gọi ấy được đời quý trọng. Đạo là Đế Sư, mà kính phục vâng thừa như thế. Trọn từ xưa ít ai bằng. Xưa kia cửa của Trung Thiên Phật lý, bèn gọi hiệu là Cù-đàm, nay Quốc thành phụng thờ huý của Sư, kế đó là Luận. Lại đổi chỗ vốn ở của Sư là chùa Vân Cư thành chùa Thê Nham. Vua ban sắc Thái nhạc Lệnh là Tề Thọ Đề tạo Phật điện ở núi Trung Triều, hiện truyền cúng dường. Sư trụ chùa ấy kết chúng thành nghiệp. Vua ban sắc mang đèn sáp, chưa đến nơi đã phát nóng và tự nhiên cháy sáng. Sư lấy làm lạ, đem sự việc ấy tấu trình lên vua. Nhân đó mà đổi tên chùa Sư ở gọi là chùa Quang Minh. Sư bảo: “Hoằng hóa cần phải rộng, chưa thể tự chuyên lấy tên biển ngạch”. Nên Sư lại tấu trình lập riêng một ngôi chùa khác, được Vua chấp thuận, nay chính là chùa Quang Minh. Sư có lắm điều u hiển hiện điềm lành đại loại như thế.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, trời hạn hán, từ triều đình cho đến Đồng nội thấy đều hoang tàn. Vua Văn Đế ban sắc thỉnh ba trăm vị tăng đến chánh điện thiết lễ cầu mưa, qua nhiều ngày mà không được cảm ứng. Vua bảo: “trời không ban mưa là do nguyên do gì đây?” Sư tấu trình: “Sự việc nguyên do có một vài điều”. Vua lại cùng các Liêu tể bàn bạc việc ấy mà không đạt được ý nên vua ban sắc cho Kinh Triệu Thái Thú Tô Oai hỏi Sư về một vài nguyên do ấy. Sư đáp: “Bệ hạ là chúa của Vạn Cơ, các quan là quan của Tỳ Tán, đều trái với trị thuật, đều lỗi hẹn với huyền hóa, nên mưa và không mưa là có một vài nguyên do” Vua bèn đích thân lo việc cầu mưa, thỉnh Sư đến Đại điện, lên ngôi trên tòa, xoay mặt về hướng Nam mà truyền Pháp. Vua cùng triều tể từ Quan Ngũ Phẩm trở lên đều ngồi dưới

đất xoay mặt về hướng Bắc mà thọ tám giới. Giới trao vừa xong, lúc ấy ngay giữa trưa, giữa trời có một tầng mây, chỉ phút chốc đã trải khắp và liền rưới mưa cam lộ, xa gần đều được cảm. Vua rất vui mừng, ban tặng ba trăm xấp lụa, mà Sư rỗng không, không có tâm chấp ngã, chẳng vướng mắc nơi khách chủ làm Tâm. Hễ có của cải gì Sư đều gieo vào hai ruộng phước Bi và Kính. Nên khắp bốn phương xa mọi người tìm đến rất đông. Có một lúc gạo thóc sắp hết. Vị tăng chủ chùa là Samôn Đạo Mục báo rằng: “Lương thực chỉ còn cung cấp được hai ngày ăn” trong ý muốn giải tán chúng tăng. Sư bảo: “Phải lúc nào thật sự hết sạch mới giải tán chúng tăng”. Sáng hôm sau, vua Văn Đế tự nhiên đưa lên hai mươi xe gạo. Đại chúng nhờ đó được yên ổn. Có người cho là Sư có sự sáng suốt thấy biết trước, cho nên dùng cầm giữa chúng tăng đãi cúng. Sau đó không lâu, vua lại đưa lên năm trăm thạch gạo. Năm đó gặp lúc đói kém, tăng chúng nhờ vậy mà không đói dòi. Vua đã coi Sư làm Sư Phụ, lại ban sắc cho các hàng mật thích ý thân đều thọ quy giới. Đến lúc thọ thực xong, tự thân vua phụng dâng nước uống, tay cầm lấy xiêm y, dùng thuận lễ nghi của đệ tử đối với thầy, thêm sự kính trọng, tình chẳng thể thôi. Lúc bấy giờ, Ngài rất được Vua lễ trọng, tình chẳng thể thôi, đại loại như thế. Vua ban sắc lại bái làm Bình Đệ sa-môn. Nếu có người phạm phải lười hình, đều đối với việc ấy mà rơi lệ, khiến kẻ ấy chiết phục theo, hoặc dẫn vết vào núi rừng, chẳng dám dung thứ ở đời.

Đến ngày mười ba tháng tám niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ Sư ở, thọ bảy mươi ba tuổi. Lúc sắp tịch, Sư để lại di văn khải trình vua Văn Đế rằng: “Đàm Diên tôi gặp được Vua Pháp ở đời, riêng đội ân sâu. Duyên xưa nghiệp cạn nên sớm trái nhau. Kính mong Chí Tôn hộ trì Tam Bảo, đầu cuối không hai chỉ vì trong thời mạt Pháp, Phạm tăng tuy không đúng như Pháp, nhưng chọn người lành mà độ họ thì tự nhiên chiêu cảm phước báo tốt đẹp!” Vua nghe thế, buồn thương gào khóc, ban sắc các hàng vương công trở xuống đều đến kính điếu. Và Vua bãi triều ba ngày, tặng vật năm trăm món, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng.

Ngày trước, lúc Sư đang khoẻ mạnh, bảo với môn nhân, đệ tử rằng: “Sau khi ta qua đời thì bố thí thân ta cho các loài cầm thú, xương cốt còn lại thì y theo pháp mà thiêu đốt tung vãi, không nên giữ lại cốt tàn khiến nhọc công người trông coi gìn giữ!” Sư có các đệ tử như Samôn Đồng Chân, Hồng Nghĩa, Thông U, Giác Lãng, Đạo Tấn, Huyền Uyển, Pháp Thường, v.v.. là những bậc một đời lưu danh. Và các Văn Võ Chức liêu như Đàng Vương, v.v.. tất cả đều trùm tóc, đi chân không mà đưa tang đến nơi rừng. Khi đã đến, Vua lại ban sắc cử hành lễ thiêu tại Chung Nam, thiết trai cúng dường ba ngàn vị tăng. Sau khi lễ trai tăng hoàn mãn thì cử hành lễ thiêu. Khi đó, sắc trời

trong sáng không mây mà rưới mưa nhỏ, tương trạng như lúc xưa kia trà-tỳ Đức Như Lai, đại chúng lấy làm lạ ngợi khen được điều chưa từng có.

Lại nữa, Tùy Văn Học Lã thức Đĩnh rất buồn thương, lập Bia nêu bày cảnh hạnh của Sư, vẫn như ở biệt tập. Sư thường lấy nguyện sinh Tây phương làm việc chánh, giữa khoảng thời gian nói nín, Sư trụ trong tướng không đổi dời. Thị giả hầu trông thấy Sư như ở trong định sâu. Lúc Sư mới thị tịch, ở cạnh chùa có Nhâm Kim Bảo, cả cha con nghe tin mà đến, nói rằng: “Thấy giữa hư không, phướn lọng sắp bày trước Kim quan hai hàng mà dẫn từ phía nam chùa Diên Hưng đi đến phía Tây núi”. Đó cũng là u minh hợp tán, xét chẳng luống nghĩ. Từ khi Sư mới đến với Đạo, thế lực gồm cả quyền hành, mà giúp cho tự sống, khắc niệm thành trì, thấu suốt các học thuật, hành động vật tinh, nên làm thầy tâm của bầy chúng, đâu chỉ bó buộc thân thêm kính. Đến lúc nghe Sư thị tịch, không ai chẳng rơi nước mắt, mỗi người tự soạn bài minh đến viếng điệu, tán dương nghiệp lớn.

Bây giờ, Nội Sứ Tiết Đạo Hành dâng đọc lời điệu rằng: “Phá y, Sư Diên Xả tục từ tuổi trẻ, cao dẫn ngoài trần, chí độ rộng lớn. Lý thức tinh ngộ, Thần ở linh đài có thể kính ngưỡng mà không thể nhìn. Biến Pháp nguồn trí, có thể lợi qua mà không thể lường biết. Đồng như chiếc gương sáng lớn soi chẳng nhọc mệt. Ví như Hồng chung kia có lại ứng kia. Xưa gặp lúc Đạo mất, duyên huyền rơi rụng, Sư ẩn chí nơi non cao, bền bỉ chẳng thể cất nhắc. Lúc ở vị Cao Lễ hậu, cũng chẳng thể chuyển xoay mỗi nghĩ suy. Trang nghiêm núi Pháp, chưa đáng sợ tâm ấy. Kinh hành tĩnh tọa, dầu hiểm nạn cũng chẳng hai, giới đức luật nghi trước sau chỉ một, lúc Thánh hoàng mở vận, tượng pháp phục hưng, cao việt trong hàng tăng chúng, un đúc xứng đầu. Vua tôi rất mực kính trọng, bày tỏ tình nghĩa thầy trò. Tam bảo nhờ đó được mở mang. Nhị Đế nhờ vậy mà tuyên dương. Tin tưởng đủ để tìm theo dấu vết của các Ngài Trùng Quán, La-thập, Siêu Công, Mạo Công, Đạo An, Tuệ Viễn. Không để ý cột trụ Pháp bỗng nhiên nghiêng đổ, thuyền nhân từ chìm đắm xa. Chẳng là buồn thẳng buộc ràng bốn bộ, hẳn cũng chưa xót cảm ở một người. Các ngài chống tích, ôm bình bát tiếp thừa đạo phong dạy răn dẫn dắt, lên giảng đường vào thiền thất cụ thể nhiệm màu, ở tại ba tình, lý trăm thường động!” Sư thị tịch, vì sao các bậc Hiền tài ở đương thời trân kính như vậy?

Sư soạn Niết-bản nghĩa số mười lăm quyển, các Kinh Bảo Tánh, Thắng-man, Nhân Vương, v.v... đều có sở giải nhưng đều có sai khác. Môn nhân Đệ tử Sư tiếp nối làm sáng ngời tông Phong, đầy đủ như ở biệt truyện.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Tuệ Viễn trụ chùa Tịnh ảnh ở Kinh đô

Thích Tuệ Viễn, họ Lý, người xứ Đôn Hoàng. Sau, dời đến ở Cao Đô thuộc Thượng Đãng. Sư bẩm tánh rộng sáng, nghi chỉ xung hòa. Khí cục phong độ thông thái đơn giản, sùng tín cao xa. Sư chịu tang cha từ thưở bé, nên cùng sống ở với người chú, riêng được dẫn dụ chỉ bày cho nhân hiếu. Năm ba tuổi tâm khởi ý niệm ưa thích xuất gia. Mỗi khi trông thấy các vị Sa-môn thì Sư mến trọng sùng kính, bảy tuổi ở trường học, công Sư thường vượt cả trăm, Thần chí cao rộng, sự thấy biết xứng với trí sáng.

Năm mười ba tuổi, Sư già từ người chú, sang trụ chùa Cổ Hiền Cốc ở Sơn Đông; thuộc Trạch Châu. Bấy giờ, có Sa-môn Thiên sư Hoa Âm, Tăng Tư trông thấy Sư bèn độ cho. Ngài Tăng Tư hạnh nguyện cao vượt trong đời, mọi người đều tôn sùng kính ngưỡng, Ngài nói với Sư rằng: “Ông có tướng xuất gia, hãy khéo tự vui mừng!” Ban đầu, bảo Sư tụng kinh, tùy việc dạy răn. Sư siêng năng ngày đêm đủ sáu thời, khởi phải nhọc công kêu khuyến. Đến lúc gặp bạo ngược không yên, Ngài Tăng Tư dẫn Sư theo hướng nam, đi đến Đan Cốc ở Bắc Sơn, Sư thường hỏi thầy về Đại nghĩa trong kinh, đều là những điều huyền ảo. Ngài Tăng Tư biết lớn lên, Sư sẽ thành pháp khí.

Năm ngài mười sáu tuổi, thầy Sư bèn bảo ngài theo A-xà-lê Luật sư Trạm đi đến đất Nghiệp. Các kinh luận Đại tiểu, Sư đều thông hiểu, Sư tuy nghe điều sâu màu bí ẩn, đặc biệt khác thường nhưng Sư riêng trọng về Đại thừa, lấy làm gốc Đạo. Năm đủ tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, lại nương ngài Thượng Thống làm Hòa-thượng. Ngài Thuận Đô làm A-xà-lê. Luật Sư Quang và mười vị Đại đệ tử làm Tôn chứng giới đàn. Bấy giờ là rất tiếng tăm vinh hạnh. Sư lại đến chỗ luật sư Đại An nghe giảng luật Tứ Phần. Lưu ly thỉnh Sư chỉ dạy năm mùa Hạ tịch đoan, lựa chọn tinh thô, sai phân dấu vết. Diệt tránh, Kiên-độ, trước sau lẫn lộn, từ xưa tương truyền chẳng hiểu xuất xứ, Sư bèn phân tích ước đoán, xếp đặt đơn phức, soi gốc đầu cuối, ngay nơi phân tích liền lia, đều lý hội văn hợp, hiện nay đang lưu hành trì tụng. Sau cùng, Sư chuyên bắt chước ngài Thượng Thống, liên tiếp dốc lòng suốt bảy năm, nên thấu suốt được chí lý, sáng bật cả sâu màu. Học chúng mang vác hòm rương cùng tuyên dương phô bày đạo, giảng ngộ nối nhau chẳng lược thứ còn lại, hạng gọi mình trong Đạo thành khí, lượng chẳng thể tính hết. Sư bèn dẫn dắt đồ chúng Đồng bạn trở lại chùa Thanh Hóa ở Cao Đô. Chúng nương nhau mừng vui khen ngợi điều chưa từng nghe, đều tự xuất ra vàng lụa vì đó mà dựng hội, giảng đường chùa chiền cùng một lúc được dựng xây rộng lớn. Các Hàng Sĩ thứ khắp vùng Hàn Ngụy đều cùng vinh hạnh.

Đến mùa xuân niên hiệu Thừa Quang thứ hai (578) - thời Bắc Tề (tương đương với niên hiệu Tuyên Chính thứ nhất thời Bắc Chu), Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) nhà Bắc Chu hàng phục nhà (Bắc) Tề, thực hành phế bỏ Phật giáo

Đạo giáo, ban sắc các vị Đại đức tu hành từ trước đều nhóm họp vào điện. Vua Võ Đế tự lên tòa cao, theo thứ lớp lập nghĩa Phế giáo, mạng chương rằng: “Trẫm vâng mạng trời, nuôi dưỡng triệu dân, nhưng ở đời mở mang Tam giáo, phong hóa đó càng xa, xét định về chí lý thì phần nhiều đều lỗi với hóa tục. Nay phải phế bỏ, nhưng với sáu Kinh Nho giáo vẫn rộng trị thuật, lễ nghĩa trung hiếu ở đời rất cần có nên phải giữ gìn. Vả lại, tự chân Phật không có tượng, thái hư xa kính biểu lộ ở tâm. Kinh Phật rộng khen ngợi mà có tháp báu trang nghiêm rực rỡ, tạo dựng như thế để mong cầu phước báo, đó thật là vô tình, sao có thể ân tuệ. Dân ngu kính ngưỡng tin tưởng dốc hết của cải vật báu xây dựng chùa tháp. Đã không dẫn hao phí, chẳng đủ để lưu giữ nên tất cả các thứ kinh tượng thầy đều đập phá. Cha mẹ ân đức sâu nặng mà Sa-môn chẳng kính thờ, rất lắm bội nghịch, phép nước đâu thể dung tha, nên đều phải hoàn tục để tôn sùng hiếu kính từ đầu, ý trẫm như thế. Các Đại đức cho lý ấy thế nào?”

Bấy giờ, các Sa-môn Đại Thông, Pháp Thượng, v.v.. có hơn năm trăm vị đều cho rằng vua Võ Đế dùng vương quyền, đâu có can ngăn ắt cũng không nghe theo, nên tất cả đều im lặng. Vua lại ban sắc luôn thúc giục đáp chiếu, cùng đọc xem thầy đều thất sắc, không một người nào đáp. Sư nhìn lại nhờ cậy vào Phật Pháp, tựa nương ở bốn chúng, đâu thể dùng lời bít lấp mà cho là lý phục, bèn bước ra giữa chúng đáp rằng: “Bệ hạ là bậc thống quản địa vực lớn, được một ở ngôi vị tôn quý, tùy hóa tục mà đặt để văn từ hiến chương cho cả Tam giáo. Sắc chiếu bảo rằng: “Chân Phật không có tượng” tin như là yếu chỉ thật. Nhưng vì tai mắt của sinh linh phải nhờ kính mà nghe Phật, nhờ tượng mà bày chân thật. Nếu phế bỏ hết cả thì không lấy gì để dựng lập kính tin”. Vua Võ Đế bảo: “Hư không là chân Phật, mọi người đều tự biết. Không cần phải nhờ kính tượng”. Sư nói: “Từ thời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán về trước, khi đó kính tượng chưa truyền đến, chúng sinh ở tại cõi nước này (Trung Hoa) có sao không biết hư không là chân Phật?” Khi đó, Vua Võ Đế không đáp được. Sư nói tiếp: “Nếu chẳng nhờ kính giáo mà tự biết có Pháp, tại sao từ thời Tam Hoàng về trước chưa có văn tự, mọi người đáng lẽ phải tự biết các Pháp Ngũ thường, v.v... mọi người thời đó có sao chỉ biết mẹ mình mà không biết cha mình, đồng như cầm thú?” Vua Võ Đế cũng không đáp được. Sư lại nói tiếp: “Nếu cho là hình tượng không có tình thức, phụng thờ đó chẳng có phước nên phải phá bỏ, vậy Tôn tượng của bảy triều đại của nước nhà đâu phải là tượng có tình thức mà lòng chúng ta tôn kính phụng thờ?” Vua Võ Đế không thể đáp những lời hỏi vặn ấy của Sư, bèn bảo rằng: “Kinh Phật là pháp của nước ngoài, ở nước này không cần nên phế bỏ chẳng dùng. Còn chỗ lập thờ tôn tượng bảy triều đại trước, đối với trẫm cũng chẳng cho là đúng, nên cũng

đồng phế bỏ!” Sư nói: “Nếu bảo kinh Phật là Pháp của nước ngoài, ở nước này không cần dùng thì các điều Trọng Ni nói ra đều phát xuất từ nước Lỗ, đất của nhà Tần, nhà Tấn lẽ ra cũng nên phế bỏ chẳng hành hóa. Lại cho rằng bảy triều đại trước là sai, cũng muốn phế bỏ, vậy tức là chẳng tôn kính cha ông, cha ông đã không tôn kính thì Chiêu Vương, Mục Vương mất hết thứ lớp, Chiêu Vương, Mục Vương đã mất thứ lớp thì Ngũ kinh không dùng. Trước nói Nho Giáo nên giữ lại, nghĩa đó ở đâu? Nếu vậy thì Tam giáo đều phế bỏ thì lấy gì để trị nước?” Vua Võ Đế nói: “Nước Lỗ cùng với Tần, Tấn chỉ đôi vực mới khác, chẳng phải không do một vị vua cảm hóa, nên chẳng cùng loại như Kinh Phật. Còn cái khó của bảy triều đại, Đế (Vua) không cho là chung. Sư nói: “Nếu cho rằng Tần, Lỗ đồng vâng theo một cảm hóa, nên kinh giáo thông hành. Vậy thì Chấn Đán (Trung Hoa) cùng Thiên-trúc, ranh giới cõi nước tuy khác, nhưng không phải chẳng đồng ở Diêm-phù-đề, ở trong bốn biển, do một Luân vương cảm hóa, sao chẳng đồng vâng theo Kinh Phật, mà khiến riêng phế bỏ?” Vua Võ Đế lại không đáp được. Sư lại hỏi tiếp: “Trong chiếu có nói: “Chư Tăng hoàn tục để tôn sùng hiếu dưỡng”. Vậy trong Khổng kinh cũng nói “Lập thân hành đạo để làm hiển vinh cha mẹ tức là hiếu hạnh”. thì sao phải hoàn tục mới là Hiếu?” Vua Võ Đế nói: “Mẹ cha ân nặng, thay nhau nuôi dưỡng, bỏ gần hướng xa, không thành chí hiếu”. Sư nói: “Nếu nói như vậy thì mọi người chung quanh Bệ hạ đều có cha mẹ, có sao chẳng buông thả họ, mà buộc phải làm việc lâu dài tới năm năm để họ không được trông thấy mẹ cha?” Vua Võ Đế nói: “Trẫm cũng có điều xét ấy, nên trên dưới đều được trở về hầu phụng”. Sư nói: “Phật cũng chấp thuận cho chư Tăng mùa Đông, mùa Hạ tùy duyên tu đạo, mùa xuân mùa thu trở về nhà hầu dưỡng. Nên Tôn giả Mục-kiền-liên đi khát thực đem cơm dâng mẹ, Đức Như Lai trở về kè vai khiêng vác quan tài lúc vua cha qua đời. Lúc đó rất đông, không thể riêng phá hủy Phật giáo”. Vua Võ Đế cũng không đáp lời nào. Ngài khảng giọng mà bảo rằng: “Bệ Hạ nay cậy quyền vương lực, tự do phá diệt Tam Bảo, đó là người tà kiến, địa ngục A-tỳ không phân biệt người sang kẻ hèn. Bệ hạ làm sao chẳng sợ ư?” Vua Võ Đế bỗng đứng đôi sắc mặt rất tức giận, chăm chăm nhìn thẳng mặt Sư, bảo rằng: “Ta chỉ khiến cho trăm họ được vui, còn ta đây không từ các khổ địa ngục”. Sư nói: “Bệ hạ đem tà Pháp chỉ dạy cho người, hiện tại gieo nghiệp khổ, sẽ cùng Bệ hạ đồng đọa địa ngục A-tỳ, nơi nào có vui để được?” Vua cũng không đáp được chỉ bảo rằng: “Chư Tăng hãy trở về, hôm sau nhóm họp lại, hữu ty hãy ghi lấy họ tên vị tăng vừa biện luận”.

Đương lúc đó là nước Tề vừa mới mất, binh lính của Bắc Chu dường như sấm chớp, trông thấy Sư chống lại sắc chiếu của vua, không ai chẳng đổ mồ hôi, đều cho là Sư ắt bị phân thọt chẻ xương, dùng đánh vạc để nấu, nhưng

thần khí Sư vẫn cao vợi, ngôn từ thần sắc không nhiều động, các Pháp Sư Thượng Thống, Đàm Diễn, v.v.. nắm tay Sư, khóc mà cảm tạ rằng: “Oai quyền của Thiên tử như rồng lửa, khó bề xúc phạm, ông có khả năng tận cùng như thế. Theo trong Đại kinh gọi đó là “Bồ-tát Hộ Pháp” nên phải như vậy. Người ấy không sửa đổi, ấy chẳng phải lỗi của ông!” Sư bảo: “Chánh lý phải nêu bày, đâu chỉ đoái hoài thân mạng này!” Lúc từ biệt các Đại đức, Sư nói: “Thời vận như thế, Thánh cũng chẳng thể sai khiến sửa đổi. Chỉ lo là không được phụng hầu dưới mắt, đó là nỗi lo buồn lớn, pháp chẳng thể diệt. Các Đại đức cần phải hiểu, mong chớ lấy làm buồn!” Sư bèn ngậm đến trụ núi phía Tây Quận cấp, siêng năng hành đạo không nhọc mệt, trong thời gian ba năm, Sư trì tụng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, v.v.. mỗi bộ một ngàn biến, dùng thông cả di pháp. Đã là nương gá núi hang, uống thiên tưng không cạn, hang lý càng sâu, phao nổi chẳng xả bỏ.

Đến niên hiệu Đại Tạng thứ hai (580) thời Bắc Chu, vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn) hỏi khai mở Phật hoá, Đông Kinh và Tây Kinh, mỗi nơi đều xây dựng chùa lớn Trắc Cô, đặt Bồ-tát tạng, ban cáo Tiên Đức, chiếu lệnh an trí. Từ đó, Sư thường giảng tại chùa Thiếu Lâm. Đến lúc nhà Tùy lên ngôi, mở mang thời vận, đầu niên hiệu Khai Hoàng (năm trăm tám mươi một) đời Tùy, nhờ dự lạc thái, các vị tuổi già cùng đến quanh Lạc Ap. Pháp môn mới khai, mà xa gần đua nhau tìm về. Trông khí thành bến bờ, chợ thành chợ Học. Do đó, tiếng tăm Sư vang vọng đến triều đình. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) nghe thế bèn ban sắc trao Sư nhậm chức Lạc Châu Sa-môn Đô, để giúp gánh vác Phật Pháp, Sư từ chối mà không được, nên phải nhận ngôi ấy.

Ngài lập tánh chân chất thẳng thắn, vinh nhục tùy duyên, chẳng thể dùng oai quyền mà Sư khiếp sợ, không thể vì lợi mà Sư nhiễm ô, khí thẳng hùng cao. Đạo phong nghiêm túc, kính mến điều nhu, chẳng dung kẻ phi lạm. Còn như xử trị phạm pháp, chẳng kiêng nể cường quyền. Với điều giảng dạy dẫn dắt đều toan liệu theo Đạo Cụ. Hoặc đặt để cấp giúp có thiếu, hoặc chẳng lượt nước hộ tịch, hoặc khát thực trái phép, hoặc oai nghi thất thường, đều chẳng được dự vào thính chúng. Ngoài ra, như ngủ nghỉ trái thời, hoặc sau đến Pháp tịch, đều y theo thể thức của chúng, có phạt không tha. Nên Đồ chúng Đồng bạn nghiêm túc, oai nghi dễ mến.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ năm (585) đời Tùy, vì Thứ Sử Trạch Châu là Thiên Kim Công thỉnh Sư đến Bồn Hương. Đó là Tượng Pháp trở lại mở mang, Tang Tử lại nhóm họp. Xa gần đều mừng vui, chẳng cần gì thêm. Mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư sang Định Châu, đường đi từ Thượng Đẳng, lưu ở lại giảng mùa Hạ, bèn quyết truyền về hướng Đông. Bỗng nhiên Vua Văn Đế ban gởi ấn thư, ân cần mời thỉnh. Sư

cổ khước từ mà không được, nên phải đến Tây kinh. Khi đó, vua ban sắc mời sáu vị Đại đức, trong đó có Sư, cùng các học sĩ thường tùy hơn hai trăm vị, mở đạt Đế thất, đích thân đến Ngự diên mở bày Thánh hóa, thông suốt khắp nước nhà. Vua rất vui lòng ban sắc cho Sư trụ chùa Hưng Thiện, nhọc hỏi phong hoa, cúng sự lớn bội. Lại vì tại chùa Hưng Thiện nhóm tập đông đảo, Pháp hội rất nhiều, tuy có mở mang giáo hóa nhưng đều là sự ước. Sư bèn chọn bên phải đường lớn của phía nam Thiên môn, là nơi đường thông suốt cả Đông, Tây, người đến nghe giảng chẳng nhọc mệt, nhân đó mà xây ngôi chùa lấy tên là Tịnh Cảnh. Sư thường ở đó giảng nói, mở giảng huyền áo, biện xướng như dòng chảy, nhả nập sâu xa, tuyên đàm hết vương mặc. Khi đó, khắp bốn phương tìm đến học có hơn bảy trăm vị, đều là những người tài giỏi khắp trong nước. Vết trước của bánh xe Pháp trông tới kinh đô, hướng đến chùa làm Pháp đạo tràng. Chỉ vì phòng nhà chưa được hoàn thành, đều lộ bày giữa chỗ trống, dùng cỏ v.v... làm am xá, chia ra ngõ châu bộ, ngày đêm tổ tập thành khí tìm nhau. Tuy là các bậc tài đức anh danh một thời. Còn như những vị về học thầy, tìm xa ngàn dặm kế tiếp, thì chẳng ai cao xa hơn Sư.

Thân hình Sư cao tám thước năm tấc, mắt dài ba tấc, eo có chín vòng, quần mười ba bức làm thường phục. Sư lên Pháp tòa, âm thanh vang dội như sấm động loài sâu cũng kinh hãi, thật đáng thích ý cho mọi người trông nhìn. Đó là sự hưng thịnh. Đến mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) Vua Văn Đế ban sắc cho Sư trông coi việc phiên dịch, sau định từ nghĩa. Sư tịch trong năm đó tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi tuổi. Vua Văn Đế buồn cảm vì thế mà bãi triều. Vua khóc than “nước mất hai vật báu”. Vì lúc đó, Sư cùng Lý Đức Lâm đồng qua đời trong một tháng, nên động đến lòng vua như vậy.

Từ lúc Sư búi tóc tìm thầy, vốn âm thầm muốn truyền trao. Trải qua hai đời vua thời Bắc Chu, Sư hoằng hóa khắp tám phương. Soạn số thuộc từ, giải thích đầu cuối, thừa tập khai ngộ, trải sánh như bụi liên tiếp, đồng với khuôn phép trong triều đại ở đương thời, được xưng phương giá. Ban đầu, Sư bị bệnh mấy ngày. Đòn dong giữa giảng đường vô có tự gãy, quay nhìn lại thấy gió thổi mạnh, biết hẳn bệnh không bớt. Đến ngày thị tịch, Sư an nhiên ngồi thẳng chánh niệm, tướng như đang nhập định. Vị thị giả không biết Sư tịch, bỗng nhiên nghe trong phòng có mùi thơm lạ, đều sinh nghi ngờ, bèn dùng vải để thử, mới biết Sư đã tắt hơi!

Xưa kia, lúc ở tại Thanh Hoá, Sư có nuôi một con ngỗng chuyên nghe giảng Pháp, từng trải qua mưa nắng. Sau khi Sư vào ải, con ngỗng đó ở lại tại bốn tự, ở ngoài hàng hiên, đêm ngày kêu nghe buồn. Tăng chúng lo ngại, bèn đem nó đến kinh đô, tới cổng lớn chùa Tịnh Ảnh mà thả. Nó liền cất tiếng

kêu mừng hớn hở tìm vào trong phòng Sư. Từ đó về sau, nó ý như trước thuần nghe giảng pháp. Chỉ nghe tiếng chuông báo nhóm chúng, bất kể sớm tối, đáp giảng dựng nghĩa, nó đều vào trong giảng đường nằm nghe, Tăng chúng phạm tán ra cửa, nó liền bay liệng và kêu, nếu gặp ngày hắc bạch (14-30) chư Tăng Bótát, tuy nghe tiếng chuông nhóm chúng nhưng nó không hề vào nghe. Mọi người đương thời lấy làm lạ. Nếu Sư đi đường xa giảng giải, nó nương theo pháp thàm nghe. Giữa chừng nghe đã đủ hoặc nói thừa, nó liền bay liệng kêu mà chạy ra. Cứ như thế trải qua sáu năm, nó vui thích nghe giảng pháp không thiếu một thời. Sau, bỗng nhiên nó kêu buồn nơi sân viện chẳng chịu vào phòng. Từ đó về sau khoảng hai tuần thì Sư thị tịch. Lúc đó nhằm ngày hai mươi bốn tháng sáu niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, Sư thọ bảy mươi tuổi, năm mươi hạ lạp.

Lại nữa, trong ngày Sư thị tịch, tại Bồn tự ở Trạch châu, các cột trụ nơi giảng đường và bốn chân của tòa cao đồng một lúc bị lún, mọi người bàn với nhau cho đó là cảm thông u hiển. Cả hai chùa cùng lập bia. Tiết Đạo Hành soạn văn bia, Ngô Thế Cơ viết, và Đinh thị khắc văn. Thời bấy giờ gọi là Tam Tuyệt.

Ban đầu, Sư nghe khắp kinh giáo Đại thừa có chừng sáu, bảy năm, thấu suốt nghĩa sâu, thần giải lại mới. Sư thường ở tại kinh đô Kiến Nghiệp, nhóm họp lập nghĩa vấn nạn, mà ít người đối địch, do đó nên tiếng tăm vang khắp xa gần. Dị luận đã sợ kính, thế mà Sư siêng năng hạnh nghiệp sớm tối dụng tâm rất tha thiết nên bị bệnh lao. Trong mười lăm này, ngài Giác Quán nổi nhau, không hề ngủ nghỉ, khí xông lên, tim đau nhói như dao cắt, ăn uống sơ sài, thân hình gầy suy, gần như muốn chết. Sư nhớ xưa kia Lâm Bị đi khắp các Danh sơn, thấy các Thiên phủ, đủ được truyền Pháp, nên bèn học pháp Quán sở tức, dùng tâm nơi Cảnh. Khắc ý tầm dịch, qua chừng nửa tháng, liền cảm thấy dần đỡ, ít được ngủ nghỉ, mới biết ứng nghiệm tốt lành của việc đối trị.

Nhân mùa Hạ đầu tiên, Sư học tập Pháp Định, rất được tĩnh lạc, thân tâm vui vẻ thư thái, liền hỏi sa-môn Tăng Điều về điều chứng đạt của mình. Ngài Tăng Điều bảo: “Tâm đó trụ trong cảnh giới của lợi căn. Nếu khéo điều nhiếp có thể thực hành Quán hạnh. Thường những lúc giảng, Sư rất chú trọng đến Định tông, chưa lúc nào không khen ngợi Thiên-ma. Bàn hoàn nhiều câu, tin nghĩ lo tìm câu thì có thể được. Sư tự buồn phải theo việc chúng, không rảnh để định tâm. Do đó nên bị mật. Đến mùa Hạ thứ bảy, ở tại Nghiệp Đô, Sư bắt đầu giảng Kinh Thập Địa, một lần nêu hỏi, chúng nghiêng về pháp tịch khác. Từ đó Sư luôn chăm ở trường giảng, nhiếp phục thính chúng hơn cả ngàn người. Trong ý Sư còn muốn rộng mở. Hễ giảng kinh nào thì đều có soạn số giải kinh ấy, như: Kinh Địa Trì số, năm quyển, Kinh Thập Địa sơ, mười quyển, Kinh Hoa Nghiêm số, bảy quyển, Kinh Niết

Bàn sớ, mười quyển. Các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Thọ Quán, Ôn Thất, v.v... đều khắc thành quyển bộ, cứ bốn chữ thành một câu, cương mục đủ cả, Văn từ ý chủ rất xác đáng, ít dùng theo lệ thường. Sư lại soạn Đại Thừa Nghĩa Chương mười bốn quyển, hợp cả hai trăm bốn mươi chín khoa, chia thành năm tụ tức là Giáo Pháp; Nghĩa Pháp; Nhiệm; Tịnh và Tạp, đều trình bày gồm cả nghĩa sai. Mới đầu gần, sau cùng xa. Tất cả cương yếu Phật Pháp đều đầy đủ trong đó. Các học giả Định tông không thể không biết.

Từ lúc Sư thông đạt Pháp, tình thú hướng về Từ tâm đến Văn sâu nghĩa ẩn. Sư thường đình ninh, lại thường nêu lên. Chỉ lo người học thọ nhận chẳng được nhanh chóng, người đọc xem nghe không hết. Ngoài ra, Sư không tiếc một điều gì. Do đó, từ nơi Tề triều cho đến Quan phụ và cả yếu hoang điện ngoại lưu hành chương sớ của ngài có hơn năm mươi quyển, hơn hai ngàn ba trăm trang giấy. Mỗi trang giấy có chín trăm bốn mươi lăm chữ. Suốt thời gian bốn mươi năm, Sư không hề ốm sười. Truyền trì giáo đạo là ở hoàng tuyên, đồng thời thành tụng ở tâm, đến nay vẫn chưa bật dứt, vốn ở tại Thanh Hóa Tổ tập Kinh Niết-bàn. Chúng Tăng trong chùa có hơn trăm vị, ba mươi vị lãnh chúng đều là những vị đứng đầu của thời Đại (Tiền) Đường. Sư mạnh mẽ đối với Pháp nghĩa, từ tâm chăm độ sinh, giới thừa chẳng ràng buộc, thực hành cứu vớt mọi loài chìm đắm. Các thứ lợi dưỡng có được, Sư đều cúng dường học chúng. Ngoài Pháp y, bình bát ra, Sư không tiếc giữ một vật gì.

Khi Sư soạn sớ Kinh Địa Trì xong, mộng thấy lên đánh núi Tudi, nhìn khắp bốn phía chỉ thấy nước biển, lại thấy pho tượng một đức Phật thân màu vàng tím ở dưới cây báu, nằm đầu xoay về hướng Bắc, hình thể không một mảy bụi. Ban đầu thì Sư lễ kính, sau lại dùng y mà phát, khắp cùng sáng sạch. Đến lúc tỉnh giấc, Sư bèn cho là Văn sớ do Sư soạn rất có lợi ích về thuận hóa, nên vì đó mà phô bày. Sư lại tự nói rằng: “Ban đầu, lúc soạn sớ Kinh Niết-bàn mới xong, chưa dám y cứ vào đó để giảng. Sư phát nguyện cầu xin điềm lành. Bỗng mộng thấy tự tay Sư tạo tượng bảy Đức Phật, tám vị Bồ-tát, thân hình đều khôi ngô cao vời, Sư tự họa vẽ điềm tô. Họa vẽ đã xong thì các pho tượng đều lần lượt khởi hành. Tôn tượng sau cùng họa vẽ sắp xong, bên cạnh có người đi lại tìm bút thay thế Sư để làm cho hoàn thành. Sau khi tỉnh giấc, Sư suy nghĩ rằng: “Tượng này có lưu lại cảnh của thời mạt thế!” Sư bèn khai giảng rộng phô bày như trong giấc mộng.

Lại, trước khi thị tịch mười một năm, Sư mộng thấy cây tre dài lớn tại chùa Tịnh Ảnh tự nhiên bị đổ, đèn sáng tự tắt mất. Đến ngày tháng, Sư bèn sai hai đứa trẻ tịnh nhân, tay buông sự tốt lành, phân xử các vật đều làm công đức. Lại bảo với thời gian của hai thời giảng trước đại chúng nên trì tụng Chú Bát-nhã Ba-la-mật, hạn định năm mươi biến trong một thời, để báo đáp bốn

ân, ban đầu giữa chẳng được biếng trễ. Lại thương học chúng không đủ sức đung khóa. Thường nhân những ngày giảng, nghĩa chánh như thế, trong khoảnh khắc không nghe. Các vị thức giả cho là Sư đã thấu đạt túc mạng. Và lúc cảm thấy nhẹ bớt, ở phía ngoài phòng, Sư dùng nước thơm ấm để tắm gội. Và ngủ tại phía ngoài đến sáng sớm mới vào phòng, ăn cháo, nằm tựa giường. Sư hỏi “bây giờ là mấy giờ?”. Đáp: “Lúc này khoảng giờ mao”. Sư bảo: “Nay tôi cảm thấy khí lạnh đến rón, cách sự chết còn chừng hai, ba tấc, hãy bỏ giường tựa đi”. Sư tự bắt lấy chân mình ngồi ngay thẳng, giữ mắt, không cho nâng đỡ. Chưa nói là tịch, nhưng xem xét, mới biết là Sư tịch, mùi hương thơm như chiên đàn, lâu sau mới tan hết. Sau, Sư mới nằm xuống, tay chân mềm mại, thân phần đều lạnh, chỉ còn ấm trên đỉnh đầu.

Có Sa-môn Trĩ Mãnh là người biết đoán tướng, lại hiểu giáo pháp, thường được mời đến, nên có làm sớ về hành trạng. Phỏng theo sự tiếp thừa của người Học. Và Ngài (Trĩ Mãnh) giảng nói có riêng cơ hội tốt đẹp. Tiếng tăm vang vọng khắp Đông Hạ.

---o0o---

QUYÊN 09

CHƯƠNG II - PHẦN 05 : GIẢI NGHĨA

(Chánh truyện có mười bốn vị, phụ có sáu vị).

1. Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu, thời Bắc Chu.
2. Truyện ngài Thích Trí Phụng trụ chùa Long Uyên ở Ích Châu, đời Tùy.
3. Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyên ở Kinh Châu, đời Tùy.
4. Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đẳng Giới ở Kinh Châu, đời Tùy.
5. Truyện ngài Thích Tuệ Triết, trụ chùa Long Tuyên ở Tương Châu, đời Tùy (tuệ Tuyên, Hồng Triết, Tuệ Hưởng, Tuệ Tung).
6. Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu, đời Tùy.
7. Truyện ngài Thích Tuệ Bất trụ chùa An Quốc ở Thường Châu, đời Tùy.
8. Truyện ngài Thích Linh Dự trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu, đời Tùy.

9. Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh, đời Tùy.
10. Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
11. Truyện ngài Thích Pháp Trừng trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
12. Truyện ngài Thích Đạo Trang trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
13. Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
14. Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ Đạo tràng Đại Hưng Thiện, ở Kinh đô, đời Tùy (Tăng Loan, Tăng Phụng).



01- Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu

Thích Bảo Hải, họ Cung, người ở xứ Lang Trung thuộc Ba Tây. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, có chí cao xa. Vì Phật Pháp tại Dương Đô đang sùng thanh, nên Sư quyết xuống núi. Khi đã đến Kim Lăng, Sư nương tựa Pháp Sư Vân, nghe học Luận Thành Thật, cạnh đó trải qua các pháp tịch, Sư chóng phát tiếng tăm trong sáng, bèn dẫn chúng giảng riêng, mọi người theo nghe rất đông.

Bấy giờ, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương rất kính trọng Phật Pháp, tự nhà vua giảng Kinh Niết-bàn, bảo Sư luận bàn về nghĩa Phật tánh. Sư bèn lên tòa bàn luận, tuy nói năng qua lại, mà tay Sư vẫn cầm lò hương Thâu Thạch. Vua Võ Đế bảo: “Pháp Sư tuy dứt bỏ san tham. Lò hương chẳng phải Thâu Thạch (chất tơ vàng) không cần cầm”. Sư liền đáp rằng: “Bệ hạ ngồi vị ở nơi cao tốt, khăn trùm chẳng phải Đạo (Cờ Mao) không đội”. Vua rất vui lòng, Đại chúng đều kinh lạ khen ngợi.

Sau, Sư trở về đất Thục trụ tại chùa Tạ Trấn, mở rộng giảng nói. Võ Lăng Vương Kỷ trấn nhậm Tinh lạc, rất kính mến Sư, thường đến Chùa Sư, ở lại bàn luận huyền lý, quên cả ngày đêm. Đến mờ sáng vua sắp rửa tay, mặt trời dần ló dạng, Vua nói: sáng sớm mặt trời soi trên tường vách, tướng trạng dường như trong thành. Gió động tiếng linh chùa khua vang mới biết mình đang ở trong chùa”. Sáng đó, xe lọng đến đón Vua, ngựa lại hí vang. Sư bảo

rằng: “Xa trông thấy lọng lay động, mừng gặp được tỏ bày tư tưởng, bỗng nghe tiếng ngựa hí lại vui như gặp được Long Thọ!” Cả hai người cùng nhau vui cười mà đi ra. Vua lên xe rồi, bảo người hầu rằng: “Nghe lời nói của Pháp Sư Hải, khiến ta bàng hoàng không nở đi!” Ngài biện cấp vô phương là trường hợp này.

Đến lúc, nhà (Bắc) Chu thế ngôi nhà Lương, Dong ông trấn phương càng thêm kính trọng Sư sâu sắc vượt hẳn người thường. Đến lúc Sư tám mươi tuổi, bảo với đệ tử là Pháp Minh rằng: “Ta sắp chết đây, không một lo toan gì đường trước cả. Chỉ lo sau khi đã qua đời, tháp báu đều bị đập phá, sẽ lộ bày thi thể để cho loài cầm thú ăn dùng. Quả nhiên vào niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, tất cả đều bị phá hủy, khiến chùa viện hoang tàn, ngài ra, chỉ một ngôi nhà và Dung tượng hiện còn.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Trí Phương trụ chùa Long Tuyền ở Ích Châu

Thích Trí Phương người xứ Tư Trung ở Thục Xuyên, giòng họ Sư vốn ở Đông Ngô, Tổ tiên xa xưa của Sư làm quan ở Tây Thục, nên mới ở đó. Sư xuất gia từ thưở nhỏ, nương tựa Pháp Sư Luân chùa Long Tuyền ở Châu Quách.

Ngài sớm cùng Sa-môn Bảo Hải Vân du khắp cùng, đồng đến Dương Đô dự học dưới Pháp tịch của Pháp Sư Vân, nhờ cơ biện Sư sáng lán lạnh lợi nên tiếng tăm vang khắp Dương Việt. Mỗi lúc đến lượt Sư giảng thì từ nghĩa trong nhã như suối chảy mây bay, nên khiến các hàng sĩ tục cầm theo giấy bút ghi chép thường có mấy trăm vị. Ban đầu, Sư giảng Kinh Pháp Hoa, nói đến chỗ Cao Diệu trong phẩm Hiện Bảo Tháp. Sư bèn y cứ Vua giải thích nghĩa mà bảo rằng: “Đâu phải cõi nước Phật xưa mới có được sự cao diệu như thế, mà ngay đất phước Dương Đô này cũng rất trang nghiêm. Còn như bảy tầng Cấp Di Thiên tranh sáng với nhật nguyệt, chín tầng Đồng Thái sánh khoe sắc với ráng mây. Giếng Vuông thì nghiêng rũ lá sen, thùng tròn thì bên cạnh bày mọc hoa sen. Tợ như An trú ở phương Nam, đồng dạng Nikhư ở Trấn Bắc. Tai nghe mắt thấy ngộ hầu liền hàng”. Những người ghi chép bí mật mang về Ích Châu, tha thiết ngợi khen lấy làm kinh tuyệt. Nên Sư xuất lời thành Chương như sớm đã gầy dựng.

Sa-môn Bảo Hải có đến vấn nạn, Sư bèn tuông phát ra thanh thái. Nên Ngài Bảo Hải hỏi rằng: “Tam biến, ở phương này đổi uế thành tịnh, cũng có thể biến Phàm thành Thánh chăng?” Sư đáp: “Hóa Phật có rất nhiều, vì hẹp nên phải rộng, Phàm thánh tự như thế, đâu cần nhọc biến đổi?” Ngài Bảo Hải lại hỏi vặn: “Nếu vậy thì sáu mươi tiểu kiếp cho là như khoảng bữa ăn, chỉ là Thánh thấy được, Phàm không thể thấy. Còn Phàm và Thánh đều thấy thì

Phàm và Thánh đều là Thánh cả”. Sư cười, đáp: “Nơi tòa cao không hề nói thế. Đó mới là tự nói tự hỏi vặn!” Ngài bảo Hải cảm thấy đuối lý bèn chống chế rằng: “Đấu gỗ ba góc, sao gọi là Trí Phương được?” Sư liền đáp rằng: “Ngồi sỏi nơi ao động, làm sao xưng là Bảo Hải?” Cả đại chúng cười lớn mà giải tán.

Đến lúc bệnh Sư trở nặng. Ngài Bảo Hải thường qua lại thăm hỏi ủi an. Sư bèn cảm tạ rằng: “Trí Phương tôi chẳng thể nhiếp dưỡng, đến đây bệnh đã trở nặng, làm nhọc nhân giả đã mấy lần qua lại an ủi thăm hỏi. Nguyên sinh về nơi tốt lành, thường cùng bạn đồng đi”. Bỗng chốc có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng. Vào lúc nửa đêm, Sư thị tịch tại Ích Châu, thọ hơn chín mươi tuổi.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyên ở Kinh Châu

Thích La Vân, họ Hình, người ở xứ Tùng Tư thuộc quận Nam. Ban đầu, Sư đến chùa Thượng Minh đông xin xuất gia. Chí khí tiết tháo của Sư mong được thành Đức. Nhân Kim Lăng Đạo Vương tìm ẩn, người đông như rừng, Sư bèn xem thường đường ngàn dặm xa đi tìm bạn lành. Gặp được Sa môn Đạo Lăng ở Dương đô đang truyền bá hưng thịnh, Sư bèn đến nơi pháp tịch, kính ngưỡng bày liệt, bốn bộ luận Nhất thừa, vạch bày cùng tận bên bờ đường lối. Lúc ấy, ngài Đạo Lăng thường bảo học chúng tìm tòi u ẩn.

Năm Sư mười sáu tuổi, với độ tuổi vừa lớn, duệ chí dẫn đầu, hỏi nghĩa Thường và Vô Thường, mà về mặt không thay đổi, khách chủ đồng thông thả, mọi người cùng vui mừng khen thưởng. Ngài Đạo Lăng bèn tặng chiếc áo choàng mình đang đắp cho Sư ở trước chúng. Từ đó, tiếng tăm Sư vang xa, ở đó lan truyền, nhưng Sư ưa thích pháp chẳng cùng, như ngu mà chẳng vướng mắc. Sau khi ngài Đạo Lăng thị tịch. Sư rộng bình luận những điều đã từng được nghe. Sư lại theo Pháp Sư Tuyên ở chùa Phước Duyên tìm lấy di pháp, Pháp Sư Tuyên giải thích không sót, mặc tình Sư xét ngưỡng.

Sư cho rằng nghĩa sâu kín của Tam Luận chưa được truyền bá khắp xứ Kinh nam, hại chướng nhiều hiểm trở, Sư bèn phát nguyện sẽ mở mang giảng nói. Có Thiên sư Trắc ở chùa Thê Thiên, là người định tuệ gồm tu, chú tâm mở vạch, lúc đó lục hợp hòa thành một. Tam sở hoàn toàn hưng thịnh. Chúng đông như lúa mè, người nhiều tợ kỹ tử. Sư bắt đầu về lại chùa làng, nhân đó ứng cơ. Ở tòa cao làm thầy cho mọi người thưa hỏi, nhã lời trong làm đầu của Trú Pháp. Tổng Quán Nghi Dương Công Vương Thế Tích ban chiếu bảo Xá nhân Tiêu Tử Bảo đích thân đến chỗ pháp tịch đều xưng tụng Đức âm.

Có chùa Long Tuyền là nơi cách biệt sự ồn náo trần gian, tâm trú nhàn khoáng, Sư mới ở đó hơn năm mươi năm, sửa sang nhà cửa, thường ngồi chẳng năm, coi sóc chúng năm trăm vị, bảy giờ đều lộ bày những người tài xuất chúng. Vua Dương Đế (605-617, Dương Quảng) đòi Tùy nghe tiếng thăm Sư bèn ban sắc thỉnh vào, Sư bèn đục vách tường ẩn dấu vết, lấy có bệnh mà lui. Xưa kia, Thích Đạo An ở chùa Thượng Minh đông, xây dựng gian nhà bảy gian. Về sau, Ngài Đàm Dực xây dựng thêm năm gian, rui tiếp đòn dông rộng dài mười hai gian. Sư ở trong nhà đó, giảng bốn bộ kinh, ba bộ luận, mỗi bộ mấy mươi biến, chẳng ở ngoài văn, có soạn thuật gì đều là tâm nghĩ miệng nói, băng tan lý thuận, nên được quên cả hai thứ Không, Hữu, Giáo nghĩa song bày.

Bảy giờ, ở tại Tùng Tư có một Đạo sĩ giòng họ Du, học suốt Lý tông, thông rành Nho Sử, thường giảng Lão Trang mà riêng dùng Nội kinh. Sư bảo Đề tử Đạo Thắng, Tuệ Thành, rằng: “Đạo Sĩ kia nhiều như ong bay kiến đậu, cướp trâu trộm Pháp, tình thật khó chấp nhận. Các ông hãy truyền yếu chỉ của ta đầy ngã vết tà ấy”. Tuệ Thành, v.v... đến chỗ Đạo Sĩ ấy mà ngồi. Đạo Sĩ bảo: “Người trời giao tiếp, cả hai cùng thấy nhau”. Ngài Tuệ Thành bảo: “Cởi bỏ y phục quý giá mà mặc lấy áo xấu dơ bẩn. Tập gân cùng mê, sắp mở tạm hóa”. mọi người lúc ấy cho đó là danh đáp. Trước đó, ngài Tuệ Thành gọi Đạo sĩ Du là Tiên sinh. Du tức giận bảo: “Ta chẳng phải kẻ sĩ thế tục, sao gọi ta là tiên sinh?” Ngài Tuệ Thành nói: “Ông đã ký gọi là Tiên sinh, vậy thôi xin bỏ bớt chữ “ Tiên”, trở lại y như giòng họ cũ mà gọi là “Du sinh”. Do đó trong mỗi câu đều có chữ Du sinh. Khi đó, đại chúng mừng vui không thôi. Đạo sĩ mang lấy sự hổ thẹn nên không còn sự hùng hồ nữa.

Sư kính giữ cao thượng, nhã trản thời tục. Đón, đưa, mừng, điều, Sư không tham dự một việc nào. Hoặc có người cao ngạo với đạo, nghe mà tìm đến, và khi tham lễ thì mồ hôi đổ, tâm sợ. Sinh duyên ở dưới núi thần. Một mùa Hạ Sư ở chỗ tĩnh vắng, tư duy Huyền đạo. Mẹ Sư hằng ngày tự mang thức ăn lên núi thiết cúng. Có người hỏi về lý do, Sư đáp rằng: “Đó là báo đáp ân đức cù lao của mẹ”. Xưa kia, Châu Xán đánh phá Kinh Nam, các chùa phần nhiều đều bị đốt phá, chỉ có chỗ Sư tạo dựng chùa Long Tuyền là còn. Vì Viên Tổng quản trong giặc đã từng được Sư trao cho giới pháp, do đó, nhờ kính thầy trọng pháp mà chùa được tồn tại. Anh em trong gia đình Sư gồm có năm người, đều là Pháp sư. Sư là người nhỏ nhất mà Thần thái lại Đặc biệt. Đề tử nhập thất của Sư có được mười vị, như Xuân Sần, Trùng Khế, v.v... Sư truyền đạo khai hóa ở các vùng Mân Thục, Giang Hoài, không chỗ nào chẳng trải qua.

Đến ngày hai mươi ba tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, ngài an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Trung Thư Lệnh Sầm Văn Bồn soạn văn bia.

Có Sa-môn Đạo Ngung là Anh ruột của Sư, học thông Đại tiểu, tiếng tăm vang khắp cả tăng tục. Ở tại chùa Thượng Minh đông, cây dựng ngôi gác nhiều tầng ở bên cạnh Miếu Lư của An Công. Tương truyền rằng: “An Công cười lừa lông màu đỏ từ Thượng Minh sang Đàn Khê thuộc Tương Châu,, một đêm qua lại coi trông hai chùa đều là bốn tầng, ba cơ sở”. Người đời nay kính trọng, nên xưng gọi là Miếu Lư vì miếu đó là nơi buộc lừa.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đăng Giới ở Kinh Châu

Thích Pháp An, Diên, người ở xứ Chi Giang. Sư có thần thái tuấn việt, được gọi là Đồng ấu.

Năm mười tám tuổi, Sư đi học đến Kim Lăng, ban đầu, nghe Luận Thành Thật. Sau học luận Trung Quán dưới pháp tòa chùa Hưng Hoàng. Có hơn mười năm, về ngắn thì thường không, về trí thì Đặc biệt. Giữa ba trăm học chúng riêng Sư được gọi là Tam tuyệt: một là vì thân Sư cao tám thước, phong nghi đỉnh đặc. Hai là giải nghĩa sâu cùng, ba là tinh tấn, giữ mình nghiêm khiết. Lúc nghe giảng kinh Niết-bàn, Sư thường lập nghĩa khác lạ để chúng hỏi vặn. Người tuy ở chúng lớn mà không ai quật ngã được Sư, do đó mà tiếng tăm Sư vang khắp sở Việt. Có một thời gian, Lăng Công (Đạo Lăng?) biết Sư tài giỏi nổi bật. Nên bảo Sư luận nghĩa. Sư liền vâng mạng hỏi đáp như vang theo tiếng, qua lại đã lâu, bèn ngừng nghỉ. Lăng Công bảo: “Ông đuối nghĩa rồi phải không?” Sư đáp: “Nghĩa như cát sông Hằng làm sao hết được”. Bấy giờ, học chúng gọi Sư là “Đa”, là “Sa An”. Ba luận, bốn kinh, Sư đều giảng. Sư soạn Quảng sơ chương và Lộ Giác Chương v.v... lý đến cùng sâu xa, truyền bá tại Giang Hán. Tuổi quá chẳng mê lầm mà xoay tâm trụ trong định, lại không bàn nói.

Lúc Sư đến chỗ Thiền sư Thành, cùng luận bàn về định đạo, giữa mài tâm tánh, qua suốt sáng tối, mà Sư chẳng ăn thức ăn của chúng tăng, chẳng uống miếng nước gạo đục. Đến năm sáu mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đăng Giới. Chùa đó ở trên Tư Châu, phía Tây hướng về Sa Châu. Đó là nơi Lưu Cầu chú giải Kinh Pháp Hoa. Nay nền cũ đài kinh vẫn còn.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Triết trụ chùa Long Tuyền ở Tương Châu

Thích Tuệ Triết, họ Triệu, người ở xứ Tương Dương. Sư có thức độ rộng sáng, tiết tháo cao xa. Sau khi xuất gia, Sư đi về hướng Nam, đến Dương Đô. Bảy giờ nhằm niên hiệu Văn Xương tại nước Trần, Tam Bảo hưng long. Sa-môn Tăng Chánh Quỳnh Công là bậc tinh lý nhập thần, tịnh hạnh thuần khiết. Người đương thời xưng gọi là Ô Quỳnh. Vua rất mến chuộng kính trọng, thỉnh làm Đại Tăng Chính. Trông giữ thành pháp, làm nơi nương tựa cho mọi vật. Vương tộc họ Trần đều do Quỳnh Công truyền trao quy giới, còn các quan khanh tướng đều không dám đến. Quỳnh Công trụ tại chùa Kiến Sơ. Đến niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (587) đời Trần, bỗng nhiên Sư thị tịch. An táng tại núi Lô Hồ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) buồn thương, dùng cờ vàng các thứ trượng gậy đưa tiễn đến nơi tháp mộ. Ban đầu, lúc Sư chưa thị tịch, tại chùa tháp mà Sư đang ở suốt ba ngày ánh sáng hiện chiếu, nhân đó mà cáo chung. Tăng tục đều lấy làm lạ.

Bảy giờ, có Sa-môn Bảo Quỳnh ở chùa Bành Thành, là người khéo giảng nói rất có phong thái, hình tướng trắng đẹp, nên người đời gọi là Bạch Quỳnh. Mọi việc đọc ở biệt truyện. Ban đầu, Sư đến tham dự, nghe ngài Bảo Quỳnh giảng, mở lớn lệnh nghiệp, nhóm chúng giảng nói, thường phát ra âm thanh mới. Vì Tuệ ngộ mà tự kiêu, lại rất có tâm ngạo mạn. Nhân có Sa-môn Đạo Lăng ở chùa Hưng Hoàng là bậc thần biện như kiếm, ít có ai lanh lợi ngang bằng. Nhân đó Sư đến theo nghe giảng nói, qua lại một thời gian, đối đáp vượt xa. Sư rất lấy làm lạ, liền theo mà vâng nghe. Những điều sâu kín nhiệm mầu tự nhiên thông hiểu, mà oai dung vẫn tự kiêu căng, mọi hành động cử chỉ vẫn chấp lấy pháp. Sư từng đi giữa đường gặp lúc sấm sét ầm vang, trời mưa như trút, mà Sư vẫn thông dong như thường, chẳng mất khuôn phép. Khi đó đôi giày bị sũng nước, Sư vẫn để yên đi về đến chùa. Sư đi bộ nhìn thẳng rõ ràng, chẳng liếc ngó hai bên, nếu muốn nhìn phía sau thì xoay thân mình từ từ nhìn lại, không vọng trái vượt. Người đương thời gọi Sư là “Tượng Vương Triết”. Sư lại khéo giữ gìn các căn, tiết lượng bụng miệng, ít tiện lợi tầm gọi. Do đó, khi thỉnh Sư đến nhà thế tục, qua thời gian vài ba ngày mà không hề thấy Sư lưu lại dư uế, nên tiếng ngợi khen tốt lành càng tăng thêm.

Đến lúc Sư giảng Tam luận, do ảnh hưởng của Tuân Lăng, nên càng tươi sáng hơn trước. Sư dẫn chúng đi ngược dòng về đến Bồn áp, trụ ở chùa Long Tuyền phía dưới Thiên Phòng Quang Phước, núi Vọng Sở, phía Tây Thành. Sư thường lấy việc Hoằng Pháp làm chánh, các Bộ Niết-bàn, Tam Luận, v.v... cứ đáp đối nhau giảng nói tương tục. Học sĩ hơn ba trăm vị. Trong đó, những vị thành pháp khí truyền đăng có được năm mươi người, tức như các ngài Tuệ Phẩm, Pháp Xán, Trí Tung, Pháp Đồng, Tuệ Tuyền, Tuệ Lăng v.v... mỗi vị đều tự lãnh đồ chúng giáo hóa.

Đến tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Long Tuyên, thọ năm mươi chín tuổi, an táng tại chùa núi Tây vọng. Các đệ tử như Tuệ Tung, v.v... dựng lập văn bia tại chỗ Sư ở. S-môn Tuệ Hưởng soạn văn bia. Ngài Tuệ Hưởng có tài đặc biệt, năng lực tư duy vững mạnh, được Tổng Quản Tiết Đạo Hành rất mến trọng. Ngài Tuệ Tung tiếng tăm học hạnh có lăm chỗ đi suốt. Nay ở tại kinh đô thường mở mang giảng nói.

Bảy giờ ở cùng trong ấp có Sa-môn Hồng Triết là bậc thông suốt Đại Tiểu, thường khai mở Pháp Hội, dùng đạt giải mong kéo dài sự soi sáng của mặt trời trí tuệ, nên tại Tây sở rao truyền gọi là “Trước sau có hai Triết (Tuệ Triết và Hồng Triết) v.v...”

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu

Thích Tuệ Hằng, họ Chu, Tổ tiên Sư vốn nhà ở Nhữ Nam, cuối đời Hán sụp đổ nên lánh đến đất Giang tả, nhỏ trấn nhà ấy trải qua nhiều đời, nay trở thành người Dương Tiện; thuộc Nghĩa Hưng. Ông nội Sư tên Thiệu, dưới thời nhà Tề làm Điện Trung Tướng Quân. Cha của Sư tên Phú, dưới thời nhà Lương làm Trường Thủy hiệu úy, đồng thời nép ngưỡng hành môn, chẳng cầu tiếng tăm, ưa du suốt năm, đôi Nông làm Sĩ. Sư dĩnh ngộ thâm lại, trội vượt tiết tháo trẻ thơ. Xét cầu sáu kinh, lược thông Đại nghĩa, bởi vì thường tập của gia giáo chẳng phải cái tốt đẹp ấy.

Năm mười tám tuổi, Sư mới búi ngùi than rằng: “Tu theo Chu Khổng lấy nhân nghĩa làm đầu. Quy tâm về Hoàng Lão lấy hư vô làm quý. Mà qua lại sinh tử, ra vào đắm chìm, đó là lụy nghiệp trong nội vực, chẳng phải là yếu Đạo xuất thế!” Sư đã phát khởi chí khí ít có, bèn cảm ứng phi thường. Sư mộng thấy một ngôi tháp có năm tầng, đắp họa trang nghiêm, sừng sững cao vợi. Nhân đó, Sư lễ bái nguyện được lên tháp ấy, chỉ trong khoảnh khắc bỗng lên tướng luân, khi ấy thâm tâm vui sướng chưa từng có. Đang lúc sắp đến Kinh ấp, đường đi lần theo Chu phương, gặp được Pháp Sư Hủ ở chùa Trúc Lâm, cùng khen ngợi tán thưởng. Sư bèn nương tựa xuất gia, cầu làm Hoà-thượng trao truyền mười giới. Sau đó, Sư đến thành đô, trụ chùa Cam Lộ Cổ. Sau khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư lại theo Luật Sư Phong ở chùa Tịnh Chúng, học Luật Thập Tụng, lại nghe Pháp Sư Xước ở chùa Long Quang giảng Luận Thành Thật, đề tâm chú ý vào Tỳ-đàm và Bát Kiền-độ. Sắp được đến chỗ Bí áo, nhật hết Thanh hoa. Sư lại theo Học Sĩ Đại Tăng Đô Pháp Sư Thư ở chùa Long Quang, nghiên cứu tinh yếu của Thành luận. Và khi Pháp Sư Thư thị tịch, Sư đích thân thọ nhận di chúc. Gặp lúc nhà

Lương suy bại, chùa viện ở kinh thành hoang tàn, Sư bèn xé xiêm chống tích đến trụ ở Nam Từ, thật là báo đáp Địa Ân, kiêm tu Pháp sự.

Đến lúc Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên, 557-560) thời nhà Trần tại Điền, Chu Phương trải qua xem xét. Sớm vâng thừa cao dự, cũng khâm phục kính trọng. Tư Không Hầu Công Thứ trấn nhậm tại châu ấy, tâm rộng rang cung kính. Đến niên hiệu Vĩnh Định thứ ba (559), Hầu Công vào Phủ, bèn thỉnh Sư ra thành đô, trụ chùa Bạch Mã giảng Kinh Niết-bàn và Luận Thành Thật. Học chúng nhóm họp chẳng quản đường xa ngàn dặm, mồ hôi nhễ nhại, xốc tay áo che gió mưa mà tìm đến. Sự hưng thịnh của Pháp diên chẳng lúc nào hơn.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ hai (561) đời Trần, tất cả hai trăm bảy mươi vị như Học Sĩ Bảo Trì v.v... thỉnh Sư đến giảng ở chùa Tương Cung, qua niên hiệu Thái Kiến thứ tư (572) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc thỉnh Sư dời về giảng tại Đông An. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) trước kia ở tại Xuân Phòng, chóng qua nghĩa tập Tăng thuộc, tài biện hùng hồn cao xa, đặc biệt đầy tâm, đến lúc tiếp nối ngôi báu (583-589) cũng rất kính ngưỡng. Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583), Hậu chúa ban sắc thỉnh Sư làm Kinh Ap Đại Tăng Đô. Đến niên hiệu Chí Đức thứ tư (586) lại chuyển làm Đại Tăng Chánh. Đến lúc trong nước hỗn loạn, Sư lại dừng ở tại Từ Phương, đủ duyên hội ngộ thì Sư hoằng khai giảng nói, không suy giảm thời gian thứ lớp.

Đến ngày mùng mười tháng bảy niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Trung, thọ bảy mươi lăm tuổi. Qua ngày hai mươi tám tháng bảy, an táng tại đỉnh núi Chung Sơn. Sư là người hạnh nghiệp thanh cao, linh kỳ hưởng ứng, thần thông cảm vời, chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Xưa kia, dưới thời nhà Trần, mỗi năm trong mùa Hạ, thường thỉnh Sư đến Lạc Du Uyển. Vì Thất Tổ của giòng họ nhà Trần cùng các thần trong sáu miếu ở Dương Đô mà khai mở giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm. Và đều đón rước thần tọa ở trước nhà giảng, do đó mà cờ xanh lọng Khổng Vũ phục xiêm đỏ, giao loạn vật người kinh thần lòà mắt, nhưng qua lại đón đưa hẳn có rải mây mưa, thâm mong không trái ý có hơn mười năm. Sư thường giảng trước ăn sau, tạm thời nằm nghỉ. Và lúc giảng sắp đến, liền thấy người mặc áo đỏ bảo rằng: “Pháp Sư khéo đến!” Trần lãnh quân Tướng Quân nhân Trung, thườ thiếu thời làm Tướng soái rất ưa thích săn bắn, nhưng sớm có gieo nhân lành, cơ duyên tốt sắp phát, thấy trong bếp các thứ thức ăn đều phát ra ánh sáng kỳ lạ, trông thấy mà lấy làm quái lạ, nên có tâm lo sợ. Ban đêm mộng thấy có một người lạ đến bảo rằng: “Nếu thỉnh Pháp Sư (Tuệ Hằng) giảng ở Đông an, thì điềm thấy sẽ không phải lo buồn”. Thế rồi thức

giác, mừng vui hơn hờ, các thứ lưới lò tên dây; dụng cụ săn bắn đồng một lúc đem đốt hết. Bèn cúi mình qua hai mùa hạ đến tại phủ nghe Sư giảng nói. Và nhân đó mà sám hối, vâng trì hai kinh, thọ giới bất sát, nên các thứ linh tích của Sư thật rất nhiều, ở đây chưa trình bày trong muôn một.

Sư giảng Luận Thành Thật Huyền Nghĩa sáu mươi ba biến, Luận văn mười lăm biến, các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm mỗi bộ hơn hai mươi biến. Suốt năm mươi năm, ngài chuyên rông Pháp sự nối nhau. Ngoài ra còn các bộ khác, ở đây lược qua không ghi chép. Sư có các đệ tử thọ giới Bồ-tát như Tư Không Ngô Minh Triệt v.v... Công hầu Tướng Tướng quý du Triều Sĩ hơn mấy ngàn vị, khó có thể ghi hết. Đệ tử Trí Du, v.v... cho rằng âm ba dung nghi Sư không còn nữa. Ngoài ra, các luận sắp không, nếu chẳng có Phong bia kia thì không do đâu để phô bày thanh danh đúng như thật, bèn khắc bài Minh vào trong chùa. Đệ tử thọ giới Bồ-tát soạn Lang Da Vương Trụ chế văn.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tuệ Bất trụ chùa An Quốc ở Thường Châu

Thích Tuệ Bất, họ Trương, người ở xứ Nghĩa Hưng; thuộc Thường Châu. Ông nội Sư là Huyền lược, vì trung hiếu mà đấng Triều. Cha của Sư là Nguyên Hương nhờ tài hoa mà đãi chiếu. Đều mang Ân thao, đồng tấu đàn, v.v... Người chú của Sư là Nguyên Cử là bậc Công thần đời Trần. Sân bày chiêm trống, đường trải Tam Tứ (xe ngựa ba con, và xe bốn con). Khách ngựa xe chen đầy thêm cấp, khách đàn sáo đông chật chỗ ngồi. Thấy Sư ở độ tuổi học trò mà tinh thần sáng ngời, mọi người đều lấy làm lạ và ngợi khen rằng: “Ông này nếu gặp được Phụng Đức thì sẽ có tài giúp Vua. Đã nổi trội gò má rỗng, ắt ứng với Phong hầu”. Nhưng tâm tình Sư có chí muốn xuất tục, nhân đó mà đáp rằng: “ Cái quý của Vô Vi có thể dùng để vui tình, phiền có tiếp đãi không lao nhọc đến người!”. Khi đó, Sư liền chỉ ăn dùng rau quả đợi chờ, bèn nghĩ thoát cõi giày.

Đến đời Trần, Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) như rồng bay, dựng lớn phước nghiệp. Niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (558), Sư thân hành áo mào, cắt bỏ lưới vây. Ba y mọi vật đồng một lúc thông cấp. Sư bèn đến chùa Huệ Điện làm đệ tử Pháp Sư Lãnh. Pháp Sư Lãnh là cây tre nhỏ ở Đông Nam, mà tiếng gió làm chân động ao đầm. Vương tộc thấy tăng xoa hương là chúc. Sư đến gần gũi vâng thừa nhã huấn, nghe nhận Luận Thành Thật. Năm Sư hai mươi tuổi, Sư đến Hoài Hải, gặp ngài Bảo Lương. Minh thượng đang thanh truyền bá Luận Thành Thật bản mới dịch. Hoảng Công ở chùa Thiên cung lại phụ giảng Tâm luận. Sư bèn hết lòng tìm xét, chuyên hết nguồn giáo. Do đó, Sáu

Túc luận, tám Kiền-độ, bốn Chân, năm tụ, Sư đều thấu suốt như chỉ tay trên lòng bàn tay, không làm để sót.

Niên hiệu Thiên gia thứ nhất (560) đời Trần, Sư đến các trường giảng, bên cạnh tìm cầu những bậc tài giỏi, thấy đủ trăm lương, tỏ ngộ sự thấp hèn của cỏ tranh, thường lên ba hư, buồn vì nổi xấu xa của thềm đất. Sư bèn bỏ Tiểu theo Đại, dời vết Cựu chương, nghe nói tiếp sáng người Triết Công mở mang bốn luận. Sư nghiên cứu pháp vị mới mấy tuần mà tinh thông Huyền Cực. Vậy đủ biết Đại Trí Bản hành đồng sáng như nhật nguyệt. Danh xưng vang rộng cùng xa như gió mây. Nhưng Sư thần tư trầm uất, từ nhĩ nén nâng, cắt rễ bàn của muôn xưa, soi nhà tối đã trăm năm. Tại Chiết Tả rất khâm phục đức hạnh Sư so với Giang Đông.

Đến niên hiệu Thái Kiến thứ mười (578) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc mời Sư đến trụ chùa Báo Đức ở Trường Thành, giảng kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Chư tăng đông đầy giảng đường, Cư sĩ đầy chật chỗ ngồi. Mọi người đến hỏi nghi thức câu đạo, tiếp gót thành rừng. Thọ giới tựa nương bày vai đông như chợ, không ai chẳng cho rằng: “Cỏ hương trăm bước”, hoặc “Bạc Thánh ngàn năm”. Không bao lâu, Triết Công sắp thi tịch, bèn sai sứ mời Sư về lại kinh thất. Ghé loan, phát trần, kinh sách nghĩa số, dự bày giảng nghi, tất cả đều giao phó cho Sư, muốn cho bánh xe chánh pháp chẳng ngừng xoay, hạt giống Phật nảy nở nối nhau. Sư bèn đánh lễ thọ nhận di lệnh. Trải qua sáu năm, Sư bày giảng kinh luận mỗi bộ đến mười biến. Điều tốt lành của việc trao truyền lại thấy được ở nơi Sư.

Đến lúc nhà Tùy đánh tội, thời vận nhà Trần kết thúc, Sư nghĩ muốn báo Ân đất, nói trở về quê cũ. Có chùa An Quốc do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557-560) đời Trần xây dựng. Nền móng hiện còn mà phòng nhà đều đổ nát. Sư bèn mạo phạm sương mốc, chấn tích hun khói, rộng khuyến khích bạn lành, nguyện cùng sửa sang lại, nên chùa viện được sáng đẹp, cửa phòng trang nghiêm. Pháp Sư Chân Quán soạn văn bia chùa, viết rằng: “Gạch hoa đá cẩm sắp xếp nhiều thềm bằng, mùa hạ rêu phong, mùa thu sen nở, xoay quanh trang nghiêm, tháp đứng sừng sững. Trăng đến nguyệt điện lẫn lộn trên vách chiếu soi nơi làn sóng vàng. Ánh mây, đài mây, họa rường nương nơi lá ngọc. Còn như kinh tượng được sửa sang, chuông khách sắp đặt theo khuôn phép, ấy là Pháp lợi, đâu thể nói hết được!”

Đến tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư bị bệnh khí, có cảm giác di lưu. Qua giữa tháng ba, vào giờ ngọ, Sư thị tịch thọ sáu mươi ba tuổi, an táng tại núi Hoa Dương. Học sĩ Sa-môn Tuệ Phương là người nương tựa Sư lâu năm, nghĩa giải sâu mâu, có khả năng nhận lãnh việc truyền đăng, đều vâng theo di chúc, dựng lập văn bia ở tại chùa.

08- Truyện ngài Thích Linh Dụ trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu

Thích Linh Dụ, họ Triệu, người ở xứ Khúc Dương; Cự Lộc; thuộc Định Châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã có hành vi khác lạ cảm kích đến người. Mỗi lúc thấy nghi tượng sa-môn, thân tâm Sư tùy kính, nghe tiếng loài vật bị giết hại Sư cũng xót xa cõi lòng. Đến nỗi khiến trong làng xóm vang nức tiếng thơm, mọi người gần xa vì thế mà bỏ việc giết hại.

Năm sáu tuổi, Sư đã biết thọ giới. Cha mẹ cưỡng ép bỏ giới, Sư tự nguyện trong tâm chẳng phá. Bỗng trao cho Sư Chương Bản, có đến ngàn văn, từ tối đến sáng Sư đã viết tụng đều xong. Còn như Hiếu kinh, Luận ngữ, Sư mới đọc văn từ liền gồm thông chú giải. Do đó, cha mẹ Sư rất mến quý, mong Sư tiếp nối môn phong. Năm bảy tuổi, Sư xin phép cha cho Sư xuất gia. Nhưng cha Sư cho rằng tuệ giải sớm thành, ý chính là tiếp nối ở đời, quyết thề không chấp thuận. Chỉ bảo Sư học theo thể tục chuyên tìm việc đời, đâu ngại chi đến Đạo Pháp!” Sư than rằng: “Đã bảy tuổi mà không được xuất gia, là một đời hư hoại!” Sư bèn đọc thông các thứ sách vở vốn có nơi Cha, Anh, đều bao gồm mọi điểm dị đồng, thậm hợp đến chỗ sâu kín. Chỉ Lão Trang và Chu Dịch, chưa dự thừa truyền đến năm mười lăm tuổi, Sư ngâm muốn tròn đời, gặp phải lúc cha qua đời, Sư phải theo thể tục nằm chiếu cỏ chịu tang, trợ trợ vây quanh, chống gậy mới có thể đứng dậy. Rất nhàm chán cuộc đời, tâm ý mạnh mẽ nhưng Sư không dám giã từ mẹ, Sư lặng lẽ sang chùa Ứng Giác ở Triệu Quận, đến chỗ hai Thiên Sư Minh và Bảo xin xuất gia. Hai vị ấy cũng là người Phiếu Lãnh ở Đông Xuyên.

Thế rồi, ban đầu thâm nhuần Đại Pháp, được thầy chỉ bảo tụng kinh. Sư nắm lấy quyển kinh mà phát lời thề rằng: “Nay tôi sắp học, trước phải cần tâm. Lời sâu màu trong ba Tạng, nhất định phải thấu cùng yếu chỉ, cuối cùng không ở vào hạng Trung lưu, hạ lưu. Đến như hai giáo Nho Thích, phải thông hiểu khắp!” Năm hai mươi tuổi, nghe Luật sư Tuệ Quang là bậc tài giỏi ở Nghiệp Hạ. Sư bèn đến đó để nương tựa thọ học, lại không may Luật sư Tuệ Quang vừa thị tịch mới bảy ngày! Riêng mình Sư than thở không gặp được, giới luật biết nương tựa vào đâu! Sư bèn trở về chỗ Pháp Sư Phùng, nghe học Địa Luận, dần dà dưới Pháp tịch trọn ba năm.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới tân đàn thọ giới cụ túc, lại phải trở về nương tựa đức của hai Thiên sư Minh và Bảo, cầu làm Bản Sư. Hai Thiên sư đều từ chối bảo rằng: “Ta không duyên với Ông, ta chẳng phải thầy Ông. Ông hãy đến những chỗ tốt hơn”. Sư bèn đến Định Châu mà thọ đại giới. Liên tụng hai Giới Bản Tứ Phần và Tăng-kỳ, tự tay biên viết văn đó, chỉ trong tám ngày mà ngài viết và tụng đều xong. Có Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh

thừa hỏi về Đạo hạnh của Sư, bèn tấu trình xin độ cho Sư thuộc vào Công danh, rất được quý trọng. Sau, theo hướng Nam, Sư đi đến Chương Phủ, tới chỗ Ân Công, học luật Tứ Phần. Hễ nghe được gì thì Sư ghi chép điều ấy, thành được năm quyển và thực hành theo đó. Lại vì Địa luận lúc đầu Sư nhờ Pháp Sư Tuệ Quang mà Khai Ngộ, truyền bá mở mang dẫn dắt. Ngài Đạo Phùng và Tuệ Quang đều có biệt truyện. Ngài (Linh Dụ) nương tựa Pháp tịch ngài Đạo Phùng. Sớm tối tu thông, phát hiện kỳ đặc, phát hiện điều mới, đều cùng suy tập.

Có Vua Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề hoàng truyền thanh hành kinh Phật. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng oai thế trùm khắp các anh tài, người Học ngóng trông Đạo phong, ảnh hưởng nương nhờ dùng làm bên bờ kiêu hãnh. Chỉ có mình Sư cậy vào tiết tháo chuyên tinh cao vời chẳng sánh với người thường. Chỉ lo nghĩ chưa nghe điều đáng nghe, dùng làm kiêu kết. Sau, Thượng thống rất gượng sự cao sáng nên khâm phục và kính trọng Sư. Từ đó, Sư chuyên học các Bộ Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Địa Luận, Luật Bộ, đều rộng tìm cựa giải, gom góp mới lạ. Chỉ có các bộ Đại Tập, Bát-nhã, Quán Kinh, Di Giáo, v.v... về phần số giải Sư rút nghĩ từ trong lòng ngực, chẳng do thầy giảng trao. Sư lại theo ba pháp sư An, Du và Vinh nghe giảng Tập Tâm nghĩa, theo hai Pháp sư Tung và Lâm học Luận Thành Thật. Sắp tròn một năm, Sư hiểu suốt Nhị Thừa, cương lĩnh còn đầy đủ khoa cử, mà tinh sáng rộng giúp Lý, Tướng đều thông. Sư từng cùng chư tăng đồng bàn nói về Nho giáo, bên cạnh có giảng tịch, dự nghe qua thời gian, cả hai thứ nghe đồng tán giải. Cuối cùng dùng Tướng nghe để đáp cú nghĩa, đều không sót mảy may. Do đó ở Nghiệp Hạ Sư chiếm danh, xa gần đều nổi tiếng. Và lại, Sư vẫn thẳng thẳng, nghiêm nghị giữ lấy tiết tháo tự chuyên. Đến nơi Đô giảng cố gắng đáp thuật, ôm hoài bão chẳng tùy nhậm, người đời cùng Đạo, Sư trông tiêu tiếng lánh ẩn. Có việc chẳng thôi được thì Sư nhường mà nhận. Mùa hạ an cư năm thứ mười hai, Sư mới bắt đầu giảng mà danh tiếng đã rõ bày, ngôn lệnh như mới. Mọi người dự nghe nương tựa, bèn gọi Sư là “Dụ Bồ-tát”. Và đều theo lãnh thọ ba nhóm tịnh giới. Đại Pháp từ đó được truyền rộng.

Vì dẫn dắt mọi vật, Sư lấy làm việc thường. Ý vẫn còn giữ cương lĩnh, chẳng nương nơi chương cú. Còn như có sự trước sau giảng giải lại ngôn nghĩa chẳng đồng. Người quên nôm thì hội được Tông quy. Kể theo văn thì mất thú hướng rộng xa. Gặp lúc Tề Hậu bị bệnh, cầu nguyện giảng Kinh Hoa Nghiêm, các vị Chiêu Huyền Thống đề cử Sư làm Pháp Chủ, bốn phương nhóm họp một nơi, xứng hợp với ngày trước. Bấy giờ có con gà trống thường theo chúng nghe giảng, đợi đến lúc tan giảng mới kêu lớn, bay lên trên cây cao ở phía Tây nam ngủ qua đêm rồi chết. Bỗng nhiên bệnh của

Tề Hậu có giảm. Đó cũng là minh ứng của cảm thông. nội cung do vậy mà dâng cúng 300 bộ pháp phục Ca-sa, Sư đều nhận mà ban phát hết. Trong đời vua Văn Tuyên Đế lập chùa chẳng chỉ một ngôi, vua ban sắc mời những vị Cao Tăng Đức Vọng đến trụ ở đó. Bồng lộc nước nhà cung cấp trọng đãi. Bấy giờ, Sư đang hun đúc làm xứng thủ. Vua thỉnh Sư ở chùa Quan. Sư cố từ chối mà nói rằng: “Ý nước nhà rất sâu nặng, Đức lớn chẳng phải ở người này, mong trao lợi này cho vị nào có đủ khả năng nhận lãnh!”. Sư từ chối vinh hạnh trong thời thế đại loại như vậy. Có thiện sinh pháp cúng thì Sư thọ nhận mà không sợ. Sư nhiếp dẫn đào luyện, hoàng hóa lại như thế. Nên mọi hạnh tàng ẩn của Sư, người đời chẳng lường biết được!

Năm bốn mươi bảy tuổi, gần tri mạng, Sư bèn lẳng đọng nhất tâm chú tướng thiên lự nơi hang núi. Phạm Dương Lư thị nghe Đạo phong Sư mà từ xa mời thỉnh. Sư thừa cơ hoàng tế chẳng vướng mắc ở hành lý, Sư bèn đến đó, dừng ở giảng cúng, thường đông cả ngàn người. Thính chúng mừng vui trước sau lớp lớp. Sau, Sư trở lại Nghiệp Hạ, cùng các vị Pháp Sư thay nhau giảng nói. Tề An Đông Vương Lô Duệ rất mực kính trọng chư tăng, lần lượt đến trước Sư, bắt chột kinh sợ toát mồ hôi, trở về hỏi mọi người mới biết đó là Di độ, liền vâng thỉnh Sư làm giới sư. Chùa Bảo Sơn là nơi Sư qua đầu tiên, Lô Duệ làm thí chủ, đúc cúng vàng bạc của cải. Đức ngâm của Sư cảm hóa người là như vậy.

Lúc nhà (Bắc) Chu diệt nhà (Bắc) Tề, Phật giáo Đạo Giáo đều bị hủy hoại, Sư bèn ẩn hình trong đời, dùng ba thăng vải bố cắt vá làm áo mặc. Đầu quấn vấn sợi gai như chịu tang cha mẹ. Sư phát thệ nguyện nếu Phật pháp được hưng thịnh trở lại thì Sư mới tiếp nối nghi phục xưa cũ. Sư dẫn đồng bạn hơn hai mươi vị ở nơi xóm làng, ban đêm bàn luận chánh lý, ban ngày đọc sách thế tục. Học đã tham cứu đến sâu mầu, hễ thấy gì thì bèn viết lại. Mỗi thứ đều có bộ loại. Tên sẽ trình bày ở sau. Lúc đó, gặp năm đói kém, không có đường tìm ra lương thực, Sư bèn soạn một quyển sách bói toán, bảo bói đoán lấy giá, mỗi một ngày hai thăng gạo, đều đều như thế. Thế rồi lời nói như biết đến, người nghi rất đông, có được gạo rất nhiều. Sư tự bảo: “Người Dân trước kia có nói: “liếm mật nơi mũi nhọn sẽ bị tổn thương”, xét ở ngày nay”. Bèn đòi lấy sách bói toán ở trước mọi người mà đốt bỏ. Ngày khác đến, khoảnh khắc được giá, bèn quấn chiếu mà trở về. Được bao nhiêu lương thực thì kịp thời trở lại, để cung cấp cho mọi người đồng nguy ách, đủ được cả năm.

Đến lúc nhà Tùy khởi vận, Phật pháp xương minh trở lại. Đức hạnh Sư ngời sáng, những vị tài giỏi lúc trước thầy đều tham dự sưu tầm tạng bốc. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Thứ sử Tương Châu là Phiên Thúc Lược, bắt đầu mở giảng hội, thỉnh mời chư tăng, đều lập tiết trước, nêu bày

dị Pháp, minh ký. Đồng một lúc ảnh hưởng, ngàn kể đầy cửa. Sư đang ở đầu ngôi vị, được sung làm Phó Huyền Vọng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc bảo lập Tăng Quan. Phiên Thúc Lược bèn đề cử Sư làm Đông thống. Nhân đó, Sư nói với Phiên Thúc Lược rằng: “Đức của Đô Thống thì đức của tôi đây chẳng phải đức ấy, Dụng của Đô Thống thì dụng của tôi đây chẳng phải dụng ấy. Đã không phải Pháp khí của đức dụng ấy, thì sự lý khó theo”. Mọi người đều nói: “Bỏ người này (Linh Dụ) thì việc tiến cử mất cương yếu”. Sau đó, Phiên Thúc Lược lại tỏ bày thỉnh mời, ngài mới đến xứ Yên Triệu, suốt năm năm hành hóa, đạo phong vang động khắp cả Lương hà.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, đang trụ chùa Linh Thông ở Lạc Châu, ban đêm ở trong sân viết một Điệp văn, nói về mạng báo ách ở Hàm Dương. Ban đầu, không ai lường biết như thế nào. Qua đến năm sau, Vua Văn Đế tôn trọng kính ngưỡng Phật giáo, xa hỏi những đứa trẻ tài giỏi. Tất cả đều nói: “Ngài Linh Dụ đức hạnh bao trùm, hiện thời đáng trông vọng!” nhân đó, Vua ban sắc chiếu rằng: “Kính hỏi Pháp Sư Linh Dụ trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu; Trẫm kính vâng tôn sùng Tam Bảo, tâm quy hướng sâu xa, chỉ nguyện mở mang Đại thừa, hộ trì Chánh Pháp. Pháp Sư là bậc Phạm hạnh tinh thuần, lý nghĩa sâu xa, rộng thông Huyền giáo, khai mở dẫn dắt cho kẻ mù điếc. Kẻ tăng người tục thấy đều kính trọng khâm phục, nghĩ muốn làm ruộng phước. Người dân ở chốn kinh đô thấy đều trông ngóng, mọi người ở bốn phương xa đua nhau tìm đến. Ở nơi xa mời thỉnh Pháp sư, cùng xây dựng Công nghiệp. Pháp sư nên hiểu ý trẫm, sớm vào kinh!” Sư nhận được thư, chỉ nói: “Nguy ách của Hàm Dương, xét ở tại đây! Nhưng mạng có tùy gặp, có thể viện có bệnh mà từ chối!” Sư lại nói: “Khi nghiệp duyên đã đến, Thánh cũng khó chống trái”. Sư bèn đi bộ vào Trường An, chẳng cưỡi xe quan. Năm đó, Sư đã bảy mươi bốn tuổi.

Vua Văn Tuyên Đế ban sắc sai người thỉnh Sư trụ chùa Hưng Thiện. Vua bèn ban chiếu cho Sở Ty nhóm họp chư tăng đức vọng, bình phẩm thiết lập Quốc Thống. Đại chúng bàn nghị đều phó thác vào Sư không một văn từ nào khác. Sư cười, bảo: “Đang thông với nhau, sao dùng v.v...?” Sư bèn dâng Biểu Văn, liền y theo đó chấp thuận để Sư trở về. Bộc xạ Cao Dĩnh, v.v... trong ý vẫn còn thống thiết, xem trọng, lại dâng Biểu Văn thỉnh Sư lưu lại, Vua liền ban sắc cho Sư ở nghỉ đó. Sư bảo: “Chủ nghĩa của một nước không có hai lời. Nay lưu giữ lại, tình chưa thể được!” Sư bảo với Môn nhân rằng: “Vua quan gần gũi lâu có lời thề rằng: gần thì khinh lòn người, xem thường pháp, lui về thì không ai chẳng xa kính. Nên ta châm chước phải trái”. Sau đó, lại có ba lần vua Văn Tuyên Đế ban sắc cố thỉnh, nhưng Sư vẫn gìn giữ như trước. Vua nói với Tô oai rằng: “Trẫm biết pháp sư Dụ là người cương chánh, là người tự tại. Thật không thể làm khuất phục tiết tháo của người!”

Vua bèn ban sắc, Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Bộc Xạ Tô oai nhận lời mừng vui, các ông Tổng Quản Hạ nhĩ Bất v.v... đến chùa tuyên chỉ, thay thế vua thọ giới sám tội. Và đưa các thứ vải vóc, y phục, ba trăm xấp lụa ủng hộ xây dựng chùa núi. Vua tự viết biển ngạch hiệu là “Linh Tuyền”, giúp tặng ưu cấp có tiêu chuẩn hơn bình thường. Sư tùy sức đi bộ về đến Bồn ấp, nhìn lại rồi nói rằng: “Tệ ách qua lại chẳng mất ư?” Do đó, Vua ban sắc hỏi han thường vôi vàng, cung cấp cúng dường chất chõng. Những người có nghi cầu xin giải quyết không nơi xa nào chẳng đến. Những người ảnh hưởng phong thái, gọi mình trong Đạo lại kết tụ như trước.

Sau cùng, Sư lại đến trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu thuộc Trị Tây, nắm giữ tiết tháo càng bền bỉ, dấn đức hạnh càng trang nghiêm. Vua Văn Tuyên Đế nghe thế, lại ban sắc chiếu rằng: “Kính hỏi Đại đức Pháp Sư Linh Dụ ở chùa Diễn Không; Trẫm kính ngưỡng Thánh giáo, trùng hưng Tam Bảo, muốn cho tất cả Danh linh đều được đơm nhuần phước lực. Pháp Sư xả bỏ xa lìa trần tục, gieo mình trong yếu chỉ Pháp môn, tinh thành như thế, rất xứng hợp với lòng Trẫm!” Sư được Quốc chúa thăm hỏi đại loại như thế.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) Vua Văn Đế phân bố xá-lợi. Ở các châu xây dựng tháp báu phụng thờ, có nhiều điềm biến hiện, người đương thời đều mừng vui cho đó là điềm lành. Sư nghe thế mà than rằng: “Tướng ấy là họa phước đều phô bày! Do tạp hoa trắng, cây trắng, tháp trắng, mây trắng cùng hiện duyên tốt lành, đó là điềm xấu!” Lúc đầu, mọi người đều không tin lời đó. Không lâu sau, Hiến Hậu và Vua Văn Đế đều băng. Cả một nước đồng mặc áo trắng. Lời nói của Sư mới thật có chứng cứ! Thứ Sử Tương châu là Nội Dương Công Tiết Trụ, tảng đá nơi nhà ở bỗng nhiên biến thành ngọc. Tiết Trụ cho đó là điềm lành bèn thiết trai cúng dường để mừng. Sư bảo: “Đó là lưu ly! nên phải cẩn trọng răn dè, Hãy cầu cúng để tạo phước”. Nhưng Tiết Trụ không nghe theo lời. Sau, Dương Lượng khởi nghịch sự việc có tương duyên, bèn bị lưu đày đến biên giới. Hối tiếc lời xưa không thận trọng thì đã muộn màng. Lại, tại núi Hàn Lăng xây dựng một ngôi tháp báu chín tầng. Cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy, chỉ mới xây được bốn tầng. Một buổi sáng, bỗng nhiên ngài thúc giục rằng: “Tất cả đều vô thường, sự việc có chương tuyệt”. Bèn suốt đêm xây dựng, mới sắp xong tầng thứ tám, bỗng có lệnh cấm không được làm, chỉ được thiết tòa đặt ghế. Gặp phải sự cố Tấn Dương, mọi người không thi thổ tay chân. Sư bảo lại phải đợi đến năm sau. Mọi sự sáng suốt thấy biết trước của Sư đều đại loại như thế.

Khi đó, ở Nghiệp Hạ có lời rằng: “Pháp Sư Linh Dụ sắp qua đời!” Kẻ tăng người tục đồng nhóm họp rất đông bẩm thọ quy giới. Phòng Truyền lời ấy không theo. Sư cũng tin phước mạng đã đến lúc hết, bèn chỉ bày răn dạy thiện ác. Sư khuyên môn nhân đệ tử theo Giác ngộ chẳng hơn. Đến ngày thứ

bảy, ngài cầm bút làm hai bài thơ. Bài thứ nhất là “Buồn mau kết thúc”. Sư viết rằng:

*“Hôm nay ngồi nha cao, sáng mai nằm trên gai
Một đời hăn đã trọn, lai báo bao giờ dứt!”*

Bài thứ hai là “Buồn vĩnh viễn mất”, Sư viết rằng:

*Mạng dứt, xa đường người xác đũa trước cửa Quy
Từ sau lần biệt này, năm nào gặp lại u!”*

Đến đêm tối, Sư bảo thị giả rằng: “Nay đau ở lưng, ta sắp đi rồi!” Đến canh ba bỗng nhiên cảm thấy có mùi thơm lạ khắp phòng. Trong ngoài đều kinh ngạc. Sư tĩnh lự, miệng niệm Phật nói nhau đến lúc mặt trời ló dạng thì Sư thị tịch tại chùa Diễn Không, thọ tám mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, buồn bã xao động cả chùa núi. Sau đó, an táng bên cạnh chùa Linh Tuyền ở Bảo Sơn, xây tháp báu cao nghiêm.

Ban đầu, Sư thanh bạch trinh thuần, nghiêm khiết bản thân, chánh khí như mây xanh. Khí thức vững chắc, sáng suốt dấu vết ngoài trần. Thầy trò truyền trao nhờ đó mà được người. Thân có ánh sáng trắng soi chiếu nơi u tối, liếc lên cao nhìn thấy xa gần, vâng phụng cảm giới tự giữ, dứt bật sự đời phiền toái. Chí thành nương Đạo, khắc niệm ngang bằng bậc Thánh. Mẹ của Sư bệnh đến lúc trở nặng, Sư tìm về thăm thì đã qua đời. Giữa đường nghe tin, cuối cùng Sư chẳng được gần. Sư than rằng: “Ta đến thăm mẹ, giờ thấy nơi nào!” Nên trở về chùa tạo phước cho đời sau”. Sư cắt bỏ thân ái đại loại như thế.

Còn như khuôn phép hoàng Pháp, then chốt chính của muôn đời, ý chí còn ở nơi xa lớn, chẳng hạn cục riêng trao, nên có đơn giảng hai thời để làm độ thường. Lược văn đối giảng sinh thường, chẳng kinh chắc chắn có truyền giảng, nhưng cốt yếu phải mời thỉnh, cung thừa ngưỡng vọng mới lên Pháp tòa. Có một nơi nọ, Sư giảng gần một nửa, nhân nghĩ đạo xem, đến gần bên vườn kiêu. Sư hỏi đó của ai, có người đáp là của giảng chủ. Sư bảo: “Khởi đầu của Hoàng Pháp là dứt trừ gốc lỗi, nghiệp ác chưa nghiêng đổ, thanh tịnh thông suốt ở chỗ nào? Giảng hội này không thể tiếp tục nữa, nên giải tán đi, và Sư liền cầm lấy tích trượng, mang y mà từ giã đi ra. Giảng chủ thưa rằng: “Pháp sư chỉ giảng, việc này dễ trừ, lại không đáng phải lo”. Liền mượn cày cuốc và dân làng đồng một lúc phá bỏ hơn bốn mươi mẫu kiêu, sau đó trồng lúa. Tăng tục đều y theo đó. Sư ngôn hành không trái vượt, thật chỉ một người mà thôi! Sư giảng ngộ của Sư đầu nhỏ sau lớn, hơi tiếng oai hùng vang xa, đối biện không vấp vấp, nói năng ít trùng lặp. Hoặc một chữ bàn hoàn động đời mấy ngày, hoặc trong một chỉ bèn tiêu mấy quyển, cho

đến giảng sau lại đổi khoa trước, thêm bớt vào ra, tùy cơ mà bày lớp. Đến nỗi khiến các người học nghi ngờ. Sư bảo: “Đó là khuôn phép rộng lớn của bậc Đại Sĩ, đâu thể dùng tình thường mà đoán được”. Nên mới mười hạ đầu mà Sư đã làm Lãnh tụ, mọi người đều nghiêng cung kính. Hoặc có lúc các vị đại đức đồng nhóm họp trước, vì tình mà đùa cợt, nhưng khi Sư vào pháp tịch, không ai chẳng nghiêm túc tự gìn giữ lấy mình, mọi ồn náo chợt tĩnh lặng. Do đó, ni chúng chẳng dám tham dự dưới tòa. Tánh Sư ngay thẳng, oai dung sáng ngời, mặc đồ vải xấu. Với người sang quý hay kẻ thấp hèn, Sư đều tiếp đãi như nhau. Đi lại do tự Sư, từng không đưa đón. Nên các hàng Thông Nho Khai sĩ chứa nhóm điều nghi, thưa hỏi quyết nghi, nghệ thuật dị năng ôm sách trình giải, đều đánh lễ nhận thọ, hết lời khen ngợi, lời không thể tả hết tình. Có thể gọi là ngôi trấn giữ nhũ tục ở người ấy (Linh Dự). nên tại Nghiệp Hạ có lời rao truyền rằng: “Pháp Sư Diễm nhiếp phục đạo mà không nhiếp phục thế tục, còn Pháp Sư Dự thì đạo tục đều nhiếp phục”. Thật ra Sư đôi không nghĩ suy, phát lời thành luận cho nên như vậy.

Sư lại xây dựng các phước nghiệp, chùa viện linh nghi. Sau, tại Bảo Sơn, Sư tạo lập một ngôi khám đã lấy, tên là “Kim Cương”, do ngài Tánh lực trụ trì. Mặt hang Na-la-diên riêng khắc tướng của Pháp tạng. Núi sâu rừng vắng, lời thiết việc bày. Mỗi mùa xuân chư tăng du sơn, đều đến tìm văn lý. Người đọc không ai chẳng sùi sụt mà giữ gìn tiết tháo. Sư để lại những di tích cảm hóa người đến như thế.

Từ trước mãi đến sau, đối với hai thứ ruộng bi ruộng kính Sư đều luôn gieo trồng. Ca-sa pháp phục Sư ban dâng hơn ngàn bộ, cung cấp thuốc than trị liệu cho người bệnh khổ có rất nhiều. Có được những thực ăn nông hậu thì cúng dường chư tăng trước. Thân dự ngang hàng, không chứa để mây may. Những lúc rảnh rỗi việc giảng dạy, Sư luôn xoay mặt thẳng về hướng Tây. Hễ lúc khạc nhổ mà thấy trái Sư đều nuốt hết. Suốt một đời không bỏ. Thân chẳng đến chỗ không tốt, miệng không nói lời bất tịnh. Lại nuôi người dạy răn không bao giờ đánh mắng, cho đến trách hỏi trẻ nhỏ, răn dạy môn nhân đệ tử, Sư tự nói tên mình, gọi người kia là Nhân giả. Lời nói trái tai thì bỏ, nghe mà rơi lệ. Tự có thầy trò ít nhờ khuôn phép ấy. Đến tuổi sáu mươi, Sư nuôi chúng ở hai phòng. Chọn lấy những người chưa đủ khả năng ở chỗ khác để chỉ dạy. Nếu có người lời nói và việc làm trái nhau, liền bảo ra khỏi chúng, vì giới luật không cho phép, phép tắc trong chùa không chấp nhận, đối với ni chúng nữ nhân thế không truyền giới. Cho đến tại phòng ở từ trước đến giờ, Sư cấm không cho người nữ bước tới. Đó là cách khuyên răn người sau của Sư, đại loại như vậy. Sa-di thọ giới cụ túc. Hoà-thượng Đức Hạnh rất khó tìm, nên trọn đời Sư chẳng làm Hoà-thượng Đản Đầu. Ngoài ra, làm tôn chúng thì đến giờ mới vào chúng, nếu trao cho ba nhóm tịnh giới

thì cả bảy chúng đều truyền đủ. Nên khiến lúc Sư hoằng pháp, mới nghe nữ chúng phải vào chùa, đều vào sau ra trước, đi thẳng qua chẳng dừng lại, cho nên có pháp tịch thanh tịnh trang nghiêm, ảnh hưởng truyền ngụ bên trong. Thị giả cung cấp chẳng can dự đến sa-di. Tăng chế chân chánh bất luận chủ khách. Trong chỉ hộ Pháp, ngoài sửa đổi mọi lỗi lầm, thân mặc đồ thanh tu, chẳng dùng tới lụa là, khổ xoa trên mắt cá cách bốn ngón tay. Tay áo dài chỉ tới ngang khuỷa. Kỳ Chi dài chỉ ngang chân mà thôi. Giả sử thấy mặc áo may quá kích cỡ thì ngay giữa chúng, Sư cắt bỏ. Nên khổ mới ngang lưng, bông dạ chần đập, lông da thượng sắc, tiền báu mọi vật đều chẳng đem vào phòng, huống gì thân dùng lấy mà làm tư cụ. Sư sống đơn kiệm như thế sau mới dạy bảo. Sư thường mặc y năm điều, từ trước đến nay thường dùng vải bố. Nếu có người dâng cúng gấm lụa thì Sư cho người hết. Kỳ-chi cũng vậy. Ngoài ra, Sư chỉ mặc áo nạp thô xấu mà thôi. Ở đời có những sự kích thích đều dùng để làm mờ đến danh giả, hoặc có lúc đến đó, Sư bảo: “Tôi nghe người Quân tử tranh danh, kẻ tiểu nhân tranh lợi, làm sao mà từ chối ư?” Có người nói: “Danh là vốn, Lợi là duyên”. Sư bảo: “Tôi được lợi thì liền mất danh”. Lại có người nói: “Như thế tức là làm bộ tốt”. Sư đáp: “Còn hơn thật tâm tạo tội”. Người đương thời cho đó là lời hay ý đẹp. Oai nghi chí hạnh của Sư đáng làm khuôn phép cho đời. Nên người viết truyện không để sót mất tiết tháo ấy!

Từ năm ba mươi tuổi, tức lúc Sư đang còn soạn thuật. Ban đầu Sư soạn Thập địa Sớ bốn quyển. Địa Trì, Duy-ma, Bát-nhã Sớ mỗi bộ hai quyển. Hoa nghiêm sớ và chỉ quy hợp thành chín quyển. Đại Thừa Nghĩa Chương bốn quyển, Thắng-man, Ương-quật, Thọ-quán, Nhân Vương, Tỳ-ni Mẫu, Luận Vãng sinh, Thượng Hạ sinh, Di giáo, v.v... các kinh Sư đều soạn sớ ký. Thành Thật, Tỳ-đàm, luận Đại trí Độ, mỗi bộ đều có sớ sao năm quyển, Thánh Tích Ký, hai quyển. Phật Pháp Đông Hành Ký, Chúng Kinh Tông Yếu, Dịch Kinh thể thức, Thọ Bồ-tát Giới Pháp và giới bốn chú thích đầu đuôi, Hoa Nghiêm, v.v... tự Kinh Luận, luận Đại Tiểu thừa Đồng dị, Xá-lợi Mục-iền-liên truyện. Sư lại soạn luận An Dân, luận Đào Thần, mỗi bộ mười quyển, Luận Khuyến Tín Thích Tông. Xác noãn thành sát luận tự bốn, bảy quyển. Trang Ký, Lão Cương, Thức Kinh, Triệu Vĩ, Tướng Lục, Y Quyết, Phù Cầm, Pháp Văn, Đoán Thủy Trùng tự, Tề Thế Tam Bảo Ký, Diệt Pháp Ký, Quang Sư Đề tử thập Đức Ký, Tăng chế, Tự Cáo, Thập oán Thập Chí Tụng, Tề vong tiêu nhật tụng, xúc sự thân tình tụng. Tự phá Báo ứng ký, Hiếu kinh nghĩa ký, Tam hành Tứ khứ tụng, Thi Bình và Tạp Tập, v.v... tất cả có hơn năm trăm quyển. Lưu hành rất lâu ở đời. Lời không hoa xỉ, ít liên quan Cổ chế. Lược tình lấy lý, lâu dài mà thường vị.

Sư trao truyền Pháp, ý chuyên vào hạnh dụng. Nếu có người trái lại với thú hướng ấy, thì Sư bảo rằng: “Nguyên các bậc Thánh truyền giáo, giáo trù nơi hành nhân, người đã không thực hành thì lại đồng như người chẳng học”. Có người chống trái, thì Sư gạt đui. Sư lại trọng Pháp thành người. Đọc hai bộ luận An Dân và Đào thân của Sư mục đích là truyền đăng mà tuệ lưu Dân phẩm, rất biết hạnh cao ấy. Chợt có sa-môn Hoàng Long, ở tại Nghiệp Trung, nghe khắp kinh luận, thiên luật không thứ gì mà Sư chẳng học, hạnh giải đều thấu suốt. Các người học giả rao truyền, nên lúc sắp trở về quận yên, cố đến nơi chỗ riêng của Sư mà đặt lời cầu thỉnh rằng: “Xin ngài chỉ bày cho một lời Pháp yếu, chỗ gọi là ngay nơi Giải là Hành có công năng kéo dài lợi ích cho Sa-môn Đạo hạnh”. Sư bảo: “Ắt Như lai nói lúc sắp từ biệt cùng bảo cho nhau!” Sau sắp đến đầu đường. Sư bảo: “Kinh dạy thiên luật sợ tạp thánh tâm. Một truyện Cao Tăng tức gồm Cảnh hạnh. Liền lấy sự báo trả qua lại để làm thân dụng!” Người ấy vui mừng mang truyện trở về quê hương. Đó thật là lớn soi ngoài vật, có ngộ có tông.

Lại nữa, khi bình sinh, lúc vào trong thì chẳng ngồi ngay trước. thuyết giới yết-ma không có Pháp truyền dục. Phương thuật phúng đọc can ngăn, nghe như dòng chảy. Khi đang ở kinh đô, Sư vào chùa Tịnh Ảnh, gặp lúc Bồ-tát, Sư vào ngồi trong giảng đường. Thấy Viễn Công thuyết dục, Sư khảng tiếng bảo rằng: “Tuệ Viễn đọc sớ mà nói: Pháp sự nhân duyên, chúng Tăng nghe giới, có thể là ma nói”. Cả giảng đường đều kinh hãi lấy làm lạ, bèn bác bỏ đó. Có vị Thức giả báo lại với ngài Tuệ Viễn. Ngài Tuệ Viễn rảo bước đến giảng đường. Sư bảo: “Nghe nhân giả hoằng Pháp, thân khiến dễ truyền. Hễ quen chuộng mừng.

Thánh cấm làm sao chuẩn? Sư Tuệ Viễn đánh lễ mà tự răn, ngậm khóc mà nhận thọ. Do đó, mãi đến lúc thị tịch, ngài Tuệ Viễn thường đến Pháp tập. Sư làm cho sinh vật tin thuận đều như thế. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến Đông Hạ, Hoá nghi có khác, v.v... còn như lập giáo thi hành giữ tín cả ngàn năm, chỉ có một mình Sư.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ tại Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh

Thích Tuệ Tạng, họ Hác, người ở xứ Bình Cức, nước Triệu. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia, liền theo giảng. Chưa thọ giới cụ túc mà ngài đã thường giảng kinh Niết-bàn, phân vạch sâu xa, phù hợp Văn Chi. Đến lúc luật nghi tròn đầy, Sư lại chuyên nghiệp Tỳ-ni. Hạnh ngang bằng như hạt ngọc sáng, giải vượt cả tiền đạt. Tuy chưa nghe các kinh luận Đại Trí Độ, Thập Địa, Hoa Nghiêm, Bát-nhã, v.v... mà Sư đã rộng thấy, khắp người ai

chịu suy tôn. Chỉ sâu cùng tánh thể, nghĩa nạn đề phục, đều ngưỡng tạ cao đoán, ít ai chẳng bắt chước.

Đến năm bốn mươi tuổi, Sư mới ngằm ở Cáp sơn, ăn lá cây, uống nước suối, lắng tâm nơi kín mầu. Nghiên cứu rõ ràng tuy rộng sâu, nhưng Sư chuyên lấy Kinh Hoa Nghiêm làm Bồn Tông. Thấu suốt cùng tận u vi, mà chưa lường biết được tà chánh. Kính mong bậc thánh giúp sức, mong chỉ bày cho biết được đúng sai. Ngay trong đêm ấy bèn có linh cảm, giữa hư không có tiếng bảo rằng “Đúng! Đúng”. Đã nghe báo như vậy, nhân đó Sư liền soạn nghĩa sớ, đích thân tự truyền bá mở mang. Người học đến dự thấy đều hưởng ứng. Tề Chúa Võ Thanh ban thư mời thỉnh. Sư đến điện Thái Cực khai giảng Kinh Hoa Nghiêm. Học chúng nhóm họp, Sĩ tộc đều vân tập. Khi ấy rất đông đúc, làm thành sự hưng thịnh của Đại Quán! Từ đó, Sư chuyên hoằng truyền bộ ấy lưu bố rộng khắp.

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu phá hủy kinh đạo, Sư bèn dứt bật dấu vết nơi nhân gian, gá nghĩa chôn mây khói, giữ gìn giềng mối. Mãi đến đầu đời Tùy, khai mở giảng pháp, Sư liền dự xuất gia. Sư giảng dạy tan yếu chỉ sâu mầu, kết quy về đường khai ngộ. Sư hoằng hóa từ Đông Xuyên như gió thổi qua cỏ rạp mình, hạnh thành đạt nghĩa, dùng đức để dụ nhân, băng và ngọc vuông tâm, thông và quân cùng chất, nên mưa Pháp thường tuôn, gió nhân quạt khắp, khiến cho các hàng tăng tục vui mừng sự sống lại ấy. Tâm mật mờ được mở giúp!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (578) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) thừa kính đức âm, xa sai người mời thỉnh. Bồ luân đã ban, chẳng trái với luân ngôn, Sư thừa cơ lập giáo, lợi ích cho kiến đại nhân, chống tích trọng đến kinh đô, liền yết kiến Vua, vâng thừa minh chỉ, Sư kíp trình bày Áo chỉ. Chỗ Sư đào luyện dẫn dụ xứng hợp tâm vua. Tức Sư là một trong sáu vị đại đức. Vua ban sắc lễ thêm đặc biệt. Nên chỉ trong vòng hai năm bốn mùa Sư chẳng sơ sót. Sau Sư đem Bát-nhã Thích Luận để giảng dạy, phần nhiều người đạt đến khế thưởng đều không ưa chuộng. Bây giờ, có các Sa-môn Trí Ôn, Tăng Lãng, Pháp Ngạn, v.v... đều là những bậc Đức Vọng ở kinh thất, thần tuệ cao vòi, tiếp thừa cựu tập, ít kính phụng tân văn. Mới thỉnh Sư giảng Luận Kim Cương Bát -nhã. Hơi tiếng Sư cắt đứt ráng mây, trí tuệ sáng vượt những người tài giỏi đương thời. Cùng muốn cứu vớt người bị cháy người bị chìm, nên vì diễn giảng. Bây giờ, tuổi Sư đã già, sức lực tư duy rộng sáng, Chỉ nêu lên giềng mối, nêu lý mới lạ, bao gồm từ nghĩa, lời không phù phiếm, nên những người bảm học điều ích lợi luôn lo sợ Sư dứt tiếng, nên đều tôn sùng và kính trọng.

Đến ngày hai chín tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa Không Quán, thọ tám mươi bốn tuổi. Lúc sắp tịch, Sư thành tâm muốn cứu giúp rộng rãi, căn dặn để lộ bày hình hài. Đệ tử kính cẩn vâng theo di quyết của Sư, đưa nhục thân đến đặt cạnh bìa rừng, phủ che xương khô mà xây dựng tháp, tại ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng, núi chung nam. Lập bài Minh tán dương đức hạnh Sư, dựng tại chỗ tháp. Sau, có Sa-môn Minh Tắc soạn văn bia, xin xem ở biệt tập.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Trí Thoát, họ Thái. Tổ tiên Sư vốn người xứ Khảo Thành ở Tế Dương, nhân làm quan lưu nhậm nên thành người ở quận Giang Đô. Ông nội Sư tên Bình, làm Thái thú Tân Xương thời nhà Tề. Cha của Sư là Viễn Trân, làm Bắc Duyên Châu Tư Mã thời nhà Lương. Đêm mới sinh Sư có ánh sáng thân soi chiếu khắp phòng. Trong khoảng mười ngày dòng suối bị khô cạn tự nhiên nước tràn đầy. Đó là điềm ứng hiệu được tuệ sắp sáng, dòng pháp cùng dẫn. Lúc còn nhỏ, Sư đã có phong nghi đỉnh tú, khí điều cao xa.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, làm đệ tử Pháp Sư Dĩnh ở Nghiệp Hạ. Pháp Sư Dĩnh là bậc đạt sâu trong Pháp Lữ, tài giỏi trong Thích chúng.

Đối với các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa thấy đều thấu suốt Chương lưu, nên Sư chuyên kinh hỏi đạo, chút thời gian cũng không bỏ, cung tường nhiều lớp mũi nhọn, Sư đều vào được cửa. Lâu sau, Sư lại nghe Pháp sư Cường ở Giang Đô giảng luận Thành Thật và Tỳ-đàm. Phân dòng khác phái xen lạp đều hết, rề bàng gá tiết vượt nhận có dư. Liên ở trong đại chúng tiện việc giảng lại, như rót bình râu ngọc rút kinh nghiệm tại đó. Tăng tục tán phục đều nêu cao thần lược.

Bấy giờ, có Pháp Sư Tước trụ chùa Hưng Nghiêm ở Đan Dương là bậc tiếng tốt thật vang lừng của Thành luận, xa gần đều hướng về, riêng bước ở Giang Biểu. Sư được đượm nhuần giáo nghĩa dưới phong hóa, nghĩ hưởng Pháp vị. Khi đã đến Kim Lăng, nghiêm cơ ý chỉ sâu mầu, tinh thần bao gồm từ lý, vang danh khắp hai kinh. Sư thường yên ở, lánh chỗ thỉnh đàm Huyền luận, Pháp sư Tước cũng rất tán thưởng, gọi là “Trọng Khí”. Đến lúc cao tòa bảo mất ba ngàn đều còn, xin bảo môn đồ để cùng phó chúc. Sư bèn tiếp tục bày giảng giáo nghĩa thường xoay bánh xe pháp. Bộ của Hưng Nghiêm từ đó được vinh thịnh. Đã được sự biết người của Luận chủ, lại khen ngợi hồng giáo của Truyền đăng, nên sự mài giũa, uốn nắn môn đồ pháp lữ không thôi nghỉ ở đương thời. Chúng bạn có hơn trăm người, nhưng tài giỏi chỉ có mình

Sư, các bậc thành khí có chín mươi vị. căn cứ vào công phu của việc mở mang giáo hóa ấy, thật xưa nay ít có.

Vào niên hiệu Chí Đức (583-587) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) thỉnh Sư vào nội cung, giảng nói khai ngộ, phát động Thần cơ. Từ Anh em Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Bộc Xạ Vương Khắc, Trung Thư Vương Cổ, v.v... đều rất kính ngưỡng, đều tỏ bày tình thầy trò. Vào đời Tùy, Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581-605) lưu tâm đến Pháp Bảo, mở mang Chỉ Giáo, thiết trai cúng dường, khai giảng tại cung Kỳ Dương. Có ban chiếu thỉnh Sư lên tòa báu. Bèn sai bảo Xá nhân Thôi Quân Đức tuyên đọc chiếu chỉ rằng: “Xưa riêng bước một phương chưa đáng làm quý. Nay làm Luận chủ bốn biển mới thật thấy Anh tài, v.v...” Sư liền mở lời kháng luận, phân cắt như dòng chảy, không ai chẳng ngậm miệng cứng lưỡi, quay xe trở về đường cũ, mào cò sạch tai thường động đến tròng dung. Vua tôi mở mép ngày đêm quên mỗi nhọc.

Khi Vua Dương Đế (Đương Quảng, đời Tùy) đang trông coi ở Vu Giang. Ban đầu xây dựng Tuệ Nhật, thanh hành tìm người có tài nghệ khác lạ, bao la khắp núi Biển. Sư dùng tuệ nghiệp vượt ngộ, bèn mới bắt đầu tham dự, đã ở chỗ ngang bằng mà công phu gấp bội, trau dồi học nghiệp. Ngày đêm cùng buộc ràng, trông xem khắp các Bộ, mà nêu tính mạnh mẽ không ai vượt trước, mở lời chắc chắn thành luận. Cổ vũ khơi phát chi phái, sâu cơ hội tông, nên đạo tràng toàn là bậc hiền giả tài giỏi, học môn kính ngưỡng, mà Sư nhả làm luận sĩ, đại chúng đều suy tôn.

Sau, Sư theo Vua Dương Đế vào kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Sai Học sĩ gia Cát Dĩnh mang giáo thư thỉnh giảng, từ đó Sư vâng mạng hoằng hóa, tiếng tăm vang cả Thiên triều. Từ Giang Nam, luận Thành Thật đều có soạn Nghĩa Chương. Còn như Luận văn chưa từng thấu qua. Sư phấn khích bậc tiên đạt, thưa hỏi luận ấy, cầm bút soạn sớ làm tiêu tan những tiếng tăm, làm cho đức hạnh tràn khắp, từ trước trở lại càng tốt đẹp hơn nhiều. từ Khi Vua Dương Đế ở tại Vọng Uyển mở rộng suy tập Huyền du, cho rằng Sư là bậc có tiếng tăm động cả vật tình, bèn bảo Sư sửa sang Luận Sớ, vốn đã điều suốt, quyền bộ sắp thành. Sư bèn tổng kết, làm thành bốn mươi quyển, tâu trình lên Vua. Đến lúc Hiến Hậu băng, việc phước càng mở rộng hiển bày, bèn thỉnh năm mươi vị Anh Đạt ở chùa Nhật Nghiêm vào nội điện Thừa Minh liên tiếp suốt thời gian hành đạo.

Sau đó, Vua lại ban sắc bảo Sư giảng Kinh Tịnh Danh, khi Trữ Hậu đích thân đến thì đã thành tập. Có Sa-môn Cát Tạng được thỉnh ngồi ở hàng đầu, là người có văn từ sắc bén phân phát, bít lấp cả Huyền du. Kẻ tặng người tục tự nhiên không ai chẳng cúi đầu tôn kính. Sư cho là Đồng Pháp nên cùng

kính nhường, chưa được hết lời. Ngài Cát Tạng bèn hiển bày đức tính tự khoe khoang, hơi có tướng chỉ trích bài xích. Khi giảng văn đến đoạn “Ba cửa giải thoát”. Sư bèn hỏi rằng: “Ba cửa giải thoát lấy gì bản roi?” Ngài Cát Tạng bảo: “Chưa hiểu về năm cung, làm sao nói về phóng tên!” Sư liền dẫn cứ nêu bày xét khám vượt trội cả mới lạ, nên làm cho mọi người giải thích không ai chẳng ngồi tại chỗ mà ngậm nín. Nhà vua bèn phân rành phẩm trật, lượng xét theo đức hạnh, y cứ từng ngôi vị mà diễn giảng. Thế rồi, Sư ngồi ở đầu hàng, bèn dốc tận nỗi lòng. Vua bèn bảo Sư cùng Pháp sư Đạo Trang lần lượt thay nhau lên tòa cao luận bàn Huyền lý. Khách chủ không cạn hết, các hàng quý đạt đều mừng vui. Từ Hậu ngự khen tải hình âm chỉ, thường sai Thứ tử là Trương Hành đến ân cần thăm hỏi, nói rằng: “Pháp sư là bậc Thạc học sâu sắc, xưa nay ít ai ngang bằng. Kính xét những điều bàn nói xứng thật chẳng luống dối, xem đọc các luận sở soạn trước, sáng đầy tâm mắt. Nên có thể soạn Tịnh Danh số và Đại tiểu Danh số, tiện cấp cho thư lại tìm ghi khắc thành”. Sư bèn soạn Thích Nhị Thừa Danh số, bốn quyển, Tịnh Danh số, mười quyển, thường tự bày đọc xem vui. Lại sai thợ đắp vẽ tạo tượng ở tại Bảo Đài để cúng dường. Những lúc nhà vua đến, đều cúi mình kính lễ, chiêm ngưỡng di ảnh mà tợ hồ như đối diện với chân thật.

Đầu đời Lương, có Pháp Sư Diệm soạn thuật Thành Luận Huyền Nghĩa mười bảy quyển. Văn từ phiền nhiễu dồi dào, khó mà tìm đọc. Người học chỉ truyền cho nhau, không ai dám sửa cho đúng. Sư bèn nghiên cứu rạch ròi yếu lĩnh, diễn xướng mới mẽ, lưu lại nghĩa lý, quên bỏ lời, nghĩa sâu gấp bội. Quyển pho nhân vẫn như cũ, Tông Chỉ không đổi khác, lưu hành rộng rãi ở đương thời, mọi người đều mừng vui. Đó thật có thể gọi là gương trong lau bụi càng sáng. Ngọc báu ánh ngời mà càng thêm sắc thái vậy! Vào những năm cuối niên hiệu Nhân thọ đời Tùy, Vua Dương Đế chuẩn bị lên ngôi. Do vì Sư sớm đã thuận hậu, tình còn sâu trọng, nên Vua ban tặng Sư bốn trăm xấp lụa, để làm tán dương quyết đức. Đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sư theo Vua Dương Đế đến lạc ấp.

Đến cuối mùa đông niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư nhận biết trong thân bị bệnh, nhưng tự cố gắng chẳng ngừng nghỉ. Còn chuyên việc Pháp Diên. Qua ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607). Đệ tử Sư là Trí Tường và Trí Tôn vào hầu thăm bệnh. Bỗng nhiên có mùi thơm lạ xông khắp phòng, ánh sáng màu đỏ soi chiếu qua khung cửa. Đêm đó, ngài dùng nước thơm tắm gội súc miệng, để lại số khắp cùng, rồi an nhiên ngồi thẳng chánh niệm mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Vua Dương Đế ngồi kiệu buồn thương đến viếng điệu, cung cấp nòng hậu, ban sắc cúng thí ba trăm món vật, mọi sự cần thiết trong lễ tang thầy đều chu cấp, Vua lại ban sắc Hoàng Môn Thị Lang Trương Hành trông coi ủng hộ.

Ban đầu, Sư mới truyền Đạo. Tiếng lời biện luận trong suốt. Đại chúng không ai chẳng tuyên dương. Sư nêu tông không dẫn đều là những loại có liên quan. Chương số tuy xưa cũ mà bày giải như mới. Đến các điểm ẩn hoạt, Sư đều xem xét nhiều lần. Mọi người cùng dự trong pháp hội thấy đều dứt sạch mịt mờ. Ngài tìm văn xét nghĩa, công phu chẳng luống dối, tự được mở mang dẫn dụ nên trở thành khuôn mẫu, ít tiếp nối vết trần ấy. Ban đầu, thường những lúc Sư khai giảng đề, thì mộng cùng đứng ngang với tôn tượng do Vua Ưu-điền tạo nên. Ấy há chẳng phải công dụng trụ trì Tam Bảo ngang bằng nhau hay sao? Lại có các chỗ nghi ngờ về nghĩa lý, trước kia chưa rõ hiểu thì liền thấy có vị Phạm tăng tùy chỗ mà giải thích.

Khi Sư chưa thị tịch, mộng thấy có một Đồng tử tay cầm hoa sen đến thưa với Sư rằng: “Trời Đê-thích sai đến thỉnh Sư giảng Pháp!” Đến ngày thị tịch, Sư cũng lại thấy mộng ấy. Xét về tư tưởng sáng suốt thông thấu u vi của Sư, tiếng tăm càng khắp trong nước, diệu cảm linh ứng đâu chỉ tự nhiên. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh, Niết-bàn mỗi bộ ba mươi biến, Thành Luận, Văn Huyền mỗi bộ năm mươi biến. Sư trao truyền học nghiệp, có các Học sĩ Tuệ Thuyên, Đạo Quán. Ngài Tuệ Thuyên tiếng tăm đức hạnh vang khắp song Dương. Ngài Đạo Quán lại lập tánh cứng rắn, mỗi việc đều nói gót mở mang, tiếng tăm vang vọng ở đương thời.

Đến ngày mười lăm tháng hai năm đó (607) thử dựng lập phương phần tại núi Bắc Mang ở làng Kim Cốc thuộc Huyện Lạc Dương, dựng bia bên cạnh, văn bia đó do Ngô Thế Nam người xứ Cối Kê làm Bí thư Lang đời Tùy soạn. (Trong niên hiệu Đại Nghiệp (sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy) đời Tùy, sau khi Sư thị tịch, xưa kia Sư với Cát Tạng vốn tình chẳng đùa bỡn, nên mới gá thân nơi sa-môn Tuệ Tặc, là người bị bệnh, bày đủ duyên trước. Tạng Công nghe và thấy, bèn cùng bàn luận, dốc lòng kính lễ, nhận gá tình xưa cũ, nên mọi sự tối sáng đều chẳng rơi vào đầu mối).

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Pháp Trừng trụ tại Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Pháp Trừng, người xứ Ngô Quận, Sư thưở thiếu thời, cơ Cảnh, khéo hay đàm luận. Với các loại Văn chương, thư sử Sư đều có đọc qua.

Ban đầu, Sư theo Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng nói Tam Luận. Đến những điểm giáo chỉ chống trái nhau, Sư đều điều lý mà thông xướng. Về sau, Sư nhóm họp đồ chúng mở giảng tại chùa Khai Thiện ở Giang Đô, thỉnh chúng thường đông đảo, có hơn hai trăm vị tăng. Sư hoằng hóa khắp cả các xứ Ngô Sở, tiếng tăm vang khắp Hoài Hải. Mọi người mang kinh sách cùng tìm đến ngày càng đầy chỗ ngồi. Tấn Vương thiết đặt bốn đạo tràng, nơi nào

Sư cũng được thỉnh tới. Sư an thời khai ngộ chúng sinh, mở mang dẫn dắt không ngừng nghỉ.

Niên hiệu Nhân thọ thứ ba (603) đời Tùy. Sư vâng lệnh vua được mời trụ chùa Nhật Nghiêm, rộng lưu truyền mọi người xem nghe, hiến chương mới chế. Ngày giảng Luận Đại Trí Độ, tiếng tăm đức vọng càng trọng. Các bậc thạc học ở kinh đô đều đến tham yết học hỏi với Sư. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617 đời Tùy) dời giá từ Đông Đô đến Định Đảnh ở Lạc Dương. Sư theo ra Hào Hữu, vì bệnh nên thị tịch. Lúc đó, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Đạo tràng trụ Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Đạo Trang, người xứ Kiến Nghiệp ở Dương Châu. Sư trải qua kinh sử, nghe học huyền luận, đều hiểu chỗ nêu đến, oai nghi cử chỉ Sư rộng rãi cao nhã, lập tánh điềm nhiên. Nên thườ thiếu thời Sư rất được đồng bạn mến chuộng.

Ban đầu Sư đến chỗ Pháp sư Quỳnh ở chùa Bành Thành, thọ học luận Thành Thật. Các bậc Sư biểu Tông Tượng học môn thầy đều suy tôn. Sau, đến lúc Pháp Sư Quỳnh sắp thị tịch, muốn truyền trao sự nghiệp tiếp nối, mời khắp cả học đồ Tông Du đến, trông xem ban bảo. Đại chúng đều vái tạ suy cử Sư là người đáng được gởi gắm di chúc. Pháp Sư Quỳnh bảo: “Ông Đạo Trang học nghiệp sâu sắc tài giỏi, thật như rộng chọn lựa, lý đáng các sự hoài mong dùng để soi sáng về sau. Nhưng với hình Ông đầu lớn chân nhỏ, không bao giờ thành tựu về sau, sợ ông sẽ đổi vết theo các tông khác”. Bèn không thi hành theo kiến nghị của đại chúng. Về sau quả thật, Sư xem thường Tiểu thừa nên xóa bỏ mà quay về tôn sùng Đại Pháp.

Sư lại theo Pháp Sư Lãnh trụ chùa Hưng Hoàng, nghe giảng Tứ Luận. Chỉ một lần nghe qua mà thần ngộ vượt trội, tuệ phát riêng cao. Sau, Sư vào Nội Đạo tràng, bấy giờ gióng lớn tiếng trống Pháp, cả chùa đều vinh dự hy vọng, không ai chẳng đến dự Pháp Diên, bái yết thưa hỏi điều thắc mắc trước, Sư bày giải không vướng mắc. Các vị tuổi tác đức hạnh cao thầy đều cung kính suy tôn.

Trước kia, khi nhà Vua đang ở tại đất Phiên, gởi thư kính lễ thăm hỏi, Thi luận Gia thiên, thường bảo Sư hòa cùng tiếp nối. Sư viết văn từ sắc thái phong nhã vượt thường, cảm động lòng người. Sau cùng, Vua lại thỉnh mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Nhiều lần được yết kiến, đáp kháng mạnh mẽ mới, dẫn đến Cung vi, thỉnh Sư giảng trao. Ngài chỉ bày lời tiếng tỏ ngộ trong lành hòa nhã, gồm cả Huyền Nho, đều ngợi khen Sư rộng thông

cốt yếu. Về sau, Sư trở ra Khúc Trì ở ngôi thất cũ tại chùa Nhật Nghiêm. Lại giảng kinh Pháp Hoa, nói thẳng giềng mối. Chẳng còn Văn cú, soạn sớ giải ba quyển, đều là Phong cốt nhã thú. Sư nghĩa là đông đảo vua Dương Đế (Dương Quảng sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy đời Tùy) ban đầu mới đến cho rằng Sư lưu luyện phong nhã, từ đạo vị mà có ra, ban tặng năm trăm xấp lụa, nệm Dạ bốn mươi bộ, Sư theo xa giá Vua đến Đông Đô, vì bệnh nên thị tịch tại Lạc Dương, thọ tám mươi một tuổi. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy. Ngài có Văn tập mấy mươi quyển, phần nhiều lưu hành tại Hoài Nam, ít truyền bá đến đất Bắc.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Pháp Luận, họ Mạnh, người ở Nam Quận. Ban đầu, Sư trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu, rành thông kinh giáo Nội ngoại, từ lý bén sắc vượt trội. Sư ở ẩn tại núi Phú Chu thuộc Thanh Khê, đắm trọng pháp vị Luận Thành Thật, nghiên cứu thấu suốt văn thể, những lúc rảnh rỗi đàm luận thì cầm bút viết thành thiên chương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Nam Lương mến trọng Sư thanh nhã trình thuận, rất hậu lễ thỉnh mời. Nhưng tính Sư rộng rang chẳng lưu tâm mọi sự người đời cúng dường, chỉ mang giày vải mặc áo cỏ bồ suốt cả đời. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, lúc đang ở đất Phiên. Xa nghe đức hạnh Sư bèn thỉnh vào đạo tràng, sớm tối cùng thương đối. Vua Có Tân Văn Tụng tập, đều thưa hỏi với Sư, ở đời rao truyền khen ngợi, kíp đời năm tháng.

Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm, bấy giờ vào khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy. Sư đến yết kiến vua, đặc biệt được được tiếp đối, đích thân vua đánh lễ. Vua Văn Đế rất vui mừng về sự tỏ ngộ trong sáng của ngài, bèn thiết lễ thanh trai tại điện Đại Bảo để cúng dường. Sư vừa lên tòa ngồi, liền dâng thơ mở đầu làm nói đức hạnh của Vua, Cung quán rộng lớn tráng lệ xưa nay. Vua Văn Đế càng thêm ngợi khen tán thưởng. Cho đến chỗ xuân phùng của Tấn Vương, ưu lễ càng nồng hậu. Trung Sứ Úy khéo dâng khai sớ cùng tìm.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp dời Đông Khuyết, ban sắc tặng Võ cây Thiên thu, mười Bộ Pháp Phục Ca-sa, năm trăm xấp lụa, bốn mươi bộ mỹ Dạ. Hoàng Hậu ban tặng Da nách chồn, nệm ngồi, và các thứ Pháp Phục, v.v... Cho nên nhờ đạo Vọng của Sư mà nhà vua và Hoàng hậu đều cúng dường rất lớn, đại loại như vậy. Nhân đó, Sư theo xa giá của Vua cùng đến Lạc Dương, sau đó không lâu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Hoàng thượng buồn thương kính điếu, chu

cấp mọi thứ rất nồng hậu, bèn ban sắc cho quan sở tại truyền đưa đến an táng tại kinh sở.

Từ lúc Sư bắt đầu đến với Phật pháp, yêu mến kính chuộng Văn Phú, tuy bên ngoài liên quan tới Huyền nho, mà bên trong thì mở mang Phật giáo. Do đó góp nhặt Thiên Thập đều bắt đầu từ Đạo Phong Phật giáo. Đang lúc Sư gom góp soạn thuật Danh Tăng sắp thành pho quyển, chưa hoàn tất thì đã thị tịch, nên không lưu hành được. Đoái nhìn lại các Cao Đức có rơi lạc nhiều. Sư có biệt Tập tám quyển, lưu hành ở đời.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Kinh Đô

Thích Tăng Xán, họ Tôn, người ở Trần Lưu thuộc Biện Châu. Thưở nhỏ, Sư mến chuộng Đạo, lấy việc Du học làm mục đích. Các xứ Hà Bắc, Giang Nam, Đông Tây, Quan lũng, Sư đều có đến, không đâu chẳng thông kinh. Nên Sư vượt qua ba nước, đi khắp cùng các xứ Tề, Trần, Chu. Những nơi có Pháp hội, Sư hẳn không dẫm bước rỗng không, khéo nạn hỏi, giỏi rộng tìm. Điều quá xưa nay, phong huy xa gần, tự lấy hiệu là Tam Quốc Luận Sư. Dùng sự khéo xét làm động lòng người, đó là sở trường của Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư vào Đế Lý ở chùa Hưng Thiện. Ngài từng trải qua đảm nhận việc chùa, nhóm họp hòa hợp Pháp chúng sửa trị, nhờ đó mà nổi tiếng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) Vua lại ban sắc đặc cử Sư làm Tông tượng thứ nhất Ma-ha-diễn trong chúng gồm hai mươi lăm vị. Nên Sư soạn luận Thập chủng Đại thừa; đó là: 1/ Thông, 2/ Bình, 3/ Nghịch, 4/ Thuận, 5/ Tiếp, 6/ Tỏa, 7/ Mê, 8/ Mộng, 9/ Tương tức và, 10/ Trung Đạo, đều y cứ vào Lượng Kinh Luận, mở lớn dấu vết, đó cũng là phương tiện khéo léo của Sơ học. Và bèn ở tại chùa Tổng Hóa, Sư giảng thông luận đó để nhiếp học chúng. Sư lại soạn luận Thập Địa hai quyển, tìm xét sâu cùng đến chỗ sâu kín, quyết trạch xóa tan mọi chứa để nghi ngờ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp báu ở các châu quận, sở ty xét cửa các vị Đại đức phần nhiều đều chưa phải tuổi già lớn. Sư bèn muốn khai giảng mở mang Phật chúng, lưu bố rộng Hoàng phong. Đích thân dẫn các Đồng bạn như Pháp Sư Hồng Tuân, v.v... cùng tham dự sứ nhậm, lúc sắp khai phát kinh điển, Sư đích thân gặp mặt riêng tại sân Vua. Vua Văn Đế gần gũi trao cho Sư Linh Cốt và an ủi hỏi thăm rất ưu hậu. Sư tâu rằng: “Bệ hạ Chủ tâm đang giao phó việc Phật, rộng giảng bày Thánh tích. Tăng Xán v.v... chúng tôi đây kính ngưỡng như gặp được ánh sáng Đức từ. Có gì mừng vui an vui

hơn như thế! Đâu thể vì già yếu mà từ chối sự trông mong của triều đình?” Vua Văn Đế rất vui mừng bảo: “Các Pháp Sư, v.v... há lại chẳng muốn trở về quê hương gần gũi chăm việc hoàng hóa. Cần nên ban bảo sở Ty lo đủ mọi lễ, mỗi chùa đều tự đón rước về Bồn Châu!” Sư nhân đó vâng phụng sắc mạng, đón rước Xá-lợi về chùa Phước Quang ở Biện Châu, lúc mới đến Công Quán, có mùi thơm lạ bay khắp viện, xông mờ như khói, đến khi sắp hạ tháp, trở lại động có mùi thơm lạ như trước, lại phát ra ánh sáng màu xanh sánh ngời phủ cả trường báu. Trong chùa có Xá-lợi cũng phát ra ánh sáng màu xanh, cùng với ánh sáng Xá-lợi nay mới đón rước đến liền nhau hòa hợp. Lại hiện ra ánh sáng màu đỏ ở nơi điện phật cao khoảng năm mét. Lại hiện ra hai thứ ánh sáng xanh đỏ xen lẫn trên cửa chùa, hai thứ ánh sáng đó ánh ngời nhau rất lâu mới tắt. Sư bèn thuật lại đầy đủ trên biểu văn đề tấu trình, có nói rõ ràng trong biệt truyện.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc thiết lập tháp báu tại chùa Tu Đức ở Cốt Châu. Ban đầu mới đến dừng tại Quán Vũ, ban đêm phát ra ánh sáng màu vàng khắp đầy cả phòng nhà, có cả ngàn người đều trông thấy. Sau lại phát ra ánh sáng năm màu trong khoảng chừng bữa ăn mới tắt. Từ đó có người cầu mong thì liền hiện, không thể nói hết. Cho đến chùa tháp, ban đêm riêng phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cảnh quan một ngôi chùa, đồng như ban ngày không khác. Có Triệu Oai Đức là người bị bệnh mắt đã nhiều năm, nhờ được ánh sáng ấy chiếu soi mà mắt được bình phục. Trong ngày hạ lại phát ra ánh sáng. Giữa khoảng không phía trên đỉnh tháp có mây năm màu xen lẫn nhau, hiện lên những hình tượng như là Hiền, Thánh, Tiên, người, rồng, phụng, cây rừng, v.v... đứng trang nghiêm trong mây. Cả mấy muôn sĩ nữ đồng tiếng ca vịnh tán thưởng thành âm vang. Sư trước sau đi sứ đều cảm điềm linh ứng. Vua Văn Đế ngợi khen tôn trọng, lại càng kính ngưỡng.

Bấy giờ, Lý Tông có Đạo Sĩ Chử Nhu, quê vốn ở Giang Biểu, dưới thời nhà Trần bị đánh phá nên phải vào kinh đô. Đã đến ở Huyền đô, được sự hoài mong của đạo tử, tham cứu Huyền Vi, biện chước sâu kín nhiệm màu, mở mang Tam Huyền. Học ít tôn sư, tình không suy chuộng, mỗi lúc giảng về Lão Trang, Sư đều đến dự nghe, hoặc lấy nghĩa để tìm cầu, hoặc dùng cơ trách, tùy theo âm thanh, hình tượng của Đạo sĩ Chử Nhu mà làm thế nổi chìm. Chú giải biện luận như suối chảy, lời tiếng trầm bổng dường gió cuốn. Nên các hàng Vương Công Đại nhân không ai chẳng há mồm vỗ đùi ngợi khen sự quyền biến đó. Vua Văn Đế thường ban sắc bảo Chử Nhu giảng Lão Kinh, các hàng Công Khanh thầy đều đến dự, chỉ Sa-môn không được cùng nghe. Sư nghe thế không nhẫn nổi việc đó, bèn dẫn đồng môn hơn mười vị, mang theo hành sàng qua đến Quán sở. Phòng vệ nghiêm bày, đều không

khiếp sợ, đi thẳng vào giảng hội không người nào dám ngăn cản. Chử Nhu giải thích với Vua sắp xong, đều không bảo đề cập đến. Sư nhân chỗ chẳng bảo đề cập ấy mà mở lời chống kháng kích thích, ngôn từ như đùa hát, mà nghĩa thật là giải thích. Đã không được rõ thông nên trường giảng nhân đó mà giải tán. Các Quan liêu tấu trình sự việc ấy lên nhà Vua. Vua Văn Đế bảo “Đó là Phước của Trẫm! Được đồng thời với người ấy. Các Vua nhà Tùy, nhà Tề sáng suốt, đặt lễ ban tòa khâm kính khen ngợi, thường muốn thấy bàn nói, nên đến nơi Pháp hội có sa-môn Cát Tạng là bậc Thần biện bay huyền, đức hạnh trọng vọng ở đương thời, Vua thường có tâm chiết phục đó.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, tại bồn để ở Tây Kinh. Vua Dương Đế (Dương Quảng) dẫn mời các Luận sĩ hơn ba mươi vị, bảo ngài Cát Tạng lên pháp tòa, mọi người đều vâng thừa nêu lên các vấn nạn. Bấy giờ, mọi người đều cho đó là Vinh hội nên đều cùng tham dự vậy. Sư làm Luận Sĩ, Anh Hoa Mạng Chương nêu hỏi nghĩa diên. Người nghe cho rằng Ngài Cát Tạng không thể đáp được. Ngài Cát Tạng điệp nạn tiếp giải. Mọi người lại cho rằng Sư sẽ không lấy gì để tiếp nối. Qua lại luận kháng tường hơn bốn mươi phen, ngài Cát Tạng vẫn còn mở chiết không vướng mắc. Vua Dương Đế can ngăn dừng nghỉ. Lại bảo người kế tiếp theo hỏi vặn. Nghĩa tiếng vừa mới dứt. Sư lại tiếp tục hỏi vặn như trước, tư thế lại càng kéo nhiều. hỏi trở lại được hai, ba mươi phen, cuối cùng dưới tòa ai cũng ngang bằng. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ cho rằng ngài Cát Tạng thông đủ để ngồi chế phục kinh địch, còn kính trọng Sư khéo giỏi tiếp nối Văn từ khác, tuệ phát sắc bén vượt trội. Từ buổi trưa giờ ngọ mãi đến tối không sao thôi nghỉ. Vua Dương Đế bèn đứng dậy nắm tay Sư mà cảm tạ rằng: “Thật là danh tiếng chẳng khen rộng! Mới thấy ở ngày nay”. Và tự Thân vua dâng tặng Sư phát trần và các vật, dùng để biểu dương công khó luận biện. Nhưng Sư hạnh nhiếp chuyên tinh thuần, chẳng tham hoa sắc trọng vọng, chỉ thiên định chứa nhóm mà khởi nên danh đức tiếp đãi. Đạo hạnh đã ngời sáng, lúc đầu Vua ban sắc thỉnh mời, Sư cho rằng ngôi vị cao xa phẩm vị nồng hậu, chìm đắm đã có lắm người nên cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) Sư thị tịch tại chùa Hưng Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi. Sư có đệ tử Tăng Loan và Tăng Phụng đều do tiếp nối khuôn phép mà nổi tiếng. Ngài Tăng Loan vốn dòng họ Vương tiên là Đại Nghiệp. Năm tám tuổi, Sư thông hiểu sách Lễ, mười tuổi Sư giảng truyền ở Giang Đô, v.v... Sư vốn được khen là kinh tục đến lúc Sư vất bỏ trăm mũ vào Phật Đạo, thì thông hiểu kinh luận rất nổi tiếng. Đến cuối đời Tùy, Sư hoàn tục, đầu đời (Tiền) Đường, Sư ra làm quan, với ngôi vị cấp sự Trung. Còn ngài Tăng Phụng có Biệt truyện, tự sáng ngời huy tích.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 9 hết)

---o0o---

QUYỂN 10

CHƯƠNG II - PHẦN 06 : GIẢI NGHĨA

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

1. Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại đạo tràng Sùng Thánh ở Bành Thành, đời Tùy
2. Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại đạo Tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Minh Tắc)
3. Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương, đời Tùy
4. Truyện ngài Thích Trí Tụ ở núi Hồ Khâu thuộc quận Ngô, đời Tùy.
5. Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ Nhiếp Sơn ở Đơn Dương, đời Tùy.
6. Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương đời Tùy
7. Truyện ngài Thích Tịnh Nguyên trụ tại đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh, đời Tùy.
8. Truyện ngài Thích Trí Ngung trụ tại đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Giác, Đạo Trúc)
9. Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh, đời Tùy
10. Truyện ngài Thích Pháp Tông trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh, đời Tùy
11. Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Trọng)
12. Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
13. Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh, đời Tùy.
14. Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh, đời Tùy
15. Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh, đời Tùy

16. Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiền Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

17. Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh đời Tùy (Tăng Ôn)



01- Truyện ngài Thích Tĩnh Tung trụ tại Đạo tràng Sùng Thánh ở Bình Thành

Thích Tĩnh Tung, họ Trương, người ở xứ Cố An thuộc Quận Trác. Thở bé, Sư đã có tâm trình thuần cứng rắn chẳng đồng với các đứa trẻ khác. Gần với tục trần nhưng mong được tu đạo.

Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia. Có bạn đồng học là ngài Tĩnh Dung. Sớm thấu đạt kinh luận, thông cả Đại tiểu thừa, rất chăm nghiên cứu Tạng tâm. Thường vì Phật tông sâu xa, khúc lưu uỷ thị, Sư có thần khí tuấn vượt, thông ngộ thiên cơ, tùy xem nghĩa môn lại đào luyện sơ qua tự đem điều mà tâm suy tính không lường biết được, để lại hỏi ngài Tĩnh Dung. Ngài Tĩnh Dung không sao đáp được, bèn bảo Sư rằng: “Ông tuổi trẻ chưa học mà triệt ngộ như thế. Hãy đèn kinh nghiệp chắc chắn sẽ thành tế khí!” Đến tuổi hai mươi, Sư thọ giới cụ túc, theo hướng Nam, đi đến Chương liên, gặp lúc Phật giáo trùng hưng dưới thời Cao Tề, Khấp Đô Hạ, có đến bốn ngàn ngôi chùa lớn, tăng ni hiện ở gần tám mươi ngàn vị, có hơn hai trăm trường giảng khá lớn, thính chúng thường tham dự có hơn muôn người. Nên các bậc tài giỏi khắp nơi đều quy tụ về Quyết bang.

Có Pháp Sư Dung Trí ở chùa Thái Học, là bậc thần túc trong Pháp của Đại Tề Quốc Thống. Hiểu suốt các Pháp Sư, đạo sáng cả hai Tạng. Học chúng có đến năm trăm vị, nương cậy kè vai. Ngài Dung Trí thường giảng kinh Niết-bàn và Luận Thập Địa. Sư nghe đó bèn đầu thành nương tựa, giữ theo khuôn phép học trò trông kính thầy. Chăm học nghiên cứu suốt mấy năm, hề được nghe những gì thì đều thuật lại, thường giải thích cho đến cùng. Từ đó, tất cả học chúng đều chú mắt cùng suy tôn Sư làm thầy. Lại vì hạnh yếu nên tăng mới đầu thì trước phải răn bảo, Sư mới đến chỗ hai Luật Sư Vân và Huy, rộng câu chỉ dạy sáng rõ, trải qua hai năm học hỏi, Sư soi rọi khắp tông điều, chỉ có Tiểu thừa là Sư chưa xem duyệt kỹ càng, bèn nương theo hai Đại Luận Sư Đạo Du và Pháp Đản, đối mặt thọ học hai Tông Thành Thật và Tạp luận, dò hỏi đến chỗ sâu mâu, kết tập thừa bày, tăng chúng có đến mấy trăm vị, mỗi người đều mở cửa rộng, người phân cánh phụng. Mãi đến lúc

Sư lên pháp tịch, dâng kinh đến năm biển, bên cạnh Sư lại tham cứu các Luận Bà-sa, Cadiên, Xá-lợi-phất, v.v... Khéo thông văn lý luôn động hằng tâm, tiện dịp Sư xem rộng các kinh, khuôn phép luận đạo. Hùng thế khuyến cả tám vị, từ hiệu là Tứ Phi, riêng bước khắp núi sông, thuyền bè ba Tạng, nương nhờ tham thính, trí sáng tài giỏi ở đương thời. Tề Lang Da Vương cũng rất mến trọng, quạt rộng phong du, thường ở tại Triệu Xuân, mời các Pháp lữ nhóm họp tại Nghiệp Đô, đặc biệt khai mở pháp tòa, thỉnh Sư làm Pháp Chủ. Sư đến sách tấn khuyến răn học chúng. Nhân đó mà dẫn ngộ thành bến bờ càng gặp được ấm mát, Sư truyền hương thơm tiếp võ, ảnh hưởng vinh dự đến Đông hà.

Không bao lâu gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy tất cả, Phật pháp ly tán, Sư bèn cùng các bạn đồng tu như ngài Pháp Quý, Linh Khản, v.v... hơn ba trăm vị tăng từ đất Bắc đi về hướng Nam đến Giang tả. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) vời Trần xa kính tiếng vang đức hạnh của Sư bèn thừa dịp đón rước, bảo Thị Trung Viên Hiến đến thành Kinh Khẩu lễ tiếp Sư lên bờ. Vua lại sai phụ mã Thái Ngung tuyên đọc sắc chiếu rằng: “Bậc Chí nhân vì Pháp, hiến thân cho đạo. Pháp Sư v.v... khéo sáng suốt trị loạn, về nương cậy nơi có cương kỷ, có thể nói là những bậc chánh sĩ có tâm đạo, rất là đáng mừng! Nên mời đến chùa lớn ở Đô Quách để. Sở ty cung cấp đầy đủ”. Bèn ra lệnh suy cử những vị Trưởng giả Nghĩa Học để mở mang Tượng giáo. Bấy giờ, kiến nghiệp Tăng Chánh, vua Tuyên Đế bảo hai vị: Sư và Ngài Pháp Quý cùng đối biện mở mang Tiểu luận. Thần khí lưu thông, sừng đủ khí dũng ở đương thời. Học lữ gần năm trăm vị. Phần nghiệp hữu lậu chứa nhóm mới lạ. Có Tam tạng Pháp Sư khuyết hiệu; người xứ Thiên-trúc gần gửi nương tựa, mang theo hai bộ Nhiếp luận và luận Câu-xá, xa hoàng hóa ở biên phục. Lúc mới về là cuối đời Lương và cuối cùng trải qua triều đại nhà Trần, hơn hai mươi năm, truyền thông không nơi chốn. Tuy phiên dịch truyền bá giảng trao nhưng không nổi tiếng. Chỉ có Sư riêng chọn lấy Huyền tâm, thường ngoạn Pháp vị ở luận điển ấy. Mới có lúc rảnh giảng, Sư bèn đến chỗ sa môn Pháp Thái dò hỏi quyết nghị bàn luận, chỉ trong vài năm mà tinh rành, thông dung cả hai bộ. Từ hơn bốn mươi luận như Phật Tánh, Trung Biên, Vô Tướng, Duy Thức, Di Cháp v.v... Sư đều nắm cương yếu, phân tích rõ ràng.

Vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đời Tùy mở lớn trong thanh bách Việt, Văn quỹ đại đồng. Niên nhiệm Khai Hoàng thứ mười (590) ban sắc cho các hàng Liêu thứ, v.v... người nào muốn xuất gia, đều được chấp thuận. Bấy giờ, Chư tăng mới được độ có hơn năm mươi muôn vị, mới được giáo hóa chưa mấy ngày mà biết được bến bờ. Sư cùng hơn hai trăm vị tăng như Ngài Linh Khản, v.v... nghe cơ duyên thừa nương tế độ đó đều trở về Giang Bắc.

Đi đến từ phương, mở rộng các trường giảng. Thượng Trụ Quốc Từ Châu Tổng Quản xin phù lệnh hòa, dẫn đến sở Bộ, đồng thỉnh Sư trụ chùa Vương ở Kinh Triệu trước kia, đầy đủ trạng văn tấu tình. Vua bèn ban sắc cấp đề biển ngạch là chùa Sùng Thánh. Từ đó, Sư thường xoay bánh xe chánh pháp. Khắp Giang Hoài đều đơm nhuần, khiến cho sự hoàng hóa dần dờn đến Hà Bắc. Nối nhau theo đường trông theo hơi khí, cùng theo nhau đến, đều thưa hỏi Nhiếp Luận. Sư vốn học với Ngài Chân Đế mà nghĩa thật từ Ngài Thiên Thân. Tư tưởng vượt lời trước, âm vận cao truyền sau. Yếu chỉ cùng cực của Đại thừa thầy đều thông suốt. Từ đó, Ngài lãnh tượng cả chín châu, rữ chương khắp bốn biển. Sư soạn Nhiếp luận Sáu sáu quyển, Tạp Tâm số năm quyển. Lại soạn các huyền nghĩa của Cửu Thức, Tam Tạng, Tam tụ giới, nhị Sinh tử, v.v... đều lưu hành ở đời, được người đương thời tôn sùng. Tùy Văn Phong, Thiền Đại Tông loan giá ở Tề Lỗ, Các hàng nghĩa học ở Quan trung, nhân theo đến Từ Bộ, tới chỗ Pháp tịch của Sư đều kính phục thọ học. Do đó mà môn đồ ủng hộ hưng thịnh, Chương Số lưu hành cùng khắp.

Trước kia, Vương Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc đang trấn giữ Dương Việt, xây dựng bốn Đạo tràng, Giáo Chỉ được hoàng truyền. Sư trốn từ tạ. Đến lúc Vua lên ngôi, lại có sắc chiếu thỉnh mời, Sư vẫn cố từ chối mới thôi. Môn nhân đê tử hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: “Vương thành có hạn, mọi cử chỉ hành động đều trang nghiêm khó khăn. Tuy nội Đạo tràng chẳng như bên ngoài vật. Sa-môn là giải thoát, vì sao lại có việc phiền lụy ư? Ta từng đi khắp lưỡng Đô, thường gặp ở khắp nơi còn tệ hơn sự lao nhọc này. Sư thường luôn trắng trong tự khiết tịnh, riêng lập đạo tràng. Thường ngày gia tâm lễ tụng tu các tịnh nghiệp. Giảng đạo nối nhau, khuyên răn sách tấn Tăng chúng sáu thời. Ngài siêng năng cần khổ từ trước đến nay đã ba mươi năm. Chỗ đất Sư cúi đầu sụp lạy, hai tay, hai đầu gối đều hũng xuống và biến thành lỗ hồng vết tích, tướng trạng như khuôn người. Cảnh hạnh của Sư nêu rõ đại loại như thế. Tự có luận sư, thường mê lầm hạnh chỉ, mà Sư phụng vâng theo Pháp độ, từ đầu chẳng rơi đắm. Sư từng gặp lúc trời mưa, tắm gội nơi sân, sợ tổn thương đến tánh vật khác nên sai tịnh nhân trông coi khắp cùng, mới tự theo dùng. Sư ngài rất ưa thích Văn tảo, có lúc Sư bày vẽ thi tụng, lại mừng vui mếm chuộng suối rừng, Sư thường dần bước đến những nơi hiểm nguy. Tử sử Triện lệ từ đó đến nay. Thế luận kịch đàm rất có tiếp thừa mạnh mẽ. Bỗng nhiên vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi.

Quang Lục Đại Phu ở Bành thành là Đạo lưu Thủ thuận Chính Công Đồng Thuần, cùng Đạo tục trong bộ đón rước an táng tại gò Thần Cao. Có Sa-môn Đạo Cơ ở Ích Châu trước kia tham dự Pháp diên ngôi ở cuối tòa, đơm nhuần được đạo phong đức hạnh của Sư, kính tiếc an phóng lưu hồn, buồn

cho sự hoang tàn của tháp mộ. Vì vậy nên viết lại hành trạng lưu bố rộng ở đời.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tĩnh Huyền trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Tĩnh Huyền, họ Triệu, người ở xứ Thiên Thủy. Kiến thức trình độ của Sư sâu rộng, trong sáng soi suốt cao xa, năm bảy tuổi, Sư làm học sinh tại quận, chuyên cần xem đọc suốt ba mùa Đông, tài nghệ bao gồm sáu Điển. Đến lúc nhà Tùy khởi vận, Sư bèn theo Nghiệp của Lý Trương. Danh dự vào Hoàng Cân, thân đồng nơi Quán Vũ, hít thở hơi móc, nhả nạt âm trầm. Sư nghĩ rằng năm ngàn Đạo đức vốn chẳng tạo chân, bảy điều giới răn siêu thắng vốn là luống dối, mới xả bỏ khăm đai áo vải ấy mà mặc lấy Ca-sa. Sư lắng luyện nhất tâm, chuyên chú kinh bộ.

Bảy giờ đang độ tuổi Sa-di, mà Sư đã lên Pháp tượng, khắp nơi từ Trung Hoa ra đến các vùng quê thấy đều tôn trọng kính ngưỡng, kẻ tăng người tục cũng đồng ghé mắt trông xem. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, tiếng tăm hùng thế Sư càng cao, bèn hoằng hóa khắp vùng Lũng Tây, truyền trao rộng lớn khắp xứ Hà Lạc. Vì đất Tần xa vắng rất cần Phật Pháp tưới tẩm, sắp muốn kết lại giềng mối suy đời đó để ban trái di tăng này. Sư bèn nêu bày đầy đủ Chánh Pháp Yếu Vụ tâu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đòi Tùy, được ban sắc chấp thuận soạn Luân ngôn để giúp chấn bạt. Đến xuống Hà Hữu phân điều y cứ hành dụng. Thái tử Nguyên Đức nương vào đạo màu nên có tư tưởng kính chuộng, bèn ban lệnh chỉ xa thỉnh Sư đến Kinh Hoa. Sư bèn cung kính vâng thừa Gia tuệ đến đi quanh cung Vua.

Có sắc lệnh thỉnh Sư trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện, hoằng dương thanh hành Pháp hội. Hiên cao ngọc chạm vang tiếng, chông tích ôm bát, tất cả đều đến trông xem đạo phong đức hạnh, âm ba vang tỏa trùm khắp. Giả sử như xa luận thể giải buông tan vết nghi, giúp cho người hỏi vận do cửa hiểu rõ mà ra sức hoằng tuyên. Bảy giờ có Pháp Sư Xá ngồi ở tòa nói rằng: “Từ Hà Lương, các hàng nghĩa lữ thì sa môn Đạo Lãng là bậc chuyên quyền nổi danh, lần lượt đến nay. Ông (Tĩnh Huyền) là người tiếp Chân, thay không thể được. Người ấy ở đây”. Do đó mà Sư hiển bày kinh dự ở chốn kinh đô, tự nhiên cao bước. Gặp lúc vua Cao Tổ (Văn Đế-Dương Khiêm) đòi Tùy băng, Vua Dương Đế (Dương Quảng) un đúc xây dựng chùa Thiên Định. Sư bèn vâng chiếu đến trụ ở đó, thường xoay bánh xe, mở mang chẳng ít.

Đến ngày hai mươi chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đòi Tùy, Sư không bệnh mà thị tịch, thọ bốn mươi ba tuổi! Lúc còn sống Sư giảng luận, thường lấy tâm từ bi làm chính, có dặn đệ tử đem nhục thân bỏ

trong rừng trống. Có Sa-môn Tuệ nghiêm cũng người xứ Thiên Thủy là đồng bạn của Sư, nhớ tưởng đến lời nói xưa trước, nên đưa nhục thân Sư vào chân núi, đến lúc da thịt đều tiêu hết, bèn gom nhặt di cốt còn lại đem về xây tháp gạch để thờ tại ngọn núi phía Tây chùa Long Trì ở Chung Nam, lập bia minh nơi chỗ tháp dùng để tán dương đức hạnh Sư, do sa-môn Minh Tắc soạn Văn bia.

Ngài Minh Tắc vốn người ở Châu Ký, thông rành Huyền Nho, rất có tài tuệ, lời nói từ hòa, hành động sáng suốt, rất đáng là nơi thừa thống. Văn tao của Sư tuy nổi tiếng ở đương thời, nhưng không hề thưởng đọc. Sư bèn soạn Văn bia chùa Giác Quán, vật cũng chẳng tỏ ngộ. Bộc Xạ Dương Tố trông thấy lầy lăm lạp, do một lần nhìn thấy bèn lớn tiếng hỏi, tấu thỉnh Sư trụ chùa Tam Thiên ở cung Khâm Thọ. Khi ở tại Đông Đô phiên dịch kinh lại thỉnh Sư vào Quán, chuyên trông coi việc biên tập. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở. Có Văn tập lưu hành ở đời. Tiết Đạo Hành thường nói rằng: “Văn của ngài Minh Tắc thường phát ra sắc thái mới, riêng chiếu rọi rõ”. Sư rất được các bậc Hiền giả đương thời mến chuộng đại loại như vậy.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Trí Nhuận ở Tương Dương

Thích Trí Nhuận, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Tương Dương. Sư không có thầy chỉ dạy, riêng mình tự ngộ. Tự nhiên nhằm chán sự đời, Sư đi khắp đồng rộng chương ấp thừa hỏi Đạo lý xuất thế. Nương ở tại Nghiệp Hạ, Phật Pháp đang hưng thịnh, Thập Thống hun đúc phát huy, khiến ảnh hưởng lan tỏa khắp nơi, Sư chẳng cảm nổi sự vui mừng ấy, nên hơn hờ không yên.

Năm hai mươi tuổi, Sư bèn rảo bước xa khắp, gặp Tuân Thống đang mở mang khai giảng Luận Thập Địa, Sư bèn thọ học. Qua thời gian đến các trường giảng, Sư đã từng tham dự đáp luận. Mọi người lớn nhỏ khắp xứ Hà Bắc đều trông nhìn mà chấp nhận. Về sau, Sư tham học các Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, đều thêm Vinh hiển. Sư lại nghe Quang Thống giảng Luật Tứ Phần, lãnh thọ Văn ngôn, tập cả Tiểu luận, đủ khả năng biện luận thông bát. Người đương thời gọi Sư là Bác Thiệm! Ít có ai hơn. Lại nghe ở Giang Biều đang mở mang hưng thịnh Tam Luận, thế rồi bỗng nguyện Sư chẳng xa mà trở về. Gặp ngay Biện Công ở Trường Can đang hướng dẫn xướng đầu. Sư bèn dự theo nghe thọ, một khi tỏ ngộ tự nhiên vui mừng. Văn nghĩa sâu nặng, trải nhiều thời gian. Sau, Sư trở về Hán Âm, thường giảng Đạo dẫn dắt, hành hóa khắp Giang Hán, khéo sinh Đạo tục.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, bắt đầu thỉnh Sư trụ Chùa Tuệ Nhật, khí lượng càng bao gồm dồi dào lại càng tràn đầy từ trước đến nay. Gặp lúc đi chinh phạt Liêu Tả cầu công Nhạc Độc. Vua Dương Đế (Dương

Quảng) ban sắc cho Sư đến Môn Thục để cúng cầu thần sông. Khi về đến Tây Kinh, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Thiên Định, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười (614) đời Tùy.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Trí Tú trụ tại núi Hồ Khâu, ở Quận Ngô

Thích Trí Tú, họ Chu, trụ chùa Đông Sơn ở núi Hồ Khâu thuộc Tô Châu. Thần khí Sư trong sáng vời vọi, từ lúc đang còn lót tã. Sư nhàm chán sâu sắc sự buộc ràng, ưa thính mong cầu tĩnh lặng.

Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Dận ở Võ Khâu. Pháp Sư Dận là người quý trọng Đạo nghệ, vũ nghi ở đương thời. Sư phân chia thời gian, không biếng trễ, thưa hỏi điều lợi ích, vào sâu diệu chỉ. Có các vị như Cố Hy Bằng là người cùng Quận với Sư, Tạ Tuấn Nhạc ở Cối Kê, là những bậc nghĩa phủ Kinh tứ, tốt lành khắp cả Đông Nam, đều khâm trọng cao đức, đồng tiếp nhận Thanh phong, do đó mà Nho Thích đều mở mang, chân tục nêu đủ cả. Cung tường nhiều lớp đều xúng được cửa ấy. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn mở rộng việc giảng nói. Có Pháp sư Tước ở chùa Trang Nghiêm, mới thật một nhà ung dương muôn đời. Sư bèn vâng theo dò hỏi chất vấn trăm nhà chẳng xa. Văn vẽ bày phát đã tinh anh, nghi trệ đều được giải quyết. Có Chu Hoàng Chánh ở Nhữ Nam là bậc thông hiểu giáo điển nội ngoại, xét thưởng người thường, từng ngợi khen sự tốt lành đó, có thể cho là Hồ Liên của Thích Môn. Dưới thời nhà Trần, có Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Vương Bá Chu ở Tân An, Vương thúc Tề ở Tân Thái đều kính quý mến đạo, thỉnh Sư giảng Pháp.

Niên hiệu Chí Đức thứ hai (584) đời Trần; Sư vâng sắc thỉnh của Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) đến Điện Thái Cực giảng Kinh Kim Quang Minh. Hậu Chúa đích thân đến dự Pháp tịch, các hàng Quan liêu đều đông đảo, nên có thể chảy nhanh như thác, gõ lại mõ này, lớp lớp âm vận kỳ đặc, vượt lên nhập thân. Hoặc có người nhanh nhẹn đã trải qua Tiểu đạo, chấp gì tà luận, không ai chẳng quay xe ngậm miệng sửa tâm đổi nghiệp. Nhân Chủ tán thưởng, ngợi khen lâu dài. Đến niên hiệu Chí Đức thứ ba (585) Sư phải chịu tang mẹ, khóc mất ra máu, ngậm buồn gần như hủy diệt. Nhân đó, Sư nói trở về quê cũ, trụ tại tinh xá Đông Sơn, khéo giảng nói chẳng dừng nghỉ, bánh xe Chánh Pháp vẫn luôn xoay chuyển.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thư ân cần thăm hỏi: “Pháp sư gá thân tịnh độ, Chí đặt ở Pháp Môn, khắp vì chúng sinh giảng nói Chánh Pháp. Siêng tu công đức, dẫn dắt sách tấn pháp đồ, chuyên tâm giảng tụng, rộng cứu giúp mọi loài. Trẫm khâm trọng kính thừa đức nghiệp, rất lấy làm vui mừng!” Thượng

thư lệnh sở Công Tố, Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô oai đều đích thân đến đạo tràng đánh lễ dưới chân, đều xả bỏ tịnh tài tư trang thân mạng.

Niên hiệu khai hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thiết đặt Tăng Quan. Tăng tục xét thỉnh đặt để trách nhiệm bình đẳng. Sư vì phục đạo người ấy, thẳng tâm ứng vật. Đại chúng hòa hợp, thanh tịnh đạo phong điều mục như vậy. Bảy giờ, Quận Tướng Tông thành Lưu Công sớm ngưỡng mộ Cao Danh, thường kính trọng thanh đức. Khi đến bộ lâm trấn, thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Tề Vương giám lấy sự quý trọng của Đế tử làm trần mục Hoài Hải, bèn ban giáo thư đến núi thỉnh Sư rằng: “Đệ tử xuống xe, cựa sở đổi thay nóng mát. Xa nghe thanh quy ấy đến có mấy ngày. Vài Kính thừa sâu kín, nương gá núi hang đã trải qua nhiều năm. Đạo phong khí thẳng riêng chiếm lúc này. Nên vì đức trùm cả các ngài Pháp Lâm, Tuệ Viễn, Đạo vượt cả Đạo Sinh, La-thập, sáng ngời đuốc tuệ ấy để soi ngộ quần mê, riêng bước Giang Đông, sao rất xinh đẹp! Song, đệ tử chưa được xét nghi, nên cố thỉnh Sư để hưởng thừa cao nghĩa, khổ nhọc của thoi trục, chở đầy hoài bão, cứ trụ của Hồ, đường sông chẳng xa, liêng quanh sáng của chim cò, khói gió cùng tiếp, hẳn cầu mong khoác y nhần nhục, đến nơi trông mong của kiêu cần! Sư bèn viện có bệnh mà cố từ. Sự việc không như ý, Tề Vương dắt dẫn nương gá Bình

Đài càng thêm kính lễ, thường sai kẻ sứ thỉnh mời mở mang Đại giáo. Sư chỉ giữ chí trái ngược người đời. Tâm vượt giang hồ. Văn từ bút mực khẩn thiết Sư cố cầu xin trở về lại phương Đông. Vua cũng mở rộng vì ngoài trần để được toại tâm xưa, giúp cấp các thứ cần dùng, tiền đưa rất long trọng. Bảy giờ, Sư tiếp Triết thân, xa trở về chùa núi, Sư hiện tướng bệnh khoảng mười ngày mà thân dụng không đổi khác. Ngày hai mươi bốn tháng mười một niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, dung mạo vẫn như lúc còn sống, trên đánh đầu còn ấm, thân thể mềm mại đều như ngày thường. Nghe các ghi chép trước, mới thực chứng quả cảm! Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Qua tháng mười hai năm đó, an táng tại Nam Lãnh của núi.

Tánh Sư nương gá cao xa, khâm tình nhân đạm, sánh lòng gập vật, mở lượng ở lòng. Sở Việt buộc tình, được mất đều bỏ. Chỉ tác vuông đất, thốt nhiên ít lường biết, dáng đáp phong thái xinh đẹp, khéo hay nói cười. Những người lưu liên thường ngộ quên cả trở về. Thêm vì, Sư ưa thích giảng nói, quên cả nhọc mệt, tông trì không mất. Sư giảng các Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Pháp Hoa, v.v... mỗi bộ hai biến biến. Đơn kinh vừa chuyên, ít được ghi chép. Sư lại sống đời thanh khiết, không hề trang sức mua vui. Ngoài y bát tùy dùng, các thứ khác thấy đều thí xả. Trong phương trượng rộng không an nhiên, ngoài giường ghé ra chỉ có kinh sớ mà thôi. Cho nên có khả năng làm cho đạo hưng thịnh một thời, danh trọng ở lúc bấy giờ. Sư tạo lập tôn

tượng Lô-xá-na Vô lượng Thọ cao tượng tám, là tôn tượng xinh đẹp ở Kinh Châu, cúng dường tại chùa, và xây dựng hai ngôi điện Phật ở Giản Tây, trở lại mở rộng khắp quanh, đầy đủ hai thứ trang nghiêm. Sư có đệ tử là Đạo cung, giống như con là Đạo thuận, Đức chỉ thượng thủ, nghiệp lớn truyền đăng đều dựng nhà bia cao, để tán dương Cảnh hạnh của Sư. Bí Thư Ngô Thế Nam soạn Văn bia.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Khoáng trụ tại Nhiếp Sơn ở Đơn Dương

Thích Tuệ Khoáng, họ Tào, người ở Tiều Quốc, sau đó biệt phái, nay thành người xứ Tương Dương. Ông nội Sư là Lượng Tông, làm Cấp Sự Hoàng môn thị lang Vệ úy Khanh ở thời nhà Lương. Cha của sư tên Ái, làm Trục các tướng quân. Sư tuấn tú, khí độ trội vượt từ tuổi thơ, tự nhiên hiếu kính, tánh đức cao liêm.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, phụng thờ pháp sư Trùng chùa Bảo Quang ở Giang Lăng. Chỉ chuyên cần nghi huân, trang nghiêm duy diên, phát sáng diệu chỉ sâu màu, vượt xa đồng bạn. Sau, Sư từ giả chữ Cang Minh Đế, hỏi Đạo ở Vương Hành, trụ chùa Luật Hạnh, nghe Bành Thành giảng, mở cửa huyền ấy, Đại nghĩa đã thông, sắp việc tùy phương chuyển tướng hoàng giáo, Sư bèn cùng các ngài Tông Khải, Chuẩn vận v.v...đều thẳng đến chỗ ngài Chân Đế thọ học các Kinh luận như Nhiếp Đại thừa, Duy thức v.v...Kinh Kim Cổ Quang Minh, v.v... hai vua ở Châu Tể Bà Dương và Trường Sa đều dốc lòng giữ lễ kính theo pháp thầy trò. Sau, Sư ở Tương Châu và Dĩnh Châu trải qua nhiều năm hoàng đạo, tuy gần giác ngộ lâu quên mà địa ân đội báo đáp. Nên đến niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư nói trở về lại ấp xưa, nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ ba đời Tùy. Sư đến Đạo tràng Biến Giác truyền kinh dẫn hóa. Sư đã có khả năng luật hạnh tinh nghiêm, nghĩa môn thông rành, kẻ tăng người tục đều kính ngưỡng, giềng mỗi kỳ đặc, bao gồm trông coi tám năm.

Sau, Sư lại vâng sắc dời đến trụ chùa Hưng quốc, nhậm thừa ban giao, ty luân lại ban giảng, hương tô thường thưởng. Tần Hiếu Vương Đế Tử rất tôn kính phụng quy giới. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy biên soạn Lịch, đáng phù hợp Tôn Kính bậc Hiền, tưởng thưởng vị Đạo, bèn ban cho Vương nhân thỉnh mời ở Liên Câu. Đạo Thứ Giang Dương lấy có bệnh từ chôi chẳng được, được ban sắc trụ chùa Núi Thê Hà ở Đơn Dương để chuyên việc trị dưỡng. Sư lại vốn hiệp tánh thông túc, gá thân nơi suối đá, thường quen ràng buộc nên ốm bệnh dùng thôi. Ở tại Pháp Đường chùa Thê Hà, Sư lại diễn giảng Đại Luận. Các hàng Tân Văn cự học, mỗi người tự bàn luận thẳng giải, lại quy kết Thiện thiên. Phòng Sư i vốn ở Tinh Xá Thê

Huyền là dấu vết còn lại của Cảnh Lăng Văn Tuyên, là Di Phong của Thiên Sư Tuệ Hiếu, là sự kỳ đặc của Cảnh Đàm nguyệt thọ, là sự Huyền diệu của Vân Các Sơn Đường là nơi Sư từng đi qua nên có chí muốn trọn đời ở đó, sau dẫn đệ tử dời đến nghỉ ở đó, bờ hang hết tâm của người đời, mây khói thường vờn quanh trên địa vực ấy. Ở đó lại có những người mến mộ sự chân thật, kính trọng Đạo nghĩa tìm đến nơi ấy đông đúc.

Đến ngày mười sáu tháng năm niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ tám mươi tuổi. Trên đánh đầu còn ẩm trong thời gian lâu, hai ngón tay co quắp lại, đó lại rất phù hợp với tướng Thượng sinh đặc Đạo. Qua đến ngày hai mươi, an táng tại núi phía tây của chùa. Các Đệ tử, v.v... dựng lập Bia, ghi chép Đạo hạnh của Sư, Sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu soạn văn bia.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Trí Lâm trụ tại Đạo tràng Nhân Hiếu ở Đơn Dương

Thích Trí Lâm, họ Lu Khâu, người ở xứ Phòng Dự thuộc Cao bình. Ông nội Sư tên Nghiễm, nhàn cư xem thường thế sự. Cha của Sư tên Đàm Trân, làm Thường thị nước Lương. Thuở bé, Sư hiền lành có tiếng tăm trong bà con xóm làng. Xứ Sĩ Biện Thuyên là người nổi tiếng ở đời. Sư thuở nhỏ đã khéo cầu học phục ứng thỉnh nghiệp. Với các Kinh Sách Lễ Dịch Trang Lão, Sư đều thấu cùng chỗ sâu mầu. Biện Thuyên mừng Sư sớm phát tuệ, bảo rằng: “Thật là Thần Đồng ít có ở đời!”

Đến tuổi trưởng thành, Sư bèn vượt thoát lìa tục, tôn thờ Sa-môn Pháp Đôn ở chùa Nhân Hiếu làm thầy. Kính vâng oai nghi giáo dưỡng, bảm thọ giới pháp Sa-di, ăn dùng rau trái, tiết tháo cần khổ chuyên tu. Với các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma Sư thọ trì thành tụng. Gặp lúc Sa-môn Pháp Đôn thị tịch mà Sư giới phẩm chưa viên mãn, bèn cao bước đến thượng kinh, lại tôn sùng khuôn phép của thầy, đến nương tựa Pháp sư Hằng là Đại tăng chánh ở chùa Đông An. Đã nhờ được Lực Sinh, vâng thọ giới pháp Tỷ-khưu mới viên cụ, Sư bèn thọ học Luận Thành Thật và kiêm học Tỳ-ni. Khi đã thàm hợp Văn trì, sắp mở rộng truyền trao. Sư nhìn huyện làng, nghĩ báo đáp Địa An, nên niên hiệu Thái Kiến thứ mười (578) đời Trần, Sư trở về quê cũ. Thứ sử Nam Từ Châu là Tiêu Ma-ha rất kính lễ khác thường, bèn thỉnh Sư giảng nói. Từ đó nhóm họp Tông tượng, quay bánh xe chánh pháp. Những người thọ học cầu nghe rất đông.

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười một (579) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc cho Sư Khúc A Tăng Chánh. Năm sau (580) lại ban sắc bổ

nhậm Sư làm Từ Châu Tăng Đô, xứng đạo trở về, xét do đức hạnh Sư tỏa khắp.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thứ Sử Nhuận Châu là Lý Hải Du, chịu làm Đoán sự, giềng mối gởi cậy, xứng đáng đều thuộc, ở tại chùa Nhân Hiếu, trước kia vào thời nhà Lương đi đến phía Tây, dò hỏi bàn luận với Đàm Tăng Thiệu Xả, bỏ vườn nhà mà xây dựng, điện đường mở xây, loạn ly luôn đến, Sư bèn tiếp nối dựng cột trụ chính, bày thêm văn vẽ, tảo sức, xoay vắn mở lớn rộng rãi, thật có lắm công sức. Trước sau Sư tu tạo năm tôn tượng bằng thân người thường, một tôn tượng chấp nối bằng sợi gai, thần nghi hiển diệu tướng tốt trang nghiêm cao trội. Lại ngay trên đỉnh núi Dục Vương, Sư xây dựng ngôi tháp gạch năm tầng, mô phỏng theo tám muôn cùng một lúc mong cầu Cao Diệu. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, Tịnh Danh, Kim Cồ mỗi bộ có mấy biến, Sư độ đệ tử hơn ngàn người. Thường nghĩ tương hướng đạo đến bên bờ cốt yếu, chẳng mên chuộng Thiên-na, vì muốn chiêu ản già-lam, sơn phòng vượt hẳn ngoài thế tục, nên nhân tịch, yên lắng nơi rừng sâu tươi tốt, Sư có chí nguyện muốn trọn đời nương gá ở đó. Nhưng bởi sự bức bách của các duyên chướng ngại bên ngoài nên chẳng như nguyện, nhưng Sư vẫn hăm nóng trang nghiêm tự giữ, dạy răn dắt dẫn không mỗi mết, các thứ của cải không hề chứa để, tùy duyên mà ban cấp cứu giúp. Oai dung Sư cảm kích đến mọi vật. Lòng tin là người tài giỏi anh minh của Đạo.

Ngày mồng sáu tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư ngôi kiệt già chấp tay an nhiên thị tịch tại phòng phía Đông chùa Nhân Hiếu, thọ bảy mươi tuổi. Trước đó, vào đầu tháng năm, có Cư Sĩ Lưu Chí thỉnh Sư giảng Kinh Di-lặc, Sư nhận biết Vô thường, nên không hứa khả. Đến lúc Sư quả nhiên thị tịch, mới thật sự đáng tin thay Sư đã biết trước thời mạng! Và lúc sắp thị tịch ngài dặn bảo các đệ tử rằng: “Rừng Thi-đà là chỗ tôi thường nguyện nói, sau khi tôi qua đời xin chớ trái chí ý ấy!” Sa-môn Trí Khanh, v.v... kính cẩn vâng theo Di ngôn, nên đến ngày mười một tháng năm đón rước Nhục thân Sư đến núi Dục Vương. Bảy giờ, gặp lúc trong rừng Lưu Kim có nhiều con thú mạnh dữ, nhưng lúc ấy đang giữa mùa Hạ (tháng năm) mãi đến mùa thu mà dung nghi da dẻ Sư vẫn nghiêm nhiên, không một hư tổn đổi khác gì, kẻ tăng người tục đều khen ngợi tán dương, cho là điều chưa từng có! Đến ngày mồng tám tháng chín nhuận, ở núi phía Đông Chiêu ản xây dựng ngôi tháp vuông, nói tuân theo quẻ bói, rước toàn thân Xá-lợi của Sư an trí vào khám núi. Các hàng thế tục cùng đến, chư tăng trong đồng môn thấy đều đến, gào khóc vỡ ngực vang dội các hang động khắp núi. Bèn xây dựng nhà bia ở phía bên phải cửa chùa để tưởng nhớ đức hạnh Sư. Văn bia đó Giang Dương Giới Sĩ Thái Hoài soạn.

07- Truyện ngài Thích Tịnh Nguyên trụ tại Đạo tràng Bảo Sát ở Tây Kinh

Thích Tịnh Nguyên, không biết Sư họ gì. Sư ở xứ Đại Châu. Năm ba mươi tuổi, Sư xuất gia. Sư có tài năng nghe rộng nhớ nhiều, khéo suy xét kinh luận, sớm thành khuôn phép. Xa làm chỗ kính ngưỡng cho những người học. Khi đã đăng đàn thọ giới Cụ túc, Sư chuyên tinh Luật bộ, trải qua năm năm, càng lớn thành nghiệp. Vì sớm thấu đạt sáng sủa, vững chắc tu tập, xem đọc thâm thập qua năm biển thì Sư bèn giảng nói.

Ban đầu, vì Sư lớn tuổi mới nhập đạo, nên mọi người phần nhiều coi thường, nhưng khi thử nghe Sư giảng nói, tiếp xúc với văn lý của Sư trong suốt mở tan, không mảy may vướng mắc, mọi người ở ngay tại chỗ ngồi, không ai chẳng kính trọng. Sư liên tục giảng Luật Tứ Phần suốt đến mười biển. Lại nghe các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm và các Tiểu Luận, cuối cùng Sư lấy Nhiếp luận làm chuẩn tắc then chốt chương cú, đồng thời suốt thông, lấy Thiên hình để Đàm nói đối Khoá. Sư có góp nhặt ghi chú lời Thánh, y theo sự hiểu biết mà chế sách, lưu thông rộng chương sớ. Về sau Sư lại vào Kinh phụ thâm thập sơ lược những điều chưa nghe biết. Tuy trải qua hoài bảo mà Sư không có một tác phẩm mới, nên người đương thời chưa thể lường biết được sự thông hiểu soi chiếu của Sư, Sư trụ ở chùa Bảo Sát, ngầm ẩn dụng nghi tài nghệ. Sau nhân Pháp tập, Sư muốn nêu bày danh thể của mình, bèn theo thứ lớp mà dựng lập nghĩa. Ý Sư vẫn còn ở trong năm ám, liền lên đứng trên Pháp tòa, đại chúng đều cho đó là khác thường, nên đều im lặng không luận bàn, một hồi lâu lặng thinh. Sư đưa mắt nhìn cả Đại chúng mà bảo rằng: “Nghĩa dựng lập đã lâu, sao không có ai hỏi gì ư?” Trong đại chúng bảo: “Dựng lập nghĩa gì mới khởi hỏi chứ?” Sư bảo: “Danh tướng đã lâu! Đại chúng tự không nhận biết. Các vị ngồi tại pháp tịch dùng miệng rao truyền, còn tôi thì sắc tâm đều lập”. Rồi Sư bèn an nhiên ngồi xuống, hơi tiếng mạnh mẽ như mây, tự nói rằng: “Chấp chưa nhọc dừng. Vả lại, đây là Tu về người việc”. Bấy giờ, mọi người cho đó là khác lạ, nêu bày thanh khiết, bèn hỏi vặn qua lại. Sư đối đáp như mây mưa, đều định trước về số lần, sau mới tùy số hết lời, mở bút mặc tình ở đương thời. Tà chánh do sự thông trệ ấy. Hoặc có người có lăm điều nghi chứa nhóm điều nạn từ trước tới nay chưa được quyết thông, mà Sư đủ khả năng giải thích thấu đạt nghĩa lý ấy, tự nhiên mở tỏa mới vui thích, khi ấy các bậc thông tuệ cùng dự tham tại đó quy về Sư rất đông.

Sư bèn dời đến chùa Bảo Xương, suốt bốn mùa liên tiếp, nhà cỏ tranh trên ụ đất dùng đó mà giảng nói. Thời khóa chính thức giảng Nhiếp luận, còn chiều tối bàn về tạp tâm, hoặc gồm giải thích kinh Niết-bàn, hoặc phân tích Luật

Tứ Phần, không chọn lúc thừa rảnh rỗi, làm khuôn phép cho hậu hiền. Hễ điều gì Sư mở lời giảng nói đều trái với cựu giải, sau khi soạn số truyền bá ra, càng chẳng xem lại, đến lúc giảng, nói năng đều đúng với khuôn phép. Sư đều nghe chẳng hề quên sót, thật ở đời ít có người hơn! Còn như Xá-lợi Tỳ-dàm văn từ ý chỉ trùng lập sâu ẩn, đọc còn cảm thấy khó hướng gì thông rành nghĩa lý, mà ngài cầm quyển bày văn, tự nhiên thông suốt, bèn soạn số giải mười quyển. Văn từ rất dồi dào bao gồm.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) xây dựng tháp, ban sắc Sư rước Xá-lợi đến chùa Lộc Sơn ở Đàm Châu. Ban đầu mới đến châu trị sang bờ phía Tây sông Tương, sắp đến chỗ núi, bỗng nhiên có loài chim lạ khoảng mấy muôn con kết thành đàn năm màu cùng bay vùn vụt, bay nổi trên nước có hàng lớp hướng về phía Thuyền đường như cùng đón rước, và đến chỗ Xá lợi, trở lại bay hướng đi trước, qua lại nhanh chóng. Mọi người không ai chẳng lấy làm lạ. Khi đã lên bờ, chim bèn sắp thành hàng cùng đứng nhìn, và rồi cùng theo nhau bay liệng giữa hư không đến chỗ tháp. Các hàng thức giả cho đó là Biến tượng của quyển thuộc Thần núi cho nên như vậy. Sư tâu trình điềm lành ấy, Vua Văn Đế rất vui mừng khen ngợi, ngài chỉ lấy việc giảng dạy trao truyền làm việc chính. Ngày đêm sáu thời lễ bái, sám hối theo thể thức ban đầu chẳng biếng trễ. Sư kính trọng cẩn trì Pháp luật, như những gì đã nghe học mà vâng làm. Sư tự thấy các bậc Pháp tượng có nhiều sơ suất về giới Tông, đều do thiếu đức tin mà trọng vào sở học cho nên như vậy. Nay Sư bao gồm tất cả mà tốt lành, riêng giác ngộ tràn khắp ở đời. Có thể gọi đó là “Người sáng suốt hộ trì giới nên được như vậy!” Khấp chôn kinh áp tiếng tăm Sư ban đầu mới vang xa, mọi người đều tôn kính muốn nghe. Đến khi thấy Sư giảng nói Kinh thuật, đồng thời Hiến Chương Tiên đạt, đổi chánh Văn nghị, rất nhiều người nín lặng, chẳng hơn phẩm tảo, đều bị vướng mắc đối với điều thường tu tập, thính chúng chẳng đầy mười vị. Lại nữa lời lẽ của Sư quá cao vời, chẳng phải chỗ mong mỏi của hạng người tâm tánh vội vã, chẳng phải chỗ nào để người đến sau nhập vào.

Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sa-môn Biện Tướng tìm mời Sư đến chùa Tuệ Nhật, hiện tại đó chúng có cả trăm người đều đã nhận biết được bên bờ. Ngài Biện Tướng đều giao phó cho Sư. Từ đó Sư vẫn như thường giảng bày khai ngộ, chúng nghe đông gấp bội khi trước. Lại cùng kích tán khiến âm hưởng càng vang xa. Bốn phương nhân đó ngày một tìm đến nghĩa Diên, đều được nghe điều chưa từng nghe, mừng vui đến chỗ nghĩa khó, còn như phân sương thấm phục, nêu lên giềng mối. Người ngồi bắt chọt lia khỏi chỗ, đều ngợi khen nghĩa ấy, gạt hái đến chỗ sâu sắc. Một năm sau thì Sư Biện Tướng thị tịch, thọ hơn sáu mươi tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên

hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609). Nhưng Sư có sở trường thấy biết rộng xa mà kém phần phước nghiệp, xét ở Học chúng vừa mới đông đảo, chợt liền tan hết, há chẳng phải vậy ư! Thế rồi các Bộ Xá-lợi, Tỳ-đàm chưa hề bày giảng, các bản sớ giải lại thất lạc, đời sau mất hẳn sự hoằng thông. Thật rất đáng buồn tiếc!.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Trí Ngung trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Trí Ngung, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Dự Châu. Xuất gia từ thưở thiếu thời, chứa truyền thầy tập, qua mắt thì chẳng quên, đều xuyên suốt hoài bão. Các kinh đọc tụng có đến mấy mươi muôn lời chỉ phút chốc đã dẫn tụng được, không hề ôn cũ.

Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm ngài ngày một trong vọng, yếu chỉ xa của các Tông sợ sau không thành. Sư nghe vâng bèn tự than rằng: “Người đời chỉ lo sớm được nghe Đạo, chẳng lo tôi chết, yếu Đạo xuất thế đâu lụy gì đến Hậu Bành sinh thành?” Sư bèn đến chỗ Tung Công, kính ngưỡng cầu hỏi Nhiếp Luận, u thần ngoài động, đến chỗ chánh nghĩa, trong tâm Sư như từng đã nghe trước, không còn phải thưa hỏi lại. Ban đầu, Tung Công mới giảng xong Đề nghị Thắng Tướng. Sư bèn ngoái nhìn lại tất cả thính chúng mà nói rằng: “Giềng mỗi yếu chỉ của Nhiếp Luận, tôi đều có thể thấy biết hết, các phần Văn luận còn lại, tôi không rảnh để nghe”. Sư muốn soạn sớ giải, liền đến giả từ Tung Công. Tung Công bảo: “Hậu sinh nêu lãnh chỉ đều là đuổi tà, chỉ lo công phu chưa thông hiểu phần sau, sợ e trái hẹp!” Sư hỏi: “Cầu mong Pháp sư mở sáng soi chiếu rộng lớn, nêu bày liền có thể biết mất ở Chi nào, nên không có điều phải lo ngại”. Sư bèn cúi đầu bái tạ từ biệt. Lúc ấy mọi người cho rằng Sư khoe khoang, chưa ai kính chuộng, đến lúc Sư soạn sớ giải đã xong, phán quyết từ tông, y cứ theo đó mà giảng giải, tiếng tăm Sư mới vang vọng càng mạnh.

Sau, Sư đến Kinh Liễn ở chỗ Biện Tài, dẫn chúng thường giảng, kíp truyền đầu mối. Dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, Phật Pháp hưng thịnh, thường luôn mở điện hội. các bậc Danh tăng tiên đạt, thường tham dự thảng tập, chỉ riêng một mình Sư dẫn chúng hoằng Đạo. Còn như đối với vinh lợi thế tục, Sư không hề đưa mắt liếc nhìn. Do đó, học chúng thành tựu đức hạnh khác với các trang lứa đồng tu. Sau, Sư trụ chùa Thiên Định, vẫn còn giữ thói quen cũ.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiên Định, thọ bốn mươi tám tuổi.

Ban đầu, Sư truyền pháp ở Quan Đông, không có tâm nghĩ đến giảng ở chốn kinh đô. Có Pháp sư Minh Cập là người nổi tiếng về Nhiếp Luận, tông tích bằng thầy. Sư đang ở đầu mỗi ấy, niên sự suy đốn, Pháp sư Minh Cập bèn sai Học sĩ thỉnh Sư. Khi đã đến, một lần thấy nhau không có thuật gì khác, chỉ hỏi rằng: “Thức A Lê Da có diệt chăng?” Sư đáp: “Có diệt!” Pháp sư Minh Cập mới vùng mạnh thân mình ngồi dậy vỗ tay rất vui mừng, sau đó không lâu thì thị tịch. Nhân đó, Sư tiếp thừa đầu mối của Pháp Sư Minh Cập, nên người học chẳng dòi dôi tông chỉ. Sư kiêm hạnh thanh khiết trang nghiêm, gió sương chẳng thay đổi. Thường ngày sáu thời đứng khóa, phước trí không khô cạn, nên cả ngôi chùa Biện Tài chỉ riêng Sư lo việc tu tạo, cấp quán dụng đặt. Tăng viện bằng phẳng, mới đầu không có cửa lớn, ngài sửa sang sắp xong, bèn đứng hàng đầu, nói Pháp đã hoàn tất trở lại theo y việc phước, chuyên soạn chương sớ, tay chẳng cầm văn. Tùy thời đánh gõ, lặng lẽ đối đến cùng chuông trống. Hoặc một đêm thí hội, bằng trăm ngàn đêm, hoặc một thời ra ngoài thọ thực, cúng thí gồm cả vàng lụa. Sư không ý niệm giữ riêng. Chí nguyện vẫn luôn là trao truyền giáo pháp, nên hiện tại đang hoằng truyền tiếp nối.

Có Học Sĩ Linh Giác, Đạo Trác đều là Danh tăng ở đất Thục, y cứ tiếp thừa tuệ giải, chuyên chiêm vết tích ở kinh thất, sau trở về Ích Châu mở mang Quyết Tông, nên ở các xứ Mân lạc, nhiếp Luận do nhờ đó mà được lâu dài.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Pháp Ngạn trụ tại Đạo tràng Chân Tịch ở Tây Kinh

Thích Pháp Ngạn, họ Trương, ngụ ở Lạc Châu, Sư xuất gia từ thuở nhỏ, mà chí lớn nơi Đại Pháp. Sư thông minh chấn động âm hưởng, suốt trùm hạng thường luân. Tuy ba Tạng Sư đều thông mà riêng lấy Đại Luận (Luận Đại Trí Độ) bày sự tốt lành. Đi qua các pháp hội, chẳng ai dám mở lời chống kháng. Nên từ các nước Tề, Bắc Chu cho đến Tùy, ở các kinh đô đều sợ, đều sợ sức thần sáng của Sư chẳng ai bằng. Cho nên được chỗ đặt lời của Sư thì khách chủ điều tốt, khiến Diệu Nghĩa tinh thuần đến nỗi mở lời thì trở thành truyền trao Diệu Chỉ.

Tề Công Cao Dĩnh hỏi Đạo ở phương xa, biết tiếng tăm Sư chứa nhóm nên thỉnh Sư đến Kinh ấp. Sư tuy là trí sáng trùm khắp ở đương thời, mà nhún nhường hình ở Danh sắc. Cao Dĩnh vì mới nên cây tình có sự lấn lướt. Sư vâng phụng mà kính trọng, chẳng vì nhìn nhau qua tuổi tác. do đó mà các hàng thức giả càng mến và trân trọng Sư. có Pháp sư Uyên là bậc cao sáng chánh pháp, mọi người đều suy trọng. Pháp Sư Uyên nói với Sư Pháp Khản rằng: “Trời đất tuy bao la mà hạng người thức đạt thì ít có. Bậc tài giỏi học

muộn, chỉ có một người, đó là Pháp Ngạn. Có thể cùng ông ấy luận lý, ngoài ra thì v.v... theo kia mà giữ lấy sự tỏ ngộ”. đến lúc Ngài Pháp Khản đến kinh đô cùng gặp Sư mới biết sự soi xét sâu xa của Pháp sư Uyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc đặt cứ Sư làm Đại Luận Chúng Chủ, trụ chùa Chân Tịch, mở mang hoàng hóa. Đến khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh Sư rước xá-lợi đến Nhữ Châu. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thiện Ứng ở Nghi Châu. Đào bới dưới nền sâu khoảng một trượng thấy có được cát vàng, đãi lọc thành cát thuần có được hai thăng, sáng rỡ loá mắt, lại cảm có Ngưu hoàng (Trâu vàng) tự đến trước tháp, gập đầu gối chân trước vái hai vái rồi dừng, xoay mình lễ bái cảnh tượng Vua Văn Đế một vái. Đến lúc vào hộp đá, có cả ba ngàn người đều thấy mây trời năm màu dài hơn mười trượng, rộng ba bốn trượng, vây nhiều bốn phía, mây trắng hình trạng như lưới dệt, từ ngay dưới nền lên thẳng giữa hư không từ giờ Ngọ đến giờ Mùi mới tan hết. Sau khi tan hết, lại ban tỏa mây năm màu từ bốn phương cuộn lại, tướng trạng đồng như điềm trước lại cảm có chim Hạc màu đen có năm đầu từ phía Tây bắc bay đến liệng vòng quanh trên tháp bốn vòng, bay đi rồi bay trở lại. Lại cảm có chim Hạc màu trắng ở trên bồi hồi giây lâu mới chết. Lại cảm có Rắn năm màu đến cuộn vòng quanh ngoài hộp, dài khoảng ba thước. Đầu hướng về Xá-lợi, không hề khiếp sợ, như vậy đến mấy lượt. Thứ Sử Trịnh Thiện Quả dâng Biểu tấu trình rằng: “Thần nghe kính trời nuôi dưỡng vật thì cảnh tượng trời hiển bày khả năng đó. Thuận theo đất dưỡng nuôi Dân thì đất vốn biểu dương đức hạnh ấy. Do đó, Đào Đường Chỉ trị thân chẳng biếng lười, khí ấy bày điềm lành. Đất nước Hạ Hậ thành công. Huyền Khuê cáo tích, mới biết việc trời người ảnh hưởng như thần. Cúi mong bệ hạ nắm giữ Cơ Đồ từ nhượng, thọ mạng Quân lâm. Khắp Vũ trụ không một mây trần. Thanh giáo hết một ngậm mở ánh sáng Đại từ thương xót vô biên. Trời Phật ban soi, giảng điềm tốt lành ấy. Nền tháp khắp sáu nơi đều có được cát lạ sáng rỡ lấp lánh đồng như vàng báu. Trâu vì lễ bái, xưa nay chưa từng có, mây bủa năm màu mới thấy ở ngày nay. Lại cảm thân rắn nhiều màu cuộn quanh nền tháp. Chim Hạc vút bay trắng đen bồi hồi giữa hư không. Tuy Hiên Hoàng có Cảnh điềm lành nhưng không truyền ở cựu chương. Hán Đế Điềm vui hiện bày nhưng chẳng ghi ở giản sách. Tự chẳng có đức làm hưng long Tam Bảo, Đạo trùm cả trăm Vua thì đâu thể cảm điềm tốt lành như thế, khiến bày điềm linh dị!” Vua Văn Đế rất vui mừng, ghi vào Biệt Ký.

Sư truyền Đạo nghiệp Chân tịch, Tăng tục tiếp thừa âm hưởng. Tả Bộ Xạ Cao Dĩnh vâng phụng giới pháp, cả nhà đều giữ đức tin, đến nay không

khuyh đảo, đều do sự khai bày cứu giúp củ Sư! Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ hơn sáu mươi tuổi.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Pháp Tổng trụ tại Đạo tràng Hải Giác ở Tây Kinh

Thích Pháp Tổng, họ Đoàn, người ở xứ Thái Nguyên thuộc Tỉnh Châu. Thuở thiếu thời, Sư chuyên tụng Kinh Niết-bàn, đã thông toàn bộ, mục đích là lời văn chưa vội nghe qua. Suốt trong thời gian hơn mười năm đầu không hề phế bỏ. Sau, nghe Huyền nghĩa, Sư liền truyền giảng. Trước sau hai năm, lãnh ngộ chẳng phải một người, mà Sư khoan dung thuận hậu, nhún thuận, được chúng sinh quy hướng kính ngưỡng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư làm Niết-bàn chúng chủ, trụ tại chùa Hải Giác. Nhóm họp bốn phương, thường khai giảng chí lý, không kể nóng lạnh. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Trí Môn ở Tùy Châu. Đào bới dưới nền sâu ba thước, có được một con rùa thần, màu vàng lục, tướng trạng như gấm thêu nhiều màu. Trên đầu có tám chữ “Thượng Đại Vương Bát Vạn Thất Thiên Niên”. Dưới bụng lại có hai chữ “Vương Hưng”. Bò đi chậm chạp, đều không ăn uống gì. Và chỗ Xá-lợi, do bảo người sửa đường, cây liễu bên cạnh cầu lại mưa Cam Lộ, tướng trạng như mưa tuôn, mùi thơm ngọt nồng đượm, mọi người cùng uống. Sư bèn viết Biểu Văn tấu trình, Vua Văn Đế kính trọng đến yết kiến diềm linh tốt lành, thường đặt con Rùa đó ở chỗ tòa vua, cho các Thần hạ trông xem. Trải qua thời gian năm tháng, vua đi đến Bắc uyển bèn thả Rùa xuống Thanh trì (ao trong). Tuy chìm nổi bơi lội thời gian ngắn, Rùa vẫn bò đi quanh ao, theo bên cạnh vua, trước sau chẳng phải một lần. Quan bồi vệ tùy tùng đều trông thấy, cùng mừng vui diềm cảm ứng đó.

Đến mùa Xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Hạ sinh ở Liêu Châu. Các hạt phát ra ánh sáng, tướng ấy rất nhiều. Hộp Đá biến thành vân lụa và tượng Đồng tử. Mặt phía Bắc hộp hiện ra song thọ, phía dưới có Phật nằm. Mặt phía nam hộp hiện tướng thần Kim cương cầm chày phông theo tướng của núi. Mặt phía Đông hộp hiện tướng hai Đức Phật đều đứng và một con kỳ lân. Mặt phía Tây hộp lại hiện tướng một vị Bồ-tát và một Thần ni khum mình chấp tay hướng về Bồ-tát. Lại có các tướng khác, ở đây lược qua chẳng kể hết. Lại phát ra ánh sáng rực rỡ rối loạn sinh khởi, nhiều động loé cả mắt người từ tối đến sáng. Các ngọn đèn tuy tắt hết mà ánh sáng vẫn tiếp tục soi chiếu chẳng khác gì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Đêm đó, trời mưa râm. Từ mỏ Diều hâu nơi Phật Đường phát ra luồng ánh sáng màu vàng bay về

hướng Đông Nam hơn ba trăm Bộ. Người ngoài cho đó là lửa, bèn chạy đến thì biết là không phải. Tìm theo chỗ phát ra ánh sáng, mới biết là nơi tôn trí Xá-lợi trong nhà. Mọi người đồng trông thấy và đều phát đại Đạo tâm. Đến ngày mồng tám, lúc sắp hạ, có mây năm màu che phủ trên tháp. Lại cảm có con chim lạ, thân hình màu trắng, đuôi màu đỏ, mỏ ngậm áng mây, tướng trạng như lông hoa, cũng hiện phía trên tháp. Điềm cảm ứng ấy, có hơn năm muôn người trông thấy cùng một lúc. Đến lúc lấp lại xong, mây và chim mới biến mất. Qua ngày mồng chín tháng bốn, trên nền Tháp tỏa ra ánh sáng, chia thành năm luồng đi thẳng về hướng Tây, hình sắc như họa vẽ kéo dài mấy trăm dặm, mọi người đều trông thấy chứ chẳng phải một. Sư đích thân cảm điềm lành đó, mừng vui phấn phát nội tâm, viết lại đầy đủ và tấu trình. Vua Văn Đế ban sắc cất vào Bí Các.

Sau, nhân theo hạnh nghiệp cũ, Sư giảng tụng chẳng hề nhọc mệt. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hải Giác, thọ bảy mươi tuổi. Môn nhân, Đệ tử Sư có Hạnh Đăng, Huyền Hội kế thừa tiếp tục nổi tiếng. Việc này thấy ở Biệt truyện.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Tăng Đàm trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh

Thích Tăng Đàm, họ Trương, người ở xứ Lạc Châu. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, thông hiểu các kinh luận. Sư bùi ngùi Phật Pháp chưa đầy đủ, bèn phát phần mà tìm cầu thọ học. Cuối thời Cao Tề, Sư kết bạn cùng đi Tây Vực. Vừa tới trước Thông lãnh, đường đi nhiều trở ngại chẳng thông, bèn trở lại kinh viễn. Phạm ngôn âm chữ đều thông cổ huấn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư phiên dịch kinh điển. Sự việc như ở Biệt truyện. Sư ở tại chùa Đại Hưng Thiện. Sau, vua ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, tức là chùa Cổ Vân Cư. Núi tên là “Trung Triều”, phía Tây đến ven sông. Ở đời gọi cảnh đẹp không đâu hơn ở đó. Ban đầu, mới rước đến Châu Trì, mà trong điện Phật chùa Thê Nghiêm âm vang tiếng chuông trống chấn động cả một chùa. Có người vội đến xét xem đều không thấy gì. Khi linh kiệu đưa đến chùa. Đêm đó trên đỉnh tháp phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp trong nhà, sáng suốt không che lấp. Trước sau nhiều lần phát ra ánh sáng thần như thế. Hoặc dường như lò hương nướng giữa hư không mà lên, hoặc lửa tím bay như hoa như lá, chợt tan chợt tụ, hoặc như tượng Phật tỏa ra ánh sáng, hoặc như hơi khí cầu vòng vây nhiều quanh tháp, trải suốt nhiều ngày liền đêm ánh sáng chiếu diệu khó xác định. Lại nữa, chư tăng trụ chùa Nhân Thọ ở Châu Trì ban đêm trông thấy ở chùa Thê

Nghiêm có ánh sáng như cửa lầu chiếu soi khắp hang núi. Lại, cách chùa núi chừng tám mươi dặm, người đứng trông thấy ánh sáng như lửa, đều cho là lửa đồng trông thiêu đốt chùa. Tới lúc đến tìm mới biết là linh tượng. Sự cảm ứng điềm lành như thế.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cửu Sư đến xây dựng tháp báu tại chùa Trí Độ ở Ân Châu. Ban đầu, mới đến Châu Trì, thấy tôn tượng Phật duỗi tay ngồi trang nghiêm trong bình, đến lúc tôn trí vào hộp vẫn như thường không đổi khác. Lại nữa, giữa đất tự sinh ra vân lưới, phía trên nhà thấy có hoa sen xanh và tôn tượng Bồ-tát. Đại chúng đều trông thấy. Lại thấy hình tượng Rồng cuộn rấn quật, vết chân người lớn, vết chân các loại Bồ ngựa chim thú, v.v... Lại, tại chỗ đặt tháp báu có hai con rắn nhỏ nằm ở đó chẳng đi. Nhân đó xây dựng nền móng, đào sâu xuống đất khoảng bốn mét tự nhiên có dòng nước suối vọt lên. Có người bị bệnh sáu căn đều không còn tác dụng, uống nước suối ấy thì lành hẳn. Đã gặp phải duyên đó, mới dời về hướng Bắc để tránh khỏi dòng suối ấy. Nên hai con Rắn ở đó là rất có nguyên do. Sư chuyên việc Truyền dịch rất tốt đẹp, tiếp nối đến lúc thị tịch tại chùa. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Tuệ Trọng, họ Quách, người ở xứ Ung Châu. Ngài luyện Đạo từ thuở thiếu thời, tìm suốt giáo điển nội ngoại. Chí lực Sư ngay thẳng cứng cỏi, không sợ uy quyền, là cửa ngõ của Nhiếp Luận, Thập Địa. Do mở sắc ban thỉnh Sư xây dựng tháp tại chùa Đại Nhạc ở Tần Châu, ban đầu dừng tại Cung Quán, bình vàng Xá-lợi tự nhiên mở, hiện phát ra ánh sáng lan tỏa ra ngoài, kẻ tăng người tục đều trông thấy. Khi đưa đến tháp chùa, sắp tôn trí vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng rực rỡ làm lóa cả mắt người. Phía ngoài núi có ba áng mây trắng bủa xuống thẳng hướng đến nền tháp, hồi lâu mới tan hết. Lại nữa, cửa miếu Nhạc Thần (thần núi) từ trước đến nay thường luôn đóng kín. Khi rước Xá-lợi đến thì có ba lần tự mở. Các hàng thức giả cho đó là thần đến kính lễ nên như vậy. Về sau, không biết Sư tịch ở đâu?

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Đàm Xán trụ tại Đạo tràng Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Đàm Xán, người xứ Hoài Châu, là Môn nhân của ngài Tuệ Viễn. Bẩm tánh Sư thuần hậu ngay thẳng, khoan dung dịu dàng nổi tiếng. Ngài vân du cầu học ở Tương Nghiệp, nghiên tầm chứa nhóm chánh lý, thấu suốt sâu xa các Kinh Thập Địa, Niết-bàn. Khi đã hoàn bị kinh pháp để giảng trao, Sư bèn theo thầy vào Quan. Sư là một trong số mười vị, dừng trụ tại

chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, ngài Tuệ Viễn thị tịch, các tăng lữ không nơi nương tựa. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy. Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc bổ nhiệm Sư làm chúng chủ. Sư đến chùa Tịnh Ảnh truyền giảng, mở mang nghiệp cũ, qua thời gian nhiều năm. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, đang trên cao trào xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế lại ban sắc đặt cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Trường thọ ở Hoài Châu. Ban đầu, mới dựng tháp sắp hạ, bỗng có một con Trĩ trống đi đến trước hộp, vừa bay vừa dừng, không tỏ vẻ kinh sợ. Sư truyền cho Tam quy, nó bèn đến gần người thuần đi nhiều quanh như muốn nghe thọ, xoay đầu cổ vũ vui mừng nhảy nhót vui vẻ. Khám xét hình chất thật chẳng phải trĩ, thân có đủ năm mâu, lông cánh ít có ở đời. Sư bèn dâng trạng văn tấu trình, Vua Văn Đế ban sắc khám xét Thụy Đồ, bảo là sắc thái như chim loan. Sư bảo chư Tăng trong chùa bắt nó đưa đến thả ở phía Bắc núi. Chim tụ thành đàn kêu hót bay đi. Lại cảm Di tích, hơn ba mươi bộ thẳng lại chỗ tháp không thấy vết tích gì. Đến ngày mùng tám tháng tư, sắp tôn trí Xá-lợi vào hộp đá, lại phát ra ánh sáng xoay quanh chìm ẩn, kẻ tăng người tục hơn hờ không ai chẳng phát tâm

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc cho Sư rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tịnh trong hang Cổ Hiền ở Đàm Châu để xây dựng tháp báu phụng thờ, đó là vùng đất sống của ngài Tuệ Viễn. Ban đầu mới đến Châu Trị, trong thời gian nửa tháng, có mười tám đêm lành trước sau đắp đôi nhau khởi hiện, như ánh sáng của sao soi nhiều quanh, hoặc như hơi khí màu đỏ, mây màu ngọc bích, ráng màu tím, sương móc màu trắng ban trải trên hư không. Ánh đuốc soi chiếu khắp thành đô và ánh ngời cả chợ búa. Có đến mấy muôn kẻ tăng người tục cùng một lúc trông thấy. Khi rước đến chỗ nền tháp lại phát ra ánh sáng như sao lớn nhỏ đan xen số nhiều chẳng thể lường biết. Lại có các tướng khác, đầy đủ như ở Biệt truyện.

Về sau, Sư trụ ở chùa Đại Thiên Định, vẫn tiếp tục sự nghiệp Hoàng truyền như cũ. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Pháp Tán trụ tại Đạo tràng Thắng Quang ở Tây Kinh

Thích Pháp Tán, người ở xứ Tê Châu. Ngài an tâm tịch định ưa thích ở nơi núi hang. Đầu-đà khổ hạnh là pháp mà Sư luôn ôm giữ, Sư ở ẩn tại gò của Thái Nhạc. Sư mở dạy hàng sơ cơ, dạy răn tiệp nổi, khéo biết phương tiện. Sư còn thấu đạt hiểu rõ Đế nghĩa, bấy giờ đang dương cao Thanh luận, khiến cho có pháp bị lấp mắt. Sư ngồi không nghĩ giảng, đợi đời đến Chi

Tiểu sẽ hưng khởi lại. Ban đầu, Sư nghe thế, rất tự tử thẹn, bảo rằng: “Hỏi không tha thiết, và chẳng muốn làm khổ người”. Nghĩa là nói kẻ kia hiểu lời gì mà khiến cho phải chết. Nhân đó, Sư bèn ngậm miệng, chẳng việc ngôn luận, đóng bế mọi sự tham yết, tìm cầu nhàn tịch để vui mà thôi.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) chiêu vời các bậc danh đức ở các nơi. Có người bày thuật sự thanh thảo nhàn khoáng của Sư. Vua bèn ban sắc thỉnh mời. Sư cùng Vua về đến Kinh ấp ở chùa Thắng Quang, trang nghiêm các hàng thiền lữ chen chúc cả môn đình. Sư dùng thân làm khuôn phép cho đời lại thấy ở ngày nay.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, dựng xây tháp báu, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước đưa Xá-lợi đến chùa Thần Thông ở Thái sơn thuộc Tề Châu. Tức nơi do Chúa Nam Yên là Mộ Dung Đức vì Thiên sư Tăng Lãng mà xây dựng. Việc này thấy ở truyện trước. Yên chúa đem sự chu cấp Dân của ba huyện cung cấp cho ngài Tăng Lãng, đều để xây dựng chùa, các Viện trên dưới có hơn mười cơ sở, lớn dài có hơn một ngàn gian. Qua ba lần phế bỏ Phật giáo, mọi người không dám phá bỏ. Nếu có người muốn xâm phạm. Ngài Tăng Lãng liền hiện hình cầm tích trượng mà đánh, khiến bệnh tật khôn đốn sắp chết, nếu cầu sám hối ăn năn lỗi lầm thì trở lại lành mạnh như trước. Ở đó có cái giếng sâu năm thước, từ trước đến nay không hề khô cạn, nếu có người nữ đến đó thì liền khô cạn. Đốt hương lễ sám, cầu nguyện thì trở lại như cũ. Từ lúc xây dựng chùa đến nay đã hơn bốn trăm năm. Pho tượng Phật đẹp sáng màu sắc như mới tạo, các giống chim chẳng dám chân vào, đến nay vẫn nghiêm nhiên. Xưa kia, gọi đó là chùa Lãng Công, vì cảm ứng những điều linh dị trước mắt như thế, khắp trong nước đều tôn sùng, nên vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế có mấy lần cảm ứng nên sửa đổi tên là chùa Thần Thông. Ban đầu, Sư mới đến, trong chùa bèn phát ra ánh sáng lúc đỏ lúc trắng, lúc trầm lúc bổng, hoặc như sao xẹt, mọi người đều trông thấy, giếng nước tuôn tràn, mức lấy mà dùng. Sau hạ, lại chiêu cảm đàn nai tự nhiên đến chỗ tháp. Tuy mọi người xoa đi, chúng vẫn thản nhiên không sợ. Lại chiêu cảm có một cặp ngỗng từ ngày mồng ba tháng tư đến suốt ngày mồng tám thường đến trước kiệu đứng nghe phúng tụng. Đến lúc lập bít xong, nó bật dứt dấu vết chẳng đến nữa. Những điều cảm ứng như thế rất ít nghe thấy từ xưa đến nay, nên Sư thuật lại đầy đủ để tấu trình.

Về sau, Sư dùng pháp thiền định để dẫn dắt, tuyên dương Pháp hóa ở đời, lời không nghiêm thiết mà thâm hợp với hoài bảo. Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Bảo Nho trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh

Thích Bảo Nho, người ở xứ U Châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, Sư vân du khắp các Pháp tịch, không nơi ở nhất định, chỉ lấy Đạo làm mục đích. Sau, Sư đến Nghiệp Hạ, nương tựa ngài Tuệ Viễn. Với lời huyền diệu của Kinh Thập Địa, Sư rất rõ biết cương lĩnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, ngài theo hướng Nam đi đến đất nhà Trần, thâu đạt mạng Thanh thông, chóng vang vọng tiếng tăm. Từ khi nhà Tùy lên ngôi chế định thiên hạ, Văn quý đại đồng, Sư bèn trở về Lạc Nhuế, lại đến chỗ ngài Tuệ Viễn, nghe học Kinh Đại Niết-bàn, trước sau suốt ba năm, thông suốt yếu chỉ, bèn được đáp thuật. Ngài Tuệ Viễn ngồi ngay pháp tòa ẩn khả lời đó, những người hâm mộ nghĩa lý cùng theo. Sư lại đến trụ chùa Tịnh Ảnh, Tuệ tâm càng lan tỏa. Xa tính trước anh tài, trong thời gian lập phá, sâu xét lại càng kín mầu.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu ở Đặng Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đến trụ chùa Đại Hưng Quốc. Xưa, tại nền Long Tiền, vua đã đến tìm đá mà hỏi thăm không có được loại tốt, Sư bèn dùng đá phác ở trong chùa, giữa gọt làm thành hột đá vốn thô xấu, nhưng khi mài gọt sắp xong thì biến thành mã não, nhỏ mịn khác thường, lại có ba chữ Lệ đề rằng: “Chánh Quốc đắc” hình lập bày ngay thẳng, khéo léo thuộc loại Thần Công, các hàng danh bút chưa dám điểm thêm, lại thấy các thứ hình tượng cây rừng, lân phụng, v...v Sư bèn cùng Quan nhân thuật lại đầy đủ để tấu trình.

Sau khi trở về chùa, Sư bèn đóng cửa tu nghiệp, nhân đó, mỗi lúc thọ trai mới được trông thấy mặt Sư, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Tuệ Tối trụ tại Đạo tràng Quang Minh ở Tây Kinh

Thích Tuệ Tối, người ở xứ Doanh Châu. Ban đầu, Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn rồi đến học ở Nghiệp Hạ. Sư hễ nghe liền giảng, chưa từng hết biến kinh, bàn luận bao gồm nên rất thư thả nhàn khoáng, nên được các bậc Hiền giả đồng Pháp tịch tán dương kính ngưỡng.

Ngày nhà Bắc Chu phá diệt nhà Tề, Sư theo hướng Nam đi đến Giang Biểu, lại chuyên tập học tuệ môn rất thông rành các bộ luận. Và lại, chư tăng phương Bắc ở đời Trần phần nhiều trái với thời tục, chỉ riêng mình Sư vận dụng cơ quyền nội động, chẳng rơi vào Phong lưu, phần nhiều vì phương Nam mà chu toàn keo sơn. Đến lúc nhà Tùy chế định thiên hạ, khắp Trung Nguyên thái bình. Sư bèn quán xét sự hoằng hóa, mở mang dẫn dụ, tham dự nghe điều khác lạ. Sau đó, Sư trụ chùa Quang Minh. Bây giờ, Ngài dẫn truyền thanh nhã mà khéo ở chỗ tĩnh lặng, không phải người hiền thì chẳng

kết bạn. Thần chí Sur rộng nều, khí điều cao xa. Chẳng vọng nhận chịu nhục, ắt không có vết lụy. Sur lập chỉ đại loại như vậy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tuỳ. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sur rước Xá-lợi đến đạo tràng Long Tiềm, chùa Đại Hưng Quốc ở kinh châu. Xưa kia, khi vua Văn Đế đang làm tướng, nhân đi qua chùa đó gặp một vị Sa-môn bèn kết nạp với nhau rất sâu. Bảy giờ, rất được quý trọng, chẳng suy lường lời nói. Sau khi vua lên ngôi, nghĩ nhớ yếu chỉ xưa cũ., bèn ban chiếu thỉnh mời, nhưng vị Sa-môn đó đã thị tịch. Vua bèn ban sắc xây dựng ngôi chùa mà vị Sa-môn đó ở, sửa sang phòng viện cũ nên có mỹ hiệu là “Hưng Quốc Long Tiềm”. Và đó đều xuất xứ từ Luân ngôn, ý riêng của Vua Văn Đế. Lại nữa, hành lang mặt trước của đạo tràng tự nhiên bị sụp đổ. Chư tăng muốn sửa sang lại, sự việc chưa xong thì Xá-lợi đã được rước đến. Sắp an trí nền tháp, tuần hành bày rộng, chỉ có chỗ bị hư sụp đó là vừa độ rộng hẹp hợp với hình tháp. Có bậc thức giả nói rằng: “Định phá hủy hàng hiên ấy để đợi đặt tháp”. Đến ngày mùng tám tháng tư, tại Nội Viện Xá-lợi bỗng nhiên có sương móc giăng. Sau khi thọ trai xong thì tan hết, ánh sáng mặt trời soi chiếu, có mây như lọng giữa khoảng không phía trên tháp. Lại chiêm cảm các giống chim Le, chim Hạc bay liệng xung quanh phía trên tháp. Lại thấy giữa vàng mây có màu tím hình trạng giống như đuốc hoa. Lại hoa trời rải như mưa, giống như tuyết lẫn lộn xuống, nhưng không rơi tới đất.

Sau, Sur lại rước xá-lợi đến chùa phát mông ở Cát Châu. Đào đất sâu đến tám thước, có được một bảng Dự chương, sáu viên gạch cổ, hai cái bình bằng bạc, một viên Xá-lợi nổi trên nước trôi theo chiều bên phải. Lại có được một vật báu, hình thể gồm có chín sắc thái. Mọi người đều không biết đó là gì. Bèn viết lại đầy đủ để tấu trình. Tại chùa đó có 1 pho tượng Phật với điềm tốt lành khác lạ. Vào niên hiệu Đại Minh thứ năm (461) thời Tiên Tống, trong chùa có Sa Môn Pháp Quân mộng thấy tôn dung màu vàng ít có ở đời, có tiếng Phạm âm trong xa, nhân đó mà đi đến sông Tam Khúc, thấy tượng lắng sâu dưới đầm, ánh sáng tỏa trên mặt nước. Ngài Pháp Quân cùng Thái Thú Chu Trạm v.v... bèn vớt lên, tính trọng lượng hơn ngàn cân mà nhẹ như vài lượng. Pho tượng thân cao sáu thước bốn tấc, được đúc bằng đồng mạ vàng. Sau, Quận Trường Sa rước Quang phu đến kinh đô. Vua Văn Đế ban sắc bảo rước trở lại tôn trí chỗ tượng, tự nhiên phù hợp. Cao tất cả hơn chín thước. Y Phật rũ dài xuống, có ghi hơn mười chữ Phạm, ban đầu mọi người không nhận biết. Sau, có vị Sa-môn người Tây Vực bảo là “Tôn tượng ấy do con gái thứ bốn của Vua A-dục ở nước Ca-du-la-vê đúc tạo, bỗng nhiên bị mất, nay lại thấy ở đây!” Cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, pho tượng thường phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cả phòng nhà. Vua Võ Đế

(Tiêu Diễn) sắp rước vào Kinh Đô, nhân có duyên sự bèn thôi. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, thân tượng Phật tự nhiên đổ mồ hôi. Năm đó, Lưu Kính Tuyên làm giặc thiêu đốt quận, chùa đều cháy hết, chỉ có Phật Đường lửa không bén tới. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười (544) thời Nam Lương. Tôn tượng lại đổ mồ hôi, Trương Đông Vương mới nghênh thỉnh đến Giang Lăng để cầu phước, tôn Tượng phát ra ánh sáng. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ mười hai (546) thời Nam Lương, đón rước tôn tượng trở lại chùa Phát Mông. Khi đến chùa, Tôn tượng phát ra ánh sáng suốt ba ngày mới thôi hết.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ sáu (555) đời Trần, lại sửa sang nghiêm sức tôn Tượng, nên ở đời tương truyền các linh dị ấy, chồn chồn đều mô phỏng viết chép. Sư đĩnh thân phụng thờ, cầu mong ánh sáng đó, mà cốt khí hùng dũng, thật là tướng của đức Điều ngự. Do đời nay xem thường nên thế. Sau Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Tăng Lãng trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Tăng Lãng, người ở xứ Hằng Châu, xuất gia từ thuở nhỏ, kính mong được Chánh hoá. Sư nương theo Thính chúng. Sau đó, dịch phiên Đại Luận cho đến Tạp Tâm, đàm xướng nối nhau, mọi người quy hướng cầu học rất đông. Sư vào quan, trụ tại chùa Không quán, lại mở rộng giảng tịch, tùy lợi ích chúng sinh, lòng thường luôn nhân thứ, nói cười ôn hòa thanh nhã. Mọi người cùng trong pháp tịch không một ai phiền muộn tâm thần. Sư thấy biết rộng rãi, mọi người đều suy tôn kính chuộng. Bấy giờ có người hỏi điều khác lạ chẳng phải là điều Sư đọc xem, bèn chấp tay đáp rằng: “Tăng Lãng tôi sở học chưa thông, hiểu chỉ tới đây!” Nên các bậc Đại đức tiếng tăm tài giỏi đều ngợi khen sự biết phận mình của Sư, không ai dám khinh thường hạnh cao ấy.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu, Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến Phiên Châu. Nay gọi đó là Chùa Quả Thật ở núi Linh Thứu thuộc Quảng Châu. Ban đầu mới đến châu Trị, đi quanh các nơi, đến chùa Quả Thật, bèn có thể tôn trí. Phía Tây chùa đối diện núi Thủy Châm. Dưới lùm cây hoang rậm rạp, đào sâu xuống sáu thước có được ba hộp đá. Trong hai hộp mỗi hộp đều có hộp đồng, đựng hai tượng bạc và hai vị Tiên bằng bạc. Còn lại một hộp, bên trong có bình bằng vàng bạc, lớn nhỏ cùng đầy, bên trong không có Xá-lợi. Có bài minh viết rằng: “Niên hiệu Nguyên Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, xây dựng tháp”. Lại nữa, trong văn bia cũ trong chùa viết rằng: “Niên hiệu Nguyên

Gia thứ nhất (424) thời Tiền Tống, có Sa-môn Tăng Luật người xứ Thiên-trúc thường đi đến nơi này nghe tiếng chuông khánh, hoa trời rải đầy núi, nhân đó mà xây dựng giả lam. Sau đó có vị tăng người Ấn-độ tên là Cầu-Na-Bạt-Ma đến trụ ở chùa này, có nói rằng: “Núi này trong tương lai sẽ gặp được Bồ-tát Thánh chúa xây dựng tháp báu”. Bèn hợp với bài minh đó. Nay Sư xét xem thế núi, chỉ ở chỗ đó là có thể thiết đặt, ngầm hợp với lời xưa, lừng xét chẳng phải luống làm. Khi sự việc hoàn thành, Sư trở lại kinh đô, ở chùa Thiên Định, lấy việc giảng tụng làm chính.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn bảy mươi tuổi.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Tuệ Sướng trụ tại Đạo tràng Tịnh Ảnh ở Tây Kinh

Thích Tuệ Sướng, họ Hứa, người ở xứ Lại Châu. Sư riêng học Tập Tâm, chỉ ở nơi Danh thật, bị ràng buộc vương mắc nơi Cương giới, hạn cục bởi Văn Nghĩa. Ban đầu Sư không tin giáo điển Đại thừa. Sau, nghe Tuệ Viễn có tiếng tăm ở Lạc Dương, người học ở xa tìm tới. Môn nhân Sơn trĩ bấy giờ gọi là Thông minh. Sư bèn nghi ngờ đó, thử đến tìm xét xem thần lược của Tuệ Viễn. Mới thấy đàm thuật cao sâu, bao trùm hết cả đất trời, Sư nhìn lại tướng trạng Tiểu Đạo chỉ dường như bụi bay, bèn gò bó thân mình thâm phục nghe học ba năm, thành đạt thấu hiểu Kinh Niết-bàn. Sư mới bùi ngùi tự trách là tổ ngộ muộn màng! Sư lại đến Kinh Ấp, trụ tại chùa Tịnh Ảnh, đào luyện tự duy kinh trước, bắt chước thành nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp báu. Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Cự Thần trên núi. Vua vì núi ấy xuất ra bạc màu vàng, riêng ban sắc xây dựng tháp để trấn giữ, dùng để báo đáp ân tuệ. Núi nằm phía Đông cách châu khoảng năm dặm. Xưa kia, Thi Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) đời Tần lấy đá làm cầu, núi ấy chống cự chẳng chịu đi, nhân đó nên đặt tên như vậy. Phía Nam của núi cách khoảng bốn dặm có hang Bạc màu vàng. Ngay chỗ nền tháp gọi là Ôn Công Phụ. Tương truyền rằng: “Xưa trước vào đầu đời Vua Võ Đế (Tiêu Diên (502-550) thời Nam Lương, có Sa-môn Tăng Ôn, ngoài bảy mươi tuổi. Đạo hạnh của Sư khó lường biết được, chỉ chuyên việc du hóa, có thọ nhận sự cúng dường của Vua Võ Đế suốt mười hai năm. Về sau, Sư già từ đi về hướng Bắc, Sư đi đến bên đò ấy, xây dựng chùa Viện, nhân lấy tên núi mà đặt hiệu, nhưng các loài cọp sói, chim thú đi vòng quanh chùa kêu rống dường như muốn làm cho Sư sợ hãi. Sư bước ra cửa bảo rằng: “Các người là loài súc sinh do mười nghiệp xấu ác mà cảm vờ ra, ta thuộc đường Nhân Đạo bởi mười nghiệp lành mà chiêu cảm được. tội Phước cách

nhau như trời vực, sao lại khổ nhọc muốn can phạm tới ta? Các ngươi nên mau đi đi!” Nghe Sư bảo như thế, các loài chim thú dứt bắt dấu vết ở núi ấy. Sư thân cao bảy thước, oai dung khiến người khiếp sợ, lông mày dài hơn cả thước, phủ che kín mặt, mỗi lúc muốn nhìn vật gì thì đưa tay vén lên. Nên mãi đến nay, chùa tuy có bảng hiệu nhưng trong đời vẫn xưng gọi đó là chùa “Ôn Công Phụ”.

Sau khi tôn trí tháp báu Xá-lợi hoàn tất, Sư trở về chùa kinh, chuyên tu tập đạo nghiệp trước, trọn đời chẳng ra. Mời thỉnh chúc mừng, điều vải cũng không hề đi. Sư dự biết được lúc mạng chung, bèn tắm gội trong sạch, an nhiên ngồi thẳng mà đợi giây phút cuối đời. Đến lúc Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 10 hết).

---o0o---

QUYỂN 11

CHƯƠNG II - PHẦN 07 : GIẢI NGHĨA

(Chánh Truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

1. Truyện ngài Thích Chí Niệm ở Bột Hải đời Tùy.
2. Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Cảm, Tuệ Trách)
3. Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh, đời Tùy.
4. Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy.
5. Truyện ngài Thích Minh Thuần trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Tướng)
6. Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy
7. Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng ở núi Chung Nam, đời Tùy
8. Thích Đạo Tông ở chùa Thắng Quang tại Kinh đô, thời Tiền Đường.
9. Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10. Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại chùa Đại trang nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường.
11. Truyện ngài Thích Pháp Khả trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Phũ).
12. Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Tuệ Viễn).



01- Truyện Sa-môn Thích Chí Niệm ở Bột Hải, đời Tùy

Thích Chí Niệm, họ Trần, người ở xứ Tín Đô, thuộc Ký Châu. Tổ tiên sư ở Dĩnh Xuyên, là con cháu của Thật Phiên. Nhân làm quan mà dời đến ở Hà Sóc. Sư trong sạch như băng tuyết phô bày chí khí, lắng thần cao vợi, tài giỏi hơn mọi người, quán xét ý nghĩ. Đến lúc thọ giới cụ túc, sư hỏi đạo ở Nghiệp Đô. Có Pháp Sư Đạo Trường là người tinh thông luận Đại Trí Độ, được người học y cứ. Sư bèn mang rương traps theo nghe, trải qua mấy năm, đã nổi tiếng trong Pháp tịch. Cái gọi là không còn nổi nhau v.v... một thời tài giỏi liệt bày ngang hàng bằng đức, có nghĩa là giải hiểu chẳng đầy, ruốt cuộc nơi quan tài. Sư bèn vân du đến các trường giảng, tham cứu đầy đủ mọi chỗ sâu kín với mục đích là cùng tận chỗ nhiệm mầu. Sư lại đến chỗ Pháp Sư Đạo Sùng, học luận Thập Địa, nghe đầu biết cuối, nghe mà dường như đã có đọc trước. Bấy giờ, Đạo Vương Hà bắc nghe nói ở Tây Tần có Pháp sư Tuệ Tung người nước Cao Xương, thông hiểu giáo nghĩa Tiểu thừa, người đời tôn xưng là “Tỳ-đàm Sư Tử”. học giúp thiên hạ, người học theo rất đông. Các Sa-môn Đạo Du, Trí Hồng, Hoãng Giác, Tán Ngụy v.v... đều được gọi là “Kỷ Tử” trong Pháp tịch, là ngọc Lâm Lãng trong vườn tuệ. Sư bèn xét mà cho theo học, trên đường thành danh, đều rộng thông huyền cực, có thể làm nương tựa cho mọi vật.

Sư trở về quê cũ, sắp mở rộng Pháp đàn. Bấy giờ, Thứ sử nhậm trấn tại thành là Vương Ngạn tức Giới Đế của Vua, tình giúp Hư tông, đã gặp Sư trở về, bèn vì bày Pháp hội, cùng Pháp Sư Tăng Quỳnh đối đáp mở mang hóa Đạo, mở lớn Bản Tình. Hai ngài song song giảng nói hai Bộ luận, trước giảng Luận Đại Trí Độ, sau phát Tạp Tâm. Cự đối kinh địch bén nhọn, thấy đều tan mật. Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Kế ở Châu Đô, là người tài giỏi ở Lương Hà, là Cao Tăng của Yên Ngụy, ở trong chỗ ngồi, bảo với Sư rằng: “Thấy em tuổi trẻ mà tuệ ngộ vượt xa như thế, chắc chắn Đại Giáo nhờ Em mà hương thanh, danh tiếng chẳng mất!” Ở đó Sư từng giảng nói hai bộ luận

suốt hơn mười năm. Học quán như khai mở ráng mây, đàm uận như rùng sương mọc nhóm họp. Thời vận nhà Tề thay đổi trong lịch sử, nhà Bắc Chu phá hủy kinh Phật, Sư bèn lánh nạn đến góc biển, ăn mặc đồng như thế tục, lại tìm Tiểu luận, kíp động cơ trời, nghi ngờ lắng tiêu tan, đợi khiến vận sáng, gặp lúc nhà Tùy mở vận nước nhà. Mặt trời Phật lại sáng. Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc thăm hỏi, Sư mới bèn dự phần xuất gia, song có tâm chứa nhóm Ca-diên, chưa vội phô bày.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bốn (584) đời Tùy, Sư bảo với Sư Đệ là Sa-môn Chí Trạng rằng: “Tôi thông hiểu thấu suốt giáo điển Tiểu thừa, tự lường xét ngang với La-hán. Chỉ vì thời cơ chưa đến nên tạm thu gọn lại!” Ngài Chí Trạng sớm tận hưởng Pháp vị, mừng vui báo với em. Đem sự việc ấy nói với Pháp Sư Minh Ngạn. Ngài Minh Ngạn là đầu mối của Thành Thật, vốn rất mến trọng danh tiếng của Sư bèn cùng môn nhân, Đệ tử hơn ba trăm người như Hồng Cai, v.v... đích thân lo việc thỉnh mời Sư mở mang khai giảng Tâm Luận. Sư bèn duỗi thẳng chánh trời, mở mang công phu giúp đời; Mọi việc làm theo cơ, bày mưu đồ rộng bàn luận. Danh vị nhóm họp, thức giả duyên trọng, cuộn mở dưới quỳnh xưa, lập phé trước chung cùng. Đại nghĩa có hơn ngàn điều đều làm khuôn phép dẫn dắt. Còn như Ca-diên Bồn Kinh truyền làm đã lâu, trong kiên-độ Nghiệp rơi lạc mất bốn trang. Các giảng sư giảng giải không hề tìm, Sư suy lường sau trước mà tiếp nối đoạn văn ấy, lý hợp từ liền đều phù hợp với tiên tác. Ban đầu chưa mấy ai tỏ ngộ, sau có bản truyền từ Giang Tả, bèn đem ra khám xét di tích, so sánh xem xét đoạn Sư soạn, thật không có thêm bớt. Bảy giờ đều cho rằng Sư là người không ai có thể lường biết được!

Sư soạn Ca-diên Tập Tâm Luận Sớ và Quảng Sao, mỗi bộ chín quyển, thanh hành ở đời. Có đến mấy trăm vị thọ học, như ở Quận cấp có Sa-môn Hồng Ngạn, ở Triệu Quận có sa-môn Pháp Ý, ở Chương Tân có sa-môn Hoài Chánh, ở Tương Quốc có sa-môn Đạo Thâm, ở Quận Ngụy có Sa-môn Tuệ Hựu, ở Hà Gian có sa-môn Viên Sán; Tuấn Nghi; Thiện Trụ, ở Nhữ Nam có sa-môn Tuệ Ngung, ở Cao Thành có sa-môn Đạo Chiếu, ở Lạc thọ có sa-môn Minh Nho, ở Hải Đại có Sa-môn Viên Thường, ở Thượng Cốc có sa-môn Tuệ Tạng, v.v... đều là những vị như lan cúc ngang bằng, tỏa ngát hương thơm, tiếp gót truyền nghiệp. Ở các xứ sông ải giúp thắm nhuận hơn hai mươi năm. Hán Vương Lượng đời Tùy làm trấn nhậm tại Tân Dương, Ban điều vệ ký, tìm chọn các bậc Danh đức, dự có Hoảng Tuyên, Sư bèn cùng học chúng hơn bốn trăm người vâng phụng lễ tây, đồng thời nhận Vua cúng. Hán Vương Lượng mới ở bên trong cung thành, xây dựng Tử thành, thiết đặt Linh tháp, riêng lập Tinh xá, đề tên là chùa Nội Thành, dẫn Sư đến trụ ở đó, nay tức là Chùa Khai Nghĩa. Thăm hỏi rất ân cần, lại thêm lễ trọng.

Vương Lượng lại bảo Thượng-Khai-Phủ-Tư-Nghi-Tham-Quân Vương Phả tuyên giáo rằng: “ít có người hoàn bị là làm con Vua cha Dân đến chấp chính nhiều như vậy. Triệu thỉnh các Pháp Sư v.v... xa đến ban chỉ. Đạo không bị thời vận làm suy hư hẳn là nhờ sức người mở mang, chính vì muốn mở mang Phật giáo, khiến mặt trời Trí tuệ chiếu soi trong sáng, muôn triệu thứ dân được nương nhờ năng lực của giáo pháp. Nên chọn cử những vị nghiệp hạnh lớn đến chùa Đại hưng Quốc tuyên dương Chánh Pháp”. Bấy giờ, cả Đại chúng lại suy cử Sư, đã lãnh dự kinh luân tức mở mang răn dạy. Sư trước nêu Đại Luận, sau cùng giảng nói Tiểu thừa, biện rớt như nước chảy, tiếng xướng như trống trời, ba thừa đều nhanh chóng, bốn bộ kíp đầy đủ. Hơn năm mươi vị mà ai cũng biết tên như là Sa-môn Tuệ Đạt, Pháp Cảnh, Pháp Lăng, Thập lực, Viên Kinh, Pháp Đạt, Trí Khải, Tăng Loan, Tăng Tạng, Tĩnh Quán, Thật Siêu, Thần Tố, Đạo Kiệt v.v... đều nổi tiếng khắp chín xứ, tỏ rạng đức ở năm thừa, tinh nghiêm thấu cùng Giáo điển nội ngoại, lãnh chúng giáo hóa mỗi phương, đều tiêu tan bỉ luận ở trong Pháp tịch, dứt sạch nghi bít nơi lý tế.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban chiếu tìm mời Vương Lượng vào Phụ, Vương Lượng bèn nhóm họp chư tăng mà thưa rằng: “Nay phải có 1 vị Pháp Sư thần giải cao đệ, có thể cùng với Quả nhân vào triều, phảng kháng lại luận Kinh Hoa, truyền bá phong hóa Đạo tục”. Chư tăng đều nhìn nhau, chưa có vị nào đối đáp. Vương Lượng nói tiếp: “Như chỗ xét của tôi nay có Pháp Sư Chí Niệm có khả năng kham nhận trong việc chọn lựa này”. Sư bèn cùng Vương Lượng đồng đi. Đã đến chón kinh đô, rùng thiềm mở giảng. Vương Lượng tự làm Đàn Việt, xây dựng trường giảng. Sư lên Pháp tòa, chấn động giảng truyền, đáp khắp bốn phía đều như băng tiêu. Thanh Luận từ từ chuyển vận, các mối nghi dần tan. Do đó, các hàng môn nhân kính mến giáo nghĩa hòm kính khắp chín đường đều cùng mặt khuôn phép. Trải qua thời gian hơn trăm ngày, hưng thịnh mở giảng điều chúng chưa hề nghe. Vương Lượng lại cùng Sư đồng về lại Tinh Châu. Học chúng ở Tấn Dương chờ đợi kính tưởng Lai Nghi. Vương Lượng lại ban xuất giáo lệnh cử Sư trụ chùa Bảo Cơ khai giảng truyền trao. Phương diện ngàn dặm, Pháp tòa liền âm. Sư cầm quyền kinh nương thừa diệu chỉ cùng bước lên giai vị.

Gặp lúc nhà Tùy cao vời Yên giá, trong ngoài nghi ngờ lẫn nhau, Hán Vương Lượng riêng bày Cảnh Vực, cử binh đánh vùng Hải lục. Sư thừa dịp bèn trở về quê cũ, cùng các Sa-môn Minh Không, v.v... giảng tuyện hai bộ luận, các hàng nổi nghiệp ở thương minh trông theo Đạo phong đều nhóm họp. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, yêu khí vệt tan, vời dẫn

Nghĩa học, mặt trời tuệ sáng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban chiếu đến thỉnh, nhưng Sư cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ bốn (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại Thương thổ, thọ bảy mươi bốn tuổi. Thái Thú Bột Hải là Kim Tử Quang lục Đại phu Lịch Dương Công Tổng nguyên lượng cùng các hàng tăng tục đều như gặp phải lễ tang người thân, Vì đó xây dựng Tháp báu. Pháp Sư Đạo Cơ trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu là bậc tuệ giải thông triệt, thiên tập có cơ sở, bèn vì biết thuật lại hành trạng của Sư, trích dẫn xưa nay, văn chất hiện còn.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh

Thích Trí Cự, họ Ngô, người ở Quận Ngô. Tánh tình Sư trang trọng, khéo giỏi cơ hội, dung mạo khôi ngô, thanh nhã đáng làm tiêu biểu cho mọi người. Sư lại giỏi các kiểu chữ Lệ, chữ Thảo, riêng sư thích Văn Chương. Những lúc gặp được khách, Sư liền chuyên chú hứng thú tiếp nhật sắc thái, bày ngôn từ, tung hoành khen ngợi, đồng nghĩ như sương rơi lá tả, mà nghi quỹ hiển tư Sư không hề men theo dòng tục.

Ban đầu, Sư nghe Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng pháp. Sư xét sâu đến cùng, tài học trùm cả các vị tài giỏi đương thời, mà thần khí Sư nêu cao vượt ngoài tình vật, oai nghi rõ ràng, dung nghi khoan thái. Tuy ở nơi phòng ngủ rộng rang, Sư vẫn giữ tiết tháo không thay đổi. Có người riêng dò xét suốt hai tháng theo Sư khổ nhọc, ở giữa đồng không mà Sư vẫn nhiếp giữ y, không thấy sao y, mừng vì Sư cẩn thận, vì thế nên kính trọng. Sư giảng bốn bộ luận, kinh Đại Phẩm, mở suốt u phủ, soi sáng nhận biết tông quy, bày giải Kim Lăng, vọng trông phong cốt mà chóng khiếp sợ. Sư nhã nạp cơ biến thích hợp đối với đương thời. Mở lớn sự tốt đẹp ở Chiết đông, giữa mài học trước, giúp cho những người thành khí ở những vùng võ Huyệt, Tây vụ rất đông nhiều.

Về sau, Sư trụ chùa Kiến Sơ ở quê cũ, lại giảng tam luận, thỉnh chúng thường đông đến trăm người. Thứ sử Tương Châu là Võ Sơn Công Quách Diễn là Lương Tể của đời Tùy, mở lập đền Nam Phiên, phụng kính thừa hỏi ban tình quy cấm. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy lúc trấn giữ Dương Việt, góp nhật nêu tội các bậc Anh Linh, mà vinh dự của Sư đã khắp cùng Đông Âu, tiếng tăm lưu vang đến Tây Sở, Vua mời Sư trụ chùa Tuệ Nhật, Sư sinh hoạt khác người thường, mà giữ chí vượt chúng, mở lời thì thành khuôn phép cho đời. Sư muốn khiến đạo pháp lan tỏa khắp Đế lý, học hạnh thấm nhuận cả Tần-Xuyên.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư lại dời quan nhượng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư trụ chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô. Mọi sự cúng dường đều do Tấn Quốc, dạy bảo thừa hỏi lớn nhiều đặt trong phòng đẹp, kết bạn cùng các bậc Minh đức, tài giỏi một thời, đều là ở khắp bốn Biển tìm nêu khuôn phép, đặt lập trong sáng đẹp xinh, chẳng sánh với đồng bạn, chóng nghĩ sâu tìm không điều nhỏ gì chẳng xét. Bên ngoài lấy có bệnh mà chối từ, bên trong thật sự đều thông. Hạnh nghiệp đua tranh 6 thời, nghiên cùng tinh thông chín bộ. Vừa mới có buồn ngủ thì xem hứng thi phú, thời gian dần hết, ngoài ra tiện trông xem lưu lược. Ngài soạn Trung Luận số chỉ giải thích văn kệ, ngài Thanh Mục tiêu dung, bị lậu mà khinh thường, Sư thường giảng đàm đầu mỗi trong sáng, đến tận tông trí, thanh nhàn đàm lược Đạo phong của ngài Đàm Ảnh, nghĩa sâu xa, văn sắc bén, rất có khí lượng của ngài Hồng Yển.

Bấy giờ, có Sa-môn Cát Tạng là bạn đồng một thầy với Sư, vốn học từ Lăng Công ở chùa Hưng Hoàng, Oai danh ngang hàng, văn vẻ rộng xa. Song, với Sư thì thật vượt hơn. Do đó mỗi lúc giảng vua đều soạn lời tựa mới, Văn từ đều khác chẳng đồng. Kinh hoa đức lớn, tận hưởng vị Đạo rộng nhiều, nhưng tánh Sư ít quen lờn bên ngoài, khoá lược ưa thích văn từ, tự chẳng nhóm họp chúng thì chưa từng xem xét.

Đến tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi hai tuổi, an táng ở phía Nam Kinh Giao. Sư có môn nhân đệ tử là ngài Tuệ Cảm và Tuệ Trách, đích thân được chỉ dạy, thừa hỏi chỗ có kết quy. Sau Sư ở hai bên sông an trú hoằng hóa, mỗi vị tự dẫn bạn học đồng môn xuất chúng cả trăm người, nối tiếp Tông tịch, chẳng trái với đầu mối để lại.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại Đạo tràng Tĩnh Pháp ở Tây Kinh

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Từ lâu chứa nhóm hun đúc điều nghe, sớm thành tuệ lực. Tuổi tuy còn nhỏ mà đức hạnh dường như Lão thành. Do đó cũng tìm học Nho Môn, trải khắp xem cùng Huyền tứ. Tuy chưa rốt cùng văn cú ấy nhưng sơ lược đã thành đạt chỉ quy. Sư tự nói rằng: “Nơi có thể gá tâm dưỡng chí, chỉ có Phật Pháp?”

Năm mười bốn tuổi, Sư xuống tóc xuất gia làm đệ tử Pháp sư Đàm Diên là Sa-môn Đại Chiêu huyền thông. Sư lưu tâm nơi các bậc Tông tượng, xem xét sự hoằng hóa của các bậc thầy. Năm mười tám tuổi, Sư bèn giảng Kinh Niết-bàn đến những điểm năm Hạnh, mười đức, hai tịnh, ba điểm. Văn từ ý chỉ thấu hiểu, ngôn từ sắc thái dồi dào Thọ giới cụ túc xong, Sư bèn nhàm

chán huyền não phiền phức, ẩn vết nơi núi rừng, chuyên sùng thiền nghiệp. Sư trụ tại núi Phục Độc thuộc xứ Hoàng Nông. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời bắc Chu ngang tàng tứ ý phá hủy nhân từ, Sư bèn lánh nạn đến đất Tề rồi vào đất Trần. Giới phẩm vẫn không khuyết thiếu, y pháp không buông xả. Lại tham cứu nghe giảng Nhiếp Luận, nghiên cứu cùng tận chỉ thú.

Đến lúc nhà Tùy chế định Thiên hạ, Sư mới đến Kinh Ấp. Chị ruột của Vua Văn Đế (Dương Khiêm) là Công chúa Thành An Trường là người có sự xét soi hiểu biết đến người, kính trọng Đức lớn của Sư mà vì xây dựng già-lam, Sư bèn nhận thọ và trụ ở đó, nay tức là chùa Tĩnh Pháp. Sư theo thời khoa chuyên giảng bốn bộ, Tam học đều mở mang. Môn nhân, đệ tử đông đúc đến nay vẫn lưu truyền tốt đẹp. Sau đó, Sư lại ưa thích mến trọng Định hạnh, chẳng ưa giảng nói, im lặng tự tu, chỉ lấy Đạo là mục đích, không ý cật tiếng tăm lớn lao, không vọng nói phù sức. Trúc tâm là Đạo tràng chính ở nơi Sư.

Từ trong khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy về trước, Vua Văn Đế thường ban ân thư phân bố Xá-lợi và thường cảm ứng điềm lành đặc biệt. Và cũng thường có những sự tốt đẹp đó, nên trong cảm ứng truyện có chép: “Ban đầu ngài xây dựng tháp tại chùa Hằng Nhạc ở Định Châu, phía trái của nền tháp có chỗ trong sạch gọi tên là Long Uyên, nước ở đó chẳng chảy, sâu lắng bờ cao. Đến lúc sắp đặt tháp thì nước liền gợn sóng tuôn vọt tràn khắp cả đất liền sông ngòi. Những người lớn tuổi tương truyền rằng: Nước ở đó khô cạn hay tuôn chảy bất thường. Chỉ có việc lành cùng gieo, hẳn liền thấm chảy tuôn tràn”. Sư có những sự cảm ứng đại loại như thế.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Thập Thiện ở Hùng Châu. Có người chân bị cà kheo thành cố tật đã mấy mươi năm, nghe Xá-lợi ban đầu mới rước đến, bèn đến lễ sám với tâm rất mực thành khẩn, bỗng nhiên được bình phục trở lại, nhẹ nhàng mạnh khoẻ mà trở về. Lâu sau, gặp lúc nắng hạn bụi bay khắp trời, lại chiêu cảm có đầm nước ngọt, đất như dầu bôi thoa. Mặt trời sáng tỏ trong lành giữa hư không, sống lại đến mấy muôn người.

Đến ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi bảy tuổi. Ban đầu, lúc bệnh trở nặng, Sư bảo các môn nhân Đệ tử rằng: “Tôi nghe trên đòndong dưới mái nhà, lượn hẹpcủa người sống, trong quan ngoài quách là vòng ràng buộc của thế giới. Đã khổ luy hình hài bởi gông cùm, cũng ngại mối lo lớn cho người đời. Đâu nên nhận lấy lễ nghĩa ở huyền trần, bó chọn đất nhà chôn cất phiền phức. Nên đưa vào rừng an táng, nên noi theo người trước bỏ thí cho các loài hữu tình!” Đệ tử tôn kính khuôn phép đức hạnh của Sư bèn vâng theo

mà thân nhật Di cốt, xây dựng tháp thờ tại đỉnh núi Chung Nam, tức ngọn núi phía trước chùa Chí tướng, khắc đá xây dựng bia minh nơi chỗ tháp để cúng dường tưởng nhớ.

Từ lúc Sư đến xây dựng chùa, mục đích là chuyên việc hộ trì, ân cần nhiếp hóa tăng luân, mời đón tân khách. Những lúc gặp năm xấu, Sư liền cứu giúp đến nổi tiếng vang chấn động khắp cả Kinh Ấp v.v...

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Biện Nghĩa trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh

Thích Biện Nghĩa, họ Mã, người ở xứ Thanh Hà thuộc Bối Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, trầm tĩnh, ít can dự việc đời, chỉ có tâm nông hậu, cùng người giao kết lâu dài mà thường độc lòng tôn kính, mở lời không hề bùng bùng nóng giận, điềm nhiên lừng xa.

Ban đầu, Sư quy hướng nương tựa Luận sư Du, cầu học luận Tạp Tâm, thông suốt Văn nghĩa. Vừa mới hai mươi tuổi, Sư bèn giảng nói, y cứ vào Pháp truyền Đạo, vặn hỏi thắc mắc tung hoành, Sư tùy theo điều hỏi mà phân chiết, không hề để sót đầu mối. Có sa-môn Đàm Tán, là bậc tuệ giải vượt người xưa, danh trọng ở đương thời, nghe Sư khai giảng luận, liền đến thưa hỏi. Qua lại hơn mười phen, không còn tiếp nối sau, Sư bảo: “Lý nghĩa chưa cùng, sao chẳng luận hết?” Ngài Đàm Tán nói: “Tôi vẫn nạn người hỏi chẳng quá mười câu, mà nay ông đáp thể chưa hết, còn biết trình bày sao?” Từ đó, tiếng tăm Sư vang khắp Lương hà, làm bậc xứng thủ.

Gặp lúc trang sử nhà Tề đã đến tờ cuối cùng, nhà Bắc Chu phá bên Đạo, Sư bèn theo hướng nam đi đến Kiến Nghiệp truyền bá Tiểu luận, thường đòi tiếng tăm làm hưng long ở Trung thổ. Đến lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đòi Tùy tìm chọn những bậc Danh đức, thỉnh Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư nổi tiếng về nghĩa học bèn đến Quan phụ, hỏi bàn quyết nghị thường ngày chẳng trông pháp tịch. Các bậc tài giỏi đức hạnh ở chốn kinh đô, như sa-môn Đàm Cung, Đạo phủ cho đến Trách Tịnh, v.v... đều cầm vặn dò hỏi, luận bàn thấu cùng sâu ẩn, và đều chưa hết nỗi lòng của Sư. Sau, gặp lúc thời thế tỏ sáng, trong chùa có lắm bậc cao đạt, một chỗ có năm tài giảng thường là Pháp Luân, Sư đều đi quanh khắp, trông xem rõ ràng chiết trung hoằng lý, mà ẩn hình tiêu danh, chẳng mắc lỗi ở trước, hẳn có người ứng cơ rơi lạc đầu mối, đều thông dong từ nhượng, không lý do nào mà thôi lui. Sư không muốn nêu bày lỗi trước, nên các bậc Anh hùng kính Sư chặn giúp của Sư, lan tỏa hương thơm lại rất vượt xưa.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tùy Hán Vương Lương Xa đón rước pháp sư Chí Niệm đến thất Hoa Kinh. Vương Lương muốn tự khoe trí thuật của mình, bèn ở tại chùa Thiên lâm mở lập Pháp tập, làm cho các hàng Tam Phụ Cao Triết đều nghỉ giảng mà đồng quy hướng. Sư ở bên cạnh Pháp Diên ấy, nhận hiểu do đó gây ra bèn dùng sự vướng mắc của tình cảm, đối đáp mà hỏi. Trước sau suốt ba ngày đều im lặng chẳng đáp. Pháp sư Chí Niệm ở ngay Pháp tòa bảo rằng: “Với điều hỏi ấy là đồng nghi. Xin ở dưới tòa lại hỏi xét chí ấy”. Sư ngậm ấn dung đức ở đời, ít cùng noi theo. Đến lúc thấy tuệ phát cũng chẳng nghĩ mong, khắp cả kinh kỳ đều lắng thần truyền nghe, sự hiển bày ẩn hời của Sư đều đại loại như thế.

Vua Dương Đế (Dương Quảng, đời Tùy) xưa kia khi ở tại Xuân Cung, Hiền Hậu qua đời, có thỉnh hơn bốn mươi vị Đại đức ở chùa Nhật Nghiêm, đều là những bậc Tông sư ở khắp bốn Biển, đồng một lúc nổi tiếng. Đến lúc Sư đối đáp nêu bày huyền lý, bút lấp tâm trời. Sa-môn Đạo nhạc dạy y theo Câu-xá, đã không thầy thọ học, có hiểu cũng chẳng theo. Hễ có điều nghi bàn luận đều mang theo mà nhận lấy sự quyết trách. Ngài Đạo Nhạc thường than rằng: “Tôi mở rộng Đối Pháp, chỉ có Sư mở mang được giềng mối!” Nên mọi người đều nghe tốt lành, thấy xứng với Anh đạt.

Bảy giờ, có hơn ba trăm Sa-môn như Trí Cự, Cát Tạng, Tuệ Thừa, v.v... đều là những bậc rất được vua Dương Đế khâm phục kính trọng, đồng ở tại chùa Nhật Nghiêm, thỉnh Sư khai giảng luận Tạp Tâm, đoái hoài chẳng đua tranh. Sư bèn đến chỗ ngồi đầu, đã đối cùng tiền đạt, chẳng việc nương gá Văn, nêu lên cương lĩnh nhỏ nhiệm, nêu hợp với thể tánh sâu xa. Bàn nói huyền cực, chẳng hay biết thời gian kéo dài. Sư rất được các bậc Hiền giả ở đương thời mến trọng như thế.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư bị bệnh và thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng tại phía Nam Kinh Giao, Đông Cung Xá Nhân Trịnh Đĩnh dựng Bia tụng.

Ban đầu, vào niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc rước xá-lợi đến chùa Bảo Dung ở Bồn Châu. Khi đã đến châu Trì, bỗng nhiên phát ra ánh sáng. Sa-môn Trí Diệu ở trong chùa ấy trước có chín phần Xá-lợi, sắp vào nơi đạo tràng, số đó lại thêm được mười hai phần, lại phát ra ánh sáng. Tuy theo duyên niệm của mỗi người mà màu sắc tướng trạng chẳng đồng. Xanh, hồng, tím, trắng cùng một lúc mà thấy khác. Hoặc tôn tượng Phật, hình bóng chư tăng chập chùng xuất hiện. Trước sau phát ra ánh sáng hơn mặt trời mấy lần. Đến đêm sắp nhập tháp, ở trên nền tháp lại có phát ra hơi khí màu vàng tím cách đất khoảng bốn thước. Sau đêm khóa lập bằng lại phát ra ánh sáng rực rỡ, trên suốt tới trời sao, dưới khắp cùng thành ấp, khắp

cả địa vực đều tôn kính vui mừng đối với điềm lành đó. Đến cuối mùa Xuân niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại vâng sắc đến chùa Lương Tĩnh ở Độc Sơn thuộc Lô Châu xây dựng ngôi tháp. Ban đầu, ngài cùng Quan nhân đi xem xét thiết đặt chỗ đất đi đến núi đó, bỗng nhiên có một con nai lớn từ núi chạy xuống, đến đón rước Sư, tíu tíu qua lại, không tỏ vẻ sợ hãi. Ở đó đã cao thoáng, chỉ có điều là nước ít. Tăng chúng khó đủ dùng. Vốn có một dòng suối do Thiên sư Tăng sán đốt hương cầu nước, nhân đó mà có. Sau khi ngài Tăng Xán thị tịch, suối bèn khô cạn không có nước chảy đã nhiều năm. Đến lúc Sư sắp phủng nghi thiết đặt chỉ trong thời gian một đêm mà suối khô trở lại tuôn chảy. Kẻ tăng người tục thấy đều vui mừng. Lại đến khi đập phá chùa xây dựng nền móng, có mấy lần phát ra ánh sáng rực rỡ, tướng trạng như lửa, như sấm chớp nhiều quanh đạo tràng, soi chiếu khắp thành quách, quan Dân cùng trông thấy, cùng khen ngợi ít có.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Minh Thuần trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở Tây Kinh

Thích Minh Thuần, họ Trương, người ở xứ Thanh Châu. Thuở thiếu thời, Sư học khắp kinh tịch, riêng nhờ Luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng. Sư lần lượt tụng văn hơn sáu mươi quyển, thông hiểu Đại Chi, nổi tiếng khắp Hải tân, Tuệ giải liên hoàn, người đời tôn xưng là bậc tài giỏi.

Gặp lúc giáo pháp bị phá diệt, Sư bèn đi về hướng Nam đến Kiến nghiệp, dừng ở bất thường, đi khắp các Pháp tịch. Sau, Sư đến Giang Bắc trụ chùa An lạc. Bảy giờ, hoàng chương Luận phủ tứ ý Kinh Vương. Đại thừa Tiểu thừa đều nhân chuẩn đích. Hưng thanh vì các bậc tài giỏi ở đương thời tham cứu. Bảy giờ, có Sa-môn Biện Thừa là bậc biện kháng ở Hoài Dương, nghĩa kết quy có đầu mối, tìm theo Sư chỉ trích Luận Đại Trí Độ, định chế Tông yếu cương lĩnh, vì thế mà mở mang Đạo Pháp, nhiều năm gá ý, chưa qua trọn đêm mà nằm mộng thấy Minh quan nêu trách Phước nghiệp. Sư đáp rằng: “Giảng Luận Đại Trí Độ và tụng Bản văn hơn sáu mươi quyển”. Minh Quan bảo: “Giảng giải luống dối, tụng văn thì thật, tuổi thọ chưa hết, nên thả cho trở về”. Đến lúc thức giấc, Sư bèn nghỉ việc giảng luận, chỉ riêng tu nghiệp. Sau cùng, Sư được Tấn Vương thỉnh vào Kinh Liễu trụ chùa Nhật Nghiêm. Dứt việc truyền Đăng, sau rõ được bản Tâm.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp, cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Phước Điền ở Kỳ Châu. Chùa đó cách Châu ba dặm về phía Bắc nằm trên núi Cổ Xuy. Những lúc trời mưa mờ tối làm tăng thêm ảnh hưởng của tiếng trống sùng, do đó mà đặt tên như vậy. Có rừng trúc dày đặc, hang hố trùng điệp. Chỉ có một con

đường mới có thể thông xe. Chùa ở trong rừng sâu rất nhàn tản. Chùa đó do vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, ba viện liên tiếp. Trên đỉnh cao nhất có một Viện tên là Thiên Cư, do Sa-môn Pháp Tấn ở Triệu Châu xây dựng. Đứng nhìn xuống mây móc, đến lúc sáng sớm mặt trời ló dạng, trông thấy mây giăng bủa, phía trên có chùa tiên, thường ngày như vậy, thật là cảnh đẹp ít có trên đời! Sư xét thế đường đi ở núi chỉ có nơi ấy mới là xinh đẹp, an trí linh tháp trong Thứ viện. Đào dưới nền móng sâu tới ba thước, gặp một con rắn nhỏ mình dài hơn một thước, có năm màu. Sư bèn cầu chúc rằng: “Nếu thật là tướng tốt thì hãy dừng trong hộp hương!” Con Rắn bèn y theo lời Sư nói mà bò vào hộp hương, đưa đi chỗ khác, nó liền trở lại, dừng nghỉ được ba ngày thì biến mất. Lại đào sâu thêm một thước, thì có được tảng đá vuông, rộng mỗi bề khoảng một trượng năm, hình sắc như gấm, góc cạnh sắc sảo như do người tạo nên. Sư bèn đặt Hộp đá lên trên, rồi xây tháp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Kinh, thọ sáu mươi tuổi. Sư có môn nhân là sa-môn Tuệ Tướng, là người có tiếng tăm, tôn sùng nối tiếp Quyết nghiệp, nổi tiếng khắp xứ Giang Đô.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Trí Phạm trụ tại Đạo tràng Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Trí Phạm, họ Phong, người ở xứ Điều thuộc Bột Hải. Sau, nhân ông nội Sư qua đời nên đến làng Lương thuộc quận Trác. Sư cao vợ tốt đẹp, sớm tỏ ngộ biết chỗ quy tín.

Năm mười hai tuổi, Sư đến Quận Hà Gian, gặp Thiên sư Linh Giản. Liền xin xuất gia, sau đó đến Nghiệp Đô thọ học, Sư nương văn các Bộ Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa v.v... đồng thời thương mến ý vị mở rộng yếu Chỉ, ôn tập chân tánh, ảnh hưởng sự tài giỏi vượt xa. Đồng bạn đều quy tông. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đích thân đảm nhận việc dẫn dạy của thầy, sau mang roi trượng đi khắp Hào hàm, hoằng hóa khắp cả kinh nhưỡng, liên tiếp trải qua hai năm làm lợi ích rộng nhiều. Sư nhóm chúng đến pháp diên như sao giăng đất vua.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Thiên Thủy và Phù Phong là hai cảnh đẹp. Mọi người nghe được Đạo nghiệp của Sư, bèn đua nhau đến cầu thỉnh. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc chấp thuận. Sư ở thuyền xuy hư, nghỉ giúp Thiên Thủy, hoằng dương Đạo hóa, mọi người kính tin theo về như gió. Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Ngụy Quyết, giảng truyền Chánh Pháp, đồ chúng nương theo đông như mây nhóm. Sư khai mở tuyển, phân tích văn từ đều truyền nghĩa chỉ. Tháng ba năm đó, Sư vâng sắc đến xây tháp tại chùa Bảo Hương ở Dĩnh

Châu ở phía Đông tháp nước chảy có được tám con rùa có lông, trong ao ở phía Đông nền chùa lại có được tám con, đều có lớn nhỏ tương tự ở thế gian không khác, chỉ có lông màu xanh lục dài độ ba phân, trên lưng lông mọc bày ngang năm hàng, có ánh sáng khác lạ, đưa ra khỏi nước thì chỉ thấy mai vỏ màu lục, thả vào nước thì lông mọc rõ ràng thẳng đứng. Sư bèn viết kệ đầy đủ để tấu trình. Do đó truyền thật khắp Sở đô, biết tên Đế quyết. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy. Sư lại vâng chiếu đến trụ chùa Thiên Định, lắng duyên nhiếp tướng, không chín (613) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Trước lúc thị tịch Sư căn dặn thí thân. Môn nhân Đệ tử vâng theo Di Chi bèn đưa Nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Sau đó thân nhật di cốt còn lại tôn trí vào Tháp. Phía ngoài có khắc Minh Văn, đến nay vẫn còn truyền.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tĩnh Uyên trụ tại Đạo tràng Chí tướng, ở núi Chung Nam

Thích Tĩnh Uyên, họ Triệu, người ở xứ Võ Công thuộc Kinh Triệu. Gia đình giàu sang, mũ lọng tương thừa. Nhàm chán sự phù giả ấy, Sư mong nghe được sự trong trắng trình thuần.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đạo nghiệp rộng bày, định tuệ vang xa. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp nhưng giới đức Sư vẫn không hủy phạm. Bụi ngùi cho ánh sáng mặt trời Phật bị đấm chìm, Sư nghĩ phải móc mắt liệt bày, liền móc mắt mà phụng dưỡng, dùng để tiêu biểu ánh sáng của đèn Tuệ. Nhưng u tình cảm thông bèn toại quả tâm nguyện. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy trùng hưng chánh pháp, Sư liền vào hàng xuất gia, tuệ nghiệp xa khắp, Văn trì chẳng đồng loại, từ các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Trì, Niết-bàn, Thập Địa, v.v... Sư đều chỉ nghe một lần thì không rơi lạc, qua tai liền giảng nói. Đã giải quyết các mối nghi ngờ, người đương thời đều thán phục. Sư đi luôn nhìn thẳng, động tĩnh đều an, đứng thì an thiên duyên vào các Pháp Chỉ Quán, chỉ mang theo mình một chiếc bình bát và Y Bá nạp, hành tập từ đầu đến cuối, thường ngồi ở chung với núi báo nghiêng bèn ngừng, hiềm nghi có liên quan thì buộc chân chẳng đi. Các nơi chùa Ni và phố chợ ồn ào, từ trước đến giờ Sư chưa từng bước đến. Đó thật là tiết tháo nhắc thức cho hàng hậu côn, cố gắng lắng trong ở thời mạt Pháp. Thêm nữa, các điều đúng sai, phải quấy Sư không để lòng. Cúng cấp chur tăng, tự thân Sư làm khuôn phép trước cho mọi người.

Vì, Pháp Sư Linh Dụ, đang hoằng hóa tại Đông Hạ, nên Sư bèn theo mà học hỏi, Sư ở trong Pháp đường từ tối đến sáng, thân mặc vải thô, gá cảnh cuối

pháp tòa. Mắt không tìm theo Văn, miệng không bàn luận nghĩa. Các môn nhân khác cho rằng Sư thuộc hàng sơ cơ, chỉ mở đầu chưa đến tuổi. Ngài Linh Dụ ngồi nơi pháp tòa qua vài lần thấy Sư có khí độ khác thường mà chưa hẳn là tuệ giải, bèn bảo Sư vào thất để cùng luận bàn danh lý, Thần khí Sư như sấm sét, đầu mỗi tư tưởng bén nhạy, đối đáp như vang theo tiếng, thân tâm tợ sắt đá. Ngài Linh Dụ nhân đó nên ngợi khen tán thưởng, nhận làm học trò của mình, và chẳng để nghỉ chung phòng với chúng. Cùng nhau luận Đạo nói nghĩa trọn ngày thâu đêm. Cả hai tâm tình cùng chóng được u thâm. Sư cho rằng: “Lý lưu xuất, không mong lại chày vào thân phủ, xem rộng Tập lớn, toàn không có gì đáng bắt chước!” Sư bèn trở lại nơi chỗ ngài Linh Dụ mà trình bày đầy đủ tánh dục của mình. Sau đó, Sư sửa sang tiết tháo quan nhưỡng, lắng vết ở núi Chung Nam, lập chùa chiền, nhóm họp chúng, phân thời giảng đạo. Các hàng Tam phụ lệnh đạt đều quy hướng rất đông. Nơi đó tức là chùa Chí Tướng ngày nay. Sau, Ngài Linh Dụ vâng sắc thỉnh vào triều, mới có những lúc rảnh rỗi bèn đến chùa Sư, mừng vui đặc ý, nghiêng che mấy lần sửa đổi. Lại nhân sự tín của vua nên dời đường núi. Chùa vốn ở chỗ xa xôi hiểm trở lại gần nơi hang sông. Cùng mời pháp chúng chưa ngày nào đi xa. Ngài Linh Dụ chiêm đoán tại sườn núi phía Tây Nam là nơi phước địa, chẳng những chúng đến núi nối nhau mà khiến mọi sự cúng cấp cũng không thiếu. Sư bèn vâng theo, nay chùa đông đúc như thế đó. Từ đó đến nay trải qua hơn năm mươi năm, tuy có những năm hung xấu, mà mọi người đến đến chùa cúng dường vẫn không dứt. Như chỗ chỉ bày của ngài Linh Dụ đó cũng là sự sáng suốt dự kiến.

Sau, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy. Ban đầu, Sư thọ trì bình bát bằng gốm, từ lúc nhận thọ mãi đến lúc tịch, đi ở thường mang theo bên mình không hề lia bỏ. Trước lúc thị tịch mười ngày, do tây rửa nên bình bát rơi vỡ thành năm mảnh. Sư cầm lấy trên tay mà than rằng: “Bình bát vốn là mạng sống của ta, mạng duyên đã rơi lạc thì năm ấm hẳn tan rã!” Và sau đó mà Sư liền bị bệnh. Đó cũng là tướng diệt hiện trước, sau bèn phù hợp. Đến lúc Sư xả bác thọ mạng. Tiếng chuông tự nhiên hết kêu, ba năm sau mới trở lại như cũ. Đó đều do đức cảm, u hiển hiện bày điềm ứng, tất cả đều đại loại như thế.

Sư có Đệ tử là Sa-môn Pháp Lâm, sớm phụng thờ di tích, sùng kính đầu mỗi huy hoàng, bèn ngay nơi an táng Di cốt Sư dựng một ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi Phật, để làm bên bờ Linh Đức, dựng lập bia minh để nói lên ý chí của Sư.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ tại chùa Thắng Quang ở Kinh Đô

Thích Đạo Tông, họ Tôn, người ở xứ Tức Mặc thuộc Lai Châu. Thờ thiếu thời, Sư theo Pháp sư Đạo Tráng chùa Đạo Tạng, học thông các kinh luận. Ngài Đạo Tráng là bậc minh đạt thức tuệ, nêu cử khắp sông biển, tiếng tăm vang khắp Nam Bắc. Sư định lập các nghĩa: bốn thứ A-lại-da, Văn Huân, Giải Thánh, Phật Quả, v.v... rộng như ở Biệt Truyện. Sư thọ học các kinh luận như; Luận Đại Trí Độ, Kinh Thập Địa, Kinh Địa Trì, Luận Thành Thật, Tỳ-đàm v.v... Đại thừa, Tiểu thừa thầy đều thông hiểu.

Về sau, Sư trụ tại chùa Du Đức ở trong Châu. Chùa đó do chính Sư xây dựng, phòng nhà vườn viện đều là kinh luận. Thanh danh Sư oai hùng vang xa, các hàng tăng tục đều kính ngưỡng. Đến lúc Sư giảng Luận Đại Trí Độ thì trời rải các thứ hoa như mưa vòng quanh giảng đường, bay vào trong cửa phòng, nhưng chẳng rơi tới đất, hồi lâu lại bay đi, cả chúng đều kinh lạ, ngợi khen diễm lành ít có! Sư tuy tận mắt thấy từ đầu nhưng không hề lấy làm lạ, vẫn giảng nói như lúc đầu. Sau chẳng kể lại, mọi người bấy giờ càng kính Phục độ lượng Sư cao xa. Sau, Sư lại đến ở chùa Tuệ Nhật. Các vị tài giỏi đồng nhóm họp, đều cùng suy tôn. Sư thường giảng Luận Thành Thật, mở mang cho hàng hậu học. Vua Ngụy Trịnh rất tôn trọng kính ngưỡng, lễ hỏi rất trọng hậu nhiều. Thượng Thanh, Đông Hạ lại kính trọng Đức hạnh trong sạch của Sư, bèn thỉnh Sư vào Tây Kinh, trụ chùa Thắng Quang. Lại mời vào cung Hoàng Nghĩa, suốt đêm Pháp Tập, các hậu phi cùng trăm Quan đều theo nép nghe. Sư giảng bày mới lạ, chấn phát đạo tâm mọi người ở đương thời. Từ đó, Sư đi khắp nơi, tùy phương giảng giải không đổi thay. Tuy không thành tựu sự cứu giúp mà người học đều suy tôn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Thắng Quang, thọ sáu mươi một tuổi. Tần Phủ ban giáo tặng hai trăm vật, an táng tại đỉnh núi phía nam chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Phổ Khoáng trụ tại chùa Từ Môn ở Kinh Đô

Thích Phổ Khoáng, họ Phàn, người ở quận Phù Phong. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, nương tựa Thiền Sư Chỉ Viên thọ Sa-di. Ở núi, Sư dùng bánh bột lá Bách suốt năm năm, đọc tụng kinh giáo, ngày đêm liên tiếp. Đến lúc tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư bèn thực hành hạnh Đầu đà, đi khát thực trong nhân gian, gá nghỉ nơi rừng hoang gò mả hơn hai mươi năm, bền bỉ nghiêm nghị, cao vợi khác thường. Nói bàn đối đáp nhanh nhẹn, tự nhiên cao trội.

Sau, Sư vào xóm làng thâu thập Di Văn, nhân qua các giảng tịch nghe giảng các luận khác, vốn chưa khai giải, mà nghe thì liền hiển chương, Sư bèn dặt tâm khúc, bày luận cao tào, mở lời mời lạ, khó giải thích, mọi người đều ngợi khen Sư tài giỏi chẳng theo khuôn rập trước. Sư từng cùng vua Võ Đế

(Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đối luận mở mang Tam Bảo, phân vạch lý, khai mở thần, có tiếng tăm ở triều đình. Phật pháp được hưng thịnh, chưa nhọc nghe hiểu, Sư bèn đến Phàn xuyên thực hành hạnh Đầu-đà tự tĩnh lặng, đêm nghỉ nơi rừng lạnh. Có người tìm đòi lấy đầu Sư, Sư liền cầm dao sắp tự giết, người xin bèn thôi. Lại theo đòi lấy lỗ tai, Sư liền chặt mà ban cho. Trong niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế sắp phá hoại Phật giáo, Đạo giáo, tại Quang Trung năm chúng tao loạn chẳng an, Sư nghe thế, bèn tự thân đi đến nơi sân Vua rộng trình bày chí lý. Vua Võ Đế không nghe nhận lời đó, Sư liền lui về mà riêng tu nghiệp. Lúc bấy giờ, chùa tháp đều bị phá hoại, Sư gieo mạng chẳng theo. Xa đến thì hết sức chẳng thông, gần theo thì tâm khinh nhẹ dễ đổi. Sư bèn nhân thế tục, lặng lẽ nghỉ ở trong. Vua Võ Đế tuy phá diệt Phật giáo và Đạo giáo nhưng ý vẫn còn lưu giữ Lý thuật, bèn lại thiết lập Thông Đạo Quán có ba trăm Học sĩ cùng ở, và lựa chọn những bậc tài giỏi đặc biệt trong Phật giáo và Đạo giáo để sung vào. Vì Sư lý nghĩa tinh thông, người đương thời đều cùng đề cử. Sư bèn nhậm ở Học chánh phán đoán thời cuối làm các sinh viên. Không bao lâu phá hủy Quán, Thính Sĩ tùy tài năng mà ban nhậm. Sư sức lực yếu tự thân gắng gỏi, lương khô hạt gạo không giao, bèn cậy vào Lục Đẳng Dung, lại nhậm làm việc ở Kỳ Sơn, vâng theo lời dạy xưa, chẳng tham tình nhuộm áo, nên dùng giạ để trang sức, kiêu ngạo đến chôn Quan, cạo tóc để râu, đầu đội khăn lụa, dây thào ở dưới cằm, dùng làm khuôn phép thường. Có việc thì phán đoán, bút tuôn như nước chảy, chuyên việc liên can, nhiều người ủng hộ. Sư bèn bảo: “Ta vốn là Đạo nhân, chẳng rảnh để theo giềng mối thế tục”. Khắp trên dưới nước Bắc Chu mọi người đều gượng theo nghi độ đó. Thấy Sư thông hiểu, đáng làm người xử thế.

Khi nhà Tùy sắp phục hưng, Bò-tát tăng lập, tướng như triều phục chẳng đồng cắt tóc, đặt một trăm hai mươi quan viên, đều bao gồm theo pháp trước, răng sừng chẳng nhuộm trần tục. Sư thức đạt tổ ngộ vang vọng đứng đầu đương thời, không bao lâu lại phế bỏ. Khi Đại pháp vương hiển thì đều dự vào hàng xuất gia đồng trụ ở chùa Hưng Thiện. Sư là người quả cảm, có tài hùng mẫn, luôn đứng trước chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy đem quả chuông của Thông Đạo Quán ban tặng cho Huyền Đô Quán. Cả dòng tộc Hoàng Cân cùng dời lại sắp đến chỗ trước. Sư dẫn pháp thuộc đến cùng tranh luận, lập lý đã bình đẳng bèn lại cắt Tai. Các Đạo Sĩ trông thấy Đạo phong của Sư bèn tự giải tán, mới đem treo ở Quốc Tự (chùa nhà nước) tiếng tăm vang khắp trăm dặm. Tùy Cao Yên Giá, chùa Thiên Định đồng đúc hưng thịnh. Vua bèn thỉnh Sư trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại lên cương nhậm. Đến lúc nhà Tiền Đường

mở vận, Sư vâng phụng chiếu thư, mang chứa phương du, hằng ngày riêng cùng thấy nhau.

Đến tháng ba niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ bảy mươi ba tuổi. Sư căn dặn xả bỏ nhục thân nơi rừng núi, chẳng cần phải xây tháp. Đệ tử Sư nhật nhạo di cốt còn lại, xây tháp thờ tại đỉnh Long Trì ở Chung Nam, dựng lập bia minh để tán dương Đức hạnh của Sư, đến nay hiện còn.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Bảo Cung trụ tại Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô

Thích Bảo Cung, họ Thôi, người ở xứ Thanh Châu. Vào khoảng niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) dời Tây Tấn mới dời đến ở Kiến Nghiệp. Cha của Sư là Siêu Đạo làm thứ sử Bôn Châu.

Năm mười một tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Quỳnh, Pháp sư muốn thử thần thái của Sư, bèn đem Kinh Quán Âm mà bảo đọc tụng. Chỉ một thời trong đêm đầu, trong giây lát liền độ. Pháp Sư Quỳnh tự bảo nghe Sư tụng đọc như đã qua thời gian khoảng một tháng, và liền độ cho Sư xuất gia. Đến lúc Pháp Sư Quỳnh thị tịch, Sư mộng thấy có hai con rắn từ trong chân thầy bò ra mà bò vào chân Sư, bỗng nhiên Sư thức giấc, tự cảm thấy tâm chí mở rộng thanh nhã, thân tướng nhẹ nhàng vui vẻ. Liền đến chỗ pháp sư Triệt trụ ở chùa Khai Thiện, nghe học Luận Thành thật, nghĩa số rất nhỏ nhiệm tướng trạng như đầu con ruồi, một lần nhận lãnh tám trang chẳng để sót một chữ. Đại chúng ngang bằng có năm trăm vị đều suy tôn Sư ở đầu.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Thiền sư Tuệ Hiểu tập học định nghiệp, rõ sâu các pháp Quán hạnh, có lần được ấn chứng. Sư lại nghe Giảng Luận Thành Thật, cho là có sự tỏ ngộ khác, lại cầu sự tỏ sáng trở thành có nghi ngại. Sư bèn đem hỏi các bậc giảng tượng đều không thông hiểu. Gặp được Tung Công người nước Cao Xương khai giảng các Kinh Địa Trì, Thập Địa, nhân đó Sư theo thọ học, chưa tròn một năm mà Đại nghĩa đều tỏ sáng. Đối với các mối nghi trước lại xoá bỏ được một nửa. Sư bèn hành trì y cứ theo Kinh Địa Trì, riêng giảng Kinh Pháp Hoa, không dẫn Quy Tông, đạt được áo chỉ.

Đầu niên hiệu Chí Đức (583) đời Trần, có Thiền sư Tuệ Bồ ở Nhiếp Sơn, từ Bắc Nghiệp mới trở lại, muốn khai mở Thiền Phủ, khổ công thỉnh mời, kiến lập Đồ chúng thanh tịnh. Sư bèn tiếp ứng tiếng tăm của ngài Tuệ Bồ, tiện đó đảm nhận, dựng lập cương vị, dẫn dắt Thiền tông, nên được đạo phong cả chùa Thê Hà chẳng rời lạc, mãi đến nay vẫn tán dương ngợi khen không ngớt. Sư lại theo ngài Tuệ Bồ nghe giảng, thâm thập Tam Luận, khéo hợp

huyền ngôn, đối với các điều nghi trước thầy đều tiêu tan. Đến lúc ngài Tuệ Bồ thị tịch, tất cả đồ chúng đều giao phó cho Sư, Sư đã kế thừa di chúc bèn dẫn dắt như mới đầu. Đức hạnh Sư vốn tôn nghiêm, mọi người trông thấy đều kính sợ, sửa sang việc tăng, công đức hộ trì.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xây dựng chùa Phật, rất cần có người trông coi. Mọi người đều theo tiếng thật, dâng trạng văn tấu trình. Vua bèn ban sắc thỉnh Sư vào làm chủ đạo tràng Thiền Định. Sư làm Cương chánh Tăng Cang trong sáng chính túc nổi tiếng. Đến đời Tùy, Sư thường làm chức vụ đó. Tề Vương Giản ở đời Tùy kính phụng Đạo đức của Sư bèn đánh lễ thỉnh cầu làm thầy. Sau khi đã thọ giới, liền dâng cúng năm trăm bộ Pháp Y, nhưng Sư không nhận lấy một bộ, mà cúng dường ban rải khắp cùng.

Đến đầu thời Tiền Đường (618), Sư hướng tâm đến chốn suối đá, bèn trụ tại chùa Ngô Chân ở Lam Điền, lánh từ quan vị, gá nghỉ nơi rừng núi, sắp xếp việc chung cùng, việc ngự chúng nhiếp trì, tiếng tăm ngời sáng đến tận kinh đô. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thỉnh Sư trở lại y như cũ để coi sóc, và bèn đổi tên chùa Thiền Định thành chùa Đại Trang Nghiêm. Đến lúc đề cử mười Đức để thống nhiếp Tăng Ni, Chư Tăng khắp kinh liền đều khiếp sợ sự oai nghiêm của Sư nên chẳng dám nói gì. Vua Cao Tổ nghe thế bèn bảo rằng: “Thiền sư Bảo Cung chí hạnh trong sạch đáng làm cương thống, riêng Trầm nêu cử Ngài”. Đã làm ngôi vị đó mà khắp cả chư tăng không ai dám cùng đối mặt, Sư bèn ở bên hữu của Đại đức, chuyên gánh vác việc phán đoán, với tâm bình đẳng khiến cho chúng không oán.

Đến ngày mười chín tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi tuổi.

Ban đầu, từ thuở nhỏ Sư xuất gia nhập Đạo, chí lực vẫn luôn thường, chẳng vì lợi mà nghiêng ngã, chẳng vì oai mà lay động, tinh thuần nghiêm nghị, rất có mưu lớn. Sư từng đi qua đường núi, Hồ nép mình ở trước đường, theo bên cạnh thẳng qua, không đoái hoài đến. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, có bọn kiêu cảm khởi nghịch, trong tăng chúng có người cạnh tranh, nói cùng đồng mưu. Khi đó, Sư đang ở trong giảng đường lên Pháp tòa dựng lập nghĩa, binh lính ập đến vây quanh chật cả sân thềm. Cả chúng đều kính sợ định giải tán khỏi chỗ ngồi. Sư bảo rằng: “Tự xét không việc gì, hãy đợi luận bàn xong sẽ tự rõ đó”. Sư vẫn thông dong bàn nói, sắc mặt không đổi khác. Những điều như thế thật có rất nhiều, ở đây lược nêu một vài điều. Do đạo phong đó mà các vua của ba triều đại Trần, Tùy, Đường đều kính trọng Sư. Sau Sư thị tịch, được an táng tại phía Tây

Nam của Kinh Giao. Văn bia do Bí thư giám Tiêu Đức Ngôn thời tiền Đường soạn.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Pháp Khả trụ tại chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Pháp Khả, họ Trịnh, người ở xứ Vinh Dương. Xuất gia từ thuở nhỏ, chí lực vững bền tỏ sáng, hiểu lý Phương Quảng, thường lưu tâm phủ. Nghe ở Linh nam thuộc Thái Sơn hành Đồ thanh túc, điềm lành thường bày, xa nêu Vinh đàm nên năm chưa đến hai mươi tuổi, Sư bèn đến theo đó. Gặp được chúng ở đó tâm Sư tự mừng vui vận tốt. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư cố gắng mở mang khuôn phép, dự ở thanh huân, chuyên cơ bước lên. Sau Sư lại đi khắp các trường giảng để trông xem các tông, hề nghe được gì liền ghi chép, thường có thâu đạt trước.

Có Pháp Sư Tĩnh Uyên là bậc truyền bá đạo pháp khắp cùng ở đương thời. Các vị tài giỏi thầy đều suy tôn, nương tựa. Ngài Tĩnh Uyên thông hiểu Kinh Thập Địa, rất thấu suốt Kinh Địa Trì. Sư bèn đến theo đó, nghe giải thích, đều hiểu khắp chánh lý, vâng tu theo Chương Thái. Gặp lúc nhà Tề không tiếp nối được ngôi vị. Nhà Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn đi về hướng nam đi đến Giang Âm, nương gá ở Kiến Nghiệp, nghe học thâm thập mới lạ, soi xét giữ vững thần tâm, nhiếp nghĩ duyên cầu, phỏng các cây Tất. Sau khi nhà Trần bình trị, Sư trở lại phương Bắc trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô. Có Cư sĩ Tào Tỳ thông hiểu Nhiếp Luận, tiếp thừa từ ngài Chân Đế. Sư bèn dốc cả ba nghiệp quy theo Văn Nghĩa thỉnh quyết, tự mở bày thắng tướng, lập những điều đã nghe. Tào Tỳ tự nghe thế, sợ có lỗi sai sót. Sư thường từ nghĩa ân phát minh phô bày đã xứng thỏa đáng. Tào Tỳ đều chấp tay ngợi khen.

Vua Dương Đế (Dương Quảng) Tấn phiên đời Tùy, xưa trấn tại Dương Việt, tìm mời các bậc Danh khí đến trụ ở chùa Nhật Nghiêm. Vì Sư đạo hạnh thâm khắp giang nhục, sắp muốn anh hoa Kinh Bộ mới thỉnh mời làm cho hưng thịnh. Khi đã đến Bồn tự, rất nồng hậu cúng dường kính lễ, thịnh nghiệp trùm khắp, gá tâm nơi Chỉ Quán. Bấy giờ, lại khai đạo giảng nói Duy thức, hưởng vị Đức lễ sám. Tốt lành càng biếng học, Sư chóng xoay chuyển tâm người.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được điềm lành, bèn thỉnh các bậc Danh tăng, dùng thêm Tượng hóa, ban sắc cử Sư đến Tuyên Châu an trí xá-lợi. Sư bèn vâng sắc đến đó, thống nhiếp đầu mối phong cách nước nhà, đào luyện dẫn dắt kẻ tăng người tục. Mọi người sửa đổi nhờ năng lực hoàng hóa, quay về chánh pháp số lượng rất đông. Ban đầu, vào tháng giêng, ngày Vua ban sắc thì tại chỗ đất của Quan

Thương trong thành ở Tuyên Châu ban đêm phát ra ánh sáng các màu sắc hồng đỏ đều tỏa phát, sáng rực cao tới năm trượng, rộng khoảng một trượng. Quân nhân, Quân phòng hơn ngàn người đồng một lúc chạy đến, cho là lửa cháy, nhưng đến Thương sở thì thật là ánh sáng. Có người già lớn tuổi truyền rằng: “Thương đây vốn là chùa cũ Vĩnh An”. Hôm sau, chùa Vĩnh An ngày nay phỏng nơi thiết đặt tháp lại phát ra ánh sáng như trước không khác. Đại chúng đều không hiểu việc ấy. Đến tháng ba, Sư đến Tuyên Châu, tạm dừng ở Công Quán. Xét đến chỗ thích hợp đặt để tất cả đều âm thấp, trên cả một châu không nơi nào hơn Vĩnh An. Đã dự tỏa phát ra ánh sáng đọi nhân xây dựng tháp. Sư lại bảo đào chỗ phát ra ánh sáng của Thương, quả nhiên có được một hộp đá, giống như hình dạng Cổ Quan tài, chẳng cần phải sửa tạo, nhân đó mà tôn trí Xá-lợi. Lại chiêu cảm rải mưa cam lộ ngưng đọng trên cành cây, có mùi thơm ngọt khác lạ ở đời. Lại cảm một nhánh cỏ chi màu tím mọc trên vách tường của nhà tôn trí Xá-lợi, có chín cành cuộn khúc ánh sáng sắc màu khác lạ. Sư bèn bảo dâng Biểu Văn tấu trình.

Đến lúc xây dựng tháp báu ở Lê Châu. Vua Văn Đế lại ban sắc cử Sư đến. Lúc mới đến Sư dừng ở tại quán, nghe có tiếng nhạc trời vang vọng giữa hư không, tụ hội rất nhiều inh ỏi cả tai. Kẻ Tăng người tục đều vui mừng. Lại cảm có mùi thơm lạ xông khắp ngàoi ngạt. Đào đất sâu độ bốn thước, có được viên ngói xưa, với lời minh đề rằng: “Ngàn thu muôn năm an vui chưa ương!” Sư vâng phụng Phước, chóng hoàng dương Đạo nghiệp, sớm phát điềm lành, đó là thân thông, đâu chỉ có việc người. Sau khi trở về Kinh ấp, ngài giảng trao tương tục.

Đến lúc nhà (Tiền) Đường mở vận lên ngôi (618) thì còn có tâm hộ pháp. Thiết đặt mười vị Đại đức để làm thanh tịnh triều Ký. Bảy giờ, nhóm họp tăng chúng, nêu danh theo thứ lớp, Sư nghi chỉ nghiêm túc, trệ vượt chẳng nghĩ bàn. Đức hạnh đã xứng đáng cho Chúng Tăng trọng vọng, Sư bèn vì đảm nhiệm đó. Sư chăm chăm khéo dẫn dụ, mở mang khai ngộ rất nhiều. Về sau, Sư lại dời đến trụ chùa Hưng Thiện, luôn giảng đạo không đổi thay. Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, vào tháng mười một, Sư thị tịch tại Chùa, thọ bảy mươi ba tuổi. An táng trong hang trông Mã Đầu ở Đông Giao.

Sư chuyên học Nhiếp Luận, theo chân nương gàn, bày vạch ý chỉ sâu mầu, sáng rõ điều nêu đến, giải nghĩa thích Danh, sự thấy biết xứng thật trong suốt. Mọi người đến nghe thấy đều vui mừng chỉ hướng ấy. Có Pháp Sư Đạo Phủ là bậc tài giỏi đỉnh ngộ nêu đầu, khắp kinh thành đều quý trọng. Vốn ở chùa Tổng Trì, là bậc tông sư Dị giải, dùng thông cả Nhiếp Luận, nhưng đến nơi Pháp tịch của Sư, qua vài lần gõ khẩu trùng quan, bèn buộc tâm đánh lễ, thừa hưởng âm huân. Từ đó, xả bỏ bản tập bèn quy hướng Chân Đế. Và lại,

hình tướng Sư sáng suốt oai vệ, rõ ràng trang nghiêm hùng vĩ, chiết quanh cúi ngưỡng đều phù hợp với Thánh xưa. Do đó, trong triều đại nhà Tùy, Đức lớn hạnh nghiệp có khác. Còn như dung mạo vận phục của Sư rất dễ nhìn, nên dẫn mạng thỉnh mời, thầy đều lấy Sư làm người nói đầu. Oai nghi của Sư được lựa chọn đại loại như thế. Lại nữa, thuở thiếu thời, Sư uống tử thạch, nên lúc về già bị bệnh khô. Thầy thuốc xem bịnh bảo rằng: “Cần phải ăn thịt heo để kiềm chế thể mạnh của thuốc!” Nhưng Sư mặc tình bệnh tật chỉ nhận lấy cái chết. Sư kính thành tôn trọng mọi vật lại như thế ấy. Ban đầu, Sư lập Danh, lập người an phẩm. Sau đến nội Đạo tràng Tuệ Nhật gặp sa-môn Trí Khiên bảo rằng: “Khản là chữ, miệng người làm tin, lại theo chữ xuyên, lời tin đích thực”. Nhân đó bèn theo.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Cát Tạng trụ tại chùa Diên Hưng ở Kinh Đô

Thích Cát Tạng, họ An, vốn người nước An-túc. Đời ông nội Sư vì lánh thù địch nên dời đến ở Nam Hải, nhân đó bèn dựng nhà ở giữa xứ Giao Quảng. Sau lại dời đến ở Kim Lăng mới sinh ra Sư. Lúc còn hài nhi, cha của Sư dẫn đến ra mắt Pháp sư Chân Đế và xin đặt cho tên gọi. Ngài Chân Đế hỏi về hoài bão, bèn đặt tên là Cát Tạng. Nhân đó bèn gọi tên Sư là vậy.

Gia đình ngài vốn trải qua nhiều đời kính thờ Phật pháp không tôn thờ đạo khác. Về sau, cha của Sư cũng xuất gia tên là Đạo Lượng, siêng năng tự vưon lên, khổ tiết ít ai bằng, chỉ đi khát thực và nghe pháp lấy làm việc chính. Thường ngày mang bình bát đi khát thực, sắp trở về đi chân không vào Tháp, hiến dâng khắp các Tôn tượng Phật, sau đó phân thí, rồi mới ăn. Cho đến khắc nhỏ, tiện lợi đều trước đưa tay hứng lấy ban thí cho chúng sinh ứng thực, sau mới vất bỏ đi xa. Với hạnh dốc lòng cẩn trọng ban đầu như thế, giữ không để mất. Ngài Đạo Lượng thường dẫn Sư đến chỗ Pháp Sư Đạo Lăng ở chùa Hưng Hoàng giảng Pháp. Sư nghe nhận tỏ ngộ như Thiên Chân.

Năm bảy tuổi, Sư đến chỗ Pháp sư Đạo Lăng xin xuất gia, tham cứu vượt đến huyền du. Ngày một vượt đến chỗ sâu mâu. Những điều Sư thưa hỏi khéo đạt chỉ quy, luận nạn bày riêng cao hơn người thường. Văn từ tuôn nhã dồi dào, mở rộng nhiều kỳ đặc. Đến năm mười chín tuổi, Sư ở trước chúng đáp thuật, biện luận bén nhạy, thù tiếp khéo léo, thông thả tốt lành. Tiếng tăm vang khắp kinh ấp. Sáng ngời trong học chúng. Sau khi thọ giới cụ túc, tiếng tăm Sư càng vang vọng lên cao. Trần Quế Dương Vương kính trọng phong thái của Sư, nghĩa chỉ hòa nhã, chuộng vị vâng phụng. Đến lúc nhà Tùy chế định Bách Việt, ngài đến Tần Vọng, dừng ở Bạc gia Tường, như thường diễn giảng. Khắp Võ Huyện người đông như chợ. Hỏi đạo có hơn

ngàn vị. Chí Sư luôn ở việc truyền giảng, bánh xe chánh pháp vẫn thường xoay.

Cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, khi đó Dương Đế (Dương Quảng) đang ở tại Tấn Phiên, thiết lập bốn đạo tràng, do Quốc ty cung cấp. Khắp hai Bộ Thích Lý mỗi nơi đều suu tầm mời thỉnh. Cho rằng Sư là bậc danh giải nổi tiếng, bèn mời vào chùa Tuệ Nhật, kính lễ thờ phụng, ưu thưởng khác người thường. Dương Đế ở tại Kinh đô lại lập chùa Nhật Nghiêm, riêng bảo thỉnh Sư sang đó ở, muốn cho đạo pháp phát triển khắp Trung nguyên, hạnh cao lan tỏa tận Đế những. Ban đầu, Sư đã đến kinh đô. Kẻ tăng người tục đua nhau tìm đến. Nhìn thấy tướng Sư ài thì cao ráo khác mọi người. Nghe tiếng Sư nói bàn dường chuông trống vang động. Ngài bèn vân du khắp các trường giảng nổi tiếng, rộng chỉ bày ngôn tịch, mọi người đều ngậm miệng nín lặng, ít ai có thể đối đáp đầy đủ. Nhưng người ở tại Kinh đô khâm kính mến chuộng khéo trọng Kinh Pháp Hoa. Sư mới nhân lợi thế đó, bèn khai giảng phân vạch, có Thiền sư Đàm Hiến là người nổi tiếng của chốn thiền môn, dựng nghiệp sáng ngời, Tăng tục đều bày vết tích, cung kính thỉnh Sư phụ diễn. Bấy chúng nghe đạo phong của Sư mà tìm đến cả muôn người, đầy chật cả giảng đường, khắp cùng ngoài bốn phía. Mới bày nhiều chỗ khác nhưng vẫn còn thiếu. Các nhà giàu sang đều dốc cả vàng bạc của cải, các hàng đạo bạn thanh tín thấy đều kính mến Đạo phong tốt đẹp ấy. Sư dùng giáo pháp chuyển hóa chẳng cùng, tài thí chất đầy, tùy phương ban trải dựng lập các ruộng phước, dùng đã có thừa, bèn sung vào mười vô tận. Sư bèn giao phó cho Thiền sư Đàm Hiến dùng để gieo trồng hai thứ ruộng Bi và kính.

Mãi đến niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, tại Khúc Trì có một pho tượng lớn cao đến trăm thước, sửa chữa từ lâu mà thân còn chưa hoàn thành. Sư bèn đến ở đó, phát thệ nguyện đảm nhận tạo lập, trích xả sáu vật, đều gá bốn duyên, chỉ khoảng thời gian mười ngày thí vật nối nhau, liền được trang nghiêm cao vợi ngời sáng. Nên phước lực của Sư làm cảm động đến tâm chúng sinh. Phạm mọi việc Sư tạo dựng, không gì chẳng thành tựu. Tề Vương Giản ở đời Tùy sớm kính phụng đạo đức, một khi trông thấy Sư mà chưa biết Thần phủ của Sư. Bèn đích thân đến để và thỉnh mời Luận Sĩ. Các bậc tài giỏi ở kinh liền trước sau hơn sáu mươi vị, đều đã vùi lấp, bẻ gãy tiền phong khiến tên tuổi tự vang xa, thấy cùng nhóm họp lại. Sư làm Luận chủ. Bảo Chương trình bày rằng: “Vớ tâm có khiếp sợ, lên ngôi tòa không, dùng miệng nói vụng về, thích nói lời giải thích...” mấy trăm câu như thế. Vương Giản nhìn lại học sĩ Phó Đức Sung mà bảo rằng: “Chưa hề gần ngự quan bén nhạy, chỉ như vừa rồi nói, sợ ít có ai truy tìm được vết tích

ấy!” Phó Đức Sung nói rằng: “Mở lời thành luận, mới nghiêm thật ở ngày nay!” Vương Giản cùng các bạn đồng quan thầy đều ngợi khen.

Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xán là người có tự hiệu là “Tm Quốc Luận Sư” hùng biện nghiêng sông, lời nói bén nhọn, là người đầu tiên nêu câu hỏi, qua lại có hơn bốn mươi phen, Sư đối đáp tài tình, khơi rớt tràn đầy. Gần ngay lúc ấy thể mạo từ thái bày phát. Khắp pháp tòa mọi người đều thay đổi tình thế, thẹn thùng đỏ mặt mà lui. Khi đó, tiếng tốt của Sư càng sáng ngời kể từ trước đến nay. Vương Giản cho là chưa được hết lời, bèn thỉnh mời thêm hai ngày tham cứu lấy nghĩa khoa, lại bảo dựng lập nghĩa đối đáp, đều không ai chống kháng. Vương giản cúi đầu lễ tạ trọn quy hướng sư, và dâng tặng Sư phát trần cát tường cùng các y vật.

Về sau, khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Sư viết hai ngàn bộ Kinh Pháp Hoa. Đến cuối đời Tùy(...-618) Sư tu tạo hai mươi lăm tôn tượng, tôn trí trong phòng viện, còn mình ở nhà xấu. Sớm tối kính thành lễ sám. Lại thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền, lập bày như trước, đích thân Sư tọa Thiền, quán lý Thật Tướng. Trán giữ qua nhiều năm không thay đổi. Đến khi nhà Tiền Đường mở vận nghĩa cử, ban đầu mới đến Kinh đô. Võ Hoàng (Vua Cao Tổ-Lý Uyên?) đích thân vời Thích Tông, bái yết kiến thành cảm hóa ở môn hạ. Mọi người đều cho rằng cơ ngộ của Sư rất có tiếng tăm, Sư bèn từ chối mà đáp rằng: “Chỉ có bốn Dân đồ thán, phải nhân thời cơ cứu vớt đắm chìm”. Kẻ tăng người tục đều rất kính ngưỡng ân trạch của trời cao. Võ Hoàng vui mừng thăm hỏi hết lòng, chẳng hay biết trời đã xé, nói hỏi lâu, riêng ban sắc ưu ái ngợi khen. Lại đặt lễ khác thường.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Chư tăng quá đông nhiều, thiết đặt mười Đại đức làm giềng mối Pháp vụ, thuận theo bàn nghị ban đầu, Sư ở ngôi vị thứ nhất. Cả hai chùa Thật Tế và Định Thủy khâm trọng kính ngưỡng Đạo phong của Sư liền thỉnh đến ở. Sư bèn nhận lời cả hai nơi thỉnh nguyện và đến ở cả hai chùa. Có Tề Vương Nguyên Cát từ lâu đã hứng nhận Phong Du, thân thừa khuôn phép của thầy, lại thỉnh Sư đến trụ chùa Diên Hưng. Sư tùy ý muốn của chúng sinh mà đến, chẳng trệ ngại bước đi.

Đến lúc tuổi già, khí lực dần suy, thường thêm các thứ bệnh khổ.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng thuốc tốt, Trung sứ thường đến thăm. Sư tự xét thể thực đã cùng cực khó lành, như sương móc treo đầu cành chẳng lâu dài, mới dâng Biểu Văn lên vua Cao Tổ rằng: “Cát Tạng tôi tuổi cao lắm bệnh, đức mỏng người suy, mong nhờ Thần tán, mà được bệnh lành. Chỉ ví Phong khí tăng thêm bạo dữ, mạng sống chỉ ở trong sớm chiều, buồn luyến vô cùng nên dâng biểu văn kính xin từ tạ, cúi xin Bệ hạ sống đời dài lâu, tiếp nối nối nước nhà, ban trái đức từ cứu giúp bốn sinh, hưng long Tam

Bảo!” Đối với Trữ Hậu, các Vương, Sư có gởi khải văn từ tạ, dặn dò vì Đại pháp.

Vào một buổi sáng, Sư đòi lấy nước ấm để tắm gội, thay mặc y pháp mới sạch, vị thị giả xông hương, Sư bảo xưng niệm danh hiệu Phật. Sư ngồi kiết già nghiêm nhiên tư duy như có sắc thái mừng vui, sắp đến giờ thọ trai, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường. Trước lúc thị tịch, Sư bảo đệ lộ bày nhục thể, mà sắc da càng trắng đẹp. Vua Cao Tổ có ban sắc an ủi, cấp tặng mọi vật bảo đến Nam Sơn tìm khám đá để tôn trí. Từ Đông Cung Thái tử trở xuống các hàng Vương Công v.v... đều gởi thư an ủi, thăm hỏi, cấp tặng tiền lụa. Nay Thượng sư làm Tần Vương riêng được tôn sùng kính lễ, mới an ủi chung rằng: “Các hành vô thương, pháp sư Cát Tạng, Đạo giúp ba thừa, Danh cao mười địa, chỉ ôm hoài bão mở mang Bát-nhã. Vườn Biện bao gồm nơi giải thoát, mới đáng dựng Đức Tịnh Độ, mở mang rừng Thiền. Đâu ý lắng bày ánh sáng sớm, gió nghiệp bay vút khỏi đời, già từ hãn vườn Nại, vội bít đóng cửa thông, kiêu vì tình thống thiết, nói lời hiện còn Di Chi, lưu lại vết tích, người đã ra đi, càng thêm thương nhớ mền tiếc”. Bèn đón rước nhục thể thân Sư đến chùa Chí Tướng ở Nam Sơn. Bấy giờ đang lúc trời nắng nóng, ngồi trên giường dây mà thi thể Sư không thối rã, vẫn kiết già chẳng tán. Đệ tử Sư là Sa-môn Tuệ Viễn dựng tạc phong thanh, thâu nhất di cốt còn lại, đục đá mà an trí tại Bắc nham, dựng bia khen ngợi Đức hạnh.

Ban đầu, lúc Sư còn là Sa-di mà tiếng tốt đã vang. Sau khi thọ giới cụ túc, vinh hạnh càng xa. Sư dung mạo tợ phạm tăng tây vực mà lời tiếng thật người Đông Hoa, ngậm tước châu ngọc, biến thái trội vượt trời. Xét đoán lưu loát hầu như chẳng chút chứa học vấn. Đối ngộ với Đế Vương, thần lý tăng thêm hằng tập. Giải quyết vướng mắc, thính chúng nghe mà quên cả thời gian lâu mệt. Nhưng Sư ưa quen phong lưu, chẳng màng bó buộc, nên các hàng thức giả trình tố hoặc có sự dèm pha. Lại thêm dù thông đạt Luận Tông nhưng rất có tâm giản lược, nên Đức ngự trị chúng chẳng phải sở trường của Sư. Khi xưa giữa những lúc hưng phế của thời nhà Trần, nhà Tùy, khắp chốn giang âm rối loạn. Kẻ tăng người tục kéo đến, mọi người đều bỏ thành ấp dẫn nhau đến các chùa, chỉ là Văn số, Sư đều thâu nhận nhóm họp đặt trong nhà ba gian, đến sau lúc Bình định mới rửa sơ đi. Nên sở trường chú trọng sự học chẳng ai qua Sư. Sư chú dẫn rộng rãi đều do đó. Sư giảng Tam Luận hơn một trăm biến, giảng Kinh Pháp Hoa hơn ba trăm biến. Các Kinh Đại Phẩm, luận Đại Trí Độ, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Duy-ma, v.v... mỗi bộ vài mươi biến, đều soạn thuật Huyền Số, lưu hành rộng ở đời. Đến ngày sắp thị tịch, Sư soạn luận “Bất Bồ” (không khiếp sợ) vừa

buông bút thì liền tịch. Văn từ viết rằng: “Lược nêu mười môn lấy làm tự an ủi. Phàm ngậm răng đội tóc, ai cũng thích sống mà sợ chết, bởi chẳng hiểu về nguyên có. Chết do sinh (sống) mà có, nên phải sợ sinh. Nếu như ta chẳng sinh thì do đâu mà có chết? Thấy mới sinh thì biết cuối cùng có chết. Nên phải khóc sinh không nên sợ chết!” Văn dài lắm, ở đây chẳng chép hết.

Sa-môn Tuệ Viễn nương tựa vâng thừa kính hầu, là bậc tuấn ngộ ở đương thời, phu truyền Pháp hoá sáng ngời tiếp nối cảnh khác, sau cùng ngài ẩn vết tại chùa Ngô Chân ở Lam Điền. Lúc Sư giảng pháp tại Kinh ấp, mau làm cảm động tâm người. Người đời vì thế mà chú ý, ở đây chẳng nói rộng.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 11 hết)

---o0o---

QUYỂN 12

CHƯƠNG II - PHẦN 08 : GIẢI NGHĨA

(Chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

1. Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ tại chùa Bành Thành ở Đôn Dương, đời Tùy.
2. Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô, đời Tùy.
3. Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ tại chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô, đời Tùy.
4. Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ tại chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đời Tùy.
5. Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ chùa Chân Ngô ở núi Chung Nam, đời Tùy.
6. Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
7. Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Biện).
8. Truyện ngài Thích Linh Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
9. Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô, đời Tiên Đường (Tuệ Oai).

10. Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.
11. Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Đàm Cung, Minh Hồng).
12. Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.
13. Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.
14. Truyện ngài Thích Trí Cư trụ chùa Kiến An ở Thường Châu, thời Tiền Đường.
15. Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ chùa Bành Thành ở Đơn Dương

Thích Tuệ Long, họ Hà, người ở xứ Cú Dung thuộc Đơn Dương. Ông nội Sư tên Tiên, làm Võ Lăng Vương Trường sử thời nhà Lương. Cha của Sư tên Nghi, làm Tán Kỵ Thường Thị thời nhà Lương.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Sa-môn Tuệ Thư, Tăng Đô chùa Tuyên Võ. Ngài Tuệ Thư Đạo nghiệp cao xa, phong nêu thanh cử, sở học đáng làm khuôn phép cho chúng sinh. Đức hạnh xứng làm thầy của mọi người. Ô Hối đương chức nắm giữ lo gởi. Sư cung kính cẩn thận đủ nghĩa thầy trò. Năm mười ba tuổi, Sư chuyên chí cầu học mới muốn nghe Đạo liền cảm điềm linh. Có người tự xưng là giòng họ Tương, tên Quy trao cho Sư một Bộ Kinh Pháp Hoa và bảo rằng: “Tương lai Phật pháp thật dùng nên gởi cho Sư!” Nói vừa dứt lời, đã đi mất. Ngài bèn lấy nghĩa mà suy lường, nếu chẳng phải Quả vị ngang với bốn y, Đức bằng cùng chín sử thì đâu thể gánh vác, mà cảm đến lời Thánh? Sư nghe Pháp sư Hoắc ở chùa Pháp Vân giảng Luận Thành Thật, chưa tròn một Biến mà Sư đã nghiên cứu đến chỗ sâu ẩn, tu nghiệp vài năm, riêng xứng nêu bạt. Đến lúc đăng đàn thọ giới cụ túc lại tu học Tỳ-ni, nên được năm lần một sông, chế khác mà uống khác, đầy đủ đều đoán xét, suốt tận đều lường cân.

Đến lúc thời vận nhà Lương tan tác, Sư bèn lánh đời theo thời, tuy gặp phải sự điêu tàn hoang phế mà học nghiệp Sư chẳng bỏ. Bèn ở trong chùa Bành Thành giảng dạy dần dặt như dòng chảy. Đến khi nhà Trần ngự trị thiên hạ, mở mang lại vết huyền. Sa-môn Tăng Chánh Hằng Công là bậc đức lớn

trong Đạo môn, ở trong chùa ấy mở hội giảng diên. Những người tham học huyền nghĩa khắp bốn phương đều nhóm họp. Sư đang nhập thất riêng trùm các bậc anh tài. Đã giải tuệ vượt trội bèn được lệnh phô bày giảng nói. Đến lúc Hằng Công sắp thị tịch dặn dò giao phó Sư trụ ở đó. Pháp Diên Sư kế tiếp, thật đáng yếu chỉ tốt lành. Nhưng sự nhận biết của Sư dùng để ngâm hoa, ngôn biện dồi dào. Mỗi lúc bàn luận đến huyền lý, chóng dòi mà chậm nghi, tuy là bàn luận nhưng thường huy ngôn bén nhọn mài giữa đương thời, mà phá nạn tự triệt, thư thả lắng xa. Đến lúc nhà Tùy có được thiên hạ, khắp cả chín châu đồng châu, các bậc thượng đức Cao nhân đều lần lượt mời thỉnh. Chí ý Sư chỉ muốn gá ẩn, thường lấy cớ già bệnh mà chối từ. Ngài trụ tại chùa cũ (Bành thành) giảng nói hoằng hóa cho đến năm cuối đời.

Đến ngày mười sáu tháng mười một năm Nhân thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Sư bị bệnh. Qua ngày hai mươi thì Sư thị tịch. Bấy giờ, đang lúc Đông chí, khí trời rất lạnh, mây bủa khắp trời, tuyết rơi cùng đồng. Đến nửa đêm, sắc trời trong trẻo, muôn sao lấp lánh. Há chẳng phải thần linh buồn thương, trời rồng cảm tiếc mà có điềm sáng ấy ư?

Bản chất Sư là từ bi cứu giúp thành tánh, chẳng ưa chuộng hoa sức, nhu thuận biết đủ, không tham là vật báu. Sư giảng Luận Thành Thật hơn ba mươi biến. Các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, mỗi bộ hơn mười biến. Ngoài ra còn có các thứ khác ở đây không nói đủ. Trước lúc chưa tịch, Sư dẫn đệ tử đến đánh núi phía nam chùa Cao Tòa, đắp đất làm đàn. Sư bảo rằng “Sau khi ta xả bỏ hình hài này chớ phiền dùng đến quan quách, hãy đem đến nơi này để thí cho các loài cầm thú côn trùng!” Sau khi đắp đàn xong thì Sư thị tịch. Thật là Sư biết được mạng mình thay! Sau đó, đệ tử bèn vâng theo di mạng, nêu dựng lập Bia lớn tại chùa. Văn bia ấy do Sa-môn Pháp Tuyên soạn.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ chùa An Lạc ở Giang Đô

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Sư nhập đạo từ thưở thiếu thời, tôn thờ pháp sư Quýnh chùa Khoáng Quốc ở Nghiệp Đô, nghe học các Kinh Niết-bàn, Lăng-già, mới thông vài biến đã có thể đáp thuật, được Thượng thủ tán thưởng, lại trải qua năm năm. Học chúng đều suy phục. Sư lại theo Pháp sư Đạo Du chùa Đại Nghiệp ở Thanh Châu thọ học Ma-ha-diễn, Tỳ-đàm v.v... Nhưng ngài Đạo Du tuệ giải vô ngại, mở trí khó nghĩ lường. Còn Sư vì có tài Dĩnh thoát nên vinh cậy Ngài.

Niên hiệu Đại tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Sư đến nghỉ Đào Phố, mới ở chùa An Lạc, sửa chữa già-lam, trang nghiêm Phật sự, xây dựng lầu Các. Dích thân Sư tự trải qua từ đầu đến cuối giúp giáo hóa, tuy dốc hết sức lực mà quên cả mỗi mệt, đội cả nắng mưa mà chuyên chở. Thường lấy Tịnh Độ làm

kỳ vọng, chuyên tinh đến mức có cảm ứng. Bỗng nhiên có Sa-môn Đạo Thuyên ở Tề Châu mang bức vẽ Phật Vô Lượng Thọ đến và nói với Sư rằng: “Có vị Bồ-tát chứng đắc năm thân thông trụ chùa Kê-đầu-ma ở Thiên trúc nương hư không đến thế giới An Lạc, mô tả tôn nghi này!” Đã được thắm hội với tổ tình, Sư càng dốc lòng lễ sám, bèn thấy có ánh sáng thần chiếu sáng, mừng được việc ít gặp. Từ đó, Sư khấn thiết siêng năng, nguyện sinh về cõi tịnh độ, suốt đời chuyên niệm.

Đến ngày mồng một tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, chứng bệnh sỏi càng thêm dữ dội. Sư nói cùng đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Và duỗi năm ngón tay để biểu hiện kỳ hạn, hơi thở dứt nhẹ, mọi người dùng lấy bông tơ đặt trên lỗ mũi Sư chờ đợi. Đến đêm mồng năm Sư chột ngồi dậy, y theo thường lệ xoay mặt về hướng Tây đánh lễ xong an tọa, tới sáng sớm Sư mới thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Nhan sắc vẫn yên nhiên, tợ thần thức hiện còn. Kẻ tặng người tục buồn mến, đua nhau đến bày tiếp chân. Hương hoa cúng dường như mưa tuôn, vàng báu như núi đổ, chật đầy thêm cấp. Đó là do năng lực của Phước tuệ.

Nhưng, Sư từ thưở thiếu thời siêng năng khổ nhọc, đến lúc già lại càng dốc lòng. Ban-chu là pháp mật hạnh. Lan-nhã là nghi Tư duy. Mau mở bày tu hành, điềm lành thường nhiều. Sư lại dùng cả nhân từ cứu hộ, có nghiêm khắc với chính mình, dụ khuyến rộng bố buộc, hẳn dốc hết tài năng của mình. Nên các hàng Tể Quan cư sĩ, các đồng bạn già bệnh nghèo cùng, mặc tình họ lưu lại khinh trọng, nhưng đức của Sư vẫn ban trải bình đẳng. Ấy hẳn là khí vận bao trùm, người thông ở đời mật pháp! Sư giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, Tụng Kinh Pháp Hoa một Bộ, giảng năm mươi biến. Đến ngày mồng chín tháng năm, đẽo đá trong chùa, đục làm thất lớn, thỉnh đời Nhục thân Sư vào tôn trí ở đó. Huyện Linh Giang Đô là Tân Hiếu Khải với tâm kính tín nên thí xả tất cả trong ngoài, cõi y làm thức ăn, tự thân chỉ huy. Đệ tử của Sư là Samôn Tuệ Bính dùng chỗ toàn thân xây dựng nền tháp thêm hoa lệ. Và lập Văn Bia tại cửa chùa để tán dương đức hạnh của Sư. Bí thư Học Sĩ Lang Da Vương Thận soạn văn Bia.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô

Thích Tuệ Giác, họ Tôn. Tổ tiên Sư vốn người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Lúc ở giảng hữu tan loạn bèn dời đến ở Mạt Lăng thuộc Đơn Dương. Khi Sư đang ở trong thai mẹ, Chí Công ở thời nhà Lương là người không thể lường biết được, đi ngang qua nhà, bồi hồi nhìn vào mà bảo rằng: “Ở xứ này sẽ sinh ra bậc Thần Đồng!” Bỗng nhiên đến lúc sinh Sư như có điều phù hợp. Sư tuy còn bé mà phong thân đặc đạt, khí điệu khác mọi

người. Tuy là đang tuổi học trò, nhưng đã có tâm kỳ đặc, nhận thức xa vời. Đối với năm âm sáu trần, Sư nhận biết sâu xa rõ như bọt bóng sấm chớp. Thệ nguyện muốn cầu thoát tục. Cha mẹ Sư không thể cản ngăn trái ý.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nghiên cứu tinh rành Pháp Tướng. Ban đầu Sư đến Pháp Sư Lăng chùa Hưng Hoàng cầu học. Học chúng ở đó rất đông, đều xướng cao Huyền phong, những vị nhập thất đều là những người tài giỏi. Sư bảm học huyền luận, xem đọc thấu cùng u chi, lãnh lược gặp bến bờ, dẫn cầu sâu sắc, khắp theo các khéo diệu, tự được hông ngực. Các bậc Tông tượng càng thêm tán thưởng, Sư thật xứng làm Pháp Khí. Thêm nữa, ngài đề tâm khắp chín Bộ, xem cùng Số Luận, ngụ thuyết dị môn đều tìm cảnh lá. Thế mà Sư vẫn than rằng: “Tang Du đâu có việc Xung Thiên, Tiêu Đạo trái với bến bờ đến xa, hãy quên lo buồn, chẳng phải đệ tử ta!” Sư lắng thân nhập tuệ chẳng chuộng năm môn. Suối đá ở Nhiếp Sơn rất tốt đẹp là thắng địa dứt tâm. Sư mới vén y một mình đến ở chùa Thê Hà.

Có Pháp sư Tuệ Bồ là bậc Giải Không bậc nhất, thấu suốt sâu xa các Kinh Phương đẳng. Nếu có chỗ chưa tỏ ngộ, Sư bèn cất giấu trong lòng đợi chờ người tri âm. Đến lúc cùng gặp mừng vui, ngài Tuệ Bồ bèn vì mở trao. Lại vì ở Giang Tả, luận Đại Trí Độ ít được truyền bá. Ngài Tuệ Bồ đem hết tông chữ cùng bày thỉnh nói. Sư bèn duỗi lòng xét nghĩ, bày sướng u vi. Ngài Tuệ Bồ vạch bày ngợi khen, bèn bảo Sư khai giảng. Từ đó, văn cũ ý mới, Sư đều thông cả. Mọi người xa gần tận hưởng thấm nhuần, nghe được điều chưa từng nghe. Thích luận rộng bày thanh hành từ đó. Có Vương Bá Cung ở Tấn An đòi Trần làm Thứ sử Tương Châu, thêm nhiều lễ khác, đồng thời thỉnh giảng chúng. Sư bèn đến hướng Nam để mở mang giảng nói. Lại Bộ Thượng Thư Mao Hỷ, Hộ Quân Tướng Quân Tôn Sướng thấy đều cúi mình đánh lễ chí thành kính ngưỡng khác thường. Tả vệ Tướng Quân Phó Tế là người học thông giáo điển nội ngoại, khí điều rất cao, các hàng tăng tục không ai chẳng tôn kính, nhưng mỗi lúc thấy Sư lại thì thân tâm đều nghiêm chỉnh, bàn luận cao siêu, lưu luyện không thôi. Sư có được tước trời hàng phục người đại loại như thế.

Nhà Tùy khắc định, khắp vùng Giang biểu theo hiến chương đổi mới, trong một châu chỉ được thiết lập hai ngôi chùa Phật, ngoài ra số tự viện, già-lam còn lại thấy đều đập bỏ. Sư lo ngại đất Kim Cương trầm hủy lắm nhiều, mới cùng với trăm nhà đồng đến triều đình tâu trình với nhà Vua, bèn có sắc chế bãi bỏ, mà theo sự thỉnh nguyện của Sư. Thật xứng là Bề tôi tài giỏi, mở mang hộ trì tượng pháp, tin Sư rất có sức lực. Vua Dương Đế (Dương Quảng) khi xưa, lúc ở tại phan bình giáo hóa Hoài Điện, kính trọng chờ đợi người tốt, nghĩa vượt nghiêng tịch, có ban tặng Sư lời thư viết rằng: “Pháp Sư an lành, mát nóng đều thích nghi, tiếp thừa nương gá đợi khu vực của

Quy Sơn, mở rộng Diệu chỉ của Long Thọ. Nghĩa ấy đoan nghiêm hùng biện. Riêng diễn xướng ở Kê Âm, Đàm Bính lời nhiệm màu chỉ dẫn cấp ở Cảnh Thủy. Đệ tử khâm chuộng Đạo phong, tận hưởng vị Đạo rất sâu. Nay ở trong Nội thành dựng lập đạo tràng Tuệ Nhật, thỉnh có bậc Long tượng mở mang Phật sự, xoay bánh xe pháp. Tên gọi Thượng nhân (của Sư) vang vọng xa khắp, mọi người đều nghe biết, nay sai sứ đến nghinh hầu, đợi chờ phát sáng lên!”

Có Pháp Tể Thượng nhân là bậc Linh trí khó nghĩ lường, ở tại đạo tràng Vĩnh Phước thỉnh Sư khai giảng Luận Đại Trí Độ. Chúa thượng đích thân đến pháp tịch, ngợi khen hồi lâu. Sau, Sư trụ tại Bạch Tháp, thường chuyên việc giảng nói hai mươi bộ kinh luận như Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Tứ Luận v.v... số biến giảng nói rất nhiều. Học chúng đông đầy Pháp tịch. Sự hưng thịnh của việc xoay bánh xe chánh pháp không ở đâu hơn đó! Trước kia tại cự Đê ở Giang Đô thiết lập Bảo Đài Kinh tạng. Kinh điển trong năm thời đều đầy đủ ở đó. Đến lúc Đông Triều, bèn ban lệnh chỉ giao phó cho Sư việc coi sóc kinh tạng. Mọi người đều bảo là “Được người”.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư theo xa giá vào kinh. Giữa đường phát hiện bị bệnh mà thần sắc vẫn an nhiên lời giảng pháp vẫn không nghỉ. Đến lúc sắp tịch, Sư vẫn sáng suốt như thường, mọi người đều trông thấy Đại Thần Kim Cương đi nhiễu quanh trước sau, có vị tăng người Ấn-độ đốt hương cúng dường. Ban đầu, có Thiên sư Trì Giác nhân cảm linh ứng, mới trông thấy tên Sư đề ở bảng vàng, nên quả vị mà Sư chứng đắc, nghĩa lượng thật khó lường biết. Đến ngày hai mươi hai tháng ba, Sư thị tịch tại huyện Tức Dự thuộc Tứ Châu, thọ năm mươi ba tuổi.

Chỉ Sư là người hay khéo Văn từ, nghi dung cử chỉ đẹp đẽ, thân cao tám thước, phong cách vượt hơn mọi người. những lúc nhiếp trai thẳng đường, cúi ngược đều đáng làm khuôn phép, trông nhìn oai nghi ấy, không ai chẳng sửa đổi hình dung để dễ trông xem, ghé mắt quên cả mỗi một. Còn như ngài nhả nạt lời huyền, tuyên dương nghĩa màu, hùng biện luận trong như mây bay nước chảy. Thật đáng gọi là Nhật nguyệt vào lòng gió thổi đầy nhà. Tuy hẹp chí trệ tình cũng chóng quên bi lặn. Nhưng sự cảm hóa như Chi Lan của Sư, công đào huyện dẫn dắt như ngày qua tháng lại, nên cũng rộng lớn. Ngài còn thông cả ngoại điển, khéo giỏi xích độc (âm nhạc). Chúc từ nhuộm bút nhanh nhẹn dễ nhìn, những chỗ chiết giản đều là khuôn phép. Thêm vì phong độ Sư trầm xa, nhã lượng sâu rộng. Nói bàn dứt bật đúng sai tâm sạch kia đây. Cao vội như chất chồng lấm lóp nhọn, người chẳng thể trông nhìn. Vội của cải tín thí chất chứa, tùy trường hợp sử dụng xả thí. Ngoài hai cách ra, không chứa để mảy may, chỉ có Luận Văn Đàm số chất đầy cả bàn ghé rương hòm mà thôi. Há chẳng phải bậc tài giỏi vượt tục, Chánh Sĩ thông

phương sao? Nên Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc mọi thứ cần dùng trong lễ tang đều tùy nghi cung cấp đầy đủ. Ân lễ chu cấp rất ưu hậu. Và có đủ thuyền chèo để Vua cùng mọi người đón rước. Qua ngày mười ba tháng năm năm đó (602) lại đón rước về an táng tại làng Thù Du huyện Giang Dương, các Học sĩ Truyền nghiệp số lượng rất đông.

Ngài có nhân đệ tử là Sa-môn Trí Quả, bảm thừa Di huấn, tình sâu nhớ xa, bèn cùng các bạn đồng học ghi chép các hành trạng, khắc bia dựng ở cửa chùa. Bí Thư chiếu cáo Xá nhân Ngô Thế Nam soạn Văn bia, Kim Tử Quan lục Đại phu Nội Sử thị lang Ngô Thế Cơ làm bài Minh, sự tích này thấy ở Biệt truyện.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ chùa Long Trì ở Nam Sơn

Thích Đạo Phán, họ Quách, người ở xứ Thừa Thị thuộc Tào Châu. Năm ba tuổi, Sư chịu tang cha mẹ. Đến mười lăm tuổi, Sư tham học, trải qua sách sử, Sư lược thông Nho Đạo.

Năm mười chín tuổi, Sư phát tâm xuất gia, đến chỗ người anh bên ngoại mà xuống tóc. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi tìm cầu bạn lành. Rất nhàm chán tục lụy, nên Sư dứt bật tâm trở lại. Mỗi lúc xem đọc thấy tượng giáo lưu truyền phương Đông, Sư tỏ sắc mặt buồn ngủi vì chưa thấy linh tích, bỏ gốc về ngọn, chưa từng được nghe. Sư bèn mạnh mẽ phát tâm hướng đến Phật cảnh, thệ sẽ tới chiêm ngưỡng. Nên niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, Sư kết bạn tất cả hai mươi một người, phát xuất từ Nghiệp Đô, sắp đi qua Quan tái, Quan la nghiêm thiết, lại ánh trắng sáng soi chiếu, bèn lần lửa xoay vần, nghĩa đầu không nháy vượt, bỗng gặp được mây giăng trắng ần, thừa cơ hội bóng tối mà lần qua nguy hiểm, lại gặp phải binh lính tuần du, đặc biệt được phóng thả. Đến niên hiệu Bảo Định thứ hai (562) thời Bắc Chu, Sư về đến kinh áp. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) ban thưởng tiếp đãi trọng hậu, bèn mời Sư đến chùa Đại nghiệp, cúng dường nồng hậu và Sư ở đó. Được hai năm, Sư bèn dâng sớ, xin tiếp theo chí nguyện trước, lại được vua chấp thuận. Vua Võ Đế lại sắc ban Quốc thư và lương thực đi đường. Sư đi về hướng Tây trải qua sa mạc khoảng năm ngàn dặm, nhìn quanh bốn phía mịt mờ, không hề có cỏ nước. Vì đói khát nên phải đi nhanh, qua bảy đêm thì đến nước Cao Xương. Đó là Tiểu phiên phụ thuộc Đột-quyết. Sư lại xin Quốc Thư, đi đến hướng Tây là Khả Hạng Sở (Hán dịch nghĩa là Thiên Trử Trì). Ở xứ đó không biết chúng tăng là gì, nên định làm hại, họ thêm người phòng vệ, chẳng cấp cho lương thực, lại không cho đi ra, góp gom hết củi rau trái, chỉ để cho đói chết. Có người sứ nước Chu can ngăn rằng: “Đây là Đệ tử Phật. Vua và các Đại thần ở nước chúng tôi vô

cùng kính trọng cúng dường, Hễ chỗ nào các vị ấy đến thấy đều cung cấp cho dê ngựa rất nhiều!” Khả Hạng bèn vì vui mừng, mỗi ngày cấp cho bốn con dê dùng để ăn thường. Sư cùng Đồng bạn, v.v... thả Dê và tự nấu rau trái để ăn. Đã thấy các ngài không giết hại chúng sinh, lại không ăn uống rượu thịt, mọi việc làm đều khác. Bèn không cho đi tiếp về hướng Tây, mà cung cấp ngựa chuyên chở, sai người đưa trở về.

Về đến Trường An, các Ngài dừng ở chùa Càn Tông. Vì trước kia đang lúc cùng hiểm, không người tạo thức ăn, Sư bèn xả giới cụ túc, nay trở về lại kính thất, sau đó bèn phục giới lại. Sư dừng ở năm năm, gặp được Pháp Sư Tĩnh Ái. Sư bèn dò hỏi Đạo vụ tuệ nghiệp cao sâu, ngâm trải qua năm châu. Sớm tối nghe hỏi, mới bước lên giai tiệm, gặp lúc Vua Võ Đế- thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp. Sư bèn cùng ngài Tĩnh Ái đến núi Thái Bạch lánh nạn. Với Đồng bạn tất cả hai mươi sáu người, ở chốn núi hang nhưng chẳng quên bỏ việc giảng trao. Với các Bộ Trung Luận, Bách Luận, Tứ Luận ngày đêm luôn nghiên tâm, chăm chăm kính răn. Tuy có lệnh nước nhà tru diệt nhưng chẳng đoái hoài sự chết ấy. Lại theo hướng Đông dẫn từ núi lớn đến Hoa Nhạc, hễ chỗ nào đi đều trông theo mặt trời mà dự tham. Sư lia Thất Khảo Sơn có hơn hai mươi cơ sở, nương theo đức hạnh của Ngài Tĩnh Ái làm Nguyên Tông nhập thất, trước sau suốt mười lăm năm theo đuổi không lia bỏ. Về sau, ngài Tĩnh Ái thị tịch nơi hang cùng, để tỏ bày hộ pháp, Sư bèn ngâm lấy rau độc phụng tiếp Di cốt xây tháp lập Bia minh khắc vào vách hang núi. Thiên nguyên tiếp tự lịch, thay đổi tà phong, lập một trăm hai mươi người làm Bồ-tát tăng. Sư nằm trong số đó. Ban đầu đến trụ chùa Trắc Hồ. Đến lúc nhà Tùy vâng mạng mở rộng Phật pháp, mới đổi tên là chùa Đại Hưng Thiện.

Sư là bậc đạo hạnh cao vượt tăng đồ, trải qua tất cả các cương nhậm. Bộ nhiếp thường luân có khuôn phép trước tỏ sáng. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, tại Đông Lĩnh ở Giao Cổ thuộc núi Chung Nam, có cái ao tên là Dã Trụ, tỏa vàng mây lành phủ đến đất liền. Đích thân Sư tự đi đến đó, bèn có thể làm thành nơi để nương gá tâm. Nhân đó, ngài kết cỏ làm am, nhóm chúng giảng pháp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc sai Đạt Chi Thị Lang Lý Thế Sư cùng Lam Công- người Thiên Trúc đến tạo lập Viện phòng, thường phải cung phụng. Biết Sư Đạo nghiệp sâu rộng nên vua ban biển hiệu chùa là “Long Trì”. Đại Tướng Quân Vân Định Hưng nguyện làm Đàn Việt cung cấp bốn thứ cần dùng không trái hai thời. Thị lang Độc Cô Cơ hưởng phụng âm du, ở khu vườn sau nhà riêng lập Trai Vũ, thỉnh Sư đến nghỉ ở, suốt ngày làm việc, bảm thọ giới Pháp. Tiết Quốc Công cùng phu nhân Trinh thị sớm kính

phụng thanh huân, năm khác đến núi được nhận giới răn, giải quyết thông suốt mọi điều thắc mắc.

Đến ngày mồng bốn tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chùa núi, thọ tám mươi bốn tuổi.

Ban đầu, Sư khai pháp cho những người cơ sơ, tánh quen với suối rừng, ít muốn, không đua tranh, thích sống kiệm nhiếp, thực hành ức Tỳ, cứu giúp kẻ thiếu thốn, đó là điều Sư thường lưu tâm. Vượt qua gian khổ, thoát khỏi nguy ách lại càng là Bản ý của chính Sư. Nên những lúc đến mùa lúa chín Sư đi khất thực về dự trữ thật nhiều, tới thời tuyết phủ khắp núi, Sư sai bảo ban thí cho các loài chim bay thú chạy. Do đó, những người bạn núi hay Du tăng được Sư giúp đỡ rất nhiều. Lại nữa, Sư ăn uống không kén chọn mùi vị, cả đời không bị bệnh, việc Tăng sự nhọc nhằn trông coi, tự thân thực hành trước. và việc hoằng Đạo ở triều Sư bền bỉ không biếng trễ. Tuy tạm vân du trong thế tục mà thường trở về thất núi. Đó cũng là học Quán của Nham tụ.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ tại chùa Ngô Chân ở núi Chung Nam

Thích Tịnh Nghiệp, họ Sử, người ở đất Tùy xứ Đông Hán. Năm tuổi vào Tiểu học, Sư thích mặc y phục của người xuất gia, cả xóm làng đều vui mừng, cùng gọi Sư là Hiền giả. Vừa tuổi chuyên kinh, Sư cắt ái xuất gia, nghiêm tịnh dưỡng tu oai nghi như sương mài băng sạch. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Hà Nội, siêng năng nghiên cứu luật bộ, thông cả Dịch Văn.

Bấy giờ, có Luận Sư Tuệ Viễn là bậc dựng Đức ở Chương hà, truyền hương thơm khắp y lạc. Vừa gặp được người Thanh Nhĩ. Sư liền phô bày Đạo kính thầy, học các kinh Niết-bàn, v.v... đều là phẩm chước đến cùng, hoằng tuyên Đại Chỉ, nhưng Sư lo rằng Văn rộng công lược, chương cú chưa lia! Mãi đến lúc ngài Tuệ Viễn vâng chiếu vào quan, Sư cũng mang kinh luận nương theo. Trước sau thừa hưởng cùng tận được lý sâu. Về sau, Sư đến chỗ Thiền sư Đàm Thiên học tập Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiên là bậc khí vũ cao thoáng, tường nhận sâu rộng, biết khắp mọi người, đồng mở mang nhạo thuyết, mừng Sư là người toàn ngưỡng, rất mực chí thành, mới vì nghiêng mình dẫn dắt. Sư hễ nghe thì liền kính thọ, khắc vào tác lòng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư cao bước đến núi Phú Xa ở Lam Điền, trải chiếu tham cứu u vi, có chí hướng muốn trọn đời ở đó. Các hàng Thanh tín cư sĩ kính vái truyền giới, dựng lập sơn phòng cho Sư ở, rất mực chí thành phụng dưỡng, treo hiềm cưỡi cao, sửa thông núi đẹp. Nay tức

là chùa Ngô Chân. Sư chính là người bên trong trầm lắng, bên ngoài ảnh hưởng lừng danh.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư được đặc cử đón rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tạng ở An Châu. Ban đầu đi khắp các chùa trong Châu, Sư muốn xây dựng tháp ở chùa Thập Lục. Nhưng đi đến chùa Cảnh Tạng, bỗng nhiên cảm có mùi thơm lạ. Nhân đó mà Sư dựng lập ở đây. Đến lúc sắp tôn trí Xá-lợi, vào thì có ánh sáng màu đỏ tỏa ra soi chiếu cả người vật. Phía trên tầng các cửa chùa nghe có tiếng nhiều người đi, nhưng sang đón bắt thì hoàn toàn yên lặng như lúc đầu, không thấy có một người. Lại nữa, ở phía Bắc của tháp báu có một cái ao, Samôn Tịnh Phạm vì các kẻ tăng người tục mà truyền cho thọ giới Bồ-tát, bên có một đàn cá bơi nhảy, đều đều xoay về hướng Nam, dường như muốn thọ quy tướng. Ngài Tịnh Phạm bèn ngồi thuyền xuống nước, vì đàn cá mà trao truyền giới Pháp. Đàn Cá đều xoay đầu bơi nhiều quanh thuyền như có nghe thọ, không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư vui mừng với cảnh ngộ ấy, mới thỉnh Xá-lợi tôn trí nơi Phật Đường. Trước đó, có một pho Tượng Bồ-tát được đắp vẽ, không thể chuyển dời, nhưng đến sáng ngày hôm nay, mới thấy tôn tượng xoay thân hướng mặt về phía Xá-lợi, tướng trạng tự nhiên không một hư tổn. Sư thường hiện khởi những điềm lành riêng, truyền nói không thể hết.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) mời Sư vào Hồng Lô Quán, dạy bảo rất đông Chư tăng. Niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Vua Dương Đế lại thỉnh Sư đến trụ chùa Thiên Định, liền quạt dân dả. Thời gian dần trôi, tâm hồn dần thanh thản. Sau, Sư muốn trở về nơi cốc thâm sâu nên cáo từ những người đồng học rằng: “Trong chuyến đi này, không bao giờ trở lại!”. Sư già biệt chưa tới mười ngày thì nghe Sư đã thị tịch, thọ năm mươi ba tuổi. Thật ngài thấu đạt sự sống, biết rõ mạng mình đến như thế! Lúc đó nhằm ngày mười tám tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư để lộ bày nhục thân dưới gốc thông.

Ban đầu, Sư thần thái ôn hòa, cử chỉ ung dung, thuần nhân chuộng Đức. Có phong cách của bậc Cổ Hiền. Sư rất ưa thích phương thuật, bỏ hạt luyện thân, như nước ngọc mây châu, giúp Thần dưỡng khí, cuối cùng cũng chẳng phải chỗ trị ấy, luống chuyên tải tiếng thơm, nghiêm khiết chính mình, trong sạch trinh thuần, để vì truyền đức.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Đồng Chân, họ Lý, Tổ tiên xa xưa của Sư là người xứ Lũng Tây, đến ngụ ở tại Phố Bàng thuộc Hà Đông. Thưở thiếu thời, Sư nhàm chán

sinh tử, mong cầu tâm được thường trí, bèn đến chỗ Pháp sư Đàm Diên thỉnh cầu làm bậc thầy khuôn phép cho mình. Sư góp nhặt những điều tốt đẹp của Huyền Nho, anh du tú cỡ. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, Sư quy tông luật cú, sau nữa, Sư lại trải qua kinh luận. Thông rành giáo điển Đại thừa, rất giỏi Kinh Niết-bàn, luận bàn về nghĩa lý đó. Sư thường ở tại chùa Diên Hưng, giảng nói hoàng hóa không ngừng nghỉ. Thính chúng thường có đến cả ngàn vị, mỗi người đều nêu lệnh vọng, rõ ràng tiếng tăm Sư vang cao, tiếp vết ở bậc Thầy.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương khiên) ban sắc thỉnh Sư đến ở chùa Đại hưng Thiện, đối chiếu phiên dịch bản Phạm. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Vua Văn Đế lại riêng ban chiếu cử Sư làm người đứng đầu chúng Niếtbàn. Sư bày giải Văn nghĩa, rất hợp tâm của Đại chúng, mà tánh độ Sư luôn là khuôn phép ngay thẳng, khéo nư nhiếp đại chúng. Không làm bạn với phi loại, chỉ có đức hạnh là đáng kính trọng.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc khắp trong nước đều xây tháp, trước sau ở các Châu có tất cả một trăm mười một cơ sở, đều đón rước Xá-lợi đến phụng thờ, đã sát khuyến khóa, sửa xây khéo léo. Sư thật là bậc Đức vương đương thời. Vua ban sắc cử Sư đến Ung Châu để xây tháp. Sư bèn rước Xá-lợi đến chùa Tiên Du ở núi Chung Nam, tức là nơi ngày xưa tương truyền rằng: “Con gái của Tần Mục Vương tên là Lộng Ngọc tập tu phép Tiên, bay lên mây”. Ban đầu, trong khoảng tháng mười, Sư từ Kinh đô đi đến chùa, giữa đường gặp phải mưa tuyết rơi khắp, tràn lấp cả người vật, chỉ riêng trên kiệu Xá-lợi thì không thấm ướt. Mọi người đều lấy làm lạ. Chùa ở Xung Cốc, nên đêm ngày gió chấn động. Từ khi Linh Cốt Xá-lợi vừa mới rước đến cho đến khi đặt Xá-lợi vào và lấp bít xong, tự nhiên đều lặng lẽ, đèn đuốc ngời sáng khắp cùng núi hang. Thêm vì mây phủ bít khắp bốn phía, mưa tuyết đều rơi, mong cho mưa tạnh thấy mặt trời, bèn có phù khế bày hạn. Sư bèn tự tay bung lấy lò hương và phát đại nguyện, đến lúc hạ, bèn có ánh sáng mặt trời ngày đông soi chiếu. Bây giờ, đang giữa giờ Ngọ, kẻ tăng người tục thấy đều vui mừng. Đến khi tôn trí Xá-lợi, mọi việc hoàn thành thì mây mưa lại nhóm tụ. Đại chúng đồng ngợi khen tâm Sư có sự Minh cảm đến như vậy.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiên Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư làm Đạo tràng Chủ. Sư cố từ chối nhiều năm nhưng không được, bèn phải đến đó. Còn võ về trên dưới, có tiếng là Tăng Cang. Lại vì Kinh Niếtbàn là vốn chuyên của Sư nên thường chuyên việc giảng rộng, thiết bày ngôn lệnh, thường nương vào

Văn đó. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ bảy mươi một tuổi.

Sư có hoài bão tiết tháo, cõi lòng sáng rõ, bạn bè phụ gá dòng cao, đồ chúng hèn thấp, tánh Sư chẳng nghiêng đổ dòi. Chùa đã mới lập, các hàng Tể phụ đều giao xen, long trọng ở lòng, chưa hề đón rước, tình khái thiên biểu, rốt cùng khó biến tiết. Đang lúc thọ trai, giữa chúng tăng có gần bốn trăm vị, bỗng nhiên tại chỗ quan trọng trong trai đường lớn lửa cháy dữ dội, tiếng nổ như sấm động, cả chúng kinh hãi bỏ chạy tán loạn, đều bảo là nhà sập, và cùng nhau mang chân không mà chạy ra hết, chỉ còn một mình Sư ngồi yên cầm thìa mà ăn, dung khí chẳng đổi thay, như không thấy nghe gì cả. Sư còn vì thương những người nghèo khổ bệnh tật, xả bỏ y vật mà cứu giúp, lại tự thân lo việc chăm sóc trông coi. Đó là điều cùng mừng vui ở thời bấy giờ. Sư cương nhu đều tốt lành.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Linh Cán, họ Lý, người ở xứ Địch Đạo thuộc Kim Thành. Ông nội của Sư tên là Tướng, được phong ở Thượng Đẳng, bèn theo sự ban phong mà dời chỗ ở. Sư mới mười tuổi mà thích nghe Pháp yếu, bèn đến chùa xem, tỏ vẻ mừng vui trái với thế tục, cha mẹ Sư chẳng làm trái ý con mình.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Kinh, làm đệ tử Pháp Sư Diễn. Ngày đêm vâng thờ không biếng trễ chút thời gian. Thường khi vào giảng đường, Sư tưởng như đang ở trên cõi trời không khác. Năm mười tám tuổi, Sư đáp giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa. Ban đầu Khai Tông bốn, bày hội tinh cầu, mọi người đều lấy làm lạ. Sư lại đáp kháng những điều bén nhọn không vấp vấp trở ngại, chúng càng mừng vui ngợi khen. Đến năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc, chuyên Chí Tỳ-ni, lập tánh, cung kính, tự nhiếp mà thành tiết tháo. Ba nghiệp hộ trì, đều giữ giữ Tánh. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt phật pháp, phế bỏ cả Nhân từ. Sư bèn ở nhà kính phụng giới pháp, nghi thể không mất. Đến đời Tùy, phục hưng ánh sáng mặt trời Phật. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) có ban sắc lựa chọn vào trong số Bò-tát Tăng. Quan cấp cho y bát, an trí ở chùa Thiệu Lâm. Tuy đội ân cúng dường nồng hậu mà hình nghi vẫn đồng như thế tục. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư đến chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu, mới được xuống tóc. Việc xuất gia nêu tướng từ đó rất thanh hành. Có Pháp sư Hải Ngọc giảng Kinh Hoa Nghiêm, chúng tăng khắp bốn phương tìm đến kết tụ để làm hưng thịnh kinh ấy. Sư bèn ở trong chúng đó, giảng nói kinh Hoa Nghiêm. Những vị

đầu chúng ở Đông Hạ đều ngợi khen. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, nhân tu bắt đầu ở Đạo nghiệp và sự học rộng ngày trước, nên Sư được vua ban sắc cử đến trụ chùa Hưng Thiện, làm sa-môn dịch kinh chứng nghĩa.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Sư bị chết giấc, chỉ còn trái tim còn nóng, nên mọi người chưa dám tắm liệm. Sau Sư tỉnh lại, kể rằng: “Đầu tiên thấy hai người trên tay cầm Văn thư đến đứng trước cửa phòng bảo rằng: “Quan cần gặp Sư!” Trong chốc lát đã cùng nhau đồng đi, tướng trạng tựa như nương cưỡi giữa hư không, chân không dẫm đất, đến một khu vườn rộng lớn, cây rừng toàn là bảy báu trang nghiêm như họa vẽ, hai người đưa Sư đến rồi từ giã mà lui. Riêng một mình, Sư bước vào vườn rào khắp đông tây, chỉ thấy đất rừng, núi ao đều là châu báu, chói lọi cả mắt, không thể nhìn kỹ. Dưới cây cỏ tòa hoa, hoặc có người ngồi, hoặc không ai ngồi. Bỗng nghe có tiếng người gọi: “Linh Cán! Ông hãy lại đây?” Sư bèn lần theo tiếng gọi mà đến, thì ra đó là Pháp Sư Tuệ Viễn. Pháp Sư nói: “Đây là cung trời Đâu-suấtđà, ta cùng Pháp sư Tăng Hưu đồng sinh ở đây. Tòa đầu kế tiếp Ta ở phía Nam, đó là pháp sư Tăng Hưu!” Hình tướng ngài Tuệ Viễn và ngài Tăng Hưu đều chẳng phải bốn thân, trên đầu đội mũ trời, mặc áo đỏ tím, sáng rực hùng vĩ khác hẳn ở thế gian. Chỉ có tiếng nói là y như cũ nên có thể nhận biết được. Ngài Tuệ Viễn lại bảo với Sư rằng: “Ông và đệ tử của ta sau này đều sinh lên đây!” Nhân đó Sư giác ngộ, càng thêm nghiệp cũ, đoan nhiên Quán hạnh, bật giao với người vật.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. Sư được cử đảm nhận việc chùa. Vốn chẳng phải điều mà tâm Sư ước mong. Mà lại phải làm theo! Năm đó, Sư lại vâng sắc rước Xá-lợi đến Lạc châu, Sư liền xây tháp tại chùa Hán Vương. Ban đầu mới đến, nơi chỗ tháp thường phát ra ánh sáng Thần, gió thổi đèn tắt, mà suốt đêm sáng rực, không cần đến đèn đuốc soi chiếu. Lại ngửi có mùi thơm khác lạ theo gió bay đến. Kẻ tặng người tục thấy cùng người thấy. Đến ngày mùng tám tháng tư, lúc đặt Xá-lợi, thì khắp trong chùa viện cây lá đều héo úa, chim quạ kêu buồn, đến khi khóa lập xong mới trở lại như ngày thường. Bấy giờ, Hán Vương Lượng đang trấn nhậm tại Tân Dương, nhân Sư xây dựng tháp tại chùa của mình, bèn từ xa sai Trung Sứ đưa đến ban tặng mọi vật. Sư giỏi về Thế số, nhanh nhẹn khéo léo, biện rọt khó thêm, thường vì Hiến Hậu mà soạn sách, Vua Văn Đế trong tâm càng thêm cảm mến, sùi sụt thấm ướt, mới ban tặng Sư hai trăm xấp gấm lụa, dùng để tiêu biểu cho sự kính ngưỡng lớn lao.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiên Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc chọn Sư làm Thượng tọa ở Đạo tràng. Tăng Đồ hưng thịnh rất đông đảo, không thể tính kể rằng tường

tận. Đến ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. Kẻ tăng người tục mang cờ lọng cùng theo nhau đến, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại phía Bắc núi Chung Nam.

Ban đầu, Chí Sư kính phụng kinh giáo Hoa Nghiêm, thường y theo bản kinh mà thiết lập Liên Hoa Tạng thế giới Hải Quán và Di lạc Thiên cung Quán. Đến lúc bệnh đã trở nặng, tròng mắt Sư nhìn lên, chẳng đối diện với người, hồi lâu rũ xuống đoái nhìn như ngày thường. Sa-môn Đồng Chân đến thăm hỏi bệnh Sư, vì thấy tướng đó. Sư bảo với Ngài Đồng Chân rằng: “Ngược lên trông thấy có hai đồng tử mặc áo xanh đến rước mời, bèn cùng theo đi, đến ngoài thành cung trời Đâu-suất, chưa được bước vào Nội cung. Nếu nhón chân lên nhìn thì thấy trong thành có cây báu, lọng đẹp, nếu đứng bình thường thì không trông thấy gì cả!” Người chăm sóc bệnh Sư nói rằng: “Vừa rồi Sư nhìn lên là tướng ấy vậy!” Ngài Đồng Chân bảo rằng: “Nếu thế tức vãng sinh về đó, là toại Bản nguyện!” Ngài bảo: “An lạc ở cõi trời chẳng được lâu dài, cuối cùng sẽ rơi lại trong luân hồi. Thế giới Liên Hoa Tạng mới thật là chỗ ước mong!” Sau đó không lâu Sư bèn dứt hơi thở rồi bỗng chốc trở lại như cũ. Ngài Đồng Chân hỏi: “Thấy được gì u?” Sư đáp: “Thấy nước lớn đầy khắp, hoa sen lớn như bánh xe, Tôi ngồi ở trên. Đó là sở nguyện đầy đủ!” Bỗng nhiên, Sư liền thị tịch.

Có Sa-môn Linh Biện tức là Du Tử của Sư. Thờ thiếu thời ít dưỡng nuôi, chỉ dùng Nghĩa phương mà răn dạy, dẫn tại Đạo vị, lại thông hiểu Đại Điện. Nay hiện ở tại chùa Thắng Quang, Chúng tăng bàn luận về nghiệp hạnh, đề cử trông coi cương nhậm, mở mang dẫn dạy Giáo nghĩa Hoa Nghiêm, nổi tiếng ở Đê lý.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Kính Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Kính Thoát, không rõ Sư họ gì. Sư là người ở Quận Cấp. Sư xuất gia từ thời niên thiếu, tánh tình hiếu hạnh trong sạch, thẳng ngay rất nổi tiếng. Tuy gồm nghiên cứu cả giáo nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, nhưng Sư riêng thông hiểu về Luận Thành Thật. Giảng giải khắp cảnh chẳng thiếu lời hỏi, mở bày rộng thuật, chương số đều mới, thật đáng làm nơi quy tông kính ngưỡng cho hàng hậu học! Văn Chương Thiên Thập rất dạn thwo lớp, đồng ở trong phòng viện ít thấy nói bàn dư thừa, tay chẳng rời Quyển sách, chuyên bàn việc rộng, oai nghi sửa đổi khônh hề nhìn ngược lại. thân rất cao lớn sung mãn Viên thành. Bấy giờ mọi người cùng chú ý đến cho là vị tăng tài giỏi. Có người tâu đạt đến vua, mới truy tìm thỉnh Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật. Khắp bốn biển cùng ngang hàng, Sư lại không đua tranh, Chí tiết bền vững

rất là xứng thủ. Vua muốn thử các vị Đại đức xem ai thật sự là người cương
lượng, bèn cho mời vào hết trong điện Nguyên Võ, rồi sai Giám môn Lang
Tướng Đoàn Văn Tháo rút dao đuôi rượt. Các Đại đức đều bảo chạy đi mau,
chỉ riêng mình Sư từ từ thả bước như thường. Sư bảo với Đoàn Văn Tháo
rằng: “Ông vì việc gì mà quýnh lên như vậy?” Đến lúc vào trong điện, Sư
ngồi vào nói luận Phật lý. Vua nhìn Đoàn Văn Tháo mà bảo rằng: “Chúng
tăng vốn chẳng biết pháp thế tục, giám môn (người gác cửa) làm sao có
quyền thúc giục được?” Riêng lấy làm lạ về chí lớn của Sư, Vua bèn ban
tặng quạt trúc lớn, mặt rộng ba thước, bảo Sư nắm lấy để dùng. Lại ban tặng
giày gỗ thông bọc cao, bảo Sư mang ngay trong cung mà đi ra. Vua đích
thân tự đưa tiền và nói với Sư rằng: “Thật là vị tăng tài giỏi!” Từ đó về sau,
Sư thường mở mang giảng giải Luận Thành Thật, không đổi thay thứ lớp.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa
Hồng Lô ở Đông Đô, thọ sáu mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư bắt đầu đi học, thường thực hành đặt mẹ ở một đầu gánh, Kinh
sách và bút lại đặt ở một đầu gánh. Nếu đến lúc thọ trai thì Sư để mẹ nghỉ lại
dưới gốc cây, còn Sư vào xóm khát thực. Sư có cây bút rất lớn thô như cánh
tay dài độ ba thước, một chữ phương trượng không ai chẳng suy cao. Nếu có
người đến xin viết, mỗi trang giấy Sư chỉ đề một chữ. Phong lực bèn chắc
vượt xa, ngắm nhìn thật chẳng nhầm chán. Sư đều viết trên các vách tường
để qua lại xem xét. Các tấm biển gạch ở Đông Đô đều do Sư viết cả. Hễ một
lần phóng bút thì không bao giờ còn phải sửa lại.

Bảy giờ, tại chùa Tuệ Nhật có sa-môn Pháp Lăng chỉ giảng nói Địa luận,
soạn thuật số ký, tiếng tăm xứng với tên gọi, được coi trọng trong đạo tràng.
Mãi đến lúc Sư thị tịch, tăng chúng mới phô bày tấu trình. Vua rất buồn
thương quý tiếc. Tất cả mọi việc cần thiết trong lễ tang đều do Thiên phủ
ban cấp.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô

Thích Thiện Trụ, họ Hoài, người ở xứ Doanh Châu. Sư xuất gia từ
thờ thiếu thời, thông minh dễ ngộ, cơ đạt chuyên tâm, dự qua các giảng
hội, thấu rõ Huyền Cực. Luận Đại Trí Độ, Kinh Niết-bàn Sư tiếp nối chú
thích biết bao nhiêu lần. Trải qua nhiều năm đói kém, khát thực là việc khó
khăn, mỗi ngày chỉ ăn một cái bánh để kéo dài mạng sống. Thân hình Sư rất
gầy ốm, mọi người chẳng biết Sư bao nhiêu tuổi.

Sư đi đến một ngôi chùa, nghe giảng Kinh Niết-bàn, nhân đó luận nghĩa, chỉ
mới được ba phen mà Pháp sư trên tòa cao không mở giải, được chỉ cúi đầu

nín lặng. Đồ chúng hơn ngàn vì đều đứng nép bên giảng tịch, phải chờ Pháp sư xuống, khi về đến trong phòng, Pháp sư lặng lẽ thị tịch. Khi Sư luận nghĩa xong bèn liền đi ra, không hề hay biết việc ấy. Qua hôm sau, Sư lại đến, mới thấy làm các thứ tang cụ. Nhân đó, Sư hỏi về nguyên do, Chư tăng mới bảo là: “Hôm qua, Pháp Sư bị một vị tăng ở phương Bắc hỏi vặn, mới do đó mà bị chết!” Mọi người không biết về Sư, nên chẳng bắt bớ. Sư nghe nói vậy, bèn tự xét mà thôi lui và ngậm trốn. Qua mấy ngày sau, lại gặp một vị tăng người nước Trần cũng giấu mà đến chỗ giảng khác. Sư luận nghĩa, không điều gì chẳng đến cùng, chịu khuất mà ngã chết có đến ba vị, do đó mà tiếng tăm Sư chấn động trong đời, sáng rực khắp Ngô Việt.

Đều đầu đời Tùy, Sư đi theo hướng Bắc, đến nương tựa Pháp Sư Viễn chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Ấp. Thính chúng ở đó có đến ngàn vị, đều là những vị tài giỏi vang tiếng một thời, mà Sư đáp thuật dựng lập nghĩa thần thái tú phát, riêng cùng thầy luận bàn vấn nạn khéo thông lời giải. Pháp Sư Viễn soạn Niết-bàn Văn Sớ, mà ý Sư chưa muốn truyền bá, tự tay cầm bút sửa đổi phân bày, chia ra thành pho quyển, soi xét nghĩa lý sâu mầu, lợi ích không thiếu sót. Pháp sư Viễn nghe vậy, bảo Sư rằng: “Ta biết ông khả năng tư duy không ai vượt hơn, vì sao đối với ta mà sửa đổi, tưởng có mưu đồ riêng có thể được ư?” Sư đáp: “Nếu đời chờ Pháp sư thị tịch mới có sửa chữa phân định, thì hư danh của Thiện Trụ con không bao giờ thực lực”. Pháp sư Viễn bèn chấp thuận. Văn sớ cuối cùng đã hoàn thành, phân tông đúc nắm ở đời, có trình bày khác lạ. Sau khi Pháp Sư Viễn thị tịch, Sư được sắc ban trụ chùa Tịnh Ảnh, làm Niết-bàn chúng chủ.

Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Thục Vương Tú trấn bộ tại Lương Ích, dẫn Sư cùng đi, khắp các xứ Mân Ba trông vọng đức hạnh Sư mà ngày một quy hướng thành việc. Mãi đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Quan Trung, ở xứ Thục hễ có tài vật thì Sư tu tạo tôn tượng, trang sức tòa ngồi, là bậc đẹp tuyệt danh sĩ, trong đời không ai sánh bằng. Đường trải qua lắm nguy ách mà bước đi đều đến. Vừa tới kinh đô bèn lập bày cúng dường để làm khuôn phép.

Gặp thời gian Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hoa Lâm ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu. Giá kiệu trang nghiêm sắp đến, chiêu cảm có tám con heo xung thẳng đến dưới kiệu theo đi đến Quán, xua đuổi nó mới chạy nhưng vẫn trở lại như cũ. Dẫn tới Thành Trì, có bốn con ong màu đen thân hình lớn mạnh, bay nhiều quanh theo kiệu mấy vòng rồi bay thẳng đi. Khi đã đến Châu Quán, ban đêm phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trên nhà, như lửa dữ cháy bùng, chỉ chừng khoảng bữa ăn thì tắt. Lại nữa, đào nền tháp xuống sâu hơn một trượng đúng ngay chỗ hộp, có được một chiếc bình sứ cổ, không nắp đậy,

nước lã trong, có mùi thơm, rất xinh đẹp, bèn tôn trí vào trong hộp. Lại nữa, tại chùa đó có ngôi tháp chín tầng, từ góc phía Tây Nam ở cấp thứ hai phát ra ánh sáng, phía trên soi chiếu tướng xoay tròn như năm hũ đá, màu vàng đỏ như lửa hồi lâu mới tắt. Lại nữa, pho tượng Di-lặc ở tại giảng đường cũng phát ra ánh sáng màu tím giữa hai đầu chân mày và tôn tượng hai vị Bồ-tát cũng phát ra ánh sáng màu đỏ chiếu soi cùng khắp chùa viện. Trước sau có đến bảy lượt mọi người cùng trông thấy, trừ người không đến.

Vào khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, xây dựng chùa Thiên định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh mời khắp các vị danh tăng thạc đức. Sư lại được trúng tuyển chọn cao, đến trụ chùa Thiên Định, thường khai mở Pháp tịch, truyền hưởng hợp nhau, vì bị bệnh phong nên môi miệng Sư méo lệch. Người đương thời cho rằng: “Bởi ngài sửa văn số của Viễn Công nên phải bị như vậy!” Ban đầu Pháp Sư Viễn chia Kinh Niết-bàn thành năm phần, phần cuối là phần “Xà Duy”, Sư tìm đó để chọn nghĩa và đổi thành bảy phần, không có phần “Xà-duy”, mà phần thứ bảy đề là Phần “Kết Hóa quy Tông”. Từ lúc Sư bị bệnh phong trải qua nhiều năm mà các vấn cật nạn vẫn bình thường. Làm cho các hàng học sĩ đều kinh sợ. Sau, tự nhiên bệnh phong dứt hẳn, miệng Sư trở lại như bình thường. Sư bảo rằng: “Bệnh ta đã lành ắt mạng sống ta sắp dứt. Đó không có gì lấy làm lạ, Lý số tự nhiên như thế”.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư muốn trở về lại chùa cũ, chư tăng không chịu, Sư bèn nhét đất đầy miệng, muốn tự tìm lấy cái chết. Chúng tăng cả chùa thấy chí khí Sư quá cương quyết, phải đành lòng vâng theo. Đến tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi một tuổi.

Lúc bệnh vừa lành, Sư bảo với đệ tử rằng: “Một đời ta, tâm tưởng thường luôn Chánh tín, đối với nghĩa Lý Phật dạy không hề sinh tâm khinh thường. Chẳng lo Tịnh Độ ta không được sinh!”. Và liền bảo quét dọn phòng nhà, đốt hương trang nghiêm chờ đợi. Từ lúc bị bệnh về sau trải qua nhiều ngày chỉ nằm một nơi không dậy được, bỗng nhiên lúc đó Sư tự ngồi dậy cháp tay, bảo với thị giả rằng: “An Trí tòa Thế Tôn”, và miệng Sư tự nói: “Đức Thế Tôn đã đến! Thiện Trụ con nay xin sám hối hổ thẹn!” Như vậy, hồi lâu rồi Sư lại nói: “Đức Thế Tôn đã đi!” Sư cúi mình như thể đưa tiễn. Nhân năm xuống, Sư lại bảo rằng: “Mới đến đó là Đức Phật A-di-đà các ông có thấy chẳng? Không bao lâu nữa, ta sẽ đi!” Nói xong chừng khoảnh khắc, Sư bèn thị tịch. An táng ở ven núi phía Bắc của Vi khúc, thuộc phía Nam Thành, tuân theo Di lệnh của Sư! Sư có đệ tử là Sa-môn Tuệ oai ở chùa Đại Tổng Trì, giảng tìm tông tích, nổi tiếng ở tại Kinh thất.

10- Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô

Thích Biện Tướng, họ Sử, người ở xứ Doanh Châu. Tánh Sư ưa thích rỗng rang tĩnh lặng. Nhờ vân du nghe học mà nổi tiếng, sự nghiệp bao gồm kinh thuật. Khắp xứ Tề Triệu đều tỏa ngát hương thơm đạo nghiệp. Sau, Sư trở lại Lạc Hạ trải qua các pháp tịch, lại đến Thiệu Lâm nương tựa, ngài Tuệ Viễn cầu học Thập Địa, Tam tạng thánh điển Đại thừa, Tiểu thừa. Sư đọc xem khắp cùng nhưng đối với một Bộ Kinh Niết-bàn nghiêm xét tỉ mỉ rất nổi tiếng. Về sau, Sư đi về hướng Nam, đến Từ châu. Sư lại tham cứu Nhiếp Luận cho đến Tỳ-đàm, đều vạch bày hết chỗ tinh nghệ, nổi tiếng tới Đông Nhung, tỏa sáng học hỏi giữa thầy trò, mọi người đều quy hướng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư theo Viễn Công đến đất Phụ, mới đầu trụ chùa Tịnh Ảnh, đối giảng rộng thông. Tâm trụ trong nhân hiếu, Sư luôn kính ngưỡng nối tiếp vết thầy. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, gặp lúc xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Đại Võ ở Việt Châu. Người dân hớn hở vui mừng được trông thấy di thân. Chưa đến lúc đem ra mà ánh sáng tự phát ra hiện đủ cả bốn màu xanh vàng đỏ trắng, chiếu soi rõ khắp phía ngoài. Bảy chúng đều ngợi khen mừng vui, Tâm ưu việt luôn khởi động. Lại nữa, ở bên cạnh núi có một bụi cỏ chi màu tím dài hai thước ba phân, bốn cành ba lọng, màu sắc sáng đẹp khác thường.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, mở rộng pháp tịch, các hàng học sĩ thường đến nghe học có hơn trăm người, đồng thời được lãnh tụ ở đương thời, gần gũi vâng thừa âm cáo. Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy. Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư vào Dương Đô ở nội đạo tràng, giảng nói mở mang như cũ. Vì Trịnh ủng bức đồng Cố lạc bến. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Sư được Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc nhọc mời trở lại kinh thất, mở mang kinh luận, khai mở tâm cho người mới học. Xưa kia, Vua Cao Tổ lúc đang tại Hoằng nghĩa, rất kính trọng các bậc minh đức, mời vào trong cung, trọn đêm luận bàn giáo pháp, cảm động đến lòng Vua, vua bèn ban tặng tích trượng xinh đẹp. Vua Cao Tổ mời Sư trụ tại chùa Thắng Quang. Chùa đó do Tần Quốc cúng dường. Nên Sư vì ở đó. Sau đó nhờ vốn nghiệp giúp đỡ, nên cửa tuệ mới mở. Sư kính mến chùa Tịnh Ảnh bèn đến giảng nói, lại xả bỏ những gì còn lại, hình tượng Viễn Công để lại thường luôn kính lễ, dùng làm khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh ràng buộc thân hình, nhưng không biết làm cách nào để xả bỏ hình hài, Sư bèn ẩn lánh thị giả, tự thất cô mà qua đời tại khuôn viên chùa, thọ ngoài bảy mươi tuổi.

Ngài là người thuần tố, hình dáng trắng đẹp, mặt mày trong sáng, nghi chí nhân thái, bàn luận danh lý, tiếp chóng từ nghĩa rất có Thần thái.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô

Thích Bảo Tập, người xứ Bối Châu, là đệ tử Tam Tạng Pháp Sư Tăng Hưu ở Ung Châu. Ngài Tăng Hưu là bậc thông đạt minh giải, thân lý vượt xa. Cuối thời nhà Tề, tiếng tăm Ngài vang rộng khắp đông độ, ngày nhà (Bắc) Chu phá diệt nhà (Bắc) Tề, Ngài Tăng Hưu ở ẩn tại Bối Châu, đến lúc Thiên Nguyên nối tiếp ngôi vị, bắt đầu mở mang Phật Pháp, Ngài Tăng Hưu mới vâng chiếu làm Bồ-tát Tăng, cùng các Sa-môn Tuân, Viễn, v.v... đồng trụ ở chùa Trắc Hồ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) mời Sư vào kinh đô trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Năm mười tám tuổi Sư đến quy y và chuyên việc tụng kinh. Sau, nghe giảng các kinh luận, Sư chỉ lấy luận Đại Trí Độ làm chính, ban trải ảnh hưởng khắp Quan Đông, nổi tiếng cùng các vị tài giỏi ở đương thời. Sư theo ngài Tăng Hưu vào kinh đô đảm nhận việc dạy răn khuyến khích cố gắng. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc bổ nhiệm Sư làm Đại Luận Chúng Chủ, trụ chùa Thông Pháp, suốt bốn mùa giảng giải hoằng hóa, mọi người từ những phương xa đều nhóm họp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Tung Nhạc ở Tung Châu. Mới đầu, mây sương khuất phủ, suốt bảy ngày mờ tối, Sư bèn bung lầy lò hương phát nguyện: “Mong đến lúc sắp mãn hạn tôn trí đặt Xá-lợi thì thấy được sắc thái mặt trời!” Không bao lâu thì điều mong cầu của Sư đã đến, bầu trời mở sáng giữa ban ngày vào lúc giờ ngọ. Đã xứng hợp tâm chờ mong, liền bị ẩn che.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Phiêm Ái ở Hình Châu. Bỗng nhiên ngay trên hộp, thấy hiện hình tượng các Đức Phật và Bồ-tát cho đến có cả ánh sáng, khắp cùng bốn mặt không thể nói hết, suốt hai ngày ánh sáng mới tắt, nhưng các tượng vẫn hiện còn. Và đang lúc đặt tôn trí xá-lợi, lại thấy một tôn tượng Phật hình thể đang nằm có ánh sáng màu đỏ tuông phát ra. Sư vui mừng với điềm linh cảm ấy bèn họa vẽ mà kính thờ. Đến khi Vua Văn Đế băng (605) Vua Dương Đế (Dương Quảng) xây dựng chùa Đại Thiên Định, vì tiếng tăm Sư vang xa, vua bèn thỉnh Sư đến cúng dường. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Cung, Minh Hồng là các vị giỏi về luận Đại Trí Độ. Ngài Đàm Cung từ thuở thiếu thời đã có cơ biện, kiến giải nổi tiếng. Sư thường giảng giải Kinh Luận. Khắp Kinh Đô đều ngợi khen tốt lành. Ngài hộ trì chánh pháp rất đúng theo lời Phật dạy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc cử Sư làm Tế Pháp Thượng tọa. Sư trông coi việc tăng truyền tỏa hương thơm đến cuối đầu mối. Sau, Sư được mời đến trụ chùa Hoằng Phước. Lại ban bảo cho Sư trông coi đảm nhiệm chùa Phổ Quang. Đức hạnh của Sư ở thời bấy giờ rất cần, nên Sư luân chuyển không ở nơi nào cố định. Sư thị tịch tại nơi đang đảm nhiệm! Sa-môn Minh Hồng cũng là người vinh vọng ở đương thời. Tiếp nối sự nghiệp của tông sư. Sư được mời đến trụ chùa Phổ Quang. Bấy giờ lại hoàng pháp, Sư chuyên xây dựng phòng tắm để cúng dường, hàng tháng lại chà rửa phòng tắm cho chúng tăng, tiếp gót An Công, quy tâm về Đức Từ Thị.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô

Thích Tuệ Thiên, ngài người xứ Doanh Châu, hiểu học chuyên thừa hỏi, ưa thích Địa Luận, lấy làm chỗ cùng cực để tâm thưởng ngoạn. Sư mang tích trượng rong ruổi khắp cùng, mong cầu kính mến Dĩnh tượng. Tuy Sư nghiên cứu tinh thông một bộ mà rộng suốt cả trăm nhà, mỗi lúc đến nạn lý thì các bậc thầy đều tụ đến.

Vào thời Bắc Tề, Sư đã vang vọng Danh thật. Sư lại theo ngài Tuệ Viễn, lưu lại nghiệp trước, nghĩa chẳng trở lại duyên, trải qua chỉ trong một năm mà đều thông các Kinh Niết-bàn, Địa Trì. Và đều được giảng trao. Nhà (Bắc) Tề mất, Phật pháp bị hủy diệt, Sư lánh đến nước Trần. Đến lúc nhà Tùy đổi vận, Sư trở lại quê cũ, đi đến lạc hạ, lại nương tựa ngài Tuệ Viễn, nên sự nghiệp mới nghe đầy đặc cõi lòng. Đến lúc ngài Tuệ Viễn vào đất Quan, Sư nương theo và cùng trụ chùa Đại Hưng Thiện, chuyên việc mở mang giảng nói.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc lập ra năm chúng, thỉnh Sư làm Thập Địa chúng chủ, trụ chùa Bảo Quang liên tục giảng nói, tiếng tăm vang vọng dường như thời nhà Trần. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Hoằng Bác ở quê nhà. Đã đến nơi, đào xuống nền sâu sáu thước, chiêu cảm phát ra ánh sáng màu tím khắp cùng đất tháp, tướng trạng như lửa dữ, giống như chỗ treo tượng ngày nay. Lại ngay trên đất biến thành nét chữ đường vân màu đen rõ ràng, đề là “Chuyển luân Vương Phật Tháp”. Thấy được linh tướng ấy, mọi người đều mừng vui, vì ít khi gặp được. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại đến chùa An

Hoà ở Hải Châu xây tháp. Đào sâu đến năm thước, có được đất trắng, màu trắng hơn cả phấn, khắp đầy trong hầm. Lại đào sâu đến tám thước, ở trong khối đất trắng có được một viên ngọc trắng, hình vuông lớn hơn một thước, sáng nhuận khó có gì để sánh ví. Đến buổi sáng sớm sắp đặt tôn trí Xá-lợi, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thành quách; sắc màu như lửa hồng. Xá-lợi từ trong bình lưu xuất ra, chia làm sáu hạt, hiển hiện việc ít có. Đại chúng đều khen ngợi.

Sau, Sư thường Khai giảng Thập Địa, khắp kinh ấp có nhiều vị giảng nhưng không vị nào sánh được. Đến lúc xây dựng chùa Đại Thiên Định, Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư đến trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ bảy mươi chín tuổi.

Sau khi Sư thị tịch, Luận Thập Địa không còn tiếng tăm ở Quan nường. Nên Đạo do người mở mang, điều ấy thật xác nghiệm! Có sự truyền đạt của tâm, thật hãy cố gắng.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tĩnh Châu

Thích Tuệ Giác, họ Phạm, người ở xứ Tề. Đạt lượng thông soi, ít nường gá những người nằng bằng, mà nghi hình Sư cao vời, mắt mày sắc bén ngời sáng, y phục mới sạch, thân cao bảy thước, dung chỉ ôn hòa rộng rãi, bước đi khoan thai. Sư giữ phép đi bộ, không đâu chẳng dừng bước, đón rước hé mắt mà tiễn đưa. Oai nghi của Sư cảm kích đến người như thế. Sư thông suốt các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm, giảng tịch nối nhau lưu vết khắp Tề Đại. Tiếng tăm vang xa, học môn thành phong thái.

Đến lúc nhà Tùy mở vận, mở mang hưng thịnh Tượng Pháp. Vì trước kia, Vua Văn Đế (Dương Khiêm - nhà Tùy) khi ở tại Bắc Chu đã Tổng nhậm nguyên nhung, đích thân dẫm qua sự nhọn bén. Binh cơ bị mất sự bén nhạy, nên trồn nạn ở Nam trạch thuộc Tĩnh Thành. Sau, đến ngày lên ngôi, truy tìm chỉ còn lại đất cũ. Trong niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, tại chỗ đất u nhân, Vua Văn Đế bèn xây dựng chùa Võ Đức. Đất ở đó chỉ toàn bùn ướt, nên khắp nơi đều phải dùng đá lát phẳng. Nhưng bắt đầu tăng thêm nền móng chung cho cả chùa viện. Khắp cùng cả ngàn kẻ, mái che đến chín lớp. Linh tháp mây bày, cảnh Đài sao giăng. Vì Sư là người có sự nhận biết vượt cao nên được khen ngợi, được vua thỉnh đến trụ ở đó. Pháp môn mở mang giáo hóa của Sư phần nhiều lấy Kinh Hoa nghiêm làm chính. Những người vâng thọ được tỏ ngộ đến thừa hỏi điều lợi ích, rộng lược đều vâng theo bốn tông.

Sau, Sư được thỉnh đến Cao Dương, sung vào làm Giảng Tượng, thỉnh chúng thường có hơn ngàn vị, khắp giảng Đường đều đầy chật, mà người tìm đến vẫn không ngớt, bèn phải nghỉ dừng pháp hội, đợi có thêm giảng đường mới có thể mở mang đất dẫn. Liền có thí chủ tức thời xây dựng giảng đường rộng lớn dung chứa cả ngàn người, tạo dựng những gì cần thiết, chưa tới một tháng đã được thành tựu. Sư liền lên pháp tòa, đạo chúng dẫn đến đông đầy. Oai dung Sư rộng thoáng thanh nhã, tướng trạng như thần. Nói bàn hòa nhã, dắt dẫn huyền âm, vạch bày xung hợp, người nghe kính vâng, thật là mở mang nghĩa rộng. Sư soạn thuật văn số các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma, v.v... đều tiếp nối Nghĩa Chương, tất cả mười ba quyển. Văn chất lồng lộng, xuyên suốt giáo hóa. Các bậc minh đức khắp xứ Tề Ngụy đều tụng đọc và lưu hành.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ 3 (620) thời Tiền Đường, gặp lúc bọn Hiểm Doãn xâm chiếm phương Nam. Sư bị bệnh sơ sài mà bảo với tất cả đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Thị giả hầu thưa: “Nay giặc đã đến thành, đường đi đều trở ngại bất dứt, biết đi về xứ nào?” Sư đáp: “Sinh tử đường lớn, đi ở không hẹn ngày, ngày mai ta sẽ từ biệt!” Và Sư bảo ban xuất của cải tự thân thiết trai cúng dường tăng chúng. Sư quyết từ biệt với đại chúng, suốt đêm chánh niệm tinh sáng rõ ràng, đến lúc minh tướng vừa xuất hiện thì Sư an nhiên thị tịch, thọ chín mươi tuổi.

Ban đầu, tánh tuệ giải của Sư vốn chứa nhóm trong lòng, phước nghiệp nhiếp chúng, Độ sinh tùy hỷ có nhiều. Hễ có tu tạo, thì tự thân Sư giúp đỡ sửa sang, nên nền tảng của chùa đều do khuyến khích cố gắng. Lại nghe vắng sinh Tịnh Độ thì bố thí vườn là công đức nên Sư chẳng ngại xa ngàn dặm từ Thanh Châu lấy giống táo về trồng trụ chùa Khai Nghĩa ở Tinh Thành, riêng đi ngàn thù gốc cúng khắp năm chúng.

Ngày một phô bày tươi tốt, nghiệp ấy rộng lớn.

Bấy giờ, trong chùa có hai vị Sa-môn đều tên là Tuệ Đạt và cũng đều là đệ tử ngài Tuệ Viễn, là người khéo giải ở đương thời, vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường thì phô bày sự tốt lành ở Kinh Ap. Lại có sa-môn Minh Cán, cũng là bậc tài giỏi kế tiếp đó, cùng nhau truyền đăng, lưu tỏa tiếng thơm chẳng dứt.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ chùa Kiến An ở Thường Châu

Thích Trí Cự, người ở Thọ Xương thuộc Tân An. Họ Lý. Gia thế vốn lưu xuất từ Vị Trụ ở Cao Dương, nhận làm Lý Quản, bèn lấy làm họ. Do qua nhiều thời đại biến đổi âm, bèn lấy chữ Lý có bộ vương làm chữ lý có bộ

mộc, nhân đó mà thành họ. Sư vốn trụ tại Điền Ngộ ở Quận Triệu thuộc Ký Châu, theo hướng Đông dời đến ở Giang Tả. Cha của Sư tên Vĩ, làm quan Viên Ngoại Tán Kỵ Thị Lang ở thời nhà Lương.

Năm mười chín tuổi, Sư bèn tự xuất gia, nghe Pháp sư Thản giải thích luận, chưa ngẫm khỏi quản thường nghe tinh nghĩa. Pháp sư Thản là Môn Sư của Tề Vương Giảng. Kế đến, Sư nghe Nhã Công giảng Luận Bát Nhã, lại nghe Dự Công giảng về Tam Luận. Ba vị Pháp tượng ấy danh giá đều rất quý trọng. Sư muốn thanh khiết tiết tháo, nắm giữ tự tâm, riêng thấu cùng Pháp tánh, các cao tọa chủ thường không kiêm thuật, người xưa có nói “Học không ở nơi một vị thầy nào cố định”, lời ấy rất có ý chỉ. Sư rộng tìm xa xét, tận cùng chỗ u cầu.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư bèn đến tuyên giảng, biện tài Vô ngại, mọi người đều biết. Nói Kinh đời hỏi, chóng động thường luân. Đến lúc sắp thị tịch Pháp Sư Thản đem đồng một lúc giao phó cho Sư cả năm Bộ kinh lớn. Đã được Di chúc, Sư bèn diễn giảng, tiếng tăm danh giá càng vang xa, kẻ tăng người tục đều kính ngưỡng. Nhưng miệng Sư không nói đến người, mắt không tiếp nhận cảnh sắc, sữa muôn sinh chẳng dùng, tanh nồng không phạm đến. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Minh Diễn. Từ lúc thọ học về sau chuyên kính thờ Sư làm Hoà-thượng. Trước lúc thị tịch, Sư bảo rằng: “Các Bộ Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Niết-bàn, Thích Luận, là các văn ngôn ta thường giảng nói, đem cả đều giao phó cho ông bốn Bộ Nghĩa số!” Sư bèn nắm lấy tay ba lần, bỗng nhiên Sư thị tịch, tại chùa Kiến An ở Thường Châu, lúc đó nhằm ngày mồng mười niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường. An táng tại chỗ đất cũ của chùa thuộc phía Nam Tỳ Đàn.

Ngài Minh Diễn họ Khâu, danh tộc ở Tân Lăng. Sư có dung nghi cử chỉ dễ nhìn, tinh thái cao vợi khác thường, kính sùng công lao lưu tỏa đức hạnh của thầy (Trí Cự) nên dựng lập bia lớn ở trước cửa chùa. Trần Tây Dương Vương ký thất Tiều Quốc Tào Hiến soạn văn bia.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu

Thích Đạo Khánh, họ Đái. Gia đình Sư trước kia ở Quảng Lăng, sau men theo sông mà dời đến ở Vô Tích. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, kính thờ A-xà-lê tạng chùa Kiến Thiện ở Quận Ngô làm thầy. Sư siêng năng vâng thờ rất mực kính lễ, đồng bạn đều suy tôn. Năm mười bảy tuổi, Sư đến Thành đô, nghe giảng Luận Thành Thật ở chùa Bành Thành. Đại nghĩa của các luận khác Sư, đều không để sót, do đó; các bậc thầy ở đương thời đều

chăm chú vào Sư mà bảo rằng: “Treo Nhật nguyệt ở trong lòng, rót sông rạch vào trong miệng, thật là quy kết về nơi Đạo Khánh!”.

Đã được lời chúc tụng tốt lành, Sư càng gấp bội chí kiên thường, tiếng tăm vang vọng đã qua, tòa cao ở tại ngày nay. Đến lúc thời vận nhà Trần bị mất, bạn Đạo điêu tàn, Sư đi về hướng Đông, về lại Vô Tích, trụ chùa Phụng Quang. Học chúng nhóm họp, Sư lại giảng dạy như trước. Sau Sư lại trụ chùa Hoằng Nghiệp ở Tỳ-đàm chuyên việc mở mang giảng dạy, không ngại thời tiết nóng lạnh. Sư có oai dung cử chỉ đẹp xinh, khéo hay nói cười, xem thường danh lợi, nồng hậu giao du, bút mực rảo thông, thi cầm khéo léo. Phong thần nhàn buông. Vận vũ rỗng lảng, có đủ mọi phương ứng vật, ứng cơ không trái ngược.

Vào tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ sáu mươi một tuổi. Qua ngày hai mươi ba tháng chín, an táng tại Sơn Tân, thuộc Phù Đường. Ngày đào huyệt, xuống mới đào xuống, chiều cảm có một Đàn hạc trắng từ giữa trời bay đến, kéo dài bay liệng, cùng kêu tiếng buồn thương. Nếu chẳng phải đạo hạnh tỏa sáng khắp xa, thì sao có được điềm lành khác lạ như thế? Có Sa-môn Pháp Tuyên cùng ở chung chùa, nói rằng: “Tôi cùng Sư (Đạo Khánh) quên lời quên Đạo, từ thuở nhỏ ở kinh đô đã vui vẻ cùng đắp chung mền. Đến tuổi xế chiều ở quê người lại vui cùng mặc chung áo bào, trăng chiếu gió giương, tiếp tay cùng trò chuyện. Chúng tôi nơi kinh đường Luận thất, chạm chân chẳng phải người khác. Đâu ý cao sâu mà hết tình bạn tốt của tôi, ngàn hàng nhọc rửa, trăm thân thà chuộc.

Chưa thể nén bút liền ghi một bài minh ngắn, viết rằng:

*“Mười lực ngậm cánh
Bốn y khác đời
Dâm đức liền sáng
Người ấy tiếp nối
Cung tường giới nhĩ
Đèn đuốc thiên tuệ
Đều ruổi sóng rìng
Chia sân sâu đặt
Nhà Luận khua ngọc
Phòng nghĩa phân lan
Ngôi như sư tử
Chúng nhiễu quanh đàn
Đạo sạch ngoài trần
Lý dứt mối luận*

*Oai nghi khoan thai
Ba nghiệp an tường
Cõi uế cơ cùng
Người tốt hiện diệt.
Màn lưu hình ảnh
Xe về vết xưa
Trăng soi tháp vắng
Suối dơ mộ buồn
Sương trúc dần tụ
Gió thông rít dài
Khí vận có tan
Đức âm chẳng dứt!”*

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 12 hết)

---o0o---

QUYỂN 13

CHƯƠNG II - PHẦN 09 : GIẢI NGHĨA

(Chánh truyện có mười bảy vị, phụ có bảy vị)

1. Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
2. Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đăng ở An Châu, thời Tiền Đường.
3. Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.
4. Truyện ngài Thích Tinh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Đạo Sung).
5. Truyện ngài Thích Viên Long ở chùa Hoàng Quang ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên An).
6. Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Hành Hữu).
7. Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiên Đường.
8. Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô, thời tiên Đường (Pháp vị).

9. Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô, thời tiền Đường (Pháp vị).
10. Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời tiền Đường (Minh Khoáng, Minh Lược).
11. Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu, thời Tiền Đường.
12. Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An nghiệp ở Biện Châu, thời tiền Đường.
13. Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.
14. Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu, thời tiền Đường.
15. Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô, thời tiền Đường.
16. Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô, thời tiền Đường.
17. Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy, ở Tô Châu, thời tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô

Thích Tuệ Nhân, họ Vu, người ở xứ Hải Diêm thuộc Quận Ngô, là con cháu của Thái thường Bảo đời Tấn. Ông nội Sư tên là Phác, làm Tấn Kỳ thị thường thời nhà Lương. Ông nội Sư tên là Nguyên Hiễn làm Trung Thư Xá nhân đời Lương. Đều là những bậc tài giỏi giúp đời rất tốt lành. Sư bẩm khí ôn hòa thư thái, trong soi hơn thường. Huy âm lướn sâu, Tăng tục đều kính trọng ngợi khen.

Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Tuệ Hy ở chùa Khai Thiện làm thầy. Đến tuổi chí học phát mạnh, Sư nghe Pháp sư Quỳnh ở chùa Kiến sơ giảng Luận Thành Thật. Tuy chưa thọ giới cụ túc mà đã ngang bằng người nhập thất, tiếng tăm trí tuệ trùm khắp, Đạo chúng thầy cùng suy tôn. Sư mừng vui thưởng vị tịnh tâm, chưa vạch chỉ chương cú, bèn đến chỗ hai vị Thiên Sư Tuệ Hiễn và Trí Thôi ở núi Chung Nam, thỉnh cầu truyền trao Pháp Quán Điều tâm. Nước Định đã lắng trong, nói nghĩ càng chững chạc.

Sư tiếp mở rộng lược, cùng tận sâu mầu mà ngộ lời thần giải, riêng chức nêu tận cùng. Sư lại đến Pháp Sư Biện ở Trường Can, thọ học Tam Luận, thấu cùng vi ngôn của thật tướng, mở rộng u chỉ của mãn tự, rót nước một bình, xanh lại hơn lam. Sau, Pháp Sư Biện trở về yên tĩnh ở chốn núi rừng, bèn giao phó tất cả đồ chúng cho Sư. Học chúng thọ nghiệp hơn năm trăm vị, nổi gót truyền đăng gần ba mươi năm.

Niên hiệu Thái Kiến thứ tám (576) đời Trần, vào đầu mùa an cư, bỗng chiêu cảm U Sứ (sứ giả cõi u minh) đến thưa với Sư rằng: “Vua muốn cầu thỉnh Pháp Sư!” Những người đi theo cùng ồn náo, tiếng ty trúc giao hưởng, Sư liền dứt hơi thở và xả mạng, thân thể vẫn như ngày thường, trải qua thời gian bảy ngày đêm, như nhập định sâu. Đến lúc đồ chúng thưa hỏi, Sư mới bảo rằng: “Hãy xem trong rương có vật gì chẳng?” Đệ tử tìm kiếm thì có hai xấp lụa quỳên. Nhân đó, Sư bảo: “Đó là Di vật của vị tăng này!” Đồ chúng lại hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Vọng tưởng đảo điên, biết sao chẳng làm, ta bị vua Diêm-la mời gọi an cư kiết hạ, giảng Kinh Đại Phẩm Bát-nhã, ở chốn Minh Đạo được xem như là đã qua ba tháng. Lại thấy các hình ảnh ở chốn địa ngục, năm thứ khổ thay nhau”. Nếu chẳng do sức từ bao gồm cả u hiển, đạo hạnh rất mực cảm thông như Sư thì đâu thể đến cõi u minh kia, thần thức vân du nơi cõi khác? Trần Bộc Xạ Từ Lăng là người cao tài thông học, Thượng Thư Mao Hỷ là người tham cứu thấu suốt u vi, thời bấy giờ được xưng gọi là “Tri Nhân”, mà đều quy hướng về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, xây dựng chùa Thiên Định. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tìm cầu khắp trong nước, xa thỉnh các bậc Danh đức. Sư là bậc Long Tượng Pháp Môn, cho nên ứng theo hội ấy. Đức đã sáng ngời bao trùm mọi vật. Luận nghị thì cả Đại chúng đồng tôn ngưỡng quy hướng. Sư bèn vâng phụng được cử làm tri sự Thượng tọa, dạy răn nghiêm túc thiền học, nhu thận dẫn dụ tựa nương, việc lắng hòa tăng luân v.v... các thứ oai quyền, đều nghĩ đến việc sớm mở bày. Lại nữa, mới đầu, chùa nhóm họp khắp nơi cùng một lúc, các bậc danh đức đều là những vị có đức hạnh tốt đẹp, Sư lại thật gồm đủ tất cả. Sư từng giảng Tam Luận và soạn văn sớ, nêu lên yếu ước người học đều kính phụng.

Đến thời tiền Đường mở vận, trùng hưng Đạo Phật, có cử mười vị Đại đức, Sư là người đứng đầu trong số đó. Sư đem chân thống trị pháp, chẳng sai bảo mà thực hành, nhún nhường để thành đạt, cúi mình thành chuyên, nên các bậc Lão túc kỳ đức ở chùa Kinh luôn tỏ tâm cung kính vâng thừa, đều sùng bái thỉnh Sư làm Bồ-tát giới sư. Những người thọ giới cụ túc sau này đều nương tựa mà yết-ma. Tả bộc Xạ Tiêu Võ là người có khí cục trình thuần sáng rõ, huyền phong bất động. Hình Bộ Thượng Thư Thẩm Thúc An là người ôn nhu thanh nhã, đạt tín thông thần, đều kính ngưỡng, vâng theo

tôn thừa, ở đó hai năm. Sư định tuệ cả hai đều rõ suốt, Không Hữu đều chiếu. Hoàng pháp suốt bốn Triều Đại, chỉ chuyên theo Nhất thừa, mà chẳng đua tranh với vật tình, không tỏ bày sắc thái mừng giận. Nên cùng đi trong Đạo của Sư, chẳng ai lường biết được Quả vị của Sư.

Đến ngày mười hai tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm, thọ tám mươi chín tuổi. Đầu đêm sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Pháp Nhân rằng: “Các ông phải sống đúng như Pháp, khéo tu ba nghiệp, chớ để một đời lương qua. Phải thuận theo lời Phật dạy, chớ biến đổi sắc phục, phô bày buồn thương theo sau tang ta, đó là việc không nên làm!” Sư bèn sửa sang dung mạo như thường, lắng thần nhập định, đến cuối đêm, an nhiên ngồi thảnh mà thị tịch. Cảm nghe có mùi thơm lạ xông ngát phòng, bèn đưa tào đến chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam. Khi đó, lăm xe mang nhọc cụ, tăng tục hơn ngàn người đón rước đến phía Nam thành, lại nghe nhạc trời vang vọng giữa hư không. Các hàng đệ tử, v.v... xây tháp gạch Chi-đề, khắc bia minh, do Lan Lăng Tiêu Quân soạn văn bia.

Ngài Pháp nhân là người ở Hưng nhân, từ thưở thiếu thời từng làm cung phụng, thân tâm thanh tịnh, tu hành niệm định, tánh luôn nhún nhường, có tiếng khắp trong đồng học.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Hạo trụ chùa Phương Đăng ở An Châu

Thích Tuệ Hạo, người ở An Lục. Vào Đạo từ thưở nhỏ, có tâm lượng xa xăm, xem đọc nghĩa kinh, mở dẫn ở tâm. Ban đầu, thám đượm Huyền cương, Sư mong cầu Đại Phẩm, rộng nghe, lược nghiên cứu, mà tình còn trở ngại điều chưa tỏ bày. Nhân có Pháp Sư Minh ở Bao Sơn, là người được phó chúc từ chùa Hưng Hoàng, ở đời tôn xưng là Dĩnh Tượng, khắp nước thầy đều chiêm ngưỡng. Nhân đó, Sư tìm đến theo học, thưa hỏi kính thờ không mỗi mệt, đầy đủ được sự lắng trong xa gần, bèn thành lan rộng, phò bộ to lớn, dồi dào hưng thịnh.

Năm ba mươi tuổi, Sư lên Pháp tòa dẫn dắt giảng nói, các bạn đồng tu cùng luận bàn, thọ nghiệp truyền đăng, phân phong theo hóa. Vì Dòng pháp choáng rợp, thành cứu giúp đã nghe. Còn các xứ Mân lạc Tam áp đang còn mê mờ trong màng lưới ở đương thời. Sư bèn dùng giáo pháp mở rộng dắt dẫn xa những điều chưa nghe.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, ở vùng Sông Biện thuộc Giang Hiệp, tuy gặp phải sóng gió, nhưng Sư vẫn gắng chí không ai vượt qua trước. Khi đã đến Đô thành, bèn mở rộng việc hoằng Pháp, y cứ vào miên tử, Sư tùy phương khai mở dạy răn, tự tăng chúng ở Ngọc Diệp thầy đều

nhân đó mà được khai sáng, khói mây xông lên, khắp vùng thượng vị chánh pháp mà thành ban giúp. Không sợ đi qua, cho nên khiến đến muộn, hát ca khắp đường. Lại nhân chúng đông nên khô gãy phát sinh, Sư y cứ theo pháp mà trị, không có tâm che lấp. Bấy giờ hoặc có người không thể nghĩ nhớ như thế, bèn nghĩ tấu trình với triều đình rằng: “Sư kết nhóm đồ chúng ngày một đông nhiều. Tăng tục đông đúc ủng hộ, nếu chẳng phải là dị thuật thì đâu thể được sự theo về của người đời như thế?” Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tra xét tận cùng, rõ bày sự việc chẳng thật, nên kẻ vu khống phải mắc tội. Sư chỉ vì Đạo do người mở mang, nghĩa phải biết trái lại, bèn xoay đường trở lại hướng Nam chỉ đạo ra Kinh Môn, đồ chúng theo học lại gấp bội hơn trước. Khi đã về tới quê cũ Sư chóng bày sự nghiệp trước, lại dần trải Lãnh điệt, lại mở Quankiên. Thân vọng càng cao, chúng tụ càng kết, khôn khó cho sự ồn ào đua tranh ấy. Sư bèn lánh xứ đi về phía Bắc Tây Sơn, bình lặng lui tìm nhàn ẩn, đào luyện Trung Quán, qua hơn năm năm. Đồ chúng lại nghĩ tưởng đến Sư, bèn tới Núi đón rước, thỉnh Sư về Ap, truyền bá giáo hóa. Sư tùy nghi lợi ích, ý dẫn hạnh tàng, bèn trở lại chùa Phương Đăng ở An Châu, giảng nói nối nhau. Đến niên hiệu Thịnh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi bảy tuổi.

Từ lúc Sư là một trong hàng tăng, thì luôn tinh chuyên cố gắng dẫn đầu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Hơn bảy mươi năm, hễ có được gì liền ăn, không chờ đợi doanh cầu, chẳng hạn định sớm trưa, hễ bèn thôi. Do đó khắp Phong Đô, Thục Bộ đều khéo che chở. Mỗi sáng sớm mọi người đến cúng dường thường đầy áp cả cửa chùa. Sư đều bảo đưa vào của chúng tăng, không nhận lấy một thứ gì. Sáng sớm giảng xong, Sư xuống chỉ ăn một chén, ngoài ra, các thứ bánh trái đều về lại trong chúng tăng. Có học sĩ Đạo Cần thấy Sư gầy yếu, sợ Pháp sự bị ngưng nửa chừng, nên bảo cùng ngoại chúng, khiến mọi người bày biện cúng dường càng nồng hậu. Sư lấy làm lạ về việc khác thường ấy, nên sưu tra dò hỏi về nguyên do có các thức ăn uống, và liền đuổi Đạo Cần ra khỏi chúng, không bao giờ còn làm như vậy. Sư bảo rằng: “Vật thực tà mạng không thể thông ngự. Ông tuy nghe lời ta nói mà chẳng rõ hiểu yếu nghĩa lý giáo”. Sư gìn giữ tiết tháo, bảm thọ giáo Pháp đến như thế.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Pháp Tường trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu

Thích Pháp Tường, người xứ Đồng Châu, xuất gia từ thuở bé, Sư giữ chí thanh bần ít ham muộn, siêng năng tìm cầu học Đạo khắp nơi, không có

chỗ dừng ở cố định. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư kính vâng hiến chương, khắc ý răn sau, chuyên tâm nơi sâu mâu. Lúc Phật giáo, Đạo giáo đều bị phá diệt, Sư bèn theo tục, mà ôm giữ đức hạnh, giữ gìn kinh pháp, lễ tụng không ngừng nghỉ. Những vị có tiếng tăm chức phận đều kính chuộng, sắp tiến vị công nhập vào Đài Phủ, mà chánh tánh Sư kính mến Đạo, chẳng nghĩ tưởng đến vinh quang, bèn buông xả lập nghiệp, thấm nhuần mà thôi.

Đến đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn dự vào xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc, chí tháo Sư ngồi sáng, mở lời thì đơn giản chân thực, lập thân thì bất động trang nghiêm, không ở nơi chốn vắng lặng, thường ở trong phòng rộng mở thông trước sau. Hơn ba mươi năm, Sư giữ gìn đạo phong mà sống, tâm không lo toan, cửa chưa hề đóng. Ngồi nằm chỉ trên một giường ghế, thường chuyên đọc tụng Kinh Pháp. Kẻ tặng người tục đến thăm hỏi, tự chẳng đọc hết. Lại trang quyển bộ không liên quan lời, nên biết dung tiết, cuối quyển thâm gồm, đều quán kỹ rồi sau mới kính vâng đối đáp. Sư ngâm suy tư Huyền tịch, thường rộng gìn giữ, dẫn dắt chỉ bảo mê mờ, bày dụ không thêm lời trau chuốt.

Vì bị bệnh thương hàn, có người khuyên nên uống thuốc để chữa trị. Sư đều không nhận lấy, chỉ khổ nhọc công yêu cầu, tùy việc mà nghĩ lường. Hoặc có người sợ là Sư bị bệnh ly, Sư bèn bảo rằng: “Bệnh ly là nước, chẳng cần uống thuốc tự lành”. Sư bèn ăn cơm khô, vài ngày sau bèn lành. Sư gìn giữ tiết tháo bền bỉ, đại loại đều như vậy. Sư lại còn gìn giữ niềm tin, nêu bày nghi chí, chẳng giao thiệp với những người chơi bời, tự thân làm khuôn phép cho chúng, mở lời đều quy kính. Nên trong chúng có những điều trách phạt, Sư hẵn trước đến đó khuyên răn, nghe qua đều vâng phục, không còn oán hận. Đức hạnh Sư ngồi sáng nhập thân là như thế.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh nhiều tháng không khỏi, khí trắng kéo dài suy yếu. Có người thị giả đứng tham hầu, Sư nói lời rất nhỏ là “Tượng Phật, Tượng Phật!” lời tiếng đã trầm ảm, ban đầu mới nghe chưa rõ, sau suy nghĩ mới hiểu, bèn xoay lại nhìn thì thấy tôn nghi rõ ràng, trên bức vách phía Tây, ánh sáng rõ ràng đầy đủ, chỉ phút chốc liền biến mất. Lại nghe có mùi thuốc thơm phảng phất đầy phòng. Kẻ Tặng người tục đều kính lạ ngợi khen. Lại thấy có một đàn chim hạc trắng từ phương Tây bay đến liệng vòng quanh phòng ba vòng, xoay vùn qua lại mà đi. Từ đó về sau, chỉ một thời gian ngắn thì Sư thị tịch. Bèn an táng ở góc phía Đông của thành. Mọi người tiễn đưa đầy đường xá thôn ấp, phước lọng phô bày dầy đặc, tiếng khóc than buồn thương vang vọng khắp xa gần.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tĩnh Tạng trụ chùa Ngọc Tuyền ở núi Chung Nam

Thích Tĩnh Tạng, họ Trương, người ở xứ Cao Độ thuộc Trạch Châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, đến chỗ Thiền sư Thuyên Chùa Thanh Hóa, Thiền sư vì Sư mà làm Sư Chủ, dạy răn đến chỗ cùng cực, nương tựa đại màu.

Đến lúc tân Đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư thích tư duy về Định nghiệp, thấu suốt u vi, tận cùng Tướng tông, Tông đồ có chỗ kết quy. Năm hai mươi ba tuổi, Sư phát thệ nguyện rằng: “Hàng Trương Phu xuất tục, tiếp nối giòng họ Thích, há chẳng muốn Nghĩa lưu truyền thiên hạ, danh xuyên suốt Huyền ban ư?” Vì ở Hương nương, có Đại đức Pháp sư Viễn được sắc ban đến trụ ở Kinh Đô để chuyên việc mở mang giáo hóa. Sư bèn đến nương theo. Song, chưa đến nơi, thì gặp phải sự thay đổi, nên chẳng toại bôn ý, Sư bèn đến khắp các Pháp tịch, tham cầu kinh luận. Đối với Nhiếp Luận, Thập Địa là chỗ Sư riêng tìm cầu. Sư lại trở về chùa Tịnh Ảnh, truyền bá các Pháp đã học.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến Hồng lô, dạy bảo Đông phiên. Các vị nghĩa Tăng cả ba nước, Lang lệ Cửu Di mới thâm đượm khuôn phép, được nhờ tiếp nối căn cơ. Sư tiếp hóa dẫn dắt, đều theo pháp huấn.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, có Thái Bộc Khanh Vũ Văn Minh Đạt là người xưa trước đã kính giữ cấm giới, cả nhà thịnh nghiệp đến sánh với chiêu mục. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc sai Minh Đạt làm chấp tiết Chiêu Phủ ở phía Nam bắc của sông. Luân ngôn đã xuất, dùng việc dẫn đường. Sư đưa tiễn mà nói rằng: “Thế giới Vô thường, Phật có dạy như thế. Đối khác gặp nạn, người dân xưa đã để lại lời ấy. Mong thường ở tại đây, kính vâng sắc tin tưởng nơi tâm!” Minh Đạt cho Sư là bậc sớm có dự nghe từng trải qua mọi sự kinh nghiệm, nên bái chào từ tạ mà thưa rằng: “Đệ tử vâng mạng, chẳng trái lại, cầu mong Sư thâm dẫn dắt soi chiếu hỗ trợ!”. Đến lúc vừa đến Tương Châu, quả nhiên bị giặc Vương Đức Nhân giết hại. Con của Minh Đạt tức là Thế Thọ tấu trình rằng: “Cha của thần vâng theo sắc chiếu, an ủi vỗ về rất mực trung thành với nước nhà, bị giặc giết hại. Nay thần muốn báo đáp Hoàng Ân. Ở Tán Cốc thuộc Lam Điền hiện có ngôi chùa xưa, mong được vì cha mà sửa sang dựng lập, và Độ hai mươi vị tăng”. Vua Cao Tổ hỏi Thế Thọ muốn làm chùa nào? Thế Thọ đem sự việc ấy thưa hỏi Sư. Sư bảo: “Trên núi này có Ngọc Nhuận, phía dưới có dòng suối chảy, có phải là “Ngọc Tuyền” chẳng?” Thế Thọ tấu trình đầy đủ. Vua Cao Tổ bèn y cứ sự thỉnh cầu, liền thỉnh Sư đến trụ ở đó và chỉ huy tất cả các Đường Vũ, Lang miếu. Kẻ tăng người tục ở khắp xa gần thay đều đến núi yết kiến tập tu. Và đều để lại ở đó thuộc Pháp, an thời xử thuận, để trở lại tánh ấy.

Đến tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, nhân có việc vào kinh đô, Sư bị nhiễm bệnh thời khí, bèn thị tịch tại Kinh thất, thọ năm mươi sáu tuổi. Sư có đệ tử là Đạo Xán, noi theo khuôn phép Đạo phong, gìn giữ một Bộ Địa Trì, phu diễn hoằng hóa tại tâm. Nay hiện trụ ở chùa Chí Tướng ở Chung Nam, rất nổi tiếng ở đời.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Viên Quang trụ chùa Hoàng Long, nước Tân-la

Thích Viên Quang, họ Phác. Vốn ở Tam Hàn - (tức Biện Hàn, mã Hàn và Thần Hàn, Sư là người nước Tân-la ở Thần Hàn). Gia đình nhiều đời ở Hải Đông, truyền thừa lâu dài mà thần khí của Sư ngời sáng, ưa thích Thiên Chương, khảo cứu Huyền Nhu, xét xem Tử Sử, Văn hoa bay vượt Hàn phục, rộng rãi dồi dào mà còn thẹn với Trung Nguyên, Sư bèn dứt bật thân bằng, phát phần cố gắng.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư nương thuyền đến Kim Lăng. Gặp thời nhà Trần hiệu xưng là Văn quốc, nên Sư được thừa hỏi những điều thắc mắc trước và đạo liễu nghĩa. Ban đầu, Sư nghe đệ tử của Mân Công ở chùa Trang nghiêm giảng. Vốn thắm nhuần sách vở thế gian cho là vị thân có lý cùng cực. Đến lúc nghi được giải thích, mới đồng như rau thịt, hư tìm Danh giáo, thật sợ bờ mé sinh tử, Sư bèn đến tấu trình với Trần Chúa xin được quy hướng Đạo pháp và có được ban sắc chấp thuận.

Đã được như thế, lúc mới vừa xuống tóc, Sư liền thọ giới cụ túc. Sư vân du khắp các trường giảng, đầy đủ các gia mưu. Lãnh Diệp lời huyền chẳng rơi lạc khỏi cảnh của Sư, nên được các kinh luận như Thành Thật, Niết-bàn chứa nhóm bao gồm vào tâm phủ. Đối với Tam Tạng Số Luận là riêng chỗ Sư bày tìm. Sau cùng, Sư lại đến núi Hồ Khâu thuộc đất Ngô, duyên theo Niệm định không quên giác quán. Đồ chúng lắng tâm nhóm họp đến suối rừng, đều vì bao gồm bốn Hàm, Công khắp tám Định. Bọn lành dễ phỏng hỏi, ống trúc khó trông nhìn, rất xứng hợp với tâm trước, Sư có sự lo nghĩ chung cùng. Liền đó, Sư dứt bật các việc, tham bái các Thánh tích, nhiếp tướng trời xanh, xa hẳn cuối xưa. Bấy giờ, có gia đình Tín Sĩ ở dưới núi đến thỉnh Sư ra giảng pháp. Sư cố từ chối, nhưng Tín Sĩ vẫn khổ công cầu thỉnh, nên Sư bèn tùy thuận chí nguyện ấy. Sư khai giảng mở thông Thành Luận, chưa giảng về Bát-nhã, nhưng đều nghĩ rằng người tài giỏi thấu triệt, thừa hỏi đôi dòi, lại thêm Sư dùng lời trau chuốt, câu kết từ nghĩa. người nghe mừng vui hợp với tâm phủ. Nhân đó, Sư theo cựu chương khai hóa thành việc chính. Mỗi lúc Sư xoay bánh xe chánh pháp thì liền rút cùng sông hồ. Tuy là khác khu vực truyền thông mà gọi nhuần Đạo pháp, chóng dứt hiềm

tật, nên tiếng tăm Sư rộng lưu bày khắp lãnh biển. Mọi người vạch lùm cây rậm mang túi mà đến tiếp nối như vảy cá.

Gặp đến lúc Tùy Hậu ngự trị Thiên hạ, oai danh Sư càng vang đến nước Nam, trải cùng số ấy, Quân đến Đương Đô, Sư bị loạn Binh sắp giết hại. Có vị Đại chủ tướng trông thấy chùa tháp bị lửa cháy, bèn chạy đến muốn cứu chữa, nhưng hoàn toàn không có lửa cháy mà chỉ thấy Sư bị trói buộc trước tháp sắp bị giết hại. Đại chủ tướng lấy làm lạ, liền cởi trói và phóng thích. Sư gặp nguy ách mà c ứng cảm như thế ấy! Sư học thông ngôn ngữ xứ Ngô Việt, bèn muốn hoàng hóa ở đất Chu Tần. Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, Sư đến cung Vua, gặp lúc Phật Pháp mới hội tụ, Nhiếp Luận bắt đầu hưng khởi. Sư sử dụng văn ngôn, mở mang đầu mối, lại nổi danh tuệ giải, tuyên dự ở kinh đô. Tích Nghiệp đã thành, Đạo pháp ở phương Đông cần được tiếp nối.

Ở nước Tân-la Xa nghe tiếng tăm Sư, từng đến cầu thỉnh, Sư được sắc chiếu, thêm lời thăm hỏi, được phóng thích trở về Quê cũ. Sư trở về sau nhiều năm, mọi người già trẻ đều cùng mừng vui. Vua nước Tân-la; giòng họ Kim tỏ bày sự chí thành kính ngưỡng như bậc Thánh. Tánh Sư luôn giữ rỗng lặng, tâm thường trầm lắng, nói năng thường mỉm cười, nóng giận không lộ về nêu Biểu Khải Thư qua lại Quốc mạng đều lưu xuất từ cõi lòng. Một bề kính vâng, đều dùng phương cách sửa trị, thưa hỏi về Đạo hóa. Có việc khác với áo gấm, Sư xin đồng với Quán Quốc, thừa cơ hội phô bày răn dạy, rữ ban khuôn phép cho đến ngày nay. Đến lúc tuổi già nua, Sư ngồi kiệu mà vào Nội cung, mọi thứ y phục thuốc thang vật thực đều do Vương Hậu tự làm, không cho kẻ khác phụ giúp. Lấy đó để chuyên tạo việc phước. Sư có được cảm kính, đại loại như thế. Trước lúc Sư sắp tịch, nhà vua đến bên cạnh an ủi. Sư căn dặn di pháp, gồm cả nói về cách cứu giúp dân chúng, ứng hiện điềm lành khắp cùng núi biển. Sư vì sự tạo phước suốt năm mươi tám năm đó mà không nhớ chút nào, trải qua bảy ngày, tha thiết răn dạy rồi Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa Hoàng Long, thọ chín mươi chín tuổi. Lúc đó là niên hiệu Trinh Quán thứ bốn (630) thời Tiền Đường.

Ngay lúc Sư thị tịch, giữa hư không phía Đông Bắc chùa có tiếng âm nhạc vang vọng, mùi thơm lạ xông ngát chùa viện. Kẻ tăng người tục vừa buồn vừa mừng, biết đó là điềm linh cảm, bèn an táng ở vùng ngoại ô. Triều đình cung cấp vũ nghi, an táng đồng như an táng vua. Sau đó, có thai nhi người thể tục bị chết. Tại xứ đó có truyền thuyết là nên đem đến chôn nơi phần mộ người có Phước thì con cháu về sau không dứt tuyệt, bèn lén đem chôn bên cạnh tháp mộ Sư. Ngay đó, tự nhiên chân động thi thể thai nhi ấy ném ra khỏi phần mộ, do đó, mà không hư hoại. Mọi người càng thêm cung kính ngưỡng mộ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Viên An, thần chí căn cơ bén nhạy tánh tình ưa thích xem khắp, ngưỡng mộ u cầu, bèn đi theo hướng Bắc đến Cửu Đô, xét cùng phương Đông chẳng nại, lại rảo khắp Yên Ngụy ở phương Tây, sau đến chốn kinh đô, thông rành phong tục các nơi, tìm các kinh luận theo vết Đại cương, ý chỉ suốt trong, về già Sư quy tâm học khuôn phép cao sáng. Ban đầu, trụ ở tại chùa Kinh, vì Sư đạo hạnh vốn có tiếng tăm nên Đặc tiến Tiêu Vũ tấu trình thỉnh Sư đến trụ chùa Tân Lương được xây dựng tại Lam Điền, cung cấp cúng dường bốn thứ cần dùng không trái với sáu thời. Ngài Viên An thường tiếp nối theo Sư. Vua nước Tân-la bị bệnh, trị liệu bằng các thứ thuốc thang mà không thuyên giảm, nên thỉnh Sư vào cung, riêng xét an đặt. Ban đêm riêng hai thời nói Pháp sâu mầu cho vua nghe, truyền thọ giới sám hối, vua rất tin vâng. Có một buổi vừa mới đầu hôm, vua thấy nơi Đầu Sư phát ra sắc mầu vàng rờn rực rỡ, có hình tượng Nhật Luân theo thân mà đến, các hàng Vương hậu cung nữ cũng đều trông thấy, do đó lại càng phát tâm thù thắng, khắc lại nơi chỗ bệnh, sau đó không lâu thì lành. Sư ở xứ Biện Hàn, Mã Hàn rất thanh hành mở mang Chánh Pháp. Mỗi năm lại giảng, thành tựu cho hậu học. Các vật do đùm việt cúng thí, Sư đều sung vào xây dựng chùa viện chỉ giữ lấy y bát mà thôi.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Hải Thuận trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu

Thích Hải Thuận, họ Nhâm, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Dung mạo Sư rất kỳ vĩ, tiếng nói trong sáng, lúc trưởng thành, mặt mắt Sư ít râu rìa, nghi phục chẳng phải như đồng bạn, đối với mọi người có khác. Ít ở trong nhung gấm, sống tại ruộng đồng, Sư sớm chịu tang cha nên cùng sống cô quạnh với mẹ. Tâm tình hiếu thảo, nhân ái chẳng do thầy truyền, tánh luôn khiêm nhường thẳng thẳng, riêng vượt hoài bão. Sư thường tự buồn nhà nghèo khó, không có vốn liếng để thọ học, nên đến tuổi có chí cầu học vẫn chưa được nghe. Sư bèn mạnh dạn giã từ mẹ, rời khỏi thôn xóm, xuất gia cầu đạo, đến nương tựa Sa-môn Đạo Tốn, Đạo Quang, Huyền Trụ, tiếng tăm vang vọng khắp Nho Tông; thấy rõ ở truyện sau. Sư tự thân chuyên việc học lễ, ngày đêm tụng kinh, nhờ lúc đầu không hề có lỗi trái, văn từ chẳng cần đọc lại, mỗi ngày gần ba ngàn.

Đến tuổi đấng đàn thọ giới cụ túc, tiết tháo Sư càng vượt xa, Chí nghiệp rất mạnh mẽ, Niệm Định chuyên trì, thề không vết lụy, nhưng vì oai nghi thô tháo, thân lỗi có thể ngăn ngừa, nói cười dễ làm, lỗi miệng khó giữ, bèn nhân người khác bị hoạn mà im lặng không nói, Sư chỉ quét tước cửa thất, chuyên tâm mà thôi. Mới vì bắt đầu của học hạnh, lấy tuệ giải làm đầu, bèn

đọc xem các kinh, vâng theo huyền Tể. Các Bộ Phương Đẳng đều bảm thọ từ Quyết sư, đều tìm cầu sâu mầu, nghiên cứu cơ yếu, quý lời lãnh ý.

Có Sa-môn Thần Tố ở chùa Thê Nghiêm, tánh thích ẩn cư vắng lặng, chuyên về Đại Luận. Sư thuận xa tiếp thừa điều kỳ đặc, nghĩ muốn gõ thấu xung quan, bèn mang rương tráp lên núi, hỏi tham các trường giảng. Đồ chúng ở đó đã đông, kính ngưỡng khác nhiều, có chỗ thừa hỏi câu chỉ được nêu bày cương yếu. Sư từng có lúc thừa hỏi, ít lấy làm nhiều, tuy có phần uất nhưng chẳng lộ bày ra hình sắc, mà nhọc tâm có thể nghiệm thấy. Sư lui khỏi chỗ ngồi, bảo rằng: “Xưa kia, Trần Kháng hỏi một được ba, ngày nay cầu một mong hai, cũng là vợi vàng hay sao?” Ngài Thần Tố hỏi rằng: “Vì sao cho là như vậy?” Sư đáp: “Một là thì thấy trái nghịch, hai là nghe nghĩa”. Ngài Thần Tố đã hiểu rõ điều Sư nói, nhân đó mà tự sửa đổi. Và từ đó, không nghi gì chẳng quyết đoán, có sự ngưng trệ thì tỏ bày. Còn như Tạp Tâm gồm ẩn đầy đủ trong Bà-sa, nghiên tinh chuyên nhất, trước sau đều gồm. Hoặc xuống núi khát thực mà cầm quyền bày văn. Hoặc mong ngóng đủ tiếp sáng, gá soi tìm đọc, không gì chẳng thông suốt, khai mở chỗ quan trọng, khéo xét nguồn cội sâu xa. Sư thường đem việc ở các chỗ khác nói với ngài Thần Tố rằng: “Hải Thuận tôi nhiều kiếp đã qua chẳng gặp được Hiền Thánh, xoay lẩn trong năm đường chẳng thể tự ra khỏi. Đến đời nay sinh ở cõi uế, đối với phạm duyên này, chưa thể ra khỏi dòng sông Hữu Dục, lên bờ Vô Vi, đó chẳng phải do tâm bó buộc mất giây cương mà tôi tắm lúp vùi nơi hầm hổ ấy hay sao?” Nhân đó, Sư khóc than lệ trào ướt áo, sùi sụt nghẹn ngào. Sư lại bảo: “Mỗi lần nghĩ tưởng hai vàng nhật nguyệt giao vết, không do đâu mà ngừng dứt, ở trong sáu đường rong ruổi lâu dài, nghĩ trở về không có đường lối. Nói đến việc ấy càng có tâm lo sợ! Vả lại đời nay sinh được làm người, mở mang quên buồn bởi nghèo khổ. Xuất gia mở Đạo, tăng độ chẳng dễ đối với Công hầu. Hải Thuận tôi nay đều gồm cả, một đầu đáng vui mừng, hai vì ngôi nhà tắm tôi lớn lao, mong được người cho đèn đuốc. Tuy không đích thân kính thờ Như Lai mà may gặp được Pháp Sư, chẳng lường dây ngăn mà liền xét nguồn sâu, nguyện được gieo hạt ngọc sáng vào sóng cuộn hỗn đục, như vậy thì một đời có được, ngàn năm chẳng tiếc!” Sư bèn nói cười như thường, dung nghi tự nhiên. Ngài Thần Tố bảo rằng: “Dám nghe chí khí của bậc Quân tử, sợ chẳng xứng với Nhã hoại!” Ngài Thần Tô từ đó về sau thường thích làm việc chúng tăng, quả nhiên dừng ở trường giảng. Còn Sư thì cho rằng Chánh Pháp khó gặp, bèn mừng vui ưa thích thiên vị.

Có Sa-môn Đạo Kiệt là người tài giỏi, có đủ Định tuệ, mong cầu hâm mộ phong cảnh, bèn gửi thư đến Sư rằng: “Dám cúi đầu dưới cửa Pháp Sư, thường muốn lý tĩnh nhiếp tâm, dốc chí ở chốn suối rừng. Chỉ vì đêm dài Vô minh nếu không nhờ đuốc tuệ thì chẳng nhờ đâu được soi sáng. Nương gá

cây nhờ Pháp diên, xem nghe huyền chỉ. Còn như người vật nhóm họp, phiên nhọc phải làm các việc, hưởng gì đại hạn cả trăm năm; thời gian ngắn chỉ trong một niệm. Nếu theo đuốc trước gió, đường trước làm sao tựa nương. Do đó ruổi ngựa mỗi mết, tưởng xa muôn dặm. Cửa định màu nhiệm, liền mong vào ngay, trái đó chẳng đợi, ích dụng bàn hoàn. Cúi mong khai mở tâm hàm dưỡng, dùng lễ đẩy lùi người!” Ngài Đạo Kiệt được thư khen ngợi, tình Huyền bén nhọn đề xướng. Sư bèn đáp thư rằng: “Đường ngắn chẳng sống dây cương của ngựa giỏi, cây nhỏ đâu phải là nơi đậu nghỉ của Loan phụng, nên phải dẫn nước mà tắm gội cá bị cạn khô, giấu cánh mà làm bạn cùng Quả hạch, thoát khỏi thì không như thế. Mong không bỏ qua thời gian!” Sư được thư hiểu nhanh chóng, bèn không quả quyết thực hành, mà vì người cao chọn nhã tố. Tự trở về với chúng thanh tịnh, dứt bật giao du với người đời.

Từng có người nói chùng tánh cao thượng tỏ nể vinh quý khoe khoang với Sư. Sư liếc nhìn, cười mà bảo rằng: “Ta thuộc giòng họ Thích còn lưu sót lại chút ngời sáng, là con của đấng Pháp Vương, còn phải khiêm nhường tự hạ mình, chẳng dám ngạo đối xem thường người khác, đâu mong như hạng người tầm thường, lại muốn cậy Quý lân hiệp con người”. Rồi Sư phủ tay mà đi. Nên các Kẻ sĩ xu thời xu thế đều chẳng đến nơi cửa Sư, còn khách trái tục đến rất đông nơi nhà. Mà đạo hạnh Sư thuần khiết, tánh ưa thích truy tìm tông tích. Sư từng chích máu rưới bụi cúng dường Xá-lợi. Và lấy máu hòa với mực viết giới kinh của bảy Đức Phật. Sư nghiêm khắc với chính mình, nghiên cứu tâm tánh đại loại đều như vậy!

Sư từng tìm Phó pháp Tạng truyền Thuyết, Như Lai nhập Niết-bàn phó pháp kế thừa, cho đến các xứ Sư -tử, Kế-tân chúc lụy. Sách ấy vẫn từ sự việc rõ bày như gần với mặt mày. Do đó Sư buồn cảm khóc nước mắt như mưa, bảo rằng buồn chẳng bằng như các bậc Thánh, trội vượt trong trần tục này.

Sư lại thường vào lúc nửa đêm đánh lễ quy mạng Tam Tôn. Mọi người ở chung quanh gần gũi đều không nghe biết. Sư cởi áo nạp che phủ cho người rét lạnh, hoặc giảm bớt phần ăn giúp cho kẻ đói khát. Chí Sư ưa thích hoạt bát vui vẻ, không mong cầu, biết đủ. Có người tặng cho Sư áo gấm, Sư trọn chẳng để ý, từng thông dong bảo rằng: “Tự nhậm thì vui, mà không hề bắt buộc chúng sinh theo ta. Hễ theo vật thì khổ, nhưng không hề vì ta mà trái ngược với chúng sinh. Lại như, chim chẳng đậu nơi vực thẳm, cá chẳng làm tổ trên cây. Chưa hẳn đã hiểu tu đạo hòa nhượng, mỗi việc được sự thích nghi, cũng do ta chẳng đoạt Vinh thú của chúng sinh và chúng sinh cũng không thích làm nhục”

Sư lại có soạn “Tam Bất Vi Thiên” (chương ba điều chẳng làm) Một là ta muốn bỏ Văn học Võ, thân chết mà tiếng tăm vẫn còn, nghiền đá thông đường, cầu giếng suối chảy. Gan người ở trong thân ta, Kinh Kha rút kiếm, lông bèn bung bàn. Không làm tức đã làm thì chẳng phải như vậy, e rằng hai con Hồ đấu với nhau, thế lực chẳng cùng toàn vẹn, còn nay tốt đẹp mà dứt bật oán trái về sau. Đó là trở lại dấu vết hoang sơ lối hẹp, dứt bóng ở Sài Môn, hai - là ta muốn cắt vé bằng dao, treo ở đầu rường nhà, thư đến thì sắc tuyền, điệp ánh sáng ngời, một mai chim Đại Bàng cất cao muôn dặm, chim loan bay liệng vòng quanh, dù cho biện tài vân du giảng nói khắp chốn Quân Vương thì Xe Cao cũng trở về thôn ấp, áo gấm lui lại với quê xưa, sợ rằng chim chết vì lông cánh, hoa lan bị ngắt lấy do mùi thơm, lồng chậu giam hãm, thức ăn ngon há là quý hóa, mỗi câu khó nếm. Do đó làm tỏ cao nơi rừng chằm, hang sâu ở ao đường. Ba là ta muốn ngậm tài nuôi dưỡng Đức, vào chợ đến Triều, cả bốn chúng đều chiêm ngưỡng, ba hòe nương gá, nêu hình dẫn Thế, thân đạt danh vượt. Hòm đầy y phục thêu thùa, thức ăn có lắm ngọt ngon, cất cao Đàn sáo, ngâm vịnh lời ca, sợ bụi gá bám trên ngọn cỏ non, sương đêm gá đọng cành mềm, không qua khỏi sáng mai, chẳng vượt được gió sớm. Do đó trở lại tôn thương, vui cạn chỉ khổ lâu dài!” Sư thần ngộ xuất chúng, mở lời thành Văn lục. Soạn thuật biên tập mấy quyển. Bảy giờ, Chân Pháp Lăng theo thế tục ưa chuộng nịnh hót. Sư nói lời ý tứ dạy răn, hành giả cho là ngu. Từ ngữ khéo léo, người háo sắc cho là Trí. Chánh tánh của Sư liêm khiết, đến nỗi bị cơ hiềm. Nên xưa nay Sư giữ tâm trình trắng ngay thẳng, ở chốn nguy ách mà chẳng loạn, nhuộm nhiệm mà chẳng đen. Thật xứng đáng gọi là ôm hoài Đạo phong trong trắng!

Có Sa-môn Hành Hữu là người Chí hạnh nghiêm chánh, tài tuệ anh ngộ. Vốn kết giao với Sư. Nhân lúc bệnh tật, đêm thăm, Sư bảo: “Người trước có nói Cái học của người xưa là vì chính mình, còn cái học ngày nay là vì người, xét kỹ lời nói ấy thì đâu có đáng tin? Người đời gượng cầu hiểu biết mà chẳng muốn tu hành. Thường nghĩ đến lời ấy thật lấy làm buồn nghẹn. Tôi cho rằng giết phiến toái thì hết lầm hoặc, đâu phải chỉ chuyên nói kinh. dùng pháp độ người đâu hẳn cần phải lên toà cao. Trao cho Kẻ chẳng phải pháp khí thì luống mất công phu. Học chẳng đúng cơ, thì một đời tự nỗ hại!” Ngài Hành Hữu liền soạn “Luận Túc Tâm” để đáp lại. Sư bảo: “Đọc luận do em soạn, Lý như chưa hết”. Ngài Hành Hữu nói: “Luận Túc Tâm đáng lẽ ra phải có vài Thiên, nghĩa là: Hiện bày Quán chiếu, thuật nói chính tông, giải thích điều nghi, lập thành lý nghĩa. Chỉ vì, lý nghĩa cao vợi, văn từ sâu kín. Người đương thời chẳng thể nghe biết. Dung thứ cho ở bên bờ linh thiêng, giấu lớp vảy mà chưa tiến, xót xa thay chẳng gặp thời mới dứt bật dây đàn ngay đây!” Sư bèn nói lại về Di giáo, buồn than không thôi!

Trước kia, có sa-môn Tuệ Bồn là vị tăng có khí lượng cao hơn đời, nghĩ muốn cùng Sư kết bạn tiết tháo ở chốn núi rừng. Nhưng gặp lúc Sư mới học hỏi chưa rành để đáp lại. Sư Tuệ Bồn bị rơi vào thời thế, không lường biết được chỗ đến. Về sau, mỗi lúc Sư nghĩ điều đó, mở lời liền ứa nước mắt mà bảo rằng: “Bồn Công như cười rờng mà đi, rửa chân vượt thoát ngoài mây. Ta tuy quyền luyện nhưng tự buồn vì thân bị buộc nơi huyên tục, thặng trầm khác nhau, luống gì buồn thương. Vả lại, quên nhớ nghĩ người qua lại, nơi triều đình chợ quán cũng giang hồ là cuộn tình sinh tử. Gá nghĩ nơi sâu thẳm giống như tự gông cùm, nếu như tánh ấy chẳng mất, thì ở bất cứ nơi nào cũng an!” Ngài được đặc mến tình là như thế.

Đến lúc bị bệnh trải qua nhiều năm, Sư tự biết chẳng thể thoát khỏi, bèn viết Di văn nhiều trang gởi cho các thầy bạn. Tuy thân hình Sư đồng như bộ xương khô đứng mà vẫn tinh anh ngời sáng hơn hẳn người khỏe mạnh. Có người bên cạnh hỏi về hậu sự, Sư bảo: “Lo sợ thân hình là vật dơ uế, tạm xả bỏ được là vui mừng. Chim cá không riêng, nước đất đâu kén chọn. Nhưng nhìn lại chỉ có người mẹ già duyên xưa nghiệp nặng, nay tưởng chừng không được gần gũi mà già biệt. Nếu vật bỏ hài cốt nơi chỗ khác thì nếu đến sẽ không được thấy. Có đốt cháy não phiền, chỉ chết chẳng tổn thương người sống, nên lời xưa đáng ghi chép.

Hải Thuận tôi đây tuy bất hiếu, song đâu dám vì thân mình mà hại mẹ ư! Đã báo thân không tự do, có thể nghiêng quan tài để chờ đợi!” Sư bèn bảo Pháp Sư Tôn giảng pháp, lãnh ngộ vui mừng. Trong giây lát, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ ba mươi tuổi! Lúc đó nhằm ngày mười lăm tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường. Sa-môn Hành hữu soạn “Kỷ tri Sa môn Truyện”, ghi chép kỹ về việc ấy.

Ngài Hành Hữu hiện nay được thỉnh đến trụ chùa Hoàng Phước, được sung chọn vào việc dịch Kinh, nổi tiếng ở đời.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đàm Tạng trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô

Thích Đàm Tạng, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoàng Nông. Gia đình nhiều đời giàu có, mà tâm Sư trong trắng tự xa lìa. Năm Sư mười lăm tuổi, có thầy tướng chiêm đoán bảo tuổi thọ Sư ngắn ngủi, cha mẹ Sư rất buồn thương bèn về cưới vợ cho Sư. Vốn chẳng có tình ý, Sư nghĩ lo có sự bức ngặt, bèn trốn đến đầm Vong Sơn. Chỉ nhớ nghĩ ai là người đưa mình đi đến chỗ hoang vắng. Sư cất bước đó đây mà chẳng biết đi đâu, chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lâu sau, gặp được một người dung mạo đen tối mà lừa hai con trâu. Nhân đóm hỏi chỗ nào có thể dừng nghỉ qua đêm được?” Người ấy bèn bảo với Sư rằng: “Đi về hướng Tây có một

ngôi chùa, cách không xa sẽ tới”. Sau đó, nghe có tiếng chuông, bỗng nhiên thấy có ngôi chùa. Nhân đó Sư vào xin xuống tóc, bèn toại nguyện bốn tâm, và liền bảo Sư đi ra ngoài cửa, cách chừng trăm bước, Sư xoay đầu nhìn lại thì không thấy ngôi chùa đâu nữa. Lâu sau thì trời sáng hẳn.

Sư rong ruổi tìm đến Lũng Thượng ở phía Tây, chỉ lấy việc cầu pháp làm chính. Về sau, Sư trở lại Kinh Ap, trụ chùa Kỳ Thiện, hành đạo thọ giới, nghe giảng các kinh luật, mà ý Sư vẫn còn có chỗ mờ tối. Sư lại đến Sơn Đông, các Sư ở đó đua nhau giữ Sư lại để đối giảng. Với các bộ Địa Trì, Thập Địa, tên gọi Sư đều nghe. Sư đi về hướng Đông thì dần dần đến tận bờ biển, phía Nam thì thấu cùng Hoài phục, nghe đến chỗ cùng cực, không cùng như đồng bạn. Đến lúc, Sư trở lại Kinh đô, trụ chùa Quang Minh, giảng luận mới lạ, tiếng tăm vang khắp cùng. Khi Hiến Hậu qua đời, Sư lại được thỉnh đến trụ ở chùa Thiên Định. Tánh Sư độ lượng rộng rãi, phong thái khuôn phép trang nghiêm. Nên khiến kẻ tăng người tục thấy đều tôn sùng kính ngưỡng, đáng là bậc lãnh tụ giềng mối. Sư thường chuyên việc tiếp đối, tân khách ngồi trên chỗ tốt, lại tài năng khéo giỏi bàn nói rộng rãi về việc đời, thấy như hiện tại.

Đến lúc nhà Đường ngự trị thiên hạ, xây dựng chùa Hội Xương, lại thỉnh Sư làm Thượng Tọa. Sư võ về dìu dắt người lớn kẻ nhỏ, rất có Kỳ công. Đến niên hiệu Trinh Quán (627..) thời Tiên Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, lại thỉnh Sư giữ chức vị chứng nghĩa. Mọi người lúc ấy cho rằng Sư oai dung lẫm liệt, khí độ cao xa, nghi mạo trang nghiêm, đáng thỉnh làm chủ chùa Hưng Thiện. Sư rất ôn hòa lễ nhượng, dùng để khai mở con đường, Hiền thiện, bèn đề cử Pháp sư Nhuận chùa Hóa Cảm ở Lam Điền, liền y theo lời Sư nói mà cử xứng lời đề nghị ấy. Đến lúc Hoàng Trữ mất thống ngự, bèn thỉnh Sư vào cung, cầu xin thọ giới Bồ-tát, qua hôm sau liền lành mạnh. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc tặng Sư mấy trăm xấp lụa, y phục cũng vậy, và độ cho ba ngàn người, đồng thời xây dựng chùa Phổ Quang. Sau đó vua lại ban sắc hỏi Sư có được từ xa thọ giới Bồ-tát chăng? Sư đáp: “Trong Luận Địa Trì nói “Nếu nơi không có giới sư, người phát khởi thế nguyện rộng lớn liền đắc giới Bồ-tát”. “Nhân đó, Sư dâng trình luận văn. Vua lại ban sắc đem văn từ sám hối, bảo Sư bày đọc. Đến khi Hoàng Hậu bị bệnh, lại thỉnh Sư vào cung. Sư vốn bị bệnh ở lưng và chân, nên Vua ban sắc đưa kiệu đón rước Sư vào Tẩm điện để thọ giới Bồ-tát. Ban tặng Sư rất nhiều đồ vật, và Sư đều sung vào việc tu tạo công đức.

Đến ngày mười tám tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ sáu mươi chín tuổi. Tang buồn cảm động cả hai cung, điều tặng lần lượt. Vua Cao Tổ ban sắc an táng tại

thôn Nghiêm ở phía tây ngoại ô. Xây tháp đồ. Đông cung Chiêm Sự Lê Dương Công Vu Chí Ninh soạn văn bia, dựng tại tháp.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Thần Huýnh trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô

Thích Thần Huýnh, họ Điền, người xứ Lâm Tấn thuộc Bằng Dục. Thưở bé, Sư đã đỉnh ngộ vượt trội, Sư già từ ân ái, xuất tục. Xa có tâm rộng lớn, trải qua đủ thứ gian nan và vui thú. Hỏi đạo ở Hải Tây, bao gồm chỗ sâu mâu, rộng rộng ba tạng, nghiên tìm Bách gia.

Chưa đến hai mươi tuổi, mà Sư đã chứa nhóm làm sắc thể chim Hồng. Tuy rộng thông các kinh luận, nhưng nổi bật là pháp Đại thừa, còn như Sư soạn các lời tựa, chú giải các kinh văn, Thiên Chương Minh luận, cả thấy có hơn bốn mươi quyển. Vào tháng ba mùa xuân hằng năm, Sư vân du khắp chốn nham a, đến đầu mùa Hạ mới trở về Kinh Ap. Những người săn bắn chài lưới đọc thiên vị Danh, dần dần điều hòa sự ngang bướng lấy đó làm hoài bão để bỏ sự cao ngạo. Lại bỏ sự đùa bỡn hài hước, biện giải điều thuận trong ngoài, lẩn hiếp đồng bạn, khoe mình tài giỏi. Nên khắp Kinh áp đều suy tôn, các hàng Vương hầu thấy vái chào kính ngưỡng. Lại nhân những lúc nhàn rỗi, Sư du lịch đến Tỉnh Đài, dự là Văn Hùng, thông danh yết đối, hoặc bàn luận đầu mối Nho Sử, hoặc khai ngộ huyền Tông, mặc tình ưu du, cũng là vị cao tăng tài giỏi ở cuối đời, cho nên các bậc Anh tài tuấn tú khắp các xứ Hoa Nhưỡng đều lấy đó làm lời đồn rằng: “Đại Luận Chủ là Thích-ca, Pháp giới Đa-la Thần Huýnh một thời dất dấn”. Vì những lúc Sư dựng lập Luận nghĩa thì có năm, ba người vấn nạn, sau mới gồm thông. Sư ôm giữ mục đích ấy.

Niên hiệu Đại nghiệp năm thứ mười (614) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ chùa Thiên Định. Sau đó, Sư lại vâng chiếu của triều đình mà đến Hồng Lô, giảng nói Đại luận, dạy răn khai mở các Phương Sĩ ở Tam Hàn. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Sư đem chánh Đạo làm chỗ kết quy, chuyên làm khuôn phép, Sư bèn ôm tích tượng vân du các xứ Dung Thục, hoằng hóa khắp Mân Nga. Các hàng tăng tục, đều kính thành không đâu chẳng như gió thổi rạp cỏ, dòng pháp cuộn cuộn chảy đến sâu rộng.

Đến ngày mồng một tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Tụ, thọ sáu mươi lăm tuổi. Cả bốn chúng đều buồn thương, buồn vì dòng pháp ứng hiện chưa bao lâu mà đã kết cục, vốn có hoài bão chẳng xoay chuyển. Các hàng Quan thứ sĩ tục ở Ích Châu, cho đến đồng thuyền liệt đạo, tranh nhau tìm đến chỗ an táng, cờ phướn trắng xóa đầy đồng, khói hương xông ngút giữa hư không, muôn kẻ gào

thương tiếng động đất trời. Trà-tỳ ở phía Nam cầu Thăng Thiên, đó là vâng theo di lệnh.

Sư có đệ tử là Sa-môn Huyền Sát thân nhật phần di cốt còn lại để cùng Tần Trung, và các bạn đồng học như Sa-môn Huyền Cứu v.v... đem về phía bắc chùa Tiên Du ở núi Chung Nam mà xây tháp thờ. Ngài Huyền Cứu soạn Văn bài minh nơi tháp. Tình ôm hoài trong trắng, chí vốn vui thích chốn suối rừng, rất giỏi về Thiên Thập. Bấy giờ gặp được Tinh việt Học Văn, mọi người đều kinh ngạc tài hoa bén nhạy của Sư. Chưa lập mà thị tịch, buồn thương tài phủ.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tăng Phụng trụ chùa Định Thủy ở Kinh đô

Thích Tăng Phụng, ngài giòng họ Tiêu. Lương Cao Tổ là Tộc Tổ của Sư. Ông cố của Sư tên Ý làm Thị Trung Tuyên Võ Vương thời Nam Lương, Ông nội Sư tên Quĩ, làm Minh oai Tướng Quân Phiên Ngung Hầu thời nhà Lương, Cha của Sư tên Trương, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Tân Xương Thư thời nhà Trần.

Sư vốn từ giòng tộc trụ thanh hoa, phong vọng sâu xa, đặt tình rộng lớn, lập nghiệp cao vợi. Xưa, Sư có chí học, Sư có được thông tuệ sớm phát, văn bút từng rạng ngời, tiếng tăm vượt trội, soạn các tạp văn có hơn trăm bài. Gồm suốt vượt hẳn rừng Nho, nên các hàng thức giả đều đọc tụng. Và hẳn sớm lên Diên dự, khiến vang vọng khắp chốn kinh đô.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, có Pháp sư Tăng Kiệt là bậc danh vang khắp năm Đô, học cùng tám tạng. Sư bèn vững tâm cầu đạo, quy tông sư truyền. Ngài Tăng Kiệt xét thấy Sư tinh sáng, khí lược cao thượng, bèn truyền trao chân thừa, giảng nói sự sai khác của Thập Đẳng, đem huyền biện mà dẫn dắt, ít lập vị của tám thế. Sư nhã có sâu đạt, lãnh xem không xót, bay cao xa vợi so với đồng bạn. Ban mạng có hoài bão như Tiên đạt. Bấy giờ, Luân Tướng Cố nói rằng: “Sư vượt công gấp bội, nghe đó ở người xưa, băng lạnh trong dày, nghiệm ở ngày nay!”.

Gặp lúc Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tùy, có mưu đồ, trải qua thử thách các Hoàng Đạo. Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, đóng đường Nam Giao, Văn vật hưng thịnh một thời ngàn năm ít có. Vua muốn dùng Quân oai Đế nghiệp khơi động Quỷ thần, bèn trang sức cờ vàng, khắp bày lông trắng. Giáo mác sáng ngời giữa ban ngày, trống võ đàn đầy sông. Các hàng Tăng tục đến đông đầy nơi Triều Đường. Vua Dương Đế ban sắc rằng: “Quân của nước nhà có dung nghi, hoa di không biến đổi. Tôn sùng chúa thượng xa còn Danh thể. Giúp sinh thông vận, Lý số có cơ nghi. Tam

Đại treo nơi Lão Tông, Lượng giáo lập ở Thích phủ. Điều cách ban trái đã lâu, làm sao mà chống lễ?” Các hàng sĩ tử Hoàng Lão vâng thừa sắc lệnh cúi bái. Chỉ có các vị Samôn trong Phật giáo vẫn đứng sừng sững nhìn nhau. Khi đó, Sa-môn Minh Thiệm dẫn trước ra đáp chiếu, đầy đủ như ở Biệt truyện, nhưng sắc lệnh luôn thúc giục bảo “vì sao không lễ bái?” Khi đó, Sư đang là tự chủ chùa Sùng Kính, y theo lệ mà bị tìm đến. Sư bèn đi thẳng đến, viện dẫn kinh luận, nói rõ lý không thể kính trọng. Vua càng thêm thấy rõ việc chống lại sắc chiếu của Sư và Ngài Minh Thiệm. Thật có thể gọi đó là như Lan Cúc mỗi loài tự chiếm lấy anh hoa của chính mình. Trúc bách cùng phô bày trình tiết, không thể tước phá! Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định được xây dựng. triều đình lại ban chiếu nhóm họp, kết lập đạo tràng, lần lượt giảng giải, mãi đến lúc tuổi già, Sư đã dẫn an cư yếu, nếu có người vẫn nạn mất đầu mối, Sư hiển bày luận bàn thì liền trở lại.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, Phật Pháp trở lại hưng thịnh, đồng xanh có dơ uế, đầu bạc do đó càng nhiều, nếu chẳng là người thống lãnh bao gồm thì không do đâu mà mở mang hộ trì. Trung thư Xá nhân Đổ Chánh Luân được ban sắc trông coi Chương thống xem xét, Quản hạt tâu trình thỉnh Sư đảm nhận chùa Phổ Tập, sau đó lại chuyển lên làm Thượng tòa chùa Định Thủy. Sư dẫn dắt cả hai chùa, sinh hoạt không vượt ngoài Lục Hoà, khéo thấu đạt tâm của đại chúng, mừng họ đều kính ngưỡng mà dừng ở. Đến năm bảy mươi tuổi, Sư lại càng thành thật cùng cực, ràng buộc trần cảnh, phóng khoáng núi rừng, nói hiểu cùng tuyên, việc cuối hoàn tất.

Có Chư tăng chùa Long Cung ở Tây Sơn thuộc Kỳ Châu, từ xa đến thỉnh Sư giảng Thâm hạnh tổ tâm. Sư tiếp thừa đó, bắc trái với Tầng Nham, phía nam với Thanh vị, gương đá ngời sáng giữa ngày, lưới thông cao vút giữa hư không. Sư vui sướng với u tình, liền nương đó mà đến. Sư mở rộng Pháp Quán, dẫn dắt theo vết tuệ, giúp cho kẻ tăng người tục vui sống lại với điều được nghe chưa từng có. Thế rồi vào giữa đêm khuya, Sư buồn cảm, thường giữ chí với lời nói trước, buồn thương tăng thêm càng xa tưởng. Đến ngày hai mươi ba tháng mười hai năm đó vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Khi cơn bệnh đã trở nặng, Sư vẫn còn hoàng Pháp, tình sáng không biến đổi, Sư bèn dốc hết sức lực trong lúc bệnh, ngời dậy bảo rằng: “Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lời thọ Ký cuối cùng là phải dùng một để giải thích chung nhiều niệm”. Và Sư bèn đối trước đại chúng mà khai giảng. Khi xuống tòa Sư vẫn an nhiên, sau đó thị tịch tại chùa Long Cung, thuộc huyện Trần Thương. Các hàng Sĩ tục Quan thứ đau nhói tim gan, bức rức cả đầu. Đến ngày an táng, bày tỏ vết tích, thiêu mục đầu còn thấy được, bèn đón rước

linh cốt đến gò Bắc phía ngoài huyện, đục hang đá mà tôn trí, xây tháp trắng. Hoa lau nở trắng xoá, mọi người đến chiêm ngưỡng, thấy đều buồn khóc.

Sư có vị đệ tử là Sa-môn Pháp vị, tiếng tăm học hạnh sớm vang xa, nói hiểu cao xa. Vì ngày Sư thị tịch khó báo bồ anh thanh dễ lấp khóa bụi trần, nếu chẳng nhờ trình bày thì do đâu mà giữ phép, bèn lập một tấm bia tại chùa Định Thủy, trình bày về khí tiết của Sư từ xa xưa. Văn đó do Tả Bộc Xạ Yên Quốc Công soạn. Chỉ có Sư là người lập Tánh nghiêm trang, khí tiết vượt hơn mọi người, nói lời sáng ngời, hiểu vượt rảo theo. Sư chuyên lấy Bát-nhã làm ruộng tâm, Niết-bàn làm đất ý. Sư giảng Kinh Pháp Hoa có hơn trăm biến, Và cũng là một nhà soạn sớ giải. Ngoài ra, các kinh luận khác, Sư đều tùy thời mà nêu. Mới đầu, Sư đến Tây Sơn, có lưu lại vết tích, sớ có kể lại độ xa đó, phần nhiều vì các duyên khác. Vừa đi đến chùa ấy, nhân đó mà không trở lại. Sư ưa thích ngày biết được mạng mình, chẳng lấy gì thêm nữa. Nên trong phần kệ cuối di văn, Sư viết rằng:

*“Khổ thay, nữ đến tôi! Vui thay Trời Công Đức!
Người trí đều chẳng thọ Kẻ ngu nhận cả hai
Ta vâng lời Phật dạy Nương tựa trước Di-lặc
Nguyện tuyên dương Đại thừa Thành tựu Na-la-diên”.*

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Đạo Nhạc trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô

Thích Đạo Nhạc, họ Mạnh, người ở xứ Lạc Dương thuộc Hà Nam. Gia đình nhiều đời theo Nho Học, chuyên giữ hạnh nghiệp. Năm chín tuổi, Sư đọc các sách Thi, Dịch, Hiếu Kinh, rất thông minh, nhớ dai, vượt trội hơn bạn bè. Cha của Sư tên là Hạo, làm quan ở thời nhà Tùy, giữ chức Lâm Truy lệnh, tiếng tăm sủa trị vang xa. Có Ấn Sĩ Tây môn Nghĩa là người thông hiểu mọi vật, ở ẩn nơi chốn hang núi. Trước sau bảo thỉnh mà chẳng thể đến. Đến là bước từ Sơn A tới nơi Phủ Xá. Cha của Sư bảo cùng Lệnh Hạ Lại rằng “Tây Môn Nghĩa cố bái yết, vội vàng vì ta nói”, liền nghe việc ấy khiến cho vốn kính ngưỡng cao phong lại sợ hãi nhóm họp dừng ở. Cha của Sư mời Tây Môn nghĩa vào chỗ ngồi và nói: “Đạo của tiên sinh quật khắp tam cổ, Đức trọng cả bốn hạng dân, sao lại có thể xem thường mà nêu như thế?” Tây môn Nghĩa nói: “Tôi từ thưở bé đã trôi nổi, đến nay tuổi xế chiều, vốn không muốn liên can đến việc đời. Có tâm thành tựu, buông bỏ điều trí, Cổ họng nhả tiếng đã tĩnh lặng, thì tốt lành ngay chữ Dân, năm chiếc khó nhóm thành câu vè, hai kỳ thành ngâm vịnh. Có cái mừng, mỹ hóa, nên chẳng vì giấu ẩn tự riêng. Dám bắt đầu từ việc ấy, khiến thuật chẳng kịp. Hỏi về thuật sửa trị thì đối đáp như thần, tình đều tỏ sáng. Cha của Sư bèn bảo các người con là Thiệu, Tục, Tích, Khoáng, Nhạc và Lược đến trước mặt Tây Môn

Nghĩa, nhờ Tây Môn nghĩa xem chỉ tay. Tây Môn Nghĩa nói: “Sáu người con của Phủ Quân thật là bậc Vĩ Khí! Ba người con lớn sẽ đảm nhận các chức vụ nơi Châu huyện, giữ gìn gia nghiệp y nhiên, còn ba người sau chí khí xa vời, đức hạnh cao cả, nghiệp tâm thần đạo, cầu hiểu ngoài lời, nên Sư hạn cuộc trong thế gian chẳng thể bàn nói được!”. Năm mười bảy tuổi, Khoáng, anh Sư được xuất gia, tiết tháo hạnh nghiệp bền bỉ, chí khí trong sáng, giỏi về Đại Luận và Tăng-kỳ, thấy sâu về Không Hữu, Đồ chúng có cả trăm vị, thiên quán rõ ràng, tích vật cao xa. Đó tức là Pháp Sư Minh Khoáng chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương.

Còn Sư năm mười lăm tuổi xuất gia, làm đệ tử Pháp sư Tăng Xán, ít thích học hỏi, thấy kinh luận thì vui mừng. Đến lúc thọ giới cụ túc, với các thiên cấm, Sư càng chuyên chú luật bộ, chỉ lỗi trì phạm, tánh chẳng bàn việc trái quấy. Thẻ mạo Sư khôi ngô tuấn tú, phong thái tiết tháo cao vời, dung chỉ trang nghiêm, chẳng giao tiếp bừa bãi với các hàng Đạo tục. Sau, Sư lại tập học các Luận Thành Thật, Tạp Tâm với hai Pháp Sư Chí Niệm và Trí Thông, đầy đủ thấu cùng nguồn ngọn, từ nghĩa đều thông suốt.

Có ngài Đạo Ni ở Cửu Giang là người khai sáng mở mang Nhiếp Luận, khắp trong nước đều biết tiếng tăm. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, từ Dương Đô đến hóa độ ở Kinh Liễn, thừa tiếp Đạo nghiệp của ngài Chân Đế, nương gá truyền trao tiếng thơm. Sư nhân đó theo thọ học, ngày một thấu hiểu sâu xa, vì chúng nhóm họp mọi việc, bỏ phế việc tu tập, Sư muốn đến trụ chùa Thái Bạch tiếp tục sự nghiệp xuyên suốt. Bấy giờ, chùa Thái Bạch có ngài Tuệ An là người lỗi lạc, biết nhiều Thế số rộng lớn, một chữ phương trượng chỉ vuông một tác mà có đến ngàn văn, rất giỏi y thuật, riêng luyện Kinh Đạo, mỗi ngày đi bốn trăm dặm, đồng như Khoa Phụ. Người đời gọi đó là Trường Túc An (ngài Tuệ An chân dài). Sư vừa là bạn mà lại gần gũi, nên bèn tìm đến và tỏ bày nỗi lòng, Sư nói rằng: “Học biết Tỳ-đàm, Thành Thật chẳng phải là tốt. Luận Nhiếp Đại thừa mới là Thanh vi, được truyền từ Ni Công mà người nghe nhận lại ít. Nay theo vật hóa, tình ích không theo, giữa đường bồi hồi, làm sao thích hợp! Xưa kia Bồ Tát Thiên Thân soạn luận Câu-xá, Ngài Chân Đế phiên dịch luận ấy, truyền bá đến xứ này, tình gửi ở đây”. ngài Tuệ An bảo: “Mong nghe chí nguyện ấy!” Sư nói: “Tôi từ trước học các bộ đều là chỗ hoàng truyền của người xưa, lưu truyền Pháp vị rộng khắp, chưa hết về sau. Chỉ vì Luận Câu-xá không giải, thì do đâu mà kết ở tương lai ư?” Ngài Tuệ An bảo: “Chí ấy không đoạt mắt, nghiệp này thành tựu!”.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Minh Giác ở Kinh đô, đóng cửa vắng lặng, tìm xem Luận văn, tự đọc Văn từ bèn thấu suốt nghĩa. Suốt thời gian năm năm nghiên tầm, chẳng ra khỏi phòng, chỉ trừ ăn ngủ, còn không lúc nào nhàn

rồi, bèn được tỏ ngộ, tự nhiên khai phát thông hiểu nghĩa rộng. Còn như ngoại nghĩa phục văn, không số giải thì chẳng thể hiểu rõ, Sư nương vào Tam tạng bốn nghĩa đều ghi chép từ Phật Giáo phương nam. Sư suy nghĩ thấy lời ấy nhọc ghi chép về mộng my, bèn dứt lốt các thương khách theo đường phía Nam. Đã cậy sự trông mong quý trọng ấy nên ở chỗ truy tìm, quả nhiên tại chùa Hiền minh ở Quảng Châu có được bốn số luận Câu-xá và mười tám Bộ ký, đều là bút tích của ngài Trí Khải. Sư đích thân tiếp thừa khẩu truyền từ ngài Chân Đế, Chùa Hiền Minh là nơi ngài Khải Công an trụ. Sư có được bốn số ấy, rất vui mừng kính ngưỡng, đọc tụng trăm tư, quên cả ăn ngủ. Sư bèn trở lại chùa Thái Bạch, quyết chọn Chí trước, đối với mọi việc vui buồn thầy đều dứt bật, chỉ chuyên nghiên cứu tìm xét, mọi sự ăn mặc đều do ngài Tuệ An cung cấp. Bây giờ, gặp lúc vật thực không được dồi dào, sắc thái tương quan lẫn nhau, Ngài Tuệ An bày nhiều việc kinh doanh để khỏi phải thiếu thốn. Trải qua nhiều năm, quyết chí Sư càng lớn mạnh. Bên trọng ngài tự hổ thẹn với chính mình nên mới nói lời tri ân với ngài Tuệ An rằng: “Đạo Nhặc tôi rất ngu dốt, chỉ riêng học nhiều nên trở thành làm lỗi. Tôi chẳng lượng sức, muốn tiếc không có phần, đó là điều không thể được thứ nhất. Ăn là gốc của người Dân, danh nghĩa làm thật khách, nếu câu tiếng tám luống dối thì làm khổ nhọc bạn Đồng tu. Đó là điều không thể được thứ hai, lỗi ấy rất lớn. Thật có thể lụi vệt nổi chìm, lại nhọc lắm phiền lụy, cho nên không thể được!” “Ngài Tuệ An bảo rằng: “Công nghiệp sắp thành, mong không có chí khác. Mừng được tái ngộ không nghĩ lo riêng”. Lại kéo dài thêm hai năm, mới ra khỏi núi. Sư bèn đem chỗ tìm biết của mình, cùng khai mở tuệ nghiệp. Sư vân du các trường giảng thanh luận chẳng cùng.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ Đạo tràng Đại Thiên Định, nay tức là chùa Đại Tổng Trì. Năm đó, Sư ba mươi bốn tuổi. Tuổi trẻ thành khí, người trước chẳng bằng. Thời ấy, tăng chúng có hơn ba trăm vị. Khiến nghe phong quy, cùng suy tạ nhau. Từ đó về sau, Sư rất nổi tiếng học không theo thầy. Tuy muốn mở mang truyền bá nhưng chưa được chấp thuận. Bây giờ, có các sa-môn Đồng Đức như ngài Pháp Thường, Trí Thủ, Tăng Biện, Tuệ Minh, v.v... đều là những vị tiếng tăm vang vọng, mọi người đều biết, cũng vì dẫn trọng, lập ra thỉnh chủ, Sư nhún nhường ân tàng chí khí, từ chối các sư trao, luống lụy thanh ngôn, hổ thẹn sự sơ lược. Các Ngài Tuệ Minh, v.v... đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cất tiếng nói rằng: “Sao Pháp sư lại thôi từ? Chúng tôi tình đồng như nước với sữa, nghĩa kết cùng thành. Bít ngăn đức hạnh đời đời thời cơ sợ trái với Linh giám! Lại nữa, Đời người thoáng qua vùn vụt, thời gian chẳng trở lại, mong chẳng lụy nhau!” Sư nhìn lại các ý, chính là bước lên đầu tiên, dùng bản số trong Tam tạng

phán thông Câu-xá. Các hàng Tiên học Hậu tấn chuyên tâm nghiên cứu luận khác, đều bảo rằng: “Văn từ ấy ý chỉ rộng lớn sâu kín, học trái với thầy trò, dù đạt đến một sớm nhưng thật tự là xằng bậy. Cần phải xem xét đầu mỗi đàm luận ấy, được mất đến như vậy”. Sư tự nhìn lại Thịnh Chủ, hư tông ban đầu không khiếp sợ. Nêu giềng mối, chỉnh đốn giềng mối, Đại nghĩa ở đây thông suốt. Tuy tranh luận bén nhọn, mà hưởng ứng theo sai khiến, mọi người đều chẳng nhận biết cửa ngõ, cho nên vô lý, đốn liên từ. Do đó tiếng tăm Sư chấn động cả Học tông, Pháp Diên kế tịch. Các hàng tuổi lớn Hiền lương đều suy tôn Sư.

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư từ hang Nghiệp Lam cảm hóa bên cạnh chùa, hang núi nhỏ giọt nước sữa, Sư đến hứng được hai thăng, thì giọt nước cao bèn dứt bật. Sư bèn nói rằng: “Ta không chiêu cảm!” Nên khiến liền chảy, bèn đem nước cạn rót nhỏ giọt xuống nước sạch. Nhất tâm niệm tụng, mỗi ngày lấy một thăng, trải qua sáu mươi ngày, hoạ hết nước mới trở lại. Lại sang năm sau (619) vì Tam Tạng bản số Văn Cú rất nhiều, người học nghiên cứu khó có thể xem rõ. Sư bèn lấy bản của Ngài Chân Đế làm gốc, ngoài ra bày chung thành Thiên Chương, phải ròng rã hơn mười năm mới khắc thành bộ, tất cả có hai mươi hai quyển, giảm bớt so với Bản số đến hai phần ba (2/3) đều khiến bao gồm khắp cùng văn từ ý chỉ, bỏ chữ còn ý. Lại gồm soạn mười tám bộ luận số, lưu hành ở đời, lấy đó làm khẩu thật.

Lại nữa, ban đầu, tại nước Bình Trịch có Pháp sư Tông là bậc Thần biện tài giỏi, khác lạ ở đương thời. Hoàng thượng (Vua Cao Tổ, Lý Uyên thời tiền Đường) thỉnh Sư vào nội cung, lập nghĩa Tam Tông. Sư bèn hỏi về Bát Chánh thông cục Thánh Hiền, sau trách mới thi hành, không có lời để đối đáp. Mọi người thấy pháp sư Tông chịu khuất mới nói rằng: “Học Sĩ ở Kinh Thất bàn nói thật ít có. Sự rộng lớn của ba Tông thì cái nào là tự chỉ”. Và đời Cao Tổ muốn khiến Lão Đạo dời đến phương Đông khắp cùng Điều phục. Độ người truyền Pháp, diễn giảng hưng thịnh Lão Tông. Vào niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông mở rộng cả lưỡng giáo (Phật, Đạo). Bấy giờ, Hoàng Càn Lưu Tân Hỷ khai mở lão Tử, là người thông các Luận Đạo. Sư bèn hỏi về Đạo sinh nhất nhị, nêu chứng cứ trước sau. Lưu Tân Hỷ bèn làm thỉnh. Sư nói: “Tiên sinh là người thấy cao giỏi trước, há cho là mắt thấy tai thông ư?” Cả Đại chúng đều cười lớn mà giải tán. Nên sự hiểu biết sâu xa về pháp tướng của Sư tiếng vang khắp kinh Quốc.

Đến tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Khoáng Công, tức anh của Sư thị tịch. Sư đau buồn trời buộc cõi lòng. Đồ chúng cùng an ủi Sư rằng: “Mọi người đều có sự chết, chỉ tự nên gạt bỏ mà

nén đi thôi!” Sư gạt lệ bảo: “Đồng ở trong nhà lửa, cùng đắm trong sông Ái. Sinh tử chưa dứt bỏ, làm sao mà chẳng buồn!” Người nghe bàn luận đó cho rằng Sư khéo ở giữa Đạo tục.

Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiền Đường, có Phạm Tăng Ba Phả ở kinh đô, truyền dịch kinh điển, Ngài được chúng đệ tử cùng đồng hàng. Sư Ba Phả nghe Ngài khéo giỏi về Luận Câu xá, chưa lấy làm quý trọng bèn nói với mọi người rằng: “Luận này ở tại Bôn Quốc các bậc Học giả tài giỏi chẳng dám sai ý, nay nói là giỏi há chẳng có sai lầm ư?” Nhân đó bèn hỏi về Đại nghĩa và các Dị Luận, Sư tùy theo sức tuệ giải của mình, ứng đáp như nước chảy. Ngài Ba Phả khen ngợi: “Thật là người trí tuệ! Thật là người trí tuệ! Chẳng nói tuệ này, ta bằng người ấy!”. Từ đó, Sư chuyên tình Đạo thuật, sâu kín thêm thường hằng.

Mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Hoàng Thái tử thỉnh các Bậc Thạc Đức nhóm họp đến Điện Quán Hoàng Văn để giảng nghĩa, Sư rộng khai mở cù thuật, bèn đáp lời các khách, tiếp đối khóa lấp, thần chỉ nêu trù. Thái tử nhìn mà hỏi rằng: “Pháp Sư ở xứ nào mà biện luận như thế?” Tả thứ Tử Đồ chánh luân nói rằng: “Đó là Pháp Sư Đạo Nhạc trụ ở chùa Đại Tông trì. Dấu vết pháp môn, Học Quán noi theo”. Thái tử bảo: “Hoàng Đế vì Quả nhân xây dựng chùa, thỉnh nhiều vị Danh đức, mà Thượng nhân đây chưa được thỉnh là vì sao?”. Đồ Chánh Luân nói: “Ngu Thuấn còn giữ tiết của Hứa Do, Hạ Võ vẫn thuận chí của Bá Thành, những người ấy là tục lưu vẫn còn theo kiểu dật, huống gì là Bậc sĩ của Phương ngoại là người xả bỏ tiếng tăm. Thần liền theo sự tốt lành ấy!” Thái tử bèn hạ lệnh rằng: “Nay hãy đến trông coi việc chùa, xứng đáng hư Phàm”. Sư đổi sắc mặt từ chối rằng: “Hoàng Đế xét sâu cố bản, quy hướng chí thành gieo nhân giác ngộ. Do đó, khảo xét chốn đất phước này, dựng lập Nhân từ, rộng thỉnh mời chư tăng Vô Trách, để dựng lập nghiệp Vô Cương, bần đạo thức lượng chưa được rộng rãi, Đức hạnh không đáng ghi chép. Nay được trông coi việc chùa, thật là điều không ổn, xin nguyện dĩ lòng dung thứ, dám trái với Ân Chỉ!” Sư luôn chối từ mà không được, bèn đến trụ chùa Phổ Quang.

Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh di lưu, mọi cách chữa trị đều không hiệu quả, Xuân Phòng Trung sứ cùng trông ở đường. Sư bèn thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi chín tuổi. Hoàng Thái tử ban lệnh rằng: “Thượng Tọa ở chùa Phổ Quang, mọi phí tổn trong việc tang đều được gia lệnh chi cấp”. Thứ sứ Phong Hậu không đặt Di ước, nhưng ban tặng lụa và các tang phục ở đương thời như pháp y v.v... Không bao lâu thì có ban sắc cho quan chu cấp nghi thức an táng, đón rước đến góc phía Tây của Đô Thành thuộc Nam Giao.

Sư có đệ tử là Sa-môn Minh Lược, thân cao bảy thước ba tấc. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, rất có chí khí, tỏ ngộ xa xăm, dung nghi thanh bạch nghiêm túc, đặc biệt rất giỏi về Kinh Niết-bàn. Học chúng nương theo nhóm họp đông đúc, nổi tiếng khắp cả Kinh Lạc. Sư trụ chùa Thiên Cung ở Đông Lạc. Niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường. Sư vào triều đình vâng phụng an ủi. Bấy giờ khắp bốn biển đều nhóm họp về Đế Kinh. Chỉ có Sư và ngài Minh Lược liền cảnh đều ngời sáng, khi đó cùng tốt đẹp. Đến lúc sự duyên sắp xong, nói trở về Đông Hạ, tự nhiên Sư bảo rằng: “Đồng chí khí với ta có được bốn người mà đều nổi tiếng ở đời. Chỉ có ta và ông (Minh Lược) cùng nhìn lại du ảnh. Sau khi Pháp Sư Minh Khoáng thị tịch, tâm ta luôn tâm tức sợ chuột cắn sấn bìm, bỗng chợt qua đời, đời khác khó gặp, có thể không suy nghĩ ư! Nay tôi tuổi đã già, sống đâu được bao lâu nữa? Tập hội lại khó. Ông nên dừng ở!” Nhân đó, ngài Minh Lược bèn ở lại, mùa xuân năm sau thì Sư thị tịch. Ngài Minh Lược chịu đựng khổ đau, tha thiết buộc ràng, mang bệnh trở về chùa. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ sáu mươi bảy tuổi.

---o0o---

11. Truyện ngài Thích Công Huýnh trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu

Thích Công Huýnh, họ Biên, người xứ Tuấn Nghi thuộc Biện Châu. Năm sáu tuổi, Sư có tư tưởng muốn xuất gia, cha mẹ miệng đọc trao cho Sư Kinh Quán Thế Âm, trải qua nhiều ngày, từ đó chuyên dạy răn kinh pháp. Năm Sư chín tuổi được đưa đến chùa. Năm mười sáu tuổi, Sư thật sự xả tục, quyết chí nguyện ở chốn núi rừng. Nhân đó vào Thái nhạc, khổ tâm quên cả mỗi mệt.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư kính thờ Pháp Sư Hoằng, tự nghĩ rằng: “Khoanh tay im lặng ở chốn núi rừng, đây là một cách riêng làm cho mình tốt. Còn như đật đạo mờ tối, gìn giữ chỗ nương nhờ khác, chẳng hoằng hóa dẫn dụ thì không rộng lớn”. Sư bèn đến trụ chùa Tuệ Phước ở Biện Châu. Trước kia khi đang ở trong núi, Sư đã từng giảng các Kinh Thập Địa, Thắng-man. Đến khi Sư vân du tới thành ấp, có người nhận biết, bèn thỉnh Sư giảng nói. Sư bèn nhân đó mà mở mang. Các kinh luận, v.v... Sư đều giảng cả. Về sau, Sư chỉ lấy kinh Pháp Hoa làm chính, bèn soạn số giải năm quyển và thường luôn mở mang giảng nói, trước sau có hơn năm mươi biển. Mỗi lúc giảng đến phẩm “Dược Thảo dụ” thì tự nhiên trời tuôn mưa. Nên Sư có được sự u thành chứng cảm hiện nên như vậy. Với các Kinh Phật Địa, Bát-nhã Sư đều soạn số giải và truyền giảng, giúp cho hàng hậu học, tiếng tăm vang khắp Đông Xuyên. Sư lại soạn Vô Tánh Nhiếp Luận số, quyết chí công phu mới thành tựu. Sư an nhiên thị tịch tại chùa đang ở, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Ngoài ra, nghe các hành nhân nói về Sư rằng: “Sư là người thiếu dục, tự tiết chế, mặc áo vải bố, ngồi trên cỏ tranh, các lợi lộc hễ lúc nào có được thì ban cấp hết. Trong phòng không có hòm rương, bốn phía vách tường trống trải. Trước lúc Sư thị tịch, có mùi thơm lạ, ánh sáng màu nhiệm soi chiếu đến chỗ phòng Sư ở, trong hai đêm có đến bốn lần, Sư tự trông thấy tướng tốt lành, môn nhân Đệ tử đều khen ngợi. Sư nói: “Nguyện nương điềm tướng này được vãng sinh về cõi nước An lạc!” Nhân đó, Sư không ăn, hai mươi ngày sau thì thị tịch. Giếng nước Sư thường uống khi Sư thị tịch thì tự nhiên khô cạn, tắt nghẽn dòng mạch, sau khi an táng vài ngày, nước mới có lại như cũ. Kẻ tăng người tục buồn thương, thông cảm như thế.

---o0o---

12. Truyện ngài Thích Thần Chiếu trụ chùa An Nghiệp ở Biện Châu

Thích Thần Chiếu, họ Thuần Vu, người xứ Trung Mâu thuộc Biện Châu. Năm Sư chín tuổi, gặp lúc nhà Tùy loạn lạc, quyền thuộc điêu tàn thất lạc, chỉ còn lại mẹ và Sư nổi trôi không nơi nương tựa. Sau đó không lâu, mẹ của Sư cũng qua đời, Sư tới lui không chỗ đến, sáng sớm đi tìm mộc thật, tối lại nằm ngủ chỗ xác chết mẹ, mọi người qua lại trông thấy không ai chẳng rơi lệ.

Năm mười hai tuổi, Sư đến chỗ họ Uất, ở đó có Pháp Sư Trí Minh và xin xuất gia. Khi đó Pháp sư đang giảng về Luật tạng, Đồ chúng nhóm tụ câu học, chùa viện vừa mới yên định, lương thực chưa đầy đủ. Sư vào trong thôn ấp mang vác lương thực để chu cấp, trải qua sáu năm lao nhọc mà Sư không hề mỏi mệt. Lúc nhàn rỗi lo việc chúng tăng, ban đêm Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa, Thắng-man, tuy lâu dài mà không ai hay biết. Đến lúc thọ giới cụ túc, nghe giảng luật tạng, Sư thường phát khởi ý tưởng kỳ đặc. Những người học trước đều lấy làm lạ thấy Sư chóng tỏ ngộ.

Sư lại đến Nghiệp Hạ, chỗ Pháp Sư Hưu, nghe giảng luận Nhiếp Đại thừa, chỉ qua một biến thì không sai sót. Khi giảng tan, Sư từ giả trở về, Pháp Sư Hưu đưa tiễn Sư ra khỏi chùa, đồ chúng đều lấy làm lạ, Pháp Sư Hưu quay lại bảo rằng: “Đó (Thần Chiếu) chính là Nhất Biến Chiếu ở Hà Nam. Hậu sinh lãnh tụ, các ông nên biết!” Sư lại đến chỗ Pháp Sư Không ở Hứa Châu nghe giảng Tạp Tâm Luận, vừa mới tám quyển. Vì Thầy mắc bệnh nên Sư phải trở về. Sau có nhân duyên, Sư bèn giảng bộ luận này, trước sau thầy đều thông suốt. Người đương thời gọi Sư là “Hà Nam Nhất Biến Chiếu”. Tiếng tăm anh tài của Sư chẳng nhọc gọi vời. Từ đó về sau, với các kinh luận như Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Thành Thật, Tạp Tâm. Sư đều tùy cơ duyên giảng giải cho chúng nghe không hề từ chối. Sư lại tạo vài trăm pho tượng, viết kinh mấy ngàn quyển, tùy duyên ban cấp, không vì cất chứa. Bản

tân dịch Kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã vừa mới truyền đến, Sư đọc tổng quát, từ nghĩa dường như thiếu mất một hàng, Sư bèn lấy tình lòng xét mà ghi chú bên cạnh, sau so lại với nguyên bản quả nhiên phù hợp. Bấy giờ, mọi người đều ngợi khen năng lực suy nghĩ của Sư.

Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường. Sư tuy bị bệnh với thời gian lâu mà giới hạnh không tỳ vết. Sư thị tịch tại chùa An Nghiệp, thọ bốn mươi chín tuổi.

Xưa, lúc bình thường, Sư có nuôi một con chó, nó thường theo Sư. Đến lúc Sư sắp thị tịch, nó kêu gào sủa những tiếng buồn thương, suốt đêm, nó chạy đến chùa; chỗ Sư xuất gia, qua lại hơn hai trăm dặm, nó chạy nhiều quanh chùa kêu gọi để báo, Chư tăng ở đó vốn không hay biết. Sau, hung tin đưa đến mới biết nó báo cho biết. Đến rạng sáng nó trở về đến chùa An Nghiệp. Sau khi an táng mấy ngày, nó ngủ hoài, chảy nước mắt, bỏ ăn mà chết.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Đạo Kiệt trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu

Thích Đạo Kiệt, họ Dương. Tổ tiên Sư là Hoàng Nông, con cháu của Thái úy Chấn thời nhà Hán. Con cháu lại ở Minh Điều ấp An thuộc Hà Đông. Sư bẩm tánh phát ngộ tú đỉnh, mở rộng vượt ngoài vật. Năm vừa mới độ tuổi Tiểu học, mà đã Ngoại truyền, được chỉ dạy thư kế điển tịch. Ông nội Sư biết rõ Đại lược. Nhưng sớm gieo trồng gốc đức, tình nhàm chán trần tục. Cha mẹ Sư lưu luyến ngăn cản không chấp thuận.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Sư sắp hai mươi tuổi, bèn đi về phương Đông, đến chỗ Pháp Sư Chân Oanh Hỷ Hoàn, Thủy Quật. Ngài Chân Oanh xét thấy Sư cao trội, nên xuống tóc cho, sau đó cho thọ giới cụ túc, bảo Sư học kinh Niết-bàn, v.v... Tánh Sư thanh tịnh trong sáng, Văn trì như gương soi. Sau, Sư đến núi Hiện Đầu tụng Kinh Pháp Hoa, trải qua một tháng bèn đạt đến sâu. Sư tự nghĩ rằng: “Há trong kinh chẳng nói ư? Thà nguyện nghe ít mà hiểu nhiều nghĩa vị. muốn được thông yếu thì phải vân du rộng rãi”.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư sang chỗ Luận sư Hà Ký ở Thanh Châu nghe học Luận Thành Thật, chỉ mới hai năm mà công phu bằng bốn năm. Sư Hà Ký nhìn Sư, bảo rằng: “Con ta (Đạo Kiệt) hình tướng lớn, có phong cách trong sáng, Học Cạn mà suy tư xa rộng. Luận của ta nhờ ông mà hưng thịnh. Nếu ông còn như trước sau, ta sẽ chỉ dạy không mỗi một!” Sau đó không bao lâu, ngài Hà Ký thị tịch, từ đó Sư rảo bước khắp đất Tề. Bấy giờ, có các ngài Trang Tịch, An Nghệ đều được gọi là Triết nhân.

Sư bèn nương theo học đạo, biết nhiều tiền lệnh. Sư lại sang chỗ hai Luận sư Thương Ký và Ngụy Niệm nghe Luận Tỳ-đàm.

Sư lại đến chỗ Đạo Thượng ở Thanh Hà, Hồng Cai ở Cấp Quận, đều nghe giảng Luận Thành Thật, trước sau tất cả bốn năm, nghiên cứu cùng tận năm nhóm, Sư bèn tìm cả trên dưới để hỏi Pháp Chủ. Sư từng làm cho Cai Công than vắn thở dài, thường định ra nghĩa này rằng: “Trong Luận nói “Chỉ một khổ thọ mà có ba thứ khác nhau”, Vắn đó chẳng phải nghĩa là lấy một Hành Khổ gọi là Khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ. Chính vì đối với một khổ thọ mà tùy tình nói ba Thọ, đó là sự kế chấp của Kinh Bộ Sư, mà ngài Bạt-ma thuật lại lấy làm Tông. Có thể chẳng như vậy hay sao?” Ngài Hồng Cai bảo: “Đúng vậy!” Sư nói: “Nếu khiến cho Quả khởi thù đáp Nhân, nói khổ thọ là Lạc thọ thì cũng có thể nhân thành cảm Quả, nói nghiệp ác là nghiệp lành. Nếu nói nghiệp lành cảm Quả vui. Nghiệp lành chẳng phải là nghiệp ác thì cũng có thể thọ vui thù đáp nhân lành. Thọ vui chẳng phải thọ khổ. Nếu nói thọ vui thù đáp nhân lành mà Thể tức là thọ Khổ, cũng có thể nghiệp lành Cảm Quả vui mà Thể tức là nghiệp ác. Nếu nói chỉ là một thọ Khổ, tùy tình nói Vọng vui thì cũng có thể chỉ là một nghiệp ác, tùy tình nói vọng lành, trong đó có lắm câu, cuối cùng là một chướng ngại, xa lấy phục ý, phủ lấp quyết đoán”. Khi đó, ngài Hồng Cai mỉm cười bảo: “Đối với việc này phải hiểu. Nhưng sau, ở nơi phòng riêng, Ngài Hồng Cai bảo Sư rằng: “Ông thật là người có trí sáng, vượt trội đồng bạn, khó nói cho cùng.

Nay tôi già yếu, việc mở mang Hưng thịnh Luận đạo việc ấy phải do Ông!” Do đó, môn nhân thầy đều kính phục.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, từ đất Vệ Sư đến Nghiệp Đô, nghe pháp sư Hưu giảng Nhiếp luận, Sư lại đến chỗ Luật sư Hồng nghe giảng Luật Tứ Phần. Lược biết được cửa ngõ, mà ý vẫn còn ở Tiểu luận. Sư chuẩn bị đi về phương Đông, gặp Tùy Hán Vương mời Luận Sư Chí Niệm ở Thương Châu, pháp sư Pháp Lăng ở Hà Giang đến hoàng hóa ở Tinh Châu, bỗng được việc ấy, Sư bèn đến nương theo, nghe giảng kính ngưỡng Ca-diên đọc luận Bà-sa. Trước sau suốt ba năm thông hiểu cùng cực. Sư từng hỏi vặn Luận sư Chí Niệm rằng: “Nếu Xúc không chẳng phải xúc nhập xứ, cũng nên Thức Không chẳng phải Thức Trú xứ. Nếu cho rằng thức chẳng phân là Thức trú xứ, cũng nên xúc chẳng phân là xúc nhập xứ”. khi đó, Luận sư chí niệm chỉ mỉm cười nhìn thẳng hoàn toàn chẳng hiểu gì. Sư luận Đạo hỏi vặn mạnh mẽ đại loại như thế. Nhưng vì trước, Sư công kích Tiểu Học là ý muốn mở mang Đại thừa.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại nương tựa pháp sư Pháp Lăng nghe giảng các Luận Thập Địa, v.v... bấy giờ các pháp môn đang

mở rộng, các bậc Tông sư kết nhóm. Trí Cảnh Đại Luận, Thập Lục nhiếp thừa, cả hai đều thấu đạt Niết-bàn, Thuần Khám Luật Bộ một lúc mà gồm nhóm, khắp trong Tinh Châu, Tấn Châu đều hưng thịnh. Sư bèn rảo bước vân du khắp các trường giảng, quán xét sơ lược mọi sự Đồng Dị. Trải suốt sáu năm, Sư đều tỏ bày vấn nạn. Nên tại Tinh Châu có câu nói: “Đại Đầu Kiệt vấn nạn người giết”. Nhưng Sư nêu bày tuy ít, nhưng một nêu, một trách, có thể làm cho đổ mồ hôi.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm-đời Tùy) băng (605) Tấn Dương nghịch tiết, Sư bèn trở về quê cũ, giảng Luận A-tỳ-đàm Tâm, lại giảng Kinh Địa Trì, mỗi thứ năm, sáu biến. Sư tự nghĩ: “Nhọc việc nói năng, đường tâm mở rộng. Còn như khởi tuệ mà chẳng có định thì không phát!”. Sư bèn nghỉ giảng, tìm đến Ma Cốc, nương tựa Thiên sư Chân Tuệ thọ học ngồi, nghĩ chọn Niệm tuệ, vào sâu Duyên khởi. Thiên sư Chân Tuệ ngợi khen Sư rằng: “Thường cho là Pháp Sư v.v... một khi đã theo Danh giáo, khó nép theo vòng loạn, vì sao mới tập hành đã có khả năng chú tướng, há chẳng phải trước đã tu tập đến cùng ư?”. Sau đó, Sư y cứ Thành Thật An ban niệm xứ, suốt hai đêm chuyên tưởng quán thấu hiểu Đại minh. Bèn nói với Pháp Sư Thần Tổ rằng: “Đêm qua tôi thử y cứ theo luận văn an ban niệm Quán, cảnh giới rất sáng mà khí bức xung lên ngực, ngồi không yên một chỗ, muốn dứt tai họa ấy phải dùng đến Giáo để xua đuổi. Xin chọn các bản Dị Đồng của kinh An Ban biên soạn thứ lớp, cùng y cứ để xua đuổi vương mặc”. Ngài Thần Tổ bèn đem các Bộ Bà-sa, Thành Thật, Long Thọ, Lan-nhã, nói rõ về tướng mười sáu Đặc tướng, sáu thứ An-ban để chỉ bày cho Sư, Sư bèn y cứ theo đó mà tu tập, càng thêm trong sáng, thanh tịnh. Sư lại trở sang Ma Cốc để trình bày sở chứng. Ngài Chân Tuệ bảo rằng: “Lành thay, bậc Đại lợi Căn! Lợi lạc trong suối, những người học ngồi chưa đến chỗ ấy!”.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, thỉnh Sư giảng Thập Địa. Sư cười bảo: “Hơi thở nương tu Thiên, chỉ gọi là pháp tự lợi cho mình. Giảng truyền pháp hóa mới là lợi tha. Còn như tự tha đều lợi thì việc phải thương lượng. Nay phải ban ngày giảng, ban đêm mặc tĩnh, ngộ hầu Đại tiêu đều được thông hợp, điều ấy có thể làm được chăng?” Sư kéo việc giảng nói hơn ba mươi Biến. Đồ chúng thường theo học có hơn trăm vị, có đủ khả năng ra ngoài hoàng hóa khoảng hai mươi vị. Sư là người cương quyết, thẳng thắn bao dung, thiếu dục ít nói, chọn người kết giao phải là kẻ sĩ, của cải sơ sài, ăn uống đạm bạc, khổ vui không nói, mừng giận chẳng phiền, cả Đại chúng chùa Thê Nghiêm đều đề cử Sư làm Tăng Chủ. Sư cố khước từ mà không được, giống như mây nổi.

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh mà Sư thị tịch tại chùa, thọ năm mươi lăm tuổi, ba

mười sáu hạ lập. Mới đầu, có ngài Phiền Xước ở Tang Tuyền, trước kia vào thời Bắc Chu phá hủy Phật Giáo, vốn là tăng sĩ, nay tuy là người tại gia mà thường tham dự pháp vũ. Sư dùng lễ Quốc Sĩ mà tiếp đãi. Phiền xước đã qua đời từ trước, hai người con gái nằm mộng thấy ông nương giữa Hư không đi đến bảo rằng: “Ta sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương, biết Pháp sư Đạo Kiệt sắp thị tịch nên đến đón rước”. Nhân đến chùa Thê Nghiêm, ngày đó Sư mắc bệnh nên nghỉ giảng, đến lúc thị tịch, Sư thường thấy Phiền Xước ở bên cạnh. Cả Đại chúng lại nghe giữa hư không có tiếng kỹ nhạc, mùi thơm khác lạ. Nên Sư cách xứ tuy xa mà chẳng phụ công mở mang dẫn dắt. Môn nhân Đệ tử bèn y theo pháp thức ở Tây vực, cử hành lễ Trà-tỳ, thâu nhật di cốt, xây tháp cúng dường.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Thần Tố trụ chùa Thê Nghiêm ở Bồ Châu

Thích Thần Tố, họ Vương, tự là Thiệu Tắc. Tổ tiên Sư vốn ở xứ Thái Nguyên. Ông nội Sư theo nghiệp làm quan ở Ngô Châu, bèn dời đến ở một vùng hoang vắng thuộc xứ Minh Điều; ấp An. Sư thuộc giòng tộc cao quý, không nhọc phải ghi.

Thườ thiếu thời, Sư cùng Sa-môn Đạo Kiệt kết tình thân giữa hai họ Trương và Phạm, cùng dẫn dắt nhau đi hỏi Đạo. Phú lễ dịch của Nho học là sở trường. Còn như Thiên Thập, tiếp nối tốt lành anh thái, nên Sư đến học ở các trường giảng, rảo khắp mọi nơi trong nước, đều cùng theo nhau. Cả hai là người thế đó. Với mọi sự tập học từ nghĩa, rộng xét xem tuần ngộ thật khó phân định là anh là em. Còn việc Tụng kinh, tập học thiên định phải chỗ cầu ần thì Sư thuộc sau ngài Đạo Kiệt. Còn với Văn Lý hội thông thì Sư dẫn trước. Sư vì Ngài Đạo Kiệt mà tìm ra An Ban Niệm Quán, giúp ngài Đạo Kiệt không còn vướng mắc, như đã nói trong truyện trước.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy. Ngài Đạo Kiệt nghỉ giảng, học chúng thỉnh cầu Sư tiếp nối tương tâm, Sư bèn tùy thuận chuyên giảng luận Tỳ-đàm hơn bốn mươi biến. Sư tiếp tục giảng luận Thành Thật gần hai mươi biến, ngoài ra, các Tiểu bộ, ở đây chẳng ghi hết. Với sự giảng pháp chỉ một lời nói khế lý, nói ít mà giải thích nhiều, khiến người học tỏ ngộ cao xa, người nghe không nhầm chán thì ngài Đạo Kiệt cao vượt hơn Sư. Còn về tỏ bày nhiều điểm Đồng dị, rộng quyết định đúng sai, trịnh trọng xét xem, mở ra Giác Ý thì Sư thật là Hiền giả so với ngài Đạo Kiệt. Còn chỗ khéo thành thì phủ che rộng rãi đồ chúng tài giỏi nên ở Tấn Xuyên khen là “Hai ngài Thần Tố, Đạo Kiệt như Thu Cúc, Xuân Lan mỗi người tự có vẻ đẹp của riêng mình”. Nhưng Sư có tâm cung kính thối nhượng từ ái khoan dung, tiếp đãi kẻ sĩ, chiêu mộ người hiền chẳng phạt đối với mình.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Đại chúng chùa Thê Nghiêm thỉnh Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư viện có pháp sự nổi nhau có sự cản trở giềng mối của chúng tăng, nên từ chối. Tăng chúng lại cố cầu thỉnh, Sư bèn y cứ theo việc cũ của ngài Đạo Kiệt mà chấp nhận. Tánh Sư khoan hậu bao dung với mọi người, nên được trên dưới đều hòa mục, gió bụi tĩnh lặng. Đến ngày hai mươi ba tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thê Nghiêm, thọ bảy mươi hai tuổi.

Sư, một đời hạnh nghiệp, chỉ nghĩ tưởng đến Tây phương. Đến ngày sắp thị tịch, Sư vùi tất cả Môn Nhân đại chúng cùng già biệt Họ. Sư tự ngồi kiết già, trang oai nghi dung rồi bảo đại chúng tụng kinh Quán Thế Âm hai biến. Sư nhất tâm lắng nghe, tự xưng niệm “ Nam-mô A-di-đà Phật”, như thế đến năm, sáu câu, Sư lại bảo một người xưng niệm, còn những người khác đồng hòa theo, mãi đến nửa đêm, Sư vẫn ngồi thẳng sừng sững, bất giác Sư đã thị tịch lâu rồi, bèn y theo thế Sư ngồi mà tắm liệm an táng, da thịt tiêu rã hết mà xương cốt vẫn ngồi như lúc đầu. Lại cảm có các điềm lành ở đây bỏ qua không ghi chép.

Đầu đêm Sư thị tịch, Pháp Sư Chí Khoan ở chùa Nhân Thọ, ban đêm tỉnh toạ mơ màng thấy Sư đến chỗ ngài đồng giường ngủ nghỉ, ân cần cáo biệt rằng: “Đức Như Lai mở tâm Đại Bi vì các chúng sinh trải qua nhiều kiếp tu hành khổ hạnh tinh tấn siêng cầu Đại pháp, lưu bố khắp trong trời người, muốn cho không dứt bật, chúng ta tuy ở hạ lưu, nhưng Phật di chúc phó thác mà chưa thể phát huy, Đạo nghiệp bèn có các vị ở trước. thần Tổ tôi tuy chẳng ra gì, mang nặng tội lỗi, thường muốn thôi đẩy mạng rất mực ngu lên đến trời nghe. Nay đại vận chợt đến, từ già mãi mãi, nên khéo sống và cố gắng!”. Ngài Chí khoan đưa mắt đến cùng cực, bỗng nhiên tỉnh giác, cho đến sáng vẫn chẳng biết điều hung dữ. Chỉ phút chốc có tin đưa đến mới biết Sư đã thị tịch từ hôm qua. Ngài Chí Khoan viết gởi thư kể lại nỗi lòng cho cho các môn nhân, đệ tử Ngài biết như thế.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Pháp Hộ trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô

Thích Pháp Hộ, họ Triệu, vốn người ở Triệu Quận. Ông nội Sư tên Khương, làm Tế Âm Thái thú, con cháu toại gia. Đầu đời Tùy, có Triệu Hằng cùng Thanh Hà Thôi Ưông, vì đỗ Tú tài, nên người đương thời gọi là Tứ Thông, tức là cha của Sư. Gia đình Sư vốn thanh bạch cần kiệm, lễ nghi trong trắng tự sống. Thưở nhỏ, những lúc các trẻ đùa vui thì Sư ngồi khoanh tròn lên giảng, nhật hoa bày cúng. Cha của Sư biết Sư là Pháp khí. Năm mười hai tuổi Sư phải chịu tang cha, sau đó không bao lâu lại phải chịu tang

mẹ. Sư đau buồn khóc đứt hơi đôi ba phen. Sau khi mãn tang, Sư đến Hà Bắc thuộc Vệ Châu, muốn học theo Nho thuật, bỗng gặp được duyên tốt dẫn dắt, dạy cho Sư nhận biết ba cõi như lao ngục, bốn đại đường rắn độc, nếu chẳng sớm tỏ ngộ thì luân hồi không thôi dứt. Sư bèn nương theo đó mà xuống tóc xuất gia. Lúc ấy Sư mười lăm tuổi.

Ngài dừng ở lại tụng Kinh Tịnh Danh bảy ngày, bèn thâu đạt. Từ đó, Sư rộng tham hỏi các kinh, thưa hỏi không xa gần. Sư bèn đến chỗ Pháp Sư Chí Niệm nghe giảng Luận Tỳ-đàm, đến chỗ Pháp Sư Pháp Ngạn học Luận Thành Thật, qua lại nhiều năm, tham dự các đấu vết trước. Sư lại nghe giảng Luật Bộ, tìm hiểu trì phạm. Sư lại đến chỗ Luận sư Trung ở Bành Thành, đó là người chuyên rông Nhiếp luận, khắp cả nước đều kính ngưỡng, kính vâng thưa hỏi, không hề chối từ. Sư được chỉ bày truyền trao mọi lẽ, cùng tận Huyền trí.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, Độ Tăng hoàng hóa ở phương xa. Sư bèn ứng với sắc chiếu ấy, tiếng tăm đượm thấm xứ An Lục. Không bao lâu có sắc ban xa thỉnh mời những vị có khả năng tài nghệ vào ở nội đạo tràng. Lúc đó Sư vừa mới ba mươi hai tuổi, đã đến trụ chùa Tuệ Nhật. Các bậc tài giỏi nhóm họp đông đảo, thường giảng các kinh luận như Trung Quán, Niết-bàn, Nhiếp Luận. Ngụy trịnh đã giảng, Thái Tông mới vào, riêng thỉnh năm vị Danh đức, Sư ở trong số đó. Từ đó, khảo xét Nhiếp luận, hai đầu bảy bỏ. Hoặc giả vì nhiều Tân bản, xác tước chưa đủ y cứ để nhậm, mà Sư riêng được nơi tâm, đến lúc Đường luận mới lưu xuất, tự nhiên phù hợp, vì là có người biết mà im lặng.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư đến chùa Thiên Cung ở nhà Long Tiềm, Sư bèn trông coi đảm nhận việc chùa, lấy Đức để khuyên dạy người, chúng đều hòa mục như thế. Đến ngày hai mươi một tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, lúc bóng nắng chẳng còn, Sư thị tịch tại phòng, thọ sáu mươi tám tuổi.

Ngài rất giỏi ngoại thư, khéo về Đạo thuật, kiệm ước với chính mình, bớt ăn uống, cõi y phục cấp tặng người lạnh giá, thắt đai quanh năm, không hề trang sức dung mạo, mà những người quý thẳng lại kính trọng, mọi người tài thông đều đến đông đúc. Trước đó, Sư uống thạch tán, phát loạn mấy ngày. Môn nhân thấy vậy dỗi đáng tự trách lấy, nhưng hăm hại thầy ở phi đạo là lý gì ư? nên bèn chẳng nói. Sư dung mạo khác thường như vậy, nhưng Sư khéo thi thiết quên cả mọi mệt. Trong phòng không có chứa đồ vật quý, chỉ có một chiếc giường, một chiếc ghế mà thôi. Sư soạn Nhiếp Luận Chỉ Quy, v.v... hơn hai mươi thiên. Ban đầu, khi Sư mới tịch, có sa-môn Trí Đại ở

Tung Sơn ngoài chín mươi tuổi mà khí cốt diễm nhiên trong trắng chẳng hơn ba mươi tuổi, nghe tang buồn mang chóng sách trượng mà đến, rất mực đau buồn nói rằng: “Bậc sĩ của kinh luận, thường của tinh khô, ở đời có được người ấy, còn như thuần trực tự nhiên, thức lượng thanh nhã thì sau khi người ấy qua đời sẽ dứt hẳn vết tích!”. Trung thư Đỗ Chánh Luân đến viếng điệu và có bài Minh, lược nêu như sau: “Xưa kia được ân răn dạy, dẫn dắt sâu xa, mãi đến nay xoay vần đến thăm hầu, khóc gào cùng giường ghé, lệ đổ có thể kéo đắm chìm, than ôi chẳng thôi, gần ở tuổi xa, mãi là khuôn phép cao vời!”.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Huyền Tục trụ chùa Bảo Viên ở Thục Đô

Thích Huyền Tục, họ Tang, người ở xứ Thành Đô thuộc quận Thục. Sư xuất gia đã lâu, trải qua Đạo nghiệp, các kinh luận như Niết bàn, Thành Thật là chính của sở học. Sư thường giảng Kinh Pháp Hoa, dẫn dắt hàng sơ cơ mới hiểu, nhưng phong thái của Sư cao vợi, dung chỉ khuôn phép. Những lúc bàn nói lạnh lợi khắp thông. Sư thấu đạt ngoại thư, giỏi các lối chữ Thảo chữ lệ. Bấy giờ, Thổ Thiên Thập kế tiếp sự tốt đẹp ở trước. Sư lại hay chiết phục tiết tháo hạ người. Với các hàng trẻ thơ niên thiếu tăng tục, Sư có tài điều nhiếp, khiến chúng đến nói chuyện thương mến và quen dần. Còn như các hàng Hầu Vương Hùng Bá Danh Nho Đại đức tiệp ngoạn nhiên đặc lập. Sư chẳng vì để ý mà Thần sáng càng cao, luận biện hợp nhanh như điện chớp.

Có Đông Tào Duyệt Tiêu Bình Trọng ở Tử Châu là con cháu của Lương Cao, rộng học cơ quan, là tuyệt ngã ở đương thời, đến tham yết bàn nói đều mỗi, văn tập chỉ bày. Bình Trọng rất kính chuộng, ung dung bảo rằng: “Kính ngưỡng hoài bão cao vời, xem lược các hàng sang quý v.v... nay mong lễ được đoái hoài, rất thẹn với phi nhân”. Sư bảo: “Kiêu ngoạn đối với họ. Còn Minh Công ái rộng thì dùng ái rộng để đáp”. Bình Trọng nói rằng: “Từ trước đến nay, Pháp sư không phải như vậy, nay đây chợt như vậy, nghi là Hư đàm, sợ chẳng phải thực lục”. Sư đáp: “Bần Đạo hư thật tiếp đãi ông, cũng như ông thật hư gặp gỡ Bần Đạo”. Cả hai cùng vui vẻ cười.

Sư từng vì chùa Bảo Viên soạn Văn bài Minh, trong đó có nói về Lão Trang rằng: “Lão được tôn xưng là bậc Thánh, Trang được gọi là Triết nhân. Như đem lửa đom đóm mà sách với ánh sáng mặt trời, ví núi lớn với mây bụi”. Gặp lúc có Đạo Sĩ Phùng Thiện Anh ở Thái Giang đi ngang qua chùa, vào lễ bái, trông thấy rất ghét, nói với Sư rằng: “Văn Chương thường bàn nói thật hay đẹp, nhưng hủy báng chưa biết được bản hoài. Nếu chẳng sửa đổi, ta sẽ sai sứ tấu trình”. Sư bảo: “Thế thể của Văn Chương ông chẳng thể biết được.

Nếu gọi là sắc sứ muốn uy hiếp nhau, trong chùa ta năm khác sai người trẻ tuổi, đó là sắc hứa, cũng là sắc sứ. Ông muốn tấu trình ta, ta đang là người trẻ tuổi cũng có thể tấu trình về Ông”. Phùng Thiện Anh vô cùng tức giận mà chẳng biết làm sao. Chư tăng trong chùa có năm mươi vị tuy đều đợi chờ đến chiều, mà đều thuận phục. Sư từng thấy người thuật về Trang Tử dụ như chim bằng, chim yến, Sư bèn than rằng: “Trang mê mờ cho rằng Đại tiểu cùng cực chỉ là ở đây. Đâu biết núi Tu-di chẳng dung chim cánh vàng, thế giới đưa vào trong mây trần, trí của con ếch ở đáy giếng chỉ làm dơ bản tai mắt của người!”.

Về sau, lúc bệnh trở nặng, Sư nhóm họp chúng tăng, khi đã nhóm họp Sư xả bỏ hết cả rồi nói rằng: “Sinh tử là việc thường. Mong các vị mỗi người tự làm bến bờ cứu độ cho mình!”. Và đêm đó Sư thị tịch. Lúc ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Tuệ Bích trụ chùa Pháp Lưu Thủy ở Tô Châu

Thích Tuệ Bích, người xứ Gia Hưng thuộc Tô Châu. Lúc mới mang thai, mẹ của Sư dứt hẳn các thức ăn uống tanh nồng. Đến lúc sinh Sư về sau lại ghét các mùi vị hôi hám. Nên mới đầu từ hài nhi đến bảy tuổi, Sư chỉ ăn dùng các thứ rau quả, không hề mong cầu gì.

Đến khi xuất gia, Sư nương tựa Nghiêm Sư Minh Giáo ở chùa Pháp Lưu Thủy, thuận theo tu tập Sau hai mươi tuổi, Sư vân du tìm cầu học Đạo không ngại nguy hiểm. Bốn luận ba Kinh, Sư thừa hỏi thường yếu. Khi sở học đã thành đạt, Sư trở về chỗ ở cũ. Mọi người khắp bốn phương nương theo Đạo phong đều nhóm họp thỉnh cầu bái yết. Môn nhân qua lại thường có cả trăm vị. Sớm tối ngài dạy răn dẫn dụ, nhạo khéo nói không mệt mỏi. Lung Sư chẳng dính chiếu hơn bốn mươi năm. Già không sức lâu, thường vồ vào ghé loạn. Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi. Người ấy chẳng xa. Từ Trang ít truyền, khắp bốn phương xa khen ngợi chỉ nói là “Đại đức không thể suy nghĩ bàn luận”. Còn như Sư đăng cơ đối ngữ, soạn các Hiến Chương, Vết Cao chẳng nghe thấy, sợ lấp vùi xưa cổ. Thật tiếc thay.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 13 hết).

---o0o---

QUYỂN 14

CHƯƠNG II - PHẦN 10 : GIẢI NGHĨA

(Chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị).

1. Truyện ngài Thích Trí Diễm trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.
2. Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Cảnh, Bảo Hoàng).
3. Truyện ngài Thích Đạo Tôn chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Đạo Khiêm).
4. Truyện ngài Thích Tuệ Quan chùa Sùng Nghĩa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
5. Truyện ngài Thích Đạo Tông chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.
6. Truyện ngài Thích Tam Tuệ chùa Linh Hóa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
7. Truyện ngài Thích Tuệ Quân chùa Thông Huyền ở Tô Châu, thời Tiền Đường.
8. Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.
9. Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí tướng ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Trí Hiện).
10. Truyện ngài Thích Tuệ Lãng chùa Tử Kim ở Tương Châu, thời Tiền Đường.
11. Truyện ngài Thích Trí Bạt chùa Thường Tế ở Tương Châu, thời Tiền Đường.
12. Truyện ngài Thích Tuệ Du chùa Ngọc Tuyên ở Kinh Châu, thời Tiền Đường.
13. Truyện ngài Thích Tuệ Trì chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu, thời Tiền Đường.
14. Truyện ngài Thích Trí Khải chùa Cát Tường ở Việt Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Trí Diễm ở núi Võ Khâu tại Tô Châu

Thích Trí Diễm, tự là Minh án, họ Chu, người ở Quận Ngô. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Viên ngoại tán kỵ thị lang thời nhà Lương. Cha của Sư tên là Mân, làm quan thời nhà Trần. Sư thác chất từ Hoa tông, ứng sinh quán Đức. Mẹ của Sư họ Trương. Ngày mới mang thai Sư, Bà mộng thấy bay lên tháp chùa Thông Huyền, ngồi trên tướng luân, xa nhìn thấy đến hư không mà chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đó là điềm lành của bậc Đắc Đạo siêu sinh, là ứng hiện đặc biệt của bậc nhân sư vô thượng. Là biết hai vàng ánh sáng nhập thai. Hai rồng kê gối chẳng kịp. Sau khi sinh, Sư liền có tướng khác với các trẻ khác, khí tú tâm trinh, hình tướng dễ xem.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Cừ ở chùa Thông Huyền làm đệ tử, nâng giày mang y, cung kính hầu hạ chẳng biếng lười, rót bình cầm gáo, học Đạo càng siêng năng. Năm mười hai tuổi, Sư tụng thông một Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Các hàng minh ngộ nghe xét đều gọi Sư là Thần Đồng. Sư bèn tự tư duy rằng: “Đông đúc nơi kinh áp, bốn phương là khuôn phép, vì sao lâu dài bó buộc vùi lấp trong giếng ư?” Khi đó Sư vừa mười sáu tuổi bèn đến Thành đô, nghe Pháp sư Trì ở chùa Báo Ân giảng Luận Thành Thật, thông tuệ sớm thành, trí sâu mở phát, nên được điều chấn đỉnh ngộ vượt trội, về sau không có người thứ hai. Gặp lúc Trì Công đi về phương Nam nên pháp diên thôi nghỉ. Nhân đó Sư trở về quê hầu hạ cha mẹ, Sư liền ở chùa cũ khai giảng kinh pháp, phong điệu cao vợi, Sư biện đối như dòng chảy. Năm mười chín tuổi, mọi người đều ngợi khen Sư là Niên thiếu tuần tú. Năm sau, Sư trở lại kinh đô nương theo Pháp sư Diên ở chùa Thái Hoàng tấn đàn thọ giới cụ túc, bình đức Bát-nghi, sâu giữ gìn gốc giới. Có Pháp sư Tước ở chùa Đại Trang Nghiêm là bậc Đức trọng vang khắp Tung nguyên, danh cao trùm cả thế gian. Sư bèn đến nương theo học Đạo, nghiên cứu lại tâm thật. Đắc ý vui lòng, công phu do đó càng thêm gấp bội, thật là ngựa giỏi lại gặp được người tài chẵn dất!

Niên hiệu Chí Đức thứ ba (585) đời Trần, Nhân Vương nhóm họp trăm sư trăm tòa, đua nhau đua nhau giảng nói biện tài của Thiên khẩu, đốt ngàn ngọn đèn suốt bảy đêm, tranh giành chiếc bẻ sự vi diệu của Động thần. Lúc đó, Sư hai mươi hai tuổi, đem hình chất anh thiếu tham dự với các bậc kỳ Đức, thông tình thì cao xung chiết phục căn cơ, dù cho gặp nạn cũng xe lớn tháo trục. Hoàng thượng mừng vui khen ngợi, trăm quan ngợi khen tôn xưng. Mọi người đều quý mến Sư về lợi, nhạy bén. Sư thường cho rằng người đời ồn ào lẫn lộn, nên muốn nương gá nơi vắng lặng thanh khoáng. Gặp lúc thời vận nhà Trần suy sụp, Sư bèn lo việc trở về phương Đông, dứt vết ở núi Võ Khâu, gần ba mươi năm nương gá núi hang, mặc tình ba nghiệm mà an nhàn, mức nước khe suối uống dùng, đắp mặc vỏ cây thông che thân, giữ bốn oai nghi mà yên ở. Tuy ẩn nấu hình hài mà tiếng tăm vang

xa, cũng là Đạo ngầm mà hóa hợp. Do đó, khắp tám phương đều quy ngưỡng, bốn bộ thầy có tâm chí thành. Thượng thư lệnh Sở Quốc Công Dương Tố là người đọc văn ngang Võ, Vương tử Quốc quân, nương quý cậy tài, không hề được mọi người ưa mến, hành quân đến Hoài Hải, nghe tiếng Sư đạo hạnh tốt đẹp đang nương nấu ở núi, bèn khua nao đến Lũng, nghiêng lòng tiếp thừa tôn nhan năm vóc gieo sát đất đầu thành đảnh lễ, tự buồn vì được tiếp túc muện màng. Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô Oai, là người kính trọng Đạo, mến ái nhân từ, càng thường phóng khoáng, vâng đi sứ ở Ngô Việt, đích thân đến Sơn Doanh, trông thấy dung mạo, nghe tiếng nói của Sư mà kiên thành lễ bái, mừng vui hơn hờ. Vua Dương trấn giữ, thỉnh mời những bậc tài giỏi, xa nhóm họp các vị Hiền Minh. Sư đã là người Đạo lớn danh cao, giáo thư đem đến, thì lo nghĩ khiến như thế sẽ mang tội, than trách vì mình mà lụy đến người. Sư bèn đáp y ra khỏi hang môn kính hậu lễ, nhân lấy có bệnh mà từ chối nên được trở về chôn núi cũ. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Gặp lúc nhà Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Như ánh sáng có lúc tắt mất, mũi nhọn bịt sắt vụt bay lên cao, khắp bốn biển đều tệ hại, ba ngô càng rất lắm. Con em Đan Việt nghinh thỉnh Sư ra Tỳ-đàm, trước sau có đến mười năm. Sư hoằng hóa tại Đế Đô.

Đến thời đại nhà Tiền Đường ngự trị thiên hạ, Sư được trở về chỗ ở cũ. Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (627) thời Tiền Đường, Tô Châu Tổng Quản Võ Dương Công Lý Thế Gia nội ngoại công tư đồng cùng kính thỉnh Sư về lại chùa núi. Từ đó, khách thiên, bạn tuệ trở lại như thời xưa cũ, ao rộng rừng phụng kính tin làm hoài bão vui mừng. Nhưng đối với Sư thì tự tha đều chuyên hóa, được lia cùng tu. Ngoài việc giảng niệm, Sư thường hành trì các nghi thức sám hối theo các Kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Phổ Hiền, v.v... Sư lại trì tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến, cảm ứng điềm lành thâm lặng, chẳng phải một. Nửa đêm lò hương chưa đốt mà tự bốc khói thơm, lúc tối gàu mức nước rỗng không lại ngầm thêm đầy nước.

Sư lại phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, tạo lập tôn tượng Đức Phật A-di-đà, thực hành ba pháp Tịnh nghiệp, tu trì mười sáu pháp quán, cùng các Đan Việt trong châu quận hơn năm trăm người. Mỗi tháng một kỳ nhóm họp thiết lập trai hội giảng quán, thắng vết Luân tướng cũng hơn mười năm, cùng với Đài Bát-nhã nội giúp tục sơn âm chung phát thệ nguyện đồng thời kỳ, vì sao cho là khác? Sau, Sư thị hiện tướng bệnh chùng mười ngày thì thị tịch. Khi đó, Sư dạy răn với từ tâm tha thiết, đại chúng buồn khóc, lúc đó là sáng sớm ngày mười một tháng mười niên hiệu Trinh quán thứ tám (634) thời Tiền Đường. Sư thị tịch tại chùa, thuộc phía Đông núi Võ Khâu, thọ bảy mươi một tuổi. Qua đến ngày hai mươi hai tháng mười, an táng tại đảnh núi phía

Nam của chùa. Xa gần mọi người cùng kéo đến, kẻ tặng người tục đều nhóm họp, hoa hương tung rải tán loạn giữa đồng trống, tiếng khóc gào buồn thương như mây sấm, từ đầu đến cuối cùng sao lại quá như vậy.

Từ thuở nhỏ, Sư vốn nghiêm trang, lập tách đoan nghiêm, tiết tháo tinh thành, khổ tiết càng siêng năng. Miệng xa lìa các mùi vị tạp, mỗi ngày không ăn hai bữa. Lý phi nghĩa chẳng bèn, lời phi pháp chẳng nói. Dung mạo khô ngô, vượt hẳn ngoài chúng, tường bờ sửa sang nghiêm túc, lòng lạnh như băng tuyết. Ở đời Trần có Lâm Hải Vương là con của Pháp Sư Đạo An, nhằm chán thế tục mà xuất gia, thông hiểu giáo điển nội ngoại. Có Sa-môn Biện Tri có sở học giỏi về Tịnh nghiệp. Sư kết bạn giao du với hai vị đó, người đương thời gọi là Tam Anh (ba người tài giỏi). Đến lúc Sư tĩnh chí ở chốn suối rừng, dứt bật người đời, phong thái tốt lành khiến thành Đức, đường lối hẹp tắt thành khuôn phép, ai cũng xoay cờ tìm đến núi, gần gũi truyền tỏa hương pháp. Tin triều tông của Pháp Hải, rường cột của Thích môn. Sư giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Duy-ma mỗi bộ ba mươi biến, giảng Quán Kinh một trăm mười biến. Có Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Nghiệp ở Thường Châu nói rằng: “Tôi và Pháp Sư xưa đồng ở Kinh huyện, quen với Đạo Hoa niên, nay tiếp khéo gần, thuận giao với tuổi già. Tuy vui mừng được nương cây Quế, hoặc sai lầm mà bẻ gai tặng chẳng để sót. Tường dung mạo trang nghiêm như hiện còn, buồn âm ba Đức hạnh đã vắng lặng. Thẹn bày văn nơi sắc ty, trọn gói lời nơi Đá trắng!” Bèn cùng Sa-môn Trí Phong là chủ chùa, v.v... cùng dựng văn bia, hiện còn ở tại chùa.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu

Thích Đạo Cơ, họ Lã, người ở xứ Đông Bình thuộc Hà Nam. Sư vốn vượt trội, mới sinh mà đã nhận biết, tiếng tăm nêu cao. Năm mười bốn tuổi, Sư mang kinh sách đến Bành Thành, rộng nghe các Pháp sư giảng đạo, tùy chỗ nghe kết thành đức, thảo luận yếu chỉ sâu màu thì hiểu ngộ trước lời, vạch bày mới lạ, nghĩ vượt ngoài Văn. Nên Từ Hứa tặng bóc minh lược ấy, Hà Hải quý trọng nghĩa phương ấy, làm cho đồng bạn suy cao trước tu ngưỡng chỉ.

Ở đời Trần, có Thái úy Thượng thư lệnh Dương Tố mang tài qua nước, cầm nắm tất cả quyền hành, thường kính phụng đạo sáng, đích thân lễ bái, giảng nói mạng lý, nghẹn ngào than thở, ngoài nhìn lại các Tể Bá mà bảo rằng: “Pháp Sư Đạo Cơ, Phật Pháp sau này sẽ gởi gắm nơi vị ấy. Thấy các bậc Danh Tăng ít ai sánh bằng!” Bèn thỉnh Sư đến Đông Đô, giảng nói Tâm luận. Đã sớm nương phong gá thể, dự đáng rộng rãi, du nhận các bộ, Huyền cơ nêu rõ, bèn có thể đàm rót nghiêng sông, tiếng vang đối như sấm động.

Bảy giờ, vào những năm đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) thời vận nhà Tùy đang tụ hội hưng thịnh. Các hàng nghĩa học cao ngang cùng mây gió, tấn thân đứng sánh với sơn nhạc, đều mang kinh đến trường giảng, hỏi Đạo biết chỗ trở về. Nói gót Võ cùng rảo bước, xa gần nói nhau đông đúc. Sư bèn biên tập Tạng Tâm Huyền Chương và sao thành tám quyển, hai pho Đại tiêu do đó được cùng truyền bá, thành được các môn, từ xưa cùng dẫn dắt, đều sắp bày theo thứ lớp, văn từ bay vút sáng giữa trời. Dẫn kéo đầu mối, áp nén tuyên dương, khuôn phép vượt hẳn xưa trước. Từ đó, khắp bốn biển nêu lãnh hưng thịnh, kết tụ nơi đạo tràng Tuệ Nhật, đều trông hơi khí, Sư Chỉ đường biết trở lại. Vì Sư vẻ vang bao trùm ngoài trông mong, phong nhã tràn khắp trong Hoàn vũ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) thời Tiền Đường, có sắc chiếu đến bảo đình chỉ. Sư liền đối Dương Huyền luận, xứng hợp với tâm Vua. Tùy Hậu mở rộng, Huyền nho cũng quán xét họ Thích. Xe loan từ từ dời chuyển, kèn trống reo vang thông thả giữa đường. Ngự diên tạm dừng, đóng đô trong sạch ở Giáo môn. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông, pháp tịch ấy rất hùng vĩ. Bảy giờ, những người bày biện đều khai mở linh dự. Lúc sắp lên pháp tòa, mỗi người đều là bậc anh hùng, mà giải mở có chỗ kết quy, đều kính vái Sư mà tôn xưng là Huyền Tể. Đã ở nơi chúng coi kinh luân là tâm, ngài tiện mở nêu cương lãnh rộng lớn, kế đến làm sáng ngời đức của vua. Trăm Quan Khanh Sĩ đều có ảnh hưởng lạ mà cùng ngợi khen. Đến lúc nhà Tùy suy sụp, giặc cướp nổi loạn khắp trung nguyên, cầu lễ khắp bốn xứ Man Di, Tuyên Ni có ý chỉ. Sư bèn Chấn Tích đến nam Trịnh, bày giáo ở Tây Môn, từ đó, khắp Ba thực duyên theo khói bay mà đến đông đảo, không đâu chẳng mở sáng, sương móc trong lành. Tà Chánh phân rành. Sư thuận xem Đại thừa, mở mang Nhiếp Luận, sửa đổi vết trước, biên tập các chỗ mất sót. Đạo xa đến ban đầu, Danh Cao khắp trong nước. Vì Đồ chúng nghe giảng khó tiếp nối. Người kế thừa Đạo nghiệp dễ mê lầm, Sư bèn biên tập Đại thừa Chương Sao tám quyển, đều là Văn từ đạt đến trong sáng cao xa, phong giáo thường thông. Nên người xem quyển dẫm thử như lên Long Môn. Tin Hồng tiệp có ngày, nên đến niên hiệu Trinh Quán (627...) Sư trở về Kinh đô, Chư tăng có tiếng tăm trong chùa viện, truyền chép rộng khắp, thật là phù hợp. Chỉ vì Đòi tiếp vô thường, bờ sông có nương gởi, sắp sửa sang luận số, không bao lâu đã xong. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước Thành thuộc Ích Châu, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bảy giờ tại Thục điệp ở Bành Môn lại có Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Hiêm đều là những vị thông hiểu Nhiếp Luận, tiếng tăm vang khắp Kinh Quốc. Ngài Tuệ Cảnh trí trong sáng riêng khắp, giải thích Huyền tâm, Văn số suu tầm

dẫn dụ, chóng phát anh thể. Ngài Bảo Hoàng thần chí bao gồm, cao vượt đồng bạn, đàm luận nương tựa, sắc thái vượt ngoài mới lạ. Số thuật phương nghệ không học chẳng lớn, tự dự sánh vai không có đấm chìm. Đến lúc tuổi già đam mê vương mắc riêng lẫn lộn, bèn lấp bút nẻo màu, nên chẳng xếp vào những vị tài giỏi ở đương thời.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Đạo Tôn trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu

Thích Đạo Tôn, họ Trương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Thần khí Sư cao vợi, khí độ rộng rang, khéo thông cơ hội, xem xét thấu đạt phương trị. Tử sử lưu lược thường rất trông xem. Hộ pháp nhiếp chúng, thật vốn bốn cứ. Tuy thông hiểu các sách vở, mà Sư chỉ riêng lấy Kinh Niết-bàn và Nhiếp Luận làm vườn nhà nương gá tâm thần.

Sư và người em ruột là Sa-môn Đạo Khiêm, từ thuở nhỏ đã được dẫn dắt dạy bảo, đồng đến chỗ Pháp sư Đàm Diên. Ngài Đàm Diên là thành lũy của chánh pháp, là chỗ quy hướng của kẻ tăng người tục, xét xem Thiên luân có thể nói pháp, mới độ cho làm đệ tử. Sư càng theo hầu đến ở nơi cửa Cung, giảng dạy bàn nói đều đến dưới Pháp Diên, mừng tiếp nói được chỗ sâu kín. Sư thường tư duy kích tiết, nên nghe nhiều nhưng đặc biệt xét về cương yếu. Đến dự nghe giảng giải thường kết nóng lạnh. Các hàng Tam tán anh tài trông ngóng đạo phong vượt trội nhóm họ.

Về sau, Sư về trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, nhóm chúng hoằng hóa, dựng nghiệp thanh hành nhưng vì ở chốn mới nhóm họ, khách lữ theo về tục tình rối rắm, phần nhiều buông lung theo phàm độ. Đã thực hành hướng trái nên thương ghét từ đó phát sinh. Sư hợp cùng Tấn Xuyên, hạnh sáng ngợi không gì biểu lộ được, thường ngày mới đến chủ khách, cấp giúp tài pháp, đều giao Tăng trữ giúp cùng thành khuôn phép. Nếu có sự thiếu sót thì cố gắng tạo tác, mới có duyên cùng khắp. Đức hợp cùng Dân thứ thì không gì chẳng toại. Do đó, phương truyền xa tiếng tốt càng triển chuyển nguyên do. Từ phiên Vương Phủ Tê, Đài tỉnh các liêu, đều xa giá đến xét xem, dò hỏi tham yết các dạy răn khác. Hoặc hốt nhiên vội vàng chẳng gặp thì tâm hồ thẹn sợ hãi, như nói là có chỗ mất. Đức vững chắc này cảm động đến vật tình là như thế.

Sư phủ Đạo tự giúp, tọa trấn thời tục, tuy là các hàng quý tiện cùng tham thỉnh, nhưng chẳng hề đón rước. Lại thêm vì Sư nói cười ôn nhã, đùa vui hợp thời, tiếp ngộ duyên cơ đều xứng hợp với Từ lệnh. Nhưng Sư kính vâng pháp cấm, gìn giữ chí tiết, chẳng vọng khi vậy khi khác, thường đạt đến sự giao cảm tốt lành, được người đương thời kính trọng.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, yêu khí tụ hội lan tràn. Nhân có duyên sự trở lại kinh đô, ban đêm Sư dừng nghỉ ở đầu quan ải. Chỗ đến chỗ nhà người chủ có năm người đàn ông lại trộm cướp bên ngoài, thấy ngựa của Sư mạnh khoẻ, muốn trộm lấy, nên nhân đêm tối đến chỗ Sư nghỉ, thì thấy có mười người vây quanh con ngựa đó, hình tướng đều hung tợn giận dữ, mặc áo giáp, cầm binh khí. Bọn cướp đều kinh sợ, nhân đó lùi lại, bỗng chốc không trông thấy gì, lại đến chỗ đó thì lại thấy như mới đầu nên không dám đến gần. Tiến lùi đến năm lượt thì trời sáng hẳn, không trông thấy người nào cả, biết đó là Thần cảm, mới cùng nhau quy hướng ăn năn sám hối. Sư có được sự ngầm thông hiển ích đại loại như thế. Lại vì tánh tình nhân nhượng vốn xuất phát từ bản chất, Sư dự thấy nguy hiểm bèn thương xót cứu giúp, không phân biệt kẻ oán người thân, tình chan chứa khắp cùng đồng nhất.

Khi nhà Đường mới mở mang chưa cứu giúp Bồ Châu, Sư và chúng tăng trong chùa đều bị giữ lấy trong thành. Khi đó có 1 vị Tăng thường muốn làm hại, chẳng phải cùng loại, thêm phỉ báng mới hình thành ngôn sắc. Sư tuy nghe thế mà chẳng vội lo. Đã không toại khuôn phép mới định vượt thành. Sự việc phát ra, sắp bị giết hại, đều không có người cứu giúp. Sư buồn khóc từ tạ xin lỗi người làm việc rằng: “Vị tăng này làm điều tội lỗi, việc ấy thuộc về Đạo Tôn tôi, dạy bảo chưa thông nên làm kẻ tội. Đây là tội do từ tôi gây ra, nên tôi đáng bị giết hại!”. Sư tha thiết lại bày cản ngăn, người làm việc biết đó là Địch, nhưng không nỡ thấy Sư, v.v... bèn thả ra. Từ đó về sau, ngài càng phát phong thái nhân từ. Xin cứ theo sự việc mà dẫn dắt, thành đạt lượng rất rộng lớn.

Mùa Đông niên hiệu Trinh Quán (627-650) có người thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn, biết trước sắp tịch nên Sư tha thiết không hứa nhận. Người ấy chẳng lường biết ý ấy nên lại thỉnh trọng thỉnh Sư. Sư bèn bảo rằng: “Sở dĩ có từ, vì không trọn vẹn pháp tịch này. Chẳng khỏi ý sau, vã lại cùng phiền”. Sư bèn vào cốc Vương Thành, kể tăng người tục nhóm họp. Sư lên Pháp tòa; chánh đề rồi bảo với bốn chúng rằng: “Pháp thế giới là như vậy, không bao lâu nữa tôi sẽ mang chung, xin già từ Đại Chúng! Thế nào là phần kệ sau, xin gởi gắm kiếp sau”. Sư bèn y theo văn kinh bắt đầu giải thích, vừa đến phần kệ đầu, bỗng cảm thấy thất niệm, mới qua ba đêm. Sư bèn thị tịch tại núi, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai năm ấy, khắp chốn mọi người đồng gào khóc như chịu tang cha mẹ ngay đêm đó tuyết rơi phủ khắp ba, bốn dặm, phải quét đường thông hành, đón rước nhục thân Sư lên trên đánh núi, qua đêm bỗng nhiên có loài hoa lạ nhiều quanh thi thể, vạch đất mà mọc lên, cành dài đến một vài thước, phần trên nở phát tốt tươi xinh đẹp, dường như khoáng sắc Đông mà hình tướng

hoàn toàn khác. Bầy chúng đều kính sợ, vui buồn ồn náo cả cảnh núi non. Có người bẻ lấy đem vào thành đưa cho các vị lão túc xem, rồi đem để trong bình nước, đến tháng năm năm sau vẫn còn tươi không héo úa, sau đó đem ra trồng nơi đất mới bắt đầu khô tàn. Sư có được các điềm lành thâm cảm ứng ít có trên đời như thế.

Tại Tấn Châu, có người tánh tình vốn ưa thích săn bắn, ban đầu không kính tin. Có người rao truyền điềm lành của Sư đến tai người đó, mới đến núi tìm, thì hoa biến mất mà nhục thân Sư cũng chẳng còn, chỉ trông thấy chỗ trống, bèn lớn tiếng khóc than rằng: “Sống không được mở giải niềm tin, chết chẳng được đội ân thấy điềm hiện hoa lạ! Một sao chẳng cảm ứng, hẳn là Thần Đạo có sự răn dạy, cúi xin hiện lại linh tướng!”. Nói xong, tự nhiên từ đất mọc lên hoa lạ dài cả thước. Người đó vui mừng an ủi điềm ứng, bèn ngắt lấy đem về đưa cho mọi người trong làng quận xem. Do đó mà sinh khởi niềm tin. Đều là những việc đáng tin ở những năm gần đây, đâu thể vọng truyền?

Người em của Sư là Sa-môn Đạo Khiêm, học hạnh tốt đẹp kém hơn so với người anh mà giảng giải Kinh Thập Địa có tiếng tăm khắp ngoài quan ải. Vì ở chùa Nhân thọ đã tản đuôi bít đường, thường do đó mà ồn náo đất tiếp với Kinh đô chóng nhọc việc người, mới nhìn lại nói lánh chốn u tịch, xem khắp núi sông, có cái hang tên là Vương thành, bèn đến nương nấu ở đó. Khi đó lại lên cao đến xa, nắm thể gió mây, dẫn dụ Danh thiên, Cao diệu trong vượt, khách tăng tục nhóm họp, lại tụ hội đến nơi cửa núi, bàn nói vui đùa dẫn tâm không hề có hư lão. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Ngài Đạo

Khiêm thị tịch tại phòng nhà ở núi, thọ sáu mươi bảy tuổi. Ngài (Đạo Tôn) rơi lệ, cùng đệ tử là Đạo Cơ, v.v... trà tỳ nhục thể, thân nhật bụi trần còn lại tán rải nơi phong phủ, nhớ nghĩ chỉ ân đức, bèn xây dựng một ngôi tháp gạch Thích-ca, khắc bia dựng Đức, do sa môn Hành Hữu soạn Văn bia.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Đô

Thích Tuệ Quân, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) thời Tây Tấn, Tổ tiên Sư lánh đến ở Kiến Nghiệp. Sư thiên tánh thông giản, phong thần rõ ngay, khắp nghe rộng đạt, mài giữa Hậu hiền.

Xưa kia, vào thuở chí học, Sư sớm đến trường lớp học suốt Nho Tông, tài năng rất lắm. Cha của Sư là Chánh Kiến, là người tài giỏi cao vời ở đời Trần, tự có Biệt tập, vui mừng với việc Sư kính phụng Thích Môn, thấu rõ thần vũ nơi Sư, muốn Sư kế thừa sự nghiệp ở đời, nên Sư có chí cầu thỉnh

đều bị ức chế không được ung thuận. Sư biết Chân nhật, chứa tình tỏ bày tha thiết, nếu chẳng được xuất gia thì thề sẽ dứt bỏ đời. Cha của Sư sợ Sư dứt mạng. Vả lại, lệ thuộc Lý Tông, đã ở nơi Tĩnh Quán, tạm gìn giữ cân đai áo hạt, bèn trao cho Sư kinh sách của Tam Hoàng Ngũ Đế. Bí yếu phù lục chân văn và các pháp toán số thức dịch cảm hạch v.v... Sư vốn thần tuệ phát sáng, chỉ qua tay bèn liền thông hiểu, bên cạnh lại dò hỏi Tam Đồng Tam Thanh của Trang Lão, nội quyết của Dương Tử Thái Huyền Cát Sinh, không điều gì Sư chẳng soi xét đến tận nguồn gốc, nghiên cứu tìm đến chi phái. Cuối cùng Sư bèn nghĩ tưởng đến chân tế, sùng chuộng tự nhiên, chú tâm luyện hình, trọn mong vũ hóa, tìm tòi chí lý như ảnh hưởng khó truy tìm. Sư liền thâm trì tụng Kinh Pháp Hoa, ý muốn quy hướng Phật chúng, qua thời gian chưa bao lâu mà lời văn đều thuộc hết.

Gặp lúc Hoàng Đế thời nhà Trần độ tăng, Sư bèn tham dự khảo xét. Vào niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần. Sư được ban sắc độ, cho trụ ở chùa Đồng Thái. Sau khi xuống tóc, cha mẹ Sư mới biết. Đã được quan cho phép nên rất vui mừng. Nhờ nương tựa tăng chúng, nghe học bảm thọ các kinh, Sư đến sau mà thành đạt trước, ngày một thêm vinh hiển. Đến lúc nhà Tùy đánh dẹp nhà Trần, Sư theo hướng Bắc đi đến Giang Đô. Lại trụ ở chùa Thê Hoàng ở Hoa Lâm, thưa hỏi Chánh Pháp. Có Pháp Sư Giải là người có tiếng tăm giỏi về Luận Thành Thật. Sư nhân đó nương tựa Pháp sư nhiều năm, nghe đàm huyền nghĩa, xét hợp nghe trước, càng mở rộng Thần lược. Vì Đạo hạnh Sư thành đạt hiển trước nên các hàng tăng tục đều quy hướng.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ ở Chùa Kinh. Bấy giờ, Tấn Vương khai mở đức tin, rộng thỉnh các bậc Đại đức đồng đến chùa Nhật Nghiêm. Và chư tăng cả nước vây quanh giúp đỡ Sư. Mỗi ngày, Sư giảng thừa Ngũ luân phương giá, bèn được quán thông Di bộ, xem khắp các truyện, so sánh các kiến thức cũ, khảo định khuôn phép mới, đào luyện thâm nhuần chỗ sâu kín, tuệ ngộ càng mới. Soi xét sâu xa cè văn Tiểu Đạo hữu lậu của Ha-lê-bạt-ma, bèn quy tông về Long Thọ, mở mang Đại Thừa; nên được các bộ luận như Trung Luận, Bách Luận, Bát-nhã, Duy Thức v.v... đều kính trọng gọi nhuần thần hóa, xem đọc văn ngôn, giảng bày dẫn dắt lấy làm việc chính của mình. Những lúc nhàn tĩnh, Sư suy nghĩ nghiên tầm việc trì tụng Kinh Pháp Hoa vẫn gìn giữ như trước. và giảng văn nghĩa, lấy làm tu tập cho về sau. Trình ý giữa chánh, chẳng vọng tham nghinh. Có các Sa-môn Trí Thủ, Đạo Nhạc, v.v... đều là những vị học cùng xét cổ, cười giá nghiệp giữa trời xanh, đượm nhuần đức hạnh, kính chuộng Đạo phong, ở lại vài đêm, bàn luận Pháp luật, sau định Hiến Chương, vui cười mà về sau lại tìm sự khai mở.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (615) thời Tiền Đường, chị của Vua Cao Tổ (Lý Uyên) là Công chúa họ Trương ở Quế Dương xây dựng chùa Sùng Nghĩa. Từ lâu sùng kính giới phàm, giữ nghĩa mà sống. Ở đời gặp lúc tốt lành trong sáng. Vật tình đều trọng vọng. Có Luật sư Huyền Uyên là người đạo hạnh bày khắp triều đình phố chợ, Hạnh cảm tới cung vua, khí kết như mây gió, theo bậc Long Tượng, thường coi việc thỉnh mời. Mở đầu nói năng bạn kính mà khiêm hư thành trị. Bảy giờ, Sư lại đến trụ ở đó. Ngài Huyền Uyên giấu sâu, cơ thần càng lớn, cuối cùng tiếp, có xuất Tội thọ giới, thường ở nguyên tịch. Đến cuối mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Bệnh phong thường tăng. Sư bèn nhóm họp môn nhân đến bảo rằng: “Hình thể không bao lâu nữa sẽ kết thúc, sẽ từ giã hẳn, nên mỗi người chỉ tự vui mừng, không nên ân hận về sau. Tôi chỉ sợ phước nghiệp chưa đến, lấy đó làm lo!”. Sư bèn cắt y phục mùa Đông mà may thành. Sư lại bảo: “Nêu thức thân tự khảo xét, thì sẽ có khuôn phép thường hằng, sợ lúc thoát ra hôn mê ám muội, phi thời mà đòi ăn, không hợp với Pháp!” Đến lúc sắp tịch, khi đó quá thời mà Sư đòi cháo. Đáp rằng: “Thời đã qua!”. Sư bèn im lặng không nói. Lúc sắp tịch, Sư vẫn kính thờ Chánh Đạo là như thế vậy. Đến ngày hai mươi tháng bảy năm đó (637), Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ bảy mươi bốn tuổi, an táng tại phía Tây gò Cao Dương, đào huyết mà an táng. Sau lại dời đến đỉnh núi phía Đông chùa Phong Đức ở Nam Sơn, đục đá làm khám, khắc bia minh khen ngợi đức hạnh.

Sư ở độ tuổi tham học, kính vâng theo hầu được hai năm, Sư hiền từ dạy răn ôn hợp, mừng giận không tỏ ra bên ngoài, dùng hạnh cương mà chỉ dạy, lấy nhỏ nhiệm kín mầu mà nêu bày, ngợi khen ngụ thiệp, thời tiết nóng lạnh chẳng mỗi một. Ban đầu sau khi thọ giới Cụ túc, tánh Sư ưa thích Định Môn, bèn tỏ bày cầu thỉnh, nói rằng: “Giới thanh tịnh thì định tỏ sáng, sau đó mới là Đạo, nên trước phải học Luật, Từ phạm Chiêu Dung, sau đó mới được!” Tôi suốt một thời gian hơn mười năm nghe học luật diên. Nhân theo chương cú, bèn mừng vui mô phỏng theo. Đầu niên hiệu Trinh Quán (637) thời Tiền Đường, Sư dứt nghĩ quan biểu rộng lưu bố thấy nghe, mới quỳ tỏ bày hạnh ý, tiện đó nhiều lần Sư bảo: “Người xuất gia hành Đạo, nhậm theo Quán hóa, hẳn là nương sự việc đời, không thể xa lìa”. Nhân đó mà nước mắt tuôn trào. Sư đồng ý nghe Đạo, tạm đến liền trở về, không cho là gió cây dễ huyền não, qua sông khó tĩnh lặng. Qua lại mười năm, bèn ản suốt ngày, thật buồn thay.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu

Thích Đạo Tông, họ Vệ, người ở xứ Bằng Dục. Tánh hạnh rộng rang dung thông, khoan nhân kính ái, lo hợp thành cứu giúp, nổi tiếng ở đương thời. Từ thuở nhỏ, Sư bỏ tục, thuần chuyên Thích Môn, Chuyên chí với Đại luận, giảng tán Văn Chỉ. Lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn ẩn hình theo thế tục, bên trong chứa nhóm Minh Cầm, ngoài phù hợp với thế trần, đến khi triều đại nhà Tùy khai mở chánh giáo, Sư bèn dự phần xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu.

Chùa đó là nơi sinh ra Văn Tổ, phòng nhà Đường tháp trước sau thêm vẻ vang. Trái thành đến nước nhiều lớp soi nhau. Chùa có lập bốn văn bia, nêu bày các mặt. Ngài ở trong đó, giảng nói nhiều lần. Ngộ Vật đã rộng mở tẩy tâm trần, mà hình giải mở sâu xa. Đồ chúng nghe pháp tôn sùng kính trọng. Tân khách khắp bốn phương mỗi ngày có đến chu cấp cúng dường thưa hỏi, nổi tiếng cả kẻ tăng người tục. Khoảng cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, nạn thiếu thốn đói kém kéo dài nhiều năm, khắp gò đồi hang hốc đầy dây xương cốt, người dân ăn nuốt lẫn nhau. Chỉ riêng Sư rộng bày bốn ân, khai hóa Dân lệ, các vật Đàn việt cúng thí Sư đều ban cấp. Nền ở Bồ Châu có ngài Đạo Tôn, ở Đồng Châu thì có Sư tuy cách xa sông ải, đường đi phải mất cả ngày, mà tình đồng cứu giúp vượt thật rộng lớn. Chúng vì kính trọng Sư đức lớn nên đều quy hướng, đề cử Sư đảm nhận trông coi việc chùa, thống lãnh thân nhiếp tăng chúng bằng Từ chỉ trùm khắp.

Vì Pháp phải nhờ người mở mang, thành cứu giúp là tại Luật, Tăng chúng phần nhiều học theo phép tắc thông thường nên loạn. Sư bèn đến kinh thất, thỉnh mời Sa-môn Trí Thủ đến Trung Hạ giảng dạy, Ngài dẫn theo bộ thuộc hơn ba trăm vị, nêu bày yếu chỉ của kinh, như lúc ban đầu chẳng thấy mỗi một. Lập chùa rất lâu mà đất sạch hoàn toàn không có bụi chưa cầm nắm, nhưng phải nhuộm nấu thối trước. giải thích văn đến đó, Sư mới biết trái. Ngậm lấy bụi ngùi, học muộn chưa thành Hộ pháp. Sư ngưng giảng năm dịch mới đến văn sau. Sư lại thường nhọc Bồ-tát, vật quý mới nghe. Tăng chúng phần nhiều chỉ xin thuyết dục chẳng đến giới trường. Nghe Dục, Sư bèn vì chỉ dạy, răn bảo đó là mong cầu, vốn là nhằm chán biếng nhác không thành Thánh Pháp. Từ đó đến suốt đời, Sư luôn đích thân Thuyết giới. Nếu có người chẳng đến, Sư lường xét sự tình mới chấp thuận. Không đến nhiều lần, Sư nói qua rất ân cần, đều vì đó mà tuôn chảy nước mắt thấm ướt cả khăn đai, sùi sụt không thôi. Sư kính phụng Chánh Pháp đến như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ tám mươi lăm tuổi. Môn nhân của Sư có hơn năm trăm vị, kính vâng Pháp huấn, không nhân cảnh ngưỡng, mới dốc hết tình hậu táng. Nền xa giá che liền nhau, phước lọng cùng tiếp nối, trong

khoảng mấy dặm đường mà kẻ tăng người tục đều đông đầy. Tháp thờ Sư được xây dựng ở phía Đông thành, lập Văn bia khen ngợi đức hạnh.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tam Duệ trụ chùa Linh Hóa ở Kinh Đô

Thích Tam Tuệ, người xứ Lô Phiền. Sư kính trọng kinh Niết-bàn, lấy làm chánh nghiệp, hạnh lưu tỏa khắp Hà sóc. Nổi tiếng cùng y lệ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì ngài công phu học hạnh đã thành hình sắc thái nên vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn ban sắc thỉnh Sư vào đạo tràng Tuệ Nhật. Đông Đô đến muện, bến Huyền bước chung đều do công của Sư. Thần khí Sư trong sáng trang nghiêm, liếc nhìn đều thành phép tắc, mở lời động luận chúng đều kính sợ. Vua Dương Đế vì thông Đạo rõ cơ, chuyên việc phải tuyển chọn, bèn ban sắc đến ba Thục sưu tìm, đề cử những vị có khả năng tài giỏi. Gặp lúc thời vận nhà Tùy suy sụp, Sư bèn ngụ ở tại Ân Phiền, lưu lạc theo vật, nhân việc mà dẫn dắt chúng sinh. Tánh Sư dứt bật ồn ào, sống tĩnh lặng mà mở mang đạo nghiệp. Tán Quốc Công Đột Quý trấn nhậm tại Dong Thục, riêng chỗ dò hỏi tôn sùng, kính phục Sư ở chỗ tĩnh lặng rộng rang, đặt để cung kính lớn lao khác lạ v.v... Sư quán xét thời cơ mà chế dừng, nên không có hình ảnh luống dối.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ chín (226) thời Tiền Đường, Sư từ xa về châu Kinh Quyết. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thăm hỏi, đảm nhiệm Hoàng Đồ. Công Bộ Thượng thư Đoàn Luân sớm gieo trồng nhân lành, xây dựng chùa Linh Hoá, kính trọng Đạo nghiệp của Sư, nên tâu trình thỉnh Sư đến trụ ở đó. Khi đó, Sư lại mở mang giáo hóa càng thêm rõ ràng, sơ lược lưu truyền Bút ký, các hàng hậu học xung tán tìm cầu. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư vào tham dự phiên dịch kinh điển. Sư nhuận Văn, chứng nghĩa, theo thứ lớp đáng tôn kính. Soạn lời tựa nơi Kinh Quán, dẫn tình đặt lệ đủ mạnh mẽ dồi dào. Và trong năm đó Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

Xưa kia, tại Giáng Châu, Sư ở riêng Biệt Viện, cảm thấy một Thần Đồng hình chất ít có ở đời đến kính lễ Sư mà thưa rằng: “Cúi xin Pháp sư khuyên răn Tri Sự chớ cày xới ở chỗ phân mộ!” nói xong liền biến mất. Ban đầu, Sư chưa nói lại việc ấy, sau Thần Đồng trở lại và lại trình bày việc trước, bảo nếu Sư chẳng nói dùm thì sẽ đánh vị tăng kia đến chết. Sư bèn đến hỏi dùm, mới biết trong chỗ ruộng đang cày xới có ngôi mộ cũ. Sư liền bảo dừng. Do đó tăng chúng thanh tịnh yên ổn, cuối cùng không có hậu hoạn, tự chẳng lập chánh xử, khiến phi nhân đến mách bảo. Nên sự dạy răn của Sư không cho phép xúc chạm đến u hiển, như điều đã nêu dẫn v.v...

07- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu

Thích Tuệ Quân, họ Lý, người ở xứ Giang Hạ, vốn thật ở Lũng Tây. Nhiều đời mang đội mào miện, Cô Xa hợp với Thiên Diễn, điều xa liền với Nhã Mộc. Tổ tiên đời thứ mười một của Sư là Đô Đình Hầu thời Tây Tấn. Nhân lánh nạn đến phương Nam, dừng ở tại Hạ nhuế, nhân đó mà tạo lập gia nghiệp.

Năm mươi tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Minh Trí chùa Quang Nghiêm, vốn họ Cửu. Ngài Minh Trí nhập thất ở chùa Kiến Sơ, vâng mạng khai mở pháp diên giảng dạy. Sư bèn dốc chí nương tựa vâng thừa, nghĩa môn được khai mở lớn rộng ở đương thời. Nam Quốc lệnh chúa nhã trọng Nhân Vương, mỗi năm thiết lập Pháp Diên chọn thỉnh những bậc Danh đức. Sư tuổi vừa mới hai mươi mà được dự phỏng theo thường đó. Cao Đệ đã đến, tiếng tăm Sư càng vang xa. Thiên tử đưa mắt nhìn, người trời kính ngưỡng khen ngợi, sáng ngời sùng ái Quốc ân, cung kính trước là thành lập.

Đến lúc trời ngăn che vận đức nhà Trần, thời vận nhà Tùy liền hưng thịnh. Các trường giảng ở Kim Lăng Sư đều trải qua, Sư bèn roi gậy đến đất Ngô. Đại thừa thúc buộc dây cương, xin dẫn chĩnh đôn lữ thứ, rộng mở trường học, xa thỉnh mời các bậc tài sĩ ở Bát Duyên để quạt lên ngọn gió nhất cực. Thứ sử Tô Châu là Lưu Quyên là người thật đạt ba đức, có chín khả năng, sống lại giản dị, luôn nương tựa pháp diên. Vui uống nước sông đến đầy bụng, mừng mang đội núi mà không nhọc mệt. Từ lúc nhà Trần suy sụp, vật ngã đều đổ, hoặc có người lọt lưới trở về phương Đông, hoặc có kẻ vào lồng mà lên phương Bắc. Gió hang vì ân cùng bỏ, chặt cây vì Đức cùng cao, chứa nhóm bạn theo đều đến bái yết cung kính.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, khúc giảng Hoàng Hoa, Sư viện có bệnh mà từ chối, tình theo Sơn Thủy, các Cao Nhân ở đất Ngô vì đó đều nương cậy, thỉnh Sư đến trụ chùa Thông Huyền, y cứ điềm lành mà mở mang giảng dạy. Gặp thời nhà Tùy tối tăm, yêu khí ngang bầy, Sư bèn lánh đất đến Tỳ-lăng, trầm lắng ở yên Chư Tăng ở và chùa Hiền Min và Thụy Tướng chí thành thỉnh Sư hoằng pháp. Ở chùa có các Sa-môn Trí Khế, Trí Mạnh, là những bậc phong du cảnh tỉnh xa xa, chẳng thiếu tinh thần. Sư đã gặp được người thông hiểu, dốc lòng hướng về phía Bắc, chuyên cần thì không thiếu, dạy răn phải lắm công phu, đều cùng tiếp nối giảng bày, cùng rong ruổi tới Đông tiến. Bảy giờ, luật hình mới xem thường phép tắc, ở đời trải qua khó khăn mờ tối. Trường Hoài về phía Nam mà vẫn gọi là nước Ngô. Đỗ Oai chuyên chế, đoạn bỏ Quân lâm, sùng chuộng Phật lý, kính trọng Quy giới.

Đến lúc Vua Cao Tổ (Lý Uyên) thời Tiền Đường, quét bỏ vết cũ, ban bố khuôn phép mới, mở đầu bắt chước Lâm lạc, dẫn nêu Đỗ Oai đến yết Kiến Vua. Cúi đầu vâng chiếu, chẳng vui ở tự mình. Sư nói cho nghe nguyên nhân ngày trước, giải thích nỗi lo buồn tức giận của Đỗ Oai, thấu đạt sự chẳng bền bỉ của Đảnh sinh. Hiểu được mất mưu đồ của Ngô Phi Đỗ Oai bèn tiếp xúc, nghẹn ngào, do đó mà từ biệt. Có các Sa-môn Đạo Nguyên, Pháp Tế, v.v... ở chùa Dur Hàng, trước kia vốn học Luận thành thật, nghĩa cùng môn hộ, chẳng ngại xa ngàn dặm đến xin học Đạo ở Kim Lăng. Mới kết cùng vâng theo. Thế rồi, phu bày chí lý, cây thuốc nhuận thâm nhiều, xin đãi thí dâng đều không phí tổn. Ở tại hai chùa Viễn Hành và Long Tuyền, mỗi nơi đúc tạo một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng Đồng mạ vàng ngời, cao một trượng năm thước, để kết duyên đời sau.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có pháp sư Tuệ Nghi là bậc thượng đức ở chùa Thông Huyền. Đạo tâm rất tinh tú, tình lượng bao trùm cả núi biển, tu sửa chính mình, an ủi mọi người, cơ duyên chẳng đúng thì không dấn chân đến. Vì xưa kia dưới thời Đông Tấn, có Bạch Ni là người Chí thành cảm kích đến thần, không nơi xa nào chẳng đến, tại Thiên-trúc có pho tượng bằng đá cứu giúp cả hai thứ bệnh nóng lạnh, soi chiếu đuốc thần ngời sáng sông Hồ Độc. Bạch Ni đón rước về tôn trí tại chùa Thông Huyền. Từ khi nhà Tấn chống cự nhà Trần, tôn tượng hiển hiện nhiều điều linh dị. Cuối đời Tùy, quân lính cướp bóc lấy hết ngọc đá. Nghi dung của hai pho tượng nhuốm nhiều sương móc, riêng mình ngài Tuệ Nghi gắng tâm hạnh thiết, tâm còn tối sáng, vì Phật không có điện, thì làm sao tăng an được! Bèn đi khắp cùng núi hang, lên cảnh kén chọn gỗ quý, chẳng hơn một năm, nổi chìm ngàn trượng, dấn sâu vào mạo hiểm, về đến đất Ngô, rộng mở bày Nguyệt Điện, chỉ họa dựng lập. Sư vì gió mưa cùng cảm nên quần chiếu trở về, không trái hai thời, công phu gồm cả hai việc. Có Ngô Huyện lệnh Trần Sĩ Xước sắp bày phiến toái theo nghĩa, khuynh tâm kính ngưỡng Pháp Âm, thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn. Văn Nghĩa pho quyển vừa mới xong, mỗi một việc làm càng thêm lao nhọc. Sư bèn đem trần vĩ phó chúc cho Học sĩ Trí Trang mà bảo rằng: “Gắng học đợi thừa hỏi, không sợ tuệ phong. Sự gắng công gấp bội chẳng thẹn với thường chiếu!” Lời thề vừa dứt, tự nhiên Sư nhắm mắt. Lúc đó nhằm tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thông Huyền, thọ sáu mươi bảy tuổi. Qua tháng mười một năm đó, an táng phần mộ Sư tại đỉnh núi phía Nam Bạch Hồ.

Các Hàng Học sĩ Môn nhân của Sư có hơn ngàn vị, buồn đau sùi sụt, nước mắt thương tâm, sợ lo phương nghi có lúc dứt bật, mới dựng lập văn bia cao lớn, do Giang Vương Học Sĩ Gia Lâm soạn viết lời văn. Đến niên hiệu Trinh

Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, các vị đệ tử của Sư như sa-môn Pháp Thiên, v.v... hiểu tình lớn lao đến thăm viếng chẳng kịp, kính cẩn ngay trước phần mộ của Sư, xây tháp gạch năm tầng. Thiên Sư Tuệ Nghi là bậc thăng đức trong làng nước, hương hỏa tình nhớ quanh co, kiêm việc kinh luân, nên khiến nhìn xuống xoay cùng nương tựa, cao đáng rộng thông hướng thuật.

Bình sinh Đệ tử Sư ngưỡng trông quỳnh cấp mà thấm ướt vạt áo. Xưa trước Đức Minh trông ngóng ngọc luân mà lệ đổ. Có sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu nói rằng: “Tôi và Thượng nhân (tức Tuệ Quân) tình hòa Đạo hợp. Tuệ Quân thị tịch. Tôi đây bệnh tật, gói lệ ngủ khóc, xe trắng chẳng rong ruổi chốn đất thanh tịnh ca dài cách trở, muốn tỏ bày nỗi lòng buồn thương, liền soạn một đoạn Minh ngân bày nơi phương phần bày ở linh tháp. Phó chúc người tốt xứng dựng cao ấy. Đối với Chi có người Pháp Chủ Đức tốt hoàn toàn, sông ái sớm vượt, đèn tâm trẻ truyền, Nham nhạc một chiếc chiếu kê, gọi ba năm. Bờ xanh ứng khắp, cực tím vang tới trời. Danh bang trĩu hóa, lợi vật chột đến. Chén cù ngày một châm rót, gương treo thường sáng. Biển nghĩa bên cạnh tràn đầy, lên thẳng núi bàn luận. Ai gọi là ngọc sáng ngậm trong đất tối, thần gò đồi bút hang tháp trắng nêu phần mờ. Khám quỳnh lưu giữ nương móc, tay ngọc xếp bày mây. Khe thông đưa âm hưởng, núi Quế nổi bày thơ, núi bay biển chuyển, đời đời nói nhau. Lửa đến Tần lãng, thư mở kéo mờ cao. Chỉ có Đạo lực ấy vời vợi cao xa.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu

Thích Pháp Cung, họ Cố, người ở quận Ngô. Chánh tín bẩm phát, thành đức tự nhiên, khéo biết ngộ Đạo, tình cao vượt tục, nên biết người vì Đạo quý ở tinh lực người hiểu rành phương hướng quay về Đền đứng đường, người lập triều sùng kính dốc thành ấy, người chiêu ân thì thưởng vị an nhàn. Rõ ràng đó ở nơi Sư, lường xét vũ nghi của Pháp lữ, chuẩn đích của người thường.

Đêm Sư ra đời, trong phòng có ánh sáng lạ, đèn tuổi biết quét bụi, Sư bèn xả tục, kính thờ Pháp sư Tụ ở núi Võ Khâu, xin làm Đệ tử. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư nghe Sùng Công ở chùa Dư Hàng giảng Luận Thành Thật, nghe Dĩ Công giảng Luận Tỳ-đàm. Mãi đến lúc Sùng Công sắp thị tịch mới đem phát trần phó chúc cho Sư. Phạm những bậc tiên đạt thời ấy đều là người tài giỏi. Sư đã nhận thọ pháp gởi trao, nói nhau hoằng trì. Các hàng ba ngô chín phái đua nhau đến hỏi Đạo, mà Sư nhọc nhún nhường suốt ngày ứng đối không mỏi mệt. Hạnh cao mà hiệp cậy như ngu, học rộng mà bày xoay mặt vào vách tường. Sau, Sư nói đi đến đất Kiến nghiệp, lần lượt dò hỏi các bậc

Tông tượng, nghi sâu nạn lớn thường ôm ấp trong tâm. Hẳn có Đạo Vô Đắc rộng lớn, tình lưu danh sáng tỏ. Sư bèn trở về quê cũ, ẩn cư nơi núi Võ Khâu, đốt ngón tay cúng dường, tình đau nhức chổng dút, mái chim sơn thú, chí lâu dài vẫn còn.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Châu Tướng Lưu Quyền, chính là thành được đất Ngô, tâm tình đặt để trong Thích giáo, bèn nghiêm giá tới sơn núi, rồi trở về thành ấp, trụ chùa Hồi Hương. Đã bức bách cố thỉnh mời như thế, rõ ràng khác hẳn lo lắng. Vì hiểu Đạo do tâm, Đạo còn thì mất Bỉ Ngã (Ta người). Lập giáo tại Tích, giáo hành thì lẫn lộn tối sáng. Sư bèn đi đến Lạc Đô, chuyển pháp lưu thông cam lộ, rót sông ngưỡng núi, đều khen ngợi sự kỳ đặc ở trước.

Vào Tiên Đường, sự giáo hoá càng tôn sùng giảng dạy rộng khắp. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiên Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc mời Sư đến Lạc Đô. Có Pháp sư Pháp Tuyên ở Thường Châu lúc ấy được thỉnh cũng đã đến. Sâu ban ân lễ, đối dương trường màn, biện nói phân luân, rõ sự hưng diệt của Tượng giáo, chứng minh sự phó chúc Di pháp. Vào hầu yến diên, đã vẽ bày nhã thập, ruộng áo làm thơ vịnh, vẫn tức là ban tặng lụa nhung. Sư có được sự cảm kích nổi lòng thánh đế, thấy sâu nơi nhan sắc. Vua Thái Tổ đặc ân ban chiếu lưu giữ Sư ở lại, đón rước đến kinh đô, cung cấp bốn thứ cần dùng luôn khiến ưu hậu. Ung Châu Mục Ngụy Vương xa thêm kính trọng, thỉnh Sư làm Giới sư. Đích thân ban sớ rằng: “Xưa kia, ngài Đạo An ẩn tích ở Tượng Dương, mà tiếng tăm vang đến cung nhà Tần, ngài Tuệ Viễn gá Tâm ở Lô Sơn, mà tên tuổi chấn động khắp kinh đô nhà Tấn. Nên biết sự ứng vọng của tiếng tốt chẳng nhọc ngàn dặm. Chỗ soi chiếu của trăng sáng không ngăn cách chín tầng. Pháp sư đội ân Thượng nhân, vang xa Cao Đức. Luật hạnh trong sạch nơi mắt xanh, oai nghi nghiêm chỉnh ở râu đỏ. Trí truyền đăng chẳng cùng, tài pháp thí không hết! Đệ tử thâm nhiếp Tâm viên này, thường khát ngưỡng đối với Điều ngự, cày xới thân ruộng này, đội ân đối với mưa pháp. Nếu được thầy trò có uy thác, mong dùng vén quét sáu trần, khéo dẫn dắt khai mở hạnh, để không mê lầm đối với tám chánh. Kính cẩn thỉnh cầu, đợi lòng dẫn dụ!” Sư đã ứng với sự thỉnh cầu ấy, cúng thí rộng lớn. Từ đó, khắp triều đình cho đến thôn dã, các hàng Minh Đạt, tăng tục thanh cao nghe tiếng tăng trông đợi lâu, trông ngóng phòng thất mà tìm đến, do bởi ít viết. Nhưng Sư rộng trông góc đức xa nêu cờ thẳng. Điện báu cao đến tầng mây, kim dung tôn tượng soi chiếu như mặt trời. Trường giảng mới khai mở, mang rương tráp rảo cùng. Đàm sở vừa thành, danh đô giấy quý. Thêm vì Sư thông hiểu giáo điển nội ngoại, biện học cắt tiết sóng cả. Bút hồng điều luyện chương, vườn văn mở mang rừng chằm.

Đến ngày mồng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm ở Tây Kinh thọ bảy mươi ba tuổi. Các hàng quan chức đều đến viếng điếu, mọi quan chức đều buồn thương. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cấp tặng thêm mọi thứ cần dùng trong lễ tang và tạo xe linh, vội cấp truyền thừa, giao cho đệ tử Sư là Sa-môn Tuệ Tập rước Kim quan Sư trở về quê cũ. Đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) an táng tại đảnh núi phía Nam của Võ Khâu. Kẻ Tăng người tục lần lượt đến viếng, nhìn đường buồn khóc. Môn nhân, v.v... của Sư, thầy trò thêm cảm, tháng năm lần lượt đi qua. Nếu chẳng phải là châu ngọc uyển Diễm thì ai tỏ bày không mục rã? Bèn cùng nhau dựng lập Phong Bia, thử bày kệ tụng. Trung Thư lệnh Giang Lăng Công Sầm Văn Bôn soạn lời tựa. Triều tán Đại phu soạn Lang Lưu, Tử Dục soạn bài Minh, hai đầu mỗi phong thanh, đều có ý chí.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam

Thích Trí Chánh, họ Bạch, người ở xứ An Hỷ thuộc Định Châu. Gia đình nhiều đời kính tin Tam Bảo, Sư sớm làm việc trước tác hoàng thông. Vừa mới tuổi có sự nhận biết, Sư bèn giã từ màn lưới thế tục, thấy biết rộng khắp chẳng như các trẻ nhỏ đồng bạn.

Năm mười một tuổi, Sư muốn xuống tóc xuất gia, cha mẹ và bà con quyến thuộc nhìn Sư mà khóc, nhưng dung mạo nhan sắc Sư vẫn không thay đổi. Thầy Sư biết được khí độ cao xa nơi Sư, nên mỗi ngày trao truyền cho mọi điều Sư chưa nghe biết. Sư tùy được duyên bèn ghi chép thành Phổ lục, nếu có chỗ sót mất thì tìm hỏi tương tục. Sư, thân không đùa bỡn miệng không truyền bùa, vâng phụng giới pháp siêng năng, sớm tối tự sách tấn. Hoà-thượng đồng sư cũng riêng ngợi khen khác lạ. Tuy đã hai mươi tuổi mà Sư không hề phải làm việc nặng nhọc, được cung cấp đủ mọi thứ cần thiết, Sư tự do học hỏi, chưa đầy vài năm mà tiếng tăm trí tuệ Sư đã vang xa.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) rộng tìm kiếm những bậc hiền tài. Sư bèn cùng Thiền sư Đàm Diên đồng vào nguy quyết, vâng sắc ủy hỏi, vua mời Sư đến trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tả Bộc xạ Ngô Khánh Tắc kính trọng cao hạnh của Sư, vì tâu trình ban sắc đặt biển ngạch chùa. Xây chùa Nhân giác và thỉnh Sư đến ở đó, thiết lễ hậu đãi. Sư nghĩ sâu về gốc khổ, bỏ hết mọi việc trở về nương gá nơi rừng sâu tĩnh lặng. Nhân tại chùa Chí Tướng ở núi Chung nam có Pháp sư Uyên là bậc giải, hạnh đều cao, khắp kinh thành đều suy tôn kính ngưỡng. Sư bèn đến nương theo đó. Đạo vị giảng hồ chẳng mong mà gặp được Nhân đó, Pháp sư Uyên lưu giữ

Sư lại cùng ở suốt hai mươi tám năm. Vững lặng cung kính vô sự, chẳng liên quan đến người đời. Nếu có ai thỉnh cầu thì Sư bèn giảng, luận rõ chánh lý. Không ai thỉnh thì Sư yên nghỉ an tâm tu Chỉ Quán. Thế tình nói níu chẳng cậy nơi miệng, trong trắng ngang thẳng tự tu, sáu thời không ngừng nghỉ.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ tám mươi một tuổi. Đệ tử Sư là sa-môn Trí Tuệ v.v... nghĩ rằng Sư xa lìa hẳn, cảm ân khó gặp lại, bèn cùng nhau góp nhặt dư thân, đến phía Tây Bắc của chùa, đục vào vách núi làm khám để tôn trí nhục thân Sư ở đó. Lập văn bia ghi chép, như Sư hiện còn.

Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, học hỏi bần thừa pháp giáo. Mọi điều dạy răn của ngài Trí Chánh, Sư đều ghi nhớ không sai trái. Còn như các bản sớ giải do ngài Trí Chánh soạn đều do Sư ghi chép. Nên khi ngài Trí Chánh soạn, ngồi thẳng tư duy sâu mâu, thì Sư cầm giấy bút vâng thừa tôn nhan đứng hầu, tùy ngài Trí Chánh nói ra thì Sư bèn ghi trọn đến lúc xong bộ, bèn trải qua nhiều năm. Ban đầu, không được thầy bảo ngòi, nên chân Sư bị đau tâm buồn ngủ, bất chợt bị té. Ngài Trí Chánh mắng trách Sư rằng: “Người xưa đứng nhón một chân suốt bảy ngày còn có lưu truyền khen ngợi, nay ông vừa mới đứng mà đủ ngã té, tâm xem thường đến như vậy. Kia đứng một chân rất mực, đâu có thêm được gì”, ngài Trí Chánh giảng các kinh luận Hoa Nghiêm, Nhiếp luận, Lăng-già, Thắng-man, Duy Thức, v.v... chẳng ghi là bao nhiêu biến, soạn Hoa Nghiêm sớ mười quyển. Ngoài ra đều chẳng ghi chép, lưu hành đầy đủ ở đời.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tuệ Lăng trụ chùa Từ Kim ở Tương Châu

Thích Tuệ Lăng, họ Thân Đồ, người ở xứ Tây Long. Lúc Sư còn trong bào thai thì cha mẹ qua đời, chỉ mình mẹ bồng bế nuôi nấng Sư. Tam Tạng Hoài Tuệ, Sư nghĩ muốn nghe pháp, mẹ của Sư thương xót Sư cô khổ, nên cùng theo đến Pháp sư Nhuận ở Tương Dương nghe giảng Tam Luận. Chỉ đối với văn nghĩa mà Sư sâu có sự lãnh giải sâu. Đến năm Sư tám tuổi, Mẹ của Sư lại qua đời! Sư không Thầy chỉ dạy mà tự phát, một mình đi đến chỗ Luật sư Đản chùa Đản Khê ở Ấp Tây, xin xuất gia.

Năm mười sáu tuổi, Sư đến dưới tòa của Pháp sư Minh ở Mạo Sơn thuộc Kinh Châu, nương ở nghe giảng. Sư hỏi Đại ý của kinh, có lý sâu mâu, Pháp sư Minh gọi Sư vào phòng, suốt ba năm hết lòng chỉ dạy. Và chỉ nêu bày nghĩa “Bất Hữu, Hữu” (chẳng có, có). Sư nhờ nghĩa đó mà hiểu sâu được ý chỉ. Đến cuối đời Tùy, Sư trở về Tương Dương. Sư lại theo Hạo Công ở An Châu đến đất Thục, hễ có giảng pháp thì đều bảo Sư đáp thuật lại. Sư nói

năng chất phác, bàn nói lý đi vào sâu mầu. Người đương thời đều gọi Sư là “Đắc Ý Lăng”. Đến lúc Hạo Công bị hạ ngục thì Sư cũng bị trói, thân bị gông cùm nơi huyện Thành đô. Có một tù nhân theo thỉnh Sư giảng Tam luận. Giảng xong năm biến, thì có sắc lệnh phóng thích. Sư lại theo Hạo Công trở về. Khi đã đến An Châu, lương thực đang gặp lúc hiếm quý. Mỗi sáng Sư đến Tuy Châu rao trong thôm xóm khát thực, chiều tối, Sư lại về đến chỗ Hạo Công và vẫn tham cầu nghe giảng như thường. Qua lại cả ba trăm nhưng rất có sức khỏe, Báo lực của Sư mạnh mẽ, cả đời không hề bệnh hoạn. Học chúng thầy đều suy tôn. Đến lúc Hạo Công sức lực yếu kém, thân bốn đại suy mòn, bèn bảo Sư thay mình giảng Kinh Niết-bàn, thỉnh chúng đều lấy làm lạ về lời giảng của Sư, cho là trái nghịch so với nghĩa của Hạo Công. Khi đó, những vị ngồi ở hàng đầu đều là những bậc tài giỏi, có hơn ba mươi vị cùng đến phó Thủy hơn trăm ngày. Nên Sư chỉ giảng Tam Luận. Khi Hạo Công bệnh tình đã trở nặng, Sư lại trở về An Châu, thường ở nơi phòng Hạo Công, tiếp nối Đại ý Kinh văn, bên ngoài có người nghe ngóng đều cho là Sư nói quàng, bèn thưa với Hạo công rằng: “Tuệ Lăng ở phần đầu Chương hoàn toàn dường như chẳng hiểu. Ngày mai lên giảng, xin ngài xác định lại. Đến khi giảng, Hạo Công bảo: “Ta muốn xác định lại chương đầu, hãy mang kinh ra đây!”. Khi ấy Đại chúng tất cả hai mươi lăm vị mỗi vị đều tụng trình, và đều bảo “Chẳng đúng!” Sau cùng, ngài thuật câu cú. Câu cú tuy khác nhưng đều bảo là “Đắc ý”. Do đó, người chẳng phục cũng không dám khinh. Đến khi Hạo Công sắp tịch, bảo rằng: “Tuệ Lăng lại đây! Nay tôi giao phó tục chủng cuối cùng cho ông. Từ khi tôi giảng pháp đến nay chỉ có mình ông là người đắc được chỉ thú của kinh”. Hạo Công bèn nắm lấy tay Sư, bảo rằng: “Người giảng dạy phải như đi trên dao kiếm. Chẳng tham lợi dưỡng, chẳng sợ khổ nhọc. Muốn được truyền đèn nối đuốc, thường phải ở nơi chùa núi. Đọc kinh pháp sự phải làm khuôn phép cho mọi vật. Nếu khi vì một người hay lúc chúng đông cũng thế. Được vậy mới xứng đáng là báo đáp Ân phật!”. Lại bảo rằng: “Ta và ông cùng trải qua lắm gian khổ, thời gian chẳng ngắn ít. Chỉ lấy Vô tướng làm gốc, rồi sau mới nói!”. Nói xong thì Hạo Công thị tịch.

Khi chưa được phó chúc, Sư mộng thấy vị Thần chột cả hai mắt. Lại thấy một người mặc áo xanh, tay cầm gương báu tỏa phát ra ánh sáng đến ẩn khả. Tâm Sư đã thọ quyết rồi, suốt cả trăm ngày có tâm luyến mến. Sau Sư trở về Tương Châu, trụ chùa Tử Kim, giảng luận suốt năm năm. Đồ chúng có đến ba trăm vị. Niên hiệu Trinh Quán thứ tám thời Tiền Đường (634) Sư lại trở về Tu-di giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm, Duy-ma, v.v... Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy chim ưng bay vào chùa, các loài chim khác bay đi, do đó liền tan chúng. Đến

lúc Tư Công sưu tầm dò xét không được một thứ gì. Tương Vương đến Tương Châu, Phật Pháp Xương Minh hưng thịnh, thỉnh Sư đến trụ chùa Phạm Vân trai giảng nối nhau, kẻ tặng người tục nhóm họp học tập càng mạnh mẽ hơn.

Đến giữa tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có Pháp Sư Sưởng trụ chùa Cảm Thông bảo rằng: “Mộng thấy Diêm Vương thỉnh Tuệ Lăng giảng Tam Luận. Sương Công giảng Pháp Hoa như thế nào?” Sư nói: Lành thay! Tuệ Lăng tôi xin phát nguyện thường ở nơi địa ngục giáo hóa chúng sinh, Giảng Kinh Đại thừa, đã có điềm lành này, đó là mãn nguyện”. Đến cuối tháng chín năm đó (640) Tương Vương thấy Sư khí lực suy yếu, bèn dâng cúng hai lạng sữa Thiều Châu, ép buộc Sư phải uống. Đêm đó, Sư mộng thấy có một người áo mao đến nói với Sư rằng: “Chờ uống sữa đó, Vua Diêm-la trang nghiêm đạo tràng đã hoàn tất, có nhiều sữa thuốc!” Đến giữa tháng mười, lúc hoàng hôn buông phủ, cảm thấy không được khỏe, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ngũ tạng của ta đã rã hoại, không có chỗ nào đau!”. Đến canh tư, Sư lại ngồi dậy nói với chủ chùa là sa môn Bảo Độ rằng: “Nhớ xưa kia năm mới tám tuổi, đi sang chùa Long Tuyền nhờ Bồ-tát Quán thế Âm, chưa đến chùa Kỳ-xà đã giảng ba biến rõ ràng như trước mắt..!” Sư nói chưa xong thì bên ngoài có tiếng nói lớn: “Pháp Sư hãy sớm dậy đốt hương!”. Kẻ sứ liền đến”, ngài Bảo Độ hỏi: “Ông là ai?” Sư đáp: “Sứ giả vua Diêm-la đến đón rước”. Sư liền đứng dậy đốt hương, tắm gội, sám hối lễ Phật xong, trở về lại trong phòng già biệt ngài Bảo Độ, ăn cháo chưa xong, Sư bèn lấy “Nhất sinh tư ký” (Tập riêng ghi mọi việc trong đời mình) đốt bỏ, bảo rằng: Người khác đọc đến Tư Ký này, không thể thẩu đảo đến cùng!”. đến giờ tiêu thực có mùi thơm lạ bỗng nhiên bay thoảng lại, ngài thâm liễm dung nghi mà thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Tặng chúng khắp nơi suốt bảy ngày bảy đêm pháp tập Công Đức. Tương Vương ban tặng năm mươi xấp lụa, đưa tiễn đến núi Phụng Lâm. Kẻ tặng người tục đồng nhóm họp hơn năm trăm vị, khai giảng thiết trai hội trọn ngày mới tan.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Trí Bạt trụ chùa Thường Tế ở Tương Châu

Thích Trí Bạt, họ Trương, người ở xứ Tương Dương. Thờ nhỏ, Sư trong sáng tỏ ngộ, ưa mến Đạo pháp.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Mới đầu làm đệ tử Pháp sư Nhuận. Pháp sư Nhuận trông thấy Sư có khí độ giúp đời, bèn dẫn đến gửi gắm cho Pháp Sư

Triết, Pháp Sư Triết cũng là bậc Cao tăng ở Tương Châu, ở Biệt truyện có nói đầy đủ. Ban đầu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày thuộc được năm trang. Nghĩa lý trong kinh, Sư lược hiểu khuôn phép, mới tự nghĩ rằng: “Kinh này đại ý nói về Chư Phật ra đời. Mỗi người mỗi Đạo, chẳng mở mang thì không thông. Nguyên trọn nương tựa hành trì, khai ngộ cho người mê mờ, phải nghe mới sâu rộng!”. Nhân có Pháp sư Cát Tạng là bậc thượng đức ở chốn Đê đô, là người nêu lãnh vang khắp bốn biển, là bậc Tông Tượng của ba thừa, Sư bèn tìm đến kính vâng ý chỉ, vui mừng khơi kích Tô tâm. Đầu đuôi hai biển và bảo Sư đáp thuật. Các bậc tài giỏi mở lời không gì chẳng loạn vết. Ngài Cát Tạng đích thân đến tòa. Sư hỏi đại chúng rằng: “Nhất thừa là mây, được chia làm ba, cũng có thể Nhất thừa là mưa, chia làm ba được chăng?” Cả Đại chúng không ai dám đáp, Ngài Cát tạng bảo rằng: “Trí Bạt! Câu hỏi ấy của ông được ý chỉ sâu”. Và bèn căn dặn: “Đại pháp hẩn ở nơi cơ duyên!”.

Từ đó, Sư trở về Tương Dương, gặp lúc giặc đã nhiều loạn, không thể nào giảng dạy. Ban ngày Sư ẩn tàng, đêm đến mới nằm ôn văn nghĩa. Sau, gặp lúc trở lại thời thanh bình, Sư bèn ở chùa Kỳ-xà, và thường ở tại chùa Thường Tế, giảng Kinh Pháp Hoa mỗi năm năm biển. Sư có đệ tử là Sa-môn Pháp Trường là bậc hậu sinh đỉnh ngộ, hiện ở tại chùa Phạm Vân, hướng dẫn Đồ Chúng, thừa tiếp Đạo nghiệp.

Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Sư đến ở nhà Cư Sĩ Trương Anh, sớm nhóm họp nêu dựng nghĩa. Khai giảng tựa đề Kinh Pháp Hoa. Có người hỏi: “Nay xưa mở lập yếu chỉ của ba, một”. Sư đối đáp như gió vang theo tiếng, giải ngộ khai mở tâm người đương thời. Sư nói với Pháp sư Tuệ Lãng rằng: “Trí Bạt tôi đã đáp xong lời hỏi vặn của Tu-di, tất cả đều là thần tuấn”. Sư bèn vào thôn áp khắp tám phương già biệt cùng các vị Đại đức Đàn Việt. Mọi người khi ấy chẳng lường biết được lời nói của Sư, Sư liền im lặng, vội đến xét xem, thì Sư đã thị tịch. Kẻ tặng người tục khắp nơi thấy đều buồn than, nhan mạo hình trạng Sư vẫn như lúc thường, Sư ngồi kiết già trang nghiêm ngay thẳng. Tương Vương tự thân đến đốt hương cúng dường, ban tặng mọi vật, có đến cả trăm, thiết trai cúng dường năm ngàn vị tăng tại nơi tháp mộ Ngài. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tuệ Du trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu

Thích Tuệ Du, họ Sầm. Thước nhỏ, Sư cô quạnh túng quẩn. Năm ba tuổi, cha mẹ Sư đều qua đời, Sư bèn được người cậu nuôi dưỡng.

Năm năm tuổi, Sư theo ông ngoại đến chùa Trường Sa nghe giảng, nhìn thấy tôn tượng Phật Sư bèn rơi lệ khóc than luyện mền chẳng chịu trở về nhà, bèn ở lại chùa đó làm Đề tử Pháp sư Cứu Khổ. Ngài Cứu Khổ bảo Sư tụng đọc Kinh Đại Phẩm. Trong vòng năm mươi ngày Sư đã thông rành trọn bộ. Sau, Sư lại nghe giảng về Tam luận, Đại Phẩm, thấy được Tông lãnh, hễ có hành văn thì quán dụng sáng tỏ.

Đến lúc gặp nạn, Sư bèn vào chùa núi Ngọc Tuyền, cạnh chùa có dòng suối, Sư lập am tranh mà yên ở suốt ba mươi ba năm. Mới đầu không tạm rời, Sư quán xét tâm thuần tịnh, chưa thể nói thấy, lúc thân suối phụng cúng hoặc thấy nghe một con rắn đen thân dài đến hai trượng, ẩn hiện hiện thân như có vẻ gìn giữ, quân giặc tuy đến nhưng không dám tới gần. Có Lão giặc Trương Hách Già là người mạnh mẽ hung tợn không ai bằng, dẫn cùng mười tên giặc trên tay cầm hai cây dao muốn giết hại con rắn ấy. Cách chừng hai trăm bước, rắn bèn giương mắt phát ra ánh sáng, bọn giặc đi theo đều té ngựa, qua hai ngày sau, Sư nghe biết bèn đến cứu thì bảy người đã chết. Rắn đi chung với Sư, Sư vì trì tụng Kinh Đại Phẩm, chú Đại Minh xong, ba người còn lại mới sống. Từ đó, khắp bốn phương xa, mọi người nghe được Đạo phong của Sư bèn đến cúng dường đông đảo.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, kẻ tăng người tục ở Kinh Châu thỉnh Sư đến trụ chùa Thắng Quang giảng Tam luận, Kinh Đại Phẩm, khai hóa cho những người chưa nghe, Phật pháp nhờ đó được hưng thịnh.

Đến ngày hai mươi ba tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, mọi người trong chùa đều trông thấy nhiều ánh sao rơi xuống giếng, không ai lượng biết được nguyên do. Qua ngày mười bảy tháng tám năm đó (640), Sư giảng Kinh Đại Phẩm, đến phần văn vãng sinh chưa xong, tay Sư cầm hạt châu như ý, ngồi trên tòa mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Tuệ Trì trụ chùa Hoàng Đạo ở Việt Châu

Thích Tuệ Trì, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Cha của Sư làm Thái thú Dự Chương, nhân đó mà sinh ra Sư. Thử thiếu thời, cơ mạo Sư cung kính đẹp đẽ, dáng dấp khoan thai. Những nơi Sư đi ở, mọi người đều ưa thích gặp gỡ trò chuyện với Sư. Sư vân du khắp các nơi nổi tiếng, dùng giáo chánh pháp giáo hóa.

Đầu tiên Sư đến chùa Khai Thiện ở Đơn Dương, xin xuất gia làm Sa-di, làm Đề tử Pháp sư Mãn. Pháp sư Mãn bảo Sư tụng Kinh Đại Phẩm, mỗi ngày Sư

thuộc lòng đến năm trang. Kinh ấy tuy dễ tụng nhưng khó trì. Mà Sư có khả năng nhớ nhận Văn cú không sai lầm, Người đương thời đồng ngợi khen. Năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc. Thân Sư cao đến bảy thước, sắc tướng sáng đẹp hùng vĩ. Sư gìn giữ oai dung, chẳng liếc ngó bậy bạ, nên người đời lại gọi Sư là “Tượng Vương Trì”. Sư nghe Pháp Sư Trang ở chùa Đông An giảng pháp, lại nghe Pháp sư Thật- người xứ Cao-ly giảng về Tam luận, tham cứu cùng cực. Môn học cao vợi. Sư lại giỏi về Lão trang Dịch Sử, tiếp đến là Đàm huyền, gửi lời pháp lý. Có Việt Công Dương Tố trị vì binh lính ở Hoài Hải, nghe Đạo phong của Sư mà đến xét xem, ngợi khen sự giác ngộ trong chúng sinh của Sư rằng: “Đây mới thật là vị Tăng không ai sánh bằng!”.

Đến cuối đời Tùy, Sư lánh nạn, sang trụ chùa Hoàng Đạo ở Việt Châu, thường giảng về Tam luận, Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Trang Lão, suốt nhiều năm không dừng nghỉ. Sư lập chí vững chắc thanh bạch. Sư viết lách rất nổi tiếng, gần ba mươi năm không ra khỏi cửa chùa. Sư thường ngồi kiết già, không nằm, siêng năng mãi đến lúc thị tịch.

Đến sáng sớm ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiên Đường, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta muốn đi nơi khác để hoàng hóa, hãy mau làm thức ăn”. Đến ba lần, trước khi ăn Sư trở về phòng, ngồi kiết già trên giường dây, kiểm thúc dung nghi mà thị tịch. Các đệ tử cho là Sư đang nhập định, suốt ba ngày vẫn đề tự nhiên như vậy. Có Thừa Đỗ Phục Hộ ở Cối Kê là người ăn chay trường trong sạch, y theo lệ thường đến tham bái, nghe có mùi thơm khác lạ, nên biết Sư thị tịch đã lâu. Sư ngồi kiết già an nhiên, duỗi ra không được. Mới để ngồi mà tiền đưa đến núi Đại Võ. Từ các Hàng Đô độc trở xuống, kẻ tặng người tục có hơn vạn vị, buồn than cùng khen ngợi đồng đến chỗ tầm liệm. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Cát Tường ở Việt Châu

Thích Trí Khải, họ Phùng, người ở xứ Đơn Dương. Cha của Sư mất sớm. Năm sáu tuổi, Sư nghe Pháp sư Cát Tạng giảng phạm Hỏa Trạch (nhà lửa) Kinh Pháp Hoa. Đêm về, Sư nói với mẹ rằng: “Trong kinh nói nhà lửa, tức là chỉ cho thân ta, nếu ta là nhà lửa thì ta sẽ thiêu đốt người, đã là không thiêu đốt thì rõ biết là vô ngã!”. Suốt đêm tới sáng, Sư bèn đến chỗ Pháp sư Cát Tạng xin xuất gia. Vì Sư da đen nên mọi người gọi Sư là “Ô Khải”.

Năm mười ba tuổi, Sư cất giữ kinh luận phóng đạt của ngài Cát Tạng, luận bàn đều chẳng câu nệ kiểm ước. Ngài theo ngài Cát Tạng đến trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê. Môn nhân đều là những vị tài giỏi nhưng chẳng dám lấy làm cao. Đến lúc ngài Cát Tạng vào kinh đô, Sư liền trở về chùa Tĩnh Lâm,

nhóm chúng thường giảng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư lập giảng hội ở Huyện Diệm, thỉnh chúng dự nghe có năm trăm vị. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Tiểu Long Tuyền ở huyện Du Diêu, thường giảng Tam luận và Kinh Đại Phẩm, v.v... Sư phát thệ nguyện chẳng ra khỏi chùa, lưng không dính chiếu, chẳng thọ nhận cúng thí, tự Tăng mà thôi. Phíasau điện Phật tự nhiên có một cái hồ, Sư liền nói: “Chỉ uống nước hồ này cho đến chết! Ngài tánh tình nhân từ, nói năng cứng rắn. Bây giờ, phong tục của đất Việt thường vất bỏ chó con, Sư nghe mà xót thương, bèn bảo gom nhặt về có cả ba mươi con, năm mươi con, thường nuôi dưỡng, đắp chăn cho chúng nằm ngủ, Sư chẳng nề hà dơ bẩn.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Tề Bộ Đốc thỉnh Sư ra trụ chùa Gia Tường, thỉnh giảng Tam luận. Các hàng nghĩa học ở bốn phương có hơn tám trăm vị, các hàng Quan liêu dân thứ trên dưới đều nương thời vây quanh đến, để làm hưng hiển suốt hơn trăm ngày. Mỗi ngày bàn luận với mười vị. Sư đối đáp thân nhiên, tiêu tan tất cả không vương mắc. Mới bắt đầu đi, cái hồ nhỏ ở chùa Long Tuyền liền khô cạn, Sư nghe mà than rằng: “Hồ khô cạn, mất thức ăn, ta không trở về!”.

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, Sư vẫn y như thường lệ lên pháp tòa. Tay cầm râu chuỗi như ý, im lặng không nói. Đến xem xét thì Sư đã thị tịch, bèn thiết bày thêm tòa rước đến núi Đại Võ, cúng dường suốt bảy ngày, thường có mùi thơm lạ. Châu Tể tự kiểm xét, bèn phát tín tâm vững chắc, bèn xây ngôi tháp cao bảy tầng để khen ngợi Đức hạnh của Sư.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 14 hết).

---o0o---

QUYỂN 15

CHƯƠNG II - PHẦN 11 : GIẢI NGHĨA

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

1. Truyện ngài Thích Pháp Mẫn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu, thời Tiền Đường.
2. Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu, thời Tiền Đường.
3. Truyện ngài Thích Tuệ Diểu trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

4. Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Miên Châu, thời Tiền Đường.
5. Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
6. Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
7. Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.
8. Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.
9. Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
10. Truyện ngài Thích Hạnh Đăng trụ chùa Từ Bi ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
11. Truyện ngài Thích Chi Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.
12. Truyện ngài Thích Tuệ Hưu trụ chùa Từ Nhuận ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Đàm Nguyên, Linh Phạm).
13. Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Tĩnh Nguyên, Trí Diễn).
14. Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
15. Truyện ngài Thích Nghĩa Bao trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Pháp Mẫn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu

Thích Pháp Mẫn, họ Tôn, người ở xứ Đơn Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Thiên sư Anh, xin làm đệ tử. Sư đến Mao Sơn, nghe Pháp sư Minh giảng về Tam luận.

Pháp sư Minh là người được Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng di chúc vậy. Lúc đầu, khi Lãng Công sắp thị tịch, Ngài gọi tất cả Môn nhân đến để nói về Hậu sự, khiến tự nêu chỗ, đều chẳng trúng ý. Do đó, các người học đều là

môn nhân có tiếng tăm, bảo chăm chú nhìn. Lãng Công bảo:” Người được ta đề cử là Minh Công”. Đồ chúng gần cả ngàn vị tên Minh, chẳng phải một, nên đều bảo: “Phỏng theo nghĩa chỉ, thì chẳng hay ai là Minh”. Lãng Công bèn bảo:” Minh ở phía dưới trụ phía đông chỗ ta đang ngồi. Minh Công ở pháp tịch này chẳng di dời suốt tám năm, miệng không bàn nói, thân chẳng vọng can thiệp”. Cả chúng đều đưa mắt nghi ngờ nhìn Minh Công. Nay có lời bảo ấy không ai chẳng thắc mắc, riêng bàn với nhau cho rằng Pháp sư có được tha lực phù hộ. Lãng Công bảo: “Ta nêu cử Minh Công, ắt quấy nhiễu Ý Chúng, Pháp giáo không riêng tư, chẳng dung chứa vết ản”. Bèn bảo Minh Công đến chỗ Pháp tòa đối chúng tiếp nói đó. Minh Công tánh tình khiêm nhường, khóc lóc cố từ chối. Lãng Công bảo: “Minh Công hãy đến, ý ta đã quyết! Vì lắng miệng chúng hãy nêu chỗ cùng cực”. Và Lãng Công bảo một thiếu niên bung đến truyền tọa, bảo rằng: “Đại chúng lắng nghe! Nay hỏi trong luận có mười khoa nghĩa sâu, ban đầu không hề nói, mà Minh Công đã thấu hiểu, có thể mỗi mỗi đều tiếp nối”. Khi Minh Công đã tiếp nối kế thừa thì đại chúng đều thỏa thích kính phục, đồng hồ thẹn sấm tạ về sự khinh miệt. Liên ngay ngày đó, Pháp sư Minh Giã từ Lãng Công, dắt dẫn môn nhân vào Mao Sơn suốt đời chẳng bước ra, thường mở mang luận ấy. Nền Tông của Hưng Hoàng nêu lên chỗ đến cùng của Sơn Môn. Sư tham cứu trích lấy Tinh lý, ra nghe Đông An giảng, lời đồng mà ý khác. Sư lại có bộ riêng.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư lại nghe Thật ở chùa Cao-ly giảng kinh luận Đại thừa, đích thân Sư làm Nam tọa kết chẵn ba châu. Đến khi Thật Công thị tịch, Ẩn sư ở chùa Cao-ly lại lên đất Thục để giảng luận, nên pháp tịch điêu tàn. Khi nhà Trần mất nước, Sư mới hoàn tục ba năm ở ản, rồi xuất gia trở lại, đến đất Việt lánh nạn. Sư đến trụ chùa Lương An ở Dư Diêu, hướng dẫn mười vị Sa-di, giảng Kinh Pháp Hoa, Tam luận nối nhau không ngừng nghỉ.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư trở lại Đơn Dương, giảng Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn suốt hai năm. Việt Châu Điền Đô Đốc, lại tìm thỉnh Sư về chùa Nhất Âm, liên tục giảng pháp. Bấy giờ Đại chúng nhóm họp các hàng sa-môn Nghĩa Học có hơn tám trăm vị trong hơn bảy mươi châu quận. Tăng chúng ở tại xứ sở gồm một ngàn hai trăm vị. Ni chúng ba trăm vị, còn các hàng sĩ tục nhóm họp thì không thể tính kể. Bấy giờ gọi đó là mừng hội Pháp Khánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, các hàng sĩ tục ở Cối Kê thỉnh Sư đến trụ chùa Tĩnh Lâm giảng Kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng sáu, trong lúc đang giảng, có con rắn treo nửa thân mình trên đỉnh đầu Sư, thân dài tới bảy thước, màu vàng ròng, phát ra ánh sáng năm màu, mãi tới lúc giảng xong mới ản hình. Đến lúc mãn Hạ, Sư trở về chùa Nhất Âm ban đêm có hai

người mặc áo đỏ đến đánh lễ thưa với Sư rằng: “Pháp Sư Giảng bốn bộ kinh lớn, công đức thật khó lường, phải đến phương khác để giáo hóa. Nên chúng tôi từ phương Đông đến đây đón rước Pháp sư!” Đệ tử của Sư có mấy mươi vị đều trông thấy việc ấy!.

Đến ngày mười bảy tháng tám niên hiệu đó (645) trước đó ba ngày ba đêm tự nhiên mờ tối. Vừa đến ngày hai mươi ba lúc Sư sắp thị tịch bỗng nhiên phát ra ánh sáng rực rỡ, đang đêm tối mà như ban ngày, mặt đất rung chuyển. Nhân đó, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Sư thân cao bảy thước sáu tấc, dùng để an táng bảy ngày, có mùi thơm lạ chẳng dứt. Mọi người thấy đều lấy làm lạ ngợi khen, kẻ tặng người tục trang nghiêm, tiễn đưa Sư đến núi Long An.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu

Thích Tuệ Tuyền, họ Đông. Xuất gia từ thưở thiếu thời tại Tương Châu. Sau thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất Trần. Sư vào Mao Sơn nghe Pháp Sư Minh giảng Tam luận. Lại đến chùa Thê Hà nghe pháp Sư Huyền Bồ giảng Tứ luận và Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn v.v... về sau, Sư lại đến chùa Đại Lâm ở An Châu nghe Pháp sư Viên giảng Thích Luận, các nơi Sư đến đều khế hợp với U Cự. Sư lại trở về Hương Tử, trụ chùa Quang Phước. Gặp loạn lạc, Sư vào thành, Lư Tổng Quản, v.v... thỉnh Sư đến Quan Xá giảng Kinh Hoa Nghiêm. Tặng chúng nhóm họp có đến năm trăm vị, gặp phải giặc dã vây quanh, nên mỗi người đều tâm cung kính. Không bao lâu thì lụi tan, Sư lại tư duy sâu xa về Pháp lực.

Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường an thái, Sư lại đến trụ chùa Long Tuyền. Với Tam luận Đại Kinh, Sư thường luôn mở mang. Sư thông đạt cả Lão Trang Tử Sử, nói cười cảm động lòng người. Công tư vinh đạt, tham hỏi đông nhiều. Tương Kỷ các Vương đồng đến Tương Bộ, đích thân bày tỏ kính phụng tọa trần như lúc ban đầu. Vương đi ra cửa, ngoái nhìn lại bảo: “Rước đưa đều không đi, đó là sự trọng vọng của Phật Pháp!” Do đó tiếng tăm Sư càng vang xa đến Hán Nam.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường. Sư đang giảng Kinh Niết-bàn. Đêm mùng tám tháng bốn, thần núi đến báo rằng: “Pháp Sư hãy nhanh chóng xây dựng thêm phòng nhà, không bao lâu sẽ sinh về Tây Phương!” Đến ngày mười bốn tháng bảy, Sư giảng Kinh Vu-lan vừa xong. Sư dang tay mà bảo rằng: “Lúc sống thường tín thí, nay phải ban rải khắp cùng, từ một mảy may trở lên đều xả thí vào của mười phương chúng Tăng, những người nghèo cùng cầu xin và các hàng Di đạo v.v...” nói xong, Sư liền thị tịch tại pháp tòa, thọ bảy mươi chín tuổi.

Ngài lập tánh rỗng rang nhàn tĩnh, không nói điều sai quấy của người. Khách mới đến, mừng vui như bạn thân, miệng luôn mỉm cười. Từ bi thường ở trong tâm. Sư thông hiểu Huyền nho, thông suốt Văn thể, nên các hàng Sĩ tục ở Tương Châu đều kính ngưỡng Sư. Nghe tin Sư thị tịch ai cũng rơi lệ.

Lúc mới đến trụ chùa Quang Phước, ở trên đỉnh núi gánh nước rất khổ nhọc. Sư sắp dời đi chùa khác, ban đêm thấy vị Thần thân cao một trượng mặc áo bào màu tím đến đánh lễ Sư, thưa rằng: “Kính thỉnh Sư thường ở đây giảng kinh Đại thừa. Chớ vì Tiểu thừa mà lấy làm lo! Tiểu thừa ấy cũng như núi cao không nước chẳng thể làm lợi ích cho người. Còn Kinh Đại thừa giống như biển lớn, tự ở núi này có nhiều Phật ra đời, một người đọc tụng giảng pháp Đại thừa, có thể khiến tại chỗ ở phát sinh các thứ châu báu tỏa sáng, quyền thuộc đông đầy tốt đẹp. Các thức ăn uống sung túc. Nếu có các việc Tiểu thừa trước đó thì đều mất. Cúi mong Pháp Sư hoằng trì, chớ phụ Sư trông mong! Pháp Sư cần nước, việc ấy được vậy. Qua ngày mùng tám tháng sau chắc chắn sẽ có được, tự đến con suối lớn tại núi Từ Mẫu ở Kiến Nam thỉnh một Long vương đi!” Nói xong, liền biến mất. Vừa đến kỳ hạn, đầu hôm mùng bảy, bỗng nhiên gió lớn từ hướng Tây Nam nổi dậy thổi đến, sấm sét vang động, mưa tuôn xuống. Dưới miếu Hán Cao ở phía Bắc chùa; phía sau Phật Đường khoảng trăm bước suốt đêm tương tục cho tới sáng mới dứt. Chỉ thấy dòng suối trong sạch, có mùi thơm lại ngọt ngon. Cả đại chúng đồng vui mừng. Đến lúc Sư thị tịch, suối rồng ấy dần dần khô cạn. Nói theo đó thì Sư cũng có sự cảm thông cùng cực.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Thân Túc ở Tương Châu

Thích Tuệ Diệu, họ Trang. Xuất gia từ thuở thiếu thời, Sư lấy pháp tiểu thừa làm chính, đến học khắp các Châu Tề, Từ, Thanh Hải, v.v... thông hiểu Số Luận, tiếng tăm vang khắp Giang Hán.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư trở về trụ chùa Báo Thiện ở quê nhà. Nhân Tượng Vương Triết Công ở tại Long Tuyền hạ khai giảng Tam luận. Sư sinh tâm bất nhẫn bảo rằng: “Tam luận nói rõ về nghĩa không, mà người giảng lại chấp chặt không”. Sư nói vừa xong, bỗng nhiên lưỡi dài ra ba thước, lở mũi, mắt và hai tai đều ra máu, suốt bảy ngày không nói được. Có Luật sư Thái, nghe Sư bài bác sơ lược về Đại Thừa mà lưỡi liền bị kéo ra, bèn bảo Sư rằng: “Ông là người rất ngu si. Chỉ một lời phỉ báng kinh, tội còn hơn cả ngũ nghịch. Nếu tin Pháp Đại thừa mới được khỏi”. Và bảo Sư đốt hương phát nguyện sám hối lời nói trước, lưỡi Sư liền thâu lại, bèn khiêng Sư sang chỗ Triết Công, phát tâm thệ nguyện thâu lại

vết tích, chỉ nghe pháp Đại Thừa. Đến lúc Triết Công thị tịch, Sư thiết đại trai hội nơi tháp mộ, lại xây dựng đạo tràng Thất xứ bát hội, thỉnh mời rất đông các hàng Đạo tục. Trăm ngày đã mãn, Sư liền đến trụ chùa Thần Túc ở Hương Sơn. Chân chẳng bước ra khỏi cửa chùa, luôn tụng pháp Đại thừa. Sư thường khuyến trong các xóm ấp, mỗi năm bốn mùa giảng các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... để tỏ bày sám tạ. Sư thường ở giữa chúng, tự nói bày lỗi lầm ngày trước. Sư ở riêng một phòng, thường ngồi thường niệm.

Ngày mồng ba tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiên Đường, Sư ngồi thiền tại rừng thông ở phía sau chùa, thấy có ba người dung mạo đều cao lớn, mặc áo sắc đỏ đến lễ bái, xin thọ giới Bồ-tát xong, rồi tự thưa với Sư rằng: “Thiền sư là người rất lợi căn, nếu chẳng đổi tâm tin theo Đại Thừa thì dầu ngàn Đức Phật đã ra đời vẫn còn ở trong địa ngục!”. Sư nghe lời dặn bảo sâu nặng đó mà nước mắt nước mũi tuôn chảy, khóc lớn trở về chùa. Tại trước phòng giảng, Sư thiết tha nghẹn ngào, không thể nói nên lời, dùng nước rửa tinh, lại càng khóc lớn. Sư nhiều Phật sám hối, lấy đó làm việc thường. Sư khuyến hóa các hàng Sĩ tục tạo các kinh luận như Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, Phật tạng, Tam Luận v.v... mỗi thứ trăm bộ.

Đến giữa trưa ngày mồng chín tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiên Đường, đang ở trước điện Phật sám hối, nhân đó Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Từ khi Sư tịch trải qua bảy ngày, rừng cây tự nhiên biến thành màu bạc trắng, suối lớn đục ngầu, qua thời gian đó mới trở lại như cũ. Đó cũng là người biết lỗi mà hối cải thì đồng như người không lỗi, thật có thể là Phúc lành!

Chùa Sư ở cách xa Thành ấp hơn năm mươi dặm, mà theo ngài cầu thọ quy giới có hơn bảy ngàn người, ồn ào cùng kéo đến núi, họ kiến lập Đại Trai hội ở nơi tháp mộ Sư. Có ba mươi vị Pháp sư, mỗi vị khai giảng một kinh, để thấm nhuần linh tạo.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Niên Châu

Thích Linh Duệ, họ Trần. Vốn gốc ở Dĩnh Xuyên, đến ngụ ở Thực Châu, trở thành người Trần Hương thuộc Ích Xương. Tổ Tông của Sư tin theo họ Lý (Lão Giáo). Ngày mồng tám tháng hai, mẹ của Sư vào Đạo Quán thiết lập trai hội cúng thí, nhân đó cầu xin được có con. Khi trở về nhà, đêm ấy mộng thấy đang ngồi dưới rừng thông, bỗng có một cái bình bát bằng bảy báu từ gốc cây bay vào miệng bà, Bà liền mang thai, sau đó bà không ưa thích các thứ mùi vị Ngũ tân. Đến lúc sinh ra Sư, nếu như có ăn nhàm thì cả mẹ lẫn con đều đau đầu, từ đó bèn bỏ hẳn.

Năm tám tuổi, cha mẹ dẫn Sư đến chỗ Đạo sĩ, bảo đọc bộ Hư từ, liền đó các khiêu huyết trên mặt máu chảy ra, bèn không đọc được. Trở về nhà, vào đồng ruộng, gặp được Pháp Sư Trí Thắng, Sư liền nói: “Gia đình vốn kính thờ Đạo, riêng con kính thờ Phật, muốn xuất gia với Sư!” Ngài Trí Thắng liền dẫn Sư đến chùa Thắng Nghiệp ở Ích Châu, làm Sa-di, chỉ trong một mùa Hạ, Sư thâm thông suốt Kinh Đại Phẩm.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Ấn Công ở chùa Caoly đến đất Thục giảng Tam Luận. Sư lại làm Đệ tử ngài Ấn Công. Sư thường tu theo Đại thừa. Sau, Sư đến kinh đô, đến nghe các Pháp. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại trở ra Thục đô, trụ chùa Pháp Tự. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Hạo Công ở An Châu đến đất Thục, trụ chùa Đại Kiến Xương, khai giảng kinh giáo Đại thừa, Sư cùng dự học tại pháp diên ấy suốt ba năm.

Sau đó, Sư về lại chỗ ở gốc, thường giảng dạy Bộ luận ấy. Trải qua hai năm, trong chùa có hàng đệ tử học thành thật bè bạn ganh ghét bộ không luận ấy, thường phá tâm Sư, sắp dấy ý hại. Sư ở trong phòng nằm ghi sát vách tường phía Bắc. Đầu hôm mới về đến giường vừa gá nghiêng lưng, tự nhiên bèn chôn chảng yên, lông trên thân dựng đứng. Sư bèn dời sang ngồi ở giường phía Nam. Đến canh ba, bỗng nhiên nghe phía ngoài, vách tường phía Bắc có vật khua đánh vào đến chỗ thường nằm. Sư bèn đến xem xét mới thấy cây giáo tre sơn dài hai trượng, thế hướng nếu như thân nằm ở giường sẽ xuyên ngang. Kẻ muốn hại Sư đã không được lại dùng bạc thoi thuê giặc vào phòng. Sư ngồi bên cạnh bàn mà không hề tìm được, chỉ thấy một cái áo giáp tại chỗ Sư thường ngồi. Sư biết hại đó là ác, nên liền dời quán trở về trụ chùa Quang Tịch ở Ích Xương thuộc Miên Châu. Thân tướng Sư đen xấu, cao chỉ năm thước. Nói năng đến đâu, đều thông ngộ trước cả. Sư thường giảng kinh giáo Đại thừa, lấy làm chánh nghiệp.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có Thiên sư Khiên ở Thông Châu phát tâm làm đàn việt hết lòng cung cấp. Đồ chúng có đến ba trăm vị. Đến đêm hai mươi lăm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) Sư nằm mộng thấy có người đội mũ mặc áo đến đón rước Thiên sư Khiên đi về phương Tây, trong bình bát của tăng chúng rỗng không chẳng có vật gì. Qua ngày ba mươi, tự nhiên bảy quả chuông vừa lớn vừa nhỏ, khánh đồng có hơn mười cái trong chùa cùng một lúc kêu vang, sang canh ba thì Thiên sư Khiên ngồi kiết già trên giường dây mà thị tịch. Từ đó về sau, Sư bèn vân du giảng nói khắp nơi, truyền bá hóa độ không ngừng nghỉ.

Đến canh tử ngày hai mươi một tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, gió rất lớn bỗng nhiên nổi dậy, có tiếng nói

lớn bảo rằng: “Tháng mười năm sau, Pháp sư Linh Duệ sẽ thọ sinh đến chỗ Bồ-tát Quán Thế Âm tại Tây A tại núi Quang Minh thuộc nước Nam Hải!” Đến kỳ hạn, ngày mồng ba tháng mười, cả chúng kẻ tăng người tục lớn nhỏ đều trông thấy phướn đẹp, và Bồ-tát bay xuống đầy khắp chùa. Sau khi xong thời giảng, Sư vào phòng xem số đọc kinh. Phía ngoài có vị tăng bảo: “có phướn đẹp mùi hương thơm lạ xông khắp chùa và phòng”. Sư nghe, bèn xếp kinh ra nhìn xem, liền sửa sang dung nghi, đứng yên mà thị tịch, thân hình đứng vững không nghiêng động. Mọi người đỡ vào nằm trong phòng. Đến canh ba bỗng nhiên Sư ngồi dậy xếp chân kiết già như lúc còn sống. Các hàng từ Thứ sử trở xuống đều tự tay dâng hương cúng dường nhục thân ngài. Kẻ tăng người tục cùng nhau đón rước về núi Đông Độ, thiết đại trai hội có tám ngàn người. Năm đó, Sư tám mươi ba tuổi.

Sư vốn thanh khiết, từ thuở nhỏ hề quá giữa ngày thì Sư không ăn uống. Các thứ tanh nồng cay hôi không bao giờ Sư dùng đến, trọn cả đời như vậy.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô

Thích Tăng Biện, họ Trương, người ở xứ Nam Dương. Khi Chủ Cung bị đánh chiếm, Sư dời đến quán ải ở Bằng Dục. Năm bảy tuổi, mỗi ngày Sư tụng thuộc ngàn lời. Người đương thời lấy làm lạ, tiếng tăm Sư vang khắp xóm làng. Năm mười tuổi, Sư kính mến đạo pháp. Vì hạn cục bởi Công hiến nên chưa được xuống tóc xuất gia. Sư nghe giảng hai bộ Kinh Duy-ma và Nhân Vương, Văn nghĩa đều gồm thấu. Sư lên tòa đáp thuật, tuyên dương giáo lý thích đáng với đương thời. Các vị Đại đức Tiên học nhìn Sư bảo rằng: “Sau khi chúng tôi qua đời không còn phải lấy làm lo, vì người này (chỉ cho Tăng Biện) xuất gia sẽ tiếp nối làm hưng thịnh Di Pháp!”

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Tô oai chọn lấy ba ngàn người để sung vào số người được độ. Lúc đó, Sư còn nhỏ đứng ở cuối hàng, xem thường hạnh nghiệp của Sư nên Tô oai gọi đến bảo mệnh tụng. Sư đọc Văn từ trăm bồng êm đềm trong suốt, chương cú hợp đoạn, thần sáng vững chắc. Mọi người thấy vậy đều nhìn chăm chú. Do đó, Sư rất được tán thưởng, ngoài ra các thứ khác đều chẳng cần thi. Sư cùng được xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên tâm kinh luận. Bây giờ, có Pháp sư Trí Ngung là bậc có sở học nổi tiếng chốn Kinh Hoa, đức hạnh bao trùm núi cả. Sư bèn theo hỏi, dần biết bến bờ, mới trải qua nhiều năm, tiếp thừa Pháp tịch, đáp thuật xứng hợp với các bạn đồng tu, bèn giúp cho bàng số Dị giải có chánh lượng. Các hàng thức giả đều tỏ ngộ, kinh lạ tiết khí lớn lao của Sư.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Sư được thỉnh vào Đạo tràng Đại Thiên Định. Chúng lại nhóm họp đến, mừng vui sự khai giải của Sư. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư lại ra quan ải đi về hướng Đông rảo khắp Bồ Châu, Ngô Châu, Thiểm Châu, Quắc Châu, mở rộng Pháp hóa. Khắp bốn phương nghe tiếng tìm đến, tốt đẹp gấp bội hơn lúc mới đầu. Sư từng ở tại Nhuế Thành, sắp Khai giảng Nhiếp Luận, người nghe đầy khắp. Các hàng Đạo sĩ, Sa-môn đồng tranh nhau đến, Tựa huyền sắp xong. Hoàng Cân đặt câu hỏi, Sư đối đáp xong, sau tụng trước mở. Sư bảo: “Chánh Pháp tự sáng, gió tà đến che, tuy là tụng rộng, chẳng khác thông trước”. Hoàng Cân Cao hỏi lại chuyển thêm già ngu, cho là nghĩa trảng. Bỗng nhiên gió xoay lại nổi mạnh thổi hướng về Lý Tông, mạn ngã đồ bít lấp, thân đầu phiền nhiễu, khăn mào nằm tứ tung, áo tóc rối loạn. Gió thổi đến tầng luân, điềm nhiên tự diệt. Đại chúng cùng cười hình ảnh quái lạ ấy. Chỉ một lúc bèn tan. Sáng hôm sau nhập Vãn, Hoàng Cân then đỏ mặt chẳng nhóm họp. Sư tuy thừa thế tốt đẹp đó nhưng nói năng sắc mặt chẳng biến đổi. Bảy giờ, mọi người đều phục Thăng Độ của Sư.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, Sư được thỉnh đảm nhận việc chứng nghĩa. Đến lúc xây dựng chùa Hoàng Phước, lại thỉnh Sư đến trụ đó. Tuy thường dùng anh hoa để cư xử mà tính Sư chẳng nghĩ đến thắng thua, định ra thời khóa giảng dạy, chẳng đổi thay bởi thời tiết nóng lạnh. Các hàng Di học tiếng tăm đều mừng vui cùng tham dự pháp tịch. Nên khiến khắp trong nước, ngoài nước, các hàng tăng tục Hoa Di chẳng ngại xa muôn dặm đều nương thừa Đạo phong đến tham yết. Bộ luận Câu-xá, nổi tiếng từ xưa chưa từng khai giảng, Pháp sư Đạo Nhạc chia chương giải thích, khi Sư chánh thức giảng luận thì Pháp sư bèn phế bỏ mà theo nghe, những điều nghe được Pháp sư ghi lại ba trăm trang giấy. Hoặc có người nghe mới đầu khai mở trường giảng, hoặc giữa đường nhàn rồi chút ít, chỉ có Pháp tọa là không luận hơn kém, đều tham dự vào chỗ ngồi bày kinh mà nghe. Đó là khao khát giáo pháp, rất tốt không có bè bạn. Sư khiêm nhượng biết đủ, chẳng trọng vinh hoa ở đời, tiếng tăm vang khắp trong nước. Các hàng Công khanh đều uỷ khác mà chẳng biết hình dung của Sư. Đều đến tìm kiếm Sư. Oai nghi Sư vẫn như thường, tiết tháo không hề biến đổi. Mặc tình Sư đến đi, chẳng từng cần đón rước. Bảy giờ, những người đức hạnh bình thường đều có tâm mến chuộng mà chẳng thể thực hành.

Đến ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hoàng Phước, thọ bảy mươi lăm tuổi. Bảy giờ, gặp lúc tiết trời nắng nóng. Nhục thân Sư lưu lại hai tuần, mà tướng mạo cũng như lúc còn sống, hình sắc không đổi khác, mãi đến ngày an táng

cũng chẳng bị phân hủy. Khi ấy, trời nắng hạn đã lâu, bụi bặm tung mù trời. Sáng sớm mai tiễn đưa thì đêm đó trời có cơn mưa nhỏ, cho nên cò lọng sắp bày đều được thẳng tề. Bảy chúng cùng theo thân chẳng nhọc mệt. An táng tại gò Long Thủ phía Tây ngoại ô, đục đất làm khâm, tôn trí tại đó. Phía trong cửa làm con đường đi thông suốt. Tăng Tục đều cùng trông xem. Đến nay đã bốn năm mà da thịt vẫn như lúc còn sống.

Sư có tâm thương xót cứu giúp, ưa thích giáo pháp lấy làm chính. Đang đi trên đường nếu gặp người nghèo khổ, Sư chẳng phân biệt người hay súc vật, đều hết lòng cứu giúp nguy ách cho họ! Việc giảng và nghe là việc thường hằng của Sư. Với các bộ luận như Nhiếp Luận, Biện Trung Biên, Duy Thức, Tư Trần, Phật Tánh, Vô Tánh, v.v... Sư đều soạn ra Chương sớ, hiện được truyền bá ở đời.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô

Thích Pháp Thường, họ Trương, người ở xứ Bạch Thủy thuộc Nam Dương. Cao Tổ Sư tên Long, làm quan dười thời nhà Ngụy, nên dời đến ở Quận Hà Bắc.

Thuở thiếu thời, Sư có học Nho nên biết đại khái, nhưng nhầm chán sự huyền tạp trong đó nên khởi tâm ưa thích xuất gia. Kính trọng giới pháp tự gìn giữ khác với đồng bạn, nên được đại chúng suy tôn. Năm mười chín tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Đàm Diên, vừa được xuống tóc, Sư liền tham dự nghe pháp, Ngài Đàm Diên mở mang đường đạo rộng lớn, Sư theo học chưa đầy một năm, đã giảng được kinh Niết-bàn. Kẻ tăng người tục dự nghe đều lấy làm lạ và lý thú. Từ đó, Sư chuyên gần gũi hầu hạ, sớm tối học hỏi, thường khơi động chỗ sâu kín. Ngài Đàm Diên vui mừng tình lý sâu xa của Sư, bèn xoa đầu Sư, bảo rằng: “Xét chỗ thể nhập của ông, thì chắc chắn sẽ trú trì chánh pháp!”. Do đó, Sư tinh nghiên xét nghĩ, không bỏ phút giây. Lúc ấy, Sư vừa mới hai mươi hai tuổi. Nhiếp luận bắt đầu hưng khởi, Sư theo nghe tâm pháp mà kính ngưỡng nghĩa rộng ấy. Bảy giờ, cửa luận mới bắt đầu mở, Sư học có lăm đường, bít giữ cựu chương, ít có thể hồi giác. Sư nghe rộng nhiều mũi ngọn, xét nghiệm về sự bén nhọn ấy. Các xứ Tần, Tề, Triệu, Ngụy v.v... không nơi nào Sư chẳng rảo khắp. Suốt thời gian năm năm, Sư chuyên nghiên xét tinh lý. Còn như các Kinh luận Thành Thật, Tỳ-đàm, Hoa Nghiêm, Đại luận. Sư đều rộng khảo xét sự đồng khác, đều lấy làm khuôn phép. Cuối cùng, Sư trở lên Kinh đô, bùi ngùi với mọi sự đổi khác, nên tùy giảng mà soạn ra sớ giải, chỉ bày cho quần mê. Dưới thời nhà Tùy, có Tề Vương giản mời nhóm những bậc tài giỏi đương thời, thanh hành diễn giảng giải kinh. Sư lên dự Pháp tòa bày giải chí lý, từ nghĩa rộng xa, ít

người đạt thầu, nên đều cùng nhau ngợi khen. Bèn có thành tục, đều theo quy hướng, nối nhau nương tựa tiếp thừa. Quanh năm giảng giải, Sư lấy đó làm trách nhiệm thường hằng.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, sự hiển vinh của Sư càng cao. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc mời Sư vào trụ chùa Đại Thiên Định, liên tục giảng pháp, tế độ rất nhiều. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường mới hưng phát, xa gần đều thanh bình an ổn. Mọi người ở bốn phương xa đều tìm đến đông gấp bội lúc trước. Thường ở những nơi pháp tịch Sư truyền đăng cật nhắc chẳng phải một, với Công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư thường trông coi nhiệm vụ phiên dịch. Sau đó, xây dựng chùa Phổ Quang rộng thoáng đẹp đẽ, lại thỉnh Sư trụ ở đó. Y phục cung cấp bốn mùa tùy thay đổi. Vua lại ban sắc mời Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Trữ, rất mực kính lễ, chúng đều có tâm kính tin.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư lại vâng sắc vua vào cung, làm Giới sư truyền giới cho Hoàng Hậu. Nhân đó, vua lại ban sắc bổ nhiệm Sư kiêm giữ chức Thượng tòa trông coi chùa Không Quán. Sư vỗ về tiếp khách cũ, khéo biết vật tâm, mở mang pháp hóa, luôn trân giữ chẳng ngừng nghỉ. Trước sau, thính chúng tham dự có đến mấy ngàn vị, từ Đông phiên, Tây Bi khó có thể ghi chép hết được, đến lúc sở học đã thành đạt, trở về nước đều làm các bậc Pháp tượng, truyền thông chánh giáo, mãi đến ngày nay, càng thêm hưng thịnh. Có Vương tử nước Tân-la tức Kim Từ Tạng, bỗng nhiên xem thường ngôi vị sang quý, bỏ tục xuất gia. Xa nghe Đạo phong của Sư mà chí thành kính ngưỡng, muốn được trông thấy và nghe lời dạy, bèn gá núi thuyền biển từ xa tìm đến kinh đô. Lúc đang ở trong thuyền mộng thấy được tôn nhan của Sư, đến lúc thật sự trông thấy thì hình dáng Sư thì rõ ràng giống như trong mộng, ông buồn bã rơi lệ, mừng cùng hội ngộ. Nhân đó theo Sư cầu xin thọ giới Bồ-tát, rất mực kính lễ phụng thờ.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có vị tăng phạm lỗi. Vua Dương Đế ban sắc trách khắp các chùa ở Kinh Đô. Các vị Đại Đức lãnh đạo nhân đó nhóm họp tại cửa Huyền Võ. Vua mời Sư lên Điện Luận xét về vị Tăng phạm lỗi. Sư nói: “Chư Tăng v.v... mang đội ân tuệ được dự Pháp Môn mà chẳng tự thân kính phụng Giáo cương, đến nỗi có việc vua nghe, trời biết, đều là do Pháp Thường, v.v... chúng tôi thiếu sót việc dạy răn. Xấu hổ thật khó tỏ bày!”. Sư bèn dẫn nêu yếu chỉ phó chúc trong kinh Niết-bàn, Vua liền chấp thuận. Và nhân đó Vua cũng rộng tha thứ cho hơn trăm người hiện bị tù ngục. Lại mời thiết cúng, thọ thực xong bèn trở về. Đến lúc Lý Đạo ở trước, chẳng hơn ngôi vị ấy, Sư bèn dẫn Tăng chúng đón giá, tùy vôi dâng Biểu tấu trình. Đã không được toại ý lại bị nhiệm các bệnh

khác, nên Sư không đầu đón, nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi sáu tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường. Qua ngày mồng hai tháng bảy, rước đến an táng tại gò Cao Dương ở Nam Giao. Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn lâu ngày, bụi đất bay mịt trời. Trước ngày động quan, đêm đó trời có cơn mưa nhỏ, tới sáng sớm, trời đất đều trong sáng, mây móc bốn phía đều tan hết, không một mảy trần, đường xá không bung che. Tăng chúng ở các chùa tại Kinh đô và Môn nhân đệ tử của Sư v.v... mỗi nơi đều thiết lập cờ dài, có hơn ba mươi chiếc xe, oai nghi trước sau kéo dài hơn bốn mươi dặm. Các hàng tín tâm sĩ nữ cầm nắm phướn trắng tung rải hoa xếp hầu hai bên đông đảo cả mấy muôn người. Khanh tướng giúp lễ cùng theo đều lấy làm vinh hạnh.

Mới đầu, Sư tu về nghĩa môn, khéo tôn sùng hạnh giải, nên chúng đều suy tôn. Sư khéo kết quy Nhiếp Luận mà chí hướng kính chuộg Kinh Niết-bàn. Sư thường muốn giảng nhưng chưa mừng ngộ, bèn y theo sự cầu thỉnh của đại chúng mà chuyên giảng Nhiếp luận. Luyện hợp Lý vị, tinh suốt trong cõi lòng. Đúng thời Sư đến giảng, toàn không đọc tụng, vừa mới có lúc rảnh thừa, liền theo khóa nghiệp hành Đạo, mỗi ngày sáu thời tự cố gắng siêng năng, không mảy may trái thiếu. Có vị Đại Thần vương mặc áo mào đều màu trắng dẫn theo người hầu thường tùy vây nhiều ở chung quanh Sư. Kẻ Tăng người tục thời bấy giờ đều trông thấy, thâm đề cao Sư. Lại nữa, có lần vào lúc nửa đêm, Sư vào Phật đường, nhạc trời nơi bức tranh vẽ trên vách tường đồng một lúc dậy múa. Sau đó, cũng vào giữa đêm và ở trong Phật đường, Bồ-tát Quán Thế Âm từ ngoài đi vào cửa trên, trụ giữa hư không, thân tướng đẹp đẽ, mang chuỗi Anh lạc phát ra ánh sáng ít có, hồi lâu mới tắt mất. Sau đó năm năm, trời sắp muốn nắng hạn. Sư lại ứng cảm trông thấy Bồ-tát Phổ Hiền từ phương Đông đến cách mặt đất chừng năm, sáu trượng. Sự tinh chuyên của Sư được chứng nghiệm cảm ứng là như thế, cho nên Sư lập chí thanh tịnh cao vời, càng lâu càng cao hơn. Các Pháp lợi có được, phần nhiều Sư dùng để tu tạo kinh tượng. Chỉ chuyên ở nét kỳ diệu không nói đến giá cả. Mỗi năm Sư kiến lập Đàn hội đến tận Kinh đô. Với hai thứ ruộng Bi và Kính, Sư không ngần ngại cúng dường. Còn chính tự bản thân Sư ăn mặc thô xấu mà thôi. Mỗi lúc giảng dạy, có người cúng dường riêng, Sư không nhận lấy một vật, tất cả đều nhập vào trong chúng tăng. Sư bền bỉ gìn giữ tiết tháo không sửa đổi. Sư có soạn Nhiếp Luận Nghĩa số, tám quyển, Nghĩa Chương năm quyển. Các Kinh Niết-bàn, Duy-ma, Thắng-man v.v... mỗi kinh đều có số ký, lưu hành rộng ở đời, đệ tử của Sư như sa-môn Đức Tôn, v.v... dựng lập văn bia thờ Sư tại chùa Phổ Quang. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dực soạn thuật văn bia.

07- Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu

Thích Trí Huy, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Năm mười ba tuổi, chí ý Sư ưa thích xuất gia, không mong cầu các hệ lụy ở đời, Sư đến trụ chùa Thanh Hóa trong bốn châu, nương tựa Pháp Sư Tùy Viễn nghe giảng các kinh luận. Đối với Kinh Đại Niết-bàn, Sư riêng thấu suốt sâu cùng, nên trong độ tuổi học hành, Sư là người tuấn tú tài giỏi trong các Sa-di. Sư lập tánh siêng năng, cung kính, ưa thích làm việc chúng tăng. Mỗi lúc có làm lụng các việc, Sư chẳng sợ thân khổ. Ban ngày, Sư làm việc giúp đỡ chúng tăng, đêm về đọc học chương sớ, áo không mở dải, nghiên tinh chẳng biếng lười. Sau khi thọ giới cụ túc, Thần khí tư tưởng Sư cao chánh, giới hạnh sáng sạch, nhưng bình dị kiệm ước. Mọi người trông thấy đều kính trọng, kính mến Sư hoằng Đạo. Hằng năm Sư thường giảng các kinh luận như Niết-bàn, Thập Địa, Địa Trì, Duy-ma, Thắng-man, v.v... dùng làm sự nghiệp thường xuyên. Nên tiếng tăm Sư vang vọng cùng khắp. Xa gần mọi người tìm theo Đạo phong, mang lương thực tìm đến chẳng phải một.

Khi vua Dương Đế (Dương Quảng) trị vì đất nước, sự trân trọng tôn kính Sư càng lớn. Niêm hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, vua ban sắc thỉnh Sư vào nội đạo tràng ở Đông Đô. Lễ khác bình thường, mỗi ngày dâng cúng càng nhiều. Mà Sư vốn lập tiết tháo từ xưa, không hề nhận lấy một vật, chất chứa đầy bao, chẳng gá rương dầy. Tánh Sư vượt hẳn tự nhiên, chẳng vọng thiên vị, chỉ chuyên giảng tụng, dẫn dắt làm đầu. Mới đầu Lạc thành của Ngụy Trịnh thường luôn đóng kín. Sư vì giặc dã nên lúc đầu chưa có nhân khai ngộ, bèn chống tích trượng ra khỏi thành, muốn cứu giúp cho Quê Hương. Bấy giờ, Quân lính canh phòng nghiêm mật, đường sá tắt nghẽn khó thông, mà Sư an ổn đi qua biên giới của đất nước, người đang gìn giữ chẳng hay biết. Đó hẳn là do thiên thần tiên đưa! Khi Sư đã về tới Cao Bình, Kẻ tăng người tục đều mừng vui tìm tới. Gặp lúc thời thế liên tiếp khó khăn, đói kém tương tục, Sư bèn đưa lấy lương thực giúp cứu thật nhiều, kẻ tăng người tục nhờ đó mà đều được thọ hưởng Pháp vị. Tiện đó, Sư giảng dạy quanh năm, thường lên pháp tòa. Đàn Việt ngoại thí y phục gấm lụa, Sư đều cung cấp cho giảng chúng. Có lần gặp năm khó khăn, gạo thóc vật thực thiếu thốn, khách lạ bỗng nhiên tìm đến rất đông, gấp bội lúc trước. Sư vì thính chúng bất an nên xây dựng Viện riêng. Học sĩ ở bốn phương đồng đến rất nhiều trong đó. Tài thí, pháp thí thường thí xả. Hoài Châu Đô Đốc Văn Quốc Công Trương Lượng kính trọng đức hạnh giáo hóa của Sư, xa đến thỉnh Sư giảng dạy. Kẻ tăng người tục đều cùng nhóm họp. Lại Kết ở Hà Dương, bèn thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Do tôn kính đạo phong của Sư nêu phát thệ kết làm bạn lành. Trong mùa Hạ, Sư giảng kinh Niết-bàn. Khi giải

hạ xong, Sư cảm thấy có phần không được khỏe, tăng chúng đều lấy làm lạ. Sư trở về phòng tĩnh niệm, chỉ khoảnh khắc liền thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, kẻ tăng người tục ở Hoài Châu đều buồn thương như người thân, bèn rước về an táng tại quê nhà.

Từ lúc Sư mới đến trụ pháp tịch của Pháp Sư Tùy Viễn, đã kính Pháp trọng người, thật hiếu bậc nhất. Mỗi lúc Sư lên pháp tịch giảng giải phân tích chỗ sâu kín thường nói: “Ý của Đại Pháp Sư như thế!” Khi nói như vậy lệ đều tuôn rơi. Sư thường nói với các đồ chúng rằng: “Cha mẹ sinh ra nhục thân tôi, Pháp sư sinh ra Pháp Thân tôi, nghĩ muốn báo đáp ân ấy, không làm sao được. Chỉ có mở mang chánh pháp, làm lợi ích chúng sinh, rộng mở hoài bão!” Do đó, hằng năm, Sư thường giảng, không dám nói mệt nhọc, chỉ vì lý do đó. Lại vì, Sư tự xét hạnh nghiệp của mình, mỗi ngày không thiếu sáu thời. Tay bung lò hương, tính số thừa lễ. Đêm về, chẳng coi y phục, trọn đời Sư thường như thế. Sư vốn trong sạch, ít ham muốn, chẳng thích giao du. Ngoài việc giảng dạy mở mang thì Sư chuyên lo công việc của chúng Tăng. Nên mọi người lớn nhỏ ở Trạch Châu đều ngợi khen kính ngưỡng mãi đến ngày nay.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu

Thích Huyền Giám, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Sư tánh tình nhân từ, chí khí ưa thích thanh khiết. Với các thứ rượu thịt, thức ăn tanh nồng, tự nhiên Sư xa lánh.

Năm mười chín tuổi, Sư phát tâm đầu thành dòng họ Thích, ưa mến tụng lâm, suốt ngày ở trong đó, quên cả ăn uống. Sau, Sư trụ chùa Thanh Hóa, nương tựa Pháp Sư Tuệ Viễn, nghe giảng tham cứu Kinh luận. Với Kinh Đại Niết-bàn, Sư rất thấu đạt chỉ thú. Vào cuối đời Tùy, giặc dã giao loạn, chùa Phật, tăng phòng đều bị thiêu đốt, chúng tăng phân tán, phải ở trong hang động. Sư giữ gìn giới cấm, không hề trái phạm, chỉ ăn rau trái, mặc vải gai, trải qua nhiều năm tháng, là tâm vẫn không buồn rầu. Đến lúc lúa thóc được mùa, Sư trở về quê hương, nhóm họp các hàng tăng tục, lập cao pháp tịch, khuyến hóa những người có tín tâm và nhận biết, cùng xây dựng lại các ngôi Già-lam cổ. Cũng như các tháp miếu cũ Sư đều bảo sơn quét lại, khiến khắp trong địa vực đều trang nghiêm sáng rõ, những người phát tín tâm quy hướng trong mười nhà có hết chín nhà.

Bản tánh Sư vốn thuần trực, nói làm đều cao, thực hành sửa trị các cách ăn uống phi pháp, không đâu Sư chẳng tận mặt quở trách, lời lẽ rất trượng, chẳng tránh cường chế. Nếu có người Sư chỉ bảo mà không nghe nhận, thì Sư liền

đập phá đồ đựng rượu. Chẳng đền trả tổn phí ấy. Nên các hàng tục sĩ nhóm họp uống ăn, nghe Sư đến thì đều giải tán bỏ chạy. Do đó cả bảy chúng đều tôn trọng, kính sợ sự nghiêm khắc và quý trọng sự trong trắng của Sư. Có một vài lần, trong lúc sửa chữa xây dựng, có rất đông thợ, có người nhà giàu đem tặng rượu và thức ăn. Sư bảo: “Việc làm ngày nay của tôi phải cho đúng Pháp, có thể chẳng làm, chứ cấm không được uống rượu”. Liên đình chỉ việc đó. Lúc chùa Thanh Hóa sửa sang điện Phật, dân chúng khắp vùng đồng cúng dường xây dựng cao. Trường Tôn Nghĩa là Quan trưởng ở Trạch Châu, vốn rất kính tin, nghe nói công việc thầy thợ làm rất đông, bèn cho cỗ đưa hai thùng rượu đến tặng thưởng. Khi đó, Sư đang xem xét công việc xây dựng, thấy có việc ấy, liền đập phá đồ đựng rượu đổ vãi ra đất, và bảo rằng: “Công Đức của tôi có thể chẳng thành, nhưng không bao giờ dùng vật phi pháp này”. Trường Tôn Nghĩa nghe thế bèn tức giận ùng ùng. Muốn sáng hôm sau sẽ nã hại đến Sư, đêm đó bỗng nhiên mộng thấy có người mang đạo đến chỗ mình, Trường Tôn nghĩa thốt nhiên kính ngộ, liền từ việc ấy mà quy hướng sám hối.

Lại gặp lúc mắc chứng bệnh dịch khí, người chết rất nhiều, nên mọi người đều quy hướng tâm thành cầu xin mạng sống. Sư sám hối thể cho họ, chỉ dứt bỏ rượu thịt, người bệnh được thuyên giảm trở lại. mọi người đương thời rất kính trọng Sư! Có Lý Thiên vốn người trong thôn ấp, tánh ưa thích uống rượu, khi đã bị bệnh dịch khí, không do đâu mà cứu chữa, bèn sám hối lỗi ưa thích rượu, dùng cái chết mà lường xét, không bao lâu Sư đến, chẳng sao liền đi, Lý Thiên được hết bệnh. Từ đó nhàm chán, xa lìa việc uống rượu, không thể nào dùng lời nói. Giả sử chợt nghe mùi rượu, như gặp phải chất độc. Lý Thiên nói với bè bạn rằng: “Từ khi thấy được Giám Sư về sau, nói bàn đến rượu còn không thích nghe huống gì là nhìn thấy”. Nên giới tiết nơi Sư có thâm cảm ứng đều như vậy. Mãi đến nay thần chí Sư vẫn trong sáng. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn, Thập Địa, Duy-m, quanh năm chẳng ngừng nghỉ. Sư thọ tám mươi ba tuổi.

Mới đầu, Sư lấy việc truyền pháp làm mục đích, các Quan chức tư sở lo buồn, nếu chúng tăng có người trái oai nghi, Sư liền tra xét và đuổi đi. Người đương thời đều ngợi khen Sư ngay thẳng.

Niên hiệu Võ Đức thứ sáu (628) thời Tiền Đường, có Lý Lục Sư người ở huyện Hoạch Trạch, thuộc Đương Châu, chết đã bảy ngày bỗng nhiên ân thân về nói với người vợ rằng: “tôi là Lý Lục Sư, tính ra tôi còn sống ở đời được sáu năm, chỉ vì Ty mạng cố tình đến bắt lấy ta, nên sự sống bị vùi lấp trong gò mả. Tôi đã cáo mách cùng Diêm Vương, mong được phóng thả trở lại loài người, nói trôi sáu năm. Nay đọa vào loài quỷ, mọi việc chưa xảy ra thấy đều biết trước. Ở nhà nàng hiện đang nghèo khó, chỉ cần đoán bói cho

người khác không gì chẳng trúng. Nhờ đó có thể được tài của lấy làm lợi lớn”. Tiện đó, người vợ xem bói được Quỷ giải thích điều thắc mắc. Mọi người từ phương xa đều tìm đến, và đều gọi đó là “Đại Thánh”. Sau đó, Lý Lục Sự lại bảo với vợ rằng: “Mạng người vô thường, sao chẳng lo tu Phước? “Hãy đến chỗ chỗ Pháp Sư Huyền Giám để nghe giảng pháp”. Bèn dẫn vợ vào giảng đường, tự đứng yên nơi góc vách tường, lấy vật che lại, cùng nói bàn với mọi người, ứng biến nhanh chóng. Mới trải qua chừng một tháng, có người hỏi rằng: “Sao ông chẳng hiện hình?” Lý Lục Sự đáp: “Nay hiện ở trong loài quỷ, thọ Thân rất xấu xí, tự tôi còn chẳng can đảm nhìn mình huống gì người khác!” Lại đến chùa Cảnh Nghiệp, nghe giảng kinh Duy-ma. Có Pháp sư Dư hỏi rằng: Nay giảng kinh này, chiêu cảm hạng người nào đến nghe?” Đáp rằng: “Từ đâu người trở lên, là quỷ thần, lên đến các tầng trời, nhiều tầng cấp khắp đầy, nhưng đều giảng nói văn, các thiên thần v.v... đều kiểm thúc nghi dung mà thôi, sợ tiếng ấy dứt bật. Pháp sư giải thích đều tán loạn, buông lung vô tâm nghe nhận, xin đứng như Pháp mà giảng nói, chớ vọng uống ăn! Vì sao biết được như thế? Vì hiện thấy các thiên thần, v.v... nghe hơi rượu nơi Pháp sư nên đều xoay mặt mà nghe”. Nhân đó, Pháp sư Dư liền sấm hồi lỗi lầm, khiến cho bỏ việc uống rượu. Quỷ nói: “ Ở đây chắc chắn phải quyết đoán Thiên thần chẳng chấp thuận, thà không giảng!” Chẳng chỉ một hội này riêng cảm các trời. Nhưng có Pháp sư thì không đâu chẳng đến. Sư nghe ở chùa khác có lời mách bảo như thế, càng kính vâng gấp bội, chăm chăm khác thường.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh Đô

Thích Huyền Hội tự là Hoài Mặc, họ Tịch. Tổ tiên Sư vốn người xứ An Định thuộc U Thổ. Vị Tổ xa xưa vốn làm Quan, nên dời đến ở Bí Pha, thuộc Phiên Xuyên, Kinh Triệu.

Năm mười hai tuổi, Sư tinh tấn siêng năng khác thường, chí khí ưa thích muốn bỏ thế tục, mà thân tướng Sư khôi ngô chẳng khác thần đồng. Có Hán Vương Lượng đời Tùy thấy Sư bèn lấy làm lạ, liền tâu trình xin ban độ cho xuất gia. Sư đến trụ chùa Hải Giác, làm đệ tử Pháp Sư Tông. Sau khi xuống tóc, Sư liền tham dự các trường giảng, chuyên chí học Kinh Niết-bàn. Pháp sư Tông rất biết sự tỏ ngộ của Sư, bèn đề cử Sư đáp thuật. Do đó bàn tiết được bó buộc đến cùng, mọi âu lo từ trước đến nay thấy đều được giải quyết. Sư giải thích thông rành rõ ràng có thể thấy, nên mọi người đương thời vô cùng khen ngợi tán thưởng, cho rằng Sư là con cháu nối dõi của Tông Niết-bàn. Nhân đó, Sư sửa đổi cựu chương xưa trước, sửa mới mẽ nhà cửa, có công phu đục thủng, rất khó đáp kháng. Sư soạn Niết-bàn Nghĩa

Chương, bốn quyển. Nghĩa nguyên Văn Bồn, thì Văn Thích sao bộ mỗi thứ bốn quyển, tự kéo xa sau khi đến gần. Tác giả nói theo lời trước, chỉ một mình Sư là người đứng riêng một mình.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Học quán được mở rộng, có Sa-môn Đàm Hiến là bậc khai đạo nổi tiếng cả nước, xây dựng chùa Từ Bi, tâu trình thỉnh Sư làm chủ chùa. Bắt đầu Sư đổi mới, pháp sự liên tục, Sư dẫn dắt hàng Hậu Côn, giảng dạy bộ ấy gần bốn mươi biến. Các Đồng bạn, đồng nghiệp với Sư ở đương thời cùng suy tôn Sư đứng đầu, nhưng Sư từ chối, lấy thành để trị, lấy nhả làm Học tông, tánh kính mền Nhân Pháp, chẳng xâm lạm tôn nghiêm, nhưng có Pháp tòa thì đều thông hỏi nghe. Nếu trước đã nghe mà có tâm khao khát thì rất được kính trọng, thật là bậc Long tượng trong thời mạt pháp vì ít gặp! Pháp sư Tổng nói rằng: “tôi chẳng phải bậc Thánh, thì ông này đâu được sinh vào nhà tôi! Pháp sư Tướng nói rằng: “Trong Kinh nói” Năm trăm năm sau, có người có đủ phước trí”, có phải là người này chăng? Đại tướng của Pháp há chẳng phải như thế chăng?” Pháp Sư Nhạc nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Câu-xá, Đồng Sự Nhiếp, nguyện sánh như Diệu Trang Nghiêm ở đời gặp được Thiện tri thức!” Pháp sư Chân nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Ca-diên, rất tán thành cái học của tôi. Vì tôi Đạo thuật nhỏ hẹp, mà chẳng thẹn hạ mình thưa hỏi, mới xoay Long Tượng về chỗ khởi qua. Tôi làm sao nói ư?”

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc thỉnh Sư trụ chùa Hoàng Phước. Mọi việc giảng pháp, Sư đều phớt bỏ, chỉ chuyên tu định nghiệp, mộng thấy được bước lên tay Phật hiệu là Vô lượng thọ. Sư bèn tu tạo một pho tượng Phật A-di-đà, thường giữ gìn tâm, thực hành quán đồng thân. Sư muốn vào chốn núi rừng, chúng tăng trong chùa, khuyên thỉnh Sư ở lại, cầu xin Sư giảng kinh Niết-bàn. Sư giảng đến phần “Đằng Xà Dụ” (thí dụ về sợi dây và con rắn) bỗng nhiên có một con rắn lạ từ trên bò xuống đưa mắt nhìn khắp bốn phía, sau đó biến mất. Sư giảng đến phần “Tránh luận” thường việc ma. Nhân đó, Sư bị bệnh bèn trở về chùa Từ Bi, thấy Đức Phật đến đón rước, liền đó Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi. Lúc đó là ngày hai mươi bảy tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Khắp cả thôn ấp, mọi người nghe biết tin ấy đều buồn bã, cùng nhau đến viếng, Bèn an táng tại gò Cao Dương. Về sau lại thu nhặt di cốt còn lại của Sư, thỉnh đến nơi góc Tây Nam của Thành cũ mà xây tháp gạch cúng dường.

Từ lúc Sư hoàng Đạo, tánh tình Sư luôn ôn hòa nhu nhuyễn, tâm thường mở rộng. Mọi người ở khắp xa gần đến ngụ chẳng phải một người, mà Sư hay

khởi tâm giúp đỡ, chỉ lấy chánh pháp làm việc chính. Về sau, Sư lại thường ngồi cho đến trọn đời.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Hạnh Đăng trụ chùa Từ Bi ở Kinh Đô

Thích Hạnh Đăng, họ Cát, người ở xứ Phùng Dục. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia, cùng Sa-môn Huyền Hội đồng kính thờ pháp sư Tổng, xin làm đệ Tử. Sư mặc vải thô xấu, lập tánh cao vời. Sư đến chùa Tịnh Ảnh nghe ngài Tuệ Viễn giảng Kinh Niết-bàn. Sư kính đọc văn nghĩa, bấy giờ cho là vinh quang, Sư theo Tuệ Viễn giảng dạy đến mười biển, giữa đường gặp phải sự trở ngại nguy nan, Sư đều dự biết trước. Hoặc nghe có mùi thơm lạ, hoặc cảm mộng kỳ quái như cò gãy lọng nghiêng bay, Sư lấy làm nêu mốc chứng cứ, liền bảo đại chúng đồng tụng niệm Bát-nhã nơi có việc ma, không thứ gì chẳng lui tan. Nên những lúc sau khi giảng, Sư thường lễ Phật, tụng Kinh Hoa Nghiêm, lấy đó làm gốc để tiêu trừ chướng ngại.

Sư lại cùng Sa-môn Huyền Hội đồng ở chùa Từ Bi. Những lúc Hoảng Pháp, thì Sư lên trước, còn ngài Huyền Hội lên sau. Bấy giờ, mọi người cho đó là Đạo tương thành. Nên thường những khi giảng cảm có con gà đến nằm nghe. Người theo thọ giới sau khi chết được sống lại, được quan Minh tào thả, nói rằng hoảng truyền các giáo pháp ấy. Đó cũng làm kinh động các cõi u hiển, chẳng lời nào nói cho hết được.

Đến ngày mồng sáu tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiên Đường. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Trước lúc tịch nhiều ngày, Sư bảo: “Lời hộ trì giới tôi đâu dám nói, chỉ ít muốn biết đủ lấy làm tự răn. Sau khi tôi qua đời, chớ bày biện lễ nghi linh đình, chỉ dùng cây rui làm kiệu khiêng tôi đến núi. Cầu nguyện những loài nào ăn thịt thân tôi thì sớm thành Chánh Giác, nếu ai trái với nguyện này thì chẳng phải Môn nhân Đệ tử tôi!” Các Đệ tử của ngài bày biện cờ kiệu, thiết lập lễ nghi lớn lao, sắp tiến đưa thì đêm ấy các sao sáng rõ rồi lại đổ mưa lớn, kẻ tăng người tục đều khiêng nhưng không thể đi được. Bèn phải vâng theo Di Quyết, dùng kiệu đơn khiêng tới núi, mưa đều tạnh dứt, về sau, thân nhật di cốt về an táng tại đồng bằng Thần Hòa, xây tháp thờ, trồng thông, lập bài Minh ở chỗ tháp.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Chí Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu

Thích Chí Khoan, họ Diêu, người ở xứ Hà Đông thuộc Bồ Châu. Tổ tiên Sư vốn thuộc Quan tộc, chẳng kết giao với hàng tiểu nhân. Cha của Sư tên Nhậm làm Thứ Sử Thanh Châu đời Tùy. Ngài từ thưở nhỏ, mãi đến khi

lớn, vốn thanh khiết, mọi người đều biết tên. Sư nghe giảng qua các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Niết-bàn và Địa Luận làm tâm yếu. Sư rảo khắp đông tây thừa hỏi Đạo, không để luống qua tác bóng. Khi Đạo nghiệp đã thành, Sư chuyên đi giảng dạy. Bình sinh Sư luôn giữ chữ tín, nói làm không trái nhau. Nhìn Sư dường như chuyên chánh mà Sư có hoài bão rộng rang. Lúc đi học ở Trường An, Sư từng vào chợ mua lụa, có người bảo: “Hãy giao tiền trước, ngày mai sẽ đưa lụa đến”. Khi đó, Sư giao tiền. Về tới chùa, bị chư tăng cười. Sư nói: “Tự nhớ không mắc nợ người, thì người đâu trái với chữ tín?” Đến thời quả nhiên được, Sư đem việc ấy tỏ bày, người ấy nói: “Bị giặc ăn có thể chết mất, còn chữ tín không thể phá huỷ! Đệ tử là người thế tục vẫn phải giữ việc đó, đâu có ý đối với Thích môn mà bỏ buộc toan lo ấy”.

Sư thường tụng Kinh Duy-ma và giới bản. Tại phòng Sư ở, mỗi đêm thường có tiếng vang chấn động giới trụ. Có người lên nhìn xem thì thấy vị thần khác thường đi nhiều quanh phòng Sư. Lại có lúc, trong đêm trên phòng lầu gác có tiếng đánh vật. Bạn đồng học của Sư là Samôn Bảo Thông, nghe mà kinh hãi mê mèm chẳng được an tại chỗ của mình. Sư bèn đến an ủi, nhưng tiếng đánh vật vẫn như cũ. Tối sáng hôm sau, lên xem thì thấy chỗ trường nhà sắp muốn gãy đổ, liền bảo lấy vật chống đỡ để khỏi nguy hại đến tính mạng. Sư được các vị u linh bảo hộ gìn giữ đến thế.

Tính Sư rất ưa thích thăm người bệnh tật, không ngại xa gần. Còn như kẻ tặng người tục biết không người chữa trị đều khiêng đến trong phòng, tự thân vận chuyển lo lắng cứu chữa. Hoặc có người mắc bệnh ung nhọt trong bụng không thể ra mủ, Sư bèn dùng miệng mút thì liền giảm lạnh, thường luôn như thế chẳng phải một. Nổi lòng từ tuệ của Sư, tin chắc khó có người nói tiếp được! Về sau, vào lúc nửa đêm, nơi phòng của Sư phát ra ánh sáng, nhìn bên ngoài như ban ngày không khác, Sư tự khâu may vá áo, không cho là ánh sáng thần soi chiếu, sau khi gọi các đồ chúng, mới biết vào nửa đêm tượng đó thường hiện. Và từ đó không lấy làm lạ. Sư lại lấy việc chuyên dẫn dắt cứu giúp làm sự nghiệp, nên kẻ tặng người tục đều mừng vui được gặp gỡ!

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng) đòi Tuỳ mở mang Đạo pháp, sư tìm khắp trong nước, vì Sư là bậc hạnh giải gồm đủ, đã trụ chùa Tuệ Nhật, giảng ngộ nối nhau, lại gặp phải kiêu cảm làm nghịch. Các trai sự đều thúc ép bó buộc, Sư bèn bị giam vào ngục chờ xử tội. Có người đem thức ăn đến thăm nuôi, Sư chẳng dùng một mình mà ban cấp cho chư tăng cùng bị tù, và Sư vẫn vui vẻ nói cười như xưa. Sau đều bị đầy đến làm việc nặng nhọc ở Thiên lộ, thường bị sai bảo, khiêng đất sửa sang đầy các sọt tre. Sư dốc hết sức lực kéo đưa, từ đầu không biếng nhác ngừng nghỉ. Có vị tăng cùng làm

việc nói: “Ở đây không người kiểm soát, nên hãy dừng nghỉ một lát”. Sư bảo: “Nghệp báo như thế này, đâu thể tự xem thường, trái nghịch với tâm mà làm việc thật chưa an”. Sau đó không lâu thì bị đày đến Tây Thục. Trên đường đi vừa đến Thiểm Châu, có người đưa biếu tặng của cải, vải lụa, tiền bạc, Sư liền ban trả không để lại. chỉ giữ lấy một con lừa để chở kinh sách mà thôi. Tiếp đến trên đường đến Đồng Quan, có vị tăng cùng bị lưu đày là Sa-môn Bảo Xiêm, là bậc thạc đức tuệ giải cao vời, chân bị đau, không thể đi được, Sư thấy Ngài nằm bên vệ đường thì khóc mà buồn thương. Sư bèn tặng con lừa cho Ngài Bảo Xiêm cưỡi, còn tự mình mang vác kinh luận. Đi bộ đến đất Thục tuy có bị nhọc mệt nhưng miệng Sư không hề nói đến mệt mỏi. Tánh Sư nhân hậu tha thứ, có khổ mới biết được người.

Khi đã đến đất Thục, Sư khai phát vật tình, ở chỗ lợi an đều bày sự kính duyệt. Bảy giờ gặp nạn Hồ hoành hành khắp xuyên áp, người đi đường bị cắt đứt đường đi. Hồ nhóm họp thành đàn khoảng mấy trăm con, rảo cùng thôn xóm thành quách, làm tổn hại đến người, vật. Trong đàn có con Hồ đầu đàn, đầu nó rất lớn, có đủ năm màu, uy phục các con thú khác. Toại Châu Đô Đốc Trương Tôn Xa nghe Đức từ của Sư, bèn sai người sang đón rước. Sư bèn bảo khắp châu huyện lập trai đàn hành đạo, mỗi người đều nên thọ tám giới. Đêm đó, nạn hồ tự nhiên tiêu tán, không biết chúng đi đâu. Bảy giờ mọi người đều kính cảm, bèn kính thờ Sư như Thần Thánh. Nhưng Sư nhân danh lập hạnh, có nghi dáng rộng khắp. Hễ chỗ nào Sư hoằng tuyên khai hoá thì như gió thoảng không đâu chẳng có. Mỗi khi trường giảng bãi tan thì lễ vật đều nhiều như cũ, hoặc đến mười vạn, hai mươi vạn, Sư đều ban trả hết ở ngay Pháp toà, không cất chứa cho riêng mình. Sư bảo với người cúng thí rằng: “Của cải cũng giống như hạt giống, nếu chứa để thì khó được nhiều, nên ban trả cho mọi người, để theo chỗ dùng mà tồn tại”. Tâm Sư rộng rang ứng vật là như thế! Sư lại xem thường sự sống của mình, chỉ ăn mặc thô xấu tầm thường. Một khi dép giày đã dính vào thân thì phải trải qua nhiều năm, Ngài quý giữ đó còn hơn cả thân thịt. Bảy giờ, gặp năm đói kém Sư nấu cháo rồi tự thân mình đem ban cho những người đói ăn. Sư ngâm khóc giảng dạy khai hoá, khuyên bảo họ cùng niệm danh hiệu Phật. Sư lại đem y phục của mình mặc đến cho họ từng mảnh, hoặc cắt hoặc giã, để cho người thiếu thốn. Mỗi năm đến đầu mùa đông, Sư dự trữ đệm lót ngồi thay thế giày, xem xét các vị sa môn thiếu thốn thì cung cấp cho. Sư lấy đó làm công việc bình thường.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư về lại Bồ Châu, các hàng tăng tục thấy đều mừng vui, hoan nghinh ca vịnh nhóm họp rất đông. Thường kiến lập Pháp Diên, lại mở mang lợi ích. Bảy giờ, khắp châu huyện gặp phải hạn hán, cầu nguyện mọi cách đều không toại nguyện.

Quan dân vốn tiếp thừa gia tích, bèn đồng thỉnh Sư, Sư về thiết đặt đàn tràng, đem thân mình để tự phát nguyện, nếu chẳng ban mưa thề không ở trong phòng thất. Sư phơi mình suốt hai ngày, tự nhiên mây bủa khắp. Qua ngày thứ ba về sau, khắp nơi mưa đầy ngập, dân chúng đội ân sống lại từ năm đó. Xưa kia, khi đang ở đất Thục, Sư cũng nhờ như thế mà nổi tiếng. Khiến khắp nơi đương thời có lời xưng gọi Sư là “Một đời làm sáng ngời mặt trời Phật!”

Có Sa-môn Thần Tố nghiệp làm cùng gần gũi, rất kính trọng bạn, thị tịch trước Sư tại chùa Thê Nghiêm. Khi đó Sư đang ở tại chùa Châu, trước tuyệt hung vận, bỗng nhiên giáng thân vui vẻ như còn sống. Đến chiều hôm sau, có người đến báo mới biết là Sa-môn Thần Tố thị tịch. Sư gửi thư an ủi rằng: “Cùng là cảnh huyễn, đều bảm thọ thân như bọt bóng. Không để ý đến tình, chẳng đáp lại ngôn tượng. Pháp sư Thần Tố có phong cách thanh cao. Đạo khí cao sâu, bao gồm nghĩa môn, nghiên cơ rất thật, chí nhân chánh từ lâu đã thành, chắc chắn vắng sinh Tịnh Độ. Phương này vận bạc, chóng mất chỗ về, tăng (tôi) già bệnh sớm ửng đi trước, tội dày phước mỏng, còn giữ dư báo! Pháp sư chẳng để lại vết cũ. Hôm qua, đêm hai mươi lăm, giáng thân đồng nhóm họp, cùng nằm chung một giường, suốt đêm nói bàn đến sáng mới từ biệt. Tình còn xưa nay, sự việc thì còn mất. Sự thật thâm cảm không thể bày thuật!” Ngài Thần Tố thị tịch ngày hai mươi bốn tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường (xem đọc ở truyện Ngài Thần Tố). Còn Sư thị tịch ngày mười sáu tháng năm năm đó (643) tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi tám tuổi.

Lúc chưa thị tịch, Sư nằm nghiêng hông bên phải, gối đầu trên cánh tay phải, bảo với môn nhân đệ tử rằng: “đường dài sinh tử, người có chờ đợi cũng đều như vậy. Các ông chỉ tự quán xét thân mình như huyễn, thì sẽ không bị ái kết ràng buộc. Mạng sống của tôi cũng dứt, chỉ nên dùng hai cây rui và một đoạn chiếu bó gọn vào rồi khiêng đi, không được theo thế tục mà lãng xãng làm những việc vô ích!” Nói xong thì Sư thị tịch. Bảy giờ, khắp các Châu Bô, Ngô, v.v... các hàng tăng tục đua nhau kéo đến gào khóc khắp nơi, đến bên cạnh khoảng trống chừng bảy dặm đều đông chật người.

Từ khi Sư theo dòng họ Thích, chuyên lắng nhiếp thân hình, chẳng nằm nệm toàn gia, không cất giữ lụa là, với việc rương trap đều dứt bật tâm, cười chớ nhọc mệt, trọn đời không trải qua, miệng không đề cập đến danh lợi, tay chẳng cầm tới tiền. Nếu có người trái nghịch, Sư chỉ ngậm miệng im lặng. Không ngợi khen hay chê bai đối với người và vật. Sư từng dùng đến một ngàn năn trăm tiền để mua con lừa mang chở kinh luận. Khi đã về đến Đông Kinh, gặp được khoa vận đại quý, có người mua đến giá mấy vạn, đồng bạn muốn Sư bán, Sư không chấp thuận mà bảo rằng: “Đã nhọc mang vác, đâu

lại quá số vốn vậy ư?” Bèn đem đến chợ, Sư tự bán, chỉ lấy giá gốc mà thôi. Đó tuy là việc nhỏ, mà là gốc của liêm sỉ.

---o0o---

12- Truyện Ngài Thích Tuệ Hưu Trụ Chùa Từ Nhuận ở Tường Châu

Thích Tuệ Hưu, họ Lạc, người xứ Doanh Châu. Gia đình Sư nhiều đời ở gần bờ biển, chuyên sống với nghề nuôi tằm và chài lưới. Mà Sư lại biết lia ác, suy nghĩ sâu xa về tội báo. Ngài thường nghĩ muốn thoát ra để cứu giúp nhưng không có duyên để cất bước. Nhiều lần Sư thở than suốt đêm đến sáng, hoặc quên cả ăn uống kéo dài đến mấy ngày. Tuy phẫn khí đầy cả cõi lòng mà không sao khỏi được nguy ách ấy!

Năm mười sáu tuổi, Sư gặp được một vị Sa-môn ở Tường Châu vân du hoàng hoá, bèn nói về việc tuần nhiều của ba đời, trình bày sự giao xâm của tám khổ. Vì hợp với bốn hoài từ xưa nên Sư liền xoay lưng với tình đời, quyết lìa bỏ với người thân, trái lại với tập tục, tìm đến chỗ Luật sư Húc xin xuất gia. Luật sư Húc dùng ngọn nghĩa phương để dẫn dắt, lễ vượt qua Thiên Thuộc. Lại nghe có Pháp sư Linh Dự là người nổi tiếng ở Tây Nhung, hạnh giải có chỗ kết quy, hiện ở tại Nghiệp Hạ, nên bèn bảo Sư đến theo học. Sư có thiên cơ tài giỏi, tâm chỉ ở trong đạo, bèn mang Kinh Hoa Nghiêm trên lưng, tìm đến Nghiệp Kinh. Chỉ mới một lần nghe qua Ngài Linh Dự giảng mà Sư xao động thân tâm, chẳng màng tối sáng, chỉ cầu thể tánh, nhưng chơng cũ mờ mịt lộn xộn, chỉ lý chưa dung thông, xoay vần đào luyện hơn năm mươi biến. Sư nghiên cứu đọc tụng văn lý lại càng mịt mờ tâm tối. Sư thử xem sự hiểu biết hỏi khắp các Pháp sư đều lo nghĩ, xin khai mở chỗ cùng cực ấy. Sư mới tự tỏ ngộ, nên bảo rằng: “Đó hẳn là Chế lý của bậc Thánh. Với hàng hạ phạm đâu thể so lường được ư?” Vả lại, Sư nương cậy nơi các Pháp sư, thân tâm đắm gội trong biển Pháp, Sư đến Bột Hải, theo Pháp sư Minh Ngạn, nghe giảng Luận Thành thật, trước soạn ra chương sao, Phẩm tảo Dị Đông, tuệ mãn xung tình, hiểu luật bạn Pháp. Đến lúc Ngạn Công thị tịch, Sư lại thọ huấn các dòng khác. Sư theo Pháp sư Chí Niệm, thọ học Tiểu Luận, Ca-tạp-bà-sa, mỗi thứ nghe qua mấy lần, hiểu cùng nguồn ngọn, hiểu suốt sự có chấp ấy. Sư hiểu giải đã trong sạch, lại thực hành tinh Nghiêm, Ngài Chí niệm nói rằng: “Tôi giảng Tiểu Thừa đã nhiều năm, nay mới được gặp ông, xin tha thứ chẳng dám kéo dài”.

Nhân đó Sư liền soạn Tập Tâm Huyền Chương Sao Sớ, đều có phân biệt bộ loại, xuyên suốt điều quy. Văn giáo vừa xuất ra đã được dự kính trọng. Từng đáng để nguyên tử, giảng truyền nối nhau. Chỗ sâu mâu đến cùng đã nêu lên, đức tuệ treo sáng ngời. Nên khiến nổi tiếng đến Ký Đô, kích động âm hưởng tới Hà Vị, khiến các hàng ôm sách cầm kinh bày vai thường ngày đến

tham yết. Những người có thắc mắc nối gót nhau tới giảng đường, Sư đều về ghi vào vạt áo, mở hăng minh Phủ. Nên đối với các giáo pháp lập phá, ngài tham cứu sự u ẩn thấu suốt đến sáng rõ. Tuy Phủ học bao trùm Không Tông mà còn vững tâm đối với trần cảnh, Sư muốn thông hiểu yếu chỉ của Duy Thức, nhưng không biết làm sao để đạt được sự tỏ ngộ! Gặp lúc Pháp Sư Linh Dự vào quan ải, nhân đó Sư lại dự theo, gặp được Thiên sư Đàm Thiên và Luận sư Vi v.v... đang giảng dạy mở mang Nhiếp Luận. Thường nêu một hội thì các giá khác dừng xoay. Ngôn từ nói ra đã mới, Sư nhận lãnh trội vượt, nghe qua ba thì Sư liền soạn sớ chương, thần thấu suốt sâu màu, thấy trình bày rộng lưu bố xem đọc. Từ các Tạng giáo điển Đại tiểu thừa, Sư đều nắm lấy then chốt, chỉ có luật bộ Sư chưa được nhàn rỗi mà xem duyệt rõ ràng.

Xưa kia, Sư cho rằng giới cấm tùy việc có thể dùng duyên cầu, hễ đọc thì liền hiểu rõ, không cần nhọc đến thầy truyền trao. Sư từng mở bày một quyển, trì Phạm đều mịt mờ, mới hỏi lỗi sự nghi bàn trước kia, lại càng mở rộng Thần phủ. Sư mới mang luật ôm Bình bát theo Luật sư Hồng nghe giảng, tham câu học hỏi Luật Tứ Phần. Một phen trải qua hơn ba mươi biến, ngày một dần thấu tới cùng, không bao giờ hết lời. Sư ngoái nhìn những người học mà mới rằng: “Tôi nghe đã nhiều, cho đến khi kinh Luận chỉ một biến là nhập thần, nay đạo trong Luật bộ thêm càng mờ tối. Há chẳng phải Lý có thể hư cầu mà sự khó thông hiểu hay sao?” Nhưng Sư kính cẩn thận trong ba nghiệp, theo khoá sáu thời. Chỉ một mây trần hoặc cản trở thì liền tỏ bày sám hối. Mắt Sư nhìn những bậc giảng tượng giáo điều Đại thừa, Tiểu thừa, phần nhiều là các vị nổi tiếng, kính pháp tự tu, thật ít có ai sánh bằng, Sư có nghe Lê Công giảng luật, Lê Công bảo: “Đại Đức Pháp sư tuổi già, vì sao mãi siêng năng học luật bộ?” Sư đáp: “Tôi lúc mới đầu xuất gia, từ trong miệng hổ mà đến, liền kính phụng giới pháp, đâu thể vì già yếu mà có thể lìa Luật bộ ư? Chỉ tiếc là tôi không được thường nghe!” Sư thanh tịnh thận trọng cao vội, sơ lược như thế đó. Lại thường trải qua giặc giã đói kém liên tục. Kho lẫm của tăng chúng trong chùa nhiều lần bị phá hoại, nên từ cuối đời Tùy đến đầu đời Đường, qua bốn lượt thay đổi mới được giúp đỡ tịnh cúng, khiến cho khắp bốn phương mừng gặp. Sư rất có công. Đến niên hiệu Võ Đức (617-627) thời Tiền Đường, giặc Lưu Thác dậy khởi, dân ở các châu Ngụy, Tương, v.v... đều bị giết hại, bỗng nhiên có một ngày kinh hốt, các hàng quan dân lớn nhỏ đều bỏ thành chạy trốn. Sư đang ở Vân Môn, nghe có sự việc ấy, bèn dẫn hơn hai mươi học sĩ đi về hướng Đông đến Tương Châu, hoàn toàn không có người và vật, Sư liền giữ thành tự ở, kẻ tăng người tục khắp bốn phương vì có Sư hiện ở trong thành nên họ bèn quy hướng nương tựa. Đương lúc ấy, mọi người tự ẩn tàng thân hình mà riêng mình Sư có tiết

tháo vượt trội còn ở lại nước giữ thành, dẫn dắt mọi người. Có thể gọi đó là gặp thời loạn mới biết người.

Sau năm đó không bao lâu, Thiên Sách bày binh lính, xa đến làm giặc trong cảnh vực. Quân lính thật không theo, đều xuất dương cơ. Sư đứng đầu chúng tăng, dự biết rõ ràng về lợi hại, bèn nhóm họp chúng mà bảo rằng: “Quan quân tinh loạn phải có đón rước, các vật thực của chúng tăng, theo nghĩa phải đưa đến trước”. Lại cùng Đại chúng đều không có người nào theo. Sư sợ bị phạt sau, ắt có thể thừa quyền, nên riêng một mình Sư đến trong cửa Quân, tỏ bày đầy đủ nguyên nhân đến đây. Khi đó, Tào Công Tử Thế Tích dẫn nhọc công thường duyệt, nhưng vẫn bảo những người theo hầu theo Sư đến chùa nhận giao lương thực. Sau khi thanh bình. Tào Công bèn về tâu trình kể lại đầy đủ công lao của Sư. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) liền ban sắc nhập vào trong giặc. Ở các Châu hiện có Tăng ni chỉ còn ba mươi vị. Khấp Tương Châu đặc biệt phải theo chế định, dùng việc để xem xét người. Khó lường biết được Sư. Lại nữa, sau thời hoang loạn, luật pháp không thi hành, đều dùng bát đồng, thân mặc theo y phục thế tục đồng như các lưu tục. Sư lo sợ Phật pháp bị huỷ diệt, nên đích thân tự kinh doanh làm khuôn tạo dáng, y theo pháp luân xông nung nên thành bình bát đẹp, ban cấp cùng khắp để thọ trì, mãi đến ngày nay được thực hành rộng rãi. Đó đều do công lao của Sư chứa nhóm lưu truyền tiếp nối. Lại, nhà kho của tăng bị cháy, lúc ấy vào nửa đêm, bỗng nhiên có người báo, Sư chạy đến xem xét, may là mới bốc cháy, nên cứu được thoát khỏi. Trở về hỏi nguyên do mạch báo, thì không hề có ai biết. Bởi vì đạo của Sư thông cả u hiển, nên thường cảm động đến diêm lành.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ 9 (635) thời Tiền Đường, vua Thái Tổ (Lý Thế Dân) có ban sắc mời Sư vào Kinh đô nhưng Sư đều lấy có bệnh mà cố từ chối, không tham dự đến vấn đề vinh hiển. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã chín mươi tám tuổi, hiện ở chùa Từ Nhuận, vẫn sáng suốt mạnh khoẻ như trước kia. Cả bốn chúng đều nhớ tưởng, kính ngưỡng. Những người kính mến vẫn mang kinh sách đến thưa hỏi câu học. Sư bèn đem sức suy yếu mà bảo rằng: “Công phu tu học của tôi rất nhiều, mỗi lúc có kinh luật, tuy nghe qua hai, ba mươi biến, ý chỉ mới khơi sáng, mà vẫn còn tiếc vì thiếu công phu, muốn gồm hiểu các bộ khác, nhưng chưa rảnh rỗi để xem nhiều. Hàng hậu học ngày nay chẳng được như thế, chỉ biết sơ qua câu văn, Tông Trí vẫn còn mờ mịt, đã dự vào hàng bậc thầy khuôn phép, lại không quán thông. Do đó, suốt đêm dài thắc mắc trong lòng, cuối cùng có nghiên cứu tìm tòi nguồn giáo chẳng biết nguyên do thứ lớp. Đó là Pháp bị huỷ diệt do người!”. Ngày nay tuy tuổi già mà Sư khai đạo mục đích là thành khí, giống như giữa mài để hợp với bén nhọn, đâu thể

đúc nắn đơn sơ được? Do đó, Sư dẫn hoá từ chỗ đầu mối thẳng bày cương yếu. Mà Sư kính giữ pháp cấm, giữ Đạo có chế Thiên nhiên, giữ gìn thân tâm, càng già suy càng đốc chí, y phục chỉ đơn sơ, mục đích để che hình thể, xiêm treo trên vách tường, một thước lụa chẳng dùng. Lợi lộc bên ngoài có được, Sư đều ban cấp cho giảng chúng, khâu vá y phục, chẳng khổ nhọc đến người giúp đỡ. Hiện tại Sư mang đôi giày gai đến nay đã hơn ba mươi năm năm, hề có đoạn hư hoại thì khâu lại mà dùng, nơi nào có mưa bùn, Sư bèn đi chân không. Có người hỏi lý do thì Sư đáp: “Bùn đất mềm dễ bước, chẳng hao tổn của tín thí!”. Lại vào mùa lạnh Sư chẳng thêm lửa, mùa nóng bức chẳng nướng ở chỗ mát. Bình nước đông lại, bên trong đóng rêu. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, bình bát của Sư không hề có ai tẩy rửa. Vào Hạ đã qua chẳng ăn rau lá. Hễ qua lại chỗ nào, Sư tự cầm chổi quét trước, giữ gìn mạng sống loài vật đâu có lỗi ấy. Phàm các hạnh ấy trước sau chỉ một đường.

Tôi vì gần gũi phô bày lời nhỏ nhiệm, kính thờ cảnh hạnh đó, còn tiếc chỉ nêu bày đại để. Sự việc sơ lược mà văn rườm rà, cho là khinh ước. Sư có đệ tử là Sa-môn Đàm Nguyên là vị Tăng Cao Khiết, kinh luận và luật tạng đều có mở bày chỉ dạy, riêng trọng Thanh hạnh, ăn mặc đúng cách. Trong chùa tuy khiết tịnh, nhưng vẫn có tâm trần nhiễm, ngài thường khát thực để tự nuôi sống, nay gá rừng vắng, lo dự núi báu, chí khí sống với Đạo, xa lìa thế tục. Sư lại có Môn nhân là Sa-môn Linh Phạm, học thông qua ở Sư mà tuệ ngộ thì ít hơn, được vua ban sắc mời đến trụ chùa Hoàng Phước, lúc ấy đang mở rộng Nhiếp luận, nay ở trong Tông mà dựng cao cờ nghiệp, nổi tiếng khắp kinh Ấp. Lại vì Sư tuổi tác và học hạnh cao xa, nhà vua ngày nay rất kính trọng. Nhân sự liêu tả, đích thân đến thất của Sư, Sư trình bày Đạo, càng hợp tâm vua, nên lại tiếp tục chứa nhóm công đức ấy.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh đô

Thích Linh Nhuận, họ Lương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Gia đình Sư nhiều đời là quan chức. Giòng tộc cao quý trong làng nước. Mà phong cách Sư rộng rãi, nghị lực bao gồm Đại phương. Thử thiếu thời, Sư đã đi trên con đường trong sáng, lúc trưởng thành Sư tiếp thừa theo các lệ khác, cho nên hay chánh hạnh thường y cứ, không trang nghiêm mà thành. Anh em Sư gồm có mười người, đều là người tài giỏi khôi ngô, vẻ vang ở đương thời. Trong đó, ba người giữa đều kính mến hạnh xuất gia. Cha của Sư bảo Sư rằng: “chỉ cần tụng thuộc Kinh Quán Âm thì sẽ chấp thuận”. Sư bèn cầm quyển đọc tụng, một lần ngồi chẳng đứng dậy từ sáng sớm đến nửa ngày. Văn ngôn bèn thấu triệt, liền được cha chấp thuận. Sư

bèn đến nương tựa Pháp Sư Linh Xán chùa Hưng Thiện. Ngài Linh Xán có chánh hạnh, đầy đủ như ở biệt truyện.

Năm mười ba tuổi, đầu tiên Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn, khéo thông rành Văn ngôn yếu chỉ. Đến tuổi có chí cầu học, Sư bèn dung hội những điều nghe trước, bao gồm tỏ ngộ lý mới, liền lên tòa giảng mở mang ý nghĩa Thích Giáo, chia thành Khoa tông, chư tăng tài giỏi đều vui mừng đức hạnh của Sư lại kính trọng hành trì pháp cấm. Động tĩnh đều an, Sư chẳng vọng theo, chỉ thường sống theo khuôn phép. Do đó, các vị Đại đức ở chùa Hưng Thiện là những bậc Danh tăng trong nước đều nhìn Sư mà bảo rằng: “Chú Sa-di này mới cất bước mà đã như thế thì chắc chắn khả năng kham nhận trụ trì!” Từ đó về sau, thâm tâm Sư luôn hướng đến Đạo, thông đủ các Pháp sư, dự ở thấy nghe mà bao gồm chứa nhóm trong Thần Phủ. Ngay đó, liền phải bỏ cả người, pháp, khuê chương giải hạnh, đều bao trùm cả góc ngọn, gồm cả thành bại. Tại chùa Nhân Thọ cảm ứng điềm lành, ở Hoài Châu xây dựng tháp thờ, nhà vua đều có ban sắc mời Sư đến. Quan sở lo cúng dường, ngựa trạm chở theo Sư đi về phương Đông. Sư chỉ khát thực theo hàng, không nhận cung cấp riêng. Khi đã đến Hà Nội, kẻ tăng người tục đều kính trọng sự tinh thông của Sư và kính quý hạnh giải của Sư. Mọi người có được quy giới đều do từ nơi Sư. Khi ấy, tiếng tăm Sư vang khắp Hà Bắc, về vang cả kinh đô. Nghe chư tăng chùa Linh Nham ở Thái Nhạc đức hạnh trang nghiêm thanh tịnh, làm khuôn phép cho khắp cả bốn phương, Sư bèn mang sách trượng tìm tới. Đã thấy người xứng đáng bậc thầy, Sư bèn theo thưa hỏi sự dạy răn, bèn tập học Ban-chu hành Định, không trái lầm sớm tối, lúc đầu mới trải qua hai mươi một ngày, tình sự hơi mỗi mệt, từ đó về sau Sư quên cả ngủ nghỉ mỗi mệt. Thân tâm tinh tấn giữa mài, trải qua cuối mùa Hạ. Bấy giờ đồng bạn có hơn năm trăm vị, mỗi người đều kính vâng thực hành, đôn đốc sách tấn lẫn nhau. Đến lúc mãn Hạ, tất cả đều đi không còn một ai, chỉ mình Sư riêng giữ tiết tháo vượt trội, tình sự chẳng đổi thay, đều không toan tính, cùng một văn từ, kính xưng huy Tích.

Bấy giờ, Cha của Sư làm Ích Đô lệnh Thành Châu, ông ngoại của Sư là Ngô Siêu làm Hoài lệnh Hoài Châu. Đường Tổ của Sư là Ngô Đồng làm Sơn Tiến lệnh Tề Châu. Chồng của dì Sư là Hậu Viên làm Kim Hương lệnh ở Tào Châu, đều là Tông tộc nội ngoại Thân nhân của Sư. Tuy qua lại các trường giảng, đến chỗ các sở bộ ấy, sự việc đi ngang qua đường nhưng không hề gây ra lỗi lầm nào. Cho đến sinh duyên trái táng, hoặc có lòng kính mến mà thỉnh mời. Sư bày tình như gió thoảng, chẳng hề bước tới. Sư cắt đứt Ân ái theo Đạo, đến như thế!

Có Pháp sư Đạo Trang, tiếng tăm vang khắp trong nước, đang giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Sư bèn tìm đến đó. Bấy giờ, Sư chưa thọ giới cụ túc mà

thanh thể Sư đã sớm vang xa. Khắp cùng Pháp tịch, văn nghĩa Viên Thông, hỏi vặn học búa, xứng đáng được truyền Nguyên Tể. Đồng dự Pháp tịch ấy mọi người đều tỏ lòng kính ái. Sư vắng thừa nơi thần làm gốc, kính phụng ngài Đạo Trang làm Hòa-thượng. Sau khi thọ đại giới, Sư bèn đến các Luật ty, các Kinh Thập Địa, v.v... Sư lược đọc xem văn thể.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư về lại kinh đô, gặp được Pháp sư Chí Niệm đang giảng dạy Tiểu Luận. Sư muốn Quán xét khắp cùng Biền trí, bèn tham dự vào hàng thính chúng. Lại có Pháp Sư Biện Tướng, là người có sở học bao gồm Đại thừa Tiểu thừa, tiếng tăm vang dội khắp trời. Với Nhiếp Luận lúc đầu mới hưng thịnh, ấy thật là ít thấy. Ở chùa Tịnh Ảnh Sư mở giảng Khai Tông, Ngài Biện Tướng soạn số năm quyển, bèn đến giảng tại Kinh Hoa, thính chúng có hơn năm trăm vị tăng. Người tham dự dựng nghĩa có đến mấy trăm. Ban đầu, Sư từ Quan biểu, Sư tham dự các trường giảng, noi theo những điều khác lạ, bèn phân phát với các luận kỳ đặc. Cả pháp tòa mọi người đều kinh lạ, nghiêng mắt mừng khen. Vừa lên, có Pháp sư Biện Hạnh, cơ luận khó lường, ở giữa chúng cao tạ mà kính sợ. Tuy là tiếng tăm vang cùng Đế kinh, mà thần khí Sư tự tại. Hoặc có người gièm pha phi báng tới tai Sư mà Sư làm như chẳng hề nghe. Sư dùng Đại trấn tâm, không có tâm mừng giận. Ở thời Pháp mật là chỗ cậy nhờ, thật đáng mừng vui!

Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bệnh phong của Sư càng nặng, sau khi bình phục, bốn tâm Sư càng tinh tấn với nghiệp hạnh mới. Lại sợ Báo thân chỉ trong sớm tối, không giữ được bền hoài, giảng dạy dẫn dắt hàng thế tục qua lại phiền tạp. Sư bèn lánh khỏi việc người, nhằm chán thế tục, trở về với nhân tĩnh, bèn sang phía Tây Bắc của Nam Sơn, đến tận cùng cực của Lễ Hộ, phía Đông gần tới Ngọc Sơn, nương nấu nơi rừng lạnh, thực hành hạnh Đầu-đà. Bấy giờ, cùng có các Sa-môn Không Tạng, Tuệ Tấn, Trí Tín, Trí Quang, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Kinh Ấp, đồng tu hạnh xuất ly. Đã ở nơi chốn rừng rậm gò mả, Quỷ thần ở đó nào hại, hoặc xô đẩy bồn chậu ngửa nghiêng, hoặc lớn tiếng kêu gào. Riêng Sư thể nhận được tánh vắng lặng ấy, nên vẫn an nhiên tĩnh tọa như không có điều gì xảy ra, các vị bị nhiễu loạn đó đều đến nương tựa Sư. Hoặc có lúc lại ở trong rừng sâu giữa đồng trống, chỗ Hồ long qua lại. Sư vẫn thật tâm an chỉ, không mấy may sợ hãi. Sư vẫn giữ hạnh ấy, cho đến trọn đời vẫn truyền trì.

Vào cuối niên hiệu Đại nghiệp (627) đời Tùy, không cho ai xuất gia làm tăng, Sư bèn khuyết thiếu hạnh ấy, Sư bèn trở về chùa Hưng Thiện, gá ở Tây Viện, riêng tĩnh lặng tu dưỡng tịnh nghiệp. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa nhập tịnh. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn v.v... có các Thiên sư Tuệ Định, v.v... đến nương tựa thọ học, cùng sách tấn nhau tu hành theo thời khóa, không ra khỏi phòng viện suốt trong ba năm. Sư kết bạn dần đông, thực

hành các hạnh thanh tịnh. Bấy giờ, Pháp Sư Tăng Xán như cái lọng cao che chở cả chùa, biện luận sắc bén không ai hơn được, kháng hành cả Kinh Quốc, bèn dẫn hơn năm mươi vị tăng tài giỏi đến nơi pháp hội, rõ ràng được Thần lược nơi Sư. Mọi người đều nương tựa thưa hỏi nghĩa cao ẩn. Sư lãnh chủ đối đáp, chia rạch ròi, mọi người đều vui mừng tán thưởng, khéo phù hợp với yếu chỉ của kinh. Từ đó về sau, càng về vang rao truyền sáng giá. Chúng Tăng nhóm họp cùng theo, Sư rất giỏi Đạo nghiệp Nội truyền, sắp lưu bố pháp vị.

Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười chín (614) đời Tùy, Sư được mời đến Hồng Lô, dạy dỗ trao truyền cho Tam Hàn, đồng thời ở tại Bồn tự, phiên dịch các bản kinh mới, đồng thời Tông Hạc có tiếp thừa, chẳng khuyết thiếu phong thái. Gặp lúc dân chúng đời Tùy loạn lạc, Đạo sáng khó chứa nhóm, Sư bèn ngầm ẩn đến trụ chùa Cảm Hóa ở Lam Điền, trước sau tất cả mười lăm năm, chân chẳng bước đến thế gian, lìa kinh chuyên nghiệp. Chúng thỉnh cầu thì Sư liền giảng, chỉ bày những điều chưa từng nghe. Quanh năm, Sư nhập Định, lại vâng theo tiết tháo tĩnh lặng. Có Sa-môn Chí Siêu là bậc kháng tiết Thiền Phủ, nghe Đạo phong Sư mà đến tỏ bày, bèn sớm kết giao, niệm định của Sư, vui theo sự nói năng và im lặng. Bấy giờ gặp phải thời buổi đói kém, kẻ tăng người tục đều đơm nhuần, cảm hóa cả chùa, thỉnh riêng khách tăng, giã gạo làm cơm, đậu mạch đều nhau. Ngày đêm khuyên răn siêng năng hành đạo lấy làm việc chính, nên khắp bốn phương người mến nghĩa, quy hướng đông như mây nhóm. Sư chu cấp đầy đủ tinh thô, không trái với Tăng Pháp, cùng thọ dụng rau trái đến cả năm. Đó thật là do các bậc Chí Đức thâm phù hộ, gồm cứu giúp được nhiều ngày. Vì Sư hoằng hóa hợp với ngoại lưu, nên tiếng tăm Đạo hạnh vang xa, cả chùa Hưng Thiện đều kính thờ, bèn tấu trình tỏ bày, nhà vua ban sắc thỉnh Sư về sung vào đảm nhận việc chùa. Sư không giữ được chuyên chí, phải đến coi sóc.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc xây dựng chùa Hoàng Phước, Sư lại bị thỉnh mời, tức hiện tại công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển phải sáng suốt, mọi chỗ đều rõ ràng chuẩn định. Sư lại đảm nhận việc ấy. Đến như Từ lý có chỗ nghi ngại. Cách ngôn cho đúng, đồng thời xếp đúng vị trí, người ấy là trên hết, trong giòng họ Thích khắp kinh ấp, thật chỉ có Tăng Kiệt vậy.

Trước kia, vào cuối đời Tùy, khi Sư trụ viện tại chùa Hưng Thiện, chiêu cảm tướng ma khuấy nhiễu, Sư vẫn giữ định chí không thay đổi, âm thầm bị thiện thần đến bắt đi. Qua đêm, bảo rằng: “Hôm qua, con ma y theo pháp trời chặt rất biết lụy trọng, tự cảm mà chết. Những điều cảm ứng như thế, số lượng thật khó ghi nhớ hết.

Trong niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, khi đó, Sư đang trụ chùa Hóa Cảm. Chủ chùa là sa-môn Trí Tín bị người mách báo, vua bèn sai sứ vây bọc chùa, tỏ vẻ oai quyền. Sư bảo: “Ở núi hành Đạo, Tâm chẳng trái với vật, chỗ Thánh hiển biết rõ, chắc chắn chẳng như điều mách báo, khiến người sứ càng tức giận”. Bỗng nhiên có gió lớn nổi dậy, sấm sét vang động, núi sụp đổ, cây gãy ngã, thổi tung khăn mào tòa tịch phiêu lạc mỗi thứ mỗi nơi. Cả chúng cùng kinh hãi, bèn cầu xin sám hối. Sư bảo: “Đàn Việt có phước, chiêu cảm đến u linh, điềm lành ứng hiện đó, từ xưa đến nay chưa từng có”. Kẻ sứ tự nhiên thôi bỏ việc ấy.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường. Sư cùng các bạn đạo lên núi đạo xem, lửa hoang cháy khắp bốn phía, mọi người đều chạy tán, chỉ mình Sư tự nhiên đi như thường, nhìn thấy leo lên. Sư nói với những người còn lại theo Sư rằng: “Ngoài tâm không có lửa, lửa thật ở tự tâm. Cho là có thể chạy trốn khỏi lửa nhưng làm sao thoát khỏi lửa”. Và khi lửa đến, Sư dập tắt, y cứ theo sự việc để lường, thì biết là người khó.

Về sau, lúc Sư trụ chùa Hoảng phước, có vị Tăng có sự duyên vãng sắc mà hoàn tục, lại trải qua ân vua lại nguyện xuất gia. Các Đại đức liền nêu danh, đồng đề cử được Độ, tấu trình lên triều đình nghe biết. Nhà vua bèn ban sắc rất trách cứ đưa đến Nam Duệ, thuộc Hoan Châu hành đạo. Khi ấy chư tăng mở lập riêng làng vua, không ai chẳng cảm động. Riêng Sư vẫn an nhiên, dung nghi chẳng đổi thay, ngoài nhìn mà bảo rằng: “Qua lại trong ba cõi là lý thường xưa nay. Được sắc bảo tu Đạo. Có gì phải buồn khóc? Và Sư liền phát tay áo vui vẻ đi về hướng đông. Kẻ tăng người tục nghe thấy thấy đều thán phục! Sau đó, lại có sắc lệnh truy tìm, mời Sư đến an trí ở Lạc Đông. Sư hành hóa khắp các xứ Trịnh Ngụy, mang pho bộ kinh điển, bày mở trường giảng. Sư giảng Kinh Niết-bàn có hơn mười biển. Áo Nghĩa như suối tuôn, dòng tuệ sông rơi. Sư bèn bảo với Môn nhân ở kinh áp với lời sơ rằng: “Nay tôi đi đến phương Đông, lược sơ đã có ba điều lợi ích: một là đáp đền tội trước, hai là thuận với nhằm chán sự sống và ba là thành đạt hạnh lớn. Tôi có lụy chướng đời trước may nhờ Thiên từ quả trách, nay được báo đền, thì nghiệp lụy sẽ chuyển diệt! Chỉ thêm tâm vui mừng, đâu có buồn u? Hàng ngu phu si ái việc gì cũng dấy khởi đấm trước, còn người Chánh Trí thì không như thế, nhằm chán chẳng xem trọng sự sống. Hai cảnh dơ sạch đồng gọi là Đại Không. Phạm Thánh hữu tình đều chỉ do giác tánh. Giác và Không bình đẳng, đâu có chỗ chấp trước. Tự độ, độ người đều là đạo lợi ích. Đề cử người xuất gia là nương tựa theo đạo làm lợi ích cho vật. Tôi nguyện ở trong ba cõi, độ khắp bốn loài chúng sinh, thường không lui sụt. Ba điều lợi ích ấy, các ông đều nên biết. Mỗi người hãy tự điều tịnh căn nghiệp, cùng sống với pháp lành. Tôi không có gì phải lo toan!” Bộc xạ Phòng Huyền

Linh gặp gỡ Sư, ngợi khen rằng: “Đại đức dựng lời, Văn Từ nghĩa lý đều rất ráo. Xứng đáng với Danh thực, thật là chỗ đáng trông ngóng!” Sau đó không lâu, nhà vua lại ban sắc tìm thỉnh Sư về lại chùa Hoàng Phước, y cứ vào giáo tông mà mở mang hóa độ, chỉ ở một người là Sư.

Nhưng, lúc mới vào Đạo, Sư kính tiết chẳng khuyết thiếu, giữ gìn thiết tháo, tu nhiếp oai nghi, thân tướng khôi ngô hòa nhã, cao đến tám thước. Với mọi sự động tĩnh, Sư đều ôn hòa vượt cao hơn đồng bạn. Năm mười ba tuổi, Sư lìa thế tục, không còn trở lại. Cha mẹ qua đời, anh em Sư buồn thương mách báo, mà Sư giữ tình tự nhiên, chẳng mảy may thay đổi sắc mặt. Chỉ lo tu tạo Phước thâm, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng. Lại độ khắp cùng kinh đô, bố thí ruộng Bi, đủ ăn mà thôi. Còn như thế tình được mất như sắc nổi hoa tàn. Đã chẳng để tâm, miệng cũng không nói. Bấy giờ, người đời qua lại đã biết đối đáp, đều dứt bật cúng cấp, tùy lời cùng sai khiến. Từ trước đến sau, Sư giảng Kinh Niết-bàn hơn bảy mươi biến, Luận Nhiếp Đại Thừa hơn ba mươi biến, mỗi thứ đều có soạn Nghĩa số mười ba quyển, Huyền Chương ba quyển. Ngoài ra, với các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Luận Khởi Tín, v.v... Sư đều tùy duyên giảng dạy, và mỗi thứ đều có Số bộ, mà Văn Nghĩa thông đủ, rất khác với thường chấp. Còn như Nhiếp Luận Lê-da, Nghĩa bao gồm Chân Tục. Chân tức là Vô Niệm Tánh Tịnh, các ngôi vị không sửa đổi, Tục tức là không giữ nhất Tánh, mà thông đủ các nghĩa. Từ Chuyên Y về sau, riêng nghĩa bên Chân Đế tức thành Pháp Thân, nghĩa bên Tục Đế thành thể của Ứng hóa. như chưa chuyên y là thể của Quả Báo, y cứ theo chân tánh không diệt nơi nghĩa. còn tự tướng Tục Đế thì có Diệt, chẳng Diệt, vì thể từ năng nhiễm phần, nghĩa Diệt phần, có thể Khác Thể nhưng sự nghĩ biết chẳng diệt. Còn như trong Chương Tư Lương, các Luận sư đều cho là có ba lớp Quán, là Vô tướng, vô sinh và Vô Tánh tánh. Sư theo văn tìm lấy ý chỉ, không có lớp thứ ba, nên Luận Văn trên dưới chỉ có hai lớp. Xả được như Văn. Bấy chỗ trước ở lớp thứ nhất là Xả Ngoại trần tà chấp, được ý ngôn phân biệt trong chỗ thứ tám, là Xả Duy Thức tướng mà được Chân Pháp Giới. Trước Quán Vô tướng xả ngoại trần tướng. Sau, Quán Vô Sinh, Xả Duy Thức tướng. Ngay nơi Sát-na thứ hai liền vào Sơ Địa. Nên không có lớp quán thứ ba. Y cứ vào ba tánh nói về ba Vô Tánh, Quán chiếu y cứ khiến trừ chấp trước, chỉ có hai lớp. Còn như ba tướng của Bốn Thức, tự Tướng thọ huân. Trong Tánh Y tha, nói có ba diệt chung riêng. Lại nữa, với bốn quả Niết-bàn, nghĩa lìa hợp khác, hai chỗ ba thứ huân tập, thể không có riêng. Còn các điểm ấy v.v... có khác với các Luận sư. Yếu chỉ giữ, bỏ (Tồn, phế) đều trình bày rõ ràng đầy đủ trong Chương số.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tịnh Nguyên là bậc thần duệ cao vời việc quan trọng rộng khắp nổi tiếng nơi chốn kinh kỳ, giảng thích kinh luận qua nhiều năm

tháng, thuyên biện Danh Lý âm hưởng tràn cả Học Môn. Thêm vì tánh Sư ưa thích suối rừng, chẳng màng danh lợi, mặc áo thô xấu, ăn uống đạm bạc, chỉ lấy việc Đàm Huyền làm chính. Sư lấy chỗ lập nghĩa của Ngài Linh Nhuận mà dựng lập chí khí tìm cầu, chuyển giải tuyền nhanh như gió trùm khắp đương thời. Có Sa-môn Pháp Ngự là người Đạo Định, mộng thấy Sư tay rất lớn cầm Ấn đứng tựa bàn sách, liền có chỗ thông. Đến lúc tỉnh giấc bàn nói việc ấy với Sư, thì ngay lúc ấy Sư đang bày nghĩa ấy, liền nhân đó mà được tỏ rộng, bèn thành Vương lộ!

Có Sa-môn Trí Diễn tức giống như đệ tử của Ngài Linh Nhuận, thưở nhỏ được ngài dẫn dắt vào Đạo, đem kinh giáo mà khuyên dạy, tiếp thừa sáng rõ, Từ nghĩa rất hợp, chuyên giảng Nhiếp Luận, Kinh Niết-bàn, ở gần chùa Pháp Trì ở Lam Điền, hợp Luật thành Tượng, chóng động vẻ vang ở đương thời. Nhưng từ khi có Pháp đến nay thì thần trò truyền Đạo, Tông ấy ít tiếp nối, chỉ có đầu mối của Ngài Linh Nhuận mới tiếp nối vẻ đẹp tu hành trước, gần ngang vết với An Viễn. Mấy trăm khó cứu giúp, thấy ở ngày nay!

---oOo---

14- Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh Đô

Thích Đạo Hồng, họ Duẩn. Người ở xứ Hà Đông. Cha của Sư tên là Diệu, làm Quan ở đời Tùy, nhậm chức Giang Lăng lệnh, có tất cả năm người con, Sư là con thứ ba. Sư rất thông minh tỏ ngộ khác thường, lại rất nhàm chán thân này.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, vừa mới mười ba tuổi, Sư xuất gia theo thờ Pháp Sư Đàm Diên là bậc Đại đức ở Kinh Ấp thông hiểu giáo điển nội ngoại vang danh nơi cửa trường. Tuy rộng hoằng truyền nhiều bộ, mà Sư chỉ Lấy Kinh Niết-bàn làm chỗ cùng cực của sự nghiệp giáo hóa, nên Sư giảng dạy kinh này. Do đó Thầy trò truyền đạo tiếng tăm, công lao vang xa, cũng ở trong Pháp Chúng đích thân dẫn dụ đáp thuật. Sau, Sư lại đến chỗ Pháp sư Nguyễn, học thông Địa luận, cạnh đó gồm thông kinh số, hơi thom đức hạnh Sư chấn động cao xa.

Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy băng, chùa Thiên Định được xây dựng, Vua Dương Đế (Dương Quảng-đời Tùy) bèn thỉnh Sư đến ở đó. Từ đó, Sư chuyên việc giảng dạy kinh giáo, xoay vần không ngừng nghỉ. Mãi đến đầu niên hiệu Trinh quán (627) thời Tiên Đường, triều đình mở mang trì Đạo. Giềng mối các chùa, đều giúp cho thành đạt. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc mời Sư làm Thượng tọa ở chùa Luật Tạng. Sư chứa nhóm hài hòa lý sự, xứng hợp với triều giao, lập tánh trong sạch thành thực, không đua tranh Vinh nhục, nên khiến cho hậu cúng lễ nghi đặc biệt, sắp xếp mời thỉnh. Khiến cả hai cung dựng phước khéo giúp, tìm nêu vật

ng nghị bàn, đến bất cứ ở đâu cũng suy tôn Sư lên trước. sau đó, vua lại ban sắc mời Sư đảm nhiệm chùa Tổng Trì. Vốn làm chủ chùa, Xuân cung cúng dường vật lạ, tùy theo mùa dâng đến, vì đoái lại lễ thọ giới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Chúng tăng chùa Bảo Xương thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn. Bảy giờ, cảm có chim Trĩ màu trắng theo người đến nghe Pháp, nhóm hay tan dần dần quen với giảng hội. Sư nói nhau truyền trao mãi đến tuổi già. Sư giảng kinh Niết-bàn tất cả tám mươi bảy biến, nương vào Tông chỉ, ít rơi lạc vào thường luân. Và khi chùa Hoàng Phước mở ra việc Phiên dịch kinh điển, thì chọn Sư sung vào lo việc chứng nghĩa. chùa Từ Ân mới xây dựng, vua lại ban sắc mời Sư đến ở. Đến cuối niên hiệu Trinh quán (650) thời Tiền Đường, hơi cảm thấy nhẹ bớt, mới qua một tuần mà Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

Lúc mới nhiễm bệnh, hoàn toàn không đau, ít ăn không nói, trái với lệ bình thường. Và có mấy lần Sư đưa tay chỉ giữa hư không. Người hầu hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Có hai người mặc áo đội mào mấy lần đến đây lễ bái, nên bảo thôi!” Sư lại bảo: “Hoa hồng ở Lục trì đẹp xinh tươi tốt, hãy đến mà thưởng ngoạn!” sau đó, Sư lại chấp tay, đưa mắt nhìn giữa hư không mà nói rằng: “Đại Đức La-hầu-la đến. Xin giã từ mà đi!” Nhân đó, Sư liền thị tịch, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng viện. Hình khí Sư vốn trang nghiêm oai vĩ, cao hơn bảy thước, Sư luôn trầm lắng, giản đơn nhân ái, thương giúp cả kẻ còn người mất. mừng giận chẳng lộ vẻ, tiết tháo chẳng hiện bày. Người viết truyện chỉ trông xem khái lược về Sư, những điều yếu diệu hẳn nhiên là có lượt bỏ nhiều.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Nghĩa Bảo trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô

Thích Nghĩa Bảo, họ Tiết, người ở xứ Tấn Lăng thuộc Thường Châu. Là con cháu của tướng Mạnh Thường Quân đời Tề, là dòng dõi của Danh thần Tống Oánh đời Ngô.

Sư vốn có Thiên thể cao xa, bản tánh sáng suốt. Sau khi xuất gia, Sư chuyên vân du giảng nói, đi khắp xứ Cối Kê, thống ngự các Pháp Diên. Mới đầu, Sư theo Pháp Sư Tiểu Minh chùa Vĩnh Tĩnh ở Tô Châu thọ học các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm. Ngài Tiểu Minh là con cháu kế thừa của Lăng Công ở chùa Hưng Hoàng đời Trần. Là bậc chuyên kinh mạnh đáp, cũng là vị tăng tài giỏi ở đương thời. Sư thuận theo giáo nghĩa, thường thỉnh mời bàn nói, cùng việc thông xem. Nên Sư bèn từ giã đi sang núi Tấn Vân, đến chỗ Pháp sư Khoán chùa Vĩnh An Vụ Châu. Pháp sư Khoán đời Trần, trụ chùa Hưng Hoàng tụ tập hưng thịnh. Bảy giờ đang lúc pháp chọn, kịp động Thân cơ. Pháp chủ đã thị tịch, Sư bèn đi khắp các dòng để xem nghe, như đến chùa

Thiền chúng ở Trường Can, đến chỗ Bồ Công ở chùa Thê Hà, đều đủ các hình thức chiêm ngưỡng, gần gũi đượm nhuần các lệnh khác. Do đó, mà bốn Bộ kinh ba Bộ luận ở giảng Biếu được suy tôn cao vời. Sư kính đội Nghĩa diên, suy nghĩ bày chọn. Những bậc tài giỏi ở các phương khác cùng kính thờ biệt luân. Pháp Sư Khoán cũng khuyên Sư thực hành lễ truyền Đăng. Ngài mới theo đó. Sư bèn nghe theo Truyền kinh giảng Luận hơn ba mươi năm. Sáng tỏa cùng Ngũ Hồ, vang danh khắp Tam Phụ. Sư thường đem Đại thừa Chí Giáo vốn xuất từ Vị âm đến Trung Nguyên truyền bá rộng rãi, bèn hưng khởi ở Dương Việt. Than ôi thuận vị không đâu chẳng thấm đượm.

Sau, Sư đến trụ chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa thuộc Đông Dương, hoàng Đạo không mệt mỏi, thường ngày ngồi quên ăn. Khi đó, ở chùa Từ Ân tìm thỉnh các vị tài giỏi. Mọi người ở Kinh Ấp nhân Đạo phong của Sư, đem sự việc tấu trình. Nhà vua liền ban sắc thỉnh, lại phù hợp với nguyện xưa, Sư bèn vào triều. Bảy giờ, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đang phiên dịch kinh điển, nắm quyền hành lớn mạnh, đang mở mang giáo hóa. Sư nghĩ xa hởi, dùng để biên chép phiên tạp, cũng đã đến lúc dừng nghỉ, đồng rõ ràng chỗ sâu kín. Ngài Huyền Trang bèn vặn hỏi Kinh luận Đại thừa, không gì mà Sư chẳng thông. Hàng hậu học ở đời Đường phần nhiều ưa chuộng Danh thể, đam mê thành tánh như keo dán trụ giữ gốc, làm sao mở lưới để khai mở Huyền Chiêu? Thịnh tông sở Học, chóng giảng được mười biến, khắc các môn vị, đồng thời đến quy y.

Bảy giờ, tại chùa Từ Ân mở rộng Hoàng Chi, Hữu Không dứt bỏ cả hai, bệnh và thuốc đều mất, mới có hạng người mang khí trùng mắt xác lạo loạn khắp. Sư bèn kéo chốt mở quyết, bày tỏ thần khâm, dùng tam khai để trách, nghiên cứu năm câu để trừng trị, rõ ràng bao gồm văn nghĩa, gồm lược cả mê ngộ, kinh khó luận dễ. Trái ngược sự mê muội của thế tục ở đương thời, Sư bèn luận bàn giải thích kinh sâu, dạy răn ngày nay nghe khác với xưa. Do đó, mỗi ngày tại pháp tòa, trước tiên Sư xướng đọc thánh kinh, giảng phân nửa về sau mới sáng tỏ Hiền luận. Bảy giờ, những vị tài giỏi đều dự pháp diên, ngợi khen sự thần kỳ của Sư, kính phục sự bén nhạy biện cấp của Sư. Các hàng Tể phụ mang đội mũ lọng đều nghiêng mình kính ngưỡng đức âm, lưu luyện ngôn ngữ, biên chép gửi tặng không ngừng dứt.

Mùa Đông niên hiệu Hiên Khánh thứ ba (658) thời Tiên Đường, thời gian tế lễ cầu đảo mưa tuyết. Trong nội cung thiết lập Phước Đàn. Vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc mời Sư vào cung, bảo các Đạo Sĩ ở Đông Minh Quán luận bàn nghĩa lý, có Đạo Sĩ Lý Vinh lập nghĩa “Bồn tế”. Sư hỏi rằng: “Đã nêu nghĩa là “Bồn Tế”, vậy Đạo vốn ở Tế, hay Tế Vốn ở Đạo?” Lý Vinh đáp: “Cả hai đều được cả”. Sư lại hỏi: “Đạo Vốn ở Tế, tức Tế là gốc Đạo, cũng có thể tế vốn ở Đạo, tức Đạo là nguồn Tế. Đáp: cũng được. Lại nói: Nếu

Đạo và Bồ Tát trái nhau thì cũng có thể tự nhiên cùng Đạo lẫn nhau được tương pháp?” Lý Vinh đáp: “Đạo Pháp tự nhiên, Tự nhiên chẳng phải pháp đạo”. Sư lại hỏi: “Nếu Đạo pháp ở Tự nhiên thì Tự nhiên chẳng phải Pháp Đạo. Cũng có thể Đạo vốn ở Bồ Tát, nhưng Bồ Tát chẳng phải Bồ Đạo ư?” Lý Vinh đã bị hỏi vặn, không thể đối đáp, bèn đánh lãng giêu cọt rằng: “Đã gọi ta là Tiên sinh, thì ngươi trở thành đệ tử ta”. Sư bảo: “Đối đáp lời Thánh, luận bày rõ tà Chánh, dùng để phân biệt tâm vua. Hạng người cắt cỏ lượm củi giêu cọt đùa bỡn phiền nhiễu được trời nghe. Tuy là, không nói thì chẳng đáp nhưng hãy vì cùng đáp: Ta là đệ tử của Phật, do vì tôn thờ Phật làm thầy, ông đã xưng là tiên sinh thì tức là sinh trước Đạo đó là Đạo Tổ”. Khi ấy, Lý Vinh thẹn thùng không đối đáp được, bèn xuống tòa. Lại bảo Sư nêu dựng Nghĩa. Sư bèn dựng Nghĩa Đại Trí Độ, Lý Đồ tuy hỏi vặn, nhưng Sư tùy theo lời liền xóa bỏ. Khi đó, Vua Cao Tông rất vui mừng, cả nội cung đồng khen ngợi. Lý Vinh không thắng được Sư, nên tức giận bảo rằng: “Giải nghĩa như thế, đâu phải là xa, chỉ từ xứ Ngô mà đến”. Sư nói: “Đất của Tam Ngô vốn lưu xuất các bậc anh hiền. Còn hàng thân chó mắt ngựa xưa không người vật”.

Từ đó về sau, các chùa liên tục thỉnh mời, phân nhiều Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Kinh Tịnh Danh, Trung Luận, Bách Luận v.v... cho người đương thời. Đến niên hiệu Long Sóc thứ nhất (661) thời Tiền Đường. Vua Cao Tông xa giá đến Đông Đô, tìm thỉnh mời Sư đến. Sư từng vào nơi cung cấm, luận nghĩa ngang dọc. Sư mới đến trụ chùa Tịnh Độ, giảng giải kinh luận, bày chúng rong ruổi, các vị đều đến, tiếng tăm tài giỏi của Sư càng vang xa.

Sau đó không lâu, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Tịnh Độ, thọ năm mươi một tuổi. Kẻ tặng người tục buồn bã, lo lắng Pháp môn sớm bị che đậy. Hoàng thượng buồn thương viếng điếu rất lâu, bèn ban sắc đón rước Kim Quan Sư về chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa, cấp tặng mọi vật lễ tang, vang khắp xa gần.

Luận rằng:

Từ khi Phật giáo truyền đến phương Đông, trải qua thời gian tuy xa, mà điều xướng thuyên phủ, mở dụ Tinh linh, có thể nói sơ lược.

Xưa kia, vào thời Hậu Hán, Vua Minh Đế (Luu Trang 58-76) nằm mộng, hai ngài Ca-diếp-ma-đăng và Trúc-pháp-lan đến Lạc Dương, mở thông tỏ ngộ kẻ tặng người tục, chín dẫn Tà chánh, nên khiến người đương thời đồng một lúc tự nhiên đổi thay cách nhìn nhận. Nếu chẳng phải là bậc Đại Biện Tuệ thì lấy gì để làm sáng tỏ, thế thì giáo vốn mở mang chung. Tông kết quy về nghĩa cử, bàn nói thật dễ, mà nhận biết thật khó. Thường bị hạng người sai lầm truyền trao, Tịnh Danh quở trách mất cơ, đều vì đắm chìm trong Điển

Cáo, dùng mở tề duyên. Thuốc bệnh giúp nhau mê đó giác đó. Huống gì giáo điển lưu truyền đã hơn ngàn năm, tình thức bị ràng buộc trong năm thứ uest trược, dẫn lý Từ-đàm đâu thể không rối rắm. Được ở sự truyền bá mở mang, mất ở sự huân tập.

Vào đời Tấn có Sa-môn Đạo An riêng mở bày Luận Chi, chuẩn đích ở Tiên Thánh, lường xét Nghĩa Phương, giảng số chú thuật. Mới đầu mở đường rộng, xa gìn giữ truy tìm vết tích ở xa xưa, mong mở mang mà lưu truyền hương thơm. Nên người soạn lời tựa đề rằng: “Hoàthượng Đạo An đục thủng đường hoang để mở vết, nêu Huyền Chi nơi tánh Không, dứt bỏ cách nghĩa đã qua, mở Thần Lý ở đời sau”. Còn như Sa-môn Đạo Sinh một mình riêng cao vợi, chỉ nghĩ ở đương thời. Samôn Đạo Lâm nhận thức sâu xa, nêu lý mới mà sửa đổi sớm. Từ đó về sau, noi theo các phong hành khác. Tuy nói là khác dấu vết, nhưng có thể biết. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương trang nghiêm khoan tay trị vì đất nước, kính phụng hộ trì. Đầu niên hiệu Thiên Giám (502) bỏ tà quy chánh, tâm tưởng nơi Phật Lý, đào luyện tư duy sâu mầu. Tại Điện Trùng Vân lập giảng hội, thỉnh chúng có ngàn vị tăng. Xây dựng nghĩa diên, pháp hóa thông hợp, chế luận năm thời, chuyển bốn phương đặng. Chú giải Kinh Niết-bàn, dùng tình chưa rộng, lại trình bày Kinh Đại Phẩm phát minh nghĩa sâu kín. Đương thời Thiên Hạ vô sự, nước nhà hưng thịnh. Phong hóa lan tỏa khắp cùng nơi hoang phục. Làng vua Chung sơn, chùa Báo cùng đến. Các chùa Danh tiếng ở Đô Ấp có hơn bảy trăm ngôi. Thừa hỏi Văn lý thường thường rối rắm.

Bấy giờ, có ba vị Đại Pháp sư là Sa-môn Vân, Mân, và Tạng, vừa mới lên đường, lại gọi là các vị tài giỏi, rót chước Luận Thành Thật đều nhanh chóng dẫn trước. Xét định người xưa, đều là cát chứa phải chằng? Vì sao như vậy? Vì như giảng giải, truyền trao Kinh giáo bản Tông, trích Văn suy nghĩa, tình còn có chỗ mất, làm sao được bỏ gốc tìm ngọn, ý lời dẫn dùng, mỗi ngày giảng nói hoằng hóa. Chỉ nêu cao Huyền Chương, chẳng thấy luận văn, đến lúc bạc đầu. Cứ ở địa vị như thế thì chưa thể gọi là “nói tiếp làm hưng thịnh”. Nếu là Lập Văn Bản Tông, thì thật đến trong vườn nghĩa. So với chỉ trắng thì chẳng sai với khuôn phép. tùy Văn có năm điểm mất, lại mở mang hoằng giới. Nhưng Giáo là nơi Lý nương tựa, Lý tùy giáo mà hiển bày, nương vào giáo mà thông rõ Lý, mở rộng giáo là do người. Y cứ theo đó mà vâng hành, hẳn nhiên là có nhiều lầm hoặc. Nếu trái với thí dụ này thì đâu khế hợp nhau được, khiến cho ngón tay chỉ lẫn nhau của ba Pháp sư đời Lương là sai lầm. Xét văn lầm loạn, thể có đặt lời. Nghĩa là do tình cầu, tình đâu cậy nương trong đó. Nếu như có đạt được Luận Tông, trang nghiêm thành phong cách, Vinh quang cả kẻ tăng người tục, hạnh nghiệp cùng bao gồm thì chỉ có một người là Sa-môn Trí Tạng ở chùa Khai Thiện. Ngoài ra

thì tuy Tuệ giải là giỏi mà nghi phạm còn nhiều xen tạp. Chẳng phải không có mười vị tài giỏi xuất chúng vâng tu theo Tế hạnh, nhưng Định học nhiếp tâm thì chưa nghe ở đời, nên lược nói như vậy.

Vua Thái Tông Giản Văn Đế (Tiêu Cương - thời Nam Lương), xưa kia khi ở Đông Phủ, gửi tâm trong pháp mâu, đọc xem khắp Huyền Chương, tâm chí quy hướng về Bát-nhã. Chích lấy máu tim mà viết mười Bộ. Lại soạn Pháp Tập, Liên Bích, mỗi thứ đều hơn hai trăm quyển. Nhưng vì về sau gặp quân bách trói buộc nên khiến chúng tăng không nghe. Đến thời vua Trung Tông Hiếu Nguyên là người thể Ngộ sâu kín, càng tin tưởng cao sâu. Với các Bộ Kinh Pháp Hoa, luận Thành Thật, vua thường tự giảng nói. Có Sa-môn Đạo Khản là bậc đức lớn tài giỏi đương thời, nghiệp bao trùm cả thông Hiền, biên soạn mới lạ. Vua rất tôn trọng, kính phụng, tôn làm Tăng Chánh. Mở rộng Học phủ, rộng mời các nghĩa Tăng, lại vâng theo vết cũ, cửa nhà đổi khác. Từ thời các vua Tuyên Đế (Tiêu Sát) Minh Đế (Tiêu Quy) thời Hậu Lương về sau, việc phước tuy rộng lớn, nhưng giáo lý thì bị ngăn che đầu mối. Còn năm vua ở đời Trần, trong đời gặp lúc hỗn loạn, ở Kinh Ấp, chùa chiền, tăng chúng bị giết bị đốt gần hết. Và đến lúc mới được sửa sang lại, tiếp đòn tay nối liền rui, đắp lại nền tảng như thời nhà Lương, mở cửa Phước tuệ, ở đời gọi là Nan kỳ. Các bậc Danh Đức thắng hạnh chắc chắn là có khả năng truyền. Tuy được năm, ba nhưng mất lại nhiều chỉ lo là thiếu các truyện khác, và thời đều mất. Đối với việc này thật đáng buồn! Còn như các ngài Diễm, Tước đến xứ Ngũ Hồ, các ngài Vinh, Lăng đi khắp cả Tam Sở. Hai Quỳnh vì cứu giúp mà truyền đời, hai Đẳng vì Hộ Pháp mà tiếp nối. Đức lớn mở rộng. Đến Bắc nghiệp rất được sáng rõ. Lúc mới dời Đô cơ cấu nền tảng rất nhiều, gồm sáng lập đạo tràng, dứt bật hết lưới Ma. Nên khiến các bậc Anh tuấn nhóm họp như rừng, nghiệp chánh như mây nhóm. Mỗi lúc kiến lập Pháp diên, thánh chúng có hơn ngàn vị. Các Sa-môn Tuệ Quang, Đạo Phùng thực hành khuôn phép chung. Các Sa-môn Pháp Dung, Tuệ Viễn đoái nhìn tranh giành quyền hành. Nhưng mở vạch Chương Đồ, giải thích từ nghĩa đều suy tôn ngài Quang Thống làm lời nói trước, há chẳng phải là xướng Cao họa ít, riêng bày xưa nay? Tức là lãnh tụ có cơ phong bén nhọn, mới là khuôn phép của muôn đời. Nhưng ngài Tuệ Quang lúc đầu học theo Luật Tông, về sau thông rành giáo lý, thơm tho tươi đẹp, hương thơm bay xa. Quán xét thành cây, xương cành phân bố lông mắt. Ý còn Hành hóa, lấy hộ Pháp làm gốc. Do đó các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận đều ở địa vị giềng mối khuôn mẫu, khắp đến ngày nay thành Tụng không bị rơi lạc, là vì nguyên do ấy.

Vả lại, Phật Pháp truyền đến phương Đông, ở đời gọi là hoàng bá. Luận về sự tươi tốt thì chẳng lúc nào hưng thịnh bằng thời nhà Lương, nhà Tề. Nên

lúc Vua Võ Đế trị vì (502-550) noi theo tiếp thừa Hộ Pháp. Giới Định Tuệ Phẩm chẳng phải un đúc, Vua thọ trì mười điều lành, mỗi ngày sáu thời hành đạo chẳng thiếu sót, dứt bỏ các thức ăn tanh nồng, ăn chay trường đến trọn đời. Nói làm cùng xem xét thật đáng tôn nghiêm. Từ lúc có Đế Vương về sau ít có người có khả năng phỏng theo. Bây giờ, chư tăng thấy vậy, nghĩ muốn mình cũng phải làm sao cho bằng. Các Hàng đốc học chí thành phần nhiều phô bày Tế Khí. Khi vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề trị vì đất nước, Quyền dụng chẳng thể nghĩ được, hoặc xuất hoặc xử, hàng tiểu tiết chẳng nghĩ lường, chột trí chột ngu, kính tin sự khoáng đạt của bậc Đại nhân. Đến như tôn kính Phật lý, bắt chước tiếp thừa giới hộ, từng trải tóc dưới đất để Sa-môn dẫm bước qua. Lại hay đốc suất trong nước, cấm đoán rượu thịt, phóng thả các loài chim săn chó săn. Các việc săn bắn chài lưới giết hại, khắp cả nước đều chẳng được làm. Mỗi năm ba tháng sáu ngày khuyến dân chúng hành trì trai giới. Các thứ Hành hạ dầu của công hay của tư đều phá diệt hết. Lại lập ngay Chiêu Huyền Thập Thống để làm thanh tịnh chánh pháp, khiến cho cả hai trăm muôn chúng đều yên ổn tiếp nối không vương mây trần. Chỉ một mình Sư là người có công.

Đến đời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) niên hiệu Định nghiệp, thời Bắc Chu khắp Tần Xuyên mở lớn Thích Phủ. Sa-môn Đạo An lại xưng Hoàng lượng, giáng lễ nơi cung triều, bày kính khắp Hoa Di, dẫn sông ngòi của Long Thọ, ảnh hưởng kiêu lộng của Di Thiên (Thích Đạo An) khắp chốn võ phục, Đạo nhờ văn mài mở rộng, công phu khai mở mê mờ rộng rãi chính là kinh lược. Chỉ vì Vận gặp lúc Đạo bị tiêu diệt, nên đến tuổi trung niên, nhà vua bèn hủy báng, tuy bày hiền luận nhưng chẳng biểu hiện sâu xa, bệnh ong thành châu ngọc, trọn ở nơi thân thể. Cuối cùng có Sa-môn Vong Danh lại tiếp lỗi ấy, uất ức nghèo bệnh, vùi lấp gặp nhưng tục. Khi vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579 thời Bắc Chu) lên ngôi liền sửa đổi chính sách của triều đại trước, kính tượng dân mở mang, trai hội được thiết lập, mà thiếu hóa độ, sáng lập nghĩa học còn yếu.

Đến đời Văn Văn Đế (Dương Khiêm, 581-605) đời Tùy, mang độ ở tại thân, chuyên mở mang Phật Giáo. Đầu niên hiệu khai Hoàng (581) xây dựng nhiều Nhân từ. Nơi có chư tăng hành đạo đều xây dựng chùa chiền, thỉnh các Học Đồ đều nhóm họp về kinh đô. Trong đó Cao Đế tự là đẳng cấp. Nên có hai mươi lăm chúng cao vội liệt bày ở Đế Thành. Tùy theo kính mến học phương, mặc ý bày hoàng hóa. mỗi ngày lên điện xếp hàng bảy vị tăng đọc tụng các kinh và khai giảng nghĩa lý. Mắt vua thấy được muôn cơ mà tai nghe được chánh Pháp. Bây giờ, Phật giáo lại mở mang cao thoáng, tuy giảm bớt so với thời nhà Lương, nhà Tề, nhưng cũng truyền đạt ở đời sau. Có Sa-môn Tuệ Viễn là bậc Khai sĩ còn lại của đời Tề, là Cao tăng ở đời

Tùy. Mới đầu đến Đế Thành liền trình bày giảng bàn. Chư tăng siêng năng thừa hỏi có hơn bảy trăm vị, đạo pháp hoàng hóa hai phần ba trong Thiên hạ, ngoài ra các bậc Minh thắng nối nhau ngang bằng, như Sa-môn Tăng Xán là bậc Luận sĩ nổi tiếng, ngài Tuệ Tạng được gọi là nhận biết sâu mầu. Ngài Tăng Hưu thông hiểu Đại Luận, ngài Pháp Kinh khéo thể nhận nguồn giáo. Ngoài ra có rất nhiều các anh tài, long tượng chẳng thể biết hết. Trong đó hơn cả có Sa-môn Đàm Diên lại là bậc Cao Kiệt. Còn như ngồi tại giường Vua, giảng bày Thanh giáo. Đến nỗi khiến muôn thừa đầu đánh lễ sát chân, đức của Sư cao lớn như thế.

Khi Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy lên nối ngôi, càng vang xa tiếng thật. Ngài Đạo Trang trông nhìn lời ở trong ngoài. Ngài Pháp Luận lễ ngự ở trước sau, cùng nguyện mở mang sáng ngời nơi Lương Đô. Mạnh thoát dần bày vẻ đẹp ở Chu Lỗ. Đức dày lòng nhân lại khó thêm. Lúc đầu lên ngôi ở Tân Đê. Các đạo tràng Tuệ Nhật, Pháp Vân rộng bày chư tăng. Các Quán Ngọc Thanh, Kim Đồng dẫn đầy Đạo Sĩ. Một nghề có xứng, ba trưng quán riêng, bánh xe Pháp xoay mãi, đuốc tuệ luôn tỏ. Phong hóa khắp cùng, Đàm Diên lại xa. Bảy giờ, các bộ kinh luận lại có nhiều và dồi dào. Đòi gần dễ gọi, không nhọc phải trình bày.

Đến triều đại Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) trị vì đất nước, việc Đạo là Cao cả, sáng tỏ nghĩa Học mới là rộng xa. Đạo phong người ấy đâu dễ nói bày, liền nương gá mà nghe cho nên lược bỏ chỗ đến mức. Nhưng các Sa-môn Hạo, Bích kháng âm thanh ở Kim Lăng, sa-môn Thường và Biện mở mang ở Tam Phụ, sa-môn Thâm và Ý nổi danh ở Lương hà, sa-môn Cơ và Cảnh nêu tông tại Ngọc Lũy. Và ở Trinh Châu, Tấn Châu thì hai Đạt mở khai khuôn phép, ở Tề Châu, Lỗ Châu thì sa-môn Mật và Tài trình lược, sa-môn Nhuộm và Hội phân tích phù hợp, thường ngày kính trọng danh giáo. Các ngài Huy và Không thường ở tại chỗ ngôi, mà ngài Tung và Trạch kính ngưỡng nghĩa môn đó. Bồn ghi ở đương thời có lẽ thiếu sót, nhưng đức hạnh các ngài ấy chẳng phải không có, ánh sáng tiếp nối gồm tủa. Các Luận sư chú giải biên soạn, thường lấy Chương sao làm khéo, xét văn dẫn nghĩa kính ngưỡng thuận theo khuôn phép trước, đề chúng đồng nhiều sửa đổi bày sai không dẫn dụ. Hoặc biên tập tiếp nối thiên thư, hoặc lẫn lộn hỗn tạp sự thấy biết ở đương thời, hoặc nói theo tuồng bụng, văn từ nghĩa lý trái nhau, hoặc trộm Văn người khác, ý nghĩa bit láp, đều khắc thành mạng thi, vang vọng một thời. Giữa khoảng nói và làm cách nhau như sông Hà sông Hán, vốn thật là Tà Cầu, vọng thừa truyền giáo. Xét về ý vốn như thế, có thể gắng gượng ư?

Vả lại từ khi Kinh giáo lưu truyền khắp cùng, vốn ở thọ trì, Đại tập hiển bày văn của pháp hành, Niết-bàn làm sáng tỏ thuyết biết thời. Nay thì Bà-sa

Chương cú lưu diễn tràn đầy, các thứ Hữu chưa phải là tinh nghiệp. Giáo nghĩa siêu sinh đâu phải ý như vậy? Quý ở chỗ như Thuyết mà làm, ấy mới thật là yếu chỉ. Nên nay giảng khách đang ngồi, biên chép Văn nghĩa. Sự trống rỗng ấy lại rộng lớn, lấy gì làm sáng tỏ ư? Và lại, như Thánh hạnh các phép hữu lậu từ xưa đến nay vốn bất lời. Duy thức lia niệm mà đua nhau trình bày về hoạnh tướng. Thọ học Tỳ-đàm mà làm theo giới ác, lại kính thờ đó là người thông tuệ. Nghe học Kinh Lăng-già mà ưa thích sự ăn uống, lại dùng làm thông cực. Dối trá kẻ thế tục mù mờ, lần lượt bậc Hiền giả ngày trước. Liếc nhìn Thiên Hán, xem thường giới cấm. Cho tà tuệ là chân giải, lấy loạn thức làm viên trí, chẳng sâu tỏ ngộ, uổng mất tháng ngày. Cho nên khiến nói pháp chim trời trùm khắp niệm xứ, Bàn-đặc ngu già, đủ nêu Hiền ngu. Biện luận tài giỏi khác ở đời trước, nói lên Hậu báo ngu ngơ, rõ ràng như thế, có thể chẳng dạy răn ư!

Lập bày luận nghĩa, vốn có bốn điểm, đó là: Hoặc kích dương để làm sáng tỏ Đạo lý ấy, yếu chỉ sâu mâu nhờ đó được khai mở. Hoặc ảnh hưởng vì thổi lên cơn gió ấy, tuệ nghiệp nhờ đó được dựng lên rộng rãi. Hoặc có tâm nghi thưa hỏi để làm sáng tỏ nghi quyết. Cốt yếu chánh là Đương Cơ, hoặc khoe khoang để dối gạt Hiền giả ở đương thời. Đặc định Văn từ để nhỏ mũi tên ngu, gá duyên có bốn điểm như thế, thông rành ở chỗ không cơ hiềm, ắt việc lần lượt trở lại phù hợp với súc sinh cảm thú. Cho nên Luận Sĩ ở trong đời hợp hội Thanh nhu, việc mới đầu ngậm chứa, đến cùng thành hãm độc. Tiếng tăm ai thương, cảnh giới chẳng phải phạm, đồ chúng đông nhiều, chống cự xoay chuyển, rớt cuộc kết quy, mài mòn nổi lòng. Nên có Luận của Vương Bản đều làm sáng tỏ thế của răn Sâm, hợp với nhà trồng, chủ chốt gồm khéo lời. Nghe luận Đạo ấy chỉ nghe lời giết chết. Xem Dung sắc ấy chỉ thấy tướng phân bày, và tạo tác nghiệp về sau. Hoặc sinh đọa vào quả báo loài rắn, hoặc lưỡi cháy bỏng trong cổ họng. Hoặc Sa-môn tăng tướng ở địa ngục dẫn tiếp đời sau ấy, hoặc lửa dữ thiêu đốt lỗi lầm ngày trước. Nghiệm ở lâu núi của Sa-môn Ngạn Tông, lại có thể răn bảo.

Cho nên biết đạo nhờ ở người mở mang, chẳng phải người không thể nói Đạo. Há nói nghĩa phủ đều như thế ư? Nên Ngài Trí Tạng để lại vết trần, ngài Tuệ Quang tiếp nối sau, Tông ngưỡng sắp bày, đâu có dấu vết ư? Sa-môn Đàm Dụ là bậc hạnh giải cùng cao, giáo điển nội ngoại đều thông hiểu, cũng là người khó gặp ở đương thời, nhưng lập tánh cứng rắn, nghị lực cao vời, chẳng có ai bày. Người hầu rơi đổ cả mồ hôi mới có thể làm bậc thầy khuôn phép. Người đời hoặc gièm chê luận, lấy đó làm trước, đó cũng chẳng sánh đức mà trông xem. Nói tục mà đàm luận cuộn cuộn như gió thổi. Tâm ái buộc kín chưa thăm sờ đoán ấy mà dung nhiều vết lụy. Thấy tâm máy động. Họạ phước gán nhau. Nếu chẳng biết trước, làm sao thành răn bảo,

khiến cho Dự Công rộng đờm như thế, nếu xoay lại tìm ở chính mình, thì lời ấy tự mất. Cho nên Tuyên ni lưu không có từ ngữ đầy đủ, Cư sĩ đặt ra luận chưa khinh, thật có nguyên do vậy?

Ở đời, có Sa-môn Tuệ Hưu là người nổi pháp ngài Linh Dự, học luận Tập Tâm mà sợ phạm tội nhỏ, nhận lễ làm thầy mà đích thân bưng Bình bát, pháp y. Gặp nạn mà lại lập tịnh trụ, vào nguy ách mà dạy răn sâu cảm ước. Nhân, pháp đều đầy đủ, Tuệ giải thông suốt huyền vi, Chương số lưu hành, Tụng làm Châu Ngọc, còn sợ không phải là nghiệp trước! Ngoài ra thì nên nói lược.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

(Quyển 15 hết).

---o0o---

QUYỂN 16

CHƯƠNG III - PHẦN 01 : TẬP THIÊN

(Chánh truyện có hai mươi ba vị, phụ có mười lăm vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn, thời Nam Lương.
- 2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn, thời Nam Lương (Tuệ Sơ).
- 3/ Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, thời Nam Lương (Pháp Quy, Tuệ Cảnh).
- 4/ Truyện Thiên sư Phật Đà- người Thiên Trúc ở chùa Thiếu Lâm thuộc Trung Nhạc đời Ngụy.
- 5/ Truyện ngài Bồ Đề Đạt Ma- người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ, thời Nam Tề (Đạo Tiêu)
- 6/ Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề (Hương cư sĩ, Hóa Công, Liệu Công, Pháp Lâm, Tăng Na, Tuệ Mãn).
- 7/ Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự, thời Bắc Tề.
- 8/ Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn, thuộc Nghiệp Tây, thời Bắc Tề.
- 9/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương, thuộc Nam Ung Châu, thời Hậu Lương.

- 10/ Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện ở Chung Sơn, đời Trần.
- 11/ Truyện ngài Thích Pháp Thường ở núi Phúc Thuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 12/ Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Trường Sa thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 13/ Truyện ngài Thích Pháp Lâm ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 14/ Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang, thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 15/ Truyện ngài Thích Pháp Nhẫn ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 16/ Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.
- 17/ Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô, thời Bắc Chu.
- 18/ Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô, đời Bắc Chu
- 19/ Truyện ngài Thích Đạo Chánh là Sa-môn tu hạnh Lan-nhã ở Thương Châu, đời Tùy.
- 20/ Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêu ở Hoài Châu, đời Tùy.
- 21/ Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đời Tùy.
- 22/ Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh Đô, đời Tùy (Bùi Huyền Chứng).
- 23/ Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu, đời Tùy (Pháp Vĩnh, Sầm Xà-lê, Trí Hiểu).



01- Truyện ngài Thích Tăng Phó trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn

Thích Tăng Phó, họ Vương, người ở huyện Kỳ thuộc Thái Nguyên. Thở nhỏ Sư đã chẳng đùa cợt, xét soi vượt qua mọi người. Khi qua độ tuổi tiểu học, nhận thức của Sư đã thành cảnh hạnh, khắp trong làng xóm đều gọi

Sư là Kỳ đặc. Không bậc Nhân giả nào vượt hơn Sư. Tánh Sư ưa thích định tĩnh, đi chẳng kể xa gần, Sư mang lương thực tìm thầy học đạo, nơi nào cũng đến.

Bấy giờ, có Thiền sư Đạt-ma là bậc khéo trông suốt Quán hạnh, đi khắp các hang động, nói năng sâu rộng. Sư bèn xuất gia với Ngài. Nghĩa lý không phải hỏi lại, chỉ một lần nghe là thấu suốt hoài bão, tìm xét đầu mối, là chỗ y cứ của Định học. Sau, Sư đi khắp các trường giảng, xem hết các kinh luận, và biết rằng học chỉ vì mình còn bậc Thánh thì vô ngôn.

Vào niên hiệu Kiến Võ (494-498) thời Nam Tề, Sư đi về hướng Nam đến Dương Liễu, dừng trụ chùa Định Lâm ở Chung Sơn. Sư rất yêu thích rừng chàm ở đó, được gá tâm vào cảnh tươi đẹp. Hạnh vượt cả băng sương, lời nói rất được kính tin. Ngoài ba Pháp Y, sáu vật tùy thân, Sư không chứa để thêm một thứ gì. Những lúc Sư vào làng, kẻ tặng người tục đều chiêm ngưỡng. Các bậc Vương Hầu hỏi đạo Sư từ chối không giảng, chôn cung vi gân trong gang tấc nhưng Sư không hề đến yết kiến, thăm hầu. Hạnh Sư làm gương mẫu cho người, Tăng tục đều chú ý. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương vốn kính mến Đạo phong thanh bạch, của Sư nên ngợi khen tán thưởng, bèn bảo thợ xem xét căn phòng ở chùa Khai Thiện để tiếp đãi Sư, vì ngại Sư có ý tưởng núi rừng nên làm như vậy. Sư thường rãi bước đến cửa, chống gậy mà than rằng: “Nhà tường bao quanh, ngõ cỏ lấp bít, há ngồi trong đó mà lấy làm vui, sao quý rộng lớn mà khinh thường cỏ tranh ư? Và lại, an định mà hay dời đổi. Điều ưa chuộng của người xưa sao lại trệ ngại nơi đây, dùng để thưởng ngoạn tai mắt ư? Sư để tâm ở Mân lãnh, quán Nga My kia. Gặp Tây Xương Hầu Tiêu Uyên Tảo ra trấn nhậm tại Thục Châu, Sư mới rũ áo nương theo đi đến Tỉnh Lạc. Tuy đường phải đi qua cửu chiết mà chẳng quên Tam niệm. Lại vì ít ưa thích kinh sách nên cầm quyển mà lặng thinh, động dờn thêm lỗi, khiến cho Thiền Pháp ở Dung Thục nhờ đó được hưng thịnh.

Lâu sau, Sư lại trở về Kim Lăng, lại trụ chùa Khai Thiện. Trước kia tại núi ở Hồ Dục có vị Thần hiện đem “Tuệ Ấn Tam muội” trao cho Nam Bình Vương Quán, vì bệnh mà thực hành trai pháp ba tuần. Nếu không hiểu pháp này thì đến hỏi Sa-môn Tăng Phó!” Khi đó, bèn đem đến hỏi Sư. Và quả nhiên đó là Pháp mà Sư đã từng hành trì. Nam Bình Vương Quán bèn thực hành cúng trai, bệnh được lành mạnh bình phục. Há chẳng phải trong nhân ngoài kết cấu giúp nhau khởi lên hay sao. Không bao lâu, Sư qua đời tại chùa Khai Thiện, thọ sáu mươi một tuổi, lúc đó nhằm niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương. An táng Sư ở ngoài Đô Môn của chùa Định Lâm hạ. Vua Võ Đế vô cùng buồn thương, ban sắc cấp tặng.

Lúc trước khi bị bệnh nặng, có người khuyên nên tu phước, Sư bèn dốc sức trong cơn bệnh ngồi dậy, cố gắng bảo rằng: “Dùng của cải để kéo dài mạng sống là cách Xa Đạo! Mọi vật trong phòng tôi đều cúng thí cho Chiêu-đề tăng. Nhục thân tôi sau khi chết chỉ nên đem bỏ trong hang núi để cấp thí cho loài cầm thú no đủ, như vậy chẳng tốt hơn ư? Chớ nên xây dựng quan quách mộ tháp mà trái với ý tôi!” Môn nhân Đệ tử than khóc, chẳng nỡ làm theo lời Sư, cùng nhau khắc văn bia để khen ngợi đức hạnh Sư. Và Công chúa Vĩnh Hưng là người vốn có tâm quý tín, đến trình với Đông cung xin soạn văn bia đó. Có lệnh sai Tương Đông Vương Dịch, dựng bia ở tại chùa.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Thắng trụ chùa Diên Hiền ở Chung Sơn

Thích Tuệ Thắng, người ở Giao Chỉ, trụ chùa Tiên Châu, gá thân chốn rừng chàm, tâm rảnh rang ngoài vật. Ngài tụng Kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến. Năm tháng chóng trôi qua, Sư ăn mặc tiết chế, chỉ đủ che thân. Sư học các Pháp Quán hạnh với Thiên sư Đạt-Ma-Đề-Bà người ngoại quốc. Mỗi lần nhập định thì mãi đến sáng hôm sau mới xả.

Có Lưu Tích ở Bành Thành ra trấn thủ Nam Hải, nghe đạo phong của Sư nên sai người thỉnh cùng trở về. Nhân đó, Sư đến trụ chùa U Thê, giấu kín tông tích, thường tỏ ra như người ngu dốt. Song, những người ở lâu thì kính trọng Sư, người học thiền rất mến quý. Trong chùa U Thê không có nấu thức ăn, chỉ đi khát thực, rất tuân theo sự thanh khiết cần kiệm.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ năm (487) thời Nam Tề, Sư dời về tinh xá Diên Hiền ở Chung Sơn. Từ thưở nhỏ đến lúc tuổi già, tâm Sư luôn trong trắng chân chánh. Đến niên hiệu Thiên giám thứ năm (506) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tịnh Danh, có Thiên sư Tuệ Sơ, là người xứ Thiên Thủy thuộc đất Ngụy. Ngài chỉ ở trong thai mẹ bảy tháng thì sinh. Vừa mới có sự nhận biết, Ngài đã thích thực hành thiền niệm, có lần ở chỗ rỗng rang phòng nhà trống vắng, không hay biết sấm sét nổ vang. Khi đó hẳn là Sư đang trú tâm nơi tĩnh lặng sâu màu, không thể lường được, Chí Sư cao xa trong lặng, vượt ngoài người vật. Về sau, Sư đến nước Lương, trụ chùa Hưng Hoàng. Thường ở trong phòng vắng nhiếp tĩnh, ngọc khuê chương chiếu sáng bên ngoài. Kẻ tăng người tục đến thưa hỏi giáo Pháp, tiếng tăm vang xa khắp cả Hoàng Ấp. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) bèn xây dựng thiền phòng tại chùa Tịnh Danh để Sư trụ ở đó, suốt bốn mùa cung cấp cúng dường. Kẻ tăng người tục nhóm họp thưa hỏi Phật pháp. Sư vốn có hoài bão lớn lao, giữ chí thuần trọng. Với các hàng vương công cao quý, Sư chẳng hề đến nghinh hầu.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ năm (524) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, an táng tại phía bắc núi Chung Sơn. Đệ tử Sư là Sa-môn Trí Ngung dựng bia bên cạnh tháp mộ Sư, Ngự sử Trung Thừa Ngô Quân Lục ... soạn lời văn.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Đạo Trân ở Lô Sơn thuộc Giang Châu

Thích Đạo Trân, không rõ Sư là người xứ nào. Đầu thời Nam Lương (502) Sư trụ ở Lô Sơn, thường hành trì Quán tưởng Đức Phật A-di-đà. Một hôm thấy có người chèo thuyền đi giữa biển lớn, bảo là “đi đến cõi nước Phật A-di-đà!” Sư muốn cùng đi theo, người trên thuyền bảo rằng: “Sư chưa tạo nghiệp Tịnh độ, phải xây dựng phòng, tắm, tụng kinh A-di-đà”. Khi tỉnh giấc, Sư bèn thực hành y theo giấc mộng. Trải qua nhiều năm tháng thì cái ao nhỏ trong phòng có giáng một cái đài bằng bạc trắng. Người đương thời không biết, riêng mình Sư ghi lại sự việc ấy cất dưới đáy hòm kinh. Và đến lúc Sư thị tịch, ngay đêm đó, từ lưng chừng núi trở lên như có xếp bày mấy ngàn ngọn đuốc. Mọi người ở thôn gần trông thấy cho đó là các Vương Hầu thăm lễ, sáng sớm lên núi tìm xem mới biết là Sư thị tịch. Và cho là điềm lành mình cảm ngoài ứng. Sau đó, nhân tìm kiếm trong kinh mới biết về Bản Sự vãng sinh của Sư, bèn ghi lại để chỉ dạy cho hàng hậu học.

Bấy giờ, trên đỉnh núi ấy có một ngôi chùa, có Thiền Sư Pháp Quy, vốn ở Hán Âm thuộc Tương Dương. Sau khi xuất gia, Sư chuyên tu định tĩnh, cảm mộng có vị Thần đến thỉnh Sư bèn đến Lô Sơn đi khắp các chôn, bỗng nhiên tỉnh giấc. Sư bèn theo như giấc mộng mà tìm đến. Nhưng vì Lô Sơn từ khi mới sinh đến giờ, Sư chưa từng đến. Tới lúc sang đó, thấy cây đá chùa tháp giống như trong mộng, Sư mới biết là Thần ở Lô Sơn đến thỉnh, Sư bèn y cứ ở đó xây dựng am thất, sớm tối tiếp nối đại nghiệp. Và Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi ấy!

Bấy giờ, lại có Thiền sư Tuệ Cảnh là bậc thanh tịnh cao vời xuất chúng, chẳng sánh vai với Đạo tục, riêng mình ngài tu hành ở chốn núi rừng, lấy thiền tuệ làm chính. Sau khi Sư thị tịch lại bị co quắp hai ngón tay. Có người vượt ra thì tay duỗi nhưng rồi lại co quắp như trước, cho nên trong truyện ghi là Sư đã chứng đắc Nhị quả. Ngay buổi sáng Sư thị tịch, các cây thông trên đỉnh núi đều mưa Cam Lộ. Nên nay gọi là đỉnh Cam lồ. Lúc bình sinh, Sư thường cảm có hai chim cứ đứng giờ thì đến xin ăn, đến khi Sư thị tịch thì dứt bặt dấu vết tại núi đó, ba đức ấy lan tỏa cả triều đại Nam Lương, mỗi cây đều khắc sơn, đều có khắc ghi công lao.

---o0o---

04- Truyện Thiền Sư Phật đà - người xứ Thiên Trúc trụ chùa Thiếu Lâm

Thiền sư Phật-đà, Hán dịch là Giác giả. Sư vốn là người Thiên trúc. Chuyên học tĩnh nhiếp, chí nguyện ở Quán phương. Sư kết bạn với sáu người, cùng nhau theo Nghiệp đạo, năm vị tăng kia đều đắc Đạo, chỉ mình Sư không thành đạt gì, bèn siêng năng giữa mài tiết chí như cứu lấy thân áo. Tiến lùi đều làm lỗi, Sư không biết chỗ đặt đề! Bấy giờ, có người bạn đã đắc đạo bảo Sư rằng: “Tu Đạo nhờ vào cơ, tới thời thì thành tựu, chẳng thể trong phút chốc mà luống chết uổng. Ông nên sớm tối đặc biệt vì duyên riêng, độ hai người đệ tử rất có lợi ích lớn!” Nhân nghe theo đó, Sư liền đến khắp các nước, bèn đến Hằng An thuộc xứ Bắc Đãi đất Ngụy.

Bấy giờ, ngài gặp được Hiếu Văn Kính Long Thành đến riêng xây dựng thiền lâm, đục đá làm khám, nhóm chúng cùng tu định niệm. Nước nhà cúng dường cung cấp, thêm Thừa các bộ khác, nhưng Sư hiện bày ngầm ứng hiện trước đều khác lạ, chẳng phải người thường. Trong thành Hằng An có nhà Họ Khương, của cải giàu có trăm muôn, rất kính trọng Phật Pháp, nên vì Sư mà tạo lập Biệt Viện. Sư thường ở trong thất tự tĩnh lắng vâng hành đạo nghiệp. Có đứa trẻ trông thấy qua khe cửa có lửa cháy rực rỡ, sợ hãi báo với Viện Chủ, cả chùa cùng kéo đến nhưng đều chẳng thấy gì. Sư có sự ứng thông diệu huyền như thế, những người thấy việc đó về kể lại trong chúng, các vị thức giả suy nghiệm cho là Sư đắc Đạo. Sau, Vua nhà Tùy dời về phía Nam, đóng đô ở đất Lạc. Nhà vua lại thiết lập Tĩnh Viện, ban sắc cho Sư trụ ở đó. Nhưng tánh Sư ưa thích chốn sâu vắng, nương gá nơi núi hang. Sư thường đến Tung sơn cao xa, cách biệt người đời. Vua bèn ban sắc sai người đến núi Thiếu Thất vì ngài mà xây dựng chùa, nay là chùa Thiếu Lâm, vua để Sư trụ ở đó. Những người học pháp tức tâm ở khắp bốn biển nghe Đạo phong của Sư đều nhóm họp đồ chúng thường đông đến mấy trăm vị, thường thực hành thời khóa xuất yếu, thành sự cứu giúp cùng cực. Thịnh thoảng Sư bảo chúng rằng: “Tinh xá Thiếu Lâm này có Linh thần Kỳ hộ vệ riêng”, sau khi tạo lập không bao giờ bị thiếu thốn”. Nhờ đó khiến cho người tạo dựng đầy đủ núi mà kho lẫm chúng tăng thường tràn đầy, từ đó đến nay đã hai trăm năm, tuy đói kém thường xảy ra mà trong chùa vẫn sung túc. Xa so sánh với ngài Phật-đà thì không có truyền làm.

Bấy giờ, Sư lại vào trong xóm, sắp độ người có duyên. Khi ấy, Sa-môn Tuệ Quang vừa mới mười hai tuổi, đứng trên thành giếng ở đường Thiên môn, lại đập một thanh sắt liền suốt năm trăm thanh khác, mọi người ồn ào đua nhau lấy làm lạ đến xem. Sư thấy vậy chỉ nói: “Đứa bé này rất giỏi làm trò thế gian, Đạo nghiệp cũng sẽ không mờ tối!” Trong ý Sư muốn dẫn độ, bèn dùng gậy đánh lên đầu, tiếng vang trong suốt. Ngài Tuệ Quang đã giỏi về Thanh Luận, Sư biết đó có khả năng trở thành Pháp khí, bèn hỏi Tuệ Quang

rằng: “Ông có muốn xuất gia chẳng?” Ngài Tuệ Quang đáp: “Dạ con muốn xuất gia” Ngài bèn độ cho xuất gia. Ngài Tuệ Quang thấu suốt xưa nay, đầy đủ như Biệt truyện.

Ngài lại bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Phòng độ sa-môn Tăng Điều, chỉ dạy cho giáo nghĩa Định Nghiệp. Từ đó hành hóa đến khắp Đông Hạ, chỉ có hai vị Hiền giả này là được ghi chép. Tuổi tác đến lúc già yếu, Sư chẳng tham dự việc thường của chư tăng, giao cho các đồ chúng tự cùng nhau sách tấn thành tựu đạo Nghiệp. Còn chính Sư dòi ra ngoài chùa ở phòng riêng. Cảm có vị Thiện thần thường theo che chở như hình với bóng. Sư cũng bảo thiết bày vật thực để cúng dường. Về sau, lúc sắp thị tịch, Sư đưa tay họa vẽ Tôn tượng thần nơi vách tường cửa phòng. Đến nay vẫn còn.

---o0o---

05- Truyện ngài Bồ-Đề-Đạt-Ma người Nam Thiên Trúc ở Nghiệp Hạ

Bồ-Đề-Đạt-Ma, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, người Nam Thiên Trúc. Sư vốn có thần tuệ sáng suốt, nghe đều hiểu ngộ. Chí hướng Đại thừa, tâm thần rộng lắng, thông hiểu huyền vi, thấu suốt pháp số, định học cao vời. Ngài buồn thương ở xứ này là vùng ven góc (Biên địa) nên đem giáo pháp đến truyền bá dẫn dắt. Ban đầu, Sư đến đất Tống đi về hướng Nam, sau cùng lại đi về hướng Bắc đến đất Ngụy. Hễ dừng chỗ nào Sư cũng đem pháp thiên ra dạy bảo. Bây giờ, khắp cả nước đang hưng thịnh việc truyền bá giảng dạy, chợt nghe Định pháp nên phần nhiều sinh hiềm nghi phỉ báng!

Có hai vị Sa-môn Đạo Dục và Tuệ Khả, tuổi tuy nhỏ mà chí khí bén nhạy cao xa. Lúc mới gặp Phật Pháp, đã biết Đạo có chỗ trở về, bèn theo gần gũi phụng thờ Sư. Trải qua bốn, năm năm cúng dường thưa hỏi. Sư cảm sự tinh thần của hai Sa-môn ấy nên mà dạy Chân Pháp: “ An tâm như thế, đó là Bích Quán (xoay mặt vào vách quán chiếu). Phát hạnh như thế, là gồm có bốn pháp như sau, thuận vật như thế, tức dạy cách giữ gìn đừng hiềm tật. Phương tiện như thế, tức là dạy chẳng nên chấp trước. Nhưng, vào Đạo có nhiều đường, cốt yếu chỉ có hai lối, tức Lý và Hạnh. Nhờ giáo mà tỏ ngộ Tông, tin sâu rằng tất cả chúng sinh đồng một thể tánh, chỉ vì khách trần làm chướng ngại, nên khiến bỏ ngụy về chân, nhưng trụ vào Bích quán, không ta không vật, phàm thánh bình đẳng như một. An trú vững chắc không dời đổi thì chẳng rơi vào Tha giáo, thâm hợp với đạo, vắng lặng vô vi, gọi đó là Lý nhập.

Hạnh nhập tức gồm bốn hạnh mà gồm nhiếp cả muôn hạnh. Một là hạnh Báo oán, nghĩa là người tu Đạo khi khổ đến nên nhớ nghĩ kiếp trước bỏ gốc theo ngọn, tạo ra lắm thứ thù ghét. Đời nay tuy không phạm, nhưng do ta đã gây ra trước, nên can tâm mà nhận chịu, đều không oán đối. Trong kinh nói:

“Gặp khổ không lo buồn, bậc Thức giả phải nên như vậy. Lúc tâm này sinh thì không trái với Đạo, hiểu được oán mà tiến Đạo”. Hai là hạnh Tùy duyên, nghĩa là chúng sinh vốn Vô ngã, khổ vui tùy duyên. Dù cho như được mọi sự vinh hạnh vẻ vang v.v... thì đó là do Nhân ngày trước đã gieo trồng, nay mới được như vậy. đến lúc duyên hết thì trở thành không, đâu có gì vui? Nên được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt. Gió nghịch thuận đã ngừng lắng, thì thắm hợp với Pháp. Ba là hạnh Vô sở cầu, nghĩa là người đời mãi mê mờ lâu dài, chỗ nào cũng tham đắm, gọi là Cầu. Bậc Đạo sĩ tỏ ngộ chân pháp, lý trái với Tục. An tâm vô vi, hình theo vận mà chuyển. Ba cõi đều khổ, ai người được an? Trong kinh chép: “Hễ có mong cầu đều khổ, không cầu mới là vui”. Bốn là Hạnh xứng Pháp, tức là lý tánh tịnh.

Sư đem Pháp ấy khai giảng hoằng hóa ở đất Ngụy. Các bậc thức chân theo quy hướng tỏ ngộ, ghi chép lời Sư thành pho quyền truyền bá ở đời. Sư tự nói tuổi đã ngoài một trăm năm mươi. ngài chỉ lấy du hóa làm việc chính. Không biết về sau, Sư tịch ở đâu.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tăng Khả ở Nghiệp Trung, thời Bắc Tề

Thích Tăng Khả, ngài gọi là Tuệ Khả. Sư họ Cơ, người xứ Hồ Lao. Sư ngoài đọc xem các sách, trong thông hiểu Tạng điển. Cuối cùng nghĩ nhớ Đạo ấy, kinh liền lặng lẽ xét xem, bấy giờ Sư mê chuộng Sư đơn độc soi sáng lớn, giải ngộ vượt hơn mọi người. Tuy thành Đạo chẳng phải mới, nhưng chúng sinh quý ở Sư thọ. Một thời khiến trông ngóng đều cùng chẳng đúng, nhưng quyền nói không mưu tính, hiển bày sự hiểu chẳng xa, tự kết cốt lỗi ấy, ai có thể buộc ràng?

Năm bốn mươi tuổi, Sư gặp được Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma người xứ Thiên Trúc đang đến hoằng hóa ở Tung Lạc. Sư có hoài bão muốn biết Đạo, vừa trông thấy Ngài liền vui mừng, kính thờ làm thầy. Vâng theo Tông Chỉ, theo học sáu năm, tinh chuyên nghiên cứu về Nhất thừa. Lý sự đều dung thông, khổ vui không dính mắc, mà kiến giải chẳng phải phương tiện, trí tuệ vượt ngoài thần tâm. Sư bèn y cứ vào cảnh đào luyện tinh uế, đất dính mới biết, lực dụng vững chắc, chẳng bị duyên xâm phạm.

Đến lúc Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma ngưng hoằng hóa ở Lạc Tân thì Sư cũng vui hình ở ven sông, nhớ xưa vui mừng vẻ vang, truyền hịch ở Bang Kỳ, khiến các hàng Đạo tục đến thỉnh cầu, muốn theo bậc thầy khuôn phép. Sư bèn phán chân biện tài kỳ đặc, phô bày tâm yếu. Nên được lời khắp thiên hạ, ý chẳng kiến lập. Sách Huyền giở ra xem, chưa hề qua tâm.

Về sau, vào đầu niên hiệu Thiên Bình (534) thời Đông Ngụy, Sư đi về hướng Bắc, đến Tân Nghiệp, mở bày hưng thịnh Bí uyển. Hạng người mắc kẹt nơi Văn, đứng sai lãng xăng. Bấy giờ, có Thiên Sư Đạo Hằng, trước có định học, mở mang ở Nghiệp Hạ. Đồ chúng có ngàn vị. Vì Sư nói pháp tình sự không chỗ nương gá, nên Thiên sư Đạo Hằng cho đó là ma nói, bèn sai người thông minh trong chúng, đến sát hại nơi cửa Sư. Nhưng người ấy đã đến nghe Pháp tự nhiên tâm phục, buồn cảm đầy lòng, không muốn trở về báo lại. Thiên Sư Đạo Hằng lại bảo người đến gọi, người ấy cũng không vâng mạng. Và những người sứ cùng theo kẻ ấy rất đông cũng chẳng chịu trở về. Ngày khác, người ấy gặp Thiên sư Đạo Hằng, Thiên sư Đạo Hằng hỏi: Ta dùng công phu như thế để mở mắt cho Ông, vì sao như thế? Kẻ ấy đáp: “Mắt vốn tự chân chánh, bị thầy làm cho trở nên tà vạy”. Thiên Sư Đạo Hằng càng thêm tức giận phỉ báng buồn bực về Sư, bèn dứt lót tiền của cho Tục Phủ giết hại phi lý. Ban đầu không một chút hận, làm cho mấy người đến chết. Đồ chúng Thiên sư Đạo Hằng mừng vui, bèn khiến rõ gốc gác, dứt bỏ học Phù Hoa. Người nhảm báng cầm dao tự nghĩ, mới ngộ một lời Sư giảng nói, vừa mừng vừa sợ, vết biển sạch dấu chân, cạn sâu ở tại đó. Sư mới thông dong thuận tục, có lúc ban trải Thanh Du chọt gá thác ngâm vịnh. Hoặc nhân tình sự lắng phục, Thiên sư Đạo Hoàng ôm dốc phân phanh hoang phiền. Nêu Chánh Đạo Xa mà khó bày bố, vướng mắc gàn mà dễ kết nên. Điều đó có nguyên do, dòng đạo xa lìa Nghiệp vệ, chóng bày lạnh ấm. Đạo đã sâu sắc mà lại nhiệm màu. Nên tiếp nối sau rất không có vẻ vang kế thừa.

Có Cư Sĩ Hướng là người trốn ẩn sâu nơi rừng núi hoang dã, chỉ ăn cây lá. Vào đầu niên hiệu Thiên Bảo (550) thời Bắc Tề, Đạo vị thâm hợp, gửi thư thăm hỏi Sư rằng: “Ảnh do thân khởi, vang theo tiếng đến. Đùa bỡn với Ảnh thì khổ nhọc thân, không biết Ảnh là của thân, phát ra tiếng mà làm cho dừng vang, chẳng hay tiếng là gốc của vang. Nên mê ngộ chỉ một Đường, Ngu Trí chẳng khác. Không Danh mà tạo ra Danh, nhân danh đó mà đứng sai sinh khởi. Không Lý mà tạo ra lý, nhân lý ấy mà tranh luận khởi lên. Huyền hóa chẳng chân, ai đúng ai sai? Luống dối chẳng thật, đâu không đâu hữu, cùng biết được không thật có được, mắt không thật có mắt, chưa kịp vội vàng bàn nói, liền trình bày ý này, tưởng vì đáp lời cho đó!” Sư bèn cầm bút thuật lại ý rằng: “Nói Chân Pháp này đều là như thật, rất ráo không khác với lý chân thật màu nhiệm. Như người vốn không biết ngọc Ma-ni cho đó là sỏi sỏi, hoát nhiên tự giác biết là Chân châu. Vô Minh và trí tuệ Bình đẳng không khác, phải biết nuôn Pháp đều Như. Vì thương xót hạng người có hai kiến chấp ấy mà tỏ bày văn từ phô diễn, bút mực ghi chép. Quán thân mình và Phật không khác nhau, đâu cần lại tìm Vô Dư kia?” Sư mở lời nhập

lý, chẳng thêm bút mực ghi chú. Tỉnh thoảng có thêm vào, bèn thành Bộ loại. Đây đủ như ở sách khác.

Bảy giờ lại có các Thiên sư Hóa Công, Liễu Công v.v... mỗi vị đều thông suốt chỗ sâu xa, bày nói sự gởi gắm nỗi lòng. Nghe các miệng thật, mà người đời chẳng xa, bia ký ít nghe. Lời nhiệm màu chẳng truyền. Đức trong sáng ai rõ, thật đáng đau buồn!

Bảy giờ, có Pháp sư Pháp Lâm ở tại đất Nghiệp, giảng Kinh Thắng-man và soạn thuật Văn Nghĩa. Mỗi lúc giảng, thính chúng nhóm họp, bèn chọn những vị thông hiểu ba Bộ Kinh, có được bảy trăm vị dự nơi Pháp tịch. Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Ngài Pháp Lâm cùng Sư đồng học, cùng hộ trì Kinh tượng. Ban đầu, Thiên sư Bồ-Đề -Đạt-Ma trao Kinh Lăng-già bốn quyển cho Sư mà bảo rằng: “Ta quán xét đất Hán chỉ có kinh này. Nhân giả (tức chỉ ngài Tăng Khả) y cứ mà hành trì sẽ tự được độ đời!” Sư bèn chuyên nương tựa vào Huyền lý, như trình bày ở trước, bị bọn cướp chặt đứt cánh tay, Sư dùng pháp chế ngự tâm, không thấy đau khổ, dùng lửa đốt chỗ bị chặt, hết chảy máu, dùng lụa quấn lại. Và Sư vẫn đi khát thực như trước, không hề báo cho mọi người biết. Sau đó, Ngài Pháp Lâm lại bị bọn cướp chặt cánh tay, đau khổ kêu gào suốt đêm. Sư bèn về chữa trị bằng bó cho và đi khát thực về cho Ngài Pháp Lâm. Ngài Pháp Lâm lấy làm lạ về tay ngài (Tăng Khả) không tự nhiên bèn sinh tâm tức giận. Sư nói: “Bánh ăn ở trước mặt, sao chẳng tự dùng?” Ngài Pháp Lâm nói: “Tôi không có tay, ngài không biết hay sao? Sư nói: Tôi cũng không có tay, đâu có gì đáng tức giận!” Nhân đó, bèn thăm hỏi, mới biết là có Công phu. Nên người đời gọi là “Vô Tý Lâm” (Ngài Pháp Lâm không có tay). Thường khi nói pháp xong, Sư bảo rằng: “Kinh này sau bốn đời sẽ thành Danh tướng, đâu có gì đáng buồn”.

Có Thiên sư Tăng-na, họ Mã. Năm hai mươi một tuổi, Sư ở Đông Hải Giảng Lễ Dịch, hành học có bốn trăm vị. Ngài đi về hướng Nam đến Tương Châu, gặp Ngài (Tăng Khả) nói pháp, bèn cùng mười vị học sĩ xuất gia thọ đạo. Các môn nhân ở phía Đông Tương Châu thiết trai để từ biệt Sư, tiếng khóc kinh động cả thôn ấp. Từ khi Sư xả bỏ thế tục, tay chẳng nắm lấy bút và sách vở thế tục, chỉ mặc một chiếc y, ăn một bình bát, ngồi một nơi, mỗi ngày chỉ ăn một bữa lấy đó làm thường hạnh, lại kính phụng hạnh Đầu-đà nên hề những chỗ nào Sư đến đều chẳng tham dự vào thôn xóm.

Lại có Sa-môn Tuệ Mãn, họ Trương, vốn người ở xứ Vinh Dương. Trước kia trụ chùa Long Hóa ở Tương Châu, gặp Thiên sư Tăng-na nói pháp, bèn thọ nhận đạo pháp ấy, chuyên thực hành không đắm trước, chỉ mặc một chiếc y, mỗi ngày ăn một bữa, và giữ gìn hai cái kim. Mùa Đông thì vá áo,

mùa hạ thì xả thông để che đậy thân mà thôi. Sư tự nói trọn một đời không hề có khiếp sợ, thân không bị muỗi mòng cắn đốt, ngủ không mộng mỵ. Dừng ở một nơi nào đều không tới hai đêm. Đến chùa thì Sư bỏ củi làm mọi việc, thường thực hành hạnh khát thực.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiên Đường, Sư đến cạnh chùa Hội Thiện ở phía Nam Lạc Châu, ngủ qua đêm trong gò mả, gặp lúc tuyết phủ dày ba thước. Sáng sớm đó, Sư vào chùa thấy Pháp Sư Đàm Khoáng, ngài Đàm Khoáng lấy làm lạ chẳng biết Sư từ đâu đến bèn hỏi: “Bạn Đạo đến đó ư?” Bảo tìm chỗ ngồi, khắp bốn phía tuyết phủ dày đến năm thước không thể lường được. Nên thời gian đó, tất cả chư tăng đều lánh ẩn. Sư bèn đắp y, ôm bát đi khắp các xóm làng, không hề vướng mắc, hề được cúng vật gì thì bèn ban tán, tìm cầu sự hư nhàn. Nếu có người thỉnh Sư ở lại qua đêm chứng trai. Ngài bảo: “Nếu trong thiên hạ không có người, mới nhận sự thỉnh mời ấy”. Nên mỗi lúc giảng pháp, Sư thường bảo: “Chư Phật nói về tâm, để giúp cho tướng tâm là Pháp luống dối. Ngày nay lại thêm của tướng tâm, rất trái với ý Phật. Lại thêm Luận bàn, rất trái với Đại Lý”. Nên Sư cũng như các Thiền Sư Tăng-na v.v... thường mang bốn quyển Kinh Lăng-già, lấy đó làm tâm yếu. Hễ giảng nói điều gì thì thực hành điều đó, không trái với ý di chúc. Về sau, ở xứ Lạc Dương, Sư không bệnh mà an nhiên ngồi thẳng thị tịch, thọ khoảng bảy mươi tuổi.

Các vị trên đây đều thuộc tông hệ của Ngài Tăng Khả, nên chẳng trình bày riêng.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tăng Đạt trụ chùa Hồng Cốc ở núi Lâm Lự

Thích Tăng Đạt, họ Lý, người ở xứ Thượng Cốc. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, đến học ở Bắc Đại, Sư lấy sự nghe giảng và thực hành làm chính.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tu học theo Tỳ-ni, tới lui xét nét chẳng phải như thói quen trước. Năm được hai tuổi hạ, Sư rất được vua Hiếu Văn Đế (Thúc Bạt Hoằng 466-471) thời Bắc Ngụy kính trọng, thỉnh Sư vào chùa miếu, mở mang khai giảng Luật Tứ Phần, Hình khí Sư khác thường, ai thấy đều kinh sợ kính thờ. Đầu Sư tợ đầu hổ, tai dài, có hai chiếc răng dài hơn cả tóc. Cơ luận biến ứng thích hợp thể hiện sự cao đẹp. Sư cùng ngài Long Đạt ở Từ Châu, đều đề xứng nghĩa. Sau đó, Sư lại chống tích trượng đến Lạc Đô, nhân gặp được Tam Tạng Pháp sư Lạc-na. Sư bèn kính vâng sự dạy răn mới ấy. Không bao lâu thì Pháp sư Lạc-na thị tịch! Ngài trình bày lại Địa Luận tiếng tăm kinh động, khiến các người trông ngóng quy hướng tin tưởng cùng lần

lượt khen ngợi yết kiến. Sau Sư lại nghe Pháp sư Quang khai giảng Địa Luận, phát minh ý chỉ sâu mâu, Sư bèn cầu thọ giới Bồ-tát với Pháp sư.

Vì theo thỉnh nghiệp nên Sư có tên trong học chúng. Sư lại đến Nam Hội Từ Bộ học thông Địa Luận. Đến lúc Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương dẹp loạn, mở mang Đạo Pháp, Sư cảm thấy vui mừng, bèn vượt sông đến nơi cung quyết, xin được diện kiến. Vua sai Quan Phụ Mã là Ân Quân dẫn Sư vào điện Trùng Vân. Suốt ngày suốt đêm, Sư truyền giảng những điều Vua chưa từng nghe, ngồi tại một chỗ suốt bảy ngày đêm. Vua khen ngợi đó là điềm lành. Nhân đó vua theo Sư mà cầu xin thọ giới, thề nguyện làm đệ tử Sư. Và Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Đồng Thái, thường dâng lễ phụng cúng. Cứ mỗi tuần, Sư riêng vào điện chỉ bày khai giảng đạo lý cho nhà Vua. Chừng khoảng năm sau, Đạo lý trong tâm vua đã có sở y cứ, Ngài giã từ vua trở về đất Ngụy. Qua bảy lần xin về, Vua mới bằng lòng. Bây giờ, tại Hành Đài thuộc Duyên Châu, Hầu Cảnh vì Sư xây dựng hai ngôi chùa, núi tên Thiên Quán. Vua có chiếu ban rằng: “Bậc trượng phu thấu đạt niêm, Thân là khổ khí, khó có thể duy trì. Bèn thử thực hành, ăn bánh bọ, không ăn gạo cơm”. Từ đó đến trọn đời, Sư riêng dùng để duy trì mạng sống.

Sau cùng đến thời vua Phế Đế (Nguyên Khâm 552-554) thời Tây Ngụy. Trung Sơn Vương ban sắc cho Bộc Xạ Cao Long đến thỉnh Sư đến Nghiệp Đô, để xin thọ giới Bồ-tt. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời bắc Tề đặc biệt lễ trọng, trước sau có đến sáu lượt quy hướng tôn trọng mười điều lành. Nhưng tánh Sư vốn ưa thích ở chốn suối rừng, sống thanh nhàn giúp nghiệp. Vua Văn Tuyên Đế bèn vì Sư mà đến phía dưới non Hoàng Hoa thuộc núi Lâm Lự xây dựng chùa Hồng Cốc, và dẹp bỏ miếu cũ Thần Võ mà xây chùa Định Khẩu. Lấy hai nơi ấy để thỉnh Sư ở. Mới đầu, Sư đến xây dựng chùa núi, lúc sắp bước vào cửa hang, thì có con hổ ngồi xổm phía trước. Sư bèn nói rằng: “Muốn xây một ngôi chùa, để phước trùm cả cõi u linh, nếu người bằng lòng thì hãy tránh đường!” Sư nói xong, Hổ bèn đứng dậy bỏ đi. Đến lúc xây chùa hoàn tất, an định chúng tăng trông coi mọi việc. Sư về lại Nghiệp Kinh, ban đêm có vị thần hiện đến, thân mặc sắc phục màu vàng đến vái chào rồi quỳ mà thưa rằng: “Đệ tử là vị Thần đội núi. Vua và Tam Cốc đều được cúng dường đầy đủ, xin Sư chớ phải trở về!” Sư bảo: “Ở núi lợi ít, ở Kinh đô lợi nhiều. Bần đạo quán xét cơ duyên mà hành động, mong đừng ngăn cản ở lại!” Lại qua đêm tĩnh lặng, có người đẩy cửa vào tự xưng là: “Đệ tử là vợ của Sơn thần, ban ngày không rảnh rỗi nên giờ này đến tham bái!” Và cung kính dâng cúng một sọt bánh gạo mà nói rằng: “Tặng không thiên vị, lúc lễ Phật xin thêm tên của đệ tử!” Sư bảo: “Bánh gạo hãy

mang trở về, sau ta sẽ lễ bái cho!” Nhân đó Sư bảo thực hành chung, mỗi lúc lễ bái đều xưng thêm tên. Sư cảm được cõi u minh đại loại như vậy.

Sư bảo đệ tử là Sa-môn Đạo Sáng vì thần núi mà đọc tụng Kinh Kim Quang Minh. Được hơn một tháng thì có hổ đến bắt chó đi. Sư nghe thế bàn hỏi rằng: “Đây chắc là do chú Đạo nhỏ này biếng nhác, chẳng vì Đàn Việt đọc tụng Kinh”. Liền hỏi đó, quả nhiên Đạo Sáng nói là ba ngày nay chỉ tụng Kinh Duy-ma”. Sư bèn đốt hương lễ phật và bạch rằng: “Mấy hôm qua tuy tụng kinh khác, nhưng phước đó cũng thuộc về Đàn Việt, nếu có linh xét thì nên thả chó trở về”. Đến sáng ngày, chó trở về, thấy trên đầu nó có dấu răng cắn. Đây lại là tiếp gồm thần minh, gần như không thể lường!

Sư giảng các Kinh Hoa Nghiêm, luật Tứ Phần, Kinh Thập Địa, Luận Địa Trì, tuy không có sớ ký nhưng giảng nói có y cứ. Đặc biệt Sư giỏi về luận nghị, nổi tiếng khắp Nam Bắc, cánh cửa Thiên pháp khai mở cho đời rất rộng.

Sư từng đến đất Lương, Hoà-thượng Chí Công gặp Sư liền nói rằng: “Thiền Sư Đạt là người có Phước Đức lớn, vua cũng rất kính trọng, từng bảo với các quan hầu là “Ở phương Bắc có Pháp sư Loan và Thiền sư Đạt là các vị Bô-tát nhục thân”, nên vua thường hướng về phương Bắc từ xa lễ bái”. Sư được các bậc Quân vương đương thời kính trọng, không có ai hơn. Đến một lúc, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn an nhiên ngồi thẳng trên giường dây, miệng niệm tụng Kinh Bát-nhã, hình khí điều hòa yên tĩnh. Sư thị tịch tại chùa Hồng Cốc, thọ tám mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng bảy tháng sáu niên hiệu Thiên Bảo thứ bảy (556) thời Bắc Tề.

Vua Tuyên Đế nghe vậy, kinh hãi vội vã đến nơi, lớn tiếng khóc gào, cả sáu quân đồng khóc vang động khắp núi rừng. Sau đó, an táng Sư dưới sườn núi trong hang, lập bia ở sau.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ chín (636) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) đích thân đến đó lễ yết. Di cốt Sư vẫn hiện còn, Di tích ngôi chùa vẫn y nhiên!

Từ khi Sư kính tâm đối với Huyền đạo, thì tâm không xen hở. Với người có sự hiểu biết thì đồng gần gũi, đều không hiềm khích. Nhân trước có sự chiêu cảm riêng nên càng thêm kính thờ, chỗ Vinh hiển cao sang càng khiêm tốn từ chối. Phật Pháp thời Mạt ưa chuộng Quan tước vinh hiển, những kẻ kiêu hãnh vọng kết bè đảng ngưng Sư vì nước đều xem là nhỏ mọn, không hề đoái hoài. Với các nơi Chiêu Huyền Tào Cục, Sư chẳng hề bước đến. Đó mới là chỗ xem thường của các bậc Thánh đạt. Thật là tướng tốt của Phước thể gian.

08- Truyện ngài Thích Tăng Điều trụ chùa Vân Môn ở Long Sơn

Thích Tăng Điều, họ Tôn, vốn xuất xứ từ Xương Lê, sau cùng đến ở Anh Đào thuộc Cự Lộc. Tánh tình Sư Độ lượng thuần hòa, hiếu hạnh tín tâm nổi tiếng, siêng năng tìm học sách thế tục, thông rành các thứ kinh sử. Được cử làm Thái Học Bác Sĩ. Sư giảng giải sách đời tiếng tăm vang khắp triều đình. Sư ở tại miếu Nghi Lang, ở Quốc Vũ thuộc Khí Quán, Cơ Đạo ngầm thấu, bỗng nhiên nhằm chán phiền toái thế gian. Chỉ một lần đọc qua kinh Phật tự nhiên Thần giải. Bấy giờ, Sư hai mươi tám tuổi, đi đến chỗ Pháp Sư Tăng Thật chùa Cảnh Minh ở Cự Lộc xin xuất gia. Vừa mới xuống tóc, Sư liền tìm kinh luận, vừa buồn vừa vui, thần thức mạnh mẽ. Nhân đó, Sư phát năm lời nguyện, gọi là Tài Pháp thông biện và dùng bốn Đại thường kính thờ Tam Bảo, rộng tạo Phước báo đền đáp bốn ân.

Mới đầu, Sư học hành trì Chỉ Quán với Thiền Sư Đạo Phòng. Ngài Đạo Phòng là đệ tử tài giỏi của Sa-môn Bạt-đà. Sư đã thọ thiền pháp, bèn đi về hướng Bắc đến núi Gia Ngư ở Định Châu, thúc liễm niệm lự thời gian lâu mà hoàn toàn không nhiếp chứng, Sư muốn xuống núi, tụng Kinh Niết-bàn. Bỗng nhiên gặp một vị tăng nói từ Thái Nhạc đến, Sư bèn tỏ bày sự tình, vị tăng ấy tha thiết khuyên Sư “Tu tập thiền pháp phải thận trọng, không có chí khác. Vì tất cả chúng sinh đều có Thiền vị Sơ Địa, cần phải buộc duyên, không cầu thì chẳng toại!” Ý Sư bèn y theo pháp đó, khoảng mười ngày nhiếp tâm, quả nhiên đắc Định”. Sư thường y theo Thánh hạnh bốn Pháp niệm xứ trong Kinh Niết-bàn. Đến nỗi ngủ hay thức thấy đều không có Dục tướng.

Năm được năm hạ, Sư lại đến chỗ Thiền sư Đạo Minh núi Chương Hồng thuộc Triệu Châu, thọ học mười sáu pháp đặc thắng. Dùi mài chứa nhóm, tiết chế ăn uống rèn tâm, suốt ba tháng mỗi ngày ăn một bữa, gạo chỉ bốn đầu. Trái phũ cụ trên đá chẳng hay biết sớm tối, vải bố dính vào thân, kéo cũng chẳng thoát ra. Hoặc nấu thức ăn chưa chín thì nhiếp tâm nhập Định, lay động chẳng để lọt khoảnh khắc. Trước khi ăn Sư đều ban thí cho chim thú ăn. Lại thường tu pháp “Tử tướng” (Quán chiếu sự chết). Gặp bọn cướp làm cho hãi mà Sư không tỏ vẻ lo sợ, bèn giảng cho bọn cướp nghe các thứ nghiệp hạnh. Bọn cướp đều bẻ bỏ cung tên, thọ giới và trở về. Sư từng ở tại núi Thước sơn nơi tĩnh lặng, bị vị thần đến khuấy nhiễu, ôm vai cột bụng hà hơi trên cổ. Sư đem sự chết buộc tâm, nhờ đó mà chứng định sâu, suốt chín ngày chưa xả. Sau đó, Sư xuất định, tình tướng đều lắng nhiên. Sư xét cùng thế gian hoàn toàn không hề có sự an vui. Sư bèn đến chùa Thiếu Lâm chỗ Tổ sư Tam Tạng trình bày sở chứng của mình. Ngài Bạt-đà bảo rằng: “Từ

Thông lãnh cho đến phương Đông này, người tài giỏi nhất về thiền học chỉ có một mình ông!” Và bèn truyền cho Sư các pháp thâm yếu, sau Sư đến trụ chùa Trung Nhạc.

Tại chùa đó, Chúng tăng có cả trăm Vị, nước suối chỉ đủ dùng. Bỗng nhiên có một người Phụ nữ mặc áo rách rưới tay cầm chổi đến ngồi trên bậc thềm phía trước lắng nghe chư tăng tụng kinh. Chúng Tăng không biết đó là vị Thần, nên trách mắng đuổi đi, người phụ nữ ấy tỏ vẻ tức giận đưa chân đạp suối, lập tức nước khô cạn hết, sau đó người phụ nữ biến mất. Chúng tăng trình lên Sư sự việc ấy, Sư gọi: “Ưu-bà-di!” Gọi đến ba lần người phụ nữ mới hiện ra. Sư bèn nói với vị Thần rằng: “Chúng tăng hành Đạo, nên gia tâm mà ủng hộ chứ!” Người phụ nữ ấy lại dùng chân đạp phá chỗ suối cũ, nước liền tuôn trào. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ. Sư có oai cảm như thế.

Sau, Sư lại đến núi Tây Vương Ốc ở Hoài Châu, tu tập pháp trước. Nghe hai con hổ giao đầu gầm thét vang động cả hang núi. Sư bèn chống Tích trượng giữa hai con để giải can, mỗi con tự bỏ đi. Có một lúc bỗng nhiên có hai quyển kinh tiên đặt trên giường. Sư nói: “Ta vốn tu theo Phật đạo, đâu thể câu thúc trong cõi vực trường sinh ấy ư?” Nói xong, chỉ trong phút chốc hai quyển kinh tự biến mất. Sư cảm động đến u hiển đều đại loại như vậy. Sư lại dời đến trụ núi Thanh La, nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh dịch lệ, tình chẳng sợ dơ uế, cam chịu như thuốc tể. Sư ngồi lâu mệt mỏi, bèn duỗi căng chân trước giường thì có vị thần liền đến nâng đỡ lên, trở lại ngồi kiết già. Nhân đó, Sư thường nhập định, và thường lấy bảy ngày làm kỳ hạn.

Sau đó, Sư lại dời đến trụ núi Mã Đầu ở Hoài Châu. Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516 - 528) thời Bắc Ngụy, sớm vâng thừa lệnh Đức, trước sau đến thỉnh ba lần, Sư bèn từ chối rằng: “Khấp cõi đời, không đâu chẳng phải là đất của Vua, xin nguyện được ở tại núi để hành đạo, chẳng trái với đại thông!” Vua bèn chấp thuận, bèn dâng cúng đến núi. Đến niên hiệu Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy. Vua Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) đã thỉnh nhưng Sư không ra, nên trong cốc Thượng Thư, vua cũng lập thiên thất, nhóm họp chúng tăng để cúng dường. Sư lại dời chuyển đến Thường sơn ở phía Bắc. Thứ Sử Lô Duệ ở Định Châu, Vương Cao Du ở Bành Thành v.v... thỉnh Sư đến núi Đại Minh ở Văn Mặc, mở khai quy giới, mọi người kính tin rất đông. Khắp các xứ Yên, Triệu, Đạo vị lan khắp, không còn ăn dùng máu huyết. Chúng bạn đua nhau tìm đến lễ kính đông đúc. Bấy giờ, có người bị danh lợi ràng buộc, Sư bèn nói cho nghe Kệ tụng để dứt trừ, người nghe tỏ vẻ hổ thẹn mà sửa đổi. Tiện đó, Sư lại trình bày cho bài kệ tu điều lành, mọi

người cùng dự tham hành trì pháp tức tâm, đổi mới khí tiết của họ. Sư đã giảng bày Đạo giữa núi ở đời, tiếng tăm vang vọng động đến lòng trời.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) ban chiếu rằng: “Từ lâu nghe được Phong đức của Sư, thường mong muốn gặp, ban sắc cho Định Châu thỉnh Sư đến đất Nghiệp để giáo hóa chúng sinh, nghĩa không làm làm lợi cho mình, mong Sư liền chống tích trượng đến Thừa minh, định mở mang chí Đạo cứu giúp khổ hoại!” Đến ngày ấy, bỗng nhiên Sư trở về núi. Đang làm mọi việc khắp Đông tây, nhưng không hề bị lưu giữ trời buộc. Sư ở núi đã nhiều năm, sự nghiệp cứu giúp trọn một đời, nghe có sắc chiếu mời thỉnh, Sư nhất quyết không vâng mạng. Vua tha thiết cùng đôn đốc dẫn dụ, Sư mới nhận thỉnh. Ngay ngày Sư rũ áo sắp xuống núi, hai núi bỗng nhiên rung chuyển, tiếng vang buồn thương thảm thiết, kinh nhiều cả người và vật, chim bay thú chạy, như thế suốt ba ngày. Sư ngoái nhìn lại bảo rằng: “Kính mến Đạo, có lòng nhân, xúc chạm đến các loài ở đây. Đâu chẳng phải ái tình dễ giữ, buông lung khó giữ ư?” Sư chẳng ước sự bèn dừng trụ ở Chương Phủ. Vua cử Đại giá đến Bang Giao đón rước Sư. Lúc ấy, tuổi Sư đã ngoài bảy mươi, nhưng dáng vẻ thanh khoáng, cảm động cả lòng người, kính thương chúng sinh, nương cơ không sai lạc. Vua dìu đỡ Sư vào Nội cung để luận bàn chánh lý. Nhân đó Sư giảng về “Ba cõi vốn không, cõi nước cũng vậy. Tướng thế gian vinh hoa không thể giữ mãi”. Và Sư giảng rộng về bốn Pháp niệm xứ. vua nghe đó mà khắp mình nổi ốc, mồ hôi toát đổ, liền thọ Thiên đạo. Học khắp chẳng bao lâu đã chứng định sâu. Từ đó về sau, càng vâng theo lời dạy bảo, dốc lòng kính trọng. Nhân đó thọ giới Bồ-tát, dứt bặt ăn uống rượu thịt, phóng thả các loài chim sãn, dẹp bỏ các vị quan đam mê săn bắn chài lưới, kết thành đất nước nhân từ. Lại cấm đoán khắp trong nước dứt hẳn các nghề nghiệp giết hại. Ngày mùng ba tháng sáu, Vua ban sắc cho dân chúng hành trì trai giới. Vườn riêng của các quan trồng hành họ v.v... thấy đều phá bỏ. Qua ngày khác, vua lại bảo rằng: “Đạo do người mở mang, thật chẳng luống dối ứng nghiệm. Xin Sư an tâm đạo niệm, đệ tử xin làm ngoại hộ Đàn Việt, có được chăng? Sư bảo: “Bồ-tát phát thệ nguyện rộng lớn, lấy việc Hộ Pháp làm tâm. Bệ hạ ứng mạng trời, thuận đời, ở ngôi chủ chốt mở Đạo giáo hóa. Làm rường cột cho Tam Bảo, dẫn dắt bốn dân!”. Cứu giúp đã đến, nghĩa không nương cậy. Sư trụ trong cung cấm hơn bốn mươi ngày. Thường ngày nói pháp giảng dạy, vua rất kính vâng, không chấp trái. Sau, vì Đạo phải truyền bá, nghĩ nhớ về núi rừng, Sư bèn từ giả trở về chỗ ở cũ.

Nhà vua vì chôn núi non trở lại của Sư, mỗi lúc tham yết học hỏi gặp phải khó khăn, nên vào niên hiệu Thiên Bảo thứ ba (552) thời Bắc Tề. Vua ban sắc đến phía Nam Long Sơn cách tám mươi dặm về phía Tây Nam Nghiệp

Thành xây dựng Tinh xá đặt tên là chùa Vân Môn, thỉnh Sư về ở đó, và kiêm làm chủ ngôi chùa lớn Thạch Quật. Sư đảm nhận giảng mỗi cả hai nơi, đào luyện đồ chúng gần cả ngàn vị. Cung cấp cúng dường mọi việc đầy đủ, khắp các hang núi, đồng thời ban sắc khắp cho các châu quận trong nước, lập riêng Thiên tứ, bảo ban những bậc Đạt giải niệm tuệ đến để giảng dạy. Bấy giờ, mở mang giảng tụng mọi việc dồi dào. Vua nói với Sư rằng: “Đại tông của Phật Pháp, lấy sự tĩnh tâm làm gốc. Các vị Pháp sư v.v... nhọc truyền pháp giáo hóa, vẫn tiếp thừa ồn ào phiến tạp, chưa thể gọi là mở mang, nên thấy đều phá dẹp hết”. Sư cản ngăn vua rằng: “Các vị Pháp sư đều là những người tiếp nối làm lớn mạnh bốn y, mở mang ba tạng, khiến mọi người nhận biết được Tà Chánh, thấu đạt được u vi. Nếu không có những người ấy, thì lấy đâu để mở mang dẫn dắt, đều là sơ tông của Thiên nghiệp.

Hoàng giáo của thú lý, dần dần quy tín, khai mở chỗ mờ tối cho người ấy!” Vua rất vui mừng. Nhân đó nói: “Nay chia Quốc trữ làm ba phần, gồm cung cấp nước nhà, tự dùng và dùng vào việc Tam Bảo”. Từ đó, vua hết lòng quy hướng, xưa nay không ai bằng. Phật Pháp truyền bá về phương Đông, vào thời này rất hưng thịnh. Đầy đủ như trong Biệt ký. Vua Ban sắc bảo đưa tiền bạc, lụa là chẵn màn, tiếp theo trục xe Sư lên núi, bảo đến trong chùa xếp đặt kho tích trữ để cung cấp thường dùng. Sư lấy Phật Pháp làm việc chánh yếu, chí nguyện tu tâm. Tài vật danh lợi xao động lòng tục, việc trái với Đạo hóa, bèn gởi thư trả lại. Vua rất kính trọng tâm lượng của Sư, ban sắc y theo trước mà thâm nạp, riêng xếp đặt kho lẫm khác, phải tiện thời y theo cung cấp. Chưa qua Vương Phủ, từ đó về sau chiếu thư viết tay hàng tháng riêng thường đưa đến, thước tắc tiểu duyên hẳn bày tỏ nói đến. Vua lại ban sắc cho quan Thị ngự Từ Chi Tài, Thôi Tư Hòa v.v... đưa các thứ thuốc, bánh bột, coi sóc chur tăng bệnh khổ. Vua thường đúc suất Vũ vệ ấy cho nên đến thăm hầu. Sư ở nơi phòng nhỏ an tọa, đều chẳng đón rước. Đệ tử cản ngăn Sư rằng: Hoàng Đế thân lâm, nay căn cứ đạo chẳng đón rước, tâm mọi người hoặc có trở ngại!”. Sư bảo: “Xưa kia, ngài Tân-Đầu-Lưu đón rước Vua đi bảy bước, bảy năm sau thì mất nước. Nay ta chẳng có thật thật Đức, chẳng dám tự khinh, hình tướng mong được Phước đối với nhà Vua”. Bấy giờ, Ngài cũng khéo léo cẩn trọng, Đạo Pháp được niềm tin ở người. Hoàng Môn Thị Lang Lý Tương cùng các vị Đại Đức thỉnh Sư giảng dạy Thiên yếu. Nhân đó, Sư soạn “Chỉ Quán Pháp” hai quyển. Khách nhà đượm đạo vị Định pháp cất giữ một bản để y cứ.

Đến ngày mười ba tháng bốn niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, vào lúc sáng sớm, Sư không hề tật bệnh gì, an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại chùa, thọ tám mươi một tuổi, năm mươi hạ lạp. Ngay lúc Sư thị tịch, có

mùi thơm lạ xông khắp chùa, người nghe lắng thần. Vua Phế Đế (Cao Ân) ban sắc bảo Tương Lạc Vương tuyên đọc lời an ủi rằng: “Cổ Đại Thiên Sư Chí lực siêng năng khổ tiết, cảm quả hẳn là tất nhiên. Gá tâm vắng lặng, hư rỗng lại, chất thật trở đi. Gió nghiệp nhiệm màu, sự cao nơi Tăng tục. Vận qua đi, Thần đòi đòi, thật rất buồn than! Vốn kính sùng có tốt lành, để bày tỏ sự thương xót, cúng thí năm trăm vật, thỉnh ngàn vị tăng cúng dường tại chùa Vân Môn để sùng kính tu Phước!”

Đến tháng năm niên hiệu Hoàng Kiến thứ hai (561) thời Bắc Tề, các đệ tử của Sư như Sa-môn Đàm Tuân, v.v... tâu trình xin xây tháp. Vua Hiếu Chiêu Đế (Cao Diễn) ban sắc chiếu rằng:”Cổ Đại Thiên Sư đức nghiệp cao xa, là rường cột của Tam Bảo, diệt tận Hóa Chung, thần thức vân du ngoài vật, nên y theo Pháp Trung Quốc, Xà-tỳ rồi xây tháp. Kiến lập trai hội cúng dường ngàn vị Tăng. Tặng một ngàn vật, nêu dựng dấu vết tốt lành, để chỉ bày cho các đời sau!” Vua lại ban sắc cho Hữu Bộc Xạ Ngụy Thâu soạn Văn Bia. Sư được các bậc Quân Vương thời bấy giờ kính trọng, trước sau đều như thế. Thế rồi, Định ngày chuẩn sắc, cả bốn Bộ đồng lên núi có mấy muôn người, chất cả ngàn cây củi hương thơm, vào giữa trưa ngày chánh, nổi lửa thiêu, không ai chẳng đau buồn đứt đoạn, tiếng khóc như dòng chảy, có đàn chim trắng mấy trăm con bồi hồi bay liệng trên khói, kêu buồn tha thiết, lúc đi quan mới bay đi. Bèn xây tháp gạch ở phía Tây Bắc của chùa để cúng dường. Thường có cảnh linh, mùi thơm lạ thoảng ứng đến kẻ tăng người tục.

Mới đầu, Sư kính tin xuất gian, biết khác Tề ngụy, khắc chí với thiên nghiệp, thông suốt trần sau, mà dầm khắp Thái hành, qua lại trong Triều ngoài dã, kêu gọi nhún nhường ôm lòng trong trắng hay quạt thổi giới trong lành. Lại thêm oai phong lấn vượt bọn giặc, thế lực rập lấy yêu quái ở chốn núi rừng, mở giải hồ gươm giao đấu nhau, cấm ngăn nuôi dưỡng sâu độc. Các bậc Đại Nho Hoàng Đế đích thân mang đến lương thực, lữ khách sẵn bản cầm dao cắt tóc. Hoặc đức cảm thượng huyền đượm nhuận mầm móng vâng kính, u thành cùng tột, lúa thóc đầy nhà tín tâm. Thần cây cản đường, tùy ý muốn mà Pháp truyền bá, Báo gươm sạch phòng, ngậm xú ứ mà xa bỏ. Hoặc hồ dữ thuần quen, ngay lưng rữ y, núi đòi sắp sụp đổ, vời gọi ra mà vẫn còn mạng. Các điềm lành như thế chấn động từ xưa, ít có đầy đủ, như các tượng họa đồ ghi tại chùa Vân Môn.

Lại nữa, mới đầu, Vua ban sắc nơi xây chùa vuông vức 10 dặm để các kẻ sĩ tức tâm hỏi Đạo kinh hành. Sư nói “Mười dặm quá rộng lớn, hao tổn chương ngại người dân sinh sống, sợ chẳng cứu giúp được xa, xin giảm bớt một nửa”. Vua bèn ban sắc lấy năm dặm vuông làm chuẩn định. Vua sai tướng làm Đại tượng Kỳ Bá ung bắt đầu xây dựng. Kỳ Bá Ung nhóm họp các thông ếp, hỏi tên xứ đó. Bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng lớn đáp

rằng: “Núi rừng sâu vắng, xứ này vốn gọi là Vân Môn!” Hỏi lại nguyên do, không hề có người nào biết. Vua nghe lạ lùng như thế, nên theo tiếng vang giữa hư không, và nay gọi đó là chùa Quang nghiêm.

Lại có vị khách tăng chống tích trượng mới đến, cùng muốn an ở, hỏi về Bồn hạ vị ấy. Vị ấy đáp rằng: “Tôi thấy trong đây có ba nơi xây dựng chùa”. Nói xong liền biến mất. Thế rồi đào đất làm giếng, quả nhiên có được hai mép miệng chim cú mèo. Lại, ở trước hang trụ thiên có một vực sâu, thấy người đầy lông, kỳ vĩ mà dáng vẻ như người Hồ. Bèn đặt chảo thiêu đốt lửa, nước cùng tuôn vọt lên, chỉ chốc lát có con trăn lớn từ trong nước trườn lên muốn bò vào trong chảo, Sư đưa chân đánh phá đó, con trăn bèn vào lại trong nước và lông người cũng biến mất. Đêm đó có Thần Nam Tử đến, đánh lễ Sư và thưa rằng: “Đệ tử có các con nhỏ, thường năm bị ác thần bắt ăn, các đứa con v.v... tiếc thân mạng không dám đương đầu, nay đệ tử già suy sắp chết, nên tự đến cung cấp cho ác thần ăn, nhờ Sư hộ trì nên được thoát khỏi nạn ấy. Sư xin nước phun vào đó, tự nhiên biến thành mây mốc.

Bấy giờ, có người sàm tấu với Vua Văn Tuyên Đế cho Sư là người ngạo mạn bất kính. Vua rất tức giận, tự đến để làm hại Sư, Sư thầm nhận biết việc ấy. Từ hồi nào đến giờ, Sư chưa hề đến nhà trụ của chúng tăng, bỗng nhiên Sư đến bảo rằng: “Sáng mai có khách lớn đến, hay lo làm nhiều thức ăn để thiết cúng!”. Đêm đó vào canh năm, trước chuẩn bị kiệu xe trâu, riêng mình Sư đến cửa hang cách chùa hơn hai mươi dặm. Sư đứng một mình bên vệ đường, chỉ phút chốc thì Vua đến. Vua lấy làm lạ hỏi Sư về nguyên do. Sư đáp: “Sợ thân vậy máu huyết làm dơ bản chón già-lam, nên đến đây đợi hầu!”. Vua liền xuống ngựa bái phục, hổ thẹn sám hối không thôi. Và nói với Thượng thư lệnh Dương Tuân Ngạn rằng: “Người chân thật như thế làm gì có sự hủy báng?” Vua bèn đích thân cũng Sư trở lại chùa, Sư cự tuyệt không chịu. Vua nói: “Đệ tử cũng thầy đi khắp nước cũng chưa đủ để sám hối tội lỗi v.v... Nhân đó, vua hỏi Sư rằng: “Đời trước đệ tử đã làm những hạnh nghiệp gì?” Sư đáp: “Làm vua La Sát, do đó, nay vẫn còn ưa thích giết hại”. Và Sư liền chú nguyện vào bát nước, bảo Vua hãy nhìn vào đó. Vua thấy bóng mình giống như tượng La-sát.

Cứ mỗi năm, vào ngày mùng một tết, vua thường hỏi Sư về sự tốt xấu trong một năm. Sau, đến niên hiệu Thiên Bảo thứ mười (569) thời Bắc Tề. Sư bảo: “Năm nay không thể tốt được”. Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) không vui lòng, hỏi lại Sư vì có sao. Sư bảo:” Bản Đạo cũng không bao lâu nữa! Đến tháng mười thì Vua (Văn Tuyên đến) băng, qua đầu mùa hạ năm sau (560) thì tôi thị tịch”. Nghiệm xét lại quả đúng như thế. Thường nhân những ngày rảnh rỗi. Vua nói rằng: “Đệ tử chưa thấy sự linh dị của Phật, vậy có thể thấy được chăng?” Sư bảo: “Đó không phải việc thích nghi của Sa-môn”. Vua cố

năn nỉ. Ngài bèn bỏ y Ca-sa xuống đất. Vua sai mấy mươi người giở lên mà chẳng lay động. Sư bảo một vị Sa-di đến lấy, tự nhiên không chút nặng nhọc gì. Nhân đó, Vua càng dốc lòng kính tin khác thường. chùa chiền tăng chúng, vua cúng dường cung cấp rất nòng hậu. Đến khi nhà Bắc Tề mất, đến thời Bắc Chu phá hủy, tặng chùa cho Quan Đại phu Liễu Vụ Văn. Liễu Vụ Văn lại bảo người thân mới của mình trông coi gìn giữ. Đang đời chùa vào ở, có vị thần tức giận bảo”. Sao dám lấn phạm chùa của bậc Tu-đà-hoàn?” Và thâm hiểm không bao lâu thì mất. đến đầu đời Tùy, phục hưng lại am đồng như mới xây dựng, mỗi ngày sáu thời thiền tọa lễ sám, vang tiếng khắp hoàn vũ. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, giặc lấy chùa làm nơi doanh trại chiếm đóng, phòng nhà còn lại đều bị thiêu đốt.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) trèo lên thắng địa ấy, núi rừng vẫn như xưa, tình sự lại mới, khắp nơi hoang lạnh, thường dấy lên trời than thở sinh diệt, khắp đưa mắt nhìn đều bị thiêu đốt, thường chẳng xa lìa lỗi lầm. Người viết truyện này (tức Đạo Tuyên) có xem hành Đồ, nên đặt tựa ở sau.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Cảnh Không ở Tương Dương

Thích Pháp Thông, họ Mai, người ở xứ Tân Dã thuộc Nam Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, tài giỏi hơn người, tánh tình ngay thẳng trong sạch, thân hình như ngọc. Chỉ ăn rau lá lấy làm ngon, không mong cầu các vật béo bở, đến tuổi trưởng thành, phong thái tiết tháo Sư càng mạnh. Với mọi vật tịnh thí tài lợi, lần lượt Sư nhóm cấp, đều hồi hướng tu tạo kinh tạng hơn ba ngàn quyển. Sư lại gom góp các Ký luận, có gì giúp cho Hoàng tán, thì không gì Sư chẳng gom góp.

Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đi về hướng Đông thì đến Trung nhạc. Đi về phía Tây thì đến Võ Đang. Tại chỗ thông Đạo, nên Sư chỉ ở chỗ lắng yên. Nhân đi đến suối Bạch Mã ở núi Tản Cái thuộc Tương Dương. Sư xây thất phương trượng, để làm nhà gá tâm. Vào hai cái hang làm nhà lan-nhã. Nay những người đi tuần núi còn biết nền cũ ấy. Đầu đời Lương có Tấn An Vương. Đến Tương Châu, nghe Đạo phong của Sư nên dò hỏi, sắp đến Thiệt thất, ngựa đang cưỡi theo vô có tự thối lui. Tấn An Vương hô then trở về, đem đó lại cảm ác mộng. Sau, lại tìm đến, ngựa cũng thối lui như trước. Tấn An Vương bèn thanh khiết trì trai, dốc lòng hết sức thành kính mới được đến diện kiến. Ban đầu, mới đến cạnh chùa, chỉ thấy một cái hang toàn lửa dữ cháy phừng phụt, đứng nhìn giây lâu, bỗng nhiên biến thành nước, lại ngừng trong khoảnh khắc, nước tan biến, Đường nhà hiện ra. Dem việc ấy hỏi, mới

biết lúc ấy, Sư đang nhập Định Thủy Hỏa. Chỗ ngồi trong nhà, hai bên giường dây mỗi bên có một con hổ. Tấn An Vương không dám bước đến, Sư bèn đưa tay đề đầu hổ xuống đất và bịt hai mắt nó, gọi Tấn An Vương đến phía trước, Tấn An Vương mới được lễ bái. Nhân đó trình báo với Sư khắp trong xứ thường bị tai hoạn bởi hổ, cầu xin Sư cứu giúp. Sư liền nhập định, chỉ trong phút chốc có mười bảy con hổ lớn đi đến. Ngài bèn truyền cho nó ba pháp quy giới, dạy rằng không được can phạm hung bạo đến trăm họ. Sư lại bảo đệ tử lấy vải bố áo cũ buộc vào cổ hổ, bảy ngày sau lại đến đó. Tấn An Vương đến đúng ngày hẹn, thiết trai, chúng nhóm họp, các con hổ cũng đến, bèn cho ăn và mở vải bố ra, từ đó không còn hại nữa. Hôm ấy, Sư dẫn Tấn An Vương cùng đến suối Bạch Mã, trong suối có con rùa trắng tự đến trong tay Sư mà lấy thức ăn. Ngài bảo với Tấn An Vương: “Đây là con Rồng đực. Lại đến chỗ suối linh, có con cá chép năm màu cũng đến tay Sư để ăn. Sư bảo: “Đây là con Rồng Cái. Tấn An Vương cùng các Quan lại vô cùng tán thưởng việc ấy, bèn lập Đại thí hội mà cúng thí. Có bọn hung đảng vây quanh chừng mấy mươi người, ban đêm đến cướp chỗ vật cúng thí, gặp hổ gầm gừ cản đường, lại thấy một người lớn đứng tựa nơi thiên thất, bên cạnh có cây thông cao chỉ đến đầu gối họ, cầm chày Kim Cương, có người thủ vệ. Suốt đêm bồi hồi qua giờ ngọ hôm sau mới trở về. Tấn An Vương lấy làm lạ sự trở lại muộn này, bèn lấy sự việc ấy làm đầu, bèn dâng biểu tâu trình. Nhà vua ban sắc xây dựng chùa Thiên Cư, Sư chẳng đến ở mà chỉ cho người đến an định ở đó. Vua lại sắc bảo Từ Xi đến chỗ Sư ở xây dựng chùa Linh Tuyền, đến thời Bắc Chu đổi tên là chùa Tĩnh Lâm, đến thời Tùy lại đổi tên là chùa Cảnh Không, tới thời Tiền Đường vẫn gọi theo đời Tùy.

Mới đầu, Sư ở trong thiên đường, thường có con nai trắng và con chim sẻ màu trắng thuần phục đến nương ở. Hễ chỗ nào Sư đi qua, đều lấy sự từ bi cứu giúp làm đầu. Nhân thấy người Đồ tể trói buộc cả trăm con heo, Sư liền ba lần xướng bảo rằng: “Giải thoát Thủ lãng-nghiêm”. Heo bèn tuôn mở giây chạy tán mát, những người đồ tể tức giận, sắp ra tay gây sự, Sư vẫn đứng tự nhiên không lay động, nên họ bèn quy hướng sớm hối lỗi lầm, nhân đó dứt bỏ nghiệp giết hại. Sư lại đến sông Hán, thấy ngư ông đang kéo lưới, Sư cũng xướng bảo ba lần như trước, ngư ông kéo lưới không được, bèn lại quy tâm, mang lưới không trở về. Lại nữa, ở Kinh Châu bị khổ hạn hán, chùa Trường Sa sai vị tăng đến chỗ Sư thỉnh cầu mưa. Người sứ trở về thì trời mưa lớn, ven bờ ao hồ đều ngập cả. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn - thời Nam Lương) sai Lư Lăng Vương thỉnh Sư đến Thành Đô, có sự việc không toại ý. Đến lúc Tương Đông Vương làm trấn mục Kinh Giáp ở Giang Lăng, xây dựng chùa Thiên cung, thỉnh Sư trụ ở đó. Và Sư thị tịch tại chùa đó. Lúc ấy nhằm niên hiệu Thái Thanh (547-550) thời Nam Lương.

Ở chùa đó hiện có bia ký, rộng nêu bày các dị chứng ở chùa Cảnh Không. Nay tại chùa có ngôi Thiên đường hiện còn.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Trí Viễn trụ chùa Khai Thiện tại Chung Sơn

Thích Trí Viễn, họ Vương, vốn người ở xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Thiêm Phúc. Thưở nhỏ Sư đã thông minh đỉnh đạt, sớm tỏ ngộ phi thường. Ngài trụ ở Thiên Phường chùa Trường Sa ở Kinh Châu, làm Đệ tử Sa-môn Pháp Kinh. Sư cao vọng riêng đứng, nghĩ nhớ huyền tâm.

Đến tuổi thọ giới, sự thanh khiết nơi Sư càng mạnh mà tuệ nghiệp chưa sâu, xa nghĩ đến Dương Liễu, bèn mang đội pho sách men theo làn sóng đi đến Kiến nghiệp. Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Xước ở chùa Long Quang là bậc một đời Anh hùng. Sư bèn buông tâm kính ngưỡng yếu chỉ, chuyên môn thọ giáo. Học qua một năm, Sư bèn hiểu thông ba tạng. Có Hầu Tiêu Chánh Lập ở Kiến An đời Lương, thông cả Nội ngoại, mở mang cả Không giáo lẫn Thích giáo, xây dựng chùa Phổ Minh, thỉnh Sư đến ở, để bày chí cúng dường.

Bấy giờ, có Thiên sư Tuệ Tràm là bậc thấu đạt Định Phẩm sâu mầu, là nơi Tông lãnh của hàng hậu học. Sư bèn cầu thỉnh thọ học đủ các bí pháp, hỏi tìm chất vấn huyền quán, nước định đã lắng, cửa tuệ nên mở thoáng, đến lúc Sư nghiên cứu thực hành Đại Thừa thì thấu suốt cả lá rể. Sư lại trải qua các Danh sơn, nuôi dưỡng chí mở mang Đạo pháp, cùng các Sa-môn Đạo hội đồng nhóm họp như rồng cuộn. Nỗi lòng trắng trong xưa trước bỗng một kỳ hạn khai mở, nhân ở chùa Khai Thiện, Sư dốc chí với suối rừng, thành quyết chẳng hề trông nhìn, hoa sức thể tục không dẫm qua, Sư giữ sự tĩnh lặng an nhiên tới tuổi già vẫn không bỏ.

Vào sáng sớm ngày mùng một tháng mười hai niên hiệu Thái Kiến thứ ba (571) đời Trần. Sư thị tịch tại Thiên phường chùa Khai Thiện, thọ bảy mươi bảy tuổi. Sư căn dặn, cấm không được khóc, và an nhiên như nhập định, bèn an táng tại núi Độc Long. Sa-môn Tuệ Hạo chùa Tân An nói rằng: “Tôi cùng người ấy (Trí Viễn) sớm đồng pháp môn, lâu bầm giới đạo. than ôi! Bỗng nhiên Câu Pháp hư hoại, thuyền báu đã đắm chìm, mới dốc chút tài ngu mọn kính ngưỡng truyền tỏa thật đức!” Ngũ Bình Thượng Thư Tiêu Tế là người nhiều tài học rộng, hạnh sạch danh cao soạn Minh tụng.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ núi Phúc Thuyền ở Kinh Châu

Thích Pháp Thường, người thời Cao Tề, lãnh dẫn đồ chúng giảng luật, tiếng tăm vang khắp xứ Chương Nghiệp. Sau, Sư giảng Kinh Niết Bàn và trao truyền Thiên số. Tề Vương tôn Sư làm Quốc sư. Vì ở trong chúng ồn náo khô khan do đó không sinh công đức, Sư bèn vất bỏ đi đến đất Sở. Sau nghe có tin truy tìm, Sư bèn đổi thay hình dạng ăn mặc, một lần đi xa ngàn dặm. Sư lại đến Hành nhạc, thường ở trong rừng núi hoang dã. Chuyên mặc áo vải bố đi khát thực. Sư lại đến Kinh Hiệp. Có Sa-môn Pháp Ân từ lâu ở ngọn núi phía Đông núi Phúc Thuyền, trì tụng các Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, lấy làm việc thường, mà không hề nhàn rỗi quán tâm. Sau đến chỗ ngài Tùng Tư, thấy ngài là người có tiết tháo khác lạ, Sư bèn quy hướng cầu hỏi bên bờ. Ngài bèn im lặng chẳng đối đáp. Trải qua một mùa hạ, sụt sùi than khóc, Ngài mới chỉ bày Tâm yếu, như điều nói mà thực hành mới thấy được chỉ thú ấy. Ngài Pháp Ân tuy chú tâm từ lâu mà buộc niệm chỉ mới thời gian ngắn. Tổ ngộ sâu tịch định thật không thể suy nghĩ bàn luận.

Sư cùng Hồ Quân là người bạn cũ, cách xa chẳng gặp. Ghi ngày tháng sẽ đi xa trên tường, đến kỳ hạn quả nhiên Sư thị tịch. Khi sắp thị tịch, Sư nói với Chư tăng rằng: “Hôm nay, tôi sẽ ngủ một giấc dài!” Bèn vào phòng thất, nằm nghiêng bên hông phải, sáng ngày hôm sau, chư tăng lấy làm lạ khi thấy Sư ngủ không dậy, đến xem thì Sư thị tịch từ lâu, mới hiểu lời nói giấc ngủ dài của Sư.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Pháp Kinh chùa Trường Sa ở Kinh Châu

Thích Pháp Kinh, họ Tôn, người xứ Thái Nguyên, đến ngụ ở Giang Lăng. Lúc sắp mang thai, mẹ của Sư mộng thấy vào trong ao sen, nâng bể một đồng tử, hình tướng khôi ngô rất đáng mừng vui, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sắp sinh, mẹ của Sư lại mộng thấy cưỡi trên mình một con sư tử màu trắng dạo chơi giữa hư không.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Năm mười ba tuổi, Sư cùng bạn đồng học là Sa-môn Trí Uyên đều lên tòa cao giảng pháp rành mạch lưu loát không vướng mắc, chư tăng trong chùa Trường Sa đều mộng thấy có một vị Thánh tăng báo rằng: “Chùa Trường Sa vốn không có đàn việt, Ngài (Pháp Kinh) với nguyện lực sinh đến đó để làm rường cột”. Do đó, mọi thứ tạo dựng như gió theo nước dâng, vật dựng tài lợi chứa nhóm thành núi, cửa Phước mở rộng lớn, Điện Đường phòng nhà lớn nhỏ có tất cả thảy một ngàn năm trăm gian, đều do Sư xây cất. Tăng chúng nhóm họp có hơn ngàn vị. Thánh tượng tôn thờ tại chùa Trường Sa, trong nước ngợi khen đó là bậc nhất ở Đông Hoa. Do đó Đạo lực đến cả U minh đều trùm khắp. Hai vị Vua thời Hậu Lương

nghe Đạo phong Sư thầy đều kính trọng, tôn Sư làm Tăng Chánh để làm giềng mối cho Di Pháp.

Về sau, Sư mắc phải chứng bệnh nguy ách, chư tăng trong chùa suốt bảy ngày đêm đối trước tôn tượng hành đạo. Sa-môn Pháp Thái mộng thấy Thánh tượng đến chỗ phòng Sư, và Tịnh nhân Viễn chí cũng đích thân trông thấy Thánh tượng từ nơi phòng Sư trở về Đại Điện. Ngày đó, bệnh Sư liền lành. Vậy đủ biết thụy tượng của vua A-dục ban giáng vốn ở nơi người, chuyên chú nguyện cầu, không đâu chẳng ứng. Sau đó, không bao lâu thì Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Pháp Lãm trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu

Thích Pháp Lãm, họ Nghiêm, người ở xứ Chi Giang. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia trụ chùa Ngọc Tuyền. Ở đó chúng bạn thanh tịnh, Sư nương tựa Đạo Vị có đến mấy năm, chuyên lấy thiền niệm làm căn bản, lúc rảnh rỗi thì tụng kinh. Với các kinh Pháp Hoa, Duy-ma cho đến Đại Luận sao, Sư đều thông suốt không mịt mờ. Sư chẳng mặc các thứ lụa là, chỉ dùng vải bố thô lớn làm áo, chẳng ăn dùng vật thực của chúng tăng, thường chuyên khát thực, mỗi ngày một bữa, không nằm, thường ngồi, siêng năng cố gắng, chẳng như đồng bạn.

Sư chống tích trượng đến khắp phương xa, nói tìm bạn lành cao đẹp, nên các xứ Lô Phong, Đài Lãn, Hành La, Hằng Đại, không nơi xa nào Sư chẳng đến. Khí mạo đáng diệu Sư trong sáng cao vợi, nên chư tăng trong núi trông thấy không ai chẳng cung kính cao tiết mà kính ngưỡng sự kỳ thú của Sư. Rừng chằm là nhà cửa của loài thú dữ, nơi sâu tối là hang hóc của Quỷ quái, mà Sư dùng nghỉ tự tại như trong xóm làng.

Trước kia, có lần từ Đại Nhạc, Sư theo đường ra Từ Châu, gặp 1 Huyện lệnh, dùng công nghiệm hỏi Sư, Sư thường mang theo một hòm Kinh Pháp Hoa, bèn đáp rằng: “Trong hòm đó có Hành Văn”. Huyện lệnh xem xét không thấy, bèn tức giận bảo rằng: “Vốn không có hành văn, vì sao lại nói có?” Sư đáp rằng: “Kinh ấy là tung tích sở hành của Chư Phật, Bần đạo dẫm theo mà thực hành đó, trở về với cội nguồn, tức Hành văn của bần đạo!” Huyện lệnh tức giận không thôi, bèn giam giữ Sư. Suốt bảy ngày, Sư không ăn, tụng kinh không thôi nghỉ. Huyện lệnh cảm lấy ác mộng, bèn đánh lễ sám hối tội lỗi.

Sau, ngài ẩn nấu nơi núi vắng, chuyên lấy thiền tĩnh làm chánh nghiệp. Và an nhiên ngồi thẳng thị tịch trong hang núi, thọ sáu mươi hai tuổi. Có mùi thơm lạ phảng phát suốt tuần mới hết.

Bấy giờ, ở Dương Sơn có Sa-môn Tăng Cảnh, không rõ Sư là người xứ nào, ẩn vết ngoài cõi trần, chỉ lấy Đạo tự vui sống. Trong Dương sơn có suối đá, tùng trúc đẹp xinh, trong lành rộng thoáng, đánh núi nối tiếp với Đào Nguyên, người xưa xưng gọi đó là Danh Địa. Sư chiêm đoán tịch chiếu, cảm thông đến Quỷ vật. Như người có niệm ác thì chẳng thể bước tiến lên, hoặc bị hồ rấn làm sợ hãi phải lạc mất đường. Nếu có người muốn hỏi đạo thì an nhiên bước đến không có điều gì. Cũng có người đến đó mà bưng bưng dấy khởi niệm ác, bỗng nhiên thấy con rắn lớn xuất hiện từ giường dây, sắp muốn nhả khí độc hại, bèn sấm tạ mà được khỏi. Bấy giờ, tại Chi Giang có Thiền sư Tuệ Thôi là Đệ tử tài giỏi của Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc, nghe Đạo phong Sư mà đến. Sư chỉ im lặng chẳng đối đáp. Ngài Tuệ Thôi khóc lè như mưa cầu thỉnh, suốt đêm đứng đợi chí thành, có thưa hỏi thành thật, trải qua nhiều ngày, Sư mới bày nói: Ngài Tuệ Thôi mở lời nói rằng: “Tôi đến khắp các Danh sơn, gặp được nhiều vị thượng đức. Bạn lành cao thượng có đến mười tám vị, phân rành được đường lối cửa ngõ ấy, từng trải qua bước vào, mà tường nhận cao xa, xướng lời kỳ đặc, khó dẫm bước lên, người ấy chính ở đây!” Đến như tuổi tác của Sư, mọi người đều chẳng thể lường biết được, có lần ngài Tuệ Thôi dò hỏi. Sư đáp là: “Tôi đã ba trăm tuổi!” Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Tuệ Thành trụ chùa Thuyền Tuệ ở Chi Giang

Thích Tuệ Thành, họ Đoàn, người xứ Lễ Dương. Sư xuất gia trụ chùa Thập Trụ, đọc tụng các kinh điển Đại thừa như Pháp Hoa, Duy Ma, Thắng nhân vương, v.v... hơn hai mươi quyển.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư vi Kinh Nam Phật Pháp Hy Tiên thừa Đô mở rộng pháp tịch, xa có tâm kính mến Sư, ông bèn nhân theo thuyền buôn mà đến đất Kiến Nghiệp. Gặp lúc đang nhóm họp giảng Luận Thành Thật. Học chúng rất đông chen vai kề sát nghe học suốt thời gian mười năm. Văn ký sắp hết. Sư sắp trở về Bồn ấp, bèn đến chùa Khuông Sơn gặp ngài Trí Khải, nhân Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc giúp đỡ hoằng hóa trong núi, dẫn chúng như sóng động, Sư thử đến đó xem. Khi đã thấy được, Sư vui mừng muốn học theo Định nghiệp, Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Một đời học vấn của ông, để ta hơ tay còn chẳng được âm. Luống mất công phu, thật đáng tiếc thay!” Sư vốn nhờ Văn Sớ, nương tựa kẻ khác mà sinh hiểu biết, bỗng nhiên nay tự xem xét, mịt mờ như sương mốc tan đi, bèn bùi ngùi hối hận, rất không thể được! Sư bèn nghĩ rằng: “Nhân Đại Sư khéo biết ý từ trước đến nay thử nghiệm đó xem sao”. Thấy cây như ý, và khăn tay, giày vải bèn muốn có được. Thiền sư Tuệ Tư bảo đưa cho Sư. Sư bèn vội đốt bỏ hết chương sao,

ném vát bút nghiên, chuyên chí ràng buộc tâm, lấy sự chắc chắn thành đạt làm kỳ hạn.

Bảy giờ, đến chôn thiền môn có mấy mươi người, đều là những bậc tiên đạt, vì tới sau, nên Sư sợ chẳng bằng, bèn lấy đêm làm ngày mở mắt ngồi thiền, trải qua mười lăm năm. Thiền sư Tuệ Tư bảo Sư đến các đạo tràng Phương Đăng, Pháp Hoa, Quán Âm, Ban Chu, trải qua để tiêu trừ chướng nạn, Sư bèn y cứ thực hành suốt ba năm, nghiệp ma, quý thiền đều nhân đó mà mất hẳn. Thiền sư Tuệ Tư bèn chỉ bày cho chánh pháp. Sư chuyên tư duy Huyền tịch, thời gian lâu bèn tỏ ngộ Giải chúng sinh ngữ ngôn tam-muội. Sư càng tinh tấn suy nghĩ thông sáng, tĩnh loạn ngang bằng nhau. Còn ngài Trí Khải nhắm mắt thì thấy Đạo tuy sáng mà mở mắt thì mất, so với Sư thì khác hẳn như trời với đất. Thiền sư Tuệ Tư bảo rằng: “Ông Trí Khải trước phát tam-muội, sau chúng Tổng Trì, còn ông Tuệ Thành thì ngược lại, cả hai ông tịch chiếu ngang bằng nhau!”.

Sau khi Thiền sư Tuệ Tư tịch. Sư bèn đến Chi Giang xây chùa Thuyền Tuệ. mọi thứ đất đá cây gỗ để xây dựng đều nhờ thế tục mà có, do đức hạnh chiêu cảm nên chẳng bao lâu bèn thành tựu. Ở đó nhìn về phía Tây nơi bãi cát nhỏ là chỗ đất mà ngài Đức Loan gá ẩn. Còn xa nhìn đến Thượng Minh là nơi Di Thiên (Thích Đạo An) xây lập chùa. Trương Đông Vương, do kính mến đạo phong của Sư nên thỉnh vì xây dựng chùa Thiên Chúng. Sư bèn xây dựng Đại Điện nhưng thiếu xà nhà nên chẳng thành. Đang lúc tháng sáu, nước dâng cao, trong một đêm Sư cảm mộng có người mách bảo: “Có gỗ để làm xà nhà được, hãy qua sông mà đón lấy”. Sư theo lời ấy, bèn đến xem thử, quả nhiên đúng như sự mách bảo. Có Thanh Tín Sĩ (cư sĩ) Đoạn Hoằng làm chủ một tinh xá bỗng nhiên chết giấc, người nhà thỉnh Sư đến nhà thì Đoạn Hoằng sống lại kể rằng: “Mới đầu bị bắt đến chỗ Vua, thấy Thiền sư lên điện, nói cùng với tôi tạo lập công đức chưa xong, bèn xin tha cho. Vua đứng dậy đánh lễ sát chân Thiền sư, như lời nói mà được thả. “Trần Chúa nghe vậy bèn đến thỉnh nhưng Sư chẳng đến. Lại sai Giang Tổng v.v... đến thỉnh, nếu chẳng được thì chẳng nhọc trở về. Vua quan dân chúng khóc như mưa, gượng dắt Sư xuống thuyền, Sư bèn cử thân nhảy xuống nước đứng trên dòng sông. Lại thỉnh nhưng chẳng mong xuống. Giang Tổng v.v... rối rắm thân không nơi y cứ, bèn theo Sư đến Đô thành thọ giới mà trở về. Vua bèn ban tặng chỗ Sư ở đặt tên là chùa Thuyền Tuệ.

Sau đó không bao lâu, phố chợ triều đình biến đổi, có Luật sư Thường muốn đến Nam nhạc, gặp Sư cùng dừng nghỉ qua đêm. Trong đêm Luật sư Thường bắt bỏ chày rận xuống đất nhưng Sư thâm biết. Đến sáng, lúc từ biệt nhau, Sư bảo: “Đêm qua Đàn Việt bị lạnh làm khốn khổ!” Luật sư Thường hổ thẹn, trợn tợn răn dè.

Đến lúc sắp thi tịch, Sư bảo môn nhân rằng: “Hãy mau sắp xếp nền Đại Điện. Tôi sắp giảng kinh Niết-bàn”. Mọi người nghe bèn vội tay làm, vừa xong thì ngài Trí Giả ở chùa Ngọc Tuyền đến, thăm phù hợp nhau, cùng bàn luận Huyền lý. Giây lâu sau dứt hơi, Sư an nhiên ngồi thẳng thi tịch tại chùa Thiên Chúng, thọ bảy mươi ba tuổi. Tương Đông Vương Cung nội, lập bia, đến nay vẫn còn ở trong thành.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Pháp Nhãn trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu

Thích Pháp Nhãn, người xứ Giang Lăng. Mới đầu, Sư đến chùa Thiên Hoàng, xin xuất gia. Từ khi thọ giới Cụ túc về sau, Sư chuyên thọ trì Kinh Pháp Hoa, Duy-ma, mỗi ngày thường tụng hai biến. Chúng tăng nhóm họp đông đảo, có lắm sự ồn náo, gây đổ do đó phát sinh. Sư bèn đi về hướng Tây đến núi Phúc Thuyền, ở dưới hang núi, chuyên tu hạnh Đầu-đà, tự lắng tĩnh Quán lý. Hơn ba mươi năm chỉ ăn cây cỏ, mặc áo vỏ gai chằm vá mà thôi. Tự được ở chốn núi rừng u vắng, không mong cầu ngoại hộ. Thặng gạo nếu hết, thì Sư chỉ dùng lấy nước trái cây, không hề cầu xin. Sư từng chỉ ăn một bữa mà ngồi suốt bảy ngày cầu mong chí nguyện. Và đã từng suốt một mùa hạ hao phí chỉ ba đấu gạo, chắc chắn đến ngày tự tứ còn đầy năm thặng. Sư tuy sống riêng chẳng vào giới khoa, mà kiêm ước một góc tự hành trì riêng. Sư ở nơi khám thát chiều cao chỉ dung chứa đến ngang đầu gối. Giữa mùa Hạ nắng nóng hay mùa Đông không cần phải thêm chăn nệm, mùa Hạ chẳng cần bớt áo mặc. Sư an nhiên giữa đạo Vô vi mà thôi. Bỗng nhiên có một con voi không duyên có gì mà tự đến nơi khám thát ngài. Trải qua mấy ngày, Sư bỗng hiện tướng bệnh, đến hang núi ở phía Bắc của chùa nằm nghiêng hông bên phải, thọ sáu mươi bảy tuổi. Y bát của Sư như bụi trần gỗ mục, chúng không can dự. Thử bình phẩm và định giá trị thì chẳng đến mười quan tiền.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Tăng Thật trụ chùa Truy Viễn ở Kinh Đô

Thích Tăng Thật, họ Trình, người ở xứ Kinh Võ thuộc Hàn Dương. Thưở nhỏ, Sư đã có hoài bão cao nhã, trong sáng không ai bằng. Sư thường cùng các trẻ nhỏ dạo chơi vui đùa, hoặc hái lá dâng hương, hoặc nhóm cát xây tháp, khắp trong thôn xóm mọi người đều kính quý Sư. Biết Sư sắp có thể dần dần kính tin, thân quyến mến thương, chẳng cho Sư xuất gia. Sư dùng hết lời dẫn dụ, lâu sau mới được toại ý. Đến năm hai mươi sáu tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia.

Bấy giờ, có Pháp sư Đạo Nguyên là người nổi tiếng thời Bắc Ngụy, Sư bèn quy hướng nương theo. Được gặp Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 479-

500), bèn đội ân ban lễ. Khoảng cuối niên hiệu Thái Hòa (500) thời Bắc Ngụy, Sư theo ngài Đạo Nguyên đến Lạc Đô. Nhân gặp Tam Tạng Pháp sư Lạc-na đang truyền bá Thiên pháp. Sư thường ở nơi Hoàng cung dò hỏi Thiên Bí. Ngài Lạc-na lấy làm lạ bảo rằng: “Từ lúc đạo pháp truyền bá đến Đông Hạ, thiên vị tĩnh lặng là ở người này ư?”. Từ đó, Sư tìm thầy học đạo, trải qua khắp cùng. Tuy ba học, Sư đều thông suốt, nhưng chỉ dùng chín thứ điều phục tâm, nên thành tựu nước Định lặng trong, rừng thiên tươi tốt. Tánh Sư ít can thiệp đến việc người đời, chỉ chuyên lui bước ẩn nấu làm chính. Do đó, lọng cao, xe ngựa bốn con, Sư không hề ghé mắt để ý. Còn với suối trong rừng trúc, Sư đoái hoài quên cả trở về. Lại thêm, miệng vòng quanh như mặt tử xinh đẹp dường như trăng hình, mắt có hai tròng người phát sáng soi chiếu ra ngoài, nách bụng như trứng chim phụng, bảy chỗ đều bằng phẳng tròn đầy. Tướng ngài đặc biệt khác thường, vang tiếng khắp cả Kinh Lạc. Lại thêm Đạo hợp, sông biết hóa thông khắp mọi chốn. Nghe học tuy chưa rộng nhiều mà không điều gì hỏi đến mà Sư chẳng sáng tỏ. Siêng năng chỉnh trang bốn oai nghi lặng tu ba pháp. Có thể làm khuôn phép ở phong tục, đủ làm bậc Thầy mẫu mực cho trời người. Nên Thái Tổ Văn Hoàng - Hiếu Mẫn Đế (Võ Văn Giác) thời Bắc Chu, lúc làm Đại Thống Trung đời Ngụy, có ban chiếu nói rằng: “Sư có đôi mắt sáng đẹp, hai tròng người riêng biệt, đồng như vua Ngu vua Thuần, lưng lớn hơi cong tựa Chu Công, Đức lớn thuần đẹp, khuôn phép tâm lượng khó mô phỏng. Có thể như Tam Tạng Chiêu Huyền. Nói là vật báu ở đời, vì thế dốc chí gìn giữ, cho nên có Pháp tướng cần hưng khởi, việc thế tục nên phế bỏ. Mở lời đàm tấu luận bàn mọi sự không gì chẳng thực hành”.

Vào niên hiệu Bảo Định (561-566) thời Bắc Chu, vua Thái Tổ lại bảo: “Sư có tài sâu đức lớn, nên giúp đỡ đạo tục bằng phép lễ lớn nên Vua đích thân đến cầu thỉnh Sư vì nước nhà mà làm Tam Tạng Pháp Sư. Sư thật đương nhân chẳng nhường nên im lặng chấp nhận, là khiến cho rường cột tại đó, làm hình nghi đáng nương cậy. Nhà Bắc Chu có được đất nước, lại kính ngưỡng huyền phong, lễ trọng khác với triều đại trước, cầu xin nhận thọ quy giới. Sau khi Thái Tổ bình định Lương Kinh, tại Ích Châu có hơn mười lăm vị Đại đức, mỗi vị ôm lấy kinh bộ, đón rước tôn tượng đến kinh đô. Dem Diêu Tông của ngài Chân Đế đến hỏi Sư. Thế rồi tuệ tâm ngầm chuyển, Nam Bắc mới thông. Sư liền vì vạch bày quyết trạch suốt thông vượt ngoài tình, đồng thời thần phục. Từ đó, Sư đào luyện mở mang khắp Kinh Hoa, lâu dần càng hưng thịnh.

Bỗng một hôm, Sư bảo tăng chúng “Hãy gấp chuẩn bị các thứ hương đèn sửa sang pháp sự, trì tụng xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm để cứu giáng đường ở một ngôi chùa kia ở Giang Nam sắp bị sụp đổ”. Ngay lúc ấy, giáng

đường ở Dương Đô đang luận về pháp tập, kẻ Tăng người tục có đến vài trăm vị ở đây trong đó, nghe ở hướng Tây bắc có mùi thơm lạ và tiếng kỹ nhạc giữa hư không, cả giảng đường đều lấy làm lạ đồng ra nhìn nghe, thì giảng đường bỗng nhiên sụp đổ. Đại chúng không một ai tổn hại gì, mới đem sự việc ấy tâu trình với Lương chúa và chuyển đến hỏi Vua Thái Tổ nhà Bắc Chu, quả nhiên biết được do Sư cứu giúp. Vua bèn ban đưa lăm thứ quý báu đến dâng tặng liên tục. Và Sư chỉ chuyên giữ lấy ba y và mọi vật mà thôi, ngoài ra đều tùy ban cấp. Do đó tiếng tăm ngài vang động khắp cả ba nước, việc đều tham vấn bậc Chí Thánh.

Đến ngày mười tám tháng bảy niên hiệu Bảo Định thứ ba (563) thời Bắc Chu, Sư thị tịch tại chùa Đại Truy Viễn, thọ tám mươi tám tuổi. Khấp triều đình đến thôn dã đều kinh ngạc than thở, người trời biến sắc. Vua buồn thương gào khóc, ban sắc đắp họa hình tượng Sư thờ tại chùa Đại Phước Điền. Và ngay ngày đó an táng tại Tất Công Lỗ Thục ở ngoài cửa Đông Giao, tại phía Nam phần mộ, bia đá vẫn hiện còn. Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Tướng, v.v... mỗi đèn nổi đuốc chẳng cùng, càng lớn hoa thật. Vì nghiệp có chỗ theo, bèn tại nơi mộ tháp Sư xây dựng ngôi chùa, lại lấy tên là Phước Điền để kính tu phước thâm, đồng thời dựng bia ở cả hai chùa. Sa-môn Thích Đạo An ở chùa Đại Trung Hưng và Nghĩa Thành Công Canh Tín soạn văn, nay hiện còn tại uyển nội.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Tăng Vĩ trụ chùa Thiên Bảo ở Kinh Đô

Thích Tăng Vĩ, họ Phan, người ở xứ Bình Dư thuộc Nhữ Nam. Khí lượng Sư lắng sâu, phong thần rõ ràng thanh nhã.

Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia, chuyên mặc y áo thô xấu, ăn dùng rau lá. Đến nỗi miệng bụng dần dần dùng buồm đá nước từng thông, nóng lạnh cần dùng thường áo lá sen, dải hoa Huệ, nên được kết tinh tiết tháo trắng trong như ngọc thạch, tánh tình phong nhã phẩy phát giữa ráng mây. Ban đầu, Sư trì tụng kinh Kim Quang Minh. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư xuống Dương Đô trụ chùa Đế-thích. Nghe Luật sư Đàm Viện giảng Luật Thập Tụng, ngâm trải qua năm năm xét soi trì phạm. Sư bèn đến trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, theo Thiền sư Phụng tu học pháp Quán dứt tướng, đượm vị tình không, nghiên cứu xem xét nhân duyên, nương giữ niệm tuệ, từng được Ân Chi. Truyền tỏa hương thơm, nêu cao Đạo nghiệp, xa tiếp thừa gá tức nơi nước nhà, sương móc danh sơn, hang động sâu thẳm, sông thơm nước ngọt, bèn mang mái chèo lướt sóng nêu danh nơi rừng chằm, trọn đạt ý chí kết ở núi đó. Nhưng tiếng tăm Sư sáng trong vang suốt khắp cùng đất nhà Chu. Vua ưu đãi bậc hiền đức, xa giá đến hỏi Đạo, thỉnh Sư đến Kinh Đô, gần gửi kính

thờ lời dạy bảo, vua ban sắc cho các hàng Quân Khanh, cận thần, phi hậu, ngoại thích đều thọ mười điều lành, nhân đó kính thờ ba quy y.

Niên hiệu Thiên Hòa thứ năm (570) thời Bắc Chu, vì an táng Thâu mẫu trở về phương Đông. Vua ban sắc mời Sư làm An châu Tam Tạng, sửa sang bốn chúng đều theo pháp Lục hòa. Trong thời gian nhậm lãnh Sư có đến hai chùa Thọ Sơn và Vân Phạm. Phía Nam nhìn về sông Sơ, phía Đông thẳng tới kinh thành nhà Tùy. Phép tắc công trình, chuyển vận tốt đẹp.

Đức hạnh Sư lan tỏa khắp Giang Hoài, Các bậc Đế vương trọng vọng, nhân đó có ban sắc chiếu xây dựng riêng chùa Thiên Bảo ở trong Vương Thành để Sư trụ ở đó. Đã được thỉnh mời, nên tự thân Sư làm khuôn phép cho tăng luân, mặc áo nạp cũ kỹ để đền ơn cung cấp. Tĩnh duyên thanh khiết, tiết tháo ngang chí với lâm triều.

Đến ngày mồng mười tháng chín niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư bị bệnh, sau đó không lâu, Sư thị tịch tại chùa Thiên Bảo, thọ sáu mươi một tuổi. Các môn nhân, đệ tử buồn cảm, sĩ nữ kinh hãi đua nhau kéo đến. Qua tháng hai năm sau, đón rước về An táng tại núi An Lạc.

Sư có nghi dung cung kính trang nhã, oai nghi khoan thai. Người đến với Sư thì tự chỉnh trang khuôn phép thanh tịnh, kẻ trông thấy Sư thì tự kính ngưỡng. Canh Tín ở Tân dã kính vâng phương trần, khắc lập Văn bia tưởng niệm, nay hiện vẫn còn.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Đàm Tướng trụ chùa Đại Phước Điền ở Kinh Đô

Thích Đàm Tướng, họ Lương, người ở xứ Lam Điền thuộc Ung Châu. Cùng ở chung phòng với Sa-môn Tăng Thật, vốn chẳng phải Sư Bảo nhưng thuần kính trọng, giữ lễ hơn Hòa-thượng. Sư rất thông minh dễ ngộ, mắt nhìn suốt cả bảy hàng, lấy việc Thiền tụng làm tâm, chu cấp làm mục đích. Sư thương xót dốt dần có sự lưu tâm riêng. Nhân có việc qua lại, hề thấy người dùng các thứ lưới vông săn bắn, chim thú mắc phải khôn khổ, thì Sư dùng thân mình thay thế để chuộc lại cho thoát khỏi mới thôi. Đức nhân từ cứu giúp của Sư thật xuất phát từ thiên tánh. Ngài Tăng Thật có ngợi khen rằng: “Đàm Tướng là người có Phước Đức, ta đây chẳng thể sánh bằng”. Ở đây thấy lễ như thế, có lần vào ban đêm, ngài Tăng Thật đến phòng Sư, Sư thường bày tòa dự phỏng theo. Sư chẳng một lời nào đối đáp, chỉ tỏ bày Đạo hợp, riêng có người nghe, không có một lời hỏi. Sư thường lấy làm khuôn phép mới trải qua nhiều năm. Có lúc bị bệnh nặng, có người đến thăm hỏi, Sư đều lược nêu cương mục chỉ dạy họ trị dứt, đến lúc sẽ có thần hiệu, mọi người đều lấy làm lạ. Có người hỏi “Lý Thuận Hưng và cường luyện là ai?”

Sư bảo:” Thuận Hưng mang thai rỗng nên lắm dục, Cường Luyện du hành theo tiên tục, giúp đỡ phật pháp mở mang giáo hóa!” Sư có những điều rõ ràng thâm dự ghi, không thể lường biết được. Sư trụ tại chùa Đại Phước Điền, bảy Chúng ở Kinh Hoa đều bắt chước kính ngưỡng như thần.

Vào cuối thời Bắc Chu, chánh pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư bèn ngậm ân trong núi. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Sư dẫn trước xuất tục. Qua ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582), Sư thị tịch tại Đô thành cũ ở Vị Âm, vẽ tôn tượng Sư để lưu truyền. Hiện nay, tại chùa Thiên Lâm ở Kinh Đô, người kế thừa Thiền học của Sư, tiếp nối phó chúc cho Sa-môn Tuệ Đoan, đầy đủ như trong Biệt truyện.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Đạo Chánh ở Lan Nhã tại Thương Châu

Thích Đạo Chánh, người xứ Bột Hải thuộc Thương Châu. Bẩm chất Sư cao sáng, lời nói chí khí cao xa. Sư ở không nơi nào cố định, học hành chẳng do thầy truyền trao. Sư thích thực tập Thiền hành, kính chuộng pháp Lan-nhã. Bất kể mùa Đông hay mùa Hạ, Sư thường gá ở nơi rừng sâu, vào trong thôn xóm khát thực, ngoài ra chỉ thường ngồi. Sư buộc ý tưởng nơi giường dây, buông màn tĩnh lặng một mình. Kẻ tặng người tục đến tham vấn thì Sư lược chỉ bày giảng mới, khiến họ trú tâm, hướng về sự truyền trao. Nên khiến mọi người từ bốn phương xa đến, mỗi người đều chuyên tâm tĩnh duyên. Chúng nhóm họp tuy đông đảo mà bên ngoài không ồn náo nhiễu loạn. Sư trụ tánh hành tàng, đều không vì Danh. Các giảng hội Kinh luận, không đâu Sư chẳng dẫm bước đến. Và đều nghe ngài giảng sâu ẩn, lược bớt chỗ rườm rà. Sư chu du khắp Lương Hà, nói bàn vượt xa. Sư riêng nêu dùng Luận Thành Thật, tiếng tăm vang cùng Châu U, Châu Ký.

Bảy giờ, có Lê Công Quán dẫn Sư đến chùa chánh trụ, dâng lên thư mừng mà chí gồm mây gió, không hề đoái hoài, trở lại rừng thưa, tiếp nối đạo nghiệp, gồm thuật Hiến Pháp, lưu truyền ở đời, lấy tên là “Lục Hạnh”, là pháp tu của Phạm Thánh. Gồm nêu một việc giáo hóa mà dung nhiếp thông cả muôn lối. Trong đó:

1. Phạm Phu tội hạnh
2. Phạp Phu Phước hạnh.
3. Tiểu thừa nhân hạnh.
4. Tiểu Bồ-tát Hạnh.
5. Đại Bồ-tát hạnh
6. Phật Quả Chúng hạnh.

Đều hợp cả sáu bộ, giản lược một quyển, rộng là hai mươi quyển. Nửa trước là Phần tựa, nửa sau là Hành Thể, lời chẳng Văn Chất, chữ rõ Từ Phí. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, mang lại đến mắt Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ý muốn cho rằng chư tăng ở Đông Hạ phần nhiều chìm trong Danh giáo, quy tông ít người nương cây, dính mắc quên trở về. Muốn cho mọi người bỏ nôm nghiệm lý, gồm một mà biết Tông, giữ Đạo hành Thiền, thông giúp Thần sáng. Trạng văn đầy đủ tấu trình với triều đình. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh vốn là người nương tựa Đạo huân, bèn đến chùa Thiền Lâm nhóm họp các bậc Danh đức, trình bày những điều trình tấu, khi đó, giữa pháp tòa có vị tăng bảo rằng: “Tại Đế kinh không có người nào hay sao mà để cho kẻ ở góc biên truyền pháp?” Sư nghe vậy, liền đáp rằng: “Bồn ý tỏ bày muốn làm sáng tỏ tà chánh, chẳng muốn phân biệt trung biên ở giữa hay hay ngoài bìa. Đạo là thông suốt, cần phải sơ lược noi theo”. Đại chúng không do đâu mà chống đối, nhưng lời nói và việc làm của Sư thì Đại chúng chẳng muốn vâng theo. Từ đó, Tăng chúng không thực hành mà tự giải tán. Sư biết ở thời Mạt quý thật khó cảm giáo hóa, bèn đem Hành pháp để lại chỗ Thiền sư Phương ở Kinh Liên mà trở về Đông Xuyên, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu. Hiện nay, các chúng ở Ly Sơn phần nhiều tiếp thừa quyết tự, giữ nghiệp lưu truyền.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Đàm Tuân trụ chùa Bách Tiêm ở Hoài Châu

Thích Đàm Tuân, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm thuộc Hoàng Nông, sau dời nhà đến ở quận Hà Đông. Từ thưở nhỏ, Sư đã ưa thích vị Đạo, nhưng bị ràng buộc trong thời gian lâu.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới xả bỏ được việc thế tục, đi xa dò hỏi chốn núi non mà gá ả. Sư đến chùa Lâm Lạc Tuyền ở phía Bắc núi Bạch Lộc, gặp được Thiền sư Đàm Chuẩn, xin xuống tóc xuất gia. Lại một năm sau, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư kính cẩn giữ gìn tự tu, sùng bảm tâm học, chuyên chí quyết liệt. Các đồng bạn của Sư trước đó đã hoàn bị giới luật, lại tụng Kinh Pháp Hoa. Mới mùa Hạ đầu tiên, Sư đã trở về Kinh đô để định nghiệp. Nhân có Sa-môn Tăng Điều đang ở tại Thương Cốc, Sư bèn đến học luật. Sư Tăng Điều cũng là bậc Dĩnh Tượng ở Định Sơn, như truyện ở trước đã trình bày. Ngài nổi tiếng khắp cùng, người ở xa cùng đến vái chào cung kính. Ở đã khác rừng, lại tinh tấn dung thông Lý Cực, nghĩa bày lời đến, thường nhân đó cách biệt, bởi đường đi ít dấu chân người, núi non lại lắm dã thú. Sư gá ả nơi sâu xa đã lâu, tánh chẳng quen với trần tục, qua lại chất vấn nghi ngại, không do đâu mà đến đường tắt. Thẳng trông Thương Cốc để làm Hạnh biểu. Gai góc sỏi đá, đạp lên chẳng khó, hang hóc sâu tối cản trở men

vịn leo lên, chí trụ trong Chánh Quán. Nên chẳng vì đường tà tự thông, lại do bên cạnh ban trái lợi Đạo. Do phép tắc trước mà thông tuệ, nay ta nêu bày ý chỉ tuy khó nhưng sẽ thẳng tiến để trình bày Đạo nghiệp. Lậy đó nêu ý, tùy cảnh gá tâm, há chẳng phải tốt lành ư? Sư có nói “Cùng với Kẻ mất đạo mà may mắn suốt thông thì thà hợp với Đạo mà chẳng may mắn đến cùng”. Nên ngài dẫm đạp lấm lóp trở ngại, mà chẳng khó đường cùng. Sau trải qua ba mùa hạ, Sư dời đến trụ ở hang Lộ Thổ tu thiền. Gặp lúc suối khô lại tuôn nước chảy. Hữu nai nhiều quanh phòng viện nên được suối nước đẹp xinh, chim thú quen thuần, thường ngày được cứu giúp nên đến gần với Đạo. đồ chúng theo học cùng mừng vui điềm lành ấy.

Bấy giờ, vì thỉnh pháp nên Sư tạm đến Vân Môn, đi theo đường tắt, bị mây móc che phủ lạc mất lối đi, nhờ thần núi chỉ lối mới gặp lại đường chính. Đó là do cảm hóa u minh nên thần minh che chở. Bấy giờ có kẻ trộm đến cắp lậy rau quả, sắp ra khỏi vườn, thì bị đàn ong cắn đốt. Sư nghe vậy bèn đến cứu chữa, dùng từ tâm chữa trị nên được bảo toàn mạng sống. Có người ở Triệu Châu xa đến Ân cần thiết đặt lễ phẩm và trình bày rằng: “Vi bị bệnh chết đi sống lại nên mang ân trách, đến gặp Diêm Vương vắn hỏi, tội đáng đọa vào ngục, may có Thiên sư Đàm Tuân đến vì xin tha mạng, Diêm Vương nhân đó mà phóng thả. Sống lại chưa uỷ thác, tìm cách cứu giúp”. Sư có lần đi núi gặp hai con hổ giao đấu với nhau qua nhiều ngày không thôi. Sư bèn dùng tích trượng phân chúng ra, dùng thân ngăn lại, bảo rằng: “Đồng ở trong rừng chằm, tính không trái ngược lớn, mong đều tự phân đường!” Hai con hổ bèn cúi đầu vâng lời, tiện nuốt giện mà bỏ đi. Sư lại thường gặp hổ gấu giao đấu nhau, sự việc hơi giống như trên. Và hoặc mở mang ở bụi cây rậm rạp, chỉ một bước chân Sư vào mà chim muôn chẳng loạn động, thú thấy như tình cờ. Đó lại do âm đức cảm vật, hiển bày dụng thành lòng nhân, nếu không làm sao có sự tốt lành như vậy! Mỗi lúc Sư nhập Định cứ bảy ngày là một kỳ hạn. Có con hổ trắng vào phòng Sư, trở thành hang ở, ở nơi phòng viện tĩnh lặng mười năm chẳng ra. Từ khi có dấu vết thiền, ít người phỏng theo.

Từ đó, Sư hoảng hóa theo dòng Hà sóc, mở mang hưng thịnh thiền môn, bèn chống gậy, mang lương thực sắp xếp trở về vụ kết. Vua Văn Đế nhà Tùy kính trọng Đức Âm của Sư rất mực chí thành, ban sắc cho Nghi đồng Tam Tư Nguyên Thọ đích thân trao cho ấn nhà vua và hương cúng dường. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, bệnh phong tự nhiên tăng nhiều, Sư thị tịch tại chùa Bách Tiêm, thọ tám mươi lăm tuổi, năm mươi hạ lap.

Mới đầu, khi cơn bệnh tăng dần, bỗng nhiên có ánh sáng thân soi chiếu, gió thoảng mùi hương thơm. Lại cảm có con chim lạ đầu trắng, thân đỏ nhiều quanh phòng viện bay liệng giữa hư không kêu vang buồn thảm. Đến lúc Sư

sấp tịch, chim bay vào đậu trong nền nhà, tự nhiên quen thuần, không sợ người vật, hoặc có lúc ở nơi cửa phòng hoặc đến chỗ Sư nằm, càng kêu buồn đau đớn, huyết lên lăn tròn trong khóe mắt. Khi Sư thị tịch, chim bỗng bay ra ngoài khoảng không xoay chuyển liêng quanh mà chết. Lại cảm có hổ dữ đi nhiều quanh phòng viện, kêu gào buồn thảm suốt hai đêm, mây mốc kết tụ che mờ ba ngày, trời đất ảm đạm buồn thảm. Lại thêm núi đổ đá rơi, cây rừng gãy ngã, khe suối nghẽn tắt, kinh động đến người vật, mất chỗ nương tựa. Sư có những điều linh cảm, điềm lành không thể ghi hết.

Về sau, đến tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiên Đường, các đệ tử Sư như sa-môn Tĩnh Lâm, Đạo Nguyên, Tuệ Phương v.v... mới trà-tỳ, thân nhứt di cốt còn lại, xây tháp lập bia phụng thờ. Sa-môn Minh Tắc soạn văn truyện về Sư, thấy ở Biệt tập.

---o0o---

21- Truyện ngài Thích Pháp Sung trụ chùa Hóa Thành ở Lô Sơn thuộc Giang Châu

Thích Pháp Sung, họ Tất, người ở xứ Cửu Giang. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa và đọc Kinh Đại phẩm, số lượng chẳng thể ghi nhớ hết, Sư kiêm sửa sang chùa viện, tình tại trú trì.

Về sau, Sư đến trụ chùa Hóa Thành trên lưng chừng núi Lô Sơn, chuyên tu thiền định. Nếu chẳng phải việc chúng tăng thì Sư chẳng hề tham dự vào. Sư thường khuyên tăng chúng không để người nữ vào chùa, bởi vì trên thì tổn hại Phật hóa, dưới thì rơi lạc vào người đời dèm pha. Nhưng ở đời vì việc cơ nghiệp quan trọng, nên có người chẳng vâng theo. Sư bèn than rằng: “Sinh ra không gặp được Phật, đó đã là tội duyên. Với Chánh giáo mà chẳng chịu thực hành, nghĩa phải chết sớm, sao lo ở xứ này không người kính giữ giới ư?” Sư bèn đứng tại núi ấy đốt hương trên đỉnh, tự gieo mình xuống, thệ nguyện phân nát thân cốt, để được sinh về tịnh độ. Ở giữa hư không, đầu Sư bỗng nhiên chúc xuống, từ từ vào nơi hang sâu, không tổn hại một mảy lông. Chúng tăng trong chùa ban đầu không hay biết. Sau có người lên đỉnh núi, giữa đường nhìn xuống cao hơn ngàn nhận nghe có tiếng người, bèn đến đó tìm thì ra là Sư. Thân mạng vẫn còn, miệng cứ tụng kinh như cũ, bèn đón rước Sư về lại chùa, Chư tăng cảm kích cái chết ấy vì can ngăn dứt bật người nữ. Lại qua sáu năm sau, Sư mới thị tịch. Khi ấy gặp lúc trời nắng nóng mà thân Sư không rã thối, có mùi thơm như dưa chín. Lúc đó nhằm cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy.

---o0o---

22- Truyện ngài Thích Tín Hạnh trụ chùa Chân Tịch ở Kinh đô

Thích Tín Hạnh, họ Vương, người ở quận Ngụy. Thân mẫu Sư đã lâu không có con, nên đến trước tôn tượng Phật cầu nguyện Chí Thành, mộng thấy vị Thần đất đưa bé đến bảo rằng: “Nay ta trao cho ngươi!” Đến lúc tỉnh giấc, bà cảm thấy khác với thường ngày, nhân đó mà mang thai Sư. Đến lúc sinh ra Sư, tánh tình khác với bình thường. Năm bốn tuổi, ra đường Sư nhìn thấy xe trâu lún đắm dưới bùn sinh, dẫn kéo khổ sở. Nhân đó Sư buồn khóc không thôi, phải chuyển mới xa lìa. Hoặc gặp phải trâu nghé, trâu mẹ bị chia lìa, hoặc có sự xâm hại, sống biết bằng phân, chẳng hề thương ghét.

Năm tám tuổi, Sư đã trong sáng thông minh, tâm tuệ bộc phát đặc biệt. Từng có vị Thư sinh hỏi Sư rằng: “nay ông họ gì? Nhà ngoại họ gì?” Sư đáp: “Đây họ Vương, kia họ Tôn!” Thư sinh lại hỏi Sư rằng: “Sao không là họ Phạm mà lại là họ Tôn?” Ngài đáp ngay rằng: “Phạm (com) chỉ có khả năng hết đói, không thể hết khát. Tôn có khả năng đói, khát cả hai đều hết, nên là giòng họ Tôn chẳng phải họ Phạm!” Sư có tài đối đáp đại loại như thế. Sư mở mang Đạo tổ ngộ thường thông, trải qua các kinh luận hiểu lý rộng xa. Dùng thời xét giáo, dùng bệnh mà nghiệm ở người, chữa nhóm riêng tư thấy đó rõ ràng, hiển bày vết tích cao xa. Các vị ngày trước giải nghĩa phiên dịch khác nhau, chưa hoàn toàn Thanh Văn mà mở mang cả Bô-tát, dẫm qua Ngôn giáo, nương cậy hành trì làm công phu. Và lại như y cứ vào tông của Phật, kính không qua thực hành, do sự hiểu biết nên khởi kiêu mạn biếng nhác, bèn có tâm nhầm lìa, trở thành nhân của Biên địa thấp hèn. Nay tuy nghe chân thật, nhưng tâm không tôn kính, tự biết thuốc nhẹ mà bệnh nặng, đáng lý phải thêm siêng năng khổ nhọc, vận dụng hết sức lực mà chữa trị. Do đó tùy chỗ xa gần, hễ nơi nào có ảnh tháp, Sư đều đi khắp lễ bái, nhiều quanh kính ngưỡng. Vì đời sau mà tập hành kính Phật, dụng một hạnh đó mà thông bày các nghiệp khác. Sư ghi khắc rõ ràng, dẫn suất như thế.

Sau, Sư trụ chùa Pháp Tạng ở Tương Châu, Sư xả giới Cụ túc, tự thân tu tạo, làm lụng mọi việc, cúng dường gieo trồng ruộng Bi ruộng Kính, lễ kính gồm cả tăng tục, chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, vượt trội khác thường người đương thời. Mùa Đông, mùa Hạ Sư đều tu tập. Nên các bậc Anh Đạt từ bốn phương xa đều đến nơi cửa mà thưa hỏi Sư. Sư tùy việc mà trình bày thẳng, không hề theo khuôn phép nêu bày. Người nghe kính tin, không ai chẳng đánh lễ nhận thọ lời dạy. Và đều xả bỏ Chương sớ, chỉ theo sự chỉ dạy của Sư và kính bám giữ lễ Sư phụ, không dùng Pháp tu để bó buộc.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư được mời đến kinh đô. Bộc Xạ Cao Dĩnh thỉnh Sư trụ chùa Chân Tịch, lập viện để Sư ở đó. Sư soạn “Đối căn khởi hành Tam giai tập lục”. Và ở Đông Sơn soạn “Chúng Sự Chư Pháp” gồm lại hơn bốn mươi quyển. Trích dẫn Văn từ y cứ bộ loại rõ ràng. Trước sau nhìn theo phong cách hợp thành nhóm tụ. Lại nữa, ở Kinh Đô, Sư

lập ở năm ngôi chùa là: chùa Hóa Độ, Quang Minh, Từ Môn, Tuệ Nhật và Hoàng Thiện. Từ đó các chùa khác đều khen ngợi tiếp thừa pháp độ ấy, nơi nào cũng sáu thời lễ bái mỗi ngày, lấy khát thực làm nghiệp, chí thành kính mến thanh khiết còn chẳng bằng.

Về sau, do con bệnh trở nặng, Sư gắng sức vào Phật đường, mỗi ngày riêng Quán tượng. Đến lúc hơi khí dần suy yếu, Sư bảo thỉnh tượng vào phòng, nằm mà nhìn mãi đến khi thị tịch. Sư thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng bốn tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy. Qua ngày mồng bảy, từ chùa Hóa Độ đón rước nhục thân Sư đến núi Chung Nam. Chim Diều hâu kêu vang gò đồi. Kẻ tăng người tục khóc gào vang động cả kinh ấp, xả bỏ thân thịt, râu rụng di cốt, hai tai còn nguyên, xây tháp lập bia ở dưới chân núi. Có Cư sĩ Dật dân ở Hà Đông tức Bùi Huyền Chứng soạn văn bia.

Bùi Huyền Chứng vốn xuất gia trụ chùa Hóa Độ, khi Sư đến ở đó, thì lại bắt chước, tất cả những thứ Sư soạn thuật đều giao cho Bùi Huyền Chứng ghi chép. Về sau theo tục phục còn đứt kiêu hào, tự kết bè bạn, lại lập khoa cương, người trở về với đạo đều khen ngợi. Lúc bình sinh Sư tự soạn văn bia, nêu bày đầy đủ đức hạnh của chính mình, đến sau khi quá vãng mới khắc bia dựng lập chỗ tháp, tức ba văn bia cao vời được bày ở trước hang núi phía bắc chùa Chí Tướng.

Ban đầu, Sư chột hưng khởi dấu vết khác thường, bấy giờ có người rất mực chê bai. Tại thông luận rõ ràng không cần phân biệt, chỉ vâng làm khắc phục sự nóng nảy, riêng tạm chẳng thường. Còn như Phật tông cũng là một phương thuật trong muôn phương thuật. Sư soạn Tập Ký đều dẫn Chánh Văn, nhưng Đề nêu bày danh xưng không định chuẩn đích, tuy nói là “Đôi Căn Khởi Hành” mà u ẩn chỉ thể, nêu bằng nói sự trầm lắng. Các vị tài triết ở đời sau mong có sự hiểu biết có y cứ. Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) đời Tùy, có sắc lệnh cấm không được lưu hành, tương đồng với lời răn giúp. Có bản truyện riêng lưu truyền ở đời, sự tích Sư thấy ở Phí tiết Tam Bảo lục” vậy.

---o0o---

23- Truyện ngài Thích Tuệ Ý trụ chùa Cảnh Không ở Tương Châu

Thích Tuệ Ý, họ Lý, người ở xứ Lâm Nguyên. Sư nghe giảng các kinh luận Đại Thừa, chuyên tu tập định hạnh. Khi Vua Vũ Văn phá hoại Phật pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất nhà Lương, cùng Sa-môn Tuệ mạng ở núi Tiên Thành là người cùng thầy tìm xét tâm yếu. Sau, Sư đến chùa Cảnh Không, ở tại phòng thất cũ của Đại sư Thông, tổng nghiệp thường trụ. Chẳng cần dùng đèn đuốc, ngày đêm thường tỏa sáng.

Có người trong xóm là Đức Quảng Quận thú Liễu Tỉnh rất kính tin Phật pháp, bèn thỉnh Sư đến nhà, lập riêng thiền thất để Sư ở suốt trăm ngày để hành đạo. Khi đó gồm có tất cả bốn người Tỉnh, Tức, Úc, Bầm mỗi đêm ngậm sang chỗ Sư ở, cả nhà đồng thấy trong thiền thất ánh sáng rực rỡ, Sư ngồi thẳng trang nghiêm, bèn sinh khởi tín tâm quy hướng. Kẻ tăng người tục ở trong xóm bèn đua nhau kéo đến cầu thọ quy giới. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư thị tịch. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Tuệ Hưng rằng: “Hôm nay có nhiều khách đến, nên sửa soạn trai thực để tiếp đãi!” Đến giữa trưa quả nhiên Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch.

Bấy giờ, tại chùa Khai Hoàng ở Tương Dương có Sa-môn Thiền sư Pháp Vĩnh, vốn người xứ Nam Hương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương thường luôn cúng dường. Sư dự biết vận mạng sắp dứt, nên từ giả trở về Tương Dương để thị tịch. Suốt bảy ngày đêm, nghe có tiếng âm nhạc, mùi hương lạ phảng phất khắp chùa. Nhân đó Sư ngồi mà thị tịch. Nhục thân Sư được tôn trí lộ bày trên đỉnh núi Tản Cái. Có Luật sư Toàn là người cùng ở chung chùa đến chỗ nhục thân Sư mà nói rằng: “Xin nguyện lưu thân đợi đến bảy ngày!” Đến khi mãn kỳ hạn bảy ngày thì Luật sư Toàn bỗng nhiên thị tịch, bèn đón rước nhục thân Luật sư Toàn đến tôn trí bên cạnh nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh. Khi đó, nhục thân Thiền sư Pháp Vĩnh bỗng nhiên biến hoại.

Bấy giờ, lại có Sầm Xà-lê, họ Dương, người ở xứ Lâm Nguyên. Ngài xây dựng Tụng kinh Đường bên dòng suối phía nam núi Tản Cái, thuộc phía Tây chùa. Sư thường trì tụng Kinh Kim Quang Minh, chiêu cảm bốn vị Thiên Vương đến nghe. Sau, Sư đọc kinh tạng, đều chẳng quên sót, tính ra Sư đã tụng đọc hơn ba ngàn quyển. Sư chuyên mặc áo vải bố, thường đi khát thực. Thức ăn còn thừa trong bát, Sư thường bỏ thí cho chuột trong phòng. Có hơn trăm con chuột đều thuần tranh nhau chạy đến Sư. Nếu có con chuột nào bị bệnh thì Sư đưa tay xoa vuốt ve nó, mà chẳng câu nệ sự kiểm hoặc nâng cao chum rượu ăn uống, hoặc bọn trẻ nhỏ vui đùa đồng vui đùa quất máng tăng lữ, hoặc tụng kinh sách ca vịnh, thuật ngược mọi sự từ trước đến nay. Ngày thì tán loạn, đêm thì lễ tụng thiền tư. Đồng trong chúng, có Sa-môn Trí Hiệu kết giao với Sư, nhóm họp Thiền chúng, tự thực hành, giáo hóa giúp đỡ, cung cấp Định học. Sư tự biết ngày thị tịch, bỗng nhiên gọi Thiền sư Bạt đến căn dặn, rồi Sư lên điện Phật lễ bái và từ tạ chúng tăng trong chùa, đều xin Hoan hỷ. Ở chùa Thiên Cư, thiết đại trai hội sắp hoàn mãn, ngài (Trí Hiệu) nói với Sầm Xà-lê rằng: “Hãy cùng đến cung trời Đâu-suất, nghe giảng Kinh Bát nhã đi!” Sầm Xà-lê bảo: “Em hãy đi trước, bảy ngày sau tôi sẽ đến!” Canh ba đêm đó, Ngài (Trí Hiệu) ngồi thẳng thị tịch. Đến canh bốn, Thần thức Sư đến chùa Biến Học - chùa đó cách xa mười dặm. Sư đến trước

giường Pháp sư Thái, tự nhiên sáng tỏ như ban ngày. Sư bảo rằng: “Trí Hiểu Tôi muốn đi xa nên đến từ biệt Sư, không được dừng ở lâu!” Pháp sư Thái bèn đưa tiễn Sư đi ra ngoài ba lớp cửa. Tiễn biệt xong, Pháp sư Thái trở vào phòng ngồi xuống giường thì bỗng nhiên tối sẫm. Pháp sư Thái bèn gọi Đệ tử hỏi: “Có nghe thầy nói chuyện với người khác chẳng?” Và cầm đuốc soi khắp ba lớp cửa đều đóng, bèn hiểu rằng Thần lực của ngài (Trí Hiểu) vào ra không ngăn ngại, liền sai người đến chùa hỏi thì quả nhiên Sư đã thị tịch. Sau đó bảy ngày, tự nhiên không bệnh, Sầm Xà-lê cũng ngồi thẳng thị tịch. Di thể của hai ngài (Sầm Xà-lê và Trí Hiểu) được xây tháp thờ.

Lại có các Thiền sư Hạo, Thuận v.v... có nhiều việc linh dị, đều theo nhau ngồi thẳng mà thị tịch, ở đây lược không ghi hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 16 hết).

---o0o---

QUYỂN 17

CHƯƠNG III - PHẦN 02 : TẬP THIỀN

(Chánh truyện có mười một vị, phụ có chín vị).

- 1/ Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiên Quang ở núi Tiên Thành thuộc Hoà Dương, thời Bắc Chu (Đái Qùy, Tuệ Lăng, Tuệ Hiểu).
- 2/ Truyện ngài Thích Tuệ Tự ở Hành Sơn thuộc Nam Nhạc, đời Trần.
- 3/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, Quốc sư Trí Giả, thời nhà Tùy.
- 4/ Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh đô, đời Tùy.
- 5/ Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo tràng Tuệ Nhật, đời Tùy.
- 6/ Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu, đời Tùy.
- 7/ Truyện ngài Thích Tăng Thiện ở núi Mã Đầu thuộc Quận Văn Thành, đời Tùy.
- 8/ Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu, đời Tùy (Huyền Giác).
- 9/ Truyện ngài Thích Trí Thuần ở núi Chương Hồng thuộc Quận Triệu, đời Tùy (Trí Tấn).
- 10/ Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đại Lâm, ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Trí Việt trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, đời Tùy (Bát-nhã. Pháp Ngạn).



01- Truyện ngài Thích Tuệ Mạng trụ chùa Thiện Quang, ở núi Tiên Thành

Thích Tuệ Mạng, họ Quách, người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Sư là con cháu của Trung Sĩ Quánh Kỳ đời Tấn. Sư ra đời vào năm Tân Hợi, nhằm niên hiệu Đại Thông thứ năm (531) thời Nam Lương tại quận Trường Sa thuộc Tương Châu. Bẩm tánh Sư anh tú, dáng dấp đẹp xinh, vượt trội đồng bạn. Tuy ở độ tuổi tươi đẹp, nhưng mọi người đều kinh lạ, giữa khoảng thời gian mộng tỉnh, ánh sáng tiếp xúc vào thân Sư, tỏ ngộ rõ ràng, rất đặc biệt. Bấy giờ các bậc danh tăng ở quận Tương đều nói với nhau rằng: “Trân Xà-lê, Địa vị khó lường biết, nhưng vào nhà Như Lai tức là Tuệ Mạng!” Nên Sư tự kết tóc, ngày một khai mở rộng rãi.

Năm tám tuổi, Sư đã giỏi thi thư, thể mạo bất động, hàng thức giả biết Sư không phải là khí độ tầm thường. Nhưng Sư bèn nhậy tinh tấn nghe học tu tập, khéo vào nghĩa sâu, nên khiến lý vượt ngoài văn, soi chiếu ra trước căn cơ, trí chẳng kinh hãi ngu, trắng trong chẳng vượt tục. Gần Đạo mà xa vật, mọi người trong châu áp đều ngợi khen, quý trọng.

Năm mười lăm tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, chỉ mới hai tuần mà nửa bộ đều thông hết. Sau đó, Sư cạo tóc xuất gia, học không có thầy cố định. Sư chuyên hành trì các pháp sám Phương Đẳng, Phổ Hiền v.v... xét lường y cứ ở Kinh Hoa Nghiêm để đạt đến Minh Đạo, thực hành từ Tương Miện. Nghe hai Đại Thiên sư Ân Quan và Tiên Lô, cách xa ngàn dặm mà rất nhiều người cùng hướng tâm về, Sư bèn đến theo học.

Sau, Sư đi đến núi Tiên Thành, tức Bồn địa của vị tiên Cổ Tùng. Trước kia có Đạo Sĩ Mạnh Thọ, ẩn cư đã nhiều năm, cầu tâm trở về chánh, sẽ thành đạt sở nguyện, bèn xả thí Quán đang ở sung vào xây dựng chùa tháp. Và ngay đêm, Ngài (Tuệ Mạng) chưa đến núi, Mạnh Thọ bỗng nhiên hoảng hốt như nằm mộng, thấy vị thần cao lớn nghiêm vệ đứng bên cạnh Quán. Đến khi tỉnh giấc vừa kinh hãi vừa mừng vui, lên đánh núi buồn bã ngóng trông, bèn thấy chur tăng đông đầy cả rừng, từ lúc ngài Tuệ Mạng đến, Mạnh Thọ liền hướng đến lễ bái ra mắt và xả thí chỗ đang ở sửa thành chùa Thiện Quang. Mọi sự cúng dường sắp bày la liệt, chúng bạn đều nhóm họp. Về già Sư đến Châu Trì, giảng Kinh Duy-ma, bến bờ của Đại Thừa ngự giá, vết tích của

nhập Đạo thừa huyền. Diệu Chỉ của Thiên Trí đều trải qua. Đã mãn ba tháng, Sư bèn từ giã bốn Bộ, chỉ mang Y bát tùy tùng trở về núi rừng xưa.

Có Thiên sư Pháp Âm là người cùng quận Kỳ, vốn họ Vương, không nói mà biết rồi, cả hai Ngài được làm bạn, đồng đến chỗ Thiên sư Năng trụ chùa Quả Nguyện ở Trường Sa, tu học Tâm Định chưa được mấy tuần thì Pháp Môn đã khai phát, dò hỏi chất vấn đọi nghi, bèn suy nghĩ thưa hỏi. Sợ mất chánh lý, nên thưa hỏi khắp các bậc tài đức. Bắt đầu từ Giang Nam, cuối đến Hà Bắc, gặp được hai Sa-môn Tư và Mạc, mới dứt được nghi ngờ vướng mắc. Sau, cùng trở về núi Tiên Thành. Chỉ ở được năm năm, Sư dự biết được ngày thị tịch, bèn nắm tay ngài Pháp Âm vào giữa rừng thông, cùng nhìn nhau cười, nói: “Hai chỗ ở này, tiện co việc thị tịch!” Vị thị giả mới nghe qua nên chưa tỏ ngộ. Chưa đầy tuần trăng thì cả hai Ngài đồng thời bị bệnh. Ngày mùng năm tháng mười một niên hiệu Thiên Hòa thứ ba (568) thời Bắc Chu, tinh thần Sư vẫn tỏ sáng, không lầm lẫn, Sư ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, niệm danh hiệu Phật, đều thấy Phật đến, Sư bèn chấp tay thị tịch. Đồng chúng có vị nằm mộng thấy các vị trời xuống đất, cờ phướn soi chiếu sáng như mặt trời. Lại nghe trong phòng nhà có tiếng xướng “Lành thay!” Mùi hương thơm lạ, tiếng nhạc ngân vang, thoảng nghe chẳng phải chỉ một lần. Qua ngày mười bảy tháng đó (11) thì ngài Pháp Âm cũng an tọa tại Bồn xứ, các điềm lành hiện ra cùng đồng như thế. Cả hai Ngài (Tuệ Mạng, Pháp Âm) là hai bậc hiền, cũng đồng ba mươi tám tuổi, ở dưới rừng cây, dùng gạch xây dựng mộ tháp phụng thờ hai Ngài.

Ngài có đệ tử là Cư sĩ Trịnh Tử Văn lập bia tại chùa, Môn nhân là Tuệ Lãng, Tổ truyền Đạo nghiệp của Ngài chẳng để rơi lạc Thiên phong. Hoá hành khắp xứ An Miện, đạo sáng lan tỏa dưới đời Tùy.

Ban đầu, ngài (Tuệ Mạng) cùng Sa-môn Tuệ Tư định nghiệp thì đồng, nhưng tán khơi hành sở, từ thể cao duỗi thì Sư thật vượt hơn. Tâm thiền vị sâu, tiếng tuệ trù xa. Sư có soạn “Đại Phẩm Nghĩa Chương”, “Luận Dung Tâm”, “Hoàn Nguyên Cảnh Hạnh lộ nan tường Huyền Phú”. Trình bày thông suốt lý Phật, các hàng thức giả đều tụng văn, hoặc ẩn dật chưa hiểu thì có người chú giải, người đời tôn sùng, quý trọng. Sư tự ở tại phòng nhà nơi chốn núi rừng. Đồ chúng theo học, nổi tiếng khắp cả Nam Bắc.

Sư có đệ tử thọ giới Bồ-tát là Đái Quỷ ở Tê Bắc, là người có sở học tiếng tăm sớm vang khắp. Tên tuổi đến khắp các nước, có người gửi thư đến tỏ bày với Sư rằng: “Trộm nghĩ: nước sông Vị thì trong, nước sông Kinh thì đục, cùng lẫn lộn phát nguồn từ Triều Tông. Cây thông cao vợi, mũi tên ngắn bé, đồng mang tính chất kiên trinh. May dự Hàm linh, Ngũ thường lý nêu phạm vi trong Tam giáo, thật dùng quyết lý Nho đồng, mở mang Kinh

Lễ ở Thù Tế, Khổ Huyện Ca-diếp đời đời Diệu Đạo ở sa mạc. Tuy cùng trong trời đất, che trùm hạn cuộc trong một đời nay, đâu như xoay bánh xe chánh pháp ở Lộc Uyển, quét sạch vọng tưởng ở Thử Sơn. Bán mã đã trình bày, quyền thật hiển hiện ở đó. Thật ra giáo có cạn sâu, người không trong ngoài. Thiên sư (Tuệ Mạng) Đức độ chấn động vang xa, Hạnh cao vượt ngoài chúng sinh. Nhiếp thọ tứ y, nhân chẵn dê mà thành thuộc lòng. Mang rương sách đi ngàn dặm, trải qua cung rồng, mà bao gồm. Nên có khả năng trong suốt chín bộ, gồm cả Bí tạng của núi Tuyết, ngoài kiêm bảy lượt đủ cả Điển phần của Bích Thủy, Minh Châm của Chi Tuần Thiên Thai, Văn Ký của Trúc Chân La Phù. Bảy ngọn Đàm Phú, mười ba sông Thải Vịnh. Bảo sư Diệu Tích Trang sinh, Cừ Công soạn luận Biểu Tập, như nuốt mây mộng, như chỉ trong lòng bàn tay, thêm nhờ khéo giữ tịnh giới như gìn giữ hạt ngọc sáng, giỏi hành luật nghi, thí như đến Huyền Cảnh. Bẩm mật hạnh của La-hầu, gieo ruộng phước của Tân-đầu, vỗ rót nước Định, tiện lên Giác Quán, cao che Thiên Chi, cùng vượt Hỷ Xả. Vì vậy chẳng xa Tiêu Tương, cùng đến Miện Lục, cắm gậy ở Long Tuyền, bèn làm tinh xá, xoay xe về Mã Đầu, liền xây dựng Già-lam. Đục núi làm khám, đâu giả nhóm cát thành tháp. Nhân núi tạo vườn, không nhọc trải vàng mua đất. Các bậc Khai sĩ nhóm họp rũ tay áo tợ hoa âm. Bạt đạo đông đúc, chúng ngang đồng mà chấn xuống. Thiên thất sáng sớm, thoảng hương thơm Đồ-nhã, Chi-đề chiêu tôi mở tạm vào Đào Nguyên. Hương Sơn vang tiếng Phạm, cùng Nguyễn khiêu đồng phát. Nguyệt Điện âm ba huyền diệu cùng Tôn Cầm mà Ngang Vận. Lọng tím đeo thông bèn phát cao biện, Hồng Ngạn Thần tịnh tức ánh ngời Cao tâm nên dùng tài có khả năng mua núi, đức xa đồng liền, núi Cao Cảnh hạnh, tường nhận treo tuyết.

Đệ tử nghiệp phong khoa lo, biển dục đắm hình, kịp đến Chử cung chìm đắm, cùng trải qua hai năm, ngày mỗi một ngời chờ đợi, đêm buồn bả bòn chồn mộng my, chưa thể quên nhớ nghĩ, đây kia kết quy cùng theo vết Nhất thừa, bỏ hết cõi lòng, mở sáng ba đạt. Đã nghĩ chuột vắn vít càng thương chim buộc ràng. Xưa kia, ở tuổi chí học, nhà trao ban tặng sách. Năm lễ ưu nhu, ba huyền no chán, vãi lại bắt dứt lẽ biên, soạn thuật giềng mối khác, nhân đến tuổi hai mươi, nhật lấy Bách Gia, mãi đến lúc theo nghiệp làm quan, lưu luyện văn bút. Tuy chưa thể tham tìm Long Môn mà bước lên Cối kê. Phú chim Ri mà Vịnh anh vũ. Nếu cầu một phần ấy cũng là râu tóc của người xưa. Chỉ tỏ ngộ sâu xa chùm bọt, tình buồn choàng vai, thường muốn lột xác thể tục, mở tham vị chân như. Một ngày Vân Thành hứa tu, Quán cao đến đầu gối, tình mừng buộc tác, gặp đồng dẫm tiến tới, chưa cởi hết vạt áo, vội than nhanh chóng. Sau đó, rũ áo lưới đời, mở giày vướng tơ. Sóng xanh rửa dãi mũ. Hán âm ôm lấy vò, đi chuyễn chín chuyễn, để xưa tan lo buồn u

tôi. Tạm tỏ ngộ ba Không, đồng lên khổ nhẫn. Tiên lương xem ngọc, chẳng phé bỏ việc theo thầy, khe sâu bể Đào, chẳng ngại thua hỏi, chờ mong cầu Di Thiên Thắng khí, chợt đáp đực răng. Nhận môn cao luận thời đáp khách tốt lành, Đông ấm như xuân, mong kính quý khuôn phép trong sạch. Nhà gần người xa, càng quanh co dải áo, ngoài ra, các từ khác cạn chọn, trông mong trở về rừng sâu vàng ngọc!

Sư có thư trả lời Đái Quỷ rằng: “Nhất chân thường vắng lặng, xét Diệu bấy giờ là đồng huyền. Muôn Thánh nương cơ, nghịch thuận vì đó mà khác vết. Vì thế, cửa Tây mở sáng Đạo, đồng phía Đông bàn về Nhân, gọt giữa sữa đổi Công, Hữu Vô khác trực. Nay nếu gồm cả hai môn ấy, vốn từ Lương giáo, há chẳng quy tông ba Chuyên, hội nhập vào năm thừa, nương cạn đến sâu, mượn quyền bày thật. Ấy như ao phân ra bốn dòng nước bắt đầu khác tên. Biển thu nước của nước sông, không hề có mùi vị khác. Đàn Việt từ thưở nhỏ tài đã vượt trội, sớm có hoài bão đẹp xinh tiếp nối. Hoa từ vượt hơn đời, tao nhã cùng cực tham Huyền, trí trải qua năm Minh, học gồm ba Giáo. Ích lợi ấy có thể quên, dẫm lên khuôn phép của Nhan sinh, vật bỏ vì Đạo, kính mến vết Huyền của Lý thi, tuy đáp bằng sáu kinh mà gồm rộng cả, trăm nhà dồi dào. Thánh Hiền khác chuẩn mực, Nho Mặc phân dòng phái. Hoặc việc rộng Văn nhiều, hoặc lời cao mà ý chỉ xa. Không gì chẳng nhận nạp như bình thọ nhận, nói tự như khúc sông, gương sáng chẳng gọn sóng. Hồng chung mặc tình gỗ, ông dùng Văn đặc biệt xây dựng, hồ then với cao thú. Nên tuy là Tần sở phân chia thành cũ, Chu Lương sửa đổi phong tục, lọng xanh mành trắng, giá của Ngọc Quy chẳng đổi thay. Ròng năm phụng đậu, giao của cả nước không khác. Thêm vì nhận thức soi xét khổ không, chí bày trần tục. Thân tuy ở lang miếu, nhưng chí ở giang hồ. Cho nên thuộc tán kéo tơ, lưới đời mở lời, từ đồng như Ứng Lục, điệu hợp với Trương Nghiêm. Ôi! Nghe bói lửa cháy, thương sóng trong chóng lắng, mới nên rửa chân theo đạo, tẩy tai từ Vinh. Cừu chuyên sung hư, bốn quạt bày mau. Nhưng sau đó, tìm bát chánh để thưởng vị Nhất Chân, mở mười triều, mà dứt bỏ ba hoạn. Đức hạnh ấy há không đến ư!

Bần Đạo, gương nhận biết khó trong, tâm trần dễ che lấp. Định then với Hoa nước, giới chẳng có buộc ràng. Tài ngang triệt đuốc, học kém truyền đèn. Trong then với Đức đầy đủ, ngoài không quen với việc đời. Cho nên, đắm trệ nơi một gò, gá hình cũng bông liễu, ngồi trên ngàn mũi nhọn, gởi chí ngang như thông. So lường bốn mùa ở gió sương, đợi hai tuần cho ngắm bóng. Cho đến đêm nghe chim rừng bèn thay cho chín thành, ngày trông cá lội, liền tìm hai ông. Nhà cỏ Tát che vạt áo, đã ở vốn không bệnh. Cửa son kết xe bốn ngựa đôi với ta cũng như mộng. Chỗ than vắn vít chuột xâm, vượn chuyền cây khó tĩnh lặng. Nhọc tưởng Thửu Đầu, mới nghĩ Kê Túc.

Cho đến rừng động lá thu không hề tỏ rõ của Độc giác. Hang vang tiếng chim oanh mùa xuân, trọn cất ít nghe than. Bỗng nhiên đến hồi, khúc hiện sáng về vang. Khí u lan-nhã tiếng trong như ngọc, thật lại đầy mắt cùng cực mừng vui, mà thật võ ngực lấm thẹn, tuy thức rơi lạc ao trời, không phân biệt được thuyết của biển Bắc, mà sự đồng như giếng bùn, xấu hổ nghe lời bàn của Đông Hải. Mong cho người ấy như vậy, khéo ta Hoàng thạch chẳng xa. Kết mong sớm mai Bạch Câu có thể bó buộc, dùng trọn sáng nay khéo kính đạo sáng. Khi ấy, nhân lời mộc mạc chẳng rửa ý, báo ân đây làm sao tỏ bày!”

Bấy giờ, có người cho rằng “Quy là Đái Quy ở nước Tiều đời Tấn”. Nay xét so sánh hành sự chẳng phải vậy. trong Tấn Thư có nói: “Niên hiệu Thái Nguyên thứ mười hai (387) thời Đông Tấn, có Ân sĩ Đái Quy, sau đó không lâu thì qua đời”. Đến niên hiệu Đại Thông thứ ba (529) thời Nam Lương, tức đã trải qua một trăm bốn mươi ba năm, Ngài (Tuệ Mạng) mới ra đời, tính ra chẳng thể gặp nhau. Lại chẳng phải Tế Bắc Minh.

Bấy giờ, lại có sa-môn Tuệ Hiểu, họ Phó, cũng là người lấy Pháp Thiên chứa nhóm Hiến Công. Văn tài của Sư có phần thua ngài Tuệ Mạng. Sư đi về hướng Bắc, đi đến đất Tề dừng ở tại Linh Nham, suốt vài mươi năm u nhàn nhóm nghiệp. Chúng ban đầu không lấy làm lạ, đến làm Tiến Lệnh của núi, vì Sư xa cách làng lâu năm nên định hỏi về thân quen. Sư đến cửa huyện, sai người thông lệnh. Lệnh chính là đối với khách, chứ chưa cho phép đi tới, trong thời gian chần chừ, Sư lại thúc giục thông dẫn. Khách vẫn chưa tan, Tiến Lệnh lại càng kéo dài. Sư mới tỏ ngộ, bảo rằng: “Chẳng phải vì tiến thoái của lệnh, mà chỉ là sự yêu ghét của tôi! Đâu phải đất làng có thể nhớ hoài ư?” Sư bảo xét việc, lấy giấy cầm bút mà ghi chép bài Phú Thích Tử. Giấy hết lời cùng. Sư bảo: “Nếu Tiến Lệnh có hỏi tìm, hãy đem văn này mà chỉ bày cho. Tôi đi đây!”. Từ đó, Sư ngầm ẩn. Trong bài phú, Sư viết rằng: “Than ôi! Thất niệm, bỗng nhiên trở lại giác ngộ”. Về sau, tìm đến Linh Nham, xét cùng chẳng thấy, đem bài phú ra chỉ bày cùng cho chư tăng, mới biết tài năng của Sư, từ đó, mỗi người cất lấy một bản, dùng để dứt bỏ bỉ lậu. Sau, Sư tìm đến các Danh sơn, dưỡng thân gá tâm. Khi ấy lại xuôi mắt với người đời, Sư trở về ẩn hình nơi núi thẳm. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ Hành Sơn thuộc Nam Nhạc

Thích Tuệ Tư, họ Lý, người ở Võ Tân. Thờ thiếu thời, Sư rộng rãi dung thứ, từ dưỡng nổi tiếng, khắp trong làng xóm đều ca tụng, vượt ngoài

thường tình. Có lần Sư nằm mộng thấy vị Phạm tăng khuyên bảo nên xuất tục. Sư kinh ngộ điềm ấy, bèn giả từ thân thích mà nhập Đạo.

Nơi chùa Sư đến ở chẳng phải A-luyện-nhã, mấy lần chiêm cảm thấy Thần Tăng dạy răn thực hành trai giới. Sư vâng giữ sự trong trắng, phạm hạnh thanh bạch. Đến lúc thọ giới cụ túc, Đạo Chí Sư càng lớn mạnh, Sư trở lại gá nghỉ nơi sâu vắng, thường ngồi xét quát hạnh nghiệp, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng nhận cúng dường riêng. Lui tới đón rước thầy đều dứt bật. Ngài tụng các Kinh như Pháp Hoa v.v... hơn ba mươi quyển, chỉ trong vài năm mà ngàn biến đã xong. Chỗ am tranh Sư ở bị người xứ quê thiêu đốt, người ấy liền cảm bệnh dịch lệ, chí thành cầu xin sám hối, Sư liền chấp thuận. Và khi Sư đã nhận am tranh thì trì kinh như cũ, người ấy không bao lâu bệnh cũng bình phục.

Sư lại mộng thấy mấy trăm vị Phạm Tăng, thân hình phục sức khác lạ, lên tòa bảo Sư rằng: “Trước kia, ông thọ giới luật nghi chẳng được tốt như vậy, làm sao có thể khai phát Chánh Đạo? Đã gặp được chúng thanh tịnh, nên lại lập đàn, thỉnh bốn mươi hai vị tăng, thêm pháp yết ma, cụ túc thành tựu”. Sau đó, bỗng nhiên tỉnh giấc, Sư mới biết là thọ giới trong mộng. Từ đó về sau, Sư chuyên cần càng sâu, khắc niệm siêng năng, không phé bỏ sớm tối. Ngồi tụng liên tục lấy làm nghiệp thường. Do khô hạnh ấy, Sư thấy được việc hành Đạo trong ba đời. Sư lại mộng thấy Bồ-tát Di-lặc và Phật A-di-đà nói pháp khai ngộ cho Sư, nên Sư tu tạo hai tôn tượng Phật và đều cúng dường. Sư lại mộng thấy được theo Bồ-tát Di-lặc cùng các Quyển thuộc đồng dự hội Long Hoa. Trong Tâm Sư tự tư duy rằng: “Ta sống trong thời Mạt Pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ trì Kinh Pháp Hoa, nay lại gặp được Đức Từ tôn cảm thương!” Sư buồn khóc và bỗng nhiên giác ngộ, càng tỉnh tấn hơn. Mọi điềm linh diệu lại luôn hiện hữu, nước trong bình thường đầy, cúng dường trang nghiêm sung mãn, dường như có Thiên Đồng hầu vệ. Nhân đó, Sư đọc tụng Kinh Diệu Thắng Định, khen ngợi công đức của Pháp Thiên, tiện đó phát tâm tìm Bạt tu Định.

Bấy giờ, có Thiên sư Tuệ Văn nhóm họp đồ Chúng đến mấy trăm vị, như Pháp thanh tịnh trang nghiêm. Kẻ tăng người tục kính chuộng, Sư bèn tìm đến nương tựa, theo học Chánh Pháp. Tánh Sư ưa thích khổ hạnh tiết chế, lấy việc xây dựng chúng tăng làm chính, cúng dường suốt cả mùa đông mùa hạ, không sợ khổ nhọc. Đêm ngày Sư đều nhiếp tâm, tinh lườg sự lý. Trải qua hai mùa như thế, chưa có sở chứng, lại đến đầu mùa hạ khác, Sư vững mình ngồi thẳng, buộc niệm ở trước, mới qua hai mươi một ngày, bèn phát chút ít tĩnh quán, thấy rõ nghiệp tướng Thiện ác của một đời trở lại. nhân đó, Sư kinh thần và càng mạnh mẽ gấp bội, bèn động tám xúc, phát gốc Sơ thiên. Từ đó, Thiên chương chợt dấy khởi. Tứ chi rã rời mỗi mết, chẳng thể

bước đi, thân không theo tâm. Sư liền tự quán sát “Bệnh của ta ngày nay đều từ nghiệp phát sinh, nghiệp lại do tâm khởi, vốn chẳng phải do cảnh bên ngoài. Lại thấy nguồn tâm, Nghiệp chẳng thật có. Thân như bóng mây, tướng có mà Thể Không”. Sư soi xét như thế rồi, ý tưởng điên đảo trừ diệt, tâm tánh thanh tịnh, mọi khổ tiêu trừ. Lại phát sinh Không Định, tâm cảnh rộng rang. Đến lúc mãn hạ thọ tuệ, Sư lại bùi ngùi không thành đạt được gì, tự thương vì hôn trầm, sống chuỗi ngày luống qua, rất có tâm hổ thẹn. Sư buông thân dựa tường, lưng chưa chạm tường, bỗng liền khai ngộ, Pháp Hoa Tam-muội, Pháp môn Đại Thừa, nhất niệm Minh đạt. Mười sáu Pháp đặc thắng Bối xả từ nhập vào, bèn tự thấu suốt, chẳng từ người khác mà khai ngộ.

Sau đó, Sư đến các vị như Giám Tỏi, v.v... trình bày lại điều sở chứng của mình và đều được tùy hỷ. Ngài nghiên tầm đạo luyện càng lâu, pháp Quán trước càng tăng. Tiếng tụng Đạo hạnh Sư vang xa, khắp bốn phương đều kính đức. Học chúng ngày một đông, có ngộ thật nhiều. Sư bèn đem các Pháp định tuệ trong giáo điển Đại Thừa, Tiểu Thừa để khai giảng dẫn dụ, để tự nhiếp mình và chỉ dạy cho người. Từ đó, mọi sự hỗn tạp Tinh tế thô bỉ đúng sai sinh khởi, oán hiềm cừ độc, đều không thể làm thương tổn. Các hàng Di Đạo tạo lập, mưu kế cũng không thể làm hại. Sư bèn ngoài nhìn lại đồ chúng quyến thuộc và bảo rằng: “Khi Đức Đại Thánh còn trụ ở đời vẫn không khởi những lời vào ra không căn cứ, huống gì tôi đây là kẻ Vô đức, đâu thể tránh khỏi sự oán trách ấy. Song, sự oán trách ấy đều do tạo tác ngày trước, thời đến thì phải chịu, đó là việc riêng. Nhưng Phật Pháp ta không bao lâu sẽ hoại diệt, chẳng biết phải đến phương nào để lánh nạn ấy?” Khi đó thầm lặng giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Nếu muốn tu định, hãy đến Nam nhạc ở Võ Đan, chính là núi Nhập Đạo!”.

Trong khoảng đầu niên hiệu Võ Bình (570) thời bắc Tề, Sư bỏ mặc chôn Tung Dương ấy, dẫn đồ chúng đi về hướng Nam, theo các bậc Tiên hiền để mong gá ả. Mới đầu, Sư đến Quang Châu, gặp phải Lương Hiếu Nguyên sụp đổ, nước loạn, đường trước tắt nghẽn, Sư bèn tạm dừng tại núi Đại Tô. Chỉ trong mấy năm mà mọi người quy hướng nương theo rất đông. Tại xứ đó là biên giới giữa nhà Trần và nhà Lê, do đó, binh đao thường luôn xung đột, Phật pháp băng hoại, chúng tăng ly tán. Trong đó, những bậc tài giỏi vượt trội đều xem thường sự sống, mến trọng Đạo pháp, như tôi phải chết vẫn mừng vui sáng sớm được nghe giảng pháp, nên cùng nhau vượt bao hiểm nguy, tìm đến nhóm họp đông đầy cả rừng núi. Sư đem vốn liếng để cung cấp, dùng lý vị để dạy răn. Lại vì kẻ tặng người tục tu tạo phước thí, tạo Kinh Bát-nhã bản chữ vàng, gồm hai mươi bảy quyển, Kinh Pháp Hoa bằng chữ vàng, dùng vật báu lưu ly làm hộp tôn trí trang nghiêm ngời sáng. Công

đức khác thường, khơi phát tâm chúng, lại thỉnh Sư giảng hai bộ kinh ấy. Sư liền bày giảng, tùy theo văn cho đến hết, không gì chẳng sâu màu.

Sau đó, Sư bảo Học sĩ Sa-môn Trí Khải, người ở Giang Lăng thay ngài giảng kinh vàng, đến chỗ “Nhất Tâm đầy đủ muôn hạnh” Sư Trí Khải bỗng có điều nghi. Ngài (Tuệ Tư) bèn giải thích rằng: “Điều nghi vừa rồi của ông, đó là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là yếu chỉ viên đôn của Pháp Hoa. Trước kia, trong một mùa Hạ, tôi khổ tiết suy nghĩ điều đó, đêm sau một niệm chóng phát các pháp, tôi đã thân chứng, ông chớ nhọc sinh nghi”. Ngài Trí Khải liền thưa hỏi thọ học hành Pháp Pháp Hoa. Trong hai mươi một cảnh giới, khó ghi chép tường tận. Ngài Trí Khải lại hỏi: “Ngôi vị của thầy chính là Thập Địa?” Sư bảo: “Chẳng phải, tôi mới chỉ ngôi vị Thiết Luân của Thập Tín”. Bấy giờ, y cứ theo sự mà nghiệm, Sư giải hạnh cao sáng, căn thức thanh tịnh, đồng với Sơ y, biết được mật tạng. Lại như Nhân Vương phát Tâm Thập Thiện, già biệt hẳn Biển khổ, nhưng lại nhún nhường thối lui, nói khó thấy thật cho nên vết gốc rất rõ ràng.

Sau, tại núi Đại Tô xảy ra nhiều việc tệ hại nên thường đốt lửa canh phòng. Chúng bạn ở núi nương gá chẳng an ở đó. Sư bèn dẫn hơn bốn mươi vị tăng đi đến Nam Nhạc. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Quang Đại thứ hai (568). Đến nơi, Sư bảo rằng: “Ta nương cây núi này trong mười năm, sau đó trở về sẽ đi xa”. Sư lại bảo: “Đời trước ta từng ở tại xứ này!” Đi đến Hành Dương gặp một trụ sở, rừng suối lắng sạch, người thấy đều ưa thích. Sư bảo: “Đây là một ngôi chùa cô, xưa kia ta đã từng ở”. Y theo lời Sư, đào bới ở đó, quả nhiên có được phòng điện nền móng mọi vật chúng tăng sử dụng. Lại xuống dưới hang núi sâu, Sư bảo: “Đây là nơi ta ngồi thiền, bị giặc đến chém đầu ta, do đó mà ta chết đi, vẫn còn toàn thân”. Mọi người đều cùng nhau tìm kiếm, làm được một đồng xương khô, lại tìm kỹ thì có được cái đầu lâu. Sư lấy đội lên đánh đầu, và xây tháp thờ để báo đáp ân xưa. Nên thường mọi việc Sư truyền nói, nghiệm xét đều khế hợp. Các việc đồng loại như thế chẳng phải một.

Từ đời Trần, những người có tâm học, không ai chẳng quy tông. Với các kinh luận Đại thừa, Sư đều khai bày giảng ngộ. Nên khiến sơn môn tụ hội, ngày một chứa nhóm Cao Danh. Khiến cho các hàng Dị Đạo có tâm ganh ghét, thậm cùng với Trần chúa, vu cáo Sư là vị tăng đất bắc nhận sự chiêu mộ của nước Tề mà đào phá núi Nam Nhạc. Trần chúa sai sứ đến núi, bị hai con hổ tức giận gầm gừ, bèn sợ hãi mà rút lui. Vài ngày sau lại đến nữa, thì có con ong nhỏ bay đến đốt vào gò má Sư, sau đó có con ong lớn cắn giết con ong nhỏ, ngậm đầu bay ngang trước mặt Sư rồi bay đi. Trần chúa đều nghe biết việc đó mà chẳng để ý, không bao lâu trong bọn bày mưu hại có

một người bị chết đột ngột và một người bị chó dại cắn chết. Tướng ông hiện điềm dữ khi ấy mới linh nghiệm.

Trần chúa ban sắc cho thừa Linh ứng, mới thỉnh Sư xuống Thành Đô dừng ở chùa Thê Huyền. Sư đến chùa Ngõa quan giữa đường gặp mưa mà chẳng ướt, bùn sinh không dính giày. Sa-môn Tăng Chánh là Tuệ Hạo cùng học chúng đồng gặp Sư giữa đường, bèn bảo: “Vị Thần này khác người, làm sao được như thế?” Cả triều đình đều ghé mắt nhìn, kẻ tăng người tục thấy kính ngưỡng. Đại Đô Đốc Ngô Minh Triệt rất kính trọng Sư, dâng gỏi nằm bằng sừng tê giác, cùng Hiều Oai ở Hạ Hầu đến chùa lễ thăm Sư. Đang trên đường đi, suy nghĩ rằng: “Ngô Nghi Đồng dâng gỏi, làm cách nào để thấy được?” Đến lúc tới chỗ Sư, cùng đi rất mực cung kính. Ngô Minh Triệt bảo: “Muốn thấy được gỏi bằng Tê giác thì hãy đến xem”. Lại một hôm, bỗng nhiên có tiếng bảo rằng: “Hãy lo quét tước sân nhà, có bậc Thánh sắp đến”. Liền như lời nói, chỉ phút chốc Sư đến. Hiều Oai có tâm kính ngưỡng đối với Sư, nói với kẻ tăng người tục. Nên những người sinh hèn, tăng tục không dám kéo mời ở lại. một số người cung cấp, tiễn biệt đến bờ sông. Sư bảo: “Ta nương tựa ở Nam Nhạc chỉ mười năm, đủ mười năm ta sẽ dời đi”. Mọi người không hiểu ý chỉ ấy. Khi về lại phòng nhà tại núi, mỗi năm, Trần Chúa ba lần đưa gỏi thư thăm hỏi, cung cấp cúng dường đầy đủ cho chúng tăng. Vinh hiển hưng thịnh chẳng ở đâu bằng. Sư giảng pháp gấp bội bình thường, Thần dị khó lường biết. Hoặc hiện thân lớn nhỏ, hoặc vắng lặng ẩn thân. Hoặc có mùi thơm lạ, sắc màu đặc biệt, các điềm lành xen lẫn hiện bày.

Đến lúc sắp tịch, từ trên đánh đến lưng chừng núi, Sư thiết lập đạo tràng, nhóm họp học chúng trong nhiều ngày giảng pháp. Sư tha thiết quả trách, người nghe sợ hãi. Sư bảo trong chúng rằng: “Nếu có mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu theo Pháp Hoa, Ban-chu niệm Phật Tam-muội, Phương đẳng sám hối, khổ hạnh tinh tọa. Với mọi sự cần thiết, tôi tự cung cấp sẽ cùng được lợi ích. Nếu không có người như thế, tôi sẽ đi xa”. Khổ hạnh là việc khó nên hoàn toàn không có người đáp lại. Nhân đó Sư rời chúng, yên tĩnh xét niệm, bỗng nhiên Sư thị tịch. Có Sa-môn trẻ tuổi tên là Linh Biện thấy Sư hơi thở đã dứt bèn than gào, khóc lóc. Sư liền mở mắt bảo rằng: “Ông là Ác Ma, ta sắp đi, các Thánh cùng đến đón rước rất đông, luận về chỗ thọ sinh, sao có ý kinh động làm chướng loạn ta ư? Ông là kẻ ngu si, hãy đi ra”. Nhân đó, Sư lại nhiếp tâm ngồi yên đến cùng. Mọi người đều nghe có mùi thơm lạ xông ngát trong phòng. Đánh đầu Sư nóng ẩm, thân thể mềm mại, màu da vẫn như thường. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Thái Kiến thứ chín (577) đời Trần. Xét nghiệm mười năm, rõ ràng phù hợp. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi.

Từ Giang Đông, Phật Pháp mở mang lại nghĩa môn, còn đối với Pháp Thiên thì không được như thế. Nên Sư bùi ngùi nam phục, Định Tuệ cả hai đều mở. Ngày thì bàn luận về nghĩa lý, đêm đến thì tư duy quyết trạch. Cho nên Sư có nói ra điều gì đều đến chỗ tận cùng. Tiệm đó, nghiệm xét nhân định phát tuệ, ý chỉ ấy chẳng lường dối. Thiên Tông cả Nam bắc ít có trường hợp không kế thừa tiếp nối, nhưng thân tướng Sư cao trội đặc biệt, tự giữ gìn tốt đẹp, chẳng nương cậy, chẳng thiên lệch, như trâu đi voi nhìn. Đảnh đầu Sư có tướng nhục kế khác lạ trang nghiêm. Người trông thấy thì hồi tâm, bất chợt kính phục. Sư lại khéo biết tâm người, xét soi thâm phục. Với người nói năng chậm chạp thì Sư dùng phương tiện dẫn dắt, thực hành hạnh Đại từ bi, vâng giữ giới Bồ-tát. Còn như lụa là lông da, phần nhiều đều do tổn hại chúng sinh, nên Sư không hề sử dụng, thường mặc vải bố. Mùa Đông giá lạnh thì cắt thêm cổ chằm vá áo nạp để mặc ngăn lạnh.

Từ khi Phật pháp truyền bá đến phương Đông, trải qua thời gian đã sáu trăm năm, chỉ hạnh từ ở Nam Nhạc ấy là chỗ đáng quy y. Tôi (Đạo Tuyên) từng tham dự công việc truyền dịch, thường thấy trong kinh Phạm thừa hỏi đầy đủ về Pháp y, nên đến nay đều không may mặc tơ tằm. Dù có thêm pháp thọ, cũng không chỉ bày được thành. Nên biết hoặc xin hoặc được ai cho tơ tằm gấm lụa làm y áo, y cứ theo luật kết khoa tằm xả Định. Y cứ theo tình mà tham cậy, làm sao do đâu mà buông lung, điều mà riêng Sư dứt hẳn là vâng theo khuôn phép của bậc Thánh. Các tác phẩm của Sư là miệng truyền trao thành chương không cắt bớt hay sửa đổi. Sư soạn Tứ Thập Nhị Tự Môn hai quyển, Vô Tránh Hạnh Môn hai quyển, Thích Luận Huyền một quyển, Tuỳ Tự Ý một quyển, An Lạc Hạnh một quyển, Thứ Đệ Thiên Yếu một quyển, Tam Trí Quán Môn một quyển, đều được truyền bá ở đời.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai đời Tùy

Thích Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Xuyên. Có Tấn Thiên Đô ở Hoa Dung thuộc Kinh châu, là con thứ hai của quan Tấn Ky đời Lương là Mạnh Dương Công Khởi. Mẹ Sư họ Từ, nằm mộng thấy khói hương năm màu cuộn vào lòng, muốn phỉ đi, nghe có người nói rằng: Nhân duyên đời trước nương gá vương đạo, phước đức tự đến, sao lại phỉ đi? Bà lại nằm mộng thấy nuốt con chuột trắng, thấy như thế đến hai, ba lần, bà lấy làm lạ bèn đi xem bói, thầy bói nói: Đó là điềm lành rồng trắng.

Đêm sinh ra Sư, trong nhà sáng rực, ánh sáng giữa các ngôi sao tắt mất, trong ngoài vui vẻ. Bỗng có hai vị tăng gõ cửa nói: Lành thay! Đức tốt của đứa bé rất sâu nặng, chắc chắn sẽ xuất gia. Nói xong hai vị liền biến mất.

Khách đến nhà lấy làm lạ, các nhà hàng xóm nhớ lại điềm lành trước, gọi là Vương đạo, kiêm dùng tướng sau lại gọi là Quan đạo, cho nên còn nhỏ Sư đã được đặt hai tên, gọi dùng lẫn lộn. Mất Sư có con người hai lớp, cha mẹ che giấu nhưng mọi người đã biết. Khi nằm thì Sư chấp tay, khi ngồi thì xoay mặt về hướng Tây. Từ khi lớn lên về sau, không phải bất cứ thứ gì Sư cũng ăn, thấy tượng liền lễ bái, gặp tăng thì cung kính. Năm bảy tuổi đã thích đến chùa, chư tăng lấy làm lạ về tình chí của Sư, bèn truyền miệng cho phẩm Phổ Môn, mới nghe qua một lần Sư đã thuộc, cha mẹ dứt khoát không cho Sư tụng nữa, trong lòng Sư rất buồn. Bỗng nhiên Sư thuộc cả các câu văn còn lại, há chẳng phải là xưa có gieo trồng cội gốc công đức hay sao? Sư tìm kiếm danh sư, mong nương nhờ để ra khỏi ba cõi.

Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia với Sa-môn Pháp Tự chùa Quả Nguyên ở Tương Châu. Ngài Pháp Tự truyền cho mười giới, hướng dẫn về luật nghi. Sư đi về phía Bắc đến chỗ Luật sư Tuệ Khoáng, mong được dạy bảo. Nhân đó, Sư tiêm tu ở núi Đại Hiền, tụng Kinh Pháp Hoa và Vô Lượng Nghĩa, Phổ Hiền Quán. Chưa đầy hai tuần mà đã thuộc xong ba bộ. Lại đến chỗ Thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang châu để thọ nghiệp tâm quán. Ngài Tuệ Tư lại theo đạo ở Thiền sư Tụ, Thiền sư Tụ lại thọ pháp với Thiền sư Tối, ba vị này đều không lường được giai vị của Sư. Ngài Tuệ Tư thường khen rằng: Thuở xưa ở Linh Sơn cùng nghe Pháp Hoa, duyên trước đưa đây, nay lại gặp nhau. Liền chỉ bày đạo tràng Phổ Hiền, giảng bốn hạnh an lạc. Sư ở núi này bèn thực hành Tam-muội Pháp Hoa, bắt đầu trải qua ba đêm, tụng đến phẩm Dược Vương, tâm duyên theo khổ hạnh, đều câu “Đó là chân tinh tấn” liền phát sinh giải ngộ, thấy cùng ở một chỗ với Thiền sư Tuệ Tư, núi Linh Sơn là tịnh độ bằng bảy báu, nghe Phật nói pháp, cho nên ngài Tuệ Tư nói: Chẳng phải thế thì không cảm, chẳng phải ta thì không ai biết. Đây là tiền phương tiện của Tam-muội Pháp Hoa. Sư lại đến núi Bạch Sa ở Hy châu, nhập quán như trước, đối với kinh có điều nghi, thì liền thấy ngài Tuệ Tư đến âm thầm chỉ bày giải thích. Từ đó về sau, Sư thường thay thế ngài Tuệ Tư để giảng pháp. Người nghe đều kính phục. Nhưng đối với ba Tam-muội và ba Quán Trí, Sư còn phải thưa hỏi, ngoài ra đều tự mở giải, chẳng từng để ý. Ngài Tuệ Tư đích thân cầm râu chuỗi Như Ý ngồi nơi Pháp tòa để xem nghe, và bảo với học chúng rằng: “Đây là con nuôi của tôi, chỉ buồn là Định lực còn thiếu!”. Từ đó, Thầy trò đổi cách nhìn, tiếng tăm vang khắp xa gần. Đến lúc sở học đã thành, Sư đến từ già. Ngài Tuệ Tư bảo rằng: “Ông có duyên ở nước Trần, đến đó sẽ được lợi ích!” Khi ngài Tuệ Tư đã đến Nam Nhạc thì Sư bèn đến Kim Lăng, cùng hơn ba mươi vị như Sa-môn Pháp Hỷ, v.v... trụ chùa Ngọa Quan, khai mở truyền Thiền Pháp.

Bộ xạ Từ Lăng Thượng Thư Mao Hy v.v... là người thông minh, được người đương thời quý trọng, học gồm cả Thích giáo, Nho giáo, lại đến bần thọ thiền Tuệ, đều truyền hương Pháp, mừng vui cung kính, là chỗ vẻ vang kính ngưỡng ở đương thời. Đại đức Trí Biện chùa Trường Can thỉnh Sư vào Tông Hy. Sa Môn Tăng Hoảng chùa Thiên cung thỉnh Sư vào Phật quật. Đó đều do đạo hoằng hành cảm nên Sư được các bậc tài giỏi ở đương thời đón rước Sư. Sư tùy cơ duyên giáo hóa, liền được khai ngộ. Nên các ngài như Cảnh Thiệu ở Bạch Mã, Trí Văn ở Phụng Thành, Tuệ Mạng ở Thiên chúng, cho đến những vị Túc đức như Pháp sư Đại nhẫn đời Lương, v.v... là những bậc một đời cao lưu, tiếng tăm vang vọng khắp giang biển, đều bỏ các pháp mình giảng trước kia mà muốn mở mang thiên môn, dẫn theo học chúng đến thừa hỏi bên bờ đê, được cứu giúp.

Bấy giờ, tại Võ Huyệt có Sa-môn Tuệ Vinh ở chùa Trang Nghiêm đạo trùm khắp Ngô Châu, Cối kê, người đời xưng gọi là Nghĩa hô, biện hiệu Huyền lưu. Nghe Sư giảng pháp, nên đến thừa hỏi. Qua vài lần nêu cử hạch xét, không gì chẳng sâu ân, bèn khinh dỗi tự kiêu căng, nhướng mày, vung quạt, quạt bèn rơi xuống đất, ngài ứng đối, sự lý vỡ lở, trong sạch hiển bày. Và Sư chê trách Ngài Tuệ Vinh rằng: “Năng lực của thiên định không thể cật nạn”. Khi ấy có Sa-môn Pháp Tạng vỗ vai ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Từ trước đến nay, ông là Nghĩa Long mà giờ lại phục nai. Quạt đã rơi xuống đất, vậy lấy gì để ngăn che xấu hổ?” Ngài Tuệ Vinh bảo rằng: “Xem thường Địch thất thế, chưa thể coi khinh”.

Sư trải qua tám châu, giảng luận Đại Trí Độ, trang nghiêm mọi người đến học, kể đến, Sư giảng về thiên môn để lắng trong biển tâm. Trong những lúc nói nín, Sư thường nghĩ nhớ đến rừng đầm, Sư nằm mộng thấy trên đánh núi cao vọi muôn trùng, mặt trời mây phủ, bên cạnh đó, biển xanh không bờ, sâu thăm lắng trong ở dưới đó. Lại thấy một vị tăng vẫy tay bày vai đến bên sườn núi dẫn Sư lên núi v.v... Sư đem những điều thấy trong mộng, hỏi khắp Môn nhân. Mọi người đều trả lời: “Đó là núi Thiên Thai ở Cối kê, là nơi nương gá của các vị Thánh hiền. Xưa kia, các Sa-môn Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm Mật. Và những bậc anh đạt ở đời Tấn, đời Tống, không ai chẳng nương nấu tại ở đó!”. Nhân đó, Sư bèn cùng với hơn hai mươi vị như Sa-môn Tuệ Biện v.v... đi theo đường hướng Nam đến ẩn cư tại núi đó.

Trước kia, có Sa-môn Định Quang ở Thanh Châu. Từ lâu đến ở núi đó đã bốn mươi năm. Ngài tu cả Định tuệ, bao trùm cả Thần nhân. Hai năm trước khi Sư đến núi đó, ngài Định Quang dự báo với dân chúng ở núi rằng: “Có vị Đại Thiện Tri thức sẽ đến đây, nên trông đậu làm tương, bện cỏ bò làm chiếu, xây dựng thêm phòng nhà để tiếp đãi”. Gặp lúc Trần thi Hưng Vương ra trấn tại Động Đình, các công khanh tiễn đưa, xoay xe trở lại chùa Ngõa

quan đàm luận với Sư, pháp sâu màu đã xướng, các vị đều khuynh tâm, xả tan núi chứa, kính thành bái thỉnh ân trọng. Nhân đó, Sư than rằng: “Hôm qua Ta mộng thấy quân cướp mạnh dữ, nay mới bày các thứ giặc mềm yếu, lông dây cắt xương, thì nhớ kéo đuôi trong bùn sình”. Bèn sai người cảm ơn các môn nhân rằng: “Ta nghe trong tối có tiếng tên bắn thì nên ở Đền. Vì sao biết như thế? Bởi vì, Vô minh tức là tối. Môi lưỡi là cung, tâm lo lắng như Đền, âm thanh như mũi tên. Đêm dài rỗng phát không nhận biết được. Lại nữa, pháp môn như gương sáng, vuông tròn tùy vật tượng. Mới đầu, tại chùa Ngõa quan có được bốn mươi người ngồi. Một nửa thì vào pháp môn, nay thì có hai trăm người ngồi thiền. Trong đó, mười người đắc pháp. Từ nay về sau, quy Tông càng gấp bội, mà không mấy người y cứ theo Pháp. Đó là vì sao cũng có thể biết! Ta tự hành hóa, dẫn dắt, mỗi vị tùy chỗ an định, đang theo chí của Ta!” Và Sư liền đến núi Thiên Thai. Khi đã đến núi ấy, thì gặp Ngài Định Quang. Sư liền bày tỏ điều cần yếu. Ngài Định Quang bảo: “Đại Thiện tri thức! Có nhớ năm trước tôi đứng trên đỉnh núi vẫy tay gọi Ngài chẳng?” Sư bèn kinh dị, biết là trong mộng có đến ở đây. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần.

Lại nghe có tiếng chuông vang khắp hang, đại chúng đều lầy làm lạ. Ngài Định Quang bảo: “Chuông là vờn nhóm những người có duyên, Ngài được ở đây!”. Sư bèn tìm ở chỗ tốt, tức phía Bắc của chỗ ngài Định Quang ở, thuộc phía Nam núi Phật Lũng, là chỗ nguồn của Loa Khê. Đã nhàn thoảng, lại dễ tìm được chân, đất bằng suối trong. Sư bồi hồi dừng nghỉ qua đêm, không bao lâu thấy có ba người đầu chít khăn đen, mặc áo ráng tía, tay cầm sớ đến thỉnh cầu rằng: “Ngài hãy ở nơi này hành Đạo!”. Từ đó, Sư dựng lập am tranh, trồng cây quả thông, chỉ trong vài năm tạo bày lần lượt theo nhau, lại thành thông hội. Ngài Định Quang bảo rằng: “Hãy nên tùy nghi an ở, đến thời Quốc thanh, ba phương gồm một, sẽ có Quý nhân vì Thiên sư mà xây dựng chùa, phòng nhà đầy khắp núi!” Bấy giờ, mọi người chẳng lường biết lời nói ấy.

Sau, Sư đến phía Bắc của chùa trên ngọn núi Hoa Đảnh, riêng ở tĩnh lặng, thực hành hạnh Đầu-đà, gió lớn nhỏ tróc cây, sấm sét rung chuyển vang rền, quỷ quái cả ngàn đàn, một hình biến trăm trạng thái, thét tiếng gào rống lớn, kinh hãi khó tả bày. Sư bèn nén tâm an nhẫn, vắng lặng, tự nhiên chúng tan mất. Sư lại mắc phải chứng thân tâm đau nhức như bị lửa đốt. Lại thấy cha mẹ của mình đã qua đời gói mình trên đầu gói Sư, tỏ bày khổ đau ai cầu thống thiết, Sư lại nương tựa pháp nhẫn, không lay động như núi. Nên khiến cho hai duyên cứng mềm chiêu cảm đều dứt mất. Bỗng có vị Thần tăng Tây Vực bảo Sư rằng: “Chế ngự kẻ địch, thắng được ma oán, mới đáng là người hùng dũng!...” Văn nhiều nên ở đây chẳng ghi chép hết.

Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đòi Trần ban sắc rằng: “Thiền Sư là bậc tài giỏi trong Phật Pháp, là chỗ kính trọng của các vị Tông tượng đương thời, dạy răn cả Đạo tục, là nơi cao quý của nước nhà. Nên cất huyện Thi Phong để sung làm chi phí cho chúng tăng, quyên hai hộ dân để cung cấp củi nước”. Núi Thiên Thai ở tại huyện An Lạc. Lệnh Trần Quận Viên tử Hùng là người kính tin chánh pháp, mỗi mùa Hạ, thường giảng kinh Tịnh Danh, bỗng thấy ba đường thêm báu từ giữa hư không trải xuống, có mấy mươi vị Phạm tăng nương thêm cấp đi xuống, vào trong phòng nhà lễ bái, tay cầm lò hương đi nhiều quanh Sư ba vòng, giây lâu mới biến mất. Viên tử Hùng và đại chúng đồng lấy làm lạ, ngợi khen ồn náo vang cả núi. Hạnh của Sư thấu đạt Linh cảm đại loại như vậy! Có Vương Bá Trí ở Vĩnh Dương ra trấn phủ ở Ngô Hưng, cùng quyên thuộc đến núi cầu xin Sư dạy răn, lại thiết lập đàn tràng sám pháp Phương Đẳng bảy đêm. Vương Bá Trí ban ngày thì sửa trị, đêm đến thì tu Quán. Sư bảo với môn nhân Trí Việt rằng: “Ta muốn khuyên Vương Bá Trí càng tu phước sâu để cầu trừ họa, có được chăng?” Trí Việt đáp rằng: “Phủ Liêu bao lâu chắc chắn sẽ nóng lạnh”. Sư bảo: “Dứt sự ganh ghét ở đời, cũng là làm lành”. Bỗng nhiên Vương Bá Trí nhân đi săn bị rơi từ trên ngựa xuống sắp chết. Khi đó mới hiểu được ý Sư, bèn tự thân dẫn chúng hành trì sám pháp Quán Âm. Sau đó không lâu, Vương Bá Trí cảm giác thấy có tinh ngộ đôi chút, bèn ngồi tựa ghế, thấy một vị Phạm tăng tay bưng lò hương đi thẳng đến trước mặt mà hỏi về sự khổ. Vương Bá Trí đồ mồ hôi không đối đáp được gì. Vị Phạm tăng bèn đi nhiều quanh Vương Bá Trí một vòng, tự nhiên khổ đau dứt bật. Vương Bá Trí bèn tự thân soạn Văn Nguyện rằng: “Kính ngưỡng Thiên Thai Xà-lê, đức ngang bằng như ngài Đạo An, Tuệ Viễn, Đạo An Xa sánh với ngài Quang, Du. Xa gần mọi người đều khuynh tâm, chân tích như mây nhóm, tiếp nối đầu mối rơi lạc của thời tượng Pháp, để cứu giúp kẻ hôn ám mê mờ. Hiện bày ánh sáng của mặt trời trí tuệ, để cứu vớt người tục. Lại bước trên sóng pháp môn, suốt thông vườn thiền. Két của Hữu Vi đã lia, Vô sinh nhẫn đang hiện tiền! Đệ tử trôi nổi theo gió nghiệp, chìm đắm trong sông ái, tuy tận hưởng Pháp hỷ, mà chẳng dứt trừ tâm mờ tối ngăn che. Luông kính ngưỡng thuyền duyệt, lúc nào cũng có tâm lo lắng tán động. Nhật luân rong ruổi, dây cương Nghĩa Hòa chẳng dừng. Gương trăng xoay chuyển nhanh chóng, bóng dáng Hằng nga khó trụ. Có hợp có tan, than thở lời nào. Mến kính Phật Pháp, nước chảy không thôi! Nguyện cầu Đòi đời kiếp kiếp, thường gặp được Thiên Thai Xà-lê, luôn tu cúng dường như Trí Tích kính thờ Trí Thắng Như Lai, tợ Dục Vương hầu dâng Lô Âm Chánh giác. An Dưỡng, Đâu-suất đều tỏa pháp Nhất thừa v.v... Sư rất được các hàng Thiên Vương kính tin đại loại như thế. Từ đó, sự giáo hóa dồi khắp bờ biển, Pháp chính đến âu man, mọi người nêu bày điều nghi, thỉnh cầu hỏi Đạo, ngày một lên đông đầy núi.

Vua nhà Trần muốn yết kiến đánh lễ bèn xoay lại hỏi các quan rằng: “Trong Phật giáo, ai là bậc Danh Thắng?” Khi ấy, Trần Huyền tấu rằng: “Thiền sư ở chùa Ngõa Quan là bậc đức tòa xa như gió sương, gương thiên sâu thăm tợ biển, xưa kia ở tại kinh ấp. Các Hiền giả tôn kính, nay cao bước ở núi Thiên Thai, mây pháp bủa khắp trời Đông. Xin Bệ hạ ban chiếu thỉnh Sư về lại Kinh đô, giúp cho các hàng tăng tục đều được nhờ!” Nhân đó, Vua liền ban thư ấn, dầm đạp muôn trùng mà đến. Sư chỉ lấy việc trọng Pháp làm chính, chẳng khinh rẻ tự thân, bèn từ chối việc ấy. Sau, vì Vĩnh Dương khổ cầu can ngăn. Nhân lại ban sắc, trước sau có tới bảy lần đều chính tay Vua viết sớ. Sư bèn dùng Đạo thông tình. Vua lấy pháp làm chỗ nương cậy, nên bèn đến Thành đô. Vua đón rước Sư vào Đông đường của điện Thái Cực, mời Sư giảng Luận Đại Trí Độ, có ban chiếu xe Dê Đồng tử bày dẫn ở trước. Chủ Thư xá nhân giúp theo Sư lên thêm cấp, lễ pháp đều như việc xưa của Quốc Sư Quán Xà-lê. Trần chúa đích thân đến pháp diên, trăm quan liêu thứ đều cung kính, mong được nghe pháp chưa từng nghe. Vua kính Pháp, vâng Đạo, nhân đó, liền ban sắc lập thiền chúng ở chùa Linh Diệu. Học chúng lại nhóm kết, vẻ vang đông đúc. Vua có ban sắc mời Sư đến điện Thái Cực giảng Kinh Nhân Vương, tự thân vua cùng đến. Các Sa-môn như Tăng Chánh Tuệ Hằng, Tăng Đô Tuệ khoáng là những bậc Đại đức ở Thành đô đều lập ra vấn nạn. Sư tiếp hỏi đối đáp, khai mở pháp môn lớn mạnh. Ngài Tuệ Hằng bung lò hương mà chúc tụng rằng: “Nước nhà còn hơn mười trai, tự thân đang là bốn giảng. Phân tích văn nghĩa, là được chỗ trở về. Ngày nay xuất ra tinh sao, thâm thấy sự hiểu biết hẹp lậu!” Ngài rất được trọng vọng, không gì hơn. Nhưng các Pháp Hội ở Giang Biểu từ trước đến nay đua tranh chẳng đủ, đến lúc ngự pháp của Sư liền ngồi, trang nghiêm có thừa, bèn làm cho ngàn cành đầy hoa định, bảy đêm yên sáng. Nêu việc mà nghiệm tâm thì đó là nhờ năng lực của Sư.

Về già, Sư đến trụ chùa Quang Diệu, thiền tuệ đều mở mang, loạn động xua tan, khuynh ý trong sạch. Trần chúa ở điện Thái cực ban sắc cảm tạ rằng: “Nay đem Phật Pháp kính giao, cũng mong chỉ bày cho các điều chẳng biết”. Đến lúc xem xét toàn bộ tăng ni, những vị không thông suốt có đến ngàn muôn. Cả triều đình bàn luận rằng: “Những người hạch xét kinh thi rớt đều phải hoàn tục”. Sư dâng biểu can ngăn rằng: “Điều Đạt tụng sáu muôn tượng kinh, cũng không khỏi địa ngục. Bàn-đặc đọc một hàng kệ thành tựu quả A-la-hán, dốc luận về đạo, đâu liên quan đến tụng nhiều”. Trần Chúa rất vui mừng, liền bãi bỏ việc tìm chọn. Vì vậy, muôn người được xuất gia đều do một lời can ngăn của Sư.

Sau cùng, vì chùa Linh Diệu nhỏ hẹp, Sư lại cầu sự nhàn tĩnh, nằm mộng thấy một người, có những người theo hầu rất trang nghiêm, đến tự xưng tên,

nói rằng: “Tôi là Quán Đạt, xin thỉnh Sư đến trụ ở Tam Kiêu!” Sư bảo: “Quán Đạt là pháp danh của Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương. Còn Tam Kiêu há chẳng là chùa Quang Trạch ư?” Sư bèn dời đến trụ ở đó. Tháng tư năm đó, Trần chúa đến chùa, tu hạnh Đại Thí. Ngài lại giảng Kinh Nhân Vương. Trần chúa ở giữa chúng đứng dậy lễ bái ân cần. Từ Trữ Hậu trở xuống đều tôn kính giới Phạm. Nên thọ pháp ấy có lời văn thỉnh rằng: “Kính mong hóa đạo vô phương, tùy cơ duyên cứu giúp mọi vật, gìn giữ nước nhà, dẫn dắt trời, người. Soi đuốc sáng ngời, gá vết thầy bạn. Tỳ-kheo vào mộng thấy phù hợp. Hình tượng lâu hiển bày, Hoà-thượng ứng hiện, đức cao tòa tỏ rõ. Cho nên, Kiêu tâm mười Địa, khát ngưỡng bốn pháp nương tựa. Đại thừa, Tiểu thừa, trong ngoài hai giáo. Tôn sư trọng đạo từ trước đến nay còn vậy. Cúi mong dũ lòng dắt dẫn, gọi là đời đời kết duyên, đạt được bốn nguyện, ngày một thêm lớn. Nay xin kính thỉnh Sư làm giới sư BỒ-tát!” Sư liền trao truyền hương vào tay, vua khóc mắt rơi lệ. Đó cũng là do đức hạnh của Sư cảm động đến nhân chúa đến cầu mong theo Sư.

Đến lúc ở Kim Lăng bị suy bại sụp đổ, Sư bèn mang tích tượng từ Kinh Tương đi theo đường đến Ích Thành. Nằm mộng thấy một vị Lão tăng bảo rằng: “Điềm lành Đào Khản kính mong hộ trì!” Khi đó, Sư đến dừng nghỉ tại Khuông Sơn. Xa trông thấy bức vẽ, nghiệm xét về điềm linh, quả nhiên phù hợp như trong mộng. Sau đó không bao lâu, Tầm Dương lại làm phản, chùa viện đều bị thiêu đốt, chỉ có núi ấy được an toàn, không hề bị xâm tổn gì. Tin do năng lực che chở của điềm lành, chưa vệt tan vết tích núi mây, cuối cùng cũng đến tận đó.

Gặp Đại Nghiệp ở đất Phiên, làm Tổng Hoài Hải, tiếp thừa Đạo phong, mang đội đức hạnh, khâm trọng chú ý, muốn vâng theo một giới Pháp, nên kính Sư làm thầy sư, bèn gởi thư đến nhiều lần thỉnh. Ban đầu, Sư trình bày mình là người ít đức, kể đến kính nhường các bậc Danh tăng, và sau cùng là nêu các Đồng học. Ba điều từ chối nhưng chẳng khởi, cầu xin cầu bốn điều nguyện. Trong văn từ ấy viết rằng:

1/ Tuy ưa thích học thiên mà hạnh chẳng xứng Pháp, tuổi tác đã xế về Tây, giữ gìn giường dây, chỉ vỗ ngực theo lòng, giả danh mà thôi, sứt sùi tại ấy, tiếng xấu quá thật. Xin chớ vì Thiên pháp mà khởi mong cầu.

2/ Sinh sống ở biên địa, từng gặp phải loạn ly, thân vẫn khoan thai, miệng vụng về âm lạnh. Phương ngoại hư huyền, lâu chẳng phải phần ấy tại vực nội rảo theo, không một thứ gì đáng lấy, tuy muốn tự thận trọng, nhưng lại trái ngược người, xin chớ trách khuôn phép đó.

3/ Nêu bày muốn truyền đăng để báo đáp Pháp ân. Nếu thân đáng làm giới phạm, nên nặng đi đến. Đi đến nếu nặng, thì truyền đăng bị khuyết. Đi đến

nếu nhẹ thì lại ganh ghét chê bai. Lánh ganh ghét để an thân, nếu chưa thông Pháp mà bảo, xin hứa vì Pháp ấy, chớ ganh ghét nhẹ nặng.

4/ Hơn bốn mươi năm giữa khoảng nước và đá, nhân đó thành tánh. Nay Vương đồ đã một, Phật pháp lại hưng thịnh. Khuôn phép rộng lớn, tấm gột ân hóa ấy, trong hết sức mình, kính ngưỡng báo đáp ngoại hộ. Nếu gò núi hang hóc niệm khởi, xin tùy tâm uống ăn để hết những năm thừa. Nếu cho phép bốn tâm nguyện ấy, mới đến chỗ ưu chi!”

Tần Vương bèn mong cầu tịnh giới, như điều nguyện của Sư thì chỉ dạ vâng, cho nên tự thân soạn văn thỉnh giới, viết rằng: “Nền tảng Đệ tử vâng thừa chứa nhóm điều lành, sinh sống tại Hoàng gia. Trường dạy răn sớm đến. Thai giáo xưa trước thâm dần. Phước báo chợt đến. Diệu cơ sẽ tỏ ngộ, hồ thẹn cao vời nơi đường nhỏ, mong cầu ưu du ở Đại thừa, cười vui nghỉ ngơi chỉ ở Hóa thành, nguyện thuyền bè sẽ đến bờ kia. Muôn hạnh của khai sĩ lấy thiện giới làm Đầu. Mười điều lành của Bồ-tát dùng chuyên trì làm tối thượng. Thí như làm nhà thì trước tiên phải làm nền móng, nhọc treo giữa hư không, chẳng bao giờ thành tựu. Không giáo, Lão giáo và Thích giáo đều phải là khuôn đúc, nếu chẳng có khuôn thước phép tắc thì đâu được an ngưỡng. Thật lại kính thỉnh Năng nhân (Đức Phật Thích-ca) làm Hòa thượng, Bồ-tát Văn-thù thềm làm A-xà-lê, mà hỷ nhờ thầy cõi người truyền thọ. Thánh trao, từ gần đến xa, cảm mà bèn thông. Ba Luân hết tùy ở Vô Kiệt, Thiện Tài bỏ thân nơi Pháp giới. Kinh có Văn rõ ràng, chẳng nhọc tự bày nói. Tin sâu lời Phật dạy, nguyện vâng hành trì theo sự dẫn dắt. Thiên sư là bậc Long tượng trong Phật Pháp. Giới châu tròn sạch, nước định lắng trong. Nhân tĩnh lắng phát tuệ, an định vô ngại biện. Trước chúng sinh, sau là mình, nhún nhường đã thành phong thái. Tiếng tăm vang xa, mọi người đều biết. Đệ tử do đó, kiên thành xa chú ý, mạng cơ xa đón rước, thường lo chuyên sai, gặp các lưu nạn. Thầy cũng đã đến, chỉ đường tâm rõ ràng. Và vạch bày mây móc, liền tiêu phiền não. Nay là ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, tại thành vàng Tổng Quản ở Dương Châu, thiết hội cúng dường ngàn vị tăng, cung kính truyền trao giới Bồ-tát. Giới gọi là Hiếu, cũng gọi là cấm ngăn, phương tiện Trí Độ quy tông kính phụng rất mực, làm Đại trang nghiêm, đồng tâm từ của Như Lai, khắp tình thương của Chư Phật, có cái nhìn bình đẳng đối với bốn loài chúng sinh giống như con một, v.v...”

Sau đó, tại Nội Đê, đích thân Sư truyền giới hương, trao pháp luật nghi. Sư bảo: “Đại Vương (tức chỉ Vua Văn Đế-Dương Khiêm-đời Tùy). Vì độ xa cứu giúp làm chính, tên thật phù hợp với nghĩa chẳng khinh ước, nay có thể gọi pháp danh là Tông Trì, dùng để nhiếp Đạo cùng gồm”. vua đánh lễ thọ nhận lời chỉ dạy của Sư, mà nói rằng: “Đại sư Thiên Tuệ bên trong dung

thông, dẫn dắt bằng Pháp trách!” Liền kính trọng tôn xưng Sư là “Trí Giả”. Từ đó, Sư chuyên dẫn dắt, ngày một thêm cao sâu. Vật cúng dường có được hơn sáu mươi thứ, đồng một lúc Sư hồi hướng ban thí gieo trồng vào hai ruộng Bi và Kính, nguyện cho phước đức thêm nhiều, dùng để xuong thanh nước nhà. Sư muốn trở về lại chốn núi rừng xưa, Vua cố cầu thỉnh. Sư bảo: “Trước kia đã có Minh Ước, mọi sự không hai trái nhau”. Và liền rũ áo đứng dậy. Vua không dám mời thỉnh nữa, chấp tay theo đưa ra đến cửa thành. Sư xoay lại bảo: “Việc nước gìn giữ chẳng phải nhẹ. Việc Đạo đến cùng nên dùng, mong quán xét Phật hóa, mở mang gìn giữ ở cõi lòng!” Vua kính lễ trọng vọng, vành mắt ngấn lệ mà trở vào.

Sư bèn ngược dòng lên trên đầu sông, tìm lại khuông lãnh. Nhóm chúng hành đạo, thường cảm điềm lạnh. Chư tăng ở vũng ven như Bách Việt, nghe Đạo phong Sư bèn tìm đến, lăm vết tích cùng vôi vàng. Sư lại lên Hương nương thuộc Chũ cung để báo đáp ân chỗ đất đã sinh ra mình. Kẻ tăng người tục ngóng trông, già trẻ dẫn nhau tìm đến. Thiết lập giới đàn, giảng toạ, chúng đông gần cả ngàn muôn. Sư bèn đến núi Ngọc Tuyền ở huyện Đang Dương, xây dựng tinh xá. Vua Văn Đế ban biển ngạch chùa, đề hiệu là “Nhật Âm”. Đất ở đó xưa kia hoang vắng hiểm nguy, thần núi rắn thú hung dữ, từ khi Sư lập chùa về sau, tự nhiên không còn phải lo tai hoạ. Khi ấy đang là mùa xuân mà trời nắng hạn, muôn dân đều cho là bởi thần tức giận. Sư đến chỗ nguồn suối, dẫn chúng trì tụng kinh, bèn cảm mây nhóm mưa tuôn, những lời vu vơ tự biến mất. Tổng Quản Nghi Dương Công Vương Tích đến núi lễ bái, kính sợ đồ mồ hôi, chẳng an, bèn trở ra nói rằng: “Tích tôi từng trải qua quân trận, đến chỗ nguy ách lại càng hùng mạnh, nhưng chưa từng kinh hãi khiếp sợ như ngày nay!”.

Năm đó, Tấn Vương lại viết sớ tay sai người đưa đến thỉnh mời Sư trở về. Với Văn từ là: “Đệ tử rất may mắn mới được bẩm thọ thầy trò, từ vô lượng kiếp đến nay thấy đều nhờ khai ngộ. Sắc tâm Vô tác, năm xưa kính thọ. Thân tuy sơ lậu mà tâm gìn giữ hạt châu sáng. Nước Định thiên chi, lắng tan quy tĩnh, mang đội nước nhà trấn giữ phiên ngung, làm tôi, làm con, há vắng lạng bốn duyên mà vào được Tam-muội! Điện chớp đoạn kết, loại ấy lắm nhiều. Tuệ giải thoát người, bạn quyết chẳng thiếu. Ngay ngày muốn phục ứng, trí loạn dẫn trước Danh giáo. Mãi chìm đắm trong dòng Pháp, kiêm dùng cai trị nước nhà, chẳng biết đày ngưng trệ có thể khai hóa được không? Thầy Nghiêm Đạo quý có thể hàng ý được chăng? Căn cơ cạn thấp đời trước có thể nảy mầm được chăng? Bô-tát ứng cơ có thể hợp thời chăng? Trong Kinh Thư nói là “Dân sống có ba, thờ phụng như một” Huống gì sâu rộng như Thích Điện, mà chẳng theo thầy. Lời ân hận ngày nay đầy đủ rõ ràng thành thực, việc thành tựu lại xin bỏ sức từ!”.

Sư trả lời thư rằng: “Sai lầm tiếp thừa người chủ, tìm hỏi vết tích thầy trò. Đoái nhìn lại nhỏ mọn này, chẳng phải thời hứa thuận. Huống gì nay lệnh chẳng phải khắc đáng, nhọc muốn trăm ngàn, ắt trái với nương gởi sâu xa!”

Vua lại thỉnh rằng: “Học quý ở điểm tiếp thừa thầy, sự suy vật luận. Trải qua mong cầu Pháp giới, để tâm hiện có, kính ngưỡng đã trồng gốc lành từ lâu, chẳng phải một đời được, mà là do tu học, không bao lâu gặp Thánh cảnh. Nam nhạc ký biệt nói Pháp bậc nhất, không vì kính ngưỡng quá. Thiền sư Chiếu thuật lại đủ việc ấy. Đến nay tâm vui mừng vì vực nội thốn tất thành thực. Trí giả xưa kia vào đời Trần, nước ấy sáng thử. Nhóm họp tại chùa Ngõa Quan, các luận dấy khởi. Sa-môn Tuệ Vinh gương nói bị bẻ sừng trước. Luỡng Quỳnh kế tiếp khuôn phép mới được giao di. Nhân sư khen ngợi ít có. Đệ tử kính ngưỡng bắt đầu thỉnh mời, khuất lên vô úy, giải thích hỏi vặn như dòng chảy, gần gũi chỗ thấy nghe, mọi người đều chiêm ngưỡng. Tiếp thừa Kinh Sở trước không ai chẳng quy phục. Chẳng phải Thiền, không phải trí, nghiệm lời ấy từ miệng vàng. Ở đây giải thích những lời bàn luận, Trí giả dung hội rất có giai vị. thí như các dòng sông đều chảy vào ra biển lớn. Ở đây gồm nêu mới được ý Phật. Cúi mong chưa được khiến cho được, chưa Độ khiến được độ. Lạc thuyết chẳng cùng, Pháp thí không tận”.

Sư bèn theo đó xuất hiện lại, khiến soạn Tịnh Danh Kinh Sớ. Liễu cố ngôn ở Hà Đông, Từ Nghi ở Đông Hải đều là những vị tài hoa trụ tích, ứng phụng văn nghĩa, giam kín kho báu. Vua đích thân thọ trì.

Sau, Tiêu Phi bị bệnh khổ, các thầy thuốc hết cách cứu chữa. Vua sai khai Phủ Kiều Cố Ngôn, v.v... mang thư đến thỉnh, xin Sư cứu giúp bệnh khổ. Sư lại dẫn chúng kiến lập trai hội bảy ngày, hành trì pháp sám Kim Quang Minh, đến đêm thứ sáu, bỗng có con chim lạ bay vào trong trai đàn bay lượn rồi chết, chỉ khoảnh khắc sống lại và bay đi, lại nghe có tiếng heo kêu la. Mọi người đồng chăm chú trông nhìn. Sư bảo: “Tướng này hiện ra, Tiêu Phi sẽ lành! Chim chết mà sống lại, biểu thị nắp quan che lại mở, tiếng heo u tối kêu rên là nói lên trai phước tiếp thừa”. Đến sáng hôm sau quả nhiên bệnh khổ qua khỏi. Vua rất vui mừng. Gặp lúc nhập triều, Sư bèn trở lại núi Thiên Thai, đích thân dẫn dắt thiền môn, càng hành trì sám pháp trước. ngài bèn lập thế nguyện rằng: “Nếu đối với Tam Bảo thật sự có ích lợi, sẽ hạn từ nay cho đến những năm còn lại, còn như sống không ích lợi gì thì nguyện mau được thác hóa”.

Sau đó không bao lâu, Sư bảo chúng tăng rằng: “Tôi sẽ qua đời tại đất này. Do đó thường muốn trở về núi, nay vâng phụng minh cáo, thế lực sắp hết. Sau khi tôi chết, nên đặt trên ngọn núi phía Tây Nam, chôn nhiều đá chung

quanh thi thể, trồng thông để phủ lấp lại, mới xây tháp trắng, để người trông thấy mà phát tâm Đạo”. Sư lại bảo: “Khách buôn có gói vàng, hết bệnh thì giữ lại thuốc. Tôi tuy chẳng thông minh, nhưng cuồng tử có thể buồn!” Sư bèn giảng truyền Luận Tâm Quán, tùy lược số thành, chẳng cần sửa văn.

Ngài bảo Học Sĩ Trí Việt đến chùa Thạch Thành quét dọn. Tôi sẽ đến trước tượng Phật ở đó mà thị tịch, đặc giường ở vách tường phía Đông xoay mặt về hướng Tây, xưng niệm Phật A-di-đà, Bát-nhã, Quán Âm. Lại bảo đốt nhiều hương đèn, xin ba y, bình bát, tích trượng để gần bên mình, ngoài ra các Đạo cụ khác, chia thành hai phần: một phần dâng cúng Đức Phật Di-lặc, một phần để yết-ma. Có người muốn dâng thuốc uống. Sư bảo: “Thuốc có công năng trừ bệnh, lưu lại những năm tàn ư? Bệnh chẳng hợp với thân, thuốc làm sao trừ bệnh? Tuổi tác chẳng hợp với tâm, thuốc làm sao giữ lại? Ngày trước Trí Hy nói: Còn nghe được điều gì? Trong Luận Quán Tâm nói: Lại cái gì là đạo? Lãng xãng thuốc thang, làm phiền người khác”. Lại có người xin dâng trai phạn. Sư bảo: “Chẳng phải chỉ xé bóng một bước mà gọi là Trai. Nếu có thể Vô Quán Vô duyên mới thật là Trai. Tôi bình sinh nhọc với độc khí, chết là vui mừng được ngồi nghỉ trở về. Tướng đời là như thế, không đáng để than nhiều!” Sư lại xuất ra Tịnh Danh số do Sư soạn và như ý bằng sừng tê, chuỗi châu như ý, Lò hương hoa sen, và Di thư già biệt Tấn Vương tất cả bảy trang, Văn rất bao gồm. Từ nghĩa phong thái nêu cao, đem Đại Pháp mà căn dặn, ở cuối trang tự tay Sư ghi chú rằng: “Lò Hương và Như Ý là của Đại Vương, trở lại dùng để kính biệt, khiến mãi bày hương đức, mãi giữ gìn Như ý”. Sư bèn bảo xướng tựa đề Kinh Pháp Hoa, và Sư tán dẫn rằng: “Pháp môn là cha mẹ, tuệ giải từ đó sinh. Bốn tích rộng lớn, nhiệm màu khó sánh lường. Thôi cắt đứt cung đàn ngày nay!” Lại nghe Kinh Vô Lượng thọ xong, Sư bèn khen rằng: “Bốn Tám (48) Nguyên lớn, trang nghiêm Tịnh Độ. Ao hoa cây báu, dễ đến mà không người, v.v...!” Sư lại xin lấy nước ấm, hương thơm để súc miệng, rồi giảng mười Như thị, bốn Bát sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn giáo, bốn tâm vô lượng, sáu độ, v.v... có người hỏi Sư đã chứng đạt quả vị nào. Sư bảo: “Các ông biếng lười gieo trồng gốc lành mà chỉ hỏi công đức người khác, giống như người mù hỏi lỗ chân lông, kẻ què chân mà hỏi thăm đường đi, v.v... Nếu tôi chẳng lãnh chứng thì đã thanh tịnh sáu căn. Nhưng vì người khác mà tổn hại mình nên chỉ được ngôi vị Ngũ Phẩm! Các vị thầy bạn của tôi đang theo Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng đến đón rước tôi. Ba-La-Đề-Mộc-Xoa là Tông ngưỡng của các ông, bốn thứ Tam-muội là Đạo sáng của các Ông!” Sư lại bảo vị Duy Na rằng: “Người sắp qua đời nghe được tiếng chuông khánh thì càng vững chánh niệm, vừa dài vừa lâu, cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng, tại sao thân lạnh mới lại đánh chánh. Khóc than, vận mặc tang phục như thế

gian, đó đều là những việc không nên làm. Các ông hãy im lặng, tôi sắp đi đây!” Nói xong, Sư an nhiên ngồi thẳng như nhập định mà thị tịch ở trước tôn tượng Phật bằng đá lớn ở núi Thiên Thai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy.

Sau khi Sư thị tịch, đại chúng bèn y theo lời dạy của Sư mà tâm liệm. Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) đời Tùy về trước. Bỗng nhiên thấy Sư chống tích trượng đắp y giống như khi còn sống, qua bảy lần xuất hiện, nhiều lần xuống chùa núi, một lần trở về Phật Lũng nói với đệ tử rằng: Y cứ hành trì theo nghiệp xưa, các ông mỗi người đều an ổn chứ?” Cả chúng đều trông thấy, buồn kính thưa hỏi, giây lâu Sư biến mất.

Từ khi Sư giáng linh long tượng, dưỡng dục thần tại Giang Hán, nương tích Thiện mà gá sinh, nhờ gốc Đức mà hoằng hóa ở đời. Thân Sư cao hơn bảy thước, mắt có ánh sáng khác thường. Học gồm cả Thích Môn, hành mở tăng vị, qua lại núi non mà chẳng nhuốm bụi tục, thường cảm điềm lành sâu xa, chẳng thể lường được. Lúc đầu, nhà Vua còn ở tại đất phiên sai người đưa thư vào núi đón rước. Nhân đó ban phát các vật, nêu khuôn viên chùa viện. Điện đường phòng nhà lấy làm Đồ dạng. Sư bảo với đệ tử rằng: “Đây chẳng phải duyên nhỏ mà có thể cấu kết, sẽ có Hoàng Thái tử vì ta mà xây dựng chùa, hãy y cứ theo đó mà làm, Các ông nên thấy đó”. Sau, quả nhiên đúng như lời Sư nói, sự tích Sư thấy trong Biệt truyện.

Sư đến trụ ở Lâm Hải, dân chúng ở đó lấy việc săn bắt cá làm nghề sống, lưới chài nối liền nhau bốn trăm dặm. Các Khê lương ở Giang Hồ có sáu mươi cơ sở. Sư trắc ẩn quán xét tâm kia đây hại nhau, nên khuyên bỏ gây tạo nghiệp tội, dùng Phước duyên để giáo hóa. Nên các thứ vàng bạc, gấm lụa ngài có được chất chứa như núi, bèn lấy đó mà mua khúc eo biển ấy làm ao phóng sinh. Lại sai Sa-môn Tuệ Bạt dâng biểu tấu trình Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-589) thì nhà Trần bèn ban sắc lệnh nghiêm cấm không được bắt cá tại ao đó. Triều đình lập Bia, ban chiếu sai Quốc tử tế tửu Từ Hiếu Khắc soạn viết dựng ở bờ Biển. Văn từ rất buồn thảm, người đọc không ai chẳng rơi lệ. Khi Sư trở lại Phật Lũng vẫn tu tập pháp Định như thường, bỗng nhiên có đàn chim sẻ màu vàng bay liệng đầy trời cùng vui mừng, kêu hót trong chùa suốt ba ngày mới tan. Sư bảo: “Đó là cá đến báo ân ta. Đến nay, là niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiên Đường, vẫn không dám phạm, Vua vẫn ban sắc cấm đó đồng như đời Trần. Đó là do tâm từ tế rộng lớn, nhân tuệ khó thêm. Lại ở tại núi có loại nấm, xúc chạm vào cây đều rủ, rễ hái liền mọc, để cứng đường chúng tăng. Nếu người khác trải qua, thì nấm chẳng mọc. Lấy đó mà nói thì thật là Đạo cảm.

Ngài soạn Pháp Hoa kinh số, Chỉ Quán Môn, Tu Thiền Pháp v.v... mỗi thứ mấy mươi quyển. Lại soạn Tịnh Danh số, đến phẩm Phật Đạo có được ba mươi bảy quyển, đều do miệng giảng thành chương, thị giả sao chép lại. Nhưng Sư chẳng tự chứa nhóm một chữ. Ngoài ra tùy việc lưu quyển chẳng thể nói hết, đều là thấu suốt yếu chỉ sâu mầu, tư tưởng rộng lớn. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy phụng kính rất chu toàn, lại như phù hợp mạng, đến lúc tới Đại bảo thì liền cất giấu các Lân Các. Do đó tiếng tăm tỏa sáng tràn khắp vũ trụ, oai tướng trùm mãi cho đến ngày nay vậy. Mà Di cốt Sư đặc biệt ngòi thẳng như lúc còn sống, dùng cửa đá để chôn giấu, lấy khóa vàng để bít ngăn. Mỗi lúc có duyên sự mở ra phải được biệt sắc. Mỗi năm đến ngày húy kỵ, vua đều bãi triều, sai Trung Sứ đến núi thiết cúng. Có Thượng thư lệnh Dương Tổ là người tánh độ rộng rang, mọi việc đều đáng tin, bèn tỏ bày ý nghĩa của mình rằng: “Vì sao xương khô mà ngòi thẳng như lúc còn sống?” Vua ban sắc trao cho chìa khóa cửa, bảo hãy tự đến xem. Đã thấy như báo trước, được tin bèn trở về.

Ngài rữ tỏa khuôn phép khắp cả Đông tây, hoằng hóa cùng cả muôn dặm. Xây dựng chùa lớn gồm ba mươi lăm cơ sở, tự tay độ tăng chúng hơn bốn ngàn vị, viết chép kinh được mười lăm tạng. Dùng Kim Đàn họa tượng khoảng mười muôn bức. Hơn năm mươi châu kẻ tặng người tục thọ giới Bồ-tát chẳng thể ghi hết. Truyền nghiệp Học sĩ có ba mươi hai vị. Tu thiền Học sĩ tan rải khắp Giang Hán, chẳng thể hạn định được số lượng. Có Sa-môn Quán đánh theo hầu phụng dâng bên cạnh Sư nhiều năm, ghi chép lại hành trạng của Sư được hơn hai mươi trang giấy. Lại có Sa-môn Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam là bậc Đạo phong của Tông ôn, quán truyền giới pháp, vì đức âm của Sư cao xa, khoan cây không bao lâu thành rừng rậm, vì đó mà viết truyện rộng truyền bá ở đời. Cuối thời Vua Dương Đế (617) đời Tùy, nhân đi tuần đến Giang Đô, mộng thấy ngài (Trí Giả) căn dặn nương cây. Vua bèn tự soạn Văn bia, lời văn rất rộng sáng, chưa kịp khắc dựng, gặp phải tao loạn, nên bị mất.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đàm Sùng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Đô

Thích Đàm Sùng, họ Mạnh, người xứ Hàm Dương. Sư vừa ra đời liền biết được chánh kiến, từ nhỏ đã hiểu và kính tin.

Năm bảy tuổi, Sư vào Đạo, tụng rộng các Pháp. Siêng năng chăm chú không ngừng nghỉ. Sau, Sư theo nghe pháp ở các trường giảng hùng biện không ai vượt hơn, bèn dùng đèn trí tuệ muốn cho giúp nhiếp niệm, Thánh quả thành nên có ý tưởng cố định. Sư bèn theo nương tựa Thiền sư Khai. Đến lúc thọ giới, chí Sư càng trong sáng, và bèn học Luật Tăng kỳ có hơn mười biến. Sư

y cứ mà giảng giải, thính chúng có đến ba trăm vị. Luật Yếu ở Kinh phụ đều lấy đó làm chính. Sau, vì khó khăn nơi ngôn thuyết, lại tôn sùng Quán trước. Trán cao, mũi thẳng là chỗ để tôn tượng. Dưới cây giữa rừng là nơi Sư ở, thế mà ánh sáng từ trong tỏa phát, sắc tướng bên ngoài dứt trừ. Thân hình chỉ như cây khô, tâm tượng tợ tro lạnh. Sư riêng tinh chuyên sáu hạnh, suốt gồm năm môn, nên Khai Công ở giữa chúng ngợi khen Sư là bậc nhất. Và Sư được các bạn đồng học cung kính, lại gọi Sư là Vô Thượng Sĩ. Đến lúc thầy thị tịch, giao phó Sư dẫn nhiếp đồ chúng.

Bấy giờ cả năm chúng có hơn hai trăm vị nương tựa Sư thực hành tĩnh lặng. Tiếng tăm vang khắp Lũng tắc, hồng hóa khắp cùng quan hà. Mọi người tìm đường hướng theo Đạo phong, xa ngàn dặm cùng đến đây cửa chập nhà, Sư ngồi răn dạy môn nhân. Hoặc có người mới tu Pháp Quán bất tịnh, hoặc có người đã tu học đến Nhân Không. Niệm từ bi kia, mở mang phép chánh.

Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đặc biệt kính trọng vâng thừa, bèn ban sắc rằng: “Thiền sư Đàm Sùng đức hạnh không tỳ vết, tinh ngộ vượt hơn mọi người. Học chúng tham dự, chưa nghe có lỗi phạm, đáng là dùng Đức nghĩa để dẫn dắt, nên khuôn phép chúng bật hình thanh tịnh, đáng làm Tam tạng Pháp sư của nước Chu”. Năm Sư đảm nhiệm làm tự chủ chùa Trác Hồ, liền theo mà giáo hóa đất dẫn, tăng ni đều khen ngợi. Thường bị tặng chức làm ngưng trệ bước chân, chưa được hứa thuận rảo bước, Sư bèn giả mượn duyên khác, bèn thuận theo thế tục. Tuy bên ngoài vâng thuận theo uy quyền của Vua, nhưng bên trong giữ gìn Đạo trình thuần. Vua lại ban cho các hàm tước như Kim tử Quang lục, v.v... nhưng Sư đều chẳng nương cậy. Tuy trầm lắng trong vận thời nguy ách, nhưng Sư chẳng phé bỏ việc lợi người.

Đến đầu thời Đại Tạng, Hoàng triều nhà Tùy mở mang Vận mạng, được pháp được soi chiếu trở lại. Sư liền dự cùng một trăm hai mươi vị tăng được ban sắc trụ chùa Hưng Thiện. Bỗng nhiên lại ban sắc riêng đề cử Sư trông coi đảm nhận chùa. Sư lại ân cần từ tốn, chẳng chịu nhận. Nhưng vì đạo hạnh Sư phủ suốt cả chư tăng, là giới Phạm của các hàng Vương Công. Xưa kia, vì Phật Pháp bị suy đồi hủy hoại, Sư ước nguyện riêng sớm được hưng thịnh trở lại, kính cẩn xây dựng một ngôi chùa để làm tòa sáng thời Mạt pháp. Nhân đó mà Sư tâu trình lên Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đòi Tùy bèn xây dựng chín ngôi chùa để xứng hợp với nguyện của Sư. Và mọi sự đều do nước nhà chu cấp đến hết đời vua Văn Đế. Cao Đường Công vốn bám hạnh môn, riêng quy hướng kính tin, bèn cất nhà để làm chùa, dẫn chúng ở đó, sắc bảo lấy sự tĩnh lặng làm nơi quy hướng, thiên chúng được khen ngợi. Vua ban biên ngạch đề là Thanh Thiên, nay chính là ngôi chùa trong cửa Thanh Minh.

Tán Vương đòi Tùy kính trọng thiền lâm, giáng oai làm đàn việt của chùa, trước sau đưa đến hơn bảy mươi Hộ. Ông lăn nước và bàn tán, trên dưới sáu thứ đều sung vào làm cơ nghiệp truyền lại mãi đến ngày nay. Nhà vua xưa trước là chỗ tiếp thừa Danh tiếng, nay gần gũi chánh nghiệp. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đòi Tùy, vua ban sắc đưa mười bốn ngàn xấp lụa, năm ngàn tấm vải bố, ngàn đồng bông tơ, hai trăm xấp gấm, hai mươi tấm lụa năm màu, gạo thượng hạng trước sau có ngàn thạch, đem đến cúng dường. Hoàng Hậu lại ban lệnh đưa năm ngàn quan tiền, mười lăm lãnh gia, năm mươi dao cạo đến cúng dường. Phước của Sư cảm đến sở nguyện ngày nay, lưu truyền lớn lao về sau.

Ngài xây dựng một ngôi tháp để báo ân bồng lộc của nước nhà. Vua nghe mà rất vui mừng. Nội cung nghinh tặng sáu viên xá-lợi để đồng mở nghiệp lớn. Bấy giờ, Phật pháp mới sơ khai. Đồ tượng còn thiếu nhiều, Sư xây dựng ngôi tháp ấy rất xứng hợp với tâm vua. Nên vua ban sắc tìm người thợ tên là Đỗ Sùng, bảo lo việc sửa sang, tính liệu tốn hao hơn ba ngàn quan tiền, tám mươi muôn viên gạch. Vua dùng công nghiệp riêng để chi phí. Sợ có sự thiếu hụt, vua lại đưa các thứ y phục của mình và y phục của Hoàng hậu mặc tất cả một ngàn ba trăm bộ dùng để hỗ trợ tùy hỷ.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đòi Tùy, Tán Vương trấn tổng tại Dương Việt, xây dựng Linh Bàn và các thứ trang sức. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) mới thành tựu. Cao toàn bộ mười một tầng, đứng sáng ngời giữa thái hư. Khắp kinh áp đều khen ngợi là tốt đẹp. Từ đó về sau, cúng dường nối nhau, mọi thứ vật dụng đều rất nhiều. Vua lại xây dựng Phật đường, Tăng Viện, đều đưa năm hàng điều độ. Mọi việc trồng trọt cây rừng v.v... đều giao phó cho tăng chúng trông coi và giúp sức làm thành. Sư đã được coi trọng ở đương triều, qua lại không ngăn ngại, nơi chốn cửa cấm cung đình còn ồn ào chưa an, phải có chỗ luận bàn. Sư cầm tích tượng đi đến. Khi ấy, ở tại Đại nội, Sư trình bày về Tịnh nghiệp. Vua Văn Đế lễ tiếp Sư và tự tôn xưng “Ngài là thầy của con”! Hiến Hậu tiếp nhận Đức lại tôn xưng “Ngài là thầy của con gái con!” Và khi Sư về ở nơi chùa thì ban sắc bảo chở đến, hỏi để xây cất chỗ ở, không sáng nào chẳng đến. Từ chỗ được các thứ ngoại lợi, Sư đều cúng thí vào Già-lam, tự thân chỉ gìn giữ y bát mà thôi.

Đến ngày ba mươi tháng mười niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) Sư thị tịch trong phòng tại chùa, thọ tám mươi tuổi. Vua Văn Đế vô cùng buồn rầu, ban sắc an táng. Mọi sự cần dùng trong tang lễ đều do Hữu Ty cung cấp. Kẻ tặng người tục đệ tử của Sư có hơn năm ngàn người đón rước nhục thân Sư đến phía hữu chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, xây tháp thờ Sư màu trắng, khắc dựng bia minh, đến nay hiện vẫn còn.

Mới đầu, trước lúc Sư tịch bảy ngày, cột phướn trong chùa vô có tự nhiên gãy đổ, giếng nước ngoài cửa bỗng nhiên cũng khô cạn. Chúng tăng lấy làm quái lạ về các việc ấy. Đến đêm cuối cùng, ngài căn dặn rằng: “Ta có việc phải đi, nên nay cần phải giao phó!” liền đem các thứ y cụ vật riêng cúng thí vào cửa Tam Bảo. Đến cuối đêm, chúng tăng cảm thấy có tướng khác lạ, bèn đến xem coi Sư thế nào hơi thở đã dứt. Sư không bệnh mà thị tịch. Hình sắc vẫn như lúc còn sống. Nhân đó mới tấu trình lên vua, không ai chẳng thương cảm.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Việt ở Nội Đạo Tràng Tuệ Nhật

Thích Tuệ Việt, người xứ Lãnh Nam. Ở trong núi La Phù, Sư nhóm chúng thực hành thiền pháp, vang tiếng cùng Nam Việt. Tánh Sư thường luôn trầm ái, thương giúp muôn loài. Sư an ở nơi chốn rừng sâu hiểm trở mà hổ báo không nhiều hại. Từng có đàn thú đến gối đầu lên chân Sư, Sư bèn vuốt râu mặt nó, mà tâm không chút ngại sợ. Chúng tăng đều trông thấy vậy và đồng lấy làm lạ. Sư hành hóa khắp Ngũ lãnh, tiếng tăm lưu bố cùng Tam sư.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) khi đang ở tại đất Phiên, chọn lựa những bậc tài giỏi, nên cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy sai bảo Xá nhân Vương Diên Thọ đến thỉnh Sư đến Đạo tràng Tuệ Nhật ở Tấn Phủ. Và ngài theo vua đến kinh đô tại chỗ Thông Hoá. Cuối cùng Sư về lại Dương Châu, giữa đường bị bệnh mà thị tịch. Đế nhục thân trên thuyền mà vẫn như lúc sống. Ban đêm thấy có ánh sáng từ dưới chân phát ra và trở lại vào trên đánh đầu. Và lại từ đánh đầu lại lưu xuất ra rồi theo gót chân mà trở vào, suốt đêm chẳng ngừng dứt. Kẻ Tăng người tục đều lấy làm lạ, ngợi khen là điều chưa từng có. Vua bảo đón rước về an táng tại núi cũ để tỏ sự thành kính đối với Sư.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tuệ Thật trụ chùa Lý Đạo ở Tương Châu

Thích Tuệ Thật, họ Hứa, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ thuần sâu mâu cao thượng. Sư đến khắp các danh sơn. Cuối đời Lương, Sư đi bộ đến núi Thiên Thai, gồm tập thiền nghiệp. Vào phòng thì Sư đóng cửa, ra thì mở toang. Y bát luôn theo bên mình, chỉ để lại giường chiếu. Sư là bậc trượng phu nhẹ nhàng trong sạch.

Đầu đời Trần, Sư chống tích trượng đến Long bàn, bắt dấu vết người đời hơn năm mươi năm. Sư quý chuộng hạnh Đầu-đà, thường ở lặng yên. Từ

nhỏ đến cuối đời, hông Sư chẳng kể chạm đến vật. Tuy thân hình suy yếu, tuổi tác già mua, mà chí khí Sư càng trinh tiết, càng già càng cố gắng.

Đến ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa Lý Đạo thuộc Tương Châu, thọ chín mươi sáu tuổi. Sư để lại Di chỉ, bảo đem nhục thân để trên ngọn núi Phía Bắc rừng Thi-đà. Sau, thân nhật di cốt về an táng tại Sơn Nam, xây tháp gạch ba tầng, để ghi nhớ đức hạnh của Sư.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tăng Thiện trụ núi Mã Đầu ở quận Văn Thành

Thích Tăng Thiện, họ Tịch, người xứ Bình Chánh; thuộc Quận Giáng. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, bèn theo Định nghiệp. Sư nổi tiếng ngang với Phương Công ở suối Lâm Lạc thuộc Quận Cấp. Mỗi vị nhóm theo đồng loại, nương tựa nơi chốn núi hang mà đượm nhuần vị đạo. qua lại các núi Lạc Dịch, Bạch Hồ, Thái Hành, Bảo Độc, Lâm Lự v.v... nổi tiếng khắp bốn phương xa, người quy tông rất đông.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng Tập, vì thương xót Phần Khúc ấy, nên đến thỉnh Sư giáo hóa thông cùng. Sư lấy có chúng tăng ở núi với thường nghiệp sợ có sự trái lìa, nên tuy nhiều lần thỉnh mà Sư vẫn không nhận lời. Ngài Tăng Tập nói: “Trước sau mời thỉnh, đón rước hơn ba mươi lần, tình của trăm họ, tình không thôi thôi, mài gót chân có hết, tâm thệ nguyện chẳng khó xả bỏ”. Sư bèn theo đến trụ trong núi Mã Đầu, đại hành pháp thiền. Khắp các xứ Bồ, Ngô, Tấn, Giáng đội xiêm cùng rậm rì. Chúng nhóm họp rất đông, Sư bèn chia làm bốn Bộ, tức các xứ Bôi Bàn, Đại Hoàng v.v... ở hai rừng Đông tây ấy. Đều là phòng lẻ thất riêng, sao tan rừng vắng, ngồi yên tại chỗ, chỉ có mười tất cả nhập mà vì nêu cứ. Đồ chúng đông đến năm trăm vị mà trang nghiêm tĩnh lặng.

Trong khoảng niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Đạo của Sư càng lớn mạnh. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, Sư bảo đệ tử rằng: “Bệnh của ta là trong bụng lạnh kết, là do xưa kia vào độ tuổi niên thiếu, ở trong núi rừng chuyên tu đạo nghiệp, khi lương thực đã hết mà lười đi khát thực, chỉ ăn nuốt đá nhỏ để đầy đủ trong ngày. Nhân đó có cảm giác bị bệnh. Sau khi tôi chết hãy mổ bụng mà xem!” Quả nhiên đúng như lời Sư nói. Sư nhiều lần bảo rằng: “Các ông phải siêng năng tu nghiệp, chớ nên vì lao nhọc hoằng hóa thế tục mà phế bỏ việc chính của mình. Sau khi tôi chết, chẳng cần thiêu đốt hao tổn vật mạng bên ngoài, hãy để ngồi trong cái bình mà chôn!” Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ngồi kiết già như lúc bình thường mà thị tịch ở trong núi Đại Hoàng. Kẻ tăng người tục y theo lời Sư căn dặn mà an táng.

Ngài Tăng Tập vốn ở tại Giáng Châu, kết tâm với định nghiệp, tiếp thừa ngài Thiện Công, chẳng thiếu sự hoằng hóa. Về sau, Sư đến trụ chùa Bảo Nghiêm ở Tấn Châu, Sung tăng để trông coi ruộng lúa, thấy sát hại các loài trùng dưới nước trên khô, Sư chẳng dằn nổi sự chua cay, nhân đó, vất bỏ công danh, tìm lại sự nghiệp cao cả ngày xưa. Trong ngày ngài Tăng Thiện thị tịch, thì Sư đang hành hóa nơi khác, không được gặp mặt. Sư nhờ hỏi các người đương thời thì đều đã quá vắng, bèn mang các vật cúng đến núi thiết lập trai hội, buồn khóc thương nhớ dấu vết xưa, đoái hoài kính phụng thì chẳng do đâu mà được, cố tìm Di cốt thì chẳng biết ở đâu! Bỗng nhiên nghe có tiếng lửa dữ cháy lan, âm vang phát ra từ hang rùng, thấy đất nứt nẻ, bình lộ bày ra ngoài, Di cốt của ngài (Tăng Thiện) trắng như tuyết, chỉ còn chiếc lưỡi màu hồng đỏ đẹp ánh hơn cả khi Sư còn sống. Nhân đó, ngài (Tăng Tập) lấy di cốt và chiếc lưỡi xây dựng hai ngôi tháp để phụng thờ.

Đến ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (thời Tiền Đường, ngài (Tăng Tập) thị tịch tại phòng ở núi, thọ sáu mươi bốn tuổi. Khi thị tịch, Thần tư Sư an ổn, xưng niệm danh hiệu Phật mà tịch!

Bấy giờ, tại núi Tiểu Du ở phía tây Tấn Châu, có Sa-môn Tăng Tập là người khổ tiết ở chôn núi rừng, nhóm chúng hành trì thiên nghiệp. Sư nuôi dưỡng các loài rắn chuột, thuần quen đến nỗi có thể đưa tay bắt lấy, thường xuất hiện chung quanh Sư, đuổi chẳng chịu đi. Nhưng có người tục đến, liền tự ẩn mất.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh ở Nghiệp Hạ thuộc Tương Châu

Thích Huyền Cảnh, họ Thạch, người ở xứ Thương Châu. Năm mười tám tuổi, Sư thi đỗ tú tài, đi đến Nghiệp Đô, làm Hoà Vương tỉnh Sự. Sư đọc sách qua một biến, liền nghiên cứu Văn Nghĩa, chỉ trong khoảnh khắc liền dẫn chứng không hề bỏ sót. Trong vòng năm năm, với Sư không còn sách gì đáng đọc. Sau, ngài đến chỗ Thiên sư Hòa nghe giảng kinh Đại Phẩm, Duy-ma, Sư đến bên cạnh cửa đứng nghe, soi xét sâu vượt, bèn cùng quy hướng thọ học. Thiên sư Hòa là người được trọng vọng về Định nghiệp, tham hỏi rất nhiều, bảo Sư đến nương tựa Pháp sư Tuệ, và Sư được truyền trao cho các thứ Kinh giáo Đại thừa sâu màu đến chỗ cùng cực. Đã được rót vào tâm khảm, Sư bèn phát chí xả tục.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư già biệt vợ con, bảo rằng: “Từ Lâm Chương trở về hướng Nam là thuộc nơi tôi đi, gọi đó là cảnh giới Niết-bàn. Từ Lâm Chương trở ra hướng bắc là thuộc phân sinh tử, là nơi các người đến. Tôi thệ nguyện nơi chẳng phải cảnh Thánh thì không bao giờ bước lên”. Sư trở lại chỗ Thiên sư Hòa, xin xuống tóc xuất gia. Được thầy truyền trao cho chánh

pháp, sớm tối, Sư suy nghĩ quyết chọn, hiểu cả Huyền vi. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp Sư, lánh vào rừng chằm, lại dùng thiền đạo trong ngoài dung thông.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, gặp duyên giảng dạy, nghi thiết hoa ước, mọi việc đều dốc lòng, nên qua hai thời Pháp hội, thì dùng nước thơm rưới đất, lò xông dẫn đạo, trước Kinh sau Sư, mới đầu không một dứt bật, tẩy trừ dơ uế, gìn giữ thanh tịnh, kính trọng như giới khoa. Sư thường mở kinh đọc tụng chẳng quá năm hàng, sau đó xong lại giải bày, y như lệ trước. Nên mỗi lúc gióng trời trông pháp, liền cảm động cả ngàn người cùng đến. Các vật cúng thí, ít nơi nào sánh bằng. Do đó trong phòng Sư, các thứ pháp y vàng tím, y phục trên dưới có hơn trăm bộ, mỗi lúc mỗi thay đổi, vì sinh vật lợi, chỉ một lần mặc qua thân Sư, liền ban thí cho chư tăng. Ngài cảm lợi sâu đậm đại loại như thế.

Sau, nhân bị bệnh ba ngày, Sư bảo với thị giả là Sa-môn Huyền Giác rằng: “Tôi muốn thấy Phật Di-lặc, vì sao lại làm chủ cõi trời Dạ-ma?” Sư lại bảo: “Khách khứa rất đông, sự việc phải xem xét”. Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Thức tướng của hàng Phạm phu đâu thể xem xét? Đang có thiên chúng muốn đến đón rước ta!” Từ đó về sau có mùi hương lạ thoảng xông khắp phòng, chúng tăng cùng nghe biết. Sư lại bảo: “Tôi sắp đi đây! Sẽ nguyện sinh trở lại ở đời làm Thiện tri thức với nhau. Sư liền thị tịch tại chỗ ở. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy.

Lúc sống, Sư thường lập nguyện, muốn thả nhục thân vào nước. Sau khi Sư tịch, mọi người bèn vâng theo ý chỉ ấy, nên đem đến an táng trong vực sâu thẳm của sông Tử Mạch, ba ngày sau, đến xem thì chỗ thả ấy lại biến thành phần mộ bằng cát rất cao, mà nước chia thành hai dòng. Kẻ tăng người tục đều lấy làm lạ về điềm cao nhã ấy, lưu truyền vết tích mãi đến ngày nay.

Ngài Huyền Giác là người tâm tánh hiểu từ, học theo khuôn phép trước. Sau, Sư đến trụ chùa Trang Nghiêm ở Kinh đô, thuần giảng các Kinh Pháp Đại thừa. Đối với Văn-thù, Bát-nhã là những kinh Sư riêng lấy làm đặc ý. Về vang cùng chốn đất vua, tiếng khen hiển bày cao vợi.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Trí Thuần trụ núi Chương Hồng ở Quận Triệu

Thích Trí Thuần, họ Mạnh, người ở xứ Đại Lục thuộc Triệu Châu. Thưở thiếu thời, khi còn là thư sinh, Sư đã thông hiểu khâu sách, có tài viết chữ, nói năng khéo léo, khoan thai nương cậy.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư nhàm chán thế tục bèn xuất gia, kính phụng thờ sa-môn Tăng Điều ở chùa Vân Môn, rồi đến ở núi Bạch lộc, trước sau tất

cả mười năm. Sư thường ưa thích u ẩn, chẳng thích việc ồn ào, lẫn lộn. Vừa có tâm mê muội, liền có Thần kỳ hiện tướng rắn dè, như động đến Thân y, hoặc có tướng âm thanh. Lại hiện tướng mặc sắc phục màu trắng, hình lượng cao hơn trượng, đi nhiều quanh phòng viện cùng cảnh răn, thường chẳng phải một lần.

Sư từng cùng Sa-môn Đàm Tuân đồng tu niệm định, trải qua bốn năm. Sau, Sư đi về hướng Bắc đến núi Hứa Đình ở Tán Hoàn nương tựa kết nghiệp, tiếng tăm vang xa. Có người mến Đạo đến cúng dường, Sư bèn lánh ẩn. Trải qua một năm không cần cấp giúp. Lại có người săn bắn rượt đuổi chim trĩ bay vào nơi phòng Sư. Sư tha thiết khuyên lơn nhưng họ chẳng chịu bỏ, người ấy bèn bắt chim trĩ đi. Sư không nở nhìn sự việc như thế, bèn cắt lỗ tai mình đưa cho người ấy. Người săn bắn ấy cảm kích sự tha thiết can ngăn của Sư nên bèn ném bỏ cung tên, mở thả chim săn, theo ngài cầu đạo, dần học kinh nghĩa. Từ đó, dốc lòng khuyên răn mọi người trong mấy thôn bỏ nghề săn bắn. Do là do sự thành thực của Nhân từ cứu giúp!

Sau, Sư chuyên thực hành Đạo quán, chẳng theo việc hữu duyên, vọng tâm chợt khởi, không thể cấm ngăn. Sư liền cắt thịt trên đùi cho máu chảy, hoặc ôm đá nặng đi nhiều quanh tháp, chỉ khoảnh khắc liền thoát khỏi tâm lự ấy, nên trên chỗ Sư cắt thịt loang lỗ như phô gấm. Tiết tháo chí thành của Sư đồng với Ngũ thành chẳng chung cùng. Sư ở trong núi rừng lâu năm, không người cắt cạo, Sư bèn dùng lửa để đốt tóc, mặc áo thô xấu, quên cả uống ăn, từng trải qua nóng lạnh, độ cảnh mà phân công, chẳng quên vôi vàng. Tánh Sư ít bị tham làm nã, tay chẳng cầm nắm tài vật. Hễ thấy người nghèo đói thì Sư lệ tuôn đầy mặt, hoặc cởi áo đang mặc để cấp cho, hoặc giảm bớt phần ăn mà ban thí. Vì bên trong thông, ngoài hóa, nên trong người thân có mười người xuất gia, đều y cứ theo hạnh Sư, luyện tâm tiết lượng, theo phong cách của Vũ Dương.

Năm sau, Tật bệnh đã xâm nhập, sức khỏe Sư đã mòn mỏi, Sư thường bảo người xưng niệm danh hiệu Phật, buộc ý tưởng vào Tịnh phương trọn đến tuổi già. Cuối cùng Sư bị bệnh khí, bỗng nhiên tăng nhiều, suốt mười lăm ngày, Sư cố gắng niệm như lúc đầu. Và Sư thị tịch nơi Thiên Phường Quạt lãnh, thuộc huyện Nguyên Thị, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng giêng niên hiệu Nhân thọ thứ tư (604) đời Tùy. Mới đầu an táng bên cạnh núi Chung Sở. Sau dân chúng ở núi Chương Hồng sát ranh giới huyện Phòng Tử vốn kính trọng đạo phong của Sư nên ban đêm đến trộm lấy quan tài nhục thể về an táng trong danh núi. Tới lúc đến tìm thì đều ẩn tàng dấu vết. Ba năm sau, mở bày ra bèn trà-tỳ Di cốt và xây tháp trắng trên sườn núi để thờ.

Từ khi Sư nhập Đạo rất tinh tấn chí thành. Xưa kia, đang ở Nho tông, Sư rất tự kiêu căng, bỗng nhân một tuần đạt được pháp bất tịnh quán, ruột gan phèo phôi... chảy ra bên ngoài, góm ghiếc chẳng thể tỏ bày, thấy người khác đều bất tịnh tràn đầy bên trong. Sư bèn đến chỗ Sa-môn Tăng Điều và được ấn chỉ. Vì tại chùa Vân Môn, quan cúng đang nghĩ là khó, nhân đó, Sư đến núi yên vắng, sớm tối thông nghiệp, chẳng thuộc công danh, chẳng làm chùa công, mà đức ngàm chứa bên trong vận chuyển vang xa đến triều đình. Nên niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: “Hoàng Đế kính hỏi Thiên sư Trí Thuần ở Cốc xưa cũ tại chùa Thiên Phòng thuộc phía Nam núi Chương Hồng gần ranh giới huyện Phòng Tử thuộc Triệu Châu, ngày đông rất giá lạnh, Thiên sư đạo thể thanh tịnh tốt đẹp, giáo hóa dẫn dắt muôn loài, khiến sớm thành tựu. Trẫm rất vui mừng! Trẫm ngồi trên triệu dân, che chở chánh pháp, đêm ngày không trễ nãi. Nay sai Khai Phủ Lu Nguyễn Thọ chỉ tuyên ý trước. và đưa Hương vật đi riêng”. Bấy giờ, thứ sử Triệu Châu là Dương Đạt cho rằng Sư là người không công quán, vốn bật tiếng tăm, y cứ theo sắc ban xuống mới biết, Sư được ghi danh ở chùa Đồng Quả, để tiếp thừa chiếu chỉ, mà Sư cũng chẳng đến. Dân chúng trong núi vì đó mà xây dựng chùa, ba nơi giao kết, bốn phương nghe đến, mừng ưa thích niệm Định ấy, nhưng chẳng thể tinh chuyên, nên chẳng bao lâu lại phải trở về. Đó là sức mạnh thật không thể nêu bày.

Mỗi năm đến đầu mùa Đông, Sư giáo hóa các duyên nhóm họp, may sắm nhiều áo quần chứa để, đến ban thí cho người tù. Hai mùa xuân, thu thì bình đẳng hành Đạo. Ngoài ra thì Sư ngồi kiết già trong rừng sâu trơ trọi chẳng ngủ, và lên tai thuận tâm dùng sức mỗi mệ, Sư chuyển sang đọc tụng kinh tạng, gồm được bốn biển, tay trái Sư cầm quyền, tay phải cầm đuốc, mười đêm, năm đêm, mắt không hề nhắm. Niệm danh hiệu Phật, khen ngợi công đức, Sư tụng đọc như dòng chảy. Sớm tối 6 thời lễ sám cho đến lúc thị tịch.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Tán, thưở nhỏ vâng lời chỉ dạy, lúc lớn lên tỏ ngộ huyền lý. Với các bộ Nhiếp Luận, Niết-bàn đều thông hiểu, nay đang trụ chùa hóa cảm ở Lam Điền, tu tập thiền tuệ, vẻ vang sáng ngời đầu môi, luôn có lăm điều trung dẫn, cuối cùng ẩn lánh chốn suối rừng.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Trí Giai trụ chùa Đãi Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang

Thích Trí Giai, họ Hạ Hầu, người ở xứ Dự Chương. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, trụ chùa Hưng Hoàng ở Dương Châu, nghe Lăng Công giảng về Tam luận, Sư khéo thọ nhận huyền văn, nổi tiếng ở đương thời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, gặp được Khải Công ở núi Thiên Thai, Sư bèn tu tập thiền pháp, đặc biệt có niệm lục. Ngài Trí Khải ngợi khen quý trọng. Sau, Sư giảng các Kinh Niết bàn, Pháp Hoa và Luật Thập tụng, truyền bá hưng thịnh, rất được kính trọng ở đương thời. Sư lại giỏi về ngoại học, Văn bút sử sách càng là sở trường. Về sau, Sư đến ở Lô Sơn xây dựng tinh xá Đại Lâm. Kết cấu ấy ban đầu đều là xây dựng chung. Sau Sư lại sửa chữa chùa Tây Lâm. Cả hai nơi trông coi giữ gìn đều trọn mọi việc, nhưng Sư giữ chí ở tại Đại Lâm, hơn hai mươi năm chân chẳng bước xuống núi, thường tu định nghiệp.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, rất kính trọng Sư, ban sắc thỉnh mời, nhưng Sư cáo bệnh chẳng đến. Sau, tại Dự Chương thỉnh cầu Sư giảng pháp, Sư từ chối chẳng đến, bảo rằng: “Ý tôi muốn trọn đời ở núi, đâu chết nơi Thành ấp!” Kẻ tặng người tục chí thành cầu thỉnh nhưng không được, chưa bao lâu, Sư bèn thị tịch tại chùa thuộc Châu Tri, thọ bảy mươi tám tuổi. Người đương cho rằng “Sư biết được mạng”. Lúc đó nhằm tháng sáu niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy. Khí trời nóng bức mà Sư ngồi kiết già như lúc còn sống, đón rước đưa về Lô Sơn, hình sắc Sư chẳng biến đổi, đều không thối rữa, trái lại, có mùi thơm lạ. Kẻ tặng người tục khen ngợi, bèn tôn trí vào trong thạch thất, đến nay vẫn như lúc đầu.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Trí Việt ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai

Thích Trí Việt, họ Trịnh, người ở xứ Nam Dương. Thuở thiếu thời, Sư có chí nguyện lìa trần. Cha mẹ Sư cầu hôn cho, Sư tìm cách xin thôi. Khi lớn lên thì Sư càng tài giỏi mạnh mẽ, cao nhã đẹp xinh. Bấy giờ, Lạc Dương Điện Hạ thống ngự Kinh Châu, giao cho Sư đảm nhận chức vụ rất cao, nhưng đó chẳng phải chỗ Sư ước muốn, chỉ vì mong muốn xuất gia. Vua cảm kích Sư thành thực trắng trong, vì để toại với tâm nguyện xưa, nên từ khi xuống tóc về sau, Sư tùy phương hỏi Đạo.

Sư bèn đến Kim Lăng, gặp ngài Trí Giả, Sư liền xoay mặt về phía Bắc xin cầu học, được Ngài Trí Giả trao cho Thiền pháp. Sư thấu đạt sâu xa Ngũ Môn, thông hiểu Lục Diệu, giới hạnh thanh bạch, Luật nghi thuần khiết. Sư lại tụng Kinh Pháp Hoa hơn cả muôn biển. Bình nước tự đầy, đó là do năng lực của kinh. Học chúng ở đó tuy đông, nhưng Sư được đứng hàng đầu.

Có tinh xá Lô Sơn ở Lâm Hải do một vị Phạm tăng xây dựng, luôn có nhiều điều linh dị. Ngài Trí Giả mỗi lúc đến đó đều bảo Sư cùng đi theo. Từ khi ẩn tịch về sau, chúng ở núi Đài lãnh, một mình Sư dạy bảo, suốt hai mươi năm, chăm chăm Sư khéo dẫn dụ không hề trái với lời dặn dò gởi gắm, là nơi nương tựa của hai chúng, là chỗ quy hướng cao cả của bốn bộ. Dáng đáp Sư

cao lớn, đức cảm đến tâm chúng sinh, rất sâu sắc. Mỗi năm đến ngày húy hy ngài Trí giả, vua sắc ban thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng Quan. Sư ngoài y bát ra, mọi vật đều sung vào Đại thí hội. Ngày hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581-605) đòi Tùy thiết trai để chú nguyện, thường được cả trăm thứ, nhưng Sư chẳng cố lưu giữ. Nên Thứ sử Hoạt Châu là Trịnh Hệ Bách, Lâm Hải Trần Tướng Dương Thần Quý, đều là những vị thầy bạn nghĩa trọng với Sư, đãi ngộ chẳng thường.

Đến ngày hai mươi ba tháng mười một Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, Sư bị bệnh, trải qua mười ngày, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch ở phòng cũ tại chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi bốn tuổi. Lúc Sư tịch, núi sụp đổ, đất chấn động, kẻ tăng người tục trong khu vực thấy đều thấy nghe.

Bảy giờ, tại núi Thiên Thai lại có Sa-môn Ba-nhã, họ Cao, người ở xứ Cú-ly. Vào đời Trần, Sư trở về nước, đến Kim Lăng nghe giảng pháp, hiểu sâu nghĩa vị, khi nhà Tùy an định nhà Trần, Sư đi các nơi học nghiệp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Sư đến núi Thiên Thai, đánh lễ ngài Trí giả, cầu xin trao truyền thiên pháp. Sư là người lợi căn Thượng trí, nên liền có sở chứng. Ngài Trí giả bảo Sư rằng: “Ông có duyên ở xứ này, nên phải nhàn cư ở chỗ vắng lặng, thành đầy đủ diệu hạnh. Nay núi Thiên Thai là ngọn núi rất cao, có tên là Hoa Đảnh. Cách chùa khoảng sáu, bảy mươi dặm, là chỗ xưa kia tôi tu hạnh Đầu-đà, thần núi ở đó là người có căn tánh Đại thừa, ông hãy đến đó học đạo tấn hạnh, sẽ có lợi ích sâu màu, chẳng cần phải lo lắng ăn mặc”. Sư liền vâng theo.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư đến chỗ núi ấy, sớm tối hành đạo, chẳng dám nằm ngủ. Suốt mười sáu năm, hình bóng Sư chẳng ra khỏi núi. Đến tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, bỗng nhiên Sư tự xuống. Mới đầu đến chùa Phật Lũng thượng, Tịnh nhân thấy có ba người mặc áo trắng mang y bát đi theo Sư, giây lát không còn thấy nữa. Sư đến chùa Quốc Thanh hạ, thăm đến người bạn thân là Sa-môn Đồng Ý mà bảo rằng: “Ba-nhã tôi tự biết tuổi thọ mình sắp hết, còn chẳng bao lâu, nên nay ra từ biệt Đại chúng!” Chưa đầy mấy ngày sau, tự nhiên không bệnh, Sư ngồi thẳng trong chánh niệm mà thị tịch tại chùa Quốc Thanh, thọ năm mươi hai tuổi. Đón rước khám về núi, ra cửa lớn của chùa, xoay kiệu biểu thị giả biệt, mắt Sư liền mở, khi đến núi mới nhắm lại. Bảy giờ, bất luận là Quan tư, tăng tục đều khen ngợi, kính ngưỡng, cùng phát đạo tâm. Ở ngoài thấy được điềm linh như thế, còn lại thần dị trong núi, mọi người chẳng thấy, nên khó rõ ràng!

Bấy giờ, tại núi Thiên Thai, lại có Sa-môn Thích Pháp Ngạn, họ Trương, người ở xứ Thanh Hà. Lúc triều đại Bắc Chu phá diệt Phật giáo, Sư lánh nạn đến đất Trần tại Kim Lăng, gặp được ngài Trí Giả. Lúc đó nhằm niên hiệu Thái Kiến thứ bảy (575) đời Trần. Sư lại theo vào núi Thiên Thai, hết lòng tinh nghiệp. Ngài Trí Giả truyền trao cho thiền pháp. Đã được dạy răn, Sư bèn chăng nghỉ trong phòng nhà, mà thường ở dưới cây giữa núi rừng, chuyên tu Thiền tịch. Trong ba mươi năm, Sư thường ngồi chăng năm. Có lúc Sư nhập định suốt bảy ngày mới xả, nói pháp tường sở chứng của mình cho thầy nghe. Có người nghe việc ấy, bảo rằng: “Như điều ông nói tức là tướng Quán thứ trong hai các Quán Bối Xả!” Cũng có thần núi vài lần hiện tướng quấy nhiễu thử, nhưng Sư vẫn an tọa tự nhiên, không can hệ gì đến tâm lự. Sư thị tịch tại chùa Quốc Thanh vào ngày ba mươi tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Môn nhân Đệ tử ngài Trí Giả rất đông, nhưng chỉ trình bày vài ba vị.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 17 hết).

---o0o---

QUYỂN 18

CHƯƠNG III - PHẦN 03 : TẬP THIÊN

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có bốn vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 2/ Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục, đời Tùy.
- 3/ Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.
- 4/ Truyện ngài Thích Tuệ Toán trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 5/ Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh, đời Tùy (Tuệ Ngang).
- 6/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hương Ứng ở Ích Châu, đời Tùy.
- 7/ Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 8/ Truyện ngài Thích Đạo Thuận trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu, đời Tùy.
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.

- 10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông, đời Tùy.
- 11/ Truyện ngài Thích Bồn tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh, đời Tùy (Thiền Trí, Đạo Huân, Đạo Thọ).
- 12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam, đời Tùy.
- 13/ Truyện ngài Thích Hồng Lâm ở chùa Đại Hưng Quốc tại Tinh Châu, thời tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Đàm Thiên trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Đàm Thiên, họ Vương, người ở xứ Nhiêu Dương thuộc Bát Lãng. Gần sau này, ông nội Sư đến làm quan ở Thái Nguyên nên bèn ở đó. Thưở nhỏ Sư đã tuần tú thông minh khác thường. Năm Sư mười ba tuổi, cha mẹ rất vui mừng vì sự nhận biết sâu xa của Sư, nên nhờ người cậu chỉ dạy. Cậu Sư là Trung Tán Đại Phu Quốc tử Tế Tửu Bác sĩ Quyền Hội đời Tề. Quyền Hội luyện đủ Lục Kinh, nghiên cứu riêng về dịch Đạo, phân quẻ tích Hào, khéo suốt cùng tượng hệ, lấy làm lạ về sự tinh thái của ngài nên trước tiên chỉ dạy cho Chu Dịch. Mới đầu Sư nhận tám quẻ tương sinh, hễ nói liền hiểu, và bắt đầu học một nửa phần văn, còn lại một nửa tự thông, chẳng cần nương thầy mà tự ngộ, vượt hẳn Từ lý. Quyền Hội rất lấy làm lạ.

Có một Bà lão mất vật, đến nhờ Quyền Hội quyết đoán, bốc được quẻ Đoài. Quyền Hội bảo Sư rằng: “Ông thử biện giải xem”. Sư liền ứng lời đáp rằng: “Nếu như quẻ phán, thì chắc chắn là mất cái thoa bằng vàng”. Bà lão kinh hãi mừng vui nói: “Thật đúng như lời biện giải!” Sư nói: “Đoài là thuộc Kim (vàng) vị, hai chân của chữ duỗi giống như hình dáng cái thoa”. Quyền Hội bảo: “Nếu y theo quẻ để xét thì kẻ trộm là ai?” Sư đáp: “Là cô gái da trắng, nhà ở phía Tây của người mất, bóng miệng búi tóc, khoảng mười bốn - mười lăm tuổi lấy cắp đi, tìm có thể được lại”. Về sau, tìm được quả nhiên đúng như lời Sư nói. Có người hỏi về nguyên cớ. Sư đáp: “Đoài là vị của thiếu nữ ở phương Tây. Trong năm màu phân phương thì thuộc màu trắng. Điểm chấm trên chữ Đoài biểu thị cho hình dáng búi tóc, bên trong có hình vị Tiên là biểu thị tướng bóng miệng, suy ra từ đó mà biết, chẳng có thuật gì lạ”. Quyền Hội bèn mở sách mà ngợi khen rằng: “Với việc bốc bói, Tôi là người rất khéo, nhưng chỉ đến lấy đoán y Hy mà thôi, đâu được sáng suốt như ông!” Quyền Hội thật rất hồ thẹn, mới nghiệm lời nói “Hậu sinh khả úy” (người sinh sau đáng sợ) của Tuyên Ni, bèn đem các sách Lễ Truyện Thi

Thượng Trang Lão v.v... mà trao truyền cho Sư. Chỉ đọc xem qua một lần Sư không cần phải hỏi nghĩa lại. Bây giờ, y cứ theo Nho học Sư được khen là tài giỏi. Mỗi lời lớn nhỏ có hai tao nhã phúng thích của đương thời. Hai Sử Tả Hữu là sự ngôn của Quân Vương. Lễ bày nhân luân, nhạc đối phong tục, không gì chẳng làm vui thích tai mắt. Thế lực ấy cũng có thể biết được. Chẳng như Lý Trang luận về Đại Đạo, Chu Dịch biện giải Âm Dương. Có thể tỏ ngộ sâu màu, có thể làm vui thích tình tánh, nghiên cứu mà thưởng vị, là gốc của Huyền Nho. Bây giờ, những bậc Tiên đạt rất đông, mà Sư thì tuổi tác bé nhỏ, nên khiến cho có người chông báng khen chê. Sư biện giải đối đáp ngang dọc, văn từ ý chỉ tỏa sáng, không ai chẳng cung kính tiếng tăm chân thật ấy. Từ đó, Sư lưu tâm nơi Trang Dịch, quy ý về kinh Phật, Nguyên muốn dự phần nhuộm áo, được thông suốt chỗ sâu cùng. Cha mẹ Sư rất thương con nên không chấp thuận. Sư tha thiết chí thành trải qua nhiều năm mới được thuận cho.

Mới đầu, Sư đến chỗ Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Khúc Lý ở Nhiêu Dương. Ngài Tuệ Vinh rất thấu hiểu về chiêm tướng, biết Sư có Tế khí, bèn bảo Sư rằng: “Ông có tâm kính mến đạo lý, nên cùng vui mừng, nhưng xem xét cốt cách của Ông đáng sánh như Di Thiên (Thích Đạo An) tự suy lường Trùng Công có sự hổ thẹn về Đức nghĩa, hãy nên thưa hỏi ở người Cao Thế để xứng hợp với nhã hoài!” Sư tuy tỏ bày ân cần cầu thỉnh, nhưng ngài Tuệ Vinh ngăn lại chẳng hứa thuận, nên Sư phải xuất gia với Luật sư Đàm Tĩnh chùa Cô Hòa ở Định Châu, lúc đó, Sư vừa hai mươi một tuổi.

Bốn nguyện đã toại, trong tâm thản nhiên, cố gắng siêng năng, sớm tối chẳng mỗi một. Mới đầu, Sư đọc tụng Kinh Thắng-man, chưa đầy một ngày đã xong. Ngài Đàm Tĩnh lấy làm lạ mà xem xét, Sư đáp lại chẳng sai một chữ. Nửa đêm hỏi nghi sâu trong kinh, không gì chẳng phải nghĩa màu. Ngài Đàm Tĩnh đã biết Sư là bậc Thân tư đại thành, bèn cho thọ giới Cụ túc. Và tự do thưa hỏi đạo. Sư theo thầy ở núi Ngũ Đài, núi ấy có rất nhiều linh tích. Sư trông thấy đủ thứ thần dị. Sau, Sư trở về Nghiệp Hạ, trải qua các trường giảng, bỏ Tiểu chuyên Đại, chẳng lấy câu kinh hợp qua cõi lòng. Sư đến chỗ Pháp sư Đàm Tuân, bảm câu cương yếu Phật Pháp. Đang lúc nhà Tề hưng thịnh, Phật giáo đang hưng thịnh. Đến nơi cung Quán, Pháp Tự đều bén nhọn nhanh nhẹn. Tánh Sư chẳng muốn dự qua, từ giả hảnh danh lợi thế gian, mọi người đều suy tôn. Sư thâm nói với mọi người rằng: “Học là để biết Pháp, biết pháp vì để tu hành, đâu phải vì danh lợi vinh hiển, ngay nơi danh là Đạo, nên Ngài Đạo Hằng đòi Tần dứt vết ở nơi núi rừng, thật là có nguyên do!” Sư bèn ẩn tu tại chùa Tịnh Quốc trong hang Hoàng Hoa ở núi Lâm Lự, chỉ ăn rau lá để tư duy, lấy Đạo để gá thân. Nếu có người đến thưa hỏi, thì Sư giải thích. Sư nghiên tinh các kinh luận như Hoa Nghiêm, Thập

Địa, Duy-ma, Lăng-già, Địa Trì, Khởi Tín v.v... đều nghiên ngẫm đến sâu mầu. Đang nghiên tâm Luận Duy Thức, thì Sư bị bệnh tâm nhiệt, Sư chỉ nhờ Tam Bảo, chẳng dùng đến thuốc thang mà ràng buộc tâm. Ban đêm Sư nằm mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng, bèn bửa lấy mà ăn, giòn tan như miếng băng, có mùi rất thơm, lúc tỉnh giấc hết bệnh, được bình phục. Hơn mười ngày mà mùi vị vẫn còn trong miệng. Nhân được bậc Thánh hỗ trợ ăn nuốt vàng trắng bèn thành đức, Sư bèn đổi đổi tên là “Nguyệt Đức”. Từ đó về sau, mỗi lần truyền giới cho người, Sư thường nói: “Đối trước Nguyệt Đức tôi mà hai lần xưng nói thọ giới Bồ-tát”.

Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) nhà Bắc Chu đánh dẹp nhà Bắc Tề, Phật Pháp suy đồi. Sư muốn bảo tồn Đạo Pháp, giữ gìn giới pháp, bèn lánh vết ở xứ Kim Lăng, ban đêm kết bạn cùng đi, trên đường đi thường gặp phải cướp bóc. Nên khi đến chùa Khúc Thủy ở Thọ Dương, Sư ngoái nhìn lại Pháp thuộc mà bảo rằng: “Chúng ta vận mỏng nhóm họp, thường gặp phải cướp trộm. Nếu oán kết chẳng cởi mở thì quả báo trong tương lai chẳng thể hết. Đại chúng hãy buồn thương cho sự ngu mê đó mà tự trách hạnh nghiệp ngày trước. Mỗi người nên tự xả bỏ mọi vật, vì bọn cướp mà tu tạo sám hối, cầu mong đời sau cùng làm Bạn Pháp!” Thế rồi Sư đi về hướng Nam qua con sông lớn trong sự an nhiên tiện lợi. Lấy đó mà suy nghiệm, thật là do sự giúp sức của trai phước.

Lúc mới đầu đến Dương Đô, Sư dừng tại chùa Đạo tràng, Sư đáp y phấn tảo khát thực, nhiếp niệm vô vi. Bảy giờ, Sư cùng các đồng bạn bàn luận nghĩa lý Duy thức. Ở đó có các Sa-môn Tuệ Hiểu, Trí Quyền, v.v... đều là những bậc lãnh tụ của nhà Trần, là Cao tăng ở xứ Giang Biểu. Ngài Tuệ Hiểu học gồm cả Không Giáo, Thích Giáo, giỏi về Định môn. Ngài Trí Quyền thì thiên tuệ cả hai đều sâu mầu, là bậc thầy khuôn mẫu của Đế Vương. Lại có Sa-môn Trí Hoăng, người ở xứ Cao-ly rất giỏi về Tát-bà-đa Bộ, danh tiếng vang khắp đương thời, là thành lũy của Phật Pháp, đều một lần gặp gỡ và kết bạn với Sư. Sư lại nói pháp sâu kín, có người muốn việc ấy vang đến triều đình. Sư dự biết tình sự ấy, bèn bảo rằng: “Tôi vì bốn triều sụp đổ, Chánh pháp bị lấn áp, do đó mạo hiểm trải qua sự chết, trôi nổi vượt sông, mà được tham dự vào Phạm lữ. Quả nguyện bình sinh đã được có thừa, gặp gỡ thời vinh, nguyện được ngậm nín!” Chỉ có quốc Tử Bác sĩ Trương Cơ thường tỏ bày hết kính lễ, thỉnh cầu giáo pháp, ngoài ra tại đương cảnh thường luận bàn Trang Dịch, trộm truyền nghĩa lý ấy, dùng để dạy răn thứ lớp.

Nhân đến nhà của Thứ sử Quế châu là Tướng Quân, có được bộ

luận Nhiếp Đại Thừa, Sư cho rằng hạt châu như ý. Tuy trước kia giảng về Duy thức, nghiên cứu sơ lược về Thông tông, đến như suy nghĩ dàn dựng

sâu mầu thì có sự vương mắc. Nay trong Đại bộ thấu suốt, Văn từ yếu chỉ rõ ràng. Sắp muốn mở mang giảng bày điều chưa được nghe ở nước ấy, nhân gặp lúc nhà Bắc Chu sụp đổ, nhà Tùy lên trị vì đất nước, Sư bèn cùng các đồng bạn đều gĩa từ Kiến Nghiệp. Các hàng tăng tục biết bạn quen đạo rừng mới, người đi kẻ ở buồn cảm vô cùng, mỗi tựa đề thiên thập. Thiền sư Tuệ Hiếu dùng Chương Phú đề thơ rằng:

*“Đời người gốc Hồ Việt
Quan ngô mỗi khác bờ
Nói liền một khoảng che
Bèn thành Bọn Pháp gàn.
Bàn nói dứt phiên lụy
Mi sâu mới được bày
Sáng nay bỗng chia tay
Hận mắt người trong mắt,
Bạn hướng đường sông Kinh
Tuệ nghiệp ngày sẽ mới,
Tôi ở cạnh sông Hàn
Trợn làm bụi dưới thông
Nỗi chìm từ đây cách
Không đáp lại nhân sau
Giã biệt trợn giã biệt
Ngán lệ bỗng thấm khăn!”*

Ngoài ra, các bậc danh đức khác đều có Xuyết Từ, vì qua thời gian lâu nên các bản văn ấy đã mất, mọi người đồng nắm tay giả biệt, cùng lên bờ Thạch Đầu.

Sư bước xuống thuyền, quẩy động mái chèo, bỗng nhiên sóng gió cuộn nổi, mọi người chẳng biết làm sao. Riêng mình Sư giữ ý tướng chân chánh chẳng đổi dời, bưng giữ lấy bộ Nhiếp luận, khẩn cáo cùng thân sông rằng: “Nay muốn đem Đại Pháp để khai mở người chưa tỏ ngộ kia, nếu ở đất Bắc không có vận mạng ra sao? Thì nên nghe Đại giáo, xin hãy ngừng sóng gió. Mong công đức truyền pháp âm thâm được chú ý!” Nói xong, chỉ phút chốc tự nhiên tĩnh lặng an ổn, đi đến bờ kia. Người đương thời cho rằng luận ấy dịch tại nước Nam nên thần Hộ Quốc không chấp thuận truyền sang xứ khác. Sự việc đồng như Luận Ca-chiên-diên truyền xuất đến nước Kế - tân, bị La-sát giữ lại.

Khi Sư đã về đến Bành Thành thì những người mới cũ cùng nhau nhóm họp, mọi người xa gần mừng vui tìm đến, phát triển thành đại chúng. Có một đàn việt xá thí vườn nhà để ở đó. Sư bèn đặt tên chỗ ở là chùa Mộ Thánh. Mới

đầu, Sư mở mang Nhiếp Luận, kể đến lại giảng kinh luận hư Lăng-già, Khởi Tín, Như Thật, v.v... nói nhau không ngừng nghỉ. Luận Nhiếp Đại Thừa khai giảng tại đất Bắc thì ở đó là đầu tiên. Tổng Quản Từ Châu là Cốc Thành Công Vạn Tự dẫn các Liêu Tả đến thưa hỏi tiếp thừa, rất mực giữ lễ người đệ tử. Sư hoằng hóa tại xứ ấy, thường cảm động đến thời tiết nóng lạnh, đen trắng biến đổi tục, rất có thành nghiệp. Từ thời Bắc Chu phá hủy chánh Pháp, có nhiều vị lánh ẩn về miền quê, Sư bèn khuyên giúp những người có duyên, ở tại chùa Mộ Thánh xây dựng nhiều phòng gác, tùy có thâu nhận nhóm họp trang nghiêm cúng dường. Thượng Trụ Quốc Tống Công Hạ Nhã Bất Trường Sử Trương Thản ra trấn tại Dương Châu, tiếp thừa Đạo phong nghi mở bày, kết làm bạn lành. Đến lúc các hàng tăng tục kính nguyện Đức Âm thì Trương Thản bèn tự tay viết sớ thỉnh mời. Sư cũng như thuyền rồng đờn gió thổi, xa đến Quảng Lăng, cả thành quách mong ngóng đón rước, Ca Phạm che cả ráng mây, hương hoa phủ che cả mặt trời mặt trăng. Tang môn một thời vinh hạnh chẳng lúc nào bằng khi ấy! Tống Công danh trọng vị cao ý vào khả năng sở học mà ngạo đối. Sư ứng quyền trao Pháp. Tống Công bắt chợt tâm say thân đổ mới dẫn gia thuộc theo Sư, cầu thọ quy giới. Mới đầu, trụ chùa Khai Thiện, Sư xây dựng đạo tràng, giảng dạy Nhiếp luận, người thưa hỏi có cả ngàn vị. Chẳng bao lâu, Từ Phương Quan Thứ khát ngưỡng Pháp âm, nên ở Giang Đô vừa giảng xong, Sư lại được đón rước về đất Bắc, xoay bánh xe Chánh Pháp, tiếng tăm vang xa.

Mùa Thu niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc chiếu rằng: “Hoàng Đế kính hỏi Pháp sư Đàm Thiên ở Từ Châu, thừa tu tiếp nối Diệu huyền, nhân sinh năng tinh tấn Đạo giáo, hộ trì chánh pháp, lợi ích Vô Biên. Thật là rường cột của giòng họ Thích, tức là Long tượng của nhân luân. Nguyện sâu rảo khắp, mọi nơi tiếp thừa Đạo phong, tận hưởng phước đức. Nhưng giới hạn vì việc triều đình, thật có ý tưởng hư rộng nên đến ngay để tưới tâm nhọc trông. Đệ tử ở Nội Cung, hiểu rõ Pháp tướng, có mười người thường chuyên đọc Pháp Âm và sắp vào kinh, sẽ cùng Pháp sư xây dựng chánh pháp, phán định kinh điển. Vả lại, Đạo Pháp mới phục hưng, gặp đường thì cỏ mọc, rộng giúp dựng lập thì phải nhờ người thông hiểu. Trong kinh áp, xa gần đều đến, tuyên dương Pháp sự vì ân huệ rất rộng lớn, tưởng nghĩ Pháp sư chân tích rữ áo, chớ nề mệt nhọc.

Tâm mong ngóng thấy Pháp sư, chẳng còn nhiều!”

Bảy giờ, các Sa-môn Tuệ Viễn ở Lạc Dương, Tuệ Tạng ở Ngụy Quận, Tăng Hưu ở Thanh Hà, Bảo Trấn ở Tế Âm, Hồng Tuân ở Quận Cấp, mỗi vị đều kính vâng Chiếu chỉ, đồng nhóm họp tại Đê Kinh. Sư bèn dẫn Môn nhân đi đường từ chỗ riêng đều ra Thiên Phủ, cùng năm vị Đại đức kia yết kiến nhà Vua tại điện Đại Hưng. Đặc biệt được lễ tiếp, nhọc dùng lời ưu đãi. Vua lại

ban sắc sở ty, đều đến chùa Đại Hưng Thiện an trí cung cấp. Vương Công Tể phụ mũ lọng đối nhau. Tuy mỗi vị Sa-môn đều dẫn theo môn đồ gần mười vị nhưng các Sa-môn mến nghĩa vua ban sắc cũng đều đến. Bèn được muôn dặm tìm thầy, ở đó có thể tưởng tượng như thế nào.

Lúc bấy giờ, cùng khắp trong nước nhà, học tăng ở kinh thất phần nhiều truyền trao trông rộng xa xăm. Mọi người vì thấy Nhiếp luận mới bắt đầu mở mang, nên chí thành cầu thỉnh. Sư liền giảng nói, có cả ngàn người đến thọ học. Sa-môn Tuệ Viễn là bậc lãnh tụ Pháp môn, thân ngồi ngay ngắn, y theo kinh giảng nghĩa. Từ đó, truyền đặng chẳng dứt, mãi đến ngày nay càng đông. Tuy là Hoàn vũ xuyên tạc, thường có dị đoan, nhưng vốn là chỗ giải thú, không gì chẳng noi theo. Nên trước kia Sa-môn Chân Đế có truyền rằng: “Không bao lâu sẽ có nước Trưng Phu chẳng gần chẳng xa, người căn tánh rộng lớn có thể mở mang truyền bá luận ấy”. Tìm nay nhìn xưa, há chẳng phải là người này (Đàm thiên) ư?

Đến mùa xuân niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Tấn Dương, ban sắc Sư cùng theo xa giá. Khi đã đến Tinh Châu, Vua lại ban sắc cho chư tăng đến điện để hành Đạo. Đến tối tìm Sư vào nội cùng ngồi trên một giường với vua. Vua bảo: “Đệ tử hành Đạo đến nơi đây, nhân phần lớn có độ sơn tăng riêng, đến cầu Công quán, trong ý Đệ tử muốn độ họ. Vậy thế nào?” Sư đáp rằng: “Trước kia, khi vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu trị vì đất nước, có ý muốn diệt Tam Bảo, trong chúng tăng hoặc có vị dứt vết ở chôn hang sâu, hoặc có vị lánh sang xứ khác. Đến lúc Bệ hạ lên ngôi lập nên vận lớn (581) lại mở mang Pháp môn, mọi người đều ca vịnh. Nên có người trở lại quy hướng Thánh Đức, so với tuy thường mong vời dẫn độ thoát, lại có trước sau, đưa đến các tế hội khác nhau, vả lại, từ đất trời che chở, không gì chẳng là Vua Dân. Bậc Chí tôn cấp dẫn muôn phương, sao dừng lại ở một thành quách mong được mừng vui”. Vua trầm ngâm trong giây lát, bèn ứng thuận. Nhân đó ban sắc rằng: “Từ tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy về trước, các nơi có tăng ni riêng độ, đều được chấp thuận cho xuất gia”. Nên khắp nơi chư tăng được độ có đến mấy mươi vạn người. Đó đều là do năng lực của Sư!

Sau đó, Vua lại ban sắc vì Hoàng tử thứ tư là Thục Vương Tú mà xây dựng chùa Quang Thắng ở Kinh Thành, do vua làm Đàn Việt, ban sắc đồ chúng của Sư hơn sáu mươi vị đến ở trong chùa ấy, thọ nhận sự cúng dường của vua. Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Vệ Tướng quân Ngụ Khánh Tác, Hữu Bộc Xạ Tô Oai, Quang Lục Vương Đoan v.v... nhân những lúc rảnh rỗi việc triều chính, liền cầm quyền tiếp thừa Diệu Chỉ. Có Tứ Môn Bác Sĩ Quốc Tử trợ giáo Lưu Tử Bình là bậc tài giỏi trong Khổng Môn, co gối kính phụng. Đạo Sĩ Cừ Nhạc ở Quận Ngụy là người thông hiểu Trang Lão. Vua Văn Đế

rất kính trọng, vào kinh đô cùng bàn luận huyền lý. Sư đã vì Đế Vương nên từ chối các Hầu Bá thỉnh mời. Nên bọn chống kháng hành vi, dấy khởi phải quấy). Có kẻ cho rằng: “Sư đắm chìm trong vinh hạnh sung ái của triều đình”.

Sư bèn soạn “luận Vong thị phi” để chỉ bày chính mình. Trong đó Văn Từ, Sư viết rằng: “Hễ tự mình là Phải thì quấy thuộc kẻ kia, tốt mình xấu người, mọi vật không gì chẳng vậy, vì đều vậy nên khắp trong đời rối rắm chẳng tự Chánh. Đó là do chưa thấu đạt cái tai Hoạn của phải quấy mới khiến nên như thế. Nói đến Hoạn, tức có mười điều không thể được, đó là:

- 1/ Phải quấy không Chủ Tể.
- 2/ Tự Tánh bất định.
- 3/ Ta, người đều có.
- 4/ Làm nhân cho nhau.
- 5/ Đắp đôi chẳng bằng.
- 6/ Ẩn hiện có không.
- 7/ Tánh tự chống trái.
- 8/ Kẻ chấp thiên trước.
- 9/ Phải quấy sai biệt.
- 10/ Không phải không quấy.

Ở đầu nói “Không chủ tể, ở đây nói ta phải”, người kia nói “Ta Phải”. Đây kia cùng tranh giành, bèn làm cho phải quấy không từ đâu mà định được. Người kia nói người này quấy, người này nói người kia Quấy. Kia đây đua nhau dấy khởi, bèn cho quấy Không có đích thú. Hoặc là muốn cho điều Phải tự quy về mình, Quấy thuộc người kia, thì đó có nghĩa lý gì mà có thể như vậy ư? Lý chẳng phải như thế mà gượng làm như thế thì đều đưa đến thất bại. Chúng sinh đâu biết như thế...?” Văn nhiều ở đây chẳng chép.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Vua Văn Đế đến Kỳ Châu, bấy giờ Sư cũng cùng theo, Vua bèn ban sắc cho Thục Vương vây lưới Nam Sơn, thực hành cuộc đi săn mùa xuân. Thục Vương rượt đuổi một con thú vào trong hang cũ. Thế rồi mất hẳn dấu vết, chỉ còn thấy đầy hang toàn là tôn tượng Phật bị đập phá rơi rớt. Thục Vương bèn bãi bỏ cuộc đi săn, tâu trình đầy đủ sự việc. Nhân đó, Sư bèn tâu rằng: “Trải qua thời đại Bắc Chu phá hủy Đạo Pháp, linh tháp Thánh tượng nghi dung đổ nát đầy hang rất nhiều. may nhờ Bộ hạ xây dựng lại, đã được sửa sang. Còn như tôn tượng bị đập nát, di ảnh còn đầy khắp đồng hoang. Bàn đạo mỗi lúc trông thấy càng thêm thương cảm, vì có tâm mà không làm được tích sự gì?” Vua nghe tấm tức bảo rằng: “Đệ tử ngu muội đuổi khoanh nơi Nham hiên mới khiến Tôn nghi bị mạo phạm giữa sương móc. Như điều Sư nói, đó là lỗi của

Trẫm!” Vua lại ban sắc chiếu rằng: “Các nơi có tôn tượng Phật ngày trước bị phá hủy, mong các Quan ty sở tại gắng công xem xét thân góp vận chuyển đưa vào trong các chùa ở gần cho thuận tiện. Mọi người dân trong nước đồng thực thi theo một văn bản, giao cho quan nhân các châu huyện xem xét trang sức...!” Nêu khắp nơi đồng một phong hóa sửa sang cho trang nghiêm. Sư rất có công trong việc ấy!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, củi lửa cháy lan Đại tông, Sư lại lên các chùa núi bị hoang phế, đồng thời không quán xuyên chur Tăng trốn lánh, Sư xin đều an định đặt đê. Vua lại cho phép. Sau đó vua ban sắc khắp nơi trong nước, chỉ có ngôi chùa núi nào từ một vị Tăng trở lên mới được sắc cấp biển ngạch. Các nơi riêng độ, nương nhờ xuyên suốt”. Sư lại có công với việc ấy! Vua lại ban sắc Hà Nam Vương làm Đàn Việt cho Đạo tràng Thái Nhạc Thần Thông, tức chùa xưa cũ của Lăng Công. Tề Vương làm Đàn Việt của chùa Thần Bảo, tức là chùa Tĩnh Mặc xưa kia. Hoa Dương Vương làm đàn việt cho chùa Bảo Sơn, tức chùa Linh Nham xưa kia. Lại giao cho Sư chọn các bậc Danh tăng ở Tề Lỗ đến trụ tại Kinh đô. Sư rất được người đời kính trọng thật không có gì hơn!

Vua Văn Đế xưa kia đang ở Long Tiềm, có vị sa-môn người xứ Thiên Trúc đem một đũa Xá-lợi trao cho vua và bảo rằng: “Đây là di thân của Đấng Đại Giác, đàn việt phải làm cho hưng hiển thì phước sau này thật không ngần mé!” Nói xong, chẳng biết vị Sa-môn ấy đi đâu. Về sau, khi đã lên ngôi, bởi muôn việc, bức bách, nên vua chưa kịp làm cho hưng thịnh. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, vua nhớ lại lời xưa, sắp muốn kiến lập, bèn đưa ra xá-lợi vốn có, tận tay giao cho Sư xem xét, tuy mỗi người đều chuyên tâm chú ý, mà trước sau chẳng thể định số được. Vua hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Pháp thân Như Lai quá với số lượng. Nay Xá-lợi này chính là di chất của pháp thân, lấy sự mà lường thì thật sợ nhọc bầy”. Ý Vua bèn tỏ ngộ, liền thỉnh ba mươi vị Đại đức an đặt vào tháp báu, làm ba mươi ngôi. Khuôn phép chế độ xây dựng mỗi thứ đều y cứ theo vua A-dục. Vua thỉnh Sư làm thầy Thục Vương. Thục Vương đang trấn tại Lương Ích, ý muốn mời Sư đến chỗ tháp của Thục Vương để xem xét công đức. Các Tể phụ đều cho là đường hiểm trở cao nguy, lối tắt bàn chiết mà Sư tuổi cao khó xung mạo gian nguy, nên lại sửa đổi tâu trình. Vua bèn mời Sư đến chùa Phụng Tuyền ở Kỳ Châu để xây dựng tháp. Sớm tối, Sư cầu nguyện điềm lành để tưới mát tâm vua. Khi sắp tạo hòm đá, cách chùa về hướng Đông bắc khoảng hai mươi dặm, bỗng thấy bốn đoạn đá vân sáng nhuận như ngọc, lớn nhỏ bằng phẳng, dùng lấy làm hòm nhiều lớp. Bên trong tự biến thành hình song thọ cao hơn ba thước, màu sắc khác lạ cùng làm nổi bật cho nhau. Hoặc có

tướng trạng của chim thú rồng voi, hình hoa lá xoay quanh mền mại. Sư tâu trình sự việc ấy, vua rất vui mừng.

Mùa xuân niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) vua lại ban sắc trong khắp hơn năm mươi châu phân bố xây dựng chùa miếu, đều có cảm điềm lành, như trong Biệt truyện có nói. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, vua lại ban sắc ở ba mươi châu xây dựng chùa miếu. Bèn ra lệnh khắp trong nước có hơn trăm châu lớn đều xây dựng linh tháp, khuyến các chúng sinh làm lành. Sư thật rất có công.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, phía Tây nam kinh ấp, vua thiết đặt xây dựng chùa Thiên Định, giá tháp bảy tầng cao tới tận mây, Điện đường cao rộng, phòng nhà nhiều lớp. Cung quyết bao quanh như rừng, vườn như vườn trời. Cả nước đều sùng thanh, không có ở đâu cao bằng. Vua bèn ban sắc rằng: “Từ sau khi Sa-môn Tăng Điều thị tịch thì cửa Thiên chẳng mở, tuy giới tuệ được mở rộng nhưng hạnh nghi lại thiếu sót. Nay ngôi chùa được dựng xây được đặt tên là Thiên Định, mong tiếp nối vết trước. Nên khắp trong nước mời một trăm hai mươi vị Thiên sư danh đức, mỗi vị có hai thị giả. Và đều giao cho Thiên sư Đàm Thiên tìm chọn đề cử”. Hữu Ty đầy đủ lễ, liền thỉnh Sư làm chủ chùa. Đã ân sắc ban giảng, nên Sư chẳng khỏi đến đó. Sư bèn yên định pháp chúng, tiếp đãi các bậc Hiền minh, đều hợp với tâm, vang tiếng suốt đời vua!

Bấy giờ, tại chùa Đại Hưng Thiện, có pho tượng Phật phát ra ánh sáng. Các hàng tăng tục đều trông thấy, bèn tâu trình sự việc ấy lên vua. Vua ban sắc hỏi Sư rằng: “Tôn tượng trong cung đều là Linh Nghi, từ trước đến nay luôn luôn tu kính, ánh sáng sao chẳng hiện?” Sư bảo: “Các pho tượng Phật đều phát ra ánh sáng, bởi cảm cơ có khác, nên có hiện cũng không thấy!” Vua hỏi: “Trẫm có tội gì, mà đời nay chẳng gặp ư?” Sư bảo: “Ở đời có ba hạng tôn quý, đều có ánh sáng, nhưng dụng của nó khác nhau”. Vua hỏi: “Ba hạng đó là gì?” Sư bảo: “Phật là Tôn quý ở đời, đạo là tôn quý ở Trời. Vua là bậc Chí Tôn. Tôn quý có thường, hằng không thể đều sửa trị. Do đó, Phật Đạo mở giáo, chỉ bày nghiệp từ trước đến, nên phát ra ánh sáng thần để trừ tội chướng ấy. Ánh sáng của Bệ hạ trùm khắp bốn bề, luật lệnh pháp thức cầm dứt nguồn tội, đó chính là ánh sáng rực rỡ!” Vua rất vui mừng.

Sư có dung nghi khôi ngô, giỏi về phong vận, nên gặp cơ đối đáp như thế, lại thêm khí độ hòa nhã, che dơ giấu tật, khéo trụ định môn, huyện tinh giới phẩm, thiên tánh nhân từ, ít sự tham đua, nên tuy vua ban tặng mọi thứ, Sư đều xả thí, hiến dâng xa gần. Không một thứ cấp dùng, đều giúp cho tăng chúng. Hoặc giúp đỡ cho người nghèo khổ, hoặc tu tạo sửa sang tháp tượng. Sư lại chẳng trọng hậu vị, chẳng nghiêm sức hoa hòe. Trong có cửa ngăn,

ngoài trừ Danh lợi, hiển dương giúp sức mở Đạo, thâm tâm u ẩn, lập chí trong sạch giản đơn, chẳng tạp giao du. Người đương thời lấy sơ ngạo để luận bàn, xét sâu Quốc sĩ, mà thể Sư rộng không, tâm ứng mọi vật. Hễ có nói năng, không lý nào chẳng xác đáng, đều dứt trừ ngưng trệ, hiển bày yếu chỉ sâu xa, nên ngài Tuệ Viễn có nói rằng: “Thiền sư Đàm Thiên phá chấp nhập lý, Đó thật là sở trường hơn ta!” Lời nói ấy rất hợp, mà từ chỉ điển chánh rất có văn chương. Tuy người tài trầm uất, ngậm chứa dồi dào không thể thêm gì.

Sư vốn bị bệnh phong liệt, khi vận hết lại tăng, nên ngài thị tịch tại chùa Thiền Định, thọ sáu mươi sáu tuổi. Lúc đó nhằm ngày mùng sáu tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. An táng tại vườn núi của chùa Thắng Quang, tức phía Bắc dưới chân núi Chung Nam. Đục Đá khắc bài minh, dựng nơi mộ. Trong những ngày kim quan còn lưu lại, có một con chó lông trắng chẳng biết từ đâu đến, đến chỗ lễ tang. Tuy bị cản ngăn, ruồng đuổi, nhưng chẳng chịu đi. Nếu thấy người buồn khóc, chó cũng kêu gào, thấy người hết khóc, chó cũng dứt tiếng. Đưa thức ăn cho, chó chẳng chịu ăn, thường vòng quanh và nằm ở chỗ lễ tang. Khi kiệu tang đưa đi, chó bèn rảo chạy trước sau, tựa như người sứ coi sóc gìn giữ, đến lúc hạ táng xong thì chó liền biến mất. Các hàng thức giả cho rằng chó là vật phòng ngừa, há chẳng phải thần minh hộ vệ ư?

Mới đầu, khi Sư chưa thị tịch, có người mộng thấy phía Đông điện Phật chùa Thiền Định nghiêng đổ, vài người chống đỡ được ngay ngăn trở lại. Chỉ có một cột trụ ở phía Đông bắc bị lún vùi trong đất, nhỏ không lên. Nơi phòng ngài ở là góc bị lún vùi ấy. Nên có điềm chứng nghiệm trước, và sau khi Sư đã tịch có vị Sa-môn chuyên tâm chí thành cầu thỉnh, muốn được biết chỗ Sư thác sinh, bèn mộng thấy cảnh giới tịnh độ trang nghiêm sáng chói gấp bội thường truyền. Cây báu cung quyết đứng cao sừng sững. Tăng tục đạo bạn có mấy ngàn người. Sư ngồi riêng nơi đài báu giảng pháp cho chúng nghe. Tuy mộng là chung cho hư thật nhưng linh cảm vẫn hy vọng, hướng gì tùy sự cầu thỉnh mà biết, nên đáng giáng điềm linh, chẳng phải sai lầm.

Sư soạn Nhiếp Đại Thừa Luận Sớ mười quyển, mỗi năm mỗi mở mang giảng dạy, mỗi lần Sư xoay chuyển bánh xe chánh pháp thì các trường giảng khác thấy ngừng công việc mà đều khuynh hướng khát ngưỡng, đua nhau chạy đến, nêu chẳng đủ thì Sư lại soạn sớ các kinh luận như Lăng-già, Khởi Tín, Duy Thức, Như Thật v.v..., sớ các bộ Cửu Thức, Tứ Minh v.v... Hoa Nghiêm Minh Nạn Phẩm Huyền Giải, tất cả có hơn hai mươi quyển, đều lưu hành ở đời. Có Sa-môn Minh Tác soạn hành trạng của Sư rõ ràng tỉ mỉ trước sau, được xem trọng ở Kinh đô.

02- Truyện ngài Thích Tăng Uyên trụ chùa Phước Duyên ở Quận Tây Thục

Thích Tăng Uyên, họ Lý, người ở xứ Lô thuộc Quảng Hán. Gia đình rất giàu có, nổi tiếng khắp Ba Thục. Khi Sư vừa ra đời, trời tuôn rải các đồng tiền bằng đồng như mưa trên sân, trong nhà cùng nhau ra gom lấy, nơi nơi đều đầy ắp. Cha của Sư gom thâu mỗi mẹt, miệng thở hổn hển thì tiền không còn rơi nữa. Trong kho lẫm tích chứa gạo chỉ đến một nửa, bỗng nhiên tràn đầy ra ngoài. Người thân nội ngoại không ai chẳng ngợi khen phước báu ấy. Từ thưở nhỏ đến lúc lớn lên, chí Sư cứng rắn khác người. Đi thì an nhiên mà từ từ khoan thai, ngồi thì kiết già an nhiên. Mắt phát ánh sáng long lanh khác thường. Dung sắc như ngọc nhuận, tướng trạng tợ đồng đỏ. Tiếng nói dường Hồng Chung mở lời phát động cả núi rừng, hai chân có luân tướng, mười góc rõ ràng, hai tay có chín xoáy, đường vân như vẽ.

Năm Sư mười tám tuổi, thân hình đã cao đến bảy thước. Cha Sư lấy làm lạ nên bảo Sư xuất gia. Liền đó, Sư cắt tóc tại chùa Khương Hưng ở phía Tây thành. Nay gọi là chùa Phước Duyên. Sư rộng tìm người có Pháp, thưa hỏi chẳng kể xa gần, qua tai liền chẳng quên, chứa nhóm báo quát hoài bão. Sư vâng giữ giới hạnh, giữ gìn trong sạch, mặc áo vải thô. Ngoài bình bát ra, Sư không chứa để một vật gì. Sư kết bạn với Pháp sư Nghị cùng ở chung chùa, hai Ngài đều là bậc tài giỏi trong chúng tăng ở quận Thục, cùng theo nhau vào Kinh đô tham cứu điều mới lạ.

Có sa-môn Tăng Thật ở chùa Trắc Hồ, là bậc Thiền Đạo thâm sâu, rất được Đế vương mến trọng. Hai Ngài bèn nương theo mà cầu học Pháp Định, bỗng nhiên chúng biết bên bờ. Trái qua nóng lạnh, rõ xét Từ nghĩa. Sư thì nghiên cứu tinh chuyên Định Đạo, còn Pháp sư Nghị rộng thông kinh thuật. Với các thứ khâu sách, Thảo Lệ, không gì mà Sư chẳng lưu tâm, chú ý. Gặp lúc nhà Bắc Chu Phá hủy Phật giáo, Sư bèn về lại chùa xưa, cắt ngang phòng ở Đông Hàng làm nhà riêng của mình. Ngoài ra còn lại đều sung cúng vào của quan. Đến khi nhà Tùy thay đổi vận nước. Sư lại xây dựng mới lại, kêu thợ chặt cây gỗ, trời mưa suốt hai tháng. Sư bung lò hương cầu thỉnh, theo lời liền tạnh mưa. Khi xây tháp, cần có mâm vàng, Sư lại thỉnh cầu Địa phủ, tùy theo lời liền đào bới, ứng mạng kho tàng khai mở dùng đủ, thừa ra hoàn trả lại hang cũ. Rõ ràng phước lực ấy xưa nay thật chưa hề nghe thấy. Sư thường cung cấp cho người cô độc, chẳng hề trái nghịch ý người, xa gần tùy sức giúp đỡ bố thí như nước chảy.

Lại vì sông Cẩm luôn có sóng gió làm chìm đắm nhiều người, Sư tiện đường phía Nam muốn gá cầu bay, mới gõ cơ may ấy, mọi việc đều nhóm họp.

Xưa, gia cát Võ Hầu chỉ trong hai sông, xây dựng cầu Thất tinh, tạo ba cán sắt dài tám-chín thước, đường kính chừng ba thước, người đời gọi đó là cái vạc sắt, dùng để đóng trụ cầu, khi dùng xong bèn ném bỏ dưới sông, khi cần thì cầu nguyện mới xuất hiện lên mặt nước. Lúc Sư tạo dựng cầu mới, sắp tới lúc đóng trụ thì cán sắt ấy tự nhiên nổi trên mặt nước lại trôi đến chỗ bên cầu. Đến lúc cầu hoàn thành thì lại tự chìm xuống nước. Các hàng tăng tục khen ngợi thành lời và truyền mãi đến ngày nay.

Hai ngài Uyên, Nghị đều là khuôn phép cho các chúng sinh, sớm tối hỏi Pháp, không thiếu sót gởi gắm cậy nhờ. Đến ngày mười một tháng mười hai niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, vào lúc giờ Dần, Pháp sư Nghị bảo đệ tử rằng: “Ba cõi đều Vô thường, ta đã đến lúc quá vãng!” Nói xong liền thị tịch tại chùa Phước Duyên, thọ sáu mươi chín tuổi. Sư nghe thế buồn cảm bảo rằng: “Pháp sư Nghị đã ra đi, chẳng lẽ ta đây ở lại!” Không bao lâu bị bệnh, Sư căn dặn cùng an táng chung, qua ngày mười bốn tháng đó thì Sư thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi. Đến ngày mười bảy thì đồng an táng tại Cửu Lý Đường, khắc đá ghi bia, dựng ở tại chùa, do Trần Tử Lương soạn Văn bia.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Chân Tuệ trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông

Thích Chân Tuệ, người xứ Hà Bắc thuộc Thiểm Châu, vốn họ Trần. Các đời nhà Trần tại Hà Bắc đều gọi là Quan tộc, xa xưa thì có

Hữu tướng Trần Bình ở thời nhà Hán, đến khoảng giữa thì có Hương Hầu Trần Trắc đời Ngụy, cho đến triều đại nhà Trần đóng đô ở Giang Biều đều phát xuất tại làng ấy.

Sư sớm nhàm chán thân này, cha mẹ Sư muốn lưu giữ ngăn cản bằng cách bắt Sư lấy vợ để Sư khỏi hướng ra bên ngoài. Nhưng, chí của ngọc tinh khiết, nhuộm lại càng sạch đẹp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Khi đó Sư vừa hai mươi tuổi. Cha mẹ đều qua đời. Đã sắp xuất tục mà còn bị ràng buộc bởi người vợ, nên Sư trước khuyên dụ rồi bèn cắt tóc cho, cung cấp mọi thứ đạo cụ đưa gởi sang ở chùa ni. Rồi Sư đến chỗ Thiên sư Thanh chùa Đại Thông ở Thiểm Châu xuất gia thọ giới cụ túc. Thiên sư Thanh đem học phương chỉ dạy cho Sư, thứ lớp có cội gốc, gọi là “Thi-la bất tịnh thì Tam-muội không do đâu thành tựu”, và bảo Sư đến chỗ Thiên sư Tĩnh Hồng ở Nghiệp Hạ. Nhân đó, Sư nương theo hai năm, tham cứu đến chỗ sâu màu cùng cực. Sư lại đến chỗ Thiên sư Tuân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu, sớm trao tối ngộ, trải qua hơn một năm ở chỗ Thiên sư Tuân, Sư thấu suốt sơ lược Thi Chung. Thiên bạn có cả ba trăm vị thầy đều khen ngợi nổi tiếng. Thiên sư Tuân đưa tay xoa đánh đầu Sư như kham truyền đước

pháp, và bảo Sư sang phía Tây của núi khai mở cho những vị chưa tỏ ngộ. Sư lấy có vì học mới có ít ngày, sợ có phần sai trái, bèn ở lại nghiên tâm trong hai năm nữa. Mỗi ngày, Sư đều trình nêu, lấy bỏ không nghi.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vâng mạng trở về theo hướng Tây, trên đường đi ngang qua ngọn núi Bách Gia ở Bạch Lộc, bấy giờ gọi đó là u tuyệt, thế núi đẹp vô cùng. Nhân đó, Sư leo lên ngắm nhìn, lại vì lưu luyến nên Sư kiết Hạ tại đó, lại bày đạo Thiền, sang mùa Thu, Sư chọn chỗ đất, không đâu hơn ở Tấn Xuyên. Sư bèn đến Ma Cốc ở núi Bồ Phán Thủ, xây dựng Thiền tự. Bốn chúng đua nhau tìm đến. Sư đoan cư dắt dẫn người học, un đúc thành chợ Định. Trong vòng mười tám năm mà thành tự rất nhiều. Ngài Kiệt Ngang ở chùa Thê Nham rất xứng thâm nhập. Vào niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, mời thỉnh danh tăng đến trụ chùa Thê Nham. Sư chính là người ấy. Nhưng Sư xét đặt cương quyết, thanh bạch liêm khiết thôi nhường, an khổ nhẫn lạc, dung chỉ khả quan, riêng ở chỗ tĩnh lặng, chẳng mong câu hoa mỹ.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư ăn bột hoàng tinh, tuyệt bỏ cơm trăm ngày, xem xét dạy trao, ngòi thiền, lễ sám, chẳng giảm bớt so với lúc thường. Sau, cảm thấy sắc da béo mập, sợ có người học đòi, Sư liền nghỉ dùng bột. Và đến nhàn cư tại cốc Bôi Bàn ở phía Bắc đồng rộng, kiết hạ an cư trong hang hổ, hổ bèn dời đi nơi khác. Đến mùa thu, hổ về lại hang. Thường có thần núi phân thời tiết độ, nếu có chậm chạp kéo dài thì đến giạt tinh.

Đến ngày mùng bảy tháng mười niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư bị bệnh mà thị tịch tại thiền Phường Ma Cốc, thọ bốn mươi bảy tuổi. Đầu đêm Sư sắp tịch, thần thái vẫn bình thường. Sư bảo: “Tôi sắp vãng sinh tịnh độ, thấy hoa sen đang đơm. Lại nghe tiếng chuông lạ vang thoảng trong sâu, mùi thơm khác lạ xông khắp cùng!” Khi các tướng ấy đã đến, Sư lặng lẽ thị tịch. Các hàng môn nhân đạo tục y pháp trà-tỳ, thâu nhật Di cốt, xây tháp cúng dường tại Ma Cốc.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tuệ Toản trụ chùa Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Tuệ Toản, họ Vương, người ở xứ Thương Châu. Đến tuổi tráng niên Sư mới xuất gia, trong trắng tự xa. Sư bẩm thừa chỗ sâu kín, học chuộng cương yếu. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Tỳ-ni, tùy chỗ nghe lược qua, chẳng giữ văn cú. Lúc đang ở Định Châu, Sư đến dự pháp tịch. Giảng đến giới cấm giữ vật báu, Pháp sư hỏi: “Việc nay ngay trước mắt, cuối cùng khó phán đoán thế nào”. Sư nghe thế, riêng cho mình là

tên giặc với lời nói ấy. Bảy giờ, trong túi có ba trăm đồng tiền, Sư bèn ném bỏ, từ đó đến trọn đời lời nói Sư chẳng đề cập đến tài lợi!

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư bèn lánh về hướng Nam, đến xứ nhà Trần, nghe các Pháp sư giảng đều thêm sửa đổi. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, mở mang Phật pháp, Sư lại trở về Đông Xuyên, trụ núi Phong Long ở phía Tây Triệu Châu, dẫn dắt học chúng an cư kiết nghiệp. Các kinh luật Đại thừa Tiểu thừa, Sư đều giảng bàn văn nghĩa, xem trọng hành khoa, lấy giới làm chính, tâm dùng chỗ chỉ, y cứ Pháp làm nền tảng. Đạo phong Sư vang vọng khắp nơi, mọi người quy hướng đông như chợ. Nên điều Sư khai ngộ lấy là đấng trước làm đầu. Thân thì nương cây hạnh Đầu-đà, thực hành theo pháp Lan-nhã. Tâm thì tâm tư niệm tuệ, biết vọng biết giải thích. Chúng bạn cùng nhau nương tựa đến mấy trăm người, giường chõng Đạo cụ đầy đủ tiện nghi. Sư lần lượt đi về hướng Tây trên đường đến Mã ấp. Các châu Sóc, Đại, Tinh, Tấn, Sư đều đến, tiếng khen khắp nhị Hà. Các hàng Đạo tục khuynh tâm trông mong.

Tần Vương Tuấn đang trấn giữ Tinh Châu, kính chuộng Phật Pháp, nên xây dựng chùa Khai Hóa ở núi Mông thuộc Thái Nguyên. Nhân nghe Đạo hạnh Sư nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tăng chúng chung quanh nghe khen ngợi quá lời. Đến mỗi kỳ Hắc Bạch Bồ-tát, cốt yếu Sư cần chọn người có hạnh thanh tịnh, biết người có chút ít tội lỗi bèn ngưng pháp sự, tội quá nặng thì y cứ theo phương đẳng, còn tội nhẹ thì y cứ theo luật mà sửa trị, đó phải lấy giáo mà nghiêm duyên, chỉ thiếu sót một chút thì kinh luật đều xả. Có Sa-di tín hạnh, xem trọng chánh nghiệp, theo thọ mười giới. Sư không chấp thuận, bèn trở về chỗ Thiền Sư Minh Dận - đệ tử của Ngài (Tuệ Toán) vâng giữ hành pháp, về sau trở lại Nghiệp Tướng, mới lập Bộ chúng.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định mới bắt đầu xây dựng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô truyền giảng giáo hóa. Từ Tinh Châu đến Ung Châu, ngàn dặm kính sùng đạo phong, trên đường đi lần lượt được sự đón rước lễ kính. Các bậc thượng đức ở Đất Vua lại thỉnh Sư đến trụ chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đêm ngày cầu thỉnh Sư chỉ dạy, để được nghe điều chưa từng nghe. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại phòng ở núi, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy.

Sư có đệ tử là Sa-môn Chí Siêu, kính sùng khuôn phép trước của Sư, nên xây dựng tôn tượng tại Tấn Xuyên, việc này thấy trong Biệt truyện.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Tịnh Trụ ở Tây Kinh

Thích Pháp Thuần, họ Chúc, người ở xứ Thi Bình thuộc Phù Phong. Ban đầu, Sư xuất gia dưới thời Bắc Chu, được nghe chánh pháp, đích thân kính thờ Minh Sư, ý trụ trong rừng Định, tâm cứu giúp người yếu đuối. Sư trụ hai chùa Trắc Hồ và Thiên Cung ở Đế Kinh, qua lại dùng ở thông lự làm đầu. Gặp lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, xua đuổi chúng tăng, Sư bèn ngàm trốn nơi chợ thành, bên trong duy trì Đạo phục, ngoài giả mặc tục y.

Đến đầu nhà Tùy (581) phục hưng Phật Pháp, bắt đầu độ chúng tăng, Sư là một trong một trăm hai mươi người đầu tiên được độ, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, Sư rèn khắc thân tâm vượt hẳn năm trước. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) nghe Sư có tâm trong sạch, nên thỉnh làm giới sư. Sư từ chối lấy có đức mỏng chẳng dám vâng mạng. Vua ân cần chuyên chú không thôi. Sư bèn vào ở nơi cung cấm, để truyền giới Pháp, bốn việc cần được cúng dường trong hậu. Sư không dẫn nổi sự cúng dường ấy bèn từ tạ trở về chùa cũ. Sư than rằng: “Thân mạng mỏng manh, vô thường chẳng lâu bền, suốt ngày bảo dưỡng đâu thấy vững chắc, vật thượng cúng khó tiêu!” Sư bèn hành trì pháp sám Phương Đẳng. Suốt bốn mươi lăm năm thường ở Đạo tràng thanh tịnh, tôn kính kinh điển, xem xét lỗi lầm. Trừ những lúc ăn uống, Đại tiểu tiện lợi, ngoài ra không bỏ sót. Sư từng đốt đèn ở Đạo tràng, bèn cảm ánh sáng của đèn soi chiếu nối nhau suốt bảy ngày bảy đêm, không cần phải thêm dầu châm lửa mà ánh sáng gấp bội lúc thường. Sư thâm lấy làm lạ, vì là điềm lạnh dứt trừ những điều hệ lụy. Lại nữa, bình dầu để trong điện Phật, bỗng nhiên không thấy, qua vài hôm sau thì lại thấy ở chỗ cũ mà dầu vẫn đầy như cũ.

Thường ở trong yên tĩnh, nghe có tiếng nói pháp dạy truyền, có mùi hương lạ, theo chỗ hồng mà hơi tỏa ra ngoài, có người đến xem, không thấy gì cả. Các vị thức giả cho đó là u kỳ nhóm họp nên như vậy. Sư khiêm nhường sửa trị, gặp việc liền tạo công, chẳng nhọc hình hài, lắng trong biển tâm. Suốt ba năm mưa dầm ứ đọng, dân chúng khổ sở rất nhiều, Sư mới ngăn trừ Pháp Phục, thềm đến trong xóm chợ thôn ấp, hoặc thay người làm thuê, việc rong thì bỏ đi, nếu có trả công thì lại ban cho người nghèo khổ, ăn xin. Hoặc thấy các hàng Tăng tục y phục rách rưới bụi đất lấm dơ, Sư đều thâm giặt nhuộm may vá cho họ, kính quý mà trả lại chỗ cũ, hoặc khăn giày nệm chiếu bị dơ ứ hôi hám, Sư đều vá đắp, giặt sạch mới hoàn toàn. Những việc như thế thật có rất nhiều. Hoặc ở lúc vắng lặng, Sư mang gánh phần tiêu, có người thấy bèn bảo rằng: “Nếu tình sự mừng vui thanh thái thì nguyện cùng làm”. Hoặc Sư vì chúng tăng mà khổ nhọc làm việc như bửa củi gánh nước. Hoặc gặp đường xá gian nguy hiểm trở thì tự thân Sư đắp lấp tu sửa, nhân đó khuyên mọi người cùng giúp sức làm cho bằng phẳng.

Có người đến đến lại, ngực Vua ngằm đến, đánh trói chẳng lâu”. Nên mọi thứ tài vật có được Sư đều dâng thí cho Đại chúng, chẳng tu tạo kinh tượng. Có người hỏi về ý ấy. Sư bảo: “Người hành Đạo là ở chỗ thiếu thốn”. Nhân vì thú nhập, nên các hàng Vương Công v.v... cúng thí hằng ngày đầy ắp ở cửa, Sư đều hồi hướng dâng cúng chúng tăng, mà tự đắp mặc y áo ca-sa phẩn tảo, bên trong mặc quần vải bố, lại không thắt eo, dùng dây buộc như pháp của Trung quốc. Chúng tăng trong chùa kính phục hạnh ấy, hoặc có người chẳng dám nhận, cho là Thắng nhân thì mọi thứ cúng dâng có khác với chúng thường. Sư tự lần lượt bảo rằng: “Từ lúc mới xuất gia, tôi nương tựa chúng bạn ở núi, ngày thì cung cấp đại chúng thanh tịnh, đến đêm tối thì nhóm củi đốt lên tự soi sáng, nhân đó mà tụng kinh được hai mươi lăm quyển, như Thập Địa Kinh luận, Kim Cương Bát-nhã luận, Kim Quang Minh, Chư Pháp Vô hành v.v... và đều giảng nói thông suốt, nên những điều tuyên bày, chỉ dạy trích dẫn trong văn ấy ...”

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, Vua Văn Đế lại thỉnh Sư vào nội cung, truyền trao giới pháp cho Hoàng Hậu. Sư mang vật thí ra khỏi cung, đều ban cấp hết. Nên những kẻ sĩ nghèo khó, mỗi lúc nghe Sư vào cung ắt hẳn là có ban tặng, nên đều nhóm họp ở đầu đường chờ đợi Sư ban thí mà trở về.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, cảm thấy trong mình không được khỏe, Sư bèn đóng cửa Thất ngôi yên, không hề có đau đớn. Có một Đệ tử mặc áo trắng, tay bùng ánh sáng đứng hầu bên phải. Đệ tử của Sư là sa-môn Tuệ Tấn vào hỏi: “Người ấy là ai?” Sư đáp: “Đó là các vị trời ở tầng trời thứ sáu cõi Dục thường đến thỉnh ta, nhưng vì các trời đắm trước vui thú, nên ta không hề hứa nhận, vì chướng ngại cho việc tu Đạo. Ta thường nguyện sinh vào những nơi không có Phật Pháp để giáo hóa chúng sinh. Ông phải cẩn trọng chớ nói rõ lời này. Sau khi ta qua đời thì mặc tình nói!”

Đến tháng năm, các đệ tử thiết lập Đại trai hội, cầu mong huyền Phước. Các hàng tăng tục nhóm họp ở trước ngài. Có hai con chim bồ câu bay vào trong phòng Sư đậu trên giá áo, chú ý đưa mắt nhìn Sư. Tuy có người chạm tay bắt lấy, nhưng nó không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư bảo: “Hãy để tự nhiên, chớ bắt”. Đến chiều tối nó mới bay đi. Đến lúc bệnh Sư đã trở nặng, mọi người đến thăm hỏi. Sư đều dùng Pháp hành mà dạy răn, không được buông lung, tự xem thường. Sư lại bảo: “Ta không biết vì sao bỗng nhiên lại cười voi trắng, đây là vọng nghiệp, làm sao có thể nhận lấy!”. Nhân đó bảo thiết trai thực, Sư giã biệt mọi người quen thân ngày trước. các thứ y phục tạp vật vốn có, Sư đều ban tặng cho mọi người đồng hành, nhận lấy một thứ để kết duyên lành. Mà tinh thần chí khí Sư vẫn sáng tỏ, không khởi tưởng gì khác. Sư thị tịch tại chùa Tịnh Trụ, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười hai

tháng năm niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. An táng ở phía Nam gò Bạch Lộc, đục khám mà tôn trí nhục thân Sư vào trong, ngoài mở cửa hang để thí cho các loài chim thú. Sau lại đến xem, thì thân thịt Sư đều kết lại, Di cốt chẳng rơi loạn.

Đệ tử Sư là sa-môn Tuệ Ngang, v.v... hướng dẫn các đàn việt tưởng nhớ khuôn phép trước của Sư, mới đắp họa nghi dung, dùng các chất xanh đỏ để trang sức, hiện còn tại chùa Tịnh Trụ. Có Sa-môn Ngạn Tông ngợi khen đức hạnh cao lớn của Sư, làm văn khen ngợi v.v... Ngài Tuệ Ngang từ thườ thiếu thời được Sư nuôi dưỡng, gần gũi cúng kính hạnh cao, dựng lập văn bia thờ Sư, rộng tỏ bày việc lớn. Thêm vì Ngài Tuệ ngạng lập tánh nhân nhả hòa mục, thức ngộ trong sáng, văn tảo trùm khắp, tiếng tăm vang đến kinh thấ. Sư soạn thuật được mười quyển, được truyền bá rộng.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ chùa Hương Ứng ở Ích Châu

Thích Pháp Tấn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Ngọc nữ, ở núi Hương Ứng, thuộc huyện Miên trúc, Ích châu, làm đệ tử Thiên sư Huy.

Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Định, thọ mười giới. Sư rất cung kính tinh tấn, khiêm nhường, chỉ chuyên ngồi thiền. Phía sau chùa có rừng trúc, Sư thường đến đó ngồi, có bốn con hổ già đi nhiều chung quanh Sư. Sư bảo: “Chớ để lộ tướng ấy. Sau, ngài dạy Pháp Thủy Quán. Người nhà đi lấy củi, thấy trên giường dây có bình nước trong đẹp, bèn nhặt hai viên đá trắng thả vào trong nước. Đến chiều Sư về lại chùa, cảm thấy đau nhức ở lưng, bèn hỏi người nhà, người ấy đáp có thả đá vào bình nước. Sư bảo: “Sáng sớm mai đến lấy đá bỏ ra ngoài”. Đến sáng sớm, Sư ngồi thiền, người nhà trở lại thấy bình nước trong như trước, liền nhặt các viên đá bỏ ra ngoài, và chỗ đau đốn liền hết. Nhân đó, Sư chuyên thực hành thiền định, chẳng ra khỏi núi ấy.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Thúc Vương Tú đến ở Ích Châu. Hoàng Phi bị bệnh đau tim, dùng mọi cách trị liệu nhưng đều không hết. Có Đạo Sĩ Văn Phổ Thiện ở núi Bạch Nhai thuộc Xương Long, Miên Châu là người có khả năng dẫm bước lên mũi dao nhọn bén, ngăn ngọn lửa cháy lan, và ở núi Hộc Minh có hai Đạo sĩ có khả năng kêu gọi quý thần, phù ấn chương phán, xuống nước chẳng bị chìm, đều đến Đồng trị, nhưng đều không hiệu nghiệm. Bèn sai Trưởng Sử Trương Anh v.v... đến núi thỉnh Sư đến trị bệnh cho Hoàng Phi. Sư bảo rằng: “Ta ở tại núi đã tám mươi năm, tánh đồng như cây cỏ!” Những người ấy lại càng tha thiết cầu mời. Sư bảo: “Trọn đời ta ở núi này, Các ông hãy sớm trở về!” Tin về báo lại. Vương Tú lại sai người của lục Ty quan dẫn bốn xe trâu và đồng đi theo cả trăm người cùng đến núi đón rước. Sư bảo: “Vua tuy cao quý, nhưng mạng có sở

thuộc”. Sư vẫn giữ chí như ban đầu. Tin đưa về, Vương Tú rất tức giận, tự mình vào núi muốn ra tay hành tội Sư. Khi đã đến chùa, lễ Phật, trông thấy Sư, bất chợt cả mình run sợ toát mồ hôi, Vương Tú nói: “Kính thỉnh Thiền sư trị bệnh cho Hoàng Phi với tâm từ bi của Thiền sư, xin nguyện cứu khổ ấy!” Sư đáp: “Giết dê ăn tim, sao chẳng đau khổ. Tất cả chúng sinh đều là đệ tử Phật, có sao đối với Hoàng phi lại sinh mến quý riêng như thế?” Vương Tú hổ thẹn xin sám hối và thỉnh Sư xuống núi. Sư bảo: “Mạng vua đã trọng, không thể không đi. Vua tự đi trước, bần đạo cả đời không quen ngồi cưỡi, sẽ đến sau”. Vương Tú nói: “Đệ tử xin đi bộ với thầy”. Sư bảo: “Người xuất gia khác hẳn người thế tục, vua hãy đi trước, bần đạo sẽ đồng đến”. Vương Tú đi mất hai ngày mới tới, còn Sư chỉ một sớm mai đã tới nơi. Sư vào phòng Hoàng Phi. Hoàng Phi trông thấy Sư mà toát mồ hôi, nhân đó lành bệnh. Dâng cúng Sư năm trăm xấp lụa, áo nạp ca-sa, mọi vật, v.v... Sư bảo Vương Phi đem bồn nước đến, tay Sư nắm lấy mọi vật chú nguyện, tất cả đều hồi hướng đưa vào làm cơ nghiệp của chùa Pháp Tự. Sư từ giả trở về núi. Vương Tú và Hoàng Phi đều trông thấy chân Sư cách mặt đất chừng bốn - năm tấc.

Đến ngày mùng tám tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch trong núi ấy. Rừng ngâm vượn hú ồn ào cả chùa suốt ba ngày liền.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tĩnh Đoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Tĩnh Đoan, còn có tên là Tuệ Đoan, vốn người xứ Võ Oai, sau đến ở Ung Châu.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chỗ Thiền sư Tăng Thật, thọ học Pháp Trì Tâm, có chỗ ẩn khả sâu. Trải qua các triều đại Ngụy, Chu, Tùy đều kính trọng Phật hóa, mở mang chẳng dứt. Sư do tiết tháo tĩnh lặng mà nổi tiếng. Sau, Sư trở về chỗ Thiền sư Đàm Tướng, thực hành Định Nghiệp. Khi nhà Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn dốc hết sức lực cất giấu các thứ kinh tượng, v.v... tất cả có hơn trăm nơi. Trước sau gìn giữ, mong sau này trùng hưng Phật Pháp lấy đó mà tiếp nối. Đến lúc nhà Tùy mở mang, Sư đều lấy ra tất cả, kinh điển truyền bá rộng khắp, đó đều do công đức của Sư.

Sư lại dự phần xuất gia, trở lại tu theo pháp môn cũ, dẫn chúng kết Đạo, thông thả an nhàn. Nhưng Sư khiêm nhường, cần kiệm, không tranh đua với mọi người ở đương thời, chỉ đắp mặc ba y, ứng pháp tích tượng, bình bát. Nằm một giường, ngày ăn một bữa, suốt cả đời. Hễ được lợi gì liền ban trải, không chứa để một thứ gì. Danh hạnh đã hiển bày, các hàng sang hèn đều kính trọng. Dưới đời Tùy có Hán Vương Lượng kính trọng giới đức của Sư,

đã từng thọ nhận sự dạy răn. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605 đời Tùy) và Hiền Hậu thỉnh Sư vào cung, theo thọ chánh pháp, bảm nhận quy giới, muốn lưu giữ Sư ở lại trong cung qua đêm. Sư bảo: “Người xuất gia, luôn nêu cao sự lià tục, cung cấm chẳng phải chỗ dừng nghỉ qua đêm”. Qua nhiều lần mời vào cung cấm, Sư thường mở mang những lời dạy đúng theo giới luật. Vua ban sắc đem giường bằng ngà, khám bằng chiêu đàn và các đồ dùng bằng vàng trước sau dâng tận để tạo phước lực, nên nay chùa viện cao rộng, đó đều là sự tiếp nối từ Sư. Do đó, mọi tài sự càng thêm vẻ vang, mỗi ngày càng treo cao nơi chùa viện. Sư không tự nhận một vật gì, tất cả đều quy tụ về kho lẫm của chur tăng. Và Sư thường đóng thất, rũ màn tĩnh lặng, không tiếp xúc người vật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy. Vua Văn Đế có ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến Dự Châu, thường phát ra ánh sáng màu trắng, biến thành năm màu xoay chuyển bên cạnh bình, khiến người trông thấy phát tâm, đục đá khắc bài minh. Văn từ đưa đến Hoàng Đế, khắc sửa sắp xong, bèn biến thành chữ vàng, rõ ràng suốt ra bên ngoài. Mọi người đương thời cho đó là điềm lành.

Gặp lúc vua Cao Tổ băng, Tùy Trữ nổi nghiệp, xây dựng chùa Đại Thiên Định, để tạo Phước cho Vua Văn Đế. Thỉnh các vị tĩn nghiệp khắp trong nước đến ở đó. Vì Sư là bậc đạo hạnh tỏ suốt tâm chúng sinh, nên Vua ban sắc mời Sư đảm nhận làm giềng mối tất cả. Sư từ chối mà chẳng được, bèn đứng đầu trong chúng tăng. Bảy giờ, nghĩa tụ các vị ở khắp bốn phương, có cả trăm người cùng đồng tâm. Pháp lệnh chưa xiển dương, hoặc có lỗi với linh hóa, mà Sư tự thân giữ sự khuôn phép cố gắng. Mọi người đều kính trọng vái chào. Nên khiến những kẻ sĩ biếng lười cố gắng sửa đổi, mà theo sự dạy răn khuyển gấn rất nhiều.

Đến ngày hai mươi bảy tháng mười hai niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Thiên lâm, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở ngoại ô phía Đông kinh đô. Chùa Cổ Thiên Lâm vẫn còn bày năm sắc, giường ngà ngàn năm. Ca-sa bằng vỏ cây hiện còn. Do vật ít có nên mọi người đến xem rất đông.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Đạo Thuần trụ núi Dương Đầu ở Trạch Châu

Thích Đạo Thuần, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thường tĩnh lặng ở chón suối rừng, nương đạo tự ẩn, khi nói thường mỉm cười, bàn luận trong sáng cao xa. Sư thường ở chỗ Thần Nông định được tại núi Dương Đầu thuộc Trạch Châu.

Sư cất thắt bằng cỏ tranh, ngoài ra không chứa đũa một vật gì, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi suốt năm. Đó cũng là hạnh sa-môn trong sạch. Đức hạnh bên trong tràn đầy, tiếng tăm vang xa giữa thế tục. Hay cảm rần và chuột đồng ở dưới giường chõng, mỗi loại tự sản sinh nuôi dưỡng, chẳng nỡ loạn lẫn nhau. Lại có hổ đến ngồi xôm bên cạnh, Sư giảng pháp cho nó nghe. Lúc có người qua lại thì Sư bảo hổ lánh đi. Hoặc Sư bảo với hổ rằng: “Ngày mai có người lại, người đừng đến”. Đúng như lời Sư, hổ không xuất hiện. Sư có những sự cảm thông nhận biết sâu xa đến như thế. Người cung cấp hậu hạ Sư ở chung với hổ, hổ giống như chó trong nhà, không hề ngại sợ nhau. Thân Sư đắp mặc áo nạt rách rưới, không hề chọn lọc, gót chân dẫm khắp rừng hoang chẳng kể sớm tối.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, bỗng nhiên Sư vào xóm làng nói pháp giáo hóa. Dân chúng các thôn đều nhóm họp đông đảo thọ pháp. Riêng có một người nữ Sư chẳng truyền giới, Sư bảo người nữ ấy rằng: “Cô sẽ đọa vào loài trâu, tướng ấy đã hiện. Quy giới không thể cứu được cô. Nghiệp đã định, người hãy tự cứu lấy”. Khi đó, có người không tin lời ấy, cho rằng Sư mê hoặc quần chúng. Và mọi người đều sinh tâm nghi ngờ. Sư muốn giải quyết xua tan mọi sự bàn luận nên bảo mọi người rằng: “Nếu người nào không tin thì thử đập vào bóng nghiệp đuôi trâu của người, thì sẽ chẳng bước tới được”. Liền đưa chân dẫm lên chỗ đất trống phía sau quần cô gái gọi là đuôi ảnh, người nữ như lời Sư nói lấy bèn dậm không được. Khi đó mọi người đều kinh sợ vâng tin, thỉnh cầu với Sư rằng: “Làm sao để dứt trừ nghiệp báo ấy?” Nhà người nữ ấy chứa gạo thóc có mấy muôn thạch, do sợ nghiệp ác nên đồng một lúc thí xả tất cả. Sư đều vì cô gái mà tu tạo phước lành, bảo người nữ ấy sám hối, nhiều lần thực hành như thế, nghiệp ác được dứt trừ, Sư mới cho thọ quy giới. Lấy đó mà luận thì Sư có được khả năng thấy biết sự còn mất của nghiệp ảnh, tức rất gần với bậc Thánh.

Hoặc Sư đi đến trong các thôn ấp đang mắc bệnh dịch lệ, thọ nhận sự cúng dường của những người mắc bệnh, nếu thấy có người máu mủ đang tràn chảy ra ngoài thì Sư đưa miệng mút lấy. Tâm tình không khởi niệm gì khác. Hoặc giặt giũ y phục cho họ, hoặc lắng gạn nghiệp tâm cho họ, Sư lấy đó làm việc chính của mình. Tâm tình mừng vui, không chút buồn rầu.

Sau, Sư đến các xứ Lâm Lự, Hồng Cốc, đi về hướng Bắc, Sư lại đến đình Tấn Bàn, v.v... các Chùa núi, tổng hợp nghiệp Thiên Định. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Hoan trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Tuệ Hoan, họ Quán, người ở xứ Vân Dương thuộc Kinh Triệu. Từ thuở nhỏ Sư đã nhàm chán thế tục, kính mến xuất gia, những khổ nổi thường ngày không lối vượt thoát, nên phải trải qua lắm sự cản ngăn, gặp nhiều nóng lạnh. Quá tuổi tráng niên mới được toại nguyện.

Năm ba mươi bảy tuổi, Sư xuất gia, vào Đạo, đến chỗ ngài Sùng Công chùa Thanh Thiên, thừa hỏi thọ học định Pháp, nhiếp tâm nghi lễ, quên bỏ hay dở. An lập giác quán, tự nhiên dốc bỏ hết. Thêm vì chí hướng ở nơi suối rừng, tiêu dứt bóng hình trong thân thể, trần dục dần hết, chỉ học ở núi lấy làm đầu. Sư từng kinh hành trên đỉnh núi, lỡ bước rơi xuống từ ngọn núi cao, được đứng yên trên đá, chẳng quên thiền niệm. Sư có được sự cảm linh như thế.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) trị vì đất nước, dựng lập Đại Già-lam. Vì Sư là bậc Chí Đức ngàm khắp, nên vua thỉnh Sư mà cúng dường. Đến tháng hai niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Thiên Định, thọ sáu mươi chín tuổi. Ngài căn dặn đem nhục thân vào bỏ trong rừng lạnh. Các đệ tử của Sư theo Đức nghĩa, bèn đón rước đến hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam. Dẫn dắt các hàng tăng tục đến tạo Bia minh, xây dựng tháp báu.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Nham ở Hà Đông

Thích Trí Thông, họ Trình, người ở xứ Y Thị thuộc Hà Đông. Vừa mới sinh ra Sư đã biết tin ưa sự xác thực, vui thích kính mến đạo tuệ, sắp học thư kệ, Sư lại muốn xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ bèn chấp thuận.

Năm mười tuổi, Sư được cạo tóc, thuần hậu nghiêm túc, cung kính hiếu hòa, khiêm nhường hạ mình. Đối với thầy tổ bạn bè, Sư tiếp việc không lười biếng. Sư tu trì giới hạnh, ca vịnh Pháp ngôn suốt ngày đêm không ngưng nghỉ. Sư tụng yếu kệ tán Phật trong kinh hơn ba ngàn bài. Suốt năm mươi năm không hề nói lời mỗi mệt. Bởi từ gốc đức chẳng đua tranh. Lập tang vẫn còn, Phật giáo bị đắm chìm phá hoại, bạn đạo không nơi quy hướng, Sư bèn theo Luật sư Tuấn và Pháp sư Diên, hết lòng thọ học. Chẳng vì gian nguy ách nạn mà cản trở tâm chí. Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy trở lại phục hưng Phật Pháp. Sư bèn lặng lẽ trở lại Bồ Phán. Lòng từ cứu giúp vừa kịp. Sư bèn xây dựng chùa Cô Lão ở Thành Trì, tâm bình đẳng giúp đỡ, vì thời vận mà chu cấp, truyền giới giảng pháp nhân cơ duyên mà hưng khởi, ăn dẫu mà nhớ tiếng, thường ngày có đến cả ngàn.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy có xây dựng một ngôi tháp, sửa sang lại chùa Thê Nham, thoáng chốc mà Sư cởi giày đến nhàn cư tu nghiệp,

gần gũi lo việc hương hoa, tự thân luôn chăm quét tước. Miệng thường khen ngợi, mắt thường ngắm nhìn, khéo do chính mình chứa Đạo, đều vì muôn sinh, nên của cải tuy có thừa mà Sư đều sung vào tu tạo công đức. Đến ngày hai mươi bốn tháng mười niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Trước lúc chưa tịch, có mấy ngày Sư không được khỏe, vị Duy ma đánh chuông mà dùi tự gãy, các vị thức giả cho là chẳng thể vượt qua. Sư nghe việc ấy, bèn bảo thị giả xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, Sư hồi tâm nhiếp miện, nguyện sinh về cõi ấy. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Đảnh Cái, sớm tối kính thờ. Bỗng nhiên Sư hỏi ngài Đảnh Cái rằng: “Trong nhà trù có làm những thức ăn gì?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Thầy cần thức ăn gì?” Sư bảo: “Có các vị Đạt quan Quý trọng sắp đến!” Ngài Đảnh Cái thưa: “Xưa con nghe sinh trong loài người thấy các vị Quý tướng, thầy vốn tu đức nên họ đến, há là ở người ư?” Đến xế chiều Sư mới mở mắt nhìn thẳng, giây lâu không nháy, tướng trạng như thấy điều gì. Vị thị giả đứng bên cạnh đốt thêm hương, lạng lẽ đứng cung kính, hương cháy một khoảnh mới ngừng. Sư bèn búng ngón tay bảo rằng: “Không thể suy nghĩ bàn luận?” Có người hỏi nguyên do. Sư bảo: “Thầy Phan cờ báu lọng hoa Tháp miếu trang nghiêm”. Đến đầu đêm, Sư lại xoay đầu bảo rằng”. Vừa thấy Minh Châu. Bây giờ đâu rồi?” Sư lại bảo: “Có việc gì mà đốc đuốc rự rờ như thế?” Bèn che đèn cho tối. Phút chốc Sư lại bảo: “Lửa sáng sao càng sáng vậy?” Ngài Đảnh Cái thưa: “Nay thất mờ tối là tướng tịnh của thầy, không có gì lạ”. Sư bèn chấp tay cho đến sáng. Sư lại bảo: “Ta sinh về Tịnh Độ!” Nhân đó mà hơi thở lắng dần, núi non rung chuyển, cửa nẻo đều lung lay. Đàn chim trĩ kinh hãi kêu vang, chẳng phải như thường nghe.

Trong chùa, có sa-môn Đạo Tuệ, trời chưa sáng còn gá ngủ, đến lúc ấy kinh hãi bất chợt ra đứng tựa hàng hiên nhìn xuống, bảo: “Nếu Thiền sư thị tịch, chắc chắn sinh về tịnh độ, vì sao biết được? Vì trong lúc ngủ thấy trên đỉnh núi phía Tây đều là lầu các điện đường, bay đi giữa hư không”. Nói xong mới biết là Sư đã thị tịch.

Lại nữa, mẹ của ngài Đảnh Cái họ Vương. Từ lâu có tâm thành kính tin đọc tụng các kinh, lễ sám phát tâm, lấy việc vãng sinh làm chính. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, đến lúc sắp xả bỏ thân mạng, bà càng thêm chuyên cần chí kính, mắt thấy trước giường có hoa sen màu đỏ lớn như cái vò năm hộc. Lại thấy hoa sen màu xanh khắp đầy trong vườn nhà. Đức Phật A-di-đà, các vị Bồ-tát Quán Âm, Thế chí cùng lúc đều đến. Ngài Đảnh Cái cùng người cháu là Tiết Đại Hưng cùng hầu gần bên cạnh nghe trình bày lại. Và Tiết Đại Hưng thấy Đức Phật hình

sắc rất lớn và hai vị Bồ-tát, giây lâu đều biến mất. Đó đều là việc gần đây nên chép vào thật lục.

Có Sa-môn Hạnh Hữu là bậc Danh tăng ở Bồ Tấn, vì viết Bản Truyện, nhân đó soạn luận rằng: “Pháp vốn bất sinh, nên nay vô diệt, như thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, nhân lấy đó mà bàn luận thì ba cõi cùng một thức thăm quy về, sinh tử và Niết-bàn là đồng thể, đâu thể dung chứa sạch dơ, đây kia ở trong ấy ư? Nhưng hễ là người học, vọng tình chưa hết, chưa thể bình đẳng giữa ta và người, bình đẳng giữa khổ và vui, dứt trừ mừng chán, dứt hẳn phải quấy thì phải nên hồi hướng, nêu chỗ Tâm hướng về sau đó mới vắng sinh. Kỳ thật chẳng phải như vậy. Thí như gương sáng thì hình hiện, hang trống thì tiếng vang, hình bóng và âm thanh đến đâu phải là xa ư? Mà người bị mê hoặc, vì thức tối tăm nên sinh nghi cho rằng Tịnh Độ phải vượt ngoài ba cõi, thoát khỏi chín Định, tuyệt vực lạng lẽ, trải qua đường xa xăm. Tự chẳng phải Địa vị cùng cực của ba Thừa và bậc Thánh Thập Địa chứa nhóm công hạnh thì đâu thể sinh về cõi kia? Sao lại sai lầm như thế? Hãy quán xét Thượng nhân (Trí Thông) đây bảm tánh ôn hòa nhu nhuyễn, làm người thanh khiết, với sự tu tập đó thì phước đức rộng lớn. Công phu Định tuệ che chưa đủ niên kỷ, thẳng đến tán thiện trong một đời, Tâm rộng rang lúc sắp qua đời thì có thể mắt thấy ánh sáng, đích thân thấy cờ phướn, rung chuyển trời đất, mộng cảm người bên cạnh. Vậy đủ biết nghiệp của chín phẩm có nghiệm chứng, công đức của mười niệm không sai. Chúng ta cùng đồng chí hướng đâu thể chẳng cố gắng ư? Nếu như gần gũi Đại thừa, tu hành chánh quán, xem xét mé gốc của hạt bụi nhỏ, tin nguồn gốc ban đầu của một niệm thì có thể gai góc được mang đi bởi âm thanh Vô thường, chim quạ nói pháp sâu xa, mười phương cõi tịnh chưa hẳn hơn đây. Nếu quyen luyện vợ con tôi tớ, bàng hoàng khó khổ bảm víu mưu sinh, chưa nhàm chán rong ruổi theo vật đã mệt nhọc, hết khoảng thời gian trăm năm sống trong thẳng thót, rốt cuộc ngần mé của một đời ở tại vợi vàng bận rộn. Trong không hề toan liệu, ngoài chẳng nơi cậy nhờ, thì lớn nhỏ đều âm thầm chìm đắm, làm sao tự trở lại được? Thật đáng buồn thay!

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Bản Tế trụ chùa Từ Môn ở Tây Kinh

Thích Bản Tế, họ Tống, người ở xứ Giới Hưu thuộc Tây Hà. Ông nội Sư chẳng kính thờ Vương hầu, lánh đời không buồn rầu, bị ép làm Liêu Tinh, bèn cầm mũ mà trở về. Sư đang độ tuổi búi tóc mà trí sáng như đã thành người. Mới độ tuổi thay răng mà theo kinh nghiệp, nên đối với sáu Kinh ba sử Sư đều lưu tâm. Tuy rằng Đường nhỏ nhưng lược thông nghĩa lớn, nên bạn bè ở Trường quý trọng chỗ Sư thưa hỏi. Sau vạch chiết đã sâu,

bỗng nhiên đại ngộ, Sư bèn nói rằng: “Đây thật là căn bã của Vũ trụ, sao lại làm lụy thức lẳng trong của người?” Và Sư bèn quy hướng kính ngưỡng giòng họ Thích, già từ bà con đi xuất gia.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, lúc ấy Sư mười tám tuổi, giới định quá trong sạch, chánh nghiệp càng sáng cao, chẳng ăn mặc mới mẻ hoa hòe đê dút bỏ sự ái nhiễm, tự thân hành trì pháp nhẫn nhục, xót thương kẻ tăng thượng mạn. Sư xem rộng các kinh luận, đều tụng ở trong tâm, giảng giải suy lường, xoay vần nối nhau. Bảy giờ, cùng Quán xét Đạo phong, vẻ vang ấy trùm khắp. Gặp Thiên sư Tín Hạnh khai sáng Dị Bộ, bao gồm Tiên đạt, khơi mở cho hàng Hậu hiền. Sư nghe mà kính trọng khen ngợi, vui mừng mặt xoay về hướng Bắc mà tiếp thừa Bộ, như rót bình chẳng phải dụ, khế hợp không sai. Vì khi Thiên sư Tín Hạnh mới kiến lập thì Tập lục đang còn ở tại Đông Sơn, đã không có văn gốc chỉ chỉ giảng bằng miệng, đều thấu đạt chỗ sâu kín. Sau khi Thiên sư Tín Hạnh thị tịch, Tập lục mới truyền đến. Sư bèn xem văn liền giảng, không hề bị đuối lý sai lầm, tuy chưa thấy được văn từ sau, mà văn truyền trước đã thâm khế hợp. Bảy giờ, năm chúng khác Bộ rất kính trọng. Sư có soạn Luận “Thập chủng bất cảm châm lượng” sáu quyển, ý chỉ văn từ trang nhã rất hay, được lưu truyền rộng. Từ đó, Sư chuyên mở mang Dị tập, ảnh hưởng cao đến chúng khác.

Đến ngày mười hai tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Từ Môn, thọ năm mươi bốn tuổi. Đệ tử Sư là Sa-môn Đạo Huấn, Đạo Thọ, thức phụng y Đà, truy niệm xây dựng ngôi tháp trắng ở dưới núi Chung Nam, lập bia minh khen ngợi đức hạnh của Sư.

Sư có đệ tử là sa-môn Thiện Trí, là bậc trên hợp với huyền cơ, cao bước vượt ngoài đời. Tổ Sư Tín Hạnh hết lòng tinh nghiệp, chước sâu biện vị, khéo phân biệt chỗ tinh tế. Sư Thiện Trí vào thất gần gũi không bao lâu mà tinh cùng hang lý, Sư từng lấy một trong bốn phần dùng để giúp hình lụy. Suốt mùa Hạ xếp chân nhiếp lự quán Phật, thật là bậc Thượng đạt cảnh sách siêng năng. Nên ngài Tín Hạnh kính vái Phong cách, nhã tướng nêu đến cùng. Chúng đương thời đều vui mừng,. Có thể gọi đó là dùng Đức hàng Phục người. Sư có soạn bộ “Đôn giáo nhất thừa” hai mươi quyển. Nhân thời mà chế nghi, cùng vâng theo lưu truyền ở đời. Sư thị tịch vào niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy. Các Đệ tử an táng Sư ở phía phải của tháp mộ Ngài Tín Hạnh.

Ngài Đạo Huấn có tài phân lược, ngài Đạo Thọ dồi dào thuyết dẫn dắt. Hiện nay đang hoằng hóa, đứng đầu Tông chẳng với đồng bạn. Bây giờ tạm nêu Pháp Diên, các hàng tăng tục nhóm họp, tiếng tăm vẻ vang cảm kính. Sợ sau này khó tìm vết tích.

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Thần Điền ở núi Chung Nam

Thích Tăng Chiếu, người ở xứ Kinh Triệu, không rõ Sư họ gì. Sư vào đạo từ tuổi thơ ấu, ở nơi yên tĩnh, đến các nơi giáo hóa. Sư thường ở nơi u ẩn, thường cảm những điềm lạ, cao hơn vượt thường độ, sợ gây ra kinh hãi cho người đời, nên ít nghe nói về Sư.

Gặp thời Bắc Chu Phá diệt phật pháp. Sư chẳng gợn sự ồn náo của duyên trần, riêng ở non Tần, cao bước dưới vườn thông, ngắm nhìn ảnh và tâm cùng vui tự đắc. Sư tự bảo rằng: “Nay ta ở đây an thái, đâu còn ở đâu vui hơn ở đây? Chư tăng còn lại ở thành ấp kia thuận theo thế tục!” Sư dùng đó để tự cấp, không một nương cậy vào đâu. Đến đầu đời Tùy (581) mở mang Phật Pháp, Sư bèn đến Điền Cốc ở Nam Sơn thuộc huyện Hộ, xây dựng chùa Thần Điền, nuôi dưỡng đồ chúng phát huy đạo nghiệp, tiếng tăm vang khắp Vị Xuyên, các hàng tăng tục kính ngưỡng, có đức tin càng nhiều.

Đến những năm cuối thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, đang gá ẩn tại Kỳ Sơn, vì đạo đức Sư vang xa, nên ý vua muốn thỉnh đến diện kiến. Bèn sai Tả Bộc Xạ Dương Tố đến núi tuyên đọc sắc chỉ và đích thân thỉnh Sư đến cho vua ra mắt. Sư dự biết được việc ấy, bảo với thị giả rằng: “Sẽ có khách quý đến chùa, hãy nên sửa soạn các thức ăn uống”. Sáng hôm sau, quả nhiên Sứ đến núi, Dương Tố oai hùng anh tiết, tự như mạnh mẽ không ai bằng, nhưng khi đến nơi bờ rào của Sư bất chợt khiếp vía tán đảm, xuống xe muốn đi tới mà bước chẳng được, bèn bảo người đưa tin đến Sư, Sư vẫn thản nhiên khoanh tay như thường, bảo Dương Tố đến trước mặt, khắp mình Dương Tố ướt đẫm mồ hôi, tâm trí đều không giữ vững, chỉ trao truyền được sắc chiếu, ngoài ra không nói thêm được gì. Giây lâu sau mới bình tĩnh, đem tâm tình mà thưa với Sư rằng: “Rừng núi vắng sâu, tính tướng không gì khác lạ. Đàn Việt có ý tốt muốn cùng tìm, lý không hư dối”. Ăn xong, Dương Tố xin giã từ trở về. Sư bảo rằng: “Nhờ đội ân ưu ái của Thiên tử cho nên Nhân Thọ lâu dài, nhưng Đạo ở tại u thông, chưa rảnh để đích thân kính thờ, thêm vì già bệnh nối nhau, không có dịp để được tiếp đối!” Dương Tố trở về tấu trình đầy đủ sự tình, thuật bày nỗi lòng khiếp sợ. Vua Văn Đế bảo: “Oai lực của giới sư là như vậy, vì ông quá hùng võ nên đến đó kinh sợ như thế”. Vua lại ban sắc bảo Dương Tố mang các thứ hương dầu lên lại núi, tỏ bày Cảnh ngưỡng, và Vua ban sắc chiếu rằng: “Thiền sư đức ở ngoài vật luận bàn, Đạo ánh ngời suất cả ban sơ, tự thân ở chốn núi non, nuôi dưỡng tinh tố, tôn sùng nghiệp hạnh. Trẫm rất vui mừng. Nay đưa tặng cúng dâng ít vật, để tỏ bày sự cung kính!” Dương Tố lấy sự rỗng rang kính

ngưỡng cảnh hạnh ở trước, lại bái yết chốn sơn môn, nén dẹp thân tâm, mới tỏ bày đối ngữ. Sư giảng nói chánh pháp cho nghe, rất xứng hợp với bồn hoài. Dương Tố bèn muốn xả thí vàng lụa của mình để sửa sang mở rộng chùa tháp. Sư bảo rằng: “Chốn núi non suối rừng đều có thể dùng để mài giữa tâm. Chùa tháp thiên phùng trang nghiêm chốn thành ấp”. Tất cả các thứ vua dâng tặng, Sư chẳng nhận một vật nào. Dương Tố lại xin thọ giới pháp. Sư cho rằng Giới hạnh khinh hủy thì chìm đục khó trong, bèn giảng nói cho nghe các Pháp từ bi, nhân dục, bày lý dẫn dụ thấu đạt, chứ không truyền giới. Sư hành xử như thế, đó cũng là bậc minh tượng thấu đạt được căn cơ thời vận! Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

Ban đầu, sau khi thọ giới cụ túc, vâng giữ giới luật, hơn sáu mươi năm, Sư giữ ba pháp y chẳng thay đổi, tuy khâu vá chùng chật nhiều lớp mà Sư vẫn thọ trì không lìa bỏ, chỉ tự thân Sư kính giữ, thị giả chẳng được nâng trì. Hoặc có lúc tiếp giữ nâng lên nặng như núi Thái, nhưng không hề rời khỏi chỗ, nhưng lúc Sư bung tiếp lại nhẹ như lông tơ. Nhân việc đó mà biết rõ Sư cũng là bậc Thanh phong Đại đức.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Hồng Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu

Thích Hồng Lâm, không rõ Sư họ gì. Sư là người xứ Thái Nguyên. Từ thuở thiếu thời, Sư bước vào Thích môn, bảm thọ Thanh hóa. Sư có chí hòa nhã, nói năng hòa mục. Sư trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu. Tiết tháo Sư nương gá nhàn tĩnh, ít tiếp xúc người vật, mà Phòng Sư ở cùng nối liền với phòng chúng tăng. Sư tề chỉnh trang nghiêm, ít nói ít giao thiệp, nên các bậc cao niên thanh đức trong chúng tăng đều kính vâng. Sư đến các phòng, không đâu chẳng lưu dấu thăm bước, về sau hướng vượt. Ngài rất được người đời kính trọng như thế.

Ngài ở riêng trong một ngôi thất suốt năm mươi năm. Khách đến Sư đón rước mà chân chẳng vượt qua ngạch cửa. Còn như tăng pháp chế độ, đạo tục mỗi ngày hai bữa ăn, tự thân Sư trước ngồi ở đầu tòa găng sức vâng giữ, chẳng vì đạo đức mà dùng thiếu sót với Đại chúng đương thời. Ngoài ra thì Sư an nhiên ngồi thẳng trong phòng, an nhiên sùng sững. Bình bát mọi vật đều để ngay ngắn đúng chỗ, nên mọi người bước đến cửa phòng Sư đều bất chợt nổi ồ khắp mình. Có người hỏi về nguyên do thì Sư vẫn ung dung đàm luận, từ nghĩa xác đáng, chẳng thể lượng biết tâm tạo. Nên tại chùa Đại Hưng Quốc, chúng tăng có hơn trăm vị, đều kính sợ Sư như trời.

Sư thị tịch tại chùa Đại Hưng Quốc vào niên hiệu Võ Đức (618 - 627) thời Tiên Đường, thọ hơn tám mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 18 hết).

---o0o---

QUYỂN 19

CHƯƠNG III - PHẦN 04 : TẬP THIỀN

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có hai vị).

- 1/ Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.
- 3/ Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 4/ Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu, thời Tiền Đường.
- 5/ Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam, thời Tiền Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.
- 7/ Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu, thời Tiền Đường.
- 8/ Truyện ngài Thích Trí Mẫn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.
- 9/ Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 10/ Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường (Trí Hy, Quang Anh).
- 11/ Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.
- 12/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh, ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường.
- 13/ Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.
- 14/ Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Tăng Định trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô

Thích Tăng Định, người xứ Đôn Dương, vốn học Luận Thành Thật, nhiều lần bị sét đánh, nên bị bệnh phong hủi. Sư bèn tự nghĩ rằng: “Thân hình khác các bạn, học phải dòi vết”. Bèn ngăn dút nhìn lại, quy tông Thiên Phủ. Đầu tiên Sư đến gá ở Lâm phụ thuộc Chung Sơn, vắng lặng một mình. Thị giả là sa-môn Đạo Du cung cấp hầu hạ, mỗi ngày Sư chỉ ăn một chén cháo trắng gạo tẻ. Ngoài ra thì Sư buộc niệm nối nhau, chẳng thẹn với Cảnh Không. Suốt mấy năm Sư chẳng bước vào xóm ấp, chỉ dạo trong định tâm, lại thêm sâu màu, cho nên khiến cửa ngõ càng ẩn kín, nhả nạp tự đổi mới, tường nhà cao vợi, trái thuận lạnh nhạt chút lòng thành được ứng nên sự khổ tự tiêu, cuối cùng khiến thân, đầu, mặt, mắt cùng một lúc tròn sạch, râu tóc đều mọc vượt hơn ngày thường. Tuy phước cảm đã cùng, nghi mạo gấp bội lúc thường, mà hai hàng lông mày rất dày dài tới vài tấc, xanh đỏ xen lẫn mới là kỳ lạ.

Sư đã thuộc hàng linh thụy như thế, nên càng chí thành mài giũa sớm tối. Trong núi có nhiều hồ đầm bước thành lối đi. Bỏn tánh Sư nhân từ, nên hồ lại vào trong thất, trước giường dưới sân chỉ toàn vết chân hồ. Có khi thiên tượng chợt khởi chưa thể an tĩnh, nên suốt đêm Sư đi quanh núi, chẳng kể cây rừng ngang ngạnh, thú dữ, chim chóc, thấy chúng đông từng đàn, mà Sư vẫn an nhiên như đi giữa chợ thành. Sư có đức cảm hàm dục, không thể sánh được.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy xây dựng chùa ở Tây Kinh, xa thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tâm của Nghiệp định không làm việc thế tục. Còn như thọ giới lễ sư thì hết lòng thuận theo, tham dự ở chốn tôn nghiêm, nghe liền lánh ẩn. Sư từng bị bệnh Thương hàn, khắp mình nóng sốt, bèn y như thường bắt chân ngồi kiết già, bỏ ăn ba ngày. Có Sa-môn Bảo Cung là bậc thượng thủ nơi đạo tràng, là học trò của Sư, đến gần gửi dẫn dụ khiến Sư ăn. Sư bảo: “Thế lực của bệnh sắp lấn lướt, mạng sống chẳng thể bảo toàn, nên dùng pháp mà cứu giúp, sao lại dùng đến ăn ư?” Và Sư ngậm miệng ngồi yên, qua bảy ngày thì cơn bệnh đau khổ tiêu tan. Sư lập tiết tháo cốt yếu tại tâm, đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư gá tâm tại chùa Thái Hòa ở Nam Sơn. Có bọn cướp đến cướp phá, Sư vẫn không kinh sợ. Bọn cướp bảo: “Há chẳng nghe trong thế gian có bọn giặc Nô ư?” Sư bảo: “Giả sử như có

giặc Lang, tôi còn chẳng sợ, huống gì là giặc Nô?” Nhân đó, bọn giặc lột sạch y phục của Sư, nhưng Sư chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đến khi với chiếc chăn già Sư ngồi, giặc sắp muốn kéo lấy, Sư liền nắm giữ mà bảo rằng: “Ta nhờ nó mà sống qua mùa đông, nay các ông muốn lấy đi thì mạng ta sẽ chẳng ai cứu giúp, chợt đoạn dứt mạng sống ta tại đây, mà tấm chăn này không thể lìa mạng ta”. Bọn giặc cùng nhìn lẫn nhau rồi bỏ đi.

Đến tháng sáu niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh nhẹ, Sư ngồi kiết già như thường, bất chợt thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đạo Lâm trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu

Thích Đạo lâm, họ Lý, người ở xứ Cáp Dương thuộc Đồng Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư phát tâm xuất gia, vào núi Thái Bạch, cất am nơi hang sâu, bắt đường leo lên. Chỉ ăn cây lá để nuôi thân mạng, dùng chánh pháp để ràng buộc tâm, không còn tạo tác gì.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Huyền Tông được mở mang, ban sắc độ bảy vị xuất gia, chọn lựa khắp cùng, Hữu ty hỏi thăm, tìm chọn được Sư. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đích thân ban lệnh xuất gia, Sư tha thiết chối từ chẳng được, bèn tâu vua rằng: “Bản đạo nghe kể sĩ ở chốn núi rừng đã đi thì không trở lại, Khí Hạo nhiên riêng kết chặt nơi suối rừng. Mong được liền vết đã đi, nên lẽ ra nghĩa bắt Phạm quán. Bệ hạ mở rộng Pháp môn, chuyển tải lắng trong đất biên. Xin lấy gọi này để kính ngưỡng”. Vua nói: Danh hợp với thật tướng, đến đã rất lâu. Thiền sư chỉ lệ thuộc công phủ, còn thân mặc tình gá ở núi non!” Sư chẳng theo đó bèn trốn trở về núi Thái Bạch, lấy nghiệp trước làm chính. Về sau, có người tâu trình việc ấy, mới lại tìm khắp ngõ hẹp, cùng hang đến huyệt, mới lại bắt được, nhưng Sư tiết tháo chẳng thiếu. Vua ban sắc lao nhọc ân trọng, sùng kính khác thường, ban tặng các vật như lò hương, v.v... vẫn ban lệnh cho Sư về trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Phùng Dục. Sư đến trụ ở đó một thời gian ngắn, lại lánh đến ở phía Bắc của Lương Sơn, bờ sông xoay quanh, địa thế rất vững chắc. Sư đục núi làm hang, tu Đạo trong đó.

Đến tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư cảm thấy bị bệnh nhẹ, bèn dạy răn môn nhân thị giả chớ vượt luật nghi. Lại nghe có tiếng kèn lá vang vọng giữa hư không, các hàng đạo tục kính mến nhóm họp, lại giáng loại quả có mùi thơm lạ, lớn như trái đào trái táo, đại chúng đều lượm nhặt mà cúng dường, chẳng ai biết tên quả đó là gì, đem đốt phát ra mùi thơm, người nghe sinh tâm kinh hãi. Trải qua ba ngày, tinh thần khí lực vẫn sáng tỏ, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lưu lại nhục thân đến bảy

ngày mà sắc tướng không biến đổi, bèn đến phía Tây núi, đực khám mà tôn trí. Đại chúng nhóm họp như mây giăng có tới hàng muôn người, cổ vũ mà đón rước. Sư sống chết vẻ vang như thế!

Từ khi Sư nhập Đạo, ẩn cư làm đầu, từ khi sống đến khi chết, đều kiệm ước làm việc chính. Người nữ là gốc sinh ái nhiễm, riêng dạy răn mong mỏi, nên một đời Sư thường chẳng nhìn mặt, chẳng nói Pháp cho họ nghe, chẳng theo nhận thức ăn, chẳng bước lên nền phòng. Đến nỗi trước lúc thị tịch, có người đến hỏi thăm bệnh Sư. Sư cách ngăn mà thâm biết, xa ngăn không cho đến đối diện. Hạnh Sư thanh khiết, thông với cõi u, Sư từ bi tế độ sinh linh, sâu xa bảo hộ tánh mạng mọi vật. Như với các loài chấy rận, Sư mặc tình để nó tới lui. Sư thường từ từ gỡ y phục lên, sợ nó kinh hãi loạn chạy. Tấm lòng nhân dục ấy khó có ai tiếp nối được.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Pháp Ứng trụ chùa Thanh Thiền ở Kinh đô

Thích Pháp Ứng, họ Vương, người ở xứ Cối Kê thuộc Đông Việt sinh ra. Từ thưở nhỏ mà tánh Sư đã độ lượng trầm mặc. Tùy trú duyên tương, nghĩ sâu khó đổi dời.

Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia, kính thờ sa-môn Đàm Sùng, là bậc Học tông Thiền nghiệp, sự tích ngài thấy ở biệt truyện. Bảy giờ, là đầu thời Bắc Chu (557), cửa Định mới khai mở, Sư kính pháp thực hành, thường thú hướng về Đạo, thích ứng môn học, rất đáng được đứng đầu. Sau, gặp họa Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn lánh vết đến ở núi Chung Nam, cơm áo chỉ bằng lá thông. Sư ẩn thân suốt sáu năm, chuyên tu niệm tuệ, để dứt trừ tội xưa, do sự tinh tấn mài giũa nên pháp môn càng sáng sạch. Tâm dụng có chỗ đặt, vọng cảnh lắng trong, thường cảm các loài cọp sói đến ngồi sớm bên cạnh lò, hoặc vào trong cửa, dường như có nhân quan hệ nhau. Sư vốn hiểu thấu sinh duyên, lại giỏi về thiền bệnh, nên đối với nó như chó nhà. Sư truyền cho Tam quy, từ đó dần quen rất nhiều loại ấy.

Đến đời Tùy (561) khai việc hóa Độ, Sư bèn trở lại phụng thờ ngài Sùng Công. Định nghiệp ở Sư đã sâu nên được ấn khả. Đồ Chúng ở đó có đến năm trăm vị, Sùng Công đều giao phó cho Sư duy trì, Sư dạy trao cất nhắc xứng với lòng chúng trông mong. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm chọn những bậc có đạo nghiệp cao sâu, tinh thông tam học đang hoằng hóa khắp trong nước, kính đưa về Thiền Phủ. Chọn được hai mươi lăm vị, trong đó, người có hạnh giải cao sâu, chính là Sư. Vua ban sắc vào trong nội thành riêng đặt năm chúng. Mỗi một chúng đề cử một vị sớm tối dạy trao thực hành. Sư nhận lãnh đồ

Chúng có ba trăm vị ở chùa Thật Tế, nối nhau truyền nghiệp. Bốn thứ cần dùng cúng dường đều xuất từ Hữu Ty. Tiếng tăm vang xa. Vua lại ban tặng ba trăm tấm lụa, Sư bèn dùng vào việc tu tạo một tạng kinh, và đích thân thọ trì.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư không bệnh tật gì mà tự bảo rằng: “Nay tôi sắp đi, đã có hương hoa hiện đến đón rước!” Nói xong, Sư thị tịch tại chùa Thanh Thiên, thọ tám mươi tuổi.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Trí Châu ở Võ Châu

Thích Trí Châu, tự là Viên Lăng, họ Triệu. Tổ tiên Sư vốn người ở Hạ Phi thuộc Từ Châu. Dưới thời nhà Tấn, Sư dời sang bên kia sông đến ở Khúc Phụ, thuộc huyện Lô. Sư có thần dụng vượt xa, sáng tỏ ở thanh ỷ.

Trong độ tuổi theo học tiểu học, Sư từ giã cha mẹ vào Đạo, kính thờ Pháp Sư Thao chùa Pháp Lưu thủy làm Hòa-thượng. Pháp sư Thao là bậc mao miện ở xứ Ngô Việt, là rường cột của Phật Pháp. Sư chăm chỉ gàn gỏi hầu hạ, chia thời gian mà thưa hỏi. Sau khi thọ giới cụ túc, chí khí Sư đặt nặng việc học rộng. Bấy giờ tại chùa Đại Trang Nghiêm có Pháp sư Tước là bậc Nghĩa Phủ Kinh tứ, Đạo ngài Hùng Bá, Sư bèn mang rương kinh thâm đến ở lại chuyên nghiên cứu một năm tận cùng đầu mỗi bên bờ, lại đồng như sông lạnh.

Từ khi đất Kim Lăng mất sự bình định, Sư an bước trở về phương Đông ở nơi chùa cũ, mở mang Tam Bảo. Học chúng đồng bạn nhóm họp giảng nói thành chúng đông. Chỉ vì lâu ngày nhàm chán chôn thành thị, sớm quen nơi đồi núi hang hóc, nên Sư vượt cao, ẩn vết tại chùa Tuệ Tụ ở núi Mã An. Nhân Trí hợp ở đó không hề đòi hỏi. Mà dừng nước đến xem, hỏi đạo càng kết chặt. Các bậc niên cao Đạo lớn đều thỉnh Sư xuống núi giúp ích các hàng đạo tục. Chẳng câu nệ tiểu tiết, nên Sư nhận lời. Các vị bày kinh điển khắp chỗ ngồi, các bậc trượng khí phủ đầu. Lửa Đức đã tiêu, tăng đồ chẳng nhóm họp, Sư bèn trở về hang cũ. Lại gặp đất đổ dưa nứt, thuận thời mà trái nạn, nổi trôi không buộc ràng, vắng lặng xao động đều mất.

Đến ngày mồng năm tháng bảy niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh, nên Sư thị tịch tại nhà của Thứ Sử Võ Châu là Tiết Sĩ Thông ở phía Nam Thành Đại Lai, thọ sáu mươi bảy tuổi. Đến ngày hai mươi tháng mười một năm đó, giặc rút lui, đường vắng lặng. Các đệ tử Sư như Sa-môn Pháp Độ v.v... đón rước kim quan Sư về núi cũ. Khi ấy người vật điều tàn hoang sơ, mồ mả chưa chôn cất. Mãi đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, các đệ tử Sư như

Sa-môn Tuệ Mãn, v.v... đến ở đỉnh núi phía Tây chùa sửa sang thiết lập viên phân (tháp tròn).

Sư vốn có phong thái nhàn đạm, thức ngộ cao xa, dáng dấp đáng nhìn, tới lui có phép tắc. tâm lượng bao dung cả núi biển, khí điệu vượt cả rặng mây, được mất chỉ một tâm từ bi thương xót muôn loài. Cùng thông chẳng thay đổi tâm lự, mừng giận không biểu lộ ra bên ngoài. Kính chuộng các bậc Tiên đạt, dẫn dắt nâng đỡ hàng hậu tấn. Các hàng Đạo tục nghe danh đều lấy làm phép tắc. Thêm vì Sư rất dốc lòng mến thích trùng trện, rất giỏi về các lối chữ thảo, chữ Lệ. Bên cạnh đó lại quán suốt Đồ sử, rất khéo về Thiên Thập. Sư cùng người anh là sa-môn Bảo Ai, đều tắm gội dòng Pháp. Dưới thời nhà Trần, cả hai phương đều nổi tiếng, giảng luận Thành Thật, Tiểu Chiếu Đề Huyền Chương, Niết bàn, Đại Phẩm, v.v... mỗi bộ có hơn mười biển, kiêm và tạo lập điện các, hiên cửa bao quanh tráng lệ ở đương thời. Tu tạo tôn tượng Bồ-tát Di-lặc cao trượng sáu có sáu đứa trẻ bao quanh. Lại có Tư Không Hà Sung ở đời Tấn tạo lập bảy khám tượng bằng đất bùn, vì trải qua thời gian lâu dài, nên thánh nghi bị hư hoại rơi nát, Sư bèn thỉnh về chùa Lưu Thủy, sơn phết đắp vá, họa vẽ khắc sơn các màu xanh vàng, khai mở đức tin, hiển bày Đạo pháp.

Sa-môn Thích Đạo Cung ở chùa Hồi Hương nói rằng: “Tôi vì run rẩy quyền khúc, chẳng hợp với khuôn phép, mà thợ đá dừng rìu bỗng nhìn ngó. Thường khơi dòng liền gần suốt ba năm, vạch mây đôi trắng, ngâm phú thơ của Tào Lục, xô đá ban gai, biện luận của Tăng Triệu, Đạo Dung, nên người yên ở, cây màn lẽ mà hoang vắng, cảnh hạnh chẳng truy tìm, nhìn thông Cao mà ghen ngào, sợ gò hang đôi dơi, trúc vốn khó lâu dài, gá đạo màu nơi xanh biếc, dương thanh trần ở bất hủ”. Và có bài minh viết rằng: “Thành quách năm âm, gò đồi sáu giặc, keo chắc lưới ái, quần quanh dây nghiệp. Điều Ngự hùng mạnh, Từ Bị chột khởi. Đường nguy vắng lặng, biển uế chột trong, tám cây ngậm phát, năm Sư làm khuôn phép soạn, gồm Di huấn ấy, khắc ứng với Khai Sĩ, giới châu sáng sạch, ngưng trong nước Định, có Đạo có Đức, biết đủ biết dừng. Học gồm các kinh, nghĩ sâu ngoài lời. Lạc thuyết sông rút, đượm gió mây tụ. Bảy chúng then chốt, bốn Bộ áo đai, bày giềng thuận mới, ấy đó là lành. Đường đi đẫm máu, đến hóa ven sông. Qua lại mặc vật ẩn hiện theo thời. Bình bát yêu dấu, Tịnh Độ hẹn. Có sinh có diệt sao mừng sao buồn. Hồ đóng hàm xưa, bít mở gò cũ. Xuân giao cỏ bằng, nên núi thông khoan. Rừng tối chim đậu, qua sâu lạnh bít, khéo biết về chân, cao ngoài hư phụng!”.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Pháp Tạng ở núi Tử Cái thuộc Chung Nam

Thích Pháp Tạng, họ Tuân, người ở xứ Dĩnh Âm thuộc Dĩnh Xuyên. Năm ba tuổi, cha của Sư qua đời, Sư sống với mẹ. Đến mười tuổi, mẹ Sư qua đời, chỉ một mình tự sống, nhân họa khổ ấy mà Sư tỏ ngộ sâu xa vô thường, đến nương nhờ Tam Bảo để được Phước đức chở che.

Ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Thiên Hòa thứ hai (567) (niên hiệu “Thiên Hòa” (566-572) là của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung), thời Bắc Chu, Vua Minh Đế (Võ Văn Dục 557-561) ban sắc độ tăng. Khi đó Sư hai mươi hai tuổi, liền theo xuất tục. Đến niên hiệu Thiên Hòa thứ tư (569) nhân ngày Đản dục Hoàng tử, vua ban chiếu tuyển chọn các bậc danh đức mời đến cung Lễ Tuyền, khi ấy Sư có dự trong số đó. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) tự thân rảo bước dưới điện, miệng gọi “Tiên Ty” và hỏi chúng tăng, tất cả lặng yên không một ai đối đáp. Sư đang ở hàng cuối liền bước ra giữa chúng, làm điệu bộ đáp lời “Tiên Ty”. Cả chúng trong điện đều vui mừng với lời đáp ấy. Vua sắc bảo với trăm quan rằng: “Đạo nhân (Pháp Tạng) thân nhỏ mà tâm lớn, vượt xa các đồng bạn, đáp lời của trăm đây. Há chẳng là Đạo nhân tài giỏi ư?” Nên vua ban sắc tặng Sư hai trăm mười quan tiền. Do đó, thường xuyên được thăm hỏi. Thân Sư tuy ở trong chùa mà tâm niệm ở chốn rừng sâu. Thánh Hiền xưa nay đều nương tựa ở núi vắng.

Tháng hai niên hiệu Kiến Đức thứ hai (573) thời Bắc Chu, Sư với tâm chí rộng lớn, ôm bát mang rương, tìm đến núi Tử Cái. Núi ấy tức là một ngọn thuộc núi Chung Nam, lập riêng thiền phòng dưới đỉnh núi cao, mặc áo bá nạp, ăn bột củ truat lá thông. Mặt hướng trời xanh mà bón tưới tâm, hít thở mây trắng mà lập chí. Đến ngày mồng tám tháng giêng niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Sư đi bộ lên đỉnh núi, bỗng nhiên gặp được bảy nhánh hạnh ngọt, liền lấy ăn, thấm đượm mùi vị đặc biệt rất ngon. Sư rảo quanh kiếm tìm, đều không biết từ đâu mà có. Đã đội ân thâm giúp đỡ, Sư chỉ siêng năng giữa mài đạo nghiệp. Đến ngày hai mươi ba tháng tư năm đó. Vua Võ Đế bắt đầu phá hủy tôn tượng thiêu đốt kinh điển, bắt chúng tăng hoàn tục. Đủ hai năm, chỉ một mình Sư ở chốn núi rừng, nương Đạo tự ẩn, suốt thời gian dài tám năm, Sư thường nghĩ tưởng đến ngày mở mang lại chánh Pháp.

Đến tháng chín niên hiệu Đại Tượng thứ nhất (579) thời Bắc Chu, dưới thời vua Tuyên Đế nếu là vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân), thì phải là niên hiệu Đạo Thành (579-579) còn nói niên hiệu Đại Tượng (579-581) tức thuộc vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn). Sư bèn xuống núi để yết kiến vua, trong ý muốn làm hưng thịnh Tam Bảo. Sư đến cửa phía Nam của thành, không được cho vào tới lui luận đạo. Võ Hầu Phủ thượng Đại Phu Thác Vương Mãnh. Thứ Đại Phu Ất Lũ Khiêm hỏi: “Sư từ đâu đến, bề bạn hiện ở đâu, thí chủ là người nào?” Sư đáp rằng: “Từ niên hiệu Kiến Đức thứ ba (573) tôi bỏ chùa vào núi, đến tháng bốn niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) mới cấm ngăn tăng

chúng, chỉ một mình tôi ở tại núi. Lấy hang rùng làm nhà ở, lấy chim thú làm chúng bạn, lấy cỏ cây làm thức ăn. Song, tự nghĩ rằng “khắp trong nước, không đâu chẳng phải là đất của Vua”. Đã ở tại núi Tử Cái, ăn dùng thức ăn ở núi, xét sự cung cấp ấy thì chính là chỗ ban thí của Chí Tôn”. Thác Vương Mãnh, v.v... tâu lên vua. Vua ban sắc rằng: “Trẫm muốn làm Bò-tát cai trị hoàng hóa, vị tăng ấy đã từ núi Tử Cái mà đến, thật rất hợp với ý Trẫm, nên bảo để tóc dài, mặc đội áo mao Bò-tát làm chủ chùa Trắc Hồ”. Sai nội Sứ Bái Quốc Công Vũ Văn Dịch xem xét thi hành, Nội Sứ thứ Đại phu Đường Di Nguyên Hành cung kính tâu rằng: “Chúng tăng trong nước đều phải theo lệnh hoàn tục, độ riêng một người tức là trái với sắc chiếu của Tiên Đế (Võ Đế). Đến tháng mười, Sư riêng ra mắt vua ở phía Đông thành. Vua Tuyên Đế hỏi về tên gọi Tam giáo: “Trẫm muốn làm Bò-tát cai trị hoàng hóa, hoặc hiện thân trời, hoặc từ đất vọt lên, hoặc hiện thân nai ngựa, dùng đó mà hóa Đạo, nhiếp phục chúng sinh. Vậy thế nào?” Sư dẫn sự tích về hai người con (Dược Vương, Dược Thượng) của Vua Diệu Trang Nghiêm Vương can ngăn cha mình. Sư lại bảo: “Bệ hạ khi xưa làm Thần tử Không có khả năng can ngăn, khiến cho Tiên Đế đốt phá Thánh điển, linh tượng để đúc tiền. Theo sự nghịch hại đó thật không khác với Tần thi Hoàng”. Vua tức giận bảo: “Trái với minh chiếu của Tiên hoàng, trẫm đây đều có thể xử hết”. Sư bảo: “Kính xúc phạm đến Thanh nhan, xin được hành hình giữa đô thị, khiến u hiển cùng trông thấy, thật đó là bản tâm của tôi”. Khi đó Vua bảo trói buộc dây treo, mà từ khí của Sư không kinh hãi, trải qua chín lần tâu, Sư đặt để ngôn từ càng rõ ràng. Đã đến lần tâu thứ mười, vua hỏi: “Đạo nhân có khiếp sợ chăng?” Phái Quốc Công tâu rằng: “Sự quý trọng của con người không gì hơn tánh mạng, xử thân ở chốn cực hình, thì làm sao không khiếp sợ cho được!” Vua xịu mặt biến sắc, bèn bảo rằng: “Chân nhân hộ pháp, giúp ta và chúng sinh, đó là ngỗng hộ giúp khâu. Trẫm không giết người vô sự, nên bãi bỏ hình tội ấy, không cần phải hỏi một điều gì, ban tặng áo mao Bò-tát, y như trước vẫn làm chủ chùa Trắc Hồ.

Sư thường được ban ân sủng mạng, được tiếp nối giọng giống họ Thích, đã được tái sinh, bèn từ già Vua, Sư đến các chôn suối rừng núi đâm, chỉ muốn sâu lắng trầm ả. Ngự Sứ Bảo Hoàng vâng sắc muôn năm ở năm huyện Trường An, Lam Điền, Chu Chát, Hộ, Độ, dẫn Sư cùng đi. Trẫm muốn hằng ngày trông thấy, không được trầm ả. Tuy được ân ban sắc, nhưng Sư chưa hề mở mang hoàng hóa, ám ức uất kết tâm linh, nghĩ nhớ Thánh Đạo. phước đức của nhà Bắc Chu sắp sụp đổ, thời vận nhà Tùy sắp hưng khởi. Ngày hai mươi lăm tháng năm niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời bắc Chu, Tùy Tổ (tức Văn Đế - Dương Khiêm) làm Tướng, ở Hồ Môn học sáu tháng. Sư lại xuống núi cùng Đại thừa tướng, đối luận về Tam Bảo suốt đêm, bèn được

xuống tóc, ban tặng một bộ pháp phục, mười lăm xấp tơ nhiều màu, một Thạch táo Thanh Châu. Sau đó, Sư về lại núi. Đến đầu tháng bảy, tiễn Sư xuống chiếu cho Sư ngài cùng Cảnh Lăng Vương xem xét độ tăng tất cả một trăm mười vị và đều ban tặng Pháp phục. Mỗi vị đều trở về chỗ ở của mình. Riêng Sư ở lại qua đêm tại Tương Đệ, ban đêm luận bàn về giáo thí.

Đến ngày mười ba tháng hai niên hiệu Đại Định thứ nhất (581) thời Bắc Chu, Thừa tướng lên ngôi (tức Vua Văn Đế - Dương Khiêm) liền đổi niên hiệu là Khai Hoàng thứ nhất, thuộc đời Tùy. Qua ngày mười lăm, Vua ban sắc tuy tìm các vị tăng đã được độ trước đến tại chùa Đại Hưng Thiện vì nước nhà hành Đạo. Từ đó, dần dần khai mở truyền bá khắp trong nước. Ấy nếu chẳng do Sư có giới hạnh trong sáng, thiên tâm chứa nhóm tràn đầy, thì đâu thể nhiều lần vào nơi cửa cung, từng lên ngôi giường của Vua ư? Từ đó về sau thường có ân sủng sắc ban đều riêng thêm vào an ủi mệt nhọc. Và vua ban sắc cho các hàng Vương Công đều nên biết ý trầm như thế.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ hai (582) đời Tùy. Nội sử Xá nhân Triệu Vĩ tuyên sắc cung cấp mỗi tháng các thứ Phục linh, Táo, Hạnh, sữa, dầu, củi, lửa lấy làm thường liệu, nhưng tánh Sư vốn tại rừng vắng, chẳng mưu cầu danh lợi. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Sư tự tâu trình ngưng mọi thứ thường liệu, chỉ tùy thí cung cấp. Võ Hầu Tướng Quân Sách Hòa Nghiệp là người có tâm thanh tín, thỉnh Sư đến nhà, phụng cúng lễ ngộ đặc biệt. Do sự huân xông chứa nhóm điều lành, nên Sách Hòa Nghiệp bèn xả thí chỗ ở, xây dựng thành chùa Phật. Sư hướng dẫn tục nhân khóa lệ thiết trai cúng dường mười ngàn vị Tăng. Hữu Bộc Xạ Tô Oai thường đến tham yết và dựng xây đại điện tôn nghiêm. Xá Nhân Bùi Củ tuyên sắc “Thiền sư Pháp Tạng là vị đứng đầu xuống tóc cho chúng tăng”. Lại thiết lập Đại trai hội, sự hưng thịnh của việc Hoằng pháp, thật không ai có thể sánh bằng! Tại chỗ Sư ở có thể làm pháp cứu giúp. Nay, đó là chùa tăng ở cửa phía Bắc phường Long Chính.

Sư thường dùng lòng nhân từ để nhiếp lự, có ban thí cho các loài cầm thú, đều nương tựa đó mà được sinh dưỡng. Con ngỗng thì biết thời mà đến đi nhiều xung quanh, con chó cũng quá giữa trưa chẳng ăn. Các thứ pháp luật như thế, không thể ghi chép đầy đủ.

Vua Dương Đế (tức Dương Quảng 605-617 đời Tùy) khi đang ở tại Tân Phiên, có Lâm Thái úy là người con thứ ba bị bệnh lâu ngày nên chết yểu, an táng tại chùa ấy, bèn khắc bài minh rằng: “Đường đời như huyền hóa, sinh tử tự bọt nổi. Con chết non sao ngăn số, Bành tổ tu pháp gì? Than ôi! Con ta chết đi không lưu lại, mãi làm hạt giống Pháp, mãi làm bạn pháp!” Nhân đó, cúng dường Sư chiếc gậy “Linh Thọ” và nói rằng: “Mỗi lúc cầm gậy này thì

xin nhớ nhau!” Sư bảo: “Con vương nhân chết non nên mãi đến với Pháp môn, Pháp Tạng tôi cầm gậy Linh thọ, sao dám quên đức ư?” Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Tùy tổ đến Thất Dự ở Tề Châu, từ các hàng Vương Công trở xuống kính tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, và sắc ban tôn trí tại chùa Tế Pháp để cúng dường.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế tu tạo sáu tôn tượng Phật Thích-ca, và ban sắc tôn trí tại chùa Sư ở. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Thái tử Nguyên Đức qua đời, tất cả mọi sự tu tạo phước nghiệp như ấn chú kinh tượng, điện phật. Vua Dương Đế đều giao phó cho Sư. Đến cuối niên hiệu Đạo Nghiệp (617) đời Tùy, Vua Dương Đế lại ban sắc cho chín cung đều xây dựng Chùa viện, tiếp độ chúng tăng, trông coi nối nhau duy trì. Vì tiếng tăm của Sư vang khắp nên Vua bỏ nhậm Sư vào làm Thượng tọa chùa trong cung Thái Bình. Sư vỗ về tiếp nối các hàng thiếu đạt, không trái với chỗ đến.

Đến lúc nhà Đại Đường dựng nghĩa (618) trăm người đồng một lòng. Hoài An Vương mở lập ra Bình Kỳ ở chùa ấy. Nhân đó, Sư nhận sự thỉnh cầu cúng dường trọn đời của Hoài An Vương. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiên Đường, tình phụng dưỡng càng lớn, ân báo không cùng cực. Cuối cùng do khuyết điểm xây chùa chưa triển khai, Hoàn An Vương tiện vật, vốn mong cầu mà chẳng được như ý, Sư cũng qua đời vào lúc ấy.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại Quán Đài thuộc huyện Hộ. Nhân đó an táng tại chùa Vân Tế ở phía Nam gò Vũ Vu. Có sa-môn Hiếu Tài sớm vốn biết đức hạnh Sư nên soạn bài minh khắc trên đá, dựng bên cạnh khám.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Trinh Châu

Thích Tuệ Siêu, họ Thân Đồ, người ở xứ Lộ Thành thuộc Thượng Đãng. Sư thấu rõ Đạo, ôm hoài bão trắng trong, chí khí tự sương băng.

Mới đầu Sư phủ áo bỏ tục, đi về hướng Bắc, đến Tấn Dương, lấy thiền niệm làm nghiệp chính. Tuy lược xem qua Danh giáo nhưng Sư rõ khắp được chánh tà. Và Sư riêng y cứ vào sự thực hành, chẳng duyên theo ngôn thuyết. Mới lập đạo tràng riêng dựng, bày nghi tượng, phước hoa giao liệt mọi thứ đầy đủ thanh tịnh tươi đẹp. Lại nhóm hợp các thứ hương lạ, bày nhiều phẩm loại. Mỗi lúc đốt hương cúng dường, khói hơi xen lẫn nhau, Sư thường ở yên trong đó; đắp mặc y pháp, thanh tịnh ngồi thẳng, rõ soi giác quán, xét nét đến chí nghiệp, nên có mùi thơm lạ xông khắp phòng thất. Linh cốt đây

bình, tùy dùng phước lưu lại đầy số khuyết thiếu, mà chẳng biết tại sao như thế!

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Hiền Hậu qua đời. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) xây dựng chùa Thiên Định. Vì Sư là người nổi tiếng, nên vua thỉnh Sư đến kinh đô, nghiêm tịnh giới y khác hơn ngày thường, cảm điếm bày cúng không trái nguyên do từ trước đến nay.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, vì chốn quê cũ ở Tinh Châu, các vị có đức tin phần nhiều hóa Đạo phó duyên mà nghĩa nạn có hạn ước. Sư bèn về lại chùa Hưng Quốc, các hàng Đạo tục mừng vui dâng lễ kết giao. Mãi đến mùa đông niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, vì cơn bệnh sốt rét lâu ngày không bớt, Sư cho biết mình sắp qua đời. Cả chùa đều nhóm họp đứng đợi lắng nghe Di quyết. Sư vẫn ngồi thẳng như thường, tinh thần càng sáng rõ, bảo với Đại chúng rằng: “Cùng ở nhiều năm, phạm tình dễ cách biệt, nếu có cùng xúc não nhau xin nguyện khai mở cõi lòng. Nhưng, cõi người khó gặp, tâm lạnh dễ mất, ngày nay tự bảo nhậm, chớ làm sai thân sau”. Nói xong, Sư đặt tay ở tim, bắt chợt thị tịch. Có người thấy Sư không tiếp đối, cho là Sư chưa tịch. Khi lấy bông tơ đặt vào mũi thử xem, thì mới biết Sư không còn thở, Sư thọ hơn bảy mươi tuổi.

Nhục thân Sư ngồi thẳng như Thần Cảnh, nhan sắc đáng mạo càng sáng sạch. Có mùi thơm lạ xông quyện đầy thất, tràn tỏa giữa sân. Tiếng nhạc vang vọng giữa hư không, chẳng biết từ đâu đến. Môn nhân Đại chúng rất kính hãi, khiến cho các hàng sĩ nữ đua nhau kéo đến, buồn thương lạnh lẽo, hương hoa hiến dâng đầy nghẽn chùa viện. Đến tháng mười hai năm đó, sắp đến ngày an táng. Các hàng tăng tục khắp bốn phương đầy đường tranh nhau đến trước. Từ chùa đến núi có hơn mười dặm, mà người ngựa, xe hoa mọi việc v.v... như ở chợ lớn. Dùng giường dây làm kiệu, nhục thể Sư ngồi như nhập định. Đường sá đã đông nghẹt, đi lại khó thêm, bèn xoay đầu về phía Tây thành phá hoang đến nơi phần mộ. Chúng lại bức bách v.v... như trời sập, bèn tẩm liệm bên cạnh chùa Khai Hóa, thuộc núi Long phụ, đào huyệt để tôn trí. Lại để qua một năm, mà nhục thân Sư vẫn nghiêm nhiên không tan rã. Khác với ngày thường, cúng lễ, hương hoa không dứt, sau đó lập hang, an trí tháp ở trên, khắp minh trên đá, đức dày của Sư.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Trí Hy trụ chùa Quốc Thanh ở Đài Châu

Thích Trí Hy, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên đời trước của Sư nhân làm Quan mà dời nhà đến ở tại Mân Việt. Từ tuổi nhi đồng mà Sư đã khác với các trẻ nhỏ khác, tâm vượt ngoài mọi vật. Thấy già bệnh chết,

liền thấu đạt cõi đời như chùm bọt mong manh, tự xét tỉnh hôn trầm, thương xót bao kẻ chìm đắm. Càng thêm chán lia như là kẻ thù. Sư bèn phát thệ nguyện muốn thoát khỏi trần lao, tìm đến các thắng cảnh. Nghe Đại Sư Trí giả là bậc kháng chí ở núi Thiên Thai, an Thiền tại Phật Lũng, răn dạy đường mê, làm bến bờ dẫn dắt cho đời, Sư tâm thành kính ngưỡng, bèn bỏ giữa sông xanh, năm hai mươi tuổi mới được theo chí nguyện. Chỉ một lần gặp gỡ, đã thành thầy trò. Khi luật nghi đầy đủ, Sư bảm thọ thiền quyết, thêm tu tịch định như cứu lửa cháy đầu. Tâm như ngựa được điều phục, mọi tán động đều dứt trừ. Sư vâng theo Di Chỉ thường ở tại Phật Lũng, là nơi đạo tràng tu thiền. Những vị ưa thích tam-muội đều cùng nhau quy ngưỡng, những lúc rảnh rỗi ngồi thiền thì Sư lại chỉ huy xây dựng già-lam. Điện đường phòng nhà đều trang nghiêm, chỉ còn kinh đài chưa xây dựng được. Ban đầu định nhóm họp nhân công, có núi Hương Lô, là nơi cao vợi hiểm trở, cây rừng đẹp lạ. Nhưng thần kỳ ở đó rất linh nghiệm, từ xưa đến nay không ai dám đưa mắt nhìn sườn núi ấy, huống gì là có người nào dám bước lên mà đốn chặt cây. Bấy giờ, mọi người bàn với nhau rằng: “Nay đã vì tạo dựng kinh đài cúng dường Pháp Bảo, tại đỉnh núi Hương Lô có giống cây Sinh Bách là loại cây tinh tú quý giá nhất trong các loài cây gỗ, ta hãy cùng nhau lấy loại cây ấy để sung vào việc cúng dường”. Bàn xong, bèn đến dò hỏi ý Sư, trình bày cụ thể sự việc như trên. Ngừng trong giây lát, Sư bảo: “Thần núi gìn giữ quý tiếc, không nên vợi vàng!” Mọi người đều không ai dám nói thêm lời nào, mỗi người tự trở về chỗ ở của mình. Đêm đó, Sư mộng thấy có người dâng sớ tâu rằng: “Tất cả cây Sinh Bách ở núi Hương Lô đều xả thí cung cấp tạo dựng Kinh đài”! Đã cảm được thâm minh chỉ bảo như thế, Sư liền chỉ huy chuẩn bị mọi thứ thức ăn vật dụng, phân bộ các thợ vào núi đốn lấy. Vị thị giả hỏi Sư rằng: “Hôm qua không cho phép, sao nay lại đi chặt lấy?” Sư bảo: “Hôm qua do người khác, nay thì do Ta, cứ chặt lấy không sao, ta sẽ chịu trách nhiệm”. Mọi người vâng lời Sư bảo mà lên núi đốn lấy. Cây sinh bách chỉ sống ở nơi núi non hiểm trở, mà đều lấy được không có trở ngại gì.

Ở đời Trần, Tiên Sư Trí giả có bảo rằng: “Khuyên hóa trăm họ từ các bãi nhỏ ở núi Thiên Thai cho đến ven biển nơi nào có sông khe đều xả thí làm ao hồ phóng sinh, dứt hẳn việc vớt bắt các loài thủy tộc”. Trong đời Tùy cũng vậy, mọi sự đều qua sắc chiếu. Từ khi nhà Tùy mất đi, trong trăm họ sau này, mọi người tạo nhiều điều ác, đua nhau đóng đặt đặng ном đầy khắp sông khe, các loài thủy tộc bị thương hại yếu tử, không nơi mách bảo, bèn cùng nhau đánh lễ Thiên sư. Sư đến nơi khám thờ Tiên sư, đốt hương chú nguyện. Đang khi đó có một ngư nhân thấy một vị tăng đứng trên chiếc đặng, ý cho là sẽ bị rơi xuống nước, bèn đem thuyền muốn đến cứu, nhưng

khi đến nơi thì không thấy gì cả. Nhân đó, trong các đấng nom đều không có được cá. Mọi người cùng nhau bỏ ác làm lành, bèn dứt bỏ việc vớt bắt các loài thủy tộc.

Bấy giờ, có Sa-môn Pháp Vân muốn đến đánh núi Hương Lô để tu hạnh Đầu-đà. Sư can ngăn rằng: “Thần ở núi ấy cứng rắn, đạo lực của ông vẫn còn yếu ớt, nếu đến đó sẽ không được an, nên thận trọng chớ đến”. Ngài Pháp Vân không nghe lời chỉ bảo, bèn đến núi đó, chưa đầy hai đêm, thần đã hiện hình xua đuổi ngài (Pháp Vân) trở về. Ngài Pháp Vân tự tỏ bày việc ấy, mới nhớ lại lời chỉ bảo trước kia, nên rất sinh tâm kính ngưỡng Sư.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hằng, đang tụng kinh tại phòng, tự nhiên, Sư đến gọi mà bảo rằng: “Chiều nay sẽ có vị tăng đến đây!” Nói xong, bèn nhìn xuống dưới cửa, liền thấy có một vị tăng thuần mặc áo nạp, trên tay cầm tích trượng, ôm bình bát, hình dáng tuấn tú khác với người thường, từ ngoài đi vào, cách độ vài mươi bước. Mới vào đường phía Đông liền biến mất, chỉ trong chốc lát liền nghe ở Đông sơn có tiếng chuông đồng lớn vang động cả núi hang. Sư liền bảo: “Ôi, gọi ta”. Chưa được mấy ngày sau, Sư bảo với đệ tử rằng: “Mạng ta không bao lâu nữa, hãy nấu nước thơm!” Sư tắm gội vừa xong, từ trong núi có các loài chim thú hình dáng màu sắc kỳ lạ, bình thường chẳng thấy, đều nhóm họp bên cạnh phòng Sư bay nhảy giữa hư không kêu tiếng buồn thương thảm thiết, qua ngày hôm sau mới tan.

Đến đêm mười bảy tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiên Đường, Sư ngồi kiết già, tay cầm râu chuỗi như ý mà nói Pháp, Văn từ nghĩa lý sâu xa. Giảng xong, Sư bảo đệ tử rằng: “Tôi với các ông vội vàng gặp nhau, nay sắp vĩnh biệt, sự hội ngộ không hẹn!” Nói xong, Sư im lặng giây lâu. Các đệ tử òa khóc, Sư bèn mở mắt răn bảo rằng: “Người sinh phải có chết, vật có thì phải có chung. Tướng thế gian là như vậy. sao lại buồn thảm như thế? Nay chớ làm nao loạn ta!” Sư lại bảo: “Ta hành Thiền đến nay đã bốn mươi chín năm, lưng chẳng dính giường chông. Ta không cô phụ ân của tín thí, không cô phụ hương hỏa. Các ông muốn được gặp ta thì nên tự siêng năng hành trì đạo lực, chớ cậy nơi người”! Các đệ tử nhân đó hỏi rằng: “Chẳng hay Hòa-thượng sẽ sinh về cõi nào?” Sư đáp: “Như chỗ ta thấy trong mộng thì quả báo sẽ sinh về cõi trời Đâu-suất, cung điện màu xanh ở phía Tây Bắc của cõi trời ấy, thấy Đại sư Trí giả xung quanh có các vị trời đều ngồi trên tòa báu, chỉ có một tòa trống ta hỏi về lý do, thì được trả lời là Đại sư Quán Đảnh sau sáu năm nữa sẽ sinh lên đó nói pháp”.

Qua sáng sớm ngày mười tám, Sư bảo các đệ tử rằng: “Các ông đều phải sớm lo các thứ trai thực, mạng tôi chỉ trong khoảnh khắc!” Ngày đó, có người trong xóm lên núi thăm bệnh Sư. Sau khi ăn xong, xin từ giã trở về.

Sư lại bảo: “Đã khỏ nhọc từ xa đến, hãy nán ở lại trong thời gian ngắn, đợi bần đạo đi trước”. người ấy không hiểu ý, một mực từ giả không ở lại. Đang lúc đó cảnh trời trong sáng, không một áng mây che, Sư bảo người ấy rằng: “Đã không ở lại thì nên đi mau, vì trời sắp mưa!” Người ấy vừa đi trong thời gian ngắn thì trời mưa như trút.

Đến giờ ngọ ngày mười tám tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiên Đường. Sư ngồi kiết già ngay thẳng trang nghiêm, hơi thở nhẹ dần, như nhập thiên định, nhân đó không còn trở lại. Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Bấy giờ, giữa hư không có tiếng đàn sáo, cả Đại chúng đều nghe, giây lâu mới im bật. Để yên nhục thân Sư như thế, qua ngày hôm sau mới tôn trí vào khám đá, nhan sắc Sư vẫn sáng đẹp, tay chân mềm mại chẳng khác lúc còn sống. Bèn an táng phần khám Sư ở phía trước khám của Tiên sư Trí Giả cách vài trăm bước.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Trí Mãn trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tĩnh Châu

Thích Trí Mãn, họ Giả, người ở xứ Thái Nguyên. Sư lập ý không bình thường, chẳng đồng như các trẻ nhỏ khác. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, theo thầy tu tập. Các Pháp sư thọ nhận đều đúng như lời dạy. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc. Luật nghi thành khuôn phép nhờ dạy răn càng mở rộng. Sư lại nghe giảng các Kinh Niết-bàn, v.v... và đều thấu rõ được đại ý yếu chỉ. Danh giáo lược tròn đủ, vị tĩnh lặng tròn nghiệp.

Sư bèn đến núi Thạch Mặc ở Thượng Đãng, nhóm chúng hành đạo. Môn đồ trang nghiêm hòa mục, các hàng tăng tục đều quy y, lễ cúng tấp nập dâng đến, nhóm chứa nhưng lại hay tan. Bấy giờ là đầu đời Tùy (581) mở mang Đại Pháp, Sư mở mang khắp nước, hoằng hóa dẫn dắt rất rộng. Nên khiến cho những người nghe được đạo phong đều mang tráp đua nhau kéo đến, chúng lẫn lộn cả tinh thô, bấy giờ gồm cả lâu mau. Ban đầu, Sư thiết lập ra khoa nghi, lễ sám dùng để nhiếp tình thường, sau bèn tùy sự ưa thích mà lắng tĩnh, tư duy ngồi yên. Đích thân Sư chăm lo các pháp, gần gũi tham dự mọi việc của chúng tăng. Hình nghi Sư khuôn phép cao nhã, oai nghi mạnh mẽ trang nghiêm, mày mắt rất sáng, đen bạc xen nhau. Có người tham bái, không ai chẳng kính thần khắp mình nổi óc. Và đều kính mong Sư làm giới sư truyền giới bátát. Nhưng Sư chẳng hề coi trọng thân danh, không xem thường Chánh Pháp. Tuy mọi người có duyên tha thiết cầu thỉnh nhưng Sư chưa trao truyền ngay, mà gần gũi làm yết thành Phương đẳng. Hành đạo cốt yếu là lấy được minh chứng, mộng thấy Phật xoa đánh, nói pháp cho nghe, rõ ràng như tướng kính Sư mới truyền Pháp. Nên các hàng đạo tục suy nghĩ về giới cùng nhau tìm đến không ngơi. Nhưng Sư chuyên ý về Tĩnh quán,

nhằm chán sự ồn náo, bèn dời đến trụ tại tinh xá Lưu Tuyền ở phía Nam của Đông sơn, thuộc Lê Thành. Song các hàng hiền sĩ tức tâm lại nhóm họp như rừng. Thiên quán kiêm tu, chỉ quán đều xa, chí hoàng kinh xa, tùy việc hoặc trái.

Sư lại đến sông Nhạn Môn, nương tựa Thiên sư Toàn, chuyên theo niệm tuệ. Thiên sư Toàn là bậc Tảo cảnh trong tăng, là Nghi Vũ chôn Định Thất, lời nói và việc làm trong sáng, đầy đủ như ở Biệt Truyện. Sư than được gặp sau, nhưng tỏ bày vui mừng nương cậy có thừa. Sư theo Thiên sư Toàn vân du qua các Tông tập, Sư lại nương tựa trụ chùa Khai Hóa, buộc tư lự tu tâm. Không bao lâu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) thỉnh Thiên sư Toàn về kinh đô. Định môn tại đó bị tan rã, chúng bạn trái sự chỉ bày. Sư bèn chọn lựa hơn năm mươi vị có cùng chí hướng, theo phía Tây vào đất Lam Châu, an ẩn trong núi, tiếp tục Đạo Nghiệp như trước, rất cảm đến người học. Mãi đến cuối đời Tùy (618) Đạo Pháp tiêu tan, bọn trộm cướp đầy khởi như ong, dân chúng ở khắp đây trong các hang hóc, mà chúng của Sư vẫn an nhiên không giải tán, đó cũng do Đạo cảm mà nên!

Đến thời Tiên Đường, dựng lập nghĩa (618) bốn chúng đua nhau quy hướng. Sư bèn đốc suất đồng bạn vào thành đến với dân chúng mà mở Đạo. Ban đầu, Sư trụ chùa Chân Trí ở Tấn Dương. Vì tiếng tăm Sư hoàng hóa rộng khắp nên mọi người quy tông như chợ. Võ Hoàng riêng ban sắc, dẫn nhọc khiến đình chỉ, hứa mời đến ở trong nhà ông, cung cấp mọi thứ cần dùng, đều xuất từ Nghĩa Phủ. Võ Hoàng đích thân đến lễ hỏi, trông thấy Sư mà khiếp sợ, xoay lại bảo với Bùi Tịch rằng: “Riêng thấy Thiên sư ấy (Trí Mãn) mà khắp mình nổi ốc là vì sao?” Bùi Tịch đáp rằng: “Không chấp tướng gì khác, nên được thần Giới che chở!” Sau đó, ngày khác Võ Hoàng lại đến hầu thăm và thưa rằng: “Đệ tử cứu giúp muôn người, nay mở mang đại nghĩa xin Sư qua lại không chướng ngại. Sẽ vì Sư mà xây chùa!” Khi đã đến Kinh liên, trong nước tạm thái bình, niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiên Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bèn ban sắc sửa nhà Sư đang ở thành chùa Nghĩa Hưng. Bốn việc cần dùng cúng dường đều lưu xuất từ của Quốc gia. Đến niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiên Đường, vì đức hạnh Sư đáng làm cho muôn vật quy hướng, đạo phong vang xa, Vua Văn Đế muốn Sư đến ở chôn Kinh thất, bèn ban chiếu mời. Lại vì lúc đó, tại phương Bắc đang gặp rợ phiến, phía Nam đang bị xâm lấn nên trăm họ tâm tình còn kinh hãi. Vì vậy, Đô Đốc Hoàng Nông Công Lưu Nhượng, tâu trình lưu giữ Sư ở lại để trấn an tâm của quần chúng. Vua lại ban sắc đồng ý để được an cả từ triều đình đến thôn dã. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiên Đường, giống rợ hiểm duẩn rất hăng hái dùng xe chuyển tải binh khí trang bị, ở tại Mã Ấp có vị sa-môn tâm tình hùng dũng quả cảm, thường nêu

giường sáng, mọi việc đều nương nhờ Sư. Nhân đó mà từ Thái Nguyên tiếp liền với Võ Hương, là nơi nhóm họp binh khí. Vua Văn Đế bèn ban sắc chọn lựa hơn hai ngàn vị tăng sung vào binh quân của hai Phủ. Đến nơi lại ban sắc rằng: “Chỉ có chùa của Đại sư Trí Mãn hạnh nghiệp thanh tịnh cao sáng có thể khỏi theo lệ chọn lựa. Do đó lưu lại cảnh hạnh, tỏa sáng khắp xa gần!” Nên ngoài những người đã bị sa thải thì ai thấy Sư được sự tốt lành vui mừng, đều cùng ngợi khen. Hoặc có người bá phục giới hạnh khôn phép. Hoặc có người nương tựa tiếp thừa tu tập mà ở, Tăng chúng thường luôn có hơn hai trăm vị, mà Sư vẫn giữ đạo nghiệp, thường không biếng trễ, tinh tấn giữa mài rất mực thành thực. Bấy giờ, hoặc có người lười biếng học hành, Sư tự thân đến gọi riêng mà dạy răn, an ủi theo Thánh lượng dắt dẫn phạm tâm. Mọi người đang tham dự tại đó không ai chẳng rơi nước mắt, mà cúi mình, nghẹn than giây lâu, đó là do tiếp thừa hành Pháp. Hạnh Sư đã cảm phát trước người, nên có được duyên giáo hóa, chẳng vọng mở mang.

Đến tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, vì động tán, nên Sư cảm thấy không được khỏe khoắn, bèn ngằm thắm như ông tro, bỗng tánh Sư không nhiều động. Các môn nhân đồng nhóm họp. Sư dặn dò dạy răn khuyên gắng. Có Sa-môn Đạo Xước là người sớm có thệ nguyện rộng lớn, là bạn nhưng rất kính trọng Sư, nhân đó khuyên Sư rằng: “Pháp có Sinh diệt, Đạo ở nơi cơ duyên, quán tướng dễ vào cửa ấy, nhưng dẫm qua Không, rất hạn cuộc giai vị ấy. Xin tùy theo nói pháp gì mà có hy vọng tấn đạo!” Sư bèn trợn mắt cau mày bảo rằng: “Nhiều năm thật nghiệp mong mở mang hành trì như thế, Duyên rộng vô tướng có thể duyên. Dẫn thật đâu có chỗ dẫn? Đâu thể vì yếu Pháp trong một thời gian mà nhiều đời bị vùi lấp ư? Mong sớm từ già, chớ dấy vọng thức theo trần!” Ngài Đạo Xước lui về. Sư kiên cố giữ gìn khéo léo là như thế. Thế rồi hơi thở dần dần suy yếu, nhưng chí lực Sư còn khỏe mạnh. Thị giả vây quanh săn sóc đầy phòng thất. Sư ngồi an nhiên đưa mắt từ từ nhìn học chúng, lúc dần nhìn đến chúng tôi (Đạo Hằng) bỗng chốc Sư thị tịch, Sư thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng chín tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Trước đêm, Sư thị tịch, quả đất rung chuyển, cây trong vườn chùa gãy đổ cành nhánh. Cả chúng đều thương kính, tướng buồn đau hiện ra.

Núi Thái ấy sụp đổ ư? Người của Pháp mất đi, liền loại như thế, cả xóm ấp đều chua cay thảm thiết, như có tang trong tâm họ. Đến ngày mười hai tháng đó trở lại an táng trong hang Đồng tử ở Long Sơn. Và xây dựng tháp lập bia để tán dương đức hạnh của Sư.

Từ khi Sư xả tục theo Đạo, hơn sáu mươi năm, tự trong sạch thân tâm mình như băng sương, mặc y áo thô xấu, tiết chế ăn uống, chỉ để ngăn trừ đói lạnh mà thôi. Sư từng dứt bột gạo thóc để ngăn tham nhiễm, mắt chẳng nhìn tà vậy, không nói lời rào đón, người nữ sắc đẹp với Sư không hề đối diện ngắm nhìn. Với người tuổi trẻ Sư chẳng cho ở lại qua đêm trong phòng, phải là người đã thọ giới cụ túc nhiều hạ Sư mới bảo gần gũi hầu hạ. Sư ước định thời khắc đến với chúng tăng, dùng hạnh khoa để răn dạy, ngoài ra thì ở riêng chỗ vắng phòng nhỏ, sáng sớm mới ra. Trong phòng Sư chỉ có một giường chõng, bình bát móc treo trên vách tường, và thêm tọa cụ tùy đạo, ngoài ra không có một vật gì. Đến nỗi khiến cho người nào trông thấy đều sợ hãi biến sắc, bất chợt phát sinh kính ngưỡng. Sư lại riêng thiên trọng việc cúng dường chúng tăng, siêng năng đối với cơ nghiệp, lòng từ cứu giúp kẻ nghèo khổ, có đủ các thứ thuốc thang, vôi vàng lo lắng, để vì lợi vật!

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tăng Ung trụ chùa Hóa Độ ở kinh đô

Thích Tăng Ung, họ Quách, người ở xứ Giới Hưu thuộc Thái Nguyên. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Thứ Sử Kinh Châu, cha của Sư tên là Thiệu, làm Thái Thú Bắc Lãng. Sư thân thức trầm tĩnh, thâm phù hợp với Thượng Đức. Nhiều đời truyền Nho nghiệp, xỉ trụ thượng tường.

Năm mười ba tuổi, Sư từ giã cha mẹ nhập Đạo đến trụ chùa Vân Môn ở Nghiệp Tây, nương tựa Sa-môn Tăng Điều mà xuất gia, ngài Tăng Điều là bậc giới hạnh khác lạ, thiên tuệ thông linh, trao cho Sư pháp thiên. Chỉ mới có vài ngày mà Ngài Tăng Điều vỗ vai Sư nói với các môn nhân rằng: “năm dùng bốn niệm (Ngũ Đình Tâm Quán, Tứ niệm xứ Quán?) sẽ cùng tận ở đời nay!” Sư bèn đến núi Lâm Lự, nương gá cửa định, vượt khỏi tâm chấp. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, thiêu đốt phá hủy hết Phật tượng kinh pháp, Sư lại vào núi Bạch Lộ ở dưới rừng sâu, dứt lánh xa thời loạn, ăn lá thông củ trượng. Ba buồn tắt dứt bột, trăm thứ cỏ thành khóm, các loài hươu nai nằm phục ở trước, chim rừng nhóm họp nơi tay, ban đầu lấy làm lạ, sau Sư lại dùng Phạm âm bày lễ, đốt hương tán tụng, liền có chim thú kỳ lạ nhóm họp ở sân nhà, tỏ vẻ như kính mến, lắng tâm nghe nhận lời Pháp. Nếu chẳng do hạnh cảm thì làm sao có được như thế! Từ đó, thường giảng u linh, lời tốt đẹp cũng khó ghi chép hết.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở mang Phật giáo, tiếp nối hưng thịnh Huyền tông, lại liên tiếp vẻ vang khắp nơi. Có Thiền sư Tín Hạnh ở Ngụy Châu rất thông hiểu Phật pháp, là người khác đời, dùng Đạo để ẩn cư, thực hành nghiệp của đương căn, biết Sư là người lánh đời ở ẩn nơi rừng sâu, bèn sai người đến bảo rằng: “Người tu đạo lập hạnh, nên lấy

việc tế độ làm đầu, nếu chỉ cầu cái tốt, cái hay cho riêng mình, thì chẳng phải điều nên làm. Nên dốc tận sức lực mở mang lợi ích, soi sáng chỉ bày cho các hàng thế tục!” Sư bèn ra khỏi núi gặp ngài Tín hạnh, đồng tu chánh tiết.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (589) đời Tùy, ngài Tín Hạnh được mời vào kinh đô, bèn cùng Sư đồng đến dừng ở Đế thành, các hàng Đạo tục không ai chẳng vâng theo. Đến lúc ngài Tín Hạnh thị tịch, Sư lại phải lãnh đạo tất cả đồ chúng. Sư rất có công phu của người đảm nhiệm Trụ Trì. Đến ngày mười lăm tháng mười một niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Hóa Độ, thọ tám mươi chín tuổi. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) rất tôn kính tình sâu, ban tặng tư lụa, vì đó mà tu tạo phước lành để hồi hướng công đức. Qua ngày hai mươi hai tháng đó đón rước linh Phách đến núi Chung Nam, vâng theo di Lệnh của Sư, môn đồ cử hành lễ trà-tỳ, thâu gom xá-lợi, xây tháp thờ bên phía trái tháp ngài Tín Hạnh.

Sư có đạo phong khuôn phép chân chánh, hạnh nghiệp tinh nghiêm, nhún nhường hạ mình, hiểu rõ Đạo, che dấu công nhận, đến lúc gá chất rừng lạnh, buồn vì ràng buộc nơi triều đình thôn dã, đều vì chết thân diệt danh, ở đời chỉ có Sư mà thôi! Dám dựng lập huyền thạch đề tỏ bày lệnh Phạm, do Tả Thứ Tử Lý Bách Dực soạn Văn, Suất Canh lệnh Âu Dương Tuân viết chữ, Văn bút mới đẹp, thêm nhiều truyện Bản, nên nhiều người ca tụng khắp cả ngoài đồng quê.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Quán Đảnh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai

Thích Quán Đảnh, tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Đời ông nội Sư lánh đến đất Đông Âu, nhân đó chẳng trở về, nay làm người xứ Chương An của Lâm Hải. Cha của Sư qua đời rất sớm, chỉ mình mẹ nuôi dưỡng Sư. Vừa mới sinh được ba tháng, Sư còn là hài nhi mà muốn xưng danh, nghĩ xét vật loại, chẳng biết y cứ vào đâu, thường đêm, mẹ xưng niệm danh hiệu Phật Pháp Tăng, Sư bèn miệng niệm, lời câu trong trẻo rõ ràng, bà lấy làm kinh lạ, mẫu ngài báo với Pháp Sư Tuệ Chương ở chùa Nhiếp Tĩnh. Ngài Tuệ Chương nghe bèn khen ngợi rằng: “Đứa con này chẳng phải tầm thường!” Và liền đặt tên tự cho Sư là phi phàm.

Năm bảy tuổi, Sư trở lại làm đệ tử Ngài Tuệ Chứng, hằng ngày dâng đưa Văn Từ, Huyền Nho đều giỏi, tài năng trong sáng, liền nổi tiếng ở đương thời. Năm hai mươi tuổi, Sư tấn đàn thọ giới cụ túc, vâng giữ luật nghi. Bình

Đức bát dầu càng là chỗ lưu tâm. Đến lúc ngài Tuệ Chứng thị tịch thì Sư mới chuyển đến tắm gội Pháp ở Thiên Thai, tiếp thừa thực hành giềng mối Định học không thiếu sót đầu mối.

Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (583) đời Trần, Sư theo Thiên Chủ Trí Khải đến trụ chùa Quang Trạch, nghiên cứu bày giải quán môn, và được ấn khả. Đến lúc nhà Trần sụp đổ (589) Sư lại theo ngài Trí Khải đi ngược lên đầu dòng sông, các chón Danh Sơn thắng địa, thầy đều có ghé thăm dừng nghỉ. Tam cung Lô Phụ, cửu Hướng Hành Phong, không nơi nào Sư chẳng đến nương tựa, thưa hỏi những bậc ấn dật còn lại. Sau, Sư đến trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, truyền pháp chuyển hóa, dạy bày cho khắp tây sở.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Tấn Vương trấn nhậm tại Dương Châu, Sư theo ngài Trí giả đến dừng ở Hàn Câu, trụ chùa Thiên Chúng, làm vị tướng đối với Pháp, thường ngày thưa hỏi chỗ sâu kín. Không bao lâu Sư theo ngài Trí giả trở lại hướng Đông đến ở Thai nhạc. Về sau, Sư đến trụ Tinh xá Xứng Tâm, giảng Kinh Pháp Hoa, đạp sáng nền lòng, vượt đến ấn mây. Bèn nhóm họp mọi người, mọi người đua nhau mang tráp tìm đến. Có Pháp sư Cát Tạng nhập thất ở chùa Hưng Hoàng, kết tụ trường giảng Pháp tại chùa Gia Tường, riêng nổi tiếng khắp vùng Triết Đông, nghe tại Tinh xá xứng tâm mở Đạo tốt đẹp, trong ý vẫn chưa chấp thuận. Bèn cầu mượn nghĩa ký tìm xem cạn sâu, mới biết là thể giải tâm say, có chỗ nương theo, bèn bỏ giảng tan chúng, đi về Thiên Thai, bầm thọ Pháp Hoa, phát thệ nguyện mở mang giảng nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, ngài Trí Giả thị tịch bị bệnh, Sư bèn chăm sóc hầu hạ sớm tối, mọi sự khó nhọc đều hết lòng. Và khi ngài Trí Giả thị tịch thì Sư ở bên cạnh tiếp thừa Di chỉ, bèn dâng tâm thư để lại và các tín vật, buồn khóc qùy trao. Tấn Vương nắm vóc gieo sát đất, buồn thương rơi lệ đánh lễ thọ nhận. Sư vâng theo lễ khách, tình thuận gần gũi Pháp. Sau đó sai Dương Châu Tổng Quản Phủ Tư Mã Vương Hoàng đưa Sư về lại núi, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng, xây dựng chùa Quốc Thanh, tức là nơi có dấu tích của các ngài Đàm Quang, Đạo Du đời Tấn. Chùa Phật lũng ở ngọn núi phía trước đề hiệu là Tu Thiên. Trước kia dưới đời Trần, ngài Trí Giả mới đến phía Nam của Phật Lũng cách chừng mười dặm, đất ở đó gọi là Đan Khâu, Sư kinh hành ngay thẳng, trông nhìn hiển bày xa rộng, nêu nền khắc cây, muốn dựng lập đạo tràng, nhưng chưa toại tâm mong muốn, vì thế di chúc ở tại đó! Thọ của Vương Tấn vào hang liền lo việc tu tạo xây dựng mới đặt nghiet kéo dây, mỗi mỗi đều vâng theo ý chỉ xưa trước.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tấn Vương vào nối tiếp, theo hướng Đông đi tuần về bốn quốc. Muôn dặm đường sông, người ở quê đều vui mừng. Sư nhờ đàn việt lên địa vị, chùa viện mới hoàn thành, nên ra núi tham dự chúc mừng, bèn được dẫn đi xem, an ủi hỏi han nhiều lớp, đối đáp như tiếng vang, lời đều có chỗ đặt để. Thần chủ về vang khen ngợi. Lại sai viên ngoại Tán Kỵ Thị Lang Trương Càn oai nghinh đưa Sư về lại chùa núi, ban thí ba ngàn vật, ba ngàn xấp đệm giạ, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, tu tạo lại chùa miếu đài điện, nên trang sức xanh đỏ loạn phát sớm mai, đánh núi của thông trúc ngậm đồng tợ gấm phủ. Đó thật là sự hùng vĩ của biển Tây, xa phù hợp với lời của ngài Trí Giả, đầy đủ như trong biệt truyện về Sư.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Tấn Vương lại ban lệnh thỉnh Sư rằng:”Đầu hạ nóng bức, Đạo thể dừng nghỉ, thuyền duyệt nuôi dưỡng tinh thần, nên được tốt đẹp đến cùng. Gần đây tại đạo tràng Tuệ Nhật, hai Pháp sư Trang và Luận giảng Kinh Tịnh Danh, toàn dùng nghĩa số của Đại Sư Trí Giả Phán Thích Kinh Văn. Thiên sư (Quán Đảnh) đã là đệ tử tài giỏi của Đại sư, tất cả pháp môn đều phó thác cậy nhờ. Nay sai người đến thỉnh, hẳn là mong cầu như mưa trút đổ. Đồng thời Pháp Hoa kinh số, tùy bảo người sứ vào kinh đô! Kính trông đợi lai nghi, thư viết không thể hết ý”. Sư bèn đáp, y cầm tích trượng, cao bước vào cung, suốt ba tháng hạ mở mang giáo hóa, xứng hợp tâm Tấn Vương, mừng vui cung kính. Thường đến chỗ khế hợp sâu xa, không ai chẳng tỏ bày cầu thỉnh. Và Sư tùy chỗ hỏi mà tiếp đối, bao gồm tất cả Huyền tịch. Sau, Tấn Vương sai đưa thư đón rước Sư trở về, cúng dường cấp tặng mọi vật gấp bội.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Tấn Vương coi sóc binh lính ở Trác dã, thân gần bao gồm nguyên nhung, sắp muốn quấy động gồm cả Đông di để làm trong sáng Văn quỹ. Nhân đó hỏi mọi người chung quanh tiếp nối đầy đủ Hiên Hoàng, trước là sức mạnh chém giết hung bạo của Phán Tuyền, sau là ngợi khen hỏi Đạo của Đồng Sơn.

Nhớ nghĩ đến Đại sư Trí Giả, cảm mến nhũu mảy, liền ban sắc thỉnh từ xa đến chỗ hành. Sư dẫn thấy trời ngấn, bắt đầu lấy sự vui mừng của Đồng học. Lại sai Thị Lang Ngô Mân đón rước Sư về lại chùa núi. Từ đó về sau, Vương nhân nối nhau đến phòng Sư không tháng nào trống. Sư có tâm ở chốn gò hang, dứt vết hệ lụy trong đời. Định tuệ gồm tu, nói nín đều là giáo hóa. Có các bậc Danh Tăng Đại đức ở gần thành cho đến phương xa, mong được trông thấy ba Quán mười Như, cho đến Tâm, trần sứ tánh, đồng thời cúi đầu bái lạy, gieo thân thỉnh cầu Thiên Cổ. Sư đều sơ khởi tinh tánh, tầm gột cõi lòng. Ba nghiệp thường thêm lớn, Phước trí không cùng tận.

Bỗng đến ngày mồng bảy tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng viện ở chùa Quốc Thanh, thọ bảy mươi hai tuổi. Mới đầu thị hiện bệnh nhẹ, không lo liệu thuốc thang chữa trị, trong phòng có mùi thơm lạ. Đến lúc sắp tịch, Sư bảo thị giả rằng: “Trong Kinh Di-lặc nói ngày Đức Phật nhập Niết-bàn, khói hương tỏa bủa như mây. Nay ông nên đốt nhiều hương, Ta sắp đi đây!” Nhân đó, Sư tỏ bày dạy răn, văn từ nghĩa lý khéo léo tha thiết. Môn nhân chúng tăng chiêm ngưỡng rơi lệ. Bỗng nhiên Sư tự ngồi dậy chấp tay như có sự kính ngưỡng, mở lời ba lần xưng niệm “A-di-đà Phật”, rồi hạ thân mình xuống nằm, duỗi tay đặt nơi tim, sắc mặt vui vẻ, an nhiên thị tịch. Khắp cả thân mình mềm mại, trên đánh dầu ấm nóng đến qua hôm sau. Trước kia, có bạn đồng học là Sa-môn Trí Hy, là người được Đại sư Trí Giả đích thân tế độ, rất trong sáng nổi tiếng đã thị tịch vào niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, lúc sắp tịch ngài Trí Hy bảo rằng: “Tôi sinh lên cung trời Đâu-suất, thấy Tiên sư Trí Giả, và các tòa báu xếp hàng chung quanh đều có người ngồi, chỉ có một tòa trống, hỏi thì có người bảo sáu năm sau, Pháp Sư Quán Đảnh sẽ sinh lên đây nói Pháp”. Nên Sư bảo đốt hương, nếu nghiệm xét ý chỉ tức là Đức Từ tôn đến đón rước. Tính về năm để luận về kỳ hạn, thì xét thấy ngài Trí Hy không nói xằng! Qua ngày mồng chín tháng tám, bèn an táng tại núi thuộc phía Nam của chùa. Mọi người xa gần đua nhau kéo đến khóc than rầm rĩ chân động khắp cùng hang rừng.

Mới đầu, Sư giáo hóa trong huyền tục, thân dụng nhiều phương. Có người dân quê ở Pháp Long cách núi hơn ba mươi dặm, bị bệnh sắp chết, dùng mọi cách trị liệu đều không hết. Người con vội chạy vào núi cầu cứu Sư vì đọc tụng kinh Pháp Hoa, Đốt hương Chiên đàn, người bệnh tuy ở xa, vừa nghe mùi đàn hương thoảng vào mũi, liền thuyên giảm bình phục. Lại, tại ngọn núi phía nam An Lạc, vùng ấy tên là An Châu, cây biếc khe xanh, dòng suối uốn quanh, mọi người qua lại không thông tiện, Sư lưu luyện muốn đến xem, xoay nhìn mà phát thệ nguyện rằng: “Nếu khiến đất ở đây dần trải ra bằng phẳng thì sẽ đến đây giảng kinh”. Chưa đầy mười ngày mà cát trắng khắp ùn nổi lên bằng phẳng như kiếng ngọc. Sư vì sự cảm thông cùng hiển hiện, chẳng trái với nguyện trước, bèn lên đó giảng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Kim Quang Minh, để báo đáp linh ý.

Sư từng ở chùa Nhiếp Tĩnh tại Chương An giảng Kinh Niết-bàn, gặp phải bọn hải tặc lên bày trận, các hàng tăng tục kéo nhau bỏ chạy. Sư bèn đánh chuông nhóm đến giảng, sắc mặt không tỏ vẻ khiếp sợ. Bọn giặc cầm cờ hiệu, phurôn lọng đến chùa, bỗng nhiên thấy binh lính cờ xí sáng rực cả ngày, nắm cung cầm kích, dài hơn cả trượng, hùng mạnh phấn phát. Bọn giặc trông thấy mà kinh sợ, đồng một lúc bỏ chạy tán loạn.

Sư lại từng ở tại Phật Lũng, nhân lúc rảnh việc giảng pháp, dẫn các học chúng chặt đá làm tháp, cần có hai phiến riêng để làm cửa tháp. Có đệ tử của Sư là Sa-môn Đạo Quang, trước dùng xe chuyển vận một tảng đá, mọi người đều nghi là dày lớn, muốn tìm kiếm tảng đá khác, lại nhọc sức người. Sư cầm tích trượng, đưa lên đẩy, tảng đá được chuyển vận trước bỗng nhiên bị nứt ra thành hai tấm, độ dày bằng nhau, để đặt vào làm cửa tháp, rõ ràng như khế hợp từ trước, những điều linh ứng như thế thật có rất nhiều.

Sư thọ nghiệp ở Thiên Thai, lại bảm đạo tại Hành Nhạc, hai ngài Tuệ Tư, Trí Khải là bậc Tông quy của cả ba đời, có một không hai. Hoặc là Quán chiếu, hoặc là giảng đạo, thường y cứ theo Kinh Pháp Hoa. Lại giảng các Kinh Niết-bàn, Kim Quang Minh. Tịnh Danh, v.v... ngài Trí Khải có biện tài như mây bủa mưa tuôn, hoặc đồng như lưới trời chọt nghĩ đến châu Anh lạc. Có khả năng hành trì, khả năng nhận lãnh, chỉ có mình ngài (Quán Đảnh). Sư riêng ghi văn từ ý chỉ của ngài Trí Giả, và tự soạn thuật nghĩa ký, đồng thời soạn các đề mục của các Tập Văn, tất cả đều được khắc ở dưới bia.

Đệ tử Sư là Sa-môn Quang Anh, là bậc hậu sinh trội vượt, tài giỏi về giáo nghĩa, cùng chúng tăng ở chùa Quốc Thanh đồng ghi lại hành trạng của Sư, dựng lập Văn bia ấy trước cửa chùa, do Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoằng Thiện ở Thường Châu soạn văn, ngôn từ rất bóng bẩy, sự tích Sư thấy trong biệt tập.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Trí Tảo trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai

Thích Trí Tảo, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Dưới đời Tấn, Sư dời đến ngụ ở Lam Hải, ông nội Sư tên là Nguyên, làm Thương Bộ Thị Lang vào cuối đời Lương, đảm nhiệm Lâm Hải Nội Sử. Cha của Sư tên là Hoài, làm Trung binh tướng quân ở đời Trần. Sư vào độ tuổi thọ học kinh, mở lời không vọng phát, đi không thẹn với người. Bà con khắp trong thôn xóm gần gũi đều rất mến kính.

Năm Sư mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời, Sư buồn thảm, tang phục mới xả, liền bị tật bệnh, trải qua nhiều năm tháng thuốc thang chữa trị đều không hiệu nghiệm, nhân trong đêm vắng, Sư cầm gậy kéo lê trong cơn bệnh ra đến giữa sân, nhìn lên ánh trăng mà nảm, nhất tâm chuyên niệm “Nguyệt Quang Bồ - tát”, chỉ nguyện Bồ-tát vận tâm Đại Bi cứu khổ bệnh lâu ngày không khỏi của con. Sư buộc niệm như thế, mới qua tuần trăng. Vào một đêm, Sư mộng thấy có một người hình sắc khác thường từ phương Đông đi đến, bảo với Sư rằng: “Nay ta cố đến trị bệnh cho người!” Và liền đưa miệng đến nơi thân thể Sư, lần lượt hít hà, ba đêm như vậy, nhân đó mà bện Sư có phần

thuyền giảm. Sư rất biết Tam Bảo là nơi mà mình nương tựa cầu cứu, bèn cầu lia tục. Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Phùng ở chùa An Tĩnh xin làm đệ tử.

Xa nghe ngài Trí Giả là bậc khuôn phép Đạo hạnh vượt hẳn các vị khác, làm người dẫn đường tốt cho cuộc đời, Sư bèn theo thuyền trôi dạt, thẳng đến núi Thiên thai, hết lòng thọ Đạo. Ngài Trí Giả bảo Sư hành trì Pháp Hoa sám hối. Đến đầu đêm của bảy ngày thứ hai (Đêm thứ tám) khi lễ sám vừa xong, trở về lại giường thiền, Sư muốn ngồi yên, bỗng thấy chín con rồng từ đất vọt lên và bay thẳng lên hư không. Đến sáng hôm sau, Sư tự dò hỏi, có người đáp là: “Nhu thế tức là biểu thị cho chúng sinh trong chín đường nghe Kinh Pháp Hoa, ở đời tương lai sẽ phá được Vô Minh Địa, nhập vào pháp tánh không!”.

Lại nữa, niên hiệu Chí Đức thứ tư (586) đời Trần, Vĩnh Dương Vương Bá Trí trấn nhậm tại Tiên Đô, thỉnh ngài Trí Giả đến chỗ đang trấn nhậm. Sư bèn theo thầy nhận thỉnh đến núi Cối kê. Sau khi mãn ba tháng, giã từ Vương Bá Trí, Sư đến trụ chùa Bảo Lâm, hành trì Pháp Hoa Tam-muội. Mới đầu hôm thứ nhất như có người đến lay động cánh cửa. Sư liền hỏi rằng: “Ông là ai mà trong đêm đến lay động cửa như vậy?” Liền có tiếng lớn trả lời rằng: “Ta đến coi sóc đèn đuốc!” Qua vài ba phen hỏi đáp như thế. Trong chùa đó có vị Đại đức tức Thiền sư Tuệ Thành trong đêm nghe rõ việc ấy, bảo với đệ tử rằng: “Trong phòng ấy từ trước đến nay có con ác quỷ to lớn, nay mới nghe được tiếng ấy, hẳn là quỷ đến bắt người!” Đến lúc trời sắp sáng, ngài Tuệ Thành đến gõ cửa kêu gọi Sư, Sư chưa rồi để đáp lại thì ngài Tuệ Thành liền đi nhiễu quanh phòng mà xướng rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Người ấy đã chết rồi!” Sư liền mở cửa hỏi ý muốn nói gì. Ngài Tuệ Thành đáp: “Ông còn đó ư? Hôm qua tôi nghĩ là quỷ đã hại ông nên than như thế”. Ngài Tuệ Thành báo việc ấy với Vương Bá Trí, Vương Bá Trí sai mấy mươi người cầm gậy đến che chở. Sư bảo với người đến che chở rằng: “Tánh mạng là do nghiệp, việc che chở ấy đâu thêm được gì? Xin các nhân giả cùng nhau trở về Thành báo với Vương Bá Trí như thế!” Sau khi các người muốn che chở đã đi. Đến đêm thứ hai, Quỷ vào trong phòng, đập vách tường, đánh cột trụ khắp đông tây. Trong phòng có sáu ngọn đèn, Sư tắt hết năm ngọn, chỉ để lại một ngọn, hành đạo ngồi thiền, thân nhiên tụng kinh, không tỏ vẻ khiếp sợ. Suốt trong hai mươi một ngày việc thường như thế. Khi hành pháp sắp xong, thấy có một đồng tử mặc áo xanh khen rằng “Lành thay!” nói xong liền biến mất. Tuy gặp hai duyên ấy nhưng tâm Sư không lộ vẻ vui buồn.

Lại nhân có duyên sự nên Sư đến Cối kê, đường đi từ huyện Diệm, Sư đi ngang qua thôn Hiếu Hạnh mà khát thực, chủ nhân làm nấu quả Dâu có chất độc, thiết dâng cúng dường, ăn xong, Sư đi thẳng về đường trước. sau đó

chủ nhân ăn dùng các thức ăn còn lại, mọi người đều bị ói mửa, v.v... có người ở bên cạnh thấy thế bèn mang thuốc đuổi tìm theo Sư, xa đến cả mười dặm mới kịp, thấy Sư vẫn thư thái bước đi không tật bệnh gì. Sư hỏi người ấy “Vì sao lại tìm theo tôi?” Người ấy kể lại sự việc trên. Sư cười mà đáp rằng: “Bần đạo không sao cả, hãy vất bỏ thuốc mà trở về, không cần phải đuổi theo tìm nữa!” Nghiệm lấy đó là do Đạo lực Sư huân tu nên chất độc không thể làm thương tổn.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) xa giá đến Giang Đô. Sư giữ lấy tảng mạng ra tham dự, yết kiến tại Nội Điện, Vua từ xa trông thấy Sư, bèn lánh chỗ, thỉnh Sư ngồi trước, thăm hỏi các thứ rồi sai Thông sự Xá Nhân Lô Chánh Phương đưa Sư về lại núi, Vì Đại Sư Trí Giả mà vua thiết trai cúng dường ngàn vị tăng. Độ bốn mươi chín người xuất gia, cúng dường chùa hai ngàn vật, ba ngàn thạch gạo và dầu thơm v.v... Lại xây dựng tường đất khắp bốn phía chung quanh chùa. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư lại đến Dương Châu tham kiến. Vua bèn sai cấp sự Thị Lang Hứa Thiện Tâm đưa Sư về lại núi. Lại vì Đại Sư Trí Giả, thiết trai cúng dường ngàn vị tăng, độ một trăm người xuất gia, cúng dường chùa một ngàn vật, cúng dường trai tăng mỗi vị một xấp lụa. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) Sư lại đến quận Trác tham dự. Vua nhọc tã từ xa đến, nên cúng dường chùa năm trăm vật, sai năm mươi người cầm gậy phòng hộ tiễn đưa Sư về lại chùa núi. Sư tám lần qua lại tham kiến Thiên tử, đều được vui mừng, cúng dường cung cấp rất nong hậu.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ tám mươi ba tuổi.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai

Thích Phổ Minh, vốn tên là Pháp Kinh, họ Chu, người ở xứ Côi Kê. Từ thuở nhỏ chí khí tiết tháo Sư đã khác với mọi trẻ nhỏ bình thường, miệng Sư thường xưng niệm danh hiệu Phật, nhóm cát để làm việc phước, dùng các loại cây Hao Ngãi làm điện tháp, chẳng cùng kẻ tục cười đùa chơi giỡn, chỉ chuyên chí kính sùng pháp. Có vị Sa-môn đi khát thực, nhân đó khuyên Sư rằng: “Này chàng trai! Đã có thiện tánh, hãy đến núi Thiên Thai để xuất gia. Trong đó có vị Tứ Y Bồ - tát hiện đang giảng pháp”.

Niên hiệu Thái Kiến thứ mười bốn (582) đời Trần, Sư bèn đạp núi vượt khe tìm đến Thiên Thai, gặp ngay Đại sư Trí Giả đang ngồi giảng pháp. Sau khi Ngài giảng xong, Sư liền đến đánh lễ ngài Trí Giả nguyện xin Quy y trọn đời này được làm đệ tử. Ngài Trí Giả cười bảo: “Nhân nguyện lực xưa, nay

được gặp nhau!” Sư bèn sớm tối nương tựa gần gũi hết lòng không biếng lười. Sư chuyên cầu Pháp thiên kiêm hành trì các Pháp sám Phương Đăng, Ban-chu, Quán Âm, tụng một bộ Kinh Pháp Hoa. Niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (587) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc đón rước ngài Trí Giả đến thành đô. Sư bèn theo đến trụ chùa Quang Trạch ở Kim Lăng. Chuyên lấy tư duy thiên quán, làm nghiệp chính. Mọi người trong giảng đường đều kính vâng theo sự xem xét của Sư.

Không bao lâu nhà Trần sụp đổ (589) ngài Trí Giả liền đến Giang Châu, trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Sư đến trong nội các, nơi Thụy tượng của Đào Khả, hành trì Pháp sám Quán Âm, giữa mùa đông trong tháng mười một, mà thân Sư chẳng mặc bông tơ, khô tiết hành đạo. Thấy một vị tăng bảo rằng: “Với tên gọi Pháp Kinh chưa phải là tên gọi tốt, hãy đổi lại là Phổ Minh, tên gọi này rõ sáng chiếu soi cả ba đời!” Sau khi lễ sám xong, Sư đến chỗ ngài Trí Giả kể lại việc đó. Ngài Trí

Giả liền bảo: “Đó là do thân mình chỉ bày, nên liền đổi cũ theo mới!” Sư lại theo ngài Trí Giả ra trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh châu. Sư từng ra bên cạnh suối luyện nhả chuyên tư duy. Ngài Trí Giả đi ngược lại đường lên núi Thiên Thai. Các hàng đạo tục ở Giang Lăng đua nhau cùng tu tạo. Đang lúc muốn đúc đồng, bỗng có một người mù đến nhìn. Sư xem xét cơ duyên, biết là không được tốt lành, quả nhiên khi phá khuôn thì quả chuông bị khuyết, bèn gấp bội công thợ để tu tạo. Sư ước định nói với trong chúng rằng: “Hễ những người các căn không đầy đủ, thì chớ đến xem chú đúc”. Sau đó được thành tựu mỹ mãn, tiếng chuông ngân vang xa đến bảy mươi dặm. Chuông ấy nay hiện ở tại chùa Phật Lũng thượng.

Sau, Sư về lại chùa Quốc Thanh, chỗ phòng Sư ở cách nước cao xa, ở phía đầu phòng có một khoảng đất trống, thuần là đá cương. Sư bèn nghĩ rằng: “Nếu khiến đá ở đây có nước tuôn chảy thì có gì vui thích bằng”. Sau đó vài ngày tự nhiên dòng suối trong đá tuôn chảy quanh khắp cùng các phía. Tinh xá Quốc Thanh là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy tạo xây dựng. Sư cho rằng giảng đường nhỏ hẹp, muốn phá hủy để xây dựng rộng lớn ra, cùng thương lượng với Thiền sư Quán Đảnh. Ngài Quán Đảnh khuyên chớ sửa đổi. Có Hoạt Châu Đô Đốc Châu Hiếu Tiết xa nghe việc ấy, liền cúng thí các cây trụ gỗ sam, bồng bênh theo đường biển đưa đến. Ngài Quán Đảnh trông về phía Xích Thành, cảm thấy thân Sư cao lớn hơn mười trượng vượt khỏi trên rừng thông và có phụ theo chừng mấy mươi người, nên nói với Sư rằng: “Huynh chớ khổ rthiết can ngăn, sự ước nguyện chắc chắn sẽ thành tựu!” Ngài Quán Đảnh biết là thần dị, liền chấp tay đáp rằng: “Không dám can ngăn nữa! Mỗi mỗi đều y theo nhân giá!” Ngày dựng giảng đường, cảm động đến Sơn Vương. Từ sáng sớm trời đã vãn vũ, tướng trạng

như sấm động, cây nghiêng cành ngã rộng cả trăm bộ, từ Phật Lũng xuống thẳng đến chùa, mãi đến lúc chiều tối thì trở lại như cũ, âm thanh đá va chạm nhau soang soảng hình thể như mới đến.

Sư lại nguyện cùng các hàng đạo tục tu tạo một pho tượng Phật Lô-xá-na ngồi, thân cao trượng sáu bằng Đồng mạ vàng để phụng thờ tại chánh điện ấy. Khi đó có một người tự xưng là ở thôn Tào Khê đến, cúng thí mười một lượng vàng vào thân tượng, hỏi về họ tên thì không chịu nói, lễ bái xong bèn từ giả lui ra. Sau đến hỏi khắp thôn đó, không có một người nào biết. Lại nữa, tại phòng Sư, vị thị giả thường nghe trong phòng có tiếng như đồng người nói chuyện, lên đến nhìn dò xét xem, thì chẳng hề thấy hình bóng nào riêng khác. Và những âm thanh nghe được đều là lời khuyên tu việc lành.

Thế rồi, hóa duyên đến lúc hoàn tất, thời gian thị tịch đã tới. Một buổi sáng nọ, Sư gọi các đệ tử đến bảo rằng: “Phàm thọ mạng con người không thể thường giữ mãi. Các ông nên biết như thế!” Sư tự cởi bỏ y phục mới sạch, mặc lại y phục cũ rách, kéo áo vừa xong, bèn an nhiên thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Qua hai đêm sau, trong bàn tay trái Sư co quắp lại ba ngón. Đang lúc ấy ở trong phòng có hai người Vinh Thái và Nan-đề là đệ tử của Sư đang cạo tóc tắm gội, thấy việc như thế, liền báo với chủ chùa là Sa-môn Tuệ Cương, cả chúng kinh hãi nhóm họp, trong tâm buồn thương gấp bội.

Tánh Sư chẳng hề chứa để của cải riêng tư. Các châu Chiết nam, các hàng nam nữ đạo tục quy hướng không biết số lượng là bao nhiêu. Các vật cúng thí Sư có được đều tùy duyên vui vẻ ban xả. Mỗi lúc tham kiến các Đế Vương nhà Tùy, Sư đều được mời ngồi, tặng một trăm hai mươi xấp lụa, Sư đều sung vào sáu vật, chẳng lưu giữ một thước tấc. Và đều tu tạo kinh tượng, có sắc ban cúng thí làm cơ nghiệp của chúng tăng, thấy trong sách sổ của Chùa (Tự Lục). Sư tu tạo tôn tượng bằng Đồng mạ vàng lớn nhỏ tất cả có đến mười tượng đều bằng người trung bình trở lên và ngài đều hồi hướng làm của tăng thí. Sư đọc kinh tụng được hai biển, ngoài ra biên chép kinh luận, chạm trở họa vẽ điện đường, tu tạo các chùa viện, cạnh đó làm các lợi ích và các linh nghiệm, công đức phí dụng, vận tâm ứng niệm liền tự đưa đến để sung làm chi độ ấy. Không thể ghi đủ.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Trí Tạng trụ chùa Phong Đức, ở núi Chung Nam

Thích Trí Tạng, họ Ngụy, người ở huyện Trịnh thuộc Hoa Châu. Năm mười ba tuổi Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Ái. Bảy giờ, đang là thời Tây Ngụy. Sư trụ chùa Trắc Hồ ở Trường An. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, Sư tạm ở trong thế tục, tàng ẩn ở chỗ những người có tín tâm. Tuy Vua cấm khắc nghiệt nhưng Sư chẳng sợ luật hình, vẫn cạo tóc, mặc Pháp

Phục, chẳng biến đổi theo thế tục. Mãi đến đầu đời Tùy (581) là trải qua sáu năm, Sư ẩn tích trong nhân gian, chẳng khuyết sút đạo cảm. Tự có đồng trần nhưng không phải đồng loại. Khi đời Đô Lang Thủ, Sư đến trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư bói định ở gò phía Đông của hang Phong Cốc núi Chung Nam, lấy đó làm chỗ ở trọn đời, tức là chỗ đất trước kia Sư ẩn trầm. Núi sông giao gợn sáng ánh, xóm ấp trông vọng lẫn nhau. Tiếp nối các hàng tầng tục, ngày một lớn mạnh khôn phép giáo hóa. Sau, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc cho Tả Vệ Đại Thừa Tướng Tấn Vương Quảng đến núi diện kiến. Sư bảo rằng: “Núi và đời là khác, đến Đạo chẳng khác. Bàn Đạo ở núi, thường ngày gom chứa ý, không hề đời tưởng. Bệ hạ là Thê của Quốc Chủ, chẳng đoạt vật tình là chính!” Vương Quảng trở về tâu trình đầy đủ lại, vua kinh ngạc ngợi khen giây lâu, bèn sai Nội Sử Xá Nhân Ngô Thế Cơ tuyên sắc an ủi thăm hỏi. Và ban thí các vật, lò xông dầu thơm, ba pháp y, các vật dụng lật vặt v.v... Bèn ban sắc đặt hiệu tại chỗ Sư ở là chùa Phong Đức. Mỗi năm đến ba tháng hạ, Sư rộn mở khai hóa dẫn dắt, luôn lấy Luận Đại Trí Độ làm lời trước tiên. Hễ chỗ nào Sư dẫm bước lên đều lý sự ngang nhau. Các hàng sĩ nữ trong kinh áp theo nhau truyền bá, như mây tụ đầu núi, cùng nhóm họp nghe pháp yếu.

Mãi đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) đặt ra chức Tăng Quan. Mọi người cho là chỗ kết quy để chứa nhóm điều lành, nên tôn cử Sư giữ chức Viên Nội. Đạo mở mang, mọi vật tỏ ngộ, có hy vọng rất sâu. Tuy dự cùng Quan liêu mà thân chẳng bị ràng buộc ở thế tục. Bấy giờ lại tiếp nối trọn đời an ở tại chùa Phong Đức. Đến ngày mười lăm tháng bốn niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn thì thị tịch tại chùa, thọ tám mươi lăm tuổi.

Sư nhập Đạo từ tuổi học trò, tự kiềm thúc thân tâm, chẳng ưa xa xỉ, chẳng thích Vinh thái. Khi đang trụ chùa Đại Hưng Thiện, các quan cúng dường rất nhiều, mà Sư vẫn nguyện đi khát thực, trọn đời bảo toàn đức hạnh. Mặc dù đảm nhận mọi công việc của chúng tăng, giữa mùa hạ mưa nhiều hay mùa Đông băng giá, nhưng chí nguyện ấy Sư vẫn không dời đổi. Chẳng bao giờ ăn dùng vật của chúng tăng. Về già, Sư ở nơi khu mộ dưới rừng cây ở ngoại ô phía Tây, tu hạnh Đầu-đà tự tĩnh lặng. Vua Văn đế đi tuần du, gặp Sư mà hết sức ngợi khen. Vua cùng các Cung nhân v.v... mỗi người tự xả thí y phục đang mặc có hơn trăm bộ. Sư bảo người trong thôn đem xe đến chở để sung vào Chùa viện, nên khiến cho Phước điền đổi thay nổi bật trang nghiêm giữa rừng. Linh tháp gác ngang trên đỉnh núi, đẹp xinh nổi lên ngoài áng mây. Đến nổi có người đứng ở ngoại ô kinh đô mà nhìn được truyền xa kính ngưỡng.

Lại nữa, từ khi mới thọ giới Cụ túc, Sư đắp mặc Pháp y bằng vải bố thô xấu, vá chông nhiều lớp dày, nặng đến bốn cân, suốt sáu mươi lăm mùa hạ Sư chẳng hề lìa xa. Những ngày Bồ-tát đều tham dự đầy đủ không hề gởi dục. Sư thường ngồi ngày ăn một bữa, cho đến lúc thị tịch. Thân hình Sư cao đến tám thước hai phân. Dáng mặt khô ngô, tướng cao vợi như phong ngọc. Sư thường ở tại ngọn núi tròn ở phía Nam chùa hơn bốn mươi năm, mặt xoay vào hang sâu, mắt chăm nhìn đến tận khoảng trời mây, đường tắt dài bốn dặm quanh co khúc khuỷu tối tăm vướng víu chẳng dễ leo lên, mà Sư tay cầm bình nước tắm, chân mang guốc gỗ, tới giờ ăn thì men sườn núi mà xuống, sau giờ ngộ lại trở lên, chưa bao giờ bị vấp ngã nghiêng té. Nhân đó mà nói thì Sư cũng là bậc cao sáng hùng ản. Sư tô đắp họa vẽ Tôn tượng cúng dường, đến nay vẫn hiện còn.

Sa-môn Tiểu Đàm trụ chùa Từ Môn ở kinh đô, kính trọng Bốn Nghiệp của Sư nên vì lập Bia ở phía bên phải cửa chùa, do Sa-môn Pháp Lâm ở Dĩnh Xuyên soạn văn.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Pháp Hỷ trụ chùa Tân Lương ở Ung Châu

Thích Pháp Hỷ, họ Lý, người ở xứ Tương Dương. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, được Thiên sư Hạo làm Bảo phó cho. Thiên sư là người đạo hạnh vốn ôn hòa, có tiếng vang trong các đồng Bạn. Sau đến trụ chùa Thiên định, trước đêm sắp thị tịch, Vách tường trước phòng đang ở tự nhiên sụp đổ phía ngoài. Thiên Sư Hạo bảo rằng: “Y báo đã trái nghịch. Tôi sắp lìa đời!” Sau đó ngồi thẳng nhắm mắt như có sở duyên, mà an nhiên thị tịch. Mới đầu không ai biết.

Từ khi Sư đến nương tựa cung kính phụng hầu trải qua nhiều năm, Thiên sư Hạo chuyên tu định nghiệp, lược qua việc dạy răn. Bèn dùng Quán lượng biết người, xét về cơ độ của Sư thì mọi sự vượt trước thực hành, chẳng chỉnh túc mà thành, xét ngưỡng cảnh hạnh chỉ có đức là giúp. Tại chùa Thanh Khê ở Kinh Châu, chúng tăng có hơn bốn mươi vị, mà Sư là Sa-di nên gần gũi cúng phụng mọi thứ. Ban ngày thì lo việc củi lửa nấu thổi, đêm đến tụng tập kinh điển. Ở núi không có đèn đuốc, Sư bèn nhóm củi đốt để lấy ánh sáng, mỗi đêm tự giữ khóa lệ tụng thuộc một trang, như thế trải qua thời gian lâu, sở duyên được bén nhạy. Tuy học các kinh bộ loại nhưng Sư chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chính, thường tranh thủ trong khoảng thời gian ăn xong đến khi ngủ Sư kiêm tụng một quyển. Ngoài ra thì chỉ lấy thiền nghiệp buộc niệm ở trước. Vừa có mờ tối trong tâm, thì liền ôn lại từ đầu.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Thiên Định, cúng lễ long

trọng. Sư lấy sự kiệm hành làm đầu, tiếp giúp an ủi bạn đồng tu, khiêm nhường rộng rang thành đức. Bèn có Xá-lợi rằng Phật là vật quý báu của làng vua. Đặt tên Đài báu, tôn trí ở nhà trên. Các vật quý báu đầy mắt, nhưng người không đức hạnh thì chẳng thấy. Đại chúng cho Sư là bậc giải hạnh ngầm thông, u vi thường giáng hiện, bèn giao phó Đạo tràng cho Sư đảm nhiệm coi sóc. Ngài liền lập ra giềng mối, cúng dường ngày đêm tiếp thừa kính ngưỡng.

Sư lại vì thầy là Thiên sư Hạo lúc thị tịch ý muốn thâm gia bị linh sáng, nên Sư nguyện tụng ngàn biến Kinh Pháp Hoa. Nhân đó chẳng ở tại phòng cũ, chỉ thuần nhiều quanh chùa tháp, với hai oai nghi Đi và ngồi, phát thệ thâu cùng Bốn nguyện, vừa đủ số tám trăm biến, sớm tối tinh tấn buộc tâm không tán loạn, Sư cảm thấy có sự chuyển đổi, vui vẻ khỏe mạnh. Chư tăng cả chùa cùng trông thấy có con trâu trắng buộc giá xe báu đi vào phòng Sư, bèn tìm đến xem, thì không hề thấy dấu vết. Mới biết là do cảm với u thông nên có toại ý giáo môn, nhưng Sư nhún nhường tự giữ, tu tạo như mới đầu.

Có những người bệnh khổ, không luận là khách mới cũ, Sư đều chu cấp thăm hỏi gần gũi chữa trị. Đến chỗ các thứ phần tiêu dơ bẩn, Sư đều dội rửa sạch sẽ. Cho nên cái khổ của tật bệnh là cái mà người đời đều xem thường, nhưng Sư đều không phân biệt dơ tiện, tâm tình càng vui mừng gấp bội, lấy làm việc thường của mình. Cho đến nếu có các hàng tăng tục ở khắp xa gần bị bệnh cùng đến, thì Sư đều vui vẻ an ủi tâm họ, đề trọn báo loại ấy. Hoặc có người từ ngoài đến hỏi bệnh, Sư đều vì người bệnh mà trình bày sự khổ. Có người hỏi về nguyên do. Sư bảo: “Người bệnh bị sự khổ nào buộc ràng lại đến hỏi khiến cho tăng thêm mà thôi!”

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiên Đường, Hữu Bộc Xạ Tiêu chuộng phụng huy phong hoàng độ của Sư, bèn thỉnh Sư đến trụ ở đó. Bảy giờ là thời mở vận, nhưng vẫn còn đói kém. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương lần lượt tìm đến cửa núi (chùa). Sư bèn giám bớt tối đa mọi sự ăn mặc để sung vào việc giúp cho người thiếu thốn. Mọi người thọ nhận trở về sống và làm việc thường. Nên Sư là người được đại chúng tôn sùng. Hễ có người nghi ngờ thì Sư thường giải thích cho họ hiểu và hội thông được yếu chỉ nghĩa lý, hiển bày ở tâm thần. Nhưng Sư thực hành trầm lắng kín đáo, nên rốt cuộc khó ghi chép đầy đủ! Người viết truyện (Đạo Hằng) cùng ở chỗ mà đến cho nên thuật lại đại khái.

Sau, Sư bèn lui về tự tu dưỡng, ra khỏi chúng tăng đến gò phía Nam Ly Sơn, làng đó tên là Lô Lăng, tức là thành xưa chín thế kỷ, phía Bắc giáp với núi Lệ Đài, phía Nam đối diện với gò Hách Tư, liền khe với rừng sâu, là nơi nhóm họp của các bậc tiên hiền. Sư bèn bói chọn nơi đó làm nhà ở, bèn có

chí muốn trọn đời ở tại đó. Sư dốc chí giữa mài rèn luyện đệ tử, dẫn dụ chỉ dạy dân chúng ở núi, Phước đầu tội cuối, mười phần được tám, chín. Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, ban đêm đi được phân nửa, thấy có mấy ngọn đuốc lớn sáng từ phía Nam đi đến, hướng thẳng vào phòng nhà ở núi. Kẻ tăng người tục kinh hãi, lo sợ đó là bọn giặc cướp, bèn báo trình việc ấy với Sư. Sư bảo: “Điềm ứng ấy không có gì đáng lo, chỉ nên tự tu nghiệp”. Đến lúc đến tìm xem, không ai biết được nguyên do. Tại chỗ Sư ở thường giáng hiện những điềm lành, đều đại loại như thế.

Đến mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường bắt đầu bị bệnh nhẹ, Sư tự biết mình không còn sống bao lâu nữa, có người gượng đem thuốc đến trị bệnh, Sư không hề chịu uống. Đến ngày mười hai tháng mười một, Sư mới bảo với môn nhân đệ tử rằng: “Vô thường đã đến, chớ bày việc rầm rĩ náo loạn, phải nên im lặng tĩnh lự, thấy tôi xả bỏ thân thức, chớ để cho người lạ liền vào trong phòng! Và luôn luôn xưng rằng ”Ba cõi luống dối, chỉ là nhất Tâm!” “Đại chúng bỗng nghe từ phía bắc rừng có tiếng âm nhạc và xe chấn động. Nhân đó báo với Sư, Sư bảo: “Quả báo thế gian từ lâu đã xả bỏ, vì sao lại sinh về cõi vui thú, rốt cuộc là ràng buộc phiền lụy!” Sư bèn lại nhập định, chỉ phút chốc mọi âm thanh đều im bật. Có mùi hương thơm xông khắp. Tới đầu canh năm, Sư an nhiên ngồi thẳng mà thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi. Hình sắc Sư sáng sạch như thường trú trong định.

Mới đầu, vào những ngày bình thường, Sư đến khắp núi non hiểm trở, đến một chỗ Sư ngài thị tịch, tăng chúng trong chùa thấy nghi mạo Sư trang nghiêm vòi vọi, nên không nỡ làm theo lời Sư, bèn đục núi làm huyệt, muốn an táng trong đó. Một đêm, tuyết dữ bỗng nhiên phủ khắp dày hơn cả thước, phủ khắp chung quanh đến hai dặm, lấp bít đường núi. Mọi người bèn mở đường đón rước đi. Giữa đường ngài giáng thân vào một vị đệ tử và bảo: “Ta muốn để lộ bày thi thể ở ngoài núi hoang để bố thí chúng sinh, vì sao lại trái nghịch bốn chí của ta? Tuyết phủ kín lối hẹp, hãy nên dừng lại nghỉ đi”. Đại chúng không theo lời Sư, bèn tôn trí vào trong hang, trải qua thời gian lâu mà vẫn sừng sững không thối rã. Tống Quốc Công đích thân đến chiêm ngưỡng, thấy thân sắc Sư vẫn như lúc còn sống, bèn khen ngợi và trở về. Sau đó có người lấy làm lạ vì sao không rã hoại, bèn vào giờ áo nạp Sư lên, mới thấy bị các loài vật gặm nhấm, từ đầu cổ trở xuống thì xương khô sáng đẹp. Rõ ràng lấy đó mà luận thì thật là chỗ cùng tốt của Chí nguyện!

Vả lại, từ tuổi nhập học, Sư bèn đã y cứ vào Đạo, kính thờ chiêm ngưỡng các bậc Danh sư. Thiên chúng ở chùa Thanh Khê và dân chúng trong nước tán dương, đích thân được chiêm ngưỡng phụng dưỡng. Nên được cảnh hạnh thành sáng, ngày một tỏ rạng thanh thái. Thêm vì, Sư rất kính trọng giới luật, hề nghe thì liền y cứ hành trì. Tính nghiệp phân công, dần từng bước bóng

mà ăn. Bảy giờ, có lúc hơi biết là sai liền để trống bữa qua không. Ngày rằm, ngày ba mươi mỗi tháng sám hối tẩy tịnh lắng sạch tâm Bồ-tát. An ủi cấp giúp người nghèo khổ hẳn là việc thường, mặc áo xấu, ăn vật dở là chí thường luôn của Sư. Nhẹ nhàng thanh thoát, cứu giúp, được khen ngợi ở Đông giao.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

(Quyển 19 hết).

---o0o---

QUYỂN 20

CHƯƠNG III - PHẦN 05 : TẬP THIỀN

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn Lăng ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Linh Trí).
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Đạo Thành, Tĩnh An).
- 3/ Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trú ở Lộ Châu, thời Tiền Đường.
- 4/ Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoằng Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.
- 5/ Truyện ngài Thích Tuệ Bản trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu, thời Tiền Đường.
- 7/ Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu, thời Tiền Đường.
- 8/ Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn ở Cơ Châu, thời Tiền Đường.
- 9/ Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tinh Châu, thời Tiền Đường (Đạo Phủ).
- 10/ Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mậu Thắng ở Mật Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Dung).
- 11/ Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu, thời Tiền Đường.

13/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn thuộc Nhuận Châu, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới thuộc Bồ Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Đạo Ngang trụ chùa Hàn lăng ở Tương Châu

Thích Đạo Ngang, chẳng rõ Sư họ gì, người ở quận Ngụy. Sư dấn tín nêu Tông, phong cách trong sạch, có hoài bão tiết tháo khác thường, cao chuộng làm khuôn phép cho đời. Tuệ giải sớm thành, nhưng gần như chẳng khai ngộ.

Mới đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Linh Dụ xin xuất gia. Ngài Linh Dụ là người thần thức cứng rắn, khí độ cao vời. Xét tâm lượng lường khả năng, truyền trao minh huấn. Sư được tắm gội thanh hóa, yêu kính gần gũi, trải qua nhiều năm nóng lạnh, Sư được ngang gót bước vào hàng ngũ. Sư thường ở chùa núi Hàn Lăng, đào luyện viên dung Sơ giáo, làm giềng mối Huyền Tông, như mặt trời chiếu đỉnh núi cao gồm thấu tất cả. Ngài Linh Dụ giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận. Sư xét hợp rộng lớn, tài biện rộng như trời giáng mưa, gõ hỏi liên tục, ý tư thấu triệt lý thường. Mà luôn trầm lắng tiếng tăm dấu vết, luôn ẩn tàng hành dụng, công phu sâu lắng, mô phỏng theo những bậc tài giỏi ngày trước. Ngoài việc giáo hóa chúng sinh, chí Sư kết nguyện sinh về Tây Phương, thường cầu thác sinh An dưỡng. Trải qua thời gian tiếp nối thành việc, Đạo tổ khắp Chương Hà, mọi người được đơm nhuần ân trạch.

Sau, Sư tự dự biết thời kỳ cuối cùng của tánh mạng nên báo với những người có duyên là đến đầu tháng tám sẽ từ biệt. Khi đó chưa ai lường đến lời nói ấy, Sư vẫn dạy răn đồ Chúng. Sư bước lên tòa cao, thân tướng có vẻ kỳ lạ, lò hương phát ra mùi thơm lạ, bèn dẫn dắt bốn chúng cho thọ giới Bồ-rát, văn từ nghĩa lý thiết tha cần yếu, khiến người nghe phải lạnh lòng. Khi ấy, cả bầy chúng vây quanh, nhận hưởng Di Vị. Ngài đưa mắt trông nhìn lên cao, đến khi thấy thiên chúng loạn xạ, đàn sáo rất nhiều vang vọng giữa hư không. Trong đó, có âm vang trong rõ từ xa vọng lại báo với chúng rằng “Âm nhạc từ cõi trời Đâu-suất-đà xuống đón rước!” Sư bảo: “Cõi trời là cõi gốc sinh tử, từ trước đến giờ ta chẳng nguyện sinh về cõi ấy, thường có tâm

cầu về Tịnh Độ, vì sao lại thế này? Thật chẳng thể theo tà!” Sư nói xong, liền thấy nhạc trời vọt thẳng lên cao, chỉ chốc lát bật hẳn. Và liền thấy hương hoa kỹ nhạc từ Tây phương sung đầy như mây cuộn bay đến, bay vờn trên đỉnh, cả chúng thấy đều trông thấy. Sư bảo: “Đại chúng ở lại yên ổn, nay linh tướng từ phương Tây đến đón rước, việc phải nguyện đến!” Nói xong, mọi người chỉ thấy lò hương rơi khỏi tay Sư, bèn ngồi thẳng trên toà cao mà thị tịch trong chùa Báo Ứng, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường.

Các hàng đạo tục khóc thương, đến xem đông như núi, khi nâng nhục thân Sư sắp tẩn liệm, dưới chân Sư phát ra ánh sáng. Văn tự hiện rõ cùng khắp trong phòng, v.v... vậy. Nếu chẳng phải Đạo hợp Linh Chương, hạnh phù hợp bậc Thánh thì làm sao có thể hiện những điềm ứng tốt lành ấy? Khi đó, khắp xa gần mọi người khen ngợi, hơi khí kết thành bóng râm. Nhục thân Sư ngồi kiết già ngay thẳng, các đường gân trong lòng bàn tay ngưỡng hiện rõ. Mọi người tham dự trông thấy tướng tích, vừa buồn vừa vui. Lại đón rước đến núi Hàn Lăng, đục đá làm huyệt, tôn trí tại đó, mãi đến mùa Xuân năm sau vẫn không thôi rửa, an nhiên như lúc đầu.

Từ khi tiếng tăm đạo hạnh Sư vang khắp Đông hạ, Sư luôn từ nhuận ôn nhu, đức sáng tỏa soi. Sư có nuôi dưỡng một con chó điếc cả hai tai, mỗi ngày tự giảm bớt thức ăn để thí cho nó, sau khi Sư tịch thì không còn thấy nó đâu nữa. Lại nữa, ban đêm Sư lên tòa giảng pháp. Bấy giờ, gặp lúc tăm tối, lại không có đèn đuốc. Sư xòe tay đưa lên cao chỉ bảo thì tay Sư phát ra ánh sáng khác lạ, soi chiếu rõ khắp phòng. Đại chúng trông thấy điềm ấy lấy làm lạ, chẳng biết từ đâu đến. Sư bảo: “Thứ ánh sáng này thường có trong tay, đâu có gì lạ ư?” Sư có được nghiệp lành lớn sâu, u minh đều cảm ứng, thật không thể lường biết được. Cho nên Sư là người có đạo đức cao quý, vượt cao hơn đời.

Bấy giờ, tại Tương Châu lại có Sa-môn Linh Trí. Ngài cũng là đệ tử ngài Linh Dự. Cơ Nghiệp xán lạn, nổi tiếng ở đương thời. Thường giảng thay cho ngài Linh Dự. Ngài biện xướng sáng thực, thích đáng tâm tình hoài vọng. Thêm vì rất khéo thông hiểu kinh luận, thường lên ngôi ở chỗ đầu. Văn Nghĩa rộng xa, khéo suy nghĩ như sương búa, cật nạn thừa hỏi ý chỉ bén nhọn, rào bước khắp Chương nghiệp. Nên khiến mọi người khắp bốn biển trông thấy vui mừng, đều thuận theo Thanh giáo.

Sau, Sư chợt tự cảm thấy bần trí khó cùng cực. Pháp hành phải nương tựa, nhọc bầy thuyền bè, phải nghỉ gác mái chèo. Sư bèn lắng tuyệt chương số, dốc tu thiền nghiệp, đó lường tác bóng mà gìn giữ tâm, có tâm rỗng rang là việc thường. Đi khát thực, thực hành hạnh Đầu đà, để lắng trong linh sáng,

làm khuôn phép cho mọi vật chúng sinh, ánh sáng đức hạnh tỏa sáng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại Nghiệp Hạ, thọ bảy mươi lăm tuổi. Về sau mọi người học hạnh kiệm ước từ ngài, nương tựa bóng trần ấy rất đông.

---o0o---

02. Truyện ngài Thích Đạo Triết trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô

Thích Đạo Triết, họ Đường, người ở xứ Lâm Ấp thuộc quận Tề. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp Sư Minh Cập, học các Kinh Thập Địa, Địa Trì, rất được các bạn đồng học kính trọng.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chỉ vâng thờ hạnh môn. Lại nương tựa Luật sư Hy ở Quận Ngụy học Luật Tứ Phần. Luật sư Hy cũng là bậc kim chỉ nam, một thời trọn mắt cau mày với cả năm chúng. Sư ở đó thọ giáo rộng hiểu, trải qua gần sáu năm, tìm hiểu kinh tông, nghiên cứu văn thể ấy. Nhưng vì giới tuệ tuy Sư thông hiểu nhưng chưa có tâm về Định nghiệp. Tại Hà Nội, có Thiên sư Tuân là người mà mọi người suy tôn là chẳng thể lường biết, là bậc Tông tượng đứng đầu ở đương thời. Sư vui mừng đến nương tựa, rất mực chí thành, nên được Ngài tận tình chỉ dạy. Khi vừa tỏ ngộ Chân Đế thì hoá nhiên Đại thông. Bạn thiền cùng mừng tạ, giải ngộ lên thất.

Nghe ở Kinh Ấp, Đạo pháp đang hưng thịnh, Sư bèn tiến bước theo đó. Mới đầu, Sư đến trụ chùa Nhân Giác. Tại đó có Sa-môn Đàm thiên được khen là biết người. Sư bèn đầy đủ lễ thầy trò, đến học Nhiếp Luận, nghiên cứu chí lý, hiểu ngộ văn luận ấy. Nêu phỏng có phương thức, đâu chỉ tiếng dạy răn. Bèn chán lìa việc người đời, trầm lắng đến trụ tại Lạc Cốc ở núi Chung Nam. Ở núi lương thực khó tiếp nhận, trao nhận phải tĩnh lắng. Đã thiếu kẻ để sai sứ nên Sư để bụng đói qua nhiều đêm. Vui mừng với vị pháp Không ấy, có Cư sĩ Trương Huy, theo sự nhiều năm, vừa cầu hỏi điều lợi ích vừa cung phụng kính dâng. Vì có việc tạm xuống núi, bỗng gặp lúc tuyết phủ, đường sá đã ngăn bít, bảy ngày mới đến. Sư vì tuy đói trước thức ăn mà không người trao, giữ cái chết chánh niệm. Khi Trương Huy vạch tuyết tới am, búng ngón tay thức tỉnh, Sư mới xuất Định. Sư thật cẩn trọng gìn giữ đại loại như thế.

Chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô vì Sư rất có tiếng tăm đạo hạnh nên được thỉnh đến trụ ở Hoa Quán. Mới đầu, Sư theo ý chúng, bèn ở nơi Thất nhỏ. Mỗi ngày ăn một bữa và thường thực hành khát thực, chẳng nhận lợi dưỡng của chúng tăng, chúng càng kính trọng. Dân chúng ở huyện Chu Ốc xưa kia khi Sư còn ở Lạc Cốc rất nhiều người kính tin bèn cùng nhau dẫn đến đón rước. Sư bèn đến đó, xây dựng thiền vũ, lập ra đồ chúng, dạy răn đạo nghiệp. Các hàng Đạo bạn cũng như người thế tục ở núi cùng nhau theo đến.

Sư bèn chỉ bày chánh pháp, dùng luật nghi răn dạy. Từ vùng xa xôi hẻo lánh nhờ đó mà nổi tiếng khắp các Kinh Phụ. Bỗng một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “Vô thường đã đến đại chúng khó thấy, mắt mờ đã đến. Hận dài nói gì!” Bèn đi theo hướng Đông về lại chùa Đại Trang Nghiêm, thăm hỏi các bậc danh đức rồi Sư an nhiên thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiên Đường. An táng tại ngoại ô phía Tây kinh đô. Những người xưa ở Trường thành đều kính mến, tiếng tăm khôn phép của Sư, bèn khai quật phần mộ, đón rước kim quan về lại Chu Ốc, hành đạo thiết trai, rồi theo phương thức hỏa táng, thu nhặt tro tàn, xây tháp thờ ở phía Tây thành, trồng hai hàng cây ngay ngắn bên cạnh trong làng Long ngạn. Và trồng nhiều Cây Dương, Cây Bách để người qua lại kính vái.

Sư là bậc chóng phát thiên tài, học chẳng bắt chước theo xưa, soạn “Bách Thức Quán Môn” mười quyển, “Luận Trí Chiếu Tự thể” sáu quyển, “Luận Đại thừa Văn Tự”, v.v... lưu hành ở đời. Ngài có Đệ tử là Sa Môn Tĩnh An, Đạo Thành, kế tiếp tông phong, chuyên việc tiếp nối. Ngài Tĩnh An ngầm vết ở chốn suối rừng, chỉ chuyên niệm định mà giữ gìn Đạo nghiệp. Ngài Đạo Thành hạnh cảm huyền giải, khiêm nhường hòa mục tự tu, bao gồm luật bộ giảng Đạo tiếp nối ở đương thời. Ban đầu, Sư trụ chùa Đại Trang Nghiêm. Vì truyền bá nghiệp cao nên được đề cử đến Diêu Đài giúp hoàng hóa ở đó. Ngoài ra sóng lạng trùm đầy, hưng thịnh ở kinh đô.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Đàm Vinh trụ chùa Pháp Trí ở Lộ Châu

Thích Đàm Vinh, họ Trương, người ở xứ Cửu Dương thuộc Định Châu. Bắt nguồn ở Nam Trịnh mà phân phái, nhân phong mà ở Cao Dương.

Năm mười chín tuổi, khi ấy đang là thư sinh, Sư khắc chí với huyền lý, không chôn gá tâm. Nhân có Pháp sư Linh Dự đang giảng Kinh Hoa Nghiêm, Sư bèn thử đến nghe, bèn tỏ ngộ hoàng phạm, hiểu sơ sự giải thích. Sư bèn đến nương tựa Ngài Linh Dự. Ngài Linh Dự là người có phong cách trong sáng, xét thấy Sư chuyên cần hành nhiếp liền độ cho. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên học luật tông trải qua sáu năm, học rành các khoa, hiểu rõ khai hết. Nên lấy Kinh Địa Trì làm môn học trước tiên.

Gặp thời Bắc Chu phá hủy Phật giáo, Đạo giáo, Sư bèn ẩn thân trong thế tục. Tuy bên ngoài đồng với bụi trần mà bên trong thâm đượm Đạo vị. Đến đầu đời Tùy (581) trở lại mở mang Phật Pháp. Sư chẳng chuyên vì công danh, tùy duyên thông hóa, chẳng hề chấp trước. Năm bốn mươi tuổi, Sư vì đạo nghiệp đi khắp phương Tây, đến các núi ở Thượng Đẳng, Lộ Thành, Lê Thành, nương gá nơi non cao, dựng am ở ẩn. Vì ý đức đã sung mãn nên các

hàng tăng tục đều quy ngưỡng. Sư bèn khai thác cây củi chường vật, mở mang dựng lập thiền phường, khắp bốn phương xa nghe đạo phong mà đồng một lúc nhóm họp đến. Sư là người hình giải hùng mạnh sâu xa, tùy bệnh cho thuốc, nên người nào được uống đều rung động đến đờm nhuần. Lễ cúng ngày một long trọng, Sư đều bảo ban bố cho người thiếu thốn. Đến cuối đời Tùy bị xâm lăng ly loạn, trăm dân đều theo vận, binh lính đói khát. Sư chỉ mong toàn vẹn được giới đức, chủ yếu là nhờ đạo sáng. Mọi sự cần hộ trì thì Sư đích thân làm Pháp Chủ. Mỗi năm hai mùa xuân, hạ Sư lập Pháp Phường Đẳng, Ban-chu, Thu Đông mỗi mùa hưng khởi ngôi thiền niệm tụng. Tăng ni ở biệt viện nên có bốn chỗ, khiến cho năm chúng đông nhiều như mây giăng, trăm thứ cúng dường nhóm họp. Ngày một thêm lớn sự mừng vui thanh thái, vui mừng hơn hờ. Nên từ các bang Tấn, Ngụy, Hàng Triệu, Chu, Trịnh v.v... vác hàng xuất gia được trở lại mới mẻ với giới pháp. Đó thật là do công đức của Sư!

Sư thường đến chùa Diên Thọ ở huyện Hương Ấp thuộc Hàn Châu, lập pháp sám hối. Thứ sử Phong Đông Nhân vốn kính thờ đạo Phật, gia truyền cúng dường, dâng tặng ba viên Xá-lợi để chúng hành đạo. Khi ấy đã tám mươi tuổi, mà Sư đích thân hướng dẫn các hàng đạo tục cả ba ngàn người đi bộ giữa đồng trống kéo dài hơn hai mươi dặm. Khách theo cũng rất đông, ve vang tràn tỏa ở đương thời. Khi đã về đến chùa, Sư bèn bảo đại chúng rằng: “Oai Đức của Xá-lợi biến hóa vô phương. Nếu nghiệp lụy có tiêu thì mong cầu sẽ toại nguyện”. Lúc đó, mỗi một người đặt bát nước riêng trước mặt, dùng thêm lò hương suốt đêm khỏ cầu. Đến sáng hôm sau trong bát tổng cộng có được hơn bốn trăm viên Xá-lợi. Tiếng tăm vang động khắp cả kinh ấp, huyện lệnh lo sợ ở đó nhóm họp chúng đông có rơi phạm vào điều Chương, nên kính sợ mà dừng việc ấy. Ngay đêm đó có tiếng loài thú lạ kêu rống ở Sảnh Vũ, quan dân suốt đêm chẳng an, sáng sớm bèn đến tỏ bày sám hối và mới thực hành theo Pháp của Sư. Đức hạnh Sư trùm khắp thánh phạm đại loại như thế. Mùa Hạ niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, đang ở tại thôn Giao Chương thuộc Lộ Thành, Sư lập pháp hành đạo. Nơi phòng đang ở tự nhiên sụp đổ hư hoại, khám tượng Xá-lợi tự nhiên vượt ra ngoài, dừng yên trong sân, không hề hư tổn gì!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, có các Cư sĩ Thường Ngung Bảo, v.v... thỉnh Sư đến ở chùa Pháp Trụ ở Châu Trị thực hành pháp Phường Đẳng sám hối. Đến ngày mười bốn tháng bảy, tại chùa đó có Sa-môn Tăng Định là bậc giới hạnh tinh chuyên, ở trong đạo tràng thấy ánh sáng rực rỡ hiện khởi năm màu từ trên không mà xuống. Trong đó có bảy Đức Phật tướng tốt khác thường, nói với ngài Tăng Định rằng: “Ta là Tỳ-bà-thi Như Lai Vô Sở trước Chí Thân đẳng Chánh giác, nay vì ông tiêu

tội nên đến chứng minh, nhưng không phải Bồ Sư nên không thọ ký”. Như thế cả sáu Đức Phật đều đồng nói lời ấy. Đến Đức Phật sau cùng bảo rằng: “Ta là Bồ Sư Thích-ca Mâu Ni Như Lai, vì ông tội tiêu nên đến thọ ký. Sa-môn Đàm Vinh là bậc duyên lành diệt tội cho ông, ở trong kiếp Hiền tên là Phật Phổ Ninh. Thân khí ông thanh tịnh, về sau sẽ thành Phật tên là Phổ Minh!” Sư có những ứng hiện cảm linh tốt lành như thế, lòng tin khó toan tính.

Về sau, khi nằm trên giường bệnh, trong khước mắt Sư hoen lệ. Đệ tử Sư là Sa-môn Viên Tông thưa rằng: “Hòa-thượng từ trước đến nay, niệm tuệ đều không, chẳng biết bởi có sự gì mà buồn khóc!” Sư đáp: “Ngày ta chết đã quá bức bách, hận chẳng được rửa tẩy lụy tội cho các tăng ni!” Ngài Viên Tông hỏi: “Vì sao phải đến nỗi ấy?” Sư đáp: “Từ ngày Phật pháp trở lại hưng thịnh đến nay, chưa một lần độ, chẳng nghe thuyết giới. Nay bị bệnh làm khổ, thuyết dục, ở đây chắc là chết!” Đến tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Pháp Trú, thọ tám mươi lăm tuổi. Được an táng nơi dã ngoại. Sau, môn đồ ra thâu nhật di cốt về an táng tại phía Nam của chùa, xây tháp để tán dương đức hạnh Sư.

Từ lúc Sư dẫm trải qua lắm gian nan, mà vẫn kính chuộng Phật giáo. Hình khí Sư đẹp xinh cao hơn tám thước. Nói lời hoà nhã, phong cách cao xa. Năm bốn mươi tuổi, Sư tuyệt thực để thân hình, thường chỉ ăn bánh bột giữ trung bình để xét tĩnh phiền lụy, kính vâng theo giáo pháp, kết tịnh thật ít thấy ai được như Sư. Thường ngày Sư vào tăng trù, hỏi han các vị làm thức ăn, nếu có sự tạp nhiễm thì đích thân coi sóc phiền uest, đều tẩy rửa làm cho các vật đựng thức ăn sạch sẽ rồi mới trở về phòng. Sư tự đến hầu thăm các vị danh đức, ít nghe loại ấy. Lại các phòng trong chùa phần nhiều có kết tịnh địa, mô phỏng theo việc nấu bốn thứ thuốc, nên dự thắm vào cửa tường, tan ở các phương, đều hưởng được gió lành, khỏi các tú xúc. Lại mỗi năm sám pháp phải đầy đủ lưỡng nghi. Nếu hai thiên trở xuống thì y luật mà làm cho thanh tịnh. Trước khiến trì y thuyết tịnh, trọn đời lập thế nguyện. Sau đó mới yết ma tùy trị thành người. Ở nhóm đầu là chánh tội, y cứ theo Đại thừa, vẫn khiến cho tâm dùng Lý sự chẳng chấp Hữu Không, thân miệng oai nghi quy về luật kiểm. Nên tự theo sự dạy răn, kính thờ chánh pháp không thiếu sót, đều được trọn đến mạng báo.

Nhân tâm phỏng đạo nghệ nên tôi (Đạo Tuyên) đi đến Lộ Thành, bái yết thanh nghi, được biết sáng tỏ đại lược, không dám để rơi rớt đầu mối tốt lành ấy.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tĩnh Lâm trụ chùa Hoàng Pháp ở kinh đô

Thích Tĩnh Lâm, họ Trương, vốn người xứ Nam Dương, sau dời đến ở Hoa Nguyên thuộc Kinh Triệu. Từ thuở bé, Sư đã trái bỏ tục tình, nương gá truy môn. Ngày Sư mới ra đời, có vị Đạo nhân người nước ngoài bảo rằng: “Đứa trẻ này rất đáng quý, nếu xuất gia sẽ mở mang Phật pháp rộng lớn!”

Năm bảy tuổi, Sư đến chùa tăng xin xuất gia, thường ngày chăm lo việc làm ruộng cấy lúa, chẳng trái sự dạy bảo, nhưng không đưa đến kết quả như hoài mong, Sư suy nghĩ sâu xa thật là phi pháp. Tự nhìn lại mà bảo rằng: “Ở đây chưa bỏ, thì đâu khác gì thế tục?” Sư lại nương theo một vị thầy khác hết lòng chánh hóa. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư lại nương theo tục duyên. Đến năm hai mươi tuổi. Sư vẫn mong cầu, không hề biếng lười. May gặp thời nhà Tùy mở vận (581). Sư liền đến chỗ Pháp sư Đàm Mãnh dùng Hi việc nhiếp nhau, trải qua năm năm, Sư vẫn còn chuyên việc Sa-di, chưa dám thọ giới cụ túc. Mừng đội ân khai pháp. Ngài muốn mở rộng sự thấy nghe, bèn từ giả Bồn sư (Đàm Mãnh) đi về hướng Nam, đến Phiên Đặng. Ở tại châu ấy, Sư tán đàn thọ Đại giới. Vì mới thọ giới pháp, chưa hiểu rõ thanh quy. Sư lại xa đến Thanh tề, nghe học luật cấm. Phát sau đến trước, Sư đứng đầu các vị nghe trước. Sư lại đến chỗ Pháp sư Giác, nghe học Kinh Thập Địa. Lại chóng xoay gót về Nghiệp Đô đến chỗ Pháp sư Củ, tham cứu nghe giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Lăng-già, Tư Ích và đều thông suốt tinh lý, khéo suy nghĩ cao vượt, các bản cựu truyền tân giải thường tỏ bày khí lượng. Bấy giờ được suy cử khai mở giáo hóa, Sư giảng giải ý chỉ sâu màu, mọi người đều kinh hãi với điều chưa từng được nghe, nhưng trong lòng nghĩ tưởng vẫn cho là chưa đủ. Sư Triền chuyển đến nghe rộng khắp Đông Xuyên, chữa nhóm kiến giải tâm sư lại đến Bồ Tấn.

Ở đó có Sa-môn Đạo Tấn, Đạo Thuận là những bậc Đại đức nổi tiếng, lưu giữ Sư lại giảng cho nghe Kinh Thập Địa. Trải qua thời gian lạnh nóng, tuy nghe được thanh thái, nhưng chí càng phiền toái, vấn vương. Khi xuống tòa, vào phòng vỗ ngực tự xét rằng: “Pháp vốn để trị bệnh, mà nay khinh mạn pháp càng tăng, vả lại, Đạo quý ở điểm rộng thông mà nay đắm trước càng bền chắc. Đó là điều không thể được!” Liền đó, Sư bỏ nghiệp giảng, chuyên tu thiền môn. Mới đầu Sư học các pháp Bất tịnh niệm xứ, v.v... lại hiềm ghét sự vụn vặt phiền toái xem xét nơi người. Sư mới học Đại thừa đến chỗ Vô Đắc quán, lia niệm Duy thức càng rộng mở bày, mỗi lần tu tập, mỗi lần hiểu rõ đào luyện qua mười năm, tinh thông nhận biết xưa trước, càng đổi mới sự thực hành sau. Mà Sư vẫn mặc áo rách xấu, ăn vật thực không ngon, tình muốn dứt bặt.

Sau, Sư vào núi Bạch Lộ, ở núi lương thực ít có, Sư liền thử dùng pháp bỏ ăn cơm gạo, riêng một mình rảo bước khắp cùng các đỉnh núi. Lại trải qua

nhiều năm, ở trong núi, nghiệp định làm hôn trầm mê hoặc tâm, Sư bèn leo lên đỉnh núi cao chót vót cách bờ nhìn xuống cả ngàn nhận, bên cạnh có mọc một cây, mới gặp được người tốt. Sư bèn phủ cỏ lên trên và ngồi lên, trong đó buộc niệm càng động hơn ban ngày. Sợ chết đã lớn, càng quán sát sâu. Sau, nghe ở núi Thái đặc biệt có nhiều điềm linh dị, Sư bèn tìm đến đó. Khi đã đến núi ấy, ban đêm trông thấy đuốc lửa chung quanh soi sáng khắp cả đỉnh núi, Sư liền chuyên tìm cầu, trải qua nhiều ngày mới đến nơi, bèn thấy có năm, sáu vị ni nhóm họp cùng ngồi luận đạo. Ban đầu, Sư đến hỏi han tất cả các vị và cùng bàn luận về nghĩa lý Duy thức v.v... Trong thời gian nói chưa dứt lời, bỗng nhiên biến mất. Buồn bã giây lâu, Sư bèn tỏ ngộ được thật Pháp.

Về sau Sư vào Quan Trung, gặp được Thiên sư Đàm Thiên đang giảng Nhiếp Luận, Sư chỉ nghe một lần mà như trí tuệ ngày trước chẳng có gì mới mẽ. Niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581-605) ban sắc đón rước xá-lợi đến chùa Thần Đức ở núi Thạch Môn thuộc Hoa Nghiêm. Sư bèn sang đó ở, tĩnh lặng theo khóa nghiệp, hạnh giải hưng thịnh, tiếng tăm vang khắp chốn kinh đô.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, có các Sa-môn Hoàn Nguyên v.v... thỉnh Sư trụ lại các chùa Minh Luân, Diệu Tượng v.v... ở Đế Thành, giảng nói truyền bá Nhiếp Luận, hàng thức giả quy hướng rất đông. Sau đó bỗng nhiên vua Dương Đế (Đương Quảng 605 - 617) ban sắc thỉnh Sư vào Đạo tràng. Khi Sư đã đến Đông Đô, thiên môn càng đông đảo. Tề Vương bày tỏ Tình sâu lý Định, mỗi lúc cần thưa hỏi điều nghi thì thỉnh Sư đến nơi Bồn Đễ, kính phụng theo quy giới. Hồng

Lô Tô Quý là bậc học cao xưa trước, mũ lọng đầy triều, bảm thọ Tông sư dạy bảo, làm thuyền làm cầu. Ở Cao Dương có các Sa-môn Đạo Hùng, Đạo Thê, ở Quận Triệu có Đạo Hiến, Minh Tắc, v.v... đều là các bậc oai phụng của chốn thiên môn, hạt ngọc sáng giữa biển trí, đều tiếp thừa lý vị, chức rớt Hoa thật.

Ở Tương Dương, có Sa-môn Hồng Triết là bậc đức cao được trọng vọng, phong lực oai hùng đến kinh sợ, nghe tiếng sâu xa của Sư là bậc tài giỏi ở đương thời, nên lại nêu lời hỏi rằng: “Người mến Đạo thì đông, mà ý chuyên vì việc gì?” Sư thấy văn từ ấy khó đua tranh, liền dùng sự mà nêu bảo rằng: “Núi hang cao sâu, ý định ở đâu?” Ngài Hồng Triết hỏi: “Núi cao hang sâu, xưa nay tự như vậy”. Sư bảo: “Nếu như người đến nói, còn các chỗ khác lấy đất lấp bít hang ngang bằng núi, để định cao thấp”. Ngài Hồng Triết tỏ ngộ chỉ một lời nói ấy nên rất mực dùng văn từ thần phục. Do đó, các bậc Tài tuấn đỉnh ngộ đến nương tựa bên bờ, xét nghi càng chông chát,

cho nên tiếng tăm Sư truyền càng rộng lớn. Sư lại cho rằng Tượng giáo dần truyền về phương Đông, giềng mối chánh pháp tuy nghiêm, nhưng tăng nghi chánh độ vẫn chưa được mở mang sáng tỏ. Sư muốn đi khắp cõi Diêm-phù khắp cùng các linh tích. Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) Sư dâng Biểu tấu trình. Và được Ân vua ban chiếu bảo Sư tuần du các nơi, đồng thời cấp sứ nhân truyền đạt thư tín của Quốc gia, Sư đi tới đất Tương Dương, rồi vừa đến Hải Nam thì gặp phải quân giặc đã xâm chiếm, trong nước phản nghịch, đường sá tắt nghẽn, nên Sư phải về lại Nam Dương.

Đến niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) Sư lại được thỉnh vào kinh đô trụ chùa Đại Tổng Trì, mở mang thuyết giảng như thường trong thời gian lâu, các hàng học giả đến học rất đông.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiên Đường, Chánh Bình Công Lý An Viễn tấu trình lên vua xây dựng chùa Hoàng Pháp, vốn kính tin, thỉnh Sư đến ở đó. Sư lập ý lìa duyên, nhiếp niệm dưỡng Đạo. Vào cuối đời Tùy bị bế tắt ngưng trệ, đến khi nhà Đường mở mang, các hàng tăng tục quy y, mừng vui tỏ rạng. Sư bèn dứt bỏ phiền nhiễu, đạt đến đơn giản, chỉ giảng truyền Luận Trung Quán lấy làm chính, ngoài ra các kinh luận như Duy-ma, Khởi Tín, tạm tùy cơ mà thường giảng bày. Đêm thì Sư cố gắng nhiếp giữ Niệm tuệ, mỗi việc đều nêu chứng tinh nghiên, và khiến mở ra từ tự tâm, chẳng do người khác trao truyền. Nên như Luật Sư Huyền Uyển là bậc Đạo Vương ở Quan Hà cũng đích thân tiếp thừa khuôn phép, ngoài ra các Bạn Đạo Tuế hiển kỳ luận. Trụ Thành Vương và Thái Phi, Sở Quốc Thái Phi, Công chúa An Bình v.v... đều là Hoàng Gia Đế diệp thỉnh giới ở Đệ Trạch, bày lễ rộng lớn. Quốc tử Tế Tửu Tiêu Cảnh, công Bộ Thượng Thư Trương Lượng. Chiêm sự Đỗ Chánh Luân, Tư Nông Lý Đạo Dự, v.v... đều phát nguyện xin làm đệ tử, đầy đủ các Pháp vật, thường dâng cúng Sư sử dụng. Lại vì đồ chúng Nghĩa Học, do khuyết thiếu Luật tông, Sư bèn đích thân thỉnh cầu Luật sư Trí Thủ giảng dạy mở mang Luật Tứ Phần. Một phen trải qua mười biến, tự thân Sư dẫn đầu chúng, nên khiến giáo pháp trụ trì ở Kinh Liễn rất tốt đẹp. Cho đến các hàng Sa-di, Tịnh nhân đều hiểu rõ về Luật tướng, thật do công đức của Sư.

Bỗng nhiên đến đầu mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh. Qua đến sáng sớm ngày hai mươi sáu tháng mười, trong lúc bệnh trở nặng, có Sa-môn Pháp Thường là bậc nổi tiếng ở chốn Đê Đô, vốn cùng chu toàn nên đến cùng giã biệt. Sư bảo: “Chẳng luyến tiếc đời này, chẳng tham cầu quả báo tương lai, duyên nhóm họp thì có, duyên tan thì không!”. Mà thần khí Sư lắng đọng, xưa nay chẳng loạn. Từng có người hỏi thăm về bệnh tật, Sư bảo: “Lấy cái Bệnh ở tôi mà xót thương bệnh ở bao người khác!”. Nhân đó mà ngài chảy nước mắt vì nghĩ đến các đường khổ.

Và liền đó, Sư nhóm họp tất cả tăng chúng và môn nhân mà bảo rằng: “Sinh tử đường dài, có tâm hằng ngày rút ngắn. Các vị hãy tự kính, chớ lụy Thần ấy!”. Và Sư liền nằm nghiêng về phía hông bên phải, chỉ chốc lát liền thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi. Các chỗ đều lạnh cả, chỉ ở đỉnh đầu còn nóng ấm, mãi đến ngày trà-tỳ mới tán thân. Và hình sắc tươi tắn mềm mại đặc biệt khác thường, đón rước đến cử hành lễ trà-tỳ tại chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam, chỉ có cái lưỡi còn nguyên, lại đem thiêu lần nữa thì càng sáng đẹp. Đó chính là do năng lực giảng nói đúng với chánh pháp của Sư! Các đệ tử của Sư có hơn bốn mươi vị kính phụng qùy trước. Từ nhan, thấy đều kính ngưỡng, trong suốt một trăm ngày, báo chung tất cả mọi người có duyên cùng đọc tụng đọc kinh điển Đại thừa, tất cả có hơn bốn mươi ngàn quyển. Vào tạo ngàn viên Xá-lợi, làm tháp gỗ cao năm trượng, chạm trổ tô điểm xinh đẹp sáng chói giữa khoảng trời xanh, rộng lưu bố Đàn Na để báo đáp ân đức linh trạch.

Mới đầu, khi còn sống, Sư dùng thật lực để hoằng hóa rất nổi tiếng. Mỗi lúc nói về chỗ Chí Lý huyền ngưng không ai chẳng rơi lệ khen ngợi kính tin. Sư nói: không gì chẳng trải qua, chẳng gì việc không làm. Có Thông sự xá nhân Lý Hảo Đức từng ở Lạc Ấp thọ nghiệp với Sư. Sau Sư đi qua Quan Thiên Môn, khó khổ bởi việc tục, bèn lánh theo dòng đến núi chằm, sai đệ tử hướng dẫn. Nếu y cứ theo chánh sắc thì tội đáng xử tử. Sau có người ganh ghét đối với Lý Hảo Đức, không lấy làm cực hình, và hạ ngục trừng trị ngài. Ban đầu không chống trái, nên người trông coi ngục rất biết tình lượng, không do đâu mà xua đuổi, sự việc theo lo toan mà qua, tự nhiên phóng thả. Nên các hàng thức giả cho rằng: “Lời nói thật là thang trời, đến chết mới biết lượng”, ấy chẳng gì phải thêm nữa.

Tự ban đầu đến hỏi Pháp. Sư không sợ xa xôi hiểm trở, y phục rách rưới thì dùng chỉ may vá. Giường chiếu ấm nóng thì ngồi lên trên để tiết lượng đó. Lại tiết lượng sức lực mạnh yếu, chẳng duyên danh lợi, nói nín Sư đều trầm tĩnh, tu nghiệp oai nghi, có tên gọi khác. Khắc nhỏ chẳng lộ bày nơi miệng mũi, uống ăn không hề nói dở ngon. Sư rất mực kính thuận, không có gì thêm. Lại nữa, Hạnh vị của Sư thật khó lường biết, rận rệp chẳng ngang qua nơi thân, nếu như có thì liền chốc lát chạy tan. Đó là mắc nợ đã mạo phạm, nên chỗ báo là ít có.

Sư từng ở trong hang núi, cần gạo thóc phải đợi rất khổ nhọc bèn một hoàn thuộc độ chừng một thặng, được một vòng chi, Sư uống dùng kéo dài trong ba năm. Các vật tiện lợi Sư gom nhặt tẩy giặt mà sử dụng lại. Nên có khả năng nghiệp định bền bỉ trong sáng, chuyên chú khó dời đổi. Bảy giờ, gặp năm đói kém, Sư tùy duyên vào báo với người trong thôn ấp, hề có được thì ban thí, riêng mình chỉ an vui với nghèo khổ. Sư từng ở trong giảng hội, có

chừng ba mươi người đòi định mưu hại một kẻ thù. Hai người đến giết hại, trong đó có một người hối hận đã theo Sư thọ giới. Trải qua năm tháng đã lâu và đều đã theo vật, người thọ giới bỗng nhiên chết giấc, ở ngực còn nóng ấm, sau lại tỉnh ngộ thấy rõ kẻ oán xưa và cùng những người đồng mưu hại luận cáo về việc giết hại. Người thọ giới ấy kêu oan, không phục, dẫn Sư làm chứng, vua liền triệu vời làm chứng thì phải có cáo. Sư sống ở cõi khác, nơi thế giới Kim Lật, vua đã cảm chứng, nhân đó mà thả người ấy.

Lại nữa, suốt cả đời Sư, hễ đến các chôn Già-lam, thấy đều khiêm nhường tự giữ. Đến lúc danh cao phước dày, mọi người cúng dâng ban tặng, Sư đều giao phó cho người thị giả, chẳng hề hỏi lại. Sau này khi làm việc phước, Sư mới hận không có của cải, người thị giả bèn đem ra cho Sư xem, Sư bảo: “Ta không nhớ có vật này!”. Đó thật là tâm chuyên y cứ Đạo, tình không vương mắc thế sự. Có thể nói ở cuối đời Sư xứng đáng là tấm gương để soi chung.

Từ khi Sư đến trụ chùa Hoàng Pháp, giảng nói giáo hóa bốn phương, học chúng bạn đạo khách tăng đến đông như chợ ồn náo. Sư vời đến an ủi vỗ về, tùy việc mà vui tiếp thừa, mà độ lẫn công tư, hiến chương có thứ lớp. Nên khiến bên ngoài tuy là cấm ngăn kiên cố mà bên trong thật là thông lưu. Núi rừng trông ngóng mà có chỗ kết quy, khuôn phép lập ra mà bày phép tác. Sau khi Sư thị tịch, pháp ấy càng được kính trọng. Do đó, ở kinh thất, chùa tăng có hơn năm mươi ngôi, còn như tự tiếp lễ khách, tăng nghi hoà mục, không ở đâu sánh bằng với chùa Hoàng pháp. Lại nữa, chùa xưa hư hoại, chỉ còn một Phật đường. Lúc tăng chúng mới đến ở chỉ là nơi nhỏ hẹp mà thôi. Sư đôn đốc khuyến cùng bạn đạo đồng xây dựng mới lại, nay thì phòng nhà bao quanh, kho bếp chứa nhiều. Khách chủ lẫn lộn đồng đi ở tùy ý. Nên Pháp Sư Linh Dự nói rằng: “Dùng Đạo để thông suốt vật, vật do Đạo chiêu Cảm, Tuệ do Đạo mà có, trở lại cúng dường Đạo chúng. Nên Tăng thật là do khách, sâu có công lực thâm!”. Lời ngài Linh Dự gần với Sư.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Bản trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh Đô

Thích Tuệ Bản, họ Hòa, người xứ Duyện Châu. Sư đọc xem cùng các Kinh nghệ, Văn nghĩa đều mở thông, riêng hiểu về nguồn chữ, rất sáng tỏ Chương Diệu. Năm mười chín tuổi, Sư rất được Bà con xóm làng kính chuộng vì làm trợ giáo cho khắp châu. Mà tánh Sư nhàm chán phiền toái vẩn vít, có tâm kính mến muốn lìa tục.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư mới dự phần xuất gia, sau đó liền nghe giảng kinh luật, trong hai năm. Sư thấy trường giảng ồn náo nhiều động, chỉ có Luận là chiếm thanh thế, bèn đến Đài Sơn tu các pháp tĩnh lự, một lần vào, đến là

tám năm, hành trì đủ các pháp quán, Sư bèn đến các chùa Thái Sơn, Linh Nham v.v... để hành đạo, lấy đó làm việc trước tiên. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư mới lệ thuộc quan danh, đến trụ chùa Tồn Đạo ở núi Lương phụ táng thuộc tầm Chân. Sư lại tìm luật bộ, rộng nghe giảng các kinh luận mà tánh Sư lại quen hợp với thiền lâm nên vẻ vang sáng tỏ khắp xa gần.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, chùa Thiên Định mở mang xây dựng, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) ban sắc nêu thỉnh khắp kinh ấp. Bấy giờ các bậc danh cao đức lớn, tám biểu một hoài, đều là bậc tài giỏi, người trình tập nập. Sư tuổi tác hạ lạc rất nhỏ nhưng tiếng tăm rất lớn, ngoài y bát không còn có hòm rương áo bọc, dung chất trắng sạch, trội vượt khác thường. Các hàng tăng tục đều chú ý, không ai chẳng hướng về. Đó cũng là vị tăng trang nghiêm thanh tịnh ở thời Tượng quý! Lại thêm, Sư có hạnh bố thí thuần túy, nói năng không văn hoa. Mỗi lúc nghe bình luận, Sư liền lặng yên, giữ gìn giới nghi, nghĩ ban trải lòng từ cứu giúp. Mỗi lúc đến mùa hạ Sư cầm chổi quét trước, vì sợ thương tổn đến loài trùng kiến. Hễ được lợi dưỡng, Sư liền kín đáo ban thí, hoặc làm đầy lọ nước, hoặc cúng thí các hàng đạo tục. Chỉ khi gấp mới thực hành việc đó. Sư nhiều lần căn dặn chớ kéo làm theo người thế tục. Và trước lúc Vua xây dựng chùa, hỏi han giềng mối khắp kinh ấp, đồng khen ngợi không ai hơn Sư. Vua bèn ban chiếu đề cử Sư làm tự chủ chùa Hoàng Phước. Sư tiếp nối hài hòa, trên dưới không dám trái sự chỉ bảo. Đến ngày mùng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi hai tuổi.

Từ lúc Sư nhập Đạo, luôn sống với việc thường hằng, thường hành Đạo, chú nghiệp làm tâm, hoặc tụng niệm danh hiệu Đức Phật Thíchca, Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc hành trì sám Pháp Văn-thù. Trong một năm có tám mươi hai ngày, sáu thời hành nghiệp, trước sau thông số tám mươi đạo tràng. Thân tâm vui vẻ, Pháp lợi có được chưa thể lường biết. Còn như dạy răn môn học, chỉ nói về phiền não cần phải dứt bỏ. Mỗi lúc có người xuất tội phát lồ lỗi lầm, không khi nào Sư chẳng vì đó mà rơi lệ. Mừng giận không tỏ vẻ nơi cử chỉ, trì tụng không lãng quên, nên tông tượng của Yết-ma khắp chúng tăng đều kính ngưỡng chăm chú. Các hàng tăng tục theo thọ quy giới, học trò của Sư rất đông nhiều. Nên khiến từ Ngụy Vương trở xuống trong ngoài đều ưa thích gần gũi, cho đến các hàng công khanh đời Lương đời Tống đều tiếp thừa giới Pháp.

Cha của Sư tên là Lãng, có tất cả bảy người con, gia đình nhiều đời vốn theo Nho Nghiệp. Sư là con thứ hai, nhân thọ trung nhập, không do đâu ái kính. Cha của Sư đã qua đời, chuông đổ canh tàn, xưa nay tuyệt ý. Sinh tử chia đường, Sư bèn ở nơi hội của Cửu quỳ phía bắc sông vắn đào một cái giếng

nghĩa, bèn dựng phong bia giúp đức ấy, bài minh ấy lược viết rằng: “Thảm thương cha mẹ, sinh ra nuôi dưỡng cũng đã lộng chương. Ta dẫm ta đạp, một sáng bỏ ta. Núi sông đầy mắt, mây phủ cửa ải, gió kinh hang lớn. Đạo kính ái, thin luân ở đây. Mãi lo tuổi già không mong được thấy con, đào giếng cung cấp, gá việc dấy từ. Trăm năm mấy ngày đối đây buồn mãi. Vương Kiêm ở Nam, Dịch Dương ở Bắc, được Lân ở đồng, giữ lễ ở nước. Sống khôn phép đẹp, đời lăm Nho mặc, giếng ngọc suốt thông. Bia cao khắc lập.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Chí Siêu trụ chùa Quang Nghiêm ở Phần Châu

Thích Chí Siêu, họ Điền, người ở xứ Phùng Dực thuộc Đồng Châu. Tổ tiên xa xưa lưu ngụ, bèn ở Du thứ thuộc Tinh Châu. Thuở còn nhỏ mà trí lượng Sư đã vượt hơn người, siêng năng mài giũa khác với đồng bạn, nhã độ nêu xa. Sư chán đời theo Đạo, thấu suốt tạng du. Cha mẹ chỉ nương cậy ở Sư, bởi không còn anh em, tuy Sư thuật bày chí nguyện của mình, nhưng thường bị ức ngăn. Xét đến sự tiếp nối tông tộc, Sư bèn theo Nho lưu, xem đọc khắp lưu lược. Đến tuổi tráng niên, cha mẹ cưới vợ cho Sư, Sư nghe thế liền xa lánh trần nhiễm ấy, bèn vào chốn rừng hoang. Người thân đi tìm khắp mà Sư ẩn thân, vô phương tìm kiếm. Khi đã bị bắt về, Sư bị bắt buộc sánh đôi. Mới đầu thì hợp theo nhau cuối cùng cũng đóng thất riêng, mong hành hôn lễ. Chỉ đặt một chiếc giường, Sư bèn kéo chăn gạ ngồi dưới đất, bảo người vợ ngồi ở trên, đích thân Sư tự đến ngồi trên giường, nghiêm nhiên tư duy ngồi nói pháp cho vợ nghe, ngôn từ rất có chỗ y cứ, người vợ chảy nước mắt lễ tạ từ chối vì cuối cùng làm khổ lụy nhau, nhiều lần trải qua đêm thâu, sự đồng với hình vàng, thường lễ cầu khuyển, thật vượt chất ngọc. Đã đích xác khó lay chuyển, nên cha mẹ Sư mới đành bỏ mặc tùy ý.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư đến chỗ Thiền sư Tuệ Toản chùa Khai Hóa ở Tinh Châu. Ngài Tuệ Toản là bậc chí đức lảng sáng, hạnh thành khôn phép của chúng, chưa bày độ hạn, trải qua dò thử các nạn, mà Sư thì thanh khiết chân chánh thân tâm, chuyên cần làm mọi việc của chúng. Tăng chúng ở đó có cả trăm vị, ngồi thành năm hàng, mỗi ngày hai bữa thường đầy đủ, sáu thời không thiếu sót. Mỗi lúc có việc làm gì khổ nhọc thì Sư luôn dẫn thân trước. Ngài Tuệ Toản gần gũi xem xét, bèn cho thọ giới cụ túc. Từ khi được thăng tấn giới phẩm, Sư chuyên tu hạnh nghi, liền đến Định Châu tìm kiếm luật tạng, bao gồm tinh yếu, cắt bớt chỗ rườm rà, chưa đầy năm mùa hạ mà ba giáo đều đã tròn đủ. Sư bèn trở về quê cũ, nương tựa núi non tu tập.

Ban đầu, Sư đến núi Tỷ Can ở phía Tây Thái Nguyên, nương gá các vị tài giỏi sáng lập thiền lâm, sớm tối chuyên tu niệm tuệ song hành, bốn oai nghi

gá ở giới tiết, hai hạnh nương nơi pháp y. học quán đông đúc, không oai mà nghiêm túc. Đến nỗi khiến người nghe Đạo phong không nơi xa nào mà chẳng đến. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, giềng mỗi nghiêm minh, đóng chặt cửa chùa, không cho chúng tăng ra ngoài. Sư nghe thế bùi ngùi muốn lên can ngăn, bèn đắp y chống tích ra đến Quận thành, mong có người cầm nắm mà đưa tầu trình lên điều Sư can ngăn, nhưng quan tư chẳng đoái hoài. Sư bèn lên đến giang Đô và tầu bày sự việc. Quan nội sử cho rằng việc ấy không quan trọng, nên chẳng thông dẫn cho. Sư trở về lại Tinh Châu. Đến cuối đời Tùy, có lắm nạn giặc giã thay nhau hoành hành, dân chúng ở các hang hào chết hơn phân nửa. Sư nhóm kết đồ chúng, khuyên nhóm họp lương thực dư thừa vẫn chẳng hết. Chỉ sợ trộm cướp lần lượt, bèn muốn bỏ chạy, Sư bèn dùng giáo pháp dạy răn, khuyên chớ biến đổi tình thế đó, nếu gương nghiệp đã soi chiếu đến thì trốn ở xứ nào? Đại chúng cảm kích lời nói ấy, tâm kỳ vọng liền mở sáng, chuẩn thức theo thiên lễ, thời khóa không thiếu sót. Có lần đang đêm lúc ngồi thiền, bỗng nghe tiếng bọn giặc mở cửa thẳng tiến vào, đèn đuốc sáng loáng khắp cùng, mũi nhận trắng sáng giao nhau tiến tới. Cả chúng vẫn thản nhiên cùng ngồi giống như nghi tượng. Bọn giặc bèn ném dao trượng xuống đất, bái lạy xin quy y. Sư bèn nhân đó tùy nghi dẫn dụ, lượng quyền mà trao pháp. Cả bọn đồng phát tâm cung kính chấp tay mà rút lui. Sư có những cương lược nhiếp ngự đều đại loại như thế!

Vua Cao Tô (tức Lý Uyên thời Tiền Đường) vào niên hiệu Kiến Nghĩa ở Thái Nguyên, khắp bốn phương xa mọi người đều nhóm họp. Sư chỉ mở mang Đạo vì sinh linh, nghĩa nương nơi phước, liền hướng dẫn Đồng bạn ở Tấn Dương đồng trụ chùa Ngung Định. Thiên chúng theo học có đến mấy trăm nhưng thanh tịnh trang nghiêm thành khuôn phép. Kẻ tăng người tục kính trọng thừa kế, các hạng sinh hèn đều cung kính quy ngưỡng. Đến lúc Hoàng Kỳ chỉ hoàng hướng Nam. Tam phụ không mây trần. Niên hiệu Nghĩa Ninh thứ hai (618) đời Tùy, Sư dẫn đệ tử hơn hai mươi người vâng kính mừng kinh áp. Võ Hoàng sớm tiếp thừa trông mong. Chờ đợi đó như tiên, dẫn cùng lên điện Thái Cực tiếp đãi lễ đặc biệt. Tả Bộc Xạ Ngụy Quốc Công Bùi Tịch, sinh ra khác người đời, khí liễn rộng sâu, Biệt Viện trong đó để chư tăng ở, nghiệp mới càng giữa mài, chỉ vì quý sự vân du, huyền Tap bên ngoài không nhân để tinh tiên, phải gá nơi rừng mông mới tỏ mên mộ xa.

Bấy giờ, chùa Hóa Cảm ở núi Lam Điền có các Sa-môn Linh Nhuận, Trí Tín, Trí Quang, v.v... là những bậc nghĩa giải câu huyền, khéo tôn sùng tâm học, đồng khí tương cầu rõ ràng như cũ, bèn thỉnh Sư đến trụ ở núi đó, gá chí được mật, nhiếp duyên nhóm kết, mọi người tìm đến như mây giăng.

Thánh hiền nói nín, thuận trọng lẫn nhau. Mà chùa chẳng phải ở chốn sâu xa hiểm trở, mà thuộc về công đồ, nên những khách ần tích cuối cùng khó tiếp thừa Đạo nghiệp, mới theo vật ngoài quan ải, ý muốn độ người. Sư lại trở về Tấn Xuyên chọn tìm những vùng đất nổi tiếng.

Niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường. Sư vào núi Vu giới, bắt đầu nhóm họp bạn thiền. Núi đó tên là Bảo Phúc, bốn phía đều có khe suối, trông xuống dưới khoảng trăm tầm, trên lên đến ngàn nhận. Suối đá kết vụn nơi tiên thất, gió mưa thổi ở đầu rừng, khiến người nghe đến dừng tâm trần đào luyện. Sư tự gương răn dạy người, không mỗi mệt thừa hỏi điều lợi ích.

Sư lại đến huyện Giới Hưu ở Phần Châu sửa sang xây dựng chùa Quang Nghiêm. Điện đường phòng hiên, đích thân Sư kết cấu, mở mang rực rỡ hoành tráng giống như Thần Công. Nên người hạnh sâu thì ở núi, kẻ đạo cạn thì ần tại thành. Thầy trò nghiêm túc hoà mục đua nhau hành nghiệp chân thật. Nghe hiểu âm thanh, xét nhận hình sắc thì vẫn chẳng đủ. Bỗng nhiên Sư bị bệnh, biết không bao lâu nên Sư dạy răn ân cần chỉ bày họa phước. Đến ngày mười một tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi một tuổi. Khấp chốn núi non giữa đời đông tham, khách chủ cùng thương xót, Bạc Đức nhân đã ra đi, người học nhân đó phân tán. Bèn an táng tại gò núi ở phía nam Thành.

Từ khi Sư đượm nhuần phật pháp, trong ý Sư luôn muốn trú trì, ngày đêm khắc niệm chuyên cần, dắt dẫn các hàng hậu học, do đó, mỗi ngày riêng phân công lễ phật năm trăm lạy, ngồi thiền bốn thời, tự thân thực hành và răn dắt đồ chúng đồng bạn, có thiếu sót liền phạt, tự tay Sư bưng lò hương, tùy xướng cúi lạy, không hề đặt xuống đất và thiếu lạy. Đến lúc ngồi thiền trong chúng răn bảo lẫn nhau, vừa mới có người hôn trầm ngủ gật, liền đến gần nhắc nhở. Có người mới đến, thì liền độ, trao truyền giới phạm cho. Đi dừng oai nghi, nhiếp dưỡng lẫn nhau, lễ hợp cả Thiên thuộc. Bấy giờ, gặp lúc sắc lệnh nghiêm cấm độ người Phạm tội cực hình, mà Sư không hề để ý, vẫn cứ cạo tóc như thường. Đến nỗi khắp đất liền cho đến biển cả, những người mến nghĩa lánh đời đến trong chúng tăng cậ nhờ như núi lớn, nương tựa mà tu đạo. Bấy giờ, Sư giảng các Bộ Nhiếp Luận, Duy-ma, Khởi-tín v.v... đều rõ ràng sẽ nói sau, sâu xa hợp với căn cơ.

Từng có sự kiện vào niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư đang ở tại núi Bảo Phúc, tăng chúng có đến trăm vị, Sư riêng cung cấp đại trai mà lúa thóc chỉ được sáu thạch đồng để trong một bịch, mỗi ngày xay giã năm đấu để cúng dường thường điều, từ mùa xuân đến mùa hạ, tính sự hao tổn rất nhiều, thấy lạ, xem xét lại thì chỉ xay giã hết hai hộc. Cứ lường việc ấy thì u trí đâu thể suy nghĩ. Lại mấy lần cảm có vị tăng lạ nương giữa

hư không mà đến, tuy không hỏi lời gì, nhưng hình nghi có thể nghiệm được. Vừa có người roi rớt thì liền được thần răn nhắc, còn như vời gọi chúng thì tiếng chuông thường tự ngân vang. Trên suối đá tuôn trào nước tùy theo người ít nhiều. Điềm linh thường hiện khởi như vậy chẳng phải một lần. Mà Sư kính giữ giới pháp ít thầy người được như thế. Sư hộ trì cẩn trọng oai nghi trước sau không lỗi lầm. Từ đời Tùy đến đời Đường trải qua hai triều đại, Sư đích thân độ người xuất gia đến gần ngàn vị. Sư là bậc thầy khôn phép dạy răn những điều thấy nghe.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lúc xưa được tham dự ở cuối pháp diên, được các tuệ cáo, đã gần gũi tiếp thừa công tích ấy, nên liền tiếp nối.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đàm Vận trụ chùa Ngũ Đài ở Uất Châu

Thích Đàm Vận, không rõ Sư họ gì, vốn người xứ Cao Dương. Mới đầu, Sư nhàm chán thế tục mà xuất gia, tụng kinh Pháp hoa được hơn hai quyển. Khi ấy vừa mười chín tuổi, Sư đến núi Bồ Ngô bên cạnh Hằng Nhạc, ở đó tĩnh lặng, Sư tụng xong bộ kinh ấy. Gặp được Thiền sư Thê Ẩn bảo Sư rằng: “Tụng kinh phải có duyên với đạo, thường tụng chưa hẳn là Chí Đạo. cốt yếu ở điểm quán tâm liả niệm, mới hợp với Chánh Đạo!” Mới đầu, Sư tiếp thừa lời dạy bảo ấy liền kính cẩn vâng theo mà thực hành, chuyên tinh niệm tuệ đủ cả nêu bỏ.

Lại nghe ở núi Ngũ Đài (tức núi Thanh Lương) Kinh Hoa Nghiêm, ở đời tương truyền là Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi thường trụ tại đó, nên xưa nay chư tăng phần nhiều đến đó cầu thỉnh. Có người được chiêu cảm ứng hiện và được chỉ dạy đầy đủ. Khi xưa, vào thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hoàn - Thác Bạt Hoàn 471-500) đã từng vào trong đó xây dựng chùa Đại Bồ. Vua từng đến ở đó, kính phụng Thánh Nghi, trước trồng vườn hoa đất vuông hai khoảnh, trong mùa Hạ phát triển đẹp xinh giống như bày gấm, sắc thái phát sáng làm loạn tâm mắt người. Sư nghe tốt lành như thế, nhiều lần lắng thần vui vẻ, bèn cất bước đến nương gá ở đó. Sư đến khắp Đài nhạc, xem đủ các Linh tướng. Mới đầu, Sư dừng lại chùa Mộc Qua ở Bắc Đài hơn hai mươi năm, một mình một bóng ở nơi lò ngói, thân mặc y phục thô xấu, trải cỏ nhục trên đất để ngồi nằm. Ngày ăn chỉ một bữa không thêm mùi vị gì khác. Nhưng ở núi ấy rất lạnh giá, rừng xanh khe hang. Từ ngoài phong lãnh thản nhiên xa sạch. Sư ban đêm đi, ban ngày ngồi tư duy, xưa đuổi hôn tình, mừng cho sự gặp muộn. Trước kia, Sư tụng kinh hơn ba mươi năm, tâm miệng chẳng duyên nhau, gặp lúc nhàn rồi thử tụng qua không sót một chữ. Bèn lại tụng văn còn lại thành pho bộ.

Vào niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, có Thiền sư Tuệ Toản kết tập định học, vai mang giường chõng ở nơi Lan-nhã thuộc sông Nhạn môn, thực hành Đạo nghiệp. Sư ở núi lâu ngày, nghĩ muốn tỏ bày nỗi lòng. Nghe phong cách nương Đạo pháp, bèn theo đồ chúng của ngài Tuệ Toản, chỉ một lược tắm gội thanh hóa, lại kính ngưỡng đạo sáng, nương theo bạn lành, đó gọi là toàn Phạm hạnh. Gặp lúc Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581-605) đời Tùy đến chùa, riêng quý trọng thiền môn, thỉnh ngài Tuệ Toản vào kinh đô. Từ đó, tặng đồ vật người chủ trương, mỗi người tự răn, tan rã về núi hang. Sư bèn đến ở núi Tỷ Can. Lại đến miền nam, trụ ở các quận Ly Thạch, Long Tuyền, Văn Thành, v.v... Bấy chúng mong ngóng, Di hạ đại đồng. Tu theo mười điều lành, tăng tục giúp nhau. Vốn ở tại bên sông ấy không thọ giới pháp. Nếu người có chí kính phụng đều đến Thái Nguyên. Di Hạ trái tình, mọi người đều khiếp sợ. Trước kia có vị sa-di đã thọ giới ba mươi năm, đến lúc Sư đến đó hành hóa liền truyền giáo pháp ấy. Hai chúng ở núi và thành đều được thọ giới cụ túc.

Đến đầu đời Đường (618) binh lính tiếp giữ Định Dương, thường gặp phải khó khăn, nhưng Bồn Nghiệp Sư vẫn không hủy bỏ, lấy đêm làm ngày, nhiếp tâm không buông lung. Gá ẩn chôn núi rừng sâu nhiều năm nên y phục cũ rách, rận rệp nhóm tụ, Sư chẳng hề bắt vạt bỏ, mặc tình cho nó cắn đốt, nương cây để điều phục. Từng có những mùa hạ an cư ở núi lấm rận đất. Đã chẳng bắt bỏ nên chần giả đồ như huyết đọng. Sư chỉ tự trách lỗi mình, nguyện lấy đó cùng đền đáp, tâm tình không san lạn, ngài hành thí như thế suốt hơn bốn mươi năm. Đến năm bảy mươi tuổi, bỗng nhiên không còn có chấy rận. Sư vẫn còn rất tự trách rằng: “Nghiệp chấp không ứng liền hết, sẽ phải đắm vào đường khổ, chịu quả báo ấy!”

Sư lại bảo môn nhân rằng: “Tôi thấy Thiền sư Siêu nương gá ở phòng kia, vốn có tường vách mà rận chẳng dám cắn đốt Ngài. Mới chia thành hai đường đi ra và hướng vào trong các phòng khác. Lại thấy ở trong nhà cô độc ăn cơm, dùng thìa xúc lấy cỗ tinh đặt ở lớp dưới mà thích ăn như thế. Lại chẳng bị bệnh gì. Cô Chủ vô cùng sợ hãi. Đức hạnh của tôi chẳng sánh bằng Thiền sư Siêu. Vì sao như thế?” Mỗi năm cứ hai mùa xuân thu, Sư y theo pháp Phật danh, hai mùa Đông hạ, Chánh nghiệp thì giảm bớt ăn mà ngồi thiền. Sư từng phát nguyện chép Kinh Pháp Hoa, thề phải khiết tịnh. Mấy năm trở lại đây, chẳng thể hoàn thành. Bỗng nhiên cảm thấy một thư sinh không biết từ đâu đến, bảo rằng: “Tôi có thể chép kinh!” Sư yêu cầu dùng Pháp làm y cứ, và cho là có thể được. Sư bèn cho vào thạch thất lập tịnh, viết chép. Từ sáng sớm vào đến chiều tối ra, rất lấy làm lạ hạnh ấy, chưa tròn một tuần mà bảy quyển đều viết xong. Sắp dùng lễ dâng trước mặt, bỗng nhiên biến mất. Lại gặp lúc giặc giã lục soát, Sư cất giấu dưới rừng nên

hòm rương áo bọc đều bị mục nát hư hoại, mà quyển kinh sắc màu cũng như lúc đầu. Sư có được những sự cảm nghiệm kỳ lạ đại loại như thế.

Lại nữa, Sư thường gở nơi thất riêng, tự siêng năng tu nghiệp. Ngoài ra, tuy có chúng bạn, nhưng khó ai tiếp nối được vết tích của Sư. Sư thường bảo: “Tuổi tôi, việc như vậy làm sao có thể bỏ được? Nếu ngồi mà hôn trầm buồn ngủ thì đứng dậy lễ Phật”. Sư thường rèn luyện bốn oai nghi, lấy Đạo mà lượng cứ, tự thấy thắng đạt, ít ai có đức được như thế. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư ngồi thẳng thị tịch tại núi Bình Diêu ở Hà Tây, thọ hơn tám mươi tuổi.

Từ năm mười chín tuổi, Sư vào núi, hơn sáu mươi năm, chẳng mong cầu danh lợi, chẳng cần người hầu hạ, không lệ thuộc tăng tịch, chẳng lấy làm trách nhiệm của mình. Hễ có các thuật chức đều gởi sang người khác.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Tuệ Tư trụ chùa Cơ Sơn, ở Cơ Châu

Thích Tuệ Tư, họ Quách, người ở xứ Giới Hưu thuộc Phần Châu. Thưở thiếu thời, Sư học Nho sử, ưa chuộng hư huyền, văn chương thư lễ rất nổi tiếng ở Hương khúc.

Năm hai mươi lăm tuổi, mới được truyền trao Phật pháp. Mới đầu, ngài không biết chỗ sâu kín của Phật thừa. Gặp được Sa-môn Đạo Tất là bậc đức lớn tài giỏi ở đương thời, ở tông giảng dương luận Nhiếp Đại Thừa. Sư thử đến ngẫm lắng nghe, mịt mờ khó truy tìm, trải qua nhiều ngày thọ nhận đầy đủ mới biết là hy hữu. Nhân đó mà cầu được Độ thoát. Sư nghe nói yếu nghiệp xuất gia chẳng gì cao bằng thiền định, liền thực hành đó suốt ba mươi năm chẳng dứt. Lại nghe Niệm Tuệ cần phải thí như các luân kiêu, Sư bèn đi khắp tìm cầu Thánh giáo, đơm nhuần đủ các Hoằng Chí. Mùa Đông, mùa Hạ thì chuyên nghiệp thiền định, mùa xuân mùa thu thì tham cứu rộng. Chỉ mặc áo đơn, tiết chế ăn uống, khiến người trông thấy liền phát tâm. Những người có Chí Đạo luôn luôn tìm đến.

Nhân đó, mà Sư kết nhóm đồ chúng ở phía bắc Cơ Sơn, ngày thì kiểm thúc dung nghi mặc niệm, giữa đêm tối lạnh lại giảng pháp cho chúng nghe, sáu thời dốc tâm đứng khóa, chẳng rơi vào Thanh du. Bảy giờ, giảng về Tử Quán, mỗi người tự nói lên ý chí của mình. Có người nói: “Tĩnh lược”. Có người nói: “Quá lắm”. Sư bảo rằng: “Người xuất gia sinh đã theo duyên, chết phải tự nhận lấy. Sao nhọc đến người phải nhọc đón rước hài cốt này? Tôi sẽ nhất kỳ tự chuyển vận”. Khi đó, có người cho là “chưa trải qua bệnh khổ nên dối nói lời ấy!”. Sau, cảm thấy trong mình bị bệnh nhẹ, vừa qua hai ngày. Sư tìm bảo chúng rằng: “Tôi sắp qua đời!”. và liền đứng dậy mang

giày đi thẳng vào trong hang trống, để bỏ nhục thân tàn. Đã vào trong đó rồi, Sư ngồi kiết già, căn dặn đồ chúng đồng bạn, đem chánh mạng mà chúc lụy. Vì ở nơi rừng rậm nên người đời gọi đó là Hàn Lâm. Chúng không nỡ lìa bỏ, nên ở lại suốt qua đêm bên cạnh để giữ gìn, đến sáng, đến xem thì Sư vẫn ngồi thẳng khoanh tay như cũ, đến chạm vào thân, mới biết là Sư đã thị tịch, thọ năm mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường. Nhân đó mà tản liệm.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Đạo Xước trụ chùa Trung Huyền ở Tinh Châu

Thích Đạo Xước, họ Vệ, người ở xứ Vấn Thủy thuộc Tinh Châu. Thưở nhỏ, khi còn ở đời, Sư khiêm cung nhún nhường nổi tiếng trong xóm.

Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, Tông sư Di Cáo, Kinh Đại Niết Bàn là bộ kinh Sư hoằng truyền riêng, giảng hai mươi bốn biến. Sau, Sư lại phụng thờ Thiền sư Tuệ Toàn, học qua không lý, chóng đượm nhuần huy tích. Ngài Tuệ Toàn là bậc thanh ước nhã tố, tuệ ngộ khắp trời, Đạo vang khắp nơi, nổi tiếng ở Tấn thổ. Sư đến bảm phục thần vị, cànng chứa nhóm thời gian. Sư lại tiếp thừa các nghiệp Tịnh Độ của Pháp sư Đàm Loan xưa kia, bèn đào luyện phân biệt Quyền thật, tìm kiếm Kinh luận, hiểu đó rộng thông, lưu bố thành phong hóa. Sư khắc niệm duyên số, tưởng quán sâu sáng. Nên được linh tướng ngậm nghi, mọi người mừng kính. Sư thường ở chùa Trung Huyền, hang Thạch Bích thuộc Vấn Thủy. Chùa đó do Pháp sư Đàm Loan xây dựng vào đời Tề. Trong chùa có văn bia ngài Đàm Loan, thuật rõ các điềm lành, đầy đủ như trong Biệt truyện.

Lần lượt trong năm, Sư thường giảng các pháp Ban-chu, Phương đẳng, Cửu phẩm, thập quán, Sư phân thời nối nhau các việc. Từng trong lúc hành đạo, có vị tăng đang trú trong niệm định thấy Sư duyên theo Phật, tướng lượng chuỗi châu như núi lớn bảy báu. Lại thấy linh tướng ở Tây phương sắc sỡ khó trình bày, nên đức lớn ngày một thêm, vẻ vang càng vọng xa. Các hàng Đạo tục nam nữ tìm đến đầy núi. Sư thường giảng kinh Vô lượng Thọ quán gần hai trăm biến, dẫn ngộ tự tha, để làm nhà nuôi dưỡng thần. Văn từ đã sáng tỏ, giảng cũng hợp duyên, tùy việc dẫn dụ, người nghe không sót. Mỗi người tự nắm xâu chuỗi, miệng đồng xưng niệm danh hiệu Phật, lúc tan pháp tịch tiếng niệm vang tràn khắp hang rừng. Có người tà kiến chẳng tin muôn chống báng hủy phá, đến lúc thấy tướng lành của Sư, tự nhiên nuốt hơi mà trở về. Sư có năng lực Đạo cảm vật tình đại loại như thế.

Vào ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Sư biết vận mạng sắp hết, nên thông báo sự tướng, mọi người nghe đến đây cả núi. Và đều trông thấy Pháp sư Đàm Loan ngồi trên thuyền bảy

báu, bảo với Sư rằng: “Nhà Tịnh độ của ông đã hoàn thành, chỉ vì dư báo chưa hết!”. và thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, hoa trời rải xuống. Các hàng nam nữ đều dùng xiêm y để hứng lấy, mỏng manh trơn láng dễ thương. Lại cắm hoa sen trên đất khô bảy ngày mới héo, cho đến các tướng lành khác chẳng thể ghi hết. Nếu chẳng do hạnh cảm khắp cùng thì đâu thể thông hội như thế?

Đến năm bảy mươi tuổi, tự nhiên trong miệng Sư răng mọc lại như cũ, hoàn toàn không khác lạ, thêm vì báo lực mạnh khỏe, dung sắc thanh phát, Sư bàn nói Tịnh nghiệp lý vị tuôn trào, từ nhĩ bao gồm súc tích, khí đượm thuần cần. Và Sư khuyên người xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc dùng các vật như đậu mè, v.v... để làm số lượng, cứ xưng niệm một danh hiệu thì để vào một hạt, cứ như thế tích chứa cả mấy trăm muôn học. Và dùng sự kết duyên, khiến cho nhiếp lự tĩnh duyên. Các hàng đạo tục ảnh hưởng sự dắt dẫn ấy, mong ngóng Đạo phong mà thành thói quen. Lại nữa, hằng năm, Sư thường đục lỗ các hạt cây loan để làm số pháp. Dạy răn bốn chúng, Sư thường bảo họ xưng niệm, thường bày điềm lành, đầy đủ hành đồ. Sư có soạn “luận Tịnh Độ” hai quyển, nói về các ngài Long Thọ, Thế Thân. Cho đến Tăng Loan, Tuệ Viễn đều tu theo Tông Tịnh Độ, chỉ bày rõ ràng lời dạy. Văn từ ý chỉ bao gồm rõ ràng các khuôn phép hoàng hóa. Truyền đăng trong huyện Vũ, chứa nhóm nhiều năm càng đổi mới.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) kính trọng sự đào luyện bóng sáng phong thân, nghiên tinh học Quán, nên lại trình bày về tướng của Sư. Từ lúc Sư tu theo Tịnh nghiệp, lúc ngồi thường xoay mặt về hướng Tây. Sớm tối chỉ mặc một pháp phục mới sạch làm thể, nghi mạo sung mãn, khắp Tinh Châu mọi người đều suy tôn. Ánh mắt Sư sinh gió, thư nhan đất dẫn. Mỗi ngày sáu thời dốc kính, như lúc ban đầu không hề thiếu sót. Tiếp xướng vâng lạy, từ thuở bình sinh đến nay chẳng dứt. Vừa có lúc rảnh rỗi, miệng liền tụng niệm danh hiệu Phật. Mỗi ngày lấy số bảy muôn làm hạn định. Từng tiếng từng tiếng đều mở mang Tịnh nghiệp cho nên được khuôn đúc, có Thầy nhận biết dạy răn Quán Môn, Tây hành rộng lưu bố, người ấy chính là Sư.

Có Sa-môn Đạo Phũ là vị tăng nổi tiếng vốn trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô, vì lánh tiếng tăm mà tìm đến. Đã đến chùa Trung Huyền, đồng cùng hạnh nghiệp, tuyên dương mở mang Tịnh độ, do đó càng tăng thêm. Nay có kẻ biếng lười, miệng truyền Nhiếp Luận, chỉ duy tâm, chẳng niệm, duyên cảnh lại trái, lấy đó để chiêu sinh, sợ khó tiếp nối tư tưởng.

Năm nay, Sư đã tám mươi bốn tuổi mà thần khí sáng suốt, tiếp nối tông thừa còn tỏ sáng.

10- Truyện ngài Thích Minh Tịnh trụ chùa Mật Thắng ở Mật Châu

Thích Minh Tịnh, người xứ Mật Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, lấy Tam-muội, thiền định làm nghiệp, khiết chí trung kính, thuần hậu lắng trong, Sư thường ở bờ biển núi môn sơn, ngồi yên suốt mấy mươi năm, mọi người chẳng thể lường biết.

Sau, Sư đi về hướng Nam, đến các núi Đông Việt, Thiên Thai. Thiền Quán trong tâm, chẳng duyên với thói đời, y phục lam lũ, động chỉ đúng thời. Các bạn cùng tu Thiền đồng kính ngưỡng. Ở núi đến lúc lương thực đã hết. Mỗi ngày Sư vào xóm khát thực, thọ trai xong trở về, giữa đường gặp một đàn hồ đều há miệng nhắm mắt, dáng vẻ như đói lắm. Sư bảo: “Ta kinh hành qua nhiều núi đầm, không có tâm khiếp sợ hồ cạp, nay nằm xếp hàng bên đường há chẳng là vì đói ư?” Sư bèn dùng thìa múc cơm bỏ vào miệng hồ, còn dư lại thì ăn hết. Sư lại bảo rằng: “Biết đến ăn thiếu nên luôn giúp đỡ tha, thật chẳng xứng cỏi lòng, rất lấy làm hổ thẹn!”. Ngày hôm sau, Sư đi khát thực, hồ cũng lại như trước. Sư thường có duyên này nên Đồng bạn lấy làm lạ về sự độ sạch của Sư.

Sau, vì ở núi sâu đất ẩm thấp, rất khổ cho thân, Sư lại trở về góc biển, ở bên cạnh núi Môn Sơn. Trong vâng theo Đạo Quán, ngoài cảm ngâm thông, khiến tiếng tăm vang xa, thân kỳ ứng hợp. Có lần gặp lúc nắng hạn, lúa mạ đều khô chết. Những người ở Dâm tự vọng cầu mời thỉnh, tuy rất khẩn thiết chí thành nhưng không thể đạt được. Sư bảo rằng: “Hãy bãi bỏ hết các thứ cầu đảo tà vạy, riêng tôi có thể cầu mưa”. Sư liền kết trai nơi tĩnh thất. Qua bảy ngày, vào lúc sáng sớm, mây bủa mưa tuôn, khắp nơi cao thấp đều tràn đầy, trăm dân đều được lợi, kính trọng Sư như thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, từ mùa Đông năm trước đến mùa Hạ năm sau, suốt sáu tháng không một giọt mưa. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban chiếu mời cả Đạo Giáo, Thích Giáo Sa-môn Đạo sĩ đến các miếu nơi núi chằm rừng rạch, cho đến Dâm tự thấy đều cúng tế khăn cầu. Khi đó, khắp cả muôn dặm đều hùng hực như lửa, hoàn toàn không có ứng nghiệm. Từ triều đình cho đến thôn dã mọi người nhìn nhau thảm thương, không nơi nương cậy. Có quan Thị Lang họ Phan từng làm quan tại Mật Châu, biết Sư có khả năng cảm ứng, bèn dâng trạng văn tấu trình. Vua liền ban sắc thỉnh Sư đến kinh đô để cầu mưa. Sư bảo không cần một phí tổn gì, chỉ nguyện tĩnh niệm Tam Bảo, ban đức Từ cứu giúp bốn loài chúng sinh. Sau bảy ngày sẽ ban giáng cam trạch. Nếu muốn báo đáp ân đức thì khắp trong nước các chùa bỏ trống đều độ tăng đồng thời thí đặt tên gọi để mở mang Thánh Đạo. Vua ban sắc chấp thuận. Tuy không cung cấp mà riêng ban dầu thơm. Sư ở trong phòng vắng chùa Trang Nghiêm ngồi Thiền.

Đến sáng sớm ngày thứ bảy, Sư hỏi người thủ vệ rằng: “Ở phía Tây bắc ngoài trời lẽ ra có cầu vồng màu trắng, hãy thử ra xem có phải như vậy không?” Theo lời Sư bảo liền trông thấy. Sư bại bảo: “Mưa sẽ đến!” chỉ chốc lát, mây bủa giăng khắp cùng, chợt mưa xuống suốt đến chiều, khắp trong nước đều đượm nhuận. Trăm Quan dâng biểu tâu trình khen ngợi công lao của Vua, còn ân đức của Sư toàn không nói đến. Mưa mới vừa tạnh, việc nông liền bầy, lúa mạ tuy ra gò, lại không có cơn mưa kế tiếp nên đều héo ngã sắp chết. Không phương bầy tính. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh đích thân đến chỗ Sư, thỉnh Sư trở lại cầu mưa. Sư bảo: “Việc thăng giáng của mưa phát xuất từ Vua Tôi. Minh Tịnh tôi đâu có đức gì mà dám can đáng? Trước hứa thuận mà không báo nên u hiển đều lo buồn. Nếu tu cầu thỉnh thì mưa cũng sẽ ứng đến”. Phòng Huyền Linh bèn đem việc ấy tâu trình. Vua lại chấp thuận. Vua bèn ban sắc tạm đình chỉ việc thể tục. Cả triều đình mọi người đều thọ trai. Sư lại y như trước tĩnh tọa, đến cuối ngày thứ bảy, trời lại tuôn mưa đượm nhuận như trước. Bèn thành đạt mùa màng, vua liền ban sắc độ tất cả ba ngàn vị tăng, để báo đáp ân đức của Sư. Sư có những điều ứng nghiệm khó suy nghĩ, tướng chẳng thể lường. Chỉ vì ở chốn Kinh đô ồn náo mà tánh Sư không quen, nên xin trở về chùa Mậu Thắng ở quê cũ. Ở núi, Sư buộc ràng hạnh nghiệp, chẳng biết về sau Sư thị tịch ở đâu!

Cũng ở chùa Mậu Thắng có Sa-môn Tuệ Dung cũng nhờ thiền nghiệp mà nổi tiếng, ở núi uống ăn, chú nguyện vào nước để trị bệnh. Vua ban sắc mời Sư vào kinh đô trụ chùa Phổ Quang. Cả hai cung đều kính trọng, lễ dâng nói nhau.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Tuệ Hy trụ chùa Không Tuệ ở Ích Châu

Thích Tuệ Hy, họ Triệu, người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu Sư xuất gia từ thuở nhỏ, khéo hiểu về Thiên vận, văn bút bóng bẩy thành chương. Sư nổi tiếng ngang với ngài Trí Vinh chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu, đều là Sa-di mà tài giỏi hơn người. Sau Sư cùng Sa-di Đạo Triệt chùa Đại Trạch ở Thành Đô liền vận Thi phú, hơi có hồng lời, nhân đó bèn lắng bật việc người đời, gá tâm vào thiền nghiệp.

Đến tuổi đấng đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe giảng khắp các kinh luận, chọn lấy anh hoa để làm thường yếu. Với Nhiếp Luận, Tạp Tam, ngài tinh suu chí lý, rất ưa thích Tam Luận là số Môn Quán. Sư từng hỏi vặn về nghĩa lý Trần Thức với Pháp sư Cơ. Mới đầu, Sư hỏi về Tiểu thừa, Pháp sư Cơ dùng Đại thừa để đáp chung. Sư bèn cười, bảo: “Đại thừa thâm nhiếp tất cả, chỉ mất Tiểu Tông”. Sau Sư đến chùa Không Tuệ ở phía Nam của Châu, lập tánh riêng lẻ, chẳng gặp gỡ đồng bạn, ăn uống kham khổ, chuyên tương hư

huyền. Mỗi lần Sư ngồi đóng cửa hơn hai mươi ngày. Tăng chúng cho rằng Sư không ăn đã lâu, sợ chết mất thân mạng, giả lấy lời thừa mà bảo rằng: “Nước nhà đang tìm kiếm những người có khả năng tài nghệ rất gấp. Nay không ăn đóng cửa, người đời cho là Thánh, dứt bật lưu ngôn. Xin đúng thời ở trong chúng”. Sư sợ sự cãi vã, bèn mở cửa mà đến ăn. Do đó, mãi đến nay gần ba mươi năm, Sư một thân riêng lập không nuôi người hầu. Ngày ăn một bữa mà thôi, không nhận của người cúng thí. Nơi nào có giảng hội thì đến nghe. Đêm ngủ trong phòng cũ, chỉ ngồi nơi giường tâm, hai đầu trần hơp. Trong phòng chỉ một dấu chân, ngoài ra đều là rêu xanh, y phục đều thô xấu chỉ dùng để ngăn gió lạnh, mùa đông thì thêm áo nạt, mùa hạ mặc áo vải bố, qua khỏi mùa Đông cởi bỏ áo nạt, vắt trên xà nhà.

Có người nghe tiếng tăm Sư, đến phòng tham bái, rước đưa tiếp đón nhiều ngày mới thấy. Khi đó có người hỏi lời sâu sắc, lời lẽ cao xa, từng tham dự ở đâu hàng đều kính sợ. Năm ngài chín mươi tuổi Sư thị tịch. Nay hiện còn đủ mọi sự thấy nghe.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Thế Du trụ chùa Đại Thí ở Miên Châu

Thích Thế Du, họ Trần, người ở xứ Đài Châu. Cha mẹ Sư đều mất sớm. Sư tự làm thuê mướn để sống. Thân hình Sư khỏe mạnh to lớn, cao tám thước ba tấc. Sư mong hướng về Phật lý mà không do đâu để đạt được.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư đến chỗ Pháp Sư Luân chùa Chấn Hương ở Miên Châu xin xuất gia. Ngày chỉ ăn một bữa, thực hành hạnh Đầu-đà, cần khổ liên tục. Sư lại đến Lợi Châu ở chùa Tịch Trụ. Sau đó lại đến núi Hương Ứng thuộc huyện Miên Trúc ở Ích Châu, ở riêng một mình nhiều năm. Có bốn con vợ cung cấp thức ăn như trái cây rừng v.v... Có Cư sĩ Mẫu Gia Sinh mạng lương thực đến dâng cúng, kinh sợ nơi rừng sâu, thường xông đốt các thức hương huân lục trầm thủy v.v... khi trở về núi, giữa đường gặp hai người, hình tướng rất khác nhau mặc y phục màu xanh, tướng mạo ít thấy ở đời, cầm hoa sen, khoai nước, mía mà đi lên, bảo là “Ta đến cung cấp cho Thiền sư ấy”. Sư ở núi ấy trong ba năm, ăn dùng gạo chỉ hết một thạch bảy đấu, mỗi ngày sáu thời hành đạo, lấy vợ khi chim thú làm bạn. Mới đầu chỉ có một dòng suối, sau có đến ba dòng suối lại tuôn chảy xuống dưới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường Sư nằm mộng thấy có bốn con rồng lại và vào trong tim mắt Sư, lúc tỉnh giấc, ngài đại ngộ tông chỉ của Tam luận. Sư bèn đến dưới pháp tòa của Pháp sư Linh Duệ, nghe giảng Từ lý rõ ràng như xưa trước, liền đó Sư thuật đáp, nhân tiện Sư đến Miên Châu trụ chùa Đại Thí.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Sùng Lạc, bảo là sắp đi phương xa. Có người dụ rằng: “Chỉ ở tại chùa này chính là các phương!”. Nhân đó, Sư trở về lại phòng cũ ở chùa Đại Thí. Có mùi hương thoảng khắp phòng. Nơi chỗ Sư ngồi vọt lên ba đồng tiền vàng. Cả chúng tìm theo mùi hương từ phòng Sư lan tỏa ra, mới thấy Sư đang ngồi kiết già trên tay còn bung lò hương. Thứ sử Lưu Đức Oai mừng vui với điều chưa từng nghe thấy, bèn làm khám mà tôn trí nhục thân Sư ngồi vào đó, qua ba năm vẫn không nghiêng ngã. Sư thọ sáu mươi ba tuổi.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Trí Thông ở chùa Thê Hà tại Nhiếp Sơn

Thích Trí Thông, không rõ Sư là người xứ nào. Trước kia Sư trụ chùa Bạch Mã ở Dương Đô. Sau, Sư trụ chùa Chỉ Quán, chuyên nghe giảng Tam luận.

Sau thời nhà Trần bình yên, Sư lại qua sông đến trụ chùa An Lạc ở Dương Đô. Nghiệp lớn đã sụp đổ, Sư muốn trở về mà không có cách, bèn ẩn trong Giang Địch tụng kinh Pháp Hoa suốt bảy ngày mà không cảm thấy đói, thường thấy bốn con hổ đi nhiều quanh đó mà thôi. Từ khi không ăn đến nay đã mười ngày, Sư bảo: “Mạng ta chỉ trong khoảnh khắc, các người cần thì hãy ăn đi!”. Hổ đáp: “Từ lúc Tạo thiên lập địa, không bao giờ có lý ấy!”. Bỗng nhiên có một ông lão tuổi chừng tám mươi, bên dưới giấu một chiếc thuyền đến bảo Sư rằng: “Sư muốn sang sông đến ở chùa Thê Hà thì có thể liền lên thuyền!” Bốn con hổ cùng một lúc trong khóm mắt lệ tuôn trào. Sư bảo: “Cứu giúp ách nạn, chính là ở hôm nay, xin hãy cùng đưa cả bốn con hổ!”. Khi ấy đến bờ phía nam rất nhanh, nhìn lại thuyền và ông lão thì không thấy đâu nữa! Sư bèn dẫn bốn con hổ đến phía Tây tháp Xá-lợi ở chùa Thê Hà, kinh hành ngồi thiền, thè chẳng nằm ngủ. Đồ chúng trong chùa có tám mươi vị chẳng ai dám ra ngoài viện. Nếu mỗi lúc có việc dữ thì một con hổ vào chùa lớn tiếng gầm gừ báo với chúng tăng, do đó mà việc báo tin lấy đó làm cách thức. Sư cho rằng ở núi rừng sâu xa lương thực khó cúng cấp, bèn hướng dẫn ba trăm Cư sĩ ở Dương Châu làm người làng xã gạo. Mỗi năm riêng đưa đến một thạch, lấy đó làm lương thực cúng cấp ở núi, nên các hàng tăng tục cho đến chim thú thấy đều được cấp giúp.

Đến ngày mồng tám tháng bốn niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường, sau khi tiểu thực, Sư đến chùa Chỉ Quán, đánh lễ ảnh tượng Đại sư, tay bung lò hương đi đánh lễ khắp, lại đến lễ bái tháp mộ ở chùa Hưng Hoàng, rồi về lại phòng cũ, ngồi yên mà thị tịch. Có mùi hương lạ xông tỏa khắp cùng. Khắp thành quách Đan dương, các hàng tăng tục đã

thọ giới với Sư có hơn ba ngàn người cùng kéo nhau đến núi, buồn khóc tiếc thương khắp cả rừng hoang. Sư thọ chín mươi chín tuổi.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Tăng Triệt trụ chùa Hãm Tuyền ở núi Cô Giới

Thích Tăng Triệt, họ Cận, người ở xứ Vạn Tuyền thuộc Hà Đông. Tánh Sư giữ giới trang nghiêm, chuyên nghĩ muốn xuất tục. Từ thân cúc dưỡng chưa được toại ý. Đã đến tuổi trưởng thành bèn vâng theo chí trước, Sư thích hạnh Lan-nhã, tìm cầu ở Bồ phản, chuyên tu Bình Đẳng quán, thực hành Pháp Thật ngôn, bốn tục quy hướng tiếp thừa, hoằng hóa Liên áp.

Có núi Cô, còn gọi là núi Giới, là nơi đất xưa của Giới Tử Thôi. Núi đó ở phía Nam là thôn Dương giới. Sư bèn nương tựa theo mà kiết lập nghiệp. Lấy hang đá làm nơi che chở, múc dùng nước ở chỗ trũng sâu, nhiều năm kính thờ Đạo, đối với chúng sinh đều đề cao. Mỗi người tự xả thí của cải sức lực để cùng nhau tạo dựng cơ đồ. Đất ở đó vốn cao xa hiểm trở, từ xưa không hề có nguồn suối, Sư nghĩ trong sự nhọc mệt có sự thắc kết nên sáng sớm bèn đi lên trên đánh non cao hiểm trở thấy như có nước thấm ướt, bèn dùng mũi nhọn dẫn thì ứng theo tay Sư mà dòng suối tuôn chảy. Các hàng tăng tục nghe thế kinh hãi khen ngợi nương theo. Sư lại mở rộng chỗ ở, xây dựng thêm phòng nhà. Thứ sử Tân Châu là Phòng Nhân Dụ dâng tấu biểu văn trình bày việc ấy, xây dựng ngôi Già-lam. Vua ban sắc chấp thuận. Nay tức là chùa Hãm Tuyền.

Các hàng Công tử vui mừng thỉnh Sư về làm chủ chùa. Nương theo vật mà bàn, Sư bèn theo đó. Những người kính mến Đạo nghĩa ở bốn phương cùng nhau đóai hoài nương tựa đến nơi cửa nhà rất đông. Đến lúc Từ Vương Bộ Giáng thì chùa lại thuộc về đó. Xe lọng lại tìm thỉnh Sư về ở châu áp, dốc lòng kính lễ, hậu cúng càng lớn. Không bao lâu về lại núi, kính sùng Đạo nghiệp trước. Tánh Sư luôn tỏ nhân từ, mở mang cứu giúp thành việc chính. Do đó, đàn chim đến ăn trên tay Sư, đêm về nhận liệng quanh dưới mái hiên. Tuổi vượt qua Trưng Quốc mà không hề tật bệnh. Bỗng nhiên Sư bảo với tăng chúng rằng: “Tôi sắp đi!” Thọ trai xong, Sư thâm y pháp, ngồi kiết già, nhìn khắp đồ chúng, dùng lời thanh tịnh trong sáng mà dạy răn. Xong rồi, Sư bảo tất cả đều ra khỏi phòng, chỉ để lại một người hầu. Sư bảo: “Phàm thần thức gá vào thân, nương vào đó mà có hơi ấm. Đến lúc mạng dứt thân lạnh mới được xúc chạm đến tôi!”. Dặn bảo xong, Sư nhắm mắt như nhập định. Lâu sau đến xem mới biết là Sư đã tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Trước lúc Sư chưa tịch suốt ba buổi sáng, cây rừng đều biến thành màu trắng, mây bủa giăng như ngăn che, bật dứt không thấy được Đông Tây. Các hàng tăng tục đua nhau kéo đến, thực hành lễ tâm tang, dời đến hang Linh

son, lại y như ngòi. Các hàng phủ huyện quan thứ đều cùng nhóm họp. Ngày đó gió trong cảnh sáng, hoa trắng tung rải, sáu lần phát ra ánh sáng sạch như tuyết băng, lấy y tiếp thừa thì chẳng bao lâu liền tan. Sau ba năm Nhục thân Sư vẫn ngòi như lúc ban đầu. Môn nhân thay đổi chiếu, y phục Sư không một chỗ thấm mực, bèn sơn phết thêm. Các hàng đệ tử nghĩ nhớ giáo nghĩa nằm nghiêng hông bên phải trong rừng Song lâm, ôm hoài lời ca hai cột đôi mang tay, lấy đó làm tướng tốt thiết lập tượng, khai mở sự tôn nghiêm của hàm thức. Pháp tuệ lời sáng thật là bền bờ cứu giúp để siêu sinh. Bèn đến kinh ấp, phụng kính xây dựng Bia C ao, cao một trượng năm thước, khắc họa tôn tượng, viết chép kinh và ghi lại ngôn hạnh, dẫn trở lại bản tự nhóm chúng cùng dựng lập. Độ Chi Thượng Thư Đường Lâm, xưa trụ tại Vạn Tuyên khen ngợi tiếp thừa việc thế tục. Tánh hạnh chuyên kính tin, vốn kính thờ quy y. Sau ra làm Quan ở Hoa Tĩnh, thường tu cúng dường, đoái hoài chỉ gốc Đức, bèn khắc bia minh, v.v...

Thử Luận Bàn:

Trong Kinh chẳng đó ư? Thiên Trí đều vâng, niệm tuệ cùng phát. Thần đi trong giác quán, chiêu cảm tiếp nhanh. Vì sao biết như vậy? Chỉ do cõi Dục loạn thiện, tánh cùng cực ở sáu tầng trời. Sắc có Định nghiệp, thể bát Bát Địa thông làm thế kết, ưa thích mùi vị chẳng khác. Không gì chẳng phải Tập Đé trọng khinh nên được quả báo vui khổ, rốt cuộc phải luân hồi trong các cõi, không thể nói chắc chắn được siêu sinh. Và lại, y cứ vào hai duyên Loạn và Tĩnh, nên lược chia thành hai ngôi vị ấy. Nhưng Thánh hiền trong ba thừa cho đến các đường trong sáu tà cùng muốn nhằm chán phiền não, gá nghĩ tâm lự, không ai chẳng y cứ nơi Sơ Định. Vì tâm có khác ở Thô và Diệu, tuệ khai mở thông cực, bèn có tất cả, nhờ một địa vị đó mà được kéo dài căn cơ của Tà Chánh.

Từ khi Phật giáo truyền bá đến phương Đông, người tâm học rất ít. Mãi đến đời Tấn, mới nghe có Duệ Công, nên lời tựa trong đó đề rằng: “Tuệ lý tuy ít, nhưng đủ để mở thần đạt mạng. Thiên Pháp chưa truyền, còn như nhiếp duyên buộc tướng, không chôn gởi gắm tâm. Bây giờ, phiên dịch Đại luận có trải qua thiên môn, nhân vì Tâm câu mở rộng hạnh chuyên ấy, nên ngài Đồng Thọ (Cưu-ma-la-thập) mở mang sự rộng thí đó, bèn phiên dịch ra các Kinh Thiên Pháp yếu giải, v.v... Từ đó trở về sau noi theo càng nhiều, các Sa-môn Đàm Ảnh, Đạo Dung giữa mài tinh tấn ở Hoài Bắc, các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Quán siêng năng tâm chí ở Giang Đông. Nương gá núi rừng, nhóm kết đồ chúng thì có Sa-môn Tuệ Viễn nêu tông. Riêng đến cô chinh thì chư tăng có nhiều hiển dị. Tuy là truyện của nhiếp tâm, nhưng bây giờ hoặc có sót lời, mà đều tích chứa phương nghi, lại mở chánh cấp, không thể lấy làm lạ!

Mãi đến thời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương mới mở rộng Định môn, tìm nêu trong nước có những vị tâm học, tất cả nhóm họp đến Dương Đô, xét lường sâu cạn tự làm thành Bộ loại. Lại ở Chung Dương, hai nơi trên dưới đều xây dựng Định Lâm, khiến các Đồng bạn tức tâm nương gá nhân cư mà tổng tập. Bấy giờ, Phật pháp giáo hóa tuy hưng thịnh, nhưng phần nhiều là biện tuệ, văn từ bén nhọn, sở chỉ như sóng nổi lẫn lướt nhau, còn như nêu dẫn hoàn toàn không tính toán. Có thể nói là luống có Danh nêu cử, hoàn toàn thiếu sự thật của trực tâm, tin được vậy ư?

Hoặc có người hỏi rằng: “Đức Đại Thánh lập ra chánh giáo, ở đầu thời Chánh Pháp, tượng pháp thì Pháp Thiên lưu hành rộng, nghĩa đáng tu tập. Hiện nay chẳng phải thời kỳ ấy, bật dứt sự nảy nở tiếp nối, thứ lớp chẳng thường, nên gọi là Mạt Pháp. Bèn vâng theo hạnh giới. Ấy là cùng cực?”

Xin trình bày đó. Nhân vì lời tựa nói rằng: Vốn lập bày chánh pháp, tượng pháp trùm khắp các cơ duyên, còn như đối với người chuyên Đạo thì không thời nào chẳng khéo hợp. Nhưng vì trong giáo điền rộng nêu hai hạng người tin Pháp. Thật là do các căn cơ lợi độn, do đó, mà đến thời phân vị. Nếu trở về với nguồn cội, thể nhận được Đạo sâu, nhằm chán các Hữu Học, đức ngang bằng với Phật ra đời nên một ngàn năm đầu là Chánh Pháp, tức là hội với Chánh thành Thánh, cơ ngộ chẳng khác. Tiếp đến một ngàn năm thứ hai y cứ vào giáo để tu học, tình gieo tiệp độn, hội lý chẳng phải giai vị. Nhiếp tĩnh trú trì có phần thông với Tánh chỉ, nhưng đối với Tuệ Thích, thì chưa tu sáng lắm, tương tự với dòng Đạo nên gọi là Tượng giáo vậy. Đến sau một ngàn năm thứ ba, là nền tảng đầu tiên của Mạt Pháp. Cho đến một vạn năm, thì lia đạo Định Tuệ, chỉ mở mang luật thế gian. Tướng oai nghi nhiếp hộ đồng với dấu vết thiên, nhưng tâm dùng phù động hoàn toàn trái với Chánh Thọ, cho nên đều xem đó là Mạt Pháp, theo Luật Thiên Kiến thì Mạt pháp có mười ngàn năm. Hộ trì tiếp nối mở mang ở đời, vết tích đáng ghi chép. Nếu y theo ma tà, thời qua ngàn năm, chẳng tu Tĩnh Quán, là chẳng phải thông luận. Ước Tướng hai đầu mới thì mâu thuẫn trái với dấu vết, y cứ Duyên mà Phán giáo thì mỗi giáo đều có chỗ tột cùng của nó. Còn như tình đời phiền nhiễu, người hiển bày sắc sảo kỳ đặc thì mới dạy nhiếp trì, đều đắm trước mê mờ. Bởi do huân tập đã lâu xa, Tông tượng khó thường, ngay trước mắt dễ quán, chưa vội vàng theo Thật giáo, Thiên Kiến mười ngàn năm cũng là khuôn phép sáng. Y cứ theo nghĩa pháp tu đủ thì nghĩa không chẳng thật có. nên trong lời tựa của luận nói rằng: “Năm ngàn năm đầu chứng đắc ba Đạt trí, sau năm ngàn năm chỉ vâng theo giới pháp. Trước y cứ Đạo Pháp dùng Lý Quán mà trụ trì, nên gọi là Nhập Thánh. Lường xét có theo vậy. Sau tại Sự loạn, Tướng Pháp Trụ Trì, làm sao nhập Đạo, nên nói như vậy. Nếu nước tâm gợn sóng thì nghiệp đời khó thành.

Lắng tưởng lia duyên thì lý tự hiển bày trong lắng. Niết-bàn tiếp nối Định, há chẳng phải như vậy ư! Nên khiến những người ngồi yên trong xóm làng thì Thần Tiên đến chê bai, giữa rừng trống mà nằm ngủ thì các Thánh đều khen ngợi. Thật gá tĩnh cầu tâm thì tâm dễ nhiếp, nhờ nhiếp tâm nên được giải thoát!

Trong luận Thành Thật có nói, đó có thể bắt chước theo. Ở đời có hạng Định Học vọng truyền Phong giáo, bị ràng buộc bởi tục nhiễm, lẫn lộn xem thường nghi tích. Ngay nơi sắc mà rõ không, đã bàn đó ở tâm miệng. Thế nhận được Loạn mà Tĩnh, thì thân có lụy. Thần dụng chìm đắm nơi từ lệnh, Định tướng mục rữa ở môi mép. Bài bác Tiểu thừa Đại thừa, riêng dựng lập một nhà, nhiếp giúp trú trì, ở nơi trái hẹp. Truyện trước trong lời tựa của Luận Đại Trí Độ có nói đầy đủ rõ ràng. Khoảng lâu đến nay, y cứ càng đông nhiều. há chẳng phải vì sức kém, lại thêm quên Đạo. Thần mau dứt lự ở quê nhà? Do đó, gá tĩnh dừng tâm, các sách đều truyền linh dị ấy, chỗ rằm rĩ nhiếp lự, xưa nay chưa bày sự cảm thông, tin đáng nương theo. Ở thời Bắc Tề tại Hà Bắc chỉ có Sa-môn Tăng Điều riêng thanh. Thời Bắc Chu ở Quan Trung chỉ có Sa-môn Tăng Thật tôn vinh. Báu trọng quán phương giá được lắng an. Thần Đạo thông suốt, chế phục gượng ngự. Đến nỗi khiến vua Tuyên Đế mang vác độc hết phủ tạng ở ngài Vân Môn. Trưng Tể giảng thêm triển bày quy tâm nơi chùa Phước. Thật là có ý đồ. Cho nên khiến Vươn Định ở Trung Nguyên phân mở cương lãnh. Chỉ hai Hiền giả này tiếp gót truyền Đăng, giáo hóa chẳng dứt, mà lại giã từ rừng hoang về ở thiên môn. Đó là cật vệt trước của Đại Ân, bỏ chí cao của Vô duyên, cuối cùng gá thân ở Long Tự. Cho nên thuộc về Hành tàng hữu nghi ư?

Có Sa-môn Bồ-Đề-Đạt-Ma là bậc Thần hóa cư Tông, mở mang dẫn dắt ở Giang Lạc. “Đại thừa Bích Quán”, công phu Đạo nghiệp rất cao. Các hàng cầu học ở đời, quy hướng kính ngưỡng rất đông, nhưng lời tụng khó cùng cực, tinh cần giữa mài khắp thiếu, xét kính mến khuôn phép ấy, trừ sạch giữ chí. Quán sát sự Lập ngôn đó thì chỗ y cứ của tội phước cả hai đều xả. Rõ đó Chân Tục giúp sức lẫn nhau. Hai vàng lưới Đê-thích chẳng ràng buộc được Không Hữu. Ai Kiến chẳng thể dắt dẫn, lắng tâm lự trừ tính, cho nên dứt bật lời ư? Nhưng quán xét hai tông tức hai khuôn phép của Thừa. Ngài Tăng Điều thì ôm hoài Niệm xứ khuôn phép lắng sạch đáng tôn sùng. Pháp ngài Đạt-ma là Hư tông, Huyền chỉ sâu mâu. Đáng tôn sùng thì tình sự dễ hiển bày. Sâu mâu thì lý tánh khó thông. Do đó, vật được từ nôm, ban đầu thì đồng với vạch tẩy. Còn như tâm dụng thì ngưng nghẽn, chỉ phiền phức đến cả bọn. Sai khó trình bày. nghĩa đáng kính xa. Đào luyện sửa trị mới có thể gặp lúc. Thập Trụ La Cốc che lấp địa vị đó. Hạng kiến thức hẹp cạn, là bọn lưu tình.

Sáng vào thiên môn, tối mở mang phương thuật ấy, cùng cho truyền nói nghĩa là đều tự cùng nguồn. Thần Đạo mịt mờ ai rõ thông bí. Vậy nên biết, chỗ đến của tâm lực, chỗ mưu đồ của trí thức, không gì chẳng là vọng cảnh đối hoặc tâm. Đó chẳng thể trở lại soi chiếu. Sóng thức ấy chấp cảnh duyên tâm. Lắng sóng kinh hải sinh nhiều Định Chương, tức là chỗ biết của công dụng Định Lực. Ngoài làm sáng tỏ thuyết ấy, chóng khinh mạn kíp mê hoặc. Cho nên chưa rảnh để trị chương. Ta trái ngược thường hành, chỗ trì tông của năng lực kia là chánh nghiệp. Chân vọng làm mê nhau, rốt cuộc khó thông hiểu. Nếu biết Duy tâm, thì vọng cảnh chẳng kết. Trái lại chấp cảnh trước thì chẳng phải sở hành của tâm. Luống không như thế, thì đâu thể luận Đạo?

Ở đời Trần có Sa-môn Trí Thôi, Sư là người kính ngưỡng Đại sư Tuệ Tư. Ngài Tuệ Tư thật là bậc sâu hiểu Huyền Vi, hạnh đức khó lường. Ngài Trí Thôi cũng rất có tâm gần gũi Định, tiếng tăm vang khắp giữa trời. Đến nỗi khiến vua chúa nhà Trần đều lãnh thọ Quy giới, vang tiếng đến Nam Đô, nhưng được mở mang rộng lớn, mắt ở mặt đối trị. Sư rất được kính ngưỡng ở đời chẳng có ai hơn. Sư hội yết Hành nhạc, mới trình bày các lỗi, chưa kịp dứt trừ liền thị tịch. Đến thời vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) nhà Tùy dựng lập cơ nghiệp, riêng Tông Định Môn, hạ chiếu trình bày việc ấy, đầy đủ như trong Biệt truyện. Ở phía Tây Nam của Kinh Ấp, có xây dựng chùa Thiên Định, nêu mời khắp bốn biển, trăm ty cung cấp, các bậc Danh tăng cao đức đều lớn tuổi. Đến lúc qua đời không vị nào chẳng ngồi mà thị tịch. Mọi sự đều được tấu trình đầy đủ, Vua càng gấp bội quy y. Trải qua ba đời Vua đời Tùy đều xây dựng chùa. Mới đầu chiếu ban tìm rộng, cuối cùng là tạp Giảng đồ, cho nên không lấy. Ở thời ấy có Sa-môn Trí Khải cũng là vị Thiền sư được trọng vọng, điều chỉ biện giải sắc bén không ai chẳng rơi mác. Sự tượng ở chốn Thiên đình, vẻ vang khắp cùng triều liệt, không thể xem thường!

Đến như ngài Tuệ Siêu vĩ vượt sâu hỏ, ngài Đạo Thuấn quán bóng trâu, ngài Trí thông cảm hiện kỳ tướng, ngài Tăng Định chế phục giặc dữ. Tiết tháo như sắt đá, khí khái đồng mây xanh, đầy đủ rõ ràng ở Truyện sau, thấy đều tốt đẹp. Lại như Thiền chủ Tuệ Toàn, còn mến chuộng hạnh Đầu-đà, hành hóa ở Tân Triệu. Sâm cửa đông đây, phỏng nghĩ oai nghi chẳng vượt Luật tông. Thần giải suốt thông, làm chỗ nương cho pháp. Nên được sự lý phù hợp, xứng với khuôn phép thường. đạo có thanh suy, hẳn vì thời mất. Cho nên mời đến kinh đô, khi thị tịch trở về chốn cũ. Khoảng thời gian ấy, có Sa-môn Chí Siêu kế thừa ngài Tuệ Toàn, giúp tán đức hạnh bèn vượt qua khuôn phép trước, mẫu mực dạy răn, chìm đắm đầu mối. Cho nên sau khi ngài Chí Siêu thị tịch thì đạo phong ấy suy sụp.

Quán xét về hai cấp Tuệ Định, thì mỗi cấp tự bày khí khái của mình, đều đồng như mặt trời Phật, không hề chống đối, nhưng với niềm tốt lành thì nhiều lần dự thắm chưa được như vậy. Tức ở đời yên vui Thiên Tiên đều hộ vệ, thật kết quy Định học bởi khó đoạt mất. Khoảng đời Định Sĩ phần nhiều tước bỏ nghĩa môn, hễ nghe được Đạo thì liền nương học, không hề nghĩ chọn, thuộc hiểu rõ kinh. Mỗi duyên cùng cực, ý chỉ phần nhiều khuyết thiếu tiếng tăm, nói lời chê trách thường rất nhiều. Hoặc là đấm trước Thế định cho là thực hành Chân Không. Tụng niệm Tây Phương, với mục đích diệt hoặc, cổ đeo râu chuỗi, loạn bám mà xưng là Thiên số, mặc áo nạp khát thực, tất cả đều cho là tâm Đạo. Lại có người nương gá điện đường, nhiều quanh rất mực chí thành. Tà ngưỡng an hành, vẫn còn khúc kè, chấp cho là đúng, còn các pháp học khác đều là sai. Bấy giờ tưởng chẳng phát ra tiếng rào rào ai hay, đều là giới thủ và kiến thủ. Chánh sử hiện hành, đắp thêm chẳng trừ, tăng thêm ngu lỗ. Vừa như cắt lưới đời, mới bắt đầu tham dự Pháp Môn, rộng nghe kinh luận, rõ suốt giới tuệ, sau đó quy thân nhiếp lự, gá chuẩn Thánh ngôn. Động thì theo giới răn tu, tĩnh thì chẳng quên trí trước. Phải là nhân pháp hai kiếng, chân tục bốn y. Đạt Trí chưa biết, đâu còn vọng thức? Tu Định như thế chẳng phải Trí chẳng phải Thiên, thì non Hành bờ Đai quạt lên ngọn gió ấy. lại có hạng cùng mê đồng tốt, nhóm kết sơn môn, Trì Phạm mịt mờ, động mang lưới hình, chuyển vận cân nhận, chẳng lánh chủng sinh, nóng bùng uống ăn, đâu hổ thẹn xúc chạm. Lại có hạng lập tánh cứng rắn mạnh mẽ, chí chuộng Hạ lưu. Ban lạnh chẳng tìm, kinh chánh ít tụng. Vừa nghe một câu là cho là Tu Nam xưng lời, Ngũ trụ nghiêng lâu, Thập Địa sắp mãn. Pháp tánh sớm thấy, Phật trí đã rõ. Đó đều là y cứ vào cảnh mà trụ tâm, vọng lời lắng sạch. Trở lại duyên tâm trụ, gá tướng mà chuyển tâm, chẳng rõ tâm đời đời nên cứ rộng gá. Sinh tâm niệm tịnh đâu hội chân được. Nên trong kinh trình bày tâm tướng vùn vụt thúc giục chẳng ngừng, lưới rắn lửa dữ, ở núi tuôn nước. Niệm niệm sinh diệt, biến chuyển thường mới. Chẳng biết loạn niệm, cứ có tâm chấp. Tướng mạng Thiên tông chưa rõ chữ Thiên, hạng người như thế số lượng rất nhiều, làm cho giảng đồ bày kinh loại ấy. Nên ở đời có ngạn ngữ rằng: “Ông già không biết, Thiên sư nghĩa chỉ. Ngu phu loạn thức cùng quy minh đức”. Trái với mê đều có Đại chiếu, tùy vọng khắp che, chân khoa chẳng nghĩ, lời đó cùng bàn về Danh Thật. Lão phu chuyên hành Định tuệ, xét ở Quán Môn, các luận chỗ trình bày đều làm minh chứng. Thông suốt đến cùng, thì là công phu Định Học lia loạn, nghiệp thấy hoặc thì Tuệ sáng. Nên hai vòng xe trải qua, ngang bằng đồng với chân tục. Do đó tư duy xa động đến gió trong lành. Điều thật nêu ở Hoa vọng. Để lại về sau, cây nơi nguồn ấy có thể tìm. Đó đều là chỗ đồng ghi chép của người xưa. Há là rộng hư không ư!

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

(Quyển 20 hết)

---o0o---

QUYỂN 21 A

CHƯƠNG III - PHẦN 06 : TẬP THIÊN

(chánh truyện có mười ba vị, phụ có một vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu, thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô.
- 3/ Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu.
- 4/ Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu.
- 5/ Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tân Châu.
- 6/ Truyện ngài Thích Đạo Vượng trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu.
- 7/ Truyện ngài Thích Pháp Hiến trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu.
- 8/ Truyện ngài Thích Huyền Sáng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu (Tuệ Phổ).
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu.
- 10/ Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu.
- 11/ Truyện ngài Thích Tăng Luân trụ tại Suối Lâm lạc ở Vệ Châu.
- 12/ Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở kinh đô.
- 13/ Truyện ngài Sa-môn Thích Trí Nham ở Đơn Dương.



01- Truyện ngài Thích Tuệ Tường trụ chùa Ninh Quốc ở Đặng Châu

Thích Tuệ Tường, họ Chu. Năm mười lăm tuổi xuất gia, Sư thực hành hạnh Đầu-đà đi khát thực, im lặng tự thiên tụng, chẳng đồng với chúng. Mọi người chẳng lường biết Đạo Quán Sư sâu cạn, mà Cao chuộng độ xa ấy. Sư nghe giảng Tam luận, nghe công phu của các ngài Đề-bà, Hộ Pháp, chẳng từ đều mở mối lo ở lòng, có tâm vô cùng kính mến. Đến các trường giảng, thấy những người oai nghi không nghiêm chỉnh, Sư bảo với mọi người rằng:

“Tuệ Tường tôi sau khi thọ giới cụ túc, sẽ trụ trì tại chùa này, khiến đưa vào luật hạnh!”.

Năm mười chín tuổi, Sư bị bệnh ba tháng, chữa trị không thuyên giảm. Nửa đêm, Sư ngồi mà than rằng: “Đại trượng phu vốn hiến thân cho Đạo, ở thời mạt pháp mà hàng phục kẻ Phi pháp. Có sao chí ấy chưa theo, mà bị bệnh khốn khổ như vậy!”. Đến lúc trời sắp sáng, có một người thân cao hơn trượng bảo với Sư rằng: “Chỉ nên tụng Kinh Niết-bàn, chớ buồn lo không lành!”. Đến sáng sớm, Sư liền tụng đọc suốt ba ngày, liền hết bệnh. Ngày năm đó Sư tụng thuộc, cuối cùng đạt được sự trông mong. Đến khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư nghe học luật, soi xét văn lý. Sư trụ chùa Ninh Quốc, thường giảng Luật Tứ Phần và Kinh Niết-bàn. Do đó hộ pháp duy trì, chẳng tiếc thân mạng. Những người có sự khuyết trái, nhìn vào Đạo phong của Sư mà sửa đổi.

Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, đang trong mùa hạ, nhân lúc thọ trai, trong miệng có được Xá-lợi, Sư không biết nên lura ném bỏ dưới đất, liền trở lại ở trong miệng, như vậy qua mấy phen. Sư mới nghi là Chân thân. Dùng chày đá đập mà vẫn không vỡ, bèn đánh chuông báo với chúng tăng biết. Mỗi tháng vào ngày rằm, ngày ba mươi, chúng đều nhóm họp, Sư roi lệ đốt hương cầu nguyện giáng hiện oai lực. Chỉ phút chốc phát ra ánh sáng năm màu, có mùi hương lạ thoảng cùng khắp quách. Chúng đều trông thấy cho là ít có. Những người sống với nghề giết hại săn bắn đều đổi nghề, mới khiến trong chợ không có hàng bán thịt. Nhân đó, Sư cùng bốn chúng xây tháp chín tầng cao hơn trăm thước, đến nay vẫn hiện còn.

Mỗi ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng kể ít nhiều, ăn nhanh chẳng có ích, thể mạo Sư béo trắng, có thể cao hơn tám thước. Sư đi ngoài đường ai không biết cũng đều quái lạ kính ngưỡng. Thứ sử Lý Thăng Minh đến chùa, thấy Sư lấy làm lạ bảo với các quan rằng: “Đạo nhân này dung mạo béo phì như thế, mỗi ngày có thể ăn hết một con dê”. Nói vừa xong liền có cảm giác tay chân chẳng theo ý mình, cười ngựa mất ngựa chề. Các quan nói sự thật cho Lý Thăng Minh nghe. Lý Minh Thăng bèn đến sám tạ và được bình phục trở lại. Đại Sứ Quyền Mậu đến Đặng Châu thấy Sư lại lấy làm lạ. Lý Thăng Minh bảo rằng: “Đại đức này chẳng phải người phàm”. Và kể lại đầy đủ việc trước. Quyền Mậu không tin, xin được bảy ngày dùng thức ăn thô để thử, mà sắc da càng xinh đẹp.

Quyền Mậu phủ phục cầu xin sám hối tội không tin trước.

Đến lúc sắp tịch, trên tay Sư cầm quyển kinh, qùy thẳng mà bảo với đệ tử rằng: “Tôi sắp qua đời! Các ông khéo nên gìn giữ, chớ để đứt mất!”. Lại cảm có mùi hương lạ thoảng khắp quách. Sư thị tịch lúc đó nhằm tháng tám niên

hiệu Đại Nghiệp cuối cùng (617) đời Tùy, thọ bảy mươi tuổi. Khí mạng đã dứt mà Sư vẫn quỳ thẳng như lúc đầu. Mọi người khắp xa gần đua nhau kéo đến, thấy sự kỳ lạ ấy, không ai chẳng khen ngợi.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đàm Luân trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh đô

Thích Đàm Luân, họ Tôn, người ở xứ Lăng Nghi thuộc Biện Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia ở chùa Tu Phước, nương tựa Thiền sư Đoan. Nhưng Thiền sư tu học theo Thứ đệ Quán, bèn răn Sư rằng: “Ông nên buộc tâm vào đầu lỗ mũi thì sẽ được tĩnh lặng”. Sư thưa: “Nếu thấy có tâm để buộc vào đầu lỗ mũi, xưa nay không thấy tướng tâm, nên không biết lấy gì để buộc”. Mọi người đều lấy làm lạ về lời nói ấy, ngợi khen Sư mới học gần mà vì sao lại tỏ ngộ xa. Nên ở trong chúng cuối thời lễ bái sám hối, Sư liền theo nhập định. Đại chúng búng ngón tay tâm thường cung kính. Sau, có lần đang mang bình bát đến trai đường, chưa tới nửa đường, tự nhiên Sư nhập định, vẫn giữ bình bát không nghiêng đổ. Thầy Sư (= Thiền sư Đoan) rất lấy làm khen ngợi. Vào lúc khác bảo với Sư rằng: “Ông học thiền tọa, trước nên thanh tịnh hôn tình, giống như bóc củ hành, mỗi lớp bóc lột hết sau đó mới được sạch”. Sư thưa: “Nếu thấy có củ hành thì mới bóc lột được, xưa nay vốn không có củ hành thì lấy gì để bóc lột?” Thầy Sư bảo: “Đây thật là rễ to cành lớn, tu chẳng bằng được, không sám sai sử nữa”.

Từ khi tân đàn thọ giới cụ túc về sau, với mọi việc tụng kinh lễ Phật, Sư đều chẳng thực hành, chỉ đóng cửa phòng không ra ngoài. Đi đứng nằm ngồi chỉ lìa niệm tâm, lấy đó làm chí. Theo thứ lớp, Sư trông coi trị tuế, giữ gìn vật của chúng tăng, Sư ước định răn khắc người nhà rằng: “Chớ có thức ăn riêng, chớ cho ăn cháo của chúng tăng”. Người nhà cho đó là việc thường, chẳng nghe theo lời Sư, con chó liền mửa ra cháo của chúng tăng cho Sư thấy, sự nín thinh chẳng nói gì cả. Sau, Sư lại bảo: “Không được đem cháo của chúng tăng cho chó ăn”. Người nhà trả lời dối rằng: “Không có cho”. Đàn chó lại kéo nhau đến trước chúng tăng mửa ra cháo cho Sư thấy. Khi đó, các hàng tăng tục đều phục sự cung kính, thận trọng của Sư. Lại có các hàng nghĩa học luận sĩ tranh cãi đến hỏi, Sư tùy lời liền dứt trừ thắc mắc không hề quái ngại.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Hiến Hậu qua đời, Vua Văn Đế (Đương Khiêm 581-605) xây dựng thiên thất, thỉnh Sư đến trụ ở đó. Sư lại đóng bít cửa nẻo y như trước mà thực hành hạnh nghiệp. Người đương thời đều gọi đó là “Ngọa Luận”. Có Pháp sư Sán ở chùa Hưng Thiện là bậc Luận Thủ vô học của cả ba nước. Chẳng bao lâu, quái lạ về việc Sư nằm thiền nói hỏi cao xa. Bèn vào phòng cùng ngài nói năng tham cứu đúng sai. Sư bảo:

“Tùy ý cùng xét”. Bèn suốt ba ngày ba đêm đàm Đạo Pháp lạc chẳng ngủ. Sư thuật về Bát-nhã, hoa trong hư không chẳng có đáy, nước lửa không nương tựa, không chủ tể, chẳng lập Chánh tà, bản tánh thanh tịnh. Pháp sư Sán lại gieo mình sát đất, khen ngợi kính trọng Sư. Đường tâm không ngưng trệ chẳng thể suy nghĩ bàn luận mới như thế ấy. Sư ở tại kinh đô, các hàng tăng tục mời thỉnh nói nhau, mà căn cơ chẳng đồng nhất, mê ngộ có lắm hạng, tuy khéo vận dụng các phương tiện khiến họ tỉnh ngộ, nhưng mỗi người có kiến chấp riêng, thấy ta là phải, nên diệu lý ấy ít được lưu truyền rộng rãi.

Có Luật sư Huyền Uyển, Pháp Sư Tĩnh Lâm dẫn môn nhân là Tăng-già, Tịnh Đẳng qua lại thọ pháp. Chúng ấy đông như cá con. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh rất nặng. Ở bên cạnh chùa Trang Nghiêm nhìn xem lặng lẽ, có người hỏi Sư vắng sinh về xứ nào? Sư đáp: “Vô tận thế giới!” rồi trở lại lặng lẽ. Ngài Tăng-già đưa tay tìm thử xem lạnh tới đâu, riêng báo với mọi người rằng: “Lạnh đã đến đầu gối, bốn Đại chia lìa cũng nên sinh khổ”. Sư bảo: “Khổ ấy cũng không”. Có người hỏi: “Xả Báo thế nào?” Ngài đáp: “Ta làm chủ bốn Đại, chỗ đấu tranh đã đến, cong đầu gối, sau khi chết chỉ nên bó trong chiếc chiếu mà bỏ đi, chớ làm những việc khác!”. Sư lại hỏi: “Đánh chuông canh năm chưa?” đáp: “Chưa, còn thời gian ngắn nữa vị Duy na mới đánh chuông”. Trở lại xem thì Sư đã thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Các hàng môn nhân cầu học y theo lời Sư, đón rước đến Nam sơn, để lộ nhục thân Sư ở giữa chốn hoang vắng.

Có Bão Cư sĩ tên là Từ thị, từ thuở trẻ đã trái tục, ưa thích thiền quán, sống không vợ con, thân chẳng trang sức, gần gũi Đức âm của Sư mà điều tâm dưỡng khí giữ nhân, giữ gìn nghiệp thừa của Sư hơn năm mươi năm. Nay đã bảy mươi lăm tuổi.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Phổ Minh trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu

Thích Phổ Minh, họ Vệ, người ở ấp An thuộc Bồ Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia tôn thờ người anh bên ngoại, tức Pháp sư Đạo Tôn. Ngài Đạo Tôn ở Tấn Xuyên, đầy đủ như trong Biệt Truyện, lại đem Sư giao làm đệ tử của Sa-môn Đồng chân ở chùa Đình Hưng. Sư kháng chí trụ trì, lấy Đại pháp làm việc chính của mình. Tâm tánh thông minh, hiểu suốt đồng bạn, giảng và nghe theo nhau, không pháp nào chẳng học. Sư đến khắp các trường giảng, không có phòng ở riêng. Hấn khiến siêng năng mà rất có công phu, kinh luận đầy khắp.

Năm mười tám tuổi, Sư giảng Kinh Thắng-man, Luận Khởi Tín, sớm vốn nghe danh biết Sư thành Đại khí. Từ khi tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư

chuyên học kinh Niết-bàn, Luật Tứ Phần, Luận Nhiếp Đại Thừa. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư giảng Kinh Niết-bàn, năm ba mươi tuổi, Sư giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Hễ có nói ra lời gì thì khách chủ đều tốt đẹp, khiến nghĩa màu ban rải, mở lời truyền nói yếu chỉ, tiếng tăm lưu tỏa xa gần.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) mời Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định. Sư ở đó suốt mười tám mùa hạ, tiếng tăm vang đến Thượng Ban, địa vị do công phu tu học, bốn thứ cúng dường đầy đủ mà chẳng thiếu nhị nghiêm.

Niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiên Đường, ở quê cũ Sư vang vọng tiếng tăm, mọi người mừng vui Đạo hợp ấy, đem việc đó tấu trình lên vua, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) có ban sắc mời Sư đến trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu. Sư đứng đầu trong việc hoằng Đạo, chẳng màng nóng lạnh. Ban ngày thì giảng, ban đêm thì ngồi, nói nín đều y theo pháp. Tâm thần xán lạn ứng đối tợ mây mưa. Từng có những kinh chưa bao giờ nghe mà chỉ mở bày Sư xem như đã thuộc. Đó là do sớm đã tập học rộng nghe nên có khả năng như thế, chẳng thể so sánh được. Mỗi ngày Sư tụng giữa mài giới bốn một biến, Kinh Kim Cương Bát-nhã hai mươi biến, sáu thời lễ sám. Các gốc lành có được đều hồi hướng về Tịnh Độ. Đến lúc qua đời vẫn thường như vậy. Sư khắc tạo tôn tượng bằng gỗ Đàn hương mấy mươi cái khám, viết chép Kinh Kim Cương Bát-nhã hơn ngàn bộ, thỉnh người khác đọc tụng hơn năm ngàn biến. Giảng Kinh Niết-bàn hơn tám mươi biến. Còn với các kinh luận như Niết-bàn, Thắng-man, Nhiếp Đại Thừa v.v... số biến khó ghi hết được.

Sư thị tịch tại chùa hiện ở, thọ tám sáu tuổi. Sư có đệ tử là Sa-môn Nghĩa Yên là bậc giới hạnh thanh khiết trang nghiêm, khả năng thấy biết có thể lãnh ngộ, bèn đón rước đến an táng tại gò phía Đông Bồ Phán, đào huyết mà tôn trí tại đó, lập bia bên cạnh.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đàm Hiến trụ chùa Bách Thê ở Bồ Châu

Thích Đàm Hiến, họ Trương, người ở xứ Thi Bình thuộc Kinh Triệu. Thuở thiếu thời, Sư kính thờ Luật sư Xương. Luật sư Xương họ Giả người ở xứ Ngưu Hương, tính hạnh không tỳ vết, tinh thành nổi tiếng. Đất của chân tay đều là chỗ kính Ngưỡng. Nơi miệng hang chỗ ngài (Luật sư Xương) vốn có ngôi Già-lam, nhân tên hang ấy mà đề bảng hiệu chùa gọi là chùa Tĩnh Lâm. Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, Đạo tan nát, hoại nhân từ, Luật sư Xương đối đời với thế tục, mà luật nghi không thiếu sót. Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy trị vì đất nước (581) mở mang pháp diên. Một trăm hai mươi vị tăng giòng họ Thích Khai mở đầu tiên thì Luật sư Xương ứng nằm trong số được chọn cử ấy. Và mỗi vị tăng

riêng độ thêm một thị giả, nên ngài (Đàm Hiến) được dự phần vị ấy, đến trụ chùa Đại Hưng Thiện. Về sau, Luật Sư Xương nói trở về quê cũ, buồn thương chôn giấu Linh nghi, quật bới trang nghiêm, một Đức Phật ra đời, rộng tu sửa Viện Vũ, mở mang kéo dài Điện Đường. Các hàng tăng tục kính thành bắt đầu mừng vui có nơi kính phụng. Điều khắc xây dựng chưa hoàn tất thì Luật sư Xương thị tịch. Người học đến số trăm, kính ngưỡng bụi ngài tôn dung, cho rằng Pháp nghi tuy mất mà thần túc hiện vẫn còn, cầu thỉnh Sư tiếp tục công việc để tiện theo ý từ trước để lại. Sư bèn dời từ chùa Nhân Thọ mà đến xây dựng đó, nên được rường mái cao đẹp, chẳng mấy ngày mà thành tựu, hai chùa vây quanh bốn Bộ quy y. Châu Ty cho rằng hai chùa Nhân Thọ và Tĩnh Lâm đã thổi cơn gió từ. Còn chùa Bách Thê, Tịnh Độ chưa thấm nhuần cam lộ. Sư bèn chịu đến trông coi đảm nhiệm chùa Bách Thê. Nương theo chúng sinh bàn luận, lại đến ngôi vị ấy. Lưới Đé-thích từ đó bày, muôn mắt đều giờ lên, nhân hợp mở chuyên mà thuyên trời hữu lậu, chúng bạn mở rộng, lớn nhỏ đều tốt đẹp.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh nhẹ, tới sáng sớm ngày mười lăm, Sư bèn bảo: “Phải hướng về chùa Tĩnh Lâm”. Đến giờ mao mới có mây móc khác thường. Sư thị tịch tại đánh núi phía Đông nam chùa Bách Thê. Đêm đó phát ra ánh sáng rực rỡ, hình dáng như cái lọng hoa, chiếu xa khắp bốn phương, mãi đến ba đêm. Trải qua một tuần thì nhục thân Sư bị các Tín Sĩ ở bên cạnh chùa Tĩnh Lâm thầm trộm về an táng tại đánh núi phía Nam chùa Tĩnh Lâm. Ban đầu chùa Bách Thê không biết, thấy ở đánh núi kia suốt hai đêm liên tục phát ra ánh sáng thần mới rõ được nguyên có, hai bên tranh giành với nhau suốt chín năm đến nay, nương châu qua huyện phiền nhiều chẳng dứt. Há chẳng phải Thông u suốt lý đưa đến Linh cảm ư? Từ sâu ân rộng, luyến kết các tình? Các đệ tử Sư khắc dựng bia minh trên đánh núi, dám thông cao cho nơi xa biết.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Vô Ngại trụ chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu

Thích Vô Ngại, họ Trần. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) đời Tây Tấn. Nhân tại Trung Nguyên tán loạn nên tổ tiên Sư đi về hướng Nam dời đến ở Kiến nghiệp. Cha của Sư tên là Khoáng, làm Trung Phiên học sĩ dưới thời vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương. Niên hiệu Thừa Thánh thứ nhất (552) thời Nam Lương, Sư ra đời tại thành đô. Thần tư đặc biệt, biết là Tế Khí. Năm ba tuổi, Sư đã có khả năng ứng đối. Năm mười tuổi, đi học, hề được nghe điều gì thì Sư chẳng quên. Vào Trường An, gặp được Pháp sư Đạo An dưới thời Diêu Tần. Ngài Đạo An nói chuyện, lấy làm

lạ về ý đạt được của Sư, bèn khuyên bảo Sư xuất gia. Sư rất vui mừng y theo lời dạy. Ngài Đạo An bảo Sư đọc tụng Kinh “Thái Tử Thụy ứng”. Sư nghĩ tìm các Thánh tích mà buồn khóc không thôi.

Niên hiệu Thiên Hoà thứ ba (568) thời Bắc Chu, Hoàng Hậu của Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) vào triều nêu danh xuất gia, Sư được độ trước. Tuy mới hai mươi tuổi mà giới hạnh tiết tháo của Sư rất trang nghiêm. Đến niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, Phật pháp bị phá hoại, theo duyên bị đắm chìm, như gặp bùn đất, tâm Sư càng như băng ngọc. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-605) đời Tùy, Phật Pháp lại được phục hưng, Sư đến trụ chùa Vĩnh Minh chỗ Pháp sư Siêu, là bậc Đại đức dưới đời Tề nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua giáo nghĩa mà Thần tư Sư phát sáng. Với các thứ của cải, ăn mặc thân tâm đều không vướng mắc. Sư lại vào Trường An, học các kinh luận Thập Địa, A-tỳ-đàm v.v... Bấy giờ, Pháp sư Hưu ở chùa Hưng Hoàng bảo Sư giảng Luận Đại Trí Độ, Sư phân tích rõ ràng, nghĩa lý không bí lấp. Nhưng đối với văn cú rất tệ ngại cho việc mở thông. Nhân tụng đọc bốn văn được sáu mươi quyển, vì bị tâm bệnh nên Sư rời xa chúng ở đó, mà trở về Tần Lũng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Tổng Quản Hà Gian Vương đặt biệt trông coi chùa, thống ngự Di Pháp. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư lại được mời vào Lạc Dương, ở Tứ Phương Quán san định Phật Pháp. Sau đó, Sư về lại chùa Vĩnh Ninh, nương theo cương lý trước. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đi đánh dẹp phương Tây, đích thân chịu mệt nhọc, hỏi thăm ban tặng Sư hai trăm xấp lụa. Niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, từ Châu Pháp Sư vào kinh đô, trụ chùa Trang Nghiêm. Chúng vì vốn biết Sư đảm nhận chùa, các hàng Thức đạt cơ duyên, trở lại muốn thỉnh mời Sư, những việc đảm nhận không được tốt. Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiên Đường, Sư lại trở về chùa cũ, dùng Pháp Vô Tướng Quán để tự điều phục.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiên Đường, Sư không bệnh gì mà qua đời, thọ chín mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương như chịu tang người thân.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Đạo Vương trụ chùa Đông Lâm ở Giang Châu

Thích Đạo Vương, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Từ thuở nhỏ, Sư đã tinh xác, có chí mong cầu, ưa thích học rộng. Với vết xưa của các vị tài giỏi, tâm nguyện Sư cũng muốn ngang bằng. Sư mang tráp sách đến Kim Lăng, trụ chùa Cao Tòa nghe giảng A-tỳ-đàm, tâm Sư khéo thấu đạt được mâu

chốt nhưng chưa phải tốt lành. Sư tôn kính khuôn phép của Khuông Sơn để lại, thường vượt trước lời.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, nương theo Đại Tướng Quân Chu La-hầu, Sư đi xa đến Lô Nhạc, trụ tinh xá Đông Lâm, tâm nguyện ấn dấu vết tích, không việc liên quan với đời. Ở chùa núi, Phật pháp bị che lấp, nên người khuyên dẫn chẳng phải một. Sư bèn chẳng chống cự mạng mà mở mang đạo pháp độ người, sửa sang tu tạo tăng phường quanh năm không ngừng nghỉ. Đến cuối đời Tùy, giặc giã quấy nhiễu, khắp Hoa Nhung đều tiến đến, Sư yên ủi vỗ về môn đồ như lúc ban đầu không thay đổi.

Đến tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường. Thân Sư thị hiện bị bệnh, chưa tròn mười ngày, bỗng nhiên có một ngôi sao lớn giữa trời rơi thẳng vào trong hồ nước lớn ở Tây Các, chiếu sáng hang núi hơn cả ngàn bó đuốc. Đến ngày hai mươi ba, đang lúc chúng tăng thọ trai bữa trưa, Sư hỏi đệ tử rằng: “Chúng tăng ăn xong chưa?” Đệ tử thưa đáp: “Chưa xong!” Sư lại bảo đến gọi vị Thượng tọa đến, vị ấy y theo lời đến nơi, Sư giao phó việc hậu sự rồi ngồi kiết già mà thị tịch. Các cửa của Điện các tự nhiên đồng một lúc mở hết, có mùi thơm lạ thoảng xông khắp chùa, bảy ngày sau mới hết. Sư thọ tám mươi hai tuổi.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Pháp Hiển trụ chùa Tứ Tầng ở Kinh Châu

Thích Pháp Hiển, họ Đinh, người ở xứ Giang Lăng thuộc quận Nam. Năm mười hai tuổi, Sư xuất gia tại chùa Tứ Tầng, nương tựa Pháp sư Bảo Minh. Sư siêng năng thờ thầy nhiều năm, thưa hỏi yếu chỉ Kinh pháp. Có nghe “Ở cõi Dục là đất loạn vốn chẳng phải là duyên Đạo, đã sinh trong đời làm sao thoát lưới?” Ngài Bảo Minh bảo Sư rằng: “Chúng sinh đều có vị thiên Sơ địa, thời đến thì phát. Tuy hạt giống tâm ấn tàng trữ qua nhiều kiếp vẫn chẳng mất. Có Thiên sư Trí Khải là bậc Thiên Tông ở Kinh Sở, ông hãy đến đó cầu học!”

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy vời đến Hạ Hội, ngài Trí Khải về lại Thượng lưu, trụ chùa Tứ Tầng mở rộng cửa Thiền. Đồ chúng có đến bốn trăm vị nhóm họp rất đông đảo. Sư bèn nương tựa nơi pháp tòa nghe những điều chưa ngộ. Chỉ sớm có thành tuệ thông trùm vết huyền, chuông sừng vừa gõ đã truyền giá thu! Sau khi ngài Trí Khải đi rồi. Sư lại cầu học ở các Sa-môn Minh Trí, Thành Ngạn, Tập Hạo, v.v... đều thẳng đường phơi bày chỗ sâu kín, hết tư tưởng đeo gọt giữa mài. Đến lúc sắp quan cụ quy y Pháp sư Tập Hạo. Ngài Tập Hạo dạy răn phương pháp xuất yếu, chỉ bày pháp hàng phục tâm. Nhân đó mà Sư trở về hang cốc tinh xứ nhàn cư. Ngoài hai cánh, Sư không nhận thọ, chứa để một vật. Gặp lúc

lửa linh nêu cuối, lưới cỏ giặc lửa, đỏi kém lan tràn, chúng tăng chạy vạy khổ sở. Riêng mình Sư ở giữ đại điện, xác thực là trác tuyệt. Sáng sớm ăn rau uống nước, trưa chiều dứt bật cả nước trái cây ép. Giặc từng vào lục soát tìm kiếm mà chẳng lấy được gì. Nếu chẳng phải đã vào từ thất đã lâu, đã rút được mũi tên độc thì làm sao có thể chịu được sự khó khổ ấy? Đầy lùi hung oai ấy? Từ đó, Sư ở yên trong điện Mai Lương của ngài Đạo An hơn ba mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, Sư mới ra ở phòng riêng. Đó là tìm chỗ dứt ganh ghét của Thiện Cát, giẫm lên hạnh bí mật của Không Sinh. Trong nhà ấy có pho tượng Đức Di-lặc, quang phu cao bốn mươi thước, tám bộ vây quanh, do ngài Đạo An dựng lập nên. Các thứ mũ báu, hoa trướng, cúng cụ, Kinh Đài đều do ngài (Pháp Hiền) tạo dựng. Trong nhà có năm cây đèn cháy suốt ngày đêm không dứt. Bỗng nhiên có một cây đèn riêng cháy rực bốc ngọn lửa cao hơn cả trượng. Lại trong một đêm nọ có người mặc y phục năm màu bung một cái bình vàng đến dâng cúng. Sư lại mộng thấy có một vị tăng oai dung khác thường đến bảo Sư nên đến kỳ châu, để diện kiến Thiên sư Tín”. Sư y theo lời ấy, bèn đến song phong, càng lắng trong nước định, mà một đời Sư mắc bệnh đều tin là đó nghiệp gây ra ở quá khứ nên chịu đựng mà chẳng chữa trị. Ăn mặc tiết lượng, mềm thuận gượng ghi nhớ. Tại chùa Sư ở, hơn năm mươi năm, chẳng bước chân ra khỏi cửa.

Đến ngày mùng tám tháng mười hai Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy thân mình ngồi trên điện báu, truyền giới cho bốn chúng. Nhân đó, cảm thấy dần dần bị bệnh. Đến giờ Ngọ ngày mười một tháng giêng năm sau (653) Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Giờ Thân ngày trước đó, Sư còn đủ khả năng tự đi đứng, thần sắc sáng sủa, Sư ngồi xồm nơi bồn tắm tại giường dây để cạo tóc, xong rồi đến giường ngồi kiết già an nhiên cho đến lúc thị tịch. Qua ngày mười bảy tháng đó, bèn an táng tại gò phía bắc chùa Đại Minh.

Lúc Sư chưa thị tịch, các đệ tử trông thấy ở vách tường phía Tây, có ánh sáng màu trắng rực rỡ soi khắp cùng, ban đêm có mây trắng hiện bày ở hai phía Nam, bắc của nhà, có hai luồng xuyên suốt vào trong phòng, mọi phật sự đều dao động đến sáng sớm mới dứt. Từ lúc Sư thị tịch cho đến ngày an táng, vẫn an nhiên tư thế ngồi. Các hàng tăng tục khắp cả vùng đều kéo nhau đến lạnh lùng. Đô Đốc Tinh châu là Kỷ Vương là người sớm được truyền quy giới, kính ngưỡng đức hạnh của Sư, bảo Hữu ký Thất Quách Du lập Bia minh ở đó.

08- Truyện ngài Thích Huyền Sảng trụ chùa Thần Sơn ở Kinh Châu

Thích Huyền Sảng, họ Lưu, người ở xứ Nam Dương. Sớm tu hạnh thông minh, được khen ngợi trong xóm ấp. Năm hai mươi tuổi Sư cưới vợ. Vợ Sư tuy nhỏ mà xinh đẹp, xong Sư thành thực trắng trong, ý chí cao xa, xem như đũa da, tâm càng nhàm chán. Đã không phải sự tình cờ, Sư bèn bỏ mà vào Đạo. Đến tu học ở các nơi giảng Đạo. Giáo Nghĩa Hữu Không Sư đều trải qua. Cuối cùng Sư nghe Pháp sư Tuyên ở chùa Long Tuyên giảng pháp mà vui mừng tự được. Nghĩ đến việc đi xa, rất được người đương thời khen ngợi. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tín ở Kỳ Châu, xin khai mở Đạo, chóng phát u vi. Sau, Sư về lại quê cũ chỉ còn nhiếp niệm. Ngồi thẳng chẳng nằm, buộc niệm ở trước. Bảy giờ, tại Bồn ấp có các Sa-môn Ái Minh, Lăng Pháp, v.v... đều là những bậc danh tông chôn Thiền Phủ đến kết gieo phần. Đến ngày mồng chín tháng mười niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại hang Thần Sơn.

Bảy giờ, tại Tương Châu, có Sa-môn Tuệ Phổ ở chùa Pháp Môn, cũng là vị tăng tài giỏi ở Hán Âm, tinh nghiêm luật tạng hơn hai mươi năm. Nương tựa mà chân động, gió sương thường kết, bảy chúng đều trang nghiêm, khắp thành đều quy hướng. Về sau, Sư chuyên nhập Định môn, cõi mở tiêu tan các phiền não. Kỷ Vương trấn nhậm, cùng sửa sang chùa Truy Thánh bị phá hủy, giềng mối phải có người. Mọi người đều đề cử Sư, Kỷ Vương rất tán thưởng. Lại có người tục ở đất Sở tin theo đồng cốt, giết hại làm Dâm tử. Nhân đó Sư chuyên hóa sửa dần giúp nhà sùng nhân. Lại sửa sang Đạo tràng Minh nhân, tất cả có ba mươi cơ sở, đều giỏi về luân hoán, bèn chạm tro vàng ngọc mà trang sức. Đến niên hiệu Hiền Khánh thứ ba (658) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Tiên trụ chùa Cứu Khổ ở Bồ Châu

Thích Tuệ Tiên, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phán thuộc Hà Đông. Từ thưở nhỏ, Sư đã có chí muốn xuất tục, nhưng vì duyên cũ đắm giữ. Đến năm bốn mươi tuổi Sư mới mãn nguyện trước.

Sau khi xuất gia, Sư tùy phương hỏi bện. Tuy đã trải lắm nhiều, nhưng Sư chỉ giữ lấy hai Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Niết-bàn cho là Cực Giáo từ đầu đến cuối. Mãi đến lúc tuổi già Sư nhuần thấm pháp vị càng sâu, từng bảo với mọi người rằng: “Hai kinh báu ấy toàn là châu ngọc Như ý. Không thể chột quên mà tạm xả bỏ!”. Do đó Sư mang quyển kinh theo bên mình như chim có hai cánh. Hoặc có khi nói năng, giảng rộng. Sư trụ chỗ xung yếu, chín ngã thông suốt đều nhóm họp, trăm bệnh cùng đến, muôn họa đều cậy nhờ cứu giúp. Nhưng Sư có từ thiện, chẳng gá cậy nhiều phương, chỉ dạy bảo

xung niệm danh hiệu Phật, không đến thì chẳng giúp. Do đó mà đội ân che chở, xa gần đều hướng về.

Tại chùa Cứu Khổ có một pho tượng lớn cao hơn mười trượng, bởi năm tháng đã quá lâu nên bụi bặm bám nhiều, xà nhà rơi đổ, lọng che rách nát. Sư bèn bảo các hàng sĩ tục cùng xây dựng lại. Tuy sao ngâm tinh luật, đại tạo mà thành tựu. Từ đó về sau, tuổi dần đến già. Sư mộng thấy có một vị tăng đến bảo Sư rằng: “Mùa Đông năm sau, ông sẽ qua đời, hãy sớm vận hành sẽ được kéo dài kỳ hạn”. Sư vẫn theo Đạo Nghiệp thường, chẳng lấy gì làm lo toan. Đến giữa tháng ba, Sư cảm thấy trong mình không được khỏe, tự biết sự ra đi đã đến gần, bèn bảo với thị giả rằng: “Tôi xuất gia đã từng ấy năm, từng thọ giới Bồ-tát, nay đây lại muôn nghe thọ!” Đi gọi mời các vị Đại đức, đều chẳng ai đến. Sư bảo: “ Các Đại đức chỉ tự điều phục, làm sao gọi là Độ người?” Sư lại bảo: “Hãy lấy giới bản”. Đọc tụng xong, Sư tự vui mừng, sau đó lặng yên. Đêm đó có trời tiên khác lạ, sao bày trước sau, bàn cao nói rộng, chợt ân chợt hiện. Cả chùa mọi người đều thấy nghe. Hoặc có người thấy tôn tượng Phật đi lại chỗ phòng Sư. Đến giờ ngọ ngày hôm sau, bỗng nhiên Sư ngồi dậy, gọi mọi người bảo rằng: “Đại hạn tuy nhiều, nhưng Tiểu kỳ chỉ trong một niệm, các ông hãy khéo an trụ. Xin nguyện cùng các chúng làm nhân duyên nhiều kiếp!” Nói xong, Sư nằm xuống, an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười bảy tháng mười một niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiên Đường. Các hàng đạo tục buồn thương, mây giăng bủa khắp cả đồng trống, gò hoang.

Trong chùa có Thiền sư Tuyên là bậc Dĩnh thoát ở đương thời, có tiếng tăm khắp Kinh Lạc. Hành trì hạnh Phật Di-lặc, nguyện sinh lên tầng trời thứ tư, thấy hạnh nghiệp cảm chứng của Sư mà bảo với chúng rằng: “Chắc chắn sẽ gặp Đức Từ Thị, nếu không được như vậy thì đâu thể ứng hiện điềm lành như thế?”.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tuệ Khoan trụ chùa Tịnh Tuệ ở Ích Châu

Thích Tuệ Khoan, họ Dương, người xứ Hiếu Thủy ở Miên Trúc, thuộc Ích Châu. Cha của Sư tên là Vĩ, vốn là Tam Động tiên sinh, Ngũ Kinh Bác Sĩ, kính tin Đạo Pháp (Lão Giáo) không tin Thích giáo. Do đó các hàng tục nhân ở cả ba Châu: Miên, Tử, Ích mỗi năm đưa gạo tô đến nhà Vũ, khiến cho trong một năm được an ổn tốt lành. Và Vĩ đều trao cho Họ Chương Phù mà về, thế nên xe ngựa đầy cửa đông đảo như chợ.

Mới đầu, vợ của Vĩ mang thai, tâm tánh tự nhiên đổi khác, đổi với các thứ tanh nồng đều chán ghét, bèn sinh ra một người con gái, đặt tên là “Tín Tương”, tánh thích nhàn tĩnh, không duyên tham muốn. Sau lại mang thai.

Trong thân rất an ổn, thường có tướng khác lạ. Đến lúc sinh, người mẹ không hay biết, bỗng nhiên tự ra, không lộ bày dư xấu, lại có mùi thơm lạ, lại chẳng kêu khóc. Mãi đến lúc có sự nhận biết, cũng không hề trảy phẩn ứ ra chiếu giường, đến lúc cha mẹ bỗng bế mới tiện lợi. Đó là khoan thân của Sư. Tay Sư dài quá gối, tánh thường ưa thích sạch thơm, không đến gần nơi máu huyết tanh hôi.

Năm khoảng năm, sáu tuổi, Sư cùng chị là Tín Tướng đến chỗ vắng vẻ mà ngồi thiền. Cha mẹ lấy làm lạ hỏi, Sư đáp: “Phật đến giảng nói cho nghe các Pháp môn Bát-nhã, Thánh Trí, Giới, Nhập v.v...” Sư cùng chị bình luận Pháp tướng, cha của Sư cho là dị đạo, chẳng hiểu lời ấy, nương theo miệng Sư nói mà ghi chép được hơn hai trăm trang giấy. Có Pháp sư Hội ở chùa Long Hoài nghe có tướng kỳ đặc nên đến chỗ đó. Cha của Sư bèn đem đưa cho xem. Pháp sư Hội bảo: “Đều hợp với kinh Phật, không có chỗ nào sai lầm!” Lại có một vị Thiền sư lạ, không biết từ đâu đến, ở chùa Tịnh Tuệ, nhập Tam-muội Hỏa Quang,. Gọi người nữ ấy (chị của Sư) đến. Khi đến chẳng vào, lại nói là: “Có đống lửa” Thiền sư bảo: “Sao không dùng nước dập tắt?” Chị Sư liền thực hành Thủy quán, dập tắt lửa mà vào. Thiền sư ấy nghiệm biết cô gái đã vào sâu các pháp định bèn khuyên nên xuất gia. Cha mẹ cô đã nhận sinh lễ, bên nhà trai chẳng chịu. Nên các hàng tăng tục, Quan nhân xuất ra của cải để chuộc. Nhân có lần độ, mà chị Sư và Sư đồng một lúc xuất gia.

Bảy giờ, Thục Vương Tú ở Ích Châu thỉnh cô vào nội thành. Các hàng phi thứ vì xây dựng tinh xá, thường hay cúng dường. Từng đi ra ngoài đường, có người nghi ngờ, tín Tướng gọi lại bảo rằng:”Chớ đối với Tam Bảo mà khởi sinh Dị Tâm mà tự phải chịu lấy tội khổ!” Người ấy liền sám hối lỗi lầm. Có lần tạo công đức cần đến tài vật, Tín Tướng đốt hương cầu thỉnh, đào đất có được vàng, không thứ gì chẳng đầy đủ. Những việc như thế, chẳng phải một. Còn việc ăn uống, muốn ăn bèn có thức ăn. Không ăn có thể trải qua suốt cả năm. Nên mọi người đương thời đều gọi Tín Tướng là Thánh Ni. Và mãi đến nay chùa Tín Tướng vẫn còn gọi là chùa Thánh Ni.

Còn Sư (Tuệ Khoan) năm mới mười ba tuổi mà thường thích ngồi một mình, mặt không hề tỏ vẻ buồn giận, nói năng luôn nhường nhịn. Sư nương tựa Thiền sư Dân ở chùa Không Tuệ và A-xà-lê Hội ở chùa Long Hoài. Hễ nghe giảng kinh luật, chỉ một lần xem qua thì không quên sót. Với các kinh chưa được nghe, chưa từng biết nghĩa mà có người nạn hỏi thì liền giải thích thông suốt. Mới đầu đến chùa Long Hoài, Pháp sư Hội có đồ chúng hơn hai trăm người, đều sai bảo làm việc, chỉ trừ riêng mình Sư ra. Có người oán trách, Pháp sư Hội bảo: “Người ấy (Tuệ Khoan) là Bôn sư của tôi, làm sao tôi dám sai bảo làm việc! Xưa kia, dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, tôi

nuơng tựa Thiền sư Tướng, ẩn cư tại Nam Sơn. Đến đời Tùy phục hưng Phật Giáo, già từ thầy, tôi trở về đất Thục và có nhận lời thầy căn dặn tôi rằng: “Ông về lại đất Thục, đồ chúng rất đông, trong đó có một người tên là Tuệ Khoan, ông hãy che chở người ấy!”. tôi nhớ lại việc ấy, và tính ngày thầy tôi thị tịch đúng lúc Tuệ Khoan ra đời, vì thế không được lấy làm lạ!”. Từ đó Sư ở núi nuơng tu Nghiệp Định.

Năm ba mươi tuổi, Sư trở về giáo, hóa xứ Miên Trúc. Mọi người khắp nơi xa nghe tên thầy mặt, đều bỏ tà về chánh. Gia tộc Sư vốn tin theo Đạo giáo, cha mẹ Sư đều theo Đạo giáo mà quy hướng Phật giáo, xả thí vườn nhà để làm chùa, điện đường viện vũ có hơn trăm cơ sở, tu tạo mãi đến ngày nay. Mỗi năm thường thiết lập trai hội lớn, các hàng Đạo tục đều nhóm họp. Tháng giêng tiết tốt các chùa ở thành đô và trong bảy mươi huyện đều đua nhau đón rước cúng dường. Có các công đức lớn cần được tu tạo, thì chỉ cần thỉnh Sư đến tức mọi vật cúng thí chất đầy như núi.

Vào niên hiệu Trinh quán (627-650) thời Tiên Đường, có vị Samôn tên Sách, là người trì chú rất có linh nghiệm, ở tại huyện Lạc, bỗng bị chết đi, thân thức diện kiến Diêm Vương. Diêm Vương bảo “Ở trong địa ngục rất nhiều người tội, ông nên trì tụng thần chú cho họ, và thỉnh Pháp sư Tuệ Khoan giảng Kinh Địa ngục”. Sau đó được sống lại, trải qua một tháng mà Sa-môn Sách chẳng thực hành việc đó. Lại bị chết giấc, Diêm Vương rất tức giận bảo kẻ sứ đầu trâu đánh Đổng tử trăm hạ. Quát mắng: “Ta bảo tụng chú giảng kinh vì các chúng sinh vì sao chẳng làm?” Sa-môn Sách tỉnh lại, liền men theo đường từ Lạc huyện đến Miên Trúc dài ba mươi dặm, chưa đến nơi, vì mệt nên nằm vật xuống. Bỗng nhiên có cơn gió xoáy lạ thổi đến, chỉ trong chốc lát đã đến chỗ Ngài (Tuệ Khoan). Ngay trong lúc Đại chúng đang nhóm họp tụng kinh. Ngài bảo Sa-môn Sách rằng: “Chỗ ở hôm qua rất khổ sở, vì các chúng sinh, không được từ khổ!”. Và liền bảo Sa-môn Sách lên tòa trì tụng thần chú. Đại chúng lắng nghe đều toát mồ hôi. Ngài bèn nhóm họp Đại chúng giảng Kinh Địa ngục.

Vào Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiên Đường, ở Miên Trúc, có Tổng Úy nói rằng: “Ta chẳng tin Phật, chỉ tin Chu, Khổng, nhưng ta có hai lần được Phật lực: một là người đang ở bên cạnh cửa tiểu tiện, để tượng Phật bèn ngưng, hai là đang mùa đông roi băng, đốt Phật gỗ để sưởi ấm”. Sư nghe vậy liền gửi thư khuyên dụ. Tổng úy bảo: “Đạo nhân này nêu việc lạ, phải thử xem có kinh nghiệm chăng?” Lấy giấy chỗ có viết tên để chùi khi đại tiện, ngay lúc ấy hậu môn bị nứt ra, chân đứng dậy không được, tự kêu gào “ta chết mất!”. Và liền thỉnh Sư đến. Tuy sám hối lỗi lầm, tu tạo kinh tượng, nhưng một tháng mới hết.

Tại huyện Thập Phương có nhà họ Trần bỏ tà về chánh, dùng vườn trúc làm chùa. Sư chỉ trao giới hạn, người ấy hứa có thể làm Tăng Viện, trong đó một phần có thể xây Phật đường. Sư liền chặt một cây trúc dựng nêu và nói: “Chỗ giới hạn này sẽ xây chùa Phật”. Bấy giờ, cây trúc đang sống mà tự khô. Phật đường chặt trúc, nước suối vọt lên, sau đó đào sâu xuống mấy thước có một tảng đá lớn, phía dưới tảng đá có chiếc bình vàng đựng bảy viên Xá-lợi. Sư lễ bái và thỉnh lên, bèn phát ra ánh sáng đầy khắp tất cả. Mọi người ở khắp nơi xa lại nhóm họp đến chùa. Đến nay chùa vẫn hiện còn.

Đến ngày hai mươi lăm tháng sáu niên hiệu Vĩnh Huy thứ tư (653) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Tuệ, thọ bảy mươi tuổi. Lúc Sư chưa tịch khoảng một tháng, có năm trăm vị thần thân hình cao hơn một trượng mặc y phục cõi trời, cầm hương hoa và đài hoa vàng tía từ phía Tây đến đón rước mà Sư từ chối không chịu, bảo hãy đi đi. Lại ngay trong ngày Sư sắp thị tịch, có con dê được thả từ chợ, chạy thẳng đến phòng Sư buồn kêu mấy mươi tiếng. Đến tối, Sư đòi lấy nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già tay bưng lò hương rồi bảo đánh chuông vô thường. Tiếng chuông ngân vang khắp cả thành quách. Mọi người đều nhóm họp nói với nhau rằng: “Xà-lê nhập Niết-bàn!”, giữa hư không có tiếng gào khóc. Bên trong chùa phát ra ánh sáng không biết từ đâu đến, các Đạo sĩ v.v... cho là chùa bị cháy, kinh hãi chạy đến chùa mới biết không phải. Từ đó, Sư nhập định, hơi thở dứt hết mới biết là đã thật sự thị tịch. Trong chùa có ba chiếc cầu, có một chiếc thẳng đến phòng Sư ở, đêm đó cầu gãy tiếng vang đến tận trong chùa. Sáng hôm sau, quan dân Đạo Sĩ đều đến khóc thương. Ao sen trong chùa, nước ao bỗng nhiên khô cạn, sen hồng biến thành màu trắng. Trong chùa có cây Dụ chương lớn ba, bốn người ôm mới hết bỗng nhiên chảy máu, máu chảy vào khe, nước khe biến thành màu đỏ, hơn một tháng sau mới hết. Lại có ngôi tháp gạch cao mấy mươi trượng có mười bảy tầng bị nứt đến vài tấc. Lại có hai con ngỗng không biết từ đâu đến hướng về linh nghi kêu buồn nằm dưới đất chẳng chịu đi, lúc an táng theo đưa, ra khỏi thành liền biến mất. An táng đến núi Vô vi, cách chùa khoảng hai mươi dặm mây đen vây bủa giữa hư không, hễ đi đến đâu thì mưa đến đó, cỏ cây cũng lứt theo đến núi mới tan. Sau khi an táng, các hàng tăng tục trong huyện từ bảy tuổi trở lên đều mặc tang phục khóc thương, như vậy suốt ba năm. Từ đó đến nay, hễ nhà nào thiết lập trai hội đều bày hai tòa, trong đó một là dành cho Thánh tăng và một là dành cho Sư. Đến nay vẫn còn được dâng cúng đưa đến Bản tự. Linh tướng Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng tại núi như lúc còn sống.

Từ lúc đầu đến nay nhục thân Sư không hề bị trùng huyết làm ô uế rã mục các tướng. Đó nếu chẳng phải thân Bồ-tát Bất thối không có muôn hộ trùng thì làm sao có thể được như vậy ư?

11- Truyện ngài Thích Tăng Luân ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu

Thích Tăng Luân, họ Lã, người ở đất cấp thuộc Vệ Châu. Ông nội Sư tên Tông, làm Thứ Sử Gia Châu. Cha của Sư tên Tuân, làm thái thú Lục Lăng ở đầu đời Tùy (581). Ban đầu khi chưa mang thai Sư, cha mẹ ngồi đối diện nhau, bỗng nhiên có vị Phạm tăng mặt mày quắc thước, tóc bạc, có hai người hầu cầm phướn theo hai bên nói rằng: “Xin được làm mẹ con!” chưa biết thế nào, liền lễ bái và biến mất. Nhân đó mà mang thai. Đến sau canh tư ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư. Lại thấy có hai cây phướn dựng hai bên, và có mùi thơm lạ. Khi sinh xong thì biến mất.

Từ khi Sư năm tuổi về sau cho đến lúc qua đời, thường chính mắt thấy có ánh sáng màu trắng khắp phòng. Niên hiệu Võ Bình thứ chín (578) thời Bắc Tề, Sư cùng cha đến chỗ Sa-môn Hiền Thống và Thiền sư Mân xin thọ pháp xuất gia. Lúc ấy, Sư vừa chín tuổi. Hai ngài hỏi về tướng trạng, cha Sư đáp bằng cách nói về ánh sáng màu trắng lưu nơi về mặt và hai cây phướn dựng gần đó. Hai Ngài khen ngợi rằng: “Người này thật đáng độ!”. Nhân đó mà cho xuống tóc. Đến lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề. Lúc đó Sư vừa mười sáu tuổi, cùng các ngài Hiền Thống, v.v... lưu lạc Đông Tây. Sư chăm lo học pháp quán bốn niệm xứ và đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy mới phục hưng Phật pháp, Sư về lại chùa Vân Môn thọ giới cụ túc. Lúc ấy Sư hai mươi ba tuổi. Sư lại đến chỗ Luật sư Lý ở Võ Dương nghe học, mới ở được nửa mùa Hạ, thấy ánh sáng năm màu như bánh xe chiếu trên tim Sư. Cả chúng đều trông thấy. Liền ở trong ánh sáng ấy đánh lễ năm mươi ba Đức Phật, ánh sáng ấy vẫn chưa tắt, lại đánh lễ ba mươi lăm Đức Phật, ánh sáng ấy mới dần tiêu. Sư lại cùng hai Sa-môn Phương và nguyện vào các núi Hắc Sơn, Thái Hành, hành trì hạnh A-lan-nhã hơn hai mươi năm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, giặc giã dấy động, Sư dẫn môn nhân đến trụ chùa Long Thiện ở Vệ Châu. Được Ngụy Hạ Đức Kiến Đức, Tề Thiện Hành v.v... thỉnh trông coi việc chúng Tăng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, đại thống Thiên hạ, Sư lại vào núi Thái Hành, Bảo Độc, giảng dạy đồ chúng học pháp niệm xứ. Do đó, mọi người khắp bốn phương từ xa mang rương tráp kéo đến, đường núi biến trở thành lối đi. Niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường. Thứ sử Vệ Châu là Bùi Vạn Khoảnh cùng các Quan nhân thỉnh Sư xuống núi, thường ngày thọ giới, có lợi ích rất lớn.

Đến canh tư ngày mười ba tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Sư bảo môn nhân rằng: “Trong đêm dài, đối với các pháp, ta đạt được giải thoát, nghĩa là thành Vô Học, chẳng phải là các Thiên Đê v.v... đến đón rước!”. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi. Tiễn đưa đến an táng ở núi, mọi người khóc thương không thôi. Khi ấy, trời rất trong sáng, không mây mà tự nhiên có cơn mưa nhỏ. Mọi người đều lấy làm lạ.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tĩnh Chi trụ chùa Tây Minh ở Kinh Đô

Thích Tĩnh Chi, họ Triệu, người ở xứ Cao Lăng thuộc Ung Châu. Cha mẹ Sư làm lành mà không có con nối dõi, cầu cúng khắp cùng nhưng không kết quả. Bèn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ mới trong tuần bèn có thai Sư, khiến cho người mẹ chán ghét dục nhiễm, dứt bật các thức ăn có mùi vị tanh nồng. Sau khi sinh Sư, năm bảy, tám tuổi, Sư ưa thích quán Đức Phật A-di-đà, nương văn mà tu học, tùy quán pháp đều thành. Thực hành thấy cảnh đẹp, cốt quán sáng sạch. Tánh thích xuất gia, nhưng vì Sư là con một nên cha mẹ chẳng cho phép. Sư theo cha đến ở đất Thục, không bao lâu, cha Sư qua đời, ý Sư muốn tự thiêu thân để báo ân đức của cha. Có vị Hiền nhân dẫn Kinh Kim Cương mà bảo Sư rằng: “Xả bỏ thân mạng chẳng bằng tụng kinh”. Sư bèn hồi tâm xuống tóc xuất gia để tỏ bày báo đáp ân đức cha mẹ....

Khi đã vào pháp môn, Sư càng chí thành mạnh mẽ, kinh luật nào cũng nghe nhưng ý thường trụ trong Định môn. Sau, Sư theo Thiền sư Giang tập học pháp Quán. Oai dung Sư đoan chánh thanh nhã, khiến người trông thấy liền phát đạo tâm.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đến ẩn cư tại chùa Quang Hóa núi Bành Môn ở Giang Đạo thuộc Ích Châu. Suốt hơn 10 năm thường ngồi nơi am tranh, chẳng ở trong tầng phòng. Mọi người khắp bốn phương nhóm họp có hơn hai trăm vị, mỗi ngày sáu thời tu tập, ba nghiệp chẳng trái với thời gian. Sư một mình vào ẩn sâu trong núi Linh Nham, tình cờ gặp một con trùng rất lớn nhưng chẳng hề quấy nhiễu. Có Thiền sư Đạo ở Lợi Châu vốn kết bạn thâm giao đã lâu thỉnh Sư vào ở núi, Cùng Phục thuộc phía Bắc Kiếm Các. Đồ chúng đồng bạn có hơn mười người, mang theo bốn thạch gạo, nhưng vừa đến lúc mãn Hạ thì ăn chưa hết một thạch. Có thời gian ngắn trong lỗ mũi Sư mắc chứng bệnh có cục thịt nổi lồi làm nghẽn bít, chữa trị đủ mọi cách mà không hiệu nghiệm. Có vị tăng bảo Sư tụng Kinh Bát-nhã Đa Tâm mười ngàn biến. Sư vừa tụng đến năm ngàn biến thì cục thịt ấy tự nhiên rơi rụng. Sư đi đến Tần Châu, bị rắn

độc cắn, đau nhức khổ sở chẳng thể nói. Sư bèn vận dụng sức Quán hạnh tự nhiên thấy được cảnh lành mà hết đau nhức. Sau, Sư mắc phải bệnh khổ, cũng lại y như trước mà được lành. Sư bèn soạn bộ “Chư Gia Quán Môn” gồm một quyển, vô cùng cốt yếu tinh túy, nên các hàng hậu học rất quý trọng.

Niên hiệu Hiên Khánh thứ ba (658) Sư được mời đến chùa Tây Minh, lập riêng Thiền phủ. Chùa cũ ở Lợi Châu có cây quế bỗng nhiên điêu tàn, cây Hồ Đào tự nhiên gãy đổ. Điện Phật vô có tự nhiên xoay mặt hướng bắc nghiêng xuống đất, nhưng tôn nghi không tổn hại gì. Đó cũng là do đức hạnh cảm động đến u linh nên mới khiến như vậy.

Đến ngày hai mươi bảy tháng ba niên hiệu Hiên Khánh thứ năm (660) thời Tiên Đường, Sư nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa Tây Minh, thọ năm mươi bảy tuổi.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Trí Nham ở Đơn Dương

Thích Trí Nham, họ Hoa, người ở xứ Khúc A thuộc Đơn Dương. Đang ở độ tuổi búi tóc mà Sư nói với mọi người rằng: “Thế gian chỉ đua tranh mọi việc trước mắt, đâu biết khoảnh khắc tử sinh!”. Mọi người trong xóm đều lấy làm lạ, biết Sư có độ lượng sâu xa.

Đến tuổi hai mươi, Sư có được sự oai hùng võ lược, trí dũng vượt hơn người. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (627) đời Tùy, giặc giã đầu loạn lan tràn. Đại tướng Quân Hoàng Quốc Công Trương Trán Châu nghe tiếng tăm tiết tháo ấy mà co tay chịu làm quân lính, tâu trình ban sắc cho Sư làm Hồ Bôn Trung Lang Tướng. Tuy thân làm chức Quân soái, nhưng Sư luôn nghĩ về mở mang lòng từ, thường ở đầu cung có đeo dây lọc nước. Đi đến ở chỗ nào đều lọc nước dưỡng trùng, lấy đó làm việc thường. Đến lúc Ngụy Trịnh đến ở Đông Đô. Hoàng Công Cung đi chinh phạt đánh trận, đầu tướng ứng mộ rất nhiều. Hoàng Công bảo: “Nếu chẳng là Hoa Lang tướng thì không bị phé ngự”. Ngụy Trịnh Đại tướng người ngựa đều toàn vẹn, dè dặt cương dương roi nắm lấy cây thương đâm xuống đất, với tiếng dữ dằn bảo rằng: “Nếu có khả năng nhỏ lên được mới cùng nhau quyết đấu”. Khi đó, Sư cười ngựa từ từ đi lại dùng nách xóc lấy cây thương mà đi, kể đến Sư đưa cây thương cắm xuống đất. Ngụy Trịnh đến lay vài ba phen chẳng nhức nhích mới chịu xuống ngựa, giao mũi nhận, bèn chịu bắt sông. Sư trở ngược cây dao dí vào cổ Ngụy Trịnh và bảo: “Tôi thề chẳng dứt mạng người, nên nay ban thí cho cổ ông!” và bèn thả đi.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Sư theo về Hoài Hải ở Nam Định thuộc Trấn Châu. Lúc đó Sư đã bốn mươi tuổi, tự xét nghĩ “Vinh quang chỉ tựa như mây nổi!” Bèn bỏ vào núi Hoàn Công ở Thu châu, theo Thiền sư Bảo Nguyệt xin xuất gia nhập Đạo. Hoàng Công quyển luyến tìm đến. Sư bảo: “đem thân thừa hỏi đạo, thề đến Tát vân. Xin nguyện tha thứ, chớ quấy nhiễu nhau!” Sư đã đến chốn núi chằm sâu xa, dựng lập Lan-nhã để ở, các loài cọp sói thay nhau hoành hành, Sư răn dạy thuần quen không sợ. Bỗng nhiên thấy có một vị tăng lạ thân cao hơn trượng, dáng dấp thanh nhã, nói năng trong sáng, đến bảo Sư rằng: “Ông đã tám mươi tuổi, một đời xuất gia nên phải gia công tinh tấn!” nói xong, liền biến mất. Sư được sự dạy răn trong cõi thần minh ấy, càng cố gắng sớm hôm. Tất cả mọi sự ở thế gian đối với Sư đều như Huyền mộng. Có một lần Sư ngồi thiền trong hang, nước từ núi cao tuôn đổ dâng đầy như muốn chìm phủ, mà Sư vẫn an nhiên ngồi sừng sững, không thối lùi. Có người đi săn, hỏi Sư: “Thân mạng rất quý trọng, vì sao không tránh?” Sư đáp: “Tôi vốn vô sinh, cần gì phải trốn lánh sự chết? Người đi săn ấy tỏ ngộ, nên các vật săn bắt được đều phóng sinh cả. Do đó, trong núi các loài chim bay thú chạy đều đến nương tựa nơi Sư.

Xưa kia, đang còn trong quân lính, có thứ sử Mục Châu là Nghiêm Soạn, thứ sử Cù Châu là Trương Xước, thứ sử Ly Châu là Lư Khâu Dận, thứ sử Oai Châu là Lý Tuân, nghe Sư xuất gia ở núi tu Đạo bèn cùng nhau tìm đến, trông thấy sườn núi cao sừng sững, chim thú kêu hót, bèn nói với Sư rằng: “Lang Tướng điên rồi ư? Vì sao ở chốn này?” Sư đáp: “Ta điên mà muốn tỉnh, còn các ông điên đang bộc phát, chẳng nhờ đâu cứu được! Nếu các ông chẳng điên, có sao cứ tìm đuổi tiếng tăm đã có quy độ Vinh vị, còn như trong sáng đều không thương lượng. Một mai sự chết kéo đến, mịt mờ biết tính sao? Sự không giác ngộ đó chẳng phải điên là gì? Chỉ có Phật mới không điên, tự bỏ thứ lớp”.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư trở về Kiến Nghiệp, tựa núi dựng lập am tranh để ở. Tánh độ vẫn quả quyết, chẳng bị hình hài làm khổ lụy. Ra ở tùy cơ thỉnh pháp, Tăng chúng có hơn trăm vị, ngay chỗ ban thí hoằng hóa, phần nhiều Sư lấy việc hiện tại làm trách nhiệm, xét hạnh rôt ráo đến tâm đều thông khắp. Nên người đời nghe đến đều nổi óc khắp mình và rơi lệ. Sư thường ở tại núi Bạch Mã. Sau, Sư lại đến thành Thạch Đầu ở phường người mắc bệnh hủi, giảng pháp cho mọi người ở đó nghe. Mút máu mũi tẩy rửa, không việc gì Sư chẳng làm.

Đến ngày hai mươi bảy tháng hai niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ bệnh hủi, nhan sắc không biến đổi, co duỗi vẫn như thường, trong phòng có mùi thơm lạ, lan tỏa hơn cả tuần. Sư thọ bảy mươi tám tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 25 (21 A) hết

---o0o---

QUYỂN 21 B

CHƯƠNG III - PHẦN 06 : TẬP THIÊN

(chánh truyện có bảy vị, phụ có hai vị)

- 14/ Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc thời Tiền Đường.
- 15/ Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu (Phổ Minh, Tăng Minh).
- 16/ Truyện ngài Thích pháp Dung trụ núi Ngưu Đâu ở Nhiệm Châu.
- 17/ Truyện ngài Thích Huệ Phương trụ ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu.
- 18/ Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lăng thuộc Dương Châu.
- 19/ Truyện ngài Thích Đạo Tín ở núi Song Phong thuộc Kỳ Châu.
- 20/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh ở Giang Hán.



14- Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc

Thích Thiện Phục, còn tên gọi khác là Đăng Chiếu, họ Trương, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Vừa mới sinh mà đầu đã bạc, tánh Sư biết xa lìa.

Năm năm tuổi, Sư xuất gia với người anh là Pháp Sư Tài ở chùa An Quốc. Luôn mặc áo vải bố, ăn dùng rau lá, thường ngày tụng một quyển kinh, mắt xem đến bảy hàng, hề nghe qua tai thì không quên.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Độc Thứ Sử nghe Sư thông minh nên tìm sung vào Châu để học. Nhân đó, ban ngày Sư nghe tục giảng, đêm về tư duy nghĩa lý kinh Phật. Bác sĩ quở trách, Sư đáp: “Há chẳng nghe ư? Thực hành có sức thừa thì được xem rộng, nếu chẳng tin thì xin hỏi các vị học trước!” Bác sĩ mới thử xem, thì không một điều ngưng trệ. Bởi vì liên loại Phật giáo dùng cả hai sơ thông. Bấy giờ, Học quán đều nghiêng đầu, người ấy là ai mà được như vậy ư? Sau Sư lại trốn đi xuất gia, chí ưa mến Phật pháp, muốn bỏ không được. Bỗng gặp núi sông, giữ chân

quên cả trở về. Đó cũng là do nhân xưa đã tu tập, chẳng phải do mới tu tập gần đây.

Sư đến chỗ Pháp sư Bích chùa Lưu Thủy ở Tô Châu, nghe học bốn kinh ba luận. Lại đến chỗ Pháp sư Mẫn ở Việt Châu xem khắp các kinh giáo, thông hiểu chỗ sâu kín. Sư đến chỗ Thiên sư Siêu ở núi Thiên Thai và được chỉ bày pháp môn Tây phương Tịnh Độ quán hạnh. Nhân đó Sư đến khắp các Châu Quế, Quảng Tuấn, v.v... gặp được tất cả những bậc danh tăng, thưa hỏi điều nghi, cầu xin quyết trạch. Sư lại đến các châu Kinh, Tương, Kỳ, gặp được Thiên sư Tín và được chỉ bày phương tiện nhập Đạo. Sư lại đến Lô Sơn, diện kiến Ngài Tuệ Viễn ở Tịnh Độ quán Đường. Sư lại trở về Nhuận Châu ở chỗ Thiên sư Nham và được chỉ dạy pháp Vô sinh quán.

Sau đó, Sư lại cùng hai Sa-môn Huy và Tài vào núi Tang Tử, thực hành Từ Bi Quán. Lại truyền giới Pháp cho quỷ thần, không dám ăn thịt. Thần lại giảng nhập Đồng cốt, bảo thỉnh Sư để được thọ giới, thề không ăn thịt, có sao vì ta mà giết hại muôn sinh? Thương xót sự ngu si của ông, nên tạm tha mạng ông, về sau nếu còn như vậy thì sẽ đánh cho đến chết!” Từ đó về sau các lúc cúng tế đều dứt bật các thứ tanh nồng. Từng có hai người ở Vụ Châu đồng chở sợi gai để bán, đến chỗ thần sông, một người dùng bông trái cúng tế, còn một người muốn giết hại sinh vật, nhưng chưa thực hành thì sợi gai đều bị ướt đẫm, còn người cúng tế bông trái trước kia sợi gai thấy đều khô ráo. Từ đó mọi người đi đường đều rất sợ không dám dùng thịt để cúng tế. Nên công đức truyền giới của Sư rất có ứng nghiệm. Người, thần đều kính ngưỡng. Nếu có ai muốn lấn lướt hủy phạm thì liền bị tai họa. Những chỗ giết bán cá thịt như các loại ngỗng vịt, gà heo ở vùng Giang Hoài đều cho chúng nó thọ giới mà phóng thả. Chợ không có những quán tiệm buôn bán những thứ ấy. Quan nhân đều lấy làm lạ. Có Nghĩa Hưng vốn không tin, ganh ghét cho là Sư kích động dân chúng nên muốn hạch tội. Anh em của Sư bèn dứt lót cho đó. Người ấy bỗng nhiên liền thấy leo lên nằm trên giường chõng, có đàn rắn kéo đến não hoạn, không bao lâu bị trừ tên, đưa sang Thường Châu. Người ấy đến thầy đồng cốt bói xem. Ứng quả bảo là do tội xúc phạm đến Hiền Thánh không thể cứu được, người ấy bèn gấp đến chỗ Sư mà cầu xin miễn khỏi.

Niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư bị ép buộc hoàn tục, nhưng chí nguyện thích xuất tục, thấy nhà cửa thế tục như lao ngục. Sư lại đến núi ở, khổ hạnh siêng năng, người đời chẳng kham nổi sự lo buồn đó. Chúng lại nhóm họp đông nhiều, Sư vì họ giảng Pháp khen ngợi, dạy răn hành từ. Lấy sự không giết hại làm cửa lớn của Phật giáo, nếu chẳng thực hành được, thì nếu giảng lễ mà vẫn là cứ ngạo. Sư lại khuyên thực hành cúng thí sáu đường, vì các vong linh tổ Tiên chưa thoát khỏi các đường ấy.

Sư lại bảo: “Núi có ngọc thì cỏ cây tươi tốt, suối có rồng thì nước chẳng hề khô. Nơi nào có Tam Bảo thì gốc lành thêm lớn”. Sư thường ở tại núi Phục Ngưu, lấy hổ báo làm đồng bạn, thí cho muối mòng cắn đốt làm hạnh riêng. Nhìn thẳng phía trước chừng sáu thước, mắt chẳng hề liếc ngó các loài. Kệ cốt yếu trong kinh, miệng đọc chẳng hề dứt tiếng. Đại khái lấy Thập Ngũ Quán Tứ Minh Luận làm chuẩn định.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (659) thời Tiền Đường, Sư đến Hành Nhạc, ý Sư muốn tìm cầu sự tĩnh lặng. Đồ chúng lại kéo đến nhóm họp đông nhiều. Sư giảng nói Pháp cho họ nghe đã lâu, bỗng nhiên Sư bảo: “Tất cả đều vô thường, hơi thở khó giữ gìn. Đêm sâu đều tan rã, duyên hết sẽ chia lìa!”. Khi đó, chẳng ai lường biết được câu nói ấy. Sư lại đóng cửa tĩnh tọa. Đêm đó khắp các chùa ở Hành Châu có tiếng chuông ngân vang và các thứ âm thanh kèn sáo tấu nhịp đến sáng. Các hàng tăng tục đều lấy làm lạ, đến phòng Sư thì cửa nẻo đóng kín, bèn mở ra xem thì thấy Sư ngồi thẳng thị tịch đã lâu, bèn cùng nhau tấu trình.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiêu Quả ở Đại Châu

Thích Giải Thoát, họ Hình, người ở xứ Giáp Xuyên thuộc Đài Sơn. Năm bảy tuổi Sư xuất gia nương tựa các bậc danh tượng, chí nguyện xuất đạo, chí tại thiên tu. Sư đi khắp xa gần thừa hỏi Phật Pháp, không vị thầy nào mà Sư chẳng đến.

Sau, Sư lại đến chùa Chiêu Quả ở huyện Ngũ Đài, ẩn cư tại chùa Phật Quang, thuộc phía Nam Ngũ Đài hơn bốn mươi năm. Nay hiện còn hơn mười ngôi nhà cũ tại đó. Hình dáng núi như ánh sáng Phật, sắc thái rất rực rỡ. Đến mùa Hạ, ánh mặt trời phát ra ánh sáng làm lóa cả mắt người. Bên cạnh đó không xa có núi Thanh lương, phía dưới núi Thanh lương là chỗ thường lui tới của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Có Sa-môn Diệu là bậc cao hạnh, đã một trăm linh sáu tuổi tự bảo rằng: “Lúc tôi năm mươi tuổi cùng Giải Thoát thượng nhân đến chùa Linh Thứu ở Đại Phu cách ba mươi dặm về phía Đông nam của Ngũ Đài, cầu xin được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Đến phía Bắc của Vương Hoa, gặp một vị Đại đức, hình dáng từ hòa cao xa, từ từ đi về hướng Đông, Sư (Giải Thoát) đánh lễ phát nguyện. Còn tôi lúc bấy giờ tinh thần mừng vui không rảnh để thừa hỏi. Ngài Giải Thoát bảo là đã ba lần được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi, và được dạy rằng: “Ông tự hỏi trách, nếu thiết tha chí thành, thì sẽ ngộ Đạo”. Sư bèn tự trách lỗi lầm, ngày đêm khắc niệm, tâm liền an tĩnh. Lại cảm được Chư Phật hiện thân giảng nói kệ tụng cho nghe như sau:

*“Pháp vắng lặng sâu xa của Phật
Trải nhiều kiếp tu nay mới được
Nếu mở Pháp tỏ sáng ấy
Tất cả Chư Phật đều tùy hỷ!”*

Nhân đó bèn hỏi: “Thế nào là vắng lặng diệt? Và làm sao khiến mọi người hiểu được?” Chư Phật liền biến mất, trong hư không có tiếng nói rằng: “Trí phương tiện là đèn sáng, soi chiếu thấy được cảnh giới của tâm. Nếu muốn nghiên cứu Pháp chân thật thì tất cả đều vô sở thấy!”. Sư bèn y theo pháp đó mà giáo hóa dắt dẫn những người có duyên. Học chúng ở núi qua lại khoảng bảy tám trăm người. Khắp bốn phương đều tôn kính Đạo phong của Sư, cấp giúp mở mang. Hơn bốn mươi năm, Sư thường ở tại chùa Phật Quang. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường. Đến nay nhục thân Sư vẫn hiện còn trang nghiêm như ngòai thiền trong hang núi.

Lại nữa, cách khoảng năm, sáu dặm về phía Nam chùa Sa-bà ở phía Nam núi Ngũ Đài, có Thiền Sư Phổ Minh riêng tĩnh tọa hành thiền, cầu thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, trong ý muốn thưa hỏi giáo pháp. Có vị thần ở giữa hư không bảo rằng: “Ông không có Thần tập, chỉ có thể sống lâu, nên đến trước khám lấy thuốc mà uống, thì có thể kéo dài thọ mạng”. Sư ôm hoài mối nghi chưa quyết định. Sau, lại có tiếng bảo rằng: “Thuốc tên là Trường Tùng, vì sao ông không chịu uống? Thuốc ấy không độc hại!”. Sư bèn y theo lời bảo mà uống. Lại bảo với chư tăng đồng hành rồi, liền vọt lên giữa hư không mà bay đi. Chỗ ấy nay vẫn hiện còn, cách Hằng Nhạc, mắt chăm chú nhìn tương tục.

Lại có Thiền sư Tăng Minh trụ chùa Kiến Quốc ở Tú Dung thuộc Hàn Châu, thường đến Định Tương ở núi Vọng nhân, ngòai thiền ăn bánh thuốc, tuổi gần tám mươi. các hàng tăng tục đều tôn kính, chẳng biết chí nguyện Sư nhập pháp gì mà rất ngợi khen Sư là người không thể suy nghĩ bàn luận! Ở núi đó có suối Linh, vết tích trên đá vẫn hiện còn. Người đến mong cầu Phước rất nhiều. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có một người không có mắt, chẳng biết từ đâu đến, gãy đàn mà trì tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, xoay mặt hướng về núi Vọng nhân, tay vừa đánh đàn, miệng vừa đọc tụng, lấy làm tự vui ở núi ấy. Cũng không thể lường biết được việc đó.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Pháp Dung ở núi Ngưu Đâu thuộc Nhuận Châu

Thích Pháp Dung, họ Vi, người ở xứ Diên Lăng thuộc Nhuận Châu. Năm mười ba tuổi, với các thứ Hàn Lâm Bí điển, ngài tham cứu tìm cầu sắp hết, mà dáng dấp tư chất của Sư cao nhã hùng vĩ. Có một lúc, Sư bùi ngùi than rằng: “Nho Đạo vẫn tục, tin tưởng đồng như vỏ trấu lúa lép, Bát-nhã,

Chỉ Quán mới thật đáng là thuyền bè!” Sư bèn đến Mao Sơn, nương tựa Pháp Sư Quỳnh, cầu xin xuất gia, chuyên thừa hỏi Đạo. Pháp sư Quỳnh là người có tiếng tăm vang khắp Giang Hải. Đức dụ như Thần. Với diệu lý chân thuyền, Sư không hề sót ần. Sư bèn để tâm chước rớt, tình có chỗ duyên, cho là Tuệ Phát loạn tung, định mở tâm phủ, như chẳng ngưng tưởng, vọng lự khó dứt. Sư mới ngưng tâm an tĩnh, lặng yên ở rừng không tĩnh, trong hai mươi năm chuyên tinh chẳng biếng trễ, bèn khéo vào sâu Diệu Môn một trăm lẻ tám pháp Tổng Trì, lạc thuyết không cùng tận mở lời ba một như thác tuôn không cùng.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư đến chùa U Thê tại núi Ngưu Đầu, xuống đỉnh núi riêng lập thiền thất bằng cỏ tranh, ngày đêm tư duy, chẳng bỏ qua tác bóng. Chỉ trong vài năm, đồ chúng Tứ Tâm nhóm họp có hơn trăm người. Mới đầu dựng lập thiền thất, bốn phía vách tường chưa hoàn tất, Sư có các đệ tử như Đạo Kỳ, Đạo Bằng đang trụ trong nhiếp niệm, ban đêm có một con thú hình dạng như con dê đi vào, cất tiếng kêu vang, nhảy đập lên hai người, thấy họ không nhiễu loạn, nên nó bèn ra ngoài sân rồi dáo dác bỏ đi. Tại núi đó có một thạch thất sâu khoảng mười bộ, Sư vào tĩnh tọa trong đó, bỗng có một con rắn thân dài hơn một trượng, mắt sáng như sao lửa, ngẩng đầu ra oai, đến nơi cửa thất qua một đêm, thấy Sư không cử động, nó bèn bỏ đi. Nhân đó, Sư ở qua trăm ngày. Núi đó, vốn có nhiều hổ thường hại mạng người lượm củi hái cỏ. Từ khi Sư vào ở về sau, mọi người qua lại không bị hại gì. Sư lại cảm có đàn nai đến nương tựa quanh thất nằm nghe giảng pháp, không tỏ vẻ khiếp sợ. Có hai con nai lớn đi thẳng vào trong chúng tăng nghe pháp suốt ba năm mới bỏ đi. Nên căn lực từ thiện khiến cho cảm thú lại quen thuận, đến nỗi nhóm họp trên tay Sư mà lấy thức ăn, đều không sợ hãi. Tại chỗ Sư ở, Trai đường nhà trụ nền sâu đến hang lớn, còn như lấy nước không thể trở lại thêm cấp. Sư thường bồi hồi chỉ về phía Đông lãnh, bảo rằng: “Xưa kia, Ngài Tuệ Viễn chống tích thì đất nứt suối vọt lên, sắp sửa mả thì giếng khô trở lại tràn đầy nước. Tâm thành cảm ra như thế. Há là lời luống dối ư! Nếu nơi này là chỗ ở được, thì đáng lẽ phải có suối trong mát tự tràn!” Qua đêm, bỗng nhiên từ Đông lãnh vọt lên một dòng suối trong vắt ngon ngọt, mùa đông thì ấm, mùa Hạ thì mát lạnh, đã khơi dẫn lên đánh núi, đến phủ qua hiên, nước ấy một đầu nhẹ hơn gân một nửa.

Đến tháng mười một Trinh Quán thứ hai mươi một (647) thời Tiền Đường, Sư ở dưới hang núi giảng Kinh Pháp Hoa. Khi ấy, tuyết trắng phủ đầy thềm, dòng pháp vẫn không dứt. Ở trong băng tuyết lạnh có được hai cành hoa, hình dáng như hoa sen, sáng đẹp đồng như màu của vàng, trải qua bảy ngày bỗng nhiên biến mất. Đại chúng đều khen ngợi kính ngưỡng. Đến niên hiệu

Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Ấp tử thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ, giảng Kinh Đại Phẩm, Tăng chúng có hơn ngàn người. Giảng đến phẩm “Diệt Trách”, Sư mới sử dụng biệt tài, bàn bạc nghĩa lý. Bỗng nhiên mặt đất rung chuyển dữ dội, thỉnh chúng kinh hãi, chuông, khánh, hương, giường thầy đều lay động. Các hàng tăng tục ở bên ngoài vẫn an nhiên không hay biết.

Đến niên hiệu Hiên Khánh thứ nhất (656) thời Tiền Đường, Tư Công Tiêu Nguyên Thiện đôi ba phen đến thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ. Sư bảo với chư tăng rằng: “Từ nay một lần đi không kỳ hẹn trở lại. đạo lý lia hợp là quy luật thường tình!”. Sư cố chối từ mà không được bèn mới ra cửa núi, chim thú kêu buồn hơn cả tháng mới dứt. Các khe suối ao hồ ở núi đá lặn cát trào, đồng một lúc mà khóa lấp bằng. Trước phòng Sư có bốn cây ngô đồng lớn đang giữa tháng năm tươi tốt mà bỗng chốc điêu tàn. Đến ngày hai mươi ba tháng giêng niên hiệu Hiên Khánh thứ hai (657) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương luyến mến, quan liêu quanh quần nhóm kết. Qua ngày hai mươi bảy thì an táng tại núi Kê Lung. Lọng phướn kèn sáo nổi vang như mây nhóm, vang khắp cả đồng hoang. Người đến tiễn đưa có hơn cả vạn.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại được nghe việc đó, nên lại ghi chép thêm. Mới đầu giòng họ Sư có đến năm trăm người, là gia đình cao quý ở Diên Lăng, vì kết hôn cho Sư, Sư bèn lánh đến ẩn tại Mao Sơn.

Pháp sư Quỳnh là bậc tông tượng của Tam luận, nên Sư bèn nương chí ở đó mà tu học, sau Sư lại đi về phía Nam Đan Dương, trụ chùa Phật Quật ở núi Ngưu Đầu. Hiện có hang Bích-chi-Phật, nhân lấy đó làm tên gọi. Ở đó có hình vẽ bảy tạng kinh:

- 1/ Kinh Phật
- 2/ Sách Đạo
- 3/ Kinh Sử Phật
- 4/ Kinh Sử Thế Tục
- 5/ Đồ Phù về y phương.

Xưa kia, vào đầu đời Tống. Có Lưu Tư Không xây chùa, nhà ông ta rất giàu có, dùng để ghi chép đều đặt ở chùa núi, truyền nhau gìn giữ. Đến mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, bị hạn hán nạn lửa thiêu cháy kéo dài rộng đến năm mươi dặm, hơn hai mươi ngôi chùa và bảy tạng ấy đồng biến thành tro bụi. Than ôi! Hồi lục mọi sự lập chương. Các hàng tăng tục đều xót xa, ôm hoài thương tiếc. Mới đầu Sư ở chùa U Thê cách hang Phật mười lăm dặm, y theo việc tìm xét, gặp được Pháp sư Tạng Hiên đang giữ lại. Qua nhiều ngày đêm thưa hỏi rất lâu mới được cho

phép. Pháp sư Tạng Hiền mới hỏi về sở học của Sư và xem xét tài thuật, bèn gửi thư đạt tình, mới mở tạng cấp cho. Sư liền tìm kiếm đọc trong ngoài, chẳng kể ngày đêm. Nhân trải qua tám năm, sao chép mới xong bèn về lại ẩn cư tại chùa U Thê, đóng cửa tự nhàn tĩnh. Phòng nhà trống rỗng, chỉ có một tòa ngồi, ngoài ra, cây cỏ mọc lan tràn, rong rêu đóng đầy cả giường, bụi bám chõng chát đến mấy tấc. Mùa Đông chẳng dùng thêm bông tơ, mùa Hạ chẳng tìm mát dịu. Chỉ có chiếu cỏ Tư vi, dùng xong hình hữu, mà nói lời bao gồm dồi dào văn vẻ, thêu dệt thi thố. Phút chốc bèn dẫn dùng nói nhau như chuỗi ngọc. Không gì chẳng dùng cung thương để đối đáp, bao trùm cả Huyền Nho.

Ban đầu Sư ra trụ chùa U Thê, giảng Kinh Đại Tập, ngôn từ rộng xa, các hàng tăng tục đều vui mừng. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có Giang Ninh lệnh Lý Tu Bồn, là con của Hữu Bộc Xạ Tĩnh, khi còn sống đã biết kính tin chí Đạo, khâm phục đức lớn của Sư, nên cùng các hàng Sĩ tục đi bộ đến chùa U Thê thỉnh Sư ra châu giảng pháp. Sư không hứa. Qua lại đến ba lần Sư mới chấp nhận. Các hàng tuổi cao chưa bằng lòng, sau khi bàn bạc, mới lên đầu tòa, Sư sáng rõ hơn các bậc tài giỏi trước, đối đáp như mây mưa, viết chép tợ nước trút. Mọi người đều bảo là được nghe điều chưa từng nghe. Có thể gọi là người Trung hưng Đại Pháp! Các hàng thánh chúng tăng tục có hơn ba ngàn người. Sư giảng giải Kinh Đại Tập. Bấy giờ gọi là Vinh quán. Từ đó về sau, nương theo sự cao nhã ấy mà nghe bánh xe pháp quay nói nhau. Khắp thôn ấp đồng trống cùng nhau kéo đến sân đông chật. Bấy giờ, có những người tu trước mang chí khí trông mong ngày nương mây trùng mắt, bỗng nghe cao giá, kinh hoàng mà cúi vâng. Lại có người đến chỗ pháp tòa xướng lời quở trách. Sư lấy có đức mình mỏng ít mà chối từ, bất chợt có người tùy hỏi thì giải đáp. Nhưng Sư còn khiêm nhường vỗ về bảo với đại chúng rằng: “Xưa kia, đức Như Lai giảng pháp, lý ấy vẫn hiện còn, người tuy có Phạm Thánh khác nhau, mà nghĩa lý thì không hai chuẩn mực. Có sao đồng một lúc, đồng một chỗ ngồi mà chúng thọ thân nhiều như cát bụi. Nay tuy khai mở diễn bày, nhưng tâm khách lãnh ngộ lại giảm. Há chẳng phải thực hành đúng như lời nói, tâm không hệ lụy bởi tám gió, đúng như lời nói mà thực hành thì tâm có dứt trừ ba độc ư? Nếu chẳng như vậy thì làm sao có thể tự nhỏ? Người nghe nên vỗ tâm suy lường đến bờ mé cùng cực”! Nên khiến thánh chúng lắng nghe hiểu hình tình tụy.

Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Phụ Công Thác vượt qua Giang biểu chẳng theo Vương chinh. Vương Sư xâm chiếm Ngô Việt mở mang trong sạch. Tăng chúng có đến năm ngàn vị vẫn an nhiên như tường vách. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh tấu xưng vào giặc, Tăng Ni ở các Châu

rất rộng, có thể y cứ theo cách xưa của Quan Đông, mỗi châu riêng một chùa thiết đặt ba mươi người, ngoài ra đều đưa về biên hộ. Sư không nhẫn nổi sự uổng khóc ấy, bèn vào kinh đô trình bày sự lý. Ngự sử Vu Dĩnh đọc xem hết các Biểu từ, Văn lý cao sâu rõ ràng, văn từ thể dồi dào. Hơn một trăm ngày Vi Dĩnh bèn đến đình chỉ. Phòng Huyền Linh kính phục cao xa, vẫn cố chấp sự mê lầm trước, nói với Sư rằng: “Chẳng phải cho là sự lý không gì chẳng từng trải qua tự tấu trình. Đâu nhọc mang Pháp y xuất tục, e rằng có thể trái Đạo Tân Vương. Ngôi vị ngũ phẩm như củi xuống nhật vật rơi. Hơn bốn ngàn vị tăng chưa nhọc nói đến”. Đích xác là Sư chẳng cứu giúp. Sư biết vận mạng có đến lúc cùng, bèn về lại Bồn áp. Sau mới hóa độ, lại hết lòng mở mang, tan thân làm gộc, lược nêu một vài chứng cứ để chỉ bày hóa tích.

Trong niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiên Đường, tại Mục Châu có yêu nữ Trần Thạc Chân, dùng tà thuật mê hoặc người gạt gẫm, lừa dối kẻ lương thiện. Chư tăng khắp bốn phương xa đều nhóm họp về Kiến nghiệp. Châu tìm huyện xét, không một nơi rước mời. Bảy giờ, Sư đang ở tại thất U nham, chư tăng trong chùa nghèo khổ cùng đói khát, không nơi nương cậy. Càng ngày càng đến nhiều số hơn ba trăm vị. bạn cũ sắp tan, người mới không nơi nương tựa, tuy muốn quy đầu, mà tính không chỗ đến. Quan huyện xuống trách, chẳng hứa đình liệu. Sư bèn bảo rằng: “Các Bạn Đạo cùng đến đây, không kẻ mới cũ, chùa núi tiêu điều tự đủ để nương nhờ. Hữu Vô sẽ mất, chớ ngại sự ràng buộc chia ly, mong biết chỗ trở về mà biết đến nơi nào? Đều nên an nhiên hàng phục nghiệp, họa phước là đồng. Vì sao như vậy? Vì đều là xả tục xuất gia, xa mong cầu chánh pháp. Nghiệp mạng là tất nhiên đâu thể trốn lánh? Gần thì năm thứ giặc thường đuổi theo, xa thì ba thứ lao ngục thường trói buộc. Tâm không lìa mê đảo, đâu được vụn vặt đường công có tâm mê đắm. Đều tùy theo bốn chí, không được xa rừng sâu!”. Sư vì tăng chúng cung cấp riêng cần có từng ngày, đích thân Sư đi khắp Đơn dương báo với các hàng sĩ tục. Người nghe cắt giảm, chẳng còn mong cầu. Báo lực Sư mạnh yếu chẳng từ chối vác mang. Có hơn trăm ngày mọi sự mới yên tĩnh. Chúng Tăng ở núi điềm nhiên, không có lý do để tan rã. Bảy giờ, hạn cục tình ít thấy, bị Quan xét trách, đích thân bóc lột bọn yêu đồ không thể chịu được. Có kẻ không thể nhẫn chịu, hoặc tự thất cổ chết. Nhưng Sư lập chí vẫn điềm nhiên, chẳng giẫm vào phong trần, khách chủ cùng đói khát, hài hòa như cầm sắt, bèn được cởi mở, lý thông tình hợp. Há chẳng phải mạng thay thế khai sĩ, khó ủng hộ biết người. Cây lạnh tro tàn ánh ngời hiện ra. Thật là người ấy.

Bảy giờ, có Pháp sư Tuyên ở chùa Cao Tọa, là bậc danh đức đời Trần, lúc ấy đã ngoài tám mươi tuổi, là bậc cao Tăng ở Kim Lăng, mọi pháp sự Phó Chúc, khai ngộ cho đương thời. Ngài (Pháp Dung) lúc đó đang ở chùa U

Thê, nghe Đạo phong mà tìm đến, đem điều nghi ngờ nghĩa lý thắc mắc mà hỏi Pháp sư Tuyên rằng: “Trong kinh nói rõ Phật nói Pháp buông lời người thọ nhận khai ngộ Vô Sinh. Trong luận phân biệt Danh Cú văn tướng mà không nói lợi ích. Pháp sư được Phật di ký (dặn dò gởi gắm) mở mang, xoay chuyên bánh xe chánh pháp. Như bọn Pháp Dung chúng tôi đây chưa nghe dứt hoặc, bị căn cơ khí độ che lấp, vì là Đào luyện khai hóa người vô duyên. Tối sáng chóng vội, càng thêm kính ngưỡng. Đều mong mở vạch cuộn thắt, phục chỉ tuân vâng!” Pháp sư Tuyên ngưng im lặng giây lát, bùi ngùi bảo rằng: “Trước kia vào đời Trần, tôi chưa tới tuổi hai mươi, có Thiền sư Thôi là người rất được các bậc Vương Thần quy kính. Ngài lên pháp tòa mà nêu dẫn cũng đồng như ông ngày nay, tôi là hạng người nào mà dám đảm đương Di ký!” Bèn ngay đó mà tan, ngài (Pháp Dung) trở về chùa Kiến Sơ, ngâm kết đồng bạn. Pháp sư Tuyên mến trọng chí đạo của Sư, bèn chống gậy đến tìm. Khi đã đến chùa Kiến Sơ, ở đó có Thiền sư Đức Thiện là bậc xứng danh, vui mừng trông thấy Pháp Sư Tuyên từ xa đến nên thích thú nói bàn vui vẻ. Thiền sư Đức Thiện và ngài (Pháp Dung) đồng ở chùa chưa bao lâu. Pháp sư Tuyên bảo: “Tôi vì Sa-môn Pháp Dung mà đến”. Bỗng nhẹ Đông lỗ, bèn mời Sư mà hỏi, khiến tiếp nối huyền trí, liền ngay tòa dẫn nêu, văn lý đều nêu lên, hơn ba trăm lời đối đáp qua lại không văn hoa chải chuốt. Khi đó, hai vị thám vịnh đầy lòng, bèn ở tại chùa thiết lập trai giảng. Nhưng ngài nghi biểu lại khác, tướng vượt người thường, đánh đầu to lớn, ngũ nhạc nổi rõ, mày mắt dài rộng, vàng trán cao rộng, bước đi như rùa, trông nhìn như Hạc, hơi tiếng sâu xa như từ đất tuôn xuất. Đứng tuy ngang bằng người thường mà ngồi thì cao trội giữa chúng. Vận mặc đơn sơ đủ để che kín thân mình, khủy tay rất dài. Từng có người mang vật đến dâng tặng, Sư bèn trả lại. Tâm Sư nhu nhuyễn, luôn nghĩ nhớ từ bi. Đối với người trẻ hay người già, Sư đều cung kính như nhau. Nhiều lần bị xem thường xúc não mà tâm Sư quên tỳ vết chẳng đoái hoài. Có lần có một người bạn nghe người hờn giận riêng tư dùng lời phỉ báng về, Sư bèn dùng những từ phi loại mà chê trách, vừa mới đến núi nói điều đó, Sư bảo: “Đối với mọi sự rao truyền đều là hơi gió, vừa mới tuôn ra khỏi miệng liền mất, không thể truy tìm. Sao lại mang sự bàn luận luống dối ấy từ xa đến nơi núi chằm này làm gì? Vô trụ là Bốn nguyện chẳng liên can tới tâm!” Nên Sư an nhẫn dao kiếm tình linh đến như thế! Hoặc có người lên tòa nhục mạ, đối trước chúng mà phỉ báng phá hoại, mọi việc đối với Sư đều đồng như gió đi, không nghĩ duyên theo, dung mạo Sư càng sáng đẹp, càng gấp bội vui vẻ. Vậy đủ biết kẻ chê trách lại lộ bày vụng về, mà càng làm sáng ngời đức hạnh của Sư.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại nghe rằng: Xưa kia, Đức Như Lai nói Pháp giáo hóa, có kẻ đến phỉ báng, hoặc giết thân mạng người rồi đem đến

mà chê trách, hoặc buộc thối bèn nước để sinh dèm pha, diệt trong vết tích để chết loại trùng, nói trái ngược khinh thường Đại Thánh, đồng bọn như thế có rất nhiều nhưng Đức Phật duỗi lòng thương mà ẩn giấu, nhận chịu sự chê trách phỉ báng ấy. Mãi đến về sau lỗi lầm ấy tự lộ bày. Hoặc có kẻ đang còn sống mà đã bị đất rút, hoặc có người chết đọa vào địa ngục, bị trời, người cùng xem thường, U hiển vì đó mà buồn thương, nhưng ánh sáng của Đức Như Lai càng hiển lộ, đức của vàng càng sáng chói, để lại khuôn phép để chỉ bày cho tương lai, ban trải giáo pháp khắp cùng nơi đất liền biển cả.

Ngài Pháp Dung trong hai mươi năm, xem đọc khắp các kinh sách, kính ngưỡng oai dung của bậc Chánh Giác, cúi ngược tiếng vang, nói phong hạnh của Đà-na, xét an bảy chỗ xúc chạm, có ý tưởng chỉ trong sát-na, thấu đạt không ngừng của bốn tuyên. Thấu rõ được thời cơ, tin sự lẫn lộn của năm thứ cận đục. Xem xét chỉ yếu ấy, hãy một lần quán xét đó đều là Pháp Dung, Pháp Dung thật là Pháp Dung đó. Lời nói ấy thật là đạt.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Huệ Phương ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu

Thích Huệ Phương, họ Triệu, người xứ Lai Cường ở Tín Đô thuộc Ký Châu. Khoảng bảy, tám tuổi, Sư đã có tư tưởng muốn thoát tục. Năm chín tuổi, Sư đến trụ chùa Lâm Lạc ở Tô Môn, ở yên lắng chí. Chúng bạn lấy làm lạ về sự đặc biệt cao vời của Sư bèn đem chín thứ lớp mười tưởng trao cho Sư, Sư hề nghe được gì đều nhiếp niệm và thọ pháp đó, trải qua thời gian, đến khi Hiến Hậu của Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) nhà Tùy qua đời, xây chùa ở phía Tây kinh đô. Xa đê cử Sư đến ở, cúng dường hậu lễ, nhưng chí khí cao nhũ của Sư chẳng đả trước, ý tưởng luôn gắn liền với núi rừng. Tuy gặp tượng đá mà không duyên vận được cân. Thiên Đò nơi xưa có tâm ngóng hạc.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư già từ về lại chùa gốc. Người học nhóm kết rất đông thưa hỏi Đạo như núi. Cuối đời Tùy không được yên tĩnh, nên từ núi hang gò đời Sư luôn dời chỗ, mãi đến trụ chùa Long Thiện ở quận Cấp. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường trị vì, trong nước vô sự, Sư lại cùng môn nhân tiếp nối sửa sang chỗ cũ, bèn khiến cửa thông, rường đá, hang đá, cửa gió đều được tạo dựng mới mẻ. Sư từng ở dưới hàng hiên bàn nói pháp đề cập đến sâu mâu, có vị Sa-di phủ phục dưới tầng cấp, ân thâm lắng nghe. Bỗng nhiên giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Sao để Sa-di ở đó nằm phục lắng nghe!” Vị Sa-di ấy kinh sợ đứng dậy, lại bị đánh ngất đi, đến sáng mới tỉnh. Sư có những sự cảm ứng điềm lành đại loại như thế.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi một (647) đời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ chín mươi ba tuổi. Mới đầu, lúc Sư chưa tịch, bỗng nhiên có mùi thơm lạ lan tỏa quanh thất, xông ngát ba ngày, đại chúng không ai lường biết được điều gì. Đến lúc Sư thị tịch thì mùi hương ấy biến mất. qua ngày mười bảy tháng đó đón rước đến an táng tại phía Nam Viên Cương, cách mười dặm về phía bắc của Châu.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lục

Thích Pháp Hưởng, họ Lý, người xứ Cát Vãng ở Hải Lạp thuộc Dương Châu. Thân hình Sư cao tám thước, dáng mạo khôi ngô, khuôn mặt đẹp lạ. Sư lập tánh oai nghiêm, nói năng chẳng dối. Dưới chân có chấm đen tròn sạch rõ ràng. Có thầy tướng bảo rằng: “Lớn lên sẽ làm quân tướng và có tiếng tăm trong thiên hạ!”.

Năm mười sáu tuổi, Sư già từ cha mẹ đi xuất gia, liền chuyên sự tinh cầu khổ tiết, vượt trội khác hẳn mọi người. Hàng nữ giới đến tham lễ, Sư chẳng hề nói năng với họ. Giới hạnh thanh tịnh, Sư tụng thuộc bộ Kinh Pháp Hoa. Tại chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn có Thiền sư Cung là bậc trụ Pháp Hậu hiền, mọi người đều quy kính. Nương thừa danh tiếng nên mời Sư đến ở bên cạnh chùa xây dựng Pháp Hoa Đường, hành trì Pháp Hoa sám pháp của Đại Sư Trí giả. Sư bèn y theo pháp ấy hành trì, suốt hai mươi một ngày chuyên chú, bèn đạt được điềm lạnh. Sư tự biết đó mà chẳng nói. Đến lúc Thiền sư Cung đã vào kinh đô, Sư bèn trở về lại Giang Bắc. Ở hai huyện Hải Lục và Ninh Hải, thường thỉnh Sư đến cúng dường.

Khoảng cuối đời Tùy, có Sa-môn Trí Thiện trụ chùa Đại Ninh ở Hải Lục mở phòng thỉnh Sư đến ở. Ở trong đó Sư tĩnh tọa, giữa ban ngày, Sư đang nằm, bỗng nhiên kinh hãi ngồi dậy và bảo: “Lửa cháy”. Ngài Trí Thiện ra ngoài xem khắp bốn phía nhưng chẳng hề thấy gì. Sư bảo: “Tôi bị bệnh tai hay sao mà vọng nghe vậy ư?” Qua ngày hôm sau, Sư nằm ban ngày cũng kinh hãi ngồi dậy, như thế đến ba lần, Sư bèn theo hướng đông về lại Ninh Hải. Sau khi Sư đi, Lý Tử thông đồng với giặc phá huyện, đốt chùa, đúng như điều Sư báo. Trùng lớn sát hại, mỗi ngày có đến mấy mươi người. Sư bèn thiết lễ cầu nguyện tiêu trừ tai ương, lập trai hội lớn, bỗng nhiên có một con hổ vào pháp đường vồ bắt một người đem đi. Sư đuổi theo sau nó, gọi bảo: “Dừng lại, sao vội vàng như thế? Nay vì Đàn việt thiết trai, nên thả người ấy ra!” Hổ liền y theo lời thả ra. Và các con hổ khác nhóm họp lại rất nhiều, Sư dùng gậy gõ vào đầu hổ và nói pháp cho nó nghe. Từ đó, nó lần lượt đi xa.

Sư lại muốn đến núi Thiên Thai tìm dấu vết xưa của Đại sư Trí Giả. Sư bảo với đệ tử rằng:”Tôi muốn đến núi Thiên Thai mà chẳng được, trong một núi

ở Giang Nam đi về hướng Tây Bắc thấy có một ngôi thành!”. Tới lúc Sư qua sông đến huyện Giang Âm, các hàng tăng tục lưu luyến, nên xây dựng chùa tại núi ở phía Đông nam của huyện, đề hiệu là chùa Định Sơn. Sư dừng ở qua một thời gian. Sau đó, trong thiên hạ dần tạm an, Sư lại trở về Lam Đình thuộc Hải Lục. Trăm họ đều cố giữ Sư ở lại đó. Có núi Tiểu Cô là khoảnh đất lồi hơn trăm nhậm, bốn phía không có cỏ cây, bèn xây dựng chùa ở phía trước, đề hiệu là chùa Chánh Kiến. Sư dừng ở đó.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư bảo với môn nhân rằng: “Nay tôi già biệt các ông, gần đây nằm mộng tướng Ác chẳng khởi!”. Và Sư bèn nằm suốt hai mươi ngày, bỗng nhiên ngồi dậy đòi nước nóng, tắm gội, cạo tóc. Từ sáng giờ Thìn mãi đến chiều giờ Dậu, Sư ngồi xoay mặt về hướng Tây mà thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc sắp thị tịch, Sư bảo đệ tử rằng: “Ta nguyện đem thân này thí cho các loài chim thú, nhưng ở đây không có rừng cây, nếu các loài chim thú ăn không hết thì sẽ làm dơ bẩn tai mắt mọi người, nên hãy đem chôn ở phía Tây Nam núi!” Về sau, y theo lời Sư dặn đưa đi chôn, đào bới đất, bèn gặp một tảng đá lớn. Lại thử đào bới thêm thì có một lỗ hồng sâu trên đá vừa chỗ chứa thân hình, nhân đó mà tôn trí nhục thân Sư vào đó và xây tháp lên phía trên.

Lúc bình sinh, thường ngày Sư đến chỗ vắng Đà Lâm, thuần phục các loài thú dữ. Tâm luôn quán tưởng Tây Phương, miệng xưng niệm “Nam-mô Phật!” mà chẳng nói pháp nhiều, Sư chỉ tùy duyên nói một vài câu. Khi có điềm tai ương thì Sư báo cho biết để trốn lánh, nương vào những điều thấy trong giấc mộng. Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, có người ở Thường Châu đi đến U Châu, gặp một cô gái hỏi thăm: “Thiền sư Pháp Hưởng ở Hải Lục có được mạnh khỏe chăng?” Lại hỏi: “Có biết ư?” Đáp: “Không biết!” Cô gái ấy lấy vải bố tơ lụa làm khăn trùm đầu gởi cúng dường Sư, người ấy mắc phải tai hoạn nên trải qua cả năm mà chưa đến. Ngài dự biết đó và thường than thở “Sao chẳng đến ư?” Người đến Giang Âm gởi khăn trùm đầu cho người Hải Lục sắp đến chỗ ấy. Sư bèn bảo đệ tử ra đợi đón. Vừa đến cửa thì gặp nhau đem khăn đến trao lại. Sư có được khăn, cầm nắm ngẫm nghĩ giây lâu, bàn tính xé ra giao cho đệ tử, mỗi người được một miếng, có người không được. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, khắp trong nước đều đại khái do Nghĩa Ninh riêng độ, ai không ra thì sẽ bị chém. Nghe vậy, mọi người đều sợ, các vị được khăn trùm đầu đến y theo mà hoàn tục, còn người không được, hiện nay đang xuất gia. Năm đó, Tuyết phủ sâu đến mấy thước, Sư bảo với đệ tử rằng: “Tôi cần rau mới!” Đệ tử thưa: “Tuyết phủ sâu nên chẳng có được!” Sư bảo: “Lên núi tìm sẽ có”. Đệ tử y theo lời Sư, lên núi cách chừng vài dặm

đến dưới một gốc cây đều là rau xanh, bèn hái đem về, Sư dự biết mọi việc, đại loại đều như vậy.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Đạo Tín trụ núi Song Phong ở Kỳ Châu

Thích Đạo Tín, họ Tư Mã, chẳng biết Sư là người xứ nào. Lúc bảy tuổi, Sư đã trải qua thờ phụng một vị thầy nhưng giới hạnh không thuần, ngài thường tỏ bày can ngăn. Vì chẳng thấy theo, nên Sư âm thầm giữ trai kiem trải qua năm năm mà thầy Sư không biết. Sau đó, có hai vị tăng chẳng biết từ đâu đến, vào núi Hoàn Công ở Thụ Châu, tĩnh tu thiền định, Sư nghe thế bèn tìm đến và được trao truyền giáo pháp. Sư nương theo cầu học suốt mười năm. Đến lúc hai vị thầy ấy đi đến La Phù, chẳng cho Sư đi theo, bảo hãy ở lại đây về sau sẽ mở mang lợi ích lớn.

Đến lúc đất nước tìm kiếm người hiền lương, cho phép xuất gia, Sư nhân đó, được gá danh ở chùa Cát Châu. Bị giặc vây quanh thành hơn bảy mươi ngày, trong thành thiếu nước mọi người đều khôn khó, Sư theo ra ngoài đến chỗ giếng lấy nước mang trở lại. Thứ Sử cúi đầu hỏi: “Giặc lúc nào mới tan?” Sư bảo: “Chỉ nên xung niệm Kinh Bát-nhã”. Bèn bảo khắp cả thành mọi người đều hợp tiếng xung niệm. Chỉ phút chốc, giặc ở ngoài thành thấy ở bốn góc thành đều có lực sĩ cao lớn oai phong mạnh mẽ chẳng ai bằng, muốn được thấy Thứ Sử, bảo rằng: “Muốn thấy Đại nhân hãy tự vào thành!”. Bọn giặc liền tan. Đã được bình an, Sư muốn đi đến Hành Nhạc, trên đường lần lượt đến Giang Châu, các hàng tăng tục lưu giữ Sư trụ lại chùa Đại Lâm ở Lô Sơn. Tuy bị giặc cướp lại qua mười năm. Các Hàng tăng tục ở Kỳ Châu thỉnh Sư qua Giang Bắc, đến huyện Hoàng Mai ở chùa Chúng Tạo. Sư theo đó đi lên đường núi, bèn thấy núi Song Phong có suối đá tốt đẹp, liền có chí muốn trọn đời ở tại đó. Đang giữa đêm có con thú dữ lớn đến khuấy nhiễu, Sư đều trao truyền cho Quy giới cho nó, xong rồi bảo đi. Từ khi Sư vào núi đến nay nay hơn ba mươi năm. Các hàng học chúng ở các Châu không nơi xa nào mà chẳng đến. Thứ sử Thôi Nghĩa Huyền nghe đạo phong Sư bèn đến lễ kính. Lúc sắp thị tịch Sư bảo đệ tử là Sa-môn Hoàng Nhân rằng: “Hãy vì tôi mà xây tháp, mạng sống sắp dứt, còn chẳng bao lâu!” Sư lại thúc giục phải gấp hoàn thành. Sư lại hỏi: “Đã đến giữa trưa chưa?” Đệ tử đáp: “Sắp đến giữa trưa!” Đại chúng cùng nhau thưa hỏi: “Hòa-thượng không đã căn dặn gì ư?” Sư bảo: “Từ trước đến nay căn dặn chẳng ít!” Nói lời ấy vừa xong, Sư liền thị tịch.

Bấy giờ trong núi có hơn năm trăm người, và các hàng tăng tục ở các châu bỗng nhiên thấy trời đất tối mịt, vây quanh chỗ ấy khoảng 3 dặm, các thứ cây lá đều trắng xóa. Bên cạnh phòng Sư ở có một cây Ngô Đồng cong

nhánh hướng vào phía phòng, đến nay, chỗ cong ấy đều khô. Lúc đó là ngày mồng bốn tháng chín nhuận niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Đến năm sau (652) các đệ tử của Sư như Hoàng Nhẫn, v.v... đến chỗ tháp mở cửa xem thì nhục thân Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng như xưa, bèn dời sang chỗ cũ, đến nay như vẫn còn.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Huệ Minh ở Giang Hán

Thích Huệ Minh, họ Vương, người ở xứ Hàng Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, đi hành Đạo khắp nơi, không nơi ở cố định.

Bấy giờ ở Việt Châu có Pháp sư Mẫn nhóm chúng mở mang giáo hóa, khắp bốn phương xa mọi người đều kéo đến nương theo, Sư ở nơi Pháp tịch suốt hai mươi lăm năm. Chúng tăng có cả ngàn vị mà Sư thấu hiểu cao bậc nhất. Sư đắp mặc pháp y bằng vải thô hơn hai mươi năm. Bấy giờ mọi người đều gọi Sư là “Thanh Bố Minh”. Sư chí thành mạnh mẽ, quả cảm tự răn, siêng năng không biếng trễ. Sau, Sư lại đến chỗ Thiên sư Nham ở Tương Châu, suốt một lần trải qua mười năm thưa hỏi thiên Pháp, ở núi mà thiền niệm. Sư từng gặp phải đường đi bị tuyết phủ, suốt bảy ngày không ăn. Ngài tự nghĩ bảo rằng: “Ta nghe không ăn bảy ngày sẽ chết. Nay rõ biết là do nghiệp, nếu nghiệp tự tại thì hãy thử để biết”. Bèn lấy dây tự buộc trên bờ núi cao, đóng đũa như có người cắt đứt, nhân đó rơi xuống sườn núi, như người nâng đỡ, không gì tổn hại. Ngài lại đến núi Tứ Vọng ở Kinh Châu, tu hạnh Đầu-đà. Có hai con hổ cắn nhau, Sư tự đến phân giải. Mùa đông hay mùa Hạ Sư chỉ mặc một bộ y phục theo bên mình, chỗ ra đi đều không luyến tiếc. Như trong Kinh gọi là “Như chim bay trong hư không” là dụ cho hạng người ấy. Sư tụng Kinh Tư Ích, y cứ theo kinh mà thực hành.

Gần niên hiệu Long Sóc (661-664) thời Tiền Đường từ Nam Sơn, Sư ra đến Kinh Đô du quán. Mọi người cùng Sư bàn luận không ai thấu đạt trước. Sau đó không lâu, Sư trở lại, nói là đến Giang Khúc nương tựa nơi nhàn tĩnh mà tu Đạo. Chẳng biết Sư ở đâu.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 21 B hết.

---o0o---

QUYỂN 22

CHƯƠNG IV - PHẦN 01 : NÓI VỀ LUẬT

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có mười hai vị).

- 1/ Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô, thời Nam Lương.
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Thiên trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn, thời Nam Lương.
- 3/ Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ, đời Tề (Đạo Vân, Đạo Huy, Cư Sĩ Bằng)
- 4/ Truyện ngài Thích Đàm Ân trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông, đời Tề (Hồng Lý, Đạo lạc).
- 5/ Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần.
- 6/ Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô, đời Trần.
- 7/ Truyện ngài Thích Pháp Nguyên trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, đời Tùy (Đạo Kham, Đạo Hạnh).
- 8/ Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, đời Tùy.
- 9/ Truyện ngài Thích Tông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 10/ Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu, đời Tùy.
- 11/ Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyên).
- 12/ Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Hải Tạng, Pháp Thương).
- 13/ Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thi Châu, thời Tiền Đường.
- 14/ Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô, thời Tiền Đường.
- 15/ Truyện ngài Thích Tuệ Sần trụ chùa Long Cư ở Ích Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô

Thích Pháp Siêu, họ Mạnh, người ở xứ Vô Tích thuộc Tấn Lăng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia tại chùa Linh Căn. Tuy còn nhỏ nhưng Sư đã thông minh đỉnh ngộ, dốc chí cầu học không mỗi mết. Sư theo Sa-môn Tăng Hộ ở cùng chùa tu tập kinh luận, nhưng Sư cao nhã có ý tứ sâu xa, tìm cầu chỗ sâu kín, học luận quy ngưỡng. Sư nghèo khó, không có áo mặc cơm ăn, xin kẻ tù để tự nuôi sống mà tâm tánh Sư mềm mỏng, khổ nhọc không lo lắng.

Sau, Sư theo Sa-môn Trí Xứng ở chùa An Lạc, chuyên giảng dạy Luật Thập tụng đến nỗi có tiếng là mạng gia, bảo Sư chiết trung hơn hai trăm lượt. Từ khi ngài Trí Công thị tịch về sau, một mình Sư riêng bước nơi chốn kinh áp. Đến tuổi trung niên, Sư phé bỏ hạnh nghiệp, hơi mất giềng mối lớn, sau đó, Sư trở lại giảng giải, chúng nhóm họp rất đông. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502 - 550) thời Nam Lương cho rằng Luật giáo là chỗ nương của thời Tượng pháp. Học tuệ là thêm bậc dần tiến lên, là cốt yếu của sự sửa thân diệt tội, ba Thánh đều do đó mà quy hướng, không được thiếu sót, như bịt mắt đi đêm thường sợ sa lâm sục hổ. Muốn cho tất cả tăng ni đối với Năm Thiên bảy Tự dẫn ý giúp tâm. Vì Sư là người tài giỏi về luật học, nên vua ban sắc mời Sư làm Đô Áp Tăng Chánh. Ngõ hầu để Sư dẫn dắt đồ chúng, nghi biểu do đó mà được đứng vững. Vua Võ Đế lại cho rằng Luật bộ nhiều rộng, gặp việc khó nghiên cứu. Ngoài sự xem nghe thì thiếu sự nghiên cứu rộng về giới pháp, giúp đời kết thành văn, Sư bèn soạn thành mười bốn quyển, đề hiệu là “Xuất Yếu Luật Nghi”. Vì ngôn từ thiếu sót, bao gồm nhiều bộ, thông khắp mọi chốn của thời Nam Lương đều nương tựa theo mà thực hành.

Niên hiệu Phổ Thông thứ sáu (525) thời Nam Lương, Vua Võ Đế mời nhóm họp tất cả các hàng biết việc cho đến những người danh giải tại điện Bình Đẳng. Vua ban sắc mời Sư giảng luật, đích thân Vua, đến nơi pháp tòa dự nghe nhận, thành khuôn phép. Vì Đại chúng gồm cả kẻ tăng người tục nên sợ rơi vào lỗi lầm, do đó Sư chỉ mới lược nêu cương yếu, tuyên bày Hoàng Chi. Ba tuần sắp mãn, Văn từ đã xong. Do đó dẫn dắt hoàng dương Bí Bộ, mở ngộ đương cơ, bèn được bốn Chúng thay đổi tâm tánh, triều đình đều vui mừng.

Đến mùa đông niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa Thiên Trúc, thọ bảy mươi một tuổi. Vua Võ Đế ban sắc an ủi và bảo Hữu Ty đón rước an táng và xây tháp mộ tại chùa Khai Thiện ở Chung Sơn.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đạo Thiên trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn

Thích Đạo Thiên, người ở xứ Giao Chỉ, Sư sớm vượt khỏi màn lưới thế tục, lập tánh nghiêm minh, tu thân giữ giới, bày đức hạnh như sương tuyết. Mọi người trong giòng họ, xóm làng cho đến các hàng tăng tục đều quý mến sự khắc kỷ ấy và xem trọng hạnh chí thành của Sư.

Chùa núi ở Tiên Châu, khi xưa có lắm hồ hại người, từ khi Sư đến đó ở thì tai họa ấy chấm dứt. Nghe Tề Cảnh Lăng Vương mở mang Thiên luật, mở rộng trường giảng. Mọi người xa ngàn dặm đồng đến Kim Lăng, đều là những bậc Tiêu lãnh ở khắp bốn biển, người thì giỏi, Đạo thì cao. Sư truyền tỏa hương cỏ thơm, nhiều lần thâu đêm chẳng ngủ, nghĩ muốn tham dự Thăng tập, kính phụng chân thuyền.

Khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Minh (483) thời Nam Tề, Sư đến Kinh thất, trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn. Nghe giảng góp nhặt tuy nhiều bộ mà Sư chỉ nhờ luật Thập tụng mà nổi tiếng. Trải qua thời gian hóa đạo, các hàng tăng ni kính tin. Nên có oai đức chấn phát để thấy tiếng tăm, nhưng Sư vẫn điềm nhiên vui vẻ dẫn dắt khai ngộ, bàn luận phong thái. Tại Đô ấp người thọ nhận giới pháp khuôn phép với Sư có hơn ngàn vị. Đồ chúng thường theo nghe giảng chưa tới trăm vị. Sư lại ưa thích Diệt giác quán, chóng lưu lại nơi hang sâu. Động vượt cảnh đêm mới tìm trông bước, lại thêm thường ăn rau trái, mặc áo thô xấu, ngon không vào miệng. Nếu có người dâng cúng đồ vật mới đẹp, Sư bèn tùy sự cung cấp mà cho kẻ nghèo bệnh. Sư giàu sang của biết đủ, đâu gì hơn nữa. Cuối cùng, Sư ở nơi phòng nhà tại chùa, lắng vết chôn núi rừng, chẳng giao du với thế tục, an khổ lập hạnh. Mọi người lấy làm lo lắng, nhưng Sư chẳng thay đổi niềm vui ấy.

Đến niên hiệu Đại thông thứ nhất (527) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa núi, thọ bảy mươi tuổi.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ

Thích Tuệ Quang, họ Dương, người ở xứ Trường Lô thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi, Sư theo cha đến Lạc Đô, ngày mồng tám tháng tư, đến chỗ Thiên sư Phật-đà, theo thọ Pháp Tam Quy. Ngài Phật-đà lấy làm lạ về ánh mắt của Sư tỏa sáng bắn toé như lửa, suy nghĩ sâu hẳn là có tiết tháo kỳ đặc. Nên khuyên răn dẫn dụ ở lại và trao kinh bảo Sư tụng đọc. Sư cảm lây quyền kinh xem văn mà như ngày trước đã từng tập học, bên cạnh đó lại thông rộng ý nghĩa, thấu cùng lý sâu, thêm vì bàn luận khúc chiết, thái độ mới lạ, làm biến động tâm chúng sinh, lúc đàm nói vượt quá miệng. Nên đến cuối mùa Hạ, Sư được độ cho xuất gia.

Kinh điển Sư được tập học, bèn lại giảng nói cho người nghe. Văn từ đã trong hay khéo léo, mà lý cũng cao đẹp. Người đương thời gọi Sư là “Thánh Sa-di”. Nhân được lợi dưỡng, Sư nhận rồi lại ban thí. Sư trông coi nhưng rồi lại cho hết. Nên ngài Phật-đà bảo rằng: “Đó thật là hạnh của bậc Đại Sĩ!” Bèn mặc tình Sư, mà chẳng ngăn cấm. Ngài dò xét thừa hỏi chỉ dạy, kính giữ mà lấy làm lạ, nhưng Sư là người cao nhã, tâm lượng rộng rãi, chẳng câu nệ tiểu tiết. Với mọi sự khen chê được mất, thanh sắc chẳng biến đổi. Mọi người càng mến trọng Sư và khen ngợi độ lượng cao xa ấy. Ngài Phật-đà bảo rằng: “Sa-di này chẳng phải người thường, nếu thọ Đại giới thì nên trước nghe học luật. Luật là nền tảng của tuệ, nếu người không có trí thì chẳng thể vâng giữ. Nếu ban đầu nương tựa y cứ vào kinh luận, thì sẽ xem thường giềng mối giới luật. Tà kiến là cội nguồn phá diệt giáo pháp, chướng ngại chánh Đạo”. Do đó, trao cho nhiều Luật kiểm. Trước tiên là bộ Luật Tứ Phần chưa được truyền ba rộng. Có Luật sư Đạo Phú mở đầu khai giảng bộ ấy, soạn luật số sáu quyển, chỉ là khoa văn. Còn như nêu cử Hoàng Tông, thì không nghe có ở đời. Nên sở học của Ngài (Tuệ Quang) hoàn toàn y cứ khẩu truyền.

Đến lúc đủ hai mươi tuổi, học hạnh của Sư hơi hoàn bị, thường nghe nói chẳng thông hiểu, hoa phát giới bèn trở ngại, Sư bèn về quê cũ tấn Đàn thọ giới cụ túc. Sư rộng nghe giảng về luật bộ, y cứ theo văn mà hành trì. Mùa Hạ năm thứ tư, Sư sắp lên giảng luật Tăng-kỳ, Mới đầu vì xướng cao nêu ít người họa, từ lý tinh huyền dần nhiễm bên dòng, chưa được toại nguyện thính chúng nhóm họp. Sư biết chỗ thiếu đạt của Công phu học tập, nghĩa phải rộng khắp các bộ. Do đó, Sư bèn nương tựa Biện Công tham học các kinh luận. Sự tốt đẹp của người nghe người nói tiếng tăm vang tới quận Triệu. Sau đó, Sư đến Lạc Kinh, sưu tìm mới lạ, âm từ chữ nghĩa cả hai vùng Nam Bắc, Sư đều thông suốt sâu màu, đều là sự khổ nhọc của tâm kế. Sự việc phải cần văn ký, Sư mới chuyên việc giấy bút, ghi chép những điều được nghe, lại dùng ý lường xét, tham dự cùng tiêu tan. Một hôm, Ngài Phật-đà thâm trông thấy Văn ngôn, bèn gọi Sư đến bảo rằng: “Việc độ con của ta, trông mong truyền quả hướng nơi Tâm, sao mãi khư khư với ngôn ngữ ở đời ư? Nay trông thấy thần khí đã thành, xứng đáng là Pháp sư cao sáng! Việc Đạo chẳng phải phận sự của con, vì sao lại tự làm lụy?” Nhân đó mà rơi nước mắt!

Gặp lúc ngài Phật-đà làm chủ chùa Thiếu Lâm, Tam Tạng Pháp sư Lạc-na mới bắt đầu phiên dịch Kinh Thập Địa, sau đó bèn hợp dịch. Sự việc có nói rõ ở biệt Truyện. Khi ấy, Sư được tham dự pháp tịch ấy. Vì vốn có tập học phương ngôn (thổ âm của từng địa phương), thông suốt cả hai sự tranh cãi ấy, lấy bỏ do tổ ngộ, giềng mối hiện còn. Từ đó, Kinh Thập Địa được lưu

truyền, mạng chương có giải thích, riêng Luật Tứ Phần mở đầu nền tảng ở đây. Với các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Địa Trì v.v... đều sơ giải chỗ sâu kín mà mở mang giảng nói dẫn dắt. Nhưng văn từ vẫn còn phong cốt, rất lược chương cú, cho nên cả ngàn năm vẫn kính ngưỡng Thanh quy ấy. Các Sa-môn kính phụng lấy đó làm Tông hạt. Tư Đồ Cao Ngạo, Tào Bộ Xạ Cao Long Chi, cho đến Triều thần Tư Mã Lệnh Hồ Tử Nho v.v... là những bậc Danh Hiền ở đời Tề, đều kính trọng Sư như bậc Thánh.

Từng gặp phải năm hạn hán, mọi người thưa trình với Sư, Sư bèn đến bên bờ hồ Tung nhạc, đốt hương cầu mưa. Liền sau đó, mưa tuôn đổ, khắp gò đồi thấm ướt, Dân chúng đều được lợi. Lại nữa, gặp lúc họ Chu đem binh lính xâm chiếm đất Bắc, trừng phạt bất tâng ni đóng thuế để sung vào quân lính, trước tiên đặt ra hình luật nghiêm ngặt, người nào dám cản ngăn sẽ bị chém. Bấy giờ, Sư đang đảm nhận chức vụ Tăng Quang, trông coi năm chúng xuất gia gặp phải khôn khó bế tắc, bèn đem mạng thẳng đến nói với Thế Long rằng: “Nếu đáng thực hành loại thuế này, thì việc nước chẳng thể tồn tại”. Nói xong khắc rõ, việc, cũng được miễn khỏi. Sư có sự cảm kích cùng cực đến u hiên, đại loại là như thế.

Mới đầu, khi Sư ở tại Kinh Lạc, đảm nhận chức vụ Quốc Tăng Đô, sau được thỉnh đến đất Nghiệp, tiếp nối rất có công, bèn chuyển làm Quốc Thống. Trước ngày sắp tịch, Sư cưỡi xe đến đất Tào, vừa đi ra cửa chùa, nóc xe tự rách, liền ngồi xuống phán xét sự việc, bỗng nhiên rơi bút. Sau đó tìm không biết ở đâu. Sư tự biết tướng sắp qua đời. Do đó nên không được khoẻ, qua hơn bốn tuần. Sư điềm nhiên thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, thọ bảy mươi tuổi. Sư thường nguyện sinh về cảnh giới Phật mà chẳng định phương hướng nào. Đến lúc hơi thở sắp dứt, đại chúng đều thấy cung trời hạ xuống, bèn mới đầu thành hướng về An dưỡng, bỗng chốc thị tịch.

Từ khi Sư lập chí trong trắng tĩnh lặng, giữ vững giới nghiệp, động chỉ an nhiên rõ ràng, y phục chấp vá, suốt đêm ngày chỉ chuyên tâm nơi Đạo, của cải không chứa để rửa trừ dơ ứ, thề lấy trọn đời làm kỳ hạn. Riêng trọng hành Tông, bốn oai nghi không vọng động, dùng Pháp ấy nghiêm khiết chính mình, riêng lập. Bấy chúng rất kính sùng tiết tháo ấy. Từ khi chánh pháp truyền đến phương đông, mở rộng ở đời thì Sa-môn Đạo An là người mở đầu, tăng tục đổi thay phong cách, rộng ngôi vị thanh giáo thì ngài Tuệ Quang tiếp theo đó. Các tác phẩm do Sư soạn như Kinh Thắng-man, Di giáo, Ôn Thất, Nhân Vương, Bát-nhã v.v... đều có chú thích. Lại soạn lại Tứ Phần Luật Sớ, gồm một trăm hai mươi trang. Đời sau trích dẫn đó để làm nghĩa tiết. Và với Yết-ma Giới Bản đều thêm san định, khắp cùng nay các bạn đạo đều trì tụng. Sư lại soạn; Huyền Tông Luận, Đại thừa Nghĩa Luật

Chương, Nhân Vương Thất giới và Tăng chế Thập Bát Điều đều là Văn từ ý chỉ trong sáng, hợp với thời thế.

Có Học Sĩ Đạo Vân sớm nương tựa bảm thọ từ thầy, kính vâng di chỉ của Sư, chuyên truyền bá Luật Bộ, soạn luật số chín quyển là tác phẩm đầu tiên của chúng, thành Tượng rất nhiều, giảng nói càng xa. Thêm vì, oai dung nghiêm túc, mọi hành động cử chỉ rất có phong nghi, bàn nói từ hòa, ngôn hạnh xét nhau. Trong môn nhân của Sư (Tuệ Quang) lại có Sa-môn Đạo Huy là người nổi tiếng ngang với ngài Đạo Vân, tình trí cao ngạo, chẳng giữ phương hướng, lược bớt bộ luật số do ngài Đạo Vân soạn làm thành bảy quyển, xứng dùng ý hợp, kiên-độ suy theo đó. Nên có ngạn ngữ nói rằng: “Vân Công ở đầu, Huy Công ở đuôi, Hồng Lý soạn thuật ở giữa”. Là do đó vậy. Đồng thời còn mất có tiếp nối, chứa nhóm tốt lành chẳng tìm cầu, thật đáng buồn thay! Bây giờ, ở nơi Sư (Tuệ Quang) có các học sĩ chỉ thành kính ngộ rất đông đảo. Những vị được chúng suy tôn kính ngưỡng có mười tám người, tuyển chọn hạnh giải để nhập thất chỉ có chín vị.

Có Nho sinh Cư sĩ Bằng Cồn, Sư (Tuệ Quang) là người sắp vào trong số, Bằng Cồn vốn người đất Ký, rất thông hiểu kinh sử, được tiến cử vào Đài, để làm Quán Quốc, riêng tự suy nghĩ rằng: “Hai giáo nghĩa Đen Trắng (Nho - Đạo) đã từng rất có hoài bão, riêng đối với Thích Tông từ thưở bình sinh không hề kính tin, thử đến hầu Tuệ Quang, muốn luận bàn về Danh lý”. Gặp lúc Sư đang lên pháp tòa giảng pháp, Bằng Cồn đến dự nghe, chăm chú về oai dung, lắng nghe âm thanh biện giải. Sở chỉ của Văn Cú là dứt trừ nghi trệ làm đầu. Liên ngay nơi chỗ ngồi dốc hết kiên thành, tự xót thương được nghe muện màng, bèn co chân cúi đầu dốc mạng quy y. Nhưng đánh phá nguồn bệnh ấy rất rõ về yếu hại, cái “ngã” là có cội gốc, riêng chỗ rong ruổi. Mỗi lúc có các hàng tăng tục tiếng tăm đến giúp cho Pháp Dược, Bằng Cồn liền tùy bệnh mà đặt ra cách trị liệu. Người tin thì ngậm khóc. Cho nên Bằng Cồn nói rằng: “Các hành giả không được tin ở đây, Vô minh còn mê mờ tâm, tìm hay tìm dở, nghe kinh học hỏi, trang sức tâm ta. Phải biết lừa giặc tìm kiếm lỗi ác kia, chẳng tìm hay dở thì ngã tôi dần hết. Đặc biệt phải phân rành xa, chớ mê tự tha. Lỗi lầm nơi ta thường khởi đầy khắp pháp giới. Người khác nói ít lỗi thì liền tức giận. thường phải xét tâm tự mình nhiều lỗi. Nếu nghĩ lường thì tuy ở thế gian, không có thâm đơm vị thì không bao giờ có tâm vui mừng. Vì chưa mất Ngã thì do đâu mà có vui? Tâm này đem ngã lên đến tận cõi trời Phi Tướng, trở lại xuống đến địa ngục. Thường lừa dối Ngã, như là kẻ thù, như là kẻ tôi tớ được thương yêu. Đâu thể học vấn nuôi lớn giặc tâm, khéo làm kín làm, khiến tìm danh lợi, tạo nên sự ganh ghét. Nên trong kinh nói rằng: “Phải làm thầy của tâm, chớ bắt chước nơi tâm”. Đứa bé tám tuổi có thể đọc tụng mà người già trăm tuổi chưa dễ thực hành!

Nên chẳng cứu gấp”. Bấy giờ, có người lên ghi lời đó, thế gian gọi đó là “Bồng Tâm Luận”. Cũng có người ôm ấp trong lòng gặp cảnh thì hoàn toàn quên mất, do không chuyên cần mài giũa cho nên như vậy. Bằng Côn ở nơi môn tịch của Sư cúi đầu dò xét hơi thở. Thường cúng dâng cơm cháo mỗi ngày theo thường lệ, cung phụng chư tăng xong rồi, rửa dọn ngưng lóng cạn bã đem nấu lại mà tự dùng. Hơi có chút mùi vị thơm ngon, bèn để lại cung cấp sau. Đêm đến ở trước bếp, lấy một bó chổi chia làm hai phần, một phần gói lung, một phần ngồi lên đó. Tướng sáng vừa xuất hiện thì cháo đã chín, bất luận thời tiết như thế nào, việc ấy thường như vậy. Sau giờ ngộ mang các thức ăn đến nơi tù ngục, mọi chỗ qua lại, người biết đều mở đường. Hoặc đến chỗ nào đông đảo người thì dẫn trước cung cấp, hoặc nước hoặc lửa, hoặc quét hoặc chổi, tùy mọi việc cần, không gì chẳng dự vào. Miệng luôn giảng pháp, như lúc đầu, không hề nói mỗi mệ. Sau, Sư qua đời nơi môn tịch của ngài Tuệ Quang.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đàm Ân trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông

Thích Đàm Ân, họ Sử, người xứ Hà Nội. Thuở thiếu thời, Sư nhàm chán trần tục. Đến các chùa Phật, kính phụng giới luật, tụng tập các kinh, mỗi một ngày đêm thường lấy chuẩn định ba mươi vạn lời làm thường xuyên.

Đến lúc đủ tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, quy hướng nương tựa Sa-môn Đạo Phú nghe học Luật bộ, siêng năng mài giũa càng lâu, nghiên tâm càng sâu. Sau, Sư lại theo Quang Công tham cứu tinh yếu, đào luyện nhuần thấm biến thông, trở thành đệ tử tài giỏi của Quang Bộ. Sư mới vượt bộ qua Kinh Nghiệp, đến hướng bắc tổ ngộ Yên Triệu. Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh kính trọng Sư như thần tiên, vì xây dựng chùa, thỉnh Sư đến ở và cung cấp. Sau cùng, Sư trở về Chương Tân, mở mang giáo điển ấy. Bộc xạ Cao Lang Chi thêm lễ vẽ vang khác lạ hành Đài. Hầu Cảnh lại đến Nghiệp Đông, xây dựng chùa Đại Diễn và lại thỉnh Sư đến trụ ở đó, mở mang truyền bá giới tông. Năm chúng đều kính ngưỡng. Sư tùy câu hỏi mà phán định Văn nghĩa nhã chánh.

Bấy giờ, có Sa-môn Đạo Lạc là người chuyên trì luật, hạnh giải đều gồm, mọi người đều tôn quý, khí điệu rộng xa, hoặc có người mô phỏng theo, nên trong đất nghiệp có lời nói rằng: “Luật Tông lược rõ chỉ có Đàm Ân và Đạo Lạc!” Hai ngài được người đời kính trọng đến như thế. Mà ngài Đàm Ân tánh thích một mình đi các nơi, không nuôi đệ tử, không chứa đũa chát của cải nào, mặc áo hở bả vai lưng trọn đời. Y bát luôn mang theo bên mình như hai cánh của con chim. Trông nhìn xoay mình thế giữ lấy như voi xoay.

Vừa thông luật giữ luật, thời bấy giờ chỉ một mình Sư mà thôi. Đến năm sáu mươi ba tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành. Sư có soạn Luật sao bốn quyển. Môn nhân đệ tử thành khí có hơn mười vị, đều y cứ theo khuôn vết ấy.

Bấy giờ, lại có Luật sư Hồng Lý là bậc tinh khí riêng biệt, Văn từ cao nhã nghiêm chánh, dự cùng luận bàn dữ dội ít ai chẳng mất vết, Sư có soạn Luật sao hai quyển. Bấy giờ, cùng với Đồng Bí, sau là Sa-môn Trí Thủ mở rộng từ nghĩa, nhã bày cương mục hợp thành bốn quyển, hiện tại đều tụng.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô

Thích Đàm Viện, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Kim Lăng. Sư có được tài thuật tung hoành, thông rành Tử Sử. Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành do nghe qua mà nổi tiếng. Số luận là tôn chủ ở đương thời, Sư đều trải qua đào luyện ghi chép. Nhưng oai nghiêm của Sư các hàng trẻ nhỏ chẳng vọng bước đến. Sư kính cẩn gìn giữ rất có công phu và thường dùng văn hoa để tự xử. Bấy giờ, có người mưu toan can ngăn, nhân đó Sư phế bỏ mọi tập học trước, chuyên về Bỉ Bội, Đàm Vi nêu cáo chỉ nghiêm ở tai mắt. Do đó mà tiếng tăm vang vọng kinh ấp, những người đồng hàng rất lấy làm kính trọng. Sư chuyên lấy giới luật để xử thế. Trú trì là cần yếu, mới theo các trường giảng, chuyên tập học Luật Thập Tụng. Công phu chứa nhóm đã hiển bày, Học quán đã nêu. Từ đó thường đáng ở nguyên tể, trấn giảng nối nhau.

Dưới đời Trần Không cho là gần gũi, nên khiến năm chúng tiếp nối Phong du ấy, bảy quý nương theo bên cứu giúp đó. Sư cũng có thường đồ chúng nghe giảng có hơn hai trăm vị. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-593) đời Trần ban chiếu khắp trong nước, những vị mới thọ giới chưa đủ năm hạ đều tham dự tu học nơi trường luật. Có thể ở kinh ấp nơi chùa lớn thiết đặt rộng trường giảng. Và bèn ban sắc cho Sư trông coi xem xét tất cả, nêu rõ khoa cử, Hữu Ty y cứ tiêu chuẩn cung cấp ăn mặc. Sư đã được ân chiếu dạy răn khắp tất cả chư tăng trong nước, trùm khắp bốn phương xa, muôn dặm đều thuộc. Bấy giờ, Sư liền tìm chọn các vị minh giải từ nghĩa có hơn hai mươi người, đồng một lúc giảng nói mở mang, chúng tăng đều có đến ba trăm vị. Lúc bấy giờ, khắp Kinh Ấp náo nhiệt, hành trì đọc tụng rầm rĩ. Nước nhà phụng cúng cung cấp sung túc, người học không phải khốn khó. Chưa được mấy năm mà đạo khí tăng nhiều. Những vị có học đã thành sắp trở về bốn ấp, Sư đều nhóm tụ đồ chúng, hỏi han Lý sự. Với những người không còn phải nghi ngờ mới được cho đi. Do đó luật học càng mới, tấu trình lên triều đình, Vua Tuyên Đế lại ban sắc an ủi, bèn thỉnh Sư vì nước nhà mà đảm nhận chức Tăng Chánh, và mời Sư trụ chùa Quang Trạch. Sư từ chối vì trách

nhiệm, vua ban sắc đặc ân chấp thuận. Sư gá thác chẳng đua tranh, luôn đóng cửa tự xét. Chẳng có chúng nhóm họp thì Sư không quên kinh hành. Với mọi sự vui buồn trai hội, Sư hoàn toàn không dự tham. Đến chốn núi suối rừng trúc, thấy thì quên trở về. Sư thường lên các chùa ở Chung Phụ, sửa sang tạo dựng Đạo Hiền, xúc sự hứng thú thi phú, trông xem cảnh vật nghĩ nhớ người xưa.

Có Pháp sư Hồng Yển là người tánh tình cao ngạo như đá sỏi, riêng được các bạn theo, nắm tay rào bước ngoài rừng đồng đi đến nơi vườn cũ. Sư đề bài thơ ở gốc cây rằng:

*“Gò đở phần lá ít
Nước bạc thêm mầm nhiều,
Thâm dân khách nhỏ lệ
Buồn oán động người ca
Xuân qua độ dây sắn
Thu bốn lớp cát dài.
Nai hưu tự nháy cười
Xa giá bật trái qua.
Tiêu điều đồng rộng ngóng
Buồn bã biết làm sao!”*

Ngài Hồng Yển tiếp đề thơ rằng:

*“Rông ruộng dưng vườn cũ
Nước phần kết sóng dư
Buồn trông thương dôi mắt
Cay đắng nghĩ mối nhiều.
Khởi mát thâm cây cao
Sương dày đầy lưới nhẹ
Đầm Qùy còn đeo giếng
Ao trúc dưới lấm sen
Gió thu không tự gấp
Chẳng đáp mây trắng ca!”*

Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu mới cảm bệnh sắp hiện, Sư bèn bảo với đồ chúng rằng: “Sinh tử đôi pháp, Phạm Thánh đều bị buộc ràng. Trừ người đã chứng ngôi vị cùng cực, còn có tâm chẳng ai tránh khỏi! Nay sắp đến đời sau, sức lực chẳng còn do đâu, nguyện được sinh lại để giảng dạy, có phần công phu thâm che chở. Đây kia đều tu dùng làm sự tu tập ở tương lai. Nếu chẳng vậy thì trôi nổi theo thế tục, chưa thể thành cứu giúp chung. Mong các vị Phạm hạnh đồng nghĩ suy lời này. Mọi việc Hậu sự tùy lượng, hãy y theo

thành giáo!”. Nói xong, Sư ngồi thẳng như nhập định, không bao lâu thì thị tịch. Các hàng tăng tục buồn khóc, khen ngợi Thần Chí minh chánh của Sư chẳng sánh duyên nghiệp. Vua Tuyên Đế ban sắc y theo Pháp cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp trắng, lập văn bia tại chùa.

Sư có soạn Thập Tụng Luật Sớ mười quyển, Giới Bản, Yết-ma sớ mỗi thứ hai quyển, Tăng gia thư nghi bốn quyển, Biệt tập tám quyển, hiện lưu hành ở đời.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô

Thích Trí Văn, họ Đào, người ở xứ Đan Dương. Mẹ của Sư là con gái của Trung Thư Nguyễn Thao đời Lương. Mới đầu lúc mang thai Sư, mộng thấy một vị phạm tăng cầm chiếc gậy thông trao cho mà bảo rằng: “Sau này bà sinh con trai, nên cho làm trần vĩ!” Đến lúc sinh ra thì Sư vượt trội khác hẳn thường tình”.

Đến tuổi đi học, Sư đến nương tựa Sa-môn Bảo Điền, Trí Thành, làm Sư Phó. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên giảng Huyền tâm, chia giới túc thành năm thừa, Luật kiểm khai thành bảy chúng. Đâu chỉ thông đường sinh tử mà cũng là dây cương ràng buộc đạo tràng. Nghĩa phải trước tinh thông mới phù hợp ý Phật. Ngay đó Sư chí thành kính thờ Sa-môn Tăng Biện là bậc oai đức trùm khắp chúng tăng, giải hạnh cao vượt mọi người. Truyền nghiệp rất hưng thịnh một mình riêng bước ở đất Giang Biểu. Suy tôn bậc Lãnh tụ thì có Triện Công ở chùa Đại Minh. Nên mới đầu thì Sư theo học với Ngài Biện Công, sau thì quy hướng dưới pháp tịch của Triện Công. Với Luật Thập Tụng cùng và bộ khác, không bộ nào Sư chẳng luyện thông.

Niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, các chùa Linh Vụ, Ngõa quan tâu vua thỉnh Sư đến trụ chùa Quang Nghiệp, mở đầu khai giảng Luật tạng. Có Ân Quân ở quận Trần vì đó làm Đàn Việt, cho nên Sư khiến chúng tăng có hai trăm vị thường đến nghe. Vào cuối thời Nam Lương bị hoạn nạn, Sư bèn lánh đến Mân Hạ, lại ngồi sáng lãnh biểu. Bảy giờ, các Sa-môn Tăng Tông, Pháp Chuẩn là những vị nổi tiếng trong hàng hậu tấn, đều cảm kinh đến thưa hỏi. Sư lại cùng ngài Chân Đế đồng trụ ở Tấn An, cho nên được giảng dịch, đều hợp với Pháp Môn xán lạn. Bên cạnh đó khiến người Phạm tục sinh tín tâm đối với phong cách của Sư, nên những nhà nấu rượu thì phá hủy vật dụng làm rượu, người săn bắn chài lưới thì thiêu đốt lưới võng, mọi vật của tăng ni nhờ đó được đầy đủ.

Đến khi nhà Trần cai trị đất nước thì sông biển mở trong, việc giảng trao môn đồ càng nhiều hơn cuối đời Lương. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) ra lệnh quân lính đánh chiếm chuẩn bị ở sông Phì. một trận chiến nếu không thành công thì ngàn vàng mất tan trong một ngày. Do đó, chuyên thâu vận lực phải nhờ đến chúng tăng. Sư rất hộ trì chánh pháp, không sợ bị giết, bèn cách từ rằng: “Thánh Thượng thật khác hẳn, vua Vũ Văn phá diệt Tam Bảo. Quân tử vì nước nhà hẳn là ở lễ nghĩa, đâu nên đem ruộng phước tốt đẹp làm những việc như hạng thấp kém? Chẳng phải chỉ có Địch là kẻ khinh mà còn gây ra tội rất nặng!” Vua liền ban sắc hứa cho phép, mọi việc đều dừng nghỉ. Từ đó về sau, mọi việc Sư trình tấu không gì chẳng xứng hợp. Sư sửa trị chúng tăng, đuổi phạt đều phù hợp với thời cơ cần yếu. Thượng Thư lệnh Tế Dương Giang Tông nói gót Đạo đến phòng Sư không sai ngày tháng. Vậy đủ biết học mà có lộc Đức thì có gần gũi. Pháp vị nên thăng tấn, chúng tăng ngóng trông vui mừng đó!

Đến đời Tùy thay đổi vận nước, riêng ban luân ngôn, đã bãi bỏ Tăng Ty, hiến chương luật Phật. Sau Đại quân thì gai gốc phát sinh, mười lăm sáu đàn thâm sáng ở Giang Biểu, Sư lại y cứ theo Pháp mà cắt đứt, bèn được không tiếng sấm. Có thể gọi là Thiếu niên cường tráng miễn khỏi sự sai lầm của tóc bạc, Cỏ Đê, cỏ dữu bật ẩn tàng giữa ruộng xanh. Trước sau Châu Tướng lớn đến dưới quân đều tôn trọng kính ngưỡng niên đức, ít kẻ chẳng tu kính. Trụ Quốc Võ Sơn Công Quách Điển cầu kính gấp bội thường tình, đích thân dẫn vợ con đến chùa làm Đàn việt xả thí, thiết bày Pháp hội trai nghi lớn, thỉnh Sư giảng nói Luật Đê. Chê khen phân tích có dáng vẻ của khắc tráng. Đồ Chúng đến nghe giảng có hơn ngàn vị, không ai chẳng tán phục.

Đến ngày hai mươi tháng hai niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi một tuổi. An táng gò ở phía đông núi, thuộc phía Nam chùa, nhìn về mộ tháp của Luật Sư Tăng Biện.

Từ lúc Sư nương theo Đạo, khí vũ cứng rắn đối với vật, tác phong khuôn mẫu làm gương cho người, giới phẩm tròn sạch, xử đoán rõ ràng. Nhưng phân tích chương cú văn từ giản lược, nghĩa lý dồi dào. Các nhà sửa chữa, soạn thuật ít có khả năng vượt hơn Sư. Lại nữa, khi quân lính ở Kim Lăng đốt hết chẳng còn lại gì, Sư bèn phát chí nguyện tiếp nối sửa sang chỉ mới theo nền tảng cũ. Sư giảng Luật Thập Tụng tám mươi lăm biến, Đại thừa Tiểu thừa giới tâm Yết-ma v.v... hơn hai mươi biến. Các Kinh Kim Quang Minh, Di Giáo v.v... mỗi thứ có số lượng nhiều ít khác nhau. Sư soạn Giới Nghĩa số, mười hai quyển, Yết-ma số, bốn quyển, Bồ-tát Giới Số hai quyển. Môn nhân truyền bá kính quý cho là nên tu theo. Các hàng tăng ni theo Sư thọ giới hơn ba ngàn người. Các vị học giả được phân bổ giảng giải thì như Sa-môn Bảo Định, Tuệ Trĩ, Tuệ Hiến, Trí Tăng, Tuệ Giác v.v... chỉ có hai

Sa-môn Đạo Chí, Pháp Thành là hai cây trúc nhỏ tốt đẹp, dẫn đồ chúng dựng lập Đạo nghiệp. Xưa kia, Sư nằm mộng thấy đang đi thuyền giữa biển câu được hai con cá lớn, trong tâm rất lấy làm lạ. Và tới lúc Sư đến ở chùa Đông An giảng pháp, trần vĩ vừa mới dất phẩy thì hai ngọn đèn rơi, Sư lại rất lấy làm lạ về việc ấy, bèn hỏi Quỳnh Thượng nhân ở chùa Kiến Sơ, thì được bảo rằng: “Trước thầy hai sự việc tốt lành ấy thì sẽ có hai con rồng truyền những điều giảng của Ông!” Lời nói ấy quả đúng như thế.

Ngài đạo Chí là bậc Danh giải cao nhất. Thái úy Tấn Vương Gia Tăng lễ ngộ đặc biệt. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lập Bia trong Đạo tràng Tuệ Nhật do Sa-môn Thích Pháp Luận soạn văn.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Pháp Nguyên trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tỉnh Châu

Thích Pháp Nguyên, họ Nhâm, người ở xứ Tây Hà. Tánh Sư kính đạt, rất tự cao thượng, mà vượt trội đến cùng hết điểm cao, chẳng sánh ngang với chúng bạn. Ở Đông Quán hóa Đạo, Sư bèn đến Nghiệp Đô, thân hình thì vận mặc bạch y mà miệng thì mở mang truy phục. Chiêu Huyền Đại Thống sa-môn Pháp Thượng đời Tề rất vui mừng thân tuệ ấy, bèn cùng bàn luận trọn buổi sáng, rất thấu hiểu chí khí nơi Sư, nhân đó mà cho phép cạo tóc xuất gia. Thường ngày ban cho chỗ sâu kín, Sư tung hoành mãi giữa suốt thời gian đầu. Ngài Pháp Thượng mới hỷ thú để Sư vân du rộng rãi. Sư tư duy mạnh mẽ như gió rong ruổi, đi khắp các trường giảng, cầu pháp không mỗi mệt, hỏi Đạo mới lạ. Sau Sư mới kính ngưỡng theo gót ngài Ba-ly, chuyên về kinh luật bộ, giềng mối Phật Pháp, đi thẳng Tăng Du. Từ Đông hạ truyền bá bốn Bộ, Luật bốn, đều có soạn nghĩa sớ, khéo tự hội các điểm đồng khác. Vào đời hưng thịnh của nhà Tề, chúng tăng học luật đang vụt khởi cùng khắp. Chỉ một Bộ của Pháp Chánh mà mỗi người đều đua tranh dẫn trước. Vân Công soạn lời tựa mở đầu giềng mối quy mô. Các ngài Đàm Hy, Pháp Thượng san định những chỗ vụn vặt, còn Sư như sương buổi sáng, ngời chói đơn lẻ giữa các thiên, bẻ gãy lời đầu, lưu oai diệt sau, do đó trải qua bàn luận đối đáp chúng đều đuối lý, nên được lập phá nhiều nhà, có hơn trăm kẻ, đều chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ, vì Bành Hanh ấy ít Địch, nên gọi đó là Luật Hồ. Còn như xử đoán sự đồ phần nhiều theo văn cùng thương độ kết chánh, thêm nghĩa chột quy, bèn ban sắc thỉnh Sư nhậm chức Thượng tọa ở hai chùa Đại Trang Nghiêm và Thạch Quạt. Đến đời Tùy mở vận, Vua lại ban sắc thỉnh Sư đảm nhận làm tự chủ chùa Đại Hưng Quốc ở Tỉnh Châu. Sư đã từng lên cương quản, khéo dẫn dắt đại chúng, mở mang sửa đổi chính sách trước, thật có nhiều ích lợi. Đến ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu

Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở phía Tây Tinh Thành, xây tháp thờ, Sư soạn luật số chỉ một bộ Luật Tứ Phần gần mười quyển, Thị Phi sao hai quyển hiện còn, ngoài ra các thứ khác đều lạc mất.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hạnh, là người có khí cục trầm hòa, gần gũi truyền pháp từ thầy trao, khéo có cơ tổ ngộ nêu dẫn, đàm thuật số chỉ chẳng rơi vào Quyết tông. Mỗi lúc đến giảng tan thân dẫn dắt đồ chúng đi nhiều quanh tháp Sư rất mực chí kính mà trở về. Và đến các tiết Xuân thu theo lệ thường tu. Năm nay Sư đã ngoài tám mươi tuổi mà vẫn còn phô bày số chỉ, trích nêu các điểm trắc ẩn khúc mắc.

Bây giờ, lại có Sa-môn Đạo Kham vốn học từ ngài Pháp Nguyên, nắm giữ giáo lý để hành trì, học tập rất giỏi, thành tiến tâm ban đầu, trì giới rất trang nghiêm, người đương thời ngợi khen, nhưng Sư vốn chuộng sự trang nghiêm, vâng theo Văn Tông. Vừa mới có trái nghịch, liền chẳng tham dự lệ thuộc, cho nên Sư thuyết giới tự dân có nói. Với người xướng bạch đã không có chánh chế, gọi đó là phi pháp. Tuy mới theo chúng bạn, sau hẳn trọng bày, Sư mới ra khỏi thành kiết giới, lại thuyết Bốn mới, đó cũng là nghiêm lệnh cứng rắn rất là khắc tước, chưa phải thông thường. Nên đến nay Quận ấy vẫn còn nhiều vướng mắc.

---oOo---

08- Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Linh Tạng, họ Vương, người ở xứ Tân Phong thuộc Ung Châu. Chưa tới tuổi đến trường mà chí khí Sư mền mộ cao xa, nương theo Hòa-thượng Luật sư Dĩnh mà xuất gia.

Sư tiếp thừa vâng theo xuất yếu, khéo thấu đạt Trì Phạm. Chỉ một bộ Luật Tăng Kỳ mà được người đời tôn xưng là đứng đầu. Với Luận Đại Trí Độ, giảng giải không thiếu sót, khéo chuộng xung hư, kiêm sùng cương vụ. Bây giờ, gặp lúc đầu thời Bắc Chu, Phật Pháp hoàn toàn hưng thịnh. Nước nhà thường năm có rộng độ Tăng Ni. Vì Sư có sự nhận biết thấu suốt sâu xa, cần nhắc phạm tiết hạnh nghiệp, hoặc giảng hoặc tụng, phạm bộ rất nhiều. Hễ chỗ nào có Văn nghĩa thì không gì chẳng soi xét đến cùng. Bây giờ, cùng mọi người lường xét, thông kinh hiểu ý thì Sư là bậc nhất. Bốn Sư của Sư vốn là chung Hoa vọng, rất được Vua Thái Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng. Đạo nghĩa thâm hợp, được mật hợp nhau. Sư cùng vua Cao Tổ từ thuở mặc áo vải bố kết bạn thật quen thân. Đến lúc Vua lên ngôi mới càng kết sâu thành thực. Lễ nhượng kính chuộng sáng giá triều tể. Khi vua dời đô đến Nam Phụ, giao cho Sư tìm chọn địa thế tốt mà xây dựng Quốc Tự. Sư được Triều tể kính trọng, là chỗ Phật pháp nương nhờ, mới

chọn đường trong Kinh đô chẳng gần chẳng xa, ở phía trái đường ngã tư thuộc phường Tuân Thiện mà xây dựng chùa. Nay chính là chùa Đại Hưng Thiện.

Từ đó về sau, Trung sứ chất chồng, lễ gặp càng lớn, Hậu vị tốt lành ít có, thậm dùng xe kiệu đưa đón. Vua cỡi người kế tiếp nối nhau cùng đến. Vua lại ban sắc cho Tả Hữu Bộc Xạ cứ hai ngày một lần đến tham dự, đến để trấn giữ, cùng hỏi han mà trở về. Bảy giờ, giềng mới giáo điển mới bày, các bậc danh đức nhóm họp đều tỏ bày tiếng tăm chẳng ai dám tranh hùng. Cung cấm giữ nghiêm, qua lại khó khăn. Nhà vua cuối cùng phải thấy từng thiếu sót trong những buổi châu yết, bèn ban sắc ở các cửa khỏi cần phải xét giấy, mặc tình Sư qua lại. Và nơi nội cấm, Sư và Vua ngồi cùng giường, đi cùng chung kiệu, coi sóc việc nước, họp với trời xét, có lúc Sư ở lại qua đêm, bèn ngủ nơi Tẩm điện. Mọi tốn phí cúng dâng ban tặng đều không đưa tranh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, nơi Quyết Phủ hạn hán. Vua dẫn dân chúng đến cung cấp ở Lạc Châu, ban sắc thỉnh Sư đồng đi cùng thông Thánh hóa. Khi đã đến nơi, mọi người quy đầu rất đông. Vua nghe thế, bảo rằng: “Đệ tử là Thiên tử tục nhân, Luật Sư là Thiên Tử Đạo nhân. Nếu có người nào ưa thích lia tục, thì mặc tình thầy (Linh Tạng) độ cho họ!” Sư bèn y cứ đó mà độ người xuất gia, trước sau có đến mấy vạn. Về sau đem việc ấy tấu trình, Vua rất vui mừng bảo: “Luật sư độ người làm việc lành, Đệ tử cấm người làm điều ác, nói tuy có khác mà ý thì chẳng khác!” Đến khi bắt đầu công việc Phiên dịch kinh điển dưới đời Tùy, các vị thắng duyên nhóm họp. Sư dần thân làm khuôn phép trước chúng, lãnh trách nhiệm đối với chùa, cương chánh rất nổi tiếng.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. An táng tại Nam Giao.

---o0o---

09-Truyện ngài Thích Thông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh

Thích Thông U, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Đang tuổi còn nhỏ mà Sư đã xa đời, sớm mến mộ Huyền Phong, qua khỏi tuổi hai mươi Sư mới dự vào hàng tăng chúng, tâm tánh thuần trinh, khổ tiết, nóng lạnh chẳng thiếu sót. Sư đi tìm thầy hỏi Đạo trải qua lắm hiểm nguy mà không hề thay đổi. Gặp lúc nhà Bắc Chu và Bắc Tề xâm lấn lẫn nhau, Sư bèn xa đến Giang Cao, gá Nghiệp ở Kim Lăng, hơi khí trong lành chợt xa.

Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, Sư về lại Vị âm, được nhuần Pháp Vị, an vui thở bình sinh. Tiết tháo nghi hạnh của Sư phân rõ dung chỉ. Còn như mở mang khai bày giáo pháp thì Sư lấy Tỳ-ni để xướng đầu, còn điều phục chế

ngự tâm thần thì dùng Tam-muội để đến. Nên hai Tạng Giới, Định Sư đều chứa nhóm trong lòng. Cửa học lại mở thoáng, xa gần mọi người đều nhóm họp. Về sau, Sư đảm nhận chùa Diên Hưng. Bảy giờ chùa mới bắt đầu xây dựng, đất cây ngói đá người thợ đồng cử, mà mọi sự kết quy về Thiên tạo, hình mạng chưa đấm chìm, tùy chỗ vận làm, không gì chẳng mất hết. Sư có được giới đức kết chặt bên trong, đức nhân thấm đượm rộng ra bên ngoài. Sư làm bốn cái giếng lớn, mỗi nơi đều đặt vật dụng lọc nước, hễ chỗ nào thi hành sử dụng, thì Sư đều đích thân đến xem xét rõ ràng, rảo cùng trăm người thợ, sớm tối Sư không nhàm mỏi, đều xem xét để côn trùng được bảo tồn tánh mạng. Cho nên chỉ có chùa Diên Hưng riêng khỏi hình tàn. Ngoài ra mọi sự tạo dựng kết cấu khó lại được tiếp nối. Sư nghiêm khiết chính mình, tự cố gắng, chẳng nương cậy vào ai. Mỗi lúc muốn mở kinh thì rửa tay đến cổ tay ngang khuỷu tay, sau đó theo thường sạch, nâng kinh đối mắt, cánh tay không duỗi xuống. Phòng nhà chỗ kín, không hề khắc nhổ, đàm dãi nuốt trở vào chẳng nhổ trong chùa. Tiện lợi tầy tịnh cho đến trọn đời. Lại thuở bình sinh, Sư chẳng từng dùng khăn bịt đầu, tay ướt thì để nó tự khô. Ba pháp y thì đắp chồng trên mình. Tự mang theo đạo cụ bên ngoài để dùng lúc cần thiết. Sư thường tự than rằng: “Sông không công phu tu tạo một chút điều lành, chết chẳng bù được mấy may khổ lụy! Dối mang linh thần, sao làm lẫn như thế?” Sư răn dạy đệ tử rằng: “Sau khi tôi biến đổi sự thường, mong đem thân tàn này bố thí cho các loài cầm thú, ngõ hầu nhờ được chút phước, mong diệt dư ương!”

Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ năm mươi bảy tuổi. Các đệ tử v.v... theo chí nguyện trước của Sư, bèn rước nhục thân Sư đến tôn trí nơi ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam. Về sau thiêu đốt di cốt còn lại và xây tháp thờ. Đến nay hiện còn.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu

Thích Đạo Thành tự là Minh Phạm, họ Đào, người ở xứ Đơn Dương. Cha của Sư tên là Đản, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Vĩnh Gia Thái Thú đời Tề, lại làm Trinh oai Tướng quân Thượng Ngô lệnh đời Lương.

Sư xuất gia nhập đạo từ thuở thiếu thời tại chùa Sùng Huyền ở Vĩnh Gia, làm đệ tử Pháp sư Thức. Nghi mạo Sư khôi ngô, dáng dấp nổi bật giữa chúng tăng, trong các bạn ngang hàng đều chăm chú gọi Sư là Thần đồng. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học vượt hơn chúng bạn.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Đồng (535) thời Nam Lương, Sư đi đến Kinh Liễu, thọ học với Đại Luật Đồ sa-môn Thích Trí Văn ở chùa Phụng Thành. Với Luật Thập tụng, Sư mới nghe qua hai biển, hơn một năm vẫn chưa lập trường giảng riêng để mở giảng diên. Số Luận, Tỳđàm chỉ mới nhuốm thàn, Sư bèn tỏ ngộ, không cần gia công gấp bội, nghe một biết mười, do đó các bậc lão túc kỳ đức ở kinh ấp đều gọi Sư là “Hậu sinh khả úy” (Người sinh sau đáng sợ). Sư giảng các kinh luật như Luật Thập tụng, Giới Bồ-tát, Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, v.v... tất cả một trăm bốn mươi biển. Sư lại giảng Kinh Quán Âm một ngày ba biển. Sư soạn “Luật Đại Bản Yết-ma Chư Kinh số” ba mươi bốn quyển. Còn như cây ý hoa Tâm thêm rực rỡ như ánh sáng sớm mai, ngài phân tích nghĩa lý chất đối nghi ngờ, khiến người nghe quên cả mỗi mệt.

Có các học sĩ Sa-môn Tuệ Tạng, Pháp Tường, v.v... đều là những bậc du phương giảng nói, xoay bánh xe chánh pháp, truyền bá tỏa ánh sáng ấy, làm lợi ích rộng nhiều. Sư ăn dùng thô sơ trong sạch, tự nghiêm khiết chính mình, tâm ở trong hạt châu giới, thần giải nghiêm minh, thiền sâu tại niệm, thêm gồm sáu thời chí thành lễ sám, vào ba ngày rảnh thì tìm tòi nghiên cứu kinh sử, muốn cho hiểu biết nên không gì chẳng làm. Nhưng tánh Sư thường dụng an tường, oai nghi hợp độ, người trời mô phỏng theo, ít người được như vậy. Sư nói năng mềm dịu từ ái, chẳng hề trái tâm chúng sinh. Sau, Sư thị hiện tướng bệnh hơn một tuần mà vẫn còn kéo dài sự giảng diển.

Đến ngày mồng năm tháng năm niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng Nghiêm, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc sắp tịch, Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Phật, các chi tiết vẫn mềm ẩm, chấp tay rõ ràng. Đến ngày mồng tám tháng đó, đón rước an táng tại núi phía nam chùa Phụng Thành. Văn bia nơi tháp mộ Sư là do sa-môn Tuệ Tùng ở chùa Cao Tọa soạn.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh

Thích Hồng Tuân, họ Thời, người ở xứ Tương Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nương theo thầy thỉnh nghiệp, tiếng tốt vang xa.

Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Luật bộ, tâm sinh kính trọng. Bên trong Sư tự suy nghĩ rằng: “Nền tảng xuất gia là ở giới luật, trụ trì muôn năm đầy đủ ở di giáo! Xét chẳng luống dối”. Sư bèn giã từ thầy bạn, đi các nơi học tập. Sư đi qua Tương kinh, xét hỏi nghĩa sâu, nếu có điều chưa hiểu, Sư quyết hỏi cho thông, sắp tròn ba mùa hạ bèn thâu suốt Đại Chi. Ban đầu, Sư đến trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung cao, nương tựa Vân Công, khai mở cốt yếu Luật học, cho đến Kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Trí Độ, trước sau tham

học nghe giảng và đều mở được cửa nẻo, vỡ tan sáng tỏ. Nhân Luật sư Đàm Huy đang truyền bá Luật Tứ Phần ở Nghiệp Hạ, Sư bèn đến đó nương theo. Thỉnh chúng tại đó có năm trăm vị đều là những bậc khéo giỏi tự thông, đáp giảng lập luận hoàn toàn không ai bằng. Ngài Đàm Huy thật là bậc Luật học nổi tiếng nên trí đặt ở trước. Sư cố hiểu thấu thời luân, hoàn toàn chẳng vì quanh co riêng ở tâm lự. Về sau nhân vì nhóm họp đông nhiều các hàng Di học chật cả sân nhà, Sư bèn thúc buộc ngài Đàm Huy soạn luật sớ. Sư bung vào trong giảng đường thưa rằng: “Cúi mong có ngày, đều chưa thấy biết!” Thế là thầy trò cả hai đều mất, Sư dám đem văn sớ kính ngưỡng đến, liền đặt lên tòa qua lại. chỗ Vân Công đã phó chúc xả kiến lại giảng. Ngài Đàm Huy liền bảo Sư lên tòa đáp thuật. Sư nhã nập mây may ắn kính, chúng đều kính ngưỡng như núi. Từ đó Sư luôn đứng thời kết nhóm đồ chúng giảng trao tất nghiệp. Vì bên giới luật nghĩa có hiểu bộ khác, Sư mới nghe lại Luận Đại Trí Độ, Tỳ-đàm, mở chỉ chỗ sâu mầu. Lại vì tâm sai sử chưa an tịnh, Sư lại đến các thiên lâm, thọ học pháp điều Tâm. Năm đã qua mười hạ Sư mới quay về với Luật tông. Mọi người khắp bốn phương vọng trông Đạo phong của Sư nên kéo đến giảng đường đông đầy cả ngàn vị, bấy giờ rất vẻ vang rộng lớn!

Tề Chúa đã mở thoảng pháp môn, ban lời tiếp thừa phó chúc, trong năm chúng xuất gia nếu có người bị rơi phạm vào giềng lưới Hiến Chương, thì Sư đều y cứ Nội luật mà sửa trị. Do Sư có sở học tiếng tăm sớm vang khắp, nên được trao làm chức Đoán sự Sa-môn. Bấy giờ, các chúng thanh tề thường xuyên tranh chấp, trải qua thời gian lâu, bèn thấu đến tai Vua. Và không thể làm cách nào để chấm dứt sự kiện tụng ấy, Vua bèn ban sắc thỉnh Sư đến. Sư bèn dùng Pháp hoà hợp để dẫn dụ, dùng luật khoa để nghiêm trừng, quanh cảm vật tình, nhiều việc tranh chấp tự dứt. Do đó càng thêm tốt đẹp ở đương thời. Các hàng Đạo bạn thấy đều vui mừng. Đến cuối đời Tề, tiếng tăm Sư càng vang xa, mà Sư chẳng kết giao với các hàng phi loại, chỉ cùng Đạo đồng vết. Các bậc Danh Nho Đại đức trông thấy liền kính mến nương theo. Sư thường cùng các bậc Danh tăng như sa-môn Tuệ Viễn, v.v... suốt đêm bàn luận. Gặp lúc nhà Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề, Sư ẩn lánh vào núi Bạch Lộc. Đến niên hiệu Tuyên Chính (578-579) thời bắc Chu, sư tìm cát nhắc, Sư bị đề cử đến ở Tung nhạc. Đức hạnh Sư cao vời vợi, chúng lại kéo đến tựa nương.

Đến thời nhà Tùy mở mang Định Pháp, chiêu vời Hiền giả khắp bốn phương. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Đương Khiêm) ban sắc tìm mời Sư đến kinh quyết, cùng năm vị Đại đức đồng một lúc diện kiến nhà vua. Sư đặc biệt nhờ công lao, Vua dẫn đến trụ chùa Hưng Thiện, cùng với mười vị đệ tử, cúng dường bốn thứ cần dùng. Trong niên

hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Vua lại ban sắc thỉnh Sư cùng sa-môn người Thiên Trúc đồng phiên dịch Phạm Văn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (596) đời Tùy, vua lại ban sắc thỉnh Sư làm Giảng Luật Chúng Chủ. Sư đến chùa Sùng Kính nhóm họp đồ chúng lập thành đạo nghiệp. Trước kia tại Quan nội vốn tu theo Luật Tăng-kỳ, tập tục bình sinh thường ghét nghe dị học, bỗng nhiên Sư giảng Luật Tứ Phần, người nghe ít có. Trở lại Đông Xuyên khen ngợi thành việc chuyên. Sư muốn lưu bố pháp vị rộng khắp, lý đảm nhậm quyền cơ, nên Sư sáng thì giảng Kinh Pháp Hoa, chiều thì tuyên dương Pháp Chánh. Lại vì nghe kinh thì nói là thông luật, thường dùng lửa ngời sáng dần đạt đến nương cây Tông. Khai giảng mở dẫn dắt Luật Tứ Phần chỉ có mình Sư mà thôi. Nên đến nay bộ Luật Tăng-kỳ dứt bật xương giảng! Sư là người hình nghi nho nhã, động thì y cứ vào hiện du, mà thần biến như suối chảy, âm thanh tựa chuông trống. Dự lên pháp vị ít có mờ tối, công lao khai ngộ thật khó có người tiếp nối!

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Phước Tự ở Vệ Châu. Sắp ra chỉ bày cho chúng, Xá-lợi phát ra hai lần ánh sáng hồng đỏ soi chiếu khắp xa gần, rực loá cả mắt người. Các hàng tăng tục đồng trông thấy rất sinh tâm vui mừng. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc rằng: “Trẫm vâng nhận Triệu mạng võ về nuôi dưỡng muôn dân. Sa-môn Hồng Tuân kính vâng Thánh giáo trùng hưng Tượng pháp, Đức Như Lai đại từ chở che các loài, cảm hiện Xá-lợi khai mở dẫn dắt chúng sinh. Trẫm đã phân bố xa gần đều xây tháp, trong đó, các châu còn có nơi chưa đến, nay lại thỉnh Đại đức đón rước Xá-lợi từng châu một, y như trước mà xây tháp. Các vị tăng được thỉnh hẳn là những vị đức hạnh đáng tôn kính, khéo thông hiểu Pháp tướng, để có thể tấu trình. Phải cùng tất cả muôn dân đồng cầu Phước nghiệp!” Sư bèn tìm cử những vị danh giải để tiếp thừa mạng lệnh của Vua. Khi đã nhóm họp đến, vua lại ban sắc rằng: “Hơn ba mươi châu, đồng một lúc đón rước Xá-lợi đến tôn thờ”. Sư lại vâng mạng làm sứ đến Bắc Châu xây tháp. Lúc đầu, vừa đến phía Tây của châu, có đàn hạc trắng khoảng mấy mươi con đến bay liệng vài vòng ở phía trên kiệu, giây lâu mới bay đi. Và khi đến chỗ thiết đặt Linh tháp tại chùa Long Thánh ở phía Đông Thành, ban đêm có mấy mươi tia sáng màu trắng, mỗi vầng như trục xe trụ hiện trên nền. Bên cạnh trên cây có ổ chim và khi ánh sáng chợt phát ra soi suốt thì đàn chim kinh hãi bay tán loạn. Lại mưa hoa bạc, khắp mặt đất sáng ngời như tuyết. Đào bới nền móng sâu xuống năm thước có được khoảng nửa thặng thóc. Ban đêm có tám mươi bốn vị thần tiên giáng xuống cầm hoa đi nhiễu quanh tháp, giây lâu mới biến mất. Lại có một cô gái họ Lý, bị mù mắt hơn hai mươi năm đến lễ bái, bỗng nhiên hai mắt đều thấy trở lại. Sau, cũng đang trong

đêm, Sư hành đạo lại phát ra ánh sáng màu đỏ soi chiếu ở phòng phía Đông chùa, thấy có tôn tượng Đức Phật đang nằm, và tôn tượng đức Phật đang ngồi nói Pháp. Lại thấy có vị Phạm tăng đối trước giá tụng đọc kinh. Kinh chỉ có mười bốn chữ toàn bằng chữ Phạm, mọi người lúc ấy đều chẳng biết. Đến ngày mùng tám tháng bốn đang lúc tôn trí Xá-lợi hạ xuống linh tháp thì cảm có đàn ong đen nhiều vô số ngậm hương bay nhiều quanh tháp, hơi khí kết tụ thoảng xông chẳng đồng như ở nhân gian. Lại thấy có hoa sen màu trắng ở bốn góc tháp cao mấy trăm trượng, hoa lá phân bố rũ xuống giữa hư không. Xen lẫn trong đó, hoa sen năm màu đầy khắp bên trong. Lại thấy người trời đốt hương đi nhiều vòng quanh theo phía trái tháp. Khi ấy mọi người đều nhóm họp mà ngắm nhìn và đều ngợi khen chưa từng có, cũng có người chăm chú nhìn mà chẳng thấy, chẳng phải một, hai. Đến lúc hạ và lập bít xong, các tướng đều biến mất.

Sư ở nơi kinh ấp khai giảng luật nghi nổi tiếng trùm cả người xưa. Việc truyền bá tiếp nối huyền tông về sau bị khuyết. Sư lại có soạn “Đại Thuần Sao” năm quyển, dùng để chung cho Luật điển. Sau đó, vua lại ban sắc cho Sư trông coi đảm nhiệm việc chùa. Sư giúp đỡ hài hòa giữa tăng chúng, rất tỏ sáng dầu vết. Đến ngày mười chín tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng thiện, thọ bảy mươi chín tuổi.

Đầu đời Tùy (581) còn có các Sa-môn Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyên v.v... đều nhờ Luật học mà nổi tiếng. Ngài Đạo Hồng y cứ ở Tương Châu mà nổi đời Ngài Thông Vân, dung mạo Sư trầm lắng trang nghiêm, giảng nói rất có oai nghi, học chúng có đến bảy trăm vị, chóng trình hoàng lượng, cho nên các bậc tài giỏi về kinh luận sắp muốn dẫn dắt ở đời đều dừng ở nơi trường giảng của Sư để xem phong cách, tham cứu khuôn phép. Ngài Pháp Thắng trải qua nhiều công phu, mà ngôn hạnh không xứng hợp, thần chí cao vượt, nên mọi người đương thời cùng ngầm suy tôn. Chỉ vì thân lệnh Sư chưa rộng, nên thỉnh chúng giản lược. Còn ngài Hồng Uyên tập học tiếp thừa thống hóa của ngài Hồng Tuân, trùm khắp cùng Trung Sơn. Dàn trải giềng mối rất có tiếng tăm ở Châu U, Châu Ký. Vì niên đại chẳng xa nên không lường biết về sau các ngài như thế nào.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh

Thích Giác Lãng, chẳng rõ Sư họ họ gì, người ở xứ Hà Đông. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, thông hiểu Luật Tứ Phần và Kinh Đại Niết Bàn, khí cốt Sư trội vượt hơn người, hình tướng cảm động đến tâm chúng sinh. Sư đến khắp các hang cùng ngõ hẻm, ít nơi đâu chẳng đoái hoài nghĩ nhớ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Sư đón rước xá-lợi đến chùa Giác Thành ở Ráng Châu. Mới đầu, đến nơi, sắp mở bày cho các hàng tăng tục xem, bỗng nhiên tuôn vọt ra khỏi bình vàng chia thành bảy phần, ánh sáng soi suốt bên ngoài. Đào xuyên xuống nền móng hai trượng, có được nửa thặng thóc. Lại cảm có một con chim sẻ màu vàng bay gần sát nơi người mà không tỏ vẻ khiếp sợ, chỉ nhiễu quanh Phật đường, lâu sau mới biến mất. Lại nơi hòm đá đậy ở trên thấy có vị Bồ-tát ngồi trên tòa báu, trước mặt có một vị ni chấp tay cung kính. Hoặc thấy tiên bay cùng ba con chim sẻ màu vàng, và có cả lân phụng, song thọ v.v... các thứ hình tượng. Trước lúc sắp đặt Xá-lợi ba ngày thường phát ra ánh sáng, đến nỗi không còn nhận biết đêm ngày, ánh sáng sáng hơn cả đèn đuốc. Có người đóng kín cửa phòng, tắt hết đèn đuốc mà ánh sáng vẫn tỏa chiếu, hơn hẳn cả nơi tối tăm bị cản trở. Huyền tổ thông cảm rất đổi vui mừng. Sư bèn soạn biểu văn tấu trình đầy đủ, có nói rộng như ở Biệt truyện. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư trông coi làm tự chủ chùa Đại Thiên Định. Sư trầm yễm hào hoành, an nhiên hướng về phong hóa, dần dần được thâm đạo màu, mọi người rất kính trọng. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch tại chùa.

Bấy giờ, có sa-môn Hải Tạng là bậc thức tín bền chắc, kính ngưỡng luật ty. Sư thường giảng Luật Tứ Phần, ít có người truyền nối. Đến thời Tiên Đường, đặt ra mười vị Đại đức, Sư là một trong những vị đó! Lại có Luật sư Pháp Thương, vốn ở chùa Tĩnh Pháp, sau cùng vì nhàm chán mọi sự phiền toái ngang trái, Sư bèn đi về hướng Nam, đến gá ẩn tại chùa Thái Hóa. Sư ở nơi chỗ sâu vắng dưỡng chí, không đặt mình trong tăng chúng. Một mình riêng lẻ đi lại nơi núi rừng cao hiểm, an nghỉ giữa rừng thông, chỉ ăn dùng bánh bột vào mỗi ngày lúc giữa trưa, đặt tâm trong duy thức. Sư cũng là Bạc Khai Sĩ tao nhã. Sau khi thị tịch, nhục thân Sư để lộ bày cạnh núi, ban đêm có ánh đèn soi sáng, các hàng tăng tục đến xem thì không thấy đèn đuốc đâu cả, nhưng nhìn từ xa thì lại thấy, trải qua hai tháng mà ánh sáng càng soi tỏ gấp bội.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thi Châu

Thích Tuệ Chủ, họ Giả, người ở huyện Vĩnh Quy thuộc Thi Châu. Năm sáu tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp Sư Bân. Sau, Pháp sư Bân bảo Sư tụng đọc Kinh Di Giáo chỉ một đêm bèn độ. Vì kinh nghiệm thầy có lắm trái vượt, nên Sư bèn rời thầy, đến chỗ Luật sư Khương, đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Luật sư Khương ở trong phòng phía Đông chùa, giảng giải luật pháp thế tục, Sư thử nghe qua một biến mà trong tánh thức dường như đã từng

nghe, mới hỏi về Thập Quan (mười điều liên hệ nhau) mà không ai có khả năng giải thích. từ các hàng Thứ sử trở xuống, cùng các hàng tăng tục trong cả châu đều đến thưa hỏi, không ai chẳng quy hướng kính phục.

Tại Thi Châu có một bộ Tổ Tông Đạo chúng, tức là Luật chủ trong châu thợ giới Bồ-tát. Đã vậy còn bắt buộc tôn Phật làm thầy. Trời còn chẳng kính hướng gì bái lễ Thần đạo. Từ đó Phật Pháp mới được mở rộng. Ở huyện Hoàng An xây dựng bảy ngôi chùa, ở huyện Tử Đồng xây dựng mười ngôi chùa, ở huyện Võ Liên xây dựng ba ngôi chùa. Từ đó đến nay vẫn hưng thịnh.

Mới đầu, khi Sư đủ hai mươi tuổi, muốn thợ giới cụ túc nhưng ở vùng ấy không có người. Sư bèn vào kinh đô chọn mời các vị danh đức ở chùa Cam Lộ để thợ giới, chỉ nghe Luật Tứ Phần, các nghĩa khác liền thông. Sư mộng thấy suốt ba ngày ba đêm đất trời mờ tối, chúng sinh không có mắt mũi, qua khỏi thời gian ấy mắt mũi trở lại sáng sạch. Khi tỉnh giấc thì mồ hôi tuôn đổ. Sau đó trăm ngày thì nhà Bắc Chu phá hủy Kinh Đạo, mới biết điềm ứng hiện, Sư bèn trở về quê cũ ẩn cư tại Nam Sơn, chỉ ăn dùng lá thông. Các loài cầm thú khác nhau cùng nhóm họp không tiếng ồn náo. Hoặc có thần núi dâng các thứ hương Phục linh, Cam tùng. Được sự cúng dường ấy, Sư ngày đêm sáu thời hành đạo. Các loài cầm thú cũng tập thực hành theo lễ Phật tụng kinh, tựa như Thính chúng. Sư bèn vì các loài u hiển mà cho thợ giới Bồ-tát. Sau, có đàn khỉ vượn cùng nhau sửa đường. Sư bảo: “Tánh các người lãng xăng, làm việc ấy sao được?” Đáp rằng: “Thời vua đã khác, mặt trời Phật chiếu khắp!” Ngài rất lấy làm lạ về lời nói ấy. Sau đó, lại có các điềm lành khác, rồng bay thú loại nhóm họp, hơi khí thơm tho lan tỏa khắp núi, các loại như thế có rất nhiều. Sau đó, có tám người nhật mang cung gỗ, Sư rất lấy làm kinh hãi. Họ bèn an ủi Sư rằng: “Thánh Quân ra đời!” Bây giờ là niên hiệu “Khai Hoàng”. Sư liền xuống núi, tâu trình sự việc ấy, được dự phần xuất gia.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc cho Sư về trụ chùa Hương Lâm ở Bôn Châu. Ngài thường giảng Luật Tứ Phần là chính.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Lãng Dương Công đến Ích Châu, vốn là người ít có tín tâm, đem hơn trăm con Lạc Đà và các vật đến Thi Châu, bảo đặt vào trong chùa, giảng đường, điện Phật, Tăng phòng. Không người nào dám chống trái. Sư từ trang trại trở về, trông thấy các thứ ưế tạp ấy, liền vào trong phòng mang lấy Tích trượng, ba pháp y, bước ra mà than rằng: “Chết sống là hôm nay!” Sư đưa tích trượng hướng về đàn lừa, tất cả đồng một lúc té ngã như chết, hai tay Sư mỗi tay nắm lấy một con lạc đà

ném xuống hố. Quan dân khắp cả châu huyện đều kinh sợ, viết trạng văn tấu trình cùng Lãng Dương. Sư cười lớn không chút quái lạ. Lãng Dương gửi thư đến Sư rằng: “Đệ tử thường bị bệnh, không gặp hại quý, được Luật sư phá hủy đày san tham, được lợi rất lớn. Nay gửi mười cân trầm hương, mười tám lụa mỏng đến dâng tặng!”. Sau ngày về lại kinh đô, bèn theo Sư thọ giới Bồ-tát.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, trong chùa có Thiền sư Minh là người trong sạch cao trội khác chúng. Giữa ban ngày ngồi một mình mà thấy không có nửa thân, bèn kể cho chúng nghe rằng: “Tôi và Luật sư (Tuệ Chủ) xây dựng chùa này, hai người đồng tâm, bỗng mất nửa thân, e là Luật sư đi trước, nếu không thì Minh tôi chết ư?” Hôm sau vào giờ ăn, người thế tục đều kinh hãi bảo rằng: “Nhà chùa thiết hội gì thế? Thấy khắp đường ngã tư, khách tăng có mấy ngàn người cùng đi vào chùa, sao giờ không thấy đâu cả?” Sau đó, đến giờ Ngọ, Sư không bệnh gì mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô

Thích Trí Bảo, người ở xứ Hà Đông. Sư nhập đạo từ thuở nhỏ, có tâm thanh tịnh, tánh tình thẳng thắn chẳng theo vết lưu tục. Từ lúc tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư luôn giữ chánh nghiệp giới cấm, luôn sống tiết chế, vượt trội đồng bạn, rộng nghe dị giải, rèn luyện tâm thân. Văn từ ý chỉ phế lập xem cũng như trong lòng bàn tay. Do đó, Luật bộ được trù xa thật chính là nhờ Sư. Nên dung nhiếp được tự tha, nói làm cùng giữ. Còn như lưu lược phần tồ thì rất được tông ấy. Đàm đối Huyền Nho, chẳng sau thuật ấy, tài khéo bút ký bấy giờ làm sáng tỏ nghĩa lớn, duyên theo tình lưu sắc, nối tiếp Anh hoa.

Ban đầu, Sư trụ chùa Thắng Quang, sau đến trụ chùa Thiên Định. Nước nhà cúng cấp sung túc, thọ dụng rất thiếu. Do đó những bậc Danh tăng Đại đức ngày càng tỏ bày hình khí, nhờ chuẩn định thần giải, hãy dùng lời truyền, còn như ăn mặc mọi thứ tư cầu chưa thể bỏ đi. Tăng chúng có bốn trăm vị đồng thọ thực trong một trai đường, rau mới quả dưa phần nhiều chọn lựa thứ thơm ngọt, Sư cúi xuống ngửa tay y theo pháp mà thọ nhận đó, dù được đắng hay ngọt, đều ăn và để lại hột sợ thương tổn các tướng. Do biết Pháp nên ít nghi chưa xem xét kỹ. Sư biết lượng kính giữ đại khái đều như vậy.

Sau, Sư về lại chùa Thắng Quang, gấn trao dồi đạo Nghiệp càng cao. Vườn rau tưới rưới nước, sinh nhiều loài trùng nhỏ nhiệm. Người trị tuế nhìn lên cao chỉ luận xong việc. Sư nghĩ tưởng các loài ấy vốn vô tội, lại bị sát hại, bèn đích thân Sư cầm vật dụng đẩy lọc đưa đến nơi mới về. Nơi chùa có các

loại cỏ vật có thể dùng cho chúng tăng, Sư đều hái nhặt nhóm hợp rồi tự thân đưa xuống nhà bếp sử dụng. Ngài có những hành vi như thế rất nhiều, chẳng thể nêu hết.

Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh sắp tịch mà chánh khí trong sáng, bảo với người bạn đạo là Sa-môn Tuệ Mãn rằng: “Tôi sắp chết! Mà tinh thần không được siêu sinh là vì sao!” có người hỏi ý ấy. Sư đáp: “Xem âm tướng dường như vị thần giữ chùa”. Và chỉ đến điện Phật ở viện phía Tây, Sư bảo: “Tôi thường dùng pháp để lại đó, cuối cùng chẳng thể lia!” Nói xong Sư bèn thị tịch. Từ đó điện Vũ do Sư chỉ bày, ít người đến một mình. Lúc phải mở vào, không ai chẳng nổi óc khắp mình. Đến sau trăm ngày, có một bà lão trong tâm muốn mang rượu và thức ăn đến dâng chư tăng, vừa đi đến cổng chùa liền bị thần hại, thân ngã chết dưới đất các vật văng lia. Đó cũng là do sự nghiêm lệ gây nên, vì vậy tăng chúng đồng bạn của Sư rất kính sợ phong nghi ấy. Nếu có người tâm thô bị keo lặn, đều khiếp sợ mà sửa đổi chân chánh.

Từ lúc Sư nương vào đạo thì hơn hẳn các đồng bạn, mỗi ngày chỉ ăn một bữa để nuôi thân, tuy bị bệnh nặng mà chẳng biến đổi tiết tháo trước. Đêm chẳng ngủ nhà thế tục, thường ở chôn tăng phùng. Nếu đi xa thì nương gá vào chôn hoang vắng, ba pháp y thường đủ, bình bát tự mang theo bên mình, chẳng cầm nắm vật thế tục, chẳng xem âm nhạc. Năm Bình sáu pháp thề chẳng để vướng vào thân. Lý hợp với bậc Cao tăng, nghe liền tìm đến. Nên mỗi ngày hai lần giảng Pháp đều mang bình bát theo, trang nghiêm mà thành phong cách, chẳng lụy ràng nơi giáo điển. Sư ở trong chúng mà thọ trai, chẳng hề chứa để, nước thừa thức ăn cặn bã còn lại, Sư đều dùng bánh vét lấy mà ăn, chỉ một giọt cũng không để sót lại, sợ tổn Phước bố thí nên như vậy. Sư từng gặp bị bệnh nặng, mỗi lúc ăn còn thừa lại một vài thìa thức ăn, Sư cất trong nhiều ngày có thể được cả một thăng, đích thân xem xét hâm nóng lại và bảo tịnh nhân ăn. Nếu có người hỏi về nguyên do, Sư đáp: “Thức ăn của chúng tăng khó bỏ, không được vọng xem thường!”.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) chính mắt nghiệm xét cảnh hạnh của Sư lúc còn sống nên đặt bút ghi lại các việc hoằng hộ của Sư. Sư từng bị bệnh sốt rét, lạnh thì ngâm nước, nóng thì hơi lửa, khát nước thì vốc muối bít đầy miệng, bị bệnh lý thì bỏ ăn để hết bệnh. Những việc ấy rất nhiều.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Trí Sần trụ chùa Long Cư ở Ích Châu

Thích Trí Sần tự là Tuệ Thành, họ Tứ, vốn người ở xứ Từ Châu, con của Pháp sư Huyền. Thờ thiếu thời, Sư thông minh rất có chí tiết. Đến học ở đất Thục, Sư rất siêng học về giới Luật. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật

giáo, Sư nhân có việc vào Quan nội không thành đạt sự mong cầu, bèn ẩn tại Nam Lãnh. Chung Nam, Thái Bạch, là nơi Sư thường đến.

Đến lúc nhà Tùy đổi thay vận mạng, mở sáng Chánh Pháp, mời các vị Thạc đức dẫn đầu chúng tăng. Sư bèn đến ở Trường An tuyên dương Luật tạng. Quan Tổng Quản Ích Châu là Thục Vương Tú tâu trình thỉnh Sư trở về đất Thục, Vương Tú tự ra đón rước Sư đến trụ chùa Pháp Tự. Các hàng tăng tục đều quy hướng kính ngưỡng. Chùa thiết trai hội lớn, không vị nào chẳng đến dự, sắp đến lúc thọ trai, Sư nắm gân mà hỏi Pháp Sư Huyền rằng: “Xứ này có hộ tịnh chăng?” Pháp sư Huyền bảo: “Vừa về chưa xem xét được”. Sư nghe nói không có hộ tịnh bèn ném sợi gân đứng dậy bảo: “Thà ăn thức ăn của người hàng thịt, còn nước đồng sôi này làm sao mà ăn được?” Chư Tăng có đến mấy ngàn vị đồng một lúc tan rã. Ngài nghiêm kỵ đến như thế. Nên Sư ở trong chúng có khí độ tĩnh lặng, tánh không thọ thí, chẳng vọng liên can đến vật. Có Sa-môn Đạo Khôi là người hung hiểm, xa trông thấy Sư bèn trốn lánh. Có người hỏi rằng: “Trước giờ ông chẳng sợ một người nào, sao lại khiếp sợ Luật sư Đạo sần?” Đạo Khôi đáp: “Đó là Vua trong Phật Pháp, chẳng sợ sao được!” Người ấy lại bảo: “Dùng sức lực của ông thì có thể địch nổi cả trăm người như Luật sư Sần chứ?” Đạo Khôi đáp: “Dù cho địch nổi ngàn người, mà từ xa trông thấy Sư thì trăm mạch máu đã lặn, Tứ chi không cất nhắc nổi, làm sao địch lại được ư?” Về sau, vì người thỉnh cầu giới cấm mà hạnh cùng rầm rĩ nhiều loạn, Sư từ giã vào ở chùa Long Cư, nương gá nơi sâu xa hiểm trở, vết tích chẳng thông, nếu có người thỉnh mời thì Sư viện có bệnh mà chối từ. Ý Sư muốn lên kiếm các mở rộng thoáng trong Tỉnh Lạc. Vương Tú gửi thư đến thỉnh Sư trở về vì nước nhà mà hoằng hóa, Sư bèn lược đáp rằng: “Sai sứ đến đây dùng lời thành thật, mở xem xoay vần một lời mà ba lần trở lại. Văn trong nước lục, lý phá thu hào. Bàn Đạo giới hạnh có nhiều khuyết sót, không có phương cách giáo hóa, gá thân trong hang hoang, hơn bốn mươi năm, quen với chim cá, vì tiêu phu ngâm ca, tập hành Thiên-na, tư duy Bát-nhã. Lấy đó đến hết năm chia lấp đầy ngòi vực. Chẳng có tuổi già có may mắn, vận thuộc tốt lành sáng sủa. Cúi nghĩ Tướng Vương Điện hạ, đức trùm ba xưa, Đạo bày Trăm vua! Công thông tay mà trở về làng cũ, mặc áo gấm mà xoay lại ấp xưa. Trăm họ có hy vọng tái sinh, muôn vật khởi trông mong dừng nghỉ. Quân tử thượng lưu bung ngọc lụa cùng đến, Trượng phu khảng khái duỗi can qua mà phục Đạo. Xưa kia, Trương Khanh trở về đất Thục nhọc chiếm Thanh Văn, Đặng Ngãi trước nay chưa thể xếp Võ Công thuộc giòng họ bậc nhất ở Hoa Dương, Gia đình tiếng tăm ở Lạc Tĩnh. Bung mặt trời mà lên triều, ôm vàng đến hỏi Đạo. tất cả mọi người già trẻ ở Kiếm Nam đều đợi chờ sống lại. Há nương gió nhẹ, tự nhiên cỏ ngã theo. Nên khuyên các thủ lãnh nên vượt cảnh vực, tham dự đón

rước!” Vương Tú được Thư của Sư liền chỉ bày cho tất cả Quân chúng, trước tiên làm lễ nói rằng: “Người vật tranh nhau quy hướng là do năng lực của Luật sư!”

Đến ngày mồng một tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư an nhiên thị tịch, thọ tám mươi tuổi.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

Quyển 22 hết.

---o0o---

QUYỂN 23 A

CHƯƠNG IV - PHẦN 02 : MINH LUẬT

(chánh truyện có chín vị, phụ có bảy vị).

- 1/ Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Mãn Đức, Chân Ý, Thiện Trí, Kính Đạo).
- 3/ Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu, thời Tiền Đường
- 4/ Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 5/ Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 7/ Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Ky Sơn, thời Tiền Đường.
- 8/ Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, thời Tiền Đường (Đạo Trụ).
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Mân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô

Thích Trí Thủ, họ Hoàng Phủ. Sư vốn là con cháu của An Định Huyền Yên Tiên Sinh. Gia đình nhiều đời theo Khâu Viên, vốn ở ngoài vật, theo nghiệp làm Quan mà dời chỗ ở đến Chương Tân. Sư từ thuở nhỏ đã có tâm trong trắng, sớm nêu chí hùng kiệt. Mới độ tuổi búi tóc mà già từ thể tục, tiếng tăm vang cùng cả xóm làng.

Đầu tiên, Sư đến chỗ Sa-môn Trí Mân chùa Vân Môn ở Tương Châu xuất gia. Ngài Trí Mân cũng là Bạc Long Tượng ở thiên phủ, tâm học chí thành, là đệ tử thân túc của Sa-môn Tăng Điều. Vì Sư đang tuổi bé thơ tập học, nên ngài Trí Mân bày cho cấm khoa, chỉ dạy năm môn để bít ngăn ba nghiệp. Nhưng thần tuệ, được chỉ bày, hàng Hạ lưu chẳng mền mệ. Sư xem kinh Di Giáo, biết giới là gốc, làm thầy, các pháp lành từ Định tuệ đó mà sinh ra, nghĩa lý phù hợp nhau, dám trái lời bảo trước, do đó mỗi lúc gặp được những vị chuyên luật, Sư lắng ngẫm tiếng dò hỏi, tùy chỗ nghe hoàng Phạm, y như lời dạy mà tu hành. Từ đó năm chúng phân ra, không ai chẳng đến mà thưa hỏi, yết kiến.

Không bao lâu mẹ của Sư từ già thể tục, lại vào cửa Đạo, pháp danh là Pháp Thí, ở tại chùa Quan, sâu tu pháp Bát kính, tuân trọng năm thức nghi. Chí muốn tham dự, có chế môn thệ nguyện kính phụng mà vâng thừa phép tắc. Nhưng Ni chúng ở Đạo, nhiệm cày tình sâu, giới luật thì ném bỏ, đưa đến nhiều khinh hủy, mà Pháp Thí Cát ái theo Đạo, trải qua chánh chân nương gá tâm, oai phục Ni lưu, tiếng tăm vang đến đất Ngụy. Từ khi Huyền hóa lưu truyền về phương Đông, thì chưa có vết tích ấy. Vì có Sư dưới gôi cùng gần gũi, vốn Chung Hoa Vọng. Pháp Thí muốn sớm phục Đạo, thâm được nước bọt giới tông, bèn thưa với ngài Trí Mân trao cho giới cụ túc. Nhưng chưa được chấp thuận, Pháp Thí bèn bên trong tư duy Chánh Kiểm, bên ngoài thưa hỏi Sài Chương, cung kính nương tựa vâng theo tu tập, hài hòa luân ngũ. Ngài Trí Mân xét nghi quỹ ấy, im lặng mà nhận biết. Biết pháp thí phong cốt bên sâu mới cho phép thọ giới. Sư vì duyên thành đối với pháp, việc gá nơi Minh hiền, sợ tan rơi hạnh môn nên có trầm Đạo khí, bèn thưa hỏi khắp cùng các bậc Thanh đức thẳng nhân ở Trịnh Châu, Vệ Châu, chẳng luận là bao lâu cứ đều mời đến, trải qua thời gian ba năm Sư mới toại được nguyện vọng.

Đến năm hai mươi hai tuổi, Sư mới bẩm thọ đại giới. Tuy theo thầy truyền trao mà được hay không chẳng biết, Sư bèn đến trước tháp Cổ Phật thỉnh cầu hiển chứng, được Phật giáng hiện đưa tay xoa đỉnh đầu, thân tâm an thái mới biết cảm giới có thật. Từ đó, đêm ngày Sư thưa hỏi, trội vượt thường nêu. Tuy giảng dạy điều chưa từng nghe mà hạnh nghi Sư trước đã hoàn bị. Đến lúc Sư tìm Luật bộ có lắm điểm hợp với văn ấy. Sáng tỏ như biết trước càng thêm đào luyện Thần phủ. Nếu có sự nghĩa trái ngược vương mắc thì Sư đều

lọc khơi tương dung, thâm vượt khế hợp. Sau, Sư đến Pháp tịch của Luật sư Đạo Hồng nghe giảng luật. Đồng Bạn có bảy trăm vị đều là bậc lanh lợi đỉnh ngộ đông như rừng.

Còn như tìm văn so sánh nghĩa, thì lời nói Sư nổi bật. Và cả như những vị Huyền Tư, Lê dũng, thông suốt các tông, cứng rắn nghiêm minh thoáng vụt để lại đầu mối không ai chẳng chuộng ở Sư. Nên chưa đến tuổi ba mươi mà Sư đã từng khai mở Luật phủ. Các vị Đức lành hạnh giới đều quý trọng Sư. Pháp sư Linh Du, là người bày Đạo hùng bá, khuôn phép vượt thường, v.v... gần gũi cai quản đồ chúng cùng dự dưới Pháp diên. Bấy giờ cũng ngợi khen Sư, càng tăng thêm vinh quán.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đòi Tùy xây dựng chùa, xa thỉnh những bậc chuyên về Thiên tông, cùng muốn rộng bày Luật giải, lưu bố ánh sáng nơi đất Vua. Nếu chẳng nương Định mà thông giới thì thì hạnh học không chỗ kết quy. Sư bèn theo thầy vào Quan nội, trụ chùa Thiên Định. Tuệ giải đã thâm thông, tiếng sáng khắp ba phụ. Ban đầu Sư đến Thiên áp, xem đủ Thiên Chương, bèn càng rộng Quán xét mới hiểu rõ thâm đượm những điều nghe trước. Có người thức ngộ Huyền quy ấy lại khai mở trường giảng, đã xứng hợp với Bồn Nguyên, cho nên vượt lên. Thường ngày Sư ở trong chúng tăng giảng dạy, thời gian còn lại quét tước, tìm xem. Với các kinh trong ba Tạng suốt bốn năm khảo định. Nếu có Văn từ yếu chỉ liên quan với Luật học, Sư đều đối số, so sánh những điều thiếu mất ở trước. Từ khi Luật Bộ truyền bá mở mang đến Phương Đông đã sáu trăm năm, nhưng những người truyền độ quy giới phần nhiều đều mê làm thể tướng, năm bộ lẫn lộn không Phân, hai kiến rối rắm xen lẫn. Mọi người thọ giới trong nước đều đọc tụng văn luật của Ngài Pháp Chánh. Còn đối với bộ Hành Hộ thì tùy tướng phần nhiều ủy gượng, thầy trò nói nhau, yên để mặc tình lấy bỏ. Kinh trọng cắt đứt lẫn nhau. Sư bèn trình bày khái quát, thường khai mở cho người mới học. Thương lược xưa nay trình bày đầy đủ với người đời. Sư có soạn “Ngũ Bộ Khu phân sao” hai mươi một quyển, chỗ gọi là Ao cao sáng rõ, lưới trời bày xa, lại mở thoáng văn khác, gồm số Dị thuật. Các luật được dịch hơn bốn trăm quyển, nhân đó Sư lần lượt giảng giải. Nguyên nhân là loạn lạc, nay gồm cả những điểm đồng dị, định lại sự phé lập. Bồn Số do chính Ngài Văn Sư soạn, nay Sư giải thích cả hai càng nhiều gấp bội. Nên được các Bộ mới nương gá ở thời Tiền Đường, bảy chúng đều được mở mắt nhìn trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650). Đó đều do năng lực của Sư.

Nhưng ở Quan Trung chỉ ưa chuộng, kính tin Luật Tăng Kỳ, từ khi Luật Sư Hồng Tuân bắt đầu khai giảng Luật Tứ Phần và gồm dạy kinh thì các hàng tăng tục đua nhau nương theo, cho đến truyền văn luật nghi đều bị xem

thường như thế, Sư bèn lay động u cầu ấy, liền đối mở hai thiết, lắng văn phục nghĩa, phô bày thông xưa mà chưa mở mang, nghi nạn lớn lao đè nén sự chưa mở hiểu của các Luật sư, Sư đều nêu Tông dẫn hội, Đại quán tan rã. Đó là do Lý tư trầm lắng dung thông, nên có thể gồm rõ ràng quyết định. Khiến khách hành trì luật ngày một đến đầy sân nhà. Luật sư Hồng Tuân cũng đích thân đến dự nơi pháp tòa, dạy chúng bắt chước theo. Đạo của Tướng Thành chẳng quên, công của Hoàng Tán không mất, bèn được biết quy hướng về đất Tân, không ai chẳng Tông du pháp cảnh.

Bắt đầu từ những năm cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy (605) và đến cuối cùng là trước lúc thị tịch, hơn ba mươi năm Sư riêng bước nơi chốn kinh đô, không ai dám chống lại, giảng nói khắp cùng, thành những bậc tài giỏi chẳng phải một vài vị, do đó mà dấu vết tiếng tăm nổi tiếng ở thời Tiền Đường, đều do sự tưới tắm dẫn dắt của Sư, thật là do công lao giúp đỡ. Lại mỗi lúc lên Pháp tọa dùng khuôn phép dạy răn đồ chúng, nếu có vị lạm trái thì Sư ngừng giảng. Hoặc có người bị rơi lạc sở học thì Sư đều gọi đến mà dạy răn dẫn dụ, khiến người nghe rơi lệ, không ai chẳng tự sửa đổi.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) lại tìm mời Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định; nay là chùa Đại Tổng Trì. Mọi sự cúng dường càng thêm nồng hậu, càng thêm di tước, Sư bèn nhìn lại Đạo hòa mục khắp cùng đất vua, phong hóa dời tràn cả quan biểu, đất xưa cũ điều tàn lưu thân chẳng nương. Sư bèn nhặt nhanh tất cả mọi vật có hơn trăm thứ, đến nơi thành cũ chùa Vân Môn ở Tương Châu (nay gọi là chùa Quang Nghiêm) ở hai chỗ xuất gia và thọ giới mà xây dựng hai ngôi tháp, dùng châu báu tô điểm, lấy xanh đỏ mà trang sức, làm nghi biểu cho nhiều đời, cũng là chỗ giúp cứu của người hành học. Mỗi Bia minh đều dựng lập ở phía bên phải tháp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có vị Tam Tạng Pháp sư người xứ Thiên-trúc mang phạm bản đến phỏng dịch thành tiếng Trung quốc đời Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc chiếu Sở ty tìm chọn đề cử những bậc tài giỏi, thêm bàn đề cập đến, đến ở đó phiên dịch truyền bá. Nếu có văn nghĩa liên quan đến Luật tông, đều dò hỏi Sư để lấy điểm chánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, trên vì bậc Thánh Thiện sớm mất, xa cảm khó tỏ bày, tuy hoàng hóa khắp thiên hạ mà tình vãng cực chưa bày. Kính vâng vì Thái Mục Hoàng Hậu đến phía Tây cung thành xây dựng chùa Hoàng Phước, rộng thỉnh mời các vị tài đức đều nhóm họp trong đó. Sợ họa may lúc về vang vọng lên chỗ ngôi vị. Vì Sư Đạo vốn nghiêm chánh, chẳng lạm đón mời. Trăm Quan đều tâu trình thỉnh Sư làm Thượng tọa chùa Hoàng Phước, cai quản giềng mối, nhặt nhanh cất nhắc tăng chúng. Như có người dự được đón nước, không ai

chẳng dò hỏi mà trở về nhà. Nên khiến tăng chúng nhóm họp v.v... đều cảm giác như Lan, không trang nghiêm thành khuôn phép, lưu tỏa hương thơm chẳng dứt. Từ lúc bắt đầu khai giảng, Sư thệ nguyện thâu cùng trăm biển. Nếu thành đạt tâm nguyện thì tôi chết cũng được! Bắt đầu từ Chương biểu, cuối cùng đến Vị Tân, Sư tùy duyên đào luyện dắt dẫn, vừa họp thâu với bốn nguyện, vui mừng với chỗ nhớ nghĩ. Không bao lâu thì Sư qua đời. Rõ ràng nhận biết các vật bàn luận, có thể gọi là biết mạng.

Đến ngày hai mươi hai tháng tư năm Trinh Quán thứ chín (635) thời tiền Đường, bệnh trước lại thêm nặng, Sư bèn thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi chín tuổi. Vua Thái Tông buồn thương viếng điếu. Ban sắc bảo trăm ty cung cấp, mọi việc cần thiết trong tang lễ đều chu cấp hoàn bị. Từ đời Tùy đến thời Tiền Đường, chư tăng thị tịch đều không có quốc táng, khai mở ra khuôn phép. Bấy giờ, cùng nhau kính trọng. Bộc Xạ Phòng huyện Linh, chiêm sự Đỗ Chánh Luân và các công khanh đều gần gũi rất mực, tôn kính giới Phạm. Đến ngày hai mươi chín, trang biện mới đầy đủ, lúc ấy đang mùa hạ nắng nóng mà nhục thân Sư chẳng thối rã. Mọi người cùng khen ngợi đó. Đó cũng là do Đức giữ giới. Học chúng của Sư ở các chùa đua nhau phước ngập rợp các nẻo đường. Quan cấp mười mẫu đất ở gò Long Thủ thuộc ngoại ô phía Tây kinh thành, ba trăm huyện phu làm đất phân mộ, trồng ngàn gốc thông, đến nay rất tươi tốt. Các học chúng mến nghĩa cùng nhau dựng bia ở cửa chùa Hoằng Phước, do Hứa Kính Tông soạn Văn.

Mới đầu, Luật sư Hoằng hóa, trước sau rất có tiếng tăm, rộng được khen ngợi, xưa nay ít ai được như vậy. Từ khi các bậc giảng sĩ đua nhau nghiên tâm truyện xưa. Đáp xét các Tông thường trái với Danh thật, chẳng tích chứa nhân qua đời, nên được tình trời ban rải, vài trăm năm trở lại đây thâm thập các tông mới định, Sư siêng năng nghe nói, chú trọng ở hành sự, tùy việc tạo nghi đều thi hành châm cứu. Mỗi khi đến ngày rằm, ngày ba mươi bố-tát thuyết giới, thì trước phải đầy đủ mọi pháp vật, hương hoa trang nghiêm sáng tỏ trong Phật đường. Thính chúng tham dự thấy đều chấp tay quỳ ngời, cả chúng cùng cung kính. Cuối cùng với việc trước Thuyết dục tỏ bày thanh tịnh, ngài riêng dạy răn kỳ vọng. Mỗi lúc giảng giải xuất tội mắc kẹt ở chỗ trầm lụy, nên các bậc Hiền Sĩ trì luật, phần nhiều đều đến tham dự. Từ khi Sư thị tịch về sau, việc ấy dứt bật.

Tôi (Đạo Tuyên) từng được dự ở cuối tòa trải qua mười năm thấy rõ sự khai hóa hưng thịnh của Sư, bắt giác cho là lúc sống thì chưa muốn gặp, bèn nổi giận ra ngoài Quan biểu gần gũi đủ các Di Đà, tận mắt thấy ít có, sắp trở về Kinh Phụ, bỗng tiếp thừa ở đời thì hành tướng tự sụp đổ, lại mong ngóng đương thời thì vượt xa như trời vực. Than ôi! Rất đáng buồn thương.

02- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô

Thích Tuệ Tấn, họ Ngô, người ở xứ Giang Đô thuộc Dương Châu. Lúc mẹ Sư mang thai liền dứt bỏ mọi tham dục, với các thứ tanh nồng mùi vị thế tục, tự nhiên chẳng còn đoái hoài. Các hàng thức giả cho là bởi thai nhi khiến như thế, nên thân mẹ đồng như thân con.

Năm bảy tuổi, Sư sinh tâm kính mến chư tăng, đi đường thấy bóng dáng Sa môn thì sau đó quên cả trở về. Cha mẹ Sư vui mừng sự kính tin ấy bèn cho Sư nương tựa Pháp sư Vinh mà xuất gia. Sư tỏ vẻ hiếu hạnh, kính cẩn tự nhiên, không do thầy chỉ dạy. Tùy theo phụng kính như lúc đầu không trái vượt. Sư thường theo Pháp sư Vinh đi đến các chùa, Sư chẳng dám lia xa, bèn ở cạnh giường nằm của Pháp sư ngồi phủ phục dưới đất, cứ như thế chẳng phải chỉ một lần. Sư nghe Pháp sư Vinh giảng Nhiếp Luận, đại ngộ thời luân, liền giảng nói, được nhiều người khen ngợi, Sư bèn nói trong sáng thanh nhã, khéo hợp vật tình.

Vào khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, Sư theo Pháp sư Vinh được mời đến trụ chùa Thiên Định. Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên tinh về luật nghi. Nghe Luật sư Hồng Tuân giảng hai mươi biến. Lại nghe Luật sư Trí Thủ vài lần cùng đề cập. Ngài khiêm cung thành tri, lập luận chẳng nói. Giảng giải Nhiếp Luận mới phô bày Luật tướng. Bấy giờ mọi người cho rằng Sư nương tựa Đại thừa mà mở mang hành phạm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, nơi biên giới có nhiều lo lắng, chúng tăng cả chùa Thiên Định cùng nhã ý suy tôn Sư khéo léo chống ngự kẻ địch. Bèn nhóm họp người vật ở các nơi đến đầy khắp trang trại Côn Trì, phần nhiều thiết bày lâu chiến để chống giặc. Riêng mình Sư ra hiệu lệnh, chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ bọn giặc ty trúc cổ xúy đi khắp ngoại ô hoang vắng, đến nơi nào đều giết hết, không ai dám chống cự. Binh lính đến nơi Trang thứ, trong ý muốn còn giết sạch. Sư lên lầu xem xét, chỉ thấy trương cờ khắp mười dặm, bèn gom bó cung dao, lại trói buộc tội tở, bày biện các thức ăn,, mở rộng kho lương, tự chân Sư trước vào trong Quân trận, nhọc hỏi Quân chủ, dẫn đến trong trang trại và mời ngồi. Đã trông thấy dọn bày mọi thứ, bèn mỉm cười mỗi vị đều cầm lấy tay Sư, chúc tụng “Đạo nhân khỏe mạnh”. Và ăn no nê rồi trở về, chỉ bắt lấy mười con bò, để đãi nhọc quân sĩ. Dẫn đi giữa đường, Sư từ sau đi theo xin lại, đem hàm trước nhìn lại và đều dùng hoàn trả đó. Do đó, mới đầu của Nghĩa Ninh, thông trang đều tan vỡ, chỉ có chùa Thiên Định vẫn như cũ không tổn hại gì. Liền sâu rõ cơ yếu, khéo thấu đạt mở ngăn, chỉ tại 1 người mà thôi. Lại vì Sư riêng có tánh khéo léo, không bỏ thí không được. Hoặc trang nghiêm tô điểm, hoặc xanh

đỏ lẫn lộn, hoặc cắt may mặc vào vui chơi, hoặc ruồng đuổi người vật. Chúng tăng có cả bốn trăm vị đều cùng suy tôn sư là bậc Hiền. Còn như ngày tụng thuyết giới kinh, tiếng trong lưu loát. Từ trước đến nay những người lười biếng nghe Sư thuyết giới đều cùng đến dự ngồi nghe, chống tai ngồi thẳng kính sợ im lặng.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đảm nhiệm chức Thượng tọa ở chùa Vân Hoa, thường giảng dạy Nhiếp Luận, khai giảng Luật bộ. Sau, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc cho Sư đến trụ chùa Phổ Quang, quản lý tăng chúng, lớn nhỏ đều thanh tịnh hòa mục. Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn năm mươi tuổi.

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Mãn Đức, Thiện Trí, Chân Ý, Kính Đạo đều đồng học với Sư, kính mến nghĩa theo bạn. Ngài Mãn Đức tuệ ngộ thiên khai, bàn nói mở mang. Ngài Thiện Trí rộng hiểu sâu mầu, tánh ưa thích hộ pháp. Ngài Chân Ý dặt dắn, giảng nói rất có công phu hành hóa nhiều trở ngại. Ngài Kính Đạo ôm giữ trong trắng tự dưỡng, tánh chuyên kính sử, phần nhiều theo vật. Chỉ một mình ngài Chân Ý hiện còn giảng dạy tại kinh đô.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu

Thích Pháp Lệ, họ Lý, người ở xứ Triệu Châu, vì làm Quan nên dời nhà đến ở Tương Châu. Từ lúc vừa mới sinh mà răng nướu Sư đầy đủ, mãi đến lúc tuổi già vẫn không bị hư gãy, bền cứng trắng sạch khác thường.

Đến tuổi đi học, Sư bền mừng vui với Đại Pháp. Mới đầu, Sư đến quy hướng Pháp sư Linh Dự và liền được độ cho làm đệ tử. Phong thái Sư trong trắng khoan thai, oai dung cao nhã, nói bàn rộng lớn, rất ưa chuộng huyền áo. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư cẩn trọng giới khoa, Sư nương theo Luật sư Tĩnh Hồng thừa hỏi Luật Tứ Phần. Chỉ huy hình lược qua hơn một năm, chân bày công tích huy nhu, vẻ vang nổi bật ở đương thời. Công nghiệp đã hiển bày càng bắt chước vết khác, Sư lại theo Uyên Công ở Hằng Châu nghe học Đại Nghĩa, vừa mới tròn hai năm mà sơ lược cành lá, xét cùng gốc rễ. Ngay đó Sư liền rộng dẫn những điều đã nghe, mở giảng Luật yếu. Văn từ đơn giản nhưng đến chỗ kích nạn càng vững chắc nên được gàn gũi, không bao lâu mà riêng bật rất xứng hợp xưa nay. Sau, Sư lại đến Giang Nam xem đọc Luật Thập tụng, đều do thầy trao truyền, đánh xét chưa giúp. Sư lại trở về Nghiệp Trung, gặp duyên khai giảng dẫn dắt. Vào đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, Đạo tiêu núi đổ, bụi trần vấy nhiều. Người học bít lập, không nhờ đâu để thừa hỏi. Đến thời đại Tiền Đường dựng lập cơ nghiệp, Phật pháp lại được mở mang. Gặp được Lâm Chương

lệnh Bùi Sư Viễn sớm tiếp thừa thanh huấn, dự bày Pháp diên, thỉnh Sư đến huyện mở mang nối nhau, trải qua nhiều năm khai ngộ rất nhiều. Khắp bốn phương những người kính mến Đạo nêu cao mạng giá, khế giải thẳng đường, hạnh thuần nhập thất. Sư vì hàng mới học cùng hàng đã tụ tập từ lâu nương gá thừa hỏi chẳng kết quy, nếu không lưu suốt Văn Ký thì không đường thông tâm. Sư lại khai thác vốn nghiệp càng gượng gượng dị văn, bên cạnh thừa hỏi kinh luận, lấy đó làm bản sở. Bảy giờ, có Pháp sư Tuệ Hưu là bậc có tiếng Đạo trùm xa, được người đời kính trọng, tán đánh Thần lý, văn nghĩa tiếp nhau, nên được hợp thể cùng chiếu, luật quán cao xa. Ấy là ngài Tuệ Hưu rất có công phu.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phổ Quang ở Cố Nghiệp, thọ sáu mươi bảy tuổi. Trước sau, Sư giảng luật hơn bốn mươi biến, soạn Tứ Phần Luật Sớ mười quyển. Yết-ma Sớ ba quyển, Xả Sám Nghi Kinh Trọng Tự, v.v... các quyển bộ này đều được quý trọng ở đương thời.

Bảy giờ, ở Vệ Châu có Sa-môn Đạo Thước cũng là bậc y cứ của Luật học, nghiệp giá xuất phát từ nơi ngài (Pháp Lệ), rất được người đương thời kính trọng.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở kinh đô

Thích Huyền Uyển, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm, thuộc Hoảng Nông. Nhân tổ tiên xa xưa của Sư dời đôi nên nay ở tại Tân Phong, thuộc Ung Châu. Vừa mới độ tuổi học trò, Sư đã tỏ ngộ Đạo, tiết tháo xung minh. Chí dăng tuổi học, Sư rảo bước vào vườn Đạo, kính thờ Samôn Pháp Sư Đàm Diên làm thầy. Ngài Đàm Diên chán lãnh cao rộng, Pháp Chủ Di giáo, rất được vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng, xây chùa thỉnh mời Sư đến, thấy rõ trong biệt truyện. Mà Sư ở giai vị nhập thất, cung kính nhớ nghĩ.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn theo Luật sư Hồng Tuân, học Luật Tứ Phần, mũ, mào ngăn tánh, rèn đúc trì Phạm trải qua ba năm, Sư liền giảng dạy, khiến ở sau tiến tới ưa thích, suy tôn tốt đẹp khen ngợi. Sư bèn trở gót về lại với Bản sư. Niết-bàn chân thể, nhật nhanh mới lạ, khéo viết chép chỗ sâu mâu. Sư lại muốn kính trọng, đeo mang Duy thức, bao gồm Lý tánh, bèn đến chỗ Thiền sư Đàm Thiên bâm học Nhiếp Luận và tìm xem các căn cơ lạnh lợi, thấu cùng tâm kế. Với các kinh luận như Pháp Hoa, Đại Tập, Lăng Già, Thắng-man, Địa Luận, Trung Luận, Bách Luận, v.v... đều giúp kế thừa. Sư nghiên xét điều mới nghe, xoay lại càng khảo cứu. Thói gian tìm hợp, cắt nhắc huyền lý, nhưng nhìn lại phước trí, dẫn nhau có như luân trì. Tuệ

nghiệp lược bày vạch đến cùng, nêu dựng khai mở ở đầu, trọn chỉ có Pháp sư Đàm Diên hiện còn!

Sư muốn tu tạo tôn tượng Đức Phật Thích-ca cao trọng sáu, kinh lược chưa tròn, lại bị trở ngại bởi vật, Sư phát chí thệ nguyện khắc tạo được như khuôn trước. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, nhóm họp người có duyên, tiện lo việc khuôn lò. Chùa ở nơi Kinh Cao xung yếu, mong mỗi quy tâm, nên khiến cho rất cảm thâm thông, dắt dẫn đều toại nguyện. Đang lúc ấy giữa hư không sắc màu trong sáng, mặt nhật soi chiếu, trên trời hoa tuôn rải như mưa, tướng trạng như mây che khắp giữa hư không vùn vụt rưới xuống, cuối cùng đều rơi ở trước tượng. Các hàng liêu thứ mừng vui điều ít gặp ấy, Pháp thuộc vui mừng với điềm vinh hạnh đó. Đến sau khi mở khuôn, nhả tướng càng viên mãn, tức là rường cột của Quan phụ. Tượng vàng lớn vẫn chưa có tượng nào hơn, nay hiện còn tại Bản tự. Mỗi lúc giữa đêm tĩnh lặng hay sáng sớm trong lành, vang vọng âm hưởng của Bát âm mà chẳng lường biết từ đâu vọng đến. Sư lại tu tập bốn Tạng kinh rất mực trang nghiêm, các nơi có tiếp nối ghi chép đều giúp Bản cứ. Đến sáng sớm ngày mồng tám tháng hai ngày tằm gọi Đại Thánh tượng, truy tìm viết tích cũ, tôn kính mọi vật dụng, tằm gọi. Mỗi năm đến sáng sớm ngày ấy, kiến lập giảng hội, bày biện Đại trai, thỉnh mời khắp cả bốn chúng, cúng dường hai thứ ruộng Bi và Kính, bày biện bảy vật khắp cùng chư tăng. Sư lại thường búi ngùi cho thời tượng pháp, mặt pháp có thiếu sót quy cấm, còn việc trao truyền thọ, già nạn thêm rõ sáng mới tô điểm Đạo tràng. Sư tìm các Sám Pháp, mỗi năm đầu xuân ở nơi thọ giới, y cứ nơi hai mươi lăm pho tượng Phật và đọc tụng ngàn biến thần chú, khiết trai hành Đạo, khiến những người hủy phạm cấm giới kia lắng nguồn trở lại thanh tịnh, đăng đàn nhận nạp pháp minh bạch không nghi, đồng thời truyền nói pháp đến nay, gìn giữ không để dứt. Theo đó mà cầu có thể gọi là Bồ-tát Hộ pháp. Nhưng Sư tôn trọng Pháp hạnh, sớm tối nối nhau, như gặp những bậc Thượng Đức dị nhân thì vái chào, đối đáp vui mừng, thăm hỏi vâng theo lời dạy. Tuy nghe là đồng học khi xưa trước nhưng Sư vẫn cung kính như mới. Từ đó về sau càng khiêm nhường, ít có dấu vết.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì Sư có giới hạnh vốn thành khuôn phép, nên khắp triều đình đến nơi thôn dã thầy cùng chiêm ngưỡng. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử và các Vương Công, v.v... Nên từ Trữ cung trở xuống đều kính trọng giữ lễ thầy trò. Vua có lệnh bảo xây dựng chùa Phổ Quang, thỉnh Sư đến ở đó, cúng dường mọi sự phong hoa, rộng đơm thọ hưởng. Vua lại riêng sắc ban thỉnh Sư vào Nội cung truyền giới cho Hoàng hậu, lục cung và các thứ phi, công chúa v.v... hỏi thăm Đức cấm, trao nạp pháp tài,

ngày càng đông nhiều. Nhưng Sư khâm nhĩ tự giữ, chẳng đoái hoài có thừa. Mọi vật cúng thí Sư đều tu tạo công đức. Sau đó, vua lại ban sắc riêng thỉnh Sư vào trụ chùa Đức Nghiệp nơi Nội uyển, vì Hoàng hậu mà viết chép kinh tạng hiện tại. Đang lúc bấy giờ liền ban lệnh trụ chùa Diên Hưng cũng tu tạo Tạng kinh và đều giao phó Sư trông coi giữ gìn. Sư được hai cung nương tựa, nên đầu thành thật. Kỳ phụng chẳng khó, nghĩa phải rộng chọn. Từ cuối thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến đời Tùy lại phục hưng, truyền độ pháp bỗng chỉ còn pho quyển. Còn như tìm xét Văn lý thì thấy có nhiều sai trái. Sư bèn nhóm kết các vị Sa-môn Nghĩa học đáp xét khuôn phép chánh, trong đó nếu có văn từ nghĩa chỉ chẳng thông đều thừa hỏi mà lấy sự quyết trạch, nên có được tạng Pháp bảo không xen lạm bởi si ngụy, mê ngộ có phân định gốc ngọn. Giềng mối rõ ràng bắt đầu từ Sư. Xưa kia, Vua A-dục lại nhóm họp ở thời nhà Chu, nay thì Sư định tông ở thời Tiền Đường. Kia đây thật khác, quyết đạt cùng ngang bằng nhau. Nhưng khéo răn dạy ở đời thì tam tạng gồm đủ.

Riêng vì Sư khổ tiết tự tu đức, do Luật nghi mà nổi tiếng. Nói vì làm khuôn phép cho đời mà kẻ tăng người tục đều quy hướng. Tăng ni ở các nước từ Trung Hoa đến vùng man rợ theo Sư cầu thọ giới Cụ túc có hơn ba ngàn người. Các hàng Vương Công liêu tả cho đến thứ dân theo Sư cầu thọ quy giới có hơn hai mươi vạn người. Anh em Tả Bộ Xạ Tiêu Võ là người nhân luân phải noi, đã lâu nhầm chán cuộc đời phiền não, thường đến chỗ Sư cầu hỏi về Diệu Chỉ của Pháp Hoa hội ba, Giáo nghĩa trong lời dạy của Long Thọ, trầm ngâm đối cảnh, kính vâng mà mang về. Hữu Bộ Xạ Đồ Như Hối lúc sắp qua đời ủy thác Di Mạng vì làm nghĩa thầy trò nhiều kiếp. Đại tướng Quân Tiết vạn Triệt Tỳ Quý cùng giòng họ của người mẹ đều kính trọng giới luật, ăn dùng rau quả thanh tố trọn đời.

Có Pháp Sư Đạo Nhạc ở chùa Phổ Quang, là bậc thấu suốt u quan, biện giải mở toang tuệ phủ, kính thờ giới hương, hành đạo Bồ-tát Đạo, mà cấp dẫn quên cả mỗi mệt, hoảng hóa suốt ngày. Nhân đó mọi người thay đổi, cố gắng tu tập, tính ra số lượng chẳng phải thường hằng cho nên các hàng sĩ thứ ở Kinh Phủ nối gót theo đến như mây ùn, mọi sự lễ cúng nối nhau ngày một đầy chật kho lẫm. Bấy giờ, có thầy đồng cốt bảo rằng: “Mỗi lần Sư đến truyền giới, giảng pháp có các loại quỷ thần khác nhau ở các phương tìm đến như tiếp nhận, lãnh thọ. Tự chẳng đến thì công phu âm thầm trùm khắp, ai có thể đạt được như vậy ư!” Sư đem giới pháp khuyên răn đó rất mực thành thật, vật và ta đồng kính chuộng, nghĩa đồng như gió lướt, sự hợp tợ cỏ rạp. Bèn gửi thư nói với Hoàng Thái tử rằng: “Nguyên chánh báo đầu tiên cảnh phước đổi mới, cúi xin Điện hạ nên phải thời cấp giúp khắp cùng, không ở đâu không cấp giúp. Chỉ vì Huyền uyển tôi sớm đắm chìm, chẳng được kính

phụng vui vẻ, được ban giảng đọi hỏi, không nhận chịu trông mong, cảm đoái hoài ân lớn, không biết phải làm sao. Nay lược nêu việc trọng yếu trong kinh, tức có thể rõ bốn điều của hành giả, lưu ý tìm xét trọn tiếp nối vận may. Một là khuyên hành Từ; tức dẫn Văn trong phẩm Phạm hạnh của Kinh Niết-bàn, khiến khởi tâm hàm dưỡng, lại còn có cả sự cứu giúp. Hai là giảm giết hại, tức dẫn sách lễ của Nho gia là vô cố chớ nên giết hại trâu dê, phải quý trọng mạng sống của nó, bỏ sự xâm phạm quá mức. Lại nói là Vương giả tu sửa cách giáo hóa chẳng đổi thay phong tục, chỉnh trang chính sách đó chẳng đổi thay điều thích hợp. Thấy nó sống không nỡ thấy nó chết, nghe tiếng kêu bi thương của nó không nỡ giết hại ăn thịt nó. Đó tức là Thượng Đế buồn thương sự mất của tổn hại, dựng lập đình chỉ sự giết hại dần dần. Nên trong Kinh Phật có thí dụ tự tha thứ mình để dạy răn về mọi sự đánh giết. Huyền Uyên tôi nghe Đông Cung thường ngày lo việc nấu ăn. Xét như chỗ tiếp thừa ấy rất có tổn hại. Điện hạ vì liệu tính chỉ 1 thân mình mà khắp nghĩ các quan liêu, đến nỗi có nguyên do để giết hại sinh mạng loài vật, không gì chẳng đều là suy trọng Điện hạ. Do đó kéo dài nhớ nghĩ sợ sệt. Tôn kính lòng từ hỷ tha thứ, từ nay trở đi xin bớt sát sinh. Đông cung trong ngoài đề giảm thức ăn bằng thịt, thì trải dài vận mạng, đức Nhân dưỡng dục ấy càng lớn! Ba là Thuận khí, như trong Kinh Bất Sát nói rằng: “Đức Nhân chủ chính tại gan, gan thuộc về Mộc (cây cỏ). Đang đầu mùa xuân, muôn vật đều mọc lên, nên tích dưỡng các phẩm loại dùng để đáp lại minh tạo. Nếu có giết hại tức là chẳng thuận khí. Điện hạ đang ở giai đoạn Thiếu Dương, Phước ở Xuân nguyệt, nên hành từ để hòa với chánh khí, ban tuệ để bảo dưỡng thiên linh, xin nên hằng năm đến cuối xuân dứt bỏ việc giết hại ăn thịt, xót thương các loài hàm sinh để thuận với dương hòa này! Bốn là vâng giữ trai giới. Như mỗi năm ba tháng sáu ngày trai giữ thanh tịnh sáu căn, là chứa nhóm năm phước, cúi mong vâng giữ thọ trì trai giới. Vì sao nay đang hưởng ngôi vị quý trọng này đều nhờ nhân xưa, lại có thể tiến thêm Đức, tôn sùng điều lành để thành tựu tốt lành ấy, cho nên thiện tri thức là nhân duyên lớn. Huyền Uyên tôi đạo đức sơ sài, cúi xin được đoái hoài, kính cẩn dẫn ra những điều thấy nghe, dám mong nghe xét!”

Thư đưa đến, Hoàng Thái Tử liền đáp rằng: “Nhọc mệt thầy chỉ bày bốn khoa Pháp mâu, lần lượt đọc xem đến cùng, dùng làm bài minh sâu mâu đeo mang. Pháp sư sớm trải khắp trần lụy, thần thức vượt ngoài vật, mở mang lời nhiệm mâu của Thửu lãnh, tham cứu Bí tạng của Long cung, khai mở Linh phủ, ngưng chiếu huyền môn, hảnh dùng cao bước đầy trời, gần bậc Sơ Địa, cho nên có thể lưu tình rộng thí, mở mang dắt dẫn hàng Sơ tâm. Lý thật nghĩa cùng, văn từ hoa nhã cao xa, bao gồm xưa nay, trùm khắp trong ngoài. Dạy răn dẫn dụ chí cực, phương cách xét bàn. Dù cho Thánh đạt lập ngôn

thầy truyền mở đạo thì cũng chưa đủ để hời hợt bên bờ cốt yếu. Phỏng bàn cao luận chỉ là hành từ, giảm bớt giết hại, thuận khí và kính giữ trai giới. Đó mới là tâm của người Nhân, để thành hạnh Đại từ. Kính cần nên ngậm ở các tâm phủ, kính vâng để chu toàn. Mãi nhờ thắng nhân, để thăm giúp ấy!”. còn các phần văn khác ở đây không ghi. Sư có được những việc làm, lời nói đại khái như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc chiếu khắp nơi chấm dứt việc giết hại bắt đầu từ tháng ba đến hết tháng năm. Sư dùng Đức Nhân dưỡng dục gồm cứu giúp, bèn dâng tấu khải văn lại thỉnh. Vua lại ban đặc ân chấp thuận đến hết tuổi già. Đến cuối mùa đông niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, vì bị bệnh, Sư dự biết về đời sau, nên lại dâng Khải Văn cùng Đông cung, thường đem Đại Pháp mà đề đạt đến. Sư lại dâng tấu Di phong Văn Biểu với Vua rằng: “Huyền Uyên tôi nghe chân dung ẩn vết. Tượng giáo gặp phải tàn khốc, không ai chẳng cậy tăng tục để giữ gìn, thiết bày nội ngoại mà bảo hộ, bèn được mây pháp lại đượm nhuận, mặt trời trí tuệ thêm sáng. Soi chiếu hợp muôn thừa, tiếp nối mạnh mẽ suốt ngàn năm. Trộm tìm lý nghĩa trụ trì có nhiều cửa, phương thức mở mang giáo pháp, chẳng phải một. Nếu chẳng y theo sự lấy bỏ của Phật, thì vẫn sợ thưởng phạt sẽ trái Tông. Như khi chuẩn định giáo điển xem xét thì đơn giản mà đúng lý. Cúi vì các hàng tăng ni chẳng y cứ vào giới luật đến nỗi phạm phải hình luật điều chương, vang tới tận triều đình quyết định mây trần nhọc nghe xét. Huyền Uyên tôi v.v... Tăng đồ không phải việc gì cũng khiếp sợ. Chỉ lo tháng ngày còn lại, mờ tối già nua, bệnh khổ nối nhau, mạng suy kém chẳng còn, ân đức lớn lao chưa đáp trả, bèn y cứ trong kinh mà soạn bộ “Phật Giáo Hậu Đại Quốc Vương Thương Phạt Tam Bảo Thập”, “An dưỡng thương sinh luận” và “Tam Đức Luận”, mỗi thứ một quyển, cúi xin Thánh cung cùng bày xem xét. Bệ hạ rộng mở đường thượng thư, mong nhận nạp lời thô thiển. Kính cần hiến dâng kinh Bí yếu, xin xem kỹ lời dạy từ miệng vàng. Chỉ vì Huyền Uyên tôi đang truyền Pháp, ngõ hầu không lỗi lầm cùng vâng giáo, nâng đỡ kẻ yếu đuối, để báo đáp việc chung hậu, không dẫn nỗi sự luyện mến kính ngưỡng, nên kính cần dâng kinh để tấu trình”. Sư lại răn dạy môn nhân đối với Đạo kiểm, lời lẽ rất mực rõ ràng thống thiết, người đọc phải rơi lệ. Sư lại bảo rằng: “Ám chất còn lại thí cho các chúng sinh, Di cốt còn thừa y theo pháp xưa mà thiêu đốt. Chế phục điều Tang, mỗi thứ đều không để nơi cõi lòng!” Đến ngày mồng bảy tháng chạp (năm 636) Sư thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Các hàng tăng tục mất nơi nương tựa, Hoàng Trữ buồn thương, Vua Thái Tông ban sắc chiếu rằng: “Luật sư Huyền Uyên giới hạnh trong trắng vững

chắc, hoặc nghiệp thanh tịnh, nhờ Sư hoằng tuyên chánh pháp, lợi ích muôn loài. Không may, Sư đã thị tịch, tình sâu buồn ngùi!” Ban vật như ly biệt, mọi sự cần thiết trong trai hội lễ tang đều do thiên phủ xuất cấp. Xuân cung ý Thích Khanh tướng, quan lớn đều thí xả vàng bối, dâng cúng hỗ trợ tu phước. Đến lúc trăm ngày. Đặc tấn Tiêu Võ, Thái Phủ Tiêu Cảnh, Tông chánh Lý Bách Dục, Đám Sự Đổ Chánh Luân, v.v... đều là những người gần gũi vâng giữ giới ước, tự thân rất mực ai lễ. Sau đón rước đến an táng nơi chùa núi, phước lọng rợp ánh, hương hoa tung loạn giữa hư không, mọi người đi theo như mây bủa, chúng đông đến mấy vạn. Đầu đón rước đã đến Chung Nam mà đuôi vẫn còn ở kinh thành. Hơn bốn mươi dặm các hàng tăng tục đông đầy đường. Mọi người đều bảo nhau rằng: “Thầy ta mất như thế, giới nghiệp ai bảo hộ!” Nên Sư rất được người đương thời y cứ như thế. Các hàng đệ tử v.v... có hơn năm trăm người vâng theo di chỉ. Khi đó, mây cao gió lặng, nước sạch dầu thơm cả bảy chúng đến đầy núi đồng, một lòng buồn kết, bèn bảo châm lửa y như Pháp trà-tỳ, củ cháy hết tro tàn bay, tự nhiên trở về cội gốc. Bèn ở ngay chỗ trà-tỳ xây một ngôi tháp Phật, dùng để thấm nhuần linh thức, nghi tượng vẫn hiện còn. Đông Cung Tẩy Mã Lan Lăng Quân soạn bài minh. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dục soạn văn bia dựng lập nơi tháp, bấy giờ là đứng đầu.

Từ đầu đến cuối, ý Sư là mở mang cứu giúp, sinh thiện phước trí, tiếp nối nơi tâm. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, bấy giờ vừa trải qua thời vận xấu, gạo thóc hiếm quý, khách tăng không nơi nương gá, Sư bèn dốc hết sức thừa, hành hóa những nhà sung túc, hễ được bao nhiêu cúng dường, Sư đều sung vào cung cấp. Thường ngày Sư đến nơi bếp chùa gần gũi hỏi han mọi thứ, nên khách chủ đều vui mừng. Lại nữa, trong thời tượng quý, rất nhiều người xem thường giới luật, Sư mới đem thân mình tự làm khuôn phép cho mọi vật, dẫn dắt các Pháp thuộc. Đích thân cầm văn kinh, theo thời đến nghe, trái suốt mười biến, xa tiếp nối vết trước. Có Luật sư Trí Thủ là bậc đức sáng vẻ vang cùng khắp đế kinh, thật giúp thành khen ngợi có thể quạt lên cơn gió thơm, tự thấy khiến thấu đạt, ít người có khả năng mở mang như người này. Nên khiến vào thời Tiên Đường tìm cử những bậc có tuổi tác đề bạt các vị Hiền lương phần nhiều thuộc ở Luật tông, thật là do từ Sư đức nắn thành. Dung nghi Sư đạo mạo, khuôn phép trang nghiêm, tiếng nói sang sảng, mọi người tham dự, chiêm ngưỡng không ai chẳng kính sợ, nên Đồ Tượng Quyết tướng vẫn còn khiến người sợ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng-già, họ Nguyên, Sư là vị tăng thanh bạch tỏ ngộ ít ham muốn, thường theo ngài (Huyền Uyên) dẫn dắt mọi vật, lập chí chân chánh, với mọi sự dè pha can ngăn chẳng hề biến đổi sắc mặt, Sư dùng pháp vị tĩnh lặng làm chính, lại chẳng mong cầu ở người đời, nương tựa

nhân tĩnh, chuyên tâm nghiệp đạo là chỗ toan tính. Lúc sắp thi tịch, sức miêng trong sạch, kiểm thúc oai dung, dạy răn rõ ràng rồi thi tịch. Há chẳng phải thầy trò có đức hạnh khiêm cung, dứt bỏ bụi trần! Chỉ tiếc rằng Sư tịch quá sớm nên thanh quy chưa được lan xa.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu

Thích Tuệ Tiêu, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành. Gia đình dời đến ở Trường Cát thuộc Hứa Châu, nên lại làm người huyện ấy. Gia đình nhiều đời làm quan, xứng sĩ Đại Phu.

Năm mười tám tuổi, Sư đang là thư sinh, thông ngộ mẫn đạt, khéo nói thi lễ, khắp châu quận đều vì Sư thông hiểu kinh nên đề cử. Chẳng phải chỗ ưa thích, nên Sư bèn vào núi tung cao tìm thầy xin xuất gia. Tuy nhớ dai những việc trước, nhưng Sư nhờ giới hạnh mà nổi tiếng. Nên các bậc lão cựu mình đạt cùng bảo rằng: “Nếu người nào được như thế thì sẽ là Ưu-ba-ly ở đời nay vậy!”

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư đến học ở Nghiệp Thành rộng gồm các kinh luật, mới luyện suốt các bộ, nhưng chỉ y cứ Luật Tứ Phần. Nghe ngài u Thê chùa Linh Nham ở Thái Sơn là nhà khiết hạnh, Sư bèn đến nương theo. Sau vì Hòa-thượng già yếu, lại trở về Trung Nhạc. Bấy giờ, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy sáng lập cơ nghiệp, khắp bốn biển đều là nhà, cho nên được mặc tình qua lại, không hề trở ngại bó buộc. Bấy giờ, có Sa-môn Minh Lãng ở chùa Long Môn, là bậc rất mực trì luật ở Hà Đông, vì sự rất có tiếng tăm, nên chẳng ngại xa mà đến nương tựa. Ngài Minh Lãng tuy tuổi lớn hơn Sư mà thấp mình lễ sự, đồng thời sâu cùng thâm đượm, đạo hợp vui vẻ, lưu lại thời gian lâu, sau đó thỉnh Sư về Hà Khúc, Sư cũng chẳng ngại ta người, bèn cùng đến trụ chùa Định Lâm thuộc ở Long Môn. Trải qua nhiều nơi, chỗ nào thích thì ở. Tìm người đồng chí chẳng sợ hiểm nguy. Tại núi Mã Đầu, có Thiên sư Tăng Thiện, nhóm chúng kết nghiệp, Sư bèn đến đó tập học Định Pháp. Sau về lại chùa của ngài Minh Lãng mà giảng dạy Luật tạng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư từng đến núi Hoàng Giáp, nương gá hang cốc mà kiết hạ. Có người bị mất mạng, nhân việc mà đến đó. Ngài không nở để lại qua thời gian lâu. Về sau sự việc bị phát hiện, dẫn kéo Sư là bạn, Đốc khóa sở tại bắt đến ngục. Gặp lúc các ngài Tăng Thiện, Minh Lãng đều đã thi tịch lại gồm bị ép tội, Sư bèn chống tích trở về phương Nam, trên đường ngang qua Bồ phản. Bấy giờ, các Sa-môn Đạo Tích, Thần Tố, Đạo Kiệt, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Tấn Châu, vốn cùng Sư chu toàn, qua lại nhiều năm.

Lại gặp lúc cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng) nhà Tùy suy sụp, pháp lệnh hiền bày, tàng ẩn nghiêm khoa rất nghiêm khắc. Sư hứa đem thân vì Đạo tùy việc Đông Tây, danh suốt lâu trừ, gá ẩn nơi sâu xa hiểm trở, chẳng nguy hiểm nào không trải qua, như đi giữa sân nhà.

Mãi đến lúc Trung nguyên yếu thế, yêu khí rối loạn. Hà Đông Quận Thừa Dinh Vinh kính phục Đức âm, thỉnh Sư đến trụ chùa Nhân Thọ, mở mang Luật tạng, các học giả đến nương theo. Vào niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, khắp cùng Tây Vực, không thiếu sót giảng nghiệp. Về sau, Sư lại an tĩnh, càng sùng Cao Pháp hội, khắp cùng các Châu Bồ, Thiểm, Tấn, Ráng, năm chúng đều bắt chước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư phục tâm giới nghiệp, diễn giảng dặt dắn làm chính, khi tiếp đối bạn đạo tốt không hề sai lầm ngờ vực. Mỗi lúc nhớ đến Sa-môn Tăng Thiện, Minh Lăng giao du tốt đẹp, bất chợt nước mắt tuôn rơi, chẳng hề cầm ngăn. Sư kính trọng mến mộ bạn lành như thế. Sư từng giảng Kinh Niết-bàn chỉ hai mươi biến mà còn tiếc không có công phu với Đại thừa. Sư tụng đọc Kinh Hoa Nghiêm, qua mấy năm mà miệng chẳng dứt tiếng, văn quyền chẳng lìa tay. Có người thỉnh Sư làm Phương Quảng giảng chủ, Sư bèn từ chối bảo rằng: “Tôi còn chưa hiểu ý kinh, làm sao giảng được?” Người đương thời cho rằng Sư rất trinh thuần mà lại luôn lờ mờ xét. Sư lại còn lo sợ sai lầm đối với hàng hậu học.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô

Thích Tuệ Mãn, họ Lương, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Cha của Sư tên là Xán, từng làm quan từ đời Tùy đến thời Tiền Đường, làm Thứ sử các Châu ở Hải Diệp. Năm vừa mới sinh, Sư vốn thanh khiết, giãm chánh nêu Tông. Từ tế hàm dưỡng gần như chẳng tu học. Với các thứ thức ăn ngon lành ở thế tục, trông thấy, Sư liền sợ hãi. Với Tăng nghi Đạo cụ vừa thấy, Sư liền kính ngưỡng.

Năm bảy tuổi, Sư ưa thích muốn được xuất gia. Cha mẹ vốn kính thờ Phật pháp nên chẳng trái chí nguyện của Sư. Cha của Sư đến Hải Châu, nhà Vua có ban sắc cho phép độ người xuất gia. Tiện đó, Sư được xuống tóc. Sư bèn theo cha trở về Kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, làm đệ tử Pháp sư Tiên. Pháp sư Tiên vốn là người có tiếng tăm ở Kinh ấp, Thức ngộ có lắm người theo, vì tăng tục đều nghe, nên cha của Sư đích thân đến giới gắm. Sau dẫn đến trụ chùa Tam Thiện ở cung Nhân Thọ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời Tiền Đường, Sư lại trụ chùa Đại Thiên Định, tấn đàn thọ giới cụ túc, kính thờ Đạo nghiệp nơi Luật sư Trí Thủ. Sư rất cần trọng oai nghi. Học chúng rất kính trọng. Sư nghĩ chọn Lý vị vì thấu đạt đến sáng tỏ là thường, mà chuyên cần với chính sự, ưa thích thực hành khuyên giúp. Mỗi khi gặp lập giới thí thì Sư xướng bạch khoa cử, tự thân đứng trước chúng tăng hỏi xét nghi bàn. Đến khi thọ giới duyên tập có một số già nạn, vị Giáo thọ riêng đoán thật chẳng ít, Sư bèn dự khiến biết cùng, dẫn kéo vồ tay. Đến nổi có trường hợp gặp việc quên mất, luôn luôn nêu chánh. Nên mọi người đương thời đều tôn trọng Sư xét rõ của Sư, kính Sư thành tiến của Sư. Sư đến giảng dạy khắp bốn phương chẳng câu nệ thế lụy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (639) thời Tiền Đường, Sư từng ở Viện riêng nơi nhà Ngụy Bình Tài thuộc Phu Châu, giảng Pháp Yết-ma. Chỗ Sư ở vốn là thất Cỏ tranh, bỗng nhiên nổi lửa, gió thổi lửa bốc cháy dữ dội sắp đến phía Tây. Sư bèn tìm nước mà dập tắt. Nhân đó, gió liền xoay trở lại, lửa tắt mất nên không bị đốt cháy. Đó là do oai lực của giới đức, rất khó tiếp nối.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông ban lệnh xây dựng chùa mới, chọn ra các vị Đại đức. Mọi người đều cho Sư có công hạnh như trước đã nghe, bèn dẫn Sư đến trụ. Năm đó, ngài vâng sắc nhận làm Thượng tọa ở chùa Hoàng Tế, chuyên mở mang Luật tạng, dạy răn dẫn dắt tăng chúng. Tiếp thừa có khuôn phép, lan tỏa đến chùa khác. Có Cô ni ở chùa Tập Tiên vốn không có Tuệ giải, vọng bắt chước tập học, đức các tượng Lão tử chân nhân, để tự cúng dường, và mời các Đạo Sĩ phái Hoàng cân đến giảng đường mừng hội. Sư cùng chư tăng đồng dự trai tập. Đã gặp phải việc như thế, Sư bèn quở trách ngăn cấm. Liên bảo Đại đức Hiển Hạnh đuổi phạt, lại tìm lấy Đạo tượng đưa vào chùa Thái Nguyên sửa thành dung tượng tôn tượng Phật, để răn cấm các thói quen khác. Trước kia, Chu Triệu Vương đang trị vì tại đất Thục, có Đạo Sĩ tạo Lão Quân mà lấy tượng Bồ-tát đứng hầu, chư tăng đem việc ấy tâu trình, vua mới phán rằng: “Bồ Tát đã thành không thể phá hoại, Thiên Tôn nên đưa lên một Bậc”. Quan mới đón rước vào chùa sửa thành dung tượng tôn tượng Phật. Đó là trường hợp tương tự. Lại có cô ni Tuệ Thượng, có một thời qua lại nơi cung cấm, gặp lúc vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) đi xa, lìa nơi cung cấm kinh thụ, bèn lấy chùa của Tuệ Thượng đang ở để đặt Hoàng Linh. Cô ni Tuệ Thượng bèn lấy chùa tăng làm nơi cho ni ở. Sự việc trái với chánh sắc, chẳng ai dám đả động đến. Ngài bèn nhóm họp các vị Tam cương Đại đức, v.v... ở Kinh thất hơn hai trăm đến nơi đuổi đi. Sư bảo rằng: “Từ khi Phật Pháp truyền bá ở đời, chưa có ni chúng nào cậy thế lực quan mà chiếm đoạt chùa tăng. Đã là trái Pháp nên ra ngoài chúng, không được dự trong bốn chúng và qua lại các Pháp sự. Nếu ai cùng với ni chúng của Tuệ Thượng bàn luận, thì cũng phạt giống như

vậy, chế lệnh đã ban hành, đúng sai tự hiển bày!” Tuệ Thượng không chịu nổi sự trách phạt đó, bèn mách bảo với Đông Cung và các Triều tể. Có lệnh sai Chiêm Sự Đỗ Chánh Luân giải việc tẩn đuổi ấy. Tăng chúng đã nhóm họp, phần nhiều theo tình để bàn nghị. Sư bảo: “Điện hạ giữ gìn Chánh Pháp, Tuệ Mãn tôi y cứ theo Pháp tình lý. Nay thì trái lý cậy tình, đó tức là khuôn phép bị đảo loạn. Đuổi đi là trị tội, tội vẫn chưa đổi, y cứ đó mà thấy rõ chưa dám nghe lệnh chỉ”. Sư bèn cầm lấy đồ ngòi mà thối lui. Bấy giờ, tăng chúng sợ oai quyền bèn đồng giải mở tẩn đuổi. Sư nghe thế, than rằng: “Bạn tôi đã ít, nạn có thể sửa trị lại. Lại chẳng đồng giải mở, chỉ bày biết là tướng trái”. sau đó, Cô Ni Tuệ Thượng sám hối lỗi lầm, Sư chẳng hề đoái hoài. Đến lúc Vua xa giá tuần du đến Đông Bộ, ban sắc cho Lý chúng ở trước. Sư nhóm họp chư tăng ở Kinh đô gồm hai trăm vị đến nơi cung quyết, trình bày can ngăn. Mỗi vị đều tự cởi áo ca-sa đặt để trên đánh đầu, bắt chước theo năm tội nghịch của Điều-đạt. Cả triều đều chăm mắt nhìn chẳng dám thông biểu. Cho đến đầu Quan, Vua lại ban sắc mới xoay lại. Sư thường an nhiên mở mang cứu giúp, nhóm họp đồ chúng giảng dạy, thành tượng sau cùng có gần tiếng tăm hình thái.

Sư lại nguyện sinh về cõi An Dưỡng, tám gọi chúng tăng làm nghiệp chánh. Học tiếp nối đầu mối của An Công, chắc chắn thiết tha đau đầu tự cố gắng. Đến ngày hai mươi tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Sư bị bệnh nhẹ, biết sắp đến đời sau, Sư bèn bảo tất cả mọi vật đều thuộc của Tam Bảo. Ngồi ngay ngắn trên giường dây, tự co đầu gối, mời đại chúng ở các chùa, già biệt từng người. Hơi thở từ dưới lên dần đến nơi tim, Sư nói năng đối đáp vẫn như lúc đầu, không mờ tối. Khí âm dần đến miệng, Sư an nhiên thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi. Cử hành lễ trà-tỳ bên cạnh chùa Long Trì ở núi Chung Nam. Hài cốt đều cháy hết chỉ chiếc lưởi không cháy. Lại chắt củi đốt qua nhiều đêm, sắc màu càng tươi thắm. Bèn an táng tại góc núi. Sa-môn Tuệ Ngang chùa Tịnh Trú ở Kinh đô soạn Minh tụng, sự tích này thấy ở Biệt tập.

Sư có soạn Tứ Phần Luật số hai mươi quyển, giảng hơn bốn mươi biến.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Kỳ Sơn

Thích Tuệ Tấn, họ Bảo, người ở xứ Thượng Đảng thuộc Lộ Châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã già từ cha mẹ, kính mến tăng lão, tu tập giới luật thực hành công phu. Sắp xuống tóc thì cha mẹ lưu luyến, bèn dừng ở làng tục. Sư nhân từ hiếu kính nổi tiếng. Đến năm Sư ba mươi tuổi, mọi người trong làng kính mến sự tinh thần khô tiết, nghiêm khiết tự thân, đoạn dứt ân ái không nghĩ tưởng vợ con phiến lụy của Sư, bèn cùng nhau trình bày với cha mẹ của Sư

mặc tình để Sư giữ trọn chí nguyện ban đầu. Sư mới được dự phần xuất gia, trụ chùa Phạm Cảnh ở Châu Trì.

Đến lúc đã thọ giới cụ túc, nghe nói thọ tịnh y mao ẩm, lại hỏi đến trì Phạm. Sư lại thiếu thưa hỏi tỏ ngộ, nghe ở Nghiệp Hạ giảng luật, đồ chúng có cả ngàn vị. Sư tự vui mừng đầy lòng, lấy luật gá duyên, cầu không phải Văn chẳng hợp. Nhân đó liền đóng cửa tự tụng đọc hơn tám mươi biến. Hành yếu tai mắt cũng rất đầy đủ mà nghĩa lý nguyên do vết tích phải theo thầy để thọ học. Sư bèn đến chỗ Luật sư Hồng ở Tương Châu, ngồi một nơi lắng nghe không rời khỏi chỗ trải qua tám biến. Thắng duyên lắng tĩnh bên trong nói nhau mà nghe lại trải qua tám năm. Sau đó, Sư lại vội vã theo thầy đi khắp Nam Bắc, hoặc chốn núi non, hoặc ở giữa đời, vân du tham tầm kinh luận để giúp cho Luật tông. Lược tính trước sau chỉ một Tông Tứ Phần nghe qua một trăm hai mươi biến, Sư lại tìm đọc đến ba trăm biến. Tự có đồng trần chuyên chí lẫm công, ít có đồng bạn ngang bằng như thế.

Khoảng cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, có vị tăng ở cùng chùa có Học nghiệp kém dở, khó ngang bằng với Sư nên ngầm ganh ghét. Sư bảo: “Cùng là xuất gia, đồng vâng theo Luật nghiệp, ngầm thêm quạt ruồi, há vì thân danh mà hiềm ganh ư? Xưa kia, nghe hạnh Vô Trách Chỉ có ở ngài Không sinh, Thánh lập khuôn phép tốt lành, nghĩa chẳng tự kết. Tôi tuy chẳng thông minh nhưng xin theo nhã dụ!” Ngay ngày đó Sư đến từ tạ, xả bỏ công danh, dơ cao xiêm bặc mà ra. Trong chúng tăng có người ngăn cản. Sư bảo: “Tôi chẳng vướng mắc ở sự đi lại. Chỉ vì Duyên nên như vậy!” Nhân xa nghe các phương nơi có đồ chúng tài giỏi, địa thế tốt đẹp như Ngũ Đài, Thái Nhạc, Đông Xuyên, Bắc Bộ, Thường Sơn, Nhạn Môn, tùy đuổi theo vết thiền, không nơi xa nào Sư chẳng đến.

Có Sa-môn Tuệ Toàn là bậc Đạo Vương ở Sóc Xuyên, Sư lại đến theo học định sư tông phó. Đến lúc ngài Tuệ Toàn vào Quan nội thì ngài bèn sang Kỳ Sơn, phỏng theo vết tích Sào hứa. Nơi Nham Thạch tiện lợi có ngôi chùa xưa, Sư bèn quét dọn để ở đó, chân chẳng bước xuống khe suối hơn ba mươi năm. Lời nói và việc làm trở thành khuôn phép, các hàng tăng tục bèn tìm đến. Xưa kia vốn ở nơi sâu kín hiểm trở, nay thì thanh thái. Nên đối với Pháp thuộc Sư thường dùng cả thiền lẫn luật nối tiếp nghiệp.

Đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) đời Tùy, bị bệnh, Sư bèn ngồi kiết già mà thị tịch tại phòng ở núi, thọ tám mươi sáu tuổi.

Bấy giờ, ở cùng quê với Sư, có Sa-môn Đạo Toàn là người giỏi Luật Tứ Phần, tâm thần trong sáng, giảng giải nói nhau, truyền đủ chương sao, thân hình cao lớn, người thường ít ai bằng. Sư trụ chùa Pháp Trụ, nhiếp chúng

mở mang hoàng hóa. Khắp bốn châu Hàn, Lộ, Bí, Trạch mọi người đều theo khuôn phép. Về sau, bệnh phong của Sư chóng tăng, trái với nghi tiết, tuy y phục suy hoại nhưng ăn uống không hề gì. Tồi (Đạo Tuyên) nghe bèn đến đó. Sư vui mừng như gặp lại người đã quen xưa, tự tỏ ngộ vẫn còn rõ ràng. Tuổi Sư đã ngoài tám mươi.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tỉnh Châu

Thích Đạo Lượng, họ Triệu, người ở xứ Loan Thành thuộc Triệu Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư nhàm chán thế tục, bèn đến thiền phường Sa Thản ở Châu Giới chỗ Thiền sư Bị mà xuất gia. Thiền sư Bị là người rộng thấu đạt, đức hạnh vang khắp Lương hà, chỉ giảng dạy Luận Đại Trí Độ, thần hiện trong xa. Từ năm mười sáu tuổi Sư đã lên pháp tòa, đến tám mươi tuổi, tiếng tăm mền động vật tình, từ vị không biến đổi. Sư cung kính hỏi bày trông dự vào thính chúng, Thiền sư Bị mới bảo Sư đến núi Phi Long, chuyên việc tụng kinh. Chúng tăng ở núi có đến ba mươi vị đều là theo vết Thiền pháp. Vốn thiếu Tịnh nhân, chỉ có một mình Sư mà thôi. Đã ở ngôi vị dưới, mọi việc của chúng đều đến, mỗi ngày Sư tự xay giã năm đấu thóc, gần đến sáu năm mà không một lúc nào Sư biếng lười. Đi chân không ba năm, mỗi ngày sáu thời theo chúng, thường mong được sai bảo. Tâm trong trắng chẳng theo ai, chứa nhóm đến bảy năm, siêng năng mới được toại ý.

Nghe ở Tỉnh Châu, có Thiền sư Toàn nhóm chúng khai giảng, mở mang Phật pháp hưng thịnh. Sư dần đi đến Kỳ sơn, bèn tấn đàn thọ giới cụ túc, dần hồi đi đến Thái nguyên, quy hướng nương tựa Sa-môn Tuệ Toàn. Niệm định là việc chính, lại kính mền Luật tông. Có Luật sư Nghiêm là bậc đức hạnh khuôn mẫu đáng quy ngưỡng, Sư bèn đến theo thọ học. Nhân đó mà trụ chùa Vô lượng Thọ, tức chùa Luật sư nghiêm đang ở. Từ đó, Sư chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần, đêm ngày chẳng quên. Sư lại theo Luật sư Nghiêm đến Thạch Châu nghe học Luận Địa Trì. Trải qua thời gian dừng ở đã lâu, Văn Từ nghĩa chỉ thông suốt, đáp thuật nhận biết trước, càng tăng thêm Danh Thật. Có Viên Tú Tài ở U tổng, học theo Nho giáo rất có công phu, đến theo Sư học Luận Khởi Tín. Sư bèn vì Vạch bày mở phát tuệ ngộ, ôm giữ đức tin chẳng biến đổi. Nhân có Luật sư Kham đang dẫn đồ chúng giảng dạy hạnh nghiệp ở Lã Châu, Sư lại đến nương theo, nghe ôn lại những gì vốn đã học. Sau Sư về lại chùa y cứ thời khóa giảng dạy.

Khoảng đầu thời Tiền đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) ban sắc vì Luật sư Tuệ Mãn mà xây dựng chùa Nghĩa Hưng. Vì ngài (Đạo Lượng) vốn có Luật hạnh trong sạch, nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Nhân đó, Sư thường giảng dạy, trấn giữ đời thay tập tục ở đời. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán

(627) thời Tiền Đường, Sư đến Bồn Châu, Thiền Sư Bị vẫn còn sống tại Loạn Thành, vui mừng Sư từ xa về thăm hầu nên lập ra Luật diên. Sư lần lượt giảng dạy, tiếng tăm vang cùng Đông Hạ. Thính chúng có đến tám trăm vị. Mọi người đến thưa hỏi điều lợi ích ngày càng đông. Từ đó về sau, Sư thường mở Luật Phủ. Tính số lượng chẳng biết là số bao nhiêu. Thành giảng Học Sĩ có hơn bốn mươi vị. Sa-môn Pháp Hưng ở Tinh Châu, vốn xuất thân từ đó.

Đến nay niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã bảy mươi bảy tuổi, hiện ở tại chùa Nghĩa Hưng. Đang trên đường mở mang giáo pháp. Có học sĩ Đạo Trụ, vốn sinh tại Thái Nguyên ở Tăng Quán thuộc Thượng Đông. Sư nghe học rất có công phu. Riêng giữ không quên, xem các chương trình số liền giảng nói được. Nay hiện ở chùa Kinh, thường luôn hoằng hóa.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Mân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu

Thích Tuệ Mân, tự là Huyền Tố, người xứ Hà Đông. Chí tánh ngay thẳng, tiết tháo chẳng như đồng bạn, nhân ái trầm lắng vốn tự bẩm chất. Đạo vang khắp ba Ngô, danh truyền cùng bảy Trạch. Tánh ưa thích chỗ sâu lắng, thường ở nơi hang núi.

Năm chín tuổi, Sư xuất gia, siêng năng nghiêm khiết hạnh nghiệp, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, suốt năm tháng bèn được độ. Năm mười lăm tuổi, Sư nghe Pháp sư Quang người xứ Tân-la giảng Luận Thành Thật ở chùa Hồi hương. Sư dẫn trước hỏi đáp, tài giỏi vượt cả huyền tân. Mạng che cả u tông, các bậc kỳ túc đều vui mừng. Năm mười bảy tuổi, Sư nhận thỉnh về quê cũ chùa Quang Hưng ở Hải Diêm, giảng Kinh Pháp Hoa. Thính chúng nhóm họp đều tỏ bày điềm lành, có mùi hương lạ, chỉ búng ngón tay thường tụ kết giữa hư không. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Luật sư Chí ở chùa Trúc Viên học Luật Thập Tụng. Văn từ nghĩa lý đều thông hiểu, cạnh đó thưa hỏi các bộ khác. Đến lúc Chí Công sắp thị tịch, ủy thác học chúng cho Sư. Sau khi việc tang đã hoàn tất, Sư bèn đi về hướng Đông đến Cối kê, vào đất Diêm đánh lễ Thạch Phật, và đến các trường giảng ở Thiên Thai.

Vài năm sau, Sư về lại đất Ngô, trụ chùa Thông Huyền, nhóm họp đồ chúng giữa mài Đạo nghiệp. Suốt mười bảy năm, Sư chẳng bước ra khỏi cửa chùa, không nhận thỉnh riêng. Từ đầu đến cuối thường mặc áo vải thô, ăn dùng rau quả. Mọi việc vui buồn đã dứt bật và bàn nói vui đùa cũng hết. Cuối đời Tùy, sụp đổ ly loạn, ở đất Ngô đói kém, các hàng tăng tục lánh nạn khắp đông tây. Sư bèn giữ lấy sự chết chẳng đổi dời, thiền tụng không nghỉ. Chim nhóm không phiền nhiễu, đàn thú chẳng náo loạn. Quan Tổng Quản Tô

Châu nghe Sư vẫn bình an, bèn thỉnh Sư ra núi, nhưng Sư cố từ chẳng đến. Lại sai sứ mấy phen cầu thỉnh mà Sư không đến. Bấy giờ, Thứ Sử Lý Liêm, Tiết Thông, Vương Vinh v.v... rất kính trọng cúng hầu, mà Sư vẫn giữ chí gá ản, trọn ngày đầu đầu. Văn Công thông xét, chẳng thể đoạt vậy, bèn rước Sư đến Cốc Hoa Đình ở núi Cán, xây chùa hành Đạo mấy năm. Đất ở đó thấp trũng, muỗi mòng rất nhiều, Sư lo sợ làm tổn thương chúng bèn sắp xếp việc di dời.

Đến thời Tiền Đường mở mang việc giáo hóa, Pháp sư rộng lưu bố, Sư lại vào núi Hải ngu ản cư hơn hai mươi năm. Mọi người từ khắp các phương xa đến cầu thọ học thường có hơn trăm vị. Đất ở đó thích nghi với cây Tử, Sư bèn khuyên gảng trồng vài mươi vạn gốc tùng, giúp công đức cho Tam Bảo ở tương lai. Đến tuổi trung niên Sư đến khe suối phía Nam, cất một am tranh, hai con thỏ một con hổ thân thiết ở chung, trong ngoài không hề lán hại nhau. Đến như cầm thú thần kỳ đến xin thọ Quy giới. Trình bày những việc ấy không thể đầy đủ. Đô Đốc Tô Châu là Võ Dương Công Lý Thế Gia có gửi thư sai sứ đến thỉnh mà Sư chẳng đến.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Thứ Sử Giang Vương nhân dịp nước nhà độ người hành Đạo, bèn thỉnh Sư xuống núi. Giang Vương muốn thọ quy giới, dâng thí y pháp truyền các hương cúng. Sư bèn cố nhường các bậc Cao đức, chẳng nhận lấy một vật gì, từ giả trở về núi suối tiêu dao tự vui. Sư giảng các Kinh, luật, giới Bồ-tát, Luận Thành Thật số biến chẳng đồng nhau, với những bản luật xưa số cũ nếu có chỗ sót mất, Sư đều san định chánh bản mà truyền bá. Sư soạn Bộ Thập Tụng Tư Ký mười ba quyển, Tăng ni hành sự hai quyển. Ni chúng Yết-ma hai quyển. Đạo Tục Bồ-tát giới Nghi Số, bốn quyển. Các vị học sĩ thọ nghiệp truyền hóa có hơn hai mươi người.

Đến ngày mười một tháng tám niên hiệu Trinh Quán cuối cùng (650) thời Tiền Đường, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chỗ đang ản cư, thọ bảy mươi bảy tuổi. Trước đó ba ngày, có mùi thơm lạ lan tỏa khắp chùa, cả đại chúng đều lấy làm lạ bèn hỏi. Sư bảo: “Hôm sau ta sẽ đi, sinh tử là việc thường của con người. Sự sống ở đời vốn như mây bay, phải cẩn trọng chớ nên khóc lóc. Mỗi người phải nghĩ nhớ vô thường, sớm cầu tự độ. Mọi việc trong việc tang an táng, giới luật có nghi thường. bia chí trang sức văn từ, đều chẳng được làm. Nếu thực hành theo quyết biệt này, tôi đâu còn gì phải nói!” Đó chắc chắn lúc qua đời không nhiều loạn, đáng gọi là Kiên Trinh.

Thử Luận bàn:

Từ khi Đấng Pháp Vương xuất hiện làm lợi ích cho đời, là muốn lắng trong hai thứ sinh tử, cắt trừ ba chướng. Do đó lập bày Đại giáo, bủa lưới khắp các

dòng Hữu. Tuy là hoặc lụy tăng nhiều nhưng phát khởi chỉ do ba nghiệp. Tuy nghiệp mà lập giáo, ba học được đặt ra. Giới vốn là để ngừa quấy, xét hợp với Thân miệng. Định chỉ lắng trong loạn động răn bảo nguồn tâm. Tuệ để ngăn tà, tin rõ hết hoặc. Ba pháp cùng nương gá, nghĩa hình Thánh lượng. Cho nên trong luận nói rằng: “Giới như bắt giặc, Định như trói giặc, và Tuệ như giết giặc”. Giặc, nghĩa là phiền não hoặc nghiệp, không thể dứt ngay được. Công do dần dần hàng phục nên lập ra ý nhiệm màu này. Chẳng ai không đủ giới, Định, tu sâu biết chướng hoặc. Bậc Minh Trí quán sát thấy rõ sự ràng buộc, Ngã đảo đã tiêu, các nghiệp chẳng nhóm họp. Suy về cội gốc thì tịnh giới là Công, nói về sửa trị thì Chánh tuệ là đức. Trải qua tốt lành hay sinh, đâu chẳng phải như thế, đó khiến cho năm thừa nương gá nơi Giới Đạo, các thánh gánh vác tùy ở đường ngã tư, ban phước lành nơi bốn loài, rộng tiếp nối lớn mạnh ở muôn năm. Nếu chẳng có giới đức thì lấy gì để đổi! Kể từ Kim Hà nhiều lời, bắt đầu tập Pháp tại Linh Sơn. Bấy giờ vâng theo hậu vị, Đạo trùm khắp nguồn, tuy là thiết giáo nhưng chẳng thường cùng nhau xét lựa khinh trọng. Nhưng từ khi Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ bắt đầu chia nơi kết tập thì năm bộ mười tám phái sau trăm năm, nêu bày đầy đủ ở truyện trước, bộ chấp v.v... tự rõ bày.

Vả lại, Luật tạng đã phân lâu, mới đầu truyền bá đến Đông Hạ thì Tát-đà-đa Bộ một bản Luật Thập tụng hoằng trì rất rộng, thật là do Luật sư Thanh mục mở mang ở thời nhà Tấn, Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô Sơn xây dựng thành tông, Cừ Dĩnh phân lục làm mạng lộ, Hựu Viện vậy sóng nơi Thích môn, lắng một giang hoài không hai kính vâng, nhưng tiếc vâng thọ Luật Tứ phần, tuy phiên dịch từ thời Diêu Tần mà bắt đầu giảng dạy ở thời Nguyên Ngụy, là do Xích Tư luận chủ ban đầu mới tụng truyền, chưa xoay vần đàm trao, sau đó trở lại xứ khác, nên học chúng ở phương này chưa dứt bật sự duy trì. Mãi đến thời các ngài Phú, Thông mới khai mở học tứ. Trong đời vua Văn Đế thời Tiên Tông có Di-sa-tác Bộ chỉ một bản Luật Ngũ Phần mở dịch tại Dương Đô, do Ngài Giác truyền bá, ngài Sinh Nghiêm ghi chép. Văn rất nêu bày cốt yếu rất đáng truyền bá, các bậc tài giỏi không có ngày lưu đượm vị. Thật đáng buồn tiếc? Tuy nghe Hải Tân bày thuật, phần nguyện vạch từ, lên đó tìm cầu, danh thật trái làm. Đáng tiếc Hoa Điền rộng đạt đến Thần Châu. Ca-diếp-di Bộ chỉ một bản Luật Giải Thoát. Bản Phạm truyền bá đã lâu nhưng không người phiên dịch, chỉ lưu xuất giới bốn hiện truyền bá ở đời, các tụ, không khác với các tông khác, nên ở đời có câu ngạn ngữ rằng: “Vọng Tập riêng đủ Ngu Tụng”. Bà-tha-la Bộ thì Luật bản chưa truyền, trong tạng thấy xếp vào Tăng-kỳ. Đó là do căn bản Đại Chúng truyền, chẳng phải trăm năm năm tông phát sinh. Tổng cộng là năm Bộ chỉ phần thì Trung Quốc có được bốn Bộ. Nếu y cứ theo nghiệp ngọn về gốc thì hai Bộ là Tông

chính, Trung Quốc cũng đã có được một. Ngoài ra các bộ khác phần nhiều là do các bậc Hiền Thánh ở Tây vực góp nhặt ghi chép hành sự. Trong đó, tu loại tự phân riêng biệt, duyên tiếp nối khó bề xét, lựa nên nói lược về đó!

Nhưng mặt trời Tuệ đã lặn, dòng pháp trùn khắp. Điểm quan trọng của các hạnh không vượt ngoài kinh ấy. Xét nguyên do gá Tướng buộc tình, tâm sự dễ chuẩn. Động Tĩnh Khoa cứ thật hợp với oai dung. Phạm ngu vọng tập, thấy tướng hoàng Thiện, nên luật tùy duyên chế cuối cùng ít trái. Thử nhìn rõ các bậc khai sĩ giảng dạy dẫn dắt, hạng người minh đạt phụng trì, thấy tướng rồi vội cùng bày thần lược, Bộ khác Phế lập, lấy bỏ khó thường, Học Quán chưa bày dễ nên mở khai bày. Vì sao mà biết? Vì như một pháp thọ giới cụ túc, vốn là nền tảng của ba Thánh, các bộ đều trình bày chỗ cốt yếu đầy đủ, có tướng theo nhau. Khác Tông hội hợp thọ sự loại, sao bày đang được sáng theo đồng vẫn khế hợp. Xét về đất của hành sự thì bộ phận Hương nhượng, thấu cùng nguồn của thọ giới thì tông quy về Luật Tứ Phần. Nay thì theo học bày tướng, chẳng mô phỏng theo khuôn phép trước, ức đoán thì theo, vọng tình thì gá. Có thể gọi là thầy trò dạy lẫn sai sót, dạy trao không có công phu, cũng là nguyên hạnh nói khác, cơ thấy hạn hẹp lẫn nhau.

Trấu tạp như thế hơn hai trăm năm. Há chẳng vì mặt người truyền thông nên khiến tiếng tụng truyền nơi đất Trịnh.

Nay thì lẫn lộn một nhà, gồm cả đều thực hành theo tông của Luật Tứ Phần, nên được đầu cuối thọ tùy nghĩa, khó trái cách. Nhiếp hộ tuy rộng, nhưng nguồn ấy có thể tìm. Từ nơi bắt đầu giảng luật, Sa-môn hiệu Pháp Thông ở đời Vua Hiếu Văn Đế thời Nguyên Ngụy ở phía Bắc Đại mở mang giảng mới, miệng đọc truyền trao, là điểm về vang ở thời ấy. Có Sa-môn Đạo Phú liền tiếp nối giảng mới của ngài Pháp Thông, ghi chép số giải thành sáu quyển, chỉ là Trưởng Khoa, còn như nghĩa cử thì chưa nghe ở đời. Thời bấy giờ, các Sa-môn Đạo vị còn thuần, lời nói và việc làm hợp nhau, hãy nghe điều gì thì vâng giữ điều đó, chuyên việc gá đức, chẳng rảnh mà cầu mong. Cuối đời Ngụy, đầu đời Tề, có Sa-môn Tuệ Quang là bậc Tông tượng Bạt-đà, là bậc sư biểu hoàng lý, lại tạo văn số rộng phân bày thuật. Học nói học nhìn trải liền như mây núi, hạnh sáng đức sáng về vang soi tỏ tợ nhật nguyệt. Mỗi lần mở bày xiển dương thì dưới pháp tòa ngồi cả ngàn vị tăng, đua nhau cổ xúy Thanh ngôn, người phân khác biện, khắc thành pho quyển, gọi chung là Mạng gia. Nhưng mới đầu, ngài Tuệ Quang tu theo Định Tông, sau mới bắt chước theo nghi quỹ của Pháp luật. Huy du của Đại Thánh đều đầy đủ. Do đó, người đời khen ngợi người ấy, hạnh giải cùng suốt thật có chỗ theo.

Có các Sa-môn Đạo Vân, Đạo Huy và Pháp Nguyệt là Tam tông Luật sư, nối gót truyền đăng, mỗi vị đều nêu Thanh giáo. Ngài Đạo Vân thì đầu tiên

soạn số chín quyển, giảng nói cùng khắp ở đương thời. Môn nhân làm tỏ rạng cùng cả Đông Hạ. Kế đến ngài Đạo Huy soạn số lược bớt của ngài Đạo Vân hai quyển, yếu ước thật khéo léo, đi tắt ít trái. Được ở phần lược bớt văn, nhưng mất ở phần mở trao. Nhưng ngài Đạo Vân mạnh mẽ đối với nghĩa Tông, bàn giải thật rộng, còn ngài Đạo Huy thì xét cắt Từ Tướng, Pháp Tự suy cử, ở đời có lời ngạn ngữ rằng: “Đầu đuôi Tin xem xét phong cốt”. Còn ngài Pháp Nguyên ở Phần Dương thì liếc xem hai nhà (Đạo Vân, Đạo Huy) ấy, lại mở ra từ hang cốc, soạn Sao Số chẳng giảm bớt so với trước. Xét nơi luật văn, phải quấy chính là đối với sự tướng, còn bởi chuyên gá vương mắc u thông, hóa hành đều bít lấp, cho nên như thế. Ngoài ra, các bậc luật tượng như Sa-môn Hồng Lý, Đạo Hồng, Đàm Ân, Đạo Lạc, Hồng Tuân, Thâm, Đản v.v... hoặc đào luyện tại đất Trịnh Ngụy, hoặc mở lữ ở xứ Yên, Triệu. Hoặc dẫn dắt đến cả xứ Chu, Tần, hoặc vấy trần thâu cùng Tề, Lỗ. Không ai chẳng đồng quy về thuật của ngài Đạo Vân, ngang bằng ở đương thời.

Tuy lưu xuất ra sao ký, nhưng lược có thể nói. Ngài Hồng Tuân khai mở Nghiệp ở Quan Trung, thanh hoàng dương ở Đế lý, kinh luật trao truyền cả hai, công phu ấy thật cao cả.

Bấy giờ, ở đời đang kính chuộng Luật Tăng-kỳ mà ngài Hồng Tuân chuyên thực hành Luật Tứ Phần, lên tòa trích dẫn, phán quyết suôn sẻ như dòng chảy. Những người kinh địch mỗi lúc đến đều phải ngậm tên mà trở về. Nhưng Sư là một Thần Chí, Thanh sắc chẳng ai vượt hơn, do đó, nhân pháp đều kết quy, có thể gọi là hành đến khắp! Có Luật sư Trí Thủ được Sư giảng trao. Tông hệ rộng lớn, tham cầu càng sâu. Bấy giờ, gặp lúc mây sấm tiếp nối gồm cả Truyền hóa. Học chúng xa khắp, chế thuật toàn mong mỏi. Há chẳng rộng để trăm nhà cùng bắt chước một khuôn phép? Tuy muốn đặt bút mà không có từ nào để thông. Gặp lúc lại có các Luật sư như Sa-môn Pháp Lê, Đạo Lượng, Đạo Hạnh, Phán, Thước, Thắng, Linh Tạng, Đạo Hưng v.v... hoặc Truyền Đạo ở Đông Xuyên, hoặc xưng lời ở Nam Phục. Trong đó, Cao Đế không vượt Ngụy Đô, soạn số mới thực hành tiếp nối thật ít. Ngoài ra thì Danh chiếm một phương, bởi không bút ký mà hóa thành gian nan ngăn trở, nhiều che lấp tâm ở đương thời. Đâu chẳng vì nên vui lấp đó, chán ghét nghe sự mất mát ấy. Than ôi! Luật là Pháp mạng, mở mang thì mạng vẹn toàn. Nay không muốn mở mang thì chánh pháp ấy diệt, lại rất đáng buồn. Quán xét hai Tạng Định học, Tuệ học, Lý ở thông minh, một Tông giới luật bày tình buộc sự. Hạn cục Sự thì rối bày lẫn lộn. Trước sau khác điều, khai chế vừa duyên. Nêu bày làm sao chuẩn? Ngoài luận hai tạng, nghĩa lại ngầm thông. Thấu đạt hiểu biết tinh vi, gọi đó là Hội Chánh. Do đó, Trời, Tiên, Tiểu Thánh hợp cơ mà rõ Đạo. Thay nhau nói Tinh lý, mở

sáng việc Tuệ đều gọi là Chí giáo, ấn định thành kinh. Nếu y cứ theo Luật tông thì chỉ vâng theo lời Phật dạy răn. Các Thánh lớn nhỏ đều chẳng vọng truyền dương. Vì sao? Vì, giáo hạn cục tại Nội chúng, khuôn phép thường nghi. Tăng Bảo kính vâng, trừ phi khuyên răn. Tự chẳng phải là ngôi vị cùng cực Chí Thánh, ai dám đặt để tâm. Do đó trong Văn kinh nói rằng: “Ta còn chẳng giao phó chúng tăng cho Thân Tử (Xá lợi Phất), huống gì người khác? Nên mọi sự chế định về khinh trọng đều vâng theo thành giáo. Giả sử như có người nghi hỏi, trở lại ủy thác Phật thông. Tuy có soạn luận rõ ràng, mà chẳng làm là khiến Di Ngôn tứ Mạng, giới là Đại Sư. Ba lần kiết tập Pháp Luân trước đều mở mang Pháp Điển ấy. Luận xung là Pháp Thọ, há là luống dối ư?

Xưa kia, từ Hạc Thọ về trước, người hành trì luật rất nhiều. trong đó, cao nhất, Nguu Vương là người trước hết, do nghiệp trước chưa đời nên dời đến ở nhà trời. Người kế đó, hiệu là Ưu-bà-ly. Năm trăm hiền công, phụng trì là trên hết. Đến nỗi khiến hơn bốn mươi năm. Hiến Chương trong bảy chúng tùy phạm khoa yếu, phần nhiều nhân diện kết. Còn như Trì Phạm, thông bát, nêu cử, trị nghi, đều khiến hiền dương, giao cho xét hộ. Tuy trải qua hai mươi bốn nương tựa, thông truyền khuôn phép chánh, mô phỏng lớp sau, phải noi theo văn ấy. Đến lúc tại Đông Xuyên mở khai giới nghiệp vào khoảng niên hiệu Gia Bình (249-254) thời Tiền Ngụy, mới mở rộng giới cụ túc. Từ đó về trước, Pháp chúng đều gọi là “Tứ Tử”. Thầy trò nghe rồi mới dời đổi tập tục vậy. Thực hành pháp Yết-ma thì nương chuẩn vào tông của ngài Pháp Hộ. Luận bàn về Bồ-tát thì phiên tụng giới của Luật Tăng-kỳ. Cương Giáo mới đầu tùy được vâng giữ, chưa có gì đáng lấy làm lạ. Vào thời Tây Tấn, chuyên pháp, ít thâm Cương Nhu. Tại Trung Nguyên tán loạn can qua, đua nhau tiếp nối. Ở Lạc Ấp điều tàn, vị Âm hoang cháy. Chúng của Trúc Hộ Thanh Môn có thể cuộn mà ôm giữ, Đồ của Khương Tăng Hội, Hoàng Võ chưa đáng thâm thám. Lại vì Tôn Hạo khắc nghiệt, Nguyên Đảo bắt nhân, đóng bít chùa, bày binh lính, giết tiết tăng chúng. Bên cạnh Bình Thành cao còn phủ mây, đất xen Hoàng Hà Phạm tăng mất báu. Ném hài cốt chẳng chôn, Pháp luật sao thông?

Bấy giờ, gặp may có Di Thiên Thích Đạo An khôi phục, sắp bày lại nghi phạm, phép thường tăng chúng đều y cứ theo giới khoa. Binh lính đói khát giao đôi lẫn lộn, cương chế nghiêm mật, rộng như ở Truyện trước có nêu bày. Nên ngài Đạo An nêu cử ba chương, để cứu vãn cốt yếu ở đương thời. Nhiếp duyên thành cứu giúp được chuyên việc ấy. Chỉ vì giáo điển thiếu sót chưa được rộng rãi, phải nương gá sự truyền trao. Tỳ-nại-da Luật mới đầu do ngài Đạo An mở mang. Văn rất sơ giản lược, biết sơ về Đại Chí. Xét về Chánh thì thật là điều chưa từng nghe. Mở mang do người thì ngài Đạo An

đáng nương cậy. Sau đó các Sa-môn Tuệ Viễn, Tăng Duệ, Nguyên, Dục đều tập thành môn phong. Ở hai Bang Tần Tấn, xướng minh Pháp hóa, thật do năng lực ấy.

Từ đó về sau, Nam Bắc chia thành hai, trú trì ngôi vị riêng. Mỗi miền tự trình bày, nêu cương mục, hồ tương đề cử thanh đồ. Nên có Thê Hà ở Nhiếp Lãnh mở rộng tịnh địa, Linh Ân ở Thái sơn kiến lập giới đàn. Ứng cúng bày Tăng như nhận bay, tiếp nối giới nghe mùa Hạ thì trở lại An cư, chính là việc ấy. Nếu Nhân Pháp đều ánh ngời thị hạnh giải phù hợp nhau, có ám muội thì mất tiết cốt lõi. Bây giờ, những vị không đức thì chôn vùi thân nơi đất. Nên trong đời có bốn hạng mê học.

Ở đây thử nêu lên, tưởng đáng quả trách: Hạng ưa thích Đại thừa thì chỉ chuộng phù hư, tình chuyên tham cậy, nên có bày giọng giới cương mà mất sùng oai nghi. Như thấy người vâng giữ giới luật thì xem thường, cho đó là Tiểu thừa. Với kẻ hủy phá tịnh giới thì coi trọng, cho đó là Đại Đạo, bèn dẫn lá vàng dụ cho là vàng ròng. Ngựa gỗ chẳng thể chạy xa, quả trách quất roi như quơ vào cỏ đất. Đều do hạnh thiếu sót nơi thân, bụi trần nhuộm bản cương lãnh, thẹn mình chẳng đạt được sâu, khinh mạn mình bị hệ lụy bởi nghiêm chế. Bèn xoay tình học Đại pháp, mở bày cõi lòng, lấn vết Thanh Văn, khen chuộng xiên dương Bồ-tát, thông tình thì sợ rơi xuống hang hố, bám lấy hiểu biết thì khúc my nơi cửa công. Có tâm như vậy, chưa thể gọi là thường thông. Lấy đó mà cầu tâm thì tâm có thể biết. Sao chẳng rộng đọc pháp giáo Đại thừa mở bày đường tuệ, nêu dẫn Thánh ý có gá bụi trần u? Do đó, trong Kinh Thắng-man có nói về khởi hành của người nữ. Vẫn biết Tỳ-ni là môn học Đại Thừa, nên chỗ rõ của đương thời là đủ tu của Sơ tâm. Chuộng biết Luật nghi tức Bồ-tát Tạng, hướng gì thấu đạt lý giáo, hiểu hóa biết thân. Thấu hiểu chẳng rơi vào thượng Hiền, công hạnh sao thiếu sót ở hạ chúng. Chắc chắn hạnh (công phu tu hành) có trái, Giải (thấu biết rõ) chẳng phải Giải. được nói mà chẳng rõ nghĩa, bỏ trí mà theo các thức. Sinh tử không bến bờ, nên khó trình bày, hàng lưu tục thường ba lần soi xét mà lại thêm chín đợt nghĩ suy. Với hàng xuất gia thuyên giải bốn pháp nương tựa cùng tám đường chân chánh. Đè dập đó để đến là không đáng nói. Vậy nên biết Đại Giáo, Tiểu Giáo tùy tướng nhiếp tu, đều ở lià đằm trước đầu chỉ ôm chấp. Nếu còn tính như thế thì không khác ngoại Đạo. Kinh Luận bán giáo, mãn giáo đều trình bày lỗi lầm đó. Thọ giới chỉ mà mở cửa hư nguyện, theo giới tức phải vâng chuyên thực hành. Biết thọ mà không rõ theo, tu nghiệp mà không hạnh ấy, thì đáng gọi là một cái bánh xe không thể lăn trên mặt đất. Chim gãy cánh sẽ rơi giữa hư không, đáng tin thay! Ở đời có những người khinh thường giới như thế, đều vì thân tâm phiền lụy, không rõ về Tri phạm,.. nên đồng khinh thường cho là Tiểu đạo, Tiểu thì có thể mất, nên liền

xả bỏ, kính trọng tình nhiều, ngậm lời không báo. Thật vì nhiếp ngự học chúng, chẳng có giới thì không mở mang, khéo cùng trụ trì mà không giới cũng chẳng thể lập. Đó giống như đi thì phải qua cửa, nói phải có nguyên do. Nên Danh lợi sắp đến, tranh ngôi vị mà kiềm thúc dung nghi. Thầy trao khuôn phép tôn quý, bước đến đàn tràng mà sửa đai. Há chẳng phải tham quyết tình mạnh mẽ, kính giới như thầy. Hành bật cương du, phó thác giới lấp đầy các hang ngòi. Chuyên chí ở nơi gốc độc, lấy bỏ khéo tại thước tất. Dùng đó để mở mang cứu giúp, thật chưa dám nghe. Đó là mền Đại, ghét Tiêu, vì mê lầm một bên. Nếu có khả năng khóa chặt thân miệng, tựa tướng nhiếp trì, rỗng rang nghĩ biết, hiểu Đạo mền Đức, thì các Sa-môn Đạo An, Tuệ Viễn, Tuệ Quang, sẽ nhờ người ấy.

Các luận thế học các luận từ số phân khu, bên cạnh Đại thừa mà thông tắt với đường nhỏ. Gượng bỏ nôm gốc mà tìm chương cú, liền thời lăm giới chột riêng sắc tâm, một hạnh cùng nhiếp của sáu lịch, Danh giáo có nhiều phức tạp. Hàng Thánh là ở nơi Đạo hạnh, Phạm học chỉ tại tên gọi. Do đó, đáp xét trọn đời rộng gồm từ nghĩa, xem thường giới răn, lẩn phạm sắc thanh. Tà thuyết đầy nơi môi mép, tà câu đầy cả cõi lòng, nghĩa là Bung bát là độn đỉnh, gọi trì Bình là dựng tử. Cứ mỗi nửa tháng thuyết giới, chỉ bày lời thô, y bát thọ trì rất thành phiền toái, bèn tức điên đảo hình phục, trổng sấm lời tiếng, dối lộng tôn nghi, xem thường kinh luật. Nên khiến y phục Pháp lạc thọ tịnh dứt bật nơi thân, giới luật giữ gìn, sống ràng ở miệng. Đó há chẳng nghe đối với Bốn nghiệp hay sao. Biết nghiệp thì chẳng vậy, chỉ vì lửa cháy sáng ở đầu lưỡi, từng chưa tròn tâm ước. Ở đây thì tôn cao, khoe khoang coi thường nền gốc, vì mê cả hai. nếu có thể xét sâu, khiến tánh khéo biết hay sửa trị. Động niệm chỉ là sự đối đãi của Ngã nhân. Chỉ biết rõ Thân Thức thì chưa hẳn vị Thánh nào cũng đáng chú ý? Có Luận sĩ Tuệ Hưu dựng lập rất có tiếng tăm, nhưng ngài Chuyên Đại xét Tiêu, vọt bay thật tỏ sáng tốt đẹp. Lại có Hạnh phước mặt phàm, bẩm nhận trong trắng sơ dã, đọc rộng tụng nhiều, tình hiện đặc sáng, riêng lược về giới khoa, nghĩa là giảng sinh lệ chẳng như, thường uống thuần sữa no dưỡng tâm thần của ta. Ở chốn lạng lẽ u nhân, có người nào hơn. Đó đều chẳng nghe giáo hạnh động việc nghi chậm, chẳng học thì không biết, tùy niệm mà giao tập. Do đó mỗi lúc giảng nghe thì chọn chỗ ngồi sắp xếp Chư tăng, đến chuyên nghiệp xét, người ấy chẳng bao nhiêu. Học còn không hiểu, hưởng gì chẳng học ư? Lòng trâu sừng lừa rất là gần thật. Lại có Samôn Thành xây dựng chùa tháp, sửa sang ruộng vườn, tìm kéo các gỗ quý, chẳng nghĩ đến vật mạng, cháy lan, tưới thấm làm sao tránh khỏi sinh linh. Chỉ sợ phước nghiệp không thành thật, không có Từ tâm trắc ẩn, thì là chẳng nghe lời răn dạy của Đại Thánh. Thập Tụng tam tướng chính là ở người ấy. Hoặc có người cho là làm Phước làm

tội, công và tội san qua sót lại, đó là chẳng nghe duyên Luật cấm ban đầu. Duyên tu ở Phật đường mới chế Địa giới, ý tại tùy niệm nên nương tướng mà buộc tâm. Không phải chỉ sự nghiệp có lỗi vô ích. Nên ở đời những hiền sĩ tư duy mầu nhiệm, chuyên tĩnh lặng vời dẫn thật ít có, còn kẻ xao động kinh doanh, chạy vạy thì rất nhiều. thô pháp dễ nhiễm, diệu lý khó mở, vì mê nơi ba cõi, nếu có thể y cứ vào giáo hạnh, chẳng vượt thường tình thì chỗ đồng của Hiền Thánh thật đáng mở mang. Còn như chùa Trùng có chín trăm Thân Đạo, ngài sáng nơi quận Triệu. Các Samôn Tuệ Viễn, Đạo Lâm chẳng khác giới Đức ở đời Tấn, đáng làm quy cách. Khách chuyên môn vâng giữ luật, trọng phụ lập chí cứng rắn, rộng tụng giới duyên, biết sơ về văn cú. Khi lên ngôi đầu dẫn chúng mở mang nước mạn phủ tâm lại không y cứ học. Cho nên không nghe sự dạy răn trong sạch của giới luật trong sáng. Pháp Thân thành tựu đầy đủ mới khởi thầy trò. Nay là dễ theo chỉ dẫn, chưa nghĩ đến rộng giúp. Cá liếc nhìn mây Hán, Tước mừng nhảy tăng luân, chỉ có Luật sư ta, ngoài ra đều là bắt chước. Nhìn các Kinh Luận mọi việc đồng như ruộng đá, châm dáng cao danh ước đồng như cỏ Đè, cỏ bại. Biết pháp ở đời ít ai biện rõ về Huân du, mặc tình khoa tri, đúng sai lẫn lộn, khinh trọng do đó mà lường xử, họa phước từ tâm thần ấy. Mở lời thành hình, không còn che phủ. Truyền mà không tập, bị cửa Không xem thường, kinh thì bị nhà Phật quở trách. Đâu khác gì đọc sách Lễ mà còn cao ngạo, tụng Kinh Dịch mà sao nhãng âm dương. Khuyên gắng thay lời ấy! Khiến chung nên thi, chỉ vì gặp thời Tượng quý, giáo Pháp bạc bẽo. Luật bộ tà duyên, tông ngưỡng rất nhiều. Đều do vốn tìm học ngữ, nghĩa chỉ tụng văn. Lây giấy hàng mỏng, đề roi ghi chép. Có thì y theo thuật, khuyết thì dứt lời. Nếu như có hơi khác lạ thì lấy thông không đường. Bèn nói Luật không chánh đoán, cho nên Thánh trước cho phép, bèn sinh khinh thường ở đời, xem nhẹ chương cú, uống nước âm trái hạnh mà cho là Thanh Trai, chứa để tiền báu mà bảo là phạm nhỏ. Đồ ngồi không nhọc tiết tịnh, Bát lượng chưa hẳn cơ chu. Đó đều là gượng nơi chì nhận, đôi lấy nghĩ bằng. Bón sự mê ấy, nếu có thể rộng tìm các sách, xem đủ hành tạng, chước rút bốn ấn, chiếu dung ba chế, gặp cơ phẫu đoạn thì văn lý cùng theo, ắt quát khắp bày thì vật ngã đồng hiểu. Nhiếp ngữ chúng tăng như thế, ở đời có người ư? Tìm nôm của giới luật ở nơi Trì Phạm. Học của định tuệ thường chuyên ở Trì. Nếu trì được thì hoặc loạn sẽ tiêu. Nếu Định được thì Thần cơ trong sáng xa vời. Ngoài ra đều là chương cú phù du, đồng mất ánh trăng mà chấp lấy đầu ngón tay, khinh đối giáo tướng, đồng ngâm vịnh thuốc mà mê càng bệnh.

Nên, Luận là thử khai mở bốn học, trọn rơi bỏ hai mê. Không lời lấy gì đặt để văn từ, bày hoặc tâm sao hết. Nên trong kinh trình bày rằng: “Các thứ Pháp dụ đều do lìa chấp trước”. Trong luật lại thuật rằng: “Nhất tâm thường

vậy, niệm dứt các ngăn che”. Cố nhiên lại ôm hoài đầu mối dạy răn ấy, hơi có minh châm, đem dùng thể gương như dòng nước. Hơn nữa, lại rõ ràng ở sau.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 23A hết.



QUYỂN 23 B

CHƯƠNG IV - PHẦN 02 : NÓI VỀ LUẬT

(chánh truyện có bốn vị)

Mục ở bản không phải như thế này, nhưng xét thấy vừa thiếu vừa thừa so với bốn truyện hiện có, nên ở đây tạm nêu mục lục theo văn truyện hiện có, chứ không theo mục lục của Bản gốc.

- 1/ Truyện ngài Thích Đạo Trụ trụ chùa Diên Hưng ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Hưng trụ chùa Phước Thắng ở Ích Châu, thời Tiền Đường.
- 3/ Truyện ngài Thích Minh Đạo trụ chùa Thiên Cung ở Lạc Châu, thời Tiền Đường.
- 4/ Truyện ngài Thích Đàm Quang trụ chùa Kính Ái ở Lạc Châu, thời Tiền Đường.



01- Truyện ngài Thích Đạo Trụ trụ chùa Diên Hưng ở Kinh đô

Thích Đạo Trụ, truyện này nêu đề là ngài “Đạo Trụ” mà nội dung đề cập nhiều về ngài “Đàm Sính”. Có lẽ nói là Truyện Ngài Đàm Sính thì hợp hơn, Sư họ Phụ, người ở xứ Thi Bình thuộc Kinh Triệu. Cha của Sư tên là Nhậm, làm Thái Thú Thượng Đẳng, nên ở tại Trương Tử. ngài tánh tình thông minh, ưa thích xa lìa. Năm 14 tuổi, gặp phải tang mẹ, ngài giữ chí Lục nga báo đáp ân khó cùng, vì mẹ mà xuất giá, chí thuần hiếu hạnh.

Năm hai mươi tuổi, Sư đến Tinh Châu, cầu thỉnh Pháp sư Ân làm Hoà-thượng, được chấp thuận. Lúc đó Pháp sư Ân đã tám mươi lăm tuổi, bảo Sư đưa đến cửa thành. Sư thấy có nhiều người mặc y phục màu đỏ nhiều râu tóc đến đón rước v.v... Đó là chỗ phóng sinh của Miên Trúc, nhờ đó được sống lại. Từ đó, Sư rộng khuyến hóa lập ao phóng sinh. Ở khắp các châu tạo lập hơn cả trăm chỗ, nay đều hiện còn. Lại nữa, thần Cam Đình ở Ích Châu oai lực nghiêm ác, ương phước lập ứng. Cầu nguyện mà dâng cúng các thứ máu thịt trâu dê thì khó kỹ. Bỗng nhiên thần giáng nhập vào thầy đồng cốt, nói muôn cho Ngài (Đàm Sính) thọ giới. Sư bèn đem tôn tượng Phật đến dưới tòa của thần. Khi ấy thần ảnh tự dời khỏi chỗ, hướng xuống dưới tòa Phật. Ngài (Đàm Sính) bèn cho thọ giới. Từ đó về sau đến ngày húy kỵ chỉ cúng thức ăn chay tịch mà thôi. Sư lại đến chỗ Lưu Bị tiên sinh thọ giới, thần cũng đi theo. Do đó các chỗ thờ thần ở Thục Xuyên, nơi nào ngài (Đàm Sính) có đi đến thì đều cho thọ giới, đến nay cũng không bỏ. Vì thế mà các hàng tăng tục quy hướng về Sư.

Sư lại đến Huyện Bì thuộc Miên Trúc tu tạo một pho tượng lớn cao ba trăm thước, nay đều thành tựu, nên mọi điều mong cầu không điều gì chẳng toại ý. Đến niên hiệu Hiên Khánh thứ tư (659) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi lăm tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương kính mến tiễn đưa đến ao phóng sinh. Trên đường đi trải qua ba cơn mưa lớn, mưa đều màu trắng, vừa đến nơi an táng thì đất trời trong sáng.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đạo Hưng trụ chùa Phước Thắng ở Ích Châu

Thích Đạo Hưng, họ Lưu, vốn ở xứ Tần Châu. Năm khoảng tám, chín tuổi, Sư thường nghĩ đến việc xuất gia, bèn đến chùa tăng, chẳng chịu trở về, cha mẹ Sư sợ mất.

Năm mười chín tuổi, Sư nhất định đến chùa Đại Quang xin xuất gia. Tăng chúng rất xót thương. Cha mẹ Sư khổ tìm cầu mà Sư cố ẩn trốn lánh, tăng chúng giải thích, dẫn dụ, cha mẹ Sư liền chấp thuận cho Sư xuất gia. Bấy giờ, trong nước gặp lúc đại loạn, giặc cướp hoành hành, người chết chất như núi. Sư đang là Sa-di, nói với các đồng bạn rằng: “ Thân người khó được, giữ giới là bậc nhất”. Cha mẹ Sư bị giặc bắt dẫn đi cách xa thành đã sáu mươi dặm. Sư liền bỏ mạng tìm đuổi theo, đến nơi, mẹ Sư bị thương nhưng chưa chết. Giặc thấy thế bảo rằng: “vị tăng này thật là chí hiếu, đuổi tìm theo mẹ mà đến đây!”. Nhưng bà chưa chết, Sư bèn cõng mẹ trên lưng trở về thành. Mọi người trong thành đều lấy làm lạ, giữa đường giặc đã hung hiểm, vì sao mà trở về được. Sư lánh nạn tìm đến đất Thục, vừa tới huyện Hà Trì, gặp được Tán Hoàng Công chở che an ủi, dẫn đưa đến Lương Châu. Sư

cùng một vị Lão tăng đồng đi theo. Vị Lão tăng ấy có mùi lượng vàng, bảo với Sư rằng: “Tôi có số vàng này, có thể mang đến đất Thục thì cùng chia nhau”. Ngài bảo: “Đó là vật nguy thân, Phật lại chẳng cho phép, không thể cùng đi. Nếu không tin thì thiện ác sẽ có ứng nghiệm”. Sư bèn bỏ mà sang đất Thục. Lão tăng ấy giữ vàng mang theo, vừa đi đến huyện Tam Tuyền, gặp giặc nên bị giết chết.

Khi đã đến Thục Xuyên, Sư đủ tuổi, bèn thọ giới cụ túc, thường hành trì hạnh Lan-nhã, Đầu-đà khát thực. Có Luật sư Trí Thuần là bậc thông minh giảng tụng, Sư đến nương tựa nghe qua năm biến, bèn có thể đáp thuật. Sư thường có sự dị kiến, nên ngài Trí Thuần rất lấy làm lạ. Sau, Sư lại đến kinh đô, dưới pháp tòa của Luật sư Trí Thủ trình bày Đại Nghĩa, như chỗ dẫn nêu riêng. Sau đó, Sư lại trở về Thục Xuyên, rộng nghe các kinh luận, chẳng để lỡ thời gian tác bóng. Sư lại đến dưới Pháp tòa của Thiền sư Giang, thọ học Thiền pháp, lấy làm yếu thuật để răn trùng tâm.

Sau khi Luật sư Trí Thuần thị tịch, Sư nối tiếp Luật diên, mỗi năm giảng tịch rất đông đảo, ba mươi hai lần đến tỉnh, Sư mới hứa Khai tông. Sư từng than rằng: “Phật Pháp dần tan, khinh mạn ngày một thêm nhiều. tôi chẳng dám khinh, do vì trọng pháp nên như vậy. Tức lấy ân cần trịnh trọng làm hạt giống của Pháp lành. Nếu không có hạt giống ấy thì chẳng do đâu gặp được”. Do đó, mỗi lúc giảng về Luật bộ và phát tâm Bồ-đề, ngài lấy đó mà khuyên chúng. Người nghe rơi lệ khóc nghĩ ân Sư dạy răn. Sư đợi chúng lắng tĩnh hết gào khóc, giây lâu mới bảo xướng văn. Như thế chẳng phải chỉ một lần. Mọi người khắp bốn phương xa tìm đến, chẳng kể chủ khách. Sư trông coi Đô Duy Na. Bấy giờ, Quan phủ cấp thiết không cho phép khách ở lại, các chùa không nghỉ ở được, mọi người đều tìm đến. Sư bèn vỗ về an ủi. Chủ chùa bảo rằng: “Y cứ vào phép Quan chế lệnh không cho phép, sao được nghỉ ở đó?” Sư bảo: “Quan không cho phép dung chứa kim khâu, lại riêng dung chứa xe ngựa, chủ chùa há chẳng nghe lời ta ư”. Sư bảo: “Đây là Tam Bảo tôn kính thì được điều lành, ghét ganh thì chiêu cảm điều ác”. Chủ chùa càng tức giận, trở về phòng, mắt nhìn áo ca-sa không thấy, lại đến Tam Môn Vương Gia hội, ăn cơm lại nói là ăn huyết. Mọi người thí dụ, rót cuộc chẳng chịu ăn. Chủ chùa về lại chùa hướng về Sư xin sám hối. Sau đó suốt đời thực hành hạnh A-lan-nhã.

Bấy giờ, Quỷ lại làm não loạn, Sư bước ra giường dây, Quỷ thôi lụi, Sư lại cho thọ Pháp Tam quy, rồi Sư về lạy Phật danh, quỷ cũng theo lạy. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiên Đường, Thanh Thành Đái lệnh lại kính mến, muốn cùng Sư đồng ngủ qua đêm trong một phòng. Nửa đêm đang ngủ, bỗng nhiên kinh hãi chạy ra ngoài phòng, bảo rằng: “Thấy có một vị tăng mặc áo màu đỏ cầm gậy đánh vào lưng hỏi “vì sao ngủ qua đêm ở

đây?” Bèn lấy đèn rọi vào lưng, thấy có lằn vết như ba ngón tay lớn, có ấn màu đỏ. Nhân đó cầu xin sám hối lỗi lầm. Đang lúc Sư mắc bệnh rất nặng, nghe trong phòng nhà có tiếng nhạc, Sư tự nghĩ rằng: “Điều ta mong cầu vốn là thành Quả Phật, chẳng nguyện ở trời, người. Nếu điều nguyện chẳng luống dối thì các Quỷ loạn tự nên tiêu diệt”. Sư nói xong thì tiếng âm nhạc tự ngừng dứt. Từ đó Sư bèn lành bệnh. Sư thường đánh lễ danh hiệu ngàn Đức Phật, mỗi ngày một biến.

Niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Pháp sư Huyền Trang đón rước Xá-lợi đến, bảo Sư cúng dường. Sư có được Xá-lợi rồi, bèn lập đạo tràng ở ngay trong phòng, phát khởi chánh nguyện rằng: “Nếu một đời hoàng truyền giáo Pháp và đánh lễ ngàn Đức Phật trong Kiếp Hiện mà khế hợp với Thánh Tâm, xin phát ra ánh sáng!”. Đúng như lời Sư, trong phòng đều có màu vàng rờng, các đệ tử đều cùng trông thấy. Đến ngày....tháng....niên hiệu Hiền Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước Thắng, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Từ khi Sư nhập Đạo, hạnh tiết luôn giữ trong lòng. Ngày đêm thường ngồi, không hề nằm một chút. Sư chưa từng đến chợ, không thọ nhận lợi riêng. Ngoài việc khát thực, Sư chẳng ra khỏi cửa chùa, chẳng cười trên mình loài vật, chẳng mặc đồ phi pháp. Ngũ tượng ở Ích châu rất kính trọng Sư.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Minh Đạo trụ chùa Thiên Cung ở Lạc Châu

Thích Minh Đạo, họ Diêu, người ở xứ Ngô Hưng. Nhân làm Quan tại Hấp Châu, bèn dời nhà đến ở đó. Từ thuở nhỏ, Sư đã hiệp nhã điều, chẳng hợp bọn với chúng bạn. Cuối đời Tùy tán loạn, cha mẹ Sư đều qua đời. Sư phát tâm xuất gia, ý muốn Hộ Pháp. Ngay đó, Sư tìm theo giới đức của ngài Di-lặc.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đi đến Trần Châu, gặp được sắc ban tuyển chọn độ tăng chỉ ba mươi vị. Vì tiếng tăm đức hạnh của Sư vang khắp đã lâu, bèn ứng kỳ tuyển chọn ấy. Tuy vinh hạnh được chọn, nhưng ý Sư vẫn để đó. Sư bèn than rằng: “Xuất gia hoàng pháp cứu giúp, mục đích là hành Đạo, đâu thể vì Danh thật mà bó buộc vương mắc ở một phương!”. Sư bèn đi xa, lìa bỏ chùa vũ. Sư đến dưới pháp tòa của hai Luật sư Thuốc và Pháp Lệ, bầm thọ sáu màu, chưa đầy một năm mà tiếng tăm trội vượt. Nhân đó hai thầy bảo Sư đáp thuật, Sư tuôn nhã thấu đạt không sót. Học chúng bạn Đạo không ai chẳng suy tôn kính mến. Từ các chùa kết giận kiện tụng cho đến các hàng tăng tục kéo xin Sư giải quyết, đến lúc Sư ra mặt nhã lời thỏa phục, mọi người đều ngợi khen Sư khéo thấu đạt phương tiện không tranh cãi. Đó đều là do năng lực suy nghĩ của Sư.

Niên hiệu Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường, đạo hạnh Sư đã sớm ngài sáng, vâng sắc ban riêng trụ chùa Thiên Cung ở Đông Đô. Đến niên hiệu Lâm Đức thứ nhất (664) thời Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) tạo tượng Lão Tử, ban sắc đón rước đến Mang Sơn, bèn ra lệnh tại Lạc Hạ Văn vật khắp bày. Bấy giờ, Trưởng lại Hàn Hiếu oai vọng cậy Thiên oai, hoàng cân mê hoặc, riêng bảo tăng ni đồng phải đón rước. Hàn Hiếu dùng oai lực buộc tất cả hai mươi hai huyện trong các châu bộ tất cả năm chúng đều nhóm họp về Lạc Châu. Mỗi người cầm phướn lọng cùng ngày đều cử. Sư đứng giữa chúng, bảo rằng: “Phật giáo, Đạo giáo từ trước đến nay cách nhau. Tà Chánh phương vì khác nhau vốn tự sai biệt. Vì sao họp tập hòa theo trích dẫn? Đã không có riêng ban sắc của Vua thì không dám vâng mạng”. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đó là Đạo nhân nào mà dám chống Quốc lệnh như vậy?” Bèn sai người tước cởi áo Ca-sa của Sư. Sắp thực hành lệnh cấm, Sư bảo: “Ca-sa có sắc độ mới được mặc, chẳng có sắc lệnh không được vọng cởi. Không sắc lệnh buộc chúng tăng đón rước Đạo giáo, đó là trái với Quốc mạng”. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đạo nhân nào không đón rước Thiên Tôn thì bước ra”. Sư liền đứng dậy một mình. Khi ấy, tăng ni đồng một lúc đều sang đứng ở chỗ Sư. Hàn Hiếu Oai tức giận bảo: “Đạo nhân muốn phản ư?” Sư liền bảo với Quan nhân cả lực tào rằng: “Trường lại vùi tất cả tăng ni xương phản, đó là Trưởng lại tự phản, chúng tăng không phản, phải báo với Ngự sử”. Sư cùng tất cả tăng ni v.v... cùng một lúc đổ ra, Hàn Hiếu Oai mệt mờ lo sợ bước xuống thêm cúi đầu, hổ thẹn tạ lỗi mà ngừng. Việc chống ngự như thế ở cuối đời ít có.

Nhân chúng tăng nhóm họp thử chọn độ người. Chùa Thiên Cung bày trai thực để cúng dường, quá nửa ngày mới đến. Trong chúng tăng có người chẳng lường xét thời gian bèn lấy mà ăn. Sư bảo: “Các Đại đức đều là nơi Phật Pháp nương cậy, là mẫu mực của Thiên hạ. Ăn phi thời mà còn đối trước người tục mà ăn. Các vị trái với pháp luật, hiện cái duyên tướng pháp diệt, mạo phạm đến Thánh Phạm đến như thế”. Tăng chúng đều hổ thẹn. Nhân đó Sư lấy nước trong súc ruột hơn một tháng chẳng ăn. Sư buồn thương chánh pháp điều tàn chìm đắm cùng cực. Các hàng tăng tục tha thiết khuyên cầu, Sư mới ăn dùng bánh. Lấy đó để lường. Nên các bậc Hiền sĩ vì hộ pháp chẳng đoái hoài thân mạng của mình. Ở đời chỉ có được Sư mà thôi.

Năm nay Sư đã ngoài sáu mươi tuổi. Các bậc anh đạt khắp xứ Đông hạ đồng một lúc đều nhóm họp. Sư ở giữa chúng thanh tịnh rất là cao xứng.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đàm Quang trụ chùa Kính Ái ở Lạc Châu

Thích Đàm Quang, họ Trương, người ở xứ Biện Châu. Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư khiết chí sống đúng với khuôn phép. Những nơi có đồ chúng tốt đẹp, không đâu Sư chẳng đến. Sư đến ở nơi hai Luật Sư Pháp Lệ và Thước thọ học Thành giáo. Mãi đến tuổi ba mươi, Sư rất thông hiểu Luật tạng, mạng tông Chương Nghĩa là chỗ kính trọng. Ngài Pháp Lệ khen rằng: “Khiến Đạo pháp ta lưu tỏa ở Hà Hữu, thật là người này!”. Sư lại đến chỗ Pháp sư Ngọc nghe học Kinh Pháp Hoa, Địa Luận. Cao đạt thắng thừa, huyền lý quyền thật thản nhiên. Sư lại đến chỗ Thiền sư Tướng ở Tung nhạc học pháp tu Chỉ Quán. Nhân lắng bật trần cấu não phiền, không bó buộc bởi danh lợi.

Gặp lúc ở Đông Đô thanh đức, cần phải có vị Trú trì. Vì Sư là người vốn có giới đức, cảnh hạnh khó ai bằng, nên Vua ban sắc mời Sư đến trụ chùa Thiên Cung. Lại vì giáo thọ mới thành, đồ chúng đều nhóm họp. Những vị đảm nhậm cương quản chẳng phải người thì không truyền. Nhân đó, Vua lại mời Sư làm Thượng tòa ở chùa. Sư dẫn dắt võ về tăng chúng thanh tịnh, chẳng sửa đổi mà thành. Nhưng sự trầm ái của Sư thật từ xưa nay ít có người được như thế. Các bậc Luật học khắp bốn phương, không ai chẳng đến thưa hỏi. Nên nơi phòng nhà của Sư, môn nhân kẻ vai giẫm gót, thành tựu những điều nêu lên, xa gần vang thừa. Có Luật sư Quân Độ ở chùa Tây Minh rục rờ nêu cử một thời tuần kiệt, cũng từ chỗ Sư mà tiến tới.

Hiện nay là niên hiệu Lân Đức thứ hai (665) thời Tiên Đường, Sư đang giảng dạy tại Đông Đô, thầy trò cùng dẫn đạt, càng được kính trọng.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 23B hết.

---o0o---

QUYỂN 24

CHƯƠNG V - PHẦN 01 : HỘ PHÁP

(chánh truyện có sáu vị, phụ có bốn vị).

- 1/ Truyện ngài Thích Đàm Vô Tội trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô thời Đông Ngụy.
- 2/ Truyện ngài Thích Đàm Hiền sống bất định ở thời Bắc Tề.
- 3/ Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỳ Thế núi Chung Nam, thời Bắc Chu (Tuệ Tuyền).
- 4/ Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô, thời Bắc Chu (Tuệ Tuấn, Tuệ Cảnh, Bảo Quý).

5/ Truyện ngài Thích Tăng Miển trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu, thời Bắc Chu.

6/ Truyện ngài Thích Tăng Mãnh trụ chùa Vân Hoa ở Kinh đô, đời Tùy.



01- Truyện ngài Thích Đàm Vô Tội trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô

Thích Đàm Vô Tội, họ Đông, người ở xứ Võ An. Sư là người linh ngộ thấu suốt sâu màu, thâm đượm huyền bí. Thuở thiếu thời, Sư bảm thọ đạo hóa, tiếng tăm tỏa khắp triều đình, thôn dã. Là vị tướng tốt của Tam Bảo, là nước vàng nóng trong thời Tượng pháp. Sư phúng tụng kinh luận, giữ vững Luật Bộ, riêng yêu thích Thiên-na, tâm rộng tĩnh lặng. Bấy giờ, Sư thường hành cấp dẫn, mọi người đều suy tôn. Sư kiêm thông suốt cả Huyền nho, rất giỏi Luận đạo, nên khiến bầy chúng trông nhìn vết trần mà im lặng mọi ồn náo. Sư nhàm chán tình đời, sắp bỏ bốn bộ, hành thí dạy răn cứu giúp phần nhiều lấy giới cấm làm đầu, phát động căn cơ chúng sinh, tin dùng như mây bủa.

Sư từng thuyết giới chùa Sùng Tông ở Hàm Đan. Đồ chúng có hơn ngàn vị, đều thường theo học môn. Đến ngày ba mươi tháng tư, lúc Bô-tát hành trừ (phát thê) y cứ theo vị thứ mà trao nhận trừ, thường tính đến ngoài thì có hơn sáu mươi một vị. Sư ngồi ở đầu tòa rất lấy làm lạ, đã không có chúng bên ngoài, suốt đêm Sư hoài nghi. Đến sáng sớm kiểm lại, có người thấy từ phía tây thành Hàm Đan mà đến, đều là những vị Đại đức khác thường, y phục ngay ngắn, dáng vẻ khoan thai. Cũng có người thấy từ mặt phía Đông núi cỏ mà đến. Hoặc có người gặp ở giữa đường, đều bảo là: “Đi đến chùa Sùng Tông nghe tăng thuyết giới”. Vài người tiết lộ cung cấp tin như thế, xét về tuổi tác, nhân số ít nhiều đều hợp đủ sáu mươi vậy. Cho nên biết Đạo hợp Thánh tâm là khiến u linh từ xa giáng đến. Quần ả Trúc Lâm rõ chẳng phải vọng tiếp thừa. Đức của Sư đượm hợp Thích tông thường vẻ vang ở đương thời.

Về sau, Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô. Chùa đó do Thanh Hà Văn Hiến Vương Dịch xây dựng. Hiến vũ rộng rãi vây quanh đến ba dặm. Sư giỏi mở mang dẫn dắt, khéo thông đạt các Kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm. Tăng chúng có hơn ngàn vị, thường hành trì Đạo nghiệp không biếng trễ. Có Sa-môn Bô-Đề-Lưu-Chi người xứ Thiên Trúc thấy Sư bèn kính lễ, gọi Sư là “Đông Đô Bô-tát”. Và thường xem đọc Bộ “Đại Thừa Nghĩa Chương” do Sư soạn và luôn búng ngón tay ngợi khen là hay, đồng

thời phiên dịch thành tiếng Phạm gửi truyền đến Đại Hạ. Ở phương ấy, những vị đọc xem đều hướng về phía Đông kính lễ tôn xưng Sư là bậc Thánh! Và thường lấy đó làm chính trong việc hoàng Pháp.

Niên hiệu Chánh Quang thứ nhất (520) thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thêm triều phục đại xá, thỉnh các vị Sa-môn và Đạo Sĩ vào điện. Sau khi thọ trai xong, Thị Trung Lưu Đằng tuyên sắc “thỉnh các vị Pháp Sư v.v... cùng các Đạo sĩ luận bàn Đại Nghĩa”. Bấy giờ, Đạo Sĩ Khương Bân ở Thanh Đạo Quán đối luận với Sư. Vua hỏi: “Phật và Lão tử có sinh đồng thời chăng?” Khương Bân nói: “Lão Tử đến phía Tây giáo hóa người Hồ thành Phật, Phật làm thị giả. Có Văn xuất xứ rõ ràng ở “Lão Tử Khai Thiên Kinh, y cứ theo đó tức là đồng thời”. Sư hỏi rằng: “Lão Tử sinh đồng thời với Vua nào? Năm nào đến Tây vực?” Khương Bân đáp: “Lão tử sinh đêm mười bốn tháng chín năm thứ ba (604 trước tây lịch) thời vua Định Vương nhà Đông Chu, người làng Khúc Nhân, ấp Lê, huyện Khổ, quận Trần, nước Sở. Đến năm thứ tư (582 trước Tây lịch) thời Vua Giản Vương (Cơ Di) nhà Đông Chu, giữ chức Thủ Tạng lại. Đến năm thứ nhất (519 trước tây lịch) thời vua Kính vương (Cơ Cái) Nhà Đông Chu, lúc đó Lão Tử đã tám mươi lăm tuổi, thấy nền Đạo đức nhà Chu quá suy sụp, bèn cùng Tán Quan lệnh y Hỷ đi về hướng Tây đến giáo hóa làm người Hồ, y cứ theo đó thì rõ”. Sư bảo: “Đức Phật sinh ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn (977 trước tây lịch) thời Vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) nhà Tây Chu, thị tịch ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi hai (924 trước Tây Lịch) thời vua Mục Vương (Cơ Mãn) nhà Tây Chu. Tính từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn trải qua ba trăm bốn mươi lăm năm mới đến năm thứ ba thời vua Định Vương (Cơ Du), là năm Lão tử mới sinh. Sinh đã tám mươi lăm tuổi, tức đến năm thứ nhất thời Vua Kính Vương là đã trải qua bốn trăm năm mươi năm. Lão tử mới cùng y Hỷ trốn đến Tây Vực. Như vậy thời gian năm tháng cách nhau quá xa, há chẳng phải sai lầm ư?” về niên đại trên đây không được chính xác khi tính kỹ lại. Khương Bân nói: “Khổng Tử chế pháp bậc Thánh, đương thời Phật không có Văn ghi chép hay sao?” Sư bảo: “Họ Khổng có ba Bị Bốc Kinh, Văn từ của Đức Phật phát xuất từ trong bị. Kiến thức của nhân giả đồng như ống trúc mà nhìn chẳng được rộng xa, làm sao có thể thấu đạt được”. Vua bảo Thượng thư lệnh nguyên Hựu tuyên sắc Đạo Sĩ Khương Bân luận đối không có Tông Chi, nên bảo xuống khỏi chỗ ngồi. Lại bàn luận về “Khai Thiên Kinh” do ai nói ra? Trung Thư Thị Lang Ngụy Thâu, Thượng Thư lang Tổ Oánh đến Quán lấy kinh. Thái úy Tiêu Tông, Thái Phó Lý Thật, Vệ úy Lý Bá Đào, Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan, Tán Kỵ Thường thị Ôn tử Thăng v.v... gồm tất cả một trăm bảy mươi người đọc kinh xong, tâu rằng: “Lão tử chỉ soạn năm ngàn lời văn, ngoài ra không có

ngôn thuyết. Theo sự bàn nghị của chúng thần v.v... thì Khương Bân phạm tội mê hoặc quần chúng”. Khi ấy, Vua phạt tội cực hình đối với Khương Bân. Tam Tạng Pháp sư Bồ-Đề-Lưu-Chi tha thiết can ngăn, Vua mới thôi và đày đi Mã áp.

Sở học của Sư vô cùng tài giỏi, vẻ vang tiếp nối trong Ngụy Sử, sách vở rất nổi tiếng lan khắp các nước, khiến các hàng Đại Nho Triều Sĩ đều hạ mình quy y. Phật pháp Trung hưng chỉ có Sư khai mở. Không rõ về sau Sư thị tịch ở tâm.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đàm Hiền sống bất định ở thời bắc Tề

Thích Đàm Hiền, không rõ Sư là người xứ nào. Cuối đời Ngụy, Sư đến trụ quanh vùng Nghiệp Trung, tạm dừng ghé ở chùa tăng, không nơi cố định. Mỗi lúc nơi nào có pháp hội thì Sư có bước đến, và đều hỏi thông hiểu nghĩa ẩn văn. Ngoài ra thì tự xưng dài, tán thuyết, liền bỏ đến giảng hội khác. Mỗi về sau, ngài thấu hiểu đến mật lý, nêu bày ở tại nghe. Người đương thời do đó mà lấy làm lạ. Nhưng nhìn hình nghi của Sư thì ăn mặc lam lũ, dung tướng chẳng sạch sẽ. Sư lại thô tháo nên mới đầu không ai đoái hoài, chỉ có Pháp sư Thượng Thống rất rõ biết sự nhận biết sâu xa của Sư, riêng ban cấp các vật dụng để Sư điều lượng uống ăn. Hoặc có lúc Sư bị mê nằm bên vệ đường, có khi lại trong sạch vượt trội, sửa sang thần khí.

Đến đời Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) thời vận nhà Bắc Tề hưng thịnh. Vào niên hiệu Thiên Bảo (550-560), Phật giáo và Đạo giáo đua nhau cạnh tranh hơn kém. Gặp lúc Đạo Sĩ Lục Tu Tĩnh vọng thêm lắm sự xuyên tạc, đặt ra nhiều trai nghi buộc ràng rất tốn phí, trong ý muốn các hàng vương giả vâng giữ. Cũng gặp thời Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) nhà Nam Lương mở vận, niên hiệu Thiên Giám thứ ba (504), Vua ban sắc phế bỏ Đạo giáo. Tự tay Vua soạn sớ, văn từ rất khắp cùng. Lục Tu Tĩnh không dần nổi sự tức giận ấy bèn cùng môn nhân và những người ở vùng biên giới làm phản vào đất Bắc Tề, lại dốc hết vàng ngọc cấp tặng các hao tổn đi đường. Dừng việc cấm kỳ để giúp phục hưng Đạo Pháp. Vua Văn Tuyên Đế bị mê hoặc, mới ban sắc mời các Samôn cùng với Đạo Sĩ bàn về Đạo thuật. Khi đó các Đạo Sĩ chú nguyện cho y bát của các Sa-môn hoặc bay lên, hoặc chuyển động, hoặc chú nguyện cho rường cột ở các nơi nằ ngang, đứng dọc trên mặt đất. Các Sa-môn chẳng từng học về các phương thuật bèn im lặng không đối đáp gì. Các hàng sĩ nữ đua nhau ồn náo, mọi tầng lớp sang hèn thay đổi tâm tư, đều cho đồ chúng của Lục Tu Tĩnh là cao siêu. Lục Tu Tĩnh mới cao giọng khoe khoang huyền hoặc Đạo thuật, nói rằng: “Thần thông quyền bày để đê đê bẹp sự khinh thường. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện. Nay mới thử nêu chút

thuật mà đều từ khuất thối lùi, việc như vậy cũng đủ để thấy biết”. Vua Văn Tuyên Đế bảo Pháp sư Thượng Thống sai người thi đấu với Lục Tu Tĩnh. Ngài Thượng Thống bảo: “Phương thuật là kỹ nghệ nhỏ mọn, hàng Tục nho còn xấu hổ với cõi lòng, huống gì là với người xuất gia ư? Tuy nhiên, Thiên mạng bảo thi đấu với nhau, đấu được không nói, bây giờ hãy sai vị tăng ngồi ở dưới cuối cùng để đối đáp”. Bấy giờ, Sư đang ngồi ở sau cùng say mê trong cơn vui chén, mọi người cùng đỡ lên tòa. Nhân đó, Sư đứng cười. Cả chúng đều lo sợ, nhưng vì ngài Thượng Thống sai bảo nên không ai dám có lời ngăn cản. Ngài nói với các Đạo Sĩ rằng: “Vừa rồi khoe bảo ta hiện thuật một thì cùng hiện đến hai, điều ấy rất đáng có”. Và ngay trên tòa, Sư đứng một chân, bảo rằng: “ta đã hiện một rồi, các ông hãy hiện hai đi”. Các Đạo Sĩ không một người nào đối đáp. Sư bảo: “Vừa rồi chú thuật khiến các y vật bay lên là các ông thử thuật”. Sư bảo đem y bát của Thiền sư Tăng Điều đến và bảo chú thuật vào đó xem. Các Đạo Sĩ chú thuật đều không lay động gì cả. Vua Văn Tuyên Đế sai mười người nhắc lên, cũng vẫn như cũ không lay động. Sư nắm y đặt lên trên các xà gỗ vẫn điềm nhiên không ứng nghiệm gì. Các Đạo sĩ nhìn nhau thất sắc, còn cho rằng biện luận là hơn, bèn bảo rằng: “Nhà Phật tự xưng gọi là Nội. Nội tức là nhỏ. Gọi Đạo gia là Ngoại, ngoại tức là lớn”. Sư liền ứng tiếng bảo rằng: “Vậy thì Thiên tử ở trong (Nội) thì nhất định là hàng thứ nhân nhỏ”. Lục Tu Tĩnh cùng đồ chúng đồng ngậm miệng không nói được thêm lời nào. Vua Văn Tuyên Đế ngồi nơi tòa tự nghĩ nên ân tâng chảnh? Đồ chúng Đạo sĩ ấy ngay ngày hôm đó đều bỏ tà theo chánh, cầu xin Sư tế độ, người nào chưa phát tâm thì Vua ban lệnh cho cạo tóc nhuộm áo. Nên người bị chém đầu chẳng phải một. Những người tự xưng là Thần Tiên, đều bước lên Tam Tước Đài, và bảo hãy tự nhắc mình bay đi, tất cả đều rơi xuống đất. Nguyện vọng ngay đó bị hàng phục ban sắc chiếu rằng: “Pháp môn không hai, Thật Tông chỉ một, cầu ở đường chánh, vắng lặng làm gốc. Đạo giáo cúng tế rượu là giả vọng trong đời, người đời chưa tỏ ngộ mới tôn sùng cầu kính. Men rượu Hoàng Bá là mùi vị thanh hư. Nào nấu quá trưa là ngọt ngon. Từ bi xa cách hẳn. Trên khác với nhân từ, dưới trái với phép cúng tế. Nên đều cảm bật chẳng được vâng thờ. Phân ban khắp xa gần, khiến đều nghe biết”. Còn các Đạo Sĩ quy phục đều giao cho Chiêu Huyền Đại Thống Thượng Pháp Sư độ cho xuất gia, có nói rõ như trong Biệt truyện. Bấy giờ, khắp xứ Bắc Tề đều nhất tâm kính thờ Phật. Trong nước không thờ hai tôn giáo. Mãi đến thời vận nhà Tùy dần dần Khai tông. Đến nay tại Đông Xuyên tiếp nối còn rất ít.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) có lời rằng: “Đạt hóa hộ trì dung thông còn nổi tiếng ở thời nhà Tần, nhỏ vì đạt đến xa. Ngài Đàm Hiển nổi tiếng công lao ở thời Cao Tề, biết được người khó thay! Ngài Thượng Thống suy lường

về phong cốt thì như chân ngựa giỏi vượt xa ngàn dặm. Khác đời cùng giá cưỡi, dùng dung mạo mà lấy người. Mất đó từ xưa, thì nhọc trang sức đen vàng. Tại sao có thể kháng đời ư? Ngài Đàm Hiên rất ráo là người phóng đạt lưu tục, thâm trốn giữa người đời, không biết ra sao.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỳ Thế núi Chung Nam

Thích Tĩnh Ái, họ Trịnh, người xứ Vinh Dương. Sớm nêu vinh dự thế tục, vì ôn nhuận mà nổi tiếng. Thần khí Sư giản dị nổi bậc ngoài vật. Vừa mới là Thư sinh mà rộng chí kinh sử, những bậc tài giỏi trong giòng họ Trịnh đều lấy làm lạ mà bảo là “Người làm hưng thịnh dòng tộc ta chính là đứa con này!”. Sư cùng các bạn đồng hàng đi đến chùa, trông thấy hình vẽ địa ngục, Sư ngoái lại bảo các bạn rằng: “Kỳ lạ thay! Xét về nghiệp lý nếu hẳn như vậy thì ai có thể trách khỏi sự khốc liệt này?” Bèn gương trái lời tha thiết can ngăn, cha mẹ Sư không thể đoạt hẳn chí khí, bà con giòng tộc cố giữ, mà Sư quyết xé lưới ái buộc ràng, tình phân như đá. Bèn một mình đến chùa Ngõa quan, nương theo Thiên sư Hòa được xuất gia. Lúc đó Sư vừa mười bảy tuổi.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tiếp thừa kính ngưỡng luật nghi, hộ trì trong sáng đào luyện, rất được mọi người đương thời kính trọng. Sư lại đến chỗ Pháp sư Cảnh, nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua mà thần trí tỏ ngộ, mở thoáng nhiều lớp sâu kín. Sư lại y cứ theo những hiểu biết trước, bèn rõ là lạm thuật. Ngài đi khắp đất Tề, thưa hỏi những vị biết luật, các trường giảng luận, đường Sư chóng tỏ bày qua lại, từ lệnh rõ ràng cao nhã, lý vượt trong sáng, đều lược không thừa tiếp dẫn dắt, trọn đời sống trong phiên lụy. Sư bèn tự vỗ vào tim, bảo rằng: “Ta sinh năm bất hạnh, gặp thời năm trước hỗn loạn, mất nơi vật bàn luận, được điều xem thường. tới lui chỉ hang núi, có thể bước xa chăng?” Bèn tâm miệng cùng buồn đuổi ảnh nơi Tung nhạc, tìm gồm các kinh luận để quên ngủ nghỉ. Nhưng đối với bốn bộ Luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận và luận Thập nhị môn, Sư rất có tâm kính chuộng. Ngoài ra thì gom nhặt Dị tông, trở thành thông chiếu. Sư nói năng thì văn vẻ như lụa tảo chuỗi nói châu liền, viết lách cũng thảo hành thông suốt nhau. Cao được đời kính trọng, ít chỗ không tốt lành. Sau, Sư tự tỏ ngộ rằng: “Trau chuốt văn từ trái với lý thật, thảo thật thì loạn chân. Há rong ruổi quên trở về, chẳng nghĩ trừng ngài ư?” Từ đó Sư thệ nguyện đoạn dứt. Chỉ vì mở lối đường đi về hướng Đông và thường vị nghe trước. Sư sợ nhuốm vào bên tà, hối hận ở học muộn. Lại đến núi Bạch Lộ, xa trông xem Hoàng Lão, rộng đường nhiếp thọ. Trang Tuệ lừa dối ngư nêu luận ngụ ngôn, không được mến chuộng.

Nghe có vị Phạm tăng - người Tây-trúc là bậc thạc học cao hạnh người đời không thể lường biết. Đi về hướng Tây đến Hàm Dương, Sư cầu đạo tình mạnh mẽ, vui mừng với sự thấy nghe. Riêng qua quan ải, năm lìa nóng lạnh. Đã đến Vị âm, chưa kịp rửa chân, Sư liền tỏ bày thaam yết cung kính. Xưa nghe nay thấy, thấy nhiều hơn nghe. Cổ xúy mở mang, vốn thừa hỏi không chỉ. Sư bèn trảm mình trong hàng ngũ, đào luyện hiểu biết xưa cũ, hoang phế nhường trốn, ít người biết ta, dồn nén mười năm, thấu đạt số cùng thông, hiểu rõ lý nhân duyên. Gá tiết tại núi Chung Nam, có chí muốn trọn đời ở đó. Mây mốc gió trắng che mờ quên trở lại. Núi ấy tên là Ty Thế, Sư gá nương đó mà thường vị tĩnh lặng, chỉ một giường dây dưới hiên, không có am nhà, sương lửa điều tiết, dứt bật mọi tạo dựng, Sư kêu gọi số người bị bệnh cùi đến, đem chí lý mà dạy bày cho họ, cung cấp cho họ. Mỗi ngày đến ăn. Tuy gặp phải máu mủ dãn dựa, khóc lóc mà không nhòm gớm. Do đó các hàng muốn Túc tâm tìm đến nhóm kết trong rừng, Sư đem nghĩa phương mà trao truyền chỉ dạy. Học chúng rất đông đúc. Ở núi vốn không có nước, cần dùng thì phải uống nước khe suối. Có lần trong đêm tối, vị thị giả đang đứng hầu Sư, bỗng thấy một con hổ đi lại phía trước đưa chân bới đất rồi bỏ đi. Đến sáng ngày ra xem, dần thấy đất thấm ướt, bèn sai người đào bới thêm, tự nhiên có dòng suối vọt lên. Từ đó không còn phải xuống khe suối, nếu cần nước thì lấy ngay đó mà dùng. Nay chính là suối Hồ, ở bờ núi Ty Thế thuộc Cốc Tích.

Sư lập thân nghiêm kính, đạt giải vượt khác thường. y cứ nơi núi rừng mà giảng dạy đồ Chúng. Sư chuyên giảng bốn bộ luận trước. trong ý Sư với sự truyền trao là vui cùng dẫn lợi. Khuôn phép của Sư nói pháp, thì đối với người có tâm tôn kính mới diễn giải cho nghe. Hẳn nhiên khiến bảo học Chúng chấp tay cung kính, ân cần trịnh trọng, trải qua thời gian mới toại ý. Sư bèn bảo đem giường dây thiết đặt chung quanh, cung kính cùng ngồi xong, Sư từ từ lấy quyển luận văn, tự tay trích lấy một câu một kệ, nêu bày giải thích lấy sự tỏ ngộ. Nhìn lại hỏi thính chúng đã hiểu rõ như thế nào, khiến họ phải thấu đạt ý, ngài mới tiến đến bài kệ sau. Nếu có người chưa hiểu, Sư lại trình bày. Hằng ngày, Sư giảng pháp này, không hề biếng trễ. Sư thường tự tỏ bày rằng: “Bởi tôi nhàm chán giáo pháp, khinh mạn giáo pháp, nên sinh nhằm đời không gặp Phật. Dù nghe được lời di giáo nhưng tâm không kính tin vâng giữ, nên thường có tâm tâm tức, cuối cùng phải rèn luyện thân tâm này. Có lúc thử buông lung, chỉ muốn thật tâm làm điều ác. Có lúc nhiếp niệm, chỉ mong giả tu điều lành, như thế chẳng gọi là an thân, như thế chẳng gọi là thanh tâm. Cho nên ràng buộc chính mình mới dạy răn người được, thật chẳng phải chánh kiểm, nhưng ở trong đời mạt pháp, căn duyên phần nhiều tương tự, nếu ai nhàm chán phiền khuất thì phải ở, người

chẳng từ cụ nghi thì lia bỏ đây”. Sư khai ngộ mê mờ, khuyến khích cố gắng đều giống như thế.

Có Sa-môn Trí Tạng thân tướng mạnh mẽ, trí tuệ thấu đạt, rất có tiếng tăm. Vác hai thạch lương thực đến núi hỏi Đạo. Nhân thấy oằn nhánh chuyền cây, đùa tự xứng thân, tình cờ bị Sư trông thấy. Ban đầu, Sư không quở trách bảo ngưng, ba ngày sau, Sư mới gọi đến mà trách rằng: “Trong bụng thức ăn của người khác, sao được liền đùa bỡn? Nếu tự nuôi dưỡng như thế, thì gọi đó là chó hai chân”. Ngài Trí Tạng khóc lóc sám hối lỗi lầm, nhưng ngài (Tĩnh Ái) không nhận lại, bèn bảo xuống khỏi núi.

Sa-môn Đàm Diên và Đạo An, ở đời tôn xưng là “Huyền môn nhị kiệt” (hai người tài giỏi trong nhà Phật) là danh vọng ở đương thời, danh đức đều cao quý. Đến lúc luận về giáo thể thì tranh cãi do đó phát sinh, bèn thưa hỏi Sư để lấy phán quyết. Sư khước nhường từ chối giây lâu mới khai tan cho. Cả hai vị kia tâm tình cùng vui vẻ, bất chợt mà rất mực kính lễ, mỗi gọi người qùy một chân mà thưa rằng: “Đại Sư thấu hiểu như trời soi xét, nên ở nơi Đời mà dẫn dắt. Nay chỉ làm cho tự tâm mình tốt đẹp, tan đức nơi suối đá, chưa thấy khả năng ấy!” Sư bảo: “Đạo quý ở hành dụng, chẳng ở lời nói. Tôi xét quán thời cơ tiến thoái, cho nên ẩn cư cầu chí”. Về sau có sự cố, Sư vào thành rồi về lại nơi rừng chàm.

Vào thời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) nhà Bắc Chu, Đạo Sĩ Trương Tân dõng trá xem thường vua, mạo phạm thêm nơi vinh hạnh ân sủng, thậm đưa đầy Đạo giáo lên trong ý muốn phế dẹp Phật giáo. Đã tha hồ nơi cửa tía, ruồi bay ở nhà vàng, cùng vị tăng trước kia là Vệ Nguyên Tung môi mếp xứng hợp. Vua tinh ngộ sáng xét, bên trong nóng bừng bề ngoài giả bộ ôn hòa, mời chư tăng vào nội cung suốt bảy ngày đêm lễ sám, muốn đích thân trông thấy tội đã phạm, mong tỏ bày giữa Điện những lỗi lầm. Bảy giờ, chư tăng đã thâm biết nên đều vội đến. Vua cũng suốt bảy đêm cùng chư tăng không ngủ, vì chư tăng phúng tụng và tu các pháp sự. Tiếng kinh suốt bảy đêm vang vọng, không lời nào chẳng trong lành tốt đẹp. Pháp sự xong, Vua đặt bày trai hội, trình bày bốn ý. Có Pháp sư Mãnh là người khí điệu cao trội, đích thân chống kháng yếu chỉ của Vua, lời nói rất kích thiết. Mọi người đều sợ ưng lụy vào thân, Vua chỉ thuật lại nỗi lòng, không hề tha thứ. Sư nghe thế mà than rằng: “Đỏ tím lẫn lộn, hạng cuồng triết giao xâm đến thế, có thể khiến cho năm chúng chia lia, bốn dân điên đảo làm hoặc thay!”. Sư lại bảo: “Ăn dùng gạo thóc của nhà Chu, uống nước nhà Chu. Ăn quả dâu mà ngậm tiếng, sao không báo đáp ân đức? Lại là đệ tử Phật, đâu thể thấy sự đắm chìm này mà ngồi đây hình hài an nhiên tự tĩnh. Thà đại tạo ở thời Tượng Mạt, phân mâm thịt ướp nơi Đạo chích”. Sư bèn đi tắt đến nơi cung quyết, dâng biểu văn nêu lý cáo xích. Được dẫn lên điện, Sư đưa tay

xương lời rằng: “Ý tôi đến đây có hai việc: Một là Báo đáp Từ Ân của Tam Bảo, hai là đền trả đức dày của Đàn việt”. Và Sư xin dẫn kinh luận Tử sử, Truyện ký, bàn nói chánh nghĩa, chứng cứ hiển nhiên. Từ sáng sớm đến giờ ngọ, nói không lời nào chẳng đến, rõ ràng lý không thể phá diệt. Lời qua tiếng lại đối kháng như nước chảy. Từ ngữ mạnh sắc cứng rắn không nhiều động. Trăm quan cận thân thay thế lo sợ, nhưng Sư thần khí vẫn tự nhiên, không trở ngại phong thái trắng trong. Vua Võ Đế tuy thỏa thích với Văn từ nghĩa lý ấy, nhưng tâm hủy diệt đã quyết. Đã không nghe lời can ngăn, cũng chẳng đuổi đi, nên Sư lại đến trình tấu rằng: “Phật và Đạo, tà và chánh, người pháp lẫn lộn, tức có thể dùng sự mà cầu, không phiền Thánh lự. Tình Bệ hạ hẳn không riêng ần, đục trong phải phân rành. Xin đem đặt vạc dầu ở giữa sân điện, lấy Nhân pháp của hai tông mà nấu. Bên nào không hại được thì vẫn đứng yên, có thể biết!”. Vua khiếp sợ lời nói ấy, bèn sai dẫn Sư ra. Bây giờ, lại có Sa-môn Đạo Tích ở Nghi Châu lại ra can ngăn, Vua đều không nghe lời. Ngài Đạo Tích bèn cùng đồng bạn cả thầy bảy người đến trước tôn tượng đức Phật Di-lặc, lễ sám bảy ngày. Đã chẳng ăn rồi đồng một lúc cùng qua đời.

Sư biết Đại Pháp sẽ bị diệt, không thể hơn nổi sự bạo ngược ấy, bèn dẫn môn nhân hơn ba mươi người vào núi Chung Nam, khắp đồng tây xây dựng hai mươi bảy ngôi chùa, nương gá nơi núi non hiểm trở, giúp chư tăng lánh nạn còn được niềm tin sâu xa. Sau khi pháp diệt, Vua bèn phá hết chùa Phật của Quan, của riêng khắp các vùng Đông Tây từ quan ải đến núi non đã được tạo dựng đời trước trong vòng hai trăm năm trở lại, quét đất sạch hết. Nạo gọt thánh tượng, thiêu đốt kinh điển. Bốn ngàn ngôi chùa miếu ở khắp tám Châu Võ, Cống v.v... đều tặng cho các Vương Công, sung làm vườn nhà. Chư Tăng ở ba châu giảm còn ba trăm vạn đều trở lại làm quân dân, trở về với biên hộ. Của cải ruộng phước Tam Bảo, vô số sổ sách đều đưa vào Quan, liền để thường phí, phân tán sạch hết. Mới đầu từ tháng năm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, thực hiện bạo ngược tại Quan Trung. Họa ấy đã chấm dứt. Đến ngày mười lăm tháng sáu năm đó, Vua bãi triều. Có Kim Thành Công Nhâm thị Bộ ở tại chỗ tri phủ cùng mọi người chung quanh quanh nhìn lên trời, bỗng thấy năm, sáu vật tung bay giữa hư không ở đường chim. Vật lớn ở trên sát với mây xanh, lớn bằng mười hộc tròn, rồi dần dần nhỏ lại và biến mất. Ngoài ra vài vật nhỏ lại bay thấp dưới, màu vàng nhạt, cuộn duỗi giữa hư không tương tự như lá phướn không chân. Ngày đó trời trong khí lắng, mây bụi chẳng động, chỉ tăng thêm hơi ấm nóng mà thôi. Nhân đó Nhâm thị Bộ đi đến Đông Quan phủ vườn đất Đạo Kinh, nhìn về hướng Bắc thấy trên vách tường có quyển sách màu vàng trải dài

trên lùm bụi gai. Khi đến thì thấy là Kinh “Maha Bát-nhã” quyển mười chín. Hỏi về nguyên do. Đáp là từ trên trời bay xuống, rồi rơi ở đây.

Bấy giờ, Tam Bảo mới bị hoại diệt, hình pháp lán lướt, lược bày liên tịch của quan, Nhâm thị Bộ bèn cất giấu trong tay áo, đem về giấu kỹ trong hòm sách. Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, chuyển ra thâu nhận lấy Ký Châu, mới bảo Sở Bộ Tùng Sự Triệu Huyền viết lời tựa rằng: “Có Cư Sĩ thanh tịnh kính tin đang là Quan cụ nên thân bị ràng buộc trong tục lụy, mà tôn kính Pháp lý, tinh cảm Minh linh thần hóa điềm ứng ấy, bèn khiến các Bộ kinh bay lên, uốn lượn trên cao, riêng có một bộ gió cuồn trở lại, như quạ đổ giáng xuống. Các kinh bay đi tức ý chỉ rõ không ở trong đời xấu ác, còn kinh trở lại là biết người lành sẽ nhóm họp. Ứng với điềm lành như kia, thánh trước như thế. Hoàng Đế triều đại nhà Tùy ta ra chân tiếp thừa mạng trời lại bày cầm sắt. Thân gần nơi cứu phục, tự thân rảo cùng, tám xứ phé hoang. Biết Tam Bảo là chỗ đáng kính tin, hiểu bốn loài hẳn không bền chắc, vua bèn ban lệnh khắp trong nước sửa chữa thanh tịnh các chốn già-lam. Là muốn khiến trong thời tượng pháp chan hòa đồng như ở Xá-vệ, Tăng-ni quanh quần trở lại Hà Đê. Đặc biệt vì kinh tượng này là minh linh hiển trước. nếu chẳng tự chứa nhóm gốc lành thì làm sao có thể được như thế? Cảm sự tiêu biểu tán dương, truyền tỏa hương thơm cho đời sau!”

Mới đầu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu nhận biết chí khí mãnh mẽ của Sư, vui mừng muốn được trông thấy, bèn ban sắc các quan Tam Vệ hơn hai mươi người tuần rảo khắp núi, tìm kiếm y gia Đạo nhân, bảo là: “Trẫm sắp lên ngôi vì Thượng Khanh cùng trị vì Thiên hạ!” Sư vốn ở nơi núi sâu ẩn, tìm tông vết không được. Sau, Sư lại đến hang cốc Tích ở núi Thái Nhất ngằm trốn. Thấy Đại pháp bị bỏ phé, các hàng tăng tục không nơi nương tựa, thân bị bắt giữ buộc ràng, không có khả năng cứu vớt, Sư bảo với đệ tử rằng: “Tôi sống ở đời thật Vô ích, sắp muốn xả thân nên báo rõ trước!”. Ban đầu, chúng không bằng lòng, kính mến muốn theo Sư để nghe pháp. Sư bèn mở xem các kinh điển Đại, tiểu thừa, soạn ra “Tam Bảo tập” hai mươi quyển, giả khởi chủ khách, nhóm họp để dứt trừ nghi tình. Dè nén, nâng bốc, bay liệng, nằm phục, Văn nghĩa rộng khắp, mở mang khen ngợi Đại thừa, làm tỏa sáng ở đời tượng pháp, và ghi chép mọi sự thấy biết như chỉ trong lòng bàn tay dễ thấy, mong cất giấu ở các hang động, ngõ hầu đời sau trở lại hưng thịnh!

Từ khi Sư vào Đạo, chuyên thực hành pháp môn Đại Từ, dấy hoa gắm da không một lần mặc qua, chỉ mặc áo vải bố cho đến trọn đời. Sau, Sư nhằm chán thân tình, bèn một mình nương tựa nơi hang riêng. Sư bảo vị thị giả xuống núi sáng mai phải lên sớm. Sư bèn ngồi kiết già trên tảng đá, để lại một chiếc áo trong, tự điều thân thịt phân cắt từng mảnh để ra trên đá, kéo

ruột treo lên trên cành cây thông, ngũ tạng đều đưa ra ngoài trông thấy, còn lại gân thịt tay chân đầu mặt đều chặt ra hết, và chỉ còn bộ xương nguyên hiện, dùng dao cắt quả tim, hai tay bung lầy mà tịch. Vị thị giả trong tâm kinh hãi trọn đêm mất ngủ, sáng sớm chạy đến, còn thấy Sư chấp tay bung giữ quả tim, mặt xoay về hướng Tây, những vết thương nơi hài cốt không một giọt máu, chỉ thấy sữa trắng chảy tràn ngưng đọng trên đá. Bền chất đá bít lấp bên ngoài để liệm. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng bảy niên hiệu Tuyên chính thứ nhất (578) thời Bắc Chu, Sư thọ chỉ bốn mươi lăm tuổi.

Các đệ tử Sư đều rất có tiếng tăm ở đương thời, đầy đủ như trong các Biệt truyện. Người thị giả gần gũi hầu Sư là Sa-môn Tuệ Tuyên. Nội ngoại giáo điển đều thông hiểu, đặc biệt rất có chí lực, đau xót chẳng kính ngưỡng được ngọn núi đã đổ, buồn thương rường cột gãy hoại không nơi nương tựa, cho nên kể lại sự tích Sư, lập bia nơi tháp.

Về sau có người hỏi Đạo, nghĩ nhớ đến Hiền giả, vào núi kính lễ, men theo các sườn núi hiểm nguy, mới thấy Sư viết di kệ ở vách đá. Đề rằng: “Ban đầu muốn dùng máu để viết, bỗng ý chẳng cho là biến thành màu trắng, tức mà Nghiệp Ma chẳng toại ý. Do đó dùng mực đen mà viết văn này!

Cùng tất cả các vị hữu duyên tại gia cũng như xuất gia, hoặc là Nam hoặc là Nữ, thầy đều khéo sống trong Phật pháp, chớ sinh tâm lui sụt. Nếu lui sụt tức là mất lợi ích lớn. Tôi vì ba nhân duyên mà xả bỏ thân mạng này: Một là thấy thân có lắm lỗi lầm, hai là không có khả năng che chở giữ gìn Chánh Pháp, ba là muốn chóng được thấy Phật, đồng với các bậc thánh xưa, nên nêu bày kệ sau:

*Thân không ích lợi
Ghét phiền công người
Phanh hình trên đá
Tán thể mé thông.
Trời, người, Tu-la
Thần núi, thần cây
Có người cầu Đạo
Quán tôi bỏ thân
Nguyện cho chúng sinh
Thấy hài cốt tôi
Thuyền lớn phiền não
Đều bị đắm chìm.
Nguyện cho chúng sinh
Nghe tôi bỏ mạng
Thành tựu Thiên nhĩ*

Rốt ráo Bò-đề
Nguyện cho chúng sinh
Lúc nghĩ nhớ tôi
Báo thân này bỏ
Bốn Đại lạnh lùng
Suối rừng lắng tuyết
Hang núi không lời.
Thí khắp chim thú
Cho đến côn trùng
Ăn thịt uống máu
Đầy đủ gốc lành.
Nguyện tôi tương lai
Mau thành Thiện Thệ
Thân tâm tự tại
Cần phải cứu giúp
Thân này dơ uế
Thấp hèn đầy phân
Chín lỗ thường chảy
Như bờ đê rỉ
Thân này đáng chán
Không đáng ngắm nhìn
Da mỏng chứa máu
Cấu bản bụi đầy
Thân này hôi hám
Giống như chó chết
Ba sáu (36) vật hợp
Chẳng từ hóa sinh.
Quán thân bản này
Vô thường gian hán
Tiến lùi chẳng khỏi
Gặp phải kiến, ruồi
Thân này khó giữ
Có mạng hẩn nộ
Chôn chó gặm ăn
Trợn thành giòi trùng.
Trời, người Nam nữ
Tốt, xấu sang hèn
Lửa chết thiêu đốt
Tạm thấy như sấm
Sư chết lán người

Oán trọng các oán
Tôi lấy làm thù
Thề dứt cội nguồn
Thân này chẳng vui
Tráp chứa rắn độc
Bốn đại vây quanh
Trăm bệnh giao nhau
Tên là nhóm khổ
Rừng già, bệnh, chết
Thân tâm nóng bức
Nhiều các lỗi lầm.
Thân này không Ngã
Vì chẳng tự tại
Không thật tính rộng
Phàm phu chấp chặt
Lâu dài mê hoặc
Vọng trái sai sử
Tan mất gốc lành
Súc sinh đồng chết
Xả bỏ trăm ngàn
Huyết sữa thành biển
Xương chất núi lớn
Tương lai gấp bội
Chưa từng lợi ích
Luống chịu cần khổ
Không lợi chúng sinh
Không ích cho Pháp.
Chịu đau xả thí
Công dụng vô cùng
Thề không lui sụt
Lìa ra (04) bốn vực.
Bỏ thân uế này
Nguyện sinh Tịnh độ
Một niệm hoa nở
Chỗ Phật Di-đà,
Chóng thấy mười phương
Chư Phật, Thánh hiền.
Lìa hẳn ba ác
Chánh Đạo quyết định.
Thành tựu năm thông

*Bay đi tự tại
Cây báu hưởng pháp
Chứng Đại vô sinh
Pháp thân tự tại
Chẳng dứt ba cõi
Trừ hết đạo ma
Hộ Pháp làm đầu.
Đầy đủ mười Địa
Thần hóa vô phương
Đức trùm bốn thắng
Xưng niệm Pháp Vương.
Nguyện xả thân này rồi
Sớm được thân tự tại
Pháp thân tự tại rồi
Nơi nơi trong các đường
Chỗ nào cũng lợi ích
Hộ pháp cứu chúng sinh.
Lại nữa, Nghiệp sẽ hết
Pháp Hữu vi đều vậy.
Ba cõi đều vô thường
Lúc đến chẳng Tự tại
Kia giết và tự chết
Trộn về chỗ như thế
Người Trí chẳng ưa thích
Nên phải nghĩ như vậy
Các duyên đã vãn đến
Nghiệp hết ở ngày nay!”*

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô

Thích Đạo An, họ Diêu, người xứ Hồ Thành thuộc Bằng Dục. Sư tỏ ngộ lý mâu, sớm nương tựa pháp môn, tánh học không thầy cố định, nghe đâu có giảng Đạo thì đến. Thêm vì, Sư điềm đạm tĩnh lặng, ngưng tâm thẳng cảnh, khiêm nhường nghiêm túc, động tĩnh có độ lượng. Sư phán quyết thì bạn đạo học thiền không ai chẳng kính phục. Sau, Sư ẩn cư tại núi Thái Bạch, ẩn trong suối rừng, nung chí kinh luận, nghĩ trội định sâu, tuệ nghiệp tỏa khắp. Bên cạnh, Sư xem đọc tử sử lược trải qua đại cương, thần khí ngài cao sáng, tiết tháo thanh bạch sâu xa.

Từ khi tấn đàn thọ giới Cụ túc về sau, Sư kính chuộng Kinh Niết-bàn, lấy đó làm Giáo điển Di Quyết, thông hiểu về luận Đại Trí Độ, để nuôi dưỡng nền tảng mở mang Đạo Pháp. Nên dưới thời Bắc Chu, tại Vị Tân, Sư ở mang hưng thịnh hai Bộ ấy. Sư lại bàn luận dạy lẫn nhau, không để thời gian luống qua. Sư ở tại chùa Trắc Hồ, lấy việc hoàng pháp làm chính. Các hàng sĩ tử ở chốn kinh đô thường đến nương để lắng trần. Nội ngoại giáo điển Sư đã thông hiểu, đặc biệt lại giỏi về Văn chương. Mở lời đặt bút đều hợp với Tài hoa, mà phong vận sơ thông, nhã điệu rõ ràng đơn giản. Giữ lễ kính tôn, nhân từ trùm khắp triều đình quan quý, nên các bậc Nho tử vinh đạt Đạo Sĩ nổi tiếng thường ngày đến bàn luận, đều phát tín tâm. Nên được nghĩa lưu thiên hạ, cỏ rạp nương theo.

Đầu thời Bắc Chu, Họ Võ mở thoáng trong thanh, trong ngoài đều yên phước, Vua từng ngồi kiệu đến kính lễ Sư. Đạo Sư tỏa sáng làm tông sư mọi vật, ngồi trên cao quý, khiến Vua đến ngồi dưới đất, Sư vẫn an nhiên giảng nói như thường, Sư bàn nói chánh pháp, văn từ chẳng liên quan đến việc đời. Các hàng công khanh bên cạnh chú ý trông nghe vui mừng. Đến lúc thọ trai bữa trưa, Sư bảo bày biện thức ăn. Vua sắp cầm đũa bèn thưa rằng: “Đệ tử nghe nói người thế tục không được cùng ăn với chư tăng, vì sao Pháp sư đem tội lụy đến người?” Sư bảo: “Trong Phật giáo có quyền có thật, luật chế có khai có giã. Vua, giặc, ác thần đều cùng cung cấp. Bàn Đạo y cứ theo pháp mô phỏng thực hành, lý chẳng phải luống”. Vua nói: “Xét lời như vừa nói thì chẳng Phật ý, chỉ sợ tổn hại đạo chúng. Lại cùng tặc thần đồng một chỗ ngồi, thật không tham dự”. Liền ban sắc sắp đi. Sư lại luận bàn các Pháp khác, không hề để ý. Đó là Cao lượng ở cuối đời.

Sau đó, Vua ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Trung Hưng, thêm lễ đặc biệt riêng. Vua đến Nam giao, mọi Văn vật đều hoàn bị, các Đạo Sĩ Đòng Quán ra đông đầy giữa đường cái. Vua ban sắc riêng cho Sư, bảo xem coi nghi cụ lễ bộ của Thiên tử như thế nào? Sư đáp: “Bệ hạ vì dân nên xuất hiện, bản đạo vì Pháp nên chẳng ra”. Vua nghe mà búng ngón tay ngợi khen hồi lâu. Sư có năng lực soi xét tỏ ngộ khác người thường, Đạo phong đức hạnh lan xa. Tự lập hình nghi bình chuẩn, giữ đạo tự vâng hành, đại loại đều như thế!

Sư có bạn đồng học là Sa-môn Tuệ Tuấn, là người nổi tiếng khắp xứ Bắc Chu. Ngài Tuệ Tuấn họ Chu, người ở xứ Tam Nguyên thuộc Kinh Triệu. Bình thường Sư chẳng hề học sách, tai nghe qua liền tỏ ngộ. Hễ nghe một lần thì không quên, mãi ghi nhớ trong lòng, lưu lược khắp Nho Thích, bàn nói như suối tuôn. Các hạng người công kích, bèn nhọn đông đúc như rừng. Một hôm, Sư đến chỗ Ngài (Đạo An) đang giảng Kinh Niết-bàn, Ngài (Tuệ Tuấn) bèn đặt chương bày hỏi, Sư đối đáp qua lại mãi đến chiều tối cũng chẳng hết Văn. Sáng sớm mai lại hỏi, Ngài (Tuệ Tuấn) hỏi vặn rất tinh bạt.

Ngài (Đạo An) tùy tùy lời mà dứt trừ, nhưng người nghe cho là không tiếp nối lời hỏi vặn. Ngài (Tuệ Tuán) cuối cùng lại dẫn Văn lý nêu bày và cùng đối đáp, bèn kéo dài nối nhau đến ba ngày, chỉ luận về một nghĩa. Về sau cả hai ngài đều xả bỏ điểm đạt đến của mình mới là sự Giải Văn. Nên khiến kinh hãi xướng tu trước, dự nghe vái kính. Về sau, ngài Tuệ Tuán tìm đến Hoa thổ, học khắp các bậc danh sư, tất cả mọi điều đượm thấm vào tai đều thông hiểu văn nghĩa, thấu đạt yếu chỉ. Và cùng ngài (Đạo An) đồng ở một thất hơn ba mươi năm. Cùng nhau nói ngộ bay cao, thật vượt hẳn việc mắt thấy. Vì bị bệnh nên ngài Tuệ Tuán thị tịch. Ngài (Đạo An) đến võ về thi thể Sư mà thương khóc bảo rằng: “Tuyên Ni có lời nói, tin là chẳng lường dối!”

Đến ngày mười lăm tháng ba năm Kỷ Sửu, nhằm niên hiệu Thiên Hòa thứ bảy (569) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) ban sắc mời các bậc danh tăng tài đức cùng các hàng Nho Sĩ, Đạo Sĩ, Văn Võ Trăm quan hơn hai ngàn vị đến chánh điện. Vua lên ngự tòa đích thân muốn lường xét sự hơn kém của cả ba tôn giáo để bỏ và lập. Chúng luận bàn lằng xằng rối rắm. Mỗi tôn giáo đều tùy tình kiến, so sánh đại để. Sư chẳng đối kháng với họ. Đến ngày hai mươi tháng đó, Vua lại y theo trước mời tất cả cùng nhóm họp, chúng luận bàn trái lỗi, đúng sai thêm sinh khởi, đồng thời chẳng gỡ được vướng mắc trong tâm Vua, tiêu điều lạng lẽ mà lui về. Đến đầu tháng bốn, Vua lại ban sắc mời tất cả các hàng Đạo Tục, bảo phải hết lời trình bày nghĩa lý. Lại ban sắc cho bảo Ty lệ Đại Phu Chân Loan là người có sự hiểu biết về Phật giáo và Đạo giáo phán định mọi sự trước sau, sâu cạn, đồng dị của hai tôn giáo như thế nào. Chân Loan bèn dâng Vua bộ “Tiểu Đạo Luận” ba quyển, tất cả gồm ba mươi sáu điều, để cười về tên gọi là “Tam Đồng” và cười về xưng hiệu “Tam Thập lục Bộ”, Văn từ rất rõ ràng, y cứ mọi sự lăm điều bác bỏ. Đến ngày mùng mười tháng năm, Vua lại nhóm họp tất cả các quan định rõ Chân Loan tấu dâng bộ luận cho đó là Đạo Sĩ như con mọt làm tổn hại, bèn đốt ngay sân điện.

Sư bùi ngùi sự hỗn loạn trong thế tục ở đương thời, xót thương mảnh lưới chìm đắm của các sử tịch, bèn soạn bộ “Nhị giáo luận”, để dâng lên vua Võ Đế, Văn từ gồm một quyển, chia thành mười hai chương. Chương thứ nhất là “Quy tông hiển Bồn”. Có khách hỏi rằng: “Kẻ hèn tôi nghe” Phong lưu nghiêng đổ, sáu kinh do đó biên chép tu sửa, khéo chuộng thấm nhuần sáng tỏ”. Qua chương hai do đó mà soạn. Nên ưu nhu thấm nhuần rộng đối với mọi vật cứu giúp thì gọi là Nho (giáo). Dùng đó mà chẳng hết, đối với mọi vật thông hiểu thì gọi là Đạo (Giáo). Đó đều là thần lực của Khổng và Lão. Có thể được rõ ràng. Gần đây xem đọc đến Thích (Phật) giáo, văn rộng, nghĩa dồi dào, xét về sự cấp dẫn thì chắc chắn khéo dẫn dụ. Cốt yếu chỉ thú ấy thì gắng gỏi đó mới tốt lành. Nhưng ba tôn giáo tuy khác, nhưng một

đường khuyên tiện, giáo tích thì khác mà Lý hợp thì đồng. Còn như lão tử than về “Thân hoạn”, Khổng tử than về “Cận Xuyên”, là muốn sau ngoài lấy sự đạt đến tồn sinh cảm vãng để biết vật hóa, đâu khác gì thuyết ” nhằm chán thân vô thường” của Sách Phật ư? Chỉ bởi dòng bó buộc ngưng trệ, chưa rong ruổi quán xét cao, nên không thể ngang bằng đất trời nơi một ngón tay, đều là đúng sai trong một hơi thở. Đến nỗi khiến ranh giới bàn luận mỗi thứ đều bất đồng. Đó gọi là giấu ngọc Ma-ni nơi Vô thai, ngăn ánh sáng rực rỡ trong đêm dài. Thương thuận phong không hai, bít lấp huyền chỉ suốt một. Cầu ở đó nhiều kiếp đâu thể gặp ư?” Người chủ đáp rằng: “Ông biện giải đã đến cùng mà lý chưa hết. Bởi vì muôn Pháp vốn ở nơi sinh sinh mà sinh, sinh là Vô sinh. Điền của Tam tài ở nơi thi, thi mà thi, thi là vô thi. Vậy thì Vô thi vô sinh là tánh của vật, có hóa có sinh là nhóm họp của người. Nhóm họp tuy một hình thể, mà hình và thần là hai thứ khác nhau. Tan rã tuy hình chất khác nhau mà tâm sở chẳng mất. Nên thuộc về giáo cứu thân, giáo ấy gọi là Ngoại. Giáo để giúp tế thần thì giáo ấy gọi là Nội. Vậy biết trong Luận Đại Trí Độ có hai Kinh nội ngoại. Trong Kinh Nhân Vương nói rõ hai luận nội ngoại. Trong kinh Phương Đẳng giải rõ về hai luật nội ngoại. Trong Bách Luận nói về hai Đạo nội ngoại. Nếu thông luận nội ngoại, thì gồm suốt cả Trung hoa và man di kia. Nếu hạn cuộc Mạng ở phương này thì có thể gọi đó là Nho Thích, Thích giáo là Nội, Nho giáo là Ngoại. Đây đủ rõ ràng ở Thánh Điển chẳng phải là dối lầm. Rõ xem sách vở ghi chép, tìm xét nguồn dòng, Giáo chỉ có hai, đâu được có ba? Vì sao? Vì xưa kia, Huyền Cổ trong sạch, lời răn của Phần Điển chưa mở mang, thuận phong hơi lia. Văn của khâu sách mới gồm trước. Cho nên bao gồm luận bảy điển, tổng quát cả chín học pháp, đều làm mưu để trị nước, đều là cách tu thân. Nếu mạch mà cách biệt thì nên làm thành chín giáo, gồm tất cả mà hợp lại thì đều thuộc Nho Tông. Luận về Quan viên đó thì một chức của mỗi Vương triều, bàn về sách vở đó thì đều là Sách của một Hoàng gia. Ông muốn ở trong một phong hóa, khiến cả chín dòng tranh nhau. Đại Đạo ở đời, khiến nhỏ thành đua tranh biện luận. Há không phải trên thì thương tổn phong hoá của Hoàng Cực không hai, dưới mở sự tệ hại của bó buộc về buồng lung xem thường? Thật đáng gọi là một lớn mưu to làm mù lòa cả triều đình cho đến thôn dã! Phật giáo là cách ngôn cùng lý tận tánh, vết Chánh xuất thế nhập chân. Luận về văn thì bộ loại chia ra mười hai phần, nói về chí thú thì bốn thứ Tất-đàn là Diệu lý tại Vực trung. Chắc chắn chẳng tên gọi nào để gọi cho tương xứng. Hoằng hóa chuyên. Bên ngoài, lại chẳng phải chỗ tìm của tình trí. Còn như dứt lụy rơi nôm, đào luyện thần hết soi chiếu, gần thì vượt khỏi sinh tử, xa thì chứng đắc Niết-bàn, tiếp vớt các căn cơ sâu cạn, gần sáng tỏ cả sáu đường, phân tích rõ sự thăng trầm của thiện ác, xa mong cầu xuất thế mà lý không gì chẳng khắp. Gần kịp Vương hóa mà không việc gì

chẳng cùng tận. Có khả năng rộng lớn và cốt yếu, không phù chất và văn hoa, nếu chẳng phải là bậc Chí linh trong thiên hạ, thì ai có thể hưng khởi giáo ấy ư? Tuy là ngàn nhà Nho Đạo, trăm họ Nông Kiềm, lầy bở, rong ruổi cũng chưa thể bằng. Chỉ có giáo lý của Họ Thích dồi dào Quyền Thật. Có thừa sự không rõ xưng gọi đó là Quyền, rõ nghĩa không thừa thì gọi là Thật. Vì sao gọi là Diệu hưởng?

Ông cho rằng: “Ba tôn giáo tuy khác nhưng khuyên làm lành thì chỉ một nghĩa”. Tôi cho rằng điều lành có tinh tế và thô thiển hơn kém nên khác nhau. Tinh tế thì vượt trăm hóa mà lên cao, thô thiển thì tu chín cữ mà chưa dứt, đâu thể đồng năm mà nói về sự hơn kém ư? Ông lại nói: “Giáo tích tuy khác nhưng lý hợp thì đồng”. Xin dẫn sự dạy răn ở thế gian lầy làm phù hợp với huyền giáo. Đó bởi vằng vặc nơi chỗ mờ tối chưa kịp đến cõi gốc. Giáo là gì? Nghĩa là thuyên lý. Lý là gì? Là sở thuyên của Giáo. Nếu giáo quả thật khác, thì Lý làm sao đồng được? Nếu Lý là đồng thì giáo làm sao khác được? Nôm không mong cá, lưới chẳng vì thỏ, thì gọi tên là gì ư? Lý đồng ở đâu? Hễ sống dày dặc tình thì thân hoại. Bền dấy khởi, chẳng tỏ ngộ sự biến chuyển thì khen ngợi của dòng chết mới làm, đều là chỗ bàn luận rốt cùng trong nội vực, chẳng vượt xướng lớn phương ngoài. Vì sao? Vì đưa sắc hết nơi cùng cực nhỏ nhiệm, là chỗ chưa bàn luận nghiên cứu đến cùng tâm sinh diệt, còn với Tuyên Ni thì lại không hề nói đến. Có thể gọi là trông nhìn đó dường như hết mà quán sát đó thì thật chưa cùng tận. Trong Kinh nói rằng: “Phân biệt sắc tâm, lường tướng Hữu Vô, hàng Nhị thừa chẳng thể biết”. Và lại, sự hưng khởi đại hạnh của hàng Nhị thừa đều vượt khỏi lòng Vọng tưởng. Bồ-tát thì trí tuệ gồm cả chín đạo, thanh văn thì chỉ làm cho bản thân mình được tốt. Đó dường như sương móc thấm nhuần sánh với ngòi vực lớn. Mây bụi ví với núi Tu-di, hướng gì thức tướng của hàng phàm phu đâu được ngang bằng ư? Nên trong kinh lại nói: “Không thể đem ánh sáng mặt trời sánh ngang bằng với ánh lửa đom đóm kia. Nếu cho là ngang bằng thì ngang bằng, chẳng ngang bằng là chưa ngang bằng. Lầy ngang bằng mà ngang bằng ở nơi ngang bằng là chưa ngang bằng. Tôi nghe nói khéo ngang bằng nơi Thiên hạ là vì chẳng ngang bằng mà ngang bằng Thiên hạ, đâu khởi sang bằng với núi cao thật sâu sau đó mới bằng ư? Kế tục chim le giết hại chim hạc ở đó mới đồng. Đó bởi là kẻ hẹp hòi ở thôn dã bàn luận, đâu phải là sự quán xét trong trắng của hàng Đạt sĩ ư? Nên ngạn ngữ có lời nói rằng: “Mâu tím thật làm mờ nơi màu đỏ, ngông cuồng ấy lạm triết. Xin nói rộng về loại đó. Trên đến các bậc thiên tử dưới đến các hàng thứ nhân không ai chẳng từ sắc tâm lầy làm thành thân hình, bảm khí âm dương mà hóa thể chất. Không thể lấy sắc tâm cho là ngang đồng mà lẫn lộn giữa trí và ngu. Nghĩa Âm

Dương ngang bằng thì đồng với sang hèn, ở đây thì không thể. Chí lý rộng lớn mênh mông tuy gương ngang bằng, nghĩa ấy làm sao tồn tại?”

Vua Võ Đế nghe lời Trương Tân sàm tấu, trong ý muốn phá dẹp Phật giáo, ban đầu xem luận của Ngài (Đạo An) bèn hỏi các Liêu Tể, Văn từ nghĩa lý xác cứ trội vượt, chẳng ai sám bác bỏ. Khi ấy mọi sự phế lập bèn tạm ngưng, thật có sự suy lường. Đến ngày mười bảy tháng năm năm Giáp Ngọ, nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Tống, mới khắp đồng phá diệt cả hai tông Phật và Đạo, chỉ đặt Thông Đạo Quán chọn lựa những bậc hữu danh trong Phật giáo, đồng thời mặc áo mũ làm Học sĩ. Sự việc nói rõ đầy đủ trong Biệt truyện. Su bèn dứt vết lẳng tiếng, ẩn lánh nơi rừng đầm. Vua Võ Đế ban sắc tìm kiếm đưa Su đến nơi Vương Đình, đích thân vua ra nhọc tiếp, ban tặng hột ngà, gấm lụa và tôn xưng đặt ở địa vị trong triều liệt, nhưng Su chẳng đến. Su thị tịch vào thời Bắc Chu!

Ban đầu, khi đang trụ chùa Đại Trung Hưng, Su dẫn mẹ đến ở gần, mỗi sáng sớm Su ra hầu mẹ, tự tay nấu các thức ăn, sau đó mới lên giảng, tuy có đủ người hầu hạ mà Su chẳng cho phụ giúp. Cho đến những việc như bửa củi, múc nước đều tự thân tay Su làm. Ngài tha thiết bảo với mọi người rằng: “Mẹ là người có khả năng sinh và nuôi dưỡng ta, chẳng phải ta thì không gọi là cúng dường rốt cuộc ở đời mẹ như lúc đầu không một dứt nghĩ”. Đó là y cứ theo tôn tượng Đức Đại thánh kê vai khiêng quan tài truyền bá khắp cùng. Đến lúc sắp tịch mới “ Di giới” gồm chín chương để răn dạy môn nhân. Trong đó văn từ như sau:

“Kính tạ cùng các đệ tử! Hễ là người xuất gia hành Đạo là rất trọng rất khó, không thể tự xem thường, không thể tự lấy làm dễ. Sở dĩ gọi là trọng (nặng), bởi vì mang đạo đeo đức ràng nhân đội nghĩa, vâng giữ tịnh giới, chết mà vẫn còn. Sở dĩ gọi là khó, bởi vì dứt thế lìa tục, cắt đứt Thân ái, xoay tình đổi tánh chẳng đồng như mọi người, làm việc mà người chẳng làm được, cắt đứt việc người chẳng cắt đứt được, nhẫn khổ chịu nhục, vất bỏ thân mạng. Có nghĩa gọi người làm việc khó ấy được tức là Đạo Nhân. Đạo nhân tức là người hành đạo. Hành thì có thể giảm qua, lời phải đúng Pháp, pháp phục xuất gia, hành động là phép tắc. Không tham không tranh, chẳng dèm pha chẳng giấu diếm, học hỏi cao xa, chí khí đặt ở nơi huyền mặc, thì là danh xứng tham dự ở ngôi vị Tam Tôn, vượt ra khỏi hàng Hiền giả, bước vào bậc Thánh giả, tẩy trừ tất cả tinh hồn, cho nên chẳng mong quả báo quân vương, cha mẹ chẳng mong sức lực ấy. Khắp trong trời người không ai chẳng quy hướng kính bái. Lìa bỏ vợ con, giảm bớt thọ hưởng sự cung phụng ăn mặc, nén mình cúi ngưỡng, chẳng nề khổ nhọc, làm cho chí hạnh ấy trong sạch suốt với thân mình, đạm bạc trong trắng, đáng tôn đáng quý. Tự theo hoang lưu, thì Đạo pháp dần chìm, những người mới học chưa rõ biết phép tắc, bỏ

chánh đằm tà, quên sự chân thật. Lấy chút sáng nhỏ cho là trí, lấy chút cứng nhỏ cho là đủ. Ăn no trọn ngày không chút dụng tâm, không tự quán sát, thật cũng đáng buồn thay! Tính đến nay thì xuất gia đã được thời gian dài, mà kinh nghiệp chưa thông suốt, văn từ chẳng quyết rõ, uổng mất một đời không thành danh gì. Với việc như thế không thể nghĩ sâu. Hạn định vô thường chẳng sớm thì tối. Đau khổ trong ba đường không mạnh không yếu. Vì thầy trò tình nghĩa sâu đậm nên tỏ bày chỉ bảo, với những ai có tình cũng có thể lấy để tự răn bảo mình!

- *Một là*: Ông đã xuất gia, trái hẳn với sự sống, cắt tóc xem thường dung mạo, đắp mặc pháp phục che thân. Ngày giã từ thân thuộc, trên dưới đều khóc lóc. Cắt đứt ân ái tôn kính Đạo pháp, Ý vượt trên Thái thanh. Đáng vâng theo chí ấy, kinh đạo tu sáng, vì sao lại Vô tâm, cứ tại sắc thanh, lơ là qua buổi, kinh nghiệp chẳng thành, đức hạnh ngày một tổn mất, vết như đàn đây. Thầy bạn xấu hổ, phàm tục xem thường. Xuất gia như thế, nhọc tự làm nhục thanh danh, nên nay khuyên cố gắng cần phải chuyên tinh.

- *Hai là*: Ông đã xuất gia, bỏ tục lìa Vua, phải tự cố gắng, chí quả thanh cao, không đoái hoài tài sắc, chẳng đồng với phàm tục, vàng ngọc không quý, chỉ Đạo là hơn. Bỏ buộc mình giữ tiết, chịu khổ vui nghèo, tiên đức tự độ, lại độ cả người. Có sao sửa đổi tiết tháo, rong ruổi theo phong trần, vừa ngồi chưa ấm chiếu, đã rong ruổi khắp đông tây. Làm việc nặng nhọc, Quan huyện kéo lôi. Kinh đạo không thông, giới đức chẳng toàn vẹn, bạn bè si lộng, đồng học lìa bỏ. Xuất gia như thế, nhọc mất ngày trời, nay dạy răn khuyên nên mỗi người tự thương xót lấy mình.

- *Ba là*: Ông đã xuất gia lìa hẳn dòng tộc, không thân không sơ, thanh tịnh Vô dục, tốt chẳng ham ưa, xấu cũng chẳng buồn, vượt hẳn thông dong, tự nhiên lìa nhiễm, chuyên chí huyền diệu, giữ gìn khuôn phép, chân chất thuần phác, được độ rộng cứu, khắp nhờ Phước duyên. Vì sao lại vô tâm đắm trước nhiệm trước, toàn tranh đua hay dở, cân lường thắng đấu, đồng lợi như thế tục, đâu khác gì tôi tớ. Kinh đạo chẳng rõ, đức hạnh chẳng có, Xuất gia như thế luống tự hủy nhục. Nên nay dạy răn chỉ bày, cần phải tự gột rửa.

- *Bốn là*: Ông đã xuất gia, gọi là Đạo nhân. Cha mẹ chẳng kính, vua thế gian chẳng thờ. Khắp trời, người đều kính thờ ông như thần. Cúi đầu chí kính chẳng kể nghèo giàu, chuộng sự thanh tịnh, tự lợi lợi người, giảm cắt nặng nề. Một hạt gạo nặng đến bảy cân. Vì sao biếng lười khinh mạn, chẳng thể báo ân, ý lại buông lung, thân ý hư phiền. Không giới đức, thọ nhận sự cúng thí, sau khi chết đọa vào Thái sơn, ăn sắt nóng đốt, uống nước đồng sôi. Đau khổ như thế, trong Pháp cú trình bày. Nên nay khuyên răn hãy tự sửa đổi.

- *Năm là*: ông đã xuất gia gọi là Túc từ, chẳng nhiệm uế tạp, chỉ đối với Đạo thì kính trọng, chí luôn thanh khiết như ngọc như băng. Nên tu kinh giới để cứu giúp tinh thần, chúng sinh nhờ Phước, gần gũi mà hóa độ. Vì sao lại vô tâm tùy theo thế tục nổi chìm, buông lung bốn Đại, chẳng kèm giữ năm căn. Đạo đức thì cạn cợt, việc thế tục càng sâu. Xuất gia như thế chỉ đồng với bụi trần thế tục. Nên nay dạy răn ước mong hãy tự mở thân.

- *Sáu là*: Ông đã xuất gia, bỏ hết hình hài thế tục, phải chuyên dốc sức tinh tấn, phù hợp với Niết-bàn. Vì sao nhiều động chẳng ưa thích nhân cư? Kinh đạo tổn mất, việc đời có thừa, thanh bạch chẳng theo, lại bước vào bùn sinh, quá mạng của bóng hình chỉ tại phút chốc. Đau khổ chốn địa ngục khó có thể nói hết. Nên nay răn khuyên cần phải kính chuộng khuôn phép.

- *Bảy là*: Ông đã xuất gia không thể tự khoan thứ. Thân hình tuy xấu xí nhưng hành vi phải đáng làm gương, y phục tuy thô xấu nhưng đứng ngồi phải khoan thai, ăn uống tuy đơn sơ nhưng mở lời có thể đượm hương. Mùa hạ thì nhẫn đói, mùa đông thì chịu lạnh. Tự giữ tiết tháo, chẳng uống trộm suối nước. Không chịu nhận sự cung phụng của kẻ chẳng ra gì, chân chẳng vọng bước đến, ở lâu nơi nhà riêng, như đến chỗ đấng Chí Tôn, Học tuy chẳng nhiều mà ngang bằng với bậc Thượng hiền. Xuất gia như thế, đủ để báo ân cha mẹ. Giòng tộc tri thức đều mang ân. Nên nay răn dạy các ông mỗi người nên tự thúc giục.

- *Tám là*: Ông đã xuất gia, tánh có tối sáng, học không kể ít nhiều, cốt yếu tại sự tinh tu. Với hàng Thượng sĩ thì ngồi thiền, trung sĩ thì tụng kinh, Hạ sĩ thì có thể lo việc xây dựng chùa tháp, đâu thể suốt ngày không làm được một việc gì. Lập thân mà không nghe học, thì gọi đó là sống luống qua không. Nên nay răn dạy ông phải tự trang nghiêm tâm mình.

- *Chín là*: Ông đã xuất gia lìa hẳn cha mẹ, nhờ đạo Pháp mà sửa đổi tâm tánh, thân lìa y phục thế tục. Ngày lìa người thân, chợt buồn chợt vui, xa gần đều bật vết tục, vượt ngoài trần ai, phải tu học kinh đạo, khắc chế chính mình, bước đến nguồn chân. Vì sao vô tâm lại nhuốm bản theo nhân tục, Kinh đạo là mỏng manh, hạnh nghi không mảy phân, mở lời không có gì đáng quý. Giới đức chẳng gì đáng hơn, thầy bạn rất mực phiền lụy, nóng giận ngày một nhiều. Xuất gia như thế chỉ tổn hại đạo pháp, vấy nhục thân tâm. Hãy nghĩ nhớ điều đó, khéo tự dẫn dắt thân!”

Sư có các đệ tử như Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Quý, đều là các bậc nổi tiếng đời Tùy. Ngài Tuệ Cảnh truyền bá luận Đại Trí Độ, tiếp nối pháp luân. Trầm vết trong nhân gian, tình nhiều ngoài thôn dã. Sư có soạn ba bộ luận Thương Học, Tôn Phế và Yêm Tu. Thương Học là trừ tội lỗi phi báng chánh Pháp, tôn Phế là phòng ý gian cầu, Yêm Tu là khiến sửa đổi lỗi lầm để đượm

nhuần đạo pháp. Đều là Văn vẻ vượt xa như mây ráng, sáng ngời đáng vâng theo. Sau, Sư thị tịch vào khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy. Còn ngài Bảo Quý ưa thích xem đọc các kinh điển, chuyên giảng luật là việc chính, được Sa-môn Chi Mẫn Độ đời Tấn hợp năm nhà chuyên Kinh Thủ-lăng-nghiêm làm Thành một bốn tám quyển, lại hợp ba nhà chuyên Kinh Duy-ma làm thành một bốn năm quyển, đời Tùy có Sa-môn Tăng Tự hợp cả bốn nhà chuyên Kinh Đại Tập làm thành một bốn sáu mươi quyển, Ngài (Bảo quý) bèn hợp cả ba nhà chuyên Kinh Kim Quang Minh làm thành một bốn tám quyển. Lại thỉnh Tam tạng Pháp sư Quật-đa phiên dịch Kinh Ngân Chủ Đà-la-ni đến phẩm chúc Lụy lấy đó làm thành bộ. Samôn Ngạn Tông xét lại Phạm bốn, phẩm bộ đến đây là đủ.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tăng Miễn trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu

Thích Tăng Miễn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Quả Nguyện ở Tân Châu.

Cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp sắp bị phá diệt, đang sùng chuộng họ Lão, thọ học về Phù lục. Hễ những lúc tế lễ lớn thì Vua chỉnh trang khăn áo cùng bái phục. Mà kinh đạo luống dối, mọi lời đều không có gốc gác y cứ. Nước nhà tuy phụng sự nhưng chưa rõ về thù hiệu, Sư bèn chảnh ngại hương quan xa xôi, đích thân đến nơi cung quyết ra mắt trình bày Chí Lý với Vua. Đem tà chánh cùng tham, xu tình cạnh tranh. Chưa biện rõ chân nguy liền đổi thay hủy dự, Sư bèn soạn luận văn gồm mười tám điều, cật nạn Bốn tông của Đạo giáo. Lại dùng ba Khoa giải thích các chấp ở trước, Hiền thánh đã tường tự, Phạm vị rõ ràng. Trong đó, Văn từ lược nói rằng: “Tăng Miễn tôi vì sự lạm của đời nên thuật rằng: “Lão Tử cùng Y Hỷ theo đi về Tây đến giáo hóa người Hồ và xuất gia. Lão Tử nói cho nghe Kinh giới, bảo Y Hỷ làm Phật, giáo hóa người Hồ. Lại xưng là Quỷ Cốc tiên sinh, soạn “Nam Sơn Tứ Hạo Chú”. Chưa khéo suy tìm thì không ai chảnh tin theo, cho là lời thật. Lại thay truyện ấy! Quân tử còn chảnh thể vọng hưởng gì dèm chê Đại thánh ấy ư? Nay trình bày rõ ràng thuyết ấy chảnh chân thật. Người đời sai lầm gá vào Văn tự, cũng bèn nói chảnh kịp, nghĩa lật lại làm nhục Lão Tử. Ý cho là những bậc thặng nhân đạt sĩ chảnh vượt ngoài lời ấy. Cùng là Vô thức Dị Đạo khoe tranh Phật Pháp. Gá nương vào danh Tứ Hạo của Quỷ Cốc, cậy nhờ truyện sau của Y Hỷ, soạn ra dị luận này, để mê hoặc người đời mờ tối. Tôi trộm nghe rằng Hoảng truyền mà chảnh tập học, thì Phu Tử không chấp nhận. Vọng làm là xấu. Lão quân can ngăn. Hoạn lớn này mở rộng ba đường, phải nên xét chánh để cứu lỗi ấy. Nhưng Giáo có nội ngoại, dụng sinh nghi giả, người có hiền thánh phần nhiều nói về Bốn tích. Nên trong

Hán Thư của Ban Cố phẩm bình người có chín hạng. Như học trò của Khổng Khâu là loại Thượng Thượng, Học trò của Lão Tử là loại Trung Thượng, đều xếp vào bậc hiền. Vương Bặc ở Hà Yên nói là “Lão tử chưa đến Thánh thì là Hiền. Thánh trời chia ra hơn kém tự bày, cho nên sự rộng tỏ ngộ của Vua Văn Đế (Tào Phi) thời Tiên Ngụy vậy. Niên hiệu Hoàng Sơ thứ ba (222) thời Tiên Ngụy, Vua Văn Đế ban sắc rằng: “Báo cùng Thứ sử Dự Chương, Lão Đam Chỉ là Hiền nhân chưa nên vượt trước Khổng Tử. không biết Lỗ Quân xây miếu thờ Khổng tử thành chưa. Vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147-168) thời Đông Hán chẳng bắt chước thánh Pháp, chánh là vì Bế thân mà thờ Lão tử, mục đích là cầu Phước, việc thật đáng cười. Sự khởi dậy của Đền thờ ấy do từ Vua Hoàn Đế. Võ Hoàng Đế cho Lão Tử là Hiền Nhân nên chẳng phá hủy nhà của Ông. Trẫm cũng lấy đó làm nơi dừng ở giữa đường, mọi người qua lại bèn đến chiêm ngưỡng, nhưng phòng lâu nghiêng đổ đè lấp người, nên bảo sửa sang tu chỉnh lại, làm qua xem đó rất chỉnh đốn, sợ hàng Tiểu nhân cho đó là thần nên vọng đến cầu nguyện, trái phạm thường cấm. Nên tuyên cáo khắp cùng Quan lại muôn dân đều khiến họ rõ biết”. Căn cứ vào đó mà nói thì trình bày đã lâu. Ở đời phần nhiều là người ngu chẳng tìm tới bậc tiên đạt, cho nên khác biệt với người đời. Và trong kinh ngoài điển, và đối với điều lệ. Xem rõ Quyển đầu thì tà chánh tự hiển bày”.

Tuy Sư soạn luận ở thời Bắc Chu, vang danh khắp triều đình đến thôn dã, nhưng người thông hiểu ít gặp nên cứ theo sự lầm mê, và cuối cùng chẳng lưu hành sử dụng. Khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn lánh nạn, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tăng Mãnh trụ chùa Vân Hoa ở Kinh Đô

Thích Tăng Mãnh, họ Đoàn, người ở xứ Kinh dương thuộc Kinh Triệu. Dáng dấp hoà nhã, thần khí nổi bật, ưa thích xuất gia, vốn biết mong cầu kính thờ, suốt mấy mươi năm tự thân phụng sự giảng dạy. Hễ có điều giải ngộ, Sư đều thông luyện.

Trước kia, vào thời Tây Ngụy, Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535-552) đang ở ngôi, ban sắc mời Sư đến ở Tả điện, giảng Kinh Bát Nhã. Các hàng Quý Tể đều kính ngưỡng thâm nhận sự dạy răn của Sư.

Đến thời Bắc Chu (557-568) Vua lại ban chiếu thỉnh mời Sư đến trụ chùa Thiên Cung, giảng Kinh luận Thập Địa. Vua lại ban sắc thỉnh Sư đến ở hai Điện Tử Cự và Văn Xương lần lượt giảng pháp. Lúc bảy giờ, yếu chỉ rộng mở hỏi đáp qua lại vô cùng. Các hàng Hoàng Cân Đạo sĩ rối loạn nhóm họp, Sư bèn từ từ vây gọi đàm bính, dẫn địch xoáy sâu, mới đến tà tông, mỗi mỗi Sư đều phá đến cùng. Kinh của Nguyên Thi Chân Văn thầy đều rách nát. Đồ

chúng học trò của Thiên sư ngày trước cùng tan rã. Các hàng Đạo tục tự nhiên sửa sang đổi mới tai mắt. Ban đầu, Vua mới xem ngang bằng cả tam giáo, ngài chia làm thành chín mươi lăm môn, về sau, lùi lại Nhất thừa. Lại khéo tiến tới ba mươi hữu sinh. Văn từ rất cao siêu tinh túy, Học Quán đều quy hướng, đã chẳng đưa dự định dâng vua xem, bèn trầm lắng trong bạn tục. Sư thôi lùi, tĩnh lặng mọi việc của người đời, nương gá nơi sâu xa, chờ đợi một sớm mai. Đến thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy đang làm tướng, Phật Pháp sắp sáng tỏ lại. Vì Sư tuổi tác và đức hạnh đều cao trọng. Các bậc Huyền Nho đều nhóm họp, thưa hỏi truy tìm đến kinh đô, giúp cho pháp vũ được hưng thịnh. Vào niên hiệu Đại Tạng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn) ban sắc mời Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, giảng dạy Kinh luận Thập Địa. Chùa Đó tức là chùa Trắc Hồ trước kia. Tiếng tăm Sư vang xa, rất hợp tâm Vua. Sau đó, Vua Văn Đế (đời Tùy) phong cho Sư Chức Tùy Quốc Đại Thống Tam Tạng Pháp Sư, uỷ thác Phật pháp, khiến mở mang che chở. Chưa đủ để lớn mạnh oai quyền, nhưng cũng đã tỏa sáng Thích chủng khi vua Văn Đế dời Đô đến hướng Nam, chóng xây dựng chùa, Sư cũng đổi chuyển đến làng Tuân Thiện, nay là chùa Hưng Thiện. Tuy thanh danh còn lệ thuộc mà Sư thường ở chùa Vân Hoa khuyên răn sách tấn đồ chúng chuyên theo khóa nghiệp.

Đến ngày mùng bốn tháng bốn niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu, khi sắp tịch Sư quán chiếu sâu về khổ không, đang nói bỗng nhiên muốn dứt bật. Sư bảo đồ chúng: “Tôi đi đây!”, và liền thị tịch. Mọi người đương thời quý trọng Sư ở chỗ tâm không tán loạn. An táng tại núi Mã Đầu thuộc phía Đông thành. Khắc đá lập Bia tại Chùa Vân Hoa, đến nay hiện còn.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

Quyển 24 hết.

---o0o---

TIẾP THEO PHẦN 1 CHƯƠNG V

Có 2 vị

1. Thích Đạo Trăn.
2. Thích Trí Huyền.

01- Truyện ngài Thích Đạo Trăn

Thích Đạo Trăn, họ Ngưu, người ở phía Nam Thành Trường An. Sư xuất gia thanh tịnh trình bạch, Sư chẳng giao hảo với hạng phi loại, khiêm nhường rỗng rang ít giao du, chỉ chuyên đọc tụng Kinh điển, nghe giảng là

chính. Nên các vị Pháp sư đối với Nghĩa kinh có chỗ không hiểu đều tìm đến hỏi Sư. Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535-552) thời Tây Ngụy nghe vậy nên kính trọng tôn xưng ngài là Sư Phó, bèn xây dựng chùa Đại Trung Hưng ở Kinh Đô, thỉnh Sư đến trụ ở đó, tôn xưng Sư làm Ngụy Quốc Đại Thống.

Bấy giờ, Đông Tây mới giao loạn, Vũ Văn Thái tổ bèn ghi chép Đế Đồ, nương cây nhà Ngụy đi về hướng Tây xa muôn dặm đường bắt đầu dựng lập. Tăng Đồ cùng nhau nhóm họp tiếp nối. Sư đã ở ngôi vị Tăng thống, đại lập khoa điều, Phật Pháp được hưng thịnh trở lại, thật là nhờ Sư. Sau đó, các chùa Đại Thừa, Trúc Hồ lần lượt xây dựng đều do Sư khơi dòng đức hóa. Sư lại đến ở phía Nam Côn Trí thiết đặt chùa Trung Hưng, ở phía trong thì có trang trại ao hồ, phía ngoài thì đồng ruộng cả trăm khoảnh, đều đem cung cấp. Các thứ lễ tào tạp quả nhiều như mây họp.

Đến lúc Sư thị tịch, Vua buồn thương mà bãi triều. Mọi sự cần thiết trong lễ tang đều xuất từ Thiên Phủ, đón rước đến an táng tại phía Nam của vườn, dựng lập mộ cao. Chỗ đất phân mộ được phong rộng đến một khoảnh. Nay gọi là Mộ Thống Sư. Gần đây, vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, vẫn còn những cây cổ thụ.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Trí Huyền

Thích Trí Huyền, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Từ. Lúc vừa mới sinh Sư, trong phòng có ánh sáng lạ.

Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, vào Kinh Đô tu học mấy năm, đã nổi tiếng khắp Kinh Lạc. Học chúng tôn sùng thỉnh Sư giảng lại, Sư giảng giải như nước rót từ bình này sang bình khác không sót. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, muốn chỉ còn lại Đạo giáo, bèn ban sắc nhóm họp tất cả Chư tăng và Đạo sĩ, hễ bên nào hơn thì giữ lại, còn bên kém thì phế bỏ. Khi ấy, sắc chiếu ban truyền khắp từ triều đình đến thôn dã. Các bậc Cao tăng phương nhạc Đạo Sĩ chẳng kể xa ngoài ngàn dặm những ai có yêu thuật đều nhóm họp về kinh đô. Tại điện Thái Cực, thiết bày tòa cao, đích thân Vua Võ Đế đến tham dự, ban sắc Đạo sĩ lên tòa trước. Bấy giờ, có Đạo sĩ Trương Tân là người đứng đầu lớn nhất trong Đạo giáo liền lên tòa cao, tuyên bố rằng: “Đại Đạo (Đạo giáo) thanh cao, thuần nhất không tạp. Cầu ân thỉnh phúc trên thông đến Thiên tào, giữa ban ngày bay lên Tiên, thọ mạng đồng như đất trời, phong giáo trùm khắp, trước tại Trung Hạ, Vô thí vô chung, muôn loài đều nhờ đó mà được sống mãi, ân lớn lợi dày chẳng thể sánh lường. Đâu phải như Phật Pháp hư huyền, nói quá sự thật, chẳng dung tại bảo quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa. Trăm họ không biết, tin lời quý quyết ấy. Ngày nay muốn định có che giấu chăng? Có thể xuất

đầu ra xem? “Tương Thành Công Hà Thỏa tự hành Như Ý. Các Sa-môn Thủ tọa chùa Thiếu Lâm v.v... Thiên tức giận mà đứng dậy, Chư tăng ngăn cản bảo rằng: “Việc lớn hôm nay, Thiên Đế ở đây, không nên vội vàng! Biết các Thiên sư là biển lớn Phật Pháp, những giữa khoảng ứng đối cần phải có người đầy đủ căn cơ biện tài”. Chúng tăng cùng nhau mưu bàn: “Nếu chẳng phải là Sa-môn Trí Huyền ở đất Thục thì không ai có thể đối đáp”. Cùng nhường chuối châu như ý để trao cho Sư. Sư đã vì chúng suy nhường, lại thêm vì tức giận Trương Tân nói lời càn rỡ, bèn an nhiên đứng dậy từ từ bước lên luận tòa, thân ngồi yên định, tay cầm râu chuối như ý, bảo với Trương Tân rằng: “Như những điều Tiên sinh trình bày là “Đại Đạo thanh cao, thuần nhất không tạp” lại bảo là “Phong giáo phát khởi từ thời nào? Giáo của sở thuyết thuyết tại xứ nào? Lại bảo: “Phật pháp chẳng dung ở bốn quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa”. Vậy có thể biện rõ Đạo phát sinh từ thời nào, Phật xuất hiện ở thời nào chẳng?” Trương Tân bảo: “Bậc Thánh xuất thế đâu cần phải định thời gian. Thuyết giáo hưng thịnh cần gì phải định nơi chốn? Đạo giáo từ xưa đến nay vốn có. Đâu phải như Phật Pháp gần đây từ Tây vực truyền đến?” Sư bảo: “Nếu nói không cần có thời gian thì lẽ ra không nên xuất hiện. Nếu không có nơi chốn nhất định thì lẽ ra không nên nói. Từ xưa đến nay vốn có chẳng cần phải thanh hư, trên cầu thỉnh tới Thiên Tào, không tạp sao được, thọ mạng đồng như đất trời, há được Vô thi Vô chung?” Trương Tân nói: “Đạo Nhân nói lời quá càn rỡ. Vì những bậc tiền Vương trước kia không biết nên lưu lại bọn các người còn đến ngày nay. Ngày nay, Thánh Đế đều phải giết hết”. Vua Võ Đế ghét lý ấy sai lệnh Xá nhân nói với Trương Tân rằng: “Tân Sư hãy nên bỏ xuống”. Trương Tân đã lui về, Vua Võ Đế tự lên tòa cao bảo rằng: “Trong Phật Pháp có ba thứ bất tịnh:

01- Là cưới Da-Du-Đà-La, đó là chủ bất tịnh.

02- Là trong kinh luật cho phép chúng tăng ăn dùng ba thứ tịnh nhục, đó là Giáo bất tịnh.

03- Là trong Chúng tăng có lắm người tạo tội ác, ưa thích hành Dâm dật. Khi Phật còn tại thế, Đồ chúng bất hòa, xúm quanh cùng kích phát tranh đấu nhau, đó là chúng bất tịnh. Như vậy Chủ, Pháp và chúng đều bất tịnh. Ý trẫm muốn trừ dẹp để chấm dứt sự hư huyền. Trong Đạo giáo không có các việc ấy nên Trẫm lưu lại để giúp nước nhà tiến hóa”. Vua nhìn lại Sư, bảo rằng: “Nếu có khả năng giải được ba nạn ấy mới thật là người tốt lành”. Sư liền trả lời rằng: “Điều Bệ hạ trình bày đều dẫn từ trong kinh luận, thật chẳng sai lầm. Nhưng thấy trong Đạo pháp, ba thứ bất tịnh còn hơn như thế. Xét về Thiên Tôn lúc ở cung Tử Vi có năm trăm Đòng nữ thường hầu. Đó là chủ bất tịnh rất quá lắm so với Da-Du-Đà-La chỉ là một người. Trang Giáo

của Đạo sĩ, lúc chương lễ cầu phước thì phải có trăm mâm nem nai, mười hộc rượu trong. Đó là giáo bất tịnh, lại còn hơn so với ba thứ tịnh nhục. Tội lỗi của các Đạo sĩ đời đời đều có, ngàn xưa loạn thường, Khương Bân phạm pháp. Đó còn hơn so với chúng tăng. Tăng chúng tự tạo tội lỗi mới nói phật pháp có công năng trừ bỏ. Giống như Chí tôn hưởng lộc nước nhà, nghiêm bày khoa điều, chẳng ngại nghịch tử phản thần nổi nhau xuất hiện. Há đem tội nghịch con phản mà muốn ở nơi ngôi vị của Đại Bảo ư? Ngôi vị của Đại Bảo chẳng thể đem Tội con phản nghịch mà Không. Phật pháp chân chánh đâu thể vì chúng tăng Phạm tội mà phé đẹp?” Sư nhã nhận đề nén, lời tiếng rõ ràng, thấm nhuần. Tuy ở nơi Đại tiết mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Vua Võ Đế kinh ngạc hồi lâu, bảo với Sư rằng: “Điều nói Thiên tôn có năm trăm đồng nữ hầu xuất xứ từ kinh nào?” Sư bảo: “Nói xuất xứ từ Kinh Tam Hoàng”. Vua bảo: “Kinh Tam Hoàng không hề có nói lời ấy?” Sư bảo: “Tự vì Bệ hạ chẳng trông thấy, chứ đâu phải trong kinh ấy không có nói. Nay muốn phé đẹp Phật giáo, giữ lại Đạo giáo, cũng giống như lấy con Thử thay con Địch tôn”. Vua đổi sắc mặt mà xuống tòa, nhân đó đi vào nói điện. Các quan và chúng tăng đều kinh hãi bảo rằng: “Nói xúc phạm đến Thiên Đế, làm sao tự được an?” (Vì Võ Đế chẳng phải là con địch tôn). Sư bảo: “Chủ nhục thì bề tôi chết. Giết chết như trở về, có gì phải sợ. Chợt có thể sớm chết mà thần thức chóng sinh về Tịnh Độ, đâu cùng Quân Vô Đạo đồng sống ở đời ư?” đại chúng đều mạnh dạn lời nói ấy. Sáng sớm hôm sau, Vua Võ Đế bèn ra lệnh phé đẹp cả Phật giáo lẫn Đạo giáo. Nhưng cùng kính trọng Sư, hứa làm hôn nhân, mong cùng sửa chính.

Sư càng gắng chí khí tiết tháo cùng ba người bạn đồng học đến kinh đô nhà Tề. Bấy giờ, giữa ranh giới của Bắc Chu và Bắc Tề đều đầy dẫy cọc rào dãn trải gai góc. Ở đó có một bà lão nhà giàu họ Trương trải Đệm gia dài ba mươi dặm thỉnh Sư bước qua đó mà đến Bắc Tề, trở thành Tam tạng, tiếng tăm vang đến Đông Quốc. Vua Võ Đế nhà Bắc Chu đánh phá Nghiệp thành, trước sai người đi tìm. Vua có người em là Việt Vương trước kia kết bạn lành nồng hậu với Sư, sợ Vua tức giận bày thêm khiến trách khác, bèn dùng roi đánh vào lưng có lằn vết, người thế tục đều thấy. Việt Vương trước nói rằng: “Thần hận ông ta trón mạng lệnh nên đã đánh sáu mươi gậy”. Bảo cởi áo Vua xem. Vua đổi sắc mặt, và bảo: “Sợ ông ta có tâm hồ thẹn đi xa đến nỗi chết mất. do đó phải tìm gấp, bởi không có ý hại”. Và Vua trách Việt Vương rằng: “Kẻ sĩ trượng phu đâu được dùng roi đánh làm nhục như thế?” Đợi gấp càng sâu dày, nên cùng trở về kinh đô.

Đến lúc Vua Võ Đế băng (579), Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy đang làm tướng, mở mang Phật pháp, hai kinh đô đều quy hướng về một người mà thôi. Bấy giờ, tuổi Sư đã xế chiều, nhớ hoài quê cũ, dấy khởi

ước mong. Lại vì ở Thục Xuyên xa xăm, áo nghĩa chưa được tuyên dương, Sư bèn dẫn đầu trở về hướng Tây, tâm vẫn còn chuyên việc giảng dạy. Thục Vương Tú chưa nhận biết về Sư. Bấy giờ, Trưởng sứ Chu Tuyên Minh vào triều xem xét. Vua Văn Đế - đời Tùy hỏi rằng: “Pháp Sư Trí Huyền có được an hòa chăng?” Vua Tuyên Minh kinh sợ chẳng biết trả lời thế nào. Vua Văn Đế bảo: “Bậc danh tăng của cả một nước mà ông còn không biết, làm sao thành kiểm hiệu được?” Tuyên Minh cúi đầu sát đất tỏ bày tạ tội đáng chết. Đến lúc trở về, trước tiên Tuyên Minh đến chùa tham lễ. Chùa xưa vốn ở tại phía Đông chật hẹp nơi vườn. Đó lại là chỗ Bà Dương Vương an táng mẹ. Vì Bà Dương Vương chí hiếu nên đặt tên chùa là chùa Hiếu Ái. Tuyên Minh dời đến chỗ ngày nay, cúng dường không thiếu sót. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy đổi tên chùa là chùa Phước Thắng. Sư tuyên dương giáo pháp, cảm thấy mỗi một bèn vào ẩn cư trong núi Tam Học, mọi sự tiếp xúc trước mắt có nhiều cảm kích, bèn làm bài thơ “Du Sơn” rằng:

*Đỉnh đẹp tiếp tầng mây
Cao ngất lên nửa trời
Bặt hang sâu càng rộng
Ngọn cao dứt lại liền
Cạnh đá khe nước vẹo
Xoay dòng rót suối cong
Đồng hồng biết cỏ lạnh
Xuân đến chim réo mừng
Cây gắm không máy dệt
Vượn hót há giả đàn
Lá dày gió khó thổi
Cành thưa ảnh dễ xuyên
Ôm quyến ngòi ao vắng
Roi gậy vui đồng hoang
Tâm đi ngoài thanh hán
Tưởng đặt bên mây trắng
Tiếng tâm ta chẳng đoái
Dứt ý lại tiêu nhiên”.*
*Đến năm một trăm lẻ hai tuổi,
Sư không bệnh mà thị tịch.*

---o0o---

QUYÊN 25

CHƯƠNG V - PHẦN 02 : HỘ PHÁP

(chánh truyện có năm vị, phụ có năm vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự, ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.
- 2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thắng Quang, ở kinh đô thời Tiền Đường (Đạo Chương).
- 3/ Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở kinh đô, thời Tiền Đường (Phổ Ứng - Pháp Hạnh).
- 4/ Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Tuệ Tự).
- 5/ Truyện ngài Thích Từ Tạng là Đại Tăng Thống ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên Thắng).



01- Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự ở núi Chung Nam

Thích Minh Thiệm, họ Đỗ, người ở xứ Thạch Áp, thuộc Hằng Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác thường. Sư ở Thôn Lang Quý, ở đó có hơn hai ngàn nhà, mọi người cùng đề cao về Sư và lưu truyền đến lời thật. Năm mười bốn tuổi, Sư Thông kinh, năm mười bảy tuổi, Sư thông sử. Châu huyện bèn cử Sư làm Tiến Sĩ. Tánh Sư kính mến vượt hẳn phương xa, chẳng theo mạng nhỏ hẹp, Sư đến chùa Ứng Giác ở núi Phi Long mà xin xuất gia.

Thầy Sư thăm lấy làm lạ về thái độ của Sư, mới viết thư gọi Sư đến Pháp sư Đạo Tràng ở chùa Đại Tập, bảo Sư nương tựa nhiếp tâm. Sư chuyên học Luận Đại Trí Độ. Sau, gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn ngầm lánh mình đến Đông quận. Đến đầu đời Tùy, Phật

Pháp mở mang trở lại, Sư được mời đến trụ chùa Pháp tạng tại Tương Châu. Sư lập chí trong sáng, chẳng giao du với hạng phi loại, những lúc rảnh rỗi việc chánh, Sư không bao giờ làm những việc khác. Trong thông hiểu các kinh điển Đại, Tiểu thừa, ngoài thấu suốt khâu phần. Tử Sử Thư tố là chỗ tâm thường ưa thích, sắp việc Quán Quốc, Sư dời đến.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh các vị Sa-môn phiên dịch kinh điển đến trụ chùa Đại Hưng Thiệm. Đại chúng thấy Sư đức lớn đáng làm chủ, bèn đề cử Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư cố chối từ mà không được, Sư phải làm giềng mối cai quả ở đó.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) về lại Kinh Thất. Ở ngoại ô phía Nam dàn bày Quân kính. Bấy giờ có vị tăng lạt nhiều Triều Hiến, sự việc được tâu lên Vua. Vua rất tức giận nhóm họp tất cả tăng đồ đều bày trước mặt vua, đứng tro trọi mà kháng lễ. Vua ban sắc trách rằng: “Điều chế đã lâu, ban nghĩa phải trí kính. Khi ấy, các hàng Hoàng lão Sĩ nữ nghe liền kính bái, chỉ có một nhà họ Thích vẫn nghiễm nhiên chẳng cúi”. Bấy giờ, Sư là người Đạo lớn, đại chúng đồng suy tông, mới đáp rằng: “Bệ Hạ chắc chắn muôn kính vâng theo Phật Pháp, Chư tăng v.v... nghĩa không bày giáo. Nếu y cứ theo chế mà trái Đạo thì pháp phục không được kính lễ người thế tục”. Vua bảo rằng: “Nếu cho là Pháp Phục không được, vậy Vua Võ Đế (Lưu Tục 420-423) thời Tiên Tông là ai mà rất mực kính bái?” Sư đáp: “Họ Tông là vua Vô Đạo, không lễ bái thì vờ lấy sự chém giết. Còn Bệ hạ là người có phép sửa trị, có tâm chân chánh, chẳng vui đập người vô tội, nên không lễ bái”. Vua không bằng lòng lời nói đó, bèn sai xá nhân nói với Chư tăng: “Vì sao chẳng lễ bái?” Như thế đến năm lượt, các dòng họ của Hoàng Cân liền bái mà thôi, chỉ có Sư và chư tăng chỉ vái như cũ, lại tiếp tục dùng lời đối kháng không tỏ vẻ lo sợ. Vua bèn hỏi rằng: “Vừa rồi đáp ban sắc chư tăng là ai, ghi tên tấu trình, tiện xét xem ai bị giết”. Chư tăng đều vui mừng lui về. Sáng hôm sau, Hữu Ty xin dảm chết nơi cung quyết trình bày tạ tội, Sư lại đến trước, tuy thấu đạt tỏ bày văn từ khiêm nhường. Vua vẫn an nhiên chẳng nói, chỉ ban sắc ở hai chùa Thiền Định mỗi chùa đều thiết trai cúng dường tất cả chư tăng ở Kinh đô. Lại tặng xấp lụa đặc biệt to lớn khác thường. Sau lại cấm đường ngoại ô phía Tây, Vua bèn nhìn lại kinh ấp bảo Triều tể rằng: “Ta cho rằng trong nước không có chư tăng, nay nghiệm ở một người cũng được”. Từ đó, Sư thường được chọn ở đầu, và bàn luận việc hệ thuộc ấy. Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Thiền Định, vì tôn kính đức lớn của Sư nên như vậy. Đại chúng cho Sư là người chánh sắc, xử đoán sự việc chẳng kiêng nề cưỡng ngự. Lại cử Sư làm Thượng tọa Tri Sự, chỉnh lý việc chúng tăng đầy đủ khắp cùng ở đương thời.

Đến thời Tiên Đường trị vì thiên hạ, bèn đặt ra chức tăng Quan, chọn các bậc Minh triết xứng đáng không trệ ngại. Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiên Đường, vì Sư là người khéo nhận biết phương thức sửa trị nên có tiếng tăm nơi chốn triều phủ. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn mời Sư vào nội điện. Đích thân Sư lên giường, thọ trai xong thì đối đáp chiếu, rộng nêu bày từ xưa đến nay về phương thuật của các bậc Minh Quân hôn chúa chế ngự. Và trình bày sự rốt cùng của Thích giáo là lấy việc từ bi cứu giúp làm Tông. Vua rất vui mừng.

Ngày mồng sáu tháng ba năm đó, Vua ban sắc khắp nơi dứt bật việc giết hại. Hễ nơi nào Vua hành trận đều thiết đặt xây dựng chùa Phật. Vừa mới lên

ngôi, đồng một lúc cả bảy chỗ Vua đều xây dựng như chùa Chiêu Nhân ở Bân Châu, chùa Từ Vân ở Tấn Châu, chùa Phổ Tế ở Lã Châu, chùa Hoàng Tế ở Phần Châu, chùa Chiêu Phước ở Trị Châu, chùa Đăng Từ ở Trịnh Châu, chùa Chiêu Giác ở Lạc Châu. Và đều do các quan cung cấp thợ xây, từ kinh đô đưa đến những người nô lệ làm việc. Đều do Sư khai phát. Lại riêng mỗi năm, Vua ban thí các vật cúng dường cơm cho cả ngàn vị tăng. Các kinh luận Đại thừa cần thiết thì biên chép quanh năm chẳng nghỉ.

Vì muốn báo ân mẹ và tuổi gài sắp đến. Sư bèn đến chùa Trí Cự ở núi Thái Nhất mà ẩn cư. Những người quy hướng kính tin từ chốn Kinh Liên xa xôi để ở núi rừng hời Đạo, giữ giới lại đông nhiều thường như xưa. Sư bèn tự nghĩ: “Nhiếp tâm trở về chốn tĩnh lặng còn tự phiền nhiều ư?” Thử buông thả tháng ngày còn lại, Sư bèn về lại kinh đô, chỉ thời gian ngắn, Sư bị bệnh, còn có thể chữa trị. Sư bèn bảo rằng: “Mạng ta đã đến lúc cùng, có thể kéo dài đến một tháng, khô cốt phiền lụy đến người”. Sư bèn thỉnh các vị Đại đức đến chùa Hưng Thiện thiết trai cúng dường để giã biệt. Phòng Đồ Bộc Xạ cùng cả triều đình đều nhóm họp, mang theo mọi vật hỗ trợ cúng dường chất nhiều như núi. Sư xả thí tất cả, sám từ cáo biệt. Và ngay ngày ấy Sư tự gắng sức chống tích trượng ra khỏi kinh đô về lại chùa Trí Cự. Sư rất mực chí thành chuyên chú quán tưởng cảnh giới Tây phương, tâm đạo thông lợi. Sư bảo thị giả rằng: “Phật A-di-đà hiện tướng đến!”. Phút chốc Sư lại bảo: “Hai vị Đại Bồ-tát (Quán Âm, Thế Chí) cũng đến. Tôi đối với Quán kinh đã thành tựu mười hai pháp hạnh, còn lại thì chẳng rõ”. Sư đã đầy đủ các tướng lành, nhan mạo vui vẻ, tự nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi bảy tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Mọi người đương thời y theo sự ứng nghiệm của dự ghi, thì Sư thật là người biết mạng vậy. Ban đầu, trước khi thị tịch, Sư căn dặn thiêu đốt nhục thân, đến lúc Trà-tỳ xong mới thấy. Hài cốt nguyên vẹn hoàn toàn không đường vá đắp, ngay trên đỉnh đầu có màu tía làm mắt. Bèn an táng ở dưới hang núi.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thăng Quang ở Kinh đô

Thích Tuệ Thừa, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành thuộc Từ Châu. Tổ tiên Sư nối tiếp đều mỗi rục rờ. Ông nội Sư tên là Hàn làm trực tiền tướng quân Thái thú Lang Da đời Lương, cha của Sư tên Nhã, làm Binh Bộ Lang Trung đời Trần. Ông chú Sư là Sa-môn Trí Cường xuất gia từ thuở thiếu thời, làm Quảng Lăng Đại Tăng Chánh vào đời Trần, thông hiểu Luận Thành Thật và Kinh Đại Niết-bàn.

Năm mười hai tuổi Sư phát tâm muốn nhập Đạo, kính thờ Sa-môn Trí Cường làm thầy, Sư được gọi nhuần dưới luận tịch, tham cứu đủ các tinh lý. Năm mười sáu tuổi, Sư thưa với Sa-môn Trí Cường rằng: “Lìa xa Nhà ngàn dặm mà vẫn gọi là Sa-môn tại gia. Xin được phép đi khắp các Đô quận cầu học ở những bậc tài giỏi”. Ngài Trí Cường liền chấp thuận. Sư bèn đến Dương Đô nghe Pháp sư Trí Tước chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật. Mới thọ giới Cụ túc, Sư liền dự trai hội Nhân Vương do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557-560) đời Trần thiết lập. Sư đối trước vua luận nghĩa, ngôn từ bàn biện khác thường. Trong mấy ngàn người, chỉ mình Sư được Vua chăm chú. Đến ngày mùng tám tháng bốn, Trần Chúa (Hậu Chúa - Trần Thúc Bảo 583-589?) đến chùa Trang Nghiêm, khắp ban lệnh nghĩa tập Thờ. Bấy giờ, Sư dựng lập nghĩa “Phật Quả vượt ngoài nhị Đế”. Có vị Pháp sư tài giỏi nổi tiếng ở xứ Giang Tả, trước kia trụ chùa Khai Thái, sau dời đến chùa Kỳ Hoàn, hỏi rằng: “Phật quả vượt ngoài nhị Đế hay Nhị Đế vượt ngoài Phật quả?”. Sư bèn hỏi vặn lại rằng: “Pháp sư ra ngoài chùa Khai Thái, hay chùa Khai Thái vượt ngoài Pháp Sư”. Vị Pháp sư ấy nói: “Nhu chim uyên ương chẳng đậu nơi nhà xỉ”. Sư liền bảo: “Thích-đề Hoàn-nhân chẳng ở với quý”. Vị Pháp sư ấy bảo: “Chim Cưu-sí-la chẳng đậu cây khô”. Sư liền bắt bẻ rằng: “Thí như biên lớn không dung chứa thân chết”. Bấy giờ, ngài Trí Tước ngồi trên pháp tòa ngợi khen rằng: “Biện tài vô ngại, sự nhạy bén ấy khó người đương đầu nổi”. Tự thân Sư ở trước vua được ban thưởng áo nạp Ca-sa Thiên Trụ. Nhân đó mà khiến tiếng tăm vang vọng lan tỏa khắp các nước láng giềng. Trần Quế Dương Vương, Thượng Thư Mao Hỷ, Bộc Xạ Giang Tổng, v.v... đều tỏ bày sự quý kính từ lâu và đều kính mến đức âm.

Cuối đời Trần, Đạo lìa, cơn gió thời vận nhà Tùy thổi xa. Thái úy Tấn Vương đến Giang Đô xây dựng Đạo tràng Tuệ Nhật, rộng tìm các bậc thạc đức, Sư vâng sắc được thỉnh mời đến ở, được tôn xưng hiệu là “Gia Tăng”. Sau, Sư theo Tấn Vương vào triều, từng được nội kiến. Bấy giờ, Sa-môn Tuệ Viễn chùa Tịnh Ảnh là bậc có đạo hạnh tiếng tăm vang xa, mà từ trước đến nay Sư chưa từng diện kiến. Nhân đó, bèn đến, gặp lúc đang giảng, Sư liền trình bày ngôn luận. Nghĩa cao từ sáng, tiếng vang làm kinh hãi cả thính chúng. Ngài Tuệ Viễn ngoái nhìn lại bảo: “Vị tăng ở xứ nào mà môi mép lần lướt người, đâu còn ai hơn như thế?” Tấn Vương nghe vậy, càng kính từ biện đó. Bấy giờ, đạo tràng Tuệ Nhật vừa mới xây dựng, tìm chọn đồng một phong hóa, đều gọi là Long ượng và đều mở Nghĩa môn. Đã bày hưng thành từ đầu nhóm họp, bánh xe Chánh Pháp bắt đầu xoay chuyển. Tấn Vương bèn thỉnh Sư hết lòng, lời nói chẳng có thấy tôn trí kết. Sư đã được giúp khả năng chứa nhóm biện luận không ai vượt trước, bẻ trừ nghi ngại, đều

ngiên đồ hang huyết, rất xứng với ước mong của Tấn Vương, nên tặng riêng Sư trăm tấm lụa.

Mãi đến lúc Vua Cao Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581-605) đòi Tùy tuân du đến phương Đông qua Đại Tông, loan giá tới y lạc, ban sắc thỉnh các vị Ngô tăng ở Giang Nam cùng các vị Đại đức ở Quan Đông lên điện dựng lập nghĩa. Sư vâng chiếu chỉ bước lên đầu, bày chương đối luận, khéo hỏi chọt phát, tất cả đều nhóm họp lẫn lộn, ngang dọc Lạc Dịch không gì chẳng tan, phép tắc mất mưu đồ. Vua Văn Đế rất mực chăm chú ngợi khen, các bậc anh tài đều tán thán khác lạ.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đòi Tùy, tại chùa Vĩnh Phước ở Dương Châu có dựng lập một ngôi Hương đài, trang sức bằng các thứ vàng ngọc đẹp tuyệt, trong đời không gì sánh bằng. Đến lúc Tấn Vương (Dương Đế - Dương Quảng 605-617) lên ngôi, càng tôn trọng hơn, theo giá cùng đi, không đâu chẳng trải qua. Niên hiệu Đại nghiệp thứ sáu (610) đòi Tùy, Vua Dương Đế ban sắc mỗi quận chọn ra ba vị Đại đức vào Đông Đô ở Tứ Phương Quán, hành Đạo Nhân Vương. Riêng ban sắc cho Sư làm Đại Giảng Chủ. Suốt ba ngày ba đêm hưng khởi sự luận đạo, Sư đều vì phân chiết cao sảng, không gì chẳng rõ ràng. Sư lại theo giá bày giúp, Phiền Vương thấy đều đến. Sư lại vâng sắc giảng Kinh Kim Quang Minh cho Vua Cao Xương Khúc Thị nghe. Sư tuôn lời nhã, trong sáng đặc biệt, người nghe đều ngợi khen. Khúc Thị trải tóc dưới đất để Sư bước qua.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đòi Tùy, Vua Văn Đế đang ở tại Đông Đô, vì nhị Hoàng mà dựng xây hai ngôi tháp; tháp bằng gỗ ở Tây Kinh. Lại ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến an táng nơi tháp. Bấy giờ, khắp bốn phương các hàng đạo tục trăm quan chư hầu mỗi vị đều ban suốt mọi vật quý báu đến đường phía Nam Thiên Môn, thuộc phía Bắc chùa Hưng Thiện, bày lập Thắng Tràng hơn ba mươi ngôi cờ cao phướn đẹp tiếp nối ánh nối giữa hư không, cây báu hương khói cao đồng như mây mốc. Rước linh cốt đến chùa Thiên Định, đều cùng thỉnh Sư khai giảng Kinh Nhân Vương, thâm đượm khắp các hàng sĩ thứ, Chánh Đạo tự lên, đều vui mừng tán thưởng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đòi Tùy, tại Đông Đô, Sư lại Đồ họa tôn tượng Đản hương của nước Quy tư cao một trượng sáu. Tôn tượng đó là do Ngài Cư-ma-la-thập mang đến và có cảm ứng các điềm lành, nên được truyền trì. Nay hiện được thờ tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu.

Đến lúc thời vận nhà Tùy ly loạn sụp đổ, nhà Tiền Đường lên ngôi. Niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) đánh dẹp Đông Hạ, có ban sắc vì đất nước loạn lạc, chư tăng phải quá khó nhận

biết, nên mỗi châu riêng lưu lại một chùa ba mươi vị tăng, ngoài ra, số còn lại đều phải hoàn tục. Vua vì ở Lạc Dương là nơi nhóm họp rất nhiều vị có tiếng tăm, tâu thỉnh được phép ba trăm vị tăng đồng ở chùa Đồng Hoa. Sư v.v... cùng với năm vị nữa được ban sắc cho ở tại Kinh Thất. Bảy giờ, Sư theo Ngụy Trịnh nên là bị liên lụy, chúa thượng vốn vâng thừa tiếng tăm đạo phong, riêng được đoái hoài đặc ân an ủi về, bảo trụ chùa Thắng Quang. Tần Quốc công đức đều quy hướng về chùa ấy.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Vua đang độ tuổi sức đơm, nên xe giá đến Quốc Học, sắp hành Thích Điện, ngay nơi Pháp đường đặt ba chỗ ngồi thứ lớp theo Tam Tông. Chúng lại ưa thích suy cử Sư dẫn đầu. Bảy giờ, các bậc tài học ở khắp năm Đô, những người thông hiểu cả Tam giáo, như Sao bày nghĩa học, mây bày chiếu hoa. Vua Cao Tổ ban sắc chiếu rằng: “Lão Giáo, Khổng Giáo là tiên tông ở xứ này, Phật giáo về sau mới hưng khởi, nên tôn sùng kính giữ lễ khách, bảo đứng đầu là Lão, tiếp theo là Khổng, và sau cùng là Thích Tông”. Lúc bảy giờ, cùng trông nhìn không tỏ thái độ gì. Sư tuy lên chỗ ngồi mà trong tâm không an. Nay lúc lên vì Tần Vương đích thân đến chỗ ngồi, nhìn thẳng vào mặt mắt Sư không hề xoay đi hướng khác, có bảo Trung Sử đến mười lần đến nói với Sư rằng: “Chỉ nói về Phật Tông, trước nên phô bày đức hạnh của Vua. Ngoài ra không một thứ gì phải lo toan”. Đã đến lúc cuối cùng nêu bày chân Đế thấu triệt thông ở trước, bèn bảo tông rằng: “Trên trời dưới đất, được người Vinh quý giúp đỡ, Duyên nghiệp có nguyên do, hẳn y cứ vào Phật Thánh. Nay sắp thứ tự lớn đến cùng, lý đủ lễ nghi. Và đều chấp tay qùy gối, khiến thầy trò có chứng cứ”. Tiếng ban bố vừa dứt, Từ Hoàng Trữ trở xuống cho đến các Quan liêu, mỗi vị đều rời khỏi ngõ ngòi, qùy gối đợi nghe nhận. Sư liền trước trình bày đức hạnh của Vua rằng: “Bệ hạ cao vòi lớn lao như ánh trăng giữa muôn vì sao v.v...!” Tiếp đến, ngài nói về Thích Tông. Sau vì hai nạn đều thấu triệt cả hai giáo. Thân thang cao riêng bày, lưới nghĩa giăng cao, không ai chẳng bước theo ảnh hưởng phong thái vẻ vang. Ứng Cơ như mây tuôn vọt. Thế rồi, Vua xoay tòa ánh sáng, kính khen lời nói ấy. Các hàng công khanh đều vái chào xin theo nghiệp lớn. Hoàng Cân Lý Trọng Khanh im lặng không đáp được, Bác Sĩ Thái Tửu, v.v... bó buộc lễ nơi Viên Môn. Mặt trời trí tuệ lại tỏa sáng, mây phép rộng tỏa ban. Ngay lúc đó, Vua lại ban chiếu hỏi Sư rằng: “Đạo sĩ Phan Đản tâu trình cho là Thái tử Tất-đạt-đa không thể thành Phật, sáu năm cầu Đạo mới được thành Phật. Vậy thì Đạo có khả năng sinh ra Phật, Phật do từ Đạo mà thành. Đạo là thầy là cha của Phật, Phật là con của là em của Đạo. lại nói thấu hiểu Đạo Lớn, phát ý Vô Thượng. Tiếng Phạn là A-nậu-bồ-đề, đời Tấn dịch là Vô thượng Đại Đạo. lấy đó mà nghiệm thì Đạo lớn Phật nhỏ, với việc ấy có thể biết”. Sư liền

lược đáp rằng: “Chấn Đán (Trung Hoa) đây cùng với Thiên-trúc còn xoay quanh trong biển, sánh như Lân châu. Lão Đan vào cuối thời nhà Chu mới dậy khởi, Đức Phật thì đầu thời nhà Chu đã xuất hiện. Tính về sự cách nhau có đến hai mươi đời Vua, bàn về thời gian đã trải qua hơn ba trăm năm. Đâu có Phật ở thời Vua Chiêu Vương (1000-976 trước Tây lịch) mà trở lại cầu đạo ở thời Vua Kính Vương (519-476 trước Tây lịch) ư? Câu nói luông đối nghiêm thật, đủ có thể biết. Lý trọng khinh hướng theo thứ lớp. Nói Đạo thì có Thái Thượng Đại Đạo, sinh trước trời đất, chứa nhóm bực khởi trong sự trống rỗng. Đồ rực chói loà trên Ngọc thanh, là thầy của Phật, chẳng nói là Lão Đan ở thời nhà Chu. Và lại, trước Ngũ Đế chưa nghe có Đạo, cuối thời Tam Vương mới có tên Lão Đan. Đến thời nhà Hán về sau mới dậy khởi Đạo Học. Suốt cùng ngày nay, bàn xét thuở xưa, Đạo ấy là ai? Căn cứ theo bảy Điển tịch chín Học phái, Điển tắc của Kinh Quốc, Tông Sư Chu Dịch, năm vận tương sinh đã mở Luỡng nghi. Âm Dương từ đó được phán định, nên nói một Âm một Dương, gọi là Đạo. Âm Dương chẳng thể lường biết, gọi là Thần. Trời đất ở nơi sự việc có thể rõ biết. Âm Dương tại sinh mà có ứng nghiệm. Lý ấy rõ ràng, chẳng nói có Đạo sinh trước Trời Đất. Đạo đã chẳng thể lường biết thì từ đâu mà có thể sinh Phật? Nên Xa Dận nói rằng: “Ồ mình là Đức, rộng đến chúng sinh là Đạo”. Ân trọng vẫn nói rằng: “Đức là Đắc. Đạo là Do, nói đắc Hiếu ở tại Tâm, do đó mà thành”. Luận Hành nói rằng: “Lập Thân thì gọi là Đức, thành Danh thì gọi là Đạo”. Đạo Đức là như thế. Đạo do Lý Trọng Khanh nói sao khác ấy ư? Nếu khác thì chẳng đáng để quy hướng kính tin. Đâu có đầu đội mũ vàng ròng, thân mặc áo hạt màu vàng, mai rử tóc bạc trắng, tay cầm Ngọc Chương, biệt hiệu là Thiên tôn ở trên Đại-la, riêng gọi là Đại Đạo sửa trị trong Ngọc Kinh, chỗ của núi biển chưa rõ ràng, điều mà trong Kinh Sử không ghi chép. Đại La đã không có nói, Ngọc Kinh vốn chẳng có chỗ bàn!” nói xong, Sư liền xuống tòa, cả triều đình đều chú mắt nhìn. Bấy giờ, riêng y cứ Từ tông, ngoài ra các thuật khác không vì lý do gì mà thối lùi. Một chỗ ngồi phẩy quạt, muôn đời làm thuyền bè, đáng kính chuộng, đáng bắt chước, lập công phu, dựng sự nghiệp. Gần thì nhờ sức may mắn, xa thì đội nhờ ân hộ niệm!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư vì vâng mang đặc biệt, nghĩa phải chuộng điều lành, kính vâng vì Thánh Thượng mà xây dựng tháp Xá-lợi tại chùa Thắng Quang, thiết trí tôn tượng trang nghiêm, đầy đủ các thứ thần biến. Và lập đạo tràng Phương Đẳng, ngày đêm sáu thời ngồi thiền giữ gìn ba nghiệp. Đến ngày hai mươi tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi sáu tuổi. Môn nhân đệ tử Sư là Samôn Đạo Chương trước đã kính vâng Di Chỉ, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại cửa hang Nam Sơn, gom tro tàn còn lại đem về

chùa Thăng Quang xây tháp thờ Sa-môn Pháp Lâm soạn Văn bia, sự tích này thấy ở Biệt tập.

Chỉ mình Sư giải tỏa sự mờ tối, vào Đạo, hộ trì Chánh Pháp lấy đó làm tâm. An ủi chúng sinh, giúp đỡ kẻ khốn cùng, càng lưu tình khúc từ biện Sư không đuoái lý, văn nghĩa đều dương cao, Viết đưa như dòng chảy có hơn cả tụng tập trước. Chỉ một thuật ấy hết đời Sư là bật vết. Đích thân Sư trải qua ba triều đại, chính sách đổi thay có sáu đời vua, Sư từng đến trong điện đối mặt với các vị Vua, thần khí tiêu tán, sáng suốt cả tường nhận. Tự thấy đức sáng, không ai chẳng suy tôn. Lại nữa, các hàng Khanh Sĩ Vương Công phi tần thứ tộc đều bảm hương xoa, bày sáng cúng lễ. Sư giảng các kinh luận như Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Cô, Duy-ma, Địa trì, Thành Thật v.v... mỗi bộ đến mấy mươi biến.

Sa-môn Đạo Chương giống như đệ tử của Sư. Thuở thiếu thời rất được cung phụng. Sư lập tánh rất thành thật, có tài tán tụng, lời tiếng trong sáng êm ái, rất có thể ở đương thời. Mỗi lúc Ngài Tuệ Thừa vì Đô giảng pháp, Sư cũng tùy thuộc theo khuôn phép thường. về sau, ở Kinh áp mọi người nương tựa rất đông, ảnh hưởng rất nhiều.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh đô

Thích Trí Thật, họ Thiệu, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở nhỏ, bọn trẻ nhóm họp hẳn quý quyết đua dỏi vượt khác, Sư có dự cùng bàn luận, ắc đem Phật lý nói trước.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, trụ chùa Đại Tổng Trì. Nghe giảng thứ lớp đến chỗ sâu mâu. Mọi người cùng dự đều mến quý Sư. Tuy dùng duyên nhỏ mà thông sướng xa rộng. Từ các kinh luận như Niết-bàn, Nhiếp Luận, Câu-xá, Tỳ-đàm, Sư đều soi xét nghĩa sâu, mở toang các then chốt. Thêm vì năng lực Tư duy bền vững trong sáng, tài khí hùng hồn. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bình trị nước Trịnh. Có ba vị Đại Pháp sư như Sa Môn Tuệ Thừa, Đạo tông và Biện Tướng đi về hướng Tây đến Kinh đô. Chúa thượng lúc bấy giờ làm Tần Vương oai minh vũ nội, Tâm chí rất kính thờ Thích Môn, bèn thỉnh ba Pháp sư nói trên đang ở kinh áp cùng các vị có khả năng luận đạo hơn hai mươi vị tăng đến tại cung Hoảng Nghĩa, suốt đêm pháp tập. Bấy giờ, Sư vừa mười ba tuổi, được dự ngồi ở cuối tòa. Chúa thượng bảo sai Sư Đồi luận. Sư mở lời trong sáng trội vượt, kinh hải vượt ngoài mọi điều học trước. Chư tăng mới đến không dám tiếp hưởng. Chúa thượng cùng các Vương hầu khác lời đồng ngợi khen Sư rằng: “Vị Pháp sư nhỏ này rất tài giỏi. Sau này sẽ tiếp nối làm ngôi sáng Tam Bảo!”. Giữa hai đầu chân mày của Sư có sợi lông hào dài đến mấy tấc,

có ánh sáng chiếu soi giữa vầng trán. Sa-môn Cát Tạng từng xoa đánh đầu Sư và sợi lông trắng ấy bảo rằng: “Ông có tướng khác lạ, sẽ tiếp nối gót của bậc Năng nhân. Chỉ tiếc là nay tôi tuổi đã già suy không thấy được ông thành đạt đức hạnh”.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, bọn rợ Hiêm Duân Khổng Xý thường đốt lửa doanh trại, trước đến đất Bắc. Quan quân cùng chống cự. Có Sa-môn Pháp Nhã là người sớm được biết trước. Võ Hoàng rất mến trọng, ban cấp cho người vợ lẽ, mặc tình để tạo tội trộm cướp. Tăng chúng đều lo sợ không ai dám trình bày cản ngăn. Pháp nhã tâu trình xin ngàn vị tăng mạnh khỏe tại các chùa ở kinh đô sung vào quân lính, có sắc lệnh chấp thuận đó, Pháp nhã liền nhóm họp tất cả, chọn lựa lập Đoàn Đội riêng. Đã bức bách bằng Vương oai, mọi người im lặng, không kháng cự. Bảy giờ, Sư mới hai mươi một tuổi, tìm hiểu sâu xa về nỗi lòng của Pháp Nhã, sợ dây khởi dị độ, sự việc rõ ràng thì sẽ phiền lụy đến Đại Pháp, Sư bèn gởi thư đến cùng Pháp nhã rằng: “Tôi và ông đồng sinh trong thời Tượng quý, cùng gặp lúc bị lấn bức. Buồn thay sự rơi ren trong sáu đường, xót thương cho sự chưa tỏ ngộ của bốn sinh! Ông thường đến chốn Phụng quyết, từng đối diện với Long nhan, lý đáng nên rưới nước Cam lộ vào tâm thức Vua, giảng bùa mây lành cho các loài chúng sinh, sao lại khởi chột kiến chấp đối với Sao lành mà cổ xúy tâm xấu ác của Điều-đạt, khiến ảnh hưởng đến thánh thiện, chìm mất ở đương thời, vết xấu lan tỏa ở đời sau. Há chẳng vì triều làm sao nhẫn xét nạp rơm củi? Buông lung tình ngu này, thuật bày sự thấy biết chưa rõ ấy. Than ôi! Đáng buồn, thật thương cho loại đó. Và lại, từ khi kinh điển đã dứt đoạn, thì chẳng hề sinh lại, chẻ đá đã phân, nghĩa không hợp lại. Gấp mang y bát sớm ra khỏi chốn Già-lam, khiến trong đục khác dòng, lan ngãi khác biệt, khiến cho các quan chám dứt sự bàn luận chê bai, Phạm chí vắng bậc tiếng phỉ báng. Nước Định nghẽn mà được thông. Đền tuệ tối lại soi chiếu. Lời này đến mức, tưởng thấy như nước chảy!” Pháp Nhã nhận được thư càng tức giận, khoa đốc càng tha thiết, chuẩn bị đầy đủ các thứ Quân khí, định ngày phát khởi. Sư vào trong chúng đó, gào khóc lớn, kể lại điều trái nghịch ấy. Phá hoại Đại Pháp Luân tức là việc ma. Cùng dự tại đó có ngàn vị tăng đồng một lúc gào khóc, khiến người nghe chạnh lòng rơi lệ. Sư bèn túm lấy Pháp Nhã, vung đánh mấy đấm tay bảo rằng: “Nay ta hàng ma, tà chánh có được nơi y cứ”. Pháp Nhã đem việc ấy tâu trình lên Vua rằng: “Đạo nhân này rất thô lỗ, giao phó pháp tìm khắc, liền bị gông cùm giam cầm”. Ban đầu, Sư không tỏ thái độ khiếp sợ. Đến lúc sắp hành tội, Bộ Xạ Tiêu Võ v.v... tâu trình rằng: “Sư là người rất tinh tấn, có tiếng tăm”. Vua bèn ban sắc bãi bỏ và buộc Sư phải hoàn tục. Và ngàn vị tăng bị chọn lựa ấy được đình chỉ và trở về chùa. Sư tuy trở về thế tục mà

việc binh dịch được bãi bỏ, trong cõi lòng vô cùng vui mừng thanh thái, chẳng hề có niệm tưởng kết hận.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cho Trị thư thị ngự sử Đỗ Chánh Luân xem xét trong Phật pháp có được thanh tịnh chỉnh túc chẳng, hay có phi phạm. Sư lo sợ Pháp Nhã còn cậy vào chấp trước xâm phạm đến tăng chúng thanh tịnh, bèn gọi thư đến nói với Đỗ Chánh Luân rằng: “Trí Thật tôi là vị tăng bị vùi dập giữa thế tục có lời trình rằng: Thật tôi ở tuổi nhỏ quýt được gọi là thanh tín, đến tuổi hái mận đã thấm được nơi vị Tứ Từ. Tuy trí cạn, khả năng nhỏ hẹp, nhưng dám cầu mong tiên đạt, trộm thấy ở chùa Hóa Độ có Sa-môn Pháp Nhã, do nhân lành đời trước nên được quả ở đời này, như An thượng đến đất Tần, Viễn Công vào xứ Tấn. Đúng lý nên giữ hạnh của Hộ Nga, gìn tâm của kết thảo, nghĩ báo ân của Hoàng Vương, kính thờ đền đáp ân đức che chở. Sao ở nơi viện vắng Chi-đề thường làm kẻ giết hại trong rừng tinh xá trấn làm nhà cho vợ con, tức cớ pháp phục của ngàn vị tăng. Bôn bề xót thương buồn cảm đến động đất, phi báng kinh pháp của bầy Đức Phật, muôn nước đồng than oán mách báo tới trời. Từ khi Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán mộng thấy người vàng, Tôn Giả Ma Đằng vào Lạc Đô cho đến ngày nay, vô số bậc danh nhân đều có nghe. Hoàng Đế (Thái Tông) lên ngôi vỗ về nuôi dưỡng muôn phương, muốn cho Vương Đạo trong sáng, biển Pháp không dơ tạp. Công (Đỗ Chánh Luân) răn kính Danh phụng tiết, hứa vì Đạo mà quên mình, trừ tai ương của Cam Giá, nhổ bỏ cây rỗng ruột, khiến rừng thiên rậm rạp, vườn tuệ mở thoáng, kính mến thật vui mừng tiếng tăm vang động đến Bang Quốc. Đâu nữ để tà nịnh ấy, vẫn bung bát ở Kỳ-hoàn, bỏ sự liêm khiết trong trắng của mình, dứt bật kinh hành nơi linh tháp, cửa Ròng sâu thông, kính thấy không do đâu được? Ý trời cao vợi, trở lại hỏi biết ngày nào! Chỉ có Công soi đồng như gương nước, trí xét thấu sâu xa nhỏ nhiệm. Ngưỡng mong cứu vớt, kính hãi giúp ở hàm hoa, tế độ vẫy cạn nơi vết cùng. Khinh tỏ bày liên can, càng thêm lo sợ!”. Về sau, Pháp nhã vì tánh tình nhỏ hẹp cuồng rồ nên bị giết. Đỗ Chánh Luân đem tâu trình lên sự việc ấy, Vua Thái Tông bèn ban sắc rằng: “Sa-môn Trí Thật dùng kinh luận cáo giác pháp nhã, tự dự biết thô xằng. Kể từ khi hoàn tục đến nay lại không hề khuyết phạm giới hạnh, nên y như cũ mà xuất gia”. Nhân đó, Sư bèn trở lại phòng xưa chùa cũ, bao gồm đạo nghiệp xưa trước, nhật nhạp bàn xét đến chỗ sâu màu, rất có tiếng tăm ở Kinh thất.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Vua xe giá đến Lạc Châu, bèn ban sắc rằng: “Lão Quân ban trái khuôn mẫu, nghĩa tại thanh hư, Thích-ca để lại phép tắc, Lý còn nơi nhân quả. Tìm cầu về giáo ấy thì cấp dẫn khác đường, suy xét về Đạo phong thì cứu giúp đến tận cùng.

Nhưng hạnh của Đại Đạo, mở đầu xa xưa, nguồn phát xuất mới đầu không tên gọi. Sự cao vượt ngoài hữu hình, xa hẳn lưỡng nghi mà vận hành, bao gồm muôn vật mà hưởng dục, nên có khả năng kinh bang đặc trị, trái lại chất phác đơn thuần. Đến như nền tảng hưng khởi của Phật giáo phát xuất từ Tây vực, mãi đến thời Hậu Hán mới truyền bá tới Trung Hoa. Lý của thần biến có lắm phương, duyên của Báo ứng chẳng phải một. Đến thời đại gần đây, mọi người kính tin thấm sâu, người mong phước ngay năm này, nhà lo sợ họa ở đời sau. Do đó mà những người vương mắc bởi dòng tục nghe Huyền tông mà cười lớn. Kẻ ham thích khác lạ thấy Chân Đế mà tranh nhau quy về. Mới đầu gợn sóng tuôn trào nơi đầu làng xóm, rốt cùng lan tỏa đến tận chốn triều đình. Khiến cho Điền tịch khác tục chứa nhóm làm trước các thứ nhiệm màu, giáo nghĩa ở Chư Hoa phiên dịch rất nhiều sau Nhất Thừa. Ngâm tròn quên trở lại, đến nay đã nhiều đời. Nay thời vận khắc xương, đã nương nhờ sự tốt lành của Thượng đức. Khấp đất nước được an định cũng nhờ công của Vô Vi. Nên có giải thích mở bày huyền hóa ấy, từ nay về sau, thực hiện trai cúng đi đứng và đến cả như xưng gọi thì Đạo Sĩ và nữ Đạo Sĩ được ở trước Tăng ni. Ngõ hầu thuần trở lại phong tục của gốc gác, thỏa xứng nơi cử hữu, để lại đến muôn đời”. Bấy giờ, chư tăng ở Kinh Ấp rất mực can ngăn, có nói rõ trong Biệt Kỳ. Sư chỉ vì Tượng vận chìm đắm mà mở sáng là mục đích, bèn dẫn Đại đức Pháp Thường, v.v... tất cả vị người theo giá đến cửa cung, dâng biểu văn tấu trình rằng: “Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuổi đến xế bóng mới gặp được đời thái bình, nhan mạo đồng như Bồ Liễu mới gặp được Quân Vương minh thánh! Trộm nghe cha có can ngăn con, Vua có can ngăn thần. Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuy dự phần xuất gia, nhưng vẫn thuộc hàng bề tôi, con cái, có sai phạm không ần lấp, chẳng dám tỏ bày. Kính thấy chiếu thư, nước nhà vốn xuất phát từ Trự hạ, tôn kính Phong hình của Tổ ở nơi phép điển trước, ban cho thiên hạ chúng ta không đức mà xưng. Bao các hàng Đạo Sĩ đứng trên trước chúng tăng, kính khắp thi hành, đâu dám kháng cự sắc chiếu. Tìm xét Lão Quân, ban trải khuôn phép trị nước trị nhà, đeo mang chương phục cũng không đổi khác, chẳng lập Quán Vũ, chẳng lãnh đồ chúng, ở Trự Hạ để toàn chân, ần Long Đức mà dưỡng tánh. Người trí thấy đó cho là Trí. Kẻ ngu thấy đó cho là Ngu. Chẳng phải Lỗ Tư Khâu thì không thể nhận biết được. nay đây các Đạo Sĩ chẳng vâng theo pháp ấy, đắp mặc y phục đều là đồ thừa của Hoàng Cân, vốn chẳng phải là con cháu của Lão Quân, thực hành các phương thuật sai trái của Tam Trương, bỏ đi năm ngàn pháp môn màu nhiệm. Trái lại đồng như Trương Võ, mạn thực hành chương cú. Từ thời Hán Ngụy về sau thường dùng Đạo quý giáo hoá người thế tục. Vọng gá sau Lão quân, nhưng thật là mầm mống của Tả Đạo. Nếu đặt để địa vị trên trước chúng tăng, thật sợ chân ngụy đồng dòng, tổn hại đến phong hóa nước nhà. Nếu chẳng trình tấu, lấy gì phô bày

tình của tôi thần con cái? Kính cẩn ghi chép Đạo kinh và các Sử từ thời Hán nguy, những việc Phật trước Đạo sau. Cúi xin y như trước, mong Thiên từ rủ lòng nghe xét!” Vua ban sắc sai Trung thư thị Lang Sầm Văn Bồn tuyên sắc bảo cùng chư tăng v.v... rằng: “Minh chiếu ban hành đã từ lâu, nếu ai chẳng vâng phục thì bị đánh bằng gậy”. Khi đó, các vị Đại đức v.v... đều nghĩ mạng khó nên đành nuốt khí ngậm lời. Riêng mình Sư mạnh dạn đứng dậy, trước Sư bảo rằng: “Chẳng phục lý ấy, dưới muôn nhận đành lòng chịu tội”. Sư bèn bị đánh bằng gậy và được thả trở về. Sư nghĩ đi quanh kinh đô rồi ẩn vết ở Hoa ấp, đến ở Tam Nguyên thuộc Vị Dương. Các Đồng bạn có tín tâm tìm đến như mây nhóm, tình chấp chẳng có nguyên nhân phát sinh. Sư bị cảm bệnh khí, tự biết mạng sống còn chẳng bao lâu, muốn giã biệt với mọi người quen biết cũ, mà bình thường Sư chẳng gần gũi, bèn bảo bốn vị đệ tử mỗi vị khiêng lấy một góc giường đi đến nơi chùa cũ, Sư vẫn tinh táo sáng suốt chẳng tạp loạn. Vội gọi các người bạn cùng biết đến nắm tay mà nói lời từ biệt rằng: “Trí thật tôi thực là hư bạc vọng xen vào trong chúng tăng, hoài mong một đời đã đến, biết nói lời gì? Chỉ tiếc thân này chết rỗng, chẳng hề vì Pháp, rất lấy làm bùi ngùi! Gần đây mộng thấy vị tiên A-tu-đà đến bảo là thường được xuất gi, nghĩ rằng chẳng phải nói suông!”. sau đó chỉ thời gian ngắn. Sư thị tịch tại chùa Đại Tổng Trì, thọ ba mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638)!

Từ thuở bình sinh, Sư đã chẳng hay vào Phố chợ, không cầm giữ tiền bạc vật báu, chẳng câu liên quan đến danh lợi. Ba y bình bát thường chẳng lìa thân, tuy thường ngày qua lại mà từ đầu không tạm lìa. Chí hạnh nghiêm túc rất có khuôn phép, nhiếp trì dẫn dụ có nhiều phương cách. Nên các hàng đạo tục ở bốn phương xa cũng như chư tăng ở ẩn phần nhiều đều đến nương tựa Sư. Ngài có bảy vị Sa-môn thân gần gũi hầu hạ, đều cung cấp tiếp thừa có thứ lớp và đều cùng vui mừng. Tháp cũ ở chùa Đại Tổng Trì ít có người sửa sang phụng thờ, Sư thường lo hương đèn cúng dường lấy làm việc chính. Lúc bệnh đã trở nặng, nhỏ giọt nước chẳng thông đã trải qua mười ngày, vị thị giả trái thời đem nước trái cây đến. Sư bảo: “Đức Đại Thánh ban chế giới pháp ấy có thể xem thường ư? Tôi thấy lúc sắp qua đời có nhiều người phạm giới, há khiến cho công phu nhiều đời bị vùi lấp nơi một cỏ họng hay sao!”. Sư bèn ngăn lại. Có người hỏi về hậu sự, Sư đáp: “Thí như dây cung bắn mũi tên hết lực liền rơi. Trông khắp chốn núi sông, không hề có tâm thân sơ. Tùy thời lờng chỗ, xét sự lấy làm cốt yếu”. Bèn an táng trong mộ tháp của chư tăng tại ngoại ô phía Nam. Đó cũng là một phương thức của những người đã thấu đạt tánh. Sau khi Sư thị tịch các hàng Tín Sĩ ở Tam Nguyên trong khoảng hơn ba trăm dặm đều vì xây dựng linh miếu, mỗi đêm có bốn,

năm trăm người nhóm họp đến như chịu tang người thân, mãi đến sau trăm ngày chúng mới phân tán!

Ban đầu tại chùa Đại Tổng Trì có Sa-môn Phổ Ứng cũng là bậc tài sĩ người sáng, thông hiểu Kinh Đại Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa rất thấu đạt yếu lược. Vì Phó Dịch tấu trình sự việc, chur tăng mịt mờ không người nào dám ngăn cản. Ngài mới vào Bí thư Đại Cục Công Tập. Lang Giám bảo Phó Dịch đối luận. Phó Dịch không lời đối đáp, chỉ nói rằng: “Kẻ ngu ngốc nói lời yêu mị, không nhọc phải lần lượt tiếp”. Sư bảo: “Yêu nghiệt tạo tác, thì nước nhà đồng diệt mất. có sao Hiền Thánh đồng tôn kính mà riêng ông lại xem thường khinh mạn?” Phó Dịch chẳng đáp, Sư trở về soạn “Phá Tà Luận” hai quyển, lưng mang chiếu trúc đi tấu đến triều Đường đều tấu trình. Bấy giờ, người coi việc vì Thánh thượng mở Trì thông gián. Rơm củi tuy nhận nạp mà biểu của Phó Dịch chưa đưa đến. Lý đáng chảng vì trình Đạt, Sư bèn viết chép nhiều bản luận, hằng ngày đến triều xét, khanh tướng Lang Thự cổ xúy lời biểu của Phó Dịch, nắm tay Phó Dịch cùng bàn về Chánh lý. Sở học vốn cạn cợt, nương gá vào ngôn từ ở người, ngậm miệng chẳng đối đáp. Đó cũng là Bành hương mạnh mẽ, chur tăng tài giỏi chẳng thể đè nén họ. Thầy Sư là Sa-môn Pháp Hạnh cũng là vị tăng trong trắng, đều trụ tại chùa Đại Tổng Trì, đứng đầu trong chúng tăng, tự lập tiết tháo cao trội chẳng đồng với mọi vật. Mỗi ngày sáu thường đứng tham quán tượng, tự hỏi tự đáp, vào trong Tiên điện, cho đến nhọc để lại ứng tiếng như hiện có, tinh thuần thành thật, riêng lập chúng khó thêm được. Nên lại chăm chú vào đó lấy làm cao hạnh. Ngài Pháp Hạnh thấy các tháp miếu thì gia công sửa chữa giữ gìn, dùng bột đỏ để làm cho chúng sinh tôn kính. Các điện ở các chùa tại kinh đô nếu có điện nào chưa họa vẽ thì đều vẽ, ghi chép họ tên, như các chùa Thắng Quang, Bao Nghĩa v.v...

Vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, chưa được một năm thì các chùa thiếu thôn đói kém, khói lửa chẳng nối nhau. Chỉ có chùa Tổng Trì là danh thắng, mà Sư là người dẫn trước, bèn nhóm hội Tăng luận, thệ nguyện mở đường lương thực, người lường một thung, chủ khách đều vậy. Bấy giờ, mọi người tìm đến, thường ngày có cả trăm.

Sư kính cẩn có được chút vui mừng không hề nói là mới nhọc, mà ngài Pháp hạnh khởi niệm nhỏ nhiệm phơi bày nỗi lòng, nhằm chán biếng trễ. Sư liền hỏi bảo người mở lớn nghiệp Quý, có sao tự khổ lụy mên tiếc thức ăn của người khác ư? Mỗi sáng, Sư ra cửa, chóng mời khách bạn, vui vẻ nói cười, trông nhìn hỏi han đón tiếp, thường bày Bình bát úp đặt trên vải. Lúc trúng mùa mản, Sư vẫn như lúc đầu, chẳng nghỉ ở nhà. Sau, Sư đến nước Sở giảng Luận Di Giáo, cho đến lúc qua đời.

04- Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam

Thích Pháp Lâm, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên xa xưa của Sư theo nghiệp làm quan nên đến ngụ ở Tương Dương. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, đi khắp nơi tìm học cả Nho giáo Thích Giáo, rộng thấu suốt từ nghĩa. với các xứ Kim Lăng, Sở Dĩnh, Sư đều theo đường hỏi đến bến bờ, từ vườn văn rừng tài, không đâu Sư chẳng tìm đến, mà trong ý vẫn còn giềng mối cứng rắn, chẳng doanh tạo nổi trôi theo dật, nương gá với hoang vắng, ăn dùng lá cây ở núi Thanh Khê v.v... Ngày thì Sư tiếp thừa dạy răn kinh Phật, đêm thì ngâm vịnh, xem sách thế tục. Nên đối với văn từ ý chỉ nội ngoại giáo điển, Di Văn Kinh vĩ, Sư đều tinh thông được chỗ kết quy và bao quát được chúng phong vận Sư nhàn nhã, giấu đức ngâm âm, khí mạo sắc thái dương cao, tỏ bày thần lược.

Cuối đời Tùy loạn lạc, Sư vào Quan nội quán sát giáo hóa, dòng lìa tám nước, đoái hoài rảo bước khắp ba Tần, thường dùng hoà lý Tiên Tông trình bày lẫn nhau về Danh thật. Xưa kia ở tại Kinh sở cứng rắn văn ấy, mà Bí pháp Kỳ Chương vẫn chưa tham cứu bao gồm, tự chẳng đồng hình phục ấy. Bày tỏ bản tình ấy mới thể nhận được Tông Sư đó, vắng lặng, lẳng xẵng. Sư bèn tạm xả Pháp phục, để tóc dài nhiều năm, ngoài gồm thông Nho môn, trong mong cầu thuật của Lão Đàm. Khoảng đầu niên hiệu Nghĩa Minh (617) đời Tùy, Sư bèn giả đội mặc đai khăn áo hạc, theo đến ở Quán. Sư vốn thông hiểu Trang Lão, bàn nói tuôn nhã trong sáng, nên các hàng Đạo tục đượm phục tinh hoa ấy, kính bái mà theo Sư. Tình khế hợp chẳng hai, cùng thứ lớp với Kim Lan. Nên đối với Văn từ kia cấm, mọi người đều đem hỏi Sư để lấy sự quyết định. Đến nỗi khiến cho Lý Tông (tín đồ Đạo Giáo) kính trọng đạo Phật mà bỏ đạo mình. Bày lời dối của Ngụy Cát giải thích tựa đề phẩm lục.

Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư xoay trở lại với Thích Tông, ôm quyền đến trụ chùa Thê Hoàng hỏi Đạo. Vì đất Vua đồng quy về Danh Giáo thì cổ Xúy lời Trịnh Vệ, Dịch có thể làm khuôn phép. Sư bèn trụ chùa Tế Pháp ở kinh đô.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, có Thái sử Lệnh Phó Dịch trước kia vốn là Hoàng Cân rất chống đối Phật Pháp, tâu trình việc phé dẹp Phật Pháp có nói một điều trong mười: “Kinh điển Phật giáo luống dối, lời lẽ yêu mị, sự việc ẩn khuất, tổn nước hại nhà, chưa nghe nói có lợi ích cho đời, xin thỉnh phạt - người nước Hồ và tà giáo lui trở về Thiên-trúc, phạm những ai là Sa-môn thì phải trở về quê cũ được như vậy, thì nước nhà xương thanh mở lớn, giáo điển của Lý Không mới lưu hành”. Võ Hoàng

dung có lời tiểu biện ấy, Triều Phụ không thể chống đối. Bấy giờ, đó gọi là đi theo lối tà mà bỏ phệ đường rộng, không ai chẳng lo sợ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) mới ban sắc hỏi rằng: “Cạo bỏ râu tóc của cha mẹ, vất bỏ chương phục của vua tôi, lợi ở trong khoảng nào, ích ở ngoài tình nào, hai thứ tổn hại và ích lợi, xin sự khéo giải thích”. Sư tức giận khơi từ của Phó Dịch, bên cạnh lại nghe minh sắc, thừa dịp có điều hỏi ấy liền đáp rằng: “Pháp Lâm tôi nghe: Chí Đạo dứt bật ngôn từ, chín Học phái đâu thể biện rõ được. Pháp thân không có ảnh tượng, mười dục chẳng thể giải thích được. Chỉ vì bốn đường mênh mông đắm chìm trong biển Dục, ba cõi khuấy động điên đảo vùi lấp trong núi tà. Các đệ tử mê nên tự thiêu đốt, phàm phu đắm chìm chẳng thể thoát ra. Nên Đức Đại Thánh vì thế mà xuất hiện ở đời, các bậc chí nhân do đó mà giáng hiện điềm linh, mở cửa giải thoát, chỉ bày cho con đường an ổn. Từ đó, Vương chủng ở Trung Thiên, giã từ ân ái mà xuất gia, ở Đông hạ quý Du nhằm chán vinh hoa mà nhập Đạo, thề vượt ra khỏi hai thứ sinh tử, chí nguyện mong cầu nhất diệu Niết bàn, mở rộng điều lành để báo đáp bốn ân. Lập đức vì giúp ba cõi, đó là lợi ích. Hủy hoại hình sắc để thành tựu chí khí nên xem thường dung mạo xinh đẹp của râu tóc, biến đổi hình tục để hợp với Đạo nên vất bỏ y phục đẹp vua tôi. Tuy thân hình thiếu sót nhưng kính phụng gần gũi mà trong nhớ hiếu nghĩa. Lễ trái thờ chủ mà tâm cất giấu ân ấy. Đượm nhuần khắp kẻ oán người thân vì thành Đại thuận, Phước thấm nhuần u hiển đâu bó buộc bởi trái nghịch nhỏ. Người thượng trí y theo lời Phật cho nên làm điều lợi ích. Loại hạ phàm thiếu điều Thánh giáo cho nên làm việc tổn hại. Trùng trị kẻ ác thì kẻ lạm tự đổi mới, khuyên làm điều lành thì mọi người được cảm hóa, đó là Đại lược”. Điều Phó Dịch tấu trình tại ty phủ chưa thi hành. Phó Dịch bèn viết nhiều Biểu Trưng, xa gần ngang nhiên truyền bá, từ Kinh thất cho đến thôn dã, đều lưu truyền lời chê bai là ngu ngốc, bàn luận dữ dội nơi quán rượu, xướng lời bịa đặt của Hồ quý. Ánh sáng mặt trời Phật bị ngăn che chẳng sáng, Tạng oai ngăn trở ngại không thể lực. Bấy giờ, các hàng Đạo tục đat lòng, huân hào thành luận chẳng phải một, mỗi người đều trình bày phật lý, dẫn nêu đầy đủ Văn Phạm, gá bày nghiệp duyên, xét rõ Tà Chánh, chỉ đều là chỗ đẹp của Phó Dịch. Đâu có dẫn phệ bỏ chúng thành, tuy nói là phá tà mà cuối cùng bị tà phá.

Tâm tình Sư chính là ở huyền cơ, riêng nhận biết suốt ngàn năm, khí cục Sư do trời truyền trao, rộng tỏ ngộ, mới sinh ra đã tỏ biết, trông thấy các tác phẩm đều không công hiệu, tin có thừa Quyền phải có y cứ, bèn soạn “luận Phá Tà”. Trong đó, Văn từ Sư viết rằng: “Trang Chu nói “ Trong sáu Hợp, bậc Thánh luận mà chẳng nghị bàn. Ngoài sáu Hợp, bậc Thánh còn mà chẳng luận”. Lão Tử nói: “Trong vực có bốn Đại, mà Đạo là bậc nhất”. Khảo xét chỗ rốt cùng của Thi, Thư, Lễ, Nhạc. Trước trung liệt, hiếu, Từ chỉ

muốn sửa sang rõ ràng về luân thường. Ý còn kính thờ Vua cha. Chí Đức chỉ là trên an trị Dân, Yếu Đạo chẳng ra khỏi đời đời phong tục. Tự giữ gìn trái Lỗ, há ghi thuật lời của giải thoát. Sáu phủ chín loại chưa hoàng tuyên yếu chỉ rất ráo. Căn cứ vào Nghệ Văn Chí thời Tiên Hán ghi chép các sách có tất cả mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển, không gì chẳng phải là công hiệu ở lợi ích gần, đều chưa hợp với đường xa, thật tự hạn cục trong một đời. Chẳng xoay lại nhỏ vượt ngoài ba đời. Bèn giúp cho thấy lý nhân quả trải qua sáng mà vẫn mờ tối, nghĩa của nghiệp báo tốt xấu trải qua gò đời mà chưa hiểu. Đó đều là chứa nhóm xoay vần của sáu hợp, khuôn tục của năm thường, há khỏi bốn dòng sông lớn làm nơi sinh ra phiền não, sáu đường ồn ào tạo nghiệp trần lao. Thật Tướng mịn mờ vượt hẳn Đạo của yếu Đạo, Pháp thân vắng lặng ra ngoài cao huyền lại huyền. Chỉ có Đại sư của ta mới thấu suốt Diệu giác ấy, hai bên chóng dứt trừ, muôn đức đều dung thông, không thể dùng cảnh trí mà tìm cầu, không thể dùng hình danh mà chấp lấy, cho nên pháp giới năng lượng mà hưng khởi tâm Bi, xét đo hư không mà lập thế nguyện, do đó, hiện sinh vào cõi nước do ướ, ra đời nơi cung vua, bày thân vàng ròng, nhả tướng ngọc hào. Ban rải mây từ nơi đường tối sương mốc cuộn. Đi thì sen vàng đỡ gót, ngồi thì tòa báu nâng thân, ra thì chúa trời dẫn trước, vào thì Phạm vương theo sau. Các hàng Thanh Văn, Bồ-tát nghiêm nhiên như triều nghi, Tám bộ hiện sáu thứ rung chuyển, nói pháp Bát-nhã thì trời tuôn bốn thứ hoa như mưa, trăm phước trang nghiêm, tướng trạng dường như trăng tròn soi rọi biển xanh, ngàn ánh sáng chiếu diệu tựa nhóm tụ ánh ngời của mặt trời nơi núi báu. Cát một tiếng rỗng sư tử thì ngoại đạo bẻ gãy mũi nhọn. Trống pháp tạm giống lên thiên ma cúi đầu, nên gọi là Phật, là Pháp Vương. Há cùng với Lý Nhĩ ở cuối thời Chu suy sụp mà sánh đức, tranh quyền hành ư? Khổng Khâu ở thời mặt thế cùng là một loại. Do đó trên trời dưới trời, riêng tôn xưng là đấng Điều Ngự, cõi Tam thiên đại thiên đều kính ngưỡng thâm nhuần Từ Bi. Nhưng lý thú sâu xa, nhờ nôm lười mà tỏ ngộ sâu, Giáo môn phương tiện khéo léo, nương thầy bạn mới thông hiểu. Bao gồm về giáo thì cả tạng gồm có tám mươi bốn ngàn, Văn từ của Nhị Đế và Thập Địa, Yếu Chỉ của Hải Điện long cung, lượng của điệp xưa sách nay, không gì chẳng trôi chảy cam lồ đến muôn đời, đuổi Chí Đạo ở trăm vua. Gần thì an quốc lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh. Chỉ vì thời vận chưa dung thông, đến nỗi khiến Hán Phạm khác cảm, nên ở Tây vực trước kính phụng âm giáo, hình tướng, ở đông độ sau được ích lợi thấy nghe. Và đến lúc mây từ cuộn đượm, mặt trời tuệ nhật rút thân ánh sáng, thì có Vua Minh Đế (Lưu Trang) mộng thấy người vàng vào niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán, quán thấy linh cốt vào niên hiệu Xích ô (238-251) thời Đông Ngô, từ đó giữa chính sách của các thời Hán, Ngụy, Tề, Lương, Tượng giáo chột hưng khởi. Ở các xứ Yên, Tần, Tấn, Tống lại có danh tăng

xuất hiện. Hoặc dùng thần lực mà cứu đời, hoặc hiện dị tích khiến người phát tâm, hoặc tuệ giải mở thân, hoặc thông cảm vừa hóa, cho đến cả chân không đi trên mũi nhọn chẳng bị thương, Di Pháp nhờ đó mà trở lại bắt đầu, Chí thượng phân thân nơi Viên hộ, Đế vương do đó càng thêm niềm tin. Đầy đủ trong các sử sách ấy có thể rõ ư? Và giúp cho công hiệu tràn khắp cả tương lai, truyền đăng đến trọn kiếp. Có người nghị bàn nói thêm rằng: “Tăng chỉ tiếp nối dòng giống Phật, Phật thâm hộ vệ nước nhà, phước lớn nền tảng của Hoàng đế chắc chắn không có lý do gì mà phế bỏ. Thời vận nhà Tiền Đường chúng ta có được thiên hạ, ứng theo thời của Tứ thất, an trên vị cửu ngũ, bèn muốn thổi lên ngọn gió của Thượng hoàng, mở đạo của chánh giác. Sửa trị đặt để thái bình, trọn lớn mạnh thuần hóa, nhưng điều Phó Dịch nói tàn khốc ác độc uế từ, đều là chỗ đất trời chẳng dung, chỗ đồng vất bỏ của người thường. Sợ vấy lấm phiền Thánh đọc xem, chẳng thể quán xét đầy đủ, cúi mong Bệ hạ ban ân hàm dưỡng rộng lớn, rũ tuệ cục dục, xét mọi điều thuận nghịch bàn luận lấy thật hư. Phật từ xa uỷ thác chánh pháp cho Quốc vương. Bệ hạ thật đáng với phó chúc ấy!” Kính cẩn luận Phá tà một quyển trên đây, dùng phỏng theo truyện từ, Văn ghi có hơn ba mươi trang giấy. Từ khi Sư gom nhặt, xuyên suốt các thiên, từ chôn hoang vắng không ân người hiền, nơi triều đình chẳng sót kẻ sĩ, mỗi nhà cất lấy một bản, đều tụng ở tại tâm, đều là thanh hoa lưu lược, mũ miện Văn Chương, tốt lành vẻ vang từ đó mà vượt rộng. Kẻ hôn tình nhờ đó mà nghe chuộng. Sư lại đem quyển Luận đầu tiên lưu xuất, trong ý muốn mở rộng, tự chẳng rộng tỏ bày tình ấy, thì Dân đen chẳng nhuốm Đạo ấy. Sư bèn dâng trình Khải Văn lên Trữ Hậu, Chư Vương và các hàng công khanh Hầu Bá v.v... đều là Văn lý rộng khắp, ngô hầu tiếp tục hàm hy, bữa rộng cùng khắp. Nên trạng văn của Phó Dịch tâu trình nhân đó vãng bật. Phật giáo trở lại mở thoáng, ấy thật là do công của Sư. Đông cung Thứ Tử Ngô Thế Nam biết Sư soạn Luận Văn bèn viết lời tựa, Phó Dịch chẳng vui với việc đó lại ngầm dèm pha, lôi kéo Hoàng Càn làm bạn đảng, thường tạo ra tà luận, chê bai Phật thánh, mờ tối mạo phạm sinh linh, tự khoe khoang sáng rõ từ triều đình đến thôn dã, huân du đã lẫn lộn, là chỗ nghi của đương thời.

Đến mùa xuân niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ lại ban sắc tại kinh đô chỉ để lại ba ngôi chùa và lưu lại ngàn vị tăng. Ngoài ra, các chùa còn lại đều cấp tặng cho các Vương Công, còn Chư tăng v.v... đều phải về quê cũ. Nghiêm sắc đã ban hành, không ai dám đặt để Văn từ nào cả. Năm chúng buồn khóc nơi ngã tư đường khô ráo, bốn dân nhìn lại thở than nơi phố chợ. Bấy giờ các hàng đạo tục mịt mờ, thân không nơi nương tựa. Nhờ chẩn phương ra trước Vua, khí độc mới mở trong, Sư vốn tiếp nối Khải Văn tâu trình rộng tham cứu về các tông lãnh, lên liền đại xá,

lại trở về thần cư, cho nên mặt trời Phật trở lại tỏa sáng ở đời Đường. Đó cũng là do công đức của Sư. Sư từng gặp phải thăng quan bãi chức, thể kết giữ gìn, Đạo khuất nhục thể tình vốn do ít học. Sư bèn tham cứ tìm tòi các Điển tịch, ẩn gồm sâu màu, soạn “Luận Biện Chánh”, gồm tám quyển. Có Trần Tử Lương, người xứ Dĩnh xuyên phụ ghi chú và soạn lời tựa rằng: “Xưa kia, Tuyên ni vào mộng, lý Thập lục khắc rõ ràng. Bá Dương ra khỏi quan ải, nghĩa nhị thiên liền hiển rõ. hoặc móc sâu vào hệ tượng, hoặc tham trách Hy Di. Chỗ của các lời nói chẳng tuyên bày. Chỗ âm dương chẳng thể lường biết. Còn có thể tràn khắp trời đất, bao gồm cả Quý thần. Đạo không hợp với Đại thiên, lời chưa vượt khỏi vực nội. Huống gì Pháp thân tròn đầy vắng lặng, khéo vượt khỏi Hữu Vô, chí lý lắng sâu, hết vết chân tục. Thể dứt bật ba tướng, luy hết hẳn bảy sinh. Vô tâm tức là tâm, chẳng phải sắc là sắc. Ngoài nom lưới đâu thể nào nói được? Nếu như Tây Bá trói buộc Khương thì hiển bày Tinh Vi, Tử Trương buộc ràng cuối cùng thành chí trước. Nên trong sách Dịch nói “Xưa kia, người soạn sách dịch có lo toan u? Đó là là lý do hưng khởi của luận. Đạo Sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tấn Hỷ, v.v... đều là những kẻ soạn ra văn từ tầm thường phỉ báng chánh pháp, đối với nhân sĩ ở thế tục có thể phát sinh tà tín. Pháp sư vì xót thương sự mù tối ấy, bèn soạn luận này. Có thể gọi là Cổ xuy biến pháp này, lay động văn từ bén nhọn kia. Sự nhạy bén của Bích Khê, nghiêm ngặt của Hoàng Mã tranh nhau nhanh chóng, không gì chẳng lá roi cành gãy, mây tan sương cuộn. Chỉ bộ luận ấy thấu nhiếp tận cùng nguồn giáo của Thích Lão, hết tận danh lý của phẩm tảo, sợ hậu sinh ưa thích việc, ý còn chưa hiểu. Đệ tử gần gũi tỏ bày mà đánh lễ, theo mà dò hỏi bên bờ, sáng rực tràn cả mắt mũi, như ánh trời trăng soi rọi vào lòng vắng lặng thay ứng cơ, thì như ngọc báu, đến được chiếu soi mọi vật. Đã tỏ ngộ huyền hóa của đường ngã tư, bèn dứt rào bước khắp trăm thành. Do đó, xin tỏ bày điều chưa nghe, vì đó mà chú giải ...!” Do sức Văn học của Hùng Bá, các nho sĩ đều kính trọng, dẫn dụ khuyên răn thành khuôn phép nên mọi người nương theo như mây nhóm.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) tại vườn nhà cũ của Cung Đại Hòa ở Nam Sơn xây dựng chùa Long Điền. Vì Sư vốn tánh ưa thích sự yên tĩnh nên đến đó ở. Chúng đều suy tôn tốt lành, đặt cử Sư trông coi việc chùa. Sư thông dong trong sơn phục, ca vịnh giữa rừng hoang.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, có Hoàng Cân Tân Thế Anh, cậy thể phương thuật để được vinh hiển, bèn trình khí với Thái Tử. vốn ganh ghét Phật giáo nên ngầm tỏ bày về luận của Sư là phỉ báng dèm chê Hoàng tông, tội đáng khinh thượng. Vua bỗng nhiên ban sắc sa thải tăng ni. Thấy có chúng sinh mới nương theo di giáo, bèn phỏng

dò thân Sư y cứ vào chánh pháp mà suy khám. Sư nắm lấy cổ tay mạnh dạn, chẳng đợi truy tìm trừng phạt, một mình đến nơi cung đình, xem thường mạng sống, chỉ biết theo lý, bèn dùng xiềng xích trói buộc. Vua ban chiếu hỏi rằng: “Tông minh của nhà Chu khác với giòng họ về sau, tôn kính Tổ, xem trọng người thân, thật là do xưa trước. Có sao tìm móc chỗ dở ấy, đầu chuột hai mối, rộng dẫn lời của hình tự, trình bày đầy đủ thí dụ chẳng vâng, hủy báng tổ nể của ta, xem thường tiên nhân của ta, ông làm như thế, tội chẳng thể thứ tha”. Sư đáp rằng: “Văn Vương là bậc Đại Thánh, Chu Công là bậc Đại Hiền, tìm xét xa xưa mà cẩn thận lúc sắp qua đời, trời xanh chẳng đáp. Hiếu để rất mực thông cả Thần Minh, tuy có Tông Chu, nghĩa chẳng tranh hay giỏi. Có sao Hoàng Thiên không thân gần, không hề nương cậy đức. Người xưa thỏa theo lý mà chẳng thỏa theo thân. Chẳng tự trước ta, chẳng tự sau ta. Tuy người thân có tội cũng phạt, tuy kẻ thù mà có công cũng thưởng. Thưởng phạt đúng lý nên đất nước thái bình. Lão Tử tu hành và răn dạy theo Đạo Tông. Đức giáo dưỡng tỏa cùng trăm họ. Tha thứ cho chính mình, khiêm nhường lẽ sáng tỏ. Phong cách nhân từ in bóng nơi bốn Biển, lại bảo rằng: “Thầy của ta tên là Phật. Phật nghĩa là giác ngộ cho tất cả mọi người”. Vua xưa trời Thiên trúc thẳng hướng Tây mà đi, xét tâm về Lão giáo đầu đuôi có thể tìm biết. Một hôm trao truyền, trong kinh, có dạy răn đệ tử rằng: “Thầy ta khéo vào Niết bàn nhưng mãi mãi thường còn. Nay ta đi!” Ở đây, những điều bày thuật của Lý Trọng Khanh, là phỉ báng phá diệt thầy của họ Lão, người đời chẳng thể nhận biết. Tôi soạn “Luận Biện Chánh” gồm tám quyển, lược đối với các Đạo Sĩ, có hơn sáu mươi điều đều trình bày theo sử sách”. Lời trước thật chẳng phải phỉ báng nước nhà, từ đó về sau đối biện có hơn hai mươi điều, đều y cứ vào Văn từ của Sư. Và đầy đủ trạng văn tấu trình. Vua ban sắc hỏi rằng: “Luận Biện Chánh do Sư soạn, trong chương “Tín Huỷ giao báo” có nói “có người xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, thì giẫm trên mũi nhọn cũng chẳng hề thương tổn”. Vậy, tạm tha ông bảy ngày để ông tự xưng niệm, thử xem đến lúc hình quyết có thể chẳng thương tổn chăng?” Sư bên ngoài thân thì bị trói buộc gông cùm, trong tâm thì bức bách kỳ hạn hành quyết, như nước trôi lửa đốt, không đường nào để mong ngóng mách bảo! Sư bèn duyên theo các kinh giáo cùng tôn danh Tam thánh đã được nghe biết từ trước đến nay, tụng rõ nơi tâm phủ, mong được hiển ứng. Đến lúc mãn hạn, bỗng nhiên thân thái tâm tư vụt mạnh mẽ tràn ngập cõi lòng, vừa vui vừa mừng, quên hẳn sự sợ chết, đứng chờ đợi đáp hỏi. Bỗng chốc sắc lệnh đưa đến hỏi rằng: “Nay đã mãn kỳ hạn ân xá, đã đến kỳ hình quyết. Ông có niệm gì chăng? Niệm có linh nghiệm chăng?” Sư cầm lấy bút mực ghi chép đáp rằng: “Từ cuối đời Tùy nhiều loạn, khắp bốn biển đều nhảy vọt, bệnh dịch độc hại lan tràn, giặc giã đua nhau dậy khởi, nhóm binh đánh nhau, nhà Đàn binh oai, tôi nịnh hót, vua hoang đảng, chẳng vì

chánh trị, ngăn bặt đường vua, nên chấp giữ lấy một góc. Từ khi Hoàng Vương đến đánh, chuyên đổi thanh bình khắp núi biển. Đó thật là do năng lực của Quán Âm, đều vốn nhờ ân của Thế Chí. So sánh đức liền gót, Đạo ngang thượng Thánh, cứu giúp cái chết ngang trái nơi sân vua, khỏi dâm hình nơi phố chợ. Pháp Lâm tôi bảy ngày đến nay, chẳng xưng niệm Quán Âm, chỉ nghĩ nhớ Bệ hạ”. Vua lại ban sắc sai Trị Thư thị Lang ngự sử Vi Tông hỏi Sư rằng: “Có chiếu lệnh bảo xưng niệm Quán Âm, do nhân gì mà chẳng niệm, lại nói là chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ?” Sư đáp: “Cúi vâng tiếp thừa Quán Âm đại thánh xét soi trần hình nơi sáu đường, trên trời dưới đất đều khuôn phép. Nhưng thời vận nhà Đường sáng tỏa khắp bốn biển, chín rợ vâng phụng chức, tám biểu hình trong sạch. Vua thánh tôi hiền chẳng sống uổng mạng. Nay Bệ hạ nuôi dưỡng con hàng phẩm như kinh, tức là Quán Âm. Đã là linh hiển soi xét hợp nhau, do đó chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ! Và lại, chánh luận do Pháp Lâm tôi soạn đều cùng giống như các sách sử. Một câu có sai sót, mặc tình theo búa rìu. Nếu bệ hạ nếu thuận trung thuận chánh, thì Pháp Lâm tôi đây chẳng tổn hại đến một mảy lông, nếu Bệ hạ hình quyết sai lầm kẻ Vô tội thì Pháp Lâm tôi đây có đau khổ phân thân!” Mọi điều Sư nêu đều tâu trình đầy đủ, vua bèn chẳng gia tội, có ban sắc bảo Sư dời đến trụ chùa tăng ở Ích Châu. Sư vừa đi đến chùa Bồ-đề ở Bách Lao quan, vì bị bệnh nên thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Có Sa-môn Tuệ Tụ là người khổ cầu lý kinh, tình kết đoạn vàng, sớm tối đồng đắp chung chăn, an ủi vỗ về thừa tiếp. Đến lúc Sư sắp thị tịch là đang nghiêng mình trên đầu gối ngài Tuệ Tụ. Ngài Tuệ Tụ thương cảm gào khóc như đổ gãy, lệ tuôn như mưa rơi, bèn vò gọi các hàng Đạo tục ở nơi Quan bàng, cùng nhau đưa đến an táng trên đỉnh Đông sơn, xây tháp trắng cao, có khắc bài Minh. Người đi đường nhìn thấy biết mà rơi lệ!

Ngài Tuệ Tụ vốn người xứ Võ Công thuộc Ung Châu, rất giỏi các kinh, thông hiểu Phật lý. Thấu suốt luận Nhiếp Đại thừa, chuyên lấy đó giáo hóa răn dạy, hiểu rõ Đạo lý, mở dẫn phạm tục, nói năng không Văn vẻ. Giúp đỡ du tăng, lấy đó làm tiết tháo như việc nhà. Sư vốn ở chôn kinh đô, sau dời đến ở Lương Ích. Vì Bách Lao quan là nơi đường thông là chỗ quy tụ của cả bốn phương. Các hàng đạo tục qua lại nương nấu không nơi cậy nhờ, Sư bèn tạo dựng vườn chùa tại cửa ải, để tiếp đón khách xa, nên người đi đường nương nhờ vào đó, ca vịnh vui mừng!

Bấy giờ, Trị thư thị Ngự Sử Vi Tông xét Tàn Anh đối trá, bèn tâu đàn rằng: “Trộm vì Đại Đạo chứa nhóm hung thanh. Vết tích xung hư nhờ đó mở mang, huyền phong đã lan tỏa, giáo nghĩa Vô vi thật rộng lớn, chưa có thân dự vào Hoàng Quan, chí đồng với phạm tổ”. Đạo sĩ Tàn Anh giỏi về y phương, không giỏi chú cấm, thân thích cậy mạng, mọi người suy yếu bệnh

tật mang thân đến, thì gian dâm với vợ người ta, chẳng khác cầm thú, như tình trái với chánh giáo, tâm giống như lang sói, chỉ nhớ nghĩ tham ganh, buông lung hạnh tà uế, trong nhà cất giấu vợ con, nơi cửa có nàng hầu trẻ. Nhân béo phì mặc áo nhẹ vào ra nơi đường thông, nhượng mảy, phẩy tay áo, không sợ giềng mối hiến chương, dáng dấp mạnh khỏe chưa quên quán xét lo toan. Ấy vốn chẳng hết, chí giáo hình thức thiếu sót, xin đặt nghiêm khoa để trừng trị dâm dật xa xỉ, bèn đến Đại Lý, cuối cùng vì điên rồ cuồng loạn nên bị giết. Công Tư đều lấy làm lạ về sự chết muộn ấy.

Sư soạn các thứ Thi, Phú, Khải, tụng Biểu, Chương, Lụy, giáo pháp Đại thừa và các luận ký truyện v.v... tất cả hơn ba mươi quyển, đều là vàng đá đánh nên phong vận ấy, gắm lụa họa dệt thành văn tự đó, lưu bày xinh đẹp trang nhã, sáng vượt hòa mục. Sư lại khéo ứng cơ giảng dạy, ngay nơi sự tuôn từ trôi chảy, nói năng hợp với cung thương, nghĩa lý phù hợp với huyền tịch. Đó cũng là ít có ở đời, ít có người tiếp nối được.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Từ Tạng ở nước Tân-la

Thích Từ Tạng, họ Kim, người nước Tân-la. Tổ tiên của Sư là con cháu của Tam Hàn, Vào thời Trung Cổ, Thần Hàn, Mã Hàn và Biện Hàn, dẫn theo Bộ thuộc, mỗi người đều có Khôi Trưởng. Theo Lương Cống chức Đồ thì nước Tân-la đời Ngụy gọi là “Tư Lô”, đời Tống gọi là “Tân-la”, vốn là nước Thần Hàn thuộc Đông Di. Cha của Sư tên là Võ Lâm, làm quan giữ chức Tôn Phán Dị (Theo Vương tộc ấy thì sánh ngang bằng quan Nhất Phẩm của nhà Đường). Đã hưởng địa vị cao quý, mọi sự tính toán bàn biện đều quy, mà không con cái nối dõi, trong lòng thường lo buồn. Vốn kính ngưỡng giáo lý Phật-đà, bèn cầu che chở, rộng thỉnh cúng dường lớn, tâm cầu Phật Pháp đồng thời tạo ngàn bộ Quán Âm. Mong sinh một người con, sau này khi lớn khôn, nguyện phát Đạo tâm, độ các chúng sinh. Điềm lành thầm ứng hiện, mộng thấy ngôi sao rơi vào bụng, nhân đó mang thai, đến ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư vào ngày tốt, các hàng đạo tục đều vui mừng mong có điềm lành. Năm qua khỏi bậc tiểu học, thần khí Sư khơi sáng lẫm trong nhuần đượm, tâm thường vượt trội, mà đối với mọi thứ thế số sử sách, ngài đều xem khấp, tình ý cao vội, không có tâm đắm nhiễm.

Gặp lúc cha mẹ Sư đều qua đời, Sư càng thêm nhàm chán sự phù hoa, thấu hiểu sâu xa về mọi sự vô thường, trọn kết quy về không tịch, Sư bèn bỏ tất cả vợ con, cửa nhà, ruộng vườn, tùy mọi người cần gì thì bèn cung cấp, thực hành hạnh nghiệp Bi kính. Sau đó một mình Sư đến nơi hang rừng, mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, luôn thực hành như thế cho đến trọn đời. Sư bèn lên chỗ sườn núi nguy hiểm, yên ở tĩnh lặng hành thiền, chẳng trốn lánh các

thú dữ như cọp beo, thường nghĩ khó hành trì. Hoặc có lúc tệ hại ngủ nghỉ, tâm hành sắp bầy, Sư bèn ở nơi thất nhỏ, chung quanh chướng ngại bởi các thứ gai góc. Sư để mình trần, ngồi thẳng, nếu cử động thì bị châm chích da thịt, buộc tóc lên xà nhà, bằng cách đó để dứt trừ bệnh ngủ gật, chuyên tu pháp quán tưởng bộ xương trắng, dần dần chuyển hướng sang lạnh mà thâm hành hiển, được mọi vật ngóng trông quy hướng. Sư đáng giữ địa vị Tề tướng nhưng thường mời mà chẳng đến. Vua nước Tân-la vô cùng tức giận, ban sắc sai người đến núi, sắp ra tay đâm chích bằng mũi nhọn. Sư bảo: “Tôi thà giữ giới một ngày mà chết, chứ không mong phá giới để được sống một đời”. Kẻ sứ thấy thế, không dám đâm mũi nhọn, trở về tấu trình việc ấy lên vua. Vua hổ thẹn khiếp phục, bèn ra lệnh phóng thả để Sư xuất gia, mặc tình tu hành đạo nghiệp, Sư liền ẩn sâu, bên ngoài dứt bắt mọi sự qua lại, lương thực đều đã hết sạch, Sư bèn lấy cái chết làm hạn. Bèn cảm có loài chim lạ, mỗi con đều ngậm các thứ trái cây đến dâng tận tay Sư, chim lại đậu trên tay Sư để cùng ăn. Thường ngày đến giờ thì như vậy, y như lúc mới đầu không trái với thời gian. Đó cũng là hành cảm huyền chứng, ít có người được như thế. Nhưng Sư trong lòng thường luôn lo lắng, xót xa nghĩ đến các loài hàm thức, không biết dùng phương tiện gì để giúp chúng thoát khỏi sinh tử! Trong lúc đang ngủ, Sư thấy có hai người dáng vẻ trượng phu đến bảo với Sư rằng: “Ông ở nơi u ẩn, muốn làm điều lợi ích gì?” Sư đáp: “Chỉ muốn làm lợi ích cho chúng sinh!”. Hai người ấy bèn truyền cho Sư năm giới rồi bảo rằng: “Hãy dùng năm giới ấy mà làm lợi ích cho chúng sinh!” Và lại bảo Sư rằng: “Chúng tôi từ cung trời Đao lợi đến đây, trao giới pháp cho ông”. Nói xong liền bay vọt lên hư không và biến mất. Khi đó, Sư bèn xuống núi, chỉ trong vòng thời gian một tháng, mà các hàng sĩ nữ trong nước đều đến theo Sư cầu thọ năm giới. Sư lại suy nghĩ sâu xa rằng: “Sinh ở chỗ đất biên địa, Phật Pháp chưa được mở mang. Nếu chẳng tự chăm chú xem xét thì không do đâu mà tiếp thừa vãng phụng”. Sư bèn tấu trình khai văn với Vua, nước Tân-la nhìn về Tây Phương (tức chỉ Trung Hoa) Phật Pháp đang hoằng hóa hưng thịnh.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiên Đường, Sư dẫn đầu các môn nhân như Tăng Thật, v.v... tất cả hơn mười người giả từ phương Đông (Tân-la) tìm đến Kinh đô (nước Trung Hoa). Sư được vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc an ủi vỗ về, thỉnh ở riêng một phòng viện tại chùa Thắng Quang, cúng dường mọi thứ lễ hậu, người vật tìm đến đông nhiều tấp nập, của cải đã chứa nhóm, bèn có kẻ bên ngoài đến muốn trộm cắp. Kẻ trộm sắp lấy thì trong tâm tự nhiên lo sợ kinh hãi, trở lại bày tỏ ăn năn lỗi lầm. Sư bèn trao cho quy giới. Có người bị bệnh từ lúc mới sinh đã mù hai mắt tìm đến chỗ Sư tỏ bày sám hối, sau đó liền được sáng mắt. Do những điềm ứng tốt

lành như thế, nên mọi người tìm đến nơi Sư cầu xin thọ giới, thường ngày có cả ngàn.

Tánh Sư vốn ưa thích ở nơi tĩnh lặng, bèn tấu trình khai văn và được ban sắc vào núi, Sư bèn lên đỉnh núi cao vội hiểm nguy ở phía Đông chùa Vân Tế, thuộc núi Chung Nam xây thất để ở. Sớm tối người Thần quy hướng cầu thọ giới đến nhóm họp. Bấy giờ, vì nhiễm chút bệnh sỏi, thấy vị thần thọ giới xoa nhẹ vào chỗ đau, sau đó liền khỏi. Qua lại suốt ba mùa hạ, Sư thường ở tại núi ấy. Sắp có việc trở về đông phiên, Sư bèn từ già xuống núi Vân Tế, thấy Quỷ thần lớn chúng đông vô số, thân mặc áo giáp, tay cầm gậy đến bảo rằng: “Đem kiệu vàng này để đón rước Sa-môn Từ Tạng”. Lại thấy Đại Thần đánh nhau với Quỷ Thần ấy, không bằng lòng cho đón rước Sư. Sư nghe có mùi hôi thối nồng nặc tỏa khắp cả hang núi. Sư bèn lên ngồi trên giường dây, thông báo từ biệt mọi người. Sư có một vị đệ tử bị Quỷ đánh vào chân chết đi sống lại, Sư liền xả thí các thứ y phục tài vật, thực hành cúng thí chúng Tăng tu tạo công đức. Lại nghe có mùi hương thơm xông ngát khắp cùng thân tâm. Thần nói với Sư rằng: “Nay không chết thì tuổi thọ phải hơn tám mươi!”. Thế rồi, Sư trở vào Kinh đô, được Vua ban sắc an ủi thăm hỏi, ban tặng hai trăm xấp lụa, để may sắm y phục.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, tại nước Tân-la thỉnh cầu Sư trở về, Sư tấu trình khai văn và được ban sắc chấp thuận. Vua dẫn Sư vào cung, ban tặng một bộ áo nạp, năm trăm xấp lụa nhiều màu. Thái tử ban tặng Sư hai trăm xấp. Sư bèn vì nước nhà mà lập Đại Trai hội tại chùa Hoàng Phước. Các vị Đại đức nhóm họp. Và độ tám người xuất gia. Vua lại ban sắc cho Thái thường chín bộ cúng dường. Ngài vì Bôn triều (nước Tân-la) các thứ kinh tượng lưu lạc chưa đầy đủ, bèn thỉnh được một Bộ Kinh tạng và các tôn tượng xinh đẹp, phước hoa lọng cụ để làm Phước lợi, thỉnh mang về Bôn Quốc. Khi Sư đã về đến quê cũ, mọi người khắp cả nước đều ra đón rước, một thời Phật Pháp nhờ đó hưng khởi. Vua nước Tân-la vì Sư là người cảnh ngưỡng nước lớn, hoàng trì Chánh giáo, nếu không có giềng mối sửa trị thì chẳng do đâu mà trang nghiêm thanh tịnh, nên mới ban sắc cho Sư làm “Đại Quốc Thông”, mời trụ chùa Vương Phân, chùa đó do vua xây dựng. Lại riêng xây dựng Tịnh viện, độ riêng mười người thường sung vào cấp hầu. Vua (nước Tân-la) lại thỉnh Sư vào cung, suốt một mùa hạ giảng luận Nhiếp Đại Thừa. Sau đó, Sư lại trụ chùa Hoàng Long giảng Bồ-tát giới Bôn, suốt mười bảy ngày bảy đêm trời giáng cam lộ, mây móc sương rắng trùm phủ giảng đường, bốn Bộ hưng thịnh khen ngợi tiếng tăm vang khắp. Đến lúc bãi giảng, người theo thọ giới số lượng như mây nhóm, nhân đó đổi lệ mười thất làm chín. Sư thuộc vận tốt lành ấy, mạnh mẽ từ trước đến nay. Mọi thứ y phục vật dụng có được, Sư

đều sung vào việc cúng dường xả thí, chỉ chuyên thực hành hạnh Đầu-đà, sống chôn Lan-nhã, giữ gìn Đạo nghiệp.

Chánh vì Phật Pháp ở Thanh Khâu dần dần truyền về phía Đông khoảng trăm năm, mà trú trì tu hành kính phụng có thiếu sót. Sư bèn cùng các Tể Bá bàn định rõ về kỷ chánh, bấy giờ các hàng Vương Thần trên dưới đều bàn bạc việc kết quy, tất cả Phật pháp phải có khuôn phép, đồng thời giao phó cho Sư, khiến năm Bộ tăng ni đều tăng thêm sự tu học lúc trước. Lại đặt ra giềng mỗi coi sóc, xem xét giữ gìn, mỗi nửa tháng thuyết giới, y cứ theo luật sám trừ. Mùa xuân, mùa Đông, thử gồm tất cả để khiến biết trì phạm. Lại đặt ra Tuần sứ đi khắp các chùa, khuyên răn nói pháp, trang sức tượng Phật, tu tạo sửa sang các hạnh nghiệp, trấn giữ làm lệ thường. Nói theo đó thì Bồ-tát Hộ pháp chính là người ấy. Sư lại riêng xây dựng chùa tháp có hơn mười ngôi, mỗi lúc xây dựng thì cả nước đều tôn kính. Sư bèn phát thệ nguyện rằng: “Nếu việc xây dựng chùa tháp có linh ứng thì xin hiện tướng lạ”. Bèn cảm có xá-lợi nơi các khăn bình bát. Đại chúng buồn vui, cúng dường chứa nhóm cao như núi. Sư liền cho họ thọ giới, hành thiện càng rộng khắp.

Lại vì tập tục vận mặc ở Trung Hoa so với Tân-la có đổi khác, ngài chỉ quy sùng chánh sóc, nghĩa chẳng hai lòng, đem sự việc ấy thương lượng thì cả nước đều đồng ý bèn sửa đổi biên phục mỗi mỗi đều y cứ theo phục nghi đời Đường. Do đó mỗi năm đều triệu tập các vị tại Thượng phiên, nhậm nhiệm quan viên đi đều đồng như Hoa Hạ. Y cứ vào việc ấy để lường thì xưa nay khó nêu bày. Sư soạn các Kinh giới số có hơn mười quyển, lưu xuất “Quán Hạnh Pháp” một quyển, truyền bá tại nước ấy.

Lại có Sa-môn Viên Thắng, ngài vốn chủng tộc Thần Hàn, là vị Tăng thanh tịnh cẩn trọng. Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiên Đường, Sư đến Kinh đô (Trung Hoa) rảo khắp các Pháp tịch. Văn trì soi rõ, chí nhiếp trong định, tâm chuyên Hộ pháp, ngang với ngài Từ Tạng, vâng giữ làm giềng mỗi bờ lũy. Đến lúc hai ngài đồng về lại nước Tân-la, mở thoáng đường đi, giảng khai Luật Bộ. Chỉ có Sư là người trước tiên. Từ xa xưa những vị từ Đông phiên đến Trung Hoa cầu học, Kinh thuật tuy có nghe mà không thực hành giới kiem, duyên gây dựng đã trọng. Nay thì ba pháp học đều đầy đủ. Đó đủ biết bậc Thông Pháp hộ trì giáo Pháp ở đời chỉ có người ấy, bên trong cầu đục, ở ngoài sạch trong, do đó mà nghiệm biết.

Thử Bàn luận:

Quán xem bậc chí nhân xuất hiện ở đời, hoặc là Tam Luân ngự trị thế gian, hoặc là sáu thông dẫn dắt muôn vật, người y cứ, Pháp y cứ, vốn hộ pháp, mà bày giáo vừa quyền, vừa Đạo, thật gồm cứu giúp mà thành bên bờ. Do đó, Tam tạng lập ra ngôi vị, cứu vớt khi chưa bị đắm chìm. Một khoa Hộ Pháp

dựng lập bị giềng mối Chánh đã nghiêng đổ, nhưng tướng của hoàng dụ càn nhánh đầu mối hơi nhiều, thường hiển bày, biết vi diệu, chột nâng bốc Thần võ, thích Biện tài kỳ đặc nơi chúng tà, làm sáng tỏ tâm mờ tối, hiển bày Đại nghĩa ở đương thời. Xương Lý nhiệm màu gá oai quyền mà giúp Đạo. Các bậc hữu đức riêng chiếm tiếng tăm ấy, nhờ truyền trao mà ngầm thông, khắp bảo thường hành việc đó, bèn đánh kiên chùy ở núi Linh Thứu, âm thanh chỉ là nhậm trì. Nhập vào Luận Đại thừa thì chín ức vị Vô học trú Pháp cả muôn năm. Theo sự giải thích của kinh luật thì La Hán Tân-đầu chưa chứng Niết-bàn. Đó đều là giúp sức mở mang Đạo hóa, thông ngộ chưa nghe, vắng lạng các hoặc điên đảo ngay đời nay, tiếp nối dòng Chánh Pháp ở tương lai. Cho nên khiến chìm mất thường nhiễm, sau đó trở lại hưng thịnh, đâu chỉ mưu tính của Phạm tình mà bởi sức lực ấy. Huống gì Tôn giả Ca-diếp ngưng thần tại núi Kê Túc, Bồ-tát Kiên Tuệ khoanh tay nơi hang Tu-la. Đó đều là dẫn dắt chúng sinh về điều lành, vì chúng sinh mà giữ gìn thân, đến lúc Đức Từ thị xuất hiện ở đời thì cùng mở mang, hoặc xé rách lưới ái, hoặc xô ngã cờ mạn, hoặc giải quyết nghi sâu, hoặc mở mang Đạo vụ làm hạnh nghiệp ứng tiếp, như sự rơi xuống của mây mưa, vì công rất nặng, ngang bằng với sự rộng lớn của mặt đất. Do đó, ngài Thân tử (Xá-lợi-phất) nổi tiếng là bậc Đại tướng hiển bày pháp luân, Tôn giả Cúc-đa vang hiệu, nêu Phật sau vô tướng. Năm trăm môn học hiệu chung là Nhậm Trì. Hạnh đức cùng cao đều xưng là bậc nhất. Còn như tiếp thừa thời cơ Ngự hóa, mở thông Pháp Khai Tông, cùng cực của hoàng cứu chẳng cao bằng ngài Thân Tử. do đó mở mang vườn cây nơi đất Phước, đánh bạt giặc tà ở núi cao, đè nén thần lực của ngài Mục-kiền-liên, che khuất biện tuệ của ngài Phú-lâu-na. Đó tức là duyên Hộ Pháp, chỉ là như thế.

Kể từ khi Đạo phong lan tỏa đến Đông hạ, bắt đầu từ ngài Ca Diếp Ma-đăng và Trúc-pháp-lan, trước chuyên chú trọng ở mở bày, nên đưa vào mục phiên dịch kinh điển. Nhưng truyền dịch kết quy về đức tin. Chưa tin thì không thể mở mang Văn kinh. Hộ trì là đặt nặng ở tà chánh. Tà chánh mới mở ra góc gác đức tin, kinh nêu bày như thế, há là luống dối ư? Đạo vốn là mẹ đẻ công đức, thực là ở Đức tin. Do đó khai mở mờ tối để giáo hóa, ứng tiếp tâm tánh thời cơ, lại từ không mà hiển bày đức sáng ấy. Đại chúng kinh hãi cả tai mắt, đến nỗi chỉ cúi đầu kính bái thọ Đạo, khâm phục tể gọi dòng Pháp, chẳng phải dối bày. Tốn phí tài vật đều cảm trọn bên cạnh Đản. Chứa đựng đức tin, cạo tóc đánh đầu ở trong trường. Hiển tông ngộ lý biết quy hướng, Thị trung xả bỏ thế tục vào Đạo. Việc lớn một thời làm thuyền bè cho muôn đời, ánh sáng mặt trời Phật do đó mà lưu tỏa, mây Pháp do đó mà chẳng biến mất. Đức ấy có thể ghi chép, lời ấy có thể rõ ràng. Mà Mân Việt ẩn sự cao bày, nương gá vào truyền dịch xưng thuật, trộm so sánh thì sự nghiệp khác nhau,

xa hoàng hóa thì tiếp thừa phương tiện, khó phỏng theo tính công xếp bày thứ tự, nên trước là Dịch truyền, hơi chẳng trải qua việc chuyên cho nên sau là ba học, đến thời Diêu Tần vì mê theo phương ngoại, Sa-môn Đạo Dung vạch rõ đúng sai. Trong thời Nguyên Ngụy lại xem trọng tà, nên ngài Đàm Thi đặt ra cường ngự ấy. Truyện trước đã rõ bày, tông ấy có thể ghi chép. Thi hành vào thời Bắc Tề, Bắc Chu hai lối sửa trị, quyết chính khác phong hóa. Giòng họ Cao - Bắc Tề chỉ làm hưng thịnh Phật giáo. Giòng họ Võ - Bắc Chu chỉ mở mang Đạo giáo. Nhưng Tà bức ngặt chánh, tà nguy mà Chánh Thông, Vọng làm thì loạn chân, không có hai tâm, chư tăng đông đầy khắp bang, chùa tháp khắp cùng cả nước, có đến hai trăm muôn chúng. Giếng mỗi thông ngự đều là lời của Sa-môn Pháp Thượng Đại Thống, bốn mươi ngàn ngôi chùa đều thuộc về chùa của đạo Phật. Y cứ theo Diệm Châu thì hóa cảnh bao gồm Tượng Chánh nhậm trì. Sự lớn của con thuyền chưa thể phỏng biết, há là năng lực của Pháp, chỉ có người mới nói được? Hoàng truyền đó là vốn ở tại sức người thì Hiền Công y cứ ngay ở đầu, bút nét hoa sức, tung sáng bụi trần, Đại chúng đều xem nhẹ mà chẳng nghĩ, có thể gọi là khơi thông Đạo ấy. Đến lúc ngài Pháp Thượng dẫn chúng đi vãn nạn, thì say tình gồm đủ cả. Người tỉnh thì nhận lãnh ngôn từ căn dặn của ngài Pháp Thượng, kẻ say thì nêu bày luống dối nơi tà địch. Tuy là Bí thuật của hòm vàng túi ngọc, chưa thể trao lời, mưu kỳ của Tôn Võ Ngô khởi, đâu từng đáng nói. Do đó mới lên chỗ ngồi, lay động tâm chúng sinh, Dị chúng ngang bằng với núi đồi, Cổ luận đồng với mây vật, đến nỗi khiến vừa mới khua mũi nhận để biện luận thì liền ngăn cản khí yêu, định phương thuật ở trước mặt, dựng lời màu ngay đời nay, cho nên có Đàm Tiên gieo hình hài nơi Đài hạm, Tông hư cắt bỏ râu tóc nơi sân vua. Minh Chiêu được ban hành, nước nhà không hai tin tức. Tuy Trù Công nêu lên Định Đạo, Hiền thượng thống quản ở Nghĩa Môn, vui mừng của một thời, hẳn chẳng đồng năm mà nói. Giòng họ Võ ở đất Tần trong đời gọi đó là Võ Khanh, lời thô tục của hạng lang sói tưởng chẳng nương gá sông. Nghĩ nhớ văn ấy ít tập, mạnh mẽ càng lớn, chúc sấm từ của Vĩ Hầu, nạp thuật nịnh của Quyệt cuồng. Vệ Tung vốn là con cháu của ta, Trương Tân mới là thừa thải của kia, khác ảnh hưởng mà đồng tâm, môi răng mà cách biệt, đua tranh bày đối biểu, quanh dẫn lời đi, mạo phạm khinh thường tâm vua, che lấp dứt bật nhân tự. Bấy giờ chưa nghĩ đến họa ấy, mới đầu họa nảy mầm dần, trăm quan chẳng hề hay biết. Đến lúc Phước hết của Vọng Di, khơi phát chảy tràn, trời không cách nào sửa đổi chính sách trước. than ôi sao kịp! Sa-môn Tăng Kiệt, Đạo An danh khác với Vệ Tung, Phong cách cao vội sánh cảnh với Đạo An. Hai luận đã bày, dị kiến sắp dứt, mà thư đối ruồi khéo trọn rơi vào điều trước. Sa-môn Tĩnh Ai thượng hiền ngay lúc thời vận suy đồi mà phẫn phát chống cự can ngăn, giữ lấy trắng trong, ở ẩn nơi hang cùng, bụi ngùi sự hoang tàn của

Chánh Đạo, thật không có năng lực Hộ pháp, bỏ thân hình nơi thông đá, bỏ mạng quy Tây. Bấy giờ đồng dấu vết để lại hình hài cũng có đến mười người, tự chẳng nhớ nghĩ cứu giúp lớn lao ở thời mạt tục, chỉ trông thấy Pháp diệt mà thêm lo buồn. Đâu thể xả bỏ chỗ quý trọng nơi rừng sâu, làm nương tựa cứu vớt mà dứt đời. Thật đáng gọi là tốt đẹp! Thật đáng buồn thương! Rõ trông xem các bậc Hiền giả ở trong nhiều đời thì dấu vết tiếp nối làm sáng tỏ lớn mạnh có thể thấy, soi rọi văn vẻ thì trời trăng đồng quy ngưỡng, khuôn phép thanh tịnh thì núi cao khâm phục, đầy đủ rõ ràng về Bốn Kỳ thì tiếp tục xương minh.

Có thời vận nhà Tùy thống trị đất nước, tin sâu Phật giáo, gồm trình bày lý quán, vì thâm hằng tục, hai đời tiếp nối đồng chính sách của triều đại trước. thương tiếc huy du của Tượng hóa, tiếp nối trí kính của Tống Hoàn. Bấy giờ, các hàng tăng tục cùng ngóng trông ngạc nhiên. Pháp sư Minh Thiệm quật khởi đến đối luận, trước chưa bày thuật, tăng chúng hoặc có người nói lời, đến lúc đến thăm Sư gắng sức cách đối từ kháng bác nghiêm chiểu, mọi người đều cho là họa tan nát thân đầu. Giúp sợ chẳng an chân đứng, mà Sư vẫn thư thả, nhan sắc vui vẻ mạnh khỏe an nhiên. Sau đó Vua bèn nói Phật giáo có người. Chúng tăng liền tỏ ngộ sự mở thoát cao vợi ấy, biết người là khó, người thật khó biết. Người biết được sự khó ấy ngàn năm chỉ có một, tin chẳng luống dối. Đến lúc nhà Đường mở vận ở đời có người ấy, Sa-môn Phổ Ứng mang chiếu đến nơi Thiên môn, ngài Tuệ Mãn đội y tại Triều Ngũ, ngài Trí Thật mạnh mẽ chê trách đương thời nặng nề, ngài Pháp Lâm búi ngùi tỏ lời cùng cực với Minh chiểu, khác đời mà đồng phong cách, chẳng đồng với người xưa, ai ai cũng có lời nói và việc làm đồng thời, sống chết cùng ngày, nên được tên tuổi lưu lại muôn đời, tiếp nối Hoàng du của tiên Thánh. Chỉ có kinh luận Đạo nghiệp là mục đích của tâm thanh tịnh, mở mang giềng mối giáo Pháp, thật thuần chí xa. Chí xa thì chẳng nghĩ hoạn nhục, tâm lắng trong thì không sợ giết hại, thấu đạt ba tướng như rong ruổi, nhận biết chín cõi chẳng phải là nhà, chưa từng vì Pháp, luống mất năm tháng còn lại, há chỉ vãng sinh mới tận cùng lai âm. Do đó, nương cậy Phước Trí mà tan mặt thấy Chư Phật, thấy hình hài như giao phó mảy trần, nhảy vọt thần lực mà thẳng đến trước, cổ xúy hoành biện rộng lớn chỉ muốn chánh Pháp tồn tại lâu dài, ném bỏ danh vạc ấy như trở về, đã thuộc tuệ minh, ở trong đời uestrợc ấy như mộng, nên có thể chẳng phụ để lại gởi gắm. Truyện ấy vốn đã có dấu vết, ai trông thấy mà chẳng giữa mài chí hướng suốt đêm ư!

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 25 hết



TIẾP THEO CUỐI PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG V

Có năm vị:

1. Truyện ngài Thích Đàm Tuyên
2. Truyện ngài Thích Pháp Thông
3. Truyện ngài Thích Hoàng Trí
4. Truyện ngài Thích Đạo Hội
5. Truyện ngài Thích Trí Càn

01- Truyện ngài Thích Đàm Tuyên

Thích Đàm Tuyên, họ Thôi, người ở xứ Cao Dương. Sư có được thần tuệ khôn khéo mà chẳng gặp thời. Tuy thông hiểu kinh thuật, nhưng nhờ Kinh Niết-bàn mà nổi tiếng. Chẳng còn lại Văn cú, chỉ vốn lo toan về hộ pháp. Về sau, Sư trụ tại chùa Hưng Quốc ở Tinh Châu. Khắp kinh áp mọi người đều kính phụng, tôn xưng Sư là Sư Phó. Mỗi lúc có chúng nhóm họp, Sư đều ngồi ở đầu tòa, hỏi đáp qua lại lấy hệ tiết làm chính. Sư nói lời làm khai mở trọn xưa. Tăng chúng tuy đông mà không ai dám đốn phá. Bây giờ, mọi người đều gọi Sư là Báo Tuyên.

Đến lúc Dương Lượng nghịch tiết, trong ngoài đều làm phản, chiêu mộ quân lính gom góp tạo mâu giáp, lấy chùa Hưng Quốc làm Giáp Phường, lấy chùa Võ Đức làm Thực phường. Sau thiết trận ở Võ Nam. Dương Tố bị bại trận, quan quân vào trong Quách tìm cầu nghịch đảng, nhóm họp tất cả chúng tăng trách cung kẻ phản. Chư tăng v.v... từ rằng: “Sức Vua nghiêm thiết, không dám can ngăn”. Dương Tố bảo rằng: “Có bao nhiêu vị Tăng can ngăn Vua mà bị giết, mà bảo là sức Vua nghiêm thiết, đây đều là đồng phản, chẳng nhọc phải phân sơ, hãy y theo Quân pháp”. Bây giờ, Sư đang ở trong chúng, không nở làm lơ họa ấy, bèn bước ra đối đáp rằng: “Việc Phật pháp bị chèn ép tàn khốc, đặc biệt là do tăng không có đức để xoay chuyển người thế tục, vật tình, đến nỗi xảy ra loạn lạc. Kết tụ không thể dùng Trung Tín để dạy răn, điều thật như lời ông nói. Nay bị trách phạt không có đất để vùi thân”. Dương Tố bèn xịu mặt nói: “Chư tăng hãy thể trở về, chỉ ở lại vị tăng vừa ra đối đáp, để bàn luận các việc”. Từ đó, ban ngày thì ngài tham dự vào việc Quân tướng, khai mở Chư tăng không bị giết, chiều tối Sư trở về chùa

để nghỉ. Không bao lâu, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đòi Tùy ban sắc thả tất cả. Nên tất cả chúng tăng đều được an ổn, đó thật là do công của Sư.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đòi Tùy, nạn giặc giã đói kém kéo dài liên tiếp, chư tăng khắp bốn phương không có nơi khất thực. Chùa Hưng Quốc tuy giàu có mà rất lận tiếc, mỗi lúc đến giờ ăn thì có người canh cửa tự giữ, khách tăng không vào được. Sư không đành nổi sự phá diệt Phật Pháp, thân tâm bừng bừng tức giận, mỗi ngày chống tích trượng đến đứng nơi cửa, xua đuổi những người canh cửa, dẫn dắt chư tăng đến nương nhờ, cấp cho bình bát dẫn đến trai đường. Trong chúng phần nhiều là hàng con em nên không ai dám trái nghịch. Do đó đại chúng khai tăng chế, chấp thuận để Sư lưu giữ khách tăng, những người khác đều không được. Đó thật là do sự cảm thông sâu sắc của năng lực Từ Tế khơi động phủ dụ. Trong phòng Sư ở rộng rang, không cất giữ vật gì, chỉ đặt một bình bát lớn, thường ngày dẫn dắt các vị hành khất, nếu có được thức ăn thì trộn đều trong bát. Sư xin phân thức ăn cũng hòa đồng trong đó, nếu lẫn có cháo thịt thì để cho người khác đi xin, tự tay Sư lườm chước. Thấy có lẫn lộn những người dơ bẩn da thịt nứt nẻ, phô ra hình dung suy yếu tật bệnh thì Sư rơi lệ đầy má chẳng thể cầm được. Sư cũng y theo thứ lớp nhận cháo mà ăn, mỗi ngày đều như thế, suốt đến cả năm, Hoàng vận ấy mới bắt đầu, tình người an thái. Tại chùa mới Nghĩa Hưng giảng mỗi giảng pháp đang mở bày, có Sa-môn Trí Mãn là bậc chủ chúng dẫn đầu, khắp cả xuyên hương đều mong ngóng, vua quan kính trọng, xây mới các phòng nhà, trang nghiêm đạo tràng. Có hơn ba trăm vị tăng thọ nhận chế ước ấy. Trong mùa hạ giảng Kinh Phương đẳng, đại chúng thanh tịnh trang nghiêm, tiếng tụng Đạo phong lưu tỏa đượm nhuần xa gần. Sư nghe thế, bèn đến chùa ấy. Nơi sân cửa đồ chúng đến nghe rất đông, Sư bước đến bảo rằng: “Các ông nhóm họp để làm gì? y cứ kinh nào đã dạy răn, chẳng có mạo phạm khinh thường hàng hậu học ư? Ngài Trí Mãn nói: “Y cứ theo Kinh Phương Đẳng, hành trì Pháp sám Phương Đẳng”. Sư bảo: “Kinh hiện ở đâu? đem đến đọc xem”. Bèn lấy đến một quyển. Sư lại bảo: “Kinh có bốn quyển, sao chẳng tụng đọc cùng lúc?” Sa-môn Đạo Xước nói rằng: “Văn Kinh theo thứ lớp, sự nhận biết chẳng được cùng một lúc”. Sư bảo: “Ta nhận biết có thể cùng một lúc, ông có thể nhận biết cùng một lúc chẳng?” Chỉ bốn quyển, đồng mang ra đọc, lời văn chưa hết, Sư bèn bảo: “Y theo thần chú mà diệt tội, hãy thôi nghĩ”. Sư lại bảo: “Từ khi Phật pháp truyền đến phương đông này, các thứ lừa đảo dối trá chẳng phải ít. Đòi trước thì giặc của Đại thừa, gần đây thì yêu quái của Di-lặc, lừa dối không nhận biết, hạng người ấy chẳng phải một. Nghe ông nhóm kết đồ chúng, sợ làm

tồn hoại pháp của ta, nên dốc hết sức lực vội đến hỏi. Nếu ông tay ôm bình bát, nương tựa bên cạnh thì còn có thể!” Sư bèn chống gậy trở về.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh nhiễm đã lâu. Người thăm bệnh vào tận nơi phòng, Sư nằm kéo y lộ chân bảo rằng: “Mạng tôi sắp hết, nơi nào đáng sinh đến ư?” Có Samôn Đạo Xước là vị tăng danh hạnh nói rằng: “Ở phương Tây có cõi nước an vui tên là An Dưỡng, hãy nguyện sinh về đó!” Sư bảo: “Ôi! Vì thân mà cầu an vui, tôi chẳng như các Ông”. Ngài Đạo Xước hỏi: “Nếu vậy thì có thể không sinh ư?” Sư bảo: “Cần phải thấy ta mà vì sinh ư?” Sư bèn ngằm lắng hơi thở giây lâu, bất chợt, Sư liền thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Các hàng Đạo tục buồn thương thăm thiết, bèn đón rước đến an táng tại phía Bắc của Tây Sơn.

Người viết Truyện (Đạo Tuyên) tôi ở gần, đến chùa ấy chẳng kịp trông thấy Sư, chỉ thấy hành sự di tích, ngõ hầu có thể rửa sạch thân tâm, chóng dứt trừ bỉ lậu, bé nhỏ tiếp nối Khai Sĩ Hộ Pháp, chính là người ấy.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Pháp Thông

Thích Pháp Thông, người ở xứ Thạch Lâu thuộc Long Xuyên. Mới đầu ở tại làng Thấp, chưa đượm nhuần chánh pháp. Chúng tăng qua lại không vào đến tận xóm. Nếu có người đến thì rưới tro vào mặt. Sư tuy ở trong thế tục mà tâm tình nhàm chán thế tục.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư hoài bão khái tiết cao vội khác vượt ngoài ý, cạo tóc cho hai người con trai, hai người con gái và cả người vợ, rồi đắp mặc cho pháp phục, sau đó dẫn đến Châu gởi gắm vào chùa tăng, chùa Ni. Bảy giờ, nếu có người hỏi lý do, Sư đáp: “Ta xả bỏ công cùm, chí muôn thông hiểu pháp”. Đã đến chùa ở châu, giao phó như trước, Sư bèn xin Pháp sư Minh ở chùa Thông Hóa độ cho xuất gia. Liền đó, Sư du hóa khắp xứ Khê Hồ, phía nam từ Long Môn, phía Bắc đến Thắng Bộ. Khắp vùng nham thạch phân thấp, không ai chẳng theo Sư dạy răn. Phần nhiều, Sư thiết đặt nghĩa ấp, mỗi tháng riêng kiến lập trai hội. chỉ có Sa-môn đều mời đến nơi thôn ấp, hoặc có người ở lại qua đêm, đến sáng sớm thì giải trai hội. nơi phòng riêng có một cái bàn riêng để làm thông cúng. Nghi thức ấy chẳng mất, cho đến nay vẫn lưu hành. Các Châu như Hà Nội, v.v... nghe Đạo phong của Sư mà nhuần nghĩa vị. Có vị tăng đi thẳng đến trong phòng Sư, dáng vẻ thừa tiếp dường như gần gũi nhận biết, cho nên sự dẫn dắt của Sư, đức hạnh ấy khác mọi người. Sư từng vào trong Bồn ấp, Huyện Lệnh gặp, hỏi Sư là ai, đáp đối là khách ở núi, Huyện lệnh bèn cấm giữ không cho đi. Sư liền bỏ ăn, dốc sức chí thành nhiều quanh trong ngục để hành Đạo. Đêm đó, nghe có tiếng chồn hoang kêu réo. Tương lạ nhóm họp, suốt đêm chẳng

an. Đến sáng sớm, Huyện lệnh bèn thả, Sư bảo: “Ta nhiều quanh trong ngục hành Đạo, Chánh được Đạo Lý, vì sao được thả”. Đã trải qua một ngày Sư không ăn, ban đêm lại nghe tiếng chồn cáo kêu réo, nên các hàng cung thứ trở xuống không ai chẳng kinh động sợ hãi, khổ khuyên dẫn kéo, Sư bèn theo sự thỉnh cầu ấy. Từ đó về sau, Sư tuần hành bất kể thời gian. Sư từng đến nghỉ qua đêm ở nhà người, bị chó cắn chân, bỗng chốc chó bị sét đánh chết, tiếng tăm như gió càng vung xa. Sau, Sư thị tịch tại Long Tuyền.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tôi (Đạo Tuyên) nghe được đạo tích ấy, bèn đến tìm. Có Sa-môn Cương Trú là bậc danh tăng gần gũi nói lại hạnh trước của Sư cao đáng chiêm ngưỡng. Mừng có được các bộ luận còn lại của Sư, thử sau xem đọc. Phàm đem lượng của đời cao thì tùy việc không gì bằng. Gồm về Đại Quy không gì chẳng thông Đạo. Do đó, tất cả chín mươi sáu bộ gồm tất cả bốn bờ của tà chánh, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị hiện hóa tích cơ duyên, nên có khả năng tỏa sáng mặt trời Phật, dẫn dắt kẻ mờ tối bụi trần, nhiếp hóa kẻ ngu phu bị chìm đắm, tiếp giới đầu người vẫn đục, đều được mở trí tỏ ngộ thanh tịnh, thông thánh đôi phạm, mở Đạo lợi sinh là nhờ đó.

Nay có những người không thấu đạt như thế, cùng ở trong đời mà xem nhẹ lẫn nhau, trông thấy gia nghiệp ấy lẫn lộn xen tạp, xét xem hình hài ấy bụi trần lấm bẩn, bèn nổi sấm sét đồng khinh hủy, không hề xét xem rộng lớn, do đó mà tự vui lấp, đầy đủ nơi thành giáo. Nên trong Văn, người trước có nói: “Chớ căn cứ vào Pháp sư thuộc giống họ hình hữu, chỉ thọ nhận Pháp ấy để khai mở tinh linh của ta”. Lời nói ấy thật đáng quy hướng tựa nương. Sư thật có được như thế.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Hoằng Trí

Thích Hoằng Trí, họ Vạn, người làng Hoè thuộc Thi Bình. Trong niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, đức cẩu Sư vang khắp xóm làng, tạm làm Đạo Sĩ, nhân vào núi Chung Nam, tuyệt thực, ăn uống hơi khí cầu thần Vũ hóa, hình hài khô héo, tâm dụng xao động, Sư bèn vào kinh đô, đến chùa Tĩnh Pháp, gặp được Pháp sư Tuệ. Sư bèn hỏi về phương thức dẫn dụ Đạo, Pháp sư Tuệ bảo: “Gốc của sự sống, lấy việc ăn làm mạng. Nương gá vào lương thực để nuôi dưỡng thân, mượn nhờ bốn bờ thông để đạt đến Đạo. Do đó, từ xưa có thuyết buộc gió bắt ảnh, có thuyết Tiên rồng thuộc làm, nói việc ấy đáng tin, mong không vấp phải mê hoặc!” Bèn đem yếu pháp an tâm để chỉ bày cho Sư, khiến dứt trừ phương thức khổ lụy.

Đến niên hiệu Nghĩa Minh thứ nhất (617) đời Tùy, Sư bỏ Hoàng quan, vào núi tu nghiệp. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, khắp thiên

hạ Đại đồng, Phật giáo, Đạo giáo chia rẽ thành hai, Sư bèn đến xét bày mách báo, xin được thuộc vào hàng Thích môn và trình bày lý lẽ. Cả triều tể đều vui hòa, Sư bèn nhập vào các hàng ngũ xuất gia, mặc tình chọn chùa để ở, nhưng tánh Sư ưa thích nương gá nơi sâu vắng, bèn đến núi Chung Nam vào chùa Chí Tướng để ở. Trải qua các giảng hội, được sự hun đúc, thần dụng của Sư thông suốt, không gì chẳng tinh rành, nhưng tánh Sư vẫn giữ sự rỗng rang thông dung, từ hòa kính ái lấy làm chuyên. Các hàng sĩ tục đào luyện mời nhận vào khách núi, những người thiếu thốn ẩn núp ở núi hang, những loài bay chạy đói khát Sư đều giúp cho lương thực, ban cho Bồi tuyền. Tuy Công Cách nghiêm đoán, phép tắc chùa nghiêm nhặt, mà Sư hay dẫn dắt đến phòng, đồng ở nơi hang huyệt an bình, đó cũng là bậc khai sĩ nhỏ bé thay giúp gìn giữ. Sau khi Sư thị tịch, dấu vết ấy bèn dứt mất, thật đáng tiếc! Nên Sư có được các thứ Pháp lợi, chứa nhóm ban rải chẳng cùng, Sư là người mở mang, có lòng thương rộng lớn mà không ý lại. Thêm lại nữa Sư dùng đức nhẫn để hành sự khắp nơi, tiếng tăm như lúc đầu, mở chuyên thông thức, không gì chẳng hiểu. Cho nên những nơi có Phước hội đều lấy tiêu trống làm đầu, đến nỗi khiến người theo như mây nhóm, các hàng chân tục chẳng làm nơi duyên ngộ. Sư thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại Thừa, v.v...

Đến ngày mồng chín tháng năm niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi một tuổi, nhục thân Sư được đem vào rừng, sau đó, thân nhật di cốt thiêu đốt an táng, vâng theo Di lệnh. Môn nhân của Sư rải ra trụ ở các chùa, đều kính cẩn chánh hạnh cao vời chẳng để lạc mất Di phong, trọng đức cù lao răn dạy, đoái hoài đáp lại sự đã mất hẳn, bèn cùng nhau biên chép tám bộ Kinh Bát Nhã để kính sùng ân của mẹ cha. Lại lập một tấm bia dựng lập ở ngoài chùa Chí Tướng, tại trang sở chùa Bảo Đức.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đạo Hội

Thích Đạo Hội, họ Sử, người ở xứ Võ Dương thuộc Kiên Vi. Lúc mới xuất gia, Sư trụ chùa Nghiêm Viên ở Ích Châu. Khí vũ Sư cao vời đơn sơ, nhã điệu vượt khác các bạn đồng tu. Các hàng Đạo tục khắp phương suốt đêm ngày thường tham hầu. Sư còn cho rằng vì đất Thục nhỏ hẹp nên mọi sự thấy biết chưa được rộng rãi, bèn vào chôn kinh đô thừa hỏi đạo lý trải qua hơn mười năm. Các kinh luận, sử sách ngài đều nghiên cứu tông lãnh, sau đó về lại đất Thục, Sư muốn mở mang Thích giáo, dẫn dắt hàng hậu duệ.

Bây giờ, gặp lúc ly loạn, Sư chưa toại nguyện tâm thuật. Gặp được Hoàng Vận mới hưng khởi, Sư dẫn đầu vời gọi về về, Chiêm Tuấn Lý Cỗn là người

người thủ lĩnh tại Ba Thục, Sư bèn dâng sớ tấu trình rằng: “Đạo Hội em đây tánh tình không ra gì. Gia phong sa đọa, phong tục tuy trừ, chiếu sắc vẫn còn, Môn sinh lại cũ, con cháu thành hàng, đều sánh vai khắc rãng, định bất chức lực dụng”. Ngay ngày đó kiếm môn tuy mở, Vu hạp mang chặt. Sư xin tự thân dẫn dắt đồ đệ, chống gậy mở đường, chiết chọn Tuyên Oai, mở lòng nhận nạp, quân không nhọc mang mũ tên đá kết, chủ có vượt xa đời thành. Đó cũng là lợi ích cho một thời, nhưng mưu đồ của Sư, vì khiến ngầm lưu giữ nên chẳng thi hành.

Bấy giờ, nước nhà mới mở mang, tăng ni Đạo sĩ tại đó được độ rất nhiều. Có Đạo Sĩ Tổng Ký là bậc rường cột ở đó, đến dưới huyện Long Sơn bèn dựng lập Đạo Quán, phòng nhà thành tựu, có ba mươi người ở, Sư đến chỗ Quan Tổng Quản Đoàn Luân trình bày điệp Văn muốn sửa Quán thành chùa. Người ở tại Quách nội đều là Đạo tông nên chẳng thuận phục, dòi dòi an ủi vỗ về Đại Sứ Lý Tập Dự đi tuần dò xét châu huyện. Sư thấu đạt sự việc ấy bèn dẫn binh lính qua thành, khắp bốn phía đều kêu réo cổ xúy đồng một lúc xua đuổi ra. Khắp cả tông oán trách mách cáo, lời oán than vang khắp đầy đường. Sư bèn bảo rằng:”Chưa thể khiến cho thiên hạ sửa quán thành chùa, một trong các cơ sở này rốt cuộc không thể chiếm đoạt, bèn nương tựa mà xây dựng lập chùa, đến nay vẫn còn không bị phá hủy.

Đến lúc Võ Hoàng lên ngôi. Sư vào kinh đô thăm viếng, nhân cùng với Pháp sư Lâm cùng sửa sang Biện Chánh. Lại có Pháp sư Hạo người xứ An Châu, đang ở tại đất Thục giảng dạy. Có người ganh ghét dâng biểu tấu trình rằng: “Kẻ phản mà lại giảng Pháp”. Sư đang lắng dò chờ đợi tin tức, bèn bị bắt giữ, thân tuy ở trong chốn ngục tù mà Sư vẫn cười nói như thường, giảng thích Kinh luật cho mọi người đang ở trong tù ngục nghe, suốt từ mùa xuân đến mùa Đông, chưa từng có đến mười vị, y phục đơn bản rách rưới, chẳng chia nổi sự giá rét dữ dội. Tại kinh đô, có sa-môn Vô Tận Tạng là người chuyên làm việc cúng thí, Sư bèn gửi thư đến nói rằng: “Từ lúc Đức Thích tôn vắng bóng tại Tây Vực đến nay có hơn ngàn năm. Chánh pháp truyền đến Đông Độ có được năm trăm năm, tuy là người râu đỏ mắt xanh mở cửa Phương tiện lớn, người chân trần, không sơn phết thân hình rộng chỉ bày con đường nương tựa, mà còn chưa ra khỏi biển khổ, còn lẩn lướt đắm chìm trong đường nguy hiểm. Huống gì các bậc danh tăng trong năm chúng, hạng giáo đầu của Tứ thiên, tu hạnh Đầu-đà ở nơi xóm làng, chỉ chuyên một việc thọ hưởng, ngồi yên trong rừng núi chỉ đắp mặc ba pháp y. Thêm vì từ tướng vô duyên lên quả cân để thay mạng chim bồ câu, giảm hạnh của ngài bất khinh, chống gậy để tránh côn trùng. Nay có Pháp tử tinh tấn, sa-môn thanh tịnh, bị bó buộc bắt giam nơi ngục tù, thật chẳng phải tội ấy. Bèn khiến trùng quan sớm rơi rớt, trông thấy người giữ ngục mà hồn bay, phòng thất mở

muộn, thấy Hình Quan mà nghĩ hết. Gió rét sáng sớm thổi qua vạt áo và trong bày đều vạt bay. Sương dày đêm lạnh rét lòng cùng tro tàn đồng hết. Nếu trọn chẳng khỏi khơi ngòi, ước cũng là điều xấu hổ của nhân giả!” Thư đưa đến nơi, ngài Vô Tận Tạng bèn đưa đến áo cừ giày dép để cung cấp. Đến lúc được thả trở về quê cũ, các bậc danh tăng ở Tam Phụ đều tiễn Sư ra ngoài Quách Môn. Sư cùng chư tăng xa già biệt với lời thơ rằng:

*“Đi ở đều là khách
Chia buồn mất tính tình
Cùng làm không mong biệt
Thường hay hỏi tử sinh!”*

Các hàng đạo tục nghe vậy đều rơi lệ.

Bấy giờ, tại Ích Châu có Pháp Tào Bùi Hy Nhân tự khoe khoang với môn học, Sư bèn đến diện kiến. Bùi Hy Nhân xem thường, có lời chê bai. Sư bảo rằng: “Tại đất Thục Xuyên tuy nhỏ hẹp mà các bậc Hiền đức đông như rừng, chôn Hán triều tuy Bát tuần đồng xuất hiện mà chỉ bày mảnh lưới vòng vây gò mả. Đông Lạc than rằng: “Chó sói đang đứng trên đường sao lại hỏi về chồn cáo!” Người tâu giết Lương Ký, oai phong nhiếp cả bốn biển, vốn là người Võ Dương thuộc kiền Vị. Ở thời Hán, có người hỏi Dương Tử Vân rằng: “Lý Trọng kham là người như thế nào?” Dương Tử Vân đáp: “Ồ ả mà chẳng trái với người thân, trinh thuần mà không dứt bật thế tục. Chẳng làm bề tôi Thiên tử, không làm bạn với Chư Hầu. Vốn người giúp trung ở Ba Tây Mân Thục, Bá Vương đều kính ngưỡng, Ích Châu Bì huyện, tiếng tăm chấn động khắp Hoa Di. Minh Công ngô hầu có thể rộng tâm chờ đợi Quốc Sĩ, đâu được vì đất đai mà bó buộc con người ư!” Sư nói xong, bèn đi ra, Bùi Hy nhân trở lại hổ thẹn tạ lỗi. Khi Sư trở về, bèn nói với mọi người rằng: “Tại Giang Hán có nhiều linh, đó là người ấy!”

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiên Đường, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Trí Càn

Thích Trí Càn, họ Chu, vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, nhà của Sư dời đến Lợi Châu, riêng lập chùa Đại Hưng Quốc để độ tăng. Thuở thiếu thời, Sư chuyên lấy sự giúp đỡ làm tâm. Mỗi lúc ở trong chúng, Sư mở lời, không gì chẳng hòa mục, ngài luôn tinh thành mạnh mẽ, mọi sự đều thâm được giúp đỡ. Mới đầu, mẹ của Sư bị bệnh nguy khốn, Sư vì mẹ mà xung niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trên cây lá trong vườn nhà đều hiện hóa Phật, cả nhà đều đồng trông thấy, mẹ Sư liền được lành bệnh.

Lại vào cuối đời Tùy hoang loạn, các thứ giặc giã đua nhau dấy khởi, riêng một mình Sư ở giữ lấy chùa đó, bọn giặc không dám xâm phạm, nên chùa chiến kinh tượng không bị tổn hại gì, còn những ngôi chùa khác bị phá hoại không còn gì! Lại có một thời gian, Sư tạm mặc y phục thế tục để lánh giặc, bị giặc vây quanh sắp giết hại, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Sư hãy cởi bỏ y phục thế tục”. Ngài bèn cởi bỏ áo ngoài, bọn giặc trông thấy liền kính lễ, xin được cúng dường, trải qua như thế vài tháng, sau đó, Sư về lại đất Thục, nghe Pháp sư Hạo giảng pháp, thính chúng có đến ba ngàn vị, Pháp sư giao phó cho Sư xem xét, được an ổn vui hòa, trong ngoài không xảy ra việc gì. Đó là do năng lực của Sư.

Lại đến đầu đời Đường, Sư về lại Đặng Châu, giảng kinh Duy-ma và Tam Luận hơn mười biển. Sau đó, Sư lại đến ở ẩn tại Bắc Sơn, nương tựa hơn mười năm, ba chỗ Sư ở đến nay vẫn hiện còn. Có lần nghe trong hang có tiếng chuông, sau đó Sư rảo tìm khắp núi, bỗng thấy một ngôi chùa nguy nga tráng lệ khác thường. Sư vào trong đó lễ bái, dường như có người đang ở đó, như thế có đến mấy lần. Về sau, Sư lại tìm đến nhưng chẳng biết chùa ấy ở đâu. Lại nữa, lúc Sư ở trong núi, lương thực sắp hết, ngay chỗ Sư thường hành đạo tự nhiên đất nổi lên. Sư bèn phá bỏ, sáng hôm sau lại hiện như thế, cứ như vậy đến vài ba phen, thì có lúa thóc hiện bày. Nhân đó Sư bèn đào xuống sâu có được hơn hai mươi thạch thóc, hạt thóc ấy lớn màu đỏ hơi khác hạt thóc thường. Bấy giờ, ở Đặng Châu, Phật Pháp bị chèn ép tàn khốc, các hàng đạo tục khắp cả châu đều đến núi lễ bái cầu thỉnh, xin mời Sư ra trú trì. Sư bèn cảm mộng mà ra. Mộng ấy không được biết rõ tường tận. Sau khi Sư thỉnh tượng ra núi, giữa đường bỗng nhiên tối mịt, không còn nhận biết đường đi nên không thể tiến tới trước, không bao lâu có hai ngọn đước với ánh lửa khác thường soi chiếu giữa đường rất sáng, nhân đó mà thấy được đường đi. Đưa Sư về đến trong thôn, ánh lửa ấy mới lại tắt mất, người trong thôn thấy đều trông thấy, không ai chẳng kính lạ. Nhân đó, Sư ra trụ chùa Đại Hưng Quốc. Trước sau các Vương hầu, Thứ sử đều đến chùa đánh lễ, xin thọ quy giới. Sư thường được giao phó việc tăng ni làm người xem xét, tiếng tăm vang xa đến Ngô Thục.

Lại đến đầu niên hiệu Vĩnh Huy (650) thời Tiền Đường, vì thấy việc đời phiền tạp, nên Sư đóng cửa ở trong phòng chẳng ra, suốt ba năm như thế, đọc Nhất thiết kinh đến hai biển. Mỗi lúc Sư đọc kinh thì thấy có vị thần đến lắng nghe. Đầu hôm, nửa đêm cũng như gần sáng luôn nghe có tiếng búng ngón tay khen ngợi.

Đến niên hiệu Hiền Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Tỉnh phù mời Sư đến trụ chùa Từ Ân, nhưng Sư không đến. Đến tháng năm năm đó, trước lúc thị tịch, bao nhiêu pháp tài công đức có được, Sư đều chu cấp cho mọi nơi,

sớm tối lo liệu cho mau xong xuôi, có người hỏi Sư về lý do tại sao mà thúc giục gấp như vậy? Sư bảo: “Các pháp Vô thường, đâu thể giữ lâu?” Đến ngày mười lăm, cành lá cây cối trong vườn chùa đều khô héo, tự nhiên gãy nhánh, chim thú kêu buồn khắp trong chùa, Chư tăng đều kinh hãi hỏi nhau, nhưng chẳng ai biết lý do.

Đến sáng ngày mười sáu, bỗng thấy vị thần nghe kinh trước kia đến lễ bái, nói rằng:”Chớ lễ bái người bên cạnh không thấy”. Khi đó, Sư cạo tóc, tắm gội, đắp mặc pháp y, vào trong giường dây, tay bung lò hương ngò kiết già, bảo với các đệ tử rằng: “Các ông hãy đem kinh Đại Phẩm ra đọc tụng”, đến hết phẩm vãng sinh, Sư bèn chấp tay ngò yên mà thị tịch. Lưu để nhục thân Sư lại mấy ngày mà nhan sắc vẫn y như cũ, thường có mùi thơm lạ thoảng khắp chùa. Các hàng đạo tục khắp cả châu đến buồn thương ai cảm, khó nổi cản ngăn, Quan nhân cả châu huyện đều cùng nhau tiễn đưa đến nơi đồng trống để an táng. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi.

---o0o---

QUYỂN 26 A

CHƯƠNG VI - PHẦN 01 : CẢM THÔNG

(chánh truyện có ba mươi ba vị, phụ có ba vị).

- 1/ Truyện Sa-môn Lặc-na-mạn-đề người xứ Thiên-trúc, trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh, thời Nguyên Ngụy.
- 2/ Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương, thời Nguyên Ngụy.
- 3/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành, thời Nguyên Ngụy.
- 4/ Truyện ngài Thích Đạo Thái trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn, thời Nguyên Ngụy.
- 5/ Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm ở Cửu Giang, thời Nam Lương.
- 6/ Truyện ngài Thích Pháp Lực trụ ở quận Mạt Lỗ, thời Nguyên Ngụy.
- 7/ Truyện ngài Thích Thực Tướng trụ chùa Thanh Thành ở đất Thục, thời Nam Lương.
- 8/ Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu, thuộc đất Thục, thời Nam Lương.
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu, thời Nam Lương.
- 10/ Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu, thời Nguyên Ngụy.

- 11/ Truyện ngài Thích Tăng Ý trụ chùa Lăng Công Cốc ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.
- 12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiêu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.
- 13/ Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu, thời Bắc Tề.
- 14/ Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.
- 15/ Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên, thời Bắc Tề.
- 16/ Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.
- 17/ Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu, thời Bắc Tề.
- 18/ Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đảng, thời Bắc Chu.
- 19/ Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu đời Tùy.
- 20/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên, đời Tùy (Phó Đại Sĩ).
- 21/ Truyện ngài Thích Pháp Lăng ở Ngạc Châu, đời Tùy.
- 22/ Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu thuộc Thục Châu, đời Tùy.
- 23/ Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, đời Trần.
- 24/ Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, đời Tùy.
- 25/ Truyện ngài Thích Pháp An trụ tại Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, đời Tùy (Pháp Tể).
- 26/ Truyện ngài Thích Tuệ Khản trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, đời Tùy.
- 27/ Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.
- 28/ Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu, thời Tiền Đường.
- 29/ Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện ở Ung Châu, thời Tiền Đường (Trí Nghiễm).
- 30/ Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

31/ Truyện ngài Thích Hựu Đức trụ ở Lương Sơn thuộc Ung Châu thời Tiền Đường.

32/ Truyện ngài Thích Trí Tác trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

33/ Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô, thời Tiền Đường.



01- Truyện Sa-môn Lạc-na-mạn-đề

Sa-môn Lạc-na-mạn-đề, người ở xứ Thiên Trúc. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư đến trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh. Sư rất giỏi về Ngũ Minh, thông hiểu Đạo Thuật.

Bấy giờ, Thứ sử Tín Châu Kỳ Mẫu Hoài Văn, là người khéo tư duy, hiểu biết nhiều. Thiên tánh có nhận biết rộng rãi, mỗi lúc nước nhà tạo dựng cung thất, khí giới không chỗ nào chẳng liên quan, ích lợi cho cả công tư, Sư rất ưu việt suốt cả một thời. Vua lại ban sắc bảo sửa sang chùa Vĩnh Ninh, thấy Sư có Dị thuật, thường dâng cúng lễ vật, mong được sự thấy nghe, nhưng Sư vẫn bình thường như lúc đầu không có thừa tiếp. Hoài Văn trong lòng rất tức giận. Bấy giờ, tại Huyền Võ Quán ở Lạc Nam, có một người khách nhuyển nhuyển (giống mọi rợ) đã từng tương giao với Sư tại Tây vực từ trước, cưỡi ngựa, mặc áo da, khi đi đến chùa, hai người tương đắc nói cười chỉ chỗ vỗ tay, suốt ngày không mỏi mệt. Hoài Văn đứng bên cạnh trông thấy mọi rợ nói, không hiểu để đáp, bèn nói với Sư rằng: “Đệ tử khéo kính thờ người, mọi việc từ trước đến nay cung thừa chỉ mong Sư cho biết ý, mà Sư không hề nói một lời. Còn đây là kẻ Bắc Địch (chỉ vị khách ấy) tâm thú mặt người, giết hại sinh mạng, uống máu ăn thịt, đầu đáng mền chuông, chẳng mong gặp mặt, bèn thành Dây Kia!”. Sư bảo: “Người chớ khinh thường người khác, dù có đọc muôn quyển sách, thì tự dùng chưa hẳn là hơn”. Hoài Văn nói: “Tôi đây có sự nhận biết có thể cùng đánh cá ngựa”. Sư hỏi: “Ông có tài thuật gì?” Hoài Văn đáp: “Có khả năng về toán thuật. Bất kể là nhìn núi ngắm sông, suy lường cao sâu, vây đó đập đó, chẳng sai lầm thặng hợ”. Sư cười bảo rằng: “Đó là trò chơi của trẻ con”. ngay trước sân có một cây táo rất lớn, trái rất sum suê, lúc đó là đầu tháng bảy, đều đã già chín. Sư ngửa mặt nhìn cây táo mà bảo rằng: “Ông biết trên cây có được bao nhiêu trái táo chẳng?” Hoài Văn lấy làm lạ cười mà bảo rằng: “Chỗ biết của toán thuật hẳn y theo tiêu chuẩn ngang dọc, thì thiên văn địa lý cũng có thể suy lường. Cỏ cây lấm hao hạt có hình dáng gì, xét đó thật là lời nói buông tuồng”. Sư chỉ

vị khách nhuyễn nhuyễn mà bảo rằng: “Đây là người đã nhận biết”. Hoài Văn nổi khí tức giận không tin, liền lập khế ước cá ngựa. Chư tăng, những vị lão túc trong chùa đều đến xem, đứng bên cạnh để làm chứng. Sư lại bảo Nhuyễn nhuyễn, Nhuyễn nhuyễn cười mà vâng lời. Hoài Văn lại đòi yêu sách rằng: “Phải biết bao nhiêu trái đã có hạt, bao nhiêu trái bị hư không có hạt”. Đoán bao nhiêu trái đã xong, nhuyễn nhuyễn lấy từ đây da nơi lưng ra một vật tựa như quả cân ngày nay vậy, xỏ suốt bằng chỉ năm màu, chỉ riêng xỏ hạt châu màu trắng, dùng đó để tính về cây, hoặc trên hoặc dưới, hoặc các góc cạnh, kéo chỉ nhắm mắt, xoay chuyển giây lâu, rồi hướng về Sư hồi lâu. Vừa rồi Sư lắc đầu mà cười, mà thuật lại số lượng. Sư liền sai người trút trái xuống hết, mỗi trái đều xem xét, nghi rằng Hoài Văn sẽ vạch ra xem so lường lại số trái có được thành chăng, cuối cùng không bị thiếu thừa, nhân đó, nhuyễn nhuyễn thắng được ngựa mà trở về.

Sư mỗi lúc nhìn thấy mọi người từ xa đến Tung Cao Thiếu Thất để hái củi, Sư tự bảo rằng: “Trăm họ như đất, mang vác khổ cực. Ta muốn tạm kéo lấy hai ngọn núi gối đầu xuống sông Lạc, đợi người chặt đủ củi rồi trả lại bỏ đi, việc ấy chẳng lấy làm khó, đó chỉ là số thuật vậy. Chỉ vì người không biết, nói xằng cho ta là Thánh, vì thế mà không dám”.

Đến lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử rằng: “Ta còn nghỉ lại chừng, năm, ba ngày nữa, sẽ đi đến xứ khác. Các Ông phải luôn nhớ nghĩ tu hành Chánh Đạo, chớ có tâm quyến luyến!”. Sư bèn hiện tướng bệnh, đóng cửa thất mà nằm. Đệ tử lên nhìn qua lỗ hồng cánh cửa, thấy Sư thân chẳng dính nơi giường, mà chỉ nằm ngửa giữa khoảng hư không, bèn mách bảo nhau cùng đến xem, có một vị tăng bỗng nhiên cất tiếng ho. Sư đặt thân mình xuống lại giường như cũ, từ xa nói rằng: “Người ngoài cửa là ai, sao chẳng đi vào? Vì giường nóng nên ta tìm lấy chút mát dịu. Người chớ lấy làm lạ!” Sau đó vài ngày, Sư bèn thị tịch.

---o0o---

02- Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương

Thích Siêu Đạt, không rõ Sư họ gì. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư hành nghiệp làm tăng. Sư là người học vấn nhiều, có sự hiểu biết rộng. Vua thời ấy cảm triệt Đồ sấm rất dữ, đang lúc truy tìm, có người nói xằng bảo Sư thật có, nên bị bắt giam giao vào ngục Vinh Dương. Bấy giờ, Ngụy Bác Lãng Công khám xét, Sư bèn trình bày sự thật, Bác Lãng Công rất tức giận, buộc bánh xe vào cổ Sư canh giữ nghiêm mật. Sư tự biết không còn con đường sống, nên liền chuyên tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, đến canh tư trong đêm, bỗng nhiên không còn trông thấy bánh xe, chỉ thấy những kẻ canh giữ đều ngủ say. Nhân đó, Sư chạy ra ngoài, muốn trốn đi xa. Vì từ lâu

bị trói buộc trong ngục, hai chân suy yếu không thể đi xa. Đến lúc trời sáng, bọn tù binh cưỡi xe bốn ngựa ra truy tìm. Sư suy nghĩ trốn lánh chắc không thoát khỏi. Nhân đó nép mình trong cỏ, bọn tù binh cưỡi ngựa đến đạp lên cỏ mà không hay biết gì, tuy đi ngang qua gần bên cạnh đối diện mà không thấy. Sư ngược mắt nhìn bọn tù binh thì đều bị dùng da trâu che mắt. Sư nhất tâm chờ chết, chí thành xưng niệm, nửa đêm bọn tù binh đi Sư khỏi rồi, sau đó, Sư liền được thoát khỏi.

Lại có Đạo nhân Tăng Minh là tự chủ chùa Thạch Quật ở Bắc Đãi. Họ Ngụy làm Vua trong Thiên hạ, thường nghi ngờ các vị Sa-môn làm giặc, bắt cả mấy trăm vị tăng, trói buộc từ đầu đến chân, đã định kỳ hạn đem ra chém đầu, Sư rất kinh sợ, nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Đến nửa đêm, bất giác thấy sợi dây trói buộc nhỏ dần, riêng trong lòng vui mừng, mong cầu càng tha thiết, đến gần sáng tự nhiên dây đứt, được thoát khỏi Sư liền trốn chạy xa. Đến sáng hôm sau, người giữ ngục đến tìm không thấy Sư, chỉ có sợi dây đứt đang nằm dưới đất, biết đó là do sức thần gia hộ, liền đem sự việc ấy tâu trình. Vua mới tin Đạo nhân không có làm phản, bèn cùng lúc phóng thả tất cả.

---o0o---

03- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành

Thích Tuệ Đạt, họ Lưu, tên là Tốt Hoà, vốn người xứ Đông Bắc thuộc Hàm Dương, tức Kê Hồ thuộc Định Dương ở Tam Thành. Tổ tiên Sư chẳng kính tin Phật Pháp, mắt chẳng nhận biết chữ, là người hung dữ, khỏe mạnh, thích săn bắn. Làm Lương thành Đột Kỵ đến trấn thủ ở Tương Dương. Cha mẹ, anh em có tất cả ba người đều hiện còn, gia đình giàu có, hào hoa xa xỉ trong xóm làng, tung hoành không theo lý. Sau nhân tiệc rượu, bị bệnh, chết giấc thần thức trông thấy các thứ khổ nơi địa ngục, nói rộng trong Biệt truyện, có đủ các Thánh Tích.

Về sau, Sư xuất gia tại quận Văn Thành. Nay là bình nguyên Cao Bình ở phía Đông Nam Từ Châu, tức là nơi Sư đã sinh ra. Thấy có miếu tượng, Nhung Hạ lễ kính đặt ở trong chùa, trị hạ an dân. Sư từng đến xứ Ngô Việt. Đây đủ như ở truyện trước. Đến niên hiệu Đại Diên thứ nhất (435) dưới thời Vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào) nhà Nguyên Ngụy, lưu hóa sắp xong, tiện việc Sư về lại phương Tây. Vừa đến hang vọng ngự ở phía Đông bắc quận Phiên Hòa thuộc Lương Châu, từ xa kính lễ. Mọi người không ai hiểu, bèn hỏi lý do. Sư bảo: “Ở sườn núi này sẽ có Tôn tượng xuất hiện, nếu như linh tượng tròn đầy thì đời an vui, thường hưng thịnh, nếu như tôn tượng bị thiếu khuyết thì trong đời loạn lạc, dân chúng cực khổ”. Sư đi đến huyện Tử Tuyền thuộc Túc Châu, cách phía tây Thành chừng bảy dặm thì

thị tịch trong khe đá, xương cốt Sư đều nát như qùy tử lớn có thể xuyên qua. Nay trong ngôi chùa cổ ở phía Tây Thành đắp hóa tôn tượng Sư ở phía trên. Tại chùa đó có văn bia ghi rằng: “Tôi chẳng phải là Đại Thánh, chỉ du hóa lấy làm việc chánh” văn chẳng đầy đủ.

Sau đó tám mươi bảy năm, tức đến đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời Nguyên Ngụy, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa gió lớn, sấm sét đánh làm nứt ngọn núi, xuất hiện một pho tượng bằng đá, cả thân cao trượng tám, hình tướng trang nghiêm, chỉ không có phần đầu, mọi người bèn chọn đá, bảo thợ chạm trở thành một cái đầu riêng để gắn lên, xong rồi phần đầu ấy lại rơi xuống, nhân đó bèn để mặc như thế, đến lúc ngụy đạo lần lượt, lời nói trước kia của Sư thật ứng nghiệm. Đến những năm đầu thời nhà Chu, ở phía Đông thành thuộc Lương Châu, cách chừng bảy dặm, trong khe suối tự nhiên có ánh sáng hiện, soi chiếu thấu u hiển, người trông thấy lấy làm lạ bèn đến xem kỹ, thì thấy đó là phần đầu của pho tượng, bèn đón rước về tôn trí trong hang núi, uyển nhiên phù hợp, nghi dung điều quyết. Hơn bốn mươi năm Thân Đầu nằm hai chỗ khác nhau cách xa hơn hai trăm dặm. Tượng tốt của pho tượng hoàn bị, thái bình có được ngay thời bấy giờ. Đến niên hiệu Bảo Định thứ nhất (561) thời Bắc Chu, đặt tên chùa là “Thụy Tượng”, mới có ánh sáng soi chiếu, tiếng chuông vang vọng nối nhau không dứt đoạn. Chẳng lường biết được nguyên do. Đến đầu niên hiệu Kiến Đức (572) thời Bắc Chu, phần đầu tôn tượng bị rơi nhiều lần, Đại Trung Tể và Tề Vương đích thân đến đó xem, bèn bảo người tôn trí lên lại, đêm đến cũng vẫn rơi như cũ, trải qua đến mấy mươi lần như thế, lại dùng vật khác làm phần đầu để thay thế, cuối cùng cũng vẫn rơi xuống đất. Sau đó, nhà Bắc Chu phá diệt Phật pháp, chỉ được bốn năm mà các nước lân cận đều bị diệt mất. các hàng thức giả xét xem mới biết trước có soi xét, tuy gặp mọi sự phá hoại mà đặc biệt tôn tượng vẫn hiện còn. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, kinh tượng lại được mở mang, trang sức tôn nghi, càng mở cao chùa Viện. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) đích thân đến đó kính lễ, cúng thí rất nồng hậu, lại tặng thêm sự rục rờ. Nhân đó, vua đổi biển ngạch cũ, đề lại là chùa “Cảm Thông”. Nên nay mô tả về truyền hình thì lượng thật chẳng lường biết, chỉ cao khoảng trượng tám, nhưng khi đến đo đạc thì hoàn toàn khác, khiến cho đức tin phát khởi ngày càng thêm mới.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài quan ải, nên đến bái kiến Bồn miếu thờ Sư, thấy đồ tượng trang nghiêm, hăng ngày thêm lớn mạnh sự kính ngưỡng. Từ Thạch Tháp Từ Đan cho đến các Châu như Oai Lam v.v... đều đồ tả hình tượng ấy, đem về tôn trí cúng dường, tôn xưng hiệu là “Luu Sư Phật”. Nhân đó răn bảo

thay đổi Hồ tánh, mọi người vâng hành giới luật rất đông, thấy có văn bia nơi tôn tượng do Diêu Đạo An chế tác.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Đạo Thái ở Tinh xá Hành Đường

Thích Đạo Thái, là người sống vào cuối thời Nguyên Ngụy, trụ tại tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn. Sư mộng thấy có người bảo với Sư rằng: “Đến năm (...) đó, ông sẽ mạng chung vào lúc bốn mươi hai tuổi!”. Trong tâm Sư rất nhàm chán. Đến năm đúng kỳ hạn, Sư bị bệnh rất nặng, vô cùng lo buồn, đều đem tất cả mọi vật vốn có của thân ra để làm phước. Có người bạn bảo Sư rằng: “Tôi nghe trong kinh nói cúng dường sáu mươi hai ức vị Bồ-tát ngang bằng với một xung niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, sao bạn chẳng dốc lòng quy y, sẽ được tăng thêm phước thọ”. Sư bèn cảm ngộ, bèn suốt trong bốn ngày bốn đêm chuyên tinh xung niệm không dứt. Phía dưới tấm màn chỗ Sư ngồi bỗng nhiên thấy có ánh sáng từ phía ngoài cửa chiếu vào, thấy khoảng giữa mắt cá và mu bàn chân của Bồ-tát Quán Thế Âm có ánh sáng màu vàng rờn soi chiếu, bảo với Sư rằng: “Ông xung niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm ư?” khiến Sư vén màn lên xem, thì không còn thấy, Sư vừa vui vừa buồn đến nổi đổ mồ hôi, liền cảm thấy nhẹ nhàng, cơn bệnh liền lành hẳn. Đến năm bốn mươi bốn tuổi, Sư bèn nói việc ấy với người đồng ý hướng. Sau, Sư thị tịch lúc năm mươi tuổi.

Lại có một vị Sa-môn khác, nhân duyên cũng giống như Sư, nên ở đây chẳng ghi.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm

Thích Tăng Dung, là người sống vào đầu thời Nam Lương. Sư trụ chùa Đông Lâm tại Cửu Giang. Dốc chí trầm lắng sâu rộng, lấy sự du hóa làm việc chính. Sư từng khuyên hóa một gia đình nọ ở tại Giang Lăng thọ trì quy giới, kính thờ Phật pháp làm chánh nghiệp. Nhà đó trước kia vốn có miếu thờ thần, nhưng chẳng còn thờ nữa, mọi vật đều đem cấp thí, Sư bèn lấy đem về chùa để làm việc phước. Sau đó bảy ngày, mẹ của chủ nhà thấy một con quỷ cầm sợi dây màu đỏ muốn trói Bà, Bà rất kinh sợ bèn bảo thỉnh chư tăng tụng kinh hành Đạo. quỷ lấy làm lạ bèn thôi. Sau đó, Sư trở về Lô Sơn, riêng trong đêm nghỉ lại quán trọ, khi đó trời mưa tuyết, trong đêm mới vừa ngủ, Sư thấy một đoàn binh lính loài quỷ số lượng rất đông, trong đó có loài quỷ tướng thân mặc áo giáp tay cấp mũi nhọn, hình tướng cao lớn, có mang theo chiếc giường người Hồ, bèn đến trước mặt Sư ngồi xoạc xuống, đánh sắc mặt, cất tiếng bảo rằng: “Vì sao ông cho là Quỷ thân không linh?”

và liền kéo Sư xuống đất, các lính quý sắp ra tay làm hại, Sư nín lặng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lời tiếng chưa dứt thì thấy ở phía sau chiếc giường có một vị thiên tướng thân hình cao hơn một trượng, thân mặc khố da màu vàng, tay cầm chày Kim Cương đứng đợi. Đoàn Quý bèn kinh hãi chạy tan, các thứ áo giáp mũ trụ vỡ nát như bụi.

Ở tại Giang Lăng Sư từ khuyên hóa hai vợ chồng nhà nọ đều thọ trì năm giới, sau hai người ấy bị bọn giặc cướp bắt dẫn đi, người chồng bèn chạy thoát, còn người vợ bị trói giam vào ngục. Đang trên đường đi người chồng gặp Sư ở vệ đường, cầu xin cứu giúp. Sư bảo chỉ nên dốc lòng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, không còn tin theo Đạo nào khác”. Người vợ ấy sau khi đã bị nhốt vào ngục, bèn xưng niệm không dứt. Nhân đó mộng thấy một vị Sa-môn đứng trước mặt, giậm chân bảo đi, bỗng cảm thấy thân mình xuyên suốt ba cây gỗ, tự nhiên được mở thoát, nhưng thấy cửa còn đóng, lính canh cửa có nhiều lớp đang trông giữ, nghĩ không cách gì thoát khỏi, bèn ngủ trở lại, bỗng mộng thấy vị tăng trước đó đến bảo rằng: “Sao chẳng sớm thoát ra, cửa sẽ tự mở”. Đã nghe thế rồi liền tỉnh dậy, các lớp cửa đều mở suốt, liền vượt khỏi chỗ mà chạy ra, đi theo hướng Đông nam được vài dặm, gặp được người dân trong xóm, bấy giờ trời đang còn mờ tối. Người chồng trước kia chạy trốn, ban đêm thì đi, ban ngày ẩn núp, hai người bỗng nhiên gặp nhau đều rất kinh hãi, giữa khoảng lao sậy xét hỏi, người vợ mới biết đó là chồng mình. Hai người bèn cùng nhau trốn theo khách buôn đi xa, cuối cùng được thoát nạn.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Pháp Lực ở quận Mạc Lỗ

Thích Pháp Lực, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là người tinh tấn, rất có chí đức, muốn ở tại quận Lỗ xây dựng tịnh xá, mà tài vật không có đủ, bèn cùng Sa-di Minh Sâm đến Thượng Cốc, quyên góp suốt một năm, chuẩn bị về lại chùa, đang đi đến trong đêm rừng, bỗng nhiên gặp phải lửa đồng, xe đi dưới gió, nên không cách gì thoát được, khi ấy Sư đang mệt thiếp ngủ, bỗng nhiên tỉnh giấc mà thế lửa đã kịp đến nơi, nhân đó Sư cất tiếng xưng niệm chữ “Quán”, chưa kịp đến hai chữ “Thế Âm”, thì ứng theo tiếng, gió liền chuyển hướng, lửa dữ liền tắt, Sư được an ổn trở về.

Lại có Sa-môn Pháp Trí, Sư vốn là Bạch y (cư sĩ) đi một mình giữa đêm lớn, lửa dữ bốn phía đồng một lúc cháy lên, Sư tự biết phải chết, mới úp mặt xuống đất xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sư lấy làm lạ không bị lửa thiêu đốt, bèn ngẩng mặt lên nhìn thì cây cỏ nơi đêm không còn lại một mảy may, chỉ tại chỗ Sư núp in dấu thân hình Sư. Nhân cảm ngộ ấy mà Sư bèn xuất gia hành đạo, tinh tấn mạnh mẽ, mọi việc luôn dẫn trước chúng.

Lại có Sa-môn Đạo Tập đến núi Tây Sơn ở Thọ Dương, bị bọn cướp bắt trói vào thân cây, sắp giết hại Sư. Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm để chết mà thôi, giặc cướp đưa dao chặt đều không thương tổn, tự kinh sợ mà bỏ chạy. Sư nhờ đó được thoát khỏi, lưu truyền rộng việc ấy.

Lại có các Sa-môn Pháp Thiên, v.v... đang đi giữa núi, gặp bọn cướp, các ngài chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Bọn cướp kéo cung tên muốn bắn nhưng thả tên không được. Bọn cướp lại quy hướng kính thành, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng không được, biết là thần nhân, bèn bỏ chạy trốn. Các Ngài nhân đó được thoát khỏi. Các ngài trong câu chuyện trên đây đều là người ở cuối thời Nguyên Ngụy, riêng có bộ “Quán Âm cảm ứng truyện”, văn sự bao gồm đầy đủ, nên ở đây không ghi đủ.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Thực Tướng ở chùa Thanh Thành

Thích Thực Tướng, họ Hác, người ở xứ sông Phù thuộc Tử Đông, từng nhậm chức Quận lại ở Ba Tây. Thái thú Trịnh Trinh bảo Sư mang các lễ vật hiến cúng xuống Dương Đô. Sư thấy Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương cùng các Vương Công tôn kính Tam Bảo, bèn phát nguyện muốn xuất gia. Đến lúc về lại Thượng Thục, già biệt gia thuộc, và vợ con Sư đã cùng chí nguyện như Sư, nên đồng một lúc cạo tóc.

Sau khi đã xuất gia, vào niên hiệu Đại Đồng (538-546) thời Nam Lương, Sư chuyên tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi giữ chánh tâm suy nghĩ niệm Phật lý, lấy mạng sống làm kỳ hạn. Bấy giờ ở quận Nam Võ, nay tức là huyện Hiếu Thủy, có Đạo nhân Pháp Ái là người có đạo thuật cao huyền, Sư bèn đến đó xem. Đang trong đêm, ngài Pháp Ái dùng năng lực của thần chú hiện ra một thần to lớn, thân mặc áo mao dung tướng kỳ vĩ, đến nâng giường dây cách đất bốn -năm thước, Sư bèn đọc tụng giới bốn. Thần liền bỏ đi. Giây lát thần lại đến đứng trước mặt ngài. Ngài vẫn giữ chánh ý tinh bạch như mới đầu không chút lay động. Sau đó, Thần lại bỏ đi. Ở nơi đầu góc phòng nhà, thần hiện ra khuôn mặt, đánh phá xé trần nhà, tiếng động rất lớn, Sư vẫn không khiếp sợ. Thần thấy Sư không lay động bèn đến lễ bái cầu xin sám hối. Đến sáng sớm, Sư bảo với ngài Pháp Ái rằng: “Điều quý trọng của ông, đó là tà thuật, chẳng phải là Chánh Pháp, ông nên xả bỏ”.

Sau, Sư đến Ích Châu nghe giảng pháp. Vì Sư sinh ở chốn Biên Bỉ, nói năng quê mùa, tuy bị khinh thường, mà không nhớ nghĩ, chỉ hướng về Đạo. Lại nhân trên đường đi, Sư vào nghỉ qua đêm tại Đạo quán. Có Đạo sĩ vốn biết tên tuổi Sư, sợ Sư giáo hoá đồ chúng quyền thuộc của mình nên chống thuận với Sư. Đêm đó, có đàn hồ đi nhiều quanh viện cùng nhau gầm rống. Các

Đạo sĩ v.v... suốt đêm chẳng an. Đến sáng bèn đi tìm, và đều theo Sư xin thọ giới Bồ-tát.

Sư lại từng đến xứ Hoàng Nông, bên cạnh bờ sông, thấy có người buông câu cá. Sư khuyên bỏ việc đó, người ấy không nghe lời. Sư liền nhỏ nước miếng xuống dòng nước, bỗng nhiên có một con rắn lớn ngóc đầu lên xoay nhìn bốn phía rồi bơi thẳng đến người ấy. Người ấy nhân đó liền quy mạng theo Sư xin xuất gia.

Bấy giờ, gặp lúc thời vận nhà Lương dần suy, và tại đất sông Phù quân lính dấy động. Sư cùng Pháp sư Triện phân phi khác vực. Pháp Sư Triện vào núi Tĩnh Lâm. Còn Sư vào núi Thanh Thành, nhóm kết đồ chúng. Vương Tiêu Huy đòi Lương vốn kính trọng Sư, cung cấp cho dân lão để làm doanh lý. Sư chưa đến đó thì đã bị bệnh nặng, biết mạng không thể cứu, nên Sư bảo đệ tử rằng: “Tôi thường nguyện sinh về cõi Tịnh độ, mà không có hạnh nghiệp gì cao quý. Tuy chẳng đọa vào ba đường xấu ác, mà cũng không sinh lên cõi trời. Tôi sẽ sinh trở lại nơi đất sông Phù này để làm Sa-môn. Các ông phải cố gắng hành Đạo mới có thể gặp được tôi!”. Nói xong, Sư ngồi kiết già nghiêm nhiên thị tịch. Lúc đó Sư mới bốn mươi bốn tuổi. Ở bốn phía núi ấy toàn giống dân Lão, thấy Sư ngồi mà thị tịch thầy đều kéo nhau đến khen ngợi việc lạ, lễ bái cúng dường, sửa đổi tập tục mà làm việc lành. Các đệ tử Sư vâng theo Di mạng, bèn đón rước nhục thân Sư tôn trí lộ bày dưới gốc thông.

Xưa kia, mới đầu Sư đặt chân đến Miên châu, trụ chùa Bách Lâm ở phía Tây thành. Phòng viện xây dựng hoàn bị, ngay đầu căn phòng có trồng một cây ngô đồng rất tươi tốt. Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng tư, vô cớ lá bị rụng hết. Thêm nữa, sáng hôm đó, vị Duy-ma đánh chuông, mới đầu chuông cũng không phát ra tiếng. Mọi người lớn nhỏ đều sinh nghi lấy làm lạ chẳng hiểu nguyên do thế nào. Thượng tọa Tăng Siêu bảo là sẽ có biến động lớn, bèn chống tích trượng mà trốn lánh, chốc lát sau, có tin đưa đến báo là Sư đã thị tịch. Cây khô, chuông câm là tượng trưng cho ngày Sư thị tịch. Chùa Bách Lâm ấy cách núi Thanh Thành hơn bốn trăm dặm mà thềm có cảm vận, hẳn chẳng phải là mưu của con người.

Ở đầu thời Nam Lương, lại có các Sa-môn Đạo Hương, Tăng Lãnh đều là những vị có năng lực thần dị, vết tích hơi giống nhau, cùng loại với Hoà-thượng Chí Công.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu

Thích Tăng Lâm, là ngài người đất Ngô, rất có đức trong trắng, mọi hành vi thường cảm động đến vật tình.

Vào niên hiệu Đại Đồng (535-546) thời Nam Lương, Sư lên đất Thục, đến Đồng Châu. Ở phía Tây bắc thành cách một trăm bốn mươi dặm có núi Đậu Thủy, trên núi có đền thờ thần, dân chúng tại vùng ấy rất kính trọng, thường đến cúng tế bái yết. Sư đến ở đó, thiền quán im lặng trải qua nhiều ngày, bỗng có một con trăn lớn đến quán nằm trước giường, ngẩng đầu như kính vái hộ trì vậy. Sư truyền pháp Tam quy cho nó, trăm lãnh thọ quy giới rồi bèn bỏ đi. Nhân đó mà được bình an, không hề có ương họa gì. Phía Bắc núi đó là thuộc phía nam sông Phù, từ trước đến nay vốn không có loài vượn sinh sống, từ khi Sư đến ở thì tự nhiên có hai con vượn đến nương tựa Sư mà ở. Có người mới đầu trông thấy cho là chúng lội qua sông mà đến. Sau này, Sư ra cửa núi, vượn xoay ngược dòng nước mà bơi đi, như thế chẳng phải một lần. Vì trải qua năm tháng lâu dài nên vượn sinh sản đến mấy mươi con. Có lúc vượn đưa Sư đến cửa Long Môn, đứng đợi Sư trở về. Về sau, Sư đến ở trong chùa xưa nơi hang Xích Thủy, ở đó các phòng đều đổ nát chỉ còn có tòng lâm, Sư liền ngồi ngoài chỗ trống, có một con hổ đến ngồi trước mặt Sư, đưa mắt nhìn. Sư bèn nói Pháp cho nó nghe, giây lâu hổ bèn bỏ đi. Từ đó về sau một mình Sư đi khắp nơi, mạnh dạn không lánh né các loài thú dữ. Sư thường thực hành nhân từ cứu giúp nên cảm hóa rất nhiều.

Về sau, Sư thị tịch tại Đồng Châu.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu

Thích Tuệ Giản, không rõ Sư là người xứ nào. Sư hành đạo ở đầu thời Nam Lương. Giới nghiệp Sư rộng thoáng cao vợi, có điểm đặc biệt là mạnh dạn cấp giúp. Phía đông Sảnh sự ở Kinh Châu, trước kia có ba gian riêng lập trai hội, do đó thường có nhiều việc quý quái. Bấy giờ, Vương Kiến Võ đến sửa trị, như không một ai ở được, chỉ mình Sư là bậc thầy của các Vương quân chuyên nhậm ở đó. Sư tự ở một gian phòng, còn lại hai gian Sư tôn trí kính tượng. Bỗng nhiên thấy có một người mặc áo đen không có mắt từ trong vách tường đi ra, đứng tựa vào cửa phòng của Sư. Khi đó, mắt Sư mở, tâm biết rõ nhưng miệng không nói được, trong ý vẫn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, giây lâu, quý bảo rằng: “Vì nghe ông tinh tấn nên đến thử xem, nay thần sắc ông bất động, chẳng lẽ ta lại bức hại ông sao?” Quý trở vào trong vách tường, Sư từ từ đứng dậy tắm rửa súc miệng, lễ tụng xong trở lại ngủ yên như thường. trong giấc ngủ ngài mộng thấy người trước đó lại bảo rằng: “Kẻ hèn này ở đây từ cuối thời nhà Hán đã qua mấy trăm năm, vì tánh tình cứng rắn ngay thẳng nên có lắm sự chẳng kham. Ông là người

tịnh hạnh tốt lành, tướng mạo đặc biệt”. từ đó bèn dứt bật. Su ở tại đó nhiều năm vẫn an ổn như mới lúc đầu. Nếu Su đến nơi khác, thì không có người nào có thể ở đó được.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu

Thích Tăng Lãng, là người xứ Lương Châu. Khi quân Lỗ nhà Ngụy đánh chiếm Lương Châu. Tại thành đó, dân chúng vốn thiếu, nên bức bách Đạo nhân sung vào quân đội, bày xếp riêng gần đó, đến lúc định án của xe đánh thành phá trận. Cả thành ấy đều bị vùi lấp, bắt lên thành có ba ngàn vị tăng, đến chỗ Quân tướng Ngụy chúa bảo rằng: “Đạo nhân đáng lẽ phải ngồi thiền hành đạo, mà lại làm giặc, rất đáng giết chết, sáng mai hãy chém đầu tất cả”. Đến kỳ hạn lúc giờ ăn, bỗng nhiên có hơi khí màu đỏ dày đến mấy trượng xuyên suốt qua mặt trời mà chiếu thẳng đến. Thiên sư Khâu Khiêm Chi là người rất được vua tin trọng, tâu trình rằng: “Trên đời ban giáng điềm lạ, chánh vì Đạo nhân thật chẳng có bản tâm muốn làm giặc, xin chẳng cần phải giết”. Em của Vua là Xích Thụ Vương cũng đồng can ngăn. Vua bèn ban sắc đình chỉ việc giết hại đó, xem như tù binh nên đánh bằng gậy rồi giải tán, bắt làm những việc nặng nhọc. Chỉ có vài vị tăng như Su, v.v... riêng giao phó trưởng hạ. Đến lúc Quân lính nhà Ngụy trở về phương Đông, Su cùng bạn đồng học đang đi đường thì cùng nhau làm phản, trận phòng nghiêm bày lại không chỗ chạy, hai phía đông tây chẳng có tường vách, không thể lường biết là sâu hay cạn. Phía trên có cây Đại thọ bên cạnh rủ nhánh sát sườn núi, Su bèn dùng dây buộc cán trống cờ để buộc vào thòng xuống, khi ấy trời tối mịt, dưới đáy sườn núi toàn gai góc, không chỗ đặt chân. Su muốn trở lên trên đầu bờ lại sợ quân lính phát hiện, đang lúc tính kế bàng hoàng nắm lấy dây treo đứng, thế chẳng thể giữ lâu, bèn nói với nhau rằng: “Nay nguy ách đã đến, chỉ nên xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm!” liền đưa đầu gõ vào đá, nhất tâm chuyên chú xưng niệm. Chỉ phút chốc có ánh sáng chiếu ra từ chỗ mặt trời mọc soi khắp đất trời, mới thấy trong khoảng gai góc có chỗ xuống được, nhân đó theo ánh sáng xuống được tới đất, bỗng nhiên trở lại tối tăm, Su biết đó là nhờ sức thần, cùng nhau vui mừng cảm ngộ, bèn thiếp ngủ yên, giây lâu mới sáng, nghe đoàn quân lính cảnh giác sắp khởi hành. Và núi hang nhiều lớp, chẳng biết đường ra, chỉ ngẩng nhìn mặt trời mà đi, gặp một con hổ lớn xuất hiện đứng trước mặt, mọi người bảo nhau: “Tuy thoát khỏi nạn tù binh, lại rơi vào miệng cọp”. Su bảo: “Không như lời các người nói, Chánh vì chúng ta có cảm do đó mà hiện tủa ánh sáng. Nay gặp được hổ đây há chẳng là bậc Thánh chỉ đường ư?” Khi đó hai người đi về phía hổ, hổ liền bước đi trước, nếu Su nhỏ đi chậm, hổ cũng tạm dừng lại, đến sáng được ra đường, thì hổ biến mất chẳng biết

nơi nào. Bèn men theo đường đi thẳng đến trước. Bảy ngày sau thì đến ao Vu Cừ, lại đến Lương Hán, ra tới Kinh Châu. Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Tăng Ý ở chùa Lăng Công Cốc

Thích Tăng Ý, không biết Sư là người xứ nào. Sư là người trinh thuần xác thực rất có năng lực tư duy. Mỗi lúc Sư lên pháp tòa giảng dạy thì liền có hoa trời tuôn rải xuống tòa.

Trong thời Nguyên Ngụy, Sư trụ tại chùa Lăng Công Cốc, nhóm chúng giảng dạy, đến lúc tuổi già, Sư vẫn tinh tấn không hề mệt nhọc. Tại chùa đó có pho tượng nước Cao-ly, Tượng Tượng Quốc, Tượng Hồ Quốc, Tượng Nữ Quốc, Tượng Ngô Quốc, Tượng Côn Lôn, Tượng Đại Kinh, bảy tôn tượng ấy đều bằng đồng mạ vàng, đều tôn trí ở chùa và giảng đường, cửa giảng đường thường mở mà chim thú không dám bước vào, đến nay vẫn còn như vậy. Nên Tượng ngài Linh Dự có lời khen ngợi rằng: “Ứng cảm mà đến, thật không chỉ thuộc, há thần thông ngầm hiển bày và sự bàn luận lý cách tầm thường ư?” Sư kính thờ pháp, tự nuôi dưỡng, đích thân cúng dường. Trước đêm Sư sắp tịch, có một vị Sa-di qua đời trước đã lâu hiện hình đèn lễ bái mà thưa rằng: “Từ lúc trái ngược vâng thờ đến nay, con thường bị Thiên đê sai sử, ngừng nghỉ vội vàng không rảnh rỗi, nên phé bỏ tu hành Đạo nghiệp, không bao lâu nữa Vua trời sẽ thỉnh thầy đến giảng kinh. Xin thầy nhân đó mà nói một lời để con được khỏi hình khổ!” Sư bèn tấm gối, đốt hương, ngồi thẳng nơi phòng thất tĩnh lặng chờ đợi thời gian đến. Đến đúng kỳ hạn, quả nhiên có vị trời đến chùa và vào phòng Sư, áo mao vũ tung rục rỡ đặc biệt. Chúng tăng lúc mới trông thấy chỉ cho là người sang trọng trong đời vào núi tham quan bái yết, nên chẳng lấy làm lạ, và trong ngày đó tự nhiên không bệnh mà Sư thị tịch, mới biết là Linh cảm. Đô Giảng của Sư ở tại Duyên Châu, ngoài ra hương hỏa bồi nặc ban rải nơi các ấp khác. Sau thử xem xét thì đều qua đời cùng ngày.

Có thuyết nói rằng: “Sa-môn Tăng Ý, Chí Trạm là đồng bạn với Lăng Công”. Ở truyện trước ghi chép có thiếu sót, nên ở đây ghi chép lại, ngài Chí Trạm đã chứng đắc Sơ Quả, tháp thờ ngài vẫn hiện còn ở bên cạnh chùa Linh Nham ở Thái Sơn, thấy chép ở Biệt truyện.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn

Thích Tăng Chiếu, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn. Tánh tình rỗng rang phóng khoáng, ưa thích tìm kiếm vật lạ, mỗi lúc nghe đến các linh tích lạ lùng, thì không nơi nào Sư chẳng tới.

Nhân phía dưới ghềnh nước có nhiều hang động, là nơi tiên thánh thường dừng ở, nên vào niên hiệu Phổ Thái (531) thời Nguyên Ngụy, Sư đi đến Vinh Sơn, thấy dưới dòng chảy có hang, Sư men theo hang mà vào. Đi được chừng năm-sáu dặm bèn ra khỏi hang, Sư lại đuổi theo đường tắt nhỏ hẹp về hướng Đông bắc leo lên được mấy dặm, gặp một tảng đá lớn rộng chừng vài ba bộ. Có dòng nước từ phía Tây chảy về trong suốt, mang cỏ thuốc lớn trái dài rủ xuống đất. Phía bắc tảng đá lớn có ngôi nhà bằng gạch ba cửa hình dáng rất cổ xưa xấu xí, trước sân bông lúa tung hoành, chim sẻ ăn thức ăn thừa, ở đầu phía đông ngôi nhà có vài cái giá túi vàng, khoảng giữa có hai cái cối sắt cũng có chày giã đều dính bụi bám và đều không có dấu vết nấu thối. Trong đầu phía Tây ngôi nhà có một vị Sa-môn ngồi thẳng an nhiên bụi bay phủ lấp đến gối. Trông nhìn bốn phía chỉ thấy cây rừng tươi tốt, khe suối chảy dài, lại chẳng có người ở. Chỉ phút chốc Sư gặp một vị thần tăng khoảng sáu mươi tuổi, lông mày dài hơn cả trượng cuộn quanh máng trên lỗ tai, cùng trông thấy vui mừng như gặp người quen cũ. Sư hỏi vị thần tăng ấy từ đâu đến? Vị ấy đáp: “Tôi cùng Bạn đồng học tất cả ba người đến đây để lánh đời, một người hiện ra phía ngoài chưa trở lại, một người chết đến nay đã lâu lắm rồi mà dường như Nhập diệt định, nay đang ở phía Tây trong ngôi nhà, ông thấy chẳng? Ngày nay giòng họ nào là chính?” Sư đáp: “Nhà Ngụy”. Vị Tăng ấy bảo: “Nhà Ngụy hưởng vận nước nhà đã lâu, có phải chẳng là họ Tào ư?” Sư nói: “Họ Nguyên) Vị tăng ấy bảo: “Tôi không biết!” Bèn lấy bông lúa giã nhuyễn nấu cháo. Lại đi vào rừng, lấy các thứ trái lê táo trao cho Sư và bảo ăn, Vị Tăng ấy nói: “Ông hãy ăn đi, Tôi không ăn loại ấy”. Lại hỏi Sư “ Ông thường tụng kinh gì?” Sư đáp: “Tụng Kinh Pháp Hoa”. Vị tăng ấy gật đầu bảo rằng: “Lành thay hạnh nghiệp tinh tấn! Nay ở phía Đông trong nhà như có kinh ấy, đồng thời tự đọc tụng. Ông muốn nghe chẳng?” Sư chấp tay nói: “Xin được nghe!”. Vị Tăng ấy bèn phân vạch ra riêng tụng đọc, hơi tiếng rõ ràng thấu suốt, cho đến gần suốt đêm, Sư mệt ngủ thiếp đi. Vị tăng ấy bảo: “Ông cần nên ngủ, đây là hạnh nghiệp thường hằng của tôi, đến sáng vẫn chưa buồn ngủ”. Sau đó, lại làm các thứ thức ăn, Sư bèn cảm tạ rằng: “Hân hạnh được được kính phụng bái yết, nay tạm trở về, mong sau này sẽ được tiếp việc!”. Vị tăng ấy cũng không lưu giữ Sư lại, chỉ nói rằng: “Bạn đồng học của tôi đã đi vắng, nếu ông có gặp thì sẽ được khai ngộ lớn. Chỉ tiếc không được trông thấy! Đã nói phải trở về là tốt”. Sư bèn tìm men theo đường trở về nước. Sau đó, Sư nhóm kết đồng bạn cùng

đến, nhưng ghềnh nước và hang huyệt ấy không lường biết được là ở nơi nào!

Nay các núi ở Chung Nam cũng có việc ấy, đã lắm sự liên quan, không gì chẳng hợp lý.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu

Thích Đạo Phong, không rõ Sư họ gì. Ở đời tôn xưng Sư là người Đắc Đạo. Sư cùng ba vị đệ tử trong chùa Cổ Sơn ở Tương Châu, chẳng mong cầu lợi dưỡng. Hoặc bảo là: “Luyện đan vàng trắng, thuốc trị chiêm tượng”. Với các nghệ thuật trong đời không thứ gì Sư chẳng thấu hiểu. Vua Tề qua lại nơi Tinh nghiệp, thường sang hỏi thăm Sư, Sư ứng đối chẳng cần phải suy nghĩ, tùy việc nêu bày. Vua từng bảo người đem rượu và thịt chung đến để trước mặt Sư và mời Sư ăn uống. Sư liền không từ chối, dốc ý ăn uống no nê. Vua cười lớn hả hê, nhưng chẳng nói năng gì. Sau khi xe giá Vua đi rồi, Sư bảo đệ tử rằng: “Hãy đem vật bỏ ở đầu giường”. Đến lúc mở vật ấy ra thì thấy thịt chung hôi nầy vẫn còn, đều chẳng bị ăn nhấm.

Bấy giờ, tại chùa Thạch Quật có một vị tăng ngồi thiền, mỗi ngày đến phía Tây thì nhìn về đỉnh núi phía Đông thấy có hiện tôn tượng vàng ròng cao trượng tám. Vị tăng ấy vui mừng cho là thấy được điềm lành. Ngày ngày cứ lễ bái như thế trải qua khoảng vài tháng. Sau đó tại nơi phòng nằm nghỉ, bỗng nghe ở gối có tiếng bảo rằng: “Trong nước lại ở xứ nào có Phật, nay ông đã thành đạo, tức là Phật! Ông phải khéo làm thân Phật, chớ tự xem thường”. Vị tăng ấy nghe rồi liền khởi gìn giữ nặng nề, trông xem chur Tăng bên cạnh như cỏ rác, bèn ở trước đại chúng chỉ tay vào ngực mình bảo rằng: “Bọn các ông có biết được Phật thật chẳng? Tượng họa nơi khám bùn lời nói chẳng thể phát ra từ môi, trí suy nghĩ thế nào? Các ông thấy Phật thật mà chẳng biết kính lễ, sẽ đoạ vào địa ngục A-tỳ”. Lại nơi tròng mắt đỏ ngầu, kêu réo khác thường, chur tăng cả chùa biết đó là Kinh Thiên. Và trước lúc chưa phát khiêng đến chỗ ngài (Đạo Phong). Vừa đến, ngài liền hỏi rằng: “Hai tháng trở lại đây ông thường thấy trên núi phía Đông có hiện tượng pho tượng bằng vàng ròng phải không?” Vị tăng ấy đáp: “Thật có thấy”. Ngài lại hỏi: “Ông có nghe nơi gối có tiếng bảo thành Phật chẳng? Vị Tăng ấy đáp: “Thật có”. Sư bảo: “Đó là gió động mắt tâm, nếu chẳng sớm chữa trị, hoặc sẽ bị cuồng loạn khởi, khó có thể ngăn được”. Ngài bèn lấy kim châm vào ba nơi. Nhờ đó mà chẳng phát loạn.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta ở núi này đã lâu, khiến các ông phải khổ nhọc gánh nước nơi hang động. Nay ra đi không có gì lưu lại, chỉ để lại cho các ông một dòng suối. Đã khởi phải leo trèo lên xuống khổ

nhọc, các ông nên phải gắng sức siêng tu Đạo nghiệp!” Nói xong Sư đưa tay búng ra một viên đá vuông bên cạnh khám, bên có dòng suối huyền lắng óng ánh chẳng đầy chẳng vơi, đến nay vẫn hiện còn.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm

Thích Viên Thông, không rõ Sư họ gì. Ngài xuất gia từ thuở thiếu thời, có lòng thương và sự hiểu biết sâu rộng, rất nổi tiếng ôn hoà thông minh. Sư trụ chùa Đại Trang nghiêm ở Nghiệp Đô, nghiên cứu đọc tụng kinh Niết-bàn, xét tra rõ ràng văn từ yếu chỉ.

Niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, đang trong mùa Hạ, dưới giảng tòa có một vị khách tăng hình tướng ăn mặc sơ sài mà tiết tháo hoà nhã, vì bị bệnh nên đến các chùa, chư tăng thấy sự bệnh hoạn, thoáng mùi hôi hám nên đều nhàm chán không ai dám giữ lại. Sư xét thấy thức lượng của vị tăng ấy rộng xa, khí độ sâu sắc khác thường, bèn mời ở trong phòng mình. Tuy có sự dơ bẩn, nhưng ngay từ đầu, Sư không hề xem thường lo sợ. Ngày một chữa nhóm tình thật, mở mang ý lượng đó. Sư hỏi vị tăng ấy về sở học thế nào. Vị tăng ấy đáp: “Tu học Kinh Niết-bàn”. Sư bèn đem các yếu chỉ sâu màu trong kinh và những điều mê hoặc chứa nhóm từ các bậc tiên đức chưa từng được giải thích đều tuần tự luận bàn. Vị khách tăng ấy cũng đồng với điều nêu dẫn ấy lại làm thành chương cú, giải thích rõ ràng cao nha, rất có sự rõ ràng. Sư vui mừng bởi hợp Đạo, càng tinh tấn gấp bội so từ trước đến nay, trải qua chữa trị thuốc thang, sớm tối chăm sóc gìn giữ. Có lần ở trong đêm Sư bưng một bát rượu nói với vị khách tăng ấy: “Có người khách gởi cho, lúc bệnh uống thuốc này đều tốt!”. Vị khách tăng ấy bèn nhận mà nhận uống, chỉ một ngụm bèn thôi. Đến lúc mãn hạ, vị khách tăng ấy bệnh cũng vừa lành, bèn giã biệt Sư để ra đi. Sư bảo: “Nay trao y phục để cách biệt, chùa Quan có lệ được ban tặng y phục, hãy chờ đợi năm-ba ngày sẽ có tặng một áo lót mặc lúc trời lạnh”. Vị khách tăng ấy nói: “Chiếu loạn chẳng thiếu sao phải dung chứa thêm phiền”. Ngài cố giữ vị khách tăng ấy để tặng áo đã. Đến lúc giã biệt, vị khách tăng ấy nắm tay Sư căn dặn rằng: “Hễ là người tu đạo, không nên xem thường lúc một mình trong nhà vắng. Pháp sư trước kia đem rượu ban tặng, vì sợ tôn thương ý tưởng đem đến, nhưng đó chẳng phải chánh lý. Từ nay trở đi, việc ấy nên chấm dứt! Và lại, Pháp sư đã từng đến chùa Thạch Quạt ở Cổ Sơn chăng? Tiểu tăng tôi ở dưới chùa nhà nhỏ thuộc phía Bắc cách chùa Thạch Quạt chừng năm dặm. Phải đi vòng quanh, phía Đông khe dịch có một hang nhỏ, đi ra phía Đông tức là chùa Trúc Lâm. Lúc nào có duyên sự nghĩ tưởng nên cùng đến hỏi thăm!”. Sư cung kính cảm tạ lời dạy răn trước và hứa sẽ đến thăm. Từ đó bèn từ biệt nhau.

Đến đầu mùa Hạ năm sau, vì chùa Thạch Quật chưa tăng đến an cư tu niệm ít nên giảm bớt sự trang nghiêm. Các chùa Quan như Định Quốc, Hưng Thánh, Tổng Trì, v.v... hơn trăm vị tăng là một phiên. Bấy giờ Sư tham dự an cư kiết hạ tại chùa Thạch Quật, trong ý muốn hỏi thăm đến chùa Trúc Lâm, bèn nhân lúc khách chủ nhóm họp đông đảo, Sư bèn hỏi chỗ chùa. Chư tăng đều cười rộ bảo Sư rằng: “Chớ rao truyền lời yêu quái ấy, chùa Trúc Lâm không có thật. Đó chỉ là lời thường lưu truyền trong thế tục”. Sư suy nghĩ suy vị khách tăng năm trước hiện đến chẳng thường gặp, nói đến việc ấy, tính chẳng dôi bày. Chúng tăng cũng lấy làm lạ. Nên mỗi người bàn cùng Sư mang hương hoa đồng đi. Đến phía Bắc chùa cách chừng năm dặm, có một hang nhỏ rồi ra phía đông có một đường hẹp chỉ một người đi được, đi khoảng năm dặm leo lên gò núi, thấy một ông lão tay cầm khăn bịt trán, mặc quần đùi áo hạt ngắn, cầm cái bừa lớn khai mở đất hoang hơn mấy mươi mẫu. Xa thấy chư tăng thả ngựa mà đến trước mặt bảo rằng: “Các Đạo nhân ở xứ nào mà không đi theo đường tắt?” Chư tăng đáp: “Ở tại chùa Thạch Quật, muốn đến chùa Trúc Lâm”. Ông lão ấy tức giận bảo: “Năm trước chùa Quan thả ngựa ăn phá lúa mạ của tôi, con tôi cản ngăn gìn giữ bèn bị đánh đến chết, nay lại cùng nhau mang mặt mũi đến đây ư?” bèn kéo bừa lại rượt đuổi. Chư tăng có hơn mười vị nhìn lại hang bỏ chạy, riêng ông lão chẳng rượt đuổi Sư, mà bảo với Sư rằng: “Ông là người khoẻ mạnh chẳng trở lui, thả ông vào núi cho hổ ăn”. Sư liền đi về hướng Đông khoảng vài dặm, gặp một khe nước cạn mà cây cối rất tốt tươi, rậm rạp. Sư tìm theo khe cứ đi thẳng về hướng Đông. Chỉ nghe trên ngọn núi phía Nam có tiếng phùng tung. Sư bèn hỏi “Chùa Trúc Lâm ở nơi nào?” Liền có tiếng hỏi lại rằng: “Từ xứ nào đến đây?”. Vị ấy liền vén rừng giẫm qua hiểm trở đi đến chỗ Sư, và Sư cũng lần lượt mở thoáng tràn đầy vui mừng, nói năng tâm tình. Vị ấy bảo: “Ở dưới núi chùa nhỏ hẹp, tăng đồ ô hợp, tâm tánh nhiều xao động, thật chẳng xứng đáng để chiêm ngưỡng. Tuy nhiên, đã giáng trọng, thì trọn phải đến núi”. Bèn cùng nhau đi về phía trước chừng mây dặm, bỗng thấy có cửa cao hai cánh, hàng hiên dài nhiều lớp đường đi, trúc cao đến tận mây xanh, thông che ánh mặt trời. Phía ngoài cửa sơn đen, có máng dài hơn trăm thước, tất cả có đến mười hàng, đều bày đầu ngậm vòng, vàng đồng xen lẫn trang sức, để đựng các thứ thóc đậu. Bên cạnh có dấu chân ngựa mà được quét rưới sạch sẽ. Vị ấy bèn để Sư dừng lại bên trái cửa mà bảo rằng: “Trước nên hỏi ý Hoà-thượng đã”. Chỉ phút chốc liền dẫn Sư vào trong giảng đường, đến phía Tây dưới hàng hiên. Hoà-thượng ngồi trên giường cao. Người hầu toàn là trẻ nhỏ khoảng năm sáu mươi người. Hoà-thượng tuổi khoảng ngoài bảy mươi, mặt mày phong nhã trang nghiêm, tướng trạng như Phạm tăng, tựa án sửa văn thư. Bên cạnh có người thông sự. Sư bèn lễ bái kính yết rồi đứng yên. Hoà-thượng bảo rằng: “Đã ở tại chùa Quan, thì mọi

sự cúng dường nồng hậu khó bỏ, đâu thể tự nhận chịu? Chùa này thật không có gì đáng chiêm ngưỡng. Sư bèn trình bày đầy đủ tâm ý của mình. Hoà-thượng bèn bảo an đặt, dẫn Sư nhiều quanh thăm viếng, lễ bái các phòng. Thấy ở hai phòng, chư tăng mỗi vị đều ngồi nơi màn trướng quý báu, các thứ đan xen giao kết trang sức ánh ngời hơn cả ánh sáng mặt trời. Chư tăng nói với vị tăng dẫn Sư đi rằng: “Đó là ai mà dám vào đây?” Và xua tay bảo vị tăng dẫn Sư đi, tăng tỏ vẻ hổ thẹn ngoái lại bảo Sư rằng: “Tình ý chẳng đồng, cản trở sự trông mong của người, hãy đến phòng của tiểu Tăng để nghỉ ngơi!”. Bèn dẫn Sư vào phòng, kể lại đầy đủ duyên xưa, và bày thức ăn bữa trưa. Thức ăn toàn là mùi vị bình thương như ở Nghiệp Đô. Sau bữa ăn, lại dẫn Sư đi xem các đồ tượng trang nghiêm, ao vườn đài các, rảo bước chung quanh ngắm nhìn nhưng chẳng thể cùng khắp. Nhân đó, Sư tự tỏ bày rằng: “Nếu được ở bên cạnh vết tích phong trần này, thường quét tước, nguyện trọn đời hết lòng!”. Vị tăng ấy bảo: “gặp nhau liền vừa ý. Chỉ cần phải thưa hỏi Hoà-thượng, chưa biết kết quả như thế nào”. Đêm đó, giữ Sư ở lại. Đến sáng sớm vị tăng ấy vì thưa hỏi với Hoà-thượng. Hoà-thượng bảo: “Rất hiểu ý muốn lại nói, và cũng chẳng tiếc gì một phòng. Nhưng vì lẽ nhận thọ Quan mời là vì phước báo chẳng phải cạn. Nếu y theo Tăng Pháp, thì không được tên sống ở hai xứ, nên nay hãy trở về, bỏ tên Quan rồi lại đây sẽ dung chứa, chớ lấy làm tiếc!”. Và liền sai đưa Sư đi ra. Đến bên cạnh máng ngựa, Sư nhìn lại mền mộ rơi lệ, tự thương tội nặng chẳng được giữ lại, Sư nắm tay vị tăng ấy mà giã biệt. Đi đến phía Tây chừng trăm bước, xoay nhìn lại vẫn còn nhìn thấy cánh cửa nghiêm nhiên, Sư vừa lần bước đi vừa nhìn lại, đi khoảng chừng vài dặm, tự nhiên thấy núi non cao vợi hiểm hóc, chẳng còn là chùa viện. Sư buồn bã tìm đường đi, đến chỗ đất khai hoang, bèn không còn dấu vết tiếp nối, chỉ có cây bụi vương vít.

Có những vị thức giả bình luận rằng: Người trước mang bùa xua đuổi chúng tăng, giả làm thần quái lạ để khiến một mình Sư đi đến, đó là chỉ bày hữu duyên. Nói Đại Hoà-thượng, há chẳng phải ngài Tânđầu-lô ư? Như trong Luận Nhập Đại thừa nói: Các Tôn giả Tân-đầu-lô, La-hầu-la v.v... tất cả mười sáu vị Đại Thanh Văn rải rác ở trong các núi bãi. Lại trong các kinh điển khác cũng có nói đến chín mươi lăm ức Đại A-la-hán đều ở trước Đức Phật nhận thọ, sống lâu ở đời và rải rác khắp các núi biển trong ba phương để giữ gìn chánh pháp. Nay chư tăng ở chùa Thạch Quật thường nghe tiếng chuông lạ và tiếng vang Phúng tụng phát ra khắp cả núi rừng. Nên biết cung thần chùa tiên đều là thật.

Tôi (Đạo Tuyên) đến Tương Châu, tìm đến Cổ Sơn, ở phía Tây Bắc đất Nghiệp xưa trông thấy Đá nằm ngang, tướng trạng như hình chiếc trống. Nên ở đời có lời tương truyền rằng: “Nếu trống đá kêu thì các phương chẳng

yên tĩnh”. Vào cuối đời Tùy, đã thường nghe tiếng ấy, bốn biển đều sôi sục. Đó chẳng phải luồng đời. Tả Tư Ngụy Lang nói rằng: “Thần Chiêng xa xôi thay đổi nơi núi cao, vọng hưởng thâm linh khi ấy cảnh tĩnh ra ngoài bốn cõi”. Sau khi Thần Võ dời Nghiệp Đô, nhân đó trên và dưới núi đều xây dựng Già-lam. Hoặc tiêu phu hái củi lãng di, hoặc thầy thợ vào cùng đục tạc, thần nhân nhằm chán sự ồn ào nhiễu loạn ấy nên vất bỏ rất nhiều, cho nên đời gần đây đến núi ít gặp các linh tích, mà truyền thuyết về Trúc Lâm thường thường khác lạ. Bởi vì Nghiệp hạnh của mỗi người có tinh thô khác nhau, nên sự cảm thấy có nhiều hình thái. Gần đây có người từ Lô Sơn đi lên theo hướng Đông, xa thấy trên đỉnh núi có đường lớn, thông xanh từng hàng, tìm men theo đường đến nơi cung, dẹt hoa khó gỡ, cây báu, mỹ nữ cùng lần lượt đua vui, hỏi những bậc trượng phu, đều bảo là “. Vừa đến Thiếu thất, vì gặp chiều tối nên phải trở về”. Lại đi thêm mấy dặm nữa, toàn là rừng trúc, tìm theo con đường tắt đi đến hướng Tây mới tới được chùa đó. Chúng tăng thấy khách đến, mừng gặp tiếp đón niềm nở, cung cấp cho thức ăn uống rồi chỉ cho người ấy đi đường về. Người ấy bèn từ núi đi theo hướng Tây Bắc mà xuống, cách huyện Võ An không quá mười dặm.

Đến thời Bắc Chu phá diệt đánh chiếm Bắc Tề, không có y phục riêng khác, tại phường Đông hạ ở Nghiệp đô có cấp sự Quách Di, lấy có bệnh nên từ tạ về nhà để tĩnh dưỡng tại Lư Cảng, thắm nghe trong ngoài từ tế ở nỗi lòng, trước phế lão tăng thầy đều gồm thâm dưỡng, tụng đọc nơi vườn nhà. Bỗng nghe có tiếng gõ cửa, liền bảo kẻ tớ ra xem, thấy một vị Sa-môn cầm tích trượng bung bình bát, bảo là: “Bàn đạo trụ chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn gấp đi khát thực”. Quách Di ở gần cửa bèn vọng tiếng đáp từ xa rằng: “Chúng tăng chỉ nói là khát thực, cần gì phải dối là Thánh?” Và tự thân ông ta đến xem, tìm khắp bốn phía mà không thấy, mới biết đó là người phi thường, bèn hồi hận vì lời nói khinh thường của mình nên đến nỗi khiến bậc Thánh ẩn đi!

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, tại hang Bảo Phúc ở Giới Sơn, có Sa-môn Tuệ Lâm là vị tăng Cao Khiết, sống riêng nơi tĩnh lặng tu thiền. Bỗng thấy ba vị thiền tăng đến bên cạnh Phật đường, ngài Tuệ Hưu lấy làm lạ, cho là chư tăng ở núi, bèn vào phòng lấy tọa cụ đến lễ bái yết kiến, khi đến thì hai vị thần tăng vừa và nhỏ ôm hòm sách đứng phía trước, còn một vị lớn ở sau nương hư không từ từ theo hướng Nam bay lên đỉnh núi cao. Mây trắng từ phía Bắc đón rước che phủ không thấy. Trải qua sau đó một thời gian ngắn, lại thấy một vị tăng từ phía Đông đi thẳng vào vách hang. Ngài Tuệ Hưu bèn đuổi theo đánh lễ, vị ấy liền lẩn vào trong đá. Tại hang núi ấy thường có tiếng chuông ngân vang, theo đúng thời khắc mà gõ, tuy nghe tiếng mà không được nói. Đó cũng là những sự cảm thấy khác nhau, không thể nhất định. Đại lược mà nói thì những nơi hang hóc linh dị

chỉ nên tĩnh lặng rỗng rang. Nếu có sự ồn ào huyên tạp thì ít nghe thấy được các tướng lạ.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên

Thích Tuệ Bảo, không rõ Sư họ gì. Sư đọc tụng kinh hơn hai trăm bộ. Những bậc ưu đức tiên đạt thời bấy giờ đều nhận biết tiếng tăm Sư.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề từ Tinh Châu đến Nghiệp Đô, Sư đi tới Ngãi Lăng Xuyên, bị lạc đường, Sư bèn đi tắt vào núi. Chiều tối, Sư nghỉ lại dưới hang núi. Có một ngôi thất dường như có người ở, nhưng nhìn chung quanh không thấy gì cả. Sư ngồi trước thất nhìn lên cây thông, nơi tàng nhánh rộng, có trên một chiếc khánh, cách đất hơn một trượng. Đêm đến, vào khoảng canh hai, có người mặc áo cỏ từ ngoài đi vào, bảo rằng: “Trong đây vì sao lại có hơi hám người thế tục?” Sư liền kể lại đầy đủ và tỏ bày cung kính, người ấy nói chuyện với Sư và hỏi Sư rằng: “Ngày nay, giòng họ nào thống trị nước nhà?” Sư đáp: “Giòng họ Cao, nước hiệu là Tề”. Sư lại hỏi: “Tôn sư ở núi này được bao lâu rồi?” Vị ấy đáp: “Ồ từ thời Hậu Hán đến nay! Trưởng lão đã được kinh nghiệp gì? Sư cậy mình tụng đọc thông rộng nên rất lấy làm tự khoe. Vị Sơn tăng ấy bảo: “Người tu Đạo không nên như thế, muốn nghe kinh gì, tôi sẽ tụng cho?” Sư nói: “Thích nghe Kinh Hoa Nghiêm”. Vị tăng ấy chỉ trong thời gian ngắn tụng văn kinh đã xong, lời tiếng hài hòa, ở đời chẳng thể nghe được. Sư lại bảo tụng tiếp các phần khác, vị tăng đều thực hành như thế. Sư kinh hãi ngợi khen rằng: “Do nhân gì mà kinh văn bộ lớn không bao lâu đã đọc xong?” Vị tăng ấy bảo: “Ông có tác Tâm, Tôi không có tác tâm. Hễ quên sự nhớ nghĩ đối với muôn vật thì đây kia tự được”. Sư biết đó là Thần dị, bèn cầu xin ở lại, vị tăng ấy bảo: “Lợi dưỡng trong nước vời gọi ông, làm sao có thể tự an được. Và lại, tình lụy ông chưa dứt trừ, ở cũng không ích lợi gì”. Đến sáng, vị tăng ấy bèn bỏ đi, Sư liền tìm lối vết để đi. Đến Nghiệp Đô Sư kể lại việc đó.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ

Thích Tăng Vân, không rõ Sư là người xứ nào. Sư biện giải thông rành từ lệnh, thấu suốt đầy đủ cả Đại, Tiểu thừa. Sư tôn kính, nương nhờ trai hội giảng pháp, thường lấy làm việc chính. Dưới thời Bắc Tề, tại Nghiệp Đô mở mang Tam Bảo hưng thịnh. Sư rất được nổi tiếng. Sư trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Đô coi sóc Đại chúng.

Vào ngày mười lăm tháng tư, đến lúc thuyết giới, chúng tăng đều nhóm họp tại Phật Đường. Sư ở ngôi vị Thượng Thủ, bèn bạch với chúng rằng: “Giới bốn là ngăn quấy, mỗi người đều tụng được, sao nhọc phiền chúng tăng tất cả phải ngồi nghe? Hãy bảo một vị tăng lập nghĩa giúp người hậu sinh khai ngộ”. Sư là người khí khái có phong cách ở đương thời, nên không ai dám chống cự, tất cả đều vâng theo. Dần dần đến cuối Hạ thường bỏ phế việc tụng giới. Đến sáng sớm ngày mười lăm tháng bảy, sắp lên tòa cỏ, bỗng nhiên chẳng thấy Sư đâu. Đại chúng và tuổi mới đầu chưa thọ thay nhau phế bỏ pháp Tự tứ, đồng một lúc tuôn ra khắp bốn phía tìm kiếm Sư, bèn đến nơi cách chùa chừng ba dặm, ở trong gò mã cũ thấy Sư ở đó. Khấp thân thể Sư máu huyết rướm chảy như bị dao cắt. Hỏi về nguyên do, Sư nói: “Có một người cao lớn cầm con dao lớn dài ba thước, sắc mặt nổi giận bảo Sư rằng: “Thay đổi Bò-tát, vọng sung lập nghĩa”. Dao cắt vào thân đau đớn khó chịu nổi. Nhân đó, bèn dẫn Sư về lại chùa, dốc tận tâm tình, chí thành sám hối. Mới trải qua mười năm thuyết giới Bò-tát, đọc tụng các kinh, Sư lấy đó làm hạnh nghiệp thường xuyên. Đến ngày Sư thị tịch, có mùi thơm lạ đến đón rước, thân sắc Sư không tán loạn, vui vẻ an nhiên mà thị tịch. Người đương thời đều vui mừng về sự việc của Sư ngay trong đời nay tự sửa đổi, không rơi vào vòng khổ.

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu

Thích Tăng Viễn, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ chùa Tiết ở Lương Châu. Tánh tình Sư hời hợt buông lung, chẳng tu tế hạnh, ưa thích truy tìm theo lưu đảng, ham vui với yến tiệc là việc thường.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề, Sư nằm mộng thấy có một người thân hình cao lớn, nghiêng răng quở trách Sư rằng: “Ông là người xuất gia, mặt mày như thế, còn buông lung tạo ác, sao chẳng lấy kiếng mà tự soi chiếu?” Sư bỗng nhiên tỉnh giấc kinh hãi sợ toát mồ hôi. Đến sáng sớm đem một bát nước để tự soi rọi mới thấy bên cạnh khoé mắt có chấm đen cho là mồ hôi bắn, bèn chùi thử, lông mày đồng 1 lúc theo tay mà rơi rụng hết. Nhân đó tự trách lỗi lầm, cố sao ương họa đến nỗi này! Bèn thay đổi thói quen thường, ngày sửa thân đổi tánh, thân mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, mỗi ngày ăn một bữa chay trường, vâng hành kính thờ Luật nghi, sớm tối sám hối, tự buồn thương ứa lệ. Trải qua hơn một tháng sau, Sư lại mộng thấy người trước kia mỉm cười, bảo ngài rằng: “Biết được lỗi lầm mà sửa đổi, đó là người Trí! Nay tha thứ lỗi lầm xưa của ngươi, chớ nên lại tiếp tục”. Bỗng nhiên Sư kinh hãi vui mừng tỉnh giấc, mồ hôi đổ khắp thân, mặt mắt đượm nhuận, lông mày dần dần mọc lại.

Sư thường cảm hai báo, tin biết được ba đời. Từ đó về sau, Sư dốc tâm tinh thành, vâng hành chánh pháp, trong suốt thời gian chẳng hề tạm biếng trễ. Sau cùng Sư trở thành vị tăng luyện hạnh. Sư về lại Hưng Xuyên, và thị tịch ở quê nhà.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Tuệ Chân trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đẳng

Thích Tuệ Chân, là người xứ Thượng Đẳng. Sư vâng giữ giới luật chánh chân, trình thuần xác thực, khó ai vượt hơn. Sư trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở trong quận, riêng sống tĩnh lặng trong một phòng, thiền quán, sám hối là hạnh nghiệp chính của Sư.

Vào niên hiệu Kiến Đức thứ sáu (577) thời Bắc Chu, Tam Bảo bị phá diệt. Sư bèn mang kinh tượng vào ở ẩn trong núi sâu. Gặp giặc muốn đến cướp, ban đầu, Sư chưa nhận biết, bỗng nhiên thấy một người thân hình cao lớn hơn một trượng, râu tóc đẹp xinh, mặt che khăn sa, mặc áo bào màu xanh, đeo chín vòng bằng vàng, mang giày da, cưỡi ngựa trắng, bồm đỏ, từ trên đánh núi đi tắt đến trước mặt Sư, xuống ngựa, bảo với Sư rằng: “Đêm nay giặc sẽ đến. Sư hãy gấp trốn lánh!” Sư ở dưới bờ vực sâu thẳm, dứt bật không đường nào đến, nên nghi đó là thần núi, bèn nói rằng: “Nay Phật Pháp bị hủy diệt, bản đạo không nơi dung thân, nên lại nương tựa đàn việt, nhưng nay có giặc đến, chánh là có thể nhận lấy sự chết ở ngay đây, chứ đâu còn có nơi nào để trốn lánh!” Thần bảo rằng: “Sư từ xa đến nương nhờ đệ tử, đệ tử cũng có thể bảo hộ Sư, hãy nên ở đây”. Nói xong, bèn biến mất. Ngay trong đêm bỗng giáng hiện tảng tuyết lớn dày hơn cả trượng bao phủ lấy Sư, nhờ đó mà khỏi được nạn giặc. Về sau, bọn giặc lại tìm đến, thần bèn mách bảo dân chúng các thôn ấp dưới núi rằng: “Giặc muốn giết hại sư Tuệ Chân, phải gấp đến cùng cứu”. Mỗi người tự cầm nắm khí tượng vào núi, giữa đường gặp giặc bèn chống cự, đánh cho tan rã. Từ đó mỗi ngày Sư thường nương nhờ nhờ đó mà an tu Đạo nghiệp nơi núi rừng. Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu

Thích Hồng Hiến, là người xứ Nghiệp Đô. Thuở thiếu thời, Sư có vào Đạo Môn, sớm tỏ ngộ Luật Kiêm, nghe trải qua khổ nhọc, hai mắt đều mờ tối. Sư trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu, đã không có người dẫn dắt trước, nên thường ở trong phòng, lễ bái trì tụng làm đầu, chẳng phể bỏ sớm tối.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, bỗng nhiên chiêu cảm có một vị thần tự xưng là Đản Việt Bát-nhã đến xin Sư thọ giới. Qua vài lần đến cùng bàn nói, tại đồng phòng có Thiền sư Tăng Cương, lúc vào trai đường thọ thực, Bát-nhã bèn lấy một chiếc áo xiêm của Ngài Tăng Cương đến cúng dâng. Sư mà nói rằng: “Luống nhọc tỏ bày Pháp sự, lợi ích chẳng ít, nên xin kính dâng y vật, mong nhận lấy cho!”. Sư nhận lấy và cất vào trong hòm. Sau khi thọ trai xong, ngài Tăng Cương trở về lại phòng lấy làm lạ bị mất áo xiêm, tìm khắp trong chùa, bèn thấy được ở chỗ Sư. Sư trình bày đầy đủ sự việc ấy, nhưng ngài Tăng cương không hề tin. Thần bèn vất mọi thứ y vật của ngài Tăng cương đầy trên bàn, bừa bãi khắp sân, bút viết cần thước bị gãy mấy khúc. Thần ở giữa hư không bảo rằng: “Sa-môn Tăng Cương chẳng khéo thiết lập trai hội cúng dường Tam Bảo, ta gieo tai họa đến ngươi mà chưa hết”. Sư mắt mờ bèn cùng Bát-nhã nói về việc mất đồng trông thấy. Thần nói với Sư rằng: “Các bạn rất đông và đều ở trên sông Tử Bách, chỉ có ba mươi người cùng đi theo, hãy bảo nhà chùa dọn bày thức ăn”. Chúng tăng bèn bày hội ở phía Tây Viện. Thần bảo rằng: “Tốt lành thay các thứ ăn uống! Nhọc tốn phí của các Sư v.v... Tuy nhiên Thiền sư Tăng Cương không bày trai cúng, sau trai hội này sẽ khiến cho biết”. Ngài Tăng Cương không hiểu tại sao mà cứ bị bức bách làm cho sợ hãi chẳng thôi, bèn đem tất cả của cải tài vật riêng tư tạo lập các trai phước. Bát nhã lại bảo rằng: “Đã làm việc Phước, nay sẽ phóng thả”. Và bèn đem hai xấp lụa giao cho Sư mà nói rằng: “Nên cúng thí một xấp cho đại chúng, còn một xấp tặng cho Thiền sư Tăng Cương”. Sư đối trước chúng nhận được và mọi người thấy đều nghe thấy, Sư bèn y theo sự giao mà nhận. Từ đó về sau, Sư càng siêng tu bổn nghiệp. Sư thị tịch ở chỗ Sư ở.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên

Thích Tuệ Vân, là người xứ Phạm Dương, xuất gia năm mười hai tuổi. Sư đi khắp nơi nghe giảng lấy làm việc chính. Năm mười tám tuổi, Sư cười lừa đến dừng ở nhà người chú. Người chú trông thấy con lừa ấy rất ưa thích, nên bày kế muốn làm hại Sư. Vừa mới mang dao đến, bèn thấy dưới tường phía Đông có người mặc áo vàng nắm tay đi ngược lại quát mắng rằng: “Đạo nhân này mới là bậc Đại Sĩ thông pháp, sao dám làm hại như thế?” Người chú kinh sợ, nói với người vợ. Người vợ bảo:” Tâm ông không cứng rắn, chánh vì hoa mắt nên khiến như thế”. Nghe thế, người chú lại tìm đến, lại thấy ở dưới tường phía Tây có người mặc áo vàng bảo rằng: “Chớ giết hại Đạo nhân, nếu giết hại thì họa lớn sẽ đến”. Người chú kinh sợ bèn thôi. Đến sáng sớm, Sư từ giả để đi đến nhà người chị gái. Người chú lại mang dao đi theo, bảo với Sư rằng: “Con đường này tối khuất hiểm trở, nên

chú sẽ đưa cháu ra khỏi chỗ khó khăn”. Sư đi trước, vừa đến chỗ sâu thăm hiểm trở, người chú đi sau lưng hươu dao muốn chém, bỗng thấy chồng người chị gái của Sư bên cạnh. Nên được thoát khỏi sự gia hại mà Sư đều không hay biết.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đi khắp Thương ấp, xem đủ các thứ kinh luận. Tiếng tăm vang khắp Đông hạ, vẻ vang suốt một thời. Sau đó, Sư dẫn đồ chúng có cả năm trăm vị lại đến nhà người chú. Người chú thấy Sư đang mở mang giáo hóa ở giữa đường ngã tư, bèn nhớ lại việc gây hấn ngày trước, bèn dâng cúng Sư mười xấp lụa, vợ chồng cùng nhau tỏ bày hối lỗi. Sư mới biết việc đó. Và liền nói pháp để dứt bỏ, an nhiên không hiểm hận. Sư thường đem việc ấy mà răn dạy các môn nhân đệ tử rằng: “Tôi khi xưa nếu chẳng cưới vật tốt đẹp thì việc gì phải khổ lụy đến người. Từ khi dự phần vào học chúng thì không trang sức phù hoa, chỉ được giữ gìn thân mạng lâu dài”. Trở thành lời tụng nơi miệng Sư. Về sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

Dưới thời Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần, ở Song Lâm thuộc Huyện Ô Thương, Quận Đông Dương, có Đại Sĩ Phó Hoàng là người thấu suốt quyền xảo ứng đạo, tiếp nối vết chân Cư sĩ Duy-ma cật. Bảy giờ, có lúc Sư phân thân cứu giúp lấy làm việc chính, nương ở tại Song Lâm, dẫn dắt hóa độ pháp tục, hoặc màu vàng ròng biểu hiện ở ngực. Có mùi thơm tỏa trong lòng bàn tay, hoặc hiện thân cao hơn một trượng, cánh tay dài quá đầu gối, chân dài hai thước, ngón tay dài năm tấc, hai mắt sáng rực, có hai con ngươi tỏa chiếu ra ngoài. Hình sắc dung mạo trang nghiêm cao vợi, rất có tướng của bậc Đại nhân.

Khi Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương dẹp loạn mở Đạo, riêng chú ý đến Thích Môn, tâm tánh trình thuần cảm khắp đến các Hiền Thánh. Sa-môn Bảo Chí là người mở dẫn vết tích ở Kim Lăng, nhưng Phó Công (Đại sĩ Phó Hoàng) ở Song Lâm là người thấu suốt dẫn dắt. Người đương thời xướng lời chẳng biết địa vị của Sư, Sư bèn sai sứ mang thư đến tặng vua Võ Đế rằng: “Đại sĩ Thiện Tuệ là người sẽ giải thoát ở tương lai, hiện ở dưới tàng cây nơi Song Lâm, kính bạch với Quốc chúa là bậc Bồ-tát cứu đời, nay chia điều lành có ba bậc thượng trung hạ, mong có thể thọ trì. Điều lành bậc thượng là lược dùng cõi lòng rộng lắng làm gốc, chẳng đắm trước làm Tông, quên mất tướng làm nhân, lấy Niết-bàn làm quả. Điều lành bậc trung là lược lấy giữ thân làm gốc, trị nước làm Tông, quả báo ở cõi trời và ở nhân gian đều an vui. Điều lành bậc hạ là lược dùng để che chở nuôi dưỡng chúng sinh”. Vua nghe đó, bèn thỉnh Sư đến trụ ở Kiến Nghiệp, bèn xây dựng chùa Định Lâm ở Chung Sơn, ngôi phủ dưới tưng cao, nằm nương trên tảng đá, suốt cùng bốn phía cả sáu tuần, hoa trời cam lồ thường tuôn

chảy trên đất. Về sau, Vua đến điện Trùng Vân 73 vườn Hoa Lâm Khai giảng đề Kinh Bát-nhã, bày riêng một tòa, thỉnh Sư cùng Thiên chỉ đối dương. Khi kiệu ngọc lên điện mà Sư vẫn an nhiên ngồi đó. Hiến Tư cơ hiềm hỏi rằng: “Chỉ nói là Pháp Địa bất động, nếu như động thì tất cả đều chẳng an!”. Sư nhận biết thời vận nhà Nam Lương sắp hết, nên xót thương cứu khổ binh tai, bèn đốt cánh tay làm thuốc để cầu nguyện xua đuổi họa đến.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Thái Kiến thứ nhất (569) đời Trần, Sư ở tại Bồn Châu, nằm nghiêng hông bên phải, lắng dần đến thị tịch. Bảy giờ, gặp lúc trời nắng nóng mà thân thể Sư vẫn ấm, hình sắc dung mạo phô nét mặt vui vẻ, ngài sáng trạng thái sạch đẹp. Mọi người cùng nhau đón rước đến an táng trong hang núi, qua mấy tuần hương hoa tán rải chứa nhóm. Sau đó bỗng nhiên mất hẳn dấu vết, những người đến tìm thăm mà không thấy, gào khóc kính mến càng sâu sắc. Tiếng khóc buồn thương quyên luyện nấc nghẹn cả hang núi. Bộc Xạ Từ Lăng đời Trần soạn bài Minh, thấy ở loại văn.

---o0o---

21- Truyện ngài Thích Pháp Lãng ở Ngạc Châu

Thích Pháp Lãng, ngài còn có tên là Tăng Lãng, họ Hứa, người ở xứ Nam Dương.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư mừng vui muốn xuất gia, sau đó được dự phần xuống tóc, không có nơi nương ở cố định, phần nhiều Sư ở tại Ngạc Châu. Hình mạo Sư giống như thế tục mà rất có kỳ tướng, Sư uống ăn đồng như thế tục, nên mọi người đương thời đều xem thường Sư, Sư thường nuôi một con khỉ và một con chó, tướng mạo to lớn mạnh khỏe, màu lông đều vàng đỏ, chẳng quen đùa bỡn với người khác, chỉ nương tựa nơi Sư, ngày đêm cùng đi theo Sư không hề tạm xa rời. Như đến giờ ăn, Sư dùng bát gỗ thọ thực. Sư ăn no, còn dư cho chó dùng, chung một đồ dùng với Sư. Con khỉ liền lấy bát đội lên đầu và cưỡi lên trên lưng chó, dẫn trước Sư mà đi. Nếu có người muốn cướp đoạt, chó liền lớn tiếng gầm gừ. Sư mặc tình để chó dẫn đi vòng quanh, không có thương độ.

Khoảng cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đi đến ngoài giang lãnh, mặc đồ thô xấu, oai nghi thoát vượt thứ lớp, giữ gìn roi gậy mang theo che chở nuôi dưỡng thân mạng. Bảy giờ, Sư lại đọc tụng các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chỗ đặt đề chí nguyện. Vốn thiếu tiếng như chim hót, trong trẻo, dồi dào, Sư bèn thanh khiết lập thệ nguyện trì tụng, mỗi lần ngồi tụng suốt bảy biến, như thế chẳng bao lâu, âm thanh Sư vang như sấm động, biết rằng Phước lực ấy có thể lần lượt nương tựa lên, nên Sư trì tụng lấy số bảy

làm kỳ hạn, mới dần lên đến bảy mươi biến, bảy trăm biến, bảy ngàn biến và đến cả bảy mươi ngàn biến, âm vận tiếng tằm hài hòa, mặc tình tuôn nhã. Nên với các loại đàn tranh, tiêu sáo, tóa phát ra rõ ràng nên kinh đã tụng. Bảy giờ, những người bên cạnh sự xem nghe đều mất, môi mép Sư không lay động mà lời tiếng phát ra từ cổ họng, xa gần đều rõ suốt, nhân đó mà nổi tiếng. Nhưng cánh tay, cẳng chân và tay Sư cứ duỗi thẳng mặc lòng, có khi như rùa thụt vào mai, có lúc Sư đồng tụ hội nơi hàng thịt, hoặc vào trong quán rượu, cùng với mọi người, uống rượu ăn thịt, chẳng lường biết là như thế nào. Nên trong đời có lời nói rằng: “Pháp Hoa Lăng, năm nơi cùng lúc co, thịt heo đầy miệng má”. Hoặc Sư lại đi tuần ngược dòng sông đến đất Biện, khoan tay ngồi dưới thuyền, khỉ và chó ở bên cạnh, đều không có mái chèo quấy bơi, tùy ý chỗ nào muốn đến thì đến, tuy lướt giữa sóng gió mà chỉ khoảnh khắc là đến nơi.

Có vị Tỷ-khưu-ni bị Quỷ my dựa nhập, siêu ngộ huyền giải, biện luận khắp các kinh văn, ngồi ở Tông chủ Giảng Đạo, mọi người đến nghe học như mây nhóm, đều không ai lường biết, không ai chẳng khen ngợi sự thông minh tỏ ngộ ấy. Sư nghe thế, bảo rằng: “Đó là tà quỷ gia nhập, đâu phải chánh lý, sau này phải xem xét”. Một hôm, vào buổi sáng, chó và khỉ dẫn thẳng đến chùa ni, Sư theo đến lễ phật, nhiễu tháp, rồi đến trước giảng đường. Cô ni ấy còn đang giảng nói. Sư bèn gằn tiếng quở trách rằng: “Kẻ tiểu tỳ kia, nay ta đã đến, sao chẳng xuống tòa?” Cô ni ấy vâng theo tiếng vội xuống tòa, chạy ra trước giảng đường, đứng đối diện chỗ Sư từ sáng sớm giờ mao cho tới giờ Thân, sừng sững chẳng rời khỏi chỗ, mồ hôi tuôn đổ xuống đất vẫn nín thinh không nói năng gì. Hỏi đến năng lực tuệ giải thì im lặng như ngậy như điếc, một trăm ngày sau mới bình phục lại bản tánh. Sư có năng lực hàng phục cảm thông đều đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, vẫn còn chưa có một hạt bụi bay mà miệng Sư luôn bảo “Giặc” sớm tối không nghỉ. Quan nhân đều lo sợ cho đó là Sư mê hoặc quần chúng, bèn thàm giết hại Sư. Có Sa-môn Pháp Lâm ở Tương Dương là người vốn giao du với Sư, kính quý sự thấu đạt sâu xa của Sư, nhân sự việc mà trình bày, nên liền tuân tự mà ghi chép.

---o0o---

22- Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu

Thích Đạo Tiên, ngài còn có tên khác là Tăng Tiên, người nước Khương Cư. Sư làm nghề buôn bán, thường qua lại xứ Ngô Thục, cũng như trên dưới sông biển chứa nhóm các thứ của báu, nên của cải Sư có được đầy ắp cả hai thuyền. Bảy giờ, có người tính rằng tiền Sư có đến mấy mươi quan, còn vàng báu thì đầy ắp. Tham gá càng sâu, chỉ tiếc chưa được nhiều, lấy

nghiệm muốn nuốt luôn biển cả. Sư đi buôn đến tận núi Ngưu Đâu, ở quận Tân thành, thuộc Tử Châu, gặp được Thiền sư Tăng Đạt đang giảng pháp, ngài Tăng Đạt nói rằng: “Sinh tử dài lâu, không ái nào chẳng lia, tự thân còn như vậy, huống gì các thứ của cải, tài vật”. Ban đầu, Sư mới nghe qua, vui mừng mạnh mẽ chớm phát bên trong. Sư nghĩ sâu xa rằng: “Ta đời này tham nhiều, chí ưa chứa nhóm, vừa rồi nghe chánh pháp, thuyết ấy rất cùng cực. Hoặc mất, hoặc lia, tất yếu phải như thế. Chẳng bằng nhận đấm tất cả vật báu giữa sông sâu để xuất gia, lia đấm trước, tự nhiên không nhiều não, như thế há chẳng vui ư?” Ngài liền nhận chìm cả thuyền xuống giữa sông sâu. Sư lại muốn cho chìm tiếp thuyền nữa. Mọi người đều cùng nhau ngăn cản, khuyên Sư nên lấy đó để tu tạo phước nghiệp. Sư bảo: “Đều là rối rắm nhiều não, khổ nhọc cho chính mình và kẻ khác”. Và Sư liền nhận chìm luôn. Đi thẳng vào chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu xuất gia.

Ngày đầu tiên vừa xuống tóc, Sư đối trước chúng tăng phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu chẳng đắc Đạo thì không bao giờ ra khỏi núi này”. Sư liền dứt bặt vết tích người đời, dựng lập am thất nơi hang núi quanh co. Đồng bạn học thiền cùng nhau lần lượt kéo đến. Mỗi lần Sư xem kinh, mới đầu mở thấy như Phật ở chỗ ấy, không lúc nào chẳng nghẹn ngào tự nghĩ “có sao ta chẳng được gặp mà chỉ thấy di văn!”. Mà Sư vượt trội khác thường so với đồng bạn. Sư nương náu nơi hoang vắng với các cầm thú. Hoặc có người đến hỏi phương thức học, ngài đều đối đáp khéo léo, thâm hợp với khuôn phép chánh. Từ đầu, Sư nhập Định, mỗi lần ngồi đều lấy khoảng thời gian bốn - năm ngày làm hạn thường. Chỉ có lúc khách đến cửa, Sư ngâm nhiên tự nhận biết, đứng dậy tiếp đón nói năng. Nếu không có người đến, thì Sư ngồi thẳng nơi tĩnh thất vắng lặng như hư không, có lúc Sư biết trước ngày mai có khách đến, hoặc đến cả trăm ngàn vị thầy đều như lời Sư nói, không hề có sự dư thiếu.

Đầu thời Nam Lương, Thi Hưng Vương Đạm vén màn Tam Thực, kính thờ Sư theo lễ thầy trò mà, cùng dẫn đến nơi Thư Khúc thuộc Thiểm phục. Niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) thời Nam Lương, Sư đến núi Thanh Khê, có chí hướng muốn ở trọn đời ở đó. Bấy giờ, Đạo Quán cao thoáng, cân hạc lẫn lộn đông nhiều, thường cùng chê trách rất cậy, làm tâm lo lắng. Sư bèn an nhiên không hề để ý. Một đêm nọ, bỗng nhiên Đạo Sĩ trông thấy ở sườn núi phía Đông có lửa bốc cháy, sợ lửa đồng đốt hại Sư nên mỗi người đều mang bình nước đến cứu giúp, nhưng đến nơi, thấy Sư ngồi ngay ngắn, lửa lớn đang cháy mạnh, đều cùng nhau khen ngợi là “Hỏa Quang thần Đức”. Đạo Sĩ Lý Học Tổ, v.v... xả thí ruộng vườn tạo lập tôn tượng, chùa tháp thành tựu, xa gần đều quy hướng kính tin, mười nhà có hết chín. Châu thứ Sử là Bà Dương Vương Khôi đích thân đến kính lễ thọ pháp.

Đến cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, Thi Hưng Vương thăm cảm, nên đến chùa Lương Thái tạo tôn tượng Tứ Thiên Vương, vào sáu ngày trai thường thiết lễ thanh tịnh cúng dường. Sau đó, Sư đến dự trai hội, trên đánh đầu tôn tượng Tứ Thiên Vương phát ra ánh sáng năm màu, lò hương Sư bung tự nhiên khói tỏa. Thái úy Lục Pháp Hòa khi trước vào những ngày vi tàn có mấy lần đến núi cúng dường

Sư và làm cấp sứ. Trong chúng tăng có người quở trách. Sư bảo: “Đó là Tam Đài Quý Công, do duyên gì mà lại nhục mạ?” Bấy giờ không ai lường biết hậu quý. Lục Pháp Hòa quả nhiên bèn lên viên phục. Hoặc có những lúc Sư tật bệnh, thấy có đồng tử mặc áo lụa từ dòng nước Thanh Khê lấy ra một bát đầy thuốc nhuộm màu đến quỳ dâng Sư uống, không bao lâu liền khỏe mạnh. Sư ở tại núi suốt hai mươi tám năm, lại đến Tĩnh Lạc, hoằng hóa Đạo pháp.

Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn tàn khốc, trăm họ đều cầu thỉnh Sư liền đến hang rỗng, gõ gậy vào cửa mà bảo rằng: “Chúng sinh đang đau khổ, vì sao đăm mê ngủ như thế?” Sư nói vừa xong, liền có mây đen kéo khắp bốn phía, mưa lớn tràn đầy, muôn dân đều đội ân đượm nhuần ấy, cùng nhau đến cầu nguyện, kính trọng như thiên thần. Nếu có cầu Xá-lợi, Sư liền vì cầu thỉnh, ứng niệm liền đến đúng như sự mong cầu.

Đến đời Tùy, Thục Vương Tú trấn thủ tại Mân Lạc có tấu trình lên Vua, sau đó Vua bảo Sư truy tìm thỉnh. Nhưng Sư không vâng mệnh. Bỗng nhiên vua đổi sắc mặt đích thân dẫn đầu Binh lính mang theo gậy trượng đến để bắt Sư. Nếu như cố ý không chịu thì có thể giết chết ngay. Sư nghe binh lính đến, đều không tỏ vẻ lo sợ, đòi lấy y Tăng-già-lê đắp mặc, sau đó ngồi thẳng niệm Phật. Vua vừa đi đến chân núi, bỗng nhiên mây mưa tuôn đổ, bão tuyết rơi xuống, nước tuôn vọt tràn khắp sông rạch, lấp phủ quân lính, chưa biết tính toán thế nào, sự tình đã quá quẩn bách, Vua bèn xa quy hướng sám lễ. Nhân đó, trời trong sáng trở lại, mưa gió ngừng dứt, đường núi mở thoáng. Vua và binh lính đến được nơi chỗ Sư. Vua đích thân rất mực cung kính. Sư giảng Pháp cho nghe. Vua lại phát khởi tín tâm, bèn thỉnh Sư về Thành Đô trụ chùa Tĩnh Chúng. Vua rất kính ngưỡng, cúng dường lễ hậu, cả thành quách mọi người đều cung kính gọi Sư là “Tiên-xà-lê”. Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư về lại chùa núi. Đường đi tự nhiên sạch sẽ, bởi có thân núi quét dọn trước. Một đêm, có vị khách tăng đến nghỉ ở trong phòng, Sư đến kéo vị ấy ra, liền đó, căn phòng sụp đổ.

Đến lúc ngoài trăm tuổi, Sư ngồi thẳng mà thị tịch, sau đó an táng tại núi đó. Ở Ích Châu còn có một cảnh Bạch Diệp đến nay vẫn hiện còn, mọi người gọi đó là “Thánh Nhân Tiên Xà-lê”.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn

Thích Tuệ Phong, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ chùa Thê Hà, nghe học Tam luận với ngài Thuyên Công, bèn tỏ ngộ sâu xa diệu chỉ đó, rất lấy làm đắc ý, tiếng tăm vang tỏa khắp xa, mọi người đều suy tôn. Thuyên Công có nói rằng: “Sức lực tư duy thấu hiểu của Tuệ Phong, tôi đây không thể sánh bằng. Vì tôi tuổi tác già suy, nên đến cùng nương tựa đó”. Sư đặt tâm nơi Chánh Lý, thân làm khuôn phép luật nghi, nhiếp tĩnh ở chốn tông Lâm, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, mặc y phục thô xấu, lược không chứa đẽ mảy may, nhìn dáng bước khoan thai rất có phong thái. Sư không hề đến Giang Đô, chỉ giảng dạy Luật Thập Tụng, khen ngợi dẫn dụ tu trước, người đến nghe học rất đông, có người hỏi rằng: “Nay học Đại Thừa, vì sao lại giảng luật?” Sư bảo: “Đó là sự thấu đạt tận cùng, ông chẳng thể biết được. há học Chánh Pháp mà Đại tiểu chống trái nhau u?”

Vào niên hiệu Thiên gia (560-566) đời Trần, Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Trí Côn rằng: “Tôi đi đến chỗ xa xôi, nơi các ông không biết được!”. Sau khi Sư tịch, có một ngón tay co quắp lại, tuy kéo thẳng ra nhưng lại co trở lại, bấy giờ mọi người bàn với nhau cho là Sư đã chứng đắc Sơ Quả.

---o0o---

24- Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu

Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, tướng trạng Sư như si cuồng, chẳng tu giới luật. Người đương thời chẳng hề đếm xỉa. Sư thường ngồi trong phòng, chẳng động mọi vật bàn nghị. Bỗng nhiên riêng một mình Sư vui vẻ nói cười đùa dỡn, vào chùa nắm vật chỉ chỗ, bảo rằng: “Chỗ này làm chánh điện, chỗ ấy làm phòng nhà, cho đến hàng hiên, lang vũ, nhà trù, nhà kho, không thứ gì chẳng đầy đủ. Sau đó hơn một tháng, nhân Sư bảo chúng tăng rằng: “Muốn biết được Tuệ Nham tôi, thì khi linh trên tháp rơi xuống, tôi sẽ qua đời”. Đến lúc quả nhiên như thế, Sư trở về khóa cửa phòng, đập phá cửa mở thì thấy Sư ngồi thẳng mà thị tịch. Xa gần nghe thể đua nhau kéo đến đông đầy, mỗi người tự xả thí vàng lụa cúng dường, thành một đồng lớn. Mới y theo lời Sư nói trước kia xây dựng thành ngôi chùa nổi tiếng. Mọi việc thầy đều phù hợp. Từ lúc Sư thị tịch đến nay đã hơn bốn mươi năm, mà vẫn như lúc còn sống, hiện tôn trí tại Phật đường, để mọi người chiêm lễ, bái yết.

---o0o---

25- Truyện ngài Thích Pháp An trụ Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô

Thích Pháp An, họ Bành, người ở xứ Thuần Cô thuộc An Định. Su xuất gia từ thuở thiếu thời tại tinh xá Cửu Lũng ở núi Thái Bạch, kính mến Thiền pháp làm chính nghiệp, ăn uống sơ sài, mặc áo thô xấu đến tận tuổi già.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến Giang Đô, báo thông Tấn Vương. Bảy giờ, vì hình dáng Sư thấp xấu, nói cười khinh xuất, nên chẳng lấy làm thông. Một hôm, Sư đến trước cửa, mọi người xua đuổi mà chẳng đi, thử lấy làm Thông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nghe thế, bèn mời vào cung diện kiến, y như đã quen biết xưa cũ. Nhân đó, Sư trụ ở chùa Tuệ Nhật. Những nơi nào Vua đến, thì cùng có ngài đi theo. Lúc xa giá Vua đến Thái Sơn, bảy giờ gặp lúc khát nước thiếu thốn, nhìn khắp bốn phía toàn là đá núi không do đâu có được nước. Sư dùng dao đâm vào đá thì có nước tuôn ra, lấy đó dâng cho Vua. Khi ấy, Vua vui mừng khen ngợi, hỏi Sư: “Bởi năng lực nào vậy?” Sư đáp: “Sức lực của Vua”. Sư bèn theo Vua vào bãi sa mạc, đến biển bùn sinh, trong đó nếu có gặp biển cỏ, thì Sư đều dự biết mà lánh, nên không bị tổn hại thất bại gì. Sau, lại đến Thái Sơn, Chư tăng chùa Thân Thông đến mời Đản Việt. Sư thấu đạt việc đó, Vua bèn viết tay trên vách chùa để mở mang hộ trì. Mới đầu, cùng Vua vào hang, Sư thấy một vị tăng thân mặc áo xấu, cưỡi con Lừa trắng đi đến, Vua hỏi: “Đó là ai?” Sư đáp: “Đó là Lăng Công. Tức mới lần đầu tiên đến chùa Thần Thông nên đến đón rước dẫn đường”. Đến lúc vào tới trong chùa, lại thấy một vị thần tướng trạng cao lớn hùng vĩ đứng trên giảng đường, tay tựa vào miệng chim si nhìn xuống đại chúng. Vua lại hỏi, Sư đáp: “Đó là Thần núi Thái Bạch, là người theo vua”. Từ đó về sau, có nhiều việc kỳ đặc, ở đây không chép rộng!”

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) càng rất mực kính trọng Sư. Các hàng oai vệ Vương Công hễ trông thấy Sư thì đều quy gối kính chào. Thường Thị Tam Vệ kính thờ Sư như thần. Sư lại đến các danh sơn thỉnh các vị ẩn dật như các ngài Quách Trí, Biện Thích, Chí Công, Trạ Công, Bôi Độ, v.v... đồng một lúc cùng đến trụ chùa Tuệ Nhật, các hàng Đạo nghệ có hơn hai ngàn vị, cung cấp bốn thứ cần dùng vốn do từ Sư mà lập. Vua lại vì xây dựng lập Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, chỉ một chúng của Sư ở trong đó dựng lập đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư tấu trình rằng: “bốn phương nhiều nạn!”. Sư không bệnh tật gì mà thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi tám tuổi. Trước lúc sắp tịch, Sư thưa với Vua về Hậu sự rằng: “Sau khi Pháp An tôi qua đời khoảng một trăm ngày sẽ có lửa cháy ở nội cung, Vua càng phải thận trọng”. Đến tiết Hàn Thực, dầu vọt lên thiêu đốt, đang đêm cửa đóng nên cung nhân cả ba viện cùng một lúc bị giết bởi lửa

thieu. Khi đó, Vua Dương Đế chẳng lấy làm lạ, tiễn đưa kim quan Sư đến an táng ở núi Thái Bạch, mọi chi phí cúng dâng đều do Quan cung cấp.

Sư vốn có đức hạnh trầm lắng bên trong, ở ngoài đồng như người tục, chỉ có lúc ngủ, Sư không kê gối, cổ không co cong, chỉ nghiêng cổ tựa bên mép giường, miệng chảy nước dãi thường có cả thăng. Đó mới là lạ.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Thích Pháp Tế là vị Tăng thấu suốt nhận biết khác lạ. Sư phát xuất dấu vết từ thời nhà Trần cho đến cả 2 đời Vua (Văn Đế, Dương Đế) đời Tùy. Sư đều nghỉ qua đêm trong cung cấm. Tuy cùng sống lẫn lộn với các hàng phi hậu, nhưng Sư tinh tấn ít dục thật ít người đạt được như thế. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, lúc còn ở Trường An vì Sư mà xây dựng chùa Hương Đài. Sau, Sư đến trụ ở Đông Đô, lại xây dựng Đạo tràng Long Thiên. Vua cấp cho Sư một con ngựa trắng, Sư thường cưỡi trong cung. Nếu có ai bị bệnh hoạn gì, Sư chú nguyện vào nước rồi cho uống, không bệnh gì chẳng lành. Sư lại thấy được Quỷ vật, thấy trước những điều chưa xảy ra.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, bỗng nhiên Sư già biệt Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) rằng: “Thiên mạng chẳng thường, lại phải đến đời sau, cúi mong che chở, gánh vác chúng sinh!”. Liền đó, Sư bèn ngồi mà thị tịch. Cạo tóc sắp tận liệm, bỗng chốc tóc mọc ra dài cả nửa tấc. Vua bảo: “Thiền sư diệt Định, đâu được cạo tóc như thế”. Và bảo mang chuông lớn đến đánh. Sau hơn một tháng, Sư không xuất định, thân tướng Sư vẫn như lúc còn sống. Vua bèn bãi triều, trăm quan đồng mặc sắc phục màu trắng. Vua ban sắc tiễn đưa đến Tương Châu. Lại lực do Quan cung cấp, đi đến đâu thì thiết trai tại đó. Mọi vật đều lưu xuất tại đó, mỗi ngày cúng dường trai hội cả trăm vị tăng, suốt đến bốn mươi chín ngày. Mỗi người riêng một ngày cúng dường hai mươi lăm xấp, tính gồm tất cả có hơn mười vạn xấp. Đó đều là phước lực của Sư, nên mọi người đều dốc bố thí báu trong nhà.

---o0o---

26- Truyện ngài Thích Tuệ Khả trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu.

Thích Tuệ Khả, họ Dương, người ở xứ Diên Hà thuộc Tấn Lăng. Từ thuở thiếu thời, Sư thọ học với Sa-môn Xà-lê Hòa.

Xà-lê Hoà là người Linh Thông u hiển. Người đời chẳng ai lường biết được tâm Sư cạn sâu thế nào, nhưng Sư cung kính tôn tượng, kính thờ đồng như Phật thật, mỗi lúc thấy tôn tượng đứng thì Sư không dám ngồi ở trước, khuyên người tạo tượng chỉ nên tạo Tượng ngồi. Đi giữa đường nếu gặp các duyên sự nguy ách, Sư đều cứu giúp. Hoặc thấy heo bị trời buộc, Sư liền

bảo: “Giải thoát thủ Lăng Nghiêm”. Heo liền được mở trói, chủ nhân đó mà thả. Từ đó, Sư chỉ lấy sự từ bi cứu giúp làm chánh nghiệp. Mỗi lúc đại chúng nhóm họp một nơi, Sư liền nói pháp cho nghe, và đều tùy việc mà khen ngợi dẫn dụ, tức ngay sự vật thành việc chuyên. Đại chúng không ai chẳng tỏ ngộ mà quy hướng về với Chánh đạo, sau cùng, Sư đến Nghiệp Hạ, mở mang Chánh Pháp. Đâu chúng quy hướng mãi đến nay vẫn lưu truyền ngậm vịnh. Sư thị tịch tại Nghiệp Đô. Có người hỏi về quả vị chứng đắc của Sư, Sư bảo: “Đạt được gốc lành thành thực”.

Sư kính thờ sức thần hóa của Xà-lê Hoà được mấy năm. Đại chúng biết Sư có năng lực linh dị, ban đầu chưa được rộng lớn, sau, đến Lãnh Nam, Sư quy tâm thọ học với Sa-môn Chân Đế. Nhân đó, Sư được truyền trao pháp Thiền. Sư tinh chuyên thực hành, không bao lâu, đã có sự tỏ ngộ sâu xa. Sau cùng, Sư đến trụ chùa Thê Hà, an chí rỗng lặng, qua lại tự tại, không bị bó buộc bởi núi đồi. Bấy giờ, Sư đến Dương Đô, chỗ Pháp sư Ti. Pháp sư Ti vốn biết đạo hạnh của Sư nên lấy lễ đặc biệt để tiếp đón. Lúc Sư sắp về lại chùa núi, Pháp sư Ti thỉnh Sư ứng hiện thần lực. Sư bảo: “Đâu có gì khó”. Liền từ trong cửa sổ đưa cánh tay ra dài mấy mươi trượng mở ngang sáng ngời cả chùa lên đến trên tám biển điện Phật, rồi trở lại trong phòng, Sư bảo với Pháp sư Ti rằng: “Người đời không nhận biết được sâu xa, thấy vậy bèn sinh tâm kinh dị. Vì vậy nên tôi không làm”.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, thọ tám mươi hai tuổi. Ngày thị tịch, Sư đem ba y xiêm từ xa kéo đến trong giảng đường, tự nói: “Ba y hoàn trả lại chúng tăng. Nay tôi chết đi!” Bèn trở về phòng. Đại chúng kinh sợ đến tìm, chỉ thấy xương trắng đầy đủ hình tướng ngồi kiết già trên giường, cùng nhau xúm lại lay động nghe tiếng leng keng mà chẳng tan.

---o0o---

27- Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô

Thích Chuyển Minh, họ Lộc, không rõ Sư là người xứ nào. Sư mặc Tăng Nghi, diện mạo chẳng to lớn, dung chỉ ngài trầm lắng, không tỏ vẻ mừng giận.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, tự nhiên Sư đến trụ Lạc Ấp, bảo là có giấc dấy loạn. Đến lúc xem xét, tất cả không dấu vết gì, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) bấy giờ cho là Sư mê hoặc quần chúng, nhưng chưa thể gia tội, tạm bảo bắt giam. Mới đầu chẳng ai lường biết tại sao vậy, qua đến tháng sáu năm sau (613) quả nhiên gặp phải Kiêu Cảm phản nghịch, đuổi bức hung ác sung vào dò xét Đông Đô, giết hại rất nhiều. Vua mới gượng tin lời Sư nói có chứng cứ, bèn ban sắc thả ra. Tuy bị ràng

buộc hay được thả, tâm tình Sư vẫn như thường, nói bàn với mọi người, không gì chẳng đề cập đến. Gặp lúc Vua đến Giang Đô, đi đến Yên Sư, bảy giờ trong ngục có đến năm mươi tử tù đã định thời gian hành quyết. Sư nghĩ ngày mai ta phải thả những người bị tội chết này”. Liền đến chỗ ngục, giả làm người thăm nuôi, gặp gỡ các người tù mà bảo rằng: “Ngày mai xe giá nhà Vua sẽ đi ngang qua đây, các người đồng một lúc phải hô lớn “Có giặc đến”. Nếu có ai hỏi về nguyên do thì nói là tôi bảo như vậy thì sẽ thoát khỏi tội chết”. Đến lúc Vua đi ngang qua, các người tù bèn thực hành như lời Sư bảo. Vua liền ban sắc thả tất cả các người tù, bắt Sư vào giam cầm. Sư cười lớn mà chấp nhận, không hề tỏ vẻ lo sợ. Lúc bấy giờ khắp bốn phương đều gặp phải nạn đói kém trầm trọng, dân chúng không nơi nương tựa để sống, thật đúng như lời Sư nói.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư vẫn còn bị giam cầm. Khi Việt Vương lên ngôi, Sư mới được thả. Tuy qua lại tự do, mà Sư thường ở trong cửa Càn Dương, nơi phòng viện riêng cung cấp, nhưng sợ Sư ngầm vượt ngục nên thêm ba người gìn giữ, riêng canh giữ Sư. Đến lúc quân quốc của Hoàng Thái Kiến Nghị mưu bàn, Sư thường dự cùng nơi màn trướng, trừ tính lợi hại. Ngụy Trịnh Thế Sung càng gấp bội kính tin nên gìn giữ nghiêm mật lại kiêm thường độ. Đến niên hiệu Khai Minh thứ hai, tức niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư từ Lạc Cung an nhiên mà ra, chung quanh vây bọc đến năm lớp mà ban đầu không thấy dấu vết. Xét tướng của Ngụy Đô bị thất bại. Sư đi về hướng Tây, đến Kinh đô. Thái Võ Hoàng Đế (tức Vua Cao Tổ-Lý Uyên) sớm kính thờ âm văn, rất tin Thần Di, thiết bày lễ lớn kính trọng Sư, ban sắc mời Sư trụ chùa Hoá Độ. Có mấy lần thỉnh Sư vào trong cung cấm. Sư trình bày đầy đủ những điều ứng, về sau mọi việc đều khế hợp.

Đến tháng tám năm đó (620) bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả. Y phục mọi vật vẫn còn nguyên trong phòng. Sau đó, Vua ban sắc đi tìm, hỏi thăm khắp cả nước nhưng không được. Tìm Sư trên bước đường hành Đạo thăm trải qua điềm lạnh. Như có người hỏi về sở học, Sư thường dùng một Pháp Bình Đẳng chuyên chỉ phụng trì. Nhìn lại, Sư trải qua bốn triều đại, với các hạng sang hèn đều là thông thuộc, vì Đạo Sư suốt cùng u cực, nên đều đến sang thọ học. Mà tâm tình Sư bất kể là tươi hay héo, đều thật vâng theo bình đẳng. Nếu người nói năng quý quyết chẳng thường hòa vận thì Sư bảo: “Pháp sư ấy từ trong loài dê mà sinh ra”. Sư dự ghi nêu bày mọi sự chẳng phải một. Đến chùa Tổng trì, nhìn chúng tăng ở đó, Sư bảo: “Không bao lâu nữa, nơi đây sẽ gặp nạn đổ máu, nên phải cùng nhau thận trọng”. Bấy giờ, mọi người cho đó là lạ, cùng nhau xem thường. Đến lúc gặp phải những sự

việc như Pháp Cai, v.v... tìm khắp đô thị bị giết chết tại Đô thị, mới hỏi hận lỗi trước.

Vào cuối đời Tùy, có Bào Tử Minh, không rõ là người xứ nào. Khi ấy, Vua Dương Đế xa thính những bậc danh tăng tài nghệ. Nhưng Sư thăm đờm mặt trời trí tuệ, thường đến các chùa viện chẳng ở phòng nhà, hễ đêm đến thì dừng nghỉ không nơi cố định. Đã nhận lời Quan thính cúng dường nhưng Sư không hề đến dự. Chẳng đắp mặc ba pháp y, chỉ mặc áo tràng, hoặc có lúc kinh hãi kêu réo chạy quàng, nói năng không chuẩn định. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư dùng áo dài bịt trán, xưng bảo: “Giặc giặc” mà chạy, người đương thời cho đó là hiện điềm. Đến lúc Kiêu Cảm dấy khởi phản nghịch, các quân lính đều quán truân ở cổ, bịt trán tương trạng như Sư, đều vây quanh Đông Đô. Vời hỏi Sư về mọi sự thông bí, Sư liền mắng nhiếc rằng: “Giặc hại thiên hạ, làm gì có nước nhà ư?” Khi đó, Vua đang ở tại quận Trác, nghe thế rất vui mừng, vời đến mà nhọc đuổi trừ. Sư lại dùng sọt đựng đầy đất, đang lúc gió thổi mà phủ sau. Bọn Kiêu Cảm nghịch đảng đều bị chém giết ở ngoài cửa Trường Hạ, mỗi ngày riêng có đến mấy ngàn xe cùng úng khắp. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, vô có mà Sư qua đời tại Lạc ấp.

---oOo---

28- Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu

Thích Giả Dật, không biết Sư là người xứ nào. Khoảng đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Sư đến ở đất An Lục. Sư nói cười úp mở chẳng vượt quá phù sấm. Sư vận mặc luôn biến đổi, lúc đen lúc trắng. Sau, có một thời gian ngài phân thân đến các huyện, đến lúc suy nghiệm, mọi người mới kính trọng đức hạnh của Sư. Hành tích chẳng trải qua mà vì không biết nên xấu hổ.

Có Sa-môn Tuệ Hạo ở chùa Phương Đẳng, là người học hành sâu rộng, Sư nhân có việc nên đến đó, đem năm mươi giấy tặng cho và bảo: “Pháp sư nhờ đây mà được giải mở”. Mới đầu, ngài Tuệ Hạo không biết việc ấy là gì, sau có sự tranh luận khởi lên, ngài Tuệ Hạo bị dẫn vào cung cấm, Quan Ti trách hỏi, ngài dẫn biện mà đáp, giấy vừa hết thì sự việc được xong, đúng như điều Sư nói. Nên điều trung ứng Sư nêu đại loại đều như thế.

Sau đó, Sư đến một nhà nọ, bảo rằng: “Nhà ông có một cô gái sắp đi lấy chồng”. Nhân đó vào chợ, Sư xưng lệnh xong, bảo rằng: “Nhà kia gả vợ cho ta, cần có được lễ tặng, đòi nhiều tiền gạo, định ngày thành tựu”. Mấy lần, Sư đến cửa nhà người lớn tiếng trình bày. Nhà có cô gái lấy làm xấu hổ, bèn âm thầm giết chết cô gái chôn vùi dưới hầm phân. Qua ba ngày sau, Sư đi đến trong chợ, gặp người, bèn nói cho người nghe sự việc bị giết hại.

Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, trong nước đang thanh bình an thái, Sư cùng bọn trẻ nhỏ vui đùa bên bờ sông, hoặc cười trên cầu ván, múa tay mà bảo rằng: “Bẻ đầu Dê, quay đầu Dê”. Mọi người thấy vậy chê cười mọi hành động của Sư. Đến lúc tại Giang Đô bị họa loạn, mọi việc đều hợp với lời nói trước của Sư. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

Bấy giờ, tại Thục Quận lại có Sa-môn Dương Hựu như người rô đại ở xứ Mân Lạc. Có những vị già cả bảo là: “Từ lúc đầu trông thấy Sư cho đến nay dung mạo vẫn như xưa không thay đổi, tuổi khoảng chừng bốn mươi”. Sư mặc áo sam màu vàng cũ, ăn uống đồng như người thế tục, không nơi ở cố định. Mỗi lúc có nhóm họp lớn, thì ngài đều tham dự trước. Sư nói cười ứng biến, bàn luận không thương tổn vật. Sư dự ghi những ứng nghiệm về tương lai, người đương thời đều cùng khen ngợi. Mãi đến đầu thời Tiên Đường, vẫn còn thấy Sư ở xứ đó, nhưng về sau, không biết Sư ở đâu!

---o0o---

29- Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện

Thích Pháp Thuận, họ Đỗ, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Bẩm tánh Sư nhu hòa, không hề nghĩ duyên men theo việc ác. Sư già từ cha mẹ làm lính ở phương xa, không sợ gian nan khó khổ. Năm mười tám tuổi Sư bỏ tục xuất gia, kính thờ Thiền sư Tăng Trân ở chùa Nhân Thánh, thọ trì Định Nghiệp.

Ngài Tăng Trân họ Ngụy. Chí luôn giữ kiệm ước, sống nơi đồng nội quen dân thành tánh. Ở phía Đông Kinh thất có gò đất tên là Mã Đầu, bờ không sâu lắm, có thể làm hang Linh. Ngài Tăng Trân bèn bắt đầu xây dựng nền tảng ở đó, khuyên người thế tục sửa sang. Sư ngồi thẳng chỉ huy, nêu bày phép tắc, bỗng nhiên cảm có một con chó không biết từ đâu đến, chân trắng mình vàng tự nhiên thuần quen, đi thẳng vào trong hang, miệng ngậm đất ra, qua lại chỉ trong chốc lát, làm việc nặng nhọc mà không mỏi mệt, ăn thì đồng như chur tăng, qua khỏi bữa trưa thì không ăn. Đã có sự kỳ lạ ấy, nên mọi người ở khắp bốn phương xa đều ảnh hưởng quy hướng. Bèn đem sự việc ấy tấu trình. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng, mỗi ngày ban tặng ba thăng gạo để chu cấp theo hạn định thường xuyên. Đến lúc khám hang hoàn thành thì tự nhiên vô cớ con chó ấy chết. Nay gọi đó là chùa Nhân Thánh.

Bấy giờ, Sư đích thân trông thấy việc ấy, càng gấp bội quy y, gắng sức giúp đỡ cùng tạo dựng, tùy tiện thưa hỏi. Sau, Sư hành Đạo hoằng hóa ở Khánh Châu. Khuyên dân chúng thiết hội cúng dường, mới đầu chỉ hạn định năm trăm vị, nhưng tới lúc thọ trai thì gấp bội người đến, nên người chủ cúng dường lo sợ. Sư bảo: “ Không có gì phải lo sợ, cứ việc cung cấp khắp cùng

mà đừng sợ số người dự cúng dường, do đó đến cả ngàn vị cũng đều đủ cả”. Từng có Trương Hà Giang và Trương Hoàng Sướng ở nhà chăn nuôi trâu ngựa, tánh tình vốn xấu ác, mọi người đều sợ. Bán không người mua. Sư bèn vì chỉ bày nói năng từ thiện, như có người nghe theo. Từ đó về sau không còn xúc chạm nữa. Sư dẫn dụ khai hóa các hàng dị loại, đại khái đều như vậy.

Sư thường dẫn chúng tăng đến Ly Sơn, trong mùa hạ nương ở nơi vắng lặng. Đất ở đó có nhiều trùng kiến, nên không trồng rau được. Sư sợ có sự tôn hại, nên đến chỗ đất mà chỉ bày, bảo các loài trùng kiến dời đi ở nơi khác, sau đó không lâu đến xem thì như có phạm vi không còn có trùng kiến. Bấy giờ, Sư bị bệnh ung nhọt, máu mủ tanh hôi rỉ ra ngoài, có người kính trọng Sư nên mút lấy, có người dùng bông mới để lau chùi. Sau đó liền lành hẳn, các thứ máu mủ tanh hôi tỏa ra mùi thơm lạ, khó thể sánh ví. Các tấm bông lau chùi ấy cũng còn có mùi thơm không ngớt.

Tại huyện Tam Nguyên có Điện Tát-đỏa từ lúc mới sinh đến nay tai bị điếc, lại có Trương Tô cũng bị câm từ thuở mới sinh. Sư nghe bèn đến cùng bàn luận, liền được như ngày thường, liền khỏi hẳn. tại huyện võ công có vị tăng bị rỗng độc quấy nhiễu. Chúng tăng dẫn đến chỗ Sư. Sư bèn khoanh tay ngay ngắn ngồi đối diện. Rỗng gá vào vị tăng mắc bệnh nói rằng: “Thiền sư đã đến, nghĩa là không còn được ở lâu”. Rất nhọc quấy nhiễu, sau đó liền được mở giải. Do đó mọi người ở khắp xa gần mắc phải các chứng bệnh chướng độc dịch lệ, dâm tà não loạn ở đâu cũng dẫn đến chỗ Sư. Sư chẳng làm những thuật gì khác lạ, chỉ ngồi đối đáp. Nên những hàng thức giả cho đó là có điều cảm của âm Đức, nên u hiển riêng kính đến cùng, những điều Sư thiết bày nói dạy, phần nhiều không dùng lời suông vô bổ mà nêu chánh lý. Cây thần miếu quý đều bị đốt phá. Mọi việc thầy Đổng cúng vái, đích thân Sư thâm nhặt. Thường thấy điềm lành, không hề ngăn ngại, Sư kính thờ Chánh giáo, đại loại như thế. Sư độc tánh miên mật, tính gồm trầm ái. Các hàng đạo tục sang hèn thấy đều kính thờ, mà Sư chỉ một lời, cõi lòng chẳng hai. hoặc lại có người bị bệnh nặng khó chữa trị, nguyện sâu chưa thành đạt, Sư đều tùy thời chỉ bày, và đều được toại như tâm ý. Bấy giờ, có người ngợi khen, có người hủy hoại, nghe đến nơi tai, dường như không biết, cho là lời khác.

Nhân đi đến Nam Dã, sắp vượt qua Hoàng Cự, nước ở đó bị ngập nước, cố gắng vượt qua, bờ đã cao hẳn dù có lên được cũng lại rơi xuống, bỗng nhiên dòng nước ngừng chảy bèn tùy theo đất mà qua. Đến lúc Sư đã lên lên bờ, thì nước tuôn lại như cũ. Môn nhân đệ tử Sư đưa mắt nhìn mà chẳng lường biết vì sao như vậy. Do cảm thông cả u hiển nên tiếng tăm vang khắp từ triều đình đến thôn dã. Có nhiều những kẻ bị phụ tham lợi tài thực đó. Lời

nói của Sư không dính mắc thế tục, hoàn toàn không lưu tâm. Tùy có sự nhậm dụng mà tình chí rộng xa, Sư chỉ mặc áo thô xấu, không có gì phụ thêm. Tuy nghe có lời xì xầm nhưng Sư chỉ cười lớn, không hề đua tranh với chúng sinh. Sư có những việc đại lại như thế thế.

Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường kính phụng đức hạnh Sư, khâm ngưỡng sức thần của Sư nên dẫn vào nội cung, ban lễ cúng dường sùng kính. Các hàng Trữ Hậu, Vương Tộc, đều cung kính như trọng thần, đều theo giới luật, không trái với quy cấm.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, tự nhiên không tật bệnh, Sư răn dạy môn nhân đệ tử, pháp từ thuở bình sinh đến nay Sư thực hành phải nên tiếp nhận hành trì. Nói xong, Sư bèn thị tịch như thường ngồi thiền tại chùa Nghĩa Thiệu ở Nam Giao, thọ tám mươi tư tuổi. Khi Sư thị tịch có hai con chim bay đến phòng Sư buồn sợ kêu rất thảm thiết. Nhân đó tiền đưa Sư đến gò đất phía Bắc Phiền Xuyên, đào hang mà an táng. Khắp cả kinh áp mọi người đồng khen ngợi, tang phục khắp cùng thôn dã. Nhục thân Sư không biến đổi sắc màu qua hơn một tháng lại càng đẹp tươi tắn, an tọa tam châu mà xương khô chẳng tan. Từ khi Sư thị tịch đến nay thường có mùi thơm lạ tỏa ra từ nhục thân Sư. Nên các bạn đồng học của Sư v.v... sợ có kẻ bên ngoài cướp đoạt bèn tôn trí cất giữ vào trong khám. Vào những ngày tốt, bốn chúng thường đến cúng dường đồng đúc.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Nghiêm là bậc nổi tiếng ở chùa Chí Tướng. Từ thuở nhỏ, ngài (Trí Nghiêm) phụng kính nhã nhận, vâng theo thừa độ, mà thần dụng trong sáng vang đến chôn Kinh đô., với các kinh luận như Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại thừa về sau Sư thường giảng dạy, điều được Sư giáo hóa, dẫn dắt xóm làng, mây trần ấy chẳng dứt.

---o0o---

30- Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu

Thích Đạo Anh, họ Trần, người ở xứ Y Thị thuộc Bồ Châu. Năm Sư mười tám tuổi, người chú của Sư là Luật sư Hưu dẫn dắt Sư xuất gia nhưng cha mẹ Sư vì thương con nên cưới vợ cho Sư. Suốt năm năm đồng chung giường mà thề nguyện trọn không hề xúc chạm Sư vốn buôn bán ở chợ, cùng chung của cải với người, Sư bèn bảo vợ cầm đuốc, Sư phân phán văn số, giao phó lưu luy rồi trốn đi xuống tóc, đến chỗ giảng tọa của Pháp sư Cự nghe học các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... Sau khi học đã thành đạt, Sư về lại thôn ấp. Người vợ Sư vẫn còn.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư mới được Đại độ, bèn suy nghĩ sâu xa rằng: “Pháp tướng có thể nhận biết, tâm mê hoặc phải

hiểu rõ”. Bèn đến chùa Bách Thê ở núi Thái Hành, huyện giải, tu hành pháp Chỉ Quán, bỗng nhiên thấu hai thứ không là Nam Đỏa ngộ nhân, Bắc Lãnh ngộ pháp, soi chiếu sâu xa ngồi dưới tòa cành cây sáng bốn phía, nay đây thấy hiện tại. Nhân đó Sư coi sóc việc chúng tăng, dùng sự để xét Tâm. Sau, Sư đến Kinh đô trụ chùa Thắng Quang, nương tựa Thiền sư Đàm Thiên, thọ học Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiên giảng ngộ mới mẻ nên đại chúng đông đảo có tới năm trăm vị, nhưng phần nhiều là gặt hái Danh giáo mà ít ai có thể đúng như lý. Riêng Sư lựa chọn hợp thời để thưa hỏi Nghĩa, chỉ nêu bày “Chỉ Quán”, không cùng tư duy các Trần, các thiết yếu bản tiết, Sư hiểu sâu Đại Chỉ. Ngài Đàm Thiên rất mến quý Sư, bảo với môn nhân quyến thuộc rằng: “Các ông tuy khảo xét thông hiểu Văn nghĩa, mà không phân biệt tối sáng. Người thấu đạt được Diệu chỉ ấy, chỉ có Đạo Anh đây”. Từ đó, đối với nghi phục uống ăn, chưa từng chương cú, rất vì thời chăm chú làm người thấu đạt, những lúc rảnh rỗi nghe giảng, ngày thường y cứ theo Kinh Hoa Nghiêm mà phát nguyện cung cấp cúng dường chúng tăng. Nếu có người kính mến Đạo, theo việc Sư làm thì Sư nhân nơi sự mà trình bày lý, điều phục tâm hành, nương cây để hoằng pháp. Sư thường bảo: “Tôi nhắm mắt ngồi thiền cùng tìm lý tánh, nếu có chỗ thấu đạt thì đến sau khi mở mắt lại hợp như thường nhận biết. Nên đối với việc chuyên du quán sai khiến Tâm, có nhiều huân tập”. Nhưng Sư thường ngồi mở mắt như thức, động vượt qua mấy đêm, mới đầu không chóng máy động. Sau Sư nhập vào thiền định hơi lộ bày vết tích khác lạ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư từng đảm nhận việc trị tuế, tranh đất với người thế tục, đấu tranh không dứt. Bèn nói với người kia rằng: “Tôi chết đây!”. Bỗng nhiên Sư té ngã cứng đờ như chết. Các người thế tục bàn với nhau rằng: “Đạo nhân có lắm sự dối trá, hãy lấy kim châm vào áo giáp”. Tuy kim châm vào sâu nhưng Sư vẫn không lay động, hơi thở ngưng dứt, màu da biến đổi, sắp muốn sinh trưởng lên. Bên cạnh đó có người hiểu biết bảo những người thế tục thấy đều nên quy mạng, thề không dám tranh giành nữa, cầu mong Sư sống trở lại, Sư liền ngồi dậy nói cười như thường.

Sư lại đi đến bên cạnh ao Long Đài, thấy cá bơi lội. Sư bèn bảo rằng: “Ta và ngươi cùng đua xem ai là kẻ thắng, ngươi chằng thể bằng hay ta chằng bằng ngươi ư?” Sư liền cởi áo nhảy xuống nước. Đệ tử giữ áo Sư đứng đợi. Trải qua sáu đêm Sư mới ngoi lên khỏi mặt nước, bảo rằng: “Dù ở dưới nước nhưng còn tệ hơn ở dưới đất”. Lại gặp lúc giá lạnh, nước băng đóng dày tương trạng như tuyết, Sư bèn bảo: “Ồ chỗ bằng phẳng sạch sẽ như vậy, vì sao được không ngủ?” Ngài bèn cởi áo nằm giữa trải qua ba đêm mới thức

dậy, bảo rằng: “Vừa mới bị lửa đốt giết hại ta”. Cứ như thế, Sư tùy việc mà dùng pháp đối trị, túng nhậm tự tại thật khó gặp.

Về sau, Sư trở lại Bồ Châu, trụ chùa Phổ Tế, lập ra ba khu vườn. Ruộng lúa thóc mè đều ở tại chỗ sâu ẩn nơi Đông Sơn thuộc huyện Hạ. Chẳng tranh giành với người thế tục, dùng tiếp gởi xa. Nên khiến tám phương bốn bộ, người quy tụ về như rừng. Ban ngày thì Sư dẫn dắt làm việc chúng tăng, đích thân lo việc mang vác chuyên vận, gặp những duyên có khó khăn hiểm trở, thì Sư xông vào trước. Đêm đến thì ngồi kiết già giảng nói Pháp Thiên Quán cho chúng nghe, bấy giờ nếu có người mệt nhọc thì nghe pháp không biết mệt nhọc. Một hôm, Sư Luận Khởi Tín đến phần “Chân Thật Môn” tự nhiên Sư nín lặng không nói. Mọi người lấy làm lạ bèn đến xem xét, thấy Sư đã tắt thở, thân lạnh. Đại chúng biết Sư diệt tướng nên mặc tình để vậy. Trải qua nhiều đêm, Sư mới xuất định.

Bấy giờ ở Hà Đông có Sa-môn Đạo Tôn là bậc danh tăng nổi tiếng ở đời, tu tập tâm đạo, vốn là bạn đồng học của Sư. Ban đầu Sư ở tại huyện Giải, thông lãnh đề chúng giảng đạo, đến lúc ngài Đạo Tôn thị tịch, cách xa nơi Sư ở một trăm năm mươi dặm chưa kịp báo tin đến. Đêm ngài Đạo Tôn thị tịch thì Sư bảo đại chúng ở đó rằng: “Ngài Đạo Tôn đã thị tịch, hãy đến đưa tiễn?” Mọi người hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Đó là việc thế tục, chính là do tâm chuyên”.

Trước đêm Sư thị tịch, Sư nhóm họp đại chúng bảo rằng: “Phải gấp khâu gom chứa nhóm, sáng mai có lắm người nhóm họp ăn uống hao tổn gạo thóc rau trái”. Đại chúng chẳng ai lường biết được lời nói đó. Sư cũng tự thân vận chuyển, thúc giục rất gấp gáp. Đến đêm tối mọi việc đều xong, Sư bảo lấy nước cạo tóc tắm gội, rồi trở về chỗ ngồi, đắp mặc Đại y. Sư bảo rằng: “Người ta cho rằng tôi là Thiên sư Đạo Anh. Tướng của Thiên sư không thể trái nghịch với Đời”. Sư lại bảo môn nhân là Sa-môn Chí Bao rằng: “Thiên sư biết Đạo Anh tôi hơi thờ còn bao nhiêu chăng?” Ngài Chí Bao dùng sự để trả lời, Sư tự nói đúng thế. Nhân đó, Sư liền giảng nói Pháp yếu cho Sư nghe. Sư lại bảo: “Vô thường tức là thường, không thể tự xem thường, không thể để chết luống uổng”. Sư bảo đọc kệ tụng của ngài Hiền Thủ trong Kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn “Lúc sắp qua đời khuyên nghĩ nhớ chỗ tốt lành”, Minh tướng đã xuất hiện, Sư bèn lặng lẽ thị tịch, mọi người đưa đuổi tay dần theo xuống mà lạnh. Lúc ấy nhằm trong tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi.

Mới đầu, Sư sắp thị tịch, có người hỏi về hậu sự. Sư bảo: “Phật có chỉ dạy rõ ràng, chỉ y cứ theo đó mà thực hành thì không khổ lụy, Đạo Anh tôi đâu cần nói”. Khi ấy cảm có một đàn chim bay đến nhóm họp nơi phòng Sư số đông

cả vạn con, buồn kêu thảm thiết. Và trong đêm Sư thị tịch, Sa-môn Chí Bao đứng hầu bên cạnh thấy có hai đồng tử mặc áo xanh cầm hoa đi vào, có hơi màu tím như ánh sáng từ nơi thân Sư phát ra ánh lửa lên nóc nhà. Đến lúc sáng sớm, sương móc kết tụ chung quanh hai mươi dặm. Người vật đều mất ánh sáng, qua ba ngày sau mới hết. Ở Bồ Châu và Tấn Châu là nơi Sư hành hóa, mọi người nghe thế, buồn thương đua nhau kéo đến như chịu tang người thân. Xa nghiệm xét lời Sư nói chẳng hề sai chạy. Lại cảm có tăng Ngưu hồng kêu rống vang xa mấy dặm, hai mắt tuôn lệ, chẳng ăn uống cỏ nước, suốt bảy ngày. Sắp đến lúc an táng, kẻ tăng người tục đua nhau tranh giành, và đều bảo: “Sư không ưa thích ồn ào náo động, chỉ nên còn giữ đạo nghiệp”. Liền đến chỗ trang trại phía nam, đục đá mà an táng Sư. Vừa đục một cái thì bỗng nhiên đất trời rung chuyển dữ dội, mọi người quần cỏ nằm rạp xuống đất kinh sợ. Chung quanh mười lăm dặm đều rung chuyển kinh sợ. Lại cảm có ba vầng cầu vồng nổi liền phát ra từ nơi khám tôn trí kim quan. Có hai con chim màu trắng liệng bay trên kim quan, đến lúc mọi việc chỗ khám hoàn tất thì bèn chết. Rõ ràng Sư có khả năng mở Đạo khai ngộ cho chúng sinh, tuệ giải nhập thần, nên được linh tướng khí trời khí đất, còn mất đều nhóm họp, chẳng phụ thân sống ở đời, thật chỉ có người ấy.

---o0o---

31- Truyện ngài Thích Hựu Đức ở Lương Sơn thuộc Ung Châu

Thích Hựu Đức, họ Từ, người ở xứ Lễ Tuyên thuộc Ung Châu, thân tướng Sư cao lớn, mặt mày cốt cách khôi ngô, đi đứng khoan thai, mặc y phục thô sơ, Sư mở lời nói về mọi việc tương lai thường là chỗ rộng giúp. Gặp năm có những sự hung bạo độc lệ lan tràn, thì trước tiên Sư khuyên dân chúng khắp bốn phương kính thờ Tam Bảo. Những việc Sư thi thiết như là lễ phật, thiết trai cúng dường, xưng danh niệm tụng. Những người thực hành theo lời Sư chỉ bảo thì đều xua trừ được tai họa. Còn những người không tin đều bị ương họa, đến cùng Sư dự nghi mọi điều ở tương lai đại loại như ở trước mắt.

Bây giờ, gặp lúc rất nắng hạn, mọi người lo sợ bèn đến thưa hỏi Sư. Sư đưa tay chỉ, bảo rằng: “Ngày ấy trời sẽ mưa, và chỉ mưa đến ngang chỗ ấy v.v”. Xét thời gian và nơi chốn mưa đến, đều đúng như lời Sư nói. Hoặc là sâu độc phá hại lúa mạ rộng hẹp, thấm đượm sâu cạn v.v... mọi việc đều phù hợp như gương sáng soi chiếu chẳng sót mất mảy may. Sư giữ chí thanh bạch tận trọng, chẳng lạm đến hình khoa. Điều mà năng lực chưa thực hành được thì chưa thọ nhận pháp ấy. Nên trong độ tuổi tráng niên, đối với Đạo pháp Sư chỉ vâng giữ mười giới, nhưng đối với thiên tự tạp tướng Sư thường thực hành theo.

Về sau, Sư đến phía Nam núi Cửu Tuấn ở hồ A-nậu-đạt, đồng thời khắc bình bát bằng đá, ở bên cạnh hồ để cứu giúp chúng sinh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng ở núi. Mọi người đều cảm kính, xây tháp trắng thờ Sư.

---o0o---

32- Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô

Thích Trí Tắc, họ Phùng, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia tại chùa Biện Tài, nghe Pháp sư Ngung giảng luận Nhiếp Đại thừa hơn bốn mươi biến. Tánh thức Sư thấu đạt vượt trội, chỉ quán tìm. Sư thường mặc áo nạp rách rưới, quần rử trên gối. Có người hỏi lý do, thì Sư bảo: “Y phục dài thì thường đứng”. Sư rảo bước khắp nơi phường chợ, đêm đến nghỉ trong chùa, tiếng tăm khắp cùng kinh ấp gần năm mươi năm. Với mọi thứ pháp tài ăn ngủ, Sư đều đồng như chư Tăng. Trong phòng Sư chỉ đặt một chiếc giường đơn, phía trên trải chiếu cỏ, một bình bát bằng đất, thìa bằng gỗ, ngoài ra không chứa nhóm thêm một vật gì. Hoặc có người thấy Sư lam lũ khổ cực nên sắm sửa cho, Sư có được vật gì thì mặc dùng vật ấy, nói trọn chẳng hết. Sư đồng với chúng tăng là thân hình có qua lại, cửa không mở đóng. Có vị tăng ở chung phòng, không biết Linh dị, gọi Sư là kẻ cuồng. Sư nghe thế, ngửa mặt cười lớn bảo rằng: “Nói kẻ khác là cuồng, mà chẳng tự biết mình là cuồng. Xuất gia lìa tục chỉ vì ăn mặc, đi đứng ngăn ngại, tiêu cửa nát rương, tốn phí thời gian, loạn mất hạnh nghiệp, lắm thứ chứa để, sai khiến chẳng an. Đó mà chẳng phải cuồng, càng chẳng phải cuồng”. Sư vỗ tay cười lớn, tánh Sư thường ưa thích ăn bánh bột, ở phía Bắc chùa có nhà Vương Ma-ha, Sư thường bảo nhà ấy làm, nếu cần thì liền đến. Nhân việc ấy mà dò xét thời gian, cả hai nơi đều thấy, mới gượng cho là Sư phân thân. Sư lời nói và việc làm hợp nhau, không mấy may vết lằn. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Sư thường ở riêng trong phòng. Đêm đến, Sư ngồi thẳng trọn đêm, ho khạc mãi đến sáng.

Tôi (Đạo Tuyên) đích thân trông thấy, nên lược ghi chép lại việc ấy v.v...

---o0o---

33- Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô

Thích Thông Đạt, người xứ Ung Châu. Năm ba mươi tuổi Sư xuất gia, không có nơi ở cố định. Ban đầu Sư già từ thế tục, đi khắp nơi tìm hỏi minh sư, gượng hỏi Đạo phương mà đều không xứng ý. Sư bèn vào núi Thái Bạch, không mang theo lương thực, chẳng chọn lựa hang rừng, đói thì ăn lá cỏ, ngủ thì tựa cây. Sư ngồi thẳng tư duy cao xa, trải suốt tối sáng, ý dụng

mật mờ, sự hiểu biết không nơi quy hướng, trải qua như thế năm năm, lo sợ chẳng dứt. Nhân lấy nhánh cây đập vào cục đất. Cục đất bị vỡ hình dáng tiêu tan. Thấy được duyên ấy, bỗng nhiên Sư đại ngộ.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Luật tạng ở Kinh đô, đi các nơi nghe giảng giáo pháp Đại thừa, Tánh lượng Sư rộng thoáng, chỉ mặc một chiếc Quần và một áo tràng vải bố chằm vá nhiều lớp, chân mang đôi giày cỏ suốt ba mươi năm. Với các thứ lụa gấm nhiều màu Sư không hề khoác vào mình. Bất kể mùa đông, mùa hạ Sư chỉ mặc một bộ, không ngại nóng lạnh. Sư thường ở nơi trường giảng mà bình luận nói bày chỗ sâu mâu. Mà những kẻ bất tiểu ngu phu nói năng hành động mâu thuẫn, cho đến uống ăn chẳng khác người thế tục. Sư bảo rằng: “Học Đại thừa, mà hạnh nghiệp như thế ấy ư? Nếu được bậc Thánh nhớ nghĩ thì thật là phàm thứ. Tôi chẳng đồng như vậy”. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh nghe thế bèn kinh lạ, đón rước Sư đến trông Đệ, đích thân tôn thờ kính trọng. Sư thấu hiểu Đạo là công phu tánh chẳng bó buộc, hoặc mặc quần đơn đê bày bụng, hoặc nói những lời khác. Huyền Linh vì Đạo phong của Sư vượt ngoài mà đối xử, chẳng vì hình tướng, lời nói mà gây ra sự ngăn cách. Sư rất được quý trọng đại loại như vậy.

Sư thường uống nước ăn rau, mặc tình đi khắp nơi hoặc nhổ rau cỏ còn sống mà ăn, đến như Đào mạn dưa quả Sư đều ăn sống hết cả vỏ hạt. Có người hỏi lý do, Sư bảo: “Của Tín thí khó vất bỏ”.

Từ niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, về sau, Sư hơi hiển bày thần dị. Đến nhà người mà Sư nói cười thì là điềm lành, còn tỏ vẻ buồn bực tiết tháo thì đó là điềm xấu. Hoặc Sư cần tiền của, hoặc cần công sức thì tùy theo Sư bảo ít nhiều liền phải y theo mà đưa, còn nếu trái ngược lời Sư bảo thì sau sẽ hao tổn hơn cả số, Sư bảo. Có người cưới con lừa đến chùa tham quan. Sư đến xin, người ấy tiếc nên chẳng cho. Con lừa ấy chẳng bao lâu liền chết. Đại loại Sư có lắm việc như thế, chẳng phải chỉ một lần. Nên khắp chốn Kinh tất các hàng sang hèn đều tôn kính Sư. Mọi việc họa phước đều do nơi một lời nói của Sư. Sư giảng nói dẫn dụ, chỉ giữ lấy sự chẳng đắm trước. Các thứ tài lợi Sư có được do Đàn Việt cúng dường, đều dùng để xây chùa viện.

Đại tướng quân Tiết Vạn Quân ban đầu nghe Sư có Dị hạnh bèn thỉnh Sư đến vườn nhà để cúng dường. Hơn trăm ngày, Sư chẳng trái khuôn phép chánh Đạo, bỗng một đêm, Sư đòi thức ăn muốn ăn, mới đầu Tiết Vạn Quân không dâng cấp, nhưng Sư đòi mãi không thôi, đành phải dâng cấp, Sư bèn ăn. Từ đó về sau, Sư hơi biến đổi dấu vết trước, chuyên hiển bày biến ứng, hành động có lắm nhỏ hẹp, Sư muốn vào bên trong nghỉ qua đêm. Anh em của Tiết Vạn quân vô cùng tức giận, đánh Sư gần chết. Sư ngửa mặt mà bảo

rằng: “Các ông đánh ta thân thịt đều rách nát, máu me dơ dáy bất tịnh, nên cho ta nước nóng để rửa”. Đến lúc nước nấu sôi sùng sục, Sư cởi áo, nhảy vào trong vạc, coi như nước lạnh. Mọi người đứng bên cạnh vô cùng kinh sợ, Sư còn đòi cho thêm lửa. Khi ấy, cả nhà Tiết Vạn Quân bèn kinh sợ, cầu xin Sư tha thứ lỗi lầm ấy.

Sư có nợ tiền người hơn trăm quan, khi Sư có đủ thì không có người để trả. Sư bèn đem tiền đến cửa chùa, dò xét mọi người qua lại, tùy theo nợ ít nhiều mà trả, Sư đến thâu phía Tây chợ, mọi người đều thôi nhưng Sư vẫn giao trả và chẳng cảm. Đến lúc tới khám xét Sư trả nợ, thì chẳng thiếu mất một đồng. Thật, Sư có được khả năng đạt lượng hư hoại, định lượng khó có thể chuẩn xác!

Bấy giờ, lại gặp lúc lúa thóc khan hiếm mà Sư muốn thiết cúng Đại trai hội, bèn bảo nhà chùa viết nhiều sớ thỉnh mời chúng tăng. Đến sáng sớm Sư đã định, chư tăng đến dự hội có cả ngàn vị, mà người cúng thì mất tâm chẳng biết ở đâu. Đại chúng quở trách lỗi ấy. Sư bảo: “Người ta hứa đưa đồ vật đến cúng dường, thì chẳng phải nói dối”. Đến giờ thọ trai, chư tăng sắp giải tán, bỗng nhiên thấy những thức ăn nấu chín ngon lành được vận chuyên bằng xe, bằng kiệu tiếp nối đầy đường đưa đến, liền lấy đó mà thiết bày cúng dường, bèn thừa thải rất nhiều và đều cúng vào kho của chúng tăng, đều không ủy thác từ nơi nào đưa đến. Lúc thọ trai xong, chỉ phút chốc người xe đều biến mất.

Hiện nay, Sư đang giáo hoá hưng thịnh ở Kinh Liễn. Từ triều đình cho đến thôn quê, mọi người đều chiêm ngưỡng. Trình bày mọi việc rất nhiều nên chẳng ghi chép hết.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 26A hết.



Truyện Ngài Thích Minh Sâm

(TIẾP TỤC SAU PHẦN MỘT CHƯƠNG IV)

Thích Minh Sâm, người ở đất Tề. Thửơ thiếu thời, Sư đi học ở Lương Hà. Nhờ thông minh mà nổi tiếng. Nhưng kinh luận tuy nhiều nhưng Sư chỉ lấy trung nạn làm tâm. Dưới thời Ngụy Minh, Phật giáo rất hưng thịnh

nhưng Sư chỉ có đi học ở các trường giảng mà thôi, nên sự nỗ lực của Sư chẳng phải nghiệp lớn.

Bấy giờ, có Sa-môn Trí Dục là người có tiếng tăm đạo hạnh hòa mục, xa gần đều trông ngóng, học chúng rất đông đảo. Sư chẳng dần nổi u tình, rất kỳ tiếng tăm, riêng thâm kết giao, rộng tìm luận Đạo. Ban đầu, Sư làm “Nhà đề luận nghị pháp”, lập biểu đề, soạn văn. Ngoài thì bày Danh giáo, trong câu kết ngôn dẫn, trích dẫn ra vào, xem thường mạo phạm tiếng tăm, nghe lời có thể lãnh hội. Đến lúc ghi chép mịt mờ, những người có ý chí mạnh mẽ cùng nhau nương theo như mây nhóm, nhìn vào biểu đề, đọc xem kinh công lớn như mây mộng. Một lần theo chỉ bày truyền trao vở tan như băng tiêu, nên người đến học, trước phải sắm sửa lụa truyền. Pháp Ốc tử ấy, người vào học rất nhiều. Ngoài ra, nếu có người thành đạt thì không thể ẩn bí, nên tiếng tăm Sư vang vọng ít ai vượt hơn.

Sư lại soạn thuật “Xà Thế Pháp”. Thế ấy giống như đồ trận của Gia Cát Lượng. Thường thì Thế của rắn núi đánh Đâu thì đuôi đến, đại khái như vậy. Lại dùng Pháp so sánh với rắn, chột độ chột bỏ, trước sau không đồng nhau. Tôi (Đạo Tuyên) từng trông thấy biểu đề ấy rất đáng sợ. Họa vẽ làm một con rắn dài ba thước, lúc khuất lúc bày, bên cạnh còn thêm Đạo phẩm. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, có nhiều người học theo, nay thì chẳng còn thực hành. Tưởng cùng nên bật dứt. Ban đầu, Sư thực hành Xà Luận khắp vùng Đông Xuyên, có người đạo hạnh rất can ngăn nhưng Sư quyết ý thực hành rộng khắp để làm Đạo nghệ.

Tại Thượng Ấp ở Lộ Châu, Sư nghĩ mở mang Kinh Pháp Hoa, bèn đến chùa Hồng Cốc ở huyện Lâm lỵ thuộc Nham Châu tỉnh chư tăng (quên tên vị Tăng ấy) đến giảng. Sư vốn có quen biết, nghe thế bèn tìm đến. Vị tăng ấy nghe Sư đến, trong tâm lo sợ như lửa đốt, biết năng lực luận đạo của Sư, không thể nào đối địch lại được, bèn đem tâm tình nói với Sư rằng: “Ở ấp này phần nhiều là những người mới tin. Nên sự việc cần phải quy phục các hàng sĩ tặc v.v... đã có khuynh tâm. Mong Pháp sư nể tình xưa cũ, mà cùng thành thật khen ngợi. Nay có ít y tài xin cúng dâng Sư, mong thấu hiểu nỗi lòng này!”. Bèn dâng cúng mười xấp lụa. Sư bảo: “Mục đích tôi đến đây, chẳng lẽ có ý như thế sao, mong hãy dứt bỏ ý nghĩ đó!”. Nhưng vị tăng ấy chẳng chịu đi, muốn được một lần lên. Vị tăng ấy càng khiếp sợ, nhưng sự tình chẳng dặng dưng, bèn phải như thường lệ lên giảng. Sau cùng, Sư vào trong giảng đường, mang theo bó lụa nhặt lấy ở trong chúng, mà bảo rằng: “Pháp sư trên tòa cao hôm qua đem lụa quyên này dâng tặng, xin khỏi phải luận bàn. Nhưng phật pháp sâu rộng, phải quấy phải phân biệt. Nếu như đem tà pháp mà chỉ dạy cho người thì biết có bao nhiêu người thế tục mắc sai lầm. Pháp sư trên tòa cao nghe thế có khiếp sợ không? Nên y cứ theo văn

thường xướng, như sớ mà giải thích”. Sư liền gọi đứng, muốn luận bàn về chí lý. Khi ấy, pháp sư ở trên tòa cao thần ý mạnh mẽ an nhiên đợi hỏi. Sư bèn nêu bày câu hỏi. Pháp sư tùy theo điều hỏi mà giải thích, lớp lớp nhiều mà không gì chẳng thông nghĩa. Tinh thần Sư bỗng nhiên nhiễu loạn, nghĩ khó có thể không theo, liền từ tòa đứng dậy bảo: “Pháp Sư ở trên tòa cao từ nãy đến giờ mờ tối bết bết, bây giờ vì sao lại chóng giải mở như thế? đúng là do Thần quỷ trong núi giúp đỡ niệm lực, nếu không như thế thì làm sao có khả năng như vậy?” Pháp sư ở trên tòa cao và mọi người trong giảng đường đồng một lúc cười lớn.

Sư liền ra khỏi áp cùng hai người bạn đến nhà thế tục khát thực. Đã bị đầy khí nghẹn ứ mà chẳng xuống. Còn các giải dụ khác tranh luận ở đâu ư? Luận nghị chẳng đến, trời thường có lý lớn, do nhân gì chóng khởi phiền não như vậy? Sư chẳng trả lời, đi theo ra hướng đông, từng bước than trách, leo lên đánh núi, rất mực khốn khổ nên dừng nghỉ dưới gốc cây. Sư nói với hai người bạn rằng:” Nay Tôi bị phiền não thiêu đốt không thể nói. Trong ý sợ sẽ hóa thành rắn”. Liền cởi y, nằm ở trần, lăn lộn bất định, duỗi hai chân. Chỉ phút chốc, hai chân bỗng nhiên hợp thành một, làm thành đuôi rắn ngất nghểu vất lên, bèn tự chuyển động. Nói với hai người bạn rằng: “Ta soạn luận Xà Thế, nay quả báo đã đến, các ông hãy mau leo lên cây, tâm ta vẫn chưa biến đổi”. Hai người bạn liền leo lên cây, vẫn nói với nhau rằng: “Hối hận soạn xà luận, quả báo đến như thế sao?” Trong lúc đang nói tự nhiên toàn thân Sư biến thành rắn, chỉ còn cái đầu chưa biến đổi mà cũng không còn nói được, bò ngoằn ngoèo dưới đất, ngẩng đầu tự đánh, đánh không ngừng nghỉ, đến lúc nát bỗng nhiên biến thành đầu rắn. Thân hình bỗng biến dài năm trượng, ngẩng đầu nhìn bốn phía, mắt sáng như sao. Khi đó khắp bốn phía các loài rắn đồng một lúc đua nhau kéo đến. Con rắn ấy cất đầu cách đất năm-sáu thước, tìm hang mà chui xuống. Các loài rắn cùng nương theo mà đi. Hai người bạn ấy chính mắt nghiệm thấy quả báo đó, khi đến Nghiệp Đô bèn kể lại.



QUYỂN 26 B

CHƯƠNG VI - PHẦN 02 : CẢM THÔNG

(chánh truyện có ba mươi chín vị, phụ có bốn vị)

1/ Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu, thời Bắc Tề.

- 2/ Truyện ngài Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu, thời Bắc Chu.
- 3/ Truyện ngài Thiên sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu.
- 4/ Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu.
- 5/ Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu.
- 6/ Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu, thời Tiền (Nam) Lương.
- 7/ Truyện ngài Thích Pháp Hạnh trụ núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, thời Hậu Lương.
- 8/ Truyện ngài Thích Đạo Mục trụ Thần Sơn thuộc Kinh Châu
- 9/ Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng thuộc Kinh Châu, đời Tùy.
- 10/ Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu
- 11/ Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đẳng Hạnh ở Lự Châu
- 12/ Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu
- 13/ Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu
- 14/ Truyện ngài Thích Pháp Tấn trụ núi Trường Dương ở Ích Châu
- 15/ Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà Lê ở Đại Châu
- 16/ Truyện Xà-lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu
- 17/ Truyện Xà-lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương
- 18/ Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngung Quán ở Kinh Đô (Đôn Đạo Tông)
- 19/ Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu (Húc Thướng)
- 20/ Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu
- 21/ Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu
- 22/ Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc (Thần Biển)
- 23/ Truyện ngài Thích Tuệ Lâm ở chùa Kiến Minh thuộc Ích Châu
- 24/ Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh Đô
- 25/ Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu, thời tiền Đường.
- 26/ Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh Đô

- 27/ Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu
- 28/ Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiền An ở Ba Lăng
- 29/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên
- 30/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu
- 31/ Truyện ngài Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Địch, thuộc U Châu
- 32/ Truyện ngài Thích Trí Hiền trụ chùa Hộ Minh ở Ky Châu
- 33/ Truyện ngài Thích Pháp Thông ở núi Thường Lạc thuộc Tô Châu
- 34/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Chiêu Quả ở Đại Châu
- 35/ Truyện ngài Thích Minh Ân ở núi Ngũ Đài thuộc Đại Châu
- 36/ Truyện ngài Thích Pháp Không trụ núi Ngũ Đài ở Đại Châu
- 37/ Truyện ngài Thích Minh Tuấn trụ chùa Định Thủy ở Kinh Đô
- 38/ Truyện ngài Thích Minh Giải trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô (Tổng Thượng Lễ)
- 39/ Truyện ngài Thích Pháp Xung trụ chùa Pháp Tập ở Duyện Châu.

---o0o---

01- Truyện ngài Thích Tăng An tu hạnh đầu-đà ở Triệu Châu

Thích Tăng An, không biết Sư là người xứ nào. Ngài tinh chuyên giới nghiệp, siêng năng ngồi thiền, giảng dạy. Người đương thời gọi Sư là bậc Đa năng.

Dưới thời vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) Bắc Tề, Sư ở núi Vương Ốc, nhóm họp đồ chúng khoảng hai mươi người, giảng Kinh Niết-bàn. Lúc mới khai giảng đề kinh, có con chim Trĩ mái bay đến cạnh tòa nằm nghe, đến lúc chur tăng thọ thực thì chim ra ngoài kiếm ăn. Buổi chiều Sư lên tòa giảng, chim lại đứng gờ bay đến. Sư giảng đến chưa hết quyển ba, thì không còn thấy chim đến nghe nữa, đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Chim trĩ nay đã sinh lên làm người, chẳng có gì lấy làm lạ”. Đến niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, Sư dẫn đồ chúng đến Việt Châu, thực hành hạnh đầu-đà. Bỗng nhiên Sư bảo: “Chim trĩ mái năm xưa sinh ở xứ này”. Sư bèn đi thẳng đến một nhà, xa gọi: “Chim trĩ!” có một bé gái chạy ra, dáng vẻ như đã biết nhau từ trước. Bé gái lễ bái vui mừng. Cha mẹ bé gái lấy làm lạ, mời Sư vào nhà, thiết trai cúng dường. Sư hỏi: “Vì sao bé gái này tên là Thư Trĩ?” Cha mẹ đáp rằng: “Vì khi mới sinh thấy tóc trên đầu bé gái như lông chim trĩ. Lại vì là con gái nên đặt tên là Thư Trĩ!”. Sư cười lớn và kể lại cho ông bà nghe về Bốn duyên. Bé gái nghe thế rồi ứa lệ gào khóc, xin được

xuất gia. Cha mẹ vui vẻ bằng lòng. Sư liền giảng Kinh Niết-bàn cho nghe. Bé gái nghe liền nhận hiểu không sót mất chút nào, nhưng đến sau quyển ba, thì mịt mờ không hiểu.

Bấy giờ, bé gái mới mười bốn tuổi đã lên toà giảng kinh, mọi người xa gần đều dự nghe, ngợi khen trước có chứa nhóm. Nhân đó đích thân Sư cùng khuyên, mọi người theo học rất đông.

---o0o---

02- Truyện Xà-lê Hương trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành

Xà-lê Hương, không biết Sư từ đâu đến. Đầu thời Nam Lương, Sư đến trụ chùa Phi Phó ở núi Thanh Thành thuộc Ích Châu. Sư vui mừng như có ý chí muốn trọn đời ở đó.

Bấy giờ có tục lệ mỗi năm đến ngày mồng ba tháng ba, mọi người đều lên núi thưởng ngoạn, thường mang theo rượu thịt cùng nhau chén tạc chén thù mua vui, trước sau Sư nhiều lần khuyên dụ nhưng chưa thể dứt bỏ. Đến tháng ba năm sau, mọi người cũng nhóm họp như trước, bày biện và ngồi xong. Sư sai người ở phía sau tào đào một cái hầm vuông một trượng. Mọi người không ai biết ý Sư thế nào. Sư bèn nói với mọi người rằng: “Các Đàn Việt v.v... thường tổ chức ăn uống, nhưng chưa từng ăn uống với Hương tôi lần nào, hôm nay vì đông đảo, phải tận hưởng một bữa”. Mọi người tranh nhau dâng rượu hiếm quý. Sư hề được bao nhiêu thì ăn uống hết bấy nhiêu như lấp hang lớn. Các vị thức giả lấy làm lạ. Đến chiều, Sư bảo rằng: “Ta no say quá, hãy đỡ ta đến chỗ hầm, không thôi bản đất!” Khi đến chỗ hầm, Sư há miệng ói, thịt chim trĩ từ miệng tuôn ra, liền bay nhảy ca hát, thịt dê từ miệng tuôn ra liền chạy ngay. Rượu và thức ăn lẫn lộn tuôn ra sắp muốn đầy hầm, Cá Lươn, Ngỗng Vịt bơi lội loạn xạ, mọi người đều kinh hãi, thề nguyện dứt bỏ việc giết hại. Mãi đến ngày nay, rượu thịt dứt hẳn không mang lên núi. Đó đều là do phong thái đức hạnh của Sư.

Tại Ích Châu, Biệt Giá La tên là Nghiên Triều, ở thời Nam Lương, ngài Chí Công hỏi rằng: “Sa-môn Hương ở Ích Châu là người sang hay hèn?” Nghiên Triều đáp: “Rất hèn, mới đầu chẳng thể gọi là người”. Ngài Chí Công bảo: “Đã là người quá hèn, có sao lưu lại lâu vậy?” Nghiên Triều cũng không lường biết lời nói ấy, chỉ nói cho người hiểu biết nghe. Hoặc nói: “Sao không chỉ cho Xà-lê Hương ở Thanh Thành ư?” Nghiên Triều bèn đến núi kể lại đầy đủ. Sư bảo: Đàn Việt từ xa đến, chắc chắn là chẳng nói dối”. Đêm đó, Sư bèn thị tịch. Các hàng đệ tử v.v... xây tháp, sắp đến lúc an táng, mọi người đều lấy làm lạ vì Kim quan rất nhẹ, đến lúc phá ra chỉ thấy chiếc gậy mà thôi.

---o0o---

03- Truyện ngài Thiền Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu

Thiền Sư Du trụ chùa Đa Bảo ở Ích Châu tức là Lâm Tất Đạo nhân, họ Dương. Sư siêng năng đọc tụng hơn bốn mươi năm, ngày đêm không bỏ. Phía sau tường vách phòng viện, Sư họa hình cửu tướng biến, đặt giường dây, dùng chăn Tông phủ lên. Ban ngày Sư y theo khuôn phép chúng tăng, đêm đến thì vào ngủ trong đó. Mỗi ngày mới ra ăn một bữa, như thế dần dần đến bảy ngày mới ăn. Tăng chúng cho đó là thường, chẳng lấy làm lạ. Cứ như thế, trải qua hơn hai mươi năm. Bỗng nhiên trải qua một tháng mà Sư không ra, trong phòng cũng chẳng nuôi người hầu. Mọi người đều bảo Sư không ra tức là đang nhập định, chẳng nhọc phải xem. Bỗng một đêm, mưa to gió lớn, bức tường vách đồ họa bị đổ, sáng sớm mọi người đến xem, thử vén chăn tông lên thì không thấy gì, chỉ có giường dây đệm ngồi mà thôi.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tăng Độ ở Ích Châu

Thích Tăng Độ, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường qua lại nơi thôn ấp, chỗ hoang vắng, không có nơi ở cố định. Nói năng úp mở như có dự biết. Người đương thời gọi Sư là kẻ cuồng.

Chu Triệu Vương ở tại Ích Châu. Có người ở huyện Bì kết giao với Triệu Vương rất nồng hậu, bèn muốn làm phản. Lúc đó có người mách bảo mà Việt Vương không tin. Đến sáng, binh lính của người huyện Bì quả nhiên kéo đến, rất thân với Triệu Vương nên là làm chủ, bèn tại ngã tư đường lớn ở phía Tây Thành, vừa mới ngồi xuống trên toà lớn. Khi đó, Sư mang đội một chiếc giày da dính phần từ phía Tây Thành chạy đến tháp Bàn-đà, vất bỏ giày mà quay trở lại. Mọi người đều lấy làm lạ nhưng không ai lường biết. Lại đến lúc sắp làm phản, đem giấy bút thỉnh Sư đoán định tốt xấu, Sư bèn cầm bút viết hai chữ “Châu Độ”. Kẻ làm phản vui mừng bảo: “Châu Độ cho ta, đó là tốt lành. Chọn ngày đến mất. Ta sẽ đến đó mất. Chắc chắn là chế phục được đó”. Bấy giờ, Triệu Vương đóng tại lầu Tây Môn bảo ba ngàn lính tinh duệ cuội đến, vừa mới giao chiến liền rút lui, theo sau mà giết. Đến tháp Bàn-đà, chém giết hơn ngàn binh lính của người huyện Bì, làm thành Kinh Quán. Nay đặc biệt cao ở phía Đông tháp. Về sau mới nghiệm biết, Sư mang chiếc giày da để dính phần mà chạy nơi đất tháp. Cái gọi là “Châu Độ”. Hai chữ “Đô Các” nói lái lại tức là “chước”, nghĩa là “chém đầu”. Nhìn thấy trước mắt mà lấy điều nghiệm nhận định về sau. Có người tâu trình sự việc ấy với Triệu Vương. Triệu Vương sai người tìm khắp bốn phương, nhưng không biết Sư ở xứ nào.

05- Truyện ngài Vệ Nguyên Tung trụ chùa Dã An ở Ích Châu

Thích Vệ Nguyên Tung, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, làm đệ tử Pháp Sư Vong Danh. Sư thông minh dĩnh ngộ ít ai bằng, thường trong đêm vắng đứng hầu bên cạnh nói với thầy rằng: “Người đời quý lỗ tai mà xem thường con mắt, tức biết trắng đen có thể được”. Ngài Vong Danh bảo: “Ông muốn có tiếng tăm, nếu chẳng công cuông thì không thể được”. Trong tâm Sư cho là đúng, bèn công cuông chạy loạn, mọi người đuổi theo thành đoàn. Xúc chạm vật vội bắt ngâm vịnh, rảo khắp mọi nơi hơn hai mươi năm.

Đến lúc ngài Vong Danh vào Quan Nội, Sư bèn dời đến trụ chùa Dã An. Tự chế ra tiếng đàn cầm, bị thiên nữ có oán tâm phá chọc, cũng có người truyền tiếng tăm ấy. Sư từng nói với người anh rằng: “Đất Thục nhỏ hẹp không đủ để bày trải nổi lòng, muốn đi đến Thượng Kinh, đối kháng với các bậc Quốc Sĩ, ý anh thế nào?” Anh Sư bảo: “Hiện nay Vương Bao Sưu Tín tiếng tăm vang dội khắp nơi, ông biết được gì, chỉ tự chuốc lấy sự tủi nhục”. Sư đáp rằng: “Người ấy đọc nhiều sách, tự làm các Văn. Còn như Thiên tài đại khái chẳng phải là phần ấy ư? Anh hãy nghe xem”. Sư liền coi thường đó mà đến Quan ải, vì không chỗ qua, nên Sư bèn mặc y phục thế tục. Ở tại Quan trung trở về, bị người canh phòng bắt giữ, Sư nói dối rằng: “Tôi là người nhà của Vu Trường Công ở Trường An muốn trốn đến đất Thục”. Quan gia vội đưa Sư đến Kinh đô, Vu Trường Công từng biết Sư ở đất Thục, bỗng nhiên nay được gặp gỡ, nên giao du với ngài. Các nơi thắng địa, không chỗ nào Sư chẳng đến, tâu trình việc phé hoại Phật Pháp, từ đó, Sư hoàn tục. Chu Tổ chấp thuận. Sư lại cùng Đạo Sĩ Trương tân âm thầm thêm sự phỉn hoạc. Vua tin theo chẳng hề nghi ngờ, bèn thực hành phá diệt. Sư lại soạn thơ “ngàn chữ” tức như: “Đầu Rồng khói xanh nổi, Trường An loạn một đời”. Và đều phù hợp với sấm vĩ, mọi sự việc về sau mới hiểu.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, tại Kinh Triệu, có Đỗ Kỳ bị chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: “Thấy Vua Diêm Vương hỏi rằng: “Cha của ông làm quan giữ chức gì?” Đỗ Kỳ đáp: “Cha của tôi làm Tư Mạng Thượng Sĩ ở thời Bắc Chu”. Diêm Vương bảo: “Như vậy là bắt lầm, hãy mau trả trở lại dương gian. Nhưng ông có biết Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu không?” Đỗ Kỳ đáp: “Tôi từng làm chức Tả Võ Hậu Tư Pháp, thường ở nơi giai bệ nên biết rất rõ”. Diêm Vương bảo: “Vậy hãy đến xem Vua Võ Đế của ông đi”. Có người dẫn Đỗ Kỳ đến một nơi, cửa sổ ở duyên ngõa đầu làm toàn bằng sắt. Ở trong cửa sắt, thấy có một người rất gầy ốm thân hình màu như sắt, mang gông cùm bằng sắt. Đỗ Kỳ vừa trông

thấy liền òa khóc gọi rằng: “Đại gia! Do đâu mà khốn khổ như vậy?” Võ Đế đáp rằng: “Ta chịu khốn khổ dữ dội, người không thấy hay sao? Nay được đến đây rất là vui mừng”. Đỗ Kỳ hỏi: “Vì tạo tội nghiệp gì mà phải chịu khốn khổ này?” Võ Đế đáp: “Người không biết ư? Ta vì tin theo lời của Vệ Nguyên Tung mà phá huỷ Phật pháp nên phải chịu khốn khổ này”. Đỗ Kỳ hỏi “Đại Gia! Sao không dẫn Vệ Nguyên Tung đến đây?” Võ Đế đáp: “Ta tìm kiếm, nhưng Tào sư tìm kiếm khắp mọi nơi, khắp cả ba cõi, nhưng nói là không thấy. Nếu như Vệ Nguyên Tung đến buổi sáng thì buổi chiều ta sẽ được thoát, đâu có gì phải luận bàn. Ông trở về nói với người ở thế gian hãy làm phước cho Nguyên Tung, sớm đến cứu giúp. Nếu Nguyên Tung chẳng đến thì ta không có kỳ hạn được giải thoát”. Đỗ Kỳ sống lại, không quên việc ở Minh phủ, khuyên người làm việc phước để cứu giúp v.v.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Thượng Viên ở Ích Châu

Thích Thượng Viên, họ Trần, người ở xứ Hán Lạc thuộc Quảng Châu. Sư xuất gia chuyên dùng chú thuật để cứu chúng sinh. Võ Lăng Vương Tiêu Kỷ thời Nam Lương, trong cung bị các hàng thể nữ quý quái yêu mị, hoặc ca hát hoặc khóc lóc, lãng xãng rồi loạn cả lên. Vương Tiêu Kỷ bèn bảo người bắn giỏi cầm Đàn giá bộ khay, Quý bèn hiện hình, liền phóng tên bắn, Quý liền từ xa tiếp lấy, ném trở lại người. Cứ như thế mãi không thôi. Nghe Sư trì chú nên Vương Tiêu Kỷ thỉnh vào trong cung. Các loài quý đua nhau đến trước làm ra các thứ biến hiện. Rong rã trăm thú, chọt trước mặt, chọt sau lưng, hoặc giữa hư không hoặc dưới đất, biến thành trăm thứ. Sư ngồi an tĩnh bảo rằng: “Loài Quý nhỏ các người do nhân gì dám vào cung vua, nếu có khả năng biến thành thân hình ta thì hãy tự biến ra muôn thú, chỉ là Quý nhỏ, thì hãy đứng nghe ta nói một lời”. Các Quý đều chấp tay đứng yên. Sư bèn mở miệng xưng rằng: “Nam-mô Phật-đà”. Các Quý đều biến mất, từ đó được yên lặng.

Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương nghe thể thỉnh Sư vào cung. Ngài được thưởng ngộ lớn. Đến lúc nhà Lương nhiều loạn. Sư bèn đến đất Thục, với những nơi có các thứ khổ não, Sư nhân đó cứu giúp. Đến năm tám mươi một tuổi, Sư thị tịch tại chỗ đang ở. Trị Thành nay đã bị hoại diệt.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Pháp Hành ở núi Ngọc Tuyền thuộc Kinh Châu

Thích Pháp Hành, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là đệ tử tài giỏi của Pháp sư Luận. Pháp sư Luận vốn ở tại Ngọc Tuyền. Vua Dương Đế

(Dương Quảng 605-617) đời Tùy rất kính trọng Ngài. Sự tích ngài thấy trong Biệt truyện.

Tánh tình Sư vốn chẳng thường, nói năng khác với mọi người. Hoặc có lúc ở hang núi, có lúc vào trong chợ ly. Sư từng đến núi Thanh Khê, đường đi phát xuất từ đỉnh núi Phúc Thuyền, trông thấy suối nước, cây cối tốt tươi. Sư bèn nhìn lại bảo rằng: “Mười năm sau, sẽ có người đầy đủ phước đức và trí tuệ rộng lớn đến đây xây dựng ngôi Già-lam”. Đến lúc ngài Trí giả xuất hiện, quả nhiên thành tựu như lời Sư báo trước.

Sư lại từng đến thành Đương Dương, cầm cung tên bằng trúc bắn vào đó. Về sau có giặc núi đến vây quanh thành, tướng trạng đều như Sư thi vi ngày trước. Nhưng Sư từng mở lời nói lạ, bảo rằng: “Lỗi của nhà Lương”. Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) thời Hậu Lương rất ghét lời nói đó, bảo người tìm bắt Sư để giết. Sư theo sứ đến, không chống kháng như trước, Sư nói: “Ta thường mạng ở tại đất này”. Sau đó, có người sứ đến, Sư nộp mạng, bèn bị chém, nhưng không chảy máu. Khi sắp tịch, Sư nói những bài kệ tụng quan trọng, Văn từ nghĩa lý rất tha thiết, không thể chép đủ, nếu nói về Nghiệp Báo không thể trốn lánh. Giết xong, trong thời gian ngắn, thi thể Sư bèn biến mất. Bộc Xạ Tiêu Võ đi đến núi Tứ Vọng chỗ Thiên sư Nhân vì vua Tuyên Đế mà sám hối rằng: “Tội tiên nhân giết hại bậc Thánh xin lễ bái sám hối, nguyện tha thứ”.

Người viết truyện (Đạo Tuyên Tôi) nghĩ rằng: “Vì thời Hậu Lương tiếp nối vận nước, oai thế chẳng trội vượt, chỉ riêng giữ một thành, bên cạnh đó lại bị chế ngự vây quanh, đâu có vinh hạnh vẻ vang gì, theo vọng mà tạo tội lỗi, nên giết hại bậc Thánh, trông mong kéo dài vận mạng sâu dày. Cái gọi là Trông mong trước, đã bị mất ở đường sau. Sau đó không lâu bị truy đuổi lưu lạc vào quan ải. Trách người vô tội, thật không thể xem thường.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Đạo Mục ở Thần Sơn thuộc Kinh Châu

Thích Đạo Mục, người xứ Tùng Tư, tánh tình ưa thích núi rừng, ban đầu, Sư vào Thần sơn ở Kinh Châu. Sắp có việc đi đến nham ả, bỗng cảm sấm sét gió lớn nổi dậy rung núi gãy cây. Thần rắn nhiều quanh giường, bày hổ tung hoành gầm rống. Tâm Sư vẫn an nhiên thư thái, không nghĩ tưởng cảnh vật bên ngoài. Bảy ngày sau chắc chắn Rắn Hồ sẽ ả, Sư mới leo lên núi, nhìn ra xa, thấy phía đông núi đó y theo Lăng hác, phía Tây nhìn lại có dòng sâu, bèn có ý định muốn trọn đời ở đó.

Sơn Thần biến hình sám hối tội lỗi rằng: “Đó là Diền Bá Ngọc đến xin thọ giới”. Đến lúc thực hành Pháp thức, các chất Độc ngầm biến mất. Cúng tế

dứt hẳn dâng cúng rượu thịt, cầu đơm ân trạch ứng thời mây mưa. Vệ hầu như thế chẳng phải chỉ có một. Nêu bày có thể biết. Sư ở tại núi hơn ba mươi năm, tiếng tăm vang xa, Tân khách du tuần đều quy hướng cầu thỉnh. Về Sa-môn thì có ngài Tăng Triễn, Tăng An. Về các bậc cao sĩ thì có Lưu Cầu, Xa Xuyết, tiếp nối lời mạng đích, không hề trái phong thanh. Sung Đông Vương Tiêu Dịch thời Nam Lương kính trọng đức hạnh Sư nên đến chỗ Sư xây dựng một Đài cao, lập Văn Bia trình bày sự nổi pháp. Vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương làm bài tụng, lập Bia ở đánh núi. Đến lúc Sư sắp thị tịch, vui mừng nhìn ra xa, bèn lên núi mà tịch, thọ bảy mươi tuổi.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Trí Khoáng trụ chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng

Thích Trí Khoáng, họ Vương. Giòng họ Sư vốn ở Thái Nguyên, có một thời gian dời đến Từ Châu. Về sau cha của Sư lại dời đến ở huyện Tân Phong thuộc Kinh Châu. Mẹ của Sư ban đầu sắp mang thai, mộng thấy xuống tắm dưới dòng nước, có một đứa trẻ ngồi thuyền báu đến lao thẳng vào người bà, bèn tỉnh giấc và mang thai Sư. Đến lúc sinh ra, Sư rất thông minh mà trọng hạnh.

Đầu niên hiệu Thái Thanh (547) thời Nam Lương, chiến loạn không ngừng. Vua Nguyên Đế đang ở ngôi, bấy giờ Sư đang tuổi thiếu thời rất mạnh mẽ, chiêu mộ các tráng sĩ theo quân lính đi đánh dẹp phương Đông, không bao lâu bèn bị lấp vùi, Sư tỏ ngộ sâu sắc về mọi sự luống dối, nên không cưới vợ, chỉ mong cầu thoát tục. Ban đầu, gặp được Đạo Sĩ Hoàng Cân đem pháp thần tiên dẫn dụ Sư. Trước hết, Sư thọ học Phù lục, tiếp theo là trình bày Chương tiếu. Sư bèn hỏi: “Thuật này có thật đắc đạo hay không?” Đạo Sĩ đáp: “Lục đã hộ thân, Chương cũng chiêu vời của cải”. Sư hỏi tiếp: “Đó là bảo trọng khổ khí này, được gọi là Đạo ư?” Sư lại thỉnh cầu Pháp Độ đời, Đạo Sĩ bèn chỉ bày Sư cách thức ở hẳn không ăn gạo thóc sẽ đến được Ngọc Thanh, chỉ bảy ngày sẽ có khả năng bay được. Sư thực hành đúng kỳ hạn mà không ứng nghiệm. Đạo sĩ bảo: “Vì ông còn uống nước, nên cuối cùng chưa đến được”. Sư lại trải qua bảy ngày, môi miệng không hề uống một giọt nước, mà vẫn không ứng nghiệm. Đạo Sĩ lại bảo: “Vì ban đêm ông vẫn còn ngủ nên không được cảm ứng”. Sư lại trải qua bảy ngày thường ngồi không nằm. Ba kỳ thường đầy đủ, nhưng chẳng được bay lên trời, mà khí lực của Sư càng yếu đi, xa gần mọi người đều kinh hãi. Sau đó, Sư gặp được bậc Cao Tăng truyền cho giới pháp, làm đệ tử Phật.

Đức hạnh Sư cảm động đến người, dần dần bày hiện dấu vết ngàm. Bấy giờ ở Giang Lăng, có gia đình Trương Thuyên hai đời bị mù mắt. Sư bảo:

“Trong nhà ông có phần mộ mà cái hòm gồi lên miệng giếng xưa, nên đòi phần mộ và khai mở thành giếng, chắc chắn sẽ được khỏi”. Nhân đó, Trương Thuyên bèn y theo lời Sư mà làm. Người bị mù liền thấy được đường đi, nên xin cạo tóc xuất gia. Mọi người đều kinh sợ, bèn chặt củi cúng cúng dường chúng tăng, Sư trụ nơi không nhàn tĩnh lự.

Sư lại nói dưới khe suối có cái chuông xưa, hãy đào lên đem về treo ở chùa. Thứ sử Nhân châu cho là Sư dối trá, lừa hoặc quần chúng, nên dùng roi đánh vào lưng Sư cả trăm roi, mà Sư không buồn thảm, không tức giận. Bèn đưa ra xứ Đài, giam giữ ở Thượng phương. Người có sức mạnh thử dùng chiếc gông dài tám thước treo làm gồi đấm. Mọi người đứng bên cạnh nhìn đều cho là sẽ nát như, nhưng dung mạo Sư chẳng những không nhiều nã, mà thân thịt cũng không thương vết. Người giữ ngục lại bảo rằng: “Tiếp theo cư sĩ phải chịu chịu đói”. Ngài bèn bỏ ăn bảy ngày, mà thân sắc vẫn như lúc đầu. Lại có người thấy Sư đi trong chợ hoặc ở đường ngã tư, nhưng xét trong ngục vẫn có Sư, mới cho là Sư phân thân.

Đến niên hiệu Đại Định thứ ba (559) thời Hậu Lương, Sư xin người giày cỏ, nói là đêm nay phải đi gấp. Đến canh ba cả thành bị lửa cháy, bốn phía cửa người ra không lọt hết nên bị thiêu chết đến bảy ngàn người. Sư ở trong ngục, dẫn hai trăm người thân nhiên đi bộ mà ra.

Đến năm gần bốn mươi tuổi, Sư mới được cạo tóc, sau khi tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư tu hạnh đầu-đà ở núi Tứ Vọng. Xưa kia, đất ấy phước đức mới an đặt Thiên Tử, cách thành có sáu mươi con thú dữ đang ở, từ khi Sư đến ở về sau, chúng dần đến nghỉ bên cạnh giường Sư. Ban đêm ở góc núi có bốn ngọn đèn soi chiếu, các hàng sĩ tục đua nhau nhóm họp đông đảo thành chùa Hoa.

Sau, 2 Vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, thì Bình Lăng và Hiền Lăng đều ở trước chùa, nghiệm đúng với xưa. Còn như đầu thời Nam Lương thất bại, Vương Lâm lên bức bách, thời Hậu Lương đòi nước, Sư đều dự trước Biểu biệt. Có một con vịt đầu đàn bị giết để thiết trai. Vịt thần ban đêm bách bảo, Sư bèn nói: “Sao lại giết hại sinh mạng mà sung vào tịnh cúng ư?” Từ đó về sau, bèn dứt hẳn. Sư từng đến sông Hạ Thủy, đồ chúng đồng bạn có mấy mươi người, muốn ở lại cũng không được, muốn đi cũng không theo. Ở bờ phía trước có hai chiếc thuyền không có người, Sư cười mà cất tiếng gọi đến, thuyền tự cắt dòng nước mà đi thẳng đến, nhân đó mà cả đoàn bèn qua sông. Sư căn dặn chớ loan truyền việc ấy.

Lại, lúc ở Hàm Dương, Sư đến chùa Phật Tích, có một con trâu mẹ sinh nghé con, nó vừa trôi đầu ra lại thụt vào, đã qua mấy đêm, trâu mẹ sắp lìa

đòi. Chư tăng báo với Sư không biết tính liệu thế nào. Sư bảo rằng:”Con nghe ấy là vị Cư sĩ ở chùa này, vì xâm phạm dùng vật của chúng tăng, nay phải sinh trở lại nơi đây để đền trả, nhưng vì nó xấu hổ nên chẳng chịu ra, còn trâu mẹ thì không sao”. Nhân đó, Sư cầm lò hương, quở trách răn bảo nghe con rằng: “Hãy mau đền trả quả báo, có sao xấu hổ mà chẳng chịu sinh u?” Ứng theo lời ngài nói, trâu nghe liền ra. Nên những điều Thần dị thâm ứng của Sư, không thể ghi chép đầy đủ.

Đến ngày hai mươi bốn tháng chín niên hiệu Khai Hoàng thứ hai mươi (600) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh ở núi Tứ Vọng, thọ bảy mươi lăm tuổi. Sư tự định kỳ hạn qua đời, có mùi hương trời xông khắp thất. Cả chùa đều nghe có tiếng nhạc từ phía Tây Nam vọng đến. Trước lúc chưa thị tịch hai năm, Sư đã dự báo mọi sự sau khi qua đời, thị hiện bã vai bị đau nhức, Sư hỏi Luật sư rằng: “Người đã chứng đắc quả A-na-hàm còn bị bệnh hay không?” Vị Luật sư chưa trả lời, Sư lại tự nói: “Báo thân, pháp hãn nhiên như thế” Sau khi Sư thị tịch, có ba ngón tay co quắp lại.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, tại chùa Pháp Tế có Sa-môn Pháp Quý chết, sống lại kể rằng: “Được Vua Diêm-ma thả trở lại, nhờ gặp được Sa-môn Trí Khoáng nương cung điện từ hư không thẳng xuống, các người tội vui mừng cùng nhau bảo là “Thánh tăng Tam Quả đến cứu chúng ta, v.v”. và ở tám ngôi chùa do Sư xây dựng đều có linh kỳ, hoặc như nước suối vọt lên, có lúc giáng hiện dấu chân Phật. Có Sa-môn Pháp Luận ở đạo tràng Tuệ Nhật đời Tùy thấy biết đầy đủ, vì đó làm bia tụng, rộng nêu bày đức hạnh của Sư.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu

Thiền sư Thích Vô Tướng trụ chùa Tương Tư ở Phù Châu, Sư không phải người xứ Ba Thục, không biết Sư ở từ đâu đến. bỗng nhiên Sư đến núi theo chúng tăng mà thôi. Sư chẳng khác người thường. Chùa đó ở thượng lưu Phù Châu, tại phía Bắc một dòng sông lớn. Bên cạnh sườn núi có một tấm bia hình vuông cao khoảng năm thước, chữ viết lớn như bàn tay, mọi người không ai biết. Phía dưới có dấu chân Phật cách chừng chín thước, dài ba thước. Giẫm lên đá như bùn, các hàng Đạo tục thấy đều kính trọng.

Có một lúc nạn Sư qua sông, khi trở về không có thuyền. Sư bèn đặt bình bát trên dòng nước mà bảo rằng: “Vì sao ta phải thường ôm lấy người? Người hãy tự qua sông”. Và Sư liền trải lá chuối trên nước rồi bước lên mà qua sông trở về. Bình bát cùng theo sau, chỉ phút chốc liền đến bờ. Khi đó, có người hái củi trông thấy như thế. Sư tự nói: “Đã có người nhận biết về mình nên già từ mà đi”. Đại chúng tha thiết muốn giữ lại mà Sư chẳng ở. Đến

sông, Sư xuống thuyền, mọi người đi theo lễ bái cầu thỉnh không cho Sư chèo chống. Sư bèn nắm lấy mạn thuyền, thẳng theo dòng nước không nhìn lại mà đi. Mọi người liền đuổi theo nhưng chẳng ai biết Sư đến xứ nào.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Đồng Tấn trụ chùa Đăng Hạnh ở Lự Châu

Thích Đồng Tấn, họ Lý, người ở xứ Miên Châu. Khi xưa, Sư xuất gia vào thời Bắc Chu. Sư chẳng bó buộc bởi lễ độ, chỉ ưa thích uống rượu. Sư nói với mọi người rằng: “Rượu này có thể rưới khắp thân”. Sư chén tạc chén thù qua lại, tiểu dãi dơ ứ. Mọi người đều chẳng chấp nhận như thế. Có người nhận biết sâu xa bảo rằng: “Đây là Hiền hay ngu khó mà biết được”. gặp lúc họ Võ nhà Bắc Chu đánh chiếm phương Đông, nói là cần có thuốc độc, ban sắc chế tạo tại Lự Châu. Đặt Giám Lại lực khoa săn hái thuốc như đầu Rắn độc, đười ươi sắt, ong lớn, dây sắn đồng hoang, lông chim trăm v.v... tất cả mấy mươi thứ, dùng bình sắt để gậy men. Khi thuốc đã thành thì mặc áo da, mắt đeo kiếng lưu ly mới được đến gần. Nếu không thì khí độc xông lên thành bệnh nhọt sẽ làm cho chết, nếu thuốc dính vào thịt người vật xuyên qua thì chết liền. Sư nghe thế bèn đến chỗ cất giữ. Quan nhân đùa bảo: “Nếu uống được một bát thì sẽ được gọi là Tử Sĩ?” Sư bảo: “Được một thăng để tỉnh rượu cũng cần”. Quan nói: “Tha hồ uống ba nhiều cũng được, đâu luận gì một thăng”. Sư liền cầm muống sắt đến chỗ bình rượu múc ra một muống và uống, nói cười tự nhiên, đều không bị độc hoạn gì. Các Đạo Sĩ v.v... nghe thế đều đến xem. Sư lại múc thêm một muống để mời họ, mọi người đều bỏ chạy. Hoặc có người nói: “Đây là cố ý giết người, làm sao không có tội được?” Sư nói: “Không có khổ vui”. Và Sư tự uống nếu có ai khuyên thì than rằng: “Hôm nay được một bữa say nằm trên tảng đá vuông”. Không bao lâu Sư tiểu dãi, nước tiểu dính vào đá đều bị vỡ. Hồi lâu ngủ thức dậy, Sư tỉnh táo như thường từ đó về sau, Sư uống rượu càng nhiều, ăn cũng gấp bội.

Đến đầu đời Tùy, Sư được độ xuất gia và phối vào chùa Đăng Hạnh. Ngài bị bệnh hơn một tháng thì thị tịch, thọ hơn chín mươi tuổi. Các đệ tử, đàn việt v.v... sau khi Sư tịch xem xét các y phục và giường nệm của Sư đều có mùi thơm, không hề có mùi rượu.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Phú Thượng ở Ích Châu

Thích Phú Thượng, không biết Sư là người xứ nào. Sư thường nghỉ qua đêm tại chùa Tịnh Đức ở Ích Châu. Sư thường chôn một chiếc nón lớn ở đường đi, ban ngày ngồi dưới nói đọc Kinh. Mọi người tuy qua lại nhưng Sư

không kêu gọi cúng thí. Có người ném cho một tiền, Sư cũng chẳng chú nguyện, ngài thường ở nơi đường vắng, không vào chốn ồn náo. Tướng trạng ngài như độ tuổi năm mươi, tuy qua nhiều năm mà không được gì. Có người tín tâm nói với Sư rằng: “Ở phía Tây thành phía Bắc Thành, người đông cúng thí nhiều, Sư ở đây làm gì?” Sư đáp: “Một tiền hai tiền đủ nuôi thân mạng, đâu cần nhiều”. Thứ sử Lãng Châu là Triệu Trọng Thư làm quan suốt ba triều đại, rất không kính tin, nghe nói Sư như thế nên đến thử. Bèn cưỡi ngựa đi thẳng qua, giả vờ rơi một Quan tiền. Sư chỉ đọc kinh, mắt không hề nhìn lại. Đi đã xa, Triệu Trọng Thư gọi bảo Sư nhặt lấy tiền, Sư cũng chẳng đoái hoài. Triệu Trọng Thư bèn quay trở lại bảo: “Ông có thấy tiền của ta rơi dưới đất chăng?” Sư đáp: “Thấy”. Triệu Trọng Thư hỏi: “Vậy hiện giờ tiền ở đâu?” Sư đáp: “Thấy có một người nhặt rồi”. Triệu Trọng Thư nói: “Suốt ngày ông ngồi ngoài đường chỉ xin một tiền, chẳng lẽ có một quan tiền dưới đất mà không nhặt lấy? Lại thấy người nhặt đi sao không ngăn lại”. Sư đáp: “Vì chẳng phải vật của bản đạo. Làm sao nhận bừa được? Triệu Trọng Thư bảo: “Ta cần chiếc áo ca-sa trên mình ông”. Sư nói: “Muốn thì hãy thử, ông dám mang đi thì tôi cũng có thể tặng cho, có thể gọi là được mất một thứ”. Và Sư liền quăn lấy áo mà trao cho. Triệu Trọng Thư liền xuống ngựa mà sấm hỏi rằng: “Đệ tử là người ở triều đại Bắc Chu, làm quan trải qua ba đời vua, thường qua lại với chúng tăng, nhưng ít người chẳng Tham. Nay nghe danh Sư nên đến bái yết, vốn chẳng có ý xấu. Xin thỉnh Sư đến ở Lãng Châu!”. Sư bảo: “Lành thay! Nhưng vì bản đạo muốn kết duyên rộng với Nguyễn Công, giúp nước nhà an ủi vô về, tức là mãi được cúng dường!”. Triệu Trọng Thư giã từ, khen ngợi rằng: “Trong Mao có người không thể xem thường đó!”. Sau đó, không còn thấy Sư nữa. Có Tô Tương là người xứ Ích Châu từ Dương Châu trở về lại thấy Sư ở xứ đó, cũng chôn chiếc nón bên cạnh đường đi. Nhan sắc tướng mạo Sư vẫn như thế.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Minh Cung trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu

Thích Minh Cung, trụ chùa Hội Thiện ở Trịnh Châu. Xưa kia khi còn là người thế tục, Sư làm Cao Hạ Chước Kỵ ở đời Tùy, Sư kết bạn tất cả ba người ngang sức tương tự, mà là chỗ rất kỵ ở đương thời. Vua rất lo nghĩ dùng sự để dứt trừ, bèn làm hai gói bánh để dụ, một gói bánh có sừng nai sống, một gói bánh có năm thăng muối, đều ban cho và đều ăn hết. Người ăn muối ra đến Triều Đường, ruột xé mà chết. Còn Sư ăn gói bánh có sừng Nai, hoàn toàn không có cảm giác gì. Sư bèn nhàm chán thế tục mà xuất gia trụ chùa Hội Thiện.

Sức lực Sư mạnh như thần, không ai sánh bằng. Sư từng giành đất với chư tăng chùa Siêu Hóa. Chùa ấy gọi hạng Vô lại có hơn trăm người đến chiếm đoạt lúa thu của chùa Hội Thiện. Tăng chúng chùa Hội Thiện đều lo buồn, Sư bảo: “Chớ nên lo buồn!” Sư một mình đến chùa Siêu Hóa, tháo chuông lớn ở chùa đó bít lỗ, bỏ sáu thăng cơm khô vào chuông, dùng nước hòa vào có thể ăn được, một tay nâng chịu ở đáy, một tay vốc lấy mà ăn. Chỉ phút chốc, Sư ăn hết cả. Bèn lấy một tảng đá lớn khoảng ba mươi người mới dời nổi mà chỉ riêng mình Sư nhặt lấy như viên đá nhỏ, đứng từ xa ném xuống đất. Mọi người ở chùa Siêu Hóa thấy thế, đồng một lúc kinh sợ, bỏ chạy tán loạn.

Thêm nữa, đến cuối đời Tùy, giặc giã dấy khởi, rảo khắp bắt bớ. Sư bảo trước ở chùa rằng: “Ngày mai sẽ có binh lính đến, nên sửa soạn đầy đủ thức ăn và một con heo lớn”. Chư tăng trong chùa không dám chống chế, bèn theo lời Sư chỉ bảo mà sắm sửa. Đến giờ, sắp đặt chỗ ngồi, bày biện đủ các thức ăn. Sư bất nhãn với việc ấy, bèn chống gậy đến nơi cùng bọn giặc nói bàn, bọn giặc nhường ăn trước, Sư bèn bày ra vài mươi cái bánh, đặt con heo gói vào trong đó, từ đầu mà cắn ăn, chỉ phút chốc hết cả, bọn giặc kinh sợ khiếp phục, sư bèn vờ về làm đàn việt giữ gìn chùa. Bọn giặc chấp nhận. Nên từ đời Tùy đến đời Tiền Đường giặc đã giao chiến lẫn nhau, nhưng chỉ riêng chùa Hội Thiện không hề có một bóng giặc qua lại. Đó thật là do năng lực của Sư!

Lại có lần Sư đang đi giữa núi có một con hổ và một con heo đang giao đấu với nhau, con heo dần dần thua thế. Sư bảo con hổ rằng: “Hãy buông tha cho nó đi”. Nhưng hổ chẳng chịu nghe lời. Sư bèn một tay bắt lấy đầu hổ, một tay nắm lấy đuôi hổ, kéo vào hang sâu. Khí lực của Sư, nói ra có nhiều việc không thể tin được, nhưng thật có.

Sư giữ giới thanh khiết trang nghiêm, thường nương theo chúng tăng thọ thực, thức ăn cũng chỉ như người thường. Có lần Sư ăn mà gặp được cơ hầu, bèn ăn hết phần ăn của cả hai trăm người. Đại chúng chỉ rất nghi ngờ, chẳng ai nhận biết lý do. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi.

Có thời gian tại chùa Hội Thiện, có vị Sa-di du khách, miệng nói tiếng người đất Ngô, vào nhà trù đốt lửa, lấy khúc tre khô lớn như cánh tay mà chỉ dùng hai tay bẻ gãy để đốt. Khi ấy, Sư lấy làm lạ, cùng dùng tay bẻ thử mà không được. Sau khi vị Sa-di ấy đi ra ngoài, Sư ôm chân cột nhà trù nhấc hồng lên và lấy áo của vị Sa-di ấy đặt lên trên tảng đá rồi để cột nhà trù đè lên đó, vì Sa-di trở vào tìm áo không được, thấy ở dưới cột nhà, muốn lấy mà không

được. Sư cười và nhắc cột nhà hồng lên cho vị Sa-di lấy áo. Đó cũng là việc khó suy nghĩ.

---oOo---

14- Truyện ngài Thích Pháp Tấn ở núi Trường Dương thuộc Ích Châu

Thích Pháp Tấn, người ở xứ Tân Phiên thuộc đất Thục. Khi còn ở thế tục, Sư đã rất mực tinh tấn, chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng. Tại chỗ làm ruộng nông, Sư dùng cái mai nhọn làm chuông khánh, đo lường tác bóng mà dùng bữa, có lúc đưa thức ăn đến muộn, Sư chỉ uống nước mà thôi. Ở chỗ đất ruộng Sư cày không tổn hại thân mạng trùng kiến. Có một lúc, ở giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Xà-lê-Tấn thời cơ xuất gia đã đến!”. Cứ như thế, gọi đến năm-sáu tiếng. Cả nhà đều nghe. Nhân đó, Sư đến núi Lạc Khâu xuất gia, tu hạnh đầu-đà, chẳng ở nơi phòng nhà chùa viện.

Bấy giờ, Thục Vương Tú đời Tùy nghe tiếng tăm Sư nhưng biết là khó thỉnh được, bèn sai Tham Quân úc Cử Lu Trường Khanh đến thỉnh. Trường Khanh cùng dẫn theo tùy tùng có khoảng mười người từ già nói với Vương Tú rằng: “Vâng thừa có đạo đức, nếu thỉnh mà không đến thì sẽ bày ra tục pháp đê ứng xử”. Vương Tú bảo: “Không nên dùng oai thế để bức bách, chỉ nên dùng lý để thỉnh ngày mai phải đến đây!”. Trường Khanh ra khỏi cửa thành, nhìn lại bảo rằng: “Ngày nay tôi và các ông lên cung trời Đâu suất thỉnh Đức Phật Di-lặc cũng còn hy vọng được, huống gì Đạo nhân ở trong núi có gì mà không đến”. Mới vừa đến dưới chân núi Cát Dương, mặt trời đã chiều tối, thấy hồ ra ngòi xôm trên đường, Trường Khanh bảo người bản. Đoàn ngựa đều trốn chạy hết. Muốn đến trong thôn nghỉ lại thì sợ trái với lệnh vua. Không bao lâu thì thấy một vị tăng mang xiêm lên núi, Trường Khanh bèn bảo ở lại làm bạn. Những người đi theo đều ở lại, đi bộ đến chùa, Sư gọi vào đến giường. Lại thấy hồ nằm dưới giường, Trường Khanh kinh sợ chẳng tự an tâm. Sư bảo hồ ra ngoài. Trường Khanh trình bày lại đầy đủ ý của Vương Tú, tuy có đôi đáp mà sợ hình luật nơi tướng trạng. Sư bảo: “Đàn việt mới vừa ra khỏi cửa thành rất hùng dũng, nay đã đến đây vì sao lại khiếp sợ?” Trường Khanh đánh lễ Sư mà im lặng. Nhân đó nghĩ lại đến sáng. Sư bảo: “Đàn việt hãy trở về Ích Châu trước, bản đạo sẽ đến sau”. Trường Khanh về tới Đài Vọng Hương, ngoái nhìn lại thì Sư đã đến kịp, bèn cùng nhau ra mắt Vương Tú. Sư vào nội cung, Vương Tú cầu thọ giới pháp, xong rồi, liền trong ngày đó Sư từ già trở ra. Với mọi vật Vương Tú dâng cúng, Sư không nhận lấy một thứ gì, Sư nói là đến dùng nghỉ ở chùa Pháp Tự. Vương Tú ngoái nhìn lại mọi người chung quanh và bảo rằng: “Nhìn thấy vị tăng ấy, khiến khắp mình Quả nhân nổi ốc. Thật là do giới thần giúp đỡ!”. Về sau, Vương Tú lại thỉnh Sư vào Thành, Vương Tú từ xa trông thấy

Sư liền đánh lễ. Sư bảo: “Vua hãy tự an lạc, Pháp Tấn tự an vui. Vì sao lại não loạn nhau, làm những việc vô ích như thế?” Chư Tăng can ngăn Sư rằng: “Vua người đứng đầu đất nước, nên khéo thăm hỏi, vì sao lại quở trách”. Sư bảo: “Các Đại đức sợ chết nên phải cầu ý Vua. Mắt đã trông thấy việc xấu ác mà đều không dám khuyên răn. Như vậy sao gọi là Hoàng Pháp được? Pháp Tấn tôi không sợ chết, trách lỗi thì đâu có gì hiềm ngờ ư?” Tuy Vương Tú lập bày các thứ ghế ngồi trang sức, thức ăn mùi vị đượm hậu, mà Sư chỉ ngồi trên giường dây xấu cũ, ăn bánh dore mà thôi. Cho đến các cung phi cầu xin thọ giới, Sư chỉ trách buông lung không nghĩ nhớ vô thường. Sư lại giã từ trở về núi. Sau Vương Tú lại mời Sư vào nội cung ba ngày, mãn hạn, Sư trở về lại nơi cũ.

Các hàng Thanh tín đều thiết bày vật thực mà thỉnh Sư. Đến giờ, mọi nhà đều xưng gọi là Sư đến chúng trai, tất cả có đến mười hội, mới là Sư bèn phân thân đến mười nơi. Có lần, Sư cùng chư tăng xuống núi để chúng trai, bỗng nhiên Sư phát cười, có người hỏi về lý do. Sư bảo: Ở chùa núi hiện có tịnh nhân duyên qua vách tường vào trộm đường mật”. Khi trở về quả nhiên đúng như lời Sư nói. Mọi việc như thế chẳng phải chỉ một lần. Ở đây chỉ nêu sơ lược.

Ban đầu, nơi Vương Môn có Sa-môn Từ Tạng làm Tăng Quan ở Châu, lập ra chính sách nghiêm khắc, bình bát y phục hương hoa nếu thiếu sót thì liền bị đánh, nên chúng tăng rất khổ sở. Nhưng vì Sư được Vua kính trọng, nên không ai dám can ngăn, chỉ thưa trình sự việc ấy với Sư, xin Sư cứu giúp. Sư bảo: “Từ Tạng oai lực như thế, đâu thể nghe lời ư?” Chúng tăng tha thiết cầu xin thưa thỉnh không thôi. Sư bèn đến cửa phòng ngài Từ Tạng. Ngài Từ Tạng đi ra. Sư bảo rằng: “Pháp môn không thể như thế, Ngài thật quá lắm”. Ngài Từ Tạng bèn trở vào phòng. Từ đó, ngài Từ Tạng bèn dứt lời, tăng chúng nhờ đó mà được an.

Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư thị tịch tại núi, thọ chín mươi sáu tuổi.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Đạo U trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu

Thích Đạo U, Sư là vị Tăng trụ chùa Xà-lê ở Đại Châu, rất giỏi về giảng giải kinh luận. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đang ở tại chùa, giảng “Bà-già” Bát-nhã Tinh luận”, thính chúng có hơn trăm người. Vào giờ ngọ, ngồi trên giường dây, Sư bỗng thấy một vị trời rất cao lớn lạ thường, tự nói rằng: “Ta là Thích-đề Hoàn-nhân đến xin cầu thỉnh Sư lên cõi trời giảng kinh!”. Vừa nghe, trong tâm Sư không chấp thuận, nhưng vì sợ chết, nên Sư đáp rằng: “Vì đang xây dựng Phật đường chưa hoàn thành, vì

vậy nên không thể được”. Đến lúc tỉnh giấc, Sư kể lại cho vị thị giả là Pháp sư Như nghe, Pháp sư Như nói: “Việc ấy ít có, người sống cuối cùng sẽ phải chết, lúc chết không biết sinh vào loài nào, nay được sinh lên cõi trời thì tốt đẹp hơn cõi người. Khai thông pháp lợi thì các vị trời thấu hiểu hơn loài người, Sư chẳng đến sao được? Còn công đức xây dựng Phật Đường chẳng đáng nói”. Sư nghe theo. Sau đó không lâu, Sư lại mộng thấy như trước, y như lời vị trời thỉnh mời. Thiên đế bèn rót ít hương vào lòng bàn tay Sư định thời gian đến đón rước. Đến khi Sư tỉnh giấc thấy trong tay có mùi hương xông ngát cả chùa. Sau đó, Sư vẫn như trước nói pháp. Sau khi xuống giảng tòa, Sư đến dưới hàng hiên, Chư tăng ở trên ghé xa thấy hơi khói hương khắp một bên ghé, kinh lạ, bèn cùng nhau đến xem, thấy trên tay Sư đang bưng lò hương, thân tâm an trú trong chánh niệm mà thị tịch. Khi đó, các hàng đạo tục ở phía ngoài chùa trông thấy hơi mây từ chùa tỏa ra như một ráng mây vọt thẳng lên giữa hư không vùn vụt mà biến mất.

---o0o---

16- Truyện ngài Xà Lê Sầm trụ chùa Thiện Cư ở Tương Châu

Xà-lê Sầm, trụ ở chùa Thiện Cư thuộc Tương Châu. Không rõ Sư là người xứ nào. Sư ở trong chùa chuyên thiền quán tụng niệm là chánh nghiệp, Sư có sự sáng suốt thấy biết trước, mà chùa ở nơi chốn núi chằm nên mọi sự cung cấp cúng dường vốn thiếu thốn, gạo thóc vật thực không có liên tục. Thường ngày Sư mang chum vào thành xin rượu để uống. Lại xin đầy chum có thể nhiều đến ba đấu, khi trở về trên đường vừa đi vừa uống. Về đến chùa thì chum cũng hết rượu, ngày hôm sau, Sư lại tiếp tục như thế.

Ở chùa mở trai, Sư mang chum đến nhà trù xin cháo khoảng ba thăng, rồi cầm tích trượng đi vào trong chúng, dùng trượng đánh vào đầu chư Tăng từ trên xuống dưới, thường ngày cứ như thế, mỗi người đánh một cái. Mọi người đều cho Sư là người trác việt lạ thường, hoặc nghi là đánh để tan mất tai ương nên chẳng từ chối nhận chịu. Sư đem cháo vào phòng, Ngài có nuôi một chó lông màu đen sạm, và trong chùa có đến mấy ngàn con chuột. Mỗi sáng nhóm họp, chó và chuột cùng ăn chung đầy kín cả sân. Các hàng đạo tục cùng nhau đến xem. Một hôm, mất một con chuột, Sư buồn thảm không thôi, cho là do chó giết, Sư bèn trách phạt chó, chó ngậm mang con chuột đến, Sư trông thấy mà áo não, lấy gậy đánh chó. Sư đem chuột chôn cất rồi buồn thương khóc rống. Chư tăng trong chùa bị chuột cắn gặm y phục và cả hòm rương, đem việc đó báo mách việc đó với Sư. Sư bèn gọi cả đàn chuột đến, răn bảo mỗi con phải cùng gìn giữ. Có một con chuột không chịu gìn giữ. Sư bảo: “Sao ngươi cắn gặm y phục của người?” Và dùng gậy đánh đó.

Khi ấy vì chùa đông nghèo khổ, Sư xuống dưới mé suối Bạch Mã thuộc phía Đông bắc của giảng đường, dự ghi nơi này làm nhà trù, nhà kho, chỗ kia làm kho lẫm, v.v... Mọi người đều cười nhạo. Qua đêm bỗng nhiên nước cuộn lùì đất ra, nên y như lời Sư nói mà làm, bèn khiến cho dồi dào. Sư lại xa dự ghi rằng: “Mười sáu năm sau sẽ có người ngu đến ở phía nam của chùa xây dựng lầu nhiều tầng. Tuy cơ nghiệp của chùa không thiếu, nhưng có sự tranh tụng không thể ở yên”. Đến niên hiệu Vĩnh Huy (650-659) thời Tiền Đường, thì có người đến xây dựng lầu nhiều tầng, do đó kiện tụng lẫn nhau. Thật đúng như lời Sư nói.

---o0o---

17- Truyện ngài Xà Lê Thông trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương

Xà-lê Thông, trụ chùa Thiên Bảo ở Đan Dương. Vào cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, khi đó Sư đã tám mươi tuổi, mà khí lực vẫn còn khoẻ mạnh, nghi dung khoan thai. Sư thường mặc áo nạp, áo dày một tấc, sợi chỉ lớn bằng ngón tay được dùng để vá nạp, rất là thanh khiết. Sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, vào chợ khát thực, vật xin được chẳng khác thế tục. Có được tiền của thì Sư tu tạo sửa sang chùa viện phòng nhà.

Giảng đường chánh điện chùa đó được xây dựng từ đời Lương. Cát đỏ rưới rửa, tô đắp rất dày. Đến đầu thời Tiền Đường, Thiền sư Thiện khám tượng đồng lớn, cần có Thủy ngân nên đến xà nhà nạo lấy mà sử dụng đầy đủ, ngoài ra dưới chân cột vẫn còn màu đỏ. Như thế đủ biết người xưa làm phước rất mực quý trọng, không hề từ nan, nếu chẳng dùng đó thì vật xưa đâu còn. Đến lúc nên chùa cần sự sửa sang tu bổ thì Sư bảo: “Có vàng để giữ nước xưa hãy lấy để sửa chữa”. Bèn đến phía Bắc chùa chừng bốn mươi bộ, y theo lời bảo mà đào bới lấy mười cân, dùng hết, lại lấy được ba mươi cân cân. Sư bèn nói: “Dưới đất lớn có nhiều vàng nhưng càng lấy thì phải giết người”. Lúc ấy bèn thôi.

Về sau, Sư tự tạo một cái hang đất ở phía Bắc chùa, để sẵn khi qua đời. Khi đó, chưa ai nghiệm biết. Không bao lâu, Sư bảo với chúng tăng rằng: “Bình thường đến lúc qua đời phải có sự phó chúc, đem các thứ của cải ra chỉ định trao truyền rất rõ ràng”. Sau đó ba ngày, thân khí Sư vẫn sáng suốt khỏe mạnh, nhưng Sư bảo là “Sắp đi!” Bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả, mọi người bèn đến xem chỗ hang đất thì cửa đã lấp, chỉ mở một lỗ nhỏ. Ngài nằm dúm nơi đất, hơi thở đã dứt. Sư thọ hơn chín mươi tuổi.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Pháp Khánh trụ chùa Ngưng Quán ở Kinh Đô

Tại phía Tây Bắc kinh đô có chùa Ngung Quán bị hoang phế. Chùa đó có một pho tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đứng cao trượng sáu, nghi dung tôn tượng khác lạ, thường phát ra ánh sáng. Pho tượng đó do Sa-môn Thích Pháp kháng ở tại chùa đó đắp vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy.

Khi đắp tôn tượng vừa xong, chưa kịp sơn phết thì ngài Pháp Khánh bỗng nhiên thị tịch. Cũng trong ngày đó tại chùa Bảo Xương có Sa-môn Đại Trí cũng thị tịch, ba ngày sau sông lại kể rằng: “Ban đầu đi vùn vụt như cười giữa gió mưa, có thể đi khoảng trăm dặm, thấy một cung điện, người vật xinh đẹp khác thường. Lại thấy có một người giống như vua, hai bên nghi trượng rất oai hùng, chỉ trong khoảnh khắc thì thấy ngài Pháp Khánh đi đến mà nét mặt tỏ vẻ u buồn. Lại thấy có một pho tượng lớn nói với người trên điện rằng: “Sa-môn Pháp Khánh đắp tạo tôi chưa xong, vì sao lại chết đi?” Người đó vội bước xuống điện bái lạy xong, gọi người dưới thềm cấp mà hỏi rằng: “Ông Pháp Khánh đã hợp với cái chết chưa?” Người dưới thềm cấp đáp rằng: “Mạng chưa hết mà thức ăn đã hết”. Người ấy bảo rằng:”Hãy cấp lá sen để kết thúc phước thọ của người ấy!”. Nói xong, pho tượng và ngài Pháp Khánh liền biến mất”.

Khi đó, ngài Đại Trí hỏi chư tăng ở chùa Ngung Quán rằng: “Ngài Pháp Khánh tịch đến nay đã ba ngày, pho tượng cao trượng sáu do Ngài đắp tạo đêm đó cũng biến mất qua đèn rạng sáng hôm sau mới thấy lại”. Khi đó, mọi người đều khen ngợi lấy làm lạ. Đang bàn nói chưa xong, thì có người đến báo ngài Pháp Khánh sống lại. Đại chúng đều đến thăm hỏi, thì Sư nói giống như ngài Đại Trí. Từ đó mỗi mỗi sáng mở trai, Sư lấy sáu lá sen, bữa trưa thì tám lá, hễ lúc nào muốn ăn thì trước rót nước nóng vào cho ướt mềm rồi mới ăn. Ngài (Pháp Khánh) đi khắp mọi nơi xa gần khuyến hóa các hàng sĩ tục cúng dường để đắp tạo pho tượng đó. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy (605) Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi.

Gần đây có Đơn Đạo Tông người ở Vị Nam thuộc Ung Châu, trong niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) thời Tiền Đường, vì bị bệnh phong, nên dung nghi Sư biến đổi, dần dần về sau, với mùi vị các thức ăn uống đều hôi thối, nên Sư chỉ ăn đất uống nước. Người đương thời gọi Sư là “ Nhân Đàn ”. Đến nay đang rao bước khắp nơi để xin ăn, tuổi có thể đã ngoài bốn mươi.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Đức Sơn trụ chùa Thiên Sắc ở Ích Châu

Thích Đức Sơn, họ Sơn, không biết Sư là người xứ nào. Bỗng nhiên Sư dứt bỏ vợ con, vào núi tu đạo, râu tóc không rảnh mà cạo, ăn mặc cũng không rảnh để coi sóc, Sư chỉ dứt duyên lãng niệm lấy làm đặc tánh. Mọi

người đều không biết về Hành Quán của Sư như thế nào, thấy tướng trạng Sư như người đắc Định.

Bấy giờ, ngài du hóa ở vùng Long Trì thuộc Trúc Lâm, Khai ngộ các hàng đạo tục, lấy sự thanh tịnh đơn giản làm gốc. Sư thường nói rằng: “Pháp phiền loạn thì đạo tục đều tệ xấu. Nên chính sách hà khắc thì nước loạn, tâm phiền nào thì ý loạn. Nước lắng trong thì cá, đá đều thấy được, thần lắng trong thì ý tưởng điên đảo nhận biết được. Người học thanh tịnh đơn giản còn tự ôn ào phiền nhiễu, huống gì loạn sứ mà có thể đắc Đạo ư?”

Về sau, Sư vào núi Mã An, ở đó thường có nhiều rắn độc, cắn người thì chết ngay, nhưng Sư qua lại đều không bị làm hại, còn như các trẻ nhỏ theo hầu sớm tối đi lại cũng không lo sợ gì. Có lần đạp phải nên bị cắn, Sư dùng nước tẩy rửa, tự nhiên được bình phục. Sau, Sư lại trở về ở núi Thiên Sắc, an cư kiết hạ dưới gốc cây. Có người đến chỗ Sư, bị hổ rượt, bèn chạy vào dưới giường Sư, hổ đến ngồi đợi trước giường. Sư bảo hổ rằng: “Thịt của Phật từ ở dưới giường mùi vị có hơn thịt bần đạo đây chăng?” Và liền cởi áo để thí xả, hổ bèn đứng dậy đi thẳng. Sau đó, có một đứa trẻ đến thưa hỏi Sư. Sư bảo: “Người đến đây làm gì?” Đứa trẻ đáp: “Từ lâu không được trông thấy, không biết sống chết thế nào, nên đến xem thử?” Sư bảo: “Người hãy đi đi, mỗi người hãy tự tìm sự sống, nếu còn đến đây ta sẽ cho ăn gậy đó”. Đứa trẻ bỏ đi, sau đó mấy năm lại đến. Sư cầm gậy định đánh, đứa trẻ lùi lại nói rằng: “Xà-lê gặp con mà như người khác. Người khác có thể chịu đánh ư?” Ngài cười lớn và bảo: “Ta không đánh người, thì người sẽ làm hư hại Đạo ý của ta!”. Đứa trẻ bèn đi thẳng. Đến lúc hơn chín mươi tuổi, Sư thị tịch tại am cốc ở núi.

Bấy giờ, tại chùa Thảo Đường ở Ích Châu, có Sa-môn Húc Thượng, không biết Sư là người xứ nào. Từ thuở thiếu thời Sư đến trụ chùa Thảo Đường, chỉ lấy sự thiền quán, tụng niệm làm việc chính, ngoài ra không tạo tác một việc gì. Ở đất Thục rất chuộng hai ngày mồng tám tháng hai và mồng tám tháng tư, mỗi lúc đến hai ngày ấy, mọi người khắp bốn phương đều nhóm họp thur thả vui chơi, còn chur tăng thì bận rộn vội vàng không chút nhàn nhã. Nhưng Sư vẫn ngồi thẳng bên rừng trúc, điềm nhiên lắng tưởng, bình nước vẫn tự đầy tràn, lò hương vẫn tự đốt cháy. Mọi người ở phía Tây Thành thấy vậy nên cùng theo tham dự. Sư vẫn nghiêm nhiên bất động đồng như vàng đá, sau ba ngày Sư mới trở lại như thường. Bốn chúng thấy đều kính trọng mà lấy làm lạ, nên xem Sư như mặt trời vừa xuất hiện lúc sớm mai, cùng gọi Sư là Húc Thượng. Sư thọ đến chín mươi tám tuổi mới thị tịch.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Đạo Duyệt ở núi Thanh Khê thuộc Kinh Châu

Thích Đạo Duyệt, họ Trương, người ở xứ Chiêu Khâu thuộc Kinh Châu. Năm mười hai tuổi, Sư đến chùa Ngọc Tuyền xuất gia thọ giới. Ngài chịu nghèo khổ, rất hay trì niệm các Kinh Đại Phẩm, Pháp Ho, thường tụng làm chánh nghiệp. Tùy chỗ nào có kinh giới, mỗi ngày Sư tụng một quyển. Mọi người đều lấy làm lạ.

Ban đầu, ngài Trí Giả vào trụ chùa Ngọc Tuyền, chưa có chuông Khánh, ở dưới suối nhật được một mẫu đá lạ, treo lên để đánh, âm thanh vang hưởng trong suốt. Ngài (Đạo Duyệt) trụ tại chùa đó, mỗi lúc tụng xong quyển kinh, đánh một tiếng khánh mà xuống, người nghe thấy đều cung kính. Và lại, tiếng Sư tụng kinh trong suốt như âm vận của dòng nước chảy, người nghe quên cả mệt nhọc. Do đó, trong cõi sáng tối thường có điềm lành. Có một thời gian Sư bị bệnh nước, bụng trương lên như cái trống. Nhưng Sư không hề cầu cạnh gì, chỉ xưng niệm kinh Bát-nhã, một đêm tụng kinh một biến, bỗng nhiên bụng như xé rách, nước tuôn đổ tràn đầy, bèn thử đưa tay sờ thì chiếc bụng trương đã tiêu mất, bệnh liền tan biến. Đó gọi là chuyển chương mà thọ khinh.

Xưa, bọn giặc Chu Sán đến phá nhiều chùa, chỉ một mình Sư ở lại giữ núi, kẻ trộm đến xin, Sư giảm bớt phần ăn mà ban cấp cho. Kẻ trộm lại lấy thêm để nấu mà không chín, bèn xấu hổ mà bỏ đi. Ngày khác bọn giặc lại đến, định hại mạng Sư, Sư vẫn ngồi dưới đất không lay động, bảo rằng: “Hại ta chỉ ở đây, ta muốn chính mắt trông thấy chùa chiền phòng nhà lấy hết”. “Giặc bèn thả bảo dẫn đường. Đi được vài bước, Sư lại ngồi xuống đất bảo rằng: “Ta là Sa-môn, chẳng phải là người dẫn đường. Với hình hài phù huyễn, mặc tình theo cùng bạch nhận”. Bọn giặc lấy làm lạ về sự cao thượng ấy, bèn đưa Sư trở lại chùa.

Trọn một đời, Sư chẳng mặc áo bằng tơ tằm, chỉ mặc áo vải gai bố. Hán Dương Vương đến núi, thấy phong nghi của Sư mặt mày tuấn tú bèn xin thọ giới phẩm, lại cúng dường dâng tặng nông hậu. Sư không nhận lấy một vật gì. Hán Dương Vương làm ba pháp y bằng vải bố lớn và một chiếc áo lót để dâng cúng Sư, nhân đó hỏi Sư “Vì sao không mang mặc các thứ gấm lụa ư?” Sư đáp: “Y phục bằng tơ tằm phải tổn hại sinh mạng mới có, trái với tâm của nhẫn nhục, y phục bằng vải bố sạch sẽ tiết kiệm biểu thị tướng từ bi!” Hán Dương Vương nói: “Trọng Do chẳng xấu hổ, Phu Tử được tôn xưng, Sa-môn từ bi nhẫn nhục hẳn là như vậy!”. Sư lường tác bóng mà ăn, ít khi khặt nhổ, thức ăn Sư lưu lại một phần để thí cho các loài bay chạy bơi lội. Nên do sự xông cướp của đức hạnh từ thiện mà hoặc chim bay lại đậu trên vai Sư, cá bơi nổi vào trong lòng bàn tay Sư. Tuy Sư mặc y phục thô xấu mà không hề có rận rệp. Bấy giờ, ngài lại đi quanh trong thôn áp xin chấy rận để nuôi, Sư

răn bảo mọi người chớ nên giết hại chúng. Sư ở tại núi hơn năm mươi năm, Sư thị tịch trong hang núi, thọ bảy mươi hai tuổi.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-655) thời Tiền Đường có người ở núi Thanh Khê thấy một vị tăng, tay cầm tích trượng, đi chân không, tự xưng là “Bát-nhã Sư”, nói xong bèn biến mất. Vì lúc còn sống, Sư thường trì tụng Kinh Bát-nhã, nên mọi người đều gọi như thế.

---o0o---

21- Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Nội Hoa ở Kinh Châu

Thích Tuệ Duệ, họ Kỳ, người ở xứ Tương Dương. Thuở thiếu thời, Sư trầm lặng, nói năng chậm rãi, việc làm nhanh nhẹn, mọi người đều quý trọng. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi hỏi Đạo, đến chỗ Pháp sư Mạng ở Trịnh Xuyên, Sư lại đến chỗ Thiên sư Tuệ Tư ở Hành Nhạc, và đều hết lòng thưa hỏi điều lợi ích, quán dụng rõ ràng. Ngài Tuệ Tư ở giữa đại chúng bảo Sư rằng: “Đối với Thật Tướng Quán, ông khéo có được huyền thú”

Ở núi được mấy năm, gặp lúc ngài Tuệ Tư thị tịch, Sư muốn dứt vết ở Võ Đan để mong cầu Tổ Thượng, vừa đi đến Ba Khâu, Sư tự bảo rằng: “Ở xứ này, thiên luật ít được nghe, có thể tùy duyên mà hành hóa”. Có Pháp sư Đạo Ý trụ chùa Đạo nhân ở Giang Lăng, nghe chí khí của Sư bèn đến kết giao. Theo hướng Tây, Sư lên trụ chùa Đạo nhân, suốt mười bốn năm Sư không ra khỏi sân cửa chỉ thường vị Thiên tịnh. Gặp lúc ngài Trí Khải trở về quê cũ, than rằng: “Quê cũ không có bạn hiền đủ để làm khuôn phép cho Di pháp!”. Do đó, các hàng Đạo tục ít đến lễ yết. Sư đóng bít cửa chuyên trì mật hạnh chẳng gặp gỡ người thế tục đương thời.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy. Sư nói với mọi người rằng: “Ta không muốn làm phiền hà chúng tăng ở đây, muốn đến ở chùa Nội Hoa để có thể thư thả hơn”. Tăng chúng cố lưu giữ mà ngài không chấp thuận. Đến tháng hai niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Sư bị bệnh nhẹ, thấy hai thầy Tuệ Tư và Mạng đến đón rước. Qua ngày mùng sáu tháng ba, Sư ngồi kiết già thẳng lưng mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Được an táng tại chùa Nội Hoa.

Lúc Sư chưa tịch, trong chùa có ba mươi người đều nằm mộng thấy chùa bị nghiêng đổ, đến sáng sớm mọi người khác miệng đồng lời mà nói lại điều đó. Xưa kia gọi là chùa Đạo Nhân tức nay là chùa Thiên Hoàng. Thấy có Bách điện năm gian hai tầng. Hữu Quân Tướng Quân Trương Tăng Dao đời Lương tự cầm bút vẽ. Tại điện đó, người thợ, đắp họa tôn tượng Đức Lô-Xá-Na ở phía Bắc, tướng tốt trang nghiêm, ánh sáng thường phát ra. Phía trước

điện có năm thêm cấp cũng phát ra ánh sáng. Điem lành rất nhiều nên chẳng ghi đầy đủ. Do đó điem lành luôn gá ở đó.

---o0o---

22- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Đông Nhạc

Thích Đạo Biện, Sư là Danh nhân đất Tề, Sư trụ chùa Linh Nham ở Thái Sơn, dùng ở không nơi nào cố định, Sư chuyên đi khắp các nơi lấy làm việc chính. Sư thấu suốt Kinh Sử, giải rành về số thuật.

Vào niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đi đến Tương Châu, lúc đó tuổi đã ngoài bảy mươi. Sư lại cùng Sa-môn Thần Biện người cùng ấp, theo nhau roi gậy lên núi nhìn ngắm núi sông. Có nhiều chỗ Sư đi đến như đã từng thấy nghe. Ngài đi đến Lãnh Vọng ở phía Nam chùa Thiên Cư nói rằng: “Chùa đó do Sa-môn... Đạt xây dựng cùng tận thế núi, tầng chúng rất đông rất mực thanh tịnh, trang nghiêm. Vì sao hàng Hậu duệ lại xây dựng lầu gác ở phía trước chùa, chừ tầng trong chùa chẳng những giảm ít mà còn thêm tranh chấp, hai nơi liền nhau nhưng không hề bước qua, rất đúng như lời Sư nói. Bây giờ, Sư đến các chùa nói rõ mọi sự hơn kém. Không đâu chẳng U thông, trước nhận biết soi xét tinh linh, Ngài lại đến các chỗ Tháp mộ, cũng trình bày mọi sự tốt xấu. Có một vị sĩ tục quên mất họ tên. Thịnh Sư tô lại phần mộ ấy. Sư đi qua các bình nguyên, chỉ chỉ một nơi và bảo rằng:”Trong đây có thể an đặt Phần mộ, đầy đủ ăn uống, giàu có của cải. Đào sâu xuống đất khoảng ba thước được một thặng lúa thóc, lại sâu thêm 1 thước có phiến đá năm màu ánh ngời. Đó gọi là Tài Duyên”. Người ấy y theo lời Sư mà đào, quả nhiên có được lúa thóc và đá, bèn thực hành bốc táng, đến nay có sự hưng thịnh lớn.

Tại Tương Châu, có Viên Sơn Tùng là người xem rộng các kinh cáo, người đương thời gọi đó là Nho Tông. Nghe ngài học rộng nên lại tìm đến, đem Dương Tử Thái Huyền Vương Bật là Dịch Đạo để cùng tham cứu sâu mầu. Sư bảo: “Đạo thuật của Dương Vương chưa đủ để tham tầm, hãy ban tặng cho kẻ ngu, không học, không trí tuệ”. Viên Sơn Tùng biến sắc, mặt cười trước sự đê ép và tâng bốc của Sư. Sư bảo: “Ông học chưa khắp cùng, nên tin theo thuật trước đó, hãy trừ bỏ sự bèn bỉ của ta, ta sẽ chỉ cho lối trở về”. Bèn viện dẫn Kinh Thái Huyền v.v..., lại đến chỗ lưu tâm riêng của Huyền Tượng, chẳng hề nằm ngủ, ban đêm thấy bày, xét thứ lớp của Tú Đạt, xét quang cảnh của Bật tuệ (sao chổi), Sư bèn nói với người rằng:”Xưa kia, tôi ở chỗ Pháp sư Dụ, học Quán về Thất Diệu. Pháp sư Dụ bảo tôi rằng: “Samôn Đạo An đời Tấn rất giỏi về thuật này. Người tuy đã thị tịch mà di Văn vẫn hiện còn”. Sư có chú giải kinh về Tổ Nữ rất là quan trọng, chỉ tiếc là mất bản văn ấy, làm sao có được!” Khi đó có một vị tăng tình cờ có được bản văn ấy, nên

thỉnh Sư bày giải. Sư thấy có được nên rất vui mừng, liền giải thích rõ. Vị tăng ấy mặt mờ, tình ý giống như biển mộng, bèn đem cho. Sư bảo: “Sao gọi là Di Thiên (cùng khắp đất trời) thật chẳng đối xứng, học gồm Di Luân, sót thuật cùng tận. Đây tuy chỉ bốn trang giấy mà văn từ bao gồm không sót, yếu ước bao gồm dồi dào hết cả linh đài. Khi đó, trăng soi đến sao Tinh, Sư bèn bảo rằng: “Việc ở Tây Sở, hãy báo cho các hàng Đạo tục biết, nên chuẩn bị nước đầy đủ”. Chưa đầy hai đêm, sông Hán bỗng nhiên nước dâng lên tràn ngập, Tương Ấp Thành Hoàng sắp chìm đắm. Sư có được sáng suốt dự kiến đại loại như thế. Các tài vật có được, Sư đều sung vào dùng làm vàng chợ, dùng việc hợp thuốc để kéo dài thọ mạng. Người báo đến trộm không thể thực hành. Sư bèn nói: “Trộm giả độn giáp sáu Đinh, tôi rất rành về thuật ấy, thường đầu tháng thêm khí, sao được xem thường nhau, Tôi không hề sợ”.

Vào niên hiệu Nghĩa Ninh (617-618) đời Tùy, Sư cùng ngài Thần Biện đi về hướng Nam đến Lãnh Biểu, sau đó không biết Sư đến xứ nào.

---o0o---

23- Truyện ngài Thích Tuệ Lâm trụ chùa Kiến Minh ở Ích Châu

Thích Tuệ Lâm, họ Tiết, người ở xứ Thần Tuyên thuộc Miên Châu. Vào đầu đời Tùy, Sư ẩn cư tại chùa Kiến Minh, thanh bạch rộng rang, Sư chỉ giữ sự tĩnh lặng, chẳng giao tiếp với mọi người. Chùa có một pho tượng đắp, thường được cúng dường, tượng vì mọc ra ba mươi sáu sợi râu. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư quét tước nơi một phần mộ cỏ, trồng hai cây tre và bảo rằng: “Đây là Thiên nhãn”. Sau đó, bỗng nhiên Sư nhổ bớt một cây, bảo rằng: “Hoàng Nông Dương bị ma nhổ”. Không bao lâu thì đổi sang niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) cũng đời Tùy, có lúc Sư mặc áo kép an cư kiết hạ ở trên gò mả cao. Ban ngày tuy nóng như lửa đốt nhưng thân Sư không tỏ vẻ nóng bức. Miệng tuy nói Đạo mà thân đồng với thế tục. Mỗi lúc nói bàn đều lấy lý làm trước tiên. Tại huyện Lạc xưa có một ngôi tháp của vua Ađục, có một lúc bỗng nhiên Sư đi ngang qua xóm dẫn theo ba trăm cỗ xe, nói “muốn đến huyện Lạc rước tháp đến tôn trí nơi đây”. Chưa được mười ngày, thì tháp lửa thiêu đốt.

Đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư ngằm lặng giữa đồng cỏ, mọi người không ai biết, ở đó có Sa-môn Dương Hựu, không biết Sư là người xứ nào, đi thẳng đến trong đồng cỏ gặp Sư. Từ thuở bình sinh chưa từng gặp gỡ mà hai ngài đối diện nhau vui vẻ như bạn bè xưa cũ. Mỗi người tự nói: “Từ lúc cách biệt đến nay đã tám trăm năm”. Sư từng vì người mà chú nguyện cho lành bệnh, người bệnh bảo người con gái mang khó đến cúng thí, người con gái bèn để lại áo mà đưa thẳng đến. Sư từ xa thấy bảo

rằng: “Chỉ đem khổ lại, ta không cần tiền”. Cô gái kinh hãi cho là bậc Thánh.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch.

---o0o---

24- Truyện ngài Thích Hồng Mãn trụ chùa Cứu Độ ở Kinh đô

Thích Hồng Mãn, họ Lương, người ở xứ Nam Định. Khi đang còn ở thế tục, năm mười lăm tuổi, Sư bị bệnh hai chân co quắp. Sư thường niệm tụng kinh Quán Thế Âm suốt ba năm, bỗng nhiên có một vị tăng cầm lọ nước tắm đến đứng trước mặt Sư mà không nói gì. Sư hỏi: “Sư từ đâu đến?” Vị tăng đáp: “Vì Đám Việt thường kêu gọi nên tôi đến!”. Sư cúi đầu hỏi rằng: “Đệ tử vì tội báo gì mà nay phải bị co quắp thế này?” Vị tăng ấy bảo: “Thân trước của ông thường trói buộc các loài vật, nên ương họa còn lại như thế. Ông cứ việc nhắm mắt, ta sẽ trị liệu cho”. Sư bèn theo lời bảo mà nhắm mắt, và chỉ cảm giác ở trên hai đầu gối mỗi bên nhô ra đinh gai chừng năm - sáu tấc. Đnh đã vất bỏ rồi, Sư mở mắt ra, định tạ ân, thì vị tăng ấy đã biến mất. Sư đứng dậy đi lại bình thường như xưa. Và Sư mới biết đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, nhân đó Sư tinh tấn chí thành, thề không cưới vợ. Sau bỗng nhiên Sư tự thông hiểu Thiên Quán, Sư chỉ ngồi yên không lay động suốt ba ngày, rồi đến bảy ngày.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư lìa thế tục xuất gia theo đạo, trụ chùa Cứu Độ. Đến niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) đời Tùy, Sư đến trụ chùa Pháp Hải. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi.

---o0o---

25- Truyện ngài Thích Tuệ Thông trụ chùa Phước Hóa ở Ích Châu

Thích Tuệ Thông, họ Vương. Sau khi xuất gia, Sư đi khắp các trai hội, trường giảng, tay Sư không hề rời quyển kinh. Sư tìm xét chỉ thú trong kinh, tâm sự vui mừng hơn hở. Sư chuyên khổ hình tiết thực, thực hành hạnh tri túc. Sư tự bảo: “Trong Kinh Pháp Hoa nói: “Bồ-tát thường Bất Kinh chẳng chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành lễ bái bốn chúng “còn được thanh tịnh sáu căn, ta đây vì sao chẳng kính lễ Chư Phật, Thế tôn?” Liền ở nơi Viện riêng đóng cửa, thường đánh lễ danh hiệu mười lăm ngàn Đức Phật, y theo kinh mà tự xưng, mỗi danh hiệu mỗi lễ bái. Chư tăng trong chùa lấy làm lạ về việc làm của Sư, bèn đến chỗ vách tường có lỗ hồng trộm xem xét, thấy lúc Sư lễ bái đầu cúi xuống thì tám bộ trời rỗng, v.v... cũng đều cúi đầu. Qua nhiều lần như thế chẳng phải một, mọi người đến chỗ phòng viện ấy không ai trong tâm chẳng kính sợ nên bỏ chạy ra ngoài, thường nghe có

mùi thơm lạ thoang thoang, đến lúc Sư thị tịch. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, thì phòng viện ấy không hề có người nào đến. Hằng đêm thường nghe thấy các tướng búng ngón tay lễ bái hành Đạo.

---o0o---

26- Truyện ngài Thích Pháp Thông trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô

Thích Pháp Thông, họ Quan, người ở đất Ngạc thuộc Kinh Triệu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thân hình rất yếu đuối, gió thổi có thể té ngã dường như lưới dệt. Do đó mà các bạn đồng học rất xem thường, Sư liền rơi nước mắt. Một buổi sáng, Sư đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, khẳng khái bạch rằng: “Pháp Thông con nghe” Bồ-tát là bậc Thánh soi xét các điều ước nguyện đều làm cho toại ý, xin rủ lòng từ dẫn dắt cho con khỏi bị sự khinh thường ấy!”. Nhân đó Sư trì tụng Kinh Quán Thế Âm, ngày đêm không nghỉ. Hơn năm sau, Sư trở về quê cũ hầu thăm mẹ. Sau bữa ăn sáng xong, Sư nằm ngủ dưới bóng cây trước sân, chỉ giây lát từ trong miệng nước dãi tuôn ra nhiều chừng ba thặng, mẹ Sư cho Sư là có sự trái nghịch, vội gọi Sư thức dậy hỏi vì sao như vậy, Sư đáp: “Vừa rồi, thấy có người đem đến cho ba con lừa, chỉ mới ăn được một con, vì mẹ gọi thức dậy nên hai con còn lại biến mất”. Từ đó Sư cảm thấy trong thân sức lực mạnh mẽ, da thịt rắn chắc, Sư gỡ cây gỗ lớn, hoặc tảng đá lớn chẳng lấy làm nặng nhọc.

Trong chùa có Sa-môn Tăng Kham là người rất có sức lực, Sư trộm lấy chiếc áo ca-sa đem để dưới cây cột. Ban đầu không thấy nên ngài tăng Kham cho là thần quỷ làm như thế. Sư bèn cười mà nâng xà nhà lên để kéo lấy áo ca-sa, Ngài Tăng Kham vô cùng kinh phục. Có một cái cối đá lớn nặng hơn năm trăm cân, Sư vác từ Nam Sơn về cúng dường cho chúng tăng sử dụng, nay hiện đang còn chứa nước thí cho các loài chim muông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng Sư. Có người ở Tây phiên cống được gọi là “Đại Tráng” ở cửa phía Bắc muốn thử đầu sức mà không có ai. Vua rất xấu hổ mà nói rằng: “Nước Đại Tùy không có người tráng kiện!”. Bèn mời Sư đến thử cùng đầu sức. Sư bảo: “Đâu có nơi nào mà người xuất gia làm việc này, nếu muốn biết sức lực thì nắm tay sẽ biết ngay”. Sư bèn gọi người kia đến và mặc tình để cho nắm bóp. Người ấy dùng hết sức lực để nắm bóp mà Sư không cảm thấy gì. Sau đó, đến lượt ngài nắm bóp, Sư nắm cả hai tay, bỗng nhiên co quắp, cùng một lúc máu chảy ra ngoài, người ấy liền nằm khoanh dưới đất cầu xin tha mạng. Sư thả người đó, va bảo rằng: “Ta không dám giết hại, sợ tay người dập nát”. Từ đó rất kính phục, khắp cả triều đình đều khen ngợi vui mừng. Các vị lực sĩ ở kinh ấp nghe thế bèn cùng nhau tìm đến. Sư nắm một nắm đậu thóc bóp chặt liền

nát vụn, nên những kẻ ấy đều bỏ xe ngựa mà chạy. Bây giờ, các hàng tráng sĩ đều gọi Sư là “Thiên Lực Sĩ”.

Đến cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, vì lánh loạn lạc nên ngài đến ẩn cư tại Nam Sơn, mang theo một cối xay và con trâu nghé. Thật là Đại Thần Thông! Sau đó không lâu, mẹ Sư qua đời, nên Sư xuống núi trở về chịu tang, mọi việc xong xuôi, Sư trở lại núi. Tuy sức lực Sư địch nổi trăm người mà Sư không hề trái ngược với mọi vật, tinh tấn chí thành tiết ước, đồng bạn đương thời đều suy tôn, kính trọng Sư.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, Sư thị tịch, thọ năm mươi sáu tuổi.

---o0o---

27- Truyện ngài Thích Tuệ Nhân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu

Thích Tuệ Nhân, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Xưa, Sư nương tựa Pháp sư Hiền. Sau, vì Sư có chí khí thanh nhã, cao vời nên rất được tăng chúng suy phục, muốn đề cử Sư trông coi đảm nhận việc chùa. Sư bèn rảo bước đến Thục Xuyên, thưa hỏi cầu học Thiền luật. Bất kể nơi gian nguy hiểm trở, Sư đều tìm đến tham thỉnh. Đến lúc thời vận nhà Tiên Đường mở thoáng, từ đất Thục, Sư trở về. Bây giờ, mỗi châu đặt riêng một ngôi chùa, chỉ có ba mươi vị tăng. Sư là một trong các vị đó, giữ gìn chí tiết trước sau không quên. Sau, vì chùa Khai Thánh cách Kinh Châu hơn năm mươi dặm, nơi chốn núi chằm rộng thoáng, dứt bật gió khói. Sư bèn ở một mình tại núi đó, dựng am tranh cỏ làm lan-nhã, hơn hai mươi năm. Mọi người khắp bốn phương xa thấy đều đến nương tựa. Xưa kia, ngài Trí Giả có để lại Di ngôn, nay thật phù hợp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiên Đường, gặp lúc hạn hán mà suối đá trong chùa không hề khô cạn. Sư bèn tự gánh nước ra ngoài cấp thí. Các loài cầm thú do đó được cứu giúp. Giang Lăng lệnh là Lô Hành Dư, nhân nghe tiếng tăm Sư bèn đến đó xin nước cho ngựa uống. Sư bèn mang đến cấp cho. Lô Hành Dư cho là thiếu, lại tuôn lời dơ uế, bèn xua ngựa đến chùa, bỗng chốc gặp một đàn đàn heo chạy đến, mọi người đi đường không dám xâm phạm. Sau đó có hai người trộm bắt lấy làm thịt ăn. Có hồ đến vây quanh gầm gừ, muốn ăn thịt người đó. Bị quản bách không phương trốn thoát, Sư nghe bèn đến cứu giúp, hổ mới ngậm bỏ đi. Sư có những việc do giới đức từ bi tỏa sáng đại loại như thế. Chỉ một Bộ Kinh Pháp Hoa, và giới Bốn Tỳ-ni, qua lại Sư thường tụng, không hề quên nơi tâm miệng.

Đến năm bảy mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Khai Thánh.

---o0o---

28- Truyện ngài Thích Pháp Thí trụ chùa Hiền An ở Ba Lăng

Thích Pháp Thí, họ Giang, người ở xứ Võ Đang. Từ thuở thiếu thời, mà Sư đã rộng rãi thẳng thắn. Thần trí khó lường biết được, thân không có nơi ở cố định, đi ở chằng vương mắc. Sư đến Ba Lăng, trụ chùa Hiền An, yên lặng dưới cây sa-la, mà mọi người chằng lường biết Sư đoái hoài điều gì.

Theo bộ Kinh Nam Ký nói rằng: “Khoảng niên hiệu Vĩnh Khương thứ nhất (300) thời Tây Tấn, dưới giường trong tầng phòng, bỗng mọc lên một cái cây, hễ chặt thì mọc lại, cứ như thế chằng phải một lần. Cây lớn lên càng nhanh chóng, mọi người đều lấy làm lạ bèn để tự nhiên chằng cắt nửa, chỉ khoảng mười ngày mà cành nhánh lên đến tận nóc nhà. Bèn dời phòng khỏi chỗ đó. Từ đó về sau, cây phát triển chậm lại, đến cuối mùa Hạ mới trở hoa. Lá thì rụng vào mùa thu chằng khác những loài cây khác. Trải qua nhiều năm mọi người không nhận biết được. Về sau, có một vị tăng người ngoại quốc thấy cây này liền rơi lệ nói rằng: “Đây là cây Sa-la, Đức Phật đã nằm dưới tàng cây này mà nhập Niết-bàn, tôi nghĩ nhớ về Bản sự mà rơi lệ. Và hoa nở ra nhỏ trắng không đủ để nhặt xem”. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một (434) thời Tiền Tống, bỗng có ra một bông hoa hình sắc như cây hoa sen. Nay vẫn hiện còn tại đây, cũng là kỳ tích của một phương”.

Đến cuối đời Tùy, tan loạn, giặc dã dấy khởi chằng chỉ một phương. Khi ấy, Tiêu Tiển đang làm La Huyện lệnh. Sư võ vào lưng và chỉ thành Ba Lăng mà nói rằng: “Đó là thành của Thiên Tử. Về sau, quả nhiên gạo thóc của Vua rất bình tiện”. Sư răn bảo cất giữ cho kín, mọi người chằng lường biết được lời nói ấy. Về sau, một đấu thóc gạo giá trị đến mười lăm ngàn quan, dân chúng đói kém rất nhiều. Sư dự ghi như thế, mọi sự việc về sau đều rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Khi Triệu Quân Vương đánh chiếm Ngụy Lương, Tiêu Tiển hỏi Sư: “Việc ngày này như thế nào?” Sư bèn đưa cho hai chiếc đĩa đồng. Tiêu Tiển nói: “Khiến tôi cũng đồng”, bèn dẫn cả chúng qui hướng hoàng hóa, trăm họ đều được nhờ. Sư có được đức hạnh rộng lớn như vậy.

Ngài từng ở tại phía Bắc Giang Lăng tu hạnh Đầu-đà, hổ đến nằm bên cạnh giường, có người đến, Sư bảo Hổ rằng: “Phật tử nhắm mắt”. Hổ liền cúi đầu nhắm mắt. Sư gặp thú dữ cũng như chó nuôi trong nhà. Người ấy ở tại đó tụng một Bộ Kinh Thắng Thiên Vương, lắng niệm xuất quán, tụng được tốt lành, tinh tấn vững bền, vượt hẳn hạng thường. Sau Sư trầm hình ở nơi cao xa.

---o0o---

29- Truyện ngài Thích Tuệ Ngạn ở Thục Xuyên

Thích Tuệ Ngạn, không rõ Sư là người xứ nào, mặt mày tợ như người Hồ, nói năng giống như người Hán Thục. Sư qua lại nơi xóm chợ, nói nín không chuẩn định, mọi người chẳng lấy làm lạ.

Niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiên Đường, buộc đóng thuế đến tận Mân Châu, kỳ hẹn rất bức ngặt. Người đất Thục ban đầu chẳng nghe, cho là mình thuộc ngoại lệ. Người có thuế mua đòi đến vạn tiền, lại càng thêm kinh gấp, cho là đến nước quý bị bỏ, đều vì kẻ chết, hao tốn của cải vì chẳng có kế thực hành. Sư ở trong chợ mới đông đúc cười mấy cái. Mọi người vừa đi đến đường Lộ Cầu, gặp được sắc ban đình chỉ. Đó là ứng nghiệm lời nói trước của Sư.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiên Đường, Sư lại buồn khóc chẳng tự ngăn được, bảo rằng: “Ai thấy được nhân của phiền não, nhĩa xuống nước tìm cái chết”. Mọi người đua nhau nahỷ xuống nước để cứu. Sư bèn an nhiên ngồi thẳng dưới đáy nước mà thị tịch. Sau khi Sư tịch, năm đó hạn hán, mùa màng không thu hoạch được gì, mọi người bị bệnh dịch mà chết rất nhiều.

---o0o---

30- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Khai Thánh ở Kinh Châu

Thích Pháp Vân, họ Đặng, người ở xứ Trường Lâm thuộc Kinh Châu, dung nghi Sư tuần tú, khôi ngô khác thường. đối với các thứ như Toán, Lịch, ngũ hành, Sư đều thấu suốt. Truyền thuật Sở, Nhị Hối tinh, Sư lấy vận là một. Sau, Sư gặp được Thiền sư Trí Khoáng khuyên xuất tục, Sư bèn dứt bỏ mọi thứ đua vui ở đời, cạo tóc vào Đạo, tu học Thiền yếu. Sư ưa thích nhàn tĩnh, riêng ở phía Tây bắc chùa Khai Thánh, Sư thiết lập một đạo tràng, như thường Quán hành chẳng cách sớm tối. Sư thường trì tụng Chú Thất Phật, v.v... để cứu giúp, không gì chẳng liền ứng cảm.

Đến cuối đời Tùy, có nạn hổ hung bạo, Sư xoa đầu hổ mà bảo rằng: “Thiên hạn đang lúc loạn lạc, trăm họ lo sợ, ngươi hãy nên ẩn tàng cho xa, chớ làm kẻ khác chán ghét”. Đến lúc Bát Doanh giặc chủ nghe tiếng tăm Sư, thỉnh Sư an đặt cung cấp. Kế tiếp có Tiêu Tiên an lập, lại thêm sùng kính, với mọi vật thí có được Sư đều sung vào hai thứ ruộng Bi Kính.

Sư lại đến Châu Nội, lập riêng một Đạo tràng, lấy tên là tinh xá Long Quy. Tiêu Tiên bèn thỉnh hỏi Sư về mọi sự hưng vong. Sư đáp: “Bần đạo đức mỏng chẳng được sống lâu cùng làm bạn lành, thời vận chẳng thể lường biết lời nói ấy vậy, sau đó không lâu, Triệu Quận Vương Cung lại kêu gọi binh lính đến, lại thêm đánh yết binh lính. Sư lại theo hướng Đông mà đi xuống.

Đồ tượng luôn mang theo bên mình. Lại để một bức khiến Sư từ hòa chăm chú. Đáng chỗ gọi là sự cảm động của đạo đức. Sư thường có những vị tín tâm sĩ tục sớm tối cúng thí, yêu tà quỷ quái trông thấy Sư liền hồi tâm, Xã Miếu Thần kỳ đều tham dự lãnh thọ quy giới.

Vào niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường. Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi, an táng bên cạnh tháp Thiên sư Trí Khoáng tại chùa Khai Thánh.

---o0o---

31- Truyện Sa-môn Đế Thị Giai người xứ Bắc Định thuộc U Châu

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, cách thành Liêu Tây có giống dân Mạt-hạt, trong đó có một người tên là Đế Thị Giai. Năm mười tám tuổi Sư trốn vào xứ Cao-ly, nhặt được một pho tượng bằng đồng cao khoảng hai tấc, không biết đó là thần minh gì, Sư cất vào trong đẫy. Mỗi lúc có sự ăn uống rượu thịt, Sư bèn đem ra cúng tế. Bị người xứ Cao-ly bắt được, Sư kể lại đầy đủ “ Tôi là người dân Mạt-hạt ở biên giới phía Bắc”. Người xứ Cao-ly không tin, cho Sư là kẻ trình thám trong quân, bèn chặt ba nhát dao, nhưng không thương tổn gì đến da thịt Sư, nên nghi Sư là vị thần, hỏi Sư có Đạo thuật gì chẳng? Sư đáp: “Không có. Tôi chỉ cúng dường thần minh mà thôi”. Sư bèn đem pho tượng ấy ra cho mọi người xem và nói: “Trong nước tôi gọi đây là Phật”. Nhân đó, Sư nói rõ đầu đuôi ngọn ngành, xem sau lưng pho tượng phía trên có ba vết sẹo dao. Người xứ Cao-ly bèn thả, bảo Sư đến Đường quốc (Trung Hoa) vì ở đó có nhiều Phật sự lớn, đáng để thưa hỏi. Sư được tin tức ấy nhớ mãi trong lòng, lại rất nhàm chán mảnh lưới thế tục. Nay xuất gia ở tại U Châu, rất thông minh có nghị chí, Sư đi khắp các trường giảng để tham thính, hễ nghe điều liên thấu hiểu, nếu có chỗ nghi ngờ liền ghi ra. Những điều Sư hỏi đều là sâu ẩn, tư duy cao xa thật khó

---o0o---

32- Truyện ngài Thích Trí Hiển trụ chùa Hộ Minh ở Kỳ Châu

Thích Trí Hiển, trụ chùa Hộ Minh ở Liêu châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, giới hạnh tiết tháo trình thuần cao vợi. Sư lập tiết tháo sáng ngời, cõi lòng mạnh mẽ. Nghe sông nghe núi không gì chẳng cao thượng. Sư chuyên việc ngồi thiền. Mọi người chẳng lường biết chỗ Sư đến.

Cuối đời Tùy, giặc giã loạn khởi, khắp nơi giao đánh liên tục không thôi. Chuyển động suốt cả tháng trời, Sư đến chỗ hai quân trận dùng đạo lý mà hòa thông, qua lại nhiều lần, đều tùy theo hòa tan. Cả Quận đều vui mừng đó và kính trọng. Sau, Sư cùng các hàng đạo tục tất cả mười người đi thẳng đến Đột-quyết và bị đuổi bắt, Sư liền ẩn thân không trông thấy. Sau, có người

hỏi, Sư bảo: “Tôi xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm nên không gặp giặc”. Có người bạn đồng học chuyên giữ sự tĩnh lặng ở tại Ky Sơn, bị kẻ sẵn cướp đoạt hết lương thực, từ xa Sư nhận biết việc ấy bèn sai người đưa gạo đến cho. Sư có những sự thông u mở lưới, mà mọi người chẳng thể cứu giúp. Nên biết năng lực Đại Bi cứu giúp tùy cách mà làm việc lợi sinh. Tuy hạnh vị khác thường nhưng tâm Sư chẳng khác. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

33- Thích Pháp Thông ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu

Thích Pháp Thông, ngài giòng họ Trần, ở chùa Thường Lạc tại Tô Châu. Mới đầu ngài mang pho sách vân du khắp các pháp tú tham thính. Tùy chỗ nghe, tuy hiểu nhưng chưa thấu đạt Bản ý. Ý tại nơi dứt lời, nhưng lời là Lý thuyên, sự cần phải rộng xem, chẳng dám trước lấy làm gốc, không được rộng kéo dài. Thí như Tro trừ bụi sớ, tro cũng phải sạch.

Sau đó, ngài sang chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn tại Kim Lăng quán nhìn suối đá, Tăng chúng thanh tịnh trang nghiêm, chỉ 1 lần thấy mà liền phát tâm xuống tóc. Bấy giờ, gặp được bạn lành, ngài y theo lời Độ thoát. Bèn trì tụng Kinh Đại Phẩm, không bao lâu được thông. Ngài lại sang cõi kê, nghe Pháp Sư Tuệ Mẫn ở chùa Nhất âm giảng đạo. thành đạt tự nơi Tâm, rộng thoáng không bức luy.

Đến năm Trinh quán thứ 15 (641) thời tiền Đường, ngài trở về lại Hàng Châu, Tô Châu v.v... khai giảng dẫn dắt nhóm tập chúng, đến thọ học Đạo có hơn 300 người. Từ đó, các Kinh Hoa Nghiêm, Niết Bàn ngài giảng liên tục hơn 20 biển. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời tiền Đường, Cao Vương thân ở huyện Gia Hưng ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Hãy nên vì Ta mà thỉnh Pháp Sư Pháp Thông truyền cho Thọ giới Bồ-tát”. Ngài y theo lời cầu thỉnh mà vì truyền trao. Thần lại ban lời cầu nguyện rằng: “Từ nay về sau, với các thứ rượu thịt ngũ tân thầy đều đoạn dứt. Như có người muốn cầu Phước thì nên thỉnh chúng Tăng đến tại miếu thiết trai hành Đạo”. lại đến năm Trinh Quán thứ 21 (647) thời tiền Đường, Bà Dương quận phủ thân ở huyện Hải Diêm, nhân thường có tế hội, mới ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Hãy vì Ta mà thỉnh mời pháp sư Pháp Thông giảng Kinh Niết Bàn”. Các hàng Đạo tục kính nghinh phan hoa tương tiếp, ngài bèn sang đó để giảng. Đến lúc còn lại khoảng vài trang kinh, thần lại ban giảng lời cầu nguyện rằng: “Nhớ Pháp sư giảng thuyết, được bảm thọ giáo pháp. Ở trong Thần Đạo, nghiệp chướng có lắm sự khổ não, từ khi được nghe pháp trở lại, các loài trùng nhỏ gặm ăn đau khổ nơi vi vảy trong thân đã được nhẹ lên.

Mong các hàng Đạo tỵ chấy vì Ta mà đánh lễ cầu thỉnh Pháp Sư tiếp giảng cho 1 biển Kinh Đại Phẩm”. Ngài bèn thẳng trái lời ước nguyện ấy.

Đến năm Hiên Khánh thứ nhất (656) thời tiền Đường, ngài thị tịch, trước đó, ngài bảo cùng các đệ tử rằng: “Không bao lâu nữa Tôi sẽ xả bỏ Báo thân, có thể đem thí cho các loài chum muôn”. Mà ngài vẫn thường giảng, không dừng nghỉ. Sau, ở nơi cao tòa, bỗng nhiên phát trần rơi rớt xuống, ngài bèn thị tịch, hưởng thọ 71 tuổi.

---o0o---

34- Thích Tăng Minh ở chùa Chiêu Quả tại Đại Châu

Thích Tăng Minh, không biết ngài là người xứ nào. Ngài ở chùa Cổ Sa Bà tại Ngũ Đài, tạo dựng phòng nhà hơn 20 gian, giữ gìn tất cả Kinh tạng. Ngài chuyên Thiền Quán lễ tụng lấy làm nghiệp chính. Ngài tự bảo rằng: “Lúc 17 tuổi, theo Thầy lên núi Ngũ Đài, theo hướng đông đến đánh lễ núi Hoa Lâm, phỏng hỏi Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Đến trong hang đá, dần vào sâu, thấy có 1 Cối Đá chày gỗ. Lại thấy có 2 người thân hình rất lớn mà không ảnh bóng, mày dài, vén tóc phủ trên mí mắt. Thần đến đánh lễ và thỉnh cứu. Người ấy bảo: “Ông ăn thứ gạo thóc nhỏ hôi thối từ đâu xa lại?” Thầy đáp: “Chúng con là Tăng ở chùa Chiêu Quả, tu tập thiền pháp vui thích sống Đạo, ẩn cư tại Sa Bà đã vài mươi năm, nhưng ăn dùng ngũ cốc, xin nguyện chân nhân cứu giúp khổ báo!”. Người ấy bảo: “Hãy chờ đợi cùng chúng bàn nghị đã”. Bỗng chốc có người lại, thân hình cao lớn, mặc áo vỏ cây, bảo rằng: “Ông đến đã lâu, có theo Ta đến chùa”. Đi đến bên cạnh 1 tảng đá lớn, bỗng thấy hang núi khác thường, hiên viện vây quanh, tương trạng như ở Thiên cung. có 14-15 người đồng ngồi nói cười, hỏi từ đâu lại. nói bàn giây lâu, rồi đưa tiễn ra. Sau đó lại tìm bèn mất dấu đường. Bèn trở về lại theo hạnh nghiệp Thiền định xưa cũ”. Đến năm Trinh Quán thứ 16 (642) thời tiền Đường, ngài thị tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Nay tại chùa Sa Bà có 2 ngôi Tháp gạch hiện còn.

---o0o---

35- Thích Minh An ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu

Thích Minh An, thừa thiếu thời ngài chuyên hành tập Thiền Học. Thứ đệ Quán, Thập nhập. Ngài ở tại chùa hang Mộc Qua phía bắc Trung Đài suốt 30 năm, chỉ chuyên Định nghiệp, ngoài ra không nhớ nghĩ gì. Ngài lại sang ở chùa núi Phật Quang 7 năm, lại sang ở chùa Đại phu 9 năm. Các hàng có Chí Đạo cùng tìm đến nương theo chẳng dứt.

Các hàng Đạo tục cúng dường mọi sự chất đầy cả núi rừng. Đến năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, Đại Châu Đô Đốc vì Tăng Đồ ở chùa

Chiêu Quả mọi sự cần phải có người làm giềng mối, nên truy tìm thỉnh mời ngài về đảm nhận việc chùa. Ngài cố khước từ nhưng không khỏi được. đến tháng 10 năm Long Sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường, ngài thị tịch tại chùa Chiêu Quả, trong dáng vẻ đoan tọa điềm nhiên như đang nhập Định.

Tại núi Ngũ Đài có chùa Đẳng Xương xưa cũ, ở đó suối ngọt núi đẹp, hễ đi sang đó bèn quên trở về. Có vị Tăng uống nước suối mà được Tiên, thân như xác lưới, thấy suốt cả tạng phủ cốt tủy. Cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời tiền Đường đi đến nơi núi đằm, nay tại trong thôn còn có hơn 10 người già lão nói đó là “Núi Ngũ D(ài là nơi dừng nghỉ của các vị Thánh Thần”. Tại Trung đài rất cao, đứng ngay đó, trông nhìn các núi đều thấp cả. Trên đó có dòng suối lớn tên là “Thái Hoa”. Bên cạnh có 2 ngôi Tháp, phía sau các Tháp đá nhỏ có cả trăm ngàn ngôi v.v... là do Hiếu Văn (?) từ phía Bắc thường an nên đến đó dựng lập. Trên đá có dấu chân người ngựa chó nghiễm dậm, là đến chùa Đại Phu, Linh Thứu, ở phía nam có vườn Hoa. Trước sau gặp Thánh phần nhiều ở tại xứ đó. Có 2 Đạo tràng ở 2 phía Đông Tây. Ở giữa có 1 hạng, theo hướng Tây Bắc đi lên 8 dặm, có tháp của Vương Tử thiêu thân. Chùa đó vốn do người con thứ 3 của Vua (?) thời nhà Tề dựng lập. Vương Tử có tánh ưa thích Phật Pháp, nghĩ muốn được trông thấy Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, nên lại nếm tìm, y như sở nguyện thiêu thân để cúng dường. Nhân đó mà có xây dựng Tháp. Chỗ cùng Nội thị Lưu Khiêm Chi ở trong chùa đó 7 ngày hành Đạo, cầu thỉnh Bồ-tát Văn Thù. Đa gặp được Thánh Giả, che phủ Trượng Phu, hiểu ngộ nghĩa Kinh Hoa Nghiêm, mới tạo “Hoa Nghiêm Kinh luận” 600 quyển. Nay ở các chùa tại núi Ngũ Đài gom góp lại còn có 300 quyển.

Gần đây, trong niên hiệu Long Sóc (661-664) chúa thượng (tức Vua Cao Tông-Lý Trị) bảo Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương 2 lần đem vật công đức sang đó tu bổ Tôn nghi bảo tháp. Cùng các Quan ở Huyện Ngũ Đài đồng sang, đều trông thấy Thánh tích, có mùi hương thơm khác lạ, tiếng chuông ngân vang tương tục chẳng dứt.

---o0o---

36- Thích Pháp Không ở núi Ngũ Đài tại Đại Châu

Thích Pháp Không, không biết ngài là người xứ nào. Cuối thời nhà Tùy, ngài đảm nhiệm chức Nhận Môn Quận Phủ Ứng Kịch Lang

Tướng. Khi ấy ngài 40 tuổi. Bỗng nhiên ngài tự sinh nhàm chán muốn xa lìa, trông nhìn vợ con nhà cửa như là tù ngục gông cùm. Chí ý ngài mến mộ Phật Pháp, nghĩ nhớ không thôi, ngài mới vờ gọi tất cả gia thuộc đến bảo: “Tôi cùng các người đắm chìm lâu ngày sớm tối mãi khư khư chỉ là cung cấp. Nên nay mỗi tự tính lấy phương kế, tôi tự quyết định lấy đời Tôi!”.

Ngài bèn bó mạng lương thực, quấn theo chăn xiêm, 1 mình đến núi Ngũ Đài. Đói thì ăn vỏ cây Tùng đốt lá cây bách, lạnh thì vào hang dùng cỏ thiêm phủ che thân hình, chuyên nghĩ tưởng các kệ tụng cốt yếu trong Kinh, cũng không có chỗ để tham hỏi! Bấy giờ giặc cướp dấy khởi khắp nơi, đuổi đánh, chợt bắt ngài đem về Phủ Ty Quận quan sở tại giam giữ, sắp đến nơi chỗ cấm, ngài vẫn giữ Chánh niệm, không nói năng gì. Chí khí lại càng thêm hăng hái, ngồi kiết già không lay động, không ăn không ngủ đã trải qua 5 ngày. Từ thi lĩnh trở xuống thấy đều kinh ngạc. Nhân đó, phóng thả mặc tình ngài đi đâu thì đi. Ngài ngồi ở 1 nơi hơn 30 năm, chim thú lấy làm thân gần. Vợ con tìm kiếm gặp gỡ được, muốn mang lương thực đến, ngài bảo: “Tôi nhàm chán thế tục mới sống Đạo, lấy sự giải thoát làm đầu. Từ nay trở đi chỉ xin nguyện làm Thiện tri Thức. Nếu chẳng phải các người ràng buộc, tôi sao giải mở đó? Lại chẳng cần cùng trông thấy”. Từ đó, bèn dứt tuyệt. Ngài ở nơi chỗ sâu xa lâu ngày, thường có tiếng trong trẻo gọi rằng: “Không Thiện!” cứ như thế chẳng chỉ 1 lần. Ngài biết là do cảnh giới nơi tự Tâm, mới dùng pháp dứt trừ đi. Sau đó bèn được an tịnh. Mới đầu, ngài tập học pháp “Cửu thứ Đệ Định”, đem Thiền dụng mới tỏ sáng, sau cùng vì đối trị chướng ngại, ngài bèn học Pháp “Đại thừa ly tướng”.

Như có người theo học, ngài cũng lấy đó để dạy răn. Không biết về sau ngài như thế nào.

---o0o---

37- Thích Minh Tuấn ở chùa Định Thủy, tại Kinh Đô

Thích Minh Tuấn, ngài giòng họ Tôn, người ở đất tề, khéo giỏi Chương thảo, ngài thường lấy Kinh Kim Cang Bát Nhã làm hạnh nghiệp chính.

Ngày 12 tháng 2 năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời tiền Đường, tới đó bỗng nhiên ngài chết ngất, trên tim vẫn còn nóng ấm, qua giờ sau sống lại, ngài nói rằng: “Mới đầu có 2 Đồng tử mặc áo xanh dẫn đến chỗ Vua hỏi rằng: “Trọn 1 đời làm hạnh nghiệp gì?” Ngài đáp: “Chỉ tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã”. Vua nói: “Không thể nói Sư có thể trở lại tụng đủ 20 vạn biến, năm sau hẵn sinh về Tịnh Độ. đệ tử không thấy sư nữa vậy!”. và trở lại sai 2 Đồng tử mặc áo xanh đưa ngài trở về lại chùa”. Từ đó, ngài tinh cần khổ tiết gấp bội trăm vạn lần. Qua tháng 3 năm Vĩnh Huy thứ 2 (651) thời tiền Đường, ngài thị tịch. Chúng Tăng trong chùa đều nghe có mùi hương thơm khác lạ.

---o0o---

38- Thích Minh Giải ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô

Thích Minh Giải, ngài giòng họ Diêu, ở chùa Phổ Quang tại Kinh Đô. Ngài có Thần Minh rộng rãi, hiểu biết tài học, đàn thơ họa viết nổi tiếng tại Kinh ấp. Nhưng ngài điệu tình thoáng hoảng, rất vì hiểu biết mà tự ngạo, đối với mọi người lớn nhỏ, ngài không tâm kính trọng, đến như mọi sự ăn uống cũng không khác thường tục.

Gặp trong khoảng niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, Vua Cao Tông (Lý Trị) có nêu mời ở trong Tam giáo những ai có khả năng Quán Quốc, sách đề Tân Vương. Nhân lúc đó, ngài đến Đông Đô, sách đề kịp đó, hàng thứ tướng sĩ, mới cởi áo ca sa, nói rằng: “Nay Tôi cởi bỏ da lừa này, dự tại nơi các người vậy!” Bèn thiết đặt rượu, nhóm tập các hàng sĩ tục, ngâm phú lời thơ rằng: “Nhất thừa vốn chẳng có, Tam Không về chỗ nào v.v...” sau đó không bao lâu, ngài mắc bệnh mà tịch.

Có vị Tăng bạn ngài mộng thấy, ngài bảo rằng: “Minh Giải Tôi vì không tin, nên nay sinh trong ác đạo, rất khôn khổ đói khát, có sao chẳng vì tình xưa cũ mà thiết đặt cho 1 bữa ăn ư?” Đến lúc tỉnh giấc, vị Tăng ấy bèn bày các thứ ăn nơi đồng trống mà cúng tế đó. Lại mộng thấy ngài tỏ vẻ rất hổ thẹn v.v... Ngài lại giảng mộng gá cùng người thợ họa mà từ trước đồng cùng làm việc, ngài nói rằng: “Ta vì chẳng kính tin, nên sinh nơi rất xấu ác, nghĩ muốn được công đức không do đâu có thể tạo tác. Ông xưa trước cùng với ta là chỗ quen biết, sao chẳng thể biết giúp cho 1 vài quyển Kinh ư?” Ngài lại để lại cho người thợ họa 1 bài thơ rằng:

*“Năm tay chẳng thể là
Vỡ ngực liền tự đau
Khổ thay thời gian ngắn
Buồn thay đường xuôi dài
Gió Đông thổi chiều sợ
Mã hoang sương lạnh rơi
Lưu tình có gì Tăng
Chỉ Nội điển chương này!”*

Người thợ họa ấy không biết viết, bảo tụng 18 biến đã tiện đi. Sau khi tỉnh giấc, người thợ họa đến nói cùng các hàng Tăng tục về việc đó.

Than ôi! Sa-môn Minh giải đáng tiếc 1 đời vọng còn ư? Ta tự lép vùi ngàn năm. Đó có nghĩa là nhọc sống nhọc chết. Bậc Đại Thánh đâu nói lời hư dối ư?

Lại nữa trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, tại Lạc Châu có Tống Thượng Lễ là người học rộng rất có Thần minh, khéo giỏi làm thơ phú quý quyết. Đến lúc bãi quan huyện trở về, nghèo khổ không có ăn. Lại khéo giỏi xin vay mượn gánh chịu đó, chỉ mong cúng thí lương thực

cho chư Tăng thì trọn có được phước lành”. Các quan thái thú, Tể Tướng v.v... mừng cái nghĩa cửa cao đẹp của ngài, bèn chu cấp cúng thí khắp cùng. Ngài mới phân định chư Tăng ở 2 nơi, mỗi nơi đặt để cho 1 bịch gạo, có khoảng 10 hộc. Trong đó, 1 chỗ, Đồ chúng có hơn 40 người thuần học kinh giáo Đại Thừa và tu hành Thiền nghiệp, trải qua cả năm mà gạo ăn vẫn như nguyên vẹn không hao giảm. Và 1 chỗ có khoảng 50-50 vị Tăng, vừa mới qua 2 ngày mà gạo ăn bèn đã hết, do vì chẳng tu Thiền Nghiệp lại chuyên học hành Ngoại giáo/ ngài bảo rằng: “Không có gì đáng lấy làm quái lạ, người hay hành Đạo thì có sự ban huệ của Bạch Hào. Bởi vì Đạo nghiệp, Lý hẳn thường không”. Khi đó, những vị lãnh nạn càng thêm đông nhiều, lại gặp tệ hại mưa dầm, không nơi dừng nghỉ. Tại núi có 1 hang lớn là nơi sinh sống của Thú dữ, ngài sang đến hang huyệt ấy, bảo rằng: “Ngày nay, những khách khốn cùng cùng nhau tìm đến, có thể được dung chứa chăng?” Họ mới cùng dẫn nhau đi chỗ khác. Chư Tăng bèn được có nơi nương tựa. Nhưng nghe các Kinh Hoa Nghiêm v.v. đến những nơi khó hiểu, ngài lại đến An Châu. Tại đó, có Đạo Sĩ Thái Tử Hoảng là người nhàn rỗi tập học nội ngoại giáo điển, thực xem thường chư Tăng. Các hàng Đạo tục nhóm tập đông nhiều tại chùa Tăng, mới mới Thái Tử Hoảng khai giảng Kinh Phật. Ngài bảo: “Ông hình tướng đồng với Ngoại Đạo, Tà thuật ràng buộc nổi lòng. Giả sử có giảng Kinh Phật trọn kết quy vì danh lợi. Tôi đây không tên tuổi trong các hàng Đạo Tục, cốt yếu chỉ là Thích Tử. thân đã đến đây, chẳng không thể đi. Ông sớm có thể nhận biết căn cơ trước, không thì sẽ hối hận ở sau”. Thái Tử Hoảng nghe thế, nín lặng thùi thụt giây lâu rồi rút lui. Khi đó Đại chúng đều tán thán rằng: “Bồ-tát Hộ Pháp, thật là người này đây vậy!”.

Ngài cho rằng áo điển Kinh Lăng Già bị trảm lẳng đã lâu ngày, do đó ngài cố truy tìm, không sợ gian nguy hiểm trở, gặp được hàng hậu duệ của Thiền Sư Huệ Khả đang hưng thịnh tập hành Kinh ấy, ngài liền đến nương tựa nghe học, và thường khơi kíc Đại tiết. Vị ấy bèn xả bỏ Đồ chúng, mặc tình ngài chuyển đổi giáo hóa, ngài liền liên tục giảng hơn 30 biến. Lại gặp được Thiền Sư Huệ Khả thân gần truyền trao cho Ngài. Ngài y cứ theo nhất thừa Tông của Nam Thiên Trúc mà giảng đó, lại được 100 biến nữa. Kinh ấy vốn do Tam Tạng Pháp Sư Cầu-Na-Bạt-Đà-La phiên dịch ở thời nhà Tống, và do Pháp sư Tuệ Quán bút thọ, nên Văn từ nghĩa lý đều hài hòa, hành chất cùng suốt, chuyên chỉ Niệm huệ chẳng chú trọng nói bàn. Về sau Thiền Sư Bồ Đề Đạt Ma đem hoằng truyền ở Nam Bắc, lấy “mất lời, mất nghĩ nhớ, vô đắc chánh Quán” làm Tông, tiếp sau đó lại hành hóa tại Trung Nguyên. Thiền sư Huệ khả là người mở đầu thành đạt được then chốt. Tại Đất Ngụy về phần Văn học đại đa số chẳng đếm xỉa đó. Những người lãnh tông đặc ý ở thời bấy giờ hay khai ngộ. Nay vì con người thời đại dần cách xa nên khiến sai

làm ở hàng Hậu học, tại Biệt truyện của ngài Huệ Khả lược có thể rõ ràng đó, nay theo tuần tự từ Thầy thừa truyền để làm tiếp nối, chỗ học rõ ràng có được chứng cứ như sau:

Sau Thiền Sư Bồ-Đề-Đạt-Ma thì có 2 người là Thiền Sư Huệ Khả và Huệ Dục. Thiền Sư Huệ Dục thì thọ học Đạo tâm hành, miệng chưa từng nói. Còn sau Thiền Sư Huệ Khả thì có Thiền Sư Sán, Thiền Sư Huệ, Thiền Sư Thạnh. Lão Sư Na, Thiền Sư Đoan, Thiền Sư Trường Tạng, Pháp Sư Chân, Pháp Sư Ngọc (Những vị trên đây đều dùng miệng giảng truyền Huyền lý, chẳng lưu xuất Văn ký) nên sau Thiền sư Huệ Khả thì có Lão sư Thiện (xuất sao 4 quyển), Thiền Sư Phong (xuất số 5 quyển), Thiền Sư Minh (xuất số 5 quyển), Thiền Sư Hồ Minh (xuất số 5 quyển). Còn tiếp nối cách xa sau thiền sư Huệ Khả thì có Thiền Sư Đại Thông (xuất số 5 quyển), thiền sư Đạo Âm (xuất sao 4 quyển), Pháp sư Xung (xuất số 5 quyển, Pháp Sư Ngạn (xuất số 5 quyển), Pháp Sư Sùng (xuất số 8 quyển) Pháp Sư Đại Minh (xuất số 10 quyển). Ngoài ra còn có những vị không tiếp thừa từ Thiền sư Huệ Khả mà chỉ tự y theo Nhiếp Luận thì có Thiền sư Thiên (xuất số 4 quyển). Luật sư Thượng Đức (xuất nhập) (Lãng Già số 10 quyển). Sau Lão sư Na thì có Thiền sư Thật, Thiền sư Huệ, Pháp Sư Khoáng, Thiền sư Hoằng Trí (Tên ở chùa Tây Minh tại Kinh Đô, nhưng sau khi tịch thì pháp tuyệt). Sau Thiền sư Minh thì có pháp sư Già, Pháp Sư Bảo Du, pháp sư Bảo Nghinh, pháp sư Đạo Oánh (đều lần lượt truyền đăng, mãi đến ngày nay vẫn còn xiển dương hoằng hóa).

Còn ngài (Pháp Xung) tự theo Kinh thuật, chuyên lấy Lãng Già làm mạng gia, trước sau phu tuyên xiển hóa gần 200 biến. Nếu cần liền vì giảng, chưa từng giã trái qua văn, mà thông biến vừa duyên, nương Thế đạo luyện dẫn dụ, đặc ý như nhất, tùy nói liền khác. Những người cầu học khổ nhọc thỉnh cầu ngài lưu xuất nghĩa giải. ngài bảo: “Nghĩa tức là Đạo Lý vậy. lời nói đã thô, huống hồ buông tuồng trên giấy, lại là Thơ của trong thô vậy”. song, sự chẳng thể dùng, nên ngài bèn phải soạn thuật số 5 quyển, nêu đề là “Tu Ký” (ghi nhận của riêng) nay đang hưng thịnh hoằng truyền đó.

Mới đầu, ngài du hành khắp Đông Xuyên, chẳng nhận Quan quán, từ có lần độ, nhưng ngài cao nhường chẳng nhận. Đến lúc gần 50 tuổi, có được sắc ban Độ người. Duyên Châu Độ ức khiến vào Độ, lệ thuộc ở chùa Pháp Tập trong Châu Độ, tuy Danh dự nơi Công Quán mà ngài thường nương nấu nơi suối đá. Vỡ về tiếp nối thiếu thừa, lấy đó làm tâm. Phòng Công với ngôi vị ở Đài Phụ, gởi thư thỉnh mời ngài vào. Nhận được thư, ngài để lại sau lưng rằng: “Nơi Tam giới, Ta không chỗ cần. Đến Tam Hoè chỗ ông đã hết”. Phòng Công lại tiếp thỉnh mời. Ngài không còn giữ thái độ thường hằng, vùn vụt đến nơi Đô ấp, tức hoằng dương Đại Pháp, sáng rực lay động các

bạc anh tài, mũ lọng may ùn ngợi khen là điều chưa từng có! Trung thư Đỗ Chánh Luân đích thân đến nơi pháp tịch, bình luận rõ ràng Pháp Nghĩa. có Pháp Sư Nhuận ở chùa Hoàng Phước mới đầu chưa nhận biết về Ngài, mới hỏi rằng: “Lão Đại Đức ở xứ nào?” Ngài đáp: “Lão Tiểu Tăng ở tại Duyên Châu vậy!”. Pháp sư Nhuận lại hỏi: “Từ xa đến có việc gì?” Ngài đáp: “Nghe ở đây thiếu Pháp nhất Thừa, nên muốn phô bùa lưới Pháp nhất thừa để lọc bắt cá rồng Tín Địa, nên đến đây vậy”. pháp Sư Nhuận tự bảo: “Đây thật là bậc Khai Sĩ Đại Tâm vậy!”

Nhân đi đến chùa Đại Hưng Thiện, gặp lúc Vạn Niên lệnh Trịnh Khâm Thái đến chùa đánh người. Ngài cản ngăn đó và bảo rằng: “Ông chớ được đánh người ở nơi chùa chiền”. Trịnh Khâm Thái nói: “Tôi đánh người, Tôi đây tự nhận lấy”. Ngài bảo: “Đạo chẳng tự nhận lấy, có thể khiến kẻ khác nhận. Nhưng, nước nhà dựng lập chùa chiền, vốn muốn an ninh xã tắc, chỉ có hành Thiện ở đó. Nay Ông lại đánh người nơi chốn chùa chiền. Đâu thể gọi là vì nước nhà mà câu Phước ư?” Trịnh Khâm Thái liền đánh lễ sám tạ.

Lại nữa, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang không chấp thuận giảng truyền các Kinh pháp đã phiên dịch xưa cũ. Ngài bảo: “Ông y cứ theo kinh điển phiên dịch xưa cũ mà xuất gia. Nếu chẳng hứa thuận hoàng truyền Kinh điển ấy. Ông nên hoàng tục rồi y cứ theo Kinh điển mới phiên dịch mà xuất gia. Tôi mới chấp thuận ý ấy của ông vậy!”. ngài Huyền Trang nghe thế bèn chấm dứt. Đó cũng là bậc sĩ sống ở đời hoàng dương Kinh điển hộ pháp, cường ngự cũng không thể kịp vậy! Nhưng cuộc đời ngài vân du hoàng Đạo lấy làm việc chính, không từng có bến đậu, nên Bộc Xạ Vu Chí Minh nói: “Pháp Sư đây mới là vị Tăng Pháp giới Đâu Đà vậy, không thể lấy Tên thật mà bó buộc đó!”

Trong khoảng niên hiệu Hiền Khánh (656-661) thời tiền Đường, ngài nói trở về lại Đông Hạ. Đến nay đang trong niên hiệu Lâm Đức (664-666) thời tiền Đường, ngài đã 79 tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 26 B hết.



QUYỂN 26 C

CHƯƠNG VI - PHẦN 03 : CẢM THÔNG

(chánh truyện có 45 vị, phụ có 2 vị)

1. Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
2. Thích Trí An ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô, thời tiền Đường.
3. Sa-môn Xà-Đề-Tur-Na người nước Trung Thiên Trúc, thời nhà Tùy.
4. Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
5. Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
6. Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
7. Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
8. Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
9. Thích Đạo Sán ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
10. Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
11. Thích Tăng Cái ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
12. Thích Đàm Giai ở chùa Nhật Nghiêm tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
13. Thích Đạo Quý ở chùa Tùy Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
14. Thích Tăng Thuận ở chùa Huyền Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
15. Thích Pháp Hiền ở chùa Sa-môn tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
16. Thích Tăng Thế ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
17. Thích Pháp Châu ở chùa Tĩnh Giác tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
18. Thích Tuệ Đăng ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
19. Thích Trí Quang ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
20. Thích Trí Giáo ở chùa Hoằng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
21. Thích Viên Siêu ở Kinh Đô, thời nhà Tùy.
22. Thích Tuệ Tạng ở chùa Quang Minh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy (Pháp Thuận).
23. Thích Bảo Hiền ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
24. Thích Pháp Lãng ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
25. Thích Đàm Toại ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
26. Thích Đàm Quán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
27. Thích Linh Đạt ở chùa Diên Hưng tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
28. Thích Tăng Hân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

- 29.Thích Huyền Cảnh ở chùa Không Quán tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 30.Thích Trí Quĩ ở chùa Hoằng Tế tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 31.Thích Tăng Phạm ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 32.Thích Bảo An ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 33.Thích Bảo Nham ở chùa Nhân Giác tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 34.Thích Minh Ngự ở chùa Vô Lậu tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 35.Thích Đạo Sinh ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 36.Thích Pháp Tánh ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 37.Thích Biện Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 38.Thích Tĩnh Ngung ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 39.Thích Pháp Khải ở chùa Dương Hóa tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 40.Thích Trí Năng ở chùa Chuyển Luân tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 41.Thích Đàm Lương ở chùa Chân Tịch tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 42.Thích Đạo Tung tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 43.Thích Trí Nghi ở chùa Tĩnh Pháp tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 44.Thích Đạo Nhan ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.
- 45.Thích Tịnh Biện ở chùa Tịnh Ảnh tại Kinh Đô, thời nhà Tùy.

---o0o---

01- Thích Đạo Mật ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô

Thích Đạo Mật, ngài giòng họ Chu, người xứ Tương Châu. Mới đầu, ngài đến nương tựa Tam Tạng Pháp Sư Da Xá, tập học Phương nghe. Sau, ngài lại đến Nghiệp đô, rộng nghe giảng các Kinh giáo Đại Thừa, Thần thức Tâm Tư đã khai mở, Lý đạt suốt cùng, đến như Tây Phạm Văn Ngôn, ngài tiếp gót những bậc anh tài xưa trước. dị thuật tài năng ưu thắng của ngài vang vọng từ thời nhà Tề. Đến lúc thời vận nhà Tùy mở thoáng, sự nghiệp hoằng truyền Phật pháp lấy việc phiên dịch làm đầu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy ban sắc thỉnh mời ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Thầy trò đạo thành lại hoằng dương Phạm ngữ, nhân đó, ngài theo Pháp bản để ý truyền trì.

Gặp lúc trong niên hiệu nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu công việc tạo dựng các Bảo tháp, chọn lựa những bậc đức hạnh cao vời, Vua Văn Đế lại ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại Hưng Quốc tại

Đông Châu. Chùa đó vốn là nơi Vua Văn Đế chào đời. Chỗ đó vốn là nền móng chùa ni Bát Nhã vậy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sinh ngày 13 tháng 6 năm Đại thống thứ 7 (541) thời Tây Ngụy tại trong chùa đó. Lúc ấy có ánh sáng sắc đỏ soi chiếu trong phòng nhà lưu tràn ra ngoài cửa. Hơi khí sắc tía đầy khắp sân, tướng trạng như lều các, sắc nhiễm vào áo người, trong ngoài đều kinh cảm. Khi ấy mẹ vú nóng bùng, phải đến để quạt, lạnh dứt tuyệt hẳn, khôn khó chẳng thể khóc. Có 1 vị Thần Ni tên là Trí Tiên vốn con gái nhà họ Lưu ở Bồ Phấn, Hà Đông, xuất gia từ thừa bé, rất có giới hạnh. Hoà thượng vị mất đó, sợ lo rơi vào giếng, nhưng lại tìm thấy ở trong Phật Thất, nghiêm nhiên tọa Định, khi ấy, Thần Ni chỉ mới vừa 7 tuổi bèn lấy pháp Thiên Quán làm hạnh nghiệp chánh. Đến ngài Vua Văn Đế chào đời, tự nhiên mà đến, Trí Tiên nói cùng Thái Tổ rằng: “Đứa bé được sự che chở của trời Phật, chớ nên lo sợ vậy”. lại bèn đặt gọi tên Vua là “Na La Diên”, nói nghĩa là như Kim Cang, không thể hư hoại vậy. lại bảo: “Trong tương lai, đứa bé sẽ sống khác thường”. và cho là ở nhà thế tục ứ ế nạp, nên Tự vì dưỡng nuôi đó. Thái Tổ mới cất đất vườn nhà để làm chùa, bên trong tro thông 1 cửa nhỏ. Và đem đứa bé giao cho Thần Ni, không dám hỏi han. Sau đó, có lần Hoàng Ty lại muốn bèn ẳm, bỗng thấy đứa bé sẽ có được Thiên hạ. Đến lúc Vua được 7 tuổi, Trí Tiên bảo cùng Vua rằng: “Con sẽ được đại quý từ Đông quốc mà lại. phật pháp đang lúc bị hoại diệt, ắt phải do nơi con mà phục hưng lại!”. và, Trí Tiên thường luôn trầm lặng ít nói, nhưng khi nói đến mọi sự thành bại tốt xấu, không gì chẳng phù hợp. Mới đầu, Vua được dưỡng nuôi tại chùa, năm Vua 13 tuổi mới được đưa về nhà, suốt hơn 30 năm, Vua chưa từng bước ra khỏi cửa nhà. Kịp đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Đạo Giáo và Phật Giáo, Trí Tiên ẩn cư tại Hoàng Gia, bên trong đắp mặc pháp y, giới hạnh vẫn không cải đổi. Về sau, quả nhiên Vua Văn Đế từ Đông Sơn vào làm Thiên tử, trùng hưng Phật Pháp, đều đúng như lời nói của Thần Ni Trí Tiên vậy. sau khi lên ngôi, Vua thường đoái hoài với Quần thần, nghĩ nhớ đến A Xà Lê (Trí Tiên) lấy làm lợi thật. Vua nói rằng: “Ta được ngôi vị do từ Phật Pháp, mà khéo ăn các thứ mè đậu, Thân trước tợ như từ trong Đạo nhân mà lại. do vì lúc bé thơ ở tại chùa, nên đến nay vẫn luôn ưa thích nghe tiếng chuông”. Mới bảo Sử Quan Vương Thiệu vì Thần Ni Trí Tiên mà viết thuật truyện. trước lúc lên ngôi, Vua ngâm ở trải qua cả 45 châu, nên đồng 1 lúc đều làm chùa Đại Hưng Quốc. Nhân đó, mà cải đổi 1 nơi này là chùa Bát Nhã vậy. năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy Vua Văn Đế và Hậu cung đồng cảm có Xá lợi và đều tỏa phóng ánh, sáng, dùng chày đá đập thử nhưng vẫn uyển nhiên không vỡ nát, bèn ban rải nghinh thỉnh đến các Châu Quận, trước sao tạo dựng Bảo tháp có hơn trăm ngôi. Tùy những nơi có đặt hạ Bảo tháp, Vua đều bảo đồ họa ảnh tượng Thần Ni, và có làm Linh tượng. Nên trong bài Minh viết rằng: “Duy

ngày...tháng...năm, Dương Kiên (Khiêm) Hoàng Đế thời nhà Tùy là Đệ tử Phật thọ giới Bồ-tát Kinh bạch 10 phương 3 đời hết thầy Phật Pháp Tăng! Đệ tử nhờ phước lành chở che của Tam Bảo, làm Vua cha của muôn dân, nghĩ cùng các các hàng dân thứ đồng kiến lập Bồ Đề, nên nay phân bố Xá lợi đến các châu quận để cúng dường, muốn khiến mọi người khắp nơi đồng tu thiện nghiệp, đồng chứng Diệu quả. Nhưng vì Đệ tử và cả Pháp giới u hiển, 3 đường 8 nạn, sám hối hành Đạo, phụng thỉnh 10 phương thường trú Tam Bảo, nguyện khởi Từ Bi, ghi nhận sự cầu thỉnh của Đệ Tử v.v... mà ứng hiện nơi Đạo tràng chứng minh cho Đệ tử vì các loài chúng sinh mà phát lồ sám hối...!” Văn dài không ghi chép hết.

Ngài (Đạo Mật) vì tiếng tăm vang khắp, nên nghinh đưa Xá lợi đến trong chùa đó, mới đầu lúc hạ Tháp, trong cả 1 Viện ánh sáng tỏa khắp, giữa khoảng sắc màu vàng trắng lẫn lộn sắc đỏ, vây nhiễu suốt cùng, lâu sau mới diệt. Các hàng Đạo tục trong ngoài đều đồng 1 lúc trông thấy. Tại chùa đó có 4 cửa, mỗi cửa dựng lập 1 Văn bia. Nơi ĐiệnTháp hiện vũ cho đến chỗ đất sinh sống thấy đều trang nghiêm tráng lệ ngời sáng khắp cả thành ấp.

Đến cuối niên hiệu Nhân thọ (605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phổ An tại núi Hoàng Hộc. Lúc đào nền móng tới nước, có được 1 Tôn tượng bằng vàng cao 1 thước, nghi chế đặc dị. Ngay lúc hạ Tháp có 1 đàn chim ở đồng hoang đến bay liệng phía trên Tháp, mọi sự hoàn thành bèn liền tản mát. Lại thấy có cành hoa bằng vàng vọt hiện giữa hư không, giây lâu mới ả xuống đất. Ở trong nền móng tháp lại tỏa phóng ánh sáng, sau dần rộng lớn ra nhiều quanh tháp 3 vòng. Chùa đó ở nơi cao vợi, vốn không có suối nước, mỗi lúc cần dùng thì phải xuống gánh múc dưới xa. Chỉ trong 1 đêm nọ, cách nơi tháp khoảng 5 bước, tự nhiên có hơi khí nước suối tuôn vọt ra có đồng như làm sóng ở giếng, rộng như chỗ ghi thuật của Vương Thiệu vậy.

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời nhà Tùy, ngài lại dời đổi từ Lạc Dương đến Vườn Thượng Lâm, thiết đặt Phiên Kinh Quán, nhân đó mà chuyên việc truyền dịch và Ngài bèn thị tịch tại đó. Các kinh điển ngài phiên dịch như ở sự ghi chép của Phí Thệ vậy.

---o0o---

02- Thích Trí Ấn ở chùa Kinh Tạng tại Kinh Đô

Thích Trí Ấn, ngài giòng họ Lý, người xứ Bối Châu. Ngài tức là Đệ tử của Tạng Công Hoa Nghiêm (Pháp Tạng). Từ thừa thiếu thời đến lúc trưởng thành, ngài tuân hành hoàng truyền Đạo nghĩa với mọi sự Tuệ giải được truyền trao, ngài đã nhận thọ thì không cầu thỉnh hỏi lại. mà Thần khí ngài

tuần tú tác việt cao nhã, mền chuộng thanh hư. Bảy giờ, những lúc ngài đáp thuật đàm nói, người nghe quên cả nhọc mệt.

Năm Khai Hoàng thứ 7 (587) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời chư vị Đại Đức cùng Tạng Công đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô, để luyện thông các bộ Đại Trí Độ Luận. A Tỳ Đàm Tâm Luận và Kim Cang Bát Nhã Luận v.v... thấu suốt hang huyệt. Đến năm Khai Hoàng thứ 6 (596) thời nhà Tùy, vì thấu hiểu gồm cả thường lệ cần phải có người tiếp nối làm ngài sáng lớn mạnh, nên Vua lại ban sắc bổ sung các giảng chúng chủ. Và ở tại chùa Kinh Tạng xiển dương các Bộ trước.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, mở đầu tu tạo phước nghiệp, Vua Văn Đế ban sắc nghinh đưa Xá lợi đến chùa Pháp Tự tại Ích Châu. Chùa đó do Thục Vương Tú tạo dựng nên. Trên đường vừa đi đến Ngang Thục, khai hóa càn xương thanh, nghiêng dốc cả Kim bôi ấy, sau đó tức liền thành tự. Về sau lại vâng phụng sắc chiếu nghinh đưa Xá lợi đến thiết đặt Bảo tháp tại Tân Châu. Trời mưa hoa lạ, mọi người được 1 nữa hợp. Lại tỏa phóng ánh sáng sắc tía, biến thành 5 sắc. Người mù đến lễ sám, bỗng nhiên liền được sáng cả 2 mắt, vật bỏ gậy mà trở về. Những người bị các chứng bệnh phong liệt co quắp v.v... các loại thầy đều được như vậy. đến lúc sắp hạ tháp, trời mưa hoa bạc, tỏa phóng ánh sáng sắc trắng trước sau không chỉ 1 lần. Ngay lúc nhập Tháp, có 6 con chim lớn liệng bay lẫn lộn giữa khoảng mây, khi bít lấp hoàn thành, thì đều tan mất.

Ngài (Trí Ân) đem những sự việc ấy tâu trình, Vua Văn Đế rất vui mừng, giao phó ngài trước thuật lại. sau đó, ngài thị tịch tại Kinh Đô.

---o0o---

03- Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na

Sa-môn Xà-Đề-Tư-Na, ngài ở nước Ma Kiệt Đà thuộc Trung Thiên Trúc. Ngài học gồm các tạng, có tài năng khác lạ nghệ thuật lắm nhiều luyện thông ở đời. Khi đang ở tại Bôn quốc quả đất bỗng nhiên chấn động nứt nẻ, nơi chỗ mở tung ấy rất sâu không đáy, đến bên cạnh bờ mé có được 1 Bia đá, có lời văn ghi rằng: “Ở phía đông nước Chấn Đán có nước tên là Đại Tùy, thành tên là Đại Hưng, Vua tên là Kiên (Dương Khiêm-Văn Đế) ý muốn kiến lập Tam Bảo, tạo dựng các tháp phụng thờ Xá Lợi”. Vua tôi nước ấy vui mừng cảm điềm tướng tốt lành, hỷ hoan với điều hiếm có, mới chiêu mộ các hàng Đạo tục có hơn 50 vị, vẫn từ Linh tướng ấy, mới đầu nghinh đưa đều ra Vương Phủ, trên đường đi gặp phải giặc dã bắt bớ tàn sát gần hết. Chỉ còn được vài người lánh trốn đến đây (Trung Hoa). Tức năm Nhân thọ thứ 2 (602) thời nhà Tùy, vừa đến cung Nhân Thọ. Tính lại mới đầu từ

lúc chỗ đất nứt nẻ có được Văn Bia tức là năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, rồi đi đường trải mất 9 năm mới tới Đông Hạ.

Khi đó gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) cảm được Xá lợi, các châu quận khởi tạo Bảo Tháp. Điem lành từ trời rơi xuống, điem lành từ đất vọt lên, trước sau mọi sự linh cảm có cả trăm lần, khắp cả nước ngợi ca vui mừng, Phật Pháp trở lại hưng thịnh. Quan Hữu Ty đem mọi sự việc tâu trình, Vua cho đó là sự nơi Đại Hạ nêu bày vết tích Đông hoa. Tốt lành đó từ xa đi đến, nên nghi Ngài là bậc đã chứng Thánh Quả. Lại dẫn mời ngài vào Điện Đại Bảo, tự thân Vua co quắp 4 ngón tay, trông nhìn lại các hàng Quan liêu rằng: “Có hiểu được ý của Trẫm chăng?” Mọi người đều chẳng hiểu gì. Nhân đó Vua hỏi ngài: “Có hiểu ý chăng?” Ngài bảo: “Ý Đản Việt cho rằng Bàn Đạo là người đã chứng đắc Tứ quả ư?” Thật chẳng đúng vậy!” Vua rất lấy làm lạ đó, mới thiết đặt ngài ở vào nơi Biệt quán, cung cấp hoa trọng cỗ ăn, dùng men rượu hòa với bột gạo phồng làm thành bánh điều hòa thời gian mà chẳng dậy. Nhân đó đem hỏi ngài. Ngài đáp: “Đó chẳng hợp thức ăn”. Bèn dùng nước ngào bột nấu đó cùng với men thường chẳng khác. Vua hỏi ngài: “Nay tào các Linh Tháp ở khắp các Châu. Ở tại Tào Châu và Thiểm Châu có lăm điều ứng tốt lành, ai có thể đến đó ư?” Ngài đáp: “Tại Thiểm Châu hiện cây Bồ-tát Địa Tạng, tại Tào Châu Hoa sáng Hư Không Tạng”. Vua lại hỏi: “Hoa trời tự vật gì?” Ngài đáp: “Tự như men mây mỏng, hoặc bay hoặc rơi rớt nơi đất. Tuy rơi rớt nơi đất mà ánh sáng vẫn kỳ đặc ưu thắng”. Vua kín đem men may xinh đẹp và chỗ dăng hoa trời mỗi thứ 1 sọt, dùng để chỉ bày cho mọi người, không có khác biệt. Vừa mới đem hỏi Ngài ngài liền nhận biết hoa trời mà thua kém men mây. Kịp đến lúc Hiến Hậu qua đời, giữa không trung có vang vọng tiếng âm nhạc và cảm nghe có mùi hương thơm khác lạ. Vua đem đủ mọi sự việc ấy hỏi ngài. Ngài bảo: “Ở cõi Tịnh Độ tại phương Tây có đức Phật hiệu là A Di Đà. Hoàng Hậu vãng sinh vậy”. vua rất lấy làm kỳ lạ về sự nhận biết soi xét của ngài, nên ban tặng hơn 2000 xấp lụa quyên. Ngài cố khước từ không nhận, nhưng vì Vua quá cương thịnh, ngài mới nhận lấy và ban thí khắp cùng các phước địa. Thấy ở truyện cảm ứng vậy.

---o0o---

04- Thích Minh Đản ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô

Thích Minh Đản, ngài giòng họ Sử, người ở đất cấp, Vệ Châu. Ngài chuyên hành Luật nghi, giẫm bước trông theo các bậc tiền Hiền. Thông rành các Kinh Thập Địa, Địa Trì, tùy cơ giảng giải. với Nhiếp Đại thừa luận thì càng thấy ngài hồng dương rộng rãi. Sau, vào Kinh Đô, ngài ở chùa Thắng Quang, ngài luôn ôn hòa thuận hậu, tánh không bức bạo.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) thời nhà Tùy có ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa xá lợi đến Tương Châu lên ở chùa Phụng Lâm. Nền tảng chùa đó được xây dựng từ thời Nam Lương, nhưng đến thời nhà Tùy càng mở thoáng rộng. Rừng cao giãm đến hang cốc nối liền phòng viện, Tùng trúc giao nhau ngời ánh, suối đá nước đổ rì rào, áp thất cùng trông hết cả nhân cử. Như có người vân du đến trông xem thấy đều quên cả trở về. Ngày Vua Văn Đế đang còn ần dật, nhân sang chùa lễ bái, xin nguyện hoàng hộ, kịp đến lúc lên ngôi báu, nhờ nghĩ phước duyên xa xưa, nên hằng năm Vua thường đến chùa thiết bầy cúng dường lớn. Và bèn cải đổi tên hiệu chùa là Đại Hưng Quốc. Kịp đến lúc ngài đến đó thiết đặt nền tháp, tại viện phía đông của chùa đào đục đất đá xuống vài thước, có được 1 Bình Lưu Ly, trong bình có 8 viên Xá Lợi tán tụ phô bày tướng tốt lành. Hình chất chẳng nhất định, hoặc hiện toàn vỡ nát, hoặc hiển phát thần kỳ, ngài liền cùng bảo nghinh đưa về đồng chỗ tạo dựng Bảo tháp. Lại đục xuyên sâu xuống, có được 1 tảng đá, có bài minh ghi rằng: “36 năm sau niên hiệu Đại đồng, khai mở hoàng hóa của Nhân thọ”. Y cứ theo đó mà nghiệm xét thì trong thời Nam Lương có niên hiệu Đại Đồng (535-546) cho đến nay, về niên kỷ có phảng phất phù hợp. Ngài vui mừng cảm được điềm tốt lành ấy mới dâng Biểu Văn tâu trình. Tại chùa đó có 1 Tôn tượng bằng vàng cao trượng 6. Diện Bộ viên mãn, nghi tướng hoàn vị, tôn trí cao vợi giữa Điện Đường, các loài chim không dám giãm bước chân vào. Trước sân có dựng lập 1 Văn Bua do Suru tín Văn Tiêu Văn viết thuật, ở đời xưng gọi đó là Quán tuyệt. Ngài vân du rãi bước trông xem Huy du, giảng trao tương tiếp.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Thăng Quang.

---o0o---

05- Thích Minh Sán ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô

Thích Minh Sán, ngài giòng họ Vi, người xứ Nghi Thủy, Cử Châu. Năm 10 tuổi, ngài xuất gia. Năm 20 tuổi, ngài thọ giới Cụ Túc. Trong suốt 10 năm đó, ngài tìm tòi đọc học thông rành các Kinh Sử. Bẩm tánh ngài điều hòa nhu nhuyễn, ngay từ đầu chẳng tỏ bày tức giận. Chưa đầy 3 mùa Hạ mà ngài đã từng giảng giải hoàng dương luận Thành Thật và Kinh Niết Bàn.

Gặp lúc phé hoại Phật giáo, ngài trầm ần lánh đời, ở nơi rừng chằm, trở lại dưỡng nuôi Đạo nghiệp cũ, nghiên tâm sâu mầu. Đến lúc Vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579) thời Bắc Chu tạo lập chùa Trắc Hồ, Sa-môn Tuệ Viễn dẫn đồng bạn đến đó. Khi đó, ngài theo gót trở về Kinh Đô, đến các Châu Bộ, sau đó không lâu, ngài tỏ ngộ sâu sắc, bèn diễn giảng nơi đời. Đồ chúng có cả số trăm, tâm kế sáng tỏ. Ngài khai giảng những điều u ẩn, vạch bề điều nghi ngờ, khéo thông cật nạn, tinh cần tư lự thường luôn bộc phát chưa từng

lắng ản. Lại thêm phước đức tràn đầy, khiến mọi người thấy nghe thấy đều vui mừng.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 thời nhà Tùy) ban sắc mời Ngài đến ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô. Đầu niên hiệu nhân thọ (601) thời nhà Tùy. Vua lại thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Thê Hà tại Tương Châu, nay tức là chùa Nhiếp Sơn vậy. vốn nơi nền tảng linh dị, ở truyện trước đã trình bày rõ ràng, mà ngài trông tâm tình vẫn chuyên việc hoằng pháp, trên bước đường tìm cầu phỏng hỏi mới đến tại Giang Biểu, ngài gom nhặt được hơn trăm quyển Kinh, đều là phần sót lại của ghi lục trước, cho đến những nơi khuyết thiếu bổn văn. Tùy được các thứ Phước lợi ngài đều tùy mọi nơi mà truyền trao ghi chép. Sau cùng, ngài lại đến ở chùa Đại Thiên Định, lấy việc hoằng pháp làm sự nghiệp chuyên, xuân thu tốt lành tuần tự, ngài từng đến Lam Điền, leo núi vượt sông, vui mừng với mọi sự đắc tánh. Đến đầu thời tiền Đường thì ngài thị tịch.

---o0o---

06- Thích Tuệ Trọng ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô

Thích Tuệ Trọng, ngài giòng họ Quách, người xứ Ung Châu. Chí khí ngài cứng rắn oai linh, chẳng sợ tà chướng. Quỷ thần ở chốn rừng ốc. Nghe có nơi nương náu, ngài không sang chẳng chịu hàng phục. Ngài nghiêm trì thanh tịnh Giới Địa, thống rành về Nhiếp Đại thừa luận, giãi trải Danh giáo, thanh bạch trội vượt khác thường. ngài ở chùa Đại Hưng Thiện, rộng thông cơ yếu. Các hàng vinh đạt đều tuần tự đoái hoài. Ngài bày chương ngôn lệnh, đốc ý dẫn đưa rất có phương pháp.

Trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công việc thiết đặt tạo dựng các Bảo Tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Đại nhạc tại Thái Sơn. Ban đầu mới đến, tỏa phóng ánh sáng, cho đến lúc nhập Tháp liên tục thường luôn soi chiếu. Từ trên đỉnh núi có 3 luồng khí trắng lưu tỏa xuống nơi nền móng. Cửa Miếu Nhạc Thần vô có tự mở, như thế đến 3 lần. Các hàng Thức giả cho đó là Thần Linh quy kính nên vậy. Năm Nhân thọ thứ tư (604) thời nhà Tùy, kiến tạo Bảo tháp, ngài lại nghinh đưa Xá lợi đến chùa Thiên Tịch tại Long Châu. Mới đầu đến thiết trai, bỗng nhiên có nai đồng dã từ Nam Sơn xuống bơi lội qua sông Gia Lăng thẳng đến nơi chỗ Tháp. Có người đưa tay sờ xoa, nai vẫn tự nhiên gần gũi, cho đến lúc hạ Tháp xong, nai mới bỏ đi. Ban đêm có ánh sáng lớn tỏa phóng từ trên điện Phật, sáng rực cao đến vài trượng. Các màu xanh đỏ thấy đều xen tạp, mọi người đều đồng trông thấy. 3 ngày đánh sát, cả chậu đến hỷ xá, mây tía che phủ nơi tháp, mưa hoa vàng bạc khắp cùng thành áp. Có người lượm nhặt được mới là 5 sắc cùng khắc chạm. Lại

có được 5 viên Xá lợi ở trên Hoa Trời, ẩn hiện xoay chuyển, hợp tan tùy tâm. Trong châu ấy có chùa Tu Phạm. Trước kia là do Vua Văn Đế (Dương Khiêm) tạo lập, có được 1 phần Xá lợi, muốn cùng với Bảo tháp nay đây đồng 1 ngày hạ nền móng. Đêm đó ở cả 2 Bảo tháp tỏa phóng 2 luồng ánh sáng soi chiếu khắp cùng u hiển, mãi đến sáng hôm sau mới dứt mất. đồng cùng trông thấy điềm tướng lành đó có cả ngàn người. Buổi sáng sớm sắp hạ Tháp, lại mưa hoa bạc, biến chuyển chẳng chỉ 1 lần.

Sau đó, ngài trở về lại Kinh Thất, cải đổi quy cách trước, chuyên tu Thiên Quán sám hối, mỗi một ngày đêm có đến 12 thời, ngài đánh lễ danh hiệu 53 vị Phật, ngoài ra còn thêm tọa Thiền Chánh niệm, chuyên trì hạnh nghiệp cho đến lúc thị tịch.

---o0o---

07- Thích Bảo Tích ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô

Thích Bảo Tích, ngài giòng họ Chu, người xứ đất Điều, Ký Châu. Ngài cắt đứt lưới ái, chuyên tâm phỏng hỏi Đạo, Vân du bất định, không nơi thường dừng. Khi nhà Bắc Tề sụp đổ, Phật Pháp bị phá diệt, ngài đến ngầm ẩn tại Thái Sơn, xoay qua trở lại tại những nơi Lỗ Châu, Duyện Châu trải nhiều năm tháng.

Đến năm Khai Hoàng thứ 14 (594) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) xa giá tuần du đến phương Đông, mới cùng thỉnh yết. Chỉ 1 lần trông thấy, Vua bèn rất vui mừng, ban sắc mời ngài vào Kinh Đô ở chùa Thắng Quang, giảng truyền hoàng dương luận Đại Trí Độ và luận Nhiếp Đại Thừa, mà thể lượng ngài rộng rang chẳng tính tức giận hẹp hòi. Từng có người ngăn ngại hủy hoại tiếng tăm thấu đến Tai ngài ngài mới cởi áo dâng tặng đó và nói rằng: “Ông thấy được lỗi quá của Tôi, thật là Thầy Bạn của Tôi vậy”.

Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc đặt cử Ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Tư Giác ở Hoa Ngạc. Chùa đó vốn do Tả Bộc Xạ Dương Tổ dựng lập nên. Buổi sáng sớm mới hạ Tháp, mây bủa khắp 4 phía, tuyết phủ cùng núi áp, đất trời đều mịn mờ, ngăn cách mắt không thấy, cho đến lúc giờ Ngọ, bỗng nhiên trời trong xanh, mặt nhật tỏ sáng, hiện mây 5 sắc ở trên nền Tháp cách đất khoảng 5 tượng, xoay tròn như vòng xe lọng. Từ xa có người trông nhìn, thấy ở trên lọng có ánh sáng đỏ rực, tròn trặn thẳng lên xa liền giữa ngàn mé trời. Kịp đến lúc lấp phủ xong, mây hợp ánh sáng thấu. Bầu trời trở lại như lúc sáng sớm.

Về sau Ngài thị tịch tại Kinh Đô.

---o0o---

08- Thích Đạo Đoan ở chùa Nhân Pháp tại Kinh Đô

Thích Đạo Đoan, ngài người xứ Lộ Châu, xuất gia thọ giới Cụ Túc, nghe xem luật tạng. Đến như mọi thứ kinh trọng khai chế, cân nhắc định liệu cương du, nhã làm Tông tượng. Về sau, ngài vào Kinh Đô ở chùa Nhân Pháp, giảng tam Tỳ Ni, thần dụng không hết. Bảy giờ lộ bày các hàng Tuân cử hậu học đều khâm trọng đó. Lại thêm ngài có được Thẻ chuộng phương ngôn, phạm văn thư ngữ, mở sách thấu triệt trọn đạt ý thú sâu, chuyên tâm hộ pháp rất có công giúp nhiếp.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Phạm Cảnh tại Bồn Châu. Khi mới vào ranh giới của châu ấy, núi non ở đó phần nhiều không có nước, bỗng nhiên Thần suối tuôn vọt lên đánh, chảy đổ thành dòng chẳng phải chỉ 1. những người mắc bệnh trầm kha có tật uống được nước ấy không ai chẳng lành. Riêng có 1 dòng suối, người bệnh uống tiếp liền sấm sai, như nghẹn rượu thịt, hẳn lại phát động. Xét lường trì giới, trọn dứt trừ mà mạnh khỏe. Ngài đem sự việc ấy tấu trình cùng Vua.

Sau đó, Ngài trở về ở chùa tại Kinh Đô, thường vui thích hoằng dương diễn giảng Pháp. Cuối cùng ngài thị tịch tại chùa Nhân Pháp.

---o0o---

09- Thích Đạo Sám ở chùa Thắng Quang tại Kinh Đô

Thích Đạo Sám, ngài người xứ Hằng Châu. Tuệ học như Thần, tiếp nối tìm cầu các thứ Nhiếp Đại thừa luận, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Thập Địa. Nghi sâu đượm phục diệu chỉ, thấu suốt nguyên do tuần tự. Chỉ ngài mền chuộng nơi sâu xa tĩnh lặng, chẳng việc xa hoa, trọng đạo nghĩa, khinh tiền của, từ nhỏ đến lớn. Sau, ngài vào Kinh Đô, ở chùa Thắng Quang, phỏng hỏi Đạo, tìm cầu người hiền. Nơi nung nấu vội vã, ngài chẳng từng gá thác.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, với công việc tạo dựng Bảo Tháp, vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời ngài nghinh đưa Xá lợi đến chùa Biện Hành ở Hứa Châu. Mới đầu vừa đến nơi chùa Tháp, Tôn tượng Đức Phật ở trong chánh điện vốn không Linh dị bỗng nhiên tỏa phóng ánh sáng lớn khắp cùng Viện Vũ. Xá lợi tuôn nhảy ra ngoài bình vàng, lại tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển nhiều quanh Bình. Đã gặp lúc nóng đốt nhưng khi sắp nhập Tháp bỗng cảm mây giăng che mặt nhật đến lúc lấp phủ xong mới tan mất. lại ở bên cạnh tháp làm Hồ để cúng dường, nhân đó có được giếng nước xưa cũ, nước sâu và trong sạch, ngọt ngon dịu dàng. Khắp cả châu đều sai phái đến lấy nước từ giếng đó mà

không khô cạn hay vẫn đục, mọi người đều tán thán! Về sau, không biết ngài như thế nào.

---o0o---

10. Thích Minh Phân ở chùa Đại Hưng Thiện tại Kinh Đô

Thích Minh Phân, ngài người xứ Tương Châu, là Đệ tử Thần Túc của Tam Tạng Pháp sư Da Xá ở thời nhà Tề. Ngài thông hiểu phương ngôn tục ngữ, khéo biết về Phạm văn, truyền đạt u chỉ không gì chẳng là cổ họng môi lưỡi.

Trong công việc phiên dịch Kinh Điển suốt thời gian niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm mời, bảo ngài cùng các vị Phạm Tăng đối truyền Pháp Bản. Mà ngài chuyên kiểm lỗi thất, ưa thích ở chốn không nhân, đượm vị ngậm vịnh kinh Thập Địa, hễ nói năng bèn liền dẫn cứ. Hỏi luận suốt tài, thông giải nghi trệ khác thường.

Đến trong niên hiệu Nhân thọ (601-605) thời nhà Tùy, Vua Văn Đế ban sắc mời ngài đến thiết đặt Bảo tháp tại chùa Thanh Quốc ở Từ Châu. Chùa đó tức do Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề tạo lập. Phía sau Tôn Tượng nơi hang lớn là lăng tẩm của Vua Văn Tuyên Đế, trong đó ẩn tàng các thứ điêu khắc kinh động người quý. Ngài nghinh dẫn Xá lợi đến cách châu khoảng 30 dặm, có mây trắng ùn nổi dậy từ chùa đến nơi kiệu kéo dài không dứt, lấp lánh ngang giữa khoảng không, trong đó có trời tiên bay nhảy, trợn ngày mới dứt. Sáng sớm hôm sau khi mặt trời vừa ló dạng, trở lại có mây trắng kéo dài đến nghinh. Trong mây cũng có Trời Tiên như hôm qua không khác. Mọi người đồng trông thấy, chăm mắt chẳng thể luận bàn. Các hàng Thức giả cho rằng Thạch Quốc và Cổ Sơn liền tiếp kín xa, Tiên Thánh ở Trúc Lâm hưởng ứng nên vậy. Đến nơi núi Tháp, ở phía đông có dòng suối, chúng sinh uống nước ở đó đều lành Bệnh.

Về sau, ngài thị tịch tại chùa Đại Hưng Thiện. Các Kinh điển do ngài dịch phiên ghi trước, đều như ghi lục của Phỉ thị vậy.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Tăng Cái trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Kinh đô

Thích Tăng Cái, là người xứ Hằng Châu, có đến Thái Nguyên, nghe giảng Kinh Niết-bàn. Về sau, Sư đến Lạc hạ, lại gồm thâu các nghiệp trước. Sư nghe rằng: “Kinh nêu bày niệam Tuệ, nhiếp tâm tĩnh lự làm đầu”. Sư bèn phế bỏ việc nghe giảng, chỉ chuyên tư duy Định học. Đào luyện tư duy càng sâu thì càng phô bày lỗi lầm của tâm. Sư bèn trọn thực hành việc đó. Về sau, Sư vào Kinh đô, đến thưa hỏi tất cả các vị tu Thiền. Sư trụ chùa Đại Hưng

Thiền buông màn xếp gót, chẳng tham dự thế đàm, gần như hạn cục Dị thừa, lược chẳng thăm miệng, mở lời thanh tịnh, không gì chẳng cao.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến Thương Châu. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua lại ban sắc mời Sư đón rước xá-lợi đến chùa Pháp Tướng ở Chiết Châu. Ban đầu làm hòm đá vốn chỉ màu xanh, đến lúc mài gọt xong biến thành gấm đẹp, bày hình xoáy ốc, lại thấy hình bóng vị tăng chỉ có nửa thân hình. Đến sáng hôm sau đến xem thì hình bóng vị tăng biến thành Phật, ánh sáng soi chiếu thần nghi đều đầy đủ rõ ràng. Lại hiện nổi ba chữ “ Nhân Vương Tử”. Trước Phật lại hiện ra hình ảnh một con gà trống đầu đuôi đều có đủ. Hoặc hiện ra tiên phụng, trời người, các tướng rất nhiều. Dân chúng ở huyện Nam Hương phần nhiều sống bằng nghề săn bắn giết hại, nhờ thấy điềm lành đó mà phát tâm thọ giới, thề nguyện dứt hẳn sát sinh. Sau đó, vào ngày khác có người đi lượm củi đến phía Nam chùa Pháp Tướng, thấy có cây phác mới sinh quả kỳ lạ chỉ có trăm quả, màu hồng đỏ như hoa sen sắp nở, bèn hái hai quả đem đến cúng dường nơi Tháp. Các hàng Quan thứ Đạo tục có hơn ngàn người đồng đến bẻ hái lấy, mùi vị giống như nho, và sau cùng dâng biểu tâu trình. Vua kinh lạ về điềm ấy.

Sau đó, Sư lại về trụ chùa Đại Hưng Thiền, đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ ngoài chín mươi tuổi.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Đàm Giai trụ chùa Nhật Nghiêm ở Kinh đô

Thích Đàm Giai, là người xứ Giang Đô. Lúc còn nhỏ, Sư học Luận Thành Thật và các kinh luận như Niết-bàn, Đại Phẩm, chất chứa nơi tâm mắt. Bảy giờ tuy giảng đạo thiếu sót, nhưng nhờ tuệ giải nên Sư nổi tiếng. Sư từng đến các Pháp diên, chóng nêu bày luận quyết, xin cứ văn từ yếu chỉ, khiến các hàng học giả đều kinh sợ. Sư thường xem đọc rất nhiều kinh sách, ghi chú những điều u ẩn đem hỏi các bậc Lão túc. Các vị đều khoanh tay kính nể sự tinh vi ấy, trở lại khai mở chí khí nơi mình, Sư bèn vì châm chước hỏi chung đại khái. Ở Tả hữu Giang đô Sư trải qua rất nhiều năm nên tiếng tăm chẳng sai lầm, thật là chuông hoa vọng.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, xưa làm Tấn Vương, xây chùa ở Kinh thất, tìm chọn khắp các phương, thỉnh Sư đến ở. Nội Sứ lệnh Tiêu Tông, em út cả nhà tổ tầm theo nghĩa học, đều khuất lễ quy tâm, kính thỉnh Sư làm Gia tăng. Dẫn hiện lớn nhỏ, thường ở trong Đê Nội, sớm tối cùng thưởng vui. Sư giảng luận Chánh lý chỉ chuyên khai ngộ.

Cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Sơn Cốc ở núi Hoàn Công thuộc Hy Châu. Xưa tương truyền rằng: “Vào đời Tề có người tên là Quách Trí Biện từng đến phía Nam núi Hoàn Công, người đời rất kính trọng, nhân đó lấy tên ông để gọi. Chùa đó do Vua Cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề xây dựng, mé rừng ngời ánh thông trúc đan xen, trước có một dòng sông bao quanh, lưng phía bắc là đỉnh núi cao vợi, dòng sông nhiều quanh thật thanh nhã. Sư đi khắp xứ đó để xây tháp. Ban đầu, trong tháng giêng đang phỏng nghĩ tìm chỗ đặt nền, thường phát ra ánh sáng vàng rờng như một xấp lụa. Trước chẳng mưu tính mà đồng khế hợp, mọi người đều rất vui mừng. Lại, ban đầu khi vừa đến làm, trời vốn nắng hạn, người vật đều khô khát, đêm đến đổ một trận mưa lớn, cao thấp đều đượm nhuần, không ai chẳng đội nhờ may mắn ấy. Lại phát ra ánh sáng màu đỏ rực rỡ như đuốc lửa, hành đạo bảy đêm, lại phát ra ánh sáng rực rỡ trùm khắp cả núi. Có hơn năm ngàn người đều nhờ điềm lành ấy, mà sám tội tạo phước, không thể nói hết.

Về sau, Sư lại nối tiếp hạnh nghiệp xưa, cho đến hết đời Tùy. Sau đó, Sư đến trụ chùa Hoảng Thiện. Vì bệnh nên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Lúc đó là đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Đạo Quý trụ chùa Tùy Pháp ở Kinh đô

Thích Đạo Quý, là người xứ Tinh Châu, chuyên học Kinh Hoa Nghiêm làm chánh nghiệp. Từ nghĩa tánh độ khoan nha, đối với ý sâu trong kinh Sư rất có ý sâu, thường phát tinh thể, được tiếng khen ở đương thời. Thêm vì Sư nhân cư buông tâm, chẳng can thiệp đến phiền nhiễu. Quán chợ hát hò không hề ghé mắt, Danh lợi sang hèn hẳn tự dứt lời, tinh thuần thanh khiết giữ sự trắng trong, thật đáng là bậc chân sĩ. Về sau, Sư đến kinh đô trụ chùa Tùy Pháp, lắng ản đạo đức, nhân giữ thân tâm.

Lúc mới đầu xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nhà Tùy ban sắc tìm hỏi, đặt cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hội Thông ở Đức Châu. Ngày mới đến bắt đầu làm, phát ra ánh sáng màu đỏ như chiếc bình lớn, lâu sau mới tan. Có một người phụ nữ bị bệnh co quắp đã nhiều năm, nghe Xá-lợi đến, bèn đòi khiêng tới chỗ tháp, khổ tâm phát nguyện cầu xin được đi bằng gậy. Ý theo lời nguyện liền lành mạnh nhanh chóng trở về. Đến lúc sắp hạ tháp, bỗng có hình tướng mười hai con chim lớn ít có ở đời, không biết tên là gì, lần lượt xếp hàng bay liệng giữa hư không ở ngay trên tháp, đến lúc lập xong mới bay đi mất dạng.

Về sau, Sư trấn nghiệp ở kinh đô, sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Tăng Thuận trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô

Thích Tăng Thuận, là người xứ Bôi Châu, Sư chuyên tu học Kinh Niết-bàn, Văn số tinh tường, ý chí siêng năng xác lập, chịu đựng gian khổ. Sư thường ưa hoằng pháp ở chốn lao tù, không có nhân duyên bó buộc, bèn giả dèm pha những người lương thiện, Văn thư đã xét duyệt, Sư có được phương tiện rửa sạch tội lỗi người khác, gieo thân vào chốn gông cùm, mà tình chí vẫn vui mừng thư thái. Người coi ngục xót thương nguy ách đó, định thả họ ra. Sư bèn lấy kinh số phô bày đọc rõ, vì những người tù bên cạnh mà nói pháp khuyến hóa, sự việc vốn không dấu, nên lại được thả. Ngày ra khỏi ngục, Sư còn tiếc quá sớm. Có người hỏi lý do. Sư đáp: “Tôi nghe các bậc Thánh vào chốn địa ngục giáo hóa chúng sinh. Tuy chẳng bằng với những vị ấy nhưng về thông suốt”.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, chánh pháp được phục hưng, Sư bèn đến Quan nội, tham tâm thừa hỏi kinh thuật, và dừng ở tại chùa Huyền Pháp. Mãi đến sau này, khi xây dựng các ngôi tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tông Châu. Ban đầu, lúc vừa đến Tông thành, trong chợ có một cái giếng cũ từ trước đến nay mùi vị chua đắng, màu nước đỏ au, không ai dám sái dùng, đến lúc xá-lợi vừa đưa đến, thì màu nước bỗng biến thành màu trắng, mùi vị như mật ngọt. Đến chỗ xây tháp, mới đầu phát ra ánh sáng màu đỏ, lại phát ra ánh sáng màu trắng chiếu khắp trong chùa. Vào giờ thìn suốt cả bảy ngày, trời mưa hoa trắng như tuyết tuôn rơi lẫn lộn giữa hư không. Đến lúc hạ tháp, có chín con hạc trắng bay liệng trên tháp, khi hạ hòm xong, hạc mới bay thẳng về hướng Bắc.

Về sau, Sư trở lại kinh đô, rảo tìm hạnh nghiệp. Đến đầu đời Đường vận nước mới hưng thịnh, Sư bắt đầu đến núi để nương náu, tuổi tác đã xế chiều, muốn gá tâm trọn đời. Vừa đi đến Bá Xuyên, dưới chân phía nam Ly Sơn, gặp được một ngôi chùa xưa, khám hang đều đồ nát, hình tượng ngã nghiêng. Sư bèn dừng ở lại đó mà sửa sang, trước tiên có chủ gìn giữ, mới tâu trình Biểu Văn xin Võ Hoàng đặc ân chấp thuận, bèn được an phục, nay là chùa Tân Lương. Bộ Xạ Tiêu Võ làm Đại đàn việt, mọi điều cần thiết của Phước sự đều lưu xuất từ nước Tống, tặng chúng đồng đúc rất có khuôn phép.

Sau, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

15- Truyện ngài Thích Pháp Hiển ở Kinh Đô đời Tùy

Thích Pháp Hiển, là người xứ Phù Phong thuộc Ung Châu. Họ Ninh. Lúc bình sinh, chí Sư mến chuộng thiền tịch là chính. Với Văn tự giấy bút, tánh Sư chẳng từng trải qua. Sư luôn trầm lắng ít muốn, chẳng bị thế tục phiền lụy. Thầy của Sư là Sa-môn Pháp Khai là bậc thâm sâu trong Định môn, rất chẳng thể lường biết.

Vào cuối thời Nguyên Ngụy, Sư trụ chùa Vua ở Kinh Triệu, nổi tiếng ngang với Thiền sư Thật từ chốn triều đình đến thôn dã. Kiêm vì giản ước trắng trong, hoa quý khuynh chúc, nên Sư gặp được bậc Minh tượng ấy, kính thờ nhiều năm, truyền tập Sư Tông tiếp nối đầu mối sâu mầu. Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, xây tháp tại Lũng Châu, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đón rước Xá-lợi đến đó. Sư phát xuất từ kinh đô rước kiệu đến chùa Dược Vương ở Lũng Châu. Nhưng chùa ấy cách châu hơn mười dặm, nhỏ hẹp nghiêng đổ chẳng có hình thể cao rộng. Sư bèn dời đến gần dưới chân núi Tam Vương ở phía Bắc Châu. Lưng dựa sườn núi đến gần sông nước, cao lớn rộng rãi. Sư bèn xây dựng tháp lớn tại đó, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp địa vực đồng trông thấy, vui mừng tội diệt. Sư nhân chỗ lợi ấy liền làm lợi ích, rộng giảng nói Pháp yếu, độc sạch tâm não đó. Ngay nơi một hội ấy, được vinh hiển thành tựu.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, nhóm chúng kết tập hạnh nghiệp. Mỗi năm vào lúc đầu Xuân, người đến cầu thọ giới cụ túc rất đông, Sư bèn khai phát giới duyên, cổ xúy thực hành Đàn sám, dẫn nhóm chúng thanh tịnh, liền vì đó mà thí giới. Sau, lúc Sư thị tịch, thọ gần tám mươi tuổi.

---o0o---

16- Truyện ngài Thích Tăng Thế trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Tăng Thế, là người ở xứ Thanh Châu. Sư mang kinh tìm hỏi đạo, chẳng sợ hiểm nguy. Bước chân Sư gần như cùng khắp Phương Nhạc và chỗ chỉ hướng của hùng khí của mũi nhọn cũng khó đương đầu. Bảy giờ, đàm luận là sở trường của Sư riêng mến thích Sư nói năng, Văn từ phong nhã nhiều lớp cất nạm, nêu tiếng tăm Sư vang khắp các xứ Tề Châu, Lỗ Châu.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, đến khắp giảng hội và chuyên về luận quyết. Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến tôn thờ tại chùa Hoàng Tạng ở Lai Châu. Qua niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604), Vua lại ban sắc mời Sư đưa Xá-lợi đến chùa Mậu Thắng ở Mật Châu. Vừa đi đến Thanh Châu, dừng nghỉ tại chùa Đạo Tạng, ban đêm

phát ra ánh sáng màu đỏ từ trong phòng lưu xuất ra, chiếu thẳng về phía Đông Nam. Đêm đó ở trong thành Mật Châu lại thấy có ánh sáng từ phía Tây Bắc chiếu đến, nhìn như cây đuốc lớn chẳng phải một, bao quanh khắp trong ngoài thành, sáng rực như ban ngày. Mọi người cùng tham dự không ai cũng trông thấy. Về sau đến lúc dò xét mới biết là dự báo trước. Khi đã đến chỗ làm, suốt hai đêm phát ra ánh sáng, nhiều quanh thành sáng rực như trước không khác. Và lúc Sư nâng bình muốn đưa cho đại chúng xem thì bỗng nhiên không thấy. Sau đến chỗ tháp chùa, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng chùa viện. Ngày đầu tiên mới hành Đạo, đã sát giáo hóa, có hai Viên Xá-lợi hiện ở trong bình, đến lúc tạo hộp đá bỗng biến thành vàng, lớn như hạt táo, hạt đậu lẫn lộn nằm dưới đáy hộp, còn các chỗ khác đều biến thành lưu ly màu xanh. Nhân đó, Sư tấu trình đồ biểu đầy đủ, Vua rất vui mừng.

Về sau, Sư trở lại kinh đô chẳng bao lâu thì thị tịch

---o0o---

17- Truyện ngài Thích Pháp Châu trụ chùa Tĩnh Giác ở kinh đô

Thích Pháp Châu, không rõ Sư là người xứ nào, thân Sư cao to, nói năng lớn tiếng. Với Kinh Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa là chỗ Sư hằng lưu tâm. Điều hội thắng tập, Sư thường tham dự, thân tướng Sư cao vợi, lắm người trông nhìn vạn hỏi, do đó mà nổi tiếng, lại có đức hạnh.

Ban đầu, Sư trụ chùa Tĩnh Giác ở Khúc Trì, rừng trúc um tùm tươi tốt, ao sen bao quanh, thanh thân một phương, lầy đó làm tự đắc. Bấy giờ, ở Kinh Hoa tình cờ gặp được những vị hình tướng nghĩa học như Sư có đến mười người, đồng khí tương cầu, thường đến nhóm họp vui vẻ, ngựa nghiêng nơi rừng tươi tốt thì phú ngâm vịnh gió trăng. Bấy giờ, mọi người gọi là “Khúc Trì Thập Trí”.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Tu Tịch ở Hàn Châu. Lúc đầu, mới làm hộp đá, bỗng có một con chim bồ câu bay vào trong hộp, tự nhiên thuần quen, hồi lâu mới bay đi. Tại chùa đó có bốn ngôi tháp gạch, hình dáng cao lớn, mỗi ngôi đó lại có bốn ngôi tháp nhỏ trên ở bốn góc, được làm bằng sứ xanh. Ở phía trên có đồ họa về Bốn Sự. Trong đêm Xá lợi vừa đón rước đến, mỗi ngôi tháp đều phát ra ánh sáng như lửa xung thẳng lên. Mọi người ở bốn phương cùng một lúc trông thấy, thường phát ra ánh sáng như ráng đỏ dài khoảng ba trượng, đủ các hình tướng Chư Phật, Thánh tăng chẳng phải một, đều hiện bày trong đó.

Về sau, Sư lại đến trụ chùa Đại Thiên Định, khi thời vận nhà Tiền Đường mới đặt nền tảng, vì Sa-môn Cảnh Huy xây dựng chùa Thắng Nghiệp ở Phường Nhân Thọ, thỉnh Sư đến đó đầu tiên. Ban sắc đặt cử Sư trông coi việc chùa. Lại đổi lại tên Phường để hợp với hiệu chùa. Ban đầu, Sa-môn Cảnh Huy cùng chư tăng Đạo bạn ở tại Trường An, về sau thay đổi thường độ, thân mang mặc y phục thế tục nhưng vẫn thường ngồi nghỉ ở chùa, chẳng xả giới nghiệp. Nói năng ăn phục thường hợp với sám ký.

Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) thời Tiền Đường, lúc xưa ở tại Kỳ Châu đã có dự biết trước, nên khi đã tiếp thừa ngôi báu, nhớ nghĩ lại lời xưa, bèn đắp họa hình tượng, tạo lập miếu vũ, làm sáng tỏ huy hiệu. Từ khi Sư đến đó ở trải qua nhiều năm, mà không hề xa hoa, phòng nhà thú sung, mọi việc chúng tăng đều cẩn trọng đầy đủ. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

18- Truyện ngài Thích Tuệ Đản trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô

Thích Tuệ Đản, là người ở xứ Ung Châu. Sư nghiên cứu, tu học Kinh Niết-bàn và thông hiểu Luận Nhiếp Đại Thừa, do thường lên toà giảng tịch nên có tiếng tăm ở kinh đô. Sư là học sĩ của Pháp sư Đàm Diên, trụ tại chùa Diên Hưng.

Trong niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đến xây dựng ngôi tháp tại chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu thuộc núi Linh Ẩn, ở đó, rừng đá cao vợi, thật từ trước đến nay là nơi của Tiên Thánh. Lúc mới bắt đầu xây dựng nền móng ngôi tháp, gặp nhiều phiến đá nằm úp, đào được một chỗ là hộp đá xưa, có đặt hiệu bên cạnh, tinh tế chẳng thể lường. Nhân đó, Sư bảo đến đặt trong hộp đá cũ, lớn nhỏ hài hòa như đã lường tính trước.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, giảng dạy bình thường, tuy chẳng phải bậc nổi tiếng, nhưng cũng thuộc về tài năng. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Diên Hưng, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư nói năng vẫn trong trẻo, thần sắc không đổi khác, Sư nhìn khắp tất cả pháp thuộc, dặn dò giữ gìn, và bảo tất cả hãy khéo an trụ, rồi Sư điềm nhiên thị tịch.

---o0o---

19- Truyện ngài Thích Trí Quang trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Trí Quang, là người xứ Giang Châu, là Học sĩ của Luận Sư Ni. Thuở thiếu thời, Sư học Luận nhiếp Đại thừa rất thành khí độ. Nói năng bàn

luận trong treo văn hoa, lời tiếng hùng thế rõ ràng hòa mục, chí độ của Sư nhẹ nhàng khoẻ mạnh, vui vẻ với người nghịch lời tranh luận, khiêm nhường tự hạ mình, được người đương thời kính trọng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Luận sư Ni. Khi đó, Sư cùng theo vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua lại thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tuần Châu. Trên đường ngang qua Hứa Châu, vừa ra khỏi nam Thành. Mọi người đồng rước Xá-lợi đều trông thấy nơi kiệu, bỗng nhiên phát ra ánh sáng cao hơn một trượng, cả chúng đều vui mừng. Khi vừa đến Phiên Châu, dừng nghỉ trong chùa, đêm đó chuông đồng tự nhiên ngân vang suốt đêm cho đến sáng, làm kinh động cả người vật, mãi đến giờ thọ trai âm vang mới dứt. Lúc đã đến đạo tràng chùa tháp, ngay khi đặt Xá-lợi xuống thì trời tuôn rải cam lồ, trên cây bên cạnh tháp ngưng đọng sắc màu như váng sữa, có ánh sáng màu trắng soi chiếu giữa ban ngày.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, dùng giáo pháp để tự vui sống, từng khai giảng luận Nhiếp đại thừa, rất có tiếng tăm ở đất Tần. Đến lúc tuổi già, Sư nhàm chán bàn nói nên trở về nơi suối rừng tĩnh lặng. Rồi Sư lại đến Lô phụ, dứt bật mọi việc của người đời, chuyên tâm thiền định, tự tiết chế lấy mình. Sư thị tịch tại phòng nhà ở núi.

---o0o---

20- Truyện ngài Thích Trí Giáo trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô

Thích Trí Giáo, là người xứ Ung Châu. Sư tụng tập các kinh, nhưng ý vẫn chuyên thiền quán. Ban ngày thì tập đọc, đêm đến thì tĩnh tọa trầm lắng, an nhiên vô vi, chẳng còn phiền lụy sự đời. Sư trụ chùa Hoằng Thiện, nhân cư tu nghiệp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp tại chùa Vĩnh Ninh ở Tần Châu. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến đó. Khi đã đến chỗ tháp, gặp ngay đêm Bò-tát, có mùi hương lạ như sương móc cuộn vào trong cửa. Cả đại chúng đồng lấy làm lạ về sự thấy nghe ấy. Lại ở trên tháp, phía trước sát trụ thấy có dấu chân người rất lớn dài một thước hai tấc, đập lún sâu tới hai phân, tướng đường vân xoắn tròn của mười ngón tay đều đầy đủ, tìm không thấy dấu vết tiếp nối, do điềm thần ứng nên như vậy. Lại giáng mây lạ đến kết tụ ở phía trên Tháp. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, tướng trạng như vàng báu. Lại nghe giữa hư không có tiếng khen ngợi công đức Phật-đà. Các hàng quan dân đạo tục đều cùng nhau mừng vui hơn hờ.

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành Đạo nghiệp cho đến năm thị tịch.

---o0o---

21- Truyện ngài Thích Viên Siêu ở kinh đô, đời Tùy

Thích Viên Siêu, là người ở xứ Phụ Thành thuộc Quán Châu. Các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư từng học qua, mọi sự phô bày của nói năng và hành động thầy đều thừa hỏi Đạo. Về sau, Sư đến trụ chùa ở kinh đô, nêu danh nơi Đài Tĩnh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc mời Sư đến xây dựng tháp tại chùa Hóa Thành ở Quán Châu. Lúc mới đến châu, cách chừng hơn bảy mươi dặm, các hàng đạo tục đều đua nhau treo phướn dài, gió nam thổi mạnh, cây rừng nghiêng ngã về hướng Bắc, chỉ có chân phướn nam bắc cùng phân, tuy bị gió thổi mà không bị dờn loạn. Đến lúc mới hành Đạo, lập hai bàn Phật, bỗng nhiên có hai con chuồn chuồn, mỗi con đến đậu trên một bàn tương đương, thân hình thô lớn dài cả năm tấc, màu xanh lục sáng bóng, lớn như ngón tay người, suốt bảy ngày đứng tương tục như trước. Khi hành Đạo đã tan, bỗng nhiên nó bay đi. Đến sau lúc hạ tháp nó bay trở lại, khi chôn lấp đã xong thì tuyệt nhiên không còn thấy nó nữa. Nay lúc chánh thức hạ đặt, giữa khoảng không trên nền tháp có mây lành năm màu tương trạng như chiếc lọng, vuông vức ngay thẳng như do người làm, phía dưới tán mây thấy một con hạc trắng bay liệng vòng quanh.

Sau khi mọi việc hoàn thành, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

22- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ chùa Quang Minh ở kinh đô

Thích Tuệ Tạng, là người xứ Ký Châu. Ban đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau chuyên việc giảng dạy. Cầm giữ tham ganh, tuyệt vết dèm pha, rõ ràng an đặt từ lệnh, chẳng lệ thuộc nhan sắc. Sư đến kinh đô, thừa hỏi Đạo Pháp, trụ tại chùa Quang Minh.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc Sư đến đặt tháp tại Quán Châu. Mới đầu vừa đến nơi chỗ tháp, thiết trai hành đạo, ngay phía trên tháp, có cảnh mây xuất hiện, gồm năm màu lẫn lộn, hình dáng như lọng hoa. Dệt thuê gấm vẽ cũng không thể hơn, từ giờ Ngọ cho đến giờ Dậu mới tan mất.

Lại có Sa-môn Pháp Thuận trụ chùa Diên Hưng, học Kinh Niết-bàn, giữ chí căn cắm, khiêm nhường tự tiết độ, giữ gìn đức hạnh không kiêu ngạo, được Vua ban sắc đến trụ chùa Đông Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu, đặt tháp thờ Xá-lợi, lúc mới vừa đến chỗ đất đó, có người cày ruộng thấy tỏa ra ánh sáng, bèn tìm ra ánh sáng và đào lên, được một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng đồng mạ vàng, hình dạng rất, liền làm lễ cúng dường.

Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

23- Truyện ngài Thích Bảo Hiến trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Bảo Hiến, là người xứ Trịnh Châu, là Học sĩ của Luật sư Bảo Trán. Từ thuở nhỏ, Sư được nương tựa liền vâng theo khoa điều. Ngài Bảo Trán xét khí lượng, trông tài năng chắc chắn đầy đủ để tiếp nhận Đại Pháp. Đến ngày thọ giới cụ túc, Sư chỉ còn kính phụng theo văn ngôn, còn như mọi thứ khuôn phép đều đã hoàn bị từ trước. Sư có được tình cảnh thầy trò như thế, và hạnh nghiệp rộng lớn như thế.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư theo thầy Bảo Trán, đồng đến trụ chùa Đại Hưng Thiện, oai nghi điều thuận, nói năng không can dự đến thế tục. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ngài vâng sắc đến đặt tháp ở Hồng Châu, là đất xưa của Dự Chương. Ban đầu, hướng đến châu đó, đường đi từ giang trở, dòng chánh đã mất, chỉ bùn sinh bung bít chẳng thông, sức người đã hết mà không thể tiến tới được. lộ trình kỳ lạ bức bách, nên các hàng đạo tục đều lo sợ, Sư bèn tựa nương vào tâm Xá-lợi xin rữ chỉ đường thông suốt, bỗng giáng hiện một con chim trắng bay liệng ở phía trước thuyền, chợt đến chợt đi như là dẫn lối, Sư liền bảo nương theo đó, bèn gặp được mạch nước, thâu đêm đầy thuyền, bình an đến nơi không chướng ngại.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp xưa, mãi đến ngày thị tịch.

---o0o---

24- Truyện ngài Thích Pháp Lãng trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô

Thích Pháp Lãng, là người xứ Bồ Châu, Sư học qua Tam Tạng, riêng xét về Tỳ-ni, khai vạch thiên tự, chẳng ngăn ngại bởi danh văn. Lại thêm khí tiết bình thản ngay thẳng, chẳng chịu xem thường, quyết đoán cứng rắn, không riêng ép buộc. Sau, Sư đến trụ chùa Thắng Quang, mở bày nghiên cứu luật điển, đi ngang qua cửa phòng Sư không ai chẳng kính sợ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Đại Hưng Quốc ở Thiên Châu. Chùa đó vốn là nơi ra đời của Hoàng Khảo Võ Nguyên. Nên Vua xây chùa dựng tháp để cảm tạ duyên xưa. Lúc vừa đến trong cảnh vực châu đó, cả ba ngôi chùa Đại Thông, Thiện Pháp và Diễn Nghiệp, vào lúc ban đêm ở mỗi chùa đều phát ra ánh sáng, không biết từ đâu đến mà soi chiếu khắp cùng trong chùa, thấu suốt không ngăn ngại, trong chùa Thiện Pháp hiện ra cây có ba hoa, hình sắc rõ ràng. Vào ngày mồng hai tháng tư, trong chùa Linh Thắng, ban đêm bỗng phát ra ánh sáng năm màu, hình thái như mây hợp thành một cái lọng, và đều biến thành màu tím. Khi đón rước linh kiệu vào thành, mây lọng mới tan. Lại có ánh thái mây năm màu rực rỡ từ hai phía Tây Bắc và Đông Nam cuộn cuộn bay đến phía trên tháp hợp lại mà trụ. Đến lúc đào bới nền tháp, sâu xuống năm thước, có một con chim lạ hình dáng như chim Anh Dục, màu xanh vàng, đi tuần nhiều quanh viền tháp, mọi người chạm bắt lấy, chim không tỏ vẻ kinh sợ, chỉ ăn hoa vàng, ba ngày sau, chim bị chết. Lại dùng đá xanh làm hộp, bỗng sinh ra bóng sáng, trong ngoài đều thấu suốt, hiện các linh dị. Ở hai mặt Đông Tây đều hiện song thọ, dưới cây đều có lẫn nước phát sinh. Mặt phía Tây trong hộp hiện ra hai vị Bồ-tát, vị đứng bên cạnh phía Nam màu vàng vị, kê đứng bên cạnh phía Bắc màu bạc, cùng tương xứng nhau. Lại có hai vị Bồ-tát ngồi trên đài hoa, mỗi vị đều cao một thước và đều phát ra ánh sáng màu hồng tím. Mặt phía nam trong hộp hiện tượng Thần ni, chấp tay nhìn về hướng Tây. Mặt phía Tây mỗi hộp, hiện Đức Phật nằm nghiêng hông bên phải, đầu hướng thẳng về phía Bắc, mặt xoay về hướng Tây. Mặt phía Đông ở ngoài hộp hiện tượng chim chết ở trước, nằm nghiêng, chỉ phút chốc đứng dậy, ở phía trên đầu chim có ba hoa vàng. Chim ấy theo hướng Tây Nam bay đến dưới chỗ Phật nằm, rồi đứng yên không nhúc nhích. Những tượng sáng trên, từ đã hiện đến chưa hiện, tướng trạng rõ ràng, Sư bèn bảo người đồ họa ghi chép lại trên giấy xong rồi, mới dần dần biến mất. Đến ngày sắp hạ tháp, bỗng nhiên mây nổi như khói, như sương mốc, vây tròn che mặt trời, lại như vòng bánh xe, sắc màu chia ra riêng biệt, lại như bánh xe ngân cãm màu mây đều như màu hồng màu tím, mọi người đều ngửa mặt nhìn tướng ấy, ngợi khen lạ lùng ít gặp. Đến lúc phủ lấp đã xong thì bầu trời trở lại toả sáng, mây mù tan biến. Ngay lúc ấy ở phía ngoài vách tường chùa viện đều thấy có phước lọng vây nhiều chung quanh, nói là từ chỗ khác đến cúng dường. Sự việc xong xuôi, tìm hỏi thì không có một dấu vết. Sự vui mừng với những điềm lành thần biến ấy, liền tâu trình lên vua.

Sau đó, Sư trở về kinh đô, vì bệnh nên qua đời.

25- Truyện ngài Thích Đào Toại trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô

Thích Đàm Toại, là người xứ Ung Châu. Ban đầu, Sư tập học Luận Đại Trí Độ. Về sau, Sư lại học Duy thức, nghiên cứu luận Nhiếp Đại thừa, chọn lý sâu kín, Sư thường nói: “Ba cõi luống dối, chỉ là nhất tâm, đuổi tìm cảnh ngoài, chưa ngộ khó dứt”. Nên rất được tôn xưng có Sư thông hiểu. Nhưng Sư lại rất cẩn trọng gìn giữ căn môn, chuyên cần tu trì giới hạnh. Sư trụ chùa Chân Tịch, đóng cửa giữa mai hạnh nghiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Pháp Hồng ở Tấn Châu. Lúc mới đến dừng nghỉ ở Công quán thì phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cửa tinh xá rõ ràng như màu vàng ròng. Lại phát ra hai lần ánh sáng màu vàng nhạt từ nơi Đạo tràng lưu xuất, rất lâu mới tắt mất. Lại từ chỗ kiệu Xá-lợi đến tận chỗ nền móng ngôi tháp đều phát ra ánh sáng lành, có ba vàng cầu vòng bay bổng, màu sắc như ráng trời lúc sáng sớm, rực rỡ giữa khoảng không cao vợi. Đến ngày hạ tháp, lại phát ra ánh sáng, lúc ẩn lúc hiện, nói chung thì trong bảy ngày, điềm linh xen lẫn các tướng biến hiện chông chất không dứt.

Sau đó, Sư về lại kinh đô tiếp tục thực hành Đạo nghiệp. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

26- Truyện ngài Thích Đàm Quán trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Đàm Quán, là người xứ Cử Châu. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, rất kính mến Pháp tự. Mãi đến sau khi thọ giới cụ túc, Sư tìm xét nghĩa môn, chỉ y cứ vào Luận Thành Thật dứt bỏ mọi vướng mắc. sau cho rằng tuệ giải là gốc loạn thân, Sư bèn trở lại lắng nguồn, nhiếp suy nghĩ hang hóc. Với mười sáu pháp đặc biệt, Sư lại rất mực lưu tâm, Thần chí rộng khắp tiêu hết Tà chương, vang vọng khắp xa đến tận Thiên quyết.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm hỏi, thỉnh Sư vào kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, mọi sự cúng dường đều nồng hậu, thường ngày hỏi han sức khoẻ. Sư thường lên sân tía ngồi ở nệm hoa. Vua gần gũi hầu cúng, kính trọng đức hạnh Sư mà cầu học đạo Pháp. Sư khoan dung thuần thoả, nói năng không trau chuốt, rất được Pháp nhãn rất sâu. Khổ vui đối với tâm hoàn toàn rỗng lặng, nên khiến danh lợi tuy ngày một tăng mà vẫn thường có khí tiết trinh thuần. Mọi vật tín thí cúng dường Sư đều sung nhập vào của chúng tăng, phòng nhà rỗng rang, chỉ có y bát mà thôi. Bấy giờ, các hàng lưu tục đều mến chuộng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc đón rước Xá-lợi đến chùa Định Lâm ở Bôn Châu. Lúc mới, dừng nghỉ ở Công Quán, liền

phát ra ánh sáng rực rỡ, đào bới nền móng sâu đến tám thước có được một ngôi tháp bằng đồng, trên đầu ngay bằng, dưới nền vuông vắn, có hai cửa đối xứng, thiết chế như thần tạo, khắc chạm đến kinh hãi người. Sư bèn dùng để đựng Xá-lợi đặt vào bình trong, rất tương dung nhau. Tại châu đó, có người tên là Cầm Cự Hải bị bệnh cầm suốt trong sáu năm. Khi nghe đón rước Xá-lợi đến, bèn tự viết thư thỉnh cầu điềm ứng, thấy vốn một viên xá-lợi mà phân chia thành ba phần, màu sắc như vàng ròng chợt trầm chợt hiện. Lại thấy ảnh tượng ba Đức Phật từ giữa hư không bay đến, tức liền bày thuật. Vãn từ ngôn cú như dòng chảy.

Sau đó, Sư về lại ở kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

27- Truyện ngài Thích Linh Đạt trụ chùa Diên Hưng ở kinh đô

Thích Linh Đạt, là người xứ Hằng Châu. Lúc đầu, Sư học theo Nho Môn, tham cùng kinh sử, chỉ thấy càng thêm tướng đồ lược, bấy giờ tuy có tâm nhân nghĩa, nhưng cuối cùng lại đắm chìm trong các cõi, chưa thoát khỏi được vô thường. Sư bèn cắt tóc Đạo lưu, mong tôn thờ khuôn phép chánh, nương tựa Ngài Viễn Công mà học Đạo nghĩa, đều nhận biết được đại ý. Nhân đó bèn nhất quyết nương theo, ba nghiệp không xả bỏ. Đến lúc Viễn Công vào chốn kinh đô vì kính mến nghĩa nên Sư cùng theo. Về sau, Sư trụ chùa Diên Hưng, lui ẩn tự giữ, ngồi thẳng thúc liễm thân tâm, suốt ngày thiền mặc, ăn mặc chỉ thô xấu, chẳng mong cầu lòn loẹt.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Long Tàng ở Bồn Châu. Lúc mới định chỗ làm nền móng, nghe có mùi hương lạ, dần dần phân tỏa theo chiều gió lan tỏa khắp trong chùa. Trong dân chúng có một người tên là Kim Huyền Tán, ở bên cạnh chùa, từ trước bị bệnh tịt mũi, hơn hai mươi năm không hề nhận biết các thứ mùi thơm hôi, ngay ngày hôm đó bỗng nhiên ngửi được mùi hương, kinh hãi bèn tìm đến chùa, nhân đó bệnh tịt mũi được lành. Lại có mưa hoa trời từ giữa hư không tuôn đổ xuống, hình thái ánh sáng đẹp sạch rực rỡ như vàng bạc, trước tiên rơi xuống chỗ tháp, sau đó vào trong chùa viện. Các hàng đạo tục đua nhau tiếp lấy nhẹ mỏng như sợi. Sau khi hạ Xá-lợi xong, có hai con hạc trắng bảy liệng phía trên tháp, giây lâu mới bay đi.

Sau đó, Sư liên tiếp tìm theo định nghiệp, thừa hỏi khắp núi rừng đồng trống, chẳng đoái hoài danh quán, thực hành hạnh đầu-đà, ở nơi rừng mả. Tuy gặp các thứ quỷ thần mà không hề khiếp sợ. Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (601) đời Tùy, Sư thị tịch nơi mồ mả trong rừng rậm. Lúc đầu, không ai nhận biết, có người trong xóm lấy làm lạ vì không thấy Sư đi khát

thực, bèn đến tìm xem thì thấy Sư đã tịch, thân tướng Sư ngồi kiết già như lúc còn sống. Nhân đó hợp làm chiếc giường vuông tảo liệm và an táng trong hang Đổ Thành.

---o0o---

28- Truyện ngài Thích Tăng Hân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Tăng Hân, là người xứ Thượng Đẳng thuộc Lộ Châu. Từ khi Sư vào Đạo Pháp, nghe khắp cả Đại Thừa, Tiểu Thừa. Cho đến cả thiên luật, Sư đều trải qua. Độc hết thân tâm, không pháp tịch nào Sư chẳng tham dự. Trong sự dạy răn các hàng ngu trí gồm cả ồn náo và tĩnh lặng. Sư một mực giữ gìn chánh độ, cung kính cẩn trọng Kinh luận, nhận hiểu vạch bày, không hề chột quên. Lúc đầu, chúng tăng thấy sư cúi mặt ít nói, dứt bật luận đạo nên đều gọi Sư là Lão già mờ tối. Sau, có bậc trí giả hỏi về Văn từ nghĩa lý, Sư đều trình bày áo nghĩa sâu xa. Xem thường chương cú, chẳng hề can dự trong lòng. Có người hỏi về lý do, Sư đáp: “Chớ khinh kẻ chưa học, Diệu đức thường ẩn tàng, chỉ có bậc Đại Giác mới có khả năng tĩnh lặng và soi chiếu, hàng Thanh đức minh ước mới không có vết lỗi nhỏ. Kẻ ngu si theo khuôn phép mọi vật, có lúc sẽ thông ngộ. Chỉ hai mắt đều sáng mới lấy được Hội Tông, chẳng được vì Pháp mà làm khổ lụy tới người, đến nỗi trái với sự mong cầu kính phụng!”

Đến lúc nhà Bắc Chu phá diệt Đạo giáo và Phật giáo, Sư bèn lánh ẩn vào Thái Sơn, đến khi thời vận nhà Tùy mở thoáng, Sư lại trở về học tập tu hành, rảo bước chốn Lạc Hạ, theo học ở Viễn Công. Với các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều nghiên cứu tông lãnh. Sau, Sư vào Quan nội trụ chùa Đại Hưng Thiện, thể độ cao sáng, chẳng khuất phục trái lạm. Lúc giảng dạy, ngôn từ bày nêu, đề nén và nâng bốc rất có độ lượng. Còn như mọi việc của chúng tăng tu đạo, tâm tình Sư vẫn đặt trọng chuyên cần tha thiết, đích thân dẫn trước, gánh vác vận thiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Hộ Pháp ở Mao Châu để xây tháp cúng dường. Lúc mới đến dừng nghỉ nơi công quán, Có Sa-môn Đàm Nghĩa là bậc danh tăng cao hạnh, nói rằng: “Nghe các viên Xá-lợi đều phát ra ánh sáng, chỉ vì chúng ta, v.v... tội nghiệp quá sâu nặng nên không có ứng hiện gì!”. Sư bèn cởi áo làm lễ sám, đốt một ngón tay làm đuốc, suốt đêm cúng dường đến sáng sớm bèn phát ra ánh sáng soi khắp người vật. Lại lưu xuất ra bình vàng xoay chuyển hành đạo, có ánh sáng ba màu xanh, đỏ, trắng soi chiếu khắp cùng, qua mấy đêm ánh sáng ấy mới tan mất. Đến đầu hôm mồng bảy tháng tư, lại phát ra ánh sáng đỏ rực như đốt đuốc khắp trong Phật đường, phút chốc lưu xuất ra ngoài cửa, soi chiếu khắp cả bốn phía mái nhà.

Lúc sắp đặt để vào hộp lại phát ra ánh sáng màu đỏ sáng rực hơn cả mặt trời, suốt đêm lại soi chiếu trong hộp. Qua ngày mồng mười tháng tư, Hoa trời như tuyết từ giữa hư không rơi loạn xuống, năm màu xen lẫn, mọi người đều nhất được. Lại cảm có mùi hương lạ, theo gió nhẹ thoảng xông khắp trong chùa. Hộp đó bỗng nhiên biến thành Lưu ly màu xanh, trong ngoài thấy suốt. Có người dùng lụa mỏng màu trắng phủ bọc chung quanh mấy lớp, lại phủ mỏng lên trên hộp đó. Lại dùng tro bụi bùn sinh phủ lên trên, sau đó ánh sáng lại soi chiếu qua lớp bùn đó, lại đồng như màu của hộp. Lại ở trên lớp tro bụi bùn sinh ấy vẽ mười bông hoa, dùng vàng mỏng để tô điểm đến sau khi thành tựu chỉ còn lại một màu vàng rờn, ngoài ra các hoa đều rực rỡ. Lúc chưa hạ tháp, có Tín sĩ Trương Thế Khiêm là người thường tu trì bát Quan trai giới, lia bỏ vợ con tới ở nơi phòng thất tĩnh lặng tụng kinh, bèn nghe có âm thanh phạm tán ở chỗ kiêu rước Xá-lợi, bèn ra cửa nhìn, thấy có chư tăng, mỗi vị đều cầm nắm hoa hương đi nhiều quanh cúng dường, bỗng chốc bèn biến mất. Lại thấy có trời người cầm các phướn lọng và hương hoa từ hướng đông nam bay lại, ngay trên đánh tháp biến thành vàng mây lớn, xoay chuyển giữa hư không giây lâu. Lại thấy có hơn trăm vị Sa-môn ở trên nền tháp, cầm chổi quét đất bù đắp thêm. Đến lúc sáng sớm thì vắng lặng không thấy gì. Bấy giờ, đang là mùa hạ nắng nóng, đất đai khô cằn, mọi người đều mong có mưa, ứng niệm liền tuôn mưa xuống, nước mưa dày bốn-năm tấc, khắp sông đồng đều dứt trừ được lo khổ. Tại huyện Sa Khâu có Lê Như Ý là người hồi tâm kính tin Phật, thấy tướng ánh sáng. Đường tuy xa mà ngời sáng, mắt thấy suốt thấu chư tăng trong chùa có năm vị đang ở trong Phật đường. Lại nghe bên cạnh Tháp có tiếng âm nhạc khen ngợi, tiếng vang rất xa. Lại hoa trời tuôn rải như mưa, khắp cùng bốn mươi dặm, nơi nền tháp thì nhìn gấp bội. Sư vui mừng với các điềm lành ấy, bèn dâng biểu văn tấu trình đầy đủ.

Sau đó, Sư trở về, tiếp tục thực hành Đạo Nghiệp, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

29- Truyện ngài Thích Huyền Cảnh trụ chùa Không Quán ở kinh đô

Thích Huyền Cảnh, là người xứ Triệu Châu, Sư lập chí thanh bạch trinh thuần, chẳng can hệ với lưu tục. Đối với luật Tứ Phần, Sư tinh thông văn nghĩa, chẳng thích mở mang, thường tìm nơi dị Bộ, khơi phát trái thuận, phẩm chương phé lập, rất có thần thái. Sư trụ tại chùa Không Quán, nhân tán ưu nhu, là vị Tăng vô vi.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc đặt ngôi tháp tại chùa Vô Tế ở Bồn Châu. Ngày làm nền móng, bỗng nhiên phát ra ánh sáng

màu đỏ biến chuyển chẳng thường, hoặc như hình tượng, chợt như lầu gác. Lại phát ra ánh sáng màu trắng, có lúc ánh sáng lớn nhỏ, nhiều quanh bên cạnh bình. Đến ngày mồng bốn tháng tư, lại phát ra ánh sáng rực rỡ màu tím lục xen lẫn, đến ba lượt mới thôi. Lại trong ánh sáng ấy thấy có pho tượng Phật, thân cao hơn hai thước ngồi trên tòa sen, và có các vị Bồ-tát hầu cận ở bên cạnh nghinh dung trang nghiêm, từ giờ mao cho đến giờ dậu mới biến mất. Ngay lúc ấy, mọi người đều trông thấy.

Sau đó, Sư về lại chùa Không Quán, lại học Thiên tông, dừng ở nơi Đông Viện, nhóm họp các Bạn đồng tu, phần nhiều thực hành hạnh đầu-đà. Sau, Sư thị tịch tại chùa đó.

---o0o---

30- Truyện ngài Thích Trí Quỳ trụ chùa Hoằng Tế ở kinh đô

Thích Trí Quỳ, là người xứ Ký Châu, rất kính mến Niết-bàn, tịnh trí giới hạnh, chẳng màng vinh hạnh, thường biết đủ không mong cầu. Sư trụ tại chùa Hoằng Tế, đóng cửa, tu hành Đạo Nghiệp, tặng chúng kính phục trí đức của Sư nên rất xem trọng, thường đặt để Sư nơi chỗ cao quý, tôn xưng danh thật, nhưng Sư chẳng hề đoái hoài, bèn lúi ần tự tu, như không hề nghe thấy.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, ở khắp nơi đều xây tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Khai Giác ở Ngụy Châu. Lúc vừa đến chỗ làm, bèn phát ra ánh sáng rực rỡ màu tím trắng cùng phô bày lẫn lộn, năm màu tỏa phát. Có Tỷ-khưu-ni Trí Khoáng mắc bệnh sốt rét đã nhiều năm, nhân kính lễ phát nguyện, bèn thấy được ánh sáng màu đỏ soi chiếu khắp phòng nhà, bèn nhả vật xấu ác ra, từ đó, bệnh được dứt hẳn. Lại có người mắc bệnh nặng nghe vậy vui mừng, cúi đầu trên gối mà phát nguyện, cũng được ánh sáng soi chiếu và bình phục lại như cũ. Khi đến chỗ tháp, các trình trạng bệnh hoạn được khỏi như thế rất nhiều, không thể ghi hết. Có Dương Đại Nhãn trước kia mắc bệnh hai mắt mờ không thấy, dẫn đến chỗ kiệu nguyện cầu, liền nhìn thấy Xá-lợi như mắt vốn sáng sạch, những trường hợp như thế lại rất nhiều. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc hạ tháp xong, từ phía Tây Bắc có mây nhóm lại, hoa rải trên tháp như mưa, lẫn lộn lẫn tả như mây, màu tợ vàng ròng, khắp cùng cả chùa viện. Các hàng đạo tục nhật lấy, hình dạng như hoa bằng vàng. Lại cảm có một con chó mực, chẳng biết từ đâu đến, đi thẳng vào nơi đạo tràng và nhiều quanh hành đạo, mỗi ngày đến sau giờ ngọ, cho bánh, nó chẳng chịu ăn, cho nước thì uống. Đến lúc giải trai hội cho cháo mới ăn. Trong chùa có một đàn chó khác thường, cắn xé rất dữ, nhưng khi thấy con chó ấy liền cúi đầu kính sợ, không dám liếc nhìn. Ở chỗ tháp có dựng một bia đá dày ba thước rưỡi,

bỗng nhiên phát ra ánh sáng trong vắt như lưu ly, soi chiếu mọi vật, đều thấy rõ ràng. Lại thấy voi sáu ngà đều hiện trong bia đá. Đến cuối tháng năm, ở trong bia ấy có bảy lần biến đổi tượng trạng, hoặc là pho tượng Phật, Thánh Tăng, Song Thọ v.v... các điềmtượng chẳng phải một, Sư đều tấu trình những việc ấy lên vua.

Về sau, Sư dời đến Chung Nam, trụ chùa Thiên Tịch, leo lên non chằm, ra đi chẳng trở lại.

---o0o---

31- Truyện ngài Thích Tăng Phạm trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô

Thích Tăng Phạm, là người ở xứ Ký Châu, Sư học gồm các kinh điển Đại thừa, Tiểu thừa, lắng chuyên Tâm nghiệp, tìm thấy thiền niệm, dốc lòng kính lễ. Các pháp định yếu Sư thành đạt, hẳn gấp bội so với đồng bạn. Sư trụ tại chùa Thắng Quang, nhờ tuệ giải mà được suy tôn.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Giác Quán ở Bồn Châu. Mỗi ngày đến lúc chiều tối, thường phát ra ánh sáng, màu vàng đỏ đan xen rực rỡ, biến hóa chẳng phải một. Có Sa-môn Tăng Biện bị bệnh tai điếc suốt bốn năm, nghe có tiếng như ở nơi tường vách, chỉ một lần trông thấy Xá-lợi, hai tai bèn được mở thông hơn thường ngày. Tại châu đó, có Tô Pháp Hội chân trái bị co quắp đã hơn mười chín năm. Tự chống gậy đến đánh lễ cầu nguyện, sau đó bèn được lành mạnh, vất bỏ gậy mà trở về. Chính mắt Sư trông thấy những linh nghiệm thần đạo như thế, tin biết kinh giáo chẳng phải là thứ dối bày, chỉ do chí tiết thành thật chưa hiển bày, nên đến nỗi có sự sai lầm!

Sau đó, Sư về lại chùa cũ, tiếp tục thực hành khuôn vết trước. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

32- Truyện ngài Thích Bảo An trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô

Thích Bảo An, là người xứ Duyện Châu. Sư giữ chí an bản tu học. Mọi người trông thấy đều kính trọng. Lúc đầu, Sư nương tựa Sa-môn Tuệ Viễn, nghe học Kinh Niết-bàn, rộng nghiên cứu Tông lãnh. Đến lúc nhà Bắc Chu diệt, nhà Bắc Tề mất, Sư đi về hướng Nam đến nước Trần. Đến khi nhà Tùy thống nhất thiên hạ, Sư về lại quê cũ, sau đó Sư đến Triều Lạc, Sư lại theo Sa-môn Tuệ Viễn, nhờ đó mà học nghiệp xưa càng sâu xa hơn.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, vì kính mến Đạo nghĩa, nên Sư vào kinh đô trụ chùa Tịnh Ảnh. Lúc bấy giờ, ngài Tuệ Viễn hoàng dương Chánh Pháp đang rất hưng thịnh, dưới tòa thánh chúng gồm cả ngàn người.

Mỗi một chế ước ở trong giảng hội, ngài Tuệ Viễn đều giao hẳn cho Sư. Khi đó mọi người từ phương xa đều tìm đến, danh vọng rất nhiều, khó có thể tiếp nổi hài hòa, nên ngay trách nhiệm đó. Sư bèn tùy cơ khuyên dụ, cứu giúp rất có khuôn phép. Tuy nêu bày đủ thứ trừng trị răn đe mà không hề có tâm oán cừu, mỗi người đều nhớ nghĩ kính mến, khen ngợi. Sư giảng các Kinh Thập Địa, Niết bản rất thuần thực, khéo léo ở đương thời, nhưng tánh Sư vẫn nhiếp giữ sự im lặng, không thích giảng dạy. Nếu có hỏi đáp, Sư biện đối tợ dòng suối đổ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh đến đặt tháp tại chùa Phạm Tràng ở Doanh Châu, tức là thành Hoàng Long. Xưa có ngôi tháp gồm mười bảy bậc cấp, ngăn che ở trong, đặt Xá-lợi. Đang lúc nửa đêm ở phân trên đều phát ra ánh sáng màu trắng, tướng trạng như mây mù, ban đầu chỉ có một trượng, dần dần tỏa khắp viện, chói sáng rực rỡ, giây lâu mới dứt. Trước sau có đến ba lần, tướng loại đều đồng. Xưa có một con rùa bằng đá hình dáng rất lớn, muốn làm hộp dùng dẫn đặt rất khó, thợ đá theo quy mô đẽo gọt thành hộp, trong ba phần bỏ hết hai phần. Sư tự nghĩ: “Đá lớn mà hộp nhỏ làm sao chọn thành, sợ lỗi ngày với kỳ hạn, trong lòng lo lắng như lửa đốt”. Nhưng đến sáng sớm đến xem thì đá ấy rất xứng với hộp, tự nhiên phân chiết, chẳng nhọc khắc gọt, rõ ràng thành tự. Hộp tuy do thân tạo, tính ra đáng rất nặng nề, nhưng kê gần cùng kéo thì nhẹ đi, nhanh như đuổi theo. Chẳng nhọc đến chùa, bèn đứng y như kỳ hạn, Sư rất vui với tình nguyện.

Sau đó, Sư về lại chùa ở kinh đô, không biết về sau Sư tịch ở đâu.

---o0o---

33- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Nhân Giác ở kinh đô

Thích Bảo Nham, là người xứ U Châu, Sư nêu ý Kinh Thập Địa, thứ đến học Tỳ-đàm, cuối cùng nghiên cứu về luận Thành Thật. Nên đối với Tông Bộ, Sư trải qua nghiên tầm rất nhiều, cửa ngõ huyền văn suốt cùng nguồn cội. Bấy giờ, đang truyền bá dồi dào rộng rãi mà tánh Sư rất suy xét mọi việc, chẳng ưa thích nói bàn. Mọi người tha thiết mong cầu giải bày, tình lý lại tuyên dương. Sư trụ chùa Nhân giác ở Kinh hạ, giữ Đạo tự vui, không thích sự giao thiệp nòng hậu.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá lợi đến chùa Hoàng Nghiệp ở Bôn Châu. Chùa đó vốn do Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Nguyên Ngụy xây dựng. Xưa đặt hiệu chùa là Quang Lâm, nương vào sườn núi, ở cạnh khe suối, diện thế cao thoáng. Phần nhiều khác lạ, mọi việc đều thanh tịnh trang nghiêm, nên khiến mọi người đi đường hẹp phải kính sợ. Do đó chúng đây

lạm vết mong qua. Từ cuối niên hiệu Khai Hoàng (...601) đời Tùy, Xá-lợi được rước lên trước núi, thường nghiêng vẫy không hề ngừng nghỉ. Đến lúc an trí tháp xong, núi mới dứt hẳn sự rung chuyển. Lại đến đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, từ trời tuôn đổ xuống ba mươi ba cây dao cạo, dùng rất bén nhọn, và hình tướng chế tác cũng rất khác biệt, nay chur tăng thường dùng để cạo gọt. Lại nữa, lúc mới tạo hộp đá, sáng ngời như gương nước, đường văn giống như mã não, sáng tợ lưu ly, trong ngoài chiếu suốt sắc tím rực sáng. Phía ngoài hộp hiện lên những đường vân như tôn tượng Bồ-tát, cho đến Chư tiên, cầm thú, sư tử, cây rừng lăm thú tạp tướng chẳng phải một. Đến đêm mồng ba tháng tư, phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp đất trời, mọi người đều trông thấy.

Khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

34- Truyện ngài Thích Minh Ngự trụ chùa Vô Lộ ở kinh đô

Thích Minh Ngự, là người ở xứ Doanh Châu. Lúc đầu, Sư học Kinh Niết-bàn, về sau lại học Luận Nhiếp Đại Thừa, suy tìm nguồn lý, nghiên cứu gồm cả mọi sự vướng mắc. Sau đó, Sư đến Nghiệp Hạ thừa hỏi những điều chưa từng nghe biết. Với mọi nghĩa ẩn cao sâu, Sư đều vạch bày xem đọc.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Sư vào kinh đô, đến chỗ Sa-môn Đàm Diên, lại học tiếp Luận Nhiếp Đại Thừa. Ý lượng của Sư rộng thoáng, đáng đáp nho nhã, nếu có tức giận, cũng không biến đổi sắc mặt. Đại chúng kính phục sức nhẫn ấy của Sư. Sư trụ tại chùa Vô Lộ, lấy việc giảng tụng làm chánh nghiệp. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Phạm ở Tế Châu. Nền móng chùa đó mang thế núi hiểm nguy, có nhiều loại cây lạ, núi suối cuộn quanh, trúc cao phủ trời, thật là chỗ đất tốt đẹp. Định ngày sắp hạ tháp thì ở chùa đó có điềm lành của vua A-dục, phát ra ba luồng ánh sáng thần chiếu khắp trên thân tượng, vàng đá màu đỏ sáng rực đoạt nét tinh anh, trải qua thời gian khoảng bữa ăn thì dần dần dùng hết. Lại nghe có tiếng khánh kéo dài, trên đánh núi phía động chùa, có âm vang khen ngợi “Lành thay!” trong trẻo suốt thấu tâm người, nhưng tìm thì không trông thấy gì cả. Lại nữa, trên hộp Xá-lợi, ánh sáng phát ra cao ba thước, hình dáng như cây hoa. Vốn rước Xá-lợi phân thành hai viên, lưu xuất ra ngoài bình lưu ly lần lượt mà xoay chuyển và đều phát ra ánh sáng. Có mây màu vàng trắng từ phía Tây Nam trôi đến, âm thanh như mưa cùng đổ trôi chảy, tiếng âm nhạc, đến ngay trên tháp, dùng trụ không lay động. Lại thấy có hai cành hoa từ trong mây lưu xuất, hoặc có lúc lên lúc xuống. Có đàn chim lớn bay đến vờn

quanh phía trên tháp. Lại ở trong mây hiện ra đầu vị tiên số nhiều đến vô lượng. Ngay lúc đó, người ở thành Tân Châu thấy các vị Tiên từ phía đông giữa hư không bay đến, hướng về Ngụy Châu. Ngài ở ngay vận ấy vui mừng thấy các điềm lành đó, mới không thể hết. Dân chúng đều xả thí tài của chứa nhóm như núi, Sư đều dùng vào công việc tại xây dựng ngôi tháp. Có năm vị Sa-môn thấy được điềm kỳ đặc ấy, bèn xả giới làm đũa ở, cúng dường Tam Bảo, nhân đó khắc vào Minh Ký, nói rộng như trong Biệt truyện.

Đến lúc Hiến hậu qua đời, Vua Văn Đế xây dựng chùa Đại Thiên Định, thỉnh Sư đến trụ ở đó, về sau Sư tịch tại chùa ấy.

---o0o---

35- Truyện ngài Thích Đạo Sinh trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Đạo Sinh, là người xứ Bồ Châu. Sa-môn Đại Thống Đàm Diên là thầy của Sư, con của Danh Phụ thuộc hệ vết tích Quyết Sư. Tuy nhã chuông chưa ngang bằng, nhưng năng lực tư duy thấu đến phương xa. Nhân từ chân chánh, Sư thường đặt để nơi lòng, thanh sắc không hề đắm nhiễm. Sư thọ trì Giới hộ, thích vịnh văn ngôn. Luật Tứ phần rộng đượm nhuần Thanh giáo. Lúc giảng dạy nêu cao khí Pháp khó nghĩ. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, vời vợi nêu lạ, mắt không hề liếc nhìn, oai nghinh an tường điềm đàm. Đại chúng rất kính sợ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Sở Châu. Ban đầu dừng nghỉ ở Công Quán, chiêu cảm một con nai hoang đi thẳng vào cửa tháp. Người canh giữ dẫn nó đến chỗ Xá-lợi, tự nhiên nói cúi đầu kính vái, thuần thiện an ổn. Sư bảo con nai rằng: “Ngươi vì Xá-lợi, hãy bước lên bậc thềm. Còn như duyên khác thì tùy ý mà đi”. Nai nghe lời ấy bèn bước lên thềm cấp, ra vào trước màn trướng, qua lại không ngăn ngại. Sư bèn giảng trao quy giới cho nai, nai bèn cúi đầu nơi hương án tỏ vẻ như có nghe thọ. Nhân đó dùng lụa thêu buộc thắt nơi nó, nai liền liếm tay người. Đêm đến nằm bên cạnh kiệu, hoặc đi sang nơi phòng Sư, dừng ở vài đêm, tự nhiên nói lui ra, trở về đồng hoang. Đến ngày hạ tháp có hai con hạc trắng bay liệng phía trên tháp, lúc lấp đất xong mới bay đi. Sư trông thấy các điềm lành ấy, bèn cùng các hàng liêu thuộc, viết lại biểu văn đầy đủ để tấu trình. Và khắc bài minh về việc ấy dựng ở chỗ Tháp.

Sau khi mọi việc xong xuôi, Sư về lại kinh đô. Không biết về sau Sư tịch ở đâu.

---o0o---

36- Truyện ngài Thích Pháp Tánh trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô

Thích Pháp Tánh, là người xứ Duyện Châu. Thuở thiếu thời Sư thực hành Thiền học, siêng năng hành đạo, ít dục, thực hành hạnh đầu đà, một mình Sư vân du nơi eo biển. Có lúc Sư lại vào trong thế tục để giúp hình hài rồi ẩn mình nơi rừng núi, lấy sự trầm lắng làm chánh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, Vua Văn Đế (dương Khiêm) tuần du phương Đông, thừa hỏi ở các hang hóc, nhân đó, thỉnh Sư vào kinh đô trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Phổ Lạc ở Bồn Châu. Lúc đầu, làm hộp bên ngoài, có đợc một phiến đá xanh, gọt mài vừa xong, sắp khắc khảm, bỗng biến thành mã não, có năm màu xen lẫn, đường vân hiện rõ. Ở phía trong hộp loang lổ tạp sinh ngọc trắng, ngưng nhuận sáng sạch khắp cả trong ngoài hộp, sáng như kiếng nước chiếu soi không chướng ngại. Ngay lúc đặt vào hộp, ở trên nền tháp có đôi chim trắng liệng quanh, lượn vòng quanh tháp. Cành lá cây Nại ở phía Tây tháp đều biến thành màu vàng ròng. Đến lúc Vua Văn Đế băng (605), Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp đặt chùa Đại Thiên Định, thỉnh Sư đến trụ và cúng dường. Về sau, Sư thị tịch tại chùa đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

37- Truyện ngài Thích Biện Tịch ở Kinh Đô đời Tùy

Thích Biện Tịch, là người xứ Từ Châu. Thuở thiếu thời do nhờ năng lực tuệ học mà Sư nổi tiếng. Sư chìm nổi trong nhân thế, lấy việc đi giảng khắp nơi làm chánh nghiệp. Sau, Sư lại đến kinh đô nhà Bắc Tề, chuyên nghiên tầm Luận Đại Trí Độ và Luận A-tỳ-đàm tâm. Chưa hơn một năm mà đã thông hiểu đại khái.

Vào cuối niên hiệu Võ Bình (576) thời Bắc Tề, nước nhà sắp sụp đổ, đạo pháp bị diệt vong, theo hướng Nam, Sư đi về giang âm, lại học Tam luận, thần khí chăm chú soi xét nghĩa lý mới ấy. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư về lại quê cũ. Ở đó, có một số bạn lành đã mất, theo hướng Tây Sư lại đến kinh đô, tìm lại luận xưa là di phong của ngài Long Thọ. Lại từ niên hiệu Quang Viễn, Nhân Thọ (601- 605) đời Tùy, có xây Tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Lưu Câu ở Bồn Châu. Lúc mới đến, tại chỗ tháp Xá-lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ chiếu soi ở đỉnh núi phía Bắc chùa suốt đến phía Nam núi, sáng rực như mặt trời lúc sớm mai. Lại đến trong núi Thạch Phật tìm chọn đá làm hộp, mài gọt tô điểm vừa xong, thì trong khoảng thể văn bỗng phát ra vầng lửa sáng hiện núi biển chim thú, vị tiên, v.v... các tướng khắp đây trong đó. Tuy là đồ họa, nhưng mười mà chẳng tẩu trình một.

Về sau, Sư lại tiếp nối hạnh nghiệp trước, giảng dạy khắp chốn kinh hoa, mọi thứ phước lợi có được, Sư đều sung cúng vào chùa Phủ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

38- Truyện ngài Thích Tĩnh Ngung trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô

Thích Tĩnh Ngung, là người xứ Biện Châu, là môn nhân của Thiền sư Thiên. Thuở thiếu thời Sư đã được nghe học, bí sâu Tà Chánh. Kinh luật Thập Địa là chỗ Sư chuyên tìm cầu. Về sau, Sư học luận Nhiếp Đại Thừa, thấu cùng sâu mầu, nhưng Sư thường ưa thích Chỉ Quán, bí cửa nghĩ chọn, duyên đến thì giảng, tiếng vang như sấm, sự việc xong rồi trở lại tĩnh lặng, hình dáng như lão già ngu dốt. Mọi việc trong đời Sư chẳng hề nói, mọi người không hiểu cho Sư là hạng ngu kém. Cùng ở chung lâu dài mới biết Sư là người có Đạo. Lại vì hành vi của Sư chẳng theo một nghi thức nào, miệng không nói lời ca tụng hay chia buồn, ngồi im tĩnh lắng dường như không biết nói.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư theo Thiền sư Thiên vào Ung Châu trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Kỳ Châu. Lúc mới đến, thường phát ra ánh sáng màu trắng như mặt trăng sáng sạch, lần lượt soi chiếu khắp cùng. Và đến ngày hạ tháp, giữa hư không có đàn chim trắng bay liệng quanh trên nền tháp, đến lúc chôn lấp xong xuôi nó mới bay đi. Lại còn có các điềm lành khác, Sư giấu tất cả, chỉ nêu bày một vài điều để biết là điềm chung của bậc Đại Thánh. Ngoài ra đều giấu không có ghi chép. Khi về đến kinh đô, lại bị trách cứ, Sư dùng phương tiện được giải mở. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch.

---o0o---

39- Truyện ngài Thích Pháp Khải trụ chùa Dương Hóa ở kinh đô

Thích Pháp Khải, là người xứ Tào Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư xuất gia, nương theo Ngài Hiền Thống ở Tương Kinh làm đệ tử. Sư học Kinh Niết-bàn, hiểu thông Văn nghĩa. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần. Bấy giờ, Luật sư Huy và Luật sư Vân là những bậc Tông tượng ở tại Tề đô, Sư tìm đến đó trải qua nhiều năm tháng thừa hỏi bần thọ, và đều được trao cho áo nghĩa sâu kín không sót lại gì.

Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, chánh pháp bị diệt vong, Sư bèn đi về hướng Nam để lánh đến phía nam của Thọ Sơn thuộc Hoài Biểu. Đến lúc nhà Tùy mở thoáng Luật giáo, khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) mở rộng các Pháp môn, Sư về lại Tào Châu, có ý muốn trọn đời sống ở vùng sông núi,

khi sắp đến bờ biển thì các hàng đạo tục cố thỉnh Sư ở lại không chịu để Sư đi về phía Đông. Tánh Sư rộng lắng bèn đến núi Tả Khâu, cách phía Bắc thành ba dặm, xây dựng một ngôi chùa hiệu là “Pháp Nguyên”, đất cao bằng phẳng, dưới đến tận thành ấp. Mọi người từ phương xa phát tâm đều đến thọ pháp. Chùa được an ổn mà lại đổi dời, được người xưa mến chuộng, lâu ở nơi cảnh trần nhàm chán, không ai chẳng lưu chuyển. Sư bèn vào Quan nội, xem xét phong hóa ở kinh đô, và Sư trụ chùa Dương Hoá mở mang giới luật.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư vâng sắc thỉnh xá-lợi đến Tào Châu. Vì nền tảng đầu tiên có nguyên do là muốn báo đáp xứ sở đó nên dâng biểu văn tấu trình xin xây tháp tại chùa Pháp Nguyên. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) không can ngăn mặc tình theo điều Sư cầu thỉnh. Lúc mới đến Tào Châu, kiệu đặt vào trong châu, thì hiện nhiều điềm lành rất tốt, đầy đủ như trong Biệt truyện. Chỉ vì học chưa trải qua, nên khó được biết khắp, vì vậy chỉ ghi chép sơ lược, tưởng chưa lắm phiền nhiễu, mỗi ngày riêng thấy khác lạ, nên kê lại đầy đủ như sau:

“Vào giữa trưa ngày mười bốn tháng ba, thấy pho tượng Phật bán thân, diện mạo trắng như ngọc. Trên đỉnh Phật ở trước kiệu Xá-lợi hiện các tia sáng màu vàng đỏ. Đến tối ngày hai mươi chín trời tuôn rải cam lồ, mùi vị ngọt ngon hơn mật. Lại thấy ánh sáng màu đỏ soi chiếu khắp trên thành, phút chốc chiếu thẳng đến chỗ tháp. Đến ngày mồng năm tháng tư, Xá-lợi tuôn vọt lên màu trắng sáng đẹp. Đến giờ thân ngày đó, ngay trên bức màn ở mặt phía Bắc chợt thấy bóng sáng, trong đó có hơi mây trắng, bên trong lại mọc một cây, tướng trạng như cây ngô đồng xanh, phía dưới có sư tử màu xanh, ngồi xồm mặt xoay về hướng Tây. Đến giờ mao ngày mồng sáu lại thấy có bóng sáng, thấy trong hơi mây có ba hoa sen, nơi hai chái nhà ở dưới hai cây có pho tượng Phật, lầu gác cây rừng nhiều lớp xuất hiện. Phía trên có pho tượng Bồ-tát đứng. Đến giờ thìn lại thấy ánh sáng màu vàng ròng, ẩn hiện lớn dần. Qua giờ ty, lại thấy lầu gác nhiều tầng, phía trên lầu có cây lá hình dạng như lá cây Bối-đa, bên cạnh có vị Thánh tăng đang đứng. Đến giờ ngọ lại hiện hình ảnh Song Thọ, phía dưới có bảy Đức Phật. Đến giờ Thân, từ nơi song thọ lại thấy một pho tượng Phật, hai vị Bồ-tát có ba cành hoa đỡ dưới chân, lại thấy người, trời cầm hoa giữa hư không, có sư tử vàng v.v... Đến giờ Hợi, phía sau trướng thấy có hình ngàn Đức Phật, xá-lợi trong phòng thất phát ra ánh sáng màu vàng nhạt. Qua ngày mồng bảy tháng bốn, từ nơi song thọ, lại thấy một con chim sẻ màu vàng và các ảnh tượng như mây sáng, sư tử v.v... Đến giờ Thìn lại thấy chim cánh vàng, rồng bay, cây rừng, lọng báu v.v... Bên cạnh hóa hiện hai vị Bồ-tát và Sư tử vàng. Đến giờ ty, lại thấy cờ báu, rừng cây, phía dưới có Bồ-tát cư sĩ áo vàng, có sư tử màu trắng ngồi xồm trên đá. Lại có các ảnh tượng hơi mây, rừng cây. Lầu gác,

Bồ-tát v.v... Đến giờ ngọ, lại thấy hơi mây màu trắng, cờ báu, rừng cây, sư tử màu xanh, đến giờ Thân, lại thấy Song thọ tốt tươi, phút chốc biến thành cung điện lầu các, Đức Phật ngồi trên đài hoa, màu vàng nhạt. Đến giờ Hợi mây nổi từ hướng Tây Bắc, mưa thấm xuống ba tấc. Phía trên mây có sáu vị trời đồng một lúc hiện thân. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc sắp hạ tháp, từ lúc sáng Đến giờ Mão, lại thấy các vị trời, lọng báu, bên cạnh cây có Bồ-tát và Sư tử màu vàng. Đến giờ Thìn lại thấy hai lớp lọng lớn, các thứ vật báu trang nghiêm và sư tử ngồi xôm trên đá. Phía trên màn trướng lại thấy bóng sáng và hơi mây, trong hơi mây có ánh sáng màu vàng rờn chợt lớn chợt nhỏ, phía dưới có hoa sen lúc nở lúc úp, hoa trời lại tuôn rải như mưa, hoa lớn thì ở giữa hư không, bề mặt rộng hơn một thước, hoa nhỏ rơi xuống đất, tương trạng như hoa đào. Đến giờ Ty, ở phía sau màn trướng, thấy có ba vị trời, ba con sư tử và ao hoa sen v.v... Đến giờ ngọ, lúc sắp hạ, lại thấy nơi song thọ đều có các vị Bồ-tát đứng, Xá-lợi bỗng nhiên phân thành năm viên lưu chuyển ngồi sáng, qua ngày mồng chín tháng tư, sau khi khóa lập bằng, trên bản ở phía sau màn, trong bóng sáng có nhiều lớp đá nổi các đường vân tự. Lại thấy cây lớn, có vị Sa-môn mặc áo xanh, đứng tay bung lò hương. Lại cảm có mùi hương lạ, thơm ngát mũi người”. Sư ghi thuật lại đầy đủ để tấu trình. Vua Văn Đế rất vui mừng, ban lệnh vẽ lại đầy đủ các hình ảnh đó, lưu truyền khắp trong nước.

Từ đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, với công việc xây tháp trước sau có hơn trăm ngôi, nhưng cảm ứng tốt đẹp thì không ai cao hơn Sư. Về sau, ngài vẫn duy trì thường nghiệp, và thị tịch tại chùa Dương Hoá.

---o0o---

40- Truyện ngài Thích Trí Năng trụ chùa Chuyển Luân ở kinh đô

Thích Trí Năng, họ Lý, người ở xứ Hà Nội thuộc Hoài Châu, ý mong xa rời cảnh trần, buộc tâm nơi Luật giáo. Nhờ nghe mà nổi tiếng, đạo phong trùm khắp Hà Hữu.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư tu đạo tại Vị Âm, tùy vâng phụng mà giúp hạnh, và trụ tại chùa Chuyển Luân. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây dựng tháp, Sư vâng sắc rước Xá-lợi đến chùa Thắng Phước ở Thanh Châu. Đặt nơi núi cao, chóp đánh đến tận trời xanh, cây gió giao kết, nhìn xuống xa cả ngàn dặm. Xưa gọi là Đạo tràng Nham Thế. Vào cuối thời Nguyên Ngụy mới đặt biển ngạch đó. Lúc đầu, ngày Sư đến thiết đặt nền móng, đục núi đào đất vào sâu chừng ba thước, có được một hộp đá xưa, dài chừng tám thước, sáu sáu thước, trong ngoài bằng phẳng trơn nhẵn, sức người chẳng thể chuyển vận, cái gọi là Chí cảm thâm thông, có cầu hẩn ứng. Đến lúc hạ Xá-lợi, bỗng phát ra ánh sáng rực rỡ vượt

trội tràn khắp cả núi. Các hàng Đạo tục đều trông thấy, cho đến ẩn hiện lưu chuyển, tướng trạng biến đổi không thể nào nói được.

Sau đó, Sư về lại chùa Chuyết Luân, lại chuyên sùng định nghiệp, rồi nương gá chốn suối rừng, chẳng can dự vào việc chúng tăng, ẩn danh vĩnh viễn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

41- Truyện ngài Thích Đàm Lương trụ chùa Chân Tịch ở kinh đô

Thích Đàm Lương, họ Lật, người ở xứ Lộ Châu. Năm mười sáu tuổi, Sư xuất gia, chuyên tâm kinh điển. Lúc lớn lên thành tựu đức hạnh, Sư chuyên nghiên cứu luận Đại Trí Độ mà nổi tiếng, kiêm giảng các Bộ kinh nhỏ, dẫn dắt lần lượt các hàng thế tục ở đương thời, chóng phát khởi tâm quy tín. Sư rất được các bậc Hiền giả khen ngợi. Sư vào kinh đô, đi khắp nơi nghe giảng, trụ tại chùa Chân Tịch.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đòi Tùy, ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Khai Tịch ở Hào Châu. Lúc sắp xây tháp, việc trước tiên là làm hộp đá, tại xứ đó chẳng phải là làng núi, nên tìm khắp nơi khó có được. ngài bảo: “Đợi tìm được đá, kỳ hạn khó thành. Chỉ nên phát tâm thù thắng thì duyên gì chẳng đến”. Bèn dốc lòng cầu thỉnh mong được ban cấp. Bỗng nhiên trong châu đó tìm được ba tảng đá, đá, thùng và nắp mỗi thứ ở mỗi huyện khác nhau, nhưng đem đến hợp lại thì rõ ràng là một vật. Mọi người đều vui mừng lấy làm lạ. Tấu trình đầy đủ về Đài Tinh.

Tánh Sư lại rất ưa thích các thứ Di tích, nên đi khắp để xem. Trong thành Cốc Dương thuộc Tây Bộ ở Hào Châu có ngôi nhà của Lão Quân, nay là miếu thờ, trước sân có hơn ba mươi gốc Bách. Văn Bia do Tiết Đạo Hành soạn. Về phía đông của Miếu hơn trăm bước là nhà mẹ của Lão quân, cũng có nhà miếu, kể đến phía Tây khoảng mười dặm có thành Khổ, mà xưa nay trong các truyện ghi rằng: “Lý Đàm là người ở huyện Khổ” tức là đó.

Sau đó, Sư về lại chùa Chân Tịch, chí thành lễ sám, ngoài lúc ăn ngủ ra, Sư thường đối diện trước Phật. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư mới thị tịch, thọ hơn tám mươi tuổi.

---o0o---

42- Truyện ngài Thích Đạo Tung ở kinh đô, đời Tùy

Thích Đạo Tung, họ Lưu, người ở xứ Hà Giang thuộc Doanh Châu. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia. Đến nghe giảng ở Lạc hạ, thưa hỏi những bậc Minh Triết, suốt ngày nương nấu thành thoi, thân mặc áo đơn thô sơ, hoàn toàn không chú tâm. Gặp lúc Pháp sư Tuệ Viễn đang giảng các kinh

luận, Sư trải qua thời gian đào luyện đượm nhuần, được thấu đạt sâu mầu. Theo ngài Tuệ Viễn đồng vào kinh đô, làm Học Sĩ Mộ Nghĩa, những vị đồng bạn đồng suy tôn Sư là người có đạo tâm.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, có xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Tô Châu. Khi Xá-lợi sắp đến, nơi giếng nước bỗng phát ra tiếng rống suốt hai ngày mới dứt. Khi đào đất làm nền móng, có được một hộp gạch cổ, bên trong có hộp bạc, được một viên Xá-lợi đặt trong bình nước, xoay nhiều vòng quanh hiện bày các điềm lành, đồng tôn trí nơi đại tháp.

Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tổng hóa, đượm nhuần Pháp vị của Kinh Niết-bàn, y cứ hành trì sám hối, thân giới tâm tuệ đều kính vâng, một bát ba y, ngoài ra không chứa để gì. Vâng hành trải qua thánh hạnh, dứt bật mọi hiềm tật ở đời. Về sau, Sư thị tịch tại chùa ấy.

---o0o---

43- Truyện ngài Thích Trí Nghi trụ chùa Tịnh Pháp ở kinh đô

Thích Trí Nghi, họ Khương, vốn là con cháu của Vua nước Khương Cư. Khi đất nước loạn lạc tổ tiên Sư bèn đi về hướng Đông trở về nước Ngụy, được phong ở Tương Dương, đã trải qua hơn mười đời.

Năm bảy tuổi, khi mới bắt đầu học, Sư tự tìm văn nghiên cứu đến cùng, không thầy chỉ bảo mà tự ngộ. Sư rất mực kính trọng Phật Tông. Ban ngày tuy tạm theo tục duyên, nương theo bạn đồng học, nhưng ban đêm, Sư riêng tụng Kinh Pháp Hoa, cuối cùng Văn nghĩa thuần thực. Mới đầu cha mẹ Sư không hay biết. Đến năm mười ba tuổi, Sư lễ bái xin từ già, bèn được chấp nhận cho xuất gia. Sư lại thưa hỏi Đại Bộ, dụng tâm càng hiển rõ. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư mới thọ giới cụ túc, mang sách đến Lạc Tân, nương tựa tiếp thừa từ Pháp sư Tuệ Viễn và được trao truyền Kinh Thập Địa, Niết-bàn, Sư đều có khả năng giảng dạy. Sau đó, vào Quan nội, Sư trụ chùa Tịnh Ảnh.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng các ngôi tháp. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Sùng Kính ở Qua Châu. Lúc mới đến sắp đặt nền móng thì có con rồng vàng xuất hiện nơi hồ lớn bên cạnh châu, ngà sừng thân đuôi rõ ràng khắp cả vùng mọi người đều trông thấy, bèn dâng biểu tâu trình lên vua đầy đủ.

Sư trụ tại chùa nhiều năm thường tư duy định tuệ. nếu không phải việc lớn quan trọng thì Sư không bước chân ra khỏi cửa, nên mọi người đến tham hầu ít được thấy mặt Sư. Về sau, lúc tuổi tác càng cao, Sư Tinh tấn Đạo nghiệp, việc tăng trong chùa, Sư đều giao cho người khác. Đến đầu thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi.

---o0o---

44- Truyện ngài Thích Đạo Nhan trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô

Thích Đạo Nhan, họ Lý, người ở xứ Định Châu. Ban đầu, Sư đến chỗ Pháp sư Tuệ Viễn, tập học các Kinh Thập Địa, Niết-bàn, lãnh hội được then chốt, rất phong phú đầy đủ. Sư thường giảng trao, người học nối nhau, Đạo khai giảng ở Đông Xuyên, mọi người nghe tỏ ngộ không ít. Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Tịnh Ảnh. Đang lúc ngài Tuệ Viễn đang hưng thịnh ở đời, Sư được tiếp nối đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây tháp ở huyện Xích. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến Quế Châu. Lúc vừa đến châu, có đàn chim mấy ngàn con bay ngang xếp thành hàng đến đón rước trên kiệu từ chỗ vắng vào đền trong thành, giây lâu mới bay đi. Và đến lúc an đặt, cảm có mây năm màu kéo dài đặt đến tuôn đổ nhóm họp trên nền. Ngoài ra đều mở thoáng trời trong xanh, sáng rực cả đất trời.

Sau đó, Sư trở lại kinh ấp, thường giữ theo nghiệp trước. Đến đời Đường, thời vận đổi mới, Vũ nội đang còn nghẽn tắc, nên mọi sự thiết lập trai hội, giảng Đạo v.v... lần lượt theo chùa Tịnh Ảnh. Đến niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, vì bệnh nên Sư thị tịch, thọ hơn bảy mươi tuổi. Lúc sắp tịch Sư tắm rửa sạch sẽ, tay bung lò hương, như thấy được điều gì, và bèn an nhiên thị tịch.

Khi Sư còn sống, thường mặc y phục thô sơ, chẳng vọng theo bạn bè, hành vi đều hợp thời, lánh mọi hiềm tật xấu xa, nói năng thì rõ ràng xét sâu, suy nghĩ thì trái với chúng sinh. Lại cứu giúp các loài súc cầm, từ bi nuôi dưỡng trong tâm. Hoi giẫm qua nã hại thì Sư liền rơi lệ, chẳng sao nhãng đối với trẻ nhỏ, chẳng hành động quát rầy, giả sử như chúng có sự khinh thường, thì Sư xem đồng như gió thoảng. Sư thường nhìn các hàng pháp thuộc mà bảo rằng: “Không bao lâu thì đi rồi, sao lại phiền lụy đến mọi người?” Cho nên đối với pháp Vô thường, Sư rất được ý chỉ.

---o0o---

45- Truyện ngài Thích Tịnh Biện trụ chùa Tịnh Ảnh ở kinh đô

Thích Tịnh Biện, họ Vi, người ở xứ Tề Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã từng trải qua Nho môn, nghe giảng đầy đủ Khâu sách. Với Khổng, Mặc, Trang, Lão là chỗ Sư thường tìm học. Bỗng nhiên nhằm chán phù hoa hư giả, nên lảng vệt xuất gia. Kinh Luật Sư đều tưởng thưởng, rộng thông sâu màu. Sau, bị ràng buộc bởi Danh giáo, Sư lại lánh đời vào ở chốn núi rừng, thọ học thiền môn, dứt duyên tình lự.

Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, mở thoáng giáo pháp, Sư bèn vào trụ kinh đô, nương tựa Ngài Viễn Công trụ chùa Tịnh Anh, càng tập học Định Cảnh. Sau, Sư lại theo Sa-môn Thiên, thọ học Luận Nhiếp Đại Thừa. Trải qua năm tháng nghiên cứu tìm cầu, bèn kết trọn ở Đạo Nghiệp ấy. Sư từng cùng ban thân cũ vì có sự trái ngược nhau, nên người bạn ấy có lỗi lầm chê trách. Sư chẳng hề phân trần, đến lúc hỏi, Sư đáp rằng: “Tôi nghĩ bạn ấy lúc đầu kết giao tình vui vẻ như dây đàn, đâu ngờ sau này xa nhau lại bày ra lỗi ấy!”. Người đương thời đều cho đó là sự cao thượng của Sư.

Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy ban sắc thỉnh Sư đưa Xá-lợi đến chùa Nhạc ở Hành Châu, chùa ấy vốn hiệu là “Đại Minh”, do Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần vì Thiền sư Tư mà xây dựng. Sư vừa đến Giang Lăng, sóng gió chập chùng ngăn trở, suốt ba ngày phải dừng nghỉ nơi bên, sóng vẫn chưa yên tĩnh. Lại bức bách qua lộ trình, lo sợ không phương kế bèn nhất tâm niệm Phật, vượt qua sóng gió mà thẳng tới, liền được gió ngưng, an ổn theo dòng men xuống. Khi đã vào sông Tương phân dòng rất khó khăn, Sư lại y theo trước mà xung niệm, căng buồm nhanh chóng vượt qua. Chưa đầy nửa tháng, đã đến được Hành Châu. Khi đến chùa Nhạc, nương tựa sông nước không kham, men theo đường núi, dừng ở nơi bằng phẳng, có thể xây tháp. Ở phía Nam chùa có tảng đá nằm úp. Sư bèn bung lò hương phát nguyện rằng: “Nếu có thể xây dựng tháp thì xin nguyện hiện điềm lành”. Bèn thấy trên đỉnh núi có mây trắng từ trên bủa xuống, rộng khoảng một thớt, dài bốn mươi dặm, đến chỗ tháp xoay quanh ba vòng, lâu sau mới tự hết. Lại cảm có thứ hương lạ, hình dáng như tước trầm, thâu nhất được vài cân, hơi khói gấp bội khác thường các thứ hương ở đời. Các hàng đạo tục đều khen ngợi vui mừng. Nhân đó mà xây dựng hoàn thành.

Lúc đầu, tại chùa đó, có Thiền sư Tăng Khải là người tinh thông, trông coi tất cả chúng tăng, Sư có một viên Xá-lợi, rất muốn xây dựng một ngôi tháp lớn, tôn trí trong chùa trải qua mười năm mà chưa từng có tướng gì đặc biệt, đến nay. Ngài Tịnh Biện rước Xá-lợi đến, mới hiện khởi điềm ứng. Có các màu vàng trắng, lớn nhỏ tan tụ bất định. Và ngay trong ngày đó, nơi tháp chùa Hiền Minh thuộc huyện Hành Sơn phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp cùng Thành Ấp, các hàng Đạo tục đều trông thấy. Các vị Cổ Lão tương truyền rằng: “Chùa ấy xây dựng đến nay đã hơn ba trăm năm, hễ có việc lành thì phát ra ánh sáng. Đến nay đã ba lần. Nếu chẳng phải Đế vương tạo ra phước nghiệp thì nghĩ đồng với chúng, việc chiêu cảm thấy, được thật có nguyên do”. Sư vui mừng với các điềm lành ấy, tập hợp mọi sự nghe thấy trước sau làm thành một bộ Truyện “Cảm Ứng” gồm mười quyển. Sau, hưng khởi Thiền định, lại thỉnh Sư đến trụ chùa (Hiền Minh) ấy.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, Sư thị tịch.

Thử Luận Bàn:

Phàm ngâm reo cô xúy gió mây, luật điệu chung cho mưa nắng, vật lý gặp nhau có như tự trời, huông gì Thần Đạo huyền muru, nghĩa trái thường ứng mà có thể suy nghĩ được ư? Nên những Bạc Thánh vì lợi ích, tạm bày các đường khéo léo để nhiếp sinh, vì đôn đốc hàng sơ tín hiện ánh sáng mà trao truyền vật. Tâm ở tại Ngô tông, Đạo quy mô đã mở rộng, công lao dất dấn không rơi lạc. Còn như lẫn lộn nhỏ lớn chẳng phải có, đều là Bỉ ngã nơi thường nghi, ngang bằng sắc tâm với tánh không, dứt bật hình hữu trôi lăn, u thông mà mở mang hoằng hóa cội gốc, cực biến để thấu đạt nguồn thần. Chẳng được như thế thì khó mở mang, trước dùng oai quyền mà khơi động, sau dùng lời tiến để dẫn dắt. Xoay chuyển phát khởi niềm tin do nhờ khơi mầm dần. Vào thời Tượng Mạt ghét ganh, giáo pháp dần sụp đổ lia tan, thần lực lắng dòng, cảm thông dứt bật. Ở đời Thạch Lạc, Thạch Hồ, mà ngài Phật Đồ-trùng được nêu danh. Đến thời Tiêu Diễn (Vua Võ Đế-thời Nam Lương), mà ngài Chí Công nêu đức, đầy đủ các ghi chép mà chưa dám rõ ràng. Khoảng đời mờ tối tràn tục, tình nhiều phù lạm. Lúc bày linh tướng hoặc thêm trang sức, xét kiểm bốn cứ chóng rơi lạc dâm tà. Lời đồn yêu dị ngàn ngạt như rừng, luận bàn đúng sai tợ ong vỡ tổ. Còn như Bò-tát Quán Âm cứu giúp, tin mà có xác chứng. Đức Đại Thánh thông mộng hoa thật cùng một nửa. Cho nên gá sự gần gũi, mịt mờ khó khởi, nói ý không liên can, ngoài ra là mong cầu tướng tượng, thật giả ngậm duyên, cho nên có được luân hư chỉ. Nhân đó để mà nói thì rất có lý do. Viên Thông đi đến chùa Thánh, Chiêu Đạt giẫm tới cung tiên, rất đáng tin lời ấy mà khó thấu cùng sự việc ấy. Đầu mối của truyện trước, Bồng lai không trái Bỉ lệ. Xưa kia, hiền tông thông cảm, khai mở nền tảng của huyền hóa. Pháp vốn nội truyền đầy đủ bày ứng của Linh thông. Hoặc nhảy lên hư không mà hiện tướng kỳ đặc, hoặc phát ra ánh sáng mà hiện điềm lành, có tướng tốt lành ở đời Tân mà lẫn lộn đến đây. Ngài Đàm Dục cảm tháp của Vua A-dục, ngài Đào Khản gặp được Bò-tát Văn-thù, từ đó về sau phồn hoa khó trình bày đầy đủ.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy xâ dựng nhưng ngôi tháp cao lớn, vọt hiện các điềm lành rất nhiều, ánh sáng thần soi chiếu khắp mọi vật, đến nỗi đượm nhuận cùng khắp các thứ bệnh tật dịch lệ. Hoa trời và Cam Lộ đồng tuôn rải, linh chi lẫn nai lành đều hiện bày. Vân du giữa hư không Tiên Thánh nhóm sương mù cùng đến, loài thủy tộc rùa cá xếp thành hàng ra nghe. Có hơn trăm ngôi tháp thấy đều đủ sự ngậm thông. Vua tôi cùng vui mừng, tặng tục đều hân hoan. Đức ấy vẻ vang sáng ngời không thể thêm. Nhưng vào năm ấy ở đời hoặc rơi lạc lưu ngôn, thói quen thế tục thường bàn về năm thứ phước, hân hoan được thọ khảo, thần thông, đạt mạng. Ba thứ sợ ấy là chỗ mở mang của Quân tử. Đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng)

đời Tùy, đúc nắn ở Cao Dương, mở ra khuôn phép, bắt mới đầu hình tượng ấy, trên đánh nhóm kết búi tóc, thân phát ra ánh sáng màu vàng tím. Ánh sáng linh thiêng soi chiếu khắp, phô bày năm màu hiếm lạ. Hoa tốt lành đầy khắp sân, mở tướng khác biệt của sáu thể. Trên dưới đồng an thái, không đức nào sánh bằng, bèn ban sắc chiếu Đồ họa đó để ban khắp các quận trong nước. Nghĩa đáng hưởng ân dày ấy, đội phước Vô Cương. Di quyết Tông Xã bèn chắc như núi. Sau đó lại giặc giã đói kém nối nhau, khắp vũ nội đổ nát. Mất thời gian, tan ngôi báu, cuối cùng sự chết đến thân. Gồm rõ trọn xưa, năm vận đều đưa đẩy đời. Gần thì dùng tình tìm cầu họa phước, mê lầm sự cày phục ấy.

Lại như Thánh Mẫu lên cõi trời, công cao bèn khắp, Luân Vương xây tháp mà họa đến khi sắp qua đời. Làm sao rõ được việc ấy ư? Tin do Nghiệp mạng mỏng dày nên cảm Quả báo có tốt xấu, đâu thể dùng tai mắt của người thường mà xa trừ tính Đạo của ba đời ư? Như làm lời của Bốc Thương giả nghị, là trước luận của Ban Bưu Lý Khương, chỉ biết lẫn lộn mà gọi đó là Mạng, chẳng biện rõ Mạng vì sao như vậy, đâu khác gì thấy lưới tròn nơi ruộng tráp mà không biết nó được thành từ khung dệt. Thấy trăm thứ lúa nơi kho lẫm mà chẳng biết nó có được là do từ cây cày, gặt hái. Điều Nho giáo gọi là mạng thì Phật giáo gọi là Nghiệp. Mạng lệ buộc bởi nghiệp, nghiệp hệ thuộc từ tâm. Tâm phát sinh đó đã lắm thứ sai biệt, nghiệp thành nên cũng không chuẩn định. Do đó, những bậc Khai sĩ thấu đạt về Mạng Nghiệp, biết quả báo đã thành thực nên không trốn tránh. Sư thường mê lầm nhân quả, cho là nói suông mà không ứng, cho nên Mã Thiên than rằng bố thí là sai lầm, chứa nhóm nghi ngờ mà chẳng thông, Phạm Bàng lầm tuyên thiện ác, ngậm tình mà không sao mở giải. đó đều là những kẻ trông thấy dòng mà không tìm xét đến nguồn, chỉ thấy một mà không biết hai. Xem xét Hoàng Giáo của Thích Môn đâu lại đắm chìm trong lưới ấy ư? Tạo nghiệp có muôn môi, cảm báo có muôn manh. Hoặc trước thiện sau ác nên có được trước tốt tươi mà sau xấu kém. Hoặc tốt xấu lẫn lộn cùng khởi, nên họa phước đồng một lúc cùng tới. Chỉ có Sắc là một, bình đẳng về hình về mặt khác nhau và khác nhau, chỉ có tâm là một, ngang bằng trăm hóa mà không chuẩn định. Nên Vô học hoặc Nghiệp dứt ngay đời nay, nghiệp xưa hết ở đời hiện tại, có buộc cảm do bởi đã đến thọ Báo, chưa dùng ở thời nay. Nên ngài Xá-lợi-phất là người thông minh ngộ lý mà thường bị tật não, ngài Mục-kiền-liên là người đạt sĩ oai hùng, song lúc qua đời vẫn bị buộc ràng nát thân. Đức Thích Tôn là bậc Chí Thánh chịu đựng lời Phỉ báng ở Kỳ Viên. Vương tử bị dèm pha giữa chúng thanh tịnh. Nho Tông bắt hết gạo thóc nơi Trần Nhưỡng, Nghiêu Thang gặp biển tại Trung Nguyên. Tuy tướng Huyền Sách hoặc trái mà duyên của Nghiệp Mạng không sai lầm. Vậy đủ biết ngôi báu của các

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, phước xưa chung kết ở đời nay. Và đời nay tôn kính tạo dựng tháp tượng là hạnh nghiệp tạo khởi cho tương lai, giao vận cùng gieo. Không biết nhân nào đưa đến chiêu cảm, tùy gặp hai gương soi, thông mạng đâu ở tại đó? Lại như ngài Pháp Tế đến nơi cung sâu, nhờ Thần chú mà tiêu trừ tai ương, ngài Pháp An ở chùa Tuệ Nhật nhờ chẻ đá mà có dòng suối chảy. ngài Chuyển Minh vượt cự tảo, ngài Thông Đạt tắm nước đun sôi, Quỳnh Công báy lạy mà tà tượng sụp đổ. Đạo Anh thị tịch mà đất liền rung chuyển. Các đức hạnh ấy rất nhiều và đồ chúng các ngài cũng rất đông.

Đã nói là Thần hóa, thì hẳn không thể lấy nguyên do từ trước đến nay mà phỏng theo, liền tiếp nối trong thiên chương, biết tăng luân khó tình cờ được gặp.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 26 C hết

---o0o---

QUYỂN 27

CHƯƠNG VII: DI THÂN

(Trong chương này chánh truyện có mười hai vị, phụ có hai vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Pháp Ngung trụ chùa Hội Châu ở đất Thục, thời Nam Tề.
- 2/ Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu
- 3/ Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu
- 4/ Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam đời Tùy (Phổ Tế)
- 5/ Truyện ngài Thích Phổ An ở Cốc Ngạnh Tử thuộc núi Chung Nam, đời Tùy
- 6/ Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy
- 7/ Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh, thời Tiền Đường
- 8/ Truyện ngài Thích Huyền Lâm trụ chùa Hoằng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 9/ Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 10/ Truyện ngài Thích Hội Thông ở Cốc Báo Lâm, thuộc núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

11/ Truyện ngài Xà-lê Thiệu ở Tử Châu, thời Tiền Đường.

12/ Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

---o0o---

01- Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục

Thích Pháp Ngưng, là người xứ Hội Châu, họ Bàn. Lúc đầu, Vua Võ Đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề mộng thấy đi đến núi Tề, mà không biết núi ấy thuộc ở châu huyện nào, bèn ban sắc trong thiên hạ tìm kiếm. Bấy giờ, có một cụ già ở Hội Châu tấu trình rằng: “Cách Châu Thành về hướng Bắc bảy dặm có núi Thần Nhân, xưa gọi đó là núi Tề”. Vua Võ Đế bèn sai người lên đó xây dựng tinh xá, độ tăng xuất gia, ban cấp ruộng đất. Khi đó, Sư còn còn nhỏ, mà được độ trước tiên. Sư chuyên tâm giữ giới, đạo đức ngày một mới. Sáu năm ba tháng, trai cúng liên tục không dứt. Ngài chỉ lấy việc ngồi thiền làm niệm, xuất thiền thị tụng Kinh, thường xuyên nhập thiền. Mọi người đua nhau đến xem mà không ai dám vào, chỉ ở cửa sổ từ xa nhìn. Trải qua một tháng, Sư xuất thiền mà vẫn chưa chịu ăn, các bậc danh tăng đại đức phần nhiều đến khuyên nhủ Sư. Tuy Sư ăn nhưng dần dần giảm ít.

Về sau, đến lúc bảy mươi tuổi, ở trước tôn tượng Phật, Sư đặt tòa mà ngồi. Mới đầu, Sư đốt một ngón tay, suốt ngày đêm không lay động. Khi lửa cháy tới cánh tay, mọi người và các đệ tử muốn đến dập tắt. Cho đến có người kêu gào. Sư lại cấm ngăn không bằng lòng. Lửa từ cánh tay cháy rực càng mạnh, bèn cháy khắp cả thân Sư suốt bảy ngày bảy đêm. Khi đó trong đời các hàng nam nữ có người gào khóc tự đánh vào mình, có người đánh lễ khen ngợi. Đến lúc thân Sư cháy hết chỉ còn hai nhúm tro, mọi người bèn gom nhặt, đưa lên đánh núi xây tháp cúng dường. Đến nay chỉ còn có một tinh xá, ngoài ra đều bị đổ nát.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu

Thích Tăng Nhai, họ Mâu, Tô Tiên Sư vốn ở Phù Lăng. Niên hiệu Nghĩa Hy thứ chín (413) thời Đông Tấn, Chu Linh Thạch đánh chiếm cả ba trăm nhà ở Phù Lăng thuộc đất Thục, bèn theo Quân lính trị phạt, nhân đó đến dừng tại hang núi Kim Uyên ở Quảng Hán. Sư là con cháu nối dõi sau đó. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng Sư ít nói, không chơi giỡn vui đùa. Mỗi lúc đi đến suối rừng thì Sư trước kính lễ, sau mới uống nước. Hoặc nhìn chăm chú không nháy mắt, ngồi suốt cả ngày. Có người hỏi lý do. Sư đáp: “Thân này đáng nhàm chán, ta suy tư về nó, sau này hẳn sẽ thiêu huỷ đó!”.

Đến lúc trưởng thành, Sư theo binh lính, nghiêm nghị cương chánh. Sutùng theo bạn đi bắt cá. Phần mình có được, Sư đều đem thả dưới sông, và nói với bạn rằng: “Giết hại không phải là nghiệp lành.

Nay khắp trên mình tôi đều mọc mụn nhọt, thề dứt bặt việc săn bắt”. Và Sư đốt tất cả khí cụ săn bắn. Khi đó, Nương Thủ lãnh mấy trăm người cùng lấp bít ao hồ để nuôi cá. Sư bèn dẫn các trẻ nhỏ trong nhà đến đó để xem. Bỗng nhiên có một con rắn lạ, thân dài cả thước, đầu đuôi đều màu đỏ, chỉ trong phút chốc nó dài hơn cả trượng, vây quanh năm-sáu thước. Các thợ săn đều bỏ chạy tán loạn, rắn bèn đến chỗ có nước, cất đuôi vào trong mây, phát ra ánh sáng màu đỏ khắp cả đồng trống, lâu sau mới biến mất. Sau đó, mọi người cùng nhóm họp luận bàn việc ấy. Sư bảo: “Đó không có gì đáng lo, chỉ nên dứt bỏ nghiệp giết hại thì rắn sẽ không hại người”. Và Sư lại khuyên đừng bỏ việc đào ao hồ. Mọi người chưa bằng lòng, không bao lâu thì bờ đê phòng ngừa đều bị vỡ.

Khi đó, Sư đến nương tựa Thiền sư Tất, dốc sức cung phụng kính hầu, tuy sung cả thân mạng làm người sai sử, nhưng Sư nói năng chậm rãi, cử động như người ngu si. Nhưng một đôi một lời mà hợp với Đại lý, trải qua lưu ở mấy năm mà không có gì đổi khác. Đến lúc gặp tháng giá rét, Thiền sư bị bệnh lạnh chân, bảo Sư lấy lửa sưởi ấm. Sư bèn đem lò lửa lớn than cháy đỏ rục vào để ở trước. Thiền sư quở trách Sư rằng: “Kẻ ngu si, sao ông lấy nhiều lửa như thế?” Sư nghiêm sắc mặt đáp rằng: “Cần lửa để trừ lạnh, có được lửa lại nói là nóng, vậy ai là người ngu si? Tánh tình như thế, làm sao đắc Đạo được?” Thiền sư bảo Sư rằng: “Ông không sợ lửa, vậy hãy thử đưa tay vào lửa xem”. Sư liền dí ngón tay vào lửa, Sư hét lên thành tiếng, khói xanh bốc lên, nhưng Sư không biến đổi hình dung. Thiền sư thâm lấy làm lạ, nhưng chưa cung kính ngay. Lại đến hôm khác, các đệ tử của Thiền sư bảo rằng: “Tăng Nhai chịu được lửa”. Bèn cùng nhau đẩy Sư đến chỗ lửa, các chỗ bị đốt đều thành vết thương mà Sư vẫn vui vẻ nói cười tự nhiên, không hề tỏ vẻ đau khổ. Các đệ tử đều thưa hỏi việc ấy với Thiền sư. Thiền sư bèn gọi Sư đến bảo rằng: “Ông ở đây học Phật Pháp, không được làm những việc khiến hoặc loạn mọi người”. Sư đáp: “Nếu chẳng khổ thân thì làm sao đắc Đạo được? Nếu được xuất gia một ngày là đủ “. Thiền sư bèn độ cho Sư xuất gia, tự xuống tóc cho Sư, nhưng chỉ thấy tóc mai và râu là cạo bỏ, còn bao nhiêu đều tự rụng, Thiền sư liền để dao xuống đất, vén y, đánh lễ mà thưa rằng: “Pháp sư Tăng Nhai đến làm thầy tôi, tôi xin làm đệ tử!”. Sư khiêm nhường cảm tạ mà thôi.

Khi Pháp y đã mặc vào thân, bốn chúng đều tôn kính, quy mạng chí thành. Sư không hề tiếc lặn. Ở những nơi có người tật bệnh, Sư đến, thì không bệnh gì chẳng được tiêu trừ. Suốt thời gian ba mươi năm, Sư chuyên rộng cứu

giúp. Đến lúc ngoài bảy mươi tuổi mà tâm lực Sư còn khoẻ mạnh. Tháng sáu niên hiệu Võ Thành thứ nhất (559) thời Bắc Chu, Sư đến đầu đường phía Tây thành Ích Châu, dùng vải bọc năm ngón của hai bàn tay mà thiêu. Có người hỏi: “Đốt ngón tay nào không đau đớn ư?” Sư đáp: “Đau đớn là do tâm khởi, tâm đã không đau khổ thì ngón tay đâu có đau khổ”. Mọi người đương thời đều gọi Sư là “Bồ tát Tăng Nhại”. Có người hỏi rằng: “Dường như bị bệnh phong, sao ông không chữa trị?” Sư đáp: “Thân đều là không, biết chữa trị ở đâu”. Người ấy lại hỏi: “Căn Đại có đối đãi, sao gọi là Không?” Sư bảo: “Bốn Đại, năm Căn trú ở nơi nào?” Mọi người đều phục lời nói ấy.

Có Pháp Sư Đoái ở chùa Hiếu Ái là người có kiến giải rộng lớn, nhân nghe Sư phát tích, bèn dẫn các đệ tử mấy mươi người đến chỗ Sư để lễ kính, cỡi y dăng thí, và nhìn lại đại chúng mà bảo rằng: “Thật thấu suốt Bát-nhã, chẳng phải nói rỗng không”. Từ đó các hàng đạo tục cùng nhau nhóm họp gấp bội, thêm sự kính tin. Cứ như thế, trải qua ngày sau, các ngón tay trái lửa cháy hết dần đến lòng bàn tay, xương tủy sôi trào vọt lên sắp tắt lửa dữ, Sư bèn đưa tay phải đã hết ngón cấp que tre mà khơi lửa. Có người hỏi nguyên do. Sư đáp: “Vì chúng sinh chẳng thể thực hành Nhẫn, nay khuyên những người không thể Nhẫn thì nên nhẫn, người chẳng thể thiêu đốt thì thiêu đốt”. Sư lại nói pháp dạy răn, khiến mọi người thực hành từ, dứt bỏ ăn thịt. Tuy khói lửa đều cháy mạnh, suốt ngày liền đêm, thiêu đốt cả hai tay, mà mắt mày Sư không hề đổi thay. Sư lại vì bốn chúng giảng pháp tụng kinh. Đến những chỗ văn từ cần thiết, nghĩa lý cốt yếu, thì cầm đầu Sư hơi tỏ vẻ vui cười. Có lúc có người trong tâm biếng trễ nên nói chuyện riêng, Sư nhìn mà bảo rằng: “Ta ở trong núi, mới đầu không biết chữ, nay nghe lời kinh, mỗi câu đều tương ứng với tâm. Sao chẳng dốc lòng lắng nghe? Nếu trái với đây thì không thiêu đốt tay này, đâu khác gì khúc củi ư?” Từ đó đại chúng kính sợ, không ai chẳng chuyên chú. Sau đó, Sư lại bảo với đại chúng rằng: “Chúng sinh ở thời mạt pháp khinh mạn, tâm dần dần mỏng, thấy tôn tượng chỉ như cây gỗ, nghe kinh như gió thoảng qua tai ngựa. Nay vì ghi chép Kinh giáo Đại thừa nên đốt tay diệt thân, muốn khiến cho tôn trọng Phật Pháp”. Khắp cả cảnh vực, các hàng sĩ nữ nghe thế đều đến nhiễu quanh mấy muôn vòng. Sư vẫn tự nhiên tĩnh lặng, dung nghi nhan sắc chẳng đổi thay. Thường nhóm họp nơi đường lớn ở phía Tây Thành, bàn luận Pháp hóa. Mới đầu có mưa nhỏ, sắp sửa thấm ướt, Sư bèn nhiếp tâm nhập định, liền đó, mây tan trăng tỏ, mà đốt lòng bàn tay năm ngón như tàn đuốc hết, bỗng nhiên mỗi ngón tự mọc dài ra ba tấc, màu trắng sạch như ngọc kha, tợ như tuyết. Các hàng tăng ni đều bảo nhau rằng: “Sau khi Bồ-tát thị tịch, xin nguyện được thỉnh Xá-lợi, xây tháp cúng dường”. Sư liền dùng miệng cắn

đứt cốt xương năm ngón tay vừa mọc ra, nhả thí đại chúng và bảo rằng: “Hãy xây tháp cúng dường”.

Đến ngày mười bốn tháng bảy, bỗng có một tiếng động lớn, như đất trời rung chuyển, người vật thấy đều kinh hãi. Ở trên hư không hoặc thấy các hình tướng như chó, dê, rồng, rắn, quân lính, khí vật v.v... chỉ hiện ra trong thời gian ngắn, rồi liền tan biến. Có người đem việc ấy hỏi Sư. Sư bảo: “Điều đó không có gì đáng lo, đó là Tam-muội đánh thức ngủ sâu, nay tôi muốn xả bỏ báo thân, hãy sắm sửa các vật cúng!”. Khi đó, có Thiên sư Đạo ở chùa Hiếu Ái là bậc Đại đức lão niên, giới hạnh thanh tịnh khổ tiết, xả thí tích trượng sáu Độ và chấn đắp màu tím đem dâng tặng Sư. Vào lửa càng mạnh làm. Sư từ xa đưa tặng áo nạp loang lổ, ý nguyện muốn tùy thân. Khi đó người vật ồn ào nhiễu động, cúng thí tài vật như núi. Ban đầu không biết vật của hai Đức đưa tặng. Đến sáng sớm ngày hôm sau bỗng nhiên, Sư bảo thị giả là Sa-môn Pháp-đà rằng: “Ông đến lấy tích trượng, chấn đắp màu tím và áo nạp ca-sa của Thiên sư Đạo đến đắp mặc cho ta”. Xong rồi, Sư bèn đến chỗ thiêu thân. Lúc đó, các hàng Đạo tục có hơn mười vạn người che kiệu mà khóc. Sư bảo: “Chỉ nên giữ tâm Bồ Đề, nghĩa là không khóc”. Sư liền bước lên tòa cao, giảng pháp cho chúng nghe, và luôn luôn đưa mắt nhìn lâu củi, vui vẻ cười một mình. Sư bèn nằm nghiêng hông bên phải, đều không hơi thở, tướng trạng như tượng gỗ. Rồi Sư ngồi dậy bảo rằng: “Thời sắp đến”, bèn đưa chân xuống và bạch với chúng tăng rằng: “Phật pháp khó gặp, nên cùng hộ trì”. Trước nơi phía Đông nam huyện Đô Thành, chất củi nhiều lớp làm thành lầu cao đến mấy trượng, phía trên làm một cái thất nhỏ bằng cỏ khô, dùng dầu tẩm vào đó. Sư thưa thả bước lên lầu, nhiễu quanh ba vòng, lễ bái khắp bốn phía rồi bước lên trên, tựa lan can nhìn xuống, bảo mọi người tụng Bát-nhã, có Thí Chủ là Vương Tuyên sợ rằng: “Nếu ta phóng lửa tức là thiêu đốt Thánh nhân, sẽ phải chịu tội trọng”. Sư thầm biết điều đó, bèn gọi Vương Tuyên lên lầu, đưa cánh tay xoa đánh đầu Vương Tuyên và bảo rằng: “Ông chớ lo sợ làm lầu củi này sẽ đắc tội. Đây thật là phước lớn!”. Sư bèn thúc giục bảo chân lửa, mọi người đều sợ không dám châm nên đặt lửa dưới đất, Sư dùng cánh tay cấp lấy đuốc, trước tiên đốt ở phía Tây bắc, kế đến là phía Tây nam. Cỏ khô thấm tẩm dầu bùng bùng bốc cháy. Ở trong lửa dữ, Sư phóng lửa thi thiết lễ bái, đến lạy thứ hai, thân mặt Sư bị cháy, Sư lại lạy thêm một lạy nữa, thân Sư ngã trên than, đến lúc củi tàn lửa tắt, xương thịt Sư đều cháy hết, chỉ còn lại một quả tim màu đỏ và urot, gan, ruột, lá lách, dạ dày còn tự liền nhau. Lại dùng thêm bốn mươi xe củi để thiêu đốt. Ruột và lá lách tuy cuộn lại, mà trái tim vẫn còn y nguyên. Pháp sư Đoái mới bảo nhật lấy đem đến an táng dưới tháp. Đến nay hiện còn trong chùa Bảo Viên.

Lúc đầu, khi chưa tự thiêu thân, có người hỏi Sư rằng: “Bồ-tát thị tịch, xin nguyện ứng hiện điềm lành!”. Sư bảo: “Thân ta có thể cháy hết nhưng tâm (tim) ta không hề hư hoại”. Mọi người cho rằng: “Tâm thần không hình tướng thì chẳng do đâu mà đốt tan. Về sau, trái tim Sư vẫn còn, mới biết trước hiện lưu lại một tâm không hư hoại. Nhưng Sư từ thuở bình sinh mãi đến lúc thị tịch, từng hiện các tướng lạ có đến mấy mươi điều. Từng có một nhà nọ sắp thọ giới. Tự nhiên vô cớ, Sư cười, bảo rằng: “Sắp xả bỏ vật báu, sinh nghi lo ư?” Mọi người han hỏi, có người phụ nữ họ Dương muốn cúng thí xoa bạc, nhưng sợ người chồng quở trách. Nhân đó mà quyết xả thí. Có Sa-môn Phật Dữ ở chùa Hiếu Ai rất thích ăn uống, trôi lăn trong thế tục, nhân đi theo sau kiệu Sư mà tự phát nguyện rằng: “Ngày nay gặp được bậc Thánh, xin thệ nguyện dứt bật rượu thịt”. Đến lúc về lại chùa, thấy có một người thân màu vàng bảo Phật Dữ rằng: “Ông hãy dứt bật việc ăn thịt, đó là rất tốt. Nếu ông ăn thịt của một chúng sinh, tức là ăn thịt của tất cả chúng sinh. Nếu lại còn ăn tức ăn thịt của hết thầy cha mẹ bà con thân quyến, nếu muốn ăn thịt tức đang như trùng ở trong thầy chết, vì trùng tức là thịt”. Lại bảo: “Có sáu thời niệm lành rất tốt, nếu không thể đủ cả sáu thời mà chỉ một thời cũng tốt. Cứ như thế, chỉ một niệm tại tâm cũng tốt và đều có công năng diệt trừ tội ác!”. Thấy ngôn từ ấy chân chánh, lời câu hòa nhã, Phật Dữ sắp muốn đến hỏi, chỉ giây lát bèn ản mất. Từ đó, Phật Dữ dốc lòng tinh tấn đi nhiều quanh tháp mà niệm tụng. Lại nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Ông siêng năng trì trai, nguyện cho chúng sinh chẳng bị ăn thịt. Lại khiến cho thân ngọc quý thường được no đủ. Xem xét sự cảm hóa ấy tất cả đều do năng lực của Sa-môn Tăng Nhai”.

Khi ngài (Tăng Nhai) mới lên lầu củi, có Sa-môn Tăng Dục ở tại cửa chùa Đại Kiến Xương thấy có ánh sáng lửa cao bốn, năm trượng, rộng ba-bốn trượng từ đất nổi lên xung thẳng bên cạnh lầu, lầu sau mới tắt. Lại nữa, trong ngày mới thiêu, có Đại đức Sa-môn Bảo Hải ở chùa Châu hỏi rằng: “Cùng là một thứ lửa, vì sao Bồ-tát chịu đựng sự thiêu đốt mà không có sự đau khổ?” Sư đáp: “Chúng sinh vì có tướng nên đau khổ”. Lại hỏi: “Thường nghe nói rằng: “Thay thể chúng sinh chịu khổ”, là thật có chăng?” Sư đáp: “Đã khóc Tâm thay chịu, có sao không được”. lại hỏi: “Bồ-tát tự thiêu thân, chúng sinh chịu tội nóng đốt, mỗi tự chịu khổ, vậy làm sao thay thể được?” Sư đáp: “Giống như đốt tay một niệm căn lành thì có công năng diệt tội ác, há chẳng phải thay thể ư?”

Khi ấy, có Pháp sư Phổ lại hỏi Sư rằng: “Có hai người tranh luận Đại Nghĩa, cuối cùng chưa dứt khoát. Một người bảo là “Trí Phật duyên với lý Vô tướng, lý là duyên cảnh, Trí là Năng duyên”. Còn một người bảo là “Trừ diên đảo, dứt loạn tướng, tức là Chân Đế”. Vậy thế nào là Định?” Sư bảo:

“Phật tức là Vô tướng, không khác với Di tướng”. Pháp sư Hải nói rằng: “Phật tức Vô tướng, tướng của Vô tướng vốn không Di tướng. Nếu như vậy thì Bồ-tát tức là Thích-ca, Quán Âm”. Sư bảo: “Ta là phàm phu, thề vào địa ngục chịu khổ thay chúng sinh, nguyện giúp cho họ thành Phật”. Pháp sư Hải nói: “Chư Phật xưa cũng có nguyện ấy, vì sao đã thành Phật từ lâu rồi?” Sư đáp: “Phật xưa cứu độ chúng sinh trong một thời đã hết”. Lại hỏi: “Các bậc Thánh như Bồ-tát Dược Vương, v.v... vì sao đã thành Phật, riêng Bồ-tát nay còn chưa thành Phật mà cứu độ chúng sinh thì là khác đường với Phật xưa rồi?” Sư đáp: “Chúng sinh ở đoạn trước đã được ý của Bồ-tát Dược Vương, còn chúng sinh ngày nay chưa được ý của ta. Do ta mới giáo hóa, như hoa sắp rơi”. Sư ứng đối suốt một thời đều đại loại như thế. Rồi, Sư bèn bảo thị giả là Sa-môn Trí Viêm rằng: “Sau khi ta thị tịch, khéo nên cúng dường người bệnh, đều khó lòng biết được cội gốc ấy, phần nhiều là Chư Phật, bậc Thánh nương phượng tiện ứng hóa, nếu tự chẳng phải là Đại tâm bình đẳng, thì làm sao có thể cung kính? Đó là thực hành, ngồi ở trong nghi, Tăng Nhai tôi chẳng phải là bậc Thánh”. Bèn gọi đích danh người ấy bảo: “Chư Phật xuất hiện nơi đời, hình tướng không có cố định, hoặc là thân hình xấu xí lắm bệnh, cho đến thân hình súc sinh các loài thấp kém. Đản Việt phải thân trọng, chớ nên khinh thường”.

Đến lúc sắp động lửa, mọi người đều thấy các tướng kỳ lạ, hoặc thấy lọng tròn che phủ lấy Sư. Có ba Đạo nhân đứng trên lọng ấy. Hoặc thấy ánh sáng năm màu như hình tượng người ở bốn phía cửa. Hoặc thấy trên lầu củi như mặt trời ló dạng và rải các hoa như mưa, lớn thì như hộc hai đấu, nhỏ thì như miếng vú chuông, năm màu đan xen lẫn lộn bay xuống, hứng lấy chẳng phải một, căn xúc chạm đến đều tiêu tan. Lại nghe có tiếng trống lớn ù ù sâu xa, hồi lâu mới dứt. Sau khi Sư thị tịch, tại huyện Bì có người ở bên sông Bì thấy giữa hư không có kiệu Do Lạc, Sư ngồi trên đó, thân mặc áo nạp loang lỗ màu vàng, riêng hở vai đắp chặn màu tím, tay cầm tích trượng, phía sau có năm, sáu trăm vị tăng đều che tán trúc, nương giữa hư không theo hướng Tây mà ẩn mất. Lại có Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Long Quả ở Đồng Châu, nhân vì Ngài (Tăng Nhai) thị tịch bèn lập Đại trai hội cúng dường trong chợ cũ. Khi chưa thọ trai, bỗng nhiên trông thấy mây đen từ hướng Đông nam bủa đến ngăn che mặt trời, tối thăm trai hội. và có hai con rồng, đuôi năm màu rõ ràng, dài năm thước, ngắn cũng sáu tấc. Lại rải mưa các thứ phướn hoa như mưa, khói hương khắp giữa hư không lẫn lộn. Đại chúng đều trông thấy. Lại lúc mới, thân xá-lợi quả tim của Sư đưa vào trong chùa thường trụ thì đều thấy hoa nhóm hợp rất nhiều, sáng đẹp cả sân nhà.

Lại có Sa-môn Tuệ Thắng ở chùa A-ca-nị-tra, bị bệnh nằm trên giường, không thấy được Sư siêu thân, trong lòng buồn bã. Mộng thấy Sư dẫn một

vị Sa-di cùng đến, dùng khăn bọc ba học hương và mặt vụn Chiên-đàn chia thành bốn nhóm dùng nhiều quanh nơi Tuệ Thắng và châm lửa đốt hương. Tuệ Thắng kinh sợ nói rằng: “Tôi là kẻ phạm phu, chưa dám thiêu thân”. Sư bảo: “Không nên khiếp sợ, đây chỉ dùng để xông trừ bệnh”. Khi tro nóng đã hết, liền cảm thấy mạnh khỏe, lại thỉnh cầu Sư hiện điềm lành. Sư bảo: “Ta ở tại Ích Châu, già gọi tên là Tăng Nhai, kỳ thật tên ta là Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu bảo Tạng”. Tuệ Thắng sau khi tỉnh giấc, sức mạnh gấp bội thường ngày. Có lúc ở ngoài thôn ấp, vì Ngài (Tăng Nhai) mà thiết hội, Tuệ Thắng tự xưng dẫn rằng: “Ở Đông Châu phước trọng, các hàng đạo tục đều thấy điềm lành. Còn chúng ta v.v... tội chướng sâu dày, không được thấy gì!”. Ngay sau câu nói ấy, có cả ahi trăm người đều thấy hoa trời như tuyết lẫn lộn đầy trời ánh ngời mặt trời mà rơi xuống. Đến lúc thọ trai bữa trưa xong, hình dạng hoa dần lớn như chiếc mâm bảy tác, đều biến thành màu vàng rờn, sáng lòe chói mắt. Bốn chúng đua nhau húng lẩy, nhưng đều không hưởng được, hoặc có người men theo cây leo lên cao, nhìn muôn lảy đó, như hoa đều bay lên.

Lại nữa, dân chúng ở Thành đô, có Vương Tăng Quý, sau khi Sư thiêu thân, cả nhà đều dứt bặt ăn thịt. Sau do có sự cố, sắp bỏ chay tịnh, riêng tự bình luận. Khi đó đang lúc canh hai, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng gọi “Đàn việt!” Lúc ra mở cửa, thấy một Đạo nhân bảo rằng: “Hãy cẩn thận chớ ăn thịt”. Nói trong tâm tình chua xót, dù đi dù khóc, Vương Tăng Quý bèn đuổi theo sau, dường như gần mà xa, rồi bỗng biến mất. Lại nữa, sau khi Sư thiêu thân, đến tháng tám, có người thợ săn tên là Mâu Nan Đang đến đánh núi Tụ Kiệu để săn bắn, cầm tên gương nỏ, đưa mắt nhìn theo con nai, bỗng thấy Sư cưỡi trên thân một con hươu cao cổ màu xanh. Mâu nan Đang kinh hãi bảo: “Ông đã thiêu thân chết tại Ích Châu, có sao nay lại ở đây”. Sư bảo: “Ai nói dối ngươi vậy? Ngươi có thể thiêu thân, không nên săn bắn, vì mắc tội. Ngươi phải siêng năng dốc sức làm ruộng đi”. Nhân đó bèn bỏ đi.

Lại đến mùa đông, con của anh Sư ở trong kho nước, bỗng nghe trong hang núi có tiếng ồn ào náo động như có số người đông đến mấy muôn, bèn đưa mắt nhìn, thấy Sư có hai vị tăng đi theo, tay chống tích trượng mà đi, nhân đó, đuổi theo kịp được Sư, muốn nắm lấy áo ca-sa. Sư bảo: “Sao ngươi nhọc đuổi theo ta làm gì?” Bèn chỉ heo gà ở trước khe nước bảo rằng: “Những âm thanh ấy đều có giải thích, như tiếng nói của ngươi, v.v người khác không hiểu. Ngôn âm của các nước khác, ngươi cũng không hiểu. Người và vật tuy khác nhưng đều có Phật tánh. Chỉ vì nghiệp ác, cho nên phải chịu thân hình ấy. Ngươi chỉ nên dốc sức làm ruộng, chớ chứa nuôi các loài cầm súc!”. Sư nói trong ý tứ ủy thác khắp cùng.

Nên, Sư luôn luôn hiện hình, dự biết ý Sư, đại loại đều như vậy, đầy đủ như trong Sa-môn Vong Danh Tập, và “Tam Bảo Lục” của Phi Thị, và “Ích Bộ Tập Dị ký”.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu

Thích Phổ Viên, không biết Sư là người xứ nào. Nghe nói thì dường như Sư ở Hà Hải. Đầu thời Bắc Chu, Sư đến Tam Phụ, dung mạo Sư khôi ngô, thân tướng cao lớn, nói năng rộng thoáng, rất có thần thái của bậc Trưởng phu. Sư đi khắp nhiều Danh sơn sông lớn, thường lấy hạnh đầu-đà làm chí ý, ưa thích hành từ cứu giúp lấy sự ích lợi làm đầu. Nếu có người tìm đến, Sư liền vì cấp dẫn chỉ dạy, nêu bày ngôn ngữ hành vi cần yếu, khiến vâng theo khổ tiết. Sư chuyên tụng Kinh Hoa Nghiêm, ngâm lắng tướng âm thanh, không người nào biết, có vị đệ tử hầu độ, sau nhân đó mới biết. Nhưng Sư thường ngồi nơi giường dây, nghiêm chỉnh hình dung, an trú trong Định, Dụng tâm càng đến cùng, không còn nhận biết đã trải qua sáng tối.

Có thời gian, Sư đi khát thực, tạm đến trong xóm ấp, Sư thường nương nghỉ nơi rừng hoang mờ mả, lấy sự tĩnh lặng để tư duy. Ban đêm có con Quỷ sức mạng, thân hình rất đáng sợ, có bốn mắt, sáu răng, tay nắm gậy cong, lông trên thân mình rủ xuống đi thẳng đến trước mặt Sư. Sư trừng mắt nhìn nó, không tỏ vẻ khiếp sợ, không bao lâu, quỷ bèn rút lui. Đại loại như thế chẳng phải chỉ một lần. Lại có người ác tìm đến chỗ Sư xin cúi cái đầu Sư, Sư sắp chặt đầu mình mà cho thì kẻ ấy lại không chịu lấy, mà lại xin trông mắt Sư. Sư liền móc mắt cho, kẻ ấy lại theo Sư đòi xin cánh tay, Sư bèn dùng dây buộc cổ tay vào cây, chặt đứt ngang khuỷu tay mà cho, ngắt xiủ ngã xuống đất, người trong làng đến sáng mới nghe biết, nhân đó, Sư thị tịch tại sông Phiền thuộc phía Nam ngoại ô. người trong các xóm ấp buồn thương đức tánh khổ hạnh ấy, tranh nhau muốn thâu nhặt để an táng, mọi người bàn nghị không dứt quyết, bèn phân thi thể Sư thành nhiều đoạn, mỗi làng tự xây tháp cúng dường.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam

Thích Phổ Tế, Sư là người xứ Bắc Sơn Hồ thuộc Ung Châu. Lúc mới xuất gia, Sư nương tựa Thiền sư Viên, luôn theo nghi quỹ hành pháp, ở một mình chốn núi rừng hoang vắng, chẳng hề nghỉ lại trong nhà người thế tục, Sư thường ngồi kiết già tu thiền, mãi đến lúc tuổi già, nương nấu nơi hoang vắng, Sư chẳng sợ hô báo. Tuy du lãng ngoài vật, mà tay Sư không hề rời

quyển kinh. Sư thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm, y cứ vào kinh mà kết hạnh nghiệp. Từ khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn đến các núi Thái Bạch, v.v... Đi không mang theo lương thực, cứ đứng thì ăn dùng cỏ lá, nhai nuốt uống ăn đều không bị bệnh hoạn. Sư tự lập nguyện đến lúc Tượng giáo được phục hưng thì xẻ thân để cúng dường. Sư tu theo hạnh Phổ Hiền, sinh về cõi nước Hiền Thủ. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo lại được mở mang hưng thịnh. Sư suy nghĩ ước nguyện đã mãn, nên theo việc xả bỏ báo thân, bèn dẫn chúng nhóm họp nơi sườn núi phía Tây của hang Thán, phát thệ nguyện rộng lớn, gieo mình xuống vực sâu tự vẫn. Mọi người từ các phương xa tìm đến đông chật cả hang núi, bèn xây tháp trắng nơi đỉnh núi cao để phụng thờ.

Gần đây, khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, có Sa môn ở núi tên Phổ Tế. Ngài lập tiết tháo mạnh mẽ, trinh thuần bền bỉ. Sư thường đi khắp các danh sơn, tập tụng kinh điển, với các Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa là các kinh sư thông hiểu. Hễ lúc nào đến nơi nhóm tập thì phân nhiều Sư tụng hai bộ kinh ấy. Nhưng tùy ăn cú, có lúc Sư phải giải thích lại, hơi tiếng của Sư vang khắp cả một dặm, nên khiến trong chúng đông khoảng mấy muôn người không ai chẳng được nghe. Vào niên hiệu Võ Đức thứ mười tám (?) thời Tiền Đường, Sư từ Phương Tây đến Quan nội, khi ấy Sư trải qua các Ấp lạc rồi về ở rừng vắng. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, độ tăng xuất gia, lúc đó, vì Sư không quê quán nên xếp vào Sổ công, trụ chùa Quang Minh ở kinh đô, chúng nhóm họp như núi kết, ưa thích nghe yếu chỉ kinh pháp, Sư khốn khổ bởi sự ồn ào nhiễu loạn đó, bèn để lại Tên mà trốn đi. Chẳng biết Sư đi đâu. Có người nói hiện nay Sư ở tại núi Chung Nam ngồi một mình nơi hang sâu thẳm, bên cạnh có nhiều núi quả, cần thì mang trở lại, nhưng trở lại truy tìm, thì mất đường đến.

Tôi (Đạo Tuyên) từng hội tụ, chính mắt thấy người ấy, áo mặc thì trăm mảnh kết với nhau. Bình bát thì vừa đủ thọ dụng, gánh múc nước rưới rửa thì bằng bình đất, dây gai buộc cổ. Ngồi thì tựa vào cỏ, hông không chạm đất, khoẻ mạnh quả cảm, ngủ nghỉ chẳng khi thường, tiết ước kiệm thôi, giặc lợi ngằm vết, lời nói ý chỉ, lấy sự biết đủ làm đầu. Bàn trao chánh nghĩa, y như thực hành làm tối trọng. Do đó ở nơi một chỗ ngồi giảng pháp mọi sự thí cúng chất chứa như núi mà Sư không hề đoái hoài đề ý, mặc tình giao phó xem xét. Sư lại suy nghĩ rằng: “Cái thuộc thành thì năm thứ Dục là cội gốc. Nay ta sức lực đã suy yếu, không nên tự vui lấp!”. Và bèn trốn đi.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Phổ An ở hang Ngạnh Tử, núi Chung Nam

Thích Phổ An, họ Quách, người ở xứ Kinh Dươn thuộc Kinh Triệu. Thuở nhỏ, Sư nương tựa Thiền sư Viên xuất gia. Sư luôn khổ nhọc tiết chế thực hành hạnh đầu-đà, xả bỏ mọi việc thế gian, tánh Sư hòa nhẫn, chẳng hề mừng oán quá lắm. Hoặc thay thế giữ làm mọi việc mệt nhọc, chịu các cần khổ, mà tâm tình cam chịu, sợ việc ấy cùng tận. Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Ái, học thông ba tạng, thường chuyên về Kinh Hoa Nghiêm, Sư đọc tụng thiền quán tư duy, lấy đó làm nêu phông.

Đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn đến gá ân tại sườn núi phía Tây hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam, nơi rừng sâu tự che chở, làm gương cho đời. Tiết tháo thanh khiết như suối đá, nổi gót Do phủ. Sư lại dẫn Pháp sư Tĩnh Uyên đồng đến dừng ở nơi rừng hoang, mở bày giải thích sâu màu, đỡ giúp tiếp nối huyền lý. Thêm vì Sư vâng theo thi hành khổ hạnh, quên thân vì chúng sinh. Hoặc để trần hình hài nơi cỏ rậm thí cho các loài muỗi nhặng, máu chảy khắp thân, mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Hoặc gượng nằm lẫn lộn giữa các cây chết để bố thí cho các loài hổ báo, tuy đến nhưng chỉ ngửi mà chẳng ăn. Sư thường lo nghĩ phân vân, chẳng hợp với tình nguyện, bèn một mình giẫm theo vết chân thú, mong nó gặp mà ăn.

Bây giờ, đất trời đã bít lấp, Tượng giáo đang mờ tối. Quốc lệnh nghiêm trọng không chấp thuận lánh nạn. Các bậc danh đức ở Kinh ấp có hơn ba mươi vị tăng, trốn lánh tại núi Chung Nam, không nơi nương náu. Sư bèn mời gọi tất cả những người có tâm ấy ở khắp châu bãi đến nơi sâu kín an ở. Còn tự mình Sư hiển bày, thân hành cầu xin chẳng sợ luật nghiêm giết hại, nên có được các thứ ăn mặc đầy đủ, hạnh nghiệp tu trì không phế bỏ. Trong đời loạn lạc mà biết được kẻ sĩ, thì Sư chính là người ấy! Bây giờ, lại có chiêu mộ nếu ai bắt được một vị tăng sẽ được ban thưởng mười vật. Có người ứng theo sự chiêu mộ ấy đến muốn bắt Sư. Sư liền an ủi dẫn dụ rằng: “Xem ông rất khốn khó, đang muốn được giúp đỡ!”. Sư bày thức uống ăn rồi cùng vào kinh đô. Vua nói với người ấy rằng: “Nước ta pháp luật nghiêm kíp không chấp thuận cho Đạo nhân ở trong Dân gian, Người lại thậm giúp không cho Đạo nhân ở trong núi, nếu người sai khiến người ấy đến ở xứ khác thì được sống”, nên thả vào trong núi chẳng cần phải xem xét. Lại có kẻ bè tôi thời Bắc Chu là Liễu Bách Trạch vâng sắc đến nương tựa ở núi để tìm bắt các vị tăng lánh nạn, có Đảng báo rằng: “Trong cốc Ngạnh Tử có Đạo nhân Phổ An”. Nhân đó bắt lấy, cùng dẫn Sư đến. Liễu Bách Trạch bảo với Đảng rằng: “Ta không được thấy”. Nên liền được thả trở về. Từ đó Sư tự nhiên trở về lại chỗ cũ. Trước sau gặp nạn, Sư không hề ẩn trốn, mà đều được thả, đại loại đều như vậy.

Bây giờ, Pháp Sư Ái lánh nạn đang ở nhà Đỗ Anh Thế ở Nghĩa Cốc, đào hang ẩn tàng trong đó. Sư nhân được thả trở về, bèn đến hầu thăm kính lễ.

Pháp Sư Ái bảo rằng: “An Công rõ ràng thông hiểu Phật Pháp, chưa được khoan dung lắm, mà thần chí vượt trội khác thường, chẳng trốn lánh những cấm ngăn mạnh mẽ, vì khó kịp!”. Sư nói: “Ngày nay được thoát nạn, đó đều nhờ năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, tất cả mọi sự mong cầu chí thành thì không gì chẳng được toại ý!”. Nhân đó, Sư thỉnh Pháp Sư Ái trở về núi, và Sư gân gủi tự lo liệu. Mọi người khắp bốn phương xa nhân Phong hạnh của Sư mà tìm đến chẳng phải chỉ một vài vị. Pháp Sư Ái mới cùng Sư lại mở rộng chỗ ở, đầy đủ như trong Biệt Truyện.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy lên ngôi (581) Phật pháp trở lại được mở mang hưng thịnh. Rộng chiêu mộ những vị tăng còn lại y theo xưa mà an trí. Bây giờ, chỉ một hang Ngạn Tử mà còn hơn ba mươi vị tăng ứng chiếu xuất gia và đều trụ ở chùa Quan. Chỉ riêng một mình Sư trở về lại, chẳng vì danh tiếng vẻ vang, nương tựa núi cũ ở giữa rừng hoang. Bây giờ, có lúc Sư đến trong thôn ấp xóm làng, ban tạo mọi điều ích lợi cho sinh linh, hoàn toàn nương nghỉ nơi khói mây, chẳng giao tiếp với thế tục. Về sau, có người đến nơi hai hang Tý Ngọ và Hồ Lâm ở bên cạnh khe suối đục khám làm am, thỉnh Sư cùng đến trụ ở đó. Lúc đầu, Sư đến dừng ở nơi khám mới một ngày, phía trên có một tảng đá lớn ngay chánh giữa khám, sợ nói bị rơi nên đào ra, gạt đẩy núi cao rơi đổ xuống. Sư tự tâm niệm rằng: “Nguyện dời đến chỗ khác, chớ nên vỡ nát khám hạng”. Đá bèn y theo lời Sư lánh đến nơi. Đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Đó là do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, chẳng đáng lấy làm lạ! Lại ở phía Đông Khám bên trái vách đá khe suối có Sách đầu-đà là người đi cùng khắp nơi, tung hoành chẳng phải một, ngầm ganh ghét đức hạnh của Sư, thường nghĩ muốn giết hại. Bèn cùng ba người bạn mang theo cung tên, cấp mũi nhọn, cánh tay kéo cung sắp muốn phóng tên mà tên chẳng lia khỏi dây cung, tay trương giá cung không nghỉ, trợn mắt đỏ lưỡi đứng sững qua đêm, tiếng tăm chân động, mọi người xa gần đều nhóm họp, người trong làng cúi đầu qui kính, chí thành cầu xin cứu giúp. Sư bảo: “Tôi hoàn toàn không biết, há chẳng phải do sức thần của Kinh Hoa Nghiêm ư? Nếu muốn trừ khỏi chỉ nên bảo sám hối, đúng như lời chỉ dạy đó mới mong thoát khỏi. Lại nữa, tại làng Ngụy ở phía Tây khám có Trương Huy là người sớm dấy niệm ác, chuyên trộm cướp để kiếm sống. Ban đêm đến chỗ Sư lén lấy bình dầu cúng Phật, chiết lấy năm thăng mang trên vai mà đi ra. Đã đến nơi cửa viện, tự nhiên mê hoặc mất hẳn bốn tánh, như bị trói không thể cử động. Quyển thuộc và người trong làng đồng đến sám tạ cho. Sư bảo: “Tôi không biết, bởi do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm. Nên khuyên bảo sám hối, hoàn trả lại bình dầu”. Bèn y theo lời ngài mà thực hành nên được thoát khỏi. Lại nữa, ở phía Nam khám, có Trương Khanh đến trộm tiền của Sư để trong tay áo mang đi, đã về đến trong nhà, trút lấy mà

không ra, miệng cứng đờ không nói được. Trương Khanh liền tìm đến chỗ Sư cầu xin sám hối, trở lại đường mà lui về.

Tại làng Trình Quách, có Trình Huy Hòa là người rất nghĩ nhớ tin theo, từng đến chỗ Sư nghe nhận Pháp yếu. Vì bị bệnh nên thân chết đã hai đêm, buộc thi thể để dưới đất, sắp tẩm liệm. Trước đó, Sư đến huyện Ngạc, trên đường trở về, Sư đến chùa Đức Hạnh ở phía Tây Nam, từ phía đông cách thôn của Trình Huy Hòa ở khoảng năm dặm, từ xa kêu “Trình Huy Hòa! vì sao không thấy đến đón rước ư?” Sư kêu gọi liên tiếp như thế không dứt. Có người đang làm ruộng báo rằng: “Trình Huy Hoà chết đã lâu rồi, làm sao đến đón rước được?” Sư bảo: “Đó là lời nói xằng, tôi không tin”. Sau đó, đến làng ấy, Sư lớn tiếng gọi, Trình Huy Hòa bèn nhúc nhích thân mình. Các người thân ở bên cạnh liền cắt bỏ các dây trói, Sư bước vào trong sân, lại lớn tiếng gọi như trước, Trình Huy Hòa liền vùng bật dậy lăn lóc đến chỗ Sư. Sư bảo vất bỏ tất cả mọi thứ hòm rương vật dụng tẩm liệm, lại dùng một sọt tre để làm tòa Phật và bảo Trình Huy Hòa đi nhiễu quanh. Sau đó, được bình phục như xưa. Lại sống thọ thêm hai mươi năm. Sau, lại bị bệnh nặng, đến cầu xin Sư cứu giúp. Sư bảo: “Thả người đi khắp nơi, ta chẳng biết được”. Nhân đó mà Trình Huy Hòa qua đời. Bấy giờ, tiếng tăm Sư vang xa, các hàng đạo tục về vang nhờ ơn rất nhiều trường hợp như vậy và đều đến thỉnh yết. Sư tạo lập phước hội, thường có cảm thông. Ở đây chỉ lược nêu một hai việc.

Tại làng Bạch ở phía Bắc hồ Côn Minh, có một bà mẹ già bị bệnh nằm liệt trên giường gối, mắt âm tín đã trăm ngày, bảo các người con muốn được thấy hình bóng Sư. Hiểu được ý của mẹ, các người con thỉnh Sư đến nhà. Người mẹ đang bị bệnh được trông thấy, bất chợt tụt xuống đón rước, nói năng đi qua đi lại tự nhiên như ngày thường, bệnh liền lành hẳn. Khi đó tiếng tăm Sư lại càng vang xa. Mọi người trong làng nhóm họp, mỗi người mang theo các thứ âm nhạc đi quanh từng nhà để mách bảo, muốn lập trai hội lớn. Trong làng Đại Vạn có gia đình Điền Di Sinh có bốn người con gái. Người vợ Điền Di Sinh chỉ mặc vải bố thô xấu và ngấn ngang đầu gối mà thôi, bốn người con gái để mình trần trụi không một mảnh vải. Người con gái lớn tên là Hoa Nghiêm, đã hai mươi tuổi, chỉ có một tấm vải bố thô xấu dài hai thước, định sung vào bố thí. Sư dẫn chúng trong làng lần lượt đến nhà ấy, thương xót nhà ấy nghèo khổ bèn đi ngang qua mà không vào. Người con gái lớn tự nghĩ rằng: “Do ta nghèo hèn, không đến phước hội, nay lại chẳng tu, về sau sẽ khổ còn hơn như vậy”. Bèn lục lọi khắp cùng để tìm kiếm vật, nhưng xét xem chẳng có được vật gì, nên ngửa mặt buồn khóc, bỗng thấy trên rui ở mái nhà có một bó cây kê lẫn lộn dùng để bít lỗ hồng ánh sáng, bèn kéo xuống và lượm được hơn mười hạt thóc, liền lột thành gạo. Đồng thời đem tấm vải bố trước để tùy hỷ cúng dường. Vì thân không

có áo mặc nên đợi đến đêm tối mới đến chỗ hội cúng, đem vật muốn cúng thí ấy từ xa để vào chỗ cúng tống. Còn hơn mười hạt gạo ấy thì dâng cúng để nấu cơm. Nhân đó, phát nguyện rằng: “Con là thân người nữ mắc nghiệp báo nghèo cùng do từ lâu đã gieo trồng nhân xấu. Nay dốc hết sự nghèo cùng để làm cúng thí, mong cầu phước báo cho tương lai”. Và liền đem hơn mười hạt gạo vàng ấy để vào trong nồi nấu cơm, và nguyện “nếu thật sự chí thành thì nghiệp nghèo nàn sẽ hết, thì xin nguyện nồi cơm nấu chín đều biến thành màu vàng. Nếu không được chiêu cảm thì đành chịu, chẳng biết làm sao”. Khi ấy, cả năm thạch gạo nấu cơm trong nồi đều biến thành màu vàng, Đại chúng kinh hãi khen ngợi, chưa biết nguyên do thế nào, nên tìm xét khắp các duyên cớ. Sư bèn bảo: “Đó là do nguyện lực của con gái Điền Di Sinh!”. Sau khi trai hội hoàn tất, có được mười học thóc, Sư dùng để cứu giúp cho gia đình ấy. Sư sắm sửa Pháp y và bèn độ cho Hoa Nghiêm xuất gia, đưa vào ở chùa tại kinh đô, về sau tiếng tăm vang xa, hoàng ngộ khó trình bày.

Sư cư xử tuy trầm ảm mà thường thực hành từ bi cứu giúp. Hằng năm ở hai xã giết hại máu thịt cúng tế rất nhiều, Sư đi khắp cùng thực hành cứu chuộc, khuyên tu pháp nghĩa. Mọi người không còn giết hại, trong thôn ấp số ấy chẳng ít. Từng có việc trong làng bên cạnh khám trói ba con heo, sắp giết hại, Sư nghe thế bèn đến chuộc. Người trong xã sợ không được giết nên tăng giá đòi tiền đến mười ngàn. Sư bảo: “Bàn đạo hiện chỉ có ba ngàn, đã tăng giá gốc gấp mười lần”. Xin hãy giúp cho, mọi người đều bất đồng, cùng nhau tức giận. Bỗng có một đứa bé mặc áo da dê bọc tiền trong bụng đến chỗ Hội Xã giúp Sư cứu chuộc heo. Đã thấy tranh cãi, nhân đó liền theo xin rượu, vừa uống vừa nhảy múa, xoay chuyển rực sáng, tất cả mọi người già trẻ trong xã đều bị mù mắt, bỗng chốc đứa bé bèn biến mất, không biết ở đâu. Sư bèn dùng Dao tự cắt thịt đùi của mình và bảo rằng: “Đây và kia đều là thịt. Heo ăn các thứ phân ứ, mà các ông còn ưa chuộng thích ăn thịt nó, huống gì con người ăn cơm gạo, đáng lý phải quý hơn nhiều”. Người trong xã nghe như thế, đồng một lúc phóng thả, heo đã được thoát, bèn đi nhiều quanh Sư ba vòng, đưa mũi xúc chạm như tỏ sự kính ái. Nên khiến ở phía Tây Nam của ngoại ô trong khoảng năm mươi dặm dứt hẳn không còn nuôi heo gà. Mãi cho đến ngày nay sự cảm phát từ thiện ấy đều đại loại như thế.

Tánh Sư rất kính tin, thường trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, chuyên trì một bát ba y, đến lúc tuổi già càng tinh tấn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô làm thầy của Hoàng Trữ Môn. Công chúa xây dựng chùa Tĩnh Pháp, lại thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tiếng tăm tuy ở nơi chốn Đế đô mà Sư thường nghỉ ở nơi núi non. Đến ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm

(609) đời Tùy, Sư thị tịch tại thiền viện Tĩnh Pháp, thọ tám mươi tuổi, Di hài Sư được đưa về an táng và xây tháp thờ ở núi Chung Nam, bên cạnh chùa Chí Tướng.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang

Thích Đại Chí, họ Cố, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Từ thuở bé, Sư đã xuất gia, thờ Thiền sư Trí Khải ở núi Thiên Thai làm thầy. Ngài Trí Khải thấy hình tướng thần thái của Sư phóng khoáng cao vượt ngoài vật, nhân đó mà đặt tên là Đại Chí.

Ngài lấy thiền tụng làm nghiệp chánh, tự chuyên khổ tiết. Với các bậc danh tượng ở khắp bốn phương không nơi xa nào mà Sư chẳng đến, tiếng nói của Sư trong rõ dịu dàng, nghi tướng trình thuần, nghiêm mật, nên mọi người nhìn thấy thì biết Sư chẳng phải Phạm khí.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, ở chùa Phong Đánh, chẳng lệ thuộc vào công danh, chẳng can dự đến chúng tăng, Sư chỉ chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, tự nhiên nhàn nhã, Sư có khả năng giảng nói lời tiếng trầm bổng rõ trong, khiến người nghe quên hết mọi mệt. Sau đó, Sư lại đến núi Liên Hoa, ở phía Nam danh Cam Lộ, thiết lập đạo tràng Tĩnh Quán, chuyên thực hành hạnh đầu đà, ở một mình, Sư chẳng sợ các loài cọp sói. Nghe nơi nào có loài thú dữ, Sư liền đến và gieo mình đến chỗ chúng nó, nhưng các loài thú đều lánh né chẳng dám ăn. Ở núi gạo thóc hết sạch, suốt ngày Sư quên cả sự ăn uống, hoặc có lúc chỉ ăn dùng bánh trái để duy trì mạng sống mà thôi. Nên người ngoài trông thấy không nở làm não hại, nhưng Sư vẫn an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như thường. Trải qua bảy năm, đạo nghiệp thiền quán Sư không hề xen hở. Về sau, Sư đến trụ chùa Phước Lâm ở núi đó.

Gặp vào niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, bắt giết các vị ẩn dật, nên Sư phải đổi dời ẩn dật, xót xa giáo pháp bị lấn lướt khốc tàn đến như thế, Sư bèn đổi thay sắc phục, hủy hoại hình hài, đầu đội Kinh Hiếu, dùng vải bố thô xấu làm y, vào trong điện Phật lớn tiếng gào khóc, suốt ba ngày ba đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi dẫn dụ. Sư bảo rằng: “Tôi thân vì nghiệp xấu ác mới khiến như thế này, muốn dứt hết hình hài này để làm tỏ rạng Chánh Pháp”. Và Sư bèn đến Đông Đô, dâng biểu văn tấu trình rằng: “Cúi xin Bệ hạ làm hưng thịnh Tam Bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở Tung Sơn, để báo đáp ân nước nhà!”. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy chấp thuận, ban sắc thiết Đại trai hội, thấy chúng đệ tử Phật đều đồng nhóm họp. Sư không ăn suốt ba ngày, leo lên gác lớn, đốt một tấm sắt đỏ bùng rồi áp vào cánh tay khiến cháy đen, lại dùng dao dứt thịt, bày ra xương cốt. Lại áp vào

xương ấy cho cháy đen, mỡ trong bọc vải bố chảy xuống lửa, sáng rực cả núi hang. Khi đó, đại chúng thấy Sư khổ hạnh đều đau nhói trong tim suốt đến tủy, chân đứng không yên, mà ngài tuy thêm lửa áp nóng, nhưng lời nói sắc mặt không biến đổi, nói cười tự nhiên như lúc đầu. Khi đó, Sư đọc tụng Kinh Pháp Cú, hoặc tán khen ngợi công đức Phật, hoặc nói Pháp cho chúng nghe, lời tiếng không dứt. Khi cánh tay đã thiêu hết, y như trước, Sư bước xuống gác, nhập định suốt bảy ngày, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lúc đó tuổi Sư vừa mới bốn mươi ba tuổi.

Từ lúc mới xuất gia cho đến lúc thị tịch, ngài kết tiết tháo của thông trúc, mùa đông mùa hạ chia mặc một bộ y phục, không hề khoác mặc bông tơ lụa là, chỉ dùng vải bố ngài thô tự lấy đó làm thường, nhưng hình tướng Sư rất khôi ngô, môi như tô son, khô rử xuống nửa đùi, chân đi giày cỏ, hơi tiếng rõ ràng, âm điệu vượt xa mây gió. Có người không biết, lấy làm lạ chẳng rõ Sư từ đâu đến. Sư vén mày mà bảo rằng: “Tôi là Tiểu Đạo Nhân Đại Chí trụ chùa Phước Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang”. Sư lại giỏi về Văn tảo, biên từ rõ ràng tha thiết. Sư có soạn “Nguyện Thệ Văn” dài hơn bảy mươi trang giấy, lời ý muốn làm Thiên Tri Thức với các chúng sinh. Chư tăng ai bị cưỡng ngăn khó kính tin hề thấy lời văn thệ nguyện ấy, không ai chẳng rơi nước mắt. Mãi đến nay, tại chùa Phong Đánh ở Lô Sơn mỗi khi đến cuối năm, thấy chư tăng ở các chùa nhóm họp một đêm, tụng đọc di thệ ấy, để dẫn dắt các hàng đạo tục. Đại chúng đều chưa xót kết nhận.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh

Thích Trí Mạng, họ Trịnh, tên Đĩnh, người ở xứ Vinh Dương. Giọng họ Sư cao sang ưu thảng, Văn hoa rực rỡ ở đời. Sư có văn từ bén nhọn, ít người đương đầu nổi.

Lúc đầu, dưới thời nhà Tùy, Sư làm Vũ kỵ úy, chức vị ấy mỏng bạc, Sư bèn trốn quan trở về tục, đến khắp các trường giảng, hưởng đơm pháp vị sâu kín, Sư đến làm ruộng ở Ninh Châu. Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bộc Xạ Dương Tố Nhân có công việc đi đến đó, bèn đến ra mắt, cùng nói chuyện suốt ngày. Dương Tố bảo: “Trông phong vận của ông thì người thế tục chẳng thể sánh bằng, mà là bậc hiền miếu vĩ khí, hãy tìm cách chịu đựng, về sau, sẽ gọi mời”. Đến lúc Nguyên Đức làm Chức Phó, tìm kiếm các bậc Hiền giả tài năng, Dương Tố bèn đề cử Sư. Sư đối đáp nói năng tuyên truyền ứng biến chẳng phải một. Có lệnh thử cùng một lúc trao ba trăm câu đố cho Sư, Sư đáp lại không sai sót một điều, đến nỗi khiến mọi người rất kính trọng, bèn được làm Trung xá nhân, làm Quan đến Ngũ Phẩm. Đến lúc Nguyên Đức qua đời, Sư nghỉ chức quan ở đời, đi khắp nơi

nghe giảng Tam Luận, Kinh Pháp Hoa, nghiên tầm pháp vị nhiều năm, đức tin thành kính càng sâu.

Đến đầu niên hiệu Hoàng Thái, Việt Vương lên ngôi, Sư lại ra làm quan giữ chức Ngự sử Đại Phu. Đến trong niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh, sư vẫn giữ chức vụ cũ không thay đổi, mưu sâu chước rộng, rất đáng là nơi nương cậy của nước nhà. Lúc bấy giờ, Hoàng thượng đang làm Tổng Thiên sách, ngự binh tại Tây Uyển, Lý Mật Si, Trương Nghị Cật nghỉ ở Lạc nhướ. Còn Thế Sung riêng cố nắm giữ ở một Đô thành, trong ngoài ngấm ngấm bức bách, trên dưới đều lo sợ. Sư khôn khéo với sự rối ren ấy, trong tâm tình kính mến sự xuất gia, nhiều lần thỉnh Trịnh Chúa vì nước nhà mà tu đạo. Đã không toại chí nguyện, nghĩ muốn cắt tóc chẳng phiền lụy đến luật hình. Ban đêm thì Sư thâm đọc tụng các Kinh Phương Đẳng, ban ngày thì tiếp nhận xử lý công chính. Phút chốc chẳng đổi thay, trải qua bốn mươi ngày đã tụng được Kinh Pháp Hoa, Sư thỏa thích tràn đầy cõi lòng nên quyết tâm xuất tục. Sư lại khuyên dẫn người vợ quy hướng Phật giáo. Lời nói tha thiết, đến nỗi người vợ liền y theo đó, lại giúp đỡ nhau cùng xuống tóc. Sư nói với vợ rằng: “Nguyện của tôi đã mãn, không chết mà lại sống, phải khai bạch với Trịnh chúa không nên như thế”. Bèn mặc pháp phục đi đến cửa cung, nói rằng: “Trịnh Đĩnh đã xuất gia, nên đến bái yết”. Thế Sung không ngăn nổi sự tức giận, bèn ban sắc lệnh bảo giết Sư. Sư nghe thế vui mừng nói: “Nguyện của tôi lại viên mãn!”. Hân hoan tươi cười thư thái. Đi đến Lạc Tân, khi đó đang lúc sáng sớm, chưa phải lúc hành quyết. Sư nói: “Nếu là Thiện tri thức, xin nguyện sớm được độ qua, nếu không như vậy thì sau sẽ được thả, không viên mãn bốn hoài”. Khi đó các hàng đạo tục vây quanh khuyên khích đến chiều, mà Sư vẫn giữ dung sắc, nói lời không chấp thuận, nhân đó liền bị chém. Sau đó có sắc lệnh thả nhưng đã là việc không thể cứu vãn, cả triều đình đều oán hận. Lúc đó nhằm niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh.

Lúc đầu, Sư nương theo Pháp sư Cát Tạng để nghe giảng. Có một vị tăng bảo Sư rằng: “Xem xét đầu sọ, vàng trán, cằm của ông rất có tướng giàu sang, chỉ vì ngấm nhìn nhìn cho kỹ thì oán chẳng được chung cùng”. Sư bảo: “Há chẳng là bị thương mà chết ư? Nếu như sở tướng chính là Bốn nguyện thì từng thấy những người chết bệnh tật rất nguy ách, tâm không tự an, nhiều động chẳng định, dẫn đến đời sau. Sinh tử suốt một kỳ hạn, nhất định không thể thoát khỏi. Sao bằng phát chánh nguyện duyên với thắng cảnh, tâm lực vững chắc tỏ rõ, không có rong ruổi. Dao vừa rơi thì mạng cũng hết chung, thần thái tự tại, há chẳng tốt ư?” Nên đến lúc sắp hình quyết, Sư lễ bái khắp mười phương, miệng ngâm nga Bát-nhã, xin bút mực đề thư rằng:

“Huyền Sinh, lại Huyền diệt

Huyền lớn, gì hơn Thân

An tâm tự có chỗ

Tìm người, chẳng có ai”.

Rồi già biệt mọi người quen biết xưa, sau đó Sư nhắm mắt, chỉ chốc lát Sư bảo rằng: “Hãy hạ Đao”. Liền theo tiếng Sư mà chém, diện mạo Sư vẫn an nhiên, vui vẻ hơn thường ngày. Vợ Sư là một vị Tỳkhu-ni, hiện trụ tại chùa ở Lạc Châu.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Huyền Giác trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô

Thích Huyền Giác, họ Lý, người ở xứ Phòng Tử thuộc Tuy Châu. Anh em tất cả có năm người, Sư là con út. Người Bác ruột của Sư làm chức Bò Châu Vạn Tuyên Lệnh, đã lâu không có con, nên nuôi dưỡng Sư như con ruột.

Năm mười ba tuổi, tâm Sư muốn xuất gia, thấy sâu các lỗi thế tục, bèn trốn đến hang núi, theo hướng Bắc đi đến chỗ Thiền sư Siêu ở Phần Châu. Thấy Thiền sư Siêu nói năng tình lý rộng xa, Sư liền nương tựa Ngài mà xuất gia. Người bác đã mất Sư nên sai người đi tìm bắt. Tuy Sư được che giấu nơi hang núi, nhưng không thoát khỏi bị bắt. Miệng Sư nói rằng: “Thân con tuy thuộc của bác, nhưng tâm thuộc về Chư Phật. Con không hề có ý chí muốn ở thế tục, mong xét soi sâu xa!” Người bác bèn xót thương mà thả ra theo ý Sư.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư vào kinh đô và được độ chính thức làm tăng, phôi tên ở chùa Hoàng Phước. Sư thường ưa thích thiền tụng, lấy việc lễ sám làm chánh nghiệp. Sư có nói với Pháp thuộc rằng: “Tuy đồng là thường nghiệp, mà thệ nguyện muốn xả thân”. Đến tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười tám (644) thời Tiền Đường, ban đầu, Sư gói tất cả y phục gói trọn trong một tấm chăn đem giao cho chư tăng trong chùa, chỉ mặc một chiếc y đơn, thâm đi đến cạnh phường Hồng Pha thuộc sông Vị Âm ở phía Đông kinh đô, lại đến sông Vị, sau khi xưng niệm lễ bái xong, Sư gieo thân xuống dòng nước chảy quanh, mọi người trông thấy, vớt được Sư lên. Sư nhìn quanh tất cả rồi bảo với mọi người rằng: “Tôi thệ nguyện xả bỏ thân mạng đã lâu lắm rồi, ý muốn kính ngưỡng học theo pháp hạnh của bậc Đại sĩ. Với vật khó xả bỏ mà xả bỏ được. Đó là chánh hạnh trong các kinh thường nói. Xin chớ cố ngăn cản hạnh nghiệp của tôi!”. Mọi người mới tỏ ngộ ý Sư, nên bèn thuận theo ý. Sư liền đến bên sông, chấp tay xưng niệm Chư Phật ba đời trong mười phương và phát thệ nguyện rộng lớn,

rồi gieo mình xuống dòng nước xoáy. Ba ngày sau, thi thể Sư mới nổi lên, người trong làng bèn vớt lên để an táng và xây tháp thờ tại Bồn Tụ.

Chư tăng ở chùa lấy làm lạ không thấy Sư trở về và xét hỏi cũng không biết đi đâu, nên mở tám chặn Sư gói y phục mới thấy di văn Sư để lại, viết rằng: “Kính bạch Chư Phật trong ba đời ở mười phương. Đệ tử Huyền Giác con từ khi xuất gia đến nay được mười hai hạ lạc, tuy đượm nhuần trong tăng số mà nghiệp lớn chưa thành. Nay muốn tu hạnh Bồ thí Ba-la-mật. Như Tát-đoả xả bỏ thân, Thi-tỳ cắt thịt ở đùi, ngư vương chất núi thịt, trong các văn kinh ghi chép đầy đủ, xin theo tiền thánh, dạy giúp hậu trần. Với các y vật các thứ mặc y theo lời Phật dạy”. Người đến lúc lâm chung phần nhiều chẳng giao phó chu tất. Các bậc danh học v.v... thấy di văn ấy bèn đến tìm nghiên cứu.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô

Thích Pháp Khoáng, họ Lạc, người ở xứ Hàm Dương thuộc Ung Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác lạ, riêng ưa Nho Tố, đến nghe Pháp sư Vinh ở chùa Hoằng Thiện giảng luận Đại Trí Độ, Pháp Sư Vinh là đệ tử Sa-môn Đạo An thời Bắc Chu.

Ngài mới đượm nhuần huyền Nghiệp, đã tỏ ngộ vô thường, siêng năng tu học, chẳng ra khỏi cửa viện. Năm mười sáu tuổi, Sư giảng giải luận trước, Đạo sáng khắp chốn Kinh Hoa, đối đáp rạch ròi, không sai huyền lý. Sư chuyên tu niệm Định, không luống qua thời gian, với Kinh Vô Lượng Thọ, ở đời cho là khó đọc tụng, Sư nghe thế nên thử tìm, mỗi ngày tụng đọc hai quyển, lời văn hoàn toàn mờ tối. Nên khả năng tụng trì của Sư ít có ai hơn được. từ đó, với Kinh Tạng, ngài mở bày xem đọc, lấy đó làm việc thường, với những ý chỉ của Văn từ nghĩa lý, hỏi đến không thứ gì Sư chẳng biết. Sư nhìn lại những kỳ Bồ-tát, Chư tăng phần nhiều thuyết dục, Sư bèn tự cố gắng tâm lực, lập nguyện tụng ngàn biến, chỉ trong vài tuần liền được mãn nguyện. Tánh Sư thường thích kiệm ước, chẳng chuộng loè loẹt, nên trong phòng Sư không có các thứ chiếu nệm. Khắp viện đều trồng cỏ gấu, dùng để làm chỗ ngồi, thực hành hạnh đầu-đà. Sư răn dạy Môn nhân phải xa lìa đắm trước, vì văn cơ chúng sinh thời Mạt pháp thường tùy theo cảnh trần mà sinh nhiễm.

Năm năm mươi tuổi, Sư chỉ sử dụng ba pháp y, bình bát mà thôi, ngoài ra không chứa để một vật gì. Vời vọi chánh sắc, theo sạch gió sương, nói năng với người chỉ nói việc xa lìa đắm trước, đến giờ thì khát thực, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Sư từng nói: “Tôi chỉ vì sinh tử bít lấp, luân hồi từ vô thi. Chán sinh thì ít, chán chết lại ít hơn. Thường nghĩ nhớ ray rút, muốn xả bỏ đi!”.

Đến ngày hai mươi mốt tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư đến núi Chung Nam, vào hang Thán sâu bốn mươi dặm, cỡi bỏ y phục máng trên cây, tự đâm dao vào cổ. Vì tự giết, nên chẳng do đâu mà biết chỗ. Đến tháng tám, các người quen biết ngày trước, bèn tìm được di thân của Sư, viết thuật văn tụng v.v...

Gần đây, có Sa-môn Vong Danh trụ chùa Đại Thừa ở Phần châu, thường nhàm chán sinh tử, ở trong đời vẫn đục khó độ, thệ xả bỏ thân mạng, trước tiên, Sư giảm ăn, chỉ uống các thứ nước thơm, đến kỳ hạn, các hàng đạo tục đều nhóm họp, dùng các thứ hương hoa, phướn lọng, sắp bày, đi đến sườn Hạ học thuộc núi Tây Sơn, xoay mặt về hướng Tây, chỉnh trang dung mạo, mọi người nói: “Lành thay!” và đều đưa tiễn tùy hỷ, Sư bèn gieo mình xuống vực sâu, đến tới mặt đất, Sư ngồi dậy, khi mọi người đến xem mới biết là Sư đã tịch.

Rộng tìm về những truyện di thân, đại loại có rất nhiều, tùy chỗ mà nêu ra để chỉ bày từng trường hợp một, ngoài ra còn có nhiều thiếu sót.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Hội Thông ở hang Báo Lâm thuộc núi Chung Nam

Thích Hội Thông, là người xứ Ngự Túc Xuyên ở Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở thiếu thời, Sư ưa thích Đạo Kiềm, đi khắp các suối rừng. Khổ tiết giới hạnh là điều Sư thường đoái hoài hành tập. Sư đến hang Báo Lâm ở núi Chung Nam, trầm ẩn để tu nghiệp. Sư tụng Kinh Pháp Hoa đến phẩm “Dược Vương” bèn vui mừng, nhàm chán muốn xả bỏ thân mạng, tự gom nhặt cây củi, thệ nguyện thực hành việc ấy.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, giữa đêm tĩnh lặng trong rừng, Sư chất củi thành hầm, tụng kinh đến phẩm Dược Vương, bèn nhóm lửa, gió mạnh thổi ùn ngọn lửa bốc lên, khói lửa đều cháy mạnh, Sư vẫn vững thân ngồi kiết già, tiếng đọc tụng kinh vẫn như thường. Sau đó, từ phía Tây nam có một tia sáng màu trắng chiếu thẳng vào trong lửa nhóm, thân Sư mới ngã xuống. Đến sáng hôm sau, thân và lửa đều tàn hết, mọi người bèn thâu nhặt di cốt an táng và xây tháp trắng, khắc ghi bài Minh.

Vào đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tại Kinh châu, có hai chị em Tỷ-khưu-ni đồng trì tụng Kinh Pháp Hoa, rất nhàm chán thân hình, đều muốn xả thân. Tiết chế ăn mặc, kính chuộng khổ hạnh, uống ướp các thứ dầu hương, dần dần bỏ cơm, sau cùng dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn uống mật thơm, mà tinh thần sức lực vẫn mạnh khỏe, chí ý tinh thuần sáng suốt, thông báo khắp các hàng đạo tục, ước định ngày để thiêu thân. Đến ngày mồng

tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, đến một con đường lớn ở Kinh Châu, đặt hai cái tòa cao, hai chị em mới dùng vải bố bọc sáp quấn quanh thân mình lên đến đánh đầu, chỉ để lộ bày mặt mắt. Mọi người tụ lại rất đông, ngâm ca khen ngợi tợ mây ùn. Đọc tụng đến đoạn thiêu đốt, người chị trước bật lửa đốt trên đánh đầu người em, rồi người em lại châm lửa trên đầu người chị, giữa đêm thanh vắng đồng một lúc hai ngọn đuốc soi sáng khắp cùng. Khi cháy xuống tới mắt, tiếng tụng kinh vẫn rõ ràng, dần cháy xuống mũi miệng mới lặng dứt. Vừa đến lúc sáng sớm, khắp toà đều cháy, cùng một lúc lửa cháy ra như hoa, hài cốt tiêu rụi, hai chiếc lưỡi đều còn, mọi người đều vui mừng khen ngợi, xây tháp cao để thờ.

Gần đây, tại phía Tây Tinh Châu, có một thư sinh tuổi khoảng hai mươi bốn-hai mươi lăm, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, thệ nguyện thiêu thân để cúng dường, bèn gom nhặt vài bó cỏ khô cất giữ, có người hỏi lý do, bèn lặng thinh không nói. Sau đó, vào lúc nửa đêm, phóng lửa tự thiêu thân. Khi mọi người đến cứu thì lửa cháy mạnh và thân đã chết, mọi người bèn chắt thêm củi để đốt cháy hoàn toàn thân hình ấy.

Gần đây, lại có Sơn tăng Thiện Đạo, Sư đi khắp mọi nơi, tìm cầu thừa hỏi bên Đạo, Sư đi đến Tây Hà, gặp được Sa-môn Đạo Xước chỉ chuyên hành trì xưng niệm hồng danh đức Phật A-di-đà lấy làm tịnh nghiệp. Sau khi vào kinh đô, Sư rộng hành hóa pháp môn ấy, viết chép Kinh A-di-đà đến mấy muôn quyển, các hàng sĩ nữ kính tin vâng đến vô số lượng. Đến lúc đang nói pháp tại chùa Quang Minh, có người hỏi Sư rằng: “Nay xưng niệm danh hiệu Phật, có chắc chắn được sinh về Tịnh Độ chăng?” Sư đáp: “Chắc chắn được vãng sinh!” người ấy lễ bái xong, miệng tụng “Nam mô A Di Đà Phật” lời tiếng nối nhau phát ra ánh sáng khắp cả cửa chùa. Và leo lên trên đầu cành cây liễu, chấp tay xoay mặt nhìn về hướng Tây, tự gieo thân mình xuống, vừa đến đất thì chết ngay. Sự việc ấy được tấu trình đến Đài Tỉnh.

---o0o---

11- Truyện Xà-lê Thiệu ở Tử Châu

Xà-lê Thiệu, là người xứ Huyền Võ thuộc Tử Châu. Họ Bồ. Khi chưa xuất gia, nhân đi đến núi thấy một con trùng lớn thân hình rất gầy ốm lại dẫn theo một con nhỏ ở khe nước muốn tìm bắt tôm, nhưng không bắt được. Sư mới than rằng: “Loài trùng này đáng lẽ ở trong núi sâu, nay lại ra đường tức là rất đói khát. Trước sau cũng đồng một lần chết, chi bằng sung vào cấp dưỡng sự đói khát này”. Bèn cỡi y phục đến nằm phía trước con trùng con trùng, ấy bèn bỏ đi nơi khác.

Sau đó, Sư xuất gia, chỉ chuyên tụng kinh hành đạo mà thôi, không hề có hạnh nghiệp gì khác. Vào đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, tại xứ

Nhữ Châu, trùng độc bạo hành khác thường, dân chúng phải từ ba người, năm người, mười người cùng cầm roi gậy đồng đi, chẳng ai dám đi một mình. Trùng độc hại người đã rất nhiều, Sư bèn đến xứ đó, tạo lập am tranh mà ở. Trùng độc đều lánh bỏ đi xa, đường sá trở lại thanh thản.

Đến năm một trăm lẻ chín tuổi mới cảm thấy bị bệnh, Sư bảo các đệ tử rằng: “Tôi muốn để lộ bày thi thể, xin bố thí cho các loài chim thú, mà hồ con chê thân tôi, khi đang là thịt sống còn chẳng chịu ăn, huống gì đã chết mà thương thực hay sao? Nên hãy thiêu đốt thân tôi, không để lại gì!”. Các đệ tử không nỡ nghe theo lời đó, nên sau khi Sư thị tịch bèn để lộ bày thi thể hơn một tháng, mà các loài chim thú không dám xâm phạm, bèn rước về an táng.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong

Thích Đạo Hưu, không biết Sư họ gì. Sư trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu. Thường lấy hạnh đầu-đà làm chánh nghiệp. Sư đến hang sâu ở núi Ly, thuộc phía Nam chùa, bện cỏ làm am. Mỗi lần ngồi thiền suốt bảy ngày ngài mới xuất định, mang bình bát, chống tích trượng xuống núi khát thực. Khi bình bát đã đầy cơm, Sư tùy chỗ mà ăn rồi trở về am cũ. Cứ lấy bảy ngày làm kỳ hạn, như lúc đầu không thay đổi. Do đó những người có đức tin ở trong làng cứ định ngày đến núi, đứng đầu đường để đón rước Sư. Sư vui cười nói trước, mở lời thăm hỏi, thực hành, giảng nói cấm giới, thường dùng từ thiện để dạy răn. Mọi người chờ đợi Sư thọ trai xong, sau đó mới xin thọ nhận quy giới, rồi đón rước vào cửa núi. Sau đó mới trở về, suốt hơn bốn mươi năm thường thực hành như thế.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, mọi người y theo thường lệ mà Sư chẳng ra, bèn đi đến am để xem, thì Sư đã ngồi thẳng khoanh tay mà thị tịch, mọi người cho là Sư nhập định, bèn ở lại bên cạnh am suốt đêm để giữ gìn. Qua mấy đêm bèn vào xem xét, thì thấy hơi thở Sư đã ngừng dứt mà vẫn ngồi kiết già không thối rữa, nghiêm nhiên như lúc còn sống, bèn đến che đậy, phía ngoài cửa lại dùng cây gai để rào ngăn, sợ các loài trùng đến làm thương tổn.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường Tôi (Đạo Tuyên) đến đó để hầu thăm, thì người trong làng ở phía bắc núi đã đón rước về trong làng, xây miếu để tôn trí Quyết hình. Tuy da bọc xương, mà dung mạo nhan sắc Sư không biến đổi, vẫn ngồi kiết già như cũ, bèn sơn phết thêm trên thân hình Sư.

Từ khi xuất gia nhập đạo về sau, Sư thường chỉ mặc ba pháp y mà thôi, không mặc các thứ gấm lụa, vì thương tổn sinh mạng. Sư lại mặc áo vải bố

qua nhiều năm tháng, bám bám rách rưới, ai thấy cũng đều chạnh lòng. Bấy giờ, gặp lúc mùa đông đang giá rét, bỗng nhiên Sư bật rên rỉ, cởi bỏ cả ba y, ngồi đê bày lưng. Lạnh buốt khó chịu nổi, Sư bèn lấy một lớp y đắp lên thân, bèn cảm thấy ấm lại. Sư bèn tự khuyên rằng: “Người cũng dễ lừa dối, trước sau đều lạnh, đều là một chiếc áo, vì sao lại dễ cướp đoạt, bèn cảm thấy ấm. Người không đáng tin, ta sẽ làm thầy người”. Hoặc có lúc Sư muốn vá áo, dùng vải đắp lên, muốn vá thêm, thì liền nhập định. Sau khi xuất định bèn tháo y mà đi khát thực. Trong đời Mật pháp đem sự chết để sinh ra Đạo Nghiệp thì ít có người tiếp được dấu vết. Tôi (Đạo Tuyên) đã từng tham dự công việc phiên dịch, gần gũi hỏi han chư tăng vốn là người Tây Vực, đều dùng giả bố mà làm áo ca-sa, không hề sử dụng các thứ lụa là, nếu như có dùng thì dùng ở các loại y phục khác, không được thêm thọ trì. Ở các nước Quy-tư, Vu-tuần, v.v... hiện nay nuôi tầm chỉ để lấy tơ, cũng không giết hại. Nên biết hạnh từ bi cứu giúp của Sư đồng với phong hạnh của Hành Nhạc. Trước kia đã nói rộng, sợ mê lầm nên nêu lại. Ngoài ra các thứ y phục khác, đâu thể nói được.

Thử Luận Bàn:

Trộm nghe rằng: xem thường sự sống, vì tiết tháo mà hy sinh tánh mạng. Từ xưa cho đó là khó, nếu được khỏi thì cũng không hổ thẹn. Ở đây cho là dễ. Lời truyền của người có chí khí hay người thường đều nêu bày phong du. Ngôn ngữ của các bậc Thượng đạt, Hạ đạt rõ nêu kinh điển. Đều do vì ẩn tàng khuôn phép dong độ, mở dẫn tinh linh, chỉ có Đạo là tôn quý, chỉ có Đức là sinh mọi vật nên có thể quên cả thông bút, dứt bật phải quấy. Hiểu được nguồn gốc của lưu chuyển, thấu suốt đầu mối điên đảo. Ấy là bậc Đạt nhân. Biết được sự giả hợp của thân mạng như bụi trần vô tánh. Xét soi mạng số như dòng chảy, chỉ do tâm sinh diệt. Từ đây trở xuống đều là sống Huyền, làm sao có trí người mà thường giữ mãi được. Nhưng gá sinh ở đời, buộc lấy chưa mất, nương lấy nhân rộng để làm sạch tâm mê hoặc. Hoặc bẻ gãy để thêm sự não nhục, hoặc ức chế làm việc tội hèn, hoặc thiêu đốt để nhờ nguồn tham, hoặc mở xé để thấu cùng gốc Si. Buộc thân làm được để thấu đạt đường mê, đốt tay tỏ sáng để bày báo ân đức. Các tướng ra đèn vào sát, dấu vết như rừng. Hay chất chứa núi thịt biển sữa, nghe đủ lời răn trước. Đó đều là nhờ ngược cội rễ rộng lớn của Ngã, hiển bày vùi lấp thân hình đáng nhàm chán. Dem nhà mục rã sắp đổ để đổi lấy pháp thân Kim Cương. Trong kinh chẳng nói đó ư? Thật là lời chí thiết!

Vật báu quý nhất trong sự sống, chính là thân hình, nhưng so so lường thì chỉ có mạng. Đức Đại Thánh lập ra giáo pháp chẳng lẽ dối bày ư? Nên Bồ-tát Dược Vương là bậc Thượng Hiền thiêu thân, do đó mà phát nguyện cùng khắp. Với hàng hạ phạm kính mến sự rực sáng thì thà không mất tâm. Nên

Sa-môn Tăng Nhai vững thân trong lửa dữ, lời tiếng vẫn không đổi thay. Sa-môn Đại Chí áp cánh tay vào sắt nóng mà tinh thần tiết tháo càng mới. Sa-môn Huyền Giác gieo mình xuống dòng sông, tuy được cứu vớt ra nhưng ném mình vào lại. Sa-môn Pháp An bỏ mạng nơi tù tội, tuy được thả ra nhưng lại tự vào. Vậy đủ biết, tiết tháo không thể bị cướp đoạt, chí hạnh chẳng thể cản ngăn. Thật đáng mừng thay! Rất khó làm việc ấy. Lại có vị kéo ruột vắt lên cành cây, trượt thịt ở trong rừng, kè mũi dao mà sắc mặt vẫn an nhiên, mỉm cười mà nhận chịu sự khinh nhục, đều như trong Bốn Kỳ, lại đáng mừng thay. Nhưng bậc chánh sĩ chứng đắc Tứ Quả thiêu đốt thân mình mà lánh sự phỉ báng, đồ chúng tám ngàn nhận chịu hình quyết. Hộ pháp mà trốn cõi Nhân. Ấy do năng lực gì mà lên nguy hiểm, đây là tình gì mà thoát khỏi khổ? Tự chẳng nghĩ nhớ, làm sao rộng cứu giúp thực hành dứt bật ngã nhân. Quán xét sắc tướng là bụi trần nhóm họp, thấu đạt tánh mạng chỉ như đèn trước gió nên có thể theo vết các bậc tiền Thánh. Thật đáng chổ nương nhờ của thời Tượng Pháp, Mạt Pháp!

Hoặc có người hỏi rằng: “Người nhàm chán sự sống thì nên nhỏ bỏ nhân sinh. Há dứt quả khổ mà bẻ gãy gốc Tập ư?” Đó là chưa nghe yếu chỉ nên xin vì trình bày. Hễ lập ngôn như thế thì không gì chẳng thường xảy ra. Và lại, Nhân Tập kéo dài, như tướng thuộc của núi. Ngã là gốc Tập như chờ đợi sự dẫn dắt của mây khói. Sự sống chỉ quý trọng ở Thân, tùy quý trọng mà thực hành đối trị. Như bệnh ở trong đời theo thân mà bày phương thuật. Cho nên thiêu đốt hay nhận chìm là để biết tham sân, ghét bỏ luống đời để đánh tan si mạn. Nghiệp hạnh ấy đáng chuộng đồng như Tĩnh quán mà duyên với Sắc tâm, Đạo ấy đáng tôn sùng. Ngang bằng với tức Hữu mà làm Không. Hẳn là do mê lầm dấu vết, nên cho là Ngã có khả năng hành động, đảo vốn càng nhiều mà luống hành nhóm khổ. Nên thọ trì một câu kinh hơn hẳn xả bỏ nhiều thân. Thực chất lời đồn ấy ở trong đời chính chỉ cho hạng người ấy. Chỉ bởi bệnh nghe mà không thực hành, lại thêm thường thất buộc, đâu như dứt bỏ dần các chi tiết, trừ từng phần trăm chấp trước. Thánh giáo bao la, nghĩa bao gồm tri lượng, tự có năng lực phân biệt hư liệt, vọng dám nghĩ ngang bằng. Hoặc rên rỉ gào khóc đến chết, hoặc nhanh nhẹn mà bị nạn. Lời bình trong tuyên trước, thì đời nào không có? Lại có chưa rõ về giáo tích, dâm nảo buộc ràng ngăn bít, sợ sai sót ở đầu chương, cắt theo yêm lệ, khoe đời lấy làm Đức, khinh thường tăng luân. Thánh giáo khoa trị phải có yếu chỉ sâu màu. Chỉ bởi yêu thích mà sinh khởi đời vọng, biết vọng thì Ái Không thể theo. Không hiểu trở lại thất buộc nội tâm mà mê lầm vớt bỏ ngoại sắc. Nên căn sắc tuy vớt bỏ mà nhiễm ái càng tăng thêm, rất làm chướng đạo, hiện đầy giới nạn. Cần phải thêm đó mà ruồng đuổi tội, sao dám nương tựa đó mà sinh khởi phước.

Lại có người lúc sắp qua đời để lại di quyết, bảo bỏ nhục thân ở dưới rừng, hoặc bỏ chìm dưới dòng nước chảy, giúp cho các loài chim cá. Hoặc chôn vùi dưới lòng đất sâu, làm phần mộ cao lớn, dựng văn bia ghi chép đức hạnh, hoặc nhân nơi sườn núi để rơi vào hang sâu, trông mong xa biết người. Hoặc toàn thân thiêu đốt bằng lửa chẳng lụy phiền thần thức của Đồng sinh. Hoặc xương tro bôi đắp thoa tọng để bày thân phụng cúng. Hoặc lóc da cắt mũi xẻo tai, gọi đó là dứt trừ trần lao, móc mắt, tháo các chi phần nói đó là bỏ hết tình dục. Đường lối như thế có rất nhiều. Do đó mà thứ lớp trình bày. Hễ vật bỏ thì thể nơi rừng mỏng, ít dứt trừ tâm bị lặn. Các loài chim bay thú chạy lấy đó mà dứt trừ sự đói khát. Các vật u hiển lấy đó mà luân xông. Được bù đắp lẫn nhau, ít gồm cứu giúp, nên có trùng nhặng nhảy vọt trong ngoài, chim quạ theo đó mà mổ ăn vung vãi, mỡ lênh láng nơi gò hoang, làm tổn thương lòng từ. Nhưng ở Tây vực nguyên tắc an táng gồm có bốn cách: Hỏa táng tức là đốt bằng củi. Thủy táng là bỏ xuống nước sâu. Thổ táng là chôn cạnh sườn núi, Lâm táng là vật chôn hoang vắng. Các bậc Pháp Vương, Luân Vương đồng y theo lễ hỏa táng. Ở đời vì theo thói quen nên các cách ít thực hành. Còn ở Đông Hạ lưu truyền chỉ nghe hai cách Lâm táng và Thổ táng. Còn hai cách Hỏa táng và Thủy táng ở đời ít thực hành theo. Nên dùng ngói bịt ngu quan là mở đầu cho việc phế bỏ đốt bằng củi. Đến thời Hạ Hậu Thánh Chu thì thực hành việc áo quan bằng ngói. Người thời nhà Ân dùng hòm gỗ nhỏ và lớn sơn bịt lại. Đến thời Trung Cổ, Vua Văn Vương đề xướng nhân dục thành phép tắc, tuy sáng tỏ việc chôn cất mà thực hành vẫn còn ít. Nên gọi bọc xương khô, chôn lấp thịt thối nơi bờ đê để cất giấu. Vào thời Thượng cổ, mộ không có phần, chưa thông nhiều loại, rõ ràng đợi đến sau Lô Lăng, hiện tức Nhân Sơn làm Lăng. Đến thời Hạ Cổ cùng noi theo đồng thực hành Thổ táng, lăng xăng lắm nhiều khó có thể ghi hết. Nên tạm vót bớt. Nếu mới có Bia hàng ghi lời dẫn đến sự tiếp nối giềng mối trong sạch của đời sau, giảng khắp xây tháp, nêu bày công lao của tiền đức. Theo sự chỉ rõ của Kinh A-hàm thì đời càng sáng tỏ, còn chôn thi thể bên cạnh tháp, ưa chuộng xa rải ở bên Phường, gần dùng thoa xương, thật mới rộng thông xiêm gá. Lại nhằm chán cắt đứt người đời, sống đưa vào rừng sâu, rộng thông báo với bốn bộ, mong còn cứu thỉnh. Đã mất tình gieo, cố gắng theo sự, các hàng Đạo tục ngợi khen, giúp theo cùng thúc giục, nhân mà lo lắng không thôi. Buông thân xuống hang vực, y cứ theo luật thì tội đáng ở nhóm tụ đầu, luận về tình thì tùy được tại xá. Ngoài ra còn có lược bỏ thừa thải rườm rà. Tuy phù hợp với Cực giáo mà tâm còn bất tịnh, còn nhiều nhiễm đời. Có khả năng mở mang rộng lớn, không cậy khai hóa hôn mê, cho nên chẳng phải điều mà luận nói rõ được. Tự hãy quy hướng kính ngưỡng thanh tịnh thấu đạt. Mà ở đời hoặc có lắm sự vọng hành, bỏ ăn luyện thân để mong Vũ hóa, ăn bánh bột để thân thể bớt nặng nề. Hoặc hít thở sương móc,

hoặc nhả nạp âm dương, hoặc nhờ thuốc để kéo dài tuổi thọ. Hoặc hành khí để thấu cùng đất trời. Hoặc kéo dài sự sống để đợi Đức Di-lặc ra đời, hoặc sợ chết mà cầu tà thuật. Vết tích đó có rất nhiều, đâu có đáng nghe? Đều là then chốt của các bậc tiên thánh, là sự vất bỏ của hàng Hậu hiền. Bèn lại khắp chương mong cầu tìm thưởng. Lúc tưới, mang bừa lớn lên núi cao, nhìn khí tốt của năm chi, vác mai đến vực, hướng sáng ngời của tám thạch. Cho Tả Đạo là Ngô Hiền, lấy dâm từ làm trọn chí. Rốt cùng chỉ theo tiểu pháp, chưa khỏi bờ sinh, nhọc nương cửa Phật, luống hành một đời, thật đáng buồn thay. Vậy nên biết, Sinh tử kỳ hạn lớn, tự có số thường, phải là hàng Sơ quả trở lên, ngoài ra chưa luận rõ. Lại lấy phạm tâm trừ tính các Thánh Đạo, chung thành ngu kết, biết sao chẳng làm, thế nên sự lay động của rừng lạnh, ngu trí nhân tổ ngộ vô thường, xả bỏ sự sống mà còn nghĩa lớn, để mở nổi lòng nhớ Đạo. Tướng của toàn thân toái thân, phương của Quyền hành thực hành, nêu bày biết cơ của Diệu Hóa, thông cùng rộng lược của Đại Thánh. Nước trong có in bóng, trọn phiền lấm lời nơi chôn dày, tâm rộng không nương cậy, thì mặc sự hành tàng của mọi vật. Đạo ấy chẳng cùng, lá nói lược.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 27 hết

---o0o---

QUYỂN 28

CHƯƠNG VIII: ĐỌC TỤNG

(Trong chương này Chánh Truyện có mười bốn vị, phụ có bảy vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu thuộc Thái Nhạc, thời Nguyên Ngụy.
- 2/ Truyện ngài Thích Pháp Kiến trụ chùa Ngũ Tầng ở Ích Châu, thời Nguyên Ngụy.
- 3/ Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu, đời Tùy.
- 4/ Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tỷ thuộc Long Sơn, My Châu, thời nhà Tùy.
- 5/ Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngộ ở Lam Cốc, thuộc núi Chung nam đời Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Tuệ Hiền trụ chùa Đạt Noa, nước Bách Tế.
- 7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiên Đường (Hồng Viễn, Tăng An, Trí Diệp)

8/ Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước Thọ ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

9/ Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

11/ Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô, thời Tiền Đường (Trí Chứng, Tống Công)

13/ Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Tuyên thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

14/ Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La-hán ở kinh đô, thời Tiền Đường (Pháp Đạt)

---o0o---

01- Truyện ngài Thích Chí Trạm trụ chùa Hàm Thảo ở núi Nhân Đầu

Thích Chí Trạm là người ở Sơn Nhâm thuộc Tề Châu. Là đệ tử của tăng tôn ngài Lăng Công. Sư lập hạnh thuần hậu, ít việc ít nói, lấy nhân từ cứu giúp làm mục đích. Sư thường đến chỗ các loài cầm thú nhưng bày đàn của chúng không bị náo loạn. Sư trụ chùa Hàm Thảo trong hang Thuý ở núi Nhân Đầu, chùa này do ngài Cầu-na-bạt-ma đời Tống lập ra. Sư lập việc đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm thường nghiệp. Ngày Sư sắp qua đời, Sa-môn Bảo Chí tâu với vua Lương Võ Đế rằng: "Vị thánh tăng đã chứng quả Tu-đà-hoàn hiện trụ chùa Hàm Thảo thuộc huyện Nhậm núi Bắc Sơn, hôm nay đã nhập Niết-bàn!". Các hàng Đạo Tục ở Dương Đô nghe ngài Bảo Chí báo lời ấy, đều từ xa hướng về kính lễ. Nên Sư thị tịch trong sự tĩnh lặng không các dư nhiễu, an nhiên tắt thở, hai tay mỗi bên duỗi một ngón. Có vị Sa-môn người ở Tây Thiên Trúc giải rằng: "Nếu người chứng đắc Nhị quả thì duỗi hai ngón tay. Lấy đó để nghiệm thì Sư đã chứng đắc Sơ quả". bèn rước về an táng ở núi Nhân Đầu, xây tháp thờ, dùng than đá bùn đắp, các loài chim thú không dám đến làm dơ bẩn, đến nay vẫn hiện còn.

Tại chùa Ngũ Hậu ở Phạm Dương, có vị Sa-môn mất tên họ, thường tụng Kinh Pháp Hoa. Lúc mới tịch, tạm an táng ở dưới bờ đê, sau dời cải táng, xương cốt đều khô hoại, chỉ còn chiếc lưỡi không hư rã.

Dưới thời Vua Võ Thành Đế (Cao Chạm 561-565) thời Bắc Tề, cạnh núi Đông Phán ở Tinh Châu, có người đào đất, thấy một chỗ đất màu vàng nhạt,

so với bên cạnh có sự khác lạ, sau đó thấy một vật hình dáng như hai cái môi, bên trong có một chiếc lưỡi màu đỏ hồng tươi đẹp, bèn tấu trình sự việc ấy lên vua. Vua hỏi các vị thông hiểu, không một ai biết được. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng tấu trình rằng: “Đó là tướng của người trì tụng Kinh Pháp Hoa được quả báo sáu căn không hư hoại, tụng đủ số ngàn biến thì có điềm ứng nghiệm như thế”. Vua bèn ban sắc cho Trung thư Xá Nhân Cao Trân rằng: “Ông là người tín hướng, tự đến đó xem chắc chắn có linh dị, nên rước về tôn trí chỗ thanh tịnh, thiết trai cúng dường”. Cao Trân vâng sắc đến đó, nhóm họp các vị Sa-môn thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, khiết trai thanh tịnh, bung lò hương đi nhiễu quanh mà chú nguyện rằng: “Bồ-tát nhập Niết-bàn thời gian đã lâu, lưu hạnh trong thời Tượng Pháp, mong không sai lầm, xin hiện cảm ứng: “Vừa nói như thế thì môi lưỡi ấy đồng một lúc chuyển động, tuy không phát ra tiếng, nhưng trông hình tướng dường như đang đọc tụng. Mọi người trông thấy không ai chẳng nổi óc. Cao Trân bèn viết trạng văn tấu trình lên vua, vua ban sắc bảo làm hộp đá, tôn trí vào trong đó rồi rước về hang núi.

Lại nữa, dưới thời Nguyên Ngụy ở Bắc Đại, có Thiền sư Thừa là người thọ trì Kinh Pháp Hoa siêng năng chẳng biếng trễ. Sau khi thị tịch thác sinh vào nhà Họ Tiết ở Hà Đông làm người con thứ năm. Vừa sinh ra đã nói được ngay, tự tỏ bày về việc ở đời trước, chẳng muốn sống trong thế tục. Cha Sư là người đang làm chức Thứ sử Tứ Châu ở phương Bắc, Sư bèn theo cha đến chùa Thất Đế ở trong núi, sau đó, gặp được vị đệ tử ngày trước. Sư bảo rằng: “Ông có nhớ việc theo tôi qua sông đến Lang Sơn không? Thiền sư Thừa tức là thân ta, bèn thờ trong phòng nên mau đẹp bỏ đi”. Cha mẹ Sư sợ Sư xuất gia, bèn cùng đưa về nhà. Sau đó, Sư quên hẳn mọi việc ở đời trước mà thường sinh tâm nhầm chán, thường sống trong sự tĩnh lặng.

Vào những năm đầu niên hiệu Thái Hòa (477) thời Bắc Ngụy, ở Đại Kinh, có vị Hoạn quan tự Bùi ngài xót thương dư hình, không bằng mọi người, bèn tấu trình xin vào núi tu đạo, vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn) có ban sắc chấp thuận cho vị Hoạn quan ấy bèn mang theo một bộ Kinh Hoa Nghiêm, ngày đêm đọc tụng lễ sám không nghỉ. Đầu mùa Hạ vào núi, đến cuối tháng sáu thì râu tóc đều mọc trở lại tướng trượng phu. Bèn từ xa viết trạng văn tấu trình về. Vua Cao Tổ tin kính, bỗng thấy kinh hãi ngờ lạ càng gấp bội thường ngày. Bấy giờ, cả nước chỉ một bộ Kinh Hoa Nghiêm nhờ đó mà càng hưng thịnh. Sự tích này thấy trong “Hậu Quân Tố Tinh Dị Ký”.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Pháp Kiến, ở xứ Ngũ Tăng ở Ích Châu

Thích Pháp Kiến, là người xứ Lạc Huyền thuộc Quảng Hán, họ Chu. Sư đọc tụng một ngàn quyển kinh. Nhưng có lúc nhàn rỗi, Sư vào trong thế tục không khác biệt gì, bỗng nhiên Sư trở lại đóng cửa nhiều ngày không ra, chẳng ăn uống gì. Chỉ nghe Sư tụng kinh mà lời tiếng nhỏ nhẹ ngâm nga không vang ra ngoài. Có người đến kề tai sát vách trộm nghe thì chỉ nghe găng gỏi lý trí dường như nhả sóng của dòng nước nằm úp. Lúc mới phát ra thì đuổi theo không nghe.

Bấy giờ, Võ Lăng Vương theo hướng Đông đi xuống, bảo em là Quy trần giữ Ích Châu. Nhà Ngụy sai Tướng Quân Uất Trì Huýnh đến đánh đất Thục, quy đã hàng phục khoản. Khắp trong thành, các bậc danh tăng đều bị bắt cầm. Đến tối bỗng thấy phát ra ánh sáng rực rỡ. Huýnh bèn sai người tìm theo ánh sáng, mới thấy chư tăng đều ngủ chỉ riêng mình Sư ngồi thẳng tụng kinh, ánh sáng đó từ trong miệng Sư phát ra. Huýnh nghe thế, tự đến chỗ Sư, đánh lễ ngồi nghe, đến sáng sớm mới nghỉ. Huýnh hỏi Sư rằng: “Đêm qua Pháp sư đọc tụng đó là kinh gì?” Sư đáp: “Tụng Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ mười trong pho hạ”. Huýnh hỏi: “Pháp sư tụng đã được bao nhiêu quyển?” Sư đáp: “Bần đạo phát tâm muốn tụng đọc một tạng kinh. Nhưng tâm còn nhiều biếng trễ nên nay mới được một ngàn quyển”. Huýnh kinh nghi không tin, muốn thử Sư nên bảo rằng: “Chịu tụng tất cả một biển, không tổn nhọc ư?” Sư đáp: “Tương tục đọc tụng kinh điển là việc thường của Sa-môn, đâu sợ khổ nhọc”. Huýnh bèn bày tòa cao, bảo tất cả chư tăng đều cầm bản kinh dò nghe theo. Sư lên tòa đọc tụng, hoặc dường như dòng nước đổ mau từ núi cao xuống vực thẳm, Sư nhả nạt âm cú hít thở hơi khí như loại gió trong lành vào thông cao. Người thông minh vừa nghe được dư âm, kẻ sơ tình vượt ý như ngóng giữa hư không luân quản mây trần. Suốt bảy ngày bảy đêm thì đủ số một ngàn quyển, Sư còn cố chẳng ngưng. Huýnh đứng dậy lễ tạ thưa rằng: “Đệ tử lo việc Binh tướng không được dừng ở lâu dài, xin ngay đây được từ giã!” Chư tăng nhân đó đều được thả hết. Sau khi ra rồi, Huýnh than thở rằng: Sau khi Đức Như Lai diệt độ, Tôn giả A-nan là người được gọi là Tổng Trì, há có thể hơn Sư ư? Trong đất Thục mới có người như thế, do đó, thường được bảo trọng an vui, thật kỳ đặc thay! Kỳ đặc thay!” Về sau, Sư thị tịch lúc tám mươi tuổi.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Cung trụ chùa Chiêu Đề ở Ích Châu

Thích Tuệ Cung, là người xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Chu. Đến cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp bị phá hủy. Sư cùng Sa-môn Tuệ Viễn ở chung chùa đồng kết bạn siêng năng tu học. Ngài Tuệ Viễn đi thẳng đến Trường An tìm cầu tham học. Còn Sư thì đến Kinh Dương hỏi đạo. Ngài

Tuệ Viễn ở kinh đô, nghe học Luận A-tỳ-đàm, Ca-diên, Câu-xá, Địa Trì, Thành Thật, Tỳ-bà-sa, Nhiếp Đại Thừa, v.v... đều thông hiểu rồi về lại Ích Châu giảng dạy, cao vợ khác thường nên rất được các hàng Đạo tục kính trọng, dâng cúng rất nhiều.

Sau đó, Sư theo đường Giang Biểu trở về, hai người gặp nhau vui mừng hân hoan. Cách biệt nhau đã hơn ba mươi năm, nên cùng nghỉ lại qua vài đêm, nói chuyện đàm đạo. Ngài Tuệ Viễn nói năng như thác tuôn đổ, còn Sư nín lặng không hề nói một lời. Ngài Tuệ Viễn hỏi Sư rằng: “Xa cách nhau thời gian đã lâu, nay được gặp nhau, Sư mừng vui này hân hoan như hội, làm sao có thể bần, nhunh sao Nhân giả không nói năng gì, hay là chẳng được vô sở đắc ư?” Sư đáp rằng: “Vi tánh ám độn yếu mềm nên đều không hiểu biết gì cả!” Ngài Tuệ Viễn nói: “Lớn lao thì không hiểu được, chứ há không tụng được một bộ kinh ư?” Sư đáp: “Chỉ tụng được một quyển Kinh Quán Thế Âm thôi”. Ngài Tuệ Viễn nghiêm sắc mặt nói: “Kinh Quán Thế Âm, trẻ con đều có thể tụng đọc được, đâu phiền nhọc đến người lớn ư? Vả lại, nhân giả xuất gia từ tuổi nhỏ cùng Tuệ Viễn tôi đồng lập thế nguyện mong chứng đạo quả. Há lại hơn ba mươi năm chỉ tụng được một quyển kinh bằng cỡ ngón tay, đó chẳng phải là ám độn cũng bởi lười biếng tạo nên, xin đoạn giao và mong Pháp sư hãy sớm rời khỏi nơi đây để đỡ tăng phiền não đối với Tuệ Viễn tôi”. Sư nói: “Quyển kinh tuy nhỏ, nhưng từ miệng Phật nói ra. Nếu người vâng kính thì được phước vô lượng, còn người xem thường khinh mạn thì mắc tội vô lượng. Cúi mong tạm dừng tâm sân, tôi sẽ vì Pháp sự mà tụng một biến để già biệt mãi mãi!” Kinh Pháp Hoa, Tuệ Viễn tôi đã giảng qua số trăm biến, vì sao lại muốn làm náo loạn tai người ư?” Sư nói rằng: “Ngoại thư có nói” người có khả năng mở mang Đạo, chẳng phải đạo mở mang người”. Chỉ nên dốc lòng lắng nghe lời Phật, đâu được vì người mà bỏ Pháp ư?” Bèn ở trước sân lập đàn, trong đàn an trí tòa cao, Sư đi nhiều quanh đàn vài vòng, đánh lễ rồi lên tòa cao. Ngài Tuệ Viễn bởi việc chẳng dặng dừng nên ngồi trên giường người Hồ ở phía dưới, để lắng nghe. Sư vừa xướng tựa Đề kinh thì có mùi thơm lạ lan tỏa khắp phòng. Đến lúc Sư tụng vào văn kinh thì trên trời trời nhạc, rải bốn thứ hoa như mưa. Nhạc thì xa rõ vang vọng giữa hư không, hoa thì như tuyết lả tả rơi khắp đất. Tụng Kinh xong, xuống tòa, Sư tự mở tòa phạm xong rồi thì hoa nhạc mới dứt. Ngài Tuệ Viễn liền ôm chân Sư mà đánh lễ, dòng lệ tuôn rơi, sám tạ rằng: “Tuệ Viễn tôi như thây chết dơ bản dám đi dưới mặt trời, xin tạm lưu lại ban cho lời dạy răn!”. Sư nói: “Chẳng phải khả năng của Tuệ Cung tôi, mà là oai lực của Chư Phật!”. Và ngay ngày đó, Sư rũ áo vái chào, men theo dòng nước mà đi.

Sau đó, có người hỏi, nhưng không ai biết Sư đi đâu, ngôi chùa đó từ lâu đã đổ nát.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Pháp Thái ở núi Đảnh Tử thuộc Long Sơn, My Châu

Thích Pháp Thái, là người huyện Long Sơn, họ Lã. Lúc đầu, Sư làm Đạo sĩ hơn mười năm, đến tuổi trung niên, bỗng nhiên Sư tự ngộ hồi tâm về chánh giác, nhân đó bèn xuống tóc xuất gia.

Ban đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, bỗng nhiên được linh lợi, bèn tinh tấn viết chép được một bộ Kinh Pháp Hoa, có vài lần ứng hiện điềm linh, Sư muốn đem đến Ích Châu để tô điểm nên nhờ một người mang gánh đi, một đầu là rương tráp đựng đầy hai ngàn quan tiền, bó buộc kinh đặt để trên tiền, một đầu là y phục. Vừa gánh đi đến vùng đất tên là Tạc Kiêu, bỗng nhiên cầu bị gãy, Sư đang đi theo sau, còn người mang gánh bị rơi xuống nước, người nổi được lên khỏi nước, còn gánh chìm mất không thấy. Sư đứng trên bờ đấm ngực gào khóc rằng: “Tiền bạc và y phục đâu phải là nhân sự, sao bỗng nhiên chìm mất kinh?” và liền lớn tiếng tuyên bố rằng: “Nếu ai tìm vớt lên được, sẽ thưởng tặng hai ngàn quan tiền”. Khi đó có người nghe thế, bèn cởi áo nhảy xuống nước tìm kiếm qua mấy lần, ra vào chỉ có được tiền và y phục, chứ không tìm thấy kinh. Sư lại càng buồn khóc, đi quanh trên dưới bờ, trông thấy trên bãi đất nhỏ có một cái khăn, bảo người đến lấy xem, thì đó chính là kinh được các thứ cây cỏ nâng đỡ lên, khô ráo không một chỗ thấm ướt. Sư không ngăn nổi sự vui mừng, liền đem hai ngàn quan tiền đó thưởng tặng cho người giúp vớt tìm. Người ấy nói: “Pháp sư buồn khóc quá lắm, như chịu tang cha mẹ, cho nên tìm gấp, chẳng phải đệ tử tham tiền. Tuy là hạng người tầm thường nhưng cũng biết phước báo, nên xin sung đặt số tiền ấy vào việc trang nghiêm”. Nói xong liền trốn đi mất, Sư xoay lại muốn nói thì người ấy đã đi xa rồi. Sư bèn đến Thành đô để trang hoàng, dùng gỗ Đàn hương làm trục, bên ngoài mang đến pho và hộp, đem về trong Bồn tự thờ riêng ở một nơi. Đêm đêm có mùi hương lạ. Sư siêng năng trì tụng mỗi đêm một biến.

Bấy giờ, có Pháp sư Bưu đang giảng tại chùa đó, ban đêm muốn đến xem Sư đọc tụng, thường ganh ghét Sư náo loạn tâm mình, tự muốn sang xin Sư giảm bớt âm thanh, mới thấy trước mặt Sư có rất nhiều người đều quỳ thẳng chấp tay. Pháp sư Bưu bèn lùi lại, khắp nơi đổ mồ hôi, và liền dời chỗ ở. Về sau, Sư tịch lúc tám mươi tuổi.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu trụ chùa Chân Ngô ở Lam Cốc

Thích Tuệ Siêu, họ Thâm, người ở xứ Kiến Khương thuộc Đan Dương. Sư có bản chất ôn hòa rộng rãi, lập tánh hoài nhân.

Từ lúc còn nhỏ, Sư đã nhàm chán thế tục. Sau khi xuất gia, Sư chuyên đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Nghe Thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô thuộc Quang Châu là người đã tỏ ngộ Nhất Thừa, khéo thông hiểu ba Quán, nên Sư cùng với ngài Trí giả ở núi Thiên Thai và Mạng Công ở Tiên Thành dốc chí tìm sâu, qua nhiều năm cầu học, Sư có được hạnh nghiệp ưu việt, trí tuệ cao xa, đức trùm cả các bậc Hiền giả đương thời, nên ngài Tuệ Tư đối trước đại chúng bảo rằng: “Thần Phủ của Tuệ Siêu là người đặc Nhẫn!”. Đến lúc đi đến Hoàn lãnh, lại cùng đồng đường lưu lại tụng kinh. Sư dừng ở chông đời năm tháng. Từ đầu đời Tùy mở mang nghiệp định, từ phương Bắc Sư đến Tung Cao, chỉ ăn bánh bột thuốc, ngồi thiền, mong lời đến trọn đời già lão. Có Thái tử Dũng thỉnh mời nhóm họp các bậc danh đức đều tụ hội tại Đế thành, vì Sư là người có hạnh nghiệp cao vượt khác thường nên rất được đặc biệt lưu tâm cúng dường. Mà Sư cẩn trọng ngưng nhiếp, chẳng đoái hoài đến vinh hoa ở đời. Đến lúc Thái tử Dũng bị phế miễn, Sư không một liên can gì.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Định Thủy, cao bày đức âm, nên các hàng đạo tục đều quy về kính ngưỡng giới Phạm của Sư. Pháp Sư Tịnh Nghiệp dự định trụ chùa Chân Ngô ở Lam Cốc kính trọng Sư có đạo hạnh nên đích thân đến đón rước, cùng ẩn cư suốt tám năm, Sư càng chuyên cần gấp bội về ba tuệ. Đến niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, chùa Đại Thiên Định bắt đầu xây dựng Vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn phát chiếu thư thỉnh Sư vào hành đạo, Sư từng lấy cỏ châm kim đá để chữa bệnh mà từ chối. Sau đó, Vua chấp thuận để Sư trở về núi. Đức hạnh Sư cảm đến chúng sinh, rất còn cấp dẫn, các hàng quý vọng ở Tứ Xuyên, Quan dân cả huyện không ai chẳng đầu thành thỉnh Sư lưu truyền hương đức, đồng thời làm Già-lam Kinh Thi kế tiếp hợp dâng gạo thóc. Đến đầu thời Tiền Đường, sự vẻ vang của Sư càng hơn trước, nên các bậc danh tăng ở Kinh Ấp như Sa-môn Tuệ Nhân, Bảo Cung, v.v... tâm kính mến đều đến nương nấu, dưới bóng thông che nằm nghiêng trên đá luận bàn về Đạo nghĩa. Các vị đều nói: “Đây mới thật là Pháp Lạc xuất yếu!”. Về sau, Sư bị bệnh một thời gian ngắn. Các Đệ tử quỳ hỏi, Sư đáp: “Tôi vẫn thường, sống lâu không mừng, tôi chết chẳng lo!”. Bèn xoay mặt về hướng Tây, ngồi ngay ngắn, bảo rằng: “Đệ nhất nghĩa không, thanh tịnh Trí Quán”. Nói như nhập Định, giây lâu thì Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi. Lúc đó nhằm ngày mùng sáu tháng mười hai niên hiệu Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường.

Để nhục thân Sư giữa khoảng thông đá hơn một tháng, mà sắc da không biến đổi. Thiên Sách Thượng Tướng nghe thế, khen ngợi ít có, và sai phái người đến xem, thấy Sư ngồi thẳng khoanh tay như lúc còn sống. Từ năm chín tuổi, Sư vào đạo, liền trì tụng Kinh Pháp Hoa suốt hơn năm mươi năm tất cả có hơn vạn biến, cảm ứng linh dị, có được các điềm lành không thể nói hết. Các đệ tử của Sư như Sa-môn Pháp Thành, v.v... xây tháp trắng trên núi ở phía bắc chùa.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Tuệ Hiện trụ chùa núi Đạt-noa ở nước Bách-tế

Thích Tuệ Hiện, là người nước Bách-tế, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư khổ tâm tinh chuyên, lấy việc trì tụng Kinh Pháp Hoa làm chánh nghiệp, cầu phước thỉnh nguyện có lắm điều thành đạt. Nghe có nơi giảng tam luận Sư bèn theo thọ học, giáo pháp vừa nhập thần thì càng thêm đầu mối.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Tu Đức ở miền Bắc của bốn Quốc. Lúc có chúng đông thì giảng, không có chúng thì trì tụng. Mọi người khắp bốn phương xa nghe đạo phong của Sư kéo nhau đến núi thưa hỏi tiếp nhận. Sư bèn đến phương Nam ở núi Đạt-noa. Núi đó rất sâu hiểm, nhiều lớp xoắn quanh lên đánh vững chắc. Giả sử có ai đến leo lên cũng lắm gian nguy. Sư tĩnh tọa trong đó, chuyên nghiệp như cũ, sau Sư thị tịch tại đó. Các bạn đồng học rước nhục thân Sư đến đặt trong hang đá, hồ đến gặm ăn hết cả thân cốt. Chỉ lưu lại đầu lâu và chiếc lưới, trải qua ba năm chiếc lưới ấy càng đỏ hồng mềm mại, về sau mới biến đổi sắc da màu tím như đá. Các hàng Đạo tục lấy làm lạ mà kính trọng, bèn đem tôn trí bít lại trong tháp đá.

Sư thị tịch năm năm mươi tám tuổi, nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiên Đường.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu

Thích Đạo Tích, là người đất Thục trụ chùa Phước Thành ở Ích Châu. Sư tụng đọc thông suốt Kinh Niết-bàn, lúc bình thường, Sư lấy đó làm hạnh nghiệp thường.

Hễ lúc nào giảng dạy thì trước tiên, Sư tắm gội thân mình đắp mặc pháp y thanh tịnh, lên pháp tòa rồi mới mở bày. Sư lập tánh trầm lắng tư duy, chuyên làm việc nhân từ. Những nơi có các thứ bệnh tật dịch lệ thối tha, hơi khí ấy lại bốc nồng, mọi người đều bịt mũi, mà Sư cùng gần gũi để cung cấp chăm sóc, thân tâm không hai. Hoặc sử dụng ăn mặc chung với họ, hoặc vì đắp vá tẩy rửa. Lúc có người hỏi, Sư đáp: “Thanh tịnh hay dơ bẩn đều do

tâm ưa ghét, tôi đâu một niệm thân lự ư? Phải nương cậy đó mà đào luyện”. Mọi người đều kính mến việc làm của Sư mà bệnh hoạn chẳng hề xâm nhập vào Sư.

Đến tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước thành, thọ hơn bảy mươi tuổi. Bấy giờ, đang lúc mùa Hạ nóng đốt mà nhục thân Sư không thối rữa, lưu lại cả trăm ngày mà vẫn ngồi kiết già như lúc ban đầu, mọi người đều khen ngợi kính ngưỡng, bèn đến sơn phết. Sinh tâm cung kính từ Ba thực đến Kinh áp, chur tăng thọ trì Kinh Niết-bàn, số ấy chẳng ít.

Lại có Sa-môn Hồng Viễn, Tăng Ân đều là những vị trì tụng Kinh Niết-bàn, mà các hàng đạo tục đều quy hướng. Ngài Hồng Viễn chí chuộng thuần ân, tâm tình xả bỏ tất cả lợi danh, được cử vào chùa Hội Xương, cung cấp lễ trọng. Ngài Tăng Ân đạo tâm thanh tịnh trang nghiêm, tạo thành tiết tháo làm rung động lòng người. Cả hai chùa Hoằng Phước và Thiên Định đều tôn sùng đức hạnh của Sư. Mà ngài nhún mình tự xử, các hàng thế tục ít biết.

Bấy giờ, tại chùa Hoằng Phước cũng có Sa-môn Trí Hoa, Sư vốn giòng họ ở Giang Biều, dưới đời Tùy được mời vào. Sư rất ưa thích Kinh Pháp Hoa, Trần thường sao viết. Các vật ngoại lợi có được, Sư đều dùng bố thí cho mọi người. Trước sau, Sư xuất ra có hơn hai ngàn bộ kinh. Thân Sư tự cố gắng mỗi ngày viết chép năm trang giấy. Đến tuổi già yếu, hạnh nghiệp ấy Sư vẫn không biếng trễ. Hiện nay, Sư đảm nhiệm tất cả công việc chùa, lại càng siêng năng hạnh nghiệp thường ấy, nay Sư đã hơn bảy mươi tuổi.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Bảo Quỳnh trụ chùa Phước thọ ở Ích Châu

Thích Bảo Quỳnh, họ Mã, người ở xứ Miên Trúc thuộc Ích Châu. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, thanh bạch kiệm ước. Sư đọc tụng Kinh Đại Phẩm cứ hai ngày một biến, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Sư đến khắp ấp lạc, không có phương thuật gì khác, chỉ khuyên mọi người quy hướng tôn kính Phật Pháp.

Về sau, Sư dời đến trụ chùa Phước Thọ ở Châu Trì, dẫn khuyên khắp thành quách, xóm ấp làm đầu. Sư thường kết mỗi ấp ba mươi người, cùng nhau hợp tụng Kinh Đại phẩm mỗi người một quyển. Mỗi tháng thiết trai một lần nhóm họp tất cả, mọi người đều y theo thứ lớp mà tụng, như thế tại Nghĩa ấp mới đủ ngàn kệ. Khắp bốn phương xa mọi người nghe thế đều đến tham dự. Sư nhân cơ duyên mà trao truyền khai hóa. Nhìn đạo phong của Sư, không ai chẳng kính phục. Nhưng Sư nhún mình, tự giữ trước người sau mình, kính

hành bút chợ, mọi người dưới đường đều tránh né. Nói hỏi đối đáp, lời lẽ vui vẻ khiêm kính, đó là thật lượng, chẳng dua nịnh theo thời.

Bốn ấp của Sư giáp với các huyện Thập Phương, v.v... đều là Đạo Dân (tín đồ của Đạo giáo) chẳng kính tin Phật Pháp, Chư tăng có đến nương nhờ, đều không dung chứa ban thí, đến nỗi khiến mọi người già trẻ đối với tôn tượng Sa-môn mà không nhận biết thì có rất nhiều. Sư tuy là người thuộc xứ ấy nhưng vì tập tục khó thay đổi, có nhọc khai ngộ cũng khó thọ nhận. Các dòng tộc họ Lý mở các Đạo Hội thỉnh Sư đến tham dự. Sư đến đã sau, lại không kính lễ mà ngồi. Mọi người đều cho rằng: “Sư kính lễ Thiên tôn tức là trái pháp”. Sư bảo: “Đạo tà chánh có khác, nên sự kính trọng mỗi đạo cũng có khác. Đối với Trời tôi còn không lễ bái, huống gì là Lão Quân”. Mọi người bàn luận lằng xằng rất đối xem thường. Sư bảo: “Tôi lễ bái người chẳng đáng lễ bái, sợ chuốc lấy điều nhục”. Sư bèn lễ một bái, Đạo tượng và tòa đều lay động không an. Lại lễ thêm một bái, tòa liền sụp đổ xuống đất. Đạo dân thấy vậy là do gió thổi mạnh và sửa lại ngay ngắn. Sư bảo: “Đó là do tôi làm, chớ oán trách gió”. Lúc đầu mọi người chưa tin, khi đã đặt lại ngay ngắn, Sư lại lễ bái, cũng đổ ngã tất cả như trước. Cả chúng đều kính sợ, chấp tay lễ kính Sư, cùng một lúc xoay chuyển niềm tin, theo thọ quy giới. Các Đạo Đẳng ở huyện lân cận đều khen ngợi, đều kính tin Phật pháp. Bảy giờ, đã mở đầu khai hóa Phật giáo, mọi người đều thọ giới Bồ-tát. Huyện Lệnh Cao Đạt vốn có tâm thành kính, nhân phong hóa ấy mà mở mang Phật Pháp dẫn dắt mọi người. Lại đến các chùa trong châu thỉnh mời Chư tăng giảng dạy. Khắp vùng đều đượm Pháp vị, từ đó phát triển lớn mạnh.

Đến niên hiệu trình Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Sư ở.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Thiện Tuệ trụ chùa Tân Lương ở Ly Sơn

Thích Thiện Tuệ, họ Tuân, người ở đất ôn thuộc Hà Nội. Sư thông hiểu nhiều thứ sách vở, bao gồm tất cả Văn nghĩa, cho đến cửu chương Luật lịch, thất diệu doanh hư, Sư đều nắm lòng, chỉ lòng bàn tay phù hợp. Sư bèn tư duy sâu xa, tất cả mọi việc, ở đời cuối cùng đều rơi vào hoại diệt, bèn cởi bỏ áo đẹp, đồ trang sức, bắt đầu quy hướng Chư tăng.

Lúc đầu, Sư trụ chùa Bành Thành ở Trừ Châu, tụng đọc Kinh Pháp Hoa, học Luận Nhiếp Đại Thừa. Bảy giờ, gặp lúc giặc cướp lan tràn, đói kém hoành hành, nhưng Sư ân giữ sự đói khổ, tự cố gắng thanh tịnh, càng sáng sủa hơn ngày thường. Nhưng vì thôn ấp ở nơi biên địa, ít học chữ nghĩa, còn như âm cô mà mọi người luận bàn rối rắm. Tuy là tục ngữ thì thông mà ý Sư lại nhã chánh. Thưa hỏi khắp các bậc thông minh tỏ ngộ thì lại đồng với nghi xưa.

Nên khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư mang tích trượng theo đi về hướng Tây, gặp phải bọn cướp lấy xiêm y sắp hết, Sư chỉ còn chiếc áo vải bố thô xấu để che mắt, vẫn ôm bình bát bị bể, thường sung vào vật tịnh để thọ dụng. Đã đến cửa quan ải, vốn thiếu dấu hiệu văn, Sư bèn giữ chánh niệm bước thẳng tới, đi theo cửa. Bấy giờ, trong ngoài đều sắp bày mũi nhọn, không hề ngăn dừng.

Vào đầu tháng mười, Sư đến kinh đô, gặp lúc Sa-môn Cát Tạng đang giảng Kinh Pháp Hoa, rất xứng hợp với bốn đồ, Sư bèn nương tựa nghe học. Hình phục Sư đều rách xấu, mọi người đều không nhận, Sư bèn quét dọn đất, chỉ mặc quần đơn để ngồi. Đô giảng vừa xướng, Sư lắng nghe từ cú, phỏng định về văn Kinh. Ngài Cát Tạng đã nêu lên, tâm Sư mạnh mẽ tiếp nhận yêu chỉ, mong thông lý nghĩa, do tình còn hai được, chẳng rảnh chịu lạnh, vui cười hớn hở như mua được vật báu. Đến hết mùa đông, Sư vẫn thường như thế. Đại chúng bèn khen ngợi, hỏi về văn từ yêu chỉ, Sư không quên sót một mảy may. Sư nghe Pháp đông thuộc chùa Thiên Định, Sa-môn pháp hỷ cởi áo đón đón rước dẫn đến trong phòng. Trí quán không lạm, Sư lại cùng ngài Pháp Hỷ, hai vị cùng nêu bày khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức thời Tiên Đường, Sư đến trụ chùa Tân Lương ở Lam Điền, phong tục ở đó vốn Ly Nhung, chống trái lẫn nhau, Sư bèn dẫn giúp đào luyện chuyển hóa, trong mười nhà có hết chín nhà. Nhưng tánh Sư mến thích anh hiền, ưa thích kéo đến, từ hướng tây đến hướng đông có hơn trăm dặm, các chốn núi rừng có tiếng tăm, vùng đất có thắng cảnh đều xây dựng Thiên phường. Do đó mà những người trốn lánh đều nương tựa đó mà an ở.

Đến tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại tinh xá Lương Tuyền thuộc phía Nam Ly Sơn, thọ bốn mươi chín tuổi. Mới đầu, Sư ném bỏ sách vở thế tục, tới chỗ khuôn phép này, nói năng chẳng lập lại, chuyên tâm với đạo nghiệp, ít nói giảm ăn, giữ luật, nhớ Nhân, đón rước lễ khách, nhã trọng kinh giáo, Sư không hề hầu thăm, cần tâm gàn xết, như gặp hạnh yếu, nhiều ngày trì tụng để làm nền tảng của huân tập.

Bấy giờ, tại Thái Nguyên có Sa-môn Tuệ Đạt cũng tụng Kinh Pháp Hoa hơn năm ngàn biến, oai nghi cử chỉ âm thanh không ngưng nghỉ. Riêng bảo tồn vật mạng, đi thẳng nhìn xuống, nếu dưới đất có các loài sâu trùng thì Sư lánh mình tránh né. Không dám giẫm đạp qua. Nếu có người hỏi, Sư đáp rằng: “Các chúng sinh ấy cùng với tôi sinh tử bất định, nếu không trước thành Chánh giác, thì đâu thể vọng khinh thường?” Đến tháng bốn mươi Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiên Đường, Sư ngồi kiết già thị tịch. Mọi người

cho rằng Sư đang nhập định, bèn để yên trải qua năm đêm, dường như Sư đã thị tịch, lại chẳng thối rửa, bèn tôn trí trong hạng.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Pháp Thành trụ chùa Chân Ngộ ở núi Chung Nam

Thích Pháp Thành, họ Phiên, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Từ thuở nhỏ, Sư xuất gia nương tựa chùa Vương Hiệu ở Lam Điền, thờ Sa-môn Tăng Hòa làm thầy. Ngài Tăng Hòa là người rất được mọi người trong hương tộc kính trọng, phụng thờ như bậc Thánh. Từng có người muốn hại, ban đêm đến phòng Sư, thấy phía trong cửa có lửa mạnh cháy sáng lên trên màn trướng, liền rút lui. Tánh ngài Tăng Hòa thích uống nước suối trong thanh khiết, có người đùa bỡn đem xương Dê ngâm trong nước, ngài vốn không biết nôn uống vào liền bị ói. Đó là thâm cảm nhận biết là như thế.

Sư vâng theo sự dạy răn, siêng gắng đọc tụng Kinh Pháp Hoa làm việc thường. Sư lại đến bái yết Thiền sư Tướng ở chùa Thiên Lâm, học về Định hạnh, Đức của Sư lớn tốt, mọi người đương thời đều tôn kính, tu học lại ưu việt, đại chúng đều quy ngưỡng. Về sau, Sư đến trụ chùa Vân Hoa làm giềng mối chính lý tăng chúng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đòi Tỳ-kính trọng đức hạnh Sư, thỉnh vâng theo giới phạm, Sư bèn dâng biểu cố chối từ, buông lời kháng lễ, bèn mang tráp sách rong ruổi, đi khắp các Danh nhạc, tìm vết bạn ưu thắng, đều tiếp thừa chí đạo, nhân gặp được Siêu Công ẩn cư nơi sâu vắng, Sư bèn kết tâm mong nương gá ở Lam Cốc. Chỗ đất nhỏ hẹp, chỉ để được một chiếc giường, xoay chuyển kinh hành sợ nghiêng đổ xuống vực sâu. Sư bèn chẻ vết mở rừng, vạch mây gá cảnh, dùng cỏ tranh tu bổ rui cửa chỗ sơ, tình sự cùng nương nhau, an nhiên phù hợp. Nay gọi là chùa Chân Ngộ. Với Pháp Hoa Tam-muội, ngài dốc lòng phụng hành, gột rửa trong ngoài, ôn cùng sớm tối, Mộng Cảm Bồ-tát Phổ Hiền khuyên viết Đại giáo. Sư nói: “Đại giáo Đại thừa là trí tuệ của Chư Phật, đó chính là Bát-nhã”. Liên ngay đó, Sư nhập tịnh hành đạo. lại ban cho Tượng nhân viết tám bộ Bát-nhã. Đài hương trụ báu trang nghiêm thành tựu. Lại đến đánh núi rộng ở phía Nam chùa xây dựng giảng đường Hoa Nghiêm, phía hữu gần đến Tà Cốc, tuôn nhả mây mọc, nhìn xuống dưới là sấm sét, (Đạo Tuyên) tôi từng đi đến đó, thật là kỳ quan.

Sư lại dốc hết tinh chí viết chép thọ trì. Có Hoàng Văn Học Sĩ Trương Tĩnh là người đương thời gọi là “Bút Công” (thợ viết) ít có ai hơn được. Sư bèn mời đến phòng nhà ở núi, bảo thọ trì trai giới, khiết tịnh tự tu, miệng ngậm nước thơm, thân mặc y phục mới, nhưng Trương Tĩnh dường dài viết kinh, chưa đầy năm mươi một. Sư liệu sự thấy ấy, vừa mới viết được vài trang giấy, liền đáp trả cho đó năm trăm. Trương Tĩnh có được lợi của vật ấy nên

đốc sức ghi chép. Từ khi trọn Bộ hoàn thành đèn nay, Sư thường mỗi ngày đốt hương cúng dường. Ở trước bàn án ấy, trong khoảng giây lát, tâm duyên mắt trông nhìn, tất cả không sai sót, nên Sư khắc tâm chuyên chú. Bấy giờ, cảm có một con chim hình sắc khác lạ ít có ở đời bay vào trong phòng nhà bồi hồi cổ vũ, sà xuống bàn kinh, lại nhảy lên trên lò hương, Sư vẫn nhiếp tĩnh trụ quán, tự nhiên con chim thuần quen ở lại sau mới bay đi. Qua năm sau, kinh hoàn tất, nhân việc mừng vui, chim ấy lại bay đến thuần nhiều như trước kêu hót rõ ràng.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư tạo họa một ngàn pho tượng Phật, chim ấy lại bay đến đậu trên lưng người thợ, sau là thiết trai cúng dường kính mừng các kinh tượng. Đến giữa trưa hôm sau, lấy làm lạ vì chim không bay đến, Sư nhìn Sớm Sầm mà bảo rằng: “Chim đã không đến, Pháp Thành tôi không cảm, chẳng gồm các uế hạnh, đến nỗi có các điềm như thế”. Nói vừa xong, bỗng nhiên chim bay đến, xoay chuyển quanh, kêu hót trầm bổng, vào trong nước thơm nhảy nhót mà tắm, đến sau giờ ngộ, chim bèn bay đi. Trước sau có những việc như thế, chẳng thể ghi chép hết.

Sư vốn giỏi về bút mực, khắp cả Hương Khúc mọi người đều suy tôn như thế. Ở các nơi đường núi, vách hang đều khắc các bài kệ trong kinh, đều do nét bút của Sư. Sư tự tay viết chép kinh Pháp Hoa, đang để ở chỗ trống, vì có việc phải đi, chưa kịp gom cất. Gặp lúc mưa lớn tràn đầy sông ngòi khe rạch, bèn chạy đến xem mà cả bàn kinh đều khô, ngoài ra đều bị ngập nước. Sư từng nằm nghiêng trên cành thông, bị rơi xuống từ trên cao, chưa đến dưới khe nước, thì bắt chợt vướng vào bờ cao, không tổn hại một mảy lông.

Lại nữa, bên cạnh phường Thanh Nê có một khám thờ Phật đã cũ, bị lấp vùi dưới thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến nay vẫn chưa tìm được. Ban đêm, Sư mộng thấy ở xứ đó có tôn hình lớn. Sau khi tỉnh giấc Sư bèn đến khai phá, quả nhiên có được khám tượng cổ, vì trải qua năm tháng đã lâu nên đều bị hư hoại rách nát. Sư liền đến để sửa sang. Các hàng đạo tục đều ngợi khen. Đó đều là công phu của minh thuật, do chính Sư khai phát.

Vào những ngày cuối mùa hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư chợt bị bệnh, tự biết sẽ qua đời, nên Sư nguyện sinh về cung trời Đâu-suất. Bèn xin nước tắm rửa xong, lại xin chuẩn bị kiệu và ở cạnh bên tự xem xét, không cho làm rục rỡ quá. Vừa đến lúc minh tướng xuất hiện của ngày cuối tháng, tự nhiên vô cớ Sư bảo rằng: “Muốn đến cửa vào, tôi không rảnh để đàn ca”. Và trông nhìn lại vị thị giả, Sư bảo rằng: “Tôi nghe các hành đều Vô thường, sinh diệt không ngừng nghỉ. Vãng sinh chín phẩm sen vàng, lời ấy thật ứng nghiệm. Nay có Đồng tử đến đón rước đứng ngoài cửa đã lâu, nên tôi đi đây! Các ông, v.v... nên nghĩ nhớ Phật có

chánh giới, không được khuyết phạm, sau cùng sẽ ăn năn hối hận!”. Nói xong, từ miệng Sư phát ra ánh sáng chiếu soi khắp trong nhà. Lại có mùi thơm lạ thoảng đến. Chỉ thấy Sư ngồi thẳng an nhiên tư duy, bất chợt Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi.

Sự tụng tập của Sư chỉ trong một mùa hạ, với Kinh Pháp hoa tính ra có đến năm trăm biến, thời gian còn lại Sư đọc tụng gồm cả thực hành thì được hai biến. Giả sử như có khách đến cần phải nói chuyện thì trừ trong kinh Bộ ra, Sư không nói điều gì khác. Lược tính năng lực chuyên cần của Sư trong vòng mười năm thì có hơn vạn biến.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Không Tạng trụ chùa Hội Xương ở kinh đô

Thích Không Tạng, họ Vương, Tổ Tiên Sư ở xứ Tấn Dương, nay tức là Tân Phong thuộc Ung Châu. Lúc đầu, ngày mang thai, mẹ của Sư tự nhiên chẳng ăn các thứ rượu thịt, nếm thứ rau cay. Bảy giờ, cho là “Đồng Trần Thân Tử” nên thâm lấy làm lạ đó. Sau khi sinh ra Sư, linh giám ngày một tỏ bày, tình dụng cao xa, Sư đọc tụng kinh luận, tư duy chuyên cứu giúp.

Năm mười chín tuổi, Sư muốn xuất gia đồng như Phật, chỉ vì có một mình Sư, nên cha mẹ ngăn cản lưu giữ. Sư bèn đối trước cha, dùng thân tứ bố, suốt bảy ngày không đứng dậy. Cha mẹ lo sợ Sư tuyệt mạng mới đồng ý sở nguyện của Sư. Sư liền từ giã đi vào núi Phụ Nhi ở Lâm Điền, tự xuống tóc một mình. Lúc đầu, Sư mang theo sáu học mì để làm lương thực ăn trong một tháng. Mỗi ngày Sư ăn hai thăng mà suốt ba năm vẫn không hết. Sư từng cảm có Thần Đảnh tự nhiên hiện đến. Do đó, Sư càng tăng thêm công phu thiền tụng, sớm tối không ngưng nghỉ. Sau đó, Sư lại đến nương tựa Pháp sư Phán trụ chùa Long Trì. Sư kính trọng kinh luận, mỗi ngày tụng cả muôn lời, tính gồm tất cả trước sau có hơn ba trăm quyển. Với các thứ như Tam Luận, Kinh Niết-bàn, Sư tham cứu thấu cùng hang ổ.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì tiếng tăm Sư vang vọng, nên các hàng đạo tục ở các nơi xa đều nghe biết. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định. Đến lúc thời vận nhà Tiên Đường hưng thịnh, sùng hưng Pháp Vũ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) có ban sắc mời Sư đến phường Kim Thành, xây dựng chùa Hội Xương, và thỉnh mười tám vị Đại đức, Độ tăng xuất gia năm mươi vị, để dùng làm Trụ Trì. Vì Sư đức hạnh sớm tỏ bày, nên lại thỉnh Sư trụ ở đó, mọi sự cúng dường càng lớn lao rực rỡ so với thường độ. Nhưng tánh Sư ưa ở chốn núi sông, chí thích thoáng rộng. Mỗi năm, đến tháng hai, Sư đi khắp cùng rừng đồi. Đi đến Ngọc Tuyên, Sư bèn nghĩ muốn trọn đời ở đó. Sư dừng ở chỉ khoảng một năm, Chúng tăng lại nhóm họp như núi. Sư giảng dạy dẫn dắt, quên cả

mỗi mệt. Khai ngộ càng sâu rộng. Sau đó, bị hạn hán, các suối ở núi khô cạn, chúng tăng cả chùa đều than thở, Sư bèn dốc lòng cầu thỉnh, suối ấy liền có nước lại như cũ. Các hàng Đạo tục xa gần đều đổi sắc mặt cùng mừng vui. Sư lại gồm mở rộng tiết tháo như Nhạc Trĩ, khí cục tự xuyên thuần. Chẳng ưu nhiều bởi lợi danh, không nghĩ nhớ vì sủng nhục, cứu giúp các loài chẳng lược bỏ tác bóng. Sư bèn sao trích các câu văn cốt yếu trong các Kinh Đại thừa làm thành pho quyển, có riêng ba kinh, năm kinh, quyển bộ ba mươi, năm mươi, tất cả có được mười quyển. Mỗi lúc giảng khai rất nhiều thêm thành học. Văn và nghĩa đều trì, riêng không mê vọng. Đến lúc Hạ phân, Sư thường hành trì pháp sám Phương Đẳng. Ngàn Đức Phật ở kiếp Hiền mỗi ngày Sư lễ bái một biến, thường ngồi chẳng nằm suốt ba mươi năm, siêng năng chuyên chú khó thêm dấu vết.

Đến ngày mười hai tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hội Xương, thọ bảy mươi bốn tuổi. Di thân Sư an đặt bên cạnh chùa Long Trì, thân nhật di cốt, xây tháp cúng dường. Xét về sự đọc tụng dồi dào của Sư thật ít người được như thế. Xét về lâu cốt của Sư thì hai tai thông minh, trên đỉnh đầu có hai lỗ, vành mắt có lỗ, mỗi bên có ba, các đệ tử, v.v... truy tìm những gì đã qua, dựng lập Văn Bia trong chùa Hội Xương, do Kim lục Đại Phu vệ úy Khanh Vu Chí Ninh soạn lời văn.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thuyên trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô

Thích Tuệ Thuyên, họ Tiêu, là con anh trai của Đặc Tấn Tổng Công Võ hiện nay. Cha của Sư làm quan giữ chức Lương Công đời Tùy. Ông nội Sư tức là Vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương, tánh độ rộng rãi đơn giản, ý chí cao vời, người cô của Sư là Hoàng hậu của Vua Dương Đế (Dương quang 605-617) đời Tùy.

Từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành, Sư thường ở trong cung, mến mộ ưa thích thoát tục mà không biết nhờ đâu để được thành đạt. Đến năm hai mươi tuổi, Vua bèn chọn Tần Hiếu Vương Nữ để làm vợ Sư. Đó chẳng phải là ước nguyện của Sư, do sự việc chẳngặng nặng nên bấy giờ phải thực hành kết thành đôi lứa. Sau khi vợ qua đời Sư mới toại được tâm nguyện trước, lấy nhà họ Trịnh ở Đông Đô, để làm nơi xuống tóc. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư mới về lại kinh đô, trụ chùa Đại Trang Nghiêm, rộng nghe học các bộ, nhưng chỉ lấy Luận Nhiếp Đại Thừa làm tâm đắc. Sư rất ôn hoà thiên thập, giỏi về Thảo Lệ, hễ nét bút đặt để, đều lấy đó làm mẫu mực. Nên những lúc đề tựa kinh, Biện gạch chùa, mọi việc đều nhờ Sư. Anh của Sư làm chức Đông Cung Trung Xá, cũng là người rất được nêu

cử Văn tài, cả triều đình đều chăm chú, mỗi năm các mùa xuân thu cùng dẫn nhau đến chốn núi non, xúc cảnh hứng thú đề chương liền câu đồng vận. Lúc ấy là vắn nạn huynh đệ!

Lại có người em là Sa-môn Trí Chứng xuất gia ở chung, tức là con của Thái Phủ Khanh, anh của Sa-môn Tống Công. Qua sự tốt lành của Vinh vị, vui mừng nghĩ nhớ Đạo nghiệp, siêng năng tự theo thời khóa, không chọn sáng tối. Ngài Trí Chứng cùng người (Tức Tuệ Thuyên) lần lượt thị tịch. Vì gia đình đòi đòi tôn thờ Phật pháp siêng mở rộng Kinh Pháp Hoa. Đồng tộc trên dưới đều thành thực tụng đọc, cho nên sự mở mang Kinh Pháp Hoa của giòng họ Tiêu, các hàng Đạo tục đều khen ngợi rất dồi dào. Đặc Tấn soạn số, tất cả có hơn mười nhà, gặt hái thanh hoa, dùng cối lòng để uốn nắn, khắc thành số quyển thường tự giảng dạy. Có lúc thỉnh mời các bậc danh tăng ở kinh đô chỉ cho những vết lụy, hoặc nhóm họp thân thuộc tăng ni gần mấy mươi vị, tùy theo thời để cấp ban tứ sự không thiếu sót, cho nên chỗ đến của Phong lục chỉ còn cứu giúp. Thái Phủ tâm tình tốt lành, lấy việc đọc tụng làm đầu. Nên từ lúc còn sống đến khi qua đời đọc tụng đến vạn biến, thúc giục người sao chép tất cả có ngàn bộ. Mỗi ngày đến triều tham thì sai người mang kinh đến trước. đến nơi công sự có được chút rảnh rỗi, liền đọc tụng. Triều đình kính ngưỡng cho là chẳng ai bằng. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, tòa vị càng xa, nhưng người tiếp thừa thọ trì đọc tụng ở đời ít có được người như thế. Nên giòng họ Tiêu xứng đáng làm mẫu mực cho thiên hạ.

---o0o---

13- Truyện ngài Thích Di Tục ở Lễ Truyền thuộc Ung Châu

Thích Di Tục, không rõ Sư là người xứ nào. Khoảng đầu thời Tiền Đường, Sư đến ở nhà của Dương Lục ở làng Mỹ Tuyền, phía nam huyện Lễ Tuyền thuộc Ung Châu. Trần thường cúng dường thanh kiệm ít ham muốn, Sư chỉ tụng Kinh Pháp Hoa lấy làm chánh nghiệp. Ngày đêm nói nhau đến số cả ngàn biến.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh sắp thị tịch, Sư dặn dò người bạn là Sa-môn Tuệ Khuếch rằng: “Suốt thời gian qua tuy tụng kinh, trong ý mong có được linh nghiệm. Vì sống trong mộng tục tín hướng đến sự tốt lành, sau khi tôi chết, chẳng cần phải tâm liệm trong hòm rương, hãy để thi thể như vậy mà chôn, mười năm sau hãy phá ra, nếu chiếc lưỡi bị rã hoại thì biết là không thọ trì, nếu vẫn như lúc sống thì nên báo cho các hàng đạo tục xây dựng một ngôi tháp thờ để nêu bày cảm linh!”. Nói xong, Sư liền thị tịch. Bèn y theo lời Sư mà an táng. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, ngài Tuệ Khuếch cùng

những người có biết ngày trước đến chỗ mộ đào lên thì thân thịt đều tiêu tan, chỉ còn chiếc lưỡi không thối rữa. Các hàng sĩ nữ cả huyện đều cùng nhau kính ngưỡng truyền nhau, lưu tỏa việc trì tụng lại gấp bội hơn thường. Bèn làm hộp để tôn trí chiếc lưỡi đó, đưa đến sườn núi phía nam Cam Cốc, thuộc phía Bắc thôn Dương Lục, xây tháp gạch để phụng thờ, các hàng thức giả tôn nghiêm càng lớn mạnh, tin kính đọc tụng càng nhiều.

Lại có Sử Ha Đam ở thôn Sử, thuộc phía Nam Phước Thủy, làng Phong Cốc thuộc phía Tây Nam Kinh thành, từ thuở nhỏ ông luôn nghĩ nhớ niệm lành, thường đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hành trì hạnh An Lạc, từ nhĩn luôn ở trong tâm, chẳng cưỡi các loài súc vật. Lấy hư không làm tâm, danh đượm lệnh sử, qua lại Kinh Tinh. Vì tướng tụng tập sợ giữa đường gặp người quen biết. Nhân sự ấm lạnh, bèn phế bỏ việc tụng, nên sự hành trì của ông hẳn là nhỏ tắt, nơi tả đạo thấp khí vui vẻ đáng mặt duyên niệm nói nhau. Lúc đầu không hề bảo là mỗi mệ, đến lúc qua đời cảm có mùi hương lạ, bèn an táng. Sau đó, mười năm, người vợ của Sử-ha-đam) cũng qua đời, bèn mở thi thể ông ra thì chiếc lưỡi vẫn còn sáng sạch. Ngoài ra các thứ đều thối rữa, mới nêu bày an táng riêng.

Lại nữa, ở chùa Tùy Hoa thuộc Hoàng Châu có Sa-môn Huyền Tú, tánh tình cân trọng ôn hòa, khiêm cung là ý chí. Sư luôn đọc tụng Kinh Pháp Hoa và có cảm điềm lành. Nhưng chưa lấy đó làm lạ. Bấy giờ, gặp lúc nắng nóng, đồng bạn của Sư tìm đến chỗ mát, bèn sai người mời Sư đến muốn cùng nói cười. Khi người ấy đã đến trước phòng Sư, chỉ thấy vũ vệ nghiêm túc, người ngựa cao lớn, người ấy khiếp sợ mà lui báo, mọi người đến xem thì thấy vẫn như trước không khác. Chuyển đến cửa sau thì chúng ấy càng đông, nhìn lên hư không thì bít lập không chút khoảng trống, phần nhiều là cưỡi voi ngựa, tạp loại quý thần, mới biết là Sư có đượm sự cảm thông, bèn đặt để rồi lui. Sáng hôm sau hồ thên đến sám hối. Bạn theo bèn dứt bật. Sư bèn chuyên theo hạnh nghiệp ấy. Đến cuối đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa.

---o0o---

14- Truyện ngài Thích Bảo Tướng trụ chùa La Hán ở kinh đô

Thích Bảo Tướng, họ Mã, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm mười chín tuổi, Sư xuất gia, trong trắng trình thuần, gá đức, trụ chùa La-hán, chuyên nghe giảng Luận Nhiếp Đại Thừa, tư duy sâu xa về vọng thức khó nhiếp phục, không lúc nào chẳng râm rĩ. Đến lúc Sư vào Thiên phường, chuyên tu hạnh đầu-đà để tự lắng tĩnh. Mỗi ngày sáu thời lễ sám suốt hơn bốn mươi năm. Ban đêm tự đốc chí với thời khóa trì tụng Kinh A-di-đà bảy biến, xưng niệm danh hiệu Phật sáu muôn biến. Ban ngày thì đọc Kinh tạng, không lúc nào tạm bỏ. Về sau, Sư chuyên đọc Kinh Niết-bàn có

đến một ngàn tám mươi biến và tụng cả Kinh Kim Cương Bát-nhã cho đến trọn đời. Thân Sư không hề có chút bệnh nào, khỏe mạnh hợp tập, ăn đồ mặc thô, thì thứ gì ăn được cũng dùng, tình Sư không sợ khổ nhọc, lại chí thường chuyên chánh nghiệp, chí thành chăm chú suốt đêm ngày. Chấy rận bò khắp nơi thân còn không rảnh để bắt. Gặp lúc hoạn nạn sắp cùng cực, Sư vẫn niệm tụng không bỏ. Khắc định đến kỳ hạn lớn, Sư căn dặn các hàng Đạo tục lấy việc niệm Phật làm đầu, tướng tốt Tây phương chờ đợi, chớ sống luống uổng qua ngày. Lại căn dặn nên thiêu đốt nhục thân Sư, chớ nhọc làm bia minh mộ tháp theo bụi trần dong tục. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi hai hạ lạc. Sư không chứa để một chút tài vật, chẳng nhọc tăng pháp.

Lại nữa, ở cùng chùa có Sa-môn Pháp Đạt, do sự chân thực thuần tố mà được tôn xưng, mọi sự cúng dâng đều dùng vào việc viết chép Kinh Hoa Nghiêm, tám bộ Kinh Bát-nhã. Sư đốt hương tụng đọc tụng hơn một trăm biến. Lúc còn sống Sư thường thanh khiết, chẳng nuôi dưỡng môn nhân, một mình tự vui vẻ, ăn không gì ngoài cơm gạo. Đó cũng là bậc Cao sĩ khinh thanh. Năm bảy mươi tuổi, Sư bèn tặng các kinh thường tụng đọc cho các bạn Đồng hành. Chỉ bung theo một Bộ Thắng Thiên Vương để làm sống trọn tuổi già, xả bỏ công danh, tìm đến nơi mây rắng trong núi non, bít duyên tiền đưa sự chết, trải qua bốn năm Sư bèn thị tịch tại núi ấy.

Trên đều là những truyện chính mắt trông thấy. Hơn nữa, những truyện đọc tụng được chứng cảm số ấy rất nhiều, nhưng đều có ghi truyện riêng, nên chẳng thuật lại hết, chỉ nêu dẫn vài điều, để chỉ bày ánh sáng tiếp nối.

Luận rằng: Hễ lấy đọc tụng làm hạnh nghiệp, chuyên nghiên cứu bốn văn. Kinh khen ngợi giảng nói hạnh, cốt yếu trước phải thọ trì đọc tụng. Vì sao? Vì do ngu thức chưa rạch ròi, nên phải nương gá Văn trì. Tre núi chưa chặt, làm sao tiếng Phụng rõ bày? Nghĩa đáng mới lên, vừa xuống tóc thì phải xem thông, hái chức kinh vĩ, tìm tận cùng danh lý, nghi ngụy tạp lục, đơn kép xuất sinh, xem khắp trước mắt, thuyên phẩm người đời. Sau đó, cần ước pháp cú, tụng trần tâm thần, nói rộng về duyên bốn, dùng sơ qua mê kết, bèn có thể xuyên suốt cội cành, xua tan nghi trệ để thông hóa, gồm lược huyền chỉ, nương gá sự dùng để trừng trị. Nên trong kinh có nói rằng: “Thọ trì, đọc tụng, viết chép, giảng nói đúng như Pháp tu hành. Đó thật là sự rắn dạy. Ở đời phần nhiều biếng nhác học hỏi, ngu chấp bị bít lấp, lấy tìm lý làm các Kiến chấp, bị Văn rộng làm chướng Đạo, nên Điều-đạt, Thiện Tinh rộng thông dồi dào chưa thoát khỏi đọa lạc địa ngục Nê-lê. Bàn đặc mỏng nhạt ít bị trói buộc, chuộng tham dự ở trung Thánh. Phàm những nghị bàn ấy, chưa thành Thông luận. Sư dậy khởi của chướng Đạo, khởi lên ở tâm hành. Đạo ở nơi không vương mắc, vương mắc là Chướng Đạo, làm sao có học rộng làm

chương Đạo? Nghe vốn là giải thích, bít gá không thực hành, ấy chính là dính mắc ngón tay mà quên mặt trăng, thật là trái với pháp xuất yếu vậy. Do đó, những người tâm thường ngay nơi một kẻ, không ai chẳng học, đã chưa công phu nên tùy lời mà chấp trước kinh Luật Luận, ngay đời sống này chưa từng đượm nhuần. Hoặc vọng phát tâm, thề chẳng cầm kinh sách. Như thấy người học giáo lý thì tự cho đó là văn tự, nên khiến nước Mạn che lấp tâm. Bệnh mù lòa ai trừ? Cho đến như quyết đoán Thiên tự, phân biệt chân nguy, xưa nay chưa biết, sự việc còn hơn cả điếc mù. Đã xấu hổ đến hỏi, trở lại khai mở làm sao trình bày? Bèn ngay Duy tâm ức đoán, chìm nổi, không chuẩn định. Bên cạnh vì người mở, sao gấp như trước. lại có người chỉ đọc qua loa vài pho quyển, lược tụng vài chương ngắn, bèn cho là dừng đủ, trọn tuyệt mừng trọn. Bèn dẫn các Kinh như Đại Tập, Pháp hạnh, Tỳ-kheo Thập-trụ, chẳng quý đọc nhiều. Trộm cho rằng giáo môn rộng lớn để đối trị trần lao, thuốc bệnh còn ném bỏ, đầu nhọc chữa để cho nhiều. Mục đích lập ra Tạng bộ là vâng giữ, nghe mà không y cứ, xét lường chẳng phải một. Nay, tư tưởng điên đảo như cỏ lan tràn, Mạn Ngã như núi đứng sừng sững. Cần giúp đọc xem rộng, thấy có khả năng rộng trị, tùy cảnh lưu quán, mục đích là dứt bỏ gốc vướng mắc. Chỉ vì nhận thức mờ tối chưa nảy mầm, tập huân giải đãi kết cấu, xứng tình mờ tối đảo điên, trái phước thành tội. Cho nên ở Trung Quốc thấy ghi quyển chỉ có sáu ngàn, còn sợ chẳng mong đủ bít lấp mê. Đầu luận bàn ở Thiên trúc Di Điền long tàng hiện Kinh. Dám mướn mộ trộm cầu thông xem nghe như biển, phải có khả năng truy tìm công phu. Khởi quán còn không rảnh tìm rộng, phải nhổ bỏ vòng khổ mới nghe được làm trang sức. Đó là trang nghiêm đạo luận tuệ giải dần dần. Chẳng đợi đề nén hay nâng bốc, tự nhiên hiểu lý. Lại có người quanh co, nịnh hót lời Phật, giả dối học Luận, bèn nói “Luận làm Tiểu Thánh, nói lời ẩn mật, khắc thuận phác tán, đạo vị đã lia, nên ta tụng trì không có tâm ngộ nhập”. Lời đó là thế nào u? Vọng có xuyên tạc, vốn là, Chư Phật nói Pháp, vốn chỉ có Đạo, tiếp phó Phạm tiểu, phương tiện nương quyền, Quyền Đạo lấm mru, tùy cơ mà hiện. Hoặc dùng tiếng tăm ánh sáng mà chuyển động, hoặc dùng oai dung mà cổ xúy. Pháp và thí loạn nêu, duyên sự cùng mở khai. Lấy sự ngộ đạt làm lời gốc, lấy sự quên nôm làm được ý. Chỉ vì cách Thánh lâu xa, thời vận tiếp nhận trôi nổi, chỉ quý báu văn từ, ít hội thông u chỉ. Do đó, các Thánh Đại tiểu buồn xót Đại Đạo sắp băng hoại, nên rộng thâm thập Liễu Nghĩa soạn thuật Minh luận, lấy làm Thông giáo. Nên trong Văn có nói rằng: “Tùy theo lời tiếng mà chấp nghĩa có năm lỗi, đó là: phỉ báng Phật, khinh thường Pháp, lừa dối người, lui sụt niềm tin”. Lời ấy rất! Chẳng lường xét thần phủ của chính mình mà liền so sánh với Thành giáo. Sánh với Phật mà xem thường Hiền Thánh. Ghét thương do đó mà sinh khởi. Than ôi! Các Bạn Pháp làm sao tỏ rõ! Và lại, Hạ ốc chẳng tan bởi gỗ quý ấy làm thành. Đại trí

đâu phải ngu tình cầu kết nên? Phải thông ngay nơi chỗ vướng mắc, phải tỏ ngộ từ chỗ mê lầm. Nếu không như thế thì bậc Chí Thánh do đâu mà khởi bi, hàng Chánh Sĩ do đâu mà thông hóa? Sự việc tiếp nối duyên nơi Bản Kỳ, nên chẳng rộng bày.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 28 hết.

---o0o---

QUYỂN 29

CHƯƠNG IX: HÙNG PHƯỚC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương
- 2/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu đời Bắc Chu (Tăng Hộ)
- 3/ Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Báo Bồ ở núi Thiên Thai, đời Tùy
- 4/ Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chân Hương ở Miên Châu, thời Tiền Đường
- 5/ Truyện ngài Thích Trú Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu, thời Tiền Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Thiện Nhân)
- 7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, thời Tiền Đường
- 8/ Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường (Tĩnh Mặc, Đàm Hiến)
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa núi Ngưu đầu ở Tử Châu, thời Tiền Đường
- 11/ Truyện ngài Thích Tuệ Chân trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu, thời Tiền Đường
- 12/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoảng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.

---o0o---

01- Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương

Thích Minh Đạt, họ Khương. Tổ Tiên Sư vốn ở nước Khương Cư. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nghiêm trì trai giới. Lúc đầu, thọ mười giới Sa-di, Sư giữ giới năm căn. Đến lúc thọ giới cụ túc, hạnh nghiệp Sư càng cao vợi, hông chẳng dính chiếu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Bên ngoài, hình nghi phép tắc, bên trong xây dựng Đạo nhân. Rộng cứu giúp lấy làm nổi lòng, du hành là việc chuyên.

Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên giám (502) thời Nam Lương, từ Tây Nhung, Sư đến Ích Châu. Bấy giờ, Ba Hạp loan di, cổ xúy đi bắt cướp, khắp các châu quận nêu binh định kỳ hạn đánh giết. Sư thương xót sự khổ ấy, ý muốn cứu giúp, bèn một mình đến nơi chỗ giặc, lên trên bờ lũy, ủy dụ vờ dẫn, chưa quen tình ấy, bỗng chốc gió mưa tối mịt, sấm sét vang động. Bọn giặc kinh hãi, lo sợ ai cầu. Sư bèn dạy phải thả đủ ngàn cây đèn, chỉ thành khăn cầu vớ Tam Bảo. Sấm tạc đầy đủ, bụi mù tăm tối đều tiêu tan hết. Núi đẫm thông khí, đất trời mở sáng, tự nhiên ngóng mong nước nhà đều theo Vương hoá. Đụi mang bày chằm thốt dâng người rảo trước. Đồ ấy đều sung vào Đâm, khiến sông nước đường xá sạch sẽ, qua lại không trở ngại. Bình oai chẳng bày mà muôn dặm thần nhiên. Đó đều là do năng lực của Sư! Sau đó, nhân có việc, ngài đi đến vắn trung, giữa đường gặp người trói con heo con dưới đất, nó nói tiếng người rằng: “Xin Thượng Thánh cứu tôi!”. Sư bèn cỡi y phục chuộc nó mà thả. Có lần vào đêm, Sư đòi lấy nước rửa chân. Đệ tử y theo lời Sư bảo mà bùn dơ không sạchhết, lại dùng nước nóng để rửa, vẫn như trước không sạch. Sư bèn tự lấy nước rưới lên, chân ngài liền sạch. Sư bảo: “Đó là mỡ cá”. Nhưng không biết từ đâu mà dính vào chân Sư như vậy.

Sư đi đến núi Ngưu Đầu ở Tử Châu, muốn xây tháp và lập tịnh xá, chẳng phỏng hỏi gỗ đá, thẳng tìm công thợ. Các hàng Đạo tục thấy đều lấy làm lạ lời nói ấy. Bấy giờ, đang lúc tháng hai, nước khô cạn, Sư bèn xuống tìm trong nước được một cây gỗ dài, chánh có thể làm trụ cột chùa, chiều dài vừa hợp độ, đều dùng làm vui mừng. Sư bèn chỉ dẫn xây dựng. Đến tháng tư, nước ở sông Bồi lớn tràn, cây gỗ trôi nghệt sông, tự tấp vào bờ của làng, đều không trôi đi. Sư bèn dẫn hợp các hàng tăng tục tiếp đến vớt lấy, ngang dọc chất đầy núi, bắt đầu xây dựng sửa sang phòng nhà, làm giá tháp cao chín tầng, xa gần đều giúp sức, đồng một lúc mà tu tạo, làm chẳng vượt quá thời gian, không bao lâu đã thành tựu. Tự thân Sư thường mặc áo lót, ba pháp y đều là vải bố thô xấu, nếu bị rách thì liền vá đắp, bất kể nóng lạnh, không hề đổi thay. Có một lúc, Sư đang nhập định nơi giường dây, bỗng nhiên hùng hực lửa cháy, đại chúng bèn đến muốn dập tắt, nhưng chỉ cảm thấy mát mẻ.

Có Sa-môn Tăng Cứu bị bệnh co quắp chân tay đã nhiều năm, đến xin Sư cứu chữa. Sư bèn trao cho chiếc gậy và bảo đi. Chưa dờn tắc bóng tự nhiên ngài Tăng Cứu đi bộ mà trở về. Đó thật là do âm đức của Sư hiển bày cứu giúp, công phu thật chẳng thể lường biết được. Đại loại như thế có rất nhiều! Lại nữa, lúc đang Bồ-tát, thân Sư ngồi ở trước chúng, nhân có kẻ trộm đục tường vào mang vác đồ vật, khi ra được bên ngoài liền mê muội không biết phương hướng, đành trở lại chùa. Sư liền chỉ bảo cho rồi bảo đi. Nên Sư hành hóa ở các xứ Sở Thục, đức Sư đượm phục như gió thổi dè ngã rạp. Nên khiến dân chúng ở Tam Thục, hoặc có người bung lò hương mà cầu thỉnh cúng dường, hoặc có người rải hoa trái y phục dưới đất để Sư bước đi, hoặc có người xả tục quy hướng sám tội, hoặc có người cắt tóc xuất gia theo học giáo pháp. Ngày này sang năm nọ, tính gồm thật không thể ghi hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ mười lăm (516) thời Nam Lương, Tùy Thi Hưng Vương về lại Kinh Châu. Tháng mười hai năm đó, Sư thị tịch tại Giang Lăng, thọ năm mươi lăm tuổi. Sư có được thân cao tám thước, dung thức kỳ vĩ. Sư mở mang luật huấn cho đến giảng tụng, chợt ngâm đọc sách tục để khai ngộ hôn thức, giải thích rõ ràng về tội phước, không đợi tìm đến, nên rõ ràng đại lược mà lưu truyền.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu

Thích Tăng Minh, họ Khương, người ở xứ Nội Bộ thuộc Phù Châu. Sống nương gá nơi núi rừng, nhưng Sư lập tánh thuần tố, ngôn lệnh chất phác, tự ngộ chẳng nhậm. Giữ cấm giới tự tu, chẳng theo Bỉ tục. Tuy chẳng thông hiểu kinh cáo, mà tiết tháo Sư trình thuần cứng rắn, rất có tiếng ở đương thời.

Nhân đến Ấp Lạc, qua lại nơi núi hang, thấy có một sườn núi gập ghềnh thường phát ra ánh sáng lạ. Sư lấy làm lạ mà bèn tìm xét, nhiều khắp trên dưới, mới thấy trong đá khe nước có một tảng đá ngã xuống, tướng trạng cao lớn, từ xa nhìn bên cạnh bờ khe nước, đá nằm như tượng, một nửa xuất hiện ở ngoài, Sư bèn ra công đào bới, thì ra là toàn thân Tôn Tượng, hình dáng giống như tướng Phật, thuần như quặng sắt, chẳng cần phải thêm đục tạc, rõ ràng tròn đầy, cao hơn ba trượng. Bấy giờ, vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đã băng, ngày mới tiếp nối, trong tâm tình Sư phân chấn thêm lên, chẳng sợ nghiêm hình giết hại, tìm hỏi những bậc cổ lão, không ai biết lý do, vì chỗ đất ấy từ lâu hoang tàn cây cối rậm rạp, vốn chẳng có chùa chiền. Sư bèn tự tư duy rằng: “Thật là di tượng do Vua A-đục đã xây dựng khắp trong nhân gian, ứng hiện đến đây”. Bèn kêu gọi mọi người khắp nơi đến kéo nâng, sức lực đã hết mà không nhúc nhích nổi. Sư

bèn bung lò hương phát nguyện rằng: “Nếu Phật Pháp trở lại hưng thịnh, muôn dân được đội nhờ, thì mong hiện oai linh để toại tâm nguyện”. Sư nói vừa xong, bỗng nhiên tôn tượng nhẹ đi và nâng lên được, từ núi thẳng xuống lỗ gót chân không cần phải đỡ nâng, đứng thẳng sừng sững. Đại chúng đều kinh hãi khen ngợi được điều chưa từng có. Nhân đó mọi người tấu trình. Vua Tĩnh Đế (Vũ Văn Diễn 579-581) thời Bắc Chu cho đó là điềm lành, bèn đổi niên hiệu là Đại Tượng (579). Từ đó, Phật pháp dần dần mở rộng, thật là do năng lực của Sư. sau đó, Vua lại ban sắc, ngay chỗ ấy xây chùa Đại Tượng. Nay gọi đó là chùa Hiền Tế. Ở phía Tây Nam của Phường Châu, cách hơn sáu mươi dặm, ngay nơi bóng râm, lại phát ra ánh sáng thần. Sư xuất gia, sống trọn đời tại để tu phụng, rất cảm với tâm vật. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đó!

Tôi (Đạo Tuyên) cho đó là lý do của hưng tạo phước đức là việc có cơ hội, cảm hiện kỳ tích, tượng trạng ấy rất nhiều, nên ở đây lược nêu dẫn năm, ba truyện để mở thân lý.

Xưa kia, vào thời Đông Tấn, có Sa-môn Pháp Hiền là người gắng sức quyết giữ tiết tháo, đến Tây Trúc tham quan các Thánh tích. Sau, đến một ngôi chùa nọ, mọi người lớn nhỏ đều đón rước Sư. Khi đó, Sư bị bệnh, trong tâm mong có được thức ăn của quê nhà (Trung Hoa), Thượng tọa chủ nhân gần gũi lo sự kinh lý bèn sai bảo một vị Sa-di vì Sư mà đi lấy cơm nước thức ăn của xứ Trung Hoa, để thiết trai dâng cúng Sư. Chỉ chốc lát, vị Sa-di ấy nói: “Đến Bành Thành đến nhà của Ngô Thương Ứng để xin thức ăn nên bị chó cắn”. Sư lấy làm lạ, chỉ khoanh khắc ra đi mà đã vượt ngoài muôn dặm, mới biết rằng chư tăng ở chùa đó đều là những vị phi thường. đến lúc theo thuyền trở về, nên Sư đến Bành Thành hỏi Ngô Thương Ứng, mới biết nguyên do đưa đến và máu chảy bởi con chó ấy cắn bới ở cửa đến nay vẫn còn. Sư bảo rằng: “Đó là máu của Thánh tăng La-hán! Lúc ấy là lấy thức ăn cho tôi, sao bị con chó làm tổn thương ư?” Ngô Thương Ứng nghe thế bèn sám hối lỗi lầm, liền xả thí vườn nhà để xây dựng chùa.

Ngô Thương Ứng tự đi đến Dương Đô để tìm thỉnh các kinh tượng. Khi đang đi giữa dòng sông lớn, thuyền bèn nghiêng một bên, bỗng có hai khúc xương, mỗi khúc dài một trượng, theo sóng vỗ văng vào trong thuyền, liền được an dòng lên đến bờ. Bèn đem sự việc ấy tấu trình, Hữu Ty xem xét thì cốt xương ấy là răng rồng. Tìm cầu kinh tượng chưa được, Ngô Thương Ứng lại ngược dòng đi thẳng đến hướng Tây, tạm dừng nghỉ trong rừng, gặp một vị tăng vốn giòng họ Bà-la-môn mang tôn tượng mà đi, và nói là: “Đến Từ Châu tặng cho Ngô Thương Ứng cúng dường”. Ngô Thương Ứng nói: “Nếu đúng như lời vừa nói thì Ngô Thương Ứng chính là đệ tử đây”. Vị Tăng ấy bèn trao tượng cho. Ngô Thương Ứng thỉnh tượng về kinh đô. Vua

ban sắc bảo đắp theo khuôn tượng ấy làm thành mười pho tượng, dưới chân tượng đều khắc đặt tên chữ, tôn tượng mới cũ đều chẳng thể nhận biết, bèn giao cho Ngô Thương Ứng xét chọn. Tượng mới giáng ứng mộng chỉ bày cho biết gốc ngọn. Vừa đến, Ngô Thương Ứng lấy được tượng gốc rồi mới trở về Từ Châu. Và pho tượng ấy thường có điềm ứng như thần, dưới thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thỉnh vào Cao Đài. Đến thời Bắc Tề, Hậu Chúa (Cao Vĩ 565-576) sai sứ là Thường Bru đến thỉnh tượng về Nghiệp Hạ. Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, thời Bắc Chu phá diệt, được chur tăng cất giấu. Đến đời Tùy, mở mang Phật pháp, trở lại hưng thịnh ở đời. Nay hiện còn tại chùa Đại Từ ở huyện Nghiệp thuộc Tương Châu.

Lại nữa, tại chùa Sùng Nghĩa ở kinh đô có tượng bằng đá, thân cao một thước sáu tấc, tám góc có màu tím, chiếu suốt trong ngoài. Pho tượng ấy vào khoảng niên hiệu Thanh Thái (547-550) thời Nam Lương, có vị Sa-môn từ Thiên-trúc thỉnh đến dâng tặng Vua Võ Đế (Tiêu Diễn), gặp lúc Hậu Cảnh làm loạn, bèn đặt trên danh tượng lớn tại chùa Tây Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, khi ấy Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang trấn tại Giang Hải, rộng sưu tìm những vật lạ, Văn nghệ thư ký, đều gượng đi tìm, ngay trong tạp truyện có được ảnh tượng ký, bèn sai Trung Sứ Vương Diên Thọ đến núi suy tìm được. Vương Diên Thọ mới tự chí thành đón rước vào Nội điện cúng dường. Trong suốt thời gian trăm nhậm tại đất Phiên, thường có qua lại dựng đây lầy hộp dẫn ở trước, mới đầu không nhà nào yên ổn, sau lên Trữ Nhị mới rước vào chùa Nhật Nghiêm ở Khúc Trì, không để cho người ngoài chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ 7 (624) thời Tiền Đường, phé bỏ đưa vào chùa Sùng Nghĩa, tôn tượng cũng theo chur tăng mà đến. Các hàng Đạo tục ở chốn Kinh ấp đều được trông xem kính ngưỡng. Trong đó, mọi sự biến hiện lượng định khó y cứ, hoặc là hình tượng Phật tháp, hoặc là Hiền thánh trời người, hoặc là núi rừng phước lọng, hoặc là ba đường xấu ác, hoặc là trước sau thấy đồng, hoặc bỗng chốc biến đổi khác lạ. Đó đều là do mắt mọi người trông thấy rõ ràng, tin tưởng Nghiệp Cảnh (gương soi hiện nghiệp) chẳng sai lầm. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh vào Nội điện, nên bên ngoài không còn trông thấy nữa.

Lại nữa, trụ chùa Kim Tượng ở tương Dương thuộc Lương Châu, có thụ tượng Phật Vô lượng Thọ cao tượng sáu, pho tượng ấy vốn từ ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Ninh Khương thứ ba (375) thời Vua Hiếu Võ Đế (Tư Võ Xương Minh (373-369) đời Đông Tấn, do Sa-môn Thích Đạo An tạo ra, qua mùa đông năm sau (376) thì trang nghiêm thành tựu. Bấy giờ, thứ sử

Khích Khôi đến trấn tại phiên ấy. Pho tượng đó bèn đi đến Vạn Sơn, Khích Khôi bèn dẫn các hàng Đạo tục đến thỉnh về lại chùa cũ. Đêm đó, pho tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa, khắp vùng mọi người đều khen ngợi, tâu trình việc ấy lên vua. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ ba (522) thời Nam Lương. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc đúc đài hoa bằng đồng mạ vàng cao sáu thước, rộng một trượng tại vườn Kiến Hưng và thỉnh tôn tượng ai trí trên đó, dựng lập văn bia khen ngợi, do Lưu Hiếu Nghi soạn văn.

Lại nữa, tại chùa Trường Sa ở Kinh Châu có thụy tượng. Vào niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, pho tượng ấy xuất hiện tại phía Bắc thành, có ánh sáng kỳ lạ đầy đủ như truyện trước. Thân tượng kỳ lạ cao đến bảy thước. Xưa kia, vào ban đêm, tôn tượng ấy kinh hành, mọi người cho đó là phi loại, bèn cầm dao chặt, sáng hôm sau đến xem, mới thấy là pho tượng bằng vàng. Chỗ lát dao chém hiện lằn vết bên ngoài. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương thờ Phật kính pháp, tâm tình rất muốn gần gũi lễ bái, tuy thêm mọi sức phụng sự mà không hề đạt đến cùng, sau đó, Vua sai Thị Trung Quảng mang các thứ hương hoa đến cúng dường. Ban đêm bỗng nhiên phát ra ánh sáng tựa như theo người sứ mà đến. Sáng sớm lại đón rước thì lại ngăn ngại nên phải hết lòng cầu thỉnh mới được chấp nhận theo đến. Còn cách Thành Đô mười tám dặm, đích thân Vua Võ Đế đã ra đón rước, đến cuối đường lại phát ra ánh sáng nối nhau không dứt. Các hàng Đạo tục đều hân hoan vui mừng, đặt bày trong điện để cúng dường. Qua ba ngày sau, theo cửa lớn thỉnh đến chùa Đông Thái. Cuối cùng gặp hỏa hoạn, chùa tháp đều cháy rụi, chỉ có pho tượng vẫn nghiêm nhiên hiện còn nơi điện thờ.

Lại nữa, dưới thời Vua Cao Tề, ở tại Định Châu, có thụy tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Kinh Cao Vương xưa kia. Vào niên hiệu Thiên Bình (534-538) thời Đông Ngụy, Mộ Sĩ tôn kính Đức ở Định Châu tu tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngay trong phòng ở. Sau khi hoàn thành thường luôn kính lễ. Sau đó, bị giặc cướp bắt dẫn đi giam vào ngục tù ở kinh đô, chẳng qua sự tra khảo. Tôn kính Đức bèn vọng nhận tội và chịu xử cực hình. Đến buổi sáng sắp hình quyết, trong tâm đã tha thiết chí thành, lệ đổ như mưa, Tôn Kính Đức bèn tự phát lời thề rằng: “Nay bị uẩn khúc, đó là do từ quá khứ đã từng uổng hại kẻ khác mà ra, nay xin nguyện đền trả oan trái ấy cho hết. Lại nguyện xin vì tất cả chúng sinh có các sự họa hoạn, đệ tử xin chịu thay”. Nói xong, chỉ trong chốc lát, mừng tượng như ngủ, mộng thấy một vị Sa-môn dạy bảo tụng Kinh Quán Thế Âm Cứu Sinh. Kinh có danh hiệu Phật, bảo tụng ngàn biến thì được khỏi nguy ách nạn chết. Khi tỉnh giấc, Tôn Kính Đức bèn duyên theo kinh trong mộng, đọc tụng không hề sai lầm. Đến lúc mặt trời tỏ rạng thì đã được trăm biến, Hữu Ty nắm dây trói buộc dẫn đi, Tôn Kính Đức vừa đi vừa tụng đọc. Lúc sắp hành quyết thì tụng đã đủ ngàn

biến. Kẻ sứ cầm dao chặt, làm ba đoạn nhưng ba lần đổi dao, mà da thịt Tôn Kính Đức không thương tổn, lấy làm lạ đem việc ấy tâu trình. Thừa Tướng Cao Hoan dâng tâu Biểu Văn xin miễn gia hình. Bèn ban sắc truyền viết lưu hành ở đời, nay xưng gọi đó là Kinh “ Cao Vương Quán Thế Âm”. Sau khi được thả trở về, Tôn Kính Đức xem ở cổ pho tượng do chính mình tu tạo tại phòng có ba lần dao, rất đổi buồn cảm, khóc gào vang động cả Hương Ấp.

Lại nữa, tôn tượng bằng vàng ở Tương Dương của Di Thiên Thích Đạo An xưa kia đã trải qua các Triều Đại nhà Tấn, nhà Tống cho đến nhà Tề, nhà Lương, thường cảm ứng các Linh tướng, nghe thấy ở các ghi nhận trước. Mãi đến thời Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo. Năm Giáp Ngọ nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Thái Nguyên Công Chủ Bính là phó trấn Tướng ở Kinh Châu tâu báo với Khai Phủ Trưởng Tôn Triết thấy mọi người cung kính rất mực chí thành, trong lòng tức giận càng tức giận dữ dội, bèn bảo người hầu theo phá diệt cho hết, bảo trăm người lấy dây buộc vào cổ pho tượng lôi kéo mà không nhúc nhích. Tôn Triết cho là vô dụng, bèn tăng thêm sức lực, và dùng gậy đánh người làm việc. Cả trăm người cùng lôi kéo mà tôn tượng vẫn như cũ, tự nhiên và càng vững chắc. Lại thêm đến số ba trăm người kéo vẫn không lay động. Tôn Triết càng tức giận, lại bảo năm trăm người cùng kéo pho tượng mới ngã đổ, tiếng vang rung chuyển cả vùng đất, mọi người đều kinh sợ, chỉ riêng mình Tôn Triết vui mừng, tự mình rong ngựa muốn đến báo với Thứ sử. Vừa mới đi được chừng trăm bước, liền rơi ngã xuống đất và liền bị câm, tứ chi không cử động được, đến tối thì chết. Các hàng đạo tục đều xướng reo thỏa lòng. Khi phá hủy pho tượng, ở dưới nách tà áo rũ ngược xuống có khác bài minh rằng: “Năm Giáp Ngọ, tức niên hiệu Thái Nguyên thứ mười chín (394) thời Đông Tấn, Tỳ-khưu Đạo An tu tạo Tôn tượng bằng vàng cao tượng tám này, về sau một trăm tám mươi năm sau sẽ bị phá hủy”. Tính xét về năm tháng tạo dựng nên và phá hủy đều phù hợp. Vì vậy cho nên phải tin biết thi ấn của bậc Thánh sùng tạo dung phạm, động phát tâm vật, kỳ hạn sinh diệt, tướng thể gian khó thay đổi, rốt cùng của Nghiệp lý đâu thể lường doi?

Và thụy tượng của Vua A-dục ở chùa Trường Can thuộc Dương Đô, phát ra ánh sáng từ dưới mu bàn chân và khắp thân tượng điềm lành cảm khắp. Suốt năm đời các bậc Vương hầu đều cùng tôn kính như nói đầy đủ ở truyện trước. Mỗi khi gặp năm phải hạn hán, thỉnh tôn tượng vào cung phải dùng xe giá ngự kiệu, phía trên thêm khăn che, Tăng chúng đi theo sau tượng dùng lọng tự che, lúc đầu tuy lửa đốt nóng bừng thấu trời, nhưng pho tượng ra đến giữa đường thì không đâu chẳng mưa tràn ngập, nước nhà may mắn. Có năm mong cầu, do đó các hàng Đạo tục thường cầu thêm thời gian mưa. Đến niên

hiệu Trinh Minh (587-589) dời Trần, khuôn mặt tôn tượng xoay về hướng Tây, người lo việc Giám Đường trị Nguyệt từng xoay lại theo hướng Chánh Nam, đến lúc sáng sớm hôm sau thì pho tượng lại xoay về hướng Tây như cũ, bèn tấu trình sự việc ấy đầy đủ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc thỉnh đến điện Thái Cực, thiết trai hành đạo, trước có mũ bằng bảy báu đội trên đánh pho tượng, dùng các thứ châu ngọc trang sức nặng đến cả trăm cân, trên đó lại phủ thêm mũ gấm, qua đêm đến sáng, mũ báu bèn mọc ở tay, mũ gấm vẫn còn ở trên đánh tượng, Vua (Hậu Chúa) nghe thế bèn đốt lò hương lễ bái và chú nguyện rằng: “Nếu nước nhà có điềm không tốt thì mũ lại rời khỏi!” Và bèn đưa mũ lên tôn trí lại trên đánh tượng, đến sáng sớm hôm sau, mũ lại rời khỏi đánh tượng mà mọc ở tay như cũ. Mọi người trên dưới đều lo sợ, không ai chẳng xót xa bùi ngùi điềm ứng đó. Từ khi nhà Tùy phá diệt nhà Trần về sau, cả triều đình đều phơi bày đầu mặt buộc trói nơi Kinh Thất, mới biết nguyên nhân ấy. Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-601) dời Tùy nghe biết điều đó bèn sai người thỉnh tôn tượng vào Đại Nội để cúng dường. Vì Tôn Tượng đứng nên vua thường hầu dâng không dám ngồi đối diện, bèn ban sắc rằng: “Trẫm tuổi già sức yếu không kham đứng hầu Phật được lâu, hãy bảo Hữu Ty tu tạo một pho tượng ngồi, hình tướng tôn tượng cũng y như tượng gốc của Vua A-dục”. Rước đến tôn trí tại chùa Hưng Thiện. Khi đã đến chùa ấy, hình tướng tôn tượng to lớn không xứng hợp với tức cơ, bèn tôn trí ở mặt phía Bắc. Đến sáng hôm sau, thấy tôn tượng ở trong cửa mặt phía Nam, mọi người đều lấy làm lạ, bèn thỉnh đến mặt phía Bắc dựng yên và khóa cửa lại. Qua sáng hôm sau đến xem thì tôn tượng lại ở mặt phía Nam, mọi người đều hồ thẹn sấm hối lỗi khinh thường ấy. Liền thấy tại chùa bức vẽ rất lớn.

Lại nữa, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương rất tôn kính chư tăng, ưa chuộng linh nghi. Tu tạo hai pho tượng bằng vàng và bằng bạc, tôn trí tại điện Trùng Vân, sớm tối lễ kính, suốt năm mươi năm không hề phế bỏ. Đến lúc Hầu Cảnh muốn cướp ngôi, vẫn còn cúng dường. Thái Úy Vương Tăng Biện giết Hầu Cảnh tại Giang Nam. Nguyên Đế Trữ cung lại mất, Vương Tăng Tiện bèn thông giao với nhà Tề, rước Trinh Dương Hậu về làm Vua. Bảy giờ, tại Giang Tả chưa yên định, lợi hại cùng tranh hùng, con rể của Vương Tăng Biện là Đỗ Khâm làm điển vệ cung quyết, vì tánh tình hang hãn, không thấy việc đời sau, muốn phá hủy hai pho tượng ấy làm thành vàng thoi, bạc thoi, lúc đầu bảo vài mươi người làm Tam Hưu đục khoét cổ tượng Phật. Hai pho tượng bỗng nhiên đồng một lúc xoay lại nhìn, những người bị sai bảo bằng trúc, khảm thân sưng bầm xanh tím, chỉ thấy hình tượng Kim Cương lực sĩ khùng bố đưa nhau đến đánh không tạm ngừng nghỉ, bèn gào khóc ầm ĩ qua mấy ngày thối rửa mà chết. Đến lúc thời vận

nhà Lương đã thuộc nhà Trần, Vua Võ Đế băng, con của người anh là Trần Thiển với tiếp nghiệp lớn, sắm sửa sang táng cụ, tạo lập xe tang, nước nhà mới bắt đầu yên định, chưa vội kinh thi, ban sắc đến lấy các thứ tôn tượng Phật, màn trướng báu, ngọc hành ngọc bội, châu ngọc hoa oanh trang sức ở điện Trùng Vân dùng vào việc tống chung, sức người đã đầy bốn phía đều đến, mà chỉ thấy mây khí ùn kết vây quanh điện Phật, ngoài ra ở phía trái, có mặt trời màu trắng tỏa sáng. Bách Các người thợ nghe lấy làm lạ cùng chạy đến xem, phút chốc mưa lớn tuôn đổ, sấm sét nổ vang rung chuyển, mây khói nhả bay, mồm chim Diệt phun lửa cháy dữ trong mây, phát ra ánh sáng, lửa cháy bùng trên dưới xen lạn lẫn nhau. Và thấy trong bóng điện Trùng Vân hai pho tượng cao vời, bốn bộ Thần Vương cùng một lúc đồng vọt bay lên, khói lửa cùng hỗ trợ, bỗng nhiên ra xa rồi biến mất. Mọi người đến xem đầy khắp Thành Đô, đều sinh tín sâu. Sau khi mưa tạnh, đến xem lại chỗ cũ, chỉ thấy đá tảng nâng đỡ cột trụ hiện còn. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông châu đến nói ngày đó cũng trông thấy bóng điện bay về hướng Đông ra Biển. Nay có người nhìn ra biển thì cũng thấy.

Gần thời Cao Tề, có Sa-môn Tăng Hộ là người giữ Chí Đạo, tâm ngay thẳng, chẳng cầu tuệ nghiệp, nguyện tạo một pho tượng bằng đá cao một trượng tám. Cảm lạ lời ước nguyện ấy, về sau đến nơi hang cốc ở phía Bắc của chùa thấy một tảng đá nằm dài đủ trượng tám, bèn tìm kiếm các thợ để đục tạc tượng, qua một vòng thì khuôn mặt và bụng đã tạm xong, chỉ còn lưng dính nơi đất, bèn dùng sáu dụng cụ để bẻ nâng, nhưng vẫn y nhiên như lúc đầu không nhúc nhích. Qua đêm đến sáng bỗng nhiên bỗng nhiên tự vut bay, liền đến đục tạc xong dòi vào tôn trí trong Phật Đường. Đến ngày Tân châu bị vùi lấp, tôn tượng ấy đổ mồ hôi dưới đất. Binh lính nhà Bắc Chu vào đất Tề đốt phá các chùa Phật, riêng pho tượng ấy không hề biến đổi sắc màu. Lại muốn xô ngã tượng, người và trâu có hơn sáu mươi cùng kéo mà vẫn không lay động. Bỗng chốc có vị tăng lạ đến dùng cây gỗ đất bùn đắp lũy vây quanh, chỉ khoảng khắc công việc xong xuôi, vị tăng ấy biến mất. sau đó, pho tượng ấy giáng hiện mộng vào người có tín tâm, bảo rằng: “Tôi bị khổ hoạn nơi ngón tay đau nhói”. Người ấy tỉnh giấc bèn đến xem mới thấy cây gỗ làm tổn thương hai ngón tay của pho tượng, liền vá đắp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, có kẻ trộm lấy phước lọng nơi pho tượng, mộng thấy có người thân hình to lớn, trượng tám vào phòng chê trách, kẻ trộm bèn sợ hãi hô thẹn sám hối mà trả lại. Pho tượng ấy đến nay vẫn hiện còn, đều thấy nêu bày Di Ký ở trong các tảng lục. Những sự cảm thông ấy trong Phật giáo đều đầy đủ rõ ràng, nhưng là cửa Phước thì không gì chẳng linh ứng. Trộm lấy tượng lánh kéo lửa thiêu đốt, muôn thú kinh hãi Tà Đạo. Che lấp dị thuật, kinh thiêu đốt không thành tro bụi. Linh cốt phát ra

ánh sáng thần, Mật Tích đầy khởi hoàng hộ. Những điềm tướng ấy rất nhiều, đầy đủ như trong văn trước.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, có người mẹ của đệ tử Sa-môn Tuệ quang trụ chùa An Dưỡng ở Lương Châu, vốn rất nghèo khổ, đến nỗi không có chiếc áo lót, nhân vào trong phòng người con lấy được chiếc áo ca-sa cũ cắt may để mặc, cùng các người mẹ chung quanh đồng nhóm họp nói cười. Bỗng cảm thấy nóng đốt từ dưới chân dần lên đến eo lưng, chỉ chốc lát sấm sét đánh ném các người chung quanh văng ngoài trăm bước, đất bùn bít cả hai tai, chết giấc qua hôm sau mới tỉnh lại, còn người mẹ ấy bị sấm sét đánh chết, lửa thiêu cháy co quắp, nơi lưng có đề chữ rằng: “Do dùng pháp y không đúng như Pháp”. Người con bèn tâm liệm an táng, lại bị sét đánh văng ra ngoài, thi thể lộ bày dưới rừng về sau mới tiêu tan. Vậy đủ biết thọ trì pháp phục, tuệ ban đến loài rồng cũng thọ tam quy, Tin chẳng lường dối dối.

Gần đây có vị Tăng ở núi, ban đêm ngủ trong hang sâu dùng Pháp y ngăn che miệng trước hang, cảm có vị Di Thần đến hình tướng rất đáng sợ, hiện bày đưa cánh tay vào trong muồn chụp lấy vị tăng, nhưng sợ xúc chạm đến pháp y nên ngăn ngại không thể vào được, nhờ đó vị tăng ấy được thoát chết. Các điềm tướng như thế không thể ghi chép đủ, như trong các trường hợp trên dưới.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Báo Bồ ở núi Thiên Thai

Thích Tuệ Đạt, họ Vương, gia đình vốn ở tại Tương Dương. Từ thuở nhỏ, Sư đã nhập Đạo, khéo tu thành việc. Hoặc lên núi xuống sông, hoặc đi đến xóm ấp, chỉ nương nơi chỗ tốt đẹp đều gá tâm vào chùa viện, hoặc sửa sang chấp vá các nơi hư phế làm thành phòng nhà của Thích Môn.

Sau, Sư đến núi Thiên Thai trụ chùa Báo Bồ, tu thiền buộc nghiệp. Lại đi về hướng Bắc đến núi Võ Đang, tĩnh nhiếp như trước. dưới thời nhà Trần (557-589) có một thời gian, bệnh cảm dịch lệ lan tràn, trăm họ chết hơn một nửa. Sư bên trong mới dây khởi lòng từ muồn bố thí, bèn đến nơi chợ lớn ở Dương Đô, lập ra kho thuốc lớn ai cần thì cung cấp, Sư cứu giúp càng ngày càng rộng lớn. Các chùa ở Kim Lăng có số lượng hơn bảy trăm ngôi, trải qua năm tháng, lâu dài, hư hoại gần hết. Ngài bèn khuyến hóa sửa chữa chấp vá hơn ba trăm ngôi, đều chỉnh trang ngời sáng nghiêm sức mở thoáng có khác bình thường.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đến chùa Bạch Tháp ở Dương Châu, tạo lập tháp gỗ bảy tầng, gỗ đá đã đầy đủ giao phó cho người

sau tạo lập, Sư bèn đi ngược dòng sông đi về hướng Tây, đến các Quận Bà Dương, Dự Chương, xem xét công đức, nguyện cùng các chúng sinh đồng phước duyên ấy. Nên các Phong Ấp nào Sư đến thấy ở phường nào có chùa chiền Thiền viện, linh tháp thần nghi, bất kể là bằng vàng hay cây gỗ đất đá, Sư cũng đều đốc suất khuyến hóa tạo thành, số lượng chẳng phải một vài nơi. Về sau, được Sa-môn Tuệ Vân thỉnh mời, Sư bèn đến trụ ở Lô Nhạc, xây dựng chùa Tây Lâm, lầu gác bảy gian đều xây dựng bằng gỗ Loạn, Lô, sáng ngời cả thế núi. Ngày bắt đầu tạo dựng, thề nguyện phải sử dụng bằng gỗ Hoàng Nam (gỗ chò), khắp trong khu vực tìm kiếm mà không có được một cây. Mọi người đều muốn thay đổi bằng các loại gỗ khác. Sư bảo: “Thành Tâm ở tại đây, đâu phải tìm cầu các thứ khác. Chỉ vì chí thành không cảm nên tìm kiếm không được toại nguyện. Hẳn tâm cầu mong quả quyết thì cây thông tán đều biến thành gỗ Hoàng Nam, nếu cầu tìm không được, thì thì gác sẽ không có ngày hoàn thành”. Mọi người đều sợ lời nói ấy của Sư, nên đi khắp bốn phía để tìm kiếm. Mới đến núi Hạ sào cũng thuộc trong địa vực cảm có một cái hang toàn là cây gỗ Hoàng Nam, mà lại nằm nơi sâu dưới cùng khe suối, không làm cách nào lấy đem ra được. Sư tìm đến bên vách sườn núi, thấy có một chỗ thoáng qua ánh sáng, nhìn thấy trong đó có thể làm đường thông đưa gỗ ra, mà chỉ có năm thước hơn, ngoài ra đều là chân trời. Sư bèn kéo gỗ đá đến nơi đầu dòng, giữa đường gặp dòng thác đổ nước xoáy, bè cặp đều hư hoại. Khi về đến non Lô, không mất một cây nào, do đó, các đấng tạo thành, rộng lớn hơn cầu kết trước. Sau đó, bỗng nhiên nghiêng về hướng Nam ba thước. Các thợ thiết kế không có cách naao sửa lại cho ngay ngắn. Có khe Thạch Môn ở phía nam gác, bỗng nhiên có gió mạnh thổi về hướng Bắc, gác trở lại ngay ngắn. Đến nay hiện vẫn còn.

Về sau, Sư lại đến Trường Sa, đúc chuông tạo tượng. Các nơi Sư đến đều như cỏ rạp theo gió, mọi người đều dốc lòng dâng cúng vàng bạc, đua nhau thực hành còn sợ Sư không nhận. Sư tùy Tánh tạo chân, nói năng không chải chuốt, y cứ vào kinh điển mà dẫn dụ, dốc lòng khuyến hóa vật tình. Nhưng Sư ăn mặc rách rưới thô xấu hết chỗ trông nhìn. Bên ngoài bao gồm mọi việc lớn lao, nhưng bên trong bèn bị tu sửa tĩnh lặng. Người bên cạnh trông thấy Sư trầm mặc, dường như không thể nói được. Nhưng Sư chỉ huy ứng phụ lập có thành toại. Đó tức là ở nơi phiền mà không nhiều, hẳn là người ấy.

Sư lại vì chùa Tây Lâm, gác đã hoàn thành mà còn thiếu tôn tượng, nên Sư lại men theo dòng tu tạo xây dựng đầy đủ, nên khắp gác đều đầy đủ, đó là do công đức của Sư.

Đến cuối tháng bảy niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, chứng bệnh cũ bỗng nhiên tái phát trở lại, suốt bảy ngày Sư nằm tựa, có mùi thơm lạ xông tỏa vào phòng nhiều quanh như mây. Tôn tượng thiết trí trong gác đều đổ mồ hôi xuống đất. Đại chúng thấy điềm tướng ấy, biết Sư sẽ thị tịch, các quan nhân xem xét, tấu trình sự việc ấy đầy đủ, thần sắc chí khí Sư vẫn như thường, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hương ở Miên Châu

Thích Tăng Hoảng, họ Phùng, người xứ Nam Xương ở Phù Thành thuộc Miên Châu. Thân Sư cao tám thước, dáng mạo cao lớn, oai dung nghiêm chỉnh, mọi thi vi nằm trong khuôn phép, mà mắt như chim ưng, thân hình tợ hổ, đi như chim nga, bước tợ voi chúa, lời tiếng oai hùng rõ ràng, chí lược rộng xa. Giềng mỗi đảm nhận giáo pháp rất có tướng Thạch trụ, nên khiến cho các bậc lãnh tụ các xứ Mân Ba đều cùng kính ngưỡng.

Ngày trước, khi đang độ tuổi Chí học, Sư có văn tài bác đạt, người đương thời đều ngợi khen. Sư từng mộng thấy tay mình tự nắm lấy mặt trời mặt trăng, ngồi giữa thái hư, bỗng nhiên nhằm chán thế tục, vui mừng mếm mộ muốn xuất gia, tự lấy tên là “Tăng Hoảng. Song Cha mẹ Sư không chấp thuận bèn xích hai chân Sư vào cột trụ nhà. Sư quyết chí đã dứt bật, thế tâm không thay đổi, chẳng dòi sớm tối, vòng khóa tự nhiên mở. Sư bèn tự than rằng: “Chỗ mà chí khí nói đến, núi non vì đó mà lay chuyển, sông ngòi vì đó mà dứt bật, thành đài vì đó mà sụp đổ. Biển khơi vì đó mà khô cạn, trời trăng vì đó mà thảm mất ánh sáng, Núi Tu-di vì đó mà sụp đổ. Huống gì cây vàng cùm trói chân gà mà đáng nói ư?” Cha mẹ nhìn thấy sự minh cảm ấy bèn mặc tình để Sư nương theo Đạo hóa, Sư bèn nương tựa Pháp sư Thoán mà xuất gia thọ nghiệp.

Sư học thông các Kinh Đại thừa, tiểu thừa, sớm tối chẳng biếng trễ, vào cuối thời Nam Lương, đầu thời Bắc Chu, trong Phật giáo rối ren, thực hành phân nhiều sơ lược, xa dối Tỳ-ni. Sư tuy chưa nghe đến giới cụ túc, mà vượt xa khác lạ, ít hay tinh cần khổ tiết, tánh tự giữ gìn, rốt cùng chẳng phải do thầy bạn thành lập cho. Đại chúng thấy đều kính vái thần vũ nơi Sư, thâm cùng cao chuộng. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư chuyên nghiên học về Luật Thập tụng, chỉ qua vài năm khổ nhọc mà sáng soi tinh thực, tham cứu tinh vi đến cùng tận, cao sâu đáng tôn sùng. Từ niên hiệu Bảo Định (561-566) thời Bắc Chu về sau, Sư lại tìm đến Trường An, học Luật Tăng-kỳ, xét tìm yếu chỉ sâu mầu. Có khó khăn sẽ nghiên cứu, thì vướng mắc ấy sẽ thông. Sư lại đến chỗ Thiền sư Đàm Tướng bảm thọ Tâm pháp, Quán Đạo tròn đầy thanh tịnh do đó càng khai mở. Lại đến chỗ Thiền sư Khai, hành đạo

Phương Đăng, đồng nhập vào thời luân, chẳng ai bằng Sư, từ đó ít có người truyền. Do vì Sư lo, tạo nhiều phước nghiệp, nhọc làm việc hữu vi, vì thế mà ẩn cư, đời không khen ngợi, đã là xa gần ngợi khen đức hạnh, tiếng tăm Sư vang xa đến chốn Thiên Đình. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu ban sắc mời Sư vào điện Minh Đức. Sư nói bàn khai diễn rất xứng hợp với Thánh tâm, Vua mới phong cho Sư là “Bổn Châu Tam Tạng”!

Đến lúc thời vận nhà Tùy ngự trị thiên hạ, Vua Văn Đế (dương Khiêm 581-605) ban sắc giao phó Sư nhiệm chức Tăng Chánh, giúp ngự trị Bổn ấp, nhưng Sư cương quyết thẳng thắn, thường phạt rất nghiêm túc bình đẳng. Nên mọi người khắp xứ Miên Châu, Ích Châu đều kính phục đạo phong. Các hạng sang hèn đều kính vâng. Trước sau làm chủ châu có hơn mười người. Sư đều truyền trao cho giới hương, bỏ ác làm lành. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, ở tại trong chùa, Sư lại thiết đặt chúng đầu-đà, mọi việc chúng tăng thầy đều miễn khỏi để dẫn dắt người rơi lạc. Từ niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lại đốc suất chúng tăng trong chùa đọc tụng tạng kinh, xong rồi thì trở lại từ đầu không ngừng dứt. Mọi sự cung cấp cúng dường đều xuất từ tục duyên, và chính do Sư chỉ trao. Nên phước báo đạt đến như suối tuôn không khô cạn, Tăng nghiệp hưng thịnh, phương loại suy cử.

Đến mùa Đông niên hiệu Võ Đức thứ nhất (518) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Chân Hương, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đầu, lúc ngài chưa tịch, hồ sen nơi Phật Đường tự nhiên khô cạn. Hàng Trúc bên cạnh hồ vô có tự nhiên khô chết, Tường Vi trong chùa trái thời tiết mà trở hoa ngời sáng như tháng hạ. Tăng chúng trong chùa cho là hai điềm tươi khô không gì chẳng mang đức sinh diệt, khác với bình thường, nên cảm ứng như thế.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Trúc Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu

Thích Trúc Lực, là người xứ Dương Cù thuộc Hà Nam. Lánh đất từ quận Ngô đi đến ở huyện Tiền Đường, nhân đó mà xuất gia. Sư trước đã gieo trồng nhân tốt, sớm tu tuệ nghiệp. Vừa mới tám tuổi, Sư xuất gia học đạo, khí vũ ngưng tụ cao vời, rộng lòng tiếp ngộ. Tiếng tăm dần dần cao tỏa, vang khắp các hàng Đạo tục.

Dưới đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) xây dựng chùa Thái Hoàng ở phía trái kinh thành rất rộng lớn, hết bật tuyên phủ, bèn ban sắc mời Sư trông coi trăm người thợ, nên được đo lường chỉ huy, thể rất nghiêm tịnh. Đến niên hiệu Chí Đức thứ hai (584) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) lại ban sắc thỉnh Sư làm chủ chùa. Bấy giờ, ở Giang Biều đang chìm đắm,

tăng chúng tán loạn. Sư bèn mang tích tượng đi khắp để tìm thắng địa. Đi đến Giang Đô, dừng trụ tại chùa Trường Lạc, dừng tâm ở đó.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Sư xây dựng ngôi tháp năm tầng, vàng cuộn sáng chói vợi đẹp xinh. Khắp xa gần đều đến chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, khi đó, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang ở tại Tấn phiên lại đến Giang Hải, do Sư đảm nhận việc chùa, công phu khéo sửa tạo cho nên như thế. Xưa kia, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương có được pho tượng Phật do Vua Ưu-điền tạo dựng, thân tướng tốt lành khó thể ghi chép, ở tại chùa Long Quang thuộc Đan Dương. Đến lúc nhà Trần mất nước, đạo tràng bị đốt phá. Sư bèn thỉnh tôn tượng ấy và tôn tượng Phật Định Quang của Vương Mật đều đưa đến chùa Trường Lạc, dốc hết thân tâm cúng dường. Nhưng vì điện vũ nhỏ hẹp chưa thể trang nghiêm hết, nên Sư bèn khuyên hóa, chỉ dẫn bốn Bộ Vương Công thứ dân cùng nhau sửa sang lầu cao và cặp theo hai lầu. Tại chùa, Tăng chúng lớn nhỏ có hơn ba trăm vị, đều cùng vui mừng xả thí, cùng nguyện xây dựng. Sư bèn hướng dẫn các đồng bạn có hơn hai trăm vị tăng cùng đến Dự Chương chẻ núi, chặt gỗ. Sức người đã mạnh khỏe, khuôn thước Sư chỉ bảo khéo được hết vật tình, nên ngay năm đó lập thành. Chế đặt hoa nhã đẹp xinh, năng lực như thần, rộng thoáng cao bày, vượt trội trùm khắp vùng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư lại xây dựng tăng phòng khắp bốn phía, hiện vũ, nhà trù, trai đường, kho lẫm thấy đều đầy đủ, nên khiến chúng tăng thường luôn nhóm họp. Không do đâu dứt sự tiếp nối. Sư lại đến kinh đô, rất được ban giáng ân lễ, Sư về lại Giang Đô lại đội ân sắc ban an ủi. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, Sư lại dốc hết của cải riêng mình mua sắm gỗ chiên Đàn hương mô phỏng thụ tượng Đức Phật và hai vị Bồ-tát, không bao lâu thì hoàn thành và đều được thờ trong lầu. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười bốn (niên hiệu Đại Nghiệp chỉ có mười hai năm (605-617) nhà Tùy tán loạn, các hàng đạo tục sống lưu vong, hài cốt héo khô đầy khắp các đường chợ, Sư nguyện đem Thân mạng để giữ gìn điện các. Chùa ở dưới ánh trăng đơn, Sư nhìn bóng làm bạn, ăn đậu uống nước, lại lia nóng lạnh. Tuy tuổi tác già nua mà tâm lực Sư khỏe mạnh, bụi rơi trên áo, lửa đốt khắp bốn phía. Sư vẫn miệng tụng kinh không ngưng nghỉ, tự tay sửa lấp. Bọn giặc than khóc, người thấy buồn than, luôn thay đổi tâm cùng giúp nhau tu bổ. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường hưng thịnh, mở mang Đại pháp, Chư Tăng xưa và các chúng khác đều đến nương tựa. Nhà cửa khắp xóm ấp đều bị đốt phá, mà chỉ riêng chùa ấy vẫn còn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, người cầm đầu bọn giặc ở Giang Biều là Phụ Công Hữu cậy nơi hiểm trở sửa sang Bình Bị,

ngàn muốn làm phản, có hơn trăm ngôi chùa quán đều đưa về Giang Nam. Sư bèn gởi thư đôi ba phen cầu xin nguyện thiêu thân ở trước lầu để lưu lại chùa viện. Phụ Công Hữu Ngụy hiệu là Tôn Xung trong ý muốn phá diệt hết, tuy đọc được thư Sư mà không hề đoái hoài. Sư bảo các đệ tử rằng: “Tôi từ vô lượng kiếp đến nay chứa nhóm tham ái, chẳng xả bỏ thân mạng để báo ân Phật Pháp. Nay muốn ở trước Phật tự nhận lấy tận quyết, không nỡ trông thấy tôn tượng đưa đến Giang Hà, hãy chắt củi khô để tự thiêu thân cúng dường. Sau khi tôi qua đời, tôn tượng phải đi về phía Nam, các thứ y phục, của cải đều đưa vào tôn Tượng, than khóc thí linh theo lý nên thay đổi”. Sư bèn dùng nước nóng thơm tắm gội, xong rồi ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, bật lửa tự thiêu đốt. Sư thị tịch giữa đông lửa đó, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày mùng tám tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường.

Sau khi Sư qua đời, lửa tắt, nhục thân Sư vẫn chấp tay an nhiên. Lại phải trà-tỳ, đồng một lúc đều tiêu tan hết. Lúc Sư ở trước tôn tượng Phật tự thiêu đốt, có đàn chim Thước kê buồn, tiếng nghe rất thảm thiết, bay nhiều quanh bên phải, bảy vòng rồi mới bay đi thẳng. Sau khi Sư thị tịch, quả nhiều tôn tượng dòi chuyên về hướng Nam, Điện gác, phòng hiên không bị thiêu đốt. Pháp Bảo, Môn Tuệ An, Trí Trách v.v... vì tình thầy trò nghĩa nặng, cậu cháu ân sâu, nên dựng lập bia cao ở trong chùa. Đông Cung Thứ Tử Ngu thế Nam soạn văn. Nay, tôn tượng ấy lại được rước về thờ tại gác cũ của Sư.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô

Thích Trí Hưng, họ Tống, người ở xứ Lạc Châu. Sư có tánh hạnh khiêm cung kiệm ước thành việc, mãi giữa đức hạnh bền bỉ sáng ngời. Sư trì tụng các kinh đến mấy mươi quyển và hành Pháp yếu có mấy ngàn hàng, tâm miệng cùng theo nhau không nghỉ lúc sớm tối. Sư ở tại chùa Thiên Định, nay tức là chùa Đại Trang Nghiêm. Lúc đầu, Sư nương tựa Luật sư Thủ, cùng theo đến các giảng hội, năng lực tư duy trong sáng, các bạn đồng tu đều đề cao Sư. Nêu lên câu hỏi, văn từ bén nhạy, lại khéo trôi chảy, chẳng thương tổn thứ lớp. Bảy giờ, mọi người cho rằng Sư thực hành vô tránh.

Tháng mười một Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, theo thứ lớp, Sư lên đảm nhận công việc Duy Na, thời khoá hô chuông làm việc, Sư chăm chỉ siêng năng, không phiền nhiễu chúng tăng. Trong chùa có Samôn Tam quả, người anh theo Vua đi về hướng Nam tới Giang Đô, mới giữa đường bị qua đời, ban đầu không biết lành dữ, bỗng nhiên người anh ấy giáng mộng khi người vợ ngủ mà nói rằng: “Tôi đi theo vua vừa đến Bành Thành, không may bệnh chết, bị đọa vào địa ngục trải qua đủ năm thứ khổ dữ dội, khó thể

nói hết, mà không ai hay biết gì về tôi! May nhờ vào ngày mồng một tháng này (11) được Sa-môn Trí Hưng ở chùa Thiên Định hô chuông, phát tiếng vang vọng rung chuyển chốn địa ngục, nên mọi người chịu khổ cùng một lúc được thoát khỏi. Nay tôi được sinh về cõi an lành vui sướng, nghĩ muốn báo đáp ân đức ấy. Nên sắm đủ mười xấp lụa để dâng cúng Sư và nên trình bày về ý của tôi!” Người vợ ấy thức giấc lấy làm lạ về nguyên do của điềm mộng, bèn kể cho mọi người biết, lúc đầu không tin. Sau lại giảng mộng tiếp, các thầy đồng bóng đều trình bày lời nói trước. Qua hơn mười ngày, hung tin chợt đến, hợp với điềm mộng. Sa-môn Tam quả bèn dâng cúng lụa cho Sư. Sư tự tỏ bày cho mình là kẻ Vô Đức, nên đều cúng thí cho đại chúng. Có người hỏi Sư rằng: “Do duyên gì mà hô chuông mới cảm được điềm ứng ấy”. Sư đáp: “Tôi không có thuật gì khác, thấy trong Phó Pháp Truyện, Kế Nị Sát Vương Kiếm Luân Đình Sự và Kinh Tăng nhất A-hàm nói về Công Đức của tiếng chuông, tôi kính vâng việc đó, gắng sức thực hành. Mỗi lúc mùa Đông lên lâu, gió lạnh cắt thịt, chur tăng cấp cho áo da để cầm dùi chuông, giá lạnh rách thịt, trong lòng bàn tay máu ngừng đọng, tôi không vì thế mà từ nan. Lại đến các chùa, mới đầu hô chuông là nguyện cầu các vị Hiền Thánh đồng vào đạo tràng, sau đó ba lần gióng chuông rồi lần lượt gióng dài và rất mực chí kính như trước, nguyện cho các loài đang ở trong các đường xấu ác nghe tiếng chuông này, cùng một lúc được lìa khổ. Hạnh nguyện như thế, chí tôi thường vâng tu, đâu chỉ thành kính sơ sài mà có thể cảm ứng được xa!” Mọi người rất kính phục lời nói ấy của Sư.

Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn, mà tự biết trước ngày thị tịch, xả bỏ thân mạng của cái, mời tất cả các vị thầy bạn cùng đến, nhân lúc thọ trai mà nói lời già biệt. Sau đó không lâu, Sư thị tịch chùa Đại Trang Nghiêm, thọ bốn mươi lăm tuổi, an táng trong hang Đỗ Thành.

Ngài có vị đệ tử là Sa-môn Thiện Nhân, là bậc Tông Sư giới Phạm, giảng Luật Tứ Phần, giảng Kinh Pháp Hoa, Phước tuệ thâm sáng, nổi tiếng ở Kinh Ấp.

---o0o---

07- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu

Thích Đạo Tích, là người xứ An Ấp thuộc Hà Đông. Họ Tương Lý, tên là Tử Tài. Khi đã vào huyền môn lại đổi tên là Đạo Tích. Sư là con cháu của Cái Trịnh Đại Phu Tử Sản. Xưa kia, khi Tử Sản mới ra đời lòng bàn tay nắm chặt, bèn mở tay ra xem thì có chữ Tương Lý”, về sau nhân đó mà lấy làm họ. Sư có thân tướng cao lớn, khôi ngô rất có chí lớn, khéo học bao gồm, Tông chuộng nghiêm quân.

Sư sớm tập học Khâu Phần, thần khí ngời sáng. Năm mười hai tuổi muốn xuất gia mà Sư chưa biết đến đâu. Gặp được Luật sư Hồng Trạm thấy Sư có sự kỳ đặc, bèn xuống tóc cho, Sư ẩn tích nơi Song Nham. Sau đó, lại đến nương tựa Thiền sư Pháp Lăng cầu học Tâm Pháp. Sư ẩn bóng ba năm chẳng bước chân ra khỏi cửa núi, nhưng vì u chứng là khó, thánh giáo cần phải trải qua. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, ngài ôm bát đi khắp, tham cầu giáo nghĩa, trên đường đi qua Thương Hải, Ký Hải đến chùa Viên Hành, Sư nương tựa Pháp sư Phổ Hưng, tìm học Kinh Niết-bàn, vui mừng được nghe pháp chưa từng nghe. Bốn năm sau, tình thông ba việc, Sư rất được các bạn đồng học mến trọng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vào kinh đô, nương tựa Pháp sư Minh Cập ở chùa Bảo Xương, cầu học Địa luận. Lại đến nương tựa Pháp sư Trí Ngưng ở chùa Biện Tài, học Luận Nhiếp Đại thừa. Đối với Thập Nghĩa Huân Tập sáu phần chuyên y, Vô Trần Duy Thức, trải qua một thời gian Sư đã tỏ ngộ. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại đến Tinh Châu, đến chỗ Sa-môn Pháp Lăng ở chùa Võ Đức, nghe giảng Kinh luận Địa Trì, nên Sư thành đạt được Thập Pháp Tam trì cùng tận cội nguồn.

Đến tháng bảy niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Dương Lượng làm loạn, Sư bèn cùng các Đồng bạn như Sa-môn Tố, Sa-môn Kiệt v.v... đi về hướng Nam, đến Bồ Phán. Khi đã đến quê cũ, Sư đại hành pháp hóa, trước tiên giảng Kinh Niết-bàn, sau ngài giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Và các Di Bộ thường luôn truyền bá. Đến lúc gần năm mươi tuổi, Sư chỉ hoằng truyền Kinh luận Địa Trì, lấy làm điểm cùng cực của sự răn dạy khuyến hoá, đặc biệt gọi là yếu luận khai Tâm, nên các hàng Đạo tục thành tượng đều thấm nhuần ơn pháp hóa, kết tông từ huân xa gần đều thông hợp. Nhưng Sư rất phòng giữ phiền não, lại cẩn trọng hiềm nghi dèm pha, nên đối với ni chúng đến nương tựa quy y, Sư chẳng từng đoái hoài dặt dấn. Sư từng bảo với đồ chúng rằng: “Người nữ làm dơ bản giới hạnh, trong Thánh Điển thường nói, Đức Phật độ cho họ xuất gia làm tôn giảm Chánh Pháp. Chỉ mới nghe tên đã dơ bản tâm, huống gì đối mặt mà không nhiệm ư? Và lại, Đạo quý ở thanh tịnh hiển hiện, chẳng can dự phi lạm, tục trọng xa hiềm. Người quân tử phải kính phụng. Tôi tuy chẳng bằng, nhưng xin vâng theo độ ấy”. Do đó, mà việc cầu xin thọ giới dạy trao, đến lúc tuổi già Sư chẳng hề bước đến. Nếu có muốn tham yết thừa hỏi, Sư cũng chẳng cho vào phòng thất. Đó chính là cốt cách nghiêm khiết chính mình, trong sạch trình thuần bước đi lên, nên các bậc tài giỏi ở Hà Đông hằng đồng với phong thái của Sư.

Trước tiên là có Sa-môn Bảo Trừng vào đầu đời Tùy ở chùa Phổ Cứu bắt đầu đắp tạo pho tượng lớn cao trăm thước. Cả muôn công thợ mới lên được một, chưa hoàn tất ước nguyện ấy mà ngài Bảo Trừng đã sớm thị tịch. Các

bạc lão tức kỳ đức trong xóm ấp thịnh Sư kế tiếp công việc ấy. Sư chỉ vì Đại tượng chưa thành, lại dất dẫn bảy quý mà tạo dựng. Tu tạo dựng xây suốt mười năm điều khắc điểm trang đã hoàn thành. Các hàng Đạo tục đều hoan hỷ vui mừng. Lúc đầu, vào tối hôm Sư nhận lời mời thỉnh thì nằm mộng đến bên sườn núi thấy có hai con sư tử ở bên cạnh Đại tượng liền nhả các hạt ngọc sáng tương tục không ngừng dứt. Khi thức giấc, Sư nghĩ rằng:”Thú Vương tự tại là biểu thị dòng Pháp chẳng mãi không vướng động. Châu báu tự phun nhả dụ cho Tài thí không cùng. Minh vận ngầm mở, công thành ở tại đây. Sư liền bảo công thợ đắp họa điểm thấy trong mộng ở trước Đại tượng Đức Dilặc, đến nay vẫn hiện còn.

Chùa ấy nằm ở phía Nam Bồ Phán, cao sáng xinh đẹp, phía đông gần đến Châu Lý, phía Nam trông tới Hà Sơn. Tôn tượng được thiết trí ba tầng, hành lang khắp bốn phía, trên phường dưới viện. Vườn bèn chặt ruộng raum vây quanh rử lại, nhỏ mà thành lớn, đó đều là do công lao của Sư, chứa nhóm công đức, từ không dựng tạo có, đều là do năng lực của Sư, nhưng Sư vẫn thường mặc áo thô xấu, ăn dùng rau lá, xem thường vật chất, quý trọng tánh mạng. Khi chùa Phổ Cứu đã đầy đủ, Sư bèn tìm chỗ tĩnh lặng để về nhàn, làm nên mà chẳng ý cậy, liền ở nơi u ẩn, ngày ngày giữ chí, chóng dứt việc người đời. Sư không hề bảo ban mà chúng tự nghiêm tịnh, chẳng bước ra mà chúng sinh tự tìm đến. Bộc Xạ Bùi Văn Chân Sùng Cư Thượng Tể kính trọng đức lệnh của Sư, từng dâng tặng hương hoa y phục. Thứ sử Đỗ Sở Dung biết Sư được người kính trọng nên đến xin cầu pháp. Sư có được những sự cảm động, đại loại đều như thế.

Đến cuối đời Tùy, bít lập Hà Đông, Thông Thủ Nghiêu Quân Tố trấn thủ tại Hoang Thành, một mình cầm đầu, nên tha hồ hung bạo, người đương thời chẳng ai dám trộm nhìn. Muốn bàn nghị các Sa-môn lên thành giữ gìn cho bền chắc, người nào dám can ngăn sẽ bị chém đầu. Các hàng tăng tục đều lo sợ, không ai dám trái nghịch. Sư tức giận từ bên trong phát ra, chẳng cần đoái hoài đến thân mạng, bảo với pháp thuộc rằng: “Thời thì có thịnh suy, nhưng pháp không có thịnh suy, khi trời chưa tan mất thì vẫn ấy vẫn còn tại đây. Vả lại, Sa-môn là khách ngoài trần, dấu vết vượt cao hơn đời, làm sao được cầm nắm giáo mác, ôm lấy áo giáp làm tên lính chế ngự ư? “Bèn dẫn các Sa-môn Đạo Tôn, Thần Tố bước lên thềm, giữ nghiêm sắc mặt mà can ngăn rằng: “Bần đạo nghe rằng: “Đối với người không sợ chết thì chẳng thể lấy sự chết mà làm họ sợ hãi”. Nay xem cái chết như sống, chỉ sợ không được cái chết ấy. Vì chết mà có ích là điều rất đáng can tâm. Tính sự mất còn của thành là mưu lược của ông. Ở đời có Vinh thái chẳng là vận của ông, đâu phải năm, ba hư tánh mà cứu giúp được ư? Xưa kia, nhà Hán kính trọng Tứ Hạo mà thiên hạ được thanh bình lớn mạnh, nhà Ngụy mến quý

Can Mộc mà cả nước nhà được đại trị. Nay muốn ràng buộc để theo Quân dịch thì trái với trời thường lấy hội Linh Kỳ. Sợ sẽ chuốc lấy điềm chẳng lành, dám bày nỗi lòng, nguyện tỏ mưu sâu, không nên dối rỗng bày, một mai tự nghiêng đổ, sau đó sẽ bị Thiên hạ chê cười. Nếu ông đòi lấy đầu, tôi sẽ hiến dâng Đầu, nhưng vì bốn nguyện nên phải lấy sự sống thừa bức sung vào bộ giáp thì không biết sống làm sao, chết làm sao!” Su trình bày lời ấy, những người đứng bên cạnh thấy đều sợ hãi. Lúc đầu, Nghiêu Quân Tố nghe lời can ngăn đó rất kính trọng từ khí của Su, chỉ trở mắt nhìn thẳng mà bảo rằng: “Kỳ lạ thay người này! Có sao tâm khí hùng mạnh như thế ư?” Nhân đó mà xả bỏ chẳng hỏi han. Quả nhiên đến chỗ Su mà tỏ bày sám hối, Nghiêu Quân Tố lấy sự giết hại, vô độ mà sánh với tâm độc hại, lại thêm nêu ý khinh thường lẳng nhục, tuy đương thời có được sự an nghỉ mà họa tạo nên điềm ấy. Cuối cùng bị người trong Thành là Tiết Tông làm hại.

Từ khi, Su lập tánh cứng rắn, chí quyết không đổi thay, gặp phải mọi sự tức giận động làm cá thối. Sau khi xuất gia, Su tự chê trách bốn duyên, bẻ gãy vô tình, càng tăng thêm hòa nhẫn. Đến năm ngài sáu mươi tuổi, hạnh ấy càng lớn, tu tập thành tánh, lời nói ấy thật chẳng sai lầm. Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Su thị tịch tại chùa Phổ Cứu, thọ sáu mươi chín tuổi.

Lúc đầu, Su bảo: “Bệnh không phải là sự khổ”. Tự biết cuộc đời của mình, nên bảo với môn nhân rằng: “Nay tôi đã bảy mươi lăm tuổi, tôi sẽ qua đời nội trong năm này!”. Đồ chúng cùng thưa hỏi Su rằng: “Thầy mới sáu mươi chín tuổi sao vội từ giã thế?” Su bảo: “Sinh tử là pháp như thị. Tôi không hề lo sợ. Và lại, lão tăng (tôi) tuổi chỉ gần bảy mươi, mà Thứ sử trông diện mạo tôi tăng thêm sáu tuổi. Nên mạng sống đó chỉ trong sớm tối. Cố gắng khắc sâu, nên xem vào sở hành của tôi!”. Su lại bảo: “Trong kinh chẳng nói ư? Thế gian rất mong manh không được bền chắc”. Khi Su thị tịch, suốt ba ngày, chuông chùa gióng không phát ra tiếng, sau đó trở lại như cũ. Mọi người điều buồn than.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô

Thích Đức Mỹ, họ Vương, người ở xứ Lâm Thanh thuộc Thanh Hà. Từ lúc nhỏ bẩm tánh Su đã vốn thích điều lành, mở miệng giảng nói thường bày tán tụng, nhóm đất cát vui đùa thì trước là làm ảnh Tháp, mỗi lúc thấy hình tượng, nhận biết liền kính lễ. Do vậy mà quyến thuộc thềm lấy làm lạ, biết Su không thể tiếp tục nói dối, nên mặc tình để Su theo thầy học tập. Năm mười sáu tuổi, Su giã từ cha mẹ đến những nơi rừng núi đồng hoang, phỏng tìm Danh hiền, để làm thầy mình.

Đến năm mười chín tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia, Sư cẩn trọng khiêm nhường cung kính, chuyên suy nghĩ hạnh nghiệp. Tuy các kinh luận, Sư đều học nhưng chỉ lấy luật làm cốt yếu trong tâm. Nên đối với luật Tứ Phần, Sư thông hiểu Tông hệ, tìm cầu bạnh lành chẳng kể gần xa, Sư nghiêm khiết tự cố gắng, chẳng đồng với phi loại. Vào những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Sư xét Phong hóa ở chốn kinh đô, Thọ Trì giới luật, lấy việc lễ sám làm hạnh nghiệp chánh. Nhân đến núi Thái Bạch, Sư trì tụng Kinh Phật Danh mười hai quyển. Mỗi lúc hành sám, Sư vừa tụng vừa lạy, mọi người cho đó là Tổng Trì Niệm lực, công cách Niết-bàn. Tại núi Thái Bạch Cửu lũng trước kia vốn có Thiên sư Tăng Ung, là vị danh tăng đạo hạnh, nhân đó, Sư lại đến kính thờ, tôn làm thầy, Sư theo thọ nghĩa nghiệp, chóng nhiệm âm lạnh. Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tuệ Vân.

Gặp được Thiên sư Tĩnh Mặc, Sư lại nương tựa cầu học. Ngài Tĩnh Mặc là đệ tử thân túc của Thiên sư Thiện Đạo, khéo vâng thừa Tín hạnh, rộng làm công đức chủ, khổ tiết kiệm ước thân tâm, không mặc y phục bằng lông da gấm lụa. Ngài Tĩnh Mặc theo học với ngài Thiện Đạo, thấy nghe học đó, vang vọng khắp kinh đô, riêng kết quy tục chúng. Sư nương theo ngài Tĩnh Mặc có hơn mười năm, ba nghiệp thuận theo, rất được mến đãi. Do đó, mỗi năm Đạo Tràng lễ sám sắp tan, cách kỳ hạn bảy ngày, gắng thêm mạnh mẽ. Với Kinh mười lăm ngàn danh hiệu Phật, mỗi ngày Sư trì tụng một biến, tinh thành đạt đến có nhiều diễm lành, từ đó đến lúc qua đời, Sư trì tụng có hơn ngàn biến. Nên ngài Tĩnh Mặc rộng giúp cửa Phước Khai ngộ các hàng sĩ tục, rộng mời đại chúng, lớn bày đàn việt, lợi dưỡng kết quy ở chốn kinh đô thì đó là nơi tốt đẹp hơn cả. Tuy chứa nhóm mà lại hay tan, nên người đương thời lại quý trọng. Ngài Tĩnh Mặc từng đến trụ chùa Hưng Thiện nhóm họp ngàn vị tăng hành Đạo. đến lúc mãn kỳ, cúng dường riêng mỗi vị mười xấp lụa mỏng, gần đến giờ tan, bên ngoài đến đông gấp bội, vị tăng chấp sự sợ thiếu nên y cứ theo tên mà giao vật. Ngài Tĩnh Mặc nghe thế, bảo rằng: “Sao có lý ấy, chẳng thành nghĩa tăng, nếu như ước cắt thì Phạm Thánh khó biết, chỉ nên cúng dường chớ lo thiếu hết”. Trước đó, trong kho không chứa để một thứ gì, mọi vật đều đưa ra lúc tan hội. nhưng khi thiết Đại hội, bày chúng đều nhóm họp, vật thí chất như núi, mới cũ đều sung vào. Khi đó mọi người đều kính trọng, cho rằng: “Ngài Tĩnh Mặc chí lớn mà đặt để xa nên khiến Linh kỳ thâm giúp đỡ. Nếu không như vậy thì ai nhìn thấy mà không sợ ư?” Nên từ những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (616) đời Tùy, mỗi năm có cúng thí lớn. Thẻ lệ đều như thế. Đến lúc sắp thị tịch ngài Tĩnh Mặc giao phó cho Sư nghiệp dụng ruộng phước rộng khắp ấy, Sư kính trọng thực hành. Nên đối với hai thứ ruộng phước Bi và Kính, mỗi năm thường cúng thí. Hoặc cấp cho

y phục, hoặc cứu giúp bằng lương thực. Và những nơi tạo Phước phần nhiều hay thiếu thốn, Sư đều đến cầu tạo thông và đều cấp giúp cho. Lại đến cuối mùa Hạ, các chùa thọ Bồn (cúng dường Vu-lan) hễ nơi nào có Bồn, Sư đều đưa vật đến. Nên người đời gọi đó là “Phổ Bồn tiền”. Tại chùa Thiên Định thực hành việc ấy thường luôn chẳng dứt.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp, vào mùa hạ Sư mời ngàn vị tăng suốt bảy ngày hành Đạo, bỗng cảm một người lạ hình phục sáng rỡ đi đến, báo với Sư rằng: “Trời đã trở nóng, sao không lấy bánh để cúng dường?” Sư nói: “Bột dễ làm, người nhiều bánh hư, làm sao có được?” Vị ấy bảo: “Dễ thì hãy làm, và lại ngà ba mươi học bột, làm trong hai ngày, bánh không hư đâu!”. Sư bèn y theo lời mà cấp. Vị ấy lại chỉ nói: “Làm nhiều bình nước, các thùng phần nhiều chứa nước lạnh. Sáng mai thiết bày”. Nửa đêm thức dậy, lấy bột đánh nhồi trên bàn, cõ động người vật, các hàng tăng tục nhóm họp để xem, kinh loạn cả tai mắt, chỉ phút chốc đánh cắt bột xong, gần đến một nửa, bảo người đem nấu, tùy bánh chín trong nước, thì tự đem vớt lấy. Đến lúc sáng sớm dâng cúng bánh, đều ăn rất mềm, chọn lựa khó đoán, cả ngàn người đều no và cùng vui mừng thư thái, thử tìm người thợ, hỏi khắp không biết đã đi đâu. Và bánh còn lại trong các thùng nước, ngày sau đem ra dâng cúng chư tăng, mới hết kỳ hạn mà không một cái thối hư. Cái đại chúng đều vừa buồn vừa vui cảm thông sự ứng hiện ấy.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường. Chùa Hội Xương mới bắt đầu xây dựng, lại thỉnh Sư đến ở đó. Sư bèn đến Tây Viện xây dựng sám hối Đường, tôn tượng thiết bày trang nghiêm rực rỡ, đường vũ rộng thoáng. Hành lang khắp bốn phía, phức điện lại nhiều lớp cao thoáng, Sư thệ nguyện cùng các chúng sinh dứt bỏ nghiệp ác, giữ gìn lân dài lễ sám khiết tịnh phương đẳng. Hễ vị nào muốn tấn Đàn thọ giới cụ túc, thì trước tiên phải đến nương tựa tẩy rửa thân tâm mới lên đàn vị. Lại có lúc bỗng nhiên giếng nước tắm gội tự khô cạn. Tăng chúng đang ở tại chùa không làm sao có nước để tắm gội mà lễ sám. Sư bèn bưng lò hương đến giếng, tha thiết gia tâm cầu cáo, liền đó giòng suối tuôn chảy, trở lại giống như ngày thường. Bấy giờ, mọi người cùng tôn kính.

Sư chứa để Xá-lợi cát trong hộp báu, hễ đến nơi nào thì đều mang theo để cúng dường. Thường nơi nào tạo tháp đều thỉnh cầu để rải tán, trăm viên ngàn viên, hễ cần bao nhiêu thì Sư cung cấp. Bởi sự Tinh cần khổ thiết cảm nên, hễ tan liền đầy. Do đó, đức tin càng thêm lớn mạnh. Sư cầu khẩn không dứt. Lại nữa, mỗi năm sang mùa Thu hạ, Sư thường đi chân không, sợ giẫm đạp các loài trùng kiến. Từ tế luôn nằm trong ý Sư. Hoặc đi bằng thuyền bè, suốt một mùa hạ Sư không ngồi, hoặc học dứt lỗi, suốt ba năm không nói, hoặc bắt chước theo hạnh Bồ-tát thường Bất khinh, lễ bái khắp cùng bảy

chúng, hoặc đồng tiết chế ăn uống một trong bốn phần. Những tạp hạnh như thế hình tướng rất nhiều, tức tự lược buông, rất khó nên đủ. Lúc còn sống Sư luôn nghĩ tưởng chuyên hướng về phương Tây, miệng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà cho đến lúc qua đời.

Đến ngày hai mươi sáu tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư chấp tay xưng niệm Danh hiệu Phật mà thị tịch tại phòng viện trong chùa, thọ sáu mươi ba tuổi, bèn rước đến Nam Sơn, chim cú Tai mèo kêu réo ở gò đồi. Sau đó, thâu nhật di cốt và xây Tháp tại hang Ngạnh Tử để An táng. Các đệ tử Sư dựng lập Văn Bia nơi chùa Hội Xương, do thị trung Vu Chí Ninh soạn văn.

Lại nữa, tại Kinh Ấp có Sa-môn Đàm hiền cũng lấy hạnh nghiệp Hoằng Phước theo cách thức của các bậc Tiền hiền, tự thân tạo thành khuôn phép, mọi người đều suy tôn kính lạy. Chỗ Sư tạo phước nghiệp tùy nơi chốn đều thành, nên điện Phật chùa Từ Bi là chỗ Kinh dị của đương thời. Do người đời kính đáo, nên chẳng nói rộng.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô

Thích Tuệ Trụ, họ Vương, người ở xứ Bồ Phản thuộc Bồ Châu. Thuở nhỏ ở trong cửa Đạo, Sư ưa chuộng phước nghiệp. Sau khi thọ giới Cụ túc thì Sư học Luật Tăng Kỳ. Đến năm ba mươi tuổi, Sư lại chuyên về Thiền tụng, sớm tối nối nhau, xem trọng Kinh Pháp Hoa. Sau, Sư đến trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Ấp. Bắt đầu xây dựng cơ cấu đều giao phó Sư, hơn bốn mươi năm Sư không hề nói lời mỗi mệ, nên khiến tháp chín tầng nổi giữa hư không, mái hiên nhiều lớp, Điện đường Viện Vũ, mọi việc đều viên thành. Sở dĩ cây trúc rậm tốt, vườn tược vây quanh, nước đất trang điền, kho lẫm bèn chặt, trong kho cất chứa mọi vật thường đầy, không gì chẳng nhờ Sư ở kinh đô, không đâu hơn chùa ấy, coi sóc trước sau công phu thật chỉ do một người.

Đến năm sáu mươi tuổi, Sư bèn từ chức mọi việc của chư tăng. Đại chúng cho rằng Sư cần khổ đã lâu, hãy nên tạm nghỉ. Gặp lúc có cơ duyên đoán quyết đều đến hỏi han Sư. Trong chùa có đủ Tịnh nhân, không đáng phải làm việc. Sư bèn chọn lấy hai mươi người cho học về cổ vũ. Thường đến ngày lễ hội, bày nhạc trước tượng, khắp bốn phương xa hỏi xem lấy làm vui mừng. Nên nam nữ đều nối gót truyền nhau, âm thanh kỹ thuật tối cao so với thế tục. Gặp lúc khổ hoạn cùng khốn, Sư tự biết sẽ thị tịch, bèn dùng nước nóng thom tắm gội, sửa sang y phục, bảo rằng: “Tôi có chút tội nhỏ, phải chịu bệnh nặng. Do việc tạo dựng đào bới đục tạc nên như vậy”. Đến lúc Sư sắp tịch, hơi khí lời tiếng Sư không mờ tối, bảo với đệ tử rằng: “Trả nợ đã

xong, giờ tôi đi đây!”. Nói xong Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc đầu để lộ bày di hài, sau mới thâu nhặt để an táng, xây ngôi tháp vuông, dựng lập bia minh.

Bấy giờ, ở chùa Hội Xương tại Kinh Ấp, có Sa-môn Pháp Tổ là người lỗi lạc khác thường, tiết tháo kỳ đặc cao vợi, thường làm mọi thứ kỳ lạ. Bôn sư của Sư là Sa-môn Trí Khải, chuyên thực hành khuyên tu tạo. Xưa ở tại Giang Biểu, hễ Sư đến đâu thì đều thiết bày đại hội đông đến muôn người, đầu đêm mới báo, đến sáng ngày bèn đã làm xong. Đại loại như thế, chẳng phải chỉ một lần. Đến cuối đời Tùy, ở Kinh Đô Thành tự giữ vững chắc, xương người đói chất cao như khối. Tại chùa ấy có hai pho tượng bằng vàng, mỗi tượng cao một trượng. Sư không nỡ nhìn thấy sự khốn cùng nguy ách ấy, bèn lấy một pho tượng nung lửa phá tan để mua gạo nấu cháo cung cấp cho người đói. Chẳng bao lâu, gạo hết, Sư lại muốn lấy phá như trước. Khi ấy, Sa-môn Biện Tướng cùng với Chư tăng v.v... chống cự gìn giữ không cho. Sư bảo: “Các Đại đức chưa biết chí lý. Xưa kia, Đức Như Lai lúc đang tu nhân địa, vì các chúng sinh mà còn chẳng mền tiếc đầu mắt tủy não, hoặc sinh làm núi thịt, hoặc chết làm cá lớn để cứu giúp mọi loài đói khổ. Có sao khi đã thành chánh quả lại tham tiếc thân biến hóa. Các Đại đức nên biết, nay một pho tượng này nếu chẳng tuệ cấp cho chúng sinh, thì sau khi thành cũng sẽ bị hủy hoại theo, như vậy vùi lấp lăm người, đâu bằng Pháp Tổ tôi nay chỉ có một thân!” Chúng không chấp thuận, đến ngày Ngụy Trịnh đánh ập thì pho tượng ấy bị phân tán trước, đúng như lời Sư nói. Nhưng ngôn hạnh ấy quý quyết, hiểm nguy mà khó mà vâng theo, những trường hợp ấy chẳng phải chỉ một lần. Sau, Sư đến Kinh Ấp và thị tịch tại chùa Hội Xương.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu

Thích Trí Thông, họ Trần, người ở Tử Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp sư Chánh Đạo. Sau, Sư tụng kinh Pháp Hoa và giảng tại núi Ngưu Đầu. Sư khéo nghiêm trì oai nghi, kính giữ giới pháp, trình thuần cần khổ. Sư hàng phục Hoàng lão, các hàng sĩ nữ tấu chương thầy đều nương tựa có đến năm mươi người, xa gần đều lo sợ. Chùa viện được thành tựu chỉ mình Sư suốt trước sau, cả đại chúng đều khiếp sợ, không ai dám chứa đê của cải riêng. Có hai con chim oanh vũ cứ đúng thời đến nghe giảng Pháp. Sư giảng có hơn trăm biến, trong đó có hai lần phát ra ánh sáng.

Đến ngày mười ba tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiền Đường. Sư bảo tăng chúng rằng: “Tôi tạo lập chùa núi, cần dùng có thể đến mười vạn quan tiền, chỉ tiếc chưa được hoàn bị, nay phải vĩnh

biệt rồi!”. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ chín mươi bảy tuổi. Sư tịch ngay lúc chúng tăng đang tiểu thực, khắp các chùa, các phòng nhà đều rung chuyển và biến thành màu trắng khoảng chừng một bữa ăn.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Tuệ Chân trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu

Thích Tuệ Chân, họ Bàng, trụ chùa Thông Tuyền ở Tử Châu. Thân Sư cao tám thước. Sau, Sư đến nghe Pháp sư Hạo giảng Tam Luận, và lãnh ngộ được huyền chỉ. Phước lực Sư trùm khắp đủ, Thục Châu từ xa suy trọng. Khi Pháp sư Hạo về lại phương Nam, có được hai trăm bộ pháp phục ca-sa, Sư đem dâng tặng ở đầu đường. Mỗi năm vào tháng giêng Sư tổ chức tụng đọc Tạng Kinh, cả ngàn vị mặc pháp phục ca-sa, Sư dâng cúng không thiếu sót. Sư thường giảng dạy Tam Luận, thính chúng có hơn trăm người. Bỗng có một hôm đang ngồi trên toà cao mà tâm trí dường như ngủ gật, thấy có một người bảo với Sư rằng: “Ở đầu núi phía Tây khéo nên tu tạo tôn tượng Phật lớn”. Khi đã tỉnh giấc, Sư xuống toà, dẫn chúng đi xem, quả đúng đáng tạo tôn tượng hai bên có dòng suối chảy. Sư liền bảo thợ làm đá đục tạc làm toà và thân tượng cao một trăm ba mươi thước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiên Đường thì công việc thành tựu mỹ mãn. Khắp bốn phương đều nhóm họp, các hàng đạo tục có ba mươi ngàn người đều vui mừng với tôn nghi ấy. Từ trong miệng pho tượng ấy phát ra ánh sáng màu trắng rực rỡ xa gần mọi người đều đồng kính ngưỡng.

Trước đó có một con ngựa, mỗi ngày đi năm trăm dặm, từng trải trong các quân trận, các con ngựa khác đều chết, chỉ một mình con ngựa ấy sống còn trở về. Đến tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, bỗng nhiên nó tự kêu ré, bỏ ăn ba ngày. Sư nghe thế khắp mình nổi óc. Có một vị tăng lạ tên là Thập Lực nói với Sư rằng: “Ngựa già biệt chủ, Chủ sẽ đi trước, ngày mười lăm tháng giêng năm tới vào lúc giữa trưa sẽ nhập niết-bàn, Pháp sư nên ban trái tất cả tài vật không nên để lại về sau, đối với tự thân đâu có ích gì?” Nói xong, vị tăng lạ ấy biến mất. Sư chẳng biết nguyên do thế nào, nên việc trước tiên là Sư tạo Tạng kinh, thỉnh chư tăng thường xuyên đọc tụng, mở cửa đại thí. Những người thuộc hai thứ ruộng phước Bi và Kính ở bốn phương xa đến Sư đều dâng cấp. Đến cuối năm qua đầu năm, Sư lại thỉnh chúng tụng kinh, hành đạo suốt hai mươi một ngày, các tục duyên côn quý trong ngoài đều nhóm họp. Đến ngày mùng tám tháng một (năm 641) có mùi hương thơm xông ngát khắp chùa. Các hàng Đạo tục khắp trong xóm ấp đều nghe được mùi hương thơm lạ nên xả tán nhóm họp về núi. Đến ngày mười lăm hơi thơm vẫn còn chưa hết. Từ sáng sớm đến giờ Ngọ cây cối, đất đai trong vườn nhà đều mọc hoa sen. Đại

chúng thấy điềm lạ, biết Sư sẽ thị tịch. Sư bảo: “Tướng tốt đã hiện, không chờ đợi đây”. Bèn ban thí, dùng bữa sáng xong, tay Sư bung lò hương đi nhiễu quanh tôn tượng Lô-xá-na ba vòng, rồi về lại trước tôn tượng Phật, quỳ thẳng thân mình, giữ chánh niệm. Bất chợt Sư thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Lưu lại lễ tang đợi mãn mà mùi thơm vẫn còn, huynh đệ còn có ba người, mỗi người xả thí năm mươi vạn quan tiền đến chỗ Sư thực hành Tăng Đức thí và Bi điền, làm tháp đá cao năm trượng, nơi khám có đặt giường dây, nâng đưa nhục thân Sư vào tôn trí trên đó, qua hơn trăm ngày vẫn không ngã đổ. Các hàng đạo tục có hơn vạn người đều buồn khóc liên tục không thôi.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô

Thích Tuệ Vân, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Tổ tiên xa xưa của Sư lánh đến ở Cửu Giang. Từ thuở nhỏ Sư đã ưa thích sống đạo, nên tìm đến chỗ Sa-môn Trí Giai chùa Đại Lâm ở Khuôn Sơn mà xuất gia. Ngài Trí Giai cũng là bậc tiêu lãnh ở đương thời, rất có tiếng tăm xuất thế. Nhưng Sư hăng hái với thời tục, siêng năng cố gắng nương theo, nên khác thường luân, chẳng bó buộc bởi vật lụy, từ đó đại tiết đại vụ riêng lưu tâm.

Bấy giờ, Sư vừa hai mươi lăm tuổi, có Thiền sư Đạt là người mà khắp các nơi trong ngoài Giang Hoài hễ có làm việc gì mà không được toại ý thì đều đến cầu thỉnh. Sư vì chùa miếu bị hủy hoại nên đến thỉnh mời, mà Thiền sư Đạt không hứa thuận. Sư đem nguyên do đến báo mà chẳng được giúp đỡ, bèn xin được chết. Thân ngã xuống đất, nước mắt nước mũi ràn rụa chảy đầy khắp cả năm thước. Lại gỡ đầu xuống đất, sung bầm xanh tím che phủ mắt, lại thệ nguyện rằng: “Nếu không thỉnh Sư đến được thì Tuệ Vân tôi cũng gieo mình xuống sông”. Thiền sư Đạt thấy chí ý Sư lớn mạnh bỗng nhiên thay đổi ý. Sư liền báo trước với các hàng đạo tục tại đó đến đón hầu, làm sạch cỏ cây nhìn thẳng đến núi. Đường đi không có lối tắt, giữa đường gặp phải đàn hổ, cũng không rảnh để đưa mắt nhìn, thỉnh Thiền sư Đạt đến núi, phải có Kinh thi, nên ngược dòng đến các chỗ xem xét công đức. Bấy giờ, gặp lúc tiết động giá lạnh, băng tảng ngăn cản đường thuyền, đổ cát đỏ ùn làm trở ngại người và thuyền. Sư bèn gấp buộc xiêm y, phá băng tuyết, kéo neo thuyền, từ eo khô trở xuống, văng băng xé rách thịt máu chảy ra ngưng đọng mà Sư chẳng hề biết khổ nhọc. Từ đó thuyền đi được hơn hai trăm dặm mới lên đến chỗ. Sư có sự khản thiết chí thành khó có ai bằng được, đại loại đều như thế.

Đến đời Tùy, khắp trong ngoài, giặc nổi loạn. Có Lâm Sĩ Hoàng nhóm chúng tại Dự Chương, xưng còn là vua nước Sở. Ngụy Thượng thư lệnh Bà

Dương Hồ Tú Tài đích thân dẫn sĩ chúng đến đóng tại Cửu Giang, nhân cảm Phát tâm, mừng tả thụy tượng Bồ-tát Văn Thù ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, khắp chỗ trong vùng đang trấn thủ tìm người trông coi, các hàng đạo tục đều bàn cho là Sư người có sự đặc biệt xuất chúng, cao nhã đáng chọn vào ở đó. Lô bệ đã làm, chỉ còn nung đúc theo khuôn thì Quang nghi hoàn bị, nhưng ở hai chỗ nơi cổ và sườn hông tôn tượng có lỗ hỏng. Mọi người lúc đó chưa tỏ ngộ điều gì. Năm đó, Hồ Tú Tài vâng sắc tìm chỗ có tôn tượng sắc vàng một trăm hai mươi lượng đựng đầy trong ống trúc. Sư vì bọn giặc đây khởi như ong, không cách gì gìn giữ nên đều giao phó hết cho Hồ Tú tài. Và Sư lại đem một vòng chuỗi hạt bằng đồng và ngọc mà Sư thường niệm tụng giao phó cho Tú tài làm tin. Đi đến cung đình, các quân sĩ xin phước. Tú Tài tiện gió bèn căng buồm dẫn trước, đến giữa dòng gặp phải sóng gió, thuyền bị chìm, mọi thứ của cải đều trôi dạt hết, chỉ có người lên được bờ. Tú Tài không tiếc gì, chỉ tiếc mất tôn tượng sắc vàng nên phiền oán trên bờ sông, khóc than không dứt, thệ nguyện không thành thật là do nghiệp. Trong chốc lát ống trúc vàng theo sóng ngược dòng và vòng chuỗi đồng ngọc trước sau nối nhau trầm ẩn hướng theo bờ đến chỗ Tú Tài. Đã được lại tôn tượng sắc vàng, khắp mọi người đều reo hò mừng vui vô hạn. Tính từ chỗ bị đắm thuyền đến nơi ra khỏi bờ xa hơn ba mươi dặm, lại trôi ngược sóng cùng đến trao, Quân dân đều lấy làm kinh lạ linh cảm. Đến lúc Hồ Tú Tài gặp phải kẻ hại dùng mũi nhọn đâm thủng ở cổ và sườn hông, thì rất hợp với tôn tượng.

Ban đầu, Hồ Tú Tài muốn đánh giặc, đem vàng gởi người chú là Thiền sư Hiếu. Đến lúc Sở đô đã lấp phủ, quân giặc giao xâm, Thiền sư Hiếu dùng vải bố thô xấu gói vàng mang vác theo cùng lánh nạn, chẳng khỏi bị giặc cướp lấy. Đã mất tượng vàng lại không có cách nào cầu lấy lại được, sau đó có người từ trong bọn giặc lại trộm lấy vàng đem đến cho Thiền sư Hiếu, nhưng không biết đó là vàng của Thiền sư Hiếu mang vác bị mất. Thiền sư Hiếu có lại được vàng bèn đem giao cho Sư làm thành tựu, tướng sáng vượt trội, nay hiện còn tại Sơn Các.

Lúc đầu, lúc đúc tượng, có Lý Ngũ giới phát nguyện rằng: “Nếu đến ngày đúc tượng vàng thì nguyện sẽ đốt một cánh tay”. Vì Sư làm khuôn hoàn thành sớm bèn đúc trước ngày đã hạn định. Lý Ngũ Giới không biết đã đúc bèn mộng thấy tôn tượng bảo rằng: “Trước đây ông nguyện đốt cánh tay, vì sao lại trái với đức tin ư?” Sau khi tỉnh mộng, Lý Ngũ giới nhân đó mới biết là tôn tượng đã đúc xong, liền đối trước tôn tượng dùng dao chặt cánh tay, lấy vải bố bôi sáp buộc vào mà thiêu đốt. Lại cảm có nhiều điềm ứng, ở đây lược bớt việc ấy.

Sư vì sông nước quanh co, nhiều lần gặp bọn trộm cướp, kinh luận tuy chứa nhóm mà giới luật chưa sâu rộng, bèn từ xa đến chốn kinh đô, đích thân

tham dự học phủ, gặp được Luật sư Thủ đang mở mang giáo hóa, rất hợp với bản chí, Sư vừa buồn vừa vui, bèn tìm tòi góp nhặt thực việc, rất có tiếng tăm nơi Triều đình. Vua bèn ban sắc bảo Sư trụ chùa Hoằng Phước, mà dung mạo Sư cao lớn, mặt nhiều râu ria, nói năng thành chương cú, mọi người đều nhận biết. Sư lại riêng có tài năng đọc tụng, chững chạc oai dung, nên những nơi thiết bày trai hội tu phước thịnh chur tăng đông nhiều, Sư thường ngồi hàng đầu. Các hàng công khanh sĩ thứ ngồi bên cạnh tâm rỗng không, một lần giờ năm quyển chỉ chốc lát đã xong, không hề nghe Sư vấp vấp, mọi người không ai chẳng ưa chuộng, nhưng Sư là pháp khí, ngay nơi mắt cho nên lược không trình bày.

Thử luận bàn:

Phàm, tướng Trú Trì, có nhiều trường hợp, nhưng bao gồm mà nêu nên tinh yếu thì chỉ có hai thứ, Đạo Pháp truyền bá rộng ở đời thì lắng tĩnh đảo điên, dứt bật nguồn sinh. Tướng Pháp được giữ gìn thì dần dặt kẻ tối tăm, khai mở tai mắt cho họ vậy. Đường chung đã mở, muôn đời kính vâng phong hóa khôn phép ấy, tuy hoặc khoảng giữa có nhỏ nhiệm nhưng chung cùng cũng y cứ đó mà thành phép tắc.

Xưa kia, Đức Như Lai mở đầu hoằng hóa, chùa viện khai mở từ nguồn của Tu-đạt (Cấp Cô Độc). Tháp hiện xưa nay, ban đầu chỉ chứa đất đắp dần dần, duyên theo đó về sau việc Phước càng lớn. Mốc của Vô Ưu là rừng rậm, vườn của Hữu Tín là sao bày. Từ khi ngài Ca-diếp Ma-đăng vào đất Lạc Dương, mở mang tướng đó trước, dùng vườn nhà làm chùa, Tăng ni hiển bày cửa phước xuất tục, đồ họa để khai mở nương tin. Biết thần công của Hóa chủ, nên có xếp bày chùa có cả ngàn ngôi, tu sửa tháp có mấy trăm. Trước tu nêu lên hoa vọng, sau tiến tới lại cao kỳ. Nên có được chùa vàng xúc chạm tới mây, bốn phương xa nhìn mà nghĩ nhớ kính ngưỡng. Đài báu giá xoay, bảy chúng mong ngóng để biết chỗ trở về. Đều là bến bờ đầu tiên để mở Đạo, quyền thuật để nhiếp độ. Còn như dẫn gió sửa các, hiện bày sự chí thành sâu sắc của ngài Tuệ Đạt. Truyền tiếng để dừng độ, thật là thông cảm của ngài Trí Hưng. Ngài Tăng Minh chí khí mở bày di tượng gởi gắm. Ngài Tăng Hoảng tiết tháo cảm động cả U Minh. Đạt Công nhờ sông Phù mà nhóm họp được gỗ quý. Ngài Đức Mỹ nhờ Minh Thánh mà thiết lễ cúng dường, ngài Tuệ Vân trình thuận oanh liệt, vàng ròng nhờ đó mà chẳng chìm mất. Xem xét như thế đều không có nguyên do đưa đến. Thế thì trông coi mọi việc, luận nêu bày lụi mất, đều do chí tiết vốn thiếu, tình chẳng khéo léo, đưa đến trải qua khó khăn trái nghịch, bèn thiếu thệ nguyện, công bại duỗi thành, nghĩa đáng ở đó.

Xưa kia, Đức Như Lai còn ở đời, tự thân sửa sang cửa viện, nhóm tập công việc chúng tăng, chẳng phải Thánh mà không giẫm qua. Ngài Ca-diếp xây dựng năm ngôi chùa thường đập bùn đất, ngài Mục-liên đảm nhận trị nguyệt, thường phải quét đất, do nhờ phước sự ấy lại mà dẫn dắt càng xa. Hàng hạ phàm noi theo nên là thường khoa, mà khoảnh đời thuận lưới, thường lấm luống dôi, thấy tô đắp tháp cho là kẻ tầm thường, thấy kéo gỗ bảo là dựng hàng, người xuất Đạo không thích nghi, thực hành bố thí vào trong thế tục dứt mất tâm thanh tịnh. Lời ấy chẳng thường, rất trái với khuôn phép chánh. Nên quả báo ở cõi trời là quý, còn hành khất trong nhân gian. Quả Thánh là cao mà còn bị đói khát trong Tăng Bộ. Hạng như thế thật có rất nhiều, chỉ lược nêu thì có thể biết! Cho nên Phước Trí hai thứ trang nghiêm, không Hữu hai đế, Đại Kinh Đại luận nêu bày cương du, thì có thể thừa tiếp, khó bác bỏ. Và lại, tự ở đời có các thứ phước, lưu chửa nhiều dòng, nương tựa kinh liễu nghĩa, trình bày nghi ngụy.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo phục hưng, chân nguy lẫn lộn, sợ trái với Di Kỳ, vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc cho Sa-môn Pháp Kinh xem xét phán định chánh bản. Do đó, ngay trong mọi người tạo ra có hơn năm trăm quyển, đều thiêu đốt hết, những thứ khác chẳng hết thì tùy phương mà lưu xuất. Trở lại các Kinh tạng chỉ ghi chép chánh Bản gồm tất cả thì có hơn ba mươi ngàn quyển, ngoài ra Biệt sinh tạp tập đều không ghi chép. Còn như Nghi Ngụy có lúc lại sao lục, đó là do chưa từng đào luyện, nên đến nỗi có xen lạp như thế. Thứ vì luận bàn, thì như “Dược Sư hành sự” vốn lưu xuất từ triều đại Tiền Tống, lại xếp vào nghi ngờ, rất còn duyên theo thế tục. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, do ngài Ngạn Tông ở Lạc Thủy phiên dịch, nghĩa tiết hoàn toàn đồng nhau, văn nêu bày ít lược, đó thì Phạm bản có chứng cứ, là cội gốc của phước đức. Nhưng vì ở đời “Duy tướng” có “Phi tướng” lấy đâu mà hiểu được tâm. Bậc Đại Thánh tùy hợp căn cơ, mặc tình vật loại mà phô bày pháp yếu. Người y như lời dạy mà thực hành thì rốt cùng sẽ dứt trừ, sợ xen lạp vào lòng mình tự thiếu sót danh thật. Nên trong văn ấy nói: “Miệng thì nói không, mà thực hành thì ở trong Hữu”. Thật là nói được. Hoặc có người siêng năng khổ nhọc, hậu cúng càng lớn mà sự mong cầu không ứng, thì do nghiệp ở quá khứ bền chắc rõ ràng, nhất định phải đền trả. Nên trong Văn có nói: “Chỉ trừ ương trái đời trước, ngoài ra có thể thoát”. Cho nên nghiệp không có định, đều có thể chuyển trừ. Mặc tình cho nghiệp tăng sinh thì không thành Thánh nghĩa, cho nên trong kinh nói về Pháp sám là y cứ vào nội tâm. Nếu có tâm hổ thẹn thì mất, không có tâm hổ thẹn thì nghiệp ấy có. Ba quả báo nặng nhẹ đều hiển bày Niết-bàn, sáu căn thuần nhậm cũng nêu bày Thật quán. Vậy dù biết ương trái xưa chẳng thỉnh cầu, trường hợp là

khác thời. Thông ứng các lý giáo, nghĩa phải ẩn gồm. Lại còn có “Phổ hiền Biệt hạnh”, “Kim Quang Tổng Sám”, phần nhiều kết quy về chúng thanh tịnh mà sự thì trái với thông tục. Nếu có hành sự thì chấp trước rất nhiều. khắp bảo tuy đến, đều thiếu sót pháp lợi. Nên trong Văn ấy nói: “Các Biển Nghiệp Chương từ vọng tưởng mà sinh, phải thấu rõ vọng mới dứt hết nghiệp trước”. nay thì duyên niệm đây kia, Ngã và Ngã Sở cả hai đều còn, ý tưởng điên đảo càng thêm, nên khó ứng hợp với Thánh Nghĩa, thế trần không thể biểu đạt được chân, Thức có sáng thì mới tỏ suốt tục. Ở nơi phạm phu hạ vị mà thực hành dần như thế, thuận theo xưa thường huân, lý chẳng thuyên ngộ.

Pháp Sám Phương Quảng ở đầu thời nhà Lương, ở tại Kinh Tương, vốn bị dịch bệnh gây nên, chí thành khẩn cầu hồi quá, xót xa nghiệp hạnh ngày trước, buồn thương chua xót, khiến tôn tượng đưa tay, sự đau khổ bỗng nhiên được bình phục. Nhân tật bệnh cùng nặng bèn rộng ban nơi đời. Bèn y vào các Kinh toát yếu thành Bộ, đánh tiếng thường hòa, động phát thường lưu bố. Bàn nói về tội duyên đủ khiến mờ hôi đổ, lệ rơi, bao gồm cả Phước mừng, khiến cho Tạng phủ đều dứt hết, trăm ty lấy để tri, một ngày muôn hóa, chỉ thông một Đạo, kịp thời giúp đời. Xét đáng vui mừng, nhưng tiếc là kinh lưu xuất chẳng phải Bản, Sự cần phải phẩm Tảo sáu căn Đại sám, bản ấy chỉ Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thân hành, tình kính lặng biết. Cho nên trong Văn nói: “Muôn phương có tội, chỉ tại mình tôi, đáng do căn thức chưa điều, cho nên khiến tình trần lạm nhiễm”. Mỗi năm riêng rộng hành trì, bỏ vật báu lớn mà sung cấp cho kẻ tội tở. Tâm lực trùm khắp nên khiến đất đai rung chuyển mà trời giáng điềm lành. Đó là xứng với Phong mỹ, chứa Thành phép tắc thường hằng. Có Trần Chân Quán nhân đó mà rộng ra, chỉ vì Văn từ thanh hoa, tâm hành rất lọt lạt. Vốn là, thiết bày sám hồi, việc tại chuyên thuần, muốn khiến can đảm lộ bày trước chúng, Hồ then thành tựu ngay ngày đó, nên tội dứt phước sinh, lời nói việc làm đáng nương tựa. Như chế thuật Tịnh Trú của Văn Tuyên, ngôn từ đáng chú ý, dẫn kinh giáo như đối diện trước Phật. Thuật mừng ghét như mô tả khuôn mặt. tuy có đến ba mươi quyển mà người xem không thấy nhiều, vẫn là trùng sinh mà người đọc chẳng ngại. Lại có người vọng đọc sám văn, thực hành hồi pháp. Tội sự phức tạp chẳng hiểu. Vị lấy mười điều, nhân kết câu phiền não. Chưa biết gốc tại ba não, tụng nhanh cho hết trang, tội tằm cho cả mình và kẻ khác. Làm thầy thật khó thay! Rơi mắc kết quy về đây kia, khiến lụy như thế chưa thể gọi là Thanh Trùng, cho nên y cứ vào luận trước, hãy tạm làm chuẩn đích. “Lục Đạo Từ Sám” vốn cũng đồng như trước, việc tại cuối năm mới thực hành lễ ấy. Đạo riêng mở cúng tế, vị của đất nước sẽ hiển bày. Tùy theo thú hướng thỉnh cầu, ý của Từ Bi rộng lớn. Quả cùng cực trong sáu

đường, thú loại có khác trọng khinh. Loài người gồm có mười thứ khác nhau, ngoài ra thì nêu bày có thể biết hết. Như điều nói trong Kinh A-hàm thì vào đường Quý, có người thân cúng tế, tâm sinh vui mừng, do tâm vui mừng nên thân được no đủ, vì thế nên gọi là đầy đủ khỏi đói khát, chẳng phải do phước nghiệp cúng tế khiến cho tự thọ dụng. Vì nghĩa lý của chánh pháp thì có chỗ để theo, không có việc mình tạo tác mà người khác hưởng quả. Điều đó chính là việc Tôn giả Mục-kiền-liên đem cơm dâng mẹ. Ngoài ra, năm loài khác quả báo hạn cục ở chỗ gần thau, tùy địa vị Quả báo mà cách biệt, không do đâu mà thông hợp. Nay thì ở đường khác mà bày cúng, sợ chẳng đến thọ hưởng, nhưng quả báo thì được các thần thông. Sự gồm đường sinh về, chẳng chướng ngại tâm người khác, suốt xem đợi hội mà theo rượu cúng tế. Từ đó ngoài ra thể lệ khó thấu gồm. Hoặc Độ Tinh an trạch, quyết rõ tội phước, chiêm sát ném vòng hoài nghi kết chỉ, đồng quy về thể tục thấp cạn, chưa nhập vào kinh sâu.

Nhưng tội chứa nhóm từ trước đến nay, phước đầy khởi bắt đầu ngay đây, chỉ bởi vọng tưởng khéo mang theo khó hài hòa, chỗ phạm ngu trái qua, xét tham dụng đó. Lại có chẳng đo phân lượng, lên mạo phạm Thánh hiền, ngồi thẳng nghĩ về Đạo, khắc định thành Địa vị. Đó đều là tưởng tâm nghĩ nhớ Đạo, chẳng biết Đạo là vọng tâm, biết vọng suy nghĩ thì tâm chẳng khởi, nếu có khởi thật kết quy về Duy thức. Thức tâm thấu đạt thể tục, biết sao chẳng làm? Y cứ vào đó mà ném vòng, nên phân ra Nghiệp tướng. Lại có các thứ Phương Đăng, Phật Danh, Ban-chu, tụng chú. Phần nhiều lấy mộng Vương mà phô bày Tịnh, chuẩn cứ đó dùng để hiển bày rưới thuận. Vả lại, mộng chỉ thăm vọng tưởng tượng, còn lấy nương tựa, hưởng gì hiện tại xoay chuyên nêu ném tâm đó có thể y cứ. Nếu hoặc nghiệp khởi lên thứ lớp có nguyên nhân. Hoặc hẳn trái với Lý mà sinh, nên sám chuyên quán về Lý, Nghiệp sinh y cứ vào sự mà khởi, nên sám lại phải duyên. Sự Hối phải động thân doanh tạo cấu kết. Hồ thẹn là chỗ chính là chỗ ấy, đều như trong Biệt lục, pháp Hối sáng có nói rộng. Vậy đủ biết Đức Thích tôn một đời giáo hóa nói rõ về tam môn. Nếu lúc ưa thích tội, thì phải làm nhiều việc phước, nhân tu phước nên khởi tưởng chấp trước thì cần phải phá trừ, dạy tư duy về Lý quán. Như thế để dứt bỏ Tập nghiệp, có thể mong. Nếu vướng mắc nơi ba thứ ấy thì hoàn toàn trái với ý Giáo. Cúi mong Đại Thánh xót thương đời, đời Mạt pháp muốn sống thêm, phước thuận thì tình vui mừng, lại giúp cho thói quen cũ. Nghĩa phải tư duy chọn lựa, dứt kiết sử để nhập Đạo. Lời đó rất cùng cực.

Ở đời, có người không thấu đạt, cho phước là Đạo, đam mê nương gá, tình cảm buộc ràng, lấy đó làm cao thắng, chánh là thuộc về giới kiết và kiến kiết, chấp Ngã điên đảo thường hành, làm sao dứt trừ ràng buộc. Do đó,

người thông minh xét “có” của Quyền Thật mà theo, thấu đạt “không” của giới hệ là sai lầm, rõ tính chất trọng khinh của tánh hoặc, hiểu sự hơn kém của Phân lượng, không gì chẳng là tội chướng, người trời một bề phải xả, phước là có nền tảng, tuy hành chẳng khắp, do ở Bát thiên vương mắc tình cảm, sáu độ bất tịnh, sự quán và thể thuận thiện đều là Hữu pháp. Trong luận Đại Trí Độ cho rằng lời nói chấp trước đều che lấp tâm, nên chẳng phải là Đạo nghiệp. Còn như Sắc có Sơ Định, phạm thánh đều thực hành, Phi Tướng là ngôi vị cùng cực, Vô sinh chẳng dùng, hoàn toàn trái với pháp xuất yếu, chưa dứt luân hồi, chỉ là bít lấp mê mờ, chẳng nhằm chán, hướng gì lấy loạn thiện để sung vào nghiệp tĩnh lặng, có thức tâm nghe đó, đủ để soi xét. Hàng lưu tục Nho Tố còn làm tôn tâm của Ngã kiên cố, nhưng cho là Ngã có khả năng thực hành, nên chẳng thuộc về thanh tịnh rộng lớn. Đâu được tâm dụng phù động, xúc cảnh thêm mê, vọng chấp là Đạo. Thật là đáng cười! Lại nghe Phước là gốc hữu, ngậm thân chẳng tu, thân hành ở đời, đâu thể vô sự? Sự trải qua tội phước, Lý hẳn biết thông. Như việc ăn mặc bốn thứ cần dùng không lúc nào chẳng nhờ cậy. Phật dạy nhận lấy, chỉ y cứ vào Quán Môn. Xem thường đối trị, đó thật là tội. Kính phụng chuyên cần thực hành, đó thật là Phước. có nghĩa là Ngã có khả năng thực hành, thì thành trái lý, còn Ngã chẳng thể thực hành thì lại là trái sự. Trái với sự thì nghiệp buộc trong ba đường, trái với Lý thì Phước buộc nơi các Dục. Ở Phạm thì sai sử tánh, làm sao có thể tịnh tâm. Nhập vào Chánh kiến mới thể dốc hết đường khổ. Nên biết, Nhân theo tướng ở đời, biết sao chẳng làm chỉ chuyên cần Quán dụng dần dần sẽ khuyết hữu. Nếu không như vậy thì đắm, lại trở về Vô thi. Nương vào đồng thuyền. Có thể chẳng cố gắng ư?

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 29 hết.

---o0o---

QUYỂN 30

CHƯƠNG X: TẠP KHOA THANH ĐỨC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có tám vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Kỳ ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề
- 3/ Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, đời Tùy (Trí Vân)

4/ Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trú ở núi Linh Ân, thuộc Hàng Châu, đời Tùy

5/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu, đời Tùy

6/ Truyện ngài Thích Lập Thân trụ tại Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Tuệ Ninh Quảng Thọ)

7/ Thích Thiện Quyên ở Đạo tràng Nhật Nghiêm tại Tây Kinh, thời nhà Tùy (Pháp Cương)

8/ Truyện ngài Thích Trí Quả trụ Đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Huyền Ứng, Trí Ương)

9/ Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.

10/ Truyện ngài Thích Tuệ Thường trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở kinh đô đời Tùy (Đạo Anh, Thần Sáng)

11/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, thời Tiền Đường

12/ Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô, thời Tiền Đường

---o0o---

01- Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô

Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ nào. Trông dung mạo dường như người Hồ. Cho nên ở học lấy Hồ Minh làm mục đích. Nhưng Sư có lợi khẩu biện tài đặc bén nhạy tuôn trào khó ai hơn, nắm bắt thấu hiểu gió mây, chỉ ghi chép những việc đã qua. Sư nghe và tham cứu kinh luận, cạnh đó tìm thêm sách sử, nhất hạnh Đại Nghĩa, chẳng chuyên nơi văn cú.

Dưới thời nhà Trần thường hay thiết lập trai hội tu phước, mọi người đều theo phóng hóa, thể lệ ấy bèn rộng ra. Mọi người đều cho rằng: “Sư là người khéo khoe môi mép, cơ biến chẳng thể suy nghĩ được”. Nên các nơi có xứ Đạo, không đâu chẳng suy tôn Sư. Sư cũng tự thấy tài lực của mình có thừa, hễ nghe liền nêu dẫn dắt xưa nay bao gồm đến cùng, giúp cho người nghe vui mừng, sợ Sư thôi nghĩ. Niên hiệu Thái Kiến thứ năm (573) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) chuẩn bị đánh chiếm phương Bắc, dàn Binh lính trên sông, đã sai Đại Đô Đốc Trình Văn Quý vv.v... dẫn Quân lính đến sông Hoài, sông Bô đối trận với nhà Tề. Hùng khí cùng dốc hết, Vua rất lo toan, bèn ở trong điện Thái Cực bảo bói rùa, thử bốc gập quẻ đường Văn, dưới bụng rùa vạt chóc bị rách một đường dài, vua tôi đều biến sắc mặt, cho

là điềm không tốt. Bèn thỉnh trăm vị tăng thiết trai cúng dường. Đồng một lúc đến trong trai hội, vội vàng chưa lường biết được nguyên do. Đến lúc hành hương xong, Vua mới trình bày ý quẻ bói, Sư đứng dậy lớn tiếng trình bày, lại nêu duyên rằng:”Bói quẻ đi đánh giặc, mai rùa bị vỡ, có nghĩa là ngàn dặm đường thông. Đã do Văn Quý dẫn đầu, há chẳng phải là một lúc thắng lợi hay sao?” Mọi người lúc ấy đều cho đó là lời nói chài chuột tô điểm. Đến tháng bốn, theo thứ lớp lớn nhỏ đánh nhau với nhà Tề, bắt được tù binh, viện trợ thêm hơn hai mươi vạn binh lính. Quân kế tiếp tiêu hợp. Các xứ Lã, Lương, Bành, Việt trước kia không bày trận, nên Vua lại ban sắc lệnh rằng: Năm nay xuất binh đánh phạt biên phục. Có được nhà Lương thì ở Xứ Giang Hoài có đến hai trăm thành, từ Đông sang Tây dài hơn năm ngàn dặm. Nhưng đường vẫn dài ở bụng rùa gọi là ngàn dặm”. Xa nghiệm về lời nói của Sư thật rõ ràng phù hợp. Nên Sư thừa thế đó, làm cho hạnh nghiệp càng rộng lớn thêm. Riêng ý Tông du, đạt ngộ lên bạch, lượng ấy rộng lớn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

02- Truyện ngài Thích Đạo Kỳ ở Nghiệp Hạ

Thích Đạo Kỳ, không biết Sư họ gì. Trong khoảng đầu thời Bắc Tề, rất hưng thịnh về việc giảng dạy nhưng Sư chuyên lấy Luận Thành Thật làm sự thấy biết. Môn học thành sự nghiệp, phân bộ kết chúng. Sư rất vui mừng vì công giảng dạy tập học đã thành di Nghiệp.

Vào niên Hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, đầu Thu một năm nọ lập giảng hội, Sư dẫn đầu chúng đi ra phía Nam Nghiệp Thành. Môn nhân cũ ở đó lại dẫn chúng vào. Ngay bên cạnh cổng ngoài bỗng nhiên gặp nhau. Sư bảo: “Ông từ đâu lại, rất là vô lễ vậy? Thế nào là khuôn phép mà chống cự ư? Đã không nghiêng cúi, đúng lý nên xuống đường”. Vị ấy nói: “Trống pháp vang dòn, lập lợi tại đây, tiếng tăm về vang cao xa. Thầy trò làm sao có?” Sư không đáp, tự bước xuống đường ra đến ngoài thành, xoay nhìn lại, bảo với Pháp thuộc rằng: “Tôi giảng luận Thành Thật hơn ba mươi năm, khai ngộ chánh đạo, trông nhìn rất có công phu. Giải hiểu gốc phông thực hành Di giới, nay hiểu mà chẳng hành, trở lại như gốc rễ chẳng hiểu. Nhọc mắt công trước, không được lợi sau. Việc đã qua rồi không thể truy tìm, việc trong tương lai còn có thể đến. Xin đều nên về lại kinh đô, còn tôi phải tính kế riêng”. Sư bèn lui về đóng kín cửa phòng, rộng đọc các kinh luận, vì các hàng sĩ tục kia mà thực hành khai hóa, nên tác phẩm của Sư đề hiệu là “Kim Tạng Luận”, một pho gồm bảy quyển, theo thể loại tương tưng, nguyên do của chùa tháp phước lọng hương đèn, cội gốc của kinh tượng quy giới, trải đủ một phong hóa, mở lớn cửa phước. Sau khi bộ luận đã hoàn thành, Sư

cùng bảy người bạn đồng hành ra phía Tây ngoại ô cách đất nghiệp chừng bảy dặm mà dừng, chu vi chung quanh gồm bảy dặm, các hàng sĩ nữ đều nhóm họp. Sư bèn giảng luận đó, cứ bảy ngày một biến. Sư đến sẽ cung kính, chẳng xấu hổ với việc làm nhỏ nhiệm. Kinh sách Tháp tượng để một đầu, mẹ già chổi quét để một đầu. Ngang qua trong đất Phật có tháp thì quét. Sư từng nói với mọi người rằng: “Trong Kinh chẳng nói ư? Quét đất chúng tăng ở rộng như cõi Diêm-phù chẳng bằng quét đất Phật chỉ bằng như lòng bàn tay. Do ruộng trí là thù thắng, gần gũi chăm sóc cho mẹ, vì phước ngang bằng với hàng Bồ-tát Đẳng Địa”. Nên Sư có tánh hiếu thuận sâu, vì mẹ già mà may vá áo mặc, chăm sóc uống ăn. Mọi việc đại tiểu tiện lợi của mẹ đều tự thân Sư lo liệu, không cho người giúp đỡ. Sư bảo: “Mẹ của tôi chứ đâu phải mẹ của người khác, hình hài di lụy đều là thân tôi, có thân thì có khổ, đâu được đem khổ để làm nhọc người. Do thân làm khổ trước, xin chớ giúp đỡ”. Nhân đó, Sư khuyên răn các hàng đạo tục, người theo rất đông.

Sư lại khuyên người vâng giữ tám giới, thực hành pháp xả trai, không cho giết hại. Mọi sự mong cầu đã xong lại chuyển đến trước, Sư trở lại y như việc trên xoay vần hành hóa, chỉ trong thời gian mấy năm, nhiều quanh nghiệp Lâm Giao, mọi người vâng hành theo sự chỉ dạy của Sư trong mười nhà có hết chín nhà. Có người bạn cũ đến thăm hỏi rằng: “Từ trước đến giờ hành hóa ở đời, là hành Đạo gì vậy?” Sư đáp: “Kia giảng có thể đuổi theo, nay thì không hỏi tiếc. Đã qua không lỗi lầm, còn biết nói gì!”

Về sau, gặp lúc nhà Bắc Chu thôn tính, huyện giáo đều phá hủy. Than ôi! Phong tục địa phương thường tôn sùng nghiệp đó. Đến lúc mở mang Phật Pháp mới lại rộng cửa ấy. Nên luận đó lúc đầu có người gọi là tà kiến. Vì lưu truyền ở đời, đâu thể che giấu luận sư soạn “Kim Tạng Luận”, cuối cùng chỉ là Sư, nên Sư đổi tên, nhưng sự lưu xuất sao lược chánh văn, rất đáng y cứ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

---o0o---

03- Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô

Thích Pháp Xứng, là người xứ Giang Nam. Sư đọc tụng các kinh tiếng vang trong suốt, cảm động mọi người. Sư hoàng hóa dưới thời nhà Trần, cả triều đình đều kính trọng. Sư lại khéo vạch bày dẫn dắt, ngay nơi sự việc nêu lên sự kỳ đặc. Tuy không thông hiểu về những việc ít có ở đời mà có yếu Pháp tùy cơ. Đến lúc thời vận nhà Tùy bình trị Nam phục, Sư cùng Kinh Sư Bạch Vân đồng trở về đất Tần, trụ chùa Hưng Thiện. Sư thường được mời vào Nội Cấm, giảng luận chánh nghĩa, khai mở xứng hợp Tâm Vua. Nên Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sắc ban ở chánh điện thường thiết đặt kinh tòa, mỗi ngày riêng sai tụng kinh. Lời tiếng Sư tuôn chảy không ngừng dứt. Vua

nghe xem như có lỗ hồng nhỏ liền hỏi yếu chỉ của kinh, Sư trợn đưa lên cao xa. Về sau, Sư đến trụ chùa Định Thủy, cùng Ngài Bạch Vân đồng tịch, và đều thọ hơn tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Trí Vân cũng là người giỏi về Kinh Bối, đối với Bạch Vân thì người đời gọi Sư là Ô Vân. Danh vọng càng cao, nổi tiếng khắp Nam Bắc, mỗi lúc Sư cầm kinh đối ngữ thì tiếng vang rung chuyển như sấm. Có lúc buồn thảm trầm bổng, làm các loài bay chạy dừng trú. Đức của Sư rất lớn, nhưng kín đáo chẳng lộ bày, nên không việc gì có thể nêu bày manh mối. Sư lại khéo trên pháp tòa giảng nói kỳ đặc. Với Tử Sĩ Khâu sách, Sư đều ngầm thông, đối thời dẫn kéo như xưa trước đã từng kết cấu. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, trước đó, lúc đang ở tại đất Phiên, càng tôn kính mến mộ Sư nên thỉnh đến trụ ở đạo tràng Tuệ Nhật, khóc vai như bạn, vì vui mừng từ lệnh của Sư. Đến lúc năm mươi tuổi, Sư thị tịch tại kinh đô. Vua vô cùng buồn tiếc, suốt ngày không ra, rộng vì tu tạo việc Phước, nhờ Samôn Pháp Luận vì Sư mà soạn Mộ Chí, thấy ở Biệt tập.

---o0o---

04- Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trúc ở núi Linh Ẩn

Thích Chân Quán, tự là Thánh Đạt, người xứ Tiền Đường, thuộc quận Ngô, họ Phạm. Ông nội Sư tên Diên, làm Chứng Cấp Sự Hoàng Môn Thị Lang. Cha của Sư tên Đoái, làm Thông trực Tán Kỵ Thường Thị. Mẹ của Sư họ Hằng, là người hiền hòa rất có đức hạnh. Thường buồn vì không có con nối dõi, nên khiết trai lập thệ, trì tụng các Kinh Dược Sư, Quán Thế Âm, Kim Cương Bát-nhã, cầu sinh được con trai Trí tuệ để tiếp nối danh gia. Bấy giờ, Ca-tỳ-la Vương do Hiến Tổng trong coi, ở chùa Định Lâm thượng là nơi rất linh dị. Mẹ của Sư đích thân đến đó cầu nguyện, khắc tả hình ảnh, phụng thờ tôn tượng như thật, y cứ theo Kinh Dược Sư, suốt bảy ngày hành pháp. Đến đêm thứ ba, cảm thấy có ánh sáng chiếu vào thân. Từ đó, chí tánh khác thường, nói liền đến đặt, há chẳng phải nương tựa cõi trời, gá cõi người, nương vào gia đình họ Phạm để mở mang Thích giáo hay sao.

Đến lúc sinh ra, tướng Sư kỳ lạ khác thường, trong lòng bàn tay trái có đường văn chữ “tiên”, lòng bàn tay phải có chữ “nhân”, trong miệng thường chảy nước dãi thấm vào làm tươi nhuận tạng phủ, từ lúc nhỏ đến khi qua đời, Sư không hề bị khổ khát nước, nên thân thể Sư da dẻ sáng sạch, tuy già mà không suy yếu. Trên lưỡi có đường văn nối liền nhau hình dáng như lưới dệt. Nên có được biện tài, mở thân sáng ngộ. Lại nữa, lời tiếng như chuông linh, lanh lợi tựa gió mưa. Với sự thấy nghe của Sư, không ai chẳng kinh lạ.

Lúc nhỏ, Sư chỉ có đại khái. Khi năm tuổi, Sư đã hay chạy, hoặc đứng trên rương tráp, hoặc cầm quạt, đùa như giảng kinh. Năm tám tuổi, Sư thông hiểu Kinh Thi, kinh Lễ, lại làm Thượng Thư, Lâm Cầm. Năm mười sáu tuổi, với các Kinh dưới trụ trên sông của Nho giáo, Đạo giáo, Sư thấu đạt không còn sót ẩn. Lại tham dự vào các thứ đánh cờ, đánh đàn, thỏa lòng Văn Tập, mỗi ngày thêm mới, mỗi tháng thêm lạ. Thầy bạn đều kinh quý vui mừng. Sư thường cùng người bạn vui đùa nơi bến bãi, có vị thấy Sư giỏi về Tướng mạng bèn đón rước vái chào Sư mà nói rằng: “Trong độ tuổi niên thiếu anh sẽ làm vị Đại Pháp sư!”. Sau đó, Sư liền chuyên tụng các Kinh Tịnh Danh, Bát-nhã, chỉ muốn vào Đạo. dò xét cơ duyên tiếp thừa sắc mao, cha mẹ Sư không chấp thuận, Sư bèn thưa rằng: “Ca-tỳ giảng mộng, con muốn mở lòng, xé toang lưới ràng, đây chẳng phải thông minh”. Cha mẹ Sư đều mở tâm tùy hỷ.

Vua khải sắc ban lời và tặng cho y bát. Pháp sư Sinh trụ chùa Nghĩa Hưng là bậc hạnh khiết, đích thân xuống tóc cho Sư. Thỉnh Luật sư Trịnh là người có công đức lớn là Đạo ái Vân Dương, làm Hoà thượng. Sư nghiên tầm tư duy về Luật Tập tụng qua một biến thì có thể trình bày lại. Sư lại theo Pháp sư nước Hoa Lâm, thọ học Luận Thành Thật, qua mười biến có mười lần trả lời vượt bày nêu trước, tự có nghĩa là giải hiểu thành đạt, có thể thay thế để thực hành. Lúc đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, hạn định mỗi ngày một quyển, nhân đó cảm động bảo Sư rằng: “Ông có Đại Căn, chợt theo Tiểu Đạo, thật là đáng tiếc! Sư bèn đến chùa Hưng Hoàng theo học giáo nghĩa Đại Thừa, chất vấn điều nghi, làm sáng tỏ vấn nạn, đi vào Huyền Môn. Lãng Công là bậc tinh thông cao vời, lại thêm hiểu rộng, nói với Sư rằng: “Tôi ra giảng đã tám năm, không một ai hỏi đến thế, làm cho diệu nghĩa mở thân. Thật đáng là bậc thầy của tôi!” Sư bèn theo giữ lễ thầy trò suốt mấy năm nghiên tầm.

Có Pháp sư Đại Nhẫn trụ chùa Khai Thiện, ẩn vết ở núi Chung Nam, đặt tâm nơi các Kinh Phương Đẳng, muốn thử trông xem, Tiên đạt hỏi bờ nơi Cao Sĩ, nhân tháo bè gỗ, lẳng dùng để bày huyền diệu, khen ngợi rằng: “Đạo của Tôn giả Long Thọ mới hưng khởi ở phương Đông, hai Pháp sư Biện, Dũng là Thượng Tướng đương đồ, từng có sự khai mở, chóng qua nhiều pháp tịch”. Bấy giờ, có người nói rằng: “Đất Tiên Đường có Sa-môn Chân Quán, là bậc đáng một nửa trong Thiên hạ”. Sa-môn Hồng Yển là bậc tài cao so với những vị tài giỏi trong Nho giáo, móc sâu sánh với các bậc tuấn kiệt trong Phật giáo, nhưng đối diện với Sư thì nói rằng: “Quyền cao lẫm Trí, Tai, mắt rất có tiếng tăm, Tôi có được bốn tuyệt, mà Sư có đến tám năng, đó là: Nghĩa, Đạo, Thi, Thơ, Biện, Mạo, Thanh kỳ!”. Do đó, các hàng Vương Công quý thích phần nhiều đều biết rõ về Sư. Thi Hưng Vương đi về hướng Đông đến Võ Tĩnh, thỉnh Sư cùng đi.

Bảy giờ, tại chùa Hưng Hoàng có mở giảng diên, lựa chọn thỉnh mời những vị có khả năng Nghĩa Tập. Sư đến đường cần kíp, mọi người đều suy cử lên trước. Khi đã lên tòa cao, Sư Khai giảng Tông chỉ của Nhị Đế, một lời tung hoành như băng tan. Học Sĩ Phó Dịch ở tại chỗ ngồi khen ngợi rằng: “Ba ngàn xúng đầu, Bảy mươi đáng trước! Thật là Thượng Nhân đáng vì đối đáp”. Các hàng Đạo tục ở Kim Lăng thấy biết như thế. Khi đã đến Đông Hạ, Sư trụ chùa Hương Nghiêm, giảng Kinh Đại Niết-bàn, bốn phương các hàng Nghĩa tập lại thêm vinh quán. Chùa Hưng Hoàng lại ba lần truy tìm, Sư bèn nói rằng: “Với kinh luận Đại thừa, tôi lược đã được mở mang, mà các xứ Yên, Triệu, Tề, Tần được dắt dẫn cung kính, chuyên học tuy nhiều nhưng gồm thông thì ít, nên phải nhanh chóng về lại Đông phiên, pháp môn nhờ cậy”. Lúc bảy giờ, chinh phạt Bắc Chu, mất luật, triều đình bàn nghị bắt ép chư tăng vô danh bỏ đạo, Sư bèn thương có sự mê mờ đó mà than rằng: “Phàm các hàng Sát-đế-lợi, cư sĩ đều gieo trồng Phước mà được giàu sang, mạnh mẽ, hàng thứ dân tôi tớ làm tội nên nghèo khổ, yếu đuối. Muốn tốt tươi cành lá mà lại chặt bỏ gốc rễ, đó thật là làm hoặc! Mọi người đều tiếc mạng tham sống, tôi đây quên thân mình vì sự mất còn của giáo pháp”. Bèn gửi thư đến cho Bộc Xạ Từ Lăng, văn thấy trong Biệt tập. Từ Lăng bèn gửi thư trình tấu. Vua kinh sợ đổi sắc mặt. Chư tăng bị bức ép nhờ đó được khỏi. Nói theo đó thì Sư không chỉ làm rường cột trong Phật Pháp mà còn là sách lược sáng ngời giúp cho thời thế.

Giang Hạ Vương ra trấn ở Đất Việt, nên thỉnh Sư cùng đi. Lăng Công nuốt ghen, giây lâu bảo Sư rằng: “Hãy dừng ở lại ba năm, giảng đường này sẽ giao phó, lại thuộc anh Vương, kính chuộng Pháp được lợi ích!” Nhưng Sư chẳng thể ở lại, bèn đến Võ Huyệt và thường quay bánh xe pháp. Đặc Tấn Đỗ Lăng thỉnh Sư về chùa Quang Hiển, truyền dạy học đồ. Đến lúc Vĩnh Dương Vương, Bà Dương Vương, Tư Không, Tư Mã tiêu nạn, đều cùng lần lượt đi theo đường biển thỉnh Sư đến Chiết Đông. Nên được hương xoa đuốc tuệ, vì hạnh nghiệp vì sưởi ấm nên đánh lễ cung kính dốc lòng rất mực chí thành chí tiết.

Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai là bậc danh hạnh không ai bằng, do nhân duyên đời trước thuận du chẳng nghịch, tuổi tác đã ngang bằng đáng làm anh em bạn đạo, cùng Sư đi đến Tần Lĩnh ở nơi phòng cũ khuất trong mây. Sáng sớm cảnh trời lắng trong thì cao đàm tuệ chiếu. Chiều tối râm che khuất hình thể thì an sâu vào thiền tịch, đến lúc Ngài Trí Giả được đề cử lên khuyết đình. Sư bèn ở vườn riêng giảng dạy, ban trải pháp vị dần rộng nơi tâm thế tục. Vĩnh Dương Vương trở về Kinh Đô kính ngưỡng tấu trình thanh đức. Cả triều Tăng chánh đồng thỉnh ty luân, lại gặp lúc phước đức chung cục nên việc ấy phải dừng nghỉ.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đòi Tùy kính chuộng Phật Pháp rất sâu xa, ba lần ban sắc nhọc hỏi. Tần Vương đến đất Phiên hai lần thỉnh Sư đến Tổng Phủ, Sư đều lấy cớ bệnh mà chối từ, kỳ thật là Sư không muốn đến. Về sau, Tề Vương thỉnh Sư đến Giang Bò, đích thân đến đánh lễ, dùng hương hỏa để truyền dẫn, rồi đưa Sư về lại chùa Chúng Thiện ở ấp cũ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đòi Tùy, khi ấy trời nắng hạn, Thứ sử Lưu Cảnh An thỉnh Sư giảng Kinh Hải Long Vương. Tựa đề kinh Sư vừa giảng xong, bỗng nhiên mưa đổ ngập tràn. Từ đó về sau, hề có cầu thỉnh thì liền ban giảng, khắp xứ Ngô Việt kính ngưỡng Sư như Thần.

Ở phía Tây huyện có núi Linh Ân, xưa gọi là nơi tiên ở, trên đỉnh núi có mọc hoa sen, trong hang động ẩn tàng huyết rồng. Tin Tú Nhạc của Giang Đô, Sư bên trong đã ngâm Nhân Trí, bên ngoài lại quen với núi sông, cùng Thiền sư Đạo An tu hạnh đầu-đà nơi hang đá. Có đàn việt Trần Trọng hướng dẫn các đồng bạn mở kho đào móng, xây dựng tinh xá, lấy hiệu là Nam Thiên Trúc. Sư bèn rời ấp trở về hang cốc, nương nấu ở đó đến cùng. Giảng đường chùa chúng Thiện, Sư giao phó cho môn nhân là Sa-môn Huyền Cảnh. Ngài Huyền Cảnh tiếp thừa như bình rót, theo nhau không dứt.

Đến lúc Vua Văn Đế xây tháp, nơi nào hình thế tốt đẹp thì sử dụng, chẳng mưu tính cùng nhóm họp, chỉ lấy sự quyết định ở Sư. Sư bèn chỉ nơi núi đá cao ngất có thể an đặt nền tháp. Tuy nói lời thật nhưng ai lấy làm tin, cúi ngưỡng đục thủng hang động, tự nhiên có vật hình dáng như cái hộp vuông, rõ ràng như đáy hộp gương, công trời thợ thần thâm mong phù hợp. Từ đó, Sư ở núi thường giảng Kinh Pháp Hoa, lấy đó làm tâm yếu, thợ trị đục tưng, tự thân viết chép truyền bá năm loại Pháp sư thật ở tại đó. Lại nắm giữ ý chỉ kinh văn, mở sáng chí thú sâu mầu, giảng nói mới lạ, chẳng tìm nơi giấy mực, Trí tuệ tư duy khơi sáng, bay vượt ngoài văn. Lại cảm có cái chậu rửa để dưới đất mà chẳng bị thấm. Sự lý khác người, thật do năng lực của kinh. Thần ở đình Cao họ Trần tên Trọng giảng hiện thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa một Biến, dùng tiền vật mà dâng cúng, lại giảng hiện xin xả thí miếu đường năm gian đó để làm Điện Phật ở chùa Chúng Thiện. Nếu nói theo đây thì Sư có cảm ứng linh thông cúng dường, thật là ít có ở đời.

Đến ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đòi Tùy, Tư Mã Lý Tử Thâm lại thỉnh Sư ra Ấp giảng Kinh Đại Niết bàn. Mới đầu đi ra chùa Thiên Trúc, Sư tự chỉ chỗ đất sau này an táng. Khi giảng đến phẩm “Hiện Bệnh”, Sư mộng thấy có ba người dung phục rất cao lớn cầm phướn lọng cùng đến kính lễ mà nói rằng: “Trời Tịnh Cư sai đến đón rước!” Đến ngày mồng sáu tháng sáu, Sư bị bệnh mộng thấy cùng Sa-môn Trí Giả cùng ngồi chung kiệu, đến hầu tôn tượng, theo Phật mà về núi. Khi tỉnh giấc, Sư than rằng: “Khi xưa, lúc sáu mươi hai tuổi đáng lẽ qua đời, nhờ năng lực

giảng Kinh Pháp Hoa lại kéo dài thêm một kỳ, nay bảy mươi bốn tuổi lại đến chung cùng. Kỳ hạn đời sống này đã hết!”. Sư liền nhóm họp nội chúng, dạy răn mọi việc trong tương lai, Sư bảo: “Muốn sinh về đường lành, muốn đầy đủ thần lực, muốn ra khỏi luân hồi, muốn đầy đủ Phật Pháp, thì nên phải giữ giới, tu định, học tuệ, mở mang chánh pháp, chớ để một đời luống qua không được gì!”. Ngày đó, từ ở Thiên Thai có thư đưa đến và gửi theo các thứ bơ thơm, đường phèn. Xem trong thư đó viết rằng: “Nhân duyên đời trước, đây là thư cuối cùng!” Sư bảo hai chuỗi Châu Như Ý, một chuỗi đi về hướng Đông đưa đến núi thiên thai, một chuỗi để lại cho Tây Pháp. Còn các thứ tạp phục thì tự phân, một là trả lại cho tăng Yết-ma, hai là thành Đệ Ngũ Tăng Thí. Có người mộng thấy cung điện bay đến đón rước Sư. Sa-môn Bảo Tuệ lại nghe giữa hư không có tiếng trống nhạc.

Đến nửa đêm mồng một tháng bảy (năm 611) Sư ngồi kiết già, tẩy rửa súc miệng, sửa sang y phục rồi bảo rằng: “Có người đến thỉnh giảng giới, Bồ-tát”. Và Sư ngồi thẳng an nhiên, bất giác thị tịch tại chùa cũ Chúng Thiện. Từ giờ Tý cho đến giờ Ngọ, ở ngực và đánh đầu Sư vẫn ấm nóng, thân thể mềm mại, nhan sắc không biến đổi, bàn tay phải co lại ba ngón, qua vài hôm sau, mồ hôi đổ khắp thân, đến ngày mồng bốn dờ vào trong thiền khám. Bảy giờ, khí trời rất nóng, nhưng Sư vẫn ngồi an nhiên như lúc còn sống, thật là nhờ thần lực. Từ đó, đến ngày hai mươi lăm, mọi người khắp bốn phương đều kéo đến, sáu quận đồng nhóm họp. Các hàng Đạo tục công tư đồng một lúc đến tấp nập, đều đến chỗ nhục thân truyền hương vào tay Sư, nói lên sự giã biệt, nói lên sự kính mến, lòng từ bi sinh khởi, chỉ có giới đức, khóc như mưa lạnh. Mang hoa hương đến cúng dường mỗi ngày có cả ngàn đoàn, theo thứ lớp thiết lập Đại trai hội, mở cửa khám chiêm ngưỡng kính thờ, Sắc tướng Sư sáng sạch, sợi lông giữa hai đầu chân mày càng dài ra gấp bội, khác với lúc còn sống, mọi người càng thêm khen ngợi! Đến ngày hai mươi sáu mới vĩnh viễn an táng nơi cốc Chân ở núi Linh An, lập بیت Phương phần. Tả họa dung trạng lưu lại chùa Thiên Trúc. Ngày đó bốn bộ kéo dài cả một do-tuần, lọng thơm thành bóng râm, cờ phướn che khắp đồng trồng, người còn người mất đều được vẻ vang vui mừng, thật chẳng thể nói hết.

Ban đầu, Sư có hùng khí thanh biện, rất xứng là Hoàng Phú, các Đại Quốc ở Giang Biều không ai dám giành trước. Từ khi Phật Pháp truyền đến Phương Đô, công phu giảng dạy dẫn dắt, giữ gìn bình an thì Sư xứng đầu. Do đó, mọi người không ai chẳng tôn kính Sư. Cho nên biết năm trăm một hiền, đời có ngày hưng thịnh. Phật pháp được vẻ vang rạng rỡ thật là nhờ Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, ở Giang Nam làm phản, Vương Sứy đến viếng thăm, bèn chống kháng Quan quân, Vũ hịch tranh giành rong ruổi, tiếng binh lính càng lớn mạnh. Bảy giờ, Nguyên Sứy Dương

Tổ chinh trang quân trận nơi Nam khu. Sau đó bèn như ngói vỡ, bắt tù binh chém giết có hơn ba mươi vạn người. Vì Su là người tiếng tăm vẻ vang sáng tỏ khắp Giang Biểu, nên Dương tổ cho Su là người tạo hịch, chẳng cần hỏi định giết. Su đã bị buộc tội nghiêm khắc, không do đâu tỏ bày sự trong sạch của mình. Các bậc tài sĩ ở Kim Lăng như học trò của Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... đều bị giam giữ, sắp bị chém giết. Lại đi ngang qua trước Dương Tổ, trách cứ Su rằng: “Đạo nhân đáng lẽ ngồi thiền tụng kinh, tại sao lại vọng xen vào nơi binh giáp, làm ra hịch thư, tội đáng chết hay chẳng?” Su nói: “Sự học của Đạo nhân đúng như lời ông nói, nhưng Chân Quán tôi chẳng làm hịch thư, không tội mà chịu chết”. Dương Tổ càng tức giận, đưa hịch thư ra cho xem, hỏi: “Có phải ông làm chẳng?” Su đọc xong rồi nói: “Văn ấy cạn cợt, thấp kém chưa thể khơi động lòng người. Chân Quán tôi đây thật không làm, nếu làm thì còn hơn thế”. Su bèn chỉ trích năm, ba chỗ, và Su bảo rằng: “Ngôn ngữ như thế, đâu đáng đặt để lên giấy?” Dương Tổ đã hiểu rõ Văn, tin theo lời Su nói. Su bảo: “Ở xứ Ngô Việt bắt đầu trộm cướp xuất phát từ kẻ thấp kém, các hàng sĩ học Nho lưu phần nhiều đều bị bắt giữ bức bách, tức số học trò như Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... có hơn ba mươi người, đều là xử đoán việc nước, tiếp đãi Vua, tài giỏi của đương thời. Xin ông nên nghĩ lại, không thì có tội oan!” Dương Tổ bảo: “Đạo nhân chẳng lo cho mình mà lại lo cho kẻ khác”. Su nói: “Sống chết là việc thường, đã chết không thể không biết, Người do vì lo sâu”. Dương Tổ nói: “Bị trói buộc với thời gian dài có giải buồn chẳng?” Và đòi lấy giấy đưa Su và bảo làm sàu phú. Su cầm bút viết như dòng chảy, chỉ phút chốc giấy hết, Dương Tổ bảo đem giấy đến đưa thêm Su một tờ. Dương Tổ liền cầm giấy đọc, kinh lạ lời văn đó, miệng xướng “Thầy đến!” Và bất chợt đứng dậy tiếp, Su liền bảo ngồi đối, mới hết văn từ ấy, cho nên bài phú Su viết đại lược là:

*“Tên gọi buồn chẳng phải một,
Lý buồn nhiều phương
Khó được tường tận
Thử nêu đại cương
Hoặc gọi là lo buồn rối loạn
Hoặc gọi là chua lạnh đấm xót
Người nuôi dưỡng Nó, khiến đổi dung mạo
Kẻ nghĩ nhớ nó, khiến trở lại hồi trường
Đó là Tướng trạng của sự buồn sàu
Nói chẳng phải vật mà là vật
Nghĩa là không hình tượng mà có hình tượng.
Tuy nhỏ mà là lớn
Cũng từ hẹp mà thành rộng*

Thí như cao lớn của Sơn nhạc
Ví sự sâu rộng của biển khơi
Hoặc đứng dậy, hoặc nằm xuống
Có lúc qua, có lúc lại
Chẳng trông mà tự mọc
Không gốc mà tự lớn
Hoặc thí như khói sương
Chợt đông như lưới bủa
Tợ lá ngọc bông rủ ban ngày
In sáng vàng ngọn lảnh trong đêm
Đó là lỗi trái với Đạo lý
Rất sai với Pháp Độ
Không bảo gọi mà liền đến
Chưa lưu giữ mà bỗng ở
Tuy cắt chặt mà chẳng đứt
Muốn ruồng đuổi mà chẳng đi
Xét thì không thấy vết tích
Tìm thì chẳng biết ở chỗ nào
Mà cướp đoạt sự tinh sáng của người
Bãi bỏ sự vui thú của người
Giảm bớt dung nhan của người
Tổn hại sự lo nghĩ của người
Đến như Kinh Kha Dịch thủy
Tô Võ Hà lương
Linh Quân bỏ nước
Nguyễn Thúc rời làng
Vả như Mã sinh chưa đạt
Nhan Quân chưa gặp
Phu Tử vịnh núi,
Lương Trọng Văn an ủi cây đình
Đều là hãi hùng thắc mắc nơi cõi lòng
Đều là tán dương nơi đường tim
Cho nên, Ngu Khanh buồn mà soạn sách
Thúc Triết nương tựa mà làm thơ
Lại như, Đãng Tử theo binh lính
Xương Phụ ở phòng không
Vàng vạc cửa ải phía Bắc
Mờ mịt sông Đông
Núi sông đã ngăn ngại,
Mộng tưởng liền thông

*Lầu Cao đến vầng trăng
Vén màn gió đến
Buồn mi hết phần
Lệ má tiêu hồng
Không gì chẳng cảm buồn
Gối chiếu kết oán phòng không
Mới có kẻ thi vi trái với khuôn phép
Tâm nghĩ nhớ nghi hoặc
Chưa biết phong hóa của Đường Ngu
Sao rõ được đức hạnh của Võ Thang
Sương đọng phía Nam của Trụ đồng
Mây nổi phía Bắc núi Yên
Mũi tên đã bắn tới tận Tấn Dương
Nước lại cạn khô ở Sơ Lặc ...!”*

Văn nhiều chẳng chép hết. Dương Tố rất khen ngợi, ngay nơi chỗ ngồi được cởi mở. Các văn sĩ thành đạt khỏi bị chết mà làm tội, Sư nhờ có được tài học dồi dào, mở mang dẫn dắt chẳng nhọc mệt, giảng dạy khai ngộ, vẻ vang ngồi sáng trong trần tục, đầy đủ như trình bày ở trước.

Ngài giảng Kinh Pháp Đại thừa suốt năm mươi hai năm, lại tạo Tạng kinh hơn ba ngàn quyển, đúc năm pho tượng lớn đồng mạ vàng, xây ngôi tháp năm tầng, năm vị Tăng Đức thí, xây dựng hai ngôi chùa. Soạn thuật các đạo văn hơn hai mươi quyển, Thi phú Bi tập hơn ba mươi quyển, gần đây, trong đời trộm dùng ngôn từ của Sư rất nhiều.

---o0o---

05- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu

Thích Pháp Vân, họ Trần, người ở xứ Tô Châu. Sư tìm kiếm mộ theo bạn, khéo giỏi trên Pháp tịch, thấu đạt cao xa, ít có người đạt được tiết tháo ấy. Sư đọc các bia chí và Đạo Văn xưa có hơn trăm quyển, đều là do các bậc Hiền giả như Vương Tăng Nhu v.v... soạn. Còn về đạo đạt thì khéo dẫn dắt, lại thông về Kinh thanh có hơn bảy trăm kệ ước. Mỗi lúc có thiết trai, Kinh Đạo cả hai việc đều giao phó cho Sư. Đến năm ba mươi tuổi, Sư khó nhọc với sự huyên náo ấy, thỉnh mời ngày một nhiều. Vào ngày mùng một tháng giêng, Sư cắt đứt dây, liền nghe giảng Kinh Hoa Nghiêm, không bao lâu bèn đã đáp thuật được, Sư tiếc đã lãng phí bỏ công, vọng tiêu môi lưỡi. Nhân Tăng chúng thanh tịnh ở chùa Thê Hà được khắp chốn Giang Biều đều suy tôn, Sư liền đến thọ học Thiên Đạo. lại nghe ở Linh Nham thuộc Thái Nhạc, liền đến đó tìm vết tích, thuyền bè khổ hạnh, đặc biệt lập chí cứng rắn

thanh khiết, chẳng mong cầu tiếng tăm, vác đá bửa củi, cung cấp lấy làm việc của chính mình.

Sau đó, Sư về lại quê cũ, có pho tượng đá ở Phù giang như truyện trước đã nói, sau bị lửa thiêu đốt nhưng không mất Tướng lượng, không do đâu có thể dựng lập lại, Sư đến chỗ nền móng cũ của tượng đá, phát nguyện đánh lễ tám mươi bốn ngàn ngôi tháp. Lập Công đã mãn, thì cảm gặp được một Bà lão nhà quê tặng cho một quyển sách, đến lúc mở ra đọc, mới biết rõ duyên của pho tượng xưa. Đã có dạng độ, Sư bèn y theo đó mà tạo thành, rất có điềm ứng nghiệm. Trong biển có đảo Dương Hồ, cách bờ khoảng ba dặm, Sư đến đó để ngồi thiền, chỉ mặc vải bố ăn rau ngải, thực hành từ bi. Lúc mới đến gặp phải gió lớn quỵ vật kỳ lạ, đã thấy như thường, tâm không lay động, sau chín mươi ngày điềm nhiên an ổn.

Sư tự biết việc mình sắp qua đời, bèn về lại chùa Thê Hà, không bao lâu thì thị tịch, thọ ba mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy.

---o0o---

06- Truyện ngài Thích Lập Thân trụ Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Lập Thân, là người xứ Kim Lăng thuộc Giang Đông, Chí tiết hùng mạnh, quả quyết, không duyên theo phù hoa theo dục, oai dung trang nghiêm, khiến ai trông thấy cũng đều kính sợ. Sư rất có tài văn chương, khéo giỏi đối biện.

Bấy giờ, các Văn Sĩ ở Giang Tả phần nhiều hay lập Pháp Hội, thường nhóm họp danh tăng pháp tập suốt đêm, việc đạo đạt chỉ là dốt dẫn tâm, đến lúc Sư lên tòa cao phát ra tiếng tăng háng thì soang soảng như sấm, tất cả mọi người đều sửa sang y phục, khắp mình nổi ốc, còn việc bàn nói về nghiệp duyên thì Sư bày dẫn đến quả, rõ ràng như ở trước mặt, khiến người nghĩ nhớ nhàm chán mạnh mẽ. Về sau, Sư vào ở đạo tràng Tuệ Nhật, ưu tặng ngày một nhiều. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, tiếng nói Sư rất trọng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) vì công lao Sư biện làm cảm động lòng người nên ban tặng bốn mươi xấp lụa, bốn mươi gia đê, nhưng tánh Sư vốn thanh khiết chẳng thích chứa đê, nên liền bảo Môn nhân phân cấp hết. Sư theo xe giá đến Đông Đô và thị tịch ở đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

Bấy giờ ở chùa Hưng Thiện tại Tây Kinh, quan cúng tầm thường cho kẻ sĩ Xướng Đạo, người phân Vũ Dục, trong đó người cao cả thì có các Sa-môn Tuệ Ninh, Quảng Thọ. Pháp Đạt, Bảo Nghiêm, với thế gằm rỗng thì có thừa, nhưng tài năng cơ biện chưa hiển lộ để người đời có thể hầu thăm, nên không rộng vậy.

07- Truyện ngài Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm

Thích Thiện Quyền, là người xứ Dương Đô, trụ chùa Bảo Điền. Nghe học tham cứu về Luận Thành Thật, rất có khả năng thấu đạt Nghĩa. Bỗng nhiên Sư xoay đổi tư duy, ưa thích thấu hiểu về người vật. Lời nói ra liền suốt như chuỗi ngọc châu. Đại chúng vì công phu tu học sắp thành tựu nên không mở mang nhưng quyền phát ngộ thời cơ, vì công chẳng thiếu nên đến, làm được bèn theo việc chuyên. Nhưng trong nước bao quát ngôn biện tối thắng, chẳng ra đến Giang Nam. Còn việc thuyên phẩm thời sự cơ đoán không thể suy nghĩ, chẳng có ai cao. Về sau, Sư có tài thuật vang khắp, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đòi Tùy biết được nên mời Sư vào kinh đô trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, Vua ban sắc hành đạo. các vị Đại đức tài giỏi có năm mươi vị, đều được tôn xưng là “Trí Nam” đồng nhóm họp tại cung nội, mỗi ngày sáu thời tu nghiệp, Vua hấn đích thân đến dự. Sư cùng Sa-môn Lập Thân chưa phiên lễ dẫn. Đã dứt bật Văn từ bút mực, chỉ còn lại tâm kế. Suốt bốn mươi chín đêm đều uỷ thác cho hai ngài, gần ba trăm lượt nói mà không lặp lại. Ngài Lập Thân thì âm thanh vượt hơn mọi người. Còn Sư thì cơ thân bao gồm cả đại Chúng. Hoặc chỉ ba lời thành một câu, là hết một thời, năm-bảy câu là một chương, trường hợp ấy cũng thế. Vua Dương Đế và học sĩ Liễu Cố nói với Gia Cát Dĩnh v.v...rằng: “Pháp sư bàn nói mô tả có thể cùng theo. Đạo đạt lời kỳ đặc có công năng đối đáp, rất đáng ngờ lạ”. Gia Cát Dĩnh nói: “Trời trao anh biện, ở đời ít có người cao hơn”. Bây giờ, có người trộm đọc lời ấy, viết thành pho quyền đem đến hỏi Sư. Sư bảo: “Cách xướng Đạo, việc ấy do biết được căn cơ. Tụng lời, hành sự, tự đánh bằng gậy. Tạp tạng có dạy rõ, đâu thể truyền ngay, liền mau thiêu đốt bỏ chớ để lọt vào miệng người”. Nên Đạo Văn của Sư không còn nơi giấy mực. Mỗi lần đọc đến Bi Chí phần nhiều có số giải các từ, người bên cạnh có nhìn thấy như mộng đi giữa biển. Đến lúc Sư lên chỗ ngồi để dất dẫn, mọi người cho rằng: “Dứt tình chỉ thật khéo nương tựa.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đòi Tùy, Sư thị tịch tại chùa Nhật Nghiêm, thọ năm mươi ba tuổi.

Sư có môn nhân đệ tử là Sa-môn Pháp Cương, là bậc thân sư Đạo pháp, sâu rộng phóng khoáng, tài biến lắm kỳ đặc, lời nói tuy chẳng nhiều mà tả tình đều hết. Tiêu Bộc Xạ Côn Lý bấy giờ gọi là Học Tông, thường tu tạp phước đức, đặng lâm chẳng đợi. Mỗi lúc có Đàn hội thì sai bảo thỉnh mời. Nhưng ngôn lệnh của Sư như vút bay sớm qua, Thích môn che lấp, các hàng đạo tục đều thương cảm.

---o0o---

08- Truyện ngài Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô

Thích Trí Quả, là người ở đất Diệm, thuộc Cối kê, tánh Sư trong trắng nhẹ nhàng, từ bi thương xót mọi vật. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa, rất ưa thích Văn bút. Đối với Kinh sử thì là bản ý cầu Sư, qua mắt liền được rõ suốt ý chỉ, thường hay xướng đọc, hân hoan cùng văn học. Ở đời lấy thể sách ấy để bức Sư làm Hữu Quân, tấu trình với Phiên Tấn Vương, bèn bảo Sư viết sách. Sư nói: “Tôi là người xuất gia, lại làm việc khác, đó là điều không đáng. Một là phụ rỗng sự phó thác của Thanh giáo, hai là trái với lời răn phát túc. Vua tuy bức bách thân tôi, nhưng tâm tôi thì không thể bức bách được”. Sư lại nói rằng: “Mắt mờ không thể cầm bút!” Tấn Vương rất tức giận, bảo giam lâu dài tại Giang Đô và sai giữ Bảo Đài Kinh tạng. Đến lúc vào kinh, Trữ Phó ra tuần ở Dương Việt, bèn lên Thái Tử Đông Tuân Tụng trình bày, đại khái rằng: “Samôn Trí Quả vén áo xuất tục, mền nghĩa đến đất Lương. Cảm sự nâng đỡ ngày xưa, vui mừng sự tốt lành ở ngày nay!” Bèn ban sắc phóng thả và ban tặng Sư một vạn đồng tiền vàng cùng hai quả chuông. Mời Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật, Sư thị tịch tại Đông Đô, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tuệ Nhật, có Sa-môn Trí Ứng, Sư vốn là người xứ Giang Biểu, thấu suốt về nguồn gốc chữ, hiểu rõ về thông tục, về sau, vì sở học mà Sư mà tìm vào đạo tràng, từ Bí thư Chánh Tự, xem xét các tác phẩm. Văn nghĩa không thông, đều đem thưa hỏi Sư quyết định.

Sư liền về phán định xưa nay, xuất từ người đời, biến thể cổ huân, rõ ràng như trước mắt. Sư thường bảo: “Đối với chữ học tôi đã biết khắp, còn người không biết chữ thì rất nhiều, không có người thông cùng phán quyết, tôi rất lấy làm tiếc!”. Sư soạn “chúng Kinh âm” và “Thương nhã tự uyển” trình bày rộng khắp, các hàng Đạt giả rất đề cao. Mỗi nhà cất lấy một bản để làm của quý. Về sau, Sư chuyên việc Đạo thuật biến đổi khuôn phép trước. Đã dứt bật đệm Văn lại rất bày rõ khí sâu, góp nhặt thành bản hai quyển. Trình bày đạo mâu, người học giữ gìn, cho nên văn ấy gần như dứt bật.

Bấy giờ, tại kinh đô, lại có Sa-môn Huyền Ứng cũng là người dôi dào về tự học (học về chữ), các hàng Đạo tục đều suy tôn, thông tạo “Kinh Âm” rất có khoa cú.

---o0o---

09- Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô

Thích Pháp Diễm, họ Nghiêm, người ở xứ Kim Lăng thuộc Giang Biểu. Sư vốn tên là Pháp Tạng trụ chùa Nguyễn Lực. Nghe Tước Công ở

chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật, Sư thâm nhập được nghĩa, biết chỗ trở về, bấy giờ mọi người đều khen ngợi. Mỗi lần nghe tiếng tụng tán kinh điển như xưa đã được đầy ấp nơi cõi lòng, Sư thử thâm đi tìm, lời ý đều thông thấu, liền đem sự hiểu đó, thưa hỏi các bậc thông đạt, các vị đều bảo: “Bởi ông đã từng tu học khi xưa, nên có duyên nay, không có gì lạ”. Sư bèn lấy điềm ứng y theo âm thanh đến hết quyển. Nâng ném kéo ngược. Sư bèn nhân những lúc rảnh giảng mà trình bày. Dưới thời nhà Trần, những lúc trai hội, có người cầm quyển, như chẳng tỏ bày ra tiếng, trai phước chẳng cứu giúp. Nên bảo mỗi người tùy theo sự nhớ nghĩ mà theo nghe hết. Âm tiết trong treo đầy tai, tiếng tụng tràn khắp, rộng lưu bố ở thế gian. Về sau, được Tấn Phủ thỉnh Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm, cuối cùng đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư lại đến trụ chùa Huyền Pháp. Tuy tuổi tác già nua mà lời tiếng của Sư không khàn hư. Tại Kinh thất tuy giàu có, mà Nghiệp hạnh tiếng tăm lại rất nghèo. Như trong các người tìm Pháp vị, không ai vượt cao như Sư. Nhưng tánh Sư sống thích biết đủ, chẳng hề chứa để của cải. Phước lợi tuy có quy tụ, nhưng Sư đều ban trả hết.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Huyền Pháp, thọ hơn chín mươi tuổi.

---o0o---

10- Truyện ngài Thích Tuệ Thường ở đạo tràng Nhật Nghiêm

Thích Tuệ Thường, là người xứ Kinh Triệu. Do có công phu Phạm bá (tán tụng) nên Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Lời tiếng trầm bổng bay cao, kéo dài mênh mông, trong suốt chẳng khô cạn, nhưng âm thanh đó phát ra từ trong cổ họng, môi miệng không máy động, đứng chung với người nhưng suy nghiệm chẳng biết. Tự chẳng vốn biết mới rõ Sư làm.

Bấy giờ, dưới thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) hưng sùng chánh pháp, đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) lại càng làm hưng thịnh hơn, khắp bốn biển đều tìm về, đồng tụ hội tại Kinh Đô. Đến như Phạm Đạo tán thuật đều quý trọng gia phong, nhưng nghe Sư tán tụng đều sững sờ nghiêng tai, đều bóp tim tan mật, như là đói khát. Tiếng Sư tán tụng như thế, người có tâm nghe làm sao chẳng được tốt lành ư? Đại chúng tuy bắt chước học, phong cốt đồng thời tham dự, đến như dùng cho lôi kéo, đều chẳng ai bằng kịp Sư. Về sau, vào Đông Đô, gặp phải kiêu hoặc làm loạn, mọi việc trai phạm đều giao phó cho Sư. Sau khi bình diệt hết, Sư về lại Quan nướng, bấy giờ có kẻ sàm tấu với Vua rằng: “Nghịch tặc tạo Phước, nói lạm vào nước nhà đều phải bắt hết”. Nhân đó liền sai phái người tìm kiếm, Sư bị đưa đi vĩnh viễn. Đi đến Sa Sách, giặc giữ lại nói: “Đến đó chắc chắn bị giết, hãy dừng lại ở đây”. Sư bảo: “Oan trái tạo tác vốn đã từ

lâu, phải đền trả”. Bèn đến Dương Đô, quả nhiên đúng như lời Sư nói, lúc đó, Sư hơn bốn mươi tuổi.

Bấy giờ, trụ chùa Hưng Thiện ở kinh đô, có các Sa-môn Đạo Anh, Thần sáng cũng là những vị do âm thanh tán tụng mà nổi tiếng. Ngài Đạo Anh cổ hống và vàng trán tướng trạng kỳ vĩ, từ khí hùng xa. Đại chúng mỗi lúc nhóm họp có hơn vạn người mà âm điệu Sư oai linh cao vượt ngoài chúng. Đại diện chùa Hưng Thiện bày nền rộng mười mẫu, lá quạt cao lớn chẳng thể lay động. Đến lúc Sư dẫn chúng đi nhiều quanh lần lượt tới cửa song, tiếng ồn ào xung vào kích đánh đều bị rung chuyển. Ngài Thần Sáng xướng lời tán tụng càng khéo dẫn dài, du dương trầm bổng nối liền khắp cùng trong ngoài, gặp cơ duyên thừa tải nắm bắt thỏa thích, hợp tâm mọi người.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiên Đường, trụ chùa Chiêu Cơ ở Trị Hạ thuộc Dự Châu, có Thiền sư Đàm Bảo bỏ ăn ngũ Cốc luyện thân, giới hạnh không dấu vết. Năm đã sáu mươi tuổi, mà Sư thường giảng Kinh Quán Âm, dẫn dắt các hàng Sĩ tục. Và, âm điệu của Sư vượt trội đặc biệt khác với người thường, tại chùa có nền tháp, trong đêm thanh vắng, Sư lên trên đó tán lễ, âm hưởng xông bay khắp cùng ba mươi dặm, mọi người khắp bốn phương xa nghe thấy đều kinh sợ kính ngưỡng.

---o0o---

11- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô

Thích Trí Khải, họ An, người ở xứ Dương Đô thuộc Giang Biểu. Gia đình Sư rất giàu có, tôi tớ rất đông. Lúc còn nhỏ, Sư đã thích hài hước, dẫn các trẻ nhỏ đồng trang lứa có đến trăm đứa cùng vui đùa giữa đường cái trống trải, rất lấy làm tự đắc. Cửa Đài Tỉnh của nhà họ Trần không canh giữ ngăn cấm, Sư bèn dẫn đồng bạn vui đùa đến trước điện Thái Cực, bày hiệu lệnh mà qua. Các triều tể Giang tổng v.v... nhìn Sư ước buộc bước đi, bèn dừng bước lấy làm ngờ lạ nhìn nhau cười, bảo: “Đứa trẻ này là Vua!” Đến tuổi vào học, Sư bỏ tất cả các manh mối trước.

Nhân Sa-môn Cát Tạng bày Tông tại Võ huyệt, đến đó giảng nói ngời sáng vang khắp gần xa. Sư bèn từ già cha mẹ tìm đến, theo học Tam luận, riêng giỏi về lãnh điệp. Cho nên trong chương đầu, với các thứ Trung Giả phức từ dứt hết vước mắc, người học khó khổ bởi phiền dẫn dắt, mà Sư bao gồm tất cả, tự nhiên chóng rõ ràng, tất cả đều có đi đến. Đến lúc ngài Cát Tạng vào Kinh Đô, nhân đi theo nên Sư cùng ở. Nghĩa nghiệp đều huỷ bỏ hết, chỉ chuyên tập học về Tử Sử. Xưa nay các tập truyện có mở ý bao gồm Sư liền điều số lại đó. Hễ nơi nào có phước hội, thì nhân đó mà nêu phông. Còn như xướng Đạo thì gần một nửa, lại có duyên đến, Sư liền dắt dẫn từ đầu, thâm phù hợp với điều chúng mong.

Cuối đời Tùy, đầu thời Tiền Đường, mưu tính tốt lành dần hiển rõ, mỗi lúc có điện hội, không đâu chẳng kính ngưỡng suy cử Sư, rộng đọc tụng lắm tài năng, ít có người nào được như Sư! Thường ở trong điện, Phật giáo, Đạo giáo trang nghiêm ở hai bên, hai cửa dẫn Sư, đồng thời mỗi bên tự xưng. Có Đạo Sĩ Trương Đảnh là người hùng biện khó có ai hơn, tự tiếc vì âm thanh nhỏ bị Sư lướt hơn, muốn đợi Sư dứt lời mới bày thuật. Khi nói đến đức của Vua, Trương Đảnh kéo dài ngôn ngữ ấy, Sư lường liệu mục kích ấy, biết độ ngậm nín của Trương Đảnh, Sư mỉm cười rộng dẫn các bậc Hoàng Vương xưa nay trị loạn cứu vớt làm than, được mất thứ lớp, lời nói không phù trọng, văn từ phô bày cốt yếu. Trương Đảnh kéo dất đã cùng, Sư lại thâm dẫn tiếp. Một đời các hàng Tể Bá đồng khen ngợi nêu lạ. Sư khéo léo tùy cơ sắc nhọn như thế, mà tánh quân bình, giàu nghèo đến cùng chẳng thiên lệch, còn nghĩ nhớ đến khôn cùng, phần nhiều thi vi châm liệ.

Sau, vì vết ruồi bó buộc, không đường bày rửa, Sư bèn dời đến Nguyên bộ, bèn mang mặc áo mao cổ Hiên, giảng nói về Lão Trang. Bấy giờ, ở Giang Hạ có Vương Đạo Tông, xưa kia ở Kinh Tông, xưa kia ở Kinh liễn, thứ lớp có dự nhiều phước hội, đối với xướng thuật, không thể thông bằng Sư. Sau đến trông coi Linh Châu dẫn theo đến chỗ đảm nhiệm, lưu luyện năm tháng vui mừng mếm mộ có bạn theo, và Tuần phủ Yên Sơn, hỏi tội ở Nê hải, đều cùng Liên ký cưới tình đồng sánh bóng. Tại đất phiên cúng tế phải có dẫn đạt, bèn cách bức màn bảo Sư làm. Đến lúc ngôn từ cuối cùng không ai chẳng rơi lệ. Vua cũng đổi sắc mặt. Sư thị tịch ở tại đó.

---o0o---

12- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô

Thích Bảo Nham, trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô. Sư có khí điệu nhàn phóng, nói cười cuốn hút mọi người, tâm muốn dắt dẫn kẻ tục. Bấy giờ, mọi người cùng chú ý gọi Sư là Pháp sư. Sư cũng cùng giảng kinh luận, tên đồng mà việc khác. Vì chỗ nêu bày của Pháp Sư là chuyên ở chương cú, tiêu phán sinh thành diệt khởi, tham kết nơi từ nghĩa. Còn sự chế dựng của Sư là tùy tình trạng mà lập nghi. Nếu chỗ có cần trích dẫn, phần nhiều Sư lấy từ Tạp tạng, trăm thí dụ khác tướng như chuỗi ngọc xâu liền. Đạo Văn của Quán Công, Sám Pháp của Vương Nhụ, Lương Cao, Thảm ước, Từ Sưu, qua các triều đại Tấn, Tống có đến mấy mươi nhà, Sư nhận nạp tất cả vào trong cổ họng áo kép, tiếp xúc ngẫu hứng đều khơi dậy, thường khiến khắp chôn Kinh Ấp những nơi nhóm họp chùa tháp mở đầu hưng khởi, của cải phí dụng không đâu chẳng như là suối tiên. Tuy ngọc đá đồng gom lại, tạng phủ khó mở bày, nhưng đến lúc Sư lên tòa tựa án trông nhìn, chưa vội mở lời, ném vật mây tan, chỉ phút chốc ngời chìm mất. Sư bèn bảo người dời vật,

bàn nói của Phước, trước tiên nêu bày đường lành đáng vui mừng, giữa chừng Sư nói về U Đồ thật đáng nhàm chán, sau cùng Sư nói về sự Vô thường bức đoạt, cuối cùng trở về mất hẳn. Mọi người kéo tai vỗ tay đạt ngộ tự tâm ngay lúc ấy. Không ai chẳng bới tóc vạch áo ghi tên ký số khắc tế thành tạo, đó đều là do công lao của Sư! Bấy giờ, có người bảo rằng: “Hễ là người giảng pháp thì phải nói đúng như Pháp, chẳng nghe cái không của Âm giới, chỉ nghe về Bồn sinh Bồn Sự”. Sư bảo: “Chỗ rõ ràng của Bồn sinh Bồn sự là ở Âm nhập vô chủ, chỉ vì người trong đời ước trước, có tình thức ám độn, nói về Âm giới thì đều mê muội, nên tùy theo chúng sinh mà mượn tướng để khai mở thần phủ, há chẳng tốt ư?”

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Thử Luận Bàn:

Từ xưa các truyện phần nhiều lược bớt các chương khoa sau, khi họ Tấn dời về hướng Nam mới mở ra Danh Thật. Cho nên sự rộng lớn của lợi vật là do việc làm cao. Nhẫn giới tôn quý chỉ bởi tiếng tăm âm thanh đều hiểu rõ. Và lại, lấy ân thanh để truyền thì Sư lưu tạt ngay, trong đời thường lưu hành, ít quy kết tìm tòi. Nay vì chưa tỏ ngộ nên thử nêu lên thử luận bàn.

Vin theo từ đầu, các vị Kinh sư làm đức vốn thật lấy tiếng tăm lẫn lộn với văn từ, giúp cho người nghe thần mở, nhân tiếng tăm để theo hội hướng, khắp trong đời đều mất hết yếu chỉ ấy. Trinh vệ phân bố, lấy ai uyển để nhập thần, dùng chòm nhảy làm thanh cử, đến nỗi khiến lời dâm êm tai tươi tắn đùa bỡn lắm nhiều, ở đời coi trọng đồng mê, ít tông làm được. Cho nên tiếng tăm tán tụng cùng trải qua, thì chính là hoàn toàn trái. Nếu như có sửa sang, mà bị thời gian phế bỏ, vật mong tham giá, có lợi xen lạm liền thực hành, chưa hiểu người nghe ngộ mê đều quý, và cùng lúc nghiêng tai. Đó đều là quy tông Nữ chúng. Song, chur tăng cũng rất gân, mà vượt rơi lạc, bền bỉ kiên trinh, rất thiếu nhã tồ. Được chỉ do tùy tục, mất tại đùa bàn, hãy trở lại sai lầm sắp dứt, Tông tượng thì ít, xưa kia diễn bày ba ngàn, nay không một khế ước. Đã chẳng men theo Đồi dòi dôi, hẳn được hành tàng hữu nghi ư? Nhậm việc dẫn đạt hiện nay là việc trước tiên, ý tại tả tình số thông Huyền lý, vốn thật mở vật, sự việc thuộc biết cơ, không hẳn là tụng truyền do trái với thuyên ngộ. Nên Phật, được đời tôn xưng, cho nên ngài Xá-lợi-phất cho lời ấy là đầu. Xét chẳng phải người đó thì tạp tạng trình bày lỗi lầm, bao gồm sự lãng bạt ấy, trọn kết quy về cửa tuệ. Pháp sư có công nói Pháp, Luật sư có dụng biết Luật. Nay hãy tùy tướng phân vị, y cứ theo công việc mà kết nhóm thiên chương. Ở thế tục thì hữu vô thi vi chẳng thể, lại trình bày không có một người hoàn bị. Ở Đạo thì không khinh người chưa học, cũng khai mở

bên ngoài phải rộng. Do đó, chỗ trình bày của truyện trước, ân cần bốn năng tức dùng để quán xét. Thật như trình bày rộng làm sao sáng tỏ ư? Nếu như Thanh học đã dồi dào, thì ôn từ cao nhã đầy đủ, tài biện rộng lớn, thì tuệ phát gần bao nhiêu. Hẳn che phủ dấu vết đó thì lắng dấu thành ở Minh Đạo. Nếu trái với Địa vị này thì làm lưới mở ở bến huyền. Chỉ vì trong đời tiếp nối năm thứ mờ tối, người bị ràng buộc bởi chín nã. Tục lợi ngày một lớn mà đạo hoàng rất trở ngại. Do đó ngồi bày nơi Triều Tể hoặc đối mặt với Văn nhân. Nghiệp học lơ mờ hoang sơ, lúc trình bày thì quê kệch, khen giúp đức vua mới là loại A hành, khen ngợi khốn khó vụn đồng như cờ hiệu. Như trình bày trắng tròn thì bảo là Thánh Tử về cửa, mê lược ngọc chương thì đầu nghe đến giường ghé, như nói về phòng thất thì tụng yếu diệu ung dung, khiến cho gái trai chạy tránh lớn nhỏ động sắc. Tăng luân vì đó mà bít tai, Sĩ tục không ai chẳng sợ hãi. Không phải chỉ có nghĩa là điều Phước luống làm khiến cho lòng tin héo úa. Lại có kẻ vội vã khoe khoang môi mép không biết hổ thẹn, trang sức sân vườn, sáng nhuận chó ngựa. Đó đều là học chẳng phải từ thầy trao. Văn từ gá mượn từ kẻ khác truyền. Mạnh mẽ quả thật nghe trước không nghĩ đến lời răn bảo nên khinh trọng đồng vết. Thật làm lẫn lộn dòng. Nhan hậu đã tăng, càng sâu si trệ, làm sao có nghĩa là Đạo Đạt? Há đều như vậy ư?

Còn như đối ngộ khéo léo gom nhặt lại có cả hai ngàn trang giấy, chẳng phiền nhiều hoa sức, dứt nạn trình Thần của Sa-môn Chân Quán, trăm câu càng mở tà tín ấy. Cho nên còn mất, nhất định phải tuân khảo. Qua nghiêm xét ở giao áp ấy, từ diệu tuôn chảy bèn bưng bưng khó cùng. Dẫn kéo thường tông thỏa đáng tình sự. Có công khiến cho cứ ngạo bễ gây Thê, Nho Tổ mở giải sâu mâu, khiến biết tin bền chắc, tiếng tụng chuyên tải khắp đường. Nay hãy lược làm sáng tỏ cơ cữ, thì được người khai ngộ như thế. Có trái với lời ấy, thì lại chê trách bít hóa như kia, liền thử luận bàn. Gặp có thật khó!

Sự tạo tác của “Bối nặc” men theo Đòi mà khác nhau, chuyển đổi cụ chương, phần nhiều dẫn theo thế mới, kiểm xét nguyên thủy cùng giao ủy Ngu sơn, hoặc chỉ Đông A xưa để lại, chợt trình bày cánh lãng thâm trao, chưa rõ thuật xưa, lại trình bày nguyên do, há chẳng phải âm thanh trái với tượng lưu bố đã lâu, chỉ tin miệng truyền ở người là cao, rốt cuộc khó y cứ theo Đại ước. Thê loại ấy sắp bày rất nhiều. Còn như chỗ hành dụng của “Phạm” thì nhóm chúng hành hương, lấy tĩnh nhiếp ấy mà chuyên kính ngưỡng. Về danh thật thì “Phạm” nghĩa là “Tịnh”. Thật chỉ là âm thanh của trời. Các trời ở cõi Sắc lúc lại hầu thăm Phật đều trình bày tán tụng. Kinh có việc ấy, vì bắt chước nên còn nhân gốc, chiếu âm thanh là Phạm, nhưng âm thanh của trời kia chưa hẳn là đồng với cõi này. Nên các Phạm ở Đông xuyên tiếng

xương rất nhiều, trong đó cao nhất thì có các loại tiếng mới giúp buồn, thuyền ngán thế khuất. Đất chia ra Trịnh, Ngụy tiếng cũng khác nhau, nhưng với đường lớn chẳng trái với thường tập, Giang Biểu, Quang Trung há chỉ cách trời rất ít, đâu chỉ Ngô Việt chí dương tục khéo nổi dẹt, đến nổi khiến âm hưởng còn của tiếng tụng chỉ du dương khéo léo. Tần nhường Ung Lương âm từ hùng tráng vang xa, đến như chỗ khắp cùng của ca vịnh đều dùng cao sâu làm cao quý, nhưng mà xử sự khó thường, chưa thể cùng đoạn dứt. Nếu đều nhóm họp các hàng Đạo tục, hoặc khắp thành quách thiết đại trai hội, hành hương trường Phạm thì tiếng của đất Tần là được ý. Năm chúng thường lễ, bảy quý thường hưng, mở phát kinh giảng thì âm thanh của Đất Ngô đề nén ở lần đó. Há chẳng phải đêm trong lắng thì sáng sớm tốt lành, mờ tối cản trở nhau, cho nên dùng ân điệu trong nhã phát ra trầm tình. Tại Kinh Phủ thường truyền thì có hai phạm đại tiểu. Lời đùa ở Kim Lăng cũng truyền hai trích dẫn ngắn dài. Sự thuộc về đương cơ, không gì chẳng tốt đẹp. Kiếm Nam lũng hữu, gió ấy rõ được Tần, tuy hoặc đầy vui, chưa đủ để bình luận. Nên biết một cảnh vực của Thần Châu, tiếng tám thể loại đều khác nhau. Ân-độ cùng với các Phiên, vịnh tụng hẳn nhiên tự khác nhau. Nghĩa chẳng vì thế, Đường Phạm dùng phỏng theo âm thanh của trời. Dám vọng lường xét, đoán định có thể biết. Tạo tác của Bối nặc trải qua khoa trước, còn như việc kỳ đặt vẫn sắp bày Phạm riêng, phát dẫn làm công, Bối-nặc cuối cùng nơi Pháp tịch. Tìm xét Bối nặc cũng vốn là âm thanh trời, thời Tiên Đường dịch là Tĩnh, rất được lý ấy. Nghĩa là lúc chúng sắp tan, sợ lẫn lộn với loạn duyên, nên dùng Bối chúc không để vượt quá. Nhưng từ Bối dịch nghĩa đâu hạn cục ở tổng chung, khéo lúc đầu thì nhiều, thậm trọng cuối cùng thật ít. Nên tùy nhân khởi mà dạy răn, nhưng chẳng phải không thông nghị. Sự thiết bày Tụng tán lưu bố thật nhiều, riêng cảnh vực của giang hoài đã có nhiều hành tập ấy, khắc chạm trang sức vẫn dẹt dùng lấy thanh hoa lẫn lộn. Tùy quyển Xung dương, hễ khế hợp liền giắt kéo. Nhưng âm thanh ấy thường che phủ Văn từ. Người nghe chỉ nghe bay thổi, rốt cùng mê mờ đâu là mắt nôm? Quan Hà, Tấn, Ngụy gồm quý trọng, chỉ vì lời phát ra chẳng phải Văn, nhã xung vụng về. Vả lại, y cứ vào Văn từ ấy đòi dào dễ nghe mà mở niềm tin sâu. Chỉ bởi phía Nam ấy đượm phục Văn thanh như rừng, hướng như tiết đến trung hòa, lý phải hài hợp với những chỗ sâu xa, tùy rơi lạc khó ngoi trở lại cũng mong, còn như Vịnh Phật Duyên của Danh Nghiêm do năm lời kết vận, thì trăm tạng y cứ làm Sư hạt. Tán Tịnh Độ của Viễn Vận gồm bốn chữ thành chương thì bảy bộ kính trọng làm Phong tổ, đó đều là không tiếng tám, vì ở bên cạnh Bản ấy nên được bày lưu truyền thay thế.

Hoặc có người hỏi rằng: “Vừa rồi nói về các tán bối, chứa nhóm do âm thanh. Tôi nghe chẳng phải âm thanh, không lấy làm thấu đạt tâm. Chẳng

phải âm thanh không vụt bay huyền lý. Cho nên ca vịnh tụng Pháp lấy làm âm nhạc, lời nói ấy thế nào?” Hấn có trình bày như thế vì chưa nghe thí dụ trước. nghĩa phải hun đúc tiết ước mới được văn chất cùng tốt đẹp. Lời của từ ấy là thật. Đòi gồm chỗ chẳng phải. Âm thanh che phủ Pháp Bản, Phật có hoàng ước, đâu được che lấp âm thanh trong treo mà mong khơi dậy rõ ràng ư? Bồng từ chúng cao nhã mà mạo phạm hôn phu, đó thật là hồ thẹn! Ở Kinh đô có người ngồi trong hội nghe âm thanh pháp sự, phần nhiều do người thế tục làm. Thông hỏi chỗ theo, không do đâu mà gửi gắm, xướng lên hành sự nghĩa là có thường tông, đồng thời là số xưa của các bậc thanh đức, không thể bác bỏ. Còn như Thánh triết thường dạy răn, hai bài tựa chung riêng lấy mạng chương đề trình bày kinh, trình bày pháp của bậc Thánh, nêu đầu các kệ tụng. Tuy là lời tựa tụng của văn khác mà khai phát nghĩa thì đồng. Thánh xưa để lại khuôn phép ở nơi đầu mỗi giáo pháp. Hiền nay bắt chước tiếp thừa ở Sự biểu hiện. Đòi cách xa chẳng thể lường, mặt mũi ấy nay suy tưởng được dấu vết đó, tin có nương tựa, chẳng phải luống dối. Và lại, nhóm họp đông nhiều huyền não hôn tạp sóng đông, cuối cùng muốn sửa lý, thì do đâu mà được tỉnh lắng. Chưa bằng như âm thanh vút cao quy y Tam Bảo, bồng nghe kinh tai không gì chẳng khuynh tâm. Đó cũng là kỳ lược phát mầm mở đầu khai sáng niềm tin. Ở đời có Pháp sự gọi là “Lạc Hoa”, dẫn dắt chung các hàng Đạo tục mở cửa Đại thí, đánh sát xướng cử buộc ném suôi tiền, riêng thỉnh lập tọa nói rộng về thí duyên, hoặc xây dựng chùa Tháp, hoặc sửa tạo tăng vụ, tùy vật tán chúc lãng xãng như hoa. Các hàng Sĩ nữ đến xem nghe, ném tiền như mưa. Còn như bới tóc trăm số đều khác. Khác lời bày nguyện giống như sao giăng, kết câu đều hợp vận, âm thanh không tạm ngừng. Nói vô lượng thuật, đó thật là bén nhọn kỳ đặc biệt của lợi khẩu, một kỳ hạn nhanh chóng. Ngoài ra thì cảnh giới được, chư Tăng được, hạng đó lại rộng nhiều. Tâm thường đạt sán, khoa yếu dễ hết, cho nên không rộng. Nếu là thông hóa thì vô phương hun đúc bất nhất. Biết nhỏ nhiệm có bao nhiêu ai được tin? Nhưng đức tin vững chắc cuối cùng Ngã diệt mất. Biết nhỏ nhiệm cùng cực đến tưởng diệt, từ đó thêm cấp giáng tâm dần dần chẳng ai bằng, người Đạt hóa lấy thức biến làm sáng tỏ, người Thông pháp cho lạm giao là mờ tối. Nên ngài Xá-lợi-phất nói sai là không bước lên ngộ nhập. Chúng thủ vọng hồi lỗi, cuối cùng bị chê trách. Ngoài ra hàng hạ phạm lường khó toan tính. Và lại, Đạo mở vật ngộ, kính tin Công phu nói Đạo? Đã chẳng hội chánh làm sao có thể xét quán? Chỉ là việc có thể lên cơ, dùng ý thương lượng. Khả năng tiếp đãi tục còn ở việc này ư? Vẫn còn chấp văn tin độ, răn đời rất hiếm, phỏng người lấy làm thường, hẳn chẳng phải lỗi, vắng vặc xa tương, thông cùng ý ấy.

Tôi, Sa-môn Thích Đạo Tuyên người ở xứ Kinh Triệu, trụ núi Thái Ất, ở Chung Nam, dám bảo với các Pháp thuộc rằng:”Trộm nghĩ dòng pháp trùm khắp, không con người thì chẳng ai hoàng dương, khoảng đời bạc bẽo, thường trái với danh thật. Hàng hậu học đua ganh chưa hết toan tính, đến nỗi lẫn lộn thiên chương, sót mất rất nhiều. Từ thời nhà Lương về sau, lịch sử chư tăng hoang phế, tìm xét những bậc tài giỏi ít có đầu mối. Há chẳng phải gom nhặt biên tập ít tươi đẹp để sự thấy nghe được trầm lắng. Hạnh cao Đức sáng lấp vùi khó ghi, ngay không bờ mé đo lường, hãy chọn lọc ở ngôn từ. Còn như truyện thuật thì khuyết sót Sư chứa nhóm tốt đẹp, còn Hiền giả thì bật rơi mất không nghe ở đời. Do đó tại Giang Biểu dưới thời nhà Trần các vị như Sa-môn Thông, Quỳnh, Hoảng, Diễm, Tước v.v... tại Hà Bắc nơi Cao Đô có các vị Dung, Sâm, Tấn, Ngụy v.v... là những bậc tiếng tăm khuôn phép nơi trời Hán, hạnh lớn lay động tâm người, đều đáng làm mẫu mực phép tắc đều theo vật xưa cũ. Tôi, thường nhân những ngày rảnh rỗi thừa hỏi khắp các bậc Hiền giả ở kinh đô. Tên họ còn không nghe thì làm sao luận bàn về cảnh hạnh được! Vỡ về sự đau khổ của tim gan, tự chứa nhóm từ trước đến nay, cùng kết thành quy củ, lời ý hợp Đạo, kính nương thừa hỏi khắp công việc, sưu tìm nêu dương, chớ cho là nhiều mà trái với Hoàng lược. Ở đời có ba bộ sử hơn bốn trăm quyển, còn có sư tìm, đâu dụ với Thích Môn chỉ có ba, năm pho, nên phải hơi có phần tiết tháo hành trạng đáng dùng làm bậc thầy khuôn phép mẫu mực, liền phải chiết bút càng rộng loại ấy. Há chẳng phải nghe rõ chư tăng lướt thuyền thẳng theo vết Thánh, thì đạo Thích Môn cao quý, trông nhìn nghĩ suy làm sao cho bằng, hàng Thượng đạt trong lưu tục thêm cảnh ngưỡng đối với thường tà ư? Thôi buông lời cuối truyện, cầu mong Thần nhân biết có y cứ.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

Quyển 30 hết

(TRỌN BỘ)

---o0o---

HẾT